إِنَّا نَحْنُ نَزَّلْنَا الذِّكْرَ وَإِنَّا لَهُ لَحَافِظُونَ

إِنَّهُ لَقُرْآنٌ كَرِيمٌ فِي كِتَابٍ مَكْنُونٍ لَا يَمَسُّهُ إِلَّا الْمُطَهَّرُونَ تَنْزِيلٌ مِنْ رَبِّ الْعَالَمِينَ

Vị Bảo quản hai Ngôi Thánh đường, Quốc vương
Abdullah b. Abdul Aziz al Saud, Quốc vương của Ả-rập
Sauđi, hân hạnh chỉ thị việc xuất bản
Kinh Qur'an với bản dịch ý nghĩa nội dung.

شرف بالأمر بطباعة هذا المصحف الشريف وترجمة معانيه
خادم الحرمين الشريفين الملك عبدالله بن عبدالعزيز آل سعود
ملك المملكة العربية السعودية

القرآن الكريم

وترجمة معانيه إلى

اللغة الفيتنامية

مجمع الملك فهد لطباعة المصحف الشريف

Thiên Kinh

Qur'an

và

Bản dịch ý nghĩa nội dung bằng Việt ngữ

Trung Tâm Ấn Loát Quốc Vương Fahad
về việc xuất bản Thiên Kinh Qur'an

وَقفٌ لِله تعالى من خادم الحرمين الشريفين
الملك عبد الله بن عبد العزيز آل سعود
ولا يجوز بيعه
يُوزّع مجانًا

Phân phối miễn phí

Bản dịch Thiên kinh Qur'an bằng Việt ngữ này
Do Đức Vua Abdullah bin Abdul Aziz al-Saud,
Vị Bảo quản hai ngôi Thánh đường linh thiêng,
Dâng cúng Allah, Đấng Tối Cao.
Cấm bán

Thiên Kinh
Qur'an

và

Bản dịch ý nghĩa nội dung

do

Hassan Bin Abdul Karim chuyển ngữ
với sự cộng tác của Abdul Halim Ahmed

Trung Tâm Ấn Loát Quốc Vương
Fahad về việc xuất bản Thiên Kinh Qur'an
tại Madina, K.S.A.

بسم الله الرحمن الرحيم

مقدمة

بقلم معالي الشيخ: صالح بن عبدالعزيز بن محمد آل الشيخ
وزير الشؤون الإسلامية والأوقاف والدعوة والإرشاد
المشرف العام على المجمع.

الحمد لله رب العالمين، القائل في كتابه الكريم:

﴿... قَدْ جَاءَكُم مِّنَ اللَّهِ نُورٌ وَكِتَابٌ مُّبِينٌ ﴾.

والصلاة والسلام على أشرف الأنبياء والمرسلين، نبينا محمد، القائل:

« خيركم من تعلّم القرآن وعلّمه ».

أما بعد:

فإنفاذاً لتوجيهات خادم الحرمين الشريفين الملك عبد الله بن عبد العزيز آل سعود، حفظه الله، بالعناية بكتاب الله، والعمل على تيسير نشره، وتوزيعه بين المسلمين، في مشارق الأرض ومغاربها، وتفسيره، وترجمة معانيه إلى مختلف لغات العالم.

وإيماناً من وزارة الشؤون الإسلامية والأوقاف والدعوة والإرشاد بالمملكة العربية السعودية، بأهمية ترجمة معاني القرآن الكريم، إلى جميع لغات العالم المهمة، تسهيلاً لفهمه على المسلمين الناطقين بغير العربية، وتحقيقاً للبلاغ المأمور به في قوله ﷺ: « بلّغوا عني ولو آية ».

وخدمة لإخواننا الناطقين باللغة الفيتنامية، يطيب لمجمع الملك فهد لطباعة المصحف الشريف بالمدينة المنورة، أن يقدم للقارئ الكريم هذه الترجمة الفيتنامية، التي قام بها الشيخ حسن عبدالكريم، وراجعها من قبل المجمع كل من: الشيخ عبدالحليم أحمد (نجوين) و الشيخ محمد أفندي بن محمد يوسف.

ونحمد الله سبحانه وتعالى أن وفق لإنجاز هذا العمل العظيم، الذي نرجو أن يكون خالصاً لوجهه الكريم، وأن ينفع به الناس.

إننا لندرك أن ترجمة معاني القرآن الكريم، مهما بلغت دقتها، ستكون قاصرة عن أداء المعاني العظيمة التي يدل عليها النص القرآني المعجز، وأن المعاني التي تؤديها الترجمة إنما هي حصيلة ما بلغه علم المترجم في فهم كتاب الله الكريم، وأنه يعتريها ما يعتري عمل البشر كلّه من خطأ أو نقص.

ومن ثم نرجو من كل قارئ لهذه الترجمة أن يوافي مجمع الملك فهد لطباعة المصحف الشريف بالمدينة النبوية بما قد يجده فيها من خطأ أو نقص أو زيادة، للإفادة من الاستدراكات في الطبعات القادمة إن شاء الله.

والله الموفق، وهو الهادي إلى سواء السبيل، اللهم تقبل منا إنك أنت السميع العليم.

بسم الله الرحمن الرحيم

Nhân danh Allah, Đấng Rất mực Độ Lượng, Đấng Rất mực Khoan Dung

LỜI GIỚI THIỆU

Ngài Sheikh Saleh bin Abdul Aziz bin Muhammad al Sheikh Bộ trưởng Bộ Islam Vụ, Auqaf, Da'wah và Irshad

Mọi lời ca tụng đều dâng lên Allah, Đấng Chủ Tể của vũ trụ và muôn loài.

Allah đã phán trong Kinh sách của Ngài như sau:

"*Một Ánh sáng và Kinh Sách quang minh đã đến với các người*"

Và Phúc lành và Bằng an cho Nabi Muhammad (saw), Vị Thiên Sứ ưu hạng trong các Sứ Giả của Allah. Người có tuyên bố:

"*Tốt nhất trong các người là người học hỏi Qur'an và dạy lại cho người khác*"

Nhằm thi hành lệnh truyền của Quốc Vương Abdullah bin Abdul Aziz al Saud -Xin Allah che chở Ngài-về việc bảo vệ và duy trì Kinh Sách của Allah cũng như việc phổ biến và phân phối nó cho các tín hữu Muslim trên thế giới;

Bộ Islam Vụ, Auqaf, Da'wah và Irshad của Vương Quốc Ả-rập Saudi nhận thấy tầm mức quan trọng của việc phiên dịch nội dung Qur'an sang các ngôn ngữ quan trọng trên thế giới hầu giúp người Muslim không thông thạo tiếng Ả-rập thông hiểu nội dung Qur'an cũng như việc thi hành lời dặn của Thiên Sứ bảo phải truyền chuyển cho người khác dẫu là một ayah (câu) nơi ta;

Và nhằm phục vụ các đạo hữu Muslim nói tiếng Việt, Trung tâm Ấn loát Quốc Vương Fahad tại Madinah Munauwarah rất hài lòng giới thiệu với các độc giả nói tiếng Việt bản dịch Qur'an bằng Việt ngữ của Hassan Abdul Karim đã được Sheikh Abdul Halim Ahmad Nguyễn và Sheikh Muhammad Afandi b. Muhammad Yusof đại diện cho Trung tâm Ấn loát duyệt lại.

Mọi lời ca tụng đều dâng lên Allah, Đấng đã giúp hoàn tất công trình phiên dịch to lớn rất hữu ích này cho nhân loại với niềm hy vọng nhân loại sẽ hưởng lợi về việc phiên dịch bất vụ lợi nhằm phục vụ Allah.

Quả thật, chúng tôi nhận thấy mặc dù hết sức cố gắng phiên dịch Lời Phán của Allah trong Qur'an, dịch giả vì tính hữu hạn của con người chỉ có thể giúp độc giả hiểu được nội dung của nó chứ không thể dịch hết được ý nghĩa của một kiệt tác.

Vì thế, chúng tôi hy vọng các độc giả nói tiếng Việt sẽ liên lạc với Trung tâm Ấn loát Quốc Vương Fahad tại Madinah Munauwarah về những khuyết điểm khi đọc bản dịch hầu giúp chúng tôi hoàn chỉnh việc ấn loát trong tương lai, Insha Allah.

Allah đã giúp hoàn tất và hướng dẫn theo con đường ngay chính. Xin Ngài chấp nhận việc làm này của chúng tôi bởi vì Ngài là Đấng hằng Nghe và hằng Biết.

Nhân danh Allah, Đấng Rất mực Độ Lượng, Đấng Rất mực Khoan Dung

LỜI MỞ ĐẦU

Kinh Qur'ān thường được phiên âm *Coran* hay *Koran* bắt nguồn từ động từ *qara'a* của tiếng Ả-rập có nghĩa 'y, hấn đọc' và từ đó Qur'ān có nghĩa 'việc tuyên đọc' hay 'một bản văn được đọc ra'.

Thật vậy, Kinh Qur'ān là Lời phán truyền của Đấng Thượng Đế 'Allah' đã do Thiên thần Jibrīl (Gabriel) mang xuống đọc cho Thiên sứ Muhammad (Phúc lành và Bằng an cho Người) để Người đọc lại cho nhân loại bằng tiếng Ả-rập. (Q. 26:192-195) Thiên sứ Muhammad (Phúc lành và Bằng an cho Người) đã xác nhận mình không phải là tác giả của Kinh Qur'ān bởi vì từ thuở ấu thơ cho đến khi thụ phong chức Thiên sứ vào lúc 40 tuổi, Người đã không biết đọc biết viết (Q. 7:157) và đã không hề đọc một kinh sách hay viết một quyển kinh nào từ tay phải của Người. (Q. 26:48)

Với thể văn xuôi gieo vần độc đáo và nội dung vô cùng phong phú, Kinh Qur'ān làm cho người nghe say mê. Nó là một kiệt tác vô địch mà không một văn hào hay thi nhân Ả-rập nào có thể sáng tác nổi một tác phẩm tương tự. (Q. 2:23-24)

Allah phán: "Nếu *TA* truyền giáng Qur'ān này lên một quả núi thì Ngươi (Muhammad) sẽ thấy nó hạ mình khiêm tốn và nứt ra làm hai vì khiếp sợ Allah." (Q. 59:21)

Kinh Qur'ān vì thế mang tính chất thiêng liêng khác với một tác phẩm bình thường của con người. Từng lời phán (*kalimah*), từng câu kinh (*āyat*) của Nó có một giá trị thiêng liêng siêu phàm không thể chuyển ngữ sang một thứ tiếng khác.

Không ai có đủ khả năng dịch nổi một kiệt tác và nhất là Lời phán truyền của Allah, Đấng Tạo Hóa..

Việc chuyển ngữ Kinh Qur'ān sang tiếng Việt là một việc làm hết sức mạo hiểm bởi vì một tôn giáo có những ngôn từ riêng, những tín điều và tín ngưỡng riêng, những cung cách thờ phụng riêng và vì thế người ta không thể dùng từ ngữ của một tôn giáo này để dịch các ngôn từ của một tôn giáo khác.

Việc làm của chúng tôi chỉ là diễn dịch ý nghĩa nội dung của Kinh Qur'ān sang tiếng Việt chứ không phải dịch từng chữ Ả-rập của nó sang Việt ngữ. Do đó, bản dịch Việt ngữ này không phải là Kinh Qur'ān.

Để giúp độc giả tránh hiểu lầm ý nghĩa nội dung của Kinh Qur'ān, chúng tôi giữ nguyên các danh từ riêng của nó như *Allah* (Đấng Thượng Đế), *Rabb* (Đấng đã tạo hóa, Đấng yêu thương, nuôi dưỡng, chăm sóc, hướng dẫn, Đấng Chủ Tể đang cai quản vũ trụ và muôn loài), *salāh* (lễ nguyện), *zakāh* (thuế an sinh giúp đỡ người nghèo), *siyām* (nhịn chay), *Hajj* (hành hương) v.v...

Chúng tôi tri ân Bộ Islām Vụ, Auqāf, Da'wah và Irshād của Vương quốc Á-rập Sau-đi và Trung tâm ấn loát và phát hành Kinh Qur'ān thuộc Quốc vương Fahad tại Madīnah Munauwarah đã dành cho chúng tôi một cơ hội quí báu để ấn loát và phát hành bản dịch ý nghĩa nội dung Kinh Qur'ān bằng Việt ngữ của chúng tôi đính kèm với nguyên tác Kinh Qur'ān bằng tiếng Á-rập hầu giúp các tín hữu Muslim nói tiếng Việt nắm được nội dung của Kinh Qur'ān vốn là một ánh sáng và chỉ đạo của Allah ban cho nhân loại.

Mọi lời ca tụng đều dâng lên Allah, Đấng hằng yêu thương và chăm sóc nhân loại, đã giúp đỡ chúng tôi hoàn thành công tác phục vụ Ngài. Amin

سُورَةُ الفَاتِحَةِ

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ ١
ٱلۡحَمۡدُ لِلَّهِ رَبِّ ٱلۡعَٰلَمِينَ ٢
ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ ٣ مَٰلِكِ يَوۡمِ ٱلدِّينِ ٤
إِيَّاكَ نَعۡبُدُ وَإِيَّاكَ نَسۡتَعِينُ ٥ ٱهۡدِنَا
ٱلصِّرَٰطَ ٱلۡمُسۡتَقِيمَ ٦ صِرَٰطَ ٱلَّذِينَ أَنۡعَمۡتَ
عَلَيۡهِمۡ غَيۡرِ ٱلۡمَغۡضُوبِ عَلَيۡهِمۡ
وَلَا ٱلضَّآلِّينَ ٧

AL-FĀTIHAH
(Khai Đề)

1.- Nhân danh Allah[1], Đấng Rất mực Độ lượng, Đấng Rất mực Khoan dung[2].

2.- Mọi lời ca tụng đều dâng lên Allah, *Rabb*[3] (Đấng Chủ Tể) của vũ trụ và muôn loài[4];

3.- Đấng Rất mực Độ lượng, Đấng Rất mực Khoan dung;

4.- Đức Vua[5] của Ngày Phán xử[6] (Cuối cùng).

5.- (Ôi Allah) duy chỉ Ngài chúng tôi thờ phụng và chỉ với riêng Ngài chúng tôi cầu xin được giúp đỡ[7];

6.- Xin Ngài hướng dẫn chúng tôi (đi) theo con đường ngay chính:

7.- Con đường của những người đã được Ngài ban ân[8], không phải là (con đường của) những kẻ mà Ngài đã giận dữ và (cũng không phải là con đường của) những ai lầm đường lạc lối.

---

[1] **Allah** là tên riêng của Đấng Tạo Hóa, Đấng Thượng Đế

[2] *Ar-Rahmān Ar-Rahīm* là hai thuộc tính (*Sifāt*) của Allah. Allah là Đấng rất mực Nhân từ Độ lượng đối với tất cả chúng sinh, rất mực Khoan dung Tha thứ đối với những ai thờ phụng ngài.

[3] *Rabb* là Đấng Tạo hóa, Đấng Yêu thương, Chăm sóc, Nuôi dưỡng, Đấng Thượng Đế, Đấng Chủ Tể đang làm chủ và cai quản tất cả muôn loài muôn vật trong các tầng trời và trái đất

[4] *'ālamīn* gồm loài người, loài *jinn* và tất cả vạn vật giữa trời và đất.

[5] *Malik* là Đức Vua nắm mọi quyền hành xử lý.

[6] *Dīn* là tôn giáo, hay việc phán xử để tưởng thưởng và trừng phạt. Allah là Đức Vua sẽ chủ trì việc xét xử con người vào Ngày Phán xử Cuối cùng. Các Sứ giả của Allah hay Thiên sứ đã mang Chỉ thị của Allah đến chỉ dạy loài người rằng chết không phải là hết mà họ sẽ được phục sinh trở lại để chịu việc phán xử hành động tốt và xấu của họ trên thế gian suốt thời gian họ đã sống trên trái đất chiếu theo hồ sơ cá nhân do các thiên thần ghi lại trong sổ bộ đời của họ.

[7] Sau khi nhận thức Allah là *Rabb* của mình, người Muslim chỉ tôn thờ và phụng sự riêng Allah và cầu xin Ngài giúp đỡ trong mọi hoàn cảnh. Người Muslim không được nhập nhằng giữa Đấng Tạo Hóa Allah và các tạo vật của Ngài. Mọi vật trong các tầng trời và trái đất và giữa trời đất đều là các tạo vật của Allah kể cả loài người. Người Muslim không được phép tôn thờ các tạo vật của Allah mà chỉ tôn thờ riêng Allah, Đấng Tạo Hóa. Tôn thờ các tạo vật của Allah là phạm một trọng tội mà Allah không bao giờ tha thứ. (Q.4:116)

[8] Những người đã được Allah ban ân gồm: 1/ Các *Nabi* (Vị tiếp thu Mặc khải); 2/ các *Siddīqūn* (Vị yêu chuộng Sự thật); 3/ các *Shuhadā'* (Vị Tự đạo); và 4/ *Sālihūn* (Vị Hiền lương). (Q.4:69)

سُورَةُ البَقَرَةِ

بِسْمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحْمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

الٓمٓ ۝١ ذَٰلِكَ ٱلْكِتَٰبُ لَا رَيْبَ ۛ فِيهِ ۛ هُدًى
لِّلْمُتَّقِينَ ۝٢ ٱلَّذِينَ يُؤْمِنُونَ بِٱلْغَيْبِ وَيُقِيمُونَ ٱلصَّلَوٰةَ
وَمِمَّا رَزَقْنَٰهُمْ يُنفِقُونَ ۝٣ وَٱلَّذِينَ يُؤْمِنُونَ بِمَآ أُنزِلَ
إِلَيْكَ وَمَآ أُنزِلَ مِن قَبْلِكَ وَبِٱلْءَاخِرَةِ هُمْ يُوقِنُونَ ۝٤
أُو۟لَٰٓئِكَ عَلَىٰ هُدًى مِّن رَّبِّهِمْ ۖ وَأُو۟لَٰٓئِكَ
هُمُ ٱلْمُفْلِحُونَ ۝٥

AL-BAQARAH[1]
(Con Bò Cái Tơ)

Nhân danh Allah, Đấng Rất mực Độ lượng,
Đấng Rất mực Khoan dung

1.- *Alif. Lām. Mīm*[2].

2.- Đây là Kinh Sách, không có gì phải ngờ vực cả, (dùng làm) Chỉ đạo[3] cho những người ngay chính sợ Allah:[4]

3.- Những ai tin điều vô-hình[5] và chu đáo dâng lễ *Salāh*[6] và chi dùng những vật mà *TA* (Allah) đã cung cấp;

4.- Và những ai tin tưởng nơi những điều (mặc khải) đã được ban xuống cho Ngươi (Muhammad) và những điều đã được ban xuống vào thời trước Ngươi; và họ tin chắc chắn nơi Đời Sau;

5.- Họ là những người theo đúng sự Dẫn dắt do *Rabb* (Allah) của họ (ban xuống) và là những người sẽ thành đạt.

---

[1] Để tựa cho Chương này lấy từ một danh từ '*al-Baqarah*' nơi câu 67 của nó. Phương cách đặt tên cho các Chương của Qur'ān đều như thế cả. Tức là dùng một danh từ của Chương để đặt tên cho nó. Về sự tích của al-Baqarah (Con bò cái tơ) sẽ đề cập sau.

[2] Đây là những chữ cái của mẫu tự Ả-rập. Khi ba chữ cái *Alif. Lām. Mīm.* được đặt chung với nhau như thế thì được gọi là *Muqatta'at* hay chữ tắt. Trong Qur'ān, *muqatta'at* Alif. Lām. Mīm. được khởi xướng tại các chương 2, 3, 29, 30, 31, và 32. Các học giả Muslim giải thích đó là một phương cách Allah gợi sự chú ý của cử tọa. Chỉ Allah thôi biết ý nghĩa của nó.

[3] *Huda* là Chỉ đạo hướng dẫn cụ thể.

[4] *Muttaqīn* là những người có **Taqwa**. *Taqwa* có nghĩa: 1/ Sợ Allah; 2/ Kiềm hãm miệng mồm, tay chân và tấm lòng khỏi phạm tội; 3/ từ đó trở thành ngay chính, đạo đức.

[5] *Al-Ghayb* có nghĩa là vật, điều mà con mắt thường không thể nhìn thấy được nhưng hiện có, chẳng hạn như Thượng đế Allah, Thiên thần, Đời sau, sự Phục sinh, Thiên đàng, Hỏa ngục, Định mệnh v.v... và cụ thể như điện tử, nguyên tử v.v... hiện có nhưng mắt thường không thể nhìn thấy.

[6] *Salāh* là một nghi lễ thờ phụng Allah của người Muslim được cử hành hằng ngày và có tính bắt buộc. Nghi thức hành lễ *Salāh* đã do Thiên sứ Muhammad (saw) chỉ dạy cho các tín đồ. Nó gồm các động tác *Qiyām* (Đứng thẳng người), *Rukū'* (cúi mình về đằng trước), *Sujūd* (quì mọp đầu xuống đất) Trong mỗi động tác, người dâng lễ phải đọc một số câu kinh và lời cầu nguyện ngụ ý tán dương Allah và tự nhắc nhở về mối quan hệ của mình đối với Đấng Tạo hóa Allah.

إِنَّ ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ سَوَآءٌ عَلَيۡهِمۡ ءَأَنذَرۡتَهُمۡ أَمۡ لَمۡ تُنذِرۡهُمۡ لَا يُؤۡمِنُونَ ٦ خَتَمَ ٱللَّهُ عَلَىٰ قُلُوبِهِمۡ وَعَلَىٰ سَمۡعِهِمۡۖ وَعَلَىٰٓ أَبۡصَٰرِهِمۡ غِشَٰوَةٞۖ وَلَهُمۡ عَذَابٌ عَظِيمٞ ٧ وَمِنَ ٱلنَّاسِ مَن يَقُولُ ءَامَنَّا بِٱللَّهِ وَبِٱلۡيَوۡمِ ٱلۡأٓخِرِ وَمَا هُم بِمُؤۡمِنِينَ ٨ يُخَٰدِعُونَ ٱللَّهَ وَٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ وَمَا يَخۡدَعُونَ إِلَّآ أَنفُسَهُمۡ وَمَا يَشۡعُرُونَ ٩ فِي قُلُوبِهِم مَّرَضٞ فَزَادَهُمُ ٱللَّهُ مَرَضٗاۖ وَلَهُمۡ عَذَابٌ أَلِيمُۢ بِمَا كَانُواْ يَكۡذِبُونَ ١٠ وَإِذَا قِيلَ لَهُمۡ لَا تُفۡسِدُواْ فِي ٱلۡأَرۡضِ قَالُوٓاْ إِنَّمَا نَحۡنُ مُصۡلِحُونَ ١١ أَلَآ إِنَّهُمۡ هُمُ ٱلۡمُفۡسِدُونَ وَلَٰكِن لَّا يَشۡعُرُونَ ١٢ وَإِذَا قِيلَ لَهُمۡ ءَامِنُواْ كَمَآ ءَامَنَ ٱلنَّاسُ قَالُوٓاْ أَنُؤۡمِنُ كَمَآ ءَامَنَ ٱلسُّفَهَآءُۗ أَلَآ إِنَّهُمۡ هُمُ ٱلسُّفَهَآءُ وَلَٰكِن لَّا يَعۡلَمُونَ ١٣ وَإِذَا لَقُواْ ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ قَالُوٓاْ ءَامَنَّا وَإِذَا خَلَوۡاْ إِلَىٰ شَيَٰطِينِهِمۡ قَالُوٓاْ إِنَّا مَعَكُمۡ إِنَّمَا نَحۡنُ مُسۡتَهۡزِءُونَ ١٤ ٱللَّهُ يَسۡتَهۡزِئُ بِهِمۡ وَيَمُدُّهُمۡ فِي طُغۡيَٰنِهِمۡ يَعۡمَهُونَ ١٥ أُوْلَٰٓئِكَ ٱلَّذِينَ ٱشۡتَرَوُاْ ٱلضَّلَٰلَةَ بِٱلۡهُدَىٰ فَمَا رَبِحَت تِّجَٰرَتُهُمۡ وَمَا كَانُواْ مُهۡتَدِينَ ١٦

6.- Quả thật, đối với những kẻ không có đức tin[1], dù Ngươi có cảnh cáo hay không cảnh cáo chúng, điều đó bằng thừa đối với chúng bởi vì chúng nhất định không tin gì cả.

7.- Allah niêm kín tấm lòng của chúng và lấy tấm màn bịt tai và mắt của chúng lại; và chúng sẽ chịu một sự trừng phạt hết sức to lớn.

8.- Và trong nhân loại có những người nói: "Chúng tôi tin tưởng nơi Allah và Ngày (Phán Xử) Cuối cùng" nhưng thật ra chúng không tin gì cả.

9.- Chúng dối Allah và những người tin tưởng nhưng thực sự chúng chỉ dối bản thân mình nhưng chúng không nhận thấy (điều đó).

10.- Trong lòng của chúng có một chứng bệnh (giả dối). Allah làm cho bệnh tình của chúng thêm trầm trọng và chúng sẽ bị trừng phạt đau đớn vì tội nói dối.

11.- Và khi có lời bảo chúng: "Chớ làm điều ác đức trên trái đất" thì chúng đáp: "Chúng tôi chỉ là những người cải thiện cho tốt."

12.- Này, chắc chắn chúng là những kẻ ác đức, nhưng chúng không nhận thấy (điều đó).

13.- Và khi có lời bảo chúng: "Các ngươi hãy tin tưởng như mọi người tin tưởng" thì chúng đáp: "Há chúng tôi tin giống như những kẻ đần độn tin hay sao?" Này, chắc chắn chúng là những kẻ đần độn, nhưng chúng không biết (đó thôi).

14.- Và khi gặp những ai có đức tin, chúng bảo: "Chúng tôi tin tưởng." Nhưng khi ở riêng với những tên *Shaytān*[2] của bọn chúng, chúng bảo: "Chúng tôi theo quí ngài. Chúng tôi chỉ chế giễu họ."

15.- Allah chế giễu lại chúng và buông cho chúng lang thang vơ vẩn trong sự thái quá.

16.- Chúng là những kẻ đã mua lấy sự lầm lạc thay vì theo Chỉ đạo, nhưng cuộc đổi chác của chúng chẳng có lợi gì và chúng cũng không được hướng dẫn đi đúng đường.

---

[1] *Kufr, Kāfir* từ gốc chữ *kafara* có nghĩa: 1/ Phủ nhận Allah, phụ ơn; 2/ Phủ nhận đức tin, phủ nhận các điều mặc khải của Allah, không tin gì cả; 3/ Phạm thượng, cho rằng Allah mắc phải những thiếu sót, không toàn vẹn v.v...

[2] *Shayātīn* (số nhiều của *Shaytan*). *Shaytan* (Sa-tăng) còn mang một tên gọi khác là Iblīs, một tạo vật mà Allah đã tạo ra bằng lửa ngọn tức loài *Jinn*. (Q.55:15) Nó là kẻ thù của loài người, chuyên dụ dỗ và dẫn dắt họ lạc khỏi Chính đạo của Allah tức **Islām**. *Shayātīn* ở đây ám chỉ những kẻ xấu, bạn bè của Shaytan.

مَثَلُهُمْ كَمَثَلِ ٱلَّذِى ٱسْتَوْقَدَ نَارًا فَلَمَّآ أَضَآءَتْ مَا حَوْلَهُۥ
ذَهَبَ ٱللَّهُ بِنُورِهِمْ وَتَرَكَهُمْ فِى ظُلُمَٰتٍ لَّا يُبْصِرُونَ ﴿١٧﴾ صُمٌّۢ
بُكْمٌ عُمْىٌ فَهُمْ لَا يَرْجِعُونَ ﴿١٨﴾ أَوْ كَصَيِّبٍ مِّنَ ٱلسَّمَآءِ فِيهِ
ظُلُمَٰتٌ وَرَعْدٌ وَبَرْقٌ يَجْعَلُونَ أَصَٰبِعَهُمْ فِىٓ ءَاذَانِهِم مِّنَ
ٱلصَّوَٰعِقِ حَذَرَ ٱلْمَوْتِ ۚ وَٱللَّهُ مُحِيطٌۢ بِٱلْكَٰفِرِينَ ﴿١٩﴾ يَكَادُ ٱلْبَرْقُ
يَخْطَفُ أَبْصَٰرَهُمْ ۖ كُلَّمَآ أَضَآءَ لَهُم مَّشَوْا۟ فِيهِ وَإِذَآ أَظْلَمَ عَلَيْهِمْ
قَامُوا۟ ۚ وَلَوْ شَآءَ ٱللَّهُ لَذَهَبَ بِسَمْعِهِمْ وَأَبْصَٰرِهِمْ ۚ إِنَّ ٱللَّهَ عَلَىٰ
كُلِّ شَىْءٍ قَدِيرٌ ﴿٢٠﴾ يَٰٓأَيُّهَا ٱلنَّاسُ ٱعْبُدُوا۟ رَبَّكُمُ ٱلَّذِى
خَلَقَكُمْ وَٱلَّذِينَ مِن قَبْلِكُمْ لَعَلَّكُمْ تَتَّقُونَ ﴿٢١﴾ ٱلَّذِى جَعَلَ لَكُمُ
ٱلْأَرْضَ فِرَٰشًا وَٱلسَّمَآءَ بِنَآءً وَأَنزَلَ مِنَ ٱلسَّمَآءِ مَآءً فَأَخْرَجَ
بِهِۦ مِنَ ٱلثَّمَرَٰتِ رِزْقًا لَّكُمْ ۖ فَلَا تَجْعَلُوا۟ لِلَّهِ أَندَادًا وَأَنتُمْ
تَعْلَمُونَ ﴿٢٢﴾ وَإِن كُنتُمْ فِى رَيْبٍ مِّمَّا نَزَّلْنَا عَلَىٰ عَبْدِنَا فَأْتُوا۟
بِسُورَةٍ مِّن مِّثْلِهِۦ وَٱدْعُوا۟ شُهَدَآءَكُم مِّن دُونِ ٱللَّهِ إِن
كُنتُمْ صَٰدِقِينَ ﴿٢٣﴾ فَإِن لَّمْ تَفْعَلُوا۟ وَلَن تَفْعَلُوا۟ فَٱتَّقُوا۟ ٱلنَّارَ
ٱلَّتِى وَقُودُهَا ٱلنَّاسُ وَٱلْحِجَارَةُ ۖ أُعِدَّتْ لِلْكَٰفِرِينَ ﴿٢٤﴾

17.- Thí dụ của chúng giống hình ảnh của một người nhúm lên một ngọn lửa, và khi ngọn lửa soi sáng mọi vật xung quanh người (nhúm lửa), thì Allah lấy mất ánh sáng của chúng, bỏ chúng ở lại trong tăm tối, khiến chúng không nhìn thấy gì cả.

18.- (Giống kẻ) điếc, câm và mù, chúng sẽ không quay về (với Chính đạo).

19.- Hoặc giống như một lớp mây sấp cho mưa trên trời, trong đó vừa là âm u, vừa là sấm sét và tia chớp. Chúng lấy ngón tay bịt tai lại để đừng nghe tiếng sấm sét, điếng cả người vì sợ chết. Và Allah bao vây những kẻ không có đức tin.

20.- Tia chớp làm cho chúng lóe mắt không nhìn thấy gì: giống như cảnh khi ánh sáng lóe lên, chúng lần mò bước dẫm trong đó; và khi trời tối đen như mực thì chúng đứng im một chỗ. Và nếu Allah muốn, Ngài sẽ trút đi thính giác và thị giác của chúng bởi vì Allah có quyền chi phối trên tất cả vạn vật.

21.- Hỡi nhân loại! Hãy thờ phụng *Rabb* (Allah) của các người, Đấng đã tạo các người và những ai trước các người để các người trở thành những người ngay chính sợ Allah.

22.- Đấng đã tạo trái đất như một tấm thảm và bầu trời như một chiếc lọng che cho các người và ban nước mưa từ trên trời xuống mà Ngài dùng để làm mọc ra cây trái thành thực phẩm cho các người (dùng). Bởi thế, chớ dựng những đối thủ ngang vai[1] với Allah trong lúc các người biết (điều đó).

23.- Và nếu các người nghi ngờ về những điều (mặc khải) mà *TA* (Allah) đã ban xuống cho người bề tôi (Muhammad) của *TA* thì hãy mang đến một Chương (*Sūrah*)[2] tương tự như cái của Nó (Qur'ān) và hãy gọi những nhân chứng của các người không phải là Allah đến xác nhận nếu các người nói thật.

24.- Nhưng nếu các người không thể làm được và chắc chắn các người không thể làm nổi thì hãy sợ ngọn Lửa mà chất đốt là con người và đá được chuẩn bị sẵn cho những kẻ phủ nhận đức tin.

---

[1] *Andād* là những vật, kẻ ngang vai. Allah là Đấng Tuyệt đối, không ai, vật gì có thể so sánh ngang vai với Ngài đặng.

[2] *Sūrah* là một chương của Kinh Qur'ān. Một *sūrah* gồm một số *āyah* (số nhiều là *āyāt*). Āyah có nghĩa là một Dấu hiệu, Dấu ấn, Dấu lạ. Theo chuyên môn, thì *āyah* là một câu kinh, hay Lời mặc khải của Allah. *Ayah* được đánh số thứ tự. Kinh Qur'ān gồm 114 *sūrah* dài ngắn khác nhau. *Sūrah* dài nhất gồm 286 āyah, sūrah ngắn nhất gồm 3 āyah.

وَبَشِّرِ ٱلَّذِينَ ءَامَنُوا۟ وَعَمِلُوا۟ ٱلصَّٰلِحَٰتِ أَنَّ لَهُمْ جَنَّٰتٍ تَجْرِى مِن تَحْتِهَا ٱلْأَنْهَٰرُ ۖ كُلَّمَا رُزِقُوا۟ مِنْهَا مِن ثَمَرَةٍ رِّزْقًا ۙ قَالُوا۟ هَٰذَا ٱلَّذِى رُزِقْنَا مِن قَبْلُ ۖ وَأُتُوا۟ بِهِۦ مُتَشَٰبِهًا ۖ وَلَهُمْ فِيهَآ أَزْوَٰجٌ مُّطَهَّرَةٌ ۖ وَهُمْ فِيهَا خَٰلِدُونَ ﴿٢٥﴾ ۞ إِنَّ ٱللَّهَ لَا يَسْتَحْىِۦٓ أَن يَضْرِبَ مَثَلًا مَّا بَعُوضَةً فَمَا فَوْقَهَا ۚ فَأَمَّا ٱلَّذِينَ ءَامَنُوا۟ فَيَعْلَمُونَ أَنَّهُ ٱلْحَقُّ مِن رَّبِّهِمْ ۖ وَأَمَّا ٱلَّذِينَ كَفَرُوا۟ فَيَقُولُونَ مَاذَآ أَرَادَ ٱللَّهُ بِهَٰذَا مَثَلًا ۘ يُضِلُّ بِهِۦ كَثِيرًا وَيَهْدِى بِهِۦ كَثِيرًا ۚ وَمَا يُضِلُّ بِهِۦٓ إِلَّا ٱلْفَٰسِقِينَ ﴿٢٦﴾ ٱلَّذِينَ يَنقُضُونَ عَهْدَ ٱللَّهِ مِنۢ بَعْدِ مِيثَٰقِهِۦ وَيَقْطَعُونَ مَآ أَمَرَ ٱللَّهُ بِهِۦٓ أَن يُوصَلَ وَيُفْسِدُونَ فِى ٱلْأَرْضِ ۚ أُو۟لَٰٓئِكَ هُمُ ٱلْخَٰسِرُونَ ﴿٢٧﴾ كَيْفَ تَكْفُرُونَ بِٱللَّهِ وَكُنتُمْ أَمْوَٰتًا فَأَحْيَٰكُمْ ۖ ثُمَّ يُمِيتُكُمْ ثُمَّ يُحْيِيكُمْ ثُمَّ إِلَيْهِ تُرْجَعُونَ ﴿٢٨﴾ هُوَ ٱلَّذِى خَلَقَ لَكُم مَّا فِى ٱلْأَرْضِ جَمِيعًا ثُمَّ ٱسْتَوَىٰٓ إِلَى ٱلسَّمَآءِ فَسَوَّىٰهُنَّ سَبْعَ سَمَٰوَٰتٍ ۚ وَهُوَ بِكُلِّ شَىْءٍ عَلِيمٌ ﴿٢٩﴾

ربع الحزب ١

25.- Và hãy báo cho những ai có đức tin và làm việc thiện về việc họ sẽ được (Allah) ban thưởng những ngôi Vườn bên dưới có các dòng sông chảy. Mỗi lần họ được cung cấp trái cây của chúng làm thực phẩm, họ nói: "Đây là những món mà chúng tôi đã được cung cấp trước đây." Và họ sẽ được ban cho những món ăn tương tự, và trong đó họ sẽ có những người vợ trong sạch; và sẽ ở trong đó đời đời.

26.- Quả thật, Allah chẳng có gì e thẹn khi Ngài dùng những thí dụ để so sánh cho dù đó là một con muỗi hay một con vật to lớn hơn nó nữa. Bởi vì đối với những ai có đức tin thì biết đó là sự thật từ *Rabb* của họ; ngược lại, đối với những ai không có đức tin thì (lấy cớ đó để) nói: "Allah ngụ ý muốn gì khi Ngài đưa ra thí dụ so sánh này?" Do nó, Ngài làm cho nhiều người đi lạc và do nó, Ngài dắt nhiều người đi đúng đường; nhưng Ngài không dùng nó để đưa ai đi lạc cả ngoại trừ những kẻ bất tuân vượt quá mức giới hạn:

27.- Những ai vi phạm Giao Ước[1] của Allah sau khi đã được phê chuẩn và xé làm hai điều Allah ra lệnh cho kết hợp lại và gieo rắc điều thối nát trên trái đất. Họ là những kẻ sẽ mất mát.

28.- Làm sao các người có thể phủ nhận Allah[2]? trong lúc thấy các người đã chết, Ngài làm cho các người sống; rồi Ngài sẽ làm cho các người chết, rồi sẽ dựng các người sống lại, rồi các người sẽ trở về gặp Ngài (để nhận chịu xét xử).

29.- Ngài là Đấng đã tạo cho các người tất cả mọi vật dưới đất rồi hướng về bầu trời Ngài hoàn chỉnh chúng thành bảy tầng trời; và Ngài biết hết mọi vật.

---

[1] '*Ahd* là Thỏa ước, Giao ước. Allah đã giao ước với Thiên Sứ Ibrāhīm (Abraham), tổ phụ của Ismā'īl (Ishmael) và Ishāq (Isāc) rằng Người và hậu duệ sẽ phải truyền bá việc thờ phụng Đấng Allah Duy nhất tức Islām (Q. 2: 131–132) Nabi Ya'qūb (Gia cốp) tức Isra-īl, đứa con trai của Nabi Ishāq, cũng đã bảo con cháu của mình như thế (Q. 2:133) Nhưng người dân Do thái tức con cháu của Nabi Ya'qūb sau này bất tuân và nổi loạn. Lúc Thiên sứ Muhammad (saw) dời cư về Madīnah, người dân Do thái và người dân Ả-rập tại thành phố Madīnah đã ký kết một thỏa hiệp liên minh phòng thủ và tương trợ với người Muslim, cam kết sẽ cùng nhau bắt tay phòng thủ và bảo vệ thành phố Madīnah nếu bị kẻ thù của Islām tấn công. Nhưng về sau, người dân Do thái và người dân Ả-rập đạo đức giả đã bội ước và tiếp tay cho kẻ thù của Islām đến tiêu diệt người Muslim. Ngoài ra, người dân Do thái còn tìm cách xúi giục người Ả-rập Muslim chia rẽ nhau. (Xem Sīrat al-Nabi của Ibn Ishaq)

[2] Ở đây, Allah nhắc nhở con người về lẽ huyền vi của việc tạo hóa. Đầu tiên, con người không là gì cả, một tinh trùng vô nghĩa phất phơ đâu đó chưa có sự sống (xem như chết), rồi Allah ban cho y sự sống qua việc y sinh ra đời. Sau một thời gian sống, Allah làm cho y chết (qua đời). Rồi vào Ngày Phục sinh, Allah dựng y sống trở lại để chịu sự xét xử. Tương tự một hạt giống khô héo không có sự sống, Allah tưới nước mưa lên nó, nó nẩy mầm kết thành cây trái. Sau một thời gian sống, trái cây chín già, rơi rụng và chết trở lại. Sống và chết, chết và sống kết thành một chu kỳ bất di dịch.

وَإِذْ قَالَ رَبُّكَ لِلْمَلَٰٓئِكَةِ إِنِّى جَاعِلٌ فِى ٱلْأَرْضِ خَلِيفَةً ۖ قَالُوٓا۟ أَتَجْعَلُ فِيهَا مَن يُفْسِدُ فِيهَا وَيَسْفِكُ ٱلدِّمَآءَ وَنَحْنُ نُسَبِّحُ بِحَمْدِكَ وَنُقَدِّسُ لَكَ ۖ قَالَ إِنِّىٓ أَعْلَمُ مَا لَا تَعْلَمُونَ ﴿٣٠﴾ وَعَلَّمَ ءَادَمَ ٱلْأَسْمَآءَ كُلَّهَا ثُمَّ عَرَضَهُمْ عَلَى ٱلْمَلَٰٓئِكَةِ فَقَالَ أَنۢبِـُٔونِى بِأَسْمَآءِ هَٰٓؤُلَآءِ إِن كُنتُمْ صَٰدِقِينَ ﴿٣١﴾ قَالُوا۟ سُبْحَٰنَكَ لَا عِلْمَ لَنَآ إِلَّا مَا عَلَّمْتَنَآ ۖ إِنَّكَ أَنتَ ٱلْعَلِيمُ ٱلْحَكِيمُ ﴿٣٢﴾ قَالَ يَٰٓـَٔادَمُ أَنۢبِئْهُم بِأَسْمَآئِهِمْ ۖ فَلَمَّآ أَنۢبَأَهُم بِأَسْمَآئِهِمْ قَالَ أَلَمْ أَقُل لَّكُمْ إِنِّىٓ أَعْلَمُ غَيْبَ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلْأَرْضِ وَأَعْلَمُ مَا تُبْدُونَ وَمَا كُنتُمْ تَكْتُمُونَ ﴿٣٣﴾ وَإِذْ قُلْنَا لِلْمَلَٰٓئِكَةِ ٱسْجُدُوا۟ لِءَادَمَ فَسَجَدُوٓا۟ إِلَّآ إِبْلِيسَ أَبَىٰ وَٱسْتَكْبَرَ وَكَانَ مِنَ ٱلْكَٰفِرِينَ ﴿٣٤﴾ وَقُلْنَا يَٰٓـَٔادَمُ ٱسْكُنْ أَنتَ وَزَوْجُكَ ٱلْجَنَّةَ وَكُلَا مِنْهَا رَغَدًا حَيْثُ شِئْتُمَا وَلَا تَقْرَبَا هَٰذِهِ ٱلشَّجَرَةَ فَتَكُونَا مِنَ ٱلظَّٰلِمِينَ ﴿٣٥﴾ فَأَزَلَّهُمَا ٱلشَّيْطَٰنُ عَنْهَا فَأَخْرَجَهُمَا مِمَّا كَانَا فِيهِ ۖ وَقُلْنَا ٱهْبِطُوا۟ بَعْضُكُمْ لِبَعْضٍ عَدُوٌّ ۖ وَلَكُمْ فِى ٱلْأَرْضِ مُسْتَقَرٌّ وَمَتَٰعٌ إِلَىٰ حِينٍ ﴿٣٦﴾ فَتَلَقَّىٰٓ ءَادَمُ مِن رَّبِّهِۦ كَلِمَٰتٍ فَتَابَ عَلَيْهِ ۚ إِنَّهُۥ هُوَ ٱلتَّوَّابُ ٱلرَّحِيمُ ﴿٣٧﴾

30.- Và khi *Rabb* (Allah) của Ngươi phán bảo các Thiên thần[1]: "TA sẽ đặt một Đại diện cho TA[2] trên trái đất." (Các Thiên thần) thưa: "Phải chăng Ngài đặt một nhân vật sẽ hành động thối nát và làm đổ máu nơi đó, trong lúc chúng tôi tán dương ca tụng và thánh hóa Ngài hay sao?" (Allah) phán: "TA biết điều mà các ngươi không biết."

31.- Và (Allah) dạy Ādam tên gọi (của) tất cả (vạn vật). Rồi Ngài đặt (mọi vật) ra trước mặt các Thiên thần, và phán: "Các ngươi hãy cho TA biết tên của những vật này nếu các ngươi chân thật."

32.- (Các Thiên thần) thưa: "Quang vinh thay Ngài! Chúng tôi không biết điều gì ngoài điều mà Ngài đã dạy chúng tôi. Quả thật, duy chỉ Ngài là Đấng Biết hết, Đấng Rất mực Sáng suốt."

33.- (Allah) phán: "Này Ādam! Nhà ngươi cho (Thiên thần) biết tên gọi của chúng (vạn vật)." Bởi thế, khi (Ādam) cho (Thiên thần) biết tên gọi của chúng (vạn vật), (Allah) phán: "Há TA đã không báo cho các ngươi rõ TA biết điều vô hình của các tầng trời và trái đất và TA biết điều các ngươi tiết lộ và giấu giếm hay sao?"

34.- Và hãy nhớ lại khi *TA* (Allah) phán cho các Thiên thần: "Hãy phủ phục[3] trước Ādam!" Bởi thế, chúng phủ phục ngoại trừ Iblīs[4]. Nó từ chối và ngạo mạn. Và nó trở thành một tên phản nghịch.

35.- Và *TA* (Allah) phán (cho Ādam): "Này Ādam! Ngươi và vợ của Ngươi hãy ở trong Thiên đàng và tha hồ ăn (hoa quả) dồi dào của nó bất cứ nơi nào tùy ý hai ngươi muốn, nhưng chớ đến gần cái 'Cây' này bởi vì (nếu ăn trái của nó) hai ngươi sẽ trở thành những kẻ làm điều sai quấy."

36.- Nhưng Shaytān đã làm cho hai (vợ chồng Ādam) rơi xuống khỏi đó (Thiên đàng)[5] và làm cho hai người rời khỏi (tình trạng sung sướng) mà họ đã từng hưởng trong đó. Và *TA* phán: "Hãy đi xuống (tất cả)! Đứa này sẽ là kẻ thù của đứa kia. Và trên trái đất các ngươi sẽ có một nơi ở (tạm) và một cuộc sống (tạm) suốt một thời gian."

37.- Sau đó, Ādam học được từ *Rabb* của Người Lời (Mặc khải) bởi vì Ngài xót thương đoái nhìn Người trở lại. Quả thật, Ngài là Đấng Hằng Quay lại Tha thứ, Rất mực Khoan dung.

---

[1] *Malā-ikah*. Xem bảng kê các từ chuyên môn.

[2] *Khalīfah* là một Ủy viên, một người Đại diện cho nhà vua hay thượng cấp. Vị Khalīfah của Allah là Ādam như được nói ở câu 31 dưới đây.

[3] *Sajada* là quì mọp đầu phủ phục. *Sajada* ở đây có nghĩa tuân phục.

[4] *Iblīs* không phải là Thiên thần. Nó thuộc loài *Jinn* (Q.7:12; 55:15) *Iblīs* còn được gọi là *Shaytān*. *Iblīs* tiêu biểu cho sự tự cao tự đại. *Shaytān* tiêu biểu cho sự lường gạt, lừa dối.

[5] *Shaytān*. Xem bảng kê các từ chuyên môn.

قُلْنَا ٱهْبِطُوا۟ مِنْهَا جَمِيعًا ۖ فَإِمَّا يَأْتِيَنَّكُم مِّنِّى هُدًى فَمَن تَبِعَ
هُدَاىَ فَلَا خَوْفٌ عَلَيْهِمْ وَلَا هُمْ يَحْزَنُونَ ﴿٣٨﴾ وَٱلَّذِينَ كَفَرُوا۟
وَكَذَّبُوا۟ بِـَٔايَـٰتِنَآ أُو۟لَـٰٓئِكَ أَصْحَـٰبُ ٱلنَّارِ ۖ هُمْ فِيهَا خَـٰلِدُونَ ﴿٣٩﴾
يَـٰبَنِىٓ إِسْرَٰٓءِيلَ ٱذْكُرُوا۟ نِعْمَتِىَ ٱلَّتِىٓ أَنْعَمْتُ عَلَيْكُمْ وَأَوْفُوا۟ بِعَهْدِىٓ
أُوفِ بِعَهْدِكُمْ وَإِيَّـٰىَ فَٱرْهَبُونِ ﴿٤٠﴾ وَءَامِنُوا۟ بِمَآ أَنزَلْتُ مُصَدِّقًا
لِّمَا مَعَكُمْ وَلَا تَكُونُوٓا۟ أَوَّلَ كَافِرٍۭ بِهِۦ ۖ وَلَا تَشْتَرُوا۟ بِـَٔايَـٰتِى
ثَمَنًا قَلِيلًا وَإِيَّـٰىَ فَٱتَّقُونِ ﴿٤١﴾ وَلَا تَلْبِسُوا۟ ٱلْحَقَّ بِٱلْبَـٰطِلِ وَتَكْتُمُوا۟
ٱلْحَقَّ وَأَنتُمْ تَعْلَمُونَ ﴿٤٢﴾ وَأَقِيمُوا۟ ٱلصَّلَوٰةَ وَءَاتُوا۟ ٱلزَّكَوٰةَ
وَٱرْكَعُوا۟ مَعَ ٱلرَّٰكِعِينَ ﴿٤٣﴾ ۞ أَتَأْمُرُونَ ٱلنَّاسَ بِٱلْبِرِّ
وَتَنسَوْنَ أَنفُسَكُمْ وَأَنتُمْ تَتْلُونَ ٱلْكِتَـٰبَ ۚ أَفَلَا تَعْقِلُونَ ﴿٤٤﴾
وَٱسْتَعِينُوا۟ بِٱلصَّبْرِ وَٱلصَّلَوٰةِ ۚ وَإِنَّهَا لَكَبِيرَةٌ إِلَّا عَلَى ٱلْخَـٰشِعِينَ
﴿٤٥﴾ ٱلَّذِينَ يَظُنُّونَ أَنَّهُم مُّلَـٰقُوا۟ رَبِّهِمْ وَأَنَّهُمْ إِلَيْهِ رَٰجِعُونَ ﴿٤٦﴾
يَـٰبَنِىٓ إِسْرَٰٓءِيلَ ٱذْكُرُوا۟ نِعْمَتِىَ ٱلَّتِىٓ أَنْعَمْتُ عَلَيْكُمْ وَأَنِّى فَضَّلْتُكُمْ
عَلَى ٱلْعَـٰلَمِينَ ﴿٤٧﴾ وَٱتَّقُوا۟ يَوْمًا لَّا تَجْزِى نَفْسٌ عَن نَّفْسٍ شَيْـًٔا
وَلَا يُقْبَلُ مِنْهَا شَفَـٰعَةٌ وَلَا يُؤْخَذُ مِنْهَا عَدْلٌ وَلَا هُمْ يُنصَرُونَ ﴿٤٨﴾

نصف الحزب ١

38.- *TA (*Allah*)* phán: "Tất cả hãy đi xuống[1] khỏi đó (Thiên đàng*)*. Nhưng nếu có Chỉ đạo[2] từ TA đến cho các người; ai tuân theo Chỉ đạo của TA thì sẽ không lo sợ cũng sẽ không buồn phiền.

39.- Ngược lại, ai phủ nhận (Chỉ đạo của TA) và cho những Lời Mặc khải của TA là điều giả tạo thì sẽ làm bạn với Lửa (của Hỏa ngục) và sẽ ở trong đó đời đời.

40.- Hỡi con cháu của Israel[3]! Hãy nhớ Ân huệ mà TA (Allah) đã ban cho các người và hãy làm tròn Lời Giao ước của các người với TA và TA sẽ làm tròn Lời Giao Ước của TA với các người và chỉ sợ riêng TA thôi.

41.- Và hãy tin tưởng nơi những điều TA ban xuống nhằm xác nhận lại những điều đang ở (trong tay) của các người và chớ là người đầu tiên phủ nhận (Thông điệp của TA) và chớ bán các Lời Mặc khải của TA với một giá nhỏ nhoi; và hãy sợ riêng TA thôi.

42.- Và chớ trộn lẫn sự thật với sự giả dối và giấu giếm sự thật trong lúc các người biết (điều đó).

43.- Và hãy dâng lễ *Salāh* một cách chu đáo và đóng *Zakāh* (thuế cho người nghèo) và cúi đầu cùng với những người cúi đầu (thần phục ngài).

44.- Phải chăng các ngươi bảo mọi người cư xử đạo đức nhưng tự mình quên làm nó đi trong lúc các ngươi đọc rõ Kinh sách (hơn ai)? Thế phải chăng các ngươi không hiểu?

45.- Và hãy cầu xin được giúp đỡ trong niềm kiên nhẫn và với việc lễ nguyện *Salāh*; và quả thật điều này rất khó nhưng không mấy khó đối với những người hạ mình khiêm tốn (trước Allah):

46.- Những ai nghĩ rằng họ sẽ gặp *Rabb* của họ và sẽ trở về gặp Ngài (ở Đời sau).

47.- Hỡi con cháu của Israel! Hãy nhớ Ân huệ mà TA đã ban cho các người và (việc) TA ưu đãi các người hơn thiên hạ.

48.- Và hãy sợ một Ngày mà không một linh hồn nào có thể giúp ích được cho một linh hồn nào khác; và sẽ không có một sự can thiệp nào được chấp nhận giùm cho nó và sẽ không có một sự bồi thường nào được chấp nhận từ nó và họ sẽ không được (ai) giúp đỡ.

---

[1] Mặc dù đã được tha thứ, hai vợ chồng Ādam vẫn bị Allah trục xuất khỏi Thiên đàng theo kế hoạch đã định tức xuống trần làm Khalifah của Allah. (Q.2:30) Iblīs cũng bị trục xuất luôn cùng với hai vợ chồng Ādam.

[2] *Huda* tức sự hướng dẫn cụ thể. Allah hướng dẫn Ādam bằng lời mặc khải.

[3] *Israel* là biệt hiệu của Nabi Ya'qūb (Jacob, Gia-cốp), con trai của Nabi Ishāq (Isāc) và là cháu nội của Nabi Ibrāhīm (Abraham). 'Con cháu của Israel' ám chỉ người dân Do thái hiện nay.

وَإِذۡ نَجَّيۡنَٰكُم مِّنۡ ءَالِ فِرۡعَوۡنَ يَسُومُونَكُمۡ سُوٓءَ ٱلۡعَذَابِ
يُذَبِّحُونَ أَبۡنَآءَكُمۡ وَيَسۡتَحۡيُونَ نِسَآءَكُمۡۚ وَفِي ذَٰلِكُم بَلَآءٞ
مِّن رَّبِّكُمۡ عَظِيمٞ ﴿٤٩﴾ وَإِذۡ فَرَقۡنَا بِكُمُ ٱلۡبَحۡرَ فَأَنجَيۡنَٰكُمۡ
وَأَغۡرَقۡنَآ ءَالَ فِرۡعَوۡنَ وَأَنتُمۡ تَنظُرُونَ ﴿٥٠﴾ وَإِذۡ وَٰعَدۡنَا مُوسَىٰٓ
أَرۡبَعِينَ لَيۡلَةٗ ثُمَّ ٱتَّخَذۡتُمُ ٱلۡعِجۡلَ مِنۢ بَعۡدِهِۦ وَأَنتُمۡ ظَٰلِمُونَ
﴿٥١﴾ ثُمَّ عَفَوۡنَا عَنكُم مِّنۢ بَعۡدِ ذَٰلِكَ لَعَلَّكُمۡ تَشۡكُرُونَ ﴿٥٢﴾
وَإِذۡ ءَاتَيۡنَا مُوسَى ٱلۡكِتَٰبَ وَٱلۡفُرۡقَانَ لَعَلَّكُمۡ تَهۡتَدُونَ ﴿٥٣﴾
وَإِذۡ قَالَ مُوسَىٰ لِقَوۡمِهِۦ يَٰقَوۡمِ إِنَّكُمۡ ظَلَمۡتُمۡ أَنفُسَكُم بِٱتِّخَاذِكُمُ
ٱلۡعِجۡلَ فَتُوبُوٓاْ إِلَىٰ بَارِئِكُمۡ فَٱقۡتُلُوٓاْ أَنفُسَكُمۡ ذَٰلِكُمۡ
خَيۡرٞ لَّكُمۡ عِندَ بَارِئِكُمۡ فَتَابَ عَلَيۡكُمۡۚ إِنَّهُۥ هُوَ ٱلتَّوَّابُ
ٱلرَّحِيمُ ﴿٥٤﴾ وَإِذۡ قُلۡتُمۡ يَٰمُوسَىٰ لَن نُّؤۡمِنَ لَكَ حَتَّىٰ نَرَى ٱللَّهَ
جَهۡرَةٗ فَأَخَذَتۡكُمُ ٱلصَّٰعِقَةُ وَأَنتُمۡ تَنظُرُونَ ﴿٥٥﴾ ثُمَّ بَعَثۡنَٰكُم
مِّنۢ بَعۡدِ مَوۡتِكُمۡ لَعَلَّكُمۡ تَشۡكُرُونَ ﴿٥٦﴾ وَظَلَّلۡنَا عَلَيۡكُمُ
ٱلۡغَمَامَ وَأَنزَلۡنَا عَلَيۡكُمُ ٱلۡمَنَّ وَٱلسَّلۡوَىٰۖ كُلُواْ مِن طَيِّبَٰتِ
مَا رَزَقۡنَٰكُمۡۚ وَمَا ظَلَمُونَا وَلَٰكِن كَانُوٓاْ أَنفُسَهُمۡ يَظۡلِمُونَ ﴿٥٧﴾

49.- Và hãy nhớ lại khi *TA* (Allah) đã cứu các người thoát khỏi đám thuộc hạ của *Fir'aun*[1]; chúng áp bức các người bằng cực hình tai ác: chúng giết con trai của các người và tha mạng cho các phụ nữ của các người; và có một sự thử thách lớn lao từ *Rabb* của các người trong sự việc đó.

50.- Và hãy nhớ lại khi *TA* đã rẽ biển (Hồng hải) ra làm hai (để) cho các người (chạy băng qua bờ phía bên kia) và *TA* đã cứu sống các người và đã nhận đám thuộc hạ của Fir'aun chết chìm (dưới biển) trong lúc các người đứng nhìn rõ (cảnh tượng);

51.- Và hãy nhớ lại khi *TA* đã hẹn gặp Mūsa trong (thời gian) bốn mươi đêm rồi trong thời gian Người vắng mặt, các người đã mang con bò con (đúc) ra thờ và các người đã làm một điều hết sức sai quấy.

52.- Rồi sau việc làm (sai quấy) đó, *TA* đã lượng thứ cho các người để cho các người có dịp tỏ lòng biết ơn (*TA*).

53. Và hãy nhớ lại khi *TA* đã ban cho Mūsa Kinh sách và Chuẩn-mực (dùng phân biệt Phúc và Tội) để cho các người có cơ hội được hướng dẫn (theo Chính đạo).

54.- Và hãy nhớ lại khi Mūsa đã nói với đám dân của Người: "Này hỡi dân ta! Quả thật, các người đã tự làm hại bản thân mình qua việc các người đã thờ con bò con; bởi thế hãy quay về sám hối với *Rabb* của các người. Do đó, hãy tự giết (những tên tội lỗi của) các người. Điều đó tốt cho các người hơn dưới cái nhìn của *Rabb* của các người." Tiếp đó, Ngài quay lại tha thứ cho các người bởi vì quả thật Ngài là Đấng Hằng Tha thứ, Đấng Rất mực Khoan dung.

55.- Và hãy nhớ lại khi các người đã nói với Mūsa: "Chúng tôi sẽ không bao giờ tin tưởng thầy trừ phi chúng tôi thấy Allah công khai." Vì thế, lưỡi tầm sét đã đánh các người trong lúc các người mục kích rõ (cảnh tượng).

56.- Rồi *TA* làm cho các người sống lại sau cái chết của các người để cho các người còn có dịp tạ ơn (Allah).

57.- Và *TA* đã đưa lùm mây đến che mát cho các người (nơi sa mạc) và *TA* đã ban *Manna* và Chim cút xuống cho các người (và phán): "Hãy ăn những món (thực phẩm) tốt và sạch mà *TA* cung cấp cho các người." (Nhưng họ không hài lòng với các món đó). Và (việc bất mãn của) họ không làm thiệt hại *TA*; ngược lại, họ tự làm hại bản thân mình mà thôi.

---

[1] Phê-rô là nhà vua của Ai-cập vào thời của Nabi Mūsa (Môi-se).

وَإِذْ قُلْنَا ٱدْخُلُوا۟ هَٰذِهِ ٱلْقَرْيَةَ فَكُلُوا۟ مِنْهَا حَيْثُ شِئْتُمْ رَغَدًا وَٱدْخُلُوا۟ ٱلْبَابَ سُجَّدًا وَقُولُوا۟ حِطَّةٌ نَّغْفِرْ لَكُمْ خَطَٰيَٰكُمْ ۚ وَسَنَزِيدُ ٱلْمُحْسِنِينَ ﴿٥٨﴾ فَبَدَّلَ ٱلَّذِينَ ظَلَمُوا۟ قَوْلًا غَيْرَ ٱلَّذِى قِيلَ لَهُمْ فَأَنزَلْنَا عَلَى ٱلَّذِينَ ظَلَمُوا۟ رِجْزًا مِّنَ ٱلسَّمَآءِ بِمَا كَانُوا۟ يَفْسُقُونَ ﴿٥٩﴾ ۞ وَإِذِ ٱسْتَسْقَىٰ مُوسَىٰ لِقَوْمِهِۦ فَقُلْنَا ٱضْرِب بِّعَصَاكَ ٱلْحَجَرَ ۖ فَٱنفَجَرَتْ مِنْهُ ٱثْنَتَا عَشْرَةَ عَيْنًا ۖ قَدْ عَلِمَ كُلُّ أُنَاسٍ مَّشْرَبَهُمْ ۖ كُلُوا۟ وَٱشْرَبُوا۟ مِن رِّزْقِ ٱللَّهِ وَلَا تَعْثَوْا۟ فِى ٱلْأَرْضِ مُفْسِدِينَ ﴿٦٠﴾ وَإِذْ قُلْتُمْ يَٰمُوسَىٰ لَن نَّصْبِرَ عَلَىٰ طَعَامٍ وَٰحِدٍ فَٱدْعُ لَنَا رَبَّكَ يُخْرِجْ لَنَا مِمَّا تُنۢبِتُ ٱلْأَرْضُ مِنۢ بَقْلِهَا وَقِثَّآئِهَا وَفُومِهَا وَعَدَسِهَا وَبَصَلِهَا ۖ قَالَ أَتَسْتَبْدِلُونَ ٱلَّذِى هُوَ أَدْنَىٰ بِٱلَّذِى هُوَ خَيْرٌ ۚ ٱهْبِطُوا۟ مِصْرًا فَإِنَّ لَكُم مَّا سَأَلْتُمْ ۗ وَضُرِبَتْ عَلَيْهِمُ ٱلذِّلَّةُ وَٱلْمَسْكَنَةُ وَبَآءُو بِغَضَبٍ مِّنَ ٱللَّهِ ۗ ذَٰلِكَ بِأَنَّهُمْ كَانُوا۟ يَكْفُرُونَ بِـَٔايَٰتِ ٱللَّهِ وَيَقْتُلُونَ ٱلنَّبِيِّـۧنَ بِغَيْرِ ٱلْحَقِّ ۗ ذَٰلِكَ بِمَا عَصَوا۟ وَّكَانُوا۟ يَعْتَدُونَ ﴿٦١﴾

ثلاثة أرباع الحزب ١

58.- Và hãy nhớ lại khi *TA* đã phán: "Hãy vào thị trấn (*Jerusalem*) này và ăn tùy thích thực phẩm dồi dào của nó ở bất cứ nơi nào và hãy bước vào cửa với dáng điệu phủ phục và thưa: 'Xin Ngài tha thứ cho chúng tôi', *TA* sẽ tha thứ những lỗi lầm của các người và sẽ ân thưởng thêm cho những người làm tốt.

59.- Nhưng những kẻ làm điều sai quấy đã thay đổi Lời (Mặc khải) sai với lời đã được truyền xuống cho chúng. Bởi thế, *TA* đã ban tai họa từ trên trời xuống trừng phạt những kẻ làm điều sai quấy vì tội chúng đã bất tuân và vượt quá mức giới hạn.

60.- Và hãy nhớ lại khi Mūsa cầu xin nước uống cho người dân của Người. *TA* (Allah) phán: "Hãy dùng Chiếc gậy của Ngươi đánh lên tảng đá." Thế là từ đó phun ra mười hai mạch nước suối (cho mười hai bộ lạc của Israel[1]). Mỗi bộ lạc đều biết điểm nước của họ. Hãy ăn (thực phẩm) và uống (nước) do Allah ban cho và chớ làm điều ác đức và thối nát trên trái đất.

61.- Và hãy nhớ lại khi các người đã bảo Mūsa: "Hỡi Mūsa! Chúng tôi không thể tiếp tục cam chịu với một loại thức ăn (này mãi). Bởi thế, xin thầy hãy cầu xin *Rabb* (Allah) của thầy giùm chúng tôi để Ngài làm mọc ra từ đất trồng những loại thực phẩm như: rau tươi, dưa chuột, tỏi, đậu lăng-ti và hành tây của nó." (Mūsa) đáp: "Phải chăng các người muốn đổi cái tốt lấy cái tệ hay sao? Hãy đi đến bất cứ thị trấn nào (của Ai-cập), các người sẽ có được những món mà các người đòi hỏi." Và họ đã bị hạ nhục và nghèo khó và tự rước vào thân sự Giận dữ của Allah. Sở dĩ như thế là vì họ đã từng phủ nhận các Lời Mặc khải của Allah và đã giết các Nabi[2] của Allah không có lý do chính đáng. Như thế là vì họ bất tuân Allah và hằng vượt quá mức giới hạn (qui định bởi Allah).

---

[1] Israel tức Nabi Ya'qūb (Jacob, Gia-cốp) có 12 người con trai, mỗi người là tù trưởng của một bộ lạc (*al-Asbāt*). (Xem Q. 2:130-140)

[2] *Nabi* là một vị tiếp thu Lời Thiên khải của Allah.

إِنَّ ٱلَّذِينَ ءَامَنُوا۟ وَٱلَّذِينَ هَادُوا۟ وَٱلنَّصَٰرَىٰ وَٱلصَّٰبِـِٔينَ مَنْ
ءَامَنَ بِٱللَّهِ وَٱلْيَوْمِ ٱلْـَٔاخِرِ وَعَمِلَ صَٰلِحًا فَلَهُمْ أَجْرُهُمْ عِندَ
رَبِّهِمْ وَلَا خَوْفٌ عَلَيْهِمْ وَلَا هُمْ يَحْزَنُونَ ﴿٦٢﴾ وَإِذْ أَخَذْنَا
مِيثَٰقَكُمْ وَرَفَعْنَا فَوْقَكُمُ ٱلطُّورَ خُذُوا۟ مَآ ءَاتَيْنَٰكُم
بِقُوَّةٍ وَٱذْكُرُوا۟ مَا فِيهِ لَعَلَّكُمْ تَتَّقُونَ ﴿٦٣﴾ ثُمَّ تَوَلَّيْتُم
مِّنۢ بَعْدِ ذَٰلِكَ ۖ فَلَوْلَا فَضْلُ ٱللَّهِ عَلَيْكُمْ وَرَحْمَتُهُۥ لَكُنتُم مِّنَ
ٱلْخَٰسِرِينَ ﴿٦٤﴾ وَلَقَدْ عَلِمْتُمُ ٱلَّذِينَ ٱعْتَدَوْا۟ مِنكُمْ فِى ٱلسَّبْتِ
فَقُلْنَا لَهُمْ كُونُوا۟ قِرَدَةً خَٰسِـِٔينَ ﴿٦٥﴾ فَجَعَلْنَٰهَا نَكَٰلًا لِّمَا
بَيْنَ يَدَيْهَا وَمَا خَلْفَهَا وَمَوْعِظَةً لِّلْمُتَّقِينَ ﴿٦٦﴾ وَإِذْ قَالَ
مُوسَىٰ لِقَوْمِهِۦٓ إِنَّ ٱللَّهَ يَأْمُرُكُمْ أَن تَذْبَحُوا۟ بَقَرَةً ۖ قَالُوٓا۟
أَتَتَّخِذُنَا هُزُوًا ۖ قَالَ أَعُوذُ بِٱللَّهِ أَنْ أَكُونَ مِنَ ٱلْجَٰهِلِينَ
﴿٦٧﴾ قَالُوا۟ ٱدْعُ لَنَا رَبَّكَ يُبَيِّن لَّنَا مَا هِىَ ۚ قَالَ إِنَّهُۥ يَقُولُ إِنَّهَا
بَقَرَةٌ لَّا فَارِضٌ وَلَا بِكْرٌ عَوَانٌۢ بَيْنَ ذَٰلِكَ ۖ فَٱفْعَلُوا۟ مَا
تُؤْمَرُونَ ﴿٦٨﴾ قَالُوا۟ ٱدْعُ لَنَا رَبَّكَ يُبَيِّن لَّنَا مَا لَوْنُهَا ۚ قَالَ إِنَّهُۥ
يَقُولُ إِنَّهَا بَقَرَةٌ صَفْرَآءُ فَاقِعٌ لَّوْنُهَا تَسُرُّ ٱلنَّٰظِرِينَ ﴿٦٩﴾

62.- Quả thật, những ai tin tưởng (nơi Qur'ān) và những ai là người Do thái và tín đồ của Ki-Tô giáo và những người *Sabian*[1], ai tin tưởng nơi Allah và Ngày (Phán Xử) Cuối cùng và làm việc thiện thì sẽ có phần thưởng của họ nơi *Rabb* của họ; và họ sẽ không lo sợ cũng sẽ không buồn phiền.

63.- Và hãy nhớ lại khi *TA* (Allah) đã nhận lời Giao ước của các người và nhấc ngọn núi (tại Sinai)[2] cao khỏi đầu của các người (và phán): "Hãy nắm vững những điều *TA* đã ban cho các người (trong *Taurah*) và hãy nhớ cho kỹ những điều ghi trong đó để may ra các người sẽ trở thành người ngay chính sợ Allah."

64.- Rồi sau đó các người quay lưng làm ngơ. Nếu Allah không đặc ân và khoan dung thì chắc chắn các người đã trở thành những kẻ mất mát rồi.

65.- Và các người dư biết ai trong các người là những kẻ vi phạm (giới cấm của) Ngày Thứ bảy[3] (*Sabbath*). Bởi thế, *TA* (Allah) đã phán cho chúng: "Hãy thành loài khỉ đáng khinh!"

66.- Bởi thế, *TA* (Allah) đã dùng nó (hình phạt) để làm ngã lòng những kẻ sống vào thời đại của chúng và những ai sống sau chúng và làm một bài học cho những người ngay chính sợ Allah.

67.- Và hãy nhớ lại khi Mūsa nói với người dân của Người: "Quả thật, Allah ra lệnh cho các ngươi tế một con bò cái tơ." Họ bảo: "Phải chăng thầy mang chúng tôi ra làm trò cười hay sao?" (Mūsa) đáp: "Ta xin Allah che chở, chớ để ta thành một người ngu muội."

68.- Họ bảo: "Thầy hãy cầu xin *Rabb* của Thầy giùm chúng tôi, cho chúng tôi biết rõ nó là gì?" (Mūsa) đáp: "Ngài (Allah) phán: "Nó là một con bò cái không già lắm cũng không non lắm, cỡ tuổi trung bình. Nào, hãy làm theo điều Ngài ra lệnh."

69.- Họ bảo: "Thầy hãy cầu xin *Rabb* của Thầy giùm chúng tôi, cho chúng tôi biết rõ mầu da của nó là gì." (Mūsa) đáp: "Ngài (Allah) phán: "Nó là một con bò cái mầu da vàng hung, làm cho người xem thích thú."

---

[1] Một dân tộc trong quá khứ đã sống tại Mūsal (xứ I-rắc), tôn thờ Đấng Allah Duy nhất (*Lā ilāha ill Allah*) và đọc *Az-Zabūr* (Thi thiên của Sabian).

[2] *Tūr-as-Sinīn* Xem bảng kê các từ chuyên môn.

[3] Người dân Do thái không được phép đánh cá vào Ngày Thứ bảy (Sabbath). Tập tục này kéo dài khiến cá biển cảm thấy an toàn lội vào bờ nhô đầu lên khỏi mặt nước vào Ngày Thứ bảy. Vào các ngày khác chúng không lội vào bờ vì sợ bị bắt. Đây là một sự thử thách đối với những kẻ tham lam. Mặc dầu được những người ngay chính khuyên răn, những kẻ tham lam bất tuân và đã bắt cá vào Ngày Thứ bảy. Vì phạm giới cấm, họ đã bị Allah trừng phạt bằng cách biến họ thành loài khỉ. (Q. 7:163–166)

قَالُواْ ٱدْعُ لَنَا رَبَّكَ يُبَيِّن لَّنَا مَا هِيَ إِنَّ ٱلْبَقَرَ تَشَٰبَهَ عَلَيْنَا وَإِنَّآ
إِن شَآءَ ٱللَّهُ لَمُهْتَدُونَ ﴿٧٠﴾ قَالَ إِنَّهُۥ يَقُولُ إِنَّهَا بَقَرَةٌ لَّا ذَلُولٌ
تُثِيرُ ٱلْأَرْضَ وَلَا تَسْقِي ٱلْحَرْثَ مُسَلَّمَةٌ لَّا شِيَةَ فِيهَاۚ قَالُواْ
ٱلْـَٰٔنَ جِئْتَ بِٱلْحَقِّۚ فَذَبَحُوهَا وَمَا كَادُواْ يَفْعَلُونَ ﴿٧١﴾ وَإِذْ
قَتَلْتُمْ نَفْسًا فَٱدَّٰرَٰٔتُمْ فِيهَاۖ وَٱللَّهُ مُخْرِجٌ مَّا كُنتُمْ تَكْتُمُونَ
﴿٧٢﴾ فَقُلْنَا ٱضْرِبُوهُ بِبَعْضِهَاۚ كَذَٰلِكَ يُحْيِ ٱللَّهُ ٱلْمَوْتَىٰ وَيُرِيكُمْ
ءَايَٰتِهِۦ لَعَلَّكُمْ تَعْقِلُونَ ﴿٧٣﴾ ثُمَّ قَسَتْ قُلُوبُكُم مِّنۢ بَعْدِ ذَٰلِكَ
فَهِيَ كَٱلْحِجَارَةِ أَوْ أَشَدُّ قَسْوَةًۚ وَإِنَّ مِنَ ٱلْحِجَارَةِ لَمَا يَتَفَجَّرُ
مِنْهُ ٱلْأَنْهَٰرُۚ وَإِنَّ مِنْهَا لَمَا يَشَّقَّقُ فَيَخْرُجُ مِنْهُ ٱلْمَآءُۚ وَإِنَّ
مِنْهَا لَمَا يَهْبِطُ مِنْ خَشْيَةِ ٱللَّهِۗ وَمَا ٱللَّهُ بِغَٰفِلٍ عَمَّا تَعْمَلُونَ
﴿٧٤﴾ ۞ أَفَتَطْمَعُونَ أَن يُؤْمِنُواْ لَكُمْ وَقَدْ كَانَ فَرِيقٌ مِّنْهُمْ
يَسْمَعُونَ كَلَٰمَ ٱللَّهِ ثُمَّ يُحَرِّفُونَهُۥ مِنۢ بَعْدِ مَا عَقَلُوهُ وَهُمْ
يَعْلَمُونَ ﴿٧٥﴾ وَإِذَا لَقُواْ ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ قَالُوٓاْ ءَامَنَّا وَإِذَا
خَلَا بَعْضُهُمْ إِلَىٰ بَعْضٍ قَالُوٓاْ أَتُحَدِّثُونَهُم بِمَا فَتَحَ ٱللَّهُ
عَلَيْكُمْ لِيُحَآجُّوكُم بِهِۦ عِندَ رَبِّكُمْۚ أَفَلَا تَعْقِلُونَ ﴿٧٦﴾

الحِزْبُ ٢

70.- Họ bảo: "Thầy hãy cầu xin *Rabb* của Thầy giùm chúng tôi, cho chúng tôi biết rõ nó là gì bởi vì đối với chúng tôi các con bò cái đều giống nhau, dễ nhầm lẫn. Lần này nếu Allah muốn, chúng tôi sẽ được chỉ dẫn đúng đắn."

71.- (Mūsa) đáp: "Ngài (Allah) phán: "Nó là một con bò cái không bị bắt cầy đất cũng không dùng để kéo nước vào ruộng, khỏe mạnh và nguyên lành (không có gì khiếm khuyết cả)." Họ bảo: "Bây giờ Thầy trình bày rõ sự thật." Và họ đã tế nó nhưng hầu như không muốn làm.

72.- Và hãy nhớ lại khi các ngươi đã giết một sinh mạng nhưng cãi nhau về nó (vụ án mạng). Và Allah đưa ra (ánh sáng) điều (bí ẩn) mà các ngươi đã giấu giếm.

73.- Bởi thế, *TA* (Allah) đã phán: "Hãy đánh nó (người chết) với một bộ phận của nó (con bò cái đã tế)." Bằng cách đó, Allah làm cho người chết sống lại (và khai tên của thủ phạm trong vụ án mạng) và làm cho các ngươi thấy Dấu lạ của Ngài (Allah) để may ra các ngươi hiểu rõ (sự tình của vụ sát nhân).

74.- Rồi kể từ sau đó, quả tim (tấm lòng) của các ngươi chai cứng lại như đá hoặc cứng dữ hơn. Bởi vì, có loại đá từ đó nước suối (sông) phun ra và cũng có loại đá nứt làm hai để nước trong đó chảy ra; và cũng có những loại đá vì sợ Allah mà rơi xuống. Và Allah không làm ngơ trước những điều các ngươi làm.

75.- (Hỡi những ai có đức tin!) Phải chăng các ngươi nuôi hy vọng rằng họ (những người Do thái) sẽ tin tưởng các ngươi hay sao? Và chắc chắn một thành phần của họ (Thầy tu Do thái) đã nghe Lời phán của Allah rồi cố tình làm hỏng ý nghĩa của nó sau khi đã hiểu rõ nó trong lúc họ biết (điều họ làm).

76.- Và khi gặp những ai có đức tin, họ bảo: "Chúng tôi tin tưởng," Nhưng khi gặp riêng nhau, họ bảo: "Quí vị có cho (những người Muslim) biết những điều mà Allah đã tiết lộ cho quí vị (trong *Taurāh*) hay không để họ (người Muslim) có dịp tranh luận với quí vị về điều đó trước mặt *Rabb* của quí vị?" Thế phải chăng các người không hiểu?

أَوَلَا يَعۡلَمُونَ أَنَّ ٱللَّهَ يَعۡلَمُ مَا يُسِرُّونَ وَمَا يُعۡلِنُونَ ٧٧
وَمِنۡهُمۡ أُمِّيُّونَ لَا يَعۡلَمُونَ ٱلۡكِتَٰبَ إِلَّآ أَمَانِيَّ وَإِنۡ هُمۡ
إِلَّا يَظُنُّونَ ٧٨ فَوَيۡلٞ لِّلَّذِينَ يَكۡتُبُونَ ٱلۡكِتَٰبَ بِأَيۡدِيهِمۡ
ثُمَّ يَقُولُونَ هَٰذَا مِنۡ عِندِ ٱللَّهِ لِيَشۡتَرُواْ بِهِۦ ثَمَنٗا قَلِيلٗاۖ
فَوَيۡلٞ لَّهُم مِّمَّا كَتَبَتۡ أَيۡدِيهِمۡ وَوَيۡلٞ لَّهُم مِّمَّا يَكۡسِبُونَ
٧٩ وَقَالُواْ لَن تَمَسَّنَا ٱلنَّارُ إِلَّآ أَيَّامٗا مَّعۡدُودَةٗۚ قُلۡ
أَتَّخَذۡتُمۡ عِندَ ٱللَّهِ عَهۡدٗا فَلَن يُخۡلِفَ ٱللَّهُ عَهۡدَهُۥٓۖ أَمۡ
تَقُولُونَ عَلَى ٱللَّهِ مَا لَا تَعۡلَمُونَ ٨٠ بَلَىٰۚ مَن كَسَبَ سَيِّئَةٗ
وَأَحَٰطَتۡ بِهِۦ خَطِيٓـَٔتُهُۥ فَأُوْلَٰٓئِكَ أَصۡحَٰبُ ٱلنَّارِۖ هُمۡ
فِيهَا خَٰلِدُونَ ٨١ وَٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ وَعَمِلُواْ ٱلصَّٰلِحَٰتِ
أُوْلَٰٓئِكَ أَصۡحَٰبُ ٱلۡجَنَّةِۖ هُمۡ فِيهَا خَٰلِدُونَ ٨٢ وَإِذۡ أَخَذۡنَا
مِيثَٰقَ بَنِيٓ إِسۡرَٰٓءِيلَ لَا تَعۡبُدُونَ إِلَّا ٱللَّهَ وَبِٱلۡوَٰلِدَيۡنِ
إِحۡسَانٗا وَذِي ٱلۡقُرۡبَىٰ وَٱلۡيَتَٰمَىٰ وَٱلۡمَسَٰكِينِ وَقُولُواْ
لِلنَّاسِ حُسۡنٗا وَأَقِيمُواْ ٱلصَّلَوٰةَ وَءَاتُواْ ٱلزَّكَوٰةَ ثُمَّ
تَوَلَّيۡتُمۡ إِلَّا قَلِيلٗا مِّنكُمۡ وَأَنتُم مُّعۡرِضُونَ ٨٣

77.- Và há họ (người Do thái) không biết rằng Allah biết điều họ giấu giếm và điều họ tiết lộ?

78.- Và trong bọn họ có những tên mù chữ không biết Kinh sách là gì ngoại trừ điều mong ước hão huyền và chỉ phỏng đoán.

79.- Bởi thế, khốn nạn cho những ai đã tự tay mình viết Kinh sách rồi bảo: "Đây là Kinh sách do Allah (ban xuống)," hầu mang nó đi bán với một giá nhỏ nhoi. Bởi thế, khốn nạn cho họ về những điều mà bàn tay của họ đã viết ra và khốn nạn cho họ về cái (lợi lộc) mà họ đã kiếm được (từ đó).

80.- Và họ (người Do thái) bảo: "Lửa (của Hỏa ngục) chỉ chạm phải chúng tôi trong một số ngày nhất định." Hãy bảo họ (hỡi Muhammad!): "Phải chăng các người đã nhận từ Allah một lời Giao ước bởi vì Allah không bao giờ vi phạm Lời Giao ước của Ngài? hoặc phải chăng các người đã đổ thừa cho Allah điều mà các người không biết?"

81.- Vâng, ai chuốc tội và tội quấn lấy thân thì chắc chắn sẽ là những người bạn của Lửa; họ sẽ ở trong đó đời đời.

82.- Ngược lại, những ai có đức tin và làm việc thiện thì sẽ là những người Bạn của Thiên đàng, trong đó họ sẽ vào ở đời đời.

83.- Và hãy nhớ lại khi *TA* (Allah) đã nhận Lời Giao ước từ con cháu của Israel (phán bảo): "Các ngươi không được tôn thờ ai khác mà chỉ (tôn thờ) riêng Allah thôi và ăn ở tử tế với cha mẹ và bà con ruột thịt và các trẻ mồ côi và người thiếu thốn và ăn nói lễ độ với mọi người và chu đáo dâng lễ *Salāh* và đóng *Zakāh*; rồi các ngươi quay lưng làm ngơ trừ một thiểu số trong các ngươi và các ngươi là những kẻ sa ngã (cho đến nay)."

وَإِذْ أَخَذْنَا مِيثَٰقَكُمْ لَا تَسْفِكُونَ دِمَآءَكُمْ وَلَا تُخْرِجُونَ أَنفُسَكُم مِّن دِيَٰرِكُمْ ثُمَّ أَقْرَرْتُمْ وَأَنتُمْ تَشْهَدُونَ ٨٤ ثُمَّ أَنتُمْ هَٰٓؤُلَآءِ تَقْتُلُونَ أَنفُسَكُمْ وَتُخْرِجُونَ فَرِيقًا مِّنكُم مِّن دِيَٰرِهِمْ تَظَٰهَرُونَ عَلَيْهِم بِٱلْإِثْمِ وَٱلْعُدْوَٰنِ وَإِن يَأْتُوكُمْ أُسَٰرَىٰ تُفَٰدُوهُمْ وَهُوَ مُحَرَّمٌ عَلَيْكُمْ إِخْرَاجُهُمْ ۚ أَفَتُؤْمِنُونَ بِبَعْضِ ٱلْكِتَٰبِ وَتَكْفُرُونَ بِبَعْضٍ ۚ فَمَا جَزَآءُ مَن يَفْعَلُ ذَٰلِكَ مِنكُمْ إِلَّا خِزْىٌ فِى ٱلْحَيَوٰةِ ٱلدُّنْيَا ۖ وَيَوْمَ ٱلْقِيَٰمَةِ يُرَدُّونَ إِلَىٰٓ أَشَدِّ ٱلْعَذَابِ ۗ وَمَا ٱللَّهُ بِغَٰفِلٍ عَمَّا تَعْمَلُونَ ٨٥ أُو۟لَٰٓئِكَ ٱلَّذِينَ ٱشْتَرَوُا۟ ٱلْحَيَوٰةَ ٱلدُّنْيَا بِٱلْءَاخِرَةِ ۖ فَلَا يُخَفَّفُ عَنْهُمُ ٱلْعَذَابُ وَلَا هُمْ يُنصَرُونَ ٨٦ وَلَقَدْ ءَاتَيْنَا مُوسَى ٱلْكِتَٰبَ وَقَفَّيْنَا مِنۢ بَعْدِهِۦ بِٱلرُّسُلِ ۖ وَءَاتَيْنَا عِيسَى ٱبْنَ مَرْيَمَ ٱلْبَيِّنَٰتِ وَأَيَّدْنَٰهُ بِرُوحِ ٱلْقُدُسِ ۗ أَفَكُلَّمَا جَآءَكُمْ رَسُولٌۢ بِمَا لَا تَهْوَىٰٓ أَنفُسُكُمُ ٱسْتَكْبَرْتُمْ فَفَرِيقًا كَذَّبْتُمْ وَفَرِيقًا تَقْتُلُونَ ٨٧ وَقَالُوا۟ قُلُوبُنَا غُلْفٌۢ ۚ بَل لَّعَنَهُمُ ٱللَّهُ بِكُفْرِهِمْ فَقَلِيلًا مَّا يُؤْمِنُونَ ٨٨

84.- Và hãy nhớ lại khi *TA* (Allah) đã nhận Lời Giao ước của các ngươi (phán bảo): "Chớ làm đổ máu của các ngươi và chớ xua đuổi nhau ra khỏi nhà cửa của các ngươi rồi các ngươi long trọng xác nhận (Lời Giao ước) và các ngươi là nhân chứng (của nó)."

85.- Rồi cũng chính các ngươi lại giết hại lẫn nhau và xua đuổi một thành phần của các ngươi ra khỏi nhà của họ, tiếp tay (cho kẻ thù) chống lại họ trong tội lỗi và hận thù; và nếu họ rơi vào tay của các ngươi như tù binh thì các ngươi đòi họ chuộc mạng mặc dù các ngươi không được phép trục xuất họ. Phải chăng các ngươi chỉ tin một phần Kinh sách và phủ nhận phần còn lại? Bởi thế, phần phạt dành cho ai trong các ngươi làm điều đó không gì khác hơn là sự nhục nhã ở đời này; và vào Ngày Phục sinh, họ sẽ nhận một sự trừng phạt khủng khiếp hơn bởi vì Allah không làm ngơ trước những điều các ngươi làm.

86.- Họ là những kẻ đã mua đời này với giá của Đời sau. Bởi thế, việc trừng phạt họ sẽ không được giảm nhẹ và họ sẽ không được ai cứu giúp.

87.- Và chắc chắn *TA* (Allah) đã ban cho Mūsa[1] Kinh sách và đã cử một loạt các Sứ giả sau Người. *TA* đã ban cho *'Īsa*[2], con trai của *Maryam* những bằng chứng rõ rệt và hỗ trợ Người với Thiên Thần Jibril. Phải chăng mỗi lần một Sứ giả (của *TA*) đến gặp các ngươi mang theo điều mà bản thân của các ngươi không thích, các ngươi tỏ ra ngạo mạn? Rồi các ngươi cho một số (Sứ giả của *TA*) nói dối còn một số khác thì các ngươi đã giết đi?

88.- Và họ nói: "Quả tim của chúng tôi là những cái bọc kín (chứa Lời truyền của Allah, chúng tôi không cần thêm điều nào khác)." Không, Allah nguyền rủa họ vì tội không tin của họ. Bởi thế, điều mà họ tin tưởng thật là ít.

---

[1] Mūsa là Môi-se

[2] 'Isa là Giê-su

وَلَمَّا جَآءَهُمۡ كِتَٰبٞ مِّنۡ عِندِ ٱللَّهِ مُصَدِّقٞ لِّمَا مَعَهُمۡ
وَكَانُواْ مِن قَبۡلُ يَسۡتَفۡتِحُونَ عَلَى ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ فَلَمَّا
جَآءَهُم مَّا عَرَفُواْ كَفَرُواْ بِهِۦۚ فَلَعۡنَةُ ٱللَّهِ عَلَى ٱلۡكَٰفِرِينَ
﴿٨٩﴾ بِئۡسَمَا ٱشۡتَرَوۡاْ بِهِۦٓ أَنفُسَهُمۡ أَن يَكۡفُرُواْ بِمَآ أَنزَلَ ٱللَّهُ
بَغۡيًا أَن يُنَزِّلَ ٱللَّهُ مِن فَضۡلِهِۦ عَلَىٰ مَن يَشَآءُ مِنۡ عِبَادِهِۦۖ
فَبَآءُو بِغَضَبٍ عَلَىٰ غَضَبٖۚ وَلِلۡكَٰفِرِينَ عَذَابٞ مُّهِينٞ
﴿٩٠﴾ وَإِذَا قِيلَ لَهُمۡ ءَامِنُواْ بِمَآ أَنزَلَ ٱللَّهُ قَالُواْ نُؤۡمِنُ بِمَآ أُنزِلَ
عَلَيۡنَا وَيَكۡفُرُونَ بِمَا وَرَآءَهُۥ وَهُوَ ٱلۡحَقُّ مُصَدِّقٗا لِّمَا
مَعَهُمۡۗ قُلۡ فَلِمَ تَقۡتُلُونَ أَنۢبِيَآءَ ٱللَّهِ مِن قَبۡلُ إِن كُنتُم
مُّؤۡمِنِينَ ﴿٩١﴾ ۞ وَلَقَدۡ جَآءَكُم مُّوسَىٰ بِٱلۡبَيِّنَٰتِ ثُمَّ
ٱتَّخَذۡتُمُ ٱلۡعِجۡلَ مِنۢ بَعۡدِهِۦ وَأَنتُمۡ ظَٰلِمُونَ ﴿٩٢﴾ وَإِذۡ
أَخَذۡنَا مِيثَٰقَكُمۡ وَرَفَعۡنَا فَوۡقَكُمُ ٱلطُّورَ خُذُواْ
مَآ ءَاتَيۡنَٰكُم بِقُوَّةٖ وَٱسۡمَعُواْۖ قَالُواْ سَمِعۡنَا وَعَصَيۡنَا
وَأُشۡرِبُواْ فِي قُلُوبِهِمُ ٱلۡعِجۡلَ بِكُفۡرِهِمۡۚ قُلۡ بِئۡسَمَا
يَأۡمُرُكُم بِهِۦٓ إِيمَٰنُكُمۡ إِن كُنتُم مُّؤۡمِنِينَ ﴿٩٣﴾

ربع الحزب ٢

89.- Và khi một Kinh sách từ Allah đến với họ, xác nhận điều họ đang giữ (trong Kinh *Taurāh* và *Injīl*) và mặc dù trước đó họ đã hằng cầu nguyện cho được thắng những ai không có đức tin (với sự xuất hiện của một vị Nabi) nhưng khi điều mà họ công nhận đúng đã đến với họ thì họ lại phủ nhận. Bởi thế, Allah nguyền rủa những kẻ không có đức tin.

90.- Và tồi tệ thay điều vì nó mà họ đã bán rẻ linh hồn của họ, rằng vì lòng đố kỵ mà họ không tin nơi điều (Mặc khải) do Allah ban xuống. (Họ viện cớ nói) rằng đáng lý ra Allah với lòng ưu-ái của Ngài nên ban sự Mặc khải xuống cho ai mà Ngài muốn trong số bầy tôi của Ngài (thay vì cho Muhammad). Bởi thế, họ tự chuốc lấy sự Giận dữ này đến sự Giận dữ khác (của Allah). Và những kẻ không có đức tin sẽ nhận một sự trừng phạt nhục nhã.

91.- Và khi có lời bảo họ: "Hãy tin tưởng nơi điều Allah ban xuống (cho Muhammad)," họ đáp: "Chúng tôi tin nơi điều đã được ban xuống cho chúng tôi (trong *Taurāh*)" và họ không tin nơi điều nào khác sau Nó (*Taurāh*), trong lúc Nó (*Qur'ān*) là sự Thật xác nhận lại điều họ đang giữ. Hãy bảo họ: "Thế tại sao các ngươi đã giết các *Nabi* của Allah trước đây nếu các người thực sự có đức tin?"

92.- Và chắc chắn Mūsa đã đến gặp các ngươi với những bằng chứng rõ rệt rồi sau (khi) Người (đi vắng), các ngươi đã mang con bò con (đúc) ra thờ và các ngươi là những kẻ làm điều sai quấy.

93.- Và hãy nhớ lại khi *TA* (Allah) đã nhận Lời Giao ước của các ngươi và đã nhấc ngọn núi (ở Sinai) cao khỏi đầu của các ngươi (và phán): "Hãy nắm thật vững điều (Mặc khải) mà *TA* đã ban cho các ngươi và hãy nghe theo (Lời phán). Họ đáp: "Chúng tôi nghe nhưng chúng tôi không tuân theo." Và vì không có đức tin, nên (hình ảnh của) con bò con (đúc) đã thấm sâu vào quả tim (tấm lòng) của họ. Hãy bảo họ: "Tồi tệ thay điều mà đức tin của các ngươi đã sai bảo các ngươi (làm) nếu các ngươi tin tưởng (nơi bất cứ điều gì)."

قُلۡ إِن كَانَتۡ لَكُمُ ٱلدَّارُ ٱلۡأٓخِرَةُ عِندَ ٱللَّهِ خَالِصَةٗ مِّن
دُونِ ٱلنَّاسِ فَتَمَنَّوُاْ ٱلۡمَوۡتَ إِن كُنتُمۡ صَٰدِقِينَ ٩٤ وَلَن
يَتَمَنَّوۡهُ أَبَدَۢا بِمَا قَدَّمَتۡ أَيۡدِيهِمۡۚ وَٱللَّهُ عَلِيمُۢ بِٱلظَّٰلِمِينَ
٩٥ وَلَتَجِدَنَّهُمۡ أَحۡرَصَ ٱلنَّاسِ عَلَىٰ حَيَوٰةٖ وَمِنَ ٱلَّذِينَ أَشۡرَكُواْۚ
يَوَدُّ أَحَدُهُمۡ لَوۡ يُعَمَّرُ أَلۡفَ سَنَةٖ وَمَا هُوَ بِمُزَحۡزِحِهِۦ مِنَ
ٱلۡعَذَابِ أَن يُعَمَّرَۗ وَٱللَّهُ بَصِيرُۢ بِمَا يَعۡمَلُونَ ٩٦ قُلۡ مَن
كَانَ عَدُوّٗا لِّجِبۡرِيلَ فَإِنَّهُۥ نَزَّلَهُۥ عَلَىٰ قَلۡبِكَ بِإِذۡنِ
ٱللَّهِ مُصَدِّقٗا لِّمَا بَيۡنَ يَدَيۡهِ وَهُدٗى وَبُشۡرَىٰ لِلۡمُؤۡمِنِينَ
٩٧ مَن كَانَ عَدُوّٗا لِّلَّهِ وَمَلَٰٓئِكَتِهِۦ وَرُسُلِهِۦ وَجِبۡرِيلَ
وَمِيكَىٰلَ فَإِنَّ ٱللَّهَ عَدُوّٞ لِّلۡكَٰفِرِينَ ٩٨ وَلَقَدۡ أَنزَلۡنَآ
إِلَيۡكَ ءَايَٰتِۢ بَيِّنَٰتٖۖ وَمَا يَكۡفُرُ بِهَآ إِلَّا ٱلۡفَٰسِقُونَ ٩٩
أَوَكُلَّمَا عَٰهَدُواْ عَهۡدٗا نَّبَذَهُۥ فَرِيقٞ مِّنۡهُمۚ بَلۡ أَكۡثَرُهُمۡ
لَا يُؤۡمِنُونَ ١٠٠ وَلَمَّا جَآءَهُمۡ رَسُولٞ مِّنۡ عِندِ ٱللَّهِ مُصَدِّقٞ
لِّمَا مَعَهُمۡ نَبَذَ فَرِيقٞ مِّنَ ٱلَّذِينَ أُوتُواْ ٱلۡكِتَٰبَ
كِتَٰبَ ٱللَّهِ وَرَآءَ ظُهُورِهِمۡ كَأَنَّهُمۡ لَا يَعۡلَمُونَ ١٠١

94.- Hãy bảo họ: "Nếu nhà cửa ở Đời sau với Allah chỉ đặc biệt dành riêng cho các ngươi chứ không cho ai khác trong nhân loại, thì hãy mong cho được chết sớm đi nếu các ngươi nói thật."

95.- Và nhất định họ sẽ không bao giờ mong được chết sớm bởi vì (họ sợ) những điều (tội lỗi) mà bàn tay của họ đã gởi đi trước và Allah biết rõ những kẻ làm điều sai quấy.

96.- Và chắc chắn Ngươi sẽ thấy trong loài người, họ là những kẻ tham sống nhất, (tham sống) hơn cả người dân đa thần. Mỗi một người của họ đều ao ước được sống thọ bằng một ngàn năm nhưng tuổi thọ đó chẳng cứu được họ thoát khỏi sự trừng phạt của Allah bởi vì Allah là Đấng hằng thấy những điều (tội lỗi) mà họ đã làm.

97.- Hãy bảo họ (hỡi Muhammad!): "Ai là kẻ thù của (Thiên thần) *Jibrīl* bởi vì Người (*Jibrīl*) mang Nó (Qur'ān) xuống đặt vào tấm lòng của Ngươi theo phép của Allah? Nhằm xác nhận những điều đã được ban xuống trước, vừa là một Chỉ đạo vừa là một Tin mừng cho những người có đức tin.

98.- Ai là kẻ thù của Allah và của các Thiên thần và của các Sứ giả (của Allah) và của (Thiên thần) *Jibrīl* và của (Thiên thần) *Mikā-īl*, thì Allah là kẻ thù của những kẻ không có đức tin đó."

99.- Và chắc chắn *TA* (Allah) đã ban xuống cho Ngươi (Muhammad) các Câu kinh rõ rệt nhưng chỉ những kẻ dấy loạn, bất tuân mới không tin.

100.- Phải chăng mỗi lần họ giao ước một lời cam kết nào thì một thành phần của họ quẳng nó sang một bên? Không, đa số bọn họ không có đức tin.

101.- Và mỗi lần một Sứ giả của Allah đến gặp họ để xác nhận lại điều họ đang giữ thì một thành phần của những kẻ đã được ban cho Kinh sách (người Do Thái và tín đồ Thiên Chúa giáo) đã quẳng Kinh sách của Allah ra sau lưng, làm như họ không hay biết gì cả!

وَٱتَّبَعُوا۟ مَا تَتْلُوا۟ ٱلشَّيَٰطِينُ عَلَىٰ مُلْكِ سُلَيْمَٰنَ ۖ وَمَا كَفَرَ سُلَيْمَٰنُ وَلَٰكِنَّ ٱلشَّيَٰطِينَ كَفَرُوا۟ يُعَلِّمُونَ ٱلنَّاسَ ٱلسِّحْرَ وَمَآ أُنزِلَ عَلَى ٱلْمَلَكَيْنِ بِبَابِلَ هَٰرُوتَ وَمَٰرُوتَ ۚ وَمَا يُعَلِّمَانِ مِنْ أَحَدٍ حَتَّىٰ يَقُولَآ إِنَّمَا نَحْنُ فِتْنَةٌ فَلَا تَكْفُرْ ۖ فَيَتَعَلَّمُونَ مِنْهُمَا مَا يُفَرِّقُونَ بِهِۦ بَيْنَ ٱلْمَرْءِ وَزَوْجِهِۦ ۚ وَمَا هُم بِضَآرِّينَ بِهِۦ مِنْ أَحَدٍ إِلَّا بِإِذْنِ ٱللَّهِ ۚ وَيَتَعَلَّمُونَ مَا يَضُرُّهُمْ وَلَا يَنفَعُهُمْ ۚ وَلَقَدْ عَلِمُوا۟ لَمَنِ ٱشْتَرَىٰهُ مَا لَهُۥ فِى ٱلْءَاخِرَةِ مِنْ خَلَٰقٍ ۚ وَلَبِئْسَ مَا شَرَوْا۟ بِهِۦٓ أَنفُسَهُمْ ۚ لَوْ كَانُوا۟ يَعْلَمُونَ ﴿١٠٢﴾ وَلَوْ أَنَّهُمْ ءَامَنُوا۟ وَٱتَّقَوْا۟ لَمَثُوبَةٌ مِّنْ عِندِ ٱللَّهِ خَيْرٌ ۖ لَّوْ كَانُوا۟ يَعْلَمُونَ ﴿١٠٣﴾ يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُوا۟ لَا تَقُولُوا۟ رَٰعِنَا وَقُولُوا۟ ٱنظُرْنَا وَٱسْمَعُوا۟ ۗ وَلِلْكَٰفِرِينَ عَذَابٌ أَلِيمٌ ﴿١٠٤﴾ مَّا يَوَدُّ ٱلَّذِينَ كَفَرُوا۟ مِنْ أَهْلِ ٱلْكِتَٰبِ وَلَا ٱلْمُشْرِكِينَ أَن يُنَزَّلَ عَلَيْكُم مِّنْ خَيْرٍ مِّن رَّبِّكُمْ ۗ وَٱللَّهُ يَخْتَصُّ بِرَحْمَتِهِۦ مَن يَشَآءُ ۚ وَٱللَّهُ ذُو ٱلْفَضْلِ ٱلْعَظِيمِ ﴿١٠٥﴾

102.- Ngược lại, họ nghe theo những điều mà những tên *Shaytān* đã đọc (lệch lạc) về quyền lực của *Sulaymān*. *Sulaymān* đã không phủ nhận đức tin; ngược lại, chỉ những tên *Shaytān* mới không tin tưởng: Chúng dạy loài người pháp thuật đã được ban xuống cho hai Thiên thần *Hārūt* và *Mārūt* tại *Bābil* (Ba-bi-lôn). Nhưng hai (Thiên thần) này không dạy (pháp thuật) cho một ai mà không bảo trước: "Chúng tôi đây chỉ là một sự cám dỗ (để thử thách quí vị); do đó chớ phủ nhận đức tin." Tuy nhiên, họ vẫn học từ hai vị Thiên thần đó những điều (pháp thuật) mà họ dùng để làm chia ly cặp vợ chồng. Và họ không hại được một ai trừ phi có phép của Allah. Và họ học hỏi điều làm thiệt thân họ chứ không làm lợi gì cho họ. Bởi vì họ biết chắc rằng ai mua bán pháp thuật thì sẽ không được hưởng một phần (tốt) nào ở Đời sau. Và tồi tệ thay giá cả (tiền bạc) vì nó mà họ đã bán rẻ linh hồn của họ. Phải chi họ biết điều đó!

103.- Và nếu họ có đức tin và sợ Allah thì chắc chắn phần thưởng từ Allah sẽ tốt hơn nhiều. Phải chi họ biết điều đó!

104.- Hỡi những ai có niềm tin! Chớ dùng tiếng *Rā'inā* (mà xưng hô với Sứ Giả của Allah) mà nên dùng tiếng *Unzurnā*[1] (để xưng hô với Người) và hãy chú ý nghe Người (dạy). Và những kẻ không có đức tin sẽ bị trừng phạt đau đớn (vì tội phạm thượng đối với Sứ giả của Allah).

105.- Những kẻ không có đức tin, dù đó là thành phần của Người dân Kinh sách[2] hay là Người dân đa thần đều không muốn một điều tốt nào từ *Rabb* (Allah) của các người được ban xuống cho các người. Nhưng do lòng Khoan dung của Ngài, Allah chọn người nào Ngài muốn (để phục vụ Ngài) bởi vì Allah là Chủ nhân của Thiên ân vĩ đại.

---

[1] *Rā'inā* có nghĩa 'hãy lắng nghe chúng tôi' và *ra'ina* có ý khùng điên, ngu muội'. *Unzurnā* có nghĩa hãy đợi chúng tôi. Người dân Do thái vốn có ác cảm với Thiên sứ Muhammad (saw) nên đã uốn lưỡi nói *ra'ina* thay vì *rā'inā* để nhạo báng Thiên sứ. (Q. 4:46) Vì thế, Allah bảo các tín đồ nên dùng tiếng *Unzurnā* thay cho *Rā'inā*.

[2] *Ahl al-Kitāb* tức Người dân Kinh sách ám chỉ người dân Do thái và tín đồ Thiên chúa giáo.

۞ مَا نَنسَخۡ مِنۡ ءَايَةٍ أَوۡ نُنسِهَا نَأۡتِ بِخَيۡرٖ مِّنۡهَآ أَوۡ مِثۡلِهَآۗ
أَلَمۡ تَعۡلَمۡ أَنَّ ٱللَّهَ عَلَىٰ كُلِّ شَيۡءٖ قَدِيرٌ ١٠٦ أَلَمۡ تَعۡلَمۡ أَنَّ
ٱللَّهَ لَهُۥ مُلۡكُ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضِۗ وَمَا لَكُم مِّن دُونِ
ٱللَّهِ مِن وَلِيّٖ وَلَا نَصِيرٍ ١٠٧ أَمۡ تُرِيدُونَ أَن تَسۡـَٔلُواْ رَسُولَكُمۡ
كَمَا سُئِلَ مُوسَىٰ مِن قَبۡلُۗ وَمَن يَتَبَدَّلِ ٱلۡكُفۡرَ بِٱلۡإِيمَٰنِ
فَقَدۡ ضَلَّ سَوَآءَ ٱلسَّبِيلِ ١٠٨ وَدَّ كَثِيرٞ مِّنۡ أَهۡلِ ٱلۡكِتَٰبِ
لَوۡ يَرُدُّونَكُم مِّنۢ بَعۡدِ إِيمَٰنِكُمۡ كُفَّارًا حَسَدٗا
مِّنۡ عِندِ أَنفُسِهِم مِّنۢ بَعۡدِ مَا تَبَيَّنَ لَهُمُ ٱلۡحَقُّۖ فَٱعۡفُواْ
وَٱصۡفَحُواْ حَتَّىٰ يَأۡتِيَ ٱللَّهُ بِأَمۡرِهِۦٓۗ إِنَّ ٱللَّهَ عَلَىٰ كُلِّ شَيۡءٖ
قَدِيرٞ ١٠٩ وَأَقِيمُواْ ٱلصَّلَوٰةَ وَءَاتُواْ ٱلزَّكَوٰةَۚ وَمَا تُقَدِّمُواْ
لِأَنفُسِكُم مِّنۡ خَيۡرٖ تَجِدُوهُ عِندَ ٱللَّهِۗ إِنَّ ٱللَّهَ بِمَا تَعۡمَلُونَ
بَصِيرٞ ١١٠ وَقَالُواْ لَن يَدۡخُلَ ٱلۡجَنَّةَ إِلَّا مَن كَانَ هُودًا
أَوۡ نَصَٰرَىٰۗ تِلۡكَ أَمَانِيُّهُمۡۗ قُلۡ هَاتُواْ بُرۡهَٰنَكُمۡ إِن كُنتُمۡ
صَٰدِقِينَ ١١١ بَلَىٰۚ مَنۡ أَسۡلَمَ وَجۡهَهُۥ لِلَّهِ وَهُوَ مُحۡسِنٞ فَلَهُۥٓ
أَجۡرُهُۥ عِندَ رَبِّهِۦ وَلَا خَوۡفٌ عَلَيۡهِمۡ وَلَا هُمۡ يَحۡزَنُونَ ١١٢

106.- Bất cứ một Câu kinh nào *TA* (Allah) hủy bỏ hoặc làm cho quên đi thì sẽ được *TA* thay thế bằng một Câu kinh tốt hơn hoặc tương đương với nó. Há ngươi (hỡi người!) không biết rằng Allah có quyền trên tất cả mọi việc hay sao?

107.- Há ngươi (hỡi người!) không biết rằng Allah cai trị các tầng trời và trái đất hay sao? Và ngoài Ngài ra, các ngươi không có một vị Bảo hộ hay một vị Cứu tinh nào khác.

108.- Phải chăng các ngươi muốn vặn hỏi Sứ giả (Muhammad) của các ngươi giống như (Sứ giả) Mūsa đã bị (các tín đồ của Người) vặn hỏi trước đây hay sao? Và ai thay đổi từ chỗ có đức tin sang chỗ không tin thì chắc chắn sẽ đi lạc khỏi Chính đạo (*Islām*) êm ả.

109.- Đa số trong đám Người dân Kinh sách, do lòng ganh tị, muốn làm cho các ngươi trở lại (tình trạng) mất đức tin sau khi các ngươi đã có đức tin và sau khi họ đã chứng kiến rõ sự thật. Bởi thế, hãy lượng thứ và bỏ qua cho họ cho đến khi nào Allah ban hành Mệnh lệnh của Ngài xuống. Và quả thật, Allah có toàn quyền định đoạt trên tất cả mọi vấn đề.

110.- Và hãy chu đáo dâng lễ *Salāh* và đóng *Zakāh* và bất cứ điều (tốt) nào các ngươi đã gởi đi trước cho bản thân của các ngươi (ở Đời sau), các ngươi sẽ tìm thấy nó lại nơi Allah bởi vì chắc chắn Allah thấy hết những điều tốt mà các ngươi đã làm.

111.- Và họ bảo: "Chỉ người Do thái và người theo Thiên Chúa giáo mới được vào Thiên đàng." Đấy chẳng qua là điều mơ ước (hão huyền) của họ. Hãy bảo (họ): "Hãy trưng các bằng chứng của các ngươi ra xem nếu các ngươi nói thật."

112.- Vâng, bất cứ ai nạp trọn sắc diện của mình cho Allah đồng thời là một người làm tốt thì sẽ được phần thưởng nơi *Rabb* của y. Họ sẽ không lo sợ cũng sẽ không buồn phiền.

وَقَالَتِ ٱلۡيَهُودُ لَيۡسَتِ ٱلنَّصَٰرَىٰ عَلَىٰ شَيۡءٖ وَقَالَتِ ٱلنَّصَٰرَىٰ
لَيۡسَتِ ٱلۡيَهُودُ عَلَىٰ شَيۡءٖ وَهُمۡ يَتۡلُونَ ٱلۡكِتَٰبَۗ كَذَٰلِكَ
قَالَ ٱلَّذِينَ لَا يَعۡلَمُونَ مِثۡلَ قَوۡلِهِمۡۚ فَٱللَّهُ يَحۡكُمُ بَيۡنَهُمۡ
يَوۡمَ ٱلۡقِيَٰمَةِ فِيمَا كَانُواْ فِيهِ يَخۡتَلِفُونَ ١١٣ وَمَنۡ أَظۡلَمُ مِمَّن
مَّنَعَ مَسَٰجِدَ ٱللَّهِ أَن يُذۡكَرَ فِيهَا ٱسۡمُهُۥ وَسَعَىٰ فِي خَرَابِهَآۚ
أُوْلَٰٓئِكَ مَا كَانَ لَهُمۡ أَن يَدۡخُلُوهَآ إِلَّا خَآئِفِينَۚ لَهُمۡ فِي
ٱلدُّنۡيَا خِزۡيٞ وَلَهُمۡ فِي ٱلۡأٓخِرَةِ عَذَابٌ عَظِيمٞ ١١٤ وَلِلَّهِ ٱلۡمَشۡرِقُ
وَٱلۡمَغۡرِبُۚ فَأَيۡنَمَا تُوَلُّواْ فَثَمَّ وَجۡهُ ٱللَّهِۚ إِنَّ ٱللَّهَ وَٰسِعٌ عَلِيمٞ ١١٥
وَقَالُواْ ٱتَّخَذَ ٱللَّهُ وَلَدٗاۗ سُبۡحَٰنَهُۥۖ بَل لَّهُۥ مَا فِي ٱلسَّمَٰوَٰتِ
وَٱلۡأَرۡضِۖ كُلّٞ لَّهُۥ قَٰنِتُونَ ١١٦ بَدِيعُ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضِۖ
وَإِذَا قَضَىٰٓ أَمۡرٗا فَإِنَّمَا يَقُولُ لَهُۥ كُن فَيَكُونُ ١١٧ وَقَالَ
ٱلَّذِينَ لَا يَعۡلَمُونَ لَوۡلَا يُكَلِّمُنَا ٱللَّهُ أَوۡ تَأۡتِينَآ ءَايَةٞۗ
كَذَٰلِكَ قَالَ ٱلَّذِينَ مِن قَبۡلِهِم مِّثۡلَ قَوۡلِهِمۡۘ تَشَٰبَهَتۡ
قُلُوبُهُمۡۗ قَدۡ بَيَّنَّا ٱلۡأٓيَٰتِ لِقَوۡمٖ يُوقِنُونَ ١١٨ إِنَّآ أَرۡسَلۡنَٰكَ
بِٱلۡحَقِّ بَشِيرٗا وَنَذِيرٗاۖ وَلَا تُسۡـَٔلُ عَنۡ أَصۡحَٰبِ ٱلۡجَحِيمِ ١١٩

113.- Và những người Do thái bảo: "Các tín đồ Thiên Chúa giáo chẳng dựa vào cái gì (để làm cơ sở); và những tín đồ Thiên Chúa giáo bảo: "Những người Do thái chẳng dựa vào cái gì (để làm cơ sở) trong lúc họ đọc chung một Kinh sách. Tương tự như thế, những kẻ không biết gì cũng nói ra lời giống như lời của họ. Nhưng vào Ngày Phục sinh, Allah sẽ xét xử giữa bọn họ về những điều họ đã từng tranh chấp.

114.- Và còn ai sai quấy hơn kẻ đã ngăn cản (nơi) Thánh đường của Allah không cho tên của Ngài được tụng niệm trong đó và còn tích cực tìm cách đập phá chúng (những thánh đường)? Đối với những kẻ như thế thì chỉ có cách làm cho chúng sợ khi chúng muốn bước vào thánh đường. Chúng sẽ bị hạ nhục ở đời này và sẽ bị trừng phạt nặng nề ở Đời sau.

115.- Và hướng đông và hướng tây là của Allah. Bởi thế, khi các ngươi quay mặt về hướng nào thì Allah hiện diện nơi đó. Bởi vì quả thật, Allah Bao la, Biết hết (mọi việc).

116.- Và họ bảo: "Allah có một đứa con trai." Quang vinh và trong sạch thay Ngài! Không, mọi vật trong các tầng trời và trái đất đều là (những tạo vật) của Ngài cả. Mọi vật đều thần phục Ngài.

117.- (Allah là) Đấng sáng tạo các tầng trời và trái đất; và khi Ngài quyết định một việc (vật), Ngài chỉ phán bảo: "Hãy thành" thì nó sẽ thành (theo Ý Ngài muốn).

118.- Và những kẻ không biết gì nói: "Tại sao Allah không trực tiếp nói chuyện với bọn ta? hoặc tại sao không có một Lời mặc khải nào được mang đến cho bọn ta?" Tương tự như thế, những kẻ (không có đức tin) trước họ cũng đã nói ra những lời giống như lời của họ. Tấm lòng của họ giống nhau. Chắc chắn *TA* (Allah) đã trình bày rõ những Lời Mặc khải cho đám người có đức tin vững chắc.

119.- Và chắc chắn *TA* (Allah) cử Ngươi (Muhammad) đến làm một người mang Tin mừng và Cảnh cáo bằng sự thật. Và Ngươi sẽ không bị chất vấn về (tội lỗi của) những người bạn của Hỏa ngục.

وَلَن تَرۡضَىٰ عَنكَ ٱلۡيَهُودُ وَلَا ٱلنَّصَٰرَىٰ حَتَّىٰ تَتَّبِعَ مِلَّتَهُمۡۗ قُلۡ
إِنَّ هُدَى ٱللَّهِ هُوَ ٱلۡهُدَىٰۗ وَلَئِنِ ٱتَّبَعۡتَ أَهۡوَآءَهُم بَعۡدَ ٱلَّذِي
جَآءَكَ مِنَ ٱلۡعِلۡمِ مَا لَكَ مِنَ ٱللَّهِ مِن وَلِيّٖ وَلَا نَصِيرٍ ﴿١٢٠﴾ ٱلَّذِينَ
ءَاتَيۡنَٰهُمُ ٱلۡكِتَٰبَ يَتۡلُونَهُۥ حَقَّ تِلَاوَتِهِۦٓ أُوْلَٰٓئِكَ يُؤۡمِنُونَ بِهِۦۗ وَمَن
يَكۡفُرۡ بِهِۦ فَأُوْلَٰٓئِكَ هُمُ ٱلۡخَٰسِرُونَ ﴿١٢١﴾ يَٰبَنِيٓ إِسۡرَٰٓءِيلَ ٱذۡكُرُواْ نِعۡمَتِيَ
ٱلَّتِيٓ أَنۡعَمۡتُ عَلَيۡكُمۡ وَأَنِّي فَضَّلۡتُكُمۡ عَلَى ٱلۡعَٰلَمِينَ ﴿١٢٢﴾ وَٱتَّقُواْ يَوۡمٗا
لَّا تَجۡزِي نَفۡسٌ عَن نَّفۡسٖ شَيۡـٔٗا وَلَا يُقۡبَلُ مِنۡهَا عَدۡلٞ وَلَا تَنفَعُهَا
شَفَٰعَةٞ وَلَا هُمۡ يُنصَرُونَ ﴿١٢٣﴾ ۞ وَإِذِ ٱبۡتَلَىٰٓ إِبۡرَٰهِـۧمَ رَبُّهُۥ بِكَلِمَٰتٖ
فَأَتَمَّهُنَّۖ قَالَ إِنِّي جَاعِلُكَ لِلنَّاسِ إِمَامٗاۖ قَالَ وَمِن ذُرِّيَّتِيۖ قَالَ
لَا يَنَالُ عَهۡدِي ٱلظَّٰلِمِينَ ﴿١٢٤﴾ وَإِذۡ جَعَلۡنَا ٱلۡبَيۡتَ مَثَابَةٗ لِّلنَّاسِ
وَأَمۡنٗا وَٱتَّخِذُواْ مِن مَّقَامِ إِبۡرَٰهِـۧمَ مُصَلّٗىۖ وَعَهِدۡنَآ إِلَىٰٓ إِبۡرَٰهِـۧمَ
وَإِسۡمَٰعِيلَ أَن طَهِّرَا بَيۡتِيَ لِلطَّآئِفِينَ وَٱلۡعَٰكِفِينَ وَٱلرُّكَّعِ ٱلسُّجُودِ
﴿١٢٥﴾ وَإِذۡ قَالَ إِبۡرَٰهِـۧمُ رَبِّ ٱجۡعَلۡ هَٰذَا بَلَدًا ءَامِنٗا وَٱرۡزُقۡ أَهۡلَهُۥ
مِنَ ٱلثَّمَرَٰتِ مَنۡ ءَامَنَ مِنۡهُم بِٱللَّهِ وَٱلۡيَوۡمِ ٱلۡأٓخِرِۚ قَالَ وَمَن كَفَرَ
فَأُمَتِّعُهُۥ قَلِيلٗا ثُمَّ أَضۡطَرُّهُۥٓ إِلَىٰ عَذَابِ ٱلنَّارِۖ وَبِئۡسَ ٱلۡمَصِيرُ ﴿١٢٦﴾

ثلاثة أرباع الحزب ٢

120.- Và những người Do thái lẫn tín đồ Thiên Chúa giáo sẽ không bao giờ hài lòng với Ngươi trừ phi Ngươi theo tín ngưỡng của họ. Hãy bảo họ: "Quả thật, Chỉ đạo của Allah mới là sự Hướng dẫn (duy nhất và đúng đắn.)" Và nếu Ngươi làm theo điều mong muốn của họ sau khi Ngươi đã tiếp thu sự hiểu biết (về Chỉ đạo của Allah) thì Ngươi sẽ không được ai che chở hoặc giúp đỡ để tránh khỏi (sự trừng phạt của) Allah.

121.- Những ai đã được *TA* (Allah) ban cho Kinh sách nên đọc Nó (Kinh sách) theo lẽ mà Nó phải được đọc, họ sẽ tin nơi Nó. Ngược lại, ai không tin nơi Nó thì sẽ là những kẻ mất mát.

122.- Hỡi con cháu của Israel! Hãy nhớ những Ân huệ mà *TA* (Allah) đã ban cho các ngươi và việc *TA* đã ưu đãi các ngươi hơn thiên hạ.

123.- Và hãy sợ một Ngày mà không một linh hồn nào sẽ đền bồi cho một linh hồn nào khác và sẽ không có một sự bồi thường nào được chấp nhận từ nó và sẽ không có ai được can thiệp giùm cho ai và cũng sẽ không có ai giúp đỡ được ai.

124.- Và hãy nhớ lại khi *Ibrāhīm* đã được *Rabb* của Người thử thách bằng những Mệnh-lệnh mà Người đã hoàn tất mỹ mãn. (Bởi thế, Allah đã) phán: "TA sẽ cử Ngươi làm một nhà lãnh đạo cho nhân loại." (*Ibrāhīm* kèo nài) thưa: "Và từ con cháu của bề tôi nữa." (Allah) đáp: "Lời hứa của TA không can hệ gì đến những kẻ làm điều sai quấy."

125.- Và hãy nhớ lại khi *TA* (Allah) đã chỉ định Ngôi đền (*Ka'bah*) làm một nơi an toàn cho thiên hạ tới lui thăm viếng và (phán cho các khách viếng): "Hãy lấy chỗ đứng của *Ibrāhīm* làm địa điểm dâng lễ cầu nguyện" và *TA* đã bắt *Ibrāhīm* và *Ismā'īl* (con trai của Người) cam kết phải giữ Ngôi đền của TA cho trong sạch (để khách thập phương đến thăm và) đi vòng quanh Nó và cho những người lánh trần và cho những người (đến) cúi đầu (thần phục) và cho những người đến phủ phục (lễ nguyện)."

126.- Và hãy nhớ lại khi Ibrāhim (cầu nguyện) thưa: "Lạy *Rabb* của bề tôi! Xin Ngài làm cho thành phố (Makkah) này an toàn và nuôi sống dân cư của nó với hoa quả, (nuôi) người nào trong bọn chúng tin tưởng nơi Allah và Ngày (Phán xử) Cuối cùng." (Allah) phán: "Và ai không có đức tin thì TA sẽ cho (y) hưởng thụ ngắn ngủi rồi TA sẽ lôi đầu y đến chỗ trừng phạt của Hỏa ngục; và đó là một nơi đến cuối cùng tồi tệ nhất."

وَإِذۡ يَرۡفَعُ إِبۡرَٰهِـۧمُ ٱلۡقَوَاعِدَ مِنَ ٱلۡبَيۡتِ وَإِسۡمَٰعِيلُ رَبَّنَا تَقَبَّلۡ
مِنَّآۖ إِنَّكَ أَنتَ ٱلسَّمِيعُ ٱلۡعَلِيمُ ١٢٧ رَبَّنَا وَٱجۡعَلۡنَا مُسۡلِمَيۡنِ
لَكَ وَمِن ذُرِّيَّتِنَآ أُمَّةٗ مُّسۡلِمَةٗ لَّكَ وَأَرِنَا مَنَاسِكَنَا وَتُبۡ عَلَيۡنَآۖ
إِنَّكَ أَنتَ ٱلتَّوَّابُ ٱلرَّحِيمُ ١٢٨ رَبَّنَا وَٱبۡعَثۡ فِيهِمۡ رَسُولٗا مِّنۡهُمۡ
يَتۡلُواْ عَلَيۡهِمۡ ءَايَٰتِكَ وَيُعَلِّمُهُمُ ٱلۡكِتَٰبَ وَٱلۡحِكۡمَةَ
وَيُزَكِّيهِمۡۖ إِنَّكَ أَنتَ ٱلۡعَزِيزُ ٱلۡحَكِيمُ ١٢٩ وَمَن يَرۡغَبُ عَن مِّلَّةِ
إِبۡرَٰهِـۧمَ إِلَّا مَن سَفِهَ نَفۡسَهُۥۚ وَلَقَدِ ٱصۡطَفَيۡنَٰهُ فِي ٱلدُّنۡيَاۖ
وَإِنَّهُۥ فِي ٱلۡأٓخِرَةِ لَمِنَ ٱلصَّٰلِحِينَ ١٣٠ إِذۡ قَالَ لَهُۥ رَبُّهُۥٓ أَسۡلِمۡۖ
قَالَ أَسۡلَمۡتُ لِرَبِّ ٱلۡعَٰلَمِينَ ١٣١ وَوَصَّىٰ بِهَآ إِبۡرَٰهِـۧمُ بَنِيهِ
وَيَعۡقُوبُ يَٰبَنِيَّ إِنَّ ٱللَّهَ ٱصۡطَفَىٰ لَكُمُ ٱلدِّينَ فَلَا تَمُوتُنَّ
إِلَّا وَأَنتُم مُّسۡلِمُونَ ١٣٢ أَمۡ كُنتُمۡ شُهَدَآءَ إِذۡ حَضَرَ يَعۡقُوبَ
ٱلۡمَوۡتُ إِذۡ قَالَ لِبَنِيهِ مَا تَعۡبُدُونَ مِنۢ بَعۡدِيۖ قَالُواْ نَعۡبُدُ
إِلَٰهَكَ وَإِلَٰهَ ءَابَآئِكَ إِبۡرَٰهِـۧمَ وَإِسۡمَٰعِيلَ وَإِسۡحَٰقَ إِلَٰهٗا
وَٰحِدٗا وَنَحۡنُ لَهُۥ مُسۡلِمُونَ ١٣٣ تِلۡكَ أُمَّةٞ قَدۡ خَلَتۡۖ لَهَا مَا كَسَبَتۡ
وَلَكُم مَّا كَسَبۡتُمۡۖ وَلَا تُسۡـَٔلُونَ عَمَّا كَانُواْ يَعۡمَلُونَ ١٣٤

127.- Và hãy nhớ lại khi *Ibrāhīm* và *Ismā'īl* xây móng của Ngôi đền (và cầu nguyện): "Lạy *Rabb* chúng tôi! Xin Ngài chấp nhận (việc làm này) từ chúng tôi, bởi vì Ngài là Đấng Hằng nghe và Hằng biết (hết mọi việc)."

128.- "Lạy *Rabb* chúng tôi! Xin Ngài làm cho chúng tôi thành hai người *Muslim* (thần phục) Ngài và tạo một *Ummah* (Cộng đồng) *Muslim* của Ngài từ con cháu của chúng tôi và chỉ cho chúng tôi những nghi lễ bắt buộc và lượng thứ cho chúng tôi bởi vì chắc chắn Ngài là Đấng Hằng Lượng thứ, Rất mực Khoan dung.

129.- "Lạy *Rabb* chúng tôi! Xin Ngài dựng lên trong chúng (con cháu của chúng tôi) một Sứ giả (xuất thân) từ chúng. Người sẽ đọc các Lời Mặc khải của Ngài cho chúng và sẽ dạy chúng Kinh sách và Lẽ Đúng đắn Khôn ngoan; và Người sẽ thanh sạch hóa chúng. Quả thật, Ngài là Đấng Toàn năng, Đấng Rất mực Sáng suốt."

130.- Và chỉ ai tự lừa dối bản thân (linh hồn) mình mới bỏ tín ngưỡng của Ibrāhim bởi vì *TA* (Allah) đã chọn Người (làm một nhà lãnh đạo) ở trần gian này; và ở Đời sau chắc chắn Người sẽ ở trong hàng ngũ của những người lương thiện.

131.- Và hãy nhớ lại khi *Rabb* của Người (Ibrāhīm) đã phán bảo Người: "Hãy thần phục (Ta!)" (Ibrāhīm) thưa: "Bề tôi xin nạp mình thần phục *Rabb* (Allah) của vũ trụ và muôn loài."

132.- Và *Ibrāhīm* đã truyền bảo điều đó cho các con của Người; và *Ya'qub* cũng làm y như thế, dặn các con: "Này các con! Quả thật, Allah đã chọn **Dīn** (*Islām*) cho các con; bởi thế các con chỉ chết trong tình trạng các con là những người Muslim (thần phục Allah).

133.- Phải chăng các ngươi (hỡi con cháu của Israel!) đã chứng kiến cảnh *Ya'qub* sắp từ trần khi Người bảo các con của Người: "Các con sẽ thờ phụng ai (cái gì) sau (khi) ta (mất?)" (Các con) thưa: "Chúng con sẽ thờ phụng Thượng Đế của cha và Thượng Đế của tổ tiên của cha: *Ibrahim, Ismā'il* và *Ishāq*, một Thượng Đế Duy-nhất; và chúng con là những người Muslim (thần phục Allah)."

134.- Đó là một *Ummah* (Cộng đồng) đã vĩnh viễn ra đi. Họ sẽ hưởng thành quả mà họ đã làm ra còn các ngươi thì về phần công lao của các ngươi. Các ngươi sẽ không bị chất vấn về những công việc mà họ đã làm.

وَقَالُواْ كُونُواْ هُودًا أَوْ نَصَٰرَىٰ تَهْتَدُواْۗ قُلْ بَلْ مِلَّةَ إِبْرَٰهِـۧمَ حَنِيفًاۖ وَمَا كَانَ مِنَ ٱلْمُشْرِكِينَ ١٣٥ قُولُوٓاْ ءَامَنَّا بِٱللَّهِ وَمَآ أُنزِلَ إِلَيْنَا وَمَآ أُنزِلَ إِلَىٰٓ إِبْرَٰهِـۧمَ وَإِسْمَٰعِيلَ وَإِسْحَٰقَ وَيَعْقُوبَ وَٱلْأَسْبَاطِ وَمَآ أُوتِيَ مُوسَىٰ وَعِيسَىٰ وَمَآ أُوتِيَ ٱلنَّبِيُّونَ مِن رَّبِّهِمْ لَا نُفَرِّقُ بَيْنَ أَحَدٍ مِّنْهُمْ وَنَحْنُ لَهُۥ مُسْلِمُونَ ١٣٦ فَإِنْ ءَامَنُواْ بِمِثْلِ مَآ ءَامَنتُم بِهِۦ فَقَدِ ٱهْتَدَواْۖ وَّإِن تَوَلَّوْاْ فَإِنَّمَا هُمْ فِي شِقَاقٍۖ فَسَيَكْفِيكَهُمُ ٱللَّهُۚ وَهُوَ ٱلسَّمِيعُ ٱلْعَلِيمُ ١٣٧ صِبْغَةَ ٱللَّهِ وَمَنْ أَحْسَنُ مِنَ ٱللَّهِ صِبْغَةًۖ وَنَحْنُ لَهُۥ عَٰبِدُونَ ١٣٨ قُلْ أَتُحَآجُّونَنَا فِي ٱللَّهِ وَهُوَ رَبُّنَا وَرَبُّكُمْ وَلَنَآ أَعْمَٰلُنَا وَلَكُمْ أَعْمَٰلُكُمْ وَنَحْنُ لَهُۥ مُخْلِصُونَ ١٣٩ أَمْ تَقُولُونَ إِنَّ إِبْرَٰهِـۧمَ وَإِسْمَٰعِيلَ وَإِسْحَٰقَ وَيَعْقُوبَ وَٱلْأَسْبَاطَ كَانُواْ هُودًا أَوْ نَصَٰرَىٰۗ قُلْ ءَأَنتُمْ أَعْلَمُ أَمِ ٱللَّهُۗ وَمَنْ أَظْلَمُ مِمَّن كَتَمَ شَهَٰدَةً عِندَهُۥ مِنَ ٱللَّهِۗ وَمَا ٱللَّهُ بِغَٰفِلٍ عَمَّا تَعْمَلُونَ ١٤٠ تِلْكَ أُمَّةٌ قَدْ خَلَتْۖ لَهَا مَا كَسَبَتْ وَلَكُم مَّا كَسَبْتُمْۖ وَلَا تُسْـَٔلُونَ عَمَّا كَانُواْ يَعْمَلُونَ ١٤١

135.- Và họ nói: "Hãy trở thành người Do Thái hay thành tín đồ Thiên Chúa giáo nếu muốn được hướng dẫn." Hãy bảo họ (hỡi Muhammad!): "Không, (Ta theo) tín ngưỡng của Ibrāhīm, *Hanīf* (chỉ tôn thờ riêng Allah) và Người không phải là một người thờ đa thần."

136.- Hãy bảo họ (hỡi người Muslim!): "Chúng tôi tin tưởng nơi Allah và những điều (Mặc khải) đã được ban xuống cho chúng tôi và những điều đã được ban xuống cho *Ibrāhīm, và Ismā'īl và Ishāq và Ya'qūb* và các *Bộ lạc* (của Israel); và những điều (Mặc khải) đã được ban xuống cho *Mūsa* và cho *'Isa* và những điều đã được ban xuống cho các *Nabi* (tiếp thu mặc khải) từ *Rabb* của Họ; chúng tôi (người Muslim) không phân biệt kỳ thị một Vị (Nabi) nào trong Họ (các Nabi của Allah) và chúng tôi là những người Muslim (thần phục Allah).

137.- Bởi vậy, nếu họ tin tưởng nơi những điều giống với những điều đã được ban cho các ngươi (hỡi Muslim!), thì chắc chắn họ đi đúng đường. Ngược lại, nếu họ quay lưng làm ngơ, thì chính họ mới là những kẻ đã chia rẽ tôn giáo. Và riêng Allah thôi đủ (giúp) Ngươi (hỡi Muhammad!) đương đầu với họ, bởi vì Ngài là Đấng Hằng nghe và Hằng biết (hết mọi việc).

138.- Mầu sắc (tôn giáo) của Allah (là *Islām*). Và ai trội hơn Allah trong việc nhuộm mầu (các tín đồ của Ngài?) Và chúng tôi là những người thờ phụng Ngài.

139.- Hãy bảo họ: "Phải chăng quí vị muốn tranh luận với chúng tôi về Allah trong lúc Ngài là *Rabb* của chúng tôi và là *Rabb* của quí vị? Và phần việc của chúng tôi là của chúng tôi còn phần việc của quí vị là của quí vị. Và chúng tôi thành tâm với Ngài (Allah).

140.- Hoặc phải chăng quí vị bảo Ibrāhīm, Ismā'il, Ishāq, Ya'qūb và các Bộ lạc (của Israel) là những người Do thái hay tín đồ Thiên Chúa giáo cả hay sao? Hãy bảo họ: "Phải chăng quí vị biết hơn Allah?" Còn ai sai quấy hơn kẻ đã giấu giếm Lời xác nhận của Allah (về Sứ giả Muhammad) trong (Kinh sách) mà họ đang giữ? Và Allah không làm ngơ trước những điều các ngươi làm.

141.- Đó là một *Ummah* (Cộng đồng) đã qua đời. Họ gặt hái thành quả về những điều (thiện) mà họ đã làm ra còn của quí vị thì là điều mà quí vị đã làm ra. Quí vị sẽ không bị chất vấn về những điều mà họ đã làm.

۞ سَيَقُولُ ٱلسُّفَهَآءُ مِنَ ٱلنَّاسِ مَا وَلَّىٰهُمْ عَن قِبْلَتِهِمُ ٱلَّتِي كَانُواْ
عَلَيْهَاۚ قُل لِّلَّهِ ٱلْمَشْرِقُ وَٱلْمَغْرِبُۚ يَهْدِي مَن يَشَآءُ إِلَىٰ صِرَٰطٖ
مُّسْتَقِيمٖ ١٤٢ وَكَذَٰلِكَ جَعَلْنَٰكُمْ أُمَّةٗ وَسَطٗا لِّتَكُونُواْ
شُهَدَآءَ عَلَى ٱلنَّاسِ وَيَكُونَ ٱلرَّسُولُ عَلَيْكُمْ شَهِيدٗاۗ وَمَا
جَعَلْنَا ٱلْقِبْلَةَ ٱلَّتِي كُنتَ عَلَيْهَآ إِلَّا لِنَعْلَمَ مَن يَتَّبِعُ ٱلرَّسُولَ
مِمَّن يَنقَلِبُ عَلَىٰ عَقِبَيْهِۚ وَإِن كَانَتْ لَكَبِيرَةً إِلَّا عَلَى ٱلَّذِينَ
هَدَى ٱللَّهُۗ وَمَا كَانَ ٱللَّهُ لِيُضِيعَ إِيمَٰنَكُمْۚ إِنَّ ٱللَّهَ
بِٱلنَّاسِ لَرَءُوفٞ رَّحِيمٞ ١٤٣ قَدْ نَرَىٰ تَقَلُّبَ وَجْهِكَ فِي ٱلسَّمَآءِۖ
فَلَنُوَلِّيَنَّكَ قِبْلَةٗ تَرْضَىٰهَاۚ فَوَلِّ وَجْهَكَ شَطْرَ ٱلْمَسْجِدِ
ٱلْحَرَامِۚ وَحَيْثُ مَا كُنتُمْ فَوَلُّواْ وُجُوهَكُمْ شَطْرَهُۥۗ وَإِنَّ
ٱلَّذِينَ أُوتُواْ ٱلْكِتَٰبَ لَيَعْلَمُونَ أَنَّهُ ٱلْحَقُّ مِن رَّبِّهِمْۗ وَمَا ٱللَّهُ
بِغَٰفِلٍ عَمَّا يَعْمَلُونَ ١٤٤ وَلَئِنْ أَتَيْتَ ٱلَّذِينَ أُوتُواْ ٱلْكِتَٰبَ
بِكُلِّ ءَايَةٖ مَّا تَبِعُواْ قِبْلَتَكَۚ وَمَآ أَنتَ بِتَابِعٖ قِبْلَتَهُمْۚ
وَمَا بَعْضُهُم بِتَابِعٖ قِبْلَةَ بَعْضٖۚ وَلَئِنِ ٱتَّبَعْتَ أَهْوَآءَهُم مِّنۢ
بَعْدِ مَا جَآءَكَ مِنَ ٱلْعِلْمِ إِنَّكَ إِذٗا لَّمِنَ ٱلظَّٰلِمِينَ ١٤٥

142.- Những kẻ điên rồ trong thiên hạ sẽ nói: "Điều gì đã làm (cho những người Muslim này) thay đổi hướng *Qiblah*[1] mà họ thường quay về đó (để dâng lễ?)" Hãy bảo họ: "Hướng đông và Hướng tây là của Allah. Ngài hướng dẫn người nào Ngài muốn đến con đường ngay chính."

143.- Và *TA* (Allah) đã làm cho các người thành một *Ummah Wasat*[2] (Cộng đồng đúng đắn) để các người trở thành các nhân chứng cho nhân loại và Sứ giả (Muhammad) là một nhân chứng cho các người; và *TA* (Allah) đã chỉ định hướng *Qiblah* mà Ngươi thường quay về đó (để dâng lễ) là chỉ để cho *TA* (Allah) biết ai là người tuân theo Sứ giả (của Allah) với ai là người quay gót chân theo hướng khác. Và quả thật đó là một thay đổi rất lớn, nhưng không mấy trọng đại đối với những ai đã được Allah hướng dẫn (theo Chính đạo). Và Allah không làm cho đức tin của các người thành vô nghĩa bởi vì Allah rất mực Độ lượng, rất mực Khoan dung.

144.- Chắc chắn *TA* (Allah) thấy Ngươi (Muhammad) ngước mặt lên trời (cầu xin Chỉ đạo). Bởi thế, *TA* (Allah) hướng Ngươi về phía *Qiblah* làm cho Ngươi hài lòng. Do đó, hãy quay mặt của Ngươi hướng về *Al-Masjid al-Harām* (Thánh đường Linh thiêng tại Makkah). Và ở bất cứ nơi nào, các người hãy quay mặt về phía đó (để dâng lễ). Và chắc chắn những ai đã được (Allah) ban cho Kinh sách đều biết rằng đó là sự Thật do *Rabb* của họ ban xuống. Và Allah không làm ngơ trước những điều họ làm.

145.- Và chắc chắn rằng nếu Ngươi có mang tất cả các Phép lạ đến cho những ai đã được ban cho Kinh sách thấy (hầu thuyết phục họ về sự thật) đó, thì nhất định họ sẽ không theo hướng *Qiblah* của Ngươi; và Ngươi cũng sẽ không theo hướng *Qiblah* của họ; và đôi bên không ai theo hướng *Qiblah* của ai cả. Và sau khi đã rõ sự Thật, nếu Ngươi tiếp tục làm theo ý muốn của họ thì rõ ràng Ngươi cố tình làm điều sai quấy.

---

[1] *Qiblah* là hướng nhắm về mục tiêu dâng lễ. Trước khi Thiên sứ Muhammad (saw) dời cư về Madinah và sau mười sáu tháng định cư tại đó, người Muslim vẫn hướng về Jerusalem để dâng lễ. Sau đó, Allah truyền lệnh cho Thiên sứ đổi hướng *Qiblah* về Ngôi đền Ka'bah ở Makkah để dâng lễ.

[2] *Wasat* có nghĩa chính giữa và đúng đắn. Islām là một tôn giáo trung dung, đúng đắn, không cực đoan.

ٱلَّذِينَ ءَاتَيۡنَٰهُمُ ٱلۡكِتَٰبَ يَعۡرِفُونَهُۥ كَمَا يَعۡرِفُونَ أَبۡنَآءَهُمۡۖ
وَإِنَّ فَرِيقٗا مِّنۡهُمۡ لَيَكۡتُمُونَ ٱلۡحَقَّ وَهُمۡ يَعۡلَمُونَ ﴿١٤٦﴾ ٱلۡحَقُّ
مِن رَّبِّكَ فَلَا تَكُونَنَّ مِنَ ٱلۡمُمۡتَرِينَ ﴿١٤٧﴾ وَلِكُلّٖ وِجۡهَةٌ
هُوَ مُوَلِّيهَاۖ فَٱسۡتَبِقُواْ ٱلۡخَيۡرَٰتِۚ أَيۡنَ مَا تَكُونُواْ يَأۡتِ بِكُمُ ٱللَّهُ
جَمِيعًاۚ إِنَّ ٱللَّهَ عَلَىٰ كُلِّ شَيۡءٖ قَدِيرٞ ﴿١٤٨﴾ وَمِنۡ حَيۡثُ خَرَجۡتَ
فَوَلِّ وَجۡهَكَ شَطۡرَ ٱلۡمَسۡجِدِ ٱلۡحَرَامِۖ وَإِنَّهُۥ لَلۡحَقُّ مِن رَّبِّكَۗ
وَمَا ٱللَّهُ بِغَٰفِلٍ عَمَّا تَعۡمَلُونَ ﴿١٤٩﴾ وَمِنۡ حَيۡثُ خَرَجۡتَ فَوَلِّ
وَجۡهَكَ شَطۡرَ ٱلۡمَسۡجِدِ ٱلۡحَرَامِۚ وَحَيۡثُ مَا كُنتُمۡ فَوَلُّواْ
وُجُوهَكُمۡ شَطۡرَهُۥ لِئَلَّا يَكُونَ لِلنَّاسِ عَلَيۡكُمۡ حُجَّةٌ إِلَّا ٱلَّذِينَ
ظَلَمُواْ مِنۡهُمۡ فَلَا تَخۡشَوۡهُمۡ وَٱخۡشَوۡنِي وَلِأُتِمَّ نِعۡمَتِي عَلَيۡكُمۡ
وَلَعَلَّكُمۡ تَهۡتَدُونَ ﴿١٥٠﴾ كَمَآ أَرۡسَلۡنَا فِيكُمۡ رَسُولٗا مِّنكُمۡ يَتۡلُواْ
عَلَيۡكُمۡ ءَايَٰتِنَا وَيُزَكِّيكُمۡ وَيُعَلِّمُكُمُ ٱلۡكِتَٰبَ وَٱلۡحِكۡمَةَ
وَيُعَلِّمُكُم مَّا لَمۡ تَكُونُواْ تَعۡلَمُونَ ﴿١٥١﴾ فَٱذۡكُرُونِيٓ أَذۡكُرۡكُمۡ
وَٱشۡكُرُواْ لِي وَلَا تَكۡفُرُونِ ﴿١٥٢﴾ يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ
ٱسۡتَعِينُواْ بِٱلصَّبۡرِ وَٱلصَّلَوٰةِۚ إِنَّ ٱللَّهَ مَعَ ٱلصَّٰبِرِينَ ﴿١٥٣﴾

146.- Những ai mà *TA* (Allah) đã ban cho Kinh sách đều nhìn nhận Người (Muhammad) (là Sứ giả của Allah) giống như việc họ nhìn nhận con cái của họ vậy, nhưng một số trong bọn họ giấu giếm sự thật trong lúc họ biết (điều đó).

147.- Sự Thật là từ *Rabb* của Ngươi. Bởi thế, chớ sinh lòng nghi ngờ (về Nó).

148.- Mỗi cá nhân (hay cộng đồng) đều có một mục tiêu mà y (hay họ) hướng về (để dâng lễ). Do đó, hãy thi đua nhau làm điều lành. Bất cứ nơi nào các ngươi ở, Allah sẽ đưa các ngươi đến gặp nhau. Bởi vì Allah có quyền chi phối trên tất cả mọi việc.

149.- Và từ bất cứ nơi nào Ngươi khởi hành, hãy quay mặt của Ngươi về hướng *Masjid-al-Harām* (để dâng lễ). Và chắc chắn đó là sự Thật từ *Rabb* của Ngươi. Và Allah không làm ngơ trước những điều các người làm.

150.- Và từ bất cứ nơi nào Ngươi khởi hành, hãy quay mặt của Ngươi về hướng *Masjid-al-Harām* (để dâng lễ); và ở bất cứ nơi nào, hãy quay mặt của các người hướng về đó (để dâng lễ) để cho thiên hạ không còn lý do để tranh chấp với các người (về *Qiblah*) ngoại trừ những ai làm điều sai quấy trong bọn họ. Bởi thế, chớ sợ họ mà hãy sợ TA. Và để cho TA hoàn tất Ân huệ của TA cho các ngươi và để cho các ngươi được hướng dẫn đúng Chính đạo;

151.- Tương tự như việc *TA* (Allah) đã cử một Sứ giả xuất thân từ các ngươi đến để đọc cho các ngươi các Lời Mặc khải của *TA* và thanh sạch hóa các ngươi và dạy các ngươi Kinh sách (*Qur'ān*) và Lẽ đúng đắn khôn ngoan[1] và dạy các ngươi những điều mà các ngươi chưa từng biết.

152.- Bởi thế, hãy nhớ TA; TA sẽ nhớ các ngươi trở lại. Và hãy biết ơn TA và chớ phụ ân TA.

153.- Hỡi những ai có niềm tin! Hãy cầu xin sự giúp đỡ (của Allah) trong kiên-trì và lễ-nguyện *Salāh*. Bởi vì quả thật, Allah ở với những người kiên nhẫn.

---

[1] *Al-Hikmah* có nghĩa *Sunnah* lề lối của Thiên sứ *và Fiqh* giáo luật của Islām

وَلَا تَقُولُواْ لِمَن يُقۡتَلُ فِي سَبِيلِ ٱللَّهِ أَمۡوَٰتُۢۚ بَلۡ أَحۡيَآءٞ وَلَٰكِن لَّا تَشۡعُرُونَ ١٥٤ وَلَنَبۡلُوَنَّكُم بِشَيۡءٖ مِّنَ ٱلۡخَوۡفِ وَٱلۡجُوعِ وَنَقۡصٖ مِّنَ ٱلۡأَمۡوَٰلِ وَٱلۡأَنفُسِ وَٱلثَّمَرَٰتِۗ وَبَشِّرِ ٱلصَّٰبِرِينَ ١٥٥ ٱلَّذِينَ إِذَآ أَصَٰبَتۡهُم مُّصِيبَةٞ قَالُوٓاْ إِنَّا لِلَّهِ وَإِنَّآ إِلَيۡهِ رَٰجِعُونَ ١٥٦ أُوْلَٰٓئِكَ عَلَيۡهِمۡ صَلَوَٰتٞ مِّن رَّبِّهِمۡ وَرَحۡمَةٞۖ وَأُوْلَٰٓئِكَ هُمُ ٱلۡمُهۡتَدُونَ ١٥٧ ۞إِنَّ ٱلصَّفَا وَٱلۡمَرۡوَةَ مِن شَعَآئِرِ ٱللَّهِۖ فَمَنۡ حَجَّ ٱلۡبَيۡتَ أَوِ ٱعۡتَمَرَ فَلَا جُنَاحَ عَلَيۡهِ أَن يَطَّوَّفَ بِهِمَاۚ وَمَن تَطَوَّعَ خَيۡرٗا فَإِنَّ ٱللَّهَ شَاكِرٌ عَلِيمٌ ١٥٨ إِنَّ ٱلَّذِينَ يَكۡتُمُونَ مَآ أَنزَلۡنَا مِنَ ٱلۡبَيِّنَٰتِ وَٱلۡهُدَىٰ مِنۢ بَعۡدِ مَا بَيَّنَّٰهُ لِلنَّاسِ فِي ٱلۡكِتَٰبِ أُوْلَٰٓئِكَ يَلۡعَنُهُمُ ٱللَّهُ وَيَلۡعَنُهُمُ ٱللَّٰعِنُونَ ١٥٩ إِلَّا ٱلَّذِينَ تَابُواْ وَأَصۡلَحُواْ وَبَيَّنُواْ فَأُوْلَٰٓئِكَ أَتُوبُ عَلَيۡهِمۡۚ وَأَنَا ٱلتَّوَّابُ ٱلرَّحِيمُ ١٦٠ إِنَّ ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ وَمَاتُواْ وَهُمۡ كُفَّارٌ أُوْلَٰٓئِكَ عَلَيۡهِمۡ لَعۡنَةُ ٱللَّهِ وَٱلۡمَلَٰٓئِكَةِ وَٱلنَّاسِ أَجۡمَعِينَ ١٦١ خَٰلِدِينَ فِيهَا لَا يُخَفَّفُ عَنۡهُمُ ٱلۡعَذَابُ وَلَا هُمۡ يُنظَرُونَ ١٦٢ وَإِلَٰهُكُمۡ إِلَٰهٞ وَٰحِدٞۖ لَّآ إِلَٰهَ إِلَّا هُوَ ٱلرَّحۡمَٰنُ ٱلرَّحِيمُ ١٦٣

ربع الحزب ٣

154.- Và chớ nói về những ai đã hy sinh tính mạng cho Chính nghĩa của Allah (rằng họ đã) chết rồi. Không, (họ vẫn còn) sống nhưng các người không nhận thấy (điều đó).

155.- Và chắc chắn *TA* (Allah) sẽ thử thách các người với những điều sợ hãi, và đói khát, và việc mất mát tài sản và (thiệt hại) sinh mạng và hoa quả (mùa màng), nhưng hãy báo tin mừng cho những người kiên nhẫn:

156.- Những ai khi gặp phải thiên tai sẽ nói: "Quả thật, chúng tôi là của Allah và chúng tôi sẽ trở về với Ngài":-

157.- Họ là những người sẽ nhận Phúc lành và sự Khoan dung của *Rabb* của họ và họ là những người được hướng dẫn (đúng Chính đạo).

158.- Quả thật, (hai ngọn đồi) *Safā* và *Marwah*[1] (tại Makkah) là những biểu hiệu của Allah. Do đó, ai làm *Hajj* hoặc '*Umrah* tại Ngôi đền (của Allah) thì sẽ không có tội khi đi vòng hai địa điểm đó. Và ai tự nguyện làm điều lành thì quả thật Allah Hằng ghi ơn và Hằng biết (việc làm tốt của họ).

159.- Quả thật, những ai giấu giếm những bằng chứng rõ rệt mà *TA* (Allah) đã ban xuống và (giấu giếm) Chỉ đạo mà *TA* đã trình bày rõ cho nhân loại trong Kinh sách, thì sẽ bị Allah nguyền rủa (và thóa mạ) và bị cả những người (có quyền) thóa mạ, nguyền rủa luôn.

160.- Ngoại trừ những ai biết sám hối và phục thiện và công bố (sự Thật) thì sẽ được TA đoái thương tha thứ bởi vì TA là Đấng Hằng quay lại Tha thứ, rất mực Khoan dung.

161.- Bởi vì quả thật những ai phủ nhận đức tin và chết trong tình trạng không có đức tin thì sẽ bị cả Allah và Thiên thần và nhân loại nguyền rủa, tất cả;

162.- Chúng sẽ ở trong (tình trạng bị nguyền rủa) đó đời đời. Hình phạt dành cho chúng sẽ không được giảm nhẹ và chúng sẽ không được buông tha.

163.- Và Thượng Đế của các người là một Thượng Đế Duy nhất. Không có Thượng Đế nào khác, duy chỉ Ngài (Allah), Đấng rất mực Nhân từ, rất mực Khoan dung.

---

[1] *Safā* và *Marwah* Xem bảng kê các từ chuyên môn.

إِنَّ فِي خَلۡقِ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضِ وَٱخۡتِلَٰفِ ٱلَّيۡلِ وَٱلنَّهَارِ
وَٱلۡفُلۡكِ ٱلَّتِي تَجۡرِي فِي ٱلۡبَحۡرِ بِمَا يَنفَعُ ٱلنَّاسَ وَمَآ أَنزَلَ ٱللَّهُ
مِنَ ٱلسَّمَآءِ مِن مَّآءٖ فَأَحۡيَا بِهِ ٱلۡأَرۡضَ بَعۡدَ مَوۡتِهَا وَبَثَّ فِيهَا
مِن كُلِّ دَآبَّةٖ وَتَصۡرِيفِ ٱلرِّيَٰحِ وَٱلسَّحَابِ ٱلۡمُسَخَّرِ بَيۡنَ
ٱلسَّمَآءِ وَٱلۡأَرۡضِ لَأٓيَٰتٖ لِّقَوۡمٖ يَعۡقِلُونَ ﴿١٦٤﴾ وَمِنَ ٱلنَّاسِ
مَن يَتَّخِذُ مِن دُونِ ٱللَّهِ أَندَادٗا يُحِبُّونَهُمۡ كَحُبِّ ٱللَّهِۖ وَٱلَّذِينَ
ءَامَنُوٓاْ أَشَدُّ حُبّٗا لِّلَّهِۗ وَلَوۡ يَرَى ٱلَّذِينَ ظَلَمُوٓاْ إِذۡ يَرَوۡنَ
ٱلۡعَذَابَ أَنَّ ٱلۡقُوَّةَ لِلَّهِ جَمِيعٗا وَأَنَّ ٱللَّهَ شَدِيدُ ٱلۡعَذَابِ ﴿١٦٥﴾
إِذۡ تَبَرَّأَ ٱلَّذِينَ ٱتُّبِعُواْ مِنَ ٱلَّذِينَ ٱتَّبَعُواْ وَرَأَوُاْ ٱلۡعَذَابَ
وَتَقَطَّعَتۡ بِهِمُ ٱلۡأَسۡبَابُ ﴿١٦٦﴾ وَقَالَ ٱلَّذِينَ ٱتَّبَعُواْ لَوۡ أَنَّ
لَنَا كَرَّةٗ فَنَتَبَرَّأَ مِنۡهُمۡ كَمَا تَبَرَّءُواْ مِنَّاۗ كَذَٰلِكَ يُرِيهِمُ ٱللَّهُ
أَعۡمَٰلَهُمۡ حَسَرَٰتٍ عَلَيۡهِمۡۖ وَمَا هُم بِخَٰرِجِينَ مِنَ ٱلنَّارِ ﴿١٦٧﴾
يَٰٓأَيُّهَا ٱلنَّاسُ كُلُواْ مِمَّا فِي ٱلۡأَرۡضِ حَلَٰلٗا طَيِّبٗا وَلَا تَتَّبِعُواْ
خُطُوَٰتِ ٱلشَّيۡطَٰنِۚ إِنَّهُۥ لَكُمۡ عَدُوّٞ مُّبِينٌ ﴿١٦٨﴾ إِنَّمَا يَأۡمُرُكُم
بِٱلسُّوٓءِ وَٱلۡفَحۡشَآءِ وَأَن تَقُولُواْ عَلَى ٱللَّهِ مَا لَا تَعۡلَمُونَ ﴿١٦٩﴾

164.- Quả thật, trong việc tạo hóa các tầng trời và trái đất; và (việc) luân chuyển ban đêm và ban ngày; và (việc) các chiếc tàu (chở hàng hóa) vượt trùng dương làm lợi cho nhân loại; và (việc) Allah ban nước mưa từ trên trời xuống nhờ đó Ngài làm cho mảnh đất chết khô sống lại; và (việc) Ngài rải tung đủ loại sinh vật khắp mặt đất; và (việc) chuyển hướng các luồng gió và luồng mây mà Ngài chế ngự giữa trời và đất; (tất cả các việc đó) là những Dấu hiệu cho những người biết suy nghĩ.

165.- Nhưng trong nhân loại có những kẻ đã dựng những đối thủ ngang vai với Allah. Họ yêu thương chúng giống với tình thương mà họ dành cho Allah. Ngược lại, những ai có đức tin thì yêu thương Allah mạnh hơn. Và nếu những ai làm điều sai quấy có thể nhìn thấy được (sự thật) thì chúng sẽ không thấy gì ngoài sự trừng phạt bởi lẽ tất cả quyền lực đều nằm trong tay của Allah và Allah rất nghiêm khắc trong việc trừng trị.

166.- (Bởi vì) khi đối diện với hình phạt, những kẻ được tuân theo sẽ (tuyên bố) vô can đối với những kẻ phục tùng chúng và mọi quan hệ giữa đôi bên sẽ bị cắt đứt hết.

167.- Và những kẻ phục tùng sẽ bảo: "Nếu chúng tôi có cơ hội trở lại trần gian, chúng tôi sẽ tuyên bố vô can đối với bọn chúng giống như việc bọn chúng đã tuyên bố vô can đối với chúng tôi ngày nay." Allah sẽ cho chúng thấy kết quả của việc làm của chúng chỉ gồm những ân hận và nuối tiếc giống như thế. Và chúng sẽ không có cách nào thoát ra khỏi Lửa (của Hỏa ngục).

168.- Hỡi nhân loại! Hãy ăn những thức ăn được cho phép và tốt sạch và chớ dẫm theo dấu chân của *Shaytān*; quả thật nó là kẻ thù công khai của các người.

169.- (*Shaytān*) chỉ ra lệnh cho các người làm điều tội lỗi và điều khả ố và bắt các người nói về Allah những điều các người không biết.

وَإِذَا قِيلَ لَهُمُ ٱتَّبِعُواْ مَآ أَنزَلَ ٱللَّهُ قَالُواْ بَلۡ نَتَّبِعُ مَآ أَلۡفَيۡنَا عَلَيۡهِ ءَابَآءَنَآۚ أَوَلَوۡ كَانَ ءَابَآؤُهُمۡ لَا يَعۡقِلُونَ شَيۡـٔٗا وَلَا يَهۡتَدُونَ ﴿١٧٠﴾ وَمَثَلُ ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ كَمَثَلِ ٱلَّذِي يَنۡعِقُ بِمَا لَا يَسۡمَعُ إِلَّا دُعَآءٗ وَنِدَآءٗۚ صُمُّۢ بُكۡمٌ عُمۡيٞ فَهُمۡ لَا يَعۡقِلُونَ ﴿١٧١﴾ يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ كُلُواْ مِن طَيِّبَٰتِ مَا رَزَقۡنَٰكُمۡ وَٱشۡكُرُواْ لِلَّهِ إِن كُنتُمۡ إِيَّاهُ تَعۡبُدُونَ ﴿١٧٢﴾ إِنَّمَا حَرَّمَ عَلَيۡكُمُ ٱلۡمَيۡتَةَ وَٱلدَّمَ وَلَحۡمَ ٱلۡخِنزِيرِ وَمَآ أُهِلَّ بِهِۦ لِغَيۡرِ ٱللَّهِۖ فَمَنِ ٱضۡطُرَّ غَيۡرَ بَاغٖ وَلَا عَادٖ فَلَآ إِثۡمَ عَلَيۡهِۚ إِنَّ ٱللَّهَ غَفُورٞ رَّحِيمٌ ﴿١٧٣﴾ إِنَّ ٱلَّذِينَ يَكۡتُمُونَ مَآ أَنزَلَ ٱللَّهُ مِنَ ٱلۡكِتَٰبِ وَيَشۡتَرُونَ بِهِۦ ثَمَنٗا قَلِيلًا أُوْلَٰٓئِكَ مَا يَأۡكُلُونَ فِي بُطُونِهِمۡ إِلَّا ٱلنَّارَ وَلَا يُكَلِّمُهُمُ ٱللَّهُ يَوۡمَ ٱلۡقِيَٰمَةِ وَلَا يُزَكِّيهِمۡ وَلَهُمۡ عَذَابٌ أَلِيمٌ ﴿١٧٤﴾ أُوْلَٰٓئِكَ ٱلَّذِينَ ٱشۡتَرَوُاْ ٱلضَّلَٰلَةَ بِٱلۡهُدَىٰ وَٱلۡعَذَابَ بِٱلۡمَغۡفِرَةِۚ فَمَآ أَصۡبَرَهُمۡ عَلَى ٱلنَّارِ ﴿١٧٥﴾ ذَٰلِكَ بِأَنَّ ٱللَّهَ نَزَّلَ ٱلۡكِتَٰبَ بِٱلۡحَقِّۗ وَإِنَّ ٱلَّذِينَ ٱخۡتَلَفُواْ فِي ٱلۡكِتَٰبِ لَفِي شِقَاقِۭ بَعِيدٖ ﴿١٧٦﴾

170.- Và khi có lời bảo họ: "Hãy tuân theo điều (Mặc khải) do Allah ban xuống," thì họ đáp: "Không, chúng tôi sẽ theo điều mà chúng tôi thấy cha mẹ của chúng tôi đang theo." Sao! Ngay cả việc cha mẹ của họ không biết gì hoặc không được ai hướng dẫn hay sao?

171.- Và hình ảnh của những kẻ phủ nhận đức tin có thể so sánh với (hình ảnh của) một người (chăn trừu) thét to cho những con vật không nghe được tiếng gì khác ngoài tiếng gọi và tiếng thét. (Chúng là những sinh vật) điếc, câm và mù cho nên chúng không hiểu gì.

172.- Hỡi những ai có niềm tin! Hãy ăn những thức ăn tốt sạch mà *TA* (Allah) đã cung cấp cho các người; và hãy biết ơn Allah nếu các người chỉ thờ phụng riêng Ngài.

173.- (Allah) chỉ cấm các người ăn (thịt của) xác chết, và máu (huyết), và thịt của con heo, và những món mà tên của các thần linh khác không phải (tên của) Allah đã được đọc nhắc đến (khi cắt cổ chúng). Nhưng ai vì nhu cầu bắt buộc mà phải dùng những món (cấm) đó ngoài ý muốn (của mình) và không quá độ, thì sẽ không bị tội. Bởi vì quả thật Allah hằng Tha thứ, rất mực Khoan dung.

174.- Quả thật, những ai giấu giếm những điều (mặc khải) của Kinh sách mà Allah đã ban xuống và dùng Nó để mua bán với một giá nhỏ nhoi thì là những kẻ chỉ nuốt Lửa vào bụng. Allah sẽ không nói đến chúng vào Ngày phục sinh, cũng sẽ không thanh sạch hóa chúng; và chúng sẽ bị trừng phạt đau đớn.

175.- Chúng là những kẻ đã mua lấy sự lầm-lạc thay vì theo Chỉ đạo đúng đắn và mua lấy hình phạt thay vì sự tha thứ. Thật chúng gan dạ lắm mới dám đương đầu với Lửa (của Hỏa ngục!)

176.- (Sở dĩ) như thế là vì Allah ban Kinh sách xuống bằng sự thật và quả thật những ai bất đồng ý kiến về Kinh sách (của Allah) thì chắc chắn sẽ rơi vào tình trạng chia rẽ đạo giáo rộng xa.

۞ لَّيْسَ ٱلْبِرَّ أَن تُوَلُّوا۟ وُجُوهَكُمْ قِبَلَ ٱلْمَشْرِقِ وَٱلْمَغْرِبِ
وَلَٰكِنَّ ٱلْبِرَّ مَنْ ءَامَنَ بِٱللَّهِ وَٱلْيَوْمِ ٱلْءَاخِرِ وَٱلْمَلَٰٓئِكَةِ
وَٱلْكِتَٰبِ وَٱلنَّبِيِّـۧنَ وَءَاتَى ٱلْمَالَ عَلَىٰ حُبِّهِۦ ذَوِى ٱلْقُرْبَىٰ وَٱلْيَتَٰمَىٰ
وَٱلْمَسَٰكِينَ وَٱبْنَ ٱلسَّبِيلِ وَٱلسَّآئِلِينَ وَفِى ٱلرِّقَابِ وَأَقَامَ
ٱلصَّلَوٰةَ وَءَاتَى ٱلزَّكَوٰةَ وَٱلْمُوفُونَ بِعَهْدِهِمْ إِذَا عَٰهَدُوا۟ ۖ
وَٱلصَّٰبِرِينَ فِى ٱلْبَأْسَآءِ وَٱلضَّرَّآءِ وَحِينَ ٱلْبَأْسِ ۗ أُو۟لَٰٓئِكَ ٱلَّذِينَ
صَدَقُوا۟ ۖ وَأُو۟لَٰٓئِكَ هُمُ ٱلْمُتَّقُونَ ﴿١٧٧﴾ يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُوا۟ كُتِبَ
عَلَيْكُمُ ٱلْقِصَاصُ فِى ٱلْقَتْلَى ۖ ٱلْحُرُّ بِٱلْحُرِّ وَٱلْعَبْدُ بِٱلْعَبْدِ وَٱلْأُنثَىٰ
بِٱلْأُنثَىٰ ۚ فَمَنْ عُفِىَ لَهُۥ مِنْ أَخِيهِ شَىْءٌ فَٱتِّبَاعٌۢ بِٱلْمَعْرُوفِ وَأَدَآءٌ
إِلَيْهِ بِإِحْسَٰنٍ ۗ ذَٰلِكَ تَخْفِيفٌ مِّن رَّبِّكُمْ وَرَحْمَةٌ ۗ فَمَنِ ٱعْتَدَىٰ
بَعْدَ ذَٰلِكَ فَلَهُۥ عَذَابٌ أَلِيمٌ ﴿١٧٨﴾ وَلَكُمْ فِى ٱلْقِصَاصِ حَيَوٰةٌ يَٰٓأُو۟لِى
ٱلْأَلْبَٰبِ لَعَلَّكُمْ تَتَّقُونَ ﴿١٧٩﴾ كُتِبَ عَلَيْكُمْ إِذَا حَضَرَ
أَحَدَكُمُ ٱلْمَوْتُ إِن تَرَكَ خَيْرًا ٱلْوَصِيَّةُ لِلْوَٰلِدَيْنِ وَٱلْأَقْرَبِينَ
بِٱلْمَعْرُوفِ ۖ حَقًّا عَلَى ٱلْمُتَّقِينَ ﴿١٨٠﴾ فَمَنۢ بَدَّلَهُۥ بَعْدَمَا سَمِعَهُۥ
فَإِنَّمَآ إِثْمُهُۥ عَلَى ٱلَّذِينَ يُبَدِّلُونَهُۥٓ ۚ إِنَّ ٱللَّهَ سَمِيعٌ عَلِيمٌ ﴿١٨١﴾

177.- Đạo đức không phải là các ngươi quay mặt về hướng đông hay hướng tây; mà đạo đức là việc ai tin tưởng nơi Allah và Ngày Phán xử Cuối cùng, và các Thiên thần, và Kinh sách (của Allah), và các *Nabi* (của Allah), và vì yêu thương Ngài mà bố thí của cải cho bà con ruột thịt, và cho những trẻ mồ côi, và những người thiếu thốn, và những người lỡ đường, và những người ăn xin, và để chuộc và giải phóng những người nô-lệ, và chu đáo dâng lễ *Salāh* và đóng *Zakāh* và hoàn tất lời hứa khi đã hứa, và kiên trì chịu đựng trong nghịch cảnh (đói khổ) và thiên tai (bệnh hoạn) và trong thời gian xảy ra chiến tranh (bạo động). Họ là những người chân thật và là những người ngay chính sợ Allah.

178.- Hỡi những ai có niềm tin! Luật trả thù (*Qisās*) về việc giết người được qui định như sau: (sinh mạng của một) người tự do đổi lấy (sinh mạng của một) người tự do; (sinh mạng của) một người nô-lệ đổi lấy (sinh mạng của) một người nô-lệ; một người phụ nữ đổi lấy một người phụ nữ; nhưng nếu phạm nhân nào được anh (hay em) của nạn nhân lượng thứ cho phần nào, thì hãy làm theo yêu cầu hợp lý của y và bồi thường cho nạn nhân một cách tốt đẹp. Đây là sự giảm khinh và là sự khoan dung từ *Rabb* của các ngươi. Bởi thế, sau các qui định nêu trên, ai vượt quá mức giới hạn thì sẽ bị trừng trị đích đáng.

179.- Và trong luật *Qisās* có việc (cứu) sinh mạng đối với các người, hỡi những người hiểu biết! để cho các người trở thành những người ngay chính sợ Allah.

180.- Lệnh truyền cho các người (như sau:) Khi một ai trong các người sắp từ trần, nếu y để lại tài sản thì phải lập di chúc cho cha mẹ và bà con ruột thịt một cách hợp lý. Đây là bổn phận của người ngay chính sợ Allah.

181.- Bởi thế, ai sửa đổi lời di chúc sau khi đã nghe nó thì chỉ riêng những người sửa đổi đó mới chịu tội. Bởi vì Allah Hằng nghe và Hằng biết hết mọi việc.

فَمَنْ خَافَ مِن مُّوصٍ جَنَفًا أَوْ إِثْمًا فَأَصْلَحَ بَيْنَهُمْ فَلَآ إِثْمَ
عَلَيْهِ ۚ إِنَّ ٱللَّهَ غَفُورٌ رَّحِيمٌ ﴿١٨٢﴾ يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُوا۟ كُتِبَ
عَلَيْكُمُ ٱلصِّيَامُ كَمَا كُتِبَ عَلَى ٱلَّذِينَ مِن قَبْلِكُمْ
لَعَلَّكُمْ تَتَّقُونَ ﴿١٨٣﴾ أَيَّامًا مَّعْدُودَٰتٍ ۚ فَمَن كَانَ
مِنكُم مَّرِيضًا أَوْ عَلَىٰ سَفَرٍ فَعِدَّةٌ مِّنْ أَيَّامٍ أُخَرَ ۚ وَعَلَى
ٱلَّذِينَ يُطِيقُونَهُۥ فِدْيَةٌ طَعَامُ مِسْكِينٍ ۖ فَمَن تَطَوَّعَ خَيْرًا
فَهُوَ خَيْرٌ لَّهُۥ ۚ وَأَن تَصُومُوا۟ خَيْرٌ لَّكُمْ ۖ إِن كُنتُمْ تَعْلَمُونَ
﴿١٨٤﴾ شَهْرُ رَمَضَانَ ٱلَّذِىٓ أُنزِلَ فِيهِ ٱلْقُرْءَانُ هُدًى لِّلنَّاسِ
وَبَيِّنَٰتٍ مِّنَ ٱلْهُدَىٰ وَٱلْفُرْقَانِ ۚ فَمَن شَهِدَ مِنكُمُ
ٱلشَّهْرَ فَلْيَصُمْهُ ۖ وَمَن كَانَ مَرِيضًا أَوْ عَلَىٰ سَفَرٍ فَعِدَّةٌ
مِّنْ أَيَّامٍ أُخَرَ ۗ يُرِيدُ ٱللَّهُ بِكُمُ ٱلْيُسْرَ وَلَا يُرِيدُ بِكُمُ
ٱلْعُسْرَ وَلِتُكْمِلُوا۟ ٱلْعِدَّةَ وَلِتُكَبِّرُوا۟ ٱللَّهَ عَلَىٰ مَا
هَدَىٰكُمْ وَلَعَلَّكُمْ تَشْكُرُونَ ﴿١٨٥﴾ وَإِذَا سَأَلَكَ
عِبَادِى عَنِّى فَإِنِّى قَرِيبٌ ۖ أُجِيبُ دَعْوَةَ ٱلدَّاعِ إِذَا دَعَانِ ۖ
فَلْيَسْتَجِيبُوا۟ لِى وَلْيُؤْمِنُوا۟ بِى لَعَلَّهُمْ يَرْشُدُونَ ﴿١٨٦﴾

182.- Nhưng người nào sợ có sự thiên vị hoặc tội lỗi từ người để lại di chúc rồi đứng ra giàn xếp giữa những người liên hệ thì sẽ không mang tội. Quả thật, Allah Hằng Tha thứ, rất mực Khoan dung.

183.- Hỡi những ai có niềm tin! Nhịn chay theo chế độ (*Siyām*[1]) được truyền xuống cho các ngươi như đã được truyền xuống cho những người trước các ngươi để các ngươi (rèn luyện) sự khắc kỷ và trở thành người ngay chính sợ Allah.

184.- (Nhịn chay) trong một số ngày ấn định. Nhưng ai trong các ngươi mắc bệnh hoặc đi xa nhà thì sẽ nhịn bù lại cho đủ số ngày đã thiếu về sau. Nhưng đối với những ai có khả năng kiêng cữ (nhưng rất chật vật trong việc nhịn chay vì già yếu), thì có thể chuộc tội bằng cách nuôi ăn (từng ngày) một người thiếu thốn. Nhưng người nào tự nguyện (bố thí) làm tốt, thì điều đó tốt cho y hơn. Tuy nhiên, thực hiện việc nhịn chay '*Siyām*' tốt cho các ngươi hơn nếu các ngươi biết (giá trị của nó).

185.- Tháng *Ramadān* là tháng trong đó (Kinh) *Qur'ān* được ban xuống làm Chỉ đạo cho nhân loại và mang bằng chứng rõ rệt về Chỉ đạo và Tiêu chuẩn (phân biệt Phúc và Tội). Bởi thế, ai trong các ngươi chứng kiến (hoặc có mặt tại nhà) tháng đó thì phải nhịn chay '*Siyām*' trọn tháng; và ai bị bệnh hoặc đi xa nhà thì phải nhịn bù lại số ngày đã thiếu về sau. Allah muốn điều dễ dàng cho các ngươi và không muốn gây khó khăn cho các ngươi. (Ngài muốn các ngươi) hoàn tất số ngày (nhịn chay) ấn định và muốn cho các ngươi tán dương sự Vĩ đại của Allah (*Takbir*[2]) về việc Ngài đã hướng dẫn các ngươi và để cho các ngươi có dịp tạ ơn Ngài.

186.- Và khi bầy tôi của TA hỏi Ngươi (Muhammad) về TA, (hãy bảo họ) TA ở gần. TA đáp lại lời cầu xin của người nguyện cầu khi y cầu xin TA. Ngược lại, họ cũng phải đáp lại (Lời gọi của) TA và tin tưởng nơi TA để may ra họ được hướng dẫn đúng đường.

---

[1] *Siyām* có nghĩa kiêng cử, hãm mình và được qui định nơi câu 187 ở dưới

[2] *Takbir* gồm việc đọc lớn '**Allahu Akbar**' (Allah Vĩ đại)

أُحِلَّ لَكُمۡ لَيۡلَةَ ٱلصِّيَامِ ٱلرَّفَثُ إِلَىٰ نِسَآئِكُمۡۚ هُنَّ
لِبَاسٞ لَّكُمۡ وَأَنتُمۡ لِبَاسٞ لَّهُنَّۗ عَلِمَ ٱللَّهُ أَنَّكُمۡ كُنتُمۡ
تَخۡتَانُونَ أَنفُسَكُمۡ فَتَابَ عَلَيۡكُمۡ وَعَفَا عَنكُمۡۖ فَٱلۡـَٰٔنَ
بَٰشِرُوهُنَّ وَٱبۡتَغُواْ مَا كَتَبَ ٱللَّهُ لَكُمۡۚ وَكُلُواْ وَٱشۡرَبُواْ
حَتَّىٰ يَتَبَيَّنَ لَكُمُ ٱلۡخَيۡطُ ٱلۡأَبۡيَضُ مِنَ ٱلۡخَيۡطِ ٱلۡأَسۡوَدِ مِنَ
ٱلۡفَجۡرِۖ ثُمَّ أَتِمُّواْ ٱلصِّيَامَ إِلَى ٱلَّيۡلِۚ وَلَا تُبَٰشِرُوهُنَّ وَأَنتُمۡ
عَٰكِفُونَ فِي ٱلۡمَسَٰجِدِۗ تِلۡكَ حُدُودُ ٱللَّهِ فَلَا تَقۡرَبُوهَاۗ كَذَٰلِكَ
يُبَيِّنُ ٱللَّهُ ءَايَٰتِهِۦ لِلنَّاسِ لَعَلَّهُمۡ يَتَّقُونَ ١٨٧ وَلَا تَأۡكُلُوٓاْ
أَمۡوَٰلَكُم بَيۡنَكُم بِٱلۡبَٰطِلِ وَتُدۡلُواْ بِهَآ إِلَى ٱلۡحُكَّامِ
لِتَأۡكُلُواْ فَرِيقٗا مِّنۡ أَمۡوَٰلِ ٱلنَّاسِ بِٱلۡإِثۡمِ وَأَنتُمۡ تَعۡلَمُونَ
١٨٨ ۞ يَسۡـَٔلُونَكَ عَنِ ٱلۡأَهِلَّةِۖ قُلۡ هِيَ مَوَٰقِيتُ لِلنَّاسِ وَٱلۡحَجِّۗ
وَلَيۡسَ ٱلۡبِرُّ بِأَن تَأۡتُواْ ٱلۡبُيُوتَ مِن ظُهُورِهَا وَلَٰكِنَّ ٱلۡبِرَّ
مَنِ ٱتَّقَىٰۗ وَأۡتُواْ ٱلۡبُيُوتَ مِنۡ أَبۡوَٰبِهَاۚ وَٱتَّقُواْ ٱللَّهَ
لَعَلَّكُمۡ تُفۡلِحُونَ ١٨٩ وَقَٰتِلُواْ فِي سَبِيلِ ٱللَّهِ ٱلَّذِينَ
يُقَٰتِلُونَكُمۡ وَلَا تَعۡتَدُوٓاْۚ إِنَّ ٱللَّهَ لَا يُحِبُّ ٱلۡمُعۡتَدِينَ ١٩٠

ثلاثة أرباع الحزب ٣

187.- Cho phép các ngươi được ăn nằm với vợ ban đêm suốt thời gian nhịn chay '*Siyām*'. Họ là y-phục của các ngươi và các ngươi là y phục của họ. Allah biết điều các ngươi thường lén lút với nhau. Do đó, Ngài đoái thương quay lại tha thứ cho các ngươi. Bởi thế, bây giờ các ngươi được phép chung chạ với họ, nhưng hãy cố gắng thực hiện điều Allah đã ra lệnh cho các ngươi, và hãy ăn và uống (ban đêm) cho đến khi các ngươi thấy rõ sợi chỉ trắng của buổi rạng đông tách khỏi sợi chỉ đen của nó, rồi hoàn tất việc nhịn chay (theo chế độ '*Siyām*') cho đến lúc đêm xuống. Và không được ăn nằm với vợ trong thời gian các ngươi lánh trần tu tỉnh trong thánh đường. Đó là những giới cấm quy định bởi Allah. Do đó, chớ vi phạm chúng. Allah trình bày những Lời Mặc khải của Ngài cho nhân loại đúng như thế để may ra họ trở thành người ngay chính sợ Allah.

188.- Và chớ gian lận ăn nuốt tài sản của các ngươi lẫn nhau, và chớ dùng nó để hối lộ các quan toà hầu các ngươi có thể ăn không một phần tài sản của nhân loại một cách tội lỗi trong lúc các ngươi biết điều đó.

189.- Họ hỏi Ngươi về những vầng trăng lưỡi liềm. Hãy bảo họ: "Chúng là những thời điểm cho nhân loại (ghi đếm thời gian) và (cho) việc làm *Hajj*. Đạo đức không phải là đi vào nhà bằng cửa sau[1] mà đạo đức là ai sợ Allah. Và hãy đi vào nhà bằng những cửa chính (của nó), và hãy sợ Allah để cho các ngươi có thể thành công.

190.- Và vì Chính Nghĩa của Allah[2] hãy đánh trả những kẻ đã đánh các ngươi (trước) nhưng chớ vượt quá mức giới hạn bởi vì quả thật Allah không thương những kẻ phạm giới.

---

[1] Người Ả-rập tiền Islām kiêng vào nhà bằng các cửa chính nhất là vào thời gian làm Hajj hay sau thời gian đó. Islām sửa đổi tập tục này.

[2] *Fīsabīlillah* có nghĩa theo con đường của Allah.

وَٱقۡتُلُوهُمۡ حَيۡثُ ثَقِفۡتُمُوهُمۡ وَأَخۡرِجُوهُم مِّنۡ حَيۡثُ أَخۡرَجُوكُمۡۚ وَٱلۡفِتۡنَةُ
أَشَدُّ مِنَ ٱلۡقَتۡلِۚ وَلَا تُقَٰتِلُوهُمۡ عِندَ ٱلۡمَسۡجِدِ ٱلۡحَرَامِ حَتَّىٰ يُقَٰتِلُوكُمۡ
فِيهِۖ فَإِن قَٰتَلُوكُمۡ فَٱقۡتُلُوهُمۡۗ كَذَٰلِكَ جَزَآءُ ٱلۡكَٰفِرِينَ ١٩١ فَإِنِ ٱنتَهَوۡاْ
فَإِنَّ ٱللَّهَ غَفُورٞ رَّحِيمٞ ١٩٢ وَقَٰتِلُوهُمۡ حَتَّىٰ لَا تَكُونَ فِتۡنَةٞ وَيَكُونَ
ٱلدِّينُ لِلَّهِۖ فَإِنِ ٱنتَهَوۡاْ فَلَا عُدۡوَٰنَ إِلَّا عَلَى ٱلظَّٰلِمِينَ ١٩٣ ٱلشَّهۡرُ ٱلۡحَرَامُ
بِٱلشَّهۡرِ ٱلۡحَرَامِ وَٱلۡحُرُمَٰتُ قِصَاصٞۚ فَمَنِ ٱعۡتَدَىٰ عَلَيۡكُمۡ فَٱعۡتَدُواْ
عَلَيۡهِ بِمِثۡلِ مَا ٱعۡتَدَىٰ عَلَيۡكُمۡۚ وَٱتَّقُواْ ٱللَّهَ وَٱعۡلَمُوٓاْ أَنَّ ٱللَّهَ مَعَ
ٱلۡمُتَّقِينَ ١٩٤ وَأَنفِقُواْ فِي سَبِيلِ ٱللَّهِ وَلَا تُلۡقُواْ بِأَيۡدِيكُمۡ إِلَى ٱلتَّهۡلُكَةِ
وَأَحۡسِنُوٓاْۚ إِنَّ ٱللَّهَ يُحِبُّ ٱلۡمُحۡسِنِينَ ١٩٥ وَأَتِمُّواْ ٱلۡحَجَّ وَٱلۡعُمۡرَةَ لِلَّهِۚ
فَإِنۡ أُحۡصِرۡتُمۡ فَمَا ٱسۡتَيۡسَرَ مِنَ ٱلۡهَدۡيِۖ وَلَا تَحۡلِقُواْ رُءُوسَكُمۡ حَتَّىٰ يَبۡلُغَ
ٱلۡهَدۡيُ مَحِلَّهُۥۚ فَمَن كَانَ مِنكُم مَّرِيضًا أَوۡ بِهِۦٓ أَذٗى مِّن رَّأۡسِهِۦ فَفِدۡيَةٞ
مِّن صِيَامٍ أَوۡ صَدَقَةٍ أَوۡ نُسُكٖۚ فَإِذَآ أَمِنتُمۡ فَمَن تَمَتَّعَ بِٱلۡعُمۡرَةِ إِلَى ٱلۡحَجِّ
فَمَا ٱسۡتَيۡسَرَ مِنَ ٱلۡهَدۡيِۚ فَمَن لَّمۡ يَجِدۡ فَصِيَامُ ثَلَٰثَةِ أَيَّامٖ فِي ٱلۡحَجِّ
وَسَبۡعَةٍ إِذَا رَجَعۡتُمۡۗ تِلۡكَ عَشَرَةٞ كَامِلَةٞۗ ذَٰلِكَ لِمَن لَّمۡ يَكُنۡ أَهۡلُهُۥ حَاضِرِي
ٱلۡمَسۡجِدِ ٱلۡحَرَامِۚ وَٱتَّقُواْ ٱللَّهَ وَٱعۡلَمُوٓاْ أَنَّ ٱللَّهَ شَدِيدُ ٱلۡعِقَابِ ١٩٦

191.- Và hãy giết chúng nơi nào các ngươi bắt được chúng và đánh (đuổi) chúng ra khỏi nơi mà chúng đã đuổi các ngươi ra đi bởi vì quấy nhiễu nghiêm trọng hơn giết chóc. Nhưng chớ đánh chúng trong Thánh đường Linh thiêng (*Al-Masjid-al-Harām* tại *Makkah*) trừ phi chúng đánh các ngươi trong đó. Và nếu chúng đánh các ngươi thì hãy giết chúng lại. Đó là quả báo dành cho những kẻ không có đức tin.

192.- Nhưng nếu chúng ngưng chiến thì (nên biết rằng) Allah Hằng Tha thứ, Rất mực Khoan dung.

193.- Và hãy tiếp tục đánh chúng cho đến khi nào chấm dứt việc quấy nhiễu. Và chúng sẽ hoàn toàn thần phục Allah. Do đó, nếu chúng ngưng chiến thì sẽ không còn mối hiềm thù nào đối với chúng nữa ngoại trừ những kẻ làm điều sai quấy.

194.- Tháng cấm kỵ là tháng cấm kỵ (cho cả đôi bên *Muslim* và *Kāfir*) và có Luật trả đũa (*Qisās*) về những điều cấm kỵ. Bởi thế, ai vi phạm (những giới cấm) nhằm lấn át các ngươi, thì hãy lấn át trở lại như thế. Và hãy sợ Allah, và hãy biết rằng Allah ở cùng với những người sợ Allah.

195.- Và hãy chi dùng (tài sản của các ngươi) cho Chính nghĩa của Allah, và chớ để cho bàn tay (keo kiệt) của các ngươi xô đẩy các ngươi đến chỗ tự hủy và hãy làm tốt bởi vì quả thật Allah yêu thương những người làm tốt.

196.- Và hãy hoàn tất việc làm *Hajj* và *'Umrah* dâng lên Allah. Nhưng nếu các ngươi bị cản trở (trong việc này) thì hãy gởi một con vật tế đến tế (nếu có khả năng), và các ngươi không được cạo đầu cho đến khi con vật tế đã đến chỗ tế. Nhưng nếu ai trong các ngươi bị bệnh hoặc ngứa da đầu (cần phải cạo) thì phải chịu phạt bằng cách nhịn chay '*Siyām*' hoặc bố thí (cho người nghèo) hoặc dâng một con vật tế. Bởi thế, khi các ngươi bình thường trở lại, ai muốn tiếp tục làm '*Umrah* nhập chung với *Hajj* (tức *Hajj at-Tamattu'* và *al-Qirān*), thì phải dâng một con vật tế nếu có khả năng. Nhưng ai không có khả năng (dâng một con vật tế) thì phải nhịn chay '*Siyām*' ba (03) ngày trong thời gian làm *Hajj* và bảy (07) ngày sau khi trở về nhà; như vậy là đủ mười (10) ngày tất cả. Đấy là điều kiện dành cho người nào mà gia đình không ở (trong vùng tiếp cận) Thánh đường Linh thiêng (*Al-Masjid-al-Harām* tại Makkah). Và hãy sợ Allah, và hãy biết rằng Allah trừng phạt rất nghiêm khắc.

ٱلْحَجُّ أَشْهُرٌ مَّعْلُومَٰتٌ ۚ فَمَن فَرَضَ فِيهِنَّ ٱلْحَجَّ فَلَا
رَفَثَ وَلَا فُسُوقَ وَلَا جِدَالَ فِى ٱلْحَجِّ ۗ وَمَا تَفْعَلُوا۟ مِنْ
خَيْرٍ يَعْلَمْهُ ٱللَّهُ ۗ وَتَزَوَّدُوا۟ فَإِنَّ خَيْرَ ٱلزَّادِ ٱلتَّقْوَىٰ ۚ
وَٱتَّقُونِ يَٰٓأُو۟لِى ٱلْأَلْبَٰبِ ﴿١٩٧﴾ لَيْسَ عَلَيْكُمْ جُنَاحٌ
أَن تَبْتَغُوا۟ فَضْلًا مِّن رَّبِّكُمْ ۚ فَإِذَآ أَفَضْتُم مِّنْ
عَرَفَٰتٍ فَٱذْكُرُوا۟ ٱللَّهَ عِندَ ٱلْمَشْعَرِ ٱلْحَرَامِ ۖ
وَٱذْكُرُوهُ كَمَا هَدَىٰكُمْ وَإِن كُنتُم مِّن قَبْلِهِۦ
لَمِنَ ٱلضَّآلِّينَ ﴿١٩٨﴾ ثُمَّ أَفِيضُوا۟ مِنْ حَيْثُ أَفَاضَ
ٱلنَّاسُ وَٱسْتَغْفِرُوا۟ ٱللَّهَ ۚ إِنَّ ٱللَّهَ غَفُورٌ رَّحِيمٌ ﴿١٩٩﴾
فَإِذَا قَضَيْتُم مَّنَٰسِكَكُمْ فَٱذْكُرُوا۟ ٱللَّهَ كَذِكْرِكُمْ
ءَابَآءَكُمْ أَوْ أَشَدَّ ذِكْرًا ۗ فَمِنَ ٱلنَّاسِ مَن يَقُولُ
رَبَّنَآ ءَاتِنَا فِى ٱلدُّنْيَا وَمَا لَهُۥ فِى ٱلْءَاخِرَةِ مِنْ خَلَٰقٍ
﴿٢٠٠﴾ وَمِنْهُم مَّن يَقُولُ رَبَّنَآ ءَاتِنَا فِى ٱلدُّنْيَا حَسَنَةً
وَفِى ٱلْءَاخِرَةِ حَسَنَةً وَقِنَا عَذَابَ ٱلنَّارِ ﴿٢٠١﴾ أُو۟لَٰٓئِكَ
لَهُمْ نَصِيبٌ مِّمَّا كَسَبُوا۟ ۚ وَٱللَّهُ سَرِيعُ ٱلْحِسَابِ ﴿٢٠٢﴾

197.- (Việc làm) *Hajj* diễn ra trong những tháng[1] được biết rõ. Bởi thế, ai thực hiện việc làm *Hajj* trong những tháng đó thì không được dâm dục, không được hung ác, không được cãi vã trong thời gian làm *Hajj*. Allah biết điều tốt các ngươi làm. Và hãy mang theo thức ăn trong thời gian xa nhà, nhưng lương thực tốt nhất là lòng thành kính sợ Allah. Và hãy sợ TA, hỡi những người hiểu biết!

198.- Các ngươi không mắc tội nếu các ngươi tìm kiếm thiên lộc của *Rabb* (Allah) của các ngươi (qua việc mua bán đổi chác trong thời gian làm *Hajj*). Nhưng khi các ngươi vội vã rời (thung lũng) *'Arafāt* (để đi *Muzdalifah*), hãy tán dương Allah tại Ngôi đền linh thiêng (*Mash'ar-il-Harām ở Muzdalifah*). Và hãy tán dương[2] Allah đúng theo (cách) Ngài đã chỉ dẫn cho các ngươi bởi vì quả thật trước đây các ngươi là những kẻ lầm đường lạc lối.

199.- Rồi hãy vội vã rời khỏi (*Muzdalifah*) nơi mà mọi người vội vã bỏ đi và hãy cầu xin Allah tha thứ. Quả thật, Allah Hằng Tha thứ, Rất mực Khoan dung.

200.- Do đó, khi các ngươi đã hoàn tất các nghi lễ (*Manāsik* của *Hajj*), thì hãy tán dương Allah đúng như cách các ngươi đã tán dương cha mẹ của các ngươi (trước đây) hoặc tán dương (Allah) mạnh hơn. Nhưng trong nhân loại có người cầu nguyện thưa: "Lạy *Rabb* chúng tôi! Xin (Ngài) ban cho chúng tôi (Ân sủng) ở đời này!" Và họ sẽ không được phần nào cả ở Đời sau.

201.- Và trong họ, cũng có người cầu nguyện: "Lạy *Rabb* chúng tôi! Xin Ngài ban cho chúng tôi phần tốt ở đời này và phần tốt ở Đời sau và cứu vớt chúng tôi khỏi hình phạt của Lửa (Hỏa ngục!)"

202.- Họ là những người sẽ được (Allah) ban phần thưởng về những việc tốt mà họ đã làm ra. Và Allah rất nhanh trong việc thanh toán (thưởng phạt).

[1] Các tháng *Shauwāl, Zulqa'dah và Zul Hijjah* tức tháng 10, 11 và 12 âm lịch Islām.
[2] *Zikr* có nghĩa tưởng nhớ, tụng niệm, tán dương.

۞ وَٱذۡكُرُواْ ٱللَّهَ فِيٓ أَيَّامٖ مَّعۡدُودَٰتٖۚ فَمَن تَعَجَّلَ فِي
يَوۡمَيۡنِ فَلَآ إِثۡمَ عَلَيۡهِ وَمَن تَأَخَّرَ فَلَآ إِثۡمَ عَلَيۡهِۖ لِمَنِ
ٱتَّقَىٰۗ وَٱتَّقُواْ ٱللَّهَ وَٱعۡلَمُوٓاْ أَنَّكُمۡ إِلَيۡهِ تُحۡشَرُونَ
﴿٢٠٣﴾ وَمِنَ ٱلنَّاسِ مَن يُعۡجِبُكَ قَوۡلُهُۥ فِي ٱلۡحَيَوٰةِ ٱلدُّنۡيَا
وَيُشۡهِدُ ٱللَّهَ عَلَىٰ مَا فِي قَلۡبِهِۦ وَهُوَ أَلَدُّ ٱلۡخِصَامِ ﴿٢٠٤﴾
وَإِذَا تَوَلَّىٰ سَعَىٰ فِي ٱلۡأَرۡضِ لِيُفۡسِدَ فِيهَا وَيُهۡلِكَ ٱلۡحَرۡثَ
وَٱلنَّسۡلَۚ وَٱللَّهُ لَا يُحِبُّ ٱلۡفَسَادَ ﴿٢٠٥﴾ وَإِذَا قِيلَ لَهُ ٱتَّقِ ٱللَّهَ
أَخَذَتۡهُ ٱلۡعِزَّةُ بِٱلۡإِثۡمِۚ فَحَسۡبُهُۥ جَهَنَّمُۖ وَلَبِئۡسَ
ٱلۡمِهَادُ ﴿٢٠٦﴾ وَمِنَ ٱلنَّاسِ مَن يَشۡرِي نَفۡسَهُ ٱبۡتِغَآءَ
مَرۡضَاتِ ٱللَّهِۚ وَٱللَّهُ رَءُوفُۢ بِٱلۡعِبَادِ ﴿٢٠٧﴾ يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ
ءَامَنُواْ ٱدۡخُلُواْ فِي ٱلسِّلۡمِ كَآفَّةٗ وَلَا تَتَّبِعُواْ خُطُوَٰتِ
ٱلشَّيۡطَٰنِۚ إِنَّهُۥ لَكُمۡ عَدُوّٞ مُّبِينٞ ﴿٢٠٨﴾ فَإِن زَلَلۡتُم مِّنۢ بَعۡدِ
مَا جَآءَتۡكُمُ ٱلۡبَيِّنَٰتُ فَٱعۡلَمُوٓاْ أَنَّ ٱللَّهَ عَزِيزٌ حَكِيمٌ
﴿٢٠٩﴾ هَلۡ يَنظُرُونَ إِلَّآ أَن يَأۡتِيَهُمُ ٱللَّهُ فِي ظُلَلٖ مِّنَ ٱلۡغَمَامِ
وَٱلۡمَلَٰٓئِكَةُ وَقُضِيَ ٱلۡأَمۡرُۚ وَإِلَى ٱللَّهِ تُرۡجَعُ ٱلۡأُمُورُ ﴿٢١٠﴾

203.- Và hãy tán dương Allah vào những Ngày (*Tashrīq*) ấn định[1]. Nhưng ai vội vã ra về trong vòng hai ngày thì không phải tội, và ai nhất định ở lại (cho hết những Ngày *Tashrīq*) thì cũng không có tội nhất là đối với người nào sợ Allah. Và hãy sợ Allah, và hãy biết rằng các ngươi sẽ được tập trung đưa về gặp Ngài trở lại (để chịu xét xử ở Đời sau).

204.- Và trong nhân loại có hạng người mà lời nói về (đời sống) trần gian này làm cho Ngươi trầm trồ, và y còn mang Allah ra làm chứng cho những điều nằm trong lòng của y trong lúc y lại là một tên tranh chấp hung hãn nhất.

205.- Nhưng khi bỏ đi, y vội vã đi làm chuyện ác đức trên trái đất, phá hoại mùa màng và giết hại gia súc. Và chắc chắn Allah không chấp nhận việc ác đức.

206.- Và khi có lời bảo y, 'Hãy sợ Allah', thì tính ngạo mạn của y làm y phạm tội. Bởi thế, y xứng đáng đi vào Hỏa ngục, và chắc chắn Hỏa ngục là nơi nghỉ xấu xa nhất.

207.- Ngược lại, trong nhân loại có hạng người chịu bán mình để làm hài lòng Allah. Và Allah Rất mực Độ lượng với bầy tôi của Ngài.

208.- Hỡi những ai có niềm tin! Hãy gia nhập **Islām** một cách trọn vẹn[2] và chớ dẫm theo bước chân của Shaytān bởi vì nó là kẻ thù công khai của các ngươi.

209.- Nhưng nếu các ngươi sa ngã sau khi đã chứng kiến những bằng chứng rõ rệt thì nên biết rằng Allah Toàn năng, Rất mực Sáng suốt.

210.- Phải chăng họ chỉ còn đợi Allah được Thiên thần tháp tùng xuống gặp chúng trong bóng mây và vấn đề (do đó) sẽ được giải quyết? Bởi vì mọi vấn đề đều được trình lên cho Allah quyết định.

---

[1] Ba ngày: thứ 11, 12 và 13 của tháng *Zul-Hijjah*.

[2] *Kāffah* = hoàn toàn, trọn vẹn cả đức tin lẫn hành động, cả lời nói lẫn việc làm, không giả dối. Thực hiện trọn vẹn các giáo luật của Islām.

سَلْ بَنِيٓ إِسْرَٰٓءِيلَ كَمْ ءَاتَيْنَٰهُم مِّنْ ءَايَةٍۭ بَيِّنَةٍۗ وَمَن يُبَدِّلْ نِعْمَةَ
ٱللَّهِ مِنۢ بَعْدِ مَا جَآءَتْهُ فَإِنَّ ٱللَّهَ شَدِيدُ ٱلْعِقَابِ ﴿٢١١﴾ زُيِّنَ
لِلَّذِينَ كَفَرُوا۟ ٱلْحَيَوٰةُ ٱلدُّنْيَا وَيَسْخَرُونَ مِنَ ٱلَّذِينَ ءَامَنُوا۟ۘ وَٱلَّذِينَ
ٱتَّقَوْا۟ فَوْقَهُمْ يَوْمَ ٱلْقِيَٰمَةِۗ وَٱللَّهُ يَرْزُقُ مَن يَشَآءُ بِغَيْرِ حِسَابٍ
﴿٢١٢﴾ كَانَ ٱلنَّاسُ أُمَّةً وَٰحِدَةً فَبَعَثَ ٱللَّهُ ٱلنَّبِيِّـۧنَ مُبَشِّرِينَ
وَمُنذِرِينَ وَأَنزَلَ مَعَهُمُ ٱلْكِتَٰبَ بِٱلْحَقِّ لِيَحْكُمَ بَيْنَ ٱلنَّاسِ
فِيمَا ٱخْتَلَفُوا۟ فِيهِۚ وَمَا ٱخْتَلَفَ فِيهِ إِلَّا ٱلَّذِينَ أُوتُوهُ مِنۢ بَعْدِ
مَا جَآءَتْهُمُ ٱلْبَيِّنَٰتُ بَغْيًۢا بَيْنَهُمْۖ فَهَدَى ٱللَّهُ ٱلَّذِينَ ءَامَنُوا۟
لِمَا ٱخْتَلَفُوا۟ فِيهِ مِنَ ٱلْحَقِّ بِإِذْنِهِۦۗ وَٱللَّهُ يَهْدِى مَن يَشَآءُ
إِلَىٰ صِرَٰطٍ مُّسْتَقِيمٍ ﴿٢١٣﴾ أَمْ حَسِبْتُمْ أَن تَدْخُلُوا۟ ٱلْجَنَّةَ وَلَمَّا
يَأْتِكُم مَّثَلُ ٱلَّذِينَ خَلَوْا۟ مِن قَبْلِكُمۖ مَّسَّتْهُمُ ٱلْبَأْسَآءُ وَٱلضَّرَّآءُ
وَزُلْزِلُوا۟ حَتَّىٰ يَقُولَ ٱلرَّسُولُ وَٱلَّذِينَ ءَامَنُوا۟ مَعَهُۥ مَتَىٰ نَصْرُ
ٱللَّهِۗ أَلَآ إِنَّ نَصْرَ ٱللَّهِ قَرِيبٌ ﴿٢١٤﴾ يَسْـَٔلُونَكَ مَاذَا يُنفِقُونَۖ قُلْ
مَآ أَنفَقْتُم مِّنْ خَيْرٍ فَلِلْوَٰلِدَيْنِ وَٱلْأَقْرَبِينَ وَٱلْيَتَٰمَىٰ وَٱلْمَسَٰكِينِ
وَٱبْنِ ٱلسَّبِيلِۗ وَمَا تَفْعَلُوا۟ مِنْ خَيْرٍ فَإِنَّ ٱللَّهَ بِهِۦ عَلِيمٌ ﴿٢١٥﴾

211.- Hãy hỏi con cháu của Israel xem có bao nhiêu Dấu hiệu rõ rệt mà *TA* (Allah) đã ban cho họ? Và ai thay đổi Ân huệ của Allah sau khi đã tiếp thu nó, thì nên biết Allah rất nghiêm khắc trong việc trừng trị.

212.- Đời sống trần tục này xinh đẹp (và hấp dẫn) đối với những kẻ không có đức tin. Chúng chê cười những người có đức tin nhưng (chúng không biết việc) những người ngay chính sợ Allah sẽ ở bên trên chúng vào Ngày Phục sinh. Và Allah sẽ cung cấp vô số thiên lộc cho người nào mà Ngài muốn (cho).

213.- (Ban đầu) nhân loại chỉ là một Cộng đồng (*Ummah*). Sau đó (vì họ lầm lạc nên) Allah dựng lên các *Nabi* (xuất thân từ họ) làm những vị vừa mang tin mừng vừa báo tin dữ, và (Allah) gởi cùng với Họ những Kinh sách bằng sự Thật để Họ dựa vào đó mà xét xử nhân loại về những vấn đề (nhân loại) thường tranh chấp nhau. Nhưng không ai tranh chấp nhau trong đó ngoại trừ những kẻ đã được (Allah) ban cho Kinh sách (bởi vì) sau khi tiếp thu (những Lời giáo huấn) rõ rệt, do lòng đố kỵ và muốn áp bức kẻ khác (nên chúng đâm ra tranh chấp đó thôi). Bởi thế, Allah, với sự chấp thuận của Ngài, đã dẫn dắt những ai có đức tin đến với Chân lý về những điều chúng thường tranh chấp nhau. Và Allah hướng dẫn người nào Ngài muốn đến Con đường ngay chính (của *Islām*).

214.- Hoặc phải chăng các người nghĩ rằng các người sẽ vào Thiên đàng trong lúc các người chưa hề từng trải những thử thách tương tự (những thử thách) mà những người đã qua đời trước các ngươi đã nếm? Họ đã từng kinh qua nghịch cảnh và hoạn nạn và họ dao động (tinh thần) đến nỗi Sứ giả (Muhammad) và những tín đồ sát cánh với Người đều phải than: "Chừng nào sự cứu giúp của Allah mới đến?" Này! Sự cứu giúp của Allah chắc chắn ở sát bên (các ngươi đó!)

215.- Họ hỏi Ngươi, vật gì họ phải chi dùng vào việc bố thí? Hãy bảo họ: "Bất cứ vật gì các ngươi chi ra từ tài sản của các ngươi, thì là cho cha mẹ và bà con ruột thịt và trẻ mồ côi và người thiếu thốn và người lỡ đường. Và bất cứ vật nào các ngươi tiêu ra từ tài sản của các ngươi thì quả thật Allah biết rõ hết.

كُتِبَ عَلَيْكُمُ ٱلْقِتَالُ وَهُوَ كُرْهٌ لَّكُمْ ۖ وَعَسَىٰٓ أَن تَكْرَهُوا۟ شَيْـًٔا وَهُوَ خَيْرٌ لَّكُمْ ۖ وَعَسَىٰٓ أَن تُحِبُّوا۟ شَيْـًٔا وَهُوَ شَرٌّ لَّكُمْ ۗ وَٱللَّهُ يَعْلَمُ وَأَنتُمْ لَا تَعْلَمُونَ ﴿٢١٦﴾ يَسْـَٔلُونَكَ عَنِ ٱلشَّهْرِ ٱلْحَرَامِ قِتَالٍ فِيهِ ۖ قُلْ قِتَالٌ فِيهِ كَبِيرٌ ۖ وَصَدٌّ عَن سَبِيلِ ٱللَّهِ وَكُفْرٌۢ بِهِۦ وَٱلْمَسْجِدِ ٱلْحَرَامِ وَإِخْرَاجُ أَهْلِهِۦ مِنْهُ أَكْبَرُ عِندَ ٱللَّهِ ۚ وَٱلْفِتْنَةُ أَكْبَرُ مِنَ ٱلْقَتْلِ ۗ وَلَا يَزَالُونَ يُقَـٰتِلُونَكُمْ حَتَّىٰ يَرُدُّوكُمْ عَن دِينِكُمْ إِنِ ٱسْتَطَـٰعُوا۟ ۚ وَمَن يَرْتَدِدْ مِنكُمْ عَن دِينِهِۦ فَيَمُتْ وَهُوَ كَافِرٌ فَأُو۟لَـٰٓئِكَ حَبِطَتْ أَعْمَـٰلُهُمْ فِى ٱلدُّنْيَا وَٱلْـَٔاخِرَةِ ۖ وَأُو۟لَـٰٓئِكَ أَصْحَـٰبُ ٱلنَّارِ ۖ هُمْ فِيهَا خَـٰلِدُونَ ﴿٢١٧﴾ إِنَّ ٱلَّذِينَ ءَامَنُوا۟ وَٱلَّذِينَ هَاجَرُوا۟ وَجَـٰهَدُوا۟ فِى سَبِيلِ ٱللَّهِ أُو۟لَـٰٓئِكَ يَرْجُونَ رَحْمَتَ ٱللَّهِ ۚ وَٱللَّهُ غَفُورٌ رَّحِيمٌ ﴿٢١٨﴾ ۞ يَسْـَٔلُونَكَ عَنِ ٱلْخَمْرِ وَٱلْمَيْسِرِ ۖ قُلْ فِيهِمَآ إِثْمٌ كَبِيرٌ وَمَنَـٰفِعُ لِلنَّاسِ وَإِثْمُهُمَآ أَكْبَرُ مِن نَّفْعِهِمَا ۗ وَيَسْـَٔلُونَكَ مَاذَا يُنفِقُونَ قُلِ ٱلْعَفْوَ ۗ كَذَٰلِكَ يُبَيِّنُ ٱللَّهُ لَكُمُ ٱلْـَٔايَـٰتِ لَعَلَّكُمْ تَتَفَكَّرُونَ ﴿٢١٩﴾

ربع الحزب ٤

216.- Lệnh chiến đấu đã được truyền xuống cho các ngươi và đó là điều mà các ngươi không thích. Có lẽ các ngươi ghét điều mà chính nó lại tốt cho các ngươi và có lẽ các ngươi thích điều mà chình nó lại xấu cho các ngươi. Allah biết (giá trị của nó) trong lúc các ngươi không biết.

217.- Họ hỏi Ngươi (Muhammad) về việc chiến đấu trong những tháng cấm kỵ. Hãy bảo họ: "Chiến đấu trong tháng cấm kỵ là một (vi phạm) trọng đại. Nhưng dưới cái nhìn của Allah thì việc cản trở thiên hạ không cho theo Chính đạo của Allah, việc phủ nhận Ngài, và việc (cấm thiên hạ đến thờ phụng tại) Thánh đường Linh thiêng (ở Makkah) cũng như việc trục xuất dân cư của nó ra khỏi (thánh địa) (tất cả điều đó) còn trọng đại hơn (việc chiến đấu trong tháng cấm kỵ). Bởi vì (dùng bạo lực để) quấy nhiễu nghiêm trọng hơn việc giết chóc. Và chúng sẽ không ngưng đánh các ngươi cho đến khi nào chúng làm cho các ngươi bỏ đạo của các ngươi nếu có khả năng. Và ai trong các ngươi bỏ đạo và chết trong tình trạng không có đức tin thì là những người mà việc làm sẽ trở thành vô nghĩa ở đời này lẫn Đời sau. Và họ sẽ là những người Bạn của Lửa (Hỏa ngục), nơi mà họ sẽ vào đó ở đời đời."

218.- Quả thật, những ai có đức tin và những ai di-cư và chiến đấu cho Chính nghĩa của Allah là những người hy vọng sẽ được Allah khoan dung bởi vì Allah Hằng Tha thứ, Rất mực Khoan dung.

219.- Họ hỏi Ngươi về việc uống rượu và cờ bạc. Hãy bảo họ: "Trong hai điều đó vừa có một tội lớn vừa có một vài mối lợi cho nhân loại, nhưng tội của hai thứ đó lớn hơn mối lợi của chúng." Họ lại hỏi Ngươi phải chi dùng cái gì để (làm việc thiện). Hãy bảo họ: "Vật còn lại (sau khi thỏa mãn những nhu cầu cần thiết.)" Allah trình bày cho các ngươi những Lời Mặc khải của Ngài đúng như thế để cho các ngươi suy nghĩ lại;

فِي ٱلدُّنْيَا وَٱلْأٓخِرَةِۗ وَيَسْـَٔلُونَكَ عَنِ ٱلْيَتَٰمَىٰۖ قُلْ إِصْلَاحٞ لَّهُمْ
خَيْرٞۖ وَإِن تُخَالِطُوهُمْ فَإِخْوَٰنُكُمْۚ وَٱللَّهُ يَعْلَمُ ٱلْمُفْسِدَ مِنَ
ٱلْمُصْلِحِۚ وَلَوْ شَآءَ ٱللَّهُ لَأَعْنَتَكُمْۚ إِنَّ ٱللَّهَ عَزِيزٌ حَكِيمٞ
﴿٢٢٠﴾ وَلَا تَنكِحُواْ ٱلْمُشْرِكَٰتِ حَتَّىٰ يُؤْمِنَّۚ وَلَأَمَةٞ مُّؤْمِنَةٌ
خَيْرٞ مِّن مُّشْرِكَةٖ وَلَوْ أَعْجَبَتْكُمْۗ وَلَا تُنكِحُواْ ٱلْمُشْرِكِينَ
حَتَّىٰ يُؤْمِنُواْۚ وَلَعَبْدٞ مُّؤْمِنٌ خَيْرٞ مِّن مُّشْرِكٖ وَلَوْ أَعْجَبَكُمْۗ
أُوْلَٰٓئِكَ يَدْعُونَ إِلَى ٱلنَّارِۖ وَٱللَّهُ يَدْعُوٓاْ إِلَى ٱلْجَنَّةِ وَٱلْمَغْفِرَةِ
بِإِذْنِهِۦۖ وَيُبَيِّنُ ءَايَٰتِهِۦ لِلنَّاسِ لَعَلَّهُمْ يَتَذَكَّرُونَ ﴿٢٢١﴾
وَيَسْـَٔلُونَكَ عَنِ ٱلْمَحِيضِۖ قُلْ هُوَ أَذٗى فَٱعْتَزِلُواْ ٱلنِّسَآءَ فِي
ٱلْمَحِيضِ وَلَا تَقْرَبُوهُنَّ حَتَّىٰ يَطْهُرْنَۖ فَإِذَا تَطَهَّرْنَ فَأْتُوهُنَّ
مِنْ حَيْثُ أَمَرَكُمُ ٱللَّهُۚ إِنَّ ٱللَّهَ يُحِبُّ ٱلتَّوَّٰبِينَ وَيُحِبُّ ٱلْمُتَطَهِّرِينَ
﴿٢٢٢﴾ نِسَآؤُكُمْ حَرْثٞ لَّكُمْ فَأْتُواْ حَرْثَكُمْ أَنَّىٰ شِئْتُمْۖ وَقَدِّمُواْ
لِأَنفُسِكُمْۚ وَٱتَّقُواْ ٱللَّهَ وَٱعْلَمُوٓاْ أَنَّكُم مُّلَٰقُوهُۗ وَبَشِّرِ
ٱلْمُؤْمِنِينَ ﴿٢٢٣﴾ وَلَا تَجْعَلُواْ ٱللَّهَ عُرْضَةٗ لِّأَيْمَٰنِكُمْ أَن تَبَرُّواْ
وَتَتَّقُواْ وَتُصْلِحُواْ بَيْنَ ٱلنَّاسِۚ وَٱللَّهُ سَمِيعٌ عَلِيمٞ ﴿٢٢٤﴾

220.- (Về ảnh hưởng của chúng) ở đời này và Đời sau. Họ hỏi Ngươi về tình trạng của các đứa trẻ mồ côi. Hãy bảo họ: "Cải thiện (đời sống) cho chúng là điều tốt nhất, và nếu các ngươi hợp tác làm ăn với chúng thì (hãy xem) chúng như là anh em của các ngươi bởi vì Allah biết ai là kẻ thối nát so với người lương thiện. Và nếu Allah muốn thì Ngài thừa sức làm cho các ngươi gặp hoạn nạn khó khăn. Bởi vì quả thật, Allah Toàn Năng, Rất mực Sáng suốt.

221.- Và chớ kết hôn với các phụ nữ thờ đa-thần cho đến khi nào họ có đức tin (nơi Allah) bởi vì một phụ nữ nô-lệ có đức tin tốt hơn một người phụ nữ thờ đa thần dẫu rằng họ quyến rũ các ngươi. Và chớ kết hôn (con gái của các ngươi) cho những người đàn ông thờ đa-thần cho đến khi nào chúng có đức tin (nơi Allah) bởi vì một người nô-lệ nam có đức tin tốt hơn một người đàn ông thờ đa thần dẫu rằng chúng quyến rũ các ngươi. Những người thờ đa thần này mời các ngươi đến với Lửa (của Hỏa ngục) trong lúc Allah kêu gọi các ngươi đến Thiên đàng và sự Tha thứ theo phép của Ngài. Và (Allah) trình bày rõ các Lời Mặc khải của Ngài cho nhân loại để họ có thể ghi nhớ (việc hôn nhân).

222.- Họ hỏi Ngươi về kinh kỳ của phụ nữ. Hãy bảo họ: "Nó là một sự ô-nhiễm. Bởi thế, hãy xa phụ nữ (người vợ) trong thời gian có kinh kỳ và chỉ đến gần họ khi nào họ sạch sẽ. Do đó, khi họ (tắm gội) sạch sẽ rồi, các ngươi có thể đến với họ lúc nào, nơi nào như Allah đã chỉ thị cho các ngươi. Quả thật, Allah yêu thương những người năng sám hối và những người giữ mình sạch sẽ.

223.- Vợ của các ngươi là một miếng đất trồng[1] cho các ngươi. Do đó, hãy đến gần mảnh đất trồng của các ngươi tùy lúc và theo cách mà các ngươi muốn, nhưng hãy chuẩn bị tư tưởng trước cho bản thân của các ngươi (khi đến với họ). Và hãy sợ Allah, và biết rằng các ngươi sẽ gặp Ngài trở lại (ở Đời sau), và hãy báo tin lành cho những người có đức tin.

224.- Và chớ mang (tên của) Allah ra làm bình phong chống chế cho những lời thề (trống rỗng) của các ngươi để các ngươi không làm việc đạo đức, và không sợ Allah và không hòa giải mọi người, bởi vì Allah Hằng Nghe và Hằng Biết (hết mọi việc các ngươi làm).

---

[1] *Harth* là một miếng đất dùng trồng trọt. Allah ví người vợ như một miếng đất trồng, người chồng như một anh nông phu. Nếu muốn có hoa mầu tốt, anh nông phu phải vun sới miếng đất cho tốt để gieo hạt. Đất tốt cho ra trái tốt. Tuy nhiên cày bừa cũng phải theo phương pháp và theo mùa, miếng đất vì thế mới cho ra trái tốt và nhiều. Tương tự như thế, vợ chồng phải biết thương yêu chìu chuộng lẫn nhau mới sinh ra các đứa con tốt, lành mạnh. Thiên sứ có dạy lời cầu nguyện trước khi hai vợ chồng ăn nằm với nhau. *'Bismillah! Allahumma Jannib nash-Shaytana wa jannibish-shaytana mā razaqtana'* (Nhân danh Allah! Cầu xin Allah giữ chúng tôi xa khỏi Sa-tăng và giữ Sa-tăng xa khỏi con cái mà Ngài ban cho chúng tôi.) –Sahih Bukhari; Sahih Muslim.

لَّا يُؤَاخِذُكُمُ ٱللَّهُ بِٱللَّغۡوِ فِيٓ أَيۡمَٰنِكُمۡ وَلَٰكِن يُؤَاخِذُكُم بِمَا كَسَبَتۡ
قُلُوبُكُمۡۗ وَٱللَّهُ غَفُورٌ حَلِيمٞ ﴿٢٢٥﴾ لِّلَّذِينَ يُؤۡلُونَ مِن نِّسَآئِهِمۡ تَرَبُّصُ
أَرۡبَعَةِ أَشۡهُرٖۖ فَإِن فَآءُو فَإِنَّ ٱللَّهَ غَفُورٞ رَّحِيمٞ ﴿٢٢٦﴾ وَإِنۡ عَزَمُواْ
ٱلطَّلَٰقَ فَإِنَّ ٱللَّهَ سَمِيعٌ عَلِيمٞ ﴿٢٢٧﴾ وَٱلۡمُطَلَّقَٰتُ يَتَرَبَّصۡنَ بِأَنفُسِهِنَّ
ثَلَٰثَةَ قُرُوٓءٖۚ وَلَا يَحِلُّ لَهُنَّ أَن يَكۡتُمۡنَ مَا خَلَقَ ٱللَّهُ فِيٓ أَرۡحَامِهِنَّ
إِن كُنَّ يُؤۡمِنَّ بِٱللَّهِ وَٱلۡيَوۡمِ ٱلۡأٓخِرِۚ وَبُعُولَتُهُنَّ أَحَقُّ بِرَدِّهِنَّ فِي
ذَٰلِكَ إِنۡ أَرَادُوٓاْ إِصۡلَٰحٗاۚ وَلَهُنَّ مِثۡلُ ٱلَّذِي عَلَيۡهِنَّ بِٱلۡمَعۡرُوفِۚ
وَلِلرِّجَالِ عَلَيۡهِنَّ دَرَجَةٞۗ وَٱللَّهُ عَزِيزٌ حَكِيمٌ ﴿٢٢٨﴾ ٱلطَّلَٰقُ مَرَّتَانِۖ
فَإِمۡسَاكُۢ بِمَعۡرُوفٍ أَوۡ تَسۡرِيحُۢ بِإِحۡسَٰنٖۗ وَلَا يَحِلُّ لَكُمۡ أَن تَأۡخُذُواْ
مِمَّآ ءَاتَيۡتُمُوهُنَّ شَيۡـًٔا إِلَّآ أَن يَخَافَآ أَلَّا يُقِيمَا حُدُودَ ٱللَّهِۖ
فَإِنۡ خِفۡتُمۡ أَلَّا يُقِيمَا حُدُودَ ٱللَّهِ فَلَا جُنَاحَ عَلَيۡهِمَا فِيمَا ٱفۡتَدَتۡ
بِهِۦۗ تِلۡكَ حُدُودُ ٱللَّهِ فَلَا تَعۡتَدُوهَاۚ وَمَن يَتَعَدَّ حُدُودَ ٱللَّهِ فَأُوْلَٰٓئِكَ
هُمُ ٱلظَّٰلِمُونَ ﴿٢٢٩﴾ فَإِن طَلَّقَهَا فَلَا تَحِلُّ لَهُۥ مِنۢ بَعۡدُ حَتَّىٰ تَنكِحَ زَوۡجًا
غَيۡرَهُۥۗ فَإِن طَلَّقَهَا فَلَا جُنَاحَ عَلَيۡهِمَآ أَن يَتَرَاجَعَآ إِن ظَنَّآ أَن
يُقِيمَا حُدُودَ ٱللَّهِۗ وَتِلۡكَ حُدُودُ ٱللَّهِ يُبَيِّنُهَا لِقَوۡمٖ يَعۡلَمُونَ ﴿٢٣٠﴾

225.- Allah sẽ không gọi các ngươi đến hỏi về những điều vô nghĩa trong lời thề của các ngươi mà Ngài sẽ gọi các ngươi đến hỏi về những điều mà quả tim (tấm lòng) của các ngươi đã cố ý làm ra; và Allah Hằng Tha thứ và Hằng Chịu đựng (với bầy tôi của Ngài).

226.- Đối với những ai thề thốt sẽ không ăn nằm với vợ nữa (*Ila'*), thời gian chờ đợi (cho họ suy nghĩ và quyết định) là bốn tháng. Nhưng nếu họ quyết định trở lại (với vợ) thì chắc chắn Allah Tha thứ và Khoan dung (cho họ);

227.- Và nếu họ nhất định ly dị (vợ), thì quả thật Allah Hằng Nghe và Hằng Biết (điều đó).

228.- Và những người vợ ly dị, vì quyền lợi của bản thân, nên ở vậy trong ba (tháng) kinh kỳ. Và họ không được giấu (bào thai) mà Allah đã tạo trong bụng của họ nếu họ tin tưởng nơi Allah và Ngày sau. Và người chồng của họ có quyền ưu tiên lấy họ trở lại trong thời gian đó nếu hai người chịu hòa với nhau. Và theo lẽ công bằng, các bà vợ có quyền (đòi hỏi người chồng chu cấp...) tương đương với quyền (mà người chồng đã dùng để) đối xử với họ (như trung thành và kính trọng chồng...); tuy nhiên người đàn ông (có trách nhiệm) trội hơn người đàn bà một bậc; bởi vì Allah Toàn Năng, Rất mực Sáng suốt (khi qui định quyền hạn giữa nam và nữ).

229.- Việc ly-dị chỉ được cho phép (tuyên bố) hai lần. Sau đó, (chồng) giữ (vợ) lại một cách tử tế hoặc trả tự do (cho vợ) một cách tốt đẹp. Và các ngươi không được phép lấy lại bất cứ tiền cưới nào mà các ngươi đã tặng cho vợ, ngoại trừ trường hợp đôi bên sợ không thể giữ được những giới hạn (qui định) bởi Allah. Nhưng nếu các ngươi sợ đôi bên không thể giữ được những giới hạn của Allah, thì đôi bên không mắc phải tội về phần tặng vật mà bà vợ dùng để chuộc sự tự do của mình. Đây là những giới hạn qui định bởi Allah. Do đó, chớ vi phạm chúng. Và ai vi phạm những giới hạn của Allah thì là những kẻ làm điều sai quấy.

230.- Do đó, nếu người chồng đã ly-dị vợ, thì bà vợ sẽ không còn hợp pháp cho ông chồng cũ nữa trừ phi người vợ kết hôn với một người khác; sau này nếu ông chồng mới (này) ly dị bà ta thì hai vợ chồng (cũ) sẽ không mắc tội nếu họ thuận tái hợp với nhau và nếu họ nghĩ rằng họ có thể tôn trọng những giới hạn của Allah. Đó là những giới hạn mà Allah trình bày cho những người hiểu biết.

وَإِذَا طَلَّقۡتُمُ ٱلنِّسَآءَ فَبَلَغۡنَ أَجَلَهُنَّ فَأَمۡسِكُوهُنَّ بِمَعۡرُوفٍ
أَوۡ سَرِّحُوهُنَّ بِمَعۡرُوفٖۚ وَلَا تُمۡسِكُوهُنَّ ضِرَارٗا لِّتَعۡتَدُواْۚ وَمَن
يَفۡعَلۡ ذَٰلِكَ فَقَدۡ ظَلَمَ نَفۡسَهُۥۚ وَلَا تَتَّخِذُوٓاْ ءَايَٰتِ ٱللَّهِ هُزُوٗاۚ
وَٱذۡكُرُواْ نِعۡمَتَ ٱللَّهِ عَلَيۡكُمۡ وَمَآ أَنزَلَ عَلَيۡكُم مِّنَ ٱلۡكِتَٰبِ وَٱلۡحِكۡمَةِ
يَعِظُكُم بِهِۦۚ وَٱتَّقُواْ ٱللَّهَ وَٱعۡلَمُوٓاْ أَنَّ ٱللَّهَ بِكُلِّ شَيۡءٍ عَلِيمٞ ﴿٢٣١﴾ وَإِذَا
طَلَّقۡتُمُ ٱلنِّسَآءَ فَبَلَغۡنَ أَجَلَهُنَّ فَلَا تَعۡضُلُوهُنَّ أَن يَنكِحۡنَ
أَزۡوَٰجَهُنَّ إِذَا تَرَٰضَوۡاْ بَيۡنَهُم بِٱلۡمَعۡرُوفِۗ ذَٰلِكَ يُوعَظُ بِهِۦ مَن كَانَ
مِنكُمۡ يُؤۡمِنُ بِٱللَّهِ وَٱلۡيَوۡمِ ٱلۡأٓخِرِۗ ذَٰلِكُمۡ أَزۡكَىٰ لَكُمۡ وَأَطۡهَرُۚ وَٱللَّهُ
يَعۡلَمُ وَأَنتُمۡ لَا تَعۡلَمُونَ ﴿٢٣٢﴾ ۞ وَٱلۡوَٰلِدَٰتُ يُرۡضِعۡنَ أَوۡلَٰدَهُنَّ حَوۡلَيۡنِ
كَامِلَيۡنِۖ لِمَنۡ أَرَادَ أَن يُتِمَّ ٱلرَّضَاعَةَۚ وَعَلَى ٱلۡمَوۡلُودِ لَهُۥ رِزۡقُهُنَّ
وَكِسۡوَتُهُنَّ بِٱلۡمَعۡرُوفِۚ لَا تُكَلَّفُ نَفۡسٌ إِلَّا وُسۡعَهَاۚ لَا تُضَآرَّ
وَٰلِدَةُۢ بِوَلَدِهَا وَلَا مَوۡلُودٞ لَّهُۥ بِوَلَدِهِۦۚ وَعَلَى ٱلۡوَارِثِ مِثۡلُ ذَٰلِكَۗ فَإِنۡ
أَرَادَا فِصَالًا عَن تَرَاضٖ مِّنۡهُمَا وَتَشَاوُرٖ فَلَا جُنَاحَ عَلَيۡهِمَاۗ وَإِنۡ
أَرَدتُّمۡ أَن تَسۡتَرۡضِعُوٓاْ أَوۡلَٰدَكُمۡ فَلَا جُنَاحَ عَلَيۡكُمۡ إِذَا سَلَّمۡتُم مَّآ
ءَاتَيۡتُم بِٱلۡمَعۡرُوفِۗ وَٱتَّقُواْ ٱللَّهَ وَٱعۡلَمُوٓاْ أَنَّ ٱللَّهَ بِمَا تَعۡمَلُونَ بَصِيرٞ ﴿٢٣٣﴾

نصف الحزب ٤

231.- Và khi các ngươi ly-dị vợ và họ sắp hoàn tất thời hạn ở vậy (*'Iddah*) thì, hoặc giữ họ lại một cách tử tế hoặc trả tự do cho họ một cách tốt đẹp; và chớ giữ họ lại để làm khổ họ, làm thế các ngươi sẽ phạm tội. Và ai làm thế, thì thật sự sẽ làm hại bản thân (linh hồn) mình; và chớ mang các Lời Mặc khải của Allah ra làm điều bỡn cợt, và hãy nhớ Ân huệ của Allah đã ban cho các ngươi trong Kinh sách và điều đúng đắn khôn ngoan mà Ngài dùng để khuyên bảo các ngươi; và hãy thành kính sợ Allah, và nên nhớ rằng chắc chắn Allah biết hết mọi việc.

232.- Khi các ngươi ly-dị vợ và họ hoàn tất thời hạn ở vậy (*'Iddah*) của họ, chớ cản họ tái hôn với người chồng cũ nếu đôi bên thuận tái hợp một cách tốt đẹp. Đó là điều dùng để khuyên bảo những ai trong các ngươi tin tưởng nơi Allah và Ngày sau. Điều đó trong sạch và sạch sẽ cho các ngươi bởi vì Allah biết (Phúc và Tội) trong lúc các ngươi không biết.

233.- Những bà mẹ ly-dị sẽ cho con bú sữa (mẹ) suốt hai năm tròn đối với người (cha) nào muốn cho con họ bú vú mẹ đủ thời hạn, nhưng người cha (của đứa con) phải chịu mọi phí tổn về ăn uống và may mặc cho các bà mẹ một cách tử tế. Mỗi linh hồn chỉ bị bắt làm việc tuỳ theo khả năng của nó; không bà mẹ nào bị làm khổ vì đứa con của bà, cũng không người cha nào bị làm khổ vì đứa con của ông ta. Và đối với người thừa kế, trách nhiệm cũng sẽ như thế. Nhưng nếu đôi bên (vợ chồng ly-dị) tham khảo ý kiến lẫn nhau và thỏa thuận thôi cho con bú sữa mẹ thì hai người không mắc tội nếu các ngươi tìm được một bà vú nuôi cho đứa con của các ngươi; và các ngươi không mắc tội nếu các ngươi tặng bà vú nuôi (tiền quà) mà các ngươi đã đồng ý tặng họ một cách lịch thiệp. Và hãy sợ Allah, và hãy nhớ rằng Allah thấy rõ những điều các ngươi làm.

وَٱلَّذِينَ يُتَوَفَّوۡنَ مِنكُمۡ وَيَذَرُونَ أَزۡوَٰجٗا يَتَرَبَّصۡنَ بِأَنفُسِهِنَّ
أَرۡبَعَةَ أَشۡهُرٖ وَعَشۡرٗاۖ فَإِذَا بَلَغۡنَ أَجَلَهُنَّ فَلَا جُنَاحَ عَلَيۡكُمۡ
فِيمَا فَعَلۡنَ فِيٓ أَنفُسِهِنَّ بِٱلۡمَعۡرُوفِۗ وَٱللَّهُ بِمَا تَعۡمَلُونَ خَبِيرٞ
﴿٢٣٤﴾ وَلَا جُنَاحَ عَلَيۡكُمۡ فِيمَا عَرَّضۡتُم بِهِۦ مِنۡ خِطۡبَةِ ٱلنِّسَآءِ
أَوۡ أَكۡنَنتُمۡ فِيٓ أَنفُسِكُمۡۚ عَلِمَ ٱللَّهُ أَنَّكُمۡ سَتَذۡكُرُونَهُنَّ
وَلَٰكِن لَّا تُوَاعِدُوهُنَّ سِرًّا إِلَّآ أَن تَقُولُواْ قَوۡلٗا مَّعۡرُوفٗاۚ
وَلَا تَعۡزِمُواْ عُقۡدَةَ ٱلنِّكَاحِ حَتَّىٰ يَبۡلُغَ ٱلۡكِتَٰبُ أَجَلَهُۥۚ
وَٱعۡلَمُوٓاْ أَنَّ ٱللَّهَ يَعۡلَمُ مَا فِيٓ أَنفُسِكُمۡ فَٱحۡذَرُوهُۚ وَٱعۡلَمُوٓاْ
أَنَّ ٱللَّهَ غَفُورٌ حَلِيمٞ ﴿٢٣٥﴾ لَّا جُنَاحَ عَلَيۡكُمۡ إِن طَلَّقۡتُمُ ٱلنِّسَآءَ
مَا لَمۡ تَمَسُّوهُنَّ أَوۡ تَفۡرِضُواْ لَهُنَّ فَرِيضَةٗۚ وَمَتِّعُوهُنَّ عَلَى
ٱلۡمُوسِعِ قَدَرُهُۥ وَعَلَى ٱلۡمُقۡتِرِ قَدَرُهُۥ مَتَٰعَۢا بِٱلۡمَعۡرُوفِۖ حَقًّا عَلَى
ٱلۡمُحۡسِنِينَ ﴿٢٣٦﴾ وَإِن طَلَّقۡتُمُوهُنَّ مِن قَبۡلِ أَن تَمَسُّوهُنَّ وَقَدۡ
فَرَضۡتُمۡ لَهُنَّ فَرِيضَةٗ فَنِصۡفُ مَا فَرَضۡتُمۡ إِلَّآ أَن يَعۡفُونَ
أَوۡ يَعۡفُوَاْ ٱلَّذِي بِيَدِهِۦ عُقۡدَةُ ٱلنِّكَاحِۚ وَأَن تَعۡفُوٓاْ أَقۡرَبُ لِلتَّقۡوَىٰۚ
وَلَا تَنسَوُاْ ٱلۡفَضۡلَ بَيۡنَكُمۡۚ إِنَّ ٱللَّهَ بِمَا تَعۡمَلُونَ بَصِيرٌ ﴿٢٣٧﴾

234.- Và những ai trong các ngươi chết bỏ vợ lại, các goá phụ này vì quyền lợi của bản thân sẽ phải ở vậy (*'Iddah*) bốn tháng và mười ngày. Do đó, khi họ hoàn tất thời hạn ở vậy, các ngươi không có tội về việc họ tự giải quyết bản thân của họ một cách biết điều. Và Allah Hằng Quen thuộc với những điều các ngươi làm.

235.- Và các ngươi không có tội nếu các ngươi gián tiếp ngỏ lời đính hôn với các phụ nữ hoặc giữ kín trong lòng các ngươi. Allah biết rằng các ngươi sẽ tưởng nhớ các nàng ấy, nhưng chớ lén lút hứa hẹn với họ trừ phi các ngươi nói ra lời lẽ phong nhã lịch thiệp và chớ nhất quyết ràng buộc việc thành hôn cho đến khi nào mãn hạn qui định của nó; và hãy biết rằng Allah biết điều nằm trong tâm hồn của các ngươi. Do đó, hãy thận trọng giữ mình đối với Ngài, và hãy biết rằng Allah Hằng Tha thứ, Hằng Chịu đựng (với các ngươi).

236.- Các ngươi không có tội nếu ly-dị vợ trước khi động phòng hoặc chưa định cho họ một phần tặng vật nào; và hãy tặng các bà một món quà tặng (*Mahr*) thích hợp, người giầu tùy theo phương tiện của mình, người nghèo tùy theo phương tiện của mình, một món quà tặng có tính bắt buộc đối với những người làm tốt.

237.- Và nếu các ngươi ly dị vợ trước khi động phòng nhưng sau khi đã định cho họ một phần quà tặng thì phân nửa của tặng vật mà các ngươi đã định cho họ không còn là của các ngươi nữa trừ phi các bà từ khước nhận nó hoặc từ khước bởi người đàn ông mà sự ràng buộc hôn nhân nằm trong tay của họ (người giám hộ). Và hãy nhớ rằng từ khước (phân nửa của tặng vật) gần với việc sợ Allah. Và chớ quên đối xử độ lượng giữa các ngươi với nhau. Bởi vì Allah thấy rõ những điều các ngươi làm.

حَٰفِظُواْ عَلَى ٱلصَّلَوَٰتِ وَٱلصَّلَوٰةِ ٱلۡوُسۡطَىٰ وَقُومُواْ لِلَّهِ
قَٰنِتِينَ ٢٣٨ فَإِنۡ خِفۡتُمۡ فَرِجَالًا أَوۡ رُكۡبَانٗاۖ فَإِذَآ أَمِنتُمۡ
فَٱذۡكُرُواْ ٱللَّهَ كَمَا عَلَّمَكُم مَّا لَمۡ تَكُونُواْ تَعۡلَمُونَ
٢٣٩ وَٱلَّذِينَ يُتَوَفَّوۡنَ مِنكُمۡ وَيَذَرُونَ أَزۡوَٰجٗا
وَصِيَّةٗ لِّأَزۡوَٰجِهِم مَّتَٰعًا إِلَى ٱلۡحَوۡلِ غَيۡرَ إِخۡرَاجٖۚ فَإِنۡ
خَرَجۡنَ فَلَا جُنَاحَ عَلَيۡكُمۡ فِي مَا فَعَلۡنَ فِيٓ أَنفُسِهِنَّ
مِن مَّعۡرُوفٖۗ وَٱللَّهُ عَزِيزٌ حَكِيمٞ ٢٤٠ وَلِلۡمُطَلَّقَٰتِ مَتَٰعُۢ
بِٱلۡمَعۡرُوفِۖ حَقًّا عَلَى ٱلۡمُتَّقِينَ ٢٤١ كَذَٰلِكَ يُبَيِّنُ
ٱللَّهُ لَكُمۡ ءَايَٰتِهِۦ لَعَلَّكُمۡ تَعۡقِلُونَ ٢٤٢ ۞ أَلَمۡ تَرَ
إِلَى ٱلَّذِينَ خَرَجُواْ مِن دِيَٰرِهِمۡ وَهُمۡ أُلُوفٌ حَذَرَ ٱلۡمَوۡتِ
فَقَالَ لَهُمُ ٱللَّهُ مُوتُواْ ثُمَّ أَحۡيَٰهُمۡۚ إِنَّ ٱللَّهَ لَذُو فَضۡلٍ
عَلَى ٱلنَّاسِ وَلَٰكِنَّ أَكۡثَرَ ٱلنَّاسِ لَا يَشۡكُرُونَ ٢٤٣
وَقَٰتِلُواْ فِي سَبِيلِ ٱللَّهِ وَٱعۡلَمُوٓاْ أَنَّ ٱللَّهَ سَمِيعٌ عَلِيمٞ ٢٤٤ مَّن
ذَا ٱلَّذِي يُقۡرِضُ ٱللَّهَ قَرۡضًا حَسَنٗا فَيُضَٰعِفَهُۥ لَهُۥٓ أَضۡعَافٗا
كَثِيرَةٗۚ وَٱللَّهُ يَقۡبِضُ وَيَبۡصُۜطُ وَإِلَيۡهِ تُرۡجَعُونَ ٢٤٥

ثلاثة أرباع الحزب ٤

238.- Hãy chăm sóc và giữ vững các lễ nguyện *Salawāt*, nhất là cuộc lễ chính giữa (lễ *'Asr*); và đứng (dâng lễ) trước Allah với tinh thần sùng kính hoàn toàn;

239.- Nếu các ngươi sợ (địch tấn công) thì hãy dâng lễ trong tư thế đi bộ hoặc trong tư thế cưỡi trên lưng con vật; nhưng khi các ngươi được bình yên trở lại, hãy (dâng lễ) tưởng nhớ Allah theo cách mà Ngài đã dạy các ngươi, điều mà các ngươi không biết trước đó.

240.- Và những ai trong các ngươi chết bỏ vợ ở lại (trần gian) thì nên lập di chúc cho các quả phụ bằng một năm cấp dưỡng và không được trục xuất họ ra khỏi nhà; nhưng nếu họ bỏ đi, thì các ngươi không có tội về điều họ tự giải quyết bản thân của họ một cách biết điều. Và Allah Toàn Năng, Rất mực Sáng suốt (trong việc quy định đó).

241.- Và các bà vợ ly dị được hưởng một số tiền cấp dưỡng có tính bắt buộc đối với những người ngay chính sợ Allah.

242.- Allah trình bày rõ các Lời Mặc khải của Ngài đúng như thế để cho các ngươi có thể hiểu được (những giới hạn do Ngài qui định).

243.- Há Ngươi không để ý đến hằng ngàn người vì sợ chết mà bỏ nhà cửa của họ ra đi hay sao? Allah đã phán với họ: "Hãy quyết tử!" rồi Ngài làm cho họ sống trở lại. Quả thật, Allah rất mực Nhân từ với loài người, nhưng đa số nhân loại phụ ơn (Ngài).

244.- Và hãy chiến đấu cho Chính nghĩa của Allah, và nên biết rằng quả thật Allah Hằng Nghe và Hằng Biết (mọi việc).

245.- Ai là người sẽ cho Allah mượn một món vật (mượn) tốt, thì Ngài sẽ trả lại gấp đôi và nhiều hơn nữa? Bởi vì Allah (là Đấng) ban ít hay ban nhiều (bổng lộc) và các ngươi sẽ được đưa về gặp Ngài trở lại (ở Đời sau).

أَلَمْ تَرَ إِلَى ٱلْمَلَإِ مِنۢ بَنِىٓ إِسْرَٰٓءِيلَ مِنۢ بَعْدِ مُوسَىٰٓ إِذْ
قَالُوا۟ لِنَبِىٍّ لَّهُمُ ٱبْعَثْ لَنَا مَلِكًا نُّقَٰتِلْ فِى سَبِيلِ ٱللَّهِ ۖ
قَالَ هَلْ عَسَيْتُمْ إِن كُتِبَ عَلَيْكُمُ ٱلْقِتَالُ أَلَّا تُقَٰتِلُوا۟ ۖ
قَالُوا۟ وَمَا لَنَآ أَلَّا نُقَٰتِلَ فِى سَبِيلِ ٱللَّهِ وَقَدْ أُخْرِجْنَا
مِن دِيَٰرِنَا وَأَبْنَآئِنَا ۖ فَلَمَّا كُتِبَ عَلَيْهِمُ ٱلْقِتَالُ تَوَلَّوْا۟
إِلَّا قَلِيلًا مِّنْهُمْ ۗ وَٱللَّهُ عَلِيمٌۢ بِٱلظَّٰلِمِينَ ﴿٢٤٦﴾ وَقَالَ لَهُمْ
نَبِيُّهُمْ إِنَّ ٱللَّهَ قَدْ بَعَثَ لَكُمْ طَالُوتَ مَلِكًا ۚ
قَالُوٓا۟ أَنَّىٰ يَكُونُ لَهُ ٱلْمُلْكُ عَلَيْنَا وَنَحْنُ أَحَقُّ
بِٱلْمُلْكِ مِنْهُ وَلَمْ يُؤْتَ سَعَةً مِّنَ ٱلْمَالِ ۚ قَالَ إِنَّ ٱللَّهَ
ٱصْطَفَىٰهُ عَلَيْكُمْ وَزَادَهُۥ بَسْطَةً فِى ٱلْعِلْمِ وَٱلْجِسْمِ ۖ
وَٱللَّهُ يُؤْتِى مُلْكَهُۥ مَن يَشَآءُ ۚ وَٱللَّهُ وَٰسِعٌ عَلِيمٌ ﴿٢٤٧﴾
وَقَالَ لَهُمْ نَبِيُّهُمْ إِنَّ ءَايَةَ مُلْكِهِۦٓ أَن يَأْتِيَكُمُ
ٱلتَّابُوتُ فِيهِ سَكِينَةٌ مِّن رَّبِّكُمْ وَبَقِيَّةٌ مِّمَّا
تَرَكَ ءَالُ مُوسَىٰ وَءَالُ هَٰرُونَ تَحْمِلُهُ ٱلْمَلَٰٓئِكَةُ ۚ
إِنَّ فِى ذَٰلِكَ لَءَايَةً لَّكُمْ إِن كُنتُم مُّؤْمِنِينَ ﴿٢٤٨﴾

246.- Há Ngươi không để ý đến vấn đề của những vị cầm đầu trong hàng ngũ của con cháu của Israel sau thời đại của Mūsa hay sao khi họ nói với một vị *Nabi* (tên Samuel) của họ như sau: "Hãy chỉ định một vị vua cho chúng tôi để (Người lãnh đạo) chúng tôi chiến đấu cho Chính nghĩa của Allah?" (Nabi ấy) đáp: "Biết đâu các ngươi sẽ không chiến đấu khi lệnh (chiến đấu) được truyền xuống cho các ngươi!" (Họ) bảo: "Tại sao chúng tôi không chiến đấu trong lúc chúng tôi lẫn con cháu của chúng tôi đã bị trục xuất ra khỏi nhà cửa của chúng tôi?" Nhưng khi lệnh chiến đấu được truyền xuống cho họ thì họ đào nhiệm ngoại trừ một thiểu số. Và Allah biết rõ những kẻ sai phạm.

247.- Và Nabi (Samuel) của họ đã bảo họ: "Allah đã chỉ định *Talut* làm vua của các ngươi." Họ đáp: "Làm sao ông ta có thể làm vua cai trị chúng tôi trong lúc chúng tôi xứng đáng hơn ông ta. Hơn nữa, ông ta cũng không được giầu sang phú quí mà?" (Nabi của họ) đáp: "Quả thật, Allah đã chọn ông ta để lãnh đạo các ngươi và ban cho ông ta kiến thức dồi dào và thể lực hơn người. Và Allah ban quyền hành cho người nào Ngài muốn bởi vì Allah Bao quát (hết mọi việc) và Hiểu biết (hết mọi vấn đề).

248.- Và Vị Nabi của họ bảo tiếp: "(Sẽ có) một Dấu hiệu (xác nhận) vương quyền của ông ta là các ngươi sẽ nhận được một cái rương chứa thánh-vật tượng trưng cho sự thanh bình do *Rabb* (Allah) của các ngươi ban xuống và cả những thánh-vật mà gia đình của Mūsa và gia đình của Hārūn đã để lại do những Thiên thần mang đến. Quả thật, trong sự việc đó, có một Dấu hiệu cho các ngươi nếu các ngươi có đức tin.

فَلَمَّا فَصَلَ طَالُوتُ بِٱلْجُنُودِ قَالَ إِنَّ ٱللَّهَ مُبْتَلِيكُم
بِنَهَرٍ فَمَن شَرِبَ مِنْهُ فَلَيْسَ مِنِّي وَمَن لَّمْ يَطْعَمْهُ
فَإِنَّهُۥ مِنِّيٓ إِلَّا مَنِ ٱغْتَرَفَ غُرْفَةًۢ بِيَدِهِۦۚ فَشَرِبُوا۟ مِنْهُ
إِلَّا قَلِيلًا مِّنْهُمْۚ فَلَمَّا جَاوَزَهُۥ هُوَ وَٱلَّذِينَ ءَامَنُوا۟
مَعَهُۥ قَالُوا۟ لَا طَاقَةَ لَنَا ٱلْيَوْمَ بِجَالُوتَ وَجُنُودِهِۦۚ
قَالَ ٱلَّذِينَ يَظُنُّونَ أَنَّهُم مُّلَٰقُوا۟ ٱللَّهِ كَم مِّن فِئَةٍ
قَلِيلَةٍ غَلَبَتْ فِئَةً كَثِيرَةًۢ بِإِذْنِ ٱللَّهِۗ وَٱللَّهُ مَعَ
ٱلصَّٰبِرِينَ ﴿٢٤٩﴾ وَلَمَّا بَرَزُوا۟ لِجَالُوتَ وَجُنُودِهِۦ قَالُوا۟
رَبَّنَآ أَفْرِغْ عَلَيْنَا صَبْرًا وَثَبِّتْ أَقْدَامَنَا وَٱنصُرْنَا
عَلَى ٱلْقَوْمِ ٱلْكَٰفِرِينَ ﴿٢٥٠﴾ فَهَزَمُوهُم بِإِذْنِ ٱللَّهِ
وَقَتَلَ دَاوُۥدُ جَالُوتَ وَءَاتَىٰهُ ٱللَّهُ ٱلْمُلْكَ
وَٱلْحِكْمَةَ وَعَلَّمَهُۥ مِمَّا يَشَآءُۗ وَلَوْلَا دَفْعُ ٱللَّهِ ٱلنَّاسَ
بَعْضَهُم بِبَعْضٍ لَّفَسَدَتِ ٱلْأَرْضُ وَلَٰكِنَّ ٱللَّهَ ذُو
فَضْلٍ عَلَى ٱلْعَٰلَمِينَ ﴿٢٥١﴾ تِلْكَ ءَايَٰتُ ٱللَّهِ نَتْلُوهَا
عَلَيْكَ بِٱلْحَقِّۚ وَإِنَّكَ لَمِنَ ٱلْمُرْسَلِينَ ﴿٢٥٢﴾

249.- Bởi thế, khi *Tālūt* ra quân đi chiến đấu, (Tālūt) bảo (binh tướng): "Chắc chắn Allah sẽ thử thách các ngươi với (nước của) một con sông. Ai uống nước sông đó thì sẽ không là người của ta; và ai không uống, thì sẽ là người của ta trừ phi người nào uống từng hớp từ lòng bàn tay của mình." Nhưng họ (không nghe lời và) đã uống nước sông đó ngoại trừ một số rất ít. Bởi thế, khi họ băng qua sông, (Tālūt) với những ai có đức tin cùng theo Người lên tiếng: "Ngày nay chúng ta không đủ sức đương đầu với *Jālūt* và đoàn quân của y. Tuy nhiên, những ai nghĩ rằng bề nào họ cũng phải gặp Allah trở lại, đã lên tiếng: "Có bao nhiêu lần một lực lượng nhỏ có thể đánh bại một lực lượng lớn với sự cho phép của Allah? Bởi vì Allah ở cùng với những người kiên cường bất khuất.

250.- Và khi họ tiến quân lên đương đầu với *Jālūt* và đoàn quân của y, họ (cầu nguyện) thưa: "Lạy *Rabb* chúng tôi! Xin Ngài xối lên chúng tôi (tinh thần) kiên trì nhẫn nại và làm cho bàn chân của chúng tôi vững chắc và giúp chúng tôi đánh thắng những kẻ ngoại giáo không tin."

251.- Bởi thế, với sự chấp thuận của Allah, họ đánh tan (địch quân) và *Dāwūd* đã giết chết *Jālūt* và Allah đã ban cho Người (*Dāwūd*) quyền bính và lẽ đúng đắn khôn ngoan và dạy Người điều mà Ngài muốn. Và nếu Allah không dùng một nhóm người này để chặn đứng một nhóm người kia thì trái đất sẽ rối loạn và thối nát. Nhưng chắc chắn Allah Rất mực Nhân từ Độ lượng với thiên hạ.

252.- Đấy là những Lời Mặc khải của Allah. *TA* đọc chúng cho Ngươi (Muhammad) bằng sự thật. Và thật sự Ngươi là một trong các Sứ giả (của Allah).

۞ تِلْكَ ٱلرُّسُلُ فَضَّلْنَا بَعْضَهُمْ عَلَىٰ بَعْضٍ مِّنْهُم مَّن كَلَّمَ ٱللَّهُ ۖ
وَرَفَعَ بَعْضَهُمْ دَرَجَٰتٍ ۚ وَءَاتَيْنَا عِيسَى ٱبْنَ مَرْيَمَ ٱلْبَيِّنَٰتِ
وَأَيَّدْنَٰهُ بِرُوحِ ٱلْقُدُسِ ۗ وَلَوْ شَآءَ ٱللَّهُ مَا ٱقْتَتَلَ ٱلَّذِينَ مِنۢ
بَعْدِهِم مِّنۢ بَعْدِ مَا جَآءَتْهُمُ ٱلْبَيِّنَٰتُ وَلَٰكِنِ ٱخْتَلَفُوا۟
فَمِنْهُم مَّنْ ءَامَنَ وَمِنْهُم مَّن كَفَرَ ۚ وَلَوْ شَآءَ ٱللَّهُ مَا ٱقْتَتَلُوا۟
وَلَٰكِنَّ ٱللَّهَ يَفْعَلُ مَا يُرِيدُ ﴿٢٥٣﴾ يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُوٓا۟ أَنفِقُوا۟
مِمَّا رَزَقْنَٰكُم مِّن قَبْلِ أَن يَأْتِىَ يَوْمٌ لَّا بَيْعٌ فِيهِ وَلَا خُلَّةٌ وَلَا
شَفَٰعَةٌ ۗ وَٱلْكَٰفِرُونَ هُمُ ٱلظَّٰلِمُونَ ﴿٢٥٤﴾ ٱللَّهُ لَآ إِلَٰهَ إِلَّا هُوَ
ٱلْحَىُّ ٱلْقَيُّومُ ۚ لَا تَأْخُذُهُۥ سِنَةٌ وَلَا نَوْمٌ ۚ لَّهُۥ مَا فِى ٱلسَّمَٰوَٰتِ
وَمَا فِى ٱلْأَرْضِ ۗ مَن ذَا ٱلَّذِى يَشْفَعُ عِندَهُۥٓ إِلَّا بِإِذْنِهِۦ ۚ يَعْلَمُ
مَا بَيْنَ أَيْدِيهِمْ وَمَا خَلْفَهُمْ ۖ وَلَا يُحِيطُونَ بِشَىْءٍ مِّنْ عِلْمِهِۦٓ إِلَّا
بِمَا شَآءَ ۚ وَسِعَ كُرْسِيُّهُ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلْأَرْضَ ۖ وَلَا يَـُٔودُهُۥ حِفْظُهُمَا ۚ
وَهُوَ ٱلْعَلِىُّ ٱلْعَظِيمُ ﴿٢٥٥﴾ لَآ إِكْرَاهَ فِى ٱلدِّينِ ۖ قَد تَّبَيَّنَ ٱلرُّشْدُ مِنَ
ٱلْغَىِّ ۚ فَمَن يَكْفُرْ بِٱلطَّٰغُوتِ وَيُؤْمِنۢ بِٱللَّهِ فَقَدِ ٱسْتَمْسَكَ
بِٱلْعُرْوَةِ ٱلْوُثْقَىٰ لَا ٱنفِصَامَ لَهَا ۗ وَٱللَّهُ سَمِيعٌ عَلِيمٌ ﴿٢٥٦﴾

253.- Đó là các *Sứ giả* (của Allah); *TA* đã ưu đãi một số người này hơn một số người nọ. Trong họ, có người Allah nói chuyện trực tiếp, và nâng cao cấp bậc danh dự; và *TA* đã ban cho *'Isa*, con trai của *Maryam*, những bằng chứng rõ rệt và hỗ trợ Người với *Rūh al-Qudus* (Thiên thần Jibrīl); và nếu Allah muốn thì những người sống sau (thời đại của các Thiên sứ) đã không chiến tranh lẫn nhau sau khi đã chứng kiến những bằng chứng rõ rệt (của Allah) nhưng họ bất đồng ý kiến với nhau, bởi thế trong họ có một số người tin tưởng và có một số không tin. Và nếu Allah muốn thì họ đã không chiến tranh lẫn nhau, nhưng Allah đã làm bất cứ điều gì Ngài muốn.

254.- Hỡi những ai có niềm tin! Hãy chi dùng tài sản mà *TA* (Allah) đã cung cấp cho các ngươi (để làm việc thiện) trước khi xảy ra Ngày mà sẽ không có việc mua bán đổi chác, sẽ không có tình bạn hữu (bao che cho nhau) và cũng sẽ không có sự can thiệp nào (được chấp thuận). Và những kẻ không có đức tin là những kẻ làm điều sai quấy.

255.- Allah! Không có Thượng Đế nào khác ngoài Ngài (Allah), Đấng Hằng sống, Đấng Tự hữu và Nuôi dưỡng vạn vật. Ngài không buồn ngủ, cũng không ngủ. Mọi vật trong các tầng trời và trái đất đều là (những tạo vật) của Ngài. Ai là người có thể can thiệp được với Ngài nếu không có phép của Ngài? Ngài biết điều xảy ra trước họ và điều xảy ra sau họ. Họ không thể bao quát được sự hiểu biết của Ngài về bất cứ điều gì ngoại trừ điều nào Ngài muốn cho họ biết. Ngai vàng (*Kursi*) của Ngài bao trùm cả các tầng trời và trái đất; và việc quản lý trời đất không làm cho Ngài mỏi mệt bởi vì Ngài là Đấng Tối Cao, Đấng Chí Đại.

256.- Không có việc cưỡng bách (tín ngưỡng) trong lãnh vực tôn giáo. Chắc chắn Chân lý và Lẽ phải bao giờ cũng khác biệt với điều ngụy tạo và sự sai lạc. Bởi thế, ai phủ nhận Tà thần và tin tưởng nơi Allah, thì chắc chắn sẽ nắm vững chiếc cán (hay sợi dây cứu rỗi) không bao giờ đứt. Bởi vì Allah Hằng Nghe và Hằng Biết (mọi việc).

ٱللَّهُ وَلِيُّ ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ يُخْرِجُهُم مِّنَ ٱلظُّلُمَٰتِ إِلَى ٱلنُّورِۖ وَٱلَّذِينَ كَفَرُوٓاْ أَوْلِيَآؤُهُمُ ٱلطَّٰغُوتُ يُخْرِجُونَهُم مِّنَ ٱلنُّورِ إِلَى ٱلظُّلُمَٰتِۗ أُوْلَٰٓئِكَ أَصْحَٰبُ ٱلنَّارِۖ هُمْ فِيهَا خَٰلِدُونَ ﴿٢٥٧﴾ أَلَمْ تَرَ إِلَى ٱلَّذِي حَآجَّ إِبْرَٰهِـۧمَ فِي رَبِّهِۦٓ أَنْ ءَاتَىٰهُ ٱللَّهُ ٱلْمُلْكَ إِذْ قَالَ إِبْرَٰهِـۧمُ رَبِّيَ ٱلَّذِي يُحْيِۦ وَيُمِيتُ قَالَ أَنَا۠ أُحْيِۦ وَأُمِيتُۖ قَالَ إِبْرَٰهِـۧمُ فَإِنَّ ٱللَّهَ يَأْتِي بِٱلشَّمْسِ مِنَ ٱلْمَشْرِقِ فَأْتِ بِهَا مِنَ ٱلْمَغْرِبِ فَبُهِتَ ٱلَّذِي كَفَرَۗ وَٱللَّهُ لَا يَهْدِي ٱلْقَوْمَ ٱلظَّٰلِمِينَ ﴿٢٥٨﴾ أَوْ كَٱلَّذِي مَرَّ عَلَىٰ قَرْيَةٖ وَهِيَ خَاوِيَةٌ عَلَىٰ عُرُوشِهَا قَالَ أَنَّىٰ يُحْيِۦ هَٰذِهِ ٱللَّهُ بَعْدَ مَوْتِهَاۖ فَأَمَاتَهُ ٱللَّهُ مِاْئَةَ عَامٖ ثُمَّ بَعَثَهُۥۖ قَالَ كَمْ لَبِثْتَۖ قَالَ لَبِثْتُ يَوْمًا أَوْ بَعْضَ يَوْمٖۖ قَالَ بَل لَّبِثْتَ مِاْئَةَ عَامٖ فَٱنظُرْ إِلَىٰ طَعَامِكَ وَشَرَابِكَ لَمْ يَتَسَنَّهْۖ وَٱنظُرْ إِلَىٰ حِمَارِكَ وَلِنَجْعَلَكَ ءَايَةٗ لِّلنَّاسِۖ وَٱنظُرْ إِلَى ٱلْعِظَامِ كَيْفَ نُنشِزُهَا ثُمَّ نَكْسُوهَا لَحْمٗاۚ فَلَمَّا تَبَيَّنَ لَهُۥ قَالَ أَعْلَمُ أَنَّ ٱللَّهَ عَلَىٰ كُلِّ شَيْءٖ قَدِيرٞ ﴿٢٥٩﴾

257.- Allah là Đấng Bảo hộ của những người có đức tin. Ngài đưa họ từ tăm tối ra ánh sáng. Ngược lại, các chủ nhân của những kẻ không có đức tin là những tên Tà thần. Chúng dắt họ từ chỗ ánh sáng xuống cõi âm u. Những người này sẽ làm bạn với Lửa (của Hỏa Ngục). Trong đó, họ sẽ ở đời đời.

258.- Hẳn Ngươi (Muhammad) không suy ngẫm về một kẻ[1] đã tranh luận với Ibrāhīm về *Rabb* của Người bởi vì Allah đã ban cho y quyền bính hay sao? Khi Ibrāhīm bảo y: "*Rabb* của tôi là Đấng ban sự sống và gây sự chết." (Y) đáp: "Ta cũng (có quyền) ban sự sống và làm cho chết vậy." Ibrāhīm đáp: "Nhưng Allah (*Rabb* của tôi) làm cho mặt trời mọc từ hướng đông, thế ngài làm cho nó mọc từ hướng tây đi (nếu ngài có khả năng?)" Bởi thế, kẻ không có đức tin đó đâm ra lúng túng (vì đuối lý). Và Allah không hướng dẫn đám người làm điều sai quấy.

259.- Hoặc như ai đó[2] đã đi ngang qua một thị trấn hoang tàn, nhà cửa sụp đổ. Y bảo: "Làm sao Allah phục sinh lại thị trấn này sau khi nó đã chết (thế này?) Bởi thế, Allah làm cho y chết một trăm năm rồi dựng y sống lại. (Allah hỏi y): "Nhà ngươi ở lại đó bao lâu?" Y thưa: "Bề tôi ở lại đó một ngày hay một buổi gì đó." (Allah) bảo y: "Không nhà ngươi ở lại đó một trăm năm. Thế hãy nhìn thức ăn và thức uống của nhà ngươi, chúng chẳng tỏ dấu hiệu gì mục rã cả; và hãy nhìn con lừa của nhà ngươi. và *TA* lấy ngươi làm một Dấu hiệu cho nhân loại; và nhà ngươi hãy nhìn những khúc xương xem *TA* đã dựng và sắp xếp chúng, rồi *TA* lấy thịt bao chúng trở lại như thế nào? Bởi thế khi y nhận thức được thực tại, y vội thưa: "Bề tôi biết quả thật Allah có quyền trên tất cả mọi vật."

[1] Vua Namrud

[2] Ám chỉ hoặc 1/ Ezekiel; 2/ Nehemiah; và 3/ Ezra (Edras).

وَإِذْ قَالَ إِبْرَٰهِـۧمُ رَبِّ أَرِنِى كَيْفَ تُحْىِ ٱلْمَوْتَىٰ ۖ قَالَ أَوَلَمْ تُؤْمِن ۖ قَالَ بَلَىٰ وَلَـٰكِن لِّيَطْمَئِنَّ قَلْبِى ۖ قَالَ فَخُذْ أَرْبَعَةً مِّنَ ٱلطَّيْرِ فَصُرْهُنَّ إِلَيْكَ ثُمَّ ٱجْعَلْ عَلَىٰ كُلِّ جَبَلٍ مِّنْهُنَّ جُزْءًا ثُمَّ ٱدْعُهُنَّ يَأْتِينَكَ سَعْيًا ۚ وَٱعْلَمْ أَنَّ ٱللَّهَ عَزِيزٌ حَكِيمٌ ﴿٢٦٠﴾ مَّثَلُ ٱلَّذِينَ يُنفِقُونَ أَمْوَٰلَهُمْ فِى سَبِيلِ ٱللَّهِ كَمَثَلِ حَبَّةٍ أَنۢبَتَتْ سَبْعَ سَنَابِلَ فِى كُلِّ سُنۢبُلَةٍ مِّا۟ئَةُ حَبَّةٍ ۗ وَٱللَّهُ يُضَـٰعِفُ لِمَن يَشَآءُ ۗ وَٱللَّهُ وَٰسِعٌ عَلِيمٌ ﴿٢٦١﴾ ٱلَّذِينَ يُنفِقُونَ أَمْوَٰلَهُمْ فِى سَبِيلِ ٱللَّهِ ثُمَّ لَا يُتْبِعُونَ مَآ أَنفَقُوا۟ مَنًّا وَلَآ أَذًى ۙ لَّهُمْ أَجْرُهُمْ عِندَ رَبِّهِمْ وَلَا خَوْفٌ عَلَيْهِمْ وَلَا هُمْ يَحْزَنُونَ ﴿٢٦٢﴾ ۞ قَوْلٌ مَّعْرُوفٌ وَمَغْفِرَةٌ خَيْرٌ مِّن صَدَقَةٍ يَتْبَعُهَآ أَذًى ۗ وَٱللَّهُ غَنِىٌّ حَلِيمٌ ﴿٢٦٣﴾ يَـٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُوا۟ لَا تُبْطِلُوا۟ صَدَقَـٰتِكُم بِٱلْمَنِّ وَٱلْأَذَىٰ كَٱلَّذِى يُنفِقُ مَالَهُۥ رِئَآءَ ٱلنَّاسِ وَلَا يُؤْمِنُ بِٱللَّهِ وَٱلْيَوْمِ ٱلْـَٔاخِرِ ۖ فَمَثَلُهُۥ كَمَثَلِ صَفْوَانٍ عَلَيْهِ تُرَابٌ فَأَصَابَهُۥ وَابِلٌ فَتَرَكَهُۥ صَلْدًا ۖ لَّا يَقْدِرُونَ عَلَىٰ شَىْءٍ مِّمَّا كَسَبُوا۟ ۗ وَٱللَّهُ لَا يَهْدِى ٱلْقَوْمَ ٱلْكَـٰفِرِينَ ﴿٢٦٤﴾

ربع الحزب ٥

260.- Và hãy nhớ lại khi Ibrāhīm thưa (với Allah): "Lạy *Rabb* của bề tôi! Xin Ngài cho bề tôi thấy việc Ngài làm cho người chết sống lại như thế nào?" (Allah) phán bảo (Ibrāhīm): "Hẳn nhà ngươi không tin (việc phục sinh) hay sao?" (Ibrāhīm) thưa: "Bẩm không phải thế, nhưng để cho bề tôi được yên tâm (về việc đó.)" (Allah) phán: "Hãy bắt bốn con chim, tập luyện cho chúng xu hướng về ngươi (cột chúng lại và bầm chúng thành từng mảnh), rồi đặt thịt bầm của chúng tại mỗi ngọn đồi, rồi gọi chúng, chúng sẽ bay nhanh đến với ngươi. Và hãy biết rằng Allah Toàn Năng, Toàn Tri (đủ khả năng và sự hiểu biết để làm mọi việc).

261.- Hình ảnh của những ai chi dùng của cải của họ cho Chính nghĩa của Allah giống như một hạt lúa trổ ra bảy bông lúa, mỗi bông lúa trổ ra một trăm hạt lúa. Allah tăng nó nhiều cho người nào Ngài muốn bởi vì Allah Rộng rãi Bao la và Biết (hết mọi việc).

262.- Những ai chi dùng của cải của họ cho Chính nghĩa của Allah rồi không kèm theo lời nhắc khéo về sự rộng rãi của mình cũng không làm tổn thương danh dự của người khác, thì sẽ nhận phần thưởng của họ nơi *Rabb* của họ. Họ sẽ không lo sợ cũng sẽ không buồn phiền.

263.- Lời nói tử tế và sự tha thứ tốt hơn của bố thí kèm theo việc làm tổn thương danh dự của người khác bởi vì Allah rất mực Giầu có (không thiếu thốn chi), hằng Chịu đựng (với bầy tôi của Ngài).

264.- Hỡi những ai có niềm tin! Chớ làm cho việc bố thí của các ngươi thành vô nghĩa bằng cách nhắc khéo về lòng rộng rãi của mình và với lời lẽ làm tổn thương danh dự của người khác giống như (việc làm của) những kẻ chi dùng của cải của mình phô trương cho thiên hạ thấy chứ không tin tưởng nơi Allah và Ngày sau. Bởi vì hình ảnh của một người như thế giống hình ảnh của một tảng đá trơn láng có một lớp bụi phủ bên trên; khi mưa rào đổ lên nó, (nước mưa) quét sạch lớp bụi ấy đi bỏ nó nằm trơ trọi một mình. Họ sẽ không định đoạt được gì về những vật mà họ đã thu hoạch. Và Allah không hướng dẫn một dân tộc không có đức tin.

وَمَثَلُ ٱلَّذِينَ يُنفِقُونَ أَمْوَٰلَهُمُ ٱبْتِغَآءَ مَرْضَاتِ ٱللَّهِ
وَتَثْبِيتًا مِّنْ أَنفُسِهِمْ كَمَثَلِ جَنَّةٍۭ بِرَبْوَةٍ أَصَابَهَا وَابِلٌ
فَـَٔاتَتْ أُكُلَهَا ضِعْفَيْنِ فَإِن لَّمْ يُصِبْهَا وَابِلٌ فَطَلٌّۗ
وَٱللَّهُ بِمَا تَعْمَلُونَ بَصِيرٌ ﴿٢٦٥﴾ أَيَوَدُّ أَحَدُكُمْ أَن تَكُونَ لَهُۥ
جَنَّةٌ مِّن نَّخِيلٍ وَأَعْنَابٍ تَجْرِى مِن تَحْتِهَا ٱلْأَنْهَٰرُ لَهُۥ
فِيهَا مِن كُلِّ ٱلثَّمَرَٰتِ وَأَصَابَهُ ٱلْكِبَرُ وَلَهُۥ ذُرِّيَّةٌ
ضُعَفَآءُ فَأَصَابَهَآ إِعْصَارٌ فِيهِ نَارٌ فَٱحْتَرَقَتْۗ كَذَٰلِكَ
يُبَيِّنُ ٱللَّهُ لَكُمُ ٱلْءَايَٰتِ لَعَلَّكُمْ تَتَفَكَّرُونَ ﴿٢٦٦﴾ يَٰٓأَيُّهَا
ٱلَّذِينَ ءَامَنُوٓا۟ أَنفِقُوا۟ مِن طَيِّبَٰتِ مَا كَسَبْتُمْ وَمِمَّآ أَخْرَجْنَا
لَكُم مِّنَ ٱلْأَرْضِۖ وَلَا تَيَمَّمُوا۟ ٱلْخَبِيثَ مِنْهُ تُنفِقُونَ
وَلَسْتُم بِـَٔاخِذِيهِ إِلَّآ أَن تُغْمِضُوا۟ فِيهِۚ وَٱعْلَمُوٓا۟ أَنَّ ٱللَّهَ غَنِىٌّ
حَمِيدٌ ﴿٢٦٧﴾ ٱلشَّيْطَٰنُ يَعِدُكُمُ ٱلْفَقْرَ وَيَأْمُرُكُم بِٱلْفَحْشَآءِۖ
وَٱللَّهُ يَعِدُكُم مَّغْفِرَةً مِّنْهُ وَفَضْلًاۗ وَٱللَّهُ وَٰسِعٌ عَلِيمٌ
﴿٢٦٨﴾ يُؤْتِى ٱلْحِكْمَةَ مَن يَشَآءُۚ وَمَن يُؤْتَ ٱلْحِكْمَةَ فَقَدْ
أُوتِىَ خَيْرًا كَثِيرًاۗ وَمَا يَذَّكَّرُ إِلَّآ أُو۟لُوا۟ ٱلْأَلْبَٰبِ ﴿٢٦٩﴾

265.- Và hình ảnh của những ai chi dùng của cải của họ nhằm làm hài lòng Allah và để củng cố tâm hồn của họ thêm vững chắc giống như một ngôi vườn được tọa lạc trên một gò đất cao và phì nhiêu; khi mưa rào tuôn lên nó, nước mưa làm tăng vụ mùa gấp đôi; nhưng nếu không có mưa rào thì mưa rươi cũng đủ làm cho nó tăng trưởng. Và Allah thấy rõ điều các ngươi làm.

266.- Trong các ngươi, há ai muốn có một ngôi vườn chà là và vườn nho có mạch nước chảy bên dưới với đủ loại trái cây bên trong được dành sẵn cho y, nhưng khi y đến tuổi già, con cái của y hãy còn thơ dại, rồi một trận gió nóng như lửa ào đến đốt cháy ngôi vườn và tàn phá nó đi hay không? Allah trình bày rõ những Lời Mặc khải của Ngài đúng như thế để may ra các ngươi ngẫm nghĩ lại (về việc bố thí của các ngươi).

267.- Hỡi những ai có niềm tin! Hãy chi dùng những món vật tốt mà các ngươi đã thu hoạch được (để bố thí) và những vật mà *TA* đã sản xuất cho các ngươi từ đất đai; và chớ tìm vật nào xấu của nó mà tiêu ra (cho người khác), vật mà chính các ngươi cũng không muốn nhận trừ phi các ngươi nhắm mắt làm ngơ; và hãy biết rằng Allah rất mực Giầu Có (không thiếu chi), Rất đáng Ca tụng.

268.- *Shaytān* hăm dọa (làm cho) các ngươi trở thành nghèo khó và bắt các ngươi làm điều thô bỉ trong lúc Allah hứa tha thứ và làm cho các ngươi phát đạt với thiên lộc của Ngài. Bởi vì Allah Rộng rãi Bao la, Biết Hết (mọi việc).

269.- (Allah) ban sự thông thái khôn ngoan cho người nào Ngài muốn. Và ai được Ngài ban cho sự thông thái khôn ngoan thì chắc chắn là được ban cho muôn vàn cái tốt. Và không ai tiếp thu được sự giác ngộ ngoại trừ những người hiểu biết.

وَمَآ أَنفَقۡتُم مِّن نَّفَقَةٍ أَوۡ نَذَرۡتُم مِّن نَّذۡرٖ فَإِنَّ ٱللَّهَ
يَعۡلَمُهُۥۗ وَمَا لِلظَّٰلِمِينَ مِنۡ أَنصَارٍ ٢٧٠ إِن تُبۡدُواْ
ٱلصَّدَقَٰتِ فَنِعِمَّا هِيَۖ وَإِن تُخۡفُوهَا وَتُؤۡتُوهَا
ٱلۡفُقَرَآءَ فَهُوَ خَيۡرٞ لَّكُمۡۚ وَيُكَفِّرُ عَنكُم مِّن
سَيِّـَٔاتِكُمۡۗ وَٱللَّهُ بِمَا تَعۡمَلُونَ خَبِيرٞ ٢٧١ ۞ لَّيۡسَ
عَلَيۡكَ هُدَىٰهُمۡ وَلَٰكِنَّ ٱللَّهَ يَهۡدِي مَن يَشَآءُۗ وَمَا
تُنفِقُواْ مِنۡ خَيۡرٖ فَلِأَنفُسِكُمۡۚ وَمَا تُنفِقُونَ إِلَّا
ٱبۡتِغَآءَ وَجۡهِ ٱللَّهِۚ وَمَا تُنفِقُواْ مِنۡ خَيۡرٖ يُوَفَّ إِلَيۡكُمۡ
وَأَنتُمۡ لَا تُظۡلَمُونَ ٢٧٢ لِلۡفُقَرَآءِ ٱلَّذِينَ أُحۡصِرُواْ
فِي سَبِيلِ ٱللَّهِ لَا يَسۡتَطِيعُونَ ضَرۡبٗا فِي ٱلۡأَرۡضِ
يَحۡسَبُهُمُ ٱلۡجَاهِلُ أَغۡنِيَآءَ مِنَ ٱلتَّعَفُّفِ تَعۡرِفُهُم
بِسِيمَٰهُمۡ لَا يَسۡـَٔلُونَ ٱلنَّاسَ إِلۡحَافٗاۗ وَمَا تُنفِقُواْ مِنۡ
خَيۡرٖ فَإِنَّ ٱللَّهَ بِهِۦ عَلِيمٌ ٢٧٣ ٱلَّذِينَ يُنفِقُونَ أَمۡوَٰلَهُم
بِٱلَّيۡلِ وَٱلنَّهَارِ سِرّٗا وَعَلَانِيَةٗ فَلَهُمۡ أَجۡرُهُمۡ عِندَ
رَبِّهِمۡ وَلَا خَوۡفٌ عَلَيۡهِمۡ وَلَا هُمۡ يَحۡزَنُونَ ٢٧٤

270.- Và quả thật Allah biết (không sót) một vật gì mà các ngươi chi ra (để bố thí) hoặc một lời thề nào các ngươi đã thề thốt. Và những kẻ làm điều bất công sẽ không được ai giúp đỡ.

271.- Nếu các ngươi công bố vật bố thí của các ngươi cho thiên hạ biết, điều đó cũng tốt thôi. Ngược lại, nếu các ngươi giấu kín và trao nó đến tận tay của người nghèo, điều đó tốt cho các ngươi hơn; (việc từ thiện) sẽ xóa đi khỏi các ngươi một số tội lỗi. Và Allah Rất Am tường về những điều (tốt) các ngươi đã làm.

272.- (Hỡi Muhammad!) Không phải Ngươi hướng dẫn họ theo Chính đạo mà Allah (là Đấng) hướng dẫn người nào mà Ngài muốn, theo Chính đạo. Và bất cứ món (vật bố thí) tốt nào các ngươi tiêu ra thì chính bản thân (linh hồn) của các ngươi sẽ hưởng lợi (về nó); và các ngươi tiêu ra như thế là chỉ để làm cho Allah hài lòng mà thôi. Và bất cứ vật tốt nào các ngươi tiêu ra, nó sẽ được trả lại cho các ngươi đầy đủ và các ngươi sẽ không bị đối xử thiệt thòi một mảy may nào.

273.- (Của bố thí là dành) cho người nghèo, những ai vì Chính nghĩa của Allah đã bị hạn chế trong việc đi đây đó trên mặt đất (để tìm kế sinh nhai); những kẻ kém hiểu biết thấy tư cách khiêm tốn của họ tưởng rằng họ đầy đủ không cần gì khác; Ngươi (hỡi Sứ giả!) có thể nhận biết hoàn cảnh của họ qua (những nét đặc biệt) trên gương mặt của họ; họ không trơ trẽn xin xỏ và quấy rầy thiên hạ. Bởi thế, bất cứ vật tốt nào các ngươi tiêu ra cho họ, chắc chắn Allah biết rõ nó.

274.- Những ai chi dùng tài sản của họ đêm và ngày (vào việc từ thiện) một cách kín đáo hay công khai, sẽ nhận phần thưởng của họ nơi *Rabb* (Allah) của họ; họ sẽ không lo sợ cũng sẽ không buồn phiền.

ٱلَّذِينَ يَأْكُلُونَ ٱلرِّبَوٰاْ لَا يَقُومُونَ إِلَّا كَمَا يَقُومُ ٱلَّذِى
يَتَخَبَّطُهُ ٱلشَّيْطَٰنُ مِنَ ٱلْمَسِّ ۚ ذَٰلِكَ بِأَنَّهُمْ قَالُوٓاْ إِنَّمَا ٱلْبَيْعُ
مِثْلُ ٱلرِّبَوٰاْ ۗ وَأَحَلَّ ٱللَّهُ ٱلْبَيْعَ وَحَرَّمَ ٱلرِّبَوٰاْ ۚ فَمَن جَآءَهُۥ
مَوْعِظَةٌ مِّن رَّبِّهِۦ فَٱنتَهَىٰ فَلَهُۥ مَا سَلَفَ وَأَمْرُهُۥٓ إِلَى ٱللَّهِ ۖ وَمَنْ
عَادَ فَأُوْلَٰٓئِكَ أَصْحَٰبُ ٱلنَّارِ ۖ هُمْ فِيهَا خَٰلِدُونَ ﴿٢٧٥﴾ يَمْحَقُ
ٱللَّهُ ٱلرِّبَوٰاْ وَيُرْبِى ٱلصَّدَقَٰتِ ۗ وَٱللَّهُ لَا يُحِبُّ كُلَّ كَفَّارٍ أَثِيمٍ
﴿٢٧٦﴾ إِنَّ ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ وَعَمِلُواْ ٱلصَّٰلِحَٰتِ وَأَقَامُواْ ٱلصَّلَوٰةَ
وَءَاتَوُاْ ٱلزَّكَوٰةَ لَهُمْ أَجْرُهُمْ عِندَ رَبِّهِمْ وَلَا خَوْفٌ عَلَيْهِمْ
وَلَا هُمْ يَحْزَنُونَ ﴿٢٧٧﴾ يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ ٱتَّقُواْ ٱللَّهَ
وَذَرُواْ مَا بَقِىَ مِنَ ٱلرِّبَوٰٓاْ إِن كُنتُم مُّؤْمِنِينَ ﴿٢٧٨﴾ فَإِن لَّمْ تَفْعَلُواْ
فَأْذَنُواْ بِحَرْبٍ مِّنَ ٱللَّهِ وَرَسُولِهِۦ ۖ وَإِن تُبْتُمْ فَلَكُمْ رُءُوسُ
أَمْوَٰلِكُمْ لَا تَظْلِمُونَ وَلَا تُظْلَمُونَ ﴿٢٧٩﴾ وَإِن كَانَ
ذُو عُسْرَةٍ فَنَظِرَةٌ إِلَىٰ مَيْسَرَةٍ ۚ وَأَن تَصَدَّقُواْ خَيْرٌ لَّكُمْ
إِن كُنتُمْ تَعْلَمُونَ ﴿٢٨٠﴾ وَٱتَّقُواْ يَوْمًا تُرْجَعُونَ فِيهِ إِلَى
ٱللَّهِ ۖ ثُمَّ تُوَفَّىٰ كُلُّ نَفْسٍ مَّا كَسَبَتْ وَهُمْ لَا يُظْلَمُونَ ﴿٢٨١﴾

275.- Những ai ăn (lấy) tiền lời cho vay (*Ribā*) sẽ không đứng vững trừ phi đứng như một kẻ đã bị *Shaytān* sờ mó và làm cho điên cuồng. Sở dĩ như thế là vì họ nói: "Thương mại có khác gì với việc cho vay lấy lãi đâu." Nhưng Allah cho phép buôn bán và cấm cho vay lấy lãi. Bởi thế, ai đã nhận được lệnh cảnh cáo của Allah và ngưng (cho vay lấy lãi) thì sẽ được (Allah) tha thứ về quá khứ của y; và công việc của y sẽ được trình lên cho Allah quyết định. Ngược lại, ai tái phạm thì sẽ là Bạn của Lửa (Hỏa Ngục); trong đó, họ sẽ vào ở đời đời.

276.- Allah xóa bỏ (định chế) *'Ribā'* (cho vay lấy lãi) và làm phát đạt việc bố thí (*Sadaqah*); và Allah không thương những kẻ phụ ơn và tội lỗi.

277.- Quả thật, những ai có đức tin và làm việc thiện, và chu đáo dâng lễ *Salāh* và trả *Zakāh* thì sẽ nhận phần thưởng của họ nơi *Rabb* của họ; họ sẽ không lo sợ cũng sẽ không buồn phiền.

278.- Hỡi những ai có niềm tin! Nếu các ngươi là những người có đức tin thật sự thì hãy sợ Allah và bỏ phần còn lại của tiền lời cho vay.

279.- Nhưng nếu các ngươi không thi hành thì hãy coi chừng chiến tranh từ Allah và Sứ giả của Ngài; nếu các ngươi hối cải thì sẽ được tiền vốn của các ngươi trở lại. Chớ đối xử bất công với người khác và các ngươi sẽ không bị đối xử bất công trở lại.

280.- Và nếu người thiếu nợ lâm vào hoàn cảnh khó khăn, hãy gia hạn cho y cho đến khi y cảm thấy nhẹ gánh lo (trong việc trả nợ); nhưng nếu các ngươi bố thí (tiền nợ) cho họ, thì điều đó tốt nhất cho các ngươi, nếu các ngươi biết.

281.- Và hãy sợ Ngày mà các ngươi sẽ được đưa về gặp Allah trở lại (để chịu xét xử). Rồi mỗi linh hồn sẽ được trả lại đầy đủ về những điều (tội lỗi) mà nó đã phạm và họ sẽ không bị đối xử bất công.

يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُوٓاْ إِذَا تَدَايَنتُم بِدَيۡنٍ إِلَىٰٓ أَجَلٖ مُّسَمّٗى فَٱكۡتُبُوهُۚ وَلۡيَكۡتُب بَّيۡنَكُمۡ كَاتِبُۢ بِٱلۡعَدۡلِۚ وَلَا يَأۡبَ كَاتِبٌ أَن يَكۡتُبَ كَمَا عَلَّمَهُ ٱللَّهُۚ فَلۡيَكۡتُبۡ وَلۡيُمۡلِلِ ٱلَّذِي عَلَيۡهِ ٱلۡحَقُّ وَلۡيَتَّقِ ٱللَّهَ رَبَّهُۥ وَلَا يَبۡخَسۡ مِنۡهُ شَيۡـٔٗاۚ فَإِن كَانَ ٱلَّذِي عَلَيۡهِ ٱلۡحَقُّ سَفِيهًا أَوۡ ضَعِيفًا أَوۡ لَا يَسۡتَطِيعُ أَن يُمِلَّ هُوَ فَلۡيُمۡلِلۡ وَلِيُّهُۥ بِٱلۡعَدۡلِۚ وَٱسۡتَشۡهِدُواْ شَهِيدَيۡنِ مِن رِّجَالِكُمۡۖ فَإِن لَّمۡ يَكُونَا رَجُلَيۡنِ فَرَجُلٞ وَٱمۡرَأَتَانِ مِمَّن تَرۡضَوۡنَ مِنَ ٱلشُّهَدَآءِ أَن تَضِلَّ إِحۡدَىٰهُمَا فَتُذَكِّرَ إِحۡدَىٰهُمَا ٱلۡأُخۡرَىٰۚ وَلَا يَأۡبَ ٱلشُّهَدَآءُ إِذَا مَا دُعُواْۚ وَلَا تَسۡـَٔمُوٓاْ أَن تَكۡتُبُوهُ صَغِيرًا أَوۡ كَبِيرًا إِلَىٰٓ أَجَلِهِۦۚ ذَٰلِكُمۡ أَقۡسَطُ عِندَ ٱللَّهِ وَأَقۡوَمُ لِلشَّهَٰدَةِ وَأَدۡنَىٰٓ أَلَّا تَرۡتَابُوٓاْ إِلَّآ أَن تَكُونَ تِجَٰرَةً حَاضِرَةٗ تُدِيرُونَهَا بَيۡنَكُمۡ فَلَيۡسَ عَلَيۡكُمۡ جُنَاحٌ أَلَّا تَكۡتُبُوهَاۗ وَأَشۡهِدُوٓاْ إِذَا تَبَايَعۡتُمۡۚ وَلَا يُضَآرَّ كَاتِبٞ وَلَا شَهِيدٞۚ وَإِن تَفۡعَلُواْ فَإِنَّهُۥ فُسُوقُۢ بِكُمۡۗ وَٱتَّقُواْ ٱللَّهَۖ وَيُعَلِّمُكُمُ ٱللَّهُۗ وَٱللَّهُ بِكُلِّ شَيۡءٍ عَلِيمٞ ﴿٢٨٢﴾

282.- Hỡi những ai có niềm tin! Khi các ngươi giao dịch mượn tiền bạc của nhau trong một thời hạn ấn định, hãy viết nó xuống thành giấy tờ và hãy gọi một người biên chép đến ghi chép những điều kết ước giữa đôi bên một cách vô tư và công bằng; người biên chép không được từ chối viết theo điều mà Allah đã dạy y. Bởi thế, hãy để cho y viết. Và người mắc nợ đọc ra số nợ; y phải sợ Allah, *Rabb* của y; và y không được bớt một tí nào số nợ của y; nếu người mắc nợ không được sáng suốt (về tinh thần), hoặc yếu ớt hoặc không có khả năng đọc nó thì người giám hộ của ông ta đọc số nợ ấy một cách vô tư và công bằng; và hãy gọi hai người đàn ông của các ngươi đến làm chứng; nhưng nếu không có hai người đàn ông thì chọn một người đàn ông và hai người đàn bà của các ngươi đến làm chứng; mục đích là nếu một trong hai nữ nhân chứng đó nhầm lẫn, người nọ sẽ nhắc lại người kia; và những nhân chứng không được từ chối khi được mời. Và chớ ái ngại viết nó thành văn dù số nợ nhỏ hay lớn đến kỳ hạn của nó. Đối với Allah, điều đó công bằng hơn, chính xác hơn khi đưa ra bằng chứng và thích hợp hơn trong việc chận đứng điều nghi kỵ lẫn nhau; ngoại trừ trường hợp mua bán tại chỗ giữa các ngươi với nhau thì các ngươi không phạm tội nếu không viết thành văn bản và hãy gọi nhân chứng đến làm chứng khi các ngươi thương lượng buôn bán. Và chớ hại người biên chép lẫn nhân chứng; và nếu các ngươi hại họ thì quả thật đó là một hành động hung ác nơi các ngươi. Và hãy sợ Allah bởi vì Allah dạy các ngươi (làm tốt) và Allah Hằng Biết mọi việc.

ثلاثة أرباع الحزب ٥

۞ وَإِن كُنتُمْ عَلَىٰ سَفَرٍ وَلَمْ تَجِدُوا۟ كَاتِبًا فَرِهَٰنٌ مَّقْبُوضَةٌ ۖ فَإِنْ أَمِنَ بَعْضُكُم بَعْضًا فَلْيُؤَدِّ ٱلَّذِى ٱؤْتُمِنَ أَمَٰنَتَهُۥ وَلْيَتَّقِ ٱللَّهَ رَبَّهُۥ ۗ وَلَا تَكْتُمُوا۟ ٱلشَّهَٰدَةَ ۚ وَمَن يَكْتُمْهَا فَإِنَّهُۥٓ ءَاثِمٌ قَلْبُهُۥ ۗ وَٱللَّهُ بِمَا تَعْمَلُونَ عَلِيمٌ ﴿٢٨٣﴾ لِّلَّهِ مَا فِى ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَمَا فِى ٱلْأَرْضِ ۗ وَإِن تُبْدُوا۟ مَا فِىٓ أَنفُسِكُمْ أَوْ تُخْفُوهُ يُحَاسِبْكُم بِهِ ٱللَّهُ ۖ فَيَغْفِرُ لِمَن يَشَآءُ وَيُعَذِّبُ مَن يَشَآءُ ۗ وَٱللَّهُ عَلَىٰ كُلِّ شَىْءٍ قَدِيرٌ ﴿٢٨٤﴾ ءَامَنَ ٱلرَّسُولُ بِمَآ أُنزِلَ إِلَيْهِ مِن رَّبِّهِۦ وَٱلْمُؤْمِنُونَ ۚ كُلٌّ ءَامَنَ بِٱللَّهِ وَمَلَٰٓئِكَتِهِۦ وَكُتُبِهِۦ وَرُسُلِهِۦ لَا نُفَرِّقُ بَيْنَ أَحَدٍ مِّن رُّسُلِهِۦ ۚ وَقَالُوا۟ سَمِعْنَا وَأَطَعْنَا ۖ غُفْرَانَكَ رَبَّنَا وَإِلَيْكَ ٱلْمَصِيرُ ﴿٢٨٥﴾ لَا يُكَلِّفُ ٱللَّهُ نَفْسًا إِلَّا وُسْعَهَا ۚ لَهَا مَا كَسَبَتْ وَعَلَيْهَا مَا ٱكْتَسَبَتْ ۗ رَبَّنَا لَا تُؤَاخِذْنَآ إِن نَّسِينَآ أَوْ أَخْطَأْنَا ۚ رَبَّنَا وَلَا تَحْمِلْ عَلَيْنَآ إِصْرًا كَمَا حَمَلْتَهُۥ عَلَى ٱلَّذِينَ مِن قَبْلِنَا ۚ رَبَّنَا وَلَا تُحَمِّلْنَا مَا لَا طَاقَةَ لَنَا بِهِۦ ۖ وَٱعْفُ عَنَّا وَٱغْفِرْ لَنَا وَٱرْحَمْنَآ ۚ أَنتَ مَوْلَىٰنَا فَٱنصُرْنَا عَلَى ٱلْقَوْمِ ٱلْكَٰفِرِينَ ﴿٢٨٦﴾

283.- Và nếu các ngươi đi xa (nhà) và không tìm ra một người biên chép thì một lời hứa danh dự với tín vật (có thể làm bảo chứng thay cho tờ giao kèo). Nhưng nếu một trong các ngươi tín nhiệm lẫn nhau mà giao cho người kia giữ tín vật thì người thụ ủy phải làm tròn trách nhiệm của anh ta (bằng cách giao hoàn tín vật lại cho chủ nhân của nó) và hãy để cho y sợ Allah, *Rabb* của y; và y không được giấu giếm bằng chứng. Và ai giấu giếm bằng chứng thì quả thật tấm lòng của y vương tội, bởi vì Allah Biết rõ điều các ngươi làm.

284.- Mọi vật trong các tầng trời và trái đất đều là (tạo vật) của Allah cả. Và nếu các ngươi bộc lộ hay giấu kín điều nằm trong lòng của các ngươi, thì Allah sẽ gọi các ngươi đến hỏi về điều đó. Bởi thế, Ngài sẽ tha thứ cho người nào Ngài muốn và trừng phạt kẻ nào Ngài muốn bởi vì Allah có quyền định đoạt trên tất cả mọi vật.

285.- Sứ giả (Muhammad) tin tưởng nơi điều (mặc khải) đã được ban xuống cho Người từ *Rabb* của Người và những người có đức tin (cũng tin tưởng như Người). Tất cả đều tin tưởng nơi Allah, và các Thiên thần của Ngài, và các Kinh sách của Ngài, và các Sứ giả của Ngài. (Họ nói): "Chúng tôi không phân biệt và kỳ thị một vị nào trong các Sứ giả của Ngài." Và họ thưa: "Chúng tôi nghe và vâng lời. Xin Ngài tha thứ cho chúng tôi, hỡi *Rabb* chúng tôi, bởi vì bề nào chúng tôi cũng phải trở về gặp lại Ngài (ở Đời sau)."

286.- Allah không bắt một linh hồn vác gánh nặng (trách nhiệm) quá khả năng của nó. Nó hưởng (phúc) về điều tốt mà nó đã làm ra và chịu phạt về tội mà nó đã gây ra. (Lời cầu nguyện của những tín đồ sẽ là): "Lạy *Rabb* chúng tôi! Xin Ngài đừng bắt tội chúng tôi nếu chúng tôi quên hay nhầm lẫn. Lạy *Rabb* chúng tôi xin Ngài đừng bắt chúng tôi vác gánh nặng giống (gánh nặng) mà Ngài đã đặt lên những người trước chúng tôi. Lạy *Rabb* chúng tôi! Xin Ngài đừng bắt chúng tôi vác gánh nặng vượt quá khả năng của chúng tôi. Xin Ngài lượng thứ và khoan hồng chúng tôi. Ngài là Đấng Bảo hộ che chở chúng tôi, bởi thế xin Ngài yểm trợ chúng tôi thắng những kẻ không có đức tin."

سُورَةُ آلِ عِمۡرَانَ

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

الٓمٓ ١ ٱللَّهُ لَآ إِلَٰهَ إِلَّا هُوَ ٱلۡحَيُّ ٱلۡقَيُّومُ ٢ نَزَّلَ عَلَيۡكَ ٱلۡكِتَٰبَ
بِٱلۡحَقِّ مُصَدِّقٗا لِّمَا بَيۡنَ يَدَيۡهِ وَأَنزَلَ ٱلتَّوۡرَىٰةَ وَٱلۡإِنجِيلَ ٣ مِن
قَبۡلُ هُدٗى لِّلنَّاسِ وَأَنزَلَ ٱلۡفُرۡقَانَۗ إِنَّ ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ بِـَٔايَٰتِ ٱللَّهِ
لَهُمۡ عَذَابٞ شَدِيدٞۗ وَٱللَّهُ عَزِيزٞ ذُو ٱنتِقَامٍ ٤ إِنَّ ٱللَّهَ لَا يَخۡفَىٰ
عَلَيۡهِ شَيۡءٞ فِي ٱلۡأَرۡضِ وَلَا فِي ٱلسَّمَآءِ ٥ هُوَ ٱلَّذِي يُصَوِّرُكُمۡ
فِي ٱلۡأَرۡحَامِ كَيۡفَ يَشَآءُۚ لَآ إِلَٰهَ إِلَّا هُوَ ٱلۡعَزِيزُ ٱلۡحَكِيمُ ٦ هُوَ
ٱلَّذِيٓ أَنزَلَ عَلَيۡكَ ٱلۡكِتَٰبَ مِنۡهُ ءَايَٰتٞ مُّحۡكَمَٰتٌ هُنَّ أُمُّ
ٱلۡكِتَٰبِ وَأُخَرُ مُتَشَٰبِهَٰتٞۖ فَأَمَّا ٱلَّذِينَ فِي قُلُوبِهِمۡ زَيۡغٞ فَيَتَّبِعُونَ
مَا تَشَٰبَهَ مِنۡهُ ٱبۡتِغَآءَ ٱلۡفِتۡنَةِ وَٱبۡتِغَآءَ تَأۡوِيلِهِۦۖ وَمَا يَعۡلَمُ تَأۡوِيلَهُۥٓ
إِلَّا ٱللَّهُۗ وَٱلرَّٰسِخُونَ فِي ٱلۡعِلۡمِ يَقُولُونَ ءَامَنَّا بِهِۦ كُلّٞ مِّنۡ عِندِ
رَبِّنَاۗ وَمَا يَذَّكَّرُ إِلَّآ أُوْلُواْ ٱلۡأَلۡبَٰبِ ٧ رَبَّنَا لَا تُزِغۡ قُلُوبَنَا بَعۡدَ
إِذۡ هَدَيۡتَنَا وَهَبۡ لَنَا مِن لَّدُنكَ رَحۡمَةًۚ إِنَّكَ أَنتَ ٱلۡوَهَّابُ ٨ رَبَّنَآ
إِنَّكَ جَامِعُ ٱلنَّاسِ لِيَوۡمٖ لَّا رَيۡبَ فِيهِۚ إِنَّ ٱللَّهَ لَا يُخۡلِفُ ٱلۡمِيعَادَ ٩

AL-'IMRĀN
(Gia Đình Al-'Imrān)

Nhân danh Allah, Đấng Rất mực Độ lượng,
Đấng Rất mực Khoan dung

1.- *Alif. Lām. Mīm.*

2.- Allah! Không có Thượng Đế nào khác, duy chỉ Ngài (là Thượng Đế), Đấng Hằng sống, Đấng Tự hữu và Nuôi dưỡng vạn vật.

3.- Ngài ban Kinh sách (*Qur'ān*) xuống cho Ngươi (Muhammad!) để xác nhận lại điều (mặc khải) đã được ban xuống trước Nó (*Qur'an*); và Ngài đã ban Kinh *Taurāh* (cho Mūsa) và Kinh *Injīl* (cho 'Isa),

4.- Trước đây, để làm một Chỉ đạo cho nhân loại và Ngài đã ban Chuẩn mực (*Furqān*) xuống (để phân biệt phúc và tội). Quả thật, những ai phủ nhận các Lời mặc khải của Allah thì sẽ nhận một sự trừng phạt khủng khiếp; và Allah là Đấng Toàn Năng, nắm việc trừng phạt.

5.- Quả thật, Allah là Đấng mà bất cứ vật gì ở dưới đất hay trên trời đều không thể giấu giếm khỏi Ngài đặng.

6.- Ngài là Đấng đã nắn tạo các người trong dạ con (của các bà mẹ) như thế nào tùy theo Ngài muốn. Không có Thượng Đế nào khác duy chỉ Ngài, Đấng Toàn năng, Đấng Rất mực Sáng suốt.

7.- Ngài là Đấng đã ban Kinh sách (*Qur'ān*) xuống cho Ngươi (Muhammad!) trong đó có những câu cụ thể rõ ràng (*Āyāt Muhkamāt*). Chúng là nền tảng của Kinh sách trong lúc những câu khác thì đề cập tổng quát các vấn đề (*Āyāt Mutashābihāt*). Bởi thế, những ai trong lòng có ý tưởng lệch lạc thì tuân theo những câu nói tổng quát của nó mà tìm cách gây chia rẽ và giải thích ý nghĩa (*ta'wīl*) của nó. Và chỉ riêng Allah thôi biết rõ ý nghĩa thật sự của nó. Và những người có trình độ hiểu biết vững chắc đều thưa: "Chúng tôi tin nơi nó; toàn bộ của nó xuất phát từ *Rabb* (Allah) chúng tôi." Và chỉ những người hiểu biết mới nắm được lời nhắc nhở (của Qur'ān).

8.- (Họ thưa): "Lạy *Rabb* chúng tôi! Xin đừng làm cho tấm lòng của chúng tôi nghiêng ngả và lạc hướng sau khi Ngài đã hướng dẫn chúng tôi và xin ban cho chúng tôi Hồng ân từ Ngài bởi vì quả thật Ngài là Đấng Hằng Ban bố."

9.- "Lạy *Rabb* chúng tôi! Không một chút nghi ngờ nào, quả thật, Ngài sẽ cho tập trung nhân loại vào một Ngày (Phán xử). Quả thật, Allah không bao giờ thất hứa cả."

إِنَّ ٱلَّذِينَ كَفَرُوا۟ لَن تُغْنِىَ عَنْهُمْ أَمْوَٰلُهُمْ وَلَآ أَوْلَـٰدُهُم مِّنَ ٱللَّهِ شَيْـًٔا ۖ وَأُو۟لَـٰٓئِكَ هُمْ وَقُودُ ٱلنَّارِ ﴿١٠﴾ كَدَأْبِ ءَالِ فِرْعَوْنَ وَٱلَّذِينَ مِن قَبْلِهِمْ ۚ كَذَّبُوا۟ بِـَٔايَـٰتِنَا فَأَخَذَهُمُ ٱللَّهُ بِذُنُوبِهِمْ ۗ وَٱللَّهُ شَدِيدُ ٱلْعِقَابِ ﴿١١﴾ قُل لِّلَّذِينَ كَفَرُوا۟ سَتُغْلَبُونَ وَتُحْشَرُونَ إِلَىٰ جَهَنَّمَ ۚ وَبِئْسَ ٱلْمِهَادُ ﴿١٢﴾ قَدْ كَانَ لَكُمْ ءَايَةٌ فِى فِئَتَيْنِ ٱلْتَقَتَا ۖ فِئَةٌ تُقَـٰتِلُ فِى سَبِيلِ ٱللَّهِ وَأُخْرَىٰ كَافِرَةٌ يَرَوْنَهُم مِّثْلَيْهِمْ رَأْىَ ٱلْعَيْنِ ۚ وَٱللَّهُ يُؤَيِّدُ بِنَصْرِهِۦ مَن يَشَآءُ ۗ إِنَّ فِى ذَٰلِكَ لَعِبْرَةً لِّأُو۟لِى ٱلْأَبْصَـٰرِ ﴿١٣﴾ زُيِّنَ لِلنَّاسِ حُبُّ ٱلشَّهَوَٰتِ مِنَ ٱلنِّسَآءِ وَٱلْبَنِينَ وَٱلْقَنَـٰطِيرِ ٱلْمُقَنطَرَةِ مِنَ ٱلذَّهَبِ وَٱلْفِضَّةِ وَٱلْخَيْلِ ٱلْمُسَوَّمَةِ وَٱلْأَنْعَـٰمِ وَٱلْحَرْثِ ۗ ذَٰلِكَ مَتَـٰعُ ٱلْحَيَوٰةِ ٱلدُّنْيَا ۖ وَٱللَّهُ عِندَهُۥ حُسْنُ ٱلْمَـَٔابِ ﴿١٤﴾ ۞ قُلْ أَؤُنَبِّئُكُم بِخَيْرٍ مِّن ذَٰلِكُمْ ۚ لِلَّذِينَ ٱتَّقَوْا۟ عِندَ رَبِّهِمْ جَنَّـٰتٌ تَجْرِى مِن تَحْتِهَا ٱلْأَنْهَـٰرُ خَـٰلِدِينَ فِيهَا وَأَزْوَٰجٌ مُّطَهَّرَةٌ وَرِضْوَٰنٌ مِّنَ ٱللَّهِ ۗ وَٱللَّهُ بَصِيرٌۢ بِٱلْعِبَادِ ﴿١٥﴾

الحِزْبُ ٦

10.- Quả thật, những ai không có đức tin (là những kẻ mà) tài sản cũng như con cái đông đảo của chúng sẽ không giúp ích gì được cho chúng thoát khỏi (sự trừng phạt của) Allah. Và chúng sẽ thành chất đốt cho Lửa (của Hỏa ngục).

11.- (Chúng) giống như đám thuộc hạ của *Fir'aun* và của những kẻ trước chúng. Chúng phủ nhận các Lời mặc khải của *TA* (Allah), bởi thế Allah bắt phạt chúng về tội lỗi của chúng. Và Allah trừng phạt (chúng) rất nghiêm khắc.

12.- Hãy bảo những kẻ không có đức tin: "Các ngươi sẽ sớm bị đánh bại và sẽ bị tập trung lùa vào Hỏa ngục. Và đó là một nơi nằm nghỉ xấu xa nhất."

13.- Chắc chắn các ngươi (hỡi người Do thái!) đã có một Dấu hiệu trong việc hai đoàn quân giao chiến (tại *Badr*[1]): Một đoàn quân chiến đấu cho Chính nghĩa của Allah và đoàn quân kia không có đức tin (chống lại Allah). Chính mắt của chúng thấy rõ quân số của chúng đông hơn gấp đôi. Nhưng Allah trợ lực người nào Ngài muốn với sự cứu trợ của Ngài. Quả thật, trong sự việc đó là một bài học cho những người có cái nhìn thấu suốt.

14.- Nhân loại thường đam mê những thú vui từ phụ nữ, và con cái, và kho tàng vàng bạc chất đống, và giống ngựa tốt, và gia súc, và đất đai trồng trọt tốt. Đó là sự hưởng thụ của đời sống trần tục này trong lúc Allah có nơi Ngài một nơi trở về tốt đẹp hơn (những thứ đó).

15.- Hãy bảo họ: "Há ta sẽ cho các ngươi biết về phần thưởng tốt hơn những lạc thú đó hay chăng? (rằng) những ai sợ Allah thì sẽ có nơi *Rabb* của họ những Ngôi vườn (Thiên đàng) bên dưới có các dòng sông chảy, nơi mà họ sẽ vào ở đời đời với các bà vợ trong sạch và sẽ được Allah hài lòng. Và Allah thấy rõ các bầy tôi (của Ngài)."

[1] Một địa danh nằm về phía nam của thành phố Madinah khoảng 150 cây số, nơi đã xẩy ra trận chiến lừng danh đầu tiên giữa 313 người Muslim và khoảng 1000 người Quraish ngoại giáo đưa đến chiến thắng của người Muslim.

ٱلَّذِينَ يَقُولُونَ رَبَّنَآ إِنَّنَآ ءَامَنَّا فَٱغْفِرْ لَنَا ذُنُوبَنَا وَقِنَا عَذَابَ ٱلنَّارِ ﴿١٦﴾ ٱلصَّٰبِرِينَ وَٱلصَّٰدِقِينَ وَٱلْقَٰنِتِينَ وَٱلْمُنفِقِينَ وَٱلْمُسْتَغْفِرِينَ بِٱلْأَسْحَارِ ﴿١٧﴾ شَهِدَ ٱللَّهُ أَنَّهُۥ لَآ إِلَٰهَ إِلَّا هُوَ وَٱلْمَلَٰٓئِكَةُ وَأُو۟لُوا۟ ٱلْعِلْمِ قَآئِمًۢا بِٱلْقِسْطِ ۚ لَآ إِلَٰهَ إِلَّا هُوَ ٱلْعَزِيزُ ٱلْحَكِيمُ ﴿١٨﴾ إِنَّ ٱلدِّينَ عِندَ ٱللَّهِ ٱلْإِسْلَٰمُ ۗ وَمَا ٱخْتَلَفَ ٱلَّذِينَ أُوتُوا۟ ٱلْكِتَٰبَ إِلَّا مِنۢ بَعْدِ مَا جَآءَهُمُ ٱلْعِلْمُ بَغْيًۢا بَيْنَهُمْ ۗ وَمَن يَكْفُرْ بِـَٔايَٰتِ ٱللَّهِ فَإِنَّ ٱللَّهَ سَرِيعُ ٱلْحِسَابِ ﴿١٩﴾ فَإِنْ حَآجُّوكَ فَقُلْ أَسْلَمْتُ وَجْهِىَ لِلَّهِ وَمَنِ ٱتَّبَعَنِ ۗ وَقُل لِّلَّذِينَ أُوتُوا۟ ٱلْكِتَٰبَ وَٱلْأُمِّيِّۦنَ ءَأَسْلَمْتُمْ ۚ فَإِنْ أَسْلَمُوا۟ فَقَدِ ٱهْتَدَوا۟ ۖ وَّإِن تَوَلَّوْا۟ فَإِنَّمَا عَلَيْكَ ٱلْبَلَٰغُ ۗ وَٱللَّهُ بَصِيرٌۢ بِٱلْعِبَادِ ﴿٢٠﴾ إِنَّ ٱلَّذِينَ يَكْفُرُونَ بِـَٔايَٰتِ ٱللَّهِ وَيَقْتُلُونَ ٱلنَّبِيِّۦنَ بِغَيْرِ حَقٍّ وَيَقْتُلُونَ ٱلَّذِينَ يَأْمُرُونَ بِٱلْقِسْطِ مِنَ ٱلنَّاسِ فَبَشِّرْهُم بِعَذَابٍ أَلِيمٍ ﴿٢١﴾ أُو۟لَٰٓئِكَ ٱلَّذِينَ حَبِطَتْ أَعْمَٰلُهُمْ فِى ٱلدُّنْيَا وَٱلْءَاخِرَةِ وَمَا لَهُم مِّن نَّٰصِرِينَ ﴿٢٢﴾

16.- Những ai (cầu nguyện) thưa: "Lạy *Rabb* chúng tôi! Chúng tôi thực sự tin tưởng. Xin Ngài tha thứ tội lỗi của chúng tôi cho chúng tôi và giải cứu chúng tôi thoát khỏi sự trừng phạt của Lửa (Hỏa ngục)."

17.- Những người kiên nhẫn chịu đựng (mọi bất trắc), những người chân thật (trong lời nói và việc làm), những người thành tâm sùng kính (Allah), những ai chi dùng (tài sản cho Chính nghĩa của Allah), những người cầu xin (Allah) tha thứ (tội lỗi) vào lúc tinh sương.

18.- Allah xác nhận và các Thiên thần và những người hiểu biết đều làm chứng rằng quả thật không có Thượng Đế nào khác cả duy chỉ có Ngài, Đấng duy trì nền công lý. Không có Thượng Đế nào khác cả duy chỉ có Ngài, Đấng Toàn năng, Đấng Rất mực Sáng suốt.

19.- Quả thật, Chính đạo (*Dīn*) đối với Allah là **Islām**. Và những ai đã được ban cho Kinh sách cũng không tranh chấp nhau về nó; ngược lại, chỉ từ sau khi tiếp thu được sự hiểu biết, họ mới đâm ra ganh tị lẫn nhau. Và ai phủ nhận các Lời mặc khải của Allah thì quả thật Allah rất nhanh trong việc thanh toán (xử phạt).

20.- Bởi thế, nếu những kẻ không có đức tin tranh luận với Ngươi (Muhammad!), hãy bảo họ: "Ta đã tự dâng hiến mình cho Allah (trong *Islām*) và những ai theo ta (cũng làm thế). Và hãy bảo những ai đã được ban cho Kinh sách và những kẻ thất học (*Ummiyyīn*): "Hãy theo *Islām*." Do đó, nếu họ theo *Islām* thì chắc chắn họ được hướng dẫn; ngược lại nếu họ quay bỏ đi thì nhiệm vụ của Ngươi chỉ là truyền đạt (thông điệp của Allah). Và Allah thấy rõ bầy tôi của Ngài.

21.- Quả thật, những ai phủ nhận các Lời mặc khải của Allah và đã giết các *Nabi*[1] bất phân đạo lý và giết những ai trong nhân loại ra lệnh việc đối xử công bằng thì hãy báo cho họ biết về một sự trừng phạt đau đớn.

22.- Họ là những kẻ mà việc làm trên thế gian này sẽ tan biến mất; và ở Đời sau họ sẽ không được ai cứu giúp.

[1] *Nabiyyīn* (các Nabi) tức các vị tiếp thu Lời thiên khải của Allah

أَلَمْ تَرَ إِلَى ٱلَّذِينَ أُوتُوا۟ نَصِيبًا مِّنَ ٱلْكِتَٰبِ يُدْعَوْنَ إِلَىٰ كِتَٰبِ ٱللَّهِ لِيَحْكُمَ بَيْنَهُمْ ثُمَّ يَتَوَلَّىٰ فَرِيقٌ مِّنْهُمْ وَهُم مُّعْرِضُونَ ﴿٢٣﴾ ذَٰلِكَ بِأَنَّهُمْ قَالُوا۟ لَن تَمَسَّنَا ٱلنَّارُ إِلَّآ أَيَّامًا مَّعْدُودَٰتٍ ۖ وَغَرَّهُمْ فِى دِينِهِم مَّا كَانُوا۟ يَفْتَرُونَ ﴿٢٤﴾ فَكَيْفَ إِذَا جَمَعْنَٰهُمْ لِيَوْمٍ لَّا رَيْبَ فِيهِ وَوُفِّيَتْ كُلُّ نَفْسٍ مَّا كَسَبَتْ وَهُمْ لَا يُظْلَمُونَ ﴿٢٥﴾ قُلِ ٱللَّهُمَّ مَٰلِكَ ٱلْمُلْكِ تُؤْتِى ٱلْمُلْكَ مَن تَشَآءُ وَتَنزِعُ ٱلْمُلْكَ مِمَّن تَشَآءُ وَتُعِزُّ مَن تَشَآءُ وَتُذِلُّ مَن تَشَآءُ ۖ بِيَدِكَ ٱلْخَيْرُ ۖ إِنَّكَ عَلَىٰ كُلِّ شَىْءٍ قَدِيرٌ ﴿٢٦﴾ تُولِجُ ٱلَّيْلَ فِى ٱلنَّهَارِ وَتُولِجُ ٱلنَّهَارَ فِى ٱلَّيْلِ ۖ وَتُخْرِجُ ٱلْحَىَّ مِنَ ٱلْمَيِّتِ وَتُخْرِجُ ٱلْمَيِّتَ مِنَ ٱلْحَىِّ ۖ وَتَرْزُقُ مَن تَشَآءُ بِغَيْرِ حِسَابٍ ﴿٢٧﴾ لَّا يَتَّخِذِ ٱلْمُؤْمِنُونَ ٱلْكَٰفِرِينَ أَوْلِيَآءَ مِن دُونِ ٱلْمُؤْمِنِينَ ۖ وَمَن يَفْعَلْ ذَٰلِكَ فَلَيْسَ مِنَ ٱللَّهِ فِى شَىْءٍ إِلَّآ أَن تَتَّقُوا۟ مِنْهُمْ تُقَىٰةً ۗ وَيُحَذِّرُكُمُ ٱللَّهُ نَفْسَهُۥ ۗ وَإِلَى ٱللَّهِ ٱلْمَصِيرُ ﴿٢٨﴾ قُلْ إِن تُخْفُوا۟ مَا فِى صُدُورِكُمْ أَوْ تُبْدُوهُ يَعْلَمْهُ ٱللَّهُ ۗ وَيَعْلَمُ مَا فِى ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَمَا فِى ٱلْأَرْضِ ۗ وَٱللَّهُ عَلَىٰ كُلِّ شَىْءٍ قَدِيرٌ ﴿٢٩﴾

23.- Há Ngươi (Muhammad) không nhìn thấy những kẻ đã được ban cho một phần của Kinh sách hay sao? Họ được mời đến với Kinh sách (*Qur'ān*) của Allah để được giải quyết mối tranh chấp giữa họ với nhau, rồi một thành phần của họ bỏ đi, không buồn lưu ý đến (việc giải hoà).

24.- Sở dĩ như thế là vì họ nói: "Lửa (của Hỏa ngục) sẽ chạm phải thân mình chúng tôi chỉ trong một số ngày ấn định." Và những điều mà họ đã bịa đặt ra trong tôn giáo của họ đã đánh lừa họ.

25.- Thế họ sẽ xử sự ra sao khi *TA* (Allah) sẽ cho tập trung họ lại vào một Ngày nhất định sẽ xảy ra, không có gì phải ngờ vực cả. Và mỗi người (linh hồn) sẽ được trả lại đầy đủ về điều (phúc và tội) mà y đã thu hoạch? Và họ sẽ không bị đối xử thiệt thòi.

26.- Hãy bảo: "Lạy Allah, Đức Vua nắm mọi quyền hành! Ngài ban quyền hành cho người nào Ngài muốn, và thu hồi quyền hành từ kẻ nào Ngài muốn; Ngài ban vinh dự cho người nào Ngài muốn và hạ nhục kẻ nào Ngài muốn. Mọi điều tốt, đều do Tay của Ngài cả. Quả thật, Ngài có quyền trên tất cả mọi vật.

27.- "Ngài làm cho ban đêm nhập vào ban ngày và làm cho ban ngày nhập vào ban đêm; Ngài đưa cái sống ra từ cái chết và đưa cái chết ra khỏi cái sống. Và Ngài cung dưỡng một cách vô kể người nào Ngài muốn."

28.- Những người có đức tin chớ nên nhận những kẻ không có đức tin làm người bảo hộ của mình thay vì những người có đức tin, và ai làm thế thì sẽ không còn liên hệ gì với Allah nữa ngoại trừ trường hợp các ngươi sợ hiểm họa do chúng gây ra. Và Allah khuyên các ngươi nên thận trọng với chính Ngài (Allah) bởi vì mục tiêu trở về cuối cùng là Allah.

29.- Hãy bảo họ: "Dù các ngươi có giấu giếm hay tiết lộ điều gì nằm trong lòng của các ngươi, Allah biết rõ cả, bởi vì Ngài biết hết mọi vật trong các tầng trời và mọi vật dưới đất. Và Allah có quyền chi phối trên tất cả mọi vật."

يَوۡمَ تَجِدُ كُلُّ نَفۡسٖ مَّا عَمِلَتۡ مِنۡ خَيۡرٖ مُّحۡضَرٗا وَمَا عَمِلَتۡ
مِن سُوٓءٖ تَوَدُّ لَوۡ أَنَّ بَيۡنَهَا وَبَيۡنَهُۥٓ أَمَدَۢا بَعِيدٗاۗ وَيُحَذِّرُكُمُ ٱللَّهُ
نَفۡسَهُۥۗ وَٱللَّهُ رَءُوفُۢ بِٱلۡعِبَادِ ﴿٣٠﴾ قُلۡ إِن كُنتُمۡ تُحِبُّونَ ٱللَّهَ
فَٱتَّبِعُونِي يُحۡبِبۡكُمُ ٱللَّهُ وَيَغۡفِرۡ لَكُمۡ ذُنُوبَكُمۡۚ وَٱللَّهُ غَفُورٞ
رَّحِيمٞ ﴿٣١﴾ قُلۡ أَطِيعُواْ ٱللَّهَ وَٱلرَّسُولَۖ فَإِن تَوَلَّوۡاْ فَإِنَّ ٱللَّهَ لَا يُحِبُّ
ٱلۡكَٰفِرِينَ ﴿٣٢﴾ ۞ إِنَّ ٱللَّهَ ٱصۡطَفَىٰٓ ءَادَمَ وَنُوحٗا وَءَالَ إِبۡرَٰهِيمَ
وَءَالَ عِمۡرَٰنَ عَلَى ٱلۡعَٰلَمِينَ ﴿٣٣﴾ ذُرِّيَّةَۢ بَعۡضُهَا مِنۢ بَعۡضٖۗ وَٱللَّهُ
سَمِيعٌ عَلِيمٌ ﴿٣٤﴾ إِذۡ قَالَتِ ٱمۡرَأَتُ عِمۡرَٰنَ رَبِّ إِنِّي نَذَرۡتُ لَكَ
مَا فِي بَطۡنِي مُحَرَّرٗا فَتَقَبَّلۡ مِنِّيٓۖ إِنَّكَ أَنتَ ٱلسَّمِيعُ ٱلۡعَلِيمُ ﴿٣٥﴾
فَلَمَّا وَضَعَتۡهَا قَالَتۡ رَبِّ إِنِّي وَضَعۡتُهَآ أُنثَىٰ وَٱللَّهُ أَعۡلَمُ بِمَا وَضَعَتۡ
وَلَيۡسَ ٱلذَّكَرُ كَٱلۡأُنثَىٰۖ وَإِنِّي سَمَّيۡتُهَا مَرۡيَمَ وَإِنِّيٓ أُعِيذُهَا بِكَ
وَذُرِّيَّتَهَا مِنَ ٱلشَّيۡطَٰنِ ٱلرَّجِيمِ ﴿٣٦﴾ فَتَقَبَّلَهَا رَبُّهَا بِقَبُولٍ
حَسَنٖ وَأَنۢبَتَهَا نَبَاتًا حَسَنٗا وَكَفَّلَهَا زَكَرِيَّاۖ كُلَّمَا دَخَلَ عَلَيۡهَا
زَكَرِيَّا ٱلۡمِحۡرَابَ وَجَدَ عِندَهَا رِزۡقٗاۖ قَالَ يَٰمَرۡيَمُ أَنَّىٰ لَكِ هَٰذَاۖ
قَالَتۡ هُوَ مِنۡ عِندِ ٱللَّهِۖ إِنَّ ٱللَّهَ يَرۡزُقُ مَن يَشَآءُ بِغَيۡرِ حِسَابٍ ﴿٣٧﴾

ربع الحزب ٦

30.- Vào Ngày mà mỗi người (linh hồn) sẽ đối diện với điều phúc mà nó đã làm và với điều tội mà nó đã phạm, thì người (linh hồn) đó sẽ ao ước phải chi y được xa tội lỗi đó một khoảng cách thật xa. Và Allah cảnh cáo các người về Ngài. Và Allah Rất mực Nhân từ với bầy tôi của Ngài.

31.- Hãy bảo (họ, hỡi Muhammad!): "Nếu các người thực sự yêu thương Allah, thì hãy theo Ta, Allah sẽ yêu thương các người (trở lại) và tha tội cho các người bởi vì Allah Hằng Tha thứ, Rất mực Khoan dung.

32.- Hãy bảo tiếp: "Hãy vâng lệnh Allah và Sứ giả (của Allah)." Nhưng nếu họ quay bỏ đi thì quả thật Allah không yêu thương những kẻ không có đức tin (nơi Ngài).

33.- Quả thật, Allah đã chọn *Ādam* và *Nūh* và gia đình (dòng dõi) của *Ibrāhīm* và gia đình của *'Imrān* hơn thiên hạ.

34.- Con cháu lẫn nhau (trong các dòng họ đó). Và Allah Hằng nghe và biết (mọi việc).

35.- Khi bà vợ của *'Imrān* (cầu nguyện) thưa: "Lạy *Rabb* của bề tôi! Quả thật, bề tôi xin hiến (đứa con) trong bụng của bề tôi cho Ngài để đặc biệt phụng sự Ngài; xin Ngài nhận (sự hiến dâng này) của bề tôi bởi vì Ngài là Đấng Hằng Nghe và Biết mọi việc."

36.- Bởi thế, sau khi hạ sanh, bà ta thưa: "Lạy *Rabb* của bề tôi! Bề tôi đã hạ sanh một đứa con gái,- và Allah biết rõ đứa con mà bà đã hạ sanh,- và con trai không như con gái, và bề tôi đặt tên cho Nữ là *Maryam* và bề tôi giao Nữ và con cái của Nữ cho Ngài để Ngài bảo vệ (chúng) tránh xa *Shaytān* phản nghịch, đáng bị đánh đuổi đi nơi khác."

37.- Do đó, *Rabb* của Nữ (*Maryam*) đã chấp nhận Nữ một cách tốt đẹp và làm cho Nữ trưởng thành xinh đẹp và giao Nữ cho *Zakarīya* (Zacharias) chăm sóc. Mỗi lần *Zakarīya* đi vào phòng tu của Nữ (*Maryam*) (để chăm sóc Nữ), Người thấy thực phẩm bên cạnh Nữ. (Zakarīya) hỏi: "Hỡi *Maryam*! Nữ có thức ăn này từ đâu?" (*Maryam*) đáp: "Thức ăn này do Allah ban cho." Quả thật, Allah cung dưỡng vô kể cho người nào Ngài muốn."

هُنَالِكَ دَعَا زَكَرِيَّا رَبَّهُۥۖ قَالَ رَبِّ هَبۡ لِي مِن لَّدُنكَ ذُرِّيَّةٗ
طَيِّبَةًۖ إِنَّكَ سَمِيعُ ٱلدُّعَآءِ ٣٨ فَنَادَتۡهُ ٱلۡمَلَٰٓئِكَةُ وَهُوَ قَآئِمٞ
يُصَلِّي فِي ٱلۡمِحۡرَابِ أَنَّ ٱللَّهَ يُبَشِّرُكَ بِيَحۡيَىٰ مُصَدِّقَۢا بِكَلِمَةٖ
مِّنَ ٱللَّهِ وَسَيِّدٗا وَحَصُورٗا وَنَبِيّٗا مِّنَ ٱلصَّٰلِحِينَ ٣٩ قَالَ رَبِّ
أَنَّىٰ يَكُونُ لِي غُلَٰمٞ وَقَدۡ بَلَغَنِيَ ٱلۡكِبَرُ وَٱمۡرَأَتِي عَاقِرٞۖ قَالَ
كَذَٰلِكَ ٱللَّهُ يَفۡعَلُ مَا يَشَآءُ ٤٠ قَالَ رَبِّ ٱجۡعَل لِّيٓ ءَايَةٗۖ
قَالَ ءَايَتُكَ أَلَّا تُكَلِّمَ ٱلنَّاسَ ثَلَٰثَةَ أَيَّامٍ إِلَّا رَمۡزٗاۗ وَٱذۡكُر
رَّبَّكَ كَثِيرٗا وَسَبِّحۡ بِٱلۡعَشِيِّ وَٱلۡإِبۡكَٰرِ ٤١ وَإِذۡ قَالَتِ
ٱلۡمَلَٰٓئِكَةُ يَٰمَرۡيَمُ إِنَّ ٱللَّهَ ٱصۡطَفَىٰكِ وَطَهَّرَكِ وَٱصۡطَفَىٰكِ
عَلَىٰ نِسَآءِ ٱلۡعَٰلَمِينَ ٤٢ يَٰمَرۡيَمُ ٱقۡنُتِي لِرَبِّكِ وَٱسۡجُدِي
وَٱرۡكَعِي مَعَ ٱلرَّٰكِعِينَ ٤٣ ذَٰلِكَ مِنۡ أَنۢبَآءِ ٱلۡغَيۡبِ نُوحِيهِ إِلَيۡكَۚ
وَمَا كُنتَ لَدَيۡهِمۡ إِذۡ يُلۡقُونَ أَقۡلَٰمَهُمۡ أَيُّهُمۡ يَكۡفُلُ مَرۡيَمَ
وَمَا كُنتَ لَدَيۡهِمۡ إِذۡ يَخۡتَصِمُونَ ٤٤ إِذۡ قَالَتِ ٱلۡمَلَٰٓئِكَةُ
يَٰمَرۡيَمُ إِنَّ ٱللَّهَ يُبَشِّرُكِ بِكَلِمَةٖ مِّنۡهُ ٱسۡمُهُ ٱلۡمَسِيحُ عِيسَى
ٱبۡنُ مَرۡيَمَ وَجِيهٗا فِي ٱلدُّنۡيَا وَٱلۡأٓخِرَةِ وَمِنَ ٱلۡمُقَرَّبِينَ ٤٥

38.- Tức thời Zakarīya cầu nguyện *Rabb* của Người, thưa: "Lạy *Rabb* của bề tôi! Xin Ngài rủ lòng thương ban cho bề tôi một đứa con tốt (và có hiếu) để nối dòng. Quả thật, Ngài là Đấng Hằng Nghe lời cầu xin."

39.- Bởi thế, Thiên thần gọi Người trong lúc Người đứng dâng lễ (và cầu nguyện) trong phòng tu, bảo: "Quả thật, Allah báo cho Ngươi tin mừng về (việc Ngài ban cho Ngươi một đứa con trai) *Yahyā*, để xác nhận một Lời phán[1] từ Allah, (*Yahyā*) vừa là một nhà lãnh đạo quí phái, vừa là một người trong sạch vừa là một vị *Nabi* của những người lương thiện."

40.- (*Zakarīya*) thưa: "Lạy *Rabb* của bề tôi! Làm sao bề tôi sẽ có con trai trong lúc bề tôi tuổi đã già và vợ thì lại hiếm hoi nữa?" (Allah) đáp: "Allah làm điều gì Ngài muốn đúng như thế."

41.- (Zakarīya) thưa: "Lạy *Rabb* của bề tôi! Xin Ngài ban cho bề tôi một Dấu hiệu." (Allah) phán: "Dấu hiệu của Ngươi sẽ là (việc) Ngươi sẽ không nói chuyện được với mọi người trong ba ngày mà chỉ ra dấu thôi. Và hãy tụng niệm *Rabb* của Ngươi cho thật nhiều và *Tasbīh*[2] (tán dương) Ngài vào buổi tối và vào buổi sáng."

42.- Và (hãy nhớ) khi các Thiên thần bảo (Nàng *Maryam*): "Hỡi *Maryam*! Quả thật, Allah đã chọn Nàng, và tẩy sạch Nàng và chọn Nàng (để phụng sự Ngài) hơn những phụ nữ khác trong thiên hạ."

43.- Hỡi *Maryam*! "Hãy dốc lòng thờ phụng *Rabb* của Nàng, và hãy phủ phục và cúi đầu thần phục (trước Allah) cùng với những người cúi đầu thần phục."

44.- Đây là phần của các tin lành thuộc cõi vô hình mà *TA* (Allah) đã mặc khải cho Ngươi (hỡi Muhammad!) Ngươi không có mặt với họ khi họ dùng quẻ xin xăm để chọn ai là người của họ sẽ đứng ra chăm sóc Maryam[3]; Ngươi cũng không có mặt với họ khi họ tranh luận với nhau về (vấn đề này).

45.- (Hãy nhớ) khi các Thiên thần bảo (Nàng *Maryam*): "Hỡi *Maryam*! Quả thật, Allah báo cho Nàng tin mừng về một Lời phán từ Ngài: Tên của Người là *Masīh*[4] *'Īsa* (Giê-su), con trai của *Maryam*, (Người) sẽ được vinh danh ở đời này và Đời sau và sẽ thuộc thành phần của những người ở kế cận Allah."

---

[1] *Kalimah* (Lời phán) '*Kun fayakun*' (Hãy thành thì nó thành như thế)

[2] Tasbīh tức đọc '*Subhanallah*" (Quang vinh thay Allah!)

[3] Vào năm đó, Bani Israel tức con cháu của Israel đã trải qua một nạn đói trầm trọng khiến cho Zakarīya không đủ sức chăm sóc Maryam nữa, nên họ đã quyết định rút thăm xem ai là người có thể cáng đáng công việc này. Chiếc xăm rơi nhằm phải Jurayj, một người thợ mộc tuyệt dục của Bani Israel.

[4] *Masīh* theo tiếng Ả-rập và Hebrew (Do thái) có nghĩa là xoa dầu hay mỡ mục đích để phong chức cho ai. Tiếng Hy-lạp là Christ.

وَيُكَلِّمُ ٱلنَّاسَ فِى ٱلْمَهْدِ وَكَهْلًا وَمِنَ ٱلصَّٰلِحِينَ ﴿٤٦﴾
قَالَتْ رَبِّ أَنَّىٰ يَكُونُ لِى وَلَدٌ وَلَمْ يَمْسَسْنِى بَشَرٌ ۖ قَالَ كَذَٰلِكِ
ٱللَّهُ يَخْلُقُ مَا يَشَآءُ ۚ إِذَا قَضَىٰٓ أَمْرًا فَإِنَّمَا يَقُولُ لَهُۥ كُن فَيَكُونُ
﴿٤٧﴾ وَيُعَلِّمُهُ ٱلْكِتَٰبَ وَٱلْحِكْمَةَ وَٱلتَّوْرَىٰةَ وَٱلْإِنجِيلَ
﴿٤٨﴾ وَرَسُولًا إِلَىٰ بَنِىٓ إِسْرَٰٓءِيلَ أَنِّى قَدْ جِئْتُكُم بِـَٔايَةٍ مِّن
رَّبِّكُمْ ۖ أَنِّىٓ أَخْلُقُ لَكُم مِّنَ ٱلطِّينِ كَهَيْـَٔةِ ٱلطَّيْرِ فَأَنفُخُ
فِيهِ فَيَكُونُ طَيْرًۢا بِإِذْنِ ٱللَّهِ ۖ وَأُبْرِئُ ٱلْأَكْمَهَ وَٱلْأَبْرَصَ
وَأُحْىِ ٱلْمَوْتَىٰ بِإِذْنِ ٱللَّهِ ۖ وَأُنَبِّئُكُم بِمَا تَأْكُلُونَ وَمَا تَدَّخِرُونَ
فِى بُيُوتِكُمْ ۚ إِنَّ فِى ذَٰلِكَ لَءَايَةً لَّكُمْ إِن كُنتُم مُّؤْمِنِينَ ﴿٤٩﴾
وَمُصَدِّقًا لِّمَا بَيْنَ يَدَىَّ مِنَ ٱلتَّوْرَىٰةِ وَلِأُحِلَّ لَكُم
بَعْضَ ٱلَّذِى حُرِّمَ عَلَيْكُمْ ۚ وَجِئْتُكُم بِـَٔايَةٍ مِّن رَّبِّكُمْ
فَٱتَّقُوا۟ ٱللَّهَ وَأَطِيعُونِ ﴿٥٠﴾ إِنَّ ٱللَّهَ رَبِّى وَرَبُّكُمْ فَٱعْبُدُوهُ ۚ
هَٰذَا صِرَٰطٌ مُّسْتَقِيمٌ ﴿٥١﴾ ۞ فَلَمَّآ أَحَسَّ عِيسَىٰ مِنْهُمُ
ٱلْكُفْرَ قَالَ مَنْ أَنصَارِىٓ إِلَى ٱللَّهِ ۖ قَالَ ٱلْحَوَارِيُّونَ نَحْنُ
أَنصَارُ ٱللَّهِ ءَامَنَّا بِٱللَّهِ وَٱشْهَدْ بِأَنَّا مُسْلِمُونَ ﴿٥٢﴾

نصف الحزب ٦

46.- “Người sẽ nói với dân chúng lúc còn ấu thơ[1] và lúc trưởng thành và sẽ là một người lương thiện.”

47.- (Maryam) thưa: “Lạy *Rabb* của bề tôi! Làm sao bề tôi sẽ có con trong lúc không một người đàn ông nào chạm đến mình của bề tôi?” (Allah) phán: “(Sự việc sẽ xảy ra) đúng như thế! Allah tạo hóa bất cứ vật gì Ngài muốn. Khi Ngài quyết định một việc, Ngài chỉ phán: 'Hãy Thành!' Thì nó sẽ thành như thế.”

48.- Và Ngài (Allah) sẽ dạy Người (‘Īsa) Kinh sách, và Lẽ đúng đắn khôn ngoan và Kinh *Taurāh* và Kinh *Injīl*.

49.- Và (bổ nhiệm Người làm) một Sứ giả cho con cháu của Israel (với bức thông điệp): “Ta đến với các ngươi với một Dấu hiệu từ *Rabb* của các ngươi. Ta sẽ lấy đất sét nắn thành hình một con chim cho các ngươi, tiếp đó Ta sẽ hà hơi vào nó, thế là nó sẽ trở thành một con chim (thật sự) theo Phép của Allah. Và Ta sẽ chữa lành những người mù bẩm sinh và chữa lành những người mang bệnh cùi và Ta làm cho người chết sống lại theo Phép của Allah và Ta sẽ cho các ngươi biết món (thực phẩm) nào các ngươi có thể dùng và món nào các ngươi có thể dự trữ trong nhà. Quả thật, trong sự việc đó là một Dấu hiệu cho các ngươi nếu các ngươi có đức tin;

50.- Và để xác nhận lại những điều (mặc khải) của Kinh *Taurāh* đã được ban xuống trước Ta và giải tỏa một số những giới cấm đã ràng buộc các ngươi trước đây. Và Ta đến gặp các ngươi với một Bằng chứng từ *Rabb* của các ngươi, bởi thế hãy thành tâm sợ Allah và tuân theo Ta.

51.- Quả thật, Allah là *Rabb* của Ta và là *Rabb* của các ngươi. Bởi thế, hãy tôn thờ Ngài. Đây là Chính đạo.”

52.- Bởi thế, khi *‘Īsa* nhận thấy sự bất tín của họ, Người lên tiếng hỏi: “Ai là người sẽ giúp Ta phục vụ Allah?” Các Tông-đồ thưa: “Chúng tôi là những người hậu thuẫn cho Allah. Chúng tôi tin tưởng nơi Allah, và tự xác nhận chúng tôi là những người *Muslim* (thần phục Allah).”

---

[1] Nabi ‘Īsa (Giê-su) đã nói được tiếng người khi hãy còn nằm trong chiếc nôi.

رَبَّنَآ ءَامَنَّا بِمَآ أَنزَلۡتَ وَٱتَّبَعۡنَا ٱلرَّسُولَ فَٱكۡتُبۡنَا مَعَ
ٱلشَّٰهِدِينَ ٥٣ وَمَكَرُواْ وَمَكَرَ ٱللَّهُۖ وَٱللَّهُ خَيۡرُ ٱلۡمَٰكِرِينَ
٥٤ إِذۡ قَالَ ٱللَّهُ يَٰعِيسَىٰٓ إِنِّي مُتَوَفِّيكَ وَرَافِعُكَ إِلَيَّ وَمُطَهِّرُكَ
مِنَ ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ وَجَاعِلُ ٱلَّذِينَ ٱتَّبَعُوكَ فَوۡقَ ٱلَّذِينَ
كَفَرُوٓاْ إِلَىٰ يَوۡمِ ٱلۡقِيَٰمَةِۖ ثُمَّ إِلَيَّ مَرۡجِعُكُمۡ فَأَحۡكُمُ
بَيۡنَكُمۡ فِيمَا كُنتُمۡ فِيهِ تَخۡتَلِفُونَ ٥٥ فَأَمَّا ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ
فَأُعَذِّبُهُمۡ عَذَابٗا شَدِيدٗا فِي ٱلدُّنۡيَا وَٱلۡأٓخِرَةِ وَمَا لَهُم
مِّن نَّٰصِرِينَ ٥٦ وَأَمَّا ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ وَعَمِلُواْ ٱلصَّٰلِحَٰتِ
فَيُوَفِّيهِمۡ أُجُورَهُمۡۗ وَٱللَّهُ لَا يُحِبُّ ٱلظَّٰلِمِينَ ٥٧ ذَٰلِكَ نَتۡلُوهُ
عَلَيۡكَ مِنَ ٱلۡأٓيَٰتِ وَٱلذِّكۡرِ ٱلۡحَكِيمِ ٥٨ إِنَّ مَثَلَ
عِيسَىٰ عِندَ ٱللَّهِ كَمَثَلِ ءَادَمَۖ خَلَقَهُۥ مِن تُرَابٖ ثُمَّ قَالَ لَهُۥ
كُن فَيَكُونُ ٥٩ ٱلۡحَقُّ مِن رَّبِّكَ فَلَا تَكُن مِّنَ ٱلۡمُمۡتَرِينَ
٦٠ فَمَنۡ حَآجَّكَ فِيهِ مِنۢ بَعۡدِ مَا جَآءَكَ مِنَ ٱلۡعِلۡمِ فَقُلۡ تَعَالَوۡاْ
نَدۡعُ أَبۡنَآءَنَا وَأَبۡنَآءَكُمۡ وَنِسَآءَنَا وَنِسَآءَكُمۡ وَأَنفُسَنَا
وَأَنفُسَكُمۡ ثُمَّ نَبۡتَهِلۡ فَنَجۡعَل لَّعۡنَتَ ٱللَّهِ عَلَى ٱلۡكَٰذِبِينَ ٦١

53.- "Lạy *Rabb* chúng tôi! Chúng tôi tin tưởng nơi điều mà Ngài đã ban xuống và chúng tôi tuân theo Sứ giả (*'Īsa*). Bởi thế, xin Ngài ghi (tên của) chúng tôi cùng với các chứng nhân của sự Thật."

54.- Và chúng (những kẻ không tin) mưu định (hãm hại 'Īsa) và Allah cũng hoạch định. Và Allah là Đấng Hoạch định Siêu việt.

55.- (Hãy nhớ) khi Allah phán: "Hỡi *'Īsa*! TA sẽ làm cho Ngươi qua đời[1] và sẽ mang Ngươi lên cùng với TA và TA sẽ tẩy sạch Ngươi khỏi (lời vu cáo của) những kẻ không có đức tin và làm cho những ai theo Ngươi cao hơn những kẻ không có đức tin cho đến Ngày Phục sinh. Rồi các ngươi sẽ được đưa về gặp TA trở lại và TA sẽ phân xử giữa các ngươi về những điều mà các ngươi thường tranh chấp nhau."

56.- "Còn đối với những ai không tin, thì TA sẽ trừng phạt chúng bằng một sự trừng phạt khủng khiếp ở đời này lẫn Đời sau và chúng sẽ không được ai giúp đỡ cả."

57.- Và đối với những ai có đức tin và làm việc thiện, (Allah) sẽ trả cho họ đầy đủ phần thưởng của họ. Và Allah không yêu thương những kẻ làm điều sai quấy.

58.- Đó là những Lời mặc khải mà *TA* (Allah) đọc cho Ngươi (hỡi Muhammad!) với lời nhắc nhở sáng suốt.

59.- Đối với Allah, trường hợp của *'Īsa* (Giê-su) giống trường hợp của Ādam. Ngài (Allah) tạo Người từ đất bụi, rồi phán cho Người: 'Hãy Thành' và Người thành như thế.

60.- (Đấy là) sự Thật (đến) từ *Rabb* của Ngươi (hỡi Muhammad!). Bởi thế, Ngươi chớ sinh lòng nghi ngờ.

61.- Bởi thế, nếu có ai tranh luận với Ngươi về điều này sau khi Ngươi đã tiếp thu được mọi sự hiểu biết liên hệ thì hãy bảo họ: "Hãy mời đến đây. Hãy gọi tập họp con trai của chúng tôi và con trai của quí vị, và phụ nữ của chúng tôi lẫn phụ nữ của quí vị, bản thân của chúng tôi và bản thân của quí vị rồi để chúng ta thật lòng cầu nguyện - rồi xin Allah giáng lời nguyền rủa của Ngài lên mình những kẻ nói dối[2]."

---

[1] Nabi 'Īsa (Giê-su) đã không bị giết hay đóng đinh trên thập tự giá. (Q.4:157)

[2] Năm thứ 9 Hijri, một phái bộ Thiên chúa giáo của Najran đến yết kiến Thiên sứ tại Madīnah và đã trao đổi với Thiên sứ quan điểm của họ về Nabi 'Īsa. Họ nói: 1/ Giê su là Thượng Đế bởi vì Người phục sinh được người chết, chữa lành người bệnh phong cùi và

إِنَّ هَٰذَا لَهُوَ ٱلۡقَصَصُ ٱلۡحَقُّۚ وَمَا مِنۡ إِلَٰهٍ إِلَّا ٱللَّهُۚ وَإِنَّ ٱللَّهَ لَهُوَ ٱلۡعَزِيزُ ٱلۡحَكِيمُ ٦٢ فَإِن تَوَلَّوۡاْ فَإِنَّ ٱللَّهَ عَلِيمُۢ بِٱلۡمُفۡسِدِينَ ٦٣ قُلۡ يَٰٓأَهۡلَ ٱلۡكِتَٰبِ تَعَالَوۡاْ إِلَىٰ كَلِمَةٖ سَوَآءِۭ بَيۡنَنَا وَبَيۡنَكُمۡ أَلَّا نَعۡبُدَ إِلَّا ٱللَّهَ وَلَا نُشۡرِكَ بِهِۦ شَيۡـٔٗا وَلَا يَتَّخِذَ بَعۡضُنَا بَعۡضًا أَرۡبَابٗا مِّن دُونِ ٱللَّهِۚ فَإِن تَوَلَّوۡاْ فَقُولُواْ ٱشۡهَدُواْ بِأَنَّا مُسۡلِمُونَ ٦٤ يَٰٓأَهۡلَ ٱلۡكِتَٰبِ لِمَ تُحَآجُّونَ فِيٓ إِبۡرَٰهِيمَ وَمَآ أُنزِلَتِ ٱلتَّوۡرَىٰةُ وَٱلۡإِنجِيلُ إِلَّا مِنۢ بَعۡدِهِۦٓۚ أَفَلَا تَعۡقِلُونَ ٦٥ هَٰٓأَنتُمۡ هَٰٓؤُلَآءِ حَٰجَجۡتُمۡ فِيمَا لَكُم بِهِۦ عِلۡمٞ فَلِمَ تُحَآجُّونَ فِيمَا لَيۡسَ لَكُم بِهِۦ عِلۡمٞۚ وَٱللَّهُ يَعۡلَمُ وَأَنتُمۡ لَا تَعۡلَمُونَ ٦٦ مَا كَانَ إِبۡرَٰهِيمُ يَهُودِيّٗا وَلَا نَصۡرَانِيّٗا وَلَٰكِن كَانَ حَنِيفٗا مُّسۡلِمٗا وَمَا كَانَ مِنَ ٱلۡمُشۡرِكِينَ ٦٧ إِنَّ أَوۡلَى ٱلنَّاسِ بِإِبۡرَٰهِيمَ لَلَّذِينَ ٱتَّبَعُوهُ وَهَٰذَا ٱلنَّبِيُّ وَٱلَّذِينَ ءَامَنُواْۗ وَٱللَّهُ وَلِيُّ ٱلۡمُؤۡمِنِينَ ٦٨ وَدَّت طَّآئِفَةٞ مِّنۡ أَهۡلِ ٱلۡكِتَٰبِ لَوۡ يُضِلُّونَكُمۡ وَمَا يُضِلُّونَ إِلَّآ أَنفُسَهُمۡ وَمَا يَشۡعُرُونَ ٦٩ يَٰٓأَهۡلَ ٱلۡكِتَٰبِ لِمَ تَكۡفُرُونَ بِـَٔايَٰتِ ٱللَّهِ وَأَنتُمۡ تَشۡهَدُونَ ٧٠

62.- Câu chuyện này hoàn toàn thật và chỉ do một Thượng Đế Duy nhất (Allah) ban xuống. Và quả thật, Allah là Đấng Toàn Năng, Đấng Rất mực Sáng suốt.

63.- Nhưng nếu họ quay bỏ đi, thì quả thật Allah là Đấng biết rõ (ý đồ của) những kẻ ác đức.

64.- Hãy bảo họ: "Hỡi Người dân Kinh sách! Hãy đến cùng với một Lời phán giống nhau giữa chúng tôi và quí vị rằng chúng ta chỉ thờ phụng riêng Allah thôi, và chúng ta không tổ hợp bất cứ ai (cái gì) với Ngài (Allah), và không ai giữa chúng ta sẽ thờ các vị chủ tể nào khác ngoài Allah cả." Nhưng nếu họ quay bỏ đi thì hãy bảo họ: "Hãy chứng thực rằng chúng tôi là những người *Muslim* (thần phục Allah.)"

65.- Hỡi Người dân Kinh sách! Tại sao các người tranh luận về *Ibrāhīm* (nói Ibrāhīm là người Do thái hay là người theo Thiên Chúa giáo) trong lúc (các người biết) Kinh *Taurāh* và Kinh *Injīl* chỉ được ban xuống sau Người mà thôi. Thế các người không hiểu hay sao?

66.- À phải rồi! Các người là những kẻ quen thói tranh luận về những điều mà các người không có một chút hiểu biết nào. Thế tại sao các người tranh luận về điều.mà các người không biết một tí gì? Và Allah biết (sự Thật) trong lúc các người không biết.

67.- *Ibrāhīm* không là một người Do thái cũng không là một tín đồ Thiên Chúa giáo. Người là một người Muslim *Hanīf* (chỉ tôn thờ Allah) và không là một người thờ đa thần.

68.- Quả thật, trong nhân loại, người gần *Ibrāhīm* nhất là những ai tuân theo Người, và *Nabi* (Muhammad) này và những ai có đức tin. Và Allah là Đấng Bảo hộ của những người có đức tin.

69.- Một phần tử của Người dân Kinh sách mong làm cho các ngươi lạc đạo nhưng chúng tự làm cho mình lạc đạo trong lúc chúng không nhận thấy (điều đó).

70.- Hỡi Người dân Kinh sách! Tại sao các người phủ nhận các Lời Mặc khải của Allah trong lúc các người xác nhận (chúng)?

---

thông báo điều vô hình. (Q.3:49); 2/ Giê-su là con trai của Thượng Đế bởi vì Người có mẹ nhưng không có cha; 3/ Giê-su là vị thứ ba trong ba ngôi (Cha, con và thánh thần) bởi vì Thượng Đế phán 'Chúng tôi tạo hóa, chúng tôi làm v.v... Để đáp lại lập luận của họ, Allah đã mặc khải các câu 45-63 của Chương al-'Imrān này cho Thiên sứ. Cuối cùng, Allah yêu cầu họ thành tâm cầu nguyện xin Allah giáng lời nguyền rủa của Ngài lên đầu những kẻ nói dối. Phái đoàn Thiên chúa giáo của Najran đã không làm theo yêu cầu và xin cáo lui. (Xem Sirat al-Nabi của Ibn Ishaq)

يَٰٓأَهۡلَ ٱلۡكِتَٰبِ لِمَ تَلۡبِسُونَ ٱلۡحَقَّ بِٱلۡبَٰطِلِ وَتَكۡتُمُونَ ٱلۡحَقَّ وَأَنتُمۡ تَعۡلَمُونَ ٧١ وَقَالَت طَّآئِفَةٞ مِّنۡ أَهۡلِ ٱلۡكِتَٰبِ ءَامِنُواْ بِٱلَّذِيٓ أُنزِلَ عَلَى ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ وَجۡهَ ٱلنَّهَارِ وَٱكۡفُرُوٓاْ ءَاخِرَهُۥ لَعَلَّهُمۡ يَرۡجِعُونَ ٧٢ وَلَا تُؤۡمِنُوٓاْ إِلَّا لِمَن تَبِعَ دِينَكُمۡ قُلۡ إِنَّ ٱلۡهُدَىٰ هُدَى ٱللَّهِ أَن يُؤۡتَىٰٓ أَحَدٞ مِّثۡلَ مَآ أُوتِيتُمۡ أَوۡ يُحَآجُّوكُمۡ عِندَ رَبِّكُمۡۗ قُلۡ إِنَّ ٱلۡفَضۡلَ بِيَدِ ٱللَّهِ يُؤۡتِيهِ مَن يَشَآءُۗ وَٱللَّهُ وَٰسِعٌ عَلِيمٞ ٧٣ يَخۡتَصُّ بِرَحۡمَتِهِۦ مَن يَشَآءُۗ وَٱللَّهُ ذُو ٱلۡفَضۡلِ ٱلۡعَظِيمِ ٧٤ ۞ وَمِنۡ أَهۡلِ ٱلۡكِتَٰبِ مَنۡ إِن تَأۡمَنۡهُ بِقِنطَارٖ يُؤَدِّهِۦٓ إِلَيۡكَ وَمِنۡهُم مَّنۡ إِن تَأۡمَنۡهُ بِدِينَارٖ لَّا يُؤَدِّهِۦٓ إِلَيۡكَ إِلَّا مَا دُمۡتَ عَلَيۡهِ قَآئِمٗاۗ ذَٰلِكَ بِأَنَّهُمۡ قَالُواْ لَيۡسَ عَلَيۡنَا فِي ٱلۡأُمِّيِّـۧنَ سَبِيلٞ وَيَقُولُونَ عَلَى ٱللَّهِ ٱلۡكَذِبَ وَهُمۡ يَعۡلَمُونَ ٧٥ بَلَىٰۚ مَنۡ أَوۡفَىٰ بِعَهۡدِهِۦ وَٱتَّقَىٰ فَإِنَّ ٱللَّهَ يُحِبُّ ٱلۡمُتَّقِينَ ٧٦ إِنَّ ٱلَّذِينَ يَشۡتَرُونَ بِعَهۡدِ ٱللَّهِ وَأَيۡمَٰنِهِمۡ ثَمَنٗا قَلِيلًا أُوْلَٰٓئِكَ لَا خَلَٰقَ لَهُمۡ فِي ٱلۡأٓخِرَةِ وَلَا يُكَلِّمُهُمُ ٱللَّهُ وَلَا يَنظُرُ إِلَيۡهِمۡ يَوۡمَ ٱلۡقِيَٰمَةِ وَلَا يُزَكِّيهِمۡ وَلَهُمۡ عَذَابٌ أَلِيمٞ ٧٧

ثلاثة أرباع الحزب ٦

71.- Hỡi Người dân Kinh sách! Tại sao các người lấy điều gian dối để che đậy sự Thật và giấu giếm sự Thật trong lúc các người biết (điều đó)?

72.- Một thành phần của Người dân Kinh sách bảo (nhau): "Hãy tin nơi điều (mặc khải) được ban xuống cho những ai có đức tin vào đầu ngày và phủ nhận nó vào cuối ngày, (làm thế) may ra họ (người Muslim) có thể trở lại (việc không tin tưởng)

73.- "Và chỉ tin ai là người theo đạo của quí vị." Hãy bảo họ (hỡi Muhammad!): "Quả thật, Chỉ đạo đúng đắn nhất là Chỉ đạo của Allah. (Phải chăng các người sợ) rằng một người nào đó sẽ được (Allah) ban cho điều giống như điều đã được ban cho các người hoặc (sợ) họ sẽ tranh luận với các người trước mặt *Rabb* của các người? Hãy bảo họ: "Quả thật, mọi Thiên ân đều do bàn Tay của Allah cả. Ngài ban nó cho người nào Ngài muốn bởi vì Allah Rộng rãi Bao la, Biết hết mọi việc."

74.- Do lòng Khoan dung của Ngài, (Allah) chọn người nào Ngài muốn (để phục vụ Ngài) bởi vì Allah là Chủ nhân của Thiên ân Chí đại.

75.- Và trong đám Người dân Kinh sách, có người, nếu Ngươi giao cho y giữ một đóng vàng, thì y sẽ sẵn sàng trả lại cho Ngươi và trong họ có kẻ, nếu Ngươi giao cho y giữ một đồng bạc đi nữa, thì y cũng sẽ không trả lại cho Ngươi trừ phi Ngươi đứng đó đòi mãi. Sở dĩ như thế là vì họ bảo: "Chúng tôi không chịu trách nhiệm về cách đối xử của những kẻ thất học." Và họ nói dối rồi đổ thừa cho Allah trong lúc họ biết.

76.- Vâng! Ai giữ đúng lời hứa của mình và sợ Allah thì quả thật Allah yêu thương những người ngay chính sợ Allah.

77.- Quả thật, những ai bán Lời Giao Ước của Allah và Lời thề của họ với một giá nhỏ nhoi thì sẽ không được hưởng một phần nào ở Đời sau và Allah sẽ không buồn nói đến họ cũng sẽ không nhìn mặt họ vào Ngày Phục sinh, và Ngài sẽ không tẩy sạch họ, và họ sẽ chịu một sự trừng phạt đau đớn.

وَإِنَّ مِنۡهُمۡ لَفَرِيقٗا يَلۡوُۥنَ أَلۡسِنَتَهُم بِٱلۡكِتَٰبِ لِتَحۡسَبُوهُ
مِنَ ٱلۡكِتَٰبِ وَمَا هُوَ مِنَ ٱلۡكِتَٰبِ وَيَقُولُونَ هُوَ مِنۡ
عِندِ ٱللَّهِ وَمَا هُوَ مِنۡ عِندِ ٱللَّهِ وَيَقُولُونَ عَلَى ٱللَّهِ ٱلۡكَذِبَ
وَهُمۡ يَعۡلَمُونَ ٧٨ مَا كَانَ لِبَشَرٍ أَن يُؤۡتِيَهُ ٱللَّهُ ٱلۡكِتَٰبَ
وَٱلۡحُكۡمَ وَٱلنُّبُوَّةَ ثُمَّ يَقُولَ لِلنَّاسِ كُونُواْ عِبَادٗا لِّي مِن
دُونِ ٱللَّهِ وَلَٰكِن كُونُواْ رَبَّٰنِيِّـۧنَ بِمَا كُنتُمۡ تُعَلِّمُونَ
ٱلۡكِتَٰبَ وَبِمَا كُنتُمۡ تَدۡرُسُونَ ٧٩ وَلَا يَأۡمُرَكُمۡ أَن
تَتَّخِذُواْ ٱلۡمَلَٰٓئِكَةَ وَٱلنَّبِيِّـۧنَ أَرۡبَابًاۗ أَيَأۡمُرُكُم بِٱلۡكُفۡرِ بَعۡدَ
إِذۡ أَنتُم مُّسۡلِمُونَ ٨٠ وَإِذۡ أَخَذَ ٱللَّهُ مِيثَٰقَ ٱلنَّبِيِّـۧنَ لَمَآ ءَاتَيۡتُكُم
مِّن كِتَٰبٖ وَحِكۡمَةٖ ثُمَّ جَآءَكُمۡ رَسُولٞ مُّصَدِّقٞ لِّمَا
مَعَكُمۡ لَتُؤۡمِنُنَّ بِهِۦ وَلَتَنصُرُنَّهُۥۚ قَالَ ءَأَقۡرَرۡتُمۡ وَأَخَذۡتُمۡ
عَلَىٰ ذَٰلِكُمۡ إِصۡرِيۖ قَالُوٓاْ أَقۡرَرۡنَاۚ قَالَ فَٱشۡهَدُواْ وَأَنَا۠ مَعَكُم
مِّنَ ٱلشَّٰهِدِينَ ٨١ فَمَن تَوَلَّىٰ بَعۡدَ ذَٰلِكَ فَأُوْلَٰٓئِكَ هُمُ
ٱلۡفَٰسِقُونَ ٨٢ أَفَغَيۡرَ دِينِ ٱللَّهِ يَبۡغُونَ وَلَهُۥٓ أَسۡلَمَ مَن فِي
ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضِ طَوۡعٗا وَكَرۡهٗا وَإِلَيۡهِ يُرۡجَعُونَ ٨٣

78.- Và quả thật, một thành phần của họ đã bóp méo Kinh sách với miệng lưỡi của họ (khi đọc kinh) làm cho các người tưởng lầm đó là điều nằm trong Kinh sách trong lúc đó không phải là điều nằm trong Kinh sách, và họ bảo đó là điều do Allah ban xuống nhưng thực sự đó không phải là điều do Allah ban xuống và họ nói dối rồi đổ thừa cho Allah trong lúc họ biết.

79.- Không một người nào được Allah ban cho Kinh sách và Luật đạo và Sứ mạng Truyền giáo rồi bảo nhân loại: "Hãy trở thành bầy tôi của ta thay vì của Allah. Ngược lại, (y phải nói:) "Hãy là bầy tôi ngoan đạo (của Allah)" bởi vì các người đã từng dạy Kinh sách và các người đã trao giồi học hỏi nó."

80.- Và y cũng không được buộc các người tôn các Thiên thần và các *Nabi* lên làm chúa tể. Phải chăng y bắt các người phủ nhận đức tin sau khi các người đã trở thành người *Muslim* (thần phục Allah)?

81.- Và (hãy nhớ) khi nhận lời Giao ước của các *Nabi*, Allah phán: "TA (Allah) ban cho các ngươi Kinh sách và Lẽ Sáng suốt Khôn ngoan, rồi một Sứ giả (của TA) đến gặp các ngươi để xác nhận lại điều các ngươi đang giữ; các ngươi phải tin nơi Y và giúp đỡ Y". (Allah) phán (hỏi): "Các ngươi có đồng ý và nghiêm túc nhận điều này làm một Giao ước của TA với các ngươi hay không? (Các Nabi) thưa: "Chúng tôi đồng ý." (Allah) phán: "Thế các ngươi hãy xác nhận đi và TA cùng xác nhận với các ngươi."

82.- Bởi thế, ai quay bỏ đi sau đó thì là những kẻ dấy loạn, bất tuân.

83.- Phải chăng họ muốn tìm một cái gì khác hơn *Dīn* của Allah (việc thần phục Allah) trong lúc bất cứ ai trong các tầng trời và trái đất, dù muốn hay không, đều phải thần phục (Ngài) trong *Islām* và họ sẽ được đưa về gặp Ngài trở lại?

قُلۡ ءَامَنَّا بِٱللَّهِ وَمَآ أُنزِلَ عَلَيۡنَا وَمَآ أُنزِلَ عَلَىٰٓ إِبۡرَٰهِيمَ وَإِسۡمَٰعِيلَ وَإِسۡحَٰقَ وَيَعۡقُوبَ وَٱلۡأَسۡبَاطِ وَمَآ أُوتِيَ مُوسَىٰ وَعِيسَىٰ وَٱلنَّبِيُّونَ مِن رَّبِّهِمۡ لَا نُفَرِّقُ بَيۡنَ أَحَدٖ مِّنۡهُمۡ وَنَحۡنُ لَهُۥ مُسۡلِمُونَ ﴿٨٤﴾ وَمَن يَبۡتَغِ غَيۡرَ ٱلۡإِسۡلَٰمِ دِينٗا فَلَن يُقۡبَلَ مِنۡهُ وَهُوَ فِي ٱلۡأٓخِرَةِ مِنَ ٱلۡخَٰسِرِينَ ﴿٨٥﴾ كَيۡفَ يَهۡدِي ٱللَّهُ قَوۡمٗا كَفَرُواْ بَعۡدَ إِيمَٰنِهِمۡ وَشَهِدُوٓاْ أَنَّ ٱلرَّسُولَ حَقّٞ وَجَآءَهُمُ ٱلۡبَيِّنَٰتُۚ وَٱللَّهُ لَا يَهۡدِي ٱلۡقَوۡمَ ٱلظَّٰلِمِينَ ﴿٨٦﴾ أُوْلَٰٓئِكَ جَزَآؤُهُمۡ أَنَّ عَلَيۡهِمۡ لَعۡنَةَ ٱللَّهِ وَٱلۡمَلَٰٓئِكَةِ وَٱلنَّاسِ أَجۡمَعِينَ ﴿٨٧﴾ خَٰلِدِينَ فِيهَا لَا يُخَفَّفُ عَنۡهُمُ ٱلۡعَذَابُ وَلَا هُمۡ يُنظَرُونَ ﴿٨٨﴾ إِلَّا ٱلَّذِينَ تَابُواْ مِنۢ بَعۡدِ ذَٰلِكَ وَأَصۡلَحُواْ فَإِنَّ ٱللَّهَ غَفُورٞ رَّحِيمٌ ﴿٨٩﴾ إِنَّ ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ بَعۡدَ إِيمَٰنِهِمۡ ثُمَّ ٱزۡدَادُواْ كُفۡرٗا لَّن تُقۡبَلَ تَوۡبَتُهُمۡ وَأُوْلَٰٓئِكَ هُمُ ٱلضَّآلُّونَ ﴿٩٠﴾ إِنَّ ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ وَمَاتُواْ وَهُمۡ كُفَّارٞ فَلَن يُقۡبَلَ مِنۡ أَحَدِهِم مِّلۡءُ ٱلۡأَرۡضِ ذَهَبٗا وَلَوِ ٱفۡتَدَىٰ بِهِۦٓۗ أُوْلَٰٓئِكَ لَهُمۡ عَذَابٌ أَلِيمٞ وَمَا لَهُم مِّن نَّٰصِرِينَ ﴿٩١﴾

84.- Hãy bảo họ, (hỡi Muhammad!): "Chúng tôi tin tưởng nơi Allah và nơi điều (mặc khải) đã được ban xuống cho chúng tôi và điều đã được ban xuống cho *Ibrāhīm* và *Ismā'īl* và *Ishāq* và *Ya'qūb* và cho các Bộ lạc (của Israel) và điều (mặc khải) đã được ban xuống cho *Mūsa* và *'Īsa* và các *Nabi* (của Allah) từ *Rabb* của họ. Chúng tôi không kỳ thị phân biệt một ai trong họ (các Nabi của Allah) và chúng tôi là người Muslim thần phục Ngài (Allah).

85.- Và ai tìm kiếm một đạo nào khác hơn *Islām* thì điều (ước muốn) đó của y sẽ không bao giờ được (Allah) chấp thuận, và ở Đời sau y sẽ là một trong những kẻ bị thua thiệt.

86.- Làm sao Allah có thể hướng dẫn một đám người phủ nhận đức tin sau khi họ đã tin tưởng và sau khi đã xác nhận rằng Sứ giả (Muhammad) là sự Thật và sau khi đã chứng kiến những Bằng chứng rõ rệt? Và Allah không hướng dẫn một đám người làm điều sai quấy.

87.- Họ là những kẻ mà phần thưởng sẽ gồm lời nguyền rủa của Allah, và của các Thiên thần và của nhân loại, tất cả.

88.- Họ sẽ ở trong (sự nguyền rủa) đó đời đời. Hình phạt dành cho họ sẽ không được giảm nhẹ và họ sẽ không được dung tha.

89.- Ngoại trừ những ai biết hối cải và sửa mình sau đó, thì (sẽ thấy) quả thật Allah Hằng Tha thứ, Rất mực Khoan dung.

90.- Quả thật, những ai chối bỏ đức tin sau khi đã tin tưởng rồi càng ngoan cố không tin, thì sự ăn năn hối cải của họ sẽ không bao giờ được chấp nhận. Và họ là những kẻ hoàn toàn lạc đạo.

91.- Quả thật, những ai chối bỏ đức tin và chết trong tình trạng không có đức tin dù đất có đầy vàng được mang đến chuộc tội cho một người nào đó của họ, thì sự chuộc tội đó sẽ không bao giờ được (Allah) chấp nhận. Họ là những kẻ sẽ chịu một sự trừng phạt đau đớn và sẽ không được ai giúp đỡ cả.

لَن تَنَالُواْ ٱلۡبِرَّ حَتَّىٰ تُنفِقُواْ مِمَّا تُحِبُّونَۚ وَمَا تُنفِقُواْ مِن شَيۡءٖ فَإِنَّ ٱللَّهَ بِهِۦ عَلِيمٞ ﴿٩٢﴾ ۞ كُلُّ ٱلطَّعَامِ كَانَ حِلّٗا لِّبَنِيٓ إِسۡرَٰٓءِيلَ إِلَّا مَا حَرَّمَ إِسۡرَٰٓءِيلُ عَلَىٰ نَفۡسِهِۦ مِن قَبۡلِ أَن تُنَزَّلَ ٱلتَّوۡرَىٰةُۚ قُلۡ فَأۡتُواْ بِٱلتَّوۡرَىٰةِ فَٱتۡلُوهَآ إِن كُنتُمۡ صَٰدِقِينَ ﴿٩٣﴾ فَمَنِ ٱفۡتَرَىٰ عَلَى ٱللَّهِ ٱلۡكَذِبَ مِنۢ بَعۡدِ ذَٰلِكَ فَأُوْلَٰٓئِكَ هُمُ ٱلظَّٰلِمُونَ ﴿٩٤﴾ قُلۡ صَدَقَ ٱللَّهُۗ فَٱتَّبِعُواْ مِلَّةَ إِبۡرَٰهِيمَ حَنِيفٗاۖ وَمَا كَانَ مِنَ ٱلۡمُشۡرِكِينَ ﴿٩٥﴾ إِنَّ أَوَّلَ بَيۡتٖ وُضِعَ لِلنَّاسِ لَلَّذِي بِبَكَّةَ مُبَارَكٗا وَهُدٗى لِّلۡعَٰلَمِينَ ﴿٩٦﴾ فِيهِ ءَايَٰتُۢ بَيِّنَٰتٞ مَّقَامُ إِبۡرَٰهِيمَۖ وَمَن دَخَلَهُۥ كَانَ ءَامِنٗاۗ وَلِلَّهِ عَلَى ٱلنَّاسِ حِجُّ ٱلۡبَيۡتِ مَنِ ٱسۡتَطَاعَ إِلَيۡهِ سَبِيلٗاۚ وَمَن كَفَرَ فَإِنَّ ٱللَّهَ غَنِيٌّ عَنِ ٱلۡعَٰلَمِينَ ﴿٩٧﴾ قُلۡ يَٰٓأَهۡلَ ٱلۡكِتَٰبِ لِمَ تَكۡفُرُونَ بِـَٔايَٰتِ ٱللَّهِ وَٱللَّهُ شَهِيدٌ عَلَىٰ مَا تَعۡمَلُونَ ﴿٩٨﴾ قُلۡ يَٰٓأَهۡلَ ٱلۡكِتَٰبِ لِمَ تَصُدُّونَ عَن سَبِيلِ ٱللَّهِ مَنۡ ءَامَنَ تَبۡغُونَهَا عِوَجٗا وَأَنتُمۡ شُهَدَآءُۗ وَمَا ٱللَّهُ بِغَٰفِلٍ عَمَّا تَعۡمَلُونَ ﴿٩٩﴾ يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُوٓاْ إِن تُطِيعُواْ فَرِيقٗا مِّنَ ٱلَّذِينَ أُوتُواْ ٱلۡكِتَٰبَ يَرُدُّوكُم بَعۡدَ إِيمَٰنِكُمۡ كَٰفِرِينَ ﴿١٠٠﴾

92.- Các người sẽ không bao giờ đạt đến mức đạo đức trừ phi các người chi dùng (cho Chính nghĩa của Allah) những vật mà các người yêu thích nhất; và bất cứ vật gì các người tiêu ra, Allah biết rõ cả.

93.- Tất cả các loại thực phẩm (khả thủ theo luật của *Islām*) đều khả thủ cho con cháu của Israel ngoại trừ thực phẩm nào mà Israel tự cấm mình trước khi Kinh *Taurāh* được ban xuống. Hãy bảo (con cháu của Israel): "Các ngươi hãy mang Kinh *Taurāh* ra đây và hãy đọc nó lên nếu các ngươi nói thật."

94.- Bởi thế, kể từ sau đó, ai bịa đặt điều nói dối rồi đổ thừa cho Allah, thì là những kẻ làm điều sai quấy.

95.- Hãy bảo họ: "Allah nói sự thật. Bởi thế, hãy theo tín ngưỡng của *Ibrāhīm*, *Hanīf* (tôn thờ chỉ riêng Allah) và Người không là một người thờ đa thần.

96.- Quả thật, Ngôi-đền đầu tiên được chỉ định cho nhân loại (để thờ phụng Allah) là cái tại *Bakkah* (Makkah), đầy phúc đức và là chỉ hướng cho thiên hạ.

97.- Nơi đó có những Dấu hiệu rõ ràng: Chỗ đứng (*Maqām*) của *Ibrāhīm*; và ai đi vào đó (Makkah) sẽ được an toàn. Và việc đi làm *Hajj* dâng lên Allah tại Ngôi đền (Ka'bah) là một bổn phận đối với người nào trong nhân loại có đủ khả năng tìm đường đi đến đó; và ai không có đức tin thì (nên biết) quả thật Allah Rất mực Giầu có, Độc lập với thiên hạ.

98.- Hãy bảo họ: "Hỡi Người dân Kinh sách! Tại sao các người phủ nhận các Lời mặc khải của Allah trong lúc Allah chứng kiến mọi việc các người làm?"

99.- Hãy bảo họ: "Hỡi Người dân Kinh sách! Tại sao các người cản trở ai có đức tin không cho theo Chính đạo của Allah, và tìm cách làm cho nó cong queo trong lúc các người là nhân chứng (xác nhận sự thật)? Nhưng Allah không làm ngơ trước những điều các người làm.

100.- Hỡi những ai có niềm tin! Nếu các ngươi nghe theo một thành phần của những ai đã được ban cho Kinh sách, họ sẽ làm cho các ngươi không còn tin tưởng nữa sau khi đã có đức tin.

وَكَيْفَ تَكْفُرُونَ وَأَنتُمْ تُتْلَىٰ عَلَيْكُمْ ءَايَٰتُ ٱللَّهِ وَفِيكُمْ رَسُولُهُۥۗ وَمَن يَعْتَصِم بِٱللَّهِ فَقَدْ هُدِىَ إِلَىٰ صِرَٰطٍ مُّسْتَقِيمٍ ﴿١٠١﴾ يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُوا۟ ٱتَّقُوا۟ ٱللَّهَ حَقَّ تُقَاتِهِۦ وَلَا تَمُوتُنَّ إِلَّا وَأَنتُم مُّسْلِمُونَ ﴿١٠٢﴾ وَٱعْتَصِمُوا۟ بِحَبْلِ ٱللَّهِ جَمِيعًا وَلَا تَفَرَّقُوا۟ۚ وَٱذْكُرُوا۟ نِعْمَتَ ٱللَّهِ عَلَيْكُمْ إِذْ كُنتُمْ أَعْدَآءً فَأَلَّفَ بَيْنَ قُلُوبِكُمْ فَأَصْبَحْتُم بِنِعْمَتِهِۦٓ إِخْوَٰنًا وَكُنتُمْ عَلَىٰ شَفَا حُفْرَةٍ مِّنَ ٱلنَّارِ فَأَنقَذَكُم مِّنْهَاۗ كَذَٰلِكَ يُبَيِّنُ ٱللَّهُ لَكُمْ ءَايَٰتِهِۦ لَعَلَّكُمْ تَهْتَدُونَ ﴿١٠٣﴾ وَلْتَكُن مِّنكُمْ أُمَّةٌ يَدْعُونَ إِلَى ٱلْخَيْرِ وَيَأْمُرُونَ بِٱلْمَعْرُوفِ وَيَنْهَوْنَ عَنِ ٱلْمُنكَرِۚ وَأُو۟لَٰٓئِكَ هُمُ ٱلْمُفْلِحُونَ ﴿١٠٤﴾ وَلَا تَكُونُوا۟ كَٱلَّذِينَ تَفَرَّقُوا۟ وَٱخْتَلَفُوا۟ مِنۢ بَعْدِ مَا جَآءَهُمُ ٱلْبَيِّنَٰتُۚ وَأُو۟لَٰٓئِكَ لَهُمْ عَذَابٌ عَظِيمٌ ﴿١٠٥﴾ يَوْمَ تَبْيَضُّ وُجُوهٌ وَتَسْوَدُّ وُجُوهٌۚ فَأَمَّا ٱلَّذِينَ ٱسْوَدَّتْ وُجُوهُهُمْ أَكَفَرْتُم بَعْدَ إِيمَٰنِكُمْ فَذُوقُوا۟ ٱلْعَذَابَ بِمَا كُنتُمْ تَكْفُرُونَ ﴿١٠٦﴾ وَأَمَّا ٱلَّذِينَ ٱبْيَضَّتْ وُجُوهُهُمْ فَفِى رَحْمَةِ ٱللَّهِۖ هُمْ فِيهَا خَٰلِدُونَ ﴿١٠٧﴾ تِلْكَ ءَايَٰتُ ٱللَّهِ نَتْلُوهَا عَلَيْكَ بِٱلْحَقِّۗ وَمَا ٱللَّهُ يُرِيدُ ظُلْمًا لِّلْعَٰلَمِينَ ﴿١٠٨﴾

101.- Và làm sao các ngươi có thể chối bỏ đức tin trong lúc các Lời mặc khải của Allah được đọc ra để nhắc các ngươi và vị Sứ giả (của Allah) đang sống cùng với các ngươi? Và ai nắm vững (Thông điệp của) Allah thì chắc chắn sẽ được hướng dẫn đúng Chính đạo.

102.- Hỡi những ai có niềm tin! Hãy sợ Allah theo lẽ mà Ngài phải được khiếp sợ và chỉ chết trong tình trạng các người là những người *Muslim* (thần phục Allah).

103.- Và hãy cùng nhau nắm vững sợi dây (*Islām*) mà Allah đã giăng ra cho các người và đừng chia rẽ nhau, và hãy nhớ Ân huệ của Allah đã ban cho các người khi các người hãy còn là kẻ thù của nhau, nhưng Ngài đã kết hợp trái tim (tấm lòng) của các người trở lại. Bởi thế, do Ân huệ của Ngài, các người đã trở thành anh em với nhau, và (trước đó) các người đang ở trên bờ hố lửa (chiến tranh) nhưng Ngài đã cứu các người ra khỏi (tình trạng) đó. Allah trình bày rõ các Lời mặc khải của Ngài cho các người như thế để may ra các người được hướng dẫn (đúng đường).

104.- Và hãy để cho một tập thể từ các người vùng lên đi mời gọi thiên hạ đến với điều tốt và bảo họ làm điều thiện và cản họ làm điều ác. Và đó là những người sẽ thành đạt.

105.- Và đừng trở thành như những ai đã chia rẽ (tôn giáo) và tranh chấp lẫn nhau sau khi đã tiếp thu các bằng chứng rõ rệt; và họ là những kẻ sẽ nhận một sự trừng phạt vô cùng to lớn.

106.- Vào một Ngày khi một số gương mặt sẽ sáng rỡ và một số gương mặt sẽ tối sầm. Bởi thế, đối với những ai có gương mặt tối sầm, (sẽ có lời này): "Có phải các người đã chối bỏ đức tin sau khi đã tin tưởng? Thôi hãy nếm sự trừng phạt về tội các người đã chối bỏ đức tin."

107.- Và đối với những ai có gương mặt sáng rỡ, thì sẽ được Allah khoan dung và họ sẽ ở trong đó (Thiên đàng) đời đời.

108.- Đó là các Lời mặc khải của Allah mà *TA* (Allah) đã đọc ra cho Ngươi (Muhammad) bằng sự thật. Và Allah không muốn cho thiên hạ gặp điều bất công nào.

وَلِلَّهِ مَا فِي ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَمَا فِي ٱلۡأَرۡضِۚ وَإِلَى ٱللَّهِ تُرۡجَعُ ٱلۡأُمُورُ ١٠٩ كُنتُمۡ خَيۡرَ أُمَّةٍ أُخۡرِجَتۡ لِلنَّاسِ تَأۡمُرُونَ بِٱلۡمَعۡرُوفِ وَتَنۡهَوۡنَ عَنِ ٱلۡمُنكَرِ وَتُؤۡمِنُونَ بِٱللَّهِۗ وَلَوۡ ءَامَنَ أَهۡلُ ٱلۡكِتَٰبِ لَكَانَ خَيۡرٗا لَّهُمۚ مِّنۡهُمُ ٱلۡمُؤۡمِنُونَ وَأَكۡثَرُهُمُ ٱلۡفَٰسِقُونَ ١١٠ لَن يَضُرُّوكُمۡ إِلَّآ أَذٗىۖ وَإِن يُقَٰتِلُوكُمۡ يُوَلُّوكُمُ ٱلۡأَدۡبَارَ ثُمَّ لَا يُنصَرُونَ ١١١ ضُرِبَتۡ عَلَيۡهِمُ ٱلذِّلَّةُ أَيۡنَ مَا ثُقِفُوٓاْ إِلَّا بِحَبۡلٖ مِّنَ ٱللَّهِ وَحَبۡلٖ مِّنَ ٱلنَّاسِ وَبَآءُو بِغَضَبٖ مِّنَ ٱللَّهِ وَضُرِبَتۡ عَلَيۡهِمُ ٱلۡمَسۡكَنَةُۚ ذَٰلِكَ بِأَنَّهُمۡ كَانُواْ يَكۡفُرُونَ بِـَٔايَٰتِ ٱللَّهِ وَيَقۡتُلُونَ ٱلۡأَنۢبِيَآءَ بِغَيۡرِ حَقّٖۚ ذَٰلِكَ بِمَا عَصَواْ وَّكَانُواْ يَعۡتَدُونَ ١١٢ ۞ لَيۡسُواْ سَوَآءٗۗ مِّنۡ أَهۡلِ ٱلۡكِتَٰبِ أُمَّةٞ قَآئِمَةٞ يَتۡلُونَ ءَايَٰتِ ٱللَّهِ ءَانَآءَ ٱلَّيۡلِ وَهُمۡ يَسۡجُدُونَ ١١٣ يُؤۡمِنُونَ بِٱللَّهِ وَٱلۡيَوۡمِ ٱلۡأٓخِرِ وَيَأۡمُرُونَ بِٱلۡمَعۡرُوفِ وَيَنۡهَوۡنَ عَنِ ٱلۡمُنكَرِ وَيُسَٰرِعُونَ فِي ٱلۡخَيۡرَٰتِۖ وَأُوْلَٰٓئِكَ مِنَ ٱلصَّٰلِحِينَ ١١٤ وَمَا يَفۡعَلُواْ مِنۡ خَيۡرٖ فَلَن يُكۡفَرُوهُۗ وَٱللَّهُ عَلِيمُۢ بِٱلۡمُتَّقِينَ ١١٥

ربع الحزب ٧

109.- Và mọi vật trong các tầng trời và mọi vật dưới đất đều là của Allah cả. Và mọi việc sẽ được trình lên cho Allah (quyết định).

110.- Các ngươi (hỡi Muslim!) là một Cộng đồng (*Ummah*) được gầy dựng (để làm gương) cho nhân loại. Các ngươi ra lệnh làm điều thiện và cấm chỉ làm điều ác và các ngươi tin tưởng nơi Allah. Và (bây giờ) nếu Người dân Kinh sách tin tưởng (như các ngươi) thì điều đó tốt cho họ hơn. Trong họ có một số tin tưởng nhưng đa số là những kẻ dấy loạn, bất tuân.

111.- Họ sẽ không bao giờ hãm hại được các ngươi, mà chỉ quấy rầy chút ít thôi. Và nếu chúng có đánh các ngươi thì chúng cũng sẽ quay lưng bỏ chạy, rồi chẳng được ai cứu giúp.

112.- Niềm sỉ nhục sẽ đuổi theo họ bất cứ nơi nào họ cư ngụ trừ phi nhận được sự cam kết từ Allah và từ nhân loại. Họ tự chuốc lên mình sự giận dữ của Allah và tự đón lấy sự khốn nạn. Sở dĩ như thế là vì họ đã phủ nhận các Lời mặc khải của Allah và đã giết các *Nabi* bất phân phải trái. Sở dĩ như thế là vì họ đã bất tuân và đã vượt quá mức giới hạn.

113.- Không phải họ đều giống nhau cả. Trong số Người dân Kinh sách, có một nhóm đứng đọc các Lời mặc khải của Allah thâu đêm và phủ phục Allah.

114.- Họ tin tưởng nơi Allah và Ngày (Phán xử) Cuối cùng và ra lệnh làm điều thiện và cấm chỉ làm điều ác. Họ thi đua làm điều lành; và là những người lương thiện.

115.- Và bất cứ điều tốt nào mà họ làm sẽ không bao giờ bị (Allah) bác bỏ bởi vì Allah là Đấng Hằng biết những người ngay chính sợ Allah.

إِنَّ ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ لَن تُغْنِيَ عَنْهُمْ أَمْوَٰلُهُمْ وَلَآ أَوْلَٰدُهُم مِّنَ ٱللَّهِ شَيْـًٔاۖ وَأُوْلَٰٓئِكَ أَصْحَٰبُ ٱلنَّارِۖ هُمْ فِيهَا خَٰلِدُونَ ١١٦ مَثَلُ مَا يُنفِقُونَ فِي هَٰذِهِ ٱلْحَيَوٰةِ ٱلدُّنْيَا كَمَثَلِ رِيحٍ فِيهَا صِرٌّ أَصَابَتْ حَرْثَ قَوْمٍ ظَلَمُوٓاْ أَنفُسَهُمْ فَأَهْلَكَتْهُۚ وَمَا ظَلَمَهُمُ ٱللَّهُ وَلَٰكِنْ أَنفُسَهُمْ يَظْلِمُونَ ١١٧ يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ لَا تَتَّخِذُواْ بِطَانَةً مِّن دُونِكُمْ لَا يَأْلُونَكُمْ خَبَالًا وَدُّواْ مَا عَنِتُّمْ قَدْ بَدَتِ ٱلْبَغْضَآءُ مِنْ أَفْوَٰهِهِمْ وَمَا تُخْفِي صُدُورُهُمْ أَكْبَرُۚ قَدْ بَيَّنَّا لَكُمُ ٱلْأٓيَٰتِۖ إِن كُنتُمْ تَعْقِلُونَ ١١٨ هَٰٓأَنتُمْ أُوْلَآءِ تُحِبُّونَهُمْ وَلَا يُحِبُّونَكُمْ وَتُؤْمِنُونَ بِٱلْكِتَٰبِ كُلِّهِۦ وَإِذَا لَقُوكُمْ قَالُوٓاْ ءَامَنَّا وَإِذَا خَلَوْاْ عَضُّواْ عَلَيْكُمُ ٱلْأَنَامِلَ مِنَ ٱلْغَيْظِۚ قُلْ مُوتُواْ بِغَيْظِكُمْۗ إِنَّ ٱللَّهَ عَلِيمُۢ بِذَاتِ ٱلصُّدُورِ ١١٩ إِن تَمْسَسْكُمْ حَسَنَةٞ تَسُؤْهُمْ وَإِن تُصِبْكُمْ سَيِّئَةٞ يَفْرَحُواْ بِهَاۖ وَإِن تَصْبِرُواْ وَتَتَّقُواْ لَا يَضُرُّكُمْ كَيْدُهُمْ شَيْـًٔاۗ إِنَّ ٱللَّهَ بِمَا يَعْمَلُونَ مُحِيطٞ ١٢٠ وَإِذْ غَدَوْتَ مِنْ أَهْلِكَ تُبَوِّئُ ٱلْمُؤْمِنِينَ مَقَٰعِدَ لِلْقِتَالِۗ وَٱللَّهُ سَمِيعٌ عَلِيمٌ ١٢١

116.- Quả thật, những ai không có đức tin thì tài sản cũng như con cái (đông đảo) của họ sẽ chẳng giúp được họ tránh khỏi (sự trừng phạt của) Allah. Và họ sẽ là những người bạn của Lửa (của Hỏa ngục), nơi mà họ sẽ vào đó ở đời đời.

117.- Thí dụ về những vật mà họ chi dùng ở trần gian này có thể ví như một luồng gió cực kỳ giá buốt bay đến tàn phá mùa màng của một đám người tự hủy hoại linh hồn của mình cho nên họ đã tàn phá nó. Không phải Allah hãm hại họ mà chính họ đã tự làm hại bản thân mình.

118.- Hỡi những ai có niềm tin! Chớ kết thân với ai ngoài các người ra, họ (kẻ thù) không bỏ lỡ cơ hội làm cho các người hư hỏng. Chúng chỉ muốn cho các người gặp đau khổ. Chắc chắn điều ác độc đã xuất hiện trên cửa miệng của họ, nhưng điều hiểm độc nằm trong lòng của họ còn dữ dằn hơn. *TA* (Allah) trình bày rõ các Lời mặc khải cho các người (để các người đề phòng), nếu các người chịu suy ngẫm.

119.- Ô này! Các ngươi là những người thương xót họ nhưng họ không thương xót các ngươi, và các ngươi tin tưởng toàn bộ Kinh sách (*Qur'ān*). Và khi gặp các ngươi, họ bảo: "Chúng tôi tin tưởng." Nhưng khi ở riêng ra thì họ phát giận các ngươi đến nỗi đã hậm hực cắn những đầu ngón tay của họ. Hãy bảo họ (hỡi Muhammad!): "Tức lắm thì hãy chết đi!" Quả thật, Allah biết điều (bí ẩn) nằm trong lòng (của họ).

120.- Nếu các người gặp điều lành thì chúng tức tối; và nếu các người gặp hoạn nạn thì chúng vui cười hớn hở về tai nạn đó. Và nếu các người kiên nhẫn và sợ Allah thì mưu kế hiểm độc của chúng chẳng hại gì được các người, bởi vì quả thật Allah tóm thâu hết mọi việc chúng làm.

121.- Và (hãy nhớ vào một buổi nọ) khi Ngươi (hỡi Sứ giả!) ra khỏi nhà từ sáng sớm để đi bố trí tín đồ vào vị trí chiến đấu (tại *Uhud*[1]). Và Allah Hằng nghe và Hằng thấy (hết mọi việc).

[1] Một ngọn núi ở Madīnah, nơi đã xẩy ra trận chiến lừng danh gọi là trận chiến Uhud đưa đến việc thất bại của người Muslim do lỗi của các xạ thủ đã bất tuân lệnh của Thiên sứ bỏ vị trí chạy đi thu hoạch chiến lợi phẩm do địch để lại. Địch quân lợi dụng kẻ hở trên đã dùng kỵ binh đánh bọc hậu làm cho người Muslim chết và bị thương, bỏ hàng ngũ chạy tán loạn. (Xem Sirat al-Nabi của Ibn Ishaq).

إِذۡ هَمَّت طَّآئِفَتَانِ مِنكُمۡ أَن تَفۡشَلَا وَٱللَّهُ وَلِيُّهُمَاۗ وَعَلَى ٱللَّهِ فَلۡيَتَوَكَّلِ ٱلۡمُؤۡمِنُونَ ﴿١٢٢﴾ وَلَقَدۡ نَصَرَكُمُ ٱللَّهُ بِبَدۡرٖ وَأَنتُمۡ أَذِلَّةٞۖ فَٱتَّقُواْ ٱللَّهَ لَعَلَّكُمۡ تَشۡكُرُونَ ﴿١٢٣﴾ إِذۡ تَقُولُ لِلۡمُؤۡمِنِينَ أَلَن يَكۡفِيَكُمۡ أَن يُمِدَّكُمۡ رَبُّكُم بِثَلَٰثَةِ ءَالَٰفٖ مِّنَ ٱلۡمَلَٰٓئِكَةِ مُنزَلِينَ ﴿١٢٤﴾ بَلَىٰٓۚ إِن تَصۡبِرُواْ وَتَتَّقُواْ وَيَأۡتُوكُم مِّن فَوۡرِهِمۡ هَٰذَا يُمۡدِدۡكُمۡ رَبُّكُم بِخَمۡسَةِ ءَالَٰفٖ مِّنَ ٱلۡمَلَٰٓئِكَةِ مُسَوِّمِينَ ﴿١٢٥﴾ وَمَا جَعَلَهُ ٱللَّهُ إِلَّا بُشۡرَىٰ لَكُمۡ وَلِتَطۡمَئِنَّ قُلُوبُكُم بِهِۦۗ وَمَا ٱلنَّصۡرُ إِلَّا مِنۡ عِندِ ٱللَّهِ ٱلۡعَزِيزِ ٱلۡحَكِيمِ ﴿١٢٦﴾ لِيَقۡطَعَ طَرَفٗا مِّنَ ٱلَّذِينَ كَفَرُوٓاْ أَوۡ يَكۡبِتَهُمۡ فَيَنقَلِبُواْ خَآئِبِينَ ﴿١٢٧﴾ لَيۡسَ لَكَ مِنَ ٱلۡأَمۡرِ شَيۡءٌ أَوۡ يَتُوبَ عَلَيۡهِمۡ أَوۡ يُعَذِّبَهُمۡ فَإِنَّهُمۡ ظَٰلِمُونَ ﴿١٢٨﴾ وَلِلَّهِ مَا فِي ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَمَا فِي ٱلۡأَرۡضِۚ يَغۡفِرُ لِمَن يَشَآءُ وَيُعَذِّبُ مَن يَشَآءُۚ وَٱللَّهُ غَفُورٞ رَّحِيمٞ ﴿١٢٩﴾ يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ لَا تَأۡكُلُواْ ٱلرِّبَوٰٓاْ أَضۡعَٰفٗا مُّضَٰعَفَةٗۖ وَٱتَّقُواْ ٱللَّهَ لَعَلَّكُمۡ تُفۡلِحُونَ ﴿١٣٠﴾ وَٱتَّقُواْ ٱلنَّارَ ٱلَّتِيٓ أُعِدَّتۡ لِلۡكَٰفِرِينَ ﴿١٣١﴾ وَأَطِيعُواْ ٱللَّهَ وَٱلرَّسُولَ لَعَلَّكُمۡ تُرۡحَمُونَ ﴿١٣٢﴾

122.- (Hãy nhớ) khi hai đội quân (của bộ lạc *Banu Salma Khazraj* và bộ lạc *Banu Harithah*) thuộc lực lượng của các người có tư tưởng hèn nhát (muốn bỏ ngũ) trong lúc Allah là Đấng Bảo vệ cho hai đội quân đó. Và những người có đức tin nên tin cậy mà phó thác cho Allah.

123.- Và chắc chắn Allah đã giúp các người (chiến thắng) tại *Badr* trong lúc các người chỉ gồm một đội quân vô vọng. Bởi thế, hãy sợ Allah để may ra các người có dịp đáp ân (Allah).

124.- (Hãy nhớ) khi Ngươi bảo các tín đồ: "Không đủ cho các người hay sao việc *Rabb* của các người gởi ba ngàn Thiên thần xuống để tăng cường cho các người?"

125.- Vâng, nếu các người kiên trì và sợ Allah, và nếu chúng (địch quân) bất thần tấn công các người thì *Rabb* của các người sẽ tăng cường cho các người năm ngàn Thiên thần mang dấu hiệu đặc biệt.

126.- Allah làm điều đó chỉ để báo tin mừng cho các người và làm cho các người yên tâm với nó. Và mọi thắng lợi đều do Allah, Đấng Toàn Năng và Sáng suốt (quyết định tất cả).

127.- (Làm thế) để Ngài tiêu diệt một thành phần của những ai không có đức tin hoặc hạ nhục chúng, bởi thế chúng trở về thất bại.

128.- Hoàn toàn không phải là công việc của Ngươi (mà là của Allah), hoặc Ngài (Allah) tha thứ cho chúng hoặc trừng phạt chúng bởi lẽ chúng là những kẻ làm điều sai quấy,

129.- Bởi vì mọi vật trong các tầng trời và mọi vật dưới đất đều là của Allah cả. Ngài tha thứ cho người nào Ngài muốn và trừng phạt kẻ nào Ngài muốn. Và Allah Hằng Tha thứ, Rất mực Khoan dung.

130.- Hỡi những ai có niềm tin! Chớ cho vay lấy lãi (*Ribā*) gấp đôi hoặc nhiều hơn; ngược lại hãy sợ Allah để may ra các người được thịnh vượng.

131.- Và hãy sợ Lửa (của Hỏa ngục) được chuẩn bị sẵn cho những kẻ không có đức tin.

132.- Ngược lại, hãy vâng lệnh Allah và Sứ giả (của Allah) để may ra các người được khoan dung.

نصف الحزب ٧

۞ وَسَارِعُوٓاْ إِلَىٰ مَغۡفِرَةٖ مِّن رَّبِّكُمۡ وَجَنَّةٍ عَرۡضُهَا ٱلسَّمَٰوَٰتُ وَٱلۡأَرۡضُ أُعِدَّتۡ لِلۡمُتَّقِينَ ١٣٣ ٱلَّذِينَ يُنفِقُونَ فِي ٱلسَّرَّآءِ وَٱلضَّرَّآءِ وَٱلۡكَٰظِمِينَ ٱلۡغَيۡظَ وَٱلۡعَافِينَ عَنِ ٱلنَّاسِۗ وَٱللَّهُ يُحِبُّ ٱلۡمُحۡسِنِينَ ١٣٤ وَٱلَّذِينَ إِذَا فَعَلُواْ فَٰحِشَةً أَوۡ ظَلَمُوٓاْ أَنفُسَهُمۡ ذَكَرُواْ ٱللَّهَ فَٱسۡتَغۡفَرُواْ لِذُنُوبِهِمۡ وَمَن يَغۡفِرُ ٱلذُّنُوبَ إِلَّا ٱللَّهُ وَلَمۡ يُصِرُّواْ عَلَىٰ مَا فَعَلُواْ وَهُمۡ يَعۡلَمُونَ ١٣٥ أُوْلَٰٓئِكَ جَزَآؤُهُم مَّغۡفِرَةٞ مِّن رَّبِّهِمۡ وَجَنَّٰتٞ تَجۡرِي مِن تَحۡتِهَا ٱلۡأَنۡهَٰرُ خَٰلِدِينَ فِيهَاۚ وَنِعۡمَ أَجۡرُ ٱلۡعَٰمِلِينَ ١٣٦ قَدۡ خَلَتۡ مِن قَبۡلِكُمۡ سُنَنٞ فَسِيرُواْ فِي ٱلۡأَرۡضِ فَٱنظُرُواْ كَيۡفَ كَانَ عَٰقِبَةُ ٱلۡمُكَذِّبِينَ ١٣٧ هَٰذَا بَيَانٞ لِّلنَّاسِ وَهُدٗى وَمَوۡعِظَةٞ لِّلۡمُتَّقِينَ ١٣٨ وَلَا تَهِنُواْ وَلَا تَحۡزَنُواْ وَأَنتُمُ ٱلۡأَعۡلَوۡنَ إِن كُنتُم مُّؤۡمِنِينَ ١٣٩ إِن يَمۡسَسۡكُمۡ قَرۡحٞ فَقَدۡ مَسَّ ٱلۡقَوۡمَ قَرۡحٞ مِّثۡلُهُۥۚ وَتِلۡكَ ٱلۡأَيَّامُ نُدَاوِلُهَا بَيۡنَ ٱلنَّاسِ وَلِيَعۡلَمَ ٱللَّهُ ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ وَيَتَّخِذَ مِنكُمۡ شُهَدَآءَۗ وَٱللَّهُ لَا يُحِبُّ ٱلظَّٰلِمِينَ ١٤٠

133.- Và hãy nhanh chóng cầu xin sự Tha thứ từ *Rabb* của các người và (cầu xin) Thiên đàng mà khoảng rộng bằng các tầng trời và trái đất gộp lại, được chuẩn bị cho những người ngay chính sợ Allah:

134.- Những ai tiêu dùng (cho Chính nghĩa của Allah) lúc giầu cũng như lúc nghèo, đồng thời kiềm hãm được cơn giận và lượng thứ cho người, bởi vì Allah yêu thương những người làm tốt;

135.- Và những ai khi đã phạm một điều thô bỉ hoặc làm hại bản thân mình liền tưởng nhớ Allah và cầu xin Ngài tha tội; và ai có thể tha tội nếu không phải là Allah? Và họ không tái phạm điều sai quấy mà họ đã làm.

136.- Phần thưởng dành cho những người như thế sẽ gồm sự Tha thứ của *Rabb* của họ và những Ngôi-vườn bên dưới có các dòng sông chảy, nơi mà họ sẽ vào đó ở đời đời. Và tuyệt hảo thay phần thưởng dành cho những người làm việc (tốt).

137.- Chắc chắn những lề lối xử thế (*sunan*) tương tự đã ra đi trước các ngươi. Bởi thế, hãy đi du lịch trên trái đất để xét xem kết cuộc của những kẻ phủ nhận sự thật đã xẩy ra như thế nào.

138.- (*Qur'ān*) này là lời tuyên bố công khai cho nhân loại, một Chỉ đạo và Lời giáo huấn cho những người ngay chính sợ Allah.

139.- Và chớ yếu lòng cũng chớ buồn phiền, bởi vì các ngươi sẽ chiến thắng nếu các ngươi thực sự có đức tin.

140.- Nếu các người bị tổn thất thì chắc chắn đám người (ngoại đạo) kia cũng bị tổn thất tương tự như thế. Đó là những ngày (thử thách) mà *TA* (Allah) cho xoay vần giữa nhân loại. Và để cho Allah biết ai trong các người là những người thật sự có đức tin và để Ngài thu nhận những người tử đạo trong các người, bởi vì Allah không yêu thương những kẻ làm điều sai quấy.

وَلِيُمَحِّصَ ٱللَّهُ ٱلَّذِينَ ءَامَنُوا۟ وَيَمْحَقَ ٱلْكَـٰفِرِينَ ﴿١٤١﴾ أَمْ
حَسِبْتُمْ أَن تَدْخُلُوا۟ ٱلْجَنَّةَ وَلَمَّا يَعْلَمِ ٱللَّهُ ٱلَّذِينَ جَـٰهَدُوا۟
مِنكُمْ وَيَعْلَمَ ٱلصَّـٰبِرِينَ ﴿١٤٢﴾ وَلَقَدْ كُنتُمْ تَمَنَّوْنَ ٱلْمَوْتَ مِن
قَبْلِ أَن تَلْقَوْهُ فَقَدْ رَأَيْتُمُوهُ وَأَنتُمْ تَنظُرُونَ ﴿١٤٣﴾ وَمَا مُحَمَّدٌ
إِلَّا رَسُولٌ قَدْ خَلَتْ مِن قَبْلِهِ ٱلرُّسُلُ ۚ أَفَإِي۟ن مَّاتَ أَوْ قُتِلَ
ٱنقَلَبْتُمْ عَلَىٰٓ أَعْقَـٰبِكُمْ ۚ وَمَن يَنقَلِبْ عَلَىٰ عَقِبَيْهِ فَلَن يَضُرَّ
ٱللَّهَ شَيْـًٔا ۗ وَسَيَجْزِى ٱللَّهُ ٱلشَّـٰكِرِينَ ﴿١٤٤﴾ وَمَا كَانَ
لِنَفْسٍ أَن تَمُوتَ إِلَّا بِإِذْنِ ٱللَّهِ كِتَـٰبًا مُّؤَجَّلًا ۗ وَمَن يُرِدْ
ثَوَابَ ٱلدُّنْيَا نُؤْتِهِۦ مِنْهَا وَمَن يُرِدْ ثَوَابَ ٱلْـَٔاخِرَةِ نُؤْتِهِۦ مِنْهَا ۚ
وَسَنَجْزِى ٱلشَّـٰكِرِينَ ﴿١٤٥﴾ وَكَأَيِّن مِّن نَّبِىٍّ قَـٰتَلَ مَعَهُۥ
رِبِّيُّونَ كَثِيرٌ فَمَا وَهَنُوا۟ لِمَآ أَصَابَهُمْ فِى سَبِيلِ ٱللَّهِ وَمَا ضَعُفُوا۟
وَمَا ٱسْتَكَانُوا۟ ۗ وَٱللَّهُ يُحِبُّ ٱلصَّـٰبِرِينَ ﴿١٤٦﴾ وَمَا كَانَ قَوْلَهُمْ إِلَّآ أَن
قَالُوا۟ رَبَّنَا ٱغْفِرْ لَنَا ذُنُوبَنَا وَإِسْرَافَنَا فِىٓ أَمْرِنَا وَثَبِّتْ أَقْدَامَنَا
وَٱنصُرْنَا عَلَى ٱلْقَوْمِ ٱلْكَـٰفِرِينَ ﴿١٤٧﴾ فَـَٔاتَىٰهُمُ ٱللَّهُ ثَوَابَ
ٱلدُّنْيَا وَحُسْنَ ثَوَابِ ٱلْـَٔاخِرَةِ ۗ وَٱللَّهُ يُحِبُّ ٱلْمُحْسِنِينَ ﴿١٤٨﴾

141.- Và để Allah thanh lọc những ai thực sự có đức tin và tiêu diệt những kẻ không có đức tin.

142.- Há các ngươi nghĩ rằng các ngươi sẽ vào Thiên đàng trong lúc Allah chưa (thử thách để) biết ai trong các người là người đã chiến đấu hăng say (cho Chính nghĩa của Ngài) và kiên cường nhẫn nại?

143.- Và chắc chắn các ngươi mong được chết (tử đạo) trước khi gặp nó (cái chết); nay, các ngươi thấy rõ nó trong lúc các ngươi đứng nhìn (trận chiến).

144.- Và Muhammad chỉ là một Sứ giả (của Allah). Nhiều sứ giả đã qua đời trước Người. Nếu Người chết hoặc bị giết thì các người sẽ quay gót bỏ chạy hay sao? Và ai quay gót bỏ chạy, thì y sẽ không bao giờ làm cho Allah thiệt thòi cả. Ngược lại, Allah sẽ trọng thưởng những người biết ơn.

145.- Và không một người nào tự nhiên chết nếu không có phép của Allah theo tuổi thọ đã được ghi sẵn. Và ai muốn phần thưởng ở trần gian, *TA* (Allah) sẽ ban nó cho y. Và ai muốn phần thưởng ở Đời sau, *TA* sẽ ban nó cho y. Và *TA* sẽ thưởng những người biết ơn.

146.- Và có bao nhiêu Nabi cùng với nhiều tín đồ ngoan đạo đã chiến đấu (cho Chính nghĩa của Allah?) Nhưng họ không sờn lòng nhụt chí, không tỏ ra yếu đuối và buông xuôi khi gặp hoạn nạn trên con đường chiến đấu cho Chính nghĩa của Allah. Và Allah yêu thương những người kiên cường nhẫn nại.

147.- Và họ đã không thốt ra lời nào khác ngoài lời này: "Lạy *Rabb* chúng tôi! Xin Ngài tha tội cho chúng tôi và (bỏ qua) những điều quá đáng (mà chúng tôi đã phạm) trong việc làm của chúng tôi và xin Ngài củng cố bàn chân của chúng tôi thêm vững chắc và giúp chúng tôi thắng được những kẻ không có đức tin."

148.- Bởi thế, Allah đã ban cho họ phần thưởng ở đời này và phần thưởng ưu việt ở Đời sau bởi vì Allah yêu thương những người làm tốt.

يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُوٓاْ إِن تُطِيعُواْ ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ
يَرُدُّوكُمۡ عَلَىٰٓ أَعۡقَٰبِكُمۡ فَتَنقَلِبُواْ خَٰسِرِينَ
١٤٩ بَلِ ٱللَّهُ مَوۡلَىٰكُمۡۖ وَهُوَ خَيۡرُ ٱلنَّٰصِرِينَ ١٥٠ سَنُلۡقِي
فِي قُلُوبِ ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ ٱلرُّعۡبَ بِمَآ أَشۡرَكُواْ بِٱللَّهِ
مَا لَمۡ يُنَزِّلۡ بِهِۦ سُلۡطَٰنٗاۖ وَمَأۡوَىٰهُمُ ٱلنَّارُۖ وَبِئۡسَ
مَثۡوَى ٱلظَّٰلِمِينَ ١٥١ وَلَقَدۡ صَدَقَكُمُ ٱللَّهُ
وَعۡدَهُۥٓ إِذۡ تَحُسُّونَهُم بِإِذۡنِهِۦۖ حَتَّىٰٓ إِذَا فَشِلۡتُمۡ
وَتَنَٰزَعۡتُمۡ فِي ٱلۡأَمۡرِ وَعَصَيۡتُم مِّنۢ بَعۡدِ مَآ أَرَىٰكُم
مَّا تُحِبُّونَۚ مِنكُم مَّن يُرِيدُ ٱلدُّنۡيَا وَمِنكُم مَّن
يُرِيدُ ٱلۡأٓخِرَةَۚ ثُمَّ صَرَفَكُمۡ عَنۡهُمۡ لِيَبۡتَلِيَكُمۡۖ
وَلَقَدۡ عَفَا عَنكُمۡۗ وَٱللَّهُ ذُو فَضۡلٍ عَلَى ٱلۡمُؤۡمِنِينَ
١٥٢ ۞ إِذۡ تُصۡعِدُونَ وَلَا تَلۡوُۥنَ عَلَىٰٓ أَحَدٖ
وَٱلرَّسُولُ يَدۡعُوكُمۡ فِيٓ أُخۡرَىٰكُمۡ فَأَثَٰبَكُمۡ
غَمَّۢا بِغَمّٖ لِّكَيۡلَا تَحۡزَنُواْ عَلَىٰ مَا فَاتَكُمۡ وَلَا
مَآ أَصَٰبَكُمۡۗ وَٱللَّهُ خَبِيرُۢ بِمَا تَعۡمَلُونَ ١٥٣

ثلاثة أرباع الحزب ٧

149.- Hỡi những ai có niềm tin! Nếu các người nghe theo những kẻ không có đức tin, thì chúng sẽ làm cho các người quay gót tháo lui, và vì thế các người sẽ bỏ về thua thiệt.

150.- Không! Allah là Đấng Bảo Hộ của các người và là Đấng Cứu Giúp Ưu Việt.

151.- *TA* sẽ làm cho những kẻ không có đức tin kinh hãi trong lòng bởi vì chúng tổ hợp với Allah những kẻ (thần linh) mà Ngài đã không ban cho một chút thẩm quyền nào; nhà ở của chúng (người thờ đa thần) sẽ là Lửa (của Hỏa ngục); và nhà ở của những kẻ làm điều sai quấy thật là xấu xa.

152.- Và chắc chắn Allah đã thực hiện đúng lời hứa của Ngài với các người khi các người gần đánh bại chúng (tại *Uhud*) với sự chấp thuận của Ngài cho đến lúc các người không còn tự chủ nữa và đâm cãi nhau về mệnh lệnh (của Sứ giả của Allah) và không chấp hành nó sau khi Ngài (Allah) trưng bày cho các người thấy các món (chiến lợi phẩm) mà các người thèm muốn. Trong các người, có người ham muốn đời sống trần tục này nhưng cũng có người mong muốn Đời sau; rồi Ngài (Allah) đưa đẩy các người xa chúng (kẻ thù) hầu thử thách các người. Và chắc chắn Ngài (Allah) đã lượng thứ cho các người bởi vì Allah Rất mực Nhân từ đối với những người có đức tin.

153.- (Hãy nhớ) khi các người (hoảng hốt) cắm đầu chạy lên đồi cao và không quay nhìn đến một ai bên cạnh và Sứ giả (của Allah) từ đằng sau lớn tiếng gọi các người trở lại vị trí (chiến đấu). Bởi thế, Ngài (Allah) bắt các người nếm từ mùi đau khổ này đến mùi đau khổ khác để cho các người không còn luyến tiếc về món (chiến lợi phẩm) đã thoát khỏi tay của các người và để cho các người quên đi (tai họa) đã rơi nhằm phải các người bởi vì Allah Hằng Am tường những điều các người đã làm.

ثُمَّ أَنزَلَ عَلَيۡكُم مِّنۢ بَعۡدِ ٱلۡغَمِّ أَمَنَةٗ نُّعَاسٗا يَغۡشَىٰ طَآئِفَةٗ
مِّنكُمۡۖ وَطَآئِفَةٞ قَدۡ أَهَمَّتۡهُمۡ أَنفُسُهُمۡ يَظُنُّونَ بِٱللَّهِ غَيۡرَ
ٱلۡحَقِّ ظَنَّ ٱلۡجَٰهِلِيَّةِۖ يَقُولُونَ هَل لَّنَا مِنَ ٱلۡأَمۡرِ مِن شَيۡءٖۗ
قُلۡ إِنَّ ٱلۡأَمۡرَ كُلَّهُۥ لِلَّهِۗ يُخۡفُونَ فِيٓ أَنفُسِهِم مَّا لَا يُبۡدُونَ لَكَۖ
يَقُولُونَ لَوۡ كَانَ لَنَا مِنَ ٱلۡأَمۡرِ شَيۡءٞ مَّا قُتِلۡنَا هَٰهُنَاۗ قُل لَّوۡ كُنتُمۡ
فِي بُيُوتِكُمۡ لَبَرَزَ ٱلَّذِينَ كُتِبَ عَلَيۡهِمُ ٱلۡقَتۡلُ إِلَىٰ مَضَاجِعِهِمۡۖ
وَلِيَبۡتَلِيَ ٱللَّهُ مَا فِي صُدُورِكُمۡ وَلِيُمَحِّصَ مَا فِي قُلُوبِكُمۡۚ
وَٱللَّهُ عَلِيمُۢ بِذَاتِ ٱلصُّدُورِ ١٥٤ إِنَّ ٱلَّذِينَ تَوَلَّوۡاْ مِنكُمۡ
يَوۡمَ ٱلۡتَقَى ٱلۡجَمۡعَانِ إِنَّمَا ٱسۡتَزَلَّهُمُ ٱلشَّيۡطَٰنُ بِبَعۡضِ
مَا كَسَبُواْۖ وَلَقَدۡ عَفَا ٱللَّهُ عَنۡهُمۡۗ إِنَّ ٱللَّهَ غَفُورٌ حَلِيمٞ ١٥٥ يَٰٓأَيُّهَا
ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ لَا تَكُونُواْ كَٱلَّذِينَ كَفَرُواْ وَقَالُواْ لِإِخۡوَٰنِهِمۡ إِذَا
ضَرَبُواْ فِي ٱلۡأَرۡضِ أَوۡ كَانُواْ غُزّٗى لَّوۡ كَانُواْ عِندَنَا مَا مَاتُواْ
وَمَا قُتِلُواْ لِيَجۡعَلَ ٱللَّهُ ذَٰلِكَ حَسۡرَةٗ فِي قُلُوبِهِمۡۗ وَٱللَّهُ يُحۡيِۦ
وَيُمِيتُۗ وَٱللَّهُ بِمَا تَعۡمَلُونَ بَصِيرٞ ١٥٦ وَلَئِن قُتِلۡتُمۡ فِي سَبِيلِ
ٱللَّهِ أَوۡ مُتُّمۡ لَمَغۡفِرَةٞ مِّنَ ٱللَّهِ وَرَحۡمَةٌ خَيۡرٞ مِّمَّا يَجۡمَعُونَ ١٥٧

154.- Rồi sau cơn hoạn nạn đó Ngài (Allah) đã ban an-ninh cho các ngươi. Bởi thế, một nhóm của các ngươi ngủ thiếp đi và một nhóm khác hãy còn tư lự về thân phận của họ rồi đâm ra nghĩ không đúng về Allah, lối suy nghĩ (thoái hóa) của Thời kỳ Ngu muội (trước *Islām*). Họ nói: "Há chúng tôi đã không có ý kiến gì trong công việc này hay sao?" Hãy bảo họ: "Công việc này hoàn toàn thuộc về Allah." Họ giấu nơi mình điều (bất mãn) mà họ không dám tiết lộ ra cho Ngươi biết. Họ bảo nhau: "Nếu chúng mình có ý kiến trong công việc này, thì chúng mình đâu đến nỗi bị giết nơi đây." Hãy bảo họ (hỡi Sứ giả!): "Dẫu cho các ngươi có ở tại nhà thì những ai đã tới số chết, nhất định sẽ bước ra ngoài để đi đến chỗ chết." (Làm thế) để Allah thử thách cái (đức tin) nằm trong lòng của các ngươi và để tẩy sạch cái (cặn bã tội lỗi nằm) trong trái tim của các ngươi bởi vì Allah Hằng biết (điều bí mật) nằm trong lòng (của các ngươi).

155.- Quả thật, những ai trong các ngươi quay lưng (đào tẩu) vào ngày hai đoàn quân (*Muslim và Kāfir*) chạm trán (tại *Uhud*), thì chỉ *Shaytān* làm cho họ sa ngã vì những điều (tội lỗi) mà họ đã phạm nhưng chắc chắn Allah Hằng Lượng thứ cho họ. Quả thật, Allah Hằng Tha thứ, Hằng Chịu đựng (với bầy tôi của Ngài).

156.- Hỡi những ai có niềm tin! Chớ (cư xử) như những ai không có đức tin và nói về các anh em (Muslim) khi họ ra đi (truyền giáo) xa trên mặt đất hoặc ra đi tham chiến như sau: "Giá họ ở lại với chúng mình thì đâu đến nỗi bị chết hoặc bị giết." Chắc chắn Allah biến điều đó thành một nguồn ân hận trong lòng của họ bởi vì chính Allah (là Đấng) ban sự sống và gây cho chết (chứ không phải tự họ muốn). Và Allah thấy rõ những điều các ngươi đã làm.

157.- Và nếu các ngươi bị giết hoặc chết cho Chính nghĩa của Allah thì chắc chắn sự Tha thứ và Khoan Dung của Allah sẽ tốt hơn những món mà chúng góp nhặt.

وَلَئِن مُّتُّمۡ أَوۡ قُتِلۡتُمۡ لَإِلَى ٱللَّهِ تُحۡشَرُونَ ١٥٨ فَبِمَا رَحۡمَةٖ مِّنَ ٱللَّهِ لِنتَ لَهُمۡۖ وَلَوۡ كُنتَ فَظًّا غَلِيظَ ٱلۡقَلۡبِ لَٱنفَضُّواْ مِنۡ حَوۡلِكَۖ فَٱعۡفُ عَنۡهُمۡ وَٱسۡتَغۡفِرۡ لَهُمۡ وَشَاوِرۡهُمۡ فِي ٱلۡأَمۡرِۖ فَإِذَا عَزَمۡتَ فَتَوَكَّلۡ عَلَى ٱللَّهِۚ إِنَّ ٱللَّهَ يُحِبُّ ٱلۡمُتَوَكِّلِينَ ١٥٩ إِن يَنصُرۡكُمُ ٱللَّهُ فَلَا غَالِبَ لَكُمۡۖ وَإِن يَخۡذُلۡكُمۡ فَمَن ذَا ٱلَّذِي يَنصُرُكُم مِّنۢ بَعۡدِهِۦۗ وَعَلَى ٱللَّهِ فَلۡيَتَوَكَّلِ ٱلۡمُؤۡمِنُونَ ١٦٠ وَمَا كَانَ لِنَبِيٍّ أَن يَغُلَّۚ وَمَن يَغۡلُلۡ يَأۡتِ بِمَا غَلَّ يَوۡمَ ٱلۡقِيَٰمَةِۚ ثُمَّ تُوَفَّىٰ كُلُّ نَفۡسٖ مَّا كَسَبَتۡ وَهُمۡ لَا يُظۡلَمُونَ ١٦١ أَفَمَنِ ٱتَّبَعَ رِضۡوَٰنَ ٱللَّهِ كَمَنۢ بَآءَ بِسَخَطٖ مِّنَ ٱللَّهِ وَمَأۡوَىٰهُ جَهَنَّمُۖ وَبِئۡسَ ٱلۡمَصِيرُ ١٦٢ هُمۡ دَرَجَٰتٌ عِندَ ٱللَّهِۗ وَٱللَّهُ بَصِيرُۢ بِمَا يَعۡمَلُونَ ١٦٣ لَقَدۡ مَنَّ ٱللَّهُ عَلَى ٱلۡمُؤۡمِنِينَ إِذۡ بَعَثَ فِيهِمۡ رَسُولٗا مِّنۡ أَنفُسِهِمۡ يَتۡلُواْ عَلَيۡهِمۡ ءَايَٰتِهِۦ وَيُزَكِّيهِمۡ وَيُعَلِّمُهُمُ ٱلۡكِتَٰبَ وَٱلۡحِكۡمَةَ وَإِن كَانُواْ مِن قَبۡلُ لَفِي ضَلَٰلٖ مُّبِينٍ ١٦٤ أَوَلَمَّآ أَصَٰبَتۡكُم مُّصِيبَةٞ قَدۡ أَصَبۡتُم مِّثۡلَيۡهَا قُلۡتُمۡ أَنَّىٰ هَٰذَاۖ قُلۡ هُوَ مِنۡ عِندِ أَنفُسِكُمۡۗ إِنَّ ٱللَّهَ عَلَىٰ كُلِّ شَيۡءٖ قَدِيرٞ ١٦٥

158.- Và nếu các ngươi chết hoặc bị giết thì bề nào các ngươi cũng sẽ được đưa về gặp lại Allah.

159.- Bởi thế, với lòng Khoan dung của Allah, Ngươi (hỡi Sứ giả!) nên đối xử hiền hòa với họ. Và nếu Ngươi khắt khe và cứng rắn với họ, thì họ sẽ bỏ Ngươi đi tản mác khắp nơi. Bởi thế, hãy lượng thứ cho họ và cầu xin Allah tha thứ cho họ và tham khảo ý kiến với họ trong công việc (chung). Bởi thế, khi đã lấy quyết định rồi, thì hãy phó thác cho Allah bởi vì quả thật Allah yêu thương những người tin cậy và phó thác (cho Ngài).

160.- Nếu Allah giúp các người thì không ai có thể thắng các người nổi, và nếu Ngài bỏ rơi các người thì sau Ngài ai là vị có thể giúp các người (chiến thắng)? Bởi thế, những người có đức tin nên tin cậy mà phó thác cho Allah.

161.- Và không một Nabi nào được phép giấu trộm chiến lợi phẩm; và ai giấu trộm một vật gì, thì y sẽ mang vật giấu đó ra trình bày (trước Allah) vào Ngày Phục sinh. Rồi mỗi người sẽ được trả lại đầy đủ về điều mà y đã thu hoạch và họ sẽ không bị đối xử bất công.

162.- Há một người tuân theo niềm hài lòng của Allah giống với một người tự chuốc lấy sự Giận dữ của Allah và nhà ở của y là Hỏa ngục hay sao? Và đó là một nơi đến cuối cùng xấu xa nhất.

163.- Đối với Allah, họ có cấp bậc khác nhau, bởi vì Allah thấy rõ những điều họ làm.

164.- Chắc chắn Allah gia ân nhiều cho những người có đức tin khi Ngài dựng lên trong họ một Sứ giả xuất thân từ họ để đọc cho họ các Lời mặc khải của Ngài và tẩy sạch họ và dạy họ Kinh sách và Lẽ đúng đắn khôn ngoan trong lúc trước đây họ là những người hoàn toàn lầm lạc.

165.- Phải chăng khi các người bị thiệt hại nặng (tại *Uhud*) mặc dầu trước đó (tại *Badr*) các người đã đập (kẻ thù) bằng một đòn mạnh gấp hai (đòn các ngươi đã bị tại Uhud), các người than thở, nói: "Tai họa này từ đâu đến?" Hãy bảo họ: "Tai họa này do bản thân của các người gây ra." Bởi vì thật ra Allah có quyền chi phối trên tất cả mọi việc.

وَمَآ أَصَٰبَكُمۡ يَوۡمَ ٱلۡتَقَى ٱلۡجَمۡعَانِ فَبِإِذۡنِ ٱللَّهِ وَلِيَعۡلَمَ ٱلۡمُؤۡمِنِينَ ﴿١٦٦﴾ وَلِيَعۡلَمَ ٱلَّذِينَ نَافَقُواْۚ وَقِيلَ لَهُمۡ تَعَالَوۡاْ قَٰتِلُواْ فِي سَبِيلِ ٱللَّهِ أَوِ ٱدۡفَعُواْۖ قَالُواْ لَوۡ نَعۡلَمُ قِتَالٗا لَّٱتَّبَعۡنَٰكُمۡۗ هُمۡ لِلۡكُفۡرِ يَوۡمَئِذٍ أَقۡرَبُ مِنۡهُمۡ لِلۡإِيمَٰنِۚ يَقُولُونَ بِأَفۡوَٰهِهِم مَّا لَيۡسَ فِي قُلُوبِهِمۡۚ وَٱللَّهُ أَعۡلَمُ بِمَا يَكۡتُمُونَ ﴿١٦٧﴾ ٱلَّذِينَ قَالُواْ لِإِخۡوَٰنِهِمۡ وَقَعَدُواْ لَوۡ أَطَاعُونَا مَا قُتِلُواْۗ قُلۡ فَٱدۡرَءُواْ عَنۡ أَنفُسِكُمُ ٱلۡمَوۡتَ إِن كُنتُمۡ صَٰدِقِينَ ﴿١٦٨﴾ وَلَا تَحۡسَبَنَّ ٱلَّذِينَ قُتِلُواْ فِي سَبِيلِ ٱللَّهِ أَمۡوَٰتَۢاۚ بَلۡ أَحۡيَآءٌ عِندَ رَبِّهِمۡ يُرۡزَقُونَ ﴿١٦٩﴾ فَرِحِينَ بِمَآ ءَاتَىٰهُمُ ٱللَّهُ مِن فَضۡلِهِۦ وَيَسۡتَبۡشِرُونَ بِٱلَّذِينَ لَمۡ يَلۡحَقُواْ بِهِم مِّنۡ خَلۡفِهِمۡ أَلَّا خَوۡفٌ عَلَيۡهِمۡ وَلَا هُمۡ يَحۡزَنُونَ ﴿١٧٠﴾ ۞ يَسۡتَبۡشِرُونَ بِنِعۡمَةٖ مِّنَ ٱللَّهِ وَفَضۡلٖ وَأَنَّ ٱللَّهَ لَا يُضِيعُ أَجۡرَ ٱلۡمُؤۡمِنِينَ ﴿١٧١﴾ ٱلَّذِينَ ٱسۡتَجَابُواْ لِلَّهِ وَٱلرَّسُولِ مِنۢ بَعۡدِ مَآ أَصَابَهُمُ ٱلۡقَرۡحُۚ لِلَّذِينَ أَحۡسَنُواْ مِنۡهُمۡ وَٱتَّقَوۡاْ أَجۡرٌ عَظِيمٌ ﴿١٧٢﴾ ٱلَّذِينَ قَالَ لَهُمُ ٱلنَّاسُ إِنَّ ٱلنَّاسَ قَدۡ جَمَعُواْ لَكُمۡ فَٱخۡشَوۡهُمۡ فَزَادَهُمۡ إِيمَٰنٗا وَقَالُواْ حَسۡبُنَا ٱللَّهُ وَنِعۡمَ ٱلۡوَكِيلُ ﴿١٧٣﴾

الحِزْبُ ٨

166.- Và tai họa rơi nhằm phải các người vào ngày hai đoàn quân (*Muslim và Kāfir*) đụng độ nhau (tại *Uhud*) là do sự chấp thuận của Allah để cho Ngài biết rõ những người có đức tin.

167.- Và để Ngài biết ai chơi trò đạo đức giả, và có lời bảo chúng: "Hãy đến chiến đấu cho Chính nghĩa của Allah hoặc phòng thủ (thành phố Madīnah) thì chúng đáp: "Giá chúng tôi biết chắc có một trận giao tranh (giữa ta và địch) thì chúng tôi đã tòng quân với quí vị rồi." Ngày đó chúng tiếp cận với sự không tin hơn là sự tin tưởng, bởi vì miệng của chúng nói ra điều không có trong lòng của chúng. Và Allah biết rõ những điều (giả dối) mà chúng giấu giếm.

168.- Những ai nói về các anh em (Muslim) của mình trong lúc chúng ngồi yên tại nhà: "Phải chi họ nghe lời của chúng mình thì đâu đến nỗi phải bị giết." Hãy bảo chúng (hỡi Sứ giả!): "Nếu các ngươi nói đúng sự thật, thì hãy xoay cái chết đi khỏi mình của các ngươi thử xem?"

169.- Và chớ nghĩ rằng những ai hy sinh vì Chính nghĩa của Allah đã chết. Không, họ vẫn còn sống với *Rabb* của họ và được cung dưỡng (đầy đủ).

170.- Họ vui hưởng thiên lộc mà Allah đã ban cấp. Họ được tin vui về những ai còn ở lại sau nhưng chưa nhập đoàn chung với họ rằng họ (những người tử đạo) sẽ không lo sợ cũng sẽ không buồn phiền.

171.- Họ hoan hỉ với tin vui về ân huệ và thiên lộc của Allah và rằng quả thật Allah không làm mất phần thưởng của những người có đức tin:

172.- Những ai đã đáp lại lời gọi của Allah và của Sứ giả (của Allah) sau khi mang thương tích[1] (tại *Uhud*); dành cho những ai làm tốt và sợ Allah sẽ là một phần thưởng to lớn.

173.- Những ai mà người ta đã nói với họ: "Quả thật, những người (ngoại đạo) tập trung đến tấn công qúi vị. Bởi thế, hãy sợ chúng." Nhưng điều đó chỉ làm tăng thêm đức tin của họ bởi vì họ đã nói: "Allah đủ giúp chúng tôi (chống lại kẻ thù) bởi vì Ngài là Đấng Bảo Trợ Ưu Việt."

---

[1] Trận Uhud xẩy vào ngày thứ bẩy. Ngày hôm sau, Thiên sứ tập trung những người Muslim tham chiến vào ngày hôm trước để rượt theo đánh đuổi địch, nhưng địch đã bỏ đi xa. (Xem Sirat al-Nabi của Ibn Ishaq.)

فَٱنقَلَبُواْ بِنِعۡمَةٖ مِّنَ ٱللَّهِ وَفَضۡلٖ لَّمۡ يَمۡسَسۡهُمۡ سُوٓءٞ وَٱتَّبَعُواْ
رِضۡوَٰنَ ٱللَّهِۗ وَٱللَّهُ ذُو فَضۡلٍ عَظِيمٍ ١٧٤ إِنَّمَا ذَٰلِكُمُ ٱلشَّيۡطَٰنُ
يُخَوِّفُ أَوۡلِيَآءَهُۥ فَلَا تَخَافُوهُمۡ وَخَافُونِ إِن كُنتُم مُّؤۡمِنِينَ ١٧٥
وَلَا يَحۡزُنكَ ٱلَّذِينَ يُسَٰرِعُونَ فِي ٱلۡكُفۡرِۚ إِنَّهُمۡ لَن يَضُرُّواْ ٱللَّهَ
شَيۡـٔٗاۗ يُرِيدُ ٱللَّهُ أَلَّا يَجۡعَلَ لَهُمۡ حَظّٗا فِي ٱلۡأٓخِرَةِۖ وَلَهُمۡ عَذَابٌ
عَظِيمٌ ١٧٦ إِنَّ ٱلَّذِينَ ٱشۡتَرَوُاْ ٱلۡكُفۡرَ بِٱلۡإِيمَٰنِ لَن يَضُرُّواْ ٱللَّهَ
شَيۡـٔٗا وَلَهُمۡ عَذَابٌ أَلِيمٞ ١٧٧ وَلَا يَحۡسَبَنَّ ٱلَّذِينَ كَفَرُوٓاْ أَنَّمَا
نُمۡلِي لَهُمۡ خَيۡرٞ لِّأَنفُسِهِمۡۚ إِنَّمَا نُمۡلِي لَهُمۡ لِيَزۡدَادُوٓاْ إِثۡمٗاۚ وَلَهُمۡ
عَذَابٞ مُّهِينٞ ١٧٨ مَّا كَانَ ٱللَّهُ لِيَذَرَ ٱلۡمُؤۡمِنِينَ عَلَىٰ مَآ أَنتُمۡ
عَلَيۡهِ حَتَّىٰ يَمِيزَ ٱلۡخَبِيثَ مِنَ ٱلطَّيِّبِۗ وَمَا كَانَ ٱللَّهُ لِيُطۡلِعَكُمۡ
عَلَى ٱلۡغَيۡبِ وَلَٰكِنَّ ٱللَّهَ يَجۡتَبِي مِن رُّسُلِهِۦ مَن يَشَآءُۖ فَـَٔامِنُواْ بِٱللَّهِ
وَرُسُلِهِۦۚ وَإِن تُؤۡمِنُواْ وَتَتَّقُواْ فَلَكُمۡ أَجۡرٌ عَظِيمٞ ١٧٩ وَلَا يَحۡسَبَنَّ
ٱلَّذِينَ يَبۡخَلُونَ بِمَآ ءَاتَىٰهُمُ ٱللَّهُ مِن فَضۡلِهِۦ هُوَ خَيۡرٗا لَّهُمۖ
بَلۡ هُوَ شَرّٞ لَّهُمۡۖ سَيُطَوَّقُونَ مَا بَخِلُواْ بِهِۦ يَوۡمَ ٱلۡقِيَٰمَةِۗ وَلِلَّهِ
مِيرَٰثُ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضِۗ وَٱللَّهُ بِمَا تَعۡمَلُونَ خَبِيرٞ ١٨٠

174.- Và họ đã trở về nhà với ân huệ và thiên lộc của Allah. Họ đã không gặp điều rủi ro nào; và họ làm theo sự hài lòng của Allah. Và Allah có vô vàn thiên lộc vĩ đại.

175.- Chỉ *Shaytān* mới xúi giục các người sợ bạn bè của nó; bởi thế chớ sợ chúng mà hãy sợ TA (Allah) nếu các ngươi là những người có đức tin.

176.- Và chớ để cho những ai lao đầu vào vòng không tin tưởng làm cho Ngươi buồn. Tuyệt đối chúng không bao giờ hại được Allah; ngược lại Allah không muốn cho chúng hưởng một phần lộc nào ở Đời sau. Và chúng sẽ chịu một sự trừng phạt to lớn.

177.- Quả thật, những ai dùng đức tin để mua lấy sự không tin, thì tuyệt đối sẽ không bao giờ hại được Allah (với việc làm của mình). Ngược lại, chúng sẽ chịu một sự trừng phạt đau đớn.

178.- Và những ai không có đức tin chớ nghĩ rằng việc *TA* gia hạn cho chúng là tốt cho bản thân của chúng. Việc *TA* gia hạn cho chúng là chỉ để cho chúng chồng chất thêm tội lỗi; và chúng sẽ chịu một sự trừng phạt nhục nhã.

179.- Allah sẽ không để cho những người có đức tin ở mãi trong hoàn cảnh mà các ngươi hiện đang sống cho đến khi nào Ngài tách biệt điều ô-uế ra khỏi điều tốt sạch. Và Allah không là Đấng tiết lộ cho các người biết những bí mật của cõi vô-hình; ngược lại, Allah chọn người nào Ngài muốn trong số các Sứ giả của Ngài (để tiếp thu điều bí mật đó). Bởi thế, hãy tin tưởng nơi Allah và các Sứ giả của Ngài. Do đó, nếu các ngươi tin tưởng và sợ Allah thì các người sẽ được một phần thưởng rất lớn.

180.- Và những ai keo kiệt ôm lấy phần thiên lộc mà Allah đã ban cấp chớ nên nghĩ đó là điều tốt cho họ. Không, việc đó chỉ xấu cho họ thôi. Tài sản mà họ hà tiện ôm giữ sẽ sớm được mang ra treo lủng lẳng nơi cổ của họ vào Ngày Phục sinh. Bởi vì di sản của các tầng trời và trái đất đều là của Allah cả; và Allah Rất Am tường về những điều các người làm.

لَّقَدْ سَمِعَ ٱللَّهُ قَوْلَ ٱلَّذِينَ قَالُوٓاْ إِنَّ ٱللَّهَ فَقِيرٌ وَنَحْنُ أَغْنِيَآءُ
سَنَكْتُبُ مَا قَالُواْ وَقَتْلَهُمُ ٱلْأَنۢبِيَآءَ بِغَيْرِ حَقٍّ وَنَقُولُ
ذُوقُواْ عَذَابَ ٱلْحَرِيقِ ﴿١٨١﴾ ذَٰلِكَ بِمَا قَدَّمَتْ أَيْدِيكُمْ
وَأَنَّ ٱللَّهَ لَيْسَ بِظَلَّامٍ لِّلْعَبِيدِ ﴿١٨٢﴾ ٱلَّذِينَ قَالُوٓاْ إِنَّ ٱللَّهَ
عَهِدَ إِلَيْنَآ أَلَّا نُؤْمِنَ لِرَسُولٍ حَتَّىٰ يَأْتِيَنَا بِقُرْبَانٍ
تَأْكُلُهُ ٱلنَّارُۗ قُلْ قَدْ جَآءَكُمْ رُسُلٌ مِّن قَبْلِي بِٱلْبَيِّنَٰتِ
وَبِٱلَّذِي قُلْتُمْ فَلِمَ قَتَلْتُمُوهُمْ إِن كُنتُمْ صَٰدِقِينَ
﴿١٨٣﴾ فَإِن كَذَّبُوكَ فَقَدْ كُذِّبَ رُسُلٌ مِّن قَبْلِكَ جَآءُو
بِٱلْبَيِّنَٰتِ وَٱلزُّبُرِ وَٱلْكِتَٰبِ ٱلْمُنِيرِ ﴿١٨٤﴾ كُلُّ نَفْسٍ
ذَآئِقَةُ ٱلْمَوْتِۗ وَإِنَّمَا تُوَفَّوْنَ أُجُورَكُمْ يَوْمَ ٱلْقِيَٰمَةِۖ
فَمَن زُحْزِحَ عَنِ ٱلنَّارِ وَأُدْخِلَ ٱلْجَنَّةَ فَقَدْ فَازَۗ وَمَا
ٱلْحَيَوٰةُ ٱلدُّنْيَآ إِلَّا مَتَٰعُ ٱلْغُرُورِ ﴿١٨٥﴾ ۞ لَتُبْلَوُنَّ فِيٓ
أَمْوَٰلِكُمْ وَأَنفُسِكُمْ وَلَتَسْمَعُنَّ مِنَ ٱلَّذِينَ أُوتُواْ
ٱلْكِتَٰبَ مِن قَبْلِكُمْ وَمِنَ ٱلَّذِينَ أَشْرَكُوٓاْ أَذًى كَثِيرًاۚ
وَإِن تَصْبِرُواْ وَتَتَّقُواْ فَإِنَّ ذَٰلِكَ مِنْ عَزْمِ ٱلْأُمُورِ ﴿١٨٦﴾

ربع الحزب ٨

181.- Chắc chắn Allah đã nghe lời tuyên bố của những kẻ đã nói: "Quả thật, Allah nghèo và chúng tôi giầu." Chắc chắn *TA* sẽ cho ghi lời chúng đã nói và việc chúng đã giết các vị *Nabi* không có lý do chính đáng và *TA* sẽ phán: "Hãy nếm sự trừng phạt của sự thiêu đốt."

182.- Sở dĩ như thế là vì điều (tội lỗi) mà bàn tay của các người đã gởi đi trước và bởi vì Allah không bao giờ đối xử bất công đối với bầy tôi (của Ngài).

183.- Những ai đã nói: "Quả thật, Allah đã giao ước với chúng tôi bảo chớ nên tin tưởng một sứ giả nào trừ phi người mang đến cho chúng tôi một vật tế mà lửa sẽ cháy bén[1]." (Hỡi Sứ giả!) hãy bảo chúng: "Chắc chắn trước ta, đã có những vị sứ giả được phái đến gặp các người với những bằng chứng rõ rệt và với điều mà các ngươi đang nói đến, nhưng tại sao các ngươi đã giết Họ nếu các ngươi chân thật?"

184.- Bởi thế, nếu chúng cho Ngươi nói dối thì chắc chắn chúng cũng đã phủ nhận những vị sứ giả trước Ngươi đã đến gặp chúng với những bằng chứng rõ rệt và với Kinh điển (*zubūr*) và Kinh sách làm sáng tỏ (vấn đề).

185.- Mỗi một linh hồn đều phải nếm cái chết. Và chỉ vào Ngày Phục sinh các ngươi mới được đền bù lại trọn vẹn phần công lao của các người. Bởi thế, ai được bốc đi xa khỏi Lửa (của Hỏa ngục) và được thu nhận vào Thiên đàng thì chắc chắn sẽ thành đạt. Và đời sống trần gian này chỉ là một sự hưởng thụ đầy dối trá.

186.- Chắc chắn các ngươi sẽ bị thử thách về tài sản lẫn sinh mạng của các ngươi. Và chắc chắn các ngươi sẽ nghe lắm điều phiền não từ những kẻ đã được ban cho Kinh sách trước các ngươi và từ những kẻ thờ đa-thần. Tuy nhiên, nếu các ngươi kiên nhẫn và sợ Allah thì quả thật đó là một quyết định rất lớn lao.

---

[1] Vật tế do Nabi Mūsa và Harūn dâng lên Allah đã được chấp nhận qua việc một ngọn lửa bén cháy vật tế. (Levi ký 9:23-24) Vật tế của Abel (Habil) đứa con trai của Nabi Adam cũng đã được Allah chấp nhận giống như thế. (Sáng thế ký, 4:3-8) Mặc dù chứng kiến những bằng chứng rõ rệt, Bani Israel vẫn chống đối và không tin tưởng và đã giết các Thiên sứ.

وَإِذۡ أَخَذَ ٱللَّهُ مِيثَٰقَ ٱلَّذِينَ أُوتُواْ ٱلۡكِتَٰبَ لَتُبَيِّنُنَّهُۥ لِلنَّاسِ وَلَا تَكۡتُمُونَهُۥ فَنَبَذُوهُ وَرَآءَ ظُهُورِهِمۡ وَٱشۡتَرَوۡاْ بِهِۦ ثَمَنٗا قَلِيلٗاۖ فَبِئۡسَ مَا يَشۡتَرُونَ ١٨٧ لَا تَحۡسَبَنَّ ٱلَّذِينَ يَفۡرَحُونَ بِمَآ أَتَواْ وَّيُحِبُّونَ أَن يُحۡمَدُواْ بِمَا لَمۡ يَفۡعَلُواْ فَلَا تَحۡسَبَنَّهُم بِمَفَازَةٖ مِّنَ ٱلۡعَذَابِۖ وَلَهُمۡ عَذَابٌ أَلِيمٞ ١٨٨ وَلِلَّهِ مُلۡكُ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضِۗ وَٱللَّهُ عَلَىٰ كُلِّ شَيۡءٖ قَدِيرٌ ١٨٩ إِنَّ فِي خَلۡقِ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضِ وَٱخۡتِلَٰفِ ٱلَّيۡلِ وَٱلنَّهَارِ لَأٓيَٰتٖ لِّأُوْلِي ٱلۡأَلۡبَٰبِ ١٩٠ ٱلَّذِينَ يَذۡكُرُونَ ٱللَّهَ قِيَٰمٗا وَقُعُودٗا وَعَلَىٰ جُنُوبِهِمۡ وَيَتَفَكَّرُونَ فِي خَلۡقِ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضِ رَبَّنَا مَا خَلَقۡتَ هَٰذَا بَٰطِلٗا سُبۡحَٰنَكَ فَقِنَا عَذَابَ ٱلنَّارِ ١٩١ رَبَّنَآ إِنَّكَ مَن تُدۡخِلِ ٱلنَّارَ فَقَدۡ أَخۡزَيۡتَهُۥۖ وَمَا لِلظَّٰلِمِينَ مِنۡ أَنصَارٖ ١٩٢ رَّبَّنَآ إِنَّنَا سَمِعۡنَا مُنَادِيٗا يُنَادِي لِلۡإِيمَٰنِ أَنۡ ءَامِنُواْ بِرَبِّكُمۡ فَـَٔامَنَّاۚ رَبَّنَا فَٱغۡفِرۡ لَنَا ذُنُوبَنَا وَكَفِّرۡ عَنَّا سَيِّـَٔاتِنَا وَتَوَفَّنَا مَعَ ٱلۡأَبۡرَارِ ١٩٣ رَبَّنَا وَءَاتِنَا مَا وَعَدتَّنَا عَلَىٰ رُسُلِكَ وَلَا تُخۡزِنَا يَوۡمَ ٱلۡقِيَٰمَةِۖ إِنَّكَ لَا تُخۡلِفُ ٱلۡمِيعَادَ ١٩٤

187.- Và (hãy nhớ) khi Allah đã nhận Lời Giao ước của những kẻ đã được ban cấp Kinh sách (với lời phán): "Các ngươi hãy công bố nó (điều nói về Sứ giả Muhammad) cho nhân loại và không được giấu giếm nó," thì chúng (không ngại) quẳng nó ra sau lưng và bán nó với một giá nhỏ nhoi; và xấu xa thay điều mà chúng đã bán ra.

188.- Ngươi chớ nghĩ rằng những ai hí-hửng với lợi lộc mà chúng mang về và yêu thích việc thiên hạ ca ngợi mình về những điều mà chúng đã không làm,- Ngươi chớ nghĩ rằng chúng sẽ an toàn thoát khỏi hình phạt (của Allah); ngược lại chúng sẽ bị trừng phạt đau đớn.

189.- Bởi vì Allah nắm quyền thống trị các tầng trời và trái đất; và Allah có quyền chi phối trên tất cả mọi việc.

190.- Quả thật, trong việc tạo hóa các tầng trời và trái đất và trong việc luân chuyển của ban đêm và ban ngày là những Dấu hiệu cho những người hiểu biết:

191.- Những ai tưởng nhớ Allah lúc đứng, lúc ngồi và lúc nằm nghiêng một bên và nghiền ngẫm (về sự mầu nhiệm) trong việc tạo hóa các tầng trời và trái đất (đến nỗi phải thốt lên): "Lạy *Rabb* chúng tôi! Ngài đã không tạo hóa (mọi thứ) này vô mục đích. Quang vinh và trong sạch thay Ngài! Xin Ngài giải cứu chúng tôi thoát khỏi sự trừng phạt của Lửa (Hỏa ngục).

192.- "Lạy *Rabb* chúng tôi! Rõ thật Ngài! Ai mà bị Ngài cho vào Hỏa Ngục, thì chắc chắn sẽ bị Ngài hạ nhục. Và những kẻ làm điều sai quấy sẽ không được ai giúp đỡ.

193.- "Lạy *Rabb* chúng tôi! Chúng tôi đã nghe lời gọi của một vị mời (chúng tôi) đến với Đức tin, bảo (chúng tôi): 'Các ngươi hãy tin tưởng nơi *Rabb* của các ngươi,' bởi thế chúng tôi đã tin tưởng. Lạy *Rabb* chúng tôi! Xin Ngài tha tội cho chúng tôi và xóa bỏ những việc làm xấu xa của chúng tôi cho chúng tôi và bắt hồn chúng tôi (ra đi) cùng với những người đạo-đức.

194.- "Lạy *Rabb* chúng tôi! Xin Ngài ban cho chúng tôi điều mà Ngài đã hứa với chúng tôi qua (trung gian của) các vị Sứ giả của Ngài và đừng hạ nhục chúng tôi vào Ngày Phục sinh. Bởi vì, Ngài không bao giờ thất hứa trong lời hứa của Ngài."

فَٱسۡتَجَابَ لَهُمۡ رَبُّهُمۡ أَنِّي لَآ أُضِيعُ عَمَلَ عَٰمِلٖ مِّنكُم مِّن
ذَكَرٍ أَوۡ أُنثَىٰۖ بَعۡضُكُم مِّنۢ بَعۡضٖۖ فَٱلَّذِينَ هَاجَرُواْ وَأُخۡرِجُواْ
مِن دِيَٰرِهِمۡ وَأُوذُواْ فِي سَبِيلِي وَقَٰتَلُواْ وَقُتِلُواْ لَأُكَفِّرَنَّ
عَنۡهُمۡ سَيِّـَٔاتِهِمۡ وَلَأُدۡخِلَنَّهُمۡ جَنَّٰتٖ تَجۡرِي مِن تَحۡتِهَا
ٱلۡأَنۡهَٰرُ ثَوَابٗا مِّنۡ عِندِ ٱللَّهِۚ وَٱللَّهُ عِندَهُۥ حُسۡنُ ٱلثَّوَابِ ١٩٥
لَا يَغُرَّنَّكَ تَقَلُّبُ ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ فِي ٱلۡبِلَٰدِ ١٩٦ مَتَٰعٞ قَلِيلٞ
ثُمَّ مَأۡوَىٰهُمۡ جَهَنَّمُۖ وَبِئۡسَ ٱلۡمِهَادُ ١٩٧ لَٰكِنِ ٱلَّذِينَ ٱتَّقَوۡاْ
رَبَّهُمۡ لَهُمۡ جَنَّٰتٞ تَجۡرِي مِن تَحۡتِهَا ٱلۡأَنۡهَٰرُ خَٰلِدِينَ فِيهَا
نُزُلٗا مِّنۡ عِندِ ٱللَّهِۗ وَمَا عِندَ ٱللَّهِ خَيۡرٞ لِّلۡأَبۡرَارِ ١٩٨ وَإِنَّ مِنۡ
أَهۡلِ ٱلۡكِتَٰبِ لَمَن يُؤۡمِنُ بِٱللَّهِ وَمَآ أُنزِلَ إِلَيۡكُمۡ
وَمَآ أُنزِلَ إِلَيۡهِمۡ خَٰشِعِينَ لِلَّهِ لَا يَشۡتَرُونَ بِـَٔايَٰتِ ٱللَّهِ
ثَمَنٗا قَلِيلًاۚ أُوْلَٰٓئِكَ لَهُمۡ أَجۡرُهُمۡ عِندَ رَبِّهِمۡۗ إِنَّ ٱللَّهَ
سَرِيعُ ٱلۡحِسَابِ ١٩٩ يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ ٱصۡبِرُواْ
وَصَابِرُواْ وَرَابِطُواْ وَٱتَّقُواْ ٱللَّهَ لَعَلَّكُمۡ تُفۡلِحُونَ ٢٠٠

سُورَةُ النِّسَاءِ

195.- Do đó, *Rabb* của họ đã đáp lời cầu nguyện của họ, phán bảo: "TA sẽ không làm phí mất công lao của bất cứ người làm việc nào trong các ngươi, dù là nam hay nữ, người này và người kia. Bởi thế, những ai đã di-cư và bị xua đuổi ra khỏi nhà cửa của họ và chịu hoạn nạn đau khổ vì Chính nghĩa của TA, đã anh dũng chiến đấu và bị giết thì chắc chắn TA sẽ xóa bỏ tội lỗi của họ cho họ và thu nhận họ vào những Ngôi-vườn bên dưới có các dòng sông chảy, một phần thưởng xứng đáng từ Allah; và Allah, có nơi Ngài những phần thưởng tốt nhất."

196.- Ngươi chớ bị mắc lừa bởi việc đi lại hí hửng trên mặt đất của những kẻ không có đức tin.

197.- (Đó chỉ là) một sự hưởng thụ tạm bợ; rồi nhà ở của chúng sẽ là Hỏa ngục; một nơi nằm nghỉ thật vô cùng tồi tệ.

198.- Ngược lại, những ai sợ *Rabb* của họ thì sẽ được hưởng những Ngôi-vườn bên dưới có các dòng sông chảy, nơi mà họ sẽ vào đó ở đời đời, một sự chiêu đãi từ Allah và cái (phần thưởng) nơi Allah còn tốt hơn nữa dành cho người đạo đức.

199.- Và quả thật, trong số Người dân Kinh có người tin tưởng nơi Allah và điều (mặc khải) đã được ban cho các ngươi và điều (mặc khải) đã được ban cho họ, hạ mình khiêm tốn trước Allah. Họ không bán các Lời mặc khải của Allah với một giá nhỏ nhoi; họ là những người mà phần thưởng sẽ ở nơi *Rabb* của họ. Quả thật, Allah rất nhanh trong việc tính sổ (thưởng phạt).

200.- Hỡi những ai có đức tin! Hãy tuyệt đối kiên nhẫn và kiên quyết và hãy sợ Allah để may ra các người được phát đạt.

نصف الحزب ٨

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

يَٰٓأَيُّهَا ٱلنَّاسُ ٱتَّقُواْ رَبَّكُمُ ٱلَّذِي خَلَقَكُم مِّن نَّفۡسٖ وَٰحِدَةٖ وَخَلَقَ مِنۡهَا زَوۡجَهَا وَبَثَّ مِنۡهُمَا رِجَالٗا كَثِيرٗا وَنِسَآءٗۚ وَٱتَّقُواْ ٱللَّهَ ٱلَّذِي تَسَآءَلُونَ بِهِۦ وَٱلۡأَرۡحَامَۚ إِنَّ ٱللَّهَ كَانَ عَلَيۡكُمۡ رَقِيبٗا ١ وَءَاتُواْ ٱلۡيَتَٰمَىٰٓ أَمۡوَٰلَهُمۡۖ وَلَا تَتَبَدَّلُواْ ٱلۡخَبِيثَ بِٱلطَّيِّبِۖ وَلَا تَأۡكُلُوٓاْ أَمۡوَٰلَهُمۡ إِلَىٰٓ أَمۡوَٰلِكُمۡۚ إِنَّهُۥ كَانَ حُوبٗا كَبِيرٗا ٢ وَإِنۡ خِفۡتُمۡ أَلَّا تُقۡسِطُواْ فِي ٱلۡيَتَٰمَىٰ فَٱنكِحُواْ مَا طَابَ لَكُم مِّنَ ٱلنِّسَآءِ مَثۡنَىٰ وَثُلَٰثَ وَرُبَٰعَۖ فَإِنۡ خِفۡتُمۡ أَلَّا تَعۡدِلُواْ فَوَٰحِدَةً أَوۡ مَا مَلَكَتۡ أَيۡمَٰنُكُمۡۚ ذَٰلِكَ أَدۡنَىٰٓ أَلَّا تَعُولُواْ ٣ وَءَاتُواْ ٱلنِّسَآءَ صَدُقَٰتِهِنَّ نِحۡلَةٗۚ فَإِن طِبۡنَ لَكُمۡ عَن شَيۡءٖ مِّنۡهُ نَفۡسٗا فَكُلُوهُ هَنِيٓـٔٗا مَّرِيٓـٔٗا ٤ وَلَا تُؤۡتُواْ ٱلسُّفَهَآءَ أَمۡوَٰلَكُمُ ٱلَّتِي جَعَلَ ٱللَّهُ لَكُمۡ قِيَٰمٗا وَٱرۡزُقُوهُمۡ فِيهَا وَٱكۡسُوهُمۡ وَقُولُواْ لَهُمۡ قَوۡلٗا مَّعۡرُوفٗا ٥ وَٱبۡتَلُواْ ٱلۡيَتَٰمَىٰ حَتَّىٰٓ إِذَا بَلَغُواْ ٱلنِّكَاحَ فَإِنۡ ءَانَسۡتُم مِّنۡهُمۡ رُشۡدٗا فَٱدۡفَعُوٓاْ إِلَيۡهِمۡ أَمۡوَٰلَهُمۡۖ وَلَا تَأۡكُلُوهَآ إِسۡرَافٗا وَبِدَارًا أَن يَكۡبَرُواْۚ وَمَن كَانَ غَنِيّٗا فَلۡيَسۡتَعۡفِفۡۖ وَمَن كَانَ فَقِيرٗا فَلۡيَأۡكُلۡ بِٱلۡمَعۡرُوفِۚ فَإِذَا دَفَعۡتُمۡ إِلَيۡهِمۡ أَمۡوَٰلَهُمۡ فَأَشۡهِدُواْ عَلَيۡهِمۡۚ وَكَفَىٰ بِٱللَّهِ حَسِيبٗا ٦

AN-NISĀ'
(Phụ nữ)

Nhân danh Allah, Đấng Rất mực Độ lượng,
Đấng Rất mực Khoan dung

1.- Hỡi nhân loại! Hãy sợ *Rabb* (Allah) của các người, Đấng đã tạo các người từ một người duy nhất (Ādam) và từ Người tạo ra người vợ (Hauwā') của Người và từ hai người (vợ chồng), (Allah) rải ra vô số đàn ông và đàn bà (trên khắp mặt đất). Và hãy sợ Allah, Đấng mà các người đòi hỏi (quyền hạn) lẫn nhau và hãy (kính trọng) những dạ con[1] bởi vì quả thật Allah Hằng Theo dõi các người.

2.- Và hãy trả lại cho các trẻ mồ côi tài sản của chúng (khi chúng đến tuổi trưởng thành). Và chớ tráo vật dụng xấu (của các người) đổi lấy vật dụng tốt (của chúng). Và chớ ăn bớt tài sản của chúng (bằng cách nhập chung lại) với tài sản của các người. Bởi vì đó là một trọng tội.

3.- Và nếu các người sợ không thể đối xử công bằng với các con (gái) mồ-côi, hãy cưới những người phụ nữ (khác) mà các người vừa ý hoặc hai, hoặc ba, hoặc bốn. Nhưng nếu các người sợ không thể (ăn ở) công bằng với họ (vợ) thì hãy cưới một bà thôi hoặc người (phụ nữ) nào ở dưới tay (kiểm soát) của các người[2]. Điều đó thích hợp cho các người hơn để may ra (vì thế) các người tránh được bất công.

4.- Và hãy tặng cho các người vợ tiền cưới bắt buộc (*Mahr)* của họ. Nhưng nếu họ vui lòng tặng lại một phần nào cho các người, thì hãy hoan hỉ hưởng nó một cách bổ ích.

5.- Và chớ giao cho các (đứa trẻ mồ côi) kém hiểu biết tài sản của các người mà Allah đã giao cho để quản lý và làm phương tiện cấp dưỡng (chúng); ngược lại hãy dùng nó để cung dưỡng và may mặc chúng và dùng lời lẽ nhã nhặn mà ăn nói với chúng.

6.- Và hãy trắc nghiệm các đứa trẻ mồ côi cho đến lúc chúng đến tuổi kết hôn. Nếu các người nhận thấy chúng đã trưởng thành vững chắc, hãy giao tài sản của chúng lại cho chúng và chớ tiêu phí nó nhanh chóng sợ rằng chúng mau lớn khôn (mà đòi lại), và người (giám hộ) nào giầu, nên hãm mình (tránh tiêu pha nó); ngược lại người (giám hộ) nào nghèo, hãy tiêu dùng nó một cách vừa phải. Bởi thế, khi các người giao tài sản của chúng lại cho chúng, hãy mời người khác đến làm chứng cho chúng; và Allah đủ đảm trách việc ghi sổ.

---

[1] *Arhām* số nhiều của *rahim* (Rahim=dạ con, tử cung, mối quan hệ thân tộc, bà con)
[2] Nữ tù binh hay nữ nô-lệ.

لِّلرِّجَالِ نَصِيبٞ مِّمَّا تَرَكَ ٱلۡوَٰلِدَانِ وَٱلۡأَقۡرَبُونَ وَلِلنِّسَآءِ نَصِيبٞ
مِّمَّا تَرَكَ ٱلۡوَٰلِدَانِ وَٱلۡأَقۡرَبُونَ مِمَّا قَلَّ مِنۡهُ أَوۡ كَثُرَۚ نَصِيبٗا
مَّفۡرُوضٗا ٧ وَإِذَا حَضَرَ ٱلۡقِسۡمَةَ أُوْلُواْ ٱلۡقُرۡبَىٰ وَٱلۡيَتَٰمَىٰ
وَٱلۡمَسَٰكِينُ فَٱرۡزُقُوهُم مِّنۡهُ وَقُولُواْ لَهُمۡ قَوۡلٗا مَّعۡرُوفٗا
٨ وَلۡيَخۡشَ ٱلَّذِينَ لَوۡ تَرَكُواْ مِنۡ خَلۡفِهِمۡ ذُرِّيَّةٗ ضِعَٰفًا
خَافُواْ عَلَيۡهِمۡ فَلۡيَتَّقُواْ ٱللَّهَ وَلۡيَقُولُواْ قَوۡلٗا سَدِيدًا ٩ إِنَّ
ٱلَّذِينَ يَأۡكُلُونَ أَمۡوَٰلَ ٱلۡيَتَٰمَىٰ ظُلۡمًا إِنَّمَا يَأۡكُلُونَ فِي
بُطُونِهِمۡ نَارٗاۖ وَسَيَصۡلَوۡنَ سَعِيرٗا ١٠ يُوصِيكُمُ ٱللَّهُ فِيٓ
أَوۡلَٰدِكُمۡۖ لِلذَّكَرِ مِثۡلُ حَظِّ ٱلۡأُنثَيَيۡنِۚ فَإِن كُنَّ نِسَآءٗ
فَوۡقَ ٱثۡنَتَيۡنِ فَلَهُنَّ ثُلُثَا مَا تَرَكَۖ وَإِن كَانَتۡ وَٰحِدَةٗ فَلَهَا
ٱلنِّصۡفُۚ وَلِأَبَوَيۡهِ لِكُلِّ وَٰحِدٖ مِّنۡهُمَا ٱلسُّدُسُ مِمَّا تَرَكَ إِن
كَانَ لَهُۥ وَلَدٞۚ فَإِن لَّمۡ يَكُن لَّهُۥ وَلَدٞ وَوَرِثَهُۥٓ أَبَوَاهُ فَلِأُمِّهِ ٱلثُّلُثُۚ فَإِن
كَانَ لَهُۥٓ إِخۡوَةٞ فَلِأُمِّهِ ٱلسُّدُسُۚ مِنۢ بَعۡدِ وَصِيَّةٖ يُوصِي بِهَآ
أَوۡ دَيۡنٍۗ ءَابَآؤُكُمۡ وَأَبۡنَآؤُكُمۡ لَا تَدۡرُونَ أَيُّهُمۡ أَقۡرَبُ لَكُمۡ
نَفۡعٗاۚ فَرِيضَةٗ مِّنَ ٱللَّهِۗ إِنَّ ٱللَّهَ كَانَ عَلِيمًا حَكِيمٗا ١١

7.- Người đàn ông được hưởng một phần của gia tài do cha mẹ và bà con gần để lại; và người đàn bà được hưởng một phần của gia tài do cha mẹ và bà con gần để lại; dù gia tài đó ít hay nhiều - chia phần đều có tính nhất định.

8.- Và lúc chia gia tài, nếu có mặt của bà con gần và trẻ mồ côi và người nghèo tại đó thì hãy cung cấp cho họ một phần nào của (gia tài), và nói năng với họ lời lẽ nhã nhặn.

9.- Và những ai (đứng ra chia gia tài) nên sợ trong lòng giống như sợ cho chính bản thân mình rằng mai hậu cũng sẽ để lại con cái thơ dại không ai chăm sóc giống như thế, thì nên sợ Allah và nói năng lời lẽ nghiêm túc.

10.- Bởi vì quả thật, những ai ăn bớt tài sản của trẻ mồ côi một cách bất chính thì chẳng khác nào nuốt lửa vào bụng. Và họ sẽ sớm bị nướng trong lửa ngọn (của Hỏa ngục).

11.- Allah ra lệnh cho các người về việc con cái của các người hưởng gia tài (như sau): phần của con trai bằng hai phần của con gái. Nhưng nếu chỉ có con gái và số con gái nhiều hơn hai, thì phần của tất cả các con gái là hai phần ba (2/3) của gia tài để lại; và nếu chỉ có một đứa con gái thì phần của nữ là phân nửa (1/2) gia tài để lại. Nếu người chết có con, thì cả cha lẫn mẹ mỗi người được hưởng một phần sáu (1/6) của gia tài để lại. Nhưng nếu (người chết) không có con và chỉ có cha mẹ là thừa kế, thì người mẹ được hưởng một phần ba (1/3) của gia tài để lại. Nếu người chết có đông anh chị em thì người mẹ được hưởng một phần sáu (1/6) của gia tài để lại. Việc phân chia gia tài này sẽ được thực hiện sau khi đã thi hành xong những điều ghi trong di chúc và sau khi trả hết nợ nần nếu có. Các người không biết giữa cha mẹ và con cái ai là người gần nhất trong việc hưởng lộc, cho nên Allah định phần như thế (cho các người) bởi vì quả thật Allah Rất mực Hiểu biết và Rất mực Sáng suốt.

۞ وَلَكُمْ نِصْفُ مَا تَرَكَ أَزْوَٰجُكُمْ إِن لَّمْ يَكُن
لَّهُنَّ وَلَدٌۚ فَإِن كَانَ لَهُنَّ وَلَدٌ فَلَكُمُ ٱلرُّبُعُ مِمَّا
تَرَكْنَۚ مِنۢ بَعْدِ وَصِيَّةٍ يُوصِينَ بِهَآ أَوْ دَيْنٍۚ
وَلَهُنَّ ٱلرُّبُعُ مِمَّا تَرَكْتُمْ إِن لَّمْ يَكُن لَّكُمْ وَلَدٌۚ
فَإِن كَانَ لَكُمْ وَلَدٌ فَلَهُنَّ ٱلثُّمُنُ مِمَّا تَرَكْتُمۚ
مِّنۢ بَعْدِ وَصِيَّةٍ تُوصُونَ بِهَآ أَوْ دَيْنٍۗ وَإِن كَانَ
رَجُلٌ يُورَثُ كَلَٰلَةً أَوِ ٱمْرَأَةٌ وَلَهُۥٓ أَخٌ أَوْ أُخْتٌ فَلِكُلِّ
وَٰحِدٍ مِّنْهُمَا ٱلسُّدُسُۚ فَإِن كَانُوٓاْ أَكْثَرَ مِن ذَٰلِكَ
فَهُمْ شُرَكَآءُ فِى ٱلثُّلُثِۚ مِنۢ بَعْدِ وَصِيَّةٍ يُوصَىٰ
بِهَآ أَوْ دَيْنٍ غَيْرَ مُضَآرٍّۚ وَصِيَّةً مِّنَ ٱللَّهِۗ وَٱللَّهُ
عَلِيمٌ حَلِيمٌ ﴿١٢﴾ تِلْكَ حُدُودُ ٱللَّهِۚ وَمَن يُطِعِ ٱللَّهَ
وَرَسُولَهُۥ يُدْخِلْهُ جَنَّٰتٍ تَجْرِى مِن تَحْتِهَا
ٱلْأَنْهَٰرُ خَٰلِدِينَ فِيهَاۚ وَذَٰلِكَ ٱلْفَوْزُ ٱلْعَظِيمُ
﴿١٣﴾ وَمَن يَعْصِ ٱللَّهَ وَرَسُولَهُۥ وَيَتَعَدَّ حُدُودَهُۥ
يُدْخِلْهُ نَارًا خَٰلِدًا فِيهَا وَلَهُۥ عَذَابٌ مُّهِينٌ ﴿١٤﴾

12.- Và các người được hưởng phân nửa (1/2) gia tài của các bà vợ để lại nếu không có con. Nhưng nếu có một đứa con, thì các người được hưởng một phần tư (1/4) của gia tài để lại sau khi thực hiện xong những điều ghi trong di chúc và trả hết nợ. Và các người vợ sẽ được hưởng một phần tư (1/4) của gia tài để lại nếu các người không có con; nhưng nếu các người có con, thì họ sẽ hưởng một phần tám (1/8) của gia tài mà các người để lại sau khi thực hiện xong những điều ghi trong di chúc và trả hết nợ. Và nếu người chết, dù là nam hay nữ, để lại gia tài nhưng không có con cái hay cha mẹ để thừa hưởng mà chỉ có một người anh (hay em) trai hoặc một người chị (hay em) gái, thì người anh (hay em) trai hoặc người chị (hay em) gái còn sống đó, mỗi người (trong hai) sẽ hưởng một phần sáu (1/6) của gia tài; nhưng nếu số anh chị em đông hơn một người thì phần của họ là một phần ba (1/3) của gia tài sau khi thực hiện xong những điều ghi trong di chúc hoặc trả hết nợ nần miễn sao những người thừa kế không bị thiệt thòi. Đó là điều lệnh do Allah ban xuống. Và Allah Hằng biết, Hằng Chịu đựng (với bầy tôi của Ngài).

13.- Đó là những giới hạn qui định bởi Allah. Và ai vâng lệnh Allah và Sứ giả của Ngài thì sẽ được chấp nhận vào Thiên đàng bên dưới có các dòng sông chảy, để vào ở trong đó đời đời; và đó là một sự thành tựu vĩ đại.

14.- Ngược lại, ai không vâng lệnh Allah và của Sứ Giả của Ngài và vi phạm các giới hạn của Allah thì sẽ sa Hỏa ngục và ở trong đó đời đời và sẽ hứng chịu một sự trừng phạt nhục nhã.

وَٱلَّٰتِي يَأۡتِينَ ٱلۡفَٰحِشَةَ مِن نِّسَآئِكُمۡ فَٱسۡتَشۡهِدُواْ عَلَيۡهِنَّ
أَرۡبَعَةٗ مِّنكُمۡۖ فَإِن شَهِدُواْ فَأَمۡسِكُوهُنَّ فِي ٱلۡبُيُوتِ
حَتَّىٰ يَتَوَفَّىٰهُنَّ ٱلۡمَوۡتُ أَوۡ يَجۡعَلَ ٱللَّهُ لَهُنَّ سَبِيلٗا ١٥
وَٱلَّذَانِ يَأۡتِيَٰنِهَا مِنكُمۡ فَـَٔاذُوهُمَاۖ فَإِن تَابَا وَأَصۡلَحَا
فَأَعۡرِضُواْ عَنۡهُمَآۗ إِنَّ ٱللَّهَ كَانَ تَوَّابٗا رَّحِيمًا ١٦
إِنَّمَا ٱلتَّوۡبَةُ عَلَى ٱللَّهِ لِلَّذِينَ يَعۡمَلُونَ ٱلسُّوٓءَ بِجَهَٰلَةٖ
ثُمَّ يَتُوبُونَ مِن قَرِيبٖ فَأُوْلَٰٓئِكَ يَتُوبُ ٱللَّهُ عَلَيۡهِمۡۗ
وَكَانَ ٱللَّهُ عَلِيمًا حَكِيمٗا ١٧ وَلَيۡسَتِ ٱلتَّوۡبَةُ لِلَّذِينَ
يَعۡمَلُونَ ٱلسَّيِّـَٔاتِ حَتَّىٰٓ إِذَا حَضَرَ أَحَدَهُمُ ٱلۡمَوۡتُ
قَالَ إِنِّي تُبۡتُ ٱلۡـَٰٔنَ وَلَا ٱلَّذِينَ يَمُوتُونَ وَهُمۡ كُفَّارٌۚ
أُوْلَٰٓئِكَ أَعۡتَدۡنَا لَهُمۡ عَذَابًا أَلِيمٗا ١٨ يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ
ءَامَنُواْ لَا يَحِلُّ لَكُمۡ أَن تَرِثُواْ ٱلنِّسَآءَ كَرۡهٗاۖ وَلَا تَعۡضُلُوهُنَّ
لِتَذۡهَبُواْ بِبَعۡضِ مَآ ءَاتَيۡتُمُوهُنَّ إِلَّآ أَن يَأۡتِينَ بِفَٰحِشَةٖ
مُّبَيِّنَةٖۚ وَعَاشِرُوهُنَّ بِٱلۡمَعۡرُوفِۚ فَإِن كَرِهۡتُمُوهُنَّ فَعَسَىٰٓ
أَن تَكۡرَهُواْ شَيۡـٔٗا وَيَجۡعَلَ ٱللَّهُ فِيهِ خَيۡرٗا كَثِيرٗا ١٩

15.- Bất cứ người vợ nào của các người phạm tội thông gian hãy đưa ra bốn người của các người đến làm chứng để buộc tội họ. Nếu họ thú tội, hãy nhốt họ trong nhà cho đến khi họ mệnh chung hoặc Allah sẽ mở cho họ một lối thoát khác.

16.- Và nếu hai người (đàn ông và đàn bà) trong các người phạm tội thông gian, thì hãy phạt cả hai thật nặng. Nhưng nếu họ sám hối và sửa mình, thì hãy bỏ mặc hai người bởi vì quả thật Allah Hằng quay lại Tha thứ, Rất mực Khoan dung.

17.- (Nên nhớ rằng) Allah chỉ chấp nhận việc hối cải của những ai vì ngu muội mà phạm tội rồi nhanh chóng sám hối sau đó. Allah sẽ tha thứ cho những người như thế bởi vì Allah là Đấng Hằng Biết, Rất mực Sáng suốt.

18.- Việc hối cải không có hiệu quả đối với những ai tiếp tục phạm tội cho đến khi một người của họ sắp chết, y mới nói: "Bây giờ tôi hối cải." (Việc hối cải) cũng không có kết quả đối với những ai chết trong tình trạng không có đức tin. Đối với những người này, *TA* (Allah) đã chuẩn bị sẵn một sự trừng phạt đau đớn.

19.- Hỡi những ai có niềm tin! Các người không được phép cưỡng bức vợ để thừa hưởng gia tài của họ, cũng không được giam (hành hạ) họ để lấy lại một phần nào tiền cưới (*Mahr*) mà các người đã tặng họ ngoại trừ trường hợp họ công khai phạm tội thông gian; ngược lại hãy sống chung với họ một cách tử tế bởi vì nếu các người ghét họ thì có lẽ các người ghét một (sinh) vật mà Allah đã ban nhiều cái tốt lành.

وَإِنْ أَرَدتُّمُ ٱسْتِبْدَالَ زَوْجٍ مَّكَانَ زَوْجٍ وَءَاتَيْتُمْ إِحْدَىٰهُنَّ قِنطَارًا فَلَا تَأْخُذُوا۟ مِنْهُ شَيْـًٔا ۚ أَتَأْخُذُونَهُۥ بُهْتَـٰنًا وَإِثْمًا مُّبِينًا ﴿٢٠﴾ وَكَيْفَ تَأْخُذُونَهُۥ وَقَدْ أَفْضَىٰ بَعْضُكُمْ إِلَىٰ بَعْضٍ وَأَخَذْنَ مِنكُم مِّيثَـٰقًا غَلِيظًا ﴿٢١﴾ وَلَا تَنكِحُوا۟ مَا نَكَحَ ءَابَآؤُكُم مِّنَ ٱلنِّسَآءِ إِلَّا مَا قَدْ سَلَفَ ۚ إِنَّهُۥ كَانَ فَـٰحِشَةً وَمَقْتًا وَسَآءَ سَبِيلًا ﴿٢٢﴾ حُرِّمَتْ عَلَيْكُمْ أُمَّهَـٰتُكُمْ وَبَنَاتُكُمْ وَأَخَوَٰتُكُمْ وَعَمَّـٰتُكُمْ وَخَـٰلَـٰتُكُمْ وَبَنَاتُ ٱلْأَخِ وَبَنَاتُ ٱلْأُخْتِ وَأُمَّهَـٰتُكُمُ ٱلَّـٰتِىٓ أَرْضَعْنَكُمْ وَأَخَوَٰتُكُم مِّنَ ٱلرَّضَـٰعَةِ وَأُمَّهَـٰتُ نِسَآئِكُمْ وَرَبَـٰٓئِبُكُمُ ٱلَّـٰتِى فِى حُجُورِكُم مِّن نِّسَآئِكُمُ ٱلَّـٰتِى دَخَلْتُم بِهِنَّ فَإِن لَّمْ تَكُونُوا۟ دَخَلْتُم بِهِنَّ فَلَا جُنَاحَ عَلَيْكُمْ وَحَلَـٰٓئِلُ أَبْنَآئِكُمُ ٱلَّذِينَ مِنْ أَصْلَـٰبِكُمْ وَأَن تَجْمَعُوا۟ بَيْنَ ٱلْأُخْتَيْنِ إِلَّا مَا قَدْ سَلَفَ ۗ إِنَّ ٱللَّهَ كَانَ غَفُورًا رَّحِيمًا ﴿٢٣﴾

20.- Và nếu các người muốn lấy người vợ sau thay cho người vợ trước và các người đã tặng mỗi bà một đống vàng (làm quà cưới) thì các người không được phép lấy lại một tí nào cả. Phải chăng các người muốn lấy lại của cải bằng cách vu oan hoặc làm nên tội công khai?

21.- Làm sao các người có thể (nhắm mắt) lấy lại của cải đó trong lúc các người đã ăn nằm với nhau và họ đã nhận từ các người một lời giao ước long trọng (khi thành hôn)?

22.- Và chớ cưới phụ nữ nào mà người cha của các người đã cưới làm vợ ngoại trừ trường hợp đã lỡ xảy ra (trong quá khứ) bởi vì đó là một điều ô-nhục và là một tập tục đáng ghê tởm.

23.- Cấm các người (lấy làm vợ các phụ nữ sau đây:) mẹ, con gái, chị (em) ruột, cô, dì, cháu (gọi bằng bác hay chú, hay ông), mẹ nuôi, chị (em) nuôi cùng bú một vú, mẹ vợ, con ghẻ dưới quyền giám hộ của các người và là con gái của người vợ mà các người đã ăn nằm; nhưng nếu con ghẻ đó là con gái của người vợ mà các người chưa ăn nằm thì các người không có tội nếu lấy chúng; con dâu (vợ của con ruột); (cấm lấy) hai chị em ruột cùng một lúc ngoại trừ trường hợp đã lỡ xảy ra (trong quá khứ). Quả thật, Allah Hằng Tha thứ, Rất mực Khoan dung.

۞ وَٱلْمُحْصَنَٰتُ مِنَ ٱلنِّسَآءِ إِلَّا مَا مَلَكَتْ أَيْمَٰنُكُمْ ۖ كِتَٰبَ ٱللَّهِ عَلَيْكُمْ ۚ وَأُحِلَّ لَكُم مَّا وَرَآءَ ذَٰلِكُمْ أَن تَبْتَغُوا۟ بِأَمْوَٰلِكُم مُّحْصِنِينَ غَيْرَ مُسَٰفِحِينَ ۚ فَمَا ٱسْتَمْتَعْتُم بِهِۦ مِنْهُنَّ فَـَٔاتُوهُنَّ أُجُورَهُنَّ فَرِيضَةً ۚ وَلَا جُنَاحَ عَلَيْكُمْ فِيمَا تَرَٰضَيْتُم بِهِۦ مِنۢ بَعْدِ ٱلْفَرِيضَةِ ۚ إِنَّ ٱللَّهَ كَانَ عَلِيمًا حَكِيمًا ﴿٢٤﴾ وَمَن لَّمْ يَسْتَطِعْ مِنكُمْ طَوْلًا أَن يَنكِحَ ٱلْمُحْصَنَٰتِ ٱلْمُؤْمِنَٰتِ فَمِن مَّا مَلَكَتْ أَيْمَٰنُكُم مِّن فَتَيَٰتِكُمُ ٱلْمُؤْمِنَٰتِ ۚ وَٱللَّهُ أَعْلَمُ بِإِيمَٰنِكُم ۚ بَعْضُكُم مِّنۢ بَعْضٍ ۚ فَٱنكِحُوهُنَّ بِإِذْنِ أَهْلِهِنَّ وَءَاتُوهُنَّ أُجُورَهُنَّ بِٱلْمَعْرُوفِ مُحْصَنَٰتٍ غَيْرَ مُسَٰفِحَٰتٍ وَلَا مُتَّخِذَٰتِ أَخْدَانٍ ۚ فَإِذَآ أُحْصِنَّ فَإِنْ أَتَيْنَ بِفَٰحِشَةٍ فَعَلَيْهِنَّ نِصْفُ مَا عَلَى ٱلْمُحْصَنَٰتِ مِنَ ٱلْعَذَابِ ۚ ذَٰلِكَ لِمَنْ خَشِىَ ٱلْعَنَتَ مِنكُمْ ۚ وَأَن تَصْبِرُوا۟ خَيْرٌ لَّكُمْ ۗ وَٱللَّهُ غَفُورٌ رَّحِيمٌ ﴿٢٥﴾ يُرِيدُ ٱللَّهُ لِيُبَيِّنَ لَكُمْ وَيَهْدِيَكُمْ سُنَنَ ٱلَّذِينَ مِن قَبْلِكُمْ وَيَتُوبَ عَلَيْكُمْ ۗ وَٱللَّهُ عَلِيمٌ حَكِيمٌ ﴿٢٦﴾

24.- Và (cấm các người lấy) các phụ nữ đã có chồng ngoại trừ (những nữ tù binh) nằm trong tay của các người. Đó là lệnh (cấm) của Allah đối với các người. Ngoại trừ những người phụ nữ vừa kể, các phụ nữ khác đều hợp pháp cho các người (để lấy làm vợ) miễn sao các người kiếm vợ bằng cách dùng tài sản của các người để cưới hỏi đàng hoàng chứ không được gian dâm (hay ngoại tình). Bởi việc các người hưởng lạc từ họ, hãy tặng họ phần tiền cưới (*Mahr*) bắt buộc của họ. Nhưng nếu sau khi lễ vật (*Mahr*) đã được qui định, các người thỏa thuận (thay đổi nó) thì các người sẽ không có tội. Quả thật, Allah rất Biết, rất Sáng suốt.

25.- Và ai trong các người không có phương tiện cưới hỏi các nữ tín đồ tự do (không phải là nữ nô-lệ) thì hãy cưới các cô gái nô-lệ có đức tin nằm trong tay của các người, bởi vì Allah biết rõ đức tin của các người: các người thuộc chung một cộng đồng (*Muslim*). Do đó, hãy cưới các cô ấy với sự chấp thuận của chủ nhân của họ và tặng họ phần lễ vật (*Mahr*) của họ một cách biết điều xem họ như phụ nữ được cưới hỏi đàng hoàng chứ không như đàn bà ngoại tình cũng không như tình nhân vụng trộm; bởi thế khi họ đã thành vợ (chồng), nếu họ phạm tội thông gian thì hình phạt dùng xử lý họ chỉ bằng phân nửa hình phạt dùng xử lý các phụ nữ tự do. Điều kiện (cho phép) này là dành cho ai trong các người sợ phạm tội (ngoại tình nếu không lập gia đình). Và (hãy biết rằng) hãm mình khắc kỷ tốt hơn cho các người. Và Allah Hằng Tha thứ, Rất mực Khoan dung.

26.- Allah muốn trình bày rõ cho các người lề lối xử thế của những người (đạo đức) trước các người hầu hướng dẫn và tha thứ cho các người bởi vì Allah Rất mực Hiểu Biết, Rất mực Sáng suốt.

وَٱللَّهُ يُرِيدُ أَن يَتُوبَ عَلَيۡكُمۡ وَيُرِيدُ ٱلَّذِينَ يَتَّبِعُونَ
ٱلشَّهَوَٰتِ أَن تَمِيلُواْ مَيۡلًا عَظِيمٗا ﴿٢٧﴾ يُرِيدُ ٱللَّهُ أَن يُخَفِّفَ
عَنكُمۡۚ وَخُلِقَ ٱلۡإِنسَٰنُ ضَعِيفٗا ﴿٢٨﴾ يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ
لَا تَأۡكُلُوٓاْ أَمۡوَٰلَكُم بَيۡنَكُم بِٱلۡبَٰطِلِ إِلَّآ أَن تَكُونَ
تِجَٰرَةً عَن تَرَاضٖ مِّنكُمۡۚ وَلَا تَقۡتُلُوٓاْ أَنفُسَكُمۡۚ إِنَّ
ٱللَّهَ كَانَ بِكُمۡ رَحِيمٗا ﴿٢٩﴾ وَمَن يَفۡعَلۡ ذَٰلِكَ عُدۡوَٰنٗا
وَظُلۡمٗا فَسَوۡفَ نُصۡلِيهِ نَارٗاۚ وَكَانَ ذَٰلِكَ عَلَى ٱللَّهِ
يَسِيرًا ﴿٣٠﴾ إِن تَجۡتَنِبُواْ كَبَآئِرَ مَا تُنۡهَوۡنَ عَنۡهُ نُكَفِّرۡ
عَنكُمۡ سَيِّـَٔاتِكُمۡ وَنُدۡخِلۡكُم مُّدۡخَلٗا كَرِيمٗا ﴿٣١﴾
وَلَا تَتَمَنَّوۡاْ مَا فَضَّلَ ٱللَّهُ بِهِۦ بَعۡضَكُمۡ عَلَىٰ بَعۡضٖۚ لِّلرِّجَالِ
نَصِيبٞ مِّمَّا ٱكۡتَسَبُواْۖ وَلِلنِّسَآءِ نَصِيبٞ مِّمَّا ٱكۡتَسَبۡنَۚ
وَسۡـَٔلُواْ ٱللَّهَ مِن فَضۡلِهِۦٓۚ إِنَّ ٱللَّهَ كَانَ بِكُلِّ شَيۡءٍ
عَلِيمٗا ﴿٣٢﴾ وَلِكُلّٖ جَعَلۡنَا مَوَٰلِيَ مِمَّا تَرَكَ ٱلۡوَٰلِدَانِ
وَٱلۡأَقۡرَبُونَۚ وَٱلَّذِينَ عَقَدَتۡ أَيۡمَٰنُكُمۡ فَـَٔاتُوهُمۡ
نَصِيبَهُمۡۚ إِنَّ ٱللَّهَ كَانَ عَلَىٰ كُلِّ شَيۡءٖ شَهِيدًا ﴿٣٣﴾

27.- Và Allah muốn quay lại tha thứ cho các người nhưng những kẻ làm theo dục vọng muốn cho các người sa ngã dữ dội.

28.- Allah muốn làm nhẹ gánh nặng (tội lỗi) cho các người bởi vì con người được tạo ra vốn yếu đuối (dễ sa vào vòng tình ái vụng trộm).

29.- Hỡi những ai có niềm tin! Chớ ăn không tài sản của các người lẫn nhau bằng sự gian lận trừ phi do sự đồng ý mua bán giữa các người với nhau; và chớ tự hủy (hoặc giết hại lẫn nhau). Quả thật, Allah Hằng Khoan dung cho các người.

30.- Và ai làm điều đó với hận thù và bất công, thì sẽ sớm bị *TA* (Allah) ném vào Lửa (của Hỏa ngục), và việc (trừng phạt) đó rất dễ đối với Allah.

31.- Nếu các người tránh được những (tội) lớn mà các người được lệnh cấm, *TA* sẽ xoá đi khỏi các người những điều tội lỗi (nhỏ) và đưa các người vào (Thiên đàng) bằng lối vào hết sức vinh dự.

32.- Và chớ ham muốn những thứ mà Allah dùng để ưu đãi người này hơn người nọ. Đàn ông hưởng phần (kết quả) mà họ đã kiếm được và đàn bà hưởng phần (kết quả) mà họ đã kiếm được; và hãy cầu xin Allah về thiên lộc của Ngài bởi vì Allah Hằng Biết hết mọi việc.

33.- Và *TA* đã chỉ định cho từng người ai là người thừa kế hưởng gia tài của cha mẹ hay thân thuộc để lại. Và đối với những người (Di-cư từ Makkah) mà các người đã nắm tay thề thốt với nhau, hãy cho họ phần qui định của họ bởi vì Allah làm chứng cho tất cả mọi việc.

ٱلرِّجَالُ قَوَّٰمُونَ عَلَى ٱلنِّسَآءِ بِمَا فَضَّلَ ٱللَّهُ بَعۡضَهُمۡ عَلَىٰ بَعۡضٖ وَبِمَآ أَنفَقُواْ مِنۡ أَمۡوَٰلِهِمۡۚ فَٱلصَّٰلِحَٰتُ قَٰنِتَٰتٌ حَٰفِظَٰتٞ لِّلۡغَيۡبِ بِمَا حَفِظَ ٱللَّهُۚ وَٱلَّٰتِي تَخَافُونَ نُشُوزَهُنَّ فَعِظُوهُنَّ وَٱهۡجُرُوهُنَّ فِي ٱلۡمَضَاجِعِ وَٱضۡرِبُوهُنَّۖ فَإِنۡ أَطَعۡنَكُمۡ فَلَا تَبۡغُواْ عَلَيۡهِنَّ سَبِيلًاۗ إِنَّ ٱللَّهَ كَانَ عَلِيّٗا كَبِيرٗا ﴿٣٤﴾ وَإِنۡ خِفۡتُمۡ شِقَاقَ بَيۡنِهِمَا فَٱبۡعَثُواْ حَكَمٗا مِّنۡ أَهۡلِهِۦ وَحَكَمٗا مِّنۡ أَهۡلِهَآ إِن يُرِيدَآ إِصۡلَٰحٗا يُوَفِّقِ ٱللَّهُ بَيۡنَهُمَآۗ إِنَّ ٱللَّهَ كَانَ عَلِيمًا خَبِيرٗا ﴿٣٥﴾ ۞ وَٱعۡبُدُواْ ٱللَّهَ وَلَا تُشۡرِكُواْ بِهِۦ شَيۡـٔٗاۖ وَبِٱلۡوَٰلِدَيۡنِ إِحۡسَٰنٗا وَبِذِي ٱلۡقُرۡبَىٰ وَٱلۡيَتَٰمَىٰ وَٱلۡمَسَٰكِينِ وَٱلۡجَارِ ذِي ٱلۡقُرۡبَىٰ وَٱلۡجَارِ ٱلۡجُنُبِ وَٱلصَّاحِبِ بِٱلۡجَنۢبِ وَٱبۡنِ ٱلسَّبِيلِ وَمَا مَلَكَتۡ أَيۡمَٰنُكُمۡۗ إِنَّ ٱللَّهَ لَا يُحِبُّ مَن كَانَ مُخۡتَالٗا فَخُورًا ﴿٣٦﴾ ٱلَّذِينَ يَبۡخَلُونَ وَيَأۡمُرُونَ ٱلنَّاسَ بِٱلۡبُخۡلِ وَيَكۡتُمُونَ مَآ ءَاتَىٰهُمُ ٱللَّهُ مِن فَضۡلِهِۦۗ وَأَعۡتَدۡنَا لِلۡكَٰفِرِينَ عَذَابٗا مُّهِينٗا ﴿٣٧﴾

ربع الحزب ٩

34.- Người đàn ông là trụ cột (của gia đình) trên đàn bà bởi vì Allah ban cho người này sức lực hơn người kia và bởi vì họ chi dùng tài sản của họ vào việc cấp dưỡng gia đình. Do đó, người đàn bà đức hạnh nên phục tùng chồng và trông coi (nhà cửa) trong lúc chồng vắng mặt với sự giúp đỡ và trông chừng của Allah; và đối với các bà (vợ) mà các người sợ họ thất tiết và bướng bỉnh, (trước hết) hãy cảnh cáo họ, (kế đó) từ chối ăn nằm với họ, và (cuối cùng) đánh họ (nhẹ tay); bởi thế, nếu họ chịu nghe theo các người thì chớ kiếm chuyện (rầy rà) với họ bởi vì Allah Rất Tối Cao, Rất Vĩ Đại.

35.- Và nếu các người sợ hai (vợ chồng) thôi nhau, hãy mời một vị trọng tài của gia đình bên chồng và một vị trọng tài của gia đình bên vợ đến hòa giải. Nếu hai đằng muốn hòa thuận, thì Allah sẽ giải hòa hai người trở lại bởi vì Allah Biết hết và rất Quen thuộc với mọi việc.

36.- Hãy thờ phụng Allah và tuyệt đối chớ tổ hợp bất cứ cái gì (ai) với Ngài, và hãy ăn ở tử tế với cha mẹ, và bà con ruột thịt, và trẻ mồ côi, và người thiếu thốn, và (đối xử tử tế) với xóm giềng gần và xóm giềng xa, và với bạn bè bên cạnh và với người lỡ đường xa, và với (tù binh) nằm trong tay của các người bởi vì quả thật Allah không yêu thương những kẻ tự phụ, khoe khoang:

37.- Những ai hà tiện và xúi giục thiên hạ hà tiện (như mình) và giấu giếm thiên lộc mà Allah đã ban cho họ; và *TA* đã chuẩn bị cho những kẻ không có đức tin một sự trừng phạt nhục nhã.

وَٱلَّذِينَ يُنفِقُونَ أَمۡوَٰلَهُمۡ رِئَآءَ ٱلنَّاسِ وَلَا يُؤۡمِنُونَ بِٱللَّهِ
وَلَا بِٱلۡيَوۡمِ ٱلۡأٓخِرِۗ وَمَن يَكُنِ ٱلشَّيۡطَٰنُ لَهُۥ قَرِينٗا فَسَآءَ
قَرِينٗا ٣٨ وَمَاذَا عَلَيۡهِمۡ لَوۡ ءَامَنُواْ بِٱللَّهِ وَٱلۡيَوۡمِ ٱلۡأٓخِرِ وَأَنفَقُواْ
مِمَّا رَزَقَهُمُ ٱللَّهُۚ وَكَانَ ٱللَّهُ بِهِمۡ عَلِيمًا ٣٩ إِنَّ ٱللَّهَ لَا يَظۡلِمُ
مِثۡقَالَ ذَرَّةٖۖ وَإِن تَكُ حَسَنَةٗ يُضَٰعِفۡهَا وَيُؤۡتِ مِن لَّدُنۡهُ
أَجۡرًا عَظِيمٗا ٤٠ فَكَيۡفَ إِذَا جِئۡنَا مِن كُلِّ أُمَّةِۭ بِشَهِيدٖ
وَجِئۡنَا بِكَ عَلَىٰ هَٰٓؤُلَآءِ شَهِيدٗا ٤١ يَوۡمَئِذٖ يَوَدُّ ٱلَّذِينَ
كَفَرُواْ وَعَصَوُاْ ٱلرَّسُولَ لَوۡ تُسَوَّىٰ بِهِمُ ٱلۡأَرۡضُ وَلَا يَكۡتُمُونَ
ٱللَّهَ حَدِيثٗا ٤٢ يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ لَا تَقۡرَبُواْ ٱلصَّلَوٰةَ وَأَنتُمۡ
سُكَٰرَىٰ حَتَّىٰ تَعۡلَمُواْ مَا تَقُولُونَ وَلَا جُنُبًا إِلَّا عَابِرِي
سَبِيلٍ حَتَّىٰ تَغۡتَسِلُواْۚ وَإِن كُنتُم مَّرۡضَىٰٓ أَوۡ عَلَىٰ سَفَرٍ أَوۡ جَآءَ
أَحَدٞ مِّنكُم مِّنَ ٱلۡغَآئِطِ أَوۡ لَٰمَسۡتُمُ ٱلنِّسَآءَ فَلَمۡ تَجِدُواْ مَآءٗ
فَتَيَمَّمُواْ صَعِيدٗا طَيِّبٗا فَٱمۡسَحُواْ بِوُجُوهِكُمۡ وَأَيۡدِيكُمۡۗ
إِنَّ ٱللَّهَ كَانَ عَفُوًّا غَفُورًا ٤٣ أَلَمۡ تَرَ إِلَى ٱلَّذِينَ أُوتُواْ نَصِيبٗا مِّنَ
ٱلۡكِتَٰبِ يَشۡتَرُونَ ٱلضَّلَٰلَةَ وَيُرِيدُونَ أَن تَضِلُّواْ ٱلسَّبِيلَ ٤٤

38.- Và những ai tiêu dùng tài sản của họ phô trương cho thiên hạ thấy chứ không tin tưởng nơi Allah và Ngày (Phán xử) Cuối cùng; và ai kết bạn với *Shaytān* thì đó là một người bạn xấu nhất!

39.- Và họ có điều chi thiệt thòi nếu họ tin tưởng nơi Allah và tin nơi Ngày (Phán xử) Cuối cùng và tiêu dùng (thiên lộc) mà Allah đã ban cho họ (để làm việc thiện)? Và Allah biết họ rất rõ.

40.- Quả thật, Allah không hề làm một điều bất công nào dù có nhỏ bằng hạt cải đi nữa. Và nếu có một điều phúc lành nào, Ngài sẽ nhân nó lên gấp đôi (cho họ) và ban cho từ Ngài một phần thưởng rất lớn.

41.- Thế sự việc sẽ ra sao khi *TA* đưa ra từ mỗi cộng đồng một nhân chứng và *TA* sẽ đưa Ngươi (hỡi Muhammad!) ra làm một Nhân chứng đối chất với đám người (không có đức tin) này?

42.- Vào Ngày (Phán xử) đó những ai không có đức tin và bất tuân Sứ giả (của Allah) sẽ ao ước cho mặt đất được lấp bằng bên trên họ bởi vì họ sẽ không thể giấu giếm khỏi Allah một câu chuyện (gian dối) nào.

43.- Hỡi những ai có niềm tin! Chớ đến gần việc lễ nguyện *Salāh* khi các người bị choáng váng (say rượu) trừ phi (tỉnh táo trở lại và) biết điều các người đang nói ra; cũng chớ (dâng lễ) trong tình trạng dơ bẩn ngoại trừ trường hợp các người đang trên đường đi xa (ngang qua một thánh đường), trừ phi các người tắm rửa sạch sẽ; và nếu các người bị bệnh hoặc đang trên đường đi xa hoặc ai trong các người từ nhà vệ sinh đi ra hoặc các người đã chung đụng (ăn nằm) với vợ nhưng không tìm ra nước (để hoàn tất nghi thức tẩy sạch), thì hãy đến chỗ đất (hay cát) sạch, dùng nó lau mặt và hai cánh tay của các người (theo thủ tục tẩy sạch '*Tayammum*') bởi vì quả thật Allah Độ lượng Tha-thứ (cho các người).

44.- Há Ngươi (Muhammad!) không lưu ý đến những kẻ đã được ban cho một phần của Kinh sách, chúng đã mua lấy sự lầm lạc và muốn các người sẽ lạc đạo (như chúng)?

وَٱللَّهُ أَعۡلَمُ بِأَعۡدَآئِكُمۡۚ وَكَفَىٰ بِٱللَّهِ وَلِيّٗا وَكَفَىٰ بِٱللَّهِ نَصِيرٗا ﴿٤٥﴾
مِّنَ ٱلَّذِينَ هَادُواْ يُحَرِّفُونَ ٱلۡكَلِمَ عَن مَّوَاضِعِهِۦ وَيَقُولُونَ
سَمِعۡنَا وَعَصَيۡنَا وَٱسۡمَعۡ غَيۡرَ مُسۡمَعٖ وَرَٰعِنَا لَيَّۢا بِأَلۡسِنَتِهِمۡ
وَطَعۡنٗا فِي ٱلدِّينِۚ وَلَوۡ أَنَّهُمۡ قَالُواْ سَمِعۡنَا وَأَطَعۡنَا وَٱسۡمَعۡ وَٱنظُرۡنَا
لَكَانَ خَيۡرٗا لَّهُمۡ وَأَقۡوَمَ وَلَٰكِن لَّعَنَهُمُ ٱللَّهُ بِكُفۡرِهِمۡ فَلَا يُؤۡمِنُونَ
إِلَّا قَلِيلٗا ﴿٤٦﴾ يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ أُوتُواْ ٱلۡكِتَٰبَ ءَامِنُواْ بِمَا نَزَّلۡنَا
مُصَدِّقٗا لِّمَا مَعَكُم مِّن قَبۡلِ أَن نَّطۡمِسَ وُجُوهٗا فَنَرُدَّهَا
عَلَىٰٓ أَدۡبَارِهَآ أَوۡ نَلۡعَنَهُمۡ كَمَا لَعَنَّآ أَصۡحَٰبَ ٱلسَّبۡتِۚ وَكَانَ أَمۡرُ
ٱللَّهِ مَفۡعُولًا ﴿٤٧﴾ إِنَّ ٱللَّهَ لَا يَغۡفِرُ أَن يُشۡرَكَ بِهِۦ وَيَغۡفِرُ مَا دُونَ
ذَٰلِكَ لِمَن يَشَآءُۚ وَمَن يُشۡرِكۡ بِٱللَّهِ فَقَدِ ٱفۡتَرَىٰٓ إِثۡمًا عَظِيمًا
﴿٤٨﴾ أَلَمۡ تَرَ إِلَى ٱلَّذِينَ يُزَكُّونَ أَنفُسَهُمۚ بَلِ ٱللَّهُ يُزَكِّي مَن يَشَآءُ
وَلَا يُظۡلَمُونَ فَتِيلًا ﴿٤٩﴾ ٱنظُرۡ كَيۡفَ يَفۡتَرُونَ عَلَى ٱللَّهِ ٱلۡكَذِبَۖ
وَكَفَىٰ بِهِۦٓ إِثۡمٗا مُّبِينًا ﴿٥٠﴾ أَلَمۡ تَرَ إِلَى ٱلَّذِينَ أُوتُواْ نَصِيبٗا
مِّنَ ٱلۡكِتَٰبِ يُؤۡمِنُونَ بِٱلۡجِبۡتِ وَٱلطَّٰغُوتِ وَيَقُولُونَ
لِلَّذِينَ كَفَرُواْ هَٰٓؤُلَآءِ أَهۡدَىٰ مِنَ ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ سَبِيلًا ﴿٥١﴾

45.- Nhưng Allah biết rõ kẻ thù của các người và Allah đủ sức làm một Vị Che-chở và Allah đủ sức làm một Đấng Giúp-đỡ (các người chống lại chúng).

46.- Trong số những ai là người Do thái, có một số đã cố ý làm sai lệch ý nghĩa của những lời nói. Chúng nói: "*Sami'nā wa 'asaynā* (Chúng tôi nghe nhưng không vâng lời), và nói: "*Isma' ghayra musma'in*" (Hãy nghe nhưng nghe khác đi) và nói: "*Rā'inā*" văn lưỡi của chúng để nhạo báng tôn giáo (Islām); nhưng nếu chúng nói: "*Sami'nā wa ata'nā*" và "*Isma*'" và "*Unzurnā*" thì tốt cho chúng hơn và thẳng thắn hơn. Nhưng Allah nguyền rủa chúng vì tội xúc phạm của chúng. Bởi thế, chỉ một số ít bọn chúng tin tưởng mà thôi.

47.- Hỡi những ai đã được ban cho Kinh sách! Hãy tin tưởng nơi điều (mặc khải) mà *TA* đã ban xuống (cho Muhammad) xác nhận lại điều (mặc khải) đang nằm (trong tay của) các người trước khi *TA* thay đổi bộ mặt của các người và quay chúng (bộ mặt) ra sau lưng và nguyền rủa chúng giống như việc *TA* đã nguyền rủa những kẻ đã vi phạm (giới cấm của) Ngày Thứ bảy (*Sabbath*) bởi vì Mệnh lệnh của Allah phải được thi hành.

48.- Quả thật, Allah không tha thứ tội tổ hợp những thần linh cùng với Ngài nhưng tha thứ (tội) nào khác với (tội) đó cho người nào Ngài muốn; và ai tổ hợp những thần linh với Allah thì chắc chắn đã tự chuốc lấy một tội rất lớn.

49.- Há Ngươi (Muhammad!) không lưu ý đến những kẻ đã tự cho mình trong sạch hơn người hay sao? Không, chỉ Allah mới tẩy sạch được người nào Ngài muốn và chúng sẽ không bị xử lý bất công một tí nào.

50.- Hãy xem! Chúng đã đặt điều nói dối rồi đổ thừa cho Allah như thế nào! Bởi thế, việc đó đủ là một tội công khai rồi.

51.- Há Ngươi (Sứ giả!) không lưu ý đến những kẻ đã được ban cho một phần Kinh sách? Chúng tin tưởng nơi pháp thuật (*Jibt*) và Tà-thần (*Tāghut*) và chúng nói với những kẻ không có đức tin rằng họ là những người được hướng dẫn đúng đường hơn là những người (Muslim) có đức tin.

أُوْلَٰٓئِكَ ٱلَّذِينَ لَعَنَهُمُ ٱللَّهُۖ وَمَن يَلۡعَنِ ٱللَّهُ فَلَن تَجِدَ لَهُۥ نَصِيرًا ٥٢ أَمۡ لَهُمۡ نَصِيبٞ مِّنَ ٱلۡمُلۡكِ فَإِذٗا لَّا يُؤۡتُونَ ٱلنَّاسَ نَقِيرًا ٥٣ أَمۡ يَحۡسُدُونَ ٱلنَّاسَ عَلَىٰ مَآ ءَاتَىٰهُمُ ٱللَّهُ مِن فَضۡلِهِۦۖ فَقَدۡ ءَاتَيۡنَآ ءَالَ إِبۡرَٰهِيمَ ٱلۡكِتَٰبَ وَٱلۡحِكۡمَةَ وَءَاتَيۡنَٰهُم مُّلۡكًا عَظِيمٗا ٥٤ فَمِنۡهُم مَّنۡ ءَامَنَ بِهِۦ وَمِنۡهُم مَّن صَدَّ عَنۡهُۚ وَكَفَىٰ بِجَهَنَّمَ سَعِيرًا ٥٥ إِنَّ ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ بِـَٔايَٰتِنَا سَوۡفَ نُصۡلِيهِمۡ نَارٗا كُلَّمَا نَضِجَتۡ جُلُودُهُم بَدَّلۡنَٰهُمۡ جُلُودًا غَيۡرَهَا لِيَذُوقُواْ ٱلۡعَذَابَۗ إِنَّ ٱللَّهَ كَانَ عَزِيزًا حَكِيمٗا ٥٦ وَٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ وَعَمِلُواْ ٱلصَّٰلِحَٰتِ سَنُدۡخِلُهُمۡ جَنَّٰتٖ تَجۡرِي مِن تَحۡتِهَا ٱلۡأَنۡهَٰرُ خَٰلِدِينَ فِيهَآ أَبَدٗاۖ لَّهُمۡ فِيهَآ أَزۡوَٰجٞ مُّطَهَّرَةٞۖ وَنُدۡخِلُهُمۡ ظِلّٗا ظَلِيلًا ٥٧ ۞إِنَّ ٱللَّهَ يَأۡمُرُكُمۡ أَن تُؤَدُّواْ ٱلۡأَمَٰنَٰتِ إِلَىٰٓ أَهۡلِهَا وَإِذَا حَكَمۡتُم بَيۡنَ ٱلنَّاسِ أَن تَحۡكُمُواْ بِٱلۡعَدۡلِۚ إِنَّ ٱللَّهَ نِعِمَّا يَعِظُكُم بِهِۦٓۗ إِنَّ ٱللَّهَ كَانَ سَمِيعَۢا بَصِيرٗا ٥٨ يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُوٓاْ أَطِيعُواْ ٱللَّهَ وَأَطِيعُواْ ٱلرَّسُولَ وَأُوْلِي ٱلۡأَمۡرِ مِنكُمۡۖ فَإِن تَنَٰزَعۡتُمۡ فِي شَيۡءٖ فَرُدُّوهُ إِلَى ٱللَّهِ وَٱلرَّسُولِ إِن كُنتُمۡ تُؤۡمِنُونَ بِٱللَّهِ وَٱلۡيَوۡمِ ٱلۡأٓخِرِۚ ذَٰلِكَ خَيۡرٞ وَأَحۡسَنُ تَأۡوِيلًا ٥٩

نصف الحزب ٩

52.- Họ là những kẻ đã bị Allah nguyền rủa; và ai đã bị Allah nguyền rủa thì Ngươi sẽ không bao giờ tìm được cho y một người giúp đỡ nào.

53.- Phải chăng chúng có một phần vương quyền? Nếu quả thật như thế thì chúng sẽ không bao giờ cho người ta một tí nào cả.

54.- Hoặc phải chăng chúng ganh tị với người ta về Đặc ân mà Allah đã ban cho họ? Nhưng chắc chắn *TA* đã ban cho dòng dõi của *Ibrāhīm* Kinh sách và Lẽ đúng đắn khôn ngoan và ban cho họ một vương quốc rộng lớn.

55.- Nhưng trong chúng (người Do thái và tín đồ Thiên Chúa giáo), có người tin tưởng nơi Người (Muhammad) và có người quay mặt lánh xa Người; và Hỏa ngục có đủ lửa ngọn (để đốt chúng).

56.- Quả thật, những ai phủ nhận các Lời mặc khải của *TA* sẽ sớm bị *TA* ném vào Lửa (của Hỏa ngục); mỗi lần lớp da của chúng bị nướng chín, *TA* cho thay lớp da mới để chúng tiếp tục nếm Hình phạt (của Lửa). Quả thật, Allah Toàn Năng, Rất mực Sáng suốt.

57.- Ngược lại, những ai có đức tin và làm việc thiện thì sẽ sớm được *TA* cho vào những Ngôi-vườn (Thiên đàng) bên dưới có các dòng sông chảy để ở trong đó suốt đời; trong đó họ sẽ có những người bạn đời trong sạch; và *TA* sẽ đưa họ đến nghỉ ngơi dưới tàn cây mát rượi.

58.- Quả thật, Allah ra lệnh cho các người phải giao hoàn tín vật (*amānah*) về lại cho chủ nhân của nó và khi các người xét xử người ta, hãy xét xử với sự công bằng. Quả thật, tuyệt hảo thay điều mà Allah dùng để khuyên dạy các người. Quả thật, Allah là Đấng Hằng Nghe và là Đấng Hằng Thấy (mọi việc).

59.- Hỡi những ai có đức tin! Hãy tuân mệnh Allah và tuân lệnh Sứ giả (của Allah) và (tuân theo) những (viên chức) có thẩm quyền trong các người. Nhưng nếu các người bất đồng ý kiến về điều gì, hãy quay về tham khảo Allah và Sứ giả (của Allah)[1] nếu các người tin tưởng nơi Allah và nơi Ngày (Phán Xử) Cuối Cùng. Đó là lối giải thích tốt nhất và đúng đắn nhất.

[1] Qur'ān của Allah và Hadīth (hay Sunna) của Rasul Allah (Thiên sứ).

أَلَمۡ تَرَ إِلَى ٱلَّذِينَ يَزۡعُمُونَ أَنَّهُمۡ ءَامَنُواْ بِمَآ أُنزِلَ إِلَيۡكَ
وَمَآ أُنزِلَ مِن قَبۡلِكَ يُرِيدُونَ أَن يَتَحَاكَمُوٓاْ إِلَى ٱلطَّٰغُوتِ
وَقَدۡ أُمِرُوٓاْ أَن يَكۡفُرُواْ بِهِۦۖ وَيُرِيدُ ٱلشَّيۡطَٰنُ أَن يُضِلَّهُمۡ
ضَلَٰلَۢا بَعِيدٗا ٦٠ وَإِذَا قِيلَ لَهُمۡ تَعَالَوۡاْ إِلَىٰ مَآ أَنزَلَ
ٱللَّهُ وَإِلَى ٱلرَّسُولِ رَأَيۡتَ ٱلۡمُنَٰفِقِينَ يَصُدُّونَ عَنكَ
صُدُودٗا ٦١ فَكَيۡفَ إِذَآ أَصَٰبَتۡهُم مُّصِيبَةُۢ بِمَا
قَدَّمَتۡ أَيۡدِيهِمۡ ثُمَّ جَآءُوكَ يَحۡلِفُونَ بِٱللَّهِ إِنۡ أَرَدۡنَآ إِلَّآ
إِحۡسَٰنٗا وَتَوۡفِيقًا ٦٢ أُوْلَٰٓئِكَ ٱلَّذِينَ يَعۡلَمُ ٱللَّهُ مَا
فِي قُلُوبِهِمۡ فَأَعۡرِضۡ عَنۡهُمۡ وَعِظۡهُمۡ وَقُل لَّهُمۡ فِيٓ
أَنفُسِهِمۡ قَوۡلَۢا بَلِيغٗا ٦٣ وَمَآ أَرۡسَلۡنَا مِن رَّسُولٍ إِلَّا
لِيُطَاعَ بِإِذۡنِ ٱللَّهِۚ وَلَوۡ أَنَّهُمۡ إِذ ظَّلَمُوٓاْ أَنفُسَهُمۡ
جَآءُوكَ فَٱسۡتَغۡفَرُواْ ٱللَّهَ وَٱسۡتَغۡفَرَ لَهُمُ ٱلرَّسُولُ
لَوَجَدُواْ ٱللَّهَ تَوَّابٗا رَّحِيمٗا ٦٤ فَلَا وَرَبِّكَ لَا يُؤۡمِنُونَ
حَتَّىٰ يُحَكِّمُوكَ فِيمَا شَجَرَ بَيۡنَهُمۡ ثُمَّ لَا يَجِدُواْ فِيٓ
أَنفُسِهِمۡ حَرَجٗا مِّمَّا قَضَيۡتَ وَيُسَلِّمُواْ تَسۡلِيمٗا ٦٥

60.- Há Ngươi (Muhammad!) không lưu ý .đến những kẻ đã xác nhận việc chúng tin nơi điều (mặc khải) đã được ban xuống cho Ngươi và nơi điều đã được ban xuống (vào thời) trước Ngươi hay sao? Chúng muốn nhờ Tà-thần (*Tāghūt*) xét xử công việc của chúng trong lúc chúng được lệnh phải tẩy chay (Tà-thần). Và *Shaytān* muốn dắt chúng lạc đạo rất xa.

61.- Và khi có lời nhắc chúng: "Hãy đến (nghe) điều Mặc khải do Allah ban xuống và đến gặp Sứ giả (của Allah), Ngươi thấy những tên đạo đức giả quay mặt lánh xa Ngươi, dang ra thật xa.

62.- Thế thì sự việc sẽ ra sao khi chúng gặp phải tai họa do hậu quả của những việc (tội lỗi) mà bàn tay của chúng đã gởi đi trước cho chúng? Rồi chúng đến gặp Ngươi thề thốt nhân danh Allah nói: "Quả thật, chúng tôi chỉ muốn điều lành và sự hòa thuận mà thôi."

63.- Chúng là những kẻ mà Allah biết rõ những điều (thối nát) nằm trong lòng của chúng. Bởi thế, hãy lánh xa chúng, nhưng hãy cảnh cáo chúng và nói với chúng lời lẽ thấm thía vào tim gan của chúng.

64.- Và *TA* cử một Sứ giả đến chỉ là để cho (dân chúng) tuân theo với sự chấp thuận của Allah. Nhưng nếu trường hợp chúng làm hại tâm hồn của chúng, rồi đến gặp Ngươi để nhờ Ngươi xin Allah tha thứ và Sứ giả (của Allah) xin Allah tha thứ cho chúng, thì chúng sẽ thấy Allah Hằng Quay lại Tha thứ, Rất mực Khoan dung (đối với bầy tôi của Ngài).

65.- Nhưng không, nhân danh *Rabb* của Ngươi, chúng chỉ thật lòng tin tưởng khi nào chúng đến yêu cầu Ngươi đứng ra phân xử về điều chúng đang tranh chấp rồi chúng cảm thấy không uất ức trong lòng về quyết định mà Ngươi đã đưa ra và chúng hoàn toàn qui phục.

وَلَوْ أَنَّا كَتَبْنَا عَلَيْهِمْ أَنِ ٱقْتُلُوٓا۟ أَنفُسَكُمْ أَوِ ٱخْرُجُوا۟ مِن دِيَٰرِكُم مَّا فَعَلُوهُ إِلَّا قَلِيلٌ مِّنْهُمْ ۖ وَلَوْ أَنَّهُمْ فَعَلُوا۟ مَا يُوعَظُونَ بِهِۦ لَكَانَ خَيْرًا لَّهُمْ وَأَشَدَّ تَثْبِيتًا ﴿٦٦﴾ وَإِذًا لَّءَاتَيْنَٰهُم مِّن لَّدُنَّآ أَجْرًا عَظِيمًا ﴿٦٧﴾ وَلَهَدَيْنَٰهُمْ صِرَٰطًا مُّسْتَقِيمًا ﴿٦٨﴾ وَمَن يُطِعِ ٱللَّهَ وَٱلرَّسُولَ فَأُو۟لَٰٓئِكَ مَعَ ٱلَّذِينَ أَنْعَمَ ٱللَّهُ عَلَيْهِم مِّنَ ٱلنَّبِيِّـۧنَ وَٱلصِّدِّيقِينَ وَٱلشُّهَدَآءِ وَٱلصَّٰلِحِينَ ۚ وَحَسُنَ أُو۟لَٰٓئِكَ رَفِيقًا ﴿٦٩﴾ ذَٰلِكَ ٱلْفَضْلُ مِنَ ٱللَّهِ ۚ وَكَفَىٰ بِٱللَّهِ عَلِيمًا ﴿٧٠﴾ يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُوا۟ خُذُوا۟ حِذْرَكُمْ فَٱنفِرُوا۟ ثُبَاتٍ أَوِ ٱنفِرُوا۟ جَمِيعًا ﴿٧١﴾ وَإِنَّ مِنكُمْ لَمَن لَّيُبَطِّئَنَّ فَإِنْ أَصَٰبَتْكُم مُّصِيبَةٌ قَالَ قَدْ أَنْعَمَ ٱللَّهُ عَلَىَّ إِذْ لَمْ أَكُن مَّعَهُمْ شَهِيدًا ﴿٧٢﴾ وَلَئِنْ أَصَٰبَكُمْ فَضْلٌ مِّنَ ٱللَّهِ لَيَقُولَنَّ كَأَن لَّمْ تَكُنۢ بَيْنَكُمْ وَبَيْنَهُۥ مَوَدَّةٌ يَٰلَيْتَنِى كُنتُ مَعَهُمْ فَأَفُوزَ فَوْزًا عَظِيمًا ﴿٧٣﴾ ۞ فَلْيُقَٰتِلْ فِى سَبِيلِ ٱللَّهِ ٱلَّذِينَ يَشْرُونَ ٱلْحَيَوٰةَ ٱلدُّنْيَا بِٱلْءَاخِرَةِ ۚ وَمَن يُقَٰتِلْ فِى سَبِيلِ ٱللَّهِ فَيُقْتَلْ أَوْ يَغْلِبْ فَسَوْفَ نُؤْتِيهِ أَجْرًا عَظِيمًا ﴿٧٤﴾

ثلاثة أرباع الحزب ٩

66.- Và nếu *TA* ra lệnh cho chúng, "Hãy hy sinh tính mạng hoặc bỏ nhà cửa ra đi (chinh chiến,") thì chỉ một số ít trong bọn chúng làm theo; và nếu chúng làm theo điều yêu cầu thì chắc chắn điều đó tốt và vững chắc hơn (về đức tin);

67.- Và trong trường hợp đó *TA* sẽ tự tay ban cho chúng một phần thưởng rất lớn.

68.- Và chắc chắn *TA* sẽ hướng dẫn chúng theo đúng Chính đạo.

69.- Và ai vâng lệnh Allah và Sứ giả (của Allah) thì sẽ là cùng hội cùng thuyền với những người đã được Allah ban cho Ân huệ trong hàng ngũ của các *Nabi*, và của các người yêu chuộng sự Thật, và của các anh hùng tử đạo và của các người hiền lương. Thật tuyệt hảo thay hội đoàn gồm các vị đó!

70.- Đó là Thiên ân của Allah. Và Allah biết đủ hết mọi việc.

71.- Hỡi những ai có niềm tin! Hãy đề cao cảnh giác và chuẩn bị cẩn thận khi các người xuất quân ra trận từng nhóm hay toàn đội.

72.- Và quả thật, trong các người, có người chậm trễ đằng sau (khi xuất quân). Bởi thế, nếu chẳng may các người gặp hoạn nạn, thì hắn nói ngay: "Chắc chắn Allah đã đặc ân cho tôi khi tôi không có mặt với họ."

73.- Ngược lại, nếu các người gặp điều may mắn do Allah ban cấp thì chắc chắn hắn sẽ nói ra điều làm như giữa các người và hắn chẳng có một chút quan hệ tình cảm nào cả. Hắn nói: "Thật đáng tiếc! Phải chi tôi có mặt với họ thì tôi sẽ chiến thắng vẻ vang."

74.- Bởi thế, hãy để cho những ai bán đời sống trần tục này đổi lấy Đời sau, chiến đấu cho Chính nghĩa của Allah. Và ai chiến đấu cho Chính nghĩa của Allah, dù bị giết hay chiến thắng, thì sẽ sớm được *TA* ban cho một phần thưởng rất lớn.

وَمَا لَكُمۡ لَا تُقَٰتِلُونَ فِي سَبِيلِ ٱللَّهِ وَٱلۡمُسۡتَضۡعَفِينَ مِنَ ٱلرِّجَالِ
وَٱلنِّسَآءِ وَٱلۡوِلۡدَٰنِ ٱلَّذِينَ يَقُولُونَ رَبَّنَآ أَخۡرِجۡنَا مِنۡ هَٰذِهِ ٱلۡقَرۡيَةِ
ٱلظَّالِمِ أَهۡلُهَا وَٱجۡعَل لَّنَا مِن لَّدُنكَ وَلِيّٗا وَٱجۡعَل لَّنَا مِن لَّدُنكَ نَصِيرًا
٧٥ ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ يُقَٰتِلُونَ فِي سَبِيلِ ٱللَّهِۖ وَٱلَّذِينَ كَفَرُواْ يُقَٰتِلُونَ فِي
سَبِيلِ ٱلطَّٰغُوتِ فَقَٰتِلُوٓاْ أَوۡلِيَآءَ ٱلشَّيۡطَٰنِۖ إِنَّ كَيۡدَ ٱلشَّيۡطَٰنِ
كَانَ ضَعِيفًا ٧٦ أَلَمۡ تَرَ إِلَى ٱلَّذِينَ قِيلَ لَهُمۡ كُفُّوٓاْ أَيۡدِيَكُمۡ وَأَقِيمُواْ
ٱلصَّلَوٰةَ وَءَاتُواْ ٱلزَّكَوٰةَ فَلَمَّا كُتِبَ عَلَيۡهِمُ ٱلۡقِتَالُ إِذَا فَرِيقٞ مِّنۡهُمۡ
يَخۡشَوۡنَ ٱلنَّاسَ كَخَشۡيَةِ ٱللَّهِ أَوۡ أَشَدَّ خَشۡيَةٗۚ وَقَالُواْ رَبَّنَا لِمَ كَتَبۡتَ
عَلَيۡنَا ٱلۡقِتَالَ لَوۡلَآ أَخَّرۡتَنَآ إِلَىٰٓ أَجَلٖ قَرِيبٖۗ قُلۡ مَتَٰعُ ٱلدُّنۡيَا قَلِيلٞ
وَٱلۡأٓخِرَةُ خَيۡرٞ لِّمَنِ ٱتَّقَىٰ وَلَا تُظۡلَمُونَ فَتِيلًا ٧٧ أَيۡنَمَا تَكُونُواْ
يُدۡرِككُّمُ ٱلۡمَوۡتُ وَلَوۡ كُنتُمۡ فِي بُرُوجٖ مُّشَيَّدَةٖۗ وَإِن تُصِبۡهُمۡ حَسَنَةٞ
يَقُولُواْ هَٰذِهِۦ مِنۡ عِندِ ٱللَّهِۖ وَإِن تُصِبۡهُمۡ سَيِّئَةٞ يَقُولُواْ هَٰذِهِۦ مِنۡ
عِندِكَۚ قُلۡ كُلّٞ مِّنۡ عِندِ ٱللَّهِۖ فَمَالِ هَٰٓؤُلَآءِ ٱلۡقَوۡمِ لَا يَكَادُونَ يَفۡقَهُونَ
حَدِيثٗا ٧٨ مَّآ أَصَابَكَ مِنۡ حَسَنَةٖ فَمِنَ ٱللَّهِۖ وَمَآ أَصَابَكَ مِن سَيِّئَةٖ
فَمِن نَّفۡسِكَۚ وَأَرۡسَلۡنَٰكَ لِلنَّاسِ رَسُولٗاۚ وَكَفَىٰ بِٱللَّهِ شَهِيدٗا ٧٩

75.- Và điều gì cản các người không đi chiến đấu cho Chính nghĩa của Allah để bênh vực cho những người đàn ông, đàn bà và trẻ thơ cô thế bị áp bức, cho những người đã cầu nguyện, thưa: "Lạy *Rabb* chúng tôi! Xin Ngài cứu chúng tôi ra khỏi thị trấn này, dân cư của nó là những kẻ áp bức bất công và xin Ngài dựng lên một Người bảo-hộ để bảo vệ và một Vị cứu tinh để giúp đỡ chúng tôi!"

76.- Những ai có đức tin thì chiến đấu cho Chính nghĩa của Allah; ngược lại, những ai phủ nhận đức tin thì chiến đấu cho Tà-thần (*Tāghūt*); bởi thế, hãy chiến đấu chống bạn bè của *Shaytān* bởi vì quả thật, mưu kế của *Shaytān* yếu kém.

77.- Há Ngươi không lưu ý đến những kẻ đã được bảo hãy ngưng tay chiến đấu và dâng lễ nguyện *Salāh* một cách chu đáo và đóng '*Zakāh*'? Nhưng sau đó khi lệnh chiến đấu được truyền xuống cho chúng thì này! Một thành phần của bọn chúng sợ người ta như sợ Allah hoặc sợ dữ hơn nữa. Chúng than: "Lạy *Rabb* chúng tôi! Tại sao Ngài bắt chúng tôi đi chiến đấu? Sao Ngài không buông tha cho chúng tôi sống đến lúc mãn hạn sắp tới?" Hãy bảo chúng: "Đời sống trần gian này ngắn ngủi trong lúc đời sống Ngày sau tốt hơn cho người ngay chính sợ Allah và các người sẽ không bị đối xử bất công một tí nào.

78.- "Bất cứ nơi nào các người ở, cái chết sẽ đến bắt các người dù có ở trong các thành lũy kiên cố đi nữa!" Và khi gặp một điều lành, chúng nói: "Điều (lành) này do Allah ban cho." Ngược lại, khi gặp điều chẳng lành, chúng nói: "Điều (dữ) này do Ngươi (Muhammad) gây ra." Hãy bảo chúng: "Mọi chuyện đều do Allah (quyết định) cả," thế đám người này gặp điều gì vậy? Hầu như chúng không hiểu bất cứ câu chuyện gì!

79.- (Này hỡi người!) Nếu ngươi gặp điều lành thì đó là do Allah ban cho. Ngược lại, nếu ngươi gặp điều dữ thì đó là tự mình làm ra. Và *TA* chỉ cử Ngươi (Muhammad!) làm một Sứ giả (để mang Thông điệp) đến cho nhân loại. Và Allah đủ làm một Nhân chứng.

مَّن يُطِعِ ٱلرَّسُولَ فَقَدۡ أَطَاعَ ٱللَّهَۖ وَمَن تَوَلَّىٰ فَمَآ أَرۡسَلۡنَٰكَ
عَلَيۡهِمۡ حَفِيظٗا ٨٠ وَيَقُولُونَ طَاعَةٞ فَإِذَا بَرَزُواْ مِنۡ عِندِكَ
بَيَّتَ طَآئِفَةٞ مِّنۡهُمۡ غَيۡرَ ٱلَّذِي تَقُولُۖ وَٱللَّهُ يَكۡتُبُ مَا يُبَيِّتُونَۖ
فَأَعۡرِضۡ عَنۡهُمۡ وَتَوَكَّلۡ عَلَى ٱللَّهِۚ وَكَفَىٰ بِٱللَّهِ وَكِيلًا
٨١ أَفَلَا يَتَدَبَّرُونَ ٱلۡقُرۡءَانَۚ وَلَوۡ كَانَ مِنۡ عِندِ غَيۡرِ ٱللَّهِ
لَوَجَدُواْ فِيهِ ٱخۡتِلَٰفٗا كَثِيرٗا ٨٢ وَإِذَا جَآءَهُمۡ أَمۡرٞ مِّنَ ٱلۡأَمۡنِ
أَوِ ٱلۡخَوۡفِ أَذَاعُواْ بِهِۦۖ وَلَوۡ رَدُّوهُ إِلَى ٱلرَّسُولِ وَإِلَىٰٓ أُوْلِي ٱلۡأَمۡرِ
مِنۡهُمۡ لَعَلِمَهُ ٱلَّذِينَ يَسۡتَنۢبِطُونَهُۥ مِنۡهُمۡۗ وَلَوۡلَا فَضۡلُ ٱللَّهِ
عَلَيۡكُمۡ وَرَحۡمَتُهُۥ لَٱتَّبَعۡتُمُ ٱلشَّيۡطَٰنَ إِلَّا قَلِيلٗا ٨٣
فَقَٰتِلۡ فِي سَبِيلِ ٱللَّهِ لَا تُكَلَّفُ إِلَّا نَفۡسَكَۚ وَحَرِّضِ ٱلۡمُؤۡمِنِينَۖ
عَسَى ٱللَّهُ أَن يَكُفَّ بَأۡسَ ٱلَّذِينَ كَفَرُواْۚ وَٱللَّهُ أَشَدُّ بَأۡسٗا
وَأَشَدُّ تَنكِيلٗا ٨٤ مَّن يَشۡفَعۡ شَفَٰعَةً حَسَنَةٗ يَكُن لَّهُۥ
نَصِيبٞ مِّنۡهَاۖ وَمَن يَشۡفَعۡ شَفَٰعَةٗ سَيِّئَةٗ يَكُن لَّهُۥ كِفۡلٞ مِّنۡهَاۗ
وَكَانَ ٱللَّهُ عَلَىٰ كُلِّ شَيۡءٖ مُّقِيتٗا ٨٥ وَإِذَا حُيِّيتُم بِتَحِيَّةٖ فَحَيُّواْ
بِأَحۡسَنَ مِنۡهَآ أَوۡ رُدُّوهَآۗ إِنَّ ٱللَّهَ كَانَ عَلَىٰ كُلِّ شَيۡءٍ حَسِيبًا ٨٦

80.- Ai vâng lời Sứ giả (của Allah) thì là tuân mệnh Allah. Và ai (bất tuân) quay bỏ đi, thì *TA* không phái Ngươi (Muhammad) đến để canh gác chúng.

81.- Và chúng nói: "Vâng lời" nhưng khi đi khuất mặt Ngươi, một thành phần trong bọn chúng ban đêm bàn tính làm điều khác với điều mà Ngươi đã nói với chúng. Allah cho ghi chép điều chúng âm mưu ban đêm. Bởi thế, hãy lánh xa chúng và hãy phó thác cho Allah và Allah đủ làm một Đấng Thọ Lãnh (sắp đặt công việc được giao phó).

82.- Tại sao chúng không chịu nghiền ngẫm về (Kinh) *Qur'ān*? Nếu là từ một Đấng nào khác Allah thì chắc chắn chúng sẽ tìm thấy trong đó nhiều mâu thuẫn.

83.- Và khi thấy có tin tức liên hệ đến nền an-ninh công cộng hoặc có điều gì sợ sệt chúng phổ biến nó ra ngoài. Nếu chúng báo cáo nó lên Sứ giả (của Allah) hoặc lên giới chức có thẩm quyền, thì những người có khả năng sẽ điều nghiên và biết tin tức đó từ đâu đến. Và nếu Allah không nhân từ và khoan dung thì tất cả các người, ngoại trừ một số ít, đã theo *Shaytān* rồi.

84.- Bởi thế, hãy chiến đấu cho Chính nghĩa của Allah. Ngươi chỉ chịu trách nhiệm cho bản thân của Ngươi. Nhưng hãy động viên tinh thần của những người có đức tin. Có lẽ Allah sẽ chặn đứng sức mạnh của những kẻ ngoại đạo bởi vì Allah mạnh hơn tất cả về sức lực và về sự trừng phạt.

85.- Ai can thiệp bằng một sự can thiệp tốt thì sẽ có phần trong đó; ngược lại ai can thiệp bằng một sự can thiệp tội lỗi thì sẽ chịu trách nhiệm trong đó. Bởi vì Allah là Đấng Giám Sát tất cả mọi việc.

86.- Và khi các người được chào hỏi lịch thiệp, hãy đáp lại bằng lời chào tốt hơn hoặc ít ra bằng lời chào tương tự. Bởi vì quả thật, Allah là Đấng tính sổ tất cả các vấn đề.

الحِزبُ ١٠

ٱللَّهُ لَآ إِلَٰهَ إِلَّا هُوَۚ لَيَجۡمَعَنَّكُمۡ إِلَىٰ يَوۡمِ ٱلۡقِيَٰمَةِ لَا رَيۡبَ فِيهِۗ
وَمَنۡ أَصۡدَقُ مِنَ ٱللَّهِ حَدِيثٗا ٨٧ ۞ فَمَا لَكُمۡ فِي ٱلۡمُنَٰفِقِينَ
فِئَتَيۡنِ وَٱللَّهُ أَرۡكَسَهُم بِمَا كَسَبُوٓاْۚ أَتُرِيدُونَ أَن تَهۡدُواْ مَنۡ
أَضَلَّ ٱللَّهُۖ وَمَن يُضۡلِلِ ٱللَّهُ فَلَن تَجِدَ لَهُۥ سَبِيلٗا ٨٨ وَدُّواْ لَوۡ تَكۡفُرُونَ
كَمَا كَفَرُواْ فَتَكُونُونَ سَوَآءٗۖ فَلَا تَتَّخِذُواْ مِنۡهُمۡ أَوۡلِيَآءَ حَتَّىٰ
يُهَاجِرُواْ فِي سَبِيلِ ٱللَّهِۚ فَإِن تَوَلَّوۡاْ فَخُذُوهُمۡ وَٱقۡتُلُوهُمۡ حَيۡثُ
وَجَدتُّمُوهُمۡۖ وَلَا تَتَّخِذُواْ مِنۡهُمۡ وَلِيّٗا وَلَا نَصِيرًا ٨٩ إِلَّا ٱلَّذِينَ
يَصِلُونَ إِلَىٰ قَوۡمِۭ بَيۡنَكُمۡ وَبَيۡنَهُم مِّيثَٰقٌ أَوۡ جَآءُوكُمۡ حَصِرَتۡ
صُدُورُهُمۡ أَن يُقَٰتِلُوكُمۡ أَوۡ يُقَٰتِلُواْ قَوۡمَهُمۡۚ وَلَوۡ شَآءَ ٱللَّهُ
لَسَلَّطَهُمۡ عَلَيۡكُمۡ فَلَقَٰتَلُوكُمۡۚ فَإِنِ ٱعۡتَزَلُوكُمۡ فَلَمۡ يُقَٰتِلُوكُمۡ
وَأَلۡقَوۡاْ إِلَيۡكُمُ ٱلسَّلَمَ فَمَا جَعَلَ ٱللَّهُ لَكُمۡ عَلَيۡهِمۡ سَبِيلٗا ٩٠
سَتَجِدُونَ ءَاخَرِينَ يُرِيدُونَ أَن يَأۡمَنُوكُمۡ وَيَأۡمَنُواْ قَوۡمَهُمۡ كُلَّ
مَا رُدُّوٓاْ إِلَى ٱلۡفِتۡنَةِ أُرۡكِسُواْ فِيهَاۚ فَإِن لَّمۡ يَعۡتَزِلُوكُمۡ وَيُلۡقُوٓاْ
إِلَيۡكُمُ ٱلسَّلَمَ وَيَكُفُّوٓاْ أَيۡدِيَهُمۡ فَخُذُوهُمۡ وَٱقۡتُلُوهُمۡ حَيۡثُ
ثَقِفۡتُمُوهُمۡۚ وَأُوْلَٰٓئِكُمۡ جَعَلۡنَا لَكُمۡ عَلَيۡهِمۡ سُلۡطَٰنٗا مُّبِينٗا ٩١

87.- Allah! Không có Thượng Đế nào khác, duy chỉ Ngài (là Thượng Đế). Ngài sẽ tập trung các người trở lại vào Ngày Phục sinh mà không có gì phải ngờ vực cả. Và ai thật hơn Allah về Lời tuyên bố?

88.- Tại sao các người chia rẽ nhau thành hai nhóm chỉ vì (vấn đề của) những tên đạo đức giả trong lúc Allah lật đổ chúng vì những điều (gian ác) mà chúng đã gây ra? Phải chăng các người muốn hướng dẫn những kẻ mà Allah đánh lạc hướng hay sao? Và ai mà Allah đánh lạc hướng thì Ngươi sẽ không bao giờ tìm được cho y một con đường (ngay chính).

89.- Chúng chỉ mong cho các người phủ nhận đức tin giống như việc chúng phủ nhận đức tin để cho đôi bên bằng nhau. Bởi thế, chớ nhận ai trong bọn chúng làm người đỡ đầu ngoại trừ trường hợp vì chính nghĩa của Allah mà chúng di cư (đến Madīnah với các người). Nhưng nếu chúng bội giáo, hãy bắt và giết chúng nơi nào các người tìm ra chúng. Và chớ nhận ai trong bọn chúng làm người đỡ đầu hay giúp đỡ.

90.- Ngoại trừ những ai gia nhập nhóm (đồng minh) mà các người đã ký một hiệp ước (hoà bình) với họ hoặc những ai đến gặp các người với thiện tâm muốn cầu hoà hoặc không chiến tranh với người dân ngoại đạo của chúng. Và nếu Allah muốn, Ngài sẽ thừa sức làm cho chúng có ưu thế hơn các người. Nhưng nếu chúng rút lui xa các người, không đánh các người và đề nghị hoà bình với các người thì Allah sẽ không cho các người lý do nào để (chiến tranh) chống lại chúng.

91.- Các người sẽ thấy có những người khác (bọn chúng) muốn được sống yên ổn với các người và với người dân ngoại đạo của họ nữa. Nhưng mỗi lần bị lôi cuốn vào vòng thù nghịch, họ liền bội ước. Bởi thế, nếu họ không chịu rút lui xa các người, không đưa ra đề nghị hòa bình cũng không chịu ngưng chiến thì hãy bắt và giết họ nơi nào các người tìm ra họ. Trường hợp của những người này, *TA* ban cho các người thẩm quyền trừng phạt họ.

وَمَا كَانَ لِمُؤْمِنٍ أَن يَقْتُلَ مُؤْمِنًا إِلَّا خَطَـًٔا ۚ وَمَن قَتَلَ
مُؤْمِنًا خَطَـًٔا فَتَحْرِيرُ رَقَبَةٍ مُّؤْمِنَةٍ وَدِيَةٌ مُّسَلَّمَةٌ
إِلَىٰٓ أَهْلِهِۦٓ إِلَّآ أَن يَصَّدَّقُوا۟ ۚ فَإِن كَانَ مِن قَوْمٍ عَدُوٍّ
لَّكُمْ وَهُوَ مُؤْمِنٌ فَتَحْرِيرُ رَقَبَةٍ مُّؤْمِنَةٍ ۖ وَإِن كَانَ
مِن قَوْمٍۭ بَيْنَكُمْ وَبَيْنَهُم مِّيثَـٰقٌ فَدِيَةٌ مُّسَلَّمَةٌ إِلَىٰٓ
أَهْلِهِۦ وَتَحْرِيرُ رَقَبَةٍ مُّؤْمِنَةٍ ۖ فَمَن لَّمْ يَجِدْ فَصِيَامُ
شَهْرَيْنِ مُتَتَابِعَيْنِ تَوْبَةً مِّنَ ٱللَّهِ ۗ وَكَانَ ٱللَّهُ
عَلِيمًا حَكِيمًا ﴿٩٢﴾ وَمَن يَقْتُلْ مُؤْمِنًا مُّتَعَمِّدًا
فَجَزَآؤُهُۥ جَهَنَّمُ خَـٰلِدًا فِيهَا وَغَضِبَ ٱللَّهُ عَلَيْهِ
وَلَعَنَهُۥ وَأَعَدَّ لَهُۥ عَذَابًا عَظِيمًا ﴿٩٣﴾ يَـٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ
ءَامَنُوٓا۟ إِذَا ضَرَبْتُمْ فِى سَبِيلِ ٱللَّهِ فَتَبَيَّنُوا۟ وَلَا تَقُولُوا۟
لِمَنْ أَلْقَىٰٓ إِلَيْكُمُ ٱلسَّلَـٰمَ لَسْتَ مُؤْمِنًا تَبْتَغُونَ
عَرَضَ ٱلْحَيَوٰةِ ٱلدُّنْيَا فَعِندَ ٱللَّهِ مَغَانِمُ كَثِيرَةٌ ۚ
كَذَٰلِكَ كُنتُم مِّن قَبْلُ فَمَنَّ ٱللَّهُ عَلَيْكُمْ
فَتَبَيَّنُوٓا۟ ۚ إِنَّ ٱللَّهَ كَانَ بِمَا تَعْمَلُونَ خَبِيرًا ﴿٩٤﴾

92.- Một người có đức tin không được giết hại một người có đức tin khác trừ phi vì lầm lỗi. Và người nào vì lỗi lầm đã giết một người có đức tin thì phải phóng thích một người nô-lệ có đức tin và bồi thường nhân mạng cho gia đình người chết trừ phi vì nhân đạo họ từ chối nhận tiền bồi thường đó. Nhưng nếu người chết thuộc đám dân đang thù nghịch với các người và y là một người có đức tin thì việc phóng thích một người nô-lệ có đức tin là đủ. Nhưng nếu nạn nhân là người thuộc đám dân mà các người đã ký một hiệp ước (hòa bình) với họ thì phải trả cho gia đình của nạn nhân tiền bồi thường nhân mạng cùng với việc phóng thích một người nô lệ có đức tin. Đối với phạm nhân nào không có phương tiện để bồi thường thì phải nhịn chay '*Siyām*' hai tháng liên tục như là một phương cách tạ tội do Allah truyền xuống bởi vì Allah Hằng Biết, Rất mực Sáng suốt.

93.- Và ai cố tình giết một người có đức tin thì sẽ bị phạt Hỏa ngục nơi mà hắn sẽ vào ở suốt đời trong đó. Và Allah sẽ giận dữ hắn, và nguyền rủa hắn và chuẩn bị cho hắn một sự trừng phạt khủng khiếp.

94.- Hỡi những ai có đức tin! Khi các người ra đi chiến đấu cho Chính nghĩa của Allah, hãy cân nhắc sự việc cho kỹ và chớ đáp lại bất cứ ai chào các người bằng lời này: "Anh không là một người có đức tin"; chỉ mong tìm lợi lộc của đời sống trần gian này. Ngược lại, Allah có vô số chiến lợi phẩm nơi Ngài cho các người. (Nên nhớ rằng) trước đây các người lâm vào hoàn cảnh đúng như thế, rồi Allah đã đặc ân cho các người; bởi thế, hãy cân nhắc cho kỹ (trước khi ra quân) bởi vì Allah Hằng Am tường mọi việc các người làm

لَّا يَسْتَوِي ٱلْقَٰعِدُونَ مِنَ ٱلْمُؤْمِنِينَ غَيْرُ أُوْلِي ٱلضَّرَرِ وَٱلْمُجَٰهِدُونَ فِي سَبِيلِ ٱللَّهِ بِأَمْوَٰلِهِمْ وَأَنفُسِهِمْۚ فَضَّلَ ٱللَّهُ ٱلْمُجَٰهِدِينَ بِأَمْوَٰلِهِمْ وَأَنفُسِهِمْ عَلَى ٱلْقَٰعِدِينَ دَرَجَةًۚ وَكُلًّا وَعَدَ ٱللَّهُ ٱلْحُسْنَىٰۚ وَفَضَّلَ ٱللَّهُ ٱلْمُجَٰهِدِينَ عَلَى ٱلْقَٰعِدِينَ أَجْرًا عَظِيمًا ﴿٩٥﴾ دَرَجَٰتٍ مِّنْهُ وَمَغْفِرَةً وَرَحْمَةًۚ وَكَانَ ٱللَّهُ غَفُورًا رَّحِيمًا ﴿٩٦﴾ إِنَّ ٱلَّذِينَ تَوَفَّىٰهُمُ ٱلْمَلَٰٓئِكَةُ ظَالِمِيٓ أَنفُسِهِمْ قَالُواْ فِيمَ كُنتُمْۖ قَالُواْ كُنَّا مُسْتَضْعَفِينَ فِي ٱلْأَرْضِۚ قَالُوٓاْ أَلَمْ تَكُنْ أَرْضُ ٱللَّهِ وَٰسِعَةً فَتُهَاجِرُواْ فِيهَاۚ فَأُوْلَٰٓئِكَ مَأْوَىٰهُمْ جَهَنَّمُۖ وَسَآءَتْ مَصِيرًا ﴿٩٧﴾ إِلَّا ٱلْمُسْتَضْعَفِينَ مِنَ ٱلرِّجَالِ وَٱلنِّسَآءِ وَٱلْوِلْدَٰنِ لَا يَسْتَطِيعُونَ حِيلَةً وَلَا يَهْتَدُونَ سَبِيلًا ﴿٩٨﴾ فَأُوْلَٰٓئِكَ عَسَى ٱللَّهُ أَن يَعْفُوَ عَنْهُمْۚ وَكَانَ ٱللَّهُ عَفُوًّا غَفُورًا ﴿٩٩﴾ ۞ وَمَن يُهَاجِرْ فِي سَبِيلِ ٱللَّهِ يَجِدْ فِي ٱلْأَرْضِ مُرَٰغَمًا كَثِيرًا وَسَعَةًۚ وَمَن يَخْرُجْ مِنۢ بَيْتِهِۦ مُهَاجِرًا إِلَى ٱللَّهِ وَرَسُولِهِۦ ثُمَّ يُدْرِكْهُ ٱلْمَوْتُ فَقَدْ وَقَعَ أَجْرُهُۥ عَلَى ٱللَّهِۗ وَكَانَ ٱللَّهُ غَفُورًا رَّحِيمًا ﴿١٠٠﴾ وَإِذَا ضَرَبْتُمْ فِي ٱلْأَرْضِ فَلَيْسَ عَلَيْكُمْ جُنَاحٌ أَن تَقْصُرُواْ مِنَ ٱلصَّلَوٰةِ إِنْ خِفْتُمْ أَن يَفْتِنَكُمُ ٱلَّذِينَ كَفَرُوٓاْۚ إِنَّ ٱلْكَٰفِرِينَ كَانُواْ لَكُمْ عَدُوًّا مُّبِينًا ﴿١٠١﴾

ربع الحزب ١٠

95.- Trong số những người có đức tin, ngoại trừ các phế binh, thì người ở lại nhà không ngang bằng với người ra đi chiến đấu cho Chính nghĩa của Allah, hy sinh cả tài sản lẫn sinh mạng của họ. Allah đặc ân cấp bậc cao cho những người hy sinh tài sản lẫn sinh mạng của họ để thánh chiến (cho Allah) hơn những người ở lại nhà dẫu rằng Allah hứa ban điều tốt cho tất cả (những ai có đức tin). Và Allah ban đặc ân cho những ai tòng quân thánh chiến hơn những người ở lại nhà bằng một phần thưởng rất lớn;

96.- Cấp bậc cao từ Ngài, cùng với sự Tha thứ và sự Khoan dung (của Ngài). Và Allah Hằng Tha thứ, Rất mực Khoan dung.

97.- Quả thật, những ai mà Thiên thần bắt hồn cho chết trong lúc họ tự làm hại bản thân mình thì (Thiên thần) sẽ bảo: "Đâu là điều kiện của các ngươi?" Họ đáp: "Chúng tôi cô thế và bị áp bức trên mặt đất." (Thiên thần) bảo: "Thế đất đai của Allah không đủ rộng để cho các ngươi di cư (đi lánh nạn) hay sao?" Đối với những người như thế, nhà ở của họ là Hỏa ngục, một nơi đến cuối cùng rất xấu xa!

98.- Ngoại trừ đàn ông, đàn bà và trẻ thơ thật sự yếu đuối và cô thế không có phương tiện (để di cư) cũng không được ai dẫn đường đi lánh nạn:

99.- Thì đối với những người này, may ra Allah sẽ tha thứ cho họ bởi vì Allah Hằng Lượng thứ, Rất mực Khoan dung.

100.- Và ai di-cư vì Chính Nghĩa của Allah thì sẽ tìm thấy trên trái đất có nhiều chỗ tị nạn, bao la. Và ai vì Allah và Sứ giả của Ngài mà bỏ nhà cửa ra đi tị nạn rồi chết nửa đường thì chắc chắn Allah sẽ chịu trách nhiệm về việc tưởng thưởng họ bởi vì Allah Hằng Tha thứ, Rất mực Khoan dung.

101.- Và khi di chuyển xa trên trái đất, các người không mắc tội nếu rút ngắn việc dâng lễ *Salāh* vì sợ những kẻ không có đức tin có thể tấn công các người và quả thật những kẻ không có đức tin là kẻ thù công khai của các người.

وَإِذَا كُنتَ فِيهِمۡ فَأَقَمۡتَ لَهُمُ ٱلصَّلَوٰةَ فَلۡتَقُمۡ طَآئِفَةٞ مِّنۡهُم مَّعَكَ وَلۡيَأۡخُذُوٓاْ أَسۡلِحَتَهُمۡۖ فَإِذَا سَجَدُواْ فَلۡيَكُونُواْ مِن وَرَآئِكُمۡ وَلۡتَأۡتِ طَآئِفَةٌ أُخۡرَىٰ لَمۡ يُصَلُّواْ فَلۡيُصَلُّواْ مَعَكَ وَلۡيَأۡخُذُواْ حِذۡرَهُمۡ وَأَسۡلِحَتَهُمۡۗ وَدَّ ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ لَوۡ تَغۡفُلُونَ عَنۡ أَسۡلِحَتِكُمۡ وَأَمۡتِعَتِكُمۡ فَيَمِيلُونَ عَلَيۡكُم مَّيۡلَةٗ وَٰحِدَةٗۚ وَلَا جُنَاحَ عَلَيۡكُمۡ إِن كَانَ بِكُمۡ أَذٗى مِّن مَّطَرٍ أَوۡ كُنتُم مَّرۡضَىٰٓ أَن تَضَعُوٓاْ أَسۡلِحَتَكُمۡۖ وَخُذُواْ حِذۡرَكُمۡۗ إِنَّ ٱللَّهَ أَعَدَّ لِلۡكَٰفِرِينَ عَذَابٗا مُّهِينٗا ١٠٢ فَإِذَا قَضَيۡتُمُ ٱلصَّلَوٰةَ فَٱذۡكُرُواْ ٱللَّهَ قِيَٰمٗا وَقُعُودٗا وَعَلَىٰ جُنُوبِكُمۡۚ فَإِذَا ٱطۡمَأۡنَنتُمۡ فَأَقِيمُواْ ٱلصَّلَوٰةَۚ إِنَّ ٱلصَّلَوٰةَ كَانَتۡ عَلَى ٱلۡمُؤۡمِنِينَ كِتَٰبٗا مَّوۡقُوتٗا ١٠٣ وَلَا تَهِنُواْ فِي ٱبۡتِغَآءِ ٱلۡقَوۡمِۖ إِن تَكُونُواْ تَأۡلَمُونَ فَإِنَّهُمۡ يَأۡلَمُونَ كَمَا تَأۡلَمُونَۖ وَتَرۡجُونَ مِنَ ٱللَّهِ مَا لَا يَرۡجُونَۗ وَكَانَ ٱللَّهُ عَلِيمًا حَكِيمًا ١٠٤ إِنَّآ أَنزَلۡنَآ إِلَيۡكَ ٱلۡكِتَٰبَ بِٱلۡحَقِّ لِتَحۡكُمَ بَيۡنَ ٱلنَّاسِ بِمَآ أَرَىٰكَ ٱللَّهُۚ وَلَا تَكُن لِّلۡخَآئِنِينَ خَصِيمٗا ١٠٥

102.- Và khi Ngươi (Muhammad) ở cùng với họ (Muslim), Ngươi hãy đứng chủ lễ để hướng dẫn họ, và để cho một thành phần của họ cùng đứng dâng lễ với Ngươi mang theo vũ khí của họ. Bởi thế, khi họ đã lễ xong, để họ rút lui về đằng sau (giữ an ninh) và để cho số người còn lại chưa lễ bước đến cùng dâng lễ với Ngươi; và dặn họ nên đề phòng và mang theo vũ khí cùng với họ. Những kẻ ngoại đạo chỉ mong cho các người lơ là về vũ khí và hành trang hầu thừa cơ đánh úp các người một trận. Các người không có tội nếu các người để vũ khí sang một bên (để đi dâng lễ) vì nước mưa làm cho bất tiện hay vì đau ốm. Tuy nhiên, nên đề phòng cẩn thận. Quả thật, Allah đã chuẩn bị cho những kẻ không có đức tin một sự trừng phạt nhục nhã.

103.- Và khi các người đã hoàn tất cuộc lễ *Salāh*, hãy tưởng nhớ Allah (ở các tư thế) đứng, ngồi và nằm nghiêng một bên. Bởi thế, khi các người được an toàn (không còn sợ nguy hiểm nữa) hãy lễ nguyện bình thường trở lại bởi vì lễ nguyện *Salāh* được truyền xuống cho những người có đức tin (phải thi hành) vào những giờ giấc qui định.

104.- Và chớ trì trệ trong việc đuổi bắt địch. Nếu các người đau đớn thì chúng cũng bị đau đớn như các người. Nhưng các người đặt hy vọng nơi Allah điều mà chúng không có niềm hy vọng nào. Và Allah Hằng Biết, Rất mực Sáng suốt.

105.- Quả thật, *TA* (Allah) đã ban cho Ngươi (Muhammad) Kinh sách (*Qur'ān*) bằng sự thật để Ngươi dùng xét xử giữa nhân loại về điều mà Allah đã chỉ cho Ngươi thấy. Và chớ bênh vực cho những kẻ bội phản.

وَٱسۡتَغۡفِرِ ٱللَّهَۖ إِنَّ ٱللَّهَ كَانَ غَفُورٗا رَّحِيمٗا ١٠٦ وَلَا تُجَٰدِلۡ
عَنِ ٱلَّذِينَ يَخۡتَانُونَ أَنفُسَهُمۡۚ إِنَّ ٱللَّهَ لَا يُحِبُّ مَن كَانَ
خَوَّانًا أَثِيمٗا ١٠٧ يَسۡتَخۡفُونَ مِنَ ٱلنَّاسِ وَلَا يَسۡتَخۡفُونَ
مِنَ ٱللَّهِ وَهُوَ مَعَهُمۡ إِذۡ يُبَيِّتُونَ مَا لَا يَرۡضَىٰ مِنَ ٱلۡقَوۡلِۚ
وَكَانَ ٱللَّهُ بِمَا يَعۡمَلُونَ مُحِيطًا ١٠٨ هَٰٓأَنتُمۡ هَٰٓؤُلَآءِ
جَٰدَلۡتُمۡ عَنۡهُمۡ فِي ٱلۡحَيَوٰةِ ٱلدُّنۡيَا فَمَن يُجَٰدِلُ ٱللَّهَ عَنۡهُمۡ
يَوۡمَ ٱلۡقِيَٰمَةِ أَم مَّن يَكُونُ عَلَيۡهِمۡ وَكِيلٗا ١٠٩ وَمَن يَعۡمَلۡ
سُوٓءًا أَوۡ يَظۡلِمۡ نَفۡسَهُۥ ثُمَّ يَسۡتَغۡفِرِ ٱللَّهَ يَجِدِ ٱللَّهَ غَفُورٗا
رَّحِيمٗا ١١٠ وَمَن يَكۡسِبۡ إِثۡمٗا فَإِنَّمَا يَكۡسِبُهُۥ عَلَىٰ نَفۡسِهِۦۚ
وَكَانَ ٱللَّهُ عَلِيمًا حَكِيمٗا ١١١ وَمَن يَكۡسِبۡ خَطِيٓـَٔةً
أَوۡ إِثۡمٗا ثُمَّ يَرۡمِ بِهِۦ بَرِيٓـٔٗا فَقَدِ ٱحۡتَمَلَ بُهۡتَٰنٗا وَإِثۡمٗا مُّبِينٗا
١١٢ وَلَوۡلَا فَضۡلُ ٱللَّهِ عَلَيۡكَ وَرَحۡمَتُهُۥ لَهَمَّت طَّآئِفَةٞ مِّنۡهُمۡ
أَن يُضِلُّوكَ وَمَا يُضِلُّونَ إِلَّآ أَنفُسَهُمۡۖ وَمَا يَضُرُّونَكَ
مِن شَيۡءٖۚ وَأَنزَلَ ٱللَّهُ عَلَيۡكَ ٱلۡكِتَٰبَ وَٱلۡحِكۡمَةَ وَعَلَّمَكَ
مَا لَمۡ تَكُن تَعۡلَمُۚ وَكَانَ فَضۡلُ ٱللَّهِ عَلَيۡكَ عَظِيمٗا ١١٣

106.- Và Ngươi hãy cầu xin Allah tha thứ. Quả thật, Allah Hằng Tha thứ, Rất mực Khoan dung.

107.- Và chớ bênh vực thay cho những kẻ đã phản bội bản thân (linh hồn) mình bởi vì quả thật Allah không yêu thương những kẻ phản bội, tội lỗi.

108.- Chúng tìm cách trốn khỏi người ta, nhưng chúng không thể trốn thoát khỏi Allah đặng bởi vì Ngài có mặt với chúng khi chúng mưu định kế hoạch ban đêm bằng những lời nói mà Ngài không thể chấp nhận. Và Allah là Đấng tóm thâu tất cả mọi điều chúng làm.

109.- À này! Đây là những kẻ mà các người có thể bênh vực giùm cho ở đời này nhưng ai có thể bênh vực giùm cho chúng trước Allah vào Ngày Phục sinh và ai là kẻ sẽ thụ lãnh việc làm (tội lỗi) của chúng?

110.- Và ai làm điều tội lỗi hoặc làm hại bản thân mình rồi cầu xin Allah tha thứ thì sẽ thấy Allah Hằng Tha thứ, Rất mực Khoan dung.

111.- Và ai phạm tội thì chỉ bản thân y lãnh tội. Bởi vì Allah Biết hết, Rất mực Sáng suốt.

112.- Và ai phạm lỗi hoặc phạm tội rồi đổ thừa cho một người vô tội thì chắc chắn sẽ mang vào mình tội vu cáo và tội lỗi hiển nhiên.

113.- Và nếu Allah không đặc ân và khoan dung cho Ngươi (hỡi Sứ giả!) thì chắc chắn một nhóm của bọn chúng đã quyết định làm cho Ngươi lạc hướng nhưng chúng tự làm cho mình lạc hướng mà thôi. Và chúng không thể hại được Ngươi một tí nào cả bởi vì Allah đã ban cho Ngươi Kinh sách và lẽ sáng suốt khôn ngoan và dạy Ngươi điều mà Ngươi đã không từng biết trước đây. Và Đặc ân Allah ban cho Ngươi thật là vĩ đại.

نصف الحزب ١٠

۞ لَّا خَيْرَ فِي كَثِيرٍ مِّن نَّجْوَاهُمْ إِلَّا مَنْ أَمَرَ بِصَدَقَةٍ أَوْ مَعْرُوفٍ أَوْ إِصْلَاحٍ بَيْنَ النَّاسِ ۚ وَمَن يَفْعَلْ ذَٰلِكَ ابْتِغَاءَ مَرْضَاتِ اللَّهِ فَسَوْفَ نُؤْتِيهِ أَجْرًا عَظِيمًا ﴿١١٤﴾ وَمَن يُشَاقِقِ الرَّسُولَ مِن بَعْدِ مَا تَبَيَّنَ لَهُ الْهُدَىٰ وَيَتَّبِعْ غَيْرَ سَبِيلِ الْمُؤْمِنِينَ نُوَلِّهِ مَا تَوَلَّىٰ وَنُصْلِهِ جَهَنَّمَ ۖ وَسَاءَتْ مَصِيرًا ﴿١١٥﴾ إِنَّ اللَّهَ لَا يَغْفِرُ أَن يُشْرَكَ بِهِ وَيَغْفِرُ مَا دُونَ ذَٰلِكَ لِمَن يَشَاءُ ۚ وَمَن يُشْرِكْ بِاللَّهِ فَقَدْ ضَلَّ ضَلَالًا بَعِيدًا ﴿١١٦﴾ إِن يَدْعُونَ مِن دُونِهِ إِلَّا إِنَاثًا وَإِن يَدْعُونَ إِلَّا شَيْطَانًا مَّرِيدًا ﴿١١٧﴾ لَّعَنَهُ اللَّهُ ۘ وَقَالَ لَأَتَّخِذَنَّ مِنْ عِبَادِكَ نَصِيبًا مَّفْرُوضًا ﴿١١٨﴾ وَلَأُضِلَّنَّهُمْ وَلَأُمَنِّيَنَّهُمْ وَلَآمُرَنَّهُمْ فَلَيُبَتِّكُنَّ آذَانَ الْأَنْعَامِ وَلَآمُرَنَّهُمْ فَلَيُغَيِّرُنَّ خَلْقَ اللَّهِ ۚ وَمَن يَتَّخِذِ الشَّيْطَانَ وَلِيًّا مِّن دُونِ اللَّهِ فَقَدْ خَسِرَ خُسْرَانًا مُّبِينًا ﴿١١٩﴾ يَعِدُهُمْ وَيُمَنِّيهِمْ ۖ وَمَا يَعِدُهُمُ الشَّيْطَانُ إِلَّا غُرُورًا ﴿١٢٠﴾ أُولَٰئِكَ مَأْوَاهُمْ جَهَنَّمُ وَلَا يَجِدُونَ عَنْهَا مَحِيصًا ﴿١٢١﴾

114.- Đa số những cuộc mật đàm của chúng không có điều gì tốt cả trừ phi ai đó truyền lệnh thực thi việc bố thí hoặc làm điều lành hoặc hòa giải giữa nhân loại (thì cuộc mật đàm ấy được cho phép). Và ai làm các điều đó chỉ mong làm cho Allah hài lòng thì chắc chắn sẽ được *TA* (Allah) ban cho một phần thưởng rất lớn.

115.- Và ai còn tranh cãi và chống đối Sứ giả (của Allah) sau khi Chỉ đạo hướng dẫn đã được trình bày rõ cho y và đi theo (con đường) khác với con đường của những người có đức tin, thì *TA* (Allah) sẽ bỏ mặc y đi theo cái mà y đã quay về và *TA* sẽ nướng y trong Hỏa ngục, một nơi đến cuối cùng rất xấu xa.

116.- Quả thật, Allah không tha thứ việc tổ hợp (ai, cái gì) cùng với Ngài (Allah) nhưng tha thứ điều gì khác hơn điều đó cho người nào Ngài muốn. Và ai tổ hợp (ai, cái gì) cùng với Allah thì chắc chắn là lạc đạo, lạc rất xa.

117.- Chúng (người ngoại đạo tại Makkah) chỉ cầu nguyện những nữ thần thay vì Ngài (Allah). Chúng không cầu nguyện ai khác ngoài tên *Shaytān* phản nghịch!

118.- Allah nguyền rủa nó (*Shaytān*) bởi vì nó đã nói: "Tôi sẽ bắt đi từ bầy tôi của Ngài một phần qui định;

119.- Và tôi sẽ dắt chúng đi lạc đạo, xúi giục chúng theo đuổi những thèm muốn sai lầm và ra lệnh cho chúng; bởi thế, chúng cắt tai gia súc; và tôi sẽ truyền lệnh cho chúng, bởi thế chúng thay đổi sự tạo hóa của Allah." Và ai nhận *Shaytān* làm kẻ đỡ đầu thay vì Allah thì chắc chắn sẽ hoàn toàn thua thiệt công khai.

120.- Nó (*Shaytān*) hứa với chúng, và xúi giục chúng thèm muốn điều sai lầm và *Shaytān* chỉ hứa với chúng điều gian dối.

121.- Chúng là những kẻ mà nhà ở sẽ là Hỏa ngục và sẽ không tìm được một lối thoát nào để thoát ra khỏi đó.

وَٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ وَعَمِلُواْ ٱلصَّٰلِحَٰتِ سَنُدۡخِلُهُمۡ جَنَّٰتٖ تَجۡرِي مِن تَحۡتِهَا ٱلۡأَنۡهَٰرُ خَٰلِدِينَ فِيهَآ أَبَدٗاۖ وَعۡدَ ٱللَّهِ حَقّٗاۚ وَمَنۡ أَصۡدَقُ مِنَ ٱللَّهِ قِيلٗا ١٢٢ لَّيۡسَ بِأَمَانِيِّكُمۡ وَلَآ أَمَانِيِّ أَهۡلِ ٱلۡكِتَٰبِۗ مَن يَعۡمَلۡ سُوٓءٗا يُجۡزَ بِهِۦ وَلَا يَجِدۡ لَهُۥ مِن دُونِ ٱللَّهِ وَلِيّٗا وَلَا نَصِيرٗا ١٢٣ وَمَن يَعۡمَلۡ مِنَ ٱلصَّٰلِحَٰتِ مِن ذَكَرٍ أَوۡ أُنثَىٰ وَهُوَ مُؤۡمِنٞ فَأُوْلَٰٓئِكَ يَدۡخُلُونَ ٱلۡجَنَّةَ وَلَا يُظۡلَمُونَ نَقِيرٗا ١٢٤ وَمَنۡ أَحۡسَنُ دِينٗا مِّمَّنۡ أَسۡلَمَ وَجۡهَهُۥ لِلَّهِ وَهُوَ مُحۡسِنٞ وَٱتَّبَعَ مِلَّةَ إِبۡرَٰهِيمَ حَنِيفٗاۗ وَٱتَّخَذَ ٱللَّهُ إِبۡرَٰهِيمَ خَلِيلٗا ١٢٥ وَلِلَّهِ مَا فِي ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَمَا فِي ٱلۡأَرۡضِۚ وَكَانَ ٱللَّهُ بِكُلِّ شَيۡءٖ مُّحِيطٗا ١٢٦ وَيَسۡتَفۡتُونَكَ فِي ٱلنِّسَآءِۖ قُلِ ٱللَّهُ يُفۡتِيكُمۡ فِيهِنَّ وَمَا يُتۡلَىٰ عَلَيۡكُمۡ فِي ٱلۡكِتَٰبِ فِي يَتَٰمَى ٱلنِّسَآءِ ٱلَّٰتِي لَا تُؤۡتُونَهُنَّ مَا كُتِبَ لَهُنَّ وَتَرۡغَبُونَ أَن تَنكِحُوهُنَّ وَٱلۡمُسۡتَضۡعَفِينَ مِنَ ٱلۡوِلۡدَٰنِ وَأَن تَقُومُواْ لِلۡيَتَٰمَىٰ بِٱلۡقِسۡطِۚ وَمَا تَفۡعَلُواْ مِنۡ خَيۡرٖ فَإِنَّ ٱللَّهَ كَانَ بِهِۦ عَلِيمٗا ١٢٧

122.- Ngược lại, những ai có đức tin và làm việc thiện, *TA* (Allah) sẽ sớm chấp nhận họ vào các Ngôi-vườn (Thiên đàng) bên dưới có các dòng sông chảy để vào ở trong đó đời đời bởi vì Lời hứa của Allah là sự Thật. Và ai thật hơn Allah trong Lời hứa?

123.- Không phải theo ước muốn của các ngươi cũng không phải theo mong muốn của Người dân Kinh sách (mà lời hứa của Allah sẽ thể hiện); ai làm nên tội thì sẽ lãnh đủ về tội đó; và ngoài Allah ra, y sẽ không tìm được một người đỡ đầu hay một vị cứu tinh nào giúp đỡ y được cả.

124.- Và bất cứ ai làm điều thiện, dù là nam hay nữ, và là một người có đức tin thì sẽ vào Thiên đàng và sẽ không bị đối xử bất công một tí nào.

125.- Về tôn giáo, ai tốt hơn người dâng trọn bản thân mình cho Allah đồng thời là một người làm tốt và theo tín ngưỡng của Ibrāhīm, *Hanīf* (tôn thờ chỉ riêng Allah)? Và Allah nhận *Ibrāhīm* làm một người bạn tâm giao.

126.- Nhưng mọi vật trong các tầng trời và mọi vật dưới đất đều là (tạo vật) của Allah cả. Và Allah là Đấng Tóm thâu hết tất cả mọi vật.

127.- Họ hỏi Ngươi (Muhammad) về phụ nữ. Hãy bảo (họ): "Allah đã nghị định cho các ngươi về họ (phụ nữ) và các điều lệnh đã được đọc ra cho các ngươi trong Kinh sách liên quan đến các phụ nữ mồ côi mà các ngươi không chịu tặng phần (tiền cưới) bắt buộc đã được qui định cho họ nhưng lại muốn kết hôn với họ; và về các đứa bé cô thế (bị áp bức), thì các ngươi vì lẽ công bằng phải đứng ra bênh vực các đứa bé mồ côi; và bất cứ việc tốt nào các ngươi làm Allah đều biết rõ cả.

وَإِنِ ٱمۡرَأَةٌ خَافَتۡ مِنۢ بَعۡلِهَا نُشُوزًا أَوۡ إِعۡرَاضٗا فَلَا جُنَاحَ
عَلَيۡهِمَآ أَن يُصۡلِحَا بَيۡنَهُمَا صُلۡحٗاۚ وَٱلصُّلۡحُ خَيۡرٞۗ
وَأُحۡضِرَتِ ٱلۡأَنفُسُ ٱلشُّحَّۚ وَإِن تُحۡسِنُواْ وَتَتَّقُواْ فَإِنَّ ٱللَّهَ
كَانَ بِمَا تَعۡمَلُونَ خَبِيرٗا ١٢٨ وَلَن تَسۡتَطِيعُوٓاْ أَن تَعۡدِلُواْ
بَيۡنَ ٱلنِّسَآءِ وَلَوۡ حَرَصۡتُمۡۖ فَلَا تَمِيلُواْ كُلَّ ٱلۡمَيۡلِ فَتَذَرُوهَا
كَٱلۡمُعَلَّقَةِۚ وَإِن تُصۡلِحُواْ وَتَتَّقُواْ فَإِنَّ ٱللَّهَ كَانَ
غَفُورٗا رَّحِيمٗا ١٢٩ وَإِن يَتَفَرَّقَا يُغۡنِ ٱللَّهُ كُلّٗا مِّن سَعَتِهِۦۚ
وَكَانَ ٱللَّهُ وَٰسِعًا حَكِيمٗا ١٣٠ وَلِلَّهِ مَا فِي ٱلسَّمَٰوَٰتِ
وَمَا فِي ٱلۡأَرۡضِۗ وَلَقَدۡ وَصَّيۡنَا ٱلَّذِينَ أُوتُواْ ٱلۡكِتَٰبَ مِن
قَبۡلِكُمۡ وَإِيَّاكُمۡ أَنِ ٱتَّقُواْ ٱللَّهَۚ وَإِن تَكۡفُرُواْ فَإِنَّ لِلَّهِ
مَا فِي ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَمَا فِي ٱلۡأَرۡضِۚ وَكَانَ ٱللَّهُ غَنِيًّا حَمِيدٗا
١٣١ وَلِلَّهِ مَا فِي ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَمَا فِي ٱلۡأَرۡضِۚ وَكَفَىٰ بِٱللَّهِ وَكِيلًا
١٣٢ إِن يَشَأۡ يُذۡهِبۡكُمۡ أَيُّهَا ٱلنَّاسُ وَيَأۡتِ بِـَٔاخَرِينَۚ وَكَانَ
ٱللَّهُ عَلَىٰ ذَٰلِكَ قَدِيرٗا ١٣٣ مَّن كَانَ يُرِيدُ ثَوَابَ ٱلدُّنۡيَا فَعِندَ ٱللَّهِ
ثَوَابُ ٱلدُّنۡيَا وَٱلۡأٓخِرَةِۚ وَكَانَ ٱللَّهُ سَمِيعَۢا بَصِيرٗا ١٣٤

128.- Và nếu người vợ sợ người chồng đối xử tàn tệ hoặc bỏ rơi, thì hai đằng không có tội nếu chịu hòa giải với nhau; và hòa giải luôn luôn là (một giải pháp) tốt. Nhưng lòng tham đã có sẵn nơi bản thân của mỗi người. Tuy nhiên, nếu các ngươi làm tốt và sợ Allah thì quả thật Allah Rất Am tường về những điều các ngươi đã từng làm.

129.- Và không bao giờ các ngươi có thể đối xử công bằng với các bà vợ mặc dầu các ngươi rất muốn. Bởi thế, chớ hoàn toàn nghiêng hẳn (về một bà và bỏ rơi bà khác) như là phạt treo bà ta. Bởi thế, nếu các người giải hòa và sợ Allah thì (các người sẽ thấy) quả thật Allah Hằng Tha thứ, Rất mực Khoan dung.

130.- Và nếu hai vợ chồng nhất định thôi nhau thì Allah sẽ làm cho đôi bên giầu có với thiên lộc của Ngài. Và Allah Bao la, Rất mực Sáng suốt.

131.- Và mọi vật trong các tầng trời và mọi vật dưới đất đều là của Allah cả. Và chắc chắn *TA* (Allah) đã ra lệnh cho những ai đã được ban cho Kinh sách trước các ngươi và cả các ngươi nữa (hỡi Muslim!) hãy sợ Allah (trong mọi giao dịch). Nhưng nếu các ngươi phủ nhận thì quả thật mọi vật trong các tầng trời và mọi vật dưới đất đều là của Allah cả. Và Allah Rất mực Giầu có, Rất đáng Ca tụng.

132.- Và mọi vật trong các tầng trời và mọi vật dưới đất đều là của Allah cả. Và Allah đủ sức thọ lãnh và sắp xếp tất cả các công việc.

133.- Hỡi nhân loại! Nếu (Allah) muốn, Ngài thừa sức tiêu diệt các người và mang một loại (tạo vật) khác đến thay thế các người. Bởi vì Allah thừa Quyền lực làm điều đó.

134.- Ai muốn phần thưởng của đời này thì Allah có với Ngài phần thưởng của đời này lẫn Đời sau. Và Allah Nghe và Thấy (hết mọi việc).

ثلاثة أرباع الحزب ١٠

۞ يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ كُونُواْ قَوَّٰمِينَ بِٱلْقِسْطِ شُهَدَآءَ لِلَّهِ وَلَوْ عَلَىٰٓ أَنفُسِكُمْ أَوِ ٱلْوَٰلِدَيْنِ وَٱلْأَقْرَبِينَۚ إِن يَكُنْ غَنِيًّا أَوْ فَقِيرًا فَٱللَّهُ أَوْلَىٰ بِهِمَاۖ فَلَا تَتَّبِعُواْ ٱلْهَوَىٰٓ أَن تَعْدِلُواْۚ وَإِن تَلْوُۥٓاْ أَوْ تُعْرِضُواْ فَإِنَّ ٱللَّهَ كَانَ بِمَا تَعْمَلُونَ خَبِيرًا ﴿١٣٥﴾ يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُوٓاْ ءَامِنُواْ بِٱللَّهِ وَرَسُولِهِۦ وَٱلْكِتَٰبِ ٱلَّذِى نَزَّلَ عَلَىٰ رَسُولِهِۦ وَٱلْكِتَٰبِ ٱلَّذِىٓ أَنزَلَ مِن قَبْلُۚ وَمَن يَكْفُرْ بِٱللَّهِ وَمَلَٰٓئِكَتِهِۦ وَكُتُبِهِۦ وَرُسُلِهِۦ وَٱلْيَوْمِ ٱلْءَاخِرِ فَقَدْ ضَلَّ ضَلَٰلًۢا بَعِيدًا ﴿١٣٦﴾ إِنَّ ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ ثُمَّ كَفَرُواْ ثُمَّ ءَامَنُواْ ثُمَّ كَفَرُواْ ثُمَّ ٱزْدَادُواْ كُفْرًا لَّمْ يَكُنِ ٱللَّهُ لِيَغْفِرَ لَهُمْ وَلَا لِيَهْدِيَهُمْ سَبِيلًۢا ﴿١٣٧﴾ بَشِّرِ ٱلْمُنَٰفِقِينَ بِأَنَّ لَهُمْ عَذَابًا أَلِيمًا ﴿١٣٨﴾ ٱلَّذِينَ يَتَّخِذُونَ ٱلْكَٰفِرِينَ أَوْلِيَآءَ مِن دُونِ ٱلْمُؤْمِنِينَۚ أَيَبْتَغُونَ عِندَهُمُ ٱلْعِزَّةَ فَإِنَّ ٱلْعِزَّةَ لِلَّهِ جَمِيعًا ﴿١٣٩﴾ وَقَدْ نَزَّلَ عَلَيْكُمْ فِى ٱلْكِتَٰبِ أَنْ إِذَا سَمِعْتُمْ ءَايَٰتِ ٱللَّهِ يُكْفَرُ بِهَا وَيُسْتَهْزَأُ بِهَا فَلَا تَقْعُدُواْ مَعَهُمْ حَتَّىٰ يَخُوضُواْ فِى حَدِيثٍ غَيْرِهِۦٓۚ إِنَّكُمْ إِذًا مِّثْلُهُمْۗ إِنَّ ٱللَّهَ جَامِعُ ٱلْمُنَٰفِقِينَ وَٱلْكَٰفِرِينَ فِى جَهَنَّمَ جَمِيعًا ﴿١٤٠﴾

135.- Hỡi những ai có niềm tin! Hãy hiên ngang bênh vực nền công lý như là nhân chứng cho Allah dẫu điều đó có nghịch với bản thân của các người, nghịch với cha mẹ và bà con của các người, và dẫu cho y giầu hay nghèo thì Allah vẫn kế cận hai người đó (hơn các người). Bởi thế, chớ làm theo điều ham muốn của các người sợ rằng các người có thể lệch lạc. Nếu các người quay đi hoặc xa lánh (sự Thật) thì nên biết rằng Allah Rất Am tường điều mà các ngươi đã làm.

136.- Hỡi những ai có niềm tin! Hãy tin tưởng nơi Allah và Sứ giả của Ngài và Kinh sách (*Qur'ān*) mà Ngài đã ban xuống cho Sứ giả của Ngài và Kinh sách mà Ngài đã ban xuống trước đây. Và ai phủ nhận Allah và các Thiên thần của Ngài, và các Kinh sách của Ngài và các Sứ giả của Ngài và Ngày Phán xử Cuối cùng thì chắc chắn là lạc đạo, lạc rất xa.

137.- Quả thật, những ai tin tưởng, rồi chối bỏ đức tin, rồi lại tin, rồi lại chối bỏ đức tin rồi càng ngoan cố không tin thì chắc chắn Allah sẽ không tha thứ cho họ cũng không hướng dẫn họ theo Chính đạo (*Islām*).

138.- Hãy báo tin cho những người đạo đức giả về một sự trừng phạt đau đớn đang chờ đợi chúng:

139.- Những ai nhận những kẻ ngoại đạo làm người đỡ đầu thay vì những người có đức tin. Phải chăng họ muốn tìm quyền vinh nơi chúng? Bởi vì quả thật, mọi thứ quyền vinh đều là của Allah cả.

140.- Và chắc chắn đã có lệnh truyền cho các ngươi (hỡi Muslim) trong Kinh sách rằng khi các ngươi nghe các Lời Mặc khải của Allah bị phủ nhận hay bị chế giễu, thì chớ ngồi chung với bọn chúng trừ phi chúng chuyển sang câu chuyện khác; trong trường hợp đó, các ngươi sẽ như chúng. Quả thật, Allah sẽ tập trung tất cả những tên đạo đức giả và những kẻ không có đức tin vào trong Hỏa ngục,

ٱلَّذِينَ يَتَرَبَّصُونَ بِكُمۡ فَإِن كَانَ لَكُمۡ فَتۡحٞ مِّنَ ٱللَّهِ قَالُوٓاْ
أَلَمۡ نَكُن مَّعَكُمۡ وَإِن كَانَ لِلۡكَٰفِرِينَ نَصِيبٞ قَالُوٓاْ
أَلَمۡ نَسۡتَحۡوِذۡ عَلَيۡكُمۡ وَنَمۡنَعۡكُم مِّنَ ٱلۡمُؤۡمِنِينَۚ فَٱللَّهُ يَحۡكُمُ
بَيۡنَكُمۡ يَوۡمَ ٱلۡقِيَٰمَةِۗ وَلَن يَجۡعَلَ ٱللَّهُ لِلۡكَٰفِرِينَ عَلَى ٱلۡمُؤۡمِنِينَ
سَبِيلًا ١٤١ إِنَّ ٱلۡمُنَٰفِقِينَ يُخَٰدِعُونَ ٱللَّهَ وَهُوَ خَٰدِعُهُمۡ وَإِذَا
قَامُوٓاْ إِلَى ٱلصَّلَوٰةِ قَامُواْ كُسَالَىٰ يُرَآءُونَ ٱلنَّاسَ وَلَا يَذۡكُرُونَ
ٱللَّهَ إِلَّا قَلِيلٗا ١٤٢ مُّذَبۡذَبِينَ بَيۡنَ ذَٰلِكَ لَآ إِلَىٰ هَٰٓؤُلَآءِ وَلَآ إِلَىٰ
هَٰٓؤُلَآءِۚ وَمَن يُضۡلِلِ ٱللَّهُ فَلَن تَجِدَ لَهُۥ سَبِيلٗا ١٤٣ يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ
ءَامَنُواْ لَا تَتَّخِذُواْ ٱلۡكَٰفِرِينَ أَوۡلِيَآءَ مِن دُونِ ٱلۡمُؤۡمِنِينَۚ
أَتُرِيدُونَ أَن تَجۡعَلُواْ لِلَّهِ عَلَيۡكُمۡ سُلۡطَٰنٗا مُّبِينًا ١٤٤ إِنَّ
ٱلۡمُنَٰفِقِينَ فِي ٱلدَّرۡكِ ٱلۡأَسۡفَلِ مِنَ ٱلنَّارِ وَلَن تَجِدَ لَهُمۡ نَصِيرًا
١٤٥ إِلَّا ٱلَّذِينَ تَابُواْ وَأَصۡلَحُواْ وَٱعۡتَصَمُواْ بِٱللَّهِ وَأَخۡلَصُواْ
دِينَهُمۡ لِلَّهِ فَأُوْلَٰٓئِكَ مَعَ ٱلۡمُؤۡمِنِينَۖ وَسَوۡفَ يُؤۡتِ ٱللَّهُ
ٱلۡمُؤۡمِنِينَ أَجۡرًا عَظِيمٗا ١٤٦ مَّا يَفۡعَلُ ٱللَّهُ بِعَذَابِكُمۡ
إِن شَكَرۡتُمۡ وَءَامَنتُمۡۚ وَكَانَ ٱللَّهُ شَاكِرًا عَلِيمٗا ١٤٧

141.- Những kẻ đang dòm ngó các ngươi. Bởi thế, khi Allah ban cho các ngươi một thắng lợi nào, chúng bảo (các ngươi): "Chúng tôi không về phe của quí vị hay sao?" Và nếu những kẻ không có đức tin đạt một phần (thắng lợi) nào thì chúng bảo: "Há chúng tôi không nắm ưu thế hơn quí vị và che chở quí vị khỏi tay của những người tin tưởng hay sao?" Nhưng Allah sẽ xét xử giữa các ngươi vào Ngày Phục sinh (để biết ai là người chân thật và ai là kẻ gian dối). Và không bao giờ Allah mở đường cho những kẻ không có đức tin thắng những người có đức tin.

142.- Quả thật, những tên đạo đức giả tìm cách lừa dối Allah nhưng chính Ngài đã đánh lừa chúng (vào cạm bẫy của chúng). Và khi chúng đứng dậy để dâng lễ, chúng đứng lên một cách uể oải, chỉ muốn phô trương cho thiên hạ thấy, và chỉ tưởng nhớ Allah chút ít thôi.

143.- Chúng do dự giữa bên này và bên nọ, không dứt khoát theo phía bên nào. Và ai mà Allah đánh lạc hướng thì Ngươi sẽ không bao giờ tìm được cho y một con đường.

144.- Hỡi những ai có đức tin! Chớ nhận những kẻ không có đức tin làm người đỡ đầu thay vì những người có đức tin. Phải chăng các ngươi muốn giao cho Allah một thẩm quyền để trừng phạt các ngươi hay sao?

145.- Quả thật, những tên đạo đức giả sẽ ở tận đáy cùng của hố Lửa (Hỏa ngục) và Ngươi sẽ không tìm được cho chúng một vị cứu tinh nào.

146.- Ngoại trừ những ai biết ăn năn hối cải và sửa mình và bám chắc vào Allah và dâng tôn giáo của họ hoàn toàn cho Allah thì sẽ được liệt vào hàng ngũ của những người có đức tin. Và Allah sẽ sớm ban cho những người có đức tin một phần thưởng vĩ đại.

147.- Allah sẽ được lợi gì do việc trừng phạt các người nếu các người biết ơn và tin tưởng? Không, Allah Hằng Ghi công các người và Biết (hết mọi việc).

۞ لَّا يُحِبُّ ٱللَّهُ ٱلْجَهْرَ بِٱلسُّوٓءِ مِنَ ٱلْقَوْلِ إِلَّا مَن ظُلِمَ ۚ وَكَانَ ٱللَّهُ سَمِيعًا عَلِيمًا ﴿١٤٨﴾ إِن تُبْدُوا۟ خَيْرًا أَوْ تُخْفُوهُ أَوْ تَعْفُوا۟ عَن سُوٓءٍ فَإِنَّ ٱللَّهَ كَانَ عَفُوًّا قَدِيرًا ﴿١٤٩﴾ إِنَّ ٱلَّذِينَ يَكْفُرُونَ بِٱللَّهِ وَرُسُلِهِۦ وَيُرِيدُونَ أَن يُفَرِّقُوا۟ بَيْنَ ٱللَّهِ وَرُسُلِهِۦ وَيَقُولُونَ نُؤْمِنُ بِبَعْضٍ وَنَكْفُرُ بِبَعْضٍ وَيُرِيدُونَ أَن يَتَّخِذُوا۟ بَيْنَ ذَٰلِكَ سَبِيلًا ﴿١٥٠﴾ أُو۟لَٰٓئِكَ هُمُ ٱلْكَٰفِرُونَ حَقًّا ۚ وَأَعْتَدْنَا لِلْكَٰفِرِينَ عَذَابًا مُّهِينًا ﴿١٥١﴾ وَٱلَّذِينَ ءَامَنُوا۟ بِٱللَّهِ وَرُسُلِهِۦ وَلَمْ يُفَرِّقُوا۟ بَيْنَ أَحَدٍ مِّنْهُمْ أُو۟لَٰٓئِكَ سَوْفَ يُؤْتِيهِمْ أُجُورَهُمْ ۗ وَكَانَ ٱللَّهُ غَفُورًا رَّحِيمًا ﴿١٥٢﴾ يَسْـَٔلُكَ أَهْلُ ٱلْكِتَٰبِ أَن تُنَزِّلَ عَلَيْهِمْ كِتَٰبًا مِّنَ ٱلسَّمَآءِ ۚ فَقَدْ سَأَلُوا۟ مُوسَىٰٓ أَكْبَرَ مِن ذَٰلِكَ فَقَالُوٓا۟ أَرِنَا ٱللَّهَ جَهْرَةً فَأَخَذَتْهُمُ ٱلصَّٰعِقَةُ بِظُلْمِهِمْ ۚ ثُمَّ ٱتَّخَذُوا۟ ٱلْعِجْلَ مِنۢ بَعْدِ مَا جَآءَتْهُمُ ٱلْبَيِّنَٰتُ فَعَفَوْنَا عَن ذَٰلِكَ ۚ وَءَاتَيْنَا مُوسَىٰ سُلْطَٰنًا مُّبِينًا ﴿١٥٣﴾ وَرَفَعْنَا فَوْقَهُمُ ٱلطُّورَ بِمِيثَٰقِهِمْ وَقُلْنَا لَهُمُ ٱدْخُلُوا۟ ٱلْبَابَ سُجَّدًا وَقُلْنَا لَهُمْ لَا تَعْدُوا۟ فِى ٱلسَّبْتِ وَأَخَذْنَا مِنْهُم مِّيثَٰقًا غَلِيظًا ﴿١٥٤﴾

148.- Allah không thích việc mang lời lẽ xấu xa (tội lỗi) ra la lối giữa công chúng ngoại trừ trường hợp một người bị áp bức. Và Allah Hằng Nghe và Hằng Biết (mọi việc).

149.- Nếu các người phô trương hay giấu giếm một việc làm tốt hoặc lượng thứ (cho người) một tội phạm thì (các người sẽ thấy) quả thật Allah Hằng Lượng thứ, Rất mực Quyền năng.

150.- Quả thật, những ai phủ nhận Allah và các vị Sứ giả của Ngài và muốn phân cách Allah với các vị Sứ giả của Ngài và nói: "Chúng tôi tin một số (Sứ giả) và phủ nhận một số khác," và muốn chọn một lối đi chính giữa cái đó.

151.- Chúng là những kẻ không tin tưởng nơi sự Thật và *TA* (Allah) đã chuẩn bị cho những kẻ không có đức tin một sự trừng phạt nhục nhã.

152.- Ngược lại, những ai tin tưởng nơi Allah và các Sứ giả của Ngài và không kỳ thị phân biệt một vị (Sứ giả) nào của (Allah) thì *TA* (Allah) sẽ sớm ban cho họ phần thưởng của họ. Và Allah Hằng Tha thứ, Rất mực Khoan dung.

153.- Người Dân Kinh sách yêu cầu Ngươi (Muhammad) mang từ trên trời xuống một Kinh sách cho họ. Nhưng chắc chắn họ đã yêu cầu *Mūsa* đưa ra một điều (Phép lạ) lớn hơn cái đó nữa, bởi lẽ họ đã bảo (*Mūsa*): "Hãy mang Allah đến cho chúng tôi thấy công khai," thì liền đó lưỡi tầm sét (của Allah) đã đánh họ gục xuống bất tỉnh vì điều sai quấy của họ; rồi sau đó họ còn mang con bò con (đúc) ra thờ sau khi đã chứng kiến những bằng chứng rõ rệt. Mặc dù thế *TA* (Allah) vẫn lượng thứ cho điều đó. Và *TA* đã ban cho *Mūsa* một thẩm quyền rõ rệt (của một Sứ giả của Allah).

154.- Do lời giao ước của họ, *TA* (Allah) đã dựng ngọn núi (*Tūr*) cao khỏi đầu họ. Và (vào một dịp khác) *TA* (Allah) đã phán cho họ: "Hãy bước vào cửa mọp đầu thần phục;" và (một lần nữa) TA (Allah) đã phán cho họ: "Chớ vi phạm lệnh cấm vào Ngày Thứ Bảy (*Sabbath*) và *TA* (Allah) đã nhận từ họ một sự giao ước long trọng.

فَبِمَا نَقۡضِهِم مِّيثَٰقَهُمۡ وَكُفۡرِهِم بِـَٔايَٰتِ ٱللَّهِ وَقَتۡلِهِمُ ٱلۡأَنۢبِيَآءَ بِغَيۡرِ حَقّٖ وَقَوۡلِهِمۡ قُلُوبُنَا غُلۡفُۢۚ بَلۡ طَبَعَ ٱللَّهُ عَلَيۡهَا بِكُفۡرِهِمۡ فَلَا يُؤۡمِنُونَ إِلَّا قَلِيلٗا ﴿١٥٥﴾ وَبِكُفۡرِهِمۡ وَقَوۡلِهِمۡ عَلَىٰ مَرۡيَمَ بُهۡتَٰنًا عَظِيمٗا ﴿١٥٦﴾ وَقَوۡلِهِمۡ إِنَّا قَتَلۡنَا ٱلۡمَسِيحَ عِيسَى ٱبۡنَ مَرۡيَمَ رَسُولَ ٱللَّهِ وَمَا قَتَلُوهُ وَمَا صَلَبُوهُ وَلَٰكِن شُبِّهَ لَهُمۡۚ وَإِنَّ ٱلَّذِينَ ٱخۡتَلَفُواْ فِيهِ لَفِي شَكّٖ مِّنۡهُۚ مَا لَهُم بِهِۦ مِنۡ عِلۡمٍ إِلَّا ٱتِّبَاعَ ٱلظَّنِّۚ وَمَا قَتَلُوهُ يَقِينَۢا ﴿١٥٧﴾ بَل رَّفَعَهُ ٱللَّهُ إِلَيۡهِۚ وَكَانَ ٱللَّهُ عَزِيزًا حَكِيمٗا ﴿١٥٨﴾ وَإِن مِّنۡ أَهۡلِ ٱلۡكِتَٰبِ إِلَّا لَيُؤۡمِنَنَّ بِهِۦ قَبۡلَ مَوۡتِهِۦۖ وَيَوۡمَ ٱلۡقِيَٰمَةِ يَكُونُ عَلَيۡهِمۡ شَهِيدٗا ﴿١٥٩﴾ فَبِظُلۡمٖ مِّنَ ٱلَّذِينَ هَادُواْ حَرَّمۡنَا عَلَيۡهِمۡ طَيِّبَٰتٍ أُحِلَّتۡ لَهُمۡ وَبِصَدِّهِمۡ عَن سَبِيلِ ٱللَّهِ كَثِيرٗا ﴿١٦٠﴾ وَأَخۡذِهِمُ ٱلرِّبَوٰاْ وَقَدۡ نُهُواْ عَنۡهُ وَأَكۡلِهِمۡ أَمۡوَٰلَ ٱلنَّاسِ بِٱلۡبَٰطِلِۚ وَأَعۡتَدۡنَا لِلۡكَٰفِرِينَ مِنۡهُمۡ عَذَابًا أَلِيمٗا ﴿١٦١﴾ لَّٰكِنِ ٱلرَّٰسِخُونَ فِي ٱلۡعِلۡمِ مِنۡهُمۡ وَٱلۡمُؤۡمِنُونَ يُؤۡمِنُونَ بِمَآ أُنزِلَ إِلَيۡكَ وَمَآ أُنزِلَ مِن قَبۡلِكَۚ وَٱلۡمُقِيمِينَ ٱلصَّلَوٰةَۚ وَٱلۡمُؤۡتُونَ ٱلزَّكَوٰةَ وَٱلۡمُؤۡمِنُونَ بِٱللَّهِ وَٱلۡيَوۡمِ ٱلۡأٓخِرِ أُوْلَٰٓئِكَ سَنُؤۡتِيهِمۡ أَجۡرًا عَظِيمًا ﴿١٦٢﴾

155.- Nhưng vì họ bội ước qua việc họ phủ nhận các Dấu hiệu của Allah, qua việc họ đã giết hại các *Nabi* (của Allah) không có lý do chính đáng; qua việc họ nói: "Quả tim của chúng tôi được bọc kín"- Không, Allah đã niêm kín tấm lòng của họ về tội không tin. Bởi thế, đức tin của họ rất mỏng manh.

156.- Và vì họ phủ nhận đức tin và dùng lời lẽ nặng nề để vu-oan cho *Maryam*;

157.- Và vì họ đã nói: "Chúng tôi đã giết chết *Masīh 'Īsa*, con trai của *Maryam*, tức Sứ giả của Allah;" và thực ra họ đã không giết chết Người ('Isa) cũng không đóng đinh Người trên cây thánh giá mà là một sự kiện tương tự đã được trình bày qua cho họ. Và quả thật, những ai bất đồng ý-kiến về việc (sát hại 'Isa)) hoàn toàn nghi ngờ về sự kiện đó; họ không hiểu biết chắc chắn việc đó, ngược lại chỉ nhắm mắt phỏng chừng mà thôi. Và chắc chắn họ đã không giết chết Người ('Isa).

158.- Không, Allah đã đưa Người ('Isa) lên cùng với Ngài. Bởi vì Allah Toàn Năng, Rất mực Sáng suốt.

159.- Và chỉ Người dân Kinh sách tin tưởng nơi Người trước khi xảy ra cái chết của Người ('Isa). Và vào Ngày Phục sinh, Người sẽ là nhân chứng đối chất lại với họ (trước Allah).

160.- Và vì những việc làm sai quấy của người Do thái nên *TA* (Allah) đã cấm họ dùng một số thực phẩm tốt và sạch đã được chấp thuận cho họ; và vì việc họ đã cản trở đa số nhân loại theo Con đường của Allah;

161.- Và vì họ lấy tiền lãi cho vay (*Ribā*) mà họ đã bị cấm thu trước đó; và vì họ đã ăn cướp tài sản của thiên hạ một cách bất chính; cho nên *TA* (Allah) đã chuẩn bị sẵn cho những kẻ không có đức tin trong bọn họ một sự trừng phạt đau đớn.

162.- Tuy nhiên, những người nào của họ có một cơ sở hiểu biết vững chắc và có đức tin thì đều tin tưởng nơi điều (Mặc khải) đã được ban xuống cho Ngươi (Muhammad) và điều đã được ban xuống vào thời trước Ngươi và (đặc biệt) những người dâng lễ nguyện *Salāh* một cách chu đáo và đóng *Zakāh* và tin tưởng nơi Allah và Ngày Phán xử Cuối cùng thì là những người mà *TA* (Allah) sẽ ban cho một phần thưởng rất to lớn.

رُبع الحِزب ١١

۞ إِنَّآ أَوۡحَيۡنَآ إِلَيۡكَ كَمَآ أَوۡحَيۡنَآ إِلَىٰ نُوحٖ وَٱلنَّبِيِّـۧنَ مِنۢ بَعۡدِهِۦۚ وَأَوۡحَيۡنَآ إِلَىٰٓ إِبۡرَٰهِيمَ وَإِسۡمَٰعِيلَ وَإِسۡحَٰقَ وَيَعۡقُوبَ وَٱلۡأَسۡبَاطِ وَعِيسَىٰ وَأَيُّوبَ وَيُونُسَ وَهَٰرُونَ وَسُلَيۡمَٰنَۚ وَءَاتَيۡنَا دَاوُۥدَ زَبُورٗا ١٦٣ وَرُسُلٗا قَدۡ قَصَصۡنَٰهُمۡ عَلَيۡكَ مِن قَبۡلُ وَرُسُلٗا لَّمۡ نَقۡصُصۡهُمۡ عَلَيۡكَۚ وَكَلَّمَ ٱللَّهُ مُوسَىٰ تَكۡلِيمٗا ١٦٤ رُّسُلٗا مُّبَشِّرِينَ وَمُنذِرِينَ لِئَلَّا يَكُونَ لِلنَّاسِ عَلَى ٱللَّهِ حُجَّةُۢ بَعۡدَ ٱلرُّسُلِۚ وَكَانَ ٱللَّهُ عَزِيزًا حَكِيمٗا ١٦٥ لَّٰكِنِ ٱللَّهُ يَشۡهَدُ بِمَآ أَنزَلَ إِلَيۡكَۖ أَنزَلَهُۥ بِعِلۡمِهِۦۖ وَٱلۡمَلَٰٓئِكَةُ يَشۡهَدُونَۚ وَكَفَىٰ بِٱللَّهِ شَهِيدًا ١٦٦ إِنَّ ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ وَصَدُّواْ عَن سَبِيلِ ٱللَّهِ قَدۡ ضَلُّواْ ضَلَٰلَۢا بَعِيدًا ١٦٧ إِنَّ ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ وَظَلَمُواْ لَمۡ يَكُنِ ٱللَّهُ لِيَغۡفِرَ لَهُمۡ وَلَا لِيَهۡدِيَهُمۡ طَرِيقًا ١٦٨ إِلَّا طَرِيقَ جَهَنَّمَ خَٰلِدِينَ فِيهَآ أَبَدٗاۚ وَكَانَ ذَٰلِكَ عَلَى ٱللَّهِ يَسِيرٗا ١٦٩ يَـٰٓأَيُّهَا ٱلنَّاسُ قَدۡ جَآءَكُمُ ٱلرَّسُولُ بِٱلۡحَقِّ مِن رَّبِّكُمۡ فَـَٔامِنُواْ خَيۡرٗا لَّكُمۡۚ وَإِن تَكۡفُرُواْ فَإِنَّ لِلَّهِ مَا فِي ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضِۚ وَكَانَ ٱللَّهُ عَلِيمًا حَكِيمٗا ١٧٠

163.- Quả thật, *TA* (Allah) đã mặc khải cho Ngươi (Muhammad!) giống như việc *TA* đã mặc khải cho *Nūh* và cho các *Nabi* sau Người; và *TA* đã mặc khải cho *Ibrāhīm* và *Ismā'īl* và *Ishāq* và *Ya'qūb* và các Bộ lạc (của Israel); và cho *'Īsa* và *Ayyūb* và *Yūnus* và *Hārūn* và cho *Sulaymān*; và *TA* đã ban cho *Dāwūd* (Kinh) *Zabūr* (Thi thiên).

164.- Và trước đây, một số Sứ giả, *TA* (Allah) đã kể lại câu chuyện của Họ cho Ngươi; và một số khác *TA* đã không kể lại cho Ngươi biết câu chuyện của Họ. Và Allah phán bảo trực tiếp với *Mūsa*.

165.- Các vị Sứ giả vừa làm người báo tin lành và cảnh cáo để cho nhân loại không còn dựa vào lý do nào khác để khiếu nại với Allah sau khi các vị Sứ giả đó (đã được phái đến với họ). Và Allah Toàn Năng, Rất mực Sáng suốt.

166.- Và Allah xác nhận điều (Mặc khải) mà Ngài đã ban xuống cho Ngươi (Muhammad); Ngài ban Nó (*Qur'ān*) xuống từ Kiến thức của Ngài; và các Thiên thần cũng xác nhận như thế; nhưng riêng Allah thôi cũng đủ làm chứng (cho việc này.)

167.- Quả thật, những ai không có đức tin và cản trở (thiên hạ) theo Con đường của Allah thì chắc chắn là lạc đạo, lạc rất xa.

168.- Quả thật, những ai không có đức tin và làm điều sai quấy thì chắc chắn sẽ không được Allah tha thứ cũng không được Ngài hướng dẫn theo con đường nào,

169.- Ngoài con đường dẫn họ đến Hỏa ngục, nơi mà họ sẽ vào ở đời đời trong đó; và (việc) đó chẳng mấy gì khó khăn đối với Allah.

170.- Hỡi nhân loại! Chắc chắn Sứ giả (Muhammad) đến với các người mang theo sự Thật từ *Rabb* (Allah) của các người; bởi thế, việc tin tưởng nơi Người là một điều tốt cho các người. Và nếu các người phủ nhận thì quả thật mọi vật trong các tầng trời và trái đất đều là của Allah cả. Và Allah Biết hết, Thông suốt hết.

يَٰٓأَهۡلَ ٱلۡكِتَٰبِ لَا تَغۡلُواْ فِي دِينِكُمۡ وَلَا تَقُولُواْ عَلَى
ٱللَّهِ إِلَّا ٱلۡحَقَّۚ إِنَّمَا ٱلۡمَسِيحُ عِيسَى ٱبۡنُ مَرۡيَمَ رَسُولُ ٱللَّهِ
وَكَلِمَتُهُۥٓ أَلۡقَىٰهَآ إِلَىٰ مَرۡيَمَ وَرُوحٞ مِّنۡهُۖ فَـَٔامِنُواْ بِٱللَّهِ
وَرُسُلِهِۦۖ وَلَا تَقُولُواْ ثَلَٰثَةٌۚ ٱنتَهُواْ خَيۡرٗا لَّكُمۡۚ إِنَّمَا ٱللَّهُ
إِلَٰهٞ وَٰحِدٞۖ سُبۡحَٰنَهُۥٓ أَن يَكُونَ لَهُۥ وَلَدٞۘ لَّهُۥ مَا فِي ٱلسَّمَٰوَٰتِ
وَمَا فِي ٱلۡأَرۡضِۗ وَكَفَىٰ بِٱللَّهِ وَكِيلٗا ١٧١ لَّن يَسۡتَنكِفَ
ٱلۡمَسِيحُ أَن يَكُونَ عَبۡدٗا لِّلَّهِ وَلَا ٱلۡمَلَٰٓئِكَةُ ٱلۡمُقَرَّبُونَۚ
وَمَن يَسۡتَنكِفۡ عَنۡ عِبَادَتِهِۦ وَيَسۡتَكۡبِرۡ فَسَيَحۡشُرُهُمۡ
إِلَيۡهِ جَمِيعٗا ١٧٢ فَأَمَّا ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ وَعَمِلُواْ ٱلصَّٰلِحَٰتِ
فَيُوَفِّيهِمۡ أُجُورَهُمۡ وَيَزِيدُهُم مِّن فَضۡلِهِۦۖ وَأَمَّا ٱلَّذِينَ
ٱسۡتَنكَفُواْ وَٱسۡتَكۡبَرُواْ فَيُعَذِّبُهُمۡ عَذَابًا أَلِيمٗا وَلَا
يَجِدُونَ لَهُم مِّن دُونِ ٱللَّهِ وَلِيّٗا وَلَا نَصِيرٗا ١٧٣ يَٰٓأَيُّهَا ٱلنَّاسُ
قَدۡ جَآءَكُم بُرۡهَٰنٞ مِّن رَّبِّكُمۡ وَأَنزَلۡنَآ إِلَيۡكُمۡ نُورٗا مُّبِينٗا
١٧٤ فَأَمَّا ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ بِٱللَّهِ وَٱعۡتَصَمُواْ بِهِۦ فَسَيُدۡخِلُهُمۡ فِي
رَحۡمَةٖ مِّنۡهُ وَفَضۡلٖ وَيَهۡدِيهِمۡ إِلَيۡهِ صِرَٰطٗا مُّسۡتَقِيمٗا ١٧٥

171.- Hỡi Người dân Kinh sách! Chớ tỏ ra thái quá trong tôn giáo của các người và chỉ nói sự thật về Allah. *Masīh 'Īsa* con trai của Maryam chỉ là một Sứ giả của Allah và là Lời phán (Hãy Thành) mà Ngài truyền xuống cho *Maryam* và là một Tinh thần (*Rūh*) từ Ngài (Allah). Bởi thế, hãy tin tưởng nơi Allah và các Sứ giả của Ngài. Và chớ nói '**Ba**' (ngôi). Từ bỏ (tư tưởng đó) tốt cho các người hơn. Chỉ Allah là Thượng Đế Duy nhất. Ngài quá Siêu việt về việc có một đứa con trai! (Vì rằng) mọi vật trong các tầng trời và mọi vật dưới đất đều là (tạo vật) của Ngài cả. Và riêng Allah thôi đủ làm một Đấng Thọ Lãnh sắp đặt tất cả các công việc (không cần đến một đứa con trai nào để giúp Ngài).

172.- *Masīh* ('Isa) không có gì phải ái ngại khi làm một người tôi của Allah; các Thiên thần kế cận (Allah) nhất cũng không ái ngại làm điều đó. Và ai tỏ ra ái ngại không muốn phụng sự Ngài và tỏ thái độ ngạo mạn thì sẽ bị Ngài tập trung đưa về chầu Ngài.

173.- Còn đối với những ai có đức tin và làm việc thiện thì Ngài (Allah) sẽ sớm trả lại cho họ đầy đủ phần công lao của họ và còn ban thêm thiên lộc của Ngài nữa. Ngược lại, đối với những ai miệt thị và tỏ ra ngạo mạn thì sẽ bị Ngài phạt bằng một hình phạt đau đớn và ngoài Allah ra họ sẽ không tìm được một Đấng Bảo Hộ hay một Vị Cứu Tinh nào (để giúp đỡ họ).

174.- Hỡi nhân loại! Một Bằng chứng xác thực từ *Rabb* (Allah) của các người đã đến với các người bởi vì *TA* đã ban xuống cho các người một ánh sáng rõ rệt.

175.- Bởi thế, đối với những ai tin tưởng nơi Allah và bám chắc vào Ngài thì sẽ sớm được Ngài khoan dung và ưu ái và sẽ được hướng dẫn theo con đường ngay chính để trở về với Ngài.

يَسۡتَفۡتُونَكَ قُلِ ٱللَّهُ يُفۡتِيكُمۡ فِي ٱلۡكَلَٰلَةِۚ إِنِ ٱمۡرُؤٌاْ هَلَكَ لَيۡسَ لَهُۥ وَلَدٞ وَلَهُۥٓ أُخۡتٞ فَلَهَا نِصۡفُ مَا تَرَكَۚ وَهُوَ يَرِثُهَآ إِن لَّمۡ يَكُن لَّهَا وَلَدٞۚ فَإِن كَانَتَا ٱثۡنَتَيۡنِ فَلَهُمَا ٱلثُّلُثَانِ مِمَّا تَرَكَۚ وَإِن كَانُوٓاْ إِخۡوَةٗ رِّجَالٗا وَنِسَآءٗ فَلِلذَّكَرِ مِثۡلُ حَظِّ ٱلۡأُنثَيَيۡنِۗ يُبَيِّنُ ٱللَّهُ لَكُمۡ أَن تَضِلُّواْۗ وَٱللَّهُ بِكُلِّ شَيۡءٍ عَلِيمُۢ ١٧٦

سُورَةُ المَائِدَةِ

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُوٓاْ أَوۡفُواْ بِٱلۡعُقُودِۚ أُحِلَّتۡ لَكُم بَهِيمَةُ ٱلۡأَنۡعَٰمِ إِلَّا مَا يُتۡلَىٰ عَلَيۡكُمۡ غَيۡرَ مُحِلِّي ٱلصَّيۡدِ وَأَنتُمۡ حُرُمٌۗ إِنَّ ٱللَّهَ يَحۡكُمُ مَا يُرِيدُ ١ يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ لَا تُحِلُّواْ شَعَٰٓئِرَ ٱللَّهِ وَلَا ٱلشَّهۡرَ ٱلۡحَرَامَ وَلَا ٱلۡهَدۡيَ وَلَا ٱلۡقَلَٰٓئِدَ وَلَآ ءَآمِّينَ ٱلۡبَيۡتَ ٱلۡحَرَامَ يَبۡتَغُونَ فَضۡلٗا مِّن رَّبِّهِمۡ وَرِضۡوَٰنٗاۚ وَإِذَا حَلَلۡتُمۡ فَٱصۡطَادُواْۚ وَلَا يَجۡرِمَنَّكُمۡ شَنَـَٔانُ قَوۡمٍ أَن صَدُّوكُمۡ عَنِ ٱلۡمَسۡجِدِ ٱلۡحَرَامِ أَن تَعۡتَدُواْۘ وَتَعَاوَنُواْ عَلَى ٱلۡبِرِّ وَٱلتَّقۡوَىٰۖ وَلَا تَعَاوَنُواْ عَلَى ٱلۡإِثۡمِ وَٱلۡعُدۡوَٰنِۚ وَٱتَّقُواْ ٱللَّهَۖ إِنَّ ٱللَّهَ شَدِيدُ ٱلۡعِقَابِ ٢

نصف الحزب ١١

176.- Họ hỏi Ngươi (hỡi Muhammad) về một quyết định pháp lý. Hãy bảo họ: "Allah đã chỉ dẫn cho các ngươi về việc hưởng gia tài của một người không có cha mẹ và con cái như sau: nếu người quá vãng không có con mà chỉ có một người chị (hay em gái) thì người này được hưởng phân nửa (1/2) gia tài do y để lại. Nhưng nếu người chị (hay em gái) chết đi nhưng không có con thì anh (hay em) trai sẽ là người thừa kế của chị (hay em gái) đó; còn nếu người chết có hai chị (em) gái còn sống thì hai người này sẽ được hưởng hai phần ba (2/3) của gia tài mà y để lại; và nếu có anh (em) trai lẫn chị (em) gái còn sống thì phần của nam bằng hai phần của nữ. Allah giải thích rõ điều này cho các người sợ rằng các người sai lạc. Và Allah Hằng Biết hết mọi việc."

AL-MĀ-IDAH
(Chiếc Bàn Thực Phẩm)

Nhân danh Allah, Đấng Rất mực Độ lượng,
Đấng Rất mực Khoan dung

1.- Hỡi những ai có niềm tin! Hãy làm tròn (tất cả) các nghĩa vụ (*'Uqūd*[1]). Cho phép các người dùng (thịt) của tất cả các gia súc bốn chân ngoại trừ những con nào đã được công bố cho các người nhưng không được phép dùng thịt của các con thú săn trong suốt thời gian hãm mình làm *Hajj* (trong vùng Thánh địa của *Makkah*). Quả thật, Allah phán quyết điều gì Ngài muốn.

2.- Hỡi những ai có niềm tin! Chớ xúc phạm các biểu hiệu (*Sha'ā-ir*) của Allah cũng chớ vi phạm những tháng cấm kỵ và chớ phạm đến những (con vật tế có mang) tràng hoa cũng chớ quấy rầy các du khách tới lui thăm viếng Ngôi đền thiêng (Ka'bah) mong kiếm thiên lộc và sự hài lòng của *Rabb* (Allah) của họ. Và khi chấm dứt tình trạng hãm mình (của việc làm *Hajj*) các người được phép đi săn (thú); và chớ để cho việc thù ghét một đám người đã (có lần) cản trở các người không cho vào Thánh đường Linh thiêng (tại Makkah) thúc đẩy các ngươi đến chỗ phạm giới. Ngược lại, hãy giúp đỡ nhau trong đạo đức và sợ Allah và chớ tiếp tay cho nhau gây tội ác và hận thù. Hãy sợ Allah. Quả thật, Allah rất nghiêm khắc trong việc trừng phạt.

---

[1] *'Uqūd* có nghĩa là nghĩa vụ, bổn phận, khế ước, lời hứa, giao ước v.v... Ở đây Allah nhấn mạnh đến các điều lệnh mà con người đã giao ước với Ngài.

حُرِّمَتْ عَلَيْكُمُ ٱلْمَيْتَةُ وَٱلدَّمُ وَلَحْمُ ٱلْخِنزِيرِ وَمَآ أُهِلَّ لِغَيْرِ ٱللَّهِ بِهِۦ
وَٱلْمُنْخَنِقَةُ وَٱلْمَوْقُوذَةُ وَٱلْمُتَرَدِّيَةُ وَٱلنَّطِيحَةُ وَمَآ أَكَلَ
ٱلسَّبُعُ إِلَّا مَا ذَكَّيْتُمْ وَمَا ذُبِحَ عَلَى ٱلنُّصُبِ وَأَن تَسْتَقْسِمُوا۟
بِٱلْأَزْلَٰمِ ذَٰلِكُمْ فِسْقٌ ۗ ٱلْيَوْمَ يَئِسَ ٱلَّذِينَ كَفَرُوا۟ مِن دِينِكُمْ فَلَا
تَخْشَوْهُمْ وَٱخْشَوْنِ ۚ ٱلْيَوْمَ أَكْمَلْتُ لَكُمْ دِينَكُمْ وَأَتْمَمْتُ عَلَيْكُمْ
نِعْمَتِى وَرَضِيتُ لَكُمُ ٱلْإِسْلَٰمَ دِينًا ۚ فَمَنِ ٱضْطُرَّ فِى مَخْمَصَةٍ
غَيْرَ مُتَجَانِفٍ لِّإِثْمٍ ۙ فَإِنَّ ٱللَّهَ غَفُورٌ رَّحِيمٌ ﴿٣﴾ يَسْـَٔلُونَكَ مَاذَآ
أُحِلَّ لَهُمْ ۖ قُلْ أُحِلَّ لَكُمُ ٱلطَّيِّبَٰتُ ۙ وَمَا عَلَّمْتُم مِّنَ ٱلْجَوَارِحِ
مُكَلِّبِينَ تُعَلِّمُونَهُنَّ مِمَّا عَلَّمَكُمُ ٱللَّهُ ۖ فَكُلُوا۟ مِمَّآ أَمْسَكْنَ عَلَيْكُمْ
وَٱذْكُرُوا۟ ٱسْمَ ٱللَّهِ عَلَيْهِ ۖ وَٱتَّقُوا۟ ٱللَّهَ ۚ إِنَّ ٱللَّهَ سَرِيعُ ٱلْحِسَابِ ﴿٤﴾
ٱلْيَوْمَ أُحِلَّ لَكُمُ ٱلطَّيِّبَٰتُ ۖ وَطَعَامُ ٱلَّذِينَ أُوتُوا۟ ٱلْكِتَٰبَ حِلٌّ لَّكُمْ
وَطَعَامُكُمْ حِلٌّ لَّهُمْ ۖ وَٱلْمُحْصَنَٰتُ مِنَ ٱلْمُؤْمِنَٰتِ وَٱلْمُحْصَنَٰتُ
مِنَ ٱلَّذِينَ أُوتُوا۟ ٱلْكِتَٰبَ مِن قَبْلِكُمْ إِذَآ ءَاتَيْتُمُوهُنَّ أُجُورَهُنَّ
مُحْصِنِينَ غَيْرَ مُسَٰفِحِينَ وَلَا مُتَّخِذِىٓ أَخْدَانٍ ۗ وَمَن يَكْفُرْ
بِٱلْإِيمَٰنِ فَقَدْ حَبِطَ عَمَلُهُۥ وَهُوَ فِى ٱلْـَٔاخِرَةِ مِنَ ٱلْخَٰسِرِينَ ﴿٥﴾

3.- (Allah) cấm các người dùng (thịt của) xác chết, và máu (huyết), và thịt của con heo, và món vật cúng cho ai khác không phải là Allah; và (thịt của) những con vật bị vặn (hay thắt) cổ chết; và những con vật bị đập chết, và những con vật bị rơi trên cao xuống chết; và những con vật bị húc chết (bằng sừng); và những con vật bị các con thú dữ ăn một phần trừ phi các người làm cho sạch (bằng cách cắt cổ chúng theo đúng nghi thức); và những món vật cúng trên bàn thờ (hay trên đá); và cấm các người chia phần bằng cách xin xăm. Tất cả các thứ đó đều ô-uế. Ngày nay, những kẻ không có đức tin tuyệt vọng về (việc phá hoại) tôn giáo của các người. Bởi thế, chớ sợ chúng mà hãy sợ TA (Allah). Ngày nay, TA đã hoàn chỉnh tôn giáo của các người cho các người và hoàn tất Ân huệ của TA cho các người và đã chọn **Islām** làm tôn giáo của các người. Nhưng ai vì quá đói (bắt buộc phải ăn các món cấm đó) chứ không cố tình phạm giới thì quả thật Allah Hằng Tha thứ và Khoan dung (cho họ).

4.- Họ hỏi Ngươi đâu là những món (thực phẩm) họ được phép dùng. Hãy bảo họ: "Các người được phép dùng các món (ăn) tốt và sạch. Và những con thú (hay chim) săn mà các con thú đi săn do các người huấn luyện theo phương cách do Allah đã dạy cho các người đã bắt được. Bởi thế, hãy ăn thịt của con vật mà chúng đã bắt được cho các người nhưng hãy nhắc tên của Allah lên nó. Và hãy sợ Allah. Quả thật, Allah rất nhanh trong việc xét xử.

5.- Ngày nay, các người được phép dùng các món (thực phẩm) tốt và sạch. Thực phẩm của những người đã được ban cho Kinh sách được chấp thuận (*Halāl*) cho các người (dùng) và thực phẩm của các người được chấp thuận (*Halāl*) cho họ (dùng). Các người được phép cưới các trinh nữ tự do có đức tin (không phải là nữ nô lệ) và cả các trinh nữ tự do trong số người dân đã được ban cho Kinh sách vào thời kỳ trước các người với điều kiện các người phải tặng họ phần tiền cưới bắt buộc (*Mahr*) với mục đích nhận họ làm vợ chứ không vì ham muốn tình dục cũng không nhận họ làm tình nhân vụng trộm. Và ai phủ nhận đức tin thì việc làm của y sẽ không có kết quả; và ở Đời sau y sẽ là một kẻ thua thiệt.

يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُوٓاْ إِذَا قُمۡتُمۡ إِلَى ٱلصَّلَوٰةِ فَٱغۡسِلُواْ
وُجُوهَكُمۡ وَأَيۡدِيَكُمۡ إِلَى ٱلۡمَرَافِقِ وَٱمۡسَحُواْ بِرُءُوسِكُمۡ
وَأَرۡجُلَكُمۡ إِلَى ٱلۡكَعۡبَيۡنِۚ وَإِن كُنتُمۡ جُنُبٗا فَٱطَّهَّرُواْۚ
وَإِن كُنتُم مَّرۡضَىٰٓ أَوۡ عَلَىٰ سَفَرٍ أَوۡ جَآءَ أَحَدٞ مِّنكُم مِّنَ
ٱلۡغَآئِطِ أَوۡ لَٰمَسۡتُمُ ٱلنِّسَآءَ فَلَمۡ تَجِدُواْ مَآءٗ فَتَيَمَّمُواْ صَعِيدٗا
طَيِّبٗا فَٱمۡسَحُواْ بِوُجُوهِكُمۡ وَأَيۡدِيكُم مِّنۡهُۚ مَا يُرِيدُ ٱللَّهُ
لِيَجۡعَلَ عَلَيۡكُم مِّنۡ حَرَجٖ وَلَٰكِن يُرِيدُ لِيُطَهِّرَكُمۡ
وَلِيُتِمَّ نِعۡمَتَهُۥ عَلَيۡكُمۡ لَعَلَّكُمۡ تَشۡكُرُونَ ٦
وَٱذۡكُرُواْ نِعۡمَةَ ٱللَّهِ عَلَيۡكُمۡ وَمِيثَٰقَهُ ٱلَّذِي وَاثَقَكُم
بِهِۦٓ إِذۡ قُلۡتُمۡ سَمِعۡنَا وَأَطَعۡنَاۖ وَٱتَّقُواْ ٱللَّهَۚ إِنَّ ٱللَّهَ عَلِيمُۢ
بِذَاتِ ٱلصُّدُورِ ٧ يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ كُونُواْ قَوَّٰمِينَ
لِلَّهِ شُهَدَآءَ بِٱلۡقِسۡطِۖ وَلَا يَجۡرِمَنَّكُمۡ شَنَـَٔانُ قَوۡمٍ عَلَىٰٓ
أَلَّا تَعۡدِلُواْۚ ٱعۡدِلُواْ هُوَ أَقۡرَبُ لِلتَّقۡوَىٰۖ وَٱتَّقُواْ ٱللَّهَۚ إِنَّ
ٱللَّهَ خَبِيرُۢ بِمَا تَعۡمَلُونَ ٨ وَعَدَ ٱللَّهُ ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ
وَعَمِلُواْ ٱلصَّٰلِحَٰتِ لَهُم مَّغۡفِرَةٞ وَأَجۡرٌ عَظِيمٞ ٩

6.- Hỡi những ai có niềm tin! Khi các người đứng dậy để đi dâng lễ *Salāh* hãy rửa mặt và (hai) tay của các người đến cùi chỏ và lau vuốt đầu (*mash*[1]) của các người (với nước) và rửa hai bàn chân đến tận mắt cá. Và nếu các người không được sạch (do việc chăn gối) thì phải tẩy sạch toàn thân (bằng cách tắm '*ghusl*'); và nếu các người bị bệnh hoặc trên đường đi xa hoặc sau khi bước ra khỏi nhà vệ sinh hoặc sau khi chung đụng (*lamasa*[2]) với vợ nhưng không tìm ra nước (để tẩy sạch) thì hãy đến chỗ đất (hay cát) sạch, dùng nó lau mặt và tay của các người (đến cùi chỏ) theo thủ tục '*Tayyammum*'; Allah không muốn gây khó khăn cho các người; ngược lại Ngài muốn tẩy sạch các người và hoàn tất Ân huệ của Ngài cho các người để cho các người có thể tạ ơn.

7.- Và hãy nhớ Ân huệ của Allah đã ban cho các người và (nhớ) lời giao ước mà các người đã giao ước với Ngài khi các người thưa: "Chúng tôi nghe và tuân lệnh;" và hãy sợ Allah. Quả thật, Allah biết hết điều thầm kín trong lòng (của các người).

8.- Hỡi những ai có niềm tin! Hãy vì công lý mà hiên ngang đứng làm nhân chứng cho Allah. Và chớ để cho lòng hận thù đối với một đám người thôi thúc các người hành động bất công. Hãy công bằng: điều đó gần với lòng sùng kính Allah. Hãy sợ Allah. Quả thật, Allah rất Am tường mọi điều các người làm.

9.- Allah hứa tha thứ và ban một phần thưởng vĩ đại cho những ai tin tưởng và làm việc thiện.

---

[1] *Mash* = lau, chùi. Theo chuyên môn, *masah* có nghĩa lau vuốt da đầu với nước sạch trong lúc làm thủ tục tẩy sạch (*wudu'*) trước khi dâng lễ Salāh.

[2] *lamasa* = chạm, đụng. Theo chuyên môn ở đây *lamasa* có nghĩa giao hợp, ăn nằm với vợ.

وَٱلَّذِينَ كَفَرُواْ وَكَذَّبُواْ بِـَٔايَٰتِنَآ أُوْلَٰٓئِكَ أَصْحَٰبُ ٱلْجَحِيمِ ﴿١٠﴾ يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ ٱذْكُرُواْ نِعْمَتَ ٱللَّهِ عَلَيْكُمْ إِذْ هَمَّ قَوْمٌ أَن يَبْسُطُوٓاْ إِلَيْكُمْ أَيْدِيَهُمْ فَكَفَّ أَيْدِيَهُمْ عَنكُمْۖ وَٱتَّقُواْ ٱللَّهَۚ وَعَلَى ٱللَّهِ فَلْيَتَوَكَّلِ ٱلْمُؤْمِنُونَ ﴿١١﴾ ۞ وَلَقَدْ أَخَذَ ٱللَّهُ مِيثَٰقَ بَنِيٓ إِسْرَٰٓءِيلَ وَبَعَثْنَا مِنْهُمُ ٱثْنَيْ عَشَرَ نَقِيبًاۖ وَقَالَ ٱللَّهُ إِنِّي مَعَكُمْۖ لَئِنْ أَقَمْتُمُ ٱلصَّلَوٰةَ وَءَاتَيْتُمُ ٱلزَّكَوٰةَ وَءَامَنتُم بِرُسُلِي وَعَزَّرْتُمُوهُمْ وَأَقْرَضْتُمُ ٱللَّهَ قَرْضًا حَسَنًا لَّأُكَفِّرَنَّ عَنكُمْ سَيِّـَٔاتِكُمْ وَلَأُدْخِلَنَّكُمْ جَنَّٰتٍ تَجْرِي مِن تَحْتِهَا ٱلْأَنْهَٰرُۚ فَمَن كَفَرَ بَعْدَ ذَٰلِكَ مِنكُمْ فَقَدْ ضَلَّ سَوَآءَ ٱلسَّبِيلِ ﴿١٢﴾ فَبِمَا نَقْضِهِم مِّيثَٰقَهُمْ لَعَنَّٰهُمْ وَجَعَلْنَا قُلُوبَهُمْ قَٰسِيَةًۖ يُحَرِّفُونَ ٱلْكَلِمَ عَن مَّوَاضِعِهِۦ وَنَسُواْ حَظًّا مِّمَّا ذُكِّرُواْ بِهِۦۚ وَلَا تَزَالُ تَطَّلِعُ عَلَىٰ خَآئِنَةٍ مِّنْهُمْ إِلَّا قَلِيلًا مِّنْهُمْۖ فَٱعْفُ عَنْهُمْ وَٱصْفَحْۚ إِنَّ ٱللَّهَ يُحِبُّ ٱلْمُحْسِنِينَ ﴿١٣﴾

ثلاثة أرباع الحزب ١١

10.- Còn những ai không có đức tin và phủ nhận các Lời mặc khải của *TA* (Allah) thì sẽ trở thành người bạn của Hỏa ngục.

11.- Hỡi những ai có niềm tin! Hãy nhớ Ân huệ của Allah đã ban cho các người khi một đám người có ý định giăng tay của chúng đến hãm hại các người nhưng Ngài (Allah) đã giữ tay của chúng khỏi các người. Bởi thế, hãy sợ Allah; và những người có đức tin nên tin tưởng mà phó thác cho Allah.

12.- Và chắc chắn Allah đã nhận lời giao ước của con cháu của Israel và đã bổ nhiệm mười hai vị lãnh đạo của họ[1]; xong Allah phán: "TA ở cùng với các ngươi nếu các ngươi thường xuyên dâng lễ '*Salāh*' và đóng '*Zakāh*' và tin tưởng nơi các Sứ giả của TA và trợ lực Họ và cho Allah mượn một món 'mượn' tốt thì chắc chắn TA sẽ xóa tội cho các ngươi và đưa các ngươi vào những Ngôi-vườn bên dưới có các dòng sông chảy; nhưng sau đó nếu ai trong các ngươi phủ nhận đức tin thì chắc chắn sẽ lạc khỏi con đường bằng phẳng (của *Islām*).

13.- Nhưng vì họ đã bội ước nên *TA* (Allah) đã nguyền rủa họ và làm chai cứng tấm lòng của họ. Họ đã đổi vị trí của Lời phán (của Allah trong Kinh sách); Họ đã bỏ bớt một phần của bức Thông điệp (của Allah); bởi thế, Ngươi sẽ thấy họ không ngưng gian lận ngoại trừ một số ít; nhưng hãy lượng thứ và bỏ qua cho họ. Quả thật, Allah yêu thương những người làm tốt.

[1] Xem Cựu ước, Xuất Ê-gíp-tô ký chương 19 câu 7-8. Qur'ān, Chương 2 câu 63.

وَمِنَ ٱلَّذِينَ قَالُوٓاْ إِنَّا نَصَٰرَىٰٓ أَخَذۡنَا مِيثَٰقَهُمۡ فَنَسُواْ
حَظّٗا مِّمَّا ذُكِّرُواْ بِهِۦ فَأَغۡرَيۡنَا بَيۡنَهُمُ ٱلۡعَدَاوَةَ
وَٱلۡبَغۡضَآءَ إِلَىٰ يَوۡمِ ٱلۡقِيَٰمَةِۚ وَسَوۡفَ يُنَبِّئُهُمُ ٱللَّهُ
بِمَا كَانُواْ يَصۡنَعُونَ ﴿١٤﴾ يَٰٓأَهۡلَ ٱلۡكِتَٰبِ قَدۡ
جَآءَكُمۡ رَسُولُنَا يُبَيِّنُ لَكُمۡ كَثِيرٗا مِّمَّا
كُنتُمۡ تُخۡفُونَ مِنَ ٱلۡكِتَٰبِ وَيَعۡفُواْ عَن كَثِيرٖۚ
قَدۡ جَآءَكُم مِّنَ ٱللَّهِ نُورٞ وَكِتَٰبٞ مُّبِينٞ ﴿١٥﴾
يَهۡدِي بِهِ ٱللَّهُ مَنِ ٱتَّبَعَ رِضۡوَٰنَهُۥ سُبُلَ ٱلسَّلَٰمِ
وَيُخۡرِجُهُم مِّنَ ٱلظُّلُمَٰتِ إِلَى ٱلنُّورِ بِإِذۡنِهِۦ
وَيَهۡدِيهِمۡ إِلَىٰ صِرَٰطٖ مُّسۡتَقِيمٖ ﴿١٦﴾ لَّقَدۡ كَفَرَ
ٱلَّذِينَ قَالُوٓاْ إِنَّ ٱللَّهَ هُوَ ٱلۡمَسِيحُ ٱبۡنُ مَرۡيَمَۚ
قُلۡ فَمَن يَمۡلِكُ مِنَ ٱللَّهِ شَيۡـًٔا إِنۡ أَرَادَ أَن يُهۡلِكَ
ٱلۡمَسِيحَ ٱبۡنَ مَرۡيَمَ وَأُمَّهُۥ وَمَن فِي ٱلۡأَرۡضِ
جَمِيعٗاۗ وَلِلَّهِ مُلۡكُ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضِ وَمَا بَيۡنَهُمَاۚ
يَخۡلُقُ مَا يَشَآءُۚ وَٱللَّهُ عَلَىٰ كُلِّ شَيۡءٖ قَدِيرٞ ﴿١٧﴾

14.- Và trong số những người đã tự gọi mình là tín đồ Thiên Chúa giáo (*Naṣārā*), *TA* (Allah) đã nhận lời giao ước của họ nhưng họ đã bỏ quên một phần của bức Thông điệp đã được ban cho họ nên *TA* (Allah) đã khơi dậy ác cảm và hận thù giữa họ với nhau cho đến Ngày Phục sinh và Allah sẽ sớm báo cho họ biết điều (sai quấy) mà họ đã thực hiện.

15.- Hỡi Người dân Kinh sách! Chắc chắn Sứ giả (Muhammad) của *TA* đến gặp các người trình bày rõ cho các người nhiều điều mà các người đã từng giấu giếm trong Kinh sách (của các người) và lướt qua nhiều điều (không cần đề cập nữa). Chắc chắn, một ánh sáng và một Kinh sách quang minh từ Allah đã được gởi đến cho các người.

16.- Allah dùng Nó (*Qur'ān*) để hướng dẫn tất cả những ai tuân theo sự Hài lòng của Ngài hầu đi theo con đường an bình (của **Islām**) và đưa họ rời khỏi tăm tối để bước ra ánh sáng theo sự chấp thuận của Ngài và hướng dẫn họ theo con đường ngay chính.

17.- Chắc chắn là không có đức tin những ai nói rằng Allah là *Masīh* ('Isa), con trai của *Maryam*. Hãy bảo họ: "Thế thì ai có quyền cản trở Allah nếu Ngài muốn tiêu diệt *Masīh* ('Isa) lẫn người mẹ của Người và bất cứ ai trên trái đất này?" Bởi vì Allah nắm quyền thống trị các tầng trời và trái đất và mọi vật giữa trời đất. Ngài tạo hóa bất cứ vật gì Ngài muốn. Và Allah có quyền chi phối trên tất cả mọi vật.

وَقَالَتِ ٱلۡيَهُودُ وَٱلنَّصَٰرَىٰ نَحۡنُ أَبۡنَٰٓؤُاْ ٱللَّهِ وَأَحِبَّٰٓؤُهُۥۚ قُلۡ
فَلِمَ يُعَذِّبُكُم بِذُنُوبِكُمۖ بَلۡ أَنتُم بَشَرٞ مِّمَّنۡ خَلَقَۚ يَغۡفِرُ لِمَن
يَشَآءُ وَيُعَذِّبُ مَن يَشَآءُۚ وَلِلَّهِ مُلۡكُ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضِ
وَمَا بَيۡنَهُمَاۖ وَإِلَيۡهِ ٱلۡمَصِيرُ ١٨ يَٰٓأَهۡلَ ٱلۡكِتَٰبِ قَدۡ جَآءَكُمۡ
رَسُولُنَا يُبَيِّنُ لَكُمۡ عَلَىٰ فَتۡرَةٖ مِّنَ ٱلرُّسُلِ أَن تَقُولُواْ مَا جَآءَنَا
مِنۢ بَشِيرٖ وَلَا نَذِيرٖۖ فَقَدۡ جَآءَكُم بَشِيرٞ وَنَذِيرٞۗ وَٱللَّهُ عَلَىٰ كُلِّ
شَيۡءٖ قَدِيرٞ ١٩ وَإِذۡ قَالَ مُوسَىٰ لِقَوۡمِهِۦ يَٰقَوۡمِ ٱذۡكُرُواْ
نِعۡمَةَ ٱللَّهِ عَلَيۡكُمۡ إِذۡ جَعَلَ فِيكُمۡ أَنۢبِيَآءَ وَجَعَلَكُم مُّلُوكٗا
وَءَاتَىٰكُم مَّا لَمۡ يُؤۡتِ أَحَدٗا مِّنَ ٱلۡعَٰلَمِينَ ٢٠ يَٰقَوۡمِ ٱدۡخُلُواْ
ٱلۡأَرۡضَ ٱلۡمُقَدَّسَةَ ٱلَّتِي كَتَبَ ٱللَّهُ لَكُمۡ وَلَا تَرۡتَدُّواْ
عَلَىٰٓ أَدۡبَارِكُمۡ فَتَنقَلِبُواْ خَٰسِرِينَ ٢١ قَالُواْ يَٰمُوسَىٰٓ إِنَّ
فِيهَا قَوۡمٗا جَبَّارِينَ وَإِنَّا لَن نَّدۡخُلَهَا حَتَّىٰ يَخۡرُجُواْ مِنۡهَا فَإِن
يَخۡرُجُواْ مِنۡهَا فَإِنَّا دَٰخِلُونَ ٢٢ قَالَ رَجُلَانِ مِنَ ٱلَّذِينَ يَخَافُونَ
أَنۡعَمَ ٱللَّهُ عَلَيۡهِمَا ٱدۡخُلُواْ عَلَيۡهِمُ ٱلۡبَابَ فَإِذَا دَخَلۡتُمُوهُ فَإِنَّكُمۡ
غَٰلِبُونَۚ وَعَلَى ٱللَّهِ فَتَوَكَّلُوٓاْ إِن كُنتُم مُّؤۡمِنِينَ ٢٣

18.- Và người Do thái lẫn tín đồ Thiên Chúa giáo đều nói: "Chúng tôi là các đứa con đáng yêu của Allah." Hãy bảo họ: "Nếu thế, thì tại sao Ngài (Allah) bắt phạt các ngươi vì tội lỗi của các ngươi?" Không, các ngươi là những người phàm trong loài người mà Ngài đã tạo; Ngài tha thứ cho người nào Ngài muốn và trừng phạt kẻ nào Ngài muốn bởi vì Allah nắm quyền thống trị các tầng trời và trái đất và vạn vật giữa trời đất. Và Ngài là mục tiêu trở về cuối cùng (của tất cả).

19.- Hỡi Người dân Kinh Sách! Chắc chắn Sứ giả (Muhammad) của *TA* (Allah) đã đến gặp các ngươi để giải thích rõ sự việc sau một thời gian tạm ngưng phái các Sứ giả (của *TA*); bởi vì các ngươi có thể nói: "Không có một người mang tin lành và báo tin dữ nào đến gặp chúng tôi cả." Vì thế một người vừa mang tin lành vừa làm việc cảnh cáo đến gặp các ngươi. Bởi vì Allah có quyền trên tất cả mọi việc.

20.- Và (hãy nhớ) khi *Mūsa* bảo người dân của Người: "Hỡi dân ta! Hãy nhớ Ân huệ của Allah đã ban cho các ngươi khi Ngài đã bổ nhiệm trong các ngươi các *Nabi* và làm cho các ngươi thành vua (chúa) và ban cho các ngươi (Ân phúc) mà Ngài đã không hề ban cho một ai khác trong thiên hạ."

21.- "Hỡi dân ta! Hãy vào Thánh địa mà Allah đã chỉ định cho các ngươi và chớ quay trở lui bởi vì làm thế các ngươi sẽ trở thành những kẻ thua thiệt."

22.- Họ đáp: "Hỡi Mūsa! Quả thật, nơi đó có một dân tộc sức mạnh phi thường; và thực sự chúng tôi sẽ không bao giờ tiến vào (thánh địa) được trừ phi chúng rời khỏi nơi đó. Bởi thế, nếu chúng ra đi thì chúng tôi sẽ vào."

23.- (Nhưng) trong số những người sợ Allah có hai người đã được Allah ban ân (tên *Yūsha' và Kālab*) vội lên tiếng: "Nào, hãy tấn công chúng vào cổng (chính); bởi thế khi nào quí vị vào cổng được thì chắc chắn quí vị chiến thắng, và hãy phó thác cho Allah nếu quí vị có đức tin thực sự."

قَالُواْ يَٰمُوسَىٰٓ إِنَّا لَن نَّدۡخُلَهَآ أَبَدٗا مَّا دَامُواْ فِيهَا فَٱذۡهَبۡ
أَنتَ وَرَبُّكَ فَقَٰتِلَآ إِنَّا هَٰهُنَا قَٰعِدُونَ ٢٤ قَالَ رَبِّ إِنِّي
لَآ أَمۡلِكُ إِلَّا نَفۡسِي وَأَخِيۖ فَٱفۡرُقۡ بَيۡنَنَا وَبَيۡنَ ٱلۡقَوۡمِ
ٱلۡفَٰسِقِينَ ٢٥ قَالَ فَإِنَّهَا مُحَرَّمَةٌ عَلَيۡهِمۡۛ أَرۡبَعِينَ سَنَةٗۛ
يَتِيهُونَ فِي ٱلۡأَرۡضِۚ فَلَا تَأۡسَ عَلَى ٱلۡقَوۡمِ ٱلۡفَٰسِقِينَ
٢٦ ۞وَٱتۡلُ عَلَيۡهِمۡ نَبَأَ ٱبۡنَيۡ ءَادَمَ بِٱلۡحَقِّ إِذۡ قَرَّبَا قُرۡبَانٗا فَتُقُبِّلَ
مِنۡ أَحَدِهِمَا وَلَمۡ يُتَقَبَّلۡ مِنَ ٱلۡأٓخَرِ قَالَ لَأَقۡتُلَنَّكَۖ
قَالَ إِنَّمَا يَتَقَبَّلُ ٱللَّهُ مِنَ ٱلۡمُتَّقِينَ ٢٧ لَئِنۢ بَسَطتَ إِلَيَّ يَدَكَ
لِتَقۡتُلَنِي مَآ أَنَا۠ بِبَاسِطٖ يَدِيَ إِلَيۡكَ لِأَقۡتُلَكَۖ إِنِّيٓ أَخَافُ ٱللَّهَ
رَبَّ ٱلۡعَٰلَمِينَ ٢٨ إِنِّيٓ أُرِيدُ أَن تَبُوٓأَ بِإِثۡمِي وَإِثۡمِكَ فَتَكُونَ
مِنۡ أَصۡحَٰبِ ٱلنَّارِۚ وَذَٰلِكَ جَزَٰٓؤُاْ ٱلظَّٰلِمِينَ ٢٩ فَطَوَّعَتۡ
لَهُۥ نَفۡسُهُۥ قَتۡلَ أَخِيهِ فَقَتَلَهُۥ فَأَصۡبَحَ مِنَ ٱلۡخَٰسِرِينَ ٣٠
فَبَعَثَ ٱللَّهُ غُرَابٗا يَبۡحَثُ فِي ٱلۡأَرۡضِ لِيُرِيَهُۥ كَيۡفَ يُوَٰرِي
سَوۡءَةَ أَخِيهِۚ قَالَ يَٰوَيۡلَتَىٰٓ أَعَجَزۡتُ أَنۡ أَكُونَ مِثۡلَ هَٰذَا
ٱلۡغُرَابِ فَأُوَٰرِيَ سَوۡءَةَ أَخِيۖ فَأَصۡبَحَ مِنَ ٱلنَّٰدِمِينَ ٣١

24.- Và họ nói tiếp: "Hỡi Mūsa! Chúng tôi sẽ không bao giờ vào trong ấy đặng nếu chúng còn ở trong đó. Bởi thế, thầy và *Rabb* của thầy hãy vào tấn công chúng trước, chúng tôi ngồi đợi ở đây."

25.- (Mūsa) thưa: "Lạy *Rabb* của bề tôi! Bề tôi chỉ kiểm soát được bản thân của bề tôi và người anh của bề tôi thôi! Xin Ngài tách rời hai anh em của bề tôi ra khỏi đám loạn thần này!"

26.- (Allah) phán: "Thế thì nó (Thánh địa) sẽ bị cấm đối với họ trong vòng bốn mươi (40) năm. (Suốt thời gian này) họ sẽ đi lang thang khắp nơi trên trái đất. Bởi thế, Ngươi chớ than van cho đám loạn thần này."

27.- (Hỡi Muhammad!) Hãy đọc cho họ nghe đúng sự thật câu chuyện về hai đứa con trai[1] (*Qābīl và Hābīl*) của Ādam khi chúng dâng lễ vật (lên Allah); nhưng Ngài chỉ chấp nhận từ một đứa và không chấp nhận từ đứa kia. (*Qābīl*) bảo (đứa em): "Chắc chắn tao sẽ giết mày." (*Hābīl*) đáp: "Allah chỉ chấp nhận từ những người ngay chính sợ Allah."

28.- "Nếu anh nhất định giăng tay ra giết tôi thì tôi sẽ không giăng tay ra giết anh trở lại bởi vì tôi sợ Allah, *Rabb* của vũ trụ và muôn loài."

29.- "Thực ra tôi muốn anh lãnh cả tội của tôi lẫn tội của anh. Vì thế anh sẽ làm bạn với Lửa (của Hỏa ngục), và đấy là phần thưởng dành cho những ai làm điều sai quấy".

30.- Bởi thế, ý nghĩ vị kỹ muốn giết em của hắn làm cho hắn cảm thấy thích thú. Do đó, hắn đã giết đứa em của hắn. Vì thế hắn đã trở thành một người thua thiệt.

31.- Sau đó Allah gởi một con quạ đến cào đất để chỉ cho hắn (Qābīl) thấy cách chôn xác của đứa em của hắn. (Thấy thế) hắn than: "Ta thật khốn nạn! Há ta không bằng con quạ này hay sao đến nỗi ta không biết cách chôn xác của em ta? Thế rồi hắn đâm ra hối hận.

---

[1] Nabi Ādam có hai đứa con trai Qābīl và Hābīl (tức Cain và Abel trong Kinh Thánh) Qābīl là anh trai và Hābīl là em trai. Qābīl có một đưa em gái sinh đôi cùng với mình và Hābīl cũng có một đứa em gái sinh đôi với mình. Nabi Ādam truyền cho hai đứa con trai kết hôn chéo ngang với chị và em gái tức Qābīl kết hôn với đứa em gái sinh đôi cùng với Habīl. và ngược lại Hābīl với người chị gái sinh đôi cùng với Qābīl. Qābīl bất tuân lệnh cha, chỉ muốn kết hôn với đứa em sinh đôi cùng với mình. Thấy thế, Nabi Ādam bảo hai đứa con dâng lễ vật lên Allah để Ngài quyết định. Hābīl dâng một con trừu tơ béo bổ và Qābīl dâng một chùm thóc xấu. Một ngọn lửa đáp xuống bén cháy lễ vật của Hābīl nhưng không bén đến lễ vật của Qābīl. Tức giận, Qābīl bảo đứa em: "Tao sẽ giết mày đặng mày khỏi lấy em tao." Hābīl đáp: "Allah chỉ chấp nhận từ những người ngay chính sợ Ngài." Ở đây, Qābīl tiêu biểu cho người dân Kinh sách và Hābīl tiêu biểu cho người dân Muslim.

مِنْ أَجْلِ ذَٰلِكَ كَتَبْنَا عَلَىٰ بَنِيٓ إِسْرَٰٓءِيلَ أَنَّهُۥ مَن قَتَلَ
نَفْسَۢا بِغَيْرِ نَفْسٍ أَوْ فَسَادٖ فِي ٱلْأَرْضِ فَكَأَنَّمَا قَتَلَ
ٱلنَّاسَ جَمِيعٗا وَمَنْ أَحْيَاهَا فَكَأَنَّمَآ أَحْيَا ٱلنَّاسَ
جَمِيعٗاۚ وَلَقَدْ جَآءَتْهُمْ رُسُلُنَا بِٱلْبَيِّنَٰتِ ثُمَّ إِنَّ كَثِيرٗا
مِّنْهُم بَعْدَ ذَٰلِكَ فِي ٱلْأَرْضِ لَمُسْرِفُونَ ﴿٣٢﴾ إِنَّمَا
جَزَٰٓؤُاْ ٱلَّذِينَ يُحَارِبُونَ ٱللَّهَ وَرَسُولَهُۥ وَيَسْعَوْنَ فِي
ٱلْأَرْضِ فَسَادًا أَن يُقَتَّلُوٓاْ أَوْ يُصَلَّبُوٓاْ أَوْ تُقَطَّعَ أَيْدِيهِمْ
وَأَرْجُلُهُم مِّنْ خِلَٰفٍ أَوْ يُنفَوْاْ مِنَ ٱلْأَرْضِۚ ذَٰلِكَ
لَهُمْ خِزْيٞ فِي ٱلدُّنْيَاۖ وَلَهُمْ فِي ٱلْأٓخِرَةِ عَذَابٌ عَظِيمٌ
﴿٣٣﴾ إِلَّا ٱلَّذِينَ تَابُواْ مِن قَبْلِ أَن تَقْدِرُواْ عَلَيْهِمْۖ فَٱعْلَمُوٓاْ
أَنَّ ٱللَّهَ غَفُورٞ رَّحِيمٞ ﴿٣٤﴾ يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ ٱتَّقُواْ
ٱللَّهَ وَٱبْتَغُوٓاْ إِلَيْهِ ٱلْوَسِيلَةَ وَجَٰهِدُواْ فِي سَبِيلِهِۦ
لَعَلَّكُمْ تُفْلِحُونَ ﴿٣٥﴾ إِنَّ ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ لَوْ أَنَّ لَهُم
مَّا فِي ٱلْأَرْضِ جَمِيعٗا وَمِثْلَهُۥ مَعَهُۥ لِيَفْتَدُواْ بِهِۦ مِنْ
عَذَابِ يَوْمِ ٱلْقِيَٰمَةِ مَا تُقُبِّلَ مِنْهُمْۖ وَلَهُمْ عَذَابٌ أَلِيمٞ ﴿٣٦﴾

32.- Bởi lý do đó, nên *TA* (Allah) đã quyết định cho con cháu của Israel như sau: ai giết một người (vô tội) trừ phi (giết) một tên sát nhân hay một kẻ phá hoại trên trái đất, thì như là hắn đã giết toàn thể nhân loại; và ai cứu sống một sinh mạng, thì như là hắn đã cứu sống toàn thể nhân loại. Và chắc chắn các Sứ giả của *TA* (Allah) đã đến gặp họ với những bằng chứng rõ rệt rồi sau đó đa số bọn họ vẫn hành động thái quá trên mặt đất!.

33.- Hình phạt dùng trừng trị những kẻ tạo chiến tranh chống lại Allah và Sứ giả của Ngài và nỗ lực gây phá hoại trên trái đất chỉ có việc: hoặc xử tử, hoặc đóng đinh trên thập tự giá hoặc chặt tay này và chân kia hoặc trục xuất ra khỏi lãnh thổ. Đó là hình phạt nhục nhã dành cho chúng ở thế gian này; và ở Đời sau chúng sẽ chịu một sự trừng phạt vĩ đại;

34.- Ngoại trừ những ai biết ăn năn sám hối trước khi các ngươi (Muslim) chinh phục chúng. Nhưng hãy biết Allah Hằng Tha thứ, Rất mực Khoan dung.

35.- Hỡi những ai có niềm tin! Hãy sợ Allah và tìm phương cách hướng về Ngài và chiến đấu cho Chính nghĩa của Ngài để may ra các người được thành đạt.

36.- Quả thật, những kẻ không có đức tin dẫu cho họ có tất cả mọi thứ trên trái đất và có gấp đôi thứ đó để chuộc tội hầu khỏi bị trừng phạt vào Ngày Phục sinh thì nó sẽ không được chấp nhận từ họ và họ sẽ chịu một sự trừng phạt đau đớn.

يُرِيدُونَ أَن يَخْرُجُوا۟ مِنَ ٱلنَّارِ وَمَا هُم بِخَٰرِجِينَ مِنْهَا ۖ وَلَهُمْ عَذَابٌ مُّقِيمٌ ﴿٣٧﴾ وَٱلسَّارِقُ وَٱلسَّارِقَةُ فَٱقْطَعُوٓا۟ أَيْدِيَهُمَا جَزَآءًۢ بِمَا كَسَبَا نَكَٰلًا مِّنَ ٱللَّهِ ۗ وَٱللَّهُ عَزِيزٌ حَكِيمٌ ﴿٣٨﴾ فَمَن تَابَ مِنۢ بَعْدِ ظُلْمِهِۦ وَأَصْلَحَ فَإِنَّ ٱللَّهَ يَتُوبُ عَلَيْهِ ۗ إِنَّ ٱللَّهَ غَفُورٌ رَّحِيمٌ ﴿٣٩﴾ أَلَمْ تَعْلَمْ أَنَّ ٱللَّهَ لَهُۥ مُلْكُ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلْأَرْضِ يُعَذِّبُ مَن يَشَآءُ وَيَغْفِرُ لِمَن يَشَآءُ ۗ وَٱللَّهُ عَلَىٰ كُلِّ شَىْءٍ قَدِيرٌ ﴿٤٠﴾ ۞ يَٰٓأَيُّهَا ٱلرَّسُولُ لَا يَحْزُنكَ ٱلَّذِينَ يُسَٰرِعُونَ فِى ٱلْكُفْرِ مِنَ ٱلَّذِينَ قَالُوٓا۟ ءَامَنَّا بِأَفْوَٰهِهِمْ وَلَمْ تُؤْمِن قُلُوبُهُمْ ۛ وَمِنَ ٱلَّذِينَ هَادُوا۟ ۛ سَمَّٰعُونَ لِلْكَذِبِ سَمَّٰعُونَ لِقَوْمٍ ءَاخَرِينَ لَمْ يَأْتُوكَ ۖ يُحَرِّفُونَ ٱلْكَلِمَ مِنۢ بَعْدِ مَوَاضِعِهِۦ ۖ يَقُولُونَ إِنْ أُوتِيتُمْ هَٰذَا فَخُذُوهُ وَإِن لَّمْ تُؤْتَوْهُ فَٱحْذَرُوا۟ ۚ وَمَن يُرِدِ ٱللَّهُ فِتْنَتَهُۥ فَلَن تَمْلِكَ لَهُۥ مِنَ ٱللَّهِ شَيْـًٔا ۚ أُو۟لَٰٓئِكَ ٱلَّذِينَ لَمْ يُرِدِ ٱللَّهُ أَن يُطَهِّرَ قُلُوبَهُمْ ۚ لَهُمْ فِى ٱلدُّنْيَا خِزْىٌ ۖ وَلَهُمْ فِى ٱلْـَٔاخِرَةِ عَذَابٌ عَظِيمٌ ﴿٤١﴾

ربع الحزب ١٢

37.- Họ mong muốn được thoát ra khỏi Lửa (của Hỏa ngục) nhưng họ sẽ không thoát ra khỏi đó đặng và họ sẽ chịu một sự trừng phạt triền miên.

38.- (Đối với) người nam hay nữ trộm cắp, hãy chặt tay của họ như là một sự phạt đền về tội mà họ đã phạm, một biện pháp từ Allah nhằm làm ngã lòng (kẻ trộm cắp). Và Allah Toàn Năng, Rất mực Sáng suốt.

39.- Nhưng ai biết ăn năn hối cải và sửa mình sau khi làm điều sai quấy thì quả thật Allah quay lại tha thứ cho y. Quả thật, Allah Hằng Tha thứ, Rất mực Khoan dung.

40.- Há Ngươi không biết rằng quyền thống trị các tầng trời và trái đất thuộc về Allah hay sao? Ngài trừng phạt kẻ nào Ngài muốn và tha thứ cho người nào Ngài muốn bởi vì Allah có quyền chi phối vạn vật.

41.- Hỡi Sứ giả (Muhammad)! Chớ đâm lo buồn cho những ai thi đua nhau chạy vào vòng không tin tưởng trong số những kẻ đã nói: "Chúng tôi tin tưởng" trên đầu môi chót lưỡi nhưng tấm lòng của chúng không có đức tin. Và những ai là người Do thái, chúng nghe theo điều gian dối, chúng nghe theo đám người khác chẳng hề đến tiếp xúc với Ngươi; chúng thay đổi lời nói khỏi vị trí của nó; chúng nói: "Nếu quí vị được ban cho điều này thì hãy tiếp thu nó, ngược lại nếu quí vị không được ban cho, thì hãy cảnh giác!" Và người nào mà Allah muốn thử thách thì Ngươi sẽ hoàn toàn bất lực trong việc cứu hắn thoát khỏi hình phạt của Allah. Đó là những kẻ mà Allah không muốn tẩy sạch tấm lòng của chúng. Chúng sẽ bị hạ nhục trên trần thế, nhưng ở Đời sau chúng sẽ bị trừng phạt nặng nề hơn.

سَمَّٰعُونَ لِلۡكَذِبِ أَكَّٰلُونَ لِلسُّحۡتِۚ فَإِن جَآءُوكَ
فَٱحۡكُم بَيۡنَهُمۡ أَوۡ أَعۡرِضۡ عَنۡهُمۡۖ وَإِن تُعۡرِضۡ عَنۡهُمۡ فَلَن
يَضُرُّوكَ شَيۡـٔٗاۖ وَإِنۡ حَكَمۡتَ فَٱحۡكُم بَيۡنَهُم بِٱلۡقِسۡطِۚ
إِنَّ ٱللَّهَ يُحِبُّ ٱلۡمُقۡسِطِينَ ﴿٤٢﴾ وَكَيۡفَ يُحَكِّمُونَكَ
وَعِندَهُمُ ٱلتَّوۡرَىٰةُ فِيهَا حُكۡمُ ٱللَّهِ ثُمَّ يَتَوَلَّوۡنَ مِنۢ بَعۡدِ
ذَٰلِكَۚ وَمَآ أُوْلَٰٓئِكَ بِٱلۡمُؤۡمِنِينَ ﴿٤٣﴾ إِنَّآ أَنزَلۡنَا ٱلتَّوۡرَىٰةَ
فِيهَا هُدٗى وَنُورٞۚ يَحۡكُمُ بِهَا ٱلنَّبِيُّونَ ٱلَّذِينَ أَسۡلَمُواْ
لِلَّذِينَ هَادُواْ وَٱلرَّبَّٰنِيُّونَ وَٱلۡأَحۡبَارُ بِمَا ٱسۡتُحۡفِظُواْ مِن
كِتَٰبِ ٱللَّهِ وَكَانُواْ عَلَيۡهِ شُهَدَآءَۚ فَلَا تَخۡشَوُاْ ٱلنَّاسَ
وَٱخۡشَوۡنِ وَلَا تَشۡتَرُواْ بِـَٔايَٰتِي ثَمَنٗا قَلِيلٗاۚ وَمَن لَّمۡ يَحۡكُم
بِمَآ أَنزَلَ ٱللَّهُ فَأُوْلَٰٓئِكَ هُمُ ٱلۡكَٰفِرُونَ ﴿٤٤﴾ وَكَتَبۡنَا
عَلَيۡهِمۡ فِيهَآ أَنَّ ٱلنَّفۡسَ بِٱلنَّفۡسِ وَٱلۡعَيۡنَ بِٱلۡعَيۡنِ وَٱلۡأَنفَ
بِٱلۡأَنفِ وَٱلۡأُذُنَ بِٱلۡأُذُنِ وَٱلسِّنَّ بِٱلسِّنِّ وَٱلۡجُرُوحَ
قِصَاصٞۚ فَمَن تَصَدَّقَ بِهِۦ فَهُوَ كَفَّارَةٞ لَّهُۥۚ وَمَن
لَّمۡ يَحۡكُم بِمَآ أَنزَلَ ٱللَّهُ فَأُوْلَٰٓئِكَ هُمُ ٱلظَّٰلِمُونَ ﴿٤٥﴾

42.- (Chúng thích) nghe theo điều gian dối, (thích) ăn các món bị cấm. Bởi thế, nếu chúng đến yết kiến Ngươi thì hoặc phân xử giữa bọn chúng hoặc từ chối tiếp chúng. Và nếu Ngươi từ chối tiếp chúng, thì chúng chẳng hại gì được Ngươi. Và nếu Ngươi phân xử bọn chúng thì hãy xét xử một cách công bằng. Quả thật, Allah yêu thương người (xét xử) công bằng.

43.- Nhưng tại sao chúng đến nhờ Ngươi phân xử trong lúc chúng đã có Kinh *Taurāh* trước mặt? (Bởi vì) trong Kinh (Taurāh) đã có sẵn Mệnh lệnh của Allah; rồi sau việc (phân xử) đó, chúng lật lọng bởi vì chúng là những kẻ tuyệt đối không tin gì cả.

44.- Quả thật, *TA* (Allah) đã ban Kinh *Taurāh* xuống (cho Mūsa) trong đó có sẵn Chỉ đạo và ánh sáng (cho con cháu của Israel) mà các *Nabi* tức các vị thần phục Allah (trong Islām), các thầy tu Do thái, các tiến sĩ luật Do thái đã dùng (Kinh Taurāh) để xét xử những ai là người Do thái bởi vì các vị đó được giao cho nhiệm vụ bảo quản Kinh sách của Allah đồng thời làm chứng cho nó. Bởi thế, chớ sợ người mà hãy sợ TA (Allah) và chớ bán các Lời mặc khải của TA với một giá nhỏ nhoi; và ai không xét xử theo điều Allah đã ban xuống thì đó là những kẻ không có đức tin.

45.- *TA* (Allah) đã ra lệnh cho họ trong (*Taurāh*): "Mạng đền mạng, mắt đền mắt, mũi đền mũi, tai đền tai, răng đền răng và thương tích đền bằng thương tích theo luật công bằng." Nhưng ai vì nhân đạo bỏ qua việc trả thù thì đó là cách xóa tội cho hắn; và ai không xét xử theo điều Allah đã ban xuống thì đó là những kẻ làm điều sai quấy.

وَقَفَّيْنَا عَلَىٰٓ ءَاثَٰرِهِم بِعِيسَى ٱبْنِ مَرْيَمَ مُصَدِّقًا لِّمَا بَيْنَ يَدَيْهِ
مِنَ ٱلتَّوْرَىٰةِ ۖ وَءَاتَيْنَٰهُ ٱلْإِنجِيلَ فِيهِ هُدًى وَنُورٌ وَمُصَدِّقًا
لِّمَا بَيْنَ يَدَيْهِ مِنَ ٱلتَّوْرَىٰةِ وَهُدًى وَمَوْعِظَةً لِّلْمُتَّقِينَ ٤٦
وَلْيَحْكُمْ أَهْلُ ٱلْإِنجِيلِ بِمَآ أَنزَلَ ٱللَّهُ فِيهِ ۚ وَمَن لَّمْ يَحْكُم
بِمَآ أَنزَلَ ٱللَّهُ فَأُو۟لَٰٓئِكَ هُمُ ٱلْفَٰسِقُونَ ٤٧ وَأَنزَلْنَآ إِلَيْكَ
ٱلْكِتَٰبَ بِٱلْحَقِّ مُصَدِّقًا لِّمَا بَيْنَ يَدَيْهِ مِنَ ٱلْكِتَٰبِ
وَمُهَيْمِنًا عَلَيْهِ ۖ فَٱحْكُم بَيْنَهُم بِمَآ أَنزَلَ ٱللَّهُ ۖ وَلَا تَتَّبِعْ أَهْوَآءَهُمْ
عَمَّا جَآءَكَ مِنَ ٱلْحَقِّ ۚ لِكُلٍّ جَعَلْنَا مِنكُمْ شِرْعَةً وَمِنْهَاجًا ۚ
وَلَوْ شَآءَ ٱللَّهُ لَجَعَلَكُمْ أُمَّةً وَٰحِدَةً وَلَٰكِن لِّيَبْلُوَكُمْ
فِى مَآ ءَاتَىٰكُمْ ۖ فَٱسْتَبِقُوا۟ ٱلْخَيْرَٰتِ ۚ إِلَى ٱللَّهِ مَرْجِعُكُمْ جَمِيعًا
فَيُنَبِّئُكُم بِمَا كُنتُمْ فِيهِ تَخْتَلِفُونَ ٤٨ وَأَنِ ٱحْكُم بَيْنَهُم
بِمَآ أَنزَلَ ٱللَّهُ وَلَا تَتَّبِعْ أَهْوَآءَهُمْ وَٱحْذَرْهُمْ أَن يَفْتِنُوكَ عَنۢ
بَعْضِ مَآ أَنزَلَ ٱللَّهُ إِلَيْكَ ۖ فَإِن تَوَلَّوْا۟ فَٱعْلَمْ أَنَّمَا يُرِيدُ ٱللَّهُ أَن يُصِيبَهُم
بِبَعْضِ ذُنُوبِهِمْ ۗ وَإِنَّ كَثِيرًا مِّنَ ٱلنَّاسِ لَفَٰسِقُونَ ٤٩ أَفَحُكْمَ
ٱلْجَٰهِلِيَّةِ يَبْغُونَ ۚ وَمَنْ أَحْسَنُ مِنَ ٱللَّهِ حُكْمًا لِّقَوْمٍ يُوقِنُونَ ٥٠

46.- Và *TA* (Allah) đã cử *'Īsa*, con trai của *Maryam* nối gót Họ (các Nabi tiền bối) đến để xác nhận lại các điều (mặc khải) trong Kinh *Taurāh* đã được ban xuống trước thời kỳ của Người và *TA* đã ban cho Người Kinh *Injīl* trong đó có Chỉ đạo và ánh sáng để xác nhận lại điều đã có trước nó trong Kinh *Taurāh*. (Kinh *Injīl*) vừa là một Chỉ đạo vừa là Lời cảnh cáo cho những người sợ Allah.

47.- Và hãy để người dân của Kinh *Injīl* xét xử theo điều (mặc khải) mà Allah đã ban xuống. Và ai không xét xử theo điều mà Allah đã ban xuống thì là những kẻ dấy loạn.

48.- Và *TA* (Allah) đã ban cho Ngươi (hỡi Muhammad!) Kinh sách (*Qur'ān*) bằng sự Thật, xác nhận lại các điều (mặc khải) trong Kinh sách trước Nó (*Qur'ān*) và giữ gìn nó[1] (Kinh Sách cũ) cho được nguyên vẹn. Bởi thế, Ngươi hãy xét xử theo điều Allah đã ban xuống và chớ làm theo điều ham muốn của họ nghịch với Chân lý mà Ngươi đã tiếp thu. *TA* (Allah) đã qui định cho từng (Sứ giả) trong các ngươi một hệ thống luật pháp *(Shir'ah)* và một lề lối *(Minhaj).* Và nếu Allah muốn, Ngài thừa sức làm cho các ngươi thành một Cộng đồng (*Ummah*) duy nhất nhưng (Ngài không làm thế) là vì Ngài muốn thử thách các ngươi với điều mà Ngài đã ban cho các ngươi. Bởi thế, hãy thi đua làm điều thiện. Tất cả các ngươi sẽ được đưa về gặp Allah trở lại rồi Ngài sẽ cho các ngươi biết kết quả về các vấn đề mà các ngươi đã từng tranh chấp.

49.- Và Ngươi hãy xét xử họ theo điều Allah đã ban xuống và chớ làm theo ý muốn của họ và hãy coi chừng họ e rằng họ sẽ quyến dụ Ngươi làm theo điều nghịch với một phần trong các điều lệnh mà Allah đã ban xuống cho Ngươi; nếu họ từ chối thì nên biết rằng Allah chỉ muốn trừng phạt họ về một số tội lỗi của họ. Và quả thật, đa số nhân loại là những kẻ dấy loạn.

50.- Phải chăng họ mong được xét xử theo luật lệ của Thời kỳ ngu muội? Và ai (là Đấng) xét xử tốt hơn Allah cho đám người có đức tin?

---

[1] *Muhaymin* mang nhiều nghĩa: giữ gìn, trông chừng, làm chứng, duy trì, giương cao. Qur'ān mang hai mục đích: 1/ xác nhận những điều lệnh trong các kinh sách cũ; 2/ giữ gìn nội dung của các kinh sách cũ.

نصف الحزب ١٢

۞ يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ لَا تَتَّخِذُواْ ٱلۡيَهُودَ وَٱلنَّصَٰرَىٰٓ أَوۡلِيَآءَۘ بَعۡضُهُمۡ
أَوۡلِيَآءُ بَعۡضٖۚ وَمَن يَتَوَلَّهُم مِّنكُمۡ فَإِنَّهُۥ مِنۡهُمۡۗ إِنَّ ٱللَّهَ لَا يَهۡدِي ٱلۡقَوۡمَ
ٱلظَّٰلِمِينَ ٥١ فَتَرَى ٱلَّذِينَ فِي قُلُوبِهِم مَّرَضٞ يُسَٰرِعُونَ فِيهِمۡ يَقُولُونَ
نَخۡشَىٰٓ أَن تُصِيبَنَا دَآئِرَةٞۚ فَعَسَى ٱللَّهُ أَن يَأۡتِيَ بِٱلۡفَتۡحِ أَوۡ أَمۡرٖ مِّنۡ عِندِهِۦ
فَيُصۡبِحُواْ عَلَىٰ مَآ أَسَرُّواْ فِيٓ أَنفُسِهِمۡ نَٰدِمِينَ ٥٢ وَيَقُولُ ٱلَّذِينَ ءَامَنُوٓاْ
أَهَٰٓؤُلَآءِ ٱلَّذِينَ أَقۡسَمُواْ بِٱللَّهِ جَهۡدَ أَيۡمَٰنِهِمۡ إِنَّهُمۡ لَمَعَكُمۡۚ حَبِطَتۡ
أَعۡمَٰلُهُمۡ فَأَصۡبَحُواْ خَٰسِرِينَ ٥٣ يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ مَن يَرۡتَدَّ
مِنكُمۡ عَن دِينِهِۦ فَسَوۡفَ يَأۡتِي ٱللَّهُ بِقَوۡمٖ يُحِبُّهُمۡ وَيُحِبُّونَهُۥٓ أَذِلَّةٍ
عَلَى ٱلۡمُؤۡمِنِينَ أَعِزَّةٍ عَلَى ٱلۡكَٰفِرِينَ يُجَٰهِدُونَ فِي سَبِيلِ ٱللَّهِ وَلَا
يَخَافُونَ لَوۡمَةَ لَآئِمٖۚ ذَٰلِكَ فَضۡلُ ٱللَّهِ يُؤۡتِيهِ مَن يَشَآءُۚ وَٱللَّهُ وَٰسِعٌ
عَلِيمٌ ٥٤ إِنَّمَا وَلِيُّكُمُ ٱللَّهُ وَرَسُولُهُۥ وَٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ ٱلَّذِينَ يُقِيمُونَ
ٱلصَّلَوٰةَ وَيُؤۡتُونَ ٱلزَّكَوٰةَ وَهُمۡ رَٰكِعُونَ ٥٥ وَمَن يَتَوَلَّ ٱللَّهَ وَرَسُولَهُۥ
وَٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ فَإِنَّ حِزۡبَ ٱللَّهِ هُمُ ٱلۡغَٰلِبُونَ ٥٦ يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ
لَا تَتَّخِذُواْ ٱلَّذِينَ ٱتَّخَذُواْ دِينَكُمۡ هُزُوٗا وَلَعِبٗا مِّنَ ٱلَّذِينَ أُوتُواْ
ٱلۡكِتَٰبَ مِن قَبۡلِكُمۡ وَٱلۡكُفَّارَ أَوۡلِيَآءَۚ وَٱتَّقُواْ ٱللَّهَ إِن كُنتُم مُّؤۡمِنِينَ ٥٧

51.- Hỡi những ai có niềm tin! Chớ kết thân với người Do thái và tín đồ Thiên Chúa giáo. Họ là đồng minh bảo vệ lẫn nhau. Và ai trong các người (Muslim) quay về kết thân với họ thì là người của họ. Quả thật, Allah không hướng dẫn đám người làm điều sai quấy.

52.- Bởi thế, Ngươi thấy những kẻ mang trong lòng một chứng bệnh (giả dối) lăng xăng tới lui giữa bọn họ, nói: "Chúng tôi sợ gặp phải điều chẳng lành." Do đó, giả sử Allah ban cho một thắng lợi hoặc một quyết định nào khác từ Ngài thì họ sẽ vô cùng hối tiếc về những điều mà họ đã giấu giếm trong lòng.

53.- Và những người có đức tin sẽ nói: "Phải chăng đây là những kẻ đã thề thốt bằng lời thề mạnh bạo nhất nhân danh Allah rằng họ sẽ luôn luôn sát cánh với các anh?" Việc làm của họ sẽ vô ích bởi thế họ sẽ trở thành những kẻ thua thiệt.

54.- Hỡi những ai có niềm tin! Nếu ai trong các người bỏ đạo của mình thì Allah sẽ đưa một đám người mà Ngài sẽ yêu thương và họ sẽ yêu thương Ngài đến; họ sẽ hạ mình khiêm tốn trước những người có đức tin nhưng lại khắt khe với những kẻ không tin; họ chiến đấu cho Chính nghĩa của Allah và không bao giờ sợ lời trách móc của những kẻ hay chỉ trích. Đó là Thiên ân mà Allah ban cho người nào Ngài muốn. Và Allah Rộng rãi Bao la, Biết hết (tất cả).

55.- Bạn hữu đỡ đầu thật sự của các người chỉ là Allah và Sứ giả của Ngài và những người có đức tin, những ai chu đáo dâng lễ *Salāh*, và đóng *Zakāh* và cúi đầu thần phục (Allah);

56.- Và ai quay về kết bạn với Allah và Sứ giả của Ngài và những ai có đức tin thì là nhập đảng của Allah; họ sẽ đắc thắng vẻ vang.

57.- Hỡi những ai có niềm tin! Chớ nhận những ai trong số những kẻ đã được ban cho Kinh sách trước các người và những kẻ không có đức tin đã mang đạo giáo của các người ra chế giễu và bỡn cợt làm người đỡ đầu của các người. Và hãy sợ Allah nếu các người thực sự có đức tin.

وَإِذَا نَادَيۡتُمۡ إِلَى ٱلصَّلَوٰةِ ٱتَّخَذُوهَا هُزُوٗا وَلَعِبٗاۚ ذَٰلِكَ بِأَنَّهُمۡ قَوۡمٞ
لَّا يَعۡقِلُونَ ٥٨ قُلۡ يَٰٓأَهۡلَ ٱلۡكِتَٰبِ هَلۡ تَنقِمُونَ مِنَّآ إِلَّآ أَنۡ ءَامَنَّا
بِٱللَّهِ وَمَآ أُنزِلَ إِلَيۡنَا وَمَآ أُنزِلَ مِن قَبۡلُ وَأَنَّ أَكۡثَرَكُمۡ فَٰسِقُونَ ٥٩
قُلۡ هَلۡ أُنَبِّئُكُم بِشَرّٖ مِّن ذَٰلِكَ مَثُوبَةً عِندَ ٱللَّهِۚ مَن لَّعَنَهُ ٱللَّهُ وَغَضِبَ
عَلَيۡهِ وَجَعَلَ مِنۡهُمُ ٱلۡقِرَدَةَ وَٱلۡخَنَازِيرَ وَعَبَدَ ٱلطَّٰغُوتَۚ أُوْلَٰٓئِكَ شَرّٞ
مَّكَانٗا وَأَضَلُّ عَن سَوَآءِ ٱلسَّبِيلِ ٦٠ وَإِذَا جَآءُوكُمۡ قَالُوٓاْ ءَامَنَّا وَقَد
دَّخَلُواْ بِٱلۡكُفۡرِ وَهُمۡ قَدۡ خَرَجُواْ بِهِۦۚ وَٱللَّهُ أَعۡلَمُ بِمَا كَانُواْ يَكۡتُمُونَ
٦١ وَتَرَىٰ كَثِيرٗا مِّنۡهُمۡ يُسَٰرِعُونَ فِي ٱلۡإِثۡمِ وَٱلۡعُدۡوَٰنِ وَأَكۡلِهِمُ
ٱلسُّحۡتَۚ لَبِئۡسَ مَا كَانُواْ يَعۡمَلُونَ ٦٢ لَوۡلَا يَنۡهَىٰهُمُ ٱلرَّبَّٰنِيُّونَ
وَٱلۡأَحۡبَارُ عَن قَوۡلِهِمُ ٱلۡإِثۡمَ وَأَكۡلِهِمُ ٱلسُّحۡتَۚ لَبِئۡسَ مَا كَانُواْ
يَصۡنَعُونَ ٦٣ وَقَالَتِ ٱلۡيَهُودُ يَدُ ٱللَّهِ مَغۡلُولَةٌۚ غُلَّتۡ أَيۡدِيهِمۡ وَلُعِنُواْ
بِمَا قَالُواْۘ بَلۡ يَدَاهُ مَبۡسُوطَتَانِ يُنفِقُ كَيۡفَ يَشَآءُۚ وَلَيَزِيدَنَّ كَثِيرٗا
مِّنۡهُم مَّآ أُنزِلَ إِلَيۡكَ مِن رَّبِّكَ طُغۡيَٰنٗا وَكُفۡرٗاۚ وَأَلۡقَيۡنَا بَيۡنَهُمُ ٱلۡعَدَٰوَةَ
وَٱلۡبَغۡضَآءَ إِلَىٰ يَوۡمِ ٱلۡقِيَٰمَةِۚ كُلَّمَآ أَوۡقَدُواْ نَارٗا لِّلۡحَرۡبِ أَطۡفَأَهَا
ٱللَّهُۚ وَيَسۡعَوۡنَ فِي ٱلۡأَرۡضِ فَسَادٗاۚ وَٱللَّهُ لَا يُحِبُّ ٱلۡمُفۡسِدِينَ ٦٤

58.- Bởi vì khi các người lớn tiếng gọi nhau đến dâng lễ, chúng mang điều đó ra chế giễu và bỡn cợt; sở dĩ như thế là vì chúng là một đám người không hiểu gì cả.

59.- Hãy bảo họ: "Hỡi Người dân Kinh sách! Phải chăng các người phá rối bọn ta chỉ vì bọn ta tin tưởng nơi Allah và điều (mặc khải) đã được ban xuống cho bọn ta và điều đã được ban xuống trước đây và đa số các người làm loạn và bất tuân?"

60.- Hãy bảo họ: "Há ta có nên báo cho các người biết về một điều còn tàn tệ hơn cái đó liên quan đến việc trừng phạt từ Allah hay chăng?" Những kẻ mà Allah đã nguyền rủa, đã giận dữ, những kẻ trong bọn chúng mà Allah đã biến thành khỉ và heo và là bầy tôi của Tà-thần (*Tāghūt*). Những kẻ này rất tồi tệ về chỗ ở và lạc xa con đường bằng phẳng (của Islām).

61.- Và khi đến tiếp xúc với các ngươi (Muslim) họ nói: "Chúng tôi tin tưởng." Và chắc chắn họ nhập đạo bằng sự không tin và sẽ ra khỏi đạo cũng bằng lối đó. Nhưng Allah biết rõ những điều họ giấu giếm.

62.- Và Ngươi thấy đa số bọn họ lao mình vào vòng tội lỗi và hiềm thù và ăn các món bị cấm. Những điều mà họ làm thật là xấu xa.

63.- Tại sao các thầy tu Do thái (*Rabbi*) và các vị tiến sĩ luật (*Ahbār*) của họ không cản bọn họ thốt ra điều tội lỗi và cấm họ ăn các thứ bị cấm? Điều mà họ thực hiện thật hết sức xấu xa!

64.- Người Do thái nói: "Bàn Tay của Allah bị xích chặt lại." Tay của bọn họ mới bị xích lại và họ bị nguyền rủa vì lời phạm thượng của họ. Không, hai Tay của Ngài mở rộng. Ngài chi dùng thiên lộc của Ngài như thế nào tùy Ý Ngài muốn. Và chắc chắn điều mà *Rabb* của Ngươi ban xuống cho Ngươi càng làm cho bọn họ thêm thái quá và chống đối mãnh liệt. Và *TA* (Allah) đã khiến cho bọn họ ác cảm và hận thù lẫn nhau cho đến Ngày Phục sinh. Mỗi lần họ khơi ngọn lửa chiến tranh lên thì Allah liền dập tắt nó. Và họ tận lực phá hoại cho thối nát trên trái đất, nhưng Allah không yêu thương những kẻ thối nát hay phá hoại.

وَلَوۡ أَنَّ أَهۡلَ ٱلۡكِتَٰبِ ءَامَنُواْ وَٱتَّقَوۡاْ لَكَفَّرۡنَا عَنۡهُمۡ
سَيِّـَٔاتِهِمۡ وَلَأَدۡخَلۡنَٰهُمۡ جَنَّٰتِ ٱلنَّعِيمِ ٦٥ وَلَوۡ أَنَّهُمۡ أَقَامُواْ
ٱلتَّوۡرَىٰةَ وَٱلۡإِنجِيلَ وَمَآ أُنزِلَ إِلَيۡهِم مِّن رَّبِّهِمۡ لَأَكَلُواْ
مِن فَوۡقِهِمۡ وَمِن تَحۡتِ أَرۡجُلِهِمۚ مِّنۡهُمۡ أُمَّةٞ مُّقۡتَصِدَةٞۖ
وَكَثِيرٞ مِّنۡهُمۡ سَآءَ مَا يَعۡمَلُونَ ٦٦ ۞ يَٰٓأَيُّهَا ٱلرَّسُولُ
بَلِّغۡ مَآ أُنزِلَ إِلَيۡكَ مِن رَّبِّكَۖ وَإِن لَّمۡ تَفۡعَلۡ فَمَا بَلَّغۡتَ
رِسَالَتَهُۥۚ وَٱللَّهُ يَعۡصِمُكَ مِنَ ٱلنَّاسِۗ إِنَّ ٱللَّهَ لَا يَهۡدِي ٱلۡقَوۡمَ
ٱلۡكَٰفِرِينَ ٦٧ قُلۡ يَٰٓأَهۡلَ ٱلۡكِتَٰبِ لَسۡتُمۡ عَلَىٰ شَيۡءٍ حَتَّىٰ
تُقِيمُواْ ٱلتَّوۡرَىٰةَ وَٱلۡإِنجِيلَ وَمَآ أُنزِلَ إِلَيۡكُم مِّن رَّبِّكُمۡۗ
وَلَيَزِيدَنَّ كَثِيرٗا مِّنۡهُم مَّآ أُنزِلَ إِلَيۡكَ مِن رَّبِّكَ طُغۡيَٰنٗا وَكُفۡرٗاۖ
فَلَا تَأۡسَ عَلَى ٱلۡقَوۡمِ ٱلۡكَٰفِرِينَ ٦٨ إِنَّ ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ وَٱلَّذِينَ
هَادُواْ وَٱلصَّٰبِـُٔونَ وَٱلنَّصَٰرَىٰ مَنۡ ءَامَنَ بِٱللَّهِ وَٱلۡيَوۡمِ ٱلۡأٓخِرِ
وَعَمِلَ صَٰلِحٗا فَلَا خَوۡفٌ عَلَيۡهِمۡ وَلَا هُمۡ يَحۡزَنُونَ ٦٩ لَقَدۡ أَخَذۡنَا
مِيثَٰقَ بَنِيٓ إِسۡرَٰٓءِيلَ وَأَرۡسَلۡنَآ إِلَيۡهِمۡ رُسُلٗاۖ كُلَّمَا جَآءَهُمۡ رَسُولُۢ
بِمَا لَا تَهۡوَىٰٓ أَنفُسُهُمۡ فَرِيقٗا كَذَّبُواْ وَفَرِيقٗا يَقۡتُلُونَ ٧٠

ثلاثة أرباع الحزب ١٢

65.- Nếu Người dân Kinh sách tin tưởng và sợ Allah, thì chắc chắn *TA* (Allah) sẽ xoá bỏ tội lỗi của họ và chấp nhận họ vào các ngôi vườn hạnh phúc.

66.- Nếu họ tuân hành (điều lệnh trong) *Taurāh và Injīl* và thi hành tất cả các điều lệnh từ Rabb của họ ban xuống thì chắc chắn họ sẽ hưởng (vô số) thiên lộc từ bên trên và từ bên dưới (chân của) họ. Trong họ, có một tập thể tuân theo Chính đạo, còn đa số thì làm điều thối nát (tội lỗi).

67.- Hỡi Sứ giả (Muhammad!) Hãy truyền đạt những điều mà *Rabb* của Ngươi đã ban xuống cho Ngươi. Nếu Ngươi không thi hành thì là Ngươi không truyền đạt Thông điệp của Ngài. Và Allah sẽ bảo vệ Ngươi khỏi bị người (ám hại). Bởi vì quả thật, Allah không dẫn dắt đám người không tin tưởng.

68.- Hãy bảo họ: "Hỡi Người dân Kinh sách! Các người chẳng có gì để làm cơ sở trừ phi các người dựa vào Kinh *Taurāh* và *Injīl* và tuân hành tất cả các điều (mặc khải) mà *Rabb* của các người đã ban xuống." Và chắc chắn tất cả các điều (mặc khải) mà *Rabb* của Ngươi (Muhammad) đã ban xuống cho Ngươi càng làm cho bọn họ thêm thái quá và chống đối mãnh liệt. Bởi thế, Ngươi chớ than van giùm cho đám người không có đức tin.

69.- Quả thật, những ai có đức tin và những ai là người Do thái và người *Sabian* và tín đồ Thiên Chúa giáo: (nói chung) ai tin nơi Allah và Ngày (Phán xử) Cuối cùng và làm việc thiện thì sẽ không lo sợ cũng sẽ không buồn phiền.

70.- Chắc chắn *TA* (Allah) đã nhận lời giao ước của con cháu của Israel và phái các Sứ giả (của *TA*) đến với họ. Mỗi lần một Sứ giả (của *TA*) đến gặp họ với điều (lệnh) trái nghịch với ý muốn của họ, thì một số (Sứ giả) đã bị họ cho là giả mạo, và một số khác thì bị họ giết chết.

وَحَسِبُوٓاْ أَلَّا تَكُونَ فِتۡنَةٞ فَعَمُواْ وَصَمُّواْ ثُمَّ تَابَ ٱللَّهُ عَلَيۡهِمۡ ثُمَّ عَمُواْ وَصَمُّواْ كَثِيرٞ مِّنۡهُمۡۚ وَٱللَّهُ بَصِيرُۢ بِمَا يَعۡمَلُونَ ٧١ لَقَدۡ كَفَرَ ٱلَّذِينَ قَالُوٓاْ إِنَّ ٱللَّهَ هُوَ ٱلۡمَسِيحُ ٱبۡنُ مَرۡيَمَۖ وَقَالَ ٱلۡمَسِيحُ يَٰبَنِيٓ إِسۡرَٰٓءِيلَ ٱعۡبُدُواْ ٱللَّهَ رَبِّي وَرَبَّكُمۡۖ إِنَّهُۥ مَن يُشۡرِكۡ بِٱللَّهِ فَقَدۡ حَرَّمَ ٱللَّهُ عَلَيۡهِ ٱلۡجَنَّةَ وَمَأۡوَىٰهُ ٱلنَّارُۖ وَمَا لِلظَّٰلِمِينَ مِنۡ أَنصَارٖ ٧٢ لَّقَدۡ كَفَرَ ٱلَّذِينَ قَالُوٓاْ إِنَّ ٱللَّهَ ثَالِثُ ثَلَٰثَةٖۘ وَمَا مِنۡ إِلَٰهٍ إِلَّآ إِلَٰهٞ وَٰحِدٞۚ وَإِن لَّمۡ يَنتَهُواْ عَمَّا يَقُولُونَ لَيَمَسَّنَّ ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ مِنۡهُمۡ عَذَابٌ أَلِيمٌ ٧٣ أَفَلَا يَتُوبُونَ إِلَى ٱللَّهِ وَيَسۡتَغۡفِرُونَهُۥۚ وَٱللَّهُ غَفُورٞ رَّحِيمٞ ٧٤ مَّا ٱلۡمَسِيحُ ٱبۡنُ مَرۡيَمَ إِلَّا رَسُولٞ قَدۡ خَلَتۡ مِن قَبۡلِهِ ٱلرُّسُلُ وَأُمُّهُۥ صِدِّيقَةٞۖ كَانَا يَأۡكُلَانِ ٱلطَّعَامَۗ ٱنظُرۡ كَيۡفَ نُبَيِّنُ لَهُمُ ٱلۡأٓيَٰتِ ثُمَّ ٱنظُرۡ أَنَّىٰ يُؤۡفَكُونَ ٧٥ قُلۡ أَتَعۡبُدُونَ مِن دُونِ ٱللَّهِ مَا لَا يَمۡلِكُ لَكُمۡ ضَرّٗا وَلَا نَفۡعٗاۚ وَٱللَّهُ هُوَ ٱلسَّمِيعُ ٱلۡعَلِيمُ ٧٦ قُلۡ يَٰٓأَهۡلَ ٱلۡكِتَٰبِ لَا تَغۡلُواْ فِي دِينِكُمۡ غَيۡرَ ٱلۡحَقِّ وَلَا تَتَّبِعُوٓاْ أَهۡوَآءَ قَوۡمٖ قَدۡ ضَلُّواْ مِن قَبۡلُ وَأَضَلُّواْ كَثِيرٗا وَضَلُّواْ عَن سَوَآءِ ٱلسَّبِيلِ ٧٧

71.- Và họ nghĩ sẽ không có sự trừng phạt (*Fitnah*) nào cả, cho nên họ giả mù và giả điếc; rồi Allah quay lại tha thứ cho họ; rồi họ lại tiếp tục giả mù, giả điếc; nhưng Allah thấy rõ điều họ làm.

72.- Chắc chắn là không có đức tin những ai nói: "*Masīh* ('Isa), con trai của Maryam, là Allah." Ngược lại, chính *Masīh* ('Isa) đã nói: "Hỡi con cháu của Israel! Hãy tôn thờ Allah, *Rabb* của Ta và là *Rabb* của các ngươi." Quả thật, ai tổ hợp thần linh cùng với Allah thì chắc chắn sẽ bị cấm vào Thiên đàng và chỗ ở của y sẽ là Lửa (của Hỏa ngục). Và những kẻ làm điều sai quấy sẽ không được ai giúp đỡ cả.

73.- Chắc chắn là không có đức tin những ai nói: "Quả thật, Allah là vị thứ ba trong **Ba** (ngôi)." Bởi vì về Thượng Đế thì chỉ có một Thượng Đế duy nhất. Và nếu họ không chịu ngưng nói điều (phạm thượng) đó thì chắc chắn những kẻ không có đức tin trong bọn họ sẽ gặp phải một sự trừng phạt đau đớn.

74.- Thế tại sao họ không chịu tạ tội với Allah và xin Ngài tha thứ? Bởi vì Allah Hằng Tha thứ, rất mực Khoan dung.

75.- *Masīh* ('Isa), con trai của *Maryam*, chỉ là một Sứ giả (của Allah); nhiều *Sứ* giả (của Allah) đã qua đời trước Người. Mẹ của Người là một phụ nữ chân thật. Cả hai (mẹ và con) đều ăn thực phẩm (như mọi người). Hãy xem, *TA* (Allah) đã giải thích rõ các Lời mặc khải của *TA* (Allah) cho họ như thế nào! Rồi hãy xem, họ tránh né sự thật như thế nào!

76.- Hãy bảo họ: "Phải chăng các ngươi tôn thờ những kẻ không có quyền hãm hại cũng chẳng làm lợi gì cho các ngươi? Và Allah là Đấng Hằng Nghe và Hằng Biết (mọi vật).

77.- Hãy bảo họ: "Hỡi Người dân Kinh sách! Chớ tỏ ra phi lý và thái quá trong tôn giáo của các ngươi, không đúng với sự Thật cũng chớ nghe theo đám người lạc đạo trước đây bởi vì chúng đã dắt nhiều người đi lạc và tự chúng cũng đã lạc khỏi con đường bằng phẳng (của **Islām**).

لُعِنَ ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ مِنۢ بَنِيٓ إِسۡرَٰٓءِيلَ عَلَىٰ لِسَانِ
دَاوُۥدَ وَعِيسَى ٱبۡنِ مَرۡيَمَۚ ذَٰلِكَ بِمَا عَصَواْ وَّكَانُواْ
يَعۡتَدُونَ ٧٨ كَانُواْ لَا يَتَنَاهَوۡنَ عَن مُّنكَرٖ فَعَلُوهُۚ
لَبِئۡسَ مَا كَانُواْ يَفۡعَلُونَ ٧٩ تَرَىٰ كَثِيرٗا مِّنۡهُمۡ
يَتَوَلَّوۡنَ ٱلَّذِينَ كَفَرُواْۚ لَبِئۡسَ مَا قَدَّمَتۡ لَهُمۡ
أَنفُسُهُمۡ أَن سَخِطَ ٱللَّهُ عَلَيۡهِمۡ وَفِي ٱلۡعَذَابِ هُمۡ
خَٰلِدُونَ ٨٠ وَلَوۡ كَانُواْ يُؤۡمِنُونَ بِٱللَّهِ وَٱلنَّبِيِّ وَمَآ
أُنزِلَ إِلَيۡهِ مَا ٱتَّخَذُوهُمۡ أَوۡلِيَآءَ وَلَٰكِنَّ كَثِيرٗا
مِّنۡهُمۡ فَٰسِقُونَ ٨١ ۞ لَتَجِدَنَّ أَشَدَّ ٱلنَّاسِ عَدَٰوَةٗ
لِّلَّذِينَ ءَامَنُواْ ٱلۡيَهُودَ وَٱلَّذِينَ أَشۡرَكُواْۖ وَلَتَجِدَنَّ
أَقۡرَبَهُم مَّوَدَّةٗ لِّلَّذِينَ ءَامَنُواْ ٱلَّذِينَ قَالُوٓاْ إِنَّا نَصَٰرَىٰۚ
ذَٰلِكَ بِأَنَّ مِنۡهُمۡ قِسِّيسِينَ وَرُهۡبَانٗا وَأَنَّهُمۡ
لَا يَسۡتَكۡبِرُونَ ٨٢ وَإِذَا سَمِعُواْ مَآ أُنزِلَ إِلَى
ٱلرَّسُولِ تَرَىٰٓ أَعۡيُنَهُمۡ تَفِيضُ مِنَ ٱلدَّمۡعِ مِمَّا عَرَفُواْ
مِنَ ٱلۡحَقِّۖ يَقُولُونَ رَبَّنَآ ءَامَنَّا فَٱكۡتُبۡنَا مَعَ ٱلشَّٰهِدِينَ ٨٣

78.- Những kẻ không có đức tin trong số con cháu của Israel đã bị *Dāwūd* và *'Īsa*, con trai của *Maryam*, nguyền rủa từ cửa miệng của hai người. Như thế là vì họ bất tuân và tiếp tục phạm giới.

79.- Họ không cấm nhau làm điều ác đức mà họ đã từng làm. Và những điều mà họ làm thật là tội lỗi.

80.- Ngươi thấy đa số bọn họ kết bạn với những kẻ không có đức tin (để chống lại người Muslim). Tồi tệ thay điều mà tâm hồn của họ đã xúi giục và gởi đi trước cho họ khiến Allah giận dữ họ và họ sẽ bị ở trong sự trừng phạt đó mãi mãi.

81.- Và nếu họ tin tưởng nơi Allah và Nabi (Muhammad) và những điều đã được ban xuống cho Người thì họ sẽ không kết bạn với những kẻ không có đức tin, nhưng đa số bọn họ là những kẻ dấy loạn, bất tuân.

82.- Ngươi sẽ thấy người Do thái và những người thờ đa thần là những người thù hằn những người có đức tin dữ dằn nhất; và chắc chắn Ngươi sẽ thấy có quan hệ tình cảm gần gủi nhất với những người có đức tin là những ai nói: “Chúng tôi là tín đồ Thiên Chúa giáo (*Naṣārā*).” Sở dĩ như thế là vì trong họ có các bậc thức-giả (*Qissīs*) và các bậc chân-tu (*Ruhbān*) và họ không kiêu căng.

83.- Và khi họ nghe điều (mặc khải) đã được ban xuống cho Sứ giả (Muhammad), Ngươi thấy mắt của họ nhòa lệ vì sự Thật mà họ công nhận. Họ thưa: “Lạy *Rabb* chúng tôi! Chúng tôi tin tưởng, xin Ngài ghi tên của chúng tôi cùng với các chứng nhân (của sự Thật).

وَمَا لَنَا لَا نُؤۡمِنُ بِٱللَّهِ وَمَا جَآءَنَا مِنَ ٱلۡحَقِّ وَنَطۡمَعُ أَن يُدۡخِلَنَا رَبُّنَا مَعَ ٱلۡقَوۡمِ ٱلصَّٰلِحِينَ ٨٤ فَأَثَٰبَهُمُ ٱللَّهُ بِمَا قَالُواْ جَنَّٰتٖ تَجۡرِي مِن تَحۡتِهَا ٱلۡأَنۡهَٰرُ خَٰلِدِينَ فِيهَاۚ وَذَٰلِكَ جَزَآءُ ٱلۡمُحۡسِنِينَ ٨٥ وَٱلَّذِينَ كَفَرُواْ وَكَذَّبُواْ بِـَٔايَٰتِنَآ أُوْلَٰٓئِكَ أَصۡحَٰبُ ٱلۡجَحِيمِ ٨٦ يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ لَا تُحَرِّمُواْ طَيِّبَٰتِ مَآ أَحَلَّ ٱللَّهُ لَكُمۡ وَلَا تَعۡتَدُوٓاْۚ إِنَّ ٱللَّهَ لَا يُحِبُّ ٱلۡمُعۡتَدِينَ ٨٧ وَكُلُواْ مِمَّا رَزَقَكُمُ ٱللَّهُ حَلَٰلٗا طَيِّبٗاۚ وَٱتَّقُواْ ٱللَّهَ ٱلَّذِيٓ أَنتُم بِهِۦ مُؤۡمِنُونَ ٨٨ لَا يُؤَاخِذُكُمُ ٱللَّهُ بِٱللَّغۡوِ فِيٓ أَيۡمَٰنِكُمۡ وَلَٰكِن يُؤَاخِذُكُم بِمَا عَقَّدتُّمُ ٱلۡأَيۡمَٰنَۖ فَكَفَّٰرَتُهُۥٓ إِطۡعَامُ عَشَرَةِ مَسَٰكِينَ مِنۡ أَوۡسَطِ مَا تُطۡعِمُونَ أَهۡلِيكُمۡ أَوۡ كِسۡوَتُهُمۡ أَوۡ تَحۡرِيرُ رَقَبَةٖۖ فَمَن لَّمۡ يَجِدۡ فَصِيَامُ ثَلَٰثَةِ أَيَّامٖۚ ذَٰلِكَ كَفَّٰرَةُ أَيۡمَٰنِكُمۡ إِذَا حَلَفۡتُمۡۚ وَٱحۡفَظُوٓاْ أَيۡمَٰنَكُمۡۚ كَذَٰلِكَ يُبَيِّنُ ٱللَّهُ لَكُمۡ ءَايَٰتِهِۦ لَعَلَّكُمۡ تَشۡكُرُونَ ٨٩ يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُوٓاْ إِنَّمَا ٱلۡخَمۡرُ وَٱلۡمَيۡسِرُ وَٱلۡأَنصَابُ وَٱلۡأَزۡلَٰمُ رِجۡسٞ مِّنۡ عَمَلِ ٱلشَّيۡطَٰنِ فَٱجۡتَنِبُوهُ لَعَلَّكُمۡ تُفۡلِحُونَ ٩٠

84.- "Và tại sao chúng tôi lại không tin tưởng nơi Allah và nơi sự Thật đã đến với chúng tôi? Bởi vì chúng tôi hy vọng *Rabb* của chúng tôi sẽ chấp nhận chúng tôi gia nhập hội đoàn của những người hiền lương."

85.- Và vì lời cầu nguyện của họ mà Allah đã thưởng họ Thiên đàng, bên dưới có các dòng sông chảy để làm nơi cư ngụ vĩnh viễn. Và đó là phần thưởng dành cho những người làm tốt.

86.- Ngược lại, những ai không có đức tin và cho các Lời mặc khải của *TA* (Allah) gian dối thì sẽ trở thành cư dân của Lửa (Hỏa ngục).

87.- Hỡi những ai có niềm tin! Chớ cấm dùng các món sạch và tốt mà Allah đã cho phép các người dùng nhưng chớ quá độ bởi vì quả thật Allah không yêu thương những người quá độ.

88.- Và hãy ăn các món được phép dùng và tốt sạch mà Allah đã cung cấp cho các người. Nhưng hãy sợ Allah, Đấng mà các người tin tưởng.

89.- Allah sẽ không bắt phạt các người về những lời thề trống rỗng ngược lại Ngài bắt phạt các người về các lời thề nghiêm trọng. Để chuộc tội, phải nuôi ăn mười (10) người nghèo theo cân lượng trung bình mà các người dùng để nuôi gia đình hoặc phải may mặc cho họ hoặc giải phóng một người nô-lệ. Nhưng ai không có phương tiện thì phải nhịn chay '*Siyām*' ba ngày liên tục. Đó là cách chuộc tội cho các lời thề nghiêm trọng mà các người đã phạm. Hãy coi chừng lời thề của các người. Allah giải thích rõ các Lời mặc khải của Ngài để may ra các người biết tạ ơn.

90.- Hỡi những ai có niềm tin! Uống rượu và cờ bạc và thờ cúng trên bàn thờ bằng đá và dùng tên bắn để làm quẻ xin xăm là điều khả ố (*Rijs*), việc làm của *Shaytān*. Hãy từ bỏ nó (việc làm khả ố đó) để may ra các người được phát đạt.

إِنَّمَا يُرِيدُ ٱلشَّيۡطَٰنُ أَن يُوقِعَ بَيۡنَكُمُ ٱلۡعَدَٰوَةَ وَٱلۡبَغۡضَآءَ فِي ٱلۡخَمۡرِ وَٱلۡمَيۡسِرِ وَيَصُدَّكُمۡ عَن ذِكۡرِ ٱللَّهِ وَعَنِ ٱلصَّلَوٰةِۖ فَهَلۡ أَنتُم مُّنتَهُونَ ﴿٩١﴾ وَأَطِيعُواْ ٱللَّهَ وَأَطِيعُواْ ٱلرَّسُولَ وَٱحۡذَرُواْۚ فَإِن تَوَلَّيۡتُمۡ فَٱعۡلَمُوٓاْ أَنَّمَا عَلَىٰ رَسُولِنَا ٱلۡبَلَٰغُ ٱلۡمُبِينُ ﴿٩٢﴾ لَيۡسَ عَلَى ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ وَعَمِلُواْ ٱلصَّٰلِحَٰتِ جُنَاحٞ فِيمَا طَعِمُوٓاْ إِذَا مَا ٱتَّقَواْ وَّءَامَنُواْ وَعَمِلُواْ ٱلصَّٰلِحَٰتِ ثُمَّ ٱتَّقَواْ وَّءَامَنُواْ ثُمَّ ٱتَّقَواْ وَّأَحۡسَنُواْۚ وَٱللَّهُ يُحِبُّ ٱلۡمُحۡسِنِينَ ﴿٩٣﴾ يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ لَيَبۡلُوَنَّكُمُ ٱللَّهُ بِشَيۡءٖ مِّنَ ٱلصَّيۡدِ تَنَالُهُۥٓ أَيۡدِيكُمۡ وَرِمَاحُكُمۡ لِيَعۡلَمَ ٱللَّهُ مَن يَخَافُهُۥ بِٱلۡغَيۡبِۚ فَمَنِ ٱعۡتَدَىٰ بَعۡدَ ذَٰلِكَ فَلَهُۥ عَذَابٌ أَلِيمٞ ﴿٩٤﴾ يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ لَا تَقۡتُلُواْ ٱلصَّيۡدَ وَأَنتُمۡ حُرُمٞۚ وَمَن قَتَلَهُۥ مِنكُم مُّتَعَمِّدٗا فَجَزَآءٞ مِّثۡلُ مَا قَتَلَ مِنَ ٱلنَّعَمِ يَحۡكُمُ بِهِۦ ذَوَا عَدۡلٖ مِّنكُمۡ هَدۡيَۢا بَٰلِغَ ٱلۡكَعۡبَةِ أَوۡ كَفَّٰرَةٞ طَعَامُ مَسَٰكِينَ أَوۡ عَدۡلُ ذَٰلِكَ صِيَامٗا لِّيَذُوقَ وَبَالَ أَمۡرِهِۦۗ عَفَا ٱللَّهُ عَمَّا سَلَفَۚ وَمَنۡ عَادَ فَيَنتَقِمُ ٱللَّهُ مِنۡهُۚ وَٱللَّهُ عَزِيزٞ ذُو ٱنتِقَامٍ ﴿٩٥﴾

91.- *Shaytān* chỉ muốn tạo ác cảm và hận thù giữa các người qua việc uống rượu và bài bạc và cản trở các người tưởng nhớ Allah và việc dâng lễ *Salāh*. Thế các người không chịu ngưng hay sao?

92.- Hãy tuân lệnh Allah và vâng lời Sứ giả (Muhammad). Và hãy thận trọng (để tránh phạm tội). Bởi thế, nếu các người làm ngơ thì nên biết rằng nhiệm vụ của Sứ giả của *TA* chỉ là truyền đạt (Thông điệp của Allah) một cách rõ ràng.

93.- Những ai có đức tin và làm việc thiện không mắc tội về món thực phẩm mà họ đã dùng (trong quá khứ) khi họ giữ mình khỏi phạm tội và họ tin tưởng và làm việc thiện; rồi họ giữ mình khỏi phạm tội và tin tưởng rồi giữ mình khỏi phạm tội và làm tốt bởi vì Allah yêu thương những người làm tốt.

94.- Hỡi những ai có niềm tin! Chắc chắn Allah sẽ thử thách các người bằng con thú săn nằm trong tầm tay và chiếc lao săn bắn của các người để Allah biết ai là người sợ Ngài, Đấng Vô Hình. Bởi thế, ai phạm giới sau đó thì sẽ bị trừng phạt đau đớn.

95.- Hỡi những ai có niềm tin! Chớ giết thú săn trong lúc các người đang trong tình trạng hãm mình (làm *Hajj* trong Thánh địa của Makkah); và ai trong các người cố tình giết nó thì phải bị phạt đền bằng một con thú nuôi tương đương với con thú (săn) đã bị giết, chọn trong đàn gia súc, dưới sự giám sát của hai người công bằng trong các người và được dắt đến (Ngôi-đền) *Ka'bah* để làm vật tế; hoặc có thể chuộc tội bằng cách nuôi ăn một người nghèo hoặc bằng cách nhịn chay '*Siyām*' tương đương với việc nuôi ăn đó mục đích để cho hắn nếm mùi phạt đền; Allah lượng thứ về việc đã qua; nhưng ai tái phạm thì sẽ bị Allah trừng phạt bởi vì Allah Toàn Năng, nắm trọn việc phạt đền.

ربع الحزب ١٣

أُحِلَّ لَكُمۡ صَيۡدُ ٱلۡبَحۡرِ وَطَعَامُهُۥ مَتَٰعٗا لَّكُمۡ وَلِلسَّيَّارَةِۖ
وَحُرِّمَ عَلَيۡكُمۡ صَيۡدُ ٱلۡبَرِّ مَا دُمۡتُمۡ حُرُمٗاۗ وَٱتَّقُواْ ٱللَّهَ ٱلَّذِيٓ
إِلَيۡهِ تُحۡشَرُونَ ﴿٩٦﴾ ۞جَعَلَ ٱللَّهُ ٱلۡكَعۡبَةَ ٱلۡبَيۡتَ ٱلۡحَرَامَ
قِيَٰمٗا لِّلنَّاسِ وَٱلشَّهۡرَ ٱلۡحَرَامَ وَٱلۡهَدۡيَ وَٱلۡقَلَٰٓئِدَۚ ذَٰلِكَ لِتَعۡلَمُوٓاْ
أَنَّ ٱللَّهَ يَعۡلَمُ مَا فِي ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَمَا فِي ٱلۡأَرۡضِ وَأَنَّ ٱللَّهَ بِكُلِّ
شَيۡءٍ عَلِيمٌ ﴿٩٧﴾ ٱعۡلَمُوٓاْ أَنَّ ٱللَّهَ شَدِيدُ ٱلۡعِقَابِ وَأَنَّ ٱللَّهَ
غَفُورٞ رَّحِيمٞ ﴿٩٨﴾ مَّا عَلَى ٱلرَّسُولِ إِلَّا ٱلۡبَلَٰغُۗ وَٱللَّهُ يَعۡلَمُ مَا
تُبۡدُونَ وَمَا تَكۡتُمُونَ ﴿٩٩﴾ قُل لَّا يَسۡتَوِي ٱلۡخَبِيثُ وَٱلطَّيِّبُ
وَلَوۡ أَعۡجَبَكَ كَثۡرَةُ ٱلۡخَبِيثِۚ فَٱتَّقُواْ ٱللَّهَ يَٰٓأُوْلِي ٱلۡأَلۡبَٰبِ
لَعَلَّكُمۡ تُفۡلِحُونَ ﴿١٠٠﴾ يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ لَا تَسۡـَٔلُواْ عَنۡ
أَشۡيَآءَ إِن تُبۡدَ لَكُمۡ تَسُؤۡكُمۡ وَإِن تَسۡـَٔلُواْ عَنۡهَا حِينَ يُنَزَّلُ
ٱلۡقُرۡءَانُ تُبۡدَ لَكُمۡ عَفَا ٱللَّهُ عَنۡهَاۗ وَٱللَّهُ غَفُورٌ حَلِيمٞ ﴿١٠١﴾
قَدۡ سَأَلَهَا قَوۡمٞ مِّن قَبۡلِكُمۡ ثُمَّ أَصۡبَحُواْ بِهَا كَٰفِرِينَ ﴿١٠٢﴾ مَا جَعَلَ
ٱللَّهُ مِنۢ بَحِيرَةٖ وَلَا سَآئِبَةٖ وَلَا وَصِيلَةٖ وَلَا حَامٖ وَلَٰكِنَّ ٱلَّذِينَ
كَفَرُواْ يَفۡتَرُونَ عَلَى ٱللَّهِ ٱلۡكَذِبَۖ وَأَكۡثَرُهُمۡ لَا يَعۡقِلُونَ ﴿١٠٣﴾

96.- Các người được phép bắt các loại hải sản dùng làm thực phẩm: đó là nguồn lương thực cho các người và cho khách bộ hành của sa mạc nhưng các người không được phép giết thú săn trên bộ trong lúc các người đang trong tình trạng hãm mình (làm *Hajj*); và hãy sợ Allah, Đấng mà các người sẽ được tập trung trở lại (để chịu sự xét xử).

97.- Allah làm cho *Ka'bah*, Ngôi đền thiêng, thành một chỗ đứng (dâng lễ) cho nhân loại, và các tháng linh (để cúng tế) và các con vật tế và (các con vật mang) tràng hoa để làm dấu (phân biệt). Như thế để cho các ngươi biết rằng Allah biết mọi việc trong các tầng trời và mọi việc dưới đất; và rằng Allah biết hết mọi việc.

98.- Nên biết rằng Allah rất nghiêm khắc trong việc trừng phạt và rằng Allah Rất mực Tha thứ, Rất mực Khoan dung.

99.- Nhiệm vụ của một Sứ giả (của Allah) chỉ là truyền đạt (Thông điệp của Ngài). Nhưng Allah biết rõ điều các người tiết lộ và điều các ngươi giấu giếm.

100.- Hãy bảo họ: "Vật bẩn thỉu và vật tốt sạch không có giá trị ngang nhau, dẫu rằng vô số vật bẩn thỉu làm cho Ngươi trầm trồ; bởi thế hãy sợ Allah, hỡi những ai thông hiểu, để các ngươi có thể phát đạt."

101.- Hỡi những ai có niềm tin! Chớ hỏi vặn những điều, nếu được trình bày rõ cho các người, sẽ làm cho các người thêm thắc mắc. Nhưng nếu các người hỏi về các vấn đề trong thời gian Kinh *Qur'ān* đang được ban xuống thì chúng (các vấn đề) sẽ được trình bày rõ cho các người. Allah lượng thứ cho các người về vấn đề đó. Và Allah Hằng Tha thứ, Hằng Chịu đựng (với các người).

102.- Chắc chắn trước các người đã có người đặt những câu hỏi tương tự và cũng vì thế họ đã mất niềm tin.

103.- Allah đã không đặt ra các điều (mê tín) như *Bahīrah*[1]; hoặc *Sā-ibah* hoặc *Wasīlah* hoặc *Hām*. Chính những kẻ không có đức tin mới đặt điều nói dối rồi đổ thừa cho Allah; và đa số bọn chúng không hiểu gì.

---

[1] *Bahīrah* là một con lạc đà cái mà sữa chỉ để dành cúng các tượng thần, không ai được phép vắt, hay con lạc đà có chiếc tai bị chẻ làm hai; *Sā'ibah* là một con lạc đà cái được thả lỏng đi ăn cỏ tự do để dành cúng cho các thần linh và không được dùng để chuyên chở; *Wasīlah* là một con lạc đà cái được thả lỏng để cúng cho các thần linh bởi vì lần đầu nó đã hạ sanh một con lạc đà cái con và lần thứ hai cũng thế; và *Hām* là một con lạc đà tơ chưa thiến không bị bắt làm việc sau một vài lần giao hợp dành để cúng các thần linh vào thời kỳ trước khi Islām được thiết lập trên bán đảo Ả-rập.

وَإِذَا قِيلَ لَهُمْ تَعَالَوْاْ إِلَىٰ مَآ أَنزَلَ ٱللَّهُ وَإِلَى ٱلرَّسُولِ قَالُواْ حَسْبُنَا مَا وَجَدْنَا عَلَيْهِ ءَابَآءَنَآ ۚ أَوَلَوْ كَانَ ءَابَآؤُهُمْ لَا يَعْلَمُونَ شَيْـًٔا وَلَا يَهْتَدُونَ ﴿١٠٤﴾ يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ عَلَيْكُمْ أَنفُسَكُمْ ۖ لَا يَضُرُّكُم مَّن ضَلَّ إِذَا ٱهْتَدَيْتُمْ ۚ إِلَى ٱللَّهِ مَرْجِعُكُمْ جَمِيعًا فَيُنَبِّئُكُم بِمَا كُنتُمْ تَعْمَلُونَ ﴿١٠٥﴾ يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ شَهَٰدَةُ بَيْنِكُمْ إِذَا حَضَرَ أَحَدَكُمُ ٱلْمَوْتُ حِينَ ٱلْوَصِيَّةِ ٱثْنَانِ ذَوَا عَدْلٍ مِّنكُمْ أَوْ ءَاخَرَانِ مِنْ غَيْرِكُمْ إِنْ أَنتُمْ ضَرَبْتُمْ فِى ٱلْأَرْضِ فَأَصَٰبَتْكُم مُّصِيبَةُ ٱلْمَوْتِ ۚ تَحْبِسُونَهُمَا مِنۢ بَعْدِ ٱلصَّلَوٰةِ فَيُقْسِمَانِ بِٱللَّهِ إِنِ ٱرْتَبْتُمْ لَا نَشْتَرِى بِهِۦ ثَمَنًا وَلَوْ كَانَ ذَا قُرْبَىٰ ۙ وَلَا نَكْتُمُ شَهَٰدَةَ ٱللَّهِ إِنَّآ إِذًا لَّمِنَ ٱلْءَاثِمِينَ ﴿١٠٦﴾ فَإِنْ عُثِرَ عَلَىٰٓ أَنَّهُمَا ٱسْتَحَقَّآ إِثْمًا فَـَٔاخَرَانِ يَقُومَانِ مَقَامَهُمَا مِنَ ٱلَّذِينَ ٱسْتَحَقَّ عَلَيْهِمُ ٱلْأَوْلَيَٰنِ فَيُقْسِمَانِ بِٱللَّهِ لَشَهَٰدَتُنَآ أَحَقُّ مِن شَهَٰدَتِهِمَا وَمَا ٱعْتَدَيْنَآ إِنَّآ إِذًا لَّمِنَ ٱلظَّٰلِمِينَ ﴿١٠٧﴾ ذَٰلِكَ أَدْنَىٰٓ أَن يَأْتُواْ بِٱلشَّهَٰدَةِ عَلَىٰ وَجْهِهَآ أَوْ يَخَافُوٓاْ أَن تُرَدَّ أَيْمَٰنٌۢ بَعْدَ أَيْمَٰنِهِمْ ۗ وَٱتَّقُواْ ٱللَّهَ وَٱسْمَعُواْ ۗ وَٱللَّهُ لَا يَهْدِى ٱلْقَوْمَ ٱلْفَٰسِقِينَ ﴿١٠٨﴾

104.- Và khi được nhắc: "Hãy đến tiếp thu điều mặc khải do Allah ban xuống và hãy đến gặp Sứ giả (Muhammad,)" thì họ đáp: "Phong tục mà chúng tôi thấy cha mẹ của chúng tôi đang theo đủ cho chúng tôi rồi." Sao! Ngay cả việc cha mẹ của họ không biết gì cũng không được hướng dẫn hay sao?

105.- Hỡi những ai có niềm tin! Các ngươi chịu trách nhiệm về bản thân của các ngươi. Dẫu cho ai đó có lạc đạo đi nữa thì việc đó chẳng hại gì đến các ngươi miễn sao các ngươi đi đúng đường là đủ. Tất cả các ngươi sẽ về trình diện Allah trở lại, xong Ngài sẽ cho các ngươi biết về mọi điều các ngươi đã từng làm.

106.- Hỡi những ai có niềm tin! Khi một người (Muslim) của cộng đồng các ngươi sắp từ trần trong lúc y muốn lập di chúc thì hai người công minh của các ngươi hoặc người khác (không thuộc cộng đồng của các ngươi) sẽ đứng ra làm chứng nếu các ngươi đang đi xa trên trái đất và các ngươi không thể tránh khỏi cái chết. Nếu các ngươi nghi ngờ (lòng thành thật của họ) thì hãy giữ hai người làm chứng lại sau cuộc lễ *Salāh* và yêu cầu họ thề nhân danh Allah nói như sau: "Chúng tôi không bán lời khai của chúng tôi bằng một giá tiền nào dẫu cho người thụ hưởng là người bà con gần của chúng tôi và chúng tôi sẽ không giấu giếm bằng chứng mà chúng tôi đã cam kết với Allah bởi vì trong trường hợp đó chúng tôi sẽ là những kẻ tội lỗi."

107.- Nhưng nếu khám phá ra việc hai người làm chứng đó phạm tội (khai man) thì hai người khác chọn trong số bà con gần nhất có quyền đòi hỏi việc hưởng gia tài của người chết, đứng ra thế chỗ của hai người phạm tội trên, và yêu cầu họ thề nhân danh Allah, như sau: "Chúng tôi xác nhận lời khai của chúng tôi thật hơn lời khai của hai người trước và chúng tôi không vi phạm sự thật bởi vì trong trường hợp đó chúng tôi sẽ là những kẻ làm điều sai quấy."

108.- Hy vọng rằng cách đó sẽ làm cho lời khai của họ xác thực hoặc ít ra làm cho họ sợ việc có thể lời khai sau này sẽ được chấp nhận và bác bỏ lời khai trước của họ. Nhưng hãy sợ Allah và chịu nghe (lệnh của Ngài) bởi vì Allah sẽ không dẫn dắt đám người bất tuân hay chống đối.

نصف الحزب ١٣

۞ يَوۡمَ يَجۡمَعُ ٱللَّهُ ٱلرُّسُلَ فَيَقُولُ مَاذَآ أُجِبۡتُمۡۖ قَالُواْ لَا عِلۡمَ لَنَآۖ
إِنَّكَ أَنتَ عَلَّٰمُ ٱلۡغُيُوبِ ١٠٩ إِذۡ قَالَ ٱللَّهُ يَٰعِيسَى ٱبۡنَ مَرۡيَمَ
ٱذۡكُرۡ نِعۡمَتِي عَلَيۡكَ وَعَلَىٰ وَٰلِدَتِكَ إِذۡ أَيَّدتُّكَ بِرُوحِ
ٱلۡقُدُسِ تُكَلِّمُ ٱلنَّاسَ فِي ٱلۡمَهۡدِ وَكَهۡلٗاۖ وَإِذۡ عَلَّمۡتُكَ
ٱلۡكِتَٰبَ وَٱلۡحِكۡمَةَ وَٱلتَّوۡرَىٰةَ وَٱلۡإِنجِيلَۖ وَإِذۡ تَخۡلُقُ
مِنَ ٱلطِّينِ كَهَيۡـَٔةِ ٱلطَّيۡرِ بِإِذۡنِي فَتَنفُخُ فِيهَا فَتَكُونُ
طَيۡرَۢا بِإِذۡنِيۖ وَتُبۡرِئُ ٱلۡأَكۡمَهَ وَٱلۡأَبۡرَصَ بِإِذۡنِيۖ وَإِذۡ تُخۡرِجُ
ٱلۡمَوۡتَىٰ بِإِذۡنِيۖ وَإِذۡ كَفَفۡتُ بَنِيٓ إِسۡرَٰٓءِيلَ عَنكَ إِذۡ
جِئۡتَهُم بِٱلۡبَيِّنَٰتِ فَقَالَ ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ مِنۡهُمۡ إِنۡ هَٰذَآ
إِلَّا سِحۡرٞ مُّبِينٞ ١١٠ وَإِذۡ أَوۡحَيۡتُ إِلَى ٱلۡحَوَارِيِّـۧنَ أَنۡ ءَامِنُواْ
بِي وَبِرَسُولِي قَالُوٓاْ ءَامَنَّا وَٱشۡهَدۡ بِأَنَّنَا مُسۡلِمُونَ ١١١
إِذۡ قَالَ ٱلۡحَوَارِيُّونَ يَٰعِيسَى ٱبۡنَ مَرۡيَمَ هَلۡ يَسۡتَطِيعُ رَبُّكَ
أَن يُنَزِّلَ عَلَيۡنَا مَآئِدَةٗ مِّنَ ٱلسَّمَآءِۖ قَالَ ٱتَّقُواْ ٱللَّهَ إِن كُنتُم
مُّؤۡمِنِينَ ١١٢ قَالُواْ نُرِيدُ أَن نَّأۡكُلَ مِنۡهَا وَتَطۡمَئِنَّ قُلُوبُنَا
وَنَعۡلَمَ أَن قَدۡ صَدَقۡتَنَا وَنَكُونَ عَلَيۡهَا مِنَ ٱلشَّٰهِدِينَ ١١٣

109.- Vào một Ngày Allah sẽ tập họp tất cả các Sứ giả (của Ngài) xong Ngài hỏi Họ: "Đâu là điều mà các ngươi đã được trả lời?" Họ đồng thưa: "Chúng tôi không biết gì. Quả thật, Ngài, chỉ riêng Ngài biết điều vô hình (bí mật)."

110.- Lúc đó Allah sẽ phán: "Hỡi *'Īsa*, con trai của *Maryam*! Hãy nhớ Ân huệ của TA đã ban cho Ngươi và Mẹ của Ngươi khi TA đã hỗ trợ Ngươi với *Rūh al-Qudus* (Thiên thần Jibrīl) để Ngươi có thể nói chuyện được với thiên hạ lúc ấu thơ và lúc trưởng thành; và việc TA đã dạy Ngươi Kinh sách và Lẽ thông thái khôn ngoan và Kinh *Taurāh* và Kinh *Injīl*; và việc Ngươi đã lấy đất sét nắn thành hình một con chim theo phép của TA, xong Ngươi hà hơi vào nó khiến nó thành một con chim thật sự với sự chấp thuận của TA; và việc Ngươi chữa lành người mù bẩm sinh và người mang bệnh cùi theo sự chấp thuận của TA; và việc Ngươi làm cho người chết sống lại với sự chấp thuận của TA; và việc TA cản con cháu của Israel không cho sát hại Ngươi khi Ngươi trưng các bằng chứng rõ rệt cho họ thấy bởi vì những kẻ không có lòng tin trong bọn họ lên tiếng: "Đây chỉ là trò ảo thuật hiển hiện!"

111.- Và lúc TA mặc khải cho các tông đồ (của *'Īsa*) phán bảo: "Hãy tin tưởng nơi TA và các Sứ giả của TA," họ đồng thưa: "Chúng tôi đã tin tưởng. Xin Ngài chứng thực giùm chúng tôi là những người Muslim."

112.- (Hãy nhớ) lúc các tông đồ lên tiếng, thưa: "Hỡi *'Īsa,* con trai của *Maryam*, có thể nào *Rabb* (Allah) của ngài gởi từ trên trời xuống cho chúng tôi một chiếc bàn đầy thực phẩm?" ('Īsa) bảo: "Hãy sợ Allah nếu các ngươi là những người có đức tin."

113.- (Các tông đồ) thưa: "Chúng tôi chỉ ao ước được ăn thực phẩm của (chiếc bàn ấy) để cho thỏa lòng khao khát của chúng tôi và để cho chúng tôi biết rằng ngài đã nói sự thật với chúng tôi và để cho chúng tôi trở thành nhân chứng cho nó."

قَالَ عِيسَى ٱبۡنُ مَرۡيَمَ ٱللَّهُمَّ رَبَّنَآ أَنزِلۡ عَلَيۡنَا مَآئِدَةٗ مِّنَ ٱلسَّمَآءِ
تَكُونُ لَنَا عِيدٗا لِّأَوَّلِنَا وَءَاخِرِنَا وَءَايَةٗ مِّنكَۖ وَٱرۡزُقۡنَا وَأَنتَ
خَيۡرُ ٱلرَّٰزِقِينَ ١١٤ قَالَ ٱللَّهُ إِنِّي مُنَزِّلُهَا عَلَيۡكُمۡۖ فَمَن يَكۡفُرۡ بَعۡدُ
مِنكُمۡ فَإِنِّيٓ أُعَذِّبُهُۥ عَذَابٗا لَّآ أُعَذِّبُهُۥٓ أَحَدٗا مِّنَ ٱلۡعَٰلَمِينَ ١١٥
وَإِذۡ قَالَ ٱللَّهُ يَٰعِيسَى ٱبۡنَ مَرۡيَمَ ءَأَنتَ قُلۡتَ لِلنَّاسِ ٱتَّخِذُونِي
وَأُمِّيَ إِلَٰهَيۡنِ مِن دُونِ ٱللَّهِۖ قَالَ سُبۡحَٰنَكَ مَا يَكُونُ لِيٓ أَنۡ أَقُولَ
مَا لَيۡسَ لِي بِحَقٍّۚ إِن كُنتُ قُلۡتُهُۥ فَقَدۡ عَلِمۡتَهُۥۚ تَعۡلَمُ مَا فِي نَفۡسِي
وَلَآ أَعۡلَمُ مَا فِي نَفۡسِكَۚ إِنَّكَ أَنتَ عَلَّٰمُ ٱلۡغُيُوبِ ١١٦ مَا قُلۡتُ لَهُمۡ
إِلَّا مَآ أَمَرۡتَنِي بِهِۦٓ أَنِ ٱعۡبُدُواْ ٱللَّهَ رَبِّي وَرَبَّكُمۡۚ وَكُنتُ عَلَيۡهِمۡ
شَهِيدٗا مَّا دُمۡتُ فِيهِمۡۖ فَلَمَّا تَوَفَّيۡتَنِي كُنتَ أَنتَ ٱلرَّقِيبَ عَلَيۡهِمۡۚ
وَأَنتَ عَلَىٰ كُلِّ شَيۡءٖ شَهِيدٌ ١١٧ إِن تُعَذِّبۡهُمۡ فَإِنَّهُمۡ عِبَادُكَۖ وَإِن
تَغۡفِرۡ لَهُمۡ فَإِنَّكَ أَنتَ ٱلۡعَزِيزُ ٱلۡحَكِيمُ ١١٨ قَالَ ٱللَّهُ هَٰذَا يَوۡمُ يَنفَعُ
ٱلصَّٰدِقِينَ صِدۡقُهُمۡۚ لَهُمۡ جَنَّٰتٞ تَجۡرِي مِن تَحۡتِهَا ٱلۡأَنۡهَٰرُ خَٰلِدِينَ
فِيهَآ أَبَدٗاۖ رَّضِيَ ٱللَّهُ عَنۡهُمۡ وَرَضُواْ عَنۡهُۚ ذَٰلِكَ ٱلۡفَوۡزُ ٱلۡعَظِيمُ ١١٩ لِلَّهِ
مُلۡكُ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضِ وَمَا فِيهِنَّۚ وَهُوَ عَلَىٰ كُلِّ شَيۡءٖ قَدِيرُۢ ١٢٠

114.- *'Īsa*, con trai của *Maryam* liền cầu nguyện: "Lạy Allah, *Rabb* chúng tôi! Xin Ngài gởi từ trên trời xuống cho chúng tôi một chiếc bàn đầy thực phẩm để làm một bàn tiệc mừng cho chúng tôi - cho người đầu tiên và cho người cuối cùng của chúng tôi - và là một Phép mầu từ Ngài; và xin Ngài cung dưỡng chúng tôi bởi vì Ngài là Đấng Cung dưỡng Ưu việt."

115.- Allah phán: "TA sẽ gởi nó xuống cho các ngươi. Nhưng nếu ai trong các ngươi không tin tưởng sau đó thì sẽ bị TA phạt bằng một hình phạt mà TA chưa hề dùng để phạt một người nào khác trong thiên hạ."

116.- Và (hãy nhớ) lúc Allah sẽ bảo: Hỡi *'Īsa*, con trai của *Maryam*! Có phải Ngươi đã nói với nhân loại: "Hãy nhận Ta và Mẹ của Ta làm hai Thượng Đế bên cạnh Allah? (*'Īsa*) sẽ thưa: "Ngài thật quang vinh và trong sạch! Bề tôi không bao giờ có thể nói được điều mà bề tôi không có quyền nói. Nếu bề tôi có nói ra điều đó thì chắc chắn Ngài đã biết nó. Ngài biết hết mọi điều trong tâm tư của bề tôi trong lúc bề tôi không biết một tí gì nơi Ngài. Quả thật, Ngài, chỉ riêng Ngài thôi mới biết rõ điều vô hình.

117.- "Bề tôi chỉ nói với họ điều nào mà Ngài đã ra lệnh cho bề tôi (đó là:) 'Hãy thờ phụng Allah, *Rabb* (Đấng Chủ Tể) của Ta và là *Rabb* của các ngươi.' Và bề tôi là một nhân chứng đối với họ trong suốt thời gian bề tôi còn sống với họ; bởi thế khi Ngài đưa bề tôi lên cùng với Ngài, thì Ngài là Đấng Trông chừng họ và Ngài làm chứng cho tất cả mọi việc.

118.- "Nếu Ngài trừng phạt họ thì bề nào họ vẫn là bầy tôi của Ngài; và nếu Ngài tha thứ cho họ thì quả thật Ngài vẫn là Đấng Toàn Năng, Đấng Sáng suốt."

119.- Allah sẽ phán: "Đây là Ngày mà người chân thật sẽ hưởng kết quả về sự trung thực của mình: họ sẽ được hưởng các Ngôi vườn (Thiên đàng) bên dưới có các dòng sông chảy mà họ sẽ vào đó sống đời đời. Allah sẽ hài lòng với họ và họ sẽ toại nguyện với Ngài. Đó là một thắng lợi vĩ đại.

120.- Allah nắm quyền thống trị các tầng trời và trái đất và vạn vật giữa trời đất. Và Ngài có toàn quyền chi phối mọi việc.

سُورَةُ الأَنْعَامِ

بِسْمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحْمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

ٱلْحَمْدُ لِلَّهِ ٱلَّذِى خَلَقَ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلْأَرْضَ وَجَعَلَ ٱلظُّلُمَٰتِ
وَٱلنُّورَ ثُمَّ ٱلَّذِينَ كَفَرُوا۟ بِرَبِّهِمْ يَعْدِلُونَ ﴿١﴾ هُوَ ٱلَّذِى
خَلَقَكُم مِّن طِينٍ ثُمَّ قَضَىٰٓ أَجَلًا وَأَجَلٌ مُّسَمًّى عِندَهُۥ ثُمَّ أَنتُمْ
تَمْتَرُونَ ﴿٢﴾ وَهُوَ ٱللَّهُ فِى ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَفِى ٱلْأَرْضِ يَعْلَمُ سِرَّكُمْ
وَجَهْرَكُمْ وَيَعْلَمُ مَا تَكْسِبُونَ ﴿٣﴾ وَمَا تَأْتِيهِم مِّنْ ءَايَةٍ مِّنْ
ءَايَٰتِ رَبِّهِمْ إِلَّا كَانُوا۟ عَنْهَا مُعْرِضِينَ ﴿٤﴾ فَقَدْ كَذَّبُوا۟ بِٱلْحَقِّ
لَمَّا جَآءَهُمْ فَسَوْفَ يَأْتِيهِمْ أَنۢبَٰٓؤُا۟ مَا كَانُوا۟ بِهِۦ يَسْتَهْزِءُونَ ﴿٥﴾
أَلَمْ يَرَوْا۟ كَمْ أَهْلَكْنَا مِن قَبْلِهِم مِّن قَرْنٍ مَّكَّنَّٰهُمْ فِى ٱلْأَرْضِ
مَا لَمْ نُمَكِّن لَّكُمْ وَأَرْسَلْنَا ٱلسَّمَآءَ عَلَيْهِم مِّدْرَارًا وَجَعَلْنَا ٱلْأَنْهَٰرَ
تَجْرِى مِن تَحْتِهِمْ فَأَهْلَكْنَٰهُم بِذُنُوبِهِمْ وَأَنشَأْنَا مِنۢ بَعْدِهِمْ قَرْنًا
ءَاخَرِينَ ﴿٦﴾ وَلَوْ نَزَّلْنَا عَلَيْكَ كِتَٰبًا فِى قِرْطَاسٍ فَلَمَسُوهُ بِأَيْدِيهِمْ
لَقَالَ ٱلَّذِينَ كَفَرُوٓا۟ إِنْ هَٰذَآ إِلَّا سِحْرٌ مُّبِينٌ ﴿٧﴾ وَقَالُوا۟ لَوْلَآ أُنزِلَ
عَلَيْهِ مَلَكٌ وَلَوْ أَنزَلْنَا مَلَكًا لَّقُضِىَ ٱلْأَمْرُ ثُمَّ لَا يُنظَرُونَ ﴿٨﴾

AL-AN'ĀM
(Gia Súc)

Nhân danh Allah, Đấng Rất mực Độ lượng,
Đấng Rất mực Khoan dung

1.- Mọi lời ca tụng đều dâng lên Allah, Đấng đã tạo các tầng trời và trái đất và đã làm ra cái u-tối và ánh-sáng, thế mà những kẻ phủ nhận đức tin lại dựng những đối tượng ngang vai với *Rabb* (Allah) của họ.

2.- Ngài là Đấng đã tạo các người từ đất sét rồi qui định (cho mỗi người) một thời hạn (tuổi thọ.) Nhưng Ngài còn giữ nơi Ngài một hạn kỳ khác. Rồi các người sinh lòng nghi ngờ (về sự Phục sinh).

3.- Và Ngài là Allah (đang ngự trị) trong các tầng trời và trái đất. Ngài biết điều bí mật và điều công khai của các người. Và Ngài biết điều (tốt và xấu) mà các người đã làm ra.

4.- Và không một Dấu hiệu nào trong các Dấu hiệu của *Rabb* của họ đến với họ mà họ lại không quay mặt làm ngơ.

5.- Bởi thế, chắc chắn họ phủ nhận sự Thật khi nó đến với họ. Nhưng họ sẽ sớm biết tin tức về những điều mà họ thường chế giễu.

6.- Há họ không thấy việc *TA* (Allah) đã hủy diệt trước họ bao nhiêu thế hệ mà *TA* đã định cư trên trái đất hay sao? *TA* đã định cư họ trên trái đất không như *TA* đã định cư các ngươi. *TA* đã ban nước mưa xối xả từ trên trời xuống cho họ và tạo các dòng sông chảy bên dưới họ, nhưng *TA* đã tiêu diệt họ vì những tội lỗi của họ và đã cho sinh sản những thế hệ khác (để thay thế họ).

7.- Nếu *TA* (Allah) có ban xuống cho Ngươi một Kinh sách (viết) trên các miếng da thuộc mà họ có thể sờ với bàn tay của họ thì chắc chắn những kẻ không có lòng tin sẽ nói: "Đây chỉ là một trò ảo thuật hiển hiện."

8.- Và họ nói: "Tại sao không phái một thiên thần xuống cho Y (Muhammad)?" Và nếu *TA* phái một thiên thần xuống thì vấn đề đã được giải quyết xong rồi đâu có còn việc gia hạn cho họ.

وَلَوۡ جَعَلۡنَٰهُ مَلَكٗا لَّجَعَلۡنَٰهُ رَجُلٗا وَلَلَبَسۡنَا عَلَيۡهِم مَّا
يَلۡبِسُونَ ٩ وَلَقَدِ ٱسۡتُهۡزِئَ بِرُسُلٖ مِّن قَبۡلِكَ فَحَاقَ بِٱلَّذِينَ
سَخِرُواْ مِنۡهُم مَّا كَانُواْ بِهِۦ يَسۡتَهۡزِءُونَ ١٠ قُلۡ سِيرُواْ
فِي ٱلۡأَرۡضِ ثُمَّ ٱنظُرُواْ كَيۡفَ كَانَ عَٰقِبَةُ ٱلۡمُكَذِّبِينَ
١١ قُل لِّمَن مَّا فِي ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضِۖ قُل لِّلَّهِۚ كَتَبَ عَلَىٰ
نَفۡسِهِ ٱلرَّحۡمَةَۚ لَيَجۡمَعَنَّكُمۡ إِلَىٰ يَوۡمِ ٱلۡقِيَٰمَةِ لَا رَيۡبَ
فِيهِۚ ٱلَّذِينَ خَسِرُوٓاْ أَنفُسَهُمۡ فَهُمۡ لَا يُؤۡمِنُونَ ١٢ ۞وَلَهُۥ
مَا سَكَنَ فِي ٱلَّيۡلِ وَٱلنَّهَارِۚ وَهُوَ ٱلسَّمِيعُ ٱلۡعَلِيمُ ١٣ قُلۡ
أَغَيۡرَ ٱللَّهِ أَتَّخِذُ وَلِيّٗا فَاطِرِ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضِ وَهُوَ
يُطۡعِمُ وَلَا يُطۡعَمُۗ قُلۡ إِنِّيٓ أُمِرۡتُ أَنۡ أَكُونَ أَوَّلَ مَنۡ أَسۡلَمَۖ
وَلَا تَكُونَنَّ مِنَ ٱلۡمُشۡرِكِينَ ١٤ قُلۡ إِنِّيٓ أَخَافُ إِنۡ عَصَيۡتُ
رَبِّي عَذَابَ يَوۡمٍ عَظِيمٖ ١٥ مَّن يُصۡرَفۡ عَنۡهُ يَوۡمَئِذٖ فَقَدۡ رَحِمَهُۥۚ
وَذَٰلِكَ ٱلۡفَوۡزُ ٱلۡمُبِينُ ١٦ وَإِن يَمۡسَسۡكَ ٱللَّهُ بِضُرّٖ فَلَا كَاشِفَ
لَهُۥٓ إِلَّا هُوَۖ وَإِن يَمۡسَسۡكَ بِخَيۡرٖ فَهُوَ عَلَىٰ كُلِّ شَيۡءٖ قَدِيرٞ
١٧ وَهُوَ ٱلۡقَاهِرُ فَوۡقَ عِبَادِهِۦۚ وَهُوَ ٱلۡحَكِيمُ ٱلۡخَبِيرُ ١٨

ثلاثة أرباع الحزب ١٣

9.- Và nếu *TA* có làm cho Y (Sứ giả) thành một thiên thần thì *TA* vẫn phải làm cho Y thành một người phàm. Và *TA* làm cho họ lúng túng thêm về điều đang làm cho họ lúng túng.

10.- Và chắc chắn các Sứ giả trước Ngươi (Muhammad) đã bị chế giễu nhưng chung cuộc điều mà họ thường chế giễu sẽ bao vây những ai đã chế giễu lại trong đó.

11.- Hãy bảo họ: "Hãy đi du lịch trên trái đất rồi xét xem kết cuộc của những kẻ phủ nhận Chân lý đã xẩy ra như thế nào."

12.- Hãy hỏi họ: "Mọi vật trong các tầng trời và trái đất là của ai?" (Nếu họ không trả lời thì) hãy bảo họ: "Của Allah" Ngài tự qui định cho mình lòng Khoan dung. Mục đích để Ngài sẽ tập trung các người trở lại vào Ngày Phục sinh, mà không có gì phải ngờ vực cả. Chỉ những ai đánh mất linh hồn mới không tin tưởng.

13.- Mọi vật ẩn mình vào ban đêm và ban ngày đều là của Allah cả. Và Ngài là Đấng Hằng Nghe và Hằng Biết (mọi vật).

14.- Hãy bảo họ: "Há Ta sẽ phải nhận ai khác làm Đấng Bảo hộ ngoài Allah, Đấng đã sáng tạo các tầng trời và trái đất hay sao? Và Ngài là Đấng Nuôi dưỡng (vạn vật) chứ không được ai nuôi. Hãy bảo họ: "Ta (Muhammad) được lệnh phải là người đầu tiên thần phục Allah (trong *Islām*.) và không được là một người thờ đa thần."

15.- Hãy bảo họ: "Ta sợ hình phạt vào một Ngày (Xét xử) Vĩ đại nếu Ta bất tuân *Rabb* (Allah) của Ta."

16.- Vào Ngày đó, ai không bị phạt thì chắc chắn là được (Allah) khoan dung. Và đó là một sự thành tựu rạng rỡ.

17.- Và nếu Allah giáng hình phạt lên ngươi (hỡi người) thì ngoài Ngài không ai có thể thu nó lại được; và nếu Ngài ban cho ngươi điều lành thì Ngài có quyền chi phối mọi việc.

18.- Và Ngài là Đấng Tối Thượng ở bên trên các bầy tôi của Ngài; và Ngài là Đấng Rất mực Sáng suốt, Đấng Am tường mọi việc (vật).

قُلْ أَيُّ شَيْءٍ أَكْبَرُ شَهَٰدَةً ۖ قُلِ ٱللَّهُ ۖ شَهِيدٌۢ بَيْنِى وَبَيْنَكُمْ ۚ وَأُوحِىَ إِلَىَّ هَٰذَا ٱلْقُرْءَانُ لِأُنذِرَكُم بِهِۦ وَمَنۢ بَلَغَ ۚ أَئِنَّكُمْ لَتَشْهَدُونَ أَنَّ مَعَ ٱللَّهِ ءَالِهَةً أُخْرَىٰ ۚ قُل لَّآ أَشْهَدُ ۚ قُلْ إِنَّمَا هُوَ إِلَٰهٌ وَٰحِدٌ وَإِنَّنِى بَرِىٓءٌ مِّمَّا تُشْرِكُونَ ﴿١٩﴾ ٱلَّذِينَ ءَاتَيْنَٰهُمُ ٱلْكِتَٰبَ يَعْرِفُونَهُۥ كَمَا يَعْرِفُونَ أَبْنَآءَهُمُ ۘ ٱلَّذِينَ خَسِرُوٓا۟ أَنفُسَهُمْ فَهُمْ لَا يُؤْمِنُونَ ﴿٢٠﴾ وَمَنْ أَظْلَمُ مِمَّنِ ٱفْتَرَىٰ عَلَى ٱللَّهِ كَذِبًا أَوْ كَذَّبَ بِـَٔايَٰتِهِۦٓ ۗ إِنَّهُۥ لَا يُفْلِحُ ٱلظَّٰلِمُونَ ﴿٢١﴾ وَيَوْمَ نَحْشُرُهُمْ جَمِيعًا ثُمَّ نَقُولُ لِلَّذِينَ أَشْرَكُوٓا۟ أَيْنَ شُرَكَآؤُكُمُ ٱلَّذِينَ كُنتُمْ تَزْعُمُونَ ﴿٢٢﴾ ثُمَّ لَمْ تَكُن فِتْنَتُهُمْ إِلَّآ أَن قَالُوا۟ وَٱللَّهِ رَبِّنَا مَا كُنَّا مُشْرِكِينَ ﴿٢٣﴾ ٱنظُرْ كَيْفَ كَذَبُوا۟ عَلَىٰٓ أَنفُسِهِمْ ۚ وَضَلَّ عَنْهُم مَّا كَانُوا۟ يَفْتَرُونَ ﴿٢٤﴾ وَمِنْهُم مَّن يَسْتَمِعُ إِلَيْكَ ۖ وَجَعَلْنَا عَلَىٰ قُلُوبِهِمْ أَكِنَّةً أَن يَفْقَهُوهُ وَفِىٓ ءَاذَانِهِمْ وَقْرًا ۚ وَإِن يَرَوْا۟ كُلَّ ءَايَةٍ لَّا يُؤْمِنُوا۟ بِهَا ۚ حَتَّىٰٓ إِذَا جَآءُوكَ يُجَٰدِلُونَكَ يَقُولُ ٱلَّذِينَ كَفَرُوٓا۟ إِنْ هَٰذَآ إِلَّآ أَسَٰطِيرُ ٱلْأَوَّلِينَ ﴿٢٥﴾ وَهُمْ يَنْهَوْنَ عَنْهُ وَيَنْـَٔوْنَ عَنْهُ ۖ وَإِن يُهْلِكُونَ إِلَّآ أَنفُسَهُمْ وَمَا يَشْعُرُونَ ﴿٢٦﴾ وَلَوْ تَرَىٰٓ إِذْ وُقِفُوا۟ عَلَى ٱلنَّارِ فَقَالُوا۟ يَٰلَيْتَنَا نُرَدُّ وَلَا نُكَذِّبَ بِـَٔايَٰتِ رَبِّنَا وَنَكُونَ مِنَ ٱلْمُؤْمِنِينَ ﴿٢٧﴾

19.- Hãy bảo họ: "Cái gì (có giá trị) lớn nhất trong bằng chứng?" Hãy bảo họ: "(Việc) Allah làm chứng giữa Ta và các người (là lớn nhất.) Và *Qur'ān* này đã được mặc khải cho Ta hầu dùng cảnh cáo các người và bất cứ ai mà nó có thể tiếp xúc. Phải chăng các người đã chứng nhận có những thần linh bên cạnh Allah hay sao?" Hãy bảo họ: "Ta không thể xác nhận như thế được." Hãy bảo họ: "Chỉ Ngài (Allah) là Thượng Đế Duy nhất. Và Ta vô can về những điều mà các người đã tổ hợp với Ngài."

20.- Những ai đã được *TA* (Allah) ban cho Kinh sách đều nhìn nhận Người (là Sứ giả của Allah) giống như việc họ nhìn nhận con cái của họ vậy; những ai đánh mất linh hồn mới không tin ấy thôi.

21.- Còn ai sai quấy hơn kẻ đã đặt điều nói dối rồi đổ thừa cho Allah hoặc phủ nhận các Lời Mặc khải của Ngài? Và thật sự những kẻ làm điều sai quấy sẽ không bao giờ phát đạt.

22.- Và vào một Ngày *TA* (Allah) sẽ tập trung tất cả bọn chúng trở lại và rồi *TA* sẽ hỏi những ai đã tổ hợp thần linh (cùng với *TA*): "Đâu là các thần linh của các ngươi mà các ngươi đã xác nhận?"

23.- Rồi chúng không nại được lý do nào để chạy tội ngoài lời xin xỏ này: "Xin thề với Allah, *Rabb* chúng tôi, chúng tôi không phải là những kẻ thờ đa thần."

24.- Thấy không! Chúng đã tự dối lòng mình như thế nào! Và điều gian dối mà chúng đã bịa đặt ra đã bỏ chúng đi biệt dạng.

25.- Và trong bọn chúng có một số (giả vờ) nghe Ngươi đọc. Nhưng *TA* (Allah) lấy tấm màn bao kín quả tim của chúng lại đến nỗi chúng không hiểu Nó (*Qur'ān*); và chúng cảm thấy nặng tai; và nếu chúng có thấy từng Dấu hiệu nào, chúng cũng sẽ không tin tưởng. (Tệ) đến mức khi đến tiếp xúc với Ngươi, chúng chỉ muốn gây sự với Ngươi; những kẻ không có đức tin thường nói: "(*Qur'ān*) này chẳng qua là chuyện cổ tích của người cổ xưa!"

26.- Và chúng cấm người khác nghe Nó (*Qur'ān*) còn chúng thì dang ra xa. Và làm thế, chúng chỉ tự hủy hoại bản thân (linh hồn) của chúng nhưng chúng không nhận thấy điều đó.

27.- Và nếu Ngươi có thể thấy được cảnh chúng sẽ bị bắt đứng trên Lửa (của Hỏa ngục), chúng sẽ than: "Thật khổ thân chúng tôi! Nếu chúng tôi được trở về trần gian thì (lần này) chúng tôi sẽ không phủ nhận các Dấu hiệu của *Rabb* của chúng tôi và chúng tôi sẽ trở thành những người tin tưởng."

بَلْ بَدَا لَهُم مَّا كَانُوا۟ يُخْفُونَ مِن قَبْلُ ۖ وَلَوْ رُدُّوا۟ لَعَادُوا۟ لِمَا نُهُوا۟ عَنْهُ وَإِنَّهُمْ لَكَٰذِبُونَ ﴿٢٨﴾ وَقَالُوٓا۟ إِنْ هِىَ إِلَّا حَيَاتُنَا ٱلدُّنْيَا وَمَا نَحْنُ بِمَبْعُوثِينَ ﴿٢٩﴾ وَلَوْ تَرَىٰٓ إِذْ وُقِفُوا۟ عَلَىٰ رَبِّهِمْ ۚ قَالَ أَلَيْسَ هَٰذَا بِٱلْحَقِّ ۚ قَالُوا۟ بَلَىٰ وَرَبِّنَا ۚ قَالَ فَذُوقُوا۟ ٱلْعَذَابَ بِمَا كُنتُمْ تَكْفُرُونَ ﴿٣٠﴾ قَدْ خَسِرَ ٱلَّذِينَ كَذَّبُوا۟ بِلِقَآءِ ٱللَّهِ ۖ حَتَّىٰٓ إِذَا جَآءَتْهُمُ ٱلسَّاعَةُ بَغْتَةً قَالُوا۟ يَٰحَسْرَتَنَا عَلَىٰ مَا فَرَّطْنَا فِيهَا وَهُمْ يَحْمِلُونَ أَوْزَارَهُمْ عَلَىٰ ظُهُورِهِمْ ۚ أَلَا سَآءَ مَا يَزِرُونَ ﴿٣١﴾ وَمَا ٱلْحَيَوٰةُ ٱلدُّنْيَآ إِلَّا لَعِبٌ وَلَهْوٌ ۖ وَلَلدَّارُ ٱلْءَاخِرَةُ خَيْرٌ لِّلَّذِينَ يَتَّقُونَ ۗ أَفَلَا تَعْقِلُونَ ﴿٣٢﴾ قَدْ نَعْلَمُ إِنَّهُۥ لَيَحْزُنُكَ ٱلَّذِى يَقُولُونَ ۖ فَإِنَّهُمْ لَا يُكَذِّبُونَكَ وَلَٰكِنَّ ٱلظَّٰلِمِينَ بِـَٔايَٰتِ ٱللَّهِ يَجْحَدُونَ ﴿٣٣﴾ وَلَقَدْ كُذِّبَتْ رُسُلٌ مِّن قَبْلِكَ فَصَبَرُوا۟ عَلَىٰ مَا كُذِّبُوا۟ وَأُوذُوا۟ حَتَّىٰٓ أَتَىٰهُمْ نَصْرُنَا ۚ وَلَا مُبَدِّلَ لِكَلِمَٰتِ ٱللَّهِ ۚ وَلَقَدْ جَآءَكَ مِن نَّبَإِى۟ ٱلْمُرْسَلِينَ ﴿٣٤﴾ وَإِن كَانَ كَبُرَ عَلَيْكَ إِعْرَاضُهُمْ فَإِنِ ٱسْتَطَعْتَ أَن تَبْتَغِىَ نَفَقًا فِى ٱلْأَرْضِ أَوْ سُلَّمًا فِى ٱلسَّمَآءِ فَتَأْتِيَهُم بِـَٔايَةٍ ۚ وَلَوْ شَآءَ ٱللَّهُ لَجَمَعَهُمْ عَلَى ٱلْهُدَىٰ ۚ فَلَا تَكُونَنَّ مِنَ ٱلْجَٰهِلِينَ ﴿٣٥﴾

28.- Không, những điều mà chúng đã từng giấu giếm trước đây sẽ hiện rõ cho chúng thấy. Và nếu chúng được đưa trở về trần gian thì chắc chắn chúng cũng sẽ tái phạm điều đã từng bị cấm, bởi vì quả thật chúng là những kẻ nói dối.

29.- Và (đôi lúc) chúng nói: "Quả thật, không có đời sống nào khác ngoài đời sống trần gian này và chúng tôi sẽ không được phục sinh trở lại."

30.- Và nếu Ngươi có thể thấy được cảnh chúng sẽ bị bắt đứng trước mặt *Rabb* (Allah) của chúng, Ngài sẽ phán: "Há điều này không thực ư?" Chúng sẽ thưa: "Dạ thưa vâng, Lạy *Rabb* chúng tôi!" Ngài sẽ phán: "Thế thì hãy nếm sự trừng phạt vì tội các ngươi đã phủ nhận đức tin."

31.- Chắc chắn sẽ thua thiệt những ai phủ nhận việc gặp gỡ Allah (ở Đời sau) mãi cho đến lúc Giờ (Tận-thế) đột ngột xảy đến cho họ, thì họ mới than: "Thật khổ thân chúng tôi về điều chúng tôi thường lơ đễnh," và họ mang trên lưng gánh nặng (tội lỗi) của họ. Há gánh nặng (tội lỗi) không tồi tệ hay sao?

32.- Và cuộc sống trần tục này chỉ là trò chơi và giải trí. Và chắc chắn nhà-ở ở cõi Đời sau sẽ tốt nhất cho những ai sợ Allah. Thế các người không hiểu điều đó ư?

33.- *TA* (Allah) biết lời họ nói ra làm cho Ngươi đau buồn. Bởi vì thật ra họ không cho Ngươi nói dối; ngược lại, những kẻ làm điều sai quấy cãi lại các Lời Mặc khải của Allah thôi.

34.- Và chắc chắn các Sứ giả trước Ngươi đã từng bị phủ nhận. Nhưng Họ đã kiên nhẫn chịu đựng về những điều đã bị bài bác và sự ngược đãi cho đến khi sự cứu trợ của *TA* đã đến với Họ. Và không ai có thể làm thay đổi được Lời phán (và Quyết định) của Allah. Và chắc chắn Ngươi đã tiếp thu được tin tức phấn khởi về các Sứ giả (tiền nhiệm Ngươi).

35.- Và nếu Ngươi cảm thấy khó khăn trước sự cự tuyệt của họ thì với khả năng của Ngươi, hãy tìm một cái lỗ chui xuống dưới đất hoặc bắt một cái thang đi lên trời để mang xuống cho họ một Dấu-lạ (để thuyết phục họ.) Và nếu Allah muốn, Ngài sẽ thừa sức tập trung họ lại và hướng dẫn họ theo Chính đạo. Bởi thế, Ngươi chớ cư xử như một người ngu muội (đâm ra thối chí và mất kiên nhẫn).

۞ إِنَّمَا يَسۡتَجِيبُ ٱلَّذِينَ يَسۡمَعُونَۘ وَٱلۡمَوۡتَىٰ يَبۡعَثُهُمُ ٱللَّهُ ثُمَّ إِلَيۡهِ يُرۡجَعُونَ ٣٦ وَقَالُواْ لَوۡلَا نُزِّلَ عَلَيۡهِ ءَايَةٞ مِّن رَّبِّهِۦۚ قُلۡ إِنَّ ٱللَّهَ قَادِرٌ عَلَىٰٓ أَن يُنَزِّلَ ءَايَةٗ وَلَٰكِنَّ أَكۡثَرَهُمۡ لَا يَعۡلَمُونَ ٣٧ وَمَا مِن دَآبَّةٖ فِي ٱلۡأَرۡضِ وَلَا طَٰٓئِرٖ يَطِيرُ بِجَنَاحَيۡهِ إِلَّآ أُمَمٌ أَمۡثَالُكُمۚ مَّا فَرَّطۡنَا فِي ٱلۡكِتَٰبِ مِن شَيۡءٖۚ ثُمَّ إِلَىٰ رَبِّهِمۡ يُحۡشَرُونَ ٣٨ وَٱلَّذِينَ كَذَّبُواْ بِـَٔايَٰتِنَا صُمّٞ وَبُكۡمٞ فِي ٱلظُّلُمَٰتِۗ مَن يَشَإِ ٱللَّهُ يُضۡلِلۡهُ وَمَن يَشَأۡ يَجۡعَلۡهُ عَلَىٰ صِرَٰطٖ مُّسۡتَقِيمٖ ٣٩ قُلۡ أَرَءَيۡتَكُمۡ إِنۡ أَتَىٰكُمۡ عَذَابُ ٱللَّهِ أَوۡ أَتَتۡكُمُ ٱلسَّاعَةُ أَغَيۡرَ ٱللَّهِ تَدۡعُونَ إِن كُنتُمۡ صَٰدِقِينَ ٤٠ بَلۡ إِيَّاهُ تَدۡعُونَ فَيَكۡشِفُ مَا تَدۡعُونَ إِلَيۡهِ إِن شَآءَ وَتَنسَوۡنَ مَا تُشۡرِكُونَ ٤١ وَلَقَدۡ أَرۡسَلۡنَآ إِلَىٰٓ أُمَمٖ مِّن قَبۡلِكَ فَأَخَذۡنَٰهُم بِٱلۡبَأۡسَآءِ وَٱلضَّرَّآءِ لَعَلَّهُمۡ يَتَضَرَّعُونَ ٤٢ فَلَوۡلَآ إِذۡ جَآءَهُم بَأۡسُنَا تَضَرَّعُواْ وَلَٰكِن قَسَتۡ قُلُوبُهُمۡ وَزَيَّنَ لَهُمُ ٱلشَّيۡطَٰنُ مَا كَانُواْ يَعۡمَلُونَ ٤٣ فَلَمَّا نَسُواْ مَا ذُكِّرُواْ بِهِۦ فَتَحۡنَا عَلَيۡهِمۡ أَبۡوَٰبَ كُلِّ شَيۡءٍ حَتَّىٰٓ إِذَا فَرِحُواْ بِمَآ أُوتُوٓاْ أَخَذۡنَٰهُم بَغۡتَةٗ فَإِذَا هُم مُّبۡلِسُونَ ٤٤

36.- Chỉ những ai thành tâm nghe (*Qur'ān*) mới đáp lại (Lời gọi của Allah). Còn đối với người chết, Allah sẽ dựng họ sống lại rồi họ sẽ được đưa trở về trình diện Ngài.

37.- Và họ nói như sau: "Tại sao không có một Phép lạ nào từ *Rabb* của Y (Muhammad) được ban xuống cho Y?" Hãy bảo họ: "Thật ra Allah thừa sức ban xuống một Phép lạ nhưng đa số bọn họ không biết (Phép lạ đó ngụ ý gì.)"

38.- Và không có một loại thú vật nào (sống) trên trái đất cũng không có một loại chim chóc nào bay được bằng hai cánh mà không sống (kết đoàn) thành cộng đồng giống như các ngươi. *TA* (Allah) đã không bỏ sót một điều nào trong quyển Sổ (Định luật) rồi cuối cùng chúng sẽ được đưa về gặp *Rabb* (Allah) của chúng trở lại.

39.- Và những ai phủ nhận các Dấu hiệu của *TA* (Allah) thì (chẳng khác nào) như kẻ điếc và câm, và chìm sâu trong tăm tối. Allah đánh lạc hướng kẻ nào Ngài muốn và dắt đi đúng đường người nào Ngài muốn.

40.- Hãy hỏi họ: "Các ngươi hãy suy nghĩ cho kỹ và trả lời cho thật, rằng nếu hình phạt của Allah hoặc Giờ (Tận thế) bất ngờ xảy đến cho các ngươi thì ngoài Allah, ai là Đấng mà các ngươi sẽ gọi cầu cứu?"

41.- Không, chỉ một mình Ngài các ngươi van cầu; và nếu Ngài muốn, Ngài sẽ bốc đi khỏi các ngươi điều (nguy khốn) mà các ngươi van xin Ngài và các ngươi sẽ quên mất hết điều (hay thần linh) mà các ngươi đã tổ hợp với Ngài.

42.- Và chắc chắn trước Ngươi, *TA* (Allah) đã cử phái các Sứ giả đến với các cộng đồng và *TA* đã phạt các cộng đồng đó với nỗi khó khăn và buồn phiền mục đích để cho họ hạ mình khiêm tốn.

43.- Nhưng tại sao họ không chịu hạ mình thần phục khi họ gặp nỗi buồn phiền mà *TA* giáng lên họ; ngược lại trái tim của họ chai đi và *Shaytān* đã làm cho hành động (tội lỗi) của họ tỏ ra hoa mĩ đối với họ;

44.- Bởi thế, khi họ quên bẵng lời cảnh cáo mà họ đã nhận, *TA* (Allah) mở toang cho họ mọi cánh cửa (phồn vinh) về mọi vấn đề cho đến lúc họ chỉ biết khoe khoang về các tiện nghi mà họ đã được ban cho thì lúc đó *TA* bắt phạt họ một cách bất ngờ khiến họ lặng câm tuyệt vọng.

فَقُطِعَ دَابِرُ ٱلْقَوْمِ ٱلَّذِينَ ظَلَمُوا۟ ۚ وَٱلْحَمْدُ لِلَّهِ رَبِّ ٱلْعَـٰلَمِينَ ﴿٤٥﴾
قُلْ أَرَءَيْتُمْ إِنْ أَخَذَ ٱللَّهُ سَمْعَكُمْ وَأَبْصَـٰرَكُمْ وَخَتَمَ عَلَىٰ قُلُوبِكُم
مَّنْ إِلَـٰهٌ غَيْرُ ٱللَّهِ يَأْتِيكُم بِهِ ۗ ٱنظُرْ كَيْفَ نُصَرِّفُ ٱلْـَٔايَـٰتِ
ثُمَّ هُمْ يَصْدِفُونَ ﴿٤٦﴾ قُلْ أَرَءَيْتَكُمْ إِنْ أَتَىٰكُمْ عَذَابُ ٱللَّهِ
بَغْتَةً أَوْ جَهْرَةً هَلْ يُهْلَكُ إِلَّا ٱلْقَوْمُ ٱلظَّـٰلِمُونَ ﴿٤٧﴾ وَمَا
نُرْسِلُ ٱلْمُرْسَلِينَ إِلَّا مُبَشِّرِينَ وَمُنذِرِينَ ۖ فَمَنْ ءَامَنَ وَأَصْلَحَ
فَلَا خَوْفٌ عَلَيْهِمْ وَلَا هُمْ يَحْزَنُونَ ﴿٤٨﴾ وَٱلَّذِينَ كَذَّبُوا۟ بِـَٔايَـٰتِنَا
يَمَسُّهُمُ ٱلْعَذَابُ بِمَا كَانُوا۟ يَفْسُقُونَ ﴿٤٩﴾ قُل لَّآ أَقُولُ لَكُمْ
عِندِى خَزَآئِنُ ٱللَّهِ وَلَآ أَعْلَمُ ٱلْغَيْبَ وَلَآ أَقُولُ لَكُمْ إِنِّى مَلَكٌ ۖ
إِنْ أَتَّبِعُ إِلَّا مَا يُوحَىٰٓ إِلَىَّ ۚ قُلْ هَلْ يَسْتَوِى ٱلْأَعْمَىٰ وَٱلْبَصِيرُ ۚ
أَفَلَا تَتَفَكَّرُونَ ﴿٥٠﴾ وَأَنذِرْ بِهِ ٱلَّذِينَ يَخَافُونَ أَن يُحْشَرُوٓا۟ إِلَىٰ
رَبِّهِمْ ۙ لَيْسَ لَهُم مِّن دُونِهِۦ وَلِىٌّ وَلَا شَفِيعٌ لَّعَلَّهُمْ يَتَّقُونَ
﴿٥١﴾ وَلَا تَطْرُدِ ٱلَّذِينَ يَدْعُونَ رَبَّهُم بِٱلْغَدَوٰةِ وَٱلْعَشِىِّ يُرِيدُونَ
وَجْهَهُۥ ۖ مَا عَلَيْكَ مِنْ حِسَابِهِم مِّن شَىْءٍ وَمَا مِنْ حِسَابِكَ
عَلَيْهِم مِّن شَىْءٍ فَتَطْرُدَهُمْ فَتَكُونَ مِنَ ٱلظَّـٰلِمِينَ ﴿٥٢﴾

45.- Gốc rễ của những kẻ làm điều sai quấy vì thế bị cắt đứt hết. Và mọi ca tụng đều thuộc về Allah, *Rabb* của vũ trụ và muôn loài.

46.- Hãy bảo họ: "Các người hãy nghĩ kỹ xem, nếu Allah lấy mất đi thính giác (cái nghe) và thị giác (cái thấy) của các người và niêm kín quả tim (tấm lòng) của các người lại thì ai là Thượng Đế ngoài Allah có thể phục hồi chúng cho các người? Xem đó, *TA* đã giải thích rõ ràng các Lời Mặc khải cho họ như thế nào, vậy mà họ vẫn quay bỏ đi.

47.- Hãy bảo họ: "Các người hãy nghĩ kỹ xem, nếu hình phạt của Allah hoặc bất ngờ hoặc công khai xảy đến cho các người thì chỉ đám người làm điều sai quấy mới bị tiêu diệt thôi hay sao?

48.- *TA* (Allah) đã cử các Sứ giả đến chỉ để làm công tác báo trước (tin lành) và cảnh cáo (về tin dữ); bởi thế ai tin tưởng và sửa mình thì sẽ không lo sợ và cũng sẽ không buồn phiền.

49.- Ngược lại, những ai phủ nhận các Dấu hiệu của *TA* thì sẽ bị trừng phạt vì tội bất tuân và đã vượt quá mức giới hạn.

50.- Hãy bảo họ: "Ta đã không nói với các ngươi rằng Ta giữ các kho-tàng của Allah, và Ta cũng không biết điều vô-hình và Ta cũng không nói với các ngươi Ta đây là một Thiên thần. (Ta đã nói), 'Ta chỉ tuân theo điều (lệnh) đã được mặc khải cho Ta' Hãy hỏi họ: "Há người mù và người sáng mắt bằng nhau hay sao? Thế tại sao các người không chịu suy ngẫm (về điều đó)."

51.- Và hãy dùng Nó (*Qur'ān*) để cảnh cáo những ai sợ việc sẽ bị tập trung trước mặt *Rabb* (Allah) của họ, (rằng) sẽ không có một người bảo vệ hay một người can thiệp nào ngoài Ngài có thể giúp đỡ họ được. Mục đích để cho họ sợ Allah mà giữ mình khỏi phạm tội.

52.- Và không được xua đuổi những ai cầu nguyện *Rabb* của họ vào buổi sáng và buổi tối, mong gặp mặt Ngài. Ngươi không chịu tội giùm cho họ về bất cứ điều gì và họ cũng không chịu tội giùm cho Ngươi về bất cứ điều gì; bởi thế nếu Ngươi xua đuổi họ thì Ngươi sẽ trở thành một người làm điều sai quấy.

وَكَذَٰلِكَ فَتَنَّا بَعۡضَهُم بِبَعۡضٖ لِّيَقُولُوٓاْ أَهَٰٓؤُلَآءِ مَنَّ ٱللَّهُ
عَلَيۡهِم مِّنۢ بَيۡنِنَآۗ أَلَيۡسَ ٱللَّهُ بِأَعۡلَمَ بِٱلشَّٰكِرِينَ ٥٣ وَإِذَا
جَآءَكَ ٱلَّذِينَ يُؤۡمِنُونَ بِـَٔايَٰتِنَا فَقُلۡ سَلَٰمٌ عَلَيۡكُمۡۖ كَتَبَ
رَبُّكُمۡ عَلَىٰ نَفۡسِهِ ٱلرَّحۡمَةَ أَنَّهُۥ مَنۡ عَمِلَ مِنكُمۡ سُوٓءَۢا
بِجَهَٰلَةٖ ثُمَّ تَابَ مِنۢ بَعۡدِهِۦ وَأَصۡلَحَ فَأَنَّهُۥ غَفُورٞ رَّحِيمٞ ٥٤
وَكَذَٰلِكَ نُفَصِّلُ ٱلۡأٓيَٰتِ وَلِتَسۡتَبِينَ سَبِيلُ ٱلۡمُجۡرِمِينَ
٥٥ قُلۡ إِنِّي نُهِيتُ أَنۡ أَعۡبُدَ ٱلَّذِينَ تَدۡعُونَ مِن دُونِ ٱللَّهِۚ قُل
لَّآ أَتَّبِعُ أَهۡوَآءَكُمۡ قَدۡ ضَلَلۡتُ إِذٗا وَمَآ أَنَا۠ مِنَ ٱلۡمُهۡتَدِينَ
٥٦ قُلۡ إِنِّي عَلَىٰ بَيِّنَةٖ مِّن رَّبِّي وَكَذَّبۡتُم بِهِۦۚ مَا عِندِي مَا
تَسۡتَعۡجِلُونَ بِهِۦٓۚ إِنِ ٱلۡحُكۡمُ إِلَّا لِلَّهِۖ يَقُصُّ ٱلۡحَقَّۖ وَهُوَ
خَيۡرُ ٱلۡفَٰصِلِينَ ٥٧ قُل لَّوۡ أَنَّ عِندِي مَا تَسۡتَعۡجِلُونَ بِهِۦ لَقُضِيَ
ٱلۡأَمۡرُ بَيۡنِي وَبَيۡنَكُمۡۗ وَٱللَّهُ أَعۡلَمُ بِٱلظَّٰلِمِينَ ٥٨ ۞ وَعِندَهُۥ
مَفَاتِحُ ٱلۡغَيۡبِ لَا يَعۡلَمُهَآ إِلَّا هُوَۚ وَيَعۡلَمُ مَا فِي ٱلۡبَرِّ
وَٱلۡبَحۡرِۚ وَمَا تَسۡقُطُ مِن وَرَقَةٍ إِلَّا يَعۡلَمُهَا وَلَا حَبَّةٖ فِي ظُلُمَٰتِ
ٱلۡأَرۡضِ وَلَا رَطۡبٖ وَلَا يَابِسٍ إِلَّا فِي كِتَٰبٖ مُّبِينٖ ٥٩

ربع الحزب ١٤

53.- Và *TA* (Allah) đã dùng một số người này để thử thách một số người kia để họ có dịp nói: "Phải chăng những người này đã được Allah đặc ân trong bọn mình?" Há Allah không biết ai là người biết ơn hay sao?

54.- Và khi những ai tin tưởng nơi các Dấu hiệu của *TA* (Allah) đến gặp Ngươi thì hãy chào họ, bảo: "Mong các người được bằng-an! *Rabb* (Allah) của các người đã tự qui định cho mình lòng khoan dung tha thứ: rằng quả thật ai vì ngu muội mà lỡ lầm phạm tội rồi ăn năn sám hối và sửa mình sau đó thì quả thật Ngài (Allah) Hằng Tha thứ, Rất mực Khoan dung.

55.- Và *TA* (Allah) đã trình bày các Lời Mặc khải đúng như thế để cho con đường của những kẻ tội lỗi được phơi bày ra công khai.

56.- Hãy bảo họ: "Ta bị cấm tôn thờ những kẻ mà các người cầu nguyện ngoài Allah." Hãy bảo tiếp: "Ta sẽ không làm theo ý muốn riêng tư của các người. Nếu Ta nghe theo các người thì chắc chắn Ta sẽ lạc đạo và Ta sẽ không còn là một người được hướng dẫn nữa."

57.- Hãy bảo họ: "Ta dựa vào một bằng chứng rõ rệt từ *Rabb* (Allah) của Ta nhưng các người lại phủ nhận nó. Cái (hình phạt) mà các người muốn giục nó xảy ra tức khắc không nằm nơi Ta. Mọi phán quyết đều thuộc về Allah cả. Ngài tuyên bố sự thật. Và Ngài là Đấng Quyết định Ưu việt."

58.- Hãy bảo họ: "Nếu cái (hình phạt) mà các người thúc giục cho mau xảy đến nằm nơi Ta thì việc tranh chấp (phải trái) giữa Ta với các người đã được giải quyết xong rồi. Nhưng Allah biết rõ những kẻ làm điều sai quấy."

59.- Mọi chìa khóa (hay kho tàng) của cõi vô hình đều nằm nơi Ngài (Allah), chỉ riêng Ngài biết rõ chúng. Bởi vì Ngài biết rõ mọi vật trên đất liền và dưới biển cả. Và không một chiếc lá nào rụng mà Ngài không biết cũng không một hạt giống nào chôn sâu dưới cái u-tối của đất đai mà Ngài không biết; cũng không có cái xanh tươi hay cái khô héo nào mà lại không được ghi sẵn trong một quyển sổ (định mệnh) rõ ràng.

وَهُوَ ٱلَّذِي يَتَوَفَّىٰكُم بِٱلَّيۡلِ وَيَعۡلَمُ مَا جَرَحۡتُم بِٱلنَّهَارِ ثُمَّ
يَبۡعَثُكُمۡ فِيهِ لِيُقۡضَىٰٓ أَجَلٞ مُّسَمّٗىۖ ثُمَّ إِلَيۡهِ مَرۡجِعُكُمۡ ثُمَّ
يُنَبِّئُكُم بِمَا كُنتُمۡ تَعۡمَلُونَ ٦٠ وَهُوَ ٱلۡقَاهِرُ فَوۡقَ عِبَادِهِۦۖ
وَيُرۡسِلُ عَلَيۡكُمۡ حَفَظَةً حَتَّىٰٓ إِذَا جَآءَ أَحَدَكُمُ ٱلۡمَوۡتُ تَوَفَّتۡهُ
رُسُلُنَا وَهُمۡ لَا يُفَرِّطُونَ ٦١ ثُمَّ رُدُّوٓاْ إِلَى ٱللَّهِ مَوۡلَىٰهُمُ ٱلۡحَقِّۚ
أَلَا لَهُ ٱلۡحُكۡمُ وَهُوَ أَسۡرَعُ ٱلۡحَٰسِبِينَ ٦٢ قُلۡ مَن يُنَجِّيكُم مِّن
ظُلُمَٰتِ ٱلۡبَرِّ وَٱلۡبَحۡرِ تَدۡعُونَهُۥ تَضَرُّعٗا وَخُفۡيَةٗ لَّئِنۡ أَنجَىٰنَا مِنۡ
هَٰذِهِۦ لَنَكُونَنَّ مِنَ ٱلشَّٰكِرِينَ ٦٣ قُلِ ٱللَّهُ يُنَجِّيكُم مِّنۡهَا وَمِن كُلِّ كَرۡبٖ
ثُمَّ أَنتُمۡ تُشۡرِكُونَ ٦٤ قُلۡ هُوَ ٱلۡقَادِرُ عَلَىٰٓ أَن يَبۡعَثَ عَلَيۡكُمۡ عَذَابٗا مِّن
فَوۡقِكُمۡ أَوۡ مِن تَحۡتِ أَرۡجُلِكُمۡ أَوۡ يَلۡبِسَكُمۡ شِيَعٗا وَيُذِيقَ بَعۡضَكُم
بَأۡسَ بَعۡضٍۗ ٱنظُرۡ كَيۡفَ نُصَرِّفُ ٱلۡأٓيَٰتِ لَعَلَّهُمۡ يَفۡقَهُونَ ٦٥ وَكَذَّبَ
بِهِۦ قَوۡمُكَ وَهُوَ ٱلۡحَقُّۚ قُل لَّسۡتُ عَلَيۡكُم بِوَكِيلٖ ٦٦ لِّكُلِّ نَبَإٖ
مُّسۡتَقَرّٞۚ وَسَوۡفَ تَعۡلَمُونَ ٦٧ وَإِذَا رَأَيۡتَ ٱلَّذِينَ يَخُوضُونَ فِيٓ ءَايَٰتِنَا
فَأَعۡرِضۡ عَنۡهُمۡ حَتَّىٰ يَخُوضُواْ فِي حَدِيثٍ غَيۡرِهِۦۚ وَإِمَّا يُنسِيَنَّكَ
ٱلشَّيۡطَٰنُ فَلَا تَقۡعُدۡ بَعۡدَ ٱلذِّكۡرَىٰ مَعَ ٱلۡقَوۡمِ ٱلظَّٰلِمِينَ ٦٨

60.- Và Ngài (Allah) là Đấng cho bắt hồn của các người vào ban đêm và Ngài biết rõ điều (tốt và xấu) mà các người đã làm ban ngày. Rồi vào ban ngày Ngài đánh thức các người dậy trở lại để cho các người sống hết tuổi thọ ấn định; rồi cuối cùng các người sẽ được đưa về giao lại cho Ngài rồi Ngài sẽ báo cho các người biết về mọi điều các người đã làm.

61.- Và Ngài (Allah) là Đấng Tối Thượng chi phối bầy tôi của Ngài. Và Ngài cử các vị Canh gác (Thiên thần) theo trông chừng các người cho đến khi một trong các người đối diện với cái chết, thì các Thiên sứ (Thiên thần) của *TA* sẽ bắt hồn y và chúng sẽ không chểnh mảng trong công tác (bắt hồn).

62.- Rồi (tất cả các linh hồn) sẽ được đưa trở về trình diện Allah, Đấng Chủ nhân thật sự của họ. Chắc chắn Ngài nắm mọi phán quyết và rất nhanh trong việc xét xử.

63.- Hãy bảo họ: "Ai đã cứu các người ra khỏi chỗ u-tối nguy hiểm của đất liền và biển cả khi các người khiêm tốn và kín đáo van vái Ngài cứu mạng. (Các người đã nguyện trong lòng:) "Nếu Ngài cứu chúng tôi được thoát hiểm thì chắc chắn chúng tôi sẽ là những người biết ơn?"

64.- Hãy bảo họ: "Chính Allah đã cứu các người ra khỏi các chỗ nguy hiểm đó và khỏi mọi họan nạn khác rồi các người lại tổ hợp kẻ khác cùng với Ngài (trong việc thờ phụng).

65.- Hãy bảo họ: Ngài (Allah) có toàn quyền gởi thiên tai từ trên cao xuống hoặc từ dưới chân lên cho các người và bao phủ các người với nạn xung đột bè phái và làm cho các người nếm mùi tân khổ của sự sát phạt lẫn nhau." Hãy xem, *TA* đã giải thích các Lời mặc khải bằng nhiều cách để may ra các người có thể hiểu được (Thông điệp).

66.- Và người dân của Ngươi phủ nhận Nó (*Qur'ān*) trong lúc Nó là chân lý. Hãy bảo họ: "Ta không phải là người thọ lãnh (trách nhiệm) cho các người."

67.- Mỗi lời cáo thị đều cần một thời gian ấn định (để cho nó thể hiện). Rồi đây các người sẽ sớm biết (sự thật).

68.- Và khi Ngươi thấy những kẻ đâm đầu cãi nhau một cách vô ích về các Lời mặc khải của *TA*, hãy lánh xa họ cho đến khi họ đổi sang câu chuyện khác. Nếu *Shaytān* làm cho Ngươi quên việc đó thì sau khi nhớ lại, chớ ngồi chung với những kẻ làm điều sai quấy.

وَمَا عَلَى ٱلَّذِينَ يَتَّقُونَ مِنْ حِسَابِهِم مِّن شَيْءٖ وَلَٰكِن ذِكْرَىٰ لَعَلَّهُمْ يَتَّقُونَ ٦٩ وَذَرِ ٱلَّذِينَ ٱتَّخَذُواْ دِينَهُمْ لَعِبٗا وَلَهْوٗا وَغَرَّتْهُمُ ٱلْحَيَوٰةُ ٱلدُّنْيَاۚ وَذَكِّرْ بِهِۦٓ أَن تُبْسَلَ نَفْسُۢ بِمَا كَسَبَتْ لَيْسَ لَهَا مِن دُونِ ٱللَّهِ وَلِيّٞ وَلَا شَفِيعٞ وَإِن تَعْدِلْ كُلَّ عَدْلٖ لَّا يُؤْخَذْ مِنْهَآۗ أُوْلَٰٓئِكَ ٱلَّذِينَ أُبْسِلُواْ بِمَا كَسَبُواْۖ لَهُمْ شَرَابٞ مِّنْ حَمِيمٖ وَعَذَابٌ أَلِيمُۢ بِمَا كَانُواْ يَكْفُرُونَ ٧٠ قُلْ أَنَدْعُواْ مِن دُونِ ٱللَّهِ مَا لَا يَنفَعُنَا وَلَا يَضُرُّنَا وَنُرَدُّ عَلَىٰٓ أَعْقَابِنَا بَعْدَ إِذْ هَدَىٰنَا ٱللَّهُ كَٱلَّذِي ٱسْتَهْوَتْهُ ٱلشَّيَٰطِينُ فِي ٱلْأَرْضِ حَيْرَانَ لَهُۥٓ أَصْحَٰبٞ يَدْعُونَهُۥٓ إِلَى ٱلْهُدَى ٱئْتِنَاۗ قُلْ إِنَّ هُدَى ٱللَّهِ هُوَ ٱلْهُدَىٰۖ وَأُمِرْنَا لِنُسْلِمَ لِرَبِّ ٱلْعَٰلَمِينَ ٧١ وَأَنْ أَقِيمُواْ ٱلصَّلَوٰةَ وَٱتَّقُوهُۚ وَهُوَ ٱلَّذِيٓ إِلَيْهِ تُحْشَرُونَ ٧٢ وَهُوَ ٱلَّذِي خَلَقَ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلْأَرْضَ بِٱلْحَقِّۖ وَيَوْمَ يَقُولُ كُن فَيَكُونُۚ قَوْلُهُ ٱلْحَقُّۚ وَلَهُ ٱلْمُلْكُ يَوْمَ يُنفَخُ فِي ٱلصُّورِۚ عَٰلِمُ ٱلْغَيْبِ وَٱلشَّهَٰدَةِۚ وَهُوَ ٱلْحَكِيمُ ٱلْخَبِيرُ ٧٣

69.- Và mặc dầu những ai sợ Allah không chịu trách nhiệm về hành động của họ nhưng hãy nhắc nhở họ để may ra họ sẽ trở thành người ngay chính sợ Allah.

70.- Và chớ bận tâm về những kẻ đã lợi dụng tôn giáo của họ để làm một trò chơi và giải trí bởi vì cuộc sống trần tục này đã lừa dối họ. Nhưng hãy dùng Nó (*Qur'ān*) mà nhắc nhở họ bởi vì một linh hồn có thể tự hủy về những tội lỗi mà nó đã phạm. Nó sẽ thấy rằng chẳng có một người bảo hộ hay một người can thiệp nào ngoài Allah có thể giúp đỡ nó nổi. Và nếu nó có dâng mọi thứ tương đương (với tội) để xin chuộc mạng thì cũng sẽ không được chấp nhận từ nó. Những người này là những kẻ đã tự hủy hoại bản thân mình vì những tội lỗi mà họ đã làm. Họ sẽ được cho uống một loại nước sôi nóng bỏng và bị trừng phạt đau đớn vì tội tiếp tục không tin tưởng.

71.- Hãy bảo họ: "Há chúng tôi sẽ phải cầu nguyện ngoài Allah những vật không làm lợi cũng chẳng hãm hại được chúng tôi và chúng tôi sẽ phải quay gót bỏ đạo sau khi Allah đã hướng dẫn chúng tôi hay sao? Giống như kẻ đã bị các tên *Shaytān* lừa gạt và dất đi lang thang ngơ ngác trên trái đất, bạn bè của hắn gọi hắn đến với Chỉ đạo, nói: "Hãy đến với chúng tôi." Hãy bảo họ: "Chỉ đạo của Allah là Chỉ đạo đúng đắn nhất. Và chúng tôi được lệnh phải nạp mình thần phục Đấng Chủ Tể (*Rabb*) của vũ trụ và muôn loài;

72.- "Và phải dâng lễ nguyện *Salāh* một cách chu đáo và sợ Ngài," bởi vì Ngài là Đấng mà các người sẽ được tập trung đưa về trình diện.

73.- Và Ngài (Allah) là Đấng đã vì Chân lý mà tạo ra các tầng trời và trái đất. Và vào Ngày mà Ngài sẽ phán: 'Hãy Thành' thì nó sẽ Thành (theo Lời Ngài Phán). Lời Phán của Ngài là sự Thật. Và Ngài nắm mọi quyền hành vào Ngày mà tiếng còi (Phục sinh) sẽ được thổi lên. Ngài biết điều bí mật (vô-hình) và điều công khai (hữu hình) bởi vì Ngài là Đấng Rất mực Sáng suốt, Biết hết (tất cả).

نصف الحزب ١٤

۞ وَإِذْ قَالَ إِبْرَٰهِيمُ لِأَبِيهِ ءَازَرَ أَتَتَّخِذُ أَصْنَامًا ءَالِهَةً إِنِّىٓ
أَرَىٰكَ وَقَوْمَكَ فِى ضَلَٰلٍ مُّبِينٍ ﴿٧٤﴾ وَكَذَٰلِكَ نُرِىٓ إِبْرَٰهِيمَ
مَلَكُوتَ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلْأَرْضِ وَلِيَكُونَ مِنَ ٱلْمُوقِنِينَ
﴿٧٥﴾ فَلَمَّا جَنَّ عَلَيْهِ ٱلَّيْلُ رَءَا كَوْكَبًا ۖ قَالَ هَٰذَا رَبِّى ۖ فَلَمَّآ أَفَلَ
قَالَ لَآ أُحِبُّ ٱلْءَافِلِينَ ﴿٧٦﴾ فَلَمَّا رَءَا ٱلْقَمَرَ بَازِغًا قَالَ هَٰذَا
رَبِّى ۖ فَلَمَّآ أَفَلَ قَالَ لَئِن لَّمْ يَهْدِنِى رَبِّى لَأَكُونَنَّ مِنَ ٱلْقَوْمِ
ٱلضَّآلِّينَ ﴿٧٧﴾ فَلَمَّا رَءَا ٱلشَّمْسَ بَازِغَةً قَالَ هَٰذَا رَبِّى هَٰذَآ
أَكْبَرُ ۖ فَلَمَّآ أَفَلَتْ قَالَ يَٰقَوْمِ إِنِّى بَرِىٓءٌ مِّمَّا تُشْرِكُونَ
﴿٧٨﴾ إِنِّى وَجَّهْتُ وَجْهِىَ لِلَّذِى فَطَرَ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلْأَرْضَ
حَنِيفًا ۖ وَمَآ أَنَا۠ مِنَ ٱلْمُشْرِكِينَ ﴿٧٩﴾ وَحَآجَّهُۥ قَوْمُهُۥ ۚ قَالَ
أَتُحَٰٓجُّوٓنِّى فِى ٱللَّهِ وَقَدْ هَدَىٰنِ ۚ وَلَآ أَخَافُ مَا تُشْرِكُونَ بِهِۦٓ
إِلَّآ أَن يَشَآءَ رَبِّى شَيْـًٔا ۗ وَسِعَ رَبِّى كُلَّ شَىْءٍ عِلْمًا ۗ أَفَلَا
تَتَذَكَّرُونَ ﴿٨٠﴾ وَكَيْفَ أَخَافُ مَآ أَشْرَكْتُمْ وَلَا تَخَافُونَ
أَنَّكُمْ أَشْرَكْتُم بِٱللَّهِ مَا لَمْ يُنَزِّلْ بِهِۦ عَلَيْكُمْ سُلْطَٰنًا ۚ
فَأَىُّ ٱلْفَرِيقَيْنِ أَحَقُّ بِٱلْأَمْنِ ۖ إِن كُنتُمْ تَعْلَمُونَ ﴿٨١﴾

74.- Và (hãy nhớ) khi *Ibrāhīm* thưa với *Āzar*, phụ thân của Người như sau: "Phải chăng cha đã nhận các hình tượng này làm những thần linh? Con thấy cha và người dân của cha lầm lạc rõ ràng."

75.- Và *TA* (Allah) đã chỉ cho *Ibrāhīm* thấy việc cai quản các tầng trời và trái đất để cho Người trở thành một người vững lòng tin.

76.- Bởi thế, khi màn đêm bao phủ lấy Người, Người thấy một vì sao. Người thốt lên: "Đây là *Rabb* (Đấng Chủ tể) của ta." Nhưng khi thấy sao lặn, Người tự bảo: "Ta không thích các vật hay lặn."

77.- Nhưng khi thấy mặt trăng ló lên sáng ngời, Người tự bảo: "Đây là *Rabb* của ta." Nhưng khi thấy vầng trăng lặn mất, Người tự bảo: "Nếu *Rabb* của ta không hướng dẫn thì chắc chắn ta sẽ bị lầm lạc."

78.- Nhưng khi thấy mặt trời mọc lên rạng rỡ, Người tự bảo: "Đây là *Rabb* của ta, vị này lớn nhất." Nhưng khi thấy mặt trời lặn, Người lớn tiếng bảo: "Này hỡi dân ta! Ta tẩy chay những kẻ mà các người đã tôn thờ cùng chung với Allah.

79.- "Ta thẳng thắn và thành thật hướng mặt của ta về Đấng đã sáng tạo các tầng trời và trái đất và Ta sẽ không là một người thờ đa thần".

80.- Và người dân của Người tranh luận với Người. Người bảo họ: "Phải chăng các người tranh luận với Ta về Allah bởi vì Ngài đã hướng dẫn Ta hay sao? Ta không sợ những kẻ mà các người tổ hợp với Ngài, trừ phi *Rabb* (Allah) của Ta muốn một điều gì khác. Sự Hiểu biết của *Rabb* của Ta bao la, bao quát hết mọi vật (việc.) Thế các ngươi chưa thức tỉnh hay sao?

81.- Và tại sao Ta phải sợ những kẻ (thần linh) mà các người tổ hợp với Allah trong lúc các người không sợ việc tổ hợp (thần linh) với Allah, một điều mà Allah không bao giờ chấp thuận cho các người làm. Thế giữa hai chúng ta, ai được bảo đảm an toàn nhất nếu các người biết?

ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ وَلَمۡ يَلۡبِسُوٓاْ إِيمَٰنَهُم بِظُلۡمٍ أُوْلَٰٓئِكَ لَهُمُ ٱلۡأَمۡنُ
وَهُم مُّهۡتَدُونَ ﴿٨٢﴾ وَتِلۡكَ حُجَّتُنَآ ءَاتَيۡنَٰهَآ إِبۡرَٰهِيمَ عَلَىٰ
قَوۡمِهِۦۚ نَرۡفَعُ دَرَجَٰتٖ مَّن نَّشَآءُۗ إِنَّ رَبَّكَ حَكِيمٌ عَلِيمٞ ﴿٨٣﴾
وَوَهَبۡنَا لَهُۥٓ إِسۡحَٰقَ وَيَعۡقُوبَۚ كُلًّا هَدَيۡنَاۚ وَنُوحًا هَدَيۡنَا
مِن قَبۡلُۖ وَمِن ذُرِّيَّتِهِۦ دَاوُۥدَ وَسُلَيۡمَٰنَ وَأَيُّوبَ وَيُوسُفَ
وَمُوسَىٰ وَهَٰرُونَۚ وَكَذَٰلِكَ نَجۡزِي ٱلۡمُحۡسِنِينَ ﴿٨٤﴾
وَزَكَرِيَّا وَيَحۡيَىٰ وَعِيسَىٰ وَإِلۡيَاسَۖ كُلّٞ مِّنَ ٱلصَّٰلِحِينَ
﴿٨٥﴾ وَإِسۡمَٰعِيلَ وَٱلۡيَسَعَ وَيُونُسَ وَلُوطٗاۚ وَكُلّٗا فَضَّلۡنَا عَلَى
ٱلۡعَٰلَمِينَ ﴿٨٦﴾ وَمِنۡ ءَابَآئِهِمۡ وَذُرِّيَّٰتِهِمۡ وَإِخۡوَٰنِهِمۡۖ وَٱجۡتَبَيۡنَٰهُمۡ
وَهَدَيۡنَٰهُمۡ إِلَىٰ صِرَٰطٖ مُّسۡتَقِيمٖ ﴿٨٧﴾ ذَٰلِكَ هُدَى ٱللَّهِ يَهۡدِي
بِهِۦ مَن يَشَآءُ مِنۡ عِبَادِهِۦۚ وَلَوۡ أَشۡرَكُواْ لَحَبِطَ عَنۡهُم مَّا كَانُواْ
يَعۡمَلُونَ ﴿٨٨﴾ أُوْلَٰٓئِكَ ٱلَّذِينَ ءَاتَيۡنَٰهُمُ ٱلۡكِتَٰبَ وَٱلۡحُكۡمَ
وَٱلنُّبُوَّةَۚ فَإِن يَكۡفُرۡ بِهَا هَٰٓؤُلَآءِ فَقَدۡ وَكَّلۡنَا بِهَا قَوۡمٗا لَّيۡسُواْ
بِهَا بِكَٰفِرِينَ ﴿٨٩﴾ أُوْلَٰٓئِكَ ٱلَّذِينَ هَدَى ٱللَّهُۖ فَبِهُدَىٰهُمُ ٱقۡتَدِهۡۗ
قُل لَّآ أَسۡـَٔلُكُمۡ عَلَيۡهِ أَجۡرًاۖ إِنۡ هُوَ إِلَّا ذِكۡرَىٰ لِلۡعَٰلَمِينَ ﴿٩٠﴾

82.- (Chắc chắn) những ai có đức tin và không trộn lẫn đức-tin thuần túy của họ với điều sai trái (của việc tôn thờ đa thần) thì là những người sẽ được an toàn nhất bởi vì họ được hướng dẫn đúng theo Chính đạo.

83.- Và đó là lập luận mà *TA* (Allah) đã ban cho *Ibrāhīm* để Người dùng đối đáp với người dân của Người. *TA* nâng cấp bậc cho người nào *TA* muốn bởi vì *Rabb* của Ngươi Rất mực Sáng suốt, Rất mực Hiểu biết.

84.- Và *TA* (Allah) đã ban cho Người (*Ibrāhīm*) (đứa con trai) *Ishāq* và (đứa cháu nội) *Ya'qūb*. Tất cả đều được *TA* hướng dẫn. Và *TA* đã hướng dẫn *Nūh* trước đó, và (đã hướng dẫn) trong dòng dõi của Người (*Ibrāhīm*) *Dāwūd, Sulaymān, Ayyūb, Yūsuf, Mūsa* và *Hārūn*. Và *TA* đã ân thưởng những người làm tốt đúng như thế.

85.- Và (đã hướng dẫn) *Zakarīya* và *Yahyā* và *'Īsa* và *Ilyās*. Tất cả đều là những người lương thiện.

86.- Và (đã hướng dẫn) *Ismā'īl* và *Al-Yasa'* và *Yūnus* và *Lūt*. Tất cả đã được *TA* đặc ân hơn thiên hạ.

87.- Và trong số cha mẹ của họ, và con cái của họ, và anh em của họ, *TA* đã chọn và hướng dẫn họ theo Chính đạo.

88.- Đó là Chỉ đạo của Allah mà Ngài đã dùng để hướng dẫn người nào Ngài muốn trong số bầy tôi của Ngài. Nhưng nếu họ tổ hợp (tôn thờ) những thần linh khác cùng với Allah (trong việc thờ phụng) thì tất cả việc làm của họ sẽ hoài hết.

89.- Họ là những người đã được *TA* (Allah) ban cho Kinh sách (*Kitāb*) và việc thông hiểu luật đạo (*Hukm*) và sứ mạng truyền giáo (*Nubuwwah*); nhưng nếu những người (hậu bối) này (của họ) phủ nhận nó (*Nubuwwah*) thì chắc chắn *TA* sẽ giao nó cho một dân tộc khác sẽ không phủ nhận nó.

90.- Họ là những người đã được Allah hướng dẫn. Bởi thế, Ngươi hãy tuân theo Chỉ đạo của họ. Hãy bảo người dân: "Ta không đòi hỏi các người phần thưởng về Nó (*Qur'ān*). Nó chỉ là một thông-điệp nhắc nhở cho thiên hạ."

وَمَا قَدَرُواْ ٱللَّهَ حَقَّ قَدْرِهِۦٓ إِذْ قَالُواْ مَآ أَنزَلَ ٱللَّهُ عَلَىٰ بَشَرٍ مِّن شَيْءٍۗ قُلْ مَنْ أَنزَلَ ٱلْكِتَٰبَ ٱلَّذِي جَآءَ بِهِۦ مُوسَىٰ نُورًا وَهُدًى لِّلنَّاسِۖ تَجْعَلُونَهُۥ قَرَاطِيسَ تُبْدُونَهَا وَتُخْفُونَ كَثِيرًاۖ وَعُلِّمْتُم مَّا لَمْ تَعْلَمُوٓاْ أَنتُمْ وَلَآ ءَابَآؤُكُمْۖ قُلِ ٱللَّهُۖ ثُمَّ ذَرْهُمْ فِي خَوْضِهِمْ يَلْعَبُونَ ﴿٩١﴾ وَهَٰذَا كِتَٰبٌ أَنزَلْنَٰهُ مُبَارَكٌ مُّصَدِّقُ ٱلَّذِي بَيْنَ يَدَيْهِ وَلِتُنذِرَ أُمَّ ٱلْقُرَىٰ وَمَنْ حَوْلَهَاۚ وَٱلَّذِينَ يُؤْمِنُونَ بِٱلْأٓخِرَةِ يُؤْمِنُونَ بِهِۦۖ وَهُمْ عَلَىٰ صَلَاتِهِمْ يُحَافِظُونَ ﴿٩٢﴾ وَمَنْ أَظْلَمُ مِمَّنِ ٱفْتَرَىٰ عَلَى ٱللَّهِ كَذِبًا أَوْ قَالَ أُوحِيَ إِلَيَّ وَلَمْ يُوحَ إِلَيْهِ شَيْءٌ وَمَن قَالَ سَأُنزِلُ مِثْلَ مَآ أَنزَلَ ٱللَّهُۗ وَلَوْ تَرَىٰٓ إِذِ ٱلظَّٰلِمُونَ فِي غَمَرَٰتِ ٱلْمَوْتِ وَٱلْمَلَٰٓئِكَةُ بَاسِطُوٓاْ أَيْدِيهِمْ أَخْرِجُوٓاْ أَنفُسَكُمُۖ ٱلْيَوْمَ تُجْزَوْنَ عَذَابَ ٱلْهُونِ بِمَا كُنتُمْ تَقُولُونَ عَلَى ٱللَّهِ غَيْرَ ٱلْحَقِّ وَكُنتُمْ عَنْ ءَايَٰتِهِۦ تَسْتَكْبِرُونَ ﴿٩٣﴾ وَلَقَدْ جِئْتُمُونَا فُرَٰدَىٰ كَمَا خَلَقْنَٰكُمْ أَوَّلَ مَرَّةٍ وَتَرَكْتُم مَّا خَوَّلْنَٰكُمْ وَرَآءَ ظُهُورِكُمْۖ وَمَا نَرَىٰ مَعَكُمْ شُفَعَآءَكُمُ ٱلَّذِينَ زَعَمْتُمْ أَنَّهُمْ فِيكُمْ شُرَكَٰٓؤُاْۚ لَقَد تَّقَطَّعَ بَيْنَكُمْ وَضَلَّ عَنكُم مَّا كُنتُمْ تَزْعُمُونَ ﴿٩٤﴾

91.- Họ lượng giá Allah không đúng khi họ nói: "Allah đã không ban điều nào xuống cho người phàm cả." Hãy bảo họ: "Thế ai ban Kinh sách mà *Mūsa* đã mang đến như một ánh sáng và như một chỉ đạo cho nhân loại? (Kinh sách) mà các người trình bày một phần trên các miếng da thuộc (để phô trương) trong lúc nhiều phần khác các người giấu đi. Và các người đã được dạy cho nhiều điều mà cả các người lẫn cha mẹ của các người đã không từng biết trước đó. Hãy bảo họ: "Allah (đã ban nó xuống)." Rồi để mặc họ vui đùa trong các câu chuyện tầm phào, vô bổ.

92.- Và đây là một Kinh sách mà *TA* (Allah) đã ban xuống mang nhiều phúc lành và xác nhận lại những điều (mặc khải) đã được ban xuống trước Nó và để cho Ngươi dùng cảnh cáo (người dân của) thành phố mẹ (Makkah) và người dân xung quanh nó. Và những ai tin nơi Đời sau sẽ tin Nó (*Qur'ān*) và họ giữ gìn lễ nguyện *Salāh* của họ.

93.- Và còn ai sai quấy hơn kẻ đã đặt điều nói dối rồi đổ thừa cho Allah hoặc y đã nói: "Tôi đã nhận được sự mặc khải" trong lúc y đã không nhận được điều mặc khải nào; và y đã nói: "Ta sẽ ban xuống điều giống như điều Allah đã ban xuống." Nếu Ngươi có thể nhìn thấy được tình cảnh của những kẻ gian ác giẫy giụa đau đớn vào lúc sắp chết khi các Thiên thần giăng tay đến và phán: "Hãy giao hồn của các người cho ta. Ngày nay các người sẽ nhận lấy hình phạt nhục-nhã vì tội các ngươi đã từng nói cho Allah những điều không đúng với sự Thật và các ngươi đã khinh thường và phủ nhận các Dấu hiệu của Ngài."

94.- Và chắc chắn các ngươi đến trình diện *TA* (Allah) đơn chiếc giống như cảnh *TA* đã tạo các ngươi lần đầu tiên và các ngươi bỏ lại sau lưng mọi thứ (tiện nghi) mà *TA* đã ban cho các ngươi; và *TA* không thấy đến cùng với các ngươi những kẻ can thiệp nào mà các ngươi đã xác nhận chúng là những thần linh của các ngươi. Chắc chắn mọi quan hệ giữa các ngươi sẻ bị cắt đứt hết và những điều huyễn-hoặc mà các ngươi đã từng xác nhận trước đây đã bỏ các ngươi đi biệt dạng.

۞ إِنَّ ٱللَّهَ فَالِقُ ٱلۡحَبِّ وَٱلنَّوَىٰۖ يُخۡرِجُ ٱلۡحَيَّ مِنَ ٱلۡمَيِّتِ وَمُخۡرِجُ
ٱلۡمَيِّتِ مِنَ ٱلۡحَيِّۚ ذَٰلِكُمُ ٱللَّهُۖ فَأَنَّىٰ تُؤۡفَكُونَ ٩٥ فَالِقُ ٱلۡإِصۡبَاحِ
وَجَعَلَ ٱلَّيۡلَ سَكَنٗا وَٱلشَّمۡسَ وَٱلۡقَمَرَ حُسۡبَانٗاۚ ذَٰلِكَ تَقۡدِيرُ
ٱلۡعَزِيزِ ٱلۡعَلِيمِ ٩٦ وَهُوَ ٱلَّذِي جَعَلَ لَكُمُ ٱلنُّجُومَ لِتَهۡتَدُواْ
بِهَا فِي ظُلُمَٰتِ ٱلۡبَرِّ وَٱلۡبَحۡرِۗ قَدۡ فَصَّلۡنَا ٱلۡأٓيَٰتِ لِقَوۡمٖ يَعۡلَمُونَ
٩٧ وَهُوَ ٱلَّذِيٓ أَنشَأَكُم مِّن نَّفۡسٖ وَٰحِدَةٖ فَمُسۡتَقَرّٞ وَمُسۡتَوۡدَعٞۗ
قَدۡ فَصَّلۡنَا ٱلۡأٓيَٰتِ لِقَوۡمٖ يَفۡقَهُونَ ٩٨ وَهُوَ ٱلَّذِيٓ أَنزَلَ مِنَ
ٱلسَّمَآءِ مَآءٗ فَأَخۡرَجۡنَا بِهِۦ نَبَاتَ كُلِّ شَيۡءٖ فَأَخۡرَجۡنَا مِنۡهُ
خَضِرٗا نُّخۡرِجُ مِنۡهُ حَبّٗا مُّتَرَاكِبٗا وَمِنَ ٱلنَّخۡلِ مِن طَلۡعِهَا قِنۡوَانٞ
دَانِيَةٞ وَجَنَّٰتٖ مِّنۡ أَعۡنَابٖ وَٱلزَّيۡتُونَ وَٱلرُّمَّانَ مُشۡتَبِهٗا وَغَيۡرَ
مُتَشَٰبِهٍۗ ٱنظُرُوٓاْ إِلَىٰ ثَمَرِهِۦٓ إِذَآ أَثۡمَرَ وَيَنۡعِهِۦٓۚ إِنَّ فِي ذَٰلِكُمۡ
لَأٓيَٰتٖ لِّقَوۡمٖ يُؤۡمِنُونَ ٩٩ وَجَعَلُواْ لِلَّهِ شُرَكَآءَ ٱلۡجِنَّ وَخَلَقَهُمۡۖ
وَخَرَقُواْ لَهُۥ بَنِينَ وَبَنَٰتِۭ بِغَيۡرِ عِلۡمٖۚ سُبۡحَٰنَهُۥ وَتَعَٰلَىٰ عَمَّا يَصِفُونَ
١٠٠ بَدِيعُ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضِۖ أَنَّىٰ يَكُونُ لَهُۥ وَلَدٞ وَلَمۡ تَكُن لَّهُۥ
صَٰحِبَةٞۖ وَخَلَقَ كُلَّ شَيۡءٖۖ وَهُوَ بِكُلِّ شَيۡءٍ عَلِيمٞ ١٠١

95.- Chính Allah là Đấng đã chẻ hạt giống và hạt chà-là ra làm hai và nẩy mầm. Ngài cho xuất cái sống ra từ cái chết và cho xuất cái chết ra khỏi cái sống. Allah của các ngươi là như thế. Thế các ngươi lệch hướng về đâu?

96.- Ngài chẻ đôi cảnh bình minh. Ngài làm ra ban đêm để nghỉ ngơi và mặt trời và mặt trăng để ghi đếm thời gian. Đó là sự đo lường sắp xếp của Đấng Toàn Năng, Đấng Toàn Tri.

97.- Và Ngài là Đấng đã làm ra ngôi sao (trên trời) cho các người, nhờ chúng các người có thể định được hướng đi giữa chốn u-tối của đất liền và biển cả. Chắc chắn *TA* đã giải thích các *Āyāt* (Dấu hiệu) cho đám người có sự hiểu biết.

98.- Và Ngài là Đấng đã cho sinh sản các người từ một người duy nhất (Ādam). Xong có một chỗ ngụ và một kho chứa (cho các người). *TA* giải thích các Dấu-hiệu cho đám người thông hiểu.

99.-Và Ngài là Đấng cho mưa từ trên trời xuống mà *TA* dùng làm mọc ra đủ loại thảo mộc, xong từ nó *TA* làm mọc ra cộng xanh tươi mà *TA* cho ra trái từng chùm; và từ thân và cành cây chà-là, *TA* làm trổ ra từng chùm trái lủng lẳng, thấp và gần; và có cả vườn nho, vườn trái ô-liu và vườn lựu, giống nhau (về trái hạt) nhưng khác nhau (về phẩm chất.) Hãy nhìn ngắm trái của chúng khi chúng ra trái và khi trái chín. Quả thật, trong sự việc đó là các Dấu-hiệu cho đám người có niềm tin.

100.- Thế mà họ lại tôn loài *Jinn* làm kẻ hợp tác của Allah mặc dầu Ngài đã tạo ra chúng. Và không một chút hiểu biết, họ đã gán con trai và con gái cho Ngài. Thật quang vinh và trong sạch thay Ngài! Ngài vượt lên trên những điều mà họ đã qui cho Ngài.

101.- Đấng sáng tạo các tầng trời và trái đất. Làm sao Ngài có thể có được một đứa con trai trong lúc Ngài không có vợ? Và Ngài đã tạo hóa mọi vật. Và Ngài biết hết mọi vật.

ذَٰلِكُمُ ٱللَّهُ رَبُّكُمْۖ لَآ إِلَٰهَ إِلَّا هُوَۖ خَٰلِقُ كُلِّ شَيْءٖ فَٱعْبُدُوهُۚ
وَهُوَ عَلَىٰ كُلِّ شَيْءٖ وَكِيلٞ ﴿١٠٢﴾ لَّا تُدْرِكُهُ ٱلْأَبْصَٰرُ وَهُوَ
يُدْرِكُ ٱلْأَبْصَٰرَۖ وَهُوَ ٱللَّطِيفُ ٱلْخَبِيرُ ﴿١٠٣﴾ قَدْ جَآءَكُم
بَصَآئِرُ مِن رَّبِّكُمْۖ فَمَنْ أَبْصَرَ فَلِنَفْسِهِۦۖ وَمَنْ عَمِيَ فَعَلَيْهَاۚ
وَمَآ أَنَا۠ عَلَيْكُم بِحَفِيظٖ ﴿١٠٤﴾ وَكَذَٰلِكَ نُصَرِّفُ ٱلْأٓيَٰتِ
وَلِيَقُولُواْ دَرَسْتَ وَلِنُبَيِّنَهُۥ لِقَوْمٖ يَعْلَمُونَ ﴿١٠٥﴾ ٱتَّبِعْ
مَآ أُوحِيَ إِلَيْكَ مِن رَّبِّكَۖ لَآ إِلَٰهَ إِلَّا هُوَۖ وَأَعْرِضْ عَنِ ٱلْمُشْرِكِينَ
﴿١٠٦﴾ وَلَوْ شَآءَ ٱللَّهُ مَآ أَشْرَكُواْۗ وَمَا جَعَلْنَٰكَ عَلَيْهِمْ حَفِيظٗاۖ
وَمَآ أَنتَ عَلَيْهِم بِوَكِيلٖ ﴿١٠٧﴾ وَلَا تَسُبُّواْ ٱلَّذِينَ يَدْعُونَ
مِن دُونِ ٱللَّهِ فَيَسُبُّواْ ٱللَّهَ عَدْوَۢا بِغَيْرِ عِلْمٖۗ كَذَٰلِكَ زَيَّنَّا لِكُلِّ أُمَّةٍ
عَمَلَهُمْ ثُمَّ إِلَىٰ رَبِّهِم مَّرْجِعُهُمْ فَيُنَبِّئُهُم بِمَا كَانُواْ يَعْمَلُونَ
﴿١٠٨﴾ وَأَقْسَمُواْ بِٱللَّهِ جَهْدَ أَيْمَٰنِهِمْ لَئِن جَآءَتْهُمْ ءَايَةٞ لَّيُؤْمِنُنَّ
بِهَاۚ قُلْ إِنَّمَا ٱلْأٓيَٰتُ عِندَ ٱللَّهِۖ وَمَا يُشْعِرُكُمْ أَنَّهَآ إِذَا جَآءَتْ
لَا يُؤْمِنُونَ ﴿١٠٩﴾ وَنُقَلِّبُ أَفْـِٔدَتَهُمْ وَأَبْصَٰرَهُمْ كَمَا لَمْ
يُؤْمِنُواْ بِهِۦٓ أَوَّلَ مَرَّةٖ وَنَذَرُهُمْ فِي طُغْيَٰنِهِمْ يَعْمَهُونَ ﴿١١٠﴾

102.- Allah, *Rabb* của các người là như thế. Không có Thượng Đế nào khác cả duy chỉ Ngài (là Thượng Đế), Đấng Tạo hóa vạn vật. Bởi thế, hãy thờ phụng Ngài. Và Ngài là Đấng Thọ-lãnh về tất cả mọi việc.

103.- Không cái nhìn nào bắt kịp được Ngài trong lúc Ngài bắt kịp tất cả mọi cái nhìn; bởi vì Ngài là Đấng Tinh-tế, Am tường (tất cả).

104.- Chắc chắn, ánh sáng quang minh từ *Rabb* của các người đến soi rọi các người. Bởi thế, ai sáng láng thì được lợi cho bản thân (linh hồn) mình còn ai mù lòa thì là bất lợi cho bản thân mình. Và Ta (Muhammad) không là vị Giám-thị theo canh gác các người.

105.- Và *TA* (Allah) đã giải thích rõ các Lời mặc khải đúng như thế và để cho chúng (những kẻ chống đối) lấy cớ đó để nói: "Ngươi đã học điều này (từ một người khác)" và để *TA* làm cho vấn đề được sáng tỏ cho một đám người hiểu biết.

106.- Hãy tuân theo những điều mà *Rabb* (Allah) của Ngươi đã mặc khải cho Ngươi. Không có Thượng Đế nào khác cả duy chỉ Ngài (là Thượng Đế). Và hãy lánh xa những người thờ đa thần.

107.- Và nếu Allah muốn, họ đã không tôn thờ các thần linh (cùng với Allah) và *TA* đã không cử Ngươi làm giám thị theo canh gác họ và Ngươi cũng không phải là một người thọ lãnh (công việc) giùm cho họ.

108.- Nhưng chớ mắng nhiếc những kẻ (thần linh) mà họ van vái ngoài Allah bởi vì do thiếu hiểu biết họ có thể mắng nhiếc Allah trở lại để trả thù; đối với mỗi cộng đồng, *TA* biến việc làm của họ thành xinh đẹp rồi họ sẽ được đưa về gặp *Rabb* (Allah) của họ trở lại, xong Ngài sẽ cho họ biết mọi điều họ đã từng làm.

109.- Và họ mang Allah ra thề thốt bằng những lời thề hết sức nghiêm trọng (nói) rằng nếu có một *Āyah* (Dấu-lạ) nào đến cho họ thì chắc chắn họ sẽ tin tưởng hoàn toàn. Hãy bảo họ: "Mọi dấu-lạ đều nằm nơi Allah cả." Và điều gì có thể làm cho các ngươi (hỡi Muslim!) nhìn nhận rằng dẫu cho dấu-lạ đó có thật sự xảy đến với họ thì nhất định họ vẫn không tin.

110.- Và *TA* (Allah) sẽ chuyển tấm lòng và cái nhìn của họ sang phía khác đúng như việc họ đã không tin nơi Nó (*Qur'ān*) lần đầu và *TA* sẽ bỏ mặc họ lang thang trong sự thái quá của họ.

۞ وَلَوْ أَنَّنَا نَزَّلْنَآ إِلَيْهِمُ ٱلْمَلَٰٓئِكَةَ وَكَلَّمَهُمُ ٱلْمَوْتَىٰ وَحَشَرْنَا
عَلَيْهِمْ كُلَّ شَىْءٍ قُبُلًا مَّا كَانُوا۟ لِيُؤْمِنُوٓا۟ إِلَّآ أَن يَشَآءَ ٱللَّهُ
وَلَٰكِنَّ أَكْثَرَهُمْ يَجْهَلُونَ ﴿١١١﴾ وَكَذَٰلِكَ جَعَلْنَا لِكُلِّ نَبِىٍّ
عَدُوًّا شَيَٰطِينَ ٱلْإِنسِ وَٱلْجِنِّ يُوحِى بَعْضُهُمْ إِلَىٰ بَعْضٍ
زُخْرُفَ ٱلْقَوْلِ غُرُورًا ۚ وَلَوْ شَآءَ رَبُّكَ مَا فَعَلُوهُ ۖ فَذَرْهُمْ وَمَا
يَفْتَرُونَ ﴿١١٢﴾ وَلِتَصْغَىٰٓ إِلَيْهِ أَفْـِٔدَةُ ٱلَّذِينَ لَا يُؤْمِنُونَ بِٱلْـَٔاخِرَةِ
وَلِيَرْضَوْهُ وَلِيَقْتَرِفُوا۟ مَا هُم مُّقْتَرِفُونَ ﴿١١٣﴾ أَفَغَيْرَ ٱللَّهِ أَبْتَغِى
حَكَمًا وَهُوَ ٱلَّذِىٓ أَنزَلَ إِلَيْكُمُ ٱلْكِتَٰبَ مُفَصَّلًا ۚ
وَٱلَّذِينَ ءَاتَيْنَٰهُمُ ٱلْكِتَٰبَ يَعْلَمُونَ أَنَّهُۥ مُنَزَّلٌ مِّن رَّبِّكَ
بِٱلْحَقِّ ۖ فَلَا تَكُونَنَّ مِنَ ٱلْمُمْتَرِينَ ﴿١١٤﴾ وَتَمَّتْ كَلِمَتُ رَبِّكَ
صِدْقًا وَعَدْلًا ۚ لَّا مُبَدِّلَ لِكَلِمَٰتِهِۦ ۚ وَهُوَ ٱلسَّمِيعُ ٱلْعَلِيمُ
﴿١١٥﴾ وَإِن تُطِعْ أَكْثَرَ مَن فِى ٱلْأَرْضِ يُضِلُّوكَ عَن سَبِيلِ ٱللَّهِ ۚ إِن
يَتَّبِعُونَ إِلَّا ٱلظَّنَّ وَإِنْ هُمْ إِلَّا يَخْرُصُونَ ﴿١١٦﴾ إِنَّ رَبَّكَ هُوَ
أَعْلَمُ مَن يَضِلُّ عَن سَبِيلِهِۦ ۖ وَهُوَ أَعْلَمُ بِٱلْمُهْتَدِينَ ﴿١١٧﴾ فَكُلُوا۟
مِمَّا ذُكِرَ ٱسْمُ ٱللَّهِ عَلَيْهِ إِن كُنتُم بِـَٔايَٰتِهِۦ مُؤْمِنِينَ ﴿١١٨﴾

111.- Và nếu *TA* (Allah) có phái Thiên thần xuống gặp họ và làm cho người chết nói chuyện được với họ và dẫu cho *TA* có tập trung mọi thứ mang đặt trước mặt họ để cho họ nhìn thấy tận mắt thì họ vẫn không tin như thế trừ phi Allah muốn khác đi, bởi vì đa số bọn họ là những kẻ ngu muội.

112.- Và tương tự như thế *TA* (Allah) đã đặt *Shaytān* và *Jinn* làm kẻ thù cho mỗi vị *Nabi*; chúng gợi ý cho nhau bằng những lời lẽ hoa mỹ để mong lừa dối thiên hạ. Và nếu *Rabb* (Allah) của Ngươi muốn khác đi thì chúng sẽ không làm thế. Do đó, hãy bỏ mặc chúng với những điều chúng bịa đặt.

113.- Và hãy để cho tấm lòng của những kẻ không tin nơi Đời sau nghiêng về lời dụ dỗ đường mật đó và để cho họ vui sướng với nó và để cho họ kiếm chác được gì mà họ có thể làm.

114.- Hãy bảo họ: "Há ta phải đi tìm một Đấng Xét xử nào khác ngoài Allah hay sao trong lúc Ngài là Đấng đã ban Kinh sách với lời giải thích cặn kẽ xuống cho các người?" Và những kẻ mà *TA* (Allah) đã ban cho Kinh sách đều biết rõ rằng Nó (*Qur'ān*) đã được *Rabb* của Ngươi ban xuống bằng sự thật. Bởi thế, Ngươi chớ là một người ngờ vực (về hiện tượng đó).

115.- Lời phán của *Rabb* (Allah) của Ngươi hoàn hảo về chân-lý và công-lý. Không ai có thể thay đổi được Lời phán của Ngài bởi vì Ngài là Đấng hằng Nghe, Đấng hằng Biết hết (mọi việc).

116.- Và nếu Ngươi tuân theo trào lưu của đa số người trên trái đất thì chúng sẽ dắt Ngươi đi lạc khỏi Chính đạo của Allah bởi vì họ chỉ làm theo sở thích và chỉ đoán chừng mà thôi.

117.- Quả thật, *Rabb* (Allah) của Ngươi biết rõ ai là kẻ lạc khỏi Chính đạo của Ngài và ai là người được hướng dẫn.

118.- Do đó, hãy ăn thịt (của con vật) mà tên của Allah được đọc lên cho nó nếu các ngươi tin tưởng nơi các Lời mặc khải của Ngài.

وَمَا لَكُمۡ أَلَّا تَأۡكُلُواْ مِمَّا ذُكِرَ ٱسۡمُ ٱللَّهِ عَلَيۡهِ وَقَدۡ فَصَّلَ لَكُم مَّا حَرَّمَ عَلَيۡكُمۡ إِلَّا مَا ٱضۡطُرِرۡتُمۡ إِلَيۡهِۗ وَإِنَّ كَثِيرٗا لَّيُضِلُّونَ بِأَهۡوَآئِهِم بِغَيۡرِ عِلۡمٍۚ إِنَّ رَبَّكَ هُوَ أَعۡلَمُ بِٱلۡمُعۡتَدِينَ ١١٩ وَذَرُواْ ظَٰهِرَ ٱلۡإِثۡمِ وَبَاطِنَهُۥٓۚ إِنَّ ٱلَّذِينَ يَكۡسِبُونَ ٱلۡإِثۡمَ سَيُجۡزَوۡنَ بِمَا كَانُواْ يَقۡتَرِفُونَ ١٢٠ وَلَا تَأۡكُلُواْ مِمَّا لَمۡ يُذۡكَرِ ٱسۡمُ ٱللَّهِ عَلَيۡهِ وَإِنَّهُۥ لَفِسۡقٞۗ وَإِنَّ ٱلشَّيَٰطِينَ لَيُوحُونَ إِلَىٰٓ أَوۡلِيَآئِهِمۡ لِيُجَٰدِلُوكُمۡۖ وَإِنۡ أَطَعۡتُمُوهُمۡ إِنَّكُمۡ لَمُشۡرِكُونَ ١٢١ أَوَمَن كَانَ مَيۡتٗا فَأَحۡيَيۡنَٰهُ وَجَعَلۡنَا لَهُۥ نُورٗا يَمۡشِي بِهِۦ فِي ٱلنَّاسِ كَمَن مَّثَلُهُۥ فِي ٱلظُّلُمَٰتِ لَيۡسَ بِخَارِجٖ مِّنۡهَاۚ كَذَٰلِكَ زُيِّنَ لِلۡكَٰفِرِينَ مَا كَانُواْ يَعۡمَلُونَ ١٢٢ وَكَذَٰلِكَ جَعَلۡنَا فِي كُلِّ قَرۡيَةٍ أَكَٰبِرَ مُجۡرِمِيهَا لِيَمۡكُرُواْ فِيهَاۖ وَمَا يَمۡكُرُونَ إِلَّا بِأَنفُسِهِمۡ وَمَا يَشۡعُرُونَ ١٢٣ وَإِذَا جَآءَتۡهُمۡ ءَايَةٞ قَالُواْ لَن نُّؤۡمِنَ حَتَّىٰ نُؤۡتَىٰ مِثۡلَ مَآ أُوتِيَ رُسُلُ ٱللَّهِۘ ٱللَّهُ أَعۡلَمُ حَيۡثُ يَجۡعَلُ رِسَالَتَهُۥۗ سَيُصِيبُ ٱلَّذِينَ أَجۡرَمُواْ صَغَارٌ عِندَ ٱللَّهِ وَعَذَابٞ شَدِيدُۢ بِمَا كَانُواْ يَمۡكُرُونَ ١٢٤

119.- Và tại sao các ngươi không ăn thịt (của con vật) mà tên của Allah đã được đọc nhắc lên nó và chắc chắn Ngài đã giải thích cho các ngươi thực phẩm nào mà các ngươi không được dùng ngoại trừ vì nhu cầu bắt buộc phải dùng (để sống)? Và quả thật, nhiều người dắt thiên hạ đi lạc là do ham muốn riêng tư của họ chứ không do hiểu biết. Quả thật, *Rabb* của Người biết rõ những kẻ phạm giới.

120.- Hãy tránh mọi thứ tội, công khai hay kín đáo. Bởi vì ai lãnh tội thì sẽ đền tội mà họ đã gây ra.

121.- Và chớ ăn thịt (của con vật) mà tên của Allah không được đọc nhắc lên nó. Bởi vì đó là một sự phạm giới. Và quả thật *Shaytān* xúi giục bạn bè của nó cãi-vã với các người. Và nếu các người nghe theo chúng thì sẽ trở thành những người thờ đa thần.

122.- Có thể nào một người đã chết (tâm linh) được *TA* (Allah) ban cho sự sống và ánh sáng nhờ đó y có thể bước đi thong dong giữa thiên hạ, ngang bằng với một người đắm chìm trong u-mê mà hắn không bao giờ thoát ra nổi? Việc làm của những kẻ không có đức tin tỏ ra hấp dẫn đối với chúng giống như thế.

123.- Và *TA* (Allah) đã khiến cho các tên tội lỗi của mỗi thị trấn lên làm lãnh tụ để chúng có cơ hội âm mưu đặt kế hoạch trong đó. Nhưng chúng chỉ âm mưu chống lại bản thân mình nhưng chúng không nhận thấy điều đó.

124.- Và khi có một Dấu-hiệu đến với chúng, chúng bảo: "Chúng tôi sẽ không bao giờ tin tưởng trừ phi chúng tôi nhận được điều giống như điều đã được ban cho các Sứ giả của Allah." Allah biết rõ đâu là chỗ mà Ngài phải đặt Thông điệp của Ngài. Rồi đây những tên tội lỗi sẽ sớm bị Allah hạ nhục và sẽ chịu một sự trừng phạt khắc nghiệt về những điều chúng đã từng âm mưu.

فَمَن يُرِدِ ٱللَّهُ أَن يَهۡدِيَهُۥ يَشۡرَحۡ صَدۡرَهُۥ لِلۡإِسۡلَٰمِۖ وَمَن يُرِدۡ أَن يُضِلَّهُۥ يَجۡعَلۡ صَدۡرَهُۥ ضَيِّقًا حَرَجٗا كَأَنَّمَا يَصَّعَّدُ فِي ٱلسَّمَآءِۚ كَذَٰلِكَ يَجۡعَلُ ٱللَّهُ ٱلرِّجۡسَ عَلَى ٱلَّذِينَ لَا يُؤۡمِنُونَ ﴿١٢٥﴾ وَهَٰذَا صِرَٰطُ رَبِّكَ مُسۡتَقِيمٗاۗ قَدۡ فَصَّلۡنَا ٱلۡأٓيَٰتِ لِقَوۡمٖ يَذَّكَّرُونَ ﴿١٢٦﴾ ۞ لَهُمۡ دَارُ ٱلسَّلَٰمِ عِندَ رَبِّهِمۡۖ وَهُوَ وَلِيُّهُم بِمَا كَانُواْ يَعۡمَلُونَ ﴿١٢٧﴾ وَيَوۡمَ يَحۡشُرُهُمۡ جَمِيعٗا يَٰمَعۡشَرَ ٱلۡجِنِّ قَدِ ٱسۡتَكۡثَرۡتُم مِّنَ ٱلۡإِنسِۖ وَقَالَ أَوۡلِيَآؤُهُم مِّنَ ٱلۡإِنسِ رَبَّنَا ٱسۡتَمۡتَعَ بَعۡضُنَا بِبَعۡضٖ وَبَلَغۡنَآ أَجَلَنَا ٱلَّذِيٓ أَجَّلۡتَ لَنَاۚ قَالَ ٱلنَّارُ مَثۡوَىٰكُمۡ خَٰلِدِينَ فِيهَآ إِلَّا مَا شَآءَ ٱللَّهُۚ إِنَّ رَبَّكَ حَكِيمٌ عَلِيمٞ ﴿١٢٨﴾ وَكَذَٰلِكَ نُوَلِّي بَعۡضَ ٱلظَّٰلِمِينَ بَعۡضَۢا بِمَا كَانُواْ يَكۡسِبُونَ ﴿١٢٩﴾ يَٰمَعۡشَرَ ٱلۡجِنِّ وَٱلۡإِنسِ أَلَمۡ يَأۡتِكُمۡ رُسُلٞ مِّنكُمۡ يَقُصُّونَ عَلَيۡكُمۡ ءَايَٰتِي وَيُنذِرُونَكُمۡ لِقَآءَ يَوۡمِكُمۡ هَٰذَاۚ قَالُواْ شَهِدۡنَا عَلَىٰٓ أَنفُسِنَاۖ وَغَرَّتۡهُمُ ٱلۡحَيَوٰةُ ٱلدُّنۡيَا وَشَهِدُواْ عَلَىٰٓ أَنفُسِهِمۡ أَنَّهُمۡ كَانُواْ كَٰفِرِينَ ﴿١٣٠﴾

ربع الحزب ١٥

125.- Bởi thế, ai là người mà Allah muốn hướng dẫn thì sẽ được Ngài mở rộng tấm lòng để đến với *Islām*. Và ai là người mà Allah đánh lạc hướng thì Ngài sẽ thu hẹp tấm lòng của y, chật chội đến mức y có cảm giác như đang đi lên trời. Allah đặt sự ô-uế lên những kẻ không tin tưởng đúng như thế.

126.- Và đây là con đường (đạo lý) chính trực của *Rabb* (Allah) của Ngươi. Chắc chắn *TA* (Allah) đã giải thích các Lời mặc khải rõ ràng cho đám người ghi nhớ.

127.- Họ sẽ được hưởng ngôi nhà bằng an với *Rabb* của họ. Và Ngài sẽ là Đấng Che chở của họ do những điều (thiện) mà họ đã làm.

128.- Và vào một Ngày, Ngài sẽ tập hợp tất cả trở lại, và phán: "Hỡi tập đoàn *Jinn*! Chắc chắn các ngươi đã kết nạp nhiều (vong hồn) của loài người." Bạn bè của chúng trong loài người sẽ thưa: "Lạy *Rabb* chúng tôi! Chúng tôi đã vui vầy với nhau nhưng (cuối cùng) chúng tôi đã mãn hạn kỳ mà Ngài đã ấn định cho chúng tôi." (Allah) sẽ phán: Lửa (của Hỏa ngục) sẽ là chỗ cư ngụ mà các ngươi sẽ vào sống muôn đời trong đó trừ phi Allah muốn khác đi." Và quả thật *Rabb* của Ngươi Rất mực Thông suốt và Biết hết (mọi việc).

129.- *TA* (Allah) đã khiến cho những tên ác nhân quay về kết thân với nhau vì những điều (tội lỗi) mà chúng đã phạm.

130.- Hỡi tập đoàn *Jinn* và loài người! Há đã không có các Sứ giả xuất thân từ các ngươi đến thuật lại cho các ngươi về các Dấu-hiệu của TA và báo cho các ngươi biết về Ngày hội ngộ này của các ngươi hay chăng?" Chúng sẽ thưa: "Chúng tôi xác nhận (điều đó) có thật nơi bản thân của chúng tôi!" Nhưng đời sống trần tục này đã dối gạt chúng cho nên chúng đã tự xác nhận rằng mình là những kẻ không tin tưởng.

ذَٰلِكَ أَن لَّمۡ يَكُن رَّبُّكَ مُهۡلِكَ ٱلۡقُرَىٰ بِظُلۡمٖ وَأَهۡلُهَا غَٰفِلُونَ ﴿١٣١﴾ وَلِكُلّٖ دَرَجَٰتٞ مِّمَّا عَمِلُواْۚ وَمَا رَبُّكَ بِغَٰفِلٍ عَمَّا يَعۡمَلُونَ ﴿١٣٢﴾ وَرَبُّكَ ٱلۡغَنِيُّ ذُو ٱلرَّحۡمَةِۚ إِن يَشَأۡ يُذۡهِبۡكُمۡ وَيَسۡتَخۡلِفۡ مِنۢ بَعۡدِكُم مَّا يَشَآءُ كَمَآ أَنشَأَكُم مِّن ذُرِّيَّةِ قَوۡمٍ ءَاخَرِينَ ﴿١٣٣﴾ إِنَّ مَا تُوعَدُونَ لَأٓتٖۖ وَمَآ أَنتُم بِمُعۡجِزِينَ ﴿١٣٤﴾ قُلۡ يَٰقَوۡمِ ٱعۡمَلُواْ عَلَىٰ مَكَانَتِكُمۡ إِنِّي عَامِلٞۖ فَسَوۡفَ تَعۡلَمُونَ مَن تَكُونُ لَهُۥ عَٰقِبَةُ ٱلدَّارِۚ إِنَّهُۥ لَا يُفۡلِحُ ٱلظَّٰلِمُونَ ﴿١٣٥﴾ وَجَعَلُواْ لِلَّهِ مِمَّا ذَرَأَ مِنَ ٱلۡحَرۡثِ وَٱلۡأَنۡعَٰمِ نَصِيبٗا فَقَالُواْ هَٰذَا لِلَّهِ بِزَعۡمِهِمۡ وَهَٰذَا لِشُرَكَآئِنَاۖ فَمَا كَانَ لِشُرَكَآئِهِمۡ فَلَا يَصِلُ إِلَى ٱللَّهِۖ وَمَا كَانَ لِلَّهِ فَهُوَ يَصِلُ إِلَىٰ شُرَكَآئِهِمۡۗ سَآءَ مَا يَحۡكُمُونَ ﴿١٣٦﴾ وَكَذَٰلِكَ زَيَّنَ لِكَثِيرٖ مِّنَ ٱلۡمُشۡرِكِينَ قَتۡلَ أَوۡلَٰدِهِمۡ شُرَكَآؤُهُمۡ لِيُرۡدُوهُمۡ وَلِيَلۡبِسُواْ عَلَيۡهِمۡ دِينَهُمۡۖ وَلَوۡ شَآءَ ٱللَّهُ مَا فَعَلُوهُۖ فَذَرۡهُمۡ وَمَا يَفۡتَرُونَ ﴿١٣٧﴾

131.- Sở dĩ như thế là vì *Rabb* (Allah) của Người không muốn tiêu diệt các thị trấn một cách bất công trong khi dân cư của chúng chưa được báo trước.

132.- Và tất cả sẽ được ban cấp bậc tương xứng với việc làm của họ bởi vì *Rabb* của Người không làm ngơ về những điều họ đã làm.

133.- Và *Rabb* của Người Rất mực Giầu có và đầy lòng Khoan dung. Nếu muốn, Ngài có thể tiêu diệt các người bất cứ lúc nào và đưa ai mà Ngài muốn đến kế tục các người giống như việc Ngài đã cho sinh sản các người từ con cháu của đám người khác.

134.- Bởi vì quả thật (hình phạt) đã được hứa với các người chắc chắn sẽ xảy ra. Và các người sẽ không tài nào trốn thoát được.

135.- Hãy bảo họ: "Hỡi dân ta! Các người hãy làm theo khả năng của các người. Ta sẽ làm phần việc của ta; rồi đây các người sẽ sớm biết kết quả tốt đẹp về ngôi nhà (ở cõi Đời sau) sẽ thuộc về ai. Bởi vì quả thật, những kẻ làm điều sai quấy sẽ không phát đạt."

136.- Và họ cúng cho Allah một phần đất trồng trọt và một số thú nuôi mà Ngài đã tạo ra cho họ và họ nói theo sở thích: "Đây là phần cúng cho Allah và đây là phần cúng cho các thần linh của chúng tôi." Nhưng phần đất và thú nuôi cúng cho các thần linh của họ không đến tay Allah trong lúc phần cúng cho Allah lại đến tay của các thần linh của họ. Thật bỉ ổi thay điều mà họ suy xét.

137.- Và các thần linh của họ đã làm cho việc giết con cái của họ tỏ ra hấp dẫn đối với đa số người thờ đa thần với mục đích đưa họ đến chỗ hủy diệt và xáo trộn trong tôn giáo của họ; và nếu Allah muốn khác đi thì họ đã không làm điều đó. Thôi hãy bỏ mặc họ với điều mà họ bịa đặt.

وَقَالُواْ هَٰذِهِۦٓ أَنۡعَٰمٞ وَحَرۡثٌ حِجۡرٞ لَّا يَطۡعَمُهَآ إِلَّا مَن نَّشَآءُ
بِزَعۡمِهِمۡ وَأَنۡعَٰمٌ حُرِّمَتۡ ظُهُورُهَا وَأَنۡعَٰمٞ لَّا يَذۡكُرُونَ
ٱسۡمَ ٱللَّهِ عَلَيۡهَا ٱفۡتِرَآءً عَلَيۡهِۚ سَيَجۡزِيهِم بِمَا كَانُواْ
يَفۡتَرُونَ ١٣٨ وَقَالُواْ مَا فِي بُطُونِ هَٰذِهِ ٱلۡأَنۡعَٰمِ خَالِصَةٞ
لِّذُكُورِنَا وَمُحَرَّمٌ عَلَىٰٓ أَزۡوَٰجِنَاۖ وَإِن يَكُن مَّيۡتَةٗ
فَهُمۡ فِيهِ شُرَكَآءُۚ سَيَجۡزِيهِمۡ وَصۡفَهُمۡۚ إِنَّهُۥ حَكِيمٌ
عَلِيمٞ ١٣٩ قَدۡ خَسِرَ ٱلَّذِينَ قَتَلُوٓاْ أَوۡلَٰدَهُمۡ سَفَهَۢا بِغَيۡرِ
عِلۡمٖ وَحَرَّمُواْ مَا رَزَقَهُمُ ٱللَّهُ ٱفۡتِرَآءً عَلَى ٱللَّهِۚ قَدۡ ضَلُّواْ
وَمَا كَانُواْ مُهۡتَدِينَ ١٤٠ ۞ وَهُوَ ٱلَّذِيٓ أَنشَأَ جَنَّٰتٖ
مَّعۡرُوشَٰتٖ وَغَيۡرَ مَعۡرُوشَٰتٖ وَٱلنَّخۡلَ وَٱلزَّرۡعَ مُخۡتَلِفًا
أُكُلُهُۥ وَٱلزَّيۡتُونَ وَٱلرُّمَّانَ مُتَشَٰبِهٗا وَغَيۡرَ مُتَشَٰبِهٖۚ
كُلُواْ مِن ثَمَرِهِۦٓ إِذَآ أَثۡمَرَ وَءَاتُواْ حَقَّهُۥ يَوۡمَ حَصَادِهِۦۖ
وَلَا تُسۡرِفُوٓاْۚ إِنَّهُۥ لَا يُحِبُّ ٱلۡمُسۡرِفِينَ ١٤١ وَمِنَ ٱلۡأَنۡعَٰمِ
حَمُولَةٗ وَفَرۡشٗاۚ كُلُواْ مِمَّا رَزَقَكُمُ ٱللَّهُ وَلَا تَتَّبِعُواْ
خُطُوَٰتِ ٱلشَّيۡطَٰنِۚ إِنَّهُۥ لَكُمۡ عَدُوّٞ مُّبِينٞ ١٤٢

نصف الحزب ١٥

138.- Và họ nói (một cách huyễn hoặc) như sau: "Thú nuôi và hoa mầu này bị cấm (dùng). Không ai được phép ăn (thịt của) chúng ngoại trừ người nào chúng tôi cho phép." Ngoài ra, còn có loại thú họ cấm không cho chở (hoặc cưỡi) trên lưng và có loại thú nuôi (khi cắt cổ làm thịt) không được nhắc tên của Allah lên chúng; họ bịa đặt điều nói dối rồi đổ thừa cho Ngài. Ngài sẽ sớm bắt phạt họ về điều (tội lỗi) mà họ đã bịa đặt.

139.- Và họ nói: "Con trong bụng của con thú này chỉ dành riêng cho đàn ông chúng tôi và các bà không được dùng. Nhưng nếu con vật đẻ ra bị chết thì mọi người đều được hưởng phần trong đó." Ngài (Allah) sẽ sớm bắt phạt chúng về điều mê tín chúng đã bịa đặt rồi đổ thừa cho Ngài. Quả thật, Ngài Rất mực Thông suốt và Biết hết (mọi việc).

140.- Chắc chắn là thua thiệt những ai do điên rồ và ngu muội đã giết con cái của họ và cấm dùng thực phẩm mà Allah đã cung cấp cho họ, và bịa đặt điều nói dối rồi đổ thừa cho Allah. Chắc chắn họ đã lầm lạc và không được ai hướng dẫn.

141.- Và Ngài (Allah) là Đấng đã cho sản xuất các ngôi vườn có hàng dậu và không có hàng dậu, và chà là, và rẫy trồng đủ loại hoa mầu, và trái ô-liu và trái lựu giống nhau (về mặt trái hạt) nhưng khác nhau (về mặt phẩm chất). Hãy ăn trái của chúng khi trái chín nhưng hãy trả phần thuế (hoa lợi) vào ngày gặt hái và chớ phung phí bởi vì Allah không yêu thương những kẻ phung phí.

142.- Và trong loài thú nuôi, có con dùng để chuyên chở và có con dùng để ăn thịt. Hãy ăn thịt con nào Allah cung cấp cho các người nhưng chớ dẫm theo bước chân của *Shaytān* bởi vì nó là kẻ thù công khai của các người.

ثَمَٰنِيَةَ أَزۡوَٰجٖۖ مِّنَ ٱلضَّأۡنِ ٱثۡنَيۡنِ وَمِنَ ٱلۡمَعۡزِ ٱثۡنَيۡنِۗ
قُلۡ ءَآلذَّكَرَيۡنِ حَرَّمَ أَمِ ٱلۡأُنثَيَيۡنِ أَمَّا ٱشۡتَمَلَتۡ عَلَيۡهِ
أَرۡحَامُ ٱلۡأُنثَيَيۡنِۖ نَبِّـُٔونِي بِعِلۡمٍ إِن كُنتُمۡ صَٰدِقِينَ ﴿١٤٣﴾
وَمِنَ ٱلۡإِبِلِ ٱثۡنَيۡنِ وَمِنَ ٱلۡبَقَرِ ٱثۡنَيۡنِۗ قُلۡ ءَآلذَّكَرَيۡنِ
حَرَّمَ أَمِ ٱلۡأُنثَيَيۡنِ أَمَّا ٱشۡتَمَلَتۡ عَلَيۡهِ أَرۡحَامُ ٱلۡأُنثَيَيۡنِۖ
أَمۡ كُنتُمۡ شُهَدَآءَ إِذۡ وَصَّىٰكُمُ ٱللَّهُ بِهَٰذَاۚ فَمَنۡ
أَظۡلَمُ مِمَّنِ ٱفۡتَرَىٰ عَلَى ٱللَّهِ كَذِبٗا لِّيُضِلَّ ٱلنَّاسَ بِغَيۡرِ
عِلۡمٍۚ إِنَّ ٱللَّهَ لَا يَهۡدِي ٱلۡقَوۡمَ ٱلظَّٰلِمِينَ ﴿١٤٤﴾ قُل لَّآ أَجِدُ
فِي مَآ أُوحِيَ إِلَيَّ مُحَرَّمًا عَلَىٰ طَاعِمٖ يَطۡعَمُهُۥٓ إِلَّآ أَن يَكُونَ
مَيۡتَةً أَوۡ دَمٗا مَّسۡفُوحًا أَوۡ لَحۡمَ خِنزِيرٖ فَإِنَّهُۥ رِجۡسٌ أَوۡ
فِسۡقًا أُهِلَّ لِغَيۡرِ ٱللَّهِ بِهِۦۚ فَمَنِ ٱضۡطُرَّ غَيۡرَ بَاغٖ وَلَا عَادٖ
فَإِنَّ رَبَّكَ غَفُورٞ رَّحِيمٞ ﴿١٤٥﴾ وَعَلَى ٱلَّذِينَ هَادُواْ حَرَّمۡنَا
كُلَّ ذِي ظُفُرٖۖ وَمِنَ ٱلۡبَقَرِ وَٱلۡغَنَمِ حَرَّمۡنَا عَلَيۡهِمۡ
شُحُومَهُمَآ إِلَّا مَا حَمَلَتۡ ظُهُورُهُمَآ أَوِ ٱلۡحَوَايَآ أَوۡ مَا ٱخۡتَلَطَ
بِعَظۡمٖۚ ذَٰلِكَ جَزَيۡنَٰهُم بِبَغۡيِهِمۡۖ وَإِنَّا لَصَٰدِقُونَ ﴿١٤٦﴾

143.- Bắt tám con vật, chia theo cặp; cừu một cặp và dê một cặp. Xong hỏi họ: "Có phải Ngài (Allah) cấm (ăn thịt) hai con đực hoặc hai con cái hoặc con nào nằm trong bụng của hai con cái đó hay không? Hãy cho Ta biết (sự thật) từ sự hiểu biết của các ngươi nếu các ngươi chân thật."

144.- Lạc đà một cặp và bò một cặp, rồi hỏi họ: "Có phải Ngài (Allah) cấm (dùng thịt của) hai con đực hoặc hai con cái hoặc con nào nằm trong bụng của hai con cái đó hay không? Phải chăng các ngươi có mặt tại đó khi Allah ban hành lệnh cấm? Thế còn ai sai quấy hơn kẻ đã đặt điều nói dối rồi đổ thừa cho Allah mục đích làm cho loài người lạc đạo do thiếu hiểu biết của họ. Quả thật, Allah không hướng dẫn đám người làm điều sai quấy."

145.- Hãy bảo họ: "Ta không thấy nơi điều đã được mặc khải cho Ta có khoản nào cấm một người ăn không được dùng món đó trừ phi là thịt của xác chết hoặc máu tuôn ra hoặc thịt của con heo bởi vì nó ô-uế, hoặc gớm ghiếc khi nó được cúng cho kẻ (thần linh) nào khác không phải là Allah. Nhưng ai vì nhu cầu bất buộc đành phải ăn chứ không cố ý hay quá độ (thì báo cho họ biết) quả thật *Rabb* (Allah) của Ngươi Hằng Tha thứ, Rất mực Khoan dung.

146.- Còn đối với những ai là người Do thái, *TA* (Allah) đã cấm họ dùng (thịt của) tất cả loài vật có móng chân liền (không chẻ làm hai hoặc nhọn), và *TA* đã cấm họ dùng mỡ bò và mỡ dê ngoại trừ loại mỡ dính vào lưng hoặc dính vào ruột và xương của chúng. *TA* bắt phạt họ như thế là vì tội chống đối của họ; và quả thật *TA* (Allah) nói sự thật.

فَإِن كَذَّبُوكَ فَقُل رَّبُّكُمْ ذُو رَحْمَةٍ وَٰسِعَةٍ وَلَا يُرَدُّ
بَأْسُهُۥ عَنِ ٱلْقَوْمِ ٱلْمُجْرِمِينَ ﴿١٤٧﴾ سَيَقُولُ ٱلَّذِينَ أَشْرَكُوا۟
لَوْ شَآءَ ٱللَّهُ مَآ أَشْرَكْنَا وَلَآ ءَابَآؤُنَا وَلَا حَرَّمْنَا مِن شَىْءٍۢ ۚ
كَذَٰلِكَ كَذَّبَ ٱلَّذِينَ مِن قَبْلِهِمْ حَتَّىٰ ذَاقُوا۟ بَأْسَنَا ۗ
قُلْ هَلْ عِندَكُم مِّنْ عِلْمٍۢ فَتُخْرِجُوهُ لَنَآ ۖ إِن تَتَّبِعُونَ إِلَّا
ٱلظَّنَّ وَإِنْ أَنتُمْ إِلَّا تَخْرُصُونَ ﴿١٤٨﴾ قُلْ فَلِلَّهِ ٱلْحُجَّةُ ٱلْبَٰلِغَةُ ۖ
فَلَوْ شَآءَ لَهَدَىٰكُمْ أَجْمَعِينَ ﴿١٤٩﴾ قُلْ هَلُمَّ شُهَدَآءَكُمُ
ٱلَّذِينَ يَشْهَدُونَ أَنَّ ٱللَّهَ حَرَّمَ هَٰذَا ۖ فَإِن شَهِدُوا۟ فَلَا تَشْهَدْ
مَعَهُمْ ۚ وَلَا تَتَّبِعْ أَهْوَآءَ ٱلَّذِينَ كَذَّبُوا۟ بِـَٔايَٰتِنَا وَٱلَّذِينَ
لَا يُؤْمِنُونَ بِٱلْءَاخِرَةِ وَهُم بِرَبِّهِمْ يَعْدِلُونَ ﴿١٥٠﴾ ۞ قُلْ
تَعَالَوْا۟ أَتْلُ مَا حَرَّمَ رَبُّكُمْ عَلَيْكُمْ ۖ أَلَّا تُشْرِكُوا۟
بِهِۦ شَيْـًۭٔا ۖ وَبِٱلْوَٰلِدَيْنِ إِحْسَٰنًۭا ۖ وَلَا تَقْتُلُوٓا۟ أَوْلَٰدَكُم
مِّنْ إِمْلَٰقٍۢ ۖ نَّحْنُ نَرْزُقُكُمْ وَإِيَّاهُمْ ۖ وَلَا تَقْرَبُوا۟ ٱلْفَوَٰحِشَ
مَا ظَهَرَ مِنْهَا وَمَا بَطَنَ ۖ وَلَا تَقْتُلُوا۟ ٱلنَّفْسَ ٱلَّتِى حَرَّمَ ٱللَّهُ
إِلَّا بِٱلْحَقِّ ۚ ذَٰلِكُمْ وَصَّىٰكُم بِهِۦ لَعَلَّكُمْ تَعْقِلُونَ ﴿١٥١﴾

ثلاثة أرباع الحزب ١٥

147.- Nhưng nếu họ cho Ngươi nói dối thì hãy bảo họ: "*Rabb* (Allah) của các ngươi vô cùng Khoan dung nhưng đám người tội lỗi sẽ không tránh khỏi sự Giận-dữ của Ngài."

148.- Những ai tôn thờ đa thần sẽ nói như sau: "Nếu Allah muốn khác thì chúng tôi lẫn cha mẹ của chúng tôi đâu có thờ thần linh (cùng với Ngài) và chúng tôi cũng không cấm đoán điều gì." Những kẻ trước họ cũng đã nói dối giống như thế cho đến khi họ nếm hình phạt của *TA*. Hãy hỏi họ: "Há các ngươi có một sự hiểu biết chắc chắn (về điều các ngươi đã nói) hay chăng? Nếu có thì hãy mang nó đến trình bày trước bọn ta. Các ngươi chỉ làm theo sở thích và các ngươi chỉ phỏng đoán."

149.- Hãy bảo họ: "Chỉ Allah mới có các lập luận tối hậu. Bởi vì nếu quả thật Allah muốn thì chắc chắn Ngài đã hướng dẫn tất cả các người."

150.- Hãy bảo họ: "Hãy đưa các nhân chứng của các người đến để xác nhận Allah đã cấm điều này." Nhưng nếu họ xác nhận thì Ngươi chớ nên xác nhận cùng với họ. Và chớ làm theo điều ham muốn của những kẻ đã phủ nhận các Dấu-hiệu của *TA* (Allah) và những kẻ không tin nơi Đời sau bởi vì họ dựng những đối tượng ngang vai với *Rabb* (Allah) của họ.

151.- Hãy bảo họ: "Đến đây, để Ta đọc cho các ngươi điều lệnh mà *Rabb* của các người đã cấm các ngươi: chớ bao giờ tổ hợp bất cứ cái gì với Ngài và hãy ăn ở tử tế với cha mẹ của các ngươi; và chớ vì sợ nghèo mà giết con cái của các ngươi. *TA* cung dưỡng các ngươi và cả chúng nữa. Và chớ đến gần những điều thô bỉ dù công khai hay kín đáo; và chớ giết sinh mạng (của con người) mà Allah đã làm cho linh thiêng trừ phi vì lý do chính đáng (của công lý và luật pháp). Đó là điều Ngài chỉ thị cho các ngươi để cho các ngươi hiểu.

وَلَا تَقْرَبُواْ مَالَ ٱلْيَتِيمِ إِلَّا بِٱلَّتِي هِيَ أَحْسَنُ حَتَّىٰ يَبْلُغَ أَشُدَّهُۥۚ وَأَوْفُواْ ٱلْكَيْلَ وَٱلْمِيزَانَ بِٱلْقِسْطِۖ لَا نُكَلِّفُ نَفْسًا إِلَّا وُسْعَهَاۖ وَإِذَا قُلْتُمْ فَٱعْدِلُواْ وَلَوْ كَانَ ذَا قُرْبَىٰۖ وَبِعَهْدِ ٱللَّهِ أَوْفُواْۚ ذَٰلِكُمْ وَصَّىٰكُم بِهِۦ لَعَلَّكُمْ تَذَكَّرُونَ ١٥٢ وَأَنَّ هَٰذَا صِرَٰطِي مُسْتَقِيمًا فَٱتَّبِعُوهُۖ وَلَا تَتَّبِعُواْ ٱلسُّبُلَ فَتَفَرَّقَ بِكُمْ عَن سَبِيلِهِۦۚ ذَٰلِكُمْ وَصَّىٰكُم بِهِۦ لَعَلَّكُمْ تَتَّقُونَ ١٥٣ ثُمَّ ءَاتَيْنَا مُوسَى ٱلْكِتَٰبَ تَمَامًا عَلَى ٱلَّذِيٓ أَحْسَنَ وَتَفْصِيلًا لِّكُلِّ شَيْءٍ وَهُدًى وَرَحْمَةً لَّعَلَّهُم بِلِقَآءِ رَبِّهِمْ يُؤْمِنُونَ ١٥٤ وَهَٰذَا كِتَٰبٌ أَنزَلْنَٰهُ مُبَارَكٌ فَٱتَّبِعُوهُ وَٱتَّقُواْ لَعَلَّكُمْ تُرْحَمُونَ ١٥٥ أَن تَقُولُوٓاْ إِنَّمَآ أُنزِلَ ٱلْكِتَٰبُ عَلَىٰ طَآئِفَتَيْنِ مِن قَبْلِنَا وَإِن كُنَّا عَن دِرَاسَتِهِمْ لَغَٰفِلِينَ ١٥٦ أَوْ تَقُولُواْ لَوْ أَنَّآ أُنزِلَ عَلَيْنَا ٱلْكِتَٰبُ لَكُنَّآ أَهْدَىٰ مِنْهُمْۚ فَقَدْ جَآءَكُم بَيِّنَةٌ مِّن رَّبِّكُمْ وَهُدًى وَرَحْمَةٌۚ فَمَنْ أَظْلَمُ مِمَّن كَذَّبَ بِـَٔايَٰتِ ٱللَّهِ وَصَدَفَ عَنْهَاۗ سَنَجْزِي ٱلَّذِينَ يَصْدِفُونَ عَنْ ءَايَٰتِنَا سُوٓءَ ٱلْعَذَابِ بِمَا كَانُواْ يَصْدِفُونَ ١٥٧

152.- "Và chớ đến gần tài sản của trẻ mồ côi trừ phi với kế hoạch cải thiện nó cho đến khi trẻ đến tuổi trưởng thành (để có thể quản lý nó); và hãy đo cho đúng và cân cho đủ; *TA* chỉ bắt mỗi linh hồn vác gánh nặng (trách nhiệm) tùy theo khả năng của nó; và khi các ngươi nói năng, hãy công bằng trong lời nói dẫu rằng nó có nghịch với bà con ruột thịt đi nữa; và hãy làm tròn Lời Giao-ước của Allah. Đó là điều Ngài chỉ thị cho các ngươi để cho các ngươi ghi nhớ.

153.- "Và (hãy biết) rằng đây là con đường ngay chính của Ta. Hãy theo nó và chớ theo con đường nào (khác) sợ rằng nó sẽ đưa các ngươi lệch khỏi con đường của Ngài. Ngài chỉ thị cho các ngươi như thế để cho các ngươi trở thành người ngay chính sợ Allah."

154.- Rồi *TA* (Allah) ban cho *Mūsa* Kinh sách để *TA* hoàn tất (Ân-huệ của *TA*) cho những ai làm tốt và giải thích rõ từng vấn đề và đó là một Chỉ đạo và một Hồng ân (cho con cháu của Israel) để cho họ tin tưởng nơi việc gặp gỡ *Rabb* của họ lại (ở Đời sau).

155.- Và đây là một Kinh sách mà *TA* (Allah) đã ban xuống như một phúc-lành. Do đó, hãy theo Nó (*Qur'ān*) và sợ Allah để cho các người có thể được khoan dung.

156.- E rằng các người có thể nói: "Kinh sách (của Allah) chỉ được truyền xuống cho hai giáo phái (Do thái và Thiên Chúa giáo) trước chúng tôi, và chúng tôi không hề biết gì về việc học hỏi (Kinh sách) của họ."

157.- Hoặc các người cũng có thể nói: "Nếu Kinh Sách đã được ban xuống cho chúng tôi thì chúng tôi đã được hướng dẫn đúng hơn họ." Bởi thế, giờ đây một Bằng chứng và một Chỉ đạo và một Hồng ân từ *Rabb* (Allah) của các người đã đến với các người. Cho nên còn ai sai quấy hơn kẻ phủ nhận các Lời Mặc khải của Allah và lánh xa chúng? *TA* (Allah) sẽ sớm trừng phạt những ai lánh xa các Lời mặc khải của *TA* bằng một hình phạt rất mực xấu xa vì tội chúng đã từng quay lánh bỏ đi.

هَلۡ يَنظُرُونَ إِلَّآ أَن تَأۡتِيَهُمُ ٱلۡمَلَٰٓئِكَةُ أَوۡ يَأۡتِيَ رَبُّكَ أَوۡ يَأۡتِيَ بَعۡضُ ءَايَٰتِ رَبِّكَۗ يَوۡمَ يَأۡتِي بَعۡضُ ءَايَٰتِ رَبِّكَ لَا يَنفَعُ نَفۡسًا إِيمَٰنُهَا لَمۡ تَكُنۡ ءَامَنَتۡ مِن قَبۡلُ أَوۡ كَسَبَتۡ فِيٓ إِيمَٰنِهَا خَيۡرٗاۗ قُلِ ٱنتَظِرُوٓاْ إِنَّا مُنتَظِرُونَ ﴿١٥٨﴾ إِنَّ ٱلَّذِينَ فَرَّقُواْ دِينَهُمۡ وَكَانُواْ شِيَعٗا لَّسۡتَ مِنۡهُمۡ فِي شَيۡءٍۚ إِنَّمَآ أَمۡرُهُمۡ إِلَى ٱللَّهِ ثُمَّ يُنَبِّئُهُم بِمَا كَانُواْ يَفۡعَلُونَ ﴿١٥٩﴾ مَن جَآءَ بِٱلۡحَسَنَةِ فَلَهُۥ عَشۡرُ أَمۡثَالِهَاۖ وَمَن جَآءَ بِٱلسَّيِّئَةِ فَلَا يُجۡزَىٰٓ إِلَّا مِثۡلَهَا وَهُمۡ لَا يُظۡلَمُونَ ﴿١٦٠﴾ قُلۡ إِنَّنِي هَدَىٰنِي رَبِّيٓ إِلَىٰ صِرَٰطٖ مُّسۡتَقِيمٖ دِينٗا قِيَمٗا مِّلَّةَ إِبۡرَٰهِيمَ حَنِيفٗاۚ وَمَا كَانَ مِنَ ٱلۡمُشۡرِكِينَ ﴿١٦١﴾ قُلۡ إِنَّ صَلَاتِي وَنُسُكِي وَمَحۡيَايَ وَمَمَاتِي لِلَّهِ رَبِّ ٱلۡعَٰلَمِينَ ﴿١٦٢﴾ لَا شَرِيكَ لَهُۥۖ وَبِذَٰلِكَ أُمِرۡتُ وَأَنَا۠ أَوَّلُ ٱلۡمُسۡلِمِينَ ﴿١٦٣﴾ قُلۡ أَغَيۡرَ ٱللَّهِ أَبۡغِي رَبّٗا وَهُوَ رَبُّ كُلِّ شَيۡءٖۚ وَلَا تَكۡسِبُ كُلُّ نَفۡسٍ إِلَّا عَلَيۡهَاۚ وَلَا تَزِرُ وَازِرَةٞ وِزۡرَ أُخۡرَىٰۚ ثُمَّ إِلَىٰ رَبِّكُم مَّرۡجِعُكُمۡ فَيُنَبِّئُكُم بِمَا كُنتُمۡ فِيهِ تَخۡتَلِفُونَ ﴿١٦٤﴾ وَهُوَ ٱلَّذِي جَعَلَكُمۡ خَلَٰٓئِفَ ٱلۡأَرۡضِ وَرَفَعَ بَعۡضَكُمۡ فَوۡقَ بَعۡضٖ دَرَجَٰتٖ لِّيَبۡلُوَكُمۡ فِي مَآ ءَاتَىٰكُمۡۗ إِنَّ رَبَّكَ سَرِيعُ ٱلۡعِقَابِ وَإِنَّهُۥ لَغَفُورٞ رَّحِيمُۢ ﴿١٦٥﴾

158.- Phải chăng họ đang chờ các Thiên thần xuống gặp họ hoặc *Rabb* của Ngươi đến gặp họ hoặc một vài Dấu-hiệu của *Rabb* của Ngươi hiện ra? Vào một Ngày mà một vài Dấu-hiệu của *Rabb* của Ngươi hiện ra, đức tin của một người sẽ chẳng giúp ích gì được cho linh hồn của người đã từng không tin tưởng trước đó và đã không thu hoạch được một điều tốt nào trong đức tin của họ. Hãy bảo họ: "Hãy chờ đợi đi bởi vì chúng tôi cũng đang chờ đợi (như quí vị)."

159.- Còn đối với những ai đã phân chia tôn giáo của họ và lập thành giáo phái, Ngươi chẳng có gì quan hệ với họ. Công việc của họ chỉ quan hệ đến Allah. Rồi Ngài sẽ cho họ biết về những điều họ đã từng làm.

160.- Ai đến (trình diện Allah) với một điều phúc lành thì sẽ được hưởng mười điều lành tương tự; ngược lại ai đến (gặp Allah) với một điều dữ thì sẽ bị phạt bằng một điều dữ tương tự. Và họ sẽ không bị (Allah) đối xử bất công.

161.- Hãy bảo họ: "Quả thật, *Rabb* (Allah) của Ta đã hướng dẫn Ta đến con đường ngay chính, tôn giáo đúng đắn, tín ngưỡng của *Ibrāhīm*, *Hanīf* (chỉ tôn thờ riêng Allah). Và Ta không là một người thờ đa-thần."

162.- Hãy bảo họ: "Quả thật, cuộc lễ nguyện (*Salāh*) của Ta và việc tế lễ của Ta, cuộc sống và cái chết của Ta đều hiến trọn cho Allah, *Rabb* (Đấng Chủ Tể) của vũ trụ.

163.- "Ngài không có ai hợp tác. Và Ta đã được chỉ thị như thế và Ta là người Muslim đầu tiên thần phục Ngài."

164.- Hãy bảo họ: "Ta sẽ phải tìm một *Rabb* (Đấng Chủ Tể) nào khác Allah hay sao trong lúc Ngài là *Rabb* của vạn vật? Và mỗi linh hồn chỉ chịu trách nhiệm cho chính bản thân mình; và không một người khuân vác nào sẽ vác giùm gánh nặng (trách nhiệm) của người khác. Rồi chung cuộc các người sẽ quay về trình diện *Rabb* của các người trở lại. Xong Ngài sẽ cho các người biết (sự thật) về những điều các người đã từng tranh chấp."

165.- Và Ngài là Đấng đã làm cho các người nối nghiệp trên mặt đất. Và Ngài đã nâng cấp bậc của người này trội hơn người kia để Ngài có thể thử thách các người với món quà mà Ngài đã ban cho các người. Quả thật, *Rabb* của Ngươi rất nhanh trong việc trừng phạt nhưng quả thật Ngài cũng Hằng Tha thứ, Rất mực Khoan dung.

سُورَةُ الأَعْرَافِ

الحِزْبُ ١٦

بِسْمِ اللَّهِ الرَّحْمَٰنِ الرَّحِيمِ

الٓمٓصٓ ١ كِتَٰبٌ أُنزِلَ إِلَيْكَ فَلَا يَكُن فِي صَدْرِكَ حَرَجٌ مِّنْهُ لِتُنذِرَ بِهِۦ وَذِكْرَىٰ لِلْمُؤْمِنِينَ ٢ ٱتَّبِعُوا۟ مَآ أُنزِلَ إِلَيْكُم مِّن رَّبِّكُمْ وَلَا تَتَّبِعُوا۟ مِن دُونِهِۦٓ أَوْلِيَآءَ ۗ قَلِيلًا مَّا تَذَكَّرُونَ ٣ وَكَم مِّن قَرْيَةٍ أَهْلَكْنَٰهَا فَجَآءَهَا بَأْسُنَا بَيَٰتًا أَوْ هُمْ قَآئِلُونَ ٤ فَمَا كَانَ دَعْوَىٰهُمْ إِذْ جَآءَهُم بَأْسُنَآ إِلَّآ أَن قَالُوٓا۟ إِنَّا كُنَّا ظَٰلِمِينَ ٥ فَلَنَسْـَٔلَنَّ ٱلَّذِينَ أُرْسِلَ إِلَيْهِمْ وَلَنَسْـَٔلَنَّ ٱلْمُرْسَلِينَ ٦ فَلَنَقُصَّنَّ عَلَيْهِم بِعِلْمٍ ۖ وَمَا كُنَّا غَآئِبِينَ ٧ وَٱلْوَزْنُ يَوْمَئِذٍ ٱلْحَقُّ ۚ فَمَن ثَقُلَتْ مَوَٰزِينُهُۥ فَأُو۟لَٰٓئِكَ هُمُ ٱلْمُفْلِحُونَ ٨ وَمَنْ خَفَّتْ مَوَٰزِينُهُۥ فَأُو۟لَٰٓئِكَ ٱلَّذِينَ خَسِرُوٓا۟ أَنفُسَهُم بِمَا كَانُوا۟ بِـَٔايَٰتِنَا يَظْلِمُونَ ٩ وَلَقَدْ مَكَّنَّٰكُمْ فِي ٱلْأَرْضِ وَجَعَلْنَا لَكُمْ فِيهَا مَعَٰيِشَ ۗ قَلِيلًا مَّا تَشْكُرُونَ ١٠ وَلَقَدْ خَلَقْنَٰكُمْ ثُمَّ صَوَّرْنَٰكُمْ ثُمَّ قُلْنَا لِلْمَلَٰٓئِكَةِ ٱسْجُدُوا۟ لِـَٔادَمَ فَسَجَدُوٓا۟ إِلَّآ إِبْلِيسَ لَمْ يَكُن مِّنَ ٱلسَّٰجِدِينَ ١١

AL-A'RĀF
(Các Cao Điểm)

Nhân danh Allah, Đấng Rất mực Độ lượng,
Đấng Rất mực Khoan dung

1.- *Alif. Lām. Mīm. Sād.*

2.- (Đây là) một Kinh sách được ban xuống cho Ngươi (Muhammad!) nhưng chớ vì nó mà tấm lòng của Ngươi sẽ thắt lại (bởi vì nó được ban xuống) là để cho Ngươi dùng cảnh cáo (những ai lầm đường lạc lối) và nhắc nhở những người có đức tin.

3.- Hãy tuân theo điều (mặc khải) đã được ban xuống cho các người từ *Rabb* (Allah) của các người (hỡi nhân loại!) và chớ nghe theo người bảo hộ (hay chủ nhân) nào khác ngoài Ngài. Ít thay việc các người ghi nhớ lời khuyên bảo này!

4.- Và có bao nhiêu thị trấn đã bị *TA* (Allah) tiêu diệt vì tội lỗi (của dân cư) của chúng? Hình phạt của *TA* xảy đến cho chúng bất ngờ vào ban đêm hoặc vào lúc chúng đang nghỉ trưa.

5.- Bởi thế, khi hình phạt của *TA* giáng xuống chúng, chúng chỉ biết than thân (nói): "Quả thật, chúng tôi là những kẻ làm điều sai quấy."

6.- Rồi *TA* (Allah) sẽ hỏi những người tiếp thu Thông điệp và những Sứ giả (của *TA*).

7.- Bởi thế, do hiểu biết, *TA* (Allah) sẽ kể lại cho chúng toàn bộ sự tích bởi vì *TA* (Allah) không hề vắng mặt (bất cứ lúc nào và nơi nào).

8.- Và việc cân đo (Phúc và Tội) vào Ngày (Xét xử) đó xảy ra thật. Bởi thế, những ai mà bàn cân (chứa việc thiện) nặng thì sẽ là những người thành đạt.

9.- Còn những ai mà bàn cân (chứa việc thiện) nhẹ thì sẽ là những người tự hủy hoại bản thân mình vì tội đã từng xuyên tạc các Dấu hiệu của *TA*.

10.- Và chắc chắn *TA* (Allah) đã định cư các người trên trái đất và tạo nơi đó phương tiện sinh sống cho các người. Ít thay việc các người tỏ lòng biết ơn.

11.- Và chắc chắn *TA* (Allah) đã tạo hóa rồi ban cho các người hình thể rồi *TA* bảo các Thiên thần quì xuống chào Ādam và chúng quì xuống ngoại trừ *Iblīs*. Nó không chịu phủ phục.

قَالَ مَا مَنَعَكَ أَلَّا تَسْجُدَ إِذْ أَمَرْتُكَ ۖ قَالَ أَنَا۠ خَيْرٌ مِّنْهُ خَلَقْتَنِى مِن نَّارٍ
وَخَلَقْتَهُۥ مِن طِينٍ ﴿١٢﴾ قَالَ فَٱهْبِطْ مِنْهَا فَمَا يَكُونُ لَكَ أَن تَتَكَبَّرَ
فِيهَا فَٱخْرُجْ إِنَّكَ مِنَ ٱلصَّٰغِرِينَ ﴿١٣﴾ قَالَ أَنظِرْنِىٓ إِلَىٰ يَوْمِ يُبْعَثُونَ
﴿١٤﴾ قَالَ إِنَّكَ مِنَ ٱلْمُنظَرِينَ ﴿١٥﴾ قَالَ فَبِمَآ أَغْوَيْتَنِى لَأَقْعُدَنَّ لَهُمْ
صِرَٰطَكَ ٱلْمُسْتَقِيمَ ﴿١٦﴾ ثُمَّ لَءَاتِيَنَّهُم مِّنۢ بَيْنِ أَيْدِيهِمْ وَمِنْ خَلْفِهِمْ
وَعَنْ أَيْمَٰنِهِمْ وَعَن شَمَآئِلِهِمْ ۖ وَلَا تَجِدُ أَكْثَرَهُمْ شَٰكِرِينَ ﴿١٧﴾ قَالَ
ٱخْرُجْ مِنْهَا مَذْءُومًا مَّدْحُورًا ۖ لَّمَن تَبِعَكَ مِنْهُمْ لَأَمْلَأَنَّ جَهَنَّمَ مِنكُمْ
أَجْمَعِينَ ﴿١٨﴾ وَيَٰٓـَٔادَمُ ٱسْكُنْ أَنتَ وَزَوْجُكَ ٱلْجَنَّةَ فَكُلَا مِنْ حَيْثُ
شِئْتُمَا وَلَا تَقْرَبَا هَٰذِهِ ٱلشَّجَرَةَ فَتَكُونَا مِنَ ٱلظَّٰلِمِينَ ﴿١٩﴾ فَوَسْوَسَ
لَهُمَا ٱلشَّيْطَٰنُ لِيُبْدِىَ لَهُمَا مَا وُۥرِىَ عَنْهُمَا مِن سَوْءَٰتِهِمَا وَقَالَ
مَا نَهَىٰكُمَا رَبُّكُمَا عَنْ هَٰذِهِ ٱلشَّجَرَةِ إِلَّآ أَن تَكُونَا مَلَكَيْنِ
أَوْ تَكُونَا مِنَ ٱلْخَٰلِدِينَ ﴿٢٠﴾ وَقَاسَمَهُمَآ إِنِّى لَكُمَا لَمِنَ ٱلنَّٰصِحِينَ ﴿٢١﴾
فَدَلَّىٰهُمَا بِغُرُورٍ ۚ فَلَمَّا ذَاقَا ٱلشَّجَرَةَ بَدَتْ لَهُمَا سَوْءَٰتُهُمَا وَطَفِقَا
يَخْصِفَانِ عَلَيْهِمَا مِن وَرَقِ ٱلْجَنَّةِ ۖ وَنَادَىٰهُمَا رَبُّهُمَآ أَلَمْ أَنْهَكُمَا عَن
تِلْكُمَا ٱلشَّجَرَةِ وَأَقُل لَّكُمَآ إِنَّ ٱلشَّيْطَٰنَ لَكُمَا عَدُوٌّ مُّبِينٌ ﴿٢٢﴾

12.- (Allah) phán: "Điều gì cản nhà ngươi không chịu phủ phục khi TA ra lệnh cho ngươi (hỡi Iblīs)? (Iblīs) thưa: "Bề tôi tốt hơn hắn (Ādam) bởi vì Ngài đã tạo bề tôi bằng lửa, còn hắn thì bằng đất sét."

13.- (Allah) phán: "Nhà ngươi hãy đi xuống khỏi đó (Thiên đàng). Nhà ngươi không được ngạo mạn trong đó. Hãy đi ra! Quả thật, nhà ngươi là một tên khốn nạn nhất."

14.- (Iblīs) tâu: "Xin Ngài tạm tha cho bề tôi (được sống) cho đến ngày chúng (con cháu của Ādam) được dựng sống lại."

15.- (Allah) phán: "Tạm tha cho nhà ngươi."

16.- (Iblīs) kèo nài: "Bởi vì Ngài đã xua đuổi bề tôi, bề tôi sẽ nằm chờ (dụ dỗ) chúng (con cháu của Ādam) trên con đường ngay thẳng của Ngài."

17.- "Rồi bề tôi sẽ tấn công chúng từ đằng trước, đằng sau và từ bên phải, bên trái. Và Ngài sẽ thấy đa số bọn chúng là những kẻ phụ ơn."

18.- (Allah) phán: "Hãy đi ra khỏi đó, thứ đáng khinh và đáng tống cổ đi nơi khác. Ai trong bọn chúng theo nhà ngươi thì tất cả sẽ bị TA bắt nhốt vào đầy Hỏa ngục."

19.- (Và Allah phán cho Ādam): "Hỡi Ādam! Ngươi và vợ của ngươi hãy ở trong Thiên đàng. Hai ngươi ăn tùy thích (món ngon vật lạ) mà hai ngươi tìm thấy bất cứ nơi nào trong đó, nhưng chớ đến gần cái '*Cây*' này sợ rằng hai ngươi sẽ trở thành những kẻ phạm giới."

20.- Nhưng *Shaytān* (Iblīs) đã thì thào với hai người (lời đường mật) để làm lộ ra cho hai người thấy điều xấu hổ đã từng được giấu kín khỏi hai người (từ trước); và nó nói: "Hai anh chị có biết tại sao *Rabb* của anh chị cấm (anh chị) đến cái '*Cây*' này không? Chỉ vì lý do sợ anh chị trở thành thiên thần hoặc thành người sống bất tử ấy thôi!"

21.- Và nó thề với hai người: "Tôi là một người cố vấn tốt nhất cho hai anh chị."

22.- Bởi thế nó đã quỷ quyệt làm cho hai (vợ chồng của Ādam) rơi xuống (khỏi Thiên đàng). Khi hai người nếm (trái của) *Cây* (đã bị cấm) phần xấu hổ của họ liền lộ ra cho họ thấy và hai người bắt đầu khâu lá cây trong Thiên đàng để che kín thân thể của họ. Và *Rabb* của hai người (vợ chồng Ādam) gọi hai người, và phán: "Há TA đã không cấm hai ngươi cái *Cây* đó và bảo hai ngươi rằng *Shaytān* là kẻ thù không đội trời chung với hai ngươi hay sao?"

قَالَا رَبَّنَا ظَلَمۡنَآ أَنفُسَنَا وَإِن لَّمۡ تَغۡفِرۡ لَنَا وَتَرۡحَمۡنَا لَنَكُونَنَّ
مِنَ ٱلۡخَٰسِرِينَ ٢٣ قَالَ ٱهۡبِطُواْ بَعۡضُكُمۡ لِبَعۡضٍ عَدُوّٞۖ وَلَكُمۡ
فِي ٱلۡأَرۡضِ مُسۡتَقَرّٞ وَمَتَٰعٌ إِلَىٰ حِينٖ ٢٤ قَالَ فِيهَا تَحۡيَوۡنَ وَفِيهَا
تَمُوتُونَ وَمِنۡهَا تُخۡرَجُونَ ٢٥ يَٰبَنِيٓ ءَادَمَ قَدۡ أَنزَلۡنَا عَلَيۡكُمۡ
لِبَاسٗا يُوَٰرِي سَوۡءَٰتِكُمۡ وَرِيشٗاۖ وَلِبَاسُ ٱلتَّقۡوَىٰ ذَٰلِكَ خَيۡرٞۚ
ذَٰلِكَ مِنۡ ءَايَٰتِ ٱللَّهِ لَعَلَّهُمۡ يَذَّكَّرُونَ ٢٦ يَٰبَنِيٓ ءَادَمَ لَا يَفۡتِنَنَّكُمُ
ٱلشَّيۡطَٰنُ كَمَآ أَخۡرَجَ أَبَوَيۡكُم مِّنَ ٱلۡجَنَّةِ يَنزِعُ عَنۡهُمَا
لِبَاسَهُمَا لِيُرِيَهُمَا سَوۡءَٰتِهِمَآۚ إِنَّهُۥ يَرَىٰكُمۡ هُوَ وَقَبِيلُهُۥ مِنۡ
حَيۡثُ لَا تَرَوۡنَهُمۡۗ إِنَّا جَعَلۡنَا ٱلشَّيَٰطِينَ أَوۡلِيَآءَ لِلَّذِينَ لَا يُؤۡمِنُونَ
٢٧ وَإِذَا فَعَلُواْ فَٰحِشَةٗ قَالُواْ وَجَدۡنَا عَلَيۡهَآ ءَابَآءَنَا وَٱللَّهُ أَمَرَنَا
بِهَاۗ قُلۡ إِنَّ ٱللَّهَ لَا يَأۡمُرُ بِٱلۡفَحۡشَآءِۖ أَتَقُولُونَ عَلَى ٱللَّهِ مَا لَا تَعۡلَمُونَ
٢٨ قُلۡ أَمَرَ رَبِّي بِٱلۡقِسۡطِۖ وَأَقِيمُواْ وُجُوهَكُمۡ عِندَ كُلِّ مَسۡجِدٖ
وَٱدۡعُوهُ مُخۡلِصِينَ لَهُ ٱلدِّينَۚ كَمَا بَدَأَكُمۡ تَعُودُونَ ٢٩
فَرِيقًا هَدَىٰ وَفَرِيقًا حَقَّ عَلَيۡهِمُ ٱلضَّلَٰلَةُۚ إِنَّهُمُ ٱتَّخَذُواْ
ٱلشَّيَٰطِينَ أَوۡلِيَآءَ مِن دُونِ ٱللَّهِ وَيَحۡسَبُونَ أَنَّهُم مُّهۡتَدُونَ ٣٠

23.- Hai người cầu nguyện, thưa: "Lạy *Rabb* chúng tôi! Chúng tôi đã tự làm hại bản thân mình. Nếu Ngài không tha thứ và khoan dung, thì chắc chắn chúng tôi sẽ trở thành những kẻ thua thiệt."

24.- (Allah) phán: "Hãy đi xuống, đứa này sẽ là kẻ thù của đứa kia. Các ngươi sẽ có trên trái đất một nơi nghỉ tạm và phương tiện sinh sống tạm suốt một thời gian ngắn."

25.- (Allah) phán tiếp: "Nơi đó các ngươi sẽ sống, và nơi đó các ngươi sẽ chết và từ đó (cuối cùng) các ngươi sẽ được đưa ra trở lại."

26.- Hỡi con cháu của Ādam! *TA* (Allah) đã ban cho các ngươi y phục để che kín phần xấu hổ của các ngươi và để trang sức; tuy nhiên, y phục tốt nhất là việc sợ Allah. Đó là một trong các Dấu hiệu của Allah để may ra họ ghi nhớ.

27.- Hỡi con cháu của Ādam! Chớ để cho *Shaytān* lừa gạt các người như nó đã dụ dỗ cha mẹ của các người ra khỏi Thiên đàng bằng cách lột trần y phục của hai người để phơi bày cho cả hai thấy sự xấu hổ của mình bởi vì nó (*Shaytān*) và bộ lạc của nó nhìn thấy các người từ một chỗ mà các người không thể nhìn thấy chúng được. Quả thật, *TA* khiến cho các tên *Shaytān* làm kẻ bảo hộ của những ai không có đức tin.

28. Và khi chúng phạm một điều thô bỉ, chúng nói: "Bọn ta thấy cha mẹ của bọn ta làm thế và Allah đã ra lệnh cho bọn ta làm điều đó." Hãy bảo chúng: "Không, quả thật Allah không hề ra lệnh bắt (các ngươi) làm điều thô bỉ. Phải chăng các ngươi đã đổ thừa cho Allah điều mà các ngươi không biết?"

29.- Hãy bảo chúng: "*Rabb* của Ta chỉ thị (cho các người) việc (ăn mặc) đúng đắn nghiêm trang và hướng mặt các người đúng (về Allah) tại mỗi nơi thờ phụng và cầu nguyện Ngài với lòng chân thành chỉ dành riêng cho Ngài. Các ngươi sẽ trở về với Ngài giống như việc Ngài đã khởi sự tạo hóa các ngươi lúc ban đầu.

30.- Một số (người) đã được Ngài (Allah) hướng dẫn còn một số khác thì lạc hướng. Điều đó chính đáng bởi vì chúng nhận *Shaytān* làm kẻ bảo hộ thay vì Allah và chúng còn nghĩ rằng chúng đã được hướng dẫn đúng đường.

رُبع الحِزب ١٦

۞ يَٰبَنِيٓ ءَادَمَ خُذُواْ زِينَتَكُمۡ عِندَ كُلِّ مَسۡجِدٖ وَكُلُواْ وَٱشۡرَبُواْ وَلَا تُسۡرِفُوٓاْۚ إِنَّهُۥ لَا يُحِبُّ ٱلۡمُسۡرِفِينَ ٣١ قُلۡ مَنۡ حَرَّمَ زِينَةَ ٱللَّهِ ٱلَّتِيٓ أَخۡرَجَ لِعِبَادِهِۦ وَٱلطَّيِّبَٰتِ مِنَ ٱلرِّزۡقِۚ قُلۡ هِيَ لِلَّذِينَ ءَامَنُواْ فِي ٱلۡحَيَوٰةِ ٱلدُّنۡيَا خَالِصَةٗ يَوۡمَ ٱلۡقِيَٰمَةِۗ كَذَٰلِكَ نُفَصِّلُ ٱلۡأٓيَٰتِ لِقَوۡمٖ يَعۡلَمُونَ ٣٢ قُلۡ إِنَّمَا حَرَّمَ رَبِّيَ ٱلۡفَوَٰحِشَ مَا ظَهَرَ مِنۡهَا وَمَا بَطَنَ وَٱلۡإِثۡمَ وَٱلۡبَغۡيَ بِغَيۡرِ ٱلۡحَقِّ وَأَن تُشۡرِكُواْ بِٱللَّهِ مَا لَمۡ يُنَزِّلۡ بِهِۦ سُلۡطَٰنٗا وَأَن تَقُولُواْ عَلَى ٱللَّهِ مَا لَا تَعۡلَمُونَ ٣٣ وَلِكُلِّ أُمَّةٍ أَجَلٞۖ فَإِذَا جَآءَ أَجَلُهُمۡ لَا يَسۡتَأۡخِرُونَ سَاعَةٗ وَلَا يَسۡتَقۡدِمُونَ ٣٤ يَٰبَنِيٓ ءَادَمَ إِمَّا يَأۡتِيَنَّكُمۡ رُسُلٞ مِّنكُمۡ يَقُصُّونَ عَلَيۡكُمۡ ءَايَٰتِي فَمَنِ ٱتَّقَىٰ وَأَصۡلَحَ فَلَا خَوۡفٌ عَلَيۡهِمۡ وَلَا هُمۡ يَحۡزَنُونَ ٣٥ وَٱلَّذِينَ كَذَّبُواْ بِـَٔايَٰتِنَا وَٱسۡتَكۡبَرُواْ عَنۡهَآ أُوْلَٰٓئِكَ أَصۡحَٰبُ ٱلنَّارِۖ هُمۡ فِيهَا خَٰلِدُونَ ٣٦ فَمَنۡ أَظۡلَمُ مِمَّنِ ٱفۡتَرَىٰ عَلَى ٱللَّهِ كَذِبًا أَوۡ كَذَّبَ بِـَٔايَٰتِهِۦٓۚ أُوْلَٰٓئِكَ يَنَالُهُمۡ نَصِيبُهُم مِّنَ ٱلۡكِتَٰبِۖ حَتَّىٰٓ إِذَا جَآءَتۡهُمۡ رُسُلُنَا يَتَوَفَّوۡنَهُمۡ قَالُوٓاْ أَيۡنَ مَا كُنتُمۡ تَدۡعُونَ مِن دُونِ ٱللَّهِۖ قَالُواْ ضَلُّواْ عَنَّا وَشَهِدُواْ عَلَىٰٓ أَنفُسِهِمۡ أَنَّهُمۡ كَانُواْ كَٰفِرِينَ ٣٧

31.- Hỡi con cháu của Ādam! Hãy phục sức trang nhã tại mỗi nơi thờ phụng; và ăn và uống nhưng chớ quá độ bởi vì Ngài (Allah) không yêu thương những kẻ quá độ.

32.- Hãy bảo chúng: “Ai cấm dùng các món trang sức xinh đẹp mà Allah đã làm ra cho các bầy tôi của Ngài (sử dụng) và cấm dùng các món thực phẩm tốt và sạch?” Hãy bảo chúng: “Các thứ đó dành cho những ai có đức tin sống ở đời này (và) dành riêng cho họ vào Ngày Phục sinh.” *TA* (Allah) đã giải thích rõ các Lời mặc khải đúng như thế cho đám người hiểu biết.

33.- Hãy bảo chúng: “*Rabb* của ta chỉ cấm (làm) các điều thô bỉ, dù công khai hay kín đáo, và điều tội lỗi và việc áp bức (kẻ khác) bất chấp lẽ phải và sự thật, và việc tổ hợp (thần linh) với Allah, điều mà Ngài không bao giờ chấp thuận, và việc nói bậy cho Allah những điều mà các ngươi không biết.”

34.- Mỗi một Cộng đồng có một thời hạn ấn định; bởi thế khi thời hạn đã mãn, họ sẽ không thể trì hoãn lại được một giờ (khắc) nào, và cũng không thể ra đi sớm hơn (một giờ khắc nào).

35.- Hỡi con cháu của Ādam! Nếu có các Sứ giả xuất thân từ các ngươi đến gặp các ngươi kể lại các Lời mặc khải của TA cho các ngươi, thì những ai sợ Allah và sửa mình sẽ không lo sợ cũng sẽ không buồn phiền.

36.- Còn những ai phủ nhận các Lời Mặc khải của *TA* và tỏ ra khinh thường chúng thì sẽ trở thành bạn của Lửa (Hỏa ngục); chúng sẽ vào ở trong đó đời đời.

37.- Thế còn ai gian ác hơn những kẻ bịa đặt ra điều nói dối rồi đổ thừa cho Allah hoặc phủ nhận các Lời Mặc khải của Ngài? Chúng là những kẻ tiếp tục nhận phần (lộc) đã được ghi trong sổ (định mệnh) của chúng, cho đến khi các Thiên sứ (Thiên thần) của *TA* đến bắt hồn chúng. (Thần Chết) sẽ bảo: “Đâu là những kẻ mà các ngươi đã từng van vái ngoài Allah?” (Các vong hồn) sẽ đáp: “Chúng đã bỏ chúng tôi đi mất rồi.” Và chúng thú tội nghịch với bản thân mình rằng chúng là những kẻ không có đức tin.

قَالَ ٱدْخُلُوا۟ فِىٓ أُمَمٍ قَدْ خَلَتْ مِن قَبْلِكُم مِّنَ ٱلْجِنِّ وَٱلْإِنسِ
فِى ٱلنَّارِ ۖ كُلَّمَا دَخَلَتْ أُمَّةٌ لَّعَنَتْ أُخْتَهَا ۖ حَتَّىٰٓ إِذَا ٱدَّارَكُوا۟
فِيهَا جَمِيعًا قَالَتْ أُخْرَىٰهُمْ لِأُولَىٰهُمْ رَبَّنَا هَٰٓؤُلَآءِ أَضَلُّونَا فَـَٔاتِهِمْ
عَذَابًا ضِعْفًا مِّنَ ٱلنَّارِ ۖ قَالَ لِكُلٍّ ضِعْفٌ وَلَٰكِن لَّا تَعْلَمُونَ
﴿٣٨﴾ وَقَالَتْ أُولَىٰهُمْ لِأُخْرَىٰهُمْ فَمَا كَانَ لَكُمْ عَلَيْنَا مِن فَضْلٍ
فَذُوقُوا۟ ٱلْعَذَابَ بِمَا كُنتُمْ تَكْسِبُونَ ﴿٣٩﴾ إِنَّ ٱلَّذِينَ
كَذَّبُوا۟ بِـَٔايَٰتِنَا وَٱسْتَكْبَرُوا۟ عَنْهَا لَا تُفَتَّحُ لَهُمْ أَبْوَٰبُ ٱلسَّمَآءِ
وَلَا يَدْخُلُونَ ٱلْجَنَّةَ حَتَّىٰ يَلِجَ ٱلْجَمَلُ فِى سَمِّ ٱلْخِيَاطِ ۚ وَكَذَٰلِكَ
نَجْزِى ٱلْمُجْرِمِينَ ﴿٤٠﴾ لَهُم مِّن جَهَنَّمَ مِهَادٌ وَمِن فَوْقِهِمْ غَوَاشٍ ۚ
وَكَذَٰلِكَ نَجْزِى ٱلظَّٰلِمِينَ ﴿٤١﴾ وَٱلَّذِينَ ءَامَنُوا۟ وَعَمِلُوا۟ ٱلصَّٰلِحَٰتِ
لَا نُكَلِّفُ نَفْسًا إِلَّا وُسْعَهَآ أُو۟لَٰٓئِكَ أَصْحَٰبُ ٱلْجَنَّةِ ۖ هُمْ
فِيهَا خَٰلِدُونَ ﴿٤٢﴾ وَنَزَعْنَا مَا فِى صُدُورِهِم مِّنْ غِلٍّ تَجْرِى
مِن تَحْتِهِمُ ٱلْأَنْهَٰرُ ۖ وَقَالُوا۟ ٱلْحَمْدُ لِلَّهِ ٱلَّذِى هَدَىٰنَا لِهَٰذَا وَمَا كُنَّا
لِنَهْتَدِىَ لَوْلَآ أَنْ هَدَىٰنَا ٱللَّهُ ۖ لَقَدْ جَآءَتْ رُسُلُ رَبِّنَا بِٱلْحَقِّ ۖ
وَنُودُوٓا۟ أَن تِلْكُمُ ٱلْجَنَّةُ أُورِثْتُمُوهَا بِمَا كُنتُمْ تَعْمَلُونَ ﴿٤٣﴾

38.- (Allah) sẽ phán: "Các ngươi hãy nhập vào tập đoàn của loài người và *Jinn* đã qua đời trước các ngươi mà vào trong Lửa (của Hỏa ngục). Mỗi lần một tập đoàn mới đi vào, nó nguyền rủa tập đoàn chị của nó trong đó. Mãi cho đến khi tất cả đều vào trong đó (Hỏa ngục), đoàn người cuối cùng sẽ tố cáo đoàn người đầu tiên như sau: "Lạy *Rabb* chúng tôi, những người này đã dắt chúng tôi đi lạc. Xin Ngài phạt họ gấp đôi trong Lửa." (Allah) sẽ phán: "Mỗi người sẽ bị phạt gấp đôi, nhưng các ngươi không biết đó thôi".

39.- Và tập đoàn đầu tiên sẽ nói với tập đoàn cuối cùng: "Các anh chẳng hưởng đặc ân nào hơn bọn tôi, thôi hãy nếm hình phạt về tội các anh đã lãnh."

40.- Quả thật, những ai đã phủ nhận các Lời Mặc khải của *TA* (Allah) và khinh thường chúng thì sẽ không có một cánh cửa nào của bầu trời được mở ra cho họ và họ sẽ không được vào Thiên đàng trừ phi con lạc đà chui vào được cái lỗ của chiếc kim may. Và *TA* trừng phạt những kẻ tội lỗi như thế.

41.- Họ sẽ có một cái giường trong Lửa với các tấm phủ bên trên. *TA* trừng phạt những kẻ làm điều sai quấy đúng như thế.

42.- Ngược lại, những ai có đức tin và làm việc thiện - *TA* không bắt mỗi linh hồn gánh (trách nhiệm) quá sức của nó - thì sẽ là những người bạn của Thiên đàng, trong đó họ sẽ vào ở đời đời.

43.- Và *TA* (Allah) sẽ xóa đi khỏi lòng họ nỗi oán thù; sẽ có các dòng sông chảy bên dưới họ và họ sẽ thưa: "Mọi lời ca tụng đều dâng lên Allah, Đấng đã hướng dẫn chúng tôi đến chỗ này; nếu Allah không hướng dẫn thì chúng tôi sẽ không bao giờ tìm thấy Chỉ đạo. Chắc chắn các Sứ giả của *Rabb* chúng tôi đã mang Chân lý đến". Và có tiếng hô lớn: "Đấy là Thiên đàng của quí vị; quí vị thừa hưởng nó vì điều (thiện) mà quí vị đã từng làm."

وَنَادَىٰٓ أَصۡحَٰبُ ٱلۡجَنَّةِ أَصۡحَٰبَ ٱلنَّارِ أَن قَدۡ وَجَدۡنَا مَا وَعَدَنَا
رَبُّنَا حَقّٗا فَهَلۡ وَجَدتُّم مَّا وَعَدَ رَبُّكُمۡ حَقّٗاۖ قَالُواْ نَعَمۡۚ فَأَذَّنَ
مُؤَذِّنُۢ بَيۡنَهُمۡ أَن لَّعۡنَةُ ٱللَّهِ عَلَى ٱلظَّٰلِمِينَ ٤٤ ٱلَّذِينَ يَصُدُّونَ عَن
سَبِيلِ ٱللَّهِ وَيَبۡغُونَهَا عِوَجٗا وَهُم بِٱلۡأٓخِرَةِ كَٰفِرُونَ ٤٥ وَبَيۡنَهُمَا
حِجَابٞۚ وَعَلَى ٱلۡأَعۡرَافِ رِجَالٞ يَعۡرِفُونَ كُلَّۢا بِسِيمَىٰهُمۡۚ وَنَادَوۡاْ
أَصۡحَٰبَ ٱلۡجَنَّةِ أَن سَلَٰمٌ عَلَيۡكُمۡۚ لَمۡ يَدۡخُلُوهَا وَهُمۡ يَطۡمَعُونَ ٤٦
۞ وَإِذَا صُرِفَتۡ أَبۡصَٰرُهُمۡ تِلۡقَآءَ أَصۡحَٰبِ ٱلنَّارِ قَالُواْ رَبَّنَا لَا تَجۡعَلۡنَا
مَعَ ٱلۡقَوۡمِ ٱلظَّٰلِمِينَ ٤٧ وَنَادَىٰٓ أَصۡحَٰبُ ٱلۡأَعۡرَافِ رِجَالٗا يَعۡرِفُونَهُم
بِسِيمَىٰهُمۡ قَالُواْ مَآ أَغۡنَىٰ عَنكُمۡ جَمۡعُكُمۡ وَمَا كُنتُمۡ تَسۡتَكۡبِرُونَ ٤٨
أَهَٰٓؤُلَآءِ ٱلَّذِينَ أَقۡسَمۡتُمۡ لَا يَنَالُهُمُ ٱللَّهُ بِرَحۡمَةٍۚ ٱدۡخُلُواْ ٱلۡجَنَّةَ
لَا خَوۡفٌ عَلَيۡكُمۡ وَلَآ أَنتُمۡ تَحۡزَنُونَ ٤٩ وَنَادَىٰٓ أَصۡحَٰبُ ٱلنَّارِ أَصۡحَٰبَ
ٱلۡجَنَّةِ أَنۡ أَفِيضُواْ عَلَيۡنَا مِنَ ٱلۡمَآءِ أَوۡ مِمَّا رَزَقَكُمُ ٱللَّهُۚ قَالُوٓاْ
إِنَّ ٱللَّهَ حَرَّمَهُمَا عَلَى ٱلۡكَٰفِرِينَ ٥٠ ٱلَّذِينَ ٱتَّخَذُواْ دِينَهُمۡ لَهۡوٗا
وَلَعِبٗا وَغَرَّتۡهُمُ ٱلۡحَيَوٰةُ ٱلدُّنۡيَاۚ فَٱلۡيَوۡمَ نَنسَىٰهُمۡ كَمَا نَسُواْ
لِقَآءَ يَوۡمِهِمۡ هَٰذَا وَمَا كَانُواْ بِـَٔايَٰتِنَا يَجۡحَدُونَ ٥١

نصف الحزب ١٦

44.- Và những người bạn của Thiên đàng sẽ gọi những người bạn của Hỏa ngục bảo: "Chúng tôi thấy điều mà *Rabb* chúng tôi đã hứa với chúng tôi xảy ra thật. Thế các anh có thấy điều mà *Rabb* các anh đã hứa có thật chăng? (Họ) sẽ đáp: "Vâng, thật". Nhưng có một người hô lớn giữa bọn họ: "Allah nguyền rủa những kẻ làm điều sai quấy:

45.- Những ai đã cản trở (người khác) theo con đường của Allah và còn tìm cách bẻ cong nó và phủ nhận Đời sau."

46.- Và giữa hai (loại người đó) có một bức màn ngăn cách. Và trên các cao điểm có những người biết mặt từng người của họ qua các dấu vết của họ. Và họ lớn tiếng gọi những người bạn của Thiên đàng, chúc: "Mong quí vị được bằng an!" Họ chưa vào đó (Thiên đàng), nhưng hy vọng sẽ được vào.

47.- Và khi cặp mắt của họ quay nhìn về phía những người bạn của Hỏa ngục, họ cầu nguyện thưa: "Lạy *Rabb* chúng tôi! Xin Ngài đừng đặt chúng tôi cùng với những kẻ làm điều sai quấy."

48.- Và những người bạn nơi các cao điểm lớn tiếng gọi những người (trong Hỏa ngục) mà họ biết mặt qua nét đặc trưng của chúng, và nói với chúng: "Số (người) đông đảo và của cải dồi dào[1] mà các người đã từng tự hào có giúp ích gì được cho các người chăng?."

49.- "Phải chăng đây là những người mà các người đã mạnh miệng thề rằng Allah sẽ không bao giờ khoan dung họ?" (Có lời bảo những người đã được Allah khoan dung), "Quí vị hãy bước vào Thiên đàng, quí vị sẽ không lo sợ cũng sẽ không buồn phiền".

50.- Và các người bạn của Hỏa ngục lớn tiếng gọi các người bạn của Thiên đàng, nói: "Quí vị hãy rót xuống cho chúng tôi nước uống hoặc bất cứ món gì mà Allah đã ban cấp cho quí vị." Họ đáp: "Quả thật, Allah cấm cả hai thứ đó cho những người không tin tưởng:

51.- "Những ai đã dùng tôn giáo của mình làm phương tiện giải trí và mua vui và bị đời sống trần tục này dối gạt." Bởi thế, vào Ngày (Xét xử) đó, *TA* (Allah) sẽ quên bẵng chúng giống như việc chúng quên bẵng Ngày hội ngộ này của chúng (với *TA*) và việc chúng thường xuyên tạc các Dấu hiệu của *TA*.

---

[1] *Jam'ukum* có nghĩa hoặc số đông hoặc của cải dồi dào

وَلَقَدْ جِئْنَٰهُم بِكِتَٰبٍ فَصَّلْنَٰهُ عَلَىٰ عِلْمٍ هُدًى وَرَحْمَةً لِّقَوْمٍ يُؤْمِنُونَ ﴿٥٢﴾ هَلْ يَنظُرُونَ إِلَّا تَأْوِيلَهُۥ ۚ يَوْمَ يَأْتِى تَأْوِيلُهُۥ يَقُولُ ٱلَّذِينَ نَسُوهُ مِن قَبْلُ قَدْ جَآءَتْ رُسُلُ رَبِّنَا بِٱلْحَقِّ فَهَل لَّنَا مِن شُفَعَآءَ فَيَشْفَعُوا۟ لَنَآ أَوْ نُرَدُّ فَنَعْمَلَ غَيْرَ ٱلَّذِى كُنَّا نَعْمَلُ ۚ قَدْ خَسِرُوٓا۟ أَنفُسَهُمْ وَضَلَّ عَنْهُم مَّا كَانُوا۟ يَفْتَرُونَ ﴿٥٣﴾ إِنَّ رَبَّكُمُ ٱللَّهُ ٱلَّذِى خَلَقَ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلْأَرْضَ فِى سِتَّةِ أَيَّامٍ ثُمَّ ٱسْتَوَىٰ عَلَى ٱلْعَرْشِ ۖ يُغْشِى ٱلَّيْلَ ٱلنَّهَارَ يَطْلُبُهُۥ حَثِيثًا وَٱلشَّمْسَ وَٱلْقَمَرَ وَٱلنُّجُومَ مُسَخَّرَٰتٍۭ بِأَمْرِهِۦٓ ۗ أَلَا لَهُ ٱلْخَلْقُ وَٱلْأَمْرُ ۗ تَبَارَكَ ٱللَّهُ رَبُّ ٱلْعَٰلَمِينَ ﴿٥٤﴾ ٱدْعُوا۟ رَبَّكُمْ تَضَرُّعًا وَخُفْيَةً ۚ إِنَّهُۥ لَا يُحِبُّ ٱلْمُعْتَدِينَ ﴿٥٥﴾ وَلَا تُفْسِدُوا۟ فِى ٱلْأَرْضِ بَعْدَ إِصْلَٰحِهَا وَٱدْعُوهُ خَوْفًا وَطَمَعًا ۚ إِنَّ رَحْمَتَ ٱللَّهِ قَرِيبٌ مِّنَ ٱلْمُحْسِنِينَ ﴿٥٦﴾ وَهُوَ ٱلَّذِى يُرْسِلُ ٱلرِّيَٰحَ بُشْرًۢا بَيْنَ يَدَىْ رَحْمَتِهِۦ ۖ حَتَّىٰٓ إِذَآ أَقَلَّتْ سَحَابًا ثِقَالًا سُقْنَٰهُ لِبَلَدٍ مَّيِّتٍ فَأَنزَلْنَا بِهِ ٱلْمَآءَ فَأَخْرَجْنَا بِهِۦ مِن كُلِّ ٱلثَّمَرَٰتِ ۚ كَذَٰلِكَ نُخْرِجُ ٱلْمَوْتَىٰ لَعَلَّكُمْ تَذَكَّرُونَ ﴿٥٧﴾

52.- Và chắc chắn *TA* (Allah) đã mang đến cho chúng một Kinh sách (*Qur'ā n*) đã được *TA* giải thích rõ ràng căn cứ vào sự Hiểu biết (của *TA*). (Kinh sách này) là một Chỉ đạo và là một Hồng ân cho đám người có đức tin.

53.- Phải chăng chúng chỉ chờ xem kết quả của nó (Lời phán trong Kinh sách)? Vào Ngày (mà lời cảnh cáo của) nó được thể hiện, những ai đã quên bẵng nó sẽ nói: "Chắc chắn các Sứ giả của *Rabb* chúng tôi đã mang Chân lý đến. Thế có người can thiệp nào đứng ra can thiệp giùm chúng tôi hoặc có thể nào chúng tôi được trả về trần gian trở lại để chúng tôi có dịp làm khác với việc mà chúng tôi đã từng làm trong quá khứ hay chăng?" Chắc chắn chúng đã đánh mất linh hồn của chúng và những điều mà chúng đã từng bịa đặt ra sẽ bỏ chúng đi biệt dạng.

54.- Quả thật, *Rabb* (Đấng Chủ Tể*)* của các người là Allah, Đấng đã tạo các tầng trời và trái đất trong sáu Ngày[1] rồi lên ngôi trên chiếc Ngai vương. Ngài lấy ban đêm phủ ban ngày, đêm và ngày đuổi theo bắt nhau một cách nhanh chóng; và mặt trời và mặt trăng và tinh tú (tất cả) đều phục mệnh[2] Ngài. Tuyệt diệu thay, Ngài tạo hóa và chỉ huy tất cả! Thật phúc thay Allah, *Rabb* (Đấng Chủ Tể) của vũ trụ và muôn loài!

55.- Hãy cầu nguyện *Rabb* của các ngươi trong nhún nhường và riêng lẽ (kín đáo) bởi vì Ngài không yêu thương những kẻ vượt quá mức giới hạn.

56.- Và chớ gây rối trên trái đất sau khi nó đã được ổn định trật tự và cầu nguyện Ngài với niềm sợ hãi và hy vọng (trong lòng) bởi vì quả thật Hồng ân của Allah luôn luôn tiếp cận với những người làm tốt.

57.- Và Ngài là Đấng đưa những luồng gió báo trước tin mừng về Hồng ân của Ngài; mãi cho đến khi chúng tập trung các lớp mây chứa nước mưa lại, *TA* chuyển chúng đến một mảnh đất chết cứng rồi *TA* cho đổ mưa lên đó và làm mọc ra đủ loại hoa mầu. *TA* sẽ dựng người chết (sống lại) đúng như thế để cho các người ghi nhớ (việc Phục sinh).

---

[1] Một Ngày của Allah bằng một ngàn năm (Q. 22:47) hay năm mươi ngàn năm của niên kỷ con người (Q. 70:4)

[2] *Musakhkharatin bi amrihi* = Ngài chế ngự chúng bằng mệnh lệnh của Ngài

وَٱلْبَلَدُ ٱلطَّيِّبُ يَخْرُجُ نَبَاتُهُۥ بِإِذْنِ رَبِّهِۦ ۖ وَٱلَّذِى خَبُثَ لَا يَخْرُجُ
إِلَّا نَكِدًا ۚ كَذَٰلِكَ نُصَرِّفُ ٱلْـَٔايَٰتِ لِقَوْمٍ يَشْكُرُونَ ﴿٥٨﴾
لَقَدْ أَرْسَلْنَا نُوحًا إِلَىٰ قَوْمِهِۦ فَقَالَ يَٰقَوْمِ ٱعْبُدُوا۟ ٱللَّهَ مَا لَكُم
مِّنْ إِلَٰهٍ غَيْرُهُۥٓ إِنِّىٓ أَخَافُ عَلَيْكُمْ عَذَابَ يَوْمٍ عَظِيمٍ ﴿٥٩﴾
قَالَ ٱلْمَلَأُ مِن قَوْمِهِۦٓ إِنَّا لَنَرَىٰكَ فِى ضَلَٰلٍ مُّبِينٍ ﴿٦٠﴾ قَالَ يَٰقَوْمِ
لَيْسَ بِى ضَلَٰلَةٌ وَلَٰكِنِّى رَسُولٌ مِّن رَّبِّ ٱلْعَٰلَمِينَ ﴿٦١﴾
أُبَلِّغُكُمْ رِسَٰلَٰتِ رَبِّى وَأَنصَحُ لَكُمْ وَأَعْلَمُ مِنَ ٱللَّهِ
مَا لَا تَعْلَمُونَ ﴿٦٢﴾ أَوَعَجِبْتُمْ أَن جَآءَكُمْ ذِكْرٌ مِّن رَّبِّكُمْ
عَلَىٰ رَجُلٍ مِّنكُمْ لِيُنذِرَكُمْ وَلِتَتَّقُوا۟ وَلَعَلَّكُمْ تُرْحَمُونَ
﴿٦٣﴾ فَكَذَّبُوهُ فَأَنجَيْنَٰهُ وَٱلَّذِينَ مَعَهُۥ فِى ٱلْفُلْكِ وَأَغْرَقْنَا ٱلَّذِينَ
كَذَّبُوا۟ بِـَٔايَٰتِنَآ ۚ إِنَّهُمْ كَانُوا۟ قَوْمًا عَمِينَ ﴿٦٤﴾ ۞ وَإِلَىٰ
عَادٍ أَخَاهُمْ هُودًا ۗ قَالَ يَٰقَوْمِ ٱعْبُدُوا۟ ٱللَّهَ مَا لَكُم مِّنْ إِلَٰهٍ
غَيْرُهُۥٓ ۚ أَفَلَا تَتَّقُونَ ﴿٦٥﴾ قَالَ ٱلْمَلَأُ ٱلَّذِينَ كَفَرُوا۟ مِن قَوْمِهِۦٓ
إِنَّا لَنَرَىٰكَ فِى سَفَاهَةٍ وَإِنَّا لَنَظُنُّكَ مِنَ ٱلْكَٰذِبِينَ ﴿٦٦﴾
قَالَ يَٰقَوْمِ لَيْسَ بِى سَفَاهَةٌ وَلَٰكِنِّى رَسُولٌ مِّن رَّبِّ ٱلْعَٰلَمِينَ ﴿٦٧﴾

ثلاثة أرباع الحزب ١٦

58.- Và đất tốt (sạch) cho mọc ra hoa mầu phì nhiêu theo sự chấp thuận của *Rabb* của nó; và đất xấu chỉ cho đâm ra hoa mầu lưa thưa. *TA* giải thích các Dấu hiệu đúng như thế cho đám người biết tri ân.

59.- Chắc chắn *TA* (Allah) đã cử *Nūh* (Nô-ê) đến cho người dân của Người. Người bảo (họ): "Này hỡi dân ta! Hãy thờ phụng Allah, các người không có Thượng Đế nào khác ngoài Ngài. Ta sợ giùm cho các người về sự trừng phạt của một Ngày vĩ đại!"

60.- Các lãnh tụ trong người dân của Người đáp: "Quả thật, bọn ta thấy ngươi lầm lạc rõ ràng."

61.- (Nūh) bảo: "Hỡi dân ta! Ta chẳng có gì lầm lạc cả. Ta là một Sứ giả của *Rabb* của vũ trụ và muôn loài.

62.- "Ta truyền đạt cho các người bức Thông điệp của *Rabb* của ta và ta là một người cố vấn thành thật. Và ta biết từ Allah điều mà các người không biết.

63.- "Há các người ngạc nhiên về bức Thông điệp của *Rabb* của các người do một người phàm xuất thân từ các người mang đến để nhắc nhở các người hầu các người sợ Allah và được khoan dung hay chăng?"

64.- Nhưng họ đã cho rằng Người nói dối, cho nên *TA* đã cứu Người và những người theo Người trên một chiếc tàu, và *TA* đã nhận chìm (dưới nước lụt) những ai đã phủ nhận các Dấu hiệu của *TA*. Quả thật, chúng là một đám người mù quáng.

65.- Và về dân tộc *'Ād*, *TA* đã cử *Hūd*, một người anh em của họ đến với họ. (Hūd) bảo (họ): "Hỡi dân ta! Hãy thờ phụng Allah, các người không có một Thượng Đế nào khác ngoài Ngài. Thế các người không sợ Allah hay sao?"

66.- Các lãnh tụ của những kẻ không có đức tin trong người dân của Người lên tiếng: "Thật sự bọn ta thấy ngươi điên rồ và bọn ta nghĩ rằng ngươi là một tên nói dối."

67.- (Hūd) bảo: "Ta không ngu xuẩn, ngược lại ta là một Sứ giả của *Rabb* của vũ trụ và muôn loài.

أُبَلِّغُكُمۡ رِسَٰلَٰتِ رَبِّي وَأَنَا۠ لَكُمۡ نَاصِحٌ أَمِينٌ ٦٨ أَوَعَجِبۡتُمۡ أَن
جَآءَكُمۡ ذِكۡرٞ مِّن رَّبِّكُمۡ عَلَىٰ رَجُلٖ مِّنكُمۡ لِيُنذِرَكُمۡۚ
وَٱذۡكُرُوٓاْ إِذۡ جَعَلَكُمۡ خُلَفَآءَ مِنۢ بَعۡدِ قَوۡمِ نُوحٖ وَزَادَكُمۡ
فِي ٱلۡخَلۡقِ بَصۜۡطَةٗۖ فَٱذۡكُرُوٓاْ ءَالَآءَ ٱللَّهِ لَعَلَّكُمۡ تُفۡلِحُونَ
٦٩ قَالُوٓاْ أَجِئۡتَنَا لِنَعۡبُدَ ٱللَّهَ وَحۡدَهُۥ وَنَذَرَ مَا كَانَ يَعۡبُدُ
ءَابَآؤُنَا فَأۡتِنَا بِمَا تَعِدُنَآ إِن كُنتَ مِنَ ٱلصَّٰدِقِينَ ٧٠
قَالَ قَدۡ وَقَعَ عَلَيۡكُم مِّن رَّبِّكُمۡ رِجۡسٞ وَغَضَبٌۖ
أَتُجَٰدِلُونَنِي فِيٓ أَسۡمَآءٖ سَمَّيۡتُمُوهَآ أَنتُمۡ وَءَابَآؤُكُم
مَّا نَزَّلَ ٱللَّهُ بِهَا مِن سُلۡطَٰنٖۚ فَٱنتَظِرُوٓاْ إِنِّي مَعَكُم مِّنَ
ٱلۡمُنتَظِرِينَ ٧١ فَأَنجَيۡنَٰهُ وَٱلَّذِينَ مَعَهُۥ بِرَحۡمَةٖ مِّنَّا
وَقَطَعۡنَا دَابِرَ ٱلَّذِينَ كَذَّبُواْ بِـَٔايَٰتِنَاۖ وَمَا كَانُواْ مُؤۡمِنِينَ
٧٢ وَإِلَىٰ ثَمُودَ أَخَاهُمۡ صَٰلِحٗاۚ قَالَ يَٰقَوۡمِ ٱعۡبُدُواْ ٱللَّهَ
مَا لَكُم مِّنۡ إِلَٰهٍ غَيۡرُهُۥۖ قَدۡ جَآءَتۡكُم بَيِّنَةٞ مِّن رَّبِّكُمۡۖ
هَٰذِهِۦ نَاقَةُ ٱللَّهِ لَكُمۡ ءَايَةٗۖ فَذَرُوهَا تَأۡكُلۡ فِيٓ أَرۡضِ
ٱللَّهِۖ وَلَا تَمَسُّوهَا بِسُوٓءٖ فَيَأۡخُذَكُمۡ عَذَابٌ أَلِيمٞ ٧٣

68.- "Ta chuyển đạt cho các người những bức thông điệp của *Rabb* của ta và ta là một người cố vấn rất tín nhiệm cho các người.

69.- "Há các người ngạc nhiên về một thông điệp nhắc nhở từ *Rabb* của các người được gởi đến cho các người qua trung gian của một người phàm xuất thân từ các người được dùng để cảnh cáo các người hay sao? Và hãy nhớ lại khi Ngài (Allah) đã chỉ định các người nối nghiệp người dân của *Nūh* và tạo các người có vóc dáng to lớn. Do đó, hãy nhớ các đặc ân của Allah đã ban cho (các người) để may ra các người được phát đạt."

70.- Họ đáp: "Có phải ngươi đến yêu cầu bọn ta tôn thờ riêng Allah thôi và từ bỏ những vị mà cha mẹ của bọn ta đã từng thờ phụng hay sao? Nếu ngươi là một người nói thật thì hãy mang cái (hình phạt) mà ngươi thường nói để hăm dọa bọn ta đến trừng phạt bọn ta đi."

71.- (Hūd) bảo: "Chắc chắn hình phạt và sự giận dữ của *Rabb* của các người đã rơi nhằm phải các người rồi. Phải chăng các người tranh luận với ta về những tên gọi mà các người lẫn cha mẹ của các người đã bịa đặt, điều mà Allah đã không ban cho một thẩm quyền nào? Thế các người hãy đợi xem, ta sẽ cùng đợi với các người."

72.- Bởi thế, *TA* lấy lòng Khoan dung mà giải cứu *Hūd* với những ai theo Người và chặt đứt gốc rễ của những kẻ đã phủ nhận các Dấu hiệu của *TA* bởi vì chúng là những kẻ không có đức tin.

73.- Và về người dân *Thamūd*, *TA* đã cử *Sālih*, một người anh em của họ đến với họ. (Sālih) bảo (họ): "Hỡi dân ta! Hãy thờ phụng Allah, các người không có Thượng Đế nào khác ngoài Ngài cả. Chắc chắn một Dấu hiệu rõ rệt từ *Rabb* của các người đã đến với các người: con lạc đà cái này của Allah là một Dấu hiệu cho các người. Bởi thế, hãy để mặc nó ăn cỏ trên đất đai của Allah, và chớ mó tay hãm hại nó; nếu không nghe, các người sẽ bị trừng phạt đau đớn.

وَٱذۡكُرُوٓاْ إِذۡ جَعَلَكُمۡ خُلَفَآءَ مِنۢ بَعۡدِ عَادٖ وَبَوَّأَكُمۡ
فِي ٱلۡأَرۡضِ تَتَّخِذُونَ مِن سُهُولِهَا قُصُورٗا وَتَنۡحِتُونَ
ٱلۡجِبَالَ بُيُوتٗاۖ فَٱذۡكُرُوٓاْ ءَالَآءَ ٱللَّهِ وَلَا تَعۡثَوۡاْ فِي
ٱلۡأَرۡضِ مُفۡسِدِينَ ٧٤ قَالَ ٱلۡمَلَأُ ٱلَّذِينَ ٱسۡتَكۡبَرُواْ مِن
قَوۡمِهِۦ لِلَّذِينَ ٱسۡتُضۡعِفُواْ لِمَنۡ ءَامَنَ مِنۡهُمۡ أَتَعۡلَمُونَ
أَنَّ صَٰلِحٗا مُّرۡسَلٞ مِّن رَّبِّهِۦۚ قَالُوٓاْ إِنَّا بِمَآ أُرۡسِلَ بِهِۦ
مُؤۡمِنُونَ ٧٥ قَالَ ٱلَّذِينَ ٱسۡتَكۡبَرُوٓاْ إِنَّا بِٱلَّذِيٓ
ءَامَنتُم بِهِۦ كَٰفِرُونَ ٧٦ فَعَقَرُواْ ٱلنَّاقَةَ وَعَتَوۡاْ عَنۡ
أَمۡرِ رَبِّهِمۡ وَقَالُواْ يَٰصَٰلِحُ ٱئۡتِنَا بِمَا تَعِدُنَآ إِن كُنتَ
مِنَ ٱلۡمُرۡسَلِينَ ٧٧ فَأَخَذَتۡهُمُ ٱلرَّجۡفَةُ فَأَصۡبَحُواْ فِي دَارِهِمۡ
جَٰثِمِينَ ٧٨ فَتَوَلَّىٰ عَنۡهُمۡ وَقَالَ يَٰقَوۡمِ لَقَدۡ أَبۡلَغۡتُكُمۡ
رِسَالَةَ رَبِّي وَنَصَحۡتُ لَكُمۡ وَلَٰكِن لَّا تُحِبُّونَ ٱلنَّٰصِحِينَ
٧٩ وَلُوطًا إِذۡ قَالَ لِقَوۡمِهِۦٓ أَتَأۡتُونَ ٱلۡفَٰحِشَةَ مَا سَبَقَكُم
بِهَا مِنۡ أَحَدٖ مِّنَ ٱلۡعَٰلَمِينَ ٨٠ إِنَّكُمۡ لَتَأۡتُونَ ٱلرِّجَالَ
شَهۡوَةٗ مِّن دُونِ ٱلنِّسَآءِۚ بَلۡ أَنتُمۡ قَوۡمٞ مُّسۡرِفُونَ ٨١

74.- "Và (hãy nhớ) khi Ngài đã chỉ định các người nối nghiệp (người dân) *'Ād* và ban cho các người chỗ ngụ trên trái đất, các người đã xây cất dinh thự nơi đồng bằng và đục núi làm nhà trong đó. Bởi thế, hãy nhớ các ân huệ của Allah và chớ là những kẻ phá rối trị an trên trái đất.

75.- Các lãnh tụ của những kẻ ngạo mạn trong đám người dân của Người (*Sālih*) nói với những người yếu thế, và những ai có đức tin trong họ, bảo: "Các người có biết chắc *Sālih* là một Sứ giả của *Rabb* của Người hay không? Họ đáp: "Chúng tôi tin tưởng nơi điều (mặc khải) mà Người mang đến."

76.- Những kẻ ngạo mạn đáp: "Bọn ta phủ nhận điều mà các người hằng tin tưởng."

77.- Xong chúng (những kẻ không tin) cắt nhượng con lạc-đà cái và xấc xược thách đố mệnh lệnh của *Rabb* của chúng bởi vì chúng nói: "Hỡi *Sālih*! Nếu ngươi là một Sứ giả của Allah thì hãy mang cái (hình phạt) mà ngươi dọa dẫm bọn ta đến trừng phạt bọn ta đi."

78.- Do đó, một trận động đất đã chụp bắt chúng vào buổi sáng, làm cho chúng chết chúi đầu trong nhà.

79.- Tiếp đó, *Sālih* rời bỏ chúng, và bảo: "Hỡi dân ta! Chắc chắn ta đã truyền đạt cho các người Thông điệp của *Rabb* của ta và khuyên bảo các người điều tốt lành nhưng các người không thích những người cố vấn tốt."

80.- Và (hãy nhớ) *Lūt* khi Người bảo người dân của Người (như sau): "Phải chăng các người đã làm một điều thô bỉ nhất mà không một người nào trong thiên hạ đã làm như các người?

81.- "Các người đã làm tình với đàn ông thay vì phụ nữ. Không, các người là một đám người vượt quá mức giới hạn."

وَمَا كَانَ جَوَابَ قَوْمِهِۦٓ إِلَّآ أَن قَالُوٓاْ أَخْرِجُوهُم مِّن قَرْيَتِكُمْۖ إِنَّهُمْ أُنَاسٞ يَتَطَهَّرُونَ ٨٢ فَأَنجَيْنَٰهُ وَأَهْلَهُۥٓ إِلَّا ٱمْرَأَتَهُۥ كَانَتْ مِنَ ٱلْغَٰبِرِينَ ٨٣ وَأَمْطَرْنَا عَلَيْهِم مَّطَرٗاۖ فَٱنظُرْ كَيْفَ كَانَ عَٰقِبَةُ ٱلْمُجْرِمِينَ ٨٤ وَإِلَىٰ مَدْيَنَ أَخَاهُمْ شُعَيْبٗاۚ قَالَ يَٰقَوْمِ ٱعْبُدُواْ ٱللَّهَ مَا لَكُم مِّنْ إِلَٰهٍ غَيْرُهُۥۖ قَدْ جَآءَتْكُم بَيِّنَةٞ مِّن رَّبِّكُمْۖ فَأَوْفُواْ ٱلْكَيْلَ وَٱلْمِيزَانَ وَلَا تَبْخَسُواْ ٱلنَّاسَ أَشْيَآءَهُمْ وَلَا تُفْسِدُواْ فِي ٱلْأَرْضِ بَعْدَ إِصْلَٰحِهَاۚ ذَٰلِكُمْ خَيْرٞ لَّكُمْ إِن كُنتُم مُّؤْمِنِينَ ٨٥ وَلَا تَقْعُدُواْ بِكُلِّ صِرَٰطٖ تُوعِدُونَ وَتَصُدُّونَ عَن سَبِيلِ ٱللَّهِ مَنْ ءَامَنَ بِهِۦ وَتَبْغُونَهَا عِوَجٗاۚ وَٱذْكُرُوٓاْ إِذْ كُنتُمْ قَلِيلٗا فَكَثَّرَكُمْۖ وَٱنظُرُواْ كَيْفَ كَانَ عَٰقِبَةُ ٱلْمُفْسِدِينَ ٨٦ وَإِن كَانَ طَآئِفَةٞ مِّنكُمْ ءَامَنُواْ بِٱلَّذِيٓ أُرْسِلْتُ بِهِۦ وَطَآئِفَةٞ لَّمْ يُؤْمِنُواْ فَٱصْبِرُواْ حَتَّىٰ يَحْكُمَ ٱللَّهُ بَيْنَنَاۚ وَهُوَ خَيْرُ ٱلْحَٰكِمِينَ ٨٧

82.- Và người dân của Người không biết nói gì để trả lời ngoài điều này: "Hãy tống cổ họ ra khỏi thành phố của các người! Bởi vì họ là những người muốn được trong sạch."

83.- Nhưng *TA* đã cứu Người (*Lūt*) và gia đình của Người ngoại trừ người vợ của Người; bà ta là một người trì trệ đằng sau.

84.- Và *TA* đã trút lên họ một trận mưa đá (diêm sinh). Bởi thế, hãy xem kết cuộc của những kẻ tội lỗi đã xẩy ra như thế nào!

85.- Về người dân *Madyan* (Madian), *TA* đã cử *Shu'ayb*, một người anh em của họ đến với họ. *Shu'ayb* bảo (họ): "Hỡi dân ta! Hãy thờ phụng Allah, các người không có Thượng Đế nào khác ngoài Ngài cả. Chắc chắn đã có một bằng chứng rõ rệt từ *Rabb* của các người đến với các người. Bởi thế, hãy đo cho đúng và cân cho đủ và chớ lấy bớt hàng hóa của người và chớ gây phá rối trên trái đất sau khi nó đã được ổn định trật tự. Điều đó tốt nhất cho các người nếu các người có đức tin.

86.- "Và chớ ngồi chờ tại mỗi ngã đường dọa dẫm và cản trở những ai tin nơi Ngài (Allah) xa lánh con đường của Ngài và tìm cách bẻ cong nó. Và hãy nhớ lại khi các người chỉ gồm một thiểu số rồi Ngài gia tăng nhân số của các người thêm đông; và hãy xét xem kết cuộc của những kẻ phá hoại xẩy ra như thế nào.

87.- "Và nếu trong các người có một số người tin tưởng nơi điều (mặc khải) mà ta mang đến và có một số khác không tin tưởng thì hãy kiên nhẫn chịu đựng cho đến khi Allah xét xử giữa chúng ta bởi vì Ngài là Đấng Xét xử Ưu việt."

۞ قَالَ ٱلْمَلَأُ ٱلَّذِينَ ٱسْتَكْبَرُواْ مِن قَوْمِهِۦ لَنُخْرِجَنَّكَ يَٰشُعَيْبُ وَٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ مَعَكَ مِن قَرْيَتِنَآ أَوْ لَتَعُودُنَّ فِي مِلَّتِنَاۚ قَالَ أَوَلَوْ كُنَّا كَٰرِهِينَ ﴿٨٨﴾ قَدِ ٱفْتَرَيْنَا عَلَى ٱللَّهِ كَذِبًا إِنْ عُدْنَا فِي مِلَّتِكُم بَعْدَ إِذْ نَجَّىٰنَا ٱللَّهُ مِنْهَاۚ وَمَا يَكُونُ لَنَآ أَن نَّعُودَ فِيهَآ إِلَّآ أَن يَشَآءَ ٱللَّهُ رَبُّنَاۚ وَسِعَ رَبُّنَا كُلَّ شَيْءٍ عِلْمًاۚ عَلَى ٱللَّهِ تَوَكَّلْنَاۚ رَبَّنَا ٱفْتَحْ بَيْنَنَا وَبَيْنَ قَوْمِنَا بِٱلْحَقِّ وَأَنتَ خَيْرُ ٱلْفَٰتِحِينَ ﴿٨٩﴾ وَقَالَ ٱلْمَلَأُ ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ مِن قَوْمِهِۦ لَئِنِ ٱتَّبَعْتُمْ شُعَيْبًا إِنَّكُمْ إِذًا لَّخَٰسِرُونَ ﴿٩٠﴾ فَأَخَذَتْهُمُ ٱلرَّجْفَةُ فَأَصْبَحُواْ فِي دَارِهِمْ جَٰثِمِينَ ﴿٩١﴾ ٱلَّذِينَ كَذَّبُواْ شُعَيْبًا كَأَن لَّمْ يَغْنَوْاْ فِيهَاۚ ٱلَّذِينَ كَذَّبُواْ شُعَيْبًا كَانُواْ هُمُ ٱلْخَٰسِرِينَ ﴿٩٢﴾ فَتَوَلَّىٰ عَنْهُمْ وَقَالَ يَٰقَوْمِ لَقَدْ أَبْلَغْتُكُمْ رِسَٰلَٰتِ رَبِّي وَنَصَحْتُ لَكُمْۖ فَكَيْفَ ءَاسَىٰ عَلَىٰ قَوْمٖ كَٰفِرِينَ ﴿٩٣﴾ وَمَآ أَرْسَلْنَا فِي قَرْيَةٖ مِّن نَّبِيٍّ إِلَّآ أَخَذْنَآ أَهْلَهَا بِٱلْبَأْسَآءِ وَٱلضَّرَّآءِ لَعَلَّهُمْ يَضَّرَّعُونَ ﴿٩٤﴾ ثُمَّ بَدَّلْنَا مَكَانَ ٱلسَّيِّئَةِ ٱلْحَسَنَةَ حَتَّىٰ عَفَواْ وَّقَالُواْ قَدْ مَسَّ ءَابَآءَنَا ٱلضَّرَّآءُ وَٱلسَّرَّآءُ فَأَخَذْنَٰهُم بَغْتَةٗ وَهُمْ لَا يَشْعُرُونَ ﴿٩٥﴾

88.- Các lãnh tụ của những kẻ kiêu căng trong đám dân của Người lên tiếng: "Hỡi *Shu'ayb*, hoặc bọn ta sẽ tống cổ ngươi và các tín đồ theo ngươi ra khỏi thị trấn của bọn ta hoặc các ngươi sẽ phải trở lại với tín ngưỡng của bọn ta." (Shu'ayb) đáp:" Sao? Dẫu chúng tôi cả ghét nó nữa hay sao!

89.- "Nếu trở lại với tín ngưỡng của quí vị thì chắc chắn chúng tôi bắt buộc phải bịa đặt điều nói dối với Allah sau khi Ngài đã giải thoát chúng tôi ra khỏi (tín ngưỡng) đó. Chúng tôi không có cách nào trở về với nó được trừ phi Allah, *Rabb* của chúng tôi muốn khác đi. Sự hiểu biết của *Rabb* của chúng tôi bao quát tất cả mọi vấn đề. Chúng tôi trọn tin và phó thác cho Allah. (Họ cầu nguyện thưa:) "Lạy *Rabb* chúng tôi! Xin Ngài dùng sự Thật mà quyết định giữa chúng tôi với người dân của chúng tôi bởi vì Ngài là Đấng Quyết định Ưu việt."

90.- Các lãnh tụ của những kẻ không có đức tin trong đám người dân của Người lên tiếng: "Nếu các người tuân theo *Shu'ayb* thì chắc chắn các người sẽ thua thiệt!"

91.- Nhưng một trận động đất bất thần chụp bắt họ vào buổi sáng khiến họ chết chúi đầu trong nhà.

92.- Những ai cho *Shu'ayb* nói dối đã bị tiêu diệt toàn bộ làm như họ đã không từng sống nơi đó bao giờ. Những ai đã bảo *Shu'ayb* nói dối mới là những kẻ thua thiệt.

93.- Thế rồi *Shu'ayb* từ giả (họ) ra đi và nói với họ: "Hỡi dân ta! Chắc chắn ta đã truyền đạt cho các người những bức thông điệp của *Rabb* của ta và khuyên bảo các người điều tốt lành. Nhưng làm sao ta có thể thương tiếc cho một đám người không tin tưởng."

94.- Và *TA* đã không cử một vị *Nabi* nào đến một thị trấn mà lại không bắt dân cư của nó chịu cam khổ và hoạn nạn để cho họ hạ mình thần phục.

95.- Rồi *TA* đổi điều xấu (khốn khổ) sang điều tốt (trù phú) cho đến khi họ phát đạt dồi dào và họ nói: " Cha mẹ của chúng tôi cũng đã từng trải cảnh nghèo và cảnh giầu". Thế rồi *TA* bất thần túm bắt họ trong lúc họ không ngờ đến.

وَلَوۡ أَنَّ أَهۡلَ ٱلۡقُرَىٰٓ ءَامَنُواْ وَٱتَّقَوۡاْ لَفَتَحۡنَا عَلَيۡهِم بَرَكَٰتٖ مِّنَ ٱلسَّمَآءِ وَٱلۡأَرۡضِ وَلَٰكِن كَذَّبُواْ فَأَخَذۡنَٰهُم بِمَا كَانُواْ يَكۡسِبُونَ ﴿٩٦﴾ أَفَأَمِنَ أَهۡلُ ٱلۡقُرَىٰٓ أَن يَأۡتِيَهُم بَأۡسُنَا بَيَٰتٗا وَهُمۡ نَآئِمُونَ ﴿٩٧﴾ أَوَأَمِنَ أَهۡلُ ٱلۡقُرَىٰٓ أَن يَأۡتِيَهُم بَأۡسُنَا ضُحٗى وَهُمۡ يَلۡعَبُونَ ﴿٩٨﴾ أَفَأَمِنُواْ مَكۡرَ ٱللَّهِۚ فَلَا يَأۡمَنُ مَكۡرَ ٱللَّهِ إِلَّا ٱلۡقَوۡمُ ٱلۡخَٰسِرُونَ ﴿٩٩﴾ أَوَلَمۡ يَهۡدِ لِلَّذِينَ يَرِثُونَ ٱلۡأَرۡضَ مِنۢ بَعۡدِ أَهۡلِهَآ أَن لَّوۡ نَشَآءُ أَصَبۡنَٰهُم بِذُنُوبِهِمۡۚ وَنَطۡبَعُ عَلَىٰ قُلُوبِهِمۡ فَهُمۡ لَا يَسۡمَعُونَ ﴿١٠٠﴾ تِلۡكَ ٱلۡقُرَىٰ نَقُصُّ عَلَيۡكَ مِنۡ أَنۢبَآئِهَاۚ وَلَقَدۡ جَآءَتۡهُمۡ رُسُلُهُم بِٱلۡبَيِّنَٰتِ فَمَا كَانُواْ لِيُؤۡمِنُواْ بِمَا كَذَّبُواْ مِن قَبۡلُۚ كَذَٰلِكَ يَطۡبَعُ ٱللَّهُ عَلَىٰ قُلُوبِ ٱلۡكَٰفِرِينَ ﴿١٠١﴾ وَمَا وَجَدۡنَا لِأَكۡثَرِهِم مِّنۡ عَهۡدٖۖ وَإِن وَجَدۡنَآ أَكۡثَرَهُمۡ لَفَٰسِقِينَ ﴿١٠٢﴾ ثُمَّ بَعَثۡنَا مِنۢ بَعۡدِهِم مُّوسَىٰ بِـَٔايَٰتِنَآ إِلَىٰ فِرۡعَوۡنَ وَمَلَإِيْهِۦ فَظَلَمُواْ بِهَاۖ فَٱنظُرۡ كَيۡفَ كَانَ عَٰقِبَةُ ٱلۡمُفۡسِدِينَ ﴿١٠٣﴾ وَقَالَ مُوسَىٰ يَٰفِرۡعَوۡنُ إِنِّي رَسُولٞ مِّن رَّبِّ ٱلۡعَٰلَمِينَ ﴿١٠٤﴾

96.- Và nếu dân cư của các thị trấn tin tưởng và sợ Allah thì chắc chắn *TA* sẽ mở ra cho họ bao thứ ân phúc từ trên trời xuống dưới đất nhưng họ phủ nhận (Allah và các Sứ giả) cho nên *TA* đã bắt phạt họ về các điều (tội lỗi) mà họ đã làm.

97.- Dân cư của các thị trấn cảm thấy an toàn chăng khi cơn thịnh nộ của *TA* đến chụp bắt họ vào ban đêm trong lúc họ đang yên giấc?

98.- Hoặc họ cảm thấy an toàn chăng khi cơn thịnh nộ của *TA* đến với họ vào lúc mặt trời lên cao khi họ đang vui đùa?

99.- Hoặc họ cảm thấy an toàn chăng trước kế hoạch bí mật của Allah? Nhưng không ai cảm thấy an toàn trước kế hoạch của Allah ngoại trừ đám người thua thiệt.

100.- Há không là một chỉ đạo (bài học) cho những ai thừa kế trái đất sau khi dân cư của nó (đã bị tiêu diệt)? rằng nếu muốn, *TA* sẽ thừa sức tiêu diệt họ vì tội lỗi của họ và niêm kín tấm lòng của họ khiến họ không nghe biết gì hay sao?

101.- Đó là câu chuyện về các thị trấn mà *TA* kể lại cho Ngươi (Muhammad); và chắc chắn đã có những Sứ giả xuất thân từ họ đến gặp họ với những bằng chứng rõ rệt nhưng họ không tin tưởng nơi điều (mặc khải) mà họ đã từng phủ nhận trước đó. Allah niêm kín tấm lòng của những kẻ không tin đúng như thế.

102.- Và *TA* thấy đa số bọn họ không giữ đúng lời hứa và quả thật *TA* thấy bọn họ chống đối và bất tuân.

103.- Rồi sau họ, *TA* đã cử *Mūsa* mang những Dấu hiệu của *TA* đến gặp *Fir'aun* và các vị tù trưởng của y nhưng chúng phủ nhận các dấu hiệu đó; bởi thế, hãy nhìn xem kết cuộc của những kẻ thối nát đã xẩy ra như thế nào.

104.- Và *Mūsa* bảo: "Hỡi *Fir'aun*! Ta đây là một Sứ giả do *Rabb* của vũ trụ và muôn loài phái đến,-

حَقِيقٌ عَلَىٰٓ أَن لَّآ أَقُولَ عَلَى ٱللَّهِ إِلَّا ٱلْحَقَّ ۚ قَدْ جِئْتُكُم بِبَيِّنَةٍ مِّن رَّبِّكُمْ فَأَرْسِلْ مَعِىَ بَنِىٓ إِسْرَٰٓءِيلَ ﴿١٠٥﴾ قَالَ إِن كُنتَ جِئْتَ بِـَٔايَةٍ فَأْتِ بِهَآ إِن كُنتَ مِنَ ٱلصَّٰدِقِينَ ﴿١٠٦﴾ فَأَلْقَىٰ عَصَاهُ فَإِذَا هِىَ ثُعْبَانٌ مُّبِينٌ ﴿١٠٧﴾ وَنَزَعَ يَدَهُۥ فَإِذَا هِىَ بَيْضَآءُ لِلنَّٰظِرِينَ ﴿١٠٨﴾ قَالَ ٱلْمَلَأُ مِن قَوْمِ فِرْعَوْنَ إِنَّ هَٰذَا لَسَٰحِرٌ عَلِيمٌ ﴿١٠٩﴾ يُرِيدُ أَن يُخْرِجَكُم مِّنْ أَرْضِكُمْ ۖ فَمَاذَا تَأْمُرُونَ ﴿١١٠﴾ قَالُوٓا۟ أَرْجِهْ وَأَخَاهُ وَأَرْسِلْ فِى ٱلْمَدَآئِنِ حَٰشِرِينَ ﴿١١١﴾ يَأْتُوكَ بِكُلِّ سَٰحِرٍ عَلِيمٍ ﴿١١٢﴾ وَجَآءَ ٱلسَّحَرَةُ فِرْعَوْنَ قَالُوٓا۟ إِنَّ لَنَا لَأَجْرًا إِن كُنَّا نَحْنُ ٱلْغَٰلِبِينَ ﴿١١٣﴾ قَالَ نَعَمْ وَإِنَّكُمْ لَمِنَ ٱلْمُقَرَّبِينَ ﴿١١٤﴾ قَالُوا۟ يَٰمُوسَىٰٓ إِمَّآ أَن تُلْقِىَ وَإِمَّآ أَن نَّكُونَ نَحْنُ ٱلْمُلْقِينَ ﴿١١٥﴾ قَالَ أَلْقُوا۟ ۖ فَلَمَّآ أَلْقَوْا۟ سَحَرُوٓا۟ أَعْيُنَ ٱلنَّاسِ وَٱسْتَرْهَبُوهُمْ وَجَآءُو بِسِحْرٍ عَظِيمٍ ﴿١١٦﴾ ۞ وَأَوْحَيْنَآ إِلَىٰ مُوسَىٰٓ أَنْ أَلْقِ عَصَاكَ ۖ فَإِذَا هِىَ تَلْقَفُ مَا يَأْفِكُونَ ﴿١١٧﴾ فَوَقَعَ ٱلْحَقُّ وَبَطَلَ مَا كَانُوا۟ يَعْمَلُونَ ﴿١١٨﴾ فَغُلِبُوا۟ هُنَالِكَ وَٱنقَلَبُوا۟ صَٰغِرِينَ ﴿١١٩﴾ وَأُلْقِىَ ٱلسَّحَرَةُ سَٰجِدِينَ ﴿١٢٠﴾

ربع الحزب ١٧

105.- "Ta chỉ được quyền nói sự thật về Allah. Nay ta đến gặp các người với một bằng chứng rõ rệt từ *Rabb* của các người; do đó, hãy để cho con cháu của Israel ra đi cùng với ta."

106.- (Fir'aun) đáp: "Nếu đến với một dấu hiệu thì ngươi hãy trưng bày nó ra xem, nếu ngươi nói thật."

107.- Nghe bảo (Mūsa) liền ném chiếc gậy (thần) của Người xuống tức thời nó biến thành một con rắn (thần) rõ rệt.

108.- Và (Mūsa) đưa bàn tay của Người ra tức thời nó chói sáng trước mắt những người đứng nhìn.

109.- Các lãnh tụ của đám người dân của *Fir'aun* (kinh hãi) nói: "Quả thật đây là một nhà ảo thuật tài giỏi;

110.- "Hắn muốn đuổi quí vị ra khỏi lãnh thổ của quí vị. Thế quí vị có ý kiến gì?"

111.- Họ tâu (với Fir'aun:) "Giữ hắn và anh của hắn lại (trong một thời gian) và cử người đi khắp các thị trấn cáo thị (và tập trung) —

112.- "Đưa về trình diện bệ hạ tất cả các vị phù thủy tài giỏi (của chúng ta)."

113.- Và các vị phù thủy đến trình diện Fir'aun. Họ tâu: "(Thưa bệ hạ!) Đương nhiên chúng tôi sẽ được ân thưởng nếu chúng tôi thắng cuộc."

114.- (Fir'aun) bảo: "Vâng, trong trường hợp đó, các ngươi sẽ được cất nhắc lên gần ta."

115.- (Các vị phù thủy) lên tiếng: "Hỡi Mūsa! Hoặc ngươi ném (bửu bối của ngươi) xuống trước hoặc bọn ta sẽ ném trước?"

116.- (Mūsa) đáp: "Qúi vị ném xuống trước." Do đó, họ ném bửu bối của họ xuống. Họ mà mắt người dân và làm cho họ khiếp đãm trước một trò ảo thuật lớn lao.

117.- Nhưng *TA* (Allah) đã mặc khải cho Mūsa như sau: "Hãy ném chiếc gậy (thần) của Ngươi xuống." Nó tức khắc nuốt trọn các vật mà họ đã làm giả.

118.- Bởi thế, sự Thật đã toàn thắng và những món vật giả mà họ đã làm trở thành vô hiệu.

119.- Cho nên họ thua cuộc và bị khinh miệt.

120.- Và các tên phù thủy sụp xuống quì lạy (khuất phục).

قَالُوٓاْ ءَامَنَّا بِرَبِّ ٱلۡعَٰلَمِينَ ﴿١٢١﴾ رَبِّ مُوسَىٰ وَهَٰرُونَ ﴿١٢٢﴾ قَالَ فِرۡعَوۡنُ ءَامَنتُم بِهِۦ قَبۡلَ أَنۡ ءَاذَنَ لَكُمۡۖ إِنَّ هَٰذَا لَمَكۡرٞ مَّكَرۡتُمُوهُ فِي ٱلۡمَدِينَةِ لِتُخۡرِجُواْ مِنۡهَآ أَهۡلَهَاۖ فَسَوۡفَ تَعۡلَمُونَ ﴿١٢٣﴾ لَأُقَطِّعَنَّ أَيۡدِيَكُمۡ وَأَرۡجُلَكُم مِّنۡ خِلَٰفٖ ثُمَّ لَأُصَلِّبَنَّكُمۡ أَجۡمَعِينَ ﴿١٢٤﴾ قَالُوٓاْ إِنَّآ إِلَىٰ رَبِّنَا مُنقَلِبُونَ ﴿١٢٥﴾ وَمَا تَنقِمُ مِنَّآ إِلَّآ أَنۡ ءَامَنَّا بِـَٔايَٰتِ رَبِّنَا لَمَّا جَآءَتۡنَاۚ رَبَّنَآ أَفۡرِغۡ عَلَيۡنَا صَبۡرٗا وَتَوَفَّنَا مُسۡلِمِينَ ﴿١٢٦﴾ وَقَالَ ٱلۡمَلَأُ مِن قَوۡمِ فِرۡعَوۡنَ أَتَذَرُ مُوسَىٰ وَقَوۡمَهُۥ لِيُفۡسِدُواْ فِي ٱلۡأَرۡضِ وَيَذَرَكَ وَءَالِهَتَكَۚ قَالَ سَنُقَتِّلُ أَبۡنَآءَهُمۡ وَنَسۡتَحۡيِۦ نِسَآءَهُمۡ وَإِنَّا فَوۡقَهُمۡ قَٰهِرُونَ ﴿١٢٧﴾ قَالَ مُوسَىٰ لِقَوۡمِهِ ٱسۡتَعِينُواْ بِٱللَّهِ وَٱصۡبِرُوٓاْۖ إِنَّ ٱلۡأَرۡضَ لِلَّهِ يُورِثُهَا مَن يَشَآءُ مِنۡ عِبَادِهِۦۖ وَٱلۡعَٰقِبَةُ لِلۡمُتَّقِينَ ﴿١٢٨﴾ قَالُوٓاْ أُوذِينَا مِن قَبۡلِ أَن تَأۡتِيَنَا وَمِنۢ بَعۡدِ مَا جِئۡتَنَاۚ قَالَ عَسَىٰ رَبُّكُمۡ أَن يُهۡلِكَ عَدُوَّكُمۡ وَيَسۡتَخۡلِفَكُمۡ فِي ٱلۡأَرۡضِ فَيَنظُرَ كَيۡفَ تَعۡمَلُونَ ﴿١٢٩﴾ وَلَقَدۡ أَخَذۡنَآ ءَالَ فِرۡعَوۡنَ بِٱلسِّنِينَ وَنَقۡصٖ مِّنَ ٱلثَّمَرَٰتِ لَعَلَّهُمۡ يَذَّكَّرُونَ ﴿١٣٠﴾

121.- Họ thưa: "Chúng tôi tin tưởng nơi *Rabb* của vũ trụ và muôn loài.

122.- "*Rabb* của *Mūsa* và *Hārūn*."

123.- Fir'aun bảo: "Các ngươi táo gan tin tưởng nơi y (Mūsa) trước khi ta cho phép các ngươi hay sao? Quả thật, đây là một mưu kế mà các ngươi đã thảo hoạch với nhau trong thành phố hầu trục xuất dân cư của nó đi nơi khác. Rồi đây các ngươi sẽ sớm biết (hậu quả của việc làm của các ngươi).

124.- "Chắc chắn ta sẽ cho chặt tay và chân của các ngươi mỗi bên một cái rồi chắc chắn ta sẽ cho đóng đinh tất cả bọn bây trên thập tự giá."

125.- Họ thưa: "Bề nào chúng tôi cũng sẽ trở về với *Rabb* (Allah) của chúng tôi.

126.- "Còn bệ hạ, bệ hạ nhất định trả thù chúng tôi chỉ vì chúng tôi tin tưởng nơi các Dấu hiệu của *Rabb* chúng tôi khi chúng đến với chúng tôi hay sao? (Họ cầu nguyện): 'Lạy *Rabb* chúng tôi! Xin Ngài xối lên chúng tôi sự kiên trì nhẫn nại và bắt hồn chúng tôi chết như là người Muslim (thần phục Ngài)."

127.- Các lãnh tụ trong đám thuộc hạ của Fir'aun tâu: "Ngài sẽ để cho Mūsa và người dân của nó làm loạn trong xứ, bỏ rơi bệ hạ và các thần linh của bệ hạ hay sao? (Fir'aun) đáp: "Ta sẽ cho giết con trai của chúng và tha mạng các phụ nữ của chúng và áp chế bọn chúng."

128.- Mūsa bảo người dân của Người: "Hãy cầu xin Allah giúp đỡ và hãy kiên nhẫn bởi vì quả thật đất đai là của Allah. Nếu Ngài muốn, Ngài sẽ cho người nào trong số bầy tôi của Ngài thừa hưởng nó. Và kết quả cuối cùng sẽ thuộc về những người sợ Allah."

129.- Họ thưa lại: "Chúng tôi gặp phải hoạn nạn trước và sau khi Thầy đến với chúng tôi." (Mūsa) đáp: "Có lẽ vì thế mà *Rabb* của các người sẽ tiêu diệt kẻ thù của các người và sẽ cho các người nối nghiệp họ trên trái đất và xem các người hành động ra sao?"

130.- Và chắc chắn *TA* (Allah) đã trừng phạt các thuộc hạ của Fir'aun với những năm hạn hán và thất mùa để cho chúng có thể tỉnh ngộ.

فَإِذَا جَآءَتۡهُمُ ٱلۡحَسَنَةُ قَالُواْ لَنَا هَٰذِهِۦۖ وَإِن تُصِبۡهُمۡ سَيِّئَةٞ يَطَّيَّرُواْ بِمُوسَىٰ وَمَن مَّعَهُۥٓۗ أَلَآ إِنَّمَا طَٰٓئِرُهُمۡ عِندَ ٱللَّهِ وَلَٰكِنَّ أَكۡثَرَهُمۡ لَا يَعۡلَمُونَ ﴿١٣١﴾ وَقَالُواْ مَهۡمَا تَأۡتِنَا بِهِۦ مِنۡ ءَايَةٖ لِّتَسۡحَرَنَا بِهَا فَمَا نَحۡنُ لَكَ بِمُؤۡمِنِينَ ﴿١٣٢﴾ فَأَرۡسَلۡنَا عَلَيۡهِمُ ٱلطُّوفَانَ وَٱلۡجَرَادَ وَٱلۡقُمَّلَ وَٱلضَّفَادِعَ وَٱلدَّمَ ءَايَٰتٖ مُّفَصَّلَٰتٖ فَٱسۡتَكۡبَرُواْ وَكَانُواْ قَوۡمٗا مُّجۡرِمِينَ ﴿١٣٣﴾ وَلَمَّا وَقَعَ عَلَيۡهِمُ ٱلرِّجۡزُ قَالُواْ يَٰمُوسَى ٱدۡعُ لَنَا رَبَّكَ بِمَا عَهِدَ عِندَكَۖ لَئِن كَشَفۡتَ عَنَّا ٱلرِّجۡزَ لَنُؤۡمِنَنَّ لَكَ وَلَنُرۡسِلَنَّ مَعَكَ بَنِيٓ إِسۡرَٰٓءِيلَ ﴿١٣٤﴾ فَلَمَّا كَشَفۡنَا عَنۡهُمُ ٱلرِّجۡزَ إِلَىٰٓ أَجَلٍ هُم بَٰلِغُوهُ إِذَا هُمۡ يَنكُثُونَ ﴿١٣٥﴾ فَٱنتَقَمۡنَا مِنۡهُمۡ فَأَغۡرَقۡنَٰهُمۡ فِي ٱلۡيَمِّ بِأَنَّهُمۡ كَذَّبُواْ بِـَٔايَٰتِنَا وَكَانُواْ عَنۡهَا غَٰفِلِينَ ﴿١٣٦﴾ وَأَوۡرَثۡنَا ٱلۡقَوۡمَ ٱلَّذِينَ كَانُواْ يُسۡتَضۡعَفُونَ مَشَٰرِقَ ٱلۡأَرۡضِ وَمَغَٰرِبَهَا ٱلَّتِي بَٰرَكۡنَا فِيهَاۖ وَتَمَّتۡ كَلِمَتُ رَبِّكَ ٱلۡحُسۡنَىٰ عَلَىٰ بَنِيٓ إِسۡرَٰٓءِيلَ بِمَا صَبَرُواْۖ وَدَمَّرۡنَا مَا كَانَ يَصۡنَعُ فِرۡعَوۡنُ وَقَوۡمُهُۥ وَمَا كَانُواْ يَعۡرِشُونَ ﴿١٣٧﴾

131.- Và khi gặp điều phúc lành, chúng nói: "Cái này là của chúng tôi." Nhưng khi gặp điều bất hạnh, chúng đổ tội cho Mūsa và những ai theo Người đã mang điều xui xẻo đến. Nhưng đối với Allah điều xui xẻo chỉ là của chúng, nhưng đa số bọn chúng không biết.

132.- Chúng bảo (Mūsa:) "Bất cứ dấu lạ nào mà ngươi mang đến để mê-hoặc bọn ta, bọn ta nhất định sẽ không tin nơi ngươi."

133.- Và *TA* (Allah) đã giáng lên chúng thiên-tai (như chết chóc, lụt lội, cuồng phong) và nạn châu-chấu và nạn chí-rận và nạn cóc-nhái và nạn máu-tươi: các dấu hiệu với các chi tiết rõ rệt, nhưng chúng vẫn tỏ ra ngạo mạn và trở thành đám người vô cùng tội lỗi.

134.- Và mỗi lần thiên tai rơi nhằm chúng, chúng nài nỉ với Mūsa, bảo: "Hỡi Mūsa! Hãy cầu xin *Rabb* của ngươi giùm bọn ta qua lời hứa của Ngài với ngươi (rằng) nếu ngươi giải tỏa được thiên-tai khỏi bọn ta thì chắc chắn bọn ta sẽ tin tưởng nơi ngươi và bọn ta sẽ để cho con cháu của Israel ra đi cùng với ngươi."

135.- Nhưng khi *TA* (Allah) giải tỏa thiên-tai đi khỏi chúng, theo hạn định của chúng thì tức khắc chúng nuốt lời hứa!

136.- Bởi thế, *TA* (Allah) đã trả thù chúng và nhận chìm chúng dưới biển (Hồng hải) bởi lẽ chúng đã phủ nhận các Dấu hiệu của *TA* mà chúng đã lơ là.

137.- Và *TA* (Allah) đã chỉ định đám người bị xem như yếu thế (người dân Israel) làm những người thừa kế phần đất phía đông và phía tây mà *TA* đã ban phúc. Và Lời phán tốt đẹp của *Rabb* của Ngươi dành cho con cháu của Israel đã được hoàn tất bởi vì họ đã chịu đựng gian khổ và *TA* đã san bằng bao nhiêu công trình do *Fir'aun* và đám người của hắn đã xây cất và gầy dựng nên.

وَجَٰوَزۡنَا بِبَنِيٓ إِسۡرَٰٓءِيلَ ٱلۡبَحۡرَ فَأَتَوۡاْ عَلَىٰ قَوۡمٖ يَعۡكُفُونَ
عَلَىٰٓ أَصۡنَامٖ لَّهُمۡۚ قَالُواْ يَٰمُوسَى ٱجۡعَل لَّنَآ إِلَٰهٗا كَمَا
لَهُمۡ ءَالِهَةٞۚ قَالَ إِنَّكُمۡ قَوۡمٞ تَجۡهَلُونَ ١٣٨ إِنَّ هَٰٓؤُلَآءِ مُتَبَّرٞ
مَّا هُمۡ فِيهِ وَبَٰطِلٞ مَّا كَانُواْ يَعۡمَلُونَ ١٣٩ قَالَ أَغَيۡرَ ٱللَّهِ
أَبۡغِيكُمۡ إِلَٰهٗا وَهُوَ فَضَّلَكُمۡ عَلَى ٱلۡعَٰلَمِينَ ١٤٠ وَإِذۡ أَنجَيۡنَٰكُم
مِّنۡ ءَالِ فِرۡعَوۡنَ يَسُومُونَكُمۡ سُوٓءَ ٱلۡعَذَابِ يُقَتِّلُونَ
أَبۡنَآءَكُمۡ وَيَسۡتَحۡيُونَ نِسَآءَكُمۡۚ وَفِي ذَٰلِكُم بَلَآءٞ
مِّن رَّبِّكُمۡ عَظِيمٞ ١٤١ ۞ وَوَٰعَدۡنَا مُوسَىٰ ثَلَٰثِينَ لَيۡلَةٗ
وَأَتۡمَمۡنَٰهَا بِعَشۡرٖ فَتَمَّ مِيقَٰتُ رَبِّهِۦٓ أَرۡبَعِينَ لَيۡلَةٗۚ وَقَالَ
مُوسَىٰ لِأَخِيهِ هَٰرُونَ ٱخۡلُفۡنِي فِي قَوۡمِي وَأَصۡلِحۡ وَلَا تَتَّبِعۡ
سَبِيلَ ٱلۡمُفۡسِدِينَ ١٤٢ وَلَمَّا جَآءَ مُوسَىٰ لِمِيقَٰتِنَا وَكَلَّمَهُۥ
رَبُّهُۥ قَالَ رَبِّ أَرِنِيٓ أَنظُرۡ إِلَيۡكَۚ قَالَ لَن تَرَىٰنِي وَلَٰكِنِ
ٱنظُرۡ إِلَى ٱلۡجَبَلِ فَإِنِ ٱسۡتَقَرَّ مَكَانَهُۥ فَسَوۡفَ تَرَىٰنِيۚ فَلَمَّا
تَجَلَّىٰ رَبُّهُۥ لِلۡجَبَلِ جَعَلَهُۥ دَكّٗا وَخَرَّ مُوسَىٰ صَعِقٗاۚ فَلَمَّآ
أَفَاقَ قَالَ سُبۡحَٰنَكَ تُبۡتُ إِلَيۡكَ وَأَنَا۠ أَوَّلُ ٱلۡمُؤۡمِنِينَ ١٤٣

نصف الحزب ١٧

138.- Và *TA* (Allah) đã đưa con cháu của (Israel) băng qua biển (Hồng hải) an toàn. (Trên đường đi đến đất hứa) họ gặp một đám người đang sùng bái một số tượng vật. Thấy thế (người dân Israel) van nài Mūsa, thưa: "Hỡi Mūsa! Xin Thầy làm ra cho chúng tôi một thần linh giống như các thần linh của họ." Mūsa đáp: "Các ngươi đúng là một đám người ngu muội."

139.- Quả thật, đám người này sắp bị tiêu diệt về điều chúng đang làm và việc làm của chúng sẽ trở thành vô ích.

140.- (Mūsa) tiếp: "Há ta sẽ phải đi tìm cho các ngươi một Thượng Đế khác Allah hay sao trong lúc Ngài đã ban đặc ân cho các ngươi hơn thiên hạ?"

141.- Và hãy nhớ lại việc *TA* (Allah) giải cứu các ngươi thoát khỏi đồng bọn Fir'aun, chúng áp bức các ngươi với bao nhiêu cực hình tai ác: chúng đã giết con trai của các ngươi và tha mạng các phụ nữ của các ngươi; và trong sự kiện đó là một sự thử thách vô cùng to lớn từ *Rabb* (Allah) của các ngươi.

142.- Và *TA* (Allah) đã hẹn gặp Mūsa ba mươi đêm (tại núi Sinai) và đã hoàn tất cuộc gặp gỡ đó thêm mười đêm nữa, như thế thời gian gặp gỡ với *Rabb* của Người là bốn mươi đêm. Nhưng (trước khi ra đi) Mūsa có dặn Hārūn, người anh của Người: "Anh đại diện cho tôi, trông coi người dân của tôi và làm cho đúng và chớ theo đường lối của những kẻ thối nát."

143.- Và khi Mūsa đến chỗ hẹn của *TA* và *Rabb* của Người tiếp chuyện với Người. (Mūsa) thưa: "Lạy *Rabb* của bề tôi! Xin Ngài hiện ra trước mặt để cho bề tôi nhìn thấy Ngài." (Allah) phán: "Ngươi không bao giờ nhìn thấy TA (trực tiếp) nhưng hãy nhìn về phía ngọn núi kia, nếu nó còn đứng nguyên tại chỗ thì ngươi sẽ thấy TA." Và khi *Rabb* của Người biểu dương Hào quang của Ngài lên ngọn núi, nó (hào quang) làm cho nó (ngọn núi) vỡ tan thành bụi. Và Mūsa té xuống bất tỉnh. Sau khi hồi tỉnh, Người thưa: "Quang vinh thay Ngài! Bề tôi xin sám hối với Ngài và là người đầu tiên tin tưởng (nơi Ngài.)

قَالَ يَٰمُوسَىٰٓ إِنِّي ٱصۡطَفَيۡتُكَ عَلَى ٱلنَّاسِ بِرِسَٰلَٰتِي وَبِكَلَٰمِي
فَخُذۡ مَآ ءَاتَيۡتُكَ وَكُن مِّنَ ٱلشَّٰكِرِينَ ﴿١٤٤﴾ وَكَتَبۡنَا
لَهُۥ فِي ٱلۡأَلۡوَاحِ مِن كُلِّ شَيۡءٖ مَّوۡعِظَةٗ وَتَفۡصِيلٗا لِّكُلِّ
شَيۡءٖ فَخُذۡهَا بِقُوَّةٖ وَأۡمُرۡ قَوۡمَكَ يَأۡخُذُواْ بِأَحۡسَنِهَاۚ سَأُوْرِيكُمۡ
دَارَ ٱلۡفَٰسِقِينَ ﴿١٤٥﴾ سَأَصۡرِفُ عَنۡ ءَايَٰتِيَ ٱلَّذِينَ يَتَكَبَّرُونَ
فِي ٱلۡأَرۡضِ بِغَيۡرِ ٱلۡحَقِّ وَإِن يَرَوۡاْ كُلَّ ءَايَةٖ لَّا يُؤۡمِنُواْ بِهَا
وَإِن يَرَوۡاْ سَبِيلَ ٱلرُّشۡدِ لَا يَتَّخِذُوهُ سَبِيلٗا وَإِن يَرَوۡاْ سَبِيلَ
ٱلۡغَيِّ يَتَّخِذُوهُ سَبِيلٗاۚ ذَٰلِكَ بِأَنَّهُمۡ كَذَّبُواْ بِـَٔايَٰتِنَا
وَكَانُواْ عَنۡهَا غَٰفِلِينَ ﴿١٤٦﴾ وَٱلَّذِينَ كَذَّبُواْ بِـَٔايَٰتِنَا
وَلِقَآءِ ٱلۡأٓخِرَةِ حَبِطَتۡ أَعۡمَٰلُهُمۡۚ هَلۡ يُجۡزَوۡنَ إِلَّا مَا كَانُواْ
يَعۡمَلُونَ ﴿١٤٧﴾ وَٱتَّخَذَ قَوۡمُ مُوسَىٰ مِنۢ بَعۡدِهِۦ مِنۡ حُلِيِّهِمۡ
عِجۡلٗا جَسَدٗا لَّهُۥ خُوَارٌۚ أَلَمۡ يَرَوۡاْ أَنَّهُۥ لَا يُكَلِّمُهُمۡ
وَلَا يَهۡدِيهِمۡ سَبِيلًاۘ ٱتَّخَذُوهُ وَكَانُواْ ظَٰلِمِينَ ﴿١٤٨﴾
وَلَمَّا سُقِطَ فِيٓ أَيۡدِيهِمۡ وَرَأَوۡاْ أَنَّهُمۡ قَدۡ ضَلُّواْ قَالُواْ لَئِن
لَّمۡ يَرۡحَمۡنَا رَبُّنَا وَيَغۡفِرۡ لَنَا لَنَكُونَنَّ مِنَ ٱلۡخَٰسِرِينَ ﴿١٤٩﴾

144.- (Allah) phán: "Hỡi Mūsa! Quả thật, TA đã chọn Ngươi hơn người (khác) qua các Thông điệp của TA (mà Ngươi chuyển lại cho người dân Israel) và qua Lời phán trực tiếp của TA. Bởi thế, hãy nhận lấy các điều (mặc khải) mà TA đã ban cho Ngươi và hãy là một người biết ơn."

145.- Và *TA* (Allah) đã ghi cho Người trên các Bia-ký lời-răn và chi tiết về đủ mọi vấn đề (và dặn): "Hãy giữ kỹ các Bia-ký này và chỉ thị cho người dân của Ngươi nắm vững các lời khuyên tốt nhất của chúng. TA sẽ chỉ cho Ngươi thấy nhà ở của những kẻ chống đối và bất tuân."

146.- TA sẽ làm cho những kẻ ngạo mạn và khinh thường phải trái trên trái đất xa lánh các Dấu hiệu của TA; và nếu thấy từng dấu hiệu thì chúng sẽ không tin tưởng và nếu thấy con đường đúng đắn thì chúng sẽ không nhận đó là Chính đạo. Và nếu thấy con đường lầm lạc thì chúng sẽ cho đó là chính đạo; như thế là bởi vì chúng thường phủ nhận các Dấu hiệu của *TA* và tỏ ra lơ là.

147.- Và những ai phủ nhận các Dấu hiệu của *TA* cùng với việc Gặp gỡ (*TA*) ở Đời sau (thì sẽ thấy) việc làm của chúng sẽ vô nghĩa. Há chúng chỉ mong được tưởng thưởng (hay trừng phạt) về điều chúng đã làm hay sao?

148.- Và người dân của Mūsa, sau khi Người đi khỏi, đã dùng nữ trang của họ đúc thành một con bò con, thân của nó (phát âm giống tiếng) rống (của con bò). Há họ không thấy rằng con bò đúc ấy không nói được cũng không dẫn đường được cho họ hay sao? Họ tôn thờ nó và trở thành những kẻ làm điều sai quấy.

149.- Và khi hối tiếc về việc đã qua và nhận thấy mình đã lầm lạc, họ cầu nguyện, thưa: "Nếu *Rabb* (Allah) của chúng tôi không khoan dung và tha thứ thì chắc chắn chúng tôi sẽ là những kẻ thua thiệt."

وَلَمَّا رَجَعَ مُوسَىٰٓ إِلَىٰ قَوۡمِهِۦ غَضۡبَٰنَ أَسِفٗا قَالَ بِئۡسَمَا خَلَفۡتُمُونِي
مِنۢ بَعۡدِيٓۖ أَعَجِلۡتُمۡ أَمۡرَ رَبِّكُمۡۖ وَأَلۡقَى ٱلۡأَلۡوَاحَ وَأَخَذَ بِرَأۡسِ
أَخِيهِ يَجُرُّهُۥٓ إِلَيۡهِۚ قَالَ ٱبۡنَ أُمَّ إِنَّ ٱلۡقَوۡمَ ٱسۡتَضۡعَفُونِي وَكَادُواْ
يَقۡتُلُونَنِي فَلَا تُشۡمِتۡ بِيَ ٱلۡأَعۡدَآءَ وَلَا تَجۡعَلۡنِي مَعَ ٱلۡقَوۡمِ
ٱلظَّٰلِمِينَ ﴿١٥٠﴾ قَالَ رَبِّ ٱغۡفِرۡ لِي وَلِأَخِي وَأَدۡخِلۡنَا فِي رَحۡمَتِكَۖ
وَأَنتَ أَرۡحَمُ ٱلرَّٰحِمِينَ ﴿١٥١﴾ إِنَّ ٱلَّذِينَ ٱتَّخَذُواْ ٱلۡعِجۡلَ سَيَنَالُهُمۡ
غَضَبٞ مِّن رَّبِّهِمۡ وَذِلَّةٞ فِي ٱلۡحَيَوٰةِ ٱلدُّنۡيَاۚ وَكَذَٰلِكَ نَجۡزِي
ٱلۡمُفۡتَرِينَ ﴿١٥٢﴾ وَٱلَّذِينَ عَمِلُواْ ٱلسَّيِّـَٔاتِ ثُمَّ تَابُواْ مِنۢ
بَعۡدِهَا وَءَامَنُوٓاْ إِنَّ رَبَّكَ مِنۢ بَعۡدِهَا لَغَفُورٞ رَّحِيمٞ ﴿١٥٣﴾
وَلَمَّا سَكَتَ عَن مُّوسَى ٱلۡغَضَبُ أَخَذَ ٱلۡأَلۡوَاحَۖ وَفِي نُسۡخَتِهَا
هُدٗى وَرَحۡمَةٞ لِّلَّذِينَ هُمۡ لِرَبِّهِمۡ يَرۡهَبُونَ ﴿١٥٤﴾ وَٱخۡتَارَ مُوسَىٰ
قَوۡمَهُۥ سَبۡعِينَ رَجُلٗا لِّمِيقَٰتِنَاۖ فَلَمَّآ أَخَذَتۡهُمُ ٱلرَّجۡفَةُ قَالَ
رَبِّ لَوۡ شِئۡتَ أَهۡلَكۡتَهُم مِّن قَبۡلُ وَإِيَّٰيَۖ أَتُهۡلِكُنَا بِمَا فَعَلَ
ٱلسُّفَهَآءُ مِنَّآۖ إِنۡ هِيَ إِلَّا فِتۡنَتُكَ تُضِلُّ بِهَا مَن تَشَآءُ وَتَهۡدِي
مَن تَشَآءُۖ أَنتَ وَلِيُّنَا فَٱغۡفِرۡ لَنَا وَٱرۡحَمۡنَاۖ وَأَنتَ خَيۡرُ ٱلۡغَٰفِرِينَ ﴿١٥٥﴾

150.- Và khi trở về gặp lại người dân của mình, Mūsa vừa giận vừa buồn. Người lên tiếng: "Thật là tội lỗi điều mà các ngươi đã làm sau khi ta đi vắng. Phải chăng các ngươi hấp tấp qua mặt chỉ thị của *Rabb* của các ngươi hay sao? Và Người ném các tấm Bia-ký xuống đất, nắm lấy chùm tóc của người anh và kéo anh ta về phía mình. (Hārūn) lên tiếng: "Hỡi em ta! Dân chúng xem thường ta và còn toan giết ta nữa; do đó, em chớ để cho kẻ thù vui thích trên sự đau khổ của ta và chớ liệt ta vào thành phần của đám người làm điều sai quấy."

151.- Mūsa cầu nguyện, thưa: "Lạy *Rabb* của bề tôi! Xin Ngài tha thứ cho bề tôi và người anh của bề tôi và khoan dung chúng tôi bởi vì Ngài là Đấng tuyệt đối Khoan dung của những người tỏ lòng khoan dung."

152.- Quả thật, những ai thờ con bò con sẽ bị *Rabb* (Allah) của họ giận dữ và bị hạ nhục ở đời này. *TA* trừng phạt những kẻ bịa đặt điều gian dối đúng như thế.

153.- Ngược lại, những ai đã làm điều tội lỗi rồi sau đó ăn năn hối cải và tin tưởng (thật sự) (thì sẽ thấy) *Rabb* của Ngươi sau việc đó rất mực Tha thứ và Khoan dung (đối với họ).

154.- Và khi nguôi giận, Mūsa lượm các tấm Bia-ký lên, và trong bản văn có ghi Chỉ đạo và Hồng ân cho những ai sợ *Rabb* của họ.

155.- Và Mūsa đã chọn trong đám người dân của mình bảy mươi người để đưa đến chỗ hẹn[1] của *TA* (Allah). Nhưng khi họ bị lay chuyển bởi trận động đất dữ dội, (Mūsa) cầu nguyện, thưa: "Lạy *Rabb* của bề tôi! Nếu Ngài muốn thì Ngài đã giết cả họ lẫn bề tôi từ trước (cuộc gặp gỡ này). Phải chăng Ngài muốn tiêu diệt chúng tôi vì tội lỗi do một số người điên rồ trong chúng tôi đã làm? Đó chẳng qua là sự thử thách mà Ngài dùng để đánh lạc hướng kẻ nào Ngài muốn và hướng dẫn người nào Ngài muốn. Ngài là Đấng Bảo hộ của chúng tôi, do đó xin Ngài tha thứ và khoan dung chúng tôi. Bởi vì Ngài là Đấng Tha thứ Ưu việt.

[1] Xem Q. Chg 2 câu 55 (Chúng tôi sẽ không bao giờ tin tưởng nơi ngài trừ phi chúng tôi nhìn thấy Allah công khai).

۞ وَٱكْتُبْ لَنَا فِى هَٰذِهِ ٱلدُّنْيَا حَسَنَةً وَفِى ٱلْءَاخِرَةِ إِنَّا هُدْنَآ إِلَيْكَ ۚ قَالَ عَذَابِىٓ أُصِيبُ بِهِۦ مَنْ أَشَآءُ ۖ وَرَحْمَتِى وَسِعَتْ كُلَّ شَىْءٍ ۚ فَسَأَكْتُبُهَا لِلَّذِينَ يَتَّقُونَ وَيُؤْتُونَ ٱلزَّكَوٰةَ وَٱلَّذِينَ هُم بِـَٔايَٰتِنَا يُؤْمِنُونَ ﴿١٥٦﴾ ٱلَّذِينَ يَتَّبِعُونَ ٱلرَّسُولَ ٱلنَّبِىَّ ٱلْأُمِّىَّ ٱلَّذِى يَجِدُونَهُۥ مَكْتُوبًا عِندَهُمْ فِى ٱلتَّوْرَىٰةِ وَٱلْإِنجِيلِ يَأْمُرُهُم بِٱلْمَعْرُوفِ وَيَنْهَىٰهُمْ عَنِ ٱلْمُنكَرِ وَيُحِلُّ لَهُمُ ٱلطَّيِّبَٰتِ وَيُحَرِّمُ عَلَيْهِمُ ٱلْخَبَٰٓئِثَ وَيَضَعُ عَنْهُمْ إِصْرَهُمْ وَٱلْأَغْلَٰلَ ٱلَّتِى كَانَتْ عَلَيْهِمْ ۚ فَٱلَّذِينَ ءَامَنُوا۟ بِهِۦ وَعَزَّرُوهُ وَنَصَرُوهُ وَٱتَّبَعُوا۟ ٱلنُّورَ ٱلَّذِىٓ أُنزِلَ مَعَهُۥٓ ۙ أُو۟لَٰٓئِكَ هُمُ ٱلْمُفْلِحُونَ ﴿١٥٧﴾ قُلْ يَٰٓأَيُّهَا ٱلنَّاسُ إِنِّى رَسُولُ ٱللَّهِ إِلَيْكُمْ جَمِيعًا ٱلَّذِى لَهُۥ مُلْكُ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلْأَرْضِ ۖ لَآ إِلَٰهَ إِلَّا هُوَ يُحْىِۦ وَيُمِيتُ ۖ فَـَٔامِنُوا۟ بِٱللَّهِ وَرَسُولِهِ ٱلنَّبِىِّ ٱلْأُمِّىِّ ٱلَّذِى يُؤْمِنُ بِٱللَّهِ وَكَلِمَٰتِهِۦ وَٱتَّبِعُوهُ لَعَلَّكُمْ تَهْتَدُونَ ﴿١٥٨﴾ وَمِن قَوْمِ مُوسَىٰٓ أُمَّةٌ يَهْدُونَ بِٱلْحَقِّ وَبِهِۦ يَعْدِلُونَ ﴿١٥٩﴾

156.- "Và xin Ngài qui định cho chúng tôi điều tốt ở đời này và Đời sau. Quả thật, chúng tôi quay về hối cải với Ngài." (Allah) phán: "TA sẽ dùng hình phạt của TA mà trừng trị kẻ nào TA muốn nhưng lòng Khoan dung của TA bao quát lên tất cả mọi thứ. TA sẽ qui định (sự Khoan dung của TA) cho những ai ngay chính sợ Allah và đóng *Zakāh* và những ai là người tin tưởng nơi các Dấu hiệu của *TA*:

157.- Những ai tuân theo Sứ giả (Muhammad), một *Nabi* không biết chữ (*Nabi Ummī*) được nhắc qua trong (các Kinh sách của) họ; Kinh *Taurāh* và *Injīl* [1]- Người ra lệnh cho họ làm điều lành và cấm cản làm điều dữ; Người cho phép họ dùng thực phẩm tốt và sạch và cấm họ dùng thực phẩm dơ bẩn; và Người tháo bớt gánh nặng của họ cũng như giải phóng họ khỏi các gông cùm đang đè nặng lên họ. Bởi thế, những ai tin tưởng nơi Người và ủng hộ Người và giúp đỡ Người và tuân theo ánh sáng đã được gởi xuống cùng với Người thì là những người sẽ thành đạt.

158.- Hãy bảo (họ): "Hỡi nhân loại! Ta là Sứ giả của Allah được cử phái đến cho tất cả các người; (Allah) Đấng đang thống trị các tầng trời và trái đất; không có Thượng Đế nào khác cả, duy chỉ Ngài (là Thượng Đế); Ngài ban sự sống và gây cho chết. Bởi thế, hãy tin tưởng nơi Ngài và Sứ giả của Ngài, một *Nabi* không biết chữ. Người cũng tin tưởng nơi Allah và các Lời phán của Ngài. Hãy tuân theo Người, để cho các ngươi được hướng dẫn đúng đường.

159.- Và trong đám người dân của Mūsa, có một tập thể dựa vào chân lý mà hướng dẫn và xét xử công bằng.

---

[1] Xem Phục truyền luật lệ ký (Deut, 18:15) và Giăng (John, 14:16)

وَقَطَّعۡنَٰهُمُ ٱثۡنَتَيۡ عَشۡرَةَ أَسۡبَاطًا أُمَمٗاۚ وَأَوۡحَيۡنَآ إِلَىٰ
مُوسَىٰٓ إِذِ ٱسۡتَسۡقَىٰهُ قَوۡمُهُۥٓ أَنِ ٱضۡرِب بِّعَصَاكَ ٱلۡحَجَرَۖ
فَٱنۢبَجَسَتۡ مِنۡهُ ٱثۡنَتَا عَشۡرَةَ عَيۡنٗاۖ قَدۡ عَلِمَ كُلُّ أُنَاسٖ
مَّشۡرَبَهُمۡۚ وَظَلَّلۡنَا عَلَيۡهِمُ ٱلۡغَمَٰمَ وَأَنزَلۡنَا عَلَيۡهِمُ
ٱلۡمَنَّ وَٱلسَّلۡوَىٰۖ كُلُواْ مِن طَيِّبَٰتِ مَا رَزَقۡنَٰكُمۡۚ وَمَا
ظَلَمُونَا وَلَٰكِن كَانُوٓاْ أَنفُسَهُمۡ يَظۡلِمُونَ ﴿١٦٠﴾
وَإِذۡ قِيلَ لَهُمُ ٱسۡكُنُواْ هَٰذِهِ ٱلۡقَرۡيَةَ وَكُلُواْ مِنۡهَا
حَيۡثُ شِئۡتُمۡ وَقُولُواْ حِطَّةٞ وَٱدۡخُلُواْ ٱلۡبَابَ سُجَّدٗا
نَّغۡفِرۡ لَكُمۡ خَطِيٓـَٰٔتِكُمۡۚ سَنَزِيدُ ٱلۡمُحۡسِنِينَ
﴿١٦١﴾ فَبَدَّلَ ٱلَّذِينَ ظَلَمُواْ مِنۡهُمۡ قَوۡلًا غَيۡرَ ٱلَّذِي قِيلَ
لَهُمۡ فَأَرۡسَلۡنَا عَلَيۡهِمۡ رِجۡزٗا مِّنَ ٱلسَّمَآءِ بِمَا كَانُواْ
يَظۡلِمُونَ ﴿١٦٢﴾ وَسۡـَٔلۡهُمۡ عَنِ ٱلۡقَرۡيَةِ ٱلَّتِي كَانَتۡ
حَاضِرَةَ ٱلۡبَحۡرِ إِذۡ يَعۡدُونَ فِي ٱلسَّبۡتِ إِذۡ تَأۡتِيهِمۡ
حِيتَانُهُمۡ يَوۡمَ سَبۡتِهِمۡ شُرَّعٗا وَيَوۡمَ لَا يَسۡبِتُونَ لَا تَأۡتِيهِمۡۚ
كَذَٰلِكَ نَبۡلُوهُم بِمَا كَانُواْ يَفۡسُقُونَ ﴿١٦٣﴾

160.- Và *TA* (Allah) đã phân chia họ thành mười hai bộ lạc (hay quốc gia). Và *TA* đã mặc khải cho Mūsa khi người dân của Người đòi cung cấp nước uống (như sau): "Hãy dùng chiếc gậy của Ngươi mà đánh lên tảng đá." Tức thời từ đó phụt ra mười hai ngọn suối. Mỗi bộ lạc biết điểm nước của họ. Và *TA* đã dùng các lùm mây để che mát họ; và đã ban *Manna* và chim cút xuống cho họ và phán: "Hãy dùng các món thực phẩm tốt và sạch mà *TA* cung cấp cho các ngươi." (Nhưng họ không bằng lòng). Và họ chẳng làm thiệt hại gì *TA*, ngược lại họ chỉ làm thiệt thân họ mà thôi.

161.- Và khi họ được khuyên: "Hãy ở trong thị trấn (Jerusalem) này và ăn (thực phẩm) bất cứ nơi nào tùy thích nhưng hãy nói '*Hittatun*' (xin Ngài tha thứ) và bước vào cửa với dáng điệu phủ phục. *TA* sẽ tha thứ lỗi lầm cho các ngươi và *TA* sẽ tăng thêm phần thưởng cho những người làm tốt."

162.- Nhưng những kẻ làm điều sai quấy trong họ đã thay đổi Lời phán đã được truyền, cho nên *TA* đã gởi tai ương từ trên trời xuống phạt chúng do những điều sai quấy của chúng.

163.- Và hãy hỏi họ về một thị trấn nằm sát bờ biển, một nơi mà họ chịu hình phạt vì đã vi phạm (giới cấm của) ngày Thứ Bảy[1] (*Sabbath*) khi cá của họ lội vào bờ (nhô đầu lên khỏi mặt nước) để gặp họ công khai. Nhưng vào ngày nào không phải là Thứ Bảy thì cá không rủ nhau vào bờ. *TA* đã thử thách họ đúng như thế bởi vì họ là những kẻ nổi loạn và bất tuân.

---

[1] Q. Chg 2 câu 65; chg 4 câu 154.

وَإِذْ قَالَتْ أُمَّةٌ مِّنْهُمْ لِمَ تَعِظُونَ قَوْمًا ٱللَّهُ مُهْلِكُهُمْ أَوْ مُعَذِّبُهُمْ
عَذَابًا شَدِيدًاۖ قَالُواْ مَعْذِرَةً إِلَىٰ رَبِّكُمْ وَلَعَلَّهُمْ يَتَّقُونَ ﴿١٦٤﴾
فَلَمَّا نَسُواْ مَا ذُكِّرُواْ بِهِۦٓ أَنجَيْنَا ٱلَّذِينَ يَنْهَوْنَ عَنِ ٱلسُّوٓءِ
وَأَخَذْنَا ٱلَّذِينَ ظَلَمُواْ بِعَذَابِۭ بَـِٔيسِۭ بِمَا كَانُواْ يَفْسُقُونَ ﴿١٦٥﴾
فَلَمَّا عَتَوْاْ عَن مَّا نُهُواْ عَنْهُ قُلْنَا لَهُمْ كُونُواْ قِرَدَةً خَٰسِـِٔينَ ﴿١٦٦﴾
وَإِذْ تَأَذَّنَ رَبُّكَ لَيَبْعَثَنَّ عَلَيْهِمْ إِلَىٰ يَوْمِ ٱلْقِيَٰمَةِ مَن يَسُومُهُمْ
سُوٓءَ ٱلْعَذَابِۗ إِنَّ رَبَّكَ لَسَرِيعُ ٱلْعِقَابِ وَإِنَّهُۥ لَغَفُورٌ رَّحِيمٌ
﴿١٦٧﴾ وَقَطَّعْنَٰهُمْ فِي ٱلْأَرْضِ أُمَمًاۖ مِّنْهُمُ ٱلصَّٰلِحُونَ وَمِنْهُمْ
دُونَ ذَٰلِكَۖ وَبَلَوْنَٰهُم بِٱلْحَسَنَٰتِ وَٱلسَّيِّـَٔاتِ لَعَلَّهُمْ
يَرْجِعُونَ ﴿١٦٨﴾ فَخَلَفَ مِنۢ بَعْدِهِمْ خَلْفٌ وَرِثُواْ ٱلْكِتَٰبَ
يَأْخُذُونَ عَرَضَ هَٰذَا ٱلْأَدْنَىٰ وَيَقُولُونَ سَيُغْفَرُ لَنَا وَإِن
يَأْتِهِمْ عَرَضٌ مِّثْلُهُۥ يَأْخُذُوهُۚ أَلَمْ يُؤْخَذْ عَلَيْهِم مِّيثَٰقُ ٱلْكِتَٰبِ
أَن لَّا يَقُولُواْ عَلَى ٱللَّهِ إِلَّا ٱلْحَقَّ وَدَرَسُواْ مَا فِيهِۗ وَٱلدَّارُ ٱلْأٓخِرَةُ
خَيْرٌ لِّلَّذِينَ يَتَّقُونَۚ أَفَلَا تَعْقِلُونَ ﴿١٦٩﴾ وَٱلَّذِينَ يُمَسِّكُونَ
بِٱلْكِتَٰبِ وَأَقَامُواْ ٱلصَّلَوٰةَ إِنَّا لَا نُضِيعُ أَجْرَ ٱلْمُصْلِحِينَ ﴿١٧٠﴾

164.- Và một tập thể của họ đã lên tiếng hỏi: "Ích lợi gì việc quí vị khuyên lơn một đám người mà Allah muốn tiêu diệt hoặc sẽ bị Ngài trừng phạt bằng một hình phạt khủng khiếp? (Các nhà truyền giáo) đáp: "Để giải nhiệm cho chúng tôi trước *Rabb* của quí vị và để may ra họ sợ Allah.

165.- Bởi thế, khi họ quên mất các giới (cấm) đã được nhắc nhở, *TA* giải cứu những ai đã từng cấm cản (người khác) làm điều tội lỗi và bắt phạt những ai đã làm điều sai quấy bằng một hình phạt vô cùng đau đớn vì tội chúng đã từng nổi lọan và bất tuân.

166.- Bởi thế, khi chúng vi phạm các giới cấm, *TA* phán cho chúng: "Hãy thành loài khỉ đáng khinh!"

167.- Và (hãy nhớ) khi *Rabb* của Ngươi tuyên bố rằng Ngài sẽ cử những người nào đó đến trừng trị chúng và trừng phạt chúng đau đớn cho đến Ngày Phục sinh bởi vì *Rabb* của Ngươi rất nhanh trong việc trả thù nhưng cũng rất mực Tha thứ, rất mực Khoan dung.

168.- Và *TA* (Allah) đã chia cắt họ thành nhiều cộng đồng sống rải rác trên khắp mặt đất. Trong họ có người lương thiện nhưng cũng có người không như thế. *TA* đã thử thách họ với điều lành và điều dữ để may ra họ quay về (với chính đạo).

169.- Rồi sau họ, có một thế hệ (xấu) nối nghiệp; thế hệ mới này thừa hưởng Kinh sách (của Allah nhưng thay vì tuân theo Kinh sách) đã chọn lấy các món hàng tạm bợ gần gủi (của trần gian) và nói ra điều này để cáo lỗi: "Chúng tôi hy vọng sẽ được tha thứ." Và nếu họ gặp các món phù hoa tương tự, thì họ cũng sẽ chụp lấy chúng. Phải chăng họ đã không tôn trọng Lời Giao ước đã ràng buộc họ trong Kinh sách rằng họ chỉ được phép nói sự thật về Allah thôi hay sao? Và họ đã học các điều ghi trong đó và nhà-ở ở Đời Sau là tốt nhất cho những ai ngay chính sợ Allah. Thế các người không hiểu hay sao?

170.- Và những ai nắm vững Kinh sách và chu đáo dâng lễ '*Salāh*' thì *TA* sẽ không làm mất phần thưởng của những người làm việc thiện.

۞ وَإِذۡ نَتَقۡنَا ٱلۡجَبَلَ فَوۡقَهُمۡ كَأَنَّهُۥ ظُلَّةٞ وَظَنُّوٓاْ أَنَّهُۥ وَاقِعُۢ بِهِمۡ
خُذُواْ مَآ ءَاتَيۡنَٰكُم بِقُوَّةٖ وَٱذۡكُرُواْ مَا فِيهِ لَعَلَّكُمۡ تَتَّقُونَ ﴿١٧١﴾
وَإِذۡ أَخَذَ رَبُّكَ مِنۢ بَنِيٓ ءَادَمَ مِن ظُهُورِهِمۡ ذُرِّيَّتَهُمۡ وَأَشۡهَدَهُمۡ
عَلَىٰٓ أَنفُسِهِمۡ أَلَسۡتُ بِرَبِّكُمۡۖ قَالُواْ بَلَىٰ شَهِدۡنَآۚ أَن تَقُولُواْ يَوۡمَ
ٱلۡقِيَٰمَةِ إِنَّا كُنَّا عَنۡ هَٰذَا غَٰفِلِينَ ﴿١٧٢﴾ أَوۡ تَقُولُوٓاْ إِنَّمَآ أَشۡرَكَ
ءَابَآؤُنَا مِن قَبۡلُ وَكُنَّا ذُرِّيَّةٗ مِّنۢ بَعۡدِهِمۡۖ أَفَتُهۡلِكُنَا
بِمَا فَعَلَ ٱلۡمُبۡطِلُونَ ﴿١٧٣﴾ وَكَذَٰلِكَ نُفَصِّلُ ٱلۡأٓيَٰتِ وَلَعَلَّهُمۡ
يَرۡجِعُونَ ﴿١٧٤﴾ وَٱتۡلُ عَلَيۡهِمۡ نَبَأَ ٱلَّذِيٓ ءَاتَيۡنَٰهُ ءَايَٰتِنَا فَٱنسَلَخَ
مِنۡهَا فَأَتۡبَعَهُ ٱلشَّيۡطَٰنُ فَكَانَ مِنَ ٱلۡغَاوِينَ ﴿١٧٥﴾ وَلَوۡ شِئۡنَا
لَرَفَعۡنَٰهُ بِهَا وَلَٰكِنَّهُۥٓ أَخۡلَدَ إِلَى ٱلۡأَرۡضِ وَٱتَّبَعَ هَوَىٰهُۚ فَمَثَلُهُۥ
كَمَثَلِ ٱلۡكَلۡبِ إِن تَحۡمِلۡ عَلَيۡهِ يَلۡهَثۡ أَوۡ تَتۡرُكۡهُ
يَلۡهَثۚ ذَّٰلِكَ مَثَلُ ٱلۡقَوۡمِ ٱلَّذِينَ كَذَّبُواْ بِـَٔايَٰتِنَاۚ فَٱقۡصُصِ
ٱلۡقَصَصَ لَعَلَّهُمۡ يَتَفَكَّرُونَ ﴿١٧٦﴾ سَآءَ مَثَلًا ٱلۡقَوۡمُ ٱلَّذِينَ
كَذَّبُواْ بِـَٔايَٰتِنَا وَأَنفُسَهُمۡ كَانُواْ يَظۡلِمُونَ ﴿١٧٧﴾ مَن يَهۡدِ ٱللَّهُ
فَهُوَ ٱلۡمُهۡتَدِيۖ وَمَن يُضۡلِلۡ فَأُوْلَٰٓئِكَ هُمُ ٱلۡخَٰسِرُونَ ﴿١٧٨﴾

171.- Và (hãy nhớ) khi *TA* nhấc ngọn núi (*Sinai*) lên khỏi đầu của họ giống như một cái tán che bên trên và họ ngỡ rằng nó sắp sụp xuống đè họ; (*TA* phán): "Hãy nắm thật vững các điều mà TA đã ban cho các ngươi và hãy nhớ kỹ điều ghi trong đó để may ra các ngươi trở nên ngay chính sợ Allah."

172.- Và (hãy nhớ) khi *Rabb* của Ngươi bắt con cháu của Ādam, hậu duệ của họ sinh ra từ trái cật của họ, xác nhận đối với bản thân mình (trước câu hỏi:) "Phải chăng TA-Allah- là *Rabb* của các ngươi?" Họ đáp: "Dạ, thưa vâng! Chúng tôi xin xác nhận." (TA làm thế là vì e) rằng các ngươi có thể viện lý do để nói vào Ngày Phục sinh: "Chúng tôi không hề biết đến điều này."

173.- Hoặc các ngươi có thể nói: "Chính cha mẹ của chúng tôi chủ trương việc thờ nhiều thần linh trước đây, chúng tôi chỉ là hậu duệ của họ, (chúng tôi không hay biết gì). Phải chăng Ngài sẽ tiêu diệt chúng tôi vì điều (tội lỗi) mà những kẻ theo ngụy giáo đã làm?"

174.- Và *TA* (Allah) đã giải thích các Dấu hiệu rõ ràng như thế để may ra họ còn có dịp quay về (với Chính đạo).

175.- Hãy đọc kể lại cho họ câu chuyện của một người[1] mà *TA* (Allah) đã ban cho các Dấu hiệu của *TA*, nhưng y quẳng chúng sang một bên, cho nên *Shaytān* đã đuổi theo kịp y, và y đã trở thành một kẻ lầm lạc.

176.- Và nếu muốn, *TA* đã nâng y lên cao với chúng (các *Dấu hiệu*) nhưng y bám chặt vào trái đất và theo đuổi những ham muốn trần tục. Hình ảnh của y chẳng khác nào hình ảnh của một con chó: nếu Ngươi đánh đuổi nó thì nó sẽ le lưỡi của nó ra và nếu Ngươi không đánh đuổi nó thì nó cũng le lưỡi ra. Đó là hình ảnh của đám người đã phủ nhận các Dấu hiệu của *TA*. Bởi thế, Ngươi hãy kể lại câu chuyện (trên) để may ra họ ngẫm nghĩ lại (về bản thân của họ).

177.- Hình ảnh của đám người đã từng phủ nhận các Dấu hiệu của *TA* và làm hỏng linh hồn của mình thật rất tồi tệ.

178.- Ai mà Allah hướng dẫn thì sẽ đi đúng đường, và ai mà Allah đánh lạc hướng thì sẽ là những kẻ thua thiệt.

---

[1] Bal'am b. Bā ūra thuộc Bani Israel vào thời của Nabi Mūsa đã được Allah ban cấp các Āyāt (kiến thức uyên thâm). Nabi Mūsa phái ông đi truyền giáo (da'wah) với một vị vua của Madyan. Vị vua này đã trọng đãi ông ta và ban cho nhiều đặc ân khiến ông quên mất sứ mạng của mình và trở thành lầm lạc.

وَلَقَدْ ذَرَأْنَا لِجَهَنَّمَ كَثِيرًا مِّنَ ٱلْجِنِّ وَٱلْإِنسِ لَهُمْ قُلُوبٌ لَّا يَفْقَهُونَ بِهَا وَلَهُمْ أَعْيُنٌ لَّا يُبْصِرُونَ بِهَا وَلَهُمْ ءَاذَانٌ لَّا يَسْمَعُونَ بِهَآ أُوْلَٰٓئِكَ كَٱلْأَنْعَٰمِ بَلْ هُمْ أَضَلُّ أُوْلَٰٓئِكَ هُمُ ٱلْغَٰفِلُونَ ﴿١٧٩﴾ وَلِلَّهِ ٱلْأَسْمَآءُ ٱلْحُسْنَىٰ فَٱدْعُوهُ بِهَا وَذَرُواْ ٱلَّذِينَ يُلْحِدُونَ فِيٓ أَسْمَٰٓئِهِۦ سَيُجْزَوْنَ مَا كَانُواْ يَعْمَلُونَ ﴿١٨٠﴾ وَمِمَّنْ خَلَقْنَآ أُمَّةٌ يَهْدُونَ بِٱلْحَقِّ وَبِهِۦ يَعْدِلُونَ ﴿١٨١﴾ وَٱلَّذِينَ كَذَّبُواْ بِـَٔايَٰتِنَا سَنَسْتَدْرِجُهُم مِّنْ حَيْثُ لَا يَعْلَمُونَ ﴿١٨٢﴾ وَأُمْلِي لَهُمْ إِنَّ كَيْدِي مَتِينٌ ﴿١٨٣﴾ أَوَلَمْ يَتَفَكَّرُواْ مَا بِصَاحِبِهِم مِّن جِنَّةٍ إِنْ هُوَ إِلَّا نَذِيرٌ مُّبِينٌ ﴿١٨٤﴾ أَوَلَمْ يَنظُرُواْ فِي مَلَكُوتِ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلْأَرْضِ وَمَا خَلَقَ ٱللَّهُ مِن شَيْءٍ وَأَنْ عَسَىٰٓ أَن يَكُونَ قَدِ ٱقْتَرَبَ أَجَلُهُمْ فَبِأَيِّ حَدِيثٍ بَعْدَهُۥ يُؤْمِنُونَ ﴿١٨٥﴾ مَن يُضْلِلِ ٱللَّهُ فَلَا هَادِيَ لَهُۥ وَيَذَرُهُمْ فِي طُغْيَٰنِهِمْ يَعْمَهُونَ ﴿١٨٦﴾ يَسْـَٔلُونَكَ عَنِ ٱلسَّاعَةِ أَيَّانَ مُرْسَىٰهَا قُلْ إِنَّمَا عِلْمُهَا عِندَ رَبِّي لَا يُجَلِّيهَا لِوَقْتِهَآ إِلَّا هُوَ ثَقُلَتْ فِي ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلْأَرْضِ لَا تَأْتِيكُمْ إِلَّا بَغْتَةً يَسْـَٔلُونَكَ كَأَنَّكَ حَفِيٌّ عَنْهَا قُلْ إِنَّمَا عِلْمُهَا عِندَ ٱللَّهِ وَلَٰكِنَّ أَكْثَرَ ٱلنَّاسِ لَا يَعْلَمُونَ ﴿١٨٧﴾

179.- Và chắc chắn *TA* (Allah) sẽ đưa vào Hỏa ngục đa số *Jinn* và người. (Bởi vì) chúng có trái tim (tấm lòng) nhưng không chịu vận dụng nó để hiểu, chúng có mắt nhưng không chịu vận dụng nó để quan sát, chúng có tai nhưng không chịu vận dụng nó để nghe; những kẻ như thế chẳng khác nào thú vật, không, chúng còn tệ hơn nữa. Chúng là những kẻ thờ ơ, khinh suất.

180.- Allah có các tên gọi tốt đẹp nhất; do đó hãy gọi Ngài bằng các tên gọi đó. Và hãy lánh xa những kẻ bóp méo tên gọi của Ngài. Họ sẽ lãnh đủ về tội của họ.

181.- Và trong số những người mà *TA* (Allah) đã tạo, có một cộng đồng (tập thể) hướng dẫn (người khác) bằng sự thật và dựa vào đó mà đối xử công bằng (với người khác).

182.- Và những ai phủ nhận các Dấu hiệu của *TA*, thì sẽ dần dần bị *TA* đưa đến chỗ hủy diệt từ những chỗ mà họ không biết.

183.- Và TA tạm tha cho họ. Bởi vì kế hoạch của TA rất vững mạnh.

184.- Và há họ không chịu ngẫm nghĩ ư? Người Bạn (Muhammad) của họ không mất trí. Người chỉ là một người báo trước công khai.

185.- Há họ không nhìn thấy gì trong vương quốc gồm các tầng trời và trái đất và mọi vật mà Allah đã tạo hay sao? Rằng có lẽ tuổi thọ của họ sắp mãn đến nơi hay sao? Thế đâu là Thông điệp mà họ sẽ tin tưởng sau cái (*Qur'ān*) này?

186.- Ai mà Allah đánh lạc hướng thì sẽ không gặp một người dẫn đường nào; bởi vì Ngài bỏ mặc họ lang thang vơ vẩn trong sự thái quá của họ.

187.- Họ hỏi Ngươi về Giờ (tận thế hay Phục sinh) chừng nào sẽ xảy ra. Hãy bảo họ: "Duy chỉ *Rabb* (Allah) của ta biết rõ nó. Chỉ riêng Ngài tiết lộ thời điểm của nó. Nó sẽ nặng nề (đối với mọi vật) trong các tầng trời và trái đất. Nó sẽ xảy đến cho các người một cách bất ngờ. Họ hỏi Ngươi làm như Ngươi quen thuộc với nó lắm. Hãy bảo họ: "Chỉ riêng Allah biết rõ nó, ngược lại đa số nhân loại không biết gì cả."

قُل لَّآ أَمْلِكُ لِنَفْسِي نَفْعًا وَلَا ضَرًّا إِلَّا مَا شَآءَ ٱللَّهُۚ وَلَوْ كُنتُ أَعْلَمُ ٱلْغَيْبَ لَٱسْتَكْثَرْتُ مِنَ ٱلْخَيْرِ وَمَا مَسَّنِيَ ٱلسُّوٓءُۚ إِنْ أَنَا۠ إِلَّا نَذِيرٌ وَبَشِيرٌ لِّقَوْمٍ يُؤْمِنُونَ ﴿١٨٨﴾ ۞ هُوَ ٱلَّذِي خَلَقَكُم مِّن نَّفْسٍ وَٰحِدَةٍ وَجَعَلَ مِنْهَا زَوْجَهَا لِيَسْكُنَ إِلَيْهَاۖ فَلَمَّا تَغَشَّىٰهَا حَمَلَتْ حَمْلًا خَفِيفًا فَمَرَّتْ بِهِۦۖ فَلَمَّآ أَثْقَلَت دَّعَوَا ٱللَّهَ رَبَّهُمَا لَئِنْ ءَاتَيْتَنَا صَٰلِحًا لَّنَكُونَنَّ مِنَ ٱلشَّٰكِرِينَ ﴿١٨٩﴾ فَلَمَّآ ءَاتَىٰهُمَا صَٰلِحًا جَعَلَا لَهُۥ شُرَكَآءَ فِيمَآ ءَاتَىٰهُمَاۚ فَتَعَٰلَى ٱللَّهُ عَمَّا يُشْرِكُونَ ﴿١٩٠﴾ أَيُشْرِكُونَ مَا لَا يَخْلُقُ شَيْـًٔا وَهُمْ يُخْلَقُونَ ﴿١٩١﴾ وَلَا يَسْتَطِيعُونَ لَهُمْ نَصْرًا وَلَآ أَنفُسَهُمْ يَنصُرُونَ ﴿١٩٢﴾ وَإِن تَدْعُوهُمْ إِلَى ٱلْهُدَىٰ لَا يَتَّبِعُوكُمْۚ سَوَآءٌ عَلَيْكُمْ أَدَعَوْتُمُوهُمْ أَمْ أَنتُمْ صَٰمِتُونَ ﴿١٩٣﴾ إِنَّ ٱلَّذِينَ تَدْعُونَ مِن دُونِ ٱللَّهِ عِبَادٌ أَمْثَالُكُمْۖ فَٱدْعُوهُمْ فَلْيَسْتَجِيبُوا۟ لَكُمْ إِن كُنتُمْ صَٰدِقِينَ ﴿١٩٤﴾ أَلَهُمْ أَرْجُلٌ يَمْشُونَ بِهَآۖ أَمْ لَهُمْ أَيْدٍ يَبْطِشُونَ بِهَآۖ أَمْ لَهُمْ أَعْيُنٌ يُبْصِرُونَ بِهَآۖ أَمْ لَهُمْ ءَاذَانٌ يَسْمَعُونَ بِهَاۗ قُلِ ٱدْعُوا۟ شُرَكَآءَكُمْ ثُمَّ كِيدُونِ فَلَا تُنظِرُونِ ﴿١٩٥﴾

ربع الحزب ١٨

188.- Hãy bảo họ: “Ta không có quyền quyết định điều lợi hoặc điều hại cho chính bản thân ta trừ phi điều nào Allah muốn. Và nếu ta biết điều vô hình thì chắc chắn ta sẽ tom góp nhiều điều tốt cho ta và sẽ không gặp một điều bất hạnh nào. Thật sự ta chỉ là một người báo trước và là một người mang tin lành cho những người có đức tin.”

189.- Ngài là Đấng đã tạo các người từ một người duy nhất (Ādam), và từ Người tạo ra người vợ của Người để cho Người sống yên bình với nàng. Do đó khi chồng ôm phủ vợ, vợ thụ thai và mang theo một gánh nhẹ mỗi lần di chuyển. Đến khi bà phát triển nặng nề, hai vợ chồng cùng cầu nguyện Allah, *Rabb* của hai người, thưa: “Nếu Ngài ban cho chúng tôi một đứa con tốt lành (về đủ mọi phương diện) thì chắc chắn chúng tôi sẽ vô cùng biết ơn.”

190.- Nhưng khi Ngài ban cho hai vợ chồng một đứa con tốt lành, thì hai người bắt đầu tổ hợp những thần linh cùng với Ngài về (đứa con) mà Ngài đã ban cho họ. Nhưng Allah ở bên trên điều (hay kẻ) mà họ đã tổ hợp với Ngài.

191.- Phải chăng họ tổ hợp với Allah những vật không tạo được cái gì mà chính chúng lại được tạo ra?

192.- Chúng không thể giúp họ cũng không thể tự giúp mình được.

193.- Và nếu các người có gọi chúng đến với Chỉ đạo, thì chúng sẽ không theo các người. Điều đó bằng thừa đối với các người, dẫu các người có gọi chúng hay im lặng;

194.- Quả thật, những kẻ (hay vật) mà các người gọi (cầu nguyện) ngoài Allah chỉ là bầy tôi như các người vậy. Hãy gọi (cầu nguyện) chúng đi và hãy để chúng đáp lại các người, nếu các người nói thật!

195.- Há chúng có chân để đi, hoặc có tay để nắm, có mắt để nhìn, có tai để nghe chăng? Hãy bảo họ: “Các ngươi hãy gọi các kẻ thần linh của các ngươi, rồi để chúng đặt kế hoạch chống lại ta, và chớ để cho ta nghỉ xả hơi!

إِنَّ وَلِـِّۧيَ ٱللَّهُ ٱلَّذِي نَزَّلَ ٱلۡكِتَٰبَۖ وَهُوَ يَتَوَلَّى ٱلصَّٰلِحِينَ ١٩٦ وَٱلَّذِينَ تَدۡعُونَ مِن دُونِهِۦ لَا يَسۡتَطِيعُونَ نَصۡرَكُمۡ وَلَآ أَنفُسَهُمۡ يَنصُرُونَ ١٩٧ وَإِن تَدۡعُوهُمۡ إِلَى ٱلۡهُدَىٰ لَا يَسۡمَعُواْۖ وَتَرَىٰهُمۡ يَنظُرُونَ إِلَيۡكَ وَهُمۡ لَا يُبۡصِرُونَ ١٩٨ خُذِ ٱلۡعَفۡوَ وَأۡمُرۡ بِٱلۡعُرۡفِ وَأَعۡرِضۡ عَنِ ٱلۡجَٰهِلِينَ ١٩٩ وَإِمَّا يَنزَغَنَّكَ مِنَ ٱلشَّيۡطَٰنِ نَزۡغٞ فَٱسۡتَعِذۡ بِٱللَّهِۚ إِنَّهُۥ سَمِيعٌ عَلِيمٌ ٢٠٠ إِنَّ ٱلَّذِينَ ٱتَّقَوۡاْ إِذَا مَسَّهُمۡ طَٰٓئِفٞ مِّنَ ٱلشَّيۡطَٰنِ تَذَكَّرُواْ فَإِذَا هُم مُّبۡصِرُونَ ٢٠١ وَإِخۡوَٰنُهُمۡ يَمُدُّونَهُمۡ فِي ٱلۡغَيِّ ثُمَّ لَا يُقۡصِرُونَ ٢٠٢ وَإِذَا لَمۡ تَأۡتِهِم بِـَٔايَةٖ قَالُواْ لَوۡلَا ٱجۡتَبَيۡتَهَاۚ قُلۡ إِنَّمَآ أَتَّبِعُ مَا يُوحَىٰٓ إِلَيَّ مِن رَّبِّيۚ هَٰذَا بَصَآئِرُ مِن رَّبِّكُمۡ وَهُدٗى وَرَحۡمَةٞ لِّقَوۡمٖ يُؤۡمِنُونَ ٢٠٣ وَإِذَا قُرِئَ ٱلۡقُرۡءَانُ فَٱسۡتَمِعُواْ لَهُۥ وَأَنصِتُواْ لَعَلَّكُمۡ تُرۡحَمُونَ ٢٠٤ وَٱذۡكُر رَّبَّكَ فِي نَفۡسِكَ تَضَرُّعٗا وَخِيفَةٗ وَدُونَ ٱلۡجَهۡرِ مِنَ ٱلۡقَوۡلِ بِٱلۡغُدُوِّ وَٱلۡأٓصَالِ وَلَا تَكُن مِّنَ ٱلۡغَٰفِلِينَ ٢٠٥ إِنَّ ٱلَّذِينَ عِندَ رَبِّكَ لَا يَسۡتَكۡبِرُونَ عَنۡ عِبَادَتِهِۦ وَيُسَبِّحُونَهُۥ وَلَهُۥ يَسۡجُدُونَ۩ ٢٠٦

سَجۡدَة

196.- "Quả thật, Đấng Bảo hộ của ta là Allah, Đấng đã ban Kinh sách xuống; và Ngài che chở những người lương thiện.

197.- "Trong lúc những kẻ mà các người cầu nguyện ngoài Ngài (Allah) không có khả năng giúp đỡ các người cũng không tự giúp mình được."

198.- Và nếu Ngươi gọi chúng đến với Chỉ đạo, thì chúng sẽ không nghe; và Ngươi thấy chúng nhìn Ngươi, nhưng chúng không nhìn thấy gì cả.

199.- Hãy lượng thứ và chỉ thị (cho họ) làm điều nào đúng nhưng hãy lánh xa những kẻ ngu dốt.

200.- Và nếu có một đề nghị của *Shaytān* xâm nhập đầu óc của Ngươi, hãy cầu xin Allah che chở bởi vì Ngài Hằng Nghe và Hằng Biết (mọi việc).

201.- Quả thật, những ai sợ Allah, một khi bị *Shaytān* xúi giục, liền tưởng nhớ (Allah) thì sẽ thấy đầu óc mình bừng sáng trở lại.

202.- Nhưng các anh em (xấu) của họ chỉ muốn thúc đẩy họ lao mình vào lầm lạc rồi sẽ không bỏ ngang ý-đồ đó.

203.- Và khi Ngươi không mang một Dấu lạ nào đến cho họ, họ nói: "Tại sao không mang nó đến?" Hãy bảo họ: "Ta chỉ làm theo điều được mặc khải cho ta từ *Rabb* của ta. (Qur'ā n) này là một sự soi sáng từ *Rabb* của các người, một chỉ đạo và một hồng ân cho đám người có đức tin."

204.- Và khi *Qur'ān* được xướng đọc, hãy lắng nghe và giữ im lặng để may ra các người nhận được hồng ân (của Allah).

205.- Và hãy tưởng nhớ *Rabb* của ngươi trong tâm khảm (hỡi Muslim!), vừa khiêm tốn vừa kính trọng nhưng không được lớn tiếng (trong lúc tụng niệm) vào các buổi sáng và buổi tối và chớ là một người vô ý-tứ.

206.- Quả thật, những ai ở gần *Rabb* của Ngươi không quá tự hào trong việc thờ phụng Ngài và họ tán dương Ngài và phủ phục (trước Ngài).

سُورَةُ الأَنفَالِ

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

يَسۡـَٔلُونَكَ عَنِ ٱلۡأَنفَالِۖ قُلِ ٱلۡأَنفَالُ لِلَّهِ وَٱلرَّسُولِۖ فَٱتَّقُواْ ٱللَّهَ وَأَصۡلِحُواْ ذَاتَ بَيۡنِكُمۡۖ وَأَطِيعُواْ ٱللَّهَ وَرَسُولَهُۥٓ إِن كُنتُم مُّؤۡمِنِينَ ١ إِنَّمَا ٱلۡمُؤۡمِنُونَ ٱلَّذِينَ إِذَا ذُكِرَ ٱللَّهُ وَجِلَتۡ قُلُوبُهُمۡ وَإِذَا تُلِيَتۡ عَلَيۡهِمۡ ءَايَٰتُهُۥ زَادَتۡهُمۡ إِيمَٰنٗا وَعَلَىٰ رَبِّهِمۡ يَتَوَكَّلُونَ ٢ ٱلَّذِينَ يُقِيمُونَ ٱلصَّلَوٰةَ وَمِمَّا رَزَقۡنَٰهُمۡ يُنفِقُونَ ٣ أُوْلَٰٓئِكَ هُمُ ٱلۡمُؤۡمِنُونَ حَقّٗاۚ لَّهُمۡ دَرَجَٰتٌ عِندَ رَبِّهِمۡ وَمَغۡفِرَةٞ وَرِزۡقٞ كَرِيمٞ ٤ كَمَآ أَخۡرَجَكَ رَبُّكَ مِنۢ بَيۡتِكَ بِٱلۡحَقِّ وَإِنَّ فَرِيقٗا مِّنَ ٱلۡمُؤۡمِنِينَ لَكَٰرِهُونَ ٥ يُجَٰدِلُونَكَ فِي ٱلۡحَقِّ بَعۡدَ مَا تَبَيَّنَ كَأَنَّمَا يُسَاقُونَ إِلَى ٱلۡمَوۡتِ وَهُمۡ يَنظُرُونَ ٦ وَإِذۡ يَعِدُكُمُ ٱللَّهُ إِحۡدَى ٱلطَّآئِفَتَيۡنِ أَنَّهَا لَكُمۡ وَتَوَدُّونَ أَنَّ غَيۡرَ ذَاتِ ٱلشَّوۡكَةِ تَكُونُ لَكُمۡ وَيُرِيدُ ٱللَّهُ أَن يُحِقَّ ٱلۡحَقَّ بِكَلِمَٰتِهِۦ وَيَقۡطَعَ دَابِرَ ٱلۡكَٰفِرِينَ ٧ لِيُحِقَّ ٱلۡحَقَّ وَيُبۡطِلَ ٱلۡبَٰطِلَ وَلَوۡ كَرِهَ ٱلۡمُجۡرِمُونَ ٨

نصف الحزب ١٨

AL-ANFĀL
(Chiến Lợi Phẩm)

Nhân danh Allah, Đấng Rất mực Độ lượng,
Đấng Rất mực Khoan dung

1.- Họ hỏi Ngươi về chiến lợi phẩm (thu tại chiến trường). Hãy bảo họ: "Chiến lợi phẩm đó thuộc về Allah và Sứ giả (của Allah). Bởi thế, hãy sợ Allah và giải quyết ổn thỏa (việc tranh chấp) giữa các người với nhau; và nếu các người là những người có đức tin thì hãy tuân lệnh của Allah và Sứ giả của Ngài.

2.- Những người có đức tin chỉ là những ai mà quả tim rúng động sợ hãi khi nghe nhắc đến Allah và khi nghe đọc các Lời Mặc khải của Ngài, đức tin của họ vững mạnh thêm và họ trọn tin và phó thác cho *Rabb* (Allah) của họ;

3.- Những ai năng dâng lễ 'Salāh' một cách chu đáo và chi dùng những vật mà *TA* (Allah) đã ban cấp;

4.- Họ là những người có đức tin thực sự và được *Rabb* của họ ban cho cấp bậc vinh dự cùng với sự tha thứ và bổng lộc rộng rãi.

5.- Giống như việc *Rabb* của Ngươi ra lệnh cho Ngươi ra khỏi nhà (để đi chiến đấu) với lý do chính đáng nhưng có một số tín đồ không thích (việc đi chiến đấu của Ngươi);

6.- (Họ) tranh cãi với Ngươi về lý do (đi chiến đấu) sau khi nó đã được trình bày (cho họ), bởi vì (họ có cảm tưởng) như bị đưa đến chỗ chết trong khi họ nhìn thấy (cảnh chết).

7.- Và (hãy nhớ) khi Allah hứa với các người, trong hai đoàn (người) của địch, đoàn nào là đoàn mà các người sẽ phải đương đầu trong lúc các người lại mong được chạm trán với đoàn (thương buôn) không trang bị vũ khí gì cả; trong lúc Allah lại muốn chứng minh sự thật về Lời phán của Ngài và muốn chặt đứt gốc rễ của những kẻ không tin.

8.- Mục đích để Ngài chứng minh (với các người) rằng sự thật vẫn là sự thật và sự giả-dối vẫn là sự giả-dối dẫu rằng những kẻ tội lỗi không thích điều đó.

إِذۡ تَسۡتَغِيثُونَ رَبَّكُمۡ فَٱسۡتَجَابَ لَكُمۡ أَنِّي مُمِدُّكُم بِأَلۡفٖ
مِّنَ ٱلۡمَلَٰٓئِكَةِ مُرۡدِفِينَ ٩ وَمَا جَعَلَهُ ٱللَّهُ إِلَّا بُشۡرَىٰ
وَلِتَطۡمَئِنَّ بِهِۦ قُلُوبُكُمۡۚ وَمَا ٱلنَّصۡرُ إِلَّا مِنۡ عِندِ ٱللَّهِۚ إِنَّ ٱللَّهَ
عَزِيزٌ حَكِيمٌ ١٠ إِذۡ يُغَشِّيكُمُ ٱلنُّعَاسَ أَمَنَةٗ مِّنۡهُ وَيُنَزِّلُ
عَلَيۡكُم مِّنَ ٱلسَّمَآءِ مَآءٗ لِّيُطَهِّرَكُم بِهِۦ وَيُذۡهِبَ عَنكُمۡ
رِجۡزَ ٱلشَّيۡطَٰنِ وَلِيَرۡبِطَ عَلَىٰ قُلُوبِكُمۡ وَيُثَبِّتَ بِهِ ٱلۡأَقۡدَامَ
١١ إِذۡ يُوحِي رَبُّكَ إِلَى ٱلۡمَلَٰٓئِكَةِ أَنِّي مَعَكُمۡ فَثَبِّتُواْ ٱلَّذِينَ
ءَامَنُواْۚ سَأُلۡقِي فِي قُلُوبِ ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ ٱلرُّعۡبَ فَٱضۡرِبُواْ
فَوۡقَ ٱلۡأَعۡنَاقِ وَٱضۡرِبُواْ مِنۡهُمۡ كُلَّ بَنَانٖ ١٢ ذَٰلِكَ بِأَنَّهُمۡ
شَآقُّواْ ٱللَّهَ وَرَسُولَهُۥۚ وَمَن يُشَاقِقِ ٱللَّهَ وَرَسُولَهُۥ فَإِنَّ ٱللَّهَ
شَدِيدُ ٱلۡعِقَابِ ١٣ ذَٰلِكُمۡ فَذُوقُوهُ وَأَنَّ لِلۡكَٰفِرِينَ
عَذَابَ ٱلنَّارِ ١٤ يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُوٓاْ إِذَا لَقِيتُمُ ٱلَّذِينَ
كَفَرُواْ زَحۡفٗا فَلَا تُوَلُّوهُمُ ٱلۡأَدۡبَارَ ١٥ وَمَن يُوَلِّهِمۡ يَوۡمَئِذٖ
دُبُرَهُۥٓ إِلَّا مُتَحَرِّفٗا لِّقِتَالٍ أَوۡ مُتَحَيِّزًا إِلَىٰ فِئَةٖ فَقَدۡ بَآءَ
بِغَضَبٖ مِّنَ ٱللَّهِ وَمَأۡوَىٰهُ جَهَنَّمُۖ وَبِئۡسَ ٱلۡمَصِيرُ ١٦

9.- Và (hãy nhớ) khi các người cầu xin *Rabb* của các người (cứu giúp) và Ngài đã đáp lời cầu xin của các người (qua lời hứa): "TA sẽ trợ giúp các người với một ngàn Thiên thần xếp thành hàng ngũ."

10.- Và Allah làm điều đó là chỉ để cho các người phấn khởi và yên tâm, chứ thật ra sự cứu giúp chỉ đến từ Allah thôi bởi vì Allah Toàn năng, rất mực Sáng suốt.

11.- Và (hãy nhớ) khi Ngài (Allah) làm cho các người bình tâm bằng cách làm cho các người thiếp đi một giấc và Ngài cho mưa từ trên trời xuống để tẩy sạch các người và phủi sạch sự ô-nhiễm của *Shaytān* và củng cố tấm lòng của các người thêm vững chãi và làm cho bàn chân của các người đứng vững chắc.

12.- (Hãy nhớ) khi *Rabb* (Allah) của Ngươi đã mặc khải cho các Thiên thần: "TA ở cùng với các ngươi, hãy củng cố (tấm lòng của) những ai có đức tin; TA sẽ gieo niềm kinh hãi vào lòng của những kẻ không có đức tin, bởi thế hãy đập vào cổ và từng đầu ngón tay của chúng."

13.- Sở dĩ như thế là vì chúng chống đối Allah và Sứ giả của Ngài. Và ai chống đối Allah và Sứ giả của Ngài thì sẽ bị Allah trừng trị đích đáng.

14.- Như thế. Thôi, hãy nếm nó (hình phạt,) và (nên biết) rằng những kẻ không có đức tin sẽ chịu hình phạt của Lửa (Hỏa ngục).

15.- Hỡi những ai có niềm tin! Khi các người đối diện với những kẻ không tin đang dàn trận để tấn công các người, chớ quay lưng về phía chúng.

16.- Và ai quay lưng về phía địch vào Ngày (đụng độ)[1] đó, trừ phi quay lưng lại để dụ địch rồi đánh ngược trở lại hoặc rút về nhập với đoàn quân của mình, thì chắc chắn là tự rước sự Giận dữ của Allah vào mình và chỗ ngụ của người đó sẽ là Hỏa ngục, một trạm đến cuối cùng rất tệ hại!

---

[1] Trận chiến lừng danh đầu tiên giữa 313 người Muslim và 900 người Quraish ngoại đạo tại Badr, một địa danh nằm giữa Makkah và Madīnah.

فَلَمۡ تَقۡتُلُوهُمۡ وَلَٰكِنَّ ٱللَّهَ قَتَلَهُمۡۚ وَمَا رَمَيۡتَ إِذۡ رَمَيۡتَ
وَلَٰكِنَّ ٱللَّهَ رَمَىٰ وَلِيُبۡلِيَ ٱلۡمُؤۡمِنِينَ مِنۡهُ بَلَآءً حَسَنًاۚ
إِنَّ ٱللَّهَ سَمِيعٌ عَلِيمٞ ﴿١٧﴾ ذَٰلِكُمۡ وَأَنَّ ٱللَّهَ مُوهِنُ كَيۡدِ
ٱلۡكَٰفِرِينَ ﴿١٨﴾ إِن تَسۡتَفۡتِحُواْ فَقَدۡ جَآءَكُمُ ٱلۡفَتۡحُۖ وَإِن
تَنتَهُواْ فَهُوَ خَيۡرٞ لَّكُمۡۖ وَإِن تَعُودُواْ نَعُدۡ وَلَن تُغۡنِيَ عَنكُمۡ
فِئَتُكُمۡ شَيۡـٔٗا وَلَوۡ كَثُرَتۡ وَأَنَّ ٱللَّهَ مَعَ ٱلۡمُؤۡمِنِينَ ﴿١٩﴾
يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُوٓاْ أَطِيعُواْ ٱللَّهَ وَرَسُولَهُۥ وَلَا تَوَلَّوۡاْ عَنۡهُ
وَأَنتُمۡ تَسۡمَعُونَ ﴿٢٠﴾ وَلَا تَكُونُواْ كَٱلَّذِينَ قَالُواْ سَمِعۡنَا وَهُمۡ
لَا يَسۡمَعُونَ ﴿٢١﴾ ۞ إِنَّ شَرَّ ٱلدَّوَآبِّ عِندَ ٱللَّهِ ٱلصُّمُّ ٱلۡبُكۡمُ
ٱلَّذِينَ لَا يَعۡقِلُونَ ﴿٢٢﴾ وَلَوۡ عَلِمَ ٱللَّهُ فِيهِمۡ خَيۡرٗا لَّأَسۡمَعَهُمۡۖ
وَلَوۡ أَسۡمَعَهُمۡ لَتَوَلَّواْ وَّهُم مُّعۡرِضُونَ ﴿٢٣﴾ يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ
ءَامَنُواْ ٱسۡتَجِيبُواْ لِلَّهِ وَلِلرَّسُولِ إِذَا دَعَاكُمۡ لِمَا يُحۡيِيكُمۡۖ
وَٱعۡلَمُوٓاْ أَنَّ ٱللَّهَ يَحُولُ بَيۡنَ ٱلۡمَرۡءِ وَقَلۡبِهِۦ وَأَنَّهُۥٓ إِلَيۡهِ
تُحۡشَرُونَ ﴿٢٤﴾ وَٱتَّقُواْ فِتۡنَةٗ لَّا تُصِيبَنَّ ٱلَّذِينَ ظَلَمُواْ
مِنكُمۡ خَآصَّةٗۖ وَٱعۡلَمُوٓاْ أَنَّ ٱللَّهَ شَدِيدُ ٱلۡعِقَابِ ﴿٢٥﴾

ثلاثة أرباع الحزب ١٨

17.- Bởi thế, không phải các ngươi đã giết chúng mà chính Allah đã giết; và không phải Ngươi đã ném chúng khi Ngươi ném (với một nắm đất tại Badr) mà chính Allah đã ném, mục đích để Ngài (Allah) thử thách họ (những người có đức tin) bằng một sự thử thách tốt từ Ngài. Bởi vì Allah hằng Nghe và hằng Biết (mọi việc).

18.- Như thế! Và (nên biết) rằng chính Allah đã làm suy yếu mưu đồ của những kẻ không tin.

19.- (Hỡi những kẻ không tin!) Nếu các ngươi cầu xin một sự xét xử thì sự xét xử đã đến với các ngươi. Và nếu các ngươi từ bỏ mưu đồ (chiến tranh) thì điều đó tốt cho các ngươi hơn; ngược lại nếu các ngươi tái diễn trò tương tự thì *TA* (Allah) cũng sẽ tái diễn hình phạt giống như thế. Và lực lượng của các ngươi chẳng giúp ích gì được cho các ngươi dẫu cho quân số có đông đến mấy đi nữa. Và nên biết rằng Allah ở cùng với những người có đức tin.

20.- Hỡi những ai có niềm tin! Hãy tuân lệnh của Allah và Sứ giả của Ngài và chớ quay bỏ đi trong lúc các người đang nghe (Người truyền lệnh).

21.- Và chớ cư xử như những ai đã từng nói: "Chúng tôi nghe," nhưng họ đã thực sự không nghe.

22.- Bởi vì đối với Allah loài thú xấu nhất là kẻ điếc và người câm, những kẻ không hiểu gì.

23.- Và nếu Allah biết nơi họ có điều tốt nào thì chắc chắn Ngài đã làm cho họ biết nghe. Và nếu Allah có làm cho họ nghe được đi nữa thì họ cũng quay bỏ đi bởi vì họ đã có dã tâm đào nhiệm.

24.- Hỡi những ai có niềm tin! Hãy đáp lời kêu gọi của Allah và của Sứ giả (Muhammad) khi Ngài kêu gọi các người đến với điều làm cho các người sống và hãy biết rằng Allah xen vào giữa một người và quả tim (tấm lòng) của y và chính Ngài là Đấng mà tất cả các người sẽ được tập trung đưa về (trình diện).

25.- Và hãy sợ tai họa mà không riêng gì những kẻ sái phạm sẽ phải chịu (mà là tất cả); và nên biết rằng Allah trừng phạt rất nghiêm khắc.

وَٱذۡكُرُوٓاْ إِذۡ أَنتُمۡ قَلِيلٞ مُّسۡتَضۡعَفُونَ فِي ٱلۡأَرۡضِ تَخَافُونَ أَن يَتَخَطَّفَكُمُ ٱلنَّاسُ فَـَٔاوَىٰكُمۡ وَأَيَّدَكُم بِنَصۡرِهِۦ وَرَزَقَكُم مِّنَ ٱلطَّيِّبَٰتِ لَعَلَّكُمۡ تَشۡكُرُونَ ٢٦ يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ لَا تَخُونُواْ ٱللَّهَ وَٱلرَّسُولَ وَتَخُونُوٓاْ أَمَٰنَٰتِكُمۡ وَأَنتُمۡ تَعۡلَمُونَ ٢٧ وَٱعۡلَمُوٓاْ أَنَّمَآ أَمۡوَٰلُكُمۡ وَأَوۡلَٰدُكُمۡ فِتۡنَةٞ وَأَنَّ ٱللَّهَ عِندَهُۥٓ أَجۡرٌ عَظِيمٞ ٢٨ يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُوٓاْ إِن تَتَّقُواْ ٱللَّهَ يَجۡعَل لَّكُمۡ فُرۡقَانٗا وَيُكَفِّرۡ عَنكُمۡ سَيِّـَٔاتِكُمۡ وَيَغۡفِرۡ لَكُمۡۗ وَٱللَّهُ ذُو ٱلۡفَضۡلِ ٱلۡعَظِيمِ ٢٩ وَإِذۡ يَمۡكُرُ بِكَ ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ لِيُثۡبِتُوكَ أَوۡ يَقۡتُلُوكَ أَوۡ يُخۡرِجُوكَۚ وَيَمۡكُرُونَ وَيَمۡكُرُ ٱللَّهُۖ وَٱللَّهُ خَيۡرُ ٱلۡمَٰكِرِينَ ٣٠ وَإِذَا تُتۡلَىٰ عَلَيۡهِمۡ ءَايَٰتُنَا قَالُواْ قَدۡ سَمِعۡنَا لَوۡ نَشَآءُ لَقُلۡنَا مِثۡلَ هَٰذَآ إِنۡ هَٰذَآ إِلَّآ أَسَٰطِيرُ ٱلۡأَوَّلِينَ ٣١ وَإِذۡ قَالُواْ ٱللَّهُمَّ إِن كَانَ هَٰذَا هُوَ ٱلۡحَقَّ مِنۡ عِندِكَ فَأَمۡطِرۡ عَلَيۡنَا حِجَارَةٗ مِّنَ ٱلسَّمَآءِ أَوِ ٱئۡتِنَا بِعَذَابٍ أَلِيمٖ ٣٢ وَمَا كَانَ ٱللَّهُ لِيُعَذِّبَهُمۡ وَأَنتَ فِيهِمۡۚ وَمَا كَانَ ٱللَّهُ مُعَذِّبَهُمۡ وَهُمۡ يَسۡتَغۡفِرُونَ ٣٣

26.- Và hãy nhớ khi các người chỉ gồm một thiểu số yếu ớt trong xứ, các người sợ bị bắt cóc đem đi thủ tiêu, bởi thế Ngài (Allah) ban cho các người một nơi tị nạn[1] và tăng cường sức mạnh cho các người với sự trợ giúp của Ngài và cung dưỡng các người với lộc ăn tốt và sạch để cho các người tỏ lòng biết ơn.

27.- Hỡi những ai có niềm tin! Chớ phản bội Allah và Sứ giả (Muhammad) và chớ cố ý gian lận tín vật đã được ký thác nơi các người trong lúc các người biết.

28.- Và hãy biết rằng tài sản và con cái của các người chỉ là một sự thử thách và sẽ có một phần thưởng to lớn hơn nơi Allah.

29.- Hỡi những ai có niềm tin! Nếu các người sợ Allah, Ngài sẽ ban cho các người Tiêu chuẩn (dùng phân biệt điều phải và lẽ quấy) và giải tỏa các người khỏi mọi việc làm tội lỗi và tha thứ cho các người, bởi vì Allah làm chủ vô vàn thiên ân vĩ đại.

30.- Và hãy nhớ khi những kẻ không có đức tin mưu định chống lại Người (Muhammad) nhằm giam cầm Người hoặc sát hại Người hoặc trục xuất Người đi nơi khác. Chúng âm mưu và đặt kế hoạch và Allah cũng đặt kế hoạch; và Allah là Đấng hoạch định giỏi nhất (so với các nhà hoạch định).

31.- Và khi các Lời Mặc khải của *TA* (Allah) được đọc lên (để nhắc chúng), chúng nói: "Chúng tôi đã từng nghe điều này. Nếu muốn, chúng tôi cũng sẽ nói ra được lời tương tự bởi vì đây chẳng qua là chuyện kể của người cổ xưa mà thôi."

32.- Và hãy nhớ khi chúng thưa: "Ôi Allah! Nếu (*Qur'ān*) này là chân-lý do Ngài ban xuống, thì xin Ngài hãy làm cho mưa đá đổ từ trên trời xuống đè lên chúng tôi hoặc mang một hình phạt đau đớn nào đến trừng phạt chúng tôi!"

33.- Và Allah sẽ không trừng phạt chúng trong lúc Người đang sống giữa bọn chúng và Ngài sẽ không trừng phạt chúng trong lúc chúng có thể cầu xin được tha thứ.

---

[1] Những người Muslim đầu tiên tại Makkah đã bị người Quraish ngọai giáo hành hạ, khủng bố, đánh dập, tra tấn nên buộc lòng phải bỏ nhà cửa ra đi tị nạn tại Abyssinia và Madīnah.

وَمَا لَهُمۡ أَلَّا يُعَذِّبَهُمُ ٱللَّهُ وَهُمۡ يَصُدُّونَ عَنِ ٱلۡمَسۡجِدِ ٱلۡحَرَامِ وَمَا كَانُوٓاْ أَوۡلِيَآءَهُۥٓۚ إِنۡ أَوۡلِيَآؤُهُۥٓ إِلَّا ٱلۡمُتَّقُونَ وَلَٰكِنَّ أَكۡثَرَهُمۡ لَا يَعۡلَمُونَ ﴿٣٤﴾ وَمَا كَانَ صَلَاتُهُمۡ عِندَ ٱلۡبَيۡتِ إِلَّا مُكَآءٗ وَتَصۡدِيَةٗۚ فَذُوقُواْ ٱلۡعَذَابَ بِمَا كُنتُمۡ تَكۡفُرُونَ ﴿٣٥﴾ إِنَّ ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ يُنفِقُونَ أَمۡوَٰلَهُمۡ لِيَصُدُّواْ عَن سَبِيلِ ٱللَّهِۚ فَسَيُنفِقُونَهَا ثُمَّ تَكُونُ عَلَيۡهِمۡ حَسۡرَةٗ ثُمَّ يُغۡلَبُونَۗ وَٱلَّذِينَ كَفَرُوٓاْ إِلَىٰ جَهَنَّمَ يُحۡشَرُونَ ﴿٣٦﴾ لِيَمِيزَ ٱللَّهُ ٱلۡخَبِيثَ مِنَ ٱلطَّيِّبِ وَيَجۡعَلَ ٱلۡخَبِيثَ بَعۡضَهُۥ عَلَىٰ بَعۡضٖ فَيَرۡكُمَهُۥ جَمِيعٗا فَيَجۡعَلَهُۥ فِي جَهَنَّمَۚ أُوْلَٰٓئِكَ هُمُ ٱلۡخَٰسِرُونَ ﴿٣٧﴾ قُل لِّلَّذِينَ كَفَرُوٓاْ إِن يَنتَهُواْ يُغۡفَرۡ لَهُم مَّا قَدۡ سَلَفَ وَإِن يَعُودُواْ فَقَدۡ مَضَتۡ سُنَّتُ ٱلۡأَوَّلِينَ ﴿٣٨﴾ وَقَٰتِلُوهُمۡ حَتَّىٰ لَا تَكُونَ فِتۡنَةٞ وَيَكُونَ ٱلدِّينُ كُلُّهُۥ لِلَّهِۚ فَإِنِ ٱنتَهَوۡاْ فَإِنَّ ٱللَّهَ بِمَا يَعۡمَلُونَ بَصِيرٞ ﴿٣٩﴾ وَإِن تَوَلَّوۡاْ فَٱعۡلَمُوٓاْ أَنَّ ٱللَّهَ مَوۡلَىٰكُمۡۚ نِعۡمَ ٱلۡمَوۡلَىٰ وَنِعۡمَ ٱلنَّصِيرُ ﴿٤٠﴾

34.- Và tại sao Allah lại không trừng phạt chúng trong lúc chúng ngang ngược cản thiên hạ không cho vào Thánh đường linh thiêng (tại Makkah) và chúng cũng không phải là những người bảo quản nó (Thánh đường)? Quả thật, chỉ những người ngay chính sợ Allah mới là những người bảo quản nó, nhưng đa số bọn chúng không biết điều đó.

35.- (Hơn nữa), lễ nguyện (*Salāh*) của chúng tại Ngôi-đền (Ka'bah của Allah) chỉ gồm có việc huýt sáo và vỗ tay (thì làm sao chúng có thể là người bảo quản Thánh đường?) Thôi, hãy nếm hình phạt về những điều mà các người thường phủ nhận (hỡi những kẻ không tin!)

36.- Quả thật, những kẻ không tin chi dùng tài sản của chúng vào việc cản trở (thiên hạ) không cho theo con đường của Allah, bởi thế chúng sẽ tiếp tục chi dùng nó. Rồi nó sẽ làm cho chúng đau khổ, rồi cuối cùng chúng sẽ thua cuộc. Và những kẻ không tin sẽ được tập trung để đưa vào Hỏa ngục.

37.- Mục đích để Allah có thể tách biệt điều ô-uế khỏi điều tốt sạch[1] và chồng chất điều ô-uế (tội lỗi) lên nhau, gộp tất cả lại thành một đống mà Ngài quẳng vào Hỏa Ngục. Chúng sẽ là những kẻ thua thiệt.

38.- Hãy bảo những kẻ không tin, nếu chúng ngưng (chiến tranh) thì việc làm quá khứ của chúng sẽ được tha thứ; ngược lại nếu chúng tái diễn thì hình phạt áp dụng cho những kẻ làm ác trước chúng (là một bài học cảnh cáo).

39.- Và hãy tiếp tục đánh chúng cho đến khi nào không còn sự ngược đãi[2] nữa; và sự thần phục sẽ hoàn toàn dành cho Allah. Nhưng nếu chúng ngưng (chiến) thì quả thật Allah thấy rõ mọi điều chúng làm.

40.- Và nếu chúng từ chối thì nên biết Allah là Đấng Bảo hộ của các người, Đấng Bảo hộ ưu việt, Đấng Cứu giúp ưu việt.

---

[1] Khabīth = điều ô-uế ám chỉ những kẻ không có đức tin; Tayyib = tốt sạch ám chỉ những người có đức tin. Tại trận chiến Badr, những kẻ chống đối Islam đã tử trận. Tử thi của họ đã được gom lại và quẳng xuống huyệt.

[2] Fitnah = quấy nhiễu, ngược đãi, hành hạ, bất tín, thờ đa-thần, thử thách v.v...

۞ وَٱعۡلَمُوٓاْ أَنَّمَا غَنِمۡتُم مِّن شَيۡءٖ فَأَنَّ لِلَّهِ خُمُسَهُۥ وَلِلرَّسُولِ وَلِذِي ٱلۡقُرۡبَىٰ وَٱلۡيَتَٰمَىٰ وَٱلۡمَسَٰكِينِ وَٱبۡنِ ٱلسَّبِيلِ إِن كُنتُمۡ ءَامَنتُم بِٱللَّهِ وَمَآ أَنزَلۡنَا عَلَىٰ عَبۡدِنَا يَوۡمَ ٱلۡفُرۡقَانِ يَوۡمَ ٱلۡتَقَى ٱلۡجَمۡعَانِۗ وَٱللَّهُ عَلَىٰ كُلِّ شَيۡءٖ قَدِيرٌ ﴿٤١﴾ إِذۡ أَنتُم بِٱلۡعُدۡوَةِ ٱلدُّنۡيَا وَهُم بِٱلۡعُدۡوَةِ ٱلۡقُصۡوَىٰ وَٱلرَّكۡبُ أَسۡفَلَ مِنكُمۡۚ وَلَوۡ تَوَاعَدتُّمۡ لَٱخۡتَلَفۡتُمۡ فِي ٱلۡمِيعَٰدِ وَلَٰكِن لِّيَقۡضِيَ ٱللَّهُ أَمۡرٗا كَانَ مَفۡعُولٗا لِّيَهۡلِكَ مَنۡ هَلَكَ عَنۢ بَيِّنَةٖ وَيَحۡيَىٰ مَنۡ حَيَّ عَنۢ بَيِّنَةٖۗ وَإِنَّ ٱللَّهَ لَسَمِيعٌ عَلِيمٌ ﴿٤٢﴾ إِذۡ يُرِيكَهُمُ ٱللَّهُ فِي مَنَامِكَ قَلِيلٗاۖ وَلَوۡ أَرَىٰكَهُمۡ كَثِيرٗا لَّفَشِلۡتُمۡ وَلَتَنَٰزَعۡتُمۡ فِي ٱلۡأَمۡرِ وَلَٰكِنَّ ٱللَّهَ سَلَّمَۚ إِنَّهُۥ عَلِيمُۢ بِذَاتِ ٱلصُّدُورِ ﴿٤٣﴾ وَإِذۡ يُرِيكُمُوهُمۡ إِذِ ٱلۡتَقَيۡتُمۡ فِيٓ أَعۡيُنِكُمۡ قَلِيلٗا وَيُقَلِّلُكُمۡ فِيٓ أَعۡيُنِهِمۡ لِيَقۡضِيَ ٱللَّهُ أَمۡرٗا كَانَ مَفۡعُولٗاۗ وَإِلَى ٱللَّهِ تُرۡجَعُ ٱلۡأُمُورُ ﴿٤٤﴾ يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُوٓاْ إِذَا لَقِيتُمۡ فِئَةٗ فَٱثۡبُتُواْ وَٱذۡكُرُواْ ٱللَّهَ كَثِيرٗا لَّعَلَّكُمۡ تُفۡلِحُونَ ﴿٤٥﴾

41.- Và hãy nhận biết trong tất cả các chiến lợi phẩm mà các ngươi tịch thu (trong chiến tranh), một phần năm (1/5) là của Allah và của Sứ giả (Muhammad) và của bà con gần, và của các trẻ mồ côi, và của người thiếu thốn và của người lỡ đường xa, nếu các người thực sự tin tưởng nơi Allah và nơi điều mặc khải đã được ban xuống cho người tôi trung (Muhammad) của *TA* (Allah) vào ngày phân biệt (giữa Chính-giáo và Tà-giáo) tức là ngày hai lực lượng *(Muslim và Kāfir)* đụng độ nhau (tại Badr.) Bởi vì Allah có toàn quyền định đoạt tất cả mọi việc.

42.- Hãy nhớ lại khi các người ở phía bên này (của thung lũng Badr) và địch quân cấm trại xa phía bên kia và đoàn khách thương của chúng ở phía dưới các người (đang di chuyển về hướng biển). Và nếu các người hẹn giao tranh thì chắc chắn các người sẽ thất bại trong việc hẹn gặp đó. Nhưng (việc giao chiến đã xảy ra) là vì Allah muốn hoàn tất mệnh lệnh mà Ngài đã ban hành: rằng ai tới số chết thì sẽ chết theo bằng chứng rõ rệt và ai sống sót thì sẽ sống theo bằng chứng rõ rệt bởi vì quả thật Allah hằng Nghe và hằng Biết (mọi việc).

43.- Hãy nhớ lại khi Allah đã cho Ngươi nằm mộng thấy (địch) chỉ gồm một thiểu số. Và nếu Ngài cho Ngươi thấy quân số của chúng đông đảo, thì chắc chắn các ngươi sẽ yếu lòng và sẽ cãi nhau về quyết định giao chiến. Nhưng Allah đã cứu các ngươi bởi vì chắc chắn Ngài biết điều nằm trong lòng của mọi người.

44.- Và hãy nhớ lại khi Ngài (Allah) đã cho các người thấy chúng chỉ gồm một thiểu số dưới cặp mắt của các ngươi khi hai bên giáp chiến và Ngài làm cho chúng khinh thường các ngươi dưới cặp mắt của chúng mục đích để cho Allah hoàn tất công việc mà Ngài đã quyết định bởi vì tất cả mọi việc đều phải trình lại cho Allah (để thẩm định).

45.- Hỡi những ai có niềm tin! Khi các người chạm địch hãy kiên quyết (chớ lùi bước) và tưởng nhớ Allah cho thật nhiều để các người có thể chiến thắng.

وَأَطِيعُواْ ٱللَّهَ وَرَسُولَهُۥ وَلَا تَنَٰزَعُواْ فَتَفۡشَلُواْ وَتَذۡهَبَ
رِيحُكُمۡۖ وَٱصۡبِرُوٓاْۚ إِنَّ ٱللَّهَ مَعَ ٱلصَّٰبِرِينَ ٤٦ وَلَا تَكُونُواْ
كَٱلَّذِينَ خَرَجُواْ مِن دِيَٰرِهِم بَطَرٗا وَرِئَآءَ ٱلنَّاسِ وَيَصُدُّونَ
عَن سَبِيلِ ٱللَّهِۚ وَٱللَّهُ بِمَا يَعۡمَلُونَ مُحِيطٞ ٤٧ وَإِذۡ زَيَّنَ
لَهُمُ ٱلشَّيۡطَٰنُ أَعۡمَٰلَهُمۡ وَقَالَ لَا غَالِبَ لَكُمُ ٱلۡيَوۡمَ مِنَ
ٱلنَّاسِ وَإِنِّي جَارٞ لَّكُمۡۖ فَلَمَّا تَرَآءَتِ ٱلۡفِئَتَانِ نَكَصَ
عَلَىٰ عَقِبَيۡهِ وَقَالَ إِنِّي بَرِيٓءٞ مِّنكُمۡ إِنِّيٓ أَرَىٰ مَا لَا
تَرَوۡنَ إِنِّيٓ أَخَافُ ٱللَّهَۚ وَٱللَّهُ شَدِيدُ ٱلۡعِقَابِ ٤٨ إِذۡ يَقُولُ
ٱلۡمُنَٰفِقُونَ وَٱلَّذِينَ فِي قُلُوبِهِم مَّرَضٌ غَرَّ هَٰٓؤُلَآءِ دِينُهُمۡۗ
وَمَن يَتَوَكَّلۡ عَلَى ٱللَّهِ فَإِنَّ ٱللَّهَ عَزِيزٌ حَكِيمٞ ٤٩ وَلَوۡ
تَرَىٰٓ إِذۡ يَتَوَفَّى ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ ٱلۡمَلَٰٓئِكَةُ يَضۡرِبُونَ
وُجُوهَهُمۡ وَأَدۡبَٰرَهُمۡ وَذُوقُواْ عَذَابَ ٱلۡحَرِيقِ ٥٠ ذَٰلِكَ
بِمَا قَدَّمَتۡ أَيۡدِيكُمۡ وَأَنَّ ٱللَّهَ لَيۡسَ بِظَلَّٰمٖ لِّلۡعَبِيدِ ٥١
كَدَأۡبِ ءَالِ فِرۡعَوۡنَ وَٱلَّذِينَ مِن قَبۡلِهِمۡۚ كَفَرُواْ بِـَٔايَٰتِ ٱللَّهِ
فَأَخَذَهُمُ ٱللَّهُ بِذُنُوبِهِمۡۚ إِنَّ ٱللَّهَ قَوِيّٞ شَدِيدُ ٱلۡعِقَابِ ٥٢

46.- Và hãy tuân lệnh Allah và Sứ giả của Ngài và chớ cãi nhau e rằng các ngươi sẽ thối chí và mất ưu thế. Và hãy kiên nhẫn bởi vì quả thật Allah ở cùng với những người kiên nhẫn.

47.- Và chớ giống như những kẻ đã xuất quân từ nhà với dáng điệu diễu võ dương oai cho thiên hạ thấy và mưu định cản trở thiên hạ không cho theo con đường của Allah nhưng Allah bao quát hết mọi việc chúng làm.

48.- Và hãy nhớ lại khi *Shaytān* làm cho việc làm (sai trái) của chúng hấp dẫn đối với chúng bằng cách nói (với chúng): "Ngày này không một ai trong nhân loại có thể chiến thắng được các người bởi vì ta sát cánh với các người." Nhưng khi hai đoàn quân (*Muslim và Kāfir*) đối mặt nhau, thì (*Shaytān*) quay bỏ đi và nói lại (với chúng): "Ta giả biệt các người. Ta thấy điều[1] (thất bại) mà các người không thấy. Ta sợ Allah bởi vì Allah rất nghiêm khắc trong việc trừng phạt.

49.- Và hãy nhớ lại khi các tên đạo đức giả và những ai mang một chứng bệnh (giả dối) trong lòng lên tiếng (về những người Muslim): "Những người này đã bị tôn giáo của họ đối gạt." Nhưng ai tin cậy và phó thác cho Allah thì sẽ thấy quả thật Allah Toàn năng, rất mực Sáng suốt.

50.- Và nếu ngươi có thể chứng kiến được cảnh huống khi Thiên thần bắt hồn những kẻ không tin (lúc chết) bằng cách đập vào mặt và lưng của chúng (và bảo:) "Hãy nếm hình phạt của lửa đốt."

51.- Sở dĩ như thế là vì những điều (tội lỗi) mà bàn tay của các người đã gây ra và rằng Allah không hề bất công đối với bầy tôi của Ngài.

52.- Giống như cung cách của đám thuộc hạ của Fir'aun (Phê-rô) và của những kẻ sống trước chúng: chúng đã phủ nhận các Dấu hiệu của Allah bởi thế Allah đã bắt phạt chúng vì tội lỗi của chúng. Quả thật, Allah rất mạnh và nghiêm khắc trong việc trừng phạt.

---

[1] Con qũy Shatān đã đội lốt Suraqa b.Malik b. Jushum để cổ võ người Quraish ngoại giáo lên đường đi giao chiến tại Badr. Nhưng khi thấy thiên thần trợ chiến, nó bỏ chạy và nói với người Quraish các lời trên.

ذَٰلِكَ بِأَنَّ ٱللَّهَ لَمۡ يَكُ مُغَيِّرٗا نِّعۡمَةً أَنۡعَمَهَا عَلَىٰ قَوۡمٍ حَتَّىٰ يُغَيِّرُواْ مَا بِأَنفُسِهِمۡ وَأَنَّ ٱللَّهَ سَمِيعٌ عَلِيمٞ ٥٣ كَدَأۡبِ ءَالِ فِرۡعَوۡنَ وَٱلَّذِينَ مِن قَبۡلِهِمۡۚ كَذَّبُواْ بِـَٔايَٰتِ رَبِّهِمۡ فَأَهۡلَكۡنَٰهُم بِذُنُوبِهِمۡ وَأَغۡرَقۡنَآ ءَالَ فِرۡعَوۡنَۚ وَكُلّٞ كَانُواْ ظَٰلِمِينَ ٥٤ إِنَّ شَرَّ ٱلدَّوَآبِّ عِندَ ٱللَّهِ ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ فَهُمۡ لَا يُؤۡمِنُونَ ٥٥ ٱلَّذِينَ عَٰهَدتَّ مِنۡهُمۡ ثُمَّ يَنقُضُونَ عَهۡدَهُمۡ فِي كُلِّ مَرَّةٖ وَهُمۡ لَا يَتَّقُونَ ٥٦ فَإِمَّا تَثۡقَفَنَّهُمۡ فِي ٱلۡحَرۡبِ فَشَرِّدۡ بِهِم مَّنۡ خَلۡفَهُمۡ لَعَلَّهُمۡ يَذَّكَّرُونَ ٥٧ وَإِمَّا تَخَافَنَّ مِن قَوۡمٍ خِيَانَةٗ فَٱنۢبِذۡ إِلَيۡهِمۡ عَلَىٰ سَوَآءٍۚ إِنَّ ٱللَّهَ لَا يُحِبُّ ٱلۡخَآئِنِينَ ٥٨ وَلَا يَحۡسَبَنَّ ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ سَبَقُوٓاْۚ إِنَّهُمۡ لَا يُعۡجِزُونَ ٥٩ وَأَعِدُّواْ لَهُم مَّا ٱسۡتَطَعۡتُم مِّن قُوَّةٖ وَمِن رِّبَاطِ ٱلۡخَيۡلِ تُرۡهِبُونَ بِهِۦ عَدُوَّ ٱللَّهِ وَعَدُوَّكُمۡ وَءَاخَرِينَ مِن دُونِهِمۡ لَا تَعۡلَمُونَهُمُ ٱللَّهُ يَعۡلَمُهُمۡۚ وَمَا تُنفِقُواْ مِن شَيۡءٖ فِي سَبِيلِ ٱللَّهِ يُوَفَّ إِلَيۡكُمۡ وَأَنتُمۡ لَا تُظۡلَمُونَ ٦٠ ۞ وَإِن جَنَحُواْ لِلسَّلۡمِ فَٱجۡنَحۡ لَهَا وَتَوَكَّلۡ عَلَى ٱللَّهِۚ إِنَّهُۥ هُوَ ٱلسَّمِيعُ ٱلۡعَلِيمُ ٦١

ربع الحزب ١٩

53.- Sở dĩ như thế là vì Allah không thay đổi ân huệ mà Ngài đã ban cho một đám người (hay dân tộc) trừ phi họ thay đổi điều nằm nơi bản thân của họ. Và quả thật, Allah hằng Nghe và hằng Biết (hết mọi việc).

54.- Giống lề thói của đám thuộc hạ của Fir'aun và những kẻ sống trước chúng: chúng phủ nhận các Dấu hiệu của *Rabb* (Allah) của chúng. Bởi thế, *TA* (Allah) đã tiêu diệt chúng vì tội lỗi của chúng; và *TA* đã nhận đám thuộc hạ của Fir'aun chết chìm bởi vì tất cả bọn chúng đều là những kẻ làm điều sai quấy.

55.- Quả thật, sinh vật xấu nhất đối với Allah là những ai phản bội bởi vì chúng không có đức tin:

56.- Những ai trong bọn chúng đã giao ước với Ngươi rồi sau đó bội ước bất cứ lúc nào và không sợ Allah;

57.- Bởi thế, nếu Ngươi chinh phục được chúng, thì hãy phân tán chúng và những kẻ theo chúng mục đích làm cho chúng nhớ lại (hình phạt cảnh cáo).

58.- Và nếu Ngươi sợ đám người nào bội ước, thì hãy ném trả lại chúng (giao ước của chúng) để được ngang bằng nhau bởi lẽ Allah không yêu thương những kẻ phản bội.

59.- Và chớ để cho những kẻ không có đức tin nghĩ rằng chúng đã trốn thoát khỏi (Allah) bởi vì chúng sẽ không bao giờ phá hỏng được (kế hoạch của Allah).

60.- Và hãy dồn tất cả sức mạnh của các người để chuẩn bị lực lượng sẵn sàng chống lại chúng kể cả các con chiến mã hầu làm cho kẻ thù của Allah và của các người kinh hồn bạt vía và cả các kẻ thù khác nữa mà các ngươi không biết nhưng Allah biết rõ chúng. Và bất cứ cái gì các người chi dùng cho Chính nghĩa của Allah thì sẽ được trả lại đầy đủ cho các người và các người sẽ không bị đối xử bất công.

61.- Nhưng nếu (kẻ thù) chịu hoà thì hãy giải hòa với chúng và phó thác cho Allah bởi vì Ngài (Allah) là Đấng hằng Nghe và hằng Biết (mọi việc).

وَإِن يُرِيدُوٓاْ أَن يَخۡدَعُوكَ فَإِنَّ حَسۡبَكَ ٱللَّهُۚ هُوَ ٱلَّذِيٓ أَيَّدَكَ
بِنَصۡرِهِۦ وَبِٱلۡمُؤۡمِنِينَ ٦٢ وَأَلَّفَ بَيۡنَ قُلُوبِهِمۡۚ لَوۡ أَنفَقۡتَ
مَا فِي ٱلۡأَرۡضِ جَمِيعٗا مَّآ أَلَّفۡتَ بَيۡنَ قُلُوبِهِمۡ وَلَٰكِنَّ ٱللَّهَ
أَلَّفَ بَيۡنَهُمۡۚ إِنَّهُۥ عَزِيزٌ حَكِيمٞ ٦٣ يَٰٓأَيُّهَا ٱلنَّبِيُّ حَسۡبُكَ
ٱللَّهُ وَمَنِ ٱتَّبَعَكَ مِنَ ٱلۡمُؤۡمِنِينَ ٦٤ يَٰٓأَيُّهَا ٱلنَّبِيُّ حَرِّضِ
ٱلۡمُؤۡمِنِينَ عَلَى ٱلۡقِتَالِۚ إِن يَكُن مِّنكُمۡ عِشۡرُونَ صَٰبِرُونَ
يَغۡلِبُواْ مِاْئَتَيۡنِۚ وَإِن يَكُن مِّنكُم مِّاْئَةٞ يَغۡلِبُوٓاْ أَلۡفٗا مِّنَ
ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ بِأَنَّهُمۡ قَوۡمٞ لَّا يَفۡقَهُونَ ٦٥ ٱلۡـَٰٔنَ خَفَّفَ
ٱللَّهُ عَنكُمۡ وَعَلِمَ أَنَّ فِيكُمۡ ضَعۡفٗاۚ فَإِن يَكُن مِّنكُم مِّاْئَةٞ
صَابِرَةٞ يَغۡلِبُواْ مِاْئَتَيۡنِۚ وَإِن يَكُن مِّنكُمۡ أَلۡفٞ يَغۡلِبُوٓاْ
أَلۡفَيۡنِ بِإِذۡنِ ٱللَّهِۗ وَٱللَّهُ مَعَ ٱلصَّٰبِرِينَ ٦٦ مَا كَانَ لِنَبِيٍّ
أَن يَكُونَ لَهُۥٓ أَسۡرَىٰ حَتَّىٰ يُثۡخِنَ فِي ٱلۡأَرۡضِۚ تُرِيدُونَ عَرَضَ
ٱلدُّنۡيَا وَٱللَّهُ يُرِيدُ ٱلۡأٓخِرَةَۗ وَٱللَّهُ عَزِيزٌ حَكِيمٞ ٦٧ لَّوۡلَا كِتَٰبٞ
مِّنَ ٱللَّهِ سَبَقَ لَمَسَّكُمۡ فِيمَآ أَخَذۡتُمۡ عَذَابٌ عَظِيمٞ ٦٨ فَكُلُواْ
مِمَّا غَنِمۡتُمۡ حَلَٰلٗا طَيِّبٗاۚ وَٱتَّقُواْ ٱللَّهَۚ إِنَّ ٱللَّهَ غَفُورٞ رَّحِيمٞ ٦٩

62.- Và nếu chúng có ý định muốn lừa gạt Ngươi thì quả thật Allah đủ giúp Ngươi; Ngài là Đấng sẽ ủng hộ Ngươi với sự trợ giúp của Ngài và với (sự tham gia của) các tín đồ.

63.- Và (hơn nữa) Ngài đã đoàn kết tấm lòng của họ (các tín đồ). Bởi vì nếu Ngươi có chi dùng tất cả những gì trên trái đất (để đoàn kết họ) thì sẽ không thể đoàn kết tấm lòng của họ nổi; ngược lại, chỉ Allah đoàn kết họ được bởi vì Ngài Toàn năng, rất mực Sáng suốt.

64.- Hỡi *Nabi* (Muhammad)! Allah đủ giúp Ngươi và những người có đức tin theo Ngươi.

65.- Hỡi *Nabi* (Muhammad)! Hãy động viên những người tin tưởng đi chiến đấu. Nếu trong các người có hai mươi người kiên nhẫn thì họ sẽ đánh bại hai trăm kẻ địch; nếu có một trăm (tín đồ kiên nhẫn) thì họ sẽ đánh bại một ngàn người không đức tin bởi vì chúng là đám người không hiểu biết gì.

66.- Bây giờ Allah giảm bớt (trách nhiệm) cho các người bởi vì Ngài biết các người còn có một điểm yếu. Bởi thế, nếu trong các người có một trăm tín đồ kiên nhẫn thì họ sẽ đánh bại hai trăm người của địch và nếu có một ngàn tín đồ kiên nhẫn thì họ sẽ đánh bại hai ngàn quân địch với sự chấp thuận của Allah bởi vì Allah sát cánh với những người kiên nhẫn.

67.- Một *Nabi* không được phép giữ các tù binh chiến tranh cho mình trừ phi Người bình định xong lãnh thổ. Các người mong muốn các mối lợi tạm bợ của trần gian nhưng Allah lại mong nhìn về Đời sau. Và Allah Toàn năng, rất mực Sáng suốt.

68.- Nếu không vì một Sắc chỉ của Allah đã được ban hành thì chắc chắn các người sẽ phải chịu một hình phạt to lớn về các (khoản tiền chuộc mạng) mà các người đã lấy.

69.- Nhưng bây giờ hãy vui vẻ hưởng các món hợp pháp và tốt sạch mà các người đã tịch thu trong chiến tranh nhưng hãy sợ Allah. Quả thật, Allah hằng Tha thứ, rất mực Khoan dung.

يَٰٓأَيُّهَا ٱلنَّبِيُّ قُل لِّمَن فِيٓ أَيۡدِيكُم مِّنَ ٱلۡأَسۡرَىٰٓ إِن يَعۡلَمِ ٱللَّهُ فِي قُلُوبِكُمۡ خَيۡرٗا يُؤۡتِكُمۡ خَيۡرٗا مِّمَّآ أُخِذَ مِنكُمۡ وَيَغۡفِرۡ لَكُمۡۚ وَٱللَّهُ غَفُورٞ رَّحِيمٞ ٧٠ وَإِن يُرِيدُواْ خِيَانَتَكَ فَقَدۡ خَانُواْ ٱللَّهَ مِن قَبۡلُ فَأَمۡكَنَ مِنۡهُمۡۗ وَٱللَّهُ عَلِيمٌ حَكِيمٌ ٧١ إِنَّ ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ وَهَاجَرُواْ وَجَٰهَدُواْ بِأَمۡوَٰلِهِمۡ وَأَنفُسِهِمۡ فِي سَبِيلِ ٱللَّهِ وَٱلَّذِينَ ءَاوَواْ وَّنَصَرُوٓاْ أُوْلَٰٓئِكَ بَعۡضُهُمۡ أَوۡلِيَآءُ بَعۡضٖۚ وَٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ وَلَمۡ يُهَاجِرُواْ مَا لَكُم مِّن وَلَٰيَتِهِم مِّن شَيۡءٍ حَتَّىٰ يُهَاجِرُواْۚ وَإِنِ ٱسۡتَنصَرُوكُمۡ فِي ٱلدِّينِ فَعَلَيۡكُمُ ٱلنَّصۡرُ إِلَّا عَلَىٰ قَوۡمِۭ بَيۡنَكُمۡ وَبَيۡنَهُم مِّيثَٰقٞۗ وَٱللَّهُ بِمَا تَعۡمَلُونَ بَصِيرٞ ٧٢ وَٱلَّذِينَ كَفَرُواْ بَعۡضُهُمۡ أَوۡلِيَآءُ بَعۡضٍۚ إِلَّا تَفۡعَلُوهُ تَكُن فِتۡنَةٞ فِي ٱلۡأَرۡضِ وَفَسَادٞ كَبِيرٞ ٧٣ وَٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ وَهَاجَرُواْ وَجَٰهَدُواْ فِي سَبِيلِ ٱللَّهِ وَٱلَّذِينَ ءَاوَواْ وَّنَصَرُوٓاْ أُوْلَٰٓئِكَ هُمُ ٱلۡمُؤۡمِنُونَ حَقّٗاۚ لَّهُم مَّغۡفِرَةٞ وَرِزۡقٞ كَرِيمٞ ٧٤ وَٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ مِنۢ بَعۡدُ وَهَاجَرُواْ وَجَٰهَدُواْ مَعَكُمۡ فَأُوْلَٰٓئِكَ مِنكُمۡۚ وَأُوْلُواْ ٱلۡأَرۡحَامِ بَعۡضُهُمۡ أَوۡلَىٰ بِبَعۡضٖ فِي كِتَٰبِ ٱللَّهِۚ إِنَّ ٱللَّهَ بِكُلِّ شَيۡءٍ عَلِيمُۢ ٧٥

70.- Hỡi *Nabi* (Muhammad)! Hãy bảo các tù binh nằm trong tay kiểm soát của các ngươi: "Nếu Allah biết có điều nào tốt trong lòng của các ngươi, Ngài sẽ ban cho các ngươi món vật tốt hơn vật của các ngươi đã bị tịch thu và sẽ tha thứ cho các ngươi bởi vì Allah hằng Tha thứ, rất mực Khoan dung."

71.- Và nếu chúng (các người ngoại đạo tại Makkah) có ý lừa đảo Ngươi (hỡi *Nabi*!) thì chúng cũng đã lừa đảo Allah trước rồi, bởi thế Ngài đã ban cho (Ngươi) sức mạnh để thắng chúng bởi vì Allah Biết hết, rất mực Sáng suốt.

72.- Chắc chắn những ai có đức tin (và vì tín ngưỡng của họ) đã di cư đi tị nạn và hy sinh cả tài sản lẫn sinh mạng của họ cho Chính nghĩa của Allah và những ai đã cho họ (những người di cư) chỗ tị nạn và giúp đỡ họ là đồng minh bảo vệ lẫn nhau; còn những ai có đức tin nhưng không di cư thì các người không có bổn phận phải bảo vệ họ về bất cứ điều gì trừ phi họ di cư đi tị nạn. Và nếu vì lý do tôn giáo, họ yêu cầu các ngươi bảo vệ họ thì các ngươi có bổn phận giúp đỡ họ ngoại trừ đối với đám người mà giữa họ và các người đã ký một thoả hiệp tương trợ; và nên nhớ rằng Allah biết hết mọi điều các ngươi làm.

73.- Ngược lại, những ai không có đức tin thì là đồng minh lẫn nhau trừ phi các người thực hiện điều này: ('Hãy bảo vệ lẫn nhau.') (Nếu không thế thì) áp bức và loạn lạc sẽ đầy dẫy (khắp nơi) trên trái đất và sẽ có sự thối nát lớn lao.

74.- Và những ai có đức tin và di cư và chiến đấu cho Chính nghĩa của Allah và những ai chứa chấp họ và giúp đỡ họ, những người này là những người thực sự có đức tin. Họ sẽ được (Allah) tha thứ và sẽ được bổng lộc dồi dào.

75.- Và những ai tin tưởng sau đó và di cư tị nạn và chiến đấu cùng với các ngươi (cho Chính nghĩa của Allah) thì là người của các người; tuy nhiên, trong Kinh sách của Allah thì bà con ruột thịt gần nhau (trong việc hưởng gia tài) hơn (là những người anh em trong đạo). Và Allah biết hết mọi việc.

سُورَةُ التَّوۡبَةِ

بَرَآءَةٞ مِّنَ ٱللَّهِ وَرَسُولِهِۦٓ إِلَى ٱلَّذِينَ عَٰهَدتُّم مِّنَ ٱلۡمُشۡرِكِينَ ١ فَسِيحُواْ فِي ٱلۡأَرۡضِ أَرۡبَعَةَ أَشۡهُرٖ وَٱعۡلَمُوٓاْ أَنَّكُمۡ غَيۡرُ مُعۡجِزِي ٱللَّهِ وَأَنَّ ٱللَّهَ مُخۡزِي ٱلۡكَٰفِرِينَ ٢ وَأَذَٰنٞ مِّنَ ٱللَّهِ وَرَسُولِهِۦٓ إِلَى ٱلنَّاسِ يَوۡمَ ٱلۡحَجِّ ٱلۡأَكۡبَرِ أَنَّ ٱللَّهَ بَرِيٓءٞ مِّنَ ٱلۡمُشۡرِكِينَ وَرَسُولُهُۥۚ فَإِن تُبۡتُمۡ فَهُوَ خَيۡرٞ لَّكُمۡۖ وَإِن تَوَلَّيۡتُمۡ فَٱعۡلَمُوٓاْ أَنَّكُمۡ غَيۡرُ مُعۡجِزِي ٱللَّهِۗ وَبَشِّرِ ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ بِعَذَابٍ أَلِيمٍ ٣ إِلَّا ٱلَّذِينَ عَٰهَدتُّم مِّنَ ٱلۡمُشۡرِكِينَ ثُمَّ لَمۡ يَنقُصُوكُمۡ شَيۡـٔٗا وَلَمۡ يُظَٰهِرُواْ عَلَيۡكُمۡ أَحَدٗا فَأَتِمُّوٓاْ إِلَيۡهِمۡ عَهۡدَهُمۡ إِلَىٰ مُدَّتِهِمۡۚ إِنَّ ٱللَّهَ يُحِبُّ ٱلۡمُتَّقِينَ ٤ فَإِذَا ٱنسَلَخَ ٱلۡأَشۡهُرُ ٱلۡحُرُمُ فَٱقۡتُلُواْ ٱلۡمُشۡرِكِينَ حَيۡثُ وَجَدتُّمُوهُمۡ وَخُذُوهُمۡ وَٱحۡصُرُوهُمۡ وَٱقۡعُدُواْ لَهُمۡ كُلَّ مَرۡصَدٖۚ فَإِن تَابُواْ وَأَقَامُواْ ٱلصَّلَوٰةَ وَءَاتَوُاْ ٱلزَّكَوٰةَ فَخَلُّواْ سَبِيلَهُمۡۚ إِنَّ ٱللَّهَ غَفُورٞ رَّحِيمٞ ٥ وَإِنۡ أَحَدٞ مِّنَ ٱلۡمُشۡرِكِينَ ٱسۡتَجَارَكَ فَأَجِرۡهُ حَتَّىٰ يَسۡمَعَ كَلَٰمَ ٱللَّهِ ثُمَّ أَبۡلِغۡهُ مَأۡمَنَهُۥۚ ذَٰلِكَ بِأَنَّهُمۡ قَوۡمٞ لَّا يَعۡلَمُونَ ٦

AT-TAUBAH
(Hối Cải)

1.- Allah và Sứ giả của Ngài tuyên bố hủy bỏ thỏa hiệp[1] mà các người đã ký kết với những người thờ thần tượng.

2.- Do đó, trong thời hạn bốn tháng[2], các người được tự do đi lại trong xứ nhưng nên biết rằng các người không thể trốn thoát khỏi Allah (qua mưu định gian dối của các người); và nên biết rằng Allah sẽ hạ nhục những kẻ phủ nhận Ngài.

3.- Và một bản Tuyên cáo[3] từ Allah và Sứ giả của Ngài đã thông báo cho dân chúng tập trung vào ngày đại lễ *Hajj* biết Allah và Sứ giả của Ngài hết can hệ với những người thờ đa thần. Bởi thế, nếu các người (hơi những người thờ đa thần!) hối cải thì điều đó tốt nhất cho các người. Và nếu các người từ chối thì nên biết các người không thể trốn thoát khỏi (bàn tay) của Allah. Và hãy báo cho những kẻ phủ nhận Allah về một sự trừng phạt đau đớn.

4.- Ngoại trừ những người dân đa thần nào mà các ngươi đã ký một thỏa hiệp với họ, rồi sau đó đã không lừa gạt các người về bất cứ điều gì, cũng không tiếp tay cho một ai để chống lại các ngươi; bởi thế, hãy thi hành hiệp ước với họ cho đến khi chấm dứt thời hạn của họ. Bởi vì Allah yêu thương những người ngay chính sợ Allah.

5.- Do đó, khi những tháng cấm đã chấm dứt, hãy đánh và giết những kẻ thờ đa thần ở nơi nào các ngươi tìm thấy chúng; và bắt chúng và vây chúng và mai phục đánh chúng; nhưng nếu chúng hối cải và dâng lễ '*Salāh*' và đóng '*Zakāh*' thì hãy mở đường cho chúng (đi). Bởi vì Allah hằng Tha thứ, rất mực Khoan dung.

6.- Và nếu có một người dân đa thần nào đến xin Ngươi chỗ tị nạn thì hãy che chở giúp y mãi cho đến khi y thấm nhuần lời răn của Allah rồi hộ tống y đến một nơi an toàn. Sở dĩ như thế là vì họ là một đám người không biết gì cả.

---

[1] Danh từ *barā'a* có nghĩa không còn bị ràng buộc nữa, vô can, không dính líu v.v... Đây là chính sách của chính quyền Islam đã được công bố vào tháng Shauwāl năm thứ 9 Hijri của lịch Islam đối với những người thờ đa thần đã vi phạm các thoả hiệp ký kết với người Muslim.

[2] Bốn tháng kể từ tháng Shauwāl, Dhul-qa'dah, Dhul-Hijjah và Muharram.

[3] Bản tuyên cáo mà nội dung gồm từ câu 1-29 của chương này đã do 'Ali b. Abū Tālib đọc nhân cuộc lễ Hajj tháng Dhul Hijjah năm thứ 9 Hijr.

كَيۡفَ يَكُونُ لِلۡمُشۡرِكِينَ عَهۡدٌ عِندَ ٱللَّهِ وَعِندَ رَسُولِهِۦٓ إِلَّا ٱلَّذِينَ عَٰهَدتُّمۡ عِندَ ٱلۡمَسۡجِدِ ٱلۡحَرَامِۖ فَمَا ٱسۡتَقَٰمُواْ لَكُمۡ فَٱسۡتَقِيمُواْ لَهُمۡۚ إِنَّ ٱللَّهَ يُحِبُّ ٱلۡمُتَّقِينَ ٧ كَيۡفَ وَإِن يَظۡهَرُواْ عَلَيۡكُمۡ لَا يَرۡقُبُواْ فِيكُمۡ إِلّٗا وَلَا ذِمَّةٗۚ يُرۡضُونَكُم بِأَفۡوَٰهِهِمۡ وَتَأۡبَىٰ قُلُوبُهُمۡ وَأَكۡثَرُهُمۡ فَٰسِقُونَ ٨ ٱشۡتَرَوۡاْ بِـَٔايَٰتِ ٱللَّهِ ثَمَنٗا قَلِيلٗا فَصَدُّواْ عَن سَبِيلِهِۦٓۚ إِنَّهُمۡ سَآءَ مَا كَانُواْ يَعۡمَلُونَ ٩ لَا يَرۡقُبُونَ فِي مُؤۡمِنٍ إِلّٗا وَلَا ذِمَّةٗۚ وَأُوْلَٰٓئِكَ هُمُ ٱلۡمُعۡتَدُونَ ١٠ فَإِن تَابُواْ وَأَقَامُواْ ٱلصَّلَوٰةَ وَءَاتَوُاْ ٱلزَّكَوٰةَ فَإِخۡوَٰنُكُمۡ فِي ٱلدِّينِۗ وَنُفَصِّلُ ٱلۡأٓيَٰتِ لِقَوۡمٖ يَعۡلَمُونَ ١١ وَإِن نَّكَثُوٓاْ أَيۡمَٰنَهُم مِّنۢ بَعۡدِ عَهۡدِهِمۡ وَطَعَنُواْ فِي دِينِكُمۡ فَقَٰتِلُوٓاْ أَئِمَّةَ ٱلۡكُفۡرِ إِنَّهُمۡ لَآ أَيۡمَٰنَ لَهُمۡ لَعَلَّهُمۡ يَنتَهُونَ ١٢ أَلَا تُقَٰتِلُونَ قَوۡمٗا نَّكَثُوٓاْ أَيۡمَٰنَهُمۡ وَهَمُّواْ بِإِخۡرَاجِ ٱلرَّسُولِ وَهُم بَدَءُوكُمۡ أَوَّلَ مَرَّةٍۚ أَتَخۡشَوۡنَهُمۡۚ فَٱللَّهُ أَحَقُّ أَن تَخۡشَوۡهُ إِن كُنتُم مُّؤۡمِنِينَ ١٣

7.- Làm sao Allah và Sứ giả của Ngài có thể thỏa hiệp với những người dân đa thần được, ngoại trừ những ai mà các ngươi đã ký một thoả hiệp tại (*Hudaibiyyah*) gần Thánh đường Linh thiêng (tại Makkah)? Chừng nào chúng ngay thẳng với các ngươi thì hãy ngay thẳng lại với chúng bởi vì Allah yêu thương những người ngay chính sợ Ngài.

8.- Làm sao được? Bởi vì nếu chúng nắm ưu thế trên các ngươi, thì chúng sẽ không tôn trọng nơi các ngươi mối quan hệ thân thuộc lẫn thỏa hiệp đã ký kết. Miệng của chúng nói ra lời ngọt ngào để làm vừa lòng các ngươi nhưng lòng dạ của chúng lại không muốn. Và đa số bọn chúng là những kẻ dấy loạn và bất tuân.

9.- Chúng đã bán rẽ các Lời mặc khải của Allah cho nên chúng đã cản (nhiều người) xa khỏi con đường của Ngài. Thật tồi tệ thay điều chúng đã từng làm.

10.- Chúng không tôn trọng nơi một người có đức tin mối quan hệ thân thuộc lẫn hiệp ước đã ký kết. Chính chúng mới là những kẻ vi phạm các ràng buộc.

11.- Nhưng nếu chúng hối cải và năng dâng lễ '*Salāh*' và đóng '*Zakāh*' thì chúng là anh em với các ngươi trong đạo. Và *TA* (Allah) đã giải thích các Lời mặc khải cho một đám người có hiểu biết.

12.- Và nếu chúng vi phạm lời thề sau khi chúng giao ước và thóa mạ tôn giáo của các ngươi thì hãy đánh các lãnh tụ phản trắc đó bởi vì lời thề của chúng chẳng có giá trị gì đối với chúng cả. (Làm thế) may ra chúng mới chịu ngưng (quấy nhiễu).

13.- Phải chăng các ngươi không muốn đánh một đám người đã từng nuốt lời thề, đã âm mưu trục xuất Sứ giả (của Allah) và đã khởi sự tấn công các ngươi trước? Các ngươi sợ chúng hay sao? Không, Allah mới đáng cho các ngươi phải sợ nếu các ngươi thực sự có đức tin.

قَٰتِلُوهُمۡ يُعَذِّبۡهُمُ ٱللَّهُ بِأَيۡدِيكُمۡ وَيُخۡزِهِمۡ وَيَنصُرۡكُمۡ عَلَيۡهِمۡ وَيَشۡفِ صُدُورَ قَوۡمٖ مُّؤۡمِنِينَ ﴿١٤﴾ وَيُذۡهِبۡ غَيۡظَ قُلُوبِهِمۡۗ وَيَتُوبُ ٱللَّهُ عَلَىٰ مَن يَشَآءُۗ وَٱللَّهُ عَلِيمٌ حَكِيمٌ ﴿١٥﴾ أَمۡ حَسِبۡتُمۡ أَن تُتۡرَكُواْ وَلَمَّا يَعۡلَمِ ٱللَّهُ ٱلَّذِينَ جَٰهَدُواْ مِنكُمۡ وَلَمۡ يَتَّخِذُواْ مِن دُونِ ٱللَّهِ وَلَا رَسُولِهِۦ وَلَا ٱلۡمُؤۡمِنِينَ وَلِيجَةٗۚ وَٱللَّهُ خَبِيرُۢ بِمَا تَعۡمَلُونَ ﴿١٦﴾ مَا كَانَ لِلۡمُشۡرِكِينَ أَن يَعۡمُرُواْ مَسَٰجِدَ ٱللَّهِ شَٰهِدِينَ عَلَىٰٓ أَنفُسِهِم بِٱلۡكُفۡرِۚ أُوْلَٰٓئِكَ حَبِطَتۡ أَعۡمَٰلُهُمۡ وَفِي ٱلنَّارِ هُمۡ خَٰلِدُونَ ﴿١٧﴾ إِنَّمَا يَعۡمُرُ مَسَٰجِدَ ٱللَّهِ مَنۡ ءَامَنَ بِٱللَّهِ وَٱلۡيَوۡمِ ٱلۡأٓخِرِ وَأَقَامَ ٱلصَّلَوٰةَ وَءَاتَى ٱلزَّكَوٰةَ وَلَمۡ يَخۡشَ إِلَّا ٱللَّهَۖ فَعَسَىٰٓ أُوْلَٰٓئِكَ أَن يَكُونُواْ مِنَ ٱلۡمُهۡتَدِينَ ﴿١٨﴾ ۞أَجَعَلۡتُمۡ سِقَايَةَ ٱلۡحَآجِّ وَعِمَارَةَ ٱلۡمَسۡجِدِ ٱلۡحَرَامِ كَمَنۡ ءَامَنَ بِٱللَّهِ وَٱلۡيَوۡمِ ٱلۡأٓخِرِ وَجَٰهَدَ فِي سَبِيلِ ٱللَّهِۚ لَا يَسۡتَوُۥنَ عِندَ ٱللَّهِۗ وَٱللَّهُ لَا يَهۡدِي ٱلۡقَوۡمَ ٱلظَّٰلِمِينَ ﴿١٩﴾ ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ وَهَاجَرُواْ وَجَٰهَدُواْ فِي سَبِيلِ ٱللَّهِ بِأَمۡوَٰلِهِمۡ وَأَنفُسِهِمۡ أَعۡظَمُ دَرَجَةً عِندَ ٱللَّهِۚ وَأُوْلَٰٓئِكَ هُمُ ٱلۡفَآئِزُونَ ﴿٢٠﴾

ثلاثة أرباع الحزب ١٩

14.- Hãy đánh chúng! Allah sẽ trừng phạt chúng với bàn tay của các ngươi, và sẽ hạ nhục chúng và sẽ giúp các ngươi đánh thắng chúng và chữa lành lồng ngực của một đám người có đức tin.

15.- Và Ngài (Allah) sẽ xóa đi cơn giận trong lòng của họ và Allah quay lại (khoan dung) cho người nào Ngài muốn bởi vì Allah Toàn Tri, Rất mực Sáng suốt.

16.- Phải chăng các ngươi nghĩ rằng các ngươi sẽ được yên thân trong lúc Allah chưa (thử thách để) biết ai là người sẽ tận lực chiến đấu (cho Chính nghĩa của Ngài) và sẽ không nhận ai ngoài Allah và Sứ giả của Ngài và những người có đức tin làm các vị bảo hộ của họ hay sao? Bởi vì Allah hằng Quen thuộc với những điều các ngươi làm.

17.- Những người dân đa thần không xứng đáng làm công việc bảo quản các Thánh đường của Allah bởi vì chúng tự xác nhận mình không có đức tin. Đó là những kẻ mà việc làm sẽ không có kết quả và chúng sẽ vào ở muôn đời trong Lửa (của Hỏa ngục).

18.- Chỉ ai tin nơi Allah và Ngày (Phán xử) Cuối cùng và năng dâng lễ '*Salāh*' và đóng '*Zakāh*' và không sợ ai mà chỉ sợ riêng Allah thôi mới là những người chăm sóc và bảo quản các Thánh đường của Allah. May ra họ là những người sẽ được hướng dẫn.

19.- Phải chăng các ngươi cho rằng việc cung cấp nước uống cho những người đến làm *Hajj* và việc trông coi bảo quản Thánh đường Linh thiêng (tại Makkah) bằng với một người có đức tin nơi Allah và Ngày (Phán xử) Cuối cùng và chiến đấu anh dũng cho Chính-nghĩa của Allah hay sao? Đối với Allah, họ không ngang bằng nhau. Và Allah không hướng dẫn đám người làm điều sai quấy.

20.- Đối với Allah, những ai có đức tin và đã di cư (đi tị nạn) và đã tận lực chiến đấu cho Chính-nghĩa của Allah, vừa hy sinh cả tài sản lẫn sinh mạng của họ, sẽ có cấp bậc cao. Và họ là những người sẽ thành đạt.

يُبَشِّرُهُمْ رَبُّهُم بِرَحْمَةٍ مِّنْهُ وَرِضْوَٰنٍ وَجَنَّٰتٍ لَّهُمْ فِيهَا
نَعِيمٌ مُّقِيمٌ ﴿٢١﴾ خَٰلِدِينَ فِيهَآ أَبَدًاۚ إِنَّ ٱللَّهَ عِندَهُۥٓ أَجْرٌ
عَظِيمٌ ﴿٢٢﴾ يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ لَا تَتَّخِذُوٓاْ ءَابَآءَكُمْ
وَإِخْوَٰنَكُمْ أَوْلِيَآءَ إِنِ ٱسْتَحَبُّواْ ٱلْكُفْرَ عَلَى ٱلْإِيمَٰنِۚ
وَمَن يَتَوَلَّهُم مِّنكُمْ فَأُوْلَٰٓئِكَ هُمُ ٱلظَّٰلِمُونَ ﴿٢٣﴾ قُلْ إِن
كَانَ ءَابَآؤُكُمْ وَأَبْنَآؤُكُمْ وَإِخْوَٰنُكُمْ وَأَزْوَٰجُكُمْ
وَعَشِيرَتُكُمْ وَأَمْوَٰلٌ ٱقْتَرَفْتُمُوهَا وَتِجَٰرَةٌ تَخْشَوْنَ
كَسَادَهَا وَمَسَٰكِنُ تَرْضَوْنَهَآ أَحَبَّ إِلَيْكُم مِّنَ ٱللَّهِ
وَرَسُولِهِۦ وَجِهَادٍ فِي سَبِيلِهِۦ فَتَرَبَّصُواْ حَتَّىٰ يَأْتِيَ ٱللَّهُ
بِأَمْرِهِۦۗ وَٱللَّهُ لَا يَهْدِي ٱلْقَوْمَ ٱلْفَٰسِقِينَ ﴿٢٤﴾ لَقَدْ نَصَرَكُمُ
ٱللَّهُ فِي مَوَاطِنَ كَثِيرَةٍ وَيَوْمَ حُنَيْنٍ إِذْ أَعْجَبَتْكُمْ
كَثْرَتُكُمْ فَلَمْ تُغْنِ عَنكُمْ شَيْـًٔا وَضَاقَتْ عَلَيْكُمُ
ٱلْأَرْضُ بِمَا رَحُبَتْ ثُمَّ وَلَّيْتُم مُّدْبِرِينَ ﴿٢٥﴾ ثُمَّ أَنزَلَ ٱللَّهُ
سَكِينَتَهُۥ عَلَىٰ رَسُولِهِۦ وَعَلَى ٱلْمُؤْمِنِينَ وَأَنزَلَ جُنُودًا
لَّمْ تَرَوْهَا وَعَذَّبَ ٱلَّذِينَ كَفَرُواْۚ وَذَٰلِكَ جَزَآءُ ٱلْكَٰفِرِينَ ﴿٢٦﴾

21.- *Rabb* (Allah) của họ sẽ báo cho họ tin vui về sự Khoan-dung và sự Hài-lòng của Ngài và về các Ngôi-vườn (Thiên đàng) dành ân thưởng họ; trong đó họ sẽ hưởng niềm hạnh phúc vĩnh cửu.

22.- Họ sẽ ở trong đó đời đời. Quả thật, Allah có một phần thưởng to lớn nơi Ngài.

23.- Hỡi những ai có niềm tin! Nếu cha mẹ và anh em của các ngươi yêu sự không tin hơn đức tin (nơi Allah) thì chớ nhận họ làm người bảo hộ của các ngươi. Và ai trong các ngươi quay về kết thân với họ thì là những kẻ làm điều sai quấy.

24.- Hãy bảo họ: "Nếu cha mẹ, con cái, anh em, các bà vợ, dòng họ của các ngươi và tài sản mà các ngươi tậu được, và việc mua bán mà các ngươi sợ thất bại hoặc biệt thự xinh đẹp mà các ngươi thích thú (tất cả các thứ đó) quí giá đối với các ngươi hơn Allah và Sứ giả của Ngài và hơn việc chiến đấu cho Chính-nghĩa của Ngài thì hãy đợi cho đến khi Allah sẽ ban hành quyết định của Ngài xuống bởi vì Allah không hướng dẫn dắt một đám người dấy loạn và bất tuân".

25.- Chắc chắn Allah đã trợ giúp các ngươi tại nhiều chiến trường và vào ngày các ngươi chạm địch tại *Hunayn*[1]. Này, quân số đông đảo của các ngươi làm cho các ngươi tự mãn nhưng chúng chẳng giúp ích gì được cho các ngươi. (Lúc đó) đất đai tuy rộng thênh thang bỗng nhiên trở nên chật hẹp đối với các ngươi rồi các ngươi buộc phải đánh tháo lui.

26.- Rồi Allah ban sự trầm tĩnh xuống cho Sứ giả của Ngài và cho các tín đồ và gởi các viện binh (Thiên thần) mà các ngươi không nhìn thấy được (đến trợ lực các ngươi), và Ngài trừng phạt những kẻ không có đức tin. Và đó là phần phạt của những kẻ phủ nhận Allah.

---

[1] Hunayn nằm trên con đường từ Makkah đi Tā-if cách xa Makkah khoảng 14 dặm Anh về phía Đông.

ثُمَّ يَتُوبُ ٱللَّهُ مِنۢ بَعۡدِ ذَٰلِكَ عَلَىٰ مَن يَشَآءُۗ وَٱللَّهُ
غَفُورٞ رَّحِيمٞ ﴿٢٧﴾ يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُوٓاْ إِنَّمَا ٱلۡمُشۡرِكُونَ
نَجَسٞ فَلَا يَقۡرَبُواْ ٱلۡمَسۡجِدَ ٱلۡحَرَامَ بَعۡدَ عَامِهِمۡ هَٰذَاۚ
وَإِنۡ خِفۡتُمۡ عَيۡلَةٗ فَسَوۡفَ يُغۡنِيكُمُ ٱللَّهُ مِن فَضۡلِهِۦٓ
إِن شَآءَۚ إِنَّ ٱللَّهَ عَلِيمٌ حَكِيمٞ ﴿٢٨﴾ قَٰتِلُواْ ٱلَّذِينَ
لَا يُؤۡمِنُونَ بِٱللَّهِ وَلَا بِٱلۡيَوۡمِ ٱلۡأٓخِرِ وَلَا يُحَرِّمُونَ
مَا حَرَّمَ ٱللَّهُ وَرَسُولُهُۥ وَلَا يَدِينُونَ دِينَ ٱلۡحَقِّ مِنَ
ٱلَّذِينَ أُوتُواْ ٱلۡكِتَٰبَ حَتَّىٰ يُعۡطُواْ ٱلۡجِزۡيَةَ عَن يَدٖ
وَهُمۡ صَٰغِرُونَ ﴿٢٩﴾ وَقَالَتِ ٱلۡيَهُودُ عُزَيۡرٌ ٱبۡنُ ٱللَّهِ
وَقَالَتِ ٱلنَّصَٰرَى ٱلۡمَسِيحُ ٱبۡنُ ٱللَّهِۖ ذَٰلِكَ قَوۡلُهُم
بِأَفۡوَٰهِهِمۡۖ يُضَٰهِـُٔونَ قَوۡلَ ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ مِن قَبۡلُۚ
قَٰتَلَهُمُ ٱللَّهُۖ أَنَّىٰ يُؤۡفَكُونَ ﴿٣٠﴾ ٱتَّخَذُوٓاْ أَحۡبَارَهُمۡ
وَرُهۡبَٰنَهُمۡ أَرۡبَابٗا مِّن دُونِ ٱللَّهِ وَٱلۡمَسِيحَ ٱبۡنَ
مَرۡيَمَ وَمَآ أُمِرُوٓاْ إِلَّا لِيَعۡبُدُوٓاْ إِلَٰهٗا وَٰحِدٗاۖ
لَّآ إِلَٰهَ إِلَّا هُوَۚ سُبۡحَٰنَهُۥ عَمَّا يُشۡرِكُونَ ﴿٣١﴾

27.- Rồi sau sự việc (đáng tiếc) đó Allah quay lại tha thứ cho người nào Ngài muốn bởi vì Allah Hằng Tha thứ, Rất mực Khoan dung.

28.- Hỡi những ai có niềm tin! Quả thật, những người dân đa thần không được trong sạch. Bởi thế, sau năm (tế lễ) này của chúng, chớ để cho chúng đến gần Thánh đường Linh thiêng (tại Makkah). Nếu các người sợ nghèo thì Allah sẽ làm cho các người giầu có từ nguồn thiên lộc của Ngài, nếu Ngài muốn; bởi vì Allah Biết hết, Thông suốt (hết mọi việc).

29.- Hãy đánh những ai không tin tưởng nơi Allah và Ngày (Phán xử) Cuối cùng, và không tôn trọng các giới cấm mà Allah và Sứ giả của Ngài đã cấm cũng không chấp nhận tôn giáo của sự Thật trong số những ai đã được ban cho Kinh sách cho đến khi nào chúng chịu thần phục và tự tay chịu trả thuế '*Jizyah*'[1].

30.- Những người Do thái gọi '*Uzayr*' (Ezra) là con trai của Allah và các tín đồ Thiên Chúa giáo gọi *Masīh* ('Isa) là con trai của Allah. Đó là lời nói phát ra từ cửa miệng của họ, bắt chước lời nói của những kẻ đã không có đức tin trước đây. Allah nguyền rủa họ. Sao mà họ lầm lạc đến thế!

31.- Họ đã nhận thầy-tu Do thái (*Ahbār*) và thầy-tu Công giáo (*Ruhbān*) làm chúa của họ thay vì Allah và (nhận cả) *Masīh* ('Isa), con trai của *Maryam*, (làm Chúa của họ nữa) trong lúc họ nhận lệnh chỉ được thờ phụng một Thượng Đế Duy nhất. Không có Thượng Đế nào khác cả duy chỉ Ngài (Allah) (là Thượng Đế). Ngài quang vinh và trong sạch, về những điều (kẻ) mà họ đã tổ hợp với Ngài.

[1] *Jizyah* là một lọai thuế thân đánh trên các công dân không phải là Mulim tức người Do-thái và tín đồ Thiên Chúa giáo sống dưới chính quyền Islam.

يُرِيدُونَ أَن يُطْفِـُٔواْ نُورَ ٱللَّهِ بِأَفْوَٰهِهِمْ وَيَأْبَى ٱللَّهُ إِلَّآ أَن يُتِمَّ نُورَهُۥ وَلَوْ كَرِهَ ٱلْكَٰفِرُونَ ﴿٣٢﴾ هُوَ ٱلَّذِيٓ أَرْسَلَ رَسُولَهُۥ بِٱلْهُدَىٰ وَدِينِ ٱلْحَقِّ لِيُظْهِرَهُۥ عَلَى ٱلدِّينِ كُلِّهِۦ وَلَوْ كَرِهَ ٱلْمُشْرِكُونَ ﴿٣٣﴾ ۞ يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُوٓاْ إِنَّ كَثِيرًا مِّنَ ٱلْأَحْبَارِ وَٱلرُّهْبَانِ لَيَأْكُلُونَ أَمْوَٰلَ ٱلنَّاسِ بِٱلْبَٰطِلِ وَيَصُدُّونَ عَن سَبِيلِ ٱللَّهِۗ وَٱلَّذِينَ يَكْنِزُونَ ٱلذَّهَبَ وَٱلْفِضَّةَ وَلَا يُنفِقُونَهَا فِي سَبِيلِ ٱللَّهِ فَبَشِّرْهُم بِعَذَابٍ أَلِيمٖ ﴿٣٤﴾ يَوْمَ يُحْمَىٰ عَلَيْهَا فِي نَارِ جَهَنَّمَ فَتُكْوَىٰ بِهَا جِبَاهُهُمْ وَجُنُوبُهُمْ وَظُهُورُهُمْۖ هَٰذَا مَا كَنَزْتُمْ لِأَنفُسِكُمْ فَذُوقُواْ مَا كُنتُمْ تَكْنِزُونَ ﴿٣٥﴾ إِنَّ عِدَّةَ ٱلشُّهُورِ عِندَ ٱللَّهِ ٱثْنَا عَشَرَ شَهْرٗا فِي كِتَٰبِ ٱللَّهِ يَوْمَ خَلَقَ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلْأَرْضَ مِنْهَآ أَرْبَعَةٌ حُرُمٞۚ ذَٰلِكَ ٱلدِّينُ ٱلْقَيِّمُۚ فَلَا تَظْلِمُواْ فِيهِنَّ أَنفُسَكُمْۚ وَقَٰتِلُواْ ٱلْمُشْرِكِينَ كَآفَّةٗ كَمَا يُقَٰتِلُونَكُمْ كَآفَّةٗۚ وَٱعْلَمُوٓاْ أَنَّ ٱللَّهَ مَعَ ٱلْمُتَّقِينَ ﴿٣٦﴾

الحِزْبُ ٢٠

32.- Họ muốn dập tắt Ánh-sáng của Allah bằng miệng lưỡi của họ nhưng Allah không chấp thuận (điều đó), ngược lại Ngài muốn hoàn chỉnh Ánh sáng của Ngài mặc dù những kẻ không có đức tin ghét điều đó.

33.- Ngài là Đấng đã cử Sứ giả của Ngài mang Chỉ đạo và tôn giáo của sự Thật (**Islām**) đến để làm cho nó thắng mọi tôn giáo mặc dầu những người dân đa thần không thích.

34.- Hỡi những ai có niềm tin! Quả thật, đa số các thầy-tu Do thái (*Ahbār*) và các thầy-tu Công giáo (*Ruhbān*) đã ăn chặn tài sản của thiên hạ bằng sự giả dối của họ và cản trở người khác theo Chính đạo của Allah; và có những kẻ dự trữ vàng và bạc nhưng không chi dùng nó cho Chính-nghĩa của Allah; hãy báo cho họ biết về một sự trừng phạt đau đớn.

35.- Vào ngày mà nó (vàng bạc tích trữ) sẽ được nung đỏ trong lửa và sẽ được mang đến đóng vào trán, hông và lưng của họ (kèm theo lời phán:) "Đây là vật mà các ngươi tích trữ cho bản thân của các ngươi. Thôi, hãy nếm món (vật) mà các ngươi đã tích trữ."

36.- Quả thật, số tháng (trong một năm) mà Allah đã qui định trong sổ sách của Ngài kể từ ngày tạo thiên lập địa là mười hai (12) tháng, trong đó có bốn tháng linh[1]. Đó là tôn giáo đúng đắn. Bởi thế, chớ làm thiệt hại bản thân mình (bằng cách vi phạm các điều cấm kỵ) trong các tháng linh đó. Và hãy đánh toàn bộ những người dân đa thần giống như chúng đã đánh các người toàn bộ. Và nên biết rằng Allah ở cùng với những người ngay chính sợ Ngài.

---

[1] Các tháng Rajab, Dhul-qa'dah, Dhul-Hijjah và Muharram (tháng 7, 11, 12 và tháng giêng của người Ả-rập)

إِنَّمَا ٱلنَّسِيٓءُ زِيَادَةٞ فِي ٱلۡكُفۡرِۖ يُضَلُّ بِهِ ٱلَّذِينَ
كَفَرُواْ يُحِلُّونَهُۥ عَامٗا وَيُحَرِّمُونَهُۥ عَامٗا لِّيُوَاطِـُٔواْ
عِدَّةَ مَا حَرَّمَ ٱللَّهُ فَيُحِلُّواْ مَا حَرَّمَ ٱللَّهُۚ زُيِّنَ لَهُمۡ
سُوٓءُ أَعۡمَٰلِهِمۡۗ وَٱللَّهُ لَا يَهۡدِي ٱلۡقَوۡمَ ٱلۡكَٰفِرِينَ
٣٧ يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ مَا لَكُمۡ إِذَا قِيلَ لَكُمُ
ٱنفِرُواْ فِي سَبِيلِ ٱللَّهِ ٱثَّاقَلۡتُمۡ إِلَى ٱلۡأَرۡضِۚ أَرَضِيتُم
بِٱلۡحَيَوٰةِ ٱلدُّنۡيَا مِنَ ٱلۡأٓخِرَةِۚ فَمَا مَتَٰعُ ٱلۡحَيَوٰةِ
ٱلدُّنۡيَا فِي ٱلۡأٓخِرَةِ إِلَّا قَلِيلٌ ٣٨ إِلَّا تَنفِرُواْ يُعَذِّبۡكُمۡ
عَذَابًا أَلِيمٗا وَيَسۡتَبۡدِلۡ قَوۡمًا غَيۡرَكُمۡ وَلَا تَضُرُّوهُ
شَيۡـٔٗاۗ وَٱللَّهُ عَلَىٰ كُلِّ شَيۡءٖ قَدِيرٌ ٣٩ إِلَّا تَنصُرُوهُ
فَقَدۡ نَصَرَهُ ٱللَّهُ إِذۡ أَخۡرَجَهُ ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ ثَانِيَ ٱثۡنَيۡنِ
إِذۡ هُمَا فِي ٱلۡغَارِ إِذۡ يَقُولُ لِصَٰحِبِهِۦ لَا تَحۡزَنۡ إِنَّ ٱللَّهَ
مَعَنَاۖ فَأَنزَلَ ٱللَّهُ سَكِينَتَهُۥ عَلَيۡهِ وَأَيَّدَهُۥ بِجُنُودٖ
لَّمۡ تَرَوۡهَا وَجَعَلَ كَلِمَةَ ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ ٱلسُّفۡلَىٰۗ
وَكَلِمَةُ ٱللَّهِ هِيَ ٱلۡعُلۡيَاۗ وَٱللَّهُ عَزِيزٌ حَكِيمٌ ٤٠

37.- Tục lệ dời tháng linh là một minh chứng thêm về sự không tin của chúng: vì tục lệ đó mà những kẻ không tin bị lầm lạc. Có năm chúng cho phép dời lại một tháng linh, nhưng có năm chúng cấm dời. Làm thế để chúng có thể bù lại cho đủ số tháng linh qui định bởi Allah. Bằng cách đó chúng cho phép làm điều mà Allah đã cấm cản. Việc làm điên rồ của chúng lại làm đẹp lòng chúng. Nhưng Allah đã không hướng dẫn một đám người không có niềm tin.

38.- Hỡi những ai có niềm tin! Tại sao khi được yêu cầu ra đi chiến đấu[1] cho Chính nghĩa của Allah, các ngươi ngồi lì dưới đất? Phải chăng các ngươi thích đời sống trần tục này hơn Đời Sau? Nhưng sự hưởng nhàn ở đời này thật là nhỏ nhoi so với Đời Sau.

39.- Trừ phi các ngươi ra đi chiến đấu, nếu không thì Ngài (Allah) sẽ trừng phạt các ngươi đau đớn và sẽ đưa một đám người khác đến thế chỗ của các ngươi và các ngươi chẳng làm thiệt hại được Ngài, bởi vì Allah có toàn quyền chi phối tất cả.

40.- Nếu các ngươi không giúp Người (Nabi Muhammad) (cũng không sao). Bởi vì Allah đã giúp Người khi những kẻ không có đức tin nhất định trục xuất Người đi nơi khác. (Nabi) là người thứ hai trong số hai người trốn trong hang núi. (Nabi) nói với người bạn đồng hành (*Abū Bakr*): "Chớ sợ, bởi vì Allah đang ở cùng với chúng ta." Rồi Allah ban sự trầm tĩnh từ Ngài xuống cho Người và tăng cường Người với thiên binh mà (mắt trần của) các ngươi không nhìn thấy đặng và Ngài làm lịm đi lời nói (huênh hoang) của những kẻ không tin và làm lẫy lừng Lời nói của Allah bởi vì Allah Toàn Năng, Rất mực Sáng suốt.

[1] Các lời mặc khải này đề cập về cuộc chinh phạt Tabūk vào năm thứ 9 Hijrah

ٱنفِرُواْ خِفَافٗا وَثِقَالٗا وَجَٰهِدُواْ بِأَمۡوَٰلِكُمۡ وَأَنفُسِكُمۡ
فِي سَبِيلِ ٱللَّهِۚ ذَٰلِكُمۡ خَيۡرٞ لَّكُمۡ إِن كُنتُمۡ تَعۡلَمُونَ
﴿٤١﴾ لَوۡ كَانَ عَرَضٗا قَرِيبٗا وَسَفَرٗا قَاصِدٗا لَّٱتَّبَعُوكَ
وَلَٰكِنۢ بَعُدَتۡ عَلَيۡهِمُ ٱلشُّقَّةُۚ وَسَيَحۡلِفُونَ بِٱللَّهِ
لَوِ ٱسۡتَطَعۡنَا لَخَرَجۡنَا مَعَكُمۡ يُهۡلِكُونَ أَنفُسَهُمۡ وَٱللَّهُ
يَعۡلَمُ إِنَّهُمۡ لَكَٰذِبُونَ ﴿٤٢﴾ عَفَا ٱللَّهُ عَنكَ لِمَ أَذِنتَ لَهُمۡ
حَتَّىٰ يَتَبَيَّنَ لَكَ ٱلَّذِينَ صَدَقُواْ وَتَعۡلَمَ ٱلۡكَٰذِبِينَ
﴿٤٣﴾ لَا يَسۡتَـٔۡذِنُكَ ٱلَّذِينَ يُؤۡمِنُونَ بِٱللَّهِ وَٱلۡيَوۡمِ ٱلۡأٓخِرِ أَن
يُجَٰهِدُواْ بِأَمۡوَٰلِهِمۡ وَأَنفُسِهِمۡۗ وَٱللَّهُ عَلِيمُۢ بِٱلۡمُتَّقِينَ ﴿٤٤﴾
إِنَّمَا يَسۡتَـٔۡذِنُكَ ٱلَّذِينَ لَا يُؤۡمِنُونَ بِٱللَّهِ وَٱلۡيَوۡمِ ٱلۡأٓخِرِ
وَٱرۡتَابَتۡ قُلُوبُهُمۡ فَهُمۡ فِي رَيۡبِهِمۡ يَتَرَدَّدُونَ ﴿٤٥﴾ ۞ وَلَوۡ
أَرَادُواْ ٱلۡخُرُوجَ لَأَعَدُّواْ لَهُۥ عُدَّةٗ وَلَٰكِن كَرِهَ ٱللَّهُ ٱنۢبِعَاثَهُمۡ
فَثَبَّطَهُمۡ وَقِيلَ ٱقۡعُدُواْ مَعَ ٱلۡقَٰعِدِينَ ﴿٤٦﴾ لَوۡ خَرَجُواْ فِيكُم
مَّا زَادُوكُمۡ إِلَّا خَبَالٗا وَلَأَوۡضَعُواْ خِلَٰلَكُمۡ يَبۡغُونَكُمُ
ٱلۡفِتۡنَةَ وَفِيكُمۡ سَمَّٰعُونَ لَهُمۡۗ وَٱللَّهُ عَلِيمُۢ بِٱلظَّٰلِمِينَ ﴿٤٧﴾

ربع الحزب ٢٠

41.- Hãy lên đường đi chiến đấu (dù được trang bị với phương tiện) nhẹ hay nặng; và hãy tận lực chiến đấu cho Chính nghĩa của Allah với cả tài sản và sinh mạng của các ngươi. Điều đó tốt nhất cho các ngươi nếu các ngươi biết (giá trị của nó).

42.- Nếu họ thấy có một mối lợi gần kề trước mắt và một chuyến đi dễ dàng thì chắc chắn họ sẽ theo Ngươi, nhưng quảng đường viễn chinh (đến Tabūk) quá xa (và nặng nhọc) đối với họ. Và họ đã thề nhân danh Allah (nói:) "Nếu có khả năng, chắc chắn chúng tôi sẽ đi chiến đấu với quí vị." Họ đã tự hủy hoại linh hồn của họ bởi vì Allah biết rõ họ là những kẻ nói dối.

43.- Allah lượng thứ cho Ngươi đó! Tại sao Ngươi cho phép chúng (ở lại nhà) khi chưa hiện rõ cho Ngươi thấy ai nói thật và chưa biết ai nói dối?

44.- Những ai có đức tin nơi Allah và Ngày (Phán xử) Cuối cùng đã không hỏi xin Ngươi miễn đi chiến đấu với cả tài sản và sinh mạng của họ bởi vì Allah biết rõ những người ngay chính sợ Allah.

45.- Chỉ những ai không có đức tin nơi Allah và Ngày Phán xử Cuối cùng và nghi hoặc trong lòng mới xin phép Ngươi (được ở lại nhà). Bởi vì do nghi hoặc mà chúng đâm ra lưỡng lự.

46.- Và nếu chúng có ý định đi chiến đấu thì chúng đã chuẩn bị (cho cuộc viễn chinh) rồi. Nhưng Allah lại không thích việc chúng đi tham chiến; bởi thế Ngài giữ chúng lại và phán: "Hãy ở lại nhà cùng với những người ở lại."

47.- Nếu chúng có đi tham chiến thì chúng cũng chẳng giúp gì thêm cho các ngươi, ngược lại chúng chỉ làm rối loạn hàng ngũ bằng cách lăng xăng chạy qua chạy lại giữa các ngươi để xúi giục kẻ khác làm loạn và trong các ngươi có một số tín đồ nghe theo chúng; nhưng Allah biết rõ những người làm điều sai quấy.

لَقَدِ ٱبْتَغَوُا۟ ٱلْفِتْنَةَ مِن قَبْلُ وَقَلَّبُوا۟ لَكَ ٱلْأُمُورَ حَتَّىٰ
جَآءَ ٱلْحَقُّ وَظَهَرَ أَمْرُ ٱللَّهِ وَهُمْ كَٰرِهُونَ ﴿٤٨﴾ وَمِنْهُم
مَّن يَقُولُ ٱئْذَن لِّى وَلَا تَفْتِنِّىٓ ۚ أَلَا فِى ٱلْفِتْنَةِ سَقَطُوا۟ ۗ وَإِنَّ
جَهَنَّمَ لَمُحِيطَةٌۢ بِٱلْكَٰفِرِينَ ﴿٤٩﴾ إِن تُصِبْكَ
حَسَنَةٌ تَسُؤْهُمْ ۖ وَإِن تُصِبْكَ مُصِيبَةٌ يَقُولُوا۟ قَدْ
أَخَذْنَآ أَمْرَنَا مِن قَبْلُ وَيَتَوَلَّوا۟ وَّهُمْ فَرِحُونَ ﴿٥٠﴾ قُل
لَّن يُصِيبَنَآ إِلَّا مَا كَتَبَ ٱللَّهُ لَنَا هُوَ مَوْلَىٰنَا ۚ وَعَلَى
ٱللَّهِ فَلْيَتَوَكَّلِ ٱلْمُؤْمِنُونَ ﴿٥١﴾ قُلْ هَلْ تَرَبَّصُونَ بِنَآ إِلَّآ
إِحْدَى ٱلْحُسْنَيَيْنِ ۖ وَنَحْنُ نَتَرَبَّصُ بِكُمْ أَن يُصِيبَكُمُ ٱللَّهُ
بِعَذَابٍ مِّنْ عِندِهِۦٓ أَوْ بِأَيْدِينَا ۖ فَتَرَبَّصُوٓا۟ إِنَّا مَعَكُم
مُّتَرَبِّصُونَ ﴿٥٢﴾ قُلْ أَنفِقُوا۟ طَوْعًا أَوْ كَرْهًا لَّن يُتَقَبَّلَ
مِنكُمْ ۖ إِنَّكُمْ كُنتُمْ قَوْمًا فَٰسِقِينَ ﴿٥٣﴾ وَمَا
مَنَعَهُمْ أَن تُقْبَلَ مِنْهُمْ نَفَقَٰتُهُمْ إِلَّآ أَنَّهُمْ كَفَرُوا۟
بِٱللَّهِ وَبِرَسُولِهِۦ وَلَا يَأْتُونَ ٱلصَّلَوٰةَ إِلَّا وَهُمْ
كُسَالَىٰ وَلَا يُنفِقُونَ إِلَّا وَهُمْ كَٰرِهُونَ ﴿٥٤﴾

48.- Chắc chắn chúng đã tìm cách xúi giục cuộc nổi loạn trước đây và làm đảo lộn công việc, gây thêm khó khăn cho Ngươi cho đến khi xảy ra sự thật; và Mệnh lệnh của Allah tỏ rõ cho họ thấy thì họ càng căm tức thêm.

49.- Trong chúng có người nói: "Xin miễn cho tôi (đi chiến đấu) và chớ thử thách tôi." Há chúng đã không rơi vào vòng thử thách ư? Thật vậy, Hoả ngục đang bao vây những kẻ không có đức tin.

50.- Nếu Ngươi gặp điều phúc lành, chúng buồn bã lắm; nhưng nếu Ngươi gặp hoạn nạn thì chúng lên tiếng ngay: "Chắc chắn chúng tôi đã lo liệu công việc của chúng tôi trước, (nên chúng tôi không hề hấn gì). Và chúng thích thú quay bỏ đi.

51.- Hãy bảo chúng: "Chẳng có điều gì (tốt hay xấu) xảy đến cho chúng tôi cả mà chỉ có điều Allah đã định sẵn cho chúng tôi. Ngài là Đấng Bảo hộ của chúng tôi!" Và những người có đức tin hãy trọn tin mà phó thác cho Allah.

52.- Hãy bảo chúng: "Phải chăng các người đang mong cho bọn ta gặp phải một trong hai điều tốt nhất? (Thắng lợi hoặc tử đạo?) Và bọn ta đang mong việc Allah sẽ tự Ngài giáng hình phạt lên các người hoặc Ngài sẽ dùng bàn tay của bọn ta để trừng trị các người. Bởi thế, hãy trông chờ đi, bọn ta sẽ cùng chờ đợi với các người.

53.- Hãy bảo chúng: "Chi dùng (cho Chính nghĩa của Allah) tự nguyện hay không, là do các người. Nhưng nó sẽ không được chấp nhận từ các người bởi lẽ các người là một đám người dấy loạn và bất tuân.

54.- Và lý do tại sao việc đóng góp của chúng không được chấp nhận là vì chúng đã phủ nhận Allah và Sứ giả của Ngài và chúng đến dâng lễ '*Salāh*' một cách uể oải và miễn cưỡng chi dùng (tài sản của chúng cho Chính nghĩa của Allah).

فَلَا تُعۡجِبۡكَ أَمۡوَٰلُهُمۡ وَلَآ أَوۡلَٰدُهُمۡۚ إِنَّمَا يُرِيدُ ٱللَّهُ لِيُعَذِّبَهُم بِهَا فِي ٱلۡحَيَوٰةِ ٱلدُّنۡيَا وَتَزۡهَقَ أَنفُسُهُمۡ وَهُمۡ كَٰفِرُونَ ﴿٥٥﴾ وَيَحۡلِفُونَ بِٱللَّهِ إِنَّهُمۡ لَمِنكُمۡ وَمَا هُم مِّنكُمۡ وَلَٰكِنَّهُمۡ قَوۡمٞ يَفۡرَقُونَ ﴿٥٦﴾ لَوۡ يَجِدُونَ مَلۡجَـًٔا أَوۡ مَغَٰرَٰتٍ أَوۡ مُدَّخَلٗا لَّوَلَّوۡاْ إِلَيۡهِ وَهُمۡ يَجۡمَحُونَ ﴿٥٧﴾ وَمِنۡهُم مَّن يَلۡمِزُكَ فِي ٱلصَّدَقَٰتِ فَإِنۡ أُعۡطُواْ مِنۡهَا رَضُواْ وَإِن لَّمۡ يُعۡطَوۡاْ مِنۡهَآ إِذَا هُمۡ يَسۡخَطُونَ ﴿٥٨﴾ وَلَوۡ أَنَّهُمۡ رَضُواْ مَآ ءَاتَىٰهُمُ ٱللَّهُ وَرَسُولُهُۥ وَقَالُواْ حَسۡبُنَا ٱللَّهُ سَيُؤۡتِينَا ٱللَّهُ مِن فَضۡلِهِۦ وَرَسُولُهُۥٓ إِنَّآ إِلَى ٱللَّهِ رَٰغِبُونَ ﴿٥٩﴾ ۞ إِنَّمَا ٱلصَّدَقَٰتُ لِلۡفُقَرَآءِ وَٱلۡمَسَٰكِينِ وَٱلۡعَٰمِلِينَ عَلَيۡهَا وَٱلۡمُؤَلَّفَةِ قُلُوبُهُمۡ وَفِي ٱلرِّقَابِ وَٱلۡغَٰرِمِينَ وَفِي سَبِيلِ ٱللَّهِ وَٱبۡنِ ٱلسَّبِيلِۖ فَرِيضَةٗ مِّنَ ٱللَّهِۗ وَٱللَّهُ عَلِيمٌ حَكِيمٞ ﴿٦٠﴾ وَمِنۡهُمُ ٱلَّذِينَ يُؤۡذُونَ ٱلنَّبِيَّ وَيَقُولُونَ هُوَ أُذُنٞۚ قُلۡ أُذُنُ خَيۡرٖ لَّكُمۡ يُؤۡمِنُ بِٱللَّهِ وَيُؤۡمِنُ لِلۡمُؤۡمِنِينَ وَرَحۡمَةٞ لِّلَّذِينَ ءَامَنُواْ مِنكُمۡۚ وَٱلَّذِينَ يُؤۡذُونَ رَسُولَ ٱللَّهِ لَهُمۡ عَذَابٌ أَلِيمٞ ﴿٦١﴾

نصف الحزب ٢٠

55.- Bởi vậy chớ để cho tài sản và con cái của chúng làm Ngươi trầm trồ. Thật ra, Allah chỉ muốn dùng những thứ đó để trừng phạt chúng trên thế gian này và để cho linh hồn của chúng ra đi vĩnh viễn trong tình trạng chúng là những kẻ phủ nhận đức tin.

56.- Và chúng thề nhân danh Allah rằng chúng thực sự là thành phần của các ngươi (Muslim) nhưng chúng không phải là người của các ngươi; ngược lại, chúng là một đám người sợ (các ngươi).

57.- Nếu chúng có thể tìm được một chỗ để trốn, dù đó là một cái hang hoặc là một nơi ẩn náu thì chúng sẽ quay mình cắm đầu chạy đến đó.

58.- Và trong bọn chúng có kẻ đã xuyên tạc Ngươi về việc chia của bố thí. Nếu chúng được chia phần thì chúng hả dạ; ngược lại, nếu không được chia phần thì chúng đùng đùng nổi giận.

59.- Và nếu chúng bằng lòng với phần chia mà Allah và Sứ giả của Ngài ban cấp và nói: "Allah đủ cho chúng tôi! Allah và Sứ giả của Ngài sẽ sớm ban thiên lộc của Ngài cho chúng tôi. Chúng tôi đặt hy vọng nơi Allah."

60.- Thật ra, của bố thí chỉ dành cho người nghèo, người thiếu thốn, người thu và quản lý của bố thí, những người mà tấm lòng của họ vừa mới hài hoà (với chân-lý của *Islām*), những người bị giam cầm (nô-lệ hay tù binh chiến tranh), những người mắc nợ, dùng để phục vụ Chính-nghĩa của Allah, và những người lỡ đường xa. Đó là Mệnh lệnh của Allah bởi vì Allah Biết hết, Rất mực Sáng suốt.

61.- Và trong bọn chúng có kẻ đã xúc phạm *Nabi* (Muhammad) bởi vì chúng nói: "Người thật lắm tai." Hãy bảo chúng: "Người nghe điều gì tốt cho các ngươi. Người tin tưởng nơi Allah, tin cậy các tín đồ và là một hồng ân cho những ai có đức tin." Và những ai xúc phạm Sứ giả của Allah thì sẽ nhận một sự trừng phạt đau đớn.

يَحۡلِفُونَ بِٱللَّهِ لَكُمۡ لِيُرۡضُوكُمۡ وَٱللَّهُ وَرَسُولُهُۥٓ أَحَقُّ أَن يُرۡضُوهُ إِن كَانُواْ مُؤۡمِنِينَ ﴿٦٢﴾ أَلَمۡ يَعۡلَمُوٓاْ أَنَّهُۥ مَن يُحَادِدِ ٱللَّهَ وَرَسُولَهُۥ فَأَنَّ لَهُۥ نَارَ جَهَنَّمَ خَٰلِدٗا فِيهَاۚ ذَٰلِكَ ٱلۡخِزۡيُ ٱلۡعَظِيمُ ﴿٦٣﴾ يَحۡذَرُ ٱلۡمُنَٰفِقُونَ أَن تُنَزَّلَ عَلَيۡهِمۡ سُورَةٞ تُنَبِّئُهُم بِمَا فِي قُلُوبِهِمۡۚ قُلِ ٱسۡتَهۡزِءُوٓاْ إِنَّ ٱللَّهَ مُخۡرِجٞ مَّا تَحۡذَرُونَ ﴿٦٤﴾ وَلَئِن سَأَلۡتَهُمۡ لَيَقُولُنَّ إِنَّمَا كُنَّا نَخُوضُ وَنَلۡعَبُۚ قُلۡ أَبِٱللَّهِ وَءَايَٰتِهِۦ وَرَسُولِهِۦ كُنتُمۡ تَسۡتَهۡزِءُونَ ﴿٦٥﴾ لَا تَعۡتَذِرُواْ قَدۡ كَفَرۡتُم بَعۡدَ إِيمَٰنِكُمۡۚ إِن نَّعۡفُ عَن طَآئِفَةٖ مِّنكُمۡ نُعَذِّبۡ طَآئِفَةَۢ بِأَنَّهُمۡ كَانُواْ مُجۡرِمِينَ ﴿٦٦﴾ ٱلۡمُنَٰفِقُونَ وَٱلۡمُنَٰفِقَٰتُ بَعۡضُهُم مِّنۢ بَعۡضٖۚ يَأۡمُرُونَ بِٱلۡمُنكَرِ وَيَنۡهَوۡنَ عَنِ ٱلۡمَعۡرُوفِ وَيَقۡبِضُونَ أَيۡدِيَهُمۡۚ نَسُواْ ٱللَّهَ فَنَسِيَهُمۡۚ إِنَّ ٱلۡمُنَٰفِقِينَ هُمُ ٱلۡفَٰسِقُونَ ﴿٦٧﴾ وَعَدَ ٱللَّهُ ٱلۡمُنَٰفِقِينَ وَٱلۡمُنَٰفِقَٰتِ وَٱلۡكُفَّارَ نَارَ جَهَنَّمَ خَٰلِدِينَ فِيهَاۚ هِيَ حَسۡبُهُمۡۚ وَلَعَنَهُمُ ٱللَّهُۖ وَلَهُمۡ عَذَابٞ مُّقِيمٞ ﴿٦٨﴾

62.- Chúng mang Allah ra thề thốt với các ngươi để làm hài lòng các ngươi nhưng đúng ra, chúng phải làm hài lòng Allah và Sứ giả của Ngài nếu chúng là những người có đức tin.

63.- Há chúng không biết rằng ai chống đối Allah và Sứ giả của Ngài sẽ chịu (hình phạt của) Lửa (Hỏa ngục) hay sao, nơi mà chúng sẽ vào ở muôn đời? Đó là một sự nhục nhã vô cùng to lớn.

64.- Những người đạo đức giả lo sợ về việc có một chương kinh nói về chúng sẽ được ban xuống, vạch cho chúng biết điều (tội lỗi) nằm trong lòng của chúng. Hãy bảo chúng: "Các người hãy chế nhạo đi!" Quả thật, Allah sẽ mang ra ánh sáng tất cả các điều mà các ngươi đang sợ (thiên hạ biết).

65.- Và nếu Ngươi có hỏi chúng, thì chắc chắn chúng sẽ đáp: "Chúng tôi chỉ nói đùa cho vui." Hãy bảo chúng: "Có phải các ngươi đang chế giễu Allah và các Lời mặc khải của Ngài và Sứ giả của Ngài?

66.- Chớ tìm cách biện bạch. Chắc chắn các ngươi chối bỏ đức tin sau khi các ngươi đã tuyên bố tin tưởng. Nếu *TA* (Allah) lượng thứ cho một thành phần của các ngươi thì *TA* cũng sẽ trừng phạt một thành phần khác bởi vì chúng là những kẻ tội lỗi.

67.- Những người đạo đức giả, nam và nữ, đều như nhau. Chúng truyền lệnh làm điều ác (tội lỗi) và cấm cản làm điều lành (đạo đức) và bụm chặt tay lại (keo kiệt không muốn chi dùng). Chúng quên bẵng Allah nên Allah bỏ quên chúng trở lại. Quả thật, những tên đạo đức giả là những kẻ dấy loạn và bất tuân.

68.- Và Allah hứa với những người đạo đức giả, nam và nữ, và với những kẻ không có đức tin, Lửa của Hỏa ngục, trong đó chúng sẽ vào ở đời đời. Hỏa Ngục đủ cho chúng. Và Allah nguyền rủa chúng và chúng sẽ bị trừng phạt vĩnh viễn.

كَٱلَّذِينَ مِن قَبۡلِكُمۡ كَانُوٓاْ أَشَدَّ مِنكُمۡ قُوَّةٗ وَأَكۡثَرَ أَمۡوَٰلٗا وَأَوۡلَٰدٗا فَٱسۡتَمۡتَعُواْ بِخَلَٰقِهِمۡ فَٱسۡتَمۡتَعۡتُم بِخَلَٰقِكُمۡ كَمَا ٱسۡتَمۡتَعَ ٱلَّذِينَ مِن قَبۡلِكُم بِخَلَٰقِهِمۡ وَخُضۡتُمۡ كَٱلَّذِي خَاضُوٓاْۚ أُوْلَٰٓئِكَ حَبِطَتۡ أَعۡمَٰلُهُمۡ فِي ٱلدُّنۡيَا وَٱلۡأٓخِرَةِۖ وَأُوْلَٰٓئِكَ هُمُ ٱلۡخَٰسِرُونَ ﴿٦٩﴾ أَلَمۡ يَأۡتِهِمۡ نَبَأُ ٱلَّذِينَ مِن قَبۡلِهِمۡ قَوۡمِ نُوحٖ وَعَادٖ وَثَمُودَ وَقَوۡمِ إِبۡرَٰهِيمَ وَأَصۡحَٰبِ مَدۡيَنَ وَٱلۡمُؤۡتَفِكَٰتِۚ أَتَتۡهُمۡ رُسُلُهُم بِٱلۡبَيِّنَٰتِۖ فَمَا كَانَ ٱللَّهُ لِيَظۡلِمَهُمۡ وَلَٰكِن كَانُوٓاْ أَنفُسَهُمۡ يَظۡلِمُونَ ﴿٧٠﴾ وَٱلۡمُؤۡمِنُونَ وَٱلۡمُؤۡمِنَٰتُ بَعۡضُهُمۡ أَوۡلِيَآءُ بَعۡضٖۚ يَأۡمُرُونَ بِٱلۡمَعۡرُوفِ وَيَنۡهَوۡنَ عَنِ ٱلۡمُنكَرِ وَيُقِيمُونَ ٱلصَّلَوٰةَ وَيُؤۡتُونَ ٱلزَّكَوٰةَ وَيُطِيعُونَ ٱللَّهَ وَرَسُولَهُۥٓۚ أُوْلَٰٓئِكَ سَيَرۡحَمُهُمُ ٱللَّهُۗ إِنَّ ٱللَّهَ عَزِيزٌ حَكِيمٞ ﴿٧١﴾ وَعَدَ ٱللَّهُ ٱلۡمُؤۡمِنِينَ وَٱلۡمُؤۡمِنَٰتِ جَنَّٰتٖ تَجۡرِي مِن تَحۡتِهَا ٱلۡأَنۡهَٰرُ خَٰلِدِينَ فِيهَا وَمَسَٰكِنَ طَيِّبَةٗ فِي جَنَّٰتِ عَدۡنٖۚ وَرِضۡوَٰنٞ مِّنَ ٱللَّهِ أَكۡبَرُۚ ذَٰلِكَ هُوَ ٱلۡفَوۡزُ ٱلۡعَظِيمُ ﴿٧٢﴾

69.- Giống như những kẻ trước các người, quyền lực của họ mạnh hơn các người, tài sản và con cái của họ nhiều và đông hơn các người. Họ hưởng thụ phần của họ một thời gian, các người hưởng thụ phần của các ngươi một thời gian giống như những kẻ trước các ngươi đã từng hưởng thụ; và các người đã tán gẫu giống như những kẻ trước các người đã tán gẫu. Đó là những kẻ mà việc làm của chúng chẳng được kết quả nào ở đời này và Đời sau. Và chúng sẽ là những kẻ thua thiệt.

70.- Há chúng chưa hề nghe câu chuyện của những kẻ sống trước chúng hay sao? Đám người của Nūh, của 'Ād, và Thamūd, và đám người của Ibrāhīm và của Madyan và các thị trấn bị lật ngược (do các trận động đất)? Các Sứ giả của họ đã đến gặp họ với những bằng chứng rõ rệt (để khuyên họ, nhưng họ không nghe,) bởi thế không phải Allah bất công với họ mà chính họ tự hại bản thân của mình mà thôi.

71.- Và những người tin tưởng, nam và nữ, là đồng minh bảo vệ lẫn nhau. Họ ra lệnh làm điều lành và cấm cản nhau làm điều dữ và năng dâng lễ '*Salāh*' và đóng '*Zakāh*' và tuân lệnh của Allah và Sứ giả của Ngài. Đó là những người mà Allah khoan dung bởi vì Allah Toàn Năng, Thấu Suốt (tất cả).

72.- Allah hứa với những người có đức tin, nam và nữ, các Ngôi-vườn (Thiên đàng) bên dưới có các dòng sông chảy để vào ở trong đó, với các biệt thự cao sang trong các Thiên đàng vĩnh cửu; nhưng hạnh phúc tột bậc là sự hài lòng của Allah; và đó là một thắng lợi vĩ đại.

يَٰٓأَيُّهَا ٱلنَّبِيُّ جَٰهِدِ ٱلۡكُفَّارَ وَٱلۡمُنَٰفِقِينَ وَٱغۡلُظۡ عَلَيۡهِمۡۚ
وَمَأۡوَىٰهُمۡ جَهَنَّمُۖ وَبِئۡسَ ٱلۡمَصِيرُ ٧٣ يَحۡلِفُونَ بِٱللَّهِ مَا قَالُواْ
وَلَقَدۡ قَالُواْ كَلِمَةَ ٱلۡكُفۡرِ وَكَفَرُواْ بَعۡدَ إِسۡلَٰمِهِمۡ وَهَمُّواْ
بِمَا لَمۡ يَنَالُواْۚ وَمَا نَقَمُوٓاْ إِلَّآ أَنۡ أَغۡنَىٰهُمُ ٱللَّهُ وَرَسُولُهُۥ
مِن فَضۡلِهِۦۚ فَإِن يَتُوبُواْ يَكُ خَيۡرٗا لَّهُمۡۖ وَإِن يَتَوَلَّوۡاْ يُعَذِّبۡهُمُ
ٱللَّهُ عَذَابًا أَلِيمٗا فِي ٱلدُّنۡيَا وَٱلۡأٓخِرَةِۚ وَمَا لَهُمۡ فِي ٱلۡأَرۡضِ
مِن وَلِيّٖ وَلَا نَصِيرٖ ٧٤ ۞ وَمِنۡهُم مَّنۡ عَٰهَدَ ٱللَّهَ لَئِنۡ ءَاتَىٰنَا
مِن فَضۡلِهِۦ لَنَصَّدَّقَنَّ وَلَنَكُونَنَّ مِنَ ٱلصَّٰلِحِينَ
٧٥ فَلَمَّآ ءَاتَىٰهُم مِّن فَضۡلِهِۦ بَخِلُواْ بِهِۦ وَتَوَلَّواْ وَّهُم
مُّعۡرِضُونَ ٧٦ فَأَعۡقَبَهُمۡ نِفَاقٗا فِي قُلُوبِهِمۡ إِلَىٰ يَوۡمِ يَلۡقَوۡنَهُۥ
بِمَآ أَخۡلَفُواْ ٱللَّهَ مَا وَعَدُوهُ وَبِمَا كَانُواْ يَكۡذِبُونَ ٧٧
أَلَمۡ يَعۡلَمُوٓاْ أَنَّ ٱللَّهَ يَعۡلَمُ سِرَّهُمۡ وَنَجۡوَىٰهُمۡ وَأَنَّ ٱللَّهَ
عَلَّٰمُ ٱلۡغُيُوبِ ٧٨ ٱلَّذِينَ يَلۡمِزُونَ ٱلۡمُطَّوِّعِينَ مِنَ
ٱلۡمُؤۡمِنِينَ فِي ٱلصَّدَقَٰتِ وَٱلَّذِينَ لَا يَجِدُونَ إِلَّا جُهۡدَهُمۡ
فَيَسۡخَرُونَ مِنۡهُمۡ سَخِرَ ٱللَّهُ مِنۡهُمۡ وَلَهُمۡ عَذَابٌ أَلِيمٌ ٧٩

ثلاثة أرباع الحزب ٢٠

73.- Hỡi Nabi (Muhammad)! Hãy chiến đấu quyết liệt chống những kẻ không tin và những tên đạo đức giả và hãy cứng rắn đối với chúng, bởi vì nhà ở của chúng là Hỏa ngục, một nơi cư ngụ xấu xa nhất.

74.- Chúng thề nhân danh Allah rằng chúng đã không nói điều gì (xấu) cả, nhưng chắc chắn chúng đã thốt ra lời lẽ phạm thượng và không tin sau khi đã gia nhập Islām và chúng đã mưu định một ý đồ mà chúng không thể thực hiện được. Việc trả thù này của chúng là để đền lại thiên lộc mà Allah và Sứ giả của Ngài đã làm cho chúng thành giầu có. Nếu chúng ăn năn hối cải thì tốt cho chúng; ngược lại, nếu chúng trở lại (con đường thù hận cũ), thì Allah sẽ trừng phạt chúng đau đớn ở đời này và Đời sau. Và chúng sẽ không có một ai trên trái đất để bênh vực và giúp đỡ chúng.

75.- Và trong bọn chúng có người giao ước với Allah (nguyện rằng): 'Nếu Ngài ban cho chúng tôi thiên lộc của Ngài, thì chúng tôi sẽ bố thí (rộng rãi) và sẽ là những người đạo đức.'

76.- Nhưng khi Ngài ban cho chúng thiên lộc, chúng đâm ra keo kiệt và lật lọng và ghét việc thực hiện lời giao ước.

77.- Bởi vì chúng đã bội ước và dối gạt Allah nên Ngài đã trả miếng lại bằng cách đặt sự giả dối vào sâu trong lòng của chúng (kéo dài) mãi cho đến ngày chúng sẽ gặp lại Ngài.

78.- Há chúng không biết rằng Allah biết rõ tư tưởng bí mật và những lời mật nghị của chúng ư? Và (nên biết) rằng Allah biết rõ mọi điều vô hình.

79.- Những ai nói xấu tín đồ có hảo tâm bố thí rộng rãi và chỉ trích những người bố thí tùy khả năng của họ và chê cười họ thì sẽ bị Allah ném trả lại giọng điệu chê cười của chúng và sẽ bị trừng phạt đau đớn.

ٱسْتَغْفِرْ لَهُمْ أَوْ لَا تَسْتَغْفِرْ لَهُمْ إِن تَسْتَغْفِرْ لَهُمْ سَبْعِينَ مَرَّةً فَلَن يَغْفِرَ ٱللَّهُ لَهُمْ ذَٰلِكَ بِأَنَّهُمْ كَفَرُوا۟ بِٱللَّهِ وَرَسُولِهِۦ وَٱللَّهُ لَا يَهْدِى ٱلْقَوْمَ ٱلْفَٰسِقِينَ ﴿٨٠﴾ فَرِحَ ٱلْمُخَلَّفُونَ بِمَقْعَدِهِمْ خِلَٰفَ رَسُولِ ٱللَّهِ وَكَرِهُوٓا۟ أَن يُجَٰهِدُوا۟ بِأَمْوَٰلِهِمْ وَأَنفُسِهِمْ فِى سَبِيلِ ٱللَّهِ وَقَالُوا۟ لَا تَنفِرُوا۟ فِى ٱلْحَرِّ قُلْ نَارُ جَهَنَّمَ أَشَدُّ حَرًّا لَّوْ كَانُوا۟ يَفْقَهُونَ ﴿٨١﴾ فَلْيَضْحَكُوا۟ قَلِيلًا وَلْيَبْكُوا۟ كَثِيرًا جَزَآءًۢ بِمَا كَانُوا۟ يَكْسِبُونَ ﴿٨٢﴾ فَإِن رَّجَعَكَ ٱللَّهُ إِلَىٰ طَآئِفَةٍ مِّنْهُمْ فَٱسْتَـْٔذَنُوكَ لِلْخُرُوجِ فَقُل لَّن تَخْرُجُوا۟ مَعِىَ أَبَدًا وَلَن تُقَٰتِلُوا۟ مَعِىَ عَدُوًّا إِنَّكُمْ رَضِيتُم بِٱلْقُعُودِ أَوَّلَ مَرَّةٍ فَٱقْعُدُوا۟ مَعَ ٱلْخَٰلِفِينَ ﴿٨٣﴾ وَلَا تُصَلِّ عَلَىٰٓ أَحَدٍ مِّنْهُم مَّاتَ أَبَدًا وَلَا تَقُمْ عَلَىٰ قَبْرِهِۦٓ إِنَّهُمْ كَفَرُوا۟ بِٱللَّهِ وَرَسُولِهِۦ وَمَاتُوا۟ وَهُمْ فَٰسِقُونَ ﴿٨٤﴾ وَلَا تُعْجِبْكَ أَمْوَٰلُهُمْ وَأَوْلَٰدُهُمْ إِنَّمَا يُرِيدُ ٱللَّهُ أَن يُعَذِّبَهُم بِهَا فِى ٱلدُّنْيَا وَتَزْهَقَ أَنفُسُهُمْ وَهُمْ كَٰفِرُونَ ﴿٨٥﴾ وَإِذَآ أُنزِلَتْ سُورَةٌ أَنْ ءَامِنُوا۟ بِٱللَّهِ وَجَٰهِدُوا۟ مَعَ رَسُولِهِ ٱسْتَـْٔذَنَكَ أُو۟لُوا۟ ٱلطَّوْلِ مِنْهُمْ وَقَالُوا۟ ذَرْنَا نَكُن مَّعَ ٱلْقَٰعِدِينَ ﴿٨٦﴾

80.- Dẫu Ngươi có xin hoặc không xin (Allah) tha thứ cho chúng (thì tội của chúng sẽ không được dung tha); dẫu Ngươi có cầu xin sự tha thứ cho chúng bảy mươi lần đi nữa, thì Allah vẫn không bao giờ tha thứ cho chúng. Sở dĩ như thế là vì chúng phủ nhận Allah và Sứ giả của Ngài. Và Allah không hướng dẫn một đám người dấy loạn và bất tuân.

81.- Những kẻ được cho phép ở lại nhà (trong chiến dịch Tabuk) vui mừng về việc chúng không đi chiến đấu với Sứ giả của Allah bởi vì chúng ghét việc tham chiến với cả tài sản lẫn sinh mạng của chúng cho Chính-nghĩa của Allah; và chúng nói: "Chớ đi chiến đấu dưới ánh nắng cháy da." Hãy bảo chúng: "Lửa của Hỏa ngục nóng còn dữ hơn sức nóng của mặt trời." Phải chi chúng hiểu điều đó.

82.- Bởi thế, chúng nên cười ít vì sẽ khóc nhiều (xem như) phần phạt về (tội) chúng đã gây ra.

83.- Bởi thế, nếu Allah đưa Ngươi trở về gặp lại một phần tử của bọn chúng và chúng sẽ đến xin phép Ngươi cho chúng đi (tham chiến) với Ngươi thì hãy bảo thẳng chúng: "Các người chớ bao giờ đi chiến đấu với ta cũng chớ bao giờ đi đánh giặc với ta bởi vì ngay từ lúc đầu các người đã chọn việc ở lại nhà thì (bây giờ) cứ tiếp tục ở nhà cùng với những người ở lại."

84.- Và chớ bao giờ cầu lễ cho một người nào của bọn chúng từ trần và chớ đứng gần ngôi mộ của y bởi vì chúng phủ nhận Allah và Sứ giả của Ngài và chết trong tình trạng phản nghịch.

85.- Chớ để cho tài sản lẫn con cái của chúng làm Ngươi trầm trồ bởi vì Allah chỉ muốn dùng các thứ đó để trừng phạt chúng nơi trần gian này và muốn cho chúng vĩnh viễn ra đi trong tình trạng chúng là những kẻ không tin.

86.- Và khi một Chương kinh (của Qur'ān) được ban xuống (truyền) rằng hãy tin tưởng nơi Allah và đi chiến đấu với Sứ giả của Ngài thì những kẻ giầu có trong bọn chúng đến xin phép Ngươi được miễn đi chiến đấu và thưa: "Hãy cho phép chúng tôi ở lại hậu phương cùng với những người ở lại."

رَضُواْ بِأَن يَكُونُواْ مَعَ ٱلۡخَوَالِفِ وَطُبِعَ عَلَىٰ قُلُوبِهِمۡ فَهُمۡ
لَا يَفۡقَهُونَ ﴿٨٧﴾ لَٰكِنِ ٱلرَّسُولُ وَٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ مَعَهُۥ
جَٰهَدُواْ بِأَمۡوَٰلِهِمۡ وَأَنفُسِهِمۡۚ وَأُوْلَٰٓئِكَ لَهُمُ ٱلۡخَيۡرَٰتُۖ
وَأُوْلَٰٓئِكَ هُمُ ٱلۡمُفۡلِحُونَ ﴿٨٨﴾ أَعَدَّ ٱللَّهُ لَهُمۡ جَنَّٰتٖ تَجۡرِي
مِن تَحۡتِهَا ٱلۡأَنۡهَٰرُ خَٰلِدِينَ فِيهَاۚ ذَٰلِكَ ٱلۡفَوۡزُ ٱلۡعَظِيمُ ﴿٨٩﴾
وَجَآءَ ٱلۡمُعَذِّرُونَ مِنَ ٱلۡأَعۡرَابِ لِيُؤۡذَنَ لَهُمۡ وَقَعَدَ ٱلَّذِينَ
كَذَبُواْ ٱللَّهَ وَرَسُولَهُۥۚ سَيُصِيبُ ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ مِنۡهُمۡ عَذَابٌ
أَلِيمٞ ﴿٩٠﴾ لَّيۡسَ عَلَى ٱلضُّعَفَآءِ وَلَا عَلَى ٱلۡمَرۡضَىٰ وَلَا عَلَى ٱلَّذِينَ
لَا يَجِدُونَ مَا يُنفِقُونَ حَرَجٌ إِذَا نَصَحُواْ لِلَّهِ وَرَسُولِهِۦۚ
مَا عَلَى ٱلۡمُحۡسِنِينَ مِن سَبِيلٖۚ وَٱللَّهُ غَفُورٞ رَّحِيمٞ ﴿٩١﴾
وَلَا عَلَى ٱلَّذِينَ إِذَا مَآ أَتَوۡكَ لِتَحۡمِلَهُمۡ قُلۡتَ لَآ أَجِدُ
مَآ أَحۡمِلُكُمۡ عَلَيۡهِ تَوَلَّواْ وَّأَعۡيُنُهُمۡ تَفِيضُ مِنَ ٱلدَّمۡعِ
حَزَنًا أَلَّا يَجِدُواْ مَا يُنفِقُونَ ﴿٩٢﴾ ۞ إِنَّمَا ٱلسَّبِيلُ عَلَى
ٱلَّذِينَ يَسۡتَـٔۡذِنُونَكَ وَهُمۡ أَغۡنِيَآءُۚ رَضُواْ بِأَن يَكُونُواْ
مَعَ ٱلۡخَوَالِفِ وَطَبَعَ ٱللَّهُ عَلَىٰ قُلُوبِهِمۡ فَهُمۡ لَا يَعۡلَمُونَ ﴿٩٣﴾

الجزء ١١ الحزب ٢١

87.- Chúng rất hài lòng được ở lại hậu phương cùng với phụ nữ ở lại (giữ) nhà. Quả tim của chúng bị niêm kín cho nên chúng không hiểu gì cả.

88.- Ngược lại, Sứ giả (Muhammad) cùng với các tín đồ theo Người đã đi chiến đấu với cả tài sản lẫn sinh mạng của họ: đó là những người sẽ được hưởng mọi điều tốt và là những người sẽ có hạnh phúc.

89.- Allah đã chuẩn bị sẵn cho họ các Ngôi-vườn (Thiên đàng) bên dưới có các dòng sông chảy để cho họ vào ở vĩnh viễn. Đó là một thắng lợi rất to lớn.

90.- Trong số người dân Ả-rập của vùng sa-mạc và những ai nói dối Allah và Sứ giả của Ngài để được ở lại nhà, có những kẻ đã đến cáo lỗi với Ngươi để được miễn đi chiến đấu. Những kẻ không có đức tin trong bọn chúng sẽ bị trừng phạt đau đớn.

91.- (Tuy nhiên,) những người yếu đuối, hoặc bệnh tật hoặc nghèo khó không tìm ra phương tiện để đi tham chiến thì sẽ không bị khiển trách (về việc ở lại nhà) miễn sao họ thành thật với Allah và với Sứ giả của Ngài. Bởi vì không có lý do nào để khiển trách những người làm tốt. Và Allah Hằng Tha thứ, Rất mực Khoan dung.

92.- Cũng không bị khiển trách, những ai đã đến gặp Ngươi để nhờ cấp cho phương tiện di chuyển, nhưng Ngươi bảo họ: "Ta không tìm ra phương tiện chuyên chở cho các ngươi," thì họ trở về buồn bã, nước mắt đầm đìa vì đã không tìm ra phương tiện để đóng góp (vào việc tham chiến).

93.- Lý do khiển trách chỉ áp dụng cho những ai có đầy đủ phương tiện nhưng lại đến xin phép Ngươi cho miễn đi tham chiến: chúng hài lòng về việc được ở lại hậu phương với phụ nữ ở lại (giữ) nhà. Allah niêm kín quả tim của chúng nên chúng không biết gì cả.

يَعۡتَذِرُونَ إِلَيۡكُمۡ إِذَا رَجَعۡتُمۡ إِلَيۡهِمۡۚ قُل لَّا تَعۡتَذِرُواْ لَن نُّؤۡمِنَ لَكُمۡ قَدۡ نَبَّأَنَا ٱللَّهُ مِنۡ أَخۡبَارِكُمۡۚ وَسَيَرَى ٱللَّهُ عَمَلَكُمۡ وَرَسُولُهُۥ ثُمَّ تُرَدُّونَ إِلَىٰ عَٰلِمِ ٱلۡغَيۡبِ وَٱلشَّهَٰدَةِ فَيُنَبِّئُكُم بِمَا كُنتُمۡ تَعۡمَلُونَ ﴿٩٤﴾ سَيَحۡلِفُونَ بِٱللَّهِ لَكُمۡ إِذَا ٱنقَلَبۡتُمۡ إِلَيۡهِمۡ لِتُعۡرِضُواْ عَنۡهُمۡۖ فَأَعۡرِضُواْ عَنۡهُمۡۖ إِنَّهُمۡ رِجۡسٞۖ وَمَأۡوَىٰهُمۡ جَهَنَّمُ جَزَآءَۢ بِمَا كَانُواْ يَكۡسِبُونَ ﴿٩٥﴾ يَحۡلِفُونَ لَكُمۡ لِتَرۡضَوۡاْ عَنۡهُمۡۖ فَإِن تَرۡضَوۡاْ عَنۡهُمۡ فَإِنَّ ٱللَّهَ لَا يَرۡضَىٰ عَنِ ٱلۡقَوۡمِ ٱلۡفَٰسِقِينَ ﴿٩٦﴾ ٱلۡأَعۡرَابُ أَشَدُّ كُفۡرٗا وَنِفَاقٗا وَأَجۡدَرُ أَلَّا يَعۡلَمُواْ حُدُودَ مَآ أَنزَلَ ٱللَّهُ عَلَىٰ رَسُولِهِۦۗ وَٱللَّهُ عَلِيمٌ حَكِيمٞ ﴿٩٧﴾ وَمِنَ ٱلۡأَعۡرَابِ مَن يَتَّخِذُ مَا يُنفِقُ مَغۡرَمٗا وَيَتَرَبَّصُ بِكُمُ ٱلدَّوَآئِرَۚ عَلَيۡهِمۡ دَآئِرَةُ ٱلسَّوۡءِۗ وَٱللَّهُ سَمِيعٌ عَلِيمٞ ﴿٩٨﴾ وَمِنَ ٱلۡأَعۡرَابِ مَن يُؤۡمِنُ بِٱللَّهِ وَٱلۡيَوۡمِ ٱلۡأٓخِرِ وَيَتَّخِذُ مَا يُنفِقُ قُرُبَٰتٍ عِندَ ٱللَّهِ وَصَلَوَٰتِ ٱلرَّسُولِۚ أَلَآ إِنَّهَا قُرۡبَةٞ لَّهُمۡۚ سَيُدۡخِلُهُمُ ٱللَّهُ فِي رَحۡمَتِهِۦٓۚ إِنَّ ٱللَّهَ غَفُورٞ رَّحِيمٞ ﴿٩٩﴾

94.- Chúng sẽ đến cáo lỗi với các ngươi khi các ngươi trở về gặp lại chúng. Hãy bảo chúng: "Quí vị chớ cáo lỗi. Chúng tôi sẽ không bao giờ tin tưởng quí vị. Allah đã báo cho chúng tôi biết sự thật về quí vị. Allah và Sứ giả của Ngài sẽ quan sát hành động của quí vị rồi cuối cùng quí vị sẽ được đưa về gặp lại Đấng biết điều bí mật và điều công khai (của quí vị), xong Ngài sẽ báo cho quí vị rõ về các việc (tội lỗi) mà quí vị đã từng làm."

95.- Khi các ngươi trở về gặp lại chúng, chúng sẽ mang Allah ra thề thốt với các người mục đích để cho các người lánh xa chúng. Bởi thế, hãy để mặc chúng bởi vì chúng bẩn thỉu và nhà ở của chúng là Hỏa ngục. Đó là phần (phạt) về tội mà chúng đã làm ra.

96.- Chúng sẽ thề với các người để cho các người hoà thuận lại với chúng. Nhưng nếu các người hài lòng với chúng thì Allah vẫn không hài lòng với những kẻ làm loạn và bất tuân.

97.- Người Ả-rập du mục là những kẻ rất không tin và đạo đức giả và hầu như hoàn toàn không biết gì đến Mệnh lệnh của Allah đã được truyền xuống cho Sứ giả của Ngài. Bởi vì Allah Hằng Biết và Thông suốt (hết lòng dạ và hành động của chúng).

98.- Và trong số người dân Ả-rập du mục có kẻ đã xem của cải mà họ chi dùng (cho Chính-nghĩa của Allah) là một thứ tiền phạt và chúng chờ xem điều bất hạnh xảy đến cho các ngươi. Nhưng chính chúng là nạn nhân của tai ương đó bởi vì Allah Hằng Nghe và Hằng Biết (hết mọi việc).

99.- Nhưng trong số người dân Ả-rập du mục có người tin tưởng nơi Allah và Ngày (Phán xử) Cuối cùng và xem của cải mà họ chi dùng (cho Chính-nghĩa của Allah) là một phương tiện để đưa họ đến gần Allah và để được lời chúc phúc của Sứ giả (Muhammad). Vâng, những thứ đó sẽ đưa họ đến gần (Allah). Allah sẽ sớm khoan dung họ bởi vì Allah Hằng Tha thứ, Rất mực Khoan dung.

وَٱلسَّٰبِقُونَ ٱلْأَوَّلُونَ مِنَ ٱلْمُهَٰجِرِينَ وَٱلْأَنصَارِ وَٱلَّذِينَ ٱتَّبَعُوهُم بِإِحْسَٰنٍ رَّضِيَ ٱللَّهُ عَنْهُمْ وَرَضُوا۟ عَنْهُ وَأَعَدَّ لَهُمْ جَنَّٰتٍ تَجْرِي تَحْتَهَا ٱلْأَنْهَٰرُ خَٰلِدِينَ فِيهَآ أَبَدًا ۚ ذَٰلِكَ ٱلْفَوْزُ ٱلْعَظِيمُ ﴿١٠٠﴾ وَمِمَّنْ حَوْلَكُم مِّنَ ٱلْأَعْرَابِ مُنَٰفِقُونَ ۖ وَمِنْ أَهْلِ ٱلْمَدِينَةِ مَرَدُوا۟ عَلَى ٱلنِّفَاقِ لَا تَعْلَمُهُمْ ۖ نَحْنُ نَعْلَمُهُمْ ۚ سَنُعَذِّبُهُم مَّرَّتَيْنِ ثُمَّ يُرَدُّونَ إِلَىٰ عَذَابٍ عَظِيمٍ ﴿١٠١﴾ وَءَاخَرُونَ ٱعْتَرَفُوا۟ بِذُنُوبِهِمْ خَلَطُوا۟ عَمَلًا صَٰلِحًا وَءَاخَرَ سَيِّئًا عَسَى ٱللَّهُ أَن يَتُوبَ عَلَيْهِمْ ۚ إِنَّ ٱللَّهَ غَفُورٌ رَّحِيمٌ ﴿١٠٢﴾ خُذْ مِنْ أَمْوَٰلِهِمْ صَدَقَةً تُطَهِّرُهُمْ وَتُزَكِّيهِم بِهَا وَصَلِّ عَلَيْهِمْ ۖ إِنَّ صَلَوٰتَكَ سَكَنٌ لَّهُمْ ۗ وَٱللَّهُ سَمِيعٌ عَلِيمٌ ﴿١٠٣﴾ أَلَمْ يَعْلَمُوٓا۟ أَنَّ ٱللَّهَ هُوَ يَقْبَلُ ٱلتَّوْبَةَ عَنْ عِبَادِهِۦ وَيَأْخُذُ ٱلصَّدَقَٰتِ وَأَنَّ ٱللَّهَ هُوَ ٱلتَّوَّابُ ٱلرَّحِيمُ ﴿١٠٤﴾ وَقُلِ ٱعْمَلُوا۟ فَسَيَرَى ٱللَّهُ عَمَلَكُمْ وَرَسُولُهُۥ وَٱلْمُؤْمِنُونَ ۖ وَسَتُرَدُّونَ إِلَىٰ عَٰلِمِ ٱلْغَيْبِ وَٱلشَّهَٰدَةِ فَيُنَبِّئُكُم بِمَا كُنتُمْ تَعْمَلُونَ ﴿١٠٥﴾ وَءَاخَرُونَ مُرْجَوْنَ لِأَمْرِ ٱللَّهِ إِمَّا يُعَذِّبُهُمْ وَإِمَّا يَتُوبُ عَلَيْهِمْ ۗ وَٱللَّهُ عَلِيمٌ حَكِيمٌ ﴿١٠٦﴾

100.- Và những người tiên phong (của Islām) trong số các tín đồ di-cư và trong số các tín đồ trợ-giúp và những ai theo họ trong mọi việc làm tốt thì sẽ được Allah hài lòng với họ cũng như việc họ sẽ được hài lòng với Ngài. Ngài đã chuẩn bị cho họ các Ngôi-vườn (Thiên Đàng) bên dưới có các dòng sông chảy để họ vào ở trong đó đời đời. Đó là một sự thành tựu vĩ đại.

101.- Một số người dân Ả-rập du mục sống xung quanh các người cũng như một số thị dân của thành phố *Madīnah* là những tên đạo đức giả. Chúng quen thói giả dối. Ngươi không biết chúng nhưng *TA* (Allah) biết rõ chúng. *TA* sẽ trừng phạt chúng hai lần. Rồi chúng sẽ được đưa về chịu một sự trừng phạt khủng khiếp.

102.- Còn một số người khác đã nhận tội của họ. Họ đã trộn lẫn việc tốt chung với việc xấu. Có lẽ Allah đoái thương mà tha thứ cho họ bởi vì Allah Hằng Tha thứ, Rất mực Khoan dung.

103.- (Hỡi Sứ Giả)! Hãy nhận của bố thí từ tài sản của họ và dùng nó để tẩy sạch và làm trong sạch họ và hãy cầu nguyện giùm cho họ. Quả thật, lời cầu nguyện của Ngươi là một sự bảo đảm cho họ. Và Allah Hằng Nghe và Biết (hết mọi việc).

104.- Há họ không biết rằng Allah chấp nhận sự hối cải và của bố thí của bầy tôi của Ngài và rằng Allah Hằng Quay lại Tha thứ, Rất mực Khoan dung hay sao?

105.- Hãy bảo họ: "Hãy làm (việc thiện). Allah và Sứ giả của Ngài và những người tin tưởng sẽ quan sát việc làm của các người. Và các người sẽ được đưa về gặp lại Đấng biết điều bí mật và điều công khai. Xong Ngài sẽ cho các người biết về các việc mà các ngươi đã làm."

106.- Còn một số khác bị phạt treo và phải chờ quyết định của Allah hoặc Ngài sẽ trừng phạt hay tha thứ cho họ bởi vì Allah Biết hết và Thông suốt (hoàn cảnh của họ).

وَٱلَّذِينَ ٱتَّخَذُوا۟ مَسْجِدًا ضِرَارًا وَكُفْرًا وَتَفْرِيقًۢا بَيْنَ ٱلْمُؤْمِنِينَ وَإِرْصَادًا لِّمَنْ حَارَبَ ٱللَّهَ وَرَسُولَهُۥ مِن قَبْلُ ۚ وَلَيَحْلِفُنَّ إِنْ أَرَدْنَآ إِلَّا ٱلْحُسْنَىٰ ۖ وَٱللَّهُ يَشْهَدُ إِنَّهُمْ لَكَٰذِبُونَ ﴿١٠٧﴾ لَا تَقُمْ فِيهِ أَبَدًا ۚ لَّمَسْجِدٌ أُسِّسَ عَلَى ٱلتَّقْوَىٰ مِنْ أَوَّلِ يَوْمٍ أَحَقُّ أَن تَقُومَ فِيهِ ۚ فِيهِ رِجَالٌ يُحِبُّونَ أَن يَتَطَهَّرُوا۟ ۚ وَٱللَّهُ يُحِبُّ ٱلْمُطَّهِّرِينَ ﴿١٠٨﴾ أَفَمَنْ أَسَّسَ بُنْيَٰنَهُۥ عَلَىٰ تَقْوَىٰ مِنَ ٱللَّهِ وَرِضْوَٰنٍ خَيْرٌ أَم مَّنْ أَسَّسَ بُنْيَٰنَهُۥ عَلَىٰ شَفَا جُرُفٍ هَارٍ فَٱنْهَارَ بِهِۦ فِى نَارِ جَهَنَّمَ ۗ وَٱللَّهُ لَا يَهْدِى ٱلْقَوْمَ ٱلظَّٰلِمِينَ ﴿١٠٩﴾ لَا يَزَالُ بُنْيَٰنُهُمُ ٱلَّذِى بَنَوْا۟ رِيبَةً فِى قُلُوبِهِمْ إِلَّآ أَن تَقَطَّعَ قُلُوبُهُمْ ۗ وَٱللَّهُ عَلِيمٌ حَكِيمٌ ﴿١١٠﴾ ۞ إِنَّ ٱللَّهَ ٱشْتَرَىٰ مِنَ ٱلْمُؤْمِنِينَ أَنفُسَهُمْ وَأَمْوَٰلَهُم بِأَنَّ لَهُمُ ٱلْجَنَّةَ ۚ يُقَٰتِلُونَ فِى سَبِيلِ ٱللَّهِ فَيَقْتُلُونَ وَيُقْتَلُونَ ۖ وَعْدًا عَلَيْهِ حَقًّا فِى ٱلتَّوْرَىٰةِ وَٱلْإِنجِيلِ وَٱلْقُرْءَانِ ۚ وَمَنْ أَوْفَىٰ بِعَهْدِهِۦ مِنَ ٱللَّهِ ۚ فَٱسْتَبْشِرُوا۟ بِبَيْعِكُمُ ٱلَّذِى بَايَعْتُم بِهِۦ ۚ وَذَٰلِكَ هُوَ ٱلْفَوْزُ ٱلْعَظِيمُ ﴿١١١﴾

ربع الحزب ٢١

107.- Và những kẻ đã xây một thánh đường với ý đồ làm tổn thương và chống đối (**Islām**) và làm chia rẽ hàng ngũ của những người tin tưởng và dùng nó làm một nơi ẩn núp cho kẻ[1] đã từng gây chiến chống Allah và Sứ giả của Ngài trước đây. Và chúng thề thốt, nói: "Chúng tôi chỉ muốn làm điều phúc lành" nhưng Allah xác nhận chúng là những kẻ nói dối.

108.- Ngươi chớ bao giờ đứng (dâng lễ) trong đó. Chắc chắn Thánh đường đã được xây dựng vào ngày đầu tiên (tại *Qubā'*) với lòng ngay chính sợ Allah mới là nơi xứng đáng cho Ngươi đứng dâng lễ trong đó. Trong đó, có người yêu thích việc thanh sạch bản thân. Bởi vì Allah yêu thương những người thanh khiết.

109.- Vậy ai là người tốt nhất? Một người xây dựng thánh đường với lòng ngay chính sợ Allah và muốn làm hài lòng Ngài và một người xây dựng thánh đường trên một bờ đê rạn nứt chỉ chờ sụp xuống Hỏa Ngục cùng với y? Bởi vì Allah không hướng dẫn một đám người làm điều sai quấy.

110.- Ngôi thánh đường mà chúng xây dựng sẽ không bao giờ chấm dứt nỗi ngờ vực trong lòng của chúng trừ phi trái tim của chúng bị cắt ra làm hai (thì mới hết). Bởi vì Allah Hằng Biết và Thông Suốt hết (nỗi lòng của chúng).

111.- Quả thật, Allah đã mua từ những người tin tưởng sinh mạng và tài sản của họ để đổi lại cho họ Thiên đàng. Họ đã chiến đấu cho Chính-nghĩa của Allah, bởi thế họ đã giết (địch) và bị (địch) giết. (Đó là) một Lời hứa đã ràng buộc Ngài (Allah) trong (Kinh) *Taurāh, Injīl* và *Qur'ān*. Và ai giữ trọn lời hứa hơn Allah? Bởi thế, hãy hoan hỉ với sự đổi chác mà các người đã mặc cả với Ngài. Và đó là một thành quả vô cùng to lớn.

[1] *Abū Amir*, người đã chống đối Islām. Abū Amir còn được gọi là *Rāhib* (thầy tu)

ٱلتَّٰٓئِبُونَ ٱلْعَٰبِدُونَ ٱلْحَٰمِدُونَ ٱلسَّٰٓئِحُونَ
ٱلرَّٰكِعُونَ ٱلسَّٰجِدُونَ ٱلْءَامِرُونَ بِٱلْمَعْرُوفِ
وَٱلنَّاهُونَ عَنِ ٱلْمُنكَرِ وَٱلْحَٰفِظُونَ لِحُدُودِ ٱللَّهِ ۗ
وَبَشِّرِ ٱلْمُؤْمِنِينَ ﴿١١٢﴾ مَا كَانَ لِلنَّبِيِّ وَٱلَّذِينَ ءَامَنُوٓا۟
أَن يَسْتَغْفِرُوا۟ لِلْمُشْرِكِينَ وَلَوْ كَانُوٓا۟ أُو۟لِى قُرْبَىٰ
مِنۢ بَعْدِ مَا تَبَيَّنَ لَهُمْ أَنَّهُمْ أَصْحَٰبُ ٱلْجَحِيمِ ﴿١١٣﴾ وَمَا
كَانَ ٱسْتِغْفَارُ إِبْرَٰهِيمَ لِأَبِيهِ إِلَّا عَن مَّوْعِدَةٍ وَعَدَهَآ
إِيَّاهُ فَلَمَّا تَبَيَّنَ لَهُۥٓ أَنَّهُۥ عَدُوٌّ لِّلَّهِ تَبَرَّأَ مِنْهُ ۚ إِنَّ إِبْرَٰهِيمَ
لَأَوَّٰهٌ حَلِيمٌ ﴿١١٤﴾ وَمَا كَانَ ٱللَّهُ لِيُضِلَّ قَوْمًۢا بَعْدَ إِذْ
هَدَىٰهُمْ حَتَّىٰ يُبَيِّنَ لَهُم مَّا يَتَّقُونَ ۚ إِنَّ ٱللَّهَ بِكُلِّ شَىْءٍ
عَلِيمٌ ﴿١١٥﴾ إِنَّ ٱللَّهَ لَهُۥ مُلْكُ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلْأَرْضِ ۖ يُحْىِۦ
وَيُمِيتُ ۚ وَمَا لَكُم مِّن دُونِ ٱللَّهِ مِن وَلِىٍّ وَلَا نَصِيرٍ ﴿١١٦﴾
لَّقَد تَّابَ ٱللَّهُ عَلَى ٱلنَّبِىِّ وَٱلْمُهَٰجِرِينَ وَٱلْأَنصَارِ ٱلَّذِينَ
ٱتَّبَعُوهُ فِى سَاعَةِ ٱلْعُسْرَةِ مِنۢ بَعْدِ مَا كَادَ يَزِيغُ قُلُوبُ
فَرِيقٍ مِّنْهُمْ ثُمَّ تَابَ عَلَيْهِمْ ۚ إِنَّهُۥ بِهِمْ رَءُوفٌ رَّحِيمٌ ﴿١١٧﴾

112.- Những người ăn năn hối cải (với Allah), những người thờ phụng Ngài, những người đi đây đó để phụng sự Ngài, những người cúi đầu kính cẩn, và quì mọp phủ phục, những người truyền lệnh làm điều thiện và ngăn cấm làm điều ác và tôn trọng các giới hạn qui định bởi Allah (sẽ hoan hỉ). Và hãy báo tin vui cho những người tin tưởng.

113.- *Nabi* và những người có đức tin không được phép xin (Allah) tha thứ cho những người dân đa thần dù đó là bà con ruột thịt của họ đi nữa sau khi họ đã nhận thấy mình là những người bạn của Hỏa ngục.

114.- Và *Ibrāhīm* cầu xin (Allah) tha thứ cho người cha của mình là do lời hứa mà Người đã hứa với người cha. Nhưng khi thấy rõ người cha của mình là một kẻ thù của Allah, thì Người đoạn tuyệt với ông. Quả thật, *Ibrāhīm* là một người con có hiếu, hằng chịu đựng.

115.- Allah không phải là Đấng đã làm cho một đám người lạc hướng sau khi đã hướng dẫn họ trừ phi Ngài làm cho họ thấy rõ điều mà họ cần phải tránh. Bởi vì Allah biết hết mọi việc.

116.- Quả thật, Allah là Đấng nắm quyền thống trị các tầng trời và trái đất. Ngài ban sự sống và gây cho chết. Và ngoài Allah, các ngươi không có một Vị Bảo hộ hay một Vị Cứu tinh nào cả.

117.- Chắc chắn Allah quay lại tha thứ cho *Nabi* và các tín đồ Di cư (Muhājir) và các tín đồ Trợ giúp (Ansār) là những người đã từng theo Người (*Nabi*) trong những giờ phút khó khăn sau khi tấm lòng của một số người của họ gần muốn chao đảo; rồi Ngài quay lại tha thứ cho họ bởi vì Ngài Hằng Lượng thứ và Khoan dung.

وَعَلَى ٱلثَّلَٰثَةِ ٱلَّذِينَ خُلِّفُوا۟ حَتَّىٰٓ إِذَا ضَاقَتْ عَلَيْهِمُ ٱلْأَرْضُ
بِمَا رَحُبَتْ وَضَاقَتْ عَلَيْهِمْ أَنفُسُهُمْ وَظَنُّوٓا۟ أَن لَّا مَلْجَأَ
مِنَ ٱللَّهِ إِلَّآ إِلَيْهِ ثُمَّ تَابَ عَلَيْهِمْ لِيَتُوبُوٓا۟ۚ إِنَّ ٱللَّهَ هُوَ ٱلتَّوَّابُ
ٱلرَّحِيمُ ﴿١١٨﴾ يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُوا۟ ٱتَّقُوا۟ ٱللَّهَ وَكُونُوا۟ مَعَ
ٱلصَّٰدِقِينَ ﴿١١٩﴾ مَا كَانَ لِأَهْلِ ٱلْمَدِينَةِ وَمَنْ حَوْلَهُم
مِّنَ ٱلْأَعْرَابِ أَن يَتَخَلَّفُوا۟ عَن رَّسُولِ ٱللَّهِ وَلَا يَرْغَبُوا۟
بِأَنفُسِهِمْ عَن نَّفْسِهِۦۚ ذَٰلِكَ بِأَنَّهُمْ لَا يُصِيبُهُمْ ظَمَأٌ
وَلَا نَصَبٌ وَلَا مَخْمَصَةٌ فِى سَبِيلِ ٱللَّهِ وَلَا يَطَـُٔونَ مَوْطِئًا
يَغِيظُ ٱلْكُفَّارَ وَلَا يَنَالُونَ مِنْ عَدُوٍّ نَّيْلًا إِلَّا كُتِبَ
لَهُم بِهِۦ عَمَلٌ صَٰلِحٌۚ إِنَّ ٱللَّهَ لَا يُضِيعُ أَجْرَ ٱلْمُحْسِنِينَ
﴿١٢٠﴾ وَلَا يُنفِقُونَ نَفَقَةً صَغِيرَةً وَلَا كَبِيرَةً وَلَا يَقْطَعُونَ
وَادِيًا إِلَّا كُتِبَ لَهُمْ لِيَجْزِيَهُمُ ٱللَّهُ أَحْسَنَ مَا كَانُوا۟
يَعْمَلُونَ ﴿١٢١﴾ ۞ وَمَا كَانَ ٱلْمُؤْمِنُونَ لِيَنفِرُوا۟ كَآفَّةًۚ
فَلَوْلَا نَفَرَ مِن كُلِّ فِرْقَةٍ مِّنْهُمْ طَآئِفَةٌ لِّيَتَفَقَّهُوا۟ فِى ٱلدِّينِ
وَلِيُنذِرُوا۟ قَوْمَهُمْ إِذَا رَجَعُوٓا۟ إِلَيْهِمْ لَعَلَّهُمْ يَحْذَرُونَ ﴿١٢٢﴾

نصف الحزب ٤١

118.- Và cuối cùng Ngài (Allah) tha thứ cho ba người (*Ka'b, Murārah và Hilāl*) đã bị án treo. (Họ cảm thấy nhục) đến mức trái đất tuy rộng thênh thang bổng nhiên trở thành chật hẹp đối với linh hồn của họ; và họ nhận thấy không còn chỗ nào để chạy trốn khỏi Allah trừ phi chạy đến tạ tội với Ngài. Rồi Ngài quay lại tha thứ để cho họ có dịp ăn năn hối cải. Bởi vì Allah là Đấng Hằng Đoái thương Tha thứ, Rất mực Khoan dung.

119.- Hỡi những ai có niềm tin! Hãy sợ Allah và hãy nhập đoàn với những người chân thật.

120.- Thị dân của thành phố Madīnah và những người Ả-rập du mục sống lân cận không được bỏ mặc Sứ giả của Allah (đi chiến đấu một mình) cũng không được quí mạng sống của mình hơn mạng sống của *Nabi*. Như thế là vì mọi khó khăn mà họ gặp phải trên đường đi chiến đấu sẽ được Allah ghi công cho họ chẳng hạn như chịu khát, chịu mệt, chịu đói vì Chính-nghĩa của Allah hoặc như mỗi bước chân của họ bước đi sẽ làm cho những kẻ không tin nổi giận hoặc như mọi thắng lợi mà họ đã đạt được từ kẻ thù: tất cả đều được xem là việc thiện của họ. Bởi vì Allah sẽ không làm mất phần thưởng của những người làm tốt.

121.- Cũng như món tiền, dù nhỏ hay lớn (ít hay nhiều) mà họ chi dùng (cho Chính-nghĩa của Allah) hoặc như việc băng qua các thung lũng, tất cả đều được ghi công cho họ để Allah dựa vào đó mà tưởng thưởng họ về những việc làm tốt của họ.

122.- Và những người có đức tin không bắt buộc phải đi chiến đấu tất cả. Nếu mỗi thành phần cử một nhóm người của họ đi chinh chiến để học hỏi (các vấn đề) tôn giáo và khi trở về để giáo dục lại dân chúng thì cách đó sẽ giúp họ tránh phạm tội.

يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ قَٰتِلُواْ ٱلَّذِينَ يَلُونَكُم مِّنَ ٱلۡكُفَّارِ وَلۡيَجِدُواْ فِيكُمۡ غِلۡظَةٗۚ وَٱعۡلَمُوٓاْ أَنَّ ٱللَّهَ مَعَ ٱلۡمُتَّقِينَ ١٢٣ وَإِذَا مَآ أُنزِلَتۡ سُورَةٞ فَمِنۡهُم مَّن يَقُولُ أَيُّكُمۡ زَادَتۡهُ هَٰذِهِۦٓ إِيمَٰنٗاۚ فَأَمَّا ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ فَزَادَتۡهُمۡ إِيمَٰنٗا وَهُمۡ يَسۡتَبۡشِرُونَ ١٢٤ وَأَمَّا ٱلَّذِينَ فِي قُلُوبِهِم مَّرَضٞ فَزَادَتۡهُمۡ رِجۡسًا إِلَىٰ رِجۡسِهِمۡ وَمَاتُواْ وَهُمۡ كَٰفِرُونَ ١٢٥ أَوَلَا يَرَوۡنَ أَنَّهُمۡ يُفۡتَنُونَ فِي كُلِّ عَامٖ مَّرَّةً أَوۡ مَرَّتَيۡنِ ثُمَّ لَا يَتُوبُونَ وَلَا هُمۡ يَذَّكَّرُونَ ١٢٦ وَإِذَا مَآ أُنزِلَتۡ سُورَةٞ نَّظَرَ بَعۡضُهُمۡ إِلَىٰ بَعۡضٍ هَلۡ يَرَىٰكُم مِّنۡ أَحَدٖ ثُمَّ ٱنصَرَفُواْۚ صَرَفَ ٱللَّهُ قُلُوبَهُم بِأَنَّهُمۡ قَوۡمٞ لَّا يَفۡقَهُونَ ١٢٧ لَقَدۡ جَآءَكُمۡ رَسُولٞ مِّنۡ أَنفُسِكُمۡ عَزِيزٌ عَلَيۡهِ مَا عَنِتُّمۡ حَرِيصٌ عَلَيۡكُم بِٱلۡمُؤۡمِنِينَ رَءُوفٞ رَّحِيمٞ ١٢٨ فَإِن تَوَلَّوۡاْ فَقُلۡ حَسۡبِيَ ٱللَّهُ لَآ إِلَٰهَ إِلَّا هُوَۖ عَلَيۡهِ تَوَكَّلۡتُۖ وَهُوَ رَبُّ ٱلۡعَرۡشِ ٱلۡعَظِيمِ ١٢٩

سُورَةُ يُونُسَ

123.- Hỡi những ai có niềm tin! Hãy đánh những kẻ không tin ở gần các ngươi và tỏ cho chúng thấy các người cứng rắn; và hãy biết rằng Allah sát cánh với những người sợ Ngài.

124.- Và khi có một Chương kinh được ban xuống thì có người trong bọn chúng lên tiếng: "Ai trong quí vị sẽ tăng thêm đức tin với nó?" Bởi thế, đối với những ai có đức tin thì nó sẽ gia tăng đức tin cho họ và họ hoan hỉ.

125.- Còn đối với những ai mang một chứng bệnh (nghi hoặc) trong lòng, thì nó sẽ làm cho bệnh tình của họ ô-nhiễm thêm, cái này chồng lên cái kia và chúng sẽ chết trong tình trạng mất đức tin.

126.- Há chúng không nhận thấy mỗi năm chúng đã gặp tai hoạ một hay hai lần hay sao? Rồi chúng không chịu ăn năn hối cải và không chịu tỉnh ngộ.

127.- Và khi có một Chương kinh nào được ban xuống, chúng nhìn nhau (có ý hỏi): "Có người nào nhìn thấy quí vị hay chăng?" Allah xoay tấm lòng của chúng đi nơi khác bởi vì chúng là một đám người không hiểu gì cả.

128.- (Hỡi người dân!) Chắc chắn một Sứ giả xuất thân từ các người đến gặp các người, Người buồn rầu khi thấy các người đau khổ, và hết sức lo lắng cho các người. Người đại lượng và khoan dung đối với những người tin tưởng.

129.- Nhưng nếu chúng từ chối thì hãy bảo chúng: "Allah đủ cho ta. Không có Thượng Đế nào khác duy chỉ Ngài (là Thượng Đế). Ta phó thác cho Ngài bởi vì Ngài là *Rabb* (Đấng Chủ Tể) của Chiếc Ngai vương Chí đại."

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

الٓرۚ تِلۡكَ ءَايَٰتُ ٱلۡكِتَٰبِ ٱلۡحَكِيمِ ١ أَكَانَ لِلنَّاسِ عَجَبًا
أَنۡ أَوۡحَيۡنَآ إِلَىٰ رَجُلٖ مِّنۡهُمۡ أَنۡ أَنذِرِ ٱلنَّاسَ وَبَشِّرِ ٱلَّذِينَ
ءَامَنُوٓاْ أَنَّ لَهُمۡ قَدَمَ صِدۡقٍ عِندَ رَبِّهِمۡۗ قَالَ ٱلۡكَٰفِرُونَ
إِنَّ هَٰذَا لَسَٰحِرٞ مُّبِينٌ ٢ إِنَّ رَبَّكُمُ ٱللَّهُ ٱلَّذِي خَلَقَ ٱلسَّمَٰوَٰتِ
وَٱلۡأَرۡضَ فِي سِتَّةِ أَيَّامٖ ثُمَّ ٱسۡتَوَىٰ عَلَى ٱلۡعَرۡشِۖ يُدَبِّرُ ٱلۡأَمۡرَۖ
مَا مِن شَفِيعٍ إِلَّا مِنۢ بَعۡدِ إِذۡنِهِۦۚ ذَٰلِكُمُ ٱللَّهُ رَبُّكُمۡ فَٱعۡبُدُوهُۚ
أَفَلَا تَذَكَّرُونَ ٣ إِلَيۡهِ مَرۡجِعُكُمۡ جَمِيعٗاۖ وَعۡدَ ٱللَّهِ حَقًّاۚ إِنَّهُۥ
يَبۡدَؤُاْ ٱلۡخَلۡقَ ثُمَّ يُعِيدُهُۥ لِيَجۡزِيَ ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ وَعَمِلُواْ
ٱلصَّٰلِحَٰتِ بِٱلۡقِسۡطِۚ وَٱلَّذِينَ كَفَرُواْ لَهُمۡ شَرَابٞ مِّنۡ حَمِيمٖ
وَعَذَابٌ أَلِيمُۢ بِمَا كَانُواْ يَكۡفُرُونَ ٤ هُوَ ٱلَّذِي جَعَلَ ٱلشَّمۡسَ
ضِيَآءٗ وَٱلۡقَمَرَ نُورٗا وَقَدَّرَهُۥ مَنَازِلَ لِتَعۡلَمُواْ عَدَدَ ٱلسِّنِينَ
وَٱلۡحِسَابَۚ مَا خَلَقَ ٱللَّهُ ذَٰلِكَ إِلَّا بِٱلۡحَقِّۚ يُفَصِّلُ ٱلۡأٓيَٰتِ
لِقَوۡمٖ يَعۡلَمُونَ ٥ إِنَّ فِي ٱخۡتِلَٰفِ ٱلَّيۡلِ وَٱلنَّهَارِ وَمَا خَلَقَ
ٱللَّهُ فِي ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضِ لَأٓيَٰتٖ لِّقَوۡمٖ يَتَّقُونَ ٦

YŪNUS
(Nabi Yūnus)

Nhân danh Allah, Đấng Rất mực Độ lượng,
Đấng Rất mực Khoan dung

1.- *Alif. Lām. Rā.* Đây là những Câu của một Kinh Sách rất mực thông suốt.

2.- Phải chăng thiên hạ ngạc nhiên về việc *TA* (Allah) đã mặc khải Kinh sách cho một người phàm xuất thân từ họ? (phán bảo) "Ngươi hãy cảnh cáo nhân loại (về nguy cơ của họ ở ngày sau) và hãy báo tin mừng cho những người tin tưởng rằng họ sẽ nhận niềm vinh dự với *Rabb* (Allah) của họ về sự thành thật mà họ đã gởi đi trước cho họ?" Nhưng những kẻ không có đức tin lại nói rằng: "Người này (Muhammad) chẳng qua chỉ là một nhà phù thủy tài giỏi!"

3.- *Rabb* của các người chắc chắn là Allah, Đấng đã tạo các tầng trời và trái đất trong sáu Ngày rồi lên an vị trên Ngai vương để điều hành và quản lý công việc. Không ai được phép can thiệp (vào công việc của Ngài) trừ phi được Ngài cho phép. Allah, *Rabb* của các người là như thế. Do đó, hãy thờ phụng Ngài. Các người có ghi nhớ điều đó chăng?

4.- Tất cả các người sẽ được đưa về gặp Ngài trở lại. Lời hứa (này) của Allah là sự Thật. Ngài bắt đầu sự tạo hóa rồi tái lập nó để Ngài tưởng thưởng một cách công bằng những ai tin tưởng và làm việc thiện. Ngược lại, những ai không có đức tin thì sẽ uống một loại nước thật sôi và chịu một hình phạt rất đau đớn bởi vì họ đã từng phủ nhận Allah.

5.- Ngài là Đấng đã làm ra mặt trời sáng chói và mặt trăng chiếu sáng (tươi mát) và qui định cho nó những giai đoạn tròn khuyết chính xác nhờ đó các người biết được con số của những niên kỷ và cách ghi đếm thời gian. Allah không tạo những cái đó (để chơi) mà vì Chân lý. Ngài giải thích những Dấu hiệu của Ngài cho một đám người hiểu biết.

6.- Quả thật, trong sự luân chuyển của đêm và ngày và nơi tất cả các vật mà Allah đã tạo trong các tầng trời và trái đất là những Dấu hiệu cho một đám người sợ Allah.

إِنَّ ٱلَّذِينَ لَا يَرۡجُونَ لِقَآءَنَا وَرَضُواْ بِٱلۡحَيَوٰةِ ٱلدُّنۡيَا وَٱطۡمَأَنُّواْ بِهَا وَٱلَّذِينَ هُمۡ عَنۡ ءَايَٰتِنَا غَٰفِلُونَ ٧ أُوْلَٰٓئِكَ مَأۡوَىٰهُمُ ٱلنَّارُ بِمَا كَانُواْ يَكۡسِبُونَ ٨ إِنَّ ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ وَعَمِلُواْ ٱلصَّٰلِحَٰتِ يَهۡدِيهِمۡ رَبُّهُم بِإِيمَٰنِهِمۡۖ تَجۡرِي مِن تَحۡتِهِمُ ٱلۡأَنۡهَٰرُ فِي جَنَّٰتِ ٱلنَّعِيمِ ٩ دَعۡوَىٰهُمۡ فِيهَا سُبۡحَٰنَكَ ٱللَّهُمَّ وَتَحِيَّتُهُمۡ فِيهَا سَلَٰمٞۚ وَءَاخِرُ دَعۡوَىٰهُمۡ أَنِ ٱلۡحَمۡدُ لِلَّهِ رَبِّ ٱلۡعَٰلَمِينَ ١٠ ۞ وَلَوۡ يُعَجِّلُ ٱللَّهُ لِلنَّاسِ ٱلشَّرَّ ٱسۡتِعۡجَالَهُم بِٱلۡخَيۡرِ لَقُضِيَ إِلَيۡهِمۡ أَجَلُهُمۡۖ فَنَذَرُ ٱلَّذِينَ لَا يَرۡجُونَ لِقَآءَنَا فِي طُغۡيَٰنِهِمۡ يَعۡمَهُونَ ١١ وَإِذَا مَسَّ ٱلۡإِنسَٰنَ ٱلضُّرُّ دَعَانَا لِجَنۢبِهِۦٓ أَوۡ قَاعِدًا أَوۡ قَآئِمٗا فَلَمَّا كَشَفۡنَا عَنۡهُ ضُرَّهُۥ مَرَّ كَأَن لَّمۡ يَدۡعُنَآ إِلَىٰ ضُرّٖ مَّسَّهُۥۚ كَذَٰلِكَ زُيِّنَ لِلۡمُسۡرِفِينَ مَا كَانُواْ يَعۡمَلُونَ ١٢ وَلَقَدۡ أَهۡلَكۡنَا ٱلۡقُرُونَ مِن قَبۡلِكُمۡ لَمَّا ظَلَمُواْ وَجَآءَتۡهُمۡ رُسُلُهُم بِٱلۡبَيِّنَٰتِ وَمَا كَانُواْ لِيُؤۡمِنُواْۚ كَذَٰلِكَ نَجۡزِي ٱلۡقَوۡمَ ٱلۡمُجۡرِمِينَ ١٣ ثُمَّ جَعَلۡنَٰكُمۡ خَلَٰٓئِفَ فِي ٱلۡأَرۡضِ مِنۢ بَعۡدِهِمۡ لِنَنظُرَ كَيۡفَ تَعۡمَلُونَ ١٤

ثلاثة أرباع الحزب ٢١

7.- Quả thật, những ai không màng đến việc gặp gỡ lại *TA* (ở Ngày sau) và việc hài lòng và thỏa mãn với đời sống trần tục này; và cả những kẻ không lưu ý đến những Dấu hiệu của *TA*,

8.- Họ là những kẻ mà nhà ở sẽ là Lửa (của Hỏa ngục) do hậu quả của những điều mà chúng đã từng thu hoạch.

9.- Quả thật, những ai tin tưởng và làm việc thiện, thì chắc chắn do đức tin của họ mà sẽ được *Rabb* của họ hướng dẫn đến những Ngôi vườn (Thiên Đàng) hạnh phúc bên dưới có các dòng sông chảy.

10.- Lời cầu nguyện của họ trong đó (sẽ là:) "Quang vinh thay Ngài, Ôi Allah!" và lời chào họ trong đó sẽ là: "Sự Bằng An (cho quí vị) và lời cầu nguyện cuối cùng của họ sẽ là: "Mọi lời ca tụng đều dâng lên Allah, *Rabb* (Đấng Chủ Tể) của vũ trụ và muôn loài."

11.- Và nếu Allah thúc đẩy điều xấu đến nhanh cho loài người (theo yêu cầu của họ) cũng như việc họ thúc giục điều tốt mau đến cho họ thì tuổi thọ đã được ban cho họ (để sống và hoạt động) đã chấm dứt từ lâu. (Đường lối của *TA* lại khác); *TA* để mặc cho những ai không màng đến việc gặp lại *TA* (ở Đời sau) lang thang mù quáng trong sự thái quá của chúng.

12.- Và (thái độ lạ lùng của) con người (là) khi gặp hoạn nạn, họ van vái *TA* giải cứu họ (ở đủ mọi tư thế) lúc nằm hoặc lúc ngồi, lúc đứng. Nhưng sau khi *TA* đã giải cứu họ thoát khỏi cơn nguy khốn, họ bước đi dửng dưng làm như họ chẳng hề van vái *TA* cứu nguy khi gặp hoạn nạn. Những điều (vô ơn) mà những kẻ phạm tội đã từng làm lại tỏ ra đẹp mắt đối với chúng.

13.- (Hỡi nhân loại!) Thật sự *TA* (Allah) đã tiêu diệt những thế hệ trước các người khi chúng làm điều sai quấy. Những Sứ giả của chúng đã đến gặp chúng với những bằng chứng rõ rệt (để răn chúng), nhưng chúng không tin. *TA* đã phạt những kẻ tội lỗi đúng như thế.

14.- Rồi sau chúng, *TA* đã làm cho các người thành những người nối nghiệp chúng trên trái đất để xem các người cư xử ra sao.

وَإِذَا تُتۡلَىٰ عَلَيۡهِمۡ ءَايَاتُنَا بَيِّنَٰتٖ قَالَ ٱلَّذِينَ لَا يَرۡجُونَ
لِقَآءَنَا ٱئۡتِ بِقُرۡءَانٍ غَيۡرِ هَٰذَآ أَوۡ بَدِّلۡهُۚ قُلۡ مَا يَكُونُ
لِيٓ أَنۡ أُبَدِّلَهُۥ مِن تِلۡقَآيِٕ نَفۡسِيٓۖ إِنۡ أَتَّبِعُ إِلَّا مَا يُوحَىٰٓ إِلَيَّۖ
إِنِّيٓ أَخَافُ إِنۡ عَصَيۡتُ رَبِّي عَذَابَ يَوۡمٍ عَظِيمٖ ١٥ قُل
لَّوۡ شَآءَ ٱللَّهُ مَا تَلَوۡتُهُۥ عَلَيۡكُمۡ وَلَآ أَدۡرَىٰكُم بِهِۦۖ
فَقَدۡ لَبِثۡتُ فِيكُمۡ عُمُرٗا مِّن قَبۡلِهِۦٓۚ أَفَلَا تَعۡقِلُونَ ١٦
فَمَنۡ أَظۡلَمُ مِمَّنِ ٱفۡتَرَىٰ عَلَى ٱللَّهِ كَذِبًا أَوۡ كَذَّبَ بِـَٔايَٰتِهِۦٓۚ
إِنَّهُۥ لَا يُفۡلِحُ ٱلۡمُجۡرِمُونَ ١٧ وَيَعۡبُدُونَ مِن دُونِ ٱللَّهِ
مَا لَا يَضُرُّهُمۡ وَلَا يَنفَعُهُمۡ وَيَقُولُونَ هَٰٓؤُلَآءِ شُفَعَٰٓؤُنَا
عِندَ ٱللَّهِۚ قُلۡ أَتُنَبِّـُٔونَ ٱللَّهَ بِمَا لَا يَعۡلَمُ فِي ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَلَا
فِي ٱلۡأَرۡضِۚ سُبۡحَٰنَهُۥ وَتَعَٰلَىٰ عَمَّا يُشۡرِكُونَ ١٨ وَمَا
كَانَ ٱلنَّاسُ إِلَّآ أُمَّةٗ وَٰحِدَةٗ فَٱخۡتَلَفُواْۚ وَلَوۡلَا كَلِمَةٞ
سَبَقَتۡ مِن رَّبِّكَ لَقُضِيَ بَيۡنَهُمۡ فِيمَا فِيهِ يَخۡتَلِفُونَ
١٩ وَيَقُولُونَ لَوۡلَآ أُنزِلَ عَلَيۡهِ ءَايَةٞ مِّن رَّبِّهِۦۖ فَقُلۡ إِنَّمَا
ٱلۡغَيۡبُ لِلَّهِ فَٱنتَظِرُوٓاْ إِنِّي مَعَكُم مِّنَ ٱلۡمُنتَظِرِينَ ٢٠

15.- Và khi những lời mặc khải rõ ràng của *TA* được đọc ra cho họ, những kẻ không màng đến việc gặp gỡ lại *TA* ở Đời sau đã nói: "Hãy mang đến cho bọn ta một *Qur'ān* khác quyển này hoặc đổi quyển này đi." Hãy bảo họ (hỡi Muhammad!): "Ta không thể tự ý thay đổi nó (*Qur'ān*) được. Ta chỉ tuân theo điều đã được mặc khải cho ta. Ta sợ hình phạt vào Ngày vĩ đại sắp đến nếu ta bất tuân *Rabb* (Allah) của ta."

16.- Hãy bảo họ: "Nếu Allah muốn, ta đã không đọc *Qur'ān* này cho các người làm gì, Ngài cũng không cho các người biết về nó làm gì. Rõ ràng ta đã sống trọn cuộc đời của ta với các người trước (khi) nó (được ban xuống). Thế các người không hiểu hay sao?

17.- Thế còn ai gian ác hơn kẻ đặt điều nói dối rồi đổ thừa cho Allah hoặc phủ nhận những lời mặc khải của Ngài? Chắc chắn những kẻ tội lỗi sẽ không thành đạt.

18.- Và họ thờ phụng ngoài Allah những kẻ đã không làm hại cũng chẳng làm lợi gì cho họ và họ nói: "Những vị này là những vị can thiệp giùm cho chúng tôi với Allah." Hãy bảo họ (hỡi Muhammad!): "Phải chăng các người muốn báo cho Allah biết điều mà Ngài không biết trong các tầng trời và trái đất hay sao? Quang vinh và trong sạch thay Ngài! Ngài tối cao, vượt hẳn những điều mà họ đã tổ hợp với Ngài!

19.- Và nhân loại chỉ là một Cộng đồng[1]; về sau họ bất đồng ý kiến với nhau. Nếu không vì một Lời phán mà *Rabb* của Ngươi đã tuyên bố trước đây thì những điều mà họ bất đồng đã được giải quyết rồi.

20.- Và chúng nói: "Tại sao không có một Phép-lạ nào từ *Rabb* của y được ban xuống cho y? Hãy bảo chúng: "Chắc chắn điều vô hình là của Allah. Thôi, các người hãy chờ đợi, ta sẽ cùng chờ đợi với các người."

---

[1] Nhân loại là con cháu của Nabi Ādam, tổ tiên đã thờ phụng Đấng Allah duy nhất. Mỗi một đứa bé sinh ra đều là một Muslim, nhưng cha mẹ của nó làm cho nó trở thành người Do thái, người theo Thiên Chúa giáo, người Magian v.v...' (Hadith 467, Al-Bukhari)

وَإِذَآ أَذَقۡنَا ٱلنَّاسَ رَحۡمَةٗ مِّنۢ بَعۡدِ ضَرَّآءَ مَسَّتۡهُمۡ إِذَا لَهُم مَّكۡرٞ فِيٓ ءَايَاتِنَاۚ قُلِ ٱللَّهُ أَسۡرَعُ مَكۡرًاۚ إِنَّ رُسُلَنَا يَكۡتُبُونَ مَا تَمۡكُرُونَ ﴿٢١﴾ هُوَ ٱلَّذِي يُسَيِّرُكُمۡ فِي ٱلۡبَرِّ وَٱلۡبَحۡرِۖ حَتَّىٰٓ إِذَا كُنتُمۡ فِي ٱلۡفُلۡكِ وَجَرَيۡنَ بِهِم بِرِيحٖ طَيِّبَةٖ وَفَرِحُواْ بِهَا جَآءَتۡهَا رِيحٌ عَاصِفٞ وَجَآءَهُمُ ٱلۡمَوۡجُ مِن كُلِّ مَكَانٖ وَظَنُّوٓاْ أَنَّهُمۡ أُحِيطَ بِهِمۡ دَعَوُاْ ٱللَّهَ مُخۡلِصِينَ لَهُ ٱلدِّينَ لَئِنۡ أَنجَيۡتَنَا مِنۡ هَٰذِهِۦ لَنَكُونَنَّ مِنَ ٱلشَّٰكِرِينَ ﴿٢٢﴾ فَلَمَّآ أَنجَىٰهُمۡ إِذَا هُمۡ يَبۡغُونَ فِي ٱلۡأَرۡضِ بِغَيۡرِ ٱلۡحَقِّۗ يَٰٓأَيُّهَا ٱلنَّاسُ إِنَّمَا بَغۡيُكُمۡ عَلَىٰٓ أَنفُسِكُمۖ مَّتَٰعَ ٱلۡحَيَوٰةِ ٱلدُّنۡيَاۖ ثُمَّ إِلَيۡنَا مَرۡجِعُكُمۡ فَنُنَبِّئُكُم بِمَا كُنتُمۡ تَعۡمَلُونَ ﴿٢٣﴾ إِنَّمَا مَثَلُ ٱلۡحَيَوٰةِ ٱلدُّنۡيَا كَمَآءٍ أَنزَلۡنَٰهُ مِنَ ٱلسَّمَآءِ فَٱخۡتَلَطَ بِهِۦ نَبَاتُ ٱلۡأَرۡضِ مِمَّا يَأۡكُلُ ٱلنَّاسُ وَٱلۡأَنۡعَٰمُ حَتَّىٰٓ إِذَآ أَخَذَتِ ٱلۡأَرۡضُ زُخۡرُفَهَا وَٱزَّيَّنَتۡ وَظَنَّ أَهۡلُهَآ أَنَّهُمۡ قَٰدِرُونَ عَلَيۡهَآ أَتَىٰهَآ أَمۡرُنَا لَيۡلًا أَوۡ نَهَارٗا فَجَعَلۡنَٰهَا حَصِيدٗا كَأَن لَّمۡ تَغۡنَ بِٱلۡأَمۡسِۚ كَذَٰلِكَ نُفَصِّلُ ٱلۡأٓيَٰتِ لِقَوۡمٖ يَتَفَكَّرُونَ ﴿٢٤﴾ وَٱللَّهُ يَدۡعُوٓاْ إِلَىٰ دَارِ ٱلسَّلَٰمِ وَيَهۡدِي مَن يَشَآءُ إِلَىٰ صِرَٰطٖ مُّسۡتَقِيمٖ ﴿٢٥﴾

21.- Và khi *TA* (Allah) cho loài người nếm mùi khoan dung sau cơn hoạn nạn thì này! họ bày mưu chống lại các Dấu hiệu của *TA*! Hãy bảo họ: "Allah trù liệu còn nhanh hơn các người. Quả thật, các Thiên sứ (Thiên thần) của *TA* đã ghi chép tất cả các kế hoạch mà các người đang mưu định."

22.- Ngài là Đấng đã giúp các người du lịch trên đất liền và biển cả cho đến lúc các người lên tàu-(nó) đưa họ vượt trùng dương thuận buồm xuôi gió. Họ vui thích với chuyến đi. Đột nhiên một trận bão nổi lên và những làn sóng thần bao vây họ tứ phía. Họ nghĩ rằng họ sắp bị nhận chìm trong đó. Họ van vái Allah cứu mạng, chân thành với Ngài trong tôn giáo, thưa rằng: "Nếu Ngài giải cứu chúng tôi thoát khỏi cơn nguy khốn này, thì chúng tôi sẽ là những người biết ơn."

23.- Nhưng sau khi Ngài đã giải cứu họ thoát nạn thì chính những người đó lại bắt đầu làm loạn trên trái đất, bất chấp công lý và sự thật. Hỡi nhân loại! Việc làm loạn của các người chỉ gây thiệt hại cho bản thân của các người thôi. (Các người có thể hưởng thụ) những lạc thú tạm bợ của đời sống trần tục này. Nhưng cuối cùng các người sẽ được đưa về gặp *TA* trở lại rồi *TA* sẽ cho các người biết về những điều các người đã từng làm trên thế gian.

24.- (Các người yêu thích đời sống trần tục, nhưng) thật sự đời sống trần tục này chẳng khác nào hình ảnh của một cơn mưa mà *TA* đã gởi từ trên trời xuống; nó dung hợp với đất đai để làm mọc ra đủ loại hoa mầu cung cấp thực phẩm cho loài người và loài thú cho đến lúc mặt đất khoác lên mình những món trang sức xinh đẹp thì những người chủ của hoa mầu nghĩ rằng họ sẽ được toàn quyền định đoạt về tài sản của họ. Đột nhiên Mệnh lệnh của *TA* được ban xuống tới tấp đêm và ngày cho các hoa mầu. *TA* tàn phá chúng toàn bộ, làm như chúng đã không mọc xum xuê vào ngày hôm trước. *TA* đã giải thích những Lời mặc khải của *TA* như thế cho một đám người biết ngẫm nghĩ.

25.- (Các người bị mê hoặc bởi đời sống trần tục) trong lúc Allah kêu gọi các người đến ngôi nhà Bằng an (Thiên đàng) và hướng dẫn người nào Ngài muốn đến Con đường ngay thẳng (của **Islām**).

۞ لِّلَّذِينَ أَحۡسَنُواْ ٱلۡحُسۡنَىٰ وَزِيَادَةٞۖ وَلَا يَرۡهَقُ وُجُوهَهُمۡ قَتَرٞ وَلَا ذِلَّةٌۚ أُوْلَٰٓئِكَ أَصۡحَٰبُ ٱلۡجَنَّةِۖ هُمۡ فِيهَا خَٰلِدُونَ ﴿٢٦﴾ وَٱلَّذِينَ كَسَبُواْ ٱلسَّيِّـَٔاتِ جَزَآءُ سَيِّئَةِۭ بِمِثۡلِهَا وَتَرۡهَقُهُمۡ ذِلَّةٞۖ مَّا لَهُم مِّنَ ٱللَّهِ مِنۡ عَاصِمٖۖ كَأَنَّمَآ أُغۡشِيَتۡ وُجُوهُهُمۡ قِطَعٗا مِّنَ ٱلَّيۡلِ مُظۡلِمًاۚ أُوْلَٰٓئِكَ أَصۡحَٰبُ ٱلنَّارِۖ هُمۡ فِيهَا خَٰلِدُونَ ﴿٢٧﴾ وَيَوۡمَ نَحۡشُرُهُمۡ جَمِيعٗا ثُمَّ نَقُولُ لِلَّذِينَ أَشۡرَكُواْ مَكَانَكُمۡ أَنتُمۡ وَشُرَكَآؤُكُمۡۚ فَزَيَّلۡنَا بَيۡنَهُمۡۖ وَقَالَ شُرَكَآؤُهُم مَّا كُنتُمۡ إِيَّانَا تَعۡبُدُونَ ﴿٢٨﴾ فَكَفَىٰ بِٱللَّهِ شَهِيدَۢا بَيۡنَنَا وَبَيۡنَكُمۡ إِن كُنَّا عَنۡ عِبَادَتِكُمۡ لَغَٰفِلِينَ ﴿٢٩﴾ هُنَالِكَ تَبۡلُواْ كُلُّ نَفۡسٖ مَّآ أَسۡلَفَتۡۚ وَرُدُّوٓاْ إِلَى ٱللَّهِ مَوۡلَىٰهُمُ ٱلۡحَقِّۖ وَضَلَّ عَنۡهُم مَّا كَانُواْ يَفۡتَرُونَ ﴿٣٠﴾ قُلۡ مَن يَرۡزُقُكُم مِّنَ ٱلسَّمَآءِ وَٱلۡأَرۡضِ أَمَّن يَمۡلِكُ ٱلسَّمۡعَ وَٱلۡأَبۡصَٰرَ وَمَن يُخۡرِجُ ٱلۡحَيَّ مِنَ ٱلۡمَيِّتِ وَيُخۡرِجُ ٱلۡمَيِّتَ مِنَ ٱلۡحَيِّ وَمَن يُدَبِّرُ ٱلۡأَمۡرَۚ فَسَيَقُولُونَ ٱللَّهُۚ فَقُلۡ أَفَلَا تَتَّقُونَ ﴿٣١﴾ فَذَٰلِكُمُ ٱللَّهُ رَبُّكُمُ ٱلۡحَقُّۖ فَمَاذَا بَعۡدَ ٱلۡحَقِّ إِلَّا ٱلضَّلَٰلُۖ فَأَنَّىٰ تُصۡرَفُونَ ﴿٣٢﴾ كَذَٰلِكَ حَقَّتۡ كَلِمَتُ رَبِّكَ عَلَى ٱلَّذِينَ فَسَقُوٓاْ أَنَّهُمۡ لَا يُؤۡمِنُونَ ﴿٣٣﴾

26.- Những ai làm tốt sẽ nhận phần thưởng tốt về việc họ làm, và có lẽ nhiều hơn (công lao của họ) nữa. Gương mặt của họ sẽ không sa sầm cũng không nhục nhã. Họ là những người Bạn của Thiên đàng trong đó họ sẽ vào ở đời đời.

27.- Còn những ai phạm tội thì sẽ chịu hình phạt ngang với tội mà họ đã phạm, điều nhục nhã sẽ bao trùm gương mặt của họ; họ sẽ không có ai bênh vực để thoát khỏi (hình phạt của) Allah. Gương mặt của họ nám đen giống như có một lớp màn u-tối bao phủ. Họ sẽ là những người Bạn của Lửa (Hỏa ngục) mà trong đó họ sẽ vào ở (đời đời).

28.- Vào một Ngày *TA* sẽ cho tập trung tất cả bọn chúng lại, rồi *TA* sẽ bảo những người dân đa-thần: "Các ngươi và thần linh của các ngươi hiện ở đâu nay hãy ở đó." Rồi *TA* sẽ tách biệt chúng ra. Và các thần linh của chúng sẽ bảo chúng: "Các ngươi đâu có thờ phụng bọn ta."

29.- "Một mình Allah đủ làm chứng giữa bọn ta và các ngươi bởi vì nếu các ngươi có thật sự thờ phụng bọn ta, thì bọn ta vẫn không hay biết gì đến việc thờ phụng của các ngươi cả."

30.- (Vào ngày đó) mỗi linh hồn sẽ chứng kiến hậu quả của những điều mà nó đã gởi đi trước; họ sẽ được đưa về gặp lại Allah, *Rabb* (Đấng Chủ Tể) thật sự của họ; và những điều mà họ đã từng bịa đặt ra trước đó sẽ bỏ họ đi biệt dạng.

31.- Hãy hỏi họ: "Ai cấp dưỡng các ngươi từ trên trời xuống dưới đất? Ai nắm quyền kiểm soát thính-giác và thị-giác của các ngươi? Và ai đưa cái sống ra từ cái chết và ai đưa cái chết ra khỏi cái sống? Ai quản lý định đoạt công việc (của vũ trụ)? Họ sẽ trả lời: "Allah!" Vậy hãy bảo họ: "Thế các ngươi không sợ Ngài hay sao?"

32.- Allah, *Rabb* thực sự của các ngươi là như thế. Thế, phải chăng điều gì khác với sự thật là sự lầm lạc? Thế các ngươi lạc hướng ra sao?

33.- Lời nói của *Rabb* của Ngươi về những kẻ dấy loạn và bất tuân đúng như thế. Rằng chúng sẽ không tin tưởng.

قُلۡ هَلۡ مِن شُرَكَآئِكُم مَّن يَبۡدَؤُاْ ٱلۡخَلۡقَ ثُمَّ يُعِيدُهُۥۚ قُلِ ٱللَّهُ يَبۡدَؤُاْ
ٱلۡخَلۡقَ ثُمَّ يُعِيدُهُۥۖ فَأَنَّىٰ تُؤۡفَكُونَ ٣٤ قُلۡ هَلۡ مِن شُرَكَآئِكُم مَّن يَهۡدِيٓ
إِلَى ٱلۡحَقِّۚ قُلِ ٱللَّهُ يَهۡدِي لِلۡحَقِّۗ أَفَمَن يَهۡدِيٓ إِلَى ٱلۡحَقِّ أَحَقُّ أَن
يُتَّبَعَ أَمَّن لَّا يَهِدِّيٓ إِلَّآ أَن يُهۡدَىٰۖ فَمَا لَكُمۡ كَيۡفَ تَحۡكُمُونَ ٣٥
وَمَا يَتَّبِعُ أَكۡثَرُهُمۡ إِلَّا ظَنًّاۚ إِنَّ ٱلظَّنَّ لَا يُغۡنِي مِنَ ٱلۡحَقِّ شَيۡـًٔاۚ
إِنَّ ٱللَّهَ عَلِيمُۢ بِمَا يَفۡعَلُونَ ٣٦ وَمَا كَانَ هَٰذَا ٱلۡقُرۡءَانُ أَن يُفۡتَرَىٰ
مِن دُونِ ٱللَّهِ وَلَٰكِن تَصۡدِيقَ ٱلَّذِي بَيۡنَ يَدَيۡهِ وَتَفۡصِيلَ ٱلۡكِتَٰبِ
لَا رَيۡبَ فِيهِ مِن رَّبِّ ٱلۡعَٰلَمِينَ ٣٧ أَمۡ يَقُولُونَ ٱفۡتَرَىٰهُۖ قُلۡ فَأۡتُواْ
بِسُورَةٖ مِّثۡلِهِۦ وَٱدۡعُواْ مَنِ ٱسۡتَطَعۡتُم مِّن دُونِ ٱللَّهِ إِن كُنتُمۡ صَٰدِقِينَ
٣٨ بَلۡ كَذَّبُواْ بِمَا لَمۡ يُحِيطُواْ بِعِلۡمِهِۦ وَلَمَّا يَأۡتِهِمۡ تَأۡوِيلُهُۥۚ كَذَٰلِكَ
كَذَّبَ ٱلَّذِينَ مِن قَبۡلِهِمۡۖ فَٱنظُرۡ كَيۡفَ كَانَ عَٰقِبَةُ ٱلظَّٰلِمِينَ ٣٩
وَمِنۡهُم مَّن يُؤۡمِنُ بِهِۦ وَمِنۡهُم مَّن لَّا يُؤۡمِنُ بِهِۦۚ وَرَبُّكَ أَعۡلَمُ
بِٱلۡمُفۡسِدِينَ ٤٠ وَإِن كَذَّبُوكَ فَقُل لِّي عَمَلِي وَلَكُمۡ عَمَلُكُمۡۖ أَنتُم
بَرِيٓـُٔونَ مِمَّآ أَعۡمَلُ وَأَنَا۠ بَرِيٓءٞ مِّمَّا تَعۡمَلُونَ ٤١ وَمِنۡهُم مَّن
يَسۡتَمِعُونَ إِلَيۡكَۚ أَفَأَنتَ تُسۡمِعُ ٱلصُّمَّ وَلَوۡ كَانُواْ لَا يَعۡقِلُونَ ٤٢

34.- Hãy hỏi họ: “Trong số các ‘thần linh’ của các người, ai có khả năng khởi nguyên sự tạo hóa rồi phục hồi nó“? Hãy bảo họ: “Allah khởi nguyên sự tạo hóa rồi phục hồi nó. Thế các người lánh xa (sự thật) như thế nào?”

35.- Hãy hỏi họ: “Trong số các 'thần linh' của các người ai có khả năng hướng dẫn đến Chân lý? Hãy bảo họ: “Allah là Đấng hướng dẫn đến Chân lý.” Phải chăng Đấng hướng dẫn đến Chân lý đáng được tuân theo hay một kẻ không hướng dẫn được ai trừ phi được hướng dẫn (đáng được tuân theo?) Các người có chuyện gì vậy? Các người xử lý ra sao?

36.- Và đa số bọn họ chỉ phỏng đoán. Chắc chắn sự phỏng đoán không bao giờ giúp họ đạt được Chân lý về bất cứ điều gì. Quả thật, Allah biết rõ những điều họ làm.

37.- Và (Kinh) *Qur'ān* này không thể do ai khác ngoài Allah làm ra, nhưng nó (*Qur'ān*) xác nhận lại các điều (đã được mặc khải) trước nó và giải thích đầy đủ 'Kinh sách' do *Rabb* của vũ trụ và muôn loài (ban xuống), không có gì phải ngờ vực cả.

38.- Hoặc phải chăng họ nói Người (Muhammad) đã bịa đặt ra nó (*Qur'ān*)? Hãy bảo họ: “Nếu điều các người nói ra đúng sự thật thì hãy làm thử một Chương giống thế này và gọi bất cứ ai ngoài Allah đến giúp?

39.- Không, họ phủ nhận những điều mà sự hiểu biết của họ không thể quán triệt nổi và họ chưa đạt được lời giải thích của nó. Những kẻ trước họ đã phủ nhận sự thật giống như thế nhưng hãy xem kết cuộc của những kẻ làm điều sai quấy như xẩy ra thế nào.

40.- Và trong bọn họ có người tin tưởng nơi nó và có kẻ không tin nơi nó. Và *Rabb* của Ngươi (hỡi Sứ giả!) biết rõ ai là những kẻ thối nát.

41.- Và nếu họ cho rằng Ngươi (Muhammad) nói dối, thì hãy bảo họ: “Ta chịu trách nhiệm về công việc của ta và các người về công việc của các người. Các người vô can về công việc của ta và ta vô can về công việc của các người.”

42.- Và trong bọn họ, có kẻ (giả vờ) nghe Ngươi nói, nhưng có thể nào Ngươi làm cho người điếc nghe được hay chăng trong lúc họ là những kẻ không hiểu gì?

وَمِنۡهُم مَّن يَنظُرُ إِلَيۡكَۚ أَفَأَنتَ تَهۡدِي ٱلۡعُمۡيَ وَلَوۡ كَانُواْ لَا يُبۡصِرُونَ ﴿٤٣﴾ إِنَّ ٱللَّهَ لَا يَظۡلِمُ ٱلنَّاسَ شَيۡـٔٗا وَلَٰكِنَّ ٱلنَّاسَ أَنفُسَهُمۡ يَظۡلِمُونَ ﴿٤٤﴾ وَيَوۡمَ يَحۡشُرُهُمۡ كَأَن لَّمۡ يَلۡبَثُوٓاْ إِلَّا سَاعَةٗ مِّنَ ٱلنَّهَارِ يَتَعَارَفُونَ بَيۡنَهُمۡۚ قَدۡ خَسِرَ ٱلَّذِينَ كَذَّبُواْ بِلِقَآءِ ٱللَّهِ وَمَا كَانُواْ مُهۡتَدِينَ ﴿٤٥﴾ وَإِمَّا نُرِيَنَّكَ بَعۡضَ ٱلَّذِي نَعِدُهُمۡ أَوۡ نَتَوَفَّيَنَّكَ فَإِلَيۡنَا مَرۡجِعُهُمۡ ثُمَّ ٱللَّهُ شَهِيدٌ عَلَىٰ مَا يَفۡعَلُونَ ﴿٤٦﴾ وَلِكُلِّ أُمَّةٖ رَّسُولٞۖ فَإِذَا جَآءَ رَسُولُهُمۡ قُضِيَ بَيۡنَهُم بِٱلۡقِسۡطِ وَهُمۡ لَا يُظۡلَمُونَ ﴿٤٧﴾ وَيَقُولُونَ مَتَىٰ هَٰذَا ٱلۡوَعۡدُ إِن كُنتُمۡ صَٰدِقِينَ ﴿٤٨﴾ قُل لَّآ أَمۡلِكُ لِنَفۡسِي ضَرّٗا وَلَا نَفۡعًا إِلَّا مَا شَآءَ ٱللَّهُۗ لِكُلِّ أُمَّةٍ أَجَلٌۚ إِذَا جَآءَ أَجَلُهُمۡ فَلَا يَسۡتَـٔۡخِرُونَ سَاعَةٗ وَلَا يَسۡتَقۡدِمُونَ ﴿٤٩﴾ قُلۡ أَرَءَيۡتُمۡ إِنۡ أَتَىٰكُمۡ عَذَابُهُۥ بَيَٰتًا أَوۡ نَهَارٗا مَّاذَا يَسۡتَعۡجِلُ مِنۡهُ ٱلۡمُجۡرِمُونَ ﴿٥٠﴾ أَثُمَّ إِذَا مَا وَقَعَ ءَامَنتُم بِهِۦٓۚ ءَآلۡـَٰٔنَ وَقَدۡ كُنتُم بِهِۦ تَسۡتَعۡجِلُونَ ﴿٥١﴾ ثُمَّ قِيلَ لِلَّذِينَ ظَلَمُواْ ذُوقُواْ عَذَابَ ٱلۡخُلۡدِ هَلۡ تُجۡزَوۡنَ إِلَّا بِمَا كُنتُمۡ تَكۡسِبُونَ ﴿٥٢﴾ ۞ وَيَسۡتَنۢبِـُٔونَكَ أَحَقٌّ هُوَۖ قُلۡ إِي وَرَبِّيٓ إِنَّهُۥ لَحَقّٞۖ وَمَآ أَنتُم بِمُعۡجِزِينَ ﴿٥٣﴾

ربع الحزب ٢٢

43.- Và trong bọn họ, có kẻ (chăm chú) nhìn Ngươi, nhưng có thể nào Ngươi hướng dẫn một người mù đi đúng đường được chăng trong lúc họ là những kẻ không nhìn thấy gì?

44.- Chắc chắn Allah không làm điều gì sai quấy đối với con người; ngược lại con người tự làm hại bản thân mình.

45.- (Bây giờ họ mê say với đời sống trần tục) nhưng vào Ngày mà Ngài sẽ tập trung họ lại, họ sẽ có cảm tưởng như đã ở trên trần gian khoảng một tiếng đồng hồ trong ngày. Họ sẽ nhận diện lẫn nhau. Chắc chắn sẽ thua thiệt những ai đã từng phủ nhận việc gặp gỡ Allah ở Đời Sau bởi vì họ là những kẻ đã không được hướng dẫn.

46.- Hoặc giả *TA* sẽ cho Ngươi thấy thực hiện một vài điều mà *TA* đã hứa với họ (trong thời gian Ngươi còn sống) hoặc giả *TA* sẽ bắt hồn của Ngươi ra đi (trước khi xảy ra điều đã hứa) thì trong trường hợp nào đi nữa họ vẫn phải trở lại gặp *TA* sau này. Rồi Allah sẽ là Nhân chứng về những điều họ đã từng làm.

47.- Và mỗi một Cộng đồng đều có một Sứ giả (được Allah phái đến) với họ; bởi thế khi Sứ giả của họ đến gặp họ thì vấn đề (tranh chấp) giữa họ sẽ được giải quyết một cách công bằng và họ sẽ không bị đối xử bất công.

48.- Và họ nói: "Chừng nào lời hứa (về sự trừng phạt) này sẽ xảy ra nếu quí vị (Sứ giả) nói sự thật?"

49.- Hãy bảo họ: "Ta không kiểm soát được điều hại và điều lợi ngay cho chính bản thân ta ngoại trừ điều nào Allah muốn. Mỗi một Cộng đồng đều có một thời hạn ấn định; khi thời hạn đã mãn thì họ sẽ không thể ở nán lại được một giờ khắc nào và cũng không thể giục nó đi sớm hơn được một giờ khắc nào cả."

50.- Hãy bảo họ: "Các người hãy nghĩ xem, nếu Ngài (Allah) giáng hình phạt của Ngài lên các người ban đêm hoặc ban ngày thì hình phạt nào sẽ là cái mà những kẻ tội lỗi sẽ mong cho chóng đến?"

51.- Thế nếu hình phạt thực sự xảy đến cho các người, các người có chịu tin tưởng chay chăng? (Các người sẽ hỏi lại) 'Bây giờ ư?' trong lúc trước đây các người đã giục nó cho chóng đến.

52.- Rồi sẽ có lời bảo những kẻ làm điều sai quấy: "Hãy nếm hình phạt triền miên này!" Phải chăng các người chỉ chịu hình phạt về những điều (tội lỗi) mà các người đã lãnh?

53.- Và họ hỏi Ngươi để biết nó (sự trừng phạt) thực sự xảy ra hay không? Hãy bảo họ: "Vâng! Nhân danh *Rabb* (Allah) của ta, chắc chắn đó là sự thật. Và các người sẽ không thể thoát khỏi đặng!"

وَلَوْ أَنَّ لِكُلِّ نَفْسٖ ظَلَمَتْ مَا فِي ٱلْأَرْضِ لَٱفْتَدَتْ بِهِۦۗ وَأَسَرُّواْ
ٱلنَّدَامَةَ لَمَّا رَأَوُاْ ٱلْعَذَابَۖ وَقُضِيَ بَيْنَهُم بِٱلْقِسْطِۚ وَهُمْ
لَا يُظْلَمُونَ ٥٤ أَلَآ إِنَّ لِلَّهِ مَا فِي ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلْأَرْضِۗ أَلَآ إِنَّ
وَعْدَ ٱللَّهِ حَقّٞ وَلَٰكِنَّ أَكْثَرَهُمْ لَا يَعْلَمُونَ ٥٥ هُوَ يُحْيِۦ وَيُمِيتُ
وَإِلَيْهِ تُرْجَعُونَ ٥٦ يَٰٓأَيُّهَا ٱلنَّاسُ قَدْ جَآءَتْكُم مَّوْعِظَةٞ
مِّن رَّبِّكُمْ وَشِفَآءٞ لِّمَا فِي ٱلصُّدُورِ وَهُدٗى وَرَحْمَةٞ لِّلْمُؤْمِنِينَ
٥٧ قُلْ بِفَضْلِ ٱللَّهِ وَبِرَحْمَتِهِۦ فَبِذَٰلِكَ فَلْيَفْرَحُواْ هُوَ خَيْرٞ مِّمَّا
يَجْمَعُونَ ٥٨ قُلْ أَرَءَيْتُم مَّآ أَنزَلَ ٱللَّهُ لَكُم مِّن رِّزْقٖ
فَجَعَلْتُم مِّنْهُ حَرَامٗا وَحَلَٰلٗا قُلْ ءَآللَّهُ أَذِنَ لَكُمْۖ أَمْ عَلَى
ٱللَّهِ تَفْتَرُونَ ٥٩ وَمَا ظَنُّ ٱلَّذِينَ يَفْتَرُونَ عَلَى ٱللَّهِ ٱلْكَذِبَ
يَوْمَ ٱلْقِيَٰمَةِۗ إِنَّ ٱللَّهَ لَذُو فَضْلٍ عَلَى ٱلنَّاسِ وَلَٰكِنَّ أَكْثَرَهُمْ
لَا يَشْكُرُونَ ٦٠ وَمَا تَكُونُ فِي شَأْنٖ وَمَا تَتْلُواْ مِنْهُ مِن قُرْءَانٖ
وَلَا تَعْمَلُونَ مِنْ عَمَلٍ إِلَّا كُنَّا عَلَيْكُمْ شُهُودًا إِذْ تُفِيضُونَ
فِيهِۚ وَمَا يَعْزُبُ عَن رَّبِّكَ مِن مِّثْقَالِ ذَرَّةٖ فِي ٱلْأَرْضِ وَلَا فِي
ٱلسَّمَآءِ وَلَآ أَصْغَرَ مِن ذَٰلِكَ وَلَآ أَكْبَرَ إِلَّا فِي كِتَٰبٖ مُّبِينٍ ٦١

54.- Và giá mỗi người (linh hồn) làm điều sai quấy đều có được tất cả những gì trên mặt đất dùng để chuộc tội (thì sẽ không được chấp thuận); và khi đối diện với hình phạt, họ sẽ ôm niềm hối hận (về tội đã làm); và vấn đề sẽ được giải quyết giữa họ một cách công bằng và họ sẽ không bị đối xử bất công.

55.- Há tất cả những gì trong các tầng trời và trái đất không phải là của Allah hay sao? Há lời hứa của Allah không thật hay sao? Nhưng đa số bọn họ không biết (điều đó).

56.- Ngài ban sự sống và gây cho chết và các người sẽ được đưa về gặp Ngài trở lại.

57.- Hỡi nhân loại! Một lời khuyên bảo tốt (*Qur'ān*) từ *Rabb* (Allah) của các người đã đến với các người; và là một phương thức chữa lành (những căn bệnh) trong lòng của các người; vừa là một Chỉ đạo và một Hồng ân cho những người có đức tin.

58.- Hãy bảo họ: "Vậy hãy để cho họ (những người có đức tin) vui hưởng thiên lộc của Allah và sự Khoan dung của Ngài như thế". Điều đó tốt hơn tài sản mà họ tích lũy.

59.- Hãy bảo họ: "Các người đã xét lại hay chưa việc các người đã cấm và cho phép dùng các món vật mà Allah đã ban xuống cho các người làm thực phẩm?". Hãy hỏi họ: "Phải chăng Allah cho phép các người làm thế hay tự ý các người bịa đặt ra rồi đổ thừa cho Allah?".

60.- Và những kẻ bịa đặt điều gian dối rồi đổ thừa cho Allah sẽ nghĩ gì về số phận của mình vào Ngày Phục sinh? Quả thật, Allah Rất Nhân từ với loài người nhưng đa số thiên hạ không biết ơn.

61.- Và không một hoạt động doanh thương nào mà Ngươi làm và không một đoạn kinh *Qur'ān* nào mà Ngươi xướng đọc cũng không một hành động nào mà các người (nhân loại) làm mà lại không nằm dưới sự chứng kiến của *TA* khi các người miệt mài trong đó, bởi vì không có gì có thể giấu giếm khỏi được *Rabb* (Allah) của Ngươi (Muhammad) dù cho đó là sức nặng của một hạt nguyên tử nằm dưới đất hay ở trên trời đi nữa và không có cái gì nhỏ hoặc lớn hơn cái đó mà lại không được ghi chép trong một quyển sổ (Định Mệnh) rõ ràng.

أَلَآ إِنَّ أَوْلِيَآءَ ٱللَّهِ لَا خَوْفٌ عَلَيْهِمْ وَلَا هُمْ يَحْزَنُونَ ﴿٦٢﴾ ٱلَّذِينَ ءَامَنُوا۟ وَكَانُوا۟ يَتَّقُونَ ﴿٦٣﴾ لَهُمُ ٱلْبُشْرَىٰ فِى ٱلْحَيَوٰةِ ٱلدُّنْيَا وَفِى ٱلْءَاخِرَةِ ۚ لَا تَبْدِيلَ لِكَلِمَٰتِ ٱللَّهِ ۚ ذَٰلِكَ هُوَ ٱلْفَوْزُ ٱلْعَظِيمُ ﴿٦٤﴾ وَلَا يَحْزُنكَ قَوْلُهُمْ ۘ إِنَّ ٱلْعِزَّةَ لِلَّهِ جَمِيعًا ۚ هُوَ ٱلسَّمِيعُ ٱلْعَلِيمُ ﴿٦٥﴾ أَلَآ إِنَّ لِلَّهِ مَن فِى ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَمَن فِى ٱلْأَرْضِ ۗ وَمَا يَتَّبِعُ ٱلَّذِينَ يَدْعُونَ مِن دُونِ ٱللَّهِ شُرَكَآءَ ۚ إِن يَتَّبِعُونَ إِلَّا ٱلظَّنَّ وَإِنْ هُمْ إِلَّا يَخْرُصُونَ ﴿٦٦﴾ هُوَ ٱلَّذِى جَعَلَ لَكُمُ ٱلَّيْلَ لِتَسْكُنُوا۟ فِيهِ وَٱلنَّهَارَ مُبْصِرًا ۚ إِنَّ فِى ذَٰلِكَ لَءَايَٰتٍ لِّقَوْمٍ يَسْمَعُونَ ﴿٦٧﴾ قَالُوا۟ ٱتَّخَذَ ٱللَّهُ وَلَدًا ۗ سُبْحَٰنَهُۥ ۖ هُوَ ٱلْغَنِىُّ ۖ لَهُۥ مَا فِى ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَمَا فِى ٱلْأَرْضِ ۚ إِنْ عِندَكُم مِّن سُلْطَٰنٍۭ بِهَٰذَآ ۚ أَتَقُولُونَ عَلَى ٱللَّهِ مَا لَا تَعْلَمُونَ ﴿٦٨﴾ قُلْ إِنَّ ٱلَّذِينَ يَفْتَرُونَ عَلَى ٱللَّهِ ٱلْكَذِبَ لَا يُفْلِحُونَ ﴿٦٩﴾ مَتَٰعٌ فِى ٱلدُّنْيَا ثُمَّ إِلَيْنَا مَرْجِعُهُمْ ثُمَّ نُذِيقُهُمُ ٱلْعَذَابَ ٱلشَّدِيدَ بِمَا كَانُوا۟ يَكْفُرُونَ ﴿٧٠﴾

62.- Ô này! Chắc chắn những người *Auliyā'*[1] của Allah sẽ không lo sợ cũng sẽ không buồn phiền:

63.- Những ai tin tưởng nơi Ngài và hằng sợ Ngài.

64.- Họ sẽ nhận tin mừng ở đời này và ở Đời Sau. (Bởi vì) chẳng có gì thay đổi trong các Lời phán của Allah. Đó là một sự thành tựu vĩ đại.

65.- (Hỡi Muhammad!) Chớ để lời nói của họ làm Ngươi buồn; bởi vì chắc chắn tất cả quyền hành và vinh dự đều thuộc về Allah cả. Ngài là Đấng Hằng Nghe và Hằng Biết.

66.- Ô này! Quả thật, bất cứ ai ở trên trời và ai ở dưới đất đều là (tạo vật) của Allah cả. Và những kẻ cầu nguyện các 'thần linh' ngoài Allah tuân theo gì vậy? Quả thật, họ chỉ tuân theo điều phỏng chừng và chỉ bịa đặt điều gian dối.

67.- Ngài (Allah) là Đấng làm ra ban đêm cho các người để nghỉ ngơi và ban ngày để nhìn thấy. Chắc chắn trong đó là các Dấu hiệu cho một đám người biết nghe (lời Ngài).

68.- Họ nói: "Allah đã có một đứa con trai." Thật quang vinh và trong sạch thay Ngài! Ngài Giầu Có (Tự Đầy đủ). Mọi vật trong các tầng trời và dưới đất đều là (tạo vật) của Ngài. Các người chẳng có gì bảo đảm cho điều (bịa đặt) này. Phải chăng các người đã nói (bậy) cho Allah điều mà các người không biết?

69.- Hãy bảo họ: "Chắc chắn những ai bịa đặt điều nói dối rồi đổ thừa cho Allah sẽ không bao giờ thành đạt."

70.- (Mà chỉ là) một sự hưởng thụ ngắn ngủi nơi trần gian, rồi họ sẽ được đưa trở về gặp lại *TA* rồi *TA* sẽ cho họ nếm Hình phạt khủng khiếp về tội họ đã từng phủ nhận (Allah và các Dấu hiệu của Ngài).

[1] *Auliyā'* của Allah là những người tin tưởng và phó thác cho Allah, sợ và yêu Allah hơn cả, tuân mệnh Allah về bất cứ điều gì.

نصف الحزب ٢٢

۞ وَٱتۡلُ عَلَيۡهِمۡ نَبَأَ نُوحٍ إِذۡ قَالَ لِقَوۡمِهِۦ يَٰقَوۡمِ إِن كَانَ كَبُرَ عَلَيۡكُم مَّقَامِي وَتَذۡكِيرِي بِـَٔايَٰتِ ٱللَّهِ فَعَلَى ٱللَّهِ تَوَكَّلۡتُ فَأَجۡمِعُوٓاْ أَمۡرَكُمۡ وَشُرَكَآءَكُمۡ ثُمَّ لَا يَكُنۡ أَمۡرُكُمۡ عَلَيۡكُمۡ غُمَّةٗ ثُمَّ ٱقۡضُوٓاْ إِلَيَّ وَلَا تُنظِرُونِ ٧١ فَإِن تَوَلَّيۡتُمۡ فَمَا سَأَلۡتُكُم مِّنۡ أَجۡرٍۖ إِنۡ أَجۡرِيَ إِلَّا عَلَى ٱللَّهِۖ وَأُمِرۡتُ أَنۡ أَكُونَ مِنَ ٱلۡمُسۡلِمِينَ ٧٢ فَكَذَّبُوهُ فَنَجَّيۡنَٰهُ وَمَن مَّعَهُۥ فِي ٱلۡفُلۡكِ وَجَعَلۡنَٰهُمۡ خَلَٰٓئِفَ وَأَغۡرَقۡنَا ٱلَّذِينَ كَذَّبُواْ بِـَٔايَٰتِنَاۖ فَٱنظُرۡ كَيۡفَ كَانَ عَٰقِبَةُ ٱلۡمُنذَرِينَ ٧٣ ثُمَّ بَعَثۡنَا مِنۢ بَعۡدِهِۦ رُسُلًا إِلَىٰ قَوۡمِهِمۡ فَجَآءُوهُم بِٱلۡبَيِّنَٰتِ فَمَا كَانُواْ لِيُؤۡمِنُواْ بِمَا كَذَّبُواْ بِهِۦ مِن قَبۡلُۚ كَذَٰلِكَ نَطۡبَعُ عَلَىٰ قُلُوبِ ٱلۡمُعۡتَدِينَ ٧٤ ثُمَّ بَعَثۡنَا مِنۢ بَعۡدِهِم مُّوسَىٰ وَهَٰرُونَ إِلَىٰ فِرۡعَوۡنَ وَمَلَإِيْهِۦ بِـَٔايَٰتِنَا فَٱسۡتَكۡبَرُواْ وَكَانُواْ قَوۡمٗا مُّجۡرِمِينَ ٧٥ فَلَمَّا جَآءَهُمُ ٱلۡحَقُّ مِنۡ عِندِنَا قَالُوٓاْ إِنَّ هَٰذَا لَسِحۡرٞ مُّبِينٞ ٧٦ قَالَ مُوسَىٰٓ أَتَقُولُونَ لِلۡحَقِّ لَمَّا جَآءَكُمۡۖ أَسِحۡرٌ هَٰذَا وَلَا يُفۡلِحُ ٱلسَّٰحِرُونَ ٧٧ قَالُوٓاْ أَجِئۡتَنَا لِتَلۡفِتَنَا عَمَّا وَجَدۡنَا عَلَيۡهِ ءَابَآءَنَا وَتَكُونَ لَكُمَا ٱلۡكِبۡرِيَآءُ فِي ٱلۡأَرۡضِ وَمَا نَحۡنُ لَكُمَا بِمُؤۡمِنِينَ ٧٨

71.- Hãy đọc cho họ (nghe) câu chuyện của Nūh khi Người bảo người dân của Người: "Này hỡi dân ta! Nếu các ngươi cảm thấy khó chịu về địa vị của ta cũng như việc ta nhắc nhở các ngươi về những Dấu hiệu của Allah, thì ta hoàn toàn phó thác cho Allah. Thế thì các ngươi hãy cùng hợp tác với các 'thần linh' của các ngươi mà sắp đặt công việc của các ngươi rồi chớ để cho kế hoạch của các ngươi có điều nào sơ sót rồi hãy (dùng nó mà) xử lý ta và chớ để cho ta rảnh tay.

72.- "Nhưng nếu các ngươi quay bỏ đi thì (nên biết rằng) ta đâu có đòi hỏi các ngươi tưởng thưởng ta; bởi vì phần thưởng của ta ở nơi Allah và ta nhận lệnh phải là một người Muslim (thần phục Ngài)."

73.- Nhưng họ cho rằng Người (Nūh) nói dối. Sau đó *TA* đã giải cứu Người và tín đồ theo Người trên một chiếc tàu và làm cho họ thành những người nối nghiệp (trên trái đất) và *TA* nhận chìm những kẻ phủ nhận những Dấu hiệu của *TA*. Bởi thế, hãy nhìn xem kết cuộc của những kẻ đã được cảnh cáo (nhưng không chịu hối cải) như thế nào.

74.- Rồi sau Người (Nūh) *TA* đã cử nhiều Sứ giả đến cho người dân của họ mang theo những bằng chứng rõ rệt nhưng họ không tin tưởng nơi những điều mà họ đã từng phủ nhận trước đó. *TA* đã niêm kín tấm lòng của những kẻ phạm tội như thế.

75.- Rồi sau họ (các Sứ giả tiền nhiệm), *TA* đã cử *Mūsa* và *Hārūn* đến gặp *Fir'aun* và những tên tù trưởng của y mang theo những bằng chứng rõ rệt của *TA*. Nhưng chúng tỏ ra ngạo mạn và là một đám người tội lỗi.

76.- Nhưng khi sự Thật từ *TA* đến với chúng, chúng nói: "Chắc chắn đây là một trò ảo thuật hiển hiện."

77.- Mūsa bảo: "Các ngươi đã nói về sự Thật như thế hay sao khi nó đến với các ngươi? Đây là một trò ảo thuật ư? Bởi vì những nhà ảo thuật không hề thành đạt.

78.- Chúng bảo (Mūsa): "Phải chăng nhà ngươi đến gặp bọn ta để làm bọn ta từ bỏ những điều (đường lối) mà bọn ta thấy ông bà cha mẹ của bọn ta đang theo hầu hai anh em nhà ngươi có thể làm bá chủ trong lãnh thổ ? Và bọn ta sẽ không tin tưởng nơi hai ngươi!"

وَقَالَ فِرۡعَوۡنُ ٱئۡتُونِي بِكُلِّ سَٰحِرٍ عَلِيمٖ ﴿٧٩﴾ فَلَمَّا جَآءَ ٱلسَّحَرَةُ قَالَ لَهُم مُّوسَىٰٓ أَلۡقُواْ مَآ أَنتُم مُّلۡقُونَ ﴿٨٠﴾ فَلَمَّآ أَلۡقَوۡاْ قَالَ مُوسَىٰ مَا جِئۡتُم بِهِ ٱلسِّحۡرُۖ إِنَّ ٱللَّهَ سَيُبۡطِلُهُۥٓ إِنَّ ٱللَّهَ لَا يُصۡلِحُ عَمَلَ ٱلۡمُفۡسِدِينَ ﴿٨١﴾ وَيُحِقُّ ٱللَّهُ ٱلۡحَقَّ بِكَلِمَٰتِهِۦ وَلَوۡ كَرِهَ ٱلۡمُجۡرِمُونَ ﴿٨٢﴾ فَمَآ ءَامَنَ لِمُوسَىٰٓ إِلَّا ذُرِّيَّةٞ مِّن قَوۡمِهِۦ عَلَىٰ خَوۡفٖ مِّن فِرۡعَوۡنَ وَمَلَإِيْهِمۡ أَن يَفۡتِنَهُمۡۚ وَإِنَّ فِرۡعَوۡنَ لَعَالٖ فِي ٱلۡأَرۡضِ وَإِنَّهُۥ لَمِنَ ٱلۡمُسۡرِفِينَ ﴿٨٣﴾ وَقَالَ مُوسَىٰ يَٰقَوۡمِ إِن كُنتُمۡ ءَامَنتُم بِٱللَّهِ فَعَلَيۡهِ تَوَكَّلُوٓاْ إِن كُنتُم مُّسۡلِمِينَ ﴿٨٤﴾ فَقَالُواْ عَلَى ٱللَّهِ تَوَكَّلۡنَا رَبَّنَا لَا تَجۡعَلۡنَا فِتۡنَةٗ لِّلۡقَوۡمِ ٱلظَّٰلِمِينَ ﴿٨٥﴾ وَنَجِّنَا بِرَحۡمَتِكَ مِنَ ٱلۡقَوۡمِ ٱلۡكَٰفِرِينَ ﴿٨٦﴾ وَأَوۡحَيۡنَآ إِلَىٰ مُوسَىٰ وَأَخِيهِ أَن تَبَوَّءَا لِقَوۡمِكُمَا بِمِصۡرَ بُيُوتٗا وَٱجۡعَلُواْ بُيُوتَكُمۡ قِبۡلَةٗ وَأَقِيمُواْ ٱلصَّلَوٰةَۗ وَبَشِّرِ ٱلۡمُؤۡمِنِينَ ﴿٨٧﴾ وَقَالَ مُوسَىٰ رَبَّنَآ إِنَّكَ ءَاتَيۡتَ فِرۡعَوۡنَ وَمَلَأَهُۥ زِينَةٗ وَأَمۡوَٰلٗا فِي ٱلۡحَيَوٰةِ ٱلدُّنۡيَا رَبَّنَا لِيُضِلُّواْ عَن سَبِيلِكَۖ رَبَّنَا ٱطۡمِسۡ عَلَىٰٓ أَمۡوَٰلِهِمۡ وَٱشۡدُدۡ عَلَىٰ قُلُوبِهِمۡ فَلَا يُؤۡمِنُواْ حَتَّىٰ يَرَوُاْ ٱلۡعَذَابَ ٱلۡأَلِيمَ ﴿٨٨﴾

79.- Và Fir'aun nói (với các chư thần): "Hãy triệu đến cho ta tất cả các nhà phù thủy tài giỏi."

80.- Bởi thế, khi các nhà phù thủy đến trình diện, Mūsa bảo họ: "Quí vị hãy ném xuống đất bất cứ bửu bối nào mà quí vị muốn ném."

81.- Tiếp đó, khi họ ném xuống, Mūsa bảo: "Cái mà quí vị mang đến là trò ảo thuật. Chắc chắn Allah sẽ làm cho nó thành vô dụng và chắc chắn Allah không để cho việc làm của những kẻ thối nát được thành công."

82.- Và Allah chứng minh và thiết lập Chân lý bằng Lời phán của Ngài mặc dầu những kẻ tội lỗi ghét điều đó.

83.- Nhưng vì lý do sợ Fir'aun và những vị tù trưởng của y sẽ hành hạ họ nên không ai tin tưởng nơi Mūsa ngoại trừ một số con cái của người dân của Người. Và quả thật, Fir'aun rất quyền thế trong lãnh thổ và là một kẻ vượt quá mức tội ác.

84.- Và Mūsa bảo: "Này hỡi dân ta! Nếu các người thực sự tin tưởng nơi Allah thì hãy phó thác cho Ngài nếu các người là những người Muslim (thần phục Ngài).

85.- Bởi thế, họ thưa: "Chúng tôi phó thác cho Allah. Lạy *Rabb* chúng tôi! Xin Ngài đừng biến chúng tôi thành một phương tiện thử thách cho những kẻ làm ác."

86.- "Và xin Ngài hãy lấy lòng Khoan dung mà giải thoát chúng tôi ra khỏi đám người không tin này."

87.- Và *TA* đã mặc khải cho Mūsa và (Hārūn) người anh của Người rằng: "Hãy dựng nhà cho người dân của hai ngươi tại Ai-cập và hãy dùng nhà của các ngươi làm *Qiblah* (nơi thờ phượng) và hãy dâng lễ nguyện *Salāh* và báo tin mừng cho những người tin tưởng.

88.- Và Mūsa (cầu nguyện) thưa: "Lạy *Rabb* chúng tôi! Ngài đã ban cho *Fir'aun* và các tù trưởng của y sự huy hoàng và sự giầu sang ở đời này, bởi thế y đã dắt thiên hạ đi lạc khỏi con đường của Ngài. Lạy *Rabb* chúng tôi! Xin Ngài hãy tàn phá tài sản của chúng và làm cho tấm lòng của chúng chai cứng lại. Bởi thế, chúng sẽ tiếp tục không tin tưởng cho đến lúc chúng sẽ chứng kiến hình phạt đau đớn (được dành cho chúng)."

ثلاثة أرباع الحزب ٢٢

قَالَ قَدْ أُجِيبَت دَّعْوَتُكُمَا فَٱسْتَقِيمَا وَلَا تَتَّبِعَآنِّ سَبِيلَ ٱلَّذِينَ لَا يَعْلَمُونَ ﴿٨٩﴾ ۞ وَجَٰوَزْنَا بِبَنِيٓ إِسْرَٰٓءِيلَ ٱلْبَحْرَ فَأَتْبَعَهُمْ فِرْعَوْنُ وَجُنُودُهُۥ بَغْيًا وَعَدْوًاۖ حَتَّىٰٓ إِذَآ أَدْرَكَهُ ٱلْغَرَقُ قَالَ ءَامَنتُ أَنَّهُۥ لَآ إِلَٰهَ إِلَّا ٱلَّذِيٓ ءَامَنَتْ بِهِۦ بَنُوٓاْ إِسْرَٰٓءِيلَ وَأَنَا۠ مِنَ ٱلْمُسْلِمِينَ ﴿٩٠﴾ ءَآلْـَٰٔنَ وَقَدْ عَصَيْتَ قَبْلُ وَكُنتَ مِنَ ٱلْمُفْسِدِينَ ﴿٩١﴾ فَٱلْيَوْمَ نُنَجِّيكَ بِبَدَنِكَ لِتَكُونَ لِمَنْ خَلْفَكَ ءَايَةًۚ وَإِنَّ كَثِيرًا مِّنَ ٱلنَّاسِ عَنْ ءَايَٰتِنَا لَغَٰفِلُونَ ﴿٩٢﴾ وَلَقَدْ بَوَّأْنَا بَنِيٓ إِسْرَٰٓءِيلَ مُبَوَّأَ صِدْقٍ وَرَزَقْنَٰهُم مِّنَ ٱلطَّيِّبَٰتِ فَمَا ٱخْتَلَفُواْ حَتَّىٰ جَآءَهُمُ ٱلْعِلْمُۚ إِنَّ رَبَّكَ يَقْضِي بَيْنَهُمْ يَوْمَ ٱلْقِيَٰمَةِ فِيمَا كَانُواْ فِيهِ يَخْتَلِفُونَ ﴿٩٣﴾ فَإِن كُنتَ فِي شَكٍّ مِّمَّآ أَنزَلْنَآ إِلَيْكَ فَسْـَٔلِ ٱلَّذِينَ يَقْرَءُونَ ٱلْكِتَٰبَ مِن قَبْلِكَۚ لَقَدْ جَآءَكَ ٱلْحَقُّ مِن رَّبِّكَ فَلَا تَكُونَنَّ مِنَ ٱلْمُمْتَرِينَ ﴿٩٤﴾ وَلَا تَكُونَنَّ مِنَ ٱلَّذِينَ كَذَّبُواْ بِـَٔايَٰتِ ٱللَّهِ فَتَكُونَ مِنَ ٱلْخَٰسِرِينَ ﴿٩٥﴾ إِنَّ ٱلَّذِينَ حَقَّتْ عَلَيْهِمْ كَلِمَتُ رَبِّكَ لَا يُؤْمِنُونَ ﴿٩٦﴾ وَلَوْ جَآءَتْهُمْ كُلُّ ءَايَةٍ حَتَّىٰ يَرَوُاْ ٱلْعَذَابَ ٱلْأَلِيمَ ﴿٩٧﴾

89.- (Allah) phán: "Lời cầu xin của hai (anh em) nhà ngươi được (*TA*) chấp nhận. Do đó, hãy chính trực và chớ theo con đường của những kẻ không biết gì.

90.- Và *TA* đã đưa con cháu của Israel vượt qua biển (Hồng hải). Fir'aun và quân lính của y đuổi theo bắt họ đầy căm phẫn và hận thù cho đến khi y bị nhận chìm dưới nước thì y mới nói: "Tôi tin tưởng quả thật là Ngài; Không có Thượng Đế nào ngoài Đấng mà con cháu của Israel tin tưởng. Và tôi là một người Muslim thần phục Ngài.

91.- (Allah phán): "À bây giờ nhà ngươi mới tin. Trước đây không lâu nhà ngươi hãy còn làm loạn và nhà ngươi là một kẻ thối nát.

92.- Ngày này *TA* giữ thân xác của ngươi lại để làm một Dấu hiệu cho những ai nối nghiệp nhà ngươi. Và quả thật đa số thiên hạ vẫn còn lơ là trước những Dấu hiệu của *TA*.

93.- Và *TA* đã định cư con cháu của Israel tại một nơi tốt đẹp và an toàn và cung cấp cho họ lương thực tốt, bởi thế họ không bất đồng ý kiến với nhau (về điều gì); cho đến khi họ tiếp thu được sự hiểu biết (họ mới đâm ra chia rẽ nhau.) Chắc chắn Allah sẽ giải quyết mối bất hòa giữa họ vào Ngày Phục sinh về những điều mà họ thường tranh chấp.

94.- (Hỡi Muhammad!) Nếu Ngươi có ý nghi ngờ về điều (mặc khải) mà *TA* đã ban xuống cho Ngươi, thì hãy hỏi điều này nơi những kẻ đã đọc Kinh sách trước Ngươi. Chắc chắn đó là sự Thật từ *Rabb* của Ngươi đã được mang đến cho Ngươi. Vậy chớ là một kẻ sinh lòng nghi ngờ.

95.- Và cũng chớ là một trong những kẻ phủ nhận những Lời mặc khải của Allah bởi vì làm thế Ngươi sẽ trở thành một kẻ mất mát.

96.- Quả thật, những ai mà Lời phán của *Rabb* của Ngươi (hỡi Muhammad) đã xác nhận đúng, sẽ nhất định không tin tưởng,

97.- Cho dù có từng Phép lạ được mang đến trình bày cho họ thấy (họ vẫn không tin) mãi cho đến khi họ đối diện với một hình phạt đau đớn.

فَلَوۡلَا كَانَتۡ قَرۡيَةٌ ءَامَنَتۡ فَنَفَعَهَآ إِيمَٰنُهَآ إِلَّا قَوۡمَ يُونُسَ
لَمَّآ ءَامَنُواْ كَشَفۡنَا عَنۡهُمۡ عَذَابَ ٱلۡخِزۡيِ فِي ٱلۡحَيَوٰةِ ٱلدُّنۡيَا
وَمَتَّعۡنَٰهُمۡ إِلَىٰ حِينٖ ٩٨ وَلَوۡ شَآءَ رَبُّكَ لَأٓمَنَ مَن فِي ٱلۡأَرۡضِ
كُلُّهُمۡ جَمِيعًاۚ أَفَأَنتَ تُكۡرِهُ ٱلنَّاسَ حَتَّىٰ يَكُونُواْ مُؤۡمِنِينَ
٩٩ وَمَا كَانَ لِنَفۡسٍ أَن تُؤۡمِنَ إِلَّا بِإِذۡنِ ٱللَّهِۚ وَيَجۡعَلُ ٱلرِّجۡسَ
عَلَى ٱلَّذِينَ لَا يَعۡقِلُونَ ١٠٠ قُلِ ٱنظُرُواْ مَاذَا فِي ٱلسَّمَٰوَٰتِ
وَٱلۡأَرۡضِۚ وَمَا تُغۡنِي ٱلۡأٓيَٰتُ وَٱلنُّذُرُ عَن قَوۡمٖ لَّا يُؤۡمِنُونَ
١٠١ فَهَلۡ يَنتَظِرُونَ إِلَّا مِثۡلَ أَيَّامِ ٱلَّذِينَ خَلَوۡاْ مِن قَبۡلِهِمۡۚ
قُلۡ فَٱنتَظِرُوٓاْ إِنِّي مَعَكُم مِّنَ ٱلۡمُنتَظِرِينَ ١٠٢ ثُمَّ نُنَجِّي
رُسُلَنَا وَٱلَّذِينَ ءَامَنُواْۚ كَذَٰلِكَ حَقًّا عَلَيۡنَا نُنجِ ٱلۡمُؤۡمِنِينَ ١٠٣
قُلۡ يَٰٓأَيُّهَا ٱلنَّاسُ إِن كُنتُمۡ فِي شَكّٖ مِّن دِينِي فَلَآ أَعۡبُدُ ٱلَّذِينَ
تَعۡبُدُونَ مِن دُونِ ٱللَّهِ وَلَٰكِنۡ أَعۡبُدُ ٱللَّهَ ٱلَّذِي يَتَوَفَّىٰكُمۡۖ وَأُمِرۡتُ
أَنۡ أَكُونَ مِنَ ٱلۡمُؤۡمِنِينَ ١٠٤ وَأَنۡ أَقِمۡ وَجۡهَكَ لِلدِّينِ حَنِيفٗا
وَلَا تَكُونَنَّ مِنَ ٱلۡمُشۡرِكِينَ ١٠٥ وَلَا تَدۡعُ مِن دُونِ ٱللَّهِ مَا لَا
يَنفَعُكَ وَلَا يَضُرُّكَۖ فَإِن فَعَلۡتَ فَإِنَّكَ إِذٗا مِّنَ ٱلظَّٰلِمِينَ ١٠٦

98.- Bởi thế, giá có một thị trấn nào đó tin tưởng thì đức tin của nó sẽ giúp ích cho nó biết mấy chẳng hạn như người dân của *Yūnus*. Khi họ tin tưởng, *TA* đã xóa hình phạt nhục nhã đi khỏi họ ở đời sống trần tục này và cho họ tiếp tục hưởng thụ cuộc đời đến một thời hạn ấn định.

99.- Và giá *Rabb* của Ngươi (Muhammad) muốn thì từng người một sống trên trái đất này, tất cả, sẽ có đức tin. Thế phải chăng Ngươi cưỡng ép người ta ngược với ý muốn của họ cho đến khi họ tin tưởng hay sao?

100.- Và không một người nào có đức tin trừ phi Allah chấp thuận cho y. Và Ngài sẽ đặt sự ô-uế lên những kẻ không hiểu gì.

101.- Hãy bảo (họ): "Hãy quan sát những vật trong các tầng trời và dưới đất." Và không một Dấu hiệu cũng không một người Báo trước nào có thể giúp ích được cho một đám người không có đức tin.

102.- Thế phải chăng họ mong đợi (những ngày) giống như những ngày (xấu xa) của những kẻ đã qua đời trước họ? Hãy bảo (họ): "Thế các người hãy chờ đợi, ta sẽ cùng chờ đợi với các người."

103.- Rồi *TA* giải cứu các Sứ giả của *TA* cùng với những ai có đức tin. *TA* có bổn phận phải giải cứu những người có đức tin đúng như thế.

104.- Hãy bảo người dân: "Hỡi nhân loại! Nếu các người nghi ngờ về tôn giáo của ta thì (nên biết rằng) ngoài Allah, ta không thờ phụng những kẻ mà các người thờ phụng. Ngược lại, ta thờ phụng Allah, Đấng sẽ làm cho các người chết và ta nhận lệnh phải trở thành một người tin tưởng.

105.- Và (ta nhận được lệnh): "Hãy hướng mặt Ngươi về tôn giáo *hanīf* (chỉ tôn thờ riêng Allah) và chớ trở thành một người thờ đa thần;

106.- "Và chớ cầu nguyện ngoài Allah những kẻ không mang lợi cũng chẳng gây hại được Ngươi; nếu làm thế thì chắc chắn Ngươi sẽ là một kẻ sai phạm..

وَإِن يَمۡسَسۡكَ ٱللَّهُ بِضُرّٖ فَلَا كَاشِفَ لَهُۥٓ إِلَّا هُوَۖ وَإِن يُرِدۡكَ بِخَيۡرٖ فَلَا رَآدَّ لِفَضۡلِهِۦۚ يُصِيبُ بِهِۦ مَن يَشَآءُ مِنۡ عِبَادِهِۦۚ وَهُوَ ٱلۡغَفُورُ ٱلرَّحِيمُ ﴿١٠٧﴾ قُلۡ يَٰٓأَيُّهَا ٱلنَّاسُ قَدۡ جَآءَكُمُ ٱلۡحَقُّ مِن رَّبِّكُمۡۖ فَمَنِ ٱهۡتَدَىٰ فَإِنَّمَا يَهۡتَدِي لِنَفۡسِهِۦۖ وَمَن ضَلَّ فَإِنَّمَا يَضِلُّ عَلَيۡهَاۖ وَمَآ أَنَا۠ عَلَيۡكُم بِوَكِيلٖ ﴿١٠٨﴾ وَٱتَّبِعۡ مَا يُوحَىٰٓ إِلَيۡكَ وَٱصۡبِرۡ حَتَّىٰ يَحۡكُمَ ٱللَّهُۚ وَهُوَ خَيۡرُ ٱلۡحَٰكِمِينَ ﴿١٠٩﴾

سُورَةُ هُودٍ

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

الٓرۚ كِتَٰبٌ أُحۡكِمَتۡ ءَايَٰتُهُۥ ثُمَّ فُصِّلَتۡ مِن لَّدُنۡ حَكِيمٍ خَبِيرٍ ﴿١﴾ أَلَّا تَعۡبُدُوٓاْ إِلَّا ٱللَّهَۚ إِنَّنِي لَكُم مِّنۡهُ نَذِيرٞ وَبَشِيرٞ ﴿٢﴾ وَأَنِ ٱسۡتَغۡفِرُواْ رَبَّكُمۡ ثُمَّ تُوبُوٓاْ إِلَيۡهِ يُمَتِّعۡكُم مَّتَٰعًا حَسَنًا إِلَىٰٓ أَجَلٖ مُّسَمّٗى وَيُؤۡتِ كُلَّ ذِي فَضۡلٖ فَضۡلَهُۥۖ وَإِن تَوَلَّوۡاْ فَإِنِّيٓ أَخَافُ عَلَيۡكُمۡ عَذَابَ يَوۡمٖ كَبِيرٍ ﴿٣﴾ إِلَى ٱللَّهِ مَرۡجِعُكُمۡۖ وَهُوَ عَلَىٰ كُلِّ شَيۡءٖ قَدِيرٌ ﴿٤﴾ أَلَآ إِنَّهُمۡ يَثۡنُونَ صُدُورَهُمۡ لِيَسۡتَخۡفُواْ مِنۡهُۚ أَلَا حِينَ يَسۡتَغۡشُونَ ثِيَابَهُمۡ يَعۡلَمُ مَا يُسِرُّونَ وَمَا يُعۡلِنُونَۚ إِنَّهُۥ عَلِيمُۢ بِذَاتِ ٱلصُّدُورِ ﴿٥﴾

107.- Và nếu Allah làm cho Ngươi đau ốm thì duy chỉ Ngài chữa lành nó đặng; và nếu Ngài ban điều tốt nào cho Ngươi thì không ai có thể giữ thiên lộc của Ngài lại đặng. Ngài ban nó cho người nào Ngài muốn trong số bầy tôi của Ngài. Và Ngài Hằng Tha thứ, Rất mực Khoan dung.

108.- Hãy bảo (người dân): "Hỡi nhân loại! Bây giờ Chân lý từ *Rabb* của các người đã đến với các người. Do đó, ai theo Chính đạo thì việc theo đó chỉ có lợi cho bản thân mình; còn ai đi lạc thì việc lạc đó chỉ bất lợi cho bản thân mình. Ta không là người thọ lãnh (trách nhiệm) cho các người."

109.- Và hãy tuân theo những điều đã được mặc khải cho Ngươi và hãy kiên nhẫn chịu đựng cho đến khi Allah phán xử. Bởi vì Ngài là Đấng Xét xử Ưu việt.

HŪD
(Nabi Hūd)

Nhân danh Allah, Đấng Rất mực Độ lượng,
Đấng Rất mực Khoan dung

1.- *Alif. Lām. Rā.* (Đây là) một Kinh Sách gồm những Câu cơ bản có ý nghĩa rõ ràng tiếp đó được giải thích chi tiết bởi Đấng Sáng suốt, Đấng Hằng Quen thuộc (với mọi việc).

2.- (Kinh Sách này dạy) các ngươi không được thờ phụng ai ngoài Allah cả. Quả thật, Ta (Muhammad) được Ngài (Allah) cử phái đến với các ngươi như một người Báo trước và người mang Tin mừng.

3.- Và hãy cầu xin *Rabb* (Allah) của các ngươi tha thứ và quay về sám hối với Ngài để may ra Ngài cho các ngươi hưởng thụ một đời sống vui tươi cho đến hết tuổi thọ đã được qui định cho các ngươi và Ngài sẽ ban thiên lộc của Ngài cho tất cả các người hưởng thiên-lộc. Nhưng nếu các ngươi quay bỏ đi thì chắc chắn Ta sợ giùm cho các ngươi về sự trừng phạt vào Ngày (Phán xử) vĩ đại.

4.- (Bởi vì) các ngươi sẽ trở về gặp Ngài trở lại và Ngài sẽ toàn quyền định-đoạt về tất cả mọi việc.

5.- Nhưng này! Họ khép kín cõi lòng của họ để mong lẩn trốn khỏi Ngài. Nhưng không! Dẫu họ có lấy áo quần che kín thân mình của họ lại thì Ngài vẫn biết điều họ giấu giếm và điều họ phơi bày. Chắc chắn Ngài biết hết những điều thầm kín nhất trong lòng họ.

۞ وَمَا مِن دَآبَّةٖ فِي ٱلۡأَرۡضِ إِلَّا عَلَى ٱللَّهِ رِزۡقُهَا وَيَعۡلَمُ مُسۡتَقَرَّهَا وَمُسۡتَوۡدَعَهَاۚ كُلّٞ فِي كِتَٰبٖ مُّبِينٖ ٦ وَهُوَ ٱلَّذِي خَلَقَ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضَ فِي سِتَّةِ أَيَّامٖ وَكَانَ عَرۡشُهُۥ عَلَى ٱلۡمَآءِ لِيَبۡلُوَكُمۡ أَيُّكُمۡ أَحۡسَنُ عَمَلٗاۗ وَلَئِن قُلۡتَ إِنَّكُم مَّبۡعُوثُونَ مِنۢ بَعۡدِ ٱلۡمَوۡتِ لَيَقُولَنَّ ٱلَّذِينَ كَفَرُوٓاْ إِنۡ هَٰذَآ إِلَّا سِحۡرٞ مُّبِينٞ ٧ وَلَئِنۡ أَخَّرۡنَا عَنۡهُمُ ٱلۡعَذَابَ إِلَىٰٓ أُمَّةٖ مَّعۡدُودَةٖ لَّيَقُولُنَّ مَا يَحۡبِسُهُۥٓۗ أَلَا يَوۡمَ يَأۡتِيهِمۡ لَيۡسَ مَصۡرُوفًا عَنۡهُمۡ وَحَاقَ بِهِم مَّا كَانُواْ بِهِۦ يَسۡتَهۡزِءُونَ ٨ وَلَئِنۡ أَذَقۡنَا ٱلۡإِنسَٰنَ مِنَّا رَحۡمَةٗ ثُمَّ نَزَعۡنَٰهَا مِنۡهُ إِنَّهُۥ لَيَـُٔوسٞ كَفُورٞ ٩ وَلَئِنۡ أَذَقۡنَٰهُ نَعۡمَآءَ بَعۡدَ ضَرَّآءَ مَسَّتۡهُ لَيَقُولَنَّ ذَهَبَ ٱلسَّيِّـَٔاتُ عَنِّيٓۚ إِنَّهُۥ لَفَرِحٞ فَخُورٌ ١٠ إِلَّا ٱلَّذِينَ صَبَرُواْ وَعَمِلُواْ ٱلصَّٰلِحَٰتِ أُوْلَٰٓئِكَ لَهُم مَّغۡفِرَةٞ وَأَجۡرٞ كَبِيرٞ ١١ فَلَعَلَّكَ تَارِكُۢ بَعۡضَ مَا يُوحَىٰٓ إِلَيۡكَ وَضَآئِقُۢ بِهِۦ صَدۡرُكَ أَن يَقُولُواْ لَوۡلَآ أُنزِلَ عَلَيۡهِ كَنزٌ أَوۡ جَآءَ مَعَهُۥ مَلَكٌۚ إِنَّمَآ أَنتَ نَذِيرٞۚ وَٱللَّهُ عَلَىٰ كُلِّ شَيۡءٖ وَكِيلٌ ١٢

6.- Và không một sinh vật nào sống trên trái đất mà nguồn lương thực lại không do Allah cung cấp. Ngài biết nơi sống và nơi tạm ngụ của nó. Tất cả đều được ghi chép trong một quyển sổ (Định mệnh) rõ ràng.

7.- Và Ngài (Allah) là Đấng đã tạo hóa các tầng trời và trái đất trong sáu Ngày và Ngai Vương (*'Arsh*) của Ngài nằm bên trên (mặt) nước để Ngài có thể thử thách các ngươi xem ai trong các ngươi là người tốt nhất trong việc làm (của mình). Và nếu Ngươi (Muhammad) có bảo họ: "Chắc chắn các ngươi sẽ được phục sinh trở lại sau khi chết," thì chắc chắn những kẻ không có đức tin sẽ đáp, "Điều này rõ ràng chỉ là một trò ảo thuật công khai (chứ làm sao có đặng!)"

8.- Và nếu *TA* cho dời việc trừng phạt họ đến một thời hạn qui định thì chắc chắn họ sẽ nói, "Lý do gì giữ nó lại?" Ô này! Ngày mà hình phạt sẽ xảy đến cho họ, nhất định họ sẽ không thoát khỏi tai họa và sẽ bị bao vây bởi những điều mà họ đã từng chế giễu!

9.- Và nếu *TA* đích thân cho con người nếm mùi Khoan dung rồi tước mất nó khỏi y thì chắc chắn y sẽ thất vọng và phụ ơn.

10.- Và nếu *TA* cho y nếm (hưởng) ân huệ sau khi đã chịu tai họa thì y sẽ nói: "Mọi điều xui xẻo đã đi mất rồi." Chắc chắn y sẽ vui mừng và tự đắc.

11.- Ngược lại, những ai tỏ lòng kiên-nhẫn và làm việc thiện thì sẽ không thế. Họ là những người sẽ được tha thứ và sẽ được ân-thưởng rất lớn.

12.- Có thể Ngươi (*Nabi*) xuôi lòng mà bỏ mất một phần của những điều đã được mặc khải cho Ngươi và lòng của Ngươi se lại vì lời chúng nói, "Tại sao không có một kho tàng nào được ban xuống cho y và tại sao không có một Thiên thần nào được cử xuống cùng với y?" Thật ra, Ngươi chỉ là một người Báo-trước trong lúc Allah là Đấng Thọ-lãnh sắp đặt tất cả mọi việc.

أَمْ يَقُولُونَ ٱفْتَرَىٰهُ ۖ قُلْ فَأْتُوا۟ بِعَشْرِ سُوَرٍ مِّثْلِهِۦ مُفْتَرَيَٰتٍ
وَٱدْعُوا۟ مَنِ ٱسْتَطَعْتُم مِّن دُونِ ٱللَّهِ إِن كُنتُمْ صَٰدِقِينَ ﴿١٣﴾
فَإِلَّمْ يَسْتَجِيبُوا۟ لَكُمْ فَٱعْلَمُوٓا۟ أَنَّمَآ أُنزِلَ بِعِلْمِ ٱللَّهِ وَأَن
لَّآ إِلَٰهَ إِلَّا هُوَ ۖ فَهَلْ أَنتُم مُّسْلِمُونَ ﴿١٤﴾ مَن كَانَ يُرِيدُ ٱلْحَيَوٰةَ
ٱلدُّنْيَا وَزِينَتَهَا نُوَفِّ إِلَيْهِمْ أَعْمَٰلَهُمْ فِيهَا وَهُمْ فِيهَا
لَا يُبْخَسُونَ ﴿١٥﴾ أُو۟لَٰٓئِكَ ٱلَّذِينَ لَيْسَ لَهُمْ فِى ٱلْءَاخِرَةِ إِلَّا
ٱلنَّارُ ۖ وَحَبِطَ مَا صَنَعُوا۟ فِيهَا وَبَٰطِلٌ مَّا كَانُوا۟ يَعْمَلُونَ ﴿١٦﴾
أَفَمَن كَانَ عَلَىٰ بَيِّنَةٍ مِّن رَّبِّهِۦ وَيَتْلُوهُ شَاهِدٌ مِّنْهُ وَمِن قَبْلِهِۦ
كِتَٰبُ مُوسَىٰٓ إِمَامًا وَرَحْمَةً ۚ أُو۟لَٰٓئِكَ يُؤْمِنُونَ بِهِۦ ۚ وَمَن يَكْفُرْ
بِهِۦ مِنَ ٱلْأَحْزَابِ فَٱلنَّارُ مَوْعِدُهُۥ ۚ فَلَا تَكُ فِى مِرْيَةٍ مِّنْهُ ۚ إِنَّهُ
ٱلْحَقُّ مِن رَّبِّكَ وَلَٰكِنَّ أَكْثَرَ ٱلنَّاسِ لَا يُؤْمِنُونَ ﴿١٧﴾ وَمَنْ
أَظْلَمُ مِمَّنِ ٱفْتَرَىٰ عَلَى ٱللَّهِ كَذِبًا ۚ أُو۟لَٰٓئِكَ يُعْرَضُونَ عَلَىٰ
رَبِّهِمْ وَيَقُولُ ٱلْأَشْهَٰدُ هَٰٓؤُلَآءِ ٱلَّذِينَ كَذَبُوا۟ عَلَىٰ رَبِّهِمْ ۚ
أَلَا لَعْنَةُ ٱللَّهِ عَلَى ٱلظَّٰلِمِينَ ﴿١٨﴾ ٱلَّذِينَ يَصُدُّونَ عَن سَبِيلِ
ٱللَّهِ وَيَبْغُونَهَا عِوَجًا وَهُم بِٱلْءَاخِرَةِ هُمْ كَٰفِرُونَ ﴿١٩﴾

13.- Hoặc chúng cũng có thể nói, "Y đã bịa đặt ra nó (*Qur'ān*)." Hãy bảo (chúng): "Vậy các ngươi hãy mang đến mười chương giống y như của nó, và nếu được, hãy gọi bất cứ ai ngoài Allah đến giúp, nếu các ngươi nói đúng sự thật!"

14.- Bởi thế, nếu chúng (các thần linh) không đáp ứng lời cầu khẩn của các ngươi thì nên biết nó (*Qur'ān*) được ban xuống (đầy-đủ) từ Kiến-thức của Allah và rằng không có Thượng Đế nào khác duy chỉ Ngài (là Thượng Đế). Thế tại sao các ngươi không chịu thần phục (Allah và thành người Muslim?)

15.- Ai muốn đời sống trần tục này với vẽ hào nhoáng của nó, thì *TA* sẽ trả đầy đủ phần công lao của họ nơi đó và họ sẽ không bị cắt giảm một tí nào nơi đó.

16.- Họ là những kẻ sẽ không hưởng được gì ở Đời sau ngoài món Lửa (của Hỏa ngục); (lúc đó họ sẽ nhận thấy) công trình của họ nơi (trần gian) sẽ tiêu tan và công việc mà họ đã từng làm nơi đó sẽ trở thành vô nghĩa.

17.- Thế ai giống với người đã từng dựa vào một bằng chứng rõ rệt từ *Rabb* (Allah) của y và được một nhân chứng do Ngài cử đến đọc nó (*Qur'ān*) (cho y) và trước y đã có Kinh sách của Mūsa làm một Chỉ hướng và một Hồng ân? Họ (Muslim) là những người tin nơi nó. Còn người nào thuộc các giáo phái không tin nơi nó thì Lửa (của Hỏa ngục) sẽ là nơi hứa hẹn của y. Bởi thế, Ngươi (Nabi) chớ sinh nghi về nó (*Qur'ān*) bởi vì quả thật nó là Chân lý do *Rabb* của Ngươi ban xuống nhưng đa số nhân loại không tin.

18.- Và còn ai sai phạm hơn kẻ đã đặt điều nói dối rồi đổ thừa cho Allah! Họ sẽ được mời đến trình diện trước *Rabb* của họ và các nhân chứng sẽ bảo: "Đây là những kẻ đã nói dối rồi đổ thừa cho Allah." Ô này! Chắc chắn Allah nguyền rủa những kẻ làm điều sai quấy:

19.- Những ai đã cản trở (người khác) không cho theo Con đường của Allah và còn tìm cách bẻ cong nó và phủ nhận Đời sau.

أُوْلَٰٓئِكَ لَمۡ يَكُونُواْ مُعۡجِزِينَ فِي ٱلۡأَرۡضِ وَمَا كَانَ لَهُم مِّن دُونِ ٱللَّهِ مِنۡ أَوۡلِيَآءَۘ يُضَٰعَفُ لَهُمُ ٱلۡعَذَابُۚ مَا كَانُواْ يَسۡتَطِيعُونَ ٱلسَّمۡعَ وَمَا كَانُواْ يُبۡصِرُونَ ﴿٢٠﴾ أُوْلَٰٓئِكَ ٱلَّذِينَ خَسِرُوٓاْ أَنفُسَهُمۡ وَضَلَّ عَنۡهُم مَّا كَانُواْ يَفۡتَرُونَ ﴿٢١﴾ لَا جَرَمَ أَنَّهُمۡ فِي ٱلۡأٓخِرَةِ هُمُ ٱلۡأَخۡسَرُونَ ﴿٢٢﴾ إِنَّ ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ وَعَمِلُواْ ٱلصَّٰلِحَٰتِ وَأَخۡبَتُوٓاْ إِلَىٰ رَبِّهِمۡ أُوْلَٰٓئِكَ أَصۡحَٰبُ ٱلۡجَنَّةِۖ هُمۡ فِيهَا خَٰلِدُونَ ﴿٢٣﴾ ۞ مَثَلُ ٱلۡفَرِيقَيۡنِ كَٱلۡأَعۡمَىٰ وَٱلۡأَصَمِّ وَٱلۡبَصِيرِ وَٱلسَّمِيعِۚ هَلۡ يَسۡتَوِيَانِ مَثَلًاۚ أَفَلَا تَذَكَّرُونَ ﴿٢٤﴾ وَلَقَدۡ أَرۡسَلۡنَا نُوحًا إِلَىٰ قَوۡمِهِۦٓ إِنِّي لَكُمۡ نَذِيرٞ مُّبِينٌ ﴿٢٥﴾ أَن لَّا تَعۡبُدُوٓاْ إِلَّا ٱللَّهَۖ إِنِّيٓ أَخَافُ عَلَيۡكُمۡ عَذَابَ يَوۡمٍ أَلِيمٖ ﴿٢٦﴾ فَقَالَ ٱلۡمَلَأُ ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ مِن قَوۡمِهِۦ مَا نَرَىٰكَ إِلَّا بَشَرٗا مِّثۡلَنَا وَمَا نَرَىٰكَ ٱتَّبَعَكَ إِلَّا ٱلَّذِينَ هُمۡ أَرَاذِلُنَا بَادِيَ ٱلرَّأۡيِ وَمَا نَرَىٰ لَكُمۡ عَلَيۡنَا مِن فَضۡلِۭ بَلۡ نَظُنُّكُمۡ كَٰذِبِينَ ﴿٢٧﴾ قَالَ يَٰقَوۡمِ أَرَءَيۡتُمۡ إِن كُنتُ عَلَىٰ بَيِّنَةٖ مِّن رَّبِّي وَءَاتَىٰنِي رَحۡمَةٗ مِّنۡ عِندِهِۦ فَعُمِّيَتۡ عَلَيۡكُمۡ أَنُلۡزِمُكُمُوهَا وَأَنتُمۡ لَهَا كَٰرِهُونَ ﴿٢٨﴾

ربع الحزب ٢٣

20.- Họ sẽ không chạy trốn được bất cứ nơi nào trên trái đất và sẽ không được ai che chở hầu thoát khỏi (hình phạt của) Allah. Họ sẽ bị trừng phạt gấp đôi. Họ sẽ không thể nghe cũng sẽ không thấy được (Chân lý).

21.- Họ là những kẻ đã đánh mất linh hồn của mình và những điều (vẽ vời) mà họ đã từng bịa đặt sẽ bỏ đi biệt dạng.

22.- Không một chút nghi ngờ nào, họ là những kẻ sẽ mất mát nhất ở Đời sau.

23.- Quả thật, những ai có đức tin và làm việc thiện và hạ mình khiêm tốn trước Allah thì sẽ là những người Bạn của Thiên đàng nơi mà họ sẽ vào đó ở đời đời.

24.- Hình ảnh về hai loại người này có thể so sánh với một bên gồm người mù và người điếc và bên kia gồm người thấy và người nghe được. Họ bằng nhau chăng khi mang ra so sánh? Thế các ngươi không lưu ý (về điều đó hay sao?)

25.- Và chắc chắn *TA* đã cử Nūh (Noah) đến cho người dân của Người. (Người bảo họ): "Ta là một người Báo-trước (được phái) đến với các ngươi.

26.- (Ta báo cho biết), Các ngươi chỉ nên thờ phụng riêng Allah thôi bởi vì Ta sợ giùm cho các ngươi về sự Trừng Phạt vào một Ngày đau đớn."

27.- Nhưng các vị cầm-đầu trong đám người dân của Người đáp: "Bọn ta thấy Ngươi chỉ là một người phàm như bọn ta và bọn ta cũng nhận thấy chỉ những kẻ tồi tệ nhất trong bọn ta mới mù quáng theo Ngươi và bọn ngươi chẳng có gì trội hơn bọn ta cả. Không, bọn ta nghĩ, bọn ngươi là những kẻ nói dối."

28.- (Nūh) bảo: "Hỡi dân ta! Há các người có nhận thấy rằng nếu ta đã dựa vào một bằng chứng rõ rệt từ *Rabb* của ta và được Ngài ban cho hồng ân nhưng các người không nhìn thấy nó (hồng ân) thì có thể nào bọn ta bắt ép các người chấp nhận nó trong lúc các người không thích?

وَيَٰقَوْمِ لَآ أَسْـَٔلُكُمْ عَلَيْهِ مَالًاۖ إِنْ أَجْرِيَ إِلَّا عَلَى ٱللَّهِۚ وَمَآ أَنَا۠ بِطَارِدِ ٱلَّذِينَ ءَامَنُوٓاْۚ إِنَّهُم مُّلَٰقُواْ رَبِّهِمْ وَلَٰكِنِّيٓ أَرَىٰكُمْ قَوْمًا تَجْهَلُونَ ﴿٢٩﴾ وَيَٰقَوْمِ مَن يَنصُرُنِي مِنَ ٱللَّهِ إِن طَرَدتُّهُمْۚ أَفَلَا تَذَكَّرُونَ ﴿٣٠﴾ وَلَآ أَقُولُ لَكُمْ عِندِي خَزَآئِنُ ٱللَّهِ وَلَآ أَعْلَمُ ٱلْغَيْبَ وَلَآ أَقُولُ إِنِّي مَلَكٌ وَلَآ أَقُولُ لِلَّذِينَ تَزْدَرِيٓ أَعْيُنُكُمْ لَن يُؤْتِيَهُمُ ٱللَّهُ خَيْرًاۖ ٱللَّهُ أَعْلَمُ بِمَا فِيٓ أَنفُسِهِمْ إِنِّيٓ إِذًا لَّمِنَ ٱلظَّٰلِمِينَ ﴿٣١﴾ قَالُواْ يَٰنُوحُ قَدْ جَٰدَلْتَنَا فَأَكْثَرْتَ جِدَٰلَنَا فَأْتِنَا بِمَا تَعِدُنَآ إِن كُنتَ مِنَ ٱلصَّٰدِقِينَ ﴿٣٢﴾ قَالَ إِنَّمَا يَأْتِيكُم بِهِ ٱللَّهُ إِن شَآءَ وَمَآ أَنتُم بِمُعْجِزِينَ ﴿٣٣﴾ وَلَا يَنفَعُكُمْ نُصْحِيٓ إِنْ أَرَدتُّ أَنْ أَنصَحَ لَكُمْ إِن كَانَ ٱللَّهُ يُرِيدُ أَن يُغْوِيَكُمْۚ هُوَ رَبُّكُمْ وَإِلَيْهِ تُرْجَعُونَ ﴿٣٤﴾ أَمْ يَقُولُونَ ٱفْتَرَىٰهُۖ قُلْ إِنِ ٱفْتَرَيْتُهُۥ فَعَلَيَّ إِجْرَامِي وَأَنَا۠ بَرِيٓءٌ مِّمَّا تُجْرِمُونَ ﴿٣٥﴾ وَأُوحِيَ إِلَىٰ نُوحٍ أَنَّهُۥ لَن يُؤْمِنَ مِن قَوْمِكَ إِلَّا مَن قَدْ ءَامَنَ فَلَا تَبْتَئِسْ بِمَا كَانُواْ يَفْعَلُونَ ﴿٣٦﴾ وَٱصْنَعِ ٱلْفُلْكَ بِأَعْيُنِنَا وَوَحْيِنَا وَلَا تُخَٰطِبْنِي فِي ٱلَّذِينَ ظَلَمُوٓاْ إِنَّهُم مُّغْرَقُونَ ﴿٣٧﴾

29.- "Và hỡi dân ta! Ta không đòi hỏi tài sản của các người về việc (truyền giáo) này. Phần thưởng của ta chỉ do Allah ban cấp và ta không thể xua đuổi những người có đức tin đi nơi khác bởi vì quả thật họ sẽ trở về gặp *Rabb* của họ lại. Ngược lại, ta thấy các người mới thực sự là một đám người ngu muội!

30.- "Và hỡi dân ta! Ai sẽ giúp ta tránh được (hình phạt của) Allah nếu ta xua đuổi họ? Thế các ngươi không lưu ý đến điều đó hay sao?

31.- "Và ta đã không bảo các người rằng ta có được các kho tàng của Allah; và ta cũng không biết được điều vô hình; và ta đã không bảo mình là một Thiên thần; và ta đã không nói về những ai mà cặp mắt các ngươi đã khinh rẽ, rằng Allah sẽ không bao giờ ban một điều tốt nào cho họ. Allah biết rõ nhất điều nằm trong lòng của họ. Nếu ta đã thực sự tuyên bố các điều đó thì quả thật ta là một kẻ làm điều sai quấy."

32.- (Người dân) đáp: "Này hỡi Nūh! Ngươi đã tranh luận với bọn ta khá nhiều. Nào, hãy mang điều (hình phạt) mà ngươi dùng để hăm dọa bọn ta đến cho bọn ta thấy nếu ngươi là một người nói thật."

33.- (Nūh) bảo: "Chỉ Allah mang nó (hình phạt) đến cho các người thôi, nếu Ngài muốn và (lúc đó) các người sẽ không tài nào chạy thoát được!

34.- "Và nếu ta muốn khuyên bảo các người điều tốt lành thì nó chẳng giúp ích gì cho các người một khi Allah muốn bỏ mặc các người lạc lối. Ngài là *Rabb* của các người và các người sẽ được đưa về gặp Ngài trở lại (ở Đời sau)."

35.- Hoặc họ (người Quraish) cũng có thể nói: "Y (Muhammad) đã bịa đặt ra nó (*Qur'ān*)." Hãy bảo họ: "Nếu ta đã bịa đặt nó thì ta sẽ chịu tội về việc đó và ta vô can về những điều tội lỗi mà các ngươi đã phạm."

36.- Và Nūh nhận được Lời Mặc Khải (của Allah): "Không ai trong đám người dân của Ngươi sẽ tin tưởng ngoại trừ những người đã có đức tin chắc chắn. Vậy chớ buồn rầu về những điều chúng đã từng làm.

37.- "Và hãy đóng một chiếc tàu dưới mắt quan-sát của *TA* và tuân theo điều mặc khải của *TA* và chớ khiếu nại với TA giùm cho những kẻ làm điều sai quấy. Chắc chắn chúng sẽ bị nhận chết dưới nước (lụt)."

وَيَصۡنَعُ ٱلۡفُلۡكَ وَكُلَّمَا مَرَّ عَلَيۡهِ مَلَأٞ مِّن قَوۡمِهِۦ سَخِرُواْ مِنۡهُۚ قَالَ إِن تَسۡخَرُواْ مِنَّا فَإِنَّا نَسۡخَرُ مِنكُمۡ كَمَا تَسۡخَرُونَ ٣٨ فَسَوۡفَ تَعۡلَمُونَ مَن يَأۡتِيهِ عَذَابٞ يُخۡزِيهِ وَيَحِلُّ عَلَيۡهِ عَذَابٞ مُّقِيمٌ ٣٩ حَتَّىٰٓ إِذَا جَآءَ أَمۡرُنَا وَفَارَ ٱلتَّنُّورُ قُلۡنَا ٱحۡمِلۡ فِيهَا مِن كُلّٖ زَوۡجَيۡنِ ٱثۡنَيۡنِ وَأَهۡلَكَ إِلَّا مَن سَبَقَ عَلَيۡهِ ٱلۡقَوۡلُ وَمَنۡ ءَامَنَۚ وَمَآ ءَامَنَ مَعَهُۥٓ إِلَّا قَلِيلٞ ٤٠ ۞ وَقَالَ ٱرۡكَبُواْ فِيهَا بِسۡمِ ٱللَّهِ مَجۡرٜىٰهَا وَمُرۡسَىٰهَآۚ إِنَّ رَبِّي لَغَفُورٞ رَّحِيمٞ ٤١ وَهِيَ تَجۡرِي بِهِمۡ فِي مَوۡجٖ كَٱلۡجِبَالِ وَنَادَىٰ نُوحٌ ٱبۡنَهُۥ وَكَانَ فِي مَعۡزِلٖ يَٰبُنَيَّ ٱرۡكَب مَّعَنَا وَلَا تَكُن مَّعَ ٱلۡكَٰفِرِينَ ٤٢ قَالَ سَـَٔاوِيٓ إِلَىٰ جَبَلٖ يَعۡصِمُنِي مِنَ ٱلۡمَآءِۚ قَالَ لَا عَاصِمَ ٱلۡيَوۡمَ مِنۡ أَمۡرِ ٱللَّهِ إِلَّا مَن رَّحِمَۚ وَحَالَ بَيۡنَهُمَا ٱلۡمَوۡجُ فَكَانَ مِنَ ٱلۡمُغۡرَقِينَ ٤٣ وَقِيلَ يَٰٓأَرۡضُ ٱبۡلَعِي مَآءَكِ وَيَٰسَمَآءُ أَقۡلِعِي وَغِيضَ ٱلۡمَآءُ وَقُضِيَ ٱلۡأَمۡرُ وَٱسۡتَوَتۡ عَلَى ٱلۡجُودِيِّۖ وَقِيلَ بُعۡدٗا لِّلۡقَوۡمِ ٱلظَّٰلِمِينَ ٤٤ وَنَادَىٰ نُوحٞ رَّبَّهُۥ فَقَالَ رَبِّ إِنَّ ٱبۡنِي مِنۡ أَهۡلِي وَإِنَّ وَعۡدَكَ ٱلۡحَقُّ وَأَنتَ أَحۡكَمُ ٱلۡحَٰكِمِينَ ٤٥

نصف الحزب ٢٣

38.- Và (Nūh) bắt đầu đóng chiếc tàu. Và mỗi lần đi ngang qua chỗ của Người, các vị cầm-đầu trong đám người dân của Người, cười chế nhạo Người. (Nūh) bảo: "Nếu các người chế nhạo bọn ta thì bọn ta sẽ chế-nhạo các ngươi lại giống như thế."

39.- "Rồi đây các người sẽ sớm biết ai là kẻ sẽ nhận hình-phạt nhục-nhã bao trùm lấy y và sẽ hứng chịu một sự trừng phạt dai dẳng"

40.- (Ngày tháng trôi qua) cho đến khi Mệnh-lệnh của *TA* được ban hành. Tức thời nước mạch trào lên. *TA* phán: "Hãy đưa lên tàu từng cặp (thú vật) đủ loại và cả gia đình của ngươi và những ai có đức-tin ngoại trừ kẻ mà lệnh xử-lý đã được ban hành. Nhưng chỉ một số ít có đức-tin cùng với Người.

41.- Và (Nūh) bảo: "Hãy lên tàu, nhân danh Allah, dù nó trôi hay nó đậu. Chắc chắn, Đức *Rabb* của ta Hằng Tha thứ, Rất mực Khoan dung."

42.- Và chiếc tàu chở họ trôi đi giữa các làn sóng to như những quả núi; và Nūh lớn tiếng gọi đứa con trai của mình đứng ở đằng xa, bảo: "Này hỡi con! Hãy lên tàu cùng với bọn cha. Chớ nhập chung với những kẻ không tin tưởng."

43.- (Đứa con trai) đáp: "Con sẽ chạy lên núi, nó sẽ cứu con thoát khỏi nước lụt." (Nūh) bảo: "Ngày nay không có gì có thể cứu giải con khỏi Mệnh Lệnh của Allah ngoại trừ người nào được Ngài khoan dung." Và những ngọn sóng thần ùa đến chia lìa hai cha con. Do đó, đứa con đã bị chết chìm (dưới nước lụt).

44.- Và (Allah) phán: "Hỡi đất! Hãy rút hết nước của ngươi, và hỡi bầu trời! Hãy ngưng mưa của ngươi." Và nước lụt hạ xuống. Và Mệnh Lệnh của Allah đã được thi hành hoàn tất. Và nó (chiếc tàu) đậu trên ngọn núi *Jūdī*. Và có lời phán: "Đi đời lũ sai quấy!"

45.- Và Nūh cầu nguyện *Rabb* của Người, thưa: "Lạy *Rabb* của bề tôi! Chắc chắn đứa con trai của bề tôi là người của gia đình bề tôi và chắc chắn Lời-hứa của Ngài là sự Thật và Ngài là Đấng Xét xử Công minh nhất của những vị xét xử."

قَالَ يَٰنُوحُ إِنَّهُۥ لَيۡسَ مِنۡ أَهۡلِكَۖ إِنَّهُۥ عَمَلٌ غَيۡرُ صَٰلِحٖۖ فَلَا تَسۡـَٔلۡنِ
مَا لَيۡسَ لَكَ بِهِۦ عِلۡمٌۖ إِنِّيٓ أَعِظُكَ أَن تَكُونَ مِنَ ٱلۡجَٰهِلِينَ
٤٦ قَالَ رَبِّ إِنِّيٓ أَعُوذُ بِكَ أَنۡ أَسۡـَٔلَكَ مَا لَيۡسَ لِي بِهِۦ عِلۡمٞۖ وَإِلَّا
تَغۡفِرۡ لِي وَتَرۡحَمۡنِيٓ أَكُن مِّنَ ٱلۡخَٰسِرِينَ ٤٧ قِيلَ يَٰنُوحُ
ٱهۡبِطۡ بِسَلَٰمٖ مِّنَّا وَبَرَكَٰتٍ عَلَيۡكَ وَعَلَىٰٓ أُمَمٖ مِّمَّن مَّعَكَۚ
وَأُمَمٞ سَنُمَتِّعُهُمۡ ثُمَّ يَمَسُّهُم مِّنَّا عَذَابٌ أَلِيمٞ ٤٨ تِلۡكَ
مِنۡ أَنۢبَآءِ ٱلۡغَيۡبِ نُوحِيهَآ إِلَيۡكَۖ مَا كُنتَ تَعۡلَمُهَآ أَنتَ
وَلَا قَوۡمُكَ مِن قَبۡلِ هَٰذَاۖ فَٱصۡبِرۡۖ إِنَّ ٱلۡعَٰقِبَةَ لِلۡمُتَّقِينَ ٤٩
وَإِلَىٰ عَادٍ أَخَاهُمۡ هُودٗاۚ قَالَ يَٰقَوۡمِ ٱعۡبُدُواْ ٱللَّهَ مَا لَكُم مِّنۡ
إِلَٰهٍ غَيۡرُهُۥٓۖ إِنۡ أَنتُمۡ إِلَّا مُفۡتَرُونَ ٥٠ يَٰقَوۡمِ لَآ أَسۡـَٔلُكُمۡ عَلَيۡهِ
أَجۡرًاۖ إِنۡ أَجۡرِيَ إِلَّا عَلَى ٱلَّذِي فَطَرَنِيٓۚ أَفَلَا تَعۡقِلُونَ ٥١
وَيَٰقَوۡمِ ٱسۡتَغۡفِرُواْ رَبَّكُمۡ ثُمَّ تُوبُوٓاْ إِلَيۡهِ يُرۡسِلِ ٱلسَّمَآءَ
عَلَيۡكُم مِّدۡرَارٗا وَيَزِدۡكُمۡ قُوَّةً إِلَىٰ قُوَّتِكُمۡ وَلَا تَتَوَلَّوۡاْ
مُجۡرِمِينَ ٥٢ قَالُواْ يَٰهُودُ مَا جِئۡتَنَا بِبَيِّنَةٖ وَمَا نَحۡنُ
بِتَارِكِيٓ ءَالِهَتِنَا عَن قَوۡلِكَ وَمَا نَحۡنُ لَكَ بِمُؤۡمِنِينَ ٥٣

46.- (Allah) phán: "Hỡi Nūh! Quả thật, nó không thuộc gia đình nhà ngươi bởi vì việc làm của nó không tốt. Bởi thế, chớ cầu xin TA về điều mà ngươi không biết. TA khuyên bảo ngươi như thế kẻo ngươi có thể trở thành một người ngu muội."

47.- (Nūh) thưa: "Lạy *Rabb* của bề tôi! Xin Ngài giữ bề tôi tránh xa việc hỏi Ngài về những điều mà bề tôi không biết. Nếu Ngài không tha thứ và khoan dung thì chắc chắn bề tôi sẽ trở thành một người thua thiệt."

48.- (Allah) phán: "Hỡi Nūh! Hãy xuống tàu với sự Bằng an và Ân phúc do *TA* ban cho ngươi và cho các cộng đồng xuất thân từ những ai theo ngươi; và có những cộng đồng đã được *TA* cho hưởng lạc (nơi trần gian) rồi *TA* sẽ trừng phạt chúng bằng một hình phạt đau đớn."

49.- Đấy là câu chuyện vô hình mà *TA* đã mặc khải cho Ngươi (Muhammad) (một câu chuyện mà) trước đây Ngươi cũng như người dân của Ngươi chưa hề biết đến. Do đó, hãy kiên nhẫn chịu đựng (như Nūh). Chắc chắn kết cuộc tốt đẹp sẽ về tay của những người ngay chính sợ Allah.

50.- Và (*TA* đã cử) đến với dân tộc 'Ād, (Nabi) Hūd, một người anh em của họ. (Hūd) bảo: "Hỡi dân ta! Hãy thờ phụng Allah, các người không có Thượng Đế nào khác ngoài Ngài. Các người chỉ là những kẻ bịa đặt (điều huyễn hoặc)!

51.- "Hỡi dân ta! Ta không yêu cầu các người tưởng thưởng ta về (thông điệp) này. Quả thật phần thưởng của ta ở nơi Đấng đã sáng tạo ta. Thế các người không hiểu ư?

52.- "Và hỡi dân ta! Hãy cầu xin *Rabb* (Allah) của các người tha thứ và hối cải với Ngài; Ngài sẽ ban nước mưa xối xả từ trên trời xuống cho các người và sẽ gia tăng sức mạnh sẵn có của các người; và chớ quay bỏ đi thành những kẻ tội lỗi."

53.- (Họ) đáp: "Hỡi Hūd! Ngươi chẳng đưa một bằng chứng nào đến cho bọn ta thấy cả và bọn ta không vì lời nói của ngươi mà bỏ các thần linh của bọn ta và bọn ta cũng sẽ không tin tưởng nơi ngươi.

إِن نَّقُولُ إِلَّا ٱعۡتَرَىٰكَ بَعۡضُ ءَالِهَتِنَا بِسُوٓءٖۗ قَالَ إِنِّيٓ أُشۡهِدُ ٱللَّهَ وَٱشۡهَدُوٓاْ أَنِّي بَرِيٓءٞ مِّمَّا تُشۡرِكُونَ ٥٤ مِن دُونِهِۦۖ فَكِيدُونِي جَمِيعٗا ثُمَّ لَا تُنظِرُونِ ٥٥ إِنِّي تَوَكَّلۡتُ عَلَى ٱللَّهِ رَبِّي وَرَبِّكُمۚ مَّا مِن دَآبَّةٍ إِلَّا هُوَ ءَاخِذُۢ بِنَاصِيَتِهَآۚ إِنَّ رَبِّي عَلَىٰ صِرَٰطٖ مُّسۡتَقِيمٖ ٥٦ فَإِن تَوَلَّوۡاْ فَقَدۡ أَبۡلَغۡتُكُم مَّآ أُرۡسِلۡتُ بِهِۦٓ إِلَيۡكُمۡۚ وَيَسۡتَخۡلِفُ رَبِّي قَوۡمًا غَيۡرَكُمۡ وَلَا تَضُرُّونَهُۥ شَيۡـًٔاۚ إِنَّ رَبِّي عَلَىٰ كُلِّ شَيۡءٍ حَفِيظٞ ٥٧ وَلَمَّا جَآءَ أَمۡرُنَا نَجَّيۡنَا هُودٗا وَٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ مَعَهُۥ بِرَحۡمَةٖ مِّنَّا وَنَجَّيۡنَٰهُم مِّنۡ عَذَابٍ غَلِيظٖ ٥٨ وَتِلۡكَ عَادٞۖ جَحَدُواْ بِـَٔايَٰتِ رَبِّهِمۡ وَعَصَوۡاْ رُسُلَهُۥ وَٱتَّبَعُوٓاْ أَمۡرَ كُلِّ جَبَّارٍ عَنِيدٖ ٥٩ وَأُتۡبِعُواْ فِي هَٰذِهِ ٱلدُّنۡيَا لَعۡنَةٗ وَيَوۡمَ ٱلۡقِيَٰمَةِۗ أَلَآ إِنَّ عَادٗا كَفَرُواْ رَبَّهُمۡۗ أَلَا بُعۡدٗا لِّعَادٖ قَوۡمِ هُودٖ ٦٠ ۞ وَإِلَىٰ ثَمُودَ أَخَاهُمۡ صَٰلِحٗاۚ قَالَ يَٰقَوۡمِ ٱعۡبُدُواْ ٱللَّهَ مَا لَكُم مِّنۡ إِلَٰهٍ غَيۡرُهُۥۖ هُوَ أَنشَأَكُم مِّنَ ٱلۡأَرۡضِ وَٱسۡتَعۡمَرَكُمۡ فِيهَا فَٱسۡتَغۡفِرُوهُ ثُمَّ تُوبُوٓاْ إِلَيۡهِۚ إِنَّ رَبِّي قَرِيبٞ مُّجِيبٞ ٦١ قَالُواْ يَٰصَٰلِحُ قَدۡ كُنتَ فِينَا مَرۡجُوّٗا قَبۡلَ هَٰذَآۖ أَتَنۡهَىٰنَآ أَن نَّعۡبُدَ مَا يَعۡبُدُ ءَابَآؤُنَا وَإِنَّنَا لَفِي شَكّٖ مِّمَّا تَدۡعُونَآ إِلَيۡهِ مُرِيبٖ ٦٢

ثلاثة أرباع الحزب ٢٣

54.- "Bọn ta chỉ nói rằng có lẽ một số thần linh của bọn ta sẽ hãm hại ngươi." (Hūd) bảo: "Ta cầu xin Allah làm chứng và yêu cầu bọn ngươi làm chứng rằng ta hoàn toàn vô can về việc các người đã tổ hợp nhiều thần linh-

55.- Với Ngài (Allah). Thế tất cả bọn ngươi hãy cộng tác bày mưu hãm hại ta và chớ để cho ta nghỉ xả hơi.

56.- "Còn ta, ta tin cậy và phó thác cho Allah, *Rabb* của ta và *Rabb* của các người. (Ta cho các người biết) không một sinh vật nào mà Ngài không nắm bằng chùm tóc nơi trán của nó. Quả thật, *Rabb* của ta đang ở trên chính đạo (Chân lý).

57.- "Bởi thế, nếu các người quay bỏ đi thì ít nhất ta cũng đã truyền được cho các người thông điệp mà ta đã được cử mang đến cho các người. Và *Rabb* của ta sẽ bổ nhiệm một đám người khác đến nối nghiệp các người và các người sẽ không hãm hại được Ngài một tí nào; quả thật *Rabb* của ta giám sát tất cả mọi việc."

58.- Và khi Mệnh lệnh của *TA* được ban hành, *TA* nhủ lòng Khoan dung mà cứu Hūd với những ai theo Người và *TA* đã cứu họ thoát khỏi một hình phạt khắc nghiệt.

59.- Và đó là số phận của (người dân) *'Ād*. Họ đã phủ nhận các Dấu-hiệu của *Rabb* (Allah) của họ và bất tuân các Sứ giả của Ngài (Allah) và tuân lệnh từng tên bạo ngược ương ngạnh.

60.- Và lời nguyền rủa đuổi theo họ nơi trần gian này và Ngày Phục sinh. Ô này! Quả thật (người dân) *'Ād* đã phủ nhận *Rabb* (Allah) của họ. Ô này, thật đáng đời *'Ād*, người dân của Hūd.

61.- Và (*TA* đã cử) đến với người dân *Thamūd*, (Nabi) *Sālih*, một người anh em của họ. (Sālih) bảo: "Hỡi dân ta! Hãy thờ phụng Allah; các người không có Thượng Đế nào khác ngoài Ngài cả. Ngài cho sinh sản các người từ trái đất và định cư các người nơi đó. Bởi thế, hãy cầu xin Ngài tha thứ và hối cải với Ngài. Quả thật, *Rabb* của ta luôn luôn kế cận và Hằng đáp-ứng (lời cầu xin của các người).

62.- (Họ) đáp: "Hỡi Sālih! Mãi cho đến nay ngươi đã sống với bọn ta và là nguồn hy vọng của bọn ta. Phải chăng ngươi cấm bọn ta tôn thờ những đấng mà cha mẹ của bọn ta đã thờ phụng? Và quả thật bọn ta rất đỗi nghi ngờ về điều mà ngươi mời bọn ta chấp nhận."

قَالَ يَٰقَوۡمِ أَرَءَيۡتُمۡ إِن كُنتُ عَلَىٰ بَيِّنَةٖ مِّن رَّبِّي وَءَاتَىٰنِي مِنۡهُ رَحۡمَةٗ فَمَن يَنصُرُنِي مِنَ ٱللَّهِ إِنۡ عَصَيۡتُهُۥۖ فَمَا تَزِيدُونَنِي غَيۡرَ تَخۡسِيرٖ ﴿٦٣﴾ وَيَٰقَوۡمِ هَٰذِهِۦ نَاقَةُ ٱللَّهِ لَكُمۡ ءَايَةٗۖ فَذَرُوهَا تَأۡكُلۡ فِيٓ أَرۡضِ ٱللَّهِۖ وَلَا تَمَسُّوهَا بِسُوٓءٖ فَيَأۡخُذَكُمۡ عَذَابٞ قَرِيبٞ ﴿٦٤﴾ فَعَقَرُوهَا فَقَالَ تَمَتَّعُواْ فِي دَارِكُمۡ ثَلَٰثَةَ أَيَّامٖۖ ذَٰلِكَ وَعۡدٌ غَيۡرُ مَكۡذُوبٖ ﴿٦٥﴾ فَلَمَّا جَآءَ أَمۡرُنَا نَجَّيۡنَا صَٰلِحٗا وَٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ مَعَهُۥ بِرَحۡمَةٖ مِّنَّا وَمِنۡ خِزۡيِ يَوۡمِئِذٍۚ إِنَّ رَبَّكَ هُوَ ٱلۡقَوِيُّ ٱلۡعَزِيزُ ﴿٦٦﴾ وَأَخَذَ ٱلَّذِينَ ظَلَمُواْ ٱلصَّيۡحَةُ فَأَصۡبَحُواْ فِي دِيَٰرِهِمۡ جَٰثِمِينَ ﴿٦٧﴾ كَأَن لَّمۡ يَغۡنَوۡاْ فِيهَآۗ أَلَآ إِنَّ ثَمُودَاْ كَفَرُواْ رَبَّهُمۡۗ أَلَا بُعۡدٗا لِّثَمُودَ ﴿٦٨﴾ وَلَقَدۡ جَآءَتۡ رُسُلُنَآ إِبۡرَٰهِيمَ بِٱلۡبُشۡرَىٰ قَالُواْ سَلَٰمٗاۖ قَالَ سَلَٰمٞۖ فَمَا لَبِثَ أَن جَآءَ بِعِجۡلٍ حَنِيذٖ ﴿٦٩﴾ فَلَمَّا رَءَآ أَيۡدِيَهُمۡ لَا تَصِلُ إِلَيۡهِ نَكِرَهُمۡ وَأَوۡجَسَ مِنۡهُمۡ خِيفَةٗۚ قَالُواْ لَا تَخَفۡ إِنَّآ أُرۡسِلۡنَآ إِلَىٰ قَوۡمِ لُوطٖ ﴿٧٠﴾ وَٱمۡرَأَتُهُۥ قَآئِمَةٞ فَضَحِكَتۡ فَبَشَّرۡنَٰهَا بِإِسۡحَٰقَ وَمِن وَرَآءِ إِسۡحَٰقَ يَعۡقُوبَ ﴿٧١﴾

63.- (Sālih) bảo: "Hỡi dân ta! Các người có nhận thấy chăng, nếu ta dựa vào một bằng chứng rõ rệt từ *Rabb* của ta và được Ngài ban cho hồng ân thì ai là kẻ sẽ giúp ta tránh khỏi (hình phạt của) Ngài nếu ta bất tuân Ngài. Bởi thế, các người chỉ làm cho ta thêm mất mát."

64.- (Sālih) bảo: "Con lạc đà cái[1] này của Allah là một Dấu hiệu ban cho các người. Bởi thế, hãy để mặc nó ăn cỏ nơi miếng đất trống của Allah và chớ mó tay hãm hại nó; e rằng các người sẽ bị trừng phạt nhanh chóng."

65.- Nhưng họ đã cắt nhượng của nó. Thấy thế (Sālih) bảo: "Các người còn được ba ngày nữa để vui vầy trong nhà. (Sau đó sẽ là ngày tàn của các người). Đó là một lời hứa không ngoa."

66.- Bởi thế, khi Mệnh lệnh của *TA* được ban hành, *TA* nhủ lòng khoan dung mà cứu Sālih với những ai tin tưởng cùng theo Người khỏi sự ô nhục của ngày đó. Quả thật, *Rabb* của Ngươi (hỡi Muhammad!) là Đấng Toàn Lực, Toàn Năng.

67.- Tiếng gầm dữ dội của trận động đất đã chụp bắt những kẻ làm điều sai quấy, khiến họ chết chúi đầu la liệt trong nhà trước buổi sáng,-

68.- Làm như họ chẳng hề sống thịnh vượng nơi đó bao giờ. Ô này! Quả thật người dân Thamūd đã phủ nhận *Rabb* (Allah) của họ. Ô này, thật đáng đời Thamūd.

69.- Quả thật, các Thiên sứ (Thiên thần) của *TA* mang tin mừng đến cho Ibrāhīm. Họ chào Người, nói: '*Salām*' (Bằng an). Người đáp: '*Salām*!' Xong, vội mang thịt bò (con) nướng ra đãi khách.

70.- Nhưng khi thấy bàn tay của họ không chạm đến thức ăn, Người sinh nghi và đâm sợ. Họ bảo: "Đừng sợ. Chúng tôi là các Thiên sứ được cử đến với người dân của Lūt."

71.- Và bà vợ của Người đứng gần đó bật cười. Nhưng *TA* báo cho bà tin mừng về (đứa con trai) Ishāq và sau Ishāq là (đứa cháu nội) Ya'qūb.

---

[1] Người dân Thamūd thách đố Nabi Sālih trưng bày một phép lạ để chứng minh vai trò Thiên sứ của Người. Họ bảo: "Nếu thật sự là một Thiên sứ thì ngươi hãy làm cho tảng đá này biến thành một con lạc đà cái có chửa mười tháng, lúc đó bọn ta mới tin tưởng nơi những điều mà ngươi mang đến." Nabi Sālih bắt họ xác nhận lời giao ước và cầu xin Allah trưng bày phép lạ theo yêu câu của người dân Thamūd. Tức thời, tảng đá chẻ làm hai và một con lạc đà cái có chửa mười tháng từ trong đó bước ra.

قَالَتْ يَٰوَيْلَتَىٰٓ ءَأَلِدُ وَأَنَا۠ عَجُوزٞ وَهَٰذَا بَعْلِي شَيْخًاۖ إِنَّ هَٰذَا لَشَيْءٌ عَجِيبٞ ٧٢ قَالُوٓاْ أَتَعْجَبِينَ مِنْ أَمْرِ ٱللَّهِۖ رَحْمَتُ ٱللَّهِ وَبَرَكَٰتُهُۥ عَلَيْكُمْ أَهْلَ ٱلْبَيْتِۚ إِنَّهُۥ حَمِيدٞ مَّجِيدٞ ٧٣ فَلَمَّا ذَهَبَ عَنْ إِبْرَٰهِيمَ ٱلرَّوْعُ وَجَآءَتْهُ ٱلْبُشْرَىٰ يُجَٰدِلُنَا فِي قَوْمِ لُوطٍ ٧٤ إِنَّ إِبْرَٰهِيمَ لَحَلِيمٌ أَوَّٰهٞ مُّنِيبٞ ٧٥ يَٰٓإِبْرَٰهِيمُ أَعْرِضْ عَنْ هَٰذَآۖ إِنَّهُۥ قَدْ جَآءَ أَمْرُ رَبِّكَۖ وَإِنَّهُمْ ءَاتِيهِمْ عَذَابٌ غَيْرُ مَرْدُودٖ ٧٦ وَلَمَّا جَآءَتْ رُسُلُنَا لُوطٗا سِيٓءَ بِهِمْ وَضَاقَ بِهِمْ ذَرْعٗا وَقَالَ هَٰذَا يَوْمٌ عَصِيبٞ ٧٧ وَجَآءَهُۥ قَوْمُهُۥ يُهْرَعُونَ إِلَيْهِ وَمِن قَبْلُ كَانُواْ يَعْمَلُونَ ٱلسَّيِّـَٔاتِۚ قَالَ يَٰقَوْمِ هَٰٓؤُلَآءِ بَنَاتِي هُنَّ أَطْهَرُ لَكُمْۖ فَٱتَّقُواْ ٱللَّهَ وَلَا تُخْزُونِ فِي ضَيْفِيٓۖ أَلَيْسَ مِنكُمْ رَجُلٞ رَّشِيدٞ ٧٨ قَالُواْ لَقَدْ عَلِمْتَ مَا لَنَا فِي بَنَاتِكَ مِنْ حَقّٖ وَإِنَّكَ لَتَعْلَمُ مَا نُرِيدُ ٧٩ قَالَ لَوْ أَنَّ لِي بِكُمْ قُوَّةً أَوْ ءَاوِيٓ إِلَىٰ رُكْنٖ شَدِيدٖ ٨٠ قَالُواْ يَٰلُوطُ إِنَّا رُسُلُ رَبِّكَ لَن يَصِلُوٓاْ إِلَيْكَۖ فَأَسْرِ بِأَهْلِكَ بِقِطْعٖ مِّنَ ٱلَّيْلِ وَلَا يَلْتَفِتْ مِنكُمْ أَحَدٌ إِلَّا ٱمْرَأَتَكَۖ إِنَّهُۥ مُصِيبُهَا مَآ أَصَابَهُمْۚ إِنَّ مَوْعِدَهُمُ ٱلصُّبْحُۚ أَلَيْسَ ٱلصُّبْحُ بِقَرِيبٖ ٨١

72.- Bà lên tiếng: "Thật khổ cho thân tôi! Làm sao tôi sẽ có con trong khi tôi đã là một bà lão và chồng tôi cũng là một ông lão? Quả thật đây là một điều kỳ lạ!"

73.- (Các Thiên sứ) bảo: "Nhà ngươi ngạc nhiên về Mệnh-lệnh của Allah ư? Hồng-ân và Ân-phúc của Allah được ban cho các ngươi, hỡi người nhà (của Ibrāhīm.) Quả thật, Ngài (Allah) Rất đáng Ca tụng, Rất mực Quang vinh.

74.- Bởi thế, khi Ibrāhīm hết sợ trong lòng và nhận được tin mừng. Người bắt đầu khiếu nại với *TA* giùm cho đám dân của Lūt,

75.- Quả thật, Ibrāhīm là một người hằng chịu đựng, xót thương người và năng hối cải.

76.- (Allah phán): "Hỡi Ibrāhīm! Hãy bỏ qua chuyện (kèo nài) này. Quả thật, Mệnh lệnh của *Rabb* của Ngươi đã được ban hành. Quả thật, hình phạt sẽ đến với họ, không thể thu hồi đặng nữa."

77.- Khi đến gặp Lūt, các Thiên sứ của *TA* thấy Người đang buồn rầu giùm cho người dân của mình và cảm thấy bất lực (trong việc che chở họ.) Người tự bảo: "Đây là một ngày thật buồn bã."

78.- Và người dân của Người chạy đến gặp Người bởi vì từ trước họ đã từng quen thói làm điều thô bỉ (khi thấy khách lạ) (Lūt) bảo họ: "Hỡi dân ta! Đây, các đứa con gái của ta. Chúng trong sạch cho các người hơn (trong việc chăn gối.) Nào, hãy sợ Allah và chớ hạ nhục ta trước mặt khách. Trong các người, chẳng có một người nào biết điều hay sao?"

79.- Họ đáp: "Ông đã biết rõ chúng tôi không cần đến các đứa con gái của ông, và biết quá rõ điều chúng tôi muốn."

80.- (Lūt) đáp: "Phải chi ta có đủ quyền lực để trừng trị bọn ngươi hoặc đích thân sẽ nhờ một thế lực khác ủng hộ."

81.- (Các Thiên sứ) bảo: "Hỡi Lūt! Chúng tôi là các Thiên sứ của *Rabb* của ông. Bằng mọi giá chúng không thể chạm đến mình ông được. Nào, ông và gia đình hãy ra đi vào phần cuối của ban đêm và đừng để cho một người nào của ông ngoảnh nhìn lại phía sau ngoại trừ người vợ của ông. Quả thật, điều gì xảy đến cho chúng sẽ xảy đến cho bà ta như thế. Quả thật, giờ hẹn của chúng là buổi sáng. Phải chăng buổi sáng sắp gần kề?"

فَلَمَّا جَآءَ أَمۡرُنَا جَعَلۡنَا عَٰلِيَهَا سَافِلَهَا وَأَمۡطَرۡنَا عَلَيۡهَا حِجَارَةٗ مِّن سِجِّيلٖ مَّنضُودٖ ﴿٨٢﴾ مُّسَوَّمَةً عِندَ رَبِّكَۖ وَمَا هِيَ مِنَ ٱلظَّٰلِمِينَ بِبَعِيدٖ ﴿٨٣﴾ ۞ وَإِلَىٰ مَدۡيَنَ أَخَاهُمۡ شُعَيۡبٗاۚ قَالَ يَٰقَوۡمِ ٱعۡبُدُواْ ٱللَّهَ مَا لَكُم مِّنۡ إِلَٰهٍ غَيۡرُهُۥۖ وَلَا تَنقُصُواْ ٱلۡمِكۡيَالَ وَٱلۡمِيزَانَۖ إِنِّيٓ أَرَىٰكُم بِخَيۡرٖ وَإِنِّيٓ أَخَافُ عَلَيۡكُمۡ عَذَابَ يَوۡمٖ مُّحِيطٖ ﴿٨٤﴾ وَيَٰقَوۡمِ أَوۡفُواْ ٱلۡمِكۡيَالَ وَٱلۡمِيزَانَ بِٱلۡقِسۡطِۖ وَلَا تَبۡخَسُواْ ٱلنَّاسَ أَشۡيَآءَهُمۡ وَلَا تَعۡثَوۡاْ فِي ٱلۡأَرۡضِ مُفۡسِدِينَ ﴿٨٥﴾ بَقِيَّتُ ٱللَّهِ خَيۡرٞ لَّكُمۡ إِن كُنتُم مُّؤۡمِنِينَۚ وَمَآ أَنَا۠ عَلَيۡكُم بِحَفِيظٖ ﴿٨٦﴾ قَالُواْ يَٰشُعَيۡبُ أَصَلَوٰتُكَ تَأۡمُرُكَ أَن نَّتۡرُكَ مَا يَعۡبُدُ ءَابَآؤُنَآ أَوۡ أَن نَّفۡعَلَ فِيٓ أَمۡوَٰلِنَا مَا نَشَٰٓؤُاْۖ إِنَّكَ لَأَنتَ ٱلۡحَلِيمُ ٱلرَّشِيدُ ﴿٨٧﴾ قَالَ يَٰقَوۡمِ أَرَءَيۡتُمۡ إِن كُنتُ عَلَىٰ بَيِّنَةٖ مِّن رَّبِّي وَرَزَقَنِي مِنۡهُ رِزۡقًا حَسَنٗاۚ وَمَآ أُرِيدُ أَنۡ أُخَالِفَكُمۡ إِلَىٰ مَآ أَنۡهَىٰكُمۡ عَنۡهُۚ إِنۡ أُرِيدُ إِلَّا ٱلۡإِصۡلَٰحَ مَا ٱسۡتَطَعۡتُۚ وَمَا تَوۡفِيقِيٓ إِلَّا بِٱللَّهِۚ عَلَيۡهِ تَوَكَّلۡتُ وَإِلَيۡهِ أُنِيبُ ﴿٨٨﴾

الحِزبُ ٢٤

82.- Bởi thế, khi Mệnh lệnh của *TA* được ban hành, *TA* đã lật ngược chúng (các thị trấn[1]) và cho đổ lên chúng những trận mưa đá diêm sinh cứng như đất sét nung, lớp này chồng lên lớp khác;

83.- Đã được đánh dấu từ *Rabb* của Ngươi (Muhammad). Chúng không xa những kẻ làm điều sai quấy là bao!

84.- Và (*TA* đã cử) đến với người dân Madyan, (Nabi) *Shu'ayb,* một người anh em của họ. (*Shu'ayb*) bảo: "Hỡi dân ta! Hãy thờ phụng Allah, các người không có Thượng Đế nào khác ngoài Ngài cả, và chớ cân và đo thiếu (cho người). Hiện nay ta thấy các người làm ăn phát đạt nhưng ta sợ giùm cho các người về hình phạt vào một ngày sẽ túm bắt tất cả.

85.- "Hỡi dân ta! Hãy cân đủ và đo đúng và chớ gian lận giữ lại hàng hoá của người; và chớ có ác ý gây điều thối nát trên trái đất.

86.- "Phần mà Allah để lại cho các người (sau khi đóng *Zakāh*) sẽ tốt cho các người hơn nếu các người là những người có đức tin. Và ta không phải là giám thị theo trông chừng các người."

87.- Họ đáp: "Hỡi Shu'ayb! Phải chăng việc lễ nguyện *Salāh* của ngươi đã chỉ thị cho ngươi bắt bọn ta từ bỏ những thần linh mà cha mẹ (ông bà) của bọn ta đã tôn thờ? Hoặc (bắt bọn ta) ngưng làm điều mà bọn ta muốn bằng tài sản của bọn ta hay sao? Bởi vì quả thật, ngươi là một người hằng chịu đựng, biết điều."

88.- (Shu'ayb) bảo: "Hỡi dân ta! Há các người nhận thấy nếu ta có một bằng chứng rõ rệt từ *Rabb* (Allah) của ta và được Ngài ban cấp bổng lộc tốt (để thi hành sứ mạng của Ngài thì ta có ngưng được hay chăng?) Ta sẽ không mong, vì mục đích chống lại các người, làm điều mà ta đã cấm cản các người. Quả thật, ta chỉ muốn cải thiện các người theo khả năng của ta. Và sự thành công của ta chỉ tùy thuộc vào (sự giúp đỡ của) Allah. Ta hoàn toàn phó thác cho Allah và quay về sám hối với Ngài.

---

[1] Thị trấn Sodom và Gomorrah ở Palestine.

وَيَٰقَوۡمِ لَا يَجۡرِمَنَّكُمۡ شِقَاقِيٓ أَن يُصِيبَكُم مِّثۡلُ مَآ أَصَابَ
قَوۡمَ نُوحٍ أَوۡ قَوۡمَ هُودٍ أَوۡ قَوۡمَ صَٰلِحٖۚ وَمَا قَوۡمُ لُوطٖ مِّنكُم
بِبَعِيدٖ ٨٩ وَٱسۡتَغۡفِرُواْ رَبَّكُمۡ ثُمَّ تُوبُوٓاْ إِلَيۡهِۚ إِنَّ رَبِّي
رَحِيمٞ وَدُودٞ ٩٠ قَالُواْ يَٰشُعَيۡبُ مَا نَفۡقَهُ كَثِيرٗا مِّمَّا تَقُولُ
وَإِنَّا لَنَرَىٰكَ فِينَا ضَعِيفٗاۖ وَلَوۡلَا رَهۡطُكَ لَرَجَمۡنَٰكَۖ وَمَآ أَنتَ
عَلَيۡنَا بِعَزِيزٖ ٩١ قَالَ يَٰقَوۡمِ أَرَهۡطِيٓ أَعَزُّ عَلَيۡكُم مِّنَ ٱللَّهِ
وَٱتَّخَذۡتُمُوهُ وَرَآءَكُمۡ ظِهۡرِيًّاۖ إِنَّ رَبِّي بِمَا تَعۡمَلُونَ
مُحِيطٞ ٩٢ وَيَٰقَوۡمِ ٱعۡمَلُواْ عَلَىٰ مَكَانَتِكُمۡ إِنِّي عَٰمِلٞۖ
سَوۡفَ تَعۡلَمُونَ مَن يَأۡتِيهِ عَذَابٞ يُخۡزِيهِ وَمَنۡ هُوَ كَٰذِبٞۖ
وَٱرۡتَقِبُوٓاْ إِنِّي مَعَكُمۡ رَقِيبٞ ٩٣ وَلَمَّا جَآءَ أَمۡرُنَا نَجَّيۡنَا
شُعَيۡبٗا وَٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ مَعَهُۥ بِرَحۡمَةٖ مِّنَّا وَأَخَذَتِ
ٱلَّذِينَ ظَلَمُواْ ٱلصَّيۡحَةُ فَأَصۡبَحُواْ فِي دِيَٰرِهِمۡ جَٰثِمِينَ ٩٤
كَأَن لَّمۡ يَغۡنَوۡاْ فِيهَآۗ أَلَا بُعۡدٗا لِّمَدۡيَنَ كَمَا بَعِدَتۡ ثَمُودُ ٩٥
وَلَقَدۡ أَرۡسَلۡنَا مُوسَىٰ بِـَٔايَٰتِنَا وَسُلۡطَٰنٖ مُّبِينٍ ٩٦ إِلَىٰ فِرۡعَوۡنَ
وَمَلَإِيْهِۦ فَٱتَّبَعُوٓاْ أَمۡرَ فِرۡعَوۡنَۖ وَمَآ أَمۡرُ فِرۡعَوۡنَ بِرَشِيدٖ ٩٧

89.- “Và hỡi dân ta! Đừng để cho sự bất đồng giữa ta với các người thúc đẩy các người phạm tội, e rằng các người sẽ nhận một hình phạt giống như hình phạt đã rơi nhằm phải người dân của Nūh, người dân của Hūd, người dân của Sālih. Và người dân của Lūt không xa các người là bao!

90.- “Và hãy cầu xin *Rabb* (Allah) của các người tha thứ và sám hối với Ngài. Quả thật, *Rabb* của ta Rất mực Khoan dung, Rất mực Xót thương (loài người).”

91.- Họ đáp: “Hỡi Shu’ayb! Bọn ta không hiểu đặng nhiều điều mà ngươi đã nói. Và bọn ta nhận thấy ngươi là một người quá yếu trong bọn ta. Nếu không vì gia đình (dòng họ) của ngươi thì bọn ta đã ném đá giết ngươi bởi vì ngươi không có uy thế hơn bọn ta.”

92.- (Shu’ayb) bảo: “Hỡi dân ta! Phải chăng các người cho rằng gia đình (dòng họ) của ta mạnh hơn Allah hay sao? Và các người đã quẳng Ngài ra sau lưng của các người. Quả thật, *Rabb* của ta tóm thâu hết tất cả các việc các ngươi làm.

93.- “Và hỡi dân ta! Hãy làm điều mà các người đang theo, ta làm công việc của ta. Rồi đây các người sẽ sớm biết ai sẽ bị trừng phạt nhục nhã và ai là kẻ nói dối. Và hãy trông chờ, ta sẽ cùng trông chờ với các người.”

94.- Và khi Mệnh lệnh của *TA* được ban hành, *TA* nhủ lòng khoan dung mà cứu thoát Shu'ayb với những ai đã tin tưởng theo Người. Và tiếng gầm dữ dội (của trận động đất) đã chụp bắt những kẻ làm điều sai quấy, khiến họ chết chúi đầu la liệt trong nhà vào buổi sáng,

95.- Tựa hồ như họ chẳng hề sống thịnh vượng nơi đó bao giờ. Ô này, đi đời Madyan giống như đi đời Thamūd vậy!

96.- Và chắc chắn *TA* đã cử Mūsa mang những Dấu-hiệu của *TA* với một thẩm quyền rõ rệt,

97.- Đến gặp Fir'aun và các vị cầm đầu của y. Nhưng họ thực thi mệnh-lệnh của Fir'aun trong lúc mệnh lệnh của Fir'aun không đúng chân lý.

يَقۡدُمُ قَوۡمَهُۥ يَوۡمَ ٱلۡقِيَٰمَةِ فَأَوۡرَدَهُمُ ٱلنَّارَۖ وَبِئۡسَ ٱلۡوِرۡدُ ٱلۡمَوۡرُودُ ٩٨ وَأُتۡبِعُواْ فِي هَٰذِهِۦ لَعۡنَةٗ وَيَوۡمَ ٱلۡقِيَٰمَةِۚ بِئۡسَ ٱلرِّفۡدُ ٱلۡمَرۡفُودُ ٩٩ ذَٰلِكَ مِنۡ أَنۢبَآءِ ٱلۡقُرَىٰ نَقُصُّهُۥ عَلَيۡكَۖ مِنۡهَا قَآئِمٞ وَحَصِيدٞ ١٠٠ وَمَا ظَلَمۡنَٰهُمۡ وَلَٰكِن ظَلَمُوٓاْ أَنفُسَهُمۡۖ فَمَآ أَغۡنَتۡ عَنۡهُمۡ ءَالِهَتُهُمُ ٱلَّتِي يَدۡعُونَ مِن دُونِ ٱللَّهِ مِن شَيۡءٖ لَّمَّا جَآءَ أَمۡرُ رَبِّكَۖ وَمَا زَادُوهُمۡ غَيۡرَ تَتۡبِيبٖ ١٠١ وَكَذَٰلِكَ أَخۡذُ رَبِّكَ إِذَآ أَخَذَ ٱلۡقُرَىٰ وَهِيَ ظَٰلِمَةٌۚ إِنَّ أَخۡذَهُۥٓ أَلِيمٞ شَدِيدٌ ١٠٢ إِنَّ فِي ذَٰلِكَ لَأٓيَةٗ لِّمَنۡ خَافَ عَذَابَ ٱلۡأٓخِرَةِۚ ذَٰلِكَ يَوۡمٞ مَّجۡمُوعٞ لَّهُ ٱلنَّاسُ وَذَٰلِكَ يَوۡمٞ مَّشۡهُودٞ ١٠٣ وَمَا نُؤَخِّرُهُۥٓ إِلَّا لِأَجَلٖ مَّعۡدُودٖ ١٠٤ يَوۡمَ يَأۡتِ لَا تَكَلَّمُ نَفۡسٌ إِلَّا بِإِذۡنِهِۦۚ فَمِنۡهُمۡ شَقِيّٞ وَسَعِيدٞ ١٠٥ فَأَمَّا ٱلَّذِينَ شَقُواْ فَفِي ٱلنَّارِ لَهُمۡ فِيهَا زَفِيرٞ وَشَهِيقٌ ١٠٦ خَٰلِدِينَ فِيهَا مَا دَامَتِ ٱلسَّمَٰوَٰتُ وَٱلۡأَرۡضُ إِلَّا مَا شَآءَ رَبُّكَۚ إِنَّ رَبَّكَ فَعَّالٞ لِّمَا يُرِيدُ ١٠٧ ۞ وَأَمَّا ٱلَّذِينَ سُعِدُواْ فَفِي ٱلۡجَنَّةِ خَٰلِدِينَ فِيهَا مَا دَامَتِ ٱلسَّمَٰوَٰتُ وَٱلۡأَرۡضُ إِلَّا مَا شَآءَ رَبُّكَۖ عَطَآءً غَيۡرَ مَجۡذُوذٖ ١٠٨

ربع الحزب ٢٤

98.- Y sẽ dẫn đầu đám dân của y vào Ngày Phục sinh và dẫn họ vào Lửa (của Hỏa ngục). Thật xấu xa thay chỗ mà họ bị dẫn đi vào.

99.- Và lời nguyền rủa sẽ theo đuổi họ suốt đời này và Ngày Phục sinh. Và xấu xa thay món quà mà họ sẽ được tặng.

100.- Đó là một số câu chuyện của các thị trấn mà *TA* kể lại cho Ngươi (Muhammad), một số hãy còn lưu truyền còn một số thì đã đi vào quên lãng.

101.- Không phải *TA* đã làm thiệt hại họ mà chính họ tự làm hại bản thân (linh hồn) mình bởi vì các thần-linh mà họ cầu nguyện ngoài Allah chẳng giúp ích gì được cho họ khi Mệnh lệnh của *Rabb* của Ngươi (Muhammad) đã xảy đến cho họ; ngược lại, chúng chỉ làm cho chúng thêm mất mát.

102.- Sự túm bắt của *Rabb* của Ngươi (Muhammad) đúng như thế khi Ngài trừng phạt (dân cư của) các thị trấn trong lúc chúng đang làm điều sai quấy. Quả thật, sự túm bắt của Ngài rất đau đớn, rất khủng khiếp.

103.- Quả thật, trong sự việc đó có một Dấu hiệu (bài học) cho ai là người sợ sự trừng phạt ở Đời sau: đó là một ngày mà nhân loại sẽ được tập trung trở lại; đó là một Ngày mà tất cả đều hiện diện để làm chứng.

104.- Và *TA* chỉ dời nó (Ngày đó) đến một thời hạn ấn định.

105.- Khi Ngày đó đến, không một người (linh hồn) nào được lên tiếng trừ phi có phép của Ngài (Allah). Do đó trong họ có kẻ bị họa và có người được phúc.

106.- Bởi thế, đối với những ai bị họa thì sẽ ở trong Lửa; họ sẽ than vẩn thở dài và tức tưởi trong đó.

107.- Họ sẽ ở trong đó lâu bằng thời gian mà trời và đất hãy còn tồn tại trừ phi *Rabb* của Ngươi (Muhammad) muốn khác đi bởi vì quả thật *Rabb* của Ngươi làm bất cứ điều gì Ngài muốn.

108.- Còn đối với những ai được phúc thì sẽ ở trong Thiên đàng; lâu bằng thời gian mà bầu trời và trái đất còn tồn tại trừ phi *Rabb* của Ngươi muốn (khác đi), một quà tặng vĩnh cửu.

فَلَا تَكُ فِي مِرْيَةٍ مِّمَّا يَعْبُدُ هَٰٓؤُلَآءِۚ مَا يَعْبُدُونَ إِلَّا كَمَا يَعْبُدُ
ءَابَآؤُهُم مِّن قَبْلُۚ وَإِنَّا لَمُوَفُّوهُمْ نَصِيبَهُمْ غَيْرَ مَنقُوصٍ
﴿١٠٩﴾ وَلَقَدْ ءَاتَيْنَا مُوسَى ٱلْكِتَٰبَ فَٱخْتُلِفَ فِيهِۚ وَلَوْلَا كَلِمَةٌ
سَبَقَتْ مِن رَّبِّكَ لَقُضِيَ بَيْنَهُمْۚ وَإِنَّهُمْ لَفِي شَكٍّ مِّنْهُ مُرِيبٍ
﴿١١٠﴾ وَإِنَّ كُلًّا لَّمَّا لَيُوَفِّيَنَّهُمْ رَبُّكَ أَعْمَٰلَهُمْۚ إِنَّهُۥ بِمَا يَعْمَلُونَ
خَبِيرٌ ﴿١١١﴾ فَٱسْتَقِمْ كَمَآ أُمِرْتَ وَمَن تَابَ مَعَكَ وَلَا تَطْغَوْاْۚ
إِنَّهُۥ بِمَا تَعْمَلُونَ بَصِيرٌ ﴿١١٢﴾ وَلَا تَرْكَنُوٓاْ إِلَى ٱلَّذِينَ ظَلَمُواْ
فَتَمَسَّكُمُ ٱلنَّارُ وَمَا لَكُم مِّن دُونِ ٱللَّهِ مِنْ أَوْلِيَآءَ ثُمَّ
لَا تُنصَرُونَ ﴿١١٣﴾ وَأَقِمِ ٱلصَّلَوٰةَ طَرَفَيِ ٱلنَّهَارِ وَزُلَفًا مِّنَ
ٱلَّيْلِۚ إِنَّ ٱلْحَسَنَٰتِ يُذْهِبْنَ ٱلسَّيِّـَٔاتِۚ ذَٰلِكَ ذِكْرَىٰ
لِلذَّٰكِرِينَ ﴿١١٤﴾ وَٱصْبِرْ فَإِنَّ ٱللَّهَ لَا يُضِيعُ أَجْرَ ٱلْمُحْسِنِينَ
﴿١١٥﴾ فَلَوْلَا كَانَ مِنَ ٱلْقُرُونِ مِن قَبْلِكُمْ أُوْلُواْ بَقِيَّةٍ يَنْهَوْنَ
عَنِ ٱلْفَسَادِ فِي ٱلْأَرْضِ إِلَّا قَلِيلًا مِّمَّنْ أَنجَيْنَا مِنْهُمْۗ وَٱتَّبَعَ
ٱلَّذِينَ ظَلَمُواْ مَآ أُتْرِفُواْ فِيهِ وَكَانُواْ مُجْرِمِينَ ﴿١١٦﴾ وَمَا
كَانَ رَبُّكَ لِيُهْلِكَ ٱلْقُرَىٰ بِظُلْمٍ وَأَهْلُهَا مُصْلِحُونَ ﴿١١٧﴾

109.- Do đó, Ngươi chớ sinh nghi về những kẻ mà những người (ngoại đạo) này thờ phụng. Họ chỉ thờ phụng giống như việc cha mẹ của họ đã thờ phụng từ trước. Và quả thật, *TA* sẽ trả lại đầy đủ phần việc của họ, không giảm bớt tí nào.

110.- Và quả thật, *TA* đã ban cho Mūsa Kinh sách, nhưng đã có những bất đồng trong đó. Nếu không vì một Lời phán của *Rabb* của Ngươi (Muhammad) đã được công bố từ trước thì vấn đề đã được quyết định xong giữa họ với nhau. Và quả thật, họ còn vương vấn, nghi hoặc về nó.

111.- Và chắc chắn *Rabb* của Ngươi sẽ trả lại đầy đủ cho từng người của họ về công trình của họ bởi vì Ngài Hằng Quen Thuộc về việc họ làm.

112.- Bởi thế, hãy (kiên quyết) đứng vững (cho Chính đạo) như đã được truyền, Ngươi và người nào sám hối (với Allah) cùng với Ngươi và chớ phạm giới bởi vì Ngài thấy rõ điều các ngươi làm.

113.- Và chớ thiên vị (giúp) những ai làm điều sai quấy e rằng Lửa sẽ bén phải Ngươi bởi vì ngoài Allah ra không ai có thể che chở và cứu giúp các ngươi.

114.- Và hãy dâng lễ nguyện vào hai đầu mút của ban ngày và vào một số giấc ban đêm bởi vì điều thiện sẽ xóa tan điều ác (tội lỗi). Đó là điều nhắc nhở cho những người lưu ý.

115.- Và hãy kiên nhẫn chịu đựng. Bởi vì quả thật, Allah sẽ không làm mất phần thưởng của những người làm tốt.

116.- Giá nơi các thế hệ trước các ngươi có được những người sáng suốt ngăn cản thiên hạ làm điều thối nát trên trái đất, ngoại trừ một thiểu số đã được *TA* cứu sống? Ngược lại những kẻ làm điều sai quấy vẫn theo đuổi những lạc thú trần gian và trở thành những kẻ tội lỗi.

117.- Và *Rabb* của Ngươi không phải là Đấng đã tiêu diệt các thị trấn một cách bất công trong lúc dân cư của chúng là những người làm điều thiện.

وَلَوْ شَاءَ رَبُّكَ لَجَعَلَ النَّاسَ أُمَّةً وَاحِدَةً ۖ وَلَا يَزَالُونَ مُخْتَلِفِينَ ﴿١١٨﴾ إِلَّا مَنْ رَحِمَ رَبُّكَ ۚ وَلِذَٰلِكَ خَلَقَهُمْ ۗ وَتَمَّتْ كَلِمَةُ رَبِّكَ لَأَمْلَأَنَّ جَهَنَّمَ مِنَ الْجِنَّةِ وَالنَّاسِ أَجْمَعِينَ ﴿١١٩﴾ وَكُلًّا نَقُصُّ عَلَيْكَ مِنْ أَنْبَاءِ الرُّسُلِ مَا نُثَبِّتُ بِهِ فُؤَادَكَ ۚ وَجَاءَكَ فِي هَٰذِهِ الْحَقُّ وَمَوْعِظَةٌ وَذِكْرَىٰ لِلْمُؤْمِنِينَ ﴿١٢٠﴾ وَقُلْ لِلَّذِينَ لَا يُؤْمِنُونَ اعْمَلُوا عَلَىٰ مَكَانَتِكُمْ إِنَّا عَامِلُونَ ﴿١٢١﴾ وَانْتَظِرُوا إِنَّا مُنْتَظِرُونَ ﴿١٢٢﴾ وَلِلَّهِ غَيْبُ السَّمَاوَاتِ وَالْأَرْضِ وَإِلَيْهِ يُرْجَعُ الْأَمْرُ كُلُّهُ فَاعْبُدْهُ وَتَوَكَّلْ عَلَيْهِ ۚ وَمَا رَبُّكَ بِغَافِلٍ عَمَّا تَعْمَلُونَ ﴿١٢٣﴾

سورة يوسف

بِسْمِ اللَّهِ الرَّحْمَٰنِ الرَّحِيمِ

الر ۚ تِلْكَ آيَاتُ الْكِتَابِ الْمُبِينِ ﴿١﴾ إِنَّا أَنْزَلْنَاهُ قُرْآنًا عَرَبِيًّا لَعَلَّكُمْ تَعْقِلُونَ ﴿٢﴾ نَحْنُ نَقُصُّ عَلَيْكَ أَحْسَنَ الْقَصَصِ بِمَا أَوْحَيْنَا إِلَيْكَ هَٰذَا الْقُرْآنَ وَإِنْ كُنْتَ مِنْ قَبْلِهِ لَمِنَ الْغَافِلِينَ ﴿٣﴾ إِذْ قَالَ يُوسُفُ لِأَبِيهِ يَا أَبَتِ إِنِّي رَأَيْتُ أَحَدَ عَشَرَ كَوْكَبًا وَالشَّمْسَ وَالْقَمَرَ رَأَيْتُهُمْ لِي سَاجِدِينَ ﴿٤﴾

118.- Và nếu muốn, *Rabb* của Ngươi đã làm cho nhân loại thành một Cộng đồng duy nhất nhưng họ vẫn không ngừng bất đồng,-

119.- Ngoại trừ những ai mà *Rabb* của Ngươi khoan dung; và vì thế mà Ngài đã tạo ra họ. Và Lời phán của *Rabb* của Ngươi sẽ được thực hiện: "TA (Allah) sẽ nhốt *Jinn* và người, tất cả vào đầy Hỏa ngục."

120.- Và tất cả các câu chuyện của các *Sứ* giả mà *TA* đã kể lại cho Ngươi đều nhằm củng cố tấm lòng của Ngươi thêm vững chắc. Và trong (chương) này Ngươi tiếp thu được Chân-lý với lời động viên và nhắc nhở cho những người có đức tin.

121.- Và hãy bảo những kẻ không tin tưởng: "Hãy làm bất cứ điều gì theo khả năng của các người, bọn ta làm phần việc của bọn ta.

122.- "Và hãy đợi xem, bọn ta cũng sẽ chờ đợi (như các người)"

123.- Và điều vô hình của các tầng trời và trái đất là của Allah; mọi việc đều được trình về cho Ngài quyết định. Bởi thế, Hãy thờ phụng Ngài và phó thác cho Ngài (hỡi Muhammad!). Và *Rabb* của Ngươi không làm ngơ về mọi điều các ngươi làm.

YŪSUF
(Nabi Yūsuf[1])

Nhân danh Allah, Đấng Rất mực Độ lượng,
Đấng Rất mực Khoan dung

1.- *Alif. Lām. Rā.* Đây là những Câu của một Kinh sách minh bạch.

2.- Chắc chắn *TA* đã ban Nó xuống (dưới hình thức của) *Qur'ān* bằng tiếng Ả-rập để các người có thể đọc hiểu dễ dàng.

3.- Qua những điều mà *TA* đã mặc khải cho Ngươi (Muhammad) trong *Qur'ān* này, *TA* kể lại cho Ngươi một câu chuyện tốt đẹp nhất mà trước đây Ngươi chưa hề biết đến.

4.- (Câu chuyện xảy ra) khi Yūsuf thưa với người cha của Người: "Thưa cha, con nằm mộng thấy mười một vì sao và cả mặt trời lẫn mặt trăng; con thấy chúng đều phủ phục trước mặt con."

[1] Nabi Yūsuf (Joseph trong Kinh Thánh) là một trong số mười hai đứa con trai của Nabi Ya'qūb (Jacob tức Israel). Nabi Yūsuf có một đứa em trai ruột tên Bin Amin (Benjamin).

قَالَ يَٰبُنَيَّ لَا تَقۡصُصۡ رُءۡيَاكَ عَلَىٰٓ إِخۡوَتِكَ فَيَكِيدُواْ لَكَ كَيۡدًاۖ
إِنَّ ٱلشَّيۡطَٰنَ لِلۡإِنسَٰنِ عَدُوّٞ مُّبِينٞ ٥ وَكَذَٰلِكَ يَجۡتَبِيكَ
رَبُّكَ وَيُعَلِّمُكَ مِن تَأۡوِيلِ ٱلۡأَحَادِيثِ وَيُتِمُّ نِعۡمَتَهُۥ عَلَيۡكَ
وَعَلَىٰٓ ءَالِ يَعۡقُوبَ كَمَآ أَتَمَّهَا عَلَىٰٓ أَبَوَيۡكَ مِن قَبۡلُ إِبۡرَٰهِيمَ
وَإِسۡحَٰقَۚ إِنَّ رَبَّكَ عَلِيمٌ حَكِيمٞ ٦ ۞ لَّقَدۡ كَانَ فِي يُوسُفَ
وَإِخۡوَتِهِۦٓ ءَايَٰتٞ لِّلسَّآئِلِينَ ٧ إِذۡ قَالُواْ لَيُوسُفُ وَأَخُوهُ أَحَبُّ
إِلَىٰٓ أَبِينَا مِنَّا وَنَحۡنُ عُصۡبَةٌ إِنَّ أَبَانَا لَفِي ضَلَٰلٖ مُّبِينٍ ٨
ٱقۡتُلُواْ يُوسُفَ أَوِ ٱطۡرَحُوهُ أَرۡضٗا يَخۡلُ لَكُمۡ وَجۡهُ أَبِيكُمۡ
وَتَكُونُواْ مِنۢ بَعۡدِهِۦ قَوۡمٗا صَٰلِحِينَ ٩ قَالَ قَآئِلٞ مِّنۡهُمۡ
لَا تَقۡتُلُواْ يُوسُفَ وَأَلۡقُوهُ فِي غَيَٰبَتِ ٱلۡجُبِّ يَلۡتَقِطۡهُ بَعۡضُ
ٱلسَّيَّارَةِ إِن كُنتُمۡ فَٰعِلِينَ ١٠ قَالُواْ يَٰٓأَبَانَا مَا لَكَ لَا تَأۡمَ۫نَّا عَلَىٰ
يُوسُفَ وَإِنَّا لَهُۥ لَنَٰصِحُونَ ١١ أَرۡسِلۡهُ مَعَنَا غَدٗا يَرۡتَعۡ وَيَلۡعَبۡ
وَإِنَّا لَهُۥ لَحَٰفِظُونَ ١٢ قَالَ إِنِّي لَيَحۡزُنُنِيٓ أَن تَذۡهَبُواْ بِهِۦ وَأَخَافُ
أَن يَأۡكُلَهُ ٱلذِّئۡبُ وَأَنتُمۡ عَنۡهُ غَٰفِلُونَ ١٣ قَالُواْ لَئِنۡ
أَكَلَهُ ٱلذِّئۡبُ وَنَحۡنُ عُصۡبَةٌ إِنَّآ إِذٗا لَّخَٰسِرُونَ ١٤

نصف الحزب ٢٤

5.- (Người cha) bảo: "Này con yêu dấu, chớ kể lại điều con nằm mộng thấy cho các anh con nghe, cha sợ rằng chúng sẽ bày mưu hãm hại con. Chắc chắn *Shaytān* là kẻ thù công khai của loài người.

6.- "Và *Rabb* (Allah) của con đã chọn con như thế và Ngài đã dạy con cách giải thích những câu chuyện khúc mắc và muốn hoàn tất Ân huệ của Ngài cho con và cho hậu duệ của Ya'qūb giống như việc Ngài đã hoàn tất ân huệ cho các tổ tiên của con, Ibrāhīm và Ishāq. Chắc chắn *Rabb* của con Rất mực Hiểu biết, Rất mực Sáng suốt.

7.- Chắc chắn trong (câu chuyện của) Yūsuf và của những người anh của Người là những bằng chứng cho những người hỏi tìm (sự thật).

8.- Khi (những người anh cùng cha khác mẹ của Yūsuf) bàn với nhau: "Rõ ràng cha tụi mình yêu Yūsuf và em của nó hơn tụi mình mặc dù tụi mình đông và mạnh hơn. Chắc chắn cha tụi mình sai lầm rõ ràng.

9.- "Hãy giết Yūsuf hoặc bắt nó quẳng đi nơi khác, làm thế ân sủng của phụ thân của các anh sẽ dồn về hết cho các anh và sau biến cố này, (một thời gian không lâu) các anh sẽ trở thành một đám người tốt.

10.- Một người trong bọn đáp: "Chớ giết Yūsuf. Nhưng nếu anh em nhất định làm một điều gì để loại trừ nó, thì hãy ném nó xuống giếng, có thể một đoàn khách thương (đi ngang qua chỗ đó) sẽ vớt nó mang đi nơi khác."

11.- Rồi chúng thưa (với người cha): "Thưa cha! Tại sao cha không tin tụi con mà giao Yūsuf cho tụi con (trông coi) bởi vì chắc chắn chúng con là những người anh luôn luôn cầu mong điều lành cho đứa em của mình.

12.- "Ngày mai cha giao nó cho tụi con dắt ra ngoài chơi giải trí và tụi con sẽ trông coi nó kỹ lưỡng."

13.- (Người cha) bảo: "Chắc chắn việc các con đưa nó đi xa làm cha lo lắng. Cha sợ chó sói sẽ ăn thịt nó trong lúc các con ham chơi không ngó ngàng đến nó."

14.- (Các con) thưa: "Nếu chó sói ăn thịt nó thì tụi con đông như thế này há bó tay chịu thua hay sao?"

فَلَمَّا ذَهَبُوا۟ بِهِۦ وَأَجْمَعُوٓا۟ أَن يَجْعَلُوهُ فِى غَيَٰبَتِ ٱلْجُبِّ ۚ وَأَوْحَيْنَآ
إِلَيْهِ لَتُنَبِّئَنَّهُم بِأَمْرِهِمْ هَٰذَا وَهُمْ لَا يَشْعُرُونَ ﴿١٥﴾ وَجَآءُوٓ
أَبَاهُمْ عِشَآءً يَبْكُونَ ﴿١٦﴾ قَالُوا۟ يَٰٓأَبَانَآ إِنَّا ذَهَبْنَا نَسْتَبِقُ
وَتَرَكْنَا يُوسُفَ عِندَ مَتَٰعِنَا فَأَكَلَهُ ٱلذِّئْبُ ۖ وَمَآ أَنتَ
بِمُؤْمِنٍ لَّنَا وَلَوْ كُنَّا صَٰدِقِينَ ﴿١٧﴾ وَجَآءُو عَلَىٰ قَمِيصِهِۦ
بِدَمٍ كَذِبٍ ۚ قَالَ بَلْ سَوَّلَتْ لَكُمْ أَنفُسُكُمْ أَمْرًا ۖ فَصَبْرٌ جَمِيلٌ ۖ
وَٱللَّهُ ٱلْمُسْتَعَانُ عَلَىٰ مَا تَصِفُونَ ﴿١٨﴾ وَجَآءَتْ سَيَّارَةٌ
فَأَرْسَلُوا۟ وَارِدَهُمْ فَأَدْلَىٰ دَلْوَهُۥ ۖ قَالَ يَٰبُشْرَىٰ هَٰذَا غُلَٰمٌ ۚ وَأَسَرُّوهُ
بِضَٰعَةً ۚ وَٱللَّهُ عَلِيمٌۢ بِمَا يَعْمَلُونَ ﴿١٩﴾ وَشَرَوْهُ بِثَمَنٍۭ بَخْسٍ
دَرَٰهِمَ مَعْدُودَةٍ وَكَانُوا۟ فِيهِ مِنَ ٱلزَّٰهِدِينَ ﴿٢٠﴾ وَقَالَ
ٱلَّذِى ٱشْتَرَىٰهُ مِن مِّصْرَ لِٱمْرَأَتِهِۦٓ أَكْرِمِى مَثْوَىٰهُ عَسَىٰٓ
أَن يَنفَعَنَآ أَوْ نَتَّخِذَهُۥ وَلَدًا ۚ وَكَذَٰلِكَ مَكَّنَّا لِيُوسُفَ فِى
ٱلْأَرْضِ وَلِنُعَلِّمَهُۥ مِن تَأْوِيلِ ٱلْأَحَادِيثِ ۚ وَٱللَّهُ غَالِبٌ عَلَىٰٓ
أَمْرِهِۦ وَلَٰكِنَّ أَكْثَرَ ٱلنَّاسِ لَا يَعْلَمُونَ ﴿٢١﴾ وَلَمَّا بَلَغَ أَشُدَّهُۥٓ
ءَاتَيْنَٰهُ حُكْمًا وَعِلْمًا ۚ وَكَذَٰلِكَ نَجْزِى ٱلْمُحْسِنِينَ ﴿٢٢﴾

15.- Do đó, khi chúng đưa Yūsuf đi xa, chúng đồng lòng ném Người xuống giếng. Và *TA* đã mặc khải cho Người (bảo): "Một ngày nào đó, nhà ngươi sẽ nói cho bọn chúng biết việc làm này của chúng và chúng sẽ không nhận biết (ngươi)."

16.- Và vào đầu hôm, chúng khóc lóc đến gặp người cha,

17.- Chúng thưa: "Thưa cha, chúng con rủ nhau chạy đua và để Yūsuf ở gần vật dụng của chúng con, do đó một con chó sói đã ăn thịt nó. Và (tụi con biết) cha sẽ không tin tụi con mặc dầu tụi con nói thật."

18.- Và chúng mang chiếc áo bôi máu giả đến trình (với người cha). Người cha bảo: "Không, tâm trí của tụi bây đã bày vẽ công việc. (Sự việc đã như thế) thì kiên nhẫn là (giải pháp) tốt đẹp nhất. Và chỉ Allah là Đấng ta cầu xin được giúp đỡ về điều mà tụi bây đã xác nhận."

19.- Và một đoàn khách thương đến (dừng chân tại chỗ giếng nước). Họ phái một người múc nước (đi kéo nước giếng). Y thả chiếc gầu xuống giếng. Y hô lớn: "Có tin mừng! Đây (kéo được) một cậu bé." Và họ giấu Người để làm một món hàng (đổi chác). Và Allah biết rõ điều họ làm.

20.- Và họ bán Người với một giá rẻ mạt, một vài tiền bạc đếm được. Họ là những người đã xem Người chẳng ra gì.

21.- Và vị khách đã mua Người nơi Ai-cập bảo vợ: "Hãy quí trọng y trong nhà mình. Biết đâu y sẽ mang lợi về cho mình hoặc mình sẽ nhận y làm con nuôi. Và *TA* đã định cư Yūsuf trong lãnh thổ như thế hầu *TA* dạy Người cách giải thích những câu chuyện khúc mắc; và Allah toàn quyền kiểm soát công việc của Ngài nhưng đa số nhân loại không biết.

22.- Và khi Người trưởng thành, *TA* ban cho Người trí suy xét và kiến thức. Và *TA* đãi ngộ những người làm tốt như thế.

وَرَٰوَدَتۡهُ ٱلَّتِي هُوَ فِي بَيۡتِهَا عَن نَّفۡسِهِۦ وَغَلَّقَتِ ٱلۡأَبۡوَٰبَ
وَقَالَتۡ هَيۡتَ لَكَۚ قَالَ مَعَاذَ ٱللَّهِۖ إِنَّهُۥ رَبِّيٓ أَحۡسَنَ مَثۡوَايَۖ
إِنَّهُۥ لَا يُفۡلِحُ ٱلظَّٰلِمُونَ ﴿٢٣﴾ وَلَقَدۡ هَمَّتۡ بِهِۦۖ وَهَمَّ بِهَا
لَوۡلَآ أَن رَّءَا بُرۡهَٰنَ رَبِّهِۦۚ كَذَٰلِكَ لِنَصۡرِفَ عَنۡهُ ٱلسُّوٓءَ
وَٱلۡفَحۡشَآءَۚ إِنَّهُۥ مِنۡ عِبَادِنَا ٱلۡمُخۡلَصِينَ ﴿٢٤﴾ وَٱسۡتَبَقَا
ٱلۡبَابَ وَقَدَّتۡ قَمِيصَهُۥ مِن دُبُرٖ وَأَلۡفَيَا سَيِّدَهَا لَدَا ٱلۡبَابِۚ
قَالَتۡ مَا جَزَآءُ مَنۡ أَرَادَ بِأَهۡلِكَ سُوٓءًا إِلَّآ أَن يُسۡجَنَ أَوۡ عَذَابٌ
أَلِيمٞ ﴿٢٥﴾ قَالَ هِيَ رَٰوَدَتۡنِي عَن نَّفۡسِيۚ وَشَهِدَ شَاهِدٞ مِّنۡ
أَهۡلِهَآ إِن كَانَ قَمِيصُهُۥ قُدَّ مِن قُبُلٖ فَصَدَقَتۡ وَهُوَ مِنَ
ٱلۡكَٰذِبِينَ ﴿٢٦﴾ وَإِن كَانَ قَمِيصُهُۥ قُدَّ مِن دُبُرٖ فَكَذَبَتۡ وَهُوَ
مِنَ ٱلصَّٰدِقِينَ ﴿٢٧﴾ فَلَمَّا رَءَا قَمِيصَهُۥ قُدَّ مِن دُبُرٖ قَالَ إِنَّهُۥ
مِن كَيۡدِكُنَّۖ إِنَّ كَيۡدَكُنَّ عَظِيمٞ ﴿٢٨﴾ يُوسُفُ أَعۡرِضۡ عَنۡ
هَٰذَاۚ وَٱسۡتَغۡفِرِي لِذَنۢبِكِۖ إِنَّكِ كُنتِ مِنَ ٱلۡخَاطِـِٔينَ
﴿٢٩﴾ ۞ وَقَالَ نِسۡوَةٞ فِي ٱلۡمَدِينَةِ ٱمۡرَأَتُ ٱلۡعَزِيزِ تُرَٰوِدُ فَتَىٰهَا
عَن نَّفۡسِهِۦۖ قَدۡ شَغَفَهَا حُبًّاۖ إِنَّا لَنَرَىٰهَا فِي ضَلَٰلٖ مُّبِينٖ ﴿٣٠﴾

ثلاثة أرباع الحزب ٢٤

23.- Nhưng bà chủ của ngôi nhà Người tá túc tìm cách quyến rũ Người. Và bà ta đóng chặt các cửa phòng và mời mọc: "Hỡi chàng, hãy đến đây!" Người đáp: "Allah cấm làm thế! Quả thật ngài quan lớn là chủ nhân của tôi. Ngài ban cho tôi một chỗ tá túc tốt đẹp. Quả thật những kẻ làm điều sai quấy sẽ không thành đạt."

24.- Và chắc chắn bà ta muốn (thân xác của) Người và nếu không thấy rõ minh chứng của *Rabb* của Người thì Người cũng đã động lòng muốn bà ta trở lại. Như thế là để *TA* đưa những điều xấu xa và thô bỉ xa khỏi Người. Bởi vì trong số bầy tôi của *TA*, Người là một người trung trinh.

25.- Và hai người đua nhau chạy nhanh đến cửa phòng và bà ta (đuổi theo) giật rách vạt áo phía sau của Người; và hai người gặp ông (chồng) của bà tại cửa phòng. Bà ta lên tiếng: "Đâu là hình phạt xứng đáng dùng xử lý kẻ đã có dã tâm dụ dỗ người vợ của ngài? Phải chăng bỏ tù hay trừng phạt nó đau đớn?"

26.- (Yūsuf) thưa: "Chính bà ấy quyến rũ tôi." Và một nhân chứng trong gia đình của bà chịu đứng ra làm chứng, (nói:) "Nếu áo của y bị rách phía trước, thì bà ấy nói sự thật và hắn nói dối;

27.- "Ngược lại, nếu áo của y bị rách phía sau thì bà ấy nói dối và y nói thật."

28.- Bởi thế, khi ông (chồng) thấy áo của Người bị rách phía sau, ông bảo ngay: "Chắc chắn đây là âm mưu của quí bà. Quả thật, âm mưu của các bà thật dữ dội."

29.- "Hỡi Yūsuf, hãy bỏ qua chuyện này. Còn mình, hãy xin tha thứ tội lỗi của mình. Quả thật, mình là một người phạm tội."

30.- Và các bà trong thành phố to nhỏ bảo nhau: "Bà vợ của một vị đại-thần đã có ý dụ dỗ người tớ trai của bà. Nó đã làm cho bà mê tít. Quả thật, chúng mình thấy bà ấy lầm lạc rõ ràng.

فَلَمَّا سَمِعَتْ بِمَكْرِهِنَّ أَرْسَلَتْ إِلَيْهِنَّ وَأَعْتَدَتْ لَهُنَّ مُتَّكَـًٔا
وَءَاتَتْ كُلَّ وَٰحِدَةٍ مِّنْهُنَّ سِكِّينًا وَقَالَتِ ٱخْرُجْ عَلَيْهِنَّ ۖ فَلَمَّا رَأَيْنَهُۥٓ
أَكْبَرْنَهُۥ وَقَطَّعْنَ أَيْدِيَهُنَّ وَقُلْنَ حَٰشَ لِلَّهِ مَا هَٰذَا بَشَرًا إِنْ هَٰذَآ
إِلَّا مَلَكٌ كَرِيمٌ ﴿٣١﴾ قَالَتْ فَذَٰلِكُنَّ ٱلَّذِى لُمْتُنَّنِى فِيهِ ۖ وَلَقَدْ رَٰوَدتُّهُۥ
عَن نَّفْسِهِۦ فَٱسْتَعْصَمَ ۖ وَلَئِن لَّمْ يَفْعَلْ مَآ ءَامُرُهُۥ لَيُسْجَنَنَّ
وَلَيَكُونًا مِّنَ ٱلصَّٰغِرِينَ ﴿٣٢﴾ قَالَ رَبِّ ٱلسِّجْنُ أَحَبُّ إِلَىَّ مِمَّا يَدْعُونَنِىٓ
إِلَيْهِ ۖ وَإِلَّا تَصْرِفْ عَنِّى كَيْدَهُنَّ أَصْبُ إِلَيْهِنَّ وَأَكُن مِّنَ ٱلْجَٰهِلِينَ
﴿٣٣﴾ فَٱسْتَجَابَ لَهُۥ رَبُّهُۥ فَصَرَفَ عَنْهُ كَيْدَهُنَّ ۚ إِنَّهُۥ هُوَ ٱلسَّمِيعُ
ٱلْعَلِيمُ ﴿٣٤﴾ ثُمَّ بَدَا لَهُم مِّنۢ بَعْدِ مَا رَأَوُا۟ ٱلْءَايَٰتِ لَيَسْجُنُنَّهُۥ
حَتَّىٰ حِينٍ ﴿٣٥﴾ وَدَخَلَ مَعَهُ ٱلسِّجْنَ فَتَيَانِ ۖ قَالَ أَحَدُهُمَآ إِنِّىٓ
أَرَىٰنِىٓ أَعْصِرُ خَمْرًا ۖ وَقَالَ ٱلْءَاخَرُ إِنِّىٓ أَرَىٰنِىٓ أَحْمِلُ فَوْقَ رَأْسِى
خُبْزًا تَأْكُلُ ٱلطَّيْرُ مِنْهُ ۖ نَبِّئْنَا بِتَأْوِيلِهِۦٓ ۖ إِنَّا نَرَىٰكَ مِنَ
ٱلْمُحْسِنِينَ ﴿٣٦﴾ قَالَ لَا يَأْتِيكُمَا طَعَامٌ تُرْزَقَانِهِۦٓ إِلَّا نَبَّأْتُكُمَا
بِتَأْوِيلِهِۦ قَبْلَ أَن يَأْتِيَكُمَا ۚ ذَٰلِكُمَا مِمَّا عَلَّمَنِى رَبِّىٓ ۚ إِنِّى تَرَكْتُ
مِلَّةَ قَوْمٍ لَّا يُؤْمِنُونَ بِٱللَّهِ وَهُم بِٱلْءَاخِرَةِ هُمْ كَٰفِرُونَ ﴿٣٧﴾

31.- Do đó, khi nghe lời đàm tiếu, bà cho người đi mời họ và chuẩn bị cho họ một buổi tiệc sang trọng; và bà trao cho mỗi bà một con dao (để cắt trái cây); bà chủ bảo (Yūsuf): "Hãy bước ra trình diện các bà." Do đó, khi nhìn thấy Người (diện mạo khôi ngô) họ đều khen Người vĩ đại và (trong lúc sửng sờ) họ đã cắt tay của họ (lúc nào không biết); họ cùng lên tiếng: "Allah mầu nhiệm! Đây không phải là một người phàm. Chắc chắn đây chỉ là một thiên thần quí phái."

32.- Bà ta bảo: "Đây là người (tớ) vì nó mà quí bà đã chỉ trích tôi. Quả thật, tôi đã dụ dỗ nó nhưng nó đã tự kềm chế lấy mình nó được. Và bây giờ nếu nó không làm theo chỉ thị của tôi thì chắc chắn nó sẽ bị bắt giam vào tù và sẽ trở thành một người bị hạ nhục."

33.- (Yūsuf cầu nguyện) thưa: "Lạy *Rabb* của bề tôi! Lao tù quí cho bề tôi hơn là những điều mà họ mời bề tôi chấp nhận. Và nếu Ngài không đưa âm mưu của các bà ra xa bề tôi thì chắc chắn bề tôi sẽ xuôi lòng nghe theo các bà và trở thành một người ngu muội."

34.- Do đó, *Rabb* của Người đáp lại (lời cầu nguyện của) Người và đưa âm mưu của các bà xa khỏi Người. Quả thật, Ngài là Đấng Hằng Nghe và Hằng Biết mọi việc.

35.- Rồi sau khi chứng kiến những bằng chứng về sự vô tội của Người, họ nghĩ (cách tốt nhất là) nên nhốt Người vào tù trong một thời gian.

36.- Và có hai thanh niên cùng vào tù với Người. Một trong hai người bảo: "Tôi (nằm mộng) thấy đang (vắt nho) làm rượu. Và người kia bảo: "Tôi (cũng nằm mộng) thấy đội trên đầu bánh mì mà chim đang mổ ăn. Xin ông giải mộng đó giùm chúng tôi. Chúng tôi thấy ông quả là một người làm tốt."

37.- Người đáp: "Trước khi thức ăn đến cho hai bạn dùng tôi sẽ cho hai bạn biết ý-nghĩa thực sự của giấc mộng. Đây là điều mà *Rabb* của tôi đã dạy tôi. Quả thật, tôi đã từ bỏ tín ngưỡng của một đám người không tin tưởng nơi Allah và không tin nơi Đời sau.

وَٱتَّبَعۡتُ مِلَّةَ ءَابَآءِيٓ إِبۡرَٰهِيمَ وَإِسۡحَٰقَ وَيَعۡقُوبَۚ مَا كَانَ لَنَآ أَن نُّشۡرِكَ بِٱللَّهِ مِن شَيۡءٖۚ ذَٰلِكَ مِن فَضۡلِ ٱللَّهِ عَلَيۡنَا وَعَلَى ٱلنَّاسِ وَلَٰكِنَّ أَكۡثَرَ ٱلنَّاسِ لَا يَشۡكُرُونَ ﴿٣٨﴾ يَٰصَٰحِبَيِ ٱلسِّجۡنِ ءَأَرۡبَابٞ مُّتَفَرِّقُونَ خَيۡرٌ أَمِ ٱللَّهُ ٱلۡوَٰحِدُ ٱلۡقَهَّارُ ﴿٣٩﴾ مَا تَعۡبُدُونَ مِن دُونِهِۦٓ إِلَّآ أَسۡمَآءٗ سَمَّيۡتُمُوهَآ أَنتُمۡ وَءَابَآؤُكُم مَّآ أَنزَلَ ٱللَّهُ بِهَا مِن سُلۡطَٰنٍۚ إِنِ ٱلۡحُكۡمُ إِلَّا لِلَّهِ أَمَرَ أَلَّا تَعۡبُدُوٓاْ إِلَّآ إِيَّاهُۚ ذَٰلِكَ ٱلدِّينُ ٱلۡقَيِّمُ وَلَٰكِنَّ أَكۡثَرَ ٱلنَّاسِ لَا يَعۡلَمُونَ ﴿٤٠﴾ يَٰصَٰحِبَيِ ٱلسِّجۡنِ أَمَّآ أَحَدُكُمَا فَيَسۡقِي رَبَّهُۥ خَمۡرٗاۖ وَأَمَّا ٱلۡأٓخَرُ فَيُصۡلَبُ فَتَأۡكُلُ ٱلطَّيۡرُ مِن رَّأۡسِهِۦۚ قُضِيَ ٱلۡأَمۡرُ ٱلَّذِي فِيهِ تَسۡتَفۡتِيَانِ ﴿٤١﴾ وَقَالَ لِلَّذِي ظَنَّ أَنَّهُۥ نَاجٖ مِّنۡهُمَا ٱذۡكُرۡنِي عِندَ رَبِّكَ فَأَنسَىٰهُ ٱلشَّيۡطَٰنُ ذِكۡرَ رَبِّهِۦ فَلَبِثَ فِي ٱلسِّجۡنِ بِضۡعَ سِنِينَ ﴿٤٢﴾ وَقَالَ ٱلۡمَلِكُ إِنِّيٓ أَرَىٰ سَبۡعَ بَقَرَٰتٖ سِمَانٖ يَأۡكُلُهُنَّ سَبۡعٌ عِجَافٞ وَسَبۡعَ سُنۢبُلَٰتٍ خُضۡرٖ وَأُخَرَ يَابِسَٰتٖۖ يَٰٓأَيُّهَا ٱلۡمَلَأُ أَفۡتُونِي فِي رُءۡيَٰيَ إِن كُنتُمۡ لِلرُّءۡيَا تَعۡبُرُونَ ﴿٤٣﴾

38.- "Và hiện nay tôi theo tín ngưỡng của cha ông tôi: Ibrāhīm, Ishāq, và Ya'qūb và chúng tôi không được phép tổ-hợp bất cứ cái gì với Allah. Đó là thiên ân của Allah ban cho chúng tôi và nhân loại. Nhưng đa số nhân loại không biết ơn.

39.- "Hỡi hai người bạn tù của tôi! Phải chăng nhiều chúa tể khác biệt tốt hơn hay là một Allah Duy nhất Tối thượng tốt hơn?

40.- "Những vật (hay thần linh) mà các bạn đang thờ phụng chỉ là những tên gọi mà các bạn và cha mẹ của các bạn đã đặt cho chúng, chứ Allah đã không ban cấp cho một chút thẩm quyền nào. Chắc chắn duy chỉ Allah thôi nắm quyền xét xử. Ngài ra lệnh cho các bạn không được thờ phụng ai khác mà chỉ thờ phụng riêng Ngài. Đó là tôn giáo chính trực nhưng đa số nhân loại không biết.

41.- "Hỡi hai người bạn tù của tôi! trong hai bạn, một người sẽ rót rượu cho chúa của y uống, và người kia thì sẽ bị đóng đinh trên thập tự giá và chim sẽ mổ đầu của y ăn. Vấn đề mà hai bạn muốn biết đã được quyết định như thế."

42.- Và Người nói với một trong hai người bạn tù mà Người nghĩ y sẽ được cứu sống, như sau: "Bạn nhớ nhắc tên của tôi với chúa của bạn nhé!" Nhưng *Shaytān* làm cho y quên mất việc nhắc nhở[1] với chúa của y. Bởi thế, Người phải ở lại trong tù thêm vài năm nữa.

43.- Vị vua (của Ai-cập) nói (với quần thần trong triều): "Trẫm (nằm mộng) thấy bảy con bò mập bị bảy con bò ốm ăn thịt và bảy bông lúa xanh tươi và bảy bông lúa vàng héo. Hỡi các chư khanh! Hãy giải mộng cho trẫm điều trẫm đã thấy nếu các khanh biết giải mộng."

[1] Hoặc là Shaytān làm cho y (Yūsuf) quên việc nhắc nhở Allah để xin giúp đỡ thay vì nhờ người khác cho nên đã bị ở tù thêm vài năm nữa.

قَالُوٓاْ أَضۡغَٰثُ أَحۡلَٰمٖۖ وَمَا نَحۡنُ بِتَأۡوِيلِ ٱلۡأَحۡلَٰمِ بِعَٰلِمِينَ ٤٤ وَقَالَ ٱلَّذِي نَجَا مِنۡهُمَا وَٱدَّكَرَ بَعۡدَ أُمَّةٍ أَنَا۠ أُنَبِّئُكُم بِتَأۡوِيلِهِۦ فَأَرۡسِلُونِ ٤٥ يُوسُفُ أَيُّهَا ٱلصِّدِّيقُ أَفۡتِنَا فِي سَبۡعِ بَقَرَٰتٖ سِمَانٖ يَأۡكُلُهُنَّ سَبۡعٌ عِجَافٞ وَسَبۡعِ سُنۢبُلَٰتٍ خُضۡرٖ وَأُخَرَ يَابِسَٰتٖ لَّعَلِّيٓ أَرۡجِعُ إِلَى ٱلنَّاسِ لَعَلَّهُمۡ يَعۡلَمُونَ ٤٦ قَالَ تَزۡرَعُونَ سَبۡعَ سِنِينَ دَأَبٗا فَمَا حَصَدتُّمۡ فَذَرُوهُ فِي سُنۢبُلِهِۦٓ إِلَّا قَلِيلٗا مِّمَّا تَأۡكُلُونَ ٤٧ ثُمَّ يَأۡتِي مِنۢ بَعۡدِ ذَٰلِكَ سَبۡعٞ شِدَادٞ يَأۡكُلۡنَ مَا قَدَّمۡتُمۡ لَهُنَّ إِلَّا قَلِيلٗا مِّمَّا تُحۡصِنُونَ ٤٨ ثُمَّ يَأۡتِي مِنۢ بَعۡدِ ذَٰلِكَ عَامٞ فِيهِ يُغَاثُ ٱلنَّاسُ وَفِيهِ يَعۡصِرُونَ ٤٩ وَقَالَ ٱلۡمَلِكُ ٱئۡتُونِي بِهِۦۖ فَلَمَّا جَآءَهُ ٱلرَّسُولُ قَالَ ٱرۡجِعۡ إِلَىٰ رَبِّكَ فَسۡـَٔلۡهُ مَا بَالُ ٱلنِّسۡوَةِ ٱلَّٰتِي قَطَّعۡنَ أَيۡدِيَهُنَّۚ إِنَّ رَبِّي بِكَيۡدِهِنَّ عَلِيمٞ ٥٠ قَالَ مَا خَطۡبُكُنَّ إِذۡ رَٰوَدتُّنَّ يُوسُفَ عَن نَّفۡسِهِۦۚ قُلۡنَ حَٰشَ لِلَّهِ مَا عَلِمۡنَا عَلَيۡهِ مِن سُوٓءٖۚ قَالَتِ ٱمۡرَأَتُ ٱلۡعَزِيزِ ٱلۡـَٰٔنَ حَصۡحَصَ ٱلۡحَقُّ أَنَا۠ رَٰوَدتُّهُۥ عَن نَّفۡسِهِۦ وَإِنَّهُۥ لَمِنَ ٱلصَّٰدِقِينَ ٥١ ذَٰلِكَ لِيَعۡلَمَ أَنِّي لَمۡ أَخُنۡهُ بِٱلۡغَيۡبِ وَأَنَّ ٱللَّهَ لَا يَهۡدِي كَيۡدَ ٱلۡخَآئِنِينَ ٥٢

44.- Họ thưa: "Một giấc mộng lộn xộn và các hạ thần không biết giải đoán các giấc mộng."

45.- Và một trong hai người bạn tù đã được tha bổng sực nhớ lại (lời dặn của Yūsuf) sau một thời gian dài quên lững, lên tiếng: "Bề tôi sẽ trình bày với quí ngài ý nghĩa của nó; xin quí ngài hãy cử bề tôi đi gặp (Yūsuf)"

46.- (Y nói): "Hỡi Yūsuf! Hỡi người chân thật! Hãy giải thích cho chúng tôi (giấc mộng) về bảy con bò mập bị bảy con bò ốm ăn nuốt mất và bảy bông lúa xanh tươi với bảy bông lúa vàng héo để tôi có thể trở về gặp lại người dân báo cáo cho họ biết (ý nghĩa của nó)."

47.- (Yūsuf) bảo: "Các người cứ siêng năng trồng trọt suốt bảy năm liền như thường lệ, rồi cất giữ nguyên hạt mùa màng đã gặt ngoại trừ một số ít dùng để ăn.

48.- "Rồi sau thời gian đó sẽ xảy ra bảy năm (hạn hán) cơ cực ăn tiêu hết lúa thóc mà các người đã dự trữ trong các năm trước ngoại trừ một số ít các người đã cất giữ cẩn thận.

49.- "Rồi sau thời gian đó sẽ đến một năm mà người dân sẽ được nước mưa dồi dào và trong năm đó người dân sẽ ép (nho và dầu)."

50.- Và nhà vua phán: "Hãy đưa y đến gặp trẫm". Do đó, khi sứ thần đến gặp Người, Người bảo: "Hãy về tâu lại với chúa của ngài và hỏi đức vua sẽ xử lý thế nào về việc các bà đã cắt tay của họ trước đây? Quả thật, *Rabb* của tôi Hằng Biết âm mưu của các bà."

51.- Vua phán: "Sự tình của các bà như thế nào khi các bà đã tìm cách quyến rũ Yūsuf?" Các bà cùng lên tiếng: "Allah mầu nhiệm! Chúng thiếp hoàn toàn không biết một điều xấu nào." (Thấy thế) Bà vợ của vị đại thần thưa: "Sự thật đã rõ ràng, chính tiện thiếp là người đã tìm cách dụ dỗ chàng. Và quả thật, chàng là một người chân thật."

52.- "(Tôi yêu cầu) điều đó (Yūsuf tiếp) là để cho ngài (quan chủ của tôi) biết rằng tôi không bí mật phản bội ngài (khi ngài đi vắng) và quả thật Allah không chỉ dẫn mưu kế của những kẻ bội phản.

۞ وَمَآ أُبَرِّئُ نَفۡسِيٓۚ إِنَّ ٱلنَّفۡسَ لَأَمَّارَةُۢ بِٱلسُّوٓءِ إِلَّا مَا رَحِمَ رَبِّيٓۚ
إِنَّ رَبِّي غَفُورٞ رَّحِيمٞ ٥٣ وَقَالَ ٱلۡمَلِكُ ٱئۡتُونِي بِهِۦٓ أَسۡتَخۡلِصۡهُ
لِنَفۡسِيۖ فَلَمَّا كَلَّمَهُۥ قَالَ إِنَّكَ ٱلۡيَوۡمَ لَدَيۡنَا مَكِينٌ أَمِينٞ ٥٤
قَالَ ٱجۡعَلۡنِي عَلَىٰ خَزَآئِنِ ٱلۡأَرۡضِۖ إِنِّي حَفِيظٌ عَلِيمٞ ٥٥ وَكَذَٰلِكَ
مَكَّنَّا لِيُوسُفَ فِي ٱلۡأَرۡضِ يَتَبَوَّأُ مِنۡهَا حَيۡثُ يَشَآءُۚ نُصِيبُ
بِرَحۡمَتِنَا مَن نَّشَآءُۖ وَلَا نُضِيعُ أَجۡرَ ٱلۡمُحۡسِنِينَ ٥٦ وَلَأَجۡرُ
ٱلۡأٓخِرَةِ خَيۡرٞ لِّلَّذِينَ ءَامَنُواْ وَكَانُواْ يَتَّقُونَ ٥٧ وَجَآءَ
إِخۡوَةُ يُوسُفَ فَدَخَلُواْ عَلَيۡهِ فَعَرَفَهُمۡ وَهُمۡ لَهُۥ مُنكِرُونَ
٥٨ وَلَمَّا جَهَّزَهُم بِجَهَازِهِمۡ قَالَ ٱئۡتُونِي بِأَخٖ لَّكُم مِّنۡ أَبِيكُمۡۚ أَلَا
تَرَوۡنَ أَنِّيٓ أُوفِي ٱلۡكَيۡلَ وَأَنَا۠ خَيۡرُ ٱلۡمُنزِلِينَ ٥٩ فَإِن لَّمۡ تَأۡتُونِي
بِهِۦ فَلَا كَيۡلَ لَكُمۡ عِندِي وَلَا تَقۡرَبُونِ ٦٠ قَالُواْ سَنُرَٰوِدُ عَنۡهُ أَبَاهُ
وَإِنَّا لَفَٰعِلُونَ ٦١ وَقَالَ لِفِتۡيَٰنِهِ ٱجۡعَلُواْ بِضَٰعَتَهُمۡ فِي رِحَالِهِمۡ
لَعَلَّهُمۡ يَعۡرِفُونَهَآ إِذَا ٱنقَلَبُوٓاْ إِلَىٰٓ أَهۡلِهِمۡ لَعَلَّهُمۡ يَرۡجِعُونَ
٦٢ فَلَمَّا رَجَعُوٓاْ إِلَىٰٓ أَبِيهِمۡ قَالُواْ يَٰٓأَبَانَا مُنِعَ مِنَّا ٱلۡكَيۡلُ
فَأَرۡسِلۡ مَعَنَآ أَخَانَا نَكۡتَلۡ وَإِنَّا لَهُۥ لَحَٰفِظُونَ ٦٣

53.- "Và tôi đã không tự cho mình hoàn toàn vô tội bởi vì chắc chắn dục vọng (của con người) hay xúi giục làm điều tội lỗi trừ phi *Rabb* của tôi khoan dung. Quả thật, *Rabb* của tôi Hằng Tha thứ, Rất mực Khoan dung."

54.- Và vua phán: "Hãy đưa y đến gặp trẫm. Trẫm sẽ chọn y (làm việc) riêng cho trẫm." Do đó, khi Người tâu với vua tự sự, vua phán: "Hãy yên tâm. Ngày nay nhà ngươi có địa vị cao, được trẫm tín nhiệm."

55.- Người xin vua: "Xin bệ hạ cho hạ thần quản lý kho tài nguyên trong nước. Hạ thần là một người bảo quản tốt, hiểu biết công việc."

56.- Và bằng cách đó *TA* đã định cư Yūsuf trong xứ (Ai-cập) để Người có thể nắm quyền bất cứ nơi nào mà Người muốn trong xứ. *TA* ban Hồng ân của *TA* cho người nào *TA* muốn và *TA* không làm mất phần thưởng của những người làm tốt.

57.- Và chắc chắn phần thưởng của Đời sau sẽ tốt nhất cho những ai tin tưởng và sợ Allah.

58.- Và các người anh (cùng cha khác mẹ) của Yūsuf đến (Ai-cập). Và họ vào trình diện Người. Người nhận ra họ nhưng họ không nhận ra Người.

59.- Và khi Người cung cấp phần lương thực cho họ, Người bảo: "Hãy đưa một đứa em của các anh cùng một cha với các anh[1] đến gặp tôi. Há các anh đã không thấy việc tôi đong đủ lượng thóc (hay ngô) cho các anh và tôi là một người rất trọng khách?

60.-"Ngược lại, nếu không đưa nó đến gặp tôi thì các anh sẽ không được một tí lượng thóc (hay ngô) nào từ tôi và các anh cũng sẽ không được đến gần tôi nữa."

61.- Họ thưa: "Chúng tôi sẽ cố gắng van nài cha của nó cho phép nó cùng đến với chúng tôi và chắc chắn chúng tôi sẽ làm được việc này."

62.- Và Người bảo những người giúp việc mang số tiền mua thóc của họ để vào trong túi da đựng thóc của họ lại để cho họ nhận ra nó khi trở về gặp gia đình và để cho họ có thể trở lại (Ai-cập).

63.- Do đó, khi trở về gặp người cha, họ thưa: "Thưa cha! Họ sẽ từ chối cân lượng thóc cho chúng con (nếu không dẫn đứa em của chúng con theo). Bởi thế, xin cha hãy cho em cùng đi với chúng con hầu chúng con sẽ được lượng thóc qui định. Và chắc chắn chúng con sẽ trông nom em nó kỹ lưỡng."

---

[1] Tức Bin Amīn (Benjamin)

قَالَ هَلْ ءَامَنُكُمْ عَلَيْهِ إِلَّا كَمَآ أَمِنتُكُمْ عَلَىٰٓ أَخِيهِ مِن
قَبْلُ فَٱللَّهُ خَيْرٌ حَٰفِظًا ۖ وَهُوَ أَرْحَمُ ٱلرَّٰحِمِينَ ﴿٦٤﴾ وَلَمَّا فَتَحُوا۟
مَتَٰعَهُمْ وَجَدُوا۟ بِضَٰعَتَهُمْ رُدَّتْ إِلَيْهِمْ ۖ قَالُوا۟ يَٰٓأَبَانَا
مَا نَبْغِى ۖ هَٰذِهِۦ بِضَٰعَتُنَا رُدَّتْ إِلَيْنَا ۖ وَنَمِيرُ أَهْلَنَا وَنَحْفَظُ
أَخَانَا وَنَزْدَادُ كَيْلَ بَعِيرٍ ۖ ذَٰلِكَ كَيْلٌ يَسِيرٌ ﴿٦٥﴾ قَالَ
لَنْ أُرْسِلَهُۥ مَعَكُمْ حَتَّىٰ تُؤْتُونِ مَوْثِقًا مِّنَ ٱللَّهِ لَتَأْتُنَّنِى
بِهِۦٓ إِلَّآ أَن يُحَاطَ بِكُمْ ۖ فَلَمَّآ ءَاتَوْهُ مَوْثِقَهُمْ قَالَ ٱللَّهُ عَلَىٰ مَا
نَقُولُ وَكِيلٌ ﴿٦٦﴾ وَقَالَ يَٰبَنِىَّ لَا تَدْخُلُوا۟ مِنۢ بَابٍ وَٰحِدٍ
وَٱدْخُلُوا۟ مِنْ أَبْوَٰبٍ مُّتَفَرِّقَةٍ ۖ وَمَآ أُغْنِى عَنكُم مِّنَ ٱللَّهِ مِن
شَىْءٍ ۖ إِنِ ٱلْحُكْمُ إِلَّا لِلَّهِ ۖ عَلَيْهِ تَوَكَّلْتُ ۖ وَعَلَيْهِ فَلْيَتَوَكَّلِ
ٱلْمُتَوَكِّلُونَ ﴿٦٧﴾ وَلَمَّا دَخَلُوا۟ مِنْ حَيْثُ أَمَرَهُمْ أَبُوهُم مَّا كَانَ
يُغْنِى عَنْهُم مِّنَ ٱللَّهِ مِن شَىْءٍ إِلَّا حَاجَةً فِى نَفْسِ يَعْقُوبَ
قَضَىٰهَا ۚ وَإِنَّهُۥ لَذُو عِلْمٍ لِّمَا عَلَّمْنَٰهُ وَلَٰكِنَّ أَكْثَرَ ٱلنَّاسِ
لَا يَعْلَمُونَ ﴿٦٨﴾ وَلَمَّا دَخَلُوا۟ عَلَىٰ يُوسُفَ ءَاوَىٰٓ إِلَيْهِ أَخَاهُ ۖ
قَالَ إِنِّىٓ أَنَا۠ أَخُوكَ فَلَا تَبْتَئِسْ بِمَا كَانُوا۟ يَعْمَلُونَ ﴿٦٩﴾

64.- (Người cha) bảo: "Há ta tin tưởng tụi bây mà giao nó (cho tụi bây) chẳng khác nào ta tin tưởng mà giao anh của nó (cho tụi bây) trước đây hay sao? Bởi thế, Allah là Đấng Trông nom tốt nhất. Và Ngài là Đấng Khoan dung nhất của những người tỏ lòng khoan dung."

65.- Và khi mở túi đựng thóc, họ thấy số tiền mua thóc của họ đã được trả lại cho họ. Họ thưa: "Thưa cha! Chúng ta còn mong muốn gì hơn! Đây tiền mua thóc của chúng ta đã được trả lại cho chúng ta, chúng ta sẽ được phần lượng thóc cho gia đình của chúng ta và chúng con sẽ trông nom đứa em của chúng con kỹ lưỡng; và chúng ta sẽ có thêm phần lượng thóc bằng sức chở của một con lạc đà. Đấy là một số lượng dễ dãi (đối với quan Tổng Quản Khố).

66.- (Người cha) bảo: "Ta sẽ không bao giờ cho nó đi cùng với tụi bây trừ phi tụi bây thề với ta bằng một lời thề long trọng nhân danh Allah, rằng tụi bây sẽ đưa nó trở lại cho ta ngoại trừ trường hợp bị vây hãm (và bất lực không làm gì được). Và khi họ thề thốt bằng lời thề long trọng, người cha bảo: "Allah là Đấng làm chứng và thọ lãnh mọi điều chúng ta tuyên bố."

67.- (Nguôi giận, người cha) dặn: "Này các con! Tất cả chớ vào (thủ đô của Ai-cập) bằng một cửa duy nhất mà hãy đi vào bằng nhiều cửa khác nhau. Và cha không thể giúp các con tránh khỏi (hình phạt của) Allah về bất cứ điều gì. Bởi vì việc xét xử là của Allah. Ta hoàn toàn phó thác cho Ngài. Vậy hãy để cho những người phó thác nên phó thác cho Ngài.

68.- Và khi họ đi vào (thủ đô của Ai-cập) theo phương cách mà người cha đã khuyên bảo thì lời dặn dò đó chẳng giúp họ tránh khỏi (kế hoạch của) Allah về bất cứ điều gì. Ngược lại, nó chỉ làm thỏa mãn ước vọng trong lòng của Ya'qūb (Gia-cốp) thôi. Và quả thật, Người có kiến thức về những điều mà *TA* (Allah) đã dạy bảo Người, nhưng đa số nhân loại không biết.

69.- Và khi họ vào trình diện Yūsuf, Người tiếp riêng đứa em ruột và giữ nó lại với Người. Người bảo nó: "Quả thật, anh là anh ruột của em đây. Thôi em chớ buồn về những điều mà các anh ấy đã làm."

فَلَمَّا جَهَّزَهُم بِجَهَازِهِمْ جَعَلَ ٱلسِّقَايَةَ فِى رَحْلِ أَخِيهِ ثُمَّ أَذَّنَ مُؤَذِّنٌ أَيَّتُهَا ٱلْعِيرُ إِنَّكُمْ لَسَٰرِقُونَ ﴿٧٠﴾ قَالُوا۟ وَأَقْبَلُوا۟ عَلَيْهِم مَّاذَا تَفْقِدُونَ ﴿٧١﴾ قَالُوا۟ نَفْقِدُ صُوَاعَ ٱلْمَلِكِ وَلِمَن جَآءَ بِهِۦ حِمْلُ بَعِيرٍ وَأَنَا۠ بِهِۦ زَعِيمٌ ﴿٧٢﴾ قَالُوا۟ تَٱللَّهِ لَقَدْ عَلِمْتُم مَّا جِئْنَا لِنُفْسِدَ فِى ٱلْأَرْضِ وَمَا كُنَّا سَٰرِقِينَ ﴿٧٣﴾ قَالُوا۟ فَمَا جَزَٰٓؤُهُۥٓ إِن كُنتُمْ كَٰذِبِينَ ﴿٧٤﴾ قَالُوا۟ جَزَٰٓؤُهُۥ مَن وُجِدَ فِى رَحْلِهِۦ فَهُوَ جَزَٰٓؤُهُۥ ۚ كَذَٰلِكَ نَجْزِى ٱلظَّٰلِمِينَ ﴿٧٥﴾ فَبَدَأَ بِأَوْعِيَتِهِمْ قَبْلَ وِعَآءِ أَخِيهِ ثُمَّ ٱسْتَخْرَجَهَا مِن وِعَآءِ أَخِيهِ ۚ كَذَٰلِكَ كِدْنَا لِيُوسُفَ ۖ مَا كَانَ لِيَأْخُذَ أَخَاهُ فِى دِينِ ٱلْمَلِكِ إِلَّآ أَن يَشَآءَ ٱللَّهُ ۚ نَرْفَعُ دَرَجَٰتٍ مَّن نَّشَآءُ ۗ وَفَوْقَ كُلِّ ذِى عِلْمٍ عَلِيمٌ ﴿٧٦﴾ ۞ قَالُوٓا۟ إِن يَسْرِقْ فَقَدْ سَرَقَ أَخٌ لَّهُۥ مِن قَبْلُ ۚ فَأَسَرَّهَا يُوسُفُ فِى نَفْسِهِۦ وَلَمْ يُبْدِهَا لَهُمْ ۚ قَالَ أَنتُمْ شَرٌّ مَّكَانًا ۖ وَٱللَّهُ أَعْلَمُ بِمَا تَصِفُونَ ﴿٧٧﴾ قَالُوا۟ يَٰٓأَيُّهَا ٱلْعَزِيزُ إِنَّ لَهُۥٓ أَبًا شَيْخًا كَبِيرًا فَخُذْ أَحَدَنَا مَكَانَهُۥٓ ۖ إِنَّا نَرَىٰكَ مِنَ ٱلْمُحْسِنِينَ ﴿٧٨﴾

ربع الحزب ٢٥

70.- Do đó, khi cung cấp cho họ phần lương thực của họ, Người đặt một chiếc cốc uống (rượu) vào trong chiếc túi đựng thóc của đứa em ruột, rồi cho một người tri hô lớn, bảo: "Này, hỡi đoàn khách thương! Các người là những kẻ trộm."

71.- Và quay về phía họ, (đoàn khách thương) hỏi: "Quí ngài mất cái gì vậy?"

72.- Họ đáp: "Chúng tôi mất một chiếc cốc uống rượu của nhà vua. Người nào mang nó trả lại sẽ được phần thưởng (lượng thóc) bằng sức chở của một con lạc đà. Và ta bảo đảm cho việc đó."

73.- (Những người anh của Yūsuf) lên tiếng: "Xin thề với Allah, quí ngài biết rõ chúng tôi đến đây không phải để làm điều tệ bạc tại địa phương, và chúng tôi không phải là những kẻ trộm."

74.- (Những người làm của Yūsuf) bảo: "Thế thì hình phạt dùng xử lý kẻ trộm là gì nếu các người (bị bắt quả tang) đã nói dối."

75.- Họ (các người anh của Yūsuf) thưa: "Hình phạt xử lý y sẽ (như sau:) "Tang vật tìm thấy trong túi đựng thóc của người nào thì người đó sẽ bị cầm tù để chuộc tội. Chúng tôi trừng phạt những kẻ làm bậy như thế."

76.- Thế là Người (Yūsuf) bắt đầu lục lọi những chiếc túi của họ (các người anh) trước khi đến chiếc túi của đứa em ruột. Rồi Người móc nó (chiếc cốc) từ chiếc túi của đứa em ra. *TA (*Allah*)* sắp đặt kế hoạch cho Yūsuf như thế. Người không thể bắt giữ đứa em ruột ở lại được theo luật lệ của nhà vua trừ phi Allah muốn khác đi. *TA* nâng cấp bậc (về kiến thức) cho người nào *TA* muốn. Nhưng cao hơn tất cả những ai đã được ban cho kiến thức thì chỉ có Đấng Toàn Tri (Allah).

77.- (Các người anh) thưa: "Nếu nó ăn cắp thì anh của nó cũng đã ăn cắp trước đây." Nhưng Yūsuf giấu kín điều đó trong lòng và không tiết lộ cho họ biết. Người nói (thầm trong bụng): "Các người đang khốn đốn. Và Allah biết rõ những điều các người đã tuyên bố."

78.- (Các người anh) thưa: "Bẩm quan đại thần! Em nó có một người cha rất già. (Người sẽ buồn rầu cho số phận của nó). Do đó, xin ngài hãy bắt giữ một người của chúng tôi thay cho nó. Quả thật, chúng tôi thấy ngài là một người làm tốt.

قَالَ مَعَاذَ ٱللَّهِ أَن نَّأۡخُذَ إِلَّا مَن وَجَدۡنَا مَتَٰعَنَا عِندَهُۥٓ إِنَّآ إِذٗا لَّظَٰلِمُونَ ٧٩ فَلَمَّا ٱسۡتَيۡـَٔسُواْ مِنۡهُ خَلَصُواْ نَجِيّٗاۖ قَالَ كَبِيرُهُمۡ أَلَمۡ تَعۡلَمُوٓاْ أَنَّ أَبَاكُمۡ قَدۡ أَخَذَ عَلَيۡكُم مَّوۡثِقٗا مِّنَ ٱللَّهِ وَمِن قَبۡلُ مَا فَرَّطتُمۡ فِي يُوسُفَۖ فَلَنۡ أَبۡرَحَ ٱلۡأَرۡضَ حَتَّىٰ يَأۡذَنَ لِيٓ أَبِيٓ أَوۡ يَحۡكُمَ ٱللَّهُ لِيۖ وَهُوَ خَيۡرُ ٱلۡحَٰكِمِينَ ٨٠ ٱرۡجِعُوٓاْ إِلَىٰٓ أَبِيكُمۡ فَقُولُواْ يَٰٓأَبَانَآ إِنَّ ٱبۡنَكَ سَرَقَ وَمَا شَهِدۡنَآ إِلَّا بِمَا عَلِمۡنَا وَمَا كُنَّا لِلۡغَيۡبِ حَٰفِظِينَ ٨١ وَسۡـَٔلِ ٱلۡقَرۡيَةَ ٱلَّتِي كُنَّا فِيهَا وَٱلۡعِيرَ ٱلَّتِيٓ أَقۡبَلۡنَا فِيهَاۖ وَإِنَّا لَصَٰدِقُونَ ٨٢ قَالَ بَلۡ سَوَّلَتۡ لَكُمۡ أَنفُسُكُمۡ أَمۡرٗاۖ فَصَبۡرٞ جَمِيلٌۖ عَسَى ٱللَّهُ أَن يَأۡتِيَنِي بِهِمۡ جَمِيعًاۚ إِنَّهُۥ هُوَ ٱلۡعَلِيمُ ٱلۡحَكِيمُ ٨٣ وَتَوَلَّىٰ عَنۡهُمۡ وَقَالَ يَٰٓأَسَفَىٰ عَلَىٰ يُوسُفَ وَٱبۡيَضَّتۡ عَيۡنَاهُ مِنَ ٱلۡحُزۡنِ فَهُوَ كَظِيمٞ ٨٤ قَالُواْ تَٱللَّهِ تَفۡتَؤُاْ تَذۡكُرُ يُوسُفَ حَتَّىٰ تَكُونَ حَرَضًا أَوۡ تَكُونَ مِنَ ٱلۡهَٰلِكِينَ ٨٥ قَالَ إِنَّمَآ أَشۡكُواْ بَثِّي وَحُزۡنِيٓ إِلَى ٱللَّهِ وَأَعۡلَمُ مِنَ ٱللَّهِ مَا لَا تَعۡلَمُونَ ٨٦

79.- Người bảo: "Allah cấm làm thế! Chúng tôi chỉ bắt giữ ai là người mà chúng tôi tìm thấy bảo vật nơi y. Nếu làm ngược lại, thì chắc chắn chúng tôi là những kẻ làm điều sai quấy."

80.- Do đó, khi hết hy vọng nơi Người, họ hợp nhau bàn kín. Người lớn nhất trong bọn lên tiếng: "Há các em không biết rằng phụ thân của các em đã nhận lời thề từ Allah đối với các em và trước đây các em đã không làm tròn nhiệm vụ của các em đối với Yūsuf hay sao? Do đó, anh sẽ không bao giờ rời địa hạt này trừ phi phụ thân của anh cho phép hoặc Allah sẽ xét xử (việc này) giùm anh. Và Ngài (Allah) là Đấng Xét xử Ưu việt.

81.- "Hãy trở về gặp phụ thân." Và chúng thưa (với người cha): "Thưa cha! Quả thật đứa con trai của cha đã phạm tội ăn cắp. (Nó bị bắt giữ lại). Và chúng con chỉ xác nhận điều nào chúng con biết và chúng con không thể quản lý nổi điều vô hình.

82.- "Và cha có thể hỏi thị dân nơi chúng con đã tá túc và đoàn khách thương cùng trở về với chúng con; thì (sẽ biết) chúng con nói thật."

83.- (Người cha) bảo: "Không, tâm hồn tụi bây khéo bày chuyện cho tụi bây. Do đó, kiên nhẫn là giải pháp tốt đẹp nhất. Biết đâu, Allah sẽ đưa tất cả chúng nó về lại cho ta. Quả thật, Ngài là Đấng Hằng Biết, Đấng Vô cùng Sáng suốt."

84.- Và Người quay mặt lánh xa chúng và lên tiếng: "Ôi ta thật buồn rầu cho Yūsuf! Và do bởi dồn nén nỗi ưu phiền, nên cặp mắt của Người nhòa đi.

85.- (Các con) thưa: "Allah mầu nhiệm! Cha không ngưng thương nhớ Yūsuf như thế này thì chắc chắn cha sẽ ngã bệnh nặng hoặc sẽ chết sớm."

86.- (Người cha) bảo: "Cha chỉ biết than thở nỗi âu sầu và buồn phiền của cha với Allah thôi và Allah cho cha biết điều mà các con không biết.

يَٰبَنِيَّ ٱذۡهَبُواْ فَتَحَسَّسُواْ مِن يُوسُفَ وَأَخِيهِ وَلَا تَاْيۡـَٔسُواْ
مِن رَّوۡحِ ٱللَّهِۖ إِنَّهُۥ لَا يَاْيۡـَٔسُ مِن رَّوۡحِ ٱللَّهِ إِلَّا ٱلۡقَوۡمُ
ٱلۡكَٰفِرُونَ ﴿٨٧﴾ فَلَمَّا دَخَلُواْ عَلَيۡهِ قَالُواْ يَٰٓأَيُّهَا ٱلۡعَزِيزُ
مَسَّنَا وَأَهۡلَنَا ٱلضُّرُّ وَجِئۡنَا بِبِضَٰعَةٖ مُّزۡجَىٰةٖ فَأَوۡفِ لَنَا
ٱلۡكَيۡلَ وَتَصَدَّقۡ عَلَيۡنَآۖ إِنَّ ٱللَّهَ يَجۡزِي ٱلۡمُتَصَدِّقِينَ
﴿٨٨﴾ قَالَ هَلۡ عَلِمۡتُم مَّا فَعَلۡتُم بِيُوسُفَ وَأَخِيهِ إِذۡ أَنتُمۡ
جَٰهِلُونَ ﴿٨٩﴾ قَالُوٓاْ أَءِنَّكَ لَأَنتَ يُوسُفُۖ قَالَ أَنَا۠ يُوسُفُ
وَهَٰذَآ أَخِيۖ قَدۡ مَنَّ ٱللَّهُ عَلَيۡنَآۖ إِنَّهُۥ مَن يَتَّقِ وَيَصۡبِرۡ فَإِنَّ
ٱللَّهَ لَا يُضِيعُ أَجۡرَ ٱلۡمُحۡسِنِينَ ﴿٩٠﴾ قَالُواْ تَٱللَّهِ لَقَدۡ
ءَاثَرَكَ ٱللَّهُ عَلَيۡنَا وَإِن كُنَّا لَخَٰطِـِٔينَ ﴿٩١﴾ قَالَ لَا تَثۡرِيبَ
عَلَيۡكُمُ ٱلۡيَوۡمَۖ يَغۡفِرُ ٱللَّهُ لَكُمۡۖ وَهُوَ أَرۡحَمُ ٱلرَّٰحِمِينَ
﴿٩٢﴾ ٱذۡهَبُواْ بِقَمِيصِي هَٰذَا فَأَلۡقُوهُ عَلَىٰ وَجۡهِ أَبِي يَأۡتِ
بَصِيرٗا وَأۡتُونِي بِأَهۡلِكُمۡ أَجۡمَعِينَ ﴿٩٣﴾ وَلَمَّا فَصَلَتِ
ٱلۡعِيرُ قَالَ أَبُوهُمۡ إِنِّي لَأَجِدُ رِيحَ يُوسُفَۖ لَوۡلَآ أَن
تُفَنِّدُونِ ﴿٩٤﴾ قَالُواْ تَٱللَّهِ إِنَّكَ لَفِي ضَلَٰلِكَ ٱلۡقَدِيمِ ﴿٩٥﴾

87.- "Này các con! Các con hãy đi dọ hỏi tin tức của Yūsuf và đứa em của nó và chớ bao giờ tuyệt vọng nơi lòng Khoan dung của Allah bởi vì quả thật chỉ đám người vô đức tin mới tuyệt vọng nơi lòng Khoan dung của Allah."

88.- Tiếp đó, khi vào trình diện Yūsuf, họ thưa: "Bẩm quan đại thần! Chúng tôi và gia đình chúng tôi gặp hoạn nạn. Chúng tôi chỉ mang theo một chút ít vốn liếng, xin ngài đong đủ và bố thí cho chúng tôi bởi vì quả thật Allah sẽ tưởng thưởng những người bố thí."

89.- Người bảo: "Há các anh đã biết điều mà các anh đã đối xử với Yūsuf và đứa em của nó chăng khi các anh ngu muội?"

90.- Họ lên tiếng: "Có thật chăng ngài là Yūsuf?" Người đáp: "Vâng, tôi là Yūsuf đây. Và đây là đứa em của tôi. Chắc chắn, Allah đã nhân từ với chúng ta. Quả thật, ai sợ Allah và nhẫn nại, thì thật sự Allah sẽ không bao giờ làm mất phần thưởng của những người làm tốt."

91.- Họ lên tiếng: "Allah mầu nhiệm! Quả thật Allah đã ưu đãi em hơn các anh và quả thật các anh là những kẻ phạm tội."

92.- Người bảo: "Ngày nay không có gì phải khiển trách các anh cả. Allah sẽ tha thứ cho các anh. Bởi vì Ngài là Đấng Khoan dung nhất của những người tỏ lòng khoan dung.

93.- "Hãy mang chiếc áo này của tôi về ném vào mặt của phụ thân, (cách này sẽ làm cho cặp mắt của) Người sáng trở lại, rồi đưa tất cả gia đình của các anh về đây gặp tôi."

94.- Và khi đoàn khách thương lên đường (rời Ai-cập), người cha lên tiếng: "Quả thật, ta ngửi thấy mùi thơm của Yūsuf. Chớ nghĩ rằng ta là một ông già lẩm cẩm."

95.- Họ đáp: "Allah mầu nhiệm! Quả thật cha vẫn bị ám ảnh như xưa."

فَلَمَّآ أَن جَآءَ ٱلۡبَشِيرُ أَلۡقَىٰهُ عَلَىٰ وَجۡهِهِۦ فَٱرۡتَدَّ بَصِيرٗاۖ قَالَ
أَلَمۡ أَقُل لَّكُمۡ إِنِّيٓ أَعۡلَمُ مِنَ ٱللَّهِ مَا لَا تَعۡلَمُونَ ﴿٩٦﴾ قَالُواْ
يَـٰٓأَبَانَا ٱسۡتَغۡفِرۡ لَنَا ذُنُوبَنَآ إِنَّا كُنَّا خَٰطِـِٔينَ ﴿٩٧﴾ قَالَ سَوۡفَ
أَسۡتَغۡفِرُ لَكُمۡ رَبِّيٓۖ إِنَّهُۥ هُوَ ٱلۡغَفُورُ ٱلرَّحِيمُ ﴿٩٨﴾ فَلَمَّا
دَخَلُواْ عَلَىٰ يُوسُفَ ءَاوَىٰٓ إِلَيۡهِ أَبَوَيۡهِ وَقَالَ ٱدۡخُلُواْ مِصۡرَ
إِن شَآءَ ٱللَّهُ ءَامِنِينَ ﴿٩٩﴾ وَرَفَعَ أَبَوَيۡهِ عَلَى ٱلۡعَرۡشِ وَخَرُّواْ
لَهُۥ سُجَّدٗاۖ وَقَالَ يَـٰٓأَبَتِ هَٰذَا تَأۡوِيلُ رُءۡيَٰيَ مِن قَبۡلُ قَدۡ جَعَلَهَا
رَبِّي حَقّٗاۖ وَقَدۡ أَحۡسَنَ بِيٓ إِذۡ أَخۡرَجَنِي مِنَ ٱلسِّجۡنِ وَجَآءَ بِكُم
مِّنَ ٱلۡبَدۡوِ مِنۢ بَعۡدِ أَن نَّزَغَ ٱلشَّيۡطَٰنُ بَيۡنِي وَبَيۡنَ إِخۡوَتِيٓۚ إِنَّ
رَبِّي لَطِيفٞ لِّمَا يَشَآءُۚ إِنَّهُۥ هُوَ ٱلۡعَلِيمُ ٱلۡحَكِيمُ ﴿١٠٠﴾ ۞ رَبِّ
قَدۡ ءَاتَيۡتَنِي مِنَ ٱلۡمُلۡكِ وَعَلَّمۡتَنِي مِن تَأۡوِيلِ ٱلۡأَحَادِيثِۚ
فَاطِرَ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضِ أَنتَ وَلِيِّۦ فِي ٱلدُّنۡيَا وَٱلۡأٓخِرَةِۖ
تَوَفَّنِي مُسۡلِمٗا وَأَلۡحِقۡنِي بِٱلصَّـٰلِحِينَ ﴿١٠١﴾ ذَٰلِكَ مِنۡ أَنۢبَآءِ
ٱلۡغَيۡبِ نُوحِيهِ إِلَيۡكَۖ وَمَا كُنتَ لَدَيۡهِمۡ إِذۡ أَجۡمَعُوٓاْ أَمۡرَهُمۡ
وَهُمۡ يَمۡكُرُونَ ﴿١٠٢﴾ وَمَآ أَكۡثَرُ ٱلنَّاسِ وَلَوۡ حَرَصۡتَ بِمُؤۡمِنِينَ ﴿١٠٣﴾

نصف الحزب ٢٥

96.- Tiếp đó, khi người mang tin lành đến nơi, y ném (chiếc áo của Yūsuf) vào mặt của người (cha), và người sáng mắt trở lại. Người bảo: "Há ta đã không bảo, Allah cho ta biết điều mà các con không biết hay sao?"

97.- (Các con) thưa: "Thưa cha! Xin cha cầu xin (Allah) tha thứ cho chúng con về tội lỗi của chúng con, quả thật chúng con là những kẻ phạm tội."

98.- Người bảo: "Cha sẽ sớm xin *Rabb* của cha tha thứ cho các con. Bởi vì Ngài là Đấng Hằng Tha thứ, Rất mực Khoan dung."

99.- Tiếp đó, khi họ (cả gia đình) vào trình diện Yūsuf, Người đưa cha mẹ đến ở chung với mình và thưa: "Hãy vào Ai-cập an-toàn nếu Allah muốn."

100.- Và Yūsuf nâng cha mẹ lên ngồi trên chiếc ngai vàng và họ đồng sụp lạy trước mặt người. Và (Yūsuf) thưa: "Thưa cha! Đây là ý nghĩa của giấc mộng mà con đã thấy trước đây; *Rabb* của con đã biến nó thành hiện thực; Ngài đã tốt với con khi Ngài đưa con ra khỏi ngục tù và đã đưa tất cả người (trong gia đình) từ sa mạc đến đoàn tụ với con sau khi *Shaytān* đã gây hiềm thù giữa con và các anh con. Quả thật, *Rabb* của con rất mực Tế nhị đối với người nào Ngài muốn. Bởi vì Ngài là Đấng Toàn Tri, Đấng Vô cùng Sáng suốt.

101.- "Lạy *Rabb* của bề tôi! Ngài đã ban cho bề tôi quyền hành cai trị và đã dạy bề tôi cách giải thích câu chuyện (trong mộng). Đấng đã sáng tạo các tầng trời và trái đất, Ngài là Đấng Bảo Hộ của bề tôi ở đời này và Đời sau. Xin Ngài làm cho bề tôi chết như một người Muslim (thần phục Ngài) và cho bề tôi gia nhập hội đoàn của những người lương thiện."

102.- Đó là câu chuyện vô hình mà *TA* đã mặc khải cho Ngươi (Muhammad). Ngươi không có mặt với họ khi họ họp nhau bàn thảo âm mưu lập kế hoạch.

103.- Và đa số nhân loại sẽ không có đức tin dẫu rằng Ngươi rất muốn (điều tốt cho họ).

وَمَا تَسْـَٔلُهُمْ عَلَيْهِ مِنْ أَجْرٍۚ إِنْ هُوَ إِلَّا ذِكْرٌ لِّلْعَٰلَمِينَ
١٠٤ وَكَأَيِّن مِّنْ ءَايَةٍ فِي ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلْأَرْضِ يَمُرُّونَ عَلَيْهَا
وَهُمْ عَنْهَا مُعْرِضُونَ ١٠٥ وَمَا يُؤْمِنُ أَكْثَرُهُم بِٱللَّهِ إِلَّا
وَهُم مُّشْرِكُونَ ١٠٦ أَفَأَمِنُوٓاْ أَن تَأْتِيَهُمْ غَٰشِيَةٌ مِّنْ عَذَابِ
ٱللَّهِ أَوْ تَأْتِيَهُمُ ٱلسَّاعَةُ بَغْتَةً وَهُمْ لَا يَشْعُرُونَ ١٠٧ قُلْ
هَٰذِهِۦ سَبِيلِيٓ أَدْعُوٓاْ إِلَى ٱللَّهِۚ عَلَىٰ بَصِيرَةٍ أَنَا۠ وَمَنِ ٱتَّبَعَنِيۖ
وَسُبْحَٰنَ ٱللَّهِ وَمَآ أَنَا۠ مِنَ ٱلْمُشْرِكِينَ ١٠٨ وَمَآ أَرْسَلْنَا مِن
قَبْلِكَ إِلَّا رِجَالًا نُّوحِيٓ إِلَيْهِم مِّنْ أَهْلِ ٱلْقُرَىٰٓۗ أَفَلَمْ يَسِيرُواْ
فِي ٱلْأَرْضِ فَيَنظُرُواْ كَيْفَ كَانَ عَٰقِبَةُ ٱلَّذِينَ مِن
قَبْلِهِمْۗ وَلَدَارُ ٱلْأٓخِرَةِ خَيْرٌ لِّلَّذِينَ ٱتَّقَوْاْۚ أَفَلَا تَعْقِلُونَ ١٠٩
حَتَّىٰٓ إِذَا ٱسْتَيْـَٔسَ ٱلرُّسُلُ وَظَنُّوٓاْ أَنَّهُمْ قَدْ كُذِبُواْ
جَآءَهُمْ نَصْرُنَا فَنُجِّيَ مَن نَّشَآءُۖ وَلَا يُرَدُّ بَأْسُنَا عَنِ ٱلْقَوْمِ
ٱلْمُجْرِمِينَ ١١٠ لَقَدْ كَانَ فِي قَصَصِهِمْ عِبْرَةٌ لِّأُوْلِي ٱلْأَلْبَٰبِۗ
مَا كَانَ حَدِيثًا يُفْتَرَىٰ وَلَٰكِن تَصْدِيقَ ٱلَّذِي بَيْنَ يَدَيْهِ
وَتَفْصِيلَ كُلِّ شَيْءٍ وَهُدًى وَرَحْمَةً لِّقَوْمٍ يُؤْمِنُونَ ١١١

104.- Và Ngươi cũng không đòi hỏi họ tưởng thưởng Ngươi về việc (phổ biến Qur'ān) này, ngược lại nó là một thông điệp nhắc nhở cho muôn loài (*Jinn* và người).

105.- Và có nhiều Dấu-hiệu trong các tầng trời và trái đất mà họ đã bỏ qua khi quay mặt lánh xa chúng.

106.- Và đa số bọn họ không tin tưởng nơi Allah trong thời gian tôn thờ đa thần.

107.- Thế họ có cảm thấy an toàn chăng? rằng nếu tấm phủ của hình phạt của Allah đến chụp bắt họ hoặc Giờ tận thế có thể bất ngờ xảy đến cho họ trong lúc họ không nhận thấy?

108.- Hãy bảo (họ): "Đây là con đường của Ta (Muhammad). Ta mời các người đến với Allah. Ta và những người theo Ta thấy nó rất rõ. *Suhan Allah*! (Quang vinh và trong sạch thay Allah!) Và Ta không phải là một người thờ đa thần.

109.- Và trước Ngươi (Muhammad), *TA* chỉ cử phái những người phàm (đến làm Sứ giả) mà *TA* đã mặc khải cho (Kinh sách). (Họ xuất thân) từ trong dân chúng của những thị trấn. Phải chăng chúng (những kẻ chỉ trích Ngươi) đã không du lịch trên trái đất để xét xem kết cuộc của những kẻ (không tin tưởng) trước họ như thế nào? Và Nhà ở ở Đời sau sẽ tốt nhất cho những ai sợ Allah. Há các người không hiểu hay sao?

110.- (Allah tạm hoãn cho những kẻ không tin tưởng) cho đến khi những Sứ giả (của Ngài) mất hết hy vọng và nghĩ rằng mình đã bị phủ nhận thì lúc đó sự cứu giúp của *TA* sẽ đến với Họ. Và *TA* sẽ cứu thoát người nào *TA* muốn nhưng sự trừng phạt của *TA* chắc chắn sẽ không tránh khỏi đám người tội lỗi.

111.- Chắc chắn nơi những câu chuyện của Họ (các Sứ giả) có một bài học cho những người thông hiểu. Nó (*Qur'ān*) không phải là một lời bịa đặt mà là một sự xác nhận những điều đã có trước Nó và là một sự trình bày chi tiết tất cả những sự việc. Và (nó) là một Chỉ Đạo và một Hồng Ân cho đám người có đức tin.

سُورَةُ الرَّعْدِ

بِسْمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحْمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

الٓمٓرۚ تِلْكَ ءَايَٰتُ ٱلْكِتَٰبِۗ وَٱلَّذِىٓ أُنزِلَ إِلَيْكَ مِن رَّبِّكَ ٱلْحَقُّ وَلَٰكِنَّ أَكْثَرَ ٱلنَّاسِ لَا يُؤْمِنُونَ ۝١ ٱللَّهُ ٱلَّذِى رَفَعَ ٱلسَّمَٰوَٰتِ بِغَيْرِ عَمَدٍ تَرَوْنَهَاۖ ثُمَّ ٱسْتَوَىٰ عَلَى ٱلْعَرْشِۖ وَسَخَّرَ ٱلشَّمْسَ وَٱلْقَمَرَۖ كُلٌّ يَجْرِى لِأَجَلٍ مُّسَمًّىۚ يُدَبِّرُ ٱلْأَمْرَ يُفَصِّلُ ٱلْـَٔايَٰتِ لَعَلَّكُم بِلِقَآءِ رَبِّكُمْ تُوقِنُونَ ۝٢ وَهُوَ ٱلَّذِى مَدَّ ٱلْأَرْضَ وَجَعَلَ فِيهَا رَوَٰسِىَ وَأَنْهَٰرًاۖ وَمِن كُلِّ ٱلثَّمَرَٰتِ جَعَلَ فِيهَا زَوْجَيْنِ ٱثْنَيْنِۖ يُغْشِى ٱلَّيْلَ ٱلنَّهَارَۚ إِنَّ فِى ذَٰلِكَ لَءَايَٰتٍ لِّقَوْمٍ يَتَفَكَّرُونَ ۝٣ وَفِى ٱلْأَرْضِ قِطَعٌ مُّتَجَٰوِرَٰتٌ وَجَنَّٰتٌ مِّنْ أَعْنَٰبٍ وَزَرْعٌ وَنَخِيلٌ صِنْوَانٌ وَغَيْرُ صِنْوَانٍ يُسْقَىٰ بِمَآءٍ وَٰحِدٍ وَنُفَضِّلُ بَعْضَهَا عَلَىٰ بَعْضٍ فِى ٱلْأُكُلِۚ إِنَّ فِى ذَٰلِكَ لَءَايَٰتٍ لِّقَوْمٍ يَعْقِلُونَ ۝٤ ۞ وَإِن تَعْجَبْ فَعَجَبٌ قَوْلُهُمْ أَءِذَا كُنَّا تُرَٰبًا أَءِنَّا لَفِى خَلْقٍ جَدِيدٍۗ أُو۟لَٰٓئِكَ ٱلَّذِينَ كَفَرُوا۟ بِرَبِّهِمْۖ وَأُو۟لَٰٓئِكَ ٱلْأَغْلَٰلُ فِىٓ أَعْنَاقِهِمْۖ وَأُو۟لَٰٓئِكَ أَصْحَٰبُ ٱلنَّارِۖ هُمْ فِيهَا خَٰلِدُونَ ۝٥

AR-RA'D
(Sấm Sét)

Nhân danh Allah, Đấng Rất mực Độ lượng,
Đấng Rất mực Khoan dung

1.- *Alif. Lām. Mīm. Rā.* Đây là những Câu của một Kinh sách. Và những Câu đã được ban xuống cho Ngươi (Muhammad) từ *Rabb* của Ngươi là sự Thật, nhưng đa số nhân loại không tin.

2.- Allah là Đấng đã dựng cao các tầng trời không cần trụ chống mà các người có thể nhìn thấy (bằng mắt thường) rồi Ngài lên ngôi, an vị trên chiếc Ngai Vương (*'Arsh*); và Ngài chế ngự mặt trời và mặt trăng (theo định luật của Ngài), mỗi cái chạy (theo quỹ đạo của nó) suốt hạn kỳ đã được qui định (cho chúng.) Ngài điều hành tất cả các công việc. Ngài giải thích chi tiết các câu kinh để các người có thể khẳng định chắc chắn về việc gặp lại *Rabb* (Allah) của các người (ở Đời sau).

3.- Và Ngài là Đấng đã trải rộng mặt đất và đặt nơi đó những quả núi vững chắc và làm ra sông ngòi và từ mỗi loại trái cây mà Ngài đã làm mọc ra nơi đó, có từng cặp, hai và hai. Ngài lấy ban ngày bao phủ ban đêm. Quả thật, trong sự việc đó là những Dấu-hiệu cho đám người biết ngẫm nghĩ.

4.- Và trên trái đất có những vùng đất rộng tiếp giáp nhau; và có những mảnh vườn trồng nho, và có những cánh đồng trồng bắp (lúa) và những cây chà-là mọc từ một gốc hoặc khác biệt và được tưới bằng một loại nước duy nhất nhưng *TA* làm cho loại trái này ăn ngon hơn loại trái kia khi dùng. Chắc chắn nơi những hiện tượng đó là những Dấu-hiệu cho đám người hiểu biết.

5.- Và nếu Ngươi ngạc nhiên (về sự không tin của họ) thì lời họ nói ra càng làm cho (Ngươi thêm) sửng-sốt. Họ bảo: "Khi chúng tôi đã trở thành cát bụi, phải chăng chúng tôi sẽ thật sự được dựng sống lại trong một sự tạo hóa mới?" Họ là những kẻ đã phủ nhận Đức *Rabb* (Allah) của họ và là những kẻ sẽ mang gông cùm xung quanh cổ; và họ sẽ là Bạn của Lửa (Hỏa ngục); một nơi họ sẽ vào đó ở suốt đời.

وَيَسۡتَعۡجِلُونَكَ بِٱلسَّيِّئَةِ قَبۡلَ ٱلۡحَسَنَةِ وَقَدۡ خَلَتۡ مِن قَبۡلِهِمُ ٱلۡمَثُلَٰتُۗ وَإِنَّ رَبَّكَ لَذُو مَغۡفِرَةٖ لِّلنَّاسِ عَلَىٰ ظُلۡمِهِمۡۖ وَإِنَّ رَبَّكَ لَشَدِيدُ ٱلۡعِقَابِ ٦ وَيَقُولُ ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ لَوۡلَآ أُنزِلَ عَلَيۡهِ ءَايَةٞ مِّن رَّبِّهِۦٓۗ إِنَّمَآ أَنتَ مُنذِرٞۖ وَلِكُلِّ قَوۡمٍ هَادٍ ٧ ٱللَّهُ يَعۡلَمُ مَا تَحۡمِلُ كُلُّ أُنثَىٰ وَمَا تَغِيضُ ٱلۡأَرۡحَامُ وَمَا تَزۡدَادُۚ وَكُلُّ شَيۡءٍ عِندَهُۥ بِمِقۡدَارٍ ٨ عَٰلِمُ ٱلۡغَيۡبِ وَٱلشَّهَٰدَةِ ٱلۡكَبِيرُ ٱلۡمُتَعَالِ ٩ سَوَآءٞ مِّنكُم مَّنۡ أَسَرَّ ٱلۡقَوۡلَ وَمَن جَهَرَ بِهِۦ وَمَنۡ هُوَ مُسۡتَخۡفِۭ بِٱلَّيۡلِ وَسَارِبُۢ بِٱلنَّهَارِ ١٠ لَهُۥ مُعَقِّبَٰتٞ مِّنۢ بَيۡنِ يَدَيۡهِ وَمِنۡ خَلۡفِهِۦ يَحۡفَظُونَهُۥ مِنۡ أَمۡرِ ٱللَّهِۗ إِنَّ ٱللَّهَ لَا يُغَيِّرُ مَا بِقَوۡمٍ حَتَّىٰ يُغَيِّرُواْ مَا بِأَنفُسِهِمۡۗ وَإِذَآ أَرَادَ ٱللَّهُ بِقَوۡمٖ سُوٓءٗا فَلَا مَرَدَّ لَهُۥۚ وَمَا لَهُم مِّن دُونِهِۦ مِن وَالٍ ١١ هُوَ ٱلَّذِي يُرِيكُمُ ٱلۡبَرۡقَ خَوۡفٗا وَطَمَعٗا وَيُنشِئُ ٱلسَّحَابَ ٱلثِّقَالَ ١٢ وَيُسَبِّحُ ٱلرَّعۡدُ بِحَمۡدِهِۦ وَٱلۡمَلَٰٓئِكَةُ مِنۡ خِيفَتِهِۦ وَيُرۡسِلُ ٱلصَّوَٰعِقَ فَيُصِيبُ بِهَا مَن يَشَآءُ وَهُمۡ يُجَٰدِلُونَ فِي ٱللَّهِ وَهُوَ شَدِيدُ ٱلۡمِحَالِ ١٣

6.- Và họ giục Ngươi đưa tai họa thay vì điều lành đến trước, mặc dầu trước họ chắc chắn đã xảy ra những thí dụ điển hình (về sự trừng phạt đó). Và chắc chắn *Rabb* của Ngươi Hằng Tha thứ cho loài người về những điều sai phạm của họ nhưng *Rabb* của Ngươi trừng phạt cũng rất nghiêm khắc.

7.- Và những kẻ không tin tưởng đã nói: "Tại sao không có một Dấu lạ nào từ *Rabb* của Y được ban xuống cho Y? Chắc chắn Ngươi chỉ là một người báo-trước; và mỗi dân tộc đều có được một người dẫn-đường.

8.- Allah biết bào thai mà mỗi phụ nữ mang (nơi mình) và những bào thai thiếu và dư (tháng) nằm trong các dạ con. Và đối với Ngài mỗi vật đều được tính toán và định lượng đúng mức.

9.- Ngài biết điều vô hình (bí mật) và điều bộc lộ (công khai). (Allah là) Đấng Vĩ -Đại, Đấng Tối-Cao.

10.- Ai trong các người giấu giếm lời nói (của mình) hoặc ai nói toạc ra ngoài cũng như ai ẩn mình trong đêm tối với ai bước đi ngang nhiên giữa ban ngày, (đối với Ngài) tất cả đều như nhau cả.

11.- Bởi vì đằng trước và đằng sau y đều có những vị (Thiên thần) nối tiếp nhau theo canh chừng y theo Mệnh lệnh của Allah. Quả thật, Allah không thay đổi điều gì nơi một dân tộc trừ phi họ tự thay đổi điều nằm nơi họ. Và một khi Allah đã quyết định xử phạt một dân tộc thì không ai có thể đảo ngược lệnh phạt đó đặng và ngoài Ngài ra, không ai là vị bảo hộ có thể che chở họ được.

12.- Ngài là Đấng phơi bày cho các người làn chớp sáng mà các người vừa sợ vừa mừng (hy vọng); và Ngài đưa những đám mây nặng trĩu hạt mưa lên cao.

13.- Và sấm sét tán dương lời ca tụng Ngài[1]. Và các Thiên thần vì khiếp sợ Ngài cũng tán tụng như thế. Ngài ném những lưỡi tầm sét nghe chát chúa. Ngài dùng chúng để đánh kẻ nào Ngài muốn; và họ tranh cãi nhau về Allah. Nhưng Ngài Rất quyết liệt trong kế hoạch của Ngài.

---

[1] Theo Tafsir của Al-Qurtubi thì ar-Ra'd là vị thần chịu trách nhiệm về các luồng (đám) mây có nhiệm vụ đưa các đám mây di chuyển theo mệnh lệnh của Allah và tán dương lời ngợi ca Allah.

لَهُۥ دَعۡوَةُ ٱلۡحَقِّۚ وَٱلَّذِينَ يَدۡعُونَ مِن دُونِهِۦ لَا يَسۡتَجِيبُونَ لَهُم بِشَيۡءٍ إِلَّا كَبَٰسِطِ كَفَّيۡهِ إِلَى ٱلۡمَآءِ لِيَبۡلُغَ فَاهُ وَمَا هُوَ بِبَٰلِغِهِۦۚ وَمَا دُعَآءُ ٱلۡكَٰفِرِينَ إِلَّا فِي ضَلَٰلٖ ﴿١٤﴾ وَلِلَّهِ يَسۡجُدُ مَن فِي ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضِ طَوۡعٗا وَكَرۡهٗا وَظِلَٰلُهُم بِٱلۡغُدُوِّ وَٱلۡأٓصَالِ۩ ﴿١٥﴾ قُلۡ مَن رَّبُّ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضِ قُلِ ٱللَّهُۚ قُلۡ أَفَٱتَّخَذۡتُم مِّن دُونِهِۦٓ أَوۡلِيَآءَ لَا يَمۡلِكُونَ لِأَنفُسِهِمۡ نَفۡعٗا وَلَا ضَرّٗاۚ قُلۡ هَلۡ يَسۡتَوِي ٱلۡأَعۡمَىٰ وَٱلۡبَصِيرُ أَمۡ هَلۡ تَسۡتَوِي ٱلظُّلُمَٰتُ وَٱلنُّورُۗ أَمۡ جَعَلُواْ لِلَّهِ شُرَكَآءَ خَلَقُواْ كَخَلۡقِهِۦ فَتَشَٰبَهَ ٱلۡخَلۡقُ عَلَيۡهِمۡۚ قُلِ ٱللَّهُ خَٰلِقُ كُلِّ شَيۡءٖ وَهُوَ ٱلۡوَٰحِدُ ٱلۡقَهَّٰرُ ﴿١٦﴾ أَنزَلَ مِنَ ٱلسَّمَآءِ مَآءٗ فَسَالَتۡ أَوۡدِيَةُۢ بِقَدَرِهَا فَٱحۡتَمَلَ ٱلسَّيۡلُ زَبَدٗا رَّابِيٗاۖ وَمِمَّا يُوقِدُونَ عَلَيۡهِ فِي ٱلنَّارِ ٱبۡتِغَآءَ حِلۡيَةٍ أَوۡ مَتَٰعٖ زَبَدٞ مِّثۡلُهُۥۚ كَذَٰلِكَ يَضۡرِبُ ٱللَّهُ ٱلۡحَقَّ وَٱلۡبَٰطِلَۚ فَأَمَّا ٱلزَّبَدُ فَيَذۡهَبُ جُفَآءٗۖ وَأَمَّا مَا يَنفَعُ ٱلنَّاسَ فَيَمۡكُثُ فِي ٱلۡأَرۡضِۚ كَذَٰلِكَ يَضۡرِبُ ٱللَّهُ ٱلۡأَمۡثَالَ ﴿١٧﴾ لِلَّذِينَ ٱسۡتَجَابُواْ لِرَبِّهِمُ ٱلۡحُسۡنَىٰۚ وَٱلَّذِينَ لَمۡ يَسۡتَجِيبُواْ لَهُۥ لَوۡ أَنَّ لَهُم مَّا فِي ٱلۡأَرۡضِ جَمِيعٗا وَمِثۡلَهُۥ مَعَهُۥ لَٱفۡتَدَوۡاْ بِهِۦٓۚ أُوْلَٰٓئِكَ لَهُمۡ سُوٓءُ ٱلۡحِسَابِ وَمَأۡوَىٰهُمۡ جَهَنَّمُۖ وَبِئۡسَ ٱلۡمِهَادُ ﴿١٨﴾

سجدة

14.- Đúng ra các lời cầu nguyện chỉ để đạt lên riêng Ngài thôi bởi vì những kẻ mà họ cầu nguyện ngoài Ngài không đáp lại họ được tí nào cả; nó chẳng khác nào hình ảnh của một người đưa hai bàn tay ra hứng nước để đưa vào miệng nhưng nước không đến miệng của y đặng; bởi vì lời cầu nguyện của những kẻ không có đức tin chỉ đi vào lầm lạc (vô hiệu).

15.- Và bất cứ ai trong các tầng trời và trái đất, dù muốn hay không, đều phải phủ phục lạy Allah; và bóng của họ cũng làm thế vào buổi sáng và buổi chiều.

16.- Hãy bảo họ: "Ai là *Rabb* (Đấng Chủ Tể) của các tầng trời và trái đất?" Hãy bảo họ: "Allah!" Hãy bảo họ: "Phải chăng các ngươi đã tôn thờ ngoài Ngài những vị bảo hộ không có khả năng tự quyết định điều lợi và điều hại cho mình?" Hãy bảo họ: "Người mù và người sáng mắt có ngang bằng nhau không? hoặc bóng tối và ánh sáng có như nhau không? hoặc phải chăng họ đã tổ-hợp với Allah những kẻ 'hợp tác' đã tạo hóa được cái giống như tạo vật của Ngài, cho nên đối với họ, việc tạo hóa đều giống nhau?" Hãy bảo họ: "Allah là Đấng Tạo Hóa tất cả vạn vật. Và Ngài là Đấng Duy nhất, Đấng Tối-Thượng."

17.- Ngài cho mưa từ trên trời xuống. Do đó, những thung lũng dồn nước chảy xuống theo định lượng của chúng; tiếp đó, có những dòng thác cuốn bọt nước nổi trên mặt trôi đi nơi khác. Và từ những khoáng chất được nấu trong lò lửa để tìm kim khí hầu dùng làm đồ nữ trang và dụng cụ nấu nướng cũng có một lớp bọt tương tự. Bằng cách đó, Allah trình bày sự Thật và sự Giả dối bởi vì bọt nước sẽ cuốn đi như rác rến, còn điều gì có lợi cho nhân loại thì sẽ tồn tại trên mặt đất. Allah đưa ra những ngụ ngôn như thế để răn đời.

18.- (Phần thưởng) dành cho những ai đáp lại lời gọi của *Rabb* của họ là mọi điều tốt lành. Ngược lại, những kẻ không đáp lại lời gọi của Ngài thì dẫu cho họ có tất cả những gì trên trái đất, với những thứ tương tự mà họ đang có để chuộc tội của họ (thì cũng vô ích thôi.) Họ là những kẻ sẽ nhận một sự phán quyết rất xấu và nhà ở của họ sẽ là Hỏa ngục; và đó là một cái giường nghỉ rất tồi tệ.

۞ أَفَمَن يَعْلَمُ أَنَّمَآ أُنزِلَ إِلَيْكَ مِن رَّبِّكَ ٱلْحَقُّ كَمَنْ هُوَ أَعْمَىٰٓ ۚ إِنَّمَا يَتَذَكَّرُ
أُو۟لُوا۟ ٱلْأَلْبَٰبِ ﴿١٩﴾ ٱلَّذِينَ يُوفُونَ بِعَهْدِ ٱللَّهِ وَلَا يَنقُضُونَ ٱلْمِيثَٰقَ
﴿٢٠﴾ وَٱلَّذِينَ يَصِلُونَ مَآ أَمَرَ ٱللَّهُ بِهِۦٓ أَن يُوصَلَ وَيَخْشَوْنَ رَبَّهُمْ
وَيَخَافُونَ سُوٓءَ ٱلْحِسَابِ ﴿٢١﴾ وَٱلَّذِينَ صَبَرُوا۟ ٱبْتِغَآءَ وَجْهِ رَبِّهِمْ
وَأَقَامُوا۟ ٱلصَّلَوٰةَ وَأَنفَقُوا۟ مِمَّا رَزَقْنَٰهُمْ سِرًّا وَعَلَانِيَةً وَيَدْرَءُونَ
بِٱلْحَسَنَةِ ٱلسَّيِّئَةَ أُو۟لَٰٓئِكَ لَهُمْ عُقْبَى ٱلدَّارِ ﴿٢٢﴾ جَنَّٰتُ عَدْنٍ يَدْخُلُونَهَا
وَمَن صَلَحَ مِنْ ءَابَآئِهِمْ وَأَزْوَٰجِهِمْ وَذُرِّيَّٰتِهِمْ ۖ وَٱلْمَلَٰٓئِكَةُ يَدْخُلُونَ
عَلَيْهِم مِّن كُلِّ بَابٍ ﴿٢٣﴾ سَلَٰمٌ عَلَيْكُم بِمَا صَبَرْتُمْ ۚ فَنِعْمَ عُقْبَى ٱلدَّارِ ﴿٢٤﴾
وَٱلَّذِينَ يَنقُضُونَ عَهْدَ ٱللَّهِ مِنۢ بَعْدِ مِيثَٰقِهِۦ وَيَقْطَعُونَ
مَآ أَمَرَ ٱللَّهُ بِهِۦٓ أَن يُوصَلَ وَيُفْسِدُونَ فِى ٱلْأَرْضِ ۙ أُو۟لَٰٓئِكَ لَهُمُ
ٱللَّعْنَةُ وَلَهُمْ سُوٓءُ ٱلدَّارِ ﴿٢٥﴾ ٱللَّهُ يَبْسُطُ ٱلرِّزْقَ لِمَن يَشَآءُ
وَيَقْدِرُ ۚ وَفَرِحُوا۟ بِٱلْحَيَوٰةِ ٱلدُّنْيَا وَمَا ٱلْحَيَوٰةُ ٱلدُّنْيَا فِى ٱلْءَاخِرَةِ إِلَّا
مَتَٰعٌ ﴿٢٦﴾ وَيَقُولُ ٱلَّذِينَ كَفَرُوا۟ لَوْلَآ أُنزِلَ عَلَيْهِ ءَايَةٌ مِّن رَّبِّهِۦ ۗ قُلْ
إِنَّ ٱللَّهَ يُضِلُّ مَن يَشَآءُ وَيَهْدِىٓ إِلَيْهِ مَنْ أَنَابَ ﴿٢٧﴾ ٱلَّذِينَ ءَامَنُوا۟
وَتَطْمَئِنُّ قُلُوبُهُم بِذِكْرِ ٱللَّهِ ۗ أَلَا بِذِكْرِ ٱللَّهِ تَطْمَئِنُّ ٱلْقُلُوبُ ﴿٢٨﴾

19.- Thế thì một người biết chắc những điều mà *Rabb* của Ngươi đã ban xuống cho Ngươi là sự Thật có giống với một kẻ mù tịt hay không? Chắc chắn, chỉ những người trí thức mới tiếp thu được thông điệp này:

20.- Những ai làm tròn Lời Giao Ước của Allah và không nuốt lời thề;

21.- Và những ai nối lại những điều mà Allah đã ra lệnh cho kết hợp lại và sợ *Rabb* của họ và sợ một sự phán quyết xấu (về họ).

22.- Và những ai kiên nhẫn tìm cách làm hài lòng *Rabb* của họ và dâng lễ nguyện (*Salāh*) và chi dùng một cách kín đáo hay công khai từ những vật mà *TA* đã ban cấp và dùng điều tốt để xóa bỏ điều xấu. Họ là những người sẽ đi đến nhà ở (tốt đẹp) của họ (ở Đời sau);

23.- Những Ngôi vườn *'Adn* (Thiên đàng Vĩnh cửu); họ sẽ đi vào đó với ai là người lương thiện trong số cha mẹ, vợ chồng và con cái của họ; và các Thiên thần vào chào họ từ mỗi cánh cửa, (bảo):

24.- "Sự Bằng An được ban cho quí vị về những điều mà quí vị đã nhẫn nại chịu đựng. Bởi thế, Ngôi nhà cuối cùng (của quí vị) thật tuyệt hảo!"

25.- Ngược lại, những ai vi phạm Lời Giao Ước của Allah sau khi đã tuyên thệ trung thành với nó và xé làm hai những điều mà Allah đã ra lệnh cho kết hợp lại và hành động thối nát trên trái đất, thì đó là những kẻ sẽ bị nguyền rủa và sẽ có một chỗ ở rất xấu (ở Đời sau).

26.- Allah gia tăng hay thu hẹp bổng lộc cho người nào Ngài muốn. Và họ vui thú với đời sống trần tục này nhưng đời sống trần tục này so với Đời sau chỉ là một sự hưởng thụ ngắn ngủi.

27.- Và những ai không có niềm tin lên tiếng: "Tại sao không có một Dấu lạ nào từ *Rabb* của Y được ban xuống cho Y? Hãy bảo họ (hỡi Muhammad!): "Chắc chắn Allah đánh lạc hướng kẻ nào Ngài muốn và hướng dẫn về với Ngài người nào biết hối cải:

28.- Những ai có đức tin và thỏa lòng với sự tưởng nhớ Allah và chắc chắn chỉ với sự tưởng nhớ Allah mà họ được thỏa lòng;

ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ وَعَمِلُواْ ٱلصَّٰلِحَٰتِ طُوبَىٰ لَهُمْ وَحُسْنُ مَـَٔابٖ ﴿٢٩﴾
كَذَٰلِكَ أَرْسَلْنَٰكَ فِيٓ أُمَّةٖ قَدْ خَلَتْ مِن قَبْلِهَآ أُمَمٞ لِّتَتْلُوَاْ
عَلَيْهِمُ ٱلَّذِيٓ أَوْحَيْنَآ إِلَيْكَ وَهُمْ يَكْفُرُونَ بِٱلرَّحْمَٰنِۚ قُلْ هُوَ رَبِّي
لَآ إِلَٰهَ إِلَّا هُوَ عَلَيْهِ تَوَكَّلْتُ وَإِلَيْهِ مَتَابِ ﴿٣٠﴾ وَلَوْ أَنَّ قُرْءَانٗا
سُيِّرَتْ بِهِ ٱلْجِبَالُ أَوْ قُطِّعَتْ بِهِ ٱلْأَرْضُ أَوْ كُلِّمَ بِهِ ٱلْمَوْتَىٰۗ
بَل لِّلَّهِ ٱلْأَمْرُ جَمِيعًاۗ أَفَلَمْ يَاْيْـَٔسِ ٱلَّذِينَ ءَامَنُوٓاْ أَن لَّوْ يَشَآءُ
ٱللَّهُ لَهَدَى ٱلنَّاسَ جَمِيعٗاۗ وَلَا يَزَالُ ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ تُصِيبُهُم
بِمَا صَنَعُواْ قَارِعَةٌ أَوْ تَحُلُّ قَرِيبٗا مِّن دَارِهِمْ حَتَّىٰ يَأْتِيَ وَعْدُ
ٱللَّهِۚ إِنَّ ٱللَّهَ لَا يُخْلِفُ ٱلْمِيعَادَ ﴿٣١﴾ وَلَقَدِ ٱسْتُهْزِئَ بِرُسُلٖ مِّن
قَبْلِكَ فَأَمْلَيْتُ لِلَّذِينَ كَفَرُواْ ثُمَّ أَخَذْتُهُمْۖ فَكَيْفَ كَانَ
عِقَابِ ﴿٣٢﴾ أَفَمَنْ هُوَ قَآئِمٌ عَلَىٰ كُلِّ نَفْسِۭ بِمَا كَسَبَتْۗ وَجَعَلُواْ
لِلَّهِ شُرَكَآءَ قُلْ سَمُّوهُمْۚ أَمْ تُنَبِّـُٔونَهُۥ بِمَا لَا يَعْلَمُ فِي ٱلْأَرْضِ أَم
بِظَٰهِرٖ مِّنَ ٱلْقَوْلِۗ بَلْ زُيِّنَ لِلَّذِينَ كَفَرُواْ مَكْرُهُمْ وَصُدُّواْ عَنِ
ٱلسَّبِيلِۗ وَمَن يُضْلِلِ ٱللَّهُ فَمَا لَهُۥ مِنْ هَادٖ ﴿٣٣﴾ لَّهُمْ عَذَابٞ فِي ٱلْحَيَوٰةِ
ٱلدُّنْيَاۖ وَلَعَذَابُ ٱلْأٓخِرَةِ أَشَقُّۖ وَمَا لَهُم مِّنَ ٱللَّهِ مِن وَاقٖ ﴿٣٤﴾

29.- Những ai có đức tin và làm việc thiện thì sẽ được hạnh phúc và sẽ có một nơi trở về tốt đẹp.

30.- Đúng như thế, *TA* đã cử Ngươi (Muhammad) đến với một cộng đồng mà trước nó đã có những cộng đồng khác lui vào dĩ vãng, mục đích để Ngươi đọc nhắc họ những điều mà *TA* đã mặc khải cho Ngươi bởi vì họ phủ nhận Đấng (Allah) Rất mực Độ lượng. Hãy bảo họ: "Ngài (Allah) là *Rabb* của Ta; không có Thượng Đế nào khác duy chỉ có Ngài. Ta phó thác cho Ngài và Ta quay về hối cải với Ngài."

31.- Và giả sử có một quyển *Qur'ān* có thể dời được núi, hoặc có thể chẻ đất ra làm hai hoặc có thể làm cho người chết nói được (thì các ngươi vẫn không tin.) Không, mọi công việc (hay mệnh lệnh) đều là của Allah cả. Há những ai có đức tin không biết rằng, nếu Allah muốn thì Ngài đã thừa khả năng hướng dẫn toàn thể nhân loại theo Chính đạo hay sao? Nhưng những kẻ không có niềm tin không ngừng gặp tai họa về những điều mà họ đã từng làm hoặc tai họa sẽ giáng xuống gần nhà của họ nằm chờ cho đến khi lời hứa của Allah thể hiện. Chắc chắn, Allah không hề thất hứa trong Lời hứa của Ngài.

32.- Và chắc chắn những Sứ giả trước Ngươi (Muhammad) đã từng bị chế giễu nhưng *TA* tạm tha cho những kẻ không tin, rồi cuối cùng *TA* đã bắt phạt chúng. Do đó, (nhìn xem) sự trừng phạt của *TA* khủng khiếp dường nào!

33.- Thế thì ai là Đấng Hằng ngự trên từng linh hồn về những điều mà họ đã làm ra? Nhưng họ đã qui cho Allah có những kẻ 'hợp tác'. Hãy bảo họ: "Hãy cho biết tên của chúng (nếu các người nói thật). Há các người muốn chỉ bảo Ngài (Allah) về những điều mà Ngài không biết trên trái đất hay sao? hoặc phải chăng đó chỉ là một lối phô trương lời nói (của các người?)" Không, kế hoạch của những kẻ không tin tưởng tỏ vẻ hấp dẫn đối với họ, nhưng họ bị cản trở xa khỏi Chính đạo. Và ai mà Allah đánh lạc hướng thì sẽ không có người dẫn đường cho y.

34.- Họ sẽ bị phạt ở đời này nhưng chắc chắn sự trừng phạt ở Đời sau sẽ khắc nghiệt hơn. Và họ sẽ không có ai che chở để thoát khỏi (sự trừng phạt của) Allah.

رُبع الحِزب ٢٦

۞ مَّثَلُ ٱلۡجَنَّةِ ٱلَّتِي وُعِدَ ٱلۡمُتَّقُونَۖ تَجۡرِي مِن تَحۡتِهَا ٱلۡأَنۡهَٰرُۖ
أُكُلُهَا دَآئِمٞ وَظِلُّهَاۚ تِلۡكَ عُقۡبَى ٱلَّذِينَ ٱتَّقَواْۖ وَّعُقۡبَى
ٱلۡكَٰفِرِينَ ٱلنَّارُ ٣٥ وَٱلَّذِينَ ءَاتَيۡنَٰهُمُ ٱلۡكِتَٰبَ يَفۡرَحُونَ
بِمَآ أُنزِلَ إِلَيۡكَۖ وَمِنَ ٱلۡأَحۡزَابِ مَن يُنكِرُ بَعۡضَهُۥۚ قُلۡ إِنَّمَآ
أُمِرۡتُ أَنۡ أَعۡبُدَ ٱللَّهَ وَلَآ أُشۡرِكَ بِهِۦٓۚ إِلَيۡهِ أَدۡعُواْ وَإِلَيۡهِ مَـَٔابِ
٣٦ وَكَذَٰلِكَ أَنزَلۡنَٰهُ حُكۡمًا عَرَبِيّٗاۚ وَلَئِنِ ٱتَّبَعۡتَ أَهۡوَآءَهُم بَعۡدَ
مَا جَآءَكَ مِنَ ٱلۡعِلۡمِ مَا لَكَ مِنَ ٱللَّهِ مِن وَلِيّٖ وَلَا وَاقٖ ٣٧ وَلَقَدۡ
أَرۡسَلۡنَا رُسُلٗا مِّن قَبۡلِكَ وَجَعَلۡنَا لَهُمۡ أَزۡوَٰجٗا وَذُرِّيَّةٗۚ وَمَا كَانَ
لِرَسُولٍ أَن يَأۡتِيَ بِـَٔايَةٍ إِلَّا بِإِذۡنِ ٱللَّهِۗ لِكُلِّ أَجَلٖ كِتَابٞ ٣٨
يَمۡحُواْ ٱللَّهُ مَا يَشَآءُ وَيُثۡبِتُۖ وَعِندَهُۥٓ أُمُّ ٱلۡكِتَٰبِ ٣٩ وَإِن مَّا
نُرِيَنَّكَ بَعۡضَ ٱلَّذِي نَعِدُهُمۡ أَوۡ نَتَوَفَّيَنَّكَ فَإِنَّمَا عَلَيۡكَ ٱلۡبَلَٰغُ
وَعَلَيۡنَا ٱلۡحِسَابُ ٤٠ أَوَلَمۡ يَرَوۡاْ أَنَّا نَأۡتِي ٱلۡأَرۡضَ نَنقُصُهَا
مِنۡ أَطۡرَافِهَاۚ وَٱللَّهُ يَحۡكُمُ لَا مُعَقِّبَ لِحُكۡمِهِۦۚ وَهُوَ سَرِيعُ
ٱلۡحِسَابِ ٤١ وَقَدۡ مَكَرَ ٱلَّذِينَ مِن قَبۡلِهِمۡ فَلِلَّهِ ٱلۡمَكۡرُ جَمِيعٗاۖ
يَعۡلَمُ مَا تَكۡسِبُ كُلُّ نَفۡسٖۗ وَسَيَعۡلَمُ ٱلۡكُفَّٰرُ لِمَنۡ عُقۡبَى ٱلدَّارِ ٤٢

35.- Hình ảnh về Thiên đàng đã được hứa ban cho những người sợ Allah giống như (Ngôi vườn) bên dưới có các dòng sông chảy; trái cây và bóng mát cửa nó sẽ vĩnh cửu. Đó là kết cuộc của những ai sợ Allah; ngược lại, kết cuộc của những kẻ không có niềm tin thì là Lửa (của Hỏa ngục).

36.- Và những ai được *TA* ban cho Kinh Sách (*Qur'ān*) vui mừng về những điều đã được mặc khải cho Ngươi (Muhammad) nhưng trong các giáo phái có kẻ phủ nhận một phần của Nó. Hãy bảo họ: "Ta (Muhammad) nhận lệnh chỉ được thờ phụng riêng Allah thôi và không được phép tổ hợp những kẻ *'hợp tác'* cùng với Ngài. Ngài là Đấng Ta cầu nguyện và là Đấng Ta sẽ trở về gặp lại."

37.- Và đúng như thế, *TA* ban Nó (*Qur'ān*) xuống cho Ngươi như một Bộ luật xét xử bằng tiếng Ả-rập. Và nếu Ngươi làm theo những điều mong muốn của họ sau khi Ngươi đã tiếp thu mọi hiểu biết thì Ngươi sẽ không có một người bảo hộ hoặc một người che chở nào có thể giúp Ngươi thoát khỏi (hình phạt của) Allah.

38.- Và chắc chắn *TA* đã cử các Sứ giả đến trước Ngươi và *TA* đã làm cho họ có vợ và con. Và không một Sứ giả nào được phép mang đến một câu nào nếu không có sự chấp thuận của Allah. Mỗi thời kỳ đều có một Kinh sách (hay Chỉ dụ).

39.- Allah xóa đi hoặc giữ lại điều nào Ngài muốn trong Kinh Sách (của Ngài). Và Ngài giữ Quyển Kinh Mẹ (Al-Lauh Al-Mahfāz) với Ngài.

40.- Và nếu *TA* cho Ngươi thấy một phần của những điều mà *TA* đã hứa với họ (trong thời gian Ngươi còn sống) hoặc *TA* bắt hồn của Ngươi đi (trước khi chúng được thể hiện) thì nhiệm vụ của Ngươi chỉ là truyền đạt (Thông điệp) và nhiệm vụ của *TA* là xét xử.

41.- Há họ không thấy rằng *TA* đang thu hẹp dần dần lãnh thổ của nó (xứ Ả-rập) từ vùng ngoại biên hay sao? Và khi Allah đã xét xử thì không ai có thể thu hồi phán quyết của Ngài đặng. Và Ngài Rất nhanh trong việc thanh toán.

42.- Và chắc chắn, trước họ cũng đã có những kẻ mưu đồ, nhưng tất cả các kế hoạch đều do Allah sắp đặt (bởi vì) Ngài biết hết điều mà từng linh hồn đã làm ra. Và những kẻ không có đức tin sẽ sớm biết kết cuộc tốt đẹp sẽ thuộc về ai.

وَيَقُولُ ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ لَسۡتَ مُرۡسَلٗاۚ قُلۡ كَفَىٰ بِٱللَّهِ شَهِيدَۢا بَيۡنِي وَبَيۡنَكُمۡ وَمَنۡ عِندَهُۥ عِلۡمُ ٱلۡكِتَٰبِ ﴿٤٣﴾

سُورَةُ إِبۡرَاهِيمَ

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

الٓرۚ كِتَٰبٌ أَنزَلۡنَٰهُ إِلَيۡكَ لِتُخۡرِجَ ٱلنَّاسَ مِنَ ٱلظُّلُمَٰتِ إِلَى ٱلنُّورِ بِإِذۡنِ رَبِّهِمۡ إِلَىٰ صِرَٰطِ ٱلۡعَزِيزِ ٱلۡحَمِيدِ ﴿١﴾ ٱللَّهِ ٱلَّذِي لَهُۥ مَا فِي ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَمَا فِي ٱلۡأَرۡضِۗ وَوَيۡلٞ لِّلۡكَٰفِرِينَ مِنۡ عَذَابٖ شَدِيدٍ ﴿٢﴾ ٱلَّذِينَ يَسۡتَحِبُّونَ ٱلۡحَيَوٰةَ ٱلدُّنۡيَا عَلَى ٱلۡأٓخِرَةِ وَيَصُدُّونَ عَن سَبِيلِ ٱللَّهِ وَيَبۡغُونَهَا عِوَجًاۚ أُوْلَٰٓئِكَ فِي ضَلَٰلِۢ بَعِيدٖ ﴿٣﴾ وَمَآ أَرۡسَلۡنَا مِن رَّسُولٍ إِلَّا بِلِسَانِ قَوۡمِهِۦ لِيُبَيِّنَ لَهُمۡۖ فَيُضِلُّ ٱللَّهُ مَن يَشَآءُ وَيَهۡدِي مَن يَشَآءُۚ وَهُوَ ٱلۡعَزِيزُ ٱلۡحَكِيمُ ﴿٤﴾ وَلَقَدۡ أَرۡسَلۡنَا مُوسَىٰ بِـَٔايَٰتِنَآ أَنۡ أَخۡرِجۡ قَوۡمَكَ مِنَ ٱلظُّلُمَٰتِ إِلَى ٱلنُّورِ وَذَكِّرۡهُم بِأَيَّىٰمِ ٱللَّهِۚ إِنَّ فِي ذَٰلِكَ لَأٓيَٰتٖ لِّكُلِّ صَبَّارٖ شَكُورٖ ﴿٥﴾

43.- Và những kẻ không có niềm tin bảo: "Ngươi (Muhammad) không phải là một Sứ giả (Rasūl)." Hãy bảo họ: "Allah đủ làm chứng giữa Ta với các người và những ai có hiểu biết về Kinh sách.

IBRĀHĪM[1]
(Nabi Ibrāhīm)

Nhân danh Allah, Đấng Rất mực Độ lượng,
Đấng Rất mực Khoan dung

1.- *Alif. Lām. Rā.* (Đây là) một Kinh sách mà *TA* (Allah) ban cho Ngươi (Muhammad) để Ngươi dùng nó đưa nhân loại từ tăm tối ra ánh sáng với sự chấp thuận của *Rabb* (Allah) của họ, hầu đi đến con đường của Đấng Toàn Năng, Đấng Rất đáng Ca-ngợi.

2.- Allah là Đấng mà mọi vật trong các tầng trời và mọi vật dưới đất đều thuộc về Ngài. Và những kẻ không có niềm tin (nơi Ngài) sẽ rất thống khổ về một sự trừng phạt khủng khiếp (đang chờ họ):

3.- Những ai yêu đời sống trần tục này hơn Đời sau và cản trở người khác không cho theo con đường của Allah và còn tìm cách bẻ cong nó. Họ là những người lầm lạc rất xa.

4.- Và không một Sứ giả nào đã được *TA* phái đến mà lại không nói thứ tiếng của người dân của y, mục đích để y trình bày rõ (Thông điệp của Allah) cho họ. Sau đó, Allah đánh lạc hướng kẻ nào Ngài muốn và hướng dẫn người nào Ngài muốn, bởi vì Ngài là Đấng Toàn Năng, Đấng Rất mực Sáng suốt.

5.- Và chắc chắn *TA* đã cử Mūsa (Môi-se) mang theo những Dấu-lạ của *TA* đến (làm theo Lệnh Phán:) " Hãy đưa người dân của Ngươi từ tăm tối ra ánh sáng và nhắc nhở họ về những ngày[2] của Allah. Chắc chắn trong sự việc đó là những Dấu-hiệu cho mỗi người kiên nhẫn và biết ơn.

---

[1] Abraham trong Kinh Thánh Bible tức phụ thân của Nabi Ismā'īl và Nabi Ishāq.
[2] *Ayyām Allah* = Những ngày của Allah tiêu biểu cho những ngày mà Allah đã ban các ân huệ của Ngài cho người dân Israel.

وَإِذْ قَالَ مُوسَىٰ لِقَوْمِهِ ٱذْكُرُوا۟ نِعْمَةَ ٱللَّهِ عَلَيْكُمْ إِذْ أَنجَىٰكُم مِّنْ ءَالِ فِرْعَوْنَ يَسُومُونَكُمْ سُوٓءَ ٱلْعَذَابِ وَيُذَبِّحُونَ أَبْنَآءَكُمْ وَيَسْتَحْيُونَ نِسَآءَكُمْ ۚ وَفِى ذَٰلِكُم بَلَآءٌ مِّن رَّبِّكُمْ عَظِيمٌ ﴿٦﴾ وَإِذْ تَأَذَّنَ رَبُّكُمْ لَئِن شَكَرْتُمْ لَأَزِيدَنَّكُمْ ۖ وَلَئِن كَفَرْتُمْ إِنَّ عَذَابِى لَشَدِيدٌ ﴿٧﴾ وَقَالَ مُوسَىٰٓ إِن تَكْفُرُوٓا۟ أَنتُمْ وَمَن فِى ٱلْأَرْضِ جَمِيعًا فَإِنَّ ٱللَّهَ لَغَنِىٌّ حَمِيدٌ ﴿٨﴾ أَلَمْ يَأْتِكُمْ نَبَؤُا۟ ٱلَّذِينَ مِن قَبْلِكُمْ قَوْمِ نُوحٍ وَعَادٍ وَثَمُودَ ۛ وَٱلَّذِينَ مِنۢ بَعْدِهِمْ ۛ لَا يَعْلَمُهُمْ إِلَّا ٱللَّهُ ۚ جَآءَتْهُمْ رُسُلُهُم بِٱلْبَيِّنَٰتِ فَرَدُّوٓا۟ أَيْدِيَهُمْ فِىٓ أَفْوَٰهِهِمْ وَقَالُوٓا۟ إِنَّا كَفَرْنَا بِمَآ أُرْسِلْتُم بِهِۦ وَإِنَّا لَفِى شَكٍّ مِّمَّا تَدْعُونَنَآ إِلَيْهِ مُرِيبٍ ﴿٩﴾ ۞ قَالَتْ رُسُلُهُمْ أَفِى ٱللَّهِ شَكٌّ فَاطِرِ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلْأَرْضِ ۖ يَدْعُوكُمْ لِيَغْفِرَ لَكُم مِّن ذُنُوبِكُمْ وَيُؤَخِّرَكُمْ إِلَىٰٓ أَجَلٍ مُّسَمًّى ۚ قَالُوٓا۟ إِنْ أَنتُمْ إِلَّا بَشَرٌ مِّثْلُنَا تُرِيدُونَ أَن تَصُدُّونَا عَمَّا كَانَ يَعْبُدُ ءَابَآؤُنَا فَأْتُونَا بِسُلْطَٰنٍ مُّبِينٍ ﴿١٠﴾

نصف الحزب ٢٦

6.- Và (hãy nhớ) khi Mūsa bảo người dân của người: "Hãy nhớ Ân huệ mà Allah đã ban cho các người khi Ngài cứu các người thoát khỏi đồng bọn của Fir'aun (Phê-rô); chúng hành hạ các người bằng hình phạt tai ác, chúng giết con trai của các người và chỉ tha mạng phụ nữ của các người; và trong sự việc đó, là một sự thử thách ghê gớm từ *Rabb* của các người."

7.- Và (hãy nhớ) khi *Rabb* (Allah) của các người đã công bố: "Nếu các người biết ơn, TA sẽ ban thêm (Ân huệ của TA) cho các người; nhưng nếu các người phụ ơn thì chắc chắn hình phạt của TA (đối với kẻ bội ơn) sẽ rất khủng khiếp."

8.- Và Mūsa bảo: "Nếu các người phụ ơn, các ngươi và toàn thể nhân loại trên trái đất, thì (các ngươi nên biết rằng) chắc chắn Allah Tự Đầy-đủ, Rất Đáng Ca tụng (không cần đến ơn nghĩa của các ngươi).

9.- (Hỡi người dân!) Các người đã nghe câu chuyện của những người (đã qua đời) trước các người hay chưa? Đám dân của Nūh, của 'Ād và của Thamūd và của những người (đến) sau họ? Không ai biết rõ họ hơn Allah. Những Sứ giả của họ mang theo những bằng chứng rõ rệt đã đến gặp họ, nhưng họ đưa tay vào miệng (ra vẽ căm tức) và nói: "Chúng tôi không tin tưởng nơi Thông điệp mà quí vị được cử mang đến. Và chúng tôi rất đỗi ngờ vực về điều mà quí vị mời chúng tôi chấp nhận."

10.- Những vị Sứ giả của họ bảo: "Phải chăng các người ngờ vực về Allah, Đấng đã sáng tạo các tầng trời và trái đất? Ngài kêu gọi các người (tin tưởng) để Ngài có thể tha thứ tội lỗi của các người cho các người và gia hạn cho các người sống đến một thời kỳ ấn định." Họ đáp: "Quí vị chỉ là những người phàm như chúng tôi. Quí vị có ý định làm cho chúng tôi bỏ những vị mà cha mẹ của chúng tôi đã từng thờ phụng. Thế hãy trưng cho chúng tôi thấy một vài bằng chứng về thẩm quyền rõ-rệt (của quí vị)."

قَالَتۡ لَهُمۡ رُسُلُهُمۡ إِن نَّحۡنُ إِلَّا بَشَرٞ مِّثۡلُكُمۡ وَلَٰكِنَّ ٱللَّهَ يَمُنُّ عَلَىٰ مَن يَشَآءُ مِنۡ عِبَادِهِۦۖ وَمَا كَانَ لَنَآ أَن نَّأۡتِيَكُم بِسُلۡطَٰنٍ إِلَّا بِإِذۡنِ ٱللَّهِۚ وَعَلَى ٱللَّهِ فَلۡيَتَوَكَّلِ ٱلۡمُؤۡمِنُونَ ﴿١١﴾ وَمَا لَنَآ أَلَّا نَتَوَكَّلَ عَلَى ٱللَّهِ وَقَدۡ هَدَىٰنَا سُبُلَنَاۚ وَلَنَصۡبِرَنَّ عَلَىٰ مَآ ءَاذَيۡتُمُونَاۚ وَعَلَى ٱللَّهِ فَلۡيَتَوَكَّلِ ٱلۡمُتَوَكِّلُونَ ﴿١٢﴾ وَقَالَ ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ لِرُسُلِهِمۡ لَنُخۡرِجَنَّكُم مِّنۡ أَرۡضِنَآ أَوۡ لَتَعُودُنَّ فِي مِلَّتِنَاۖ فَأَوۡحَىٰٓ إِلَيۡهِمۡ رَبُّهُمۡ لَنُهۡلِكَنَّ ٱلظَّٰلِمِينَ ﴿١٣﴾ وَلَنُسۡكِنَنَّكُمُ ٱلۡأَرۡضَ مِنۢ بَعۡدِهِمۡۚ ذَٰلِكَ لِمَنۡ خَافَ مَقَامِي وَخَافَ وَعِيدِ ﴿١٤﴾ وَٱسۡتَفۡتَحُواْ وَخَابَ كُلُّ جَبَّارٍ عَنِيدٖ ﴿١٥﴾ مِّن وَرَآئِهِۦ جَهَنَّمُ وَيُسۡقَىٰ مِن مَّآءٖ صَدِيدٖ ﴿١٦﴾ يَتَجَرَّعُهُۥ وَلَا يَكَادُ يُسِيغُهُۥ وَيَأۡتِيهِ ٱلۡمَوۡتُ مِن كُلِّ مَكَانٖ وَمَا هُوَ بِمَيِّتٖۖ وَمِن وَرَآئِهِۦ عَذَابٌ غَلِيظٞ ﴿١٧﴾ مَّثَلُ ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ بِرَبِّهِمۡۖ أَعۡمَٰلُهُمۡ كَرَمَادٍ ٱشۡتَدَّتۡ بِهِ ٱلرِّيحُ فِي يَوۡمٍ عَاصِفٖۖ لَّا يَقۡدِرُونَ مِمَّا كَسَبُواْ عَلَىٰ شَيۡءٖۚ ذَٰلِكَ هُوَ ٱلضَّلَٰلُ ٱلۡبَعِيدُ ﴿١٨﴾

11.- Những vị Sứ giả của họ bảo: "Quả thật, chúng tôi chỉ là những người phàm như các ông, nhưng Allah ban Ân huệ cho người nào Ngài muốn trong số bề-tôi của Ngài. Và chúng tôi chỉ có thể trưng bày cho các ông một thẩm quyền (dấu-hiệu) khi nào Allah chấp thuận. Và những người có đức tin nên phó thác cho Allah.

12.- "Và tại sao chúng tôi lại không tin cậy mà phó thác cho Allah bởi vì chắc chắn Ngài đã chỉ dẫn các đường lối của chúng tôi cho chúng tôi và chắc chắn chúng tôi sẽ kiên nhẫn chịu đựng sự hành hạ mà các ông đã đối xử với chúng tôi. Và những người tin cậy nên phó thác cho Allah."

13.- Và những kẻ không có niềm tin nói với những Sứ giả của họ: "Chắc chắn chúng tôi sẽ phải đuổi quí vị ra khỏi xứ hoặc quí vị phải trở lại với tín ngưỡng của chúng tôi." Bởi thế, *Rabb* của Họ đã mặc khải cho Họ: "Chắc chắn *TA* (Allah) sẽ tiêu diệt những kẻ làm điều sai quấy.

14.- "Và chắc chắn *TA* sẽ định cư các người trên trái đất sau chúng. Đó là (phần thưởng) dành cho ai là người sợ việc đứng trước mặt TA (vào Ngày Phán xử Cuối cùng) và sợ lời hăm dọa (trừng phạt) của TA."

15.- Và chúng[1] cầu xin cho được thành công nhưng mỗi tên bạo ngược đều bị xử thất bại.

16.- Trước mặt y sẽ là Hỏa Ngục và y sẽ bị bắt uống một loại nước sôi hôi thúi,

17.- Y sẽ uống nó từng ngụm nhưng khó nuốt xuống cổ họng. Và cái chết bao vây y tứ phía, nhưng y sẽ không chết ngay. Và trước mặt y sẽ là một sự trừng phạt khắc nghiệt.

18.- Hình ảnh của những kẻ phủ nhận Đức *Rabb* (Allah) của họ (như sau): việc làm của họ là các đống tro tàn mà gió sẽ thổi bay đi dữ dội vào một ngày bão tố, họ sẽ không thể định đoạt được gì về những vật mà họ đã thu hoạch. Việc lạc đạo sẽ xa tít như thế.

[1] Chúng, ngôi thứ ba số nhiều ở đây tiêu biểu cho những kẻ làm điều sai quấy được nhắc qua ở câu 13 trên. Theo một số học giả, thì chúng (họ) ở đây tiêu biểu cho các Sứ giả của Allah. Nếu thế, câu này có thể hiểu như sau: "Các Sứ giả của Allah cầu xin cho được thắng lợi và từng tên bạo ngược sẽ thất bại."

أَلَمْ تَرَ أَنَّ ٱللَّهَ خَلَقَ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلْأَرْضَ بِٱلْحَقِّ ۚ إِن يَشَأْ
يُذْهِبْكُمْ وَيَأْتِ بِخَلْقٍ جَدِيدٍ ﴿١٩﴾ وَمَا ذَٰلِكَ عَلَى ٱللَّهِ بِعَزِيزٍ
﴿٢٠﴾ وَبَرَزُوا۟ لِلَّهِ جَمِيعًا فَقَالَ ٱلضُّعَفَٰٓؤُا۟ لِلَّذِينَ ٱسْتَكْبَرُوٓا۟
إِنَّا كُنَّا لَكُمْ تَبَعًا فَهَلْ أَنتُم مُّغْنُونَ عَنَّا مِنْ عَذَابِ ٱللَّهِ
مِن شَىْءٍ ۚ قَالُوا۟ لَوْ هَدَىٰنَا ٱللَّهُ لَهَدَيْنَٰكُمْ ۖ سَوَآءٌ عَلَيْنَآ
أَجَزِعْنَآ أَمْ صَبَرْنَا مَا لَنَا مِن مَّحِيصٍ ﴿٢١﴾ وَقَالَ ٱلشَّيْطَٰنُ لَمَّا
قُضِىَ ٱلْأَمْرُ إِنَّ ٱللَّهَ وَعَدَكُمْ وَعْدَ ٱلْحَقِّ وَوَعَدتُّكُمْ
فَأَخْلَفْتُكُمْ ۖ وَمَا كَانَ لِىَ عَلَيْكُم مِّن سُلْطَٰنٍ إِلَّآ
أَن دَعَوْتُكُمْ فَٱسْتَجَبْتُمْ لِى ۖ فَلَا تَلُومُونِى وَلُومُوٓا۟ أَنفُسَكُم ۖ
مَّآ أَنَا۠ بِمُصْرِخِكُمْ وَمَآ أَنتُم بِمُصْرِخِىَّ ۖ إِنِّى كَفَرْتُ
بِمَآ أَشْرَكْتُمُونِ مِن قَبْلُ ۗ إِنَّ ٱلظَّٰلِمِينَ لَهُمْ عَذَابٌ
أَلِيمٌ ﴿٢٢﴾ وَأُدْخِلَ ٱلَّذِينَ ءَامَنُوا۟ وَعَمِلُوا۟ ٱلصَّٰلِحَٰتِ جَنَّٰتٍ
تَجْرِى مِن تَحْتِهَا ٱلْأَنْهَٰرُ خَٰلِدِينَ فِيهَا بِإِذْنِ رَبِّهِمْ ۖ تَحِيَّتُهُمْ
فِيهَا سَلَٰمٌ ﴿٢٣﴾ أَلَمْ تَرَ كَيْفَ ضَرَبَ ٱللَّهُ مَثَلًا كَلِمَةً طَيِّبَةً
كَشَجَرَةٍ طَيِّبَةٍ أَصْلُهَا ثَابِتٌ وَفَرْعُهَا فِى ٱلسَّمَآءِ ﴿٢٤﴾

19.- Há Ngươi không nhận thấy vì Chân-lý mà Allah đã tạo hóa các tầng trời và trái đất hay sao? Nếu muốn, Ngài sẽ tiêu diệt các người và làm ra một tạo hóa mới (để thay thế các người).

20.- Và đối với Allah, việc làm đó chẳng có gì to tát (khó khăn).

21.- Và tất cả sẽ đến trình diện Allah. Rồi những người cô thế sẽ nói với những vị lãnh tụ ngạo ngược như sau: "Quả thật, chúng tôi là đệ tử của quí ngài, há quí ngài giúp chúng tôi thoát khỏi sự trừng phạt của Allah được tí nào hay chăng?" Chúng sẽ đáp: "Giá Allah đã hướng dẫn chúng tôi thì chúng tôi đã hương dẫn quí ông lại rồi. Giờ đây dẫu chúng ta có than van kêu gào hay ráng chịu đi nữa thì điều đó cũng bằng thừa. Bởi vì chúng ta không còn lối thoát nào khác."

22.- Và khi công việc (xét xử) đã được quyết định, *Shaytān* sẽ nói: "Quả thật, Allah đã giữ đúng Lời hứa với các người và ta cũng đã hứa nhưng thất hứa với các người. Và ta chẳng có quyền gì đối với các người ngoại trừ việc kêu gọi để dắt các người (đi lạc), rồi các người đã nghe theo ta. Bởi thế, chớ nên trách ta mà hãy tự trách mình. Giờ đây ta chẳng cứu được các người và các người cũng chẳng cứu được ta. Quả thật, ta phủ nhận việc các người đã cho ta là một kẻ 'hợp tác' với Allah trước đây. Quả thật, những kẻ sai phạm sẽ bị trừng phạt đau đớn."

23.- Còn những ai có đức tin và làm việc thiện thì sẽ được đưa vào các Ngôi vườn (Thiên đàng) bên dưới có các dòng sông chảy để vào ở trong đó đời đời theo sự chấp nhận của *Rabb* của họ. Lời chào đón họ trong đó sẽ là '*Salām*' (Bằng an!).

24.- Há Ngươi (Muhammad) đã không thấy việc Allah đưa ra một hình ảnh về một Lời nói tốt[1] hay sao? Nó như một loại cây tốt. Rễ của nó mọc vững chắc và cành của nó vươn cao lên trời,

[1] *Kalimah tayyib* tức *Lā ilāha ill Allah, Muhammad ur-Rasūl ull-Allah* (không có Thượng Đế nào duy chỉ Allah là Thượng Đế, Muhammad là Sứ giả của Allah hay Thiên sứ)

تُؤْتِيٓ أُكُلَهَا كُلَّ حِينِۭ بِإِذْنِ رَبِّهَاۗ وَيَضْرِبُ ٱللَّهُ ٱلْأَمْثَالَ لِلنَّاسِ لَعَلَّهُمْ يَتَذَكَّرُونَ ﴿٢٥﴾ وَمَثَلُ كَلِمَةٍ خَبِيثَةٍ كَشَجَرَةٍ خَبِيثَةٍ ٱجْتُثَّتْ مِن فَوْقِ ٱلْأَرْضِ مَا لَهَا مِن قَرَارٍ ﴿٢٦﴾ يُثَبِّتُ ٱللَّهُ ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ بِٱلْقَوْلِ ٱلثَّابِتِ فِي ٱلْحَيَوٰةِ ٱلدُّنْيَا وَفِي ٱلْأٓخِرَةِۖ وَيُضِلُّ ٱللَّهُ ٱلظَّٰلِمِينَۚ وَيَفْعَلُ ٱللَّهُ مَا يَشَآءُ ﴿٢٧﴾ ۞ أَلَمْ تَرَ إِلَى ٱلَّذِينَ بَدَّلُواْ نِعْمَتَ ٱللَّهِ كُفْرًا وَأَحَلُّواْ قَوْمَهُمْ دَارَ ٱلْبَوَارِ ﴿٢٨﴾ جَهَنَّمَ يَصْلَوْنَهَاۖ وَبِئْسَ ٱلْقَرَارُ ﴿٢٩﴾ وَجَعَلُواْ لِلَّهِ أَندَادًا لِّيُضِلُّواْ عَن سَبِيلِهِۦۗ قُلْ تَمَتَّعُواْ فَإِنَّ مَصِيرَكُمْ إِلَى ٱلنَّارِ ﴿٣٠﴾ قُل لِّعِبَادِيَ ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ يُقِيمُواْ ٱلصَّلَوٰةَ وَيُنفِقُواْ مِمَّا رَزَقْنَٰهُمْ سِرًّا وَعَلَانِيَةً مِّن قَبْلِ أَن يَأْتِيَ يَوْمٌ لَّا بَيْعٌ فِيهِ وَلَا خِلَٰلٌ ﴿٣١﴾ ٱللَّهُ ٱلَّذِي خَلَقَ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلْأَرْضَ وَأَنزَلَ مِنَ ٱلسَّمَآءِ مَآءً فَأَخْرَجَ بِهِۦ مِنَ ٱلثَّمَرَٰتِ رِزْقًا لَّكُمْۖ وَسَخَّرَ لَكُمُ ٱلْفُلْكَ لِتَجْرِيَ فِي ٱلْبَحْرِ بِأَمْرِهِۦۖ وَسَخَّرَ لَكُمُ ٱلْأَنْهَٰرَ ﴿٣٢﴾ وَسَخَّرَ لَكُمُ ٱلشَّمْسَ وَٱلْقَمَرَ دَآئِبَيْنِۖ وَسَخَّرَ لَكُمُ ٱلَّيْلَ وَٱلنَّهَارَ ﴿٣٣﴾

ثلاثة أرباع الحزب ٢٦

25.- Nó cho ra trái vào bất cứ mùa nào theo Phép của *Rabb* của nó. Allah đưa ra thí dụ so sánh cho nhân loại để may ra họ ghi nhớ.

26.- Còn hình ảnh về một Lời nói xấu thì như là một loại cây xấu, rễ của nó nhô lên khỏi mặt đất và không đứng vững.

27.- Allah với Lời nói vững chắc của Ngài sẽ củng cố vững chắc những ai tin tưởng trên trần thế này và ở Đời Sau. Và Allah sẽ bỏ mặc những kẻ làm điều sai quấy đi lạc bởi vì Allah làm bất cứ điều gì Ngài muốn.

28.- Há Ngươi không thấy những kẻ đã đổi Ân huệ của Allah lấy sự không tin và đưa người dân của chúng đi vào Ngôi nhà tiêu diệt ư?

29.- Hỏa Ngục, mà chúng sẽ bị nướng trong đó, (và là) một nơi nghỉ rất xấu.

30.- Và chúng dựng những đối thủ ngang vai với Allah hầu mong dắt thiên hạ đi lạc khỏi Con đường của Ngài. Hãy bảo chúng: "Hãy hưởng thụ đi. Rồi chắc chắn trạm đến cuối cùng của các ngươi là Hỏa ngục."

31.- (Hỡi Muhammad!) hãy bảo các bề-tôi của TA, những ai có đức tin, rằng họ phải chu đáo dâng lễ nguyện (*Salāh*) và chi dùng một cách kín đáo hay công khai (để làm việc thiện) phần bổng lộc mà *TA* đã ban cấp trước khi xảy ra Ngày sẽ không có sự đổi chác cũng sẽ không có tình bạn hữu (giúp đỡ) nào trong đó.

32.- Allah là Đấng đã tạo hóa các tầng trời và trái đất và cho mưa từ trên trời xuống mà Ngài dùng để làm mọc ra cây trái làm thực phẩm cho các người và Ngài đã chế ngự tàu bè cho các người để các người có thể giương buồm vượt trùng dương theo sự chỉ huy của Ngài; và Ngài cũng đã chế ngự sông ngòi cho các người (sử dụng).

33.- Và Ngài đã chế ngự mặt trời và mặt trăng, (làm cho) cả hai di chuyển (theo qũy đạo của chúng) và Ngài đã chế ngự ban ngày và ban đêm cho các người;

وَءَاتَىٰكُم مِّن كُلِّ مَا سَأَلْتُمُوهُ ۚ وَإِن تَعُدُّوا۟ نِعْمَتَ ٱللَّهِ لَا تُحْصُوهَآ ۗ إِنَّ ٱلْإِنسَٰنَ لَظَلُومٌ كَفَّارٌ ﴿٣٤﴾ وَإِذْ قَالَ إِبْرَٰهِيمُ رَبِّ ٱجْعَلْ هَٰذَا ٱلْبَلَدَ ءَامِنًا وَٱجْنُبْنِى وَبَنِىَّ أَن نَّعْبُدَ ٱلْأَصْنَامَ ﴿٣٥﴾ رَبِّ إِنَّهُنَّ أَضْلَلْنَ كَثِيرًا مِّنَ ٱلنَّاسِ ۖ فَمَن تَبِعَنِى فَإِنَّهُۥ مِنِّى ۖ وَمَنْ عَصَانِى فَإِنَّكَ غَفُورٌ رَّحِيمٌ ﴿٣٦﴾ رَّبَّنَآ إِنِّىٓ أَسْكَنتُ مِن ذُرِّيَّتِى بِوَادٍ غَيْرِ ذِى زَرْعٍ عِندَ بَيْتِكَ ٱلْمُحَرَّمِ رَبَّنَا لِيُقِيمُوا۟ ٱلصَّلَوٰةَ فَٱجْعَلْ أَفْـِٔدَةً مِّنَ ٱلنَّاسِ تَهْوِىٓ إِلَيْهِمْ وَٱرْزُقْهُم مِّنَ ٱلثَّمَرَٰتِ لَعَلَّهُمْ يَشْكُرُونَ ﴿٣٧﴾ رَبَّنَآ إِنَّكَ تَعْلَمُ مَا نُخْفِى وَمَا نُعْلِنُ ۗ وَمَا يَخْفَىٰ عَلَى ٱللَّهِ مِن شَىْءٍ فِى ٱلْأَرْضِ وَلَا فِى ٱلسَّمَآءِ ﴿٣٨﴾ ٱلْحَمْدُ لِلَّهِ ٱلَّذِى وَهَبَ لِى عَلَى ٱلْكِبَرِ إِسْمَٰعِيلَ وَإِسْحَٰقَ ۚ إِنَّ رَبِّى لَسَمِيعُ ٱلدُّعَآءِ ﴿٣٩﴾ رَبِّ ٱجْعَلْنِى مُقِيمَ ٱلصَّلَوٰةِ وَمِن ذُرِّيَّتِى ۚ رَبَّنَا وَتَقَبَّلْ دُعَآءِ ﴿٤٠﴾ رَبَّنَا ٱغْفِرْ لِى وَلِوَٰلِدَىَّ وَلِلْمُؤْمِنِينَ يَوْمَ يَقُومُ ٱلْحِسَابُ ﴿٤١﴾ وَلَا تَحْسَبَنَّ ٱللَّهَ غَٰفِلًا عَمَّا يَعْمَلُ ٱلظَّٰلِمُونَ ۚ إِنَّمَا يُؤَخِّرُهُمْ لِيَوْمٍ تَشْخَصُ فِيهِ ٱلْأَبْصَٰرُ ﴿٤٢﴾

34.- Và Ngài đã ban cho các người tất cả những gì mà các người yêu cầu. Và nếu đếm các Ân huệ của Allah, thì các người không đếm xiết. Chắc chắn con người là một kẻ làm điều sai quấy, bội ơn.

35.- Và (hãy nhớ) khi Ibrāhīm cầu nguyện, thưa: "Lạy *Rabb* của bề tôi! Xin Ngài làm cho thành phố (Makkah) này thanh bình và yên ổn và giữ bề tôi và con cháu của bề tôi xa khỏi việc thờ cúng các thần tượng;

36.- "Lạy *Rabb* của bề tôi! Chắc chắn chúng (những thần tượng) đã dắt nhiều người đi lạc. Bởi thế, ai tuân theo bề tôi thì sẽ là người của bề tôi và ai bất tuân thì Ngài vẫn là Đấng Hằng Tha thứ, Rất mực Khoan dung.

37.- "Lạy *Rabb* chúng tôi! Bề tôi đã định cư con cháu[1] của bề tôi nơi thung lũng (Makkah) không có đất đai trồng trọt, gần Ngôi Đền thiêng của Ngài (*Ka'bah*) để cho chúng có thể, thưa *Rabb* chúng tôi, dâng lễ nguyện (*Salāh*). Bởi thế, xin Ngài làm cho tấm lòng của một số nhân loại đoái thương mà nuôi chúng với hoa quả (của họ) để chúng có thể tạ ân Ngài.

38.- "Lạy *Rabb* chúng tôi! Chắc chắn Ngài biết rõ điều chúng tôi giấu giếm và điều chúng tôi bộc lộ. Bởi vì không một điều (vật) gì dưới đất và trên trời có thể giấu giếm khỏi Allah đặng.

39.- "Mọi lời ca tụng và tri ân đều dâng lên Allah, Đấng đã ban cho bề tôi, dù tuổi đã già, (hai đứa con) Ismā'īl và Ishāq[2]. Chắc chắn *Rabb* của bề tôi là Đấng Hằng Nghe lời cầu nguyện (của các bề tôi của Ngài).

40.- "Lạy *Rabb* của bề tôi! Xin Ngài làm cho bề tôi thành một người giữ vững lễ nguyện (*Salāh*) và từ con cháu của bề tôi nữa. Lạy *Rabb* chúng tôi, xin Ngài chấp nhận lời cầu nguyện của bề tôi.

41.- "Lạy *Rabb* chúng tôi! Xin Ngài tha thứ cho bề tôi và cha mẹ của bề tôi và những người có đức tin vào Ngày mà việc xét xử sẽ được thiết lập."

42.- Và chớ nghĩ rằng Allah làm ngơ về các điều mà những kẻ sai quấy đã làm. Ngài chỉ triển hạn cho họ sống đến Ngày mà cặp mắt của họ sẽ nhìn trân tráo,

---

[1] Nabi Ibrāhīm đã đưa người vợ Hajar và đứa con Ismā'īl đến định cư tại thung lũng Makkah. (Xem tiểu sử của Nabi Muhammad của Ibn Ishāq và Ibn Hishām)

[2] Nabi Ibrāhīm có đứa con trai đầu Ismā'īl (Ishmael) với người vợ kế Hajar khi Người được 86 tuổi. Đến 100 tuổi thì Người có thêm đứa con trai thứ Ishāq (Isaac) với người vợ chính Sārah. (Xem Cựu ước, Sáng thế ký 17:24-25)

مُهْطِعِينَ مُقْنِعِي رُءُوسِهِمْ لَا يَرْتَدُّ إِلَيْهِمْ طَرْفُهُمْ ۖ
وَأَفْـِٔدَتُهُمْ هَوَآءٌ ﴿٤٣﴾ وَأَنذِرِ ٱلنَّاسَ يَوْمَ يَأْتِيهِمُ ٱلْعَذَابُ
فَيَقُولُ ٱلَّذِينَ ظَلَمُوا۟ رَبَّنَآ أَخِّرْنَآ إِلَىٰٓ أَجَلٍ قَرِيبٍ نُّجِبْ
دَعْوَتَكَ وَنَتَّبِعِ ٱلرُّسُلَ ۗ أَوَلَمْ تَكُونُوٓا۟ أَقْسَمْتُم مِّن قَبْلُ
مَا لَكُم مِّن زَوَالٍ ﴿٤٤﴾ وَسَكَنتُمْ فِى مَسَـٰكِنِ ٱلَّذِينَ ظَلَمُوٓا۟
أَنفُسَهُمْ وَتَبَيَّنَ لَكُمْ كَيْفَ فَعَلْنَا بِهِمْ وَضَرَبْنَا لَكُمُ
ٱلْأَمْثَالَ ﴿٤٥﴾ وَقَدْ مَكَرُوا۟ مَكْرَهُمْ وَعِندَ ٱللَّهِ مَكْرُهُمْ
وَإِن كَانَ مَكْرُهُمْ لِتَزُولَ مِنْهُ ٱلْجِبَالُ ﴿٤٦﴾ فَلَا
تَحْسَبَنَّ ٱللَّهَ مُخْلِفَ وَعْدِهِۦ رُسُلَهُۥٓ ۚ إِنَّ ٱللَّهَ عَزِيزٌ
ذُو ٱنتِقَامٍ ﴿٤٧﴾ يَوْمَ تُبَدَّلُ ٱلْأَرْضُ غَيْرَ ٱلْأَرْضِ وَٱلسَّمَـٰوَٰتُ ۖ
وَبَرَزُوا۟ لِلَّهِ ٱلْوَٰحِدِ ٱلْقَهَّارِ ﴿٤٨﴾ وَتَرَى ٱلْمُجْرِمِينَ يَوْمَئِذٍ
مُّقَرَّنِينَ فِى ٱلْأَصْفَادِ ﴿٤٩﴾ سَرَابِيلُهُم مِّن قَطِرَانٍ وَتَغْشَىٰ
وُجُوهَهُمُ ٱلنَّارُ ﴿٥٠﴾ لِيَجْزِىَ ٱللَّهُ كُلَّ نَفْسٍ مَّا كَسَبَتْ ۚ
إِنَّ ٱللَّهَ سَرِيعُ ٱلْحِسَابِ ﴿٥١﴾ هَـٰذَا بَلَـٰغٌ لِّلنَّاسِ وَلِيُنذَرُوا۟ بِهِۦ
وَلِيَعْلَمُوٓا۟ أَنَّمَا هُوَ إِلَـٰهٌ وَٰحِدٌ وَلِيَذَّكَّرَ أُو۟لُوا۟ ٱلْأَلْبَـٰبِ ﴿٥٢﴾

43.- Kinh hãi chạy đến trước, ngẩng cổ và ngóc đầu nhìn đăm đăm, cặp mắt không quay về nhìn mình, và tấm lòng trống trải.

44.- Do đó, (hỡi Muhammad!) hãy báo trước cho nhân loại biết về một Ngày mà họ sẽ chịu hình phạt. Lúc đó, những kẻ làm điều sai quấy sẽ (lạy lục Allah) thưa: "Lạy *Rabb* chúng tôi! Xin Ngài tạm hoãn cho chúng tôi đến một thời kỳ gần kề, chúng tôi sẽ đáp lại lời gọi của Ngài và sẽ tuân theo các Sứ giả (của Ngài)!" "Sao! Há các người đã từng thề thốt trước đây rằng các người sẽ không suy tàn (chết) hay sao?

45.- "Và các người đã tá túc trong nhà của những kẻ đã từng làm hại bản thân mình và các người đã thấy *TA* đã đối xử với chúng như thế nào; và *TA* đưa ra những thí dụ để cho các người (suy ngẫm)."

46.- Và chắc chắn họ đã âm mưu đặt kế hoạch nhưng kế hoạch của họ nằm nơi Allah dẫu rằng kế hoạch dữ dội đến mức có thể lay chuyển núi non.

47.- Bởi thế, chớ nghĩ rằng Allah sẽ thất hứa với các Sứ giả của Ngài. Chắc chắn Allah là Đấng Toàn Năng, nắm việc trừng phạt.

48.- (Hãy cảnh cáo họ về) một Ngày mà trái đất này sẽ biến thành một trái đất khác và các tầng trời cũng thế, và (nhân loại) sẽ đến trình diện Allah, Đấng Duy Nhất, Đấng Ngự trị.

49.- Vào Ngày đó, Ngươi sẽ thấy những kẻ tội lỗi sẽ bị trói xích với nhau.

50.- Áo quần của chúng sẽ bằng hắc ín và mặt của chúng sẽ bị bao phủ bằng một lớp lửa.

51.- (Làm thế) để Allah tưởng thưởng (hoặc trừng phạt) mỗi linh hồn về những điều mà họ đã thu hoạch. Chắc chắn, Allah Rất nhanh trong việc thanh toán (xét xử).

52.- (*Qur'ān*) này là Thông điệp được ban cho nhân loại dùng để nhắc nhở và để biết rằng quả thật Ngài (Allah) là Thượng Đế Duy Nhất và để cho những người hiểu biết lưu ý cảnh giác.

سُورَةُ الحِجْرِ

بِسْمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحْمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

الٓرۚ تِلْكَ ءَايَٰتُ ٱلْكِتَٰبِ وَقُرْءَانٍ مُّبِينٍ ﴿١﴾ رُّبَمَا يَوَدُّ
ٱلَّذِينَ كَفَرُوا۟ لَوْ كَانُوا۟ مُسْلِمِينَ ﴿٢﴾ ذَرْهُمْ يَأْكُلُوا۟
وَيَتَمَتَّعُوا۟ وَيُلْهِهِمُ ٱلْأَمَلُۖ فَسَوْفَ يَعْلَمُونَ ﴿٣﴾ وَمَآ أَهْلَكْنَا
مِن قَرْيَةٍ إِلَّا وَلَهَا كِتَابٌ مَّعْلُومٌ ﴿٤﴾ مَّا تَسْبِقُ مِنْ أُمَّةٍ
أَجَلَهَا وَمَا يَسْتَـْٔخِرُونَ ﴿٥﴾ وَقَالُوا۟ يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِى نُزِّلَ عَلَيْهِ
ٱلذِّكْرُ إِنَّكَ لَمَجْنُونٌ ﴿٦﴾ لَّوْ مَا تَأْتِينَا بِٱلْمَلَٰٓئِكَةِ إِن كُنتَ
مِنَ ٱلصَّٰدِقِينَ ﴿٧﴾ مَا نُنَزِّلُ ٱلْمَلَٰٓئِكَةَ إِلَّا بِٱلْحَقِّ وَمَا كَانُوٓا۟
إِذًا مُّنظَرِينَ ﴿٨﴾ إِنَّا نَحْنُ نَزَّلْنَا ٱلذِّكْرَ وَإِنَّا لَهُۥ لَحَٰفِظُونَ ﴿٩﴾
وَلَقَدْ أَرْسَلْنَا مِن قَبْلِكَ فِى شِيَعِ ٱلْأَوَّلِينَ ﴿١٠﴾ وَمَا يَأْتِيهِم
مِّن رَّسُولٍ إِلَّا كَانُوا۟ بِهِۦ يَسْتَهْزِءُونَ ﴿١١﴾ كَذَٰلِكَ نَسْلُكُهُۥ
فِى قُلُوبِ ٱلْمُجْرِمِينَ ﴿١٢﴾ لَا يُؤْمِنُونَ بِهِۦۖ وَقَدْ خَلَتْ سُنَّةُ ٱلْأَوَّلِينَ
﴿١٣﴾ وَلَوْ فَتَحْنَا عَلَيْهِم بَابًا مِّنَ ٱلسَّمَآءِ فَظَلُّوا۟ فِيهِ يَعْرُجُونَ ﴿١٤﴾
لَقَالُوٓا۟ إِنَّمَا سُكِّرَتْ أَبْصَٰرُنَا بَلْ نَحْنُ قَوْمٌ مَّسْحُورُونَ ﴿١٥﴾

AL-HIJR
(Vùng Núi Hijr)

Nhân danh Allah, Đấng Rất mực Độ lượng, Đấng Rất mực Khoan dung

1.- *Alif. Lām. Rā.* Đây là những Câu của một Kinh sách và (đây là) quyển *Qur'ān* minh bạch.

2.- Lắm lúc những kẻ không tin tưởng mong ước phải chi họ trở thành người Muslim.

3.- Ngươi (Muhammad) hãy để mặc họ ăn uống và hưởng thụ. Và hãy để cho niềm hy vọng (hão huyền) đánh lừa họ; rồi đây họ sẽ sớm biết.

4.- Và không bao giờ *TA* tiêu diệt một thị trấn mà lại không (báo trước) Sắc chỉ qui định.

5.- Không một cộng đồng nào có thể ra đi sớm hơn hạn định của nó và cũng không được ở lại trễ.

6.- Và họ lên tiếng bảo: "Này hỡi người nhận Thông điệp, chắc chắn ngươi là một thằng điên;

7.- "Tại sao ngươi không đưa những Thiên thần xuống gặp bọn ta, nếu ngươi là một người nói thật?"

8.- *TA* (Allah) phái các Thiên Thần xuống chỉ với lý do chính đáng. Và lúc đó chúng sẽ không còn được triển hạn nữa.

9.- Quả thật, *TA* đã ban Thông điệp nhắc nhở (Qur'ān) xuống và chính *TA* sẽ bảo quản Nó.

10.- Và quả thật, trước Ngươi *TA* đã cử các Sứ giả đến cho những giáo phái của thời xưa.

11.- Và không một Sứ giả nào được cử đến với họ mà lại không bị chế giễu.

12.- Nhưng *TA* làm cho nó len lỏi vào tấm lòng của những kẻ tội lỗi đúng như thế.

13.- Họ không tin nơi nó (*Qur'ān*) và lề lối của những kẻ đã qua (đời) trước họ cũng thế.

14.- Và dù cho *TA* có mở cho họ một cánh cửa của bầu trời để họ tiếp tục lên đó suốt ngày,

15.- Thì họ vẫn lên tiếng bảo: "Bọn ta bị quáng mắt. Không, bọn ta là đám người bị tà thuật mê hoặc."

وَلَقَدْ جَعَلْنَا فِي ٱلسَّمَآءِ بُرُوجٗا وَزَيَّنَّٰهَا لِلنَّٰظِرِينَ ﴿١٦﴾ وَحَفِظْنَٰهَا مِن كُلِّ شَيْطَٰنٖ رَّجِيمٍ ﴿١٧﴾ إِلَّا مَنِ ٱسْتَرَقَ ٱلسَّمْعَ فَأَتْبَعَهُۥ شِهَابٞ مُّبِينٞ ﴿١٨﴾ وَٱلْأَرْضَ مَدَدْنَٰهَا وَأَلْقَيْنَا فِيهَا رَوَٰسِيَ وَأَنۢبَتْنَا فِيهَا مِن كُلِّ شَيْءٖ مَّوْزُونٖ ﴿١٩﴾ وَجَعَلْنَا لَكُمْ فِيهَا مَعَٰيِشَ وَمَن لَّسْتُمْ لَهُۥ بِرَٰزِقِينَ ﴿٢٠﴾ وَإِن مِّن شَيْءٍ إِلَّا عِندَنَا خَزَآئِنُهُۥ وَمَا نُنَزِّلُهُۥٓ إِلَّا بِقَدَرٖ مَّعْلُومٖ ﴿٢١﴾ وَأَرْسَلْنَا ٱلرِّيَٰحَ لَوَٰقِحَ فَأَنزَلْنَا مِنَ ٱلسَّمَآءِ مَآءٗ فَأَسْقَيْنَٰكُمُوهُ وَمَآ أَنتُمْ لَهُۥ بِخَٰزِنِينَ ﴿٢٢﴾ وَإِنَّا لَنَحْنُ نُحْيِۦ وَنُمِيتُ وَنَحْنُ ٱلْوَٰرِثُونَ ﴿٢٣﴾ وَلَقَدْ عَلِمْنَا ٱلْمُسْتَقْدِمِينَ مِنكُمْ وَلَقَدْ عَلِمْنَا ٱلْمُسْتَـْٔخِرِينَ ﴿٢٤﴾ وَإِنَّ رَبَّكَ هُوَ يَحْشُرُهُمْۚ إِنَّهُۥ حَكِيمٌ عَلِيمٞ ﴿٢٥﴾ وَلَقَدْ خَلَقْنَا ٱلْإِنسَٰنَ مِن صَلْصَٰلٖ مِّنْ حَمَإٖ مَّسْنُونٖ ﴿٢٦﴾ وَٱلْجَآنَّ خَلَقْنَٰهُ مِن قَبْلُ مِن نَّارِ ٱلسَّمُومِ ﴿٢٧﴾ وَإِذْ قَالَ رَبُّكَ لِلْمَلَٰٓئِكَةِ إِنِّي خَٰلِقُۢ بَشَرٗا مِّن صَلْصَٰلٖ مِّنْ حَمَإٖ مَّسْنُونٖ ﴿٢٨﴾ فَإِذَا سَوَّيْتُهُۥ وَنَفَخْتُ فِيهِ مِن رُّوحِي فَقَعُواْ لَهُۥ سَٰجِدِينَ ﴿٢٩﴾ فَسَجَدَ ٱلْمَلَٰٓئِكَةُ كُلُّهُمْ أَجْمَعُونَ ﴿٣٠﴾ إِلَّآ إِبْلِيسَ أَبَىٰٓ أَن يَكُونَ مَعَ ٱلسَّٰجِدِينَ ﴿٣١﴾

16.- Và chắc chắn *TA* đã làm ra các chùm sao trên trời để tô điểm nó xinh đẹp cho những người ngắm nhìn;

17.- Và *TA* bảo vệ nó khỏi bị từng tên *Shaytān* đáng bị tống cổ (len lỏi đột nhập).

18.- Nếu có tên nào lén nghe trộm (tin tức) thì sẽ bị một chùm lửa đỏ rực rượt đánh.

19.- Và *TA* đã trải rộng mặt đất (như một tấm thảm) mà *TA* đặt lên đó những quả núi vững chắc và cho mọc đủ loại cây trái theo cân lượng quân bình.

20.- Và nơi đó, *TA* đã làm ra phương tiện sinh sống cho các người và cho cả ai (sinh vật) mà các người không có nhiệm vụ cung dưỡng;

21.- Và không một vật gì mà kho tài nguyên lại không nằm nơi *TA* nhưng *TA* chỉ ban nó (thiên lộc) xuống theo định-lượng rõ rệt.

22.- Và *TA* gởi những luồng gió gieo tinh và cho mưa từ trên trời xuống. Rồi *TA* ban nó cho các người dùng để uống nhưng các người không phải là chủ nhân giữ kho chứa của nó.

23.- Và quả thật, chính *TA* làm cho sống và gây cho chết và chính *TA* là Đấng Thừa kế.

24.- Và chắc chắn, *TA* biết trong các người ai là những người đã qua đời và ai là những người còn sống sót.

25.- Và quả thật, *Rabb* (Allah) của Ngươi sẽ cho tập trung họ lại (để phán xét). Quả thật, Ngài Thông suốt, Biết (hết mọi vấn đề).

26.- Và chắc chắn *TA* đã tạo hóa con người bằng đất sét khô, lấy từ loại đất sét nhào nặn được.

27.- Và *Jinn* mà *TA* đã tạo trước đây bằng hơi lửa.

28.- Và (hãy nhớ lại) khi *Rabb* (Allah) của Ngươi (Muhammad) đã bảo các Thiên thần: "TA sắp tạo một người phàm làm bằng đất sét khô, lấy từ đất sét nhào nặn được;

29.- Rồi khi TA uốn nắn Y (Ādam) thành hình thể và thổi vào Y *Rūh* (Tinh thần) của TA, các ngươi hãy sụp lạy Y.

30. Do đó, tất cả các Thiên thần đồng quì lạy.

31.- Ngoại trừ *Iblis*. Nó từ chối, không chịu nhập chung với những vị phủ phục.

قَالَ يَٰٓإِبۡلِيسُ مَا لَكَ أَلَّا تَكُونَ مَعَ ٱلسَّٰجِدِينَ ﴿٣٢﴾ قَالَ لَمۡ أَكُن لِّأَسۡجُدَ لِبَشَرٍ خَلَقۡتَهُۥ مِن صَلۡصَٰلٍ مِّنۡ حَمَإٖ مَّسۡنُونٖ ﴿٣٣﴾ قَالَ فَٱخۡرُجۡ مِنۡهَا فَإِنَّكَ رَجِيمٞ ﴿٣٤﴾ وَإِنَّ عَلَيۡكَ ٱللَّعۡنَةَ إِلَىٰ يَوۡمِ ٱلدِّينِ ﴿٣٥﴾ قَالَ رَبِّ فَأَنظِرۡنِيٓ إِلَىٰ يَوۡمِ يُبۡعَثُونَ ﴿٣٦﴾ قَالَ فَإِنَّكَ مِنَ ٱلۡمُنظَرِينَ ﴿٣٧﴾ إِلَىٰ يَوۡمِ ٱلۡوَقۡتِ ٱلۡمَعۡلُومِ ﴿٣٨﴾ قَالَ رَبِّ بِمَآ أَغۡوَيۡتَنِي لَأُزَيِّنَنَّ لَهُمۡ فِي ٱلۡأَرۡضِ وَلَأُغۡوِيَنَّهُمۡ أَجۡمَعِينَ ﴿٣٩﴾ إِلَّا عِبَادَكَ مِنۡهُمُ ٱلۡمُخۡلَصِينَ ﴿٤٠﴾ قَالَ هَٰذَا صِرَٰطٌ عَلَيَّ مُسۡتَقِيمٌ ﴿٤١﴾ إِنَّ عِبَادِي لَيۡسَ لَكَ عَلَيۡهِمۡ سُلۡطَٰنٌ إِلَّا مَنِ ٱتَّبَعَكَ مِنَ ٱلۡغَاوِينَ ﴿٤٢﴾ وَإِنَّ جَهَنَّمَ لَمَوۡعِدُهُمۡ أَجۡمَعِينَ ﴿٤٣﴾ لَهَا سَبۡعَةُ أَبۡوَٰبٖ لِّكُلِّ بَابٖ مِّنۡهُمۡ جُزۡءٞ مَّقۡسُومٌ ﴿٤٤﴾ إِنَّ ٱلۡمُتَّقِينَ فِي جَنَّٰتٖ وَعُيُونٍ ﴿٤٥﴾ ٱدۡخُلُوهَا بِسَلَٰمٍ ءَامِنِينَ ﴿٤٦﴾ وَنَزَعۡنَا مَا فِي صُدُورِهِم مِّنۡ غِلٍّ إِخۡوَٰنًا عَلَىٰ سُرُرٖ مُّتَقَٰبِلِينَ ﴿٤٧﴾ لَا يَمَسُّهُمۡ فِيهَا نَصَبٞ وَمَا هُم مِّنۡهَا بِمُخۡرَجِينَ ﴿٤٨﴾ ۞ نَبِّئۡ عِبَادِيٓ أَنِّيٓ أَنَا ٱلۡغَفُورُ ٱلرَّحِيمُ ﴿٤٩﴾ وَأَنَّ عَذَابِي هُوَ ٱلۡعَذَابُ ٱلۡأَلِيمُ ﴿٥٠﴾ وَنَبِّئۡهُمۡ عَن ضَيۡفِ إِبۡرَٰهِيمَ ﴿٥١﴾

ربع الحزب ٢٧

32.- (Allah) bảo: "Hỡi *Iblīs*! Nhà ngươi có chuyện gì, tại sao nhà ngươi không chịu nhập chung với những vị phủ phục?"

33.- (Iblīs đáp) thưa: "Bề tôi không phải là kẻ quì lạy một người phàm mà Ngài đã tạo bằng đất sét khô lấy từ đất sét nhào nặn được."

34.- (Allah) phán: "Hãy đi ra khỏi đó (Vườn trời); nhà ngươi là một tên đáng bị trục xuất.

35.- "Và chắc chắn nhà ngươi sẽ bị nguyền rủa cho đến Ngày Phán xử."

36.- (Iblīs) thưa: "Lạy *Rabb* (Allah) của bề tôi! Xin Ngài triển hạn cho bề tôi tận đến Ngày (người chết) sẽ được dựng sống lại."

37.- (Allah) phán: "Vậy thì nhà ngươi là một tên được triển hạn;

38.- "Cho đến Ngày của thời gian qui định."

39.- (Iblīs) thưa: "Lạy *Rabb* (Allah) của bề tôi! Bởi vì Ngài xua đuổi bề tôi nên bề tôi sẽ tô điểm nó (tội lỗi) thành xinh đẹp đối với chúng (nhân loại) trên trái đất và bề tôi sẽ làm cho toàn thể bọn chúng lầm lạc.

40.- "Ngoại trừ ai trong bọn chúng là bề tôi trung trinh của Ngài."

41.- (Allah) phán: "Đây là con đường ngay thẳng dẫn đến TA.

42.- "Quả thật, nhà ngươi không có quyền đối với các bề tôi của TA ngoại trừ ai trong bọn họ là những kẻ lầm lạc tuân theo ngươi.

43.- "Và quả thật, Hỏa ngục là điểm hẹn cho toàn thể bọn chúng.

44.- "Nó có bảy cửa đi vào. Đi vào mỗi cửa sẽ là một loại (tội nhân) nhất định của bọn chúng.

45.- "Quả thật, những người sợ Allah sẽ ở trong các Ngôi vườn (Thiên đàng) có suối nước trong.

46.- "(Lời nghinh đón họ sẽ là:) "Quí vị hãy bước vào (Thiên đàng) với sự Bằng an Yên ổn"

47.- "Và *TA* sẽ tẩy xóa nỗi oán thù khỏi lòng họ; họ sẽ là anh em với nhau, nằm nghỉ trên những chiếc tràng kỷ, mặt nhìn mặt (vui vầy).

48.- "Trong đó, họ sẽ không còn cảm giác mệt mỏi và không bị mời ra."

49.- (Hỡi Muhammad) hãy báo cho bề tôi của TA biết (rằng) TA đây là Đấng Hằng Tha thứ, Rất mực Khoan dung.

50.- Nhưng sự Trừng phạt của TA cũng sẽ rất đau đớn.

51.- Và hãy báo cho họ (mọi người) biết về những vị khách của Ibrāhīm;

إِذۡ دَخَلُواْ عَلَيۡهِ فَقَالُواْ سَلَٰمٗا قَالَ إِنَّا مِنكُمۡ وَجِلُونَ ﴿٥٢﴾ قَالُواْ لَا تَوۡجَلۡ إِنَّا نُبَشِّرُكَ بِغُلَٰمٍ عَلِيمٖ ﴿٥٣﴾ قَالَ أَبَشَّرۡتُمُونِي عَلَىٰٓ أَن مَّسَّنِيَ ٱلۡكِبَرُ فَبِمَ تُبَشِّرُونَ ﴿٥٤﴾ قَالُواْ بَشَّرۡنَٰكَ بِٱلۡحَقِّ فَلَا تَكُن مِّنَ ٱلۡقَٰنِطِينَ ﴿٥٥﴾ قَالَ وَمَن يَقۡنَطُ مِن رَّحۡمَةِ رَبِّهِۦٓ إِلَّا ٱلضَّآلُّونَ ﴿٥٦﴾ قَالَ فَمَا خَطۡبُكُمۡ أَيُّهَا ٱلۡمُرۡسَلُونَ ﴿٥٧﴾ قَالُوٓاْ إِنَّآ أُرۡسِلۡنَآ إِلَىٰ قَوۡمٖ مُّجۡرِمِينَ ﴿٥٨﴾ إِلَّآ ءَالَ لُوطٍ إِنَّا لَمُنَجُّوهُمۡ أَجۡمَعِينَ ﴿٥٩﴾ إِلَّا ٱمۡرَأَتَهُۥ قَدَّرۡنَآ إِنَّهَا لَمِنَ ٱلۡغَٰبِرِينَ ﴿٦٠﴾ فَلَمَّا جَآءَ ءَالَ لُوطٍ ٱلۡمُرۡسَلُونَ ﴿٦١﴾ قَالَ إِنَّكُمۡ قَوۡمٞ مُّنكَرُونَ ﴿٦٢﴾ قَالُواْ بَلۡ جِئۡنَٰكَ بِمَا كَانُواْ فِيهِ يَمۡتَرُونَ ﴿٦٣﴾ وَأَتَيۡنَٰكَ بِٱلۡحَقِّ وَإِنَّا لَصَٰدِقُونَ ﴿٦٤﴾ فَأَسۡرِ بِأَهۡلِكَ بِقِطۡعٖ مِّنَ ٱلَّيۡلِ وَٱتَّبِعۡ أَدۡبَٰرَهُمۡ وَلَا يَلۡتَفِتۡ مِنكُمۡ أَحَدٞ وَٱمۡضُواْ حَيۡثُ تُؤۡمَرُونَ ﴿٦٥﴾ وَقَضَيۡنَآ إِلَيۡهِ ذَٰلِكَ ٱلۡأَمۡرَ أَنَّ دَابِرَ هَٰٓؤُلَآءِ مَقۡطُوعٞ مُّصۡبِحِينَ ﴿٦٦﴾ وَجَآءَ أَهۡلُ ٱلۡمَدِينَةِ يَسۡتَبۡشِرُونَ ﴿٦٧﴾ قَالَ إِنَّ هَٰٓؤُلَآءِ ضَيۡفِي فَلَا تَفۡضَحُونِ ﴿٦٨﴾ وَٱتَّقُواْ ٱللَّهَ وَلَا تُخۡزُونِ ﴿٦٩﴾ قَالُوٓاْ أَوَلَمۡ نَنۡهَكَ عَنِ ٱلۡعَٰلَمِينَ ﴿٧٠﴾

52.- Khi vào gặp Người, họ lên tiếng chào: "Bằng an" Người đáp: "Chúng tôi sợ quí vị."

53.- Họ bảo: "Đừng sợ! Chúng tôi mang tin mừng đến cho ông về một đứa con trai được ban cho kiến thức."

54.- (Ibrāhīm) đáp: "Phải chăng quí vị mang tin mừng đến cho tôi khi tôi đã về già? Vậy tin mừng về việc gì vậy?"

55.- Họ bảo: "Chúng tôi mang tin mừng đến cho ông thật đấy. Bởi thế, chớ nên tuyệt vọng."

56.- (Ibrāhīm) đáp: "Và ai tuyệt vọng nơi lòng Khoan Dung của Rabb của mình nếu không phải là kẻ lầm lạc?"

57.- (Ibrāhīm) tiếp: "Vậy quí vị đến gặp tôi có chuyện gì, hỡi các vị Sứ (của Allah?)"

58.- Họ bảo: "Quả thật, chúng tôi được phái cử đến với một đám người tội lỗi;

59.- "Ngoại trừ gia đình của *Lūt* mà chúng tôi có nhiệm vụ phải giải cứu tất cả.

60.- "Không kể người vợ của Người (Lūt) mà chúng tôi đã quyết định sẽ nằm trong số người trì trệ đằng sau."

61.- Bởi thế, khi những vị Sứ (của Allah) vào gặp gia đình của Lūt,

62.- Người bảo: "Quả thật quí vị là những người lạ mặt."

63.- Họ đáp: "Không, chúng tôi đến gặp ông để giải quyết điều (trừng phạt) mà những kẻ không tin hãy còn nghi ngờ.

64.- "Và chúng tôi mang sự thật (về sự trừng phạt) đến cho ông. Và chúng tôi là những người nói thật.

65.- "Do đó, Ông và gia đình hãy ra đi vào phần cuối của ban đêm và đi đằng sau họ và chớ để cho bất cứ ai trong gia đình của ông ngoái nhìn lại phía sau và tiếp tục đi đến nơi mà các ông đã được truyền."

66.- Và *TA* cho Người biết quyết định đó- rằng số người (tội lỗi) còn ở lại sau sẽ bị tiêu diệt trọn bộ vào buổi sáng.

67.- Và người dân trong thành phố vui mừng chạy ùa đến (nhà của Lūt).

68.- (Lūt) bảo (chúng): "Đây là những vị khách của ta, bởi thế chớ làm cho ta mất mặt (với họ);

69.- "Hãy sợ Allah và chớ hạ nhục ta!"

70.- (Người dân của Lūt) đáp: "Há chúng tôi đã không cấm ông tiếp xúc với mọi người ư?"

قَالَ هَٰٓؤُلَآءِ بَنَاتِيٓ إِن كُنتُمۡ فَٰعِلِينَ ٧١ لَعَمۡرُكَ إِنَّهُمۡ لَفِي سَكۡرَتِهِمۡ يَعۡمَهُونَ ٧٢ فَأَخَذَتۡهُمُ ٱلصَّيۡحَةُ مُشۡرِقِينَ ٧٣ فَجَعَلۡنَا عَٰلِيَهَا سَافِلَهَا وَأَمۡطَرۡنَا عَلَيۡهِمۡ حِجَارَةٗ مِّن سِجِّيلٍ ٧٤ إِنَّ فِي ذَٰلِكَ لَأٓيَٰتٖ لِّلۡمُتَوَسِّمِينَ ٧٥ وَإِنَّهَا لَبِسَبِيلٖ مُّقِيمٍ ٧٦ إِنَّ فِي ذَٰلِكَ لَأٓيَةٗ لِّلۡمُؤۡمِنِينَ ٧٧ وَإِن كَانَ أَصۡحَٰبُ ٱلۡأَيۡكَةِ لَظَٰلِمِينَ ٧٨ فَٱنتَقَمۡنَا مِنۡهُمۡ وَإِنَّهُمَا لَبِإِمَامٖ مُّبِينٖ ٧٩ وَلَقَدۡ كَذَّبَ أَصۡحَٰبُ ٱلۡحِجۡرِ ٱلۡمُرۡسَلِينَ ٨٠ وَءَاتَيۡنَٰهُمۡ ءَايَٰتِنَا فَكَانُواْ عَنۡهَا مُعۡرِضِينَ ٨١ وَكَانُواْ يَنۡحِتُونَ مِنَ ٱلۡجِبَالِ بُيُوتًا ءَامِنِينَ ٨٢ فَأَخَذَتۡهُمُ ٱلصَّيۡحَةُ مُصۡبِحِينَ ٨٣ فَمَآ أَغۡنَىٰ عَنۡهُم مَّا كَانُواْ يَكۡسِبُونَ ٨٤ وَمَا خَلَقۡنَا ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضَ وَمَا بَيۡنَهُمَآ إِلَّا بِٱلۡحَقِّۗ وَإِنَّ ٱلسَّاعَةَ لَأٓتِيَةٞۖ فَٱصۡفَحِ ٱلصَّفۡحَ ٱلۡجَمِيلَ ٨٥ إِنَّ رَبَّكَ هُوَ ٱلۡخَلَّٰقُ ٱلۡعَلِيمُ ٨٦ وَلَقَدۡ ءَاتَيۡنَٰكَ سَبۡعٗا مِّنَ ٱلۡمَثَانِي وَٱلۡقُرۡءَانَ ٱلۡعَظِيمَ ٨٧ لَا تَمُدَّنَّ عَيۡنَيۡكَ إِلَىٰ مَا مَتَّعۡنَا بِهِۦٓ أَزۡوَٰجٗا مِّنۡهُمۡ وَلَا تَحۡزَنۡ عَلَيۡهِمۡ وَٱخۡفِضۡ جَنَاحَكَ لِلۡمُؤۡمِنِينَ ٨٨ وَقُلۡ إِنِّيٓ أَنَا ٱلنَّذِيرُ ٱلۡمُبِينُ ٨٩ كَمَآ أَنزَلۡنَا عَلَى ٱلۡمُقۡتَسِمِينَ ٩٠

71.- (Lūt) bảo: "Đây, các đứa con gái của ta, nếu các người muốn hành động (theo ý của các người.)

72.- (*TA* thề) bằng sinh mạng của Ngươi (hỡi Muhammad!) vì cuồng dâm mà chúng quanh quẩn (như thế).

73.- Do đó, tiếng gầm dữ dội (của trận động đất) đã chụp bắt chúng vào lúc rạng đông.

74.- Tiếp đó, *TA* lật ngược chúng ngổn ngang và đổ lên chúng những trận mưa đá diêm sinh cứng như đất sét nung.

75.- Chắc chắn trong biến cố đó, là những Dấu-hiệu cho những ai sáng suốt.

76.- Và quả thật, chúng (những thị trấn sụp đổ) hãy còn nằm trên các con đường qua lại (giữa Makkah và Syria).

77.- Trong biến cố đó là một Dấu hiệu cho những người có đức-tin.

78.- Và quả thật, đám người dân của khu rừng *Aykah* cũng là những kẻ làm điều sai-quấy.

79.- Do đó, TA đã trừng phạt chúng. Và chắc chắn hai (thị trấn của) chúng (còn để lại di tích) trên một xa lộ thấy rõ.

80.- Và chắc chắn người dân của vùng núi Hijr đã phủ nhận những vị Sứ đã được cử đến (với họ).

81.- Và *TA* đã trình bày cho họ những Dấu-hiệu của *TA* nhưng họ quay mặt cự tuyệt.

82.- Và họ đã đục núi làm nhà (và cảm thấy) an toàn.

83.- Nhưng tiếng gầm dữ dội đã chụp bắt họ vào buổi sáng.

84.- Và những công trình mà họ đã làm ra chẳng giúp họ được gì.

85.- Và *TA* đã tạo hóa các tầng trời và trái đất và mọi thứ giữa trời đất chỉ vì Chân-lý. Và Giờ (Phán-xử) chắc chắn sẽ xảy đến. Do đó, hãy bỏ qua (lỗi lầm của họ) một cách lịch sự.

86.- Quả thật, *Rabb* của Ngươi là Đấng Tạo Hóa, Đấng Toàn Tri.

87.- Và *TA* đã ban cho Ngươi (Muhammad) bảy Câu Kinh nhắc đi nhắc lại và Quyển Qur'an vĩ đại.

88.- Nhưng chớ trố mắt nhìn những món vật mà *TA* đã ban cho những tầng lớp của họ hưởng thụ, cũng chớ buồn rầu giùm cho họ mà hãy rủ lòng thương của Ngươi xuống cho những người có đức tin;

89.- Và hãy bảo họ: "Quả thật Ta đây là một người Báo-trước công-khai."

90.- Giống như cái (hình phạt) mà *TA* đã giáng lên những kẻ chia rẽ:

ٱلَّذِينَ جَعَلُواْ ٱلۡقُرۡءَانَ عِضِينَ ٩١ فَوَرَبِّكَ لَنَسۡـَٔلَنَّهُمۡ أَجۡمَعِينَ ٩٢ عَمَّا كَانُواْ يَعۡمَلُونَ ٩٣ فَٱصۡدَعۡ بِمَا تُؤۡمَرُ وَأَعۡرِضۡ عَنِ ٱلۡمُشۡرِكِينَ ٩٤ إِنَّا كَفَيۡنَٰكَ ٱلۡمُسۡتَهۡزِءِينَ ٩٥ ٱلَّذِينَ يَجۡعَلُونَ مَعَ ٱللَّهِ إِلَٰهًا ءَاخَرَۚ فَسَوۡفَ يَعۡلَمُونَ ٩٦ وَلَقَدۡ نَعۡلَمُ أَنَّكَ يَضِيقُ صَدۡرُكَ بِمَا يَقُولُونَ ٩٧ فَسَبِّحۡ بِحَمۡدِ رَبِّكَ وَكُن مِّنَ ٱلسَّٰجِدِينَ ٩٨ وَٱعۡبُدۡ رَبَّكَ حَتَّىٰ يَأۡتِيَكَ ٱلۡيَقِينُ ٩٩

سُورَةُ النَّحۡلِ

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

أَتَىٰٓ أَمۡرُ ٱللَّهِ فَلَا تَسۡتَعۡجِلُوهُۚ سُبۡحَٰنَهُۥ وَتَعَٰلَىٰ عَمَّا يُشۡرِكُونَ ١ يُنَزِّلُ ٱلۡمَلَٰٓئِكَةَ بِٱلرُّوحِ مِنۡ أَمۡرِهِۦ عَلَىٰ مَن يَشَآءُ مِنۡ عِبَادِهِۦٓ أَنۡ أَنذِرُوٓاْ أَنَّهُۥ لَآ إِلَٰهَ إِلَّآ أَنَا۠ فَٱتَّقُونِ ٢ خَلَقَ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضَ بِٱلۡحَقِّۚ تَعَٰلَىٰ عَمَّا يُشۡرِكُونَ ٣ خَلَقَ ٱلۡإِنسَٰنَ مِن نُّطۡفَةٖ فَإِذَا هُوَ خَصِيمٞ مُّبِينٞ ٤ وَٱلۡأَنۡعَٰمَ خَلَقَهَاۗ لَكُمۡ فِيهَا دِفۡءٞ وَمَنَٰفِعُ وَمِنۡهَا تَأۡكُلُونَ ٥ وَلَكُمۡ فِيهَا جَمَالٌ حِينَ تُرِيحُونَ وَحِينَ تَسۡرَحُونَ ٦

نصف الحزب ٢٧

91.- Những ai đã chia mảnh quyển *Qur'ān*.

92.- Bởi thế, nhân danh *Rabb* của Ngươi, *TA* sẽ hạch hỏi tất cả bọn chúng.

93.- Về công việc mà chúng đã từng làm.

94.- Do đó, hãy công bố những điều mà Ngươi đã được chỉ thị và hãy lánh xa những kẻ tôn thờ đa thần.

95.- Quả thật, *TA* đủ giúp Ngươi chống lại những kẻ nhạo báng:

96.- Những ai dựng một thần linh cùng với Allah; và rồi đây chúng sẽ sớm biết.

97.- Và quả thật, *TA* biết lòng Ngươi se lại vì những điều chúng đã nói;

98.- Nhưng hãy tán dương lời ca tụng *Rabb* của Ngươi và trở thành một người phủ phục (Allah).

99.- Và hãy thờ phụng Rabb của Ngươi cho đến khi điều khẳng định sẽ xảy đến cho Ngươi.

AN-NAHL
(Ong Mật)

Nhân danh Allah, Đấng Rất Mực Độ Lượng, Đấng Rất Mực Khoan Dung

1.- Allah sắp ban hành mệnh lệnh. Bởi thế, các người chớ giục cho mau đến. Quang vinh và trong sạch thay Ngài! Ngài Tối Cao, vượt khỏi những điều chúng tổ-hợp (với Ngài).

2.- Ngài phái các Thiên thần xuống (trần) theo Mệnh lệnh của Ngài mang sự Mặc khải đến cho người nào mà Ngài muốn trong số bầy tôi của Ngài (và bảo:) “Hãy cảnh cáo (loài người) rằng không có Thượng Đế nào khác cả duy chỉ có TA, bởi thế hãy sợ TA”

3.- Vì Chân lý, Ngài đã tạo các tầng trời và trái đất. Ngài Tối Cao, vượt khỏi những điều chúng tổ-hợp (với Ngài).

4.- Ngài đã tạo con người từ một giọt tinh dịch nhưng y lại là một đối thủ công khai (chống lại Ngài).

5.- Và gia súc. Ngài đã tạo chúng cho các người (sử dụng). Nơi chúng có các vật dụng phủ ấm và nhiều nguồn lợi khác. Chẳng hạn thịt của chúng các người (dùng để) ăn.

6.- Và nơi chúng có một vẽ đẹp cho các người khi các người lùa chúng về chuồng vào buổi chiều và đánh chúng ra đồng ăn cỏ vào buổi sáng.

وَتَحۡمِلُ أَثۡقَالَكُمۡ إِلَىٰ بَلَدٖ لَّمۡ تَكُونُواْ بَٰلِغِيهِ إِلَّا بِشِقِّ ٱلۡأَنفُسِۚ إِنَّ رَبَّكُمۡ لَرَءُوفٞ رَّحِيمٞ ٧ وَٱلۡخَيۡلَ وَٱلۡبِغَالَ وَٱلۡحَمِيرَ لِتَرۡكَبُوهَا وَزِينَةٗۚ وَيَخۡلُقُ مَا لَا تَعۡلَمُونَ ٨ وَعَلَى ٱللَّهِ قَصۡدُ ٱلسَّبِيلِ وَمِنۡهَا جَآئِرٞۚ وَلَوۡ شَآءَ لَهَدَىٰكُمۡ أَجۡمَعِينَ ٩ هُوَ ٱلَّذِيٓ أَنزَلَ مِنَ ٱلسَّمَآءِ مَآءٗۖ لَّكُم مِّنۡهُ شَرَابٞ وَمِنۡهُ شَجَرٞ فِيهِ تُسِيمُونَ ١٠ يُنۢبِتُ لَكُم بِهِ ٱلزَّرۡعَ وَٱلزَّيۡتُونَ وَٱلنَّخِيلَ وَٱلۡأَعۡنَٰبَ وَمِن كُلِّ ٱلثَّمَرَٰتِۚ إِنَّ فِي ذَٰلِكَ لَأٓيَةٗ لِّقَوۡمٖ يَتَفَكَّرُونَ ١١ وَسَخَّرَ لَكُمُ ٱلَّيۡلَ وَٱلنَّهَارَ وَٱلشَّمۡسَ وَٱلۡقَمَرَۖ وَٱلنُّجُومُ مُسَخَّرَٰتُۢ بِأَمۡرِهِۦٓۚ إِنَّ فِي ذَٰلِكَ لَأٓيَٰتٖ لِّقَوۡمٖ يَعۡقِلُونَ ١٢ وَمَا ذَرَأَ لَكُمۡ فِي ٱلۡأَرۡضِ مُخۡتَلِفًا أَلۡوَٰنُهُۥٓۚ إِنَّ فِي ذَٰلِكَ لَأٓيَةٗ لِّقَوۡمٖ يَذَّكَّرُونَ ١٣ وَهُوَ ٱلَّذِي سَخَّرَ ٱلۡبَحۡرَ لِتَأۡكُلُواْ مِنۡهُ لَحۡمٗا طَرِيّٗا وَتَسۡتَخۡرِجُواْ مِنۡهُ حِلۡيَةٗ تَلۡبَسُونَهَاۖ وَتَرَى ٱلۡفُلۡكَ مَوَاخِرَ فِيهِ وَلِتَبۡتَغُواْ مِن فَضۡلِهِۦ وَلَعَلَّكُمۡ تَشۡكُرُونَ ١٤

7.- Và chúng chuyên chở hàng nặng cho các người đến các thành phố (xa xôi), những nơi mà các người phải vất vả lắm mới có thể đến nơi đặng. Chắc chắn *Rabb* của các người là Đấng Rất mực Nhân từ, Rất mực Khoan dung.

8.- Và loài ngựa, loài la và lừa mà (Ngài đã tạo) cho các người để cưỡi và trang trí. Và Ngài đã tạo những vật mà các người không biết.

9.- Và Allah có nhiệm vụ chỉ con đường ngay chính (cho mọi người) nhưng có những con đường lệch khỏi chính đạo; và nếu muốn, Ngài thừa sức hướng dẫn tất cả đi đúng đường.

10.- Ngài là Đấng đã ban nước mưa từ trên trời xuống. Từ đó các người có nước uống, và nhờ đó cây cỏ mọc ra nơi cánh đồng cho gia súc ăn.

11.- Ngài dùng nó để làm mọc ra hoa mầu, và trái ô-liu, và trái chà-là, và trái nho, và đủ loại trái cây cho các người dùng. Chắc chắn trong sự việc đó là một Dấu-hiệu cho một đám người biết ngẫm nghĩ.

12.- Và Ngài đã chế ngự ban đêm và ban ngày, mặt trời và mặt trăng và các ngôi sao cho các người theo Mệnh lệnh của Ngài; chắc chắn trong sự việc đó là những Dấu-hiệu cho một đám người thấu-hiểu.

13.- Và những vật trên đất liền mà Ngài đã làm ra dồi-dào cho các người (sử dụng) mang nhiều mầu sắc (và phẩm chất) khác biệt. Chắc chắn trong sự việc này là một Dấu-hiệu cho một đám người ghi nhớ.

14.- Và Ngài đã chế ngự biển cả mà các người có các món thịt tươi để ăn và các món trang sức để đeo. Và ngươi (hỡi người!) thấy tàu bè cày sóng (vượt trùng dương) giúp các người đi tìm thiên lộc của Ngài và để cho các người tạ ơn.

وَأَلۡقَىٰ فِي ٱلۡأَرۡضِ رَوَٰسِيَ أَن تَمِيدَ بِكُمۡ وَأَنۡهَٰرٗا وَسُبُلٗا لَّعَلَّكُمۡ تَهۡتَدُونَ ١٥ وَعَلَٰمَٰتٖۚ وَبِٱلنَّجۡمِ هُمۡ يَهۡتَدُونَ ١٦ أَفَمَن يَخۡلُقُ كَمَن لَّا يَخۡلُقُۚ أَفَلَا تَذَكَّرُونَ ١٧ وَإِن تَعُدُّواْ نِعۡمَةَ ٱللَّهِ لَا تُحۡصُوهَآۗ إِنَّ ٱللَّهَ لَغَفُورٞ رَّحِيمٞ ١٨ وَٱللَّهُ يَعۡلَمُ مَا تُسِرُّونَ وَمَا تُعۡلِنُونَ ١٩ وَٱلَّذِينَ يَدۡعُونَ مِن دُونِ ٱللَّهِ لَا يَخۡلُقُونَ شَيۡـٔٗا وَهُمۡ يُخۡلَقُونَ ٢٠ أَمۡوَٰتٌ غَيۡرُ أَحۡيَآءٖۖ وَمَا يَشۡعُرُونَ أَيَّانَ يُبۡعَثُونَ ٢١ إِلَٰهُكُمۡ إِلَٰهٞ وَٰحِدٞۚ فَٱلَّذِينَ لَا يُؤۡمِنُونَ بِٱلۡأٓخِرَةِ قُلُوبُهُم مُّنكِرَةٞ وَهُم مُّسۡتَكۡبِرُونَ ٢٢ لَا جَرَمَ أَنَّ ٱللَّهَ يَعۡلَمُ مَا يُسِرُّونَ وَمَا يُعۡلِنُونَۚ إِنَّهُۥ لَا يُحِبُّ ٱلۡمُسۡتَكۡبِرِينَ ٢٣ وَإِذَا قِيلَ لَهُم مَّاذَآ أَنزَلَ رَبُّكُمۡ قَالُوٓاْ أَسَٰطِيرُ ٱلۡأَوَّلِينَ ٢٤ لِيَحۡمِلُوٓاْ أَوۡزَارَهُمۡ كَامِلَةٗ يَوۡمَ ٱلۡقِيَٰمَةِ وَمِنۡ أَوۡزَارِ ٱلَّذِينَ يُضِلُّونَهُم بِغَيۡرِ عِلۡمٍۗ أَلَا سَآءَ مَا يَزِرُونَ ٢٥ قَدۡ مَكَرَ ٱلَّذِينَ مِن قَبۡلِهِمۡ فَأَتَى ٱللَّهُ بُنۡيَٰنَهُم مِّنَ ٱلۡقَوَاعِدِ فَخَرَّ عَلَيۡهِمُ ٱلسَّقۡفُ مِن فَوۡقِهِمۡ وَأَتَىٰهُمُ ٱلۡعَذَابُ مِنۡ حَيۡثُ لَا يَشۡعُرُونَ ٢٦

15.- Và Ngài đã đặt những quả núi vững chắc lên trên mặt đất (giữ nó thăng bằng) sợ rằng nó rung chuyển (chòng chành) với các người; và (Ngài đã tạo) sông ngòi và đường sá để các người đi đúng hướng.

16.- Và (Ngài đã tạo) những cảnh giới (để làm dấu). Và nhờ các ngôi sao (trên trời) mà họ (nhân loại) định được hướng đi (đúng mục tiêu).

17.- Thế phải chăng Đấng tạo hóa bằng với kẻ không tạo hay sao? Thế các người không chịu tỉnh ngộ hay sao?

18.- Và nếu có đếm các Ân huệ của Allah, thì các người không thể đếm xiết. Quả thật, Allah Hằng Tha thứ, Rất mực Khoan dung.

19.- Và Allah biết điều các người giấu-giếm và tiết lộ.

20.- Và những kẻ (thần linh) mà họ cầu nguyện ngoài Allah đã không tạo hóa được cái gì trong lúc chính chúng lại được tạo ra.

21.- (Đó là những vật) chết chứ không sống. Chúng cũng không biết khi nào chúng sẽ được dựng sống lại.

22.- Thượng Đế của các người là một Thượng Đế Duy nhất. Bởi thế, những ai không tin tưởng nơi Đời Sau, thì lòng họ ương-ngạnh và kiêu-căng.

23.- Không một chút nghi ngờ nào, chắc chắn Allah biết rõ điều họ giấu giếm và bộc lộ. Quả thật, Ngài không yêu thương những kẻ tự phụ, kiêu-căng.

24.- Và khi có lời bảo họ: "Điều mà *Rabb* của các người đã ban xuống (cho Muhammad) là gì vậy?" Họ (mỉa mai) đáp: "Chuyện ngụ ngôn của người cổ xưa!"

25.- (Kết quả) là họ sẽ mang trọn gánh nặng (tội lỗi) của họ vào Ngày Phục sinh và luôn cả gánh nặng của những ai vì thiếu hiểu biết mà đã bị họ dắt đi lạc. Thật xấu xa thay gánh nặng họ sẽ phải mang.

26.- Chắc chắn trước họ đã có những kẻ âm mưu (phá hoại Chính đạo của Allah) nhưng Allah đến phá vỡ nền móng kiến trúc của chúng làm cho mái nhà từ bên trên đổ sụp xuống đè lên chúng và hình phạt đến bắt chúng từ những nơi mà chúng không hề nhận ra.

ثُمَّ يَوۡمَ ٱلۡقِيَٰمَةِ يُخۡزِيهِمۡ وَيَقُولُ أَيۡنَ شُرَكَآءِيَ ٱلَّذِينَ كُنتُمۡ تُشَٰٓقُّونَ فِيهِمۡۚ قَالَ ٱلَّذِينَ أُوتُواْ ٱلۡعِلۡمَ إِنَّ ٱلۡخِزۡيَ ٱلۡيَوۡمَ وَٱلسُّوٓءَ عَلَى ٱلۡكَٰفِرِينَ ٢٧ ٱلَّذِينَ تَتَوَفَّىٰهُمُ ٱلۡمَلَٰٓئِكَةُ ظَالِمِيٓ أَنفُسِهِمۡۖ فَأَلۡقَوُاْ ٱلسَّلَمَ مَا كُنَّا نَعۡمَلُ مِن سُوٓءِۭۚ بَلَىٰٓۚ إِنَّ ٱللَّهَ عَلِيمُۢ بِمَا كُنتُمۡ تَعۡمَلُونَ ٢٨ فَٱدۡخُلُوٓاْ أَبۡوَٰبَ جَهَنَّمَ خَٰلِدِينَ فِيهَاۖ فَلَبِئۡسَ مَثۡوَى ٱلۡمُتَكَبِّرِينَ ٢٩ ۞وَقِيلَ لِلَّذِينَ ٱتَّقَوۡاْ مَاذَآ أَنزَلَ رَبُّكُمۡۚ قَالُواْ خَيۡرٗاۗ لِّلَّذِينَ أَحۡسَنُواْ فِي هَٰذِهِ ٱلدُّنۡيَا حَسَنَةٞۚ وَلَدَارُ ٱلۡأٓخِرَةِ خَيۡرٞۚ وَلَنِعۡمَ دَارُ ٱلۡمُتَّقِينَ ٣٠ جَنَّٰتُ عَدۡنٖ يَدۡخُلُونَهَا تَجۡرِي مِن تَحۡتِهَا ٱلۡأَنۡهَٰرُۖ لَهُمۡ فِيهَا مَا يَشَآءُونَۚ كَذَٰلِكَ يَجۡزِي ٱللَّهُ ٱلۡمُتَّقِينَ ٣١ ٱلَّذِينَ تَتَوَفَّىٰهُمُ ٱلۡمَلَٰٓئِكَةُ طَيِّبِينَ يَقُولُونَ سَلَٰمٌ عَلَيۡكُمُ ٱدۡخُلُواْ ٱلۡجَنَّةَ بِمَا كُنتُمۡ تَعۡمَلُونَ ٣٢ هَلۡ يَنظُرُونَ إِلَّآ أَن تَأۡتِيَهُمُ ٱلۡمَلَٰٓئِكَةُ أَوۡ يَأۡتِيَ أَمۡرُ رَبِّكَۚ كَذَٰلِكَ فَعَلَ ٱلَّذِينَ مِن قَبۡلِهِمۡۚ وَمَا ظَلَمَهُمُ ٱللَّهُ وَلَٰكِن كَانُوٓاْ أَنفُسَهُمۡ يَظۡلِمُونَ ٣٣ فَأَصَابَهُمۡ سَيِّـَٔاتُ مَا عَمِلُواْ وَحَاقَ بِهِم مَّا كَانُواْ بِهِۦ يَسۡتَهۡزِءُونَ ٣٤

ثلاثة أرباع الحزب ٢٧

27.- Rồi vào Ngày Phục sinh, Ngài sẽ hạ nhục chúng và bảo: "Đâu là những kẻ 'hợp-tác' của TA, những kẻ vì chúng mà các người thường tranh chấp (với các tín đồ của TA)?" Những ai được ban cho kiến thức sẽ lên tiếng: "Ngày nay những kẻ không có đức tin chắc chắn sẽ bị hạ nhục và chịu họa,

28.- Những ai mà các Thiên thần bắt hồn trong lúc chúng tự làm hại bản thân (linh hồn) mình." Rồi chúng (giả vờ) chịu thần phục, (thưa): "Thật tình chúng tôi đã không làm điều gì tội lỗi." (Thiên thần sẽ bảo:) "Vâng, quả thật Allah biết rõ điều các người đã từng làm.

29.- "Thôi, hãy bước vào các cửa ngõ của Hỏa ngục để vào ở trong đó. Bởi thế, chỗ ngụ của những kẻ kiêu căng thật là xấu xa."

30.- Và có lời bảo những ai sợ Allah (như sau:) "Điều mà *Rabb* (Allah) của các người đã ban xuống là gì?" Họ đáp: "Điều tốt." Dành cho những ai làm điều lành ở đời này thì sẽ gặp lành. Và nhà ở (của họ) ở Đời sau sẽ tốt hơn nữa. Và chắc chắn nhà ở của những người sợ Allah sẽ tuyệt hảo:!

31.- Những Ngôi vườn Thiên đàng Vĩnh cửu mà họ sẽ bước vào, với các dòng sông chảy bên dưới. Trong đó họ sẽ được tất cả các thứ mong ước. Allah sẽ tưởng thưởng những ai ngay chính sợ Allah đúng như thế;

32.- Những ai mà các Thiên thần bắt hồn trong tình trạng tốt sạch, (thiên thần) chúc họ: "Mong quí vị được bằng an. Xin mời quí vị bước vào Thiên đàng do những điều (tốt) mà quí vị đã từng làm (trên thế gian)."

33.- Phải chăng chúng (những kẻ không tin) chờ các Thiên thần đến (bắt hồn) hay chờ Lệnh phán của *Rabb* (Allah) của Người (Muhammad) đến (xử lý) chúng? Những kẻ trước chúng cũng đã xử sự đúng như thế. Và Allah đã không làm hại chúng mà chính chúng tự làm hại bản thân (linh hồn) mình mà thôi.

34.- Bởi thế, những điều tội lỗi mà chúng đã từng làm sẽ đến chụp bắt chúng và những điều mà chúng đã từng chế giễu sẽ vây hãm chúng trở lại.

وَقَالَ ٱلَّذِينَ أَشۡرَكُواْ لَوۡ شَآءَ ٱللَّهُ مَا عَبَدۡنَا مِن دُونِهِۦ مِن
شَيۡءٖ نَّحۡنُ وَلَآ ءَابَآؤُنَا وَلَا حَرَّمۡنَا مِن دُونِهِۦ مِن شَيۡءٖۚ كَذَٰلِكَ
فَعَلَ ٱلَّذِينَ مِن قَبۡلِهِمۡۚ فَهَلۡ عَلَى ٱلرُّسُلِ إِلَّا ٱلۡبَلَٰغُ ٱلۡمُبِينُ
﴿٣٥﴾ وَلَقَدۡ بَعَثۡنَا فِي كُلِّ أُمَّةٖ رَّسُولًا أَنِ ٱعۡبُدُواْ ٱللَّهَ
وَٱجۡتَنِبُواْ ٱلطَّٰغُوتَۖ فَمِنۡهُم مَّنۡ هَدَى ٱللَّهُ وَمِنۡهُم مَّنۡ
حَقَّتۡ عَلَيۡهِ ٱلضَّلَٰلَةُۚ فَسِيرُواْ فِي ٱلۡأَرۡضِ فَٱنظُرُواْ كَيۡفَ
كَانَ عَٰقِبَةُ ٱلۡمُكَذِّبِينَ ﴿٣٦﴾ إِن تَحۡرِصۡ عَلَىٰ هُدَىٰهُمۡ
فَإِنَّ ٱللَّهَ لَا يَهۡدِي مَن يُضِلُّۖ وَمَا لَهُم مِّن نَّٰصِرِينَ ﴿٣٧﴾
وَأَقۡسَمُواْ بِٱللَّهِ جَهۡدَ أَيۡمَٰنِهِمۡ لَا يَبۡعَثُ ٱللَّهُ مَن يَمُوتُۚ بَلَىٰ
وَعۡدًا عَلَيۡهِ حَقّٗا وَلَٰكِنَّ أَكۡثَرَ ٱلنَّاسِ لَا يَعۡلَمُونَ ﴿٣٨﴾
لِيُبَيِّنَ لَهُمُ ٱلَّذِي يَخۡتَلِفُونَ فِيهِ وَلِيَعۡلَمَ ٱلَّذِينَ كَفَرُوٓاْ
أَنَّهُمۡ كَانُواْ كَٰذِبِينَ ﴿٣٩﴾ إِنَّمَا قَوۡلُنَا لِشَيۡءٍ إِذَآ أَرَدۡنَٰهُ أَن نَّقُولَ
لَهُۥ كُن فَيَكُونُ ﴿٤٠﴾ وَٱلَّذِينَ هَاجَرُواْ فِي ٱللَّهِ مِنۢ بَعۡدِ مَا ظُلِمُواْ
لَنُبَوِّئَنَّهُمۡ فِي ٱلدُّنۡيَا حَسَنَةٗۖ وَلَأَجۡرُ ٱلۡأٓخِرَةِ أَكۡبَرُۚ لَوۡ كَانُواْ
يَعۡلَمُونَ ﴿٤١﴾ ٱلَّذِينَ صَبَرُواْ وَعَلَىٰ رَبِّهِمۡ يَتَوَكَّلُونَ ﴿٤٢﴾

35.- Và những kẻ tôn thờ đa thần lên tiếng: "Nếu Allah muốn, chúng tôi lẫn cha mẹ của chúng tôi đâu có tôn thờ bất cứ thứ gì ngoài Ngài, và chúng tôi đã không cấm cản bất cứ điều gì ngoài điều mà Ngài đã cấm." Những kẻ trước chúng cũng đã làm đúng như thế. Vậy phải chăng nhiệm vụ của những Sứ giả (của Allah) chỉ là công khai truyền đạt (Thông Điệp của Allah)?

36.- Và chắc chắn *TA* đã cử một Sứ giả đến cho mỗi cộng đồng (với Mệnh lệnh): "Hãy thờ phụng Allah và tránh xa Tà thần. Bởi thế, trong họ có kẻ được Allah hướng dẫn và có kẻ không tránh khỏi đi lạc. Do đó, hãy đi du lịch trên trái đất để quan sát kết cuộc của những kẻ đã phủ nhận sự Thật xẩy ra như thế nào.

37.- Nếu Ngươi (Muhammad) muốn hướng dẫn họ thì quả thật Allah không hướng dẫn ai mà Ngài đánh lạc hướng. Và họ sẽ không được ai giúp đỡ.

38.- Và họ thề nhân danh Allah bằng những lời thề nghiêm trọng nhất, rằng Allah sẽ không phục sinh ai đã chết. Vâng, (Allah sẽ phục sinh y), một lời hứa mà Ngài bắt buộc phải thi hành, nhưng đa số nhân-loại không biết.

39.- (Allah sẽ phục sinh người chết) để Ngài chứng minh cho họ thấy sự thật về điều mà họ đã từng bất đồng ý kiến và để cho những kẻ không tin tưởng biết chính họ mới là những kẻ nói dối.

40.- Quả thật, Lời phán của *TA* đối với một vật mà *TA* muốn nó thành hình, thì chỉ bảo với nó: "Hãy Thành!" - thì nó sẽ thành hình.

41.- Và những ai đã vì Allah mà di cư đi tị nạn sau khi bị đối xử bất công, thì chắc chắn sẽ được *TA* cho định cư tại một nơi tốt đẹp trên thế gian và phần thưởng dành cho họ ở Đời sau sẽ lớn hơn nữa nếu họ biết (điều đó):

42.- Những ai kiên nhẫn và phó thác (công việc của họ) cho *Rabb* (Allah) của họ.

وَمَآ أَرۡسَلۡنَا مِن قَبۡلِكَ إِلَّا رِجَالٗا نُّوحِيٓ إِلَيۡهِمۡۖ فَسۡـَٔلُوٓاْ أَهۡلَ ٱلذِّكۡرِ إِن كُنتُمۡ لَا تَعۡلَمُونَ ٤٣ بِٱلۡبَيِّنَٰتِ وَٱلزُّبُرِۗ وَأَنزَلۡنَآ إِلَيۡكَ ٱلذِّكۡرَ لِتُبَيِّنَ لِلنَّاسِ مَا نُزِّلَ إِلَيۡهِمۡ وَلَعَلَّهُمۡ يَتَفَكَّرُونَ ٤٤ أَفَأَمِنَ ٱلَّذِينَ مَكَرُواْ ٱلسَّيِّـَٔاتِ أَن يَخۡسِفَ ٱللَّهُ بِهِمُ ٱلۡأَرۡضَ أَوۡ يَأۡتِيَهُمُ ٱلۡعَذَابُ مِنۡ حَيۡثُ لَا يَشۡعُرُونَ ٤٥ أَوۡ يَأۡخُذَهُمۡ فِي تَقَلُّبِهِمۡ فَمَا هُم بِمُعۡجِزِينَ ٤٦ أَوۡ يَأۡخُذَهُمۡ عَلَىٰ تَخَوُّفٖ فَإِنَّ رَبَّكُمۡ لَرَءُوفٞ رَّحِيمٌ ٤٧ أَوَلَمۡ يَرَوۡاْ إِلَىٰ مَا خَلَقَ ٱللَّهُ مِن شَيۡءٖ يَتَفَيَّؤُاْ ظِلَٰلُهُۥ عَنِ ٱلۡيَمِينِ وَٱلشَّمَآئِلِ سُجَّدٗا لِّلَّهِ وَهُمۡ دَٰخِرُونَ ٤٨ وَلِلَّهِ يَسۡجُدُ مَا فِي ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَمَا فِي ٱلۡأَرۡضِ مِن دَآبَّةٖ وَٱلۡمَلَٰٓئِكَةُ وَهُمۡ لَا يَسۡتَكۡبِرُونَ ٤٩ يَخَافُونَ رَبَّهُم مِّن فَوۡقِهِمۡ وَيَفۡعَلُونَ مَا يُؤۡمَرُونَ۩ ٥٠ ۞ وَقَالَ ٱللَّهُ لَا تَتَّخِذُوٓاْ إِلَٰهَيۡنِ ٱثۡنَيۡنِۖ إِنَّمَا هُوَ إِلَٰهٞ وَٰحِدٞ فَإِيَّٰيَ فَٱرۡهَبُونِ ٥١ وَلَهُۥ مَا فِي ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضِ وَلَهُ ٱلدِّينُ وَاصِبًاۚ أَفَغَيۡرَ ٱللَّهِ تَتَّقُونَ ٥٢ وَمَا بِكُم مِّن نِّعۡمَةٖ فَمِنَ ٱللَّهِۖ ثُمَّ إِذَا مَسَّكُمُ ٱلضُّرُّ فَإِلَيۡهِ تَجۡـَٔرُونَ ٥٣ ثُمَّ إِذَا كَشَفَ ٱلضُّرَّ عَنكُمۡ إِذَا فَرِيقٞ مِّنكُم بِرَبِّهِمۡ يُشۡرِكُونَ ٥٤

سجدة
الحزب ٢٨

43.- Và trước Ngươi (Muhammad), *TA* chỉ cử những người phàm mà *TA* đã mặc khải (Kinh sách) đến làm Sứ giả. Nếu các người không biết (điều này), thì hãy hỏi những người giữ *Zikr*[1].

44.- (Các Sứ giả đến) với những bằng chứng rõ rệt và với Kinh sách. Và *TA* cũng đã ban cho Ngươi *Zikr* (Kinh Qur'ān) để Ngươi giải thích rõ cho mọi người biết về những điều mà *TA* đã ban xuống cho họ và để họ ngẫm nghĩ.

45.- Há những kẻ âm mưu điều tội lỗi cảm thấy an-toàn chăng nếu Allah sẽ làm cho đất nuốt mất họ đi hoặc hình phạt sẽ đến với họ từ đâu đó mà họ không nhận ra?

46.- Hoặc Ngài sẽ trừng phạt họ trong lúc họ đang di chuyển qua lại đến nỗi họ sẽ không tránh khỏi đặng?

47.- Hoặc Ngài sẽ túm bắt họ bằng cách làm cho họ suy giảm từ từ? Nhưng quả thật, *Rabb* (Allah) của Ngươi Rất mực Nhân từ, Rất mực Khoan dung.

48.- Há họ không quan sát vạn vật mà Allah đã tạo, xem bóng của mỗi vật tự động quay sang phải và trái, và quì lạy Allah trong lúc chúng hạ mình khiêm tốn như thế nào ư?

49.- Và bất cứ sinh vật nào trong các tầng trời và dưới đất và cả Thiên thần nữa đều phủ phục Allah và không hề tỏ vẻ kiêu căng.

50.- Chúng sợ *Rabb* (Allah) ở bên trên chúng và làm bất cứ điều gì mà Ngài phán truyền.

51.- Và Allah đã phán: "Chớ tôn thờ hai thần linh. Quả thật, Ngài (Allah) chỉ là một Thượng Đế Duy nhất. Do đó, hãy sợ TA! (riêng TA thôi, hỡi nhân loại!)"

52.- Và bất cứ cái gì trong các tầng trời và dưới đất đều thuộc về Ngài cả; và phục mệnh Ngài trong tôn giáo là điều bắt buộc[2]. Thế các người sợ sệt kẻ khác thay vì Allah ư?

53.- Và bất cứ ân-huệ nào mà các người hưởng thụ đều do Allah ban cho cả. Rồi khi các người gặp hoạn nạn, các người kêu cứu với Ngài.

54.- Rồi, khi Ngài giải cứu các người thoát nạn thì một phần tử trong các người lại tổ hợp những kẻ (hợp-tác) khác cùng với *Rabb* của họ.

---

[1] *Zikr* (kinh sách Taurah và Injīl)

[2] *Wa lahud dīn wāsiba* có nghĩa "Và tôn giáo luôn luôn là của Ngài."

لِيَكۡفُرُواْ بِمَآ ءَاتَيۡنَٰهُمۡۚ فَتَمَتَّعُواْ فَسَوۡفَ تَعۡلَمُونَ ٥٥ وَيَجۡعَلُونَ
لِمَا لَا يَعۡلَمُونَ نَصِيبٗا مِّمَّا رَزَقۡنَٰهُمۡۗ تَٱللَّهِ لَتُسۡـَٔلُنَّ عَمَّا كُنتُمۡ
تَفۡتَرُونَ ٥٦ وَيَجۡعَلُونَ لِلَّهِ ٱلۡبَنَٰتِ سُبۡحَٰنَهُۥ وَلَهُم مَّا يَشۡتَهُونَ
٥٧ وَإِذَا بُشِّرَ أَحَدُهُم بِٱلۡأُنثَىٰ ظَلَّ وَجۡهُهُۥ مُسۡوَدّٗا وَهُوَ كَظِيمٞ ٥٨
يَتَوَٰرَىٰ مِنَ ٱلۡقَوۡمِ مِن سُوٓءِ مَا بُشِّرَ بِهِۦٓۚ أَيُمۡسِكُهُۥ عَلَىٰ هُونٍ
أَمۡ يَدُسُّهُۥ فِي ٱلتُّرَابِۗ أَلَا سَآءَ مَا يَحۡكُمُونَ ٥٩ لِلَّذِينَ لَا يُؤۡمِنُونَ
بِٱلۡأٓخِرَةِ مَثَلُ ٱلسَّوۡءِۖ وَلِلَّهِ ٱلۡمَثَلُ ٱلۡأَعۡلَىٰۚ وَهُوَ ٱلۡعَزِيزُ ٱلۡحَكِيمُ
٦٠ وَلَوۡ يُؤَاخِذُ ٱللَّهُ ٱلنَّاسَ بِظُلۡمِهِم مَّا تَرَكَ عَلَيۡهَا مِن دَآبَّةٖ
وَلَٰكِن يُؤَخِّرُهُمۡ إِلَىٰٓ أَجَلٖ مُّسَمّٗىۖ فَإِذَا جَآءَ أَجَلُهُمۡ لَا يَسۡتَـٔۡخِرُونَ
سَاعَةٗ وَلَا يَسۡتَقۡدِمُونَ ٦١ وَيَجۡعَلُونَ لِلَّهِ مَا يَكۡرَهُونَۚ وَتَصِفُ
أَلۡسِنَتُهُمُ ٱلۡكَذِبَ أَنَّ لَهُمُ ٱلۡحُسۡنَىٰۖ لَا جَرَمَ أَنَّ لَهُمُ ٱلنَّارَ
وَأَنَّهُم مُّفۡرَطُونَ ٦٢ تَٱللَّهِ لَقَدۡ أَرۡسَلۡنَآ إِلَىٰٓ أُمَمٖ مِّن قَبۡلِكَ
فَزَيَّنَ لَهُمُ ٱلشَّيۡطَٰنُ أَعۡمَٰلَهُمۡ فَهُوَ وَلِيُّهُمُ ٱلۡيَوۡمَ وَلَهُمۡ
عَذَابٌ أَلِيمٞ ٦٣ وَمَآ أَنزَلۡنَا عَلَيۡكَ ٱلۡكِتَٰبَ إِلَّا لِتُبَيِّنَ لَهُمُ
ٱلَّذِي ٱخۡتَلَفُواْ فِيهِ وَهُدٗى وَرَحۡمَةٗ لِّقَوۡمٖ يُؤۡمِنُونَ ٦٤

55.- (Mục đích) để họ có thể phủ nhận những Ân huệ mà *TA* đã ban cho. Thế, hãy hưởng thụ đi. Rồi đây, các ngươi sẽ sớm biết (hậu quả).

56.- Và họ trích ra một phần bổng lộc mà *TA* đã ban cấp để dâng cho những kẻ mà họ không biết. Này, nhân danh Allah, chắc chắn các ngươi sẽ bị chất vấn về những điều mà các ngươi đã bịa đặt.

57.- Và họ đặt chuyện (nói) Allah có con gái. Quang vinh và trong sạch thay Ngài! Và những điều mà họ mong muốn chỉ là cho họ mà thôi.

58.- Và khi một người trong bọn nhận được tin tức về một đứa bé gái (vừa mới chào đời), gương mặt của y sa sầm và nỗi lòng buồn rầu vô hạn.

59.- Y nhục nhã lẫn trốn thiên hạ vì hung tín vừa mới nhận. Y phải giữ nó (đứa bé gái) lại trong tủi nhục hay phải chôn sống nó dưới đất? Ôi xót xa thay điều mà y quyết định!

60.- Đối với những ai không tin tưởng nơi Đời sau thì như là một hình ảnh so sánh[1] xấu xa; ngược lại, Allah là một hình ảnh so sánh cao quí. Bởi vì Ngài là Đấng Toàn Năng, Đấng Rất mực Sáng suốt.

61.- Và nếu Allah muốn bắt phạt loài người về tội ác của họ thì Ngài sẽ không để cho một sinh vật nào tồn tại trên trái đất. Nhưng Ngài triển hạn cho họ sống đến một thời kỳ ấn định. Do đó, khi thời hạn đã mãn, thì nhất định họ sẽ không thể nấn ná thêm được một giờ khắc nào, và cũng không thể ra đi sớm hơn giờ khắc ấn định.

62.- Và họ qui cho Allah điều mà chính họ lại không thích và lưỡi của họ thốt ra lời lẽ dối trá, nói rằng cái gì tốt là của họ. Không một chút nghi ngờ nào, chắc chắn Lửa (của Hỏa ngục) là phần dành cho họ và chắc chắn họ sẽ là những kẻ đầu tiên chạy nhanh đến đó trước.

63.- Nhân danh Allah, *TA* đã cử phái (các Sứ giả) đến với những cộng đồng trước thời của Ngươi (Muhammad) nhưng *Shaytān* tô điểm việc làm của họ thành hấp dẫn đối với họ; do đó, ngày nay nó là kẻ đỡ đầu của họ và họ sẽ chịu một sự trừng phạt đau đớn.

64.- Và *TA* đã ban Kinh sách (Qur'ān) xuống cho Ngươi để Ngươi dùng nó mà giải thích cho họ rõ những điều họ bất đồng trong đó; và (Kinh Qur'ān) vừa là một Chỉ-đạo vừa là một Hồng-ân cho một số người có đức tin.

---

[1] *Mathal* là sự so sánh. Ở đây mathal tiêu biểu cho thuộc tính, đặc tính.

وَٱللَّهُ أَنزَلَ مِنَ ٱلسَّمَآءِ مَآءً فَأَحۡيَا بِهِ ٱلۡأَرۡضَ بَعۡدَ مَوۡتِهَآۚ إِنَّ فِي ذَٰلِكَ لَأٓيَةً لِّقَوۡمٍ يَسۡمَعُونَ ٦٥ وَإِنَّ لَكُمۡ فِي ٱلۡأَنۡعَٰمِ لَعِبۡرَةًۖ نُّسۡقِيكُم مِّمَّا فِي بُطُونِهِۦ مِنۢ بَيۡنِ فَرۡثٍ وَدَمٍ لَّبَنًا خَالِصًا سَآئِغًا لِّلشَّٰرِبِينَ ٦٦ وَمِن ثَمَرَٰتِ ٱلنَّخِيلِ وَٱلۡأَعۡنَٰبِ تَتَّخِذُونَ مِنۡهُ سَكَرًا وَرِزۡقًا حَسَنًاۚ إِنَّ فِي ذَٰلِكَ لَأٓيَةً لِّقَوۡمٍ يَعۡقِلُونَ ٦٧ وَأَوۡحَىٰ رَبُّكَ إِلَى ٱلنَّحۡلِ أَنِ ٱتَّخِذِي مِنَ ٱلۡجِبَالِ بُيُوتًا وَمِنَ ٱلشَّجَرِ وَمِمَّا يَعۡرِشُونَ ٦٨ ثُمَّ كُلِي مِن كُلِّ ٱلثَّمَرَٰتِ فَٱسۡلُكِي سُبُلَ رَبِّكِ ذُلُلٗاۚ يَخۡرُجُ مِنۢ بُطُونِهَا شَرَابٌ مُّخۡتَلِفٌ أَلۡوَٰنُهُۥ فِيهِ شِفَآءٌ لِّلنَّاسِۚ إِنَّ فِي ذَٰلِكَ لَأٓيَةً لِّقَوۡمٍ يَتَفَكَّرُونَ ٦٩ وَٱللَّهُ خَلَقَكُمۡ ثُمَّ يَتَوَفَّىٰكُمۡۚ وَمِنكُم مَّن يُرَدُّ إِلَىٰٓ أَرۡذَلِ ٱلۡعُمُرِ لِكَيۡ لَا يَعۡلَمَ بَعۡدَ عِلۡمٖ شَيۡـًٔاۚ إِنَّ ٱللَّهَ عَلِيمٞ قَدِيرٞ ٧٠ وَٱللَّهُ فَضَّلَ بَعۡضَكُمۡ عَلَىٰ بَعۡضٖ فِي ٱلرِّزۡقِۚ فَمَا ٱلَّذِينَ فُضِّلُواْ بِرَآدِّي رِزۡقِهِمۡ عَلَىٰ مَا مَلَكَتۡ أَيۡمَٰنُهُمۡ فَهُمۡ فِيهِ سَوَآءٌۚ أَفَبِنِعۡمَةِ ٱللَّهِ يَجۡحَدُونَ ٧١ وَٱللَّهُ جَعَلَ لَكُم مِّنۡ أَنفُسِكُمۡ أَزۡوَٰجٗا وَجَعَلَ لَكُم مِّنۡ أَزۡوَٰجِكُم بَنِينَ وَحَفَدَةٗ وَرَزَقَكُم مِّنَ ٱلطَّيِّبَٰتِۚ أَفَبِٱلۡبَٰطِلِ يُؤۡمِنُونَ وَبِنِعۡمَتِ ٱللَّهِ هُمۡ يَكۡفُرُونَ ٧٢

65.- Và Allah đã ban nước mưa từ trên trời xuống mà Ngài dùng để làm hồi sinh đất đai đã chết khô. Chắc chắn trong sự việc đó là một Dấu-hiệu cho một số người biết nghe lời (Allah).

66.- Và quả thật nơi gia súc cũng có một bài học cho các người. *TA* ban cho các người loại thức uống từ chất nằm trong bụng của chúng, giữa phân và máu: sữa tươi tinh khiết và có hương vị làm cho người uống thích thú.

67.- Và (một bài học) từ trái chà-là và trái nho mà các người ép ra chất rượu và có được một loại lương thực tốt. Quả thật, trong sự việc đó là một Dấu-hiệu cho một đám người thông hiểu.

68.- Và *Rabb* (Allah) của Ngươi (Muhammad) đã mặc khải cho ong mật rằng: "Hãy xây tổ (làm nhà) trên núi, và trên cây và trên những vật mà họ (nhân loại) đã dựng lên.

69.- "Và hãy ăn (hút mật) từ mỗi loại trái cây, rồi hãy đi theo các con đường thành-thuộc của *Rabb* của ngươi"; từ trong bụng của chúng tiết ra một loại chất uống có nhiều mầu sắc khác biệt; trong đó chứa một dược-liệu chữa bệnh cho nhân loại. Chắc chắn, trong sự việc đó là một Dấu-hiệu cho một đám người biết ngẫm-nghĩ.

70.- Và Allah đã tạo hóa các người rồi bắt hồn các người. Trong các người, có một số được trả về sống tiếp cho đến hết tuổi già yếu, và trở thành lẩm cẩm đến nỗi không còn biết gì sau khi đã biết nhiều. Quả thật, Allah Toàn Tri, Toàn Lực.

71.- Và Allah đã ưu đãi một số người này hơn một số người khác về bổng lộc. Và những ai được ưu đãi không giao bổng lộc của mình cho những kẻ (nô lệ) nằm dưới tay quản lý của mình hầu làm cho chúng bình đẳng với mình về phương diện này. Phải chăng họ đã phủ nhận những ân-huệ của Allah?

72.- Và Allah đã tạo từ bản thân của các người các người vợ cho các người và từ các bà vợ, đã tạo con cái và cháu chắt cho các người và cung cấp lương thực tốt cho các người. Phải chăng họ tin tưởng nơi điều giả dối và phủ nhận các ân huệ của Allah?

وَيَعۡبُدُونَ مِن دُونِ ٱللَّهِ مَا لَا يَمۡلِكُ لَهُمۡ رِزۡقٗا مِّنَ ٱلسَّمَٰوَٰتِ
وَٱلۡأَرۡضِ شَيۡـٔٗا وَلَا يَسۡتَطِيعُونَ ٧٣ فَلَا تَضۡرِبُواْ لِلَّهِ ٱلۡأَمۡثَالَۚ
إِنَّ ٱللَّهَ يَعۡلَمُ وَأَنتُمۡ لَا تَعۡلَمُونَ ٧٤ ۞ ضَرَبَ ٱللَّهُ مَثَلًا عَبۡدٗا
مَّمۡلُوكٗا لَّا يَقۡدِرُ عَلَىٰ شَيۡءٖ وَمَن رَّزَقۡنَٰهُ مِنَّا رِزۡقًا حَسَنٗا
فَهُوَ يُنفِقُ مِنۡهُ سِرّٗا وَجَهۡرًاۖ هَلۡ يَسۡتَوُۥنَۚ ٱلۡحَمۡدُ لِلَّهِۚ
بَلۡ أَكۡثَرُهُمۡ لَا يَعۡلَمُونَ ٧٥ وَضَرَبَ ٱللَّهُ مَثَلٗا رَّجُلَيۡنِ
أَحَدُهُمَآ أَبۡكَمُ لَا يَقۡدِرُ عَلَىٰ شَيۡءٖ وَهُوَ كَلٌّ عَلَىٰ مَوۡلَىٰهُ
أَيۡنَمَا يُوَجِّههُّ لَا يَأۡتِ بِخَيۡرٍ هَلۡ يَسۡتَوِي هُوَ وَمَن يَأۡمُرُ
بِٱلۡعَدۡلِ وَهُوَ عَلَىٰ صِرَٰطٖ مُّسۡتَقِيمٖ ٧٦ وَلِلَّهِ غَيۡبُ
ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضِۚ وَمَآ أَمۡرُ ٱلسَّاعَةِ إِلَّا كَلَمۡحِ
ٱلۡبَصَرِ أَوۡ هُوَ أَقۡرَبُۚ إِنَّ ٱللَّهَ عَلَىٰ كُلِّ شَيۡءٖ قَدِيرٞ ٧٧
وَٱللَّهُ أَخۡرَجَكُم مِّنۢ بُطُونِ أُمَّهَٰتِكُمۡ لَا تَعۡلَمُونَ شَيۡـٔٗا
وَجَعَلَ لَكُمُ ٱلسَّمۡعَ وَٱلۡأَبۡصَٰرَ وَٱلۡأَفۡـِٔدَةَ لَعَلَّكُمۡ
تَشۡكُرُونَ ٧٨ أَلَمۡ يَرَوۡاْ إِلَى ٱلطَّيۡرِ مُسَخَّرَٰتٖ فِي جَوِّ ٱلسَّمَآءِ
مَا يُمۡسِكُهُنَّ إِلَّا ٱللَّهُۚ إِنَّ فِي ذَٰلِكَ لَأٓيَٰتٖ لِّقَوۡمٖ يُؤۡمِنُونَ ٧٩

73.- Và họ thờ phụng, ngoài Allah, những kẻ không có một chút quyền hành và cũng không có khả năng cung cấp cho họ một tí lương thực nào từ các tầng trời và dưới đất.

74.- Bởi thế, chớ đưa ra những hình ảnh so sánh với Allah[1]. Quả thật, Allah biết hết (mọi việc) trong lúc các người không biết.

75.- Allah đưa ra thí dụ so sánh (về hai người): một người nô-lệ bị quản thúc, không có một chút quyền hành nào; và một người được *TA* cung cấp bổng lộc tốt mà y chi dùng kín đáo và công khai (vào việc từ thiện). Vậy hai người đó có ngang bằng nhau không? Mọi lời ca tụng đều thuộc về Allah. Không! Đa số bọn họ không biết.

76.- Và Allah đưa ra một thí dụ so sánh (khác) về hai người; một trong hai người thì câm, không có một chút quyền nào và là một gánh nặng cho người chủ. Bất cứ nơi nào người chủ sai đi, y không hề mang về một điều tốt nào. Y có bằng với một người ra lệnh thi hành nền công lý và đi theo con Đường ngay chính hay không?

77.- Và Allah nắm điều vô hình của các tầng trời và trái đất. Và vấn đề của Giờ (Phán xử) sẽ xảy ra chỉ như cái nháy mắt hoặc nhanh hơn nữa. Quả thật, Allah có quyền quyết định trên tất cả mọi việc.

78.- Và Allah đã mang các người ra khỏi bụng mẹ (trong lúc) các người không biết gì cả và Ngài đã ban cho các người cái '*nghe*', và cái '*thấy*' và *'tấm lòng'* để các người có thể tạ ơn (Allah).

79.- Há họ không thấy những con chim bị chế ngự thăng bằng giữa không trung hay sao? Không ai giữ chúng thăng bằng được ngoại trừ Allah. Chắc chắn trong sự việc đó là những Dấu-hiệu cho một đám người có đức tin.

---

[1] Không có gì tương tự Allah và Allah không giống với cái gì.

وَٱللَّهُ جَعَلَ لَكُم مِّنۢ بُيُوتِكُمۡ سَكَنٗا وَجَعَلَ لَكُم مِّن جُلُودِ ٱلۡأَنۡعَٰمِ بُيُوتٗا تَسۡتَخِفُّونَهَا يَوۡمَ ظَعۡنِكُمۡ وَيَوۡمَ إِقَامَتِكُمۡ وَمِنۡ أَصۡوَافِهَا وَأَوۡبَارِهَا وَأَشۡعَارِهَآ أَثَٰثٗا وَمَتَٰعًا إِلَىٰ حِينٖ ﴿٨٠﴾ وَٱللَّهُ جَعَلَ لَكُم مِّمَّا خَلَقَ ظِلَٰلٗا وَجَعَلَ لَكُم مِّنَ ٱلۡجِبَالِ أَكۡنَٰنٗا وَجَعَلَ لَكُمۡ سَرَٰبِيلَ تَقِيكُمُ ٱلۡحَرَّ وَسَرَٰبِيلَ تَقِيكُم بَأۡسَكُمۡۚ كَذَٰلِكَ يُتِمُّ نِعۡمَتَهُۥ عَلَيۡكُمۡ لَعَلَّكُمۡ تُسۡلِمُونَ ﴿٨١﴾ فَإِن تَوَلَّوۡاْ فَإِنَّمَا عَلَيۡكَ ٱلۡبَلَٰغُ ٱلۡمُبِينُ ﴿٨٢﴾ يَعۡرِفُونَ نِعۡمَتَ ٱللَّهِ ثُمَّ يُنكِرُونَهَا وَأَكۡثَرُهُمُ ٱلۡكَٰفِرُونَ ﴿٨٣﴾ وَيَوۡمَ نَبۡعَثُ مِن كُلِّ أُمَّةٖ شَهِيدٗا ثُمَّ لَا يُؤۡذَنُ لِلَّذِينَ كَفَرُواْ وَلَا هُمۡ يُسۡتَعۡتَبُونَ ﴿٨٤﴾ وَإِذَا رَءَا ٱلَّذِينَ ظَلَمُواْ ٱلۡعَذَابَ فَلَا يُخَفَّفُ عَنۡهُمۡ وَلَا هُمۡ يُنظَرُونَ ﴿٨٥﴾ وَإِذَا رَءَا ٱلَّذِينَ أَشۡرَكُواْ شُرَكَآءَهُمۡ قَالُواْ رَبَّنَا هَٰٓؤُلَآءِ شُرَكَآؤُنَا ٱلَّذِينَ كُنَّا نَدۡعُواْ مِن دُونِكَۖ فَأَلۡقَوۡاْ إِلَيۡهِمُ ٱلۡقَوۡلَ إِنَّكُمۡ لَكَٰذِبُونَ ﴿٨٦﴾ وَأَلۡقَوۡاْ إِلَى ٱللَّهِ يَوۡمَئِذٍ ٱلسَّلَمَۖ وَضَلَّ عَنۡهُم مَّا كَانُواْ يَفۡتَرُونَ ﴿٨٧﴾

80.- Và Allah đã làm nhà cửa cho các người yên nghỉ và đã dùng da thuộc của gia súc làm thành căn lều mà các người cảm thấy nhẹ vào ngày di chuyển cũng như vào ngày dừng chân nghỉ tạm; và từ lông cứng và lông mịn và lông thường của chúng (các người) có được vật trang-trí và vật hưởng-dụng trong một thời gian.

81.- Và Allah đã dùng những vật mà Ngài đã tạo để che mát cho các người và dựng núi làm nơi trú ẩn cho các người và làm ra những chiếc áo choàng để bảo vệ các người khỏi bị nóng và làm những chiếc áo giáp bảo vệ các người trước sức tấn công (của địch). Bằng cách đó Ngài đã hoàn tất Ân huệ của Ngài cho các người để may ra các người thần phục Ngài (trong Islām).

82.- Nhưng nếu họ quay bỏ di thì nhiệm vụ của Ngươi chỉ là công khai truyền đạt (Thông điệp của Allah).

83.- Họ đều công nhận Ân huệ của Allah, nhưng phủ nhận nó và đa số bọn họ là những kẻ phụ ơn.

84.- Và (hãy nhớ) Ngày mà *TA* sẽ dựng lên từ mỗi cộng đồng một nhân chứng[1]; lúc đó những kẻ không có đức tin sẽ không được phép (cáo-lỗi) và cũng không được phép tạ tội sửa mình.

85.- Và khi những kẻ làm điều sai quấy thấy sự trừng phạt, nó sẽ không được giảm nhẹ cho họ và họ cũng sẽ không được nghỉ xã hơi.

86.- Và khi thấy những 'thần-linh' của họ, những kẻ tôn thờ đa-thần sẽ thưa: “Lạy *Rabb* chúng tôi! Đây là những 'thần linh' mà chúng tôi thường cầu nguyện ngoài Ngài.” Nhưng chúng sẽ mắng trả lại, bảo: “Thật sự các người chỉ là những tên nói dối.”

87.- Vào Ngày đó họ sẽ công khai thần phục Allah và những kẻ (thần-linh) mà họ đã từng bịa đặt sẽ biến đi mất dạng, bỏ họ ở lại trong lúng túng.

[1] Sứ giả của Allah hay Thiên Sứ làm nhân chứng

ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ وَصَدُّواْ عَن سَبِيلِ ٱللَّهِ زِدۡنَٰهُمۡ عَذَابٗا
فَوۡقَ ٱلۡعَذَابِ بِمَا كَانُواْ يُفۡسِدُونَ ٨٨ وَيَوۡمَ نَبۡعَثُ فِي
كُلِّ أُمَّةٖ شَهِيدًا عَلَيۡهِم مِّنۡ أَنفُسِهِمۡۖ وَجِئۡنَا بِكَ
شَهِيدًا عَلَىٰ هَٰٓؤُلَآءِۚ وَنَزَّلۡنَا عَلَيۡكَ ٱلۡكِتَٰبَ تِبۡيَٰنٗا لِّكُلِّ
شَيۡءٖ وَهُدٗى وَرَحۡمَةٗ وَبُشۡرَىٰ لِلۡمُسۡلِمِينَ ٨٩ ۞إِنَّ ٱللَّهَ
يَأۡمُرُ بِٱلۡعَدۡلِ وَٱلۡإِحۡسَٰنِ وَإِيتَآيِٕ ذِي ٱلۡقُرۡبَىٰ وَيَنۡهَىٰ عَنِ
ٱلۡفَحۡشَآءِ وَٱلۡمُنكَرِ وَٱلۡبَغۡيِۚ يَعِظُكُمۡ لَعَلَّكُمۡ تَذَكَّرُونَ
٩٠ وَأَوۡفُواْ بِعَهۡدِ ٱللَّهِ إِذَا عَٰهَدتُّمۡ وَلَا تَنقُضُواْ ٱلۡأَيۡمَٰنَ
بَعۡدَ تَوۡكِيدِهَا وَقَدۡ جَعَلۡتُمُ ٱللَّهَ عَلَيۡكُمۡ كَفِيلًاۚ إِنَّ
ٱللَّهَ يَعۡلَمُ مَا تَفۡعَلُونَ ٩١ وَلَا تَكُونُواْ كَٱلَّتِي نَقَضَتۡ
غَزۡلَهَا مِنۢ بَعۡدِ قُوَّةٍ أَنكَٰثٗا تَتَّخِذُونَ أَيۡمَٰنَكُمۡ دَخَلَۢا
بَيۡنَكُمۡ أَن تَكُونَ أُمَّةٌ هِيَ أَرۡبَىٰ مِنۡ أُمَّةٍۚ إِنَّمَا يَبۡلُوكُمُ ٱللَّهُ
بِهِۦۚ وَلَيُبَيِّنَنَّ لَكُمۡ يَوۡمَ ٱلۡقِيَٰمَةِ مَا كُنتُمۡ فِيهِ تَخۡتَلِفُونَ
٩٢ وَلَوۡ شَآءَ ٱللَّهُ لَجَعَلَكُمۡ أُمَّةٗ وَٰحِدَةٗ وَلَٰكِن يُضِلُّ مَن
يَشَآءُ وَيَهۡدِي مَن يَشَآءُۚ وَلَتُسۡـَٔلُنَّ عَمَّا كُنتُمۡ تَعۡمَلُونَ ٩٣

88.- Những ai không tin tưởng và cản trở người khác xa lánh con đường của Allah thì sẽ bị *TA* gia tăng hình phạt chồng chất vì tội đã từng gieo rắc điều thối nát.

89.- Và (hãy nhớ) Ngày mà *TA* sẽ dựng sống lại từ mỗi cộng đồng một nhân chứng của họ đứng ra đối chất với họ và *TA* sẽ đưa Ngươi (Muhammad) ra làm một nhân chứng đối chất với những người (*Quraish*) này. Và *TA* đã ban cho Ngươi Kinh sách (Qur'ān) trình bày rõ tất cả mọi điều; và là một Chỉ đạo, một Hồng Ân và Tin mừng cho những người Muslim.

90.- Allah truyền lệnh thi hành nền công-lý và làm điều thiện và bố-thí (giúp đỡ) người ruột thịt[1] và cấm làm điều ác đức[2] và điều tội-lỗi[3] và áp bức bất công[4]. Ngài dạy bảo các người để may ra các người lưu ý (đến Phúc và Tội).

91.- Và hãy làm tròn Lời Giao Ước của Allah khi các người đã giao ước và chớ vi phạm lời thề sau khi đã thề xác nhận và chắc chắn các người đã nhận Allah làm một Bảo-chứng của các người. Quả thật, Allah Hằng biết điều các người làm.

92.- Và chớ xử sự như một phụ nữ tháo tung cuộn chỉ của bà sau khi đã được se chặt. Các người dùng lời thề để lừa dối lẫn nhau sợ rằng một cộng đồng này mai hậu sẽ có đông người hơn một cộng đồng kia. Quả thật, Allah chỉ dùng nó để thử thách các người. Và vào Ngày Phục sinh chắc chắn Ngài sẽ cho các người thấy rõ điều mà các người đã từng tranh chấp nhau.

93.- Và nếu muốn, Allah đã làm cho các người thành một cộng đồng duy nhất nhưng Ngài đánh lạc hướng kẻ nào Ngài muốn và hướng dẫn người nào Ngài muốn. Và chắc chắn, các người sẽ bị tra hỏi về những điều các người đã từng làm.

---

[1] Người ruột thịt gồm theo thứ tự: trước hết là cha mẹ, kế tiếp là con cái, rồi anh chị em ruột; chú, bác và cô; cậu dì; và bà con nội ngoại.

[2] *Al-Fāhshā'* gồm các việc gian dâm ngoại tình, bất hiếu với cha mẹ, thờ đa thần, nói dối, làm chứng giả, giết người vô cớ v.v..

[3] *Al-Munkar* gồm các điều bị cấm chỉ theo giáo luật của Islām chẳng hạn như đa thần giáo, vô tín, tất cả các điều xấu xa tội lỗi v.v..

[4] *Al-Baghy* gồm tất cả các hình thức áp bức người khác.

وَلَا تَتَّخِذُوٓاْ أَيۡمَٰنَكُمۡ دَخَلَۢا بَيۡنَكُمۡ فَتَزِلَّ قَدَمُۢ بَعۡدَ ثُبُوتِهَا وَتَذُوقُواْ ٱلسُّوٓءَ بِمَا صَدَدتُّمۡ عَن سَبِيلِ ٱللَّهِ وَلَكُمۡ عَذَابٌ عَظِيمٞ ٩٤ وَلَا تَشۡتَرُواْ بِعَهۡدِ ٱللَّهِ ثَمَنٗا قَلِيلًاۚ إِنَّمَا عِندَ ٱللَّهِ هُوَ خَيۡرٞ لَّكُمۡ إِن كُنتُمۡ تَعۡلَمُونَ ٩٥ مَا عِندَكُمۡ يَنفَدُ وَمَا عِندَ ٱللَّهِ بَاقٖۗ وَلَنَجۡزِيَنَّ ٱلَّذِينَ صَبَرُوٓاْ أَجۡرَهُم بِأَحۡسَنِ مَا كَانُواْ يَعۡمَلُونَ ٩٦ مَنۡ عَمِلَ صَٰلِحٗا مِّن ذَكَرٍ أَوۡ أُنثَىٰ وَهُوَ مُؤۡمِنٞ فَلَنُحۡيِيَنَّهُۥ حَيَوٰةٗ طَيِّبَةٗۖ وَلَنَجۡزِيَنَّهُمۡ أَجۡرَهُم بِأَحۡسَنِ مَا كَانُواْ يَعۡمَلُونَ ٩٧ فَإِذَا قَرَأۡتَ ٱلۡقُرۡءَانَ فَٱسۡتَعِذۡ بِٱللَّهِ مِنَ ٱلشَّيۡطَٰنِ ٱلرَّجِيمِ ٩٨ إِنَّهُۥ لَيۡسَ لَهُۥ سُلۡطَٰنٌ عَلَى ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ وَعَلَىٰ رَبِّهِمۡ يَتَوَكَّلُونَ ٩٩ إِنَّمَا سُلۡطَٰنُهُۥ عَلَى ٱلَّذِينَ يَتَوَلَّوۡنَهُۥ وَٱلَّذِينَ هُم بِهِۦ مُشۡرِكُونَ ١٠٠ وَإِذَا بَدَّلۡنَآ ءَايَةٗ مَّكَانَ ءَايَةٖ وَٱللَّهُ أَعۡلَمُ بِمَا يُنَزِّلُ قَالُوٓاْ إِنَّمَآ أَنتَ مُفۡتَرِۭۚ بَلۡ أَكۡثَرُهُمۡ لَا يَعۡلَمُونَ ١٠١ قُلۡ نَزَّلَهُۥ رُوحُ ٱلۡقُدُسِ مِن رَّبِّكَ بِٱلۡحَقِّ لِيُثَبِّتَ ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ وَهُدٗى وَبُشۡرَىٰ لِلۡمُسۡلِمِينَ ١٠٢

94.- Và chớ dùng lời thề của các người làm một phương tiện lừa phỉnh lẫn nhau sợ rằng một bàn chân sẽ bị trượt ngã sau khi đã đứng vững và các người sẽ nếm điều xấu xa do việc các người đã cản trở người khác xa lánh con đường của Allah và các người sẽ nhận một sự trừng-phạt to lớn.

95.- Và chớ bán Lời Giao Ước của Allah với một giá nhỏ nhoi. Quả thật, món vật gì với Allah sẽ tốt cho các người hơn nếu các người biết (giá trị của nó).

96.- Món vật gì với các người sẽ cạn kiệt và món vật gì với Allah sẽ tồn tại vĩnh viễn. Và chắc chắn *TA* sẽ ban thưởng cho những ai kiên nhẫn phần thưởng (của họ) tùy theo việc tốt nhất mà họ đã làm.

97.- Ai làm việc thiện, bất luận nam hay nữ, và là một người có đức tin thì chắc chắn *TA* sẽ cho y sống một đời sống lành mạnh tốt đẹp; và chắc chắn *TA* sẽ ban cho họ phần thưởng của họ tùy theo điều tốt nhất mà họ đã làm.

98.- Vậy khi đọc *Qur'ān*, Ngươi (hỡi Muhammad!) hãy cầu xin Allah che chở tránh xa Shaytān, đáng bị trục xuất.

99.- Quả thật, nó không có quyền đối với những ai có đức tin và phó thác (công việc) cho *Rabb* (Allah) của họ.

100.- Nó chỉ có quyền đối với những ai nhận nó làm kẻ bảo hộ và những ai tổ hợp thần linh cùng với Ngài (Allah).

101.- Và khi *TA* đổi một Câu (của Qur'ān) thay thế một Câu khác, và Allah biết rõ điều Ngài đã ban xuống, thì họ nói Ngươi (Muhammad) chỉ là một kẻ bịa đặt. Không, đa số bọn họ không biết.

102.- Hãy bảo họ *'Rūh-al-Qudus'* (Thiên Thần Jibrīl) mang nó (Câu) xuống từ *Rabb* (Allah) của Ngươi bằng sự Thật để củng cố (đức tin của) những người tin tưởng và làm một Chỉ đạo cũng như Tin mừng cho những người *Muslim* (thần phục Allah)

وَلَقَدۡ نَعۡلَمُ أَنَّهُمۡ يَقُولُونَ إِنَّمَا يُعَلِّمُهُۥ بَشَرٞۗ لِّسَانُ ٱلَّذِي يُلۡحِدُونَ إِلَيۡهِ أَعۡجَمِيّٞ وَهَٰذَا لِسَانٌ عَرَبِيّٞ مُّبِينٌ ١٠٣ إِنَّ ٱلَّذِينَ لَا يُؤۡمِنُونَ بِـَٔايَٰتِ ٱللَّهِ لَا يَهۡدِيهِمُ ٱللَّهُ وَلَهُمۡ عَذَابٌ أَلِيمٌ ١٠٤ إِنَّمَا يَفۡتَرِي ٱلۡكَذِبَ ٱلَّذِينَ لَا يُؤۡمِنُونَ بِـَٔايَٰتِ ٱللَّهِۖ وَأُوْلَٰٓئِكَ هُمُ ٱلۡكَٰذِبُونَ ١٠٥ مَن كَفَرَ بِٱللَّهِ مِنۢ بَعۡدِ إِيمَٰنِهِۦٓ إِلَّا مَنۡ أُكۡرِهَ وَقَلۡبُهُۥ مُطۡمَئِنُّۢ بِٱلۡإِيمَٰنِ وَلَٰكِن مَّن شَرَحَ بِٱلۡكُفۡرِ صَدۡرٗا فَعَلَيۡهِمۡ غَضَبٞ مِّنَ ٱللَّهِ وَلَهُمۡ عَذَابٌ عَظِيمٞ ١٠٦ ذَٰلِكَ بِأَنَّهُمُ ٱسۡتَحَبُّواْ ٱلۡحَيَوٰةَ ٱلدُّنۡيَا عَلَى ٱلۡأٓخِرَةِ وَأَنَّ ٱللَّهَ لَا يَهۡدِي ٱلۡقَوۡمَ ٱلۡكَٰفِرِينَ ١٠٧ أُوْلَٰٓئِكَ ٱلَّذِينَ طَبَعَ ٱللَّهُ عَلَىٰ قُلُوبِهِمۡ وَسَمۡعِهِمۡ وَأَبۡصَٰرِهِمۡۖ وَأُوْلَٰٓئِكَ هُمُ ٱلۡغَٰفِلُونَ ١٠٨ لَا جَرَمَ أَنَّهُمۡ فِي ٱلۡأٓخِرَةِ هُمُ ٱلۡخَٰسِرُونَ ١٠٩ ثُمَّ إِنَّ رَبَّكَ لِلَّذِينَ هَاجَرُواْ مِنۢ بَعۡدِ مَا فُتِنُواْ ثُمَّ جَٰهَدُواْ وَصَبَرُوٓاْ إِنَّ رَبَّكَ مِنۢ بَعۡدِهَا لَغَفُورٞ رَّحِيمٞ ١١٠

103.- Và chắc chắn *TA* biết rõ chính họ đã nói: "Quả thật có một người phàm đã dạy y (Muhammad)." Rõ ràng ngôn ngữ của kẻ mà họ ám chỉ hoàn toàn khác lạ trong lúc đây là tiếng Ả-rập trong sáng.

104.- Quả thật, những ai không tin tưởng nơi những dấu hiệu của Allah, thì sẽ không được Allah hướng dẫn và sẽ chịu một sự trừng phạt đau đớn.

105.- Chỉ những ai không tin tưởng nơi những dấu hiệu của Allah mới bịa đặt điều nói dối và thực sự là những kẻ nói dối.

106.- Ai phủ nhận Allah sau khi đã tin tưởng - ngoại trừ ai là người bị ép buộc (bỏ đạo) trong lúc tấm lòng của y hãy còn vui sướng với đức tin, - còn kẻ nào vỗ ngực tuyên bố không tin tưởng thì sẽ đón nhận sự Giận dữ của Allah và sẽ chịu một sự trừng phạt rất lớn.

107.- Sở dĩ như thế là vì họ yêu đời sống trần tục này hơn Đời sau. Và quả thật, Allah không hướng dẫn một đám người không tin tưởng.

108.- Họ là những kẻ mà Allah khóa chặt tấm lòng, thính giác và thị giác, cho nên họ là những kẻ khinh suất.

109.- Không một chút nghi ngờ nào, quả thật họ là những kẻ sẽ thua thiệt nhất ở Đời sau.

110.- Rồi đối với những ai di-cư đi tị nạn sau khi đã bị sách nhiễu rồi sau đó chiến đấu anh dũng và kiên nhẫn chịu đựng (mọi thử thách) thì quả thật *Rabb* (Allah) của Ngươi (Muhammad), sau những biến cố đó, sẽ thật sự tha thứ, và khoan dung (cho họ).

۞ يَوۡمَ تَأۡتِي كُلُّ نَفۡسٖ تُجَٰدِلُ عَن نَّفۡسِهَا وَتُوَفَّىٰ كُلُّ نَفۡسٖ مَّا عَمِلَتۡ وَهُمۡ لَا يُظۡلَمُونَ ﴿١١١﴾ وَضَرَبَ ٱللَّهُ مَثَلٗا قَرۡيَةٗ كَانَتۡ ءَامِنَةٗ مُّطۡمَئِنَّةٗ يَأۡتِيهَا رِزۡقُهَا رَغَدٗا مِّن كُلِّ مَكَانٖ فَكَفَرَتۡ بِأَنۡعُمِ ٱللَّهِ فَأَذَٰقَهَا ٱللَّهُ لِبَاسَ ٱلۡجُوعِ وَٱلۡخَوۡفِ بِمَا كَانُواْ يَصۡنَعُونَ ﴿١١٢﴾ وَلَقَدۡ جَآءَهُمۡ رَسُولٞ مِّنۡهُمۡ فَكَذَّبُوهُ فَأَخَذَهُمُ ٱلۡعَذَابُ وَهُمۡ ظَٰلِمُونَ ﴿١١٣﴾ فَكُلُواْ مِمَّا رَزَقَكُمُ ٱللَّهُ حَلَٰلٗا طَيِّبٗا وَٱشۡكُرُواْ نِعۡمَتَ ٱللَّهِ إِن كُنتُمۡ إِيَّاهُ تَعۡبُدُونَ ﴿١١٤﴾ إِنَّمَا حَرَّمَ عَلَيۡكُمُ ٱلۡمَيۡتَةَ وَٱلدَّمَ وَلَحۡمَ ٱلۡخِنزِيرِ وَمَآ أُهِلَّ لِغَيۡرِ ٱللَّهِ بِهِۦۖ فَمَنِ ٱضۡطُرَّ غَيۡرَ بَاغٖ وَلَا عَادٖ فَإِنَّ ٱللَّهَ غَفُورٞ رَّحِيمٞ ﴿١١٥﴾ وَلَا تَقُولُواْ لِمَا تَصِفُ أَلۡسِنَتُكُمُ ٱلۡكَذِبَ هَٰذَا حَلَٰلٞ وَهَٰذَا حَرَامٞ لِّتَفۡتَرُواْ عَلَى ٱللَّهِ ٱلۡكَذِبَۚ إِنَّ ٱلَّذِينَ يَفۡتَرُونَ عَلَى ٱللَّهِ ٱلۡكَذِبَ لَا يُفۡلِحُونَ ﴿١١٦﴾ مَتَٰعٞ قَلِيلٞ وَلَهُمۡ عَذَابٌ أَلِيمٞ ﴿١١٧﴾ وَعَلَى ٱلَّذِينَ هَادُواْ حَرَّمۡنَا مَا قَصَصۡنَا عَلَيۡكَ مِن قَبۡلُۖ وَمَا ظَلَمۡنَٰهُمۡ وَلَٰكِن كَانُوٓاْ أَنفُسَهُمۡ يَظۡلِمُونَ ﴿١١٨﴾

111.- (Hãy nhớ) Ngày mà mỗi linh hồn sẽ đên khiếu nại cho bản thân mình và mỗi linh hồn sẽ được trả lại đầy đủ về điều mà nó đã làm và họ sẽ không bị đối xử bất công.

112.- Và Allah đưa ra một thí dụ so sánh: có một thị trấn an ninh và yên bình (Makka), được tiếp liệu lương thực dồi dào từ khắp nơi, nhưng nó phủ nhận những Ân huệ của Allah cho nên Allah bắt nó nếm mùi tân khổ của sự đói khát và sợ sệt do điều (tội lỗi) mà (dân cư của) nó đã từng làm ra.

113.- Và chắc chắn đã có một Sứ giả xuất thân từ họ đến gặp họ (trình bày Thông điệp của Allah) nhưng họ đã cho rằng Người nói dối, cho nên hình phạt đến chụp bắt họ trong lúc họ là những kẻ làm điều sai quấy.

114.- Do đó hãy dùng những thực phẩm khả-thủ và tốt sạch mà Allah đã cung cấp cho các người và hãy biết ơn Allah về những Ân huệ của Ngài nếu duy chỉ Ngài là Đấng mà các người thờ phụng.

115.- Quả thật, Ngài (Allah) chỉ cấm các người (dùng thịt của) xác chết, và máu (huyết) và thịt heo và những món vật (cúng) mà tên khác với Allah đã được nhắc lên nó; nhưng ai vì nhu cầu bắt buộc (mà dùng) chứ không ham muốn cũng không quá độ thì quả thật Allah Hằng Tha Thứ, Rất Mực Khoan Dung (đối với họ).

116.- Và chớ nói về một món vật mà lưỡi của các người có thể nói dối: "món này khả thủ và món này bị nghiêm cấm," bịa đặt điều nói dối rồi đổ thừa cho Allah. Chắc chắn, những kẻ bịa đặt điều nói dối rồi đổ thừa cho Allah sẽ không bao giờ phát đạt;

117.- (Đó chỉ là) một sự hưởng thụ tạm bợ nhỏ nhoi nhưng rồi họ sẽ chịu một hình phạt đau đớn.

118.- Và đối với những ai là người Do thái, *TA* đã cấm họ (dùng) những món (thực phẩm) mà *TA* đã kể cho Ngươi (Muhammad) trước đây. *TA* đã không làm hại chúng mà chúng tự làm hại bản thân mình.

ثُمَّ إِنَّ رَبَّكَ لِلَّذِينَ عَمِلُواْ ٱلسُّوٓءَ بِجَهَٰلَةٖ ثُمَّ تَابُواْ مِنۢ بَعۡدِ
ذَٰلِكَ وَأَصۡلَحُوٓاْ إِنَّ رَبَّكَ مِنۢ بَعۡدِهَا لَغَفُورٞ رَّحِيمٌ ﴿١١٩﴾ إِنَّ
إِبۡرَٰهِيمَ كَانَ أُمَّةٗ قَانِتٗا لِّلَّهِ حَنِيفٗا وَلَمۡ يَكُ مِنَ ٱلۡمُشۡرِكِينَ
﴿١٢٠﴾ شَاكِرٗا لِّأَنۡعُمِهِۚ ٱجۡتَبَىٰهُ وَهَدَىٰهُ إِلَىٰ صِرَٰطٖ مُّسۡتَقِيمٖ
﴿١٢١﴾ وَءَاتَيۡنَٰهُ فِي ٱلدُّنۡيَا حَسَنَةٗۖ وَإِنَّهُۥ فِي ٱلۡأٓخِرَةِ لَمِنَ ٱلصَّٰلِحِينَ
﴿١٢٢﴾ ثُمَّ أَوۡحَيۡنَآ إِلَيۡكَ أَنِ ٱتَّبِعۡ مِلَّةَ إِبۡرَٰهِيمَ حَنِيفٗاۖ وَمَا كَانَ
مِنَ ٱلۡمُشۡرِكِينَ ﴿١٢٣﴾ إِنَّمَا جُعِلَ ٱلسَّبۡتُ عَلَى ٱلَّذِينَ ٱخۡتَلَفُواْ
فِيهِۚ وَإِنَّ رَبَّكَ لَيَحۡكُمُ بَيۡنَهُمۡ يَوۡمَ ٱلۡقِيَٰمَةِ فِيمَا
كَانُواْ فِيهِ يَخۡتَلِفُونَ ﴿١٢٤﴾ ٱدۡعُ إِلَىٰ سَبِيلِ رَبِّكَ بِٱلۡحِكۡمَةِ
وَٱلۡمَوۡعِظَةِ ٱلۡحَسَنَةِۖ وَجَٰدِلۡهُم بِٱلَّتِي هِيَ أَحۡسَنُۚ إِنَّ
رَبَّكَ هُوَ أَعۡلَمُ بِمَن ضَلَّ عَن سَبِيلِهِۦ وَهُوَ أَعۡلَمُ بِٱلۡمُهۡتَدِينَ
﴿١٢٥﴾ وَإِنۡ عَاقَبۡتُمۡ فَعَاقِبُواْ بِمِثۡلِ مَا عُوقِبۡتُم بِهِۦۖ وَلَئِن
صَبَرۡتُمۡ لَهُوَ خَيۡرٞ لِّلصَّٰبِرِينَ ﴿١٢٦﴾ وَٱصۡبِرۡ وَمَا صَبۡرُكَ
إِلَّا بِٱللَّهِۚ وَلَا تَحۡزَنۡ عَلَيۡهِمۡ وَلَا تَكُ فِي ضَيۡقٖ مِّمَّا يَمۡكُرُونَ
﴿١٢٧﴾ إِنَّ ٱللَّهَ مَعَ ٱلَّذِينَ ٱتَّقَواْ وَّٱلَّذِينَ هُم مُّحۡسِنُونَ ﴿١٢٨﴾

119.- Rồi đối với những ai vì ngu dốt đã làm điều tội lỗi rồi sau đó hối cải và sửa mình thì quả thật *Rabb* (Allah) của Ngươi sau những điều sai phạm đó sẽ tha thứ, và khoan dung (cho họ).

120.- Quả thật, *Ibrāhīm* là một nhà lãnh đạo có nhiều đức tính tốt, hết lòng sùng bái Allah, chỉ tôn thờ Allah, và không là một người tôn thờ đa thần.

121.- Người biết ơn (Allah) về những Ân huệ của Ngài. Ngài đã chọn Người và hướng dẫn Người theo Chính đạo.

122.- Và *TA* đã ban cho Người điều tốt ở đời này. Và ở Đời sau, quả thật, Người sẽ nằm trong thành phần của người lương-thiện (đạo-đức).

123.- Rồi *TA* đã mặc khải cho Ngươi (Muhammad) (phán): "Hãy theo tín ngưỡng của Ibrāhīm, chỉ tôn thờ Allah và không là một người thờ đa thần.

124.- (Vấn đề) '*Sabbath*' (Ngày Thứ Bảy) chỉ được truyền xuống cho những ai đã bất đồng ý-kiến về nó. Nhưng *Rabb* (Allah) của Ngươi xét xử họ (người Do thái) vào Ngày Phục sinh về những điều mà họ đã từng tranh chấp nhau.

125.- Hãy gọi mời (tất cả) đến với con đường của *Rabb* của Ngươi (hỡi Muhammad!) một cách khôn ngoan và với lời khuyến khích tốt đẹp; và hãy tranh luận với họ bằng phương cách tốt đẹp nhất. Quả thật, *Rabb* của Ngươi biết rõ ai là kẻ đi lạc khỏi con đường của Ngài; và ai là người được hướng dẫn.

126.- Và nếu các ngươi trả miếng thì hãy trả đủa ngang bằng với miếng mà các ngươi đã bị đòn nhưng nếu các ngươi kiên nhẫn chịu đựng thì chắc chắn đó là điều tốt nhất cho những ai kiên nhẫn.

127.- Và hãy kiên nhẫn chịu đựng bởi vì Ngươi kiên nhẫn (hỡi Muhammad!) chỉ vì Allah mà thôi. Và chớ buồn rầu cho họ cũng chớ se lòng về những điều chúng đang âm mưu.

128.- Quả thật, Allah ở cùng với những ai sợ Ngài và với những ai là người làm tốt.

سُورَةُ الإِسْرَاءِ

بِسْمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحْمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

سُبْحَٰنَ ٱلَّذِىٓ أَسْرَىٰ بِعَبْدِهِۦ لَيْلًا مِّنَ ٱلْمَسْجِدِ ٱلْحَرَامِ إِلَى ٱلْمَسْجِدِ ٱلْأَقْصَا ٱلَّذِى بَٰرَكْنَا حَوْلَهُۥ لِنُرِيَهُۥ مِنْ ءَايَٰتِنَآ ۚ إِنَّهُۥ هُوَ ٱلسَّمِيعُ ٱلْبَصِيرُ ﴿١﴾ وَءَاتَيْنَا مُوسَى ٱلْكِتَٰبَ وَجَعَلْنَٰهُ هُدًى لِّبَنِىٓ إِسْرَٰٓءِيلَ أَلَّا تَتَّخِذُوا۟ مِن دُونِى وَكِيلًا ﴿٢﴾ ذُرِّيَّةَ مَنْ حَمَلْنَا مَعَ نُوحٍ ۚ إِنَّهُۥ كَانَ عَبْدًا شَكُورًا ﴿٣﴾ وَقَضَيْنَآ إِلَىٰ بَنِىٓ إِسْرَٰٓءِيلَ فِى ٱلْكِتَٰبِ لَتُفْسِدُنَّ فِى ٱلْأَرْضِ مَرَّتَيْنِ وَلَتَعْلُنَّ عُلُوًّا كَبِيرًا ﴿٤﴾ فَإِذَا جَآءَ وَعْدُ أُولَىٰهُمَا بَعَثْنَا عَلَيْكُمْ عِبَادًا لَّنَآ أُو۟لِى بَأْسٍ شَدِيدٍ فَجَاسُوا۟ خِلَٰلَ ٱلدِّيَارِ ۚ وَكَانَ وَعْدًا مَّفْعُولًا ﴿٥﴾ ثُمَّ رَدَدْنَا لَكُمُ ٱلْكَرَّةَ عَلَيْهِمْ وَأَمْدَدْنَٰكُم بِأَمْوَٰلٍ وَبَنِينَ وَجَعَلْنَٰكُمْ أَكْثَرَ نَفِيرًا ﴿٦﴾ إِنْ أَحْسَنتُمْ أَحْسَنتُمْ لِأَنفُسِكُمْ ۖ وَإِنْ أَسَأْتُمْ فَلَهَا ۚ فَإِذَا جَآءَ وَعْدُ ٱلْءَاخِرَةِ لِيَسُۥٓـُٔوا۟ وُجُوهَكُمْ وَلِيَدْخُلُوا۟ ٱلْمَسْجِدَ كَمَا دَخَلُوهُ أَوَّلَ مَرَّةٍ وَلِيُتَبِّرُوا۟ مَا عَلَوْا۟ تَتْبِيرًا ﴿٧﴾

AL-ISRĀ'
(Dạ Hành)

Nhân danh Allah, Đấng Rất mực Độ lượng,
Đấng Rất mực Khoan dung

1.- Quang vinh và trong sạch thay Ngài, Đấng đã cho đưa người bề tôi[1] của Ngài đi xa, vào một đêm, từ Thánh đường *Al-Harām* (tại Makkah) đến Thánh đường *Al-Aqsā* (tại Jerusalem) mà vòng đai đã được *TA* ban phúc, để *TA* chỉ cho Người thấy những Dấu hiệu của *TA*. Rõ thật, Ngài là Đấng Hằng Nghe, Đấng Hằng Thấy.

2.- Và *TA* đã ban cho Mūsa (Môi-se) Kinh sách mà *TA* dùng làm một Chỉ đạo cho con cháu của Israel (truyền rằng): "Chớ nhận ai khác TA làm Đấng Thọ lãnh."

3.- Hỡi con cháu của những người mà *TA* đã chở cùng với Nūh (Nô-ê) (trên chiếc tàu)! Quả thật, Người là một người bề tôi biết ơn.

4.- Và *TA* đã quyết định cho con cháu của Israel trong Kinh sách rằng chắc chắn các ngươi sẽ hai lần làm nên tội ác trên trái đất và các ngươi chắc chắn sẽ hống hách, vô cùng hống hách!

5.- Bởi thế, khi lời hứa đầu tiên trong hai (lời hứa đó) thể hiện, *TA* dựng các bầy tôi của *TA* nổi lên chống lại các ngươi, chúng mở trận tấn-công dữ-dội, tràn vào tàn phá nhà cửa của các ngươi[2]. Và đó là một lời hứa đã được hoàn tất.

6.- Rồi *TA* làm cho các ngươi thắng chúng trở lại và *TA* hỗ-trợ các ngươi với tài sản và con cái và làm cho các ngươi đông đảo hơn.

7.- (Và *TA* phán:) "Nếu các ngươi làm điều lành, thì bản thân sẽ hưởng lành; và nếu các ngươi làm ác thì sẽ chuốc dữ vào thân." Bởi thế, khi lời hứa lần sau được thể hiện, (*TA* dựng một đám bầy tôi khác đến) bôi nhọ thể-diện của các ngươi và chúng vào tận nơi thờ phụng của các ngươi giống như chúng đã đi vào đó lần đầu và chúng đã tiêu diệt bất cứ vật gì lọt vào vòng kiểm soát của chúng.

---

[1] Nabi Muhammad (saw) đã được Thiên thần Jibrīl (Gabriel) đưa đi từ Makkah đến Jerusalem.

[2] Lần thứ nhất, do Nebuchadnezza của đế quốc Babylon tàn phá vào năm 586 BC (trước kỷ nguyên Gia-tô). Lần thứ hai, do Hoàng đế Titus của La-mã tàn phá vào năm 70 AD (sau kỷ nguyên Gia –tô).

عَسَىٰ رَبُّكُمْ أَن يَرْحَمَكُمْ ۚ وَإِنْ عُدتُّمْ عُدْنَا ۘ وَجَعَلْنَا جَهَنَّمَ لِلْكَٰفِرِينَ
حَصِيرًا ﴿٨﴾ إِنَّ هَٰذَا ٱلْقُرْءَانَ يَهْدِى لِلَّتِى هِىَ أَقْوَمُ وَيُبَشِّرُ
ٱلْمُؤْمِنِينَ ٱلَّذِينَ يَعْمَلُونَ ٱلصَّٰلِحَٰتِ أَنَّ لَهُمْ أَجْرًا كَبِيرًا ﴿٩﴾
وَأَنَّ ٱلَّذِينَ لَا يُؤْمِنُونَ بِٱلْءَاخِرَةِ أَعْتَدْنَا لَهُمْ عَذَابًا أَلِيمًا ﴿١٠﴾
وَيَدْعُ ٱلْإِنسَٰنُ بِٱلشَّرِّ دُعَآءَهُۥ بِٱلْخَيْرِ ۖ وَكَانَ ٱلْإِنسَٰنُ عَجُولًا ﴿١١﴾
وَجَعَلْنَا ٱلَّيْلَ وَٱلنَّهَارَ ءَايَتَيْنِ ۖ فَمَحَوْنَآ ءَايَةَ ٱلَّيْلِ وَجَعَلْنَآ ءَايَةَ
ٱلنَّهَارِ مُبْصِرَةً لِّتَبْتَغُوا۟ فَضْلًا مِّن رَّبِّكُمْ وَلِتَعْلَمُوا۟ عَدَدَ
ٱلسِّنِينَ وَٱلْحِسَابَ ۚ وَكُلَّ شَىْءٍ فَصَّلْنَٰهُ تَفْصِيلًا ﴿١٢﴾ وَكُلَّ
إِنسَٰنٍ أَلْزَمْنَٰهُ طَٰٓئِرَهُۥ فِى عُنُقِهِۦ ۖ وَنُخْرِجُ لَهُۥ يَوْمَ ٱلْقِيَٰمَةِ كِتَٰبًا
يَلْقَىٰهُ مَنشُورًا ﴿١٣﴾ ٱقْرَأْ كِتَٰبَكَ كَفَىٰ بِنَفْسِكَ ٱلْيَوْمَ عَلَيْكَ حَسِيبًا
﴿١٤﴾ مَّنِ ٱهْتَدَىٰ فَإِنَّمَا يَهْتَدِى لِنَفْسِهِۦ ۖ وَمَن ضَلَّ فَإِنَّمَا يَضِلُّ
عَلَيْهَا ۚ وَلَا تَزِرُ وَازِرَةٌ وِزْرَ أُخْرَىٰ ۗ وَمَا كُنَّا مُعَذِّبِينَ حَتَّىٰ نَبْعَثَ
رَسُولًا ﴿١٥﴾ وَإِذَآ أَرَدْنَآ أَن نُّهْلِكَ قَرْيَةً أَمَرْنَا مُتْرَفِيهَا فَفَسَقُوا۟ فِيهَا
فَحَقَّ عَلَيْهَا ٱلْقَوْلُ فَدَمَّرْنَٰهَا تَدْمِيرًا ﴿١٦﴾ وَكَمْ أَهْلَكْنَا مِنَ ٱلْقُرُونِ
مِنۢ بَعْدِ نُوحٍ ۗ وَكَفَىٰ بِرَبِّكَ بِذُنُوبِ عِبَادِهِۦ خَبِيرًۢا بَصِيرًا ﴿١٧﴾

8.- Có lẽ *Rabb* của các người khoan dung các người; nhưng nếu các người tái phạm, *TA* sẽ cho tái diễn (hình phạt tương tự). Và *TA* sẽ dùng Hỏa ngục làm một thứ ngục thất cho những kẻ không có đức tin.

9.- Quả thật, *Qur'ān* này hướng dẫn (nhân loại) đến con đường ngay chính đúng đắn hơn và mang tin mừng cho những người tin tưởng, những ai làm điều thiện, rằng họ sẽ nhận một phần ân thưởng rất lớn.

10.- Và báo cho những ai không tin tưởng nơi Đời sau rằng *TA* đã chuẩn bị sẵn cho chúng một sự trừng phạt đau đớn.

11.- Và con người cầu nguyện (Allah) cho điều xấu (mau đến) giống như y cầu nguyện cho điều tốt (mau đến); bởi vì con người vốn nôn nóng, gấp rút.

12.- Và *TA* làm cho ban đêm và ban ngày thành hai Dấu-hiệu: *TA* làm mờ tối dấu-hiệu ban đêm và làm sáng tỏ dấu-hiệu ban ngày để cho các người có thể đi tìm thiên lộc của *Rabb* của các người và giúp các người biết được con số của niên-kỷ và cách tính toán (thời gian). Và mỗi vật, *TA* giải thích rõ từng chi tiết.

13.- Và *TA* cột vào cổ của mỗi người hành động của y; vào Ngày Phục sinh *TA* sẽ mang một quyển sổ (hành động) mở sẵn đến cho y,

14.- (Với lời phán:) "Hãy đọc quyển sổ của nhà ngươi! Ngày nay linh hồn của nhà ngươi đủ thanh toán nhà ngươi."

15.- Ai theo Chỉ đạo thì việc theo đó chỉ có lợi cho bản thân mình; còn ai lạc đạo thì là bất lợi cho bản thân mình. Và không người khuân vác nào vác giùm gánh nặng (tội lỗi) của người khác. Và *TA* không trừng phạt trừ phi *TA* dựng lên một Sứ giả.

16.- Khi muốn tiêu diệt một thị trấn, *TA* truyền lệnh cho thị dân nào của nó sống sung túc (bảo: hãy thần phục *TA* và ăn ở đạo đức); nhưng chúng ngoan-cố và làm điều thối nát; vì thế, khi Lời (trừng phạt của *TA*) đã được xác-định đối với nó, thì lúc đó *TA* sẽ tiêu diệt nó hoàn toàn.

17.- Và có bao nhiêu thế hệ đã bị *TA* tiêu diệt sau *Nūh*? Và *Rabb* của Ngươi đủ biết, đủ thấy tội lỗi của đám bầy tôi của Ngài.

مَّن كَانَ يُرِيدُ ٱلۡعَاجِلَةَ عَجَّلۡنَا لَهُۥ فِيهَا مَا نَشَآءُ لِمَن نُّرِيدُ ثُمَّ
جَعَلۡنَا لَهُۥ جَهَنَّمَ يَصۡلَىٰهَا مَذۡمُومٗا مَّدۡحُورٗا ﴿١٨﴾ وَمَنۡ أَرَادَ
ٱلۡأٓخِرَةَ وَسَعَىٰ لَهَا سَعۡيَهَا وَهُوَ مُؤۡمِنٞ فَأُوْلَٰٓئِكَ كَانَ
سَعۡيُهُم مَّشۡكُورٗا ﴿١٩﴾ كُلّٗا نُّمِدُّ هَٰٓؤُلَآءِ وَهَٰٓؤُلَآءِ مِنۡ
عَطَآءِ رَبِّكَۚ وَمَا كَانَ عَطَآءُ رَبِّكَ مَحۡظُورًا ﴿٢٠﴾ ٱنظُرۡ كَيۡفَ
فَضَّلۡنَا بَعۡضَهُمۡ عَلَىٰ بَعۡضٖۚ وَلَلۡأٓخِرَةُ أَكۡبَرُ دَرَجَٰتٖ وَأَكۡبَرُ
تَفۡضِيلٗا ﴿٢١﴾ لَّا تَجۡعَلۡ مَعَ ٱللَّهِ إِلَٰهًا ءَاخَرَ فَتَقۡعُدَ مَذۡمُومٗا مَّخۡذُولٗا
﴿٢٢﴾ ۞ وَقَضَىٰ رَبُّكَ أَلَّا تَعۡبُدُوٓاْ إِلَّآ إِيَّاهُ وَبِٱلۡوَٰلِدَيۡنِ إِحۡسَٰنًاۚ إِمَّا
يَبۡلُغَنَّ عِندَكَ ٱلۡكِبَرَ أَحَدُهُمَآ أَوۡ كِلَاهُمَا فَلَا تَقُل لَّهُمَآ
أُفّٖ وَلَا تَنۡهَرۡهُمَا وَقُل لَّهُمَا قَوۡلٗا كَرِيمٗا ﴿٢٣﴾ وَٱخۡفِضۡ لَهُمَا
جَنَاحَ ٱلذُّلِّ مِنَ ٱلرَّحۡمَةِ وَقُل رَّبِّ ٱرۡحَمۡهُمَا كَمَا رَبَّيَانِي
صَغِيرٗا ﴿٢٤﴾ رَّبُّكُمۡ أَعۡلَمُ بِمَا فِي نُفُوسِكُمۡۚ إِن تَكُونُواْ صَٰلِحِينَ
فَإِنَّهُۥ كَانَ لِلۡأَوَّٰبِينَ غَفُورٗا ﴿٢٥﴾ وَءَاتِ ذَا ٱلۡقُرۡبَىٰ حَقَّهُۥ
وَٱلۡمِسۡكِينَ وَٱبۡنَ ٱلسَّبِيلِ وَلَا تُبَذِّرۡ تَبۡذِيرًا ﴿٢٦﴾ إِنَّ ٱلۡمُبَذِّرِينَ
كَانُوٓاْ إِخۡوَٰنَ ٱلشَّيَٰطِينِۖ وَكَانَ ٱلشَّيۡطَٰنُ لِرَبِّهِۦ كَفُورٗا ﴿٢٧﴾

ربع الحزب ٢٩

18.- Ai muốn kiếp phù-sinh (của đời này) *TA* sẽ giục điều mà *TA* sẵn sàng ban cấp đến cho kẻ nào *TA* muốn. Rồi *TA* làm sẵn Hỏa ngục cho y; trong đó, y sẽ bị nướng, bị hạ nhục và bị bỏ xó.

19.- Và ai mong muốn Đời sau và tích cực phấn đấu cho nó theo tiêu chuẩn qui-định đồng thời là một người có đức tin thì sẽ được (Allah) gia ân xứng đáng về nổ lực của họ;

20.- Cho từng người - những người này cũng như những người nọ- *TA* đều ban ân sủng của *Rabb* của Ngươi. Và ân sủng của *Rabb* của Ngươi không bao giờ bị hạn chế.

21.- Hãy xem! *TA* đã ưu đãi người này hơn người nọ (ở đời này) như thế nào. Nhưng chắc chắn Đời sau sẽ có nhiều cấp bậc và ưu-đãi to lớn hơn.

22.- (Bởi thế) chớ dựng một thần linh nào khác cùng với Allah sợ rằng ngươi (hỡi người!) sẽ ngồi thất sủng (trong Hỏa Ngục) bị khinh miệt và bị bỏ quên.

23.- Và *Rabb* của Ngươi quyết định rằng các người chỉ thờ phụng riêng Ngài, và ăn ở tử tế với cha mẹ. Nếu một trong hai người (cha mẹ) hoặc cả hai người (cha mẹ) sống với ngươi đến tuổi già, chớ nói tiếng vô lễ với hai người (cha mẹ), và chớ xua đuổi hai người (cha mẹ), mà phải ăn nói với hai người (cha mẹ) lời lẽ tôn kính.

24.- Và hãy nhân từ đối xử khiêm nhường với cha mẹ và (cầu nguyện) thưa: "Lạy *Rabb* của bề tôi! Xin Ngài rủ lòng thương cha mẹ của bề tôi giống như hai người đã thương yêu, chăm sóc bề tôi lúc hãy còn bé."

25.- *Rabb* của các người biết rõ điều nằm trong tâm hồn của các người. Nếu các người ăn ở đạo hạnh thì chắc chắn Ngài sẽ tha thứ cho những người hằng quay về ăn năn hối cải (với Ngài).

26.- Và hãy tặng cho họ hàng ruột thịt phần bắt buộc của y, và người thiếu thốn và khách lỡ đường nhưng chớ hoang phí quá mức;

27.- Quả thật, những kẻ phí phạm là anh em của *Shaytān*. Và *Shaytān* lúc nào cũng bội ơn *Rabb* của nó.

وَإِمَّا تُعۡرِضَنَّ عَنۡهُمُ ٱبۡتِغَآءَ رَحۡمَةٖ مِّن رَّبِّكَ تَرۡجُوهَا فَقُل لَّهُمۡ قَوۡلٗا مَّيۡسُورٗا ٢٨ وَلَا تَجۡعَلۡ يَدَكَ مَغۡلُولَةً إِلَىٰ عُنُقِكَ وَلَا تَبۡسُطۡهَا كُلَّ ٱلۡبَسۡطِ فَتَقۡعُدَ مَلُومٗا مَّحۡسُورًا ٢٩ إِنَّ رَبَّكَ يَبۡسُطُ ٱلرِّزۡقَ لِمَن يَشَآءُ وَيَقۡدِرُۚ إِنَّهُۥ كَانَ بِعِبَادِهِۦ خَبِيرَۢا بَصِيرٗا ٣٠ وَلَا تَقۡتُلُوٓاْ أَوۡلَٰدَكُمۡ خَشۡيَةَ إِمۡلَٰقٖۖ نَّحۡنُ نَرۡزُقُهُمۡ وَإِيَّاكُمۡۚ إِنَّ قَتۡلَهُمۡ كَانَ خِطۡـٔٗا كَبِيرٗا ٣١ وَلَا تَقۡرَبُواْ ٱلزِّنَىٰٓۖ إِنَّهُۥ كَانَ فَٰحِشَةٗ وَسَآءَ سَبِيلٗا ٣٢ وَلَا تَقۡتُلُواْ ٱلنَّفۡسَ ٱلَّتِي حَرَّمَ ٱللَّهُ إِلَّا بِٱلۡحَقِّۗ وَمَن قُتِلَ مَظۡلُومٗا فَقَدۡ جَعَلۡنَا لِوَلِيِّهِۦ سُلۡطَٰنٗا فَلَا يُسۡرِف فِّي ٱلۡقَتۡلِۖ إِنَّهُۥ كَانَ مَنصُورٗا ٣٣ وَلَا تَقۡرَبُواْ مَالَ ٱلۡيَتِيمِ إِلَّا بِٱلَّتِي هِيَ أَحۡسَنُ حَتَّىٰ يَبۡلُغَ أَشُدَّهُۥۚ وَأَوۡفُواْ بِٱلۡعَهۡدِۖ إِنَّ ٱلۡعَهۡدَ كَانَ مَسۡـُٔولٗا ٣٤ وَأَوۡفُواْ ٱلۡكَيۡلَ إِذَا كِلۡتُمۡ وَزِنُواْ بِٱلۡقِسۡطَاسِ ٱلۡمُسۡتَقِيمِۚ ذَٰلِكَ خَيۡرٞ وَأَحۡسَنُ تَأۡوِيلٗا ٣٥ وَلَا تَقۡفُ مَا لَيۡسَ لَكَ بِهِۦ عِلۡمٌۚ إِنَّ ٱلسَّمۡعَ وَٱلۡبَصَرَ وَٱلۡفُؤَادَ كُلُّ أُوْلَٰٓئِكَ كَانَ عَنۡهُ مَسۡـُٔولٗا ٣٦ وَلَا تَمۡشِ فِي ٱلۡأَرۡضِ مَرَحًاۖ إِنَّكَ لَن تَخۡرِقَ ٱلۡأَرۡضَ وَلَن تَبۡلُغَ ٱلۡجِبَالَ طُولٗا ٣٧ كُلُّ ذَٰلِكَ كَانَ سَيِّئُهُۥ عِندَ رَبِّكَ مَكۡرُوهٗا ٣٨

28.- Và nếu Ngươi từ chối tặng họ do bởi Ngươi cũng đang hy vọng chờ hồng ân của *Rabb* của Ngươi thì hãy ăn nói với họ lời lẽ nhã nhặn.

29.- Và chớ trói chặt bàn tay của ngươi vào cổ (như kẻ hà tiện) cũng chớ giăng nó ra quá xa tầm vói (như kẻ hoang phí) sợ rằng ngươi ngồi xuống bị chê bai và nghèo khổ.

30.- Quả thật, *Rabb* của Ngươi nới rộng bổng lộc cho người nào Ngài muốn và hạn chế nó lại (theo Ý Ngài muốn). Quả thật, Ngài Hằng Biết, Hằng Thấy bầy tôi của Ngài.

31.- Và chớ vì sợ nghèo mà giết con cái của các người. *TA* cung dưỡng chúng và cả các người nữa. Chắc chắn, việc giết chúng (con cái) là một trọng tội.

32.- Và chớ đến gần việc ngoại tình. Chắc chắn, nó là một tội lớn và là một con đường tội lỗi.

33.- Và chớ giết hại một sinh mạng (người) mà Allah đã làm cho linh thiêng trừ phi với lý do chính đáng. Và ai bị giết oan (một cách bất công), *TA* sẽ ban thẩm quyền (đòi thế mạng theo luật *Qisās*- hoặc tha thứ hoặc lấy tiền *Diyah* thế mạng) cho người thừa kế của y, nhưng không được vượt quá mức giới hạn trong việc giết chóc[1]. Bởi vì y sẽ được (luật-pháp của Islām) giúp đỡ.

34.- Và chớ đến gần tài sản của trẻ mồ côi trừ phi với điều gì tốt nhất (để cải-thiện nó) cho đến khi đứa trẻ trưởng thành. Và hãy làm tròn lời giao ước. Chắc chắn, lời giao ước sẽ bị gặn hỏi.

35.- Và hãy đo cho đủ khi các người đo ra và hãy cân với một bàn cân thẳng đứng. Điều đó tốt và công bằng nhất về cuối.

36.- Và chớ (làm chứng) về điều mà ngươi (hỡi người) không biết một tí nào. Chắc chắn cái '*nghe*', cái '*thấy*' và '*tấm lòng*', tất cả những cái (giác quan) đó sẽ bị hạch hỏi về điều đó.

37.- Và chớ bước đi trên mặt đất với điệu bộ kiêu căng. Chắc chắn ngươi sẽ không bao giờ chẻ được trái đất ra làm hai và cũng không bao giờ đứng cao bằng núi.

38.- Tất cả các điều đó đều xấu xa (tội lỗi), rất đáng ghét đối với *Rabb* của Ngươi.

[1] Người thừa kế chỉ được phép giết kẻ sát nhân chứ không được giết ai khác.

ذَٰلِكَ مِمَّآ أَوۡحَىٰٓ إِلَيۡكَ رَبُّكَ مِنَ ٱلۡحِكۡمَةِۗ وَلَا تَجۡعَلۡ مَعَ ٱللَّهِ إِلَٰهًا
ءَاخَرَ فَتُلۡقَىٰ فِي جَهَنَّمَ مَلُومٗا مَّدۡحُورًا ٣٩ أَفَأَصۡفَىٰكُمۡ رَبُّكُم
بِٱلۡبَنِينَ وَٱتَّخَذَ مِنَ ٱلۡمَلَٰٓئِكَةِ إِنَٰثًاۚ إِنَّكُمۡ لَتَقُولُونَ قَوۡلًا عَظِيمٗا ٤٠
وَلَقَدۡ صَرَّفۡنَا فِي هَٰذَا ٱلۡقُرۡءَانِ لِيَذَّكَّرُواْ وَمَا يَزِيدُهُمۡ إِلَّا نُفُورٗا ٤١
قُل لَّوۡ كَانَ مَعَهُۥٓ ءَالِهَةٞ كَمَا يَقُولُونَ إِذٗا لَّٱبۡتَغَوۡاْ إِلَىٰ ذِي ٱلۡعَرۡشِ سَبِيلٗا
٤٢ سُبۡحَٰنَهُۥ وَتَعَٰلَىٰ عَمَّا يَقُولُونَ عُلُوّٗا كَبِيرٗا ٤٣ تُسَبِّحُ لَهُ ٱلسَّمَٰوَٰتُ
ٱلسَّبۡعُ وَٱلۡأَرۡضُ وَمَن فِيهِنَّۚ وَإِن مِّن شَيۡءٍ إِلَّا يُسَبِّحُ بِحَمۡدِهِۦ وَلَٰكِن
لَّا تَفۡقَهُونَ تَسۡبِيحَهُمۡۚ إِنَّهُۥ كَانَ حَلِيمًا غَفُورٗا ٤٤ وَإِذَا قَرَأۡتَ
ٱلۡقُرۡءَانَ جَعَلۡنَا بَيۡنَكَ وَبَيۡنَ ٱلَّذِينَ لَا يُؤۡمِنُونَ بِٱلۡأٓخِرَةِ حِجَابٗا
مَّسۡتُورٗا ٤٥ وَجَعَلۡنَا عَلَىٰ قُلُوبِهِمۡ أَكِنَّةً أَن يَفۡقَهُوهُ وَفِيٓ ءَاذَانِهِمۡ
وَقۡرٗاۚ وَإِذَا ذَكَرۡتَ رَبَّكَ فِي ٱلۡقُرۡءَانِ وَحۡدَهُۥ وَلَّوۡاْ عَلَىٰٓ أَدۡبَٰرِهِمۡ نُفُورٗا ٤٦
نَّحۡنُ أَعۡلَمُ بِمَا يَسۡتَمِعُونَ بِهِۦٓ إِذۡ يَسۡتَمِعُونَ إِلَيۡكَ وَإِذۡ هُمۡ نَجۡوَىٰٓ
إِذۡ يَقُولُ ٱلظَّٰلِمُونَ إِن تَتَّبِعُونَ إِلَّا رَجُلٗا مَّسۡحُورًا ٤٧ ٱنظُرۡ
كَيۡفَ ضَرَبُواْ لَكَ ٱلۡأَمۡثَالَ فَضَلُّواْ فَلَا يَسۡتَطِيعُونَ سَبِيلٗا ٤٨
وَقَالُوٓاْ أَءِذَا كُنَّا عِظَٰمٗا وَرُفَٰتًا أَءِنَّا لَمَبۡعُوثُونَ خَلۡقٗا جَدِيدٗا ٤٩

39.- Đó là những điều khôn ngoan mà *Rabb* của Ngươi đã mặc khải cho Ngươi. Và chớ dựng một thần linh nào khác cùng với Allah e rằng ngươi (hỡi người!) sẽ bị ném vào Hoả ngục, bị sỉ vả, bỏ xó.

40.- Thế phải chăng *Rabb* của các người (hỡi người Quraysh không tin!) đã biệt đãi các người với con trai và nhận Thiên thần làm con gái của Ngài hay sao? Quả thật, các người đã nói ra điều xúc phạm tày trời.

41.- Và chắc chắn *TA* đã giải thích sự việc trong *Qur'ān* này bằng nhiều phương cách với mục đích làm cho họ lưu ý đến lời nhắc nhở nhưng Nó chỉ làm cho họ căm ghét thêm.

42.- Hãy bảo họ: "Nếu quả thật có những thần linh khác cùng với Ngài (Allah) đúng theo lời họ nói- thì chắc chắn chúng sẽ lặn lội tìm đường đến gặp Chủ nhân của chiếc Ngai Vương.

43.- Quang vinh và trong sạch thay Ngài! Ngài Tối Cao, độc lập vượt hẳn mọi điều dối trá tày trời mà họ nói.

44.- Bảy tầng trời và trái đất và tất cả mọi vật giữa trời đất đều tán dương Ngài. Không vật nào mà không tán dương Ngài, nhưng các người không hiểu lời tán dương của chúng ấy thôi. Quả thật, Ngài Hằng Chịu đựng, Hằng Tha thứ.

45.- Và khi Ngươi đọc *Qur'ān*, *TA* đặt giữa Ngươi và những kẻ không tin nơi Đời sau một bức màn vô hình.

46.- Và *TA* lấy những tấm phủ bao quả tim (tấm lòng) của chúng lại e rằng chúng sẽ hiểu Nó (*Qur'ān*) và làm cho tai của chúng nặng (như điếc); và khi Ngươi chỉ nhắc đến riêng *Rabb* của Ngươi trong Qur'ān thì chúng quay lưng bỏ đi nơi khác, đầy căm ghét.

47.- *TA* biết rõ lý do gì thúc đẩy chúng nghe khi chúng lắng nghe Ngươi (đọc Qur'ān) và khi chúng họp nhau bàn kín thì những kẻ làm điều sai quấy lên tiếng: "Các anh chỉ nghe theo lời của một kẻ bị mê hoặc."

48.- Thấy không! Chúng đã so sánh Ngươi như thế nào; nhưng chúng đã lạc lầm. Bởi thế, chúng không thể tìm ra một con đường (ngay chính).

49.- Chúng nói: "Phải chăng khi chúng tôi đã trở thành xương khô và mảnh vụn, chúng tôi sẽ được dựng sống lại thành một tạo hóa mới?"

نصف الحزب ٢٩

۞ قُلۡ كُونُواْ حِجَارَةً أَوۡ حَدِيدًا ٥٠ أَوۡ خَلۡقٗا مِّمَّا يَكۡبُرُ فِي صُدُورِكُمۡۚ فَسَيَقُولُونَ مَن يُعِيدُنَاۖ قُلِ ٱلَّذِي فَطَرَكُمۡ أَوَّلَ مَرَّةٖۚ فَسَيُنۡغِضُونَ إِلَيۡكَ رُءُوسَهُمۡ وَيَقُولُونَ مَتَىٰ هُوَۖ قُلۡ عَسَىٰٓ أَن يَكُونَ قَرِيبٗا ٥١ يَوۡمَ يَدۡعُوكُمۡ فَتَسۡتَجِيبُونَ بِحَمۡدِهِۦ وَتَظُنُّونَ إِن لَّبِثۡتُمۡ إِلَّا قَلِيلٗا ٥٢ وَقُل لِّعِبَادِي يَقُولُواْ ٱلَّتِي هِيَ أَحۡسَنُۚ إِنَّ ٱلشَّيۡطَٰنَ يَنزَغُ بَيۡنَهُمۡۚ إِنَّ ٱلشَّيۡطَٰنَ كَانَ لِلۡإِنسَٰنِ عَدُوّٗا مُّبِينٗا ٥٣ رَّبُّكُمۡ أَعۡلَمُ بِكُمۡۖ إِن يَشَأۡ يَرۡحَمۡكُمۡ أَوۡ إِن يَشَأۡ يُعَذِّبۡكُمۡۚ وَمَآ أَرۡسَلۡنَٰكَ عَلَيۡهِمۡ وَكِيلٗا ٥٤ وَرَبُّكَ أَعۡلَمُ بِمَن فِي ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضِۗ وَلَقَدۡ فَضَّلۡنَا بَعۡضَ ٱلنَّبِيِّـۧنَ عَلَىٰ بَعۡضٖۖ وَءَاتَيۡنَا دَاوُۥدَ زَبُورٗا ٥٥ قُلِ ٱدۡعُواْ ٱلَّذِينَ زَعَمۡتُم مِّن دُونِهِۦ فَلَا يَمۡلِكُونَ كَشۡفَ ٱلضُّرِّ عَنكُمۡ وَلَا تَحۡوِيلًا ٥٦ أُوْلَٰٓئِكَ ٱلَّذِينَ يَدۡعُونَ يَبۡتَغُونَ إِلَىٰ رَبِّهِمُ ٱلۡوَسِيلَةَ أَيُّهُمۡ أَقۡرَبُ وَيَرۡجُونَ رَحۡمَتَهُۥ وَيَخَافُونَ عَذَابَهُۥٓۚ إِنَّ عَذَابَ رَبِّكَ كَانَ مَحۡذُورٗا ٥٧ وَإِن مِّن قَرۡيَةٍ إِلَّا نَحۡنُ مُهۡلِكُوهَا قَبۡلَ يَوۡمِ ٱلۡقِيَٰمَةِ أَوۡ مُعَذِّبُوهَا عَذَابٗا شَدِيدٗاۚ كَانَ ذَٰلِكَ فِي ٱلۡكِتَٰبِ مَسۡطُورٗا ٥٨

50.- Hãy bảo (chúng): "Dẫu cho các người là đá hay sắt,

51.- "Hoặc bất cứ tạo vật nào mà tâm trí của các người cho là cứng nhất, (chúng cũng sẽ được dựng sống lại)." Nhưng chúng sẽ hỏi: "Ai sẽ phục sinh chúng tôi trở lại?" Hãy bảo chúng: "Đấng đã sáng tạo các người lúc ban đầu." Chúng sẽ nhìn Ngươi lắc đầu và nói: "Chừng nào nó xảy ra?" Hãy bảo: "Có lẽ gần đây;

52.- "Vào Ngày mà Ngài sẽ gọi các người, rồi các người sẽ đáp lại bằng lời ca tụng Ngài và các người sẽ tưởng tượng rằng các người đã ở lại (trần gian) chỉ trong chốc lát."

53.- Và hãy bảo bầy tôi của TA chỉ nên nói điều nào tốt nhất. Quả thật, Shaytān tìm cách làm cho họ chia rẽ nhau. Bởi vì Shaytān là kẻ thù công khai của loài người.

54.- *Rabb* của các người biết rõ các người nhất. Nếu muốn, Ngài sẽ khoan dung các người hoặc nếu muốn, Ngài sẽ trừng phạt các người. Và *TA* đã không cử Ngươi (Muhammad) đến làm một người thọ lãnh cho họ.

55.- Và *Rabb* của các người biết rõ ai ở trong các tầng trời và trái đất. Và *TA* đã làm cho một số *Nabi* này trội hơn một số (*Nabi*) khác và *TA* đã ban (Kinh) *Zabūr* cho Dāwūd.

56.- Hãy bảo họ: "Các người hãy cầu nguyện những kẻ mà các người đã xác nhận (chúng là thần linh của các người) ngoài Ngài (Allah), (các người sẽ thấy) chúng sẽ không có khả năng bốc hoạn nạn đi khỏi các người, và cũng không thể chuyển nó sang cho người khác đặng."

57.- Những kẻ (thần linh) mà chúng cầu nguyện cũng sẽ tìm phương cách đến gặp *Rabb* của họ, (và sẽ thi đua xem) ai trong họ là người gần (*Rabb*) nhất và hy vọng nơi lòng Khoan dung của Ngài và sợ sự trừng phạt của Ngài. Quả thật, sự trừng phạt của *Rabb* (Allah) của Ngươi là điều phải đáng sợ.

58.- Và không một thị trấn nào mà sẽ không bị *TA* tiêu diệt trước Ngày Phục sinh hoặc bị trừng phạt dữ dội. Đó là điều đã được ghi chép trong Sổ sách (Định mệnh).

وَمَا مَنَعَنَآ أَن نُّرْسِلَ بِٱلْـَٔايَـٰتِ إِلَّآ أَن كَذَّبَ بِهَا ٱلْأَوَّلُونَ ۚ
وَءَاتَيْنَا ثَمُودَ ٱلنَّاقَةَ مُبْصِرَةً فَظَلَمُوا۟ بِهَا ۚ وَمَا نُرْسِلُ بِٱلْـَٔايَـٰتِ
إِلَّا تَخْوِيفًا ﴿٥٩﴾ وَإِذْ قُلْنَا لَكَ إِنَّ رَبَّكَ أَحَاطَ بِٱلنَّاسِ ۚ وَمَا جَعَلْنَا
ٱلرُّءْيَا ٱلَّتِىٓ أَرَيْنَـٰكَ إِلَّا فِتْنَةً لِّلنَّاسِ وَٱلشَّجَرَةَ ٱلْمَلْعُونَةَ
فِى ٱلْقُرْءَانِ ۚ وَنُخَوِّفُهُمْ فَمَا يَزِيدُهُمْ إِلَّا طُغْيَـٰنًا كَبِيرًا ﴿٦٠﴾
وَإِذْ قُلْنَا لِلْمَلَـٰٓئِكَةِ ٱسْجُدُوا۟ لِـَٔادَمَ فَسَجَدُوٓا۟ إِلَّآ إِبْلِيسَ
قَالَ ءَأَسْجُدُ لِمَنْ خَلَقْتَ طِينًا ﴿٦١﴾ قَالَ أَرَءَيْتَكَ هَـٰذَا ٱلَّذِى
كَرَّمْتَ عَلَىَّ لَئِنْ أَخَّرْتَنِ إِلَىٰ يَوْمِ ٱلْقِيَـٰمَةِ لَأَحْتَنِكَنَّ
ذُرِّيَّتَهُۥٓ إِلَّا قَلِيلًا ﴿٦٢﴾ قَالَ ٱذْهَبْ فَمَن تَبِعَكَ مِنْهُمْ فَإِنَّ
جَهَنَّمَ جَزَآؤُكُمْ جَزَآءً مَّوْفُورًا ﴿٦٣﴾ وَٱسْتَفْزِزْ مَنِ ٱسْتَطَعْتَ
مِنْهُم بِصَوْتِكَ وَأَجْلِبْ عَلَيْهِم بِخَيْلِكَ وَرَجِلِكَ وَشَارِكْهُمْ
فِى ٱلْأَمْوَٰلِ وَٱلْأَوْلَـٰدِ وَعِدْهُمْ ۚ وَمَا يَعِدُهُمُ ٱلشَّيْطَـٰنُ إِلَّا
غُرُورًا ﴿٦٤﴾ إِنَّ عِبَادِى لَيْسَ لَكَ عَلَيْهِمْ سُلْطَـٰنٌ ۚ وَكَفَىٰ
بِرَبِّكَ وَكِيلًا ﴿٦٥﴾ رَّبُّكُمُ ٱلَّذِى يُزْجِى لَكُمُ ٱلْفُلْكَ فِى
ٱلْبَحْرِ لِتَبْتَغُوا۟ مِن فَضْلِهِۦٓ ۚ إِنَّهُۥ كَانَ بِكُمْ رَحِيمًا ﴿٦٦﴾

59.- Và *TA* ngưng gởi những Dấu-lạ xuống chỉ vì lý do những người của thế hệ trước đã cho đó là những điều giả tạo. Và *TA* đã ban cho (người dân) Thamūd con lạc đà cái như một minh chứng, nhưng chúng sát hại nó. Và *TA* chỉ gởi những Dấu-lạ xuống để làm cho (người dân) sợ.

60.- Và khi *TA* phán cho Người bảo: "Quả thật, *Rabb* của Người tóm thâu nhân loại (trong bàn Tay của Ngài). Và sự mục kích mà *TA* cho Người thấy chẳng qua là một sự thử thách cho nhân loại; và Cây *Zaqqūm* đáng bị nguyền rủa (ghi) trong *Qur'ān* (cũng thế). Và *TA* cảnh cáo cho chúng sợ nhưng chẳng thay đổi được gì, ngược lại chỉ làm cho chúng thêm thái quá.

61.- Và khi *TA* phán cho các Thiên thần: "Hãy quì lạy Ādam!" Chúng đồng quì lạy ngoại trừ *Iblīs*. Nó thưa: "Bề tôi phải quì lạy kẻ mà Ngài đã tạo bằng đất sét hay sao?"

62.- Nói tiếp: "Ngài xét lại xem, đây là kẻ mà Ngài làm cho vinh dự hơn bề tôi ư? Nếu Ngài gia hạn cho bề tôi sống đến Ngày Phục sinh, chắc chắn bề tôi sẽ túm bắt con cháu của nó ngoại trừ một số ít."

63.- (Allah) phán: "Hãy cút đi! Đứa nào trong bọn chúng nghe theo ngươi thì chắc chắn Hỏa ngục sẽ là phần quả báo dành cho tất cả bọn bây, một quả báo lớn vô kể.

64.- "Và tùy khả năng của ngươi, hãy xúi giục kẻ nào trong bọn chúng bằng cách dùng âm thanh (quyến rũ) của ngươi và vận dụng cả kỵ binh lẫn bộ binh của ngươi tấn công chúng và chia sẻ tài sản và con cái với chúng và hứa hẹn với chúng;" nhưng *Shaytān* chỉ hứa hão với chúng.

65.- "Quả thật, nhà ngươi không có quyền đối với các bầy tôi (có đức tin) của TA;" và *Rabb* của Người đủ làm một Đấng Giám Hộ.

66.- *Rabb* của các người là Đấng làm cho tàu bè chạy nhanh trên biển cả để các người đi tìm thiên lộc của Ngài. Quả thật, Ngài Hằng Khoan dung với các người.

وَإِذَا مَسَّكُمُ ٱلضُّرُّ فِي ٱلۡبَحۡرِ ضَلَّ مَن تَدۡعُونَ إِلَّآ إِيَّاهُۖ فَلَمَّا نَجَّىٰكُمۡ إِلَى ٱلۡبَرِّ أَعۡرَضۡتُمۡۚ وَكَانَ ٱلۡإِنسَٰنُ كَفُورًا ٦٧ أَفَأَمِنتُمۡ أَن يَخۡسِفَ بِكُمۡ جَانِبَ ٱلۡبَرِّ أَوۡ يُرۡسِلَ عَلَيۡكُمۡ حَاصِبٗا ثُمَّ لَا تَجِدُواْ لَكُمۡ وَكِيلًا ٦٨ أَمۡ أَمِنتُمۡ أَن يُعِيدَكُمۡ فِيهِ تَارَةً أُخۡرَىٰ فَيُرۡسِلَ عَلَيۡكُمۡ قَاصِفٗا مِّنَ ٱلرِّيحِ فَيُغۡرِقَكُم بِمَا كَفَرۡتُمۡ ثُمَّ لَا تَجِدُواْ لَكُمۡ عَلَيۡنَا بِهِۦ تَبِيعٗا ٦٩ ۞ وَلَقَدۡ كَرَّمۡنَا بَنِيٓ ءَادَمَ وَحَمَلۡنَٰهُمۡ فِي ٱلۡبَرِّ وَٱلۡبَحۡرِ وَرَزَقۡنَٰهُم مِّنَ ٱلطَّيِّبَٰتِ وَفَضَّلۡنَٰهُمۡ عَلَىٰ كَثِيرٖ مِّمَّنۡ خَلَقۡنَا تَفۡضِيلٗا ٧٠ يَوۡمَ نَدۡعُواْ كُلَّ أُنَاسِۭ بِإِمَٰمِهِمۡۖ فَمَنۡ أُوتِيَ كِتَٰبَهُۥ بِيَمِينِهِۦ فَأُوْلَٰٓئِكَ يَقۡرَءُونَ كِتَٰبَهُمۡ وَلَا يُظۡلَمُونَ فَتِيلٗا ٧١ وَمَن كَانَ فِي هَٰذِهِۦٓ أَعۡمَىٰ فَهُوَ فِي ٱلۡأٓخِرَةِ أَعۡمَىٰ وَأَضَلُّ سَبِيلٗا ٧٢ وَإِن كَادُواْ لَيَفۡتِنُونَكَ عَنِ ٱلَّذِيٓ أَوۡحَيۡنَآ إِلَيۡكَ لِتَفۡتَرِيَ عَلَيۡنَا غَيۡرَهُۥۖ وَإِذٗا لَّٱتَّخَذُوكَ خَلِيلٗا ٧٣ وَلَوۡلَآ أَن ثَبَّتۡنَٰكَ لَقَدۡ كِدتَّ تَرۡكَنُ إِلَيۡهِمۡ شَيۡـٔٗا قَلِيلًا ٧٤ إِذٗا لَّأَذَقۡنَٰكَ ضِعۡفَ ٱلۡحَيَوٰةِ وَضِعۡفَ ٱلۡمَمَاتِ ثُمَّ لَا تَجِدُ لَكَ عَلَيۡنَا نَصِيرٗا ٧٥

ثلاثة أرباع الحزب ٢٩

67.- Và khi các người gặp hoạn nạn trên biển cả, những kẻ mà các người thường cầu nguyện đã bỏ (các người) đi mất biệt, ngoại trừ Ngài (với các người). Nhưng khi Ngài cứu các người lên bờ an toàn, các người quay lánh xa (Ngài). Và con người vốn vong ân bội nghĩa.

68.- Thế phải chăng các người cảm thấy an-toàn nghĩ rằng Ngài sẽ không làm cho một sườn đất sụp xuống nuốt mất các người hoặc sẽ không gởi một trận bão cát đến phạt các người và các người sẽ không tìm ra một Đấng Bảo Hộ để giúp đỡ các người hay sao?

69.- Hoặc các người cảm thấy an toàn chăng nghĩ rằng Ngài sẽ không gởi các người trở lại nơi đó một lần khác và sẽ gởi một trận cuồng phong đến nhận chìm các người về việc các người đã bội ơn; rồi các người sẽ không tìm ra một kẻ nào trả thù lại *TA* được.

70.- Và chắc chắn *TA* đã làm vinh danh con cháu của Ādam (nhân loại). Và *TA* đã chuyên chở họ trên đất liền và biển cả và cung cấp lộc ăn tốt và sạch cho họ và đặc biệt ưu đãi họ vinh dự hơn đa số tạo vật khác của *TA*.

71.- (Hãy ghi nhớ) Ngày mà *TA* sẽ gọi tập trung tất cả nhân loại cùng với những vị lãnh đạo của chúng. Rồi ai được trao cho quyển sổ (hành động) của mình nơi tay phải thì sẽ (vui thích) đọc quyển sổ (bộ đời) của họ và sẽ không bị đối xử bất công một tí nào.

72.- Và ai mù lòa ở đời này (vì không có đức tin), thì sẽ mù lòa ở Đời sau và lạc xa khỏi Chính đạo.

73.- Và quả thật, chúng đã âm mưu quyến dụ Ngươi bỏ những điều mà *TA* đã mặc khải cho Ngươi và xúi giục Ngươi bịa đặt ra một điều khác để chống lại *TA* và trong trường hợp đó, chúng sẽ nhận Ngươi làm một người bạn thân tình (của chúng).

74.- Và nếu *TA* không củng cố Ngươi vững chãi thì chỉ còn tí xíu nữa Ngươi đã xiêu lòng nghe theo bọn chúng.

75.- Trong trường hợp đó, *TA* chắc sẽ phải cho Ngươi nếm (sự trừng phạt) gấp đôi ở đời này và gấp đôi (hình phạt) sau khi chết và Ngươi sẽ không tìm ra ai để giúp đỡ Ngươi chống lại *TA*.

وَإِن كَادُواْ لَيَسۡتَفِزُّونَكَ مِنَ ٱلۡأَرۡضِ لِيُخۡرِجُوكَ مِنۡهَاۖ وَإِذٗا لَّا يَلۡبَثُونَ خِلَٰفَكَ إِلَّا قَلِيلٗا ٧٦ سُنَّةَ مَن قَدۡ أَرۡسَلۡنَا قَبۡلَكَ مِن رُّسُلِنَاۖ وَلَا تَجِدُ لِسُنَّتِنَا تَحۡوِيلًا ٧٧ أَقِمِ ٱلصَّلَوٰةَ لِدُلُوكِ ٱلشَّمۡسِ إِلَىٰ غَسَقِ ٱلَّيۡلِ وَقُرۡءَانَ ٱلۡفَجۡرِۖ إِنَّ قُرۡءَانَ ٱلۡفَجۡرِ كَانَ مَشۡهُودٗا ٧٨ وَمِنَ ٱلَّيۡلِ فَتَهَجَّدۡ بِهِۦ نَافِلَةٗ لَّكَ عَسَىٰٓ أَن يَبۡعَثَكَ رَبُّكَ مَقَامٗا مَّحۡمُودٗا ٧٩ وَقُل رَّبِّ أَدۡخِلۡنِي مُدۡخَلَ صِدۡقٖ وَأَخۡرِجۡنِي مُخۡرَجَ صِدۡقٖ وَٱجۡعَل لِّي مِن لَّدُنكَ سُلۡطَٰنٗا نَّصِيرٗا ٨٠ وَقُلۡ جَآءَ ٱلۡحَقُّ وَزَهَقَ ٱلۡبَٰطِلُۚ إِنَّ ٱلۡبَٰطِلَ كَانَ زَهُوقٗا ٨١ وَنُنَزِّلُ مِنَ ٱلۡقُرۡءَانِ مَا هُوَ شِفَآءٞ وَرَحۡمَةٞ لِّلۡمُؤۡمِنِينَ وَلَا يَزِيدُ ٱلظَّٰلِمِينَ إِلَّا خَسَارٗا ٨٢ وَإِذَآ أَنۡعَمۡنَا عَلَى ٱلۡإِنسَٰنِ أَعۡرَضَ وَنَـَٔا بِجَانِبِهِۦ وَإِذَا مَسَّهُ ٱلشَّرُّ كَانَ يَـُٔوسٗا ٨٣ قُلۡ كُلّٞ يَعۡمَلُ عَلَىٰ شَاكِلَتِهِۦ فَرَبُّكُمۡ أَعۡلَمُ بِمَنۡ هُوَ أَهۡدَىٰ سَبِيلٗا ٨٤ وَيَسۡـَٔلُونَكَ عَنِ ٱلرُّوحِۖ قُلِ ٱلرُّوحُ مِنۡ أَمۡرِ رَبِّي وَمَآ أُوتِيتُم مِّنَ ٱلۡعِلۡمِ إِلَّا قَلِيلٗا ٨٥ وَلَئِن شِئۡنَا لَنَذۡهَبَنَّ بِٱلَّذِيٓ أَوۡحَيۡنَآ إِلَيۡكَ ثُمَّ لَا تَجِدُ لَكَ بِهِۦ عَلَيۡنَا وَكِيلًا ٨٦

76.- Và quả thật, chúng đã âm mưu làm cho Ngươi sợ hãi mà bỏ quê hương ra đi với mục đích trục xuất Ngươi ra khỏi đó. Nhưng trong trường hợp đó, bọn chúng cũng sẽ ở lại nơi đó (Makkah) chỉ một thời gian ngắn sau (khi) Ngươi (bỏ đi).

77.- (Đó là) Đường lối (của *TA*) cho Sứ giả nào trong số các Sứ giả của *TA* đã được cử phái đến trước Ngươi và Ngươi sẽ không tìm thấy một sự thay đổi nào trong đường lối của *TA*.

78.- Hãy chu đáo dâng lễ *Salāh* từ lúc mặt trời nghiêng bóng cho đến lúc màn đêm tối đặc[1]. Và hãy đọc Qur'ān vào lúc hừng đông. Quả thật, đọc Qur'ān vào lúc hừng đông được chứng giám (bởi Thiên thần).

79.- Và hãy thức một phần của ban đêm để dâng lễ '*Tahajjud*' như một lễ phụ cho Ngươi; có lẽ *Rabb* (Allah) của Ngươi sẽ nhấc Ngươi lên một địa vị vinh quang đáng ca-ngợi.

80.- Và hãy cầu nguyện, thưa: "Lạy *Rabb* của bề tôi! Xin Ngài làm cho bề tôi đi vào (Madīnah) bằng lối vào chân chính và làm cho bề tôi đi ra (khỏi Makkah) bằng lối ra chân chính và ban cho bề tôi từ Ngài một thẩm quyền (để yểm trợ bề tôi.)

81.- Và hãy tuyên bố: "Sự Thật đã đến, sự giả dối phải tan biến. Quả thật, mọi sự giả dối đều tiêu tan.

82.- Và *TA* ban xuống trong Qur'ān điều chữa lành (bệnh) và một hồng ân cho những người có đức tin; ngược lại, chỉ làm cho những kẻ sai quấy thêm thua thiệt.

83.- Và khi *TA* ban ân huệ cho con người (vô đức tin), y quay bỏ đi và lánh xa (thay vì đến với *TA*) và khi gặp hoạn nạn, y buông xuôi thất vọng.

84.- Hãy bảo họ: "Mỗi người hành động theo đường lối, tín ngưỡng riêng. Do đó, *Rabb* của các người biết rõ ai là người được hướng dẫn theo chính đạo."

85.- Họ hỏi Ngươi về *Rūh* (Jibrīl). Hãy bảo họ: "*Rūh* là do Chỉ thị của *Rabb* của Ta. Sự hiểu biết chỉ được ban cho các người chút ít."

86.- Và nếu muốn, *TA* sẽ lấy đi những điều mà *TA* đã mặc khải cho Ngươi; rồi Ngươi sẽ không thể tìm ra một vị bảo hộ nào giúp Ngươi chống lại *TA* (về việc này);

---

[1] Thời gian của bốn lễ: *Zuhr, 'Asr, Maghrib* và *'Ishā'*.

إِلَّا رَحۡمَةٗ مِّن رَّبِّكَۚ إِنَّ فَضۡلَهُۥ كَانَ عَلَيۡكَ كَبِيرٗا ٨٧ قُل لَّئِنِ ٱجۡتَمَعَتِ ٱلۡإِنسُ وَٱلۡجِنُّ عَلَىٰٓ أَن يَأۡتُواْ بِمِثۡلِ هَٰذَا ٱلۡقُرۡءَانِ لَا يَأۡتُونَ بِمِثۡلِهِۦ وَلَوۡ كَانَ بَعۡضُهُمۡ لِبَعۡضٖ ظَهِيرٗا ٨٨ وَلَقَدۡ صَرَّفۡنَا لِلنَّاسِ فِي هَٰذَا ٱلۡقُرۡءَانِ مِن كُلِّ مَثَلٖ فَأَبَىٰٓ أَكۡثَرُ ٱلنَّاسِ إِلَّا كُفُورٗا ٨٩ وَقَالُواْ لَن نُّؤۡمِنَ لَكَ حَتَّىٰ تَفۡجُرَ لَنَا مِنَ ٱلۡأَرۡضِ يَنۢبُوعًا ٩٠ أَوۡ تَكُونَ لَكَ جَنَّةٞ مِّن نَّخِيلٖ وَعِنَبٖ فَتُفَجِّرَ ٱلۡأَنۡهَٰرَ خِلَٰلَهَا تَفۡجِيرًا ٩١ أَوۡ تُسۡقِطَ ٱلسَّمَآءَ كَمَا زَعَمۡتَ عَلَيۡنَا كِسَفًا أَوۡ تَأۡتِيَ بِٱللَّهِ وَٱلۡمَلَٰٓئِكَةِ قَبِيلًا ٩٢ أَوۡ يَكُونَ لَكَ بَيۡتٞ مِّن زُخۡرُفٍ أَوۡ تَرۡقَىٰ فِي ٱلسَّمَآءِ وَلَن نُّؤۡمِنَ لِرُقِيِّكَ حَتَّىٰ تُنَزِّلَ عَلَيۡنَا كِتَٰبٗا نَّقۡرَؤُهُۥۗ قُلۡ سُبۡحَانَ رَبِّي هَلۡ كُنتُ إِلَّا بَشَرٗا رَّسُولٗا ٩٣ وَمَا مَنَعَ ٱلنَّاسَ أَن يُؤۡمِنُوٓاْ إِذۡ جَآءَهُمُ ٱلۡهُدَىٰٓ إِلَّآ أَن قَالُوٓاْ أَبَعَثَ ٱللَّهُ بَشَرٗا رَّسُولٗا ٩٤ قُل لَّوۡ كَانَ فِي ٱلۡأَرۡضِ مَلَٰٓئِكَةٞ يَمۡشُونَ مُطۡمَئِنِّينَ لَنَزَّلۡنَا عَلَيۡهِم مِّنَ ٱلسَّمَآءِ مَلَكٗا رَّسُولٗا ٩٥ قُلۡ كَفَىٰ بِٱللَّهِ شَهِيدَۢا بَيۡنِي وَبَيۡنَكُمۡۚ إِنَّهُۥ كَانَ بِعِبَادِهِۦ خَبِيرَۢا بَصِيرٗا ٩٦

87.- Trừ phi *Rabb* của Ngươi khoan dung. Quả thật, Thiên ân của Ngài ban cho Ngươi thật lớn.

88.- Hãy bảo họ: "Nếu loài người và *Jinn* họp nhau lại để làm một (Kinh sách) giống như Qur'ān này, thì chúng sẽ không làm được một quyển giống như nó, mặc dầu chúng cố gắng hỗ trợ lẫn nhau."

89.- Và chắc chắn, *TA* đã giải thích cho nhân loại trong Qur'ān này đủ loại ngụ ngôn, nhưng đa số nhân loại từ chối (sự thật và) không tin tưởng.

90.- Và họ nói: "Bọn ta không bao giờ tin tưởng nơi Ngươi (Muhammad) trừ phi Ngươi làm cho suối nước phụt từ dưới đất lên cho bọn ta;

91.- "Hoặc Ngươi có một ngôi vườn chà-là và vườn nho mà Ngươi làm cho những suối nước phụt lên ở chính giữa chúng;

92.- "Hoặc Ngươi làm cho trời sụp xuống đè nát bọn ta thành từng mảnh đúng như lời Ngươi đã xác nhận hoặc Ngươi mang Allah và Thiên thần xuống đối diện (với bọn ta);

93.- "Hoặc Ngươi có một ngôi nhà bằng vàng hay Ngươi đi lên trời; và bọn ta không bao giờ tin tưởng nơi việc thăng thiên của Ngươi trừ phi Ngươi mang xuống cho bọn ta một Kinh sách mà bọn ta đọc được." Hãy bảo họ: "Quang vinh và trong sạch thay *Rabb* của ta! Phải chăng ta chỉ là một người phàm được cử làm một Sứ giả (của Allah)?"

94.- Và không có gì cản trở nhân loại tin tưởng khi Chỉ đạo đã đến với họ ngoại trừ điều mà họ nói: "Há Allah đã dựng một người phàm làm một Sứ giả (của Ngài)?"

95.- Hãy bảo họ: "Nếu trên trái đất chỉ có các Thiên thần đi lại yên ổn thì chắc chắn *TA* sẽ phái một Thiên thần từ trên trời xuống làm một Sứ giả."

96.- Hãy bảo họ: "Allah đủ làm một nhân chứng giữa Ta và các người. Quả thật, Allah là Đấng Hằng Am tường, và Hằng Thấy các bầy tôi của Ngài."

وَمَن يَهْدِ ٱللَّهُ فَهُوَ ٱلْمُهْتَدِ ۖ وَمَن يُضْلِلْ فَلَن تَجِدَ لَهُمْ أَوْلِيَآءَ مِن دُونِهِۦ ۖ وَنَحْشُرُهُمْ يَوْمَ ٱلْقِيَٰمَةِ عَلَىٰ وُجُوهِهِمْ عُمْيًا وَبُكْمًا وَصُمًّا ۖ مَّأْوَىٰهُمْ جَهَنَّمُ ۖ كُلَّمَا خَبَتْ زِدْنَٰهُمْ سَعِيرًا ﴿٩٧﴾ ذَٰلِكَ جَزَآؤُهُم بِأَنَّهُمْ كَفَرُوا۟ بِـَٔايَٰتِنَا وَقَالُوٓا۟ أَءِذَا كُنَّا عِظَٰمًا وَرُفَٰتًا أَءِنَّا لَمَبْعُوثُونَ خَلْقًا جَدِيدًا ﴿٩٨﴾ ۞ أَوَلَمْ يَرَوْا۟ أَنَّ ٱللَّهَ ٱلَّذِى خَلَقَ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلْأَرْضَ قَادِرٌ عَلَىٰٓ أَن يَخْلُقَ مِثْلَهُمْ وَجَعَلَ لَهُمْ أَجَلًا لَّا رَيْبَ فِيهِ فَأَبَى ٱلظَّٰلِمُونَ إِلَّا كُفُورًا ﴿٩٩﴾ قُل لَّوْ أَنتُمْ تَمْلِكُونَ خَزَآئِنَ رَحْمَةِ رَبِّىٓ إِذًا لَّأَمْسَكْتُمْ خَشْيَةَ ٱلْإِنفَاقِ ۚ وَكَانَ ٱلْإِنسَٰنُ قَتُورًا ﴿١٠٠﴾ وَلَقَدْ ءَاتَيْنَا مُوسَىٰ تِسْعَ ءَايَٰتٍۭ بَيِّنَٰتٍ ۖ فَسْـَٔلْ بَنِىٓ إِسْرَٰٓءِيلَ إِذْ جَآءَهُمْ فَقَالَ لَهُۥ فِرْعَوْنُ إِنِّى لَأَظُنُّكَ يَٰمُوسَىٰ مَسْحُورًا ﴿١٠١﴾ قَالَ لَقَدْ عَلِمْتَ مَآ أَنزَلَ هَٰٓؤُلَآءِ إِلَّا رَبُّ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلْأَرْضِ بَصَآئِرَ وَإِنِّى لَأَظُنُّكَ يَٰفِرْعَوْنُ مَثْبُورًا ﴿١٠٢﴾ فَأَرَادَ أَن يَسْتَفِزَّهُم مِّنَ ٱلْأَرْضِ فَأَغْرَقْنَٰهُ وَمَن مَّعَهُۥ جَمِيعًا ﴿١٠٣﴾ وَقُلْنَا مِنۢ بَعْدِهِۦ لِبَنِىٓ إِسْرَٰٓءِيلَ ٱسْكُنُوا۟ ٱلْأَرْضَ فَإِذَا جَآءَ وَعْدُ ٱلْءَاخِرَةِ جِئْنَا بِكُمْ لَفِيفًا ﴿١٠٤﴾

الحِزْبُ ٣٠

97.- Và ai được Allah hướng dẫn thì sẽ đi đúng đường; và ai mà Ngài đánh lạc hướng thì ngoài Ngài, Ngươi sẽ không bao giờ tìm được cho chúng những kẻ bảo hộ nào. Và vào Ngày Phục sinh, *TA* sẽ tập trung chúng lại, quì úp mặt xuống, mù, câm và điếc; chỗ ngụ của chúng sẽ là Hỏa ngục. Mỗi lần ngọn lửa giảm xuống, *TA* sẽ gia tăng lửa ngọn thêm cho chúng.

98.- Đó là phần quả báo dành cho chúng bởi vì thật sự, chúng đã phủ nhận các Dấu-hiệu của *TA* và nói: "Phải chăng khi chúng tôi đã thành xương khô và mảnh vụn, chúng tôi sẽ được dựng sống lại thành một sự tạo hóa mới?"

99.- Há họ không nhìn nhận rằng Allah, Đấng đã tạo hóa các tầng trời và trái đất, sẽ thừa khả năng tái tạo được cái mới giống như chúng hay sao? Ngài đã ấn định cho chúng một thời hạn mà không có gì phải nghi ngờ cả. Nhưng những kẻ làm điều sai quấy từ chối (sự thật), ngược lại chỉ (chấp nhận) sự không tin.

100.- Hãy bảo họ: "Nếu các người làm chủ những kho tàng 'hồng ân' của *Rabb* của Ta, thì lúc đó chắc chắn các người sẽ giữ chúng lại vì sợ tiêu pha hết. Bởi vì con người vốn keo kiệt."

101.- Và chắc chắn *TA* đã ban cho Mūsa chín Phép lạ rõ rệt. Ngươi hãy hỏi con cháu của Israel (sẽ rõ). Khi Người (Mūsa) đến gặp chúng, Fir'aun bảo Người: "Hỡi Mūsa, ta nghĩ rằng ngươi làm trò ảo-thuật."

102.- (Mūsa) đáp: "Chắc chắn, ngài biết rõ không ai có khả năng ban những thứ này xuống làm bằng chứng trước mắt mọi người ngoại trừ *Rabb* của các tầng trời và trái đất và quả thật, tôi nghĩ rằng ngài, ôi Fir'aun, sắp bị tiêu diệt."

103.- Do đó, khi Fir'aun nhất định loại trừ họ (con cháu Israel) khỏi lãnh thổ (Ai-cập), *TA* đã nhận chìm hắn và tất cả thuộc hạ của hắn (dưới biển Hồng hải).

104.- Và sau hắn, *TA* đã phán cho con cháu của Israel như sau: "Hãy định cư thanh bình trên đất hứa". Và khi Lời hứa sau cùng xảy đến, *TA* sẽ tập trung các người lại, trộn lẫn với nhau.

وَبِٱلْحَقِّ أَنزَلْنَٰهُ وَبِٱلْحَقِّ نَزَلَ ۗ وَمَآ أَرْسَلْنَٰكَ إِلَّا مُبَشِّرًا وَنَذِيرًا ﴿١٠٥﴾ وَقُرْءَانًا فَرَقْنَٰهُ لِتَقْرَأَهُۥ عَلَى ٱلنَّاسِ عَلَىٰ مُكْثٍ وَنَزَّلْنَٰهُ تَنزِيلًا ﴿١٠٦﴾ قُلْ ءَامِنُوا۟ بِهِۦٓ أَوْ لَا تُؤْمِنُوٓا۟ ۚ إِنَّ ٱلَّذِينَ أُوتُوا۟ ٱلْعِلْمَ مِن قَبْلِهِۦٓ إِذَا يُتْلَىٰ عَلَيْهِمْ يَخِرُّونَ لِلْأَذْقَانِ سُجَّدًا ﴿١٠٧﴾ وَيَقُولُونَ سُبْحَٰنَ رَبِّنَآ إِن كَانَ وَعْدُ رَبِّنَا لَمَفْعُولًا ﴿١٠٨﴾ وَيَخِرُّونَ لِلْأَذْقَانِ يَبْكُونَ وَيَزِيدُهُمْ خُشُوعًا ۩ ﴿١٠٩﴾ قُلِ ٱدْعُوا۟ ٱللَّهَ أَوِ ٱدْعُوا۟ ٱلرَّحْمَٰنَ ۖ أَيًّا مَّا تَدْعُوا۟ فَلَهُ ٱلْأَسْمَآءُ ٱلْحُسْنَىٰ ۚ وَلَا تَجْهَرْ بِصَلَاتِكَ وَلَا تُخَافِتْ بِهَا وَٱبْتَغِ بَيْنَ ذَٰلِكَ سَبِيلًا ﴿١١٠﴾ وَقُلِ ٱلْحَمْدُ لِلَّهِ ٱلَّذِى لَمْ يَتَّخِذْ وَلَدًا وَلَمْ يَكُن لَّهُۥ شَرِيكٌ فِى ٱلْمُلْكِ وَلَمْ يَكُن لَّهُۥ وَلِىٌّ مِّنَ ٱلذُّلِّ ۖ وَكَبِّرْهُ تَكْبِيرًا ﴿١١١﴾

سَجْدَة

سُورَةُ الكَهْفِ

بِسْمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحْمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

ٱلْحَمْدُ لِلَّهِ ٱلَّذِىٓ أَنزَلَ عَلَىٰ عَبْدِهِ ٱلْكِتَٰبَ وَلَمْ يَجْعَل لَّهُۥ عِوَجَا ۜ ﴿١﴾ قَيِّمًا لِّيُنذِرَ بَأْسًا شَدِيدًا مِّن لَّدُنْهُ وَيُبَشِّرَ ٱلْمُؤْمِنِينَ ٱلَّذِينَ يَعْمَلُونَ ٱلصَّٰلِحَٰتِ أَنَّ لَهُمْ أَجْرًا حَسَنًا ﴿٢﴾ مَّٰكِثِينَ فِيهِ أَبَدًا ﴿٣﴾ وَيُنذِرَ ٱلَّذِينَ قَالُوا۟ ٱتَّخَذَ ٱللَّهُ وَلَدًا ﴿٤﴾

سكتة لطيفة على ألف عوجا

105.- Và *TA* đã ban Nó xuống bằng sự thật và Nó đã xuống bằng sự thật. Và *TA* chỉ phái Ngươi đến làm một người mang tin mừng và báo trước.

106.- Và Qur'ān, *TA* chia nó thành từng phần để Ngươi có thể đọc cho nhân loại theo từng giai đoạn và *TA* ban Nó xuống theo từng thời kỳ.

107.- Hãy bảo họ: "Các người tin hay không tin nơi Nó, bởi vì những ai được ban cho sự hiểu biết trước (khi) Nó (được ban xuống), liền quì úp mặt xuống đất, phủ phục khi Nó được đọc ra cho họ."

108.- Và họ nói: "Quang vinh và trong sạch thay *Rabb* chúng tôi! Quả thật, Lời hứa của *Rabb* chúng tôi đã hoàn tất."

109.- Và họ quì úp mặt xuống đất khóc ra nước mắt và Nó làm cho họ khiêm tốn thêm.

110.- Hãy bảo họ: "Cầu nguyện Allah hay cầu nguyện *Ar-Rahmān*, cầu nguyện Ngài với bất cứ danh xưng nào (đều tốt cả) bởi vì Ngài có các danh xưng tốt đẹp nhất. Và trong cuộc dâng lễ (*Salāh*) của ngươi chớ đọc kinh quá lớn tiếng cũng chớ quá nhỏ, mà hãy tìm lấy con đường chính giữa.

111.- Và nói: "Mọi lời ca tụng đều dâng lên Allah, Đấng đã không nhận ai làm con trai (của Ngài) và không có một kẻ 'hợp tác' nào chia sẻ quyền bính cai trị của Ngài và Ngài cũng không quá yếu đuối mà có một người Bảo Hộ để giúp đỡ Ngài. Và hãy làm rạng rỡ sự Vĩ đại của Ngài."

AL-KAHF
(Hang Núi)

Nhân danh Allah, Đấng Rất mực Độ lượng,
Đấng Rất mực Khoan dung

1.- Mọi lời ca tụng đều dâng lên Allah, Đấng đã ban Kinh sách (Qur'ān) cho Người tôi trung của Ngài và không làm cho Nó quanh co.

2.- (Một Kinh sách) ngay thẳng (và rõ ràng) dùng để cảnh cáo (những người vô đức tin) về một sự trừng phạt nghiêm khắc từ Ngài và vừa mang tin mừng cho những người tin tưởng, những ai làm việc thiện, rằng họ sẽ nhận một phần thưởng tốt (Thiên đàng).

3.- Họ sẽ ở trong đó đời đời.

4.- Và để cảnh cáo những ai nói Allah có một đứa con trai.

مَّا لَهُم بِهِۦ مِنْ عِلْمٍ وَلَا لِأٓبَآئِهِمْۚ كَبُرَتْ كَلِمَةً تَخْرُجُ مِنْ أَفْوَٰهِهِمْۚ إِن يَقُولُونَ إِلَّا كَذِبًا ﴿٥﴾ فَلَعَلَّكَ بَٰخِعٌ نَّفْسَكَ عَلَىٰٓ ءَاثَٰرِهِمْ إِن لَّمْ يُؤْمِنُوا۟ بِهَٰذَا ٱلْحَدِيثِ أَسَفًا ﴿٦﴾ إِنَّا جَعَلْنَا مَا عَلَى ٱلْأَرْضِ زِينَةً لَّهَا لِنَبْلُوَهُمْ أَيُّهُمْ أَحْسَنُ عَمَلًا ﴿٧﴾ وَإِنَّا لَجَٰعِلُونَ مَا عَلَيْهَا صَعِيدًا جُرُزًا ﴿٨﴾ أَمْ حَسِبْتَ أَنَّ أَصْحَٰبَ ٱلْكَهْفِ وَٱلرَّقِيمِ كَانُوا۟ مِنْ ءَايَٰتِنَا عَجَبًا ﴿٩﴾ إِذْ أَوَى ٱلْفِتْيَةُ إِلَى ٱلْكَهْفِ فَقَالُوا۟ رَبَّنَآ ءَاتِنَا مِن لَّدُنكَ رَحْمَةً وَهَيِّئْ لَنَا مِنْ أَمْرِنَا رَشَدًا ﴿١٠﴾ فَضَرَبْنَا عَلَىٰٓ ءَاذَانِهِمْ فِى ٱلْكَهْفِ سِنِينَ عَدَدًا ﴿١١﴾ ثُمَّ بَعَثْنَٰهُمْ لِنَعْلَمَ أَىُّ ٱلْحِزْبَيْنِ أَحْصَىٰ لِمَا لَبِثُوٓا۟ أَمَدًا ﴿١٢﴾ نَّحْنُ نَقُصُّ عَلَيْكَ نَبَأَهُم بِٱلْحَقِّۚ إِنَّهُمْ فِتْيَةٌ ءَامَنُوا۟ بِرَبِّهِمْ وَزِدْنَٰهُمْ هُدًى ﴿١٣﴾ وَرَبَطْنَا عَلَىٰ قُلُوبِهِمْ إِذْ قَامُوا۟ فَقَالُوا۟ رَبُّنَا رَبُّ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلْأَرْضِ لَن نَّدْعُوَا۟ مِن دُونِهِۦٓ إِلَٰهًاۖ لَّقَدْ قُلْنَآ إِذًا شَطَطًا ﴿١٤﴾ هَٰٓؤُلَآءِ قَوْمُنَا ٱتَّخَذُوا۟ مِن دُونِهِۦٓ ءَالِهَةًۖ لَّوْلَا يَأْتُونَ عَلَيْهِم بِسُلْطَٰنٍۭ بَيِّنٍۖ فَمَنْ أَظْلَمُ مِمَّنِ ٱفْتَرَىٰ عَلَى ٱللَّهِ كَذِبًا ﴿١٥﴾

5.- Họ và cha mẹ của họ không có một chút hiểu biết nào về việc đó. Trọng đại thay lời lẽ đã thốt ra từ cửa miệng của họ! Quả thật, họ chỉ nói dối.

6.- Có lẽ Ngươi vì buồn rầu mà chết đi trong việc bám theo dấu chân[1] của họ nếu họ không tin tưởng nơi câu chuyện này (Kinh Qur'ān);

7.- Sự thật là mọi vật mà *TA* đã làm ra trên quả đất chỉ nhằm trang hoàng cho đẹp, mục đích để *TA* (dùng chúng) thử thách ai trong nhân loại là người tốt nhất trong việc làm của họ.

8. Và sự thật là *TA* sẽ làm cho mọi vật trên đó (trái đất) thành một loại đất xấu (không sản xuất).

9.- Hoặc phải chăng Ngươi nghĩ rằng những người Bạn của Hang núi và của Bia ký[2] là một kỳ quan trong những Dấu lạ của *TA* hay sao?

10.- (Hãy nhớ lại) khi đám thanh niên chạy vào Hang núi trốn và cầu nguyện thưa: "Lạy *Rabb* chúng tôi! Xin Ngài khoan dung chúng tôi và sắp đặt công việc của chúng tôi được đúng đắn".

11.- Do đó, *TA* lấy tấm màn bịt tai chúng lại trong Hang núi trong một số năm (để chúng ngủ và không còn nghe thấy gì).

12.- Rồi *TA* đánh thức chúng dậy để *TA* thử thách xem nhóm nào trong hai nhóm, sẽ giỏi nhất trong việc tính toán thời gian mà chúng đã lưu lại nơi đó.

13.- *TA* kể lại cho Ngươi (Muhammad) câu chuyện của chúng bằng sự thật. Quả thật, chúng là một đám thanh niên tin tưởng nơi *Rabb* của chúng và *TA* gia tăng Chỉ đạo cho chúng.

14.- Và *TA* củng cố tấm lòng của chúng khi chúng đứng dậy thưa: "*Rabb* chúng tôi là *Rabb* của các tầng trời và trái đất. Chúng tôi sẽ không bao giờ cầu nguyện một thần linh nào ngoài Ngài. (Nếu làm nghịch lại), chắc chắn chúng tôi sẽ nói ra lời lẽ xúc phạm tày trời.

15.- "Những người (ngoại đạo) này trong đám người dân của chúng tôi đã tôn thờ những thần linh ngoài Ngài. Tại sao họ không tự đưa ra một thẩm quyền rõ rệt (để chứng minh cho việc làm của họ?) Bởi thế, còn ai sai quấy hơn kẻ đã đặt điều nói dối rồi đổ thừa cho Allah?

---

[1] *Āthārihim* là dâu chân của họ, một thành ngữ có ý nói 'Đi theo, nghe theo họ.'

[2] *Raqīm* là bia ký,dựa theo chú giải của Jalālain, học giả Muslim

وَإِذِ ٱعۡتَزَلۡتُمُوهُمۡ وَمَا يَعۡبُدُونَ إِلَّا ٱللَّهَ فَأۡوُۥٓاْ إِلَى ٱلۡكَهۡفِ يَنشُرۡ لَكُمۡ رَبُّكُم مِّن رَّحۡمَتِهِۦ وَيُهَيِّئۡ لَكُم مِّنۡ أَمۡرِكُم مِّرۡفَقٗا ١٦ ۞ وَتَرَى ٱلشَّمۡسَ إِذَا طَلَعَت تَّزَٰوَرُ عَن كَهۡفِهِمۡ ذَاتَ ٱلۡيَمِينِ وَإِذَا غَرَبَت تَّقۡرِضُهُمۡ ذَاتَ ٱلشِّمَالِ وَهُمۡ فِي فَجۡوَةٖ مِّنۡهُۚ ذَٰلِكَ مِنۡ ءَايَٰتِ ٱللَّهِۗ مَن يَهۡدِ ٱللَّهُ فَهُوَ ٱلۡمُهۡتَدِۖ وَمَن يُضۡلِلۡ فَلَن تَجِدَ لَهُۥ وَلِيّٗا مُّرۡشِدٗا ١٧ وَتَحۡسَبُهُمۡ أَيۡقَاظٗا وَهُمۡ رُقُودٞۚ وَنُقَلِّبُهُمۡ ذَاتَ ٱلۡيَمِينِ وَذَاتَ ٱلشِّمَالِۖ وَكَلۡبُهُم بَٰسِطٞ ذِرَاعَيۡهِ بِٱلۡوَصِيدِۚ لَوِ ٱطَّلَعۡتَ عَلَيۡهِمۡ لَوَلَّيۡتَ مِنۡهُمۡ فِرَارٗا وَلَمُلِئۡتَ مِنۡهُمۡ رُعۡبٗا ١٨ وَكَذَٰلِكَ بَعَثۡنَٰهُمۡ لِيَتَسَآءَلُواْ بَيۡنَهُمۡۚ قَالَ قَآئِلٞ مِّنۡهُمۡ كَمۡ لَبِثۡتُمۡۖ قَالُواْ لَبِثۡنَا يَوۡمًا أَوۡ بَعۡضَ يَوۡمٖۚ قَالُواْ رَبُّكُمۡ أَعۡلَمُ بِمَا لَبِثۡتُمۡ فَٱبۡعَثُوٓاْ أَحَدَكُم بِوَرِقِكُمۡ هَٰذِهِۦٓ إِلَى ٱلۡمَدِينَةِ فَلۡيَنظُرۡ أَيُّهَآ أَزۡكَىٰ طَعَامٗا فَلۡيَأۡتِكُم بِرِزۡقٖ مِّنۡهُ وَلۡيَتَلَطَّفۡ وَلَا يُشۡعِرَنَّ بِكُمۡ أَحَدًا ١٩ إِنَّهُمۡ إِن يَظۡهَرُواْ عَلَيۡكُمۡ يَرۡجُمُوكُمۡ أَوۡ يُعِيدُوكُمۡ فِي مِلَّتِهِمۡ وَلَن تُفۡلِحُوٓاْ إِذًا أَبَدٗا ٢٠

ربع الحزب ٣٠

16.- (Đám thanh niên bảo nhau): "Và khi các anh lánh xa họ và những vật mà họ tôn thờ ngoài Allah, hãy chạy vào trong hang núi trốn, *Rabb* của các anh sẽ tưới hồng ân của Ngài lên các anh và sắp đặt công việc được dễ dàng cho các anh."

17.- Và Ngươi (Muhammad) có thể nhìn thấy mặt trời mọc lệch về phía bên phải của cái hang của chúng và khi lặn, nó đi ngang qua chúng về phía bên trái trong lúc chúng nằm ngủ ngay tại một khoảng trống chính giữa cái hang. Đó là một trong những Dấu-lạ của Allah. Ai mà Allah hướng dẫn thì sẽ tìm ra Chỉ đạo. Và ai mà Allah đánh lạc hướng thì Ngươi sẽ không bao giờ tìm được cho y một người bảo hộ nào để dắt y đi đúng đường.

18.- Và Ngươi đã nghĩ rằng chúng hãy còn thức nhưng kỳ thật chúng đang ngủ. Và *TA* đã lật trở thân người của chúng sang phải và trái. Và con chó của chúng duỗi thẳng hai chân trước ra trên bậc thềm của cái hang. Nếu nhìn chúng, chắc chắn Ngươi sẽ kinh hãi mà bỏ chạy và sẽ rất khiếp đãm chúng (trong lòng).

19.- Và *TA* đã đánh thức chúng dậy (trong tình trạng đó) để chúng có dịp hỏi nhau; một người trong bọn nói: "Các anh ở lại đây bao lâu?" Chúng đáp: "Chúng mình ở đây một ngày hay một buổi gì đó." Chúng nói: "*Rabb* của các anh biết rõ các anh đã ở lại đây bao lâu. Thôi hãy cử một người của các anh cầm số tiền này của các anh xuống phố, nhờ tìm mua thức ăn tốt sạch nhất mang về cho các anh dùng và dặn anh ấy dòm ngó cẩn thận, chớ để cho một ai biết tung tích của các anh;

20.- "Quả thật nếu họ (dân chúng) khám phá ra (tung tích của) các anh, họ sẽ ném đá giết các anh và bắt các anh trở lại con đường thờ phụng của họ và trong trường hợp đó các anh sẽ không bao giờ thành công."

وَكَذَٰلِكَ أَعْثَرْنَا عَلَيْهِمْ لِيَعْلَمُوٓا۟ أَنَّ وَعْدَ ٱللَّهِ حَقٌّ وَأَنَّ
ٱلسَّاعَةَ لَا رَيْبَ فِيهَآ إِذْ يَتَنَٰزَعُونَ بَيْنَهُمْ أَمْرَهُمْ ۖ فَقَالُوا۟
ٱبْنُوا۟ عَلَيْهِم بُنْيَٰنًا ۖ رَّبُّهُمْ أَعْلَمُ بِهِمْ ۚ قَالَ ٱلَّذِينَ غَلَبُوا۟ عَلَىٰٓ
أَمْرِهِمْ لَنَتَّخِذَنَّ عَلَيْهِم مَّسْجِدًا ﴿٢١﴾ سَيَقُولُونَ ثَلَٰثَةٌ
رَّابِعُهُمْ كَلْبُهُمْ وَيَقُولُونَ خَمْسَةٌ سَادِسُهُمْ كَلْبُهُمْ
رَجْمًۢا بِٱلْغَيْبِ ۖ وَيَقُولُونَ سَبْعَةٌ وَثَامِنُهُمْ كَلْبُهُمْ ۚ قُل رَّبِّىٓ
أَعْلَمُ بِعِدَّتِهِم مَّا يَعْلَمُهُمْ إِلَّا قَلِيلٌ ۗ فَلَا تُمَارِ فِيهِمْ إِلَّا مِرَآءً
ظَٰهِرًا وَلَا تَسْتَفْتِ فِيهِم مِّنْهُمْ أَحَدًا ﴿٢٢﴾ وَلَا تَقُولَنَّ لِشَا۟ىْءٍ
إِنِّى فَاعِلٌ ذَٰلِكَ غَدًا ﴿٢٣﴾ إِلَّآ أَن يَشَآءَ ٱللَّهُ ۚ وَٱذْكُر رَّبَّكَ
إِذَا نَسِيتَ وَقُلْ عَسَىٰٓ أَن يَهْدِيَنِ رَبِّى لِأَقْرَبَ مِنْ هَٰذَا رَشَدًا
﴿٢٤﴾ وَلَبِثُوا۟ فِى كَهْفِهِمْ ثَلَٰثَ مِا۟ئَةٍ سِنِينَ وَٱزْدَادُوا۟ تِسْعًا
﴿٢٥﴾ قُلِ ٱللَّهُ أَعْلَمُ بِمَا لَبِثُوا۟ ۖ لَهُۥ غَيْبُ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلْأَرْضِ ۖ
أَبْصِرْ بِهِۦ وَأَسْمِعْ ۚ مَا لَهُم مِّن دُونِهِۦ مِن وَلِىٍّ وَلَا يُشْرِكُ
فِى حُكْمِهِۦٓ أَحَدًا ﴿٢٦﴾ وَٱتْلُ مَآ أُوحِىَ إِلَيْكَ مِن كِتَابِ
رَبِّكَ ۖ لَا مُبَدِّلَ لِكَلِمَٰتِهِۦ وَلَن تَجِدَ مِن دُونِهِۦ مُلْتَحَدًا ﴿٢٧﴾

21.- Và bằng cách đó, *TA* đã làm lộ tung tích của chúng cho (thiên hạ) biết để họ biết rằng Lời hứa của Allah là sự thật và Giờ Xét xử (cũng thật) không có gì phải nghi ngờ cả. (Hãy hồi tưởng lại) khi họ (dân cư trong thành phố) tranh luận với nhau về công việc của chúng. (Một số dân) nói: "Xây một tòa nhà lên (chỗ của) chúng. *Rabb* của chúng biết rõ chúng." Nhưng những người thắng thế trong việc bàn thảo đó lại nói: "Chắc chắn chúng ta sẽ xây cất một thánh đường lên (chỗ của) chúng."

22.- (Nay có một số người) nói: "Đám thanh niên đó gồm ba người, con chó của chúng nữa là bốn; (số người khác) nói: "Chúng gồm năm người, con chó của chúng nữa là sáu, (toàn là lời) đoán mò điều vô-hình. Và (một số người khác nữa lại) nói: "Chúng gồm bảy người, con chó nữa là tám." Hãy bảo họ (hỡi Muhammad!): "*Rabb* của ta biết rõ nhất số người của chúng. Chỉ một số ít biết chuyện đó. Bởi thế chớ tranh luận với ai về việc của chúng trừ phi biết rõ vấn đề. Và cũng chớ hỏi bất cứ ai về vấn đề của chúng."

23.- Và chớ bao giờ nói về một điều gì như sau: "Chắc chắn tôi sẽ làm điều đó ngày mai"-

24.- Trừ phi (dè dặt nói:) 'Nếu Allah muốn như thế'[1]. Và hãy niệm nhớ *Rabb* của Ngươi khi Ngươi quên và nói: "Có lẽ *Rabb* của tôi sẽ hướng dẫn tôi đến gần với Chân lý hơn điều này."

25.- Và đám thanh niên ở lại trong Hang núi của chúng ba trăm năm (theo dương lịch) và thêm chín năm nữa (theo âm lịch).

26.- Hãy bảo: "Allah biết rõ nhất chúng đã ở lại đó bao lâu (bởi vì) Ngài nắm mọi bí mật của các tầng trời và trái đất. Ngài Thấy và Nghe rất rõ (mọi việc). Và chúng không có một Đấng Bảo-hộ nào ngoài Ngài, và Ngài cũng không có một kẻ 'hợp tác' nào chia sẻ Quyết định và Luật lệ[2] của Ngài.

27.- Và hãy đọc (cho người dân) từ Kinh sách (Qur'ān) của *Rabb* của Ngươi những điều đã được mặc khải cho Ngươi. Không ai có thể thay đổi được Lời Phán của Ngài[3]. Và Ngươi sẽ không bao giờ tìm được một chỗ nương tựa nào khác ngoài Ngài.

---

[1] *Insha Allah* tức 'Nếu Allah muôn như thế'

[2] *Hukmihi* = Quyết định và luật lệ trong việc cai trị

[3] *Kalimātihi* = Phán quyết, Mệnh lệnh, Chỉ thị của Ngài (Allah).

وَٱصْبِرْ نَفْسَكَ مَعَ ٱلَّذِينَ يَدْعُونَ رَبَّهُم بِٱلْغَدَوٰةِ وَٱلْعَشِيِّ يُرِيدُونَ وَجْهَهُۥ ۖ وَلَا تَعْدُ عَيْنَاكَ عَنْهُمْ تُرِيدُ زِينَةَ ٱلْحَيَوٰةِ ٱلدُّنْيَا ۖ وَلَا تُطِعْ مَنْ أَغْفَلْنَا قَلْبَهُۥ عَن ذِكْرِنَا وَٱتَّبَعَ هَوَىٰهُ وَكَانَ أَمْرُهُۥ فُرُطًا ﴿٢٨﴾ وَقُلِ ٱلْحَقُّ مِن رَّبِّكُمْ ۖ فَمَن شَآءَ فَلْيُؤْمِن وَمَن شَآءَ فَلْيَكْفُرْ ۚ إِنَّآ أَعْتَدْنَا لِلظَّٰلِمِينَ نَارًا أَحَاطَ بِهِمْ سُرَادِقُهَا ۚ وَإِن يَسْتَغِيثُوا۟ يُغَاثُوا۟ بِمَآءٍ كَٱلْمُهْلِ يَشْوِى ٱلْوُجُوهَ ۚ بِئْسَ ٱلشَّرَابُ وَسَآءَتْ مُرْتَفَقًا ﴿٢٩﴾ إِنَّ ٱلَّذِينَ ءَامَنُوا۟ وَعَمِلُوا۟ ٱلصَّٰلِحَٰتِ إِنَّا لَا نُضِيعُ أَجْرَ مَنْ أَحْسَنَ عَمَلًا ﴿٣٠﴾ أُو۟لَٰٓئِكَ لَهُمْ جَنَّٰتُ عَدْنٍ تَجْرِى مِن تَحْتِهِمُ ٱلْأَنْهَٰرُ يُحَلَّوْنَ فِيهَا مِنْ أَسَاوِرَ مِن ذَهَبٍ وَيَلْبَسُونَ ثِيَابًا خُضْرًا مِّن سُندُسٍ وَإِسْتَبْرَقٍ مُّتَّكِـِٔينَ فِيهَا عَلَى ٱلْأَرَآئِكِ ۚ نِعْمَ ٱلثَّوَابُ وَحَسُنَتْ مُرْتَفَقًا ﴿٣١﴾ ۞ وَٱضْرِبْ لَهُم مَّثَلًا رَّجُلَيْنِ جَعَلْنَا لِأَحَدِهِمَا جَنَّتَيْنِ مِنْ أَعْنَٰبٍ وَحَفَفْنَٰهُمَا بِنَخْلٍ وَجَعَلْنَا بَيْنَهُمَا زَرْعًا ﴿٣٢﴾ كِلْتَا ٱلْجَنَّتَيْنِ ءَاتَتْ أُكُلَهَا وَلَمْ تَظْلِم مِّنْهُ شَيْـًٔا ۚ وَفَجَّرْنَا خِلَٰلَهُمَا نَهَرًا ﴿٣٣﴾ وَكَانَ لَهُۥ ثَمَرٌ فَقَالَ لِصَٰحِبِهِۦ وَهُوَ يُحَاوِرُهُۥٓ أَنَا۠ أَكْثَرُ مِنكَ مَالًا وَأَعَزُّ نَفَرًا ﴿٣٤﴾

نصف الحزب ٣٠

28.- Và hãy kiên nhẫn sống với những người cầu nguyện *Rabb* của họ sáng và chiều, chỉ mong tìm Sắc diện của Ngài và chớ vì lý do thèm muốn vẽ hào nhoáng của đời sống trần tục mà Ngươi không lấy mắt ngó ngàng đến họ; Ngươi cũng chớ nghe theo lời của kẻ nào mà *TA* (Allah) đã làm cho lòng y lơ là việc tưởng nhớ *TA* và chỉ biết theo đuổi dục vọng của y; và công việc của y đã trở thành thái quá[1].

29.- Và hãy bảo: "Chân lý là từ *Rabb* của các người." Bởi thế, hãy để cho người nào muốn, được tự do tin tưởng; và để cho người nào muốn, được tự do không tin tưởng. Quả thật, *TA* đã chuẩn bị cho những kẻ làm điều sai quấy Lửa ngọn mà mái vòm sẽ bao nhốt chúng lại bên trong; và nếu chúng kêu la xin giảm bớt hình phạt thì chúng sẽ được giảm cho bằng một loại nước sôi giống như loại dầu sôi; nó sẽ lột hết da mặt của chúng. Thật khiếp đảm thay loại nước uống đó và xấu xa thay chỗ nghỉ (của chúng)!

30.- Quả thật, đối với những ai có đức tin và làm việc thiện, thì chắc chắn *TA* (Allah) sẽ không làm mất phần thưởng của bất cứ ai làm việc tốt.

31.- Họ là những người sẽ được vào những Ngôi vườn vĩnh cửu (Thiên đàng), bên dưới có các dòng sông chảy. Trong đó, họ sẽ được trang điểm bằng vòng vàng và sẽ được phục sức bằng áo lụa thật mịn mầu xanh lục có thêu trổ xinh đẹp. Họ sẽ tựa mình nằm nghỉ trên những chiếc tràng kỷ cao. Tuyệt diệu thay phần thưởng của họ và tốt đẹp thay giường nghỉ của họ!

32.- Và hãy đưa ra thí dụ về hai người: một trong hai người đã được *TA* ban cho hai ngôi vườn trồng nho rào bằng cây chà-là. *TA* đặt giữa hai ngôi vườn một cái rẫy.

33.- Cả hai ngôi vườn đều cho ra trái xum xuê và không có trái lép. Và *TA* làm cho một mạch nước phụt lên chính giữa hai ngôi vườn.

34.- Và y (người chủ vườn) được mùa trái cây. Rồi y nói với người bạn của y trong lúc đang trò chuyện với nhau: "Tôi được nhiều của và mạnh hơn anh vì đông người hơn."

[1] *Furut* = Quá mức giới hạn, thái quá.

وَدَخَلَ جَنَّتَهُۥ وَهُوَ ظَالِمٞ لِّنَفۡسِهِۦ قَالَ مَآ أَظُنُّ أَن تَبِيدَ هَٰذِهِۦٓ أَبَدٗا ﴿٣٥﴾ وَمَآ أَظُنُّ ٱلسَّاعَةَ قَآئِمَةٗ وَلَئِن رُّدِدتُّ إِلَىٰ رَبِّي لَأَجِدَنَّ خَيۡرٗا مِّنۡهَا مُنقَلَبٗا ﴿٣٦﴾ قَالَ لَهُۥ صَاحِبُهُۥ وَهُوَ يُحَاوِرُهُۥٓ أَكَفَرۡتَ بِٱلَّذِي خَلَقَكَ مِن تُرَابٖ ثُمَّ مِن نُّطۡفَةٖ ثُمَّ سَوَّىٰكَ رَجُلٗا ﴿٣٧﴾ لَّٰكِنَّا۠ هُوَ ٱللَّهُ رَبِّي وَلَآ أُشۡرِكُ بِرَبِّيٓ أَحَدٗا ﴿٣٨﴾ وَلَوۡلَآ إِذۡ دَخَلۡتَ جَنَّتَكَ قُلۡتَ مَا شَآءَ ٱللَّهُ لَا قُوَّةَ إِلَّا بِٱللَّهِۚ إِن تَرَنِ أَنَا۠ أَقَلَّ مِنكَ مَالٗا وَوَلَدٗا ﴿٣٩﴾ فَعَسَىٰ رَبِّيٓ أَن يُؤۡتِيَنِ خَيۡرٗا مِّن جَنَّتِكَ وَيُرۡسِلَ عَلَيۡهَا حُسۡبَانٗا مِّنَ ٱلسَّمَآءِ فَتُصۡبِحَ صَعِيدٗا زَلَقًا ﴿٤٠﴾ أَوۡ يُصۡبِحَ مَآؤُهَا غَوۡرٗا فَلَن تَسۡتَطِيعَ لَهُۥ طَلَبٗا ﴿٤١﴾ وَأُحِيطَ بِثَمَرِهِۦ فَأَصۡبَحَ يُقَلِّبُ كَفَّيۡهِ عَلَىٰ مَآ أَنفَقَ فِيهَا وَهِيَ خَاوِيَةٌ عَلَىٰ عُرُوشِهَا وَيَقُولُ يَٰلَيۡتَنِي لَمۡ أُشۡرِكۡ بِرَبِّيٓ أَحَدٗا ﴿٤٢﴾ وَلَمۡ تَكُن لَّهُۥ فِئَةٞ يَنصُرُونَهُۥ مِن دُونِ ٱللَّهِ وَمَا كَانَ مُنتَصِرًا ﴿٤٣﴾ هُنَالِكَ ٱلۡوَلَٰيَةُ لِلَّهِ ٱلۡحَقِّۚ هُوَ خَيۡرٞ ثَوَابٗا وَخَيۡرٌ عُقۡبٗا ﴿٤٤﴾ وَٱضۡرِبۡ لَهُم مَّثَلَ ٱلۡحَيَوٰةِ

[illegible] ٱلۡأَرۡضِ

35.- Và Y đi vào ngôi vườn và tự làm cho mình sai quấy; Y nói: "Tôi không nghĩ rằng ngôi vườn này sẽ vĩnh viễn tiêu tan

36.- "Tôi cũng không nghĩ Giờ (Xét xử) sẽ xảy ra và nếu tôi được đưa về gặp *Rabb* của tôi trở lại thì chắc chắn tôi sẽ tìm được huê lợi khá hơn ngôi vườn này."

37.- Người bạn đáp lại trong lúc nói chuyện với y: "Phải chăng anh không tin tưởng nơi Đấng đã tạo anh ra từ cát bụi, rồi từ một giọt tinh dịch rồi uốn nắn anh thành một người bình thường?

38.- "Đối với tôi, Ngài là Allah, *Rabb* của tôi và tôi không gán ghép một ai làm vị hợp tác của *Rabb* của tôi cả,

39.- "Tại sao khi bước vào vườn, anh không chịu nói: 'Điều ấy Allah muốn thế!' (Bởi vì) không có sức mạnh nào (làm nên sự việc) ngoại trừ (sức mạnh phát sinh) từ Allah. Nếu anh thấy tôi kém hơn anh về tài sản và con cái,

40.- "Thì có lẽ *Rabb* của tôi sẽ ban cấp cho tôi điều tốt hơn ngôi vườn của anh và Ngài sẽ gởi những lưỡi tầm sét từ trên trời xuống tàn phá ngôi vườn của anh và biến nó thành một bãi đất trơn,

41.- "Hoặc mạch nước của nó sẽ chảy mất tiêu xuống dưới lòng đất khiến anh sẽ không bao giờ tìm thấy mạch nước trở lại."

42.- Và mùa màng trái cây của y bị tiêu diệt toàn bộ. Do đó, y bắt đầu xoa hai lòng bàn tay (tỏ vẻ hối tiếc) về công lao và tiền bạc mà y đã chi tiêu vào việc khai khẩn và trồng trọt vườn nho. Và trái nho lẫn giàn nho đều ngã rạp xuống đất nằm ngổn ngang; và y nói: "Thật khổ cho thân tôi! Phải chi tôi không tổ hợp một ai với *Rabb* của tôi (thì đâu xảy ra cớ sự này!)"

43.- Và ngoài Allah, y không có một nhóm đảng nào có thể giúp y (tránh khỏi sự trừng phạt) và cũng không tự cứu mình được.

44.- Đấy, (vào Ngày Phán xét Cuối cùng) Quyền-hành che-chở chỉ thuộc riêng về Allah, Đấng Thượng Đế Chân thật. Ngài là Đấng Tốt nhất trong việc tưởng thưởng, và là Đấng Tốt nhất ban cho kết quả cuối cùng.

45.- Hãy đưa ra thí dụ về đời sống trần tục này cho họ (nghiệm). Nó giống như nước mưa mà *TA* ban từ trên trời xuống, cây cỏ thảo mộc nhờ hút lấy nó mà trở thành xanh tươi; rồi cây cỏ bắt đầu dần dần héo khô thành cọng ra vỡ vụn mà gió thổi tung đi khắp nơi, và Allah là Đấng quyết định hết mọi việc.

ٱلْمَالُ وَٱلْبَنُونَ زِينَةُ ٱلْحَيَوٰةِ ٱلدُّنْيَا ۖ وَٱلْبَٰقِيَٰتُ ٱلصَّٰلِحَٰتُ
خَيْرٌ عِندَ رَبِّكَ ثَوَابًا وَخَيْرٌ أَمَلًا ٤٦ وَيَوْمَ نُسَيِّرُ ٱلْجِبَالَ وَتَرَى
ٱلْأَرْضَ بَارِزَةً وَحَشَرْنَٰهُمْ فَلَمْ نُغَادِرْ مِنْهُمْ أَحَدًا ٤٧ وَعُرِضُوا۟
عَلَىٰ رَبِّكَ صَفًّا لَّقَدْ جِئْتُمُونَا كَمَا خَلَقْنَٰكُمْ أَوَّلَ مَرَّةٍۭ ۚ بَلْ زَعَمْتُمْ
أَلَّن نَّجْعَلَ لَكُم مَّوْعِدًا ٤٨ وَوُضِعَ ٱلْكِتَٰبُ فَتَرَى ٱلْمُجْرِمِينَ
مُشْفِقِينَ مِمَّا فِيهِ وَيَقُولُونَ يَٰوَيْلَتَنَا مَالِ هَٰذَا ٱلْكِتَٰبِ
لَا يُغَادِرُ صَغِيرَةً وَلَا كَبِيرَةً إِلَّآ أَحْصَىٰهَا ۚ وَوَجَدُوا۟ مَا عَمِلُوا۟
حَاضِرًا ۗ وَلَا يَظْلِمُ رَبُّكَ أَحَدًا ٤٩ وَإِذْ قُلْنَا لِلْمَلَٰٓئِكَةِ ٱسْجُدُوا۟
لِءَادَمَ فَسَجَدُوٓا۟ إِلَّآ إِبْلِيسَ كَانَ مِنَ ٱلْجِنِّ فَفَسَقَ عَنْ أَمْرِ رَبِّهِۦٓ ۗ
أَفَتَتَّخِذُونَهُۥ وَذُرِّيَّتَهُۥٓ أَوْلِيَآءَ مِن دُونِى وَهُمْ لَكُمْ عَدُوٌّۢ ۚ
بِئْسَ لِلظَّٰلِمِينَ بَدَلًا ٥٠ ۞ مَّآ أَشْهَدتُّهُمْ خَلْقَ ٱلسَّمَٰوَٰتِ
وَٱلْأَرْضِ وَلَا خَلْقَ أَنفُسِهِمْ وَمَا كُنتُ مُتَّخِذَ ٱلْمُضِلِّينَ عَضُدًا
٥١ وَيَوْمَ يَقُولُ نَادُوا۟ شُرَكَآءِىَ ٱلَّذِينَ زَعَمْتُمْ فَدَعَوْهُمْ
فَلَمْ يَسْتَجِيبُوا۟ لَهُمْ وَجَعَلْنَا بَيْنَهُم مَّوْبِقًا ٥٢ وَرَءَا ٱلْمُجْرِمُونَ
ٱلنَّارَ فَظَنُّوٓا۟ أَنَّهُم مُّوَاقِعُوهَا وَلَمْ يَجِدُوا۟ عَنْهَا مَصْرِفًا ٥٣

الحزب ٣٠

46.- Của cải và con cái là những món trang hoàng của đời sống trần tục này trong lúc chỉ có việc làm phúc đức mới tồn tại Đối với Allah việc làm phúc đức là tốt nhất về phương diện tưởng thưởng và hy vọng

47 - Và Ngày mà *TA* sẽ dỡ mất các ngọn núi và Ngươi sẽ thấy mặt đất sẽ trống trải bằng phẳng và *TA* sẽ tập trung chúng lại và sẽ không bỏ sót một người nào;

48.- Và chúng sẽ được dẫn đến trước mặt *Rabb* của Ngươi sắp thành hàng ngũ chỉnh tề. "Chắc chắn các ngươi đến gặp *TA* giống như tình trạng *TA* đã tạo các ngươi lần đầu. Ay! Phải chăng các ngươi đã nghĩ *TA* sẽ không bao giờ định đoạt việc hội ngộ này với các ngươi hay sao?"

49 - Và quyển sổ (của chúng) sẽ được mang đặt trước mặt. Rồi Ngươi sẽ thấy những kẻ tội lỗi kinh hãi về những điều ghi trong đó. Và chúng sẽ than· "Ôi, thật khổ thân chúng tôi! Một quyển sổ gì như thế này! Nó ghi không sót một điều nào dù nhỏ hay lớn." Và chúng sẽ thấy xuất hiện trước mặt chúng tất cả những điều mà chúng đã làm Và *Rabb* của Ngươi sẽ không đối xử bất công với một ai cả.

50 - Và khi *TA* phán cho các Thiên thần: "Hãy phủ phục trước Ādam." Do đó, chúng phủ phục ngoại trừ Iblīs Nó thuộc loài *Jinn*[1]. Nó bất tuân Mệnh lệnh của *Rabb* của nó Thế phải chăng các người chấp nhận nó và con cháu của nó làm kẻ bảo hộ của các người thay vì *TA* trong lúc chúng là kẻ thù của các người hay sao? Việc đổi chác này của những kẻ làm điều sai quấy thật là xấu xa

51 - TA đâu có gọi chúng (*Jinn*) đến chứng kiến việc tạo hóa các tầng trời và trái đất và ngay cả việc tạo hóa bản thân của chúng, và TA cũng đã không nhận những kẻ dắt thiên hạ đi lạc làm người ủng hộ.

52 - Và Ngày mà Ngài sẽ bảo (những kẻ tôn thờ *Jinn*·) "Các người hãy cầu nguyện những kẻ mà các người tưởng tượng là những vị 'hợp tác' của TA!" Bởi thế, họ cầu nguyện chúng, nhưng chúng không đáp lời họ. Và *TA* sẽ đặt một bức chắn phân cách giữa bọn chúng

53.- Và những kẻ tội lỗi sẽ nhìn thấy Lửa (của Hỏa ngục). Rồi chúng sẽ nghĩ rằng chúng sẽ sa vào đó và sẽ không tìm thấy một lối thoát nào ra khỏi đó.

---

[1] *Jinn* là một loại tạo vật của Allah, được tạo bằng hơi lửa Chúng sống và sinh hoạt như loài người, nhưng mắt thường của chúng ta không nhìn thấy *Jinn* được phân thành hai loại Muslim và không Muslim.

وَلَقَدۡ صَرَّفۡنَا فِي هَٰذَا ٱلۡقُرۡءَانِ لِلنَّاسِ مِن كُلِّ مَثَلٖۚ وَكَانَ
ٱلۡإِنسَٰنُ أَكۡثَرَ شَيۡءٖ جَدَلٗا ٥٤ وَمَا مَنَعَ ٱلنَّاسَ أَن يُؤۡمِنُوٓاْ
إِذۡ جَآءَهُمُ ٱلۡهُدَىٰ وَيَسۡتَغۡفِرُواْ رَبَّهُمۡ إِلَّآ أَن تَأۡتِيَهُمۡ سُنَّةُ
ٱلۡأَوَّلِينَ أَوۡ يَأۡتِيَهُمُ ٱلۡعَذَابُ قُبُلٗا ٥٥ وَمَا نُرۡسِلُ ٱلۡمُرۡسَلِينَ
إِلَّا مُبَشِّرِينَ وَمُنذِرِينَۚ وَيُجَٰدِلُ ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ بِٱلۡبَٰطِلِ
لِيُدۡحِضُواْ بِهِ ٱلۡحَقَّۖ وَٱتَّخَذُوٓاْ ءَايَٰتِي وَمَآ أُنذِرُواْ هُزُوٗا ٥٦
وَمَنۡ أَظۡلَمُ مِمَّن ذُكِّرَ بِـَٔايَٰتِ رَبِّهِۦ فَأَعۡرَضَ عَنۡهَا وَنَسِيَ
مَا قَدَّمَتۡ يَدَاهُۚ إِنَّا جَعَلۡنَا عَلَىٰ قُلُوبِهِمۡ أَكِنَّةً أَن يَفۡقَهُوهُ
وَفِيٓ ءَاذَانِهِمۡ وَقۡرٗاۖ وَإِن تَدۡعُهُمۡ إِلَى ٱلۡهُدَىٰ فَلَن يَهۡتَدُوٓاْ إِذًا
أَبَدٗا ٥٧ وَرَبُّكَ ٱلۡغَفُورُ ذُو ٱلرَّحۡمَةِۖ لَوۡ يُؤَاخِذُهُم بِمَا كَسَبُواْ
لَعَجَّلَ لَهُمُ ٱلۡعَذَابَۚ بَل لَّهُم مَّوۡعِدٞ لَّن يَجِدُواْ مِن دُونِهِۦ
مَوۡئِلٗا ٥٨ وَتِلۡكَ ٱلۡقُرَىٰٓ أَهۡلَكۡنَٰهُمۡ لَمَّا ظَلَمُواْ وَجَعَلۡنَا
لِمَهۡلِكِهِم مَّوۡعِدٗا ٥٩ وَإِذۡ قَالَ مُوسَىٰ لِفَتَىٰهُ لَآ أَبۡرَحُ حَتَّىٰٓ
أَبۡلُغَ مَجۡمَعَ ٱلۡبَحۡرَيۡنِ أَوۡ أَمۡضِيَ حُقُبٗا ٦٠ فَلَمَّا بَلَغَا مَجۡمَعَ
بَيۡنِهِمَا نَسِيَا حُوتَهُمَا فَٱتَّخَذَ سَبِيلَهُۥ فِي ٱلۡبَحۡرِ سَرَبٗا ٦١

54.- Và chắc chắn *TA* đã trình bày trong *Qur'ān* đủ loại hình ảnh so sánh có lợi cho nhân loại; nhưng con người hay tranh luận nhất về nhiều vấn đề.

55 - Và không có gì cản trở loài người tin tưởng khi Chỉ đạo đã đến với họ và cầu xin *Rabb* của họ tha thứ ngoại trừ việc mong chờ cho đường lối của những người xưa sẽ xảy đến với họ hoặc hình phạt (của Allah) sẽ đến trực diện họ.

56 - Và *TA* đã cử phái các Sứ giả đến chỉ để mang tin mừng và cảnh cáo (nhân loại); nhưng những kẻ không tin tưởng chỉ muốn dùng luận điệu giả dối của mình để cãi vã và đánh đổ Chân lý. Và chúng mang những Dấu-hiệu và lời cảnh cáo của TA ra làm trò đùa để bỡn cợt.

57.- Và còn ai sai quấy hơn kẻ đã được nhắc nhở bằng những Lời mặc khải của *Rabb* của y nhưng quay lánh xa chúng và quên mất những điều (tội lỗi) mà bàn tay của y đã gởi đi trước? Quả thật, *TA* (Allah) đã lấy những tấm màn phủ kín trái tim (tấm lòng) của chúng lại sợ rằng chúng hiểu được Nó (Qur'ān) và làm cho tai của chúng điếc, và nếu Ngươi có gọi chúng đến với Chỉ đạo thì trong trường hợp đó, chúng sẽ vĩnh viễn không bao giờ chấp nhận Chỉ đạo.

58.- Và *Rabb* của Ngươi Hằng tha thứ, đầy khoan dung. Nếu Ngài muốn gọi chúng đến xét xử về những điều (tội lỗi) mà chúng đã phạm thì chắc chắn Ngài sẽ thúc giục hình phạt chóng đến với chúng. Không, chúng còn có một dịp hẹn (gặp Ngài vào Ngày Phục sinh.) Lúc đó, chúng sẽ không bao giờ tìm được một chỗ thoát thân.

59.- (Người dân của) những thị trấn đó (của *'Ād, Thamūd..!*) mà *TA* đã tiêu diệt khi chúng làm quấy. Và *TA* đã định giờ hẹn để tiêu diệt chúng

60 - Và (hãy nhớ lại) khi *Mūsa* nói với tên tiểu đồng của Người: "Ta sẽ không bỏ cuộc mãi cho đến lúc Ta đến tận nơi tiếp giáp của hai vùng biển hoặc Ta sẽ tiếp tục cuộc hành trình vô hạn định."

61 - Nhưng khi hai thầy trò đến chỗ tiếp giáp của hai biển, hai người quên lửng con Cá[1] của họ. Nó đã tìm đường nhảy xuống biển lội đi tự do như đi trong đường hầm.

---

[1] Nabi Mūsa ('alayhi sallam) tự cho mình hiểu biết hơn người thay vì nói duy chỉ Allah là Đấng Duy nhất hiểu biết tất cả. Nhân đó, Allah bảo Nabi Mūsa có một người bề tôi khác của Allah cao kiến hơn Người. Allah bảo Nabi Mūsa bắt một con Cá sống bỏ vào một chiếc giỏ rồi lên đường đi tìm người bề tôi cao kiến nọ để học hỏi thêm. Allah bảo Nabi Mūsa khi nào thấy con cá nhảy xuống biển lặn mất thì đó là nơi mà Người sẽ gặp người bề tôi cao kiến của Allah.

فَلَمَّا جَاوَزَا قَالَ لِفَتَىٰهُ ءَاتِنَا غَدَآءَنَا لَقَدْ لَقِينَا مِن سَفَرِنَا
هَٰذَا نَصَبًا ٦٢ قَالَ أَرَءَيْتَ إِذْ أَوَيْنَآ إِلَى ٱلصَّخْرَةِ فَإِنِّى نَسِيتُ
ٱلْحُوتَ وَمَآ أَنسَىٰنِيهُ إِلَّا ٱلشَّيْطَٰنُ أَنْ أَذْكُرَهُۥ ۚ وَٱتَّخَذَ سَبِيلَهُۥ
فِى ٱلْبَحْرِ عَجَبًا ٦٣ قَالَ ذَٰلِكَ مَا كُنَّا نَبْغِ ۚ فَٱرْتَدَّا عَلَىٰٓ ءَاثَارِهِمَا
قَصَصًا ٦٤ فَوَجَدَا عَبْدًا مِّنْ عِبَادِنَآ ءَاتَيْنَٰهُ رَحْمَةً مِّنْ عِندِنَا
وَعَلَّمْنَٰهُ مِن لَّدُنَّا عِلْمًا ٦٥ قَالَ لَهُۥ مُوسَىٰ هَلْ أَتَّبِعُكَ عَلَىٰٓ أَن
تُعَلِّمَنِ مِمَّا عُلِّمْتَ رُشْدًا ٦٦ قَالَ إِنَّكَ لَن تَسْتَطِيعَ مَعِىَ
صَبْرًا ٦٧ وَكَيْفَ تَصْبِرُ عَلَىٰ مَا لَمْ تُحِطْ بِهِۦ خُبْرًا ٦٨ قَالَ
سَتَجِدُنِىٓ إِن شَآءَ ٱللَّهُ صَابِرًا وَلَآ أَعْصِى لَكَ أَمْرًا ٦٩ قَالَ
فَإِنِ ٱتَّبَعْتَنِى فَلَا تَسْـَٔلْنِى عَن شَىْءٍ حَتَّىٰٓ أُحْدِثَ لَكَ مِنْهُ ذِكْرًا
٧٠ فَٱنطَلَقَا حَتَّىٰٓ إِذَا رَكِبَا فِى ٱلسَّفِينَةِ خَرَقَهَا ۖ قَالَ أَخَرَقْتَهَا
لِتُغْرِقَ أَهْلَهَا لَقَدْ جِئْتَ شَيْـًٔا إِمْرًا ٧١ قَالَ أَلَمْ أَقُلْ إِنَّكَ
لَن تَسْتَطِيعَ مَعِىَ صَبْرًا ٧٢ قَالَ لَا تُؤَاخِذْنِى بِمَا نَسِيتُ وَلَا
تُرْهِقْنِى مِنْ أَمْرِى عُسْرًا ٧٣ فَٱنطَلَقَا حَتَّىٰٓ إِذَا لَقِيَا غُلَٰمًا فَقَتَلَهُۥ
قَالَ أَقَتَلْتَ نَفْسًا زَكِيَّةًۢ بِغَيْرِ نَفْسٍ لَّقَدْ جِئْتَ شَيْـًٔا نُّكْرًا ٧٤

62.- Do đó, khi hai thầy trò đi quá chỗ hẹn, (*Mūsa*) bảo tên tiểu đồng: "Hãy dọn bữa ăn sáng của chúng mình ra; chắc chắn chúng mình đã thấm mệt vì chuyến đi quá lâu này."

63.- (Tên tiểu đồng) thưa: "Thầy có thấy (điều gì hay không) khi chúng ta đang tiến đến mũi đá? Bởi vì tôi đã quên lửng (chuyện của) con Cá và chỉ có Shaytan đã làm cho tôi quên thưa (chuyện của nó) với Thầy, và nó đã tìm đường nhảy xuống biển đi mất dạng một cách kỳ diệu."

64.- *Mūsa* bảo: "Chỗ đó là địa điểm mà chúng ta đang tìm." Do đó, hai người nương theo dấu vết cũ mà quay trở lại chỗ hẹn.

65.- Thế là họ gặp được một người bề tôi[1] của *TA* (Allah) mà *TA* đã ban cho hồng-ân và đã được *TA* dạy cho Kiến-thức của *TA*.

66.- *Mūsa* thưa với Người lạ (*Al-Khidir*): "Tôi theo thầy được chăng để thầy dạy tôi Chân lý cao thâm mà (Allah) đã chỉ dạy thầy?"

67.- Người lạ đáp: "Quả thật ngươi sẽ không nhẫn nại được với ta."

68.- "Và làm sao ngươi có thể kiên nhẫn được với điều vượt quá sự hiểu biết của ngươi."

69.- (*Mūsa*) thưa: "Thầy sẽ thấy, nếu Allah muốn, tôi sẽ rất kiên nhẫn; và tôi sẽ không cãi thầy về bất cứ điều gì."

70.- Người lạ đáp: "Vậy nếu ngươi nhất định theo ta thì chớ hỏi ta về bất cứ điều gì trừ phi tự ta nói ra cho ngươi biết."

71.- Rồi hai người tiếp tục đi. Cho đến khi lên một chiếc thuyền Người lạ (*Khidir*) đục lỗ chiếc thuyền. (*Mūsa*) lên tiếng: "Phải chăng thầy đục lỗ nó để nhận chìm những người (hành khách) trên thuyền này hay sao? Chắc chắn thầy đã làm một điều hết sức tồi tệ."

72.- Người lạ bảo: "Há ta đã không bảo chắc chắn ngươi sẽ không thể chịu nổi với ta hay sao?"

73.- (*Mūsa*) thưa: "Xin thầy chớ rầy tôi về điều tôi đã trót quên và làm khó dễ tôi trong việc (học hỏi) của tôi."

74.- Thế rồi hai người tiếp tục đi mãi cho đến khi gặp một đứa bé trai thì Người lạ giết chết nó. (*Mūsa*) lên tiếng: "Phải chăng thầy đã giết một người vô tội đã không giết ai hay sao? Chắc chắn thầy đã phạm một điều hết sức tội lỗi.

---

[1] *Nabi Al-Khidir* (a.s.) (Xem Sahih Al Bukhari, tập 6, Hadith số 249)

۞ قَالَ أَلَمۡ أَقُل لَّكَ إِنَّكَ لَن تَسۡتَطِيعَ مَعِيَ صَبۡرٗا ٧٥ قَالَ إِن
سَأَلۡتُكَ عَن شَيۡءِۭ بَعۡدَهَا فَلَا تُصَٰحِبۡنِيۖ قَدۡ بَلَغۡتَ مِن لَّدُنِّي عُذۡرٗا
٧٦ فَٱنطَلَقَا حَتَّىٰٓ إِذَآ أَتَيَآ أَهۡلَ قَرۡيَةٍ ٱسۡتَطۡعَمَآ أَهۡلَهَا فَأَبَوۡاْ
أَن يُضَيِّفُوهُمَا فَوَجَدَا فِيهَا جِدَارٗا يُرِيدُ أَن يَنقَضَّ فَأَقَامَهُۥۖ
قَالَ لَوۡ شِئۡتَ لَتَّخَذۡتَ عَلَيۡهِ أَجۡرٗا ٧٧ قَالَ هَٰذَا فِرَاقُ بَيۡنِي
وَبَيۡنِكَۚ سَأُنَبِّئُكَ بِتَأۡوِيلِ مَا لَمۡ تَسۡتَطِع عَّلَيۡهِ صَبۡرًا ٧٨ أَمَّا
ٱلسَّفِينَةُ فَكَانَتۡ لِمَسَٰكِينَ يَعۡمَلُونَ فِي ٱلۡبَحۡرِ فَأَرَدتُّ أَنۡ
أَعِيبَهَا وَكَانَ وَرَآءَهُم مَّلِكٞ يَأۡخُذُ كُلَّ سَفِينَةٍ غَصۡبٗا ٧٩ وَأَمَّا
ٱلۡغُلَٰمُ فَكَانَ أَبَوَاهُ مُؤۡمِنَيۡنِ فَخَشِينَآ أَن يُرۡهِقَهُمَا طُغۡيَٰنٗا
وَكُفۡرٗا ٨٠ فَأَرَدۡنَآ أَن يُبۡدِلَهُمَا رَبُّهُمَا خَيۡرٗا مِّنۡهُ زَكَوٰةٗ وَأَقۡرَبَ
رُحۡمٗا ٨١ وَأَمَّا ٱلۡجِدَارُ فَكَانَ لِغُلَٰمَيۡنِ يَتِيمَيۡنِ فِي ٱلۡمَدِينَةِ
وَكَانَ تَحۡتَهُۥ كَنزٞ لَّهُمَا وَكَانَ أَبُوهُمَا صَٰلِحٗا فَأَرَادَ رَبُّكَ أَن
يَبۡلُغَآ أَشُدَّهُمَا وَيَسۡتَخۡرِجَا كَنزَهُمَا رَحۡمَةٗ مِّن رَّبِّكَۚ
وَمَا فَعَلۡتُهُۥ عَنۡ أَمۡرِيۚ ذَٰلِكَ تَأۡوِيلُ مَا لَمۡ تَسۡطِع عَّلَيۡهِ صَبۡرٗا ٨٢
وَيَسۡـَٔلُونَكَ عَن ذِي ٱلۡقَرۡنَيۡنِۖ قُلۡ سَأَتۡلُواْ عَلَيۡكُم مِّنۡهُ ذِكۡرًا ٨٣

75.- Người lạ đáp: "Há ta đã không bảo ngươi rằng ngươi sẽ không bao giờ chịu nổi với ta hay sao?"

76.- (*Mūsa*) thưa: "Nếu sau này tôi còn hỏi thầy điều gì thì chớ để cho tôi theo thầy nữa. Chắc chắn thầy sẽ có đủ lý do để từ chối (lời khẩn khoản của) tôi.

77.- Rồi hai người tiếp tục đi mãi cho đến khi gặp dân cư của một thị trấn. Họ hỏi xin thức ăn của họ, nhưng bị từ chối. Sau đó, hai người thấy trong thị trấn có một bức tường gần muốn ngã, nhưng Người lạ dựng nó đứng thẳng trở lại. (*Mūsa*) lên tiếng. "Nếu thầy muốn, thầy có thể đòi thị dân trả công thầy về việc này!"

78.- Người lạ bảo: "Đây là lúc ta và ngươi chia tay. Bây giờ ta cho ngươi biết ý nghĩa về những việc mà ngươi không có đủ kiên nhẫn để học hỏi.

79.- "Về chiếc thuyền, nó là tài sản của những người nghèo làm ăn trên biển. Nhưng ta muốn làm cho nó hư đi bởi vì đằng sau họ có một ông vua hay dùng cường quyền mà tịch thu tất cả những chiếc thuyền (của người khác).

80.- "Và về đứa trẻ, bởi vì cha mẹ của nó là những người có đức tin nên chúng tôi sợ rằng do hành động thái quá và vô ơn của nó (đối với Allah), nó sẽ làm cho cha mẹ của nó buồn phiền.

81.- "Do đó, chúng tôi mong rằng *Rabb* (Allah) của cha mẹ (của nó) sẽ ban lại cho hai người một đứa con trai khác tính tình trong sạch và gần với sự khoan dung hơn.

82.- "Và về bức tường, bởi vì nó là tài sản của hai đứa trẻ mồ côi trong thị trấn và phía dưới có một kho tàng để dành cho chúng và người cha của chúng là một người đạo đức nên *Rabb* (Allah) của ngươi (*Mūsa*) muốn rằng khi hai đứa trẻ ấy trưởng thành chúng sẽ lấy kho tàng của chúng ra (sử dụng), như là một Hồng Ân của *Rabb* của ngươi. Và ta đã không tự ý làm ra chuyện đó[1]. Đó là lời giải thích về những điều mà ngươi không thể nhẫn nại được."

83.- Và họ hỏi Ngươi (Muhammad[1]) về *Zul-Qarnayn*[2]. Hãy bảo họ: "Ta sẽ đọc cho các ngươi hồi ký của Người."

---

[1] Nabi Al-Khidir đã không hành động theo ý riêng mà chỉ tuân hành mệnh lệnh của Allah.

[2] Qarn là chiếc sừng. Zul-Qarnayn là người có hai chiếc sừng. Một số học giả cho Người là Alexander the Great (A-lét-giăng-đơ Đại đế), có người cho là một vị hoàng đế của Ba-tư.

إِنَّا مَكَّنَّا لَهُۥ فِي ٱلۡأَرۡضِ وَءَاتَيۡنَٰهُ مِن كُلِّ شَيۡءٖ سَبَبٗا ٨٤ فَأَتۡبَعَ سَبَبًا
٨٥ حَتَّىٰٓ إِذَا بَلَغَ مَغۡرِبَ ٱلشَّمۡسِ وَجَدَهَا تَغۡرُبُ فِي عَيۡنٍ حَمِئَةٖ
وَوَجَدَ عِندَهَا قَوۡمٗاۖ قُلۡنَا يَٰذَا ٱلۡقَرۡنَيۡنِ إِمَّآ أَن تُعَذِّبَ وَإِمَّآ أَن تَتَّخِذَ
فِيهِمۡ حُسۡنٗا ٨٦ قَالَ أَمَّا مَن ظَلَمَ فَسَوۡفَ نُعَذِّبُهُۥ ثُمَّ يُرَدُّ إِلَىٰ رَبِّهِۦ
فَيُعَذِّبُهُۥ عَذَابٗا نُّكۡرٗا ٨٧ وَأَمَّا مَنۡ ءَامَنَ وَعَمِلَ صَٰلِحٗا فَلَهُۥ جَزَآءً
ٱلۡحُسۡنَىٰۖ وَسَنَقُولُ لَهُۥ مِنۡ أَمۡرِنَا يُسۡرٗا ٨٨ ثُمَّ أَتۡبَعَ سَبَبًا ٨٩ حَتَّىٰٓ
إِذَا بَلَغَ مَطۡلِعَ ٱلشَّمۡسِ وَجَدَهَا تَطۡلُعُ عَلَىٰ قَوۡمٖ لَّمۡ نَجۡعَل لَّهُم مِّن
دُونِهَا سِتۡرٗا ٩٠ كَذَٰلِكَۖ وَقَدۡ أَحَطۡنَا بِمَا لَدَيۡهِ خُبۡرٗا ٩١ ثُمَّ
أَتۡبَعَ سَبَبًا ٩٢ حَتَّىٰٓ إِذَا بَلَغَ بَيۡنَ ٱلسَّدَّيۡنِ وَجَدَ مِن دُونِهِمَا قَوۡمٗا
لَّا يَكَادُونَ يَفۡقَهُونَ قَوۡلٗا ٩٣ قَالُواْ يَٰذَا ٱلۡقَرۡنَيۡنِ إِنَّ يَأۡجُوجَ
وَمَأۡجُوجَ مُفۡسِدُونَ فِي ٱلۡأَرۡضِ فَهَلۡ نَجۡعَلُ لَكَ خَرۡجًا عَلَىٰٓ أَن
تَجۡعَلَ بَيۡنَنَا وَبَيۡنَهُمۡ سَدّٗا ٩٤ قَالَ مَا مَكَّنِّي فِيهِ رَبِّي خَيۡرٞ فَأَعِينُونِي
بِقُوَّةٍ أَجۡعَلۡ بَيۡنَكُمۡ وَبَيۡنَهُمۡ رَدۡمًا ٩٥ ءَاتُونِي زُبَرَ ٱلۡحَدِيدِۖ حَتَّىٰٓ إِذَا سَاوَىٰ
بَيۡنَ ٱلصَّدَفَيۡنِ قَالَ ٱنفُخُواْۖ حَتَّىٰٓ إِذَا جَعَلَهُۥ نَارٗا قَالَ ءَاتُونِيٓ أُفۡرِغۡ عَلَيۡهِ
قِطۡرٗا ٩٦ فَمَا ٱسۡطَٰعُوٓاْ أَن يَظۡهَرُوهُ وَمَا ٱسۡتَطَٰعُواْ لَهُۥ نَقۡبٗا ٩٧

84.- Quả thật, *TA* đã định cư Người trên trái đất và đã ban cho Người phương tiện về mọi mặt.

85.- Do đó, Người đi theo một con đường.

86.- Cho đến khi Người đến một nơi (của phía) mặt trời lặn; Người thấy nó lặn xuống một dòng suối nước đục ngầu và thấy một đám dân sống gần đó. *TA* phán· "Hỡi *Zul-Qarnayn!* hoặc nhà ngươi trừng phạt chúng hoặc nhà ngươi đối xử nhân đạo với chúng."

87.- Người thưa· "Đối với ai làm điều sai quấy thì chúng tôi sẽ trừng trị y rồi y sẽ được đưa về trình diện *Rabb* của y, rồi Ngài sẽ trừng phạt y vô cùng khủng khiếp

88.- "Nhưng đối với ai tin tưởng và làm việc thiện, thì y sẽ được một phần thưởng tốt và chúng tôi sẽ nói với y lời lẽ dịu dàng về mệnh lệnh của chúng tôi."

89.- Rồi Người (*Zul-Qarnayn*) đi theo một con đường (khác)

90 - Cho đến khi Người đến một nơi (về phía) mặt trời mọc và thấy nó mọc trên một đám người mà *TA* đã không ban một tấm phủ nào để che (nắng) mặt trời.

91.- (Người để mặc họ sống) như thế. Chắc chắn *TA* (Allah) quán triệt mọi điều mà Người có.

92.- Rồi Người đi theo một con đường (khác),

93 - Cho đến khi Người đến một chỗ giữa hai ngọn núi và thấy gần hai ngọn núi có một số dân hầu như không hiểu được một lời lẽ nào cả.

94.- Họ nói: "Hỡi *Zul-Qarnayn*! Quả thật, *Ya'jūj và Ma'jūj*[1] phá hoại trong xứ. Chúng tôi có phải dâng lễ vật cho ngài đăng ngài có thể dựng một (bức thành) để ngăn cản chúng khỏi chúng tôi được chăng?"

95 - Người bảo "Cái (quyền lực) mà *Rabb* của ta ban cho ta tốt hơn (cống vật của các người). Do đó, các người chỉ giúp ta sức lực, ta sẽ dựng một bức thành ngăn cách các người khỏi bọn chúng

96.- "Hãy mang đến cho ta những thỏi sắt." Cuối cùng khi lấp bằng chỗ trũng của hai sườn núi, Người bảo: "Hãy (dùng bễ thổi của các người mà) thổi." Cho đến khi Người làm cho nó (đỏ) như lửa, Người bảo: "Hãy mang đến cho ta loại chì nấu chảy để ta đổ lên đó."

97.- Bởi thế chúng (*Ya'jūj và Ma'jūj*) không thể trèo qua tường và cũng không đào thủng nó được

[1] Gog và Magog trong Kinh thánh (Bible)

ربع الحزب ٣١

قَالَ هَٰذَا رَحْمَةٌ مِّن رَّبِّي ۖ فَإِذَا جَاءَ وَعْدُ رَبِّي جَعَلَهُ دَكَّاءَ ۖ وَكَانَ وَعْدُ رَبِّي
حَقًّا ﴿٩٨﴾ ۞ وَتَرَكْنَا بَعْضَهُمْ يَوْمَئِذٍ يَمُوجُ فِي بَعْضٍ ۖ وَنُفِخَ فِي الصُّورِ
فَجَمَعْنَاهُمْ جَمْعًا ﴿٩٩﴾ وَعَرَضْنَا جَهَنَّمَ يَوْمَئِذٍ لِّلْكَافِرِينَ عَرْضًا ﴿١٠٠﴾
الَّذِينَ كَانَتْ أَعْيُنُهُمْ فِي غِطَاءٍ عَن ذِكْرِي وَكَانُوا لَا يَسْتَطِيعُونَ سَمْعًا
﴿١٠١﴾ أَفَحَسِبَ الَّذِينَ كَفَرُوا أَن يَتَّخِذُوا عِبَادِي مِن دُونِي أَوْلِيَاءَ ۚ إِنَّا
أَعْتَدْنَا جَهَنَّمَ لِلْكَافِرِينَ نُزُلًا ﴿١٠٢﴾ قُلْ هَلْ نُنَبِّئُكُم بِالْأَخْسَرِينَ أَعْمَالًا
﴿١٠٣﴾ الَّذِينَ ضَلَّ سَعْيُهُمْ فِي الْحَيَاةِ الدُّنْيَا وَهُمْ يَحْسَبُونَ أَنَّهُمْ يُحْسِنُونَ
صُنْعًا ﴿١٠٤﴾ أُولَٰئِكَ الَّذِينَ كَفَرُوا بِآيَاتِ رَبِّهِمْ وَلِقَائِهِ فَحَبِطَتْ
أَعْمَالُهُمْ فَلَا نُقِيمُ لَهُمْ يَوْمَ الْقِيَامَةِ وَزْنًا ﴿١٠٥﴾ ذَٰلِكَ جَزَاؤُهُمْ جَهَنَّمُ
بِمَا كَفَرُوا وَاتَّخَذُوا آيَاتِي وَرُسُلِي هُزُوًا ﴿١٠٦﴾ إِنَّ الَّذِينَ آمَنُوا وَعَمِلُوا
الصَّالِحَاتِ كَانَتْ لَهُمْ جَنَّاتُ الْفِرْدَوْسِ نُزُلًا ﴿١٠٧﴾ خَالِدِينَ فِيهَا
لَا يَبْغُونَ عَنْهَا حِوَلًا ﴿١٠٨﴾ قُل لَّوْ كَانَ الْبَحْرُ مِدَادًا لِّكَلِمَاتِ رَبِّي لَنَفِدَ
الْبَحْرُ قَبْلَ أَن تَنفَدَ كَلِمَاتُ رَبِّي وَلَوْ جِئْنَا بِمِثْلِهِ مَدَدًا ﴿١٠٩﴾ قُلْ إِنَّمَا
أَنَا بَشَرٌ مِّثْلُكُمْ يُوحَىٰ إِلَيَّ أَنَّمَا إِلَٰهُكُمْ إِلَٰهٌ وَاحِدٌ ۖ فَمَن كَانَ يَرْجُو
لِقَاءَ رَبِّهِ فَلْيَعْمَلْ عَمَلًا صَالِحًا وَلَا يُشْرِكْ بِعِبَادَةِ رَبِّهِ أَحَدًا ﴿١١٠﴾

98.- Người bảo: "Đây là một Hồng ân từ *Rabb* của ta. Nhưng khi Lời hứa của *Rabb* của ta thể hiện, Ngài sẽ làm cho nó bể tan tành. Và Lời hứa của *Rabb* của ta luôn luôn thật."

99.- Và vào Ngày đó, *TA* sẽ để cho chúng (ồ-ạt) nổi lên như làn sóng chồng lên nhau, và tiếng tù-và sẽ được thổi lên và *TA* sẽ tập trung chúng lại, toàn bộ.

100.- Và vào Ngày đó, *TA* sẽ trưng bày Hỏa ngục ra trước mặt những kẻ vô đức tin rõ ràng cho chúng thấy:

101.- Những ai mà cặp mắt bị che lấp bởi một lớp màng khiến chúng quên lời Nhắc nhở của TA (Qur'ān), và cũng không thể nghe được.

102.- Thế phải chăng những kẻ không có đức tin nghĩ rằng chúng có thể nhận các bầy tôi của TA làm chủ nhân thay vì TA hay sao? Quả thật, *TA* đã chuẩn bị sẵn Hỏa ngục cho những kẻ không tin làm một nơi giải trí.

103.- Hãy bảo (họ). "Chúng tôi có phải báo cho các ông biết những kẻ mất mát nhất về phương diện việc làm (là ai chăng?)

104.- "Những ai đã phí mất công lao nơi trần gian trong lúc họ nghĩ rằng họ đang được điều tốt trong việc làm của họ."

105.- Họ là những kẻ đã phủ nhận các Dấu hiệu của *Rabb* của họ và việc gặp gỡ lại Ngài (ở Đời sau). Do đó, việc làm của họ sẽ trở thành vô nghĩa. Bởi thế vào Ngày Phục sinh *TA* (Allah) sẽ không trả cho họ một cân (giá trị) nào cả.

106.- Như thế; phần quả báo của họ là Hỏa ngục bởi vì họ không tin tưởng và đã chế nhạo các Lời mặc khải và các Sứ giả của TA

107.- Quả thật! Những ai có đức tin và làm việc thiện thì sẽ được ân thưởng các Ngôi vườn hạnh phúc (Thiên đàng) làm nơi giải trí

108.- Trong đó, họ sẽ sống (đời đời) và sẽ không mong đi nơi khác

109.- Hãy bảo: "Nếu đại dương dùng làm mực (để viết) những Lời phán của *Rabb* của ta thì chắc chắn đại dương sẽ ráo cạn trước khi dứt Lời phán của *Rabb* của ta dẫu chúng tôi có mang một đại dương khác tương tự đến châm thêm cho nó."

110.- Hãy bảo: "Quả thật, Ta (Muhammad) là một người phàm như các người nhưng ta được mặc khải cho biết chắc chắn Thượng Đế của các người là một Thượng Đế Duy nhất. Do đó ai kỳ vọng được gặp lại *Rabb* của y, thì nên làm việc thiện và trong việc thờ phụng *Rabb* (Allah) của y, chớ nên dựng một ai làm vị '*hợp tác*' của Ngài.

سورة مريم

بِسْمِ اللَّهِ الرَّحْمَٰنِ الرَّحِيمِ

كٓهيعٓصٓ ١ ذِكْرُ رَحْمَتِ رَبِّكَ عَبْدَهُۥ زَكَرِيَّآ ٢ إِذْ
نَادَىٰ رَبَّهُۥ نِدَآءً خَفِيًّا ٣ قَالَ رَبِّ إِنِّى وَهَنَ ٱلْعَظْمُ مِنِّى
وَٱشْتَعَلَ ٱلرَّأْسُ شَيْبًا وَلَمْ أَكُنۢ بِدُعَآئِكَ رَبِّ شَقِيًّا
٤ وَإِنِّى خِفْتُ ٱلْمَوَٰلِىَ مِن وَرَآءِى وَكَانَتِ ٱمْرَأَتِى
عَاقِرًا فَهَبْ لِى مِن لَّدُنكَ وَلِيًّا ٥ يَرِثُنِى وَيَرِثُ مِنْ
ءَالِ يَعْقُوبَ ۖ وَٱجْعَلْهُ رَبِّ رَضِيًّا ٦ يَٰزَكَرِيَّآ إِنَّا
نُبَشِّرُكَ بِغُلَٰمٍ ٱسْمُهُۥ يَحْيَىٰ لَمْ نَجْعَل لَّهُۥ مِن قَبْلُ سَمِيًّا
٧ قَالَ رَبِّ أَنَّىٰ يَكُونُ لِى غُلَٰمٌ وَكَانَتِ ٱمْرَأَتِى عَاقِرًا
وَقَدْ بَلَغْتُ مِنَ ٱلْكِبَرِ عِتِيًّا ٨ قَالَ كَذَٰلِكَ قَالَ
رَبُّكَ هُوَ عَلَىَّ هَيِّنٌ وَقَدْ خَلَقْتُكَ مِن قَبْلُ وَلَمْ تَكُ
شَيْـًٔا ٩ قَالَ رَبِّ ٱجْعَل لِّىٓ ءَايَةً ۚ قَالَ ءَايَتُكَ أَلَّا
تُكَلِّمَ ٱلنَّاسَ ثَلَٰثَ لَيَالٍ سَوِيًّا ١٠ فَخَرَجَ عَلَىٰ قَوْمِهِۦ مِنَ
ٱلْمِحْرَابِ فَأَوْحَىٰٓ إِلَيْهِمْ أَن سَبِّحُوا۟ بُكْرَةً وَعَشِيًّا ١١

MARYAM[1]
(Mary)

Nhân danh Allah, Đấng Rất mực Độ lượng,
Đấng Rất mực Khoan dung

1.- Kāf. Hā. Yā. 'Ayn. Sād.

2.- (Đây là) một câu chuyện nhắc lại Hồng ân của *Rabb* của Người đã được ban cấp cho người tôi trung của Ngài, Zakarīya[2]

3.- Khi Người âm thầm cầu xin *Rabb* của Người,

4.- Thưa: "Lạy *Rabb* của bề tôi! Thật sự xương cốt của bề tôi đã yếu ớt và mái đầu (của bề tôi) óng ánh hoa râm, nhưng lạy *Rabb*!, bề tôi không hề bất mãn trong việc van cầu Ngài;

5.- "Và quả thật, bề tôi lo lắng cho thân tộc sau (khi) bề tôi (vĩnh viễn ra đi) trong lúc vợ của bề tôi lại hiếm hoi. Do đó xin Ngài ban cho bề tôi từ Ngài một đứa con để nối dõi,

6.- "Sẽ thật sự thừa kế bề tôi và thừa kế dòng dõi của Ya'qūb và lạy *Rabb* của bề tôi, xin Ngài chấp nhận nó (làm bề tôi của Ngài)."

7.- Hỡi *Zakarīya! TA* báo cho Người tin mừng về một đứa con trai; tên của nó là *Yahyā* (Giăng). Từ trước đến nay *TA* chưa hề đặt tên cho ai giống như thế."

8.- Người thưa: "Lạy *Rabb* của bề tôi! Làm sao bề tôi có thể có con trong lúc vợ của bề tôi hiếm hoi, và lại bề tôi đã già yếu".

9.- (Allah) phán: "Đúng như thế! *Rabb* của Người phán: 'Chuyện đó rất dễ đối với TA. Chắc chắn TA đã tạo ra Người trước đây trong lúc Người không là gì cả."

10.- (Zakarīya) thưa: "Lạy *Rabb* của bề tôi! Xin Ngài chỉ định cho bề tôi một Dấu-hiệu." (Allah) phán: "Dấu hiệu của Người sẽ như sau: Người sẽ không nói chuyện với người ta được trong ba đêm liên tiếp mặc dầu người hãy còn khỏe mạnh."

11.- Thế là (Zakarīya) bước ra khỏi phòng tu kín đến gặp người dân của Người và ra dấu bảo họ tán dương (Allah) vào buổi sáng và buổi tối.

---

[1] Nữ đồng trinh Maria (Mary), người mẹ của Nabi 'Isa (Jesus, Giê-su)
[2] Zachariah trong Bible (Kinh thánh)

يَٰيَحۡيَىٰ خُذِ ٱلۡكِتَٰبَ بِقُوَّةٖۖ وَءَاتَيۡنَٰهُ ٱلۡحُكۡمَ صَبِيّٗا ١٢
وَحَنَانٗا مِّن لَّدُنَّا وَزَكَوٰةٗۖ وَكَانَ تَقِيّٗا ١٣ وَبَرَّۢا بِوَٰلِدَيۡهِ وَلَمۡ
يَكُن جَبَّارًا عَصِيّٗا ١٤ وَسَلَٰمٌ عَلَيۡهِ يَوۡمَ وُلِدَ وَيَوۡمَ يَمُوتُ
وَيَوۡمَ يُبۡعَثُ حَيّٗا ١٥ وَٱذۡكُرۡ فِي ٱلۡكِتَٰبِ مَرۡيَمَ إِذِ ٱنتَبَذَتۡ
مِنۡ أَهۡلِهَا مَكَانٗا شَرۡقِيّٗا ١٦ فَٱتَّخَذَتۡ مِن دُونِهِمۡ حِجَابٗا
فَأَرۡسَلۡنَآ إِلَيۡهَا رُوحَنَا فَتَمَثَّلَ لَهَا بَشَرٗا سَوِيّٗا ١٧ قَالَتۡ إِنِّيٓ
أَعُوذُ بِٱلرَّحۡمَٰنِ مِنكَ إِن كُنتَ تَقِيّٗا ١٨ قَالَ إِنَّمَآ أَنَا۠ رَسُولُ
رَبِّكِ لِأَهَبَ لَكِ غُلَٰمٗا زَكِيّٗا ١٩ قَالَتۡ أَنَّىٰ يَكُونُ لِي
غُلَٰمٞ وَلَمۡ يَمۡسَسۡنِي بَشَرٞ وَلَمۡ أَكُ بَغِيّٗا ٢٠ قَالَ كَذَٰلِكِ
قَالَ رَبُّكِ هُوَ عَلَيَّ هَيِّنٞۖ وَلِنَجۡعَلَهُۥٓ ءَايَةٗ لِّلنَّاسِ وَرَحۡمَةٗ
مِّنَّاۚ وَكَانَ أَمۡرٗا مَّقۡضِيّٗا ٢١ ۞ فَحَمَلَتۡهُ فَٱنتَبَذَتۡ بِهِۦ
الحزب ٣١
مَكَانٗا قَصِيّٗا ٢٢ فَأَجَآءَهَا ٱلۡمَخَاضُ إِلَىٰ جِذۡعِ ٱلنَّخۡلَةِ
قَالَتۡ يَٰلَيۡتَنِي مِتُّ قَبۡلَ هَٰذَا وَكُنتُ نَسۡيٗا مَّنسِيّٗا ٢٣
فَنَادَىٰهَا مِن تَحۡتِهَآ أَلَّا تَحۡزَنِي قَدۡ جَعَلَ رَبُّكِ تَحۡتَكِ سَرِيّٗا ٢٤
وَهُزِّيٓ إِلَيۡكِ بِجِذۡعِ ٱلنَّخۡلَةِ تُسَٰقِطۡ عَلَيۡكِ رُطَبٗا جَنِيّٗا ٢٥

12.- (Allah phán cho Yahyā:) "Hỡi *Yahyā*! Hãy nắm vững Kinh sách (*Taurah*) bằng tất cả nghị lực của Ngươi!" Và *TA* ban cho Người sự khôn-ngoan dẫu rằng Người hãy còn ít tuổi.

13.- Và *TA* làm cho Người có lòng thương người và trong sạch; và sùng bái (Allah).

14.- Và hiếu thảo với cha mẹ, và không hách dịch cũng không phản nghịch;

15.- Và Bằng an được ban cho Người vào ngày Người chào đời, vào ngày Người lìa đời và vào ngày Người được phục sinh trở lại!

16.- Và hãy nhắc lại trong Kinh Sách (Qur'ān) về *Maryam* khi Nàng rời gia đình đi lánh mặt tại một nơi về phía Đông,

17.- Nàng giăng một bức màn để lánh mặt họ. Rồi *TA* cử Thiên thần Jibril của *TA* đến gặp Nàng. (Thiên thần) hiện ra trước mặt Nàng như một người đàn ông toàn diện;

18.- Nàng lên tiếng: "Tôi cầu xin Đấng Rất mực Độ lượng bảo vệ tôi tránh xa ông. (Chớ đến gần tôi) nếu ông là người sợ Allah."

19.- (Thiên thần) bảo: "Ta chỉ là một vị Sứ của *Rabb* của Nàng (đến báo cho biết việc Ngài) sẽ ban cho Nàng một đứa con trai trong sạch."

20.- Nàng thưa (với Thiên sứ): "Làm sao tôi có thể có được một đứa con trai trong lúc không có một người phàm nào chạm đến mình tôi. Vả lại, tôi không phải là một người phụ nữ hư đốn."

21.- (Thiên Thần) bảo: "(Sự việc sẽ) đúng như thế! *Rabb* (Allah) của Nàng đã phán: 'Việc (tạo hóa) đó rất dễ đối với TA'. Và chắc chắn *TA* sẽ làm cho Người (Giê-su) thành một Dấu-lạ cho nhân gian và một Hồng ân từ *TA*. Và đó là một việc đã được (Allah) quyết định.'"

22.- Sau đó Nàng thụ thai Người và cưu mang Người về tạm lánh mặt ở một nơi xa.

23.- Rồi những cơn đau bụng hạ sanh đưa đẩy nàng đến một thân cây chà là. Nàng (than thở:) "Ôi, khổ cho thân tôi! Phải chi tôi chết sớm trước việc này và bị quên bẵng đi (có tốt hơn không?)"

24.- Nhưng (có tiếng) gọi nàng từ bên dưới bảo: "Nàng chớ buồn phiền. Chắc chắn *Rabb* của Nàng sẽ tạo một mạch nước bên dưới Nàng,

25.- "Và hãy lắc thân cây chà là về phía nàng, trái chín tươi sẽ rụng xuống mình nàng

فَكُلِي وَٱشۡرَبِي وَقَرِّي عَيۡنٗاۖ فَإِمَّا تَرَيِنَّ مِنَ ٱلۡبَشَرِ أَحَدٗا فَقُولِيٓ
إِنِّي نَذَرۡتُ لِلرَّحۡمَٰنِ صَوۡمٗا فَلَنۡ أُكَلِّمَ ٱلۡيَوۡمَ إِنسِيّٗا ٢٦ فَأَتَتۡ
بِهِۦ قَوۡمَهَا تَحۡمِلُهُۥۖ قَالُواْ يَٰمَرۡيَمُ لَقَدۡ جِئۡتِ شَيۡـٔٗا فَرِيّٗا ٢٧
يَٰٓأُخۡتَ هَٰرُونَ مَا كَانَ أَبُوكِ ٱمۡرَأَ سَوۡءٖ وَمَا كَانَتۡ
أُمُّكِ بَغِيّٗا ٢٨ فَأَشَارَتۡ إِلَيۡهِۖ قَالُواْ كَيۡفَ نُكَلِّمُ مَن كَانَ فِي
ٱلۡمَهۡدِ صَبِيّٗا ٢٩ قَالَ إِنِّي عَبۡدُ ٱللَّهِ ءَاتَىٰنِيَ ٱلۡكِتَٰبَ وَجَعَلَنِي
نَبِيّٗا ٣٠ وَجَعَلَنِي مُبَارَكًا أَيۡنَ مَا كُنتُ وَأَوۡصَٰنِي بِٱلصَّلَوٰةِ
وَٱلزَّكَوٰةِ مَا دُمۡتُ حَيّٗا ٣١ وَبَرَّۢا بِوَٰلِدَتِي وَلَمۡ يَجۡعَلۡنِي
جَبَّارٗا شَقِيّٗا ٣٢ وَٱلسَّلَٰمُ عَلَيَّ يَوۡمَ وُلِدتُّ وَيَوۡمَ أَمُوتُ
وَيَوۡمَ أُبۡعَثُ حَيّٗا ٣٣ ذَٰلِكَ عِيسَى ٱبۡنُ مَرۡيَمَۖ قَوۡلَ ٱلۡحَقِّ
ٱلَّذِي فِيهِ يَمۡتَرُونَ ٣٤ مَا كَانَ لِلَّهِ أَن يَتَّخِذَ مِن وَلَدٖۖ سُبۡحَٰنَهُۥٓۚ
إِذَا قَضَىٰٓ أَمۡرٗا فَإِنَّمَا يَقُولُ لَهُۥ كُن فَيَكُونُ ٣٥ وَإِنَّ ٱللَّهَ رَبِّي وَرَبُّكُمۡ
فَٱعۡبُدُوهُۚ هَٰذَا صِرَٰطٞ مُّسۡتَقِيمٞ ٣٦ فَٱخۡتَلَفَ ٱلۡأَحۡزَابُ مِنۢ
بَيۡنِهِمۡۖ فَوَيۡلٞ لِّلَّذِينَ كَفَرُواْ مِن مَّشۡهَدِ يَوۡمٍ عَظِيمٍ ٣٧ أَسۡمِعۡ بِهِمۡ
وَأَبۡصِرۡ يَوۡمَ يَأۡتُونَنَاۖ لَٰكِنِ ٱلظَّٰلِمُونَ ٱلۡيَوۡمَ فِي ضَلَٰلٖ مُّبِينٖ ٣٨

26 - "Do đó, hãy ăn và uống và vui vẻ. Nhưng nếu có thấy một người phàm nào, thì hãy bảo: 'Quả thật tôi đã nguyện nhịn chay với Đấng Rất mực Độ lượng. Bởi thế ngày nay tôi nhất định sẽ không nói chuyện với ai.'"

27 - Rồi (sau khi hạ sanh) Nàng ẵm đứa con về nhà gặp lại người dân của Nàng. Thấy thế, người dân (của nàng) bảo: "Hỡi *Maryam*! Chắc chắn nàng mang về một điều hết sức quái đản chưa từng thấy

28.- "Hỡi em gái của *Hārūn*[1]! Cha của nàng không phải là một người ác đức và mẹ của nàng cũng không phải là một phụ nữ lăng loàn."

29.- Nhưng Nàng lấy tay chỉ vào đứa bé. (Người dân) bảo "Làm sao bọn ta có thể nói chuyện được với một đứa bé nằm trong nôi?"

30 - (Đứa bé Giê-su) lên tiếng: "Ta là một người bề tôi của Allah. Ngài ban cho Ta Kinh sách và chỉ định Ta làm một *Nabi*.

31.- "Và Ngài ban phúc cho Ta bất cứ nơi nào Ta ở và truyền cho Ta dâng lễ '*Salāh*' và đóng *Zakāh* suốt thời gian Ta còn sống,

32.- "Và hiếu thảo với mẹ ta; và sẽ không hách dịch và vô phúc.

33.- "Và *Salām* (Bằng An) được ban cho Ta vào ngày Ta chào đời, vào ngày Ta lìa đời và vào ngày Ta sẽ được phục sinh trở lại."

34.- Đó là (câu chuyện của) *'Īsa* (Giê-su), con trai của *Maryam*: (và là) lời xác thực mà (những kẻ không tin) hãy còn nghi ngờ.

35.- Việc cho rằng Allah tự nhận (cho mình) một đứa con trai không thích hợp (với Quyền-năng Siêu-phàm của Ngài.) Thật quang vinh và trong sạch thay Ngài! Khi nào Ngài quyết định một việc, Ngài chỉ phán với nó "Hãy thành!" thì nó sẽ thành như thế.

36 - Và (Giê-su bảo): "Quả thật Allah là *Rabb* của Ta và là *Rabb* của các ngươi. Do đó hãy thờ phụng Ngài. Đây là Chính đạo."

37 - Nhưng những giáo phái bất đồng ý-kiến với nhau (về sự thật này) Bởi thế, khốn khổ cho những ai phủ nhận việc sắp xảy ra Ngày (Xét xử) Vĩ đại!

38 - Chúng sẽ nghe và thấy rõ về Ngày (Xét xử) mà chúng sẽ đến trình diện *TA*! Nhưng ngày nay những kẻ làm điều sai quấy lầm lạc công khai.

---

[1] *Hārūn* này không phải là người anh của Nabi Mūsa mà là một người đức hạnh sống vào thời kỳ của Maryam.

وَأَنذِرۡهُمۡ يَوۡمَ ٱلۡحَسۡرَةِ إِذۡ قُضِيَ ٱلۡأَمۡرُ وَهُمۡ فِي غَفۡلَةٖ وَهُمۡ لَا يُؤۡمِنُونَ
٣٩ إِنَّا نَحۡنُ نَرِثُ ٱلۡأَرۡضَ وَمَنۡ عَلَيۡهَا وَإِلَيۡنَا يُرۡجَعُونَ ٤٠ وَٱذۡكُرۡ
فِي ٱلۡكِتَٰبِ إِبۡرَٰهِيمَۚ إِنَّهُۥ كَانَ صِدِّيقٗا نَّبِيًّا ٤١ إِذۡ قَالَ لِأَبِيهِ يَٰٓأَبَتِ
لِمَ تَعۡبُدُ مَا لَا يَسۡمَعُ وَلَا يُبۡصِرُ وَلَا يُغۡنِي عَنكَ شَيۡـٔٗا ٤٢ يَٰٓأَبَتِ
إِنِّي قَدۡ جَآءَنِي مِنَ ٱلۡعِلۡمِ مَا لَمۡ يَأۡتِكَ فَٱتَّبِعۡنِيٓ أَهۡدِكَ صِرَٰطٗا
سَوِيّٗا ٤٣ يَٰٓأَبَتِ لَا تَعۡبُدِ ٱلشَّيۡطَٰنَۖ إِنَّ ٱلشَّيۡطَٰنَ كَانَ لِلرَّحۡمَٰنِ
عَصِيّٗا ٤٤ يَٰٓأَبَتِ إِنِّيٓ أَخَافُ أَن يَمَسَّكَ عَذَابٞ مِّنَ ٱلرَّحۡمَٰنِ
فَتَكُونَ لِلشَّيۡطَٰنِ وَلِيّٗا ٤٥ قَالَ أَرَاغِبٌ أَنتَ عَنۡ ءَالِهَتِي
يَٰٓإِبۡرَٰهِيمُۖ لَئِن لَّمۡ تَنتَهِ لَأَرۡجُمَنَّكَۖ وَٱهۡجُرۡنِي مَلِيّٗا ٤٦ قَالَ
سَلَٰمٌ عَلَيۡكَۖ سَأَسۡتَغۡفِرُ لَكَ رَبِّيٓۖ إِنَّهُۥ كَانَ بِي حَفِيّٗا ٤٧
وَأَعۡتَزِلُكُمۡ وَمَا تَدۡعُونَ مِن دُونِ ٱللَّهِ وَأَدۡعُواْ رَبِّي عَسَىٰٓ أَلَّآ
أَكُونَ بِدُعَآءِ رَبِّي شَقِيّٗا ٤٨ فَلَمَّا ٱعۡتَزَلَهُمۡ وَمَا يَعۡبُدُونَ مِن
دُونِ ٱللَّهِ وَهَبۡنَا لَهُۥٓ إِسۡحَٰقَ وَيَعۡقُوبَۖ وَكُلّٗا جَعَلۡنَا نَبِيّٗا ٤٩
وَوَهَبۡنَا لَهُم مِّن رَّحۡمَتِنَا وَجَعَلۡنَا لَهُمۡ لِسَانَ صِدۡقٍ عَلِيّٗا ٥٠
وَٱذۡكُرۡ فِي ٱلۡكِتَٰبِ مُوسَىٰٓۚ إِنَّهُۥ كَانَ مُخۡلَصٗا وَكَانَ رَسُولٗا نَّبِيًّا ٥١

39.- Và hãy cảnh cáo chúng về Ngày (chúng sẽ) thở dài khi công việc đã được quyết định bởi vì chúng vẫn còn lơ là và không tin tưởng.

40 - Chính *TA* sẽ thừa hưởng trái đất kể cả những ai sống trên đó và chúng sẽ được đưa trở về gặp lại *TA* (để chịu sự xét xử).

41.- Và hãy nhắc lại trong Kinh Sách (Qur'ān) về *Ibrāhīm* Quả thật, Người là một người chân thật, một *Nabi*

42 - Khi (xưa) Người thưa với phụ thân "Thưa cha! Tại sao cha tôn thờ những vật không nghe cũng không thấy được và không mang lợi gì về cho cha?

43 - "Thưa cha! Chắc chắn con đã tiếp thu được kiến thức mà cha đã không lĩnh hội được; bởi thế, xin cha hãy nghe con; con sẽ đưa cha đến một con đường bằng phẳng.

44.- "Thưa cha! Cha chớ tôn thờ *Shaytān* (bởi vì) quả thật, *Shaytān* là một tên phản nghịch đã từng chống đối Đấng (Allah) Rất mực Độ lượng.

45.- "Thưa cha! Con sợ Đấng (Allah) Rất mực Độ lượng sẽ trừng phạt cha bằng một hình phạt khiến cha trở thành một người bạn của *Shaytān* (trong Hỏa Ngục)."

46 - (Người cha) đáp. "Hẳn con ghét những thần linh của cha lắm hay sao, hỡi con *Ibrāhīm*! Nếu con không từ bỏ thái độ này, cha sẽ ném đá giết con; và hãy đi đâu cho khuất mắt cha trong một thời gian lâu."

47.- (Ibrāhīm) thưa: "Con mong cha gặp mọi sự bằng an. Con sẽ cầu xin *Rabb* của con tha thứ cho cha Quả thật Ngài Hằng Rộng lượng với con.

48.- "Và tôi sẽ từ biệt các ông và những kẻ mà các ông cầu nguyện ngoài Allah; và tôi sẽ cầu nguyện *Rabb* của tôi; tôi hy vọng sẽ không đến nỗi vô phúc với lời cầu xin (chân thành) với *Rabb* của tôi."

49 - Do đó, khi *Ibrāhīm* từ biệt họ và những vật mà họ tôn thờ ngoài Allah, *TA* đã ban cho Người (đứa con) *Ishāq* (Isāc) và (đứa cháu nội) *Ya'qūb* (Gia cốp); và mỗi đứa đã được *TA* cử làm *Nabi*.

50.- Và *TA* đã ban Hồng ân cho con cháu của *Ibrāhīm* và làm vinh danh Họ qua tiếng nói trung thực (của Họ).

51.- Và hãy nhắc lại trong Kinh sách (Qur'an) về *Mūsa*. Quả thật, Người là một người chất phác; và là một Sứ giả, một *Nabi*

وَنَٰدَيۡنَٰهُ مِن جَانِبِ ٱلطُّورِ ٱلۡأَيۡمَنِ وَقَرَّبۡنَٰهُ نَجِيّٗا ٥٢ وَوَهَبۡنَا لَهُۥ مِن
رَّحۡمَتِنَآ أَخَاهُ هَٰرُونَ نَبِيّٗا ٥٣ وَٱذۡكُرۡ فِي ٱلۡكِتَٰبِ إِسۡمَٰعِيلَۚ إِنَّهُۥ كَانَ
صَادِقَ ٱلۡوَعۡدِ وَكَانَ رَسُولٗا نَّبِيّٗا ٥٤ وَكَانَ يَأۡمُرُ أَهۡلَهُۥ بِٱلصَّلَوٰةِ
وَٱلزَّكَوٰةِ وَكَانَ عِندَ رَبِّهِۦ مَرۡضِيّٗا ٥٥ وَٱذۡكُرۡ فِي ٱلۡكِتَٰبِ إِدۡرِيسَۚ إِنَّهُۥ
كَانَ صِدِّيقٗا نَّبِيّٗا ٥٦ وَرَفَعۡنَٰهُ مَكَانًا عَلِيًّا ٥٧ أُوْلَٰٓئِكَ ٱلَّذِينَ أَنۡعَمَ
ٱللَّهُ عَلَيۡهِم مِّنَ ٱلنَّبِيِّـۧنَ مِن ذُرِّيَّةِ ءَادَمَ وَمِمَّنۡ حَمَلۡنَا مَعَ نُوحٖ وَمِن
ذُرِّيَّةِ إِبۡرَٰهِيمَ وَإِسۡرَٰٓءِيلَ وَمِمَّنۡ هَدَيۡنَا وَٱجۡتَبَيۡنَآۚ إِذَا تُتۡلَىٰ عَلَيۡهِمۡ
ءَايَٰتُ ٱلرَّحۡمَٰنِ خَرُّواْۤ سُجَّدٗاۤ وَبُكِيّٗا۩ ٥٨ ۞ فَخَلَفَ مِنۢ بَعۡدِهِمۡ
خَلۡفٌ أَضَاعُواْ ٱلصَّلَوٰةَ وَٱتَّبَعُواْ ٱلشَّهَوَٰتِۖ فَسَوۡفَ يَلۡقَوۡنَ غَيًّا
٥٩ إِلَّا مَن تَابَ وَءَامَنَ وَعَمِلَ صَٰلِحٗا فَأُوْلَٰٓئِكَ يَدۡخُلُونَ ٱلۡجَنَّةَ
وَلَا يُظۡلَمُونَ شَيۡـٔٗا ٦٠ جَنَّٰتِ عَدۡنٍ ٱلَّتِي وَعَدَ ٱلرَّحۡمَٰنُ عِبَادَهُۥ
بِٱلۡغَيۡبِۚ إِنَّهُۥ كَانَ وَعۡدُهُۥ مَأۡتِيّٗا ٦١ لَّا يَسۡمَعُونَ فِيهَا لَغۡوًا إِلَّا
سَلَٰمٗاۖ وَلَهُمۡ رِزۡقُهُمۡ فِيهَا بُكۡرَةٗ وَعَشِيّٗا ٦٢ تِلۡكَ ٱلۡجَنَّةُ ٱلَّتِي
نُورِثُ مِنۡ عِبَادِنَا مَن كَانَ تَقِيّٗا ٦٣ ۞ وَمَا نَتَنَزَّلُ إِلَّا بِأَمۡرِ رَبِّكَۖ لَهُۥ
مَا بَيۡنَ أَيۡدِينَا وَمَا خَلۡفَنَا وَمَا بَيۡنَ ذَٰلِكَۚ وَمَا كَانَ رَبُّكَ نَسِيّٗا ٦٤

سجدة
الحزب

52 - Và *TA* đã gọi Người từ phía bên phải của ngọn núi (*Sinai*) và đưa Người xích lại gần để (*TA*) nói nhỏ,

53.- Và *TA* lấy lòng Khoan dung mà gia ân cho Người (bằng cách cử) người anh của Người, *Hārun*, làm một *Nabi* (để phụ tá)

54.- Và hãy nhắc lại trong Kinh Sách (Qur'ān) về *Ismā'īl* Quả thật, Người là một người giữ đúng lời hứa. Và là một Sứ Giả, một *Nabi*.

55.- Và Người đã từng ra lệnh cho người nhà dâng lễ '*Salāh*' và đóng '*Zakāh*'; và *Rabb* của Người hài lòng với Người.

56 - Và hãy nhắc lại trong Kinh Sách (Qur'ān) về *Idrīs* (Enoch). Quả thật, Người là một người chân thật, một *Nabi*.

57.- Và *TA* đã nhấc Người lên một địa vị cao nhã

58.- Họ là những người mà Allah đã gia ân trong số các *Nabi* xuất thân từ con cháu của *Ādam* và từ những người mà *TA* đã chuyên chở trên chiếc tàu cùng với *Nūh* và từ con cháu của *Ibrāhīm* và của *Isrā-īl* và từ những người mà *TA* đã hướng dẫn và chọn lựa. Mỗi lần những Lời mặc khải của Đấng Rất mực Độ lượng được đọc ra cho họ, họ sụp xuống quì lạy, khóc ra nước mắt.

59.- Nhưng tiếp theo họ là một hậu thế bỏ bê '*Salāh*' và theo đuổi những dục vọng thấp hèn Bởi thế họ sẽ sớm bị hủy diệt.

60 - Ngoại trừ những ai biết hối cải và tin tưởng và làm việc thiện Bởi thế, họ là những người sẽ vào Thiên đàng và sẽ không bị đối xử thiệt thòi một tí nào:

61.- Các Ngôi vườn vĩnh cửu (Thiên đàng *'Adn*) mà Đấng (Allah) Rất mực Độ lượng đã hứa với các bề tôi của Ngài, dẫu rằng vô hình Quả thật, Lời hứa của Ngài là điều nhất định sẽ phải xảy ra

62 - Trong đó, họ sẽ không nghe thấy một lời tầm phào nào mà chỉ nghe lời chúc tụng 'Bằng an' Trong đó họ sẽ được cung phụng đầy đủ vào buổi sáng và buổi tối

63.- Đó là Thiên đàng mà *TA* sẽ ban cấp cho người ngay chính sợ Allah trong số bề tôi của *TA* để thừa hưởng.

64.- Và chúng tôi (Thiên thần) chỉ xuống trần theo Mệnh lệnh của *Rabb* (Allah) của Ngươi (hỡi Muhammad!) Điều gì (xảy ra) trước chúng tôi và điều gì (xảy ra) sau chúng tôi và điều gì (xảy ra) giữa hai điều đó đều là của Ngài cả. Và *Rabb* của Ngươi là Đấng không hề quên sót (một điều gì).

رَّبُّ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلْأَرْضِ وَمَا بَيْنَهُمَا فَٱعْبُدْهُ وَٱصْطَبِرْ لِعِبَٰدَتِهِۦ
هَلْ تَعْلَمُ لَهُۥ سَمِيًّا ٦٥ وَيَقُولُ ٱلْإِنسَٰنُ أَءِذَا مَا مِتُّ لَسَوْفَ
أُخْرَجُ حَيًّا ٦٦ أَوَلَا يَذْكُرُ ٱلْإِنسَٰنُ أَنَّا خَلَقْنَٰهُ مِن قَبْلُ
وَلَمْ يَكُ شَيْـًٔا ٦٧ فَوَرَبِّكَ لَنَحْشُرَنَّهُمْ وَٱلشَّيَٰطِينَ ثُمَّ
لَنُحْضِرَنَّهُمْ حَوْلَ جَهَنَّمَ جِثِيًّا ٦٨ ثُمَّ لَنَنزِعَنَّ مِن كُلِّ
شِيعَةٍ أَيُّهُمْ أَشَدُّ عَلَى ٱلرَّحْمَٰنِ عِتِيًّا ٦٩ ثُمَّ لَنَحْنُ أَعْلَمُ بِٱلَّذِينَ
هُمْ أَوْلَىٰ بِهَا صِلِيًّا ٧٠ وَإِن مِّنكُمْ إِلَّا وَارِدُهَا ۚ كَانَ عَلَىٰ رَبِّكَ
حَتْمًا مَّقْضِيًّا ٧١ ثُمَّ نُنَجِّى ٱلَّذِينَ ٱتَّقَوا۟ وَّنَذَرُ ٱلظَّٰلِمِينَ
فِيهَا جِثِيًّا ٧٢ وَإِذَا تُتْلَىٰ عَلَيْهِمْ ءَايَٰتُنَا بَيِّنَٰتٍ قَالَ ٱلَّذِينَ كَفَرُوا۟
لِلَّذِينَ ءَامَنُوٓا۟ أَىُّ ٱلْفَرِيقَيْنِ خَيْرٌ مَّقَامًا وَأَحْسَنُ نَدِيًّا ٧٣
وَكَمْ أَهْلَكْنَا قَبْلَهُم مِّن قَرْنٍ هُمْ أَحْسَنُ أَثَٰثًا وَرِءْيًا ٧٤
قُلْ مَن كَانَ فِى ٱلضَّلَٰلَةِ فَلْيَمْدُدْ لَهُ ٱلرَّحْمَٰنُ مَدًّا ۚ حَتَّىٰٓ إِذَا رَأَوْا۟
مَا يُوعَدُونَ إِمَّا ٱلْعَذَابَ وَإِمَّا ٱلسَّاعَةَ فَسَيَعْلَمُونَ مَنْ هُوَ شَرٌّ
مَّكَانًا وَأَضْعَفُ جُندًا ٧٥ وَيَزِيدُ ٱللَّهُ ٱلَّذِينَ ٱهْتَدَوْا۟ هُدًى ۗ
وَٱلْبَٰقِيَٰتُ ٱلصَّٰلِحَٰتُ خَيْرٌ عِندَ رَبِّكَ ثَوَابًا وَخَيْرٌ مَّرَدًّا ٧٦

65 - (Ngài là) *Rabb* (Đấng Chủ Tể) của các tầng trời và trái đất và của những gì giữa trời đất. Do đó, hãy thờ phụng Ngài, và hãy kiên nhẫn trong việc thờ phụng Ngài. Ngươi có biết có ai giống Ngài hay không?

66.- Và con người (không có đức tin) lên tiếng: "Sao? khi chết rồi tôi sẽ được dựng sống lại hay sao?"

67 - Và hẳn con người không nhớ rằng chính *TA* đã tạo hóa ra y trước đây trong lúc y không là gì cả hay sao?

68 - Bởi thế, nhân danh *Rabb* của Ngươi (hỡi Muhammad!) chắc chắn *TA* sẽ tập trung chúng lại và cả bè lũ *Shaytān* nữa, rồi *TA* sẽ dẫn chúng đến quì gối xung quanh Hỏa Ngục.

69.- Rồi từ mỗi giáo phái *TA* sẽ lôi cổ từng tên ương ngạnh nhất đã chống đối Đấng (Allah) Rất mực Độ lượng ra (trình diện);

70 - Rồi *TA* biết chắc trong bọn chúng ai là kẻ đáng bị đốt nướng nhất trong đó (Hỏa Ngục).

71 - Không một ai trong các người lại khỏi sa xuống (Hỏa ngục). Và đối với *Rabb* của Ngươi (Muhammad!) đó là một quyết định chắc chắn sẽ phải thể hiện.

72.- Rồi *TA* sẽ giải cứu những ai sợ và thần phục Allah và *TA* sẽ để cho những kẻ làm điều sai quấy quì gối trong đó.

73.- Và khi những Lời mặc khải rõ rệt của *TA* được đọc ra để nhắc chúng, những kẻ vô đức tin nói với những người tin tưởng như sau: "Giữa hai chúng ta, nhóm nào là nhóm có địa vị tốt và đáng kính trọng hơn cả trong Hội đồng (của thành phố Makkah)?"

74.- Nhưng trước chúng đã có bao nhiêu thế hệ giầu có và hào nhoáng hơn chúng đã bị *TA* tiêu diệt?

75 - Hãy bảo chúng: "Ai sống trong lầm lạc, thì Đấng (Allah) Rất mực Độ lượng sẽ nới lỏng sợi dây cho y sống thêm một thời gian cho đến khi chúng thấy điều đã được hứa với chúng thể hiện trước mắt- hoặc là Hình phạt hoặc là Giờ (Tận thế)- thì lúc đó chúng sẽ biết ai là kẻ có địa vị tồi tệ nhất và có lực lượng yếu ớt nhất.

76 - Và Allah sẽ gia tăng Chỉ đạo cho những ai đi đúng đường. Và những việc làm từ thiện đối với *Rabb* của Ngươi sẽ tồn tại lâu dài, và sẽ tốt nhất về phương diện tưởng thưởng và kết cuộc.

أَفَرَءَيۡتَ ٱلَّذِي كَفَرَ بِـَٔايَٰتِنَا وَقَالَ لَأُوتَيَنَّ مَالٗا وَوَلَدًا
٧٧ أَطَّلَعَ ٱلۡغَيۡبَ أَمِ ٱتَّخَذَ عِندَ ٱلرَّحۡمَٰنِ عَهۡدٗا ٧٨ كَلَّاۚ
سَنَكۡتُبُ مَا يَقُولُ وَنَمُدُّ لَهُۥ مِنَ ٱلۡعَذَابِ مَدّٗا ٧٩ وَنَرِثُهُۥ
مَا يَقُولُ وَيَأۡتِينَا فَرۡدٗا ٨٠ وَٱتَّخَذُواْ مِن دُونِ ٱللَّهِ ءَالِهَةٗ
لِّيَكُونُواْ لَهُمۡ عِزّٗا ٨١ كَلَّاۚ سَيَكۡفُرُونَ بِعِبَادَتِهِمۡ وَيَكُونُونَ
عَلَيۡهِمۡ ضِدًّا ٨٢ أَلَمۡ تَرَ أَنَّآ أَرۡسَلۡنَا ٱلشَّيَٰطِينَ عَلَى ٱلۡكَٰفِرِينَ
تَؤُزُّهُمۡ أَزّٗا ٨٣ فَلَا تَعۡجَلۡ عَلَيۡهِمۡۖ إِنَّمَا نَعُدُّ لَهُمۡ عَدّٗا ٨٤
يَوۡمَ نَحۡشُرُ ٱلۡمُتَّقِينَ إِلَى ٱلرَّحۡمَٰنِ وَفۡدٗا ٨٥ وَنَسُوقُ ٱلۡمُجۡرِمِينَ
إِلَىٰ جَهَنَّمَ وِرۡدٗا ٨٦ لَّا يَمۡلِكُونَ ٱلشَّفَٰعَةَ إِلَّا مَنِ ٱتَّخَذَ عِندَ
ٱلرَّحۡمَٰنِ عَهۡدٗا ٨٧ وَقَالُواْ ٱتَّخَذَ ٱلرَّحۡمَٰنُ وَلَدٗا ٨٨ لَّقَدۡ
جِئۡتُمۡ شَيۡـًٔا إِدّٗا ٨٩ تَكَادُ ٱلسَّمَٰوَٰتُ يَتَفَطَّرۡنَ مِنۡهُ
وَتَنشَقُّ ٱلۡأَرۡضُ وَتَخِرُّ ٱلۡجِبَالُ هَدًّا ٩٠ أَن دَعَوۡاْ لِلرَّحۡمَٰنِ وَلَدٗا
٩١ وَمَا يَنۢبَغِي لِلرَّحۡمَٰنِ أَن يَتَّخِذَ وَلَدًا ٩٢ إِن كُلُّ مَن فِي
ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضِ إِلَّآ ءَاتِي ٱلرَّحۡمَٰنِ عَبۡدٗا ٩٣ لَّقَدۡ أَحۡصَىٰهُمۡ
وَعَدَّهُمۡ عَدّٗا ٩٤ وَكُلُّهُمۡ ءَاتِيهِ يَوۡمَ ٱلۡقِيَٰمَةِ فَرۡدًا ٩٥

77.- Thế Ngươi có thấy (loại) người đã phủ nhận những Lời mặc khải của *TA* nhưng lại nói: "Chắc chắn tôi sẽ được ban cấp của cải và con cái."

78.- Phải chăng y đã nhìn thấu điều vô-hình hoặc đã nhận một Lời cam kết nào với Đấng (Allah) Rất mực Độ lượng?

79.- Nhất định không! *TA* sẽ cho ghi sổ điều y đã nói và sẽ gia tăng hình phạt cho y (trong Hỏa ngục).

80.- Và *TA* sẽ thừa kế y về những thứ mà y đã nói bởi vì y đến gặp lại *TA* (tay không) trơ trọi một mình (sau khi chết).

81.- Và họ chấp nhận những thần linh khác ngoài Allah mục đích nhờ chúng giúp họ thêm quyền thế và uy danh.

82.- Nhất định không! Những thần linh đó sẽ phủ nhận công trình thờ phụng của họ và sẽ trở thành đối thủ chống lại họ.

83.- Há Ngươi không thấy việc *TA* đã cử những tên *Shaytān* đến với những kẻ vô đức tin hầu xúi giục chúng nổi trận lôi đình?

84.- Bởi thế chớ vội chống báng chúng. Quả thật, *TA* chỉ gia hạn cho chúng một số (ngày gia hạn) nhất định.

85.- Vào một Ngày *TA* sẽ tập trung những người ngay chính sợ Allah đến trình diện Đấng Rất mực Độ lượng như một phái đoàn

86.- Và *TA* sẽ lùa những tên tội lỗi xuống Hỏa ngục như một đàn thú.

87.- Không ai có quyền can thiệp ngoại trừ người nào đã nhận từ Đấng (Allah) Rất mực Độ lượng một Lời cam-kết.

88.- Và chúng nói: "Đấng Rất mực Độ lượng đã có một đứa con trai."

89.- Chắc chắn các người đã dựng đứng một điều tội lỗi vô cùng tày trời;

90.- Vì thế mà các tầng trời gần như muốn vỡ tung, trái đất gần như muốn bể ra làm hai và những quả núi gần như muốn sụp đổ tan tành,

91.- Bởi chúng bịa đặt điều cho rằng Đấng Rất mực Độ lượng có con trai;

92.- Và thật hết sức phi lý cho rằng Đấng Rất mực Độ lượng đã có một đứa con trai;

93.- Bởi vì thật ra mọi nhân vật trong các tầng trời và trái đất đều đến trình diện Đấng Rất mực Độ lượng như một người bề tôi.

94.- Chắc chắn, Ngài đã kiểm kê và đánh số họ một cách chính xác.

95.- Và vào Ngày Phục sinh, từng người một sẽ đơn độc đến trình diện Ngài.

إِنَّ ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ وَعَمِلُواْ ٱلصَّٰلِحَٰتِ سَيَجۡعَلُ لَهُمُ
ٱلرَّحۡمَٰنُ وُدّٗا ٩٦ فَإِنَّمَا يَسَّرۡنَٰهُ بِلِسَانِكَ لِتُبَشِّرَ بِهِ
ٱلۡمُتَّقِينَ وَتُنذِرَ بِهِۦ قَوۡمٗا لُّدّٗا ٩٧ وَكَمۡ أَهۡلَكۡنَا قَبۡلَهُم
مِّن قَرۡنٍ هَلۡ تُحِسُّ مِنۡهُم مِّنۡ أَحَدٍ أَوۡ تَسۡمَعُ لَهُمۡ رِكۡزَۢا ٩٨

سُورَةُ طه

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

طه ١ مَآ أَنزَلۡنَا عَلَيۡكَ ٱلۡقُرۡءَانَ لِتَشۡقَىٰٓ ٢ إِلَّا تَذۡكِرَةٗ
لِّمَن يَخۡشَىٰ ٣ تَنزِيلٗا مِّمَّنۡ خَلَقَ ٱلۡأَرۡضَ وَٱلسَّمَٰوَٰتِ ٱلۡعُلَى ٤
ٱلرَّحۡمَٰنُ عَلَى ٱلۡعَرۡشِ ٱسۡتَوَىٰ ٥ لَهُۥ مَا فِي ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَمَا فِي
ٱلۡأَرۡضِ وَمَا بَيۡنَهُمَا وَمَا تَحۡتَ ٱلثَّرَىٰ ٦ وَإِن تَجۡهَرۡ بِٱلۡقَوۡلِ
فَإِنَّهُۥ يَعۡلَمُ ٱلسِّرَّ وَأَخۡفَى ٧ ٱللَّهُ لَآ إِلَٰهَ إِلَّا هُوَۖ لَهُ ٱلۡأَسۡمَآءُ
ٱلۡحُسۡنَىٰ ٨ وَهَلۡ أَتَىٰكَ حَدِيثُ مُوسَىٰٓ ٩ إِذۡ رَءَا نَارٗا
فَقَالَ لِأَهۡلِهِ ٱمۡكُثُوٓاْ إِنِّيٓ ءَانَسۡتُ نَارٗا لَّعَلِّيٓ ءَاتِيكُم مِّنۡهَا بِقَبَسٍ
أَوۡ أَجِدُ عَلَى ٱلنَّارِ هُدٗى ١٠ فَلَمَّآ أَتَىٰهَا نُودِيَ يَٰمُوسَىٰٓ ١١ إِنِّيٓ
أَنَا۠ رَبُّكَ فَٱخۡلَعۡ نَعۡلَيۡكَ إِنَّكَ بِٱلۡوَادِ ٱلۡمُقَدَّسِ طُوٗى ١٢

الحِزْبُ ٣٢

96 - Quả thật, những ai có đức tin và làm việc thiện sẽ được Đấng (Allah) Rất mực Độ lượng thương yêu;

97 - Bởi thế *TA* làm cho Nó (Qur'ān) thành dễ dàng với chiếc lưỡi (tiếng nói, giọng nói) của Người mà Người dùng để báo tin mừng cho những người ngay chính sợ Allah và để cảnh cáo đám người hay cãi vã.

98 - Và có bao nhiêu thế hệ trước họ đã bị *TA* tiêu diệt? Há Người có tìm thấy một người nào của bọn chúng hoặc nghe một lời xầm xì nào của chúng hay không?

TĀ-HĀ

Nhân danh Allah, Đấng Rất mực Độ lượng,
Đấng Rất mực Khoan dung

1.- *Tā. Hā.*

2.- Không phải *TA* ban **Qur'ān** (này) xuống cho Người (Muhammad) làm cho Người buồn.

3.- Mà đó là một Lời Nhắc Nhở dành cho những người sợ (Allah).-

4.- Một sự Mặc khải từ Đấng đã tạo hóa trái đất và các tầng trời ở trên cao.

5.- Đấng (Allah) Rất mực Độ lượng lên ngôi trên chiếc Ngai vương.

6.- Bất cứ vật gì trong các tầng trời và dưới đất và vật gì nằm giữa trời đất và vật gì nằm sâu dưới lòng đất đều là của Ngài cả.

7.- Và nếu Người có nói lớn tiếng thì quả thật Ngài vẫn biết rõ điều bí mật kể cả điều được bưng bít kín hơn nữa.

8.- Allah! Không có Thượng Đế nào khác cả duy chỉ có Ngài. Ngài mang những tên gọi tốt đẹp nhất.

9 - Và Người đã biết câu chuyện của Mūsa hay chưa?

10.- Khi thấy một ngọn lửa, Người bảo gia đình của Người: "Hãy tạm dừng chân ở đây. Hy vọng ta sẽ mang về cho các người một cục than hồng hoặc ta sẽ tìm thấy nơi đống lửa một Chỉ đạo."

11.- Nhưng khi Người tiến đến đống lửa, bỗng nhiên có tiếng gọi bảo: "Hỡi Musa!

12 - "TA đây! TA là *Rabb* của nhà ngươi. Hãy cởi giày của ngươi ra. Quả thật, nhà ngươi đang ở nơi thung lũng '*Tuwa*' linh thiêng;

وَأَنَا ٱخْتَرْتُكَ فَٱسْتَمِعْ لِمَا يُوحَىٰٓ ١٣ إِنَّنِيٓ أَنَا ٱللَّهُ لَآ إِلَٰهَ إِلَّآ أَنَا۠
فَٱعْبُدْنِي وَأَقِمِ ٱلصَّلَوٰةَ لِذِكْرِيٓ ١٤ إِنَّ ٱلسَّاعَةَ ءَاتِيَةٌ
أَكَادُ أُخْفِيهَا لِتُجْزَىٰ كُلُّ نَفْسِۭ بِمَا تَسْعَىٰ ١٥ فَلَا يَصُدَّنَّكَ
عَنْهَا مَن لَّا يُؤْمِنُ بِهَا وَٱتَّبَعَ هَوَىٰهُ فَتَرْدَىٰ ١٦ وَمَا تِلْكَ
بِيَمِينِكَ يَٰمُوسَىٰ ١٧ قَالَ هِيَ عَصَايَ أَتَوَكَّؤُاْ عَلَيْهَا
وَأَهُشُّ بِهَا عَلَىٰ غَنَمِي وَلِيَ فِيهَا مَـَٔارِبُ أُخْرَىٰ ١٨ قَالَ أَلْقِهَا
يَٰمُوسَىٰ ١٩ فَأَلْقَىٰهَا فَإِذَا هِيَ حَيَّةٌ تَسْعَىٰ ٢٠ قَالَ خُذْهَا
وَلَا تَخَفْ سَنُعِيدُهَا سِيرَتَهَا ٱلْأُولَىٰ ٢١ وَٱضْمُمْ يَدَكَ
إِلَىٰ جَنَاحِكَ تَخْرُجْ بَيْضَآءَ مِنْ غَيْرِ سُوٓءٍ ءَايَةً أُخْرَىٰ ٢٢ لِنُرِيَكَ
مِنْ ءَايَٰتِنَا ٱلْكُبْرَى ٢٣ ٱذْهَبْ إِلَىٰ فِرْعَوْنَ إِنَّهُۥ طَغَىٰ ٢٤ قَالَ
رَبِّ ٱشْرَحْ لِي صَدْرِي ٢٥ وَيَسِّرْ لِيٓ أَمْرِي ٢٦ وَٱحْلُلْ عُقْدَةً مِّن
لِّسَانِي ٢٧ يَفْقَهُواْ قَوْلِي ٢٨ وَٱجْعَل لِّي وَزِيرًا مِّنْ أَهْلِي ٢٩ هَٰرُونَ
أَخِي ٣٠ ٱشْدُدْ بِهِۦٓ أَزْرِي ٣١ وَأَشْرِكْهُ فِيٓ أَمْرِي ٣٢ كَيْ نُسَبِّحَكَ
كَثِيرًا ٣٣ وَنَذْكُرَكَ كَثِيرًا ٣٤ إِنَّكَ كُنتَ بِنَا بَصِيرًا ٣٥ قَالَ قَدْ
أُوتِيتَ سُؤْلَكَ يَٰمُوسَىٰ ٣٦ وَلَقَدْ مَنَنَّا عَلَيْكَ مَرَّةً أُخْرَىٰٓ ٣٧

13.- "Và TA đã chọn nhà ngươi. Bởi thế, hãy lắng nghe điều mặc khải.

14.- "Rõ chính TA là Allah đây. Không có Thượng Đế nào khác cả duy chỉ TA. Do đó, hãy thờ phụng TA; và hãy dâng lễ '*Salāh*' để tưởng nhớ TA.

15.- "Thật sự Giờ (Xét xử) đang tiến đến nhưng TA muốn giữ kín nó để cho mỗi linh hồn nuôi hy vọng sẽ được ân thưởng tùy theo cố gắng của mình.

16.- "Do đó, chớ để cho ai không có đức tin nơi nó và chạy theo những dục vọng của mình làm cho Người xao lãng nó e rằng Người sẽ bị tiêu diệt.

17.- "Và vật gì nơi tay phải của Người vậy, hỡi *Mūsa*?"

18.- Người thưa: "Đó là chiếc gậy mà bề tôi dùng để tựa mình và đập rụng lá cây cho đàn cừu của bề tôi và nhiều công dụng khác nữa."

19.- (Allah) phán: "Hãy quẳng nó xuống, hỡi Mūsa!"

20.- Thế là Người ném nó xuống. Nó biến thành một con rắn biết bò.

21.- (Allah) phán: "Hãy nắm lấy nó và chớ sợ. *TA* sẽ làm cho nó hiện nguyên hình trở lại.

22.- "Và hãy áp bàn tay (phải) của Người sát vào ba sườn của Người, nó sẽ hiện ra trắng toát, không có gì đau đớn cả. Một Phép lạ khác.

23.- "Để *TA* trưng cho Người thấy một số Dấu lạ lớn nhất của *TA*.

24.- "Hãy đi gặp *Fir'aun* (Phê-rô). Quả thật, nó đã tàn ác quá mức."

25.- (Mūsa) thưa: "Lạy *Rabb*! Xin Ngài nới rộng lòng ngực của bề tôi,

26.- "Và làm cho công tác của bề tôi được dễ dàng;

27.- "Và tháo cái gút (ngọng) ra khỏi lưỡi của bề tôi;

28.- "Để chúng (đối phương) có thể hiểu được lời nói của bề tôi

29.- "Và xin cử một người phụ tá cho bề tôi từ gia đình của bề tôi;

30.- "*Hārūn*, người anh của bề tôi;

31.- "Xin Ngài gia tăng sức mạnh cho bề tôi qua anh ấy,

32.- "Và bắt anh ấy chia sẻ công việc của bề tôi;

33.- "Để (hai) chúng tôi có thể tán dương Ngài nhiều;

34.- "Và tưởng nhớ Ngài thật nhiều,

35.- "Bởi vì quả thật Ngài Hằng thấy chúng tôi."

36.- (Allah) phán: "Chắc chắn các điều mà Người yêu cầu được chấp thuận, hỡi *Mūsa*!

37.- "Và chắc chắn, *TA* đã gia ân cho ngươi vào một dịp khác

إِذۡ أَوۡحَيۡنَآ إِلَىٰٓ أُمِّكَ مَا يُوحَىٰٓ ٣٨ أَنِ ٱقۡذِفِيهِ فِي ٱلتَّابُوتِ فَٱقۡذِفِيهِ
فِي ٱلۡيَمِّ فَلۡيُلۡقِهِ ٱلۡيَمُّ بِٱلسَّاحِلِ يَأۡخُذۡهُ عَدُوّٞ لِّي وَعَدُوّٞ لَّهُۥۚ وَأَلۡقَيۡتُ
عَلَيۡكَ مَحَبَّةٗ مِّنِّي وَلِتُصۡنَعَ عَلَىٰ عَيۡنِيٓ ٣٩ إِذۡ تَمۡشِيٓ أُخۡتُكَ فَتَقُولُ
هَلۡ أَدُلُّكُمۡ عَلَىٰ مَن يَكۡفُلُهُۥۖ فَرَجَعۡنَٰكَ إِلَىٰٓ أُمِّكَ كَيۡ تَقَرَّ عَيۡنُهَا
وَلَا تَحۡزَنَۚ وَقَتَلۡتَ نَفۡسٗا فَنَجَّيۡنَٰكَ مِنَ ٱلۡغَمِّ وَفَتَنَّٰكَ فُتُونٗاۚ
فَلَبِثۡتَ سِنِينَ فِيٓ أَهۡلِ مَدۡيَنَ ثُمَّ جِئۡتَ عَلَىٰ قَدَرٖ يَٰمُوسَىٰ ٤٠
وَٱصۡطَنَعۡتُكَ لِنَفۡسِي ٤١ ٱذۡهَبۡ أَنتَ وَأَخُوكَ بِـَٔايَٰتِي وَلَا
تَنِيَا فِي ذِكۡرِي ٤٢ ٱذۡهَبَآ إِلَىٰ فِرۡعَوۡنَ إِنَّهُۥ طَغَىٰ ٤٣ فَقُولَا لَهُۥ قَوۡلٗا
لَّيِّنٗا لَّعَلَّهُۥ يَتَذَكَّرُ أَوۡ يَخۡشَىٰ ٤٤ قَالَا رَبَّنَآ إِنَّنَا نَخَافُ أَن يَفۡرُطَ
عَلَيۡنَآ أَوۡ أَن يَطۡغَىٰ ٤٥ قَالَ لَا تَخَافَآۖ إِنَّنِي مَعَكُمَآ أَسۡمَعُ وَأَرَىٰ
٤٦ فَأۡتِيَاهُ فَقُولَآ إِنَّا رَسُولَا رَبِّكَ فَأَرۡسِلۡ مَعَنَا بَنِيٓ إِسۡرَٰٓءِيلَ
وَلَا تُعَذِّبۡهُمۡۖ قَدۡ جِئۡنَٰكَ بِـَٔايَةٖ مِّن رَّبِّكَۖ وَٱلسَّلَٰمُ عَلَىٰ مَنِ ٱتَّبَعَ
ٱلۡهُدَىٰٓ ٤٧ إِنَّا قَدۡ أُوحِيَ إِلَيۡنَآ أَنَّ ٱلۡعَذَابَ عَلَىٰ مَن كَذَّبَ
وَتَوَلَّىٰ ٤٨ قَالَ فَمَن رَّبُّكُمَا يَٰمُوسَىٰ ٤٩ قَالَ رَبُّنَا ٱلَّذِيٓ أَعۡطَىٰ
كُلَّ شَيۡءٍ خَلۡقَهُۥ ثُمَّ هَدَىٰ ٥٠ قَالَ فَمَا بَالُ ٱلۡقُرُونِ ٱلۡأُولَىٰ ٥١

38 - "Khi *TA* đã mặc khải cho người mẹ của Ngươi điều mặc khải (này·)

39.- "Hãy đặt nó (*Mūsa*) vào trong cái rương và ném nó xuống sông; (nước) sông sẽ đẩy giạt nó lên bờ; một kẻ thù của TA và là kẻ thù của nó sẽ vớt nó lên bờ." Và TA đã ban cho ngươi tình thương từ TA (hỡi *Mūsa*!) để Ngươi được nuôi dưỡng dưới Mắt (săn sóc) của TA.

40.- "Khi người chị của ngươi la cà đi theo và nói. "(Quí ngài có muốn) tôi chỉ cho quí ngài một người để chăm sóc đứa bé hay không? Bằng (cách) đó *TA* mang ngươi trả lại cho mẹ của ngươi để cho cặp mắt của bà dịu lại và hết lo buồn Và ngươi đã (lỡ tay) giết chết một người (dân Ai-cập) nhưng *TA* đã cứu ngươi ra khỏi cảnh nguy khốn và đã thử thách ngươi với một sự thử thách lớn Rồi Ngươi lưu sống nhiều năm với người dân Midian. Rồi Ngươi đến đây như đã định, hỡi *Mūsa*!

41.- "Và TA đã rèn luyện Ngươi (để làm việc) cho TA.

42.- "Hãy lên đường, ngươi và anh của ngươi, với Phép lạ của TA và chớ xao lãng việc tưởng nhớ TA.

43.- "Hai ngươi hãy đi gặp Fir'aun. Quả thật, nó đã tàn ác quá mức

44.- "Tuy nhiên hãy ăn nói với nó lời lẽ nhã nhặn may ra vì thế nó sẽ lưu ý đến Lời cảnh cáo hoặc sợ (Allah)."

45.- Hai người thưa: "Lạy *Rabb* chúng tôi! Quả thật, chúng tôi sợ y nổi nóng mà hãm hại chúng tôi hoặc sợ y hung tợn quá mức."

46.- (Allah) phán: "Chớ sợ! Chắc chắn TA ở cùng với hai ngươi. TA nghe và thấy hết mọi việc.

47.- "Do đó, hai ngươi hãy lên đường đi gặp nó và bảo: 'Quả thật chúng tôi là Sứ giả của *Rabb* của ngài. Xin ngài hãy để cho con cháu của Israel ra đi với chúng tôi và chớ trừng phạt họ. Thật sự, chúng tôi đến gặp ngài với một Phép-lạ từ *Rabb* của ngài. Và Bằng an cho ai tuân theo Chỉ đạo.

48 - Quả thật chúng tôi được (*Rabb* chúng tôi) mặc khải (cho biết) sự trừng phạt (đang chờ) ai là kẻ phủ nhận (Thông-điệp của Ngài) và quay bỏ đi.

49.- (Fir'aun) bảo: "Thế ai là *Rabb* của hai ngươi, hỡi Mūsa?"

50 - (Mūsa) đáp: "*Rabb* chúng tôi là Đấng đã ban cho mọi vật hình thể và bản chất rồi hướng dẫn (chúng) "

51 - (*Fir'aun*) bảo: "Thế điều kiện của những người thuộc thế hệ trước ra sao?"

قَالَ عِلْمُهَا عِندَ رَبِّي فِي كِتَٰبٖۖ لَّا يَضِلُّ رَبِّي وَلَا يَنسَى ٥٢ ٱلَّذِي
جَعَلَ لَكُمُ ٱلۡأَرۡضَ مَهۡدٗا وَسَلَكَ لَكُمۡ فِيهَا سُبُلٗا وَأَنزَلَ مِنَ
ٱلسَّمَآءِ مَآءٗ فَأَخۡرَجۡنَا بِهِۦٓ أَزۡوَٰجٗا مِّن نَّبَاتٖ شَتَّىٰ ٥٣ كُلُواْ
وَٱرۡعَوۡاْ أَنۡعَٰمَكُمۡۚ إِنَّ فِي ذَٰلِكَ لَأٓيَٰتٖ لِّأُوْلِي ٱلنُّهَىٰ ٥٤ ۞ مِنۡهَا
خَلَقۡنَٰكُمۡ وَفِيهَا نُعِيدُكُمۡ وَمِنۡهَا نُخۡرِجُكُمۡ تَارَةً أُخۡرَىٰ ٥٥ وَلَقَدۡ
أَرَيۡنَٰهُ ءَايَٰتِنَا كُلَّهَا فَكَذَّبَ وَأَبَىٰ ٥٦ قَالَ أَجِئۡتَنَا لِتُخۡرِجَنَا
مِنۡ أَرۡضِنَا بِسِحۡرِكَ يَٰمُوسَىٰ ٥٧ فَلَنَأۡتِيَنَّكَ بِسِحۡرٖ مِّثۡلِهِۦ
فَٱجۡعَلۡ بَيۡنَنَا وَبَيۡنَكَ مَوۡعِدٗا لَّا نُخۡلِفُهُۥ نَحۡنُ وَلَآ أَنتَ مَكَانٗا
سُوٗى ٥٨ قَالَ مَوۡعِدُكُمۡ يَوۡمُ ٱلزِّينَةِ وَأَن يُحۡشَرَ ٱلنَّاسُ ضُحٗى
٥٩ فَتَوَلَّىٰ فِرۡعَوۡنُ فَجَمَعَ كَيۡدَهُۥ ثُمَّ أَتَىٰ ٦٠ قَالَ لَهُم
مُّوسَىٰ وَيۡلَكُمۡ لَا تَفۡتَرُواْ عَلَى ٱللَّهِ كَذِبٗا فَيُسۡحِتَكُم بِعَذَابٖۖ
وَقَدۡ خَابَ مَنِ ٱفۡتَرَىٰ ٦١ فَتَنَٰزَعُوٓاْ أَمۡرَهُم بَيۡنَهُمۡ وَأَسَرُّواْ
ٱلنَّجۡوَىٰ ٦٢ قَالُوٓاْ إِنۡ هَٰذَٰنِ لَسَٰحِرَٰنِ يُرِيدَانِ أَن يُخۡرِجَاكُم
مِّنۡ أَرۡضِكُم بِسِحۡرِهِمَا وَيَذۡهَبَا بِطَرِيقَتِكُمُ ٱلۡمُثۡلَىٰ ٦٣
فَأَجۡمِعُواْ كَيۡدَكُمۡ ثُمَّ ٱئۡتُواْ صَفّٗاۚ وَقَدۡ أَفۡلَحَ ٱلۡيَوۡمَ مَنِ ٱسۡتَعۡلَىٰ ٦٤

الحزب ٣٢

52 - (Mūsa) đáp. "*Rabb* của tôi biết rõ điều kiện của họ trong Sổ sách (của Ngài); *Rabb* của tôi không nhầm lẫn cũng không quên sót (điều gì):

53.- "Đấng đã làm trái đất thành một giường ngủ cho quí ngài và mở nơi đó những con đường thông thương qua lại và ban nước mưa từ trên trời xuống cho quí ngài; *TA* dùng nó để làm mọc ra đủ cặp thảo mộc khác nhau.

54.- "Hãy ăn (rau cải) và nuôi gia súc của quí ngài." Quả thật, trong sự việc đó là các Dấu-hiệu cho những người thông hiểu (lẽ thật)

55.- Từ nó (trái đất) *TA* đã tạo hóa các người và sẽ hoàn các người về lại cho nó và từ nó sẽ đưa các người trở ra một lần nữa.

56.- Và chắc chắn *TA* đã trưng cho y (*Fir'aun*) thấy tất cả Phép-lạ và Bằng-chứng của *TA*, nhưng y phủ nhận và từ chối.

57 - Y bảo: "Phải chăng ngươi đến gặp bọn ta với dụng ý dùng các pháp thuật của ngươi đuổi bọn ta ra khỏi lãnh thổ của bọn ta hay sao, hỡi *Mūsa*?

58.- "Nhưng bọn ta cũng có thể đưa ra pháp thuật tương tự để đối chọi với ngươi. Do đó giữa bọn ta và nhà ngươi hãy hẹn gặp nhau tại một nơi đất bằng mà đôi bên nhất định sẽ có cơ hội như nhau."

59.- (*Mūsa*) đáp. "Cuộc hẹn của quí ngài sẽ nhằm vào Ngày đại hội và hãy cho dân chúng tụ tập vào lúc mặt trời lên cao khoảng một sào."

60.- Do đó, *Fir'aun* lui về, bàn thảo kế-hoạch rồi đến nơi hẹn.

61.- *Mūsa* bảo họ. "Quí ngài sắp mắc họa đến nơi rồi! Chớ đặt điều nói dối rồi đổ thừa cho Allah e rằng Ngài sẽ tiêu diệt quí ngài bằng một hình phạt. Và kẻ ngụy tạo chắc chắn sẽ thất bại."

62.- Thế rồi, chúng bàn cãi với nhau về công việc của chúng và giấu kín cuộc mật nghị.

63.- Chúng bảo nhau: "Hai tên này quả thật là hai tên phù thủy, chúng muốn dùng pháp thuật để đuổi quí ngài ra khỏi lãnh thổ và xóa bỏ lối sống quí phái của quí ngài.

64.- "Do đó, hãy hợp đồng kế hoạch rồi đến nơi hẹn, và đi theo đội ngũ chỉnh tề. Ngày nay, ai cao tay ấn chắc chắn sẽ thắng cuộc."

قَالُواْ يَٰمُوسَىٰٓ إِمَّآ أَن تُلۡقِيَ وَإِمَّآ أَن نَّكُونَ أَوَّلَ مَنۡ أَلۡقَىٰ ٦٥ قَالَ بَلۡ
أَلۡقُواْۖ فَإِذَا حِبَالُهُمۡ وَعِصِيُّهُمۡ يُخَيَّلُ إِلَيۡهِ مِن سِحۡرِهِمۡ أَنَّهَا
تَسۡعَىٰ ٦٦ فَأَوۡجَسَ فِي نَفۡسِهِۦ خِيفَةٗ مُّوسَىٰ ٦٧ قُلۡنَا لَا تَخَفۡ إِنَّكَ
أَنتَ ٱلۡأَعۡلَىٰ ٦٨ وَأَلۡقِ مَا فِي يَمِينِكَ تَلۡقَفۡ مَا صَنَعُوٓاْۖ إِنَّمَا صَنَعُواْ
كَيۡدُ سَٰحِرٖۖ وَلَا يُفۡلِحُ ٱلسَّاحِرُ حَيۡثُ أَتَىٰ ٦٩ فَأُلۡقِيَ ٱلسَّحَرَةُ سُجَّدٗا
قَالُوٓاْ ءَامَنَّا بِرَبِّ هَٰرُونَ وَمُوسَىٰ ٧٠ قَالَ ءَامَنتُمۡ لَهُۥ قَبۡلَ أَنۡ ءَاذَنَ
لَكُمۡۖ إِنَّهُۥ لَكَبِيرُكُمُ ٱلَّذِي عَلَّمَكُمُ ٱلسِّحۡرَۖ فَلَأُقَطِّعَنَّ أَيۡدِيَكُمۡ
وَأَرۡجُلَكُم مِّنۡ خِلَٰفٖ وَلَأُصَلِّبَنَّكُمۡ فِي جُذُوعِ ٱلنَّخۡلِ وَلَتَعۡلَمُنَّ
أَيُّنَآ أَشَدُّ عَذَابٗا وَأَبۡقَىٰ ٧١ قَالُواْ لَن نُّؤۡثِرَكَ عَلَىٰ مَا جَآءَنَا مِنَ
ٱلۡبَيِّنَٰتِ وَٱلَّذِي فَطَرَنَاۖ فَٱقۡضِ مَآ أَنتَ قَاضٍۖ إِنَّمَا تَقۡضِي هَٰذِهِ
ٱلۡحَيَوٰةَ ٱلدُّنۡيَآ ٧٢ إِنَّآ ءَامَنَّا بِرَبِّنَا لِيَغۡفِرَ لَنَا خَطَٰيَٰنَا وَمَآ أَكۡرَهۡتَنَا
عَلَيۡهِ مِنَ ٱلسِّحۡرِۗ وَٱللَّهُ خَيۡرٞ وَأَبۡقَىٰٓ ٧٣ إِنَّهُۥ مَن يَأۡتِ رَبَّهُۥ مُجۡرِمٗا
فَإِنَّ لَهُۥ جَهَنَّمَ لَا يَمُوتُ فِيهَا وَلَا يَحۡيَىٰ ٧٤ وَمَن يَأۡتِهِۦ مُؤۡمِنٗا قَدۡ
عَمِلَ ٱلصَّٰلِحَٰتِ فَأُوْلَٰٓئِكَ لَهُمُ ٱلدَّرَجَٰتُ ٱلۡعُلَىٰ ٧٥ جَنَّٰتُ عَدۡنٖ
تَجۡرِي مِن تَحۡتِهَا ٱلۡأَنۡهَٰرُ خَٰلِدِينَ فِيهَاۚ وَذَٰلِكَ جَزَآءُ مَن تَزَكَّىٰ ٧٦

65.- Chúng bảo: "Hỡi *Mūsa*! Hoặc ngươi ném (bửu bối) xuống (trước) hoặc bọn ta là người đầu tiên ném xuống?"

66.- (*Mūsa*) đáp. "Không, quí vị ném trước." Và này! do pháp thuật của chúng, những sợi dây và những chiếc gậy của chúng hiện hình trước mặt Người (*Musa*), giống như chúng cử động được.

67 - Thấy thế, *Mūsa* đâm sợ trong lòng.

68 - *TA* phán "Chớ sợ! Chắc chắn nhà ngươi cao tay ấn hơn

69 - "Và hãy ném bảo vật nơi tay phải của ngươi xuống, nó sẽ nuốt hết những vật mà chúng đã làm ra Quả thật, vật mà chúng đã làm chỉ là xảo thuật của một nhà ảo thuật. Và nhà ảo thuật sẽ không thành công dù từ đâu đến."

70.- Bởi thế, những tên phù thủy buông mình xuống phủ phục. Chúng thưa: "Chúng tôi tin tưởng nơi Đức *Rabb* của *Hārūn* và *Mūsa*."

71.- (*Fir'aun*) bảo: "Các ngươi đã táo gan tin tưởng nơi Ngài (Allah) trước khi ta cho phép các ngươi ư? Chính tên (*Mūsa*) này là lãnh tụ của các ngươi nên hắn đã dạy các ngươi pháp thuật! Bởi thế chắc chắn ta sẽ cho chặt tay và chân của các ngươi mỗi bên một cái; và chắc chắn ta sẽ cho đóng đinh các ngươi trên thân cây chà-là để cho các ngươi biết giữa hai bên ai sẽ trừng phạt nghiêm khắc và lâu hơn."

72.- (Các tên phù thủy) đáp: "Chúng tôi sẽ không bao giờ xem ngài quí hơn những bằng chứng rõ rệt đã đến với chúng tôi và quí hơn Đấng đã sáng tạo ra chúng tôi Thế, ngài cứ quyết định làm điều gì ngài muốn; thật sự, ngài chỉ có thể định đoạt điều gì liên quan đến đời sống trần tục này thôi!

73 - "Thật sự, chúng tôi đã tin tưởng nơi Đức *Rabb* (Allah) của chúng tôi. Chúng tôi hy vọng Ngài sẽ tha thứ cho chúng tôi về tội lỗi của chúng tôi và (về tội đã làm) những phù phép mà ngài đã bắt ép chúng tôi làm Bởi vì Allah Ưu Việt, và Vĩnh Cửu."

74.- Quả thật ai đến trình diện *Rabb* của y (vào Ngày Xét xử) như một kẻ tội lỗi thì chắc chắn sẽ sa Hỏa ngục, một nơi y sẽ không chết và cũng sẽ không sống.

75 - Và ai đến trình diện Ngài như một người có đức tin và đã làm việc thiện thì là những người sẽ được ân thưởng cấp bậc ưu hạng.

76 - Những Ngôi vườn Vĩnh cửu (Thiên Đàng *'Adn*), bên dưới có các dòng sông chảy. Họ sẽ vào ở trong đó đời đời. Và đó là phần thưởng của những người đã tẩy sạch bản thân mình (khỏi tội).

وَلَقَدۡ أَوۡحَيۡنَآ إِلَىٰ مُوسَىٰٓ أَنۡ أَسۡرِ بِعِبَادِي فَٱضۡرِبۡ لَهُمۡ طَرِيقٗا
فِي ٱلۡبَحۡرِ يَبَسٗا لَّا تَخَٰفُ دَرَكٗا وَلَا تَخۡشَىٰ ٧٧ فَأَتۡبَعَهُمۡ فِرۡعَوۡنُ
بِجُنُودِهِۦ فَغَشِيَهُم مِّنَ ٱلۡيَمِّ مَا غَشِيَهُمۡ ٧٨ وَأَضَلَّ فِرۡعَوۡنُ قَوۡمَهُۥ
وَمَا هَدَىٰ ٧٩ يَٰبَنِيٓ إِسۡرَٰٓءِيلَ قَدۡ أَنجَيۡنَٰكُم مِّنۡ عَدُوِّكُمۡ وَوَٰعَدۡنَٰكُمۡ
جَانِبَ ٱلطُّورِ ٱلۡأَيۡمَنَ وَنَزَّلۡنَا عَلَيۡكُمُ ٱلۡمَنَّ وَٱلسَّلۡوَىٰ ٨٠ كُلُواْ مِن
طَيِّبَٰتِ مَا رَزَقۡنَٰكُمۡ وَلَا تَطۡغَوۡاْ فِيهِ فَيَحِلَّ عَلَيۡكُمۡ غَضَبِيۖ
وَمَن يَحۡلِلۡ عَلَيۡهِ غَضَبِي فَقَدۡ هَوَىٰ ٨١ وَإِنِّي لَغَفَّارٞ لِّمَن تَابَ
وَءَامَنَ وَعَمِلَ صَٰلِحٗا ثُمَّ ٱهۡتَدَىٰ ٨٢ ۞ وَمَآ أَعۡجَلَكَ عَن
قَوۡمِكَ يَٰمُوسَىٰ ٨٣ قَالَ هُمۡ أُوْلَآءِ عَلَىٰٓ أَثَرِي وَعَجِلۡتُ إِلَيۡكَ
رَبِّ لِتَرۡضَىٰ ٨٤ قَالَ فَإِنَّا قَدۡ فَتَنَّا قَوۡمَكَ مِنۢ بَعۡدِكَ وَأَضَلَّهُمُ
ٱلسَّامِرِيُّ ٨٥ فَرَجَعَ مُوسَىٰٓ إِلَىٰ قَوۡمِهِۦ غَضۡبَٰنَ أَسِفٗاۚ قَالَ
يَٰقَوۡمِ أَلَمۡ يَعِدۡكُمۡ رَبُّكُمۡ وَعۡدًا حَسَنًاۚ أَفَطَالَ عَلَيۡكُمُ ٱلۡعَهۡدُ
أَمۡ أَرَدتُّمۡ أَن يَحِلَّ عَلَيۡكُمۡ غَضَبٞ مِّن رَّبِّكُمۡ فَأَخۡلَفۡتُم
مَّوۡعِدِي ٨٦ قَالُواْ مَآ أَخۡلَفۡنَا مَوۡعِدَكَ بِمَلۡكِنَا وَلَٰكِنَّا حُمِّلۡنَآ
أَوۡزَارٗا مِّن زِينَةِ ٱلۡقَوۡمِ فَقَذَفۡنَٰهَا فَكَذَٰلِكَ أَلۡقَى ٱلسَّامِرِيُّ ٨٧

الحزب ٣٢

77.- Và chắc chắn *TA* đã mặc khải cho *Mūsa*, (phán:) "Hãy dẫn các bầy tôi của TA ra đi ban đêm và (dùng chiếc gậy) đánh xuống (biển) hầu dọn đường ráo khô cho họ băng qua biển (Hồng hải). Chớ sợ (đám Fir'aun) đuổi theo bắt cũng chớ lo sợ (bị chết chìm dưới nước)."

78.- Sau đó, Fir'aun cùng với lực lượng đuổi theo bắt họ nhưng sóng biển đã bao phủ và nhận úp chúng toàn bộ

79.- Và Fir'aun đã dẫn người dân của y đi lạc (khỏi Chính đạo) và đã không hướng dẫn họ.

80 - Hỡi con cháu của Israel! *TA* đã cứu thoát các ngươi khỏi kẻ thù của các ngươi, và đã kết ước với các ngươi ở phía bên phải của ngọn núi (*Sinai*) và đã ban *Manna* và chim cút xuống cho các ngươi.

81.- (Và phán). "Hãy dùng các món thực phẩm tốt và sạch mà *TA* đã cung cấp nhưng chớ thái quá trong đó e rằng cơn Thịnh nộ của TA sẽ giáng lên các ngươi; và ai mà cơn Thịnh nộ của TA giáng nhằm phải thì chắc chắn sẽ bị tiêu diệt.

82 - "Nhưng thật sự TA cũng Hằng Tha thứ cho ai biết hối cải, và có đức tin và làm việc thiện rồi theo đúng Chỉ đạo (cho đến chết)."

83.- Và (khi *Mūsa* lên đến ngọn núi *Sinai*, Allah phán:) "Điều chi giục Ngươi bỏ người dân của Ngươi đến đây trước vậy, hỡi *Mūsa*?"

84 - (*Mūsa*) thưa: "Họ bám sát theo dấu chân của bề tôi, bề tôi vội đến trình diện Ngài, lạy *Rabb*, để mong Ngài hài lòng."

85.- (Allah) phán: "Quả thật *TA* đã thử thách đám dân của Ngươi sau (khi) Ngươi (ra đi) và tên *Sāmirī*[1] đã hướng dẫn họ lầm lạc."

86.- Bởi thế, *Mūsa* quay về gặp đám dân của Người vừa giận vừa buồn. Người bảo: "Này hỡi dân ta! *Rabb* (Allah) của các người đã không hứa với các người một lời hứa tốt đẹp hay sao? Phải chăng lời hứa của Ngài quá lâu đối với các người? hay là các người muốn cơn Thịnh Nộ của *Rabb* của các người sẽ giáng xuống các người? cho nên các người đã nuốt lời hứa với ta?

87 - Họ đáp "Chúng tôi không tự quyền bội ước với thầy nhưng vì chúng tôi bị bắt vác nặng nữ trang của toàn dân (Ai-cập) cho nên chúng tôi quẳng chúng (vào lửa) theo đề xuất của *Sāmirī*."

---

[1] Có lẽ là một người Ai-cập đã tin tưởng theo Nabi Mūsa và ra đi cùng với người dân Israel

فَأَخْرَجَ لَهُمْ عِجْلًا جَسَدًا لَّهُۥ خُوَارٌ فَقَالُوا۟ هَٰذَآ إِلَٰهُكُمْ
وَإِلَٰهُ مُوسَىٰ فَنَسِىَ ٨٨ أَفَلَا يَرَوْنَ أَلَّا يَرْجِعُ إِلَيْهِمْ قَوْلًا
وَلَا يَمْلِكُ لَهُمْ ضَرًّا وَلَا نَفْعًا ٨٩ وَلَقَدْ قَالَ لَهُمْ هَٰرُونُ
مِن قَبْلُ يَٰقَوْمِ إِنَّمَا فُتِنتُم بِهِۦ ۖ وَإِنَّ رَبَّكُمُ ٱلرَّحْمَٰنُ فَٱتَّبِعُونِى
وَأَطِيعُوٓا۟ أَمْرِى ٩٠ قَالُوا۟ لَن نَّبْرَحَ عَلَيْهِ عَٰكِفِينَ حَتَّىٰ يَرْجِعَ
إِلَيْنَا مُوسَىٰ ٩١ قَالَ يَٰهَٰرُونُ مَا مَنَعَكَ إِذْ رَأَيْتَهُمْ ضَلُّوٓا۟ ٩٢
أَلَّا تَتَّبِعَنِ ۖ أَفَعَصَيْتَ أَمْرِى ٩٣ قَالَ يَبْنَؤُمَّ لَا تَأْخُذْ بِلِحْيَتِى
وَلَا بِرَأْسِىٓ ۖ إِنِّى خَشِيتُ أَن تَقُولَ فَرَّقْتَ بَيْنَ بَنِىٓ إِسْرَٰٓءِيلَ
وَلَمْ تَرْقُبْ قَوْلِى ٩٤ قَالَ فَمَا خَطْبُكَ يَٰسَٰمِرِىُّ ٩٥ قَالَ
بَصُرْتُ بِمَا لَمْ يَبْصُرُوا۟ بِهِۦ فَقَبَضْتُ قَبْضَةً مِّنْ أَثَرِ
ٱلرَّسُولِ فَنَبَذْتُهَا وَكَذَٰلِكَ سَوَّلَتْ لِى نَفْسِى ٩٦ قَالَ
فَٱذْهَبْ فَإِنَّ لَكَ فِى ٱلْحَيَوٰةِ أَن تَقُولَ لَا مِسَاسَ ۖ وَإِنَّ لَكَ
مَوْعِدًا لَّن تُخْلَفَهُۥ ۖ وَٱنظُرْ إِلَىٰٓ إِلَٰهِكَ ٱلَّذِى ظَلْتَ عَلَيْهِ
عَاكِفًا ۖ لَّنُحَرِّقَنَّهُۥ ثُمَّ لَنَنسِفَنَّهُۥ فِى ٱلْيَمِّ نَسْفًا ٩٧ إِنَّمَآ
إِلَٰهُكُمُ ٱللَّهُ ٱلَّذِى لَآ إِلَٰهَ إِلَّا هُوَ ۚ وَسِعَ كُلَّ شَىْءٍ عِلْمًا ٩٨

88.- Rồi y (Sāmirī) đúc ra cho họ một con bò con, thân hình của nó (phát âm giống âm) rống (của con bò). Rồi họ bảo: "Đây là thần linh của các người và là thần linh của *Mūsa* nhưng (Musa) đã quên.

89 - Thế, họ đã không nhận thấy nó (bò đúc) không trả lời họ được tiếng nào và không thể hãm hại cũng không làm lợi gì được cho họ hay sao?

90.- Và chắc chắn *Hārūn* cũng đã bảo họ trước đó: "Hỡi dân ta! Các người chỉ bị thử thách bởi nó (con bò đúc) và quả thật *Rabb* của các người là Đấng (Allah) Rất mực Độ lượng. Do đó hãy nghe theo ta và tuân lệnh ta."

91 - Họ đáp: "Chúng tôi sẽ không bao giờ ngưng thờ nó cho đến khi nào Mūsa (Môi-se) trở về gặp chúng tôi."

92 - (Mūsa) bảo: "Hỡi *Hārūn*! Điều gì cản anh (không chặn đứng họ) khi anh thấy họ lầm lạc?

93.- "Há anh không tuân theo tôi? Phải chăng anh đã không tuân lệnh của tôi?"

94 - (*Hārūn*) đáp. "Hỡi em trai của ta! Chớ nắm râu và đầu của ta! Quả thật anh đã sợ việc em sẽ nói: 'anh đã gây chia rẽ giữa con cháu của Israel và đã không thi hành lời dặn của tôi.' "

95.- (*Mūsa*) bảo: "Hỡi *Sāmirī*! Mục tiêu của ngươi là gì (khi ngươi đúc ra con bò này?"

96.- Y đáp: "Tôi thấy điều mà họ không thấy. Bởi thế tôi đã hốt một nắm (đất) nơi dấu chân (ngựa) của Thiên sứ (*Jibrīl*) và ném nó (lên con bò đúc). Tâm trí của tôi đã xúi giục tôi như thế."

97.- (*Mūsa*) bảo y: "Hãy cút đi! Suốt đời này (hình phạt) dành cho ngươi sẽ như sau. ngươi sẽ nói (với người ta:) "Chớ chạm đến mình tôi! và (trong tương lai) ngươi sẽ gặp một lời hứa (trừng phạt) mà ngươi sẽ không bao giờ tránh khỏi. Và bây giờ ngươi hãy giương mắt ra nhìn thần linh của ngươi, vật mà ngươi đã dốc lòng sùng bái, chắc chắn bọn ta sẽ đốt nó (ra tro) rồi sẽ vãi tung nó xuống biển."

98.- Thượng Đế của các ngươi chỉ là Allah, Đấng mà ngoài Ngài, không có một Thượng Đế nào khác. Và sự Hiểu Biết của Ngài bao la, tóm thâu hết mọi vật.

كَذَٰلِكَ نَقُصُّ عَلَيۡكَ مِنۡ أَنۢبَآءِ مَا قَدۡ سَبَقَۚ وَقَدۡ ءَاتَيۡنَٰكَ مِن لَّدُنَّا
ذِكۡرٗا ٩٩ مَّنۡ أَعۡرَضَ عَنۡهُ فَإِنَّهُۥ يَحۡمِلُ يَوۡمَ ٱلۡقِيَٰمَةِ وِزۡرًا
١٠٠ خَٰلِدِينَ فِيهِۖ وَسَآءَ لَهُمۡ يَوۡمَ ٱلۡقِيَٰمَةِ حِمۡلٗا ١٠١ يَوۡمَ يُنفَخُ
فِي ٱلصُّورِۚ وَنَحۡشُرُ ٱلۡمُجۡرِمِينَ يَوۡمَئِذٖ زُرۡقٗا ١٠٢ يَتَخَٰفَتُونَ
بَيۡنَهُمۡ إِن لَّبِثۡتُمۡ إِلَّا عَشۡرٗا ١٠٣ نَّحۡنُ أَعۡلَمُ بِمَا يَقُولُونَ إِذۡ يَقُولُ
أَمۡثَلُهُمۡ طَرِيقَةً إِن لَّبِثۡتُمۡ إِلَّا يَوۡمٗا ١٠٤ وَيَسۡـَٔلُونَكَ عَنِ ٱلۡجِبَالِ
فَقُلۡ يَنسِفُهَا رَبِّي نَسۡفٗا ١٠٥ فَيَذَرُهَا قَاعٗا صَفۡصَفٗا ١٠٦
لَّا تَرَىٰ فِيهَا عِوَجٗا وَلَآ أَمۡتٗا ١٠٧ يَوۡمَئِذٖ يَتَّبِعُونَ ٱلدَّاعِيَ
لَا عِوَجَ لَهُۥۖ وَخَشَعَتِ ٱلۡأَصۡوَاتُ لِلرَّحۡمَٰنِ فَلَا تَسۡمَعُ إِلَّا هَمۡسٗا
١٠٨ يَوۡمَئِذٖ لَّا تَنفَعُ ٱلشَّفَٰعَةُ إِلَّا مَنۡ أَذِنَ لَهُ ٱلرَّحۡمَٰنُ وَرَضِيَ لَهُۥ
قَوۡلٗا ١٠٩ يَعۡلَمُ مَا بَيۡنَ أَيۡدِيهِمۡ وَمَا خَلۡفَهُمۡ وَلَا يُحِيطُونَ بِهِۦ
عِلۡمٗا ١١٠ ۞ وَعَنَتِ ٱلۡوُجُوهُ لِلۡحَيِّ ٱلۡقَيُّومِۖ وَقَدۡ خَابَ مَنۡ حَمَلَ
ظُلۡمٗا ١١١ وَمَن يَعۡمَلۡ مِنَ ٱلصَّٰلِحَٰتِ وَهُوَ مُؤۡمِنٞ فَلَا يَخَافُ
ظُلۡمٗا وَلَا هَضۡمٗا ١١٢ وَكَذَٰلِكَ أَنزَلۡنَٰهُ قُرۡءَانًا عَرَبِيّٗا وَصَرَّفۡنَا
فِيهِ مِنَ ٱلۡوَعِيدِ لَعَلَّهُمۡ يَتَّقُونَ أَوۡ يُحۡدِثُ لَهُمۡ ذِكۡرٗا ١١٣

الحزب ٣٢

99.- *TA* kể lại cho Người (Muhammad) một vài tin tức về các diễn biến trước đây như thế. Và chắc chắn, chính *TA* đã ban cho Người Thông điệp nhắc nhở này. (Qur'an)

100.- Ai lánh xa Nó (Qur'ān) thì sẽ vác gánh nặng (tội lỗi) vào Ngày Phục sinh.

101.- Họ sẽ ở mãi trong (tình trạng) đó. Và gánh nặng (tội lỗi) của họ vào Ngày Phục sinh thật là xấu xa.

102.- Ngày mà tiếng Tù-và sẽ được thổi vang; và ngày đó *TA* sẽ cho tập trung những kẻ tội lỗi, xanh mắt (vì sợ hãi)

103.- Chúng xầm xì bàn tán với nhau. "Các anh chỉ ở lại (đây) lâu khoảng chừng mười ngày."

104.- *TA* biết rõ những điều chúng sẽ nói khi một người xét đoán giỏi nhất trong bọn lên tiếng. "Chắc chắn các anh sẽ ở lại đây lâu chỉ khoảng một ngày."

105.- Và chúng hỏi Người về những quả núi, hãy bảo chúng: "*Rabb* (Allah) của ta sẽ bứng chúng và vãi đi tứ tán

106.- "Rồi Ngài (Allah) sẽ để cho nó (trái đất) thành bình địa;

107.- "Nơi đó, Người sẽ thấy không có gì quanh co và lồi lõm."

108.- Vào Ngày đó, (nhân loại) sẽ đi theo vị Gọi (Thiên thần). Y chẳng có ý gì lừa dối; và những tiếng nói sẽ tắt lịm đi trước mặt Đấng Rất mực Độ lượng cho nên Người sẽ không còn nghe thấy gì ngoài tiếng xầm xì;

109.- Vào Ngày đó, việc can thiệp sẽ vô giá trị ngoại trừ của ai mà Đấng Rất mực Độ lượng cho phép và lời yêu cầu của y được chấp thuận.

110.- Ngài (Allah) biết điều gì trước họ (nhân loại) và điều gì sau họ và họ không biết một tí gì về nó theo sự hiểu biết (của họ)

111.- (Tất cả) các bộ mặt sẽ gục xuống trước Đấng Hằng Sống, Đấng Tự Hữu và Nuôi Dưỡng (vạn vật); và ai gánh vác tội lỗi trên lưng thì chắc chắn sẽ thất bại.

112.- Và ai làm việc thiện và có đức tin thì sẽ không sợ bị thiệt thòi và mất phần.

113.- Và *TA* đã ban Nó (Qur'an) xuống bằng tiếng Ả-rập đúng như thế và đã giải thích cặn kẽ trong đó những lời cảnh cáo để may ra chúng sợ hoặc may ra nó sẽ làm cho chúng tưởng nhớ (đến Allah)

فَتَعَٰلَى ٱللَّهُ ٱلۡمَلِكُ ٱلۡحَقُّۗ وَلَا تَعۡجَلۡ بِٱلۡقُرۡءَانِ مِن قَبۡلِ أَن
يُقۡضَىٰٓ إِلَيۡكَ وَحۡيُهُۥۖ وَقُل رَّبِّ زِدۡنِي عِلۡمٗا ١١٤ وَلَقَدۡ عَهِدۡنَآ
إِلَىٰٓ ءَادَمَ مِن قَبۡلُ فَنَسِيَ وَلَمۡ نَجِدۡ لَهُۥ عَزۡمٗا ١١٥ وَإِذۡ قُلۡنَا
لِلۡمَلَٰٓئِكَةِ ٱسۡجُدُواْ لِأٓدَمَ فَسَجَدُوٓاْ إِلَّآ إِبۡلِيسَ أَبَىٰ ١١٦
فَقُلۡنَا يَٰٓـَٔادَمُ إِنَّ هَٰذَا عَدُوّٞ لَّكَ وَلِزَوۡجِكَ فَلَا يُخۡرِجَنَّكُمَا
مِنَ ٱلۡجَنَّةِ فَتَشۡقَىٰٓ ١١٧ إِنَّ لَكَ أَلَّا تَجُوعَ فِيهَا وَلَا تَعۡرَىٰ
١١٨ وَأَنَّكَ لَا تَظۡمَؤُاْ فِيهَا وَلَا تَضۡحَىٰ ١١٩ فَوَسۡوَسَ إِلَيۡهِ
ٱلشَّيۡطَٰنُ قَالَ يَٰٓـَٔادَمُ هَلۡ أَدُلُّكَ عَلَىٰ شَجَرَةِ ٱلۡخُلۡدِ وَمُلۡكٖ
لَّا يَبۡلَىٰ ١٢٠ فَأَكَلَا مِنۡهَا فَبَدَتۡ لَهُمَا سَوۡءَٰتُهُمَا وَطَفِقَا
يَخۡصِفَانِ عَلَيۡهِمَا مِن وَرَقِ ٱلۡجَنَّةِۚ وَعَصَىٰٓ ءَادَمُ رَبَّهُۥ فَغَوَىٰ
١٢١ ثُمَّ ٱجۡتَبَٰهُ رَبُّهُۥ فَتَابَ عَلَيۡهِ وَهَدَىٰ ١٢٢ قَالَ ٱهۡبِطَا مِنۡهَا
جَمِيعَۢاۖ بَعۡضُكُمۡ لِبَعۡضٍ عَدُوّٞۖ فَإِمَّا يَأۡتِيَنَّكُم مِّنِّي هُدٗى
فَمَنِ ٱتَّبَعَ هُدَايَ فَلَا يَضِلُّ وَلَا يَشۡقَىٰ ١٢٣ وَمَنۡ أَعۡرَضَ
عَن ذِكۡرِي فَإِنَّ لَهُۥ مَعِيشَةٗ ضَنكٗا وَنَحۡشُرُهُۥ يَوۡمَ ٱلۡقِيَٰمَةِ
أَعۡمَىٰ ١٢٤ قَالَ رَبِّ لِمَ حَشَرۡتَنِيٓ أَعۡمَىٰ وَقَدۡ كُنتُ بَصِيرٗا ١٢٥

114 - Bởi thế, cao cả nhất là Allah, Đức Vua thật sự Và chớ giục giã với Qur'ān trước khi việc mặc khải Nó sẽ hoàn tất cho Người Và hãy cầu nguyện, thưa "Lạy *Rabb* của bề tôi! Xin Ngài gia tăng kiến thức cho bề tôi "

115.- Và chắc chắn *TA* đã kết ước với *Ādam* trước đây nhưng Người đã quên; và *TA* thấy Người không cương quyết.

116 - Và khi *TA* phán cho các Thiên thần "Hãy phủ phục trước *Ādam*!" Do đó, chúng phủ phục ngoại trừ *Iblīs*, nó từ chối

117 - Sau đó *TA* phán "Hỡi *Ādam*! Quả thật đây là một kẻ thù của ngươi và vợ của ngươi Bởi thế chớ để cho nó đưa hai (vợ chồng) nhà ngươi ra khỏi Vườn trời e rằng ngươi sẽ đau khổ.

118.- "Quả thật, đó là chỗ hứa của ngươi; trong đó (Thiên đàng) ngươi sẽ không bị đói cũng không bị trần truồng.

119 - "Quả thật trong đó ngươi sẽ không bị khát cũng không bị nóng nực."

120.- Nhưng *Shaytān* đã thì thào với Người (*Ādam*) Nó nói. "Hỡi *Ādam*! Ngươi có muốn ta đưa ngươi đến Cây Vĩnh cửu và một vương quốc sẽ không bao giờ điêu tàn chăng?"

121.- Rồi hai người (vợ chồng *Ādam*) ăn (trái) của cây đó. Bởi thế phần kín đáo của hai người lộ ra trước mắt. Thế nên hai người khâu lá cây của Vườn trời để che kín thân mình lại Bởi vì *Ādam* đã bất tuân *Rabb* (Allah) của Người, cho nên Người lầm lạc.

122.- Rồi *Rabb* của Người chọn Người Ngài quay lại tha thứ và hướng dẫn Người.

123.- (Allah) phán: "Cả hai hãy đi xuống khỏi đó (Vườn trời), thù hằn lẫn nhau. Nhưng nếu có Chỉ đạo từ TA đến cho các ngươi, ai theo Chỉ đạo của TA thì sẽ không lầm lạc cũng không khổ sở.

124.- "Ngược lại, ai lánh xa Thông-điệp Nhắc-nhở của TA thì chắc chắn sẽ sống một cuộc đời eo hẹp (khổ sở) và vào Ngày Phục sinh *TA* sẽ phục sinh y trở lại mù lòa."

125.- Y sẽ thưa "Lạy *Rabb* (Allah!) Tại sao Ngài dựng bề tôi sống lại mù lòa trong lúc trước đây bề tôi nhìn thấy."

قَالَ كَذَٰلِكَ أَتَتۡكَ ءَايَٰتُنَا فَنَسِيتَهَاۖ وَكَذَٰلِكَ ٱلۡيَوۡمَ تُنسَىٰ ١٢٦
وَكَذَٰلِكَ نَجۡزِي مَنۡ أَسۡرَفَ وَلَمۡ يُؤۡمِنۢ بِـَٔايَٰتِ رَبِّهِۦۚ وَلَعَذَابُ ٱلۡأٓخِرَةِ
أَشَدُّ وَأَبۡقَىٰٓ ١٢٧ أَفَلَمۡ يَهۡدِ لَهُمۡ كَمۡ أَهۡلَكۡنَا قَبۡلَهُم مِّنَ ٱلۡقُرُونِ
يَمۡشُونَ فِي مَسَٰكِنِهِمۡۚ إِنَّ فِي ذَٰلِكَ لَأٓيَٰتٖ لِّأُوْلِي ٱلنُّهَىٰ ١٢٨
وَلَوۡلَا كَلِمَةٞ سَبَقَتۡ مِن رَّبِّكَ لَكَانَ لِزَامٗا وَأَجَلٞ مُّسَمّٗى ١٢٩
فَٱصۡبِرۡ عَلَىٰ مَا يَقُولُونَ وَسَبِّحۡ بِحَمۡدِ رَبِّكَ قَبۡلَ طُلُوعِ ٱلشَّمۡسِ
وَقَبۡلَ غُرُوبِهَاۖ وَمِنۡ ءَانَآيِٕ ٱلَّيۡلِ فَسَبِّحۡ وَأَطۡرَافَ ٱلنَّهَارِ لَعَلَّكَ
تَرۡضَىٰ ١٣٠ وَلَا تَمُدَّنَّ عَيۡنَيۡكَ إِلَىٰ مَا مَتَّعۡنَا بِهِۦٓ أَزۡوَٰجٗا مِّنۡهُمۡ زَهۡرَةَ
ٱلۡحَيَوٰةِ ٱلدُّنۡيَا لِنَفۡتِنَهُمۡ فِيهِۚ وَرِزۡقُ رَبِّكَ خَيۡرٞ وَأَبۡقَىٰ ١٣١ وَأۡمُرۡ أَهۡلَكَ
بِٱلصَّلَوٰةِ وَٱصۡطَبِرۡ عَلَيۡهَاۖ لَا نَسۡـَٔلُكَ رِزۡقٗاۖ نَّحۡنُ نَرۡزُقُكَۗ وَٱلۡعَٰقِبَةُ
لِلتَّقۡوَىٰ ١٣٢ وَقَالُواْ لَوۡلَا يَأۡتِينَا بِـَٔايَةٖ مِّن رَّبِّهِۦٓۚ أَوَلَمۡ تَأۡتِهِم
بَيِّنَةُ مَا فِي ٱلصُّحُفِ ٱلۡأُولَىٰ ١٣٣ وَلَوۡ أَنَّآ أَهۡلَكۡنَٰهُم بِعَذَابٖ
مِّن قَبۡلِهِۦ لَقَالُواْ رَبَّنَا لَوۡلَآ أَرۡسَلۡتَ إِلَيۡنَا رَسُولٗا فَنَتَّبِعَ
ءَايَٰتِكَ مِن قَبۡلِ أَن نَّذِلَّ وَنَخۡزَىٰ ١٣٤ قُلۡ كُلّٞ مُّتَرَبِّصٞ فَتَرَبَّصُواْۖ
فَسَتَعۡلَمُونَ مَنۡ أَصۡحَٰبُ ٱلصِّرَٰطِ ٱلسَّوِيِّ وَمَنِ ٱهۡتَدَىٰ ١٣٥

126.- (Allah sẽ) phán: "Như thế đấy! Các Lời mặc khải của *TA* đã đến với ngươi nhưng ngươi không quan tâm, và Ngày nay (*TA*) bỏ quên ngươi trở lại giống như thế "

127 - Và *TA* trả đũa ai vượt quá mức giới hạn và không tin tưởng nơi các Lời mặc khải của *Rabb* của y đúng như thế. Và chắc chắn sự trừng phạt ở Đời sau sẽ khắc nghiệt và dai dẳng hơn.

128 - Hẳn không là một Chỉ đạo cho họ hay sao việc *TA* đã tiêu diệt bao nhiêu thế hệ trước họ, chủ nhân của các căn nhà mà chúng đang giẫm đi? Quả thật nơi sự việc đó là những Dấu hiệu cho những người thông hiểu.

129.- Và nếu không vì một Lời phán của *Rabb* của Ngươi (hỡi Muhammad!) đã được tuyên bố và một thời hạn đã được ấn định thì chắc chắn (Hình phạt) đã xảy ra (cho chúng) rồi.

130 - Bởi thế, hãy rán chịu đựng với những lời (mỉa mai) của chúng và hãy tán dương ca tụng *Rabb* của Ngươi trước khi mặt trời mọc và trước khi mặt trời lặn; và hãy tán dương Ngài vào những giờ giấc của ban đêm và giờ giấc đầu và cuối của ban ngày để may ra Ngươi sẽ hài lòng (với phần thưởng mà Ngài sẽ ban cho)

131.- Và chớ trố mắt nhìn về những thứ mà *TA* đã ban cấp cho những cặp (bè nhóm) của chúng hưởng thụ, sự lộng lẫy của đời sống trần tục này, (những thứ) mà *TA* dùng để thử thách chúng; Ngược lại thiên lộc của *Rabb* của Ngươi là ưu tốt và lâu dài hơn.

132 - Và hãy ra lệnh cho người nhà của Ngươi dâng lễ '*Salāh*' và hãy kiên nhẫn. *TA* không đòi hỏi Ngươi lộc dùng; *TA* cung cấp nó cho Ngươi. Và kết cuộc tốt đẹp dành cho ai sùng bái và sợ Allah

133.- (Những kẻ vô đức tin) nói: "Tại sao Y (Muhammad) không mang đến cho chúng ta một bằng chứng của *Rabb* của Y?" Há những điều ghi trong các Tờ kinh cũ (như kinh *Taurāh* và *Injīl*) đã không là một bằng chứng rõ rệt cho chúng hay sao?

134 - Và nếu *TA* tiêu diệt chúng bằng một hình phạt trước khi (Qur'ān được mặc khải) thì chắc chắn chúng sẽ thưa: "Lạy *Rabb* chúng tôi! Tại sao Ngài không cử một Sứ giả đến với chúng tôi để chúng tôi có dịp tuân theo các Lời mặc khải của Ngài trước khi chúng tôi bị thất sủng và bị hạ nhục?"

135 - Hãy bảo chúng. "Mỗi người (trong chúng ta) đều mong đợi (sự Xét xử của Allah); do đó các người hãy chờ đợi đi Rồi các người sẽ sớm biết ai đi theo con đường bằng phẳng và ai được hướng dẫn "

الجزء ١٧
الحزب ٣٣

سُورَةُ الأَنبِيَاءِ

بِسْمِ اللَّهِ الرَّحْمَٰنِ الرَّحِيمِ

اقْتَرَبَ لِلنَّاسِ حِسَابُهُمْ وَهُمْ فِي غَفْلَةٍ مُّعْرِضُونَ ١
مَا يَأْتِيهِم مِّن ذِكْرٍ مِّن رَّبِّهِم مُّحْدَثٍ إِلَّا اسْتَمَعُوهُ وَهُمْ
يَلْعَبُونَ ٢ لَاهِيَةً قُلُوبُهُمْ ۗ وَأَسَرُّوا النَّجْوَى الَّذِينَ
ظَلَمُوا هَلْ هَٰذَا إِلَّا بَشَرٌ مِّثْلُكُمْ ۖ أَفَتَأْتُونَ السِّحْرَ وَأَنتُمْ
تُبْصِرُونَ ٣ قَالَ رَبِّي يَعْلَمُ الْقَوْلَ فِي السَّمَاءِ وَالْأَرْضِ ۖ
وَهُوَ السَّمِيعُ الْعَلِيمُ ٤ بَلْ قَالُوا أَضْغَاثُ أَحْلَامٍ بَلِ
افْتَرَاهُ بَلْ هُوَ شَاعِرٌ فَلْيَأْتِنَا بِآيَةٍ كَمَا أُرْسِلَ الْأَوَّلُونَ
٥ مَا آمَنَتْ قَبْلَهُم مِّن قَرْيَةٍ أَهْلَكْنَاهَا ۖ أَفَهُمْ يُؤْمِنُونَ
٦ وَمَا أَرْسَلْنَا قَبْلَكَ إِلَّا رِجَالًا نُّوحِي إِلَيْهِمْ ۖ فَاسْأَلُوا أَهْلَ
الذِّكْرِ إِن كُنتُمْ لَا تَعْلَمُونَ ٧ وَمَا جَعَلْنَاهُمْ جَسَدًا
لَّا يَأْكُلُونَ الطَّعَامَ وَمَا كَانُوا خَالِدِينَ ٨ ثُمَّ صَدَقْنَاهُمُ
الْوَعْدَ فَأَنجَيْنَاهُمْ وَمَن نَّشَاءُ وَأَهْلَكْنَا الْمُسْرِفِينَ ٩
لَقَدْ أَنزَلْنَا إِلَيْكُمْ كِتَابًا فِيهِ ذِكْرُكُمْ ۖ أَفَلَا تَعْقِلُونَ ١٠

AL-ANBIYĀ'
(Các Nabi)

Nhân danh Allah, Đấng Rất mực Độ lượng,
Đấng Rất mực Khoan dung

1.- Việc xét-xử nhân loại ngày càng đến gần, nhưng họ vẫn dửng dưng quay bỏ đi

2.- Họ nghe không sót từng lời cảnh cáo mới của *Rabb* của họ nhưng nghe chỉ với tinh thần bông đùa,

3.- Lòng họ không mấy thiết tha. Những kẻ làm điều sai quấy giấu kín cuộc mật đàm của họ. (Họ bảo:) "Phải chăng (người) này chỉ là một người phàm như quí vị? Phải chăng quí vị bị mê-hoặc bởi pháp-thuật (của nó) trong lúc quí vị nhìn thấy rõ (sự việc)?"

4.- Hãy bảo họ (hỡi Muhammad.) "*Rabb* của ta biết rõ (từng) lời nói (thốt ra) trong các tầng trời và trái đất bởi vì Ngài là Đấng Hằng Nghe và Hằng Biết (mọi việc).

5 - "Không! họ nói: (Những lời y nói ra) chỉ là những giấc mộng lộn xộn. Không! Y bịa đặt ra nó (Qur'ān). Không! Y là một nhà thơ. Thế, hãy bảo y mang đến cho bọn mình một Phép lạ (bằng chứng) giống như những cái đã được ban cấp cho các Sứ giả của thời xưa."

6 - Trước họ, không có một thị trấn nào trong số các thị trấn đã bị *TA* tiêu diệt lại có đức tin cả. Thế, họ (những kẻ ngoại giáo của thị trấn Makkah này) sẽ tin tưởng hay sao?"

7 - Và trước Ngươi (hỡi Muhammad!) (các Sứ giả) do *TA* cử đến chỉ là những người phàm mà *TA* đã mặc khải cho (Kinh sách). Bởi thế, nếu các ngươi không biết thì hãy hỏi những người đang giữ Thông điệp (như Kinh *Taurāh* và *Injīl* thì sẽ rõ).

8.- Và *TA* đã không làm ra họ (các Sứ giả) với cơ thể mà lại không ăn uống; vả lại, họ cũng không phải là những người bất tử.

9 - Rồi *TA* đã hoàn tất Lời hứa (của *TA*) cho họ. Bởi thế *TA* đã cứu sống họ và người nào mà *TA* muốn. Và *TA* đã tiêu diệt những kẻ tàn ác quá mức

10 - Chắc chắn, *TA* đã ban xuống cho các người một Kinh sách trong đó là Thông điệp nhắc nhở của các người. Thế các người không hiểu hay sao?

وَكَمۡ قَصَمۡنَا مِن قَرۡيَةٖ كَانَتۡ ظَالِمَةٗ وَأَنشَأۡنَا بَعۡدَهَا قَوۡمًا
ءَاخَرِينَ ١١ فَلَمَّآ أَحَسُّواْ بَأۡسَنَآ إِذَا هُم مِّنۡهَا يَرۡكُضُونَ ١٢
لَا تَرۡكُضُواْ وَٱرۡجِعُوٓاْ إِلَىٰ مَآ أُتۡرِفۡتُمۡ فِيهِ وَمَسَٰكِنِكُمۡ لَعَلَّكُمۡ
تُسۡـَٔلُونَ ١٣ قَالُواْ يَٰوَيۡلَنَآ إِنَّا كُنَّا ظَٰلِمِينَ ١٤ فَمَا زَالَت تِّلۡكَ
دَعۡوَىٰهُمۡ حَتَّىٰ جَعَلۡنَٰهُمۡ حَصِيدًا خَٰمِدِينَ ١٥ وَمَا خَلَقۡنَا
ٱلسَّمَآءَ وَٱلۡأَرۡضَ وَمَا بَيۡنَهُمَا لَٰعِبِينَ ١٦ لَوۡ أَرَدۡنَآ أَن نَّتَّخِذَ
لَهۡوٗا لَّٱتَّخَذۡنَٰهُ مِن لَّدُنَّآ إِن كُنَّا فَٰعِلِينَ ١٧ بَلۡ نَقۡذِفُ بِٱلۡحَقِّ
عَلَى ٱلۡبَٰطِلِ فَيَدۡمَغُهُۥ فَإِذَا هُوَ زَاهِقٞۚ وَلَكُمُ ٱلۡوَيۡلُ مِمَّا تَصِفُونَ
١٨ وَلَهُۥ مَن فِي ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضِۚ وَمَنۡ عِندَهُۥ لَا يَسۡتَكۡبِرُونَ
عَنۡ عِبَادَتِهِۦ وَلَا يَسۡتَحۡسِرُونَ ١٩ يُسَبِّحُونَ ٱلَّيۡلَ وَٱلنَّهَارَ
لَا يَفۡتُرُونَ ٢٠ أَمِ ٱتَّخَذُوٓاْ ءَالِهَةٗ مِّنَ ٱلۡأَرۡضِ هُمۡ يُنشِرُونَ ٢١
لَوۡ كَانَ فِيهِمَآ ءَالِهَةٌ إِلَّا ٱللَّهُ لَفَسَدَتَاۚ فَسُبۡحَٰنَ ٱللَّهِ رَبِّ ٱلۡعَرۡشِ
عَمَّا يَصِفُونَ ٢٢ لَا يُسۡـَٔلُ عَمَّا يَفۡعَلُ وَهُمۡ يُسۡـَٔلُونَ ٢٣ أَمِ ٱتَّخَذُواْ
مِن دُونِهِۦٓ ءَالِهَةٗۖ قُلۡ هَاتُواْ بُرۡهَٰنَكُمۡۖ هَٰذَا ذِكۡرُ مَن مَّعِيَ وَذِكۡرُ
مَن قَبۡلِيۚ بَلۡ أَكۡثَرُهُمۡ لَا يَعۡلَمُونَ ٱلۡحَقَّۖ فَهُم مُّعۡرِضُونَ ٢٤

11.- Và có bao nhiêu thị trấn đã bị *TA* tiêu diệt vì (dân cư của chúng) đã làm điều sai quấy và sau chúng, *TA* đã tạo ra một đám người khác (để thay thế)!

12.- Bởi thế, khi thấy Hình phạt của *TA*, chúng hớt hãi chạy trốn.

13.- Chớ bỏ chạy, (hỡi người!) hãy trở lại với những cái (tiện nghi) mà các người đã sống xa hoa nơi đó và mái nhà (xưa) để các người có thể bị chất vấn.

14.- Chúng than thở: "Ôi thật khổ thân chúng tôi! Quả thật, chúng tôi là những kẻ làm điều sai quấy."

15.- Và tiếng kêu than của chúng kéo dài triền miên, mãi cho đến lúc *TA* làm tắt lịm đi như san bằng một cánh đồng sau mùa gặt.

16.- Và *TA* đã không tạo hóa các tầng trời và đất và mọi vật giữa trời đất để vui chơi;

17.- Nếu muốn có một thú tiêu khiển thì *TA* đã lấy nó từ *TA*, nếu *TA* có ý làm điều đó.

18.- Không! *TA* lấy Chân lý (Qur'ān) ném vào sự giả dối, bởi thế, nó đánh vỡ đầu sự giả dối. Hãy xem! sự giả dối chỉ có tiêu tan. Và khốn khổ cho các người về những điều (giả tạo) mà các người đã qui cho (*TA*)!

19.- Bất cứ ai trong các tầng trời và trái đất đều là (tạo vật) của Ngài (Allah) cả. Và bất cứ ai (Thiên thần) ở với Ngài đều không quá tự hào và mệt mỏi trong việc thờ phụng Ngài.

20.- Đêm và ngày họ không ngừng tán dương ca tụng Ngài.

21.- Phải chăng chúng đã tôn thờ những thần linh của trái đất có khả năng phục sinh được (người chết) hay sao?

22.- Nếu trong trời đất có những thần linh khác ngoài Allah thì chắc chắn cả hai (trời và đất) sẽ đi đến chỗ sụp đổ. Bởi thế thật quang vinh và trong sạch thay Allah, *Rabb* của Ngai vương, về những điều chúng đã qui cho (Ngài).

23.- Ngài (Allah) sẽ không bị ai chất vấn về việc Ngài làm, ngược lại chúng sẽ bị (Ngài) chất vấn (về điều chúng đã qui cho Ngài).

24.- Phải chăng chúng đã tôn thờ những thần linh khác ngoài Ngài? Hãy bảo chúng: "Hãy trưng bằng chứng của các người ra xem! (Qur'ān) này là Thông điệp nhắc nhở cho người nào theo Ta (Muhammad) và là điều nhắc nhở cho những người trước Ta. Không! Đa số bọn chúng không biết sự thật. Bởi thế chúng đã quay bỏ đi.

وَمَآ أَرۡسَلۡنَا مِن قَبۡلِكَ مِن رَّسُولٍ إِلَّا نُوحِيٓ إِلَيۡهِ أَنَّهُۥ لَآ إِلَٰهَ
إِلَّآ أَنَا۠ فَٱعۡبُدُونِ ٢٥ وَقَالُواْ ٱتَّخَذَ ٱلرَّحۡمَٰنُ وَلَدٗاۗ سُبۡحَٰنَهُۥۚ
بَلۡ عِبَادٞ مُّكۡرَمُونَ ٢٦ لَا يَسۡبِقُونَهُۥ بِٱلۡقَوۡلِ وَهُم
بِأَمۡرِهِۦ يَعۡمَلُونَ ٢٧ يَعۡلَمُ مَا بَيۡنَ أَيۡدِيهِمۡ وَمَا خَلۡفَهُمۡ
وَلَا يَشۡفَعُونَ إِلَّا لِمَنِ ٱرۡتَضَىٰ وَهُم مِّنۡ خَشۡيَتِهِۦ مُشۡفِقُونَ
٢٨ ۞ وَمَن يَقُلۡ مِنۡهُمۡ إِنِّيٓ إِلَٰهٞ مِّن دُونِهِۦ فَذَٰلِكَ نَجۡزِيهِ
جَهَنَّمَۚ كَذَٰلِكَ نَجۡزِي ٱلظَّٰلِمِينَ ٢٩ أَوَلَمۡ يَرَ ٱلَّذِينَ كَفَرُوٓاْ
أَنَّ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضَ كَانَتَا رَتۡقٗا فَفَتَقۡنَٰهُمَاۖ وَجَعَلۡنَا
مِنَ ٱلۡمَآءِ كُلَّ شَيۡءٍ حَيٍّۚ أَفَلَا يُؤۡمِنُونَ ٣٠ وَجَعَلۡنَا فِي ٱلۡأَرۡضِ
رَوَٰسِيَ أَن تَمِيدَ بِهِمۡ وَجَعَلۡنَا فِيهَا فِجَاجٗا سُبُلٗا لَّعَلَّهُمۡ
يَهۡتَدُونَ ٣١ وَجَعَلۡنَا ٱلسَّمَآءَ سَقۡفٗا مَّحۡفُوظٗاۖ وَهُمۡ عَنۡ
ءَايَٰتِهَا مُعۡرِضُونَ ٣٢ وَهُوَ ٱلَّذِي خَلَقَ ٱلَّيۡلَ وَٱلنَّهَارَ وَٱلشَّمۡسَ
وَٱلۡقَمَرَۖ كُلّٞ فِي فَلَكٖ يَسۡبَحُونَ ٣٣ وَمَا جَعَلۡنَا لِبَشَرٖ مِّن قَبۡلِكَ
ٱلۡخُلۡدَۖ أَفَإِيْن مِّتَّ فَهُمُ ٱلۡخَٰلِدُونَ ٣٤ كُلُّ نَفۡسٖ ذَآئِقَةُ
ٱلۡمَوۡتِۗ وَنَبۡلُوكُم بِٱلشَّرِّ وَٱلۡخَيۡرِ فِتۡنَةٗۖ وَإِلَيۡنَا تُرۡجَعُونَ ٣٥

الحزب ٣٣

25.- Và không một Sứ giả nào đã được cử phái đến trước Ngươi mà *TA* đã không mặc khải cho y bảo nói: "Không có Thượng Đế nào khác chỉ có TA (Allah), bởi thế hãy thờ phụng riêng TA."

26.- Và chúng (những kẻ ngoại giáo) đã nói: "Đấng (Allah) Rất mực Độ lượng có một đứa con trai." Quang vinh và trong sạch thay Ngài! Không! Họ (những ai mà chúng cho là con cái của Allah) đều là bề tôi vinh dự (của Allah).

27.- Họ (các Sứ giả của Allah) không nói trước Ngài (Allah) và chỉ làm theo mệnh lệnh của Ngài[1].

28.- Ngài biết điều gì (có) trước họ và điều gì (xảy ra) sau họ và họ không can thiệp giùm cho ai được ngoại trừ cho người nào mà Ngài (Allah) hài lòng. Và họ khiếp sợ Ngài.

29.- Và ai trong họ tự xưng: "Ta là thần linh ngoài Ngài (Allah)," thì người đó sẽ bị *TA* phạt Hoả ngục. *TA* trừng phạt những kẻ làm điều sai quấy đúng như thế.

30.- Há những kẻ không có lòng tin không nhận thấy rằng các tầng trời và trái đất quyện lại với nhau (thành một khối) trước khi *TA* chẻ chúng ra làm hai hay sao? Và *TA* đã tạo mọi sinh vật từ nước. Thế, chúng sẽ không tin hay sao?

31.- Và *TA* đã đặt trên trái đất các quả núi vững chắc sợ rằng nó (trái đất) rung chuyển với chúng và đã làm ra nơi đó các con đường thông thương (băng qua những ngọn núi) để may ra chúng được hướng dẫn.

32.- Và *TA* đã làm bầu trời thành cái lọng che được canh giữ kỹ càng. Nhưng chúng quay bỏ đi trước những Dấu-hiệu của nó (bầu trời).

33.- Và Ngài là Đấng đã tạo hóa ban đêm và ban ngày, và mặt trời và mặt trăng, mỗi vật bơi đi trong quỹ đạo (của nó).

34.- Và trước Ngươi, *TA* đã không làm cho một người phàm nào sống bất tử cả. Thế phải chăng nếu Ngươi chết thì chúng sẽ sống bất tử hay sao?

35.- Mỗi một linh hồn đều phải nếm cái chết; *TA* sẽ thử thách các người với điều xấu và điều tốt. Và các người sẽ được đưa trở về gặp lại *TA* (để chịu xét xử).

---

[1] Xem Tân Ước, Giăng (John) 12:49-50

وَإِذَا رَءَاكَ ٱلَّذِينَ كَفَرُوٓاْ إِن يَتَّخِذُونَكَ إِلَّا هُزُوًا أَهَٰذَا ٱلَّذِي يَذۡكُرُ ءَالِهَتَكُمۡ وَهُم بِذِكۡرِ ٱلرَّحۡمَٰنِ هُمۡ كَٰفِرُونَ ٣٦ خُلِقَ ٱلۡإِنسَٰنُ مِنۡ عَجَلٖۚ سَأُوْرِيكُمۡ ءَايَٰتِي فَلَا تَسۡتَعۡجِلُونِ ٣٧ وَيَقُولُونَ مَتَىٰ هَٰذَا ٱلۡوَعۡدُ إِن كُنتُمۡ صَٰدِقِينَ ٣٨ لَوۡ يَعۡلَمُ ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ حِينَ لَا يَكُفُّونَ عَن وُجُوهِهِمُ ٱلنَّارَ وَلَا عَن ظُهُورِهِمۡ وَلَا هُمۡ يُنصَرُونَ ٣٩ بَلۡ تَأۡتِيهِم بَغۡتَةٗ فَتَبۡهَتُهُمۡ فَلَا يَسۡتَطِيعُونَ رَدَّهَا وَلَا هُمۡ يُنظَرُونَ ٤٠ وَلَقَدِ ٱسۡتُهۡزِئَ بِرُسُلٖ مِّن قَبۡلِكَ فَحَاقَ بِٱلَّذِينَ سَخِرُواْ مِنۡهُم مَّا كَانُواْ بِهِۦ يَسۡتَهۡزِءُونَ ٤١ قُلۡ مَن يَكۡلَؤُكُم بِٱلَّيۡلِ وَٱلنَّهَارِ مِنَ ٱلرَّحۡمَٰنِۚ بَلۡ هُمۡ عَن ذِكۡرِ رَبِّهِم مُّعۡرِضُونَ ٤٢ أَمۡ لَهُمۡ ءَالِهَةٞ تَمۡنَعُهُم مِّن دُونِنَاۚ لَا يَسۡتَطِيعُونَ نَصۡرَ أَنفُسِهِمۡ وَلَا هُم مِّنَّا يُصۡحَبُونَ ٤٣ بَلۡ مَتَّعۡنَا هَٰٓؤُلَآءِ وَءَابَآءَهُمۡ حَتَّىٰ طَالَ عَلَيۡهِمُ ٱلۡعُمُرُۗ أَفَلَا يَرَوۡنَ أَنَّا نَأۡتِي ٱلۡأَرۡضَ نَنقُصُهَا مِنۡ أَطۡرَافِهَآۚ أَفَهُمُ ٱلۡغَٰلِبُونَ ٤٤

36.- Và khi những kẻ không có đức tin thấy Ngươi, chúng chỉ muốn chế giễu Ngươi. (Chúng nói:) "Đây phải chăng là kẻ đã miệt thị những thần linh của quí vị?" và chúng đã phạm thượng khi nghe nhắc đến Đấng (Allah) Rất Mực Độ Lượng.

37.- Con người được tạo ra (bẩm tính) nôn nóng. *TA* (Allah) sẽ sớm cho các ngươi thấy những bằng chứng của TA. Do đó chớ giục TA.

38.- Và chúng nói: "Chừng nào lời hứa (trừng phạt) này sẽ thể hiện nếu quí vị (Muslim) nói sự thật?"

39.- Giá những kẻ không tin biết được giờ phút mà chúng sẽ không thể tránh khỏi ngọn Lửa (của Hỏa ngục) táp vào mặt, và lưng của chúng và sẽ không được ai giúp đỡ (thì chúng đâu có giục TA)

40.- Không! (Hình phạt) sẽ bất ngờ xảy đến cho chúng khiến chúng ngỡ ngàng. Rồi chúng sẽ không thể đẩy nó ra xa và cũng không được gia hạn thêm nữa.

41.- Và chắc chắn nhiều Sứ giả trước Ngươi đã từng bị chế giễu nhưng chính những điều mà những kẻ nhạo báng thường chế giễu sẽ vây hãm chúng lại trong đó.

42.- Hãy bảo chúng: "Ai canh giữ các người an toàn ban đêm và ban ngày khỏi (cơn Thịnh nộ) của Đấng Rất mực Độ lượng?" Không, chúng quay làm ngơ trước Lời nhắc nhở của *Rabb* của chúng.

43.- Hoặc phải chăng chúng được những thần linh (khác) bảo vệ tránh khỏi *TA*? Chúng sẽ không thể tự cứu mình và cũng không tự bảo vệ tránh khỏi (hình phạt của) *TA*.

44.- Không! *TA* cho những người (*Quraish*) này và cha mẹ của chúng hưởng lạc cho đến khi tuổi thọ của chúng kéo dài thêm. Thế chúng đã không thấy việc *TA* đã đến tận đất đai của chúng, và thu hẹp dần dần biên giới[1] của nó lại hay sao? Thế phải chăng chúng sẽ chiến thắng?

[1] *Islām* phát triển và kiểm soát dần dần các vùng ngoại biên của Makkah, trung tâm sinh hoạt của người Quraish thờ đa thần.

قُلۡ إِنَّمَآ أُنذِرُكُم بِٱلۡوَحۡيِۚ وَلَا يَسۡمَعُ ٱلصُّمُّ ٱلدُّعَآءَ إِذَا
مَا يُنذَرُونَ ٤٥ وَلَئِن مَّسَّتۡهُمۡ نَفۡحَةٞ مِّنۡ عَذَابِ رَبِّكَ
لَيَقُولُنَّ يَٰوَيۡلَنَآ إِنَّا كُنَّا ظَٰلِمِينَ ٤٦ وَنَضَعُ ٱلۡمَوَٰزِينَ
ٱلۡقِسۡطَ لِيَوۡمِ ٱلۡقِيَٰمَةِ فَلَا تُظۡلَمُ نَفۡسٞ شَيۡـٔٗاۖ وَإِن كَانَ
مِثۡقَالَ حَبَّةٖ مِّنۡ خَرۡدَلٍ أَتَيۡنَا بِهَاۗ وَكَفَىٰ بِنَا حَٰسِبِينَ ٤٧
وَلَقَدۡ ءَاتَيۡنَا مُوسَىٰ وَهَٰرُونَ ٱلۡفُرۡقَانَ وَضِيَآءٗ وَذِكۡرٗا
لِّلۡمُتَّقِينَ ٤٨ ٱلَّذِينَ يَخۡشَوۡنَ رَبَّهُم بِٱلۡغَيۡبِ وَهُم مِّنَ ٱلسَّاعَةِ
مُشۡفِقُونَ ٤٩ وَهَٰذَا ذِكۡرٞ مُّبَارَكٌ أَنزَلۡنَٰهُۚ أَفَأَنتُمۡ لَهُۥ
مُنكِرُونَ ٥٠ ۞وَلَقَدۡ ءَاتَيۡنَآ إِبۡرَٰهِيمَ رُشۡدَهُۥ مِن قَبۡلُ وَكُنَّا
بِهِۦ عَٰلِمِينَ ٥١ إِذۡ قَالَ لِأَبِيهِ وَقَوۡمِهِۦ مَا هَٰذِهِ ٱلتَّمَاثِيلُ ٱلَّتِيٓ
أَنتُمۡ لَهَا عَٰكِفُونَ ٥٢ قَالُواْ وَجَدۡنَآ ءَابَآءَنَا لَهَا عَٰبِدِينَ ٥٣ قَالَ
لَقَدۡ كُنتُمۡ أَنتُمۡ وَءَابَآؤُكُمۡ فِي ضَلَٰلٖ مُّبِينٖ ٥٤ قَالُوٓاْ أَجِئۡتَنَا
بِٱلۡحَقِّ أَمۡ أَنتَ مِنَ ٱللَّٰعِبِينَ ٥٥ قَالَ بَل رَّبُّكُمۡ رَبُّ ٱلسَّمَٰوَٰتِ
وَٱلۡأَرۡضِ ٱلَّذِي فَطَرَهُنَّ وَأَنَا۠ عَلَىٰ ذَٰلِكُم مِّنَ ٱلشَّٰهِدِينَ ٥٦
وَتَٱللَّهِ لَأَكِيدَنَّ أَصۡنَٰمَكُم بَعۡدَ أَن تُوَلُّواْ مُدۡبِرِينَ ٥٧

نصف الحزب ٣٣

45.- Hãy bảo chúng: "Ta (Muhammad) chỉ cảnh cáo các người theo Lời mặc khải (đã được truyền xuống)." Nhưng người điếc không nghe được tiếng gọi dù y có được cảnh cáo đi nữa.

46.- Và nếu có một lần hơi trừng phạt của *Rabb* của Ngươi chạm phải chúng thì chắc chắn chúng sẽ than: "Thật khổ thân chúng tôi! Rõ thật chúng tôi là những kẻ làm điều sai quấy.

47.- Và *TA* sẽ thiết lập các bàn cân công lý vào Ngày Phục sinh. Bởi thế sẽ không có một người (linh hồn) nào bị đối xử bất công về bất cứ điều gì. Và nếu (chúng có làm một việc dù nhỏ) bằng sức nặng của một hạt cải đi nữa, thì *TA* cũng sẽ mang nó ra (cân đo). Và một mình *TA* đủ làm công việc thanh toán sổ sách.

48.- Và chắc chắn *TA* đã ban cho *Mūsa* và *Hārūn* Tiêu chuẩn xét xử và một Ánh-sáng quang minh (Kinh Taurāh) và một sự Nhắc nhở cho những người ngay chính sợ Allah.

49.- Những ai âm thầm sợ Đức *Rabb* (Allah) vô hình của họ và khiếp sợ Giờ (Xét xử).

50.- Và đây là một Thông điệp nhắc nhở (Qur'ān) đầy phúc đức mà *TA* đã ban xuống (cho các ngươi). Thế các ngươi, (hỡi Muslim!) sẽ phủ nhận Nó hay sao?

51.- Và chắc chắn trước đây *TA* đã ban cho *Ibrāhīm* lẽ phải của Người; và *TA* Hằng quen biết Người.

52.- (Hãy nhớ) khi Người thưa với phụ thân và người dân của Người bảo: "Những hình tượng này mà quí vị sùng bái là gì vậy?"

53.- Họ đáp: "Bọn ta thấy cha mẹ của bọn ta tôn thờ chúng."

54.- Người bảo: "Chắc chắn quí vị và cha mẹ của quí vị, tất cả, đã công khai lầm lạc."

55.- Họ đáp: "Ngươi nói thật hay bông đùa với bọn ta?"

56.- Người bảo: "Không! *Rabb* của quí vị là *Rabb* (Đấng Chủ Tể) của các tầng trời và trái đất, Đấng đã sáng tạo chúng (từ cái không). Và tôi là một trong những người làm chứng cho việc đó.

57.- Và Người thề: "Nhân danh Allah! Chắc chắn tôi sẽ đặt kế hoạch đập phá những bức tượng của các ông sau khi các ông bỏ đi."

فَجَعَلَهُمۡ جُذَٰذًا إِلَّا كَبِيرٗا لَّهُمۡ لَعَلَّهُمۡ إِلَيۡهِ يَرۡجِعُونَ
٥٨ قَالُواْ مَن فَعَلَ هَٰذَا بِـَٔالِهَتِنَآ إِنَّهُۥ لَمِنَ ٱلظَّٰلِمِينَ ٥٩
قَالُواْ سَمِعۡنَا فَتٗى يَذۡكُرُهُمۡ يُقَالُ لَهُۥٓ إِبۡرَٰهِيمُ ٦٠ قَالُواْ فَأۡتُواْ
بِهِۦ عَلَىٰٓ أَعۡيُنِ ٱلنَّاسِ لَعَلَّهُمۡ يَشۡهَدُونَ ٦١ قَالُوٓاْ ءَأَنتَ
فَعَلۡتَ هَٰذَا بِـَٔالِهَتِنَا يَٰٓإِبۡرَٰهِيمُ ٦٢ قَالَ بَلۡ فَعَلَهُۥ كَبِيرُهُمۡ
هَٰذَا فَسۡـَٔلُوهُمۡ إِن كَانُواْ يَنطِقُونَ ٦٣ فَرَجَعُوٓاْ إِلَىٰٓ
أَنفُسِهِمۡ فَقَالُوٓاْ إِنَّكُمۡ أَنتُمُ ٱلظَّٰلِمُونَ ٦٤ ثُمَّ نُكِسُواْ
عَلَىٰ رُءُوسِهِمۡ لَقَدۡ عَلِمۡتَ مَا هَٰٓؤُلَآءِ يَنطِقُونَ ٦٥ قَالَ
أَفَتَعۡبُدُونَ مِن دُونِ ٱللَّهِ مَا لَا يَنفَعُكُمۡ شَيۡـٔٗا وَلَا
يَضُرُّكُمۡ ٦٦ أُفّٖ لَّكُمۡ وَلِمَا تَعۡبُدُونَ مِن دُونِ ٱللَّهِۚ
أَفَلَا تَعۡقِلُونَ ٦٧ قَالُواْ حَرِّقُوهُ وَٱنصُرُوٓاْ ءَالِهَتَكُمۡ إِن كُنتُمۡ
فَٰعِلِينَ ٦٨ قُلۡنَا يَٰنَارُ كُونِي بَرۡدٗا وَسَلَٰمًا عَلَىٰٓ إِبۡرَٰهِيمَ
٦٩ وَأَرَادُواْ بِهِۦ كَيۡدٗا فَجَعَلۡنَٰهُمُ ٱلۡأَخۡسَرِينَ ٧٠ وَنَجَّيۡنَٰهُ
وَلُوطًا إِلَى ٱلۡأَرۡضِ ٱلَّتِي بَٰرَكۡنَا فِيهَا لِلۡعَٰلَمِينَ ٧١ وَوَهَبۡنَا
لَهُۥٓ إِسۡحَٰقَ وَيَعۡقُوبَ نَافِلَةٗۖ وَكُلّٗا جَعَلۡنَا صَٰلِحِينَ ٧٢

58.- Bởi thế, Người đập bể chúng (các bức tượng) và chỉ chừa lại bức tượng lớn nhất để họ có thể trở lại (tiếp chuyện) với nó.

59.- (Họ bảo nhau): "Tên nào đã hành động thế này đối với những thần linh của bọn ta? Nó quả thật là một tên làm điều sai quấy."

60.- (Dân chúng) lên tiếng: "Chúng tôi có nghe một thanh niên tên *Ibrāhīm* đã nói chuyện ra vẽ khinh miệt chúng (những bức tượng)."

61.- Họ bảo: "Thế bắt nó đưa ra trước công chúng để người dân chứng kiến (tội ác của nó)."

62.- Họ bảo: "Hỡi Ibrāhīm! Phải chăng nhà ngươi đã làm điều này đối với các thần linh của bọn ta?"

63.- Người đáp: "Không! Bức tượng lớn nhất này của chúng đã làm điều đó. Thế hãy hỏi chúng xem nếu chúng biết nói."

64.- Thế rồi họ quay nhìn nhau (hổ thẹn) rồi nói: "Rõ chính quí vị mới thực sự là những kẻ làm điều sai quấy."

65.- Rồi (vì xấu hổ) họ gục đầu, (nói thầm): "Chắc chắn ngươi đã biết rõ những bức tượng này đâu biết nói!"

66.- (Ibrāhīm) bảo: "Thế phải chăng quí vị thờ phụng ngoài Allah những vật chẳng làm lợi cũng chẳng hãm hại được quí vị hay sao?"

67.- "Thật xấu hổ thay cho quí vị và cho những vật mà quí vị tôn thờ ngoài Allah! Thế quí vị chưa hiểu ư?"

68.- Họ nói: "Bắt nó thiêu sống và cứu nguy những thần linh của quí vị nếu quí vị muốn hành động."

69.- *TA* (Allah) phán: "Hỡi Lửa! Hãy nguội mát và thành một nguồn bằng an cho *Ibrāhīm*!"

70.- Và chúng mưu toan hại Người nhưng *TA* đã làm cho chúng thua lớn.

71.- Và *TA* đã giải cứu Người và Lūt và đưa họ đến một vùng đất mà *TA* đã ban phúc cho muôn loài.

72.- Và TA đã ban cho Người (Ibrāhīm) (đứa con trai) *Ishāq* và (đứa cháu nội) *Ya'qūb* như một món quà; và mỗi đứa *TA* đã làm thành người lương thiện.

وَجَعَلْنَٰهُمْ أَئِمَّةً يَهْدُونَ بِأَمْرِنَا وَأَوْحَيْنَآ إِلَيْهِمْ فِعْلَ ٱلْخَيْرَٰتِ وَإِقَامَ ٱلصَّلَوٰةِ وَإِيتَآءَ ٱلزَّكَوٰةِ ۖ وَكَانُوا۟ لَنَا عَٰبِدِينَ ﴿٧٣﴾ وَلُوطًا ءَاتَيْنَٰهُ حُكْمًا وَعِلْمًا وَنَجَّيْنَٰهُ مِنَ ٱلْقَرْيَةِ ٱلَّتِى كَانَت تَّعْمَلُ ٱلْخَبَٰٓئِثَ ۗ إِنَّهُمْ كَانُوا۟ قَوْمَ سَوْءٍ فَٰسِقِينَ ﴿٧٤﴾ وَأَدْخَلْنَٰهُ فِى رَحْمَتِنَآ ۖ إِنَّهُۥ مِنَ ٱلصَّٰلِحِينَ ﴿٧٥﴾ وَنُوحًا إِذْ نَادَىٰ مِن قَبْلُ فَٱسْتَجَبْنَا لَهُۥ فَنَجَّيْنَٰهُ وَأَهْلَهُۥ مِنَ ٱلْكَرْبِ ٱلْعَظِيمِ ﴿٧٦﴾ وَنَصَرْنَٰهُ مِنَ ٱلْقَوْمِ ٱلَّذِينَ كَذَّبُوا۟ بِـَٔايَٰتِنَآ ۚ إِنَّهُمْ كَانُوا۟ قَوْمَ سَوْءٍ فَأَغْرَقْنَٰهُمْ أَجْمَعِينَ ﴿٧٧﴾ وَدَاوُۥدَ وَسُلَيْمَٰنَ إِذْ يَحْكُمَانِ فِى ٱلْحَرْثِ إِذْ نَفَشَتْ فِيهِ غَنَمُ ٱلْقَوْمِ وَكُنَّا لِحُكْمِهِمْ شَٰهِدِينَ ﴿٧٨﴾ فَفَهَّمْنَٰهَا سُلَيْمَٰنَ ۚ وَكُلًّا ءَاتَيْنَا حُكْمًا وَعِلْمًا ۚ وَسَخَّرْنَا مَعَ دَاوُۥدَ ٱلْجِبَالَ يُسَبِّحْنَ وَٱلطَّيْرَ ۚ وَكُنَّا فَٰعِلِينَ ﴿٧٩﴾ وَعَلَّمْنَٰهُ صَنْعَةَ لَبُوسٍ لَّكُمْ لِتُحْصِنَكُم مِّنۢ بَأْسِكُمْ ۖ فَهَلْ أَنتُمْ شَٰكِرُونَ ﴿٨٠﴾ وَلِسُلَيْمَٰنَ ٱلرِّيحَ عَاصِفَةً تَجْرِى بِأَمْرِهِۦٓ إِلَى ٱلْأَرْضِ ٱلَّتِى بَٰرَكْنَا فِيهَا ۚ وَكُنَّا بِكُلِّ شَىْءٍ عَٰلِمِينَ ﴿٨١﴾

73.- Và *TA* đã làm cho họ (con cháu của Ibrāhīm) thành lãnh tụ để hướng dẫn (nhân loại) theo Mệnh lệnh của *TA* và đã mặc khải bảo họ làm việc thiện và dâng lễ *Salāh* và đóng *Zakāh* và thờ phụng riêng *TA*.

74.- Và (hãy nhớ) *Lūt*: *TA* đã ban cho Người Lẽ Phán xét đúng đắn và sự hiểu biết; và đã giải cứu Người ra khỏi thị trấn mà dân cư đã từng làm những điều khả-ố. Quả thật, chúng là một đám dân bất tuân, chống lại Allah.

75.- Và *TA* đã khoan dung Người. Quả thật, Người là một người lương thiện.

76.- Và (hãy nhớ) *Nūh* (Nô-ê) khi Người cầu xin (với *TA*) trước đây. Bởi thế *TA* đã đáp lời cầu xin của Người. Rồi *TA* cứu Người và gia đình của Người thoát khỏi cơn đại nạn.

77.- Và *TA* đã cứu Người thoát khỏi đám dân đã từng phủ nhận các Bằng chứng của *TA*. Quả thật chúng là một đám dân tội lỗi. Bởi thế *TA* đã nhận chúng chết chìm cả đám (dưới nước lụt).

78.- Và (hãy nhớ) *Dāwūd* và *Sulaymān* khi hai người xét xử vụ một đám rẫy đã bị đàn cừu của một đám dân đột nhập vào ăn hoa mầu ban đêm. Và *TA* đã chứng kiến việc xét xử của họ.

79.- Nhưng *TA* đã làm cho *Sulaymān* thấu triệt vấn đề hơn trong lúc mỗi người đều được *TA* ban cho lý đoán khôn ngoan và kiến thức. Và *TA* đã bắt núi non lẫn chim chóc hòa âm với *Dāwūd* mà tán dương *TA*. Và *TA* là Đấng đã làm ra (những việc đó).

80.- Và *TA* đã dạy Người (*Dāwūd*) cách làm áo giáp cho các người để tự bảo vệ trong những cuộc giao tranh. Thế các người biết ơn chăng?

81.- Và *TA* đã bắt những cơn gió mạnh phục tùng Sulayman bay êm ả theo lệnh của Người đến vùng đất mà *TA* đã ban phúc. Và *TA* là Đấng Toàn Tri.

وَمِنَ ٱلشَّيَٰطِينِ مَن يَغُوصُونَ لَهُۥ وَيَعۡمَلُونَ عَمَلٗا دُونَ ذَٰلِكَۖ وَكُنَّا لَهُمۡ حَٰفِظِينَ ﴿٨٢﴾ ۞وَأَيُّوبَ إِذۡ نَادَىٰ رَبَّهُۥٓ أَنِّي مَسَّنِيَ ٱلضُّرُّ وَأَنتَ أَرۡحَمُ ٱلرَّٰحِمِينَ ﴿٨٣﴾ فَٱسۡتَجَبۡنَا لَهُۥ فَكَشَفۡنَا مَا بِهِۦ مِن ضُرّٖۖ وَءَاتَيۡنَٰهُ أَهۡلَهُۥ وَمِثۡلَهُم مَّعَهُمۡ رَحۡمَةٗ مِّنۡ عِندِنَا وَذِكۡرَىٰ لِلۡعَٰبِدِينَ ﴿٨٤﴾ وَإِسۡمَٰعِيلَ وَإِدۡرِيسَ وَذَا ٱلۡكِفۡلِۖ كُلّٞ مِّنَ ٱلصَّٰبِرِينَ ﴿٨٥﴾ وَأَدۡخَلۡنَٰهُمۡ فِي رَحۡمَتِنَآۖ إِنَّهُم مِّنَ ٱلصَّٰلِحِينَ ﴿٨٦﴾ وَذَا ٱلنُّونِ إِذ ذَّهَبَ مُغَٰضِبٗا فَظَنَّ أَن لَّن نَّقۡدِرَ عَلَيۡهِ فَنَادَىٰ فِي ٱلظُّلُمَٰتِ أَن لَّآ إِلَٰهَ إِلَّآ أَنتَ سُبۡحَٰنَكَ إِنِّي كُنتُ مِنَ ٱلظَّٰلِمِينَ ﴿٨٧﴾ فَٱسۡتَجَبۡنَا لَهُۥ وَنَجَّيۡنَٰهُ مِنَ ٱلۡغَمِّۚ وَكَذَٰلِكَ نُـۨجِي ٱلۡمُؤۡمِنِينَ ﴿٨٨﴾ وَزَكَرِيَّآ إِذۡ نَادَىٰ رَبَّهُۥ رَبِّ لَا تَذَرۡنِي فَرۡدٗا وَأَنتَ خَيۡرُ ٱلۡوَٰرِثِينَ ﴿٨٩﴾ فَٱسۡتَجَبۡنَا لَهُۥ وَوَهَبۡنَا لَهُۥ يَحۡيَىٰ وَأَصۡلَحۡنَا لَهُۥ زَوۡجَهُۥٓۚ إِنَّهُمۡ كَانُواْ يُسَٰرِعُونَ فِي ٱلۡخَيۡرَٰتِ وَيَدۡعُونَنَا رَغَبٗا وَرَهَبٗاۖ وَكَانُواْ لَنَا خَٰشِعِينَ ﴿٩٠﴾

82.- Và trong đám *Shaytān* (loài Jinn), có những tên đã lặn xuống nước (để phục dịch) Người (*Sulaymān*) và làm các công tác khác ngoài việc (lặn) đó. Và *TA* là Đấng Trông chừng chúng.

83.- Và (hãy nhớ) *Ayyūb* (Job) khi Người cầu xin *Rabb* của Người, thưa: "Bề tôi đã gặp nạn. Và Ngài là Đấng Khoan dung nhất của những người tỏ lòng khoan dung."

84.- Bởi thế *TA* đã đáp lời cầu xin của Người. Rồi *TA* đã làm tan nỗi khổ mà từ lâu Người đã cam chịu, và *TA* đã phục hồi cho Người gia đình của Người và ban cho họ những cái tương tự: một sự Khoan dung từ *TA* và là điều Nhắc nhở cho những người thờ phụng (*TA*).

85.- Và *Ismā'īl* và *Idrīs* và *Dhul-Kifli*. Tất cả đều là những người kiên nhẫn.

86.- Và *TA* đã khoan dung họ. Quả thật, họ là những người lương thiện.

87.- Và (hãy nhớ) *Dhan-nūn* (Jonah,) khi Người nổi giận bỏ đi và đã nghĩ *TA* không có quyền làm gì Người. Nhưng Người đã cầu xin (với *TA*) thưa: "Không có Thượng Đế nào khác cả duy chỉ Ngài; Quang vinh thay Ngài! Quả thật bề tôi là một người sai quấy."

88.- Bởi thế *TA* đã đáp lời cầu xin của Người và cứu khổ Người; và *TA* đã giải cứu những người tin tưởng đúng như thế.

89.- Và (hãy nhớ) *Zakarīya* khi Người cầu xin *Rabb* của Người, thưa: "Lạy *Rabb* của bề tôi! Xin Ngài đừng để cho bề tôi tuyệt tự. Bởi vì Ngài là Đấng Thừa tự Ưu việt."

90.- Bởi thế, *TA* đã đáp lời cầu xin của Người và ban cho Người (đứa con trai) *Yahyā* (Giăng). Và *TA* đã chữa lành (bệnh hiếm hoi của) người vợ của Người cho Người. Quả thật họ là những người hay thi đua nhau làm phúc. Họ thường cầu nguyện *TA* vừa hy vọng vừa sợ hãi. Và họ là những người hạ mình khiêm tốn trước *TA*.

وَٱلَّتِيٓ أَحۡصَنَتۡ فَرۡجَهَا فَنَفَخۡنَا فِيهَا مِن رُّوحِنَا
وَجَعَلۡنَٰهَا وَٱبۡنَهَآ ءَايَةٗ لِّلۡعَٰلَمِينَ ٩١ إِنَّ هَٰذِهِۦٓ
أُمَّتُكُمۡ أُمَّةٗ وَٰحِدَةٗ وَأَنَا۠ رَبُّكُمۡ فَٱعۡبُدُونِ ٩٢
وَتَقَطَّعُوٓاْ أَمۡرَهُم بَيۡنَهُمۡۖ كُلٌّ إِلَيۡنَا رَٰجِعُونَ ٩٣
فَمَن يَعۡمَلۡ مِنَ ٱلصَّٰلِحَٰتِ وَهُوَ مُؤۡمِنٞ فَلَا كُفۡرَانَ
لِسَعۡيِهِۦ وَإِنَّا لَهُۥ كَٰتِبُونَ ٩٤ وَحَرَٰمٌ عَلَىٰ قَرۡيَةٍ
أَهۡلَكۡنَٰهَآ أَنَّهُمۡ لَا يَرۡجِعُونَ ٩٥ حَتَّىٰٓ إِذَا فُتِحَتۡ
يَأۡجُوجُ وَمَأۡجُوجُ وَهُم مِّن كُلِّ حَدَبٖ يَنسِلُونَ ٩٦
وَٱقۡتَرَبَ ٱلۡوَعۡدُ ٱلۡحَقُّ فَإِذَا هِيَ شَٰخِصَةٌ أَبۡصَٰرُ ٱلَّذِينَ
كَفَرُواْ يَٰوَيۡلَنَا قَدۡ كُنَّا فِي غَفۡلَةٖ مِّنۡ هَٰذَا بَلۡ كُنَّا
ظَٰلِمِينَ ٩٧ إِنَّكُمۡ وَمَا تَعۡبُدُونَ مِن دُونِ ٱللَّهِ
حَصَبُ جَهَنَّمَ أَنتُمۡ لَهَا وَٰرِدُونَ ٩٨ لَوۡ كَانَ
هَٰٓؤُلَآءِ ءَالِهَةٗ مَّا وَرَدُوهَاۖ وَكُلّٞ فِيهَا خَٰلِدُونَ ٩٩
لَهُمۡ فِيهَا زَفِيرٞ وَهُمۡ فِيهَا لَا يَسۡمَعُونَ ١٠٠ إِنَّ ٱلَّذِينَ
سَبَقَتۡ لَهُم مِّنَّا ٱلۡحُسۡنَىٰٓ أُوْلَٰٓئِكَ عَنۡهَا مُبۡعَدُونَ ١٠١

91.- Và (hãy nhớ) Nàng (*Maryam*) là người đã giữ trọn tiết trinh. Rồi *TA* cho thổi[1] (Linh hồn) vào Nàng từ *Rūh* (Jibrīl) của *TA* và đã làm cho Nàng và đứa con trai của Nàng thành một Dấu lạ cho nhân gian.

92.- Quả thật, Cộng đồng[2] này của các người (các *Nabi*) là một Cộng đồng duy nhất. Và TA là *Rabb* của các người. Bởi thế hãy thờ phụng TA.

93.- Nhưng họ (những giáo phái) đã chia rẽ công việc (tôn giáo) của họ với nhau. (Họ đâu biết cuối cùng) tất cả sẽ trở lại gặp *TA*.

94.- Bởi thế ai làm điều lành và có đức tin thì công lao của y sẽ không bị phủ nhận và chính *TA* sẽ ghi công cho y.

95.- Và một lệnh cấm đã được ban hành cho (người dân của) mỗi thị trấn mà *TA* đã tiêu diệt biết chúng sẽ không trở lại (chốn xưa).

96.- Mãi cho đến khi *Ya'jūj* (Gog) và *Ma'jūj* (Magog) được buông thả và sẽ tràn xuống (tấn công) từ mỗi ngọn đồi.

97.- Và Lời hứa thật sự này dần dần sẽ thể hiện. Bởi thế, khi nó đến, cặp mắt của những kẻ vô đức tin sẽ mở to trân tráo (và nói:) "Ôi khổ thân chúng tôi! Chắc chắn chúng tôi đã lơ-là về (Lời cảnh cáo) này. Không! Chúng tôi là những kẻ làm điều sai quấy."

98.- Chính các người và những vật mà các người tôn thờ ngoài Allah sẽ là chất đốt của Hỏa ngục, nơi mà các ngươi sẽ sa xuống.

99.- Nếu những vật (tượng) này là những thần linh thực sự, thì chúng sẽ không sa xuống (Hỏa ngục), nhưng tất cả sẽ đi vào ở trong đó.

100.- Trong đó, chúng sẽ khóc tức tưởi và sẽ không nghe thấy gì.

101.- Bởi vì quả thật, những ai mà cái tốt của *TA* đã (được gởi) đi trước (cho) họ, thì sẽ được đưa ra khỏi (Hỏa Ngục);

---

[1] Allah cử phái Jibrīl (Thiên thần Gabriel) xuống gặp Maryam và thổi vào tay áo của Nàng, thế là nàng thụ thai 'Īsa (Giê-su).

[2] *Ummah* có nghĩa là cộng đồng, tình huynh đệ, tôn giáo.

لَا يَسۡمَعُونَ حَسِيسَهَاۖ وَهُمۡ فِي مَا ٱشۡتَهَتۡ أَنفُسُهُمۡ خَٰلِدُونَ ﴿١٠٢﴾ لَا يَحۡزُنُهُمُ ٱلۡفَزَعُ ٱلۡأَكۡبَرُ وَتَتَلَقَّىٰهُمُ ٱلۡمَلَٰٓئِكَةُ هَٰذَا يَوۡمُكُمُ ٱلَّذِي كُنتُمۡ تُوعَدُونَ ﴿١٠٣﴾ يَوۡمَ نَطۡوِي ٱلسَّمَآءَ كَطَيِّ ٱلسِّجِلِّ لِلۡكُتُبِۚ كَمَا بَدَأۡنَآ أَوَّلَ خَلۡقٖ نُّعِيدُهُۥۚ وَعۡدًا عَلَيۡنَآۚ إِنَّا كُنَّا فَٰعِلِينَ ﴿١٠٤﴾ وَلَقَدۡ كَتَبۡنَا فِي ٱلزَّبُورِ مِنۢ بَعۡدِ ٱلذِّكۡرِ أَنَّ ٱلۡأَرۡضَ يَرِثُهَا عِبَادِيَ ٱلصَّٰلِحُونَ ﴿١٠٥﴾ إِنَّ فِي هَٰذَا لَبَلَٰغٗا لِّقَوۡمٍ عَٰبِدِينَ ﴿١٠٦﴾ وَمَآ أَرۡسَلۡنَٰكَ إِلَّا رَحۡمَةٗ لِّلۡعَٰلَمِينَ ﴿١٠٧﴾ قُلۡ إِنَّمَا يُوحَىٰٓ إِلَيَّ أَنَّمَآ إِلَٰهُكُمۡ إِلَٰهٞ وَٰحِدٞۖ فَهَلۡ أَنتُم مُّسۡلِمُونَ ﴿١٠٨﴾ فَإِن تَوَلَّوۡاْ فَقُلۡ ءَاذَنتُكُمۡ عَلَىٰ سَوَآءٖۖ وَإِنۡ أَدۡرِيٓ أَقَرِيبٌ أَم بَعِيدٞ مَّا تُوعَدُونَ ﴿١٠٩﴾ إِنَّهُۥ يَعۡلَمُ ٱلۡجَهۡرَ مِنَ ٱلۡقَوۡلِ وَيَعۡلَمُ مَا تَكۡتُمُونَ ﴿١١٠﴾ وَإِنۡ أَدۡرِي لَعَلَّهُۥ فِتۡنَةٞ لَّكُمۡ وَمَتَٰعٌ إِلَىٰ حِينٖ ﴿١١١﴾ قَٰلَ رَبِّ ٱحۡكُم بِٱلۡحَقِّۗ وَرَبُّنَا ٱلرَّحۡمَٰنُ ٱلۡمُسۡتَعَانُ عَلَىٰ مَا تَصِفُونَ ﴿١١٢﴾

سُورَةُ الحَجِّ

102.- Họ sẽ không nghe thấy một tiếng xì xào nào của (Hỏa Ngục) và sẽ ở trong (tình trạng) mà tâm hồn của họ đã từng ao-ước.

103.- Họ sẽ không kinh hãi nữa; và các Thiên thần sẽ nghênh đón họ (chúc:) "Đây là Ngày (vui) mà qúi vị đã được hứa."

104.- (Hãy nhớ) Ngày mà *TA* sẽ cuốn tròn các tầng trời giống như các tờ kinh được cuốn tròn cho những quyển Kinh giống việc *TA* đã khởi nguyên việc tạo hóa lần đầu tiên, *TA* sẽ tái lập nó. (Đó là) một Lời hứa ràng buộc *TA* phải thực hiện. Chính *TA* sẽ làm điều này.

105.- Và chắc chắn *TA* đã ghi trong Thi thiên (đã ban cho Dāwūd) sau bức Thông điệp (đã được ban cho Mūsa) rằng trái đất sẽ là (bất động sản) mà những bề tôi lương thiện của TA sẽ thừa hưởng.

106.- Quả thật, trong (Qur'ān) này là một Thông điệp gởi cho đám người thật sự thờ phụng (Allah).

107.- Và *TA* đã cử phái Ngươi (Muhammad) đến như một Hồng ân cho muôn loài.

108.- (Bởi thế) hãy bảo họ: "Quả thật Ta được mặc khải cho biết Thượng Đế của các người là một Thượng Đế duy nhất. Thế các người sẽ không là người Muslim phục mệnh Ngài hay sao?"

109.- Nhưng nếu họ quay bỏ đi thì hãy bảo: "Ta đã công bố (Thông điệp của Allah) đồng đều cho các người; và Ta không biết điều mà các người đã được hứa hiện nay ở gần hay ở xa.

110.- Chính Ngài (Allah) biết lời lẽ mà các người đã hô hoán và biết điều mà các người đã giấu giếm.

111.- Và Ta (Muhammad) không biết: có lẽ đó là một sự thử thách hay là một sự hưởng thụ trong một thời gian ngắn cho các người.

112.- Người (Nabi Muhammad) thưa: "Lạy *Rabb* của bề tôi! Xin Ngài lấy sự Thật mà phân xử. Và R*abb* Rất mực Độ lượng sẽ giúp chúng tôi đối phó với những điều mà các ông đã qui cho (Allah, Ta và Qur'ān)."

الحِزْبُ ٣٤

بِسْمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحْمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

يَٰٓأَيُّهَا ٱلنَّاسُ ٱتَّقُواْ رَبَّكُمْۚ إِنَّ زَلْزَلَةَ ٱلسَّاعَةِ شَيْءٌ عَظِيمٞ ١ يَوْمَ تَرَوْنَهَا تَذْهَلُ كُلُّ مُرْضِعَةٍ عَمَّآ أَرْضَعَتْ وَتَضَعُ كُلُّ ذَاتِ حَمْلٍ حَمْلَهَا وَتَرَى ٱلنَّاسَ سُكَٰرَىٰ وَمَا هُم بِسُكَٰرَىٰ وَلَٰكِنَّ عَذَابَ ٱللَّهِ شَدِيدٞ ٢ وَمِنَ ٱلنَّاسِ مَن يُجَٰدِلُ فِي ٱللَّهِ بِغَيْرِ عِلْمٖ وَيَتَّبِعُ كُلَّ شَيْطَٰنٖ مَّرِيدٖ ٣ كُتِبَ عَلَيْهِ أَنَّهُۥ مَن تَوَلَّاهُ فَأَنَّهُۥ يُضِلُّهُۥ وَيَهْدِيهِ إِلَىٰ عَذَابِ ٱلسَّعِيرِ ٤ يَٰٓأَيُّهَا ٱلنَّاسُ إِن كُنتُمْ فِي رَيْبٖ مِّنَ ٱلْبَعْثِ فَإِنَّا خَلَقْنَٰكُم مِّن تُرَابٖ ثُمَّ مِن نُّطْفَةٖ ثُمَّ مِنْ عَلَقَةٖ ثُمَّ مِن مُّضْغَةٖ مُّخَلَّقَةٖ وَغَيْرِ مُخَلَّقَةٖ لِّنُبَيِّنَ لَكُمْۚ وَنُقِرُّ فِي ٱلْأَرْحَامِ مَا نَشَآءُ إِلَىٰٓ أَجَلٖ مُّسَمّٗى ثُمَّ نُخْرِجُكُمْ طِفْلٗا ثُمَّ لِتَبْلُغُوٓاْ أَشُدَّكُمْۖ وَمِنكُم مَّن يُتَوَفَّىٰ وَمِنكُم مَّن يُرَدُّ إِلَىٰٓ أَرْذَلِ ٱلْعُمُرِ لِكَيْلَا يَعْلَمَ مِنۢ بَعْدِ عِلْمٖ شَيْـٔٗاۚ وَتَرَى ٱلْأَرْضَ هَامِدَةٗ فَإِذَآ أَنزَلْنَا عَلَيْهَا ٱلْمَآءَ ٱهْتَزَّتْ وَرَبَتْ وَأَنۢبَتَتْ مِن كُلِّ زَوْجِۭ بَهِيجٖ ٥

AL-HAJJ
(Đại Lễ Hajj[1])

Nhân danh Allah, Đấng Rất mực Độ lượng,
Đấng Rất mực Khoan dung

1.- Hỡi nhân loại! Hãy sợ *Rabb* (Allah) của các người bởi vì cơn chấn động của Giờ (Xét-xử) sẽ là một hiện tượng vô cùng khủng khiếp.

2.- Ngày mà các người sẽ thấy: mỗi bà mẹ sẽ quên bẵng đứa con đang bú và mỗi người phụ nữ mang thai sẽ trút bỏ gánh nặng của mình và Ngươi sẽ thấy thiên hạ như say rượu trong lúc họ không uống say. Tuy nhiên sự trừng phạt của Allah sẽ rất khủng khiếp.

3.- Và trong nhân loại đã có kẻ tranh luận về Allah không một chút hiểu biết nào cả và nghe theo từng tên Shaytān ương ngạnh.

4.- Điều đã được qui định cho nó (Shaytān) là ai quay về kết bạn với nó thì sẽ bị nó dắt đi lạc và sẽ bị nó dắt đi đến hình phạt của Lửa.

5.- Hỡi nhân loại! Nếu các người nghi ngờ về việc phục sinh thì quả thật *TA* đã tạo hóa các người từ (đất) bụi rồi từ tinh dịch rồi từ một hòn máu đặc rồi từ một miếng thịt thành hình đầy đủ và không thành hình (sẩy thai) để *TA* trưng bày cho các người (Quyền năng của *TA*). Và *TA* đặt trong các dạ con người nào *TA* muốn đến một thời hạn ấn định; rồi *TA* mang các người ra đời thành những đứa bé; rồi nuôi các người đến tuổi trưởng thành; và trong các người có người bị bắt hồn chết sớm và trong các người có người được trả (hồn) về (sống) cho đến tuổi già yếu đến nỗi y không còn biết gì cả sau khi đã biết nhiều. Và ngươi thấy đất đai khô nứt nhưng khi *TA* tưới nước mưa lên đó, nó cựa mình sống lại và phồng lên và cho mọc lên đủ cặp thảo mộc (xum xuê).

---

[1] *Hajj* là một nghi lễ của Islām mang tính bắt buộc. Một người Muslim khỏe mạnh và có đầy đủ phương tiện tiền bạc phải thi hành nghi lễ này ít nhất một lần trong cuộc đời mình. Thời gian thực hiện Hajj kéo dài sáu ngày kể từ ngày mồng tám đến ngày 13 tháng zul-Hijjah (tháng 12 âm lịch của Islām). Nghi thức dâng lễ Hajj gồm: 1/ vận Ihrām gồm hai mảnh vải không có đường chỉ khâu; 2/ tập trung tại Mina, một vùng ngoại ô của thành phố Makkah; 3/ tập trung tại thung lũng Arafat; 4/ Di chuyển về Muzdalifah; 5/ Ném đá vào Shaytān tại cột trụ lớn ở Mina; 6/ Tế vật tại Mina; 7/ Di chuyển về Makkah để tawāf (đi vòng) Ka'bah; 8/ Sa'y (di chuyển qua lại giữa hai ngọn đồi Safa và Marwa; 9/ Cắt tóc hay cạo đầu và cởi bỏ Ihrām; 10/ Trở lại Mina ngụ cho đến trưa ngày 13 của tháng zul-Hijjah; 11/ Trở lại Makkah để tawāf vĩnh biệt Ka'bah và trở về quê quán.

ذَٰلِكَ بِأَنَّ ٱللَّهَ هُوَ ٱلۡحَقُّ وَأَنَّهُۥ يُحۡيِ ٱلۡمَوۡتَىٰ وَأَنَّهُۥ عَلَىٰ كُلِّ شَيۡءٖ
قَدِيرٞ ٦ وَأَنَّ ٱلسَّاعَةَ ءَاتِيَةٞ لَّا رَيۡبَ فِيهَا وَأَنَّ ٱللَّهَ يَبۡعَثُ مَن فِي
ٱلۡقُبُورِ ٧ وَمِنَ ٱلنَّاسِ مَن يُجَٰدِلُ فِي ٱللَّهِ بِغَيۡرِ عِلۡمٖ وَلَا هُدٗى
وَلَا كِتَٰبٖ مُّنِيرٖ ٨ ثَانِيَ عِطۡفِهِۦ لِيُضِلَّ عَن سَبِيلِ ٱللَّهِۖ لَهُۥ فِي
ٱلدُّنۡيَا خِزۡيٞۖ وَنُذِيقُهُۥ يَوۡمَ ٱلۡقِيَٰمَةِ عَذَابَ ٱلۡحَرِيقِ ٩ ذَٰلِكَ
بِمَا قَدَّمَتۡ يَدَاكَ وَأَنَّ ٱللَّهَ لَيۡسَ بِظَلَّٰمٖ لِّلۡعَبِيدِ ١٠ وَمِنَ ٱلنَّاسِ
مَن يَعۡبُدُ ٱللَّهَ عَلَىٰ حَرۡفٖۖ فَإِنۡ أَصَابَهُۥ خَيۡرٌ ٱطۡمَأَنَّ بِهِۦۖ وَإِنۡ
أَصَابَتۡهُ فِتۡنَةٌ ٱنقَلَبَ عَلَىٰ وَجۡهِهِۦ خَسِرَ ٱلدُّنۡيَا وَٱلۡأٓخِرَةَۚ ذَٰلِكَ
هُوَ ٱلۡخُسۡرَانُ ٱلۡمُبِينُ ١١ يَدۡعُواْ مِن دُونِ ٱللَّهِ مَا لَا يَضُرُّهُۥ
وَمَا لَا يَنفَعُهُۥۚ ذَٰلِكَ هُوَ ٱلضَّلَٰلُ ٱلۡبَعِيدُ ١٢ يَدۡعُواْ لَمَن
ضَرُّهُۥٓ أَقۡرَبُ مِن نَّفۡعِهِۦۚ لَبِئۡسَ ٱلۡمَوۡلَىٰ وَلَبِئۡسَ ٱلۡعَشِيرُ ١٣
إِنَّ ٱللَّهَ يُدۡخِلُ ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ وَعَمِلُواْ ٱلصَّٰلِحَٰتِ جَنَّٰتٖ
تَجۡرِي مِن تَحۡتِهَا ٱلۡأَنۡهَٰرُۚ إِنَّ ٱللَّهَ يَفۡعَلُ مَا يُرِيدُ ١٤ مَن كَانَ
يَظُنُّ أَن لَّن يَنصُرَهُ ٱللَّهُ فِي ٱلدُّنۡيَا وَٱلۡأٓخِرَةِ فَلۡيَمۡدُدۡ بِسَبَبٍ إِلَى
ٱلسَّمَآءِ ثُمَّ لۡيَقۡطَعۡ فَلۡيَنظُرۡ هَلۡ يُذۡهِبَنَّ كَيۡدُهُۥ مَا يَغِيظُ ١٥

6.- (Việc phục sinh sẽ) như thế; bởi vì Allah, Ngài là Chân-lý tuyệt đối và Ngài làm cho người chết sống lại và rằng Ngài có quyền định đoạt trên tất cả mọi vật.

7.- Và rằng Giờ (Xét Xử) đang tiến đến dần, không có gì phải nghi ngờ cả và Allah sẽ phục sinh bất cứ ai đang nằm dưới mộ.

8.- Và trong nhân loại có kẻ tranh luận về Allah không một chút hiểu biết nào cả và không có một Chỉ đạo và cũng không dựa vào một Kinh sách minh bạch nào (để làm bằng) cả.

9.- Y quay người sang một bên[1] hầu làm cho (thiên hạ) rời xa con đường của Allah. Y sẽ bị hạ nhục ở đời này; và vào Ngày Phục sinh, y sẽ bị *TA* cho nếm hình phạt của Lửa cháy bùng.

10.- Như thế là vì những điều (tội lỗi) mà bàn tay của ngươi đã gởi đi trước. Bởi vì quả thật, Allah không hề đối xử bất công với bầy tôi của Ngài.

11.- Và trong nhân loại có kẻ thờ phụng Allah đứng trên bờ lề (của đức tin). Bởi thế, nếu gặp điều phúc lành, thì y sẽ hài lòng với nó. Ngược lại nếu gặp hoạn nạn thì y quay mặt sang phía khác.Thế là y mất cả đời này lẫn Đời sau. Đấy quả thật là một sự mất mát rõ ràng.

12.- Y cầu nguyện ngoài Allah những kẻ không hãm hại được y và cũng không làm lợi gì cho y. Như thế là y lầm lạc rất xa.

13.- Y cầu nguyện kẻ hãm hại y chứ không mang lợi gì cho y. Chắc chắn đó là một người chủ rất xấu và chắc chắn đó là một người bạn đồng hành rất xấu.

14.- Quả thật, Allah sẽ thu nhận những ai tin tưởng và làm việc thiện vào những Ngôi vườn (Thiên đàng) bên dưới có các dòng sông chảy. Quả thật, Allah làm bất cứ điều gì Ngài muốn.

15.- Ai nghĩ rằng Allah sẽ không bao giờ giúp đỡ Người (Nabi Muhammad) ở đời này và Đời sau thì cứ nối một sợi dây cột vào trần nhà rồi tự thắt cổ, rồi để cho y xem phải chăng kế hoạch của y sẽ làm tiêu tan điều làm y tức giận?

---

[1] *Thāniya 'itfihi* có nghĩa quay bán thân từ đầu xuống mông sang một bên, một thành ngữ ngụ ý nói tự phụ, khinh thường người khác.

وَكَذَٰلِكَ أَنزَلۡنَٰهُ ءَايَٰتِۭ بَيِّنَٰتٖ وَأَنَّ ٱللَّهَ يَهۡدِي مَن يُرِيدُ ١٦ إِنَّ ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ وَٱلَّذِينَ هَادُواْ وَٱلصَّٰبِـِٔينَ وَٱلنَّصَٰرَىٰ وَٱلۡمَجُوسَ وَٱلَّذِينَ أَشۡرَكُوٓاْ إِنَّ ٱللَّهَ يَفۡصِلُ بَيۡنَهُمۡ يَوۡمَ ٱلۡقِيَٰمَةِۚ إِنَّ ٱللَّهَ عَلَىٰ كُلِّ شَيۡءٖ شَهِيدٌ ١٧ أَلَمۡ تَرَ أَنَّ ٱللَّهَ يَسۡجُدُۤ لَهُۥ مَن فِي ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَمَن فِي ٱلۡأَرۡضِ وَٱلشَّمۡسُ وَٱلۡقَمَرُ وَٱلنُّجُومُ وَٱلۡجِبَالُ وَٱلشَّجَرُ وَٱلدَّوَآبُّ وَكَثِيرٞ مِّنَ ٱلنَّاسِۖ وَكَثِيرٌ حَقَّ عَلَيۡهِ ٱلۡعَذَابُۗ وَمَن يُهِنِ ٱللَّهُ فَمَا لَهُۥ مِن مُّكۡرِمٍۚ إِنَّ ٱللَّهَ يَفۡعَلُ مَا يَشَآءُ۩ ١٨ ۞هَٰذَانِ خَصۡمَانِ ٱخۡتَصَمُواْ فِي رَبِّهِمۡۖ فَٱلَّذِينَ كَفَرُواْ قُطِّعَتۡ لَهُمۡ ثِيَابٞ مِّن نَّارٖ يُصَبُّ مِن فَوۡقِ رُءُوسِهِمُ ٱلۡحَمِيمُ ١٩ يُصۡهَرُ بِهِۦ مَا فِي بُطُونِهِمۡ وَٱلۡجُلُودُ ٢٠ وَلَهُم مَّقَٰمِعُ مِنۡ حَدِيدٖ ٢١ كُلَّمَآ أَرَادُوٓاْ أَن يَخۡرُجُواْ مِنۡهَا مِنۡ غَمٍّ أُعِيدُواْ فِيهَا وَذُوقُواْ عَذَابَ ٱلۡحَرِيقِ ٢٢ إِنَّ ٱللَّهَ يُدۡخِلُ ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ وَعَمِلُواْ ٱلصَّٰلِحَٰتِ جَنَّٰتٖ تَجۡرِي مِن تَحۡتِهَا ٱلۡأَنۡهَٰرُ يُحَلَّوۡنَ فِيهَا مِنۡ أَسَاوِرَ مِن ذَهَبٖ وَلُؤۡلُؤٗاۖ وَلِبَاسُهُمۡ فِيهَا حَرِيرٞ ٢٣

سَجۡدَة
رُبع الحِزْب ٣٤

16.- Và đúng như thế, *TA* đã ban Nó (Qur'ān) xuống bằng những câu kinh minh bạch và rằng Allah sẽ hướng dẫn người nào Ngài muốn.

17.- Quả thật, những ai có đức tin (*Muslim*) và những người Do-thái và những người *Sābian* và những người *Naṣārā* và những người *Magian* và những ai thờ đa thần thì chắc chắn sẽ được Allah xét xử giữa họ vào Ngày Phục sinh bởi vì chắc chắn Allah làm chứng cho tất cả mọi việc.

18.- Há Ngươi (Muhammad) không nhận thấy Allah là Đấng mà bất cứ ai trong các tầng trời và bất cứ ai dưới đất và mặt trời và mặt trăng và ngôi sao và núi non và cây cối và thú vật và đa số nhân loại đều phải phủ phục quì lạy hay sao? Nhưng đa số (người) cũng đáng bị Ngài trừng phạt. Và ai mà bị Allah hạ nhục thì sẽ không có ai làm cho vinh danh lại nổi. Quả thật, Allah làm bất cứ điều gì Ngài muốn.

19.- Hai nhóm đối lập (*Muslim và Kāfir*) này tranh luận nhau về *Rabb* của họ. Bởi thế những kẻ phủ nhận (Allah) sẽ mặc áo may bằng các mảnh Lửa, đầu sẽ hứng chịu một loại nước thật sôi xối lên trên;

20.- (Nước sôi này) sẽ làm chảy tan bất cứ vật gì trong bụng và làn da của chúng;

21.- Và chúng sẽ bị đánh bằng những ngọn roi sắt;

22.- Mỗi lần chúng muốn lẩn trốn khỏi hình phạt đau đớn của (Hỏa ngục) thì sẽ bị bắt đưa vào trở lại (với lời phán:) "Hãy nếm hình phạt của sự cháy phỏng!"

23.- Quả thật, Allah sẽ thu nhận những ai có đức tin và làm việc thiện vào những Ngôi vườn (Thiên đàng) bên dưới có các dòng sông chảy; trong đó, họ sẽ được trang điểm bằng vòng vàng và ngọc trai; và sẽ phục sức bằng lụa là;

وَهُدُوٓاْ إِلَى ٱلطَّيِّبِ مِنَ ٱلۡقَوۡلِ وَهُدُوٓاْ إِلَىٰ صِرَٰطِ ٱلۡحَمِيدِ ﴿٢٤﴾ إِنَّ ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ وَيَصُدُّونَ عَن سَبِيلِ ٱللَّهِ وَٱلۡمَسۡجِدِ ٱلۡحَرَامِ ٱلَّذِي جَعَلۡنَٰهُ لِلنَّاسِ سَوَآءً ٱلۡعَٰكِفُ فِيهِ وَٱلۡبَادِۚ وَمَن يُرِدۡ فِيهِ بِإِلۡحَادِۭ بِظُلۡمٖ نُّذِقۡهُ مِنۡ عَذَابٍ أَلِيمٖ ﴿٢٥﴾ وَإِذۡ بَوَّأۡنَا لِإِبۡرَٰهِيمَ مَكَانَ ٱلۡبَيۡتِ أَن لَّا تُشۡرِكۡ بِي شَيۡـٔٗا وَطَهِّرۡ بَيۡتِيَ لِلطَّآئِفِينَ وَٱلۡقَآئِمِينَ وَٱلرُّكَّعِ ٱلسُّجُودِ ﴿٢٦﴾ وَأَذِّن فِي ٱلنَّاسِ بِٱلۡحَجِّ يَأۡتُوكَ رِجَالٗا وَعَلَىٰ كُلِّ ضَامِرٖ يَأۡتِينَ مِن كُلِّ فَجٍّ عَمِيقٖ ﴿٢٧﴾ لِّيَشۡهَدُواْ مَنَٰفِعَ لَهُمۡ وَيَذۡكُرُواْ ٱسۡمَ ٱللَّهِ فِيٓ أَيَّامٖ مَّعۡلُومَٰتٍ عَلَىٰ مَا رَزَقَهُم مِّنۢ بَهِيمَةِ ٱلۡأَنۡعَٰمِۖ فَكُلُواْ مِنۡهَا وَأَطۡعِمُواْ ٱلۡبَآئِسَ ٱلۡفَقِيرَ ﴿٢٨﴾ ثُمَّ لۡيَقۡضُواْ تَفَثَهُمۡ وَلۡيُوفُواْ نُذُورَهُمۡ وَلۡيَطَّوَّفُواْ بِٱلۡبَيۡتِ ٱلۡعَتِيقِ ﴿٢٩﴾ ذَٰلِكَۖ وَمَن يُعَظِّمۡ حُرُمَٰتِ ٱللَّهِ فَهُوَ خَيۡرٞ لَّهُۥ عِندَ رَبِّهِۦۗ وَأُحِلَّتۡ لَكُمُ ٱلۡأَنۡعَٰمُ إِلَّا مَا يُتۡلَىٰ عَلَيۡكُمۡۖ فَٱجۡتَنِبُواْ ٱلرِّجۡسَ مِنَ ٱلۡأَوۡثَٰنِ وَٱجۡتَنِبُواْ قَوۡلَ ٱلزُّورِ ﴿٣٠﴾

24.- Bởi vì (trên thế gian) họ đã được hướng dẫn đến (nghe) những lời nói tốt đẹp và họ đã được hướng dẫn đến con đường của Đấng (Allah) Rất đáng mực Ca tụng.

25.- Quả thật (đối với) những kẻ không tin tưởng và cản người khác không cho vào *Al-Masjid al-Harām* (tại Makkah) nơi mà *TA* đã làm ra bình đẳng cho mọi người, cho dân cư của nó cũng như cho du khách thập phương (đến thờ phụng). Và ai có ý định làm điều xúc phạm một cách sai quấy trong đó, thì *TA* sẽ cho nếm một hình phạt đau đớn.

26.- Và (hãy nhớ) khi *TA* (Allah) chỉ định cho *Ibrāhīm* địa điểm xây dựng Ngôi đền (Ka'bah) phán truyền: "Chớ tổ hợp với TA bất cứ cái gì và hãy giữ Ngôi đền của TA trong sạch cho những người đi vòng quanh nó, cho những người đứng dâng lễ, và cho những người cúi đầu và phủ phục (lễ bái TA);

27.- "Và hãy tuyên bố với nhân loại việc thi hành **Hajj**. Họ sẽ đi bộ hoặc cưỡi từng con lạc đà gầy ốm băng qua từng hẻm núi sâu thẳm để đến cùng (dâng lễ) với Ngươi.

28.- "Để cho họ chứng kiến những mối lợi được ban cấp cho họ và để họ tụng niệm tên của Allah trong một số ngày ấn định[1] và (nhắc tên của Allah) trên những con thú nuôi mà Ngài đã cung cấp cho họ (để làm vật tế[2]). Do đó, hãy ăn thịt của chúng (sau khi tế) và phân phối (thịt của chúng) cho những người nghèo đói.

29.- "Rồi để cho họ kết thúc tình trạng xốc xếch bù xù[3] của họ và để cho họ hoàn tất lời thề của họ và đi vòng quanh Ngôi đền[4] lâu đời."

30.- Đó (là việc thi hành Hajj). Và ai tôn trọng những giới cấm của Allah thì là điều tốt cho y đối với *Rabb* của y. Và (Allah) cho phép các người (dùng thịt của) những con thú nuôi (trong lúc thi hành Hajj) ngoại trừ những con thú nào đã được đọc ra cho các người. Do đó, hãy tránh sự ô-nhiễm của (việc thờ cúng) những tượng thần và tránh lời nói giả dối.

---

[1] *Tashrīq* gồm các ngày mồng 11, 12 và 13 của tháng Dhul Hijjah tại Mina.

[2] Khi cắt cổ con vật tế như trừu, dê, bò, lạc đà, người dâng lễ vật sẽ đọc lời cầu nguyện sau đây: '*Bismillah, Wallahu-Akbar, Allahumma Minka wa ilayka* (Nhân danh Allah, Allah Vĩ đại, lạy Allah, con vật này từ Ngài và trở về Ngài.)

[3] *Tafath* gồm những thứ như tóc, râu, móng tay, móng chân v.v...của cơ thể mọc dôi ra suốt thời gian vận Ihram hãm mình làm Hajj. Sau khi cởi Ihrām, vào ngày mồng mười, người làm Hajj được phép cắt móng tay, móng chân, cắt tóc, nhổ râu v.v...

[4] Ka'bah

حُنَفَآءَ لِلَّهِ غَيۡرَ مُشۡرِكِينَ بِهِۦۚ وَمَن يُشۡرِكۡ بِٱللَّهِ فَكَأَنَّمَا خَرَّ مِنَ
ٱلسَّمَآءِ فَتَخۡطَفُهُ ٱلطَّيۡرُ أَوۡ تَهۡوِي بِهِ ٱلرِّيحُ فِي مَكَانٖ سَحِيقٖ
﴿٣١﴾ ذَٰلِكَۖ وَمَن يُعَظِّمۡ شَعَٰٓئِرَ ٱللَّهِ فَإِنَّهَا مِن تَقۡوَى ٱلۡقُلُوبِ ﴿٣٢﴾
لَكُمۡ فِيهَا مَنَٰفِعُ إِلَىٰٓ أَجَلٖ مُّسَمّٗى ثُمَّ مَحِلُّهَآ إِلَى ٱلۡبَيۡتِ ٱلۡعَتِيقِ
﴿٣٣﴾ وَلِكُلِّ أُمَّةٖ جَعَلۡنَا مَنسَكٗا لِّيَذۡكُرُواْ ٱسۡمَ ٱللَّهِ عَلَىٰ
مَا رَزَقَهُم مِّنۢ بَهِيمَةِ ٱلۡأَنۡعَٰمِۗ فَإِلَٰهُكُمۡ إِلَٰهٞ وَٰحِدٞ فَلَهُۥٓ
أَسۡلِمُواْۗ وَبَشِّرِ ٱلۡمُخۡبِتِينَ ﴿٣٤﴾ ٱلَّذِينَ إِذَا ذُكِرَ ٱللَّهُ وَجِلَتۡ
قُلُوبُهُمۡ وَٱلصَّٰبِرِينَ عَلَىٰ مَآ أَصَابَهُمۡ وَٱلۡمُقِيمِي ٱلصَّلَوٰةِ
وَمِمَّا رَزَقۡنَٰهُمۡ يُنفِقُونَ ﴿٣٥﴾ وَٱلۡبُدۡنَ جَعَلۡنَٰهَا لَكُم مِّن شَعَٰٓئِرِ
ٱللَّهِ لَكُمۡ فِيهَا خَيۡرٞۖ فَٱذۡكُرُواْ ٱسۡمَ ٱللَّهِ عَلَيۡهَا صَوَآفَّۖ فَإِذَا وَجَبَتۡ
جُنُوبُهَا فَكُلُواْ مِنۡهَا وَأَطۡعِمُواْ ٱلۡقَانِعَ وَٱلۡمُعۡتَرَّۚ كَذَٰلِكَ سَخَّرۡنَٰهَا
لَكُمۡ لَعَلَّكُمۡ تَشۡكُرُونَ ﴿٣٦﴾ لَن يَنَالَ ٱللَّهَ لُحُومُهَا وَلَا دِمَآؤُهَا
وَلَٰكِن يَنَالُهُ ٱلتَّقۡوَىٰ مِنكُمۡۚ كَذَٰلِكَ سَخَّرَهَا لَكُمۡ لِتُكَبِّرُواْ
ٱللَّهَ عَلَىٰ مَا هَدَىٰكُمۡۗ وَبَشِّرِ ٱلۡمُحۡسِنِينَ ﴿٣٧﴾ ۞إِنَّ ٱللَّهَ يُدَٰفِعُ
عَنِ ٱلَّذِينَ ءَامَنُوٓاْۗ إِنَّ ٱللَّهَ لَا يُحِبُّ كُلَّ خَوَّانٖ كَفُورٍ ﴿٣٨﴾

نصف الحزب ٣٤

31.- Chính trực với Allah trong đức tin, không tổ hợp những kẻ 'hợp tác' cùng với Ngài. Và ai tổ hợp những kẻ 'hợp tác' cùng với Allah thì chẳng khác nào như bị rơi từ trên trời xuống rồi bị chim chóc chụp bắt đưa đi xa hoặc như bị một trận gió ào đến quét mang đi đến một nơi xa xôi.

32.- (Việc làm Hajj) như thế. Và ai tôn trọng các Biểu-hiệu của Allah (trong lúc dâng lễ) thì là có lòng sợ Allah.

33.- Nơi chúng (những con vật tế), các người có được những mối lợi trong một thời hạn ấn định. Rồi (chúng sẽ được dắt đến) địa điểm tế nhắm về Ngôi đền cổ.

34.- Và *TA* ban cho mỗi Cộng đồng một số nghi lễ cúng tế để họ có thể niệm tên của Allah trên những con thú nuôi mà Ngài đã ban cấp cho họ dùng làm thực phẩm. Nhưng Thượng Đế của các người chỉ là một Thượng Đế. Do đó, hãy thần phục Ngài trong Islām. Và hãy báo tin mừng cho những người hạ mình khiêm tốn:

35.- Những ai khi nghe nhắc đến tên của Allah lòng họ rún động vì khiếp sợ Ngài và kiên nhẫn chịu đựng những điều bất hạnh rơi nhằm phải họ và dâng lễ *Salāh* và chi dùng những bổng lộc mà *TA* đã cung cấp.

36.- Và những con *Budn* (lạc đà, bò, cừu, dê v.v...) mà *TA* đã ban cấp cho các người (làm vật tế) được kể như là các Biểu-hiệu của Allah ban cho các người. Nơi chúng các người có được các món tốt. Do đó, khi chúng đứng thành hàng (để tế) hãy đọc tên của Allah lên chúng (và cắt cổ chúng). Khi chúng đã ngã xuống nằm một bên hông, hãy dùng thịt của chúng và bố thí cho những người nghèo sống bằng lòng với số phận và cho những người ăn xin. *TA* đã chế phục chúng cho các người như thế để các người có dịp tạ ơn Allah.

37.- Không phải thịt cũng không phải máu của chúng đến tận Allah mà chính lòng ngay chính sợ Allah của các người lên giáp Ngài. Ngài chế phục chúng cho các người như thế là để cho các người có dịp tán dương sự Vĩ đại của Allah về việc Ngài đã hướng dẫn các người Và hãy báo tin mừng cho những người làm tốt.

38.- Quả thật, Allah sẽ bảo vệ những ai có đức tin; và quả thật, Allah không yêu thương từng tên phản trắc, vô ơn (theo Shaytān).

أُذِنَ لِلَّذِينَ يُقَٰتَلُونَ بِأَنَّهُمْ ظُلِمُوا۟ ۚ وَإِنَّ ٱللَّهَ عَلَىٰ نَصْرِهِمْ لَقَدِيرٌ ﴿٣٩﴾ ٱلَّذِينَ أُخْرِجُوا۟ مِن دِيَٰرِهِم بِغَيْرِ حَقٍّ إِلَّآ أَن يَقُولُوا۟ رَبُّنَا ٱللَّهُ ۗ وَلَوْلَا دَفْعُ ٱللَّهِ ٱلنَّاسَ بَعْضَهُم بِبَعْضٍ لَّهُدِّمَتْ صَوَٰمِعُ وَبِيَعٌ وَصَلَوَٰتٌ وَمَسَٰجِدُ يُذْكَرُ فِيهَا ٱسْمُ ٱللَّهِ كَثِيرًا ۗ وَلَيَنصُرَنَّ ٱللَّهُ مَن يَنصُرُهُۥٓ ۗ إِنَّ ٱللَّهَ لَقَوِىٌّ عَزِيزٌ ﴿٤٠﴾ ٱلَّذِينَ إِن مَّكَّنَّٰهُمْ فِى ٱلْأَرْضِ أَقَامُوا۟ ٱلصَّلَوٰةَ وَءَاتَوُا۟ ٱلزَّكَوٰةَ وَأَمَرُوا۟ بِٱلْمَعْرُوفِ وَنَهَوْا۟ عَنِ ٱلْمُنكَرِ ۗ وَلِلَّهِ عَٰقِبَةُ ٱلْأُمُورِ ﴿٤١﴾ وَإِن يُكَذِّبُوكَ فَقَدْ كَذَّبَتْ قَبْلَهُمْ قَوْمُ نُوحٍ وَعَادٌ وَثَمُودُ ﴿٤٢﴾ وَقَوْمُ إِبْرَٰهِيمَ وَقَوْمُ لُوطٍ ﴿٤٣﴾ وَأَصْحَٰبُ مَدْيَنَ ۖ وَكُذِّبَ مُوسَىٰ ۖ فَأَمْلَيْتُ لِلْكَٰفِرِينَ ثُمَّ أَخَذْتُهُمْ ۖ فَكَيْفَ كَانَ نَكِيرِ ﴿٤٤﴾ فَكَأَيِّن مِّن قَرْيَةٍ أَهْلَكْنَٰهَا وَهِىَ ظَالِمَةٌ فَهِىَ خَاوِيَةٌ عَلَىٰ عُرُوشِهَا وَبِئْرٍ مُّعَطَّلَةٍ وَقَصْرٍ مَّشِيدٍ ﴿٤٥﴾ أَفَلَمْ يَسِيرُوا۟ فِى ٱلْأَرْضِ فَتَكُونَ لَهُمْ قُلُوبٌ يَعْقِلُونَ بِهَآ أَوْ ءَاذَانٌ يَسْمَعُونَ بِهَا ۖ فَإِنَّهَا لَا تَعْمَى ٱلْأَبْصَٰرُ وَلَٰكِن تَعْمَى ٱلْقُلُوبُ ٱلَّتِى فِى ٱلصُّدُورِ ﴿٤٦﴾

39.- (Allah) chấp thuận cho những ai bị tấn công được phép (cầm vũ khí) chiến đấu (tự vệ) bởi vì họ bị áp bức. Chắc chắn Allah rất quyết-liệt trong việc trợ giúp họ:

40.- Những ai bị trục xuất ra khỏi nhà cửa của họ không ngoài lý do chính đáng nào khác hơn điều họ nói: "*Rabb* (Đấng Chủ Tể) của chúng tôi là Allah!" Và nếu Allah không dùng một số người này để chặn đứng một số người kia thì những tu-viện và nhà thờ (của Thiên Chúa giáo), và giáo đường (của Do Thái giáo) và thánh đường (của Islām), những nơi mà tên của Allah đã được tụng niệm nhiều, chắc chắn sẽ bị phá sụp. Và chắc chắn Allah giúp đỡ người nào giúp đỡ (Chính nghĩa của) Ngài. Quả thật, Allah Rất Mạnh, Rất Quyền năng

41.- Những ai, nếu *TA* thiết lập họ trên trái đất, sẽ dâng lễ *Salāh* và đóng *Zakāh* và ra lệnh làm điều lành (do Allah truyền) và cấm làm điều ác (do Allah cấm). Và Allah là Đấng nắm quyền chung quyết về mọi vấn đề.

42.- Và nếu chúng (những người Quraish tại Makkah) cho Ngươi nói dối thì chắc chắn trước chúng đám dân của *Nūh* và của *'Ād* và của *Thamūd* cũng đã cho (các Nabi của họ) nói dối (giống như thế).

43.- Và đám dân của *Ibrāhīm* và đám dân của *Lūt* (cũng thế);

44.- Và người dân của *Madyan* (cũng vậy); và *Mūsa* cũng đã bị cáo buộc đã nói dối. Bởi thế, *TA* (Allah) đã thả lỏng cho những kẻ không tin, rồi (sau đó) *TA* đã bắt phạt chúng. Bởi thế, (hãy xem) sự trừng phạt của TA đã xảy ra khủng khiếp như thế nào!

45.- Vậy có nhiều thị trấn đã bị *TA* tiêu diệt trong lúc chúng phạm điều sai quấy đến nỗi mái nhà của chúng nằm lật ngược ngổn ngang; và nhiều giếng nước và lâu đài kiên cố bị bỏ hoang.

46.- Thế phải chăng chúng đã không đi du lịch trên trái đất để cho tâm trí của chúng hiểu được (Thực tại) và tai của chúng có dịp nghe câu chuyện về (sự Trừng Phạt)? Bởi thế, không phải cặp mắt của chúng đã mù mà chính tâm trí của chúng đã mù lòa vậy.

وَيَسْتَعْجِلُونَكَ بِٱلْعَذَابِ وَلَن يُخْلِفَ ٱللَّهُ وَعْدَهُۥ ۚ وَإِنَّ يَوْمًا
عِندَ رَبِّكَ كَأَلْفِ سَنَةٍ مِّمَّا تَعُدُّونَ ﴿٤٧﴾ وَكَأَيِّن مِّن
قَرْيَةٍ أَمْلَيْتُ لَهَا وَهِىَ ظَالِمَةٌ ثُمَّ أَخَذْتُهَا وَإِلَىَّ ٱلْمَصِيرُ
﴿٤٨﴾ قُلْ يَـٰٓأَيُّهَا ٱلنَّاسُ إِنَّمَآ أَنَا۠ لَكُمْ نَذِيرٌ مُّبِينٌ ﴿٤٩﴾ فَٱلَّذِينَ
ءَامَنُوا۟ وَعَمِلُوا۟ ٱلصَّـٰلِحَـٰتِ لَهُم مَّغْفِرَةٌ وَرِزْقٌ كَرِيمٌ ﴿٥٠﴾
وَٱلَّذِينَ سَعَوْا۟ فِىٓ ءَايَـٰتِنَا مُعَـٰجِزِينَ أُو۟لَـٰٓئِكَ أَصْحَـٰبُ
ٱلْجَحِيمِ ﴿٥١﴾ وَمَآ أَرْسَلْنَا مِن قَبْلِكَ مِن رَّسُولٍ وَلَا نَبِىٍّ إِلَّآ
إِذَا تَمَنَّىٰٓ أَلْقَى ٱلشَّيْطَـٰنُ فِىٓ أُمْنِيَّتِهِۦ فَيَنسَخُ ٱللَّهُ مَا يُلْقِى
ٱلشَّيْطَـٰنُ ثُمَّ يُحْكِمُ ٱللَّهُ ءَايَـٰتِهِۦ ۗ وَٱللَّهُ عَلِيمٌ حَكِيمٌ ﴿٥٢﴾ لِّيَجْعَلَ
مَا يُلْقِى ٱلشَّيْطَـٰنُ فِتْنَةً لِّلَّذِينَ فِى قُلُوبِهِم مَّرَضٌ وَٱلْقَاسِيَةِ
قُلُوبُهُمْ ۗ وَإِنَّ ٱلظَّـٰلِمِينَ لَفِى شِقَاقٍۭ بَعِيدٍ ﴿٥٣﴾ وَلِيَعْلَمَ
ٱلَّذِينَ أُوتُوا۟ ٱلْعِلْمَ أَنَّهُ ٱلْحَقُّ مِن رَّبِّكَ فَيُؤْمِنُوا۟ بِهِۦ
فَتُخْبِتَ لَهُۥ قُلُوبُهُمْ ۗ وَإِنَّ ٱللَّهَ لَهَادِ ٱلَّذِينَ ءَامَنُوٓا۟ إِلَىٰ صِرَٰطٍ
مُّسْتَقِيمٍ ﴿٥٤﴾ وَلَا يَزَالُ ٱلَّذِينَ كَفَرُوا۟ فِى مِرْيَةٍ مِّنْهُ حَتَّىٰ
تَأْتِيَهُمُ ٱلسَّاعَةُ بَغْتَةً أَوْ يَأْتِيَهُمْ عَذَابُ يَوْمٍ عَقِيمٍ ﴿٥٥﴾

47.- Và chúng thúc giục Ngươi mang hình phạt đến trong lúc Allah không bao giờ thất hứa trong Lời hứa của Ngài bởi vì quả thật một Ngày đối với *Rabb* của Ngươi là bằng một ngàn năm theo niên kỷ do các người ghi đếm.

48.- Và đã có nhiều thị trấn đã được TA gia hạn trong lúc chúng đã làm điều sai quấy. Rồi TA bắt phạt chúng; và tất cả sẽ trở về với TA.

49.- Hãy bảo (hỡi Muhammad): "Hỡi nhân loại! Ta chỉ là một người báo trước công khai (được cử đến) với các người."

50.- Bởi thế, những ai có đức tin và làm việc thiện thì sẽ được (Allah) tha thứ (tội lỗi) và được (Ngài) ban cấp bổng lộc dồi dào.

51.- Ngược lại, những ai tìm mọi cách để phá hoại những Lời mặc khải của TA thì sẽ là cư dân của Hỏa ngục.

52.- Và không một Sứ giả hay một *Nabi* nào mà *TA* đã cử đến trước Ngươi (lại không vấp điều này): là khi Người mong muốn một điều tốt nào, thì *Shaytān* thừa cơ nhảy vào đưa đề nghị sửa đổi điều Người muốn. Nhưng Allah hủy bỏ điều mà *Shaytān* đã xúi giục, rồi Allah tiếp tục xác nhận những Lời mặc khải của Ngài bởi vì Allah Toàn Tri, Rất mực Sáng suốt.

53.- (Làm thế) để Ngài dùng điều mà *Shaytān* đã xen vào làm một sự thử thách đối với những ai mang trong lòng một căn bệnh (nghi hoặc và giả dối) và với những ai mà tấm lòng đã chai cứng. Và chắc chắn những kẻ làm điều sai quấy sẽ ở trong sự phân hóa cách biệt xa (Chân lý).

54.- Và để cho những ai có kiến thức biết Nó (Qur'ān) là Chân lý do *Rabb* của Ngươi đã ban xuống, và để họ tin tưởng nơi Nó và để tấm lòng của họ khiêm tốn trước Nó. Quả thật, Allah là Đấng hướng dẫn những ai có đức tin đến với chính đạo.

55.- Còn những ai không có đức tin thì sẽ không ngừng nghi ngờ Nó cho đến lúc Giờ (Xét-xử) đột nhiên xảy đến cho chúng hoặc hình phạt của một Ngày xấu xa sẽ (bất ngờ) xảy đến cho chúng.

ٱلْمُلْكُ يَوْمَئِذٍ لِّلَّهِ يَحْكُمُ بَيْنَهُمْ ۚ فَٱلَّذِينَ ءَامَنُوا۟ وَعَمِلُوا۟ ٱلصَّٰلِحَٰتِ فِى جَنَّٰتِ ٱلنَّعِيمِ ﴿٥٦﴾ وَٱلَّذِينَ كَفَرُوا۟ وَكَذَّبُوا۟ بِـَٔايَٰتِنَا فَأُو۟لَٰٓئِكَ لَهُمْ عَذَابٌ مُّهِينٌ ﴿٥٧﴾ وَٱلَّذِينَ هَاجَرُوا۟ فِى سَبِيلِ ٱللَّهِ ثُمَّ قُتِلُوٓا۟ أَوْ مَاتُوا۟ لَيَرْزُقَنَّهُمُ ٱللَّهُ رِزْقًا حَسَنًا ۚ وَإِنَّ ٱللَّهَ لَهُوَ خَيْرُ ٱلرَّٰزِقِينَ ﴿٥٨﴾ لَيُدْخِلَنَّهُم مُّدْخَلًا يَرْضَوْنَهُۥ ۗ وَإِنَّ ٱللَّهَ لَعَلِيمٌ حَلِيمٌ ﴿٥٩﴾ ۞ ذَٰلِكَ ۖ وَمَنْ عَاقَبَ بِمِثْلِ مَا عُوقِبَ بِهِۦ ثُمَّ بُغِىَ عَلَيْهِ لَيَنصُرَنَّهُ ٱللَّهُ ۗ إِنَّ ٱللَّهَ لَعَفُوٌّ غَفُورٌ ﴿٦٠﴾ ذَٰلِكَ بِأَنَّ ٱللَّهَ يُولِجُ ٱلَّيْلَ فِى ٱلنَّهَارِ وَيُولِجُ ٱلنَّهَارَ فِى ٱلَّيْلِ وَأَنَّ ٱللَّهَ سَمِيعٌۢ بَصِيرٌ ﴿٦١﴾ ذَٰلِكَ بِأَنَّ ٱللَّهَ هُوَ ٱلْحَقُّ وَأَنَّ مَا يَدْعُونَ مِن دُونِهِۦ هُوَ ٱلْبَٰطِلُ وَأَنَّ ٱللَّهَ هُوَ ٱلْعَلِىُّ ٱلْكَبِيرُ ﴿٦٢﴾ أَلَمْ تَرَ أَنَّ ٱللَّهَ أَنزَلَ مِنَ ٱلسَّمَآءِ مَآءً فَتُصْبِحُ ٱلْأَرْضُ مُخْضَرَّةً ۗ إِنَّ ٱللَّهَ لَطِيفٌ خَبِيرٌ ﴿٦٣﴾ لَّهُۥ مَا فِى ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَمَا فِى ٱلْأَرْضِ ۗ وَإِنَّ ٱللَّهَ لَهُوَ ٱلْغَنِىُّ ٱلْحَمِيدُ ﴿٦٤﴾

ثلاثة أرباع الحزب ٣٤

56.- Vào Ngày đó, mọi quyền-hành sẽ nằm trong tay của Allah. Ngài sẽ xét xử giữa bọn chúng. Bởi thế, những ai có đức tin và làm việc thiện thì sẽ ở trong những Ngôi vườn hạnh phúc (Thiên đàng).

57.- Ngược lại, những ai không có đức tin và cho những Lời mặc khải của *TA* giả dối thì sẽ chịu một sự trừng phạt nhục nhã.

58.- Và những ai vì Chính nghĩa của Allah đã dời cư rồi bị giết hoặc chết, thì chắc chắn sẽ được Allah cung cấp cho một nguồn bổng lộc tốt. Bởi vì chắc chắn Allah là Đấng Cung cấp Ưu việt.

59.- Chắc chắn Ngài sẽ đưa họ vào một nơi mà họ sẽ rất hài lòng. Và quả thật, Allah là Đấng Hằng Biết, Hằng Chịu đựng.

60.- (Sự việc sẽ) như thế. Và ai đánh trả lại ngang bằng với thương tích mà y đã chịu rồi lại bị áp bức nữa thì chắc chắn Allah sẽ giúp đỡ y bởi vì quả thật Allah Hằng Lượng thứ, Hằng Tha thứ.

61.- (Sự việc sẽ) như thế là vì Allah nhập ban đêm vào ban ngày và nhập ban ngày vào ban đêm và rằng Allah là Đấng Hằng Nghe, Hằng Thấy (mọi việc).

62.- (Sự việc sẽ) như thế là vì Allah là Chân lý Tuyệt đối. Và bởi vì những kẻ mà chúng cầu nguyện ngoài Ngài chỉ là vật giả tạo và bởi vì Allah là Đấng Tối Cao, Đấng Vĩ Đại.

63.- Há Ngươi không thấy việc Allah ban nước mưa từ trên trời xuống nhờ đó đất đai trở thành xanh tươi? Quả thật, Allah Rất mực Tinh tế, Rất mực Am tường.

64.- Bất cứ cái gì trong các tầng trời và bất cứ cái gì dưới đất đều là (tạo vật) của Ngài cả. Và quả thật, Allah Rất mực Giầu có, Rất đáng Ca tụng.

أَلَمْ تَرَ أَنَّ ٱللَّهَ سَخَّرَ لَكُم مَّا فِى ٱلْأَرْضِ وَٱلْفُلْكَ تَجْرِى فِى ٱلْبَحْرِ بِأَمْرِهِۦ وَيُمْسِكُ ٱلسَّمَآءَ أَن تَقَعَ عَلَى ٱلْأَرْضِ إِلَّا بِإِذْنِهِۦٓ ۗ إِنَّ ٱللَّهَ بِٱلنَّاسِ لَرَءُوفٌ رَّحِيمٌ ﴿٦٥﴾ وَهُوَ ٱلَّذِىٓ أَحْيَاكُمْ ثُمَّ يُمِيتُكُمْ ثُمَّ يُحْيِيكُمْ ۗ إِنَّ ٱلْإِنسَٰنَ لَكَفُورٌ ﴿٦٦﴾ لِّكُلِّ أُمَّةٍ جَعَلْنَا مَنسَكًا هُمْ نَاسِكُوهُ ۖ فَلَا يُنَٰزِعُنَّكَ فِى ٱلْأَمْرِ ۚ وَٱدْعُ إِلَىٰ رَبِّكَ ۖ إِنَّكَ لَعَلَىٰ هُدًى مُّسْتَقِيمٍ ﴿٦٧﴾ وَإِن جَٰدَلُوكَ فَقُلِ ٱللَّهُ أَعْلَمُ بِمَا تَعْمَلُونَ ﴿٦٨﴾ ٱللَّهُ يَحْكُمُ بَيْنَكُمْ يَوْمَ ٱلْقِيَٰمَةِ فِيمَا كُنتُمْ فِيهِ تَخْتَلِفُونَ ﴿٦٩﴾ أَلَمْ تَعْلَمْ أَنَّ ٱللَّهَ يَعْلَمُ مَا فِى ٱلسَّمَآءِ وَٱلْأَرْضِ ۗ إِنَّ ذَٰلِكَ فِى كِتَٰبٍ ۚ إِنَّ ذَٰلِكَ عَلَى ٱللَّهِ يَسِيرٌ ﴿٧٠﴾ وَيَعْبُدُونَ مِن دُونِ ٱللَّهِ مَا لَمْ يُنَزِّلْ بِهِۦ سُلْطَٰنًا وَمَا لَيْسَ لَهُم بِهِۦ عِلْمٌ ۗ وَمَا لِلظَّٰلِمِينَ مِن نَّصِيرٍ ﴿٧١﴾ وَإِذَا تُتْلَىٰ عَلَيْهِمْ ءَايَٰتُنَا بَيِّنَٰتٍ تَعْرِفُ فِى وُجُوهِ ٱلَّذِينَ كَفَرُوا۟ ٱلْمُنكَرَ ۖ يَكَادُونَ يَسْطُونَ بِٱلَّذِينَ يَتْلُونَ عَلَيْهِمْ ءَايَٰتِنَا ۗ قُلْ أَفَأُنَبِّئُكُم بِشَرٍّ مِّن ذَٰلِكُمُ ۗ ٱلنَّارُ وَعَدَهَا ٱللَّهُ ٱلَّذِينَ كَفَرُوا۟ ۖ وَبِئْسَ ٱلْمَصِيرُ ﴿٧٢﴾

65.- Há Ngươi không thấy việc Allah đã chế ngự mọi vật trên đất liền cho các người (sử dụng) kể cả những chiếc tàu chạy băng qua đại dương theo sự Chỉ huy của Ngài? Và việc Ngài giữ bầu trời không cho rơi xuống đất trừ phi Ngài cho phép. Quả thật, Allah Rất mực Nhân từ, Rất mực Khoan dung.

66.- Và Ngài là Đấng làm cho các người sống rồi làm cho các người chết rồi làm cho các người sống lại (vào Ngày Phục sinh). Quả thật, con người là một kẻ vong ơn.

67.- *TA* đã qui định cho mỗi Cộng đồng một nghi lễ thờ phụng[1] mà họ phải tuân theo. Vậy chớ để cho chúng (người ngoại đạo) tranh luận với Ngươi về vấn đề (ăn thịt các con vật được cắt cổ và không được cắt cổ) nhưng hãy gọi mời chúng đến với *Rabb* của Ngươi. Quả thật, Ngươi đang ở trên Chính đạo.

68.- Và nếu chúng tranh luận với Ngươi (về việc tế vật) thì hãy bảo (chúng): "Chắc chắn Allah biết rõ điều các người đang làm."

69.- "Allah sẽ phân xử các người vào Ngày Phục sinh về những vấn đề mà các người đang tranh chấp."

70.- Há Ngươi không biết Allah biết mọi điều trên trời và dưới đất hay sao? Bởi vì quả thật, mọi điều đó đều nằm trong một Quyển Kinh (*al-Lauh al-Mahfūz*). Và quả thật, điều đó rất dễ đối với Allah.

71.- Nhưng chúng lại tôn thờ ngoài Allah những kẻ (vật) mà Ngài đã không ban một chút thẩm quyền nào và cũng không biết một tí gì về chúng; và những kẻ làm điều sai quấy sẽ không được ai giúp đỡ cả.

72.- Và khi những Lời mặc khải của *TA* được đọc lên nhắc nhở chúng, Ngươi sẽ thấy hiện ra trên gương mặt của những kẻ không có đức tin nét phản đối. Chúng gần muốn nhảy xổ đến tấn công những ai đọc những Lời mặc khải của *TA* cho chúng. Hãy bảo chúng: "Vậy các người có muốn ta báo cho biết về một điều còn tệ hơn cái đó nữa hay không? (Đó là) Lửa mà Allah đã hứa ban cho những kẻ không có đức tin; và đó là một nơi đến cuối cùng rất xấu xa."

---

[1] Lễ tế vật suốt ba ngày Tashriq tại Mīna vào dịp thực hiện Hajj.

يَٰٓأَيُّهَا ٱلنَّاسُ ضُرِبَ مَثَلٌ فَٱسْتَمِعُواْ لَهُۥٓۚ إِنَّ ٱلَّذِينَ
تَدْعُونَ مِن دُونِ ٱللَّهِ لَن يَخْلُقُواْ ذُبَابًا وَلَوِ ٱجْتَمَعُواْ لَهُۥۖ
وَإِن يَسْلُبْهُمُ ٱلذُّبَابُ شَيْـًٔا لَّا يَسْتَنقِذُوهُ مِنْهُۚ ضَعُفَ
ٱلطَّالِبُ وَٱلْمَطْلُوبُ ﴿٧٣﴾ مَا قَدَرُواْ ٱللَّهَ حَقَّ قَدْرِهِۦٓۗ إِنَّ ٱللَّهَ
لَقَوِيٌّ عَزِيزٌ ﴿٧٤﴾ ٱللَّهُ يَصْطَفِي مِنَ ٱلْمَلَٰٓئِكَةِ رُسُلًا
وَمِنَ ٱلنَّاسِۚ إِنَّ ٱللَّهَ سَمِيعٌۢ بَصِيرٌ ﴿٧٥﴾ يَعْلَمُ مَا بَيْنَ
أَيْدِيهِمْ وَمَا خَلْفَهُمْۚ وَإِلَى ٱللَّهِ تُرْجَعُ ٱلْأُمُورُ ﴿٧٦﴾ يَٰٓأَيُّهَا
ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ ٱرْكَعُواْ وَٱسْجُدُواْ وَٱعْبُدُواْ رَبَّكُمْ
وَٱفْعَلُواْ ٱلْخَيْرَ لَعَلَّكُمْ تُفْلِحُونَ۩ ﴿٧٧﴾ وَجَٰهِدُواْ فِي
ٱللَّهِ حَقَّ جِهَادِهِۦۚ هُوَ ٱجْتَبَىٰكُمْ وَمَا جَعَلَ عَلَيْكُمْ
فِي ٱلدِّينِ مِنْ حَرَجٍۚ مِّلَّةَ أَبِيكُمْ إِبْرَٰهِيمَۚ هُوَ سَمَّىٰكُمُ
ٱلْمُسْلِمِينَ مِن قَبْلُ وَفِي هَٰذَا لِيَكُونَ ٱلرَّسُولُ شَهِيدًا عَلَيْكُمْ
وَتَكُونُواْ شُهَدَآءَ عَلَى ٱلنَّاسِۚ فَأَقِيمُواْ ٱلصَّلَوٰةَ وَءَاتُواْ ٱلزَّكَوٰةَ
وَٱعْتَصِمُواْ بِٱللَّهِ هُوَ مَوْلَىٰكُمْۖ فَنِعْمَ ٱلْمَوْلَىٰ وَنِعْمَ ٱلنَّصِيرُ ﴿٧٨﴾

سَجْدَة

سُورَةُ المُؤْمِنُونَ

73.- Hỡi nhân loại! Đây là một ngụ ngôn được trình bày cho các người. Hãy lắng nghe cho kỹ! Quả thật, những kẻ mà các người cầu nguyện ngoài Allah sẽ không bao giờ tạo ra được một con ruồi dẫu chúng có hợp lực với nhau để làm chuyện đó; và nếu con ruồi đó có giật tha đi món gì của chúng thì chúng cũng sẽ không thể lấy nó lại được. Kẻ van cầu cũng như kẻ được cầu đều bất lực cả.

74.- Họ không thể đánh giá Allah đúng với giá trị đích thực của Ngài. Quả thật Allah Toàn Lực, Toàn Năng.

75.- Allah chọn các vị Sứ (của Ngài) trong hàng ngũ của Thiên thần và nhân loại. Quả thật, Allah Hằng Nghe và Hằng Thấy.

76.- Ngài biết điều gì trước họ và điều gì sau họ. Và mọi việc đều được đưa trở về cho Allah (quyết định).

77.- Hỡi những ai có đức tin! Hãy cúi đầu và phủ phục và thờ phụng *Rabb* (Allah) của các người và hãy làm điều lành để may ra các người được thành đạt.

78.- Và hãy đấu tranh cho Allah như một nghĩa vụ đối với Ngài. Ngài đã chọn các người (để làm việc đó); và Ngài đã không đặt gánh nặng lên các người trong tôn giáo[1]. (Tôn giáo này là) tín ngưỡng của tổ phụ *Ibrāhīm* của các người. Ngài đã đặt tên cho các người là 'Muslim' từ trước và trong hiện tại. (Mục đích) để cho Sứ giả (Muhammad) trở thành một nhân chứng cho các người và để (sau đó) các người trở thành nhân chứng cho nhân loại[2]. Bởi thế, các người hãy dâng lễ *Salāh* và đóng *Zakāh* và hãy bám chắc vào Allah. Ngài là Đấng Giám hộ của các người; Ngài là Đấng Giám hộ Ưu việt và là Đấng Cứu giúp Ưu việt.

---

[1] Abu Hurairah (r.a.) đã kể điều Nabi Muhammad (saw) đã tuyên bố: "Tôn giáo rất dễ dàng và ai tự đặt lên mình gánh nặng trong tôn giáo thì sẽ không thể tiếp tục làm thế mãi. Bởi thế chớ nên quá khích (hay cực đoan) mà hãy cố gắng tiếp cận với sự hoàn hảo, và hy vọng mình sẽ được tưởng thưởng; và hãy tạo sức mạnh bằng các việc thờ phụng vào buổi sáng, xế chiều và suốt những giờ giấc cuối cùng của ban đêm. (Sahih Bukhari, Tập 1, Hadith số 38)

[2] Xem Chương Baqarah, 2:143

بِسْمِ اللَّهِ الرَّحْمَٰنِ الرَّحِيمِ

قَدْ أَفْلَحَ الْمُؤْمِنُونَ ﴿١﴾ الَّذِينَ هُمْ فِي صَلَاتِهِمْ خَاشِعُونَ ﴿٢﴾ وَالَّذِينَ هُمْ عَنِ اللَّغْوِ مُعْرِضُونَ ﴿٣﴾ وَالَّذِينَ هُمْ لِلزَّكَاةِ فَاعِلُونَ ﴿٤﴾ وَالَّذِينَ هُمْ لِفُرُوجِهِمْ حَافِظُونَ ﴿٥﴾ إِلَّا عَلَىٰ أَزْوَاجِهِمْ أَوْ مَا مَلَكَتْ أَيْمَانُهُمْ فَإِنَّهُمْ غَيْرُ مَلُومِينَ ﴿٦﴾ فَمَنِ ابْتَغَىٰ وَرَاءَ ذَٰلِكَ فَأُولَٰئِكَ هُمُ الْعَادُونَ ﴿٧﴾ وَالَّذِينَ هُمْ لِأَمَانَاتِهِمْ وَعَهْدِهِمْ رَاعُونَ ﴿٨﴾ وَالَّذِينَ هُمْ عَلَىٰ صَلَوَاتِهِمْ يُحَافِظُونَ ﴿٩﴾ أُولَٰئِكَ هُمُ الْوَارِثُونَ ﴿١٠﴾ الَّذِينَ يَرِثُونَ الْفِرْدَوْسَ هُمْ فِيهَا خَالِدُونَ ﴿١١﴾ وَلَقَدْ خَلَقْنَا الْإِنسَانَ مِن سُلَالَةٍ مِّن طِينٍ ﴿١٢﴾ ثُمَّ جَعَلْنَاهُ نُطْفَةً فِي قَرَارٍ مَّكِينٍ ﴿١٣﴾ ثُمَّ خَلَقْنَا النُّطْفَةَ عَلَقَةً فَخَلَقْنَا الْعَلَقَةَ مُضْغَةً فَخَلَقْنَا الْمُضْغَةَ عِظَامًا فَكَسَوْنَا الْعِظَامَ لَحْمًا ثُمَّ أَنشَأْنَاهُ خَلْقًا آخَرَ ۚ فَتَبَارَكَ اللَّهُ أَحْسَنُ الْخَالِقِينَ ﴿١٤﴾ ثُمَّ إِنَّكُم بَعْدَ ذَٰلِكَ لَمَيِّتُونَ ﴿١٥﴾ ثُمَّ إِنَّكُمْ يَوْمَ الْقِيَامَةِ تُبْعَثُونَ ﴿١٦﴾ وَلَقَدْ خَلَقْنَا فَوْقَكُمْ سَبْعَ طَرَائِقَ وَمَا كُنَّا عَنِ الْخَلْقِ غَافِلِينَ ﴿١٧﴾

AL-MU'MINŪN
(Những Người Có Đức Tin)

Nhân danh Allah, Đấng Rất mực Độ lượng,
Đấng Rất mực Khoan dung

1.- Những người có đức tin chắc chắn thành đạt:

2.- Những ai hạ mình khiêm tốn trong việc dâng lễ '*Salāh*' của họ;

3.- Và những ai tránh xa chuyện tầm phào vô bổ.

4.- Và những ai tích cực đóng *Zakāh*.

5.- Và những ai che giữ phần kín đáo.

6.- Ngoại trừ với vợ hoặc với những (nữ tù binh) nằm dưới tay phải của họ thì không bị khiển trách (về việc đó).

7.- Nhưng nếu ai tìm cách vượt quá mức giới hạn thì là những kẻ phạm tội.

8.- Và những ai thực hiện đúng lời ủy thác và lời hứa.

9.- Và những ai cẩn thận giữ gìn việc dâng lễ '*Salāh*' (của họ);

10.- Họ thật sự là những người thừa kế;

11.- Họ sẽ thừa hưởng Thiên đàng Hạnh phúc, nơi mà họ sẽ vào sống đời đời.

12.- Và chắc chắn *TA* đã tạo con người từ một loại đất sét tinh chất.

13.- Và *TA* đã làm cho y (con cháu của Ādam) thành một tinh dịch lưu trữ tại một nơi nghỉ an toàn (tử cung, dạ con).

14.- Rồi *TA* tạo hóa tinh dịch thành một hòn máu đặc, sau đó *TA* tạo hóa hòn máu đặc thành một miếng thịt, tiếp đó *TA* tạo hóa miếng thịt thành xương, rồi *TA* lấy thịt bao xương lại rồi *TA* làm cho nó thành một tạo vật khác. Do đó, phúc thay Allah, Đấng Tạo Hóa Ưu việt!

15.- Rồi sau đó, chắc chắn các người sẽ chết.

16.- Rồi vào Ngày Phục Sinh, chắc chắn các người sẽ được dựng sống lại.

17.- Và chắc chắn *TA* đã tạo hóa bên trên các người bảy quỹ đạo (tầng trời) và không bao giờ khinh suất về sự tạo hóa (của *TA*).

وَأَنزَلْنَا مِنَ ٱلسَّمَآءِ مَآءًۢ بِقَدَرٍ فَأَسْكَنَّٰهُ فِى ٱلْأَرْضِ ۖ وَإِنَّا عَلَىٰ ذَهَابٍۭ بِهِۦ لَقَٰدِرُونَ ﴿١٨﴾ فَأَنشَأْنَا لَكُم بِهِۦ جَنَّٰتٍ مِّن نَّخِيلٍ وَأَعْنَٰبٍ لَّكُمْ فِيهَا فَوَٰكِهُ كَثِيرَةٌ وَمِنْهَا تَأْكُلُونَ ﴿١٩﴾ وَشَجَرَةً تَخْرُجُ مِن طُورِ سَيْنَآءَ تَنۢبُتُ بِٱلدُّهْنِ وَصِبْغٍ لِّلْءَاكِلِينَ ﴿٢٠﴾ وَإِنَّ لَكُمْ فِى ٱلْأَنْعَٰمِ لَعِبْرَةً ۖ نُّسْقِيكُم مِّمَّا فِى بُطُونِهَا وَلَكُمْ فِيهَا مَنَٰفِعُ كَثِيرَةٌ وَمِنْهَا تَأْكُلُونَ ﴿٢١﴾ وَعَلَيْهَا وَعَلَى ٱلْفُلْكِ تُحْمَلُونَ ﴿٢٢﴾ وَلَقَدْ أَرْسَلْنَا نُوحًا إِلَىٰ قَوْمِهِۦ فَقَالَ يَٰقَوْمِ ٱعْبُدُوا۟ ٱللَّهَ مَا لَكُم مِّنْ إِلَٰهٍ غَيْرُهُۥٓ ۖ أَفَلَا تَتَّقُونَ ﴿٢٣﴾ فَقَالَ ٱلْمَلَؤُا۟ ٱلَّذِينَ كَفَرُوا۟ مِن قَوْمِهِۦ مَا هَٰذَآ إِلَّا بَشَرٌ مِّثْلُكُمْ يُرِيدُ أَن يَتَفَضَّلَ عَلَيْكُمْ وَلَوْ شَآءَ ٱللَّهُ لَأَنزَلَ مَلَٰٓئِكَةً مَّا سَمِعْنَا بِهَٰذَا فِىٓ ءَابَآئِنَا ٱلْأَوَّلِينَ ﴿٢٤﴾ إِنْ هُوَ إِلَّا رَجُلٌۢ بِهِۦ جِنَّةٌ فَتَرَبَّصُوا۟ بِهِۦ حَتَّىٰ حِينٍ ﴿٢٥﴾ قَالَ رَبِّ ٱنصُرْنِى بِمَا كَذَّبُونِ ﴿٢٦﴾ فَأَوْحَيْنَآ إِلَيْهِ أَنِ ٱصْنَعِ ٱلْفُلْكَ بِأَعْيُنِنَا وَوَحْيِنَا فَإِذَا جَآءَ أَمْرُنَا وَفَارَ ٱلتَّنُّورُ ۙ فَٱسْلُكْ فِيهَا مِن كُلٍّ زَوْجَيْنِ ٱثْنَيْنِ وَأَهْلَكَ إِلَّا مَن سَبَقَ عَلَيْهِ ٱلْقَوْلُ مِنْهُمْ ۖ وَلَا تُخَٰطِبْنِى فِى ٱلَّذِينَ ظَلَمُوٓا۟ ۖ إِنَّهُم مُّغْرَقُونَ ﴿٢٧﴾

18.- Và *TA* cho mưa từ trên trời xuống theo mức lượng ấn-định rồi làm cho nó thấm vào lòng đất; và *TA* có toàn quyền tháo bỏ nó đi (bất cứ lúc nào).

19.- Rồi *TA* dùng nó (nước mưa) để làm (mọc) ra cho các người những mảnh vườn chà-là và vườn nho mà các người sẽ thu hoạch được nhiều trái cây để dùng.

20.- Và có một loại cây mọc tại núi *Sinai* cho ra dầu và dùng làm nước tương cho người dùng.

21.- Quả thật, các người rút được một bài học nơi gia súc. *TA* cho các người uống một loại thức uống (sữa) vắt từ bụng của chúng; chúng còn cung cấp cho các người nhiều nguồn lợi khác; và thịt của chúng các người dùng để ăn.

22.- Và các người được chuyên chở trên (lưng của) chúng và được chở trên (boong) tàu.

23.- Và chắc chắn *TA* đã cử Nūh đến cho người dân của Người và Người bảo họ: "Này hỡi dân ta! Hãy thờ phụng Allah! Các người không có Thượng Đế nào khác ngoài Ngài. Thế các người không sợ Ngài hay sao?"

24.- Nhưng các lãnh tụ của những kẻ không tin trong người dân của Người đã nói: "Người này chỉ là một người phàm như quí vị. Y muốn làm bá chủ trên quí vị. Và nếu Allah muốn (cử một sứ giả đến với quí vị) thì Ngài đã cử những Thiên thần (chứ không phải người phàm như Y). Chúng ta chưa hề nghe điều (mà Y nói) này nơi tổ tiên của chúng ta."

25.- "Thật sự Y chỉ là một tên bị quỉ nhập. Vậy hãy rán chịu đựng với Y trong một thời gian (xem sao?")

26.- (Nūh cầu nguyện) thưa: "Lạy *Rabb* của bề tôi! Xin Ngài giúp đỡ bề tôi bởi vì chúng cho bề tôi nói dối."

27.- Bởi thế, *TA* đã mặc khải cho Người bảo: "Nhà ngươi hãy đóng một chiếc tàu dưới mắt quan sát của *TA* và theo Lời mặc khải của *TA* và khi Mệnh lệnh của *TA* đến (cho nhà ngươi qua việc) nước phụt lên từ bếp lò, (lúc đó) hãy mang lên tàu mỗi cặp thú (đực và cái) và gia đình của nhà ngươi ngoại trừ ai trong bọn chúng mà Lời (trừng phạt của *TA*) đã được tuyên bố trước cho y; và chớ kêu nài với TA giùm cho những ai làm điều sai quấy. Chắc chắn chúng nó sẽ bị nhận chết chìm (dưới nước lụt).

فَإِذَا ٱسْتَوَيْتَ أَنتَ وَمَن مَّعَكَ عَلَى ٱلْفُلْكِ فَقُلِ ٱلْحَمْدُ لِلَّهِ ٱلَّذِى نَجَّىٰنَا مِنَ ٱلْقَوْمِ ٱلظَّٰلِمِينَ ﴿٢٨﴾ وَقُل رَّبِّ أَنزِلْنِى مُنزَلًا مُّبَارَكًا وَأَنتَ خَيْرُ ٱلْمُنزِلِينَ ﴿٢٩﴾ إِنَّ فِى ذَٰلِكَ لَءَايَٰتٍ وَإِن كُنَّا لَمُبْتَلِينَ ﴿٣٠﴾ ثُمَّ أَنشَأْنَا مِنۢ بَعْدِهِمْ قَرْنًا ءَاخَرِينَ ﴿٣١﴾ فَأَرْسَلْنَا فِيهِمْ رَسُولًا مِّنْهُمْ أَنِ ٱعْبُدُوا۟ ٱللَّهَ مَا لَكُم مِّنْ إِلَٰهٍ غَيْرُهُۥٓ ۖ أَفَلَا تَتَّقُونَ ﴿٣٢﴾ وَقَالَ ٱلْمَلَأُ مِن قَوْمِهِ ٱلَّذِينَ كَفَرُوا۟ وَكَذَّبُوا۟ بِلِقَآءِ ٱلْءَاخِرَةِ وَأَتْرَفْنَٰهُمْ فِى ٱلْحَيَوٰةِ ٱلدُّنْيَا مَا هَٰذَآ إِلَّا بَشَرٌ مِّثْلُكُمْ يَأْكُلُ مِمَّا تَأْكُلُونَ مِنْهُ وَيَشْرَبُ مِمَّا تَشْرَبُونَ ﴿٣٣﴾ وَلَئِنْ أَطَعْتُم بَشَرًا مِّثْلَكُمْ إِنَّكُمْ إِذًا لَّخَٰسِرُونَ ﴿٣٤﴾ أَيَعِدُكُمْ أَنَّكُمْ إِذَا مِتُّمْ وَكُنتُمْ تُرَابًا وَعِظَٰمًا أَنَّكُم مُّخْرَجُونَ ﴿٣٥﴾ ۞ هَيْهَاتَ هَيْهَاتَ لِمَا تُوعَدُونَ ﴿٣٦﴾ إِنْ هِىَ إِلَّا حَيَاتُنَا ٱلدُّنْيَا نَمُوتُ وَنَحْيَا وَمَا نَحْنُ بِمَبْعُوثِينَ ﴿٣٧﴾ إِنْ هُوَ إِلَّا رَجُلٌ ٱفْتَرَىٰ عَلَى ٱللَّهِ كَذِبًا وَمَا نَحْنُ لَهُۥ بِمُؤْمِنِينَ ﴿٣٨﴾ قَالَ رَبِّ ٱنصُرْنِى بِمَا كَذَّبُونِ ﴿٣٩﴾ قَالَ عَمَّا قَلِيلٍ لَّيُصْبِحُنَّ نَٰدِمِينَ ﴿٤٠﴾ فَأَخَذَتْهُمُ ٱلصَّيْحَةُ بِٱلْحَقِّ فَجَعَلْنَٰهُمْ غُثَآءً ۚ فَبُعْدًا لِّلْقَوْمِ ٱلظَّٰلِمِينَ ﴿٤١﴾ ثُمَّ أَنشَأْنَا مِنۢ بَعْدِهِمْ قُرُونًا ءَاخَرِينَ ﴿٤٢﴾

ربع الحزب ٣٥

28.- Và khi nhà ngươi lên tàu- Ngươi và người nào theo Ngươi- hãy tán dương thưa: "Mọi lời ca tụng đều dâng lên Allah, Đấng đã cứu vớt chúng tôi khỏi đám người làm điều sai quấy."

29.- Và hãy thưa: "Lạy *Rabb* của bề tôi! Xin Ngài làm cho bề tôi cập bờ tại một bãi đậu mà Ngài ban phúc bởi vì Ngài là Đấng Ưu việt của những người giúp đưa lên bờ."

30.- Quả thật, nơi sự việc đó là những Dấu hiệu cho những người thông hiểu. Và quả thật, *TA* thử thách (loài người).

31.- Rồi sau họ, *TA* đã tạo ra một thế hệ khác.

32.- Rồi *TA* đã cử đến với họ một Sứ giả xuất thân từ họ, (bảo Y) tuyên bố: "Hãy thờ phụng Allah, các người không có Thượng Đế nào khác ngoài Ngài. Thế các người sẽ không sợ Ngài hay sao?"

33.- Nhưng các lãnh tụ trong người dân của Người, những ai không tin tưởng và phủ nhận việc gặp gỡ (Allah) ở Đời sau và những ai đã được *TA* ban cho một đời sống xa hoa ở trần thế này, đã nói: "Người này chỉ là một người phàm như quí vị. Y dùng thực phẩm mà quí vị dùng và uống loại nước mà quí vị uống.

34.- "Và nếu quí vị nghe theo một người phàm giống quí vị thì lúc đó chắc chắn quí vị sẽ là những người thua thiệt.

35.- "Phải chăng Y đã hứa với quí vị rằng khi quí vị đã chết và thành cát bụi và xương tàn, quí vị sẽ được đưa ra (khỏi mộ và) sống trở lại?

36.- "Thật xa vời, xa vời thay điều mà quí vị đã được hứa!

37.- "Quả thật (không có) đời sống (nào khác cả) mà chỉ có đời sống của chúng ta ở thế gian này. Chúng ta chết và chúng ta sống. Và chúng ta sẽ không được phục sinh trở lại.

38.- "Quả thật, Y chỉ là một người phàm. Y đã bịa đặt điều nói dối rồi đổ thừa cho Allah và chúng ta sẽ không tin tưởng nơi Y."

39.- Người thưa: "Lạy *Rabb* của bề tôi! Xin Ngài giúp đỡ bề tôi bởi vì chúng cho bề tôi nói dối."

40.- (Allah) phán: "Chỉ trong một thời gian ngắn nữa, chắc chắn chúng sẽ ân hận."

41.- Rồi (Hình-phạt) chụp bắt chúng đúng với sự thật. Và *TA* đã làm cho chúng thành một đống rác. Bởi thế đi đời lũ người làm điều sai quấy!

42.- Rồi sau họ, *TA* đã tạo ra một thế hệ khác.

مَا تَسۡبِقُ مِنۡ أُمَّةٍ أَجَلَهَا وَمَا يَسۡتَـٔۡخِرُونَ ﴿٤٣﴾ ثُمَّ أَرۡسَلۡنَا رُسُلَنَا تَتۡرَاۖ كُلَّ مَا جَآءَ أُمَّةً رَّسُولُهَا كَذَّبُوهُۖ فَأَتۡبَعۡنَا بَعۡضَهُم بَعۡضٗا وَجَعَلۡنَٰهُمۡ أَحَادِيثَۚ فَبُعۡدٗا لِّقَوۡمٖ لَّا يُؤۡمِنُونَ ﴿٤٤﴾ ثُمَّ أَرۡسَلۡنَا مُوسَىٰ وَأَخَاهُ هَٰرُونَ بِـَٔايَٰتِنَا وَسُلۡطَٰنٖ مُّبِينٍ ﴿٤٥﴾ إِلَىٰ فِرۡعَوۡنَ وَمَلَإِيْهِۦ فَٱسۡتَكۡبَرُواْ وَكَانُواْ قَوۡمًا عَالِينَ ﴿٤٦﴾ فَقَالُوٓاْ أَنُؤۡمِنُ لِبَشَرَيۡنِ مِثۡلِنَا وَقَوۡمُهُمَا لَنَا عَٰبِدُونَ ﴿٤٧﴾ فَكَذَّبُوهُمَا فَكَانُواْ مِنَ ٱلۡمُهۡلَكِينَ ﴿٤٨﴾ وَلَقَدۡ ءَاتَيۡنَا مُوسَى ٱلۡكِتَٰبَ لَعَلَّهُمۡ يَهۡتَدُونَ ﴿٤٩﴾ وَجَعَلۡنَا ٱبۡنَ مَرۡيَمَ وَأُمَّهُۥٓ ءَايَةٗ وَءَاوَيۡنَٰهُمَآ إِلَىٰ رَبۡوَةٖ ذَاتِ قَرَارٖ وَمَعِينٖ ﴿٥٠﴾ يَٰٓأَيُّهَا ٱلرُّسُلُ كُلُواْ مِنَ ٱلطَّيِّبَٰتِ وَٱعۡمَلُواْ صَٰلِحًاۖ إِنِّي بِمَا تَعۡمَلُونَ عَلِيمٞ ﴿٥١﴾ وَإِنَّ هَٰذِهِۦٓ أُمَّتُكُمۡ أُمَّةٗ وَٰحِدَةٗ وَأَنَا۠ رَبُّكُمۡ فَٱتَّقُونِ ﴿٥٢﴾ فَتَقَطَّعُوٓاْ أَمۡرَهُم بَيۡنَهُمۡ زُبُرٗاۖ كُلُّ حِزۡبِۭ بِمَا لَدَيۡهِمۡ فَرِحُونَ ﴿٥٣﴾ فَذَرۡهُمۡ فِي غَمۡرَتِهِمۡ حَتَّىٰ حِينٍ ﴿٥٤﴾ أَيَحۡسَبُونَ أَنَّمَا نُمِدُّهُم بِهِۦ مِن مَّالٖ وَبَنِينَ ﴿٥٥﴾ نُسَارِعُ لَهُمۡ فِي ٱلۡخَيۡرَٰتِۚ بَل لَّا يَشۡعُرُونَ ﴿٥٦﴾ إِنَّ ٱلَّذِينَ هُم مِّنۡ خَشۡيَةِ رَبِّهِم مُّشۡفِقُونَ ﴿٥٧﴾ وَٱلَّذِينَ هُم بِـَٔايَٰتِ رَبِّهِمۡ يُؤۡمِنُونَ ﴿٥٨﴾ وَٱلَّذِينَ هُم بِرَبِّهِمۡ لَا يُشۡرِكُونَ ﴿٥٩﴾

43.- Không một Cộng đồng nào có thể thúc-giục thời hạn của nó sớm chấm dứt và cũng không thể dời nó về sau.

44.- Rồi *TA* lần lượt cử các Sứ giả của *TA* đến. Mỗi lần Sứ giả của họ đến, họ cho Người nói dối. Bởi thế, *TA* đã bắt phạt cộng đồng này đến cộng đồng kia. Và *TA* làm cho chúng trở thành những câu chuyện răn đời. Cho nên, đi đời lũ người không tin tưởng!

45.- Rồi *TA* cử Mūsa và người anh của Người, Hārūn, mang theo các Phép lạ của *TA* với một thẩm quyền rõ rệt;

46.- Đến gặp Fir'aun và các vị tù trưởng của y. Nhưng chúng hống hách tự cao và chúng là một bè lũ tự phụ.

47.- Rồi chúng nói: "Há chúng mình sẽ phải tin tưởng nơi hai người phàm giống như chúng mình trong lúc người dân của hai đứa nó lại là tôi tớ của chúng mình hay sao?"

48.- Bởi thế, chúng đã phủ nhận hai người và trở thành những kẻ bị tiêu diệt.

49.- Và chắc chắn *TA* đã ban cho Mūsa Kinh sách để họ được hướng dẫn.

50.- Và *TA* đã làm cho đứa con trai của Maryam và người mẹ của Người thành một Dấu lạ và đã định cư hai người ở một cao điểm, một chỗ nghỉ yên lành với dòng suối chảy.

51.- Hỡi các Sứ giả! Hãy dùng thức ăn tốt và sạch và làm việc thiện. Quả thật, TA Hằng Biết điều các người làm.

52.- Quả thật, cộng đồng của các ngươi là một cộng đồng duy nhất. Và TA là *Rabb* của các người. Do đó hãy sợ TA.

53.- Nhưng họ đã chia cắt công việc (thống nhất đạo) giữa họ với nhau thành giáo phái; mỗi giáo phái vui vầy với điều họ đang có.

54.- Vậy hãy để mặc họ ở trong cảnh hỗn loạn đến một thời kỳ (ấn định).

55.- Phải chăng họ nghĩ việc *TA* gia tăng của cải và con cái thêm cho họ,

56.- (Là) *TA* thúc đẩy điều tốt đến cho họ hay sao? Không! Họ không nhận thấy (Sự thật).

57.- Thật ra, những ai sợ *Rabb* của họ mới thực sự là những người sống trong khiếp sợ;

58.- Và những ai tin tưởng nơi những Lời mặc khải của *Rabb* của họ,

59.- Và những ai (trong việc thờ phụng) không tổ hợp những kẻ 'hợp-tác' (thần linh) nào cùng với *Rabb* của họ.

وَٱلَّذِينَ يُؤۡتُونَ مَآ ءَاتَواْ وَّقُلُوبُهُمۡ وَجِلَةٌ أَنَّهُمۡ إِلَىٰ رَبِّهِمۡ رَٰجِعُونَ ﴿٦٠﴾ أُوْلَٰٓئِكَ يُسَٰرِعُونَ فِي ٱلۡخَيۡرَٰتِ وَهُمۡ لَهَا سَٰبِقُونَ ﴿٦١﴾ وَلَا نُكَلِّفُ نَفۡسًا إِلَّا وُسۡعَهَاۖ وَلَدَيۡنَا كِتَٰبٞ يَنطِقُ بِٱلۡحَقِّۚ وَهُمۡ لَا يُظۡلَمُونَ ﴿٦٢﴾ بَلۡ قُلُوبُهُمۡ فِي غَمۡرَةٖ مِّنۡ هَٰذَا وَلَهُمۡ أَعۡمَٰلٞ مِّن دُونِ ذَٰلِكَ هُمۡ لَهَا عَٰمِلُونَ ﴿٦٣﴾ حَتَّىٰٓ إِذَآ أَخَذۡنَا مُتۡرَفِيهِم بِٱلۡعَذَابِ إِذَا هُمۡ يَجۡـَٔرُونَ ﴿٦٤﴾ لَا تَجۡـَٔرُواْ ٱلۡيَوۡمَۖ إِنَّكُم مِّنَّا لَا تُنصَرُونَ ﴿٦٥﴾ قَدۡ كَانَتۡ ءَايَٰتِي تُتۡلَىٰ عَلَيۡكُمۡ فَكُنتُمۡ عَلَىٰٓ أَعۡقَٰبِكُمۡ تَنكِصُونَ ﴿٦٦﴾ مُسۡتَكۡبِرِينَ بِهِۦ سَٰمِرٗا تَهۡجُرُونَ ﴿٦٧﴾ أَفَلَمۡ يَدَّبَّرُواْ ٱلۡقَوۡلَ أَمۡ جَآءَهُم مَّا لَمۡ يَأۡتِ ءَابَآءَهُمُ ٱلۡأَوَّلِينَ ﴿٦٨﴾ أَمۡ لَمۡ يَعۡرِفُواْ رَسُولَهُمۡ فَهُمۡ لَهُۥ مُنكِرُونَ ﴿٦٩﴾ أَمۡ يَقُولُونَ بِهِۦ جِنَّةُۢۚ بَلۡ جَآءَهُم بِٱلۡحَقِّ وَأَكۡثَرُهُمۡ لِلۡحَقِّ كَٰرِهُونَ ﴿٧٠﴾ وَلَوِ ٱتَّبَعَ ٱلۡحَقُّ أَهۡوَآءَهُمۡ لَفَسَدَتِ ٱلسَّمَٰوَٰتُ وَٱلۡأَرۡضُ وَمَن فِيهِنَّۚ بَلۡ أَتَيۡنَٰهُم بِذِكۡرِهِمۡ فَهُمۡ عَن ذِكۡرِهِم مُّعۡرِضُونَ ﴿٧١﴾ أَمۡ تَسۡـَٔلُهُمۡ خَرۡجٗا فَخَرَاجُ رَبِّكَ خَيۡرٞۖ وَهُوَ خَيۡرُ ٱلرَّٰزِقِينَ ﴿٧٢﴾ وَإِنَّكَ لَتَدۡعُوهُمۡ إِلَىٰ صِرَٰطٖ مُّسۡتَقِيمٖ ﴿٧٣﴾ وَإِنَّ ٱلَّذِينَ لَا يُؤۡمِنُونَ بِٱلۡأٓخِرَةِ عَنِ ٱلصِّرَٰطِ لَنَٰكِبُونَ ﴿٧٤﴾

60.- Và những ai bố thí tặng vật cho người khác nhưng tấm lòng của họ luôn luôn lo sợ bởi vì họ sẽ trở về gặp lại *Rabb* của họ

61.- Họ thực sự là những người thi đua nhau làm việc thiện và là những người tiên phong trong việc làm đó.

62.- *TA* không bắt mỗi người chịu đựng quá khả năng của y và *TA* đang giữ một tập hồ sơ luôn luôn nói sự Thật và họ sẽ không bị đối xử bất công.

63.- Không, tấm lòng của chúng đang hoang mang về (Qur'ān) này và ngoài điều đó chúng còn (hoang mang về) những công việc (tội lỗi) khác mà chúng đang làm.

64.- Cho đến khi *TA* bắt phạt những kẻ sống xa hoa trong bọn chúng, thì này! Chúng van xin tha mạng.

65.- Ngày nay, chớ khóc lóc xin xỏ. Quả thật, các người sẽ không được *TA* cứu giúp.

66.- Chắc chắn những Lời mặc khải của *TA* đã được đọc nhắc các người, nhưng các người đã quay gót bỏ đi.

67.- Ngạo nghễ xem thường Nó (Qur'ān). Các người thức thâu đêm tán gẫu chuyện không đâu;

68.- Thế, chúng không ngẫm nghĩ về Lời phán hay sao? hoặc đã xảy đến cho chúng điều đã không xảy đến cho cha mẹ của chúng hay sao?

69.- Hay là chúng không công nhận vị Sứ giả (Muhammad) của chúng nên chúng từ chối Người?

70.- Hay là chúng nói về Người như sau: "Y bị quỷ nhập." Nhất định không! Người mang Chân Lý đến cho chúng nhưng đa số bọn chúng ghét sự thật.

71.- Và nếu Chân Lý a-tòng với những điều ham muốn của chúng thì các tầng trời và trái đất và vạn vật giữa trời đất chắc chắn sẽ đi đến chỗ sụp đổ. Không! *TA* ban cho chúng Thông điệp (Nhắc nhở) nhưng chúng quay lánh xa điều Nhắc nhở của chúng.

72.- Hay phải chăng Ngươi (hỡi Muhammad!) đã đòi chúng tiền cấp dưỡng? Nhưng sự cấp dưỡng của *Rabb* của Ngươi là tốt nhất. Và Ngài là Đấng Cung Dưỡng Ưu việt.

73.- Và quả thật, Ngươi đã kêu gọi chúng đến với Chính đạo.

74.- Và quả thật, những ai không tin tưởng nơi Đời sau chắc chắn sẽ lạc xa Chính đạo.

نصف الحزب ٣٥

۞ وَلَوۡ رَحِمۡنَٰهُمۡ وَكَشَفۡنَا مَا بِهِم مِّن ضُرّٖ لَّلَجُّواْ فِي طُغۡيَٰنِهِمۡ
يَعۡمَهُونَ ٧٥ وَلَقَدۡ أَخَذۡنَٰهُم بِٱلۡعَذَابِ فَمَا ٱسۡتَكَانُواْ لِرَبِّهِمۡ
وَمَا يَتَضَرَّعُونَ ٧٦ حَتَّىٰٓ إِذَا فَتَحۡنَا عَلَيۡهِم بَابٗا ذَا عَذَابٖ شَدِيدٍ
إِذَا هُمۡ فِيهِ مُبۡلِسُونَ ٧٧ وَهُوَ ٱلَّذِيٓ أَنشَأَ لَكُمُ ٱلسَّمۡعَ وَٱلۡأَبۡصَٰرَ
وَٱلۡأَفۡـِٔدَةَۚ قَلِيلٗا مَّا تَشۡكُرُونَ ٧٨ وَهُوَ ٱلَّذِي ذَرَأَكُمۡ فِي ٱلۡأَرۡضِ
وَإِلَيۡهِ تُحۡشَرُونَ ٧٩ وَهُوَ ٱلَّذِي يُحۡيِۦ وَيُمِيتُ وَلَهُ ٱخۡتِلَٰفُ
ٱلَّيۡلِ وَٱلنَّهَارِۚ أَفَلَا تَعۡقِلُونَ ٨٠ بَلۡ قَالُواْ مِثۡلَ مَا قَالَ
ٱلۡأَوَّلُونَ ٨١ قَالُوٓاْ أَءِذَا مِتۡنَا وَكُنَّا تُرَابٗا وَعِظَٰمًا أَءِنَّا
لَمَبۡعُوثُونَ ٨٢ لَقَدۡ وُعِدۡنَا نَحۡنُ وَءَابَآؤُنَا هَٰذَا مِن قَبۡلُ
إِنۡ هَٰذَآ إِلَّآ أَسَٰطِيرُ ٱلۡأَوَّلِينَ ٨٣ قُل لِّمَنِ ٱلۡأَرۡضُ وَمَن
فِيهَآ إِن كُنتُمۡ تَعۡلَمُونَ ٨٤ سَيَقُولُونَ لِلَّهِۚ قُلۡ أَفَلَا
تَذَكَّرُونَ ٨٥ قُلۡ مَن رَّبُّ ٱلسَّمَٰوَٰتِ ٱلسَّبۡعِ وَرَبُّ ٱلۡعَرۡشِ
ٱلۡعَظِيمِ ٨٦ سَيَقُولُونَ لِلَّهِۚ قُلۡ أَفَلَا تَتَّقُونَ ٨٧ قُلۡ مَنۢ
بِيَدِهِۦ مَلَكُوتُ كُلِّ شَيۡءٖ وَهُوَ يُجِيرُ وَلَا يُجَارُ عَلَيۡهِ إِن
كُنتُمۡ تَعۡلَمُونَ ٨٨ سَيَقُولُونَ لِلَّهِۚ قُلۡ فَأَنَّىٰ تُسۡحَرُونَ ٨٩

75.- Và nếu *TA* có khoan dung và làm cho chúng hết khổ sở thì chắc chắn chúng cũng lại tiếp tục vượt quá mức giới hạn, và lang thang vơ vẩn.

76.- Và chắc chắn *TA* đã bắt phạt chúng, nhưng chúng không hạ mình khiêm tốn trước *Rabb* của chúng và cũng không chịu cầu khẩn van xin;

77.- Cho đến khi *TA* mở cửa (Hỏa Ngục để) trừng phạt chúng nghiêm khắc, thì này! Chúng đâm ra tuyệt vọng trong đó.

78.- Và Ngài là Đấng đã tạo cho các người Thính-giác, Thị-giác và Lương-tri. Các người đáp ân Ngài ít thay!

79.- Và Ngài là Đấng gia tăng (nhân số của) các người đông đảo trên mặt đất và các người sẽ được tập trung đưa về trình diện Ngài trở lại (vào Ngày Phục sinh).

80.- Và Ngài là Đấng làm cho sống và gây cho chết và Ngài làm cho ban đêm và ban ngày nối đuôi nhau luân chuyển. Thế các người không hiểu hay sao?

81.- Không! Chúng nói ra điều giống như điều mà những người đời xưa đã nói;

82.- Chúng nói: "Phải chăng khi chúng tôi chết và thành cát bụi và xương tàn, chắc chắn chúng tôi sẽ được dựng sống lại hay sao?

83.- "Chắc chắn, chúng tôi và cha mẹ của chúng tôi cũng đã được hứa điều (giống như) điều này trước đây. Nhưng (chúng tôi nghĩ) đó chỉ là chuyện ngụ ngôn của người cổ xưa!"

84.- (Hỡi Muhammad!) hãy bảo chúng: "Trái đất và mọi người sống nơi đó thuộc về ai, nếu các người biết?"

85.- Chúng sẽ đáp: "Của Allah!" Hãy bảo chúng: "Thế các người không lưu ý hay sao?"

86.- Hãy bảo chúng: "Ai là *Rabb* (Chủ Nhân) của bảy tầng trời và là *Rabb* của Chiếc Ngai vương Chí đại?"

87.- Chắc chắn chúng sẽ đáp: "Allah!" Hãy bảo chúng: "Thế các người không sợ Ngài hay sao?"

88.- Hãy hỏi chúng: "Ai là Đấng nắm quyền thống trị mọi vật trong Tay Ngài và là Đấng bảo vệ (tất cả)? Nhưng (chúng) không được ai bảo vệ thoát khỏi (Hình phạt của) Ngài nếu các người biết."

89.- Chắc chắn chúng sẽ đáp: "Allah!" Hãy bảo chúng: "Thế tại sao các người còn mê muội?"

بَلۡ أَتَيۡنَٰهُم بِٱلۡحَقِّ وَإِنَّهُمۡ لَكَٰذِبُونَ ٩٠ مَا ٱتَّخَذَ ٱللَّهُ مِن
وَلَدٖ وَمَا كَانَ مَعَهُۥ مِنۡ إِلَٰهٍۚ إِذٗا لَّذَهَبَ كُلُّ إِلَٰهِۢ بِمَا خَلَقَ
وَلَعَلَا بَعۡضُهُمۡ عَلَىٰ بَعۡضٖۚ سُبۡحَٰنَ ٱللَّهِ عَمَّا يَصِفُونَ ٩١
عَٰلِمِ ٱلۡغَيۡبِ وَٱلشَّهَٰدَةِ فَتَعَٰلَىٰ عَمَّا يُشۡرِكُونَ ٩٢ قُل رَّبِّ
إِمَّا تُرِيَنِّي مَا يُوعَدُونَ ٩٣ رَبِّ فَلَا تَجۡعَلۡنِي فِي ٱلۡقَوۡمِ ٱلظَّٰلِمِينَ
٩٤ وَإِنَّا عَلَىٰٓ أَن نُّرِيَكَ مَا نَعِدُهُمۡ لَقَٰدِرُونَ ٩٥ ٱدۡفَعۡ بِٱلَّتِي
هِيَ أَحۡسَنُ ٱلسَّيِّئَةَۚ نَحۡنُ أَعۡلَمُ بِمَا يَصِفُونَ ٩٦ وَقُل رَّبِّ
أَعُوذُ بِكَ مِنۡ هَمَزَٰتِ ٱلشَّيَٰطِينِ ٩٧ وَأَعُوذُ بِكَ رَبِّ أَن
يَحۡضُرُونِ ٩٨ حَتَّىٰٓ إِذَا جَآءَ أَحَدَهُمُ ٱلۡمَوۡتُ قَالَ رَبِّ
ٱرۡجِعُونِ ٩٩ لَعَلِّيٓ أَعۡمَلُ صَٰلِحٗا فِيمَا تَرَكۡتُۚ كَلَّآۚ إِنَّهَا
كَلِمَةٌ هُوَ قَآئِلُهَاۖ وَمِن وَرَآئِهِم بَرۡزَخٌ إِلَىٰ يَوۡمِ يُبۡعَثُونَ ١٠٠
فَإِذَا نُفِخَ فِي ٱلصُّورِ فَلَآ أَنسَابَ بَيۡنَهُمۡ يَوۡمَئِذٖ وَلَا يَتَسَآءَلُونَ
١٠١ فَمَن ثَقُلَتۡ مَوَٰزِينُهُۥ فَأُوْلَٰٓئِكَ هُمُ ٱلۡمُفۡلِحُونَ ١٠٢ وَمَنۡ
خَفَّتۡ مَوَٰزِينُهُۥ فَأُوْلَٰٓئِكَ ٱلَّذِينَ خَسِرُوٓاْ أَنفُسَهُمۡ فِي جَهَنَّمَ
خَٰلِدُونَ ١٠٣ تَلۡفَحُ وُجُوهَهُمُ ٱلنَّارُ وَهُمۡ فِيهَا كَٰلِحُونَ ١٠٤

90.- Không! *TA* đã ban cho chúng Chân lý nhưng chúng mới thực sự là những kẻ nói dối.

91.- Allah không nhận ai làm con trai của Ngài và cũng không có một thần linh nào ở cùng với Ngài bởi lẽ mỗi vị thần sẽ lấy mất đi vật mà vị ấy đã tạo và vị này sẽ cai trị vị kia. Quang vinh thay Allah! Ngài hoàn toàn vô can về những điều chúng đã qui cho Ngài.

92.- Đấng Toàn Tri biết điều kín đáo và điều công khai. Bởi thế, Ngài Tối Cao, vượt hẳn những kẻ mà chúng đã tổ hợp với Ngài.

93.- (Hỡi Muhammad!) hãy thưa: "Lạy *Rabb* của bề tôi! Nếu Ngài muốn cho bề tôi thấy (Hình phạt) đã được hứa với chúng,

94.- Thì "Lạy *Rabb* của bề tôi! Xin chớ để cho bề tôi ở cùng với đám người làm điều sai quấy này."

95.- Và chắc chắn *TA* thừa sức làm cho Ngươi thấy điều mà *TA* đã dọa phạt chúng.

96.- Ngươi hãy lấy điều lành mà xóa tan điều dữ. *TA* biết rõ điều chúng đã thốt ra.

97.- Và hãy thưa: "Lạy *Rabb* của bề tôi! Xin Ngài che chở bề tôi tránh khỏi lời xúi giục của những tên Shaytān

98.- "Và Lạy *Rabb* của bề tôi!, Xin Ngài che chở bề tôi sợ rằng chúng sẽ đến gần bề tôi."

99.- Cho đến khi một người trong bọn chúng đối diện với cái chết, thì y sẽ lạy lục, thưa: "Lạy *Rabb*! Xin Ngài trả bề tôi về (trần thế),

100.- "Để bề tôi có thể làm việc thiện mà bề tôi đã bỏ qua!" Không bao giờ! Đấy chỉ là lời nói mà y đã thốt ra. Và trước mặt chúng là một bức màn vô hình ngăn cách chúng với trần thế cho đến Ngày chúng sẽ được phục sinh trở lại.

101.- Rồi, khi Tiếng còi (Tận thế) được thổi lên, thì vào Ngày đó sẽ không có tình máu mủ ruột thịt giữa bọn chúng và cũng sẽ không có ai hỏi thăm ai cả;

102.- Mà (chỉ có việc:) ai mà bàn cân (chứa việc thiện) của y nặng, thì sẽ là những người thành đạt;

103.- Còn ai mà bàn cân (chứa việc thiện) của y nhẹ, thì sẽ là những kẻ đã làm thiệt hại bản thân mình. Chúng sẽ ở trong Hỏa ngục.

104.- Lửa (của Hỏa Ngục) sẽ thiêu đốt bộ mặt của chúng và trong đó chúng sẽ nhe răng như cười.

أَلَمْ تَكُنْ ءَايَٰتِى تُتْلَىٰ عَلَيْكُمْ فَكُنتُم بِهَا تُكَذِّبُونَ ﴿١٠٥﴾ قَالُوا۟ رَبَّنَا غَلَبَتْ عَلَيْنَا شِقْوَتُنَا وَكُنَّا قَوْمًا ضَآلِّينَ ﴿١٠٦﴾ رَبَّنَآ أَخْرِجْنَا مِنْهَا فَإِنْ عُدْنَا فَإِنَّا ظَٰلِمُونَ ﴿١٠٧﴾ قَالَ ٱخْسَـُٔوا۟ فِيهَا وَلَا تُكَلِّمُونِ ﴿١٠٨﴾ إِنَّهُۥ كَانَ فَرِيقٌ مِّنْ عِبَادِى يَقُولُونَ رَبَّنَآ ءَامَنَّا فَٱغْفِرْ لَنَا وَٱرْحَمْنَا وَأَنتَ خَيْرُ ٱلرَّٰحِمِينَ ﴿١٠٩﴾ فَٱتَّخَذْتُمُوهُمْ سِخْرِيًّا حَتَّىٰٓ أَنسَوْكُمْ ذِكْرِى وَكُنتُم مِّنْهُمْ تَضْحَكُونَ ﴿١١٠﴾ إِنِّى جَزَيْتُهُمُ ٱلْيَوْمَ بِمَا صَبَرُوٓا۟ أَنَّهُمْ هُمُ ٱلْفَآئِزُونَ ﴿١١١﴾ قَٰلَ كَمْ لَبِثْتُمْ فِى ٱلْأَرْضِ عَدَدَ سِنِينَ ﴿١١٢﴾ قَالُوا۟ لَبِثْنَا يَوْمًا أَوْ بَعْضَ يَوْمٍ فَسْـَٔلِ ٱلْعَآدِّينَ ﴿١١٣﴾ قَٰلَ إِن لَّبِثْتُمْ إِلَّا قَلِيلًا ۖ لَّوْ أَنَّكُمْ كُنتُمْ تَعْلَمُونَ ﴿١١٤﴾ أَفَحَسِبْتُمْ أَنَّمَا خَلَقْنَٰكُمْ عَبَثًا وَأَنَّكُمْ إِلَيْنَا لَا تُرْجَعُونَ ﴿١١٥﴾ فَتَعَٰلَى ٱللَّهُ ٱلْمَلِكُ ٱلْحَقُّ ۖ لَآ إِلَٰهَ إِلَّا هُوَ رَبُّ ٱلْعَرْشِ ٱلْكَرِيمِ ﴿١١٦﴾ وَمَن يَدْعُ مَعَ ٱللَّهِ إِلَٰهًا ءَاخَرَ لَا بُرْهَٰنَ لَهُۥ بِهِۦ فَإِنَّمَا حِسَابُهُۥ عِندَ رَبِّهِۦٓ ۚ إِنَّهُۥ لَا يُفْلِحُ ٱلْكَٰفِرُونَ ﴿١١٧﴾ وَقُل رَّبِّ ٱغْفِرْ وَٱرْحَمْ وَأَنتَ خَيْرُ ٱلرَّٰحِمِينَ ﴿١١٨﴾

سُورَةُ النُّورِ

105.- "Há những Lời mặc khải của TA đã không được đọc nhắc các người rồi các người cho là giả dối?"

106.- Chúng sẽ thưa: "Lạy *Rabb* chúng tôi! Chúng tôi quá đỗi cùng cực cho nên đã trở thành một đám người lầm lạc."

107.- (Chúng thưa): "Lạy *Rabb* chúng tôi! Xin Ngài đưa chúng tôi ra khỏi (Hỏa ngục) này. Sau này nếu chúng tôi tái phạm thì quả thật chúng tôi sẽ là những kẻ làm điều sai quấy."

108.- (Allah sẽ) phán: "Hảy cút vào trong đó và chớ thưa bẩm gì với TA!"

109.- Quả thật, trong số bề tôi của TA đã có một phần tử cầu nguyện thưa: "Lạy *Rabb* chúng tôi! Chúng tôi tin tưởng. Xin Ngài tha thứ và khoan dung chúng tôi bởi vì Ngài là Đấng Rất mực Khoan dung."

110.- Nhưng các người đã chế giễu họ đến nỗi việc nhạo báng đó đã làm cho các người quên mất Thông Điệp Nhắc nhở của TA trong lúc các người mải mê nhạo báng họ.

111.- (Bởi thế) Ngày này TA ân thưởng họ về việc họ đã kiên nhẫn chịu đựng (với các người). Quả thật, họ là những người thành tựu.

112.- (Allah sẽ) phán: "Các người đã ở trên trái đất bao nhiêu năm?"

113.- (Chúng sẽ) thưa: "Chúng tôi ở lại một ngày hay nửa ngày gì đó. Xin hỏi những vị ghi sổ."

114.- (Allah) sẽ phán: "Các người ở lại đó chỉ một khoảnh khắc. Phải chi các người biết điều đó (lúc còn sống?)

115.- "Phải chăng các người đã nghĩ rằng *TA* đã tạo hóa các người để giải trí và rằng các người sẽ không trở lại gặp *TA*?"

116.- Bởi thế, Tối Cao thay Allah, Đức Vua Thật Sự! Không có Thượng Đế nào khác duy chỉ Ngài, *Rabb* của Ngai vương Vinh dự!

117.- Và ai cầu nguyện một thần linh khác cùng với Allah mà không có một bằng chứng nào về việc (thờ phụng) đó thì việc thanh toán y chỉ nằm nơi *Rabb* (Allah) của y. Quả thật, những kẻ không có đức tin sẽ không thành đạt.

118.- Và (Hỡi Muhammad!) hãy cầu nguyện, thưa: "Lạy *Rabb* của bề tôi! Xin Ngài tha thứ và khoan dung bởi vì Ngài là Đấng Khoan dung Ưu việt.

ثلاثة أرباع الحزب ٣٥

بِسْمِ اللَّهِ الرَّحْمَٰنِ الرَّحِيمِ

سُورَةٌ أَنزَلْنَاهَا وَفَرَضْنَاهَا وَأَنزَلْنَا فِيهَا آيَاتٍ بَيِّنَاتٍ لَّعَلَّكُمْ تَذَكَّرُونَ ﴿١﴾ الزَّانِيَةُ وَالزَّانِي فَاجْلِدُوا كُلَّ وَاحِدٍ مِّنْهُمَا مِائَةَ جَلْدَةٍ ۖ وَلَا تَأْخُذْكُم بِهِمَا رَأْفَةٌ فِي دِينِ اللَّهِ إِن كُنتُمْ تُؤْمِنُونَ بِاللَّهِ وَالْيَوْمِ الْآخِرِ ۖ وَلْيَشْهَدْ عَذَابَهُمَا طَائِفَةٌ مِّنَ الْمُؤْمِنِينَ ﴿٢﴾ الزَّانِي لَا يَنكِحُ إِلَّا زَانِيَةً أَوْ مُشْرِكَةً وَالزَّانِيَةُ لَا يَنكِحُهَا إِلَّا زَانٍ أَوْ مُشْرِكٌ ۚ وَحُرِّمَ ذَٰلِكَ عَلَى الْمُؤْمِنِينَ ﴿٣﴾ وَالَّذِينَ يَرْمُونَ الْمُحْصَنَاتِ ثُمَّ لَمْ يَأْتُوا بِأَرْبَعَةِ شُهَدَاءَ فَاجْلِدُوهُمْ ثَمَانِينَ جَلْدَةً وَلَا تَقْبَلُوا لَهُمْ شَهَادَةً أَبَدًا ۚ وَأُولَٰئِكَ هُمُ الْفَاسِقُونَ ﴿٤﴾ إِلَّا الَّذِينَ تَابُوا مِن بَعْدِ ذَٰلِكَ وَأَصْلَحُوا فَإِنَّ اللَّهَ غَفُورٌ رَّحِيمٌ ﴿٥﴾ وَالَّذِينَ يَرْمُونَ أَزْوَاجَهُمْ وَلَمْ يَكُن لَّهُمْ شُهَدَاءُ إِلَّا أَنفُسُهُمْ فَشَهَادَةُ أَحَدِهِمْ أَرْبَعُ شَهَادَاتٍ بِاللَّهِ ۙ إِنَّهُ لَمِنَ الصَّادِقِينَ ﴿٦﴾ وَالْخَامِسَةُ أَنَّ لَعْنَتَ اللَّهِ عَلَيْهِ إِن كَانَ مِنَ الْكَاذِبِينَ ﴿٧﴾ وَيَدْرَأُ عَنْهَا الْعَذَابَ أَن تَشْهَدَ أَرْبَعَ شَهَادَاتٍ بِاللَّهِ ۙ إِنَّهُ لَمِنَ الْكَاذِبِينَ ﴿٨﴾ وَالْخَامِسَةَ أَنَّ غَضَبَ اللَّهِ عَلَيْهَا إِن كَانَ مِنَ الصَّادِقِينَ ﴿٩﴾ وَلَوْلَا فَضْلُ اللَّهِ عَلَيْكُمْ وَرَحْمَتُهُ وَأَنَّ اللَّهَ تَوَّابٌ حَكِيمٌ ﴿١٠﴾

AN-NŪR
(Ánh Sáng)

Nhân danh Allah, Đấng Rất mực Độ lượng,
Đấng Rất mực Khoan dung

1.- (Đây là) một Chương mà *TA* ban xuống và qui định thành luật; và trong đó có những câu *TA* ban xuống hầu các người có thể ghi nhớ.

2.- Về người phụ nữ và người đàn ông phạm tội gian dâm, hãy đánh cả hai một trăm roi và chớ động lòng thương hại họ trong việc chấp hành Lệnh phạt của Allah nếu các người tin tưởng nơi Allah và Ngày Cuối cùng. Và hãy mời một số người tin tưởng đến chứng kiến việc trừng phạt.

3.- Người đàn ông phạm tội gian dâm không được kết hôn với ai khác ngoài người đàn bà phạm tội thông dâm hoặc người đàn bà thờ đa-thần. Và người đàn bà phạm tội gian dâm không được kết hôn với ai khác ngoài người đàn ông phạm tội thông dâm hoặc người đàn ông thờ đa-thần. Và điều đó bị cấm đối với những người có đức tin.

4.- Và (đối với) những ai buộc tội những người phụ nữ trinh thục nhưng không đưa ra đủ bốn (04) người làm chứng, hãy đánh chúng tám mươi (80) roi và sau đó chớ bao giờ nhận bằng chứng từ chúng nữa bởi vì chúng là những người nói dối, bất tuân Allah.

5.- Ngoại trừ những ai sau đó biết hối cải và sửa mình thì quả thật, Allah Hằng Tha thứ, Rất mực Khoan dung.

6.- Và đối với những ai buộc tội vợ (ngoại tình) nhưng ngoài họ ra, không có ai làm chứng, thì để cho mỗi người của họ thề bốn lần nhân danh Allah rằng mình là một người nói thật;

7.- Và (trong lời thề) lần thứ năm, để y xin Allah nguyền rủa y nếu y là một người nói dối.

8.- Và bà (vợ) sẽ khỏi bị phạt (ném đá cho chết) nếu bà ta thề xác nhận bốn lần nhân danh Allah rằng ông ta là một người nói dối.

9.- Và (trong lời thề) lần thứ năm, để bà xin Allah giáng sự Giận-dữ (của Ngài) lên bà nếu ông (chồng của bà) là một người nói thật.

10.- Và nếu Allah không gia ân và khoan hồng cho các người (thì các người đã bị Ngài phạt mất rồi) nhưng quả thật, Allah Rất mực Đại lượng và Vô cùng Sáng suốt.

إِنَّ ٱلَّذِينَ جَآءُو بِٱلْإِفْكِ عُصْبَةٌ مِّنكُمْ لَا تَحْسَبُوهُ شَرًّا لَّكُم بَلْ هُوَ خَيْرٌ لَّكُمْ لِكُلِّ ٱمْرِيٍٕ مِّنْهُم مَّا ٱكْتَسَبَ مِنَ ٱلْإِثْمِ وَٱلَّذِى تَوَلَّىٰ كِبْرَهُۥ مِنْهُمْ لَهُۥ عَذَابٌ عَظِيمٌ ﴿١١﴾ لَّوْلَآ إِذْ سَمِعْتُمُوهُ ظَنَّ ٱلْمُؤْمِنُونَ وَٱلْمُؤْمِنَٰتُ بِأَنفُسِهِمْ خَيْرًا وَقَالُوا۟ هَٰذَآ إِفْكٌ مُّبِينٌ ﴿١٢﴾ لَّوْلَا جَآءُو عَلَيْهِ بِأَرْبَعَةِ شُهَدَآءَ فَإِذْ لَمْ يَأْتُوا۟ بِٱلشُّهَدَآءِ فَأُو۟لَٰٓئِكَ عِندَ ٱللَّهِ هُمُ ٱلْكَٰذِبُونَ ﴿١٣﴾ وَلَوْلَا فَضْلُ ٱللَّهِ عَلَيْكُمْ وَرَحْمَتُهُۥ فِى ٱلدُّنْيَا وَٱلْءَاخِرَةِ لَمَسَّكُمْ فِى مَآ أَفَضْتُمْ فِيهِ عَذَابٌ عَظِيمٌ ﴿١٤﴾ إِذْ تَلَقَّوْنَهُۥ بِأَلْسِنَتِكُمْ وَتَقُولُونَ بِأَفْوَاهِكُم مَّا لَيْسَ لَكُم بِهِۦ عِلْمٌ وَتَحْسَبُونَهُۥ هَيِّنًا وَهُوَ عِندَ ٱللَّهِ عَظِيمٌ ﴿١٥﴾ وَلَوْلَآ إِذْ سَمِعْتُمُوهُ قُلْتُم مَّا يَكُونُ لَنَآ أَن نَّتَكَلَّمَ بِهَٰذَا سُبْحَٰنَكَ هَٰذَا بُهْتَٰنٌ عَظِيمٌ ﴿١٦﴾ يَعِظُكُمُ ٱللَّهُ أَن تَعُودُوا۟ لِمِثْلِهِۦٓ أَبَدًا إِن كُنتُم مُّؤْمِنِينَ ﴿١٧﴾ وَيُبَيِّنُ ٱللَّهُ لَكُمُ ٱلْءَايَٰتِ وَٱللَّهُ عَلِيمٌ حَكِيمٌ ﴿١٨﴾ إِنَّ ٱلَّذِينَ يُحِبُّونَ أَن تَشِيعَ ٱلْفَٰحِشَةُ فِى ٱلَّذِينَ ءَامَنُوا۟ لَهُمْ عَذَابٌ أَلِيمٌ فِى ٱلدُّنْيَا وَٱلْءَاخِرَةِ وَٱللَّهُ يَعْلَمُ وَأَنتُمْ لَا تَعْلَمُونَ ﴿١٩﴾ وَلَوْلَا فَضْلُ ٱللَّهِ عَلَيْكُمْ وَرَحْمَتُهُۥ وَأَنَّ ٱللَّهَ رَءُوفٌ رَّحِيمٌ ﴿٢٠﴾

11.- Quả thật những kẻ vu khống ('Ā-'ishah, người vợ của Nabi Muhammad) chỉ gồm một phần tử nhỏ trong các người. Chớ nghĩ rằng biến cố đó là một điều xấu cho các người. Không, đó là một điều tốt cho các người. Mỗi người trong bọn chúng sẽ chịu hình phạt về tội mà y đã gây ra, nhưng riêng kẻ chủ mưu thì sẽ chịu một hình phạt lớn hơn.

12.- Tại sao những người có đức tin, nam và nữ, khi nghe lời (vu khống) đó lại không nghĩ tốt cho tín hữu của mình và bảo (đám người vu khống): "Đây rõ ràng là một lời vu khống!"

13.- Tại sao chúng không đưa ra bốn nhân chứng cho việc đó? Bởi vì khi chúng không đưa ra đủ số nhân chứng thì đối với Allah, chúng là những tên nói dối.

14.- Và nếu Allah không gia ân và khoan dung cho các người ở đời này và Đời sau, thì chắc chắn các người sẽ phải chịu một sự trừng phạt lớn lao vì tội các người đã nhanh nhẩu (loan tin đồn thất thiệt).

15.- Khi các người phổ biến nó với lời lẽ của các người và nói ra từ miệng của các người điều mà các người không có một chút hiểu biết nào và các người nghĩ rằng đó là một chuyện cỏn con (không đáng giá) thì ngược lại, đối với Allah đó là một điều hết sức trọng đại.

16.- Và tại sao khi nghe nó (tin đồn) các người không đáp lại: "Không phải việc của chúng tôi đi bàn tán chuyện này. Quang Vinh và trong sạch thay Allah! Ngài vô can (về việc này)! Đây là một lời vu-khống hết sức trọng đại (của chúng)."

17.- Allah cảnh cáo các người trong tương lai chớ bao giờ tái phạm điều tương tự nếu các người là những người có đức tin thật sự.

18.- Và Allah trình bày rõ cho các người những Lời mặc khải của Ngài. Bởi vì Allah là Đấng Toàn Tri, Vô cùng Sáng suốt.

19.- Và những ai trong hàng ngũ của những người tin tưởng thích cho lời gièm pha này được phổ biến rộng rãi thì sẽ chịu một sự trừng phạt đau đớn ở đời này lẫn Đời sau bởi vì Allah biết rõ (sự thật) trong lúc các người không biết.

20.- Và nếu Allah không gia ân và khoan dung cho các người (thì các người đã bị Ngài phạt mất rồi) nhưng quả thật, Allah Rất mực Nhân từ, Rất mực Khoan dung.

۞ يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُوا۟ لَا تَتَّبِعُوا۟ خُطُوَٰتِ ٱلشَّيْطَٰنِ ۚ وَمَن يَتَّبِعْ خُطُوَٰتِ ٱلشَّيْطَٰنِ فَإِنَّهُۥ يَأْمُرُ بِٱلْفَحْشَآءِ وَٱلْمُنكَرِ ۚ وَلَوْلَا فَضْلُ ٱللَّهِ عَلَيْكُمْ وَرَحْمَتُهُۥ مَا زَكَىٰ مِنكُم مِّنْ أَحَدٍ أَبَدًا وَلَٰكِنَّ ٱللَّهَ يُزَكِّى مَن يَشَآءُ ۗ وَٱللَّهُ سَمِيعٌ عَلِيمٌ ﴿٢١﴾ وَلَا يَأْتَلِ أُو۟لُوا۟ ٱلْفَضْلِ مِنكُمْ وَٱلسَّعَةِ أَن يُؤْتُوٓا۟ أُو۟لِى ٱلْقُرْبَىٰ وَٱلْمَسَٰكِينَ وَٱلْمُهَٰجِرِينَ فِى سَبِيلِ ٱللَّهِ ۖ وَلْيَعْفُوا۟ وَلْيَصْفَحُوٓا۟ ۗ أَلَا تُحِبُّونَ أَن يَغْفِرَ ٱللَّهُ لَكُمْ ۗ وَٱللَّهُ غَفُورٌ رَّحِيمٌ ﴿٢٢﴾ إِنَّ ٱلَّذِينَ يَرْمُونَ ٱلْمُحْصَنَٰتِ ٱلْغَٰفِلَٰتِ ٱلْمُؤْمِنَٰتِ لُعِنُوا۟ فِى ٱلدُّنْيَا وَٱلْءَاخِرَةِ وَلَهُمْ عَذَابٌ عَظِيمٌ ﴿٢٣﴾ يَوْمَ تَشْهَدُ عَلَيْهِمْ أَلْسِنَتُهُمْ وَأَيْدِيهِمْ وَأَرْجُلُهُم بِمَا كَانُوا۟ يَعْمَلُونَ ﴿٢٤﴾ يَوْمَئِذٍ يُوَفِّيهِمُ ٱللَّهُ دِينَهُمُ ٱلْحَقَّ وَيَعْلَمُونَ أَنَّ ٱللَّهَ هُوَ ٱلْحَقُّ ٱلْمُبِينُ ﴿٢٥﴾ ٱلْخَبِيثَٰتُ لِلْخَبِيثِينَ وَٱلْخَبِيثُونَ لِلْخَبِيثَٰتِ ۖ وَٱلطَّيِّبَٰتُ لِلطَّيِّبِينَ وَٱلطَّيِّبُونَ لِلطَّيِّبَٰتِ ۚ أُو۟لَٰٓئِكَ مُبَرَّءُونَ مِمَّا يَقُولُونَ ۖ لَهُم مَّغْفِرَةٌ وَرِزْقٌ كَرِيمٌ ﴿٢٦﴾ يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُوا۟ لَا تَدْخُلُوا۟ بُيُوتًا غَيْرَ بُيُوتِكُمْ حَتَّىٰ تَسْتَأْنِسُوا۟ وَتُسَلِّمُوا۟ عَلَىٰٓ أَهْلِهَا ۚ ذَٰلِكُمْ خَيْرٌ لَّكُمْ لَعَلَّكُمْ تَذَكَّرُونَ ﴿٢٧﴾

21.- Hỡi những ai có đức tin! Chớ dẫm theo dấu chân của Shaytān bởi vì ai bước theo dấu chân của Shaytān thì sẽ bị nó sai khiến làm điều khả-ố và điều tội lỗi. Và nếu Allah không gia ân và khoan dung cho các người thì trong tương lai không một ai trong các người sẽ được tẩy sạch (tội lỗi). Tuy nhiên, Allah sẽ tẩy sạch người nào Ngài muốn bởi vì Allah là Đấng Toàn Thính và Toàn Tri (Nghe và Biết hết mọi việc).

22.- Và những người giầu có và dồi dào phương tiện trong các người chớ nên thề dứt khoát rằng họ sẽ không bố thí cho bà con gần của họ[1], cho những người túng thiếu, và cho những người di-cư vì Chính Nghĩa của Allah (đã liên can trong vụ phao tin đồn thất thiệt). Ngược lại, họ nên độ lượng và bỏ qua (việc đó). Phải chăng các người không thích việc Allah tha thứ cho các người? Bởi vì quả thật, Allah là Đấng Hằng Tha thứ, Rất mực Khoan dung.

23.- Quả thật, những ai vu khống những người đàn bà trinh thục, ngây thơ và thiếu dè dặt, nhưng có đức tin thì sẽ bị nguyền rủa ở đời này và Đời Sau. Và chúng sẽ nhận một sự trừng phạt to lớn.

24.- Vào Ngày mà chiếc lưỡi cũng như bàn tay và bàn chân của chúng sẽ làm chứng chống lại chúng về những tội lỗi mà chúng đã phạm;

25.- Vào Ngày đó, Allah sẽ báo đền đầy đủ về hành vi của chúng và chúng sẽ biết Allah là Chân lý hiển hiện.

26.- Gian phụ xứng đôi với gian phu và gian phu xứng đôi với gian phụ; và phụ nữ đoan chính xứng đôi với đàn ông đứng đắn và đàn ông đứng đắn xứng đôi với phụ nữ đoan chính. Những người này vô tội về những điều vu khống mà chúng (những kẻ vu khống) đã nói ra. Họ sẽ được tha thứ và được ban cho bổng lộc dồi dào (nơi Thiên đàng).

27.- Hỡi những ai có đức tin! Chớ bước vào nhà của ai khác ngoài nhà của mình trừ phi các người xin phép chủ nhà (mà các người muốn vào) và chúc lời 'Salām' (Bằng-an) cho người trong nhà. Điều đó tốt cho các người để may ra các người ghi nhớ (phép lịch sự).

---

[1] Chi tiết này ám chỉ Abu Bakr, thân phụ của Ā'ishah, người vợ của Thiên sứ Muhammad (saw) đã thề thốt không chu cấp cho Mistah b. Uthatha đã đồng lõa trong vụ vu khống Ā'ishah. Sau khi Āyah này đã được mặc khải, Abu Bakr tiếp tục chu cấp cho Mistah như trước.

فَإِن لَّمْ تَجِدُوا۟ فِيهَآ أَحَدًا فَلَا تَدْخُلُوهَا حَتَّىٰ يُؤْذَنَ لَكُمْ ۖ وَإِن قِيلَ لَكُمُ ٱرْجِعُوا۟ فَٱرْجِعُوا۟ ۖ هُوَ أَزْكَىٰ لَكُمْ ۚ وَٱللَّهُ بِمَا تَعْمَلُونَ عَلِيمٌ ﴿٢٨﴾ لَّيْسَ عَلَيْكُمْ جُنَاحٌ أَن تَدْخُلُوا۟ بُيُوتًا غَيْرَ مَسْكُونَةٍ فِيهَا مَتَٰعٌ لَّكُمْ ۚ وَٱللَّهُ يَعْلَمُ مَا تُبْدُونَ وَمَا تَكْتُمُونَ ﴿٢٩﴾ قُل لِّلْمُؤْمِنِينَ يَغُضُّوا۟ مِنْ أَبْصَٰرِهِمْ وَيَحْفَظُوا۟ فُرُوجَهُمْ ۚ ذَٰلِكَ أَزْكَىٰ لَهُمْ ۗ إِنَّ ٱللَّهَ خَبِيرٌۢ بِمَا يَصْنَعُونَ ﴿٣٠﴾ وَقُل لِّلْمُؤْمِنَٰتِ يَغْضُضْنَ مِنْ أَبْصَٰرِهِنَّ وَيَحْفَظْنَ فُرُوجَهُنَّ وَلَا يُبْدِينَ زِينَتَهُنَّ إِلَّا مَا ظَهَرَ مِنْهَا ۖ وَلْيَضْرِبْنَ بِخُمُرِهِنَّ عَلَىٰ جُيُوبِهِنَّ ۖ وَلَا يُبْدِينَ زِينَتَهُنَّ إِلَّا لِبُعُولَتِهِنَّ أَوْ ءَابَآئِهِنَّ أَوْ ءَابَآءِ بُعُولَتِهِنَّ أَوْ أَبْنَآئِهِنَّ أَوْ أَبْنَآءِ بُعُولَتِهِنَّ أَوْ إِخْوَٰنِهِنَّ أَوْ بَنِىٓ إِخْوَٰنِهِنَّ أَوْ بَنِىٓ أَخَوَٰتِهِنَّ أَوْ نِسَآئِهِنَّ أَوْ مَا مَلَكَتْ أَيْمَٰنُهُنَّ أَوِ ٱلتَّٰبِعِينَ غَيْرِ أُو۟لِى ٱلْإِرْبَةِ مِنَ ٱلرِّجَالِ أَوِ ٱلطِّفْلِ ٱلَّذِينَ لَمْ يَظْهَرُوا۟ عَلَىٰ عَوْرَٰتِ ٱلنِّسَآءِ ۖ وَلَا يَضْرِبْنَ بِأَرْجُلِهِنَّ لِيُعْلَمَ مَا يُخْفِينَ مِن زِينَتِهِنَّ ۚ وَتُوبُوٓا۟ إِلَى ٱللَّهِ جَمِيعًا أَيُّهَ ٱلْمُؤْمِنُونَ لَعَلَّكُمْ تُفْلِحُونَ ﴿٣١﴾

28.- Nhưng nếu không thấy ai trong nhà thì chớ bước vào và (đợi) cho đến khi các người được cho phép. Và nếu được yêu cầu 'Hãy lui ra' thì hãy trở lui. Điều đó trong sạch cho các người hơn bởi vì Allah biết rõ những điều các người làm.

29.- Các người không có tội nếu bước vào những ngôi nhà không có người ở bên trong nhưng có các món (vật dụng) cho các người dùng, bởi vì Allah biết rõ điều các người tiết lộ và điều các người giấu giếm.

30.- Hãy bảo những người đàn ông có đức tin nên hạ cái nhìn (của họ) xuống và che phủ phần kín đáo (của cơ thể) của họ. Điều đó tốt cho họ hơn bởi vì Allah Hằng Quen thuộc với những điều họ làm.

31.- Hãy bảo những người phụ nữ có đức tin nên hạ thấp cái nhìn (của họ) xuống và che phủ phần kín đáo (của cơ thể) của họ và chớ phô bày nhan sắc ra ngoài ngoại trừ bộ phận nào lộ ra ngoài tự nhiên (như hai bàn tay, cặp mắt v.v...); và họ nên kéo khăn choàng phủ lên ngực; và chớ phô bày nhan sắc ngoại trừ đối với chồng, hoặc đối với cha ruột, hoặc cha chồng, hoặc con trai ruột, hoặc con trai của chồng, hoặc con trai của anh em ruột, hoặc con trai của chị em ruột, hoặc những người đàn bà (giúp việc), hoặc những người nô-lệ thuộc quyền sở hữu của họ, hoặc những người đàn ông phục dịch nhưng đã hết tình dục, hoặc những đứa bé không quen với các phần kín đáo của đàn bà; và (bảo họ) chớ nện (gót) chân mạnh (xuống đất) để cho người ta biết mình đang giấu nữ trang (trong người). Và hãy quay về sám hối với Allah, tất cả các người, hỡi những người có đức tin, để may ra các người được thành đạt.

وَأَنكِحُواْ ٱلۡأَيَٰمَىٰ مِنكُمۡ وَٱلصَّٰلِحِينَ مِنۡ عِبَادِكُمۡ وَإِمَآئِكُمۡۚ إِن يَكُونُواْ فُقَرَآءَ يُغۡنِهِمُ ٱللَّهُ مِن فَضۡلِهِۦۗ وَٱللَّهُ وَٰسِعٌ عَلِيمٞ ٣٢ وَلۡيَسۡتَعۡفِفِ ٱلَّذِينَ لَا يَجِدُونَ نِكَاحًا حَتَّىٰ يُغۡنِيَهُمُ ٱللَّهُ مِن فَضۡلِهِۦۗ وَٱلَّذِينَ يَبۡتَغُونَ ٱلۡكِتَٰبَ مِمَّا مَلَكَتۡ أَيۡمَٰنُكُمۡ فَكَاتِبُوهُمۡ إِنۡ عَلِمۡتُمۡ فِيهِمۡ خَيۡرٗاۖ وَءَاتُوهُم مِّن مَّالِ ٱللَّهِ ٱلَّذِيٓ ءَاتَىٰكُمۡۚ وَلَا تُكۡرِهُواْ فَتَيَٰتِكُمۡ عَلَى ٱلۡبِغَآءِ إِنۡ أَرَدۡنَ تَحَصُّنٗا لِّتَبۡتَغُواْ عَرَضَ ٱلۡحَيَوٰةِ ٱلدُّنۡيَاۚ وَمَن يُكۡرِههُّنَّ فَإِنَّ ٱللَّهَ مِنۢ بَعۡدِ إِكۡرَٰهِهِنَّ غَفُورٞ رَّحِيمٞ ٣٣ وَلَقَدۡ أَنزَلۡنَآ إِلَيۡكُمۡ ءَايَٰتٖ مُّبَيِّنَٰتٖ وَمَثَلٗا مِّنَ ٱلَّذِينَ خَلَوۡاْ مِن قَبۡلِكُمۡ وَمَوۡعِظَةٗ لِّلۡمُتَّقِينَ ٣٤ ۞ٱللَّهُ نُورُ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضِۚ مَثَلُ نُورِهِۦ كَمِشۡكَوٰةٖ فِيهَا مِصۡبَاحٌۖ ٱلۡمِصۡبَاحُ فِي زُجَاجَةٍۖ ٱلزُّجَاجَةُ كَأَنَّهَا كَوۡكَبٞ دُرِّيّٞ يُوقَدُ مِن شَجَرَةٖ مُّبَٰرَكَةٖ زَيۡتُونَةٖ لَّا شَرۡقِيَّةٖ وَلَا غَرۡبِيَّةٖ يَكَادُ زَيۡتُهَا يُضِيٓءُ وَلَوۡ لَمۡ تَمۡسَسۡهُ نَارٞۚ نُّورٌ عَلَىٰ نُورٖۚ يَهۡدِي ٱللَّهُ لِنُورِهِۦ مَن يَشَآءُۚ وَيَضۡرِبُ ٱللَّهُ ٱلۡأَمۡثَٰلَ لِلنَّاسِۗ وَٱللَّهُ بِكُلِّ شَيۡءٍ عَلِيمٞ ٣٥ فِي بُيُوتٍ أَذِنَ ٱللَّهُ أَن تُرۡفَعَ وَيُذۡكَرَ فِيهَا ٱسۡمُهُۥ يُسَبِّحُ لَهُۥ فِيهَا بِٱلۡغُدُوِّ وَٱلۡأٓصَالِ ٣٦

ربع الحزب ٣٦

32.- Và hãy kết hôn những người độc thân trong các người và những người đức hạnh trong số những người nam và nữ giúp việc. Nếu họ nghèo, Allah sẽ làm cho họ giầu với thiên lộc của Ngài bởi vì Allah Rộng rãi Bao la, Hằng Biết (mọi việc).

33.- Và đối với những ai không tìm ra phương tiện để kết hôn, thì hãy kiềm chế (và giữ mình trong sạch) cho đến khi Allah sẽ làm cho họ giầu với thiên lộc của Ngài. Và những ai trong số những người (nô-lệ) thuộc quyền sở hữu của các người đòi hỏi một chứng thư (trả tự do) thì hãy viết (nó) xuống cho họ nếu các người biết họ là người tốt và hãy ban cấp cho họ (tặng vật) từ tài sản mà Allah đã ban cho các người. Và chớ vì mục đích kiếm được món lợi trần gian mà ép buộc những phụ nữ nô-lệ của các người hành nghề mãi dâm nếu họ muốn giữ tiết hạnh. Và ai đã lỡ ép họ làm điều đó thì sau việc cưỡng bách (họ hành nghề), thì (nên biết rằng) Allah tỏ lòng tha thứ và khoan dung (đối với nạn nhân của việc cưỡng bách).

34.- Và chắc chắn *TA* đã ban những Lời mặc khải xuống để giải thích rõ sự việc và đó là một thí dụ rút từ (câu chuyện của) những người đã qua đời trước các người và là một lời cảnh cáo cho những người ngay chính.

35.- Allah là Ánh sáng của các tầng trời và trái đất. Ánh sáng của Ngài có thể ví như một cái chụp (khuôn) mà bên trong là ngọn đèn. Ngọn đèn nằm trong một lồng kiến (kính); lồng kiến như một ngôi sao sáng lấp lánh. Ngọn đèn được thắp từ một loại cây được ban phúc, cây ô-liu, không (mọc) ở hướng Đông cũng không (mọc) ở hướng Tây; dầu của nó rất gần, tỏa sáng mặc dầu chưa chạm phải lửa. Ánh sáng trên ánh sáng. Allah hướng dẫn đến Ánh sáng của Ngài người nào Ngài muốn. Allah đưa ra những thí dụ so sánh cho nhân loại bởi vì Allah Hằng Biết mọi việc.

36.- (Ánh sáng của Allah được tỏa) trong các ngôi nhà (thánh đường) mà Allah cho phép được dựng lên, được giữ sạch và được tôn trọng và trong đó tên của Ngài được tụng niệm. Họ (những người được soi sáng) tán dương Ngài trong đó vào buổi sáng và buổi tối:

رِجَالٌ لَّا تُلْهِيهِمْ تِجَٰرَةٌ وَلَا بَيْعٌ عَن ذِكْرِ ٱللَّهِ وَإِقَامِ ٱلصَّلَوٰةِ وَإِيتَآءِ ٱلزَّكَوٰةِ يَخَافُونَ يَوْمًا تَتَقَلَّبُ فِيهِ ٱلْقُلُوبُ وَٱلْأَبْصَٰرُ ﴿٣٧﴾ لِيَجْزِيَهُمُ ٱللَّهُ أَحْسَنَ مَا عَمِلُوا۟ وَيَزِيدَهُم مِّن فَضْلِهِۦ ۗ وَٱللَّهُ يَرْزُقُ مَن يَشَآءُ بِغَيْرِ حِسَابٍ ﴿٣٨﴾ وَٱلَّذِينَ كَفَرُوٓا۟ أَعْمَٰلُهُمْ كَسَرَابٍۭ بِقِيعَةٍ يَحْسَبُهُ ٱلظَّمْـَٔانُ مَآءً حَتَّىٰٓ إِذَا جَآءَهُۥ لَمْ يَجِدْهُ شَيْـًٔا وَوَجَدَ ٱللَّهَ عِندَهُۥ فَوَفَّىٰهُ حِسَابَهُۥ ۗ وَٱللَّهُ سَرِيعُ ٱلْحِسَابِ ﴿٣٩﴾ أَوْ كَظُلُمَٰتٍ فِى بَحْرٍ لُّجِّىٍّ يَغْشَىٰهُ مَوْجٌ مِّن فَوْقِهِۦ مَوْجٌ مِّن فَوْقِهِۦ سَحَابٌ ۚ ظُلُمَٰتٌۢ بَعْضُهَا فَوْقَ بَعْضٍ إِذَآ أَخْرَجَ يَدَهُۥ لَمْ يَكَدْ يَرَىٰهَا ۗ وَمَن لَّمْ يَجْعَلِ ٱللَّهُ لَهُۥ نُورًا فَمَا لَهُۥ مِن نُّورٍ ﴿٤٠﴾ أَلَمْ تَرَ أَنَّ ٱللَّهَ يُسَبِّحُ لَهُۥ مَن فِى ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلْأَرْضِ وَٱلطَّيْرُ صَٰٓفَّٰتٍ ۖ كُلٌّ قَدْ عَلِمَ صَلَاتَهُۥ وَتَسْبِيحَهُۥ ۗ وَٱللَّهُ عَلِيمٌۢ بِمَا يَفْعَلُونَ ﴿٤١﴾ وَلِلَّهِ مُلْكُ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلْأَرْضِ ۖ وَإِلَى ٱللَّهِ ٱلْمَصِيرُ ﴿٤٢﴾ أَلَمْ تَرَ أَنَّ ٱللَّهَ يُزْجِى سَحَابًا ثُمَّ يُؤَلِّفُ بَيْنَهُۥ ثُمَّ يَجْعَلُهُۥ رُكَامًا فَتَرَى ٱلْوَدْقَ يَخْرُجُ مِنْ خِلَٰلِهِۦ وَيُنَزِّلُ مِنَ ٱلسَّمَآءِ مِن جِبَالٍ فِيهَا مِنۢ بَرَدٍ فَيُصِيبُ بِهِۦ مَن يَشَآءُ وَيَصْرِفُهُۥ عَن مَّن يَشَآءُ ۖ يَكَادُ سَنَا بَرْقِهِۦ يَذْهَبُ بِٱلْأَبْصَٰرِ ﴿٤٣﴾

37.- Những người mà việc mua bán đổi chác cũng như việc làm ăn kinh doanh không làm xao lãng việc tưởng nhớ Allah, xao lãng việc dâng lễ '*Salāh*' và trả *Zakāh*. Họ lo sợ Ngày mà trái tim và cặp mắt của họ sẽ đảo lộn (về việc Allah sẽ phán xét họ).

38.- (Với hy vọng) Allah sẽ ân thưởng họ phần thưởng tốt nhất về những việc thiện mà họ đã làm và sẽ gia ân thêm cho họ bởi vì Allah cung dưỡng một cách vô kể người nào Ngài muốn với Thiên lộc của Ngài.

39.- Ngược lại, những ai không có đức tin thì việc làm của họ chẳng khác nào ảo ảnh nơi bãi sa-mạc mà một người chết khát cho là nước (uống), cho đến khi y đến nơi, y chẳng thấy gì cả mà chỉ thấy Allah với y; và Ngài trả đầy đủ phần trương mục của y cho y; bởi vì, Allah Rất Nhanh trong việc thanh toán.

40.- Hoặc (tình trạng của y) giống như cái u-tối dưới biển sâu không đáy. Y bị bao phủ bên trên bởi một lớp sóng, bên trên lớp sóng là một đám mây (đen), lớp u-tối này chồng lên lớp u-tối khác. Khi đưa tay ra, y không thấy nó được. Và ai mà Allah không ban cho ánh sáng thì không thể tiếp thu được ánh sáng.

41.- Há Ngươi không nhận thấy việc mọi vật trong các tầng trời và trái đất đều tán dương Allah kể cả những con chim xòe đôi cánh của chúng ra hay sao? Mỗi vật đều biết cách dâng lễ '*Salāh*' và cách tán dương của nó. Và Allah biết rõ những điều chúng làm.

42.- Bởi vì Allah nắm quyền thống trị các tầng trời và trái đất. Và mọi vật đều phải trở về với Allah.

43.- Há Ngươi không nhận thấy việc Allah di chuyển các luồng mây rồi kết hợp chúng lại thành một khối lớn; sau đó Ngươi thấy nước (mưa) từ giữa đó rơi xuống hay sao? Và Ngài ban từ bầu trời xuống (mây to như) những quả núi bên trong chứa mưa đá mà Ngài dùng để đánh kẻ nào Ngài muốn và đưa nó dang ra khỏi người nào Ngài muốn. Tia chớp của nó gần làm cho hoa mắt (mọi người).

يُقَلِّبُ ٱللَّهُ ٱلَّيۡلَ وَٱلنَّهَارَۚ إِنَّ فِي ذَٰلِكَ لَعِبۡرَةٗ لِّأُوْلِي ٱلۡأَبۡصَٰرِ ﴿٤٤﴾
وَٱللَّهُ خَلَقَ كُلَّ دَآبَّةٖ مِّن مَّآءٖۖ فَمِنۡهُم مَّن يَمۡشِي عَلَىٰ بَطۡنِهِۦ وَمِنۡهُم مَّن
يَمۡشِي عَلَىٰ رِجۡلَيۡنِ وَمِنۡهُم مَّن يَمۡشِي عَلَىٰٓ أَرۡبَعٖۚ يَخۡلُقُ ٱللَّهُ مَا يَشَآءُۚ
إِنَّ ٱللَّهَ عَلَىٰ كُلِّ شَيۡءٖ قَدِيرٞ ﴿٤٥﴾ لَّقَدۡ أَنزَلۡنَآ ءَايَٰتٖ مُّبَيِّنَٰتٖۚ
وَٱللَّهُ يَهۡدِي مَن يَشَآءُ إِلَىٰ صِرَٰطٖ مُّسۡتَقِيمٖ ﴿٤٦﴾ وَيَقُولُونَ
ءَامَنَّا بِٱللَّهِ وَبِٱلرَّسُولِ وَأَطَعۡنَا ثُمَّ يَتَوَلَّىٰ فَرِيقٞ مِّنۡهُم مِّنۢ بَعۡدِ
ذَٰلِكَۚ وَمَآ أُوْلَٰٓئِكَ بِٱلۡمُؤۡمِنِينَ ﴿٤٧﴾ وَإِذَا دُعُوٓاْ إِلَى ٱللَّهِ وَرَسُولِهِۦ
لِيَحۡكُمَ بَيۡنَهُمۡ إِذَا فَرِيقٞ مِّنۡهُم مُّعۡرِضُونَ ﴿٤٨﴾ وَإِن يَكُن لَّهُمُ ٱلۡحَقُّ
يَأۡتُوٓاْ إِلَيۡهِ مُذۡعِنِينَ ﴿٤٩﴾ أَفِي قُلُوبِهِم مَّرَضٌ أَمِ ٱرۡتَابُوٓاْ أَمۡ يَخَافُونَ
أَن يَحِيفَ ٱللَّهُ عَلَيۡهِمۡ وَرَسُولُهُۥۚ بَلۡ أُوْلَٰٓئِكَ هُمُ ٱلظَّٰلِمُونَ ﴿٥٠﴾ إِنَّمَا
كَانَ قَوۡلَ ٱلۡمُؤۡمِنِينَ إِذَا دُعُوٓاْ إِلَى ٱللَّهِ وَرَسُولِهِۦ لِيَحۡكُمَ بَيۡنَهُمۡ أَن
يَقُولُواْ سَمِعۡنَا وَأَطَعۡنَاۚ وَأُوْلَٰٓئِكَ هُمُ ٱلۡمُفۡلِحُونَ ﴿٥١﴾ وَمَن
يُطِعِ ٱللَّهَ وَرَسُولَهُۥ وَيَخۡشَ ٱللَّهَ وَيَتَّقۡهِ فَأُوْلَٰٓئِكَ هُمُ ٱلۡفَآئِزُونَ
﴿٥٢﴾ ۞ وَأَقۡسَمُواْ بِٱللَّهِ جَهۡدَ أَيۡمَٰنِهِمۡ لَئِنۡ أَمَرۡتَهُمۡ لَيَخۡرُجُنَّۖ قُل
لَّا تُقۡسِمُواْۖ طَاعَةٞ مَّعۡرُوفَةٌۚ إِنَّ ٱللَّهَ خَبِيرُۢ بِمَا تَعۡمَلُونَ ﴿٥٣﴾

نصف الحزب ٣٦

44.- Allah quay[1] ban đêm và ban ngày nối tiếp theo nhau. Quả thật, trong (sự việc) đó là một bài học cho những người có cái nhìn thấu suốt.

45.- Và Allah tạo mọi sinh vật từ nước. Trong số những sinh vật đó, có con trườn bằng bụng; và trong chúng, có con đi bằng hai chân; và trong chúng, có con đi bằng bốn chân. Allah tạo hóa vật gì Ngài muốn; bởi vì Allah có toàn quyền định đoạt trên tất cả mọi việc.

46.- Chắc chắn *TA* đã ban những Lời mặc khải xuống để trình bày rõ sự việc. Và Allah hướng dẫn đến Chính đạo người nào Ngài muốn.

47.- Và chúng (những tên đạo đức giả) nói: "Chúng tôi tin tưởng nơi Allah và Sứ giả (Muhammad) và chúng tôi vâng lời." Nhưng sau đó, một phần tử của chúng quay bỏ đi. Và chúng là những kẻ không có đức tin.

48.- Và khi chúng được gọi đến với Allah và Sứ giả của Ngài để Người phân xử giữa bọn chúng thì một phần tử lánh mặt bỏ đi.

49.- Nhưng nếu chúng nắm được phần phải thì chúng sẵn sàng đến gặp Sứ giả (Muhammad) ngay.

50.- Phải chăng trong trái tim (tấm lòng) của chúng có một căn bệnh? Hay là chúng nghi hoặc? Hay là chúng sợ Allah và Sứ giả của Ngài xử ép chúng? Không, những người này là những kẻ làm điều sai quấy.

51.- Lời tuyên bố của những người thật sự có đức tin khi được mời đến với Allah và Sứ giả của Ngài để Người phân xử giữa họ, chỉ gồm có câu: "Chúng tôi nghe và chúng tôi vâng lời." Những người này là những người sẽ thắng lợi.

52.- Và ai vâng lời Allah và Sứ giả của Ngài và sợ Allah và ngay chính với Ngài, thì là những người sẽ thành đạt.

53.- (Những kẻ giả dối) mang Allah ra thề bằng lời thề nghiêm trọng (nói) nếu Ngươi (Muhammad) ra lệnh cho chúng thì chắc chắn chúng sẽ ra đi (chiến đấu). Hãy bảo chúng: "Chớ thề thốt làm gì. Sự vâng lời đó đều được nhìn nhận (là dối trá)." Bởi vì quả thật, Allah Rất Am tường mọi điều các ngươi làm.

---

[1] *Qalaba* là quay, lật, trở

قُلْ أَطِيعُوا۟ ٱللَّهَ وَأَطِيعُوا۟ ٱلرَّسُولَ ۖ فَإِن تَوَلَّوْا۟ فَإِنَّمَا عَلَيْهِ مَا حُمِّلَ وَعَلَيْكُم مَّا حُمِّلْتُمْ ۖ وَإِن تُطِيعُوهُ تَهْتَدُوا۟ ۚ وَمَا عَلَى ٱلرَّسُولِ إِلَّا ٱلْبَلَٰغُ ٱلْمُبِينُ ﴿٥٤﴾ وَعَدَ ٱللَّهُ ٱلَّذِينَ ءَامَنُوا۟ مِنكُمْ وَعَمِلُوا۟ ٱلصَّٰلِحَٰتِ لَيَسْتَخْلِفَنَّهُمْ فِى ٱلْأَرْضِ كَمَا ٱسْتَخْلَفَ ٱلَّذِينَ مِن قَبْلِهِمْ وَلَيُمَكِّنَنَّ لَهُمْ دِينَهُمُ ٱلَّذِى ٱرْتَضَىٰ لَهُمْ وَلَيُبَدِّلَنَّهُم مِّنۢ بَعْدِ خَوْفِهِمْ أَمْنًا ۚ يَعْبُدُونَنِى لَا يُشْرِكُونَ بِى شَيْـًٔا ۚ وَمَن كَفَرَ بَعْدَ ذَٰلِكَ فَأُو۟لَٰٓئِكَ هُمُ ٱلْفَٰسِقُونَ ﴿٥٥﴾ وَأَقِيمُوا۟ ٱلصَّلَوٰةَ وَءَاتُوا۟ ٱلزَّكَوٰةَ وَأَطِيعُوا۟ ٱلرَّسُولَ لَعَلَّكُمْ تُرْحَمُونَ ﴿٥٦﴾ لَا تَحْسَبَنَّ ٱلَّذِينَ كَفَرُوا۟ مُعْجِزِينَ فِى ٱلْأَرْضِ ۚ وَمَأْوَىٰهُمُ ٱلنَّارُ ۖ وَلَبِئْسَ ٱلْمَصِيرُ ﴿٥٧﴾ يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُوا۟ لِيَسْتَـْٔذِنكُمُ ٱلَّذِينَ مَلَكَتْ أَيْمَٰنُكُمْ وَٱلَّذِينَ لَمْ يَبْلُغُوا۟ ٱلْحُلُمَ مِنكُمْ ثَلَٰثَ مَرَّٰتٍ ۚ مِّن قَبْلِ صَلَوٰةِ ٱلْفَجْرِ وَحِينَ تَضَعُونَ ثِيَابَكُم مِّنَ ٱلظَّهِيرَةِ وَمِنۢ بَعْدِ صَلَوٰةِ ٱلْعِشَآءِ ۚ ثَلَٰثُ عَوْرَٰتٍ لَّكُمْ ۚ لَيْسَ عَلَيْكُمْ وَلَا عَلَيْهِمْ جُنَاحٌۢ بَعْدَهُنَّ ۚ طَوَّٰفُونَ عَلَيْكُم بَعْضُكُمْ عَلَىٰ بَعْضٍ ۚ كَذَٰلِكَ يُبَيِّنُ ٱللَّهُ لَكُمُ ٱلْءَايَٰتِ ۗ وَٱللَّهُ عَلِيمٌ حَكِيمٌ ﴿٥٨﴾

54.- Hãy bảo chúng: "Hãy vâng lệnh Allah và vâng lệnh Sứ giả (Muhammad). Nhưng nếu các người quay bỏ đi thì (nên biết rằng) Người chỉ chịu trách nhiệm về việc làm của Người, còn các ngươi thì về việc làm của các ngươi. Và nếu các ngươi vâng lệnh Người thì sẽ được hướng dẫn đúng đường bởi vì nhiệm vụ của một sứ giả chỉ là công khai truyền đạt (Thông điệp của Allah).

55.- Allah đã hứa với những ai có đức tin và làm việc thiện trong các người rằng chắc chắn Ngài sẽ làm cho họ trở thành những người nối nghiệp của Ngài trên trái đất giống như việc Ngài đã làm cho những ai trước họ trở thành những người nối nghiệp như thế và chắc chắn Ngài sẽ thiết lập cho họ tôn giáo của họ mà Ngài đã chấp thuận và chắc chắn Ngài sẽ đổi lại cho họ tình trạng an-ninh và thanh bình sau cảnh phập phòng lo sợ của họ (với điều kiện) họ chỉ thờ phụng riêng TA (Allah) thôi, và không tổ hợp bất cứ cái gì với TA; và sau đó, ai không tin tưởng thì sẽ là những kẻ nổi loạn và bất tuân Allah.

56.- Và hãy dâng lễ '*Salāh*' và trả *Zakāh* và vâng lệnh Sứ giả để may ra các người được (Allah) khoan dung.

57.- Chớ nghĩ rằng những kẻ không có đức tin sẽ thoát khỏi (vòng kiềm tỏa của Allah) trên mặt đất bởi vì chỗ ngụ của chúng sẽ là Hỏa ngục, một nơi trở về rất xấu xa.

58.- Hỡi những ai có đức tin! Hãy để cho những ai thuộc quyền sở hữu của các người và những ai chưa đến tuổi dậy thì hỏi xin phép các người (trước khi vào phòng riêng của các người) vào ba lúc: vào lúc trước cuộc dâng lễ *Salāh* buổi sáng, và vào lúc các người cởi trần để (nằm nghỉ) buổi trưa và vào lúc sau cuộc dâng lễ buổi tối- đó là ba thời điểm mà các người ở trần để nghỉ ngơi- Các người, cũng như họ, không có tội ngoài ba lúc đó nếu các người đi lại giao tế với nhau. Allah trình bày rõ những Lời mặc khải của Ngài cho các người đúng như thế bởi vì Allah Toàn Tri, Rất mực Sáng suốt.

وَإِذَا بَلَغَ ٱلْأَطْفَٰلُ مِنكُمُ ٱلْحُلُمَ فَلْيَسْتَـْٔذِنُوا۟ كَمَا ٱسْتَـْٔذَنَ ٱلَّذِينَ مِن قَبْلِهِمْ ۚ كَذَٰلِكَ يُبَيِّنُ ٱللَّهُ لَكُمْ ءَايَٰتِهِۦ ۗ وَٱللَّهُ عَلِيمٌ حَكِيمٌ ﴿٥٩﴾ وَٱلْقَوَٰعِدُ مِنَ ٱلنِّسَآءِ ٱلَّٰتِى لَا يَرْجُونَ نِكَاحًا فَلَيْسَ عَلَيْهِنَّ جُنَاحٌ أَن يَضَعْنَ ثِيَابَهُنَّ غَيْرَ مُتَبَرِّجَٰتٍۭ بِزِينَةٍ ۖ وَأَن يَسْتَعْفِفْنَ خَيْرٌ لَّهُنَّ ۗ وَٱللَّهُ سَمِيعٌ عَلِيمٌ ﴿٦٠﴾ لَّيْسَ عَلَى ٱلْأَعْمَىٰ حَرَجٌ وَلَا عَلَى ٱلْأَعْرَجِ حَرَجٌ وَلَا عَلَى ٱلْمَرِيضِ حَرَجٌ وَلَا عَلَىٰٓ أَنفُسِكُمْ أَن تَأْكُلُوا۟ مِنۢ بُيُوتِكُمْ أَوْ بُيُوتِ ءَابَآئِكُمْ أَوْ بُيُوتِ أُمَّهَٰتِكُمْ أَوْ بُيُوتِ إِخْوَٰنِكُمْ أَوْ بُيُوتِ أَخَوَٰتِكُمْ أَوْ بُيُوتِ أَعْمَٰمِكُمْ أَوْ بُيُوتِ عَمَّٰتِكُمْ أَوْ بُيُوتِ أَخْوَٰلِكُمْ أَوْ بُيُوتِ خَٰلَٰتِكُمْ أَوْ مَا مَلَكْتُم مَّفَاتِحَهُۥٓ أَوْ صَدِيقِكُمْ ۚ لَيْسَ عَلَيْكُمْ جُنَاحٌ أَن تَأْكُلُوا۟ جَمِيعًا أَوْ أَشْتَاتًا ۚ فَإِذَا دَخَلْتُم بُيُوتًا فَسَلِّمُوا۟ عَلَىٰٓ أَنفُسِكُمْ تَحِيَّةً مِّنْ عِندِ ٱللَّهِ مُبَٰرَكَةً طَيِّبَةً ۚ كَذَٰلِكَ يُبَيِّنُ ٱللَّهُ لَكُمُ ٱلْءَايَٰتِ لَعَلَّكُمْ تَعْقِلُونَ ﴿٦١﴾

59.- Và khi con cái của các người đến tuổi dậy thì, hãy bắt chúng hỏi xin phép (trước khi vào phòng riêng của các người) giống như những ai trước chúng đã hỏi xin phép. Allah trình bày rõ những Lời mặc khải của Ngài cho các người đúng như thế bởi vì Allah Toàn Tri, Vô cùng Sáng suốt.

60.- Và những người đàn bà quá tuổi sinh con và đã bỏ ý định lập gia đình sẽ không có tội nếu họ cởi lớp áo ngoài của họ ra miễn là không lả lơi phơi bày nhan sắc. Và nếu họ tự chế được thì sẽ tốt cho họ hơn. Bởi vì Allah Toàn Thính và Toàn Tri.

61.- Người mù và người què và người mắc bệnh cũng như chính bản thân của các người không có tội nếu các người dùng bữa tại nhà của các người, hoặc tại nhà của cha, hoặc của mẹ, hoặc của anh em ruột, hoặc của chị em ruột, hoặc nhà của chú bác, hoặc nhà của cô, hoặc nhà của cậu, hoặc nhà của dì, hoặc tại nhà mà các người giữ chìa khóa, hoặc tại nhà của một người bạn. Các người không có tội nếu các người ăn chung hoặc ăn riêng từng nhóm. Nhưng khi các người bước vào nhà, hãy chào hỏi lẫn nhau bằng lời chào đầy phúc đức và tốt đẹp do Allah (dạy). Allah trình bày rõ những Lời mặc khải của Ngài cho các người đúng như thế để may ra các người hiểu được.

إِنَّمَا ٱلْمُؤْمِنُونَ ٱلَّذِينَ ءَامَنُوا۟ بِٱللَّهِ وَرَسُولِهِۦ وَإِذَا كَانُوا۟ مَعَهُۥ عَلَىٰٓ أَمْرٍ جَامِعٍ لَّمْ يَذْهَبُوا۟ حَتَّىٰ يَسْتَـْٔذِنُوهُ ۚ إِنَّ ٱلَّذِينَ يَسْتَـْٔذِنُونَكَ أُو۟لَـٰٓئِكَ ٱلَّذِينَ يُؤْمِنُونَ بِٱللَّهِ وَرَسُولِهِۦ ۚ فَإِذَا ٱسْتَـْٔذَنُوكَ لِبَعْضِ شَأْنِهِمْ فَأْذَن لِّمَن شِئْتَ مِنْهُمْ وَٱسْتَغْفِرْ لَهُمُ ٱللَّهَ ۚ إِنَّ ٱللَّهَ غَفُورٌ رَّحِيمٌ ﴿٦٢﴾ لَّا تَجْعَلُوا۟ دُعَآءَ ٱلرَّسُولِ بَيْنَكُمْ كَدُعَآءِ بَعْضِكُم بَعْضًا ۚ قَدْ يَعْلَمُ ٱللَّهُ ٱلَّذِينَ يَتَسَلَّلُونَ مِنكُمْ لِوَاذًا ۚ فَلْيَحْذَرِ ٱلَّذِينَ يُخَالِفُونَ عَنْ أَمْرِهِۦٓ أَن تُصِيبَهُمْ فِتْنَةٌ أَوْ يُصِيبَهُمْ عَذَابٌ أَلِيمٌ ﴿٦٣﴾ أَلَآ إِنَّ لِلَّهِ مَا فِى ٱلسَّمَـٰوَٰتِ وَٱلْأَرْضِ ۖ قَدْ يَعْلَمُ مَآ أَنتُمْ عَلَيْهِ وَيَوْمَ يُرْجَعُونَ إِلَيْهِ فَيُنَبِّئُهُم بِمَا عَمِلُوا۟ ۗ وَٱللَّهُ بِكُلِّ شَىْءٍ عَلِيمٌۢ ﴿٦٤﴾

سُورَةُ الفُرْقَانِ

بِسْمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحْمَـٰنِ ٱلرَّحِيمِ

تَبَارَكَ ٱلَّذِى نَزَّلَ ٱلْفُرْقَانَ عَلَىٰ عَبْدِهِۦ لِيَكُونَ لِلْعَـٰلَمِينَ نَذِيرًا ﴿١﴾ ٱلَّذِى لَهُۥ مُلْكُ ٱلسَّمَـٰوَٰتِ وَٱلْأَرْضِ وَلَمْ يَتَّخِذْ وَلَدًا وَلَمْ يَكُن لَّهُۥ شَرِيكٌ فِى ٱلْمُلْكِ وَخَلَقَ كُلَّ شَىْءٍ فَقَدَّرَهُۥ تَقْدِيرًا ﴿٢﴾

ثلاثة أرباع الحزب ٣٦

62.- Chỉ được gọi là người có đức tin những ai tin nơi Allah và Sứ giả của Ngài và khi ở cùng với Người để bàn công việc chung, họ không ngang nhiên bỏ đi trừ phi xin phép rời (buổi họp) bởi vì những ai hỏi xin phép Ngươi thì đó là những người thực sự tin tưởng nơi Allah và Sứ giả của Ngài. Bởi thế, nếu họ xin phép Ngươi để đi lo công việc (làm ăn) của họ, thì hãy chấp thuận cho người nào của họ mà Ngươi muốn và hãy xin Allah tha thứ cho họ bởi vì quả thật, Allah Hằng Tha thứ, Rất mực Khoan dung.

63.- Chớ nghĩ việc Sứ giả (Muhammad) gọi các người giống như việc các người gọi nhau. Allah biết rõ những ai trong các người đã lén lút bỏ đi. Bởi thế, hãy cảnh cáo những ai chống đối mệnh lệnh của Người (Sứ giả Muhammad) nên biết, nếu làm thế, chúng sẽ gặp phải hoạn nạn hay gặp phải một hình phạt đau đớn.

64.- Chắc chắn, mọi vật trong các tầng trời và trái đất đều là (tạo vật) của Allah. Chắc chắn, Ngài biết điều mà các người định làm; và vào Ngày họ sẽ được đưa về trình diện Ngài trở lại, Ngài sẽ báo cho họ biết điều mà họ đã từng làm bởi vì Allah Hằng Biết (mọi việc).

AL-FURQĀN
(Tiêu Chuẩn)

Nhân danh Allah, Đấng Rất mực Độ lượng,
Đấng Rất mực Khoan dung

1.- Phúc thay (Allah!) Đấng đã ban Tiêu chuẩn (phân biệt phúc và tội)[1] xuống cho người tôi trung (Muhammad) của Ngài để Người trở thành một vị Cảnh cáo cho muôn loài (người và *jinn).*

2.- Đấng nắm quyền thống trị các tầng trời và trái đất; Ngài đã không nhận (ai) làm con trai của Ngài và cũng không có một 'kẻ hợp tác' nào trong việc ngự trị của Ngài; Và Ngài đã tạo hóa tất cả mọi vật và đo lường (mỗi vật) theo đúng mức lượng của nó.

[1] Furqan tức Qur'ān

وَٱتَّخَذُواْ مِن دُونِهِۦٓ ءَالِهَةٗ لَّا يَخۡلُقُونَ شَيۡـٔٗا وَهُمۡ يُخۡلَقُونَ
وَلَا يَمۡلِكُونَ لِأَنفُسِهِمۡ ضَرّٗا وَلَا نَفۡعٗا وَلَا يَمۡلِكُونَ مَوۡتٗا
وَلَا حَيَوٰةٗ وَلَا نُشُورٗا ٣ وَقَالَ ٱلَّذِينَ كَفَرُوٓاْ إِنۡ هَٰذَآ إِلَّآ
إِفۡكٌ ٱفۡتَرَىٰهُ وَأَعَانَهُۥ عَلَيۡهِ قَوۡمٌ ءَاخَرُونَۖ فَقَدۡ جَآءُو ظُلۡمٗا
وَزُورٗا ٤ وَقَالُوٓاْ أَسَٰطِيرُ ٱلۡأَوَّلِينَ ٱكۡتَتَبَهَا فَهِيَ تُمۡلَىٰ
عَلَيۡهِ بُكۡرَةٗ وَأَصِيلٗا ٥ قُلۡ أَنزَلَهُ ٱلَّذِي يَعۡلَمُ ٱلسِّرَّ
فِي ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضِۚ إِنَّهُۥ كَانَ غَفُورٗا رَّحِيمٗا ٦
وَقَالُواْ مَالِ هَٰذَا ٱلرَّسُولِ يَأۡكُلُ ٱلطَّعَامَ وَيَمۡشِي فِي
ٱلۡأَسۡوَاقِ لَوۡلَآ أُنزِلَ إِلَيۡهِ مَلَكٞ فَيَكُونَ مَعَهُۥ نَذِيرًا ٧
أَوۡ يُلۡقَىٰٓ إِلَيۡهِ كَنزٌ أَوۡ تَكُونُ لَهُۥ جَنَّةٞ يَأۡكُلُ مِنۡهَاۚ وَقَالَ
ٱلظَّٰلِمُونَ إِن تَتَّبِعُونَ إِلَّا رَجُلٗا مَّسۡحُورًا ٨ ٱنظُرۡ
كَيۡفَ ضَرَبُواْ لَكَ ٱلۡأَمۡثَٰلَ فَضَلُّواْ فَلَا يَسۡتَطِيعُونَ
سَبِيلٗا ٩ تَبَارَكَ ٱلَّذِيٓ إِن شَآءَ جَعَلَ لَكَ خَيۡرٗا مِّن ذَٰلِكَ
جَنَّٰتٖ تَجۡرِي مِن تَحۡتِهَا ٱلۡأَنۡهَٰرُ وَيَجۡعَل لَّكَ قُصُورَۢا ١٠ بَلۡ
كَذَّبُواْ بِٱلسَّاعَةِۖ وَأَعۡتَدۡنَا لِمَن كَذَّبَ بِٱلسَّاعَةِ سَعِيرًا ١١

3.- Nhưng ngoài Ngài, họ tôn thờ những thần linh không có khả năng tạo được vật gì trong lúc chính chúng lại được tạo ra và chúng không làm hại cũng không làm lợi gì được cho chính mình và cũng không có khả năng làm cho chết, và làm cho sống và cũng không thể phục sinh được (người chết).

4.- Và những ai không có đức tin nói: "Đây chẳng qua là một điều dối trá mà Y (Muhammad) đã bịa đặt và có một đám người khác đã giúp Y làm Nó (Qur'ān). Nhưng chắc chắn chúng (mới là những kẻ) đã đưa ra lời sai quấy và điều giả dối.

5.- Và chúng nói: "Toàn là chuyện cổ tích của người đời xưa mà Y đã cho viết lại và đã được đọc ra cho Y sáng và chiều."

6.- Hãy bảo chúng: "Nó (Qur'ān) do Đấng Hằng Biết điều bí mật trong các tầng trời và trái đất ban xuống. Quả thật, Ngài là Đấng Hằng Tha thứ, Rất mực Khoan dung.

7.- Và chúng nói: "Sứ giả gì như thế này? Y dùng thực phẩm và đi rong giữa chợ! Tại sao không có một thiên thần được cử xuống với Y để làm một vị Cảnh cáo cùng với Y?

8.- "Hoặc tại sao (Allah) không ban cho Y một kho tàng hoặc tại sao Y không làm chủ một ngôi vườn mà Y sẽ ăn (trái) của nó?" Và những kẻ làm điều sai quấy nói: "Các ông chỉ nghe theo một người bị mê-hoặc."

9.- Thấy không! Chúng đã đưa ra một thí dụ so sánh cho Người như thế. Bởi vậy chúng đã lạc đường. Rồi chúng sẽ không thể tìm thấy Chính đạo.

10.- Phúc thay (Allah!) Nếu Ngài muốn, Ngài sẽ làm ra những thứ còn tốt hơn những thứ đó cho Người: những ngôi vườn bên dưới có các dòng suối chảy và các biệt thự cho Người.

11.- Không! Chúng phủ nhận Giờ Xét xử và *TA* đã chuẩn bị một Lửa ngọn cho những ai phủ nhận Giờ Xét xử.

إِذَا رَأَتْهُم مِّن مَّكَانٍۭ بَعِيدٍ سَمِعُواْ لَهَا تَغَيُّظًا وَزَفِيرًا ١٢
وَإِذَآ أُلْقُواْ مِنْهَا مَكَانًا ضَيِّقًا مُّقَرَّنِينَ دَعَوْاْ هُنَالِكَ ثُبُورًا
١٣ لَّا تَدْعُواْ ٱلْيَوْمَ ثُبُورًا وَٰحِدًا وَٱدْعُواْ ثُبُورًا كَثِيرًا ١٤
قُلْ أَذَٰلِكَ خَيْرٌ أَمْ جَنَّةُ ٱلْخُلْدِ ٱلَّتِى وُعِدَ ٱلْمُتَّقُونَۚ كَانَتْ
لَهُمْ جَزَآءً وَمَصِيرًا ١٥ لَّهُمْ فِيهَا مَا يَشَآءُونَ خَٰلِدِينَۚ
كَانَ عَلَىٰ رَبِّكَ وَعْدًا مَّسْـُٔولًا ١٦ وَيَوْمَ يَحْشُرُهُمْ وَمَا
يَعْبُدُونَ مِن دُونِ ٱللَّهِ فَيَقُولُ ءَأَنتُمْ أَضْلَلْتُمْ عِبَادِى
هَٰٓؤُلَآءِ أَمْ هُمْ ضَلُّواْ ٱلسَّبِيلَ ١٧ قَالُواْ سُبْحَٰنَكَ مَا كَانَ
يَنۢبَغِى لَنَآ أَن نَّتَّخِذَ مِن دُونِكَ مِنْ أَوْلِيَآءَ وَلَٰكِن مَّتَّعْتَهُمْ
وَءَابَآءَهُمْ حَتَّىٰ نَسُواْ ٱلذِّكْرَ وَكَانُواْ قَوْمًۢا بُورًا ١٨
فَقَدْ كَذَّبُوكُم بِمَا تَقُولُونَ فَمَا تَسْتَطِيعُونَ صَرْفًا
وَلَا نَصْرًاۚ وَمَن يَظْلِم مِّنكُمْ نُذِقْهُ عَذَابًا كَبِيرًا ١٩
وَمَآ أَرْسَلْنَا قَبْلَكَ مِنَ ٱلْمُرْسَلِينَ إِلَّآ إِنَّهُمْ لَيَأْكُلُونَ
ٱلطَّعَامَ وَيَمْشُونَ فِى ٱلْأَسْوَاقِۗ وَجَعَلْنَا بَعْضَكُمْ
لِبَعْضٍ فِتْنَةً أَتَصْبِرُونَۗ وَكَانَ رَبُّكَ بَصِيرًا ٢٠

12.- Khi nó (Lửa) thấy chúng từ xa, chúng sẽ nghe nó gào thét gầm gừ;

13.- Và khi bị xích và bị ném vào một xó chật hẹp của nó (Hỏa ngục), chúng sẽ kêu gào cho được chết phứt trong đó;

14.- Ngày nay, chớ kêu la cho được chết phứt mà hãy kêu gào cho được chết nhiều lần.

15.- Hãy bảo chúng: "Phải chăng (Hỏa ngục) tốt hay Thiên đàng Vĩnh cửu được hứa ban cấp cho những người ngay chính sợ Allah tốt hơn? Thiên đàng là phần thưởng và là nơi đến cuối cùng của họ.

16.- Trong đó, họ sẽ được mọi thứ mà họ mong ước và sẽ ở vĩnh viễn. Đó là một lời hứa mà *Rabb* của Người bắt buộc phải thi hành.

17.- Vào một Ngày mà Ngài (Allah) sẽ tập trung chúng với những kẻ mà chúng thờ phụng ngoài Allah, rồi Ngài sẽ hỏi: "Phải chăng các ngươi đã dắt các bầy tôi này của TA đi lạc hay tự chúng đi lạc?"

18.- Chúng sẽ thưa: "Quang vinh và trong sạch thay Ngài! Bảo chúng tôi đã tôn thờ các thần phù hộ khác thay vì Ngài thì là một điều không đúng đối với chúng tôi. Nhưng Ngài đã ban cho chúng và cha mẹ của chúng mọi thứ tiện nghi (trên trần thế) đến đỗi chúng quên mất Lời Cảnh cáo (của Ngài) và đã trở thành đám người suy đồi."

19.- "Bây giờ chúng (thần linh) xác nhận các ngươi đã nói dối về những điều mà các ngươi đã từng nói; bởi thế các ngươi không thể gỡ gạc cũng không được giúp đỡ." Và ai trong các ngươi làm điều sai quấy thì *TA* sẽ cho y nếm một sự trừng phạt lớn lao.

20.- Và không một sứ giả nào trong số các Sứ giả mà *TA* đã cử đến trước Người (hỡi Muhammad!) lại không dùng thực phẩm và không đi rong giữa chợ; và *TA* đã dùng một số người này để thử thách một số người kia hầu xem các người có kiên nhẫn hay không? Và *Rabb* (Allah) của Người là Đấng Hằng Thấy (mọi việc).

۞ وَقَالَ ٱلَّذِينَ لَا يَرْجُونَ لِقَآءَنَا لَوْلَآ أُنزِلَ عَلَيْنَا ٱلْمَلَٰٓئِكَةُ أَوْ نَرَىٰ رَبَّنَا ۗ لَقَدِ ٱسْتَكْبَرُوا۟ فِىٓ أَنفُسِهِمْ وَعَتَوْ عُتُوًّا كَبِيرًا ﴿٢١﴾ يَوْمَ يَرَوْنَ ٱلْمَلَٰٓئِكَةَ لَا بُشْرَىٰ يَوْمَئِذٍ لِّلْمُجْرِمِينَ وَيَقُولُونَ حِجْرًا مَّحْجُورًا ﴿٢٢﴾ وَقَدِمْنَآ إِلَىٰ مَا عَمِلُوا۟ مِنْ عَمَلٍ فَجَعَلْنَٰهُ هَبَآءً مَّنثُورًا ﴿٢٣﴾ أَصْحَٰبُ ٱلْجَنَّةِ يَوْمَئِذٍ خَيْرٌ مُّسْتَقَرًّا وَأَحْسَنُ مَقِيلًا ﴿٢٤﴾ وَيَوْمَ تَشَقَّقُ ٱلسَّمَآءُ بِٱلْغَمَٰمِ وَنُزِّلَ ٱلْمَلَٰٓئِكَةُ تَنزِيلًا ﴿٢٥﴾ ٱلْمُلْكُ يَوْمَئِذٍ ٱلْحَقُّ لِلرَّحْمَٰنِ ۚ وَكَانَ يَوْمًا عَلَى ٱلْكَٰفِرِينَ عَسِيرًا ﴿٢٦﴾ وَيَوْمَ يَعَضُّ ٱلظَّالِمُ عَلَىٰ يَدَيْهِ يَقُولُ يَٰلَيْتَنِى ٱتَّخَذْتُ مَعَ ٱلرَّسُولِ سَبِيلًا ﴿٢٧﴾ يَٰوَيْلَتَىٰ لَيْتَنِى لَمْ أَتَّخِذْ فُلَانًا خَلِيلًا ﴿٢٨﴾ لَّقَدْ أَضَلَّنِى عَنِ ٱلذِّكْرِ بَعْدَ إِذْ جَآءَنِى ۗ وَكَانَ ٱلشَّيْطَٰنُ لِلْإِنسَٰنِ خَذُولًا ﴿٢٩﴾ وَقَالَ ٱلرَّسُولُ يَٰرَبِّ إِنَّ قَوْمِى ٱتَّخَذُوا۟ هَٰذَا ٱلْقُرْءَانَ مَهْجُورًا ﴿٣٠﴾ وَكَذَٰلِكَ جَعَلْنَا لِكُلِّ نَبِىٍّ عَدُوًّا مِّنَ ٱلْمُجْرِمِينَ ۗ وَكَفَىٰ بِرَبِّكَ هَادِيًا وَنَصِيرًا ﴿٣١﴾ وَقَالَ ٱلَّذِينَ كَفَرُوا۟ لَوْلَا نُزِّلَ عَلَيْهِ ٱلْقُرْءَانُ جُمْلَةً وَٰحِدَةً ۚ كَذَٰلِكَ لِنُثَبِّتَ بِهِۦ فُؤَادَكَ ۖ وَرَتَّلْنَٰهُ تَرْتِيلًا ﴿٣٢﴾

21.- Và những ai không mong gặp lại *TA* (ở Đời sau) lên tiếng: "Tại sao không có những thiên thần được cử xuống cho bọn ta hoặc tại sao bọn ta không thấy *Rabb* (Đấng Chủ Tể) của bọn ta? Chắc chắn, chúng đã tỏ lòng tự cao và tự phụ quá mức.

22.- Vào Ngày mà chúng sẽ thấy Thiên thần, ngày đó những kẻ tội lỗi sẽ không được một tin vui nào cả và (Thiên thần) sẽ bảo (chúng): "Dang ra! Hãy dang ra xa[1]!"

23.- Và *TA* sẽ xét lại công trình nào mà chúng đã làm ra và sẽ làm cho nó thành tro bay tứ tán.

24.- Những cư dân của Thiên đàng vào Ngày đó sẽ có một nơi ngụ tốt và một chỗ nghỉ tốt đẹp.

25.- Và vào một Ngày mà bầu trời sẽ chẻ đôi với những áng mây và các Thiên thần sẽ được cử xuống rầm rộ.

26.- Quyền thống trị vào Ngày đó đúng là của Đấng Rất Mực Độ Lượng và là một Ngày thật gian nan cho những kẻ không có đức tin.

27.- Và vào Ngày mà tên làm điều sai quấy sẽ vừa cắn đầu ngón tay vừa than thở: "Ôi khổ cho thân tôi! Phải chi tôi theo con đường cùng với Sứ giả (Muhammad thì đâu đến nỗi này!)

28.- "Ôi khổ cho thân tôi! Phải chi tôi đừng làm bạn với tên đó!

29.- "Chắc chắn, nó đã dắt tôi lạc xa Thông-điệp Nhắc-nhở (Qur'ān) sau khi tôi đã tiếp thu Nó. Quả thật, Shaytān là một tên phản bội loài người (vào lúc nguy khốn)."

30.- Và Sứ Giả (Muhammad) thưa: "Lạy *Rabb* của bề tôi! Quả thật, người dân của bề tôi xao lãng Qur'ān này!"

31.- Và *TA* đã dựng trong số những kẻ tội lỗi một kẻ thù chống đối mỗi vị *Nabi*. Nhưng *Rabb* của Ngươi đủ làm một Vị Hướng đạo và một Vị Cứu tinh (cho Ngươi).

32.- Và những kẻ không có đức tin lên tiếng: "Tại sao trọn bộ Qur'ān không được mặc khải cho Y một lần một? (*TA* mặc khải Nó) đúng như thế là vì *TA* muốn dùng Nó để củng cố tấm lòng của Ngươi; và *TA* đọc Nó dần dần theo từng giai đoạn[2].

---

[1] *Hijran mahjūran* vừa có nghĩa những kẻ tội lỗi sẽ không được một tin vui nào cả; vừa có nghĩa những kẻ tội lỗi sẽ cầu xin được cách xa sự trừng phạt.

[2] *Qur'ān* đã được mặc khải cho Nabi Muhammad (saw) trong vòng 23 năm vào những trường hợp khác biệt tùy theo hoàn cảnh và trạng huống khác nhau

وَلَا يَأْتُونَكَ بِمَثَلٍ إِلَّا جِئْنَٰكَ بِٱلْحَقِّ وَأَحْسَنَ تَفْسِيرًا ﴿٣٣﴾ ٱلَّذِينَ يُحْشَرُونَ عَلَىٰ وُجُوهِهِمْ إِلَىٰ جَهَنَّمَ أُوْلَٰٓئِكَ شَرٌّ مَّكَانًا وَأَضَلُّ سَبِيلًا ﴿٣٤﴾ وَلَقَدْ ءَاتَيْنَا مُوسَى ٱلْكِتَٰبَ وَجَعَلْنَا مَعَهُۥٓ أَخَاهُ هَٰرُونَ وَزِيرًا ﴿٣٥﴾ فَقُلْنَا ٱذْهَبَآ إِلَى ٱلْقَوْمِ ٱلَّذِينَ كَذَّبُواْ بِـَٔايَٰتِنَا فَدَمَّرْنَٰهُمْ تَدْمِيرًا ﴿٣٦﴾ وَقَوْمَ نُوحٍ لَّمَّا كَذَّبُواْ ٱلرُّسُلَ أَغْرَقْنَٰهُمْ وَجَعَلْنَٰهُمْ لِلنَّاسِ ءَايَةً وَأَعْتَدْنَا لِلظَّٰلِمِينَ عَذَابًا أَلِيمًا ﴿٣٧﴾ وَعَادًا وَثَمُودَاْ وَأَصْحَٰبَ ٱلرَّسِّ وَقُرُونًا بَيْنَ ذَٰلِكَ كَثِيرًا ﴿٣٨﴾ وَكُلًّا ضَرَبْنَا لَهُ ٱلْأَمْثَٰلَ وَكُلًّا تَبَّرْنَا تَتْبِيرًا ﴿٣٩﴾ وَلَقَدْ أَتَوْاْ عَلَى ٱلْقَرْيَةِ ٱلَّتِيٓ أُمْطِرَتْ مَطَرَ ٱلسَّوْءِ أَفَلَمْ يَكُونُواْ يَرَوْنَهَا بَلْ كَانُواْ لَا يَرْجُونَ نُشُورًا ﴿٤٠﴾ وَإِذَا رَأَوْكَ إِن يَتَّخِذُونَكَ إِلَّا هُزُوًا أَهَٰذَا ٱلَّذِي بَعَثَ ٱللَّهُ رَسُولًا ﴿٤١﴾ إِن كَادَ لَيُضِلُّنَا عَنْ ءَالِهَتِنَا لَوْلَآ أَن صَبَرْنَا عَلَيْهَا وَسَوْفَ يَعْلَمُونَ حِينَ يَرَوْنَ ٱلْعَذَابَ مَنْ أَضَلُّ سَبِيلًا ﴿٤٢﴾ أَرَءَيْتَ مَنِ ٱتَّخَذَ إِلَٰهَهُۥ هَوَىٰهُ أَفَأَنتَ تَكُونُ عَلَيْهِ وَكِيلًا ﴿٤٣﴾

33.- Và không một thí dụ (so sánh) nào do chúng mang đến hỏi Ngươi mà *TA* lại không mang sự thật và lời giải thích tốt đẹp nhất đến cho Ngươi (để đối đáp với chúng).

34.- Những ai sẽ bị tập trung úp mặt xuống để đưa vào Hỏa Ngục thì sẽ rất bất hạnh về chỗ ở và lạc rất xa khỏi Chính đạo.

35.- Và chắc chắn, *TA* đã ban Kinh sách cho Mūsa và đã chỉ định người anh của Người, Hārūn, làm một phụ tá cho Người.

36.- Rồi *TA* phán: "Hai ngươi hãy ra đi gặp đám người đã phủ nhận những Phép lạ của *TA*." Bởi thế, *TA* đã tiêu diệt chúng toàn bộ.

37.- Và người dân của Nūh cũng thế. Khi chúng cho những Sứ giả nói dối, *TA* đã nhận chúng chết chìm dưới nước và đã dùng chúng làm một bài học cảnh cáo cho nhân loại. Và *TA* đã chuẩn bị cho những kẻ làm điều sai quấy một sự trừng phạt đau đớn.

38.- Và (người dân) của 'Ād và của Thamūd và Dân cư của **Rass**[1] và nhiều thế hệ giữa chúng (cũng đã chịu số phận tương tự).

39.- Và *TA* đã trình bày cho mỗi thế hệ những ngụ ngôn và đã tiêu diệt từng thế hệ một cách khủng khiếp (vì tội lỗi của chúng).

40.- Và chắc chắn, chúng (những người Quraysh ngoại giáo) đã đi ngang qua một thị trấn[2] đã bị tàn phá bởi một trận mưa tai ác (vào thời của Lūt). Thế, chúng đã không từng nhìn thấy nó hay sao? Không! Chúng không mong (được) phục sinh (trở lại).

41.- Và khi thấy Ngươi, chúng chỉ muốn chế nhạo Ngươi (bảo): "Phải chăng đây là kẻ mà Allah cử đến làm Sứ giả (cho bọn mình?)

42.- "Quả thật, chỉ còn tí nữa là Y đã làm cho bọn mình từ bỏ những thần linh của bọn mình nếu bọn mình không kiên trì với các đấng ấy." Rồi đây, chúng sẽ sớm biết, khi chúng đối diện với Hình phạt, ai là kẻ đã lạc xa Con đường (của Allah).

43.- Ngươi có thấy kẻ đã nhận dục vọng của mình làm thần linh của y hay không? Thế, phải chăng Ngươi sẽ là người thọ lãnh công việc cho y?

---

[1] Có lẽ là một thị trấn tại Yamama của Ả-rập Sau-đi.

[2] Thị trấn Sô-đôm ở Pa-lét-tin. (Xem Kinh thánh Bible, Sáng thế ký)

أَمۡ تَحۡسَبُ أَنَّ أَكۡثَرَهُمۡ يَسۡمَعُونَ أَوۡ يَعۡقِلُونَۚ إِنۡ هُمۡ إِلَّا كَٱلۡأَنۡعَٰمِ بَلۡ هُمۡ أَضَلُّ سَبِيلًا ﴿٤٤﴾ أَلَمۡ تَرَ إِلَىٰ رَبِّكَ كَيۡفَ مَدَّ ٱلظِّلَّ وَلَوۡ شَآءَ لَجَعَلَهُۥ سَاكِنٗا ثُمَّ جَعَلۡنَا ٱلشَّمۡسَ عَلَيۡهِ دَلِيلٗا ﴿٤٥﴾ ثُمَّ قَبَضۡنَٰهُ إِلَيۡنَا قَبۡضٗا يَسِيرٗا ﴿٤٦﴾ وَهُوَ ٱلَّذِي جَعَلَ لَكُمُ ٱلَّيۡلَ لِبَاسٗا وَٱلنَّوۡمَ سُبَاتٗا وَجَعَلَ ٱلنَّهَارَ نُشُورٗا ﴿٤٧﴾ وَهُوَ ٱلَّذِيٓ أَرۡسَلَ ٱلرِّيَٰحَ بُشۡرَۢا بَيۡنَ يَدَيۡ رَحۡمَتِهِۦۚ وَأَنزَلۡنَا مِنَ ٱلسَّمَآءِ مَآءٗ طَهُورٗا ﴿٤٨﴾ لِّنُحۡـِۧيَ بِهِۦ بَلۡدَةٗ مَّيۡتٗا وَنُسۡقِيَهُۥ مِمَّا خَلَقۡنَآ أَنۡعَٰمٗا وَأَنَاسِيَّ كَثِيرٗا ﴿٤٩﴾ وَلَقَدۡ صَرَّفۡنَٰهُ بَيۡنَهُمۡ لِيَذَّكَّرُواْ فَأَبَىٰٓ أَكۡثَرُ ٱلنَّاسِ إِلَّا كُفُورٗا ﴿٥٠﴾ وَلَوۡ شِئۡنَا لَبَعَثۡنَا فِي كُلِّ قَرۡيَةٖ نَّذِيرٗا ﴿٥١﴾ فَلَا تُطِعِ ٱلۡكَٰفِرِينَ وَجَٰهِدۡهُم بِهِۦ جِهَادٗا كَبِيرٗا ﴿٥٢﴾ ۞ وَهُوَ ٱلَّذِي مَرَجَ ٱلۡبَحۡرَيۡنِ هَٰذَا عَذۡبٞ فُرَاتٞ وَهَٰذَا مِلۡحٌ أُجَاجٞ وَجَعَلَ بَيۡنَهُمَا بَرۡزَخٗا وَحِجۡرٗا مَّحۡجُورٗا ﴿٥٣﴾ وَهُوَ ٱلَّذِي خَلَقَ مِنَ ٱلۡمَآءِ بَشَرٗا فَجَعَلَهُۥ نَسَبٗا وَصِهۡرٗاۗ وَكَانَ رَبُّكَ قَدِيرٗا ﴿٥٤﴾ وَيَعۡبُدُونَ مِن دُونِ ٱللَّهِ مَا لَا يَنفَعُهُمۡ وَلَا يَضُرُّهُمۡۗ وَكَانَ ٱلۡكَافِرُ عَلَىٰ رَبِّهِۦ ظَهِيرٗا ﴿٥٥﴾

ربع الحزب ٣٧

44.- Phải chăng Ngươi đã nghĩ đa số bọn chúng nghe hoặc hiểu nó? Chúng chẳng khác nào thú vật; không, chúng lạc đường rất xa.

45.- Há Ngươi đã không mục kích việc *Rabb* của Ngươi đã kéo dài cái bóng như thế nào ư? Và nếu muốn, Ngài thừa sức làm cho nó đứng yên tại chỗ. Và *TA* đã dùng mặt trời làm một chỉ điểm cho nó.

46.- Rồi *TA* kéo thu nó về hướng của *TA* một cách dễ dàng.

47.- Và Ngài là Đấng đã tạo ban đêm thành một tấm phủ cho các người và tạo giấc ngủ thành một sự nghỉ ngơi và tạo ban ngày như một sự phục sinh.

48.- Và Ngài là Đấng đã phái những luồng gió làm người loan tin báo trước hồng ân (trận mưa) sắp đến của Ngài. Và *TA* ban nước mưa tinh khiết từ trên trời xuống,

49.- Mà *TA* dùng để làm hồi sinh lại lớp đất chết khô và dùng để giải khát những sinh vật trong loài thú và loài người mà *TA* đã tạo ra nhiều.

50.- Và *TA* phân phối nó (nước mưa) giữa họ để may ra họ tưởng nhớ (Thiên-lộc của Allah), nhưng đa số nhân loại từ chối mọi thứ ngoại trừ việc phụ ơn (của họ).

51.- Và nếu muốn, *TA* có thể bổ nhiệm tại mỗi thị trấn một người Cảnh cáo.

52.- Do đó, Ngươi chớ nghe theo những kẻ không tin nhưng hãy dùng Nó (Qur'ān) mà đấu tranh[1] chống lại chúng bằng một cuộc đấu tranh vĩ đại.

53.- Và Ngài là Đấng đã cho hai biển nước tự do chảy: một loại với nước ngọt, dễ uống và loại kia với nước mặn, chát. Và Ngài dựng một bức chắn tách biệt hai dòng nước, không cho trộn lẫn với nhau[2].

54.- Và Ngài là Đấng đã tạo hóa con người bằng nước. Và Ngài thiết lập cho y mối quan hệ ruột thịt và quan hệ hôn nhân. Và *Rabb* (Allah) của Ngươi có toàn quyền định đoạt mọi vấn đề.

55.- Nhưng chúng lại tôn thờ ngoài Allah những vật không làm lợi cũng không hãm hại được chúng. Và kẻ không tin lúc nào cũng là kẻ tán trợ (Shaytān) chống lại *Rabb* của nó.

---

[1] *Jihād* là đấu tranh để bảo vệ, duy trì và phổ biến Chân lý theo tinh thần của Qur'ān.

[2] Các nhà thám hiểm đại dương đã khám phá thấy có các dòng nước ngọt chảy giữa đại dương mà không trộn lẫn với nước mặn.

وَمَآ أَرۡسَلۡنَٰكَ إِلَّا مُبَشِّرٗا وَنَذِيرٗا ٥٦ قُلۡ مَآ أَسۡـَٔلُكُمۡ عَلَيۡهِ
مِنۡ أَجۡرٍ إِلَّا مَن شَآءَ أَن يَتَّخِذَ إِلَىٰ رَبِّهِۦ سَبِيلٗا ٥٧ وَتَوَكَّلۡ
عَلَى ٱلۡحَيِّ ٱلَّذِي لَا يَمُوتُ وَسَبِّحۡ بِحَمۡدِهِۦۚ وَكَفَىٰ بِهِۦ
بِذُنُوبِ عِبَادِهِۦ خَبِيرًا ٥٨ ٱلَّذِي خَلَقَ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضَ
وَمَا بَيۡنَهُمَا فِي سِتَّةِ أَيَّامٖ ثُمَّ ٱسۡتَوَىٰ عَلَى ٱلۡعَرۡشِۚ ٱلرَّحۡمَٰنُ
فَسۡـَٔلۡ بِهِۦ خَبِيرٗا ٥٩ وَإِذَا قِيلَ لَهُمُ ٱسۡجُدُواْۤ لِلرَّحۡمَٰنِ قَالُواْ
وَمَا ٱلرَّحۡمَٰنُ أَنَسۡجُدُ لِمَا تَأۡمُرُنَا وَزَادَهُمۡ نُفُورٗا۩ ٦٠ تَبَارَكَ
ٱلَّذِي جَعَلَ فِي ٱلسَّمَآءِ بُرُوجٗا وَجَعَلَ فِيهَا سِرَٰجٗا وَقَمَرٗا
مُّنِيرٗا ٦١ وَهُوَ ٱلَّذِي جَعَلَ ٱلَّيۡلَ وَٱلنَّهَارَ خِلۡفَةٗ لِّمَنۡ أَرَادَ
أَن يَذَّكَّرَ أَوۡ أَرَادَ شُكُورٗا ٦٢ وَعِبَادُ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلَّذِينَ يَمۡشُونَ
عَلَى ٱلۡأَرۡضِ هَوۡنٗا وَإِذَا خَاطَبَهُمُ ٱلۡجَٰهِلُونَ قَالُواْ سَلَٰمٗا
٦٣ وَٱلَّذِينَ يَبِيتُونَ لِرَبِّهِمۡ سُجَّدٗا وَقِيَٰمٗا ٦٤ وَٱلَّذِينَ
يَقُولُونَ رَبَّنَا ٱصۡرِفۡ عَنَّا عَذَابَ جَهَنَّمَۖ إِنَّ عَذَابَهَا كَانَ
غَرَامًا ٦٥ إِنَّهَا سَآءَتۡ مُسۡتَقَرّٗا وَمُقَامٗا ٦٦ وَٱلَّذِينَ إِذَآ
أَنفَقُواْ لَمۡ يُسۡرِفُواْ وَلَمۡ يَقۡتُرُواْ وَكَانَ بَيۡنَ ذَٰلِكَ قَوَامٗا ٦٧

سَجۡدَة

56.- Và *TA* chỉ cử Ngươi (Muhammad) làm một người vừa mang tin mừng vừa cảnh cáo.

57.- Hãy bảo (chúng, hỡi Muhammad!): "Ta không đòi hỏi các người trả thù lao cho ta về việc (truyền bá) này ngoại trừ việc này: hãy để cho người nào muốn, được tự do chọn lấy con đường đi đến với *Rabb* của y."

58.- Và hãy phó thác cho Đấng Hằng Sống, không bao giờ chết và tán dương lời ca tụng Ngài. Và Ngài đủ biết tội lỗi của đám bầy tôi của Ngài.

59.- Đấng đã tạo các tầng trời và trái đất và vạn vật giữa trời đất trong sáu Ngày rồi lên Ngôi trên Ngai vương của Ngài, Đấng Rất mực Nhân từ! Hãy hỏi Ngài, Đấng Am tường mọi việc (nếu muốn biết về các Đức Tính, về sự tạo hóa, về cách lên ngôi của Ngài v.v...).

60.- Và khi có lời bảo chúng: "Hãy phủ phục Đấng *ar-Rahmān* (Allah)!" Chúng đáp: "Nhưng Đấng *ar-Rahmān* (Rất mực Độ lượng) là gì? Bọn ta sẽ phải quì lạy Đấng mà Ngươi (Muhammad) truyền lệnh cho bọn ta hay sao?" Và điều đó càng làm cho chúng thêm thù nghịch.

61.- Phúc thay (Allah!), Đấng đã làm ra các chùm sao trên trời và đặt trong đó một chiếc 'Đèn' (mặt trời) và một mặt trăng chiếu sáng;

62.- Và Ngài là Đấng đã làm ra ban đêm và ban ngày nối đuôi nhau luân chuyển để cho ai muốn tụng niệm tưởng nhớ hoặc muốn tạ ơn.

63.- Và bầy tôi của Đấng *ar-Rahmān* (Allah) là những ai đi lại trên mặt đất dáng điệu khiêm tốn và khi người ngu dốt gây gổ với họ, chỉ trả lời: "(Xin cho được) Bằng an!"

64.- Và những ai thức đêm quì lạy và đứng nghiêm trước mặt *Rabb* của họ;

65.- Và những ai cầu nguyện, thưa: "Lạy *Rabb* chúng tôi! Xin Ngài giữ chúng tôi tránh khỏi hình phạt của Hỏa ngục. Quả thật, đó là một sự trừng phạt dai dẳng."

66.- Quả thật, Hỏa ngục là một nơi ngụ và là một nơi nghỉ rất xấu xa.

67.- Và những ai khi tiêu dùng không phung phí cũng không keo kiệt mà giữ mức trung bình giữa hai thái cực đó.

وَٱلَّذِينَ لَا يَدۡعُونَ مَعَ ٱللَّهِ إِلَٰهًا ءَاخَرَ وَلَا يَقۡتُلُونَ ٱلنَّفۡسَ ٱلَّتِي حَرَّمَ ٱللَّهُ إِلَّا بِٱلۡحَقِّ وَلَا يَزۡنُونَۚ وَمَن يَفۡعَلۡ ذَٰلِكَ يَلۡقَ أَثَامٗا ٦٨ يُضَٰعَفۡ لَهُ ٱلۡعَذَابُ يَوۡمَ ٱلۡقِيَٰمَةِ وَيَخۡلُدۡ فِيهِۦ مُهَانًا ٦٩ إِلَّا مَن تَابَ وَءَامَنَ وَعَمِلَ عَمَلٗا صَٰلِحٗا فَأُوْلَٰٓئِكَ يُبَدِّلُ ٱللَّهُ سَيِّـَٔاتِهِمۡ حَسَنَٰتٖۗ وَكَانَ ٱللَّهُ غَفُورٗا رَّحِيمٗا ٧٠ وَمَن تَابَ وَعَمِلَ صَٰلِحٗا فَإِنَّهُۥ يَتُوبُ إِلَى ٱللَّهِ مَتَابٗا ٧١ وَٱلَّذِينَ لَا يَشۡهَدُونَ ٱلزُّورَ وَإِذَا مَرُّواْ بِٱللَّغۡوِ مَرُّواْ كِرَامٗا ٧٢ وَٱلَّذِينَ إِذَا ذُكِّرُواْ بِـَٔايَٰتِ رَبِّهِمۡ لَمۡ يَخِرُّواْ عَلَيۡهَا صُمّٗا وَعُمۡيَانٗا ٧٣ وَٱلَّذِينَ يَقُولُونَ رَبَّنَا هَبۡ لَنَا مِنۡ أَزۡوَٰجِنَا وَذُرِّيَّٰتِنَا قُرَّةَ أَعۡيُنٖ وَٱجۡعَلۡنَا لِلۡمُتَّقِينَ إِمَامًا ٧٤ أُوْلَٰٓئِكَ يُجۡزَوۡنَ ٱلۡغُرۡفَةَ بِمَا صَبَرُواْ وَيُلَقَّوۡنَ فِيهَا تَحِيَّةٗ وَسَلَٰمًا ٧٥ خَٰلِدِينَ فِيهَاۚ حَسُنَتۡ مُسۡتَقَرّٗا وَمُقَامٗا ٧٦ قُلۡ مَا يَعۡبَؤُاْ بِكُمۡ رَبِّي لَوۡلَا دُعَآؤُكُمۡۖ فَقَدۡ كَذَّبۡتُمۡ فَسَوۡفَ يَكُونُ لِزَامَۢا ٧٧

سُورَةُ الشُّعَرَاءِ

68.- Và những ai không cầu nguyện một thần linh nào khác cùng với Allah cũng không giết một linh hồn mà Allah đã làm cho linh thiêng trừ phi với lý do chính đáng; và không gian dâm; và ai vi phạm những điều đó thì là rước tội vào thân.

69.- Y sẽ bị trừng phạt gấp đôi vào Ngày Phục sinh và sẽ ở trong đó (Hỏa ngục) nhục nhã;

70.- Ngoại trừ ai biết hối cải và tin tưởng và làm việc thiện thì là những người mà Allah sẽ đổi điều xấu xa (tội lỗi) của họ thành điều tốt lành (phúc đức) bởi vì Allah là Đấng Hằng Tha thứ, Rất mực Khoan dung.

71.- Và ai biết hối cải và làm việc thiện thì quả thật đã chân thành hối cải với Allah.

72.- Và những ai không làm chứng cho điều giả dối và khi gác bỏ ngoài tai chuyện tầm phào thì bỏ qua một cách lịch sự.

73.- Và những ai khi được nhắc về những Lời mặc khải của *Rabb* của họ sẽ không gục đầu ra vẽ tai điếc mắt đui khi nghe chúng.

74.- Và những ai cầu nguyện, thưa: "Lạy *Rabb* chúng tôi! Xin Ngài làm cho vợ và con cái của chúng tôi thành một nguồn vui cho cặp mắt của chúng tôi và biến chúng tôi thành người lãnh đạo cho những người ngay chính.

75.- Họ sẽ được (Allah) ban thưởng địa vị cao sang vì đã từng kiên nhẫn chịu đựng. Nơi đó (Thiên đàng), họ sẽ được đón chào tốt đẹp với lời chúc '*Salām*' (Bằng an).

76.- Họ sẽ ở trong đó (Thiên đàng) đời đời. Một nơi ngụ và một nơi nghỉ hết sức tốt đẹp!

77.- (Hỡi Muhammad!) Hãy bảo họ: "Nếu không vì lời cầu nguyện của các người thì *Rabb* (Allah) của ta đã không mấy quan tâm đến các người bởi vì các người đã từng phủ nhận (Ngài). Rồi đây, các người sẽ không thể tránh khỏi (sự trừng phạt của Ngài)."

ASH-SHU'ARĀ'
(Các Thi Sĩ)

نصف الحزب ٢٧

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

طسٓمٓ ١ تِلۡكَ ءَايَٰتُ ٱلۡكِتَٰبِ ٱلۡمُبِينِ ٢ لَعَلَّكَ بَٰخِعٞ نَّفۡسَكَ أَلَّا
يَكُونُواْ مُؤۡمِنِينَ ٣ إِن نَّشَأۡ نُنَزِّلۡ عَلَيۡهِم مِّنَ ٱلسَّمَآءِ ءَايَةٗ فَظَلَّتۡ
أَعۡنَٰقُهُمۡ لَهَا خَٰضِعِينَ ٤ وَمَا يَأۡتِيهِم مِّن ذِكۡرٖ مِّنَ ٱلرَّحۡمَٰنِ مُحۡدَثٍ
إِلَّا كَانُواْ عَنۡهُ مُعۡرِضِينَ ٥ فَقَدۡ كَذَّبُواْ فَسَيَأۡتِيهِمۡ أَنۢبَٰٓؤُاْ مَا كَانُواْ
بِهِۦ يَسۡتَهۡزِءُونَ ٦ أَوَلَمۡ يَرَوۡاْ إِلَى ٱلۡأَرۡضِ كَمۡ أَنۢبَتۡنَا فِيهَا مِن كُلِّ زَوۡجٖ
كَرِيمٍ ٧ إِنَّ فِي ذَٰلِكَ لَأٓيَةٗۖ وَمَا كَانَ أَكۡثَرُهُم مُّؤۡمِنِينَ ٨ وَإِنَّ
رَبَّكَ لَهُوَ ٱلۡعَزِيزُ ٱلرَّحِيمُ ٩ وَإِذۡ نَادَىٰ رَبُّكَ مُوسَىٰٓ أَنِ ٱئۡتِ ٱلۡقَوۡمَ
ٱلظَّٰلِمِينَ ١٠ قَوۡمَ فِرۡعَوۡنَۚ أَلَا يَتَّقُونَ ١١ قَالَ رَبِّ إِنِّيٓ أَخَافُ
أَن يُكَذِّبُونِ ١٢ وَيَضِيقُ صَدۡرِي وَلَا يَنطَلِقُ لِسَانِي فَأَرۡسِلۡ
إِلَىٰ هَٰرُونَ ١٣ وَلَهُمۡ عَلَيَّ ذَنۢبٞ فَأَخَافُ أَن يَقۡتُلُونِ ١٤ قَالَ
كَلَّاۖ فَٱذۡهَبَا بِـَٔايَٰتِنَآۖ إِنَّا مَعَكُم مُّسۡتَمِعُونَ ١٥ فَأۡتِيَا فِرۡعَوۡنَ
فَقُولَآ إِنَّا رَسُولُ رَبِّ ٱلۡعَٰلَمِينَ ١٦ أَنۡ أَرۡسِلۡ مَعَنَا بَنِيٓ إِسۡرَٰٓءِيلَ
١٧ قَالَ أَلَمۡ نُرَبِّكَ فِينَا وَلِيدٗا وَلَبِثۡتَ فِينَا مِنۡ عُمُرِكَ سِنِينَ
١٨ وَفَعَلۡتَ فَعۡلَتَكَ ٱلَّتِي فَعَلۡتَ وَأَنتَ مِنَ ٱلۡكَٰفِرِينَ ١٩

Nhân danh Allah, Đấng Rất mực Độ lượng,
Đấng Rất mực Khoan dung

1.- *Tā. Sīn. Mīm.*

2.- Đây là những Câu của một Kinh sách minh bạch.

3.- Có lẽ Ngươi tự huỷ mình vì buồn rầu về việc chúng không tin tưởng.

4.- Nếu muốn, *TA* có thể gởi từ trên trời xuống một phép-lạ mà chúng sẽ cúi cổ xuống thần phục.

5.- Và không một điều nhắc nhở mới nào của Đấng Rất mực Độ lượng được ban xuống cho chúng mà chúng lại không quay mặt lánh xa.

6.- Bởi thế, chắc chắn chúng đã phủ nhận Chân lý; rồi đây chúng sẽ nhận tin tức về những điều mà chúng đã từng chế giễu.

7.- Và há chúng đã không quan sát trái đất, nơi mà *TA* đã làm mọc ra bao nhiêu cặp thảo mộc quí hóa hay sao?

8.- Trong đó là một Dấu hiệu; nhưng đa số bọn chúng không tin.

9.- Và *Rabb* của Ngươi là Đấng Toàn Năng, Đấng Rất mực Khoan dung.

10.- Và (hãy nhớ) khi *Rabb* của Ngươi gọi Mūsa (phán bảo): "Nhà ngươi hãy đi gặp một đám người làm điều sai quấy,

11.- "Đám người của *Fir'aun* há chúng không sợ Allah hay sao?"

12.- (Mūsa) thưa: "Lạy *Rabb*! Bề tôi sợ chúng sẽ cho bề tôi nói dối.

13.- "Và lồng ngực của bề tôi chật hẹp và chiếc lưỡi của bề tôi cử động không nhanh chóng. Xin Ngài cho gọi Hārūn đến (giúp bề tôi);

14.- "Và chúng buộc tội bề tôi đã phạm một trọng tội; do đó bề tôi sợ chúng sẽ giết bề tôi."

15.- (Allah) phán: "Không sao cả! Hai ngươi cứ lên đường với những Phép lạ của *TA*. *TA* sẽ ở cùng với các ngươi, lắng nghe;

16.- "Bởi thế, hai ngươi cứ đi gặp Fir'aun bảo (y): 'Chúng tôi là Sứ giả của *Rabb* của '*ālamīn*.

17.- "Xin ngài cho phép con cháu của Israel ra đi với chúng tôi."

18.- (Fir'aun) bảo (Mūsa): "Há bọn ta đã không thương yêu và nuôi nấng ngươi như con cái trong (nhà của) bọn ta và ngươi đã ở với bọn ta nhiều năm trong đời ngươi hay sao?

19.- "Thế mà nhà ngươi đã nhẫn tâm làm một việc (sát nhân) mà ngươi đã làm. Và nhà ngươi là một tên phụ ơn."

قَالَ فَعَلْتُهَآ إِذٗا وَأَنَا۠ مِنَ ٱلضَّآلِّينَ ٢٠ فَفَرَرۡتُ مِنكُمۡ لَمَّا خِفۡتُكُمۡ
فَوَهَبَ لِي رَبِّي حُكۡمٗا وَجَعَلَنِي مِنَ ٱلۡمُرۡسَلِينَ ٢١ وَتِلۡكَ نِعۡمَةٞ
تَمُنُّهَا عَلَيَّ أَنۡ عَبَّدتَّ بَنِيٓ إِسۡرَٰٓءِيلَ ٢٢ قَالَ فِرۡعَوۡنُ وَمَا رَبُّ ٱلۡعَٰلَمِينَ
٢٣ قَالَ رَبُّ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضِ وَمَا بَيۡنَهُمَآۖ إِن كُنتُم مُّوقِنِينَ
٢٤ قَالَ لِمَنۡ حَوۡلَهُۥٓ أَلَا تَسۡتَمِعُونَ ٢٥ قَالَ رَبُّكُمۡ وَرَبُّ ءَابَآئِكُمُ
ٱلۡأَوَّلِينَ ٢٦ قَالَ إِنَّ رَسُولَكُمُ ٱلَّذِيٓ أُرۡسِلَ إِلَيۡكُمۡ لَمَجۡنُونٞ
٢٧ قَالَ رَبُّ ٱلۡمَشۡرِقِ وَٱلۡمَغۡرِبِ وَمَا بَيۡنَهُمَآۖ إِن كُنتُمۡ تَعۡقِلُونَ
٢٨ قَالَ لَئِنِ ٱتَّخَذۡتَ إِلَٰهًا غَيۡرِي لَأَجۡعَلَنَّكَ مِنَ ٱلۡمَسۡجُونِينَ
٢٩ قَالَ أَوَلَوۡ جِئۡتُكَ بِشَيۡءٖ مُّبِينٖ ٣٠ قَالَ فَأۡتِ بِهِۦٓ إِن كُنتَ
مِنَ ٱلصَّٰدِقِينَ ٣١ فَأَلۡقَىٰ عَصَاهُ فَإِذَا هِيَ ثُعۡبَانٞ مُّبِينٞ ٣٢
وَنَزَعَ يَدَهُۥ فَإِذَا هِيَ بَيۡضَآءُ لِلنَّٰظِرِينَ ٣٣ قَالَ لِلۡمَلَإِ حَوۡلَهُۥٓ
إِنَّ هَٰذَا لَسَٰحِرٌ عَلِيمٞ ٣٤ يُرِيدُ أَن يُخۡرِجَكُم مِّنۡ أَرۡضِكُم
بِسِحۡرِهِۦ فَمَاذَا تَأۡمُرُونَ ٣٥ قَالُوٓاْ أَرۡجِهۡ وَأَخَاهُ وَٱبۡعَثۡ فِي ٱلۡمَدَآئِنِ
حَٰشِرِينَ ٣٦ يَأۡتُوكَ بِكُلِّ سَحَّارٍ عَلِيمٖ ٣٧ فَجُمِعَ ٱلسَّحَرَةُ
لِمِيقَٰتِ يَوۡمٖ مَّعۡلُومٖ ٣٨ وَقِيلَ لِلنَّاسِ هَلۡ أَنتُم مُّجۡتَمِعُونَ ٣٩

20.- (Mūsa) đáp: "Tôi làm điều đó vào lúc tôi nhầm lẫn.

21.- "Và vì sợ quí ngài nên tôi đã phải bỏ trốn đi xa và *Rabb* của tôi đã ban cho tôi lý giải khôn ngoan và cử tôi làm một Sứ giả của Ngài.

22.- "Đấy là ân xưa mà ngài đã nại ra để khiển trách tôi; và ngài đã bắt con cháu của Israel làm nô-lệ."

23.- Fir'aun lên tiếng: "Và *Rabb* của *'Ālamīn* là gì vậy?"

24.- Mūsa đáp: "*Rabb* của các tầng trời và trái đất và vạn vật giữa trời đất, nếu quí ngài muốn có một niềm tin vững chắc (về Ngài)."

25.- (Fir'aun) nói với cận thần: "Há các khanh không nghe rõ?"

26.- (Mūsa) tiếp: "*Rabb* của quí ngài và của tổ tiên của quí ngài."

27.- (Fir'aun) bảo: "Quả thật, Sứ giả của các ngươi là một thằng điên!"

28.- (Mūsa) tiếp: "*Rabb* của phương đông và phương tây và vạn vật nằm giữa hai phương đó, nếu quí vị thông hiểu được."

29.- (Fir'aun) bảo: "Nếu nhà ngươi quả quyết tôn thờ một Thượng Đế khác thay vì ta, thì chắc chắn ta sẽ bỏ tù nhà ngươi."

30.- (Mūsa) đáp: "Sao! Dẫu cho tôi có trưng bày cho ngài thấy một điều minh bạch."

31.- (Fir'aun) bảo: "Thế hãy đưa nó (phép lạ) ra xem nếu nhà ngươi là một người nói thật."

32.- Bởi thế, Mūsa ném chiếc gậy của Người xuống, thì nó biến thành một con rắn (thần) rõ rệt.

33.- Và khi đưa bàn tay của Người ra, nó hiện ra trắng toát trước mặt những người đứng nhìn.

34.- Fir'aun quay bảo các cận thần: "Tên này quả thật là một tên phù thủy tài giỏi;

35.- "Y định dùng pháp thuật để đánh đuổi các khanh ra khỏi lãnh thổ của các khanh. Thế các khanh định làm gì y?"

36.- (Chư thần) thưa: "Hãy tạm tha y và người anh của y (trong một thời gian) và cử những người loan tin đi khắp các thị trấn;

37.- "Nhờ triệu về cho ngài tất cả những nhà phù thủy tài giỏi."

38.- Do đó, những nhà phù thủy được triệu tập tại một nơi hẹn vào một ngày đã được công bố rõ.

39.- Và có lời bảo người dân: "Há quí vị không đi dự đại hội hay sao?

لَعَلَّنَا نَتَّبِعُ ٱلسَّحَرَةَ إِن كَانُواْ هُمُ ٱلْغَٰلِبِينَ ﴿٤٠﴾ فَلَمَّا جَآءَ ٱلسَّحَرَةُ
قَالُواْ لِفِرْعَوْنَ أَئِنَّ لَنَا لَأَجْرًا إِن كُنَّا نَحْنُ ٱلْغَٰلِبِينَ ﴿٤١﴾ قَالَ نَعَمْ
وَإِنَّكُمْ إِذًا لَّمِنَ ٱلْمُقَرَّبِينَ ﴿٤٢﴾ قَالَ لَهُم مُّوسَىٰٓ أَلْقُواْ مَآ أَنتُم مُّلْقُونَ
﴿٤٣﴾ فَأَلْقَوْاْ حِبَالَهُمْ وَعِصِيَّهُمْ وَقَالُواْ بِعِزَّةِ فِرْعَوْنَ إِنَّا لَنَحْنُ
ٱلْغَٰلِبُونَ ﴿٤٤﴾ فَأَلْقَىٰ مُوسَىٰ عَصَاهُ فَإِذَا هِىَ تَلْقَفُ مَا يَأْفِكُونَ
﴿٤٥﴾ فَأُلْقِىَ ٱلسَّحَرَةُ سَٰجِدِينَ ﴿٤٦﴾ قَالُوٓاْ ءَامَنَّا بِرَبِّ ٱلْعَٰلَمِينَ ﴿٤٧﴾
رَبِّ مُوسَىٰ وَهَٰرُونَ ﴿٤٨﴾ قَالَ ءَامَنتُمْ لَهُۥ قَبْلَ أَنْ ءَاذَنَ لَكُمْ إِنَّهُۥ
لَكَبِيرُكُمُ ٱلَّذِى عَلَّمَكُمُ ٱلسِّحْرَ فَلَسَوْفَ تَعْلَمُونَ لَأُقَطِّعَنَّ أَيْدِيَكُمْ
وَأَرْجُلَكُم مِّنْ خِلَٰفٍ وَلَأُصَلِّبَنَّكُمْ أَجْمَعِينَ ﴿٤٩﴾ قَالُواْ لَا ضَيْرَ إِنَّآ
إِلَىٰ رَبِّنَا مُنقَلِبُونَ ﴿٥٠﴾ إِنَّا نَطْمَعُ أَن يَغْفِرَ لَنَا رَبُّنَا خَطَٰيَٰنَآ أَن كُنَّآ
أَوَّلَ ٱلْمُؤْمِنِينَ ﴿٥١﴾ ۞ وَأَوْحَيْنَآ إِلَىٰ مُوسَىٰٓ أَنْ أَسْرِ بِعِبَادِىٓ إِنَّكُم
مُّتَّبَعُونَ ﴿٥٢﴾ فَأَرْسَلَ فِرْعَوْنُ فِى ٱلْمَدَآئِنِ حَٰشِرِينَ ﴿٥٣﴾ إِنَّ هَٰٓؤُلَآءِ
لَشِرْذِمَةٌ قَلِيلُونَ ﴿٥٤﴾ وَإِنَّهُمْ لَنَا لَغَآئِظُونَ ﴿٥٥﴾ وَإِنَّا لَجَمِيعٌ حَٰذِرُونَ
﴿٥٦﴾ فَأَخْرَجْنَٰهُم مِّن جَنَّٰتٍ وَعُيُونٍ ﴿٥٧﴾ وَكُنُوزٍ وَمَقَامٍ كَرِيمٍ ﴿٥٨﴾
كَذَٰلِكَ وَأَوْرَثْنَٰهَا بَنِىٓ إِسْرَٰٓءِيلَ ﴿٥٩﴾ فَأَتْبَعُوهُم مُّشْرِقِينَ ﴿٦٠﴾

ثلاثة أرباع الحزب ٣٧

40.- "Có lẽ chúng tôi sẽ theo các nhà phù thủy nếu họ thắng cuộc."

41.- Bởi thế, khi đến nơi, những nhà phù thủy thưa với Fir'aun: "Chúng tôi sẽ được ân thưởng chăng nếu chúng tôi thắng cuộc?"

42.- (Fir'aun) đáp: "Vâng, có chứ! Chắc chắn lúc đó các ngươi sẽ là cận thần của ta."

43.- Mūsa bảo họ: "Hãy ném bảo vật của quí vị xuống."

44.- Do đó, họ ném những sợi dây và chiếc gậy của họ xuống và nói: "Nhờ quyền lực của *Fir'aun*, chắc chắn chúng tôi sẽ thắng cuộc."

45.- Nhưng khi Mūsa ném chiếc gậy của Người xuống, tức thời nó nuốt mất những món vật giả mà họ đã làm giả.

46.- Bởi thế, những tên phù thủy (khiếp sợ) sụp xuống quì lạy.

47.- Và lên tiếng: "Chúng tôi tin tưởng nơi *Rabb* của vũ trụ và muôn loài.

48.- "*Rabb* của Mūsa và của Hārūn."

49.- (Fir'aun) bảo: "Các ngươi cả tin nơi Ngài trước khi ta cho phép các ngươi hay sao? Y quả là tên đầu nậu của các ngươi; Y đã dạy các ngươi pháp thuật; rồi đây các ngươi sẽ sớm biết hậu quả. Chắc chắn, ta sẽ cho chặt tay và chân của các ngươi mỗi bên một cánh và sẽ cho đóng đinh các ngươi trên thập tự giá, tất cả, không sót một tên nào."

50.- Họ đồng thanh đáp: "Chẳng có gì thiệt cả. (Bởi vì) chúng tôi sẽ trở về gặp *Rabb* của chúng tôi trở lại.

51.- "Chúng tôi mong *Rabb* chúng tôi sẽ tha thứ cho chúng tôi những lỗi lầm của chúng tôi bởi vì chúng tôi là những người tin tưởng đầu tiên."

52.- Và *TA* đã mặc khải cho Mūsa phán: "Nhà ngươi hãy dẫn bầy tôi của TA ra đi ban đêm. Thật sự, các ngươi sẽ bị truy nã."

53.- Bởi thế, Fir'aun phái những người loan tin đi khắp các thị trấn;

54.- "Quả thật, những người (Israel) này chỉ là một nhóm nhỏ;

55.- "Quả thật, chúng đã phạm tội khi quân chọc giận bọn ta.

56.- "Nhưng tất cả bọn ta đã cảnh giác trước";

57.- Bởi thế, *TA* đã đưa bọn chúng ra khỏi hoa viên và suối nước,

58.- Và rời khỏi những kho tàng châu báu và địa vị cao sang.

59.- Đúng như thế. Và *TA* đã cho con cháu của Israel thừa kế chúng.

60.- Rồi chúng đuổi theo bắt họ vào lúc hừng đông.

فَلَمَّا تَرَٰٓءَا ٱلْجَمْعَانِ قَالَ أَصْحَٰبُ مُوسَىٰٓ إِنَّا لَمُدْرَكُونَ ﴿٦١﴾ قَالَ كَلَّآ ۖ إِنَّ مَعِىَ رَبِّى سَيَهْدِينِ ﴿٦٢﴾ فَأَوْحَيْنَآ إِلَىٰ مُوسَىٰٓ أَنِ ٱضْرِب بِّعَصَاكَ ٱلْبَحْرَ ۖ فَٱنفَلَقَ فَكَانَ كُلُّ فِرْقٍ كَٱلطَّوْدِ ٱلْعَظِيمِ ﴿٦٣﴾ وَأَزْلَفْنَا ثَمَّ ٱلْءَاخَرِينَ ﴿٦٤﴾ وَأَنجَيْنَا مُوسَىٰ وَمَن مَّعَهُۥٓ أَجْمَعِينَ ﴿٦٥﴾ ثُمَّ أَغْرَقْنَا ٱلْءَاخَرِينَ ﴿٦٦﴾ إِنَّ فِى ذَٰلِكَ لَءَايَةً ۖ وَمَا كَانَ أَكْثَرُهُم مُّؤْمِنِينَ ﴿٦٧﴾ وَإِنَّ رَبَّكَ لَهُوَ ٱلْعَزِيزُ ٱلرَّحِيمُ ﴿٦٨﴾ وَٱتْلُ عَلَيْهِمْ نَبَأَ إِبْرَٰهِيمَ ﴿٦٩﴾ إِذْ قَالَ لِأَبِيهِ وَقَوْمِهِۦ مَا تَعْبُدُونَ ﴿٧٠﴾ قَالُوا۟ نَعْبُدُ أَصْنَامًا فَنَظَلُّ لَهَا عَٰكِفِينَ ﴿٧١﴾ قَالَ هَلْ يَسْمَعُونَكُمْ إِذْ تَدْعُونَ ﴿٧٢﴾ أَوْ يَنفَعُونَكُمْ أَوْ يَضُرُّونَ ﴿٧٣﴾ قَالُوا۟ بَلْ وَجَدْنَآ ءَابَآءَنَا كَذَٰلِكَ يَفْعَلُونَ ﴿٧٤﴾ قَالَ أَفَرَءَيْتُم مَّا كُنتُمْ تَعْبُدُونَ ﴿٧٥﴾ أَنتُمْ وَءَابَآؤُكُمُ ٱلْأَقْدَمُونَ ﴿٧٦﴾ فَإِنَّهُمْ عَدُوٌّ لِّىٓ إِلَّا رَبَّ ٱلْعَٰلَمِينَ ﴿٧٧﴾ ٱلَّذِى خَلَقَنِى فَهُوَ يَهْدِينِ ﴿٧٨﴾ وَٱلَّذِى هُوَ يُطْعِمُنِى وَيَسْقِينِ ﴿٧٩﴾ وَإِذَا مَرِضْتُ فَهُوَ يَشْفِينِ ﴿٨٠﴾ وَٱلَّذِى يُمِيتُنِى ثُمَّ يُحْيِينِ ﴿٨١﴾ وَٱلَّذِىٓ أَطْمَعُ أَن يَغْفِرَ لِى خَطِيٓـَٔتِى يَوْمَ ٱلدِّينِ ﴿٨٢﴾ رَبِّ هَبْ لِى حُكْمًا وَأَلْحِقْنِى بِٱلصَّٰلِحِينَ ﴿٨٣﴾

61.- Bởi thế, khi hai đoàn người đối diện nhau, các tông đồ của Mūsa nói: "Chắc chắn chúng ta sắp bị bắt đến nơi."

62.- (Mūsa) bảo: "Không hề gì! *Rabb* của ta ở với ta, và sẽ hướng dẫn ta."

63.- Liền đó, *TA* đã mặc khải cho Mūsa, phán: "Hãy dùng chiếc gậy của ngươi mà đánh xuống mặt biển!" Tức thời, biển rẽ ra làm hai, biến thành bức thành đứng sừng sững như một quả núi vĩ đại.

64.- Và *TA* đưa đám (người truy nã) kia đến gần nơi đó;

65.- Và *TA* đã cứu nguy Mūsa và những ai theo Người, tất cả.

66.- Rồi *TA* đã nhận đám kia chết chìm.

67.- Quả thật, trong biến cố đó là một bài học; nhưng đa số bọn chúng không là những người tin tưởng.

68.- Và quả thật *Rabb* (Allah) của Ngươi là Đấng Toàn Năng, Đấng Rất mực Khoan dung.

69.- Và hãy đọc cho chúng (người Quraish) câu chuyện của Ibrāhīm;

70.- Khi Người thưa với phụ thân và người dân của Người: "Vật gì quí vị đang thờ phụng vậy?"

71.- Họ đáp: "Bọn ta đang thờ các tượng thần và rất đỗi sùng kính họ."

72.- (Ibrāhīm) bảo: "Chúng có nghe được quí vị chăng khi gọi chúng?

73.- "Hoặc chúng có giúp ích hay hãm hại được quí vị chăng?"

74.- Họ đáp: "Không, nhưng bọn ta thấy cha mẹ của bọn ta đã làm thế."

75.- (Ibrāhīm) bảo: "Thế quí vị có quan sát đồ vật mà quí vị đang tôn thờ chăng?

76.- "Quí vị lẫn tổ tiên xa xưa của quí vị?

77.- "Nhưng, chúng là kẻ thù của tôi ngoại trừ *Rabb* của *'ālamīn*;

78.- "Đấng đã tạo ra tôi, rồi hướng dẫn tôi;

79.- "Và là Đấng đã cho tôi ăn và uống;

80.- "Và là Đấng đã chữa lành tôi khi tôi mắc bệnh;

81.- "Và là Đấng sẽ gây cho tôi chết rồi phục sinh tôi trở lại;

82.- "Và là Đấng mà tôi hy vọng sẽ tha thứ cho tôi về những lỗi lầm của tôi vào Ngày Xét xử.

83.- "Lạy *Rabb* của bề tôi! Xin Ngài ban cho bề tôi lẽ thông thái khôn ngoan và dung nạp bề tôi chung với những người đức hạnh.

وَٱجۡعَل لِّي لِسَانَ صِدۡقٖ فِي ٱلۡأٓخِرِينَ ﴿٨٤﴾ وَٱجۡعَلۡنِي مِن وَرَثَةِ جَنَّةِ ٱلنَّعِيمِ ﴿٨٥﴾ وَٱغۡفِرۡ لِأَبِيٓ إِنَّهُۥ كَانَ مِنَ ٱلضَّآلِّينَ ﴿٨٦﴾ وَلَا تُخۡزِنِي يَوۡمَ يُبۡعَثُونَ ﴿٨٧﴾ يَوۡمَ لَا يَنفَعُ مَالٞ وَلَا بَنُونَ ﴿٨٨﴾ إِلَّا مَنۡ أَتَى ٱللَّهَ بِقَلۡبٖ سَلِيمٖ ﴿٨٩﴾ وَأُزۡلِفَتِ ٱلۡجَنَّةُ لِلۡمُتَّقِينَ ﴿٩٠﴾ وَبُرِّزَتِ ٱلۡجَحِيمُ لِلۡغَاوِينَ ﴿٩١﴾ وَقِيلَ لَهُمۡ أَيۡنَ مَا كُنتُمۡ تَعۡبُدُونَ ﴿٩٢﴾ مِن دُونِ ٱللَّهِ هَلۡ يَنصُرُونَكُمۡ أَوۡ يَنتَصِرُونَ ﴿٩٣﴾ فَكُبۡكِبُواْ فِيهَا هُمۡ وَٱلۡغَاوُۥنَ ﴿٩٤﴾ وَجُنُودُ إِبۡلِيسَ أَجۡمَعُونَ ﴿٩٥﴾ قَالُواْ وَهُمۡ فِيهَا يَخۡتَصِمُونَ ﴿٩٦﴾ تَٱللَّهِ إِن كُنَّا لَفِي ضَلَٰلٖ مُّبِينٍ ﴿٩٧﴾ إِذۡ نُسَوِّيكُم بِرَبِّ ٱلۡعَٰلَمِينَ ﴿٩٨﴾ وَمَآ أَضَلَّنَآ إِلَّا ٱلۡمُجۡرِمُونَ ﴿٩٩﴾ فَمَا لَنَا مِن شَٰفِعِينَ ﴿١٠٠﴾ وَلَا صَدِيقٍ حَمِيمٖ ﴿١٠١﴾ فَلَوۡ أَنَّ لَنَا كَرَّةٗ فَنَكُونَ مِنَ ٱلۡمُؤۡمِنِينَ ﴿١٠٢﴾ إِنَّ فِي ذَٰلِكَ لَأٓيَةٗۖ وَمَا كَانَ أَكۡثَرُهُم مُّؤۡمِنِينَ ﴿١٠٣﴾ وَإِنَّ رَبَّكَ لَهُوَ ٱلۡعَزِيزُ ٱلرَّحِيمُ ﴿١٠٤﴾ كَذَّبَتۡ قَوۡمُ نُوحٍ ٱلۡمُرۡسَلِينَ ﴿١٠٥﴾ إِذۡ قَالَ لَهُمۡ أَخُوهُمۡ نُوحٌ أَلَا تَتَّقُونَ ﴿١٠٦﴾ إِنِّي لَكُمۡ رَسُولٌ أَمِينٞ ﴿١٠٧﴾ فَٱتَّقُواْ ٱللَّهَ وَأَطِيعُونِ ﴿١٠٨﴾ وَمَآ أَسۡـَٔلُكُمۡ عَلَيۡهِ مِنۡ أَجۡرٍۖ إِنۡ أَجۡرِيَ إِلَّا عَلَىٰ رَبِّ ٱلۡعَٰلَمِينَ ﴿١٠٩﴾ فَٱتَّقُواْ ٱللَّهَ وَأَطِيعُونِ ﴿١١٠﴾ ۞قَالُوٓاْ أَنُؤۡمِنُ لَكَ وَٱتَّبَعَكَ ٱلۡأَرۡذَلُونَ ﴿١١١﴾

الحِزْبُ ٣٨

84.- "Và vinh danh bề tôi nơi những thế hệ tương lai;

85.- "Và biến bề tôi thành một người thừa kế Thiên đàng Hạnh phúc;

86.- "Và tha thứ cho phụ thân của bề tôi bởi vì người là một người lầm lạc;

87.- "Và chớ hạ nhục bề tôi vào Ngày mà nhân loại sẽ được phục sinh;

88.- "Ngày mà của cải cũng như con cái sẽ không giúp ích được ai,

89.- Ngoại trừ ai mang đến cho Allah một tấm lòng trong sạch.

90.- Và Thiên đàng sẽ được mang đến gần những người sợ Allah.

91.- Và Hỏa ngục sẽ được mang đến trước mặt những kẻ lạc lối.

92.- Và có lời bảo chúng: "Đâu là những vật mà các người đã tôn thờ,

93.- "Khác Allah? Há chúng có thể giải cứu các ngươi hoặc tự cứu?"

94.- Bởi thế, chúng sẽ bị lùa vào Hỏa ngục, chúng và đám quỉ quái.

95.- Và cả binh tướng của Iblīs nữa, tất cả.

96.- Và trong lúc cãi vã nhau trong đó, chúng sẽ nói:

97.- "Thề với Allah, chúng tôi là những kẻ đã công khai lầm lạc,

98.- "Khi chúng tôi suy tôn quí vị ngang vai với *Rabb* của *'alamin*;

99.- "Và chỉ những tên kẻ tội lỗi đã dắt chúng tôi đi lạc.

100.- "Bởi thế, chúng tôi không có ai can thiệp;

101.- "Cũng không có một người bạn chân tình nào (để giúp đỡ);

102.- "Giá có dịp trở lại (trần gian), thì chúng tôi sẽ tin tưởng."

103.- Trong đó là một Dấu hiệu, nhưng đa số bọn chúng không tin.

104.- Và *Rabb* của Ngươi là Đấng Toàn Năng, Đấng Rất mực Khoan dung.

105.- Người dân của *Nūh* đã cho những Sứ giả (của Allah) nói dối,

106.- Khi người anh em *Nūh* của họ bảo: "Các người không sợ Allah ư?

107.- "Quả thật, Ta là một Sứ giả đáng tin cậy đến với các người.

108.- "Bởi thế, hãy sợ Allah và nghe theo Ta.

109.- "Và Ta không đòi hỏi các người tưởng thưởng Ta về nó. Chỉ *Rabb* của vũ trụ và muôn loài sẽ ân thưởng Ta.

110.- "Do đó, hãy sợ Allah và nghe theo Ta."

111.- Họ đáp: "Bọn ta phải tin tưởng ngươi hay sao trong lúc chỉ có những kẻ bần cùng tuân theo ngươi?"

قَالَ وَمَا عِلۡمِي بِمَا كَانُواْ يَعۡمَلُونَ ﴿١١٢﴾ إِنۡ حِسَابُهُمۡ إِلَّا عَلَىٰ رَبِّيۖ لَوۡ تَشۡعُرُونَ ﴿١١٣﴾ وَمَآ أَنَا۠ بِطَارِدِ ٱلۡمُؤۡمِنِينَ ﴿١١٤﴾ إِنۡ أَنَا۠ إِلَّا نَذِيرٞ مُّبِينٞ ﴿١١٥﴾ قَالُواْ لَئِن لَّمۡ تَنتَهِ يَٰنُوحُ لَتَكُونَنَّ مِنَ ٱلۡمَرۡجُومِينَ ﴿١١٦﴾ قَالَ رَبِّ إِنَّ قَوۡمِي كَذَّبُونِ ﴿١١٧﴾ فَٱفۡتَحۡ بَيۡنِي وَبَيۡنَهُمۡ فَتۡحٗا وَنَجِّنِي وَمَن مَّعِيَ مِنَ ٱلۡمُؤۡمِنِينَ ﴿١١٨﴾ فَأَنجَيۡنَٰهُ وَمَن مَّعَهُۥ فِي ٱلۡفُلۡكِ ٱلۡمَشۡحُونِ ﴿١١٩﴾ ثُمَّ أَغۡرَقۡنَا بَعۡدُ ٱلۡبَاقِينَ ﴿١٢٠﴾ إِنَّ فِي ذَٰلِكَ لَأٓيَةٗۖ وَمَا كَانَ أَكۡثَرُهُم مُّؤۡمِنِينَ ﴿١٢١﴾ وَإِنَّ رَبَّكَ لَهُوَ ٱلۡعَزِيزُ ٱلرَّحِيمُ ﴿١٢٢﴾ كَذَّبَتۡ عَادٌ ٱلۡمُرۡسَلِينَ ﴿١٢٣﴾ إِذۡ قَالَ لَهُمۡ أَخُوهُمۡ هُودٌ أَلَا تَتَّقُونَ ﴿١٢٤﴾ إِنِّي لَكُمۡ رَسُولٌ أَمِينٞ ﴿١٢٥﴾ فَٱتَّقُواْ ٱللَّهَ وَأَطِيعُونِ ﴿١٢٦﴾ وَمَآ أَسۡـَٔلُكُمۡ عَلَيۡهِ مِنۡ أَجۡرٍۖ إِنۡ أَجۡرِيَ إِلَّا عَلَىٰ رَبِّ ٱلۡعَٰلَمِينَ ﴿١٢٧﴾ أَتَبۡنُونَ بِكُلِّ رِيعٍ ءَايَةٗ تَعۡبَثُونَ ﴿١٢٨﴾ وَتَتَّخِذُونَ مَصَانِعَ لَعَلَّكُمۡ تَخۡلُدُونَ ﴿١٢٩﴾ وَإِذَا بَطَشۡتُم بَطَشۡتُمۡ جَبَّارِينَ ﴿١٣٠﴾ فَٱتَّقُواْ ٱللَّهَ وَأَطِيعُونِ ﴿١٣١﴾ وَٱتَّقُواْ ٱلَّذِيٓ أَمَدَّكُم بِمَا تَعۡلَمُونَ ﴿١٣٢﴾ أَمَدَّكُم بِأَنۡعَٰمٖ وَبَنِينَ ﴿١٣٣﴾ وَجَنَّٰتٖ وَعُيُونٍ ﴿١٣٤﴾ إِنِّيٓ أَخَافُ عَلَيۡكُمۡ عَذَابَ يَوۡمٍ عَظِيمٖ ﴿١٣٥﴾ قَالُواْ سَوَآءٌ عَلَيۡنَآ أَوَعَظۡتَ أَمۡ لَمۡ تَكُن مِّنَ ٱلۡوَٰعِظِينَ ﴿١٣٦﴾

112.- (Nūh) bảo: "Ta đâu biết điều họ đã từng làm.

113.- "Chỉ *Rabb* của Ta nắm hồ sơ của họ, nếu các người nhận thấy.

114.- "Và Ta không phải là người xua đuổi những người có đức tin.

115.- "Mà chỉ là một người Cảnh cáo công khai."

116.- Họ nói: "Nếu không chịu ngưng, hỡi Nūh!, bọn ta sẽ ném đá giết ngươi."

117.- (Nūh), thưa: "Lạy *Rabb*! Người dân của bề tôi phủ nhận bề tôi;

118.- "Bởi thế, xin Ngài công minh phân xử giữa bề tôi và họ và xin giải cứu bề tôi và ai là người tin tưởng tuân theo bề tôi."

119.- Do đó, *TA* đã giải cứu Người và những người theo Người trên một chiếc tàu chở đầy (người và thú vật);

120.- Rồi, *TA* nhận đám người còn lại chết chìm dưới nước (lụt).

121.- Trong đó là một Dấu hiệu nhưng đa số bọn chúng không tin.

122.- Và *Rabb* của Ngươi là Đấng Toàn Năng, Đấng Rất mực Khoan dung.

123.- (Người dân) *'Ād* đã cho những Sứ Giả của Allah nói dối.

124.- Khi người anh em *Hūd* của họ bảo: "Các người không sợ Allah ư?

125.- "Ta thực sự là một Sứ giả đáng tin cậy (đến) với các người.

126.- "Do đó, hãy sợ Allah và nghe theo Ta;

127.- Ta không đòi hỏi các người tưởng thưởng ta về nó (Thông điệp của Allah). *Rabb* của vũ trụ và muôn loài sẽ ân thưởng Ta.

128.- "Phải chăng các người đã xây cất trên mỗi ngọn đồi cao (biệt thự làm) một cảnh giới để khoe khoang?

129.- "Phải chăng các người đã xây cất những lâu đài kiên cố để mong ở trong đó vĩnh viễn?

130.- "Và khi các người tước đoạt, các người bóc lột như những bạo chúa.

131.- "Bởi thế, hãy sợ Allah và nghe theo Ta.

132.- "Và hãy sợ Đấng đã trợ giúp các người với những vật mà các người đã từng biết.

133.- "Ngài đã giúp đỡ các người với gia súc và con cái.

134.- "Và hoa viên và suối nước.

135.- "Ta sợ giùm cho các người về sự trừng phạt của một Ngày vĩ đại."

136.- Họ đáp: "Ông có cảnh cáo hay không là một vị cảnh cáo đi nữa, điều đó bằng thừa đối với chúng tôi.

إِنْ هَٰذَآ إِلَّا خُلُقُ ٱلْأَوَّلِينَ ﴿١٣٧﴾ وَمَا نَحْنُ بِمُعَذَّبِينَ ﴿١٣٨﴾ فَكَذَّبُوهُ فَأَهْلَكْنَٰهُمْۚ إِنَّ فِى ذَٰلِكَ لَءَايَةًۖ وَمَا كَانَ أَكْثَرُهُم مُّؤْمِنِينَ ﴿١٣٩﴾ وَإِنَّ رَبَّكَ لَهُوَ ٱلْعَزِيزُ ٱلرَّحِيمُ ﴿١٤٠﴾ كَذَّبَتْ ثَمُودُ ٱلْمُرْسَلِينَ ﴿١٤١﴾ إِذْ قَالَ لَهُمْ أَخُوهُمْ صَٰلِحٌ أَلَا تَتَّقُونَ ﴿١٤٢﴾ إِنِّى لَكُمْ رَسُولٌ أَمِينٌ ﴿١٤٣﴾ فَٱتَّقُوا۟ ٱللَّهَ وَأَطِيعُونِ ﴿١٤٤﴾ وَمَآ أَسْـَٔلُكُمْ عَلَيْهِ مِنْ أَجْرٍۖ إِنْ أَجْرِىَ إِلَّا عَلَىٰ رَبِّ ٱلْعَٰلَمِينَ ﴿١٤٥﴾ أَتُتْرَكُونَ فِى مَا هَٰهُنَآ ءَامِنِينَ ﴿١٤٦﴾ فِى جَنَّٰتٍ وَعُيُونٍ ﴿١٤٧﴾ وَزُرُوعٍ وَنَخْلٍ طَلْعُهَا هَضِيمٌ ﴿١٤٨﴾ وَتَنْحِتُونَ مِنَ ٱلْجِبَالِ بُيُوتًا فَٰرِهِينَ ﴿١٤٩﴾ فَٱتَّقُوا۟ ٱللَّهَ وَأَطِيعُونِ ﴿١٥٠﴾ وَلَا تُطِيعُوٓا۟ أَمْرَ ٱلْمُسْرِفِينَ ﴿١٥١﴾ ٱلَّذِينَ يُفْسِدُونَ فِى ٱلْأَرْضِ وَلَا يُصْلِحُونَ ﴿١٥٢﴾ قَالُوٓا۟ إِنَّمَآ أَنتَ مِنَ ٱلْمُسَحَّرِينَ ﴿١٥٣﴾ مَآ أَنتَ إِلَّا بَشَرٌ مِّثْلُنَا فَأْتِ بِـَٔايَةٍ إِن كُنتَ مِنَ ٱلصَّٰدِقِينَ ﴿١٥٤﴾ قَالَ هَٰذِهِۦ نَاقَةٌ لَّهَا شِرْبٌ وَلَكُمْ شِرْبُ يَوْمٍ مَّعْلُومٍ ﴿١٥٥﴾ وَلَا تَمَسُّوهَا بِسُوٓءٍ فَيَأْخُذَكُمْ عَذَابُ يَوْمٍ عَظِيمٍ ﴿١٥٦﴾ فَعَقَرُوهَا فَأَصْبَحُوا۟ نَٰدِمِينَ ﴿١٥٧﴾ فَأَخَذَهُمُ ٱلْعَذَابُۚ إِنَّ فِى ذَٰلِكَ لَءَايَةًۖ وَمَا كَانَ أَكْثَرُهُم مُّؤْمِنِينَ ﴿١٥٨﴾ وَإِنَّ رَبَّكَ لَهُوَ ٱلْعَزِيزُ ٱلرَّحِيمُ ﴿١٥٩﴾

137.- "Công việc này của ông chỉ là một phong cách của người xưa.

138.- "Và chúng tôi sẽ không bị trừng phạt đau đớn."

139.- Bởi thế, chúng đã cho Người nói dối. Cho nên, *TA* đã tiêu diệt chúng. Trong đó là một Dấu hiệu. Nhưng đa số bọn chúng không tin.

140.- Và *Rabb* của Ngươi là Đấng Toàn Năng, Đấng Rất mực Khoan dung.

141.- Và (người dân) *Thamūd* đã cho những Sứ giả (của Allah) nói dối;

142.- Khi người anh em *Sālih* của họ bảo: "Các người không sợ Allah ư?

143.- "Ta là một Sứ giả đáng tin cậy (đến) với các người.

144.- "Do đó, hãy sợ Allah và nghe theo Ta.

145.- "Ta không đòi hỏi các người tưởng thưởng Ta về nó (Thông Điệp của Allah). *Rabb* của vũ trụ và muôn loài sẽ ân thưởng Ta.

146.- "Phải chăng các người sẽ được an toàn hưởng thụ những tiện nghi hiện có nơi đây hay sao?

147.- "Nơi những hoa viên và suối nước?

148.- "Với những cánh đồng bắp lúa và vườn cây chà-là hoa lá mịn màng?

149.- "Và các người đã khéo tay đục núi xây nhà trong đó.

150.- "Do đó, hãy sợ Allah và nghe theo Ta.

151.- "Và chớ nghe theo mệnh lệnh của những kẻ thái quá,

152.- "Những ai đã làm những điều thối nát trong xứ nhưng không sửa mình."

153.- Họ đáp: "Ông chỉ là một người bị mê hoặc.

154.- "Ông chỉ là một người phàm như chúng tôi. Thế, hãy mang một Phép lạ đến cho chúng tôi thấy nếu ông là một người nói thật."

155.- (Sālih) đáp: "Đây là con lạc-đà cái. Nó uống phần nước của nó và các người phần nước của các người vào một ngày đã được qui định.

156.- "Và chớ giết nó sợ rằng các người sẽ bị trừng phạt vào một Ngày vĩ đại."

157.- Nhưng chúng đã cắt nhượng nó và sau đó đâm ra hối hận.

158.- Do đó, chúng đã bị trừng phạt. Trong đó là một Dấu hiệu. Nhưng đa số bọn chúng không tin tưởng.

159.- Và, *Rabb* của Ngươi là Đấng Toàn Năng, Đấng Rất mực Khoan dung.

كَذَّبَتۡ قَوۡمُ لُوطٍ ٱلۡمُرۡسَلِينَ ﴿١٦٠﴾ إِذۡ قَالَ لَهُمۡ أَخُوهُمۡ لُوطٌ أَلَا تَتَّقُونَ ﴿١٦١﴾ إِنِّي لَكُمۡ رَسُولٌ أَمِينٞ ﴿١٦٢﴾ فَٱتَّقُواْ ٱللَّهَ وَأَطِيعُونِ ﴿١٦٣﴾ وَمَآ أَسۡـَٔلُكُمۡ عَلَيۡهِ مِنۡ أَجۡرٍۖ إِنۡ أَجۡرِيَ إِلَّا عَلَىٰ رَبِّ ٱلۡعَٰلَمِينَ ﴿١٦٤﴾ أَتَأۡتُونَ ٱلذُّكۡرَانَ مِنَ ٱلۡعَٰلَمِينَ ﴿١٦٥﴾ وَتَذَرُونَ مَا خَلَقَ لَكُمۡ رَبُّكُم مِّنۡ أَزۡوَٰجِكُمۚ بَلۡ أَنتُمۡ قَوۡمٌ عَادُونَ ﴿١٦٦﴾ قَالُواْ لَئِن لَّمۡ تَنتَهِ يَٰلُوطُ لَتَكُونَنَّ مِنَ ٱلۡمُخۡرَجِينَ ﴿١٦٧﴾ قَالَ إِنِّي لِعَمَلِكُم مِّنَ ٱلۡقَالِينَ ﴿١٦٨﴾ رَبِّ نَجِّنِي وَأَهۡلِي مِمَّا يَعۡمَلُونَ ﴿١٦٩﴾ فَنَجَّيۡنَٰهُ وَأَهۡلَهُۥٓ أَجۡمَعِينَ ﴿١٧٠﴾ إِلَّا عَجُوزٗا فِي ٱلۡغَٰبِرِينَ ﴿١٧١﴾ ثُمَّ دَمَّرۡنَا ٱلۡأٓخَرِينَ ﴿١٧٢﴾ وَأَمۡطَرۡنَا عَلَيۡهِم مَّطَرٗاۖ فَسَآءَ مَطَرُ ٱلۡمُنذَرِينَ ﴿١٧٣﴾ إِنَّ فِي ذَٰلِكَ لَأٓيَةٗۖ وَمَا كَانَ أَكۡثَرُهُم مُّؤۡمِنِينَ ﴿١٧٤﴾ وَإِنَّ رَبَّكَ لَهُوَ ٱلۡعَزِيزُ ٱلرَّحِيمُ ﴿١٧٥﴾ كَذَّبَ أَصۡحَٰبُ لۡـَٔيۡكَةِ ٱلۡمُرۡسَلِينَ ﴿١٧٦﴾ إِذۡ قَالَ لَهُمۡ شُعَيۡبٌ أَلَا تَتَّقُونَ ﴿١٧٧﴾ إِنِّي لَكُمۡ رَسُولٌ أَمِينٞ ﴿١٧٨﴾ فَٱتَّقُواْ ٱللَّهَ وَأَطِيعُونِ ﴿١٧٩﴾ وَمَآ أَسۡـَٔلُكُمۡ عَلَيۡهِ مِنۡ أَجۡرٍۖ إِنۡ أَجۡرِيَ إِلَّا عَلَىٰ رَبِّ ٱلۡعَٰلَمِينَ ﴿١٨٠﴾ ۞ أَوۡفُواْ ٱلۡكَيۡلَ وَلَا تَكُونُواْ مِنَ ٱلۡمُخۡسِرِينَ ﴿١٨١﴾ وَزِنُواْ بِٱلۡقِسۡطَاسِ ٱلۡمُسۡتَقِيمِ ﴿١٨٢﴾ وَلَا تَبۡخَسُواْ ٱلنَّاسَ أَشۡيَآءَهُمۡ وَلَا تَعۡثَوۡاْ فِي ٱلۡأَرۡضِ مُفۡسِدِينَ ﴿١٨٣﴾

ربع الحزب ٣٨

160.- Người dân của *Lūt* cũng đã cho những Sứ giả nói dối.

161.- Khi người anh em *Lūt* của họ bảo: "Các người không sợ Allah ư?

162.- "Ta thực sự là một Sứ giả đáng tin cậy (đến) với các người.

163.- "Do đó, hãy sợ Allah và nghe theo Ta.

164.- "Ta không đòi hỏi các người tưởng thưởng Ta về nó (Thông điệp của Allah). Chỉ *Rabb* của vũ trụ và muôn loài sẽ ân thưởng Ta.

165.- "Phải chăng trong vũ trụ, duy chỉ các người là những kẻ đã đến (làm tình) với đàn ông;

166.- "Và bỏ rơi những người mà Allah đã tạo ra cho các người để làm vợ? Không, các người là những kẻ đã làm điều thái quá."

167.- Họ đáp: "Nếu không chịu ngưng, hỡi Lūt! thì ông sẽ bị trục xuất."

168.- (Lūt) bảo: "Ta là một người thù ghét việc làm của các người.

169.- "Lạy *Rabb* của bề tôi! Xin Ngài giải cứu bề tôi và gia đình của bề tôi khỏi điều (tội lỗi) mà chúng đã làm."

170.- Bởi thế, *TA* đã giải cứu Lūt và gia đình của Người, tất cả;

171.- Ngoại trừ một bà lão trong số những người ở lại đằng sau.

172.- Rồi, *TA* đã tiêu diệt đám người còn lại;

173.- Và *TA* đã xối lên chúng một trận mưa đích đáng. Và tai ác thay trận mưa (đá) xối lên đầu những kẻ đã được cảnh cáo trước!

174.- Trong đó là một Dấu hiệu. Nhưng đa số bọn chúng không tin.

175.- *Rabb* của Ngươi là Đấng Toàn Năng, Đấng Rất mực Khoan dung.

176.- Dân cư tại Khu rừng gần *Madyan* đã cho những Sứ giả nói dối,

177.- Khi *Shu'aib* bảo họ: "Các người không sợ Allah hay sao?

178.- "Ta thực sự là một Sứ giả đáng tin cậy (đến) với các người.

179.- "Do đó, hãy sợ Allah và nghe theo Ta.

180.- "Và Ta không đòi hỏi các người tưởng thưởng Ta về nó. Thật sự *Rabb* của vũ trụ và muôn loài sẽ ân thưởng Ta.

181.- "Hãy đo cho đủ và chớ làm cho người khác mất mát.

182.- "Và hãy cân với một bàn cân thẳng đứng;

183.- "Và chớ lấy bớt vật dụng của người và chớ hành động thối nát trên mặt đất, gieo rắc tội ác.

وَٱتَّقُواْ ٱلَّذِى خَلَقَكُمۡ وَٱلۡجِبِلَّةَ ٱلۡأَوَّلِينَ ﴿١٨٤﴾ قَالُوٓاْ إِنَّمَآ أَنتَ مِنَ
ٱلۡمُسَحَّرِينَ ﴿١٨٥﴾ وَمَآ أَنتَ إِلَّا بَشَرٞ مِّثۡلُنَا وَإِن نَّظُنُّكَ لَمِنَ
ٱلۡكَٰذِبِينَ ﴿١٨٦﴾ فَأَسۡقِطۡ عَلَيۡنَا كِسَفٗا مِّنَ ٱلسَّمَآءِ إِن كُنتَ
مِنَ ٱلصَّٰدِقِينَ ﴿١٨٧﴾ قَالَ رَبِّىٓ أَعۡلَمُ بِمَا تَعۡمَلُونَ ﴿١٨٨﴾ فَكَذَّبُوهُ
فَأَخَذَهُمۡ عَذَابُ يَوۡمِ ٱلظُّلَّةِۚ إِنَّهُۥ كَانَ عَذَابَ يَوۡمٍ عَظِيمٍ ﴿١٨٩﴾
إِنَّ فِى ذَٰلِكَ لَأٓيَةٗۖ وَمَا كَانَ أَكۡثَرُهُم مُّؤۡمِنِينَ ﴿١٩٠﴾ وَإِنَّ رَبَّكَ
لَهُوَ ٱلۡعَزِيزُ ٱلرَّحِيمُ ﴿١٩١﴾ وَإِنَّهُۥ لَتَنزِيلُ رَبِّ ٱلۡعَٰلَمِينَ ﴿١٩٢﴾ نَزَلَ بِهِ
ٱلرُّوحُ ٱلۡأَمِينُ ﴿١٩٣﴾ عَلَىٰ قَلۡبِكَ لِتَكُونَ مِنَ ٱلۡمُنذِرِينَ ﴿١٩٤﴾ بِلِسَانٍ
عَرَبِىّٖ مُّبِينٖ ﴿١٩٥﴾ وَإِنَّهُۥ لَفِى زُبُرِ ٱلۡأَوَّلِينَ ﴿١٩٦﴾ أَوَلَمۡ يَكُن لَّهُمۡ ءَايَةً
أَن يَعۡلَمَهُۥ عُلَمَٰٓؤُاْ بَنِىٓ إِسۡرَٰٓءِيلَ ﴿١٩٧﴾ وَلَوۡ نَزَّلۡنَٰهُ عَلَىٰ بَعۡضِ ٱلۡأَعۡجَمِينَ
﴿١٩٨﴾ فَقَرَأَهُۥ عَلَيۡهِم مَّا كَانُواْ بِهِۦ مُؤۡمِنِينَ ﴿١٩٩﴾ كَذَٰلِكَ سَلَكۡنَٰهُ
فِى قُلُوبِ ٱلۡمُجۡرِمِينَ ﴿٢٠٠﴾ لَا يُؤۡمِنُونَ بِهِۦ حَتَّىٰ يَرَوُاْ ٱلۡعَذَابَ
ٱلۡأَلِيمَ ﴿٢٠١﴾ فَيَأۡتِيَهُم بَغۡتَةٗ وَهُمۡ لَا يَشۡعُرُونَ ﴿٢٠٢﴾ فَيَقُولُواْ
هَلۡ نَحۡنُ مُنظَرُونَ ﴿٢٠٣﴾ أَفَبِعَذَابِنَا يَسۡتَعۡجِلُونَ ﴿٢٠٤﴾ أَفَرَءَيۡتَ
إِن مَّتَّعۡنَٰهُمۡ سِنِينَ ﴿٢٠٥﴾ ثُمَّ جَآءَهُم مَّا كَانُواْ يُوعَدُونَ ﴿٢٠٦﴾

184.- "Và hãy sợ Allah, Đấng đã tạo hóa các người và những thế hệ trước."

185.- Họ đáp: "Ông chỉ là một người bị mê hoặc;

186.- "Và ông là một người phàm như chúng tôi và chúng tôi nghĩ ông là một người nói dối.

187.- Thế, ông hãy làm cho một phần trời sụp xuống đè chúng tôi đi nếu ông là một người nói thật."

188.- (Người) bảo: "*Rabb* của ta là Đấng biết rõ điều mà các người đã làm."

189.- Nhưng họ đã cho Người nói dối. Bởi thế, họ đã gánh chịu Hình phạt của một Ngày mịt trời; đó là sự trừng phạt của một Ngày vĩ đại.

190.- Quả thật, trong đó là một Dấu hiệu; nhưng đa số bọn chúng là những kẻ không tin tưởng.

191.- *Rabb* của Ngươi là Đấng Toàn Năng, Đấng Rất mực Khoan dung.

192.- Quả thật, Nó (Qur'ān) do *Rabb* của vũ trụ ban xuống.

193.- Thiên Thần Jibrīl đã mang Nó xuống;

194.- Đặt vào quả tim của Ngươi (Muhammad) để Ngươi trở thành một Người báo-trước;

195.- Bằng tiếng Ả-rập trong sáng;

196.- Quả thật, Nó (đã được nhắc đến) trong những Kinh sách cũ.

197.- Và hẳn Nó không là một Dấu hiệu cho họ hay sao bởi vì những người có học trong số con cháu của Israel đã công nhận Nó?

198.- Và nếu *TA* có ban Nó xuống cho một người không phải gốc gác Ả-rập,

199.- Để y đọc lại cho họ thì họ vẫn không tin tưởng nơi Nó.

200.- Bằng cách đó, *TA* đã làm cho nó (việc phủ nhận Qur'ān) thấm vào lòng của những kẻ tội lỗi;

201.- Họ sẽ không tin tưởng nơi Nó (Qur'ān) cho đến khi đối diện với sự trừng phạt đau đớn;

202.- Bởi vì nó sẽ đến chụp bắt họ bất ngờ trong lúc họ không nhận thấy.

203.- Sau đó, họ sẽ than: "Chúng tôi có được gia hạn hay chăng?"

204.- Thế, họ còn hối thúc hình phạt cho mau đến nữa hay chăng?

205.- Há Ngươi nhận thấy, nếu *TA* cho họ hưởng lạc thêm nhiều năm nữa,

206.- Rồi sau đó, hình phạt đã được hứa sẽ đến chụp bắt họ,

مَآ أَغۡنَىٰ عَنۡهُم مَّا كَانُواْ يُمَتَّعُونَ ٢٠٧ وَمَآ أَهۡلَكۡنَا مِن قَرۡيَةٍ إِلَّا لَهَا مُنذِرُونَ ٢٠٨ ذِكۡرَىٰ وَمَا كُنَّا ظَٰلِمِينَ ٢٠٩ وَمَا تَنَزَّلَتۡ بِهِ ٱلشَّيَٰطِينُ ٢١٠ وَمَا يَنۢبَغِي لَهُمۡ وَمَا يَسۡتَطِيعُونَ ٢١١ إِنَّهُمۡ عَنِ ٱلسَّمۡعِ لَمَعۡزُولُونَ ٢١٢ فَلَا تَدۡعُ مَعَ ٱللَّهِ إِلَٰهًا ءَاخَرَ فَتَكُونَ مِنَ ٱلۡمُعَذَّبِينَ ٢١٣ وَأَنذِرۡ عَشِيرَتَكَ ٱلۡأَقۡرَبِينَ ٢١٤ وَٱخۡفِضۡ جَنَاحَكَ لِمَنِ ٱتَّبَعَكَ مِنَ ٱلۡمُؤۡمِنِينَ ٢١٥ فَإِنۡ عَصَوۡكَ فَقُلۡ إِنِّي بَرِيٓءٞ مِّمَّا تَعۡمَلُونَ ٢١٦ وَتَوَكَّلۡ عَلَى ٱلۡعَزِيزِ ٱلرَّحِيمِ ٢١٧ ٱلَّذِي يَرَىٰكَ حِينَ تَقُومُ ٢١٨ وَتَقَلُّبَكَ فِي ٱلسَّٰجِدِينَ ٢١٩ إِنَّهُۥ هُوَ ٱلسَّمِيعُ ٱلۡعَلِيمُ ٢٢٠ هَلۡ أُنَبِّئُكُمۡ عَلَىٰ مَن تَنَزَّلُ ٱلشَّيَٰطِينُ ٢٢١ تَنَزَّلُ عَلَىٰ كُلِّ أَفَّاكٍ أَثِيمٖ ٢٢٢ يُلۡقُونَ ٱلسَّمۡعَ وَأَكۡثَرُهُمۡ كَٰذِبُونَ ٢٢٣ وَٱلشُّعَرَآءُ يَتَّبِعُهُمُ ٱلۡغَاوُۥنَ ٢٢٤ أَلَمۡ تَرَ أَنَّهُمۡ فِي كُلِّ وَادٖ يَهِيمُونَ ٢٢٥ وَأَنَّهُمۡ يَقُولُونَ مَا لَا يَفۡعَلُونَ ٢٢٦ إِلَّا ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ وَعَمِلُواْ ٱلصَّٰلِحَٰتِ وَذَكَرُواْ ٱللَّهَ كَثِيرٗا وَٱنتَصَرُواْ مِنۢ بَعۡدِ مَا ظُلِمُواْۗ وَسَيَعۡلَمُ ٱلَّذِينَ ظَلَمُوٓاْ أَيَّ مُنقَلَبٖ يَنقَلِبُونَ ٢٢٧

سُورَةُ النَّمۡلِ

207.- Thì việc hưởng thụ đó của họ chẳng giúp ích gì được cho họ cả;

208.- Và quả thật, *TA* chỉ tiêu diệt một thị trấn sau khi đã có những người báo trước được cử phái đến với nó;

209.- Để làm công việc nhắc nhở. Bởi vì *TA* không hề bất công.

210.- Và không phải những tên *Shaytān* mang Nó (Qur'ān) xuống;

211.- Bởi vì việc làm đó không thích hợp với chúng và chúng cũng không có khả năng (làm được việc đó).

212.- Thật sự, chúng bị đuổi ra xa không cho nghe (Qur'ān).

213.- Bởi thế, chớ cầu nguyện một thần linh nào khác cùng với Allah bởi vì làm thế, Ngươi sẽ là một trong những kẻ bị trừng phạt.

214.- Và hãy cảnh cáo thân tộc gần gủi của Ngươi (Muhammad);

215.- Hãy đối xử từ tốn với những người có đức tin theo Ngươi.

216.- Nhưng nếu họ bất tuân Ngươi thì hãy bảo (họ): "Tôi vô tội về những điều quí vị làm."

217.- Và hãy phó thác cho Đấng Toàn Năng, Đấng Rất mực Khoan dung,-

218.- Ngài thấy Ngươi khi Ngươi đứng (dâng lễ *Tahajjud* ban đêm);

219.- Và cả động tác của Ngươi trong số những người sụp lạy.

220.- Bởi vì quả thật, Ngài là Đấng Toàn Thính, Đấng Toàn Tri.

221.- Há Ta (Muhammad) sẽ phải báo cho các người biết ai là kẻ mà những tên Shaytān thường xuống gặp?

222.- Chúng hay xuống nhập với từng tên ác ôn nói dối,

223.- Chúng lắng nghe (những tên Shaytān) và đa số bọn chúng là những tên nói dối.

224.- Và các thi sĩ, chỉ những kẻ lầm lạc mới nghe theo chúng;

225.- Há Ngươi không thấy chúng lang thang vơ vẩn nơi mỗi thung lũng;

226.- Và nói ra điều mà chúng không làm hay sao?

227.- Ngoại trừ những ai có đức tin và làm việc thiện và tưởng nhớ Allah nhiều và trả đòn (bằng thi văn) sau khi đã bị đối xử bất công Và những kẻ làm điều sai quấy sẽ sớm biết đâu là cuộc đổi đời mà họ sẽ phải gánh chịu sau này.

نصف الحزب ٣٨

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

طسٓۚ تِلۡكَ ءَايَٰتُ ٱلۡقُرۡءَانِ وَكِتَابٖ مُّبِينٍ ١ هُدٗى وَبُشۡرَىٰ لِلۡمُؤۡمِنِينَ ٢ ٱلَّذِينَ يُقِيمُونَ ٱلصَّلَوٰةَ وَيُؤۡتُونَ ٱلزَّكَوٰةَ وَهُم بِٱلۡأٓخِرَةِ هُمۡ يُوقِنُونَ ٣ إِنَّ ٱلَّذِينَ لَا يُؤۡمِنُونَ بِٱلۡأٓخِرَةِ زَيَّنَّا لَهُمۡ أَعۡمَٰلَهُمۡ فَهُمۡ يَعۡمَهُونَ ٤ أُوْلَٰٓئِكَ ٱلَّذِينَ لَهُمۡ سُوٓءُ ٱلۡعَذَابِ وَهُمۡ فِي ٱلۡأٓخِرَةِ هُمُ ٱلۡأَخۡسَرُونَ ٥ وَإِنَّكَ لَتُلَقَّى ٱلۡقُرۡءَانَ مِن لَّدُنۡ حَكِيمٍ عَلِيمٍ ٦ إِذۡ قَالَ مُوسَىٰ لِأَهۡلِهِۦٓ إِنِّيٓ ءَانَسۡتُ نَارٗا سَـَٔاتِيكُم مِّنۡهَا بِخَبَرٍ أَوۡ ءَاتِيكُم بِشِهَابٖ قَبَسٖ لَّعَلَّكُمۡ تَصۡطَلُونَ ٧ فَلَمَّا جَآءَهَا نُودِيَ أَنۢ بُورِكَ مَن فِي ٱلنَّارِ وَمَنۡ حَوۡلَهَا وَسُبۡحَٰنَ ٱللَّهِ رَبِّ ٱلۡعَٰلَمِينَ ٨ يَٰمُوسَىٰٓ إِنَّهُۥٓ أَنَا ٱللَّهُ ٱلۡعَزِيزُ ٱلۡحَكِيمُ ٩ وَأَلۡقِ عَصَاكَۚ فَلَمَّا رَءَاهَا تَهۡتَزُّ كَأَنَّهَا جَآنّٞ وَلَّىٰ مُدۡبِرٗا وَلَمۡ يُعَقِّبۡۚ يَٰمُوسَىٰ لَا تَخَفۡ إِنِّي لَا يَخَافُ لَدَيَّ ٱلۡمُرۡسَلُونَ ١٠ إِلَّا مَن ظَلَمَ ثُمَّ بَدَّلَ حُسۡنَۢا بَعۡدَ سُوٓءٖ فَإِنِّي غَفُورٞ رَّحِيمٞ ١١ وَأَدۡخِلۡ يَدَكَ فِي جَيۡبِكَ تَخۡرُجۡ بَيۡضَآءَ مِنۡ غَيۡرِ سُوٓءٖۖ فِي تِسۡعِ ءَايَٰتٍ إِلَىٰ فِرۡعَوۡنَ وَقَوۡمِهِۦٓۚ إِنَّهُمۡ كَانُواْ قَوۡمٗا فَٰسِقِينَ ١٢ فَلَمَّا جَآءَتۡهُمۡ ءَايَٰتُنَا مُبۡصِرَةٗ قَالُواْ هَٰذَا سِحۡرٞ مُّبِينٞ ١٣

AN-NAML
(Con Kiến)

Nhân danh Allah, Đấng Rất mực Độ lượng,
Đấng Rất mực Khoan dung

1.- *Ṯā. Sīn.* Đây là những Câu của Qur'ān và một Kinh sách minh bạch;

2.- Một Chỉ đạo và tin mừng cho những người tin tưởng.

3.- Những ai dâng lễ *Salāh* và đóng *Zakāh* và tin tưởng về Đời sau.

4.- Quả thật, đối với những ai không tin có Đời sau, *TA* đã khiến cho việc làm của họ tỏ ra đẹp mắt đối với họ; bởi thế, họ lang thang vơ vẩn.

5.- Họ là những kẻ sẽ chịu một sự trừng phạt xấu xa và sẽ là những người thua thiệt lớn nhất ở Đời sau.

6.- Và chắc chắn, Ngươi (Muhammad!) đã tiếp thu Qur'ān từ Đấng Vô cùng Sáng suốt và Toàn Tri.

7.- (Hãy nhớ lại) khi Mūsa bảo người nhà: "Quả thật, ta thấy một ngọn lửa ở đằng xa, ta sẽ mang về cho các người tin tức từ chỗ đó hoặc sẽ mang về cho các người một khúc củi cháy để các người sưởi ấm."

8.- Nhưng khi đến chỗ của ngọn lửa, Người nghe tiếng gọi, bảo: "Phúc cho ai ở trong lửa và cho ai ở xung quanh nó! Quang vinh và trong sạch thay Allah! *Rabb* (Đấng Chủ Tể) của muôn loài.

9.- "Hỡi Mūsa! Thực sự, TA là Allah, Đấng Toàn Năng, Đấng Chí Minh.

10.- "Hãy ném chiếc gậy của ngươi xuống!" Nhưng khi thấy nó động đậy giống như một con rắn, Người quay lưng bỏ chạy và không ngoái nhìn lại phía sau. "Hỡi Mūsa! Chớ khiếp đảm. Quả thật! Các Sứ giả chớ nên khiếp đảm trước mặt TA.

11.- "Ngoại trừ ai làm điều sai quấy rồi sau đó làm điều thiện để chuộc điều ác thì thực sự TA Hằng Tha thứ, Hằng Khoan dung.

12.- "Và hãy áp bàn tay của Ngươi vào lồng ngực của Ngươi, khi rút ra, nó sẽ trở thành trắng toát nhưng không có gì đau đớn cả, trong số chín Phép lạ mang đến trình bày cho Fir'aun và đám người của hắn. Quả thật chúng là một đám người ương ngạnh, bất tuân."

13.- Nhưng khi những Phép-lạ của *TA* được mang đến cho chúng nhìn tận mắt, chúng nói: "Đây rõ ràng là một trò ảo thuật!"

وَجَحَدُواْ بِهَا وَٱسْتَيْقَنَتْهَآ أَنفُسُهُمْ ظُلْمًا وَعُلُوًّاۚ فَٱنظُرْ كَيْفَ
كَانَ عَٰقِبَةُ ٱلْمُفْسِدِينَ ﴿١٤﴾ وَلَقَدْ ءَاتَيْنَا دَاوُۥدَ وَسُلَيْمَٰنَ عِلْمًاۖ
وَقَالَا ٱلْحَمْدُ لِلَّهِ ٱلَّذِى فَضَّلَنَا عَلَىٰ كَثِيرٍ مِّنْ عِبَادِهِ ٱلْمُؤْمِنِينَ
﴿١٥﴾ وَوَرِثَ سُلَيْمَٰنُ دَاوُۥدَۖ وَقَالَ يَٰٓأَيُّهَا ٱلنَّاسُ عُلِّمْنَا مَنطِقَ
ٱلطَّيْرِ وَأُوتِينَا مِن كُلِّ شَىْءٍۖ إِنَّ هَٰذَا لَهُوَ ٱلْفَضْلُ ٱلْمُبِينُ ﴿١٦﴾
وَحُشِرَ لِسُلَيْمَٰنَ جُنُودُهُۥ مِنَ ٱلْجِنِّ وَٱلْإِنسِ وَٱلطَّيْرِ فَهُمْ
يُوزَعُونَ ﴿١٧﴾ حَتَّىٰٓ إِذَآ أَتَوْاْ عَلَىٰ وَادِ ٱلنَّمْلِ قَالَتْ نَمْلَةٌ يَٰٓأَيُّهَا
ٱلنَّمْلُ ٱدْخُلُواْ مَسَٰكِنَكُمْ لَا يَحْطِمَنَّكُمْ سُلَيْمَٰنُ وَجُنُودُهُۥ وَهُمْ
لَا يَشْعُرُونَ ﴿١٨﴾ فَتَبَسَّمَ ضَاحِكًا مِّن قَوْلِهَا وَقَالَ رَبِّ أَوْزِعْنِىٓ
أَنْ أَشْكُرَ نِعْمَتَكَ ٱلَّتِىٓ أَنْعَمْتَ عَلَىَّ وَعَلَىٰ وَٰلِدَىَّ وَأَنْ أَعْمَلَ
صَٰلِحًا تَرْضَىٰهُ وَأَدْخِلْنِى بِرَحْمَتِكَ فِى عِبَادِكَ ٱلصَّٰلِحِينَ
﴿١٩﴾ وَتَفَقَّدَ ٱلطَّيْرَ فَقَالَ مَا لِىَ لَآ أَرَى ٱلْهُدْهُدَ أَمْ كَانَ
مِنَ ٱلْغَآئِبِينَ ﴿٢٠﴾ لَأُعَذِّبَنَّهُۥ عَذَابًا شَدِيدًا أَوْ لَأَاْذْبَحَنَّهُۥٓ
أَوْ لَيَأْتِيَنِّى بِسُلْطَٰنٍ مُّبِينٍ ﴿٢١﴾ فَمَكَثَ غَيْرَ بَعِيدٍ فَقَالَ
أَحَطتُ بِمَا لَمْ تُحِطْ بِهِۦ وَجِئْتُكَ مِن سَبَإٍۭ بِنَبَإٍ يَقِينٍ ﴿٢٢﴾

14.- Nhưng vì sai quấy và kiêu ngạo, chúng đã phủ nhận (những Phép lạ đó) mặc dầu trong thâm tâm, chúng nhìn nhận (đó là sự thật). Bởi thế, hãy nhìn xem kết cuộc của những kẻ thối nát đã xẩy ra như thế nào.

15.- Và chắc chắn *TA* đã ban kiến thức cho *Dāwūd* và *Sulaymān*. Và cả hai đều tán dương thưa: "Mọi ca tụng đều dâng lên Allah, Đấng đã ưu-đãi chúng tôi hơn nhiều bề tôi tin tưởng khác của Ngài."

16.- Và Sulaymān thừa kế Dāwūd. Và Người bảo: "Hỡi nhân loại! Chúng tôi đã được (Allah) dạy cho (hiểu được) tiếng nói của loài chim và đã được (Allah) ban cho đủ mọi thứ và đây là một Thiên ân rõ rệt."

17.- Và đoàn binh tướng của Sulaymān gồm loài *Jinn*, loài người và chim chóc đã được triệu tập trước mặt Người theo đội ngũ chỉnh tề.

18.- (Đoàn quân của Sulaymān di chuyển) mãi cho đến lúc chúng đến một thung lũng của loài kiến; một con kiến lên tiếng: "Hỡi đoàn kiến chúng ta! Hãy lui vào chỗ ở của các anh kẻo Sulaymān và đoàn quân của Người sẽ (vô tình) dẫm nát các anh trong lúc họ không hay biết gì cả."

19.- Lấy làm vui thích trước lời nói của nó, Sulaymān mỉm cười và cầu nguyện, thưa: "Lạy *Rabb* của bề tôi! Xin Ngài ban cho bề tôi quyền lực hầu bề tôi đa tạ Ngài về những Ân huệ mà Ngài đã ban cho bề tôi và cho cha mẹ của bề tôi và để bề tôi làm việc thiện hầu làm hài lòng Ngài và xin lấy Đức Khoan dung của Ngài mà thâu nhận bề tôi vào đám bầy tôi ngay chính của Ngài."

20.- Và (Sulaymān) kiểm tra đoàn chim, rồi bảo: "Sao ta không thấy con *Hud-hud* (Chim đầu rìu)? Phải chăng nó vắng mặt?"

21.- Chắc chắn, ta sẽ phạt nó nghiêm khắc; hoặc ta sẽ giết nó hoặc nó sẽ cho ta biết lý do rõ ràng (về việc nó vắng mặt).

22.- Nhưng không dám chậm trễ, con *Hud-hud* vội vã (bay về) thưa: "Hạ thần bay đi tham quan nơi địa điểm mà bệ-hạ chưa hề đặt chân đến và hạ thần mang tin tức chắc chắn từ *Saba'* (Sheba) về tâu với bệ-hạ.

إِنِّي وَجَدتُّ ٱمۡرَأَةٗ تَمۡلِكُهُمۡ وَأُوتِيَتۡ مِن كُلِّ شَيۡءٖ وَلَهَا
عَرۡشٌ عَظِيمٞ ٢٣ وَجَدتُّهَا وَقَوۡمَهَا يَسۡجُدُونَ لِلشَّمۡسِ
مِن دُونِ ٱللَّهِ وَزَيَّنَ لَهُمُ ٱلشَّيۡطَٰنُ أَعۡمَٰلَهُمۡ فَصَدَّهُمۡ عَنِ ٱلسَّبِيلِ
فَهُمۡ لَا يَهۡتَدُونَ ٢٤ أَلَّا يَسۡجُدُواْۤ لِلَّهِ ٱلَّذِي يُخۡرِجُ ٱلۡخَبۡءَ فِي
ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضِ وَيَعۡلَمُ مَا تُخۡفُونَ وَمَا تُعۡلِنُونَ ٢٥ ٱللَّهُ
لَآ إِلَٰهَ إِلَّا هُوَ رَبُّ ٱلۡعَرۡشِ ٱلۡعَظِيمِ۩ ٢٦ ۞قَالَ سَنَنظُرُ
أَصَدَقۡتَ أَمۡ كُنتَ مِنَ ٱلۡكَٰذِبِينَ ٢٧ ٱذۡهَب بِّكِتَٰبِي هَٰذَا
فَأَلۡقِهۡ إِلَيۡهِمۡ ثُمَّ تَوَلَّ عَنۡهُمۡ فَٱنظُرۡ مَاذَا يَرۡجِعُونَ ٢٨ قَالَتۡ يَٰٓأَيُّهَا
ٱلۡمَلَؤُاْ إِنِّيٓ أُلۡقِيَ إِلَيَّ كِتَٰبٞ كَرِيمٌ ٢٩ إِنَّهُۥ مِن سُلَيۡمَٰنَ وَإِنَّهُۥ
بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ ٣٠ أَلَّا تَعۡلُواْ عَلَيَّ وَأۡتُونِي مُسۡلِمِينَ ٣١
قَالَتۡ يَٰٓأَيُّهَا ٱلۡمَلَؤُاْ أَفۡتُونِي فِيٓ أَمۡرِي مَا كُنتُ قَاطِعَةً أَمۡرًا حَتَّىٰ
تَشۡهَدُونِ ٣٢ قَالُواْ نَحۡنُ أُوْلُواْ قُوَّةٖ وَأُوْلُواْ بَأۡسٖ شَدِيدٖ وَٱلۡأَمۡرُ
إِلَيۡكِ فَٱنظُرِي مَاذَا تَأۡمُرِينَ ٣٣ قَالَتۡ إِنَّ ٱلۡمُلُوكَ إِذَا دَخَلُواْ قَرۡيَةً
أَفۡسَدُوهَا وَجَعَلُوٓاْ أَعِزَّةَ أَهۡلِهَآ أَذِلَّةٗۚ وَكَذَٰلِكَ يَفۡعَلُونَ ٣٤
وَإِنِّي مُرۡسِلَةٌ إِلَيۡهِم بِهَدِيَّةٖ فَنَاظِرَةُۢ بِمَ يَرۡجِعُ ٱلۡمُرۡسَلُونَ ٣٥

سجدة
ثلاثة أرباع
الحزب ٣٨

23.- "Hạ thần đã khám phá thấy có một nữ vương cai trị (dân) chúng và nữ vương đã được cung phụng đầy đủ mọi thứ và làm chủ một ngai vương vĩ đại.

24.- "Hạ thần thấy nữ vương và dân chúng của nữ vương thờ mặt trời thay vì Allah, và Shaytān đã làm cho chúng thích thú với việc làm của chúng và ngăn cản chúng xa lánh con đường (của Allah) bởi vì chúng không được ai hướng dẫn cả.

25.- "Vì vậy, chúng không quì lạy Allah, Đấng trưng bày những điều bí mật trong các tầng trời và trái đất và biết rõ những điều quí ngài giấu kín và những điều quí ngài bộc lộ."

26.- Allah! Không có Thượng Đế nào khác cả duy chỉ Ngài (là Thượng Đế). *Rabb* (Đấng Chủ Tể) của chiếc Ngai vương vĩ đại.

27.- Sulaymān bảo (con chim Hud-hud): "Trẫm sẽ xem nhà ngươi nói thật hay nhà ngươi là một tên nói dối."

28.- "Nhà ngươi hãy mang phong thư này của ta giao cho chúng rồi từ giả chúng lui về, sau đó đợi xem chúng phúc đáp điều gì."

29.- (Nữ vương) bảo: "Hỡi các tướng lĩnh! Trẫm vừa nhận một phong thư khả kính.

30.- "Phong thư này của Sulaymān và nó bắt đầu bằng câu: 'Nhân danh Allah, Đấng Rất mực Độ lượng, Đấng Rất mực Khoan dung.'

31.- "Chớ cao ngạo đối với ta và hãy đến gặp ta như một người Muslim (thần phục Allah)."

32.- (Nữ vương) bảo: "Hỡi các chư khanh! Hãy cố vấn trẫm trong việc này. Trẫm không quyết định một công việc gì mà không có mặt của các khanh cả."

33.- (Quần thần) tâu: "Chúng ta vũ trang đầy đủ và dày dạn kinh nghiệm chinh chiến dữ dội nhưng chính bệ-hạ là vị ra lệnh. Bởi thế, bệ-hạ hãy suy xét cho kỹ về điều bệ-hạ sắp ban hành."

34.- Nữ vương bảo: "(Theo trẫm) thì các vua chúa khi tiến vào một thị trấn nào, sẽ tàn phá nó, và bắt những người quyền thế nhất của nó xuống làm thứ dân thấp hèn nhất; và họ sẽ làm như thế (đối với chúng ta).

35.- "Nhưng trẫm sẽ sai sứ thần mang lễ vật đi triều cống họ rồi đợi xem các sứ thần sẽ mang điều (phúc đáp) gì trở về."

فَلَمَّا جَآءَ سُلَيۡمَٰنَ قَالَ أَتُمِدُّونَنِ بِمَالٖ فَمَآ ءَاتَىٰنِۦَ ٱللَّهُ خَيۡرٞ مِّمَّآ
ءَاتَىٰكُمۚ بَلۡ أَنتُم بِهَدِيَّتِكُمۡ تَفۡرَحُونَ ٣٦ ٱرۡجِعۡ إِلَيۡهِمۡ فَلَنَأۡتِيَنَّهُم
بِجُنُودٖ لَّا قِبَلَ لَهُم بِهَا وَلَنُخۡرِجَنَّهُم مِّنۡهَآ أَذِلَّةٗ وَهُمۡ صَٰغِرُونَ ٣٧
قَالَ يَٰٓأَيُّهَا ٱلۡمَلَؤُاْ أَيُّكُمۡ يَأۡتِينِي بِعَرۡشِهَا قَبۡلَ أَن يَأۡتُونِي مُسۡلِمِينَ
٣٨ قَالَ عِفۡرِيتٞ مِّنَ ٱلۡجِنِّ أَنَا۠ ءَاتِيكَ بِهِۦ قَبۡلَ أَن تَقُومَ مِن مَّقَامِكَۖ
وَإِنِّي عَلَيۡهِ لَقَوِيٌّ أَمِينٞ ٣٩ قَالَ ٱلَّذِي عِندَهُۥ عِلۡمٞ مِّنَ ٱلۡكِتَٰبِ أَنَا۠
ءَاتِيكَ بِهِۦ قَبۡلَ أَن يَرۡتَدَّ إِلَيۡكَ طَرۡفُكَۚ فَلَمَّا رَءَاهُ مُسۡتَقِرًّا عِندَهُۥ
قَالَ هَٰذَا مِن فَضۡلِ رَبِّي لِيَبۡلُوَنِيٓ ءَأَشۡكُرُ أَمۡ أَكۡفُرُۖ وَمَن شَكَرَ فَإِنَّمَا
يَشۡكُرُ لِنَفۡسِهِۦۖ وَمَن كَفَرَ فَإِنَّ رَبِّي غَنِيّٞ كَرِيمٞ ٤٠ قَالَ نَكِّرُواْ لَهَا
عَرۡشَهَا نَنظُرۡ أَتَهۡتَدِيٓ أَمۡ تَكُونُ مِنَ ٱلَّذِينَ لَا يَهۡتَدُونَ ٤١ فَلَمَّا
جَآءَتۡ قِيلَ أَهَٰكَذَا عَرۡشُكِۖ قَالَتۡ كَأَنَّهُۥ هُوَۚ وَأُوتِينَا ٱلۡعِلۡمَ مِن قَبۡلِهَا
وَكُنَّا مُسۡلِمِينَ ٤٢ وَصَدَّهَا مَا كَانَت تَّعۡبُدُ مِن دُونِ ٱللَّهِۖ إِنَّهَا كَانَتۡ مِن
قَوۡمٖ كَٰفِرِينَ ٤٣ قِيلَ لَهَا ٱدۡخُلِي ٱلصَّرۡحَۖ فَلَمَّا رَأَتۡهُ حَسِبَتۡهُ لُجَّةٗ
وَكَشَفَتۡ عَن سَاقَيۡهَاۚ قَالَ إِنَّهُۥ صَرۡحٞ مُّمَرَّدٞ مِّن قَوَارِيرَۗ قَالَتۡ رَبِّ
إِنِّي ظَلَمۡتُ نَفۡسِي وَأَسۡلَمۡتُ مَعَ سُلَيۡمَٰنَ لِلَّهِ رَبِّ ٱلۡعَٰلَمِينَ ٤٤

36.- Bởi thế, khi các sứ thần đến yết kiến Sulaymān, Người bảo họ: "Các người định làm cho ta giầu thêm hay sao? Bởi vì những thứ mà Allah ban cho ta tốt hơn những thứ mà Ngài ban cho các người. Không, các người vui thích với những cống vật của các người.

37.- "Các ngươi hãy lui về (tâu lại) với họ, chúng tôi sẽ đến hỏi tội họ với một đoàn quân mà họ sẽ không bao giờ địch nổi và chúng tôi sẽ đuổi họ ra khỏi nơi đó một cách nhục nhã và họ sẽ phải qui hàng."

38.- (Sulaymān) bảo (chư tướng): "Hỡi các tướng lãnh! Ai trong các ngươi là kẻ mang ngai vàng của nữ vương đến nạp cho ta trước khi chúng đến qui phục ta?"

39.- Một tên *'Ifrīt* trong hàng ngũ của loài *Jinn* tâu: "Hạ thần sẽ mang nó đến nạp cho bệ-hạ trước khi bệ-hạ rời khỏi chỗ ngồi của bệ-hạ. Quả thật, hạ thần có đủ sức mạnh và đáng tin cậy để làm việc đó."

40.- Nhưng có một tên (*Jinn*) làu thông kinh sách vội tâu: "Hạ thần sẽ mang nó đến nạp cho bệ-hạ trong nháy mắt." Bởi thế, khi thấy nó được mang đến đặt trước mặt, Người bảo: "Đây là một trong những Thiên ân mà *Rabb* của Ta dùng để thử thách (xem) ta có phải là một người biết ơn hay là một kẻ bội ơn. Bởi vì, ai biết tạ ơn thì việc tạ ơn đó chỉ có lợi cho bản thân mình; ngược lại, ai bội ơn thì *Rabb* của ta vô cùng Giầu có và vô cùng Rộng rãi".

41.- (Sulaymān) bảo: "Hãy cải trang ngai vàng của nàng cho nàng để chúng mình xem nàng có được hướng dẫn (để nhìn ra ngai vàng của nàng) hay sẽ là một người không được hướng dẫn."

42.- Bởi thế, khi nàng đến yết kiến (Sulaymān), liền có lời hỏi nàng: "Ngai vàng của nàng có giống cái này chăng?" Nàng đáp: "Dường như nó giống như thế." Và (Sulaymān bảo): "Chúng ta đã được ban cho kiến thức trước nàng và là những người Muslim."

43.- Và những thứ mà nàng đã từng thờ phụng ngoài Allah đã cản trở nàng, bởi vì nàng thuộc về một dân tộc không tin tưởng.

44.- Có lời nghinh đón nàng: "Xin mời nữ vương bước vào dinh" Bởi thế, khi nàng thấy nó, nàng ngỡ đó là một hồ nước cho nên nàng vén váy của nàng lên khiến ống chân của nàng lộ ra ngoài. Sulaymān bảo: "Đây là một cung điện được lót bằng những miếng pha lê." (Nghe nói), nàng thốt lên: "Lạy *Rabb* của bề tôi! Bề tôi đã làm hỏng tâm hồn của bề tôi. Và bề tôi cùng với Sulaymān xin nạp mình thần phục Allah, *Rabb* của vũ trụ và muôn loài."

وَلَقَدْ أَرْسَلْنَآ إِلَىٰ ثَمُودَ أَخَاهُمْ صَٰلِحًا أَنِ ٱعْبُدُوا۟ ٱللَّهَ فَإِذَا هُمْ فَرِيقَانِ يَخْتَصِمُونَ ﴿٤٥﴾ قَالَ يَٰقَوْمِ لِمَ تَسْتَعْجِلُونَ بِٱلسَّيِّئَةِ قَبْلَ ٱلْحَسَنَةِ ۖ لَوْلَا تَسْتَغْفِرُونَ ٱللَّهَ لَعَلَّكُمْ تُرْحَمُونَ ﴿٤٦﴾ قَالُوا۟ ٱطَّيَّرْنَا بِكَ وَبِمَن مَّعَكَ ۚ قَالَ طَٰٓئِرُكُمْ عِندَ ٱللَّهِ ۖ بَلْ أَنتُمْ قَوْمٌ تُفْتَنُونَ ﴿٤٧﴾ وَكَانَ فِى ٱلْمَدِينَةِ تِسْعَةُ رَهْطٍ يُفْسِدُونَ فِى ٱلْأَرْضِ وَلَا يُصْلِحُونَ ﴿٤٨﴾ قَالُوا۟ تَقَاسَمُوا۟ بِٱللَّهِ لَنُبَيِّتَنَّهُۥ وَأَهْلَهُۥ ثُمَّ لَنَقُولَنَّ لِوَلِيِّهِۦ مَا شَهِدْنَا مَهْلِكَ أَهْلِهِۦ وَإِنَّا لَصَٰدِقُونَ ﴿٤٩﴾ وَمَكَرُوا۟ مَكْرًا وَمَكَرْنَا مَكْرًا وَهُمْ لَا يَشْعُرُونَ ﴿٥٠﴾ فَٱنظُرْ كَيْفَ كَانَ عَٰقِبَةُ مَكْرِهِمْ أَنَّا دَمَّرْنَٰهُمْ وَقَوْمَهُمْ أَجْمَعِينَ ﴿٥١﴾ فَتِلْكَ بُيُوتُهُمْ خَاوِيَةًۢ بِمَا ظَلَمُوٓا۟ ۗ إِنَّ فِى ذَٰلِكَ لَءَايَةً لِّقَوْمٍ يَعْلَمُونَ ﴿٥٢﴾ وَأَنجَيْنَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُوا۟ وَكَانُوا۟ يَتَّقُونَ ﴿٥٣﴾ وَلُوطًا إِذْ قَالَ لِقَوْمِهِۦٓ أَتَأْتُونَ ٱلْفَٰحِشَةَ وَأَنتُمْ تُبْصِرُونَ ﴿٥٤﴾ أَئِنَّكُمْ لَتَأْتُونَ ٱلرِّجَالَ شَهْوَةً مِّن دُونِ ٱلنِّسَآءِ ۚ بَلْ أَنتُمْ قَوْمٌ تَجْهَلُونَ ﴿٥٥﴾

45.- Và chắc chắn trước đây, *TA* đã cử đến với người dân *Thamūd* người anh em của họ *Sālih* (Saleh), bảo họ: "Các người hãy thờ phụng Allah." Nhưng lúc đó họ chia thành hai nhóm tranh chấp nhau.

46.- Sālih bảo: "Hỡi dân ta! Tại sao các người chỉ muốn hối thúc điều dữ đến trước điều lành? Tại sao các người không cầu xin Allah tha thứ để may ra các người được khoan dung?"

47.- Họ đáp: "Chúng tôi đoán ông là một người mang điềm xui xẻo đến cho chúng tôi." Sālih bảo: "Điềm xui của các người ở nơi Allah; không, các người là một đám dân đang bị thử thách."

48.- Trong thành phố, có chín người hay làm điều thối nát trong xứ nhưng không chịu sửa mình.

49.- Họ bảo (nhau): "Hãy cùng nhau thề nhân danh Allah rằng bọn mình nhất định sẽ tấn công giết y và gia đình của y vào ban đêm rồi bọn mình sẽ cho người thừa kế của y biết bọn mình không hề biết gì đến việc gia đình của y bị thủ tiêu và quả thật bọn mình nói thật."

50.- Và họ mưu đồ sắp đặt một kế hoạch và *TA* (Allah) cũng sắp đặt một kế hoạch trong lúc họ không nhận thấy điều đó.

51.- Bởi thế, hãy xem kết quả của kế hoạch của họ như thế nào. Quả thật, *TA* đã tiêu diệt họ và toàn bộ đám dân của họ.

52.- Vì vậy, nhà cửa của họ đã bị tàn phá ngổn ngang vì tội họ đã hành động sai quấy. Thật sự, trong (câu chuyện) đó là một Bài-học cho đám người hiểu biết.

53.- Và *TA* đã cứu sống những người tin tưởng và những người ngay chính sợ Allah.

54.- Và (hãy nhớ lại) *Lūt* (Lốt) khi Người bảo người dân của Người: "Phải chăng các người đã làm điều khả-ố trong lúc các người thấy rõ.

55.- Phải chăng vì dâm dục các người đã giao hợp với đàn ông thay vì phụ nữ? Không, các người là một đám dân đã quen thói làm điều ngu dốt.

۞ فَمَا كَانَ جَوَابَ قَوۡمِهِۦٓ إِلَّآ أَن قَالُوٓاْ أَخۡرِجُوٓاْ ءَالَ لُوطٖ مِّن قَرۡيَتِكُمۡۖ إِنَّهُمۡ أُنَاسٞ يَتَطَهَّرُونَ ٥٦ فَأَنجَيۡنَٰهُ وَأَهۡلَهُۥٓ إِلَّا ٱمۡرَأَتَهُۥ قَدَّرۡنَٰهَا مِنَ ٱلۡغَٰبِرِينَ ٥٧ وَأَمۡطَرۡنَا عَلَيۡهِم مَّطَرٗاۖ فَسَآءَ مَطَرُ ٱلۡمُنذَرِينَ ٥٨ قُلِ ٱلۡحَمۡدُ لِلَّهِ وَسَلَٰمٌ عَلَىٰ عِبَادِهِ ٱلَّذِينَ ٱصۡطَفَىٰٓۗ ءَآللَّهُ خَيۡرٌ أَمَّا يُشۡرِكُونَ ٥٩ أَمَّنۡ خَلَقَ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضَ وَأَنزَلَ لَكُم مِّنَ ٱلسَّمَآءِ مَآءٗ فَأَنۢبَتۡنَا بِهِۦ حَدَآئِقَ ذَاتَ بَهۡجَةٖ مَّا كَانَ لَكُمۡ أَن تُنۢبِتُواْ شَجَرَهَآۗ أَءِلَٰهٞ مَّعَ ٱللَّهِۚ بَلۡ هُمۡ قَوۡمٞ يَعۡدِلُونَ ٦٠ أَمَّن جَعَلَ ٱلۡأَرۡضَ قَرَارٗا وَجَعَلَ خِلَٰلَهَآ أَنۡهَٰرٗا وَجَعَلَ لَهَا رَوَٰسِيَ وَجَعَلَ بَيۡنَ ٱلۡبَحۡرَيۡنِ حَاجِزًاۗ أَءِلَٰهٞ مَّعَ ٱللَّهِۚ بَلۡ أَكۡثَرُهُمۡ لَا يَعۡلَمُونَ ٦١ أَمَّن يُجِيبُ ٱلۡمُضۡطَرَّ إِذَا دَعَاهُ وَيَكۡشِفُ ٱلسُّوٓءَ وَيَجۡعَلُكُمۡ خُلَفَآءَ ٱلۡأَرۡضِۗ أَءِلَٰهٞ مَّعَ ٱللَّهِۚ قَلِيلٗا مَّا تَذَكَّرُونَ ٦٢ أَمَّن يَهۡدِيكُمۡ فِي ظُلُمَٰتِ ٱلۡبَرِّ وَٱلۡبَحۡرِ وَمَن يُرۡسِلُ ٱلرِّيَٰحَ بُشۡرَۢا بَيۡنَ يَدَيۡ رَحۡمَتِهِۦٓۗ أَءِلَٰهٞ مَّعَ ٱللَّهِۚ تَعَٰلَى ٱللَّهُ عَمَّا يُشۡرِكُونَ ٦٣

56.- Câu trả lời của đám dân của Người chẳng có gì khác hơn điều này: "Hãy trục xuất gia đình của Lūt ra khỏi thành phố của quí vị! Chúng là những người muốn giữ mình trong sạch!"

57.- Bởi thế, *TA* đã giải cứu Người và gia đình của Người ngoại trừ bà vợ của Người. *TA* đã sắp đặt cho bà ta ở lại trong đám người trì trệ đằng sau.

58.- Và *TA* đã trừng phạt chúng (đám người tội lỗi) bằng một trận mưa (đá) khủng khiếp. Và đó là một trận mưa diệt vong đối với những kẻ đã từng được cảnh cáo trước.

59.- (Hỡi Muhammad!) Hãy thưa: "Mọi ca tụng đều dâng lên Allah và lời chúc 'Bằng an' cho những bề tôi của Ngài mà Ngài đã chọn (để mang Thông điệp). (Thử hỏi chúng) Ai là Đấng Ưu việt? Allah hay là những kẻ mà chúng cho là những vị *hợp tác* của Ngài?"

60.- Há (không ưu việt ư?) Đấng đã tạo các tầng trời và trái đất và cho mưa từ trên trời xuống cho các người nhờ đó, *TA* làm mọc ra những mảnh vườn xanh tươi đẹp đẽ mà các người không thể làm mọc ra cây trái của chúng đặng. Có chăng một thần linh khác cùng với Allah? Không, chúng là một đám người thường bịa đặt những đối thủ ngang vai (với Allah).

61.- Há (không ưu việt ư?) Đấng đã làm trái đất thành một nơi ở vững chắc và đặt giữa nó các sông ngòi và đặt giữa hai biển (nước mặn và nước ngọt) một bức chắn (vô hình tách biệt chúng). Có chăng một thần linh cùng (chia sẻ quyền năng) với Allah? Không, đa số bọn chúng không biết gì.

62.- Há (không ưu việt ư?) Đấng đã đáp lại (lời cầu cứu của) người đau khổ khi y van xin Ngài và cứu y thoát nạn và làm cho các người (nhân loại) thành những người kế thừa trên trái đất. Có chăng một thần linh cùng (chia sẻ quyền năng) với Allah? Ít thay điều các ngươi ghi nhớ!

63.- Há (không ưu việt ư?) Đấng đã hướng dẫn các người qua những lớp tăm tối của đất liền và biển cả và gởi những luồng gió làm người loan tin đến báo trước hồng ân (mưa) sắp đến của Ngài. Có chăng một thần linh cùng (chia sẻ quyền năng) với Allah? Allah Tối Thượng, Ngài ở bên trên mọi điều chúng qui cho Ngài.

أَمَّن يَبْدَؤُاْ ٱلْخَلْقَ ثُمَّ يُعِيدُهُۥ وَمَن يَرْزُقُكُم مِّنَ ٱلسَّمَآءِ وَٱلْأَرْضِۗ أَءِلَٰهٌ مَّعَ ٱللَّهِۚ قُلْ هَاتُواْ بُرْهَٰنَكُمْ إِن كُنتُمْ صَٰدِقِينَ ﴿٦٤﴾ قُل لَّا يَعْلَمُ مَن فِي ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلْأَرْضِ ٱلْغَيْبَ إِلَّا ٱللَّهُۚ وَمَا يَشْعُرُونَ أَيَّانَ يُبْعَثُونَ ﴿٦٥﴾ بَلِ ٱدَّٰرَكَ عِلْمُهُمْ فِي ٱلْأٓخِرَةِۚ بَلْ هُمْ فِي شَكٍّ مِّنْهَاۖ بَلْ هُم مِّنْهَا عَمُونَ ﴿٦٦﴾ وَقَالَ ٱلَّذِينَ كَفَرُوٓاْ أَءِذَا كُنَّا تُرَٰبًا وَءَابَآؤُنَآ أَئِنَّا لَمُخْرَجُونَ ﴿٦٧﴾ لَقَدْ وُعِدْنَا هَٰذَا نَحْنُ وَءَابَآؤُنَا مِن قَبْلُ إِنْ هَٰذَآ إِلَّآ أَسَٰطِيرُ ٱلْأَوَّلِينَ ﴿٦٨﴾ قُلْ سِيرُواْ فِي ٱلْأَرْضِ فَٱنظُرُواْ كَيْفَ كَانَ عَٰقِبَةُ ٱلْمُجْرِمِينَ ﴿٦٩﴾ وَلَا تَحْزَنْ عَلَيْهِمْ وَلَا تَكُن فِي ضَيْقٍ مِّمَّا يَمْكُرُونَ ﴿٧٠﴾ وَيَقُولُونَ مَتَىٰ هَٰذَا ٱلْوَعْدُ إِن كُنتُمْ صَٰدِقِينَ ﴿٧١﴾ قُلْ عَسَىٰٓ أَن يَكُونَ رَدِفَ لَكُم بَعْضُ ٱلَّذِي تَسْتَعْجِلُونَ ﴿٧٢﴾ وَإِنَّ رَبَّكَ لَذُو فَضْلٍ عَلَى ٱلنَّاسِ وَلَٰكِنَّ أَكْثَرَهُمْ لَا يَشْكُرُونَ ﴿٧٣﴾ وَإِنَّ رَبَّكَ لَيَعْلَمُ مَا تُكِنُّ صُدُورُهُمْ وَمَا يُعْلِنُونَ ﴿٧٤﴾ وَمَا مِنْ غَآئِبَةٍ فِي ٱلسَّمَآءِ وَٱلْأَرْضِ إِلَّا فِي كِتَٰبٍ مُّبِينٍ ﴿٧٥﴾ إِنَّ هَٰذَا ٱلْقُرْءَانَ يَقُصُّ عَلَىٰ بَنِيٓ إِسْرَٰٓءِيلَ أَكْثَرَ ٱلَّذِي هُمْ فِيهِ يَخْتَلِفُونَ ﴿٧٦﴾

64.- Há (không ưu việt ư?) Đấng đã khởi sự việc tạo hóa rồi tái diễn nó lại và đã cung dưỡng cho các người từ trên trời xuống dưới đất. Có chăng một thần linh cùng (chia sẻ quyền năng) với Allah? Hãy bảo chúng: "Hãy trưng các bằng chứng của các người ra xem nếu các người nói thật?"

65.- Hãy bảo chúng: "Không ai biết rõ điều vô-hình trong các tầng trời và trái đất ngoại trừ Allah; và chúng không biết được giờ phút nào chúng sẽ được phục sinh trở lại."

66.- Không, chúng không thể biết đặng Đời sau. Không, chúng nghi ngờ về nó (Đời sau). Không, chúng mù tịt về nó.

67.- Và những kẻ không tin tưởng nói: "Phải chăng khi chúng tôi và cha mẹ của chúng tôi đã trở thành cát bụi, thật sự chúng tôi sẽ được dựng sống lại?"

68.- "Chắc chắn trước đây chúng tôi lẫn cha mẹ của chúng tôi đã được hứa điều này. Nhưng điều hứa này (theo chúng tôi nghĩ) chỉ là chuyện cổ tích của người cổ xưa."

69.- Hãy bảo chúng: "Các người hãy đi du lịch trên trái đất để nhìn xem kết cuộc của những kẻ tội lỗi như thế nào."

70.- Và Ngươi (Muhammad!) chớ buồn phiền về điều chúng nói và cũng chớ khổ tâm về những điều chúng âm mưu.

71.- Và chúng nói: "Chừng nào lời hứa (Phục sinh) này sẽ xảy ra, nếu quí vị (Muslim) nói thật?"

72.- Hãy bảo chúng: "Điều mà các người thúc giục cho mau đến có lẽ ở sát sau lưng của các người."

73.- Và quả thật, *Rabb* (Allah) của Ngươi (Muhammad!) đã đặc ân đối với loài người, nhưng đa số bọn chúng không biết ơn.

74.- Và quả thật, *Rabb* (Allah) của Ngươi biết rõ điều chúng giấu giếm trong lòng và điều chúng bộc lộ ra ngoài.

75.- Và không có một điều bí mật (vô hình) nào trên trời và dưới đất mà lại không được ghi trong một Quyển Sổ (định mệnh) rõ ràng.

76.- Rõ thật, Kinh Qur'ān này kể lại cho con cháu của Israel nhiều điều mà chúng thường tranh chấp nhau trong đó.

وَإِنَّهُۥ لَهُدٗى وَرَحۡمَةٞ لِّلۡمُؤۡمِنِينَ ٧٧ إِنَّ رَبَّكَ يَقۡضِي بَيۡنَهُم
بِحُكۡمِهِۦۚ وَهُوَ ٱلۡعَزِيزُ ٱلۡعَلِيمُ ٧٨ فَتَوَكَّلۡ عَلَى ٱللَّهِۖ إِنَّكَ عَلَى
ٱلۡحَقِّ ٱلۡمُبِينِ ٧٩ إِنَّكَ لَا تُسۡمِعُ ٱلۡمَوۡتَىٰ وَلَا تُسۡمِعُ ٱلصُّمَّ ٱلدُّعَآءَ
إِذَا وَلَّوۡاْ مُدۡبِرِينَ ٨٠ وَمَآ أَنتَ بِهَٰدِي ٱلۡعُمۡيِ عَن ضَلَٰلَتِهِمۡۖ إِن
تُسۡمِعُ إِلَّا مَن يُؤۡمِنُ بِـَٔايَٰتِنَا فَهُم مُّسۡلِمُونَ ٨١ ۞وَإِذَا وَقَعَ
ٱلۡقَوۡلُ عَلَيۡهِمۡ أَخۡرَجۡنَا لَهُمۡ دَآبَّةٗ مِّنَ ٱلۡأَرۡضِ تُكَلِّمُهُمۡ أَنَّ
ٱلنَّاسَ كَانُواْ بِـَٔايَٰتِنَا لَا يُوقِنُونَ ٨٢ وَيَوۡمَ نَحۡشُرُ مِن كُلِّ أُمَّةٖ
فَوۡجٗا مِّمَّن يُكَذِّبُ بِـَٔايَٰتِنَا فَهُمۡ يُوزَعُونَ ٨٣ حَتَّىٰٓ إِذَا جَآءُو قَالَ
أَكَذَّبۡتُم بِـَٔايَٰتِي وَلَمۡ تُحِيطُواْ بِهَا عِلۡمًا أَمَّاذَا كُنتُمۡ تَعۡمَلُونَ
٨٤ وَوَقَعَ ٱلۡقَوۡلُ عَلَيۡهِم بِمَا ظَلَمُواْ فَهُمۡ لَا يَنطِقُونَ ٨٥ أَلَمۡ
يَرَوۡاْ أَنَّا جَعَلۡنَا ٱلَّيۡلَ لِيَسۡكُنُواْ فِيهِ وَٱلنَّهَارَ مُبۡصِرًاۚ إِنَّ فِي
ذَٰلِكَ لَأٓيَٰتٖ لِّقَوۡمٖ يُؤۡمِنُونَ ٨٦ وَيَوۡمَ يُنفَخُ فِي ٱلصُّورِ فَفَزِعَ مَن
فِي ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَمَن فِي ٱلۡأَرۡضِ إِلَّا مَن شَآءَ ٱللَّهُۚ وَكُلٌّ أَتَوۡهُ
دَٰخِرِينَ ٨٧ وَتَرَى ٱلۡجِبَالَ تَحۡسَبُهَا جَامِدَةٗ وَهِيَ تَمُرُّ مَرَّ ٱلسَّحَابِۚ
صُنۡعَ ٱللَّهِ ٱلَّذِيٓ أَتۡقَنَ كُلَّ شَيۡءٍۚ إِنَّهُۥ خَبِيرُۢ بِمَا تَفۡعَلُونَ ٨٨

ربع الحزب ٣٩

77.- Và rõ thật, Nó (Qur'ãn) là một Chỉ Đạo và một Hồng ân (ban) cho những người tin tưởng.

78.- Rõ thật, *Rabb* của Ngươi sẽ quyết định giữa chúng bằng việc Xét xử của Ngài bởi vì Ngài là Đấng Toàn Năng, Đấng Toàn Tri.

79.- Bởi thế, Ngươi hãy giao phó (công việc) cho Allah bởi vì Ngươi đang ở trên Chân lý quang minh.

80.- Rõ thật, Ngươi không thể làm cho người chết nghe được và cũng không thể làm cho người điếc nghe được tiếng Gọi (nhất là) khi chúng quay lưng bỏ đi.

81.- Và Ngươi cũng không thể hướng dẫn người mù ra khỏi tình trạng lầm lạc của họ được. Ngươi chỉ có thể làm cho ai tin tưởng nơi những Lời mặc khải của *TA* nghe được bởi vì họ là những người Muslim.

82.- Và khi Lời (Xét xử) đối với chúng sắp thể hiện, *TA* sẽ đưa ra từ trái đất một loại thú vật để nói chuyện với chúng, bởi vì nhân loại không có một xác tín nào về những Lời mặc khải của *TA*.

83.- Và hãy nhắc chúng về Ngày mà *TA* sẽ cho tập trung từ mỗi cộng đồng những thành phần đã phủ nhận những Lời mặc khải của *TA* thành một đội ngũ; rồi chúng sẽ bị bắt đứng thành hàng nghiêm chỉnh,

84.- Cho đến lúc chúng đến tập họp hết, rồi Ngài sẽ hỏi chúng: "Phải chăng các ngươi đã phủ nhận những Lời mặc khải của TA trong lúc các ngươi không thấu triệt chúng nổi với kiến thức của các ngươi hoặc phải chăng điều mà các ngươi đã làm chỉ có bấy nhiêu thôi?"

85.- Và Lệnh (xử phạt) sẽ được thi hành đối với chúng bởi vì chúng đã làm điều sai quấy. Vì thế, chúng không thể nói được gì.

86.- Phải chăng chúng đã không suy xét việc *TA* đã làm ra ban đêm cho chúng nghỉ ngơi và ban ngày để nhìn thấy? Quả thật, trong việc (tạo hóa) đó là những Dấu hiệu cho đám người có đức tin.

87.- Và (hãy nhắc chúng) về Ngày mà Tiếng còi (Tận thế) sẽ được thổi lên, ai ở trong các tầng trời và ai ở dưới đất đều phải kinh hồn bạt vía ngoại trừ ai là người mà Allah muốn dung tha. Và tất cả đều phải hạ mình khiêm tốn đến trình diện trước mặt Ngài.

88.- Và Ngươi sẽ thấy những quả núi mà Ngươi tưởng chúng cố định vững chắc, sẽ tan vỡ như những đám mây tan. Công trình nghệ thuật của Allah, Đấng đã hoàn chỉnh mọi vật. Quả thật, Ngài Rất mực Am tường mọi điều các người làm.

مَن جَآءَ بِٱلۡحَسَنَةِ فَلَهُۥ خَيۡرٞ مِّنۡهَا وَهُم مِّن فَزَعٖ يَوۡمَئِذٍ ءَامِنُونَ ﴿٨٩﴾ وَمَن جَآءَ بِٱلسَّيِّئَةِ فَكُبَّتۡ وُجُوهُهُمۡ فِي ٱلنَّارِ هَلۡ تُجۡزَوۡنَ إِلَّا مَا كُنتُمۡ تَعۡمَلُونَ ﴿٩٠﴾ إِنَّمَآ أُمِرۡتُ أَنۡ أَعۡبُدَ رَبَّ هَٰذِهِ ٱلۡبَلۡدَةِ ٱلَّذِي حَرَّمَهَا وَلَهُۥ كُلُّ شَيۡءٖۖ وَأُمِرۡتُ أَنۡ أَكُونَ مِنَ ٱلۡمُسۡلِمِينَ ﴿٩١﴾ وَأَنۡ أَتۡلُوَاْ ٱلۡقُرۡءَانَۖ فَمَنِ ٱهۡتَدَىٰ فَإِنَّمَا يَهۡتَدِي لِنَفۡسِهِۦۖ وَمَن ضَلَّ فَقُلۡ إِنَّمَآ أَنَا۠ مِنَ ٱلۡمُنذِرِينَ ﴿٩٢﴾ وَقُلِ ٱلۡحَمۡدُ لِلَّهِ سَيُرِيكُمۡ ءَايَٰتِهِۦ فَتَعۡرِفُونَهَاۚ وَمَا رَبُّكَ بِغَٰفِلٍ عَمَّا تَعۡمَلُونَ ﴿٩٣﴾

سُورَةُ القَصَصِ

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

طسٓمٓ ﴿١﴾ تِلۡكَ ءَايَٰتُ ٱلۡكِتَٰبِ ٱلۡمُبِينِ ﴿٢﴾ نَتۡلُواْ عَلَيۡكَ مِن نَّبَإِ مُوسَىٰ وَفِرۡعَوۡنَ بِٱلۡحَقِّ لِقَوۡمٖ يُؤۡمِنُونَ ﴿٣﴾ إِنَّ فِرۡعَوۡنَ عَلَا فِي ٱلۡأَرۡضِ وَجَعَلَ أَهۡلَهَا شِيَعٗا يَسۡتَضۡعِفُ طَآئِفَةٗ مِّنۡهُمۡ يُذَبِّحُ أَبۡنَآءَهُمۡ وَيَسۡتَحۡيِۦ نِسَآءَهُمۡۚ إِنَّهُۥ كَانَ مِنَ ٱلۡمُفۡسِدِينَ ﴿٤﴾ وَنُرِيدُ أَن نَّمُنَّ عَلَى ٱلَّذِينَ ٱسۡتُضۡعِفُواْ فِي ٱلۡأَرۡضِ وَنَجۡعَلَهُمۡ أَئِمَّةٗ وَنَجۡعَلَهُمُ ٱلۡوَٰرِثِينَ ﴿٥﴾

89.- Ai mang theo điều tốt, thì sẽ được tưởng thưởng tốt hơn điều (tốt) đó và sẽ an toàn thoát khỏi cảnh hãi hùng của Ngày đó.

90.- Và ai mang theo điều tội lỗi, mặt của chúng sẽ bị quẳng úp vào Lửa (của Hỏa ngục kèm theo lời phán): "Phải chăng các ngươi chỉ bị phạt tương xứng với điều mà các ngươi đã làm?"

91.- Ta (Muhammad) nhận lệnh chỉ được thờ phụng *Rabb* (Đấng Chủ Tể) của thành phố (Makkah) mà Ngài đã làm cho linh thiêng này, và mọi vật đều là của Ngài cả. Và Ta nhận được lệnh phải là một trong những người Muslim (thần phục) Ngài.

92.- Và (nhận lệnh) phải đọc Qur'ān. Bởi thế ai nhận được Chỉ đạo thì việc hướng dẫn đó chỉ có lợi cho bản thân y; ngược lại, ai lầm lạc đạo thì hãy bảo y: "Ta chỉ là một người Cảnh cáo thôi!"

93.- Và hãy bảo (hỡi Muhammad!): "Mọi ca tụng đều dâng lên Allah! Ngài sẽ sớm cho các người thấy những Dấu hiệu của Ngài và các người sẽ nhận ra chúng. Và *Rabb* (Allah) của Ngươi không làm ngơ về những điều các người làm.

AL-QASAS
(Câu Chuyện Kể)

Nhân danh Allah, Đấng Rất mực Độ lượng,
Đấng Rất mực Khoan dung

1.- *Tā. Sīn. Mīm.*

2.- Đây là những Câu của một Kinh sách minh bạch.

3.- *TA* (Allah) đọc cho Ngươi (hỡi Muhammad!) câu chuyện của Mūsa và Fir'aun bằng sự thật (để Ngươi đọc lại) cho một số người tin tưởng.

4.- Quả thật, Fir'aun tự suy tôn (là chúa) tối cao trong xứ và chia dân chúng thành nhiều giáo phái; hắn áp bức một nhóm dân (Israel) bằng cách giết chết con trai của họ và tha sống phụ nữ của họ. Rõ thật, hắn là một tên tàn bạo quá mức.

5.- Và *TA* muốn ban ân cho những người cô thế trong xứ, và làm cho họ thành những nhà lãnh đạo (tôn giáo) và thành những người kế thừa (trái đất).

وَنُمَكِّنَ لَهُمْ فِي ٱلْأَرْضِ وَنُرِيَ فِرْعَوْنَ وَهَٰمَٰنَ وَجُنُودَهُمَا
مِنْهُم مَّا كَانُوا۟ يَحْذَرُونَ ﴿٦﴾ وَأَوْحَيْنَآ إِلَىٰٓ أُمِّ مُوسَىٰٓ
أَنْ أَرْضِعِيهِ ۖ فَإِذَا خِفْتِ عَلَيْهِ فَأَلْقِيهِ فِي ٱلْيَمِّ وَلَا تَخَافِي
وَلَا تَحْزَنِيٓ ۖ إِنَّا رَآدُّوهُ إِلَيْكِ وَجَاعِلُوهُ مِنَ ٱلْمُرْسَلِينَ ﴿٧﴾
فَٱلْتَقَطَهُۥٓ ءَالُ فِرْعَوْنَ لِيَكُونَ لَهُمْ عَدُوًّا وَحَزَنًا ۗ إِنَّ
فِرْعَوْنَ وَهَٰمَٰنَ وَجُنُودَهُمَا كَانُوا۟ خَٰطِـِٔينَ ﴿٨﴾
وَقَالَتِ ٱمْرَأَتُ فِرْعَوْنَ قُرَّتُ عَيْنٍ لِّي وَلَكَ ۖ لَا تَقْتُلُوهُ
عَسَىٰٓ أَن يَنفَعَنَآ أَوْ نَتَّخِذَهُۥ وَلَدًا وَهُمْ لَا يَشْعُرُونَ ﴿٩﴾
وَأَصْبَحَ فُؤَادُ أُمِّ مُوسَىٰ فَٰرِغًا ۖ إِن كَادَتْ لَتُبْدِي بِهِۦ لَوْلَآ
أَن رَّبَطْنَا عَلَىٰ قَلْبِهَا لِتَكُونَ مِنَ ٱلْمُؤْمِنِينَ ﴿١٠﴾ وَقَالَتْ
لِأُخْتِهِۦ قُصِّيهِ ۖ فَبَصُرَتْ بِهِۦ عَن جُنُبٍ وَهُمْ لَا يَشْعُرُونَ
﴿١١﴾ ۞ وَحَرَّمْنَا عَلَيْهِ ٱلْمَرَاضِعَ مِن قَبْلُ فَقَالَتْ هَلْ أَدُلُّكُمْ
عَلَىٰٓ أَهْلِ بَيْتٍ يَكْفُلُونَهُۥ لَكُمْ وَهُمْ لَهُۥ نَٰصِحُونَ
﴿١٢﴾ فَرَدَدْنَٰهُ إِلَىٰٓ أُمِّهِۦ كَيْ تَقَرَّ عَيْنُهَا وَلَا تَحْزَنَ وَلِتَعْلَمَ
أَنَّ وَعْدَ ٱللَّهِ حَقٌّ وَلَٰكِنَّ أَكْثَرَهُمْ لَا يَعْلَمُونَ ﴿١٣﴾

نصف الحزب ٣٩

6.- Và *TA* ban cho họ một chỗ định cư trong xứ và làm cho Fir'aun và Hāmān và binh tướng của hai đứa chúng thấy (dân Israel) có những điều làm cho chúng cả sợ.

7.- Và *TA* đã mặc khải cho mẹ của Mūsa, phán: "Ngươi hãy cho đứa con trai của ngươi bú vú (của ngươi) nhưng khi ngươi lo sợ cho (sinh mạng của) nó, hãy ném nó xuống sông và chớ sợ sệt cũng chớ lo buồn cho (số phận của nó). Rõ thật, *TA* sẽ mang nó trả lại cho ngươi và cử nó làm một Sứ giả (của *TA*)."

8.- Bởi thế, người nhà của Fir'aun lượm Người (Mūsa) mang về nuôi để cho Người trở thành một kẻ thù và thành một nguồn lo âu cho chúng. Rõ thật, Fir'aun và Hāmān và binh tướng của hai đứa chúng là những kẻ tội lỗi.

9.- Và bà vợ của Fir'aun thưa (với chồng): "(Đứa bé này) là một nguồn vui cho cặp mắt của thiếp và bệ-hạ. Bệ-hạ chớ giết nó. Biết đâu nó sẽ giúp ích chúng mình hoặc chúng mình sẽ nhận nó làm con của chúng mình. Và họ không nhận thấy (hậu quả của việc họ đang làm).

10.- Và tấm lòng của người mẹ của Mūsa trở nên trống trải (vì tưởng nhớ con) cho nên bà gần như muốn tiết lộ (câu chuyện) về đứa con trai của bà nếu *TA* không củng cố đức tin trong lòng của bà để cho bà vẫn còn là một người tin tưởng.

11.- Và bà (mẹ) đã bảo người chị của Mūsa: "Con hãy theo (dọ hỏi tung tích) đứa em của con!" Do đó, người chị đứng nhìn đứa em từ đằng xa trong lúc (kẻ thù) không để ý đến nàng.

12.- Và từ trước, *TA* đã khiến cho Người (Mūsa) không bú được sữa của những bà vú em, (mãi cho đến lúc người chị của Mūsa) đến gặp (người nhà của Fir'aun và) thưa: "Quí ngài có muốn tiện nữ chỉ cho quí ngài một gia-đình đứng ra chăm sóc (đứa bé) giùm cho quí ngài hay không? Và họ là những người chỉ cầu mong cho bé được mạnh giỏi."

13.- Bằng cách đó, *TA* đã mang Người (Mūsa) trả lại cho bà mẹ của Người để cho cặp mắt của bà dịu lại và làm cho bà hết buồn và để cho bà biết rằng Lời hứa của Allah là sự thật; nhưng đa số bọn chúng không biết.

وَلَمَّا بَلَغَ أَشُدَّهُۥ وَٱسْتَوَىٰٓ ءَاتَيْنَٰهُ حُكْمًا وَعِلْمًا ۚ وَكَذَٰلِكَ نَجْزِى ٱلْمُحْسِنِينَ ﴿١٤﴾ وَدَخَلَ ٱلْمَدِينَةَ عَلَىٰ حِينِ غَفْلَةٍ مِّنْ أَهْلِهَا فَوَجَدَ فِيهَا رَجُلَيْنِ يَقْتَتِلَانِ هَٰذَا مِن شِيعَتِهِۦ وَهَٰذَا مِنْ عَدُوِّهِۦ ۖ فَٱسْتَغَٰثَهُ ٱلَّذِى مِن شِيعَتِهِۦ عَلَى ٱلَّذِى مِنْ عَدُوِّهِۦ فَوَكَزَهُۥ مُوسَىٰ فَقَضَىٰ عَلَيْهِ ۖ قَالَ هَٰذَا مِنْ عَمَلِ ٱلشَّيْطَٰنِ ۖ إِنَّهُۥ عَدُوٌّ مُّضِلٌّ مُّبِينٌ ﴿١٥﴾ قَالَ رَبِّ إِنِّى ظَلَمْتُ نَفْسِى فَٱغْفِرْ لِى فَغَفَرَ لَهُۥٓ ۚ إِنَّهُۥ هُوَ ٱلْغَفُورُ ٱلرَّحِيمُ ﴿١٦﴾ قَالَ رَبِّ بِمَآ أَنْعَمْتَ عَلَىَّ فَلَنْ أَكُونَ ظَهِيرًا لِّلْمُجْرِمِينَ ﴿١٧﴾ فَأَصْبَحَ فِى ٱلْمَدِينَةِ خَآئِفًا يَتَرَقَّبُ فَإِذَا ٱلَّذِى ٱسْتَنصَرَهُۥ بِٱلْأَمْسِ يَسْتَصْرِخُهُۥ ۚ قَالَ لَهُۥ مُوسَىٰٓ إِنَّكَ لَغَوِىٌّ مُّبِينٌ ﴿١٨﴾ فَلَمَّآ أَنْ أَرَادَ أَن يَبْطِشَ بِٱلَّذِى هُوَ عَدُوٌّ لَّهُمَا قَالَ يَٰمُوسَىٰٓ أَتُرِيدُ أَن تَقْتُلَنِى كَمَا قَتَلْتَ نَفْسًۢا بِٱلْأَمْسِ ۖ إِن تُرِيدُ إِلَّآ أَن تَكُونَ جَبَّارًا فِى ٱلْأَرْضِ وَمَا تُرِيدُ أَن تَكُونَ مِنَ ٱلْمُصْلِحِينَ ﴿١٩﴾ وَجَآءَ رَجُلٌ مِّنْ أَقْصَا ٱلْمَدِينَةِ يَسْعَىٰ قَالَ يَٰمُوسَىٰٓ إِنَّ ٱلْمَلَأَ يَأْتَمِرُونَ بِكَ لِيَقْتُلُوكَ فَٱخْرُجْ إِنِّى لَكَ مِنَ ٱلنَّٰصِحِينَ ﴿٢٠﴾ فَخَرَجَ مِنْهَا خَآئِفًا يَتَرَقَّبُ ۖ قَالَ رَبِّ نَجِّنِى مِنَ ٱلْقَوْمِ ٱلظَّٰلِمِينَ ﴿٢١﴾

14.- Và khi Mūsa (Môi-se) đến tuổi trưởng thành vững chắc, *TA* đã ban cho Người Lý giải khôn ngoan và kiến thức. *TA* đãi ngộ những người làm tốt như thế.

15.- Và khi đi vào thành phố vào lúc thị dân không để ý đến (người lạ mặt), Người thấy hai người đàn ông ẩu đả nhau nơi đó; một người thuộc phe của Người và người kia thuộc phe của kẻ thù của Người. Và người thuộc phe của Người gọi Người tiếp tay để đánh lại kẻ địch. Vì thế, Mūsa cung tay đánh kẻ thù và kết liễu sinh mạng của y. (Nhưng Mūsa sực tỉnh) vội nói: "Đây là hành động của Shaytān; và rõ thật, Shaytān là kẻ thù công khai chuyên dụ dỗ (người ta) đi lạc."

16.- (Mūsa) thưa: "Lạy *Rabb* của bề tôi! Bề tôi đã tự hại mình, xin Ngài tha thứ cho bề tôi." Do đó, (Allah) đã tha thứ cho Người. Rõ thật, Ngài là Đấng Hằng Tha thứ, Đấng Rất mực Khoan dung.

17.- (Mūsa) thưa: "Lạy *Rabb* của bề tôi! Vì Ngài đã ban ân cho bề tôi cho nên bề tôi sẽ không bao giờ tiếp tay cho những kẻ tội lỗi nữa."

18.- Nhưng vào một buổi sáng nọ, khi Người đang ở trong thành phố vừa lo sợ vừa ngó chừng (binh lính của Fir'aun, sợ chúng đến lùng bắt) thì kẻ đã kêu cứu Người trợ lực ngày hôm qua bây giờ lại thét kêu Người tiếp tay cho y nữa. Mūsa bảo y: "Rõ thật, mày là một tên chuyên dắt (người ta) đi lạc!"

19.- Và khi Người định dùng sức túm lấy kẻ thù của hai người thì hắn vội lên tiếng: "Hỡi Mūsa! Mày định giết tao như mày đã giết một người ngày hôm qua hay sao? Rõ thật mày chỉ muốn trở thành một tên tàn bạo trong xứ chớ không muốn trở thành một người làm điều thiện."

20.- Và từ cuối phố, có một người chạy đến (báo với Mūsa), bảo: "Hỡi Mūsa! Các vị tù trưởng đang họp nhau bàn chuyện của anh để giết anh. Vậy, hãy chạy trốn đi. Quả thật, tôi chỉ muốn cho anh gặp điều phúc lành."

21.- Tức thời, Người bỏ chỗ đó trốn đi nơi khác vừa lo sợ vừa ngó chừng đề phòng. Người cầu nguyện: "Lạy *Rabb* của bề tôi! Xin Ngài giải cứu bề tôi khỏi đám người làm điều sai quấy!"

وَلَمَّا تَوَجَّهَ تِلۡقَآءَ مَدۡيَنَ قَالَ عَسَىٰ رَبِّيٓ أَن يَهۡدِيَنِي سَوَآءَ
ٱلسَّبِيلِ ﴿٢٢﴾ وَلَمَّا وَرَدَ مَآءَ مَدۡيَنَ وَجَدَ عَلَيۡهِ أُمَّةٗ مِّنَ
ٱلنَّاسِ يَسۡقُونَ وَوَجَدَ مِن دُونِهِمُ ٱمۡرَأَتَيۡنِ تَذُودَانِۖ قَالَ
مَا خَطۡبُكُمَاۖ قَالَتَا لَا نَسۡقِي حَتَّىٰ يُصۡدِرَ ٱلرِّعَآءُۖ وَأَبُونَا
شَيۡخٞ كَبِيرٞ ﴿٢٣﴾ فَسَقَىٰ لَهُمَا ثُمَّ تَوَلَّىٰٓ إِلَى ٱلظِّلِّ فَقَالَ
رَبِّ إِنِّي لِمَآ أَنزَلۡتَ إِلَيَّ مِنۡ خَيۡرٖ فَقِيرٞ ﴿٢٤﴾ فَجَآءَتۡهُ إِحۡدَىٰهُمَا
تَمۡشِي عَلَى ٱسۡتِحۡيَآءٖ قَالَتۡ إِنَّ أَبِي يَدۡعُوكَ لِيَجۡزِيَكَ
أَجۡرَ مَا سَقَيۡتَ لَنَاۚ فَلَمَّا جَآءَهُۥ وَقَصَّ عَلَيۡهِ ٱلۡقَصَصَ قَالَ
لَا تَخَفۡۖ نَجَوۡتَ مِنَ ٱلۡقَوۡمِ ٱلظَّٰلِمِينَ ﴿٢٥﴾ قَالَتۡ إِحۡدَىٰهُمَا
يَٰٓأَبَتِ ٱسۡتَـٔۡجِرۡهُۖ إِنَّ خَيۡرَ مَنِ ٱسۡتَـٔۡجَرۡتَ ٱلۡقَوِيُّ ٱلۡأَمِينُ
﴿٢٦﴾ قَالَ إِنِّيٓ أُرِيدُ أَنۡ أُنكِحَكَ إِحۡدَى ٱبۡنَتَيَّ هَٰتَيۡنِ عَلَىٰٓ أَن
تَأۡجُرَنِي ثَمَٰنِيَ حِجَجٖۖ فَإِنۡ أَتۡمَمۡتَ عَشۡرٗا فَمِنۡ عِندِكَۖ
وَمَآ أُرِيدُ أَنۡ أَشُقَّ عَلَيۡكَۚ سَتَجِدُنِيٓ إِن شَآءَ ٱللَّهُ مِنَ
ٱلصَّٰلِحِينَ ﴿٢٧﴾ قَالَ ذَٰلِكَ بَيۡنِي وَبَيۡنَكَۖ أَيَّمَا ٱلۡأَجَلَيۡنِ
قَضَيۡتُ فَلَا عُدۡوَٰنَ عَلَيَّۖ وَٱللَّهُ عَلَىٰ مَا نَقُولُ وَكِيلٞ ﴿٢٨﴾

22.- Và khi chạy trốn về phía địa phận của Madyan, Người nói một mình: "Biết đâu *Rabb* (Đấng Chủ Tể) của ta sẽ hướng dẫn ta đi theo con đường bằng phẳng (đúng đắn)."

23.- Và khi đến những địa điểm có nước của địa phận Madyan, Người thấy nơi đó có một đám người đang múc nước (cho đàn cừu của họ uống) và ngoài đám đó ra, Người thấy hai phụ nữ đang giữ (đàn cừu của họ) lại phía sau. Người đến hỏi hai nàng: "Hai cô có chuyện gì vậy?" Họ trả lời: "Chúng tôi không thể múc nước cho đàn cừu của chúng tôi uống được trừ phi những người chăn cừu dắt đàn cừu của họ rời khỏi chỗ đó. Và cha của chúng tôi là một người rất già (không giúp chúng tôi đặng)."

24.- Do đó, Mūsa ra tay múc nước (giùm cho) hai cô gái rồi lui về nghỉ mát dưới bóng cây. Tiếp đó, Người cầu nguyện: "Lạy *Rabb* của bề tôi! Bề tôi đang cần điều lành mà Ngài sắp ban cho."

25.- Sau đó, một trong hai cô gái bẽn lẽn đến gặp Người, thưa: "Cha tôi mời ông đến gặp người để người hậu đãi ông về công ơn ông đã múc nước giùm chúng tôi." Do đó, Người đến gặp ông ta và kể lại cho ông ta câu chuyện của mình. Ông ta bảo: "Chớ sợ! Cậu đã thoát khỏi đám người gian ác rồi."

26.- Một trong hai cô gái thưa: "Thưa cha! Xin cha mượn anh ấy giúp việc. Thật sự, người tốt nhất mà cha có thể mượn để giúp việc là một người khỏe mạnh và trung tín."

27.- Ông già bảo: "Bác có ý gả một trong hai đứa con gái của bác cho cháu với điều kiện cháu phải làm thuê cho bác trong vòng tám năm; nhưng nếu cháu muốn làm thuê đủ mười năm thì tùy ý cháu; và bác không muốn đối xử khắc khe với cháu; nếu Allah muốn, cháu sẽ thấy bác là một người lương thiện."

28.- (Mūsa) thưa: "Thôi, hai bác cháu mình thỏa thuận như thế đi! Cháu có thể hoàn tất bất cứ thời hạn nào trong hai thời hạn vừa nói, nhưng bác không được bất công với cháu, bởi vì Allah là Đấng Thọ lãnh những điều chúng ta vừa nói."

۞ فَلَمَّا قَضَىٰ مُوسَى ٱلْأَجَلَ وَسَارَ بِأَهْلِهِۦٓ ءَانَسَ مِن جَانِبِ ٱلطُّورِ نَارًاۖ قَالَ لِأَهْلِهِ ٱمْكُثُوٓاْ إِنِّيٓ ءَانَسْتُ نَارًا لَّعَلِّيٓ ءَاتِيكُم مِّنْهَا بِخَبَرٍ أَوْ جَذْوَةٍ مِّنَ ٱلنَّارِ لَعَلَّكُمْ تَصْطَلُونَ ﴿٢٩﴾ فَلَمَّآ أَتَىٰهَا نُودِيَ مِن شَٰطِيِٕ ٱلْوَادِ ٱلْأَيْمَنِ فِي ٱلْبُقْعَةِ ٱلْمُبَٰرَكَةِ مِنَ ٱلشَّجَرَةِ أَن يَٰمُوسَىٰٓ إِنِّيٓ أَنَا ٱللَّهُ رَبُّ ٱلْعَٰلَمِينَ ﴿٣٠﴾ وَأَنْ أَلْقِ عَصَاكَۖ فَلَمَّا رَءَاهَا تَهْتَزُّ كَأَنَّهَا جَآنٌّ وَلَّىٰ مُدْبِرًا وَلَمْ يُعَقِّبْۚ يَٰمُوسَىٰٓ أَقْبِلْ وَلَا تَخَفْۖ إِنَّكَ مِنَ ٱلْأٓمِنِينَ ﴿٣١﴾ ٱسْلُكْ يَدَكَ فِي جَيْبِكَ تَخْرُجْ بَيْضَآءَ مِنْ غَيْرِ سُوٓءٍ وَٱضْمُمْ إِلَيْكَ جَنَاحَكَ مِنَ ٱلرَّهْبِۖ فَذَٰنِكَ بُرْهَٰنَانِ مِن رَّبِّكَ إِلَىٰ فِرْعَوْنَ وَمَلَإِيْهِۦٓۚ إِنَّهُمْ كَانُواْ قَوْمًا فَٰسِقِينَ ﴿٣٢﴾ قَالَ رَبِّ إِنِّي قَتَلْتُ مِنْهُمْ نَفْسًا فَأَخَافُ أَن يَقْتُلُونِ ﴿٣٣﴾ وَأَخِي هَٰرُونُ هُوَ أَفْصَحُ مِنِّي لِسَانًا فَأَرْسِلْهُ مَعِيَ رِدْءًا يُصَدِّقُنِيٓۖ إِنِّيٓ أَخَافُ أَن يُكَذِّبُونِ ﴿٣٤﴾ قَالَ سَنَشُدُّ عَضُدَكَ بِأَخِيكَ وَنَجْعَلُ لَكُمَا سُلْطَٰنًا فَلَا يَصِلُونَ إِلَيْكُمَا بِـَٔايَٰتِنَآۚ أَنتُمَا وَمَنِ ٱتَّبَعَكُمَا ٱلْغَٰلِبُونَ ﴿٣٥﴾

29.- Do đó, khi Mūsa đã mãn hạn giao kèo và cùng với gia đình của mình ra đi, Người thấy một ngọn lửa trên sườn núi *Tūr*. Người bảo người nhà: "Hãy dừng lại! Ta thấy lửa ở đằng xa. Hy vọng ta sẽ mang về cho các người tin tức của nó hoặc mang về cho các người một khúc củi cháy để các người có thể sưởi ấm."

30.- Tiếp đó, khi đến chỗ của ngọn lửa, thì có tiếng gọi Người từ bờ phía bên phải của thung lũng tại một vùng đất đã được ban phúc của loại cây thiêng (Cây ô-liu), phán: "Hỡi Mūsa! Rõ thật, TA đây là Allah, *Rabb* (Đấng Chủ Tể) của vũ trụ và muôn loài ."

31.- Và phán: "Hãy ném chiếc gậy của ngươi xuống." Sau đó, khi thấy nó động đậy giống như một con rắn, Người quay mình bỏ chạy và không dám nhìn lại phía sau. "Hỡi Mūsa! Hãy bước đến gần và chớ sợ. Quả thật, nhà ngươi được an toàn (không hề gì)."

32.- "Hãy áp bàn tay của ngươi vào lồng ngực của ngươi, khi rút ra, nó sẽ trở thành trắng toát không có gì đau đớn cả và hãy khép cánh tay của ngươi vào cạnh sườn của ngươi lại để khỏi sợ. Đấy là hai bằng chứng của *Rabb* của ngươi được mang đến trình bày cho Fir'aun và các vị tù trưởng của hắn. Quả thật, chúng là một đám người làm loạn chống lại Allah.

33.- (Mūsa) thưa: "Lạy *Rabb* của bề tôi! Quả thật, bề tôi đã giết một người của chúng. Do đó, bề tôi sợ chúng sẽ giết bề tôi trở lại."

34.- "Và người anh của bề tôi, Hārūn, anh ấy hoạt bát hơn bề tôi, do đó, xin cử anh ấy làm một người phụ tá cùng đi với bề tôi để xác nhận vai trò của bề tôi. Quả thật, bề tôi sợ chúng sẽ buộc tội bề tôi nói dối."

35.- (Allah) phán: "*TA* sẽ tăng cường cánh tay của ngươi với người anh của ngươi và sẽ ban cho hai anh em nhà ngươi quyền uy khiến chúng không hại được hai ngươi. Với những Phép-lạ của *TA*, hai ngươi và những người theo hai ngươi chắc chắn sẽ thắng lợi.

فَلَمَّا جَآءَهُم مُّوسَىٰ بِـَٔايَٰتِنَا بَيِّنَٰتٖ قَالُواْ مَا هَٰذَآ إِلَّا سِحۡرٞ مُّفۡتَرٗى وَمَا سَمِعۡنَا بِهَٰذَا فِيٓ ءَابَآئِنَا ٱلۡأَوَّلِينَ ﴿٣٦﴾ وَقَالَ مُوسَىٰ رَبِّيٓ أَعۡلَمُ بِمَن جَآءَ بِٱلۡهُدَىٰ مِنۡ عِندِهِۦ وَمَن تَكُونُ لَهُۥ عَٰقِبَةُ ٱلدَّارِۚ إِنَّهُۥ لَا يُفۡلِحُ ٱلظَّٰلِمُونَ ﴿٣٧﴾ وَقَالَ فِرۡعَوۡنُ يَٰٓأَيُّهَا ٱلۡمَلَأُ مَا عَلِمۡتُ لَكُم مِّنۡ إِلَٰهٍ غَيۡرِي فَأَوۡقِدۡ لِي يَٰهَٰمَٰنُ عَلَى ٱلطِّينِ فَٱجۡعَل لِّي صَرۡحٗا لَّعَلِّيٓ أَطَّلِعُ إِلَىٰٓ إِلَٰهِ مُوسَىٰ وَإِنِّي لَأَظُنُّهُۥ مِنَ ٱلۡكَٰذِبِينَ ﴿٣٨﴾ وَٱسۡتَكۡبَرَ هُوَ وَجُنُودُهُۥ فِي ٱلۡأَرۡضِ بِغَيۡرِ ٱلۡحَقِّ وَظَنُّوٓاْ أَنَّهُمۡ إِلَيۡنَا لَا يُرۡجَعُونَ ﴿٣٩﴾ فَأَخَذۡنَٰهُ وَجُنُودَهُۥ فَنَبَذۡنَٰهُمۡ فِي ٱلۡيَمِّۖ فَٱنظُرۡ كَيۡفَ كَانَ عَٰقِبَةُ ٱلظَّٰلِمِينَ ﴿٤٠﴾ وَجَعَلۡنَٰهُمۡ أَئِمَّةٗ يَدۡعُونَ إِلَى ٱلنَّارِۖ وَيَوۡمَ ٱلۡقِيَٰمَةِ لَا يُنصَرُونَ ﴿٤١﴾ وَأَتۡبَعۡنَٰهُمۡ فِي هَٰذِهِ ٱلدُّنۡيَا لَعۡنَةٗۖ وَيَوۡمَ ٱلۡقِيَٰمَةِ هُم مِّنَ ٱلۡمَقۡبُوحِينَ ﴿٤٢﴾ وَلَقَدۡ ءَاتَيۡنَا مُوسَى ٱلۡكِتَٰبَ مِنۢ بَعۡدِ مَآ أَهۡلَكۡنَا ٱلۡقُرُونَ ٱلۡأُولَىٰ بَصَآئِرَ لِلنَّاسِ وَهُدٗى وَرَحۡمَةٗ لَّعَلَّهُمۡ يَتَذَكَّرُونَ ﴿٤٣﴾

36.- Nhưng khi Mūsa đến gặp chúng-Fir'aun và bè lũ của y- với những Lời mặc khải rõ rệt của *TA*, chúng nói: "Đây chẳng qua là trò ảo thuật đã được bịa đặt và chúng ta chưa hề nghe chuyện này nơi tổ tiên của chúng ta."

37.- Và Mūsa bảo: "*Rabb* của ta biết rõ ai là người mang Chỉ đạo từ Ngài đến và ai là người sẽ hưởng kết cuộc tốt đẹp của ngôi nhà (Thiên đàng). Rõ thật, những kẻ làm điều sai quấy sẽ không thành đạt."

38.- Và Fir'aun bảo: "Hỡi quần thần! Ta không biết thần linh nào khác của các ngươi ngoài ta ra. Này *Hāmān*, hãy đốt lò nung gạch cho trẫm và xây cho trẫm một cái tháp để trẫm đi lên (trời) gặp Thượng Đế của Mūsa và trẫm nghĩ rằng nó chỉ là một tên nói dối."

39.- Nhưng y (Fir'aun) và bè lũ tỏ ra kiêu căng trong xứ không lý do chính đáng và nghĩ rằng chúng sẽ không bị đưa trở về gặp lại *TA* (để chịu sự Xét xử).

40.- Bởi thế, *TA* đã túm bắt y và bè lũ của y rồi quẳng chúng xuống biển. Do đó, Ngươi hãy nhìn xem kết cuộc của những kẻ làm ác đã cáo chung như thế nào.

41.- Và *TA* đã biến chúng thành những tên đầu đàn chuyên gọi (người ta) đi vào Hỏa ngục. Và vào Ngày Phục sinh, chúng sẽ không được (ai) giúp đỡ.

42.- Và *TA* đã đính kèm những lời nguyền rủa theo bọn chúng suốt đời trên thế gian này; và vào Ngày Phục sinh, chúng sẽ là những kẻ đáng ghê tởm.

43.- Và sau khi tiêu diệt những thế hệ cũ, chắc chắn *TA* đã ban cho Mūsa Kinh sách (Taurāh) dùng để soi sáng tâm linh cho nhân loại. (Nó) vừa là một Chỉ đạo vừa là một Hồng ân cho họ để may ra nhờ đó mà họ ghi nhớ.

وَمَا كُنتَ بِجَانِبِ ٱلْغَرْبِيِّ إِذْ قَضَيْنَآ إِلَىٰ مُوسَى ٱلْأَمْرَ وَمَا كُنتَ
مِنَ ٱلشَّٰهِدِينَ ٤٤ وَلَٰكِنَّآ أَنشَأْنَا قُرُونًا فَتَطَاوَلَ عَلَيْهِمُ
ٱلْعُمُرُ ۚ وَمَا كُنتَ ثَاوِيًا فِىٓ أَهْلِ مَدْيَنَ تَتْلُوا۟ عَلَيْهِمْ
ءَايَٰتِنَا وَلَٰكِنَّا كُنَّا مُرْسِلِينَ ٤٥ وَمَا كُنتَ بِجَانِبِ
ٱلطُّورِ إِذْ نَادَيْنَا وَلَٰكِن رَّحْمَةً مِّن رَّبِّكَ لِتُنذِرَ قَوْمًا
مَّآ أَتَىٰهُم مِّن نَّذِيرٍ مِّن قَبْلِكَ لَعَلَّهُمْ يَتَذَكَّرُونَ ٤٦
وَلَوْلَآ أَن تُصِيبَهُم مُّصِيبَةٌۢ بِمَا قَدَّمَتْ أَيْدِيهِمْ فَيَقُولُوا۟
رَبَّنَا لَوْلَآ أَرْسَلْتَ إِلَيْنَا رَسُولًا فَنَتَّبِعَ ءَايَٰتِكَ وَنَكُونَ
مِنَ ٱلْمُؤْمِنِينَ ٤٧ فَلَمَّا جَآءَهُمُ ٱلْحَقُّ مِنْ عِندِنَا قَالُوا۟
لَوْلَآ أُوتِىَ مِثْلَ مَآ أُوتِىَ مُوسَىٰٓ ۚ أَوَلَمْ يَكْفُرُوا۟ بِمَآ أُوتِىَ
مُوسَىٰ مِن قَبْلُ ۖ قَالُوا۟ سِحْرَانِ تَظَٰهَرَا وَقَالُوٓا۟ إِنَّا بِكُلٍّ كَٰفِرُونَ
٤٨ قُلْ فَأْتُوا۟ بِكِتَٰبٍ مِّنْ عِندِ ٱللَّهِ هُوَ أَهْدَىٰ مِنْهُمَآ أَتَّبِعْهُ
إِن كُنتُمْ صَٰدِقِينَ ٤٩ فَإِن لَّمْ يَسْتَجِيبُوا۟ لَكَ فَٱعْلَمْ
أَنَّمَا يَتَّبِعُونَ أَهْوَآءَهُمْ ۚ وَمَنْ أَضَلُّ مِمَّنِ ٱتَّبَعَ هَوَىٰهُ بِغَيْرِ
هُدًى مِّنَ ٱللَّهِ ۚ إِنَّ ٱللَّهَ لَا يَهْدِى ٱلْقَوْمَ ٱلظَّٰلِمِينَ ٥٠

44.- Và Ngươi (hỡi Muhammad!) đã không ở phía tây (của ngọn núi *Tūr*) khi *TA* quyết định công việc cho Mūsa và cũng không là một nhân chứng (cho biến cố đó).

45.- Và *TA* đã cho sản sinh những thế hệ khác (sau đó) và cho họ sống thọ hơn; và Ngươi không phải là một người sống chung với người dân của Madyan và đọc nhắc họ về những Lời mặc khải của *TA*; nhưng chính *TA* là Đấng đã cử phái các Sứ giả.

46.- Và Ngươi cũng đã không ở bên sườn núi *Tūr* khi *TA* gọi (Mūsa) nhưng Ngươi (được cử đến như) là một Hồng ân từ *Rabb* của Ngươi để Ngươi có thể cảnh cáo một dân tộc mà trước Ngươi đã không có một vị Báo-trước nào được cử đến với họ mục đích để cho họ ghi nhớ (hay thức tỉnh).

47.- Và nếu (*TA*) không (gởi Ngươi đến với dân tộc Quraysh này) thì e rằng khi chúng gặp tai họa do những điều (tội lỗi) mà bàn tay của chúng đã gây ra, chúng sẽ có lý do để trách (*TA*) rằng "Lạy *Rabb* chúng tôi! Tại sao Ngài không cử một sứ giả đến với chúng tôi? Bởi vì chúng tôi sẽ tuân theo những Lời mặc khải của Ngài và chúng tôi sẽ trở thành những người tin tưởng."

48.- Nhưng khi (Ngươi mang) sự Thật đến với chúng, chúng lại nói: "Tại sao Y (Muhammad) không được ban cho điều (Phép-lạ) giống như điều (Phép-lạ) đã được ban cho Mūsa?" Há chúng đã không tin tưởng nơi những điều đã được ban cho Mūsa trước đây hay sao? Chúng nói: "Hai loại phù phép này (Kinh Taurāh và Kinh Qur'ān) hỗ trợ lẫn nhau!" Và chúng nói tiếp: "Chúng tôi không tin tất cả (các thứ đó)."

49.- Hãy bảo chúng: "Thế các người hãy mang một Kinh sách từ Allah đến làm Chỉ đạo tốt hơn hai quyển (Taurāh và Qur'ān) này và Ta (Muhammad) sẽ theo nó, nếu các người nói thật."

50.- Nhưng nếu chúng không trả lời Ngươi, thì nên biết chúng chỉ tuân theo những điều mơ ước của chúng mà thôi. Và còn ai lầm lạc hơn kẻ chỉ tuân theo dục vọng của mình thay vì (tuân theo) Chỉ đạo của Allah. Quả thật, Allah không hướng dẫn đám người làm điều sai quấy.

۞ وَلَقَدْ وَصَّلْنَا لَهُمُ ٱلْقَوْلَ لَعَلَّهُمْ يَتَذَكَّرُونَ ﴿٥١﴾ ٱلَّذِينَ
ءَاتَيْنَٰهُمُ ٱلْكِتَٰبَ مِن قَبْلِهِۦ هُم بِهِۦ يُؤْمِنُونَ ﴿٥٢﴾ وَإِذَا يُتْلَىٰ
عَلَيْهِمْ قَالُوٓاْ ءَامَنَّا بِهِۦٓ إِنَّهُ ٱلْحَقُّ مِن رَّبِّنَآ إِنَّا كُنَّا مِن قَبْلِهِۦ
مُسْلِمِينَ ﴿٥٣﴾ أُوْلَٰٓئِكَ يُؤْتَوْنَ أَجْرَهُم مَّرَّتَيْنِ بِمَا صَبَرُواْ وَيَدْرَءُونَ
بِٱلْحَسَنَةِ ٱلسَّيِّئَةَ وَمِمَّا رَزَقْنَٰهُمْ يُنفِقُونَ ﴿٥٤﴾ وَإِذَا سَمِعُواْ
ٱللَّغْوَ أَعْرَضُواْ عَنْهُ وَقَالُواْ لَنَآ أَعْمَٰلُنَا وَلَكُمْ أَعْمَٰلُكُمْ سَلَٰمٌ
عَلَيْكُمْ لَا نَبْتَغِي ٱلْجَٰهِلِينَ ﴿٥٥﴾ إِنَّكَ لَا تَهْدِي مَنْ أَحْبَبْتَ
وَلَٰكِنَّ ٱللَّهَ يَهْدِي مَن يَشَآءُۚ وَهُوَ أَعْلَمُ بِٱلْمُهْتَدِينَ ﴿٥٦﴾
وَقَالُوٓاْ إِن نَّتَّبِعِ ٱلْهُدَىٰ مَعَكَ نُتَخَطَّفْ مِنْ أَرْضِنَآۚ أَوَلَمْ
نُمَكِّن لَّهُمْ حَرَمًا ءَامِنًا يُجْبَىٰٓ إِلَيْهِ ثَمَرَٰتُ كُلِّ شَيْءٖ رِّزْقًا
مِّن لَّدُنَّا وَلَٰكِنَّ أَكْثَرَهُمْ لَا يَعْلَمُونَ ﴿٥٧﴾ وَكَمْ أَهْلَكْنَا مِن
قَرْيَةِۭ بَطِرَتْ مَعِيشَتَهَاۖ فَتِلْكَ مَسَٰكِنُهُمْ لَمْ تُسْكَن مِّنۢ
بَعْدِهِمْ إِلَّا قَلِيلٗاۖ وَكُنَّا نَحْنُ ٱلْوَٰرِثِينَ ﴿٥٨﴾ وَمَا كَانَ رَبُّكَ
مُهْلِكَ ٱلْقُرَىٰ حَتَّىٰ يَبْعَثَ فِيٓ أُمِّهَا رَسُولٗا يَتْلُواْ عَلَيْهِمْ
ءَايَٰتِنَاۚ وَمَا كُنَّا مُهْلِكِي ٱلْقُرَىٰٓ إِلَّا وَأَهْلُهَا ظَٰلِمُونَ ﴿٥٩﴾

51.- Và chắc chắn *TA* làm cho Lời nói (Qur'ān) thấu đến chúng để may ra chúng ghi nhớ.

52.- Những ai đã được *TA* ban cho Kinh sách trước Nó (Qur'ān) sẽ tin tưởng nơi Nó.

53.- Và khi Nó được đọc ra cho họ, thì họ nói ngay: "Chúng tôi tin tưởng nơi Nó." Rõ ràng Nó là Chân lý (đã được ban xuống) từ *Rabb* của chúng tôi. Thật sự, chúng tôi là những người thần phục Allah (Muslim) trước Nó (Qur'ān)."

54.- Họ sẽ được (Allah) ban thưởng hai lần bởi vì họ đã kiên nhẫn chịu đựng (sự thử thách) và họ dùng điều lành mà xóa bỏ điều dữ và chi dùng của cải mà *TA* đã cung cấp cho họ (để làm việc thiện).

55.- Và khi nghe chuyện tầm phào, họ cáo lui bỏ đi và nói: "Chúng tôi có công việc của chúng tôi và quí vị công việc của quí vị. Chúc quí vị được 'Bằng an'. Chúng tôi không tìm kiếm kẻ ngu dốt (để tranh chấp về Qur'ān)"

56.- Rõ thật, Ngươi (Muhammad) không hướng dẫn được ai mà Ngươi yêu thương, ngược lại Allah là Đấng hướng dẫn người nào Ngài muốn. Và Ngài biết rõ nhất những người theo Chính đạo.

57.- Và chúng (người *Quraish*) nói: "Nếu theo Chỉ đạo cùng với Ngươi (Muhammad) thì bọn ta sẽ bị túm bắt đi mất khỏi xứ của bọn ta." Há *TA* (Allah) đã không thiết lập cho chúng một thánh địa an toàn, mà đủ loại hoa quả được mang đến cho nó như là bổng lộc của *TA* hay sao? Nhưng đa số bọn chúng không biết gì.

58.- Và có bao nhiêu thị trấn đã bị *TA* tiêu diệt vì (dân cư của) nó vui đùa hưởng lạc trong cuộc sống của chúng? Bởi thế, nhà cửa của chúng điêu tàn hoang phế sau khi đã bị tiêu diệt, chỉ trừ một số ít. Và chính *TA* là Đấng Thừa kế di sản của chúng.

59.- Và *Rabb* của Ngươi sẽ không tiêu diệt những thị trấn nào trừ phi Ngài dựng lên tại mỗi thủ phủ của chúng một Sứ giả để đọc nhắc chúng về những Lời mặc khải của *TA*. Và *TA* cũng không tiêu diệt những thị trấn trừ phi dân cư của chúng là những kẻ làm điều sai quấy.

وَمَآ أُوتِيتُم مِّن شَيْءٖ فَمَتَٰعُ ٱلۡحَيَوٰةِ ٱلدُّنۡيَا وَزِينَتُهَاۚ وَمَا عِندَ
ٱللَّهِ خَيۡرٞ وَأَبۡقَىٰٓۚ أَفَلَا تَعۡقِلُونَ ٦٠ أَفَمَن وَعَدۡنَٰهُ وَعۡدًا حَسَنٗا
فَهُوَ لَٰقِيهِ كَمَن مَّتَّعۡنَٰهُ مَتَٰعَ ٱلۡحَيَوٰةِ ٱلدُّنۡيَا ثُمَّ هُوَ يَوۡمَ ٱلۡقِيَٰمَةِ
مِنَ ٱلۡمُحۡضَرِينَ ٦١ وَيَوۡمَ يُنَادِيهِمۡ فَيَقُولُ أَيۡنَ شُرَكَآءِيَ
ٱلَّذِينَ كُنتُمۡ تَزۡعُمُونَ ٦٢ قَالَ ٱلَّذِينَ حَقَّ عَلَيۡهِمُ ٱلۡقَوۡلُ رَبَّنَا
هَٰٓؤُلَآءِ ٱلَّذِينَ أَغۡوَيۡنَآ أَغۡوَيۡنَٰهُمۡ كَمَا غَوَيۡنَاۖ تَبَرَّأۡنَآ إِلَيۡكَۖ
مَا كَانُوٓاْ إِيَّانَا يَعۡبُدُونَ ٦٣ وَقِيلَ ٱدۡعُواْ شُرَكَآءَكُمۡ فَدَعَوۡهُمۡ
فَلَمۡ يَسۡتَجِيبُواْ لَهُمۡ وَرَأَوُاْ ٱلۡعَذَابَۚ لَوۡ أَنَّهُمۡ كَانُواْ يَهۡتَدُونَ
٦٤ وَيَوۡمَ يُنَادِيهِمۡ فَيَقُولُ مَاذَآ أَجَبۡتُمُ ٱلۡمُرۡسَلِينَ ٦٥
فَعَمِيَتۡ عَلَيۡهِمُ ٱلۡأَنۢبَآءُ يَوۡمَئِذٖ فَهُمۡ لَا يَتَسَآءَلُونَ ٦٦ فَأَمَّا
مَن تَابَ وَءَامَنَ وَعَمِلَ صَٰلِحٗا فَعَسَىٰٓ أَن يَكُونَ مِنَ ٱلۡمُفۡلِحِينَ
٦٧ وَرَبُّكَ يَخۡلُقُ مَا يَشَآءُ وَيَخۡتَارُۗ مَا كَانَ لَهُمُ ٱلۡخِيَرَةُۚ سُبۡحَٰنَ
ٱللَّهِ وَتَعَٰلَىٰ عَمَّا يُشۡرِكُونَ ٦٨ وَرَبُّكَ يَعۡلَمُ مَا تُكِنُّ
صُدُورُهُمۡ وَمَا يُعۡلِنُونَ ٦٩ وَهُوَ ٱللَّهُ لَآ إِلَٰهَ إِلَّا هُوَۖ لَهُ
ٱلۡحَمۡدُ فِي ٱلۡأُولَىٰ وَٱلۡأٓخِرَةِۖ وَلَهُ ٱلۡحُكۡمُ وَإِلَيۡهِ تُرۡجَعُونَ ٧٠

60.- Và những vật đã được ban cho các người chỉ là những vật hưởng tạm và món trang sức của đời sống trần tục này. Và thứ gì với Allah (ở Đời Sau) sẽ tốt nhất và vĩnh viễn. Thế các người không hiểu ư?

61.- Thế thì một người mà *TA* đã hứa bằng một Lời hứa tốt đẹp (Thiên Đàng) mà y sẽ tiếp nhận (ở Đời sau) có giống với kẻ mà *TA* đã cho hưởng lạc tạm bợ ở trần gian này, rồi vào Ngày Phục sinh y sẽ được dựng sống lại để chịu tội (trong Hỏa ngục)?

62.- Và vào Ngày mà Ngài (Allah) sẽ gọi chúng đến chất vấn, rồi Ngài sẽ phán: "Đâu là những kẻ *'hợp tác'* của TA mà các ngươi đã từng xác nhận trước đây?"

63.- Những kẻ mà Lời (kết tội) đã chứng minh đúng sẽ lên tiếng thưa: "Lạy *Rabb* chúng tôi! Đây là những kẻ mà chúng tôi đã dắt đi lạc. Chúng tôi dắt chúng đi giống như việc tự bản thân chúng tôi đi lạc; chúng tôi vô can với chúng trước mặt Ngài; không phải chúng đã thờ phụng chúng tôi.

64.- Và có lời phán bảo: "Hãy gọi những thần linh của các người đi!" Và chúng sẽ gọi chúng; nhưng không ai trả lời chúng và chúng sẽ thấy hình phạt trước mặt chúng. Phải chi chúng tuân theo Chỉ đạo (thì đâu đến nỗi bị phạt Hỏa ngục!)

65.- Và vào Ngày (Allah) sẽ gọi chúng đến chất vấn, rồi phán: "Đâu là điều mà các ngươi đã trả lời các Sứ giả (của *TA*?)"

66.- Nhưng vào Ngày đó, lý lẽ biện bạch của chúng sẽ mờ mịt. Bởi thế, chúng không thể hỏi han vấn kế nhau được.

67.- Nhưng đối với ai biết hối cải, và tin tưởng và làm việc thiện (ở đời này) thì may ra sẽ là một trong những người thành đạt.

68.- Và *Rabb* (Allah) của Ngươi (Muhammad) tạo hóa và chọn lựa bất cứ vật gì Ngài muốn. Chúng không có một sự chọn lựa nào (trong quyết định của Ngài). Quang vinh và trong sạch thay Allah! Và Ngài Tối Cao, vượt hẳn những kẻ mà chúng đã tổ hợp với Ngài.

69.- Và *Rabb* của Ngươi biết rõ điều chúng giấu giếm trong lòng và điều chúng bộc lộ ra ngoài.

70.- Và Ngài là Allah. Không có Thượng Đế nào khác cả duy chỉ Ngài (là Thượng Đế). Mọi lời ca tụng vào lúc đầu (đời này) và vào lúc cuối (Đời sau) đều thuộc về của Ngài cả. Ngài nắm mọi quyết định Xét xử; và các người sẽ được đưa trở về gặp Ngài.

قُلْ أَرَءَيْتُمْ إِن جَعَلَ ٱللَّهُ عَلَيْكُمُ ٱلَّيْلَ سَرْمَدًا إِلَىٰ يَوْمِ ٱلْقِيَٰمَةِ مَنْ إِلَٰهٌ غَيْرُ ٱللَّهِ يَأْتِيكُم بِضِيَآءٍ ۖ أَفَلَا تَسْمَعُونَ ﴿٧١﴾ قُلْ أَرَءَيْتُمْ إِن جَعَلَ ٱللَّهُ عَلَيْكُمُ ٱلنَّهَارَ سَرْمَدًا إِلَىٰ يَوْمِ ٱلْقِيَٰمَةِ مَنْ إِلَٰهٌ غَيْرُ ٱللَّهِ يَأْتِيكُم بِلَيْلٍ تَسْكُنُونَ فِيهِ ۖ أَفَلَا تُبْصِرُونَ ﴿٧٢﴾ وَمِن رَّحْمَتِهِۦ جَعَلَ لَكُمُ ٱلَّيْلَ وَٱلنَّهَارَ لِتَسْكُنُوا۟ فِيهِ وَلِتَبْتَغُوا۟ مِن فَضْلِهِۦ وَلَعَلَّكُمْ تَشْكُرُونَ ﴿٧٣﴾ وَيَوْمَ يُنَادِيهِمْ فَيَقُولُ أَيْنَ شُرَكَآءِىَ ٱلَّذِينَ كُنتُمْ تَزْعُمُونَ ﴿٧٤﴾ وَنَزَعْنَا مِن كُلِّ أُمَّةٍ شَهِيدًا فَقُلْنَا هَاتُوا۟ بُرْهَٰنَكُمْ فَعَلِمُوٓا۟ أَنَّ ٱلْحَقَّ لِلَّهِ وَضَلَّ عَنْهُم مَّا كَانُوا۟ يَفْتَرُونَ ﴿٧٥﴾ ۞ إِنَّ قَٰرُونَ كَانَ مِن قَوْمِ مُوسَىٰ فَبَغَىٰ عَلَيْهِمْ ۖ وَءَاتَيْنَٰهُ مِنَ ٱلْكُنُوزِ مَآ إِنَّ مَفَاتِحَهُۥ لَتَنُوٓأُ بِٱلْعُصْبَةِ أُو۟لِى ٱلْقُوَّةِ إِذْ قَالَ لَهُۥ قَوْمُهُۥ لَا تَفْرَحْ ۖ إِنَّ ٱللَّهَ لَا يُحِبُّ ٱلْفَرِحِينَ ﴿٧٦﴾ وَٱبْتَغِ فِيمَآ ءَاتَىٰكَ ٱللَّهُ ٱلدَّارَ ٱلْءَاخِرَةَ ۖ وَلَا تَنسَ نَصِيبَكَ مِنَ ٱلدُّنْيَا ۖ وَأَحْسِن كَمَآ أَحْسَنَ ٱللَّهُ إِلَيْكَ ۖ وَلَا تَبْغِ ٱلْفَسَادَ فِى ٱلْأَرْضِ ۖ إِنَّ ٱللَّهَ لَا يُحِبُّ ٱلْمُفْسِدِينَ ﴿٧٧﴾

ربع الحزب ٤٠

71.- Hãy bảo (chúng): "Các người hãy nhận xét, nếu Allah làm cho ban đêm kéo dài vĩnh viễn cho các người cho đến Ngày Phục sinh thì Ai là Thượng Đế ngoài Allah sẽ mang ánh sáng lại cho các người? Thế các người có nghe không?"

72.- Hãy bảo (chúng): "Các người hãy nhận xét! Nếu Allah làm cho ban ngày kéo dài vĩnh viễn cho các người cho đến Ngày Phục sinh thì Ai là Thượng Đế ngoài Allah sẽ mang bóng tối đến cho các người để các người có thể nghỉ ngơi trong đó? Các người có thấy không?"

73.- Và chính do Đức Khoan dung của Ngài mà Ngài đã làm ra ban đêm và ban ngày cho các người để các người có thể nghỉ ngơi (vào ban đêm) và tìm kế sinh nhai (vào ban ngày); và để cho các người tạ ơn Ngài.

74.- Và vào Ngày mà Ngài sẽ gọi chúng đến chất vấn, rồi phán: "Đâu là những kẻ hợp tác của TA mà các ngươi đã từng xác nhận?"

75.- (Cũng vào Ngày đó) *TA* sẽ đưa ra từ mỗi cộng đồng một nhân chứng rồi *TA* sẽ phán: "Hãy trưng bằng chứng của các người ra đây." Thì lúc đó chúng sẽ biết rằng Allah nắm hết mọi sự thật và những điều (giả tạo) mà chúng đã từng bịa đặt sẽ bỏ chúng đi mất dạng.

76.- Quả thật, *Qārūn* (Korah) xuất thân từ đám dân của Mūsa nhưng y đối xử ngạo mạn với họ. Và *TA* đã ban cho y kho tàng châu báu (nhiều đến mức) cần phải nhờ hằng trung đội người vạm vỡ mới vác nổi những chìa khóa kho. (Hãy nhớ lại) khi người dân của y bảo y:" Chớ cuống quýt mừng rỡ. Thật sự, Allah không yêu thương những kẻ mừng cuống quýt (với sự giầu có của mình).

77.- "Mà hãy dùng của cải mà Allah đã ban cho ngươi để tìm kiếm một Ngôi nhà ở Đời sau và chớ quên phần (việc) của ngươi ở đời này và hãy làm tốt (với người khác) giống như việc Allah đối xử tốt với ngươi và chớ tìm cách làm điều thối nát trong xứ. Quả thật, Allah không yêu thương những kẻ làm điều tàn ác thối nát.

قَالَ إِنَّمَآ أُوتِيتُهُۥ عَلَىٰ عِلۡمٍ عِندِيٓۚ أَوَلَمۡ يَعۡلَمۡ أَنَّ ٱللَّهَ قَدۡ أَهۡلَكَ مِن قَبۡلِهِۦ مِنَ ٱلۡقُرُونِ مَنۡ هُوَ أَشَدُّ مِنۡهُ قُوَّةٗ وَأَكۡثَرُ جَمۡعٗاۚ وَلَا يُسۡـَٔلُ عَن ذُنُوبِهِمُ ٱلۡمُجۡرِمُونَ ﴿٧٨﴾ فَخَرَجَ عَلَىٰ قَوۡمِهِۦ فِي زِينَتِهِۦۖ قَالَ ٱلَّذِينَ يُرِيدُونَ ٱلۡحَيَوٰةَ ٱلدُّنۡيَا يَٰلَيۡتَ لَنَا مِثۡلَ مَآ أُوتِيَ قَٰرُونُ إِنَّهُۥ لَذُو حَظٍّ عَظِيمٖ ﴿٧٩﴾ وَقَالَ ٱلَّذِينَ أُوتُواْ ٱلۡعِلۡمَ وَيۡلَكُمۡ ثَوَابُ ٱللَّهِ خَيۡرٞ لِّمَنۡ ءَامَنَ وَعَمِلَ صَٰلِحٗاۚ وَلَا يُلَقَّىٰهَآ إِلَّا ٱلصَّٰبِرُونَ ﴿٨٠﴾ فَخَسَفۡنَا بِهِۦ وَبِدَارِهِ ٱلۡأَرۡضَ فَمَا كَانَ لَهُۥ مِن فِئَةٖ يَنصُرُونَهُۥ مِن دُونِ ٱللَّهِ وَمَا كَانَ مِنَ ٱلۡمُنتَصِرِينَ ﴿٨١﴾ وَأَصۡبَحَ ٱلَّذِينَ تَمَنَّوۡاْ مَكَانَهُۥ بِٱلۡأَمۡسِ يَقُولُونَ وَيۡكَأَنَّ ٱللَّهَ يَبۡسُطُ ٱلرِّزۡقَ لِمَن يَشَآءُ مِنۡ عِبَادِهِۦ وَيَقۡدِرُۖ لَوۡلَآ أَن مَّنَّ ٱللَّهُ عَلَيۡنَا لَخَسَفَ بِنَاۖ وَيۡكَأَنَّهُۥ لَا يُفۡلِحُ ٱلۡكَٰفِرُونَ ﴿٨٢﴾ تِلۡكَ ٱلدَّارُ ٱلۡأٓخِرَةُ نَجۡعَلُهَا لِلَّذِينَ لَا يُرِيدُونَ عُلُوّٗا فِي ٱلۡأَرۡضِ وَلَا فَسَادٗاۚ وَٱلۡعَٰقِبَةُ لِلۡمُتَّقِينَ ﴿٨٣﴾ مَن جَآءَ بِٱلۡحَسَنَةِ فَلَهُۥ خَيۡرٞ مِّنۡهَاۖ وَمَن جَآءَ بِٱلسَّيِّئَةِ فَلَا يُجۡزَى ٱلَّذِينَ عَمِلُواْ ٱلسَّيِّـَٔاتِ إِلَّا مَا كَانُواْ يَعۡمَلُونَ ﴿٨٤﴾

78.- Y đáp: "Ta được giầu có là do sự hiểu biết của ta." Phải chăng y đã không biết việc Allah đã tiêu diệt ai là người đã có nhiều quyền lực và giầu có hơn y nơi những thế hệ trước y hay sao? Và những kẻ tội lỗi sẽ không bị hỏi (ngay) về những tội lỗi của chúng.

79.- Rồi y ra ngoài gặp dân chúng phô trương vẻ lộng lẫy của mình. Những kẻ ham muốn đời sống trần tục này (thấy vẽ lộng lẫy đó) vội lên tiếng: "Ôi, ước chi chúng tôi được ban cho của cải giống như tài sản đã được ban cho Qārūn. Quả thật, y đã làm chủ một kho tàng vĩ đại."

80.- Nhưng những người được (Allah) ban cho kiến thức lại nói: "Chỉ khổ thân quí vị thôi. Bởi vì phần thưởng của Allah (ở Đời sau) tốt hơn cho ai có đức tin và làm việc thiện và chỉ những người kiên nhẫn mới đạt được phần thưởng đó."

81.- Bởi thế, *TA* đã làm cho đất sụp xuống nuốt mất y lẫn nhà cửa của y. Và y không có được một bè nhóm nào giải cứu y thoát khỏi hình phạt của Allah và y cũng không thể tự cứu mình được.

82.- Và những kẻ đã mơ ước một địa vị giống như địa vị của y ngày hôm qua nay bắt đầu nói: "Ôi! Quả thật Allah nới rộng và thu hẹp bổng lộc của Ngài cho người nào Ngài muốn trong số bầy tôi của Ngài; nếu Allah không nhân từ đối với chúng tôi thì Ngài đã làm cho đất sụp xuống nuốt mất chúng tôi rồi. Ôi! Những kẻ không có đức tin chắc chắn sẽ không thành đạt."

83.- Đó là Ngôi nhà (hạnh phúc) ở Đời sau mà *TA* đã làm ra cho những ai không muốn tự suy tôn mình cao cả và cũng không làm những điều thối nát trên trái đất. Và kết cuộc tốt đẹp sẽ về tay của những người ngay chính.

84.- Ai mang theo điều lành thì sẽ được phần thưởng tốt hơn cái đó; và ai mang theo điều dữ thì những ai làm ác đó chỉ sẽ bị phạt ngang bằng với điều (dữ) mà họ đã làm.

إِنَّ ٱلَّذِي فَرَضَ عَلَيۡكَ ٱلۡقُرۡءَانَ لَرَآدُّكَ إِلَىٰ مَعَادٖۚ قُل رَّبِّيٓ أَعۡلَمُ مَن جَآءَ بِٱلۡهُدَىٰ وَمَنۡ هُوَ فِي ضَلَٰلٖ مُّبِينٖ ٨٥ وَمَا كُنتَ تَرۡجُوٓاْ أَن يُلۡقَىٰٓ إِلَيۡكَ ٱلۡكِتَٰبُ إِلَّا رَحۡمَةٗ مِّن رَّبِّكَۖ فَلَا تَكُونَنَّ ظَهِيرٗا لِّلۡكَٰفِرِينَ ٨٦ وَلَا يَصُدُّنَّكَ عَنۡ ءَايَٰتِ ٱللَّهِ بَعۡدَ إِذۡ أُنزِلَتۡ إِلَيۡكَۖ وَٱدۡعُ إِلَىٰ رَبِّكَۖ وَلَا تَكُونَنَّ مِنَ ٱلۡمُشۡرِكِينَ ٨٧ وَلَا تَدۡعُ مَعَ ٱللَّهِ إِلَٰهًا ءَاخَرَۘ لَآ إِلَٰهَ إِلَّا هُوَۚ كُلُّ شَيۡءٍ هَالِكٌ إِلَّا وَجۡهَهُۥۚ لَهُ ٱلۡحُكۡمُ وَإِلَيۡهِ تُرۡجَعُونَ ٨٨

سُورَةُ العَنكَبُوتِ

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

الٓمٓ ١ أَحَسِبَ ٱلنَّاسُ أَن يُتۡرَكُوٓاْ أَن يَقُولُوٓاْ ءَامَنَّا وَهُمۡ لَا يُفۡتَنُونَ ٢ وَلَقَدۡ فَتَنَّا ٱلَّذِينَ مِن قَبۡلِهِمۡۖ فَلَيَعۡلَمَنَّ ٱللَّهُ ٱلَّذِينَ صَدَقُواْ وَلَيَعۡلَمَنَّ ٱلۡكَٰذِبِينَ ٣ أَمۡ حَسِبَ ٱلَّذِينَ يَعۡمَلُونَ ٱلسَّيِّـَٔاتِ أَن يَسۡبِقُونَاۚ سَآءَ مَا يَحۡكُمُونَ ٤ مَن كَانَ يَرۡجُواْ لِقَآءَ ٱللَّهِ فَإِنَّ أَجَلَ ٱللَّهِ لَأٓتٖۚ وَهُوَ ٱلسَّمِيعُ ٱلۡعَلِيمُ ٥ وَمَن جَٰهَدَ فَإِنَّمَا يُجَٰهِدُ لِنَفۡسِهِۦٓۚ إِنَّ ٱللَّهَ لَغَنِيٌّ عَنِ ٱلۡعَٰلَمِينَ ٦

نصف الحزب ٤٠

85.- Quả thật, Đấng đã ban cho Ngươi (Kinh) Qur'ān sẽ đưa Ngươi trở lại cố hương (hoặc là Makkah hoặc là Thiên đàng). Hãy bảo: "*Rabb* (Allah) của ta biết rõ ai là người mang Chỉ đạo (của Ngài) đến và ai là kẻ lầm đường lạc lối."

86.- Và Ngươi đã không mơ ước việc Kinh sách (Qur'ān) được ban xuống cho Ngươi nhưng đó là một Hồng ân từ *Rabb* (Allah) của Ngươi; bởi thế, chớ bao giờ tán trợ những kẻ không có đức tin (phủ nhận Allah).

87.- Và chớ để chúng (kẻ không tin) làm cho Ngươi từ bỏ những Lời mặc khải của Allah sau khi chúng đã được ban xuống cho Ngươi mà hãy kêu gọi (nhân loại) đến với *Rabb* (Allah) của Ngươi và chớ trở thành một người tôn thờ đa thần .

88.- Và chớ bao giờ cầu nguyện một thần linh nào khác cùng với Allah (bởi vì) không có Thượng Đế nào khác cả duy chỉ Ngài (là Thượng Đế). Mọi vật đều tiêu tan chỉ trừ Sắc Diện của Ngài. Ngài nắm quyền Xét xử và tất cả các người sẽ được đưa về gặp Ngài trở lại (để chịu sự Phán xử).

AL-'ANKABŪT
(Con Nhện)

Nhân danh Allah, Đấng Rất mực Độ lượng,
Đấng Rất mực Khoan dung

1.- *Alif. Lām. Mīm.*

2.- Phải chăng thiên hạ nghĩ rằng mình sẽ được yên thân khi nói: "Chúng tôi tin tưởng" và sẽ không bị thử thách hay sao?

3.- Và chắc chắn, *TA* đã thử thách những người trước họ để Allah làm cho thấy rõ ai là người chân thật và ai là kẻ gian dối.

4.- Hoặc phải chăng những ai làm điều tội lỗi nghĩ rằng chúng có thể qua mặt được *TA* hay sao? Điều mà họ xét đoán thật vô cùng tệ hại.

5.- Ai hy vọng sẽ trở về gặp lại Allah thì thời hạn của Allah sẽ đến bởi vì Ngài là Đấng Toàn Thính và Đấng Toàn Tri.

6.- Và ai phấn đấu thì phấn đấu có lợi cho bản thân (linh hồn) mình. Rõ thật, Allah Tự Đầy Đủ, không nhờ vả đến thế gian.

وَٱلَّذِينَ ءَامَنُوا۟ وَعَمِلُوا۟ ٱلصَّٰلِحَٰتِ لَنُكَفِّرَنَّ عَنْهُمْ سَيِّـَٔاتِهِمْ وَلَنَجْزِيَنَّهُمْ أَحْسَنَ ٱلَّذِى كَانُوا۟ يَعْمَلُونَ ﴿٧﴾ وَوَصَّيْنَا ٱلْإِنسَٰنَ بِوَٰلِدَيْهِ حُسْنًا ۖ وَإِن جَٰهَدَاكَ لِتُشْرِكَ بِى مَا لَيْسَ لَكَ بِهِۦ عِلْمٌ فَلَا تُطِعْهُمَآ ۚ إِلَىَّ مَرْجِعُكُمْ فَأُنَبِّئُكُم بِمَا كُنتُمْ تَعْمَلُونَ ﴿٨﴾ وَٱلَّذِينَ ءَامَنُوا۟ وَعَمِلُوا۟ ٱلصَّٰلِحَٰتِ لَنُدْخِلَنَّهُمْ فِى ٱلصَّٰلِحِينَ ﴿٩﴾ وَمِنَ ٱلنَّاسِ مَن يَقُولُ ءَامَنَّا بِٱللَّهِ فَإِذَآ أُوذِىَ فِى ٱللَّهِ جَعَلَ فِتْنَةَ ٱلنَّاسِ كَعَذَابِ ٱللَّهِ ۖ وَلَئِن جَآءَ نَصْرٌ مِّن رَّبِّكَ لَيَقُولُنَّ إِنَّا كُنَّا مَعَكُمْ ۚ أَوَلَيْسَ ٱللَّهُ بِأَعْلَمَ بِمَا فِى صُدُورِ ٱلْعَٰلَمِينَ ﴿١٠﴾ وَلَيَعْلَمَنَّ ٱللَّهُ ٱلَّذِينَ ءَامَنُوا۟ وَلَيَعْلَمَنَّ ٱلْمُنَٰفِقِينَ ﴿١١﴾ وَقَالَ ٱلَّذِينَ كَفَرُوا۟ لِلَّذِينَ ءَامَنُوا۟ ٱتَّبِعُوا۟ سَبِيلَنَا وَلْنَحْمِلْ خَطَٰيَٰكُمْ وَمَا هُم بِحَٰمِلِينَ مِنْ خَطَٰيَٰهُم مِّن شَىْءٍ ۖ إِنَّهُمْ لَكَٰذِبُونَ ﴿١٢﴾ وَلَيَحْمِلُنَّ أَثْقَالَهُمْ وَأَثْقَالًا مَّعَ أَثْقَالِهِمْ ۖ وَلَيُسْـَٔلُنَّ يَوْمَ ٱلْقِيَٰمَةِ عَمَّا كَانُوا۟ يَفْتَرُونَ ﴿١٣﴾ وَلَقَدْ أَرْسَلْنَا نُوحًا إِلَىٰ قَوْمِهِۦ فَلَبِثَ فِيهِمْ أَلْفَ سَنَةٍ إِلَّا خَمْسِينَ عَامًا فَأَخَذَهُمُ ٱلطُّوفَانُ وَهُمْ ظَٰلِمُونَ ﴿١٤﴾

7.- Và những ai tin tưởng và làm việc thiện thì sẽ được *TA* xóa bỏ những điều xấu xa (tội lỗi) và sẽ được *TA* tưởng thưởng tùy theo những điều tốt nhất mà họ đã từng làm.

8.- Và *TA* đã truyền lệnh cho con người hãy ăn ở tử tế với cha mẹ. Nhưng nếu cha mẹ đấu tranh với ngươi để buộc ngươi tổ hợp với *TA* những kẻ mà ngươi không hề biết một tí gì thì chớ nghe lời của hai người (cha mẹ). Và các người sẽ trở lại gặp TA, rồi TA sẽ cho các người biết về những điều các người đã từng làm.

9.- Và những ai tin tưởng và làm việc thiện thì chắc chắn sẽ được *TA* thu nhận vào đoàn thể của những người lương thiện.

10.- Và trong nhân loại đã có những kẻ nói: "Chúng tôi tin tưởng nơi Allah." nhưng khi vì Allah mà chúng chịu khổ thì chúng lại cho cảnh người áp bức người là một hình phạt của Allah. Và nếu có sự trợ giúp đến từ *Rabb* của Ngươi thì chúng lại nói: "Quả thật chúng tôi luôn luôn sát cánh với anh em." Há Allah không biết rõ những điều nằm trong lòng của thiên hạ hay sao?

11.- Và chắc chắn, Allah biết ai là những người tin tưởng và biết chắc chắn ai là những tên đạo đức giả.

12.- Và những kẻ không có đức tin nói với những người tin tưởng như sau: "Hãy theo con đường của chúng tôi và chúng tôi sẽ gánh chịu tội lỗi của quí vị." Nhưng chúng sẽ không gánh một chút tội nào của họ cả. Chắc chắn, chúng là những kẻ nói dối.

13.- Và chắc chắn, chúng sẽ vác gánh nặng (tội lỗi) của chúng và những gánh nặng ngoài gánh nặng của chúng. Và chắc chắn, chúng sẽ bị (Allah) hỏi (tội) vào Ngày Phục sinh về những điều mà chúng đã từng bịa đặt.

14.- Và chắc chắn, *TA* đã cử *Nūh* đến với người dân của Người. Và Người sống với họ thiếu năm mươi năm nữa là đủ một ngàn năm. Rồi, trận Đại Hồng Thủy túm bắt chúng trong lúc chúng là những kẻ làm điều sai quấy.

فَأَنجَيْنَٰهُ وَأَصْحَٰبَ ٱلسَّفِينَةِ وَجَعَلْنَٰهَآ ءَايَةً لِّلْعَٰلَمِينَ ﴿١٥﴾ وَإِبْرَٰهِيمَ إِذْ قَالَ لِقَوْمِهِ ٱعْبُدُوا۟ ٱللَّهَ وَٱتَّقُوهُ ۖ ذَٰلِكُمْ خَيْرٌ لَّكُمْ إِن كُنتُمْ تَعْلَمُونَ ﴿١٦﴾ إِنَّمَا تَعْبُدُونَ مِن دُونِ ٱللَّهِ أَوْثَٰنًا وَتَخْلُقُونَ إِفْكًا ۚ إِنَّ ٱلَّذِينَ تَعْبُدُونَ مِن دُونِ ٱللَّهِ لَا يَمْلِكُونَ لَكُمْ رِزْقًا فَٱبْتَغُوا۟ عِندَ ٱللَّهِ ٱلرِّزْقَ وَٱعْبُدُوهُ وَٱشْكُرُوا۟ لَهُۥٓ ۖ إِلَيْهِ تُرْجَعُونَ ﴿١٧﴾ وَإِن تُكَذِّبُوا۟ فَقَدْ كَذَّبَ أُمَمٌ مِّن قَبْلِكُمْ ۖ وَمَا عَلَى ٱلرَّسُولِ إِلَّا ٱلْبَلَٰغُ ٱلْمُبِينُ ﴿١٨﴾ أَوَلَمْ يَرَوْا۟ كَيْفَ يُبْدِئُ ٱللَّهُ ٱلْخَلْقَ ثُمَّ يُعِيدُهُۥٓ ۚ إِنَّ ذَٰلِكَ عَلَى ٱللَّهِ يَسِيرٌ ﴿١٩﴾ قُلْ سِيرُوا۟ فِى ٱلْأَرْضِ فَٱنظُرُوا۟ كَيْفَ بَدَأَ ٱلْخَلْقَ ۚ ثُمَّ ٱللَّهُ يُنشِئُ ٱلنَّشْأَةَ ٱلْءَاخِرَةَ ۚ إِنَّ ٱللَّهَ عَلَىٰ كُلِّ شَىْءٍ قَدِيرٌ ﴿٢٠﴾ يُعَذِّبُ مَن يَشَآءُ وَيَرْحَمُ مَن يَشَآءُ ۖ وَإِلَيْهِ تُقْلَبُونَ ﴿٢١﴾ وَمَآ أَنتُم بِمُعْجِزِينَ فِى ٱلْأَرْضِ وَلَا فِى ٱلسَّمَآءِ ۖ وَمَا لَكُم مِّن دُونِ ٱللَّهِ مِن وَلِىٍّ وَلَا نَصِيرٍ ﴿٢٢﴾ وَٱلَّذِينَ كَفَرُوا۟ بِـَٔايَٰتِ ٱللَّهِ وَلِقَآئِهِۦٓ أُو۟لَٰٓئِكَ يَئِسُوا۟ مِن رَّحْمَتِى وَأُو۟لَٰٓئِكَ لَهُمْ عَذَابٌ أَلِيمٌ ﴿٢٣﴾

15.- Rồi, *TA* đã giải cứu Người và những tín đồ theo Người trên một chiếc tàu và lấy đó làm một bài học cho thế gian.

16.- Và (hãy nhớ) *Ibrāhīm*, khi Người bảo người dân của Người như sau: "Hãy thờ phụng Allah và hãy sợ Ngài." Điều đó tốt nhất cho các người nếu các người biết.

17.- "Các người chỉ thờ phụng những hình tượng thay vì Allah và các người chỉ bịa đặt chuyện hoang đường. Thật sự, những kẻ mà các người thờ phụng không có khả năng ban bổng lộc cho các người. Do đó, hãy tìm bổng lộc nơi Allah và thờ phụng Ngài và tạ ân Ngài; và các người sẽ được đưa về gặp Ngài trở lại.

18.- "Và nếu các người cho (ta) nói dối thì chắc chắn những cộng đồng trước các người cũng đã cho (các Sứ giả của họ) nói dối như thế; và nhiệm vụ của một Sứ giả chỉ là làm công tác truyền đạt một cách công khai."

19.- Há họ đã không nhận xét việc Allah bắt đầu việc tạo hóa rồi phục hồi nó như thế nào ư? Điều đó quả thật dễ dàng đối với Allah.

20.- Hãy bảo (chúng): "Hãy đi du lịch trên trái đất để quan sát (Allah) khởi sự việc tạo hóa rồi Allah phục sinh Đời sau như thế nào. Quả thật, Allah có Toàn Quyền chi phối trên tất cả mọi vật."

21.- Ngài trừng phạt kẻ nào Ngài muốn và khoan dung người nào Ngài muốn. Và các người sẽ được đưa về gặp Ngài trở lại.

22.- Và dù ở trên trời hay dưới đất các người sẽ không thể trốn thoát khỏi (Allah) đặng và ngoài Allah (các người) sẽ không có một vị bảo hộ hay một vị cứu tinh nào.

23.- Và những ai phủ nhận những Dấu hiệu của Allah và việc gặp lại Ngài (ở Đời sau), thì là những người sẽ tuyệt vọng nơi Đức Khoan dung của TA và sẽ nhận một sự trừng phạt đau đớn.

فَمَا كَانَ جَوَابَ قَوْمِهِۦٓ إِلَّآ أَن قَالُواْ ٱقْتُلُوهُ أَوْ حَرِّقُوهُ
فَأَنجَىٰهُ ٱللَّهُ مِنَ ٱلنَّارِۚ إِنَّ فِى ذَٰلِكَ لَءَايَٰتٍ لِّقَوْمٍ يُؤْمِنُونَ
﴿٢٤﴾ وَقَالَ إِنَّمَا ٱتَّخَذْتُم مِّن دُونِ ٱللَّهِ أَوْثَٰنًا مَّوَدَّةَ بَيْنِكُمْ
فِى ٱلْحَيَوٰةِ ٱلدُّنْيَاۖ ثُمَّ يَوْمَ ٱلْقِيَٰمَةِ يَكْفُرُ بَعْضُكُم
بِبَعْضٍ وَيَلْعَنُ بَعْضُكُم بَعْضًا وَمَأْوَىٰكُمُ ٱلنَّارُ
وَمَا لَكُم مِّن نَّٰصِرِينَ ﴿٢٥﴾ ۞ فَـَٔامَنَ لَهُۥ لُوطٌۘ وَقَالَ
إِنِّى مُهَاجِرٌ إِلَىٰ رَبِّىٓۖ إِنَّهُۥ هُوَ ٱلْعَزِيزُ ٱلْحَكِيمُ ﴿٢٦﴾
وَوَهَبْنَا لَهُۥٓ إِسْحَٰقَ وَيَعْقُوبَ وَجَعَلْنَا فِى ذُرِّيَّتِهِ
ٱلنُّبُوَّةَ وَٱلْكِتَٰبَ وَءَاتَيْنَٰهُ أَجْرَهُۥ فِى ٱلدُّنْيَاۖ وَإِنَّهُۥ
فِى ٱلْءَاخِرَةِ لَمِنَ ٱلصَّٰلِحِينَ ﴿٢٧﴾ وَلُوطًا إِذْ قَالَ لِقَوْمِهِۦٓ
إِنَّكُمْ لَتَأْتُونَ ٱلْفَٰحِشَةَ مَا سَبَقَكُم بِهَا مِنْ أَحَدٍ
مِّنَ ٱلْعَٰلَمِينَ ﴿٢٨﴾ أَئِنَّكُمْ لَتَأْتُونَ ٱلرِّجَالَ وَتَقْطَعُونَ
ٱلسَّبِيلَ وَتَأْتُونَ فِى نَادِيكُمُ ٱلْمُنكَرَۖ فَمَا كَانَ جَوَابَ
قَوْمِهِۦٓ إِلَّآ أَن قَالُواْ ٱئْتِنَا بِعَذَابِ ٱللَّهِ إِن كُنتَ مِنَ
ٱلصَّٰدِقِينَ ﴿٢٩﴾ قَالَ رَبِّ ٱنصُرْنِى عَلَى ٱلْقَوْمِ ٱلْمُفْسِدِينَ ﴿٣٠﴾

ثلاثة أرباع الحزب ٤٠

24.- Và người dân của Người (Ibrāhīm) không trả lời điều nào khác ngoài điều chúng nói: "Hãy giết y hoặc thiêu sống y!" Nhưng Allah đã cứu sống Người ra khỏi lửa. Quả thật, trong (câu chuyện) đó (về Ibrāhīm) là những Dấu hiệu cho đám người tin tưởng.

25.- Và (Ibrāhīm) bảo: "Các người đã tôn thờ những hình tượng thay vì Allah là vì các người yêu thương lẫn nhau ở đời này; rồi vào Ngày Phục sinh, các người sẽ phủ nhận và nguyền rủa lẫn nhau và nhà ở cuối cùng của các người sẽ là Hỏa ngục và các người sẽ không được ai giúp đỡ."

26.- Riêng *Lūt* (Lốt) thì tin nơi Người (Ibrāhīm). Và Lūt bảo: "Tôi sẽ dời cư về với *Rabb* của tôi. Bởi vì quả thật, Ngài là Đấng Toàn Năng, Đấng Chí Minh.

27.- Và *TA* đã ban cho Người (Ibrāhīm) (đứa con trai) *Ishāq* và (đứa cháu nội) *Ya'qūb* và làm cho con cháu của Người tiếp thu điều mặc khải và Kinh sách và ban cho Người phần thưởng ở trần thế; và ở Đời sau, Người sẽ thật sự gia nhập đoàn người hiền lương.

28.- Và (hãy nhớ) Lūt, khi Người bảo người dân của Người: "Các người đã làm một điều hết sức khả ố mà chưa ai trong thiên hạ đã từng làm trước các người.

29.- "Phải chăng các người đã giao hợp với đàn ông và chuyên đánh cướp xa lộ và làm những điều sàm sỡ trong những cuộc hội họp?" Nhưng người dân của Người không trả lời điều nào khác ngoài điều họ nói: "Ông hãy mang hình phạt của Allah đến (trừng phạt) chúng tôi đi nếu ông là một người nói thật."

30.- Người (Lūt) thưa: "Lạy *Rabb* của bề tôi! Xin Ngài trợ giúp bề tôi thắng đám người thối nát, ác ôn này."

وَلَمَّا جَآءَتۡ رُسُلُنَآ إِبۡرَٰهِيمَ بِٱلۡبُشۡرَىٰ قَالُوٓاْ إِنَّا مُهۡلِكُوٓاْ أَهۡلِ هَٰذِهِ ٱلۡقَرۡيَةِۖ إِنَّ أَهۡلَهَا كَانُواْ ظَٰلِمِينَ ٣١ قَالَ إِنَّ فِيهَا لُوطٗاۚ قَالُواْ نَحۡنُ أَعۡلَمُ بِمَن فِيهَاۖ لَنُنَجِّيَنَّهُۥ وَأَهۡلَهُۥٓ إِلَّا ٱمۡرَأَتَهُۥ كَانَتۡ مِنَ ٱلۡغَٰبِرِينَ ٣٢ وَلَمَّآ أَن جَآءَتۡ رُسُلُنَا لُوطٗا سِيٓءَ بِهِمۡ وَضَاقَ بِهِمۡ ذَرۡعٗاۖ وَقَالُواْ لَا تَخَفۡ وَلَا تَحۡزَنۡ إِنَّا مُنَجُّوكَ وَأَهۡلَكَ إِلَّا ٱمۡرَأَتَكَ كَانَتۡ مِنَ ٱلۡغَٰبِرِينَ ٣٣ إِنَّا مُنزِلُونَ عَلَىٰٓ أَهۡلِ هَٰذِهِ ٱلۡقَرۡيَةِ رِجۡزٗا مِّنَ ٱلسَّمَآءِ بِمَا كَانُواْ يَفۡسُقُونَ ٣٤ وَلَقَد تَّرَكۡنَا مِنۡهَآ ءَايَةَۢ بَيِّنَةٗ لِّقَوۡمٖ يَعۡقِلُونَ ٣٥ وَإِلَىٰ مَدۡيَنَ أَخَاهُمۡ شُعَيۡبٗا فَقَالَ يَٰقَوۡمِ ٱعۡبُدُواْ ٱللَّهَ وَٱرۡجُواْ ٱلۡيَوۡمَ ٱلۡأٓخِرَ وَلَا تَعۡثَوۡاْ فِي ٱلۡأَرۡضِ مُفۡسِدِينَ ٣٦ فَكَذَّبُوهُ فَأَخَذَتۡهُمُ ٱلرَّجۡفَةُ فَأَصۡبَحُواْ فِي دَارِهِمۡ جَٰثِمِينَ ٣٧ وَعَادٗا وَثَمُودَاْ وَقَد تَّبَيَّنَ لَكُم مِّن مَّسَٰكِنِهِمۡۖ وَزَيَّنَ لَهُمُ ٱلشَّيۡطَٰنُ أَعۡمَٰلَهُمۡ فَصَدَّهُمۡ عَنِ ٱلسَّبِيلِ وَكَانُواْ مُسۡتَبۡصِرِينَ ٣٨

31.- Và khi các Thiên sứ (Thiên thần) của *TA* đến gặp Ibrāhīm với tin mừng, bảo: "Chúng tôi sắp tiêu diệt dân cư của thị trấn (Sô-đôm của Palestine) này (của Lūt.) Quả thật, dân cư của nó là những kẻ làm điều sai quấy."

32.- Ibrāhīm đáp: "Nhưng Lūt ở trong đó." Họ đáp: "Chúng tôi biết rõ ai ở trong đó. Chắc chắn, chúng tôi sẽ giải cứu Người và gia đình của Người ngoại trừ bà vợ của Người. Bà ta là một trong những kẻ trì trệ đằng sau."

33.- Và khi các Thiên sứ của *TA* đến gặp Lūt, Người lo âu giùm cho người dân của Người và cảm thấy bất lực. Và họ bảo: "Ông chớ lo sợ và chớ buồn phiền. Thật sự chúng tôi sẽ giải cứu ông và gia đình ông ngoại trừ bà vợ của ông. Bà ấy là một người trì trệ đằng sau."

34.- Thật sự, chúng tôi sắp mang một hình phạt từ trên trời xuống trừng phạt dân cư của thị trấn này bởi vì chúng là những kẻ dấy loạn bất tuân Allah.

35.- Và chắc chắn, *TA* đã để lại một Dấu tích công khai[1] của việc trừng phạt đó cho những người biết suy nghĩ.

36.- Và với người dân Madyan, *TA* đã cử người anh em *Shu'ayb* của họ đến với họ. *Shu'ayb* bảo: "Hỡi dân ta! Hãy thờ phụng Allah và sợ Ngày Cuối cùng; và chớ gây tội ác trên trái đất như những kẻ thối nát.

37.- Nhưng họ cho Người (Shu'ayb) nói dối cho nên một trận động đất dữ dội đã chụp bắt họ chết la liệt trong nhà vào buổi sáng.

38.- Và người dân 'Ād và Thamūd (cũng thế). Nhà cửa đổ nát của họ hãy còn là một dấu tích rành rành cho các người về họ. Shaytān đã biến việc làm của họ thành hấp dẫn đối với họ cho nên nó đã giữ họ xa con đường (của Allah) trong lúc họ là những người nhìn thấu đáo.

---

[1] Đó là Tử Hải (Dead Sea) ngày nay.

وَقَٰرُونَ وَفِرۡعَوۡنَ وَهَٰمَٰنَۖ وَلَقَدۡ جَآءَهُم مُّوسَىٰ بِٱلۡبَيِّنَٰتِ فَٱسۡتَكۡبَرُواْ فِي ٱلۡأَرۡضِ وَمَا كَانُواْ سَٰبِقِينَ ٣٩ فَكُلًّا أَخَذۡنَا بِذَنۢبِهِۦۖ فَمِنۡهُم مَّنۡ أَرۡسَلۡنَا عَلَيۡهِ حَاصِبٗا وَمِنۡهُم مَّنۡ أَخَذَتۡهُ ٱلصَّيۡحَةُ وَمِنۡهُم مَّنۡ خَسَفۡنَا بِهِ ٱلۡأَرۡضَ وَمِنۡهُم مَّنۡ أَغۡرَقۡنَاۚ وَمَا كَانَ ٱللَّهُ لِيَظۡلِمَهُمۡ وَلَٰكِن كَانُوٓاْ أَنفُسَهُمۡ يَظۡلِمُونَ ٤٠ مَثَلُ ٱلَّذِينَ ٱتَّخَذُواْ مِن دُونِ ٱللَّهِ أَوۡلِيَآءَ كَمَثَلِ ٱلۡعَنكَبُوتِ ٱتَّخَذَتۡ بَيۡتٗاۖ وَإِنَّ أَوۡهَنَ ٱلۡبُيُوتِ لَبَيۡتُ ٱلۡعَنكَبُوتِۚ لَوۡ كَانُواْ يَعۡلَمُونَ ٤١ إِنَّ ٱللَّهَ يَعۡلَمُ مَا يَدۡعُونَ مِن دُونِهِۦ مِن شَيۡءٖۚ وَهُوَ ٱلۡعَزِيزُ ٱلۡحَكِيمُ ٤٢ وَتِلۡكَ ٱلۡأَمۡثَٰلُ نَضۡرِبُهَا لِلنَّاسِۖ وَمَا يَعۡقِلُهَآ إِلَّا ٱلۡعَٰلِمُونَ ٤٣ خَلَقَ ٱللَّهُ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضَ بِٱلۡحَقِّۚ إِنَّ فِي ذَٰلِكَ لَأٓيَةٗ لِّلۡمُؤۡمِنِينَ ٤٤ ٱتۡلُ مَآ أُوحِيَ إِلَيۡكَ مِنَ ٱلۡكِتَٰبِ وَأَقِمِ ٱلصَّلَوٰةَۖ إِنَّ ٱلصَّلَوٰةَ تَنۡهَىٰ عَنِ ٱلۡفَحۡشَآءِ وَٱلۡمُنكَرِۗ وَلَذِكۡرُ ٱللَّهِ أَكۡبَرُۗ وَٱللَّهُ يَعۡلَمُ مَا تَصۡنَعُونَ ٤٥

39.- Và *Qārūn* và *Fir'aun* và *Hāmān* (cũng thế). Và chắc chắn *Mūsa* đã đến gặp chúng với những Bằng chứng, nhưng chúng tỏ thái độ ngạo mạn trên trái đất. Nhưng chúng vẫn không thoát khỏi *TA*.

40.- *TA* đã bắt phạt tất cả bọn chúng tùy theo tội của từng đứa. Trong bọn chúng, có kẻ đã bị *TA* trừng phạt bằng một trận cuồng phong có mưa đá (như đối với người dân của Lūt); có kẻ đã bị *TA* trừng phạt bằng một tiếng thét dữ dội (như đối với người dân Thamūd); có kẻ đã bị *TA* trừng phạt bằng cách làm cho đất sụp xuống (như Qārūn); và có kẻ đã bị *TA* trừng phạt bằng cách nhận chìm dưới nước (như *Fir'aun* và *Hāmān*). Và Allah không phải là Đấng đã hãm hại chúng mà chính chúng đã tự làm hại bản thân mình.

41.- Hình ảnh của những ai tôn thờ những chủ nhân khác thay vì Allah chẳng khác nào hình ảnh của con nhện tự giăng tơ làm nhà. Bởi vì mỏng manh nhất trong các loại nhà chỉ có nhà của con nhện, nếu chúng biết điều đó.

42.- Quả thật, Allah biết rõ bất cứ cái gì chúng cầu nguyện thay vì Ngài. Bởi vì Ngài là Đấng Toàn Năng, Đấng Chí Minh.

43.- Và đó là những ngụ ngôn mà *TA* trình bày cho nhân loại. Và chỉ những người có kiến thức mới thấu hiểu được (ý nghĩa của) chúng.

44.- Allah vì Chân lý đã tạo hóa các tầng trời và trái đất. Quả thật, trong (việc tạo hóa) đó là một Dấu hiệu cho những người có đức tin.

45.- Hãy đọc những điều đã được mặc khải cho Ngươi trong Kinh sách (Qur'ān) và hãy dâng lễ *Salāh* một cách chu đáo. Quả thật, lễ nguyện *Salāh* ngăn cản một người tránh xa trọng tội và điều tội lỗi. Và việc tưởng nhớ Allah là điều lớn nhất. Và Allah biết rõ những điều các ngươi làm.

۞ وَلَا تُجَٰدِلُوٓاْ أَهۡلَ ٱلۡكِتَٰبِ إِلَّا بِٱلَّتِي هِيَ أَحۡسَنُ إِلَّا ٱلَّذِينَ ظَلَمُواْ مِنۡهُمۡۖ وَقُولُوٓاْ ءَامَنَّا بِٱلَّذِيٓ أُنزِلَ إِلَيۡنَا وَأُنزِلَ إِلَيۡكُمۡ وَإِلَٰهُنَا وَإِلَٰهُكُمۡ وَٰحِدٞ وَنَحۡنُ لَهُۥ مُسۡلِمُونَ ﴿٤٦﴾ وَكَذَٰلِكَ أَنزَلۡنَآ إِلَيۡكَ ٱلۡكِتَٰبَۚ فَٱلَّذِينَ ءَاتَيۡنَٰهُمُ ٱلۡكِتَٰبَ يُؤۡمِنُونَ بِهِۦۖ وَمِنۡ هَٰٓؤُلَآءِ مَن يُؤۡمِنُ بِهِۦۚ وَمَا يَجۡحَدُ بِـَٔايَٰتِنَآ إِلَّا ٱلۡكَٰفِرُونَ ﴿٤٧﴾ وَمَا كُنتَ تَتۡلُواْ مِن قَبۡلِهِۦ مِن كِتَٰبٖ وَلَا تَخُطُّهُۥ بِيَمِينِكَۖ إِذٗا لَّٱرۡتَابَ ٱلۡمُبۡطِلُونَ ﴿٤٨﴾ بَلۡ هُوَ ءَايَٰتُۢ بَيِّنَٰتٞ فِي صُدُورِ ٱلَّذِينَ أُوتُواْ ٱلۡعِلۡمَۚ وَمَا يَجۡحَدُ بِـَٔايَٰتِنَآ إِلَّا ٱلظَّٰلِمُونَ ﴿٤٩﴾ وَقَالُواْ لَوۡلَآ أُنزِلَ عَلَيۡهِ ءَايَٰتٞ مِّن رَّبِّهِۦۚ قُلۡ إِنَّمَا ٱلۡأٓيَٰتُ عِندَ ٱللَّهِ وَإِنَّمَآ أَنَا۠ نَذِيرٞ مُّبِينٌ ﴿٥٠﴾ أَوَلَمۡ يَكۡفِهِمۡ أَنَّآ أَنزَلۡنَا عَلَيۡكَ ٱلۡكِتَٰبَ يُتۡلَىٰ عَلَيۡهِمۡۚ إِنَّ فِي ذَٰلِكَ لَرَحۡمَةٗ وَذِكۡرَىٰ لِقَوۡمٖ يُؤۡمِنُونَ ﴿٥١﴾ قُلۡ كَفَىٰ بِٱللَّهِ بَيۡنِي وَبَيۡنَكُمۡ شَهِيدٗاۖ يَعۡلَمُ مَا فِي ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضِۗ وَٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ بِٱلۡبَٰطِلِ وَكَفَرُواْ بِٱللَّهِ أُوْلَٰٓئِكَ هُمُ ٱلۡخَٰسِرُونَ ﴿٥٢﴾

46.- Và chớ tranh luận với Người dân Kinh sách trừ phi với thái độ nhã nhặn và chỉ với những người của họ làm điều sai quấy và bảo họ: "Chúng tôi tin tưởng nơi điều đã được ban xuống cho chúng tôi và nơi điều đã được ban xuống cho quí vị. Và Thượng Đế của chúng tôi lẫn Thượng Đế của quí vị chỉ là Một (Thượng Đế). Và chúng tôi là những người Muslim thần phục Ngài.

47.- Và *TA* đã ban Kinh sách (Qur'ān) xuống cho Ngươi đúng như thế. Bởi thế, những ai mà *TA* đã ban cho Kinh sách tin tưởng nơi Nó (Qur'ān) và một số người (Ả-rập) này cũng tin tưởng nơi Nó. Và chỉ những kẻ không tin mới cãi lại những Lời mặc khải của *TA*.

48.- Và trước Nó (Qur'ān), Ngươi đã không hề đọc một kinh sách nào và cũng không viết được một kinh sách nào với tay phải của Ngươi; bởi vì trong trường hợp đó, những kẻ theo ngụy giáo sẽ đâm ra nghi ngờ (về Nó).

49.- Không! Nó (Qur'ān) gồm những Lời mặc khải rõ ràng ở trong lòng của những ai đã được (Allah) ban cho kiến thức. Và chỉ những kẻ làm điều sai quấy mới cãi lại những Lời mặc khải của *TA*.

50.- Và chúng nói: "Tại sao *Rabb* của Y (Muhammad) đã không ban cho Y những Phép-lạ?" Hãy đáp: "Chỉ Allah mới có những Phép-lạ. Ta chỉ là một người Báo trước công khai.

51.- Há không đủ cho chúng hay sao việc *TA* đã ban Kinh sách xuống cho Ngươi để (Nó) được đọc lại cho chúng? Quả thật, trong đó là Hồng ân và điều cảnh cáo cho đám người tin tưởng.

52.- Hãy bảo chúng: "Allah đủ làm chứng giữa ta (Muhammad) và các người. Ngài biết mọi điều trong các tầng trời và trái đất. Và những ai tin tưởng nơi điều gian dối, và không tin tưởng nơi Allah mới là những kẻ sẽ thua thiệt.

وَيَسْتَعْجِلُونَكَ بِٱلْعَذَابِ وَلَوْلَآ أَجَلٌ مُّسَمًّى لَّجَآءَهُمُ ٱلْعَذَابُ وَلَيَأْتِيَنَّهُم بَغْتَةً وَهُمْ لَا يَشْعُرُونَ ﴿٥٣﴾ يَسْتَعْجِلُونَكَ بِٱلْعَذَابِ وَإِنَّ جَهَنَّمَ لَمُحِيطَةٌۢ بِٱلْكَٰفِرِينَ ﴿٥٤﴾ يَوْمَ يَغْشَىٰهُمُ ٱلْعَذَابُ مِن فَوْقِهِمْ وَمِن تَحْتِ أَرْجُلِهِمْ وَيَقُولُ ذُوقُواْ مَا كُنتُمْ تَعْمَلُونَ ﴿٥٥﴾ يَٰعِبَادِيَ ٱلَّذِينَ ءَامَنُوٓاْ إِنَّ أَرْضِي وَٰسِعَةٌ فَإِيَّٰيَ فَٱعْبُدُونِ ﴿٥٦﴾ كُلُّ نَفْسٍ ذَآئِقَةُ ٱلْمَوْتِۖ ثُمَّ إِلَيْنَا تُرْجَعُونَ ﴿٥٧﴾ وَٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ وَعَمِلُواْ ٱلصَّٰلِحَٰتِ لَنُبَوِّئَنَّهُم مِّنَ ٱلْجَنَّةِ غُرَفًا تَجْرِي مِن تَحْتِهَا ٱلْأَنْهَٰرُ خَٰلِدِينَ فِيهَاۚ نِعْمَ أَجْرُ ٱلْعَٰمِلِينَ ﴿٥٨﴾ ٱلَّذِينَ صَبَرُواْ وَعَلَىٰ رَبِّهِمْ يَتَوَكَّلُونَ ﴿٥٩﴾ وَكَأَيِّن مِّن دَآبَّةٍ لَّا تَحْمِلُ رِزْقَهَا ٱللَّهُ يَرْزُقُهَا وَإِيَّاكُمْۚ وَهُوَ ٱلسَّمِيعُ ٱلْعَلِيمُ ﴿٦٠﴾ وَلَئِن سَأَلْتَهُم مَّنْ خَلَقَ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلْأَرْضَ وَسَخَّرَ ٱلشَّمْسَ وَٱلْقَمَرَ لَيَقُولُنَّ ٱللَّهُۖ فَأَنَّىٰ يُؤْفَكُونَ ﴿٦١﴾ ٱللَّهُ يَبْسُطُ ٱلرِّزْقَ لِمَن يَشَآءُ مِنْ عِبَادِهِۦ وَيَقْدِرُ لَهُۥٓۚ إِنَّ ٱللَّهَ بِكُلِّ شَيْءٍ عَلِيمٌ ﴿٦٢﴾ وَلَئِن سَأَلْتَهُم مَّن نَّزَّلَ مِنَ ٱلسَّمَآءِ مَآءً فَأَحْيَا بِهِ ٱلْأَرْضَ مِنۢ بَعْدِ مَوْتِهَا لَيَقُولُنَّ ٱللَّهُۚ قُلِ ٱلْحَمْدُ لِلَّهِۚ بَلْ أَكْثَرُهُمْ لَا يَعْقِلُونَ ﴿٦٣﴾

53.- Và chúng hối thúc Ngươi mang hình phạt đến cho chúng. Và nếu không vì một thời hạn nhất định đã được qui định cho chúng thì hình phạt chắc chắn đã đến với chúng rồi. Và chắc chắn, nó sẽ bất ngờ xảy đến cho chúng trong lúc chúng không nhận thấy.

54.- Chúng hối thúc Ngươi mang hình phạt đến. Và rõ thật Hỏa ngục sắp bao vây những kẻ không tin.

55.- Và vào Ngày mà hình phạt sẽ bao vây chúng từ bên trên xuống và từ dưới chân lên với Lời phán: "Hãy nếm (hậu quả của) những điều (tội lỗi) mà các ngươi đã từng làm."

56.-"Hỡi các bầy tôi có đức tin của TA. Trái đất của TA rộng bao la. Bởi thế, hãy thờ phụng chỉ riêng TA thôi!"

57.- Mỗi linh hồn sẽ phải nếm cái chết. Rồi các người sẽ được đưa về gặp *TA* trở lại.

58.- "Và những ai có đức tin và làm việc thiện thì chắc chắn sẽ được *TA* ban thưởng những ngôi nhà cao sang trong Thiên đàng bên dưới có các dòng sông chảy, để vào ở trong đó đời đời. Ưu việt thay phần thưởng dành cho những người làm việc (tốt):

59.- "Những ai kiên trì và phó thác cho *Rabb* của họ."

60.- Và có nhiều sinh vật đã không tự vác lấy lương thực của mình. Allah cung dưỡng chúng và cung dưỡng các người bởi vì Ngài là Đấng Toàn Thính, Đấng Toàn Tri.

61.- Và nếu Ngươi có hỏi chúng ai đã tạo hóa các tầng trời và trái đất và đã chế ngự mặt trời và mặt trăng thì chắc chắn chúng sẽ đáp: "Allah!" Thế tại sao chúng lánh xa Ngài?

62.- Allah nới rộng và thu hẹp bổng lộc cho người nào Ngài muốn trong số bầy tôi của Ngài; bởi vì quả thật, Allah biết hết mọi việc.

63.- Và nếu Ngươi có hỏi chúng ai đã ban nước mưa từ trên trời xuống mà Ngài dùng để làm sống lại lớp đất chết khô thì chắc chắn chúng sẽ đáp: "Allah!" Hãy bảo chúng: "Mọi lời ca tụng đều dâng lên Allah!" Không! Đa số bọn chúng không hiểu.

وَمَا هَٰذِهِ ٱلْحَيَوٰةُ ٱلدُّنْيَآ إِلَّا لَهْوٌ وَلَعِبٌ ۚ وَإِنَّ ٱلدَّارَ ٱلْءَاخِرَةَ لَهِىَ ٱلْحَيَوَانُ ۚ لَوْ كَانُوا۟ يَعْلَمُونَ ﴿٦٤﴾ فَإِذَا رَكِبُوا۟ فِى ٱلْفُلْكِ دَعَوُا۟ ٱللَّهَ مُخْلِصِينَ لَهُ ٱلدِّينَ فَلَمَّا نَجَّىٰهُمْ إِلَى ٱلْبَرِّ إِذَا هُمْ يُشْرِكُونَ ﴿٦٥﴾ لِيَكْفُرُوا۟ بِمَآ ءَاتَيْنَٰهُمْ وَلِيَتَمَتَّعُوا۟ ۖ فَسَوْفَ يَعْلَمُونَ ﴿٦٦﴾ أَوَلَمْ يَرَوْا۟ أَنَّا جَعَلْنَا حَرَمًا ءَامِنًا وَيُتَخَطَّفُ ٱلنَّاسُ مِنْ حَوْلِهِمْ ۚ أَفَبِٱلْبَٰطِلِ يُؤْمِنُونَ وَبِنِعْمَةِ ٱللَّهِ يَكْفُرُونَ ﴿٦٧﴾ وَمَنْ أَظْلَمُ مِمَّنِ ٱفْتَرَىٰ عَلَى ٱللَّهِ كَذِبًا أَوْ كَذَّبَ بِٱلْحَقِّ لَمَّا جَآءَهُۥٓ ۚ أَلَيْسَ فِى جَهَنَّمَ مَثْوًى لِّلْكَٰفِرِينَ ﴿٦٨﴾ وَٱلَّذِينَ جَٰهَدُوا۟ فِينَا لَنَهْدِيَنَّهُمْ سُبُلَنَا ۚ وَإِنَّ ٱللَّهَ لَمَعَ ٱلْمُحْسِنِينَ ﴿٦٩﴾

سُورَةُ الرُّومِ

بِسْمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحْمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

الٓمٓ ﴿١﴾ غُلِبَتِ ٱلرُّومُ ﴿٢﴾ فِىٓ أَدْنَى ٱلْأَرْضِ وَهُم مِّنۢ بَعْدِ غَلَبِهِمْ سَيَغْلِبُونَ ﴿٣﴾ فِى بِضْعِ سِنِينَ ۗ لِلَّهِ ٱلْأَمْرُ مِن قَبْلُ وَمِنۢ بَعْدُ ۚ وَيَوْمَئِذٍ يَفْرَحُ ٱلْمُؤْمِنُونَ ﴿٤﴾ بِنَصْرِ ٱللَّهِ ۚ يَنصُرُ مَن يَشَآءُ ۖ وَهُوَ ٱلْعَزِيزُ ٱلرَّحِيمُ ﴿٥﴾

ربع الحزب ٤١

64.- Và đời sống trần tục này chỉ là một thú tiêu khiển và trò chơi. Và nhà ở ở Đời sau mới là đời sống thực sự, nếu chúng biết điều đó.

65.- Bởi thế, khi chúng lên tàu (ra khơi), chúng cầu nguyện Allah, dâng trọn đức tin cho Ngài. Nhưng khi Ngài cứu chúng lên bờ an toàn thì chúng dựng những kẻ hợp tác cùng với Ngài.

66.- (Làm thế) để chúng có thể phụ ân mà *TA* đã ban cho chúng và để chúng tự do hưởng thụ (cuộc đời). Nhưng rồi chúng sẽ sớm biết.

67.- Há chúng không thấy việc *TA* đã làm cho (Makkah) thành một thánh địa an-ninh bất khả xâm phạm trong lúc thiên hạ xung quanh chúng bị bắt cóc đi mất tích? Thế, phải chăng chúng tin tưởng nơi điều gian dối và phủ nhận những ân huệ của Allah hay sao?

68.- Và còn ai sai quấy hơn kẻ đã đặt điều nói dối rồi đổ thừa cho Allah và phủ nhận Chân lý khi nó đến với y? Phải chăng trong Hỏa ngục sẽ có một chỗ ở cho những kẻ vô niềm tin?

69.- Ngược lại, những ai chiến đấu cho (Chính nghĩa của) *TA*, thì chắc chắn sẽ được hướng dẫn đến những con đường của *TA*. Và chắc chắn, Allah đang sát cánh với những người làm tốt.

AR-RŪM
(Những Người La-Mã[1])

Nhân danh Allah, Đấng Rất mực Độ lượng,
Đấng Rất mực Khoan dung.

1.- *Alif. Lām. Mīm.*

2.- Những người La-Mã đã bị đánh bại,

3.- Tại một lãnh thổ gần kề[2]; nhưng sau cuộc chiến bại, họ sẽ chiến thắng trở lại,

4.- Trong một thời gian ngắn. Đó là công việc của Allah trước và sau. Và vào ngày đó, những người tin tưởng sẽ vui mừng,

5.- Về sự trợ giúp của Allah. Ngài giúp đỡ người nào Ngài muốn (để cho họ chiến thắng) bởi vì Ngài là Đấng Toàn Năng, Đấng Bao Dung.

[1] Thuộc về thời kỳ của Đế quốc Bi-zan-tin (Byzantians)
[2] Gồm các xứ Syria, Iraq, Jordan và Palestine

وَعۡدَ ٱللَّهِۖ لَا يُخۡلِفُ ٱللَّهُ وَعۡدَهُۥ وَلَٰكِنَّ أَكۡثَرَ ٱلنَّاسِ لَا يَعۡلَمُونَ ﴿٦﴾ يَعۡلَمُونَ ظَٰهِرٗا مِّنَ ٱلۡحَيَوٰةِ ٱلدُّنۡيَا وَهُمۡ عَنِ ٱلۡأٓخِرَةِ هُمۡ غَٰفِلُونَ ﴿٧﴾ أَوَلَمۡ يَتَفَكَّرُواْ فِيٓ أَنفُسِهِمۗ مَّا خَلَقَ ٱللَّهُ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضَ وَمَا بَيۡنَهُمَآ إِلَّا بِٱلۡحَقِّ وَأَجَلٖ مُّسَمّٗىۗ وَإِنَّ كَثِيرٗا مِّنَ ٱلنَّاسِ بِلِقَآيِٕ رَبِّهِمۡ لَكَٰفِرُونَ ﴿٨﴾ أَوَلَمۡ يَسِيرُواْ فِي ٱلۡأَرۡضِ فَيَنظُرُواْ كَيۡفَ كَانَ عَٰقِبَةُ ٱلَّذِينَ مِن قَبۡلِهِمۡۚ كَانُوٓاْ أَشَدَّ مِنۡهُمۡ قُوَّةٗ وَأَثَارُواْ ٱلۡأَرۡضَ وَعَمَرُوهَآ أَكۡثَرَ مِمَّا عَمَرُوهَا وَجَآءَتۡهُمۡ رُسُلُهُم بِٱلۡبَيِّنَٰتِۖ فَمَا كَانَ ٱللَّهُ لِيَظۡلِمَهُمۡ وَلَٰكِن كَانُوٓاْ أَنفُسَهُمۡ يَظۡلِمُونَ ﴿٩﴾ ثُمَّ كَانَ عَٰقِبَةَ ٱلَّذِينَ أَسَٰٓـُٔواْ ٱلسُّوٓأَىٰٓ أَن كَذَّبُواْ بِـَٔايَٰتِ ٱللَّهِ وَكَانُواْ بِهَا يَسۡتَهۡزِءُونَ ﴿١٠﴾ ٱللَّهُ يَبۡدَؤُاْ ٱلۡخَلۡقَ ثُمَّ يُعِيدُهُۥ ثُمَّ إِلَيۡهِ تُرۡجَعُونَ ﴿١١﴾ وَيَوۡمَ تَقُومُ ٱلسَّاعَةُ يُبۡلِسُ ٱلۡمُجۡرِمُونَ ﴿١٢﴾ وَلَمۡ يَكُن لَّهُم مِّن شُرَكَآئِهِمۡ شُفَعَٰٓؤُاْ وَكَانُواْ بِشُرَكَآئِهِمۡ كَٰفِرِينَ ﴿١٣﴾ وَيَوۡمَ تَقُومُ ٱلسَّاعَةُ يَوۡمَئِذٖ يَتَفَرَّقُونَ ﴿١٤﴾ فَأَمَّا ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ وَعَمِلُواْ ٱلصَّٰلِحَٰتِ فَهُمۡ فِي رَوۡضَةٖ يُحۡبَرُونَ ﴿١٥﴾

6.- (Đó là) Lời hứa của Allah và Ngài không hề thất hứa trong Lời hứa của Ngài, nhưng đa số thiên hạ không biết.

7.- Họ chỉ biết hình thức bề ngoài của đời sống trần tục và lơ là về Đời sau.

8.- Há họ không chịu suy nghĩ trong tâm trí của họ về việc Allah đã tạo hóa các tầng trời và trái đất và vạn vật giữa trời đất chỉ vì Chân lý và trong một thời hạn nhất định hay sao? Và quả thật, đa số nhân loại không tin việc gặp gỡ *Rabb* của họ (vào Ngày Phục sinh)

9.- Há họ không chịu đi du lịch trên trái đất để nhìn xem kết cuộc của những ai sống trước họ đã xẩy ra như thế nào ư? (Những người đó) mạnh hơn họ về quyền lực và khai khẩn đất đai và sinh sống nơi đó đông đảo và giầu có hơn những thứ mà những người này (*Quraysh*) đã làm; và đã có những Sứ giả của họ đến gặp họ với những bằng chứng rõ rệt. Bởi thế, Allah đã không hãm hại họ mà chính họ đã tự làm hại bản thân mình.

10.- Rồi cuối cùng, những ai làm ác sẽ lại gặp ác bởi vì họ đã phủ nhận các Dấu hiệu của Allah và đã mang chúng ra làm trò cười.

11.- Allah khởi sự việc tạo hóa rồi phục hồi nó, rồi các người sẽ được đưa về gặp Ngài trở lại.

12.- Và vào Ngày mà Giờ (xét xử) sẽ được thiết lập, những kẻ tội lỗi sẽ lặng câm, tuyệt vọng.

13.- Và trong số những kẻ hợp tác của chúng, không ai đứng ra bênh vực chúng và chúng sẽ phủ nhận những kẻ hợp tác đó của chúng.

14.- Và vào Ngày mà Giờ (Xét Xử) sẽ được thiết lập, tức ngày mà tất cả mọi người sẽ được tách biệt (giữa người có đức tin và kẻ vô đức tin);

15.- Bởi thế, đối với những ai có đức tin và làm việc thiện, thì sẽ được sống sung sướng nơi ngôi vườn xanh tươi (của Thiên đàng).

وَأَمَّا ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ وَكَذَّبُواْ بِـَٔايَٰتِنَا وَلِقَآيِٕ ٱلۡأٓخِرَةِ
فَأُوْلَٰٓئِكَ فِي ٱلۡعَذَابِ مُحۡضَرُونَ ١٦ فَسُبۡحَٰنَ ٱللَّهِ حِينَ تُمۡسُونَ
وَحِينَ تُصۡبِحُونَ ١٧ وَلَهُ ٱلۡحَمۡدُ فِي ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضِ
وَعَشِيّٗا وَحِينَ تُظۡهِرُونَ ١٨ يُخۡرِجُ ٱلۡحَيَّ مِنَ ٱلۡمَيِّتِ وَيُخۡرِجُ
ٱلۡمَيِّتَ مِنَ ٱلۡحَيِّ وَيُحۡيِ ٱلۡأَرۡضَ بَعۡدَ مَوۡتِهَاۚ وَكَذَٰلِكَ تُخۡرَجُونَ
١٩ وَمِنۡ ءَايَٰتِهِۦٓ أَنۡ خَلَقَكُم مِّن تُرَابٖ ثُمَّ إِذَآ أَنتُم بَشَرٞ
تَنتَشِرُونَ ٢٠ وَمِنۡ ءَايَٰتِهِۦٓ أَنۡ خَلَقَ لَكُم مِّنۡ أَنفُسِكُمۡ
أَزۡوَٰجٗا لِّتَسۡكُنُوٓاْ إِلَيۡهَا وَجَعَلَ بَيۡنَكُم مَّوَدَّةٗ وَرَحۡمَةًۚ
إِنَّ فِي ذَٰلِكَ لَأٓيَٰتٖ لِّقَوۡمٖ يَتَفَكَّرُونَ ٢١ وَمِنۡ ءَايَٰتِهِۦ
خَلۡقُ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضِ وَٱخۡتِلَٰفُ أَلۡسِنَتِكُمۡ وَأَلۡوَٰنِكُمۡۚ
إِنَّ فِي ذَٰلِكَ لَأٓيَٰتٖ لِّلۡعَٰلِمِينَ ٢٢ وَمِنۡ ءَايَٰتِهِۦ مَنَامُكُم
بِٱلَّيۡلِ وَٱلنَّهَارِ وَٱبۡتِغَآؤُكُم مِّن فَضۡلِهِۦٓۚ إِنَّ فِي ذَٰلِكَ
لَأٓيَٰتٖ لِّقَوۡمٖ يَسۡمَعُونَ ٢٣ وَمِنۡ ءَايَٰتِهِۦ يُرِيكُمُ ٱلۡبَرۡقَ
خَوۡفٗا وَطَمَعٗا وَيُنَزِّلُ مِنَ ٱلسَّمَآءِ مَآءٗ فَيُحۡيِۦ بِهِ ٱلۡأَرۡضَ
بَعۡدَ مَوۡتِهَآۚ إِنَّ فِي ذَٰلِكَ لَأٓيَٰتٖ لِّقَوۡمٖ يَعۡقِلُونَ ٢٤

16.- Còn đối với những ai không tin tưởng và phủ nhận các Dấu hiệu của *TA* và việc gặp gỡ (*TA* ở) Đời sau thì sẽ là những kẻ bị đưa đến chỗ trừng phạt (Hỏa ngục).

17.- Bởi thế, hãy tán dương Allah khi các người bước vào buổi tối (cuộc lễ *Magrib và'Ishā*) và bước vào buổi sáng (cuộc lễ *Fajr*).

18.- Và mọi lời ca tụng trong các tầng trời và trái đất đều thuộc về Ngài cả và (hãy ca tụng Ngài vào cuộc lễ *'Asr*) lúc xế chiều và (vào cuộc lễ *Zuhr*) lúc ngày bắt đầu chếch bóng[1].

19.- Ngài đưa cái sống ra từ cái chết và Ngài đưa cái chết ra khỏi cái sống; và Ngài làm hồi sinh lại miếng đất đã chết khô và các người sẽ được đưa ra (sống lại) giống như thế.

20.- Và trong các Dấu hiệu của Ngài có điều này: Ngài đã tạo các người từ đất bụi, rồi các người trở thành những người phàm sống rải rác khắp nơi.

21.- Và trong các Dấu hiệu của Ngài có điều này: Ngài đã tạo từ bản thân của các người những người vợ cho các người để các người sống yên lành với họ và Ngài đã đặt giữa các người tình yêu thương và lòng bao dung. Quả thật, nơi sự việc đó là những Dấu hiệu cho một số người biết ngẫm nghĩ.

22.- Và trong các Dấu hiệu của Ngài là việc tạo hóa các tầng trời và trái đất và sự khác biệt về ngôn ngữ và mầu da của các người. Quả thật, nơi sự việc đó là những Dấu hiệu cho những người hiểu biết.

23.- Và trong các Dấu hiệu của Ngài là giấc ngủ của các người ban đêm và ban ngày và việc tìm kiếm bổng lộc của Ngài. Quả thật, trong sự việc đó là những Dấu hiệu cho một số người biết nghe.

24.- Và trong các Dấu hiệu của Ngài là việc Ngài làm cho các người thấy tia chớp, (khiến các người) vừa lo vừa mừng; và Ngài ban nước mưa từ trên trời xuống mà Ngài dùng làm hồi sinh lại miếng đất đã chết khô. Quả thật, trong sự việc đó là những Dấu hiệu cho những người thông hiểu.

---

[1] Theo Ibn 'Abbas, câu 17 và 18 này qui định năm cuộc lễ nguyện hằng ngày của người Muslim.

وَمِنْ ءَايَٰتِهِۦٓ أَن تَقُومَ ٱلسَّمَآءُ وَٱلْأَرْضُ بِأَمْرِهِۦۚ ثُمَّ إِذَا دَعَاكُمْ
دَعْوَةً مِّنَ ٱلْأَرْضِ إِذَآ أَنتُمْ تَخْرُجُونَ ﴿٢٥﴾ وَلَهُۥ مَن فِى ٱلسَّمَٰوَٰتِ
وَٱلْأَرْضِۖ كُلٌّ لَّهُۥ قَٰنِتُونَ ﴿٢٦﴾ وَهُوَ ٱلَّذِى يَبْدَؤُا۟ ٱلْخَلْقَ ثُمَّ
يُعِيدُهُۥ وَهُوَ أَهْوَنُ عَلَيْهِۚ وَلَهُ ٱلْمَثَلُ ٱلْأَعْلَىٰ فِى ٱلسَّمَٰوَٰتِ
وَٱلْأَرْضِۚ وَهُوَ ٱلْعَزِيزُ ٱلْحَكِيمُ ﴿٢٧﴾ ضَرَبَ لَكُم مَّثَلًا
مِّنْ أَنفُسِكُمْۖ هَل لَّكُم مِّن مَّا مَلَكَتْ أَيْمَٰنُكُم مِّن
شُرَكَآءَ فِى مَا رَزَقْنَٰكُمْ فَأَنتُمْ فِيهِ سَوَآءٌ تَخَافُونَهُمْ
كَخِيفَتِكُمْ أَنفُسَكُمْۚ كَذَٰلِكَ نُفَصِّلُ ٱلْءَايَٰتِ لِقَوْمٍ
يَعْقِلُونَ ﴿٢٨﴾ بَلِ ٱتَّبَعَ ٱلَّذِينَ ظَلَمُوٓا۟ أَهْوَآءَهُم بِغَيْرِ عِلْمٍۖ
فَمَن يَهْدِى مَنْ أَضَلَّ ٱللَّهُۖ وَمَا لَهُم مِّن نَّٰصِرِينَ ﴿٢٩﴾ فَأَقِمْ
وَجْهَكَ لِلدِّينِ حَنِيفًاۚ فِطْرَتَ ٱللَّهِ ٱلَّتِى فَطَرَ ٱلنَّاسَ عَلَيْهَاۚ
لَا تَبْدِيلَ لِخَلْقِ ٱللَّهِۚ ذَٰلِكَ ٱلدِّينُ ٱلْقَيِّمُ وَلَٰكِنَّ أَكْثَرَ
ٱلنَّاسِ لَا يَعْلَمُونَ ﴿٣٠﴾ ۞ مُنِيبِينَ إِلَيْهِ وَٱتَّقُوهُ وَأَقِيمُوا۟
ٱلصَّلَوٰةَ وَلَا تَكُونُوا۟ مِنَ ٱلْمُشْرِكِينَ ﴿٣١﴾ مِنَ ٱلَّذِينَ فَرَّقُوا۟
دِينَهُمْ وَكَانُوا۟ شِيَعًاۖ كُلُّ حِزْبٍۭ بِمَا لَدَيْهِمْ فَرِحُونَ ﴿٣٢﴾

نصف الحزب ٤١

25.- Và trong các Dấu hiệu của Ngài là bầu trời và trái đất đứng vững theo sự Chỉ huy của Ngài; rồi khi Ngài gọi các người bằng một tiếng Gọi duy nhất thì lúc đó, các người sẽ từ trong đất bước ra.

26.- Bất cứ ai ở trong các tầng trời và trái đất đều là (tạo vật) của Ngài cả. Tất cả đều tuân phục Ngài.

27.- Và Ngài là Đấng khởi sự việc tạo hóa rồi tái lập nó và điều đó rất dễ đối với Ngài. Và những hình ảnh so sánh cao cả trong các tầng trời và trái đất đều thuộc về Ngài. Bởi vì Ngài là Đấng Toàn Năng, Đấng Chí Minh.

28.- Ngài đưa ra một thí dụ so sánh cho các người từ bản thân của các người; các người có chăng trong số (tôi tớ) nằm dưới tay kiểm soát của các người những kẻ *'hợp tác'* cùng san sẻ tài sản mà *TA* đã ban cấp cho các người? và vì sự bình đẳng đó mà các người sợ chúng giống như việc các người sợ nhau? Đấy, *TA* giải thích rõ các Dấu hiệu cho những người thông hiểu.

29.- Không, những kẻ làm điều sai quấy, vì thiếu hiểu biết, đã tuân theo những dục vọng của chúng. Thế, ai là người sẽ hướng dẫn kẻ mà Allah đánh lạc hướng? Và chúng sẽ không có ai giúp đỡ.

30.- Do đó, hãy định diện của Ngươi (hỡi Muhammad!) hướng về tôn giáo *Hanīf* (chỉ tôn thờ Allah), *Fitrah*[1] (tôn giáo tự nhiên) của Allah theo đó Ngài đã tạo hóa con người. Không có một sự thay đổi nào trong tôn giáo của Allah. Đó là tôn giáo đúng đắn nhưng đa số thiên hạ không biết.

31.- Hãy (luôn luôn) quay về sám hối với Ngài và sợ Ngài và dâng lễ *Salāh* (lên Ngài) và chớ là những người tôn thờ đa thần

32.- Trong số những kẻ đã phân chia tôn giáo của họ và kết thành những giáo phái; mỗi giáo phái vui vầy với điều mà họ đang giữ.

---

[1] Abu Huraira tường trình lời nói (Hadith) của Nabi Muhammad (saw) như sau: "Mỗi đứa bé sinh ra đời đều theo *Fitrah* (tôn giáo tự nhiên) nhưng cha mẹ của nó đã bắt nó theo Do thái giáo hay Thiên Chúa giáo hay Magia giáo, tương tự việc một súc vật đã hạ sanh một súc vật bé con hoàn hảo. Các người có thấy nó thiếu bộ phận nào không?" (Sahih Bukhari, tập 2, số 467)

وَإِذَا مَسَّ ٱلنَّاسَ ضُرّٞ دَعَوۡاْ رَبَّهُم مُّنِيبِينَ إِلَيۡهِ ثُمَّ إِذَآ أَذَاقَهُم مِّنۡهُ رَحۡمَةً إِذَا فَرِيقٞ مِّنۡهُم بِرَبِّهِمۡ يُشۡرِكُونَ ٣٣ لِيَكۡفُرُواْ بِمَآ ءَاتَيۡنَٰهُمۡۚ فَتَمَتَّعُواْ فَسَوۡفَ تَعۡلَمُونَ ٣٤ أَمۡ أَنزَلۡنَا عَلَيۡهِمۡ سُلۡطَٰنٗا فَهُوَ يَتَكَلَّمُ بِمَا كَانُواْ بِهِۦ يُشۡرِكُونَ ٣٥ وَإِذَآ أَذَقۡنَا ٱلنَّاسَ رَحۡمَةٗ فَرِحُواْ بِهَاۖ وَإِن تُصِبۡهُمۡ سَيِّئَةُۢ بِمَا قَدَّمَتۡ أَيۡدِيهِمۡ إِذَا هُمۡ يَقۡنَطُونَ ٣٦ أَوَلَمۡ يَرَوۡاْ أَنَّ ٱللَّهَ يَبۡسُطُ ٱلرِّزۡقَ لِمَن يَشَآءُ وَيَقۡدِرُۚ إِنَّ فِي ذَٰلِكَ لَأٓيَٰتٖ لِّقَوۡمٖ يُؤۡمِنُونَ ٣٧ فَـَٔاتِ ذَا ٱلۡقُرۡبَىٰ حَقَّهُۥ وَٱلۡمِسۡكِينَ وَٱبۡنَ ٱلسَّبِيلِۚ ذَٰلِكَ خَيۡرٞ لِّلَّذِينَ يُرِيدُونَ وَجۡهَ ٱللَّهِۖ وَأُوْلَٰٓئِكَ هُمُ ٱلۡمُفۡلِحُونَ ٣٨ وَمَآ ءَاتَيۡتُم مِّن رِّبٗا لِّيَرۡبُوَاْ فِيٓ أَمۡوَٰلِ ٱلنَّاسِ فَلَا يَرۡبُواْ عِندَ ٱللَّهِۖ وَمَآ ءَاتَيۡتُم مِّن زَكَوٰةٖ تُرِيدُونَ وَجۡهَ ٱللَّهِ فَأُوْلَٰٓئِكَ هُمُ ٱلۡمُضۡعِفُونَ ٣٩ ٱللَّهُ ٱلَّذِي خَلَقَكُمۡ ثُمَّ رَزَقَكُمۡ ثُمَّ يُمِيتُكُمۡ ثُمَّ يُحۡيِيكُمۡۖ هَلۡ مِن شُرَكَآئِكُم مَّن يَفۡعَلُ مِن ذَٰلِكُم مِّن شَيۡءٖۚ سُبۡحَٰنَهُۥ وَتَعَٰلَىٰ عَمَّا يُشۡرِكُونَ ٤٠ ظَهَرَ ٱلۡفَسَادُ فِي ٱلۡبَرِّ وَٱلۡبَحۡرِ بِمَا كَسَبَتۡ أَيۡدِي ٱلنَّاسِ لِيُذِيقَهُم بَعۡضَ ٱلَّذِي عَمِلُواْ لَعَلَّهُمۡ يَرۡجِعُونَ ٤١

33.- Và khi loài người gặp hoạn nạn, họ van xin *Rabb* của họ, tỏ lòng sám hối với Ngài rồi khi Ngài cho họ nếm mùi khoan dung từ Ngài, thì một thành phần của họ lại tổ hợp những kẻ hợp tác cùng với *Rabb* của họ.

34.- (Làm thế) là để họ phủ nhận ân huệ mà *TA* đã ban bố. Thế thì hãy hưởng thụ đi! Rồi đây các người sẽ sớm biết.

35.- Hoặc phải chăng *TA* đã ban cho họ một thẩm quyền (hay Kinh sách) đã nói về việc tổ hợp những kẻ hợp tác cùng với Ngài (Allah)?

36.- Và khi *TA* cho loài người nếm mùi khoan dung, họ lấy làm vui mừng; nhưng khi gặp điều bất hạnh do chính bàn tay của họ đã gây ra trước kia, thì này! họ đâm ra tuyệt vọng.

37.- Há họ không thấy việc Allah nới rộng bổng lộc (của Ngài) cho người nào Ngài muốn, và thu hẹp nó (từ kẻ nào Ngài muốn). Quả thật, trong sự việc đó là những Dấu hiệu cho đám người tin tưởng.

38.- Do đó, hãy trao cho người bà con ruột thịt phần của họ và của người thiếu thốn (ăn xin) và của người lỡ đường. Điều đó tốt nhất cho những ai muốn tìm Sắc Diện (Hài lòng) của Allah. Và họ là những người sẽ thành đạt.

39.- Và bất cứ vật gì các người tặng (cho người khác) từ *Ribā*[1] với mục đích làm tăng phần (của mình) trong tài sản của thiên hạ, thì sẽ không gia tăng dưới cái nhìn của Allah. Ngược lại, bất cứ vật gì các người tặng ra từ *Zakāh* mong muốn tìm Sắc Diện (Hài lòng) của Allah thì đó mới là những người sẽ được gia tăng nhiều hơn.

40.- Allah là Đấng đã tạo hóa các người, rồi cung dưỡng các người rồi làm cho các người chết rồi làm cho các người sống trở lại (vào Ngày Phục sinh). Thế, trong số những thần thánh của các người, ai là kẻ có khả năng làm được ít nhất một điều trong những điều vừa kể? Quang vinh thay Ngài! Bởi vì Ngài tối cao vượt lên trên những kẻ mà chúng đã tổ hợp với Ngài.

41.- Tội ác xuất hiện trên đất liền và biển cả là vì những hành vi thối nát do bàn tay của con người đã làm ra, cho nên (Allah) cho họ nếm (hậu quả) của những điều mà họ đã làm để may ra họ còn có dịp (tỉnh ngộ và) quay về (với nẻo chánh).

---

[1] *Ribā* là tiền lời cho vay. Islam khuyến khích *Zakāh* tức bố thí bắt buộc trích xuất từ số tiền lao động của mình thay vì dùng tiền Ribā để bố thí.

قُلْ سِيرُوا۟ فِى ٱلْأَرْضِ فَٱنظُرُوا۟ كَيْفَ كَانَ عَٰقِبَةُ ٱلَّذِينَ مِن قَبْلُ ۚ كَانَ أَكْثَرُهُم مُّشْرِكِينَ ﴿٤٢﴾ فَأَقِمْ وَجْهَكَ لِلدِّينِ ٱلْقَيِّمِ مِن قَبْلِ أَن يَأْتِىَ يَوْمٌ لَّا مَرَدَّ لَهُۥ مِنَ ٱللَّهِ ۖ يَوْمَئِذٍ يَصَّدَّعُونَ ﴿٤٣﴾ مَن كَفَرَ فَعَلَيْهِ كُفْرُهُۥ ۖ وَمَنْ عَمِلَ صَٰلِحًا فَلِأَنفُسِهِمْ يَمْهَدُونَ ﴿٤٤﴾ لِيَجْزِىَ ٱلَّذِينَ ءَامَنُوا۟ وَعَمِلُوا۟ ٱلصَّٰلِحَٰتِ مِن فَضْلِهِۦٓ ۚ إِنَّهُۥ لَا يُحِبُّ ٱلْكَٰفِرِينَ ﴿٤٥﴾ وَمِنْ ءَايَٰتِهِۦٓ أَن يُرْسِلَ ٱلرِّيَاحَ مُبَشِّرَٰتٍ وَلِيُذِيقَكُم مِّن رَّحْمَتِهِۦ وَلِتَجْرِىَ ٱلْفُلْكُ بِأَمْرِهِۦ وَلِتَبْتَغُوا۟ مِن فَضْلِهِۦ وَلَعَلَّكُمْ تَشْكُرُونَ ﴿٤٦﴾ وَلَقَدْ أَرْسَلْنَا مِن قَبْلِكَ رُسُلًا إِلَىٰ قَوْمِهِمْ فَجَآءُوهُم بِٱلْبَيِّنَٰتِ فَٱنتَقَمْنَا مِنَ ٱلَّذِينَ أَجْرَمُوا۟ ۖ وَكَانَ حَقًّا عَلَيْنَا نَصْرُ ٱلْمُؤْمِنِينَ ﴿٤٧﴾ ٱللَّهُ ٱلَّذِى يُرْسِلُ ٱلرِّيَٰحَ فَتُثِيرُ سَحَابًا فَيَبْسُطُهُۥ فِى ٱلسَّمَآءِ كَيْفَ يَشَآءُ وَيَجْعَلُهُۥ كِسَفًا فَتَرَى ٱلْوَدْقَ يَخْرُجُ مِنْ خِلَٰلِهِۦ ۖ فَإِذَآ أَصَابَ بِهِۦ مَن يَشَآءُ مِنْ عِبَادِهِۦٓ إِذَا هُمْ يَسْتَبْشِرُونَ ﴿٤٨﴾ وَإِن كَانُوا۟ مِن قَبْلِ أَن يُنَزَّلَ عَلَيْهِم مِّن قَبْلِهِۦ لَمُبْلِسِينَ ﴿٤٩﴾ فَٱنظُرْ إِلَىٰٓ ءَاثَٰرِ رَحْمَتِ ٱللَّهِ كَيْفَ يُحْىِ ٱلْأَرْضَ بَعْدَ مَوْتِهَآ ۚ إِنَّ ذَٰلِكَ لَمُحْىِ ٱلْمَوْتَىٰ ۖ وَهُوَ عَلَىٰ كُلِّ شَىْءٍ قَدِيرٌ ﴿٥٠﴾

42.- Hãy bảo (họ): "Hãy đi du lịch trên trái đất để xét xem kết cuộc của những kẻ đã sống trước đây. Đa số bọn chúng là những kẻ tôn thờ đa thần.

43.- Bởi thế, hãy định diện của Ngươi (Muhammad) hướng về tôn giáo đúng đắn trước khi xảy ra Ngày không thể tránh khỏi từ Allah. Vào Ngày đó, (nhân loại) sẽ bị tách làm hai: (một nhóm lên Thiên đàng, một nhóm xuống Hỏa ngục);

44.- Ai không có đức tin thì sẽ lãnh đủ về sự không tin của mình; còn ai làm việc thiện thì là tự chuẩn bị cho mình một chỗ tốt (nơi Thiên đàng).

45.- Mục đích để Ngài dùng thiên lộc của Ngài mà trọng thưởng những ai có đức tin và làm việc thiện. Quả thật, Ngài không thương yêu những kẻ không có đức tin.

46.- Và trong các Dấu hiệu của Ngài có điểm này: Ngài gởi những luồng gió bay đi như những người mang tin mừng (về trận mưa sắp đến) và để cho các người nếm mùi Khoan dung của Ngài và để cho những chiếc tàu buồm lướt sóng (vượt trùng dương) theo sự Chỉ-huy của Ngài và để cho các người tìm kiếm thiên lộc của Ngài và để cho các người tạ ơn Ngài.

47.- Và chắc chắn, *TA* đã cử phái các Sứ giả trước Ngươi (Muhammad) đến với người dân của họ; bởi thế, họ đến gặp (người dân của) họ với những bằng chứng rõ rệt. Sau đó, *TA* đã trừng phạt những kẻ phạm giới. Và *TA* có trách nhiệm phải giúp đỡ những người có đức tin.

48.- Allah là Đấng gởi những luồng gió bay đi, thổi đưa các đám mây lên cao rồi trải nó rộng trên nền trời theo ý Ngài muốn và đập nó tan vụn ra; rồi Ngươi thấy nước mưa từ giữa đó rơi xuống; rồi khi Ngài làm cho nước mưa rơi nhằm phải ai trong số bầy tôi của Ngài mà Ngài muốn thì này, họ vui mừng thỏa thích;

49.- Và trước đó, trước khi có nước mưa rơi xuống cho họ, họ đã hết sức tuyệt vọng (trông chờ nước mưa)!

50.- Này, hãy nhìn xem kết quả của Đức Khoan dung của Allah về việc Ngài làm hồi sinh lại lớp đất khô cằn như thế nào. Rõ thật, Đấng (Allah) ấy sẽ phục sinh lại người chết như thế bởi vì Ngài thừa khả năng làm được mọi việc.

وَلَئِنْ أَرْسَلْنَا رِيحًا فَرَأَوْهُ مُصْفَرًّا لَّظَلُّوا۟ مِنۢ بَعْدِهِۦ يَكْفُرُونَ ﴿٥١﴾ فَإِنَّكَ لَا تُسْمِعُ ٱلْمَوْتَىٰ وَلَا تُسْمِعُ ٱلصُّمَّ ٱلدُّعَآءَ إِذَا وَلَّوْا۟ مُدْبِرِينَ ﴿٥٢﴾ وَمَآ أَنتَ بِهَٰدِ ٱلْعُمْىِ عَن ضَلَٰلَتِهِمْ ۖ إِن تُسْمِعُ إِلَّا مَن يُؤْمِنُ بِـَٔايَٰتِنَا فَهُم مُّسْلِمُونَ ﴿٥٣﴾ ۞ ٱللَّهُ ٱلَّذِى خَلَقَكُم مِّن ضَعْفٍ ثُمَّ جَعَلَ مِنۢ بَعْدِ ضَعْفٍ قُوَّةً ثُمَّ جَعَلَ مِنۢ بَعْدِ قُوَّةٍ ضَعْفًا وَشَيْبَةً ۚ يَخْلُقُ مَا يَشَآءُ ۖ وَهُوَ ٱلْعَلِيمُ ٱلْقَدِيرُ ﴿٥٤﴾ وَيَوْمَ تَقُومُ ٱلسَّاعَةُ يُقْسِمُ ٱلْمُجْرِمُونَ مَا لَبِثُوا۟ غَيْرَ سَاعَةٍ ۚ كَذَٰلِكَ كَانُوا۟ يُؤْفَكُونَ ﴿٥٥﴾ وَقَالَ ٱلَّذِينَ أُوتُوا۟ ٱلْعِلْمَ وَٱلْإِيمَٰنَ لَقَدْ لَبِثْتُمْ فِى كِتَٰبِ ٱللَّهِ إِلَىٰ يَوْمِ ٱلْبَعْثِ ۖ فَهَٰذَا يَوْمُ ٱلْبَعْثِ وَلَٰكِنَّكُمْ كُنتُمْ لَا تَعْلَمُونَ ﴿٥٦﴾ فَيَوْمَئِذٍ لَّا يَنفَعُ ٱلَّذِينَ ظَلَمُوا۟ مَعْذِرَتُهُمْ وَلَا هُمْ يُسْتَعْتَبُونَ ﴿٥٧﴾ وَلَقَدْ ضَرَبْنَا لِلنَّاسِ فِى هَٰذَا ٱلْقُرْءَانِ مِن كُلِّ مَثَلٍ ۚ وَلَئِن جِئْتَهُم بِـَٔايَةٍ لَّيَقُولَنَّ ٱلَّذِينَ كَفَرُوٓا۟ إِنْ أَنتُمْ إِلَّا مُبْطِلُونَ ﴿٥٨﴾ كَذَٰلِكَ يَطْبَعُ ٱللَّهُ عَلَىٰ قُلُوبِ ٱلَّذِينَ لَا يَعْلَمُونَ ﴿٥٩﴾ فَٱصْبِرْ إِنَّ وَعْدَ ٱللَّهِ حَقٌّ ۖ وَلَا يَسْتَخِفَّنَّكَ ٱلَّذِينَ لَا يُوقِنُونَ ﴿٦٠﴾

ثلاثة أرباع الحزب ٤١

51.- Và nếu *TA* gởi một luồng gió đến và họ thấy (ruộng rẫy của họ) trổ vàng, thì sau đó, họ sẽ vong ơn (và hết tin tưởng).

52.- Như vậy, quả thật Ngươi (Muhammad) không thể làm cho người chết nghe được. Ngươi cũng không thể làm cho người điếc nghe được lời mời (gọi) khi họ quay lưng bỏ đi.

53.- Và Ngươi cũng không thể hướng dẫn được người mù khỏi lạc đường. Ngươi chỉ có thể làm cho ai tin nơi các Lời mặc khải của *TA* nghe hiểu mà thôi, bởi vì họ là người '*Muslim*' (tuân mệnh Allah).

54.- Allah là Đấng đã tạo hóa các người yếu đuối, rồi từ chỗ yếu đuối làm cho các người khỏe mạnh, rồi sau khi khỏe mạnh làm cho các người yếu đuối trở lại với mái tóc hoa râm. Ngài tạo hóa vật gì Ngài muốn bởi vì Ngài là Đấng Toàn Tri, Đấng Toàn Năng.

55.- Và vào Ngày mà Giờ (xét xử) sẽ được thiết lập, những kẻ tội lỗi sẽ thề thốt rằng mình đã ở lại (trần gian) chỉ một tiếng đồng hồ mà thôi: chúng đã từng bị lừa dối như thế.

56.- Còn những ai đã được ban cho sự hiểu biết và có đức tin thì sẽ nói: "Chắc chắn các người đã ở lại cho đến Ngày Phục sinh chiếu theo Quyết định của Allah. Thì đây là Ngày Phục sinh, nhưng các người không biết đó thôi."

57.- Vào Ngày đó, những lý lẽ chạy tội của những kẻ làm điều sai quấy sẽ không giúp ích gì được cho chúng và chúng cũng sẽ không được (Allah) cho phép hối cải.

58.- Và chắc chắn, *TA* đã trình bày cho nhân loại trong Qur'ān này đủ loại ngụ ngôn; nhưng nếu Ngươi (Muhammad) có mang đến cho họ bất cứ Dấu hiệu nào thì chắc chắn những ai không có đức tin sẽ bảo: "Rõ thật, các ông chỉ nói chuyện huyền hoặc."

59.- Allah niêm kín tấm lòng của những ai thiếu hiểu biết giống như thế.

60.- Bởi thế, hãy kiên nhẫn chịu đựng (hỡi Muhammad!). Chắc chắn, Lời hứa của Allah là thật. Và chớ để cho những ai không có đức tin vững chắc làm cho Ngươi ngã lòng.

سُورَةُ لُقۡمَانَ

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

الٓمٓ ١ تِلۡكَ ءَايَٰتُ ٱلۡكِتَٰبِ ٱلۡحَكِيمِ ٢ هُدٗى وَرَحۡمَةٗ
لِّلۡمُحۡسِنِينَ ٣ ٱلَّذِينَ يُقِيمُونَ ٱلصَّلَوٰةَ وَيُؤۡتُونَ ٱلزَّكَوٰةَ وَهُم
بِٱلۡأٓخِرَةِ هُمۡ يُوقِنُونَ ٤ أُوْلَٰٓئِكَ عَلَىٰ هُدٗى مِّن رَّبِّهِمۡۖ وَأُوْلَٰٓئِكَ
هُمُ ٱلۡمُفۡلِحُونَ ٥ وَمِنَ ٱلنَّاسِ مَن يَشۡتَرِي لَهۡوَ ٱلۡحَدِيثِ
لِيُضِلَّ عَن سَبِيلِ ٱللَّهِ بِغَيۡرِ عِلۡمٖ وَيَتَّخِذَهَا هُزُوًاۚ أُوْلَٰٓئِكَ لَهُمۡ
عَذَابٞ مُّهِينٞ ٦ وَإِذَا تُتۡلَىٰ عَلَيۡهِ ءَايَٰتُنَا وَلَّىٰ مُسۡتَكۡبِرٗا
كَأَن لَّمۡ يَسۡمَعۡهَا كَأَنَّ فِيٓ أُذُنَيۡهِ وَقۡرٗاۖ فَبَشِّرۡهُ بِعَذَابٍ أَلِيمٍ ٧
إِنَّ ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ وَعَمِلُواْ ٱلصَّٰلِحَٰتِ لَهُمۡ جَنَّٰتُ ٱلنَّعِيمِ ٨
خَٰلِدِينَ فِيهَاۖ وَعۡدَ ٱللَّهِ حَقّٗاۚ وَهُوَ ٱلۡعَزِيزُ ٱلۡحَكِيمُ ٩ خَلَقَ
ٱلسَّمَٰوَٰتِ بِغَيۡرِ عَمَدٖ تَرَوۡنَهَاۖ وَأَلۡقَىٰ فِي ٱلۡأَرۡضِ رَوَٰسِيَ أَن تَمِيدَ
بِكُمۡ وَبَثَّ فِيهَا مِن كُلِّ دَآبَّةٖۚ وَأَنزَلۡنَا مِنَ ٱلسَّمَآءِ مَآءٗ فَأَنۢبَتۡنَا
فِيهَا مِن كُلِّ زَوۡجٖ كَرِيمٍ ١٠ هَٰذَا خَلۡقُ ٱللَّهِ فَأَرُونِي مَاذَا
خَلَقَ ٱلَّذِينَ مِن دُونِهِۦۚ بَلِ ٱلظَّٰلِمُونَ فِي ضَلَٰلٖ مُّبِينٖ ١١

LUQMĀN[1]

Nhân danh Allah, Đấng Rất mực Độ lượng,
Đấng Rất mực Khoan dung

1.- *Alif. Lām. Mīm.*

2.- Đây là những Câu của Kinh sách (Qur'ān) thông suốt,

3.- Một Chỉ đạo và một Hồng ân ban cho những người làm tốt:

4.- Những ai dâng lễ *Salāh* một cách chu đáo và đóng *Zakāh* và có một đức tin vững chắc nơi Đời sau;

5.- Họ là những người đang theo đúng Chỉ đạo của *Rabb* (Allah) của họ và là những người sẽ thành đạt.

6.- Và trong thiên hạ có kẻ[2] đã mua tập truyện giải trí hầu lôi cuốn những người thiếu hiểu biết lạc khỏi con đường của Allah và nhạo báng nó. Họ là những người sẽ chịu một sự trừng phạt rất nhục nhã.

7.- Và khi những Lời mặc khải của *TA* được đọc ra cho y, y quay bỏ đi dáng điệu tự phụ làm như y chẳng hề nghe đến chúng bao giờ, ra tuồng như hai tai của y điếc nặng. (Hỡi Muhammad!) Hãy báo cho y biết về một sự trừng phạt đau đớn.

8.- Quả thật, những ai có đức tin và làm việc thiện thì sẽ được hưởng Thiên đàng hạnh phúc;

9.- Họ sẽ vào ở trong đó đời đời. Một Lời hứa thật sự của Allah; và Ngài là Đấng Toàn Năng, Đấng Rất mực Sáng suốt.

10.- Ngài đã tạo các tầng trời không cần trụ chống mà các người có thể nhìn thấy (với mắt thường) và đã dựng lên trên mặt đất những quả núi vững chắc, sợ rằng nó (đất) sẽ rung chuyển với các người và Ngài đã rải ra nơi đó đủ loại thú vật. Và *TA* ban nước mưa từ trên trời xuống mà *TA* dùng để làm mọc ra nơi đó đủ cặp (thảo mộc) quí giá.

11.- Đây là sự tạo hóa của Allah. Thế, hãy chỉ cho TA xem đâu là vật mà những ai khác Ngài đã tạo? Không, những kẻ làm điều sai quấy đang lầm lạc rõ ràng.

---

[1] Tựa đề của Chương này lấy từ một danh từ trong câu 12 dưới đây. Luqmān là tên của một hiền nhân sống vào thời đại của Nabi Dāwud (Đa-vít).

[2] Am chỉ một người ngoại giáo tên Na<u>dh</u>r ibn al-Harith.

وَلَقَدۡ ءَاتَيۡنَا لُقۡمَٰنَ ٱلۡحِكۡمَةَ أَنِ ٱشۡكُرۡ لِلَّهِۚ وَمَن يَشۡكُرۡ فَإِنَّمَا
يَشۡكُرُ لِنَفۡسِهِۦۖ وَمَن كَفَرَ فَإِنَّ ٱللَّهَ غَنِيٌّ حَمِيدٞ ١٢ وَإِذۡ قَالَ
لُقۡمَٰنُ لِٱبۡنِهِۦ وَهُوَ يَعِظُهُۥ يَٰبُنَيَّ لَا تُشۡرِكۡ بِٱللَّهِۖ إِنَّ ٱلشِّرۡكَ
لَظُلۡمٌ عَظِيمٞ ١٣ وَوَصَّيۡنَا ٱلۡإِنسَٰنَ بِوَٰلِدَيۡهِ حَمَلَتۡهُ أُمُّهُۥ
وَهۡنًا عَلَىٰ وَهۡنٖ وَفِصَٰلُهُۥ فِي عَامَيۡنِ أَنِ ٱشۡكُرۡ لِي وَلِوَٰلِدَيۡكَ
إِلَيَّ ٱلۡمَصِيرُ ١٤ وَإِن جَٰهَدَاكَ عَلَىٰٓ أَن تُشۡرِكَ بِي مَا لَيۡسَ
لَكَ بِهِۦ عِلۡمٞ فَلَا تُطِعۡهُمَاۖ وَصَاحِبۡهُمَا فِي ٱلدُّنۡيَا مَعۡرُوفٗاۖ
وَٱتَّبِعۡ سَبِيلَ مَنۡ أَنَابَ إِلَيَّۚ ثُمَّ إِلَيَّ مَرۡجِعُكُمۡ فَأُنَبِّئُكُم
بِمَا كُنتُمۡ تَعۡمَلُونَ ١٥ يَٰبُنَيَّ إِنَّهَآ إِن تَكُ مِثۡقَالَ حَبَّةٖ مِّنۡ
خَرۡدَلٖ فَتَكُن فِي صَخۡرَةٍ أَوۡ فِي ٱلسَّمَٰوَٰتِ أَوۡ فِي ٱلۡأَرۡضِ يَأۡتِ
بِهَا ٱللَّهُۚ إِنَّ ٱللَّهَ لَطِيفٌ خَبِيرٞ ١٦ يَٰبُنَيَّ أَقِمِ ٱلصَّلَوٰةَ وَأۡمُرۡ
بِٱلۡمَعۡرُوفِ وَٱنۡهَ عَنِ ٱلۡمُنكَرِ وَٱصۡبِرۡ عَلَىٰ مَآ أَصَابَكَۖ إِنَّ ذَٰلِكَ
مِنۡ عَزۡمِ ٱلۡأُمُورِ ١٧ وَلَا تُصَعِّرۡ خَدَّكَ لِلنَّاسِ وَلَا تَمۡشِ فِي ٱلۡأَرۡضِ
مَرَحًاۖ إِنَّ ٱللَّهَ لَا يُحِبُّ كُلَّ مُخۡتَالٖ فَخُورٖ ١٨ وَٱقۡصِدۡ فِي مَشۡيِكَ
وَٱغۡضُضۡ مِن صَوۡتِكَۚ إِنَّ أَنكَرَ ٱلۡأَصۡوَٰتِ لَصَوۡتُ ٱلۡحَمِيرِ ١٩

12.- Và chắc chắn, *TA* đã ban cho Luqmān trí sáng lán khôn ngoan, phán bảo: "Hãy biết ơn Allah," ai biết ơn (Allah) thì việc biết ơn đó chỉ có lợi cho bản thân (linh hồn) mình; ngược lại, ai phụ ơn (Allah) thì quả thật Allah Rất mực Giầu có, Rất đáng Ca tụng (không cần đến ơn nghĩa của ai).

13.- Và hãy nhớ lại khi Luqmān bảo đứa con trai của mình khi Người khuyên con, bảo: "Hỡi con yêu dấu! Chớ tổ hợp (điều gì, vật gì) cùng với Allah (trong việc thờ phụng Ngài). Quả thật, tổ hợp những thần thánh cùng với Allah là một điều sai quấy to lớn.

14.- Và *TA* đã truyền lệnh cho con người về (việc hiếu thảo với) cha mẹ. Mẹ của y đã cưu mang y từ đau yếu (gian khổ) này chồng lên đau yếu (gian khổ) khác; và cho y bú và dứt sữa y trong vòng hai năm; bởi thế, hãy tạ ân TA-Allah- và biết ơn cha mẹ của ngươi; cuối cùng, nhà ngươi sẽ trở về gặp lại TA.

15.- Và nếu cha mẹ (của ngươi) đấu tranh bắt ngươi tổ hợp với TA những kẻ (vật, điều) mà ngươi không hề biết đến bao giờ thì chớ nghe lời hai người, nhưng hãy ăn ở tử tế với hai người ở đời này và hãy theo con đường của những ai trở về sám hối với TA. Rồi, các ngươi sẽ trở lại gặp TA (sau khi chết). Sau đó, TA sẽ cho các ngươi biết về những điều mà các ngươi đã từng làm (trên thế gian).

16.- "Này con yêu dấu! Dẫu cho có một vật gì nhẹ bằng sức nặng của một hạt cải và dẫu cho nó có nằm trong đá hoặc trong các tầng trời hoặc dưới đất đi nữa, thì Allah thừa khả năng mang nó ra ngoài (cho thiên hạ thấy). Bởi vì quả thật, Allah Rất mực Tinh tế, Rất mực Am tường.

17.- "Này con yêu dấu! Hãy dâng lễ *Salāh* một cách chu đáo và làm điều lành và cấm cản điều dữ và kiên trì chịu đựng điều rủi ro xảy đến cho con, bởi vì quả thật đó là một sự kiên định trong mục đích thi hành công việc.

18.- "Và chớ phùng má (tự phụ) tránh xa người và chớ bước đi trên mặt đất dáng điệu lấc xấc bởi vì quả thật, Allah không yêu thương tất cả những kẻ khoác lác kiêu căng.

19.- "Mà hãy đi đứng khiêm nhường và dịu giọng trong ăn nói bởi vì quả thật, âm thanh khó chịu và đáng ghét nhất là tiếng hí của con lừa"

أَلَمْ تَرَوْا أَنَّ ٱللَّهَ سَخَّرَ لَكُم مَّا فِي ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَمَا فِي ٱلْأَرْضِ وَأَسْبَغَ عَلَيْكُمْ نِعَمَهُۥ ظَٰهِرَةً وَبَاطِنَةً ۗ وَمِنَ ٱلنَّاسِ مَن يُجَٰدِلُ فِي ٱللَّهِ بِغَيْرِ عِلْمٍ وَلَا هُدًى وَلَا كِتَٰبٍ مُّنِيرٍ ﴿٢٠﴾ وَإِذَا قِيلَ لَهُمُ ٱتَّبِعُوا مَآ أَنزَلَ ٱللَّهُ قَالُوا بَلْ نَتَّبِعُ مَا وَجَدْنَا عَلَيْهِ ءَابَآءَنَآ ۚ أَوَلَوْ كَانَ ٱلشَّيْطَٰنُ يَدْعُوهُمْ إِلَىٰ عَذَابِ ٱلسَّعِيرِ ﴿٢١﴾ ۞ وَمَن يُسْلِمْ وَجْهَهُۥٓ إِلَى ٱللَّهِ وَهُوَ مُحْسِنٌ فَقَدِ ٱسْتَمْسَكَ بِٱلْعُرْوَةِ ٱلْوُثْقَىٰ ۗ وَإِلَى ٱللَّهِ عَٰقِبَةُ ٱلْأُمُورِ ﴿٢٢﴾ وَمَن كَفَرَ فَلَا يَحْزُنكَ كُفْرُهُۥٓ ۚ إِلَيْنَا مَرْجِعُهُمْ فَنُنَبِّئُهُم بِمَا عَمِلُوٓا ۚ إِنَّ ٱللَّهَ عَلِيمٌۢ بِذَاتِ ٱلصُّدُورِ ﴿٢٣﴾ نُمَتِّعُهُمْ قَلِيلًا ثُمَّ نَضْطَرُّهُمْ إِلَىٰ عَذَابٍ غَلِيظٍ ﴿٢٤﴾ وَلَئِن سَأَلْتَهُم مَّنْ خَلَقَ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلْأَرْضَ لَيَقُولُنَّ ٱللَّهُ ۚ قُلِ ٱلْحَمْدُ لِلَّهِ ۚ بَلْ أَكْثَرُهُمْ لَا يَعْلَمُونَ ﴿٢٥﴾ لِلَّهِ مَا فِي ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلْأَرْضِ ۚ إِنَّ ٱللَّهَ هُوَ ٱلْغَنِيُّ ٱلْحَمِيدُ ﴿٢٦﴾ وَلَوْ أَنَّمَا فِي ٱلْأَرْضِ مِن شَجَرَةٍ أَقْلَٰمٌ وَٱلْبَحْرُ يَمُدُّهُۥ مِنۢ بَعْدِهِۦ سَبْعَةُ أَبْحُرٍ مَّا نَفِدَتْ كَلِمَٰتُ ٱللَّهِ ۗ إِنَّ ٱللَّهَ عَزِيزٌ حَكِيمٌ ﴿٢٧﴾ مَّا خَلْقُكُمْ وَلَا بَعْثُكُمْ إِلَّا كَنَفْسٍ وَٰحِدَةٍ ۗ إِنَّ ٱللَّهَ سَمِيعٌۢ بَصِيرٌ ﴿٢٨﴾

الحِزْبُ ٤٢

20.- Há các người không nhận thấy việc Allah đã chế ngự mọi vật trong các tầng trời và mọi vật dưới đất (cho các người sử dụng) và đã công khai hay kín đáo hoàn tất ân huệ của Ngài cho các người? Nhưng trong thiên hạ có kẻ thích tranh luận về Allah nhưng tuyệt đối không biết một tí gì (về Ngài), cũng không căn cứ vào một Chỉ nào và không dựa vào một Kinh sách minh bạch nào (để làm bằng).

21.- Và khi có lời bảo chúng: "Hãy tuân theo điều mà Allah đã ban xuống", thì chúng đáp: "Không, chúng tôi làm theo điều mà chúng tôi thấy cha mẹ của chúng tôi đang theo." Sao? ngay cả việc Shaytān kêu gọi chúng đi chịu hình phạt của Lửa cháy (trong Hỏa Ngục hay sao?)

22.- Và ai đệ nạp diện mạo của mình cho Allah đồng thời là một người làm tốt, thì chắc chắn sẽ nắm được chiếc cán (cứu rỗi) vững chắc nhất bởi vì kết cuộc của mọi việc đều phải trình về cho Allah (quyết định).

23.- Và ai không tin tưởng, thì chớ để cho sự không tin của y làm cho Ngươi buồn. (Bởi vì) chúng sẽ trở lại gặp *TA*, lúc đó *TA* sẽ cho chúng biết về những việc mà chúng đã làm. Quả thật, Allah Hằng Biết điều thầm kín trong lòng (của mỗi người).

24.- *TA* để cho chúng hưởng lạc trong một thời gian ngắn rồi *TA* sẽ lôi chúng đến chỗ trừng phạt khắc nghiệt.

25.- Và giả sử Ngươi (Muhammad) hỏi chúng: "Ai đã tạo các tầng trời và trái đất?" chắc chắn chúng sẽ đáp "Allah," thì hãy bảo ngay: "Mọi lời ca tụng đều thuộc về Allah!" (Đấng Sáng Tạo). Không, đa số bọn chúng không biết (rằng)

26.- Mọi vật trong các tầng trời và trái đất đều thuộc về Allah cả. Quả thật, Allah là Đấng Rất mực Giầu có, Rất đáng Ca tụng.

27.- Và nếu cây cối trên trái đất được dùng làm bút viết và biển cả làm (lọ) mực với nước (mực) của bảy biển châm thêm cho nó (dùng để viết Lời phán của Allah) thì Lời phán của Allah sẽ không bao giờ cạn kiệt. Bởi vì quả thật, Allah Toàn Năng, Rất mực Sáng suốt.

28.- Việc tạo hóa và việc phục sinh tất cả các người chẳng khác nào (việc tạo hóa và phục sinh của) một linh hồn duy nhất. Quả thật, Allah Hằng Nghe, Hằng Thấy

أَلَمْ تَرَ أَنَّ ٱللَّهَ يُولِجُ ٱلَّيْلَ فِي ٱلنَّهَارِ وَيُولِجُ ٱلنَّهَارَ فِي ٱلَّيْلِ وَسَخَّرَ ٱلشَّمْسَ وَٱلْقَمَرَ كُلٌّ يَجْرِيٓ إِلَىٰٓ أَجَلٍ مُّسَمًّى وَأَنَّ ٱللَّهَ بِمَا تَعْمَلُونَ خَبِيرٌ ٢٩ ذَٰلِكَ بِأَنَّ ٱللَّهَ هُوَ ٱلْحَقُّ وَأَنَّ مَا يَدْعُونَ مِن دُونِهِ ٱلْبَٰطِلُ وَأَنَّ ٱللَّهَ هُوَ ٱلْعَلِيُّ ٱلْكَبِيرُ ٣٠ أَلَمْ تَرَ أَنَّ ٱلْفُلْكَ تَجْرِي فِي ٱلْبَحْرِ بِنِعْمَتِ ٱللَّهِ لِيُرِيَكُم مِّنْ ءَايَٰتِهِۦٓ إِنَّ فِي ذَٰلِكَ لَأٓيَٰتٍ لِّكُلِّ صَبَّارٍ شَكُورٍ ٣١ وَإِذَا غَشِيَهُم مَّوْجٌ كَٱلظُّلَلِ دَعَوُا۟ ٱللَّهَ مُخْلِصِينَ لَهُ ٱلدِّينَ فَلَمَّا نَجَّىٰهُمْ إِلَى ٱلْبَرِّ فَمِنْهُم مُّقْتَصِدٌ وَمَا يَجْحَدُ بِـَٔايَٰتِنَآ إِلَّا كُلُّ خَتَّارٍ كَفُورٍ ٣٢ يَٰٓأَيُّهَا ٱلنَّاسُ ٱتَّقُوا۟ رَبَّكُمْ وَٱخْشَوْا۟ يَوْمًا لَّا يَجْزِي وَالِدٌ عَن وَلَدِهِۦ وَلَا مَوْلُودٌ هُوَ جَازٍ عَن وَالِدِهِۦ شَيْـًٔا إِنَّ وَعْدَ ٱللَّهِ حَقٌّ فَلَا تَغُرَّنَّكُمُ ٱلْحَيَوٰةُ ٱلدُّنْيَا وَلَا يَغُرَّنَّكُم بِٱللَّهِ ٱلْغَرُورُ ٣٣ إِنَّ ٱللَّهَ عِندَهُۥ عِلْمُ ٱلسَّاعَةِ وَيُنَزِّلُ ٱلْغَيْثَ وَيَعْلَمُ مَا فِي ٱلْأَرْحَامِ وَمَا تَدْرِي نَفْسٌ مَّاذَا تَكْسِبُ غَدًا وَمَا تَدْرِي نَفْسٌۢ بِأَيِّ أَرْضٍ تَمُوتُ إِنَّ ٱللَّهَ عَلِيمٌ خَبِيرٌۢ ٣٤

سُورَةُ السَّجْدَةِ

29.- Há Ngươi (Muhammad) không nhận thấy việc Allah nhập ban đêm vào ban ngày và ban ngày vào ban đêm và đã chế ngự mặt trời và mặt trăng, mỗi vật di chuyển theo quỹ đạo của nó đến một thời hạn ấn định rằng Allah Hằng Am Tường về mọi việc mà các người làm hay sao?

30.- Sở dĩ như thế là vì Allah là Chân Lý tuyệt đối, và rằng vật (hay kẻ) mà chúng cầu nguyện không phải là Ngài chỉ là vật giả tạo ấy thôi; và rằng Allah, Ngài là Đấng Tối Cao, Đấng Vĩ Đại.

31.- Há Ngươi không nhận thấy việc những chiếc tàu (buồm) lướt sóng băng đại dương được là do Ân huệ của Allah để Ngài chỉ cho các người thấy các Dấu hiệu của Ngài hay sao? Quả thật, trong sự việc đó là các Dấu hiệu cho từng người kiên nhẫn và biết ơn.

32.- Và khi một làn sóng to như tấm phủ ùa đến bao phủ chúng, chúng van xin Allah, thành khẩn chỉ với riêng Ngài. Nhưng sau khi Ngài đã cứu chúng lên bờ an toàn, thì có một số người trong bọn chúng đứng ở chính giữa (đức tin và sự không tin). Và chỉ những tên bội phản, vô ơn mới phủ nhận các Dấu hiệu của *TA*.

33.- Hỡi nhân loại! Hãy sợ *Rabb* (Allah) của các người và sợ Ngày mà tuyệt đối người cha sẽ không giải cứu được con cái và con cái cũng sẽ không giải cứu được người cha. Quả thật, Lời hứa của Allah sẽ thật sự. Bởi thế, chớ để cho đời sống trần tục này đánh lừa các người và chớ để cho tên trùm lừa gạt (*Shaytān*) đánh lừa các người về Allah.

34.- Quả thật, chỉ riêng Allah biết rõ khi nào Giờ (xét xử) sẽ xảy ra. Và Ngài cho mưa xuống và biết cái (bào thai) nằm trong dạ con (của các bà mẹ). Và không một người (linh hồn) nào biết rõ vật gì y sẽ kiếm được ngày mai; và không một linh hồn nào biết được đâu là mảnh đất mà y sẽ chết (và được chôn). Quả thật, Allah Rất mực Hiểu biết, Rất mực Am tường.

بِسْمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحْمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

الٓمٓ ﴿١﴾ تَنزِيلُ ٱلْكِتَٰبِ لَا رَيْبَ فِيهِ مِن رَّبِّ ٱلْعَٰلَمِينَ ﴿٢﴾ أَمْ يَقُولُونَ ٱفْتَرَىٰهُ ۚ بَلْ هُوَ ٱلْحَقُّ مِن رَّبِّكَ لِتُنذِرَ قَوْمًا مَّآ أَتَىٰهُم مِّن نَّذِيرٍ مِّن قَبْلِكَ لَعَلَّهُمْ يَهْتَدُونَ ﴿٣﴾ ٱللَّهُ ٱلَّذِى خَلَقَ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلْأَرْضَ وَمَا بَيْنَهُمَا فِى سِتَّةِ أَيَّامٍ ثُمَّ ٱسْتَوَىٰ عَلَى ٱلْعَرْشِ ۖ مَا لَكُم مِّن دُونِهِۦ مِن وَلِىٍّ وَلَا شَفِيعٍ ۚ أَفَلَا تَتَذَكَّرُونَ ﴿٤﴾ يُدَبِّرُ ٱلْأَمْرَ مِنَ ٱلسَّمَآءِ إِلَى ٱلْأَرْضِ ثُمَّ يَعْرُجُ إِلَيْهِ فِى يَوْمٍ كَانَ مِقْدَارُهُۥٓ أَلْفَ سَنَةٍ مِّمَّا تَعُدُّونَ ﴿٥﴾ ذَٰلِكَ عَٰلِمُ ٱلْغَيْبِ وَٱلشَّهَٰدَةِ ٱلْعَزِيزُ ٱلرَّحِيمُ ﴿٦﴾ ٱلَّذِىٓ أَحْسَنَ كُلَّ شَىْءٍ خَلَقَهُۥ ۖ وَبَدَأَ خَلْقَ ٱلْإِنسَٰنِ مِن طِينٍ ﴿٧﴾ ثُمَّ جَعَلَ نَسْلَهُۥ مِن سُلَٰلَةٍ مِّن مَّآءٍ مَّهِينٍ ﴿٨﴾ ثُمَّ سَوَّىٰهُ وَنَفَخَ فِيهِ مِن رُّوحِهِۦ ۖ وَجَعَلَ لَكُمُ ٱلسَّمْعَ وَٱلْأَبْصَٰرَ وَٱلْأَفْـِٔدَةَ ۚ قَلِيلًا مَّا تَشْكُرُونَ ﴿٩﴾ وَقَالُوٓا۟ أَءِذَا ضَلَلْنَا فِى ٱلْأَرْضِ أَءِنَّا لَفِى خَلْقٍ جَدِيدٍۭ ۚ بَلْ هُم بِلِقَآءِ رَبِّهِمْ كَٰفِرُونَ ﴿١٠﴾ ۞ قُلْ يَتَوَفَّىٰكُم مَّلَكُ ٱلْمَوْتِ ٱلَّذِى وُكِّلَ بِكُمْ ثُمَّ إِلَىٰ رَبِّكُمْ تُرْجَعُونَ ﴿١١﴾

ربع الحزب ٤٢

AS-SAJDAH
(Sự Phủ Phục)

Nhân danh Allah, Đấng Rất mực Độ lượng,
Đấng Rất mực Khoan dung

1.- *Alif. Lãm. Mĩm.*

2.- Kinh sách (Qur'ãn) do *Rabb* (Đấng Chủ Tể) của vũ trụ và muôn loài ban xuống, không có chi phải ngờ vực cả.

3.- Thế mà chúng (những kẻ không tin) bảo: "Y đã bịa đặt ra Nó (Qur'ãn)?" Không, đó là Chân lý do *Rabb* của Ngươi (ban xuống) để Ngươi dùng cảnh cáo một đám dân mà trước Ngươi đã không có một người báo trước nào đến với họ, để may ra họ được hướng dẫn.

4.- Allah là Đấng đã tạo hóa các tầng trời và trái đất và vạn vật giữa trời đất trong sáu Ngày rồi lên ngôi trên Ngai vương của Ngài. Ngoài Ngài, các người không có một đấng Bảo hộ nào và cũng không có một Vị can thiệp nào cả. Thế các người không chịu nhớ hay sao?

5.- Ngài sắp đặt mọi công việc từ trên trời xuống dưới đất rồi công việc sẽ được trình lên cho Ngài trong một ngày, mà khoảng thời gian là bằng một ngàn năm theo cách tính của các người.

6.- (Allah) là thế, Đấng hằng biết điều vô hình và điều hữu hình, Đấng Toàn Năng, Đấng Rất mực Khoan dung.

7.- Đấng hoàn thiện mọi vật mà Ngài đã tạo; và khởi sự việc tạo hóa con người từ đất sét;

8.- Rồi, Ngài làm ra dòng dõi của y từ chất tinh dịch của một loại dung dịch vô giá trị.

9.- Rồi, Ngài uốn nắn y thành hình thể và hà vào cơ thể của y linh hồn của Ngài; và Ngài làm ra cho các người thính giác (tai) và thị giác (mắt) và tấm lòng (trái tim). Ít thay ơn mà các người tạ Ngài!

10.- Và chúng bảo: "Có thật chăng khi chúng tôi (chết) tiêu tan dưới đất, chúng tôi sẽ được tạo hóa mới trở lại?" Không, chúng phủ nhận việc gặp gỡ *Rabb* của chúng (vào Ngày Phục sinh).

11.- Hãy bảo : "Thần Chết, vị phụ trách các người, sẽ bắt hồn của các người rồi các người sẽ được đưa về gặp *Rabb* của các người trở lại."

وَلَوْ تَرَىٰٓ إِذِ ٱلْمُجْرِمُونَ نَاكِسُوا۟ رُءُوسِهِمْ عِندَ رَبِّهِمْ
رَبَّنَآ أَبْصَرْنَا وَسَمِعْنَا فَٱرْجِعْنَا نَعْمَلْ صَٰلِحًا إِنَّا مُوقِنُونَ
﴿١٢﴾ وَلَوْ شِئْنَا لَءَاتَيْنَا كُلَّ نَفْسٍ هُدَىٰهَا وَلَٰكِنْ حَقَّ
ٱلْقَوْلُ مِنِّى لَأَمْلَأَنَّ جَهَنَّمَ مِنَ ٱلْجِنَّةِ وَٱلنَّاسِ أَجْمَعِينَ
﴿١٣﴾ فَذُوقُوا۟ بِمَا نَسِيتُمْ لِقَآءَ يَوْمِكُمْ هَٰذَآ إِنَّا نَسِينَٰكُمْ ۖ
وَذُوقُوا۟ عَذَابَ ٱلْخُلْدِ بِمَا كُنتُمْ تَعْمَلُونَ ﴿١٤﴾ إِنَّمَا يُؤْمِنُ
بِـَٔايَٰتِنَا ٱلَّذِينَ إِذَا ذُكِّرُوا۟ بِهَا خَرُّوا۟ سُجَّدًا وَسَبَّحُوا۟ بِحَمْدِ
سَجْدَة
رَبِّهِمْ وَهُمْ لَا يَسْتَكْبِرُونَ ۩ ﴿١٥﴾ تَتَجَافَىٰ جُنُوبُهُمْ
عَنِ ٱلْمَضَاجِعِ يَدْعُونَ رَبَّهُمْ خَوْفًا وَطَمَعًا وَمِمَّا رَزَقْنَٰهُمْ
يُنفِقُونَ ﴿١٦﴾ فَلَا تَعْلَمُ نَفْسٌ مَّآ أُخْفِىَ لَهُم مِّن قُرَّةِ أَعْيُنٍ
جَزَآءًۢ بِمَا كَانُوا۟ يَعْمَلُونَ ﴿١٧﴾ أَفَمَن كَانَ مُؤْمِنًا كَمَن كَانَ فَاسِقًا ۚ
لَّا يَسْتَوُۥنَ ﴿١٨﴾ أَمَّا ٱلَّذِينَ ءَامَنُوا۟ وَعَمِلُوا۟ ٱلصَّٰلِحَٰتِ فَلَهُمْ
جَنَّٰتُ ٱلْمَأْوَىٰ نُزُلًۢا بِمَا كَانُوا۟ يَعْمَلُونَ ﴿١٩﴾ وَأَمَّا ٱلَّذِينَ فَسَقُوا۟
فَمَأْوَىٰهُمُ ٱلنَّارُ ۖ كُلَّمَآ أَرَادُوٓا۟ أَن يَخْرُجُوا۟ مِنْهَآ أُعِيدُوا۟ فِيهَا
وَقِيلَ لَهُمْ ذُوقُوا۟ عَذَابَ ٱلنَّارِ ٱلَّذِى كُنتُم بِهِۦ تُكَذِّبُونَ ﴿٢٠﴾

12.- Và giá Ngươi có thể nhìn thấy tình cảnh của những kẻ tội lỗi gục đầu trước mặt *Rabb* (Allah) của chúng van xin: "Lạy *Rabb* chúng tôi! Chúng tôi đã thấy và nghe (sự thật). Xin Ngài cho chúng tôi trở lại trần gian, chúng tôi sẽ làm điều thiện. Rõ thật! Bây giờ chúng tôi tin tưởng chắc chắn."

13.- Và nếu muốn, chắc chắn *TA* đã ban cho mỗi người (linh hồn) chỉ đạo của y, nhưng Lời phán từ TA (về những kẻ tội lỗi) sẽ thể hiện đúng sự thật, (rằng): "TA sẽ giam chung loài *jinn* và loài người vào đầy Hỏa ngục."

14.- Bởi thế, hãy nếm (hình phạt) về việc các ngươi đã lãng quên việc gặp gỡ Ngày này của các ngươi. Quả thật, *TA* cũng bỏ quên các ngươi trở lại (như thế). Thôi, hãy nếm hình phạt bất tận về những điều (tội lỗi) mà các ngươi đã từng làm.

15.- Chỉ thực lòng tin tưởng nơi các Lời mặc khải của *TA*, những ai khi được nhắc về chúng liền quì xuống phủ phục và tán dương lời ca tụng *Rabb* của họ và không tỏ vẻ tự cao;

16.- Họ rời giường ngủ (để) cầu nguyện *Rabb* của họ vừa lo sợ vừa hy vọng (nơi lòng Khoan Dung của Ngài) và chi dùng tài sản mà *TA* đã cung cấp cho họ (để làm việc thiện).

17.- Bởi vì không một người (linh hồn) nào biết được nỗi vui sướng đã được giấu kín[1] dùng làm phần thưởng của họ về những việc thiện mà họ đã từng làm (trên thế gian).

18.- Thế, một người tin tưởng có giống với một kẻ bất tuân hay không? (Chắc chắn) họ không giống nhau.

19.- Đối với những ai có đức tin và làm việc thiện, thì sẽ được ban cấp những vườn trời (nơi Thiên Đàng) làm chỗ ngụ: một sự đãi ngộ về những điều tốt mà họ đã từng làm.

20.- Còn đối với những ai bất tuân và phạm giới, thì nhà ở của chúng sẽ là Lửa (của Hỏa ngục). Mỗi lần muốn thoát ra khỏi đó, chúng sẽ bị lôi vào trong trở lại với lời phán: "Hãy nếm hình phạt của Lửa mà các ngươi đã từng phủ nhận."

---

[1] Nabi Muhammad (saw) đã bảo: "Allah phán, TA đã chuẩn bị cho bầy tôi ngay chính của TA phần thưởng mà không mắt trần nào đã nhìn thấy, không đôi tai nào đã từng nghe và không lương tri nào của con người có thể tưởng tượng nổi." (Bukhari 59:8)

وَلَنُذِيقَنَّهُم مِّنَ ٱلْعَذَابِ ٱلْأَدْنَىٰ دُونَ ٱلْعَذَابِ ٱلْأَكْبَرِ لَعَلَّهُمْ يَرْجِعُونَ ﴿٢١﴾ وَمَنْ أَظْلَمُ مِمَّن ذُكِّرَ بِـَٔايَٰتِ رَبِّهِۦ ثُمَّ أَعْرَضَ عَنْهَآ ۚ إِنَّا مِنَ ٱلْمُجْرِمِينَ مُنتَقِمُونَ ﴿٢٢﴾ وَلَقَدْ ءَاتَيْنَا مُوسَى ٱلْكِتَٰبَ فَلَا تَكُن فِى مِرْيَةٍ مِّن لِّقَآئِهِۦ ۖ وَجَعَلْنَٰهُ هُدًى لِّبَنِىٓ إِسْرَٰٓءِيلَ ﴿٢٣﴾ وَجَعَلْنَا مِنْهُمْ أَئِمَّةً يَهْدُونَ بِأَمْرِنَا لَمَّا صَبَرُوا۟ ۖ وَكَانُوا۟ بِـَٔايَٰتِنَا يُوقِنُونَ ﴿٢٤﴾ إِنَّ رَبَّكَ هُوَ يَفْصِلُ بَيْنَهُمْ يَوْمَ ٱلْقِيَٰمَةِ فِيمَا كَانُوا۟ فِيهِ يَخْتَلِفُونَ ﴿٢٥﴾ أَوَلَمْ يَهْدِ لَهُمْ كَمْ أَهْلَكْنَا مِن قَبْلِهِم مِّنَ ٱلْقُرُونِ يَمْشُونَ فِى مَسَٰكِنِهِمْ ۚ إِنَّ فِى ذَٰلِكَ لَـَٔايَٰتٍ ۖ أَفَلَا يَسْمَعُونَ ﴿٢٦﴾ أَوَلَمْ يَرَوْا۟ أَنَّا نَسُوقُ ٱلْمَآءَ إِلَى ٱلْأَرْضِ ٱلْجُرُزِ فَنُخْرِجُ بِهِۦ زَرْعًا تَأْكُلُ مِنْهُ أَنْعَٰمُهُمْ وَأَنفُسُهُمْ ۖ أَفَلَا يُبْصِرُونَ ﴿٢٧﴾ وَيَقُولُونَ مَتَىٰ هَٰذَا ٱلْفَتْحُ إِن كُنتُمْ صَٰدِقِينَ ﴿٢٨﴾ قُلْ يَوْمَ ٱلْفَتْحِ لَا يَنفَعُ ٱلَّذِينَ كَفَرُوٓا۟ إِيمَٰنُهُمْ وَلَا هُمْ يُنظَرُونَ ﴿٢٩﴾ فَأَعْرِضْ عَنْهُمْ وَٱنتَظِرْ إِنَّهُم مُّنتَظِرُونَ ﴿٣٠﴾

سُورَةُ الأَحْزَابِ

21.- Và chắc chắn, *TA* sẽ bắt chúng nếm hình phạt gần kề (ở trần gian) đến hình phạt lớn (ở Đời sau) để chúng (có dịp hối cải mà) quay về (với Islām).

22.- Và còn ai sai quấy hơn kẻ đã được nhắc các Lời mặc khải của *Rabb* của y nhưng quay lánh xa? Quả thật, *TA* sẽ trừng trị những kẻ tội lỗi.

23.- Và chắc chắn *TA* đã ban cho Mūsa Kinh sách. Bởi thế, Ngươi (Muhammad) chớ nghi ngờ về việc tiếp xúc với Người (nhân chuyến dạ hành và thăng thiên[1]). Và *TA* đã làm cho Nó (Kinh *Taurāh*) thành một Chỉ đạo cho con cháu của Israel.

24.- Và *TA* đã bổ nhiệm trong họ các nhà lãnh đạo để hướng dẫn (thiên hạ) theo Mệnh lệnh của *TA* khi họ nhẫn nại và trở thành những người tin tưởng chắc chắn nơi các Lời mặc khải của *TA*.

25.- Quả thật, *Rabb* của Ngươi (Muhammad) sẽ xét xử giữa họ về những điều mà họ thường tranh chấp trong (Kinh sách) vào Ngày Phục sinh.

26.- Há không là một Chỉ đạo cho họ ư việc *TA* đã tiêu diệt bao nhiêu thế hệ trước mà chỗ ở hoang phế họ đang dẫm đạp? Quả thật, nơi sự việc đó là các Dấu hiệu. Thế, họ không nghe hay sao?

27.- Há họ đã không nhìn thấy việc *TA* đã dẫn nước (mưa) đến một vùng đất khô ráo mà *TA* dùng để làm mọc ra hoa mầu làm thực phẩm nuôi gia súc của họ và cả họ nữa hay sao? Thế, họ không thấy hay sao?

28.- Và họ bảo: “Thế, chừng nào xảy ra Quyết định (phân xử giữa chúng tôi với quí vị) nếu quí vị (Muslim) nói thật?”

29.- Hãy bảo (họ): “Vào ngày mà Quyết định (phân xử) thể hiện thì niềm tin của những ai không có đức tin sẽ không giúp ích gì được cho họ cả và họ cũng sẽ không được dung tha.”

30.- Do đó, hãy lánh xa họ và đợi (xem kết quả); họ cũng đang đợi (như các người).

[1] Xem tiểu sử của Nabi Muhammad (saw) về chuyến dạ hành và thăng thiên (*Isrā'* và *al-Mi'rāj*)

نصف الحزب ٤٢

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

يَٰٓأَيُّهَا ٱلنَّبِيُّ ٱتَّقِ ٱللَّهَ وَلَا تُطِعِ ٱلۡكَٰفِرِينَ وَٱلۡمُنَٰفِقِينَۚ إِنَّ ٱللَّهَ كَانَ عَلِيمًا حَكِيمٗا ١ وَٱتَّبِعۡ مَا يُوحَىٰٓ إِلَيۡكَ مِن رَّبِّكَۚ إِنَّ ٱللَّهَ كَانَ بِمَا تَعۡمَلُونَ خَبِيرٗا ٢ وَتَوَكَّلۡ عَلَى ٱللَّهِۚ وَكَفَىٰ بِٱللَّهِ وَكِيلٗا ٣ مَّا جَعَلَ ٱللَّهُ لِرَجُلٖ مِّن قَلۡبَيۡنِ فِي جَوۡفِهِۦۚ وَمَا جَعَلَ أَزۡوَٰجَكُمُ ٱلَّٰٓـِٔي تُظَٰهِرُونَ مِنۡهُنَّ أُمَّهَٰتِكُمۡۚ وَمَا جَعَلَ أَدۡعِيَآءَكُمۡ أَبۡنَآءَكُمۡۚ ذَٰلِكُمۡ قَوۡلُكُم بِأَفۡوَٰهِكُمۡۖ وَٱللَّهُ يَقُولُ ٱلۡحَقَّ وَهُوَ يَهۡدِي ٱلسَّبِيلَ ٤ ٱدۡعُوهُمۡ لِأٓبَآئِهِمۡ هُوَ أَقۡسَطُ عِندَ ٱللَّهِۚ فَإِن لَّمۡ تَعۡلَمُوٓاْ ءَابَآءَهُمۡ فَإِخۡوَٰنُكُمۡ فِي ٱلدِّينِ وَمَوَٰلِيكُمۡۚ وَلَيۡسَ عَلَيۡكُمۡ جُنَاحٞ فِيمَآ أَخۡطَأۡتُم بِهِۦ وَلَٰكِن مَّا تَعَمَّدَتۡ قُلُوبُكُمۡۚ وَكَانَ ٱللَّهُ غَفُورٗا رَّحِيمًا ٥ ٱلنَّبِيُّ أَوۡلَىٰ بِٱلۡمُؤۡمِنِينَ مِنۡ أَنفُسِهِمۡۖ وَأَزۡوَٰجُهُۥٓ أُمَّهَٰتُهُمۡۗ وَأُوْلُواْ ٱلۡأَرۡحَامِ بَعۡضُهُمۡ أَوۡلَىٰ بِبَعۡضٖ فِي كِتَٰبِ ٱللَّهِ مِنَ ٱلۡمُؤۡمِنِينَ وَٱلۡمُهَٰجِرِينَ إِلَّآ أَن تَفۡعَلُوٓاْ إِلَىٰٓ أَوۡلِيَآئِكُم مَّعۡرُوفٗاۚ كَانَ ذَٰلِكَ فِي ٱلۡكِتَٰبِ مَسۡطُورٗا ٦

AL-AHZĀB
(Liên Quân)

Nhân danh Allah, Đấng Rất mực Độ lượng,
Đấng Rất mực Khoan dung

1.- Hỡi Nabi (Muhammad!) Hãy sợ Allah và làm tròn bổn phận đối với Ngài và chớ nghe theo những kẻ không có đức tin và những tên đạo đức giả. Quả thật, Allah Toàn Tri và Chí Minh.

2.- Và hãy tuân theo điều đã được mặc khải cho Ngươi từ *Rabb* (Allah) của Ngươi bởi vì quả thật, Allah Rất mực Am tường về những điều các ngươi làm.

3.- Và hãy ủy thác cho Allah bởi vì Allah đủ làm một Đấng Bảo Hộ.

4.- Allah không đặt hai quả tim trong lòng của một người. Ngài cũng không biến những người vợ mà các ngươi cho là giống cái lưng[1] của mẹ của các ngươi thành mẹ ruột của các ngươi. Ngài cũng không làm cho con nuôi của các ngươi thành con ruột. Đấy chỉ là lời nói thốt ra từ cửa miệng của các ngươi trong lúc Allah nói sự thật. Và Ngài chỉ dẫn con đường (chân chính).

5.- Hãy gọi chúng (con nuôi) theo tên của người cha ruột của chúng. Cách gọi đó vô tư hơn đối với Allah. Nhưng nếu các ngươi không biết tên thật của người cha của chúng thì chúng là anh em với các ngươi trong đạo và là người nô-lệ được giải phóng của các ngươi; và các ngươi không có tội nếu các ngươi nhầm lẫn trong việc xưng hô này. Ngược lại, điều đáng tội là khi các ngươi có ý xấu trong lòng. Và Allah Hằng Tha thứ, Hằng Khoan dung.

6.- Đối với những người có đức tin thì Nabi thân thiết (và quí) hơn bản thân của họ; và các bà vợ của Người là các bà mẹ (đạo) của họ. Tuy nhiên, theo Kinh sách (Sắc Chỉ) của Allah thì người bà con ruột thịt gần kề nhau (về việc hưởng di sản) hơn là những người có đức tin (trong đạo) và hơn những người Di-cư (từ Makkah); ngoại trừ trường hợp các ngươi làm một hành động tốt đối với bạn đạo thân thiết nhất của các ngươi. Đó là Sắc Chỉ ghi trong Kinh sách.

---

[1] Người đàn ông Ả-rập trước thời kỳ của Islam đã thường chỉ trích người vợ của mình bảo: "Mày giống như cái lưng của mẹ tao," để dễ bề ly dị vợ. Tục lệ ly dị này được gọi là *az-Zihār*. (Xem Q. Chương 5, câu 1-5)

وَإِذْ أَخَذْنَا مِنَ ٱلنَّبِيِّـۧنَ مِيثَٰقَهُمْ وَمِنكَ وَمِن نُّوحٍ وَإِبْرَٰهِيمَ وَمُوسَىٰ وَعِيسَى ٱبْنِ مَرْيَمَ ۖ وَأَخَذْنَا مِنْهُم مِّيثَٰقًا غَلِيظًا ﴿٧﴾ لِّيَسْـَٔلَ ٱلصَّٰدِقِينَ عَن صِدْقِهِمْ ۚ وَأَعَدَّ لِلْكَٰفِرِينَ عَذَابًا أَلِيمًا ﴿٨﴾ يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُوا۟ ٱذْكُرُوا۟ نِعْمَةَ ٱللَّهِ عَلَيْكُمْ إِذْ جَآءَتْكُمْ جُنُودٌ فَأَرْسَلْنَا عَلَيْهِمْ رِيحًا وَجُنُودًا لَّمْ تَرَوْهَا ۚ وَكَانَ ٱللَّهُ بِمَا تَعْمَلُونَ بَصِيرًا ﴿٩﴾ إِذْ جَآءُوكُم مِّن فَوْقِكُمْ وَمِنْ أَسْفَلَ مِنكُمْ وَإِذْ زَاغَتِ ٱلْأَبْصَٰرُ وَبَلَغَتِ ٱلْقُلُوبُ ٱلْحَنَاجِرَ وَتَظُنُّونَ بِٱللَّهِ ٱلظُّنُونَا۠ ﴿١٠﴾ هُنَالِكَ ٱبْتُلِىَ ٱلْمُؤْمِنُونَ وَزُلْزِلُوا۟ زِلْزَالًا شَدِيدًا ﴿١١﴾ وَإِذْ يَقُولُ ٱلْمُنَٰفِقُونَ وَٱلَّذِينَ فِى قُلُوبِهِم مَّرَضٌ مَّا وَعَدَنَا ٱللَّهُ وَرَسُولُهُۥٓ إِلَّا غُرُورًا ﴿١٢﴾ وَإِذْ قَالَت طَّآئِفَةٌ مِّنْهُمْ يَٰٓأَهْلَ يَثْرِبَ لَا مُقَامَ لَكُمْ فَٱرْجِعُوا۟ ۚ وَيَسْتَـْٔذِنُ فَرِيقٌ مِّنْهُمُ ٱلنَّبِىَّ يَقُولُونَ إِنَّ بُيُوتَنَا عَوْرَةٌ وَمَا هِىَ بِعَوْرَةٍ ۖ إِن يُرِيدُونَ إِلَّا فِرَارًا ﴿١٣﴾ وَلَوْ دُخِلَتْ عَلَيْهِم مِّنْ أَقْطَارِهَا ثُمَّ سُئِلُوا۟ ٱلْفِتْنَةَ لَـَٔاتَوْهَا وَمَا تَلَبَّثُوا۟ بِهَآ إِلَّا يَسِيرًا ﴿١٤﴾ وَلَقَدْ كَانُوا۟ عَٰهَدُوا۟ ٱللَّهَ مِن قَبْلُ لَا يُوَلُّونَ ٱلْأَدْبَٰرَ ۚ وَكَانَ عَهْدُ ٱللَّهِ مَسْـُٔولًا ﴿١٥﴾

7.- Và (hãy nhớ) khi *TA* (Allah) đã nhận Lời giao-ước từ các *Nabi* và từ Ngươi (Muhammad) và từ *Nūh* và *Ibrāhīm* và *Mūsa* và *'Isa* con trai của Maryam; và nhận từ họ[1] Lời giao ước long trọng;

8.- Để Ngài có thể hỏi những người chân thật (các Nabi) về sự đích thật của họ (về việc truyền đạt Thông điệp của Allah) và chuẩn bị cho những kẻ không có đức tin một sự trừng phạt đau đớn.

9.- Hỡi những ai có niềm tin! Hãy nhớ Ân huệ của Allah đã ban cho các người khi đoàn quân địch kéo đến tấn công các người[2]. Nhưng *TA* đã gởi một trận cuồng phong và đoàn thiên binh (Thiên thần) mà các người không thể nhìn thấy (bằng mắt thường) đến giúp chống lại chúng; và Allah Hằng Thấy những điều các người làm.

10.- Khi chúng đến tấn công các người từ phía trên và phía dưới của các người và cặp mắt của các người đảo lộn sang một bên và quả tim nhảy lên đến tận cổ và các người đâm ra nghĩ bậy về Allah.

11.- Vào lúc đó, các tín đồ bị thử thách tột độ và dao động tinh thần dữ dội.

12.- Và khi những tên đạo đức giả và những kẻ mang một chứng bệnh (nghi ngờ) trong lòng lên tiếng: "Allah và Sứ giả của Ngài chỉ hứa hão với chúng tôi."

13.- Và khi một phần tử trong bọn chúng lớn tiếng bảo: "Này hỡi người dân của *Yathrib* (Al-Madīnah)! Các người không thể cầm cự nổi (trước sức tấn công của địch). Bởi thế hãy tháo lui." Và một nhóm người của bọn chúng đến xin phép Nabi thưa: "Nhà cửa của chúng tôi bỏ ngõ"; trong lúc thật ra nhà cửa của chúng không bỏ ngõ nhưng chúng chỉ muốn đào tẩu ấy thôi.

14.- Và nếu địch quân tấn công chúng và đột nhập vào thành phố khắp mọi phía và chúng được yêu cầu đầu hàng và chống lại người Muslim, thì chắc chắn chúng sẽ không ngần ngại làm điều đó và chúng chỉ ngập ngừng một chốc lát.

15.- Và chắc chắn trước đó chúng đã cam kết với Allah rằng chúng sẽ không quay lưng bỏ chạy; và lời cam kết với Allah chắc chắn sẽ bị chất vấn (vào Ngày Phục sinh).

---

[1] Trong số 25 vị Nabi được nhắc tên trong Qur'ān, năm vị được liệt vào hạng Nabi có ý chí quyết liệt, đó là: Nūh, Ibrāhīm, Mūsa, 'Isa và Muhammad.

[2] Vào năm thứ 5 *Hijr* tức 5 năm sau khi Nabi Muhammad (saw) dời cư về thành phố Madīnah, liên quân (*ahzāb*) người ngoại đạo kéo nhau đến bao vây và tấn công Madīnah. Lịch sử Islām gọi trận chiến này là trận Chiến hào.

قُل لَّن يَنفَعَكُمُ ٱلْفِرَارُ إِن فَرَرْتُم مِّنَ ٱلْمَوْتِ أَوِ ٱلْقَتْلِ وَإِذًا لَّا تُمَتَّعُونَ إِلَّا قَلِيلًا ﴿١٦﴾ قُلْ مَن ذَا ٱلَّذِي يَعْصِمُكُم مِّنَ ٱللَّهِ إِنْ أَرَادَ بِكُمْ سُوٓءًا أَوْ أَرَادَ بِكُمْ رَحْمَةً ۚ وَلَا يَجِدُونَ لَهُم مِّن دُونِ ٱللَّهِ وَلِيًّا وَلَا نَصِيرًا ﴿١٧﴾ ۞ قَدْ يَعْلَمُ ٱللَّهُ ٱلْمُعَوِّقِينَ مِنكُمْ وَٱلْقَآئِلِينَ لِإِخْوَٰنِهِمْ هَلُمَّ إِلَيْنَا ۖ وَلَا يَأْتُونَ ٱلْبَأْسَ إِلَّا قَلِيلًا ﴿١٨﴾ أَشِحَّةً عَلَيْكُمْ ۖ فَإِذَا جَآءَ ٱلْخَوْفُ رَأَيْتَهُمْ يَنظُرُونَ إِلَيْكَ تَدُورُ أَعْيُنُهُمْ كَٱلَّذِي يُغْشَىٰ عَلَيْهِ مِنَ ٱلْمَوْتِ ۖ فَإِذَا ذَهَبَ ٱلْخَوْفُ سَلَقُوكُم بِأَلْسِنَةٍ حِدَادٍ أَشِحَّةً عَلَى ٱلْخَيْرِ ۚ أُو۟لَٰٓئِكَ لَمْ يُؤْمِنُوا۟ فَأَحْبَطَ ٱللَّهُ أَعْمَٰلَهُمْ ۚ وَكَانَ ذَٰلِكَ عَلَى ٱللَّهِ يَسِيرًا ﴿١٩﴾ يَحْسَبُونَ ٱلْأَحْزَابَ لَمْ يَذْهَبُوا۟ ۖ وَإِن يَأْتِ ٱلْأَحْزَابُ يَوَدُّوا۟ لَوْ أَنَّهُم بَادُونَ فِي ٱلْأَعْرَابِ يَسْـَٔلُونَ عَنْ أَنۢبَآئِكُمْ ۖ وَلَوْ كَانُوا۟ فِيكُم مَّا قَٰتَلُوٓا۟ إِلَّا قَلِيلًا ﴿٢٠﴾ لَّقَدْ كَانَ لَكُمْ فِي رَسُولِ ٱللَّهِ أُسْوَةٌ حَسَنَةٌ لِّمَن كَانَ يَرْجُوا۟ ٱللَّهَ وَٱلْيَوْمَ ٱلْـَٔاخِرَ وَذَكَرَ ٱللَّهَ كَثِيرًا ﴿٢١﴾ وَلَمَّا رَءَا ٱلْمُؤْمِنُونَ ٱلْأَحْزَابَ قَالُوا۟ هَٰذَا مَا وَعَدَنَا ٱللَّهُ وَرَسُولُهُۥ وَصَدَقَ ٱللَّهُ وَرَسُولُهُۥ ۚ وَمَا زَادَهُمْ إِلَّآ إِيمَٰنًا وَتَسْلِيمًا ﴿٢٢﴾

ثلاثة أرباع الحزب ٤٢

16.- Hãy bảo (chúng): "Bỏ chạy chẳng lợi gì cho các người nếu muốn trốn thoát cái chết hay cảnh giết chóc, bởi vì các người chỉ hưởng lạc được trong một chốc lát mà thôi."

17.- Hãy bảo (chúng): "Ai là kẻ có thể che chở các người khỏi Allah nếu Ngài muốn hãm hại hoặc khoan dung các người?" Và chúng sẽ không tìm ra một Vị che chở, và một Vị cứu tinh nào ngoài Allah cả.

18.- Chắc chắn, Allah thừa biết ai trong các người đã cản trở (người khác đi tham chiến) và nói với những người anh em (trong đạo) của họ: "Hãy đến cùng với bọn tôi!" trong lúc chúng chỉ đi tham chiến chút ít.

19.- Chúng đê tiện đối với các người. Bởi vì khi xảy ra cảnh hãi hùng, Ngươi sẽ thấy chúng dáo dác nhìn Ngươi, cặp mắt đảo quanh giống như cặp mắt của một người thất thần sắp chết. Nhưng khi cơn nguy khốn đã qua khỏi thì chúng nhiếc mắng các người bằng lời lẽ thậm tệ, chỉ muốn bòn rút vật dụng (chiến lợi phẩm). Những người này không có một chút đức tin nào cả. Bởi thế, Allah sẽ biến việc làm của chúng thành vô nghĩa. Và việc đó quá dễ đối với Allah.

20.- Chúng nghĩ rằng Liên quân (của người ngoại đạo) chưa rút đi. Và nếu Liên quân (địch) có trở lại lần nữa thì chúng sẽ mong ước đi (lang thang) trong vùng sa mạc, trà trộn với người Ả-rập du mục để dọ thám tình hình của các người. Và nếu chúng ở cùng với các người đi nữa thì chúng cũng chỉ tham chiến chút ít ấy thôi.

21.- Chắc chắn nơi Sứ giả của Allah các người có được một gương mẫu tốt đẹp nhất đối với những ai hy vọng về (việc gặp gỡ) Allah và Ngày (Phán xử) cuối cùng và tưởng nhớ Allah nhiều nhất.

22.- Và khi những người có đức tin thấy liên quân (địch), họ nói: "Đây là điều mà Allah và Sứ giả của Ngài đã hứa với chúng tôi bởi vì Allah và Sứ giả của Ngài nói sự thật." Và điều đó chỉ làm tăng thêm đức tin và sự tuân phục của họ (đối với Allah).

مِّنَ ٱلْمُؤْمِنِينَ رِجَالٌ صَدَقُوا۟ مَا عَٰهَدُوا۟ ٱللَّهَ عَلَيْهِ ۖ فَمِنْهُم مَّن قَضَىٰ نَحْبَهُۥ وَمِنْهُم مَّن يَنتَظِرُ ۖ وَمَا بَدَّلُوا۟ تَبْدِيلًا ﴿٢٣﴾ لِّيَجْزِىَ ٱللَّهُ ٱلصَّٰدِقِينَ بِصِدْقِهِمْ وَيُعَذِّبَ ٱلْمُنَٰفِقِينَ إِن شَآءَ أَوْ يَتُوبَ عَلَيْهِمْ ۚ إِنَّ ٱللَّهَ كَانَ غَفُورًا رَّحِيمًا ﴿٢٤﴾ وَرَدَّ ٱللَّهُ ٱلَّذِينَ كَفَرُوا۟ بِغَيْظِهِمْ لَمْ يَنَالُوا۟ خَيْرًا ۚ وَكَفَى ٱللَّهُ ٱلْمُؤْمِنِينَ ٱلْقِتَالَ ۚ وَكَانَ ٱللَّهُ قَوِيًّا عَزِيزًا ﴿٢٥﴾ وَأَنزَلَ ٱلَّذِينَ ظَٰهَرُوهُم مِّنْ أَهْلِ ٱلْكِتَٰبِ مِن صَيَاصِيهِمْ وَقَذَفَ فِى قُلُوبِهِمُ ٱلرُّعْبَ فَرِيقًا تَقْتُلُونَ وَتَأْسِرُونَ فَرِيقًا ﴿٢٦﴾ وَأَوْرَثَكُمْ أَرْضَهُمْ وَدِيَٰرَهُمْ وَأَمْوَٰلَهُمْ وَأَرْضًا لَّمْ تَطَـُٔوهَا ۚ وَكَانَ ٱللَّهُ عَلَىٰ كُلِّ شَىْءٍ قَدِيرًا ﴿٢٧﴾ يَٰٓأَيُّهَا ٱلنَّبِىُّ قُل لِّأَزْوَٰجِكَ إِن كُنتُنَّ تُرِدْنَ ٱلْحَيَوٰةَ ٱلدُّنْيَا وَزِينَتَهَا فَتَعَالَيْنَ أُمَتِّعْكُنَّ وَأُسَرِّحْكُنَّ سَرَاحًا جَمِيلًا ﴿٢٨﴾ وَإِن كُنتُنَّ تُرِدْنَ ٱللَّهَ وَرَسُولَهُۥ وَٱلدَّارَ ٱلْءَاخِرَةَ فَإِنَّ ٱللَّهَ أَعَدَّ لِلْمُحْسِنَٰتِ مِنكُنَّ أَجْرًا عَظِيمًا ﴿٢٩﴾ يَٰنِسَآءَ ٱلنَّبِىِّ مَن يَأْتِ مِنكُنَّ بِفَٰحِشَةٍ مُّبَيِّنَةٍ يُضَٰعَفْ لَهَا ٱلْعَذَابُ ضِعْفَيْنِ ۚ وَكَانَ ذَٰلِكَ عَلَى ٱللَّهِ يَسِيرًا ﴿٣٠﴾

23.- Và trong số người tin tưởng, có những người giữ đúng lời giao-ước của mình với Allah. Bởi thế trong họ, có người đã hoàn tất lời thề (bằng sự tử đạo) và có người còn chờ (đến phiên của họ) và họ đã không thay đổi (lời giao ước) một chút nào.

24.- (Mục đích) để cho Allah trọng thưởng những người chân thật về lòng thành thật của họ và trừng phạt những kẻ đạo đức giả hoặc quay lại tha thứ cho chúng tùy Ngài muốn. Quả thật, Allah Hằng Tha thứ, Rất mực Khoan dung.

25.- Và Allah đẩy lui những kẻ vô đức tin ra đi trong giận dữ. Chúng không thu được một lợi lộc nào. Và Allah đủ giúp những người tin tưởng chiến đấu. Bởi vì quả thật, Allah Toàn Lực, Toàn Năng.

26.- Và trong số Người dân Kinh sách, Ngài đã đuổi những kẻ đã tiếp tay cho địch xuống khỏi thành lũy của chúng và gieo khiếp đảm trong lòng của chúng: một số người (của chúng), các người đã giết và một số khác, các người đã bắt làm tù binh.

27.- Và Ngài cho các người thừa hưởng đất đai, và nhà cửa và tài sản của chúng và một phần đất đai (tại *Khaibar*) mà các người chưa đặt chân đến. Và Allah có toàn quyền làm bất cứ việc gì.

28.- Hỡi *Nabi* (Muhammad!) Hãy bảo các bà vợ của Ngươi: "Nếu quí bà muốn đời sống trần tục này và vẽ hào nhoáng của nó, thì quí bà hãy đến đây, tôi sẽ cho quí bà hưởng lạc và trả tự do cho quí bà một cách tốt đẹp.

29.- "Ngược lại nếu quí bà yêu quí Allah và Sứ giả của Ngài và muốn một mái nhà (xinh đẹp) ở Đời sau thì Allah sẽ thực sự chuẩn bị cho các phụ nữ làm điều tốt trong quí bà một phần thưởng rất lớn."

30.- Hỡi các bà vợ của *Nabi* (Muhammad!) Ai trong quí bà là người đã công khai phạm điều bất nhã thì sẽ bị phạt gấp đôi; và chuyện đó quá dễ đối với Allah.

۞ وَمَن يَقْنُتْ مِنكُنَّ لِلَّهِ وَرَسُولِهِۦ وَتَعْمَلْ صَٰلِحًا نُّؤْتِهَآ
أَجْرَهَا مَرَّتَيْنِ وَأَعْتَدْنَا لَهَا رِزْقًا كَرِيمًا ﴿٣١﴾ يَٰنِسَآءَ ٱلنَّبِىِّ
لَسْتُنَّ كَأَحَدٍ مِّنَ ٱلنِّسَآءِ إِنِ ٱتَّقَيْتُنَّ فَلَا تَخْضَعْنَ بِٱلْقَوْلِ
فَيَطْمَعَ ٱلَّذِى فِى قَلْبِهِۦ مَرَضٌ وَقُلْنَ قَوْلًا مَّعْرُوفًا ﴿٣٢﴾ وَقَرْنَ
فِى بُيُوتِكُنَّ وَلَا تَبَرَّجْنَ تَبَرُّجَ ٱلْجَٰهِلِيَّةِ ٱلْأُولَىٰ ۖ وَأَقِمْنَ
ٱلصَّلَوٰةَ وَءَاتِينَ ٱلزَّكَوٰةَ وَأَطِعْنَ ٱللَّهَ وَرَسُولَهُۥٓ ۚ إِنَّمَا
يُرِيدُ ٱللَّهُ لِيُذْهِبَ عَنكُمُ ٱلرِّجْسَ أَهْلَ ٱلْبَيْتِ وَيُطَهِّرَكُمْ
تَطْهِيرًا ﴿٣٣﴾ وَٱذْكُرْنَ مَا يُتْلَىٰ فِى بُيُوتِكُنَّ مِنْ
ءَايَٰتِ ٱللَّهِ وَٱلْحِكْمَةِ ۚ إِنَّ ٱللَّهَ كَانَ لَطِيفًا خَبِيرًا ﴿٣٤﴾
إِنَّ ٱلْمُسْلِمِينَ وَٱلْمُسْلِمَٰتِ وَٱلْمُؤْمِنِينَ وَٱلْمُؤْمِنَٰتِ
وَٱلْقَٰنِتِينَ وَٱلْقَٰنِتَٰتِ وَٱلصَّٰدِقِينَ وَٱلصَّٰدِقَٰتِ وَٱلصَّٰبِرِينَ
وَٱلصَّٰبِرَٰتِ وَٱلْخَٰشِعِينَ وَٱلْخَٰشِعَٰتِ وَٱلْمُتَصَدِّقِينَ
وَٱلْمُتَصَدِّقَٰتِ وَٱلصَّٰٓئِمِينَ وَٱلصَّٰٓئِمَٰتِ وَٱلْحَٰفِظِينَ
فُرُوجَهُمْ وَٱلْحَٰفِظَٰتِ وَٱلذَّٰكِرِينَ ٱللَّهَ كَثِيرًا
وَٱلذَّٰكِرَٰتِ أَعَدَّ ٱللَّهُ لَهُم مَّغْفِرَةً وَأَجْرًا عَظِيمًا ﴿٣٥﴾

31.- Và ai trong các bà là người cung kính Allah và Sứ giả của Ngài và làm điều thiện thì *TA* sẽ thưởng bà ấy gấp đôi và chuẩn bị cho bà bổng lộc rộng rãi nơi Thiên đàng.

32.- Hỡi các bà vợ của *Nabi* (Muhammad!) Các bà không giống các phụ nữ khác. Nếu các bà sợ Allah thì chớ ăn nói lả lơi, e rằng những ai mang trong lòng một chứng bệnh (dâm dục) sẽ động lòng tà dâm; ngược lại, hãy ăn nói đoan trang lịch thiệp.

33.- Và hãy ở trong nhà và chớ phô trương vẻ đẹp theo lối chưng diện của các phụ nữ vào thời kỳ ngu muội; và hãy dâng lễ '*Salāh*' một cách chu đáo và đóng *Zakāh* và vâng lệnh Allah và Sứ giả của Ngài. Allah chỉ muốn xóa điều nhơ nhuốc đi khỏi các người, hỡi người nhà của gia đình *Nabi*, và tẩy sạch các người thành những người triệt để trong sạch.

34.- Và hãy ghi nhớ những điều nằm trong các Lời mặc khải đã được đọc ra trong nhà của các bà và điều khôn ngoan đúng đắn. Quả thật, Allah Rất mực Tinh tế, Rất mực Am tường.

35.- Quả thật, đối với những người Muslim, nam và nữ; những người có đức tin, nam và nữ; những người cung kính, nam và nữ; những người chân thật, nam và nữ; những người kiên nhẫn, nam và nữ; những người khiêm nhường, nam và nữ; những người bố thí, nam và nữ; những người kiêng cử, nam và nữ; những người giữ lòng trinh bạch, nam và nữ; những người tưởng nhớ Allah nhiều, nam và nữ; Allah sẽ tha thứ và ban thưởng to lớn cho họ.

وَمَا كَانَ لِمُؤْمِنٍ وَلَا مُؤْمِنَةٍ إِذَا قَضَى ٱللَّهُ وَرَسُولُهُۥٓ أَمْرًا أَن يَكُونَ لَهُمُ ٱلْخِيَرَةُ مِنْ أَمْرِهِمْ ۗ وَمَن يَعْصِ ٱللَّهَ وَرَسُولَهُۥ فَقَدْ ضَلَّ ضَلَٰلًا مُّبِينًا ﴿٣٦﴾ وَإِذْ تَقُولُ لِلَّذِىٓ أَنْعَمَ ٱللَّهُ عَلَيْهِ وَأَنْعَمْتَ عَلَيْهِ أَمْسِكْ عَلَيْكَ زَوْجَكَ وَٱتَّقِ ٱللَّهَ وَتُخْفِى فِى نَفْسِكَ مَا ٱللَّهُ مُبْدِيهِ وَتَخْشَى ٱلنَّاسَ وَٱللَّهُ أَحَقُّ أَن تَخْشَىٰهُ ۖ فَلَمَّا قَضَىٰ زَيْدٌ مِّنْهَا وَطَرًا زَوَّجْنَٰكَهَا لِكَىْ لَا يَكُونَ عَلَى ٱلْمُؤْمِنِينَ حَرَجٌ فِىٓ أَزْوَٰجِ أَدْعِيَآئِهِمْ إِذَا قَضَوْا۟ مِنْهُنَّ وَطَرًا ۚ وَكَانَ أَمْرُ ٱللَّهِ مَفْعُولًا ﴿٣٧﴾ مَّا كَانَ عَلَى ٱلنَّبِىِّ مِنْ حَرَجٍ فِيمَا فَرَضَ ٱللَّهُ لَهُۥ ۖ سُنَّةَ ٱللَّهِ فِى ٱلَّذِينَ خَلَوْا۟ مِن قَبْلُ ۚ وَكَانَ أَمْرُ ٱللَّهِ قَدَرًا مَّقْدُورًا ﴿٣٨﴾ ٱلَّذِينَ يُبَلِّغُونَ رِسَٰلَٰتِ ٱللَّهِ وَيَخْشَوْنَهُۥ وَلَا يَخْشَوْنَ أَحَدًا إِلَّا ٱللَّهَ ۗ وَكَفَىٰ بِٱللَّهِ حَسِيبًا ﴿٣٩﴾ مَّا كَانَ مُحَمَّدٌ أَبَآ أَحَدٍ مِّن رِّجَالِكُمْ وَلَٰكِن رَّسُولَ ٱللَّهِ وَخَاتَمَ ٱلنَّبِيِّۦنَ ۗ وَكَانَ ٱللَّهُ بِكُلِّ شَىْءٍ عَلِيمًا ﴿٤٠﴾ يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُوا۟ ٱذْكُرُوا۟ ٱللَّهَ ذِكْرًا كَثِيرًا ﴿٤١﴾ وَسَبِّحُوهُ بُكْرَةً وَأَصِيلًا ﴿٤٢﴾ هُوَ ٱلَّذِى يُصَلِّى عَلَيْكُمْ وَمَلَٰٓئِكَتُهُۥ لِيُخْرِجَكُم مِّنَ ٱلظُّلُمَٰتِ إِلَى ٱلنُّورِ ۚ وَكَانَ بِٱلْمُؤْمِنِينَ رَحِيمًا ﴿٤٣﴾

36.- Và không thích hợp đối với một người có đức tin, nam và nữ, rằng khi Allah và Sứ giả của Ngài đã quyết định một công việc gì rồi lại còn đòi quyền được chọn lựa trong công việc của họ nữa; và ai bất tuân Allah và Sứ giả của Ngài thì chắc chắn đã công khai lầm lạc.

37.- Và hãy nhớ khi Ngươi (Nabi!) nói với người mà Allah đã ban ân và Ngươi đã ban ân như sau: "Hãy giữ vợ[1] của ngươi lại, và hãy sợ Allah." Và Ngươi giữ kín trong lòng điều[2] mà Allah sắp công bố. Và Ngươi (Nabi) sợ thiên hạ (đàm tiếu) trong lúc Allah là Đấng mà đúng ra Ngươi phải sợ nhất. Bởi thế, khi *Zayd* (*ibn Hârithah*)[3] đã dứt khoát với vợ, *TA* đã gã nàng cho Ngươi mục đích để cho những người có đức tin không gặp trở ngại trong việc kết hôn với các bà vợ của các đứa 'con nuôi' của mình khi chúng đã dứt khoát với vợ của chúng. Và Lệnh của Allah phải được thi hành.

38.- Nabi (Muhammad) không phạm tội trong việc mà Allah ra lệnh cho Người thi hành. Đó là đường lối của Allah áp dụng cho các người đã qua đời[4] trước đây. Và Mệnh lệnh của Allah là một Chỉ Dụ đã được quyết định.

39.- Những ai truyền bá Thông điệp của Allah và sợ Ngài; và không sợ ai duy chỉ sợ Allah thôi. Bởi vì chỉ riêng Allah thôi đủ xét xử.

40.- (Nabi) Muhammad không phải là người cha của một ai trong số đàn ông của các người. Ngược lại, Người là *Rasūl* (Sứ Giả) của Allah và là Ấn tín của các Nabi[5]. Và Allah Hằng Biết hết mọi việc.

41.- Hỡi những ai có niềm tin! Hãy tưởng nhớ Allah thật nhiều.

42.- Và tán dương Ngài vào (cuộc lễ *Fajr*) buổi sáng và vào (cuộc lễ *'Asr*) buổi chiều.

43.- Ngài là Đấng ban *Salāh* (phúc lành) xuống cho các người và các Thiên thần của Ngài cũng làm thế (cầu xin Allah ban phúc lành và tha thứ cho các người), để Ngài đưa các người từ chỗ tăm tối ra chốn ánh sáng. Và Ngài hằng khoan dung những người có đức tin.

---

[1] Zaynab bint Jahsh là người em họ của Nabi Muhammad (saw).

[2] Ý định cưới Zaynab sau khi Zayd ibn Hārithah đã dứt khoát với nàng.

[3] Zayd là con trai của Hārithah đã bị bắt làm nô lệ và đã được Nabi Muhammad (saw) chuộc về làm con nuôi.

[4] Các Nabi của Allah.

[5] Khātam có nghĩa vừa là ấn tín vừa là cuối cùng. Khātam an-Nabiyyīn là vị cuối cùng trong số các Nabi của Allah. Nabi Muhammad (saw) là vị Nabi và là vị Thiên sứ cuối cùng.

تَحِيَّتُهُمْ يَوْمَ يَلْقَوْنَهُۥ سَلَٰمٌ ۚ وَأَعَدَّ لَهُمْ أَجْرًا كَرِيمًا ﴿٤٤﴾ يَٰٓأَيُّهَا
ٱلنَّبِىُّ إِنَّآ أَرْسَلْنَٰكَ شَٰهِدًا وَمُبَشِّرًا وَنَذِيرًا ﴿٤٥﴾ وَدَاعِيًا
إِلَى ٱللَّهِ بِإِذْنِهِۦ وَسِرَاجًا مُّنِيرًا ﴿٤٦﴾ وَبَشِّرِ ٱلْمُؤْمِنِينَ بِأَنَّ لَهُم
مِّنَ ٱللَّهِ فَضْلًا كَبِيرًا ﴿٤٧﴾ وَلَا تُطِعِ ٱلْكَٰفِرِينَ وَٱلْمُنَٰفِقِينَ
وَدَعْ أَذَىٰهُمْ وَتَوَكَّلْ عَلَى ٱللَّهِ ۚ وَكَفَىٰ بِٱللَّهِ وَكِيلًا ﴿٤٨﴾
يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُوٓا۟ إِذَا نَكَحْتُمُ ٱلْمُؤْمِنَٰتِ ثُمَّ طَلَّقْتُمُوهُنَّ
مِن قَبْلِ أَن تَمَسُّوهُنَّ فَمَا لَكُمْ عَلَيْهِنَّ مِنْ عِدَّةٍ تَعْتَدُّونَهَا ۖ
فَمَتِّعُوهُنَّ وَسَرِّحُوهُنَّ سَرَاحًا جَمِيلًا ﴿٤٩﴾ يَٰٓأَيُّهَا ٱلنَّبِىُّ
إِنَّآ أَحْلَلْنَا لَكَ أَزْوَٰجَكَ ٱلَّٰتِىٓ ءَاتَيْتَ أُجُورَهُنَّ وَمَا مَلَكَتْ
يَمِينُكَ مِمَّآ أَفَآءَ ٱللَّهُ عَلَيْكَ وَبَنَاتِ عَمِّكَ وَبَنَاتِ عَمَّٰتِكَ
وَبَنَاتِ خَالِكَ وَبَنَاتِ خَٰلَٰتِكَ ٱلَّٰتِى هَاجَرْنَ مَعَكَ وَٱمْرَأَةً
مُّؤْمِنَةً إِن وَهَبَتْ نَفْسَهَا لِلنَّبِىِّ إِنْ أَرَادَ ٱلنَّبِىُّ أَن يَسْتَنكِحَهَا
خَالِصَةً لَّكَ مِن دُونِ ٱلْمُؤْمِنِينَ ۗ قَدْ عَلِمْنَا مَا فَرَضْنَا
عَلَيْهِمْ فِىٓ أَزْوَٰجِهِمْ وَمَا مَلَكَتْ أَيْمَٰنُهُمْ لِكَيْلَا
يَكُونَ عَلَيْكَ حَرَجٌ ۗ وَكَانَ ٱللَّهُ غَفُورًا رَّحِيمًا ﴿٥٠﴾

44.- Lời kính chào của họ vào ngày họ trình diện Ngài (Allah) sẽ là: '*Salām*' (Bằng an); và Ngài đã chuẩn bị cho họ một phần thưởng rộng rãi.

45.- Hỡi *Nabi* (Muhammad!) Thật sự, *TA* đã cử phái Ngươi làm một nhân chứng, một người mang tin mừng và một người báo trước,-

46.- Và làm một người gọi mời (nhân loại) đến với Allah theo sự chấp thuận của Ngài; và như một ngọn đuốc (chiếc đèn) phát ra ánh sáng (soi đường);

47.- Và hãy báo tin mừng cho những người có đức tin rằng họ sẽ tiếp nhận một bổng lộc rất lớn từ Allah.

48.- Và chớ nghe lời những kẻ không có đức tin và những kẻ đạo đức giả và hãy bỏ qua thái độ xấc xược của chúng và hãy phó thác (công việc) cho Allah bởi vì Allah đủ làm một Đấng Thọ thác.

49.- Hỡi những ai có niềm tin! Khi các người kết hôn với những phụ nữ có đức tin rồi ly-dị họ trước khi chạm đến mình họ, các người sẽ không áp dụng thời gian ở vậy (*'Iddah*) mà các người tính đếm đối với họ[1]. Nhưng hãy tặng họ một món quà và trả tự do cho họ một cách tốt đẹp.

50.- Hỡi *Nabi* (Muhammad!) Ngài (Allah) làm *halāl* (hợp pháp) cho Ngươi các bà vợ mà Ngươi đã trả tiền cưới (*Mahr*), và những người mà tay phải của Ngươi làm chủ trong số các (nữ tù binh) mà Allah đã ban cho Ngươi; và con gái của chú bác của Ngươi; và con gái của người cô của Ngươi; và con gái của người cậu của Ngươi; và con gái của người dì của Ngươi đã cùng di cư (đến Madīnah) với Ngươi; và (cưới) phụ nữ có đức tin nào tự hiến mình làm vợ của Nabi nếu Nabi muốn kết hôn với họ; điều khoản này đặc biệt dành cho Ngươi chứ không áp dụng cho những người có đức tin khác. *TA* biết đặc ân mà *TA* đã ban cấp cho họ liên hệ đến các bà vợ của họ và những nữ tù binh nằm trong tay của họ để Ngươi không gặp khó khăn (trong việc cưới vợ). Và Allah Hằng Tha thứ, Rất mực Khoan dung.

---

[1] 'Iddah (thời gian ở vậy) áp dụng cho các người vợ bình thường là ba tháng kinh kỳ. Đối với người vợ còn trinh tức chưa động phòng thì không áp dụng 'Iddah.

۞ تُرۡجِي مَن تَشَآءُ مِنۡهُنَّ وَتُـٔۡوِيٓ إِلَيۡكَ مَن تَشَآءُۖ وَمَنِ ٱبۡتَغَيۡتَ
مِمَّنۡ عَزَلۡتَ فَلَا جُنَاحَ عَلَيۡكَۚ ذَٰلِكَ أَدۡنَىٰٓ أَن تَقَرَّ أَعۡيُنُهُنَّ
وَلَا يَحۡزَنَّ وَيَرۡضَيۡنَ بِمَآ ءَاتَيۡتَهُنَّ كُلُّهُنَّۚ وَٱللَّهُ يَعۡلَمُ
مَا فِي قُلُوبِكُمۡۚ وَكَانَ ٱللَّهُ عَلِيمًا حَلِيمًا ﴿٥١﴾ لَّا يَحِلُّ لَكَ
ٱلنِّسَآءُ مِنۢ بَعۡدُ وَلَآ أَن تَبَدَّلَ بِهِنَّ مِنۡ أَزۡوَٰجٖ وَلَوۡ أَعۡجَبَكَ
حُسۡنُهُنَّ إِلَّا مَا مَلَكَتۡ يَمِينُكَۗ وَكَانَ ٱللَّهُ عَلَىٰ كُلِّ
شَيۡءٖ رَّقِيبٗا ﴿٥٢﴾ يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ لَا تَدۡخُلُواْ بُيُوتَ ٱلنَّبِيِّ
إِلَّآ أَن يُؤۡذَنَ لَكُمۡ إِلَىٰ طَعَامٍ غَيۡرَ نَٰظِرِينَ إِنَىٰهُ وَلَٰكِنۡ
إِذَا دُعِيتُمۡ فَٱدۡخُلُواْ فَإِذَا طَعِمۡتُمۡ فَٱنتَشِرُواْ وَلَا مُسۡتَـٔۡنِسِينَ
لِحَدِيثٍۚ إِنَّ ذَٰلِكُمۡ كَانَ يُؤۡذِي ٱلنَّبِيَّ فَيَسۡتَحۡيِۦ مِنكُمۡۖ
وَٱللَّهُ لَا يَسۡتَحۡيِۦ مِنَ ٱلۡحَقِّۚ وَإِذَا سَأَلۡتُمُوهُنَّ مَتَٰعٗا فَسۡـَٔلُوهُنَّ
مِن وَرَآءِ حِجَابٖۚ ذَٰلِكُمۡ أَطۡهَرُ لِقُلُوبِكُمۡ وَقُلُوبِهِنَّۚ
وَمَا كَانَ لَكُمۡ أَن تُؤۡذُواْ رَسُولَ ٱللَّهِ وَلَآ أَن تَنكِحُوٓاْ أَزۡوَٰجَهُۥ
مِنۢ بَعۡدِهِۦٓ أَبَدًاۚ إِنَّ ذَٰلِكُمۡ كَانَ عِندَ ٱللَّهِ عَظِيمًا ﴿٥٣﴾
إِن تُبۡدُواْ شَيۡـًٔا أَوۡ تُخۡفُوهُ فَإِنَّ ٱللَّهَ كَانَ بِكُلِّ شَيۡءٍ عَلِيمٗا ﴿٥٤﴾

51.- Ngươi có thể dời lại (việc đi thăm) bà vợ nào của Ngươi tùy Ngươi muốn và có thể tiếp bất cứ bà (vợ) nào tùy Ngươi muốn; và Ngươi không bị khiển trách nếu muốn tiếp lại bà (vợ) nào mà Ngươi đã dời (phiên của) họ (trước đó); như thế để làm dịu mắt các bà và để cho họ khỏi buồn và hài lòng với phần mà Ngươi đã ban cấp cho tất cả các bà (vợ) của Ngươi. Và Allah biết điều nằm trong lòng của các người. Và Allah Hằng Biết, Hằng Chịu đựng (với bầy tôi của Ngài).

52.- Sau điều khoản này, Ngươi không được phép cưới thêm vợ nữa; và cũng không được thay đổi họ để lấy vợ khác dẫu rằng sắc đẹp của họ lôi cuốn Ngươi ngoại trừ phụ nữ (nữ tù binh) nào nằm trong tay phải của Ngươi. Và Allah là Đấng giám sát mọi việc.

53.- Hỡi những ai có niềm tin! Chớ bước vào nhà của *Nabi* trừ phi được mời đến dùng bửa và chớ đến (sớm hơn) khiến phải ngồi đợi cho đến khi thức ăn được nấu xong; ngược lại, hãy bước vào nhà (của Nabi) khi được mời; và sau khi các người đã dùng bửa, hãy giải tán ra về; và chớ nấn ná ngồi lại tán gẫu. Quả thật, cách xử sự đó làm phiền *Nabi* và Người cảm thấy e thẹn yêu cầu các người ra về. Ngược lại, Allah không e thẹn mà nói cho các người biết sự thật. Và khi các người muốn hỏi chuyện các bà (vợ của Nabi), hãy hỏi các bà từ sau một bức màn. Cách đó trong sạch cho tấm lòng của các người và cho tấm lòng của các bà hơn. Các người không được phép quấy rầy Vị Sứ giả của Allah, cũng không bao giờ được phép kết hôn với người vợ của Người sau (khi) Người (mất). Quả thật, điều đó dưới cái nhìn của Allah là một trọng tội.

54.- Dẫu cho các người có tiết lộ hoặc giấu giếm một điều gì thì Allah vẫn là Đấng hằng biết hết mọi điều.

لَّا جُنَاحَ عَلَيۡهِنَّ فِيٓ ءَابَآئِهِنَّ وَلَآ أَبۡنَآئِهِنَّ وَلَآ إِخۡوَٰنِهِنَّ وَلَآ
أَبۡنَآءِ إِخۡوَٰنِهِنَّ وَلَآ أَبۡنَآءِ أَخَوَٰتِهِنَّ وَلَا نِسَآئِهِنَّ وَلَا مَا مَلَكَتۡ
أَيۡمَٰنُهُنَّۗ وَٱتَّقِينَ ٱللَّهَۚ إِنَّ ٱللَّهَ كَانَ عَلَىٰ كُلِّ شَيۡءٖ شَهِيدًا ٥٥
إِنَّ ٱللَّهَ وَمَلَٰٓئِكَتَهُۥ يُصَلُّونَ عَلَى ٱلنَّبِيِّۚ يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ
ءَامَنُواْ صَلُّواْ عَلَيۡهِ وَسَلِّمُواْ تَسۡلِيمًا ٥٦ إِنَّ ٱلَّذِينَ يُؤۡذُونَ
ٱللَّهَ وَرَسُولَهُۥ لَعَنَهُمُ ٱللَّهُ فِي ٱلدُّنۡيَا وَٱلۡأٓخِرَةِ وَأَعَدَّ لَهُمۡ عَذَابٗا
مُّهِينٗا ٥٧ وَٱلَّذِينَ يُؤۡذُونَ ٱلۡمُؤۡمِنِينَ وَٱلۡمُؤۡمِنَٰتِ بِغَيۡرِ
مَا ٱكۡتَسَبُواْ فَقَدِ ٱحۡتَمَلُواْ بُهۡتَٰنٗا وَإِثۡمٗا مُّبِينٗا ٥٨
يَٰٓأَيُّهَا ٱلنَّبِيُّ قُل لِّأَزۡوَٰجِكَ وَبَنَاتِكَ وَنِسَآءِ ٱلۡمُؤۡمِنِينَ
يُدۡنِينَ عَلَيۡهِنَّ مِن جَلَٰبِيبِهِنَّۚ ذَٰلِكَ أَدۡنَىٰٓ أَن يُعۡرَفۡنَ فَلَا
يُؤۡذَيۡنَۗ وَكَانَ ٱللَّهُ غَفُورٗا رَّحِيمٗا ٥٩ ۞لَّئِن لَّمۡ يَنتَهِ ٱلۡمُنَٰفِقُونَ
وَٱلَّذِينَ فِي قُلُوبِهِم مَّرَضٞ وَٱلۡمُرۡجِفُونَ فِي ٱلۡمَدِينَةِ
لَنُغۡرِيَنَّكَ بِهِمۡ ثُمَّ لَا يُجَاوِرُونَكَ فِيهَآ إِلَّا قَلِيلٗا ٦٠ مَّلۡعُونِينَۖ
أَيۡنَمَا ثُقِفُوٓاْ أُخِذُواْ وَقُتِّلُواْ تَقۡتِيلٗا ٦١ سُنَّةَ ٱللَّهِ فِي
ٱلَّذِينَ خَلَوۡاْ مِن قَبۡلُۖ وَلَن تَجِدَ لِسُنَّةِ ٱللَّهِ تَبۡدِيلٗا ٦٢

نصف الحزب ٤٣

55.- Các bà (vợ của Nabi) không mắc tội khi để lộ diện (không che mặt) trước mặt người cha, anh em trai, con trai của anh chị em ruột, trước mặt các bà (giúp việc), trước những người (nô lệ) nằm dưới tay phải của họ và hãy sợ Allah (hỡi các bà!) Quả thật, Allah là Đấng chứng giám mọi việc.

56.- Quả thật, Allah và các Thiên thần của Ngài đều gởi lời chúc phúc[1] cho Nabi (Muhammad). Hỡi những ai có niềm tin! Hãy chúc phúc cho Người (Muhammad) và chào Người bằng lời chào tốt lành[2].

57.- Quả thật, những ai quấy rầy Allah và Sứ giả của Ngài thì sẽ bị Allah nguyền rủa ở đời này và Đời sau; và Ngài đã chuẩn bị cho họ một sự trừng phạt nhục nhã.

58.- Còn những ai quấy rầy những người tin tưởng nam và nữ một cách không thỏa đáng thì sẽ mang vào mình một tội vu cáo và một tội lỗi hiển nhiên.

59.- Hỡi *Nabi* (Muhammad!) Hãy bảo các bà vợ của Ngươi và các đứa con gái của Ngươi và các bà vợ của các tín đồ dùng áo choàng phủ kín thân mình của họ. Làm thế để dễ nhận biết họ và vì thế, sẽ không bị xúc phạm. Và Allah Hằng Tha thứ, Rất mực Khoan dung.

60.- Nếu những tên đạo đức giả và những kẻ mang trong lòng một căn bệnh (dâm dục) và những kẻ gây rối (phao tin thất thiệt) tại thành phố Madīnah không chịu ngưng tay, thì chắc chắn *TA* sẽ để cho Ngươi trị tội chúng rồi chúng sẽ sống nơi đó với Ngươi với tư cách người láng giềng nhưng chỉ trong một thời gian ngắn.

61.- Chúng sẽ bị nguyền rủa ở nơi nào chúng bị phát giác và sẽ bị bắt và bị giết không một chút thương xót.

62.- (Đó là) đường lối của Allah đối với những kẻ đã qua đời trước kia và Ngươi sẽ thấy không có một sự thay đổi nào trong đường lối của Allah (đối với những kẻ bội phản).

---

[1] *Salāwāt* tức nhiều *Salāh* (lời chúc phúc). Allah gởi trực tiếp lời chúc phúc của Ngài cho Nabi Muhammad (saw). Còn thiên thần và những người có đức tin thì cầu xin Allah ban phúc lành cho Nabi.

[2] *Sallimu taslīma* tức đọc '*Assalamu 'alaykum*'

يَسْـَٔلُكَ ٱلنَّاسُ عَنِ ٱلسَّاعَةِۖ قُلْ إِنَّمَا عِلْمُهَا عِندَ ٱللَّهِۚ وَمَا يُدْرِيكَ
لَعَلَّ ٱلسَّاعَةَ تَكُونُ قَرِيبًا ﴿٦٣﴾ إِنَّ ٱللَّهَ لَعَنَ ٱلْكَٰفِرِينَ وَأَعَدَّ
لَهُمْ سَعِيرًا ﴿٦٤﴾ خَٰلِدِينَ فِيهَآ أَبَدًاۖ لَّا يَجِدُونَ وَلِيًّا وَلَا نَصِيرًا
﴿٦٥﴾ يَوْمَ تُقَلَّبُ وُجُوهُهُمْ فِي ٱلنَّارِ يَقُولُونَ يَٰلَيْتَنَآ أَطَعْنَا ٱللَّهَ
وَأَطَعْنَا ٱلرَّسُولَا۠ ﴿٦٦﴾ وَقَالُواْ رَبَّنَآ إِنَّآ أَطَعْنَا سَادَتَنَا وَكُبَرَآءَنَا
فَأَضَلُّونَا ٱلسَّبِيلَا۠ ﴿٦٧﴾ رَبَّنَآ ءَاتِهِمْ ضِعْفَيْنِ مِنَ ٱلْعَذَابِ
وَٱلْعَنْهُمْ لَعْنًا كَبِيرًا ﴿٦٨﴾ يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ لَا تَكُونُواْ كَٱلَّذِينَ
ءَاذَوْاْ مُوسَىٰ فَبَرَّأَهُ ٱللَّهُ مِمَّا قَالُواْۚ وَكَانَ عِندَ ٱللَّهِ وَجِيهًا ﴿٦٩﴾
يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ ٱتَّقُواْ ٱللَّهَ وَقُولُواْ قَوْلًا سَدِيدًا ﴿٧٠﴾ يُصْلِحْ
لَكُمْ أَعْمَٰلَكُمْ وَيَغْفِرْ لَكُمْ ذُنُوبَكُمْۗ وَمَن يُطِعِ ٱللَّهَ وَرَسُولَهُۥ
فَقَدْ فَازَ فَوْزًا عَظِيمًا ﴿٧١﴾ إِنَّا عَرَضْنَا ٱلْأَمَانَةَ عَلَى ٱلسَّمَٰوَٰتِ
وَٱلْأَرْضِ وَٱلْجِبَالِ فَأَبَيْنَ أَن يَحْمِلْنَهَا وَأَشْفَقْنَ مِنْهَا وَحَمَلَهَا
ٱلْإِنسَٰنُۖ إِنَّهُۥ كَانَ ظَلُومًا جَهُولًا ﴿٧٢﴾ لِّيُعَذِّبَ ٱللَّهُ ٱلْمُنَٰفِقِينَ
وَٱلْمُنَٰفِقَٰتِ وَٱلْمُشْرِكِينَ وَٱلْمُشْرِكَٰتِ وَيَتُوبَ ٱللَّهُ
عَلَى ٱلْمُؤْمِنِينَ وَٱلْمُؤْمِنَٰتِۗ وَكَانَ ٱللَّهُ غَفُورًا رَّحِيمًۢا ﴿٧٣﴾

63.- Thiên hạ hỏi Ngươi về Giờ (xét xử). Hãy bảo (họ): "Chỉ Allah biết nó thôi. Và điều gì có thể làm cho Ngươi hiểu? Có lẽ Giờ (xét xử) gần kề."

64.- Quả thật, Allah nguyền rủa những kẻ không có đức tin và chuẩn bị cho chúng Lửa ngọn (nơi Hỏa Ngục).

65.- Chúng sẽ ở trong đó đời đời; và sẽ không tìm ra một Vị che chở hoặc một Vị cứu tinh nào cả.

66.- Vào Ngày mà bộ mặt của chúng bị lật úp vào Lửa (của Hỏa ngục), chúng sẽ than: "Thật khổ thân của chúng tôi! Phải chi chúng tôi vâng lệnh Allah và vâng lời Sứ Giả (Muhammad)!"

67.- Và chúng sẽ thưa: "Lạy *Rabb* chúng tôi! Chúng tôi đã nghe theo các vị cầm đầu và các ông lớn của chúng tôi; bởi thế họ đã dắt chúng tôi đi lạc đường.

68.- "Lạy *Rabb* chúng tôi! Xin phạt họ gấp đôi và rủa họ bằng lời nguyền rủa thậm tệ nhất."

69.- Hỡi những ai có niềm tin! Chớ như là những ai đã quấy rầy Mūsa bởi vì Allah đã giải oan cho Người khỏi những điều (vu khống) mà chúng đã nói; và Người là (một người tôi) đáng kính.

70.- Hỡi những ai có niềm tin! Hãy sợ Allah và nói năng thật thà.

71.- Ngài sẽ cải thiện việc làm của các ngươi cho các ngươi và tha tội cho các ngươi; và ai vâng lệnh Allah và Sứ giả của Ngài, thì chắc chắn sẽ thành đạt vẽ vang.

72.- Quả thật, *TA* đã trao việc ủy thác trọng trách và sứ mạng tinh thần cho các tầng trời và trái đất và núi non nhưng chúng từ chối và vì cả sợ nên đã tránh xa nó; nhưng con người lãnh nó; rõ ràng y hết sức sai quấy, ngu muội.

73.- (Làm thế) để Allah trừng phạt những tên đạo đức giả, nam và nữ; và (trừng phạt) những kẻ thờ đa thần nam và nữ; và để Ngài lượng thứ cho những người có đức tin, nam và nữ. Và Allah Hằng Tha thứ, Rất mực Khoan dung.

سُورَةُ سَبَإٍ

بِسْمِ اللَّهِ الرَّحْمَٰنِ الرَّحِيمِ

ٱلْحَمْدُ لِلَّهِ ٱلَّذِى لَهُۥ مَا فِى ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَمَا فِى ٱلْأَرْضِ وَلَهُ ٱلْحَمْدُ فِى ٱلْءَاخِرَةِ ۚ وَهُوَ ٱلْحَكِيمُ ٱلْخَبِيرُ ﴿١﴾ يَعْلَمُ مَا يَلِجُ فِى ٱلْأَرْضِ وَمَا يَخْرُجُ مِنْهَا وَمَا يَنزِلُ مِنَ ٱلسَّمَآءِ وَمَا يَعْرُجُ فِيهَا ۚ وَهُوَ ٱلرَّحِيمُ ٱلْغَفُورُ ﴿٢﴾ وَقَالَ ٱلَّذِينَ كَفَرُوا۟ لَا تَأْتِينَا ٱلسَّاعَةُ ۖ قُلْ بَلَىٰ وَرَبِّى لَتَأْتِيَنَّكُمْ عَٰلِمِ ٱلْغَيْبِ ۖ لَا يَعْزُبُ عَنْهُ مِثْقَالُ ذَرَّةٍ فِى ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَلَا فِى ٱلْأَرْضِ وَلَآ أَصْغَرُ مِن ذَٰلِكَ وَلَآ أَكْبَرُ إِلَّا فِى كِتَٰبٍ مُّبِينٍ ﴿٣﴾ لِّيَجْزِىَ ٱلَّذِينَ ءَامَنُوا۟ وَعَمِلُوا۟ ٱلصَّٰلِحَٰتِ ۚ أُو۟لَٰٓئِكَ لَهُم مَّغْفِرَةٌ وَرِزْقٌ كَرِيمٌ ﴿٤﴾ وَٱلَّذِينَ سَعَوْ فِىٓ ءَايَٰتِنَا مُعَٰجِزِينَ أُو۟لَٰٓئِكَ لَهُمْ عَذَابٌ مِّن رِّجْزٍ أَلِيمٌ ﴿٥﴾ وَيَرَى ٱلَّذِينَ أُوتُوا۟ ٱلْعِلْمَ ٱلَّذِىٓ أُنزِلَ إِلَيْكَ مِن رَّبِّكَ هُوَ ٱلْحَقَّ وَيَهْدِىٓ إِلَىٰ صِرَٰطِ ٱلْعَزِيزِ ٱلْحَمِيدِ ﴿٦﴾ وَقَالَ ٱلَّذِينَ كَفَرُوا۟ هَلْ نَدُلُّكُمْ عَلَىٰ رَجُلٍ يُنَبِّئُكُمْ إِذَا مُزِّقْتُمْ كُلَّ مُمَزَّقٍ إِنَّكُمْ لَفِى خَلْقٍ جَدِيدٍ ﴿٧﴾

SABA'
(Thị Trấn Sê-Ba[1])

Nhân danh Allah, Đấng Rất mực Độ lượng,
Đấng Rất mực Khoan dung.

1.- Mọi lời ca tụng đều thuộc về Allah, Đấng mà mọi vật trong các tầng trời và mọi vật dưới đất đều là của Ngài và cũng thuộc về Ngài mọi lời ca tụng ở Đời sau; và Ngài là Đấng Rất mực Sáng suốt Đấng Am tường (mọi việc).

2.- Ngài biết mọi vật chui vào lòng đất và mọi vật nhô lên khỏi mặt đất và mọi vật từ trên trời rơi xuống và mọi vật bay lên trời; và Ngài là Đấng Hằng Khoan dung, Hằng Tha thứ.

3.- Và những kẻ không tin tưởng bảo: "Giờ (xét xử) sẽ không xảy đến cho chúng tôi." Hãy bảo họ: "Vâng, thề bởi *Rabb* (Allah) của ta, Đấng biết điều vô hình, chắc chắn Giờ (xét xử) sẽ xảy đến cho các người." Không một vật gì trong các tầng trời và dưới đất có thể thoát khỏi (sự kiểm soát của) Ngài dù đó là sức nặng của một hạt nguyên tử (hay hạt cải) đi nữa; và không một vật gì dù nhỏ hay lớn hơn cái đó mà lại không được ghi sẵn trong một Quyển sổ rõ ràng.

4.- (Mục đích) để Ngài tưởng thưởng những ai có đức tin và làm việc thiện. Họ là những người sẽ được (Allah) tha thứ và sẽ được ban cấp bổng lộc rộng rãi.

5.- Còn những ai phấn đấu để phá hỏng các Lời Mặc Khải của *TA* (Allah) thì chắc chắn sẽ chịu một sự trừng phạt đau đớn.

6.- Và những ai đã được ban cho kiến thức thì thấy rằng điều (Mặc khải) mà *Rabb* của Ngươi đã ban xuống cho Ngươi là Chân lý; và hướng dẫn (nhân loại) đến con đường của Đấng Toàn Năng, Đấng Rất đáng ca tụng.

7.- Những kẻ không có đức tin bảo: "Há quí vị muốn chúng tôi chỉ cho quí vị một người (Muhammad) y sẽ cho quí vị biết khi quí vị đã hoàn toàn mục rã (dưới đất) quí vị sẽ được tạo hóa mới trở lại?"

---

[1] Saba' có lẽ trùng với danh xưng Sê-ba trong Kinh thánh Bible (Xem 1 CÁC VUA x 1-10) .Saba' là một thị trấn của xứ Yemen mà Qur'ān đã đề cập tại 27:22. Saba' nằm dưới quyền cai trị của nữ vương Balqis.

أَفۡتَرَىٰ عَلَى ٱللَّهِ كَذِبًا أَم بِهِۦ جِنَّةُۢۗ بَلِ ٱلَّذِينَ لَا يُؤۡمِنُونَ بِٱلۡأٓخِرَةِ فِي ٱلۡعَذَابِ وَٱلضَّلَٰلِ ٱلۡبَعِيدِ ٨ أَفَلَمۡ يَرَوۡاْ إِلَىٰ مَا بَيۡنَ أَيۡدِيهِمۡ وَمَا خَلۡفَهُم مِّنَ ٱلسَّمَآءِ وَٱلۡأَرۡضِۚ إِن نَّشَأۡ نَخۡسِفۡ بِهِمُ ٱلۡأَرۡضَ أَوۡ نُسۡقِطۡ عَلَيۡهِمۡ كِسَفٗا مِّنَ ٱلسَّمَآءِۚ إِنَّ فِي ذَٰلِكَ لَأٓيَةٗ لِّكُلِّ عَبۡدٖ مُّنِيبٖ ٩ ۞وَلَقَدۡ ءَاتَيۡنَا دَاوُۥدَ مِنَّا فَضۡلٗاۖ يَٰجِبَالُ أَوِّبِي مَعَهُۥ وَٱلطَّيۡرَۖ وَأَلَنَّا لَهُ ٱلۡحَدِيدَ ١٠ أَنِ ٱعۡمَلۡ سَٰبِغَٰتٖ وَقَدِّرۡ فِي ٱلسَّرۡدِۖ وَٱعۡمَلُواْ صَٰلِحًاۖ إِنِّي بِمَا تَعۡمَلُونَ بَصِيرٞ ١١ وَلِسُلَيۡمَٰنَ ٱلرِّيحَ غُدُوُّهَا شَهۡرٞ وَرَوَاحُهَا شَهۡرٞۖ وَأَسَلۡنَا لَهُۥ عَيۡنَ ٱلۡقِطۡرِۖ وَمِنَ ٱلۡجِنِّ مَن يَعۡمَلُ بَيۡنَ يَدَيۡهِ بِإِذۡنِ رَبِّهِۦۖ وَمَن يَزِغۡ مِنۡهُمۡ عَنۡ أَمۡرِنَا نُذِقۡهُ مِنۡ عَذَابِ ٱلسَّعِيرِ ١٢ يَعۡمَلُونَ لَهُۥ مَا يَشَآءُ مِن مَّحَٰرِيبَ وَتَمَٰثِيلَ وَجِفَانٖ كَٱلۡجَوَابِ وَقُدُورٖ رَّاسِيَٰتٍۚ ٱعۡمَلُوٓاْ ءَالَ دَاوُۥدَ شُكۡرٗاۚ وَقَلِيلٞ مِّنۡ عِبَادِيَ ٱلشَّكُورُ ١٣ فَلَمَّا قَضَيۡنَا عَلَيۡهِ ٱلۡمَوۡتَ مَا دَلَّهُمۡ عَلَىٰ مَوۡتِهِۦٓ إِلَّا دَآبَّةُ ٱلۡأَرۡضِ تَأۡكُلُ مِنسَأَتَهُۥۖ فَلَمَّا خَرَّ تَبَيَّنَتِ ٱلۡجِنُّ أَن لَّوۡ كَانُواْ يَعۡلَمُونَ ٱلۡغَيۡبَ مَا لَبِثُواْ فِي ٱلۡعَذَابِ ٱلۡمُهِينِ ١٤

ثلاثة أرباع الحزب ٤٣

8.- Phải chăng y đã nói dối rồi đổ thừa cho Allah hay là y bị quỷ ám? Không, những ai không tin tưởng nơi Đời sau thì sẽ bị trừng phạt và lầm lạc rất xa.

9.- Há họ không nhìn thấy gì trước mắt và sau lưng họ từ trên trời xuống dưới đất ư? Nếu muốn, *TA* (Allah) thừa sức làm cho đất sụp xuống nuốt tiêu mất họ hoặc làm cho một mảnh trời rơi xuống đè chết họ. Quả thật, nơi sự việc đó là một Dấu hiệu cho từng bề tôi quay về hối cải (với Allah).

10.- Và chắc chắn *TA* đã ban cho *Dāwūd* thiên ân của *TA*, (phán bảo):"Hỡi núi non! Hãy cùng với y tán dương (Allah); và hỡi chim chóc (cũng thế), và *TA* đã hóa sắt thành mềm cho y."

11.- (Và bảo y): "Hãy chế áo giáp và ráp các vòng sắt thật cân bằng và hãy làm việc thiện (hỡi *Dāwūd* và con cháu của Ngươi!) Quả thật, *TA* (Allah) hằng thấy điều các ngươi làm."

12.- Và (*TA*) bắt gió phục tùng *Sulaymān*; bởi thế (tốc độ của) gió lướt đi một buổi sáng bằng (thời gian di chuyển của) một tháng và một buổi chiều bằng (thời gian di chuyển của) một tháng. Và *TA* đã hóa một ngọn suối bằng thau (nấu chảy) chảy ra cho y; và trong loài *Jinn* có những tên làm việc đằng trước y theo Phép của *Rabb* của y; và nếu có tên (Jinn) nào cãi lệnh của *TA*, thì *TA* sẽ cho nó nếm hình phạt của Lửa ngọn cháy bùng.

13.- Chúng (*Jinn*) làm ra cho y (*Sulaymān*) những vật mà y muốn: những cung điện, những hình tượng, những chén bát lớn như những bể nước và những chảo nấu cố định một chỗ. "Hỡi gia đình (dòng dõi của) *Dāwūd*! Hãy làm việc với lòng tri-ân (Allah)!" Nhưng chỉ một số ít bầy tôi của TA tỏ lòng biết ơn.

14.- Nhưng khi *TA* quyết định cho y (*Sulaymān*) chết, chẳng có gì làm cho chúng (*Jinn*) thấy cái chết của y ngoại trừ một loại sâu đất đã gặm mòn chiếc gậy của y. Bởi thế, khi y ngã xuống, loài *Jinn* mới vỡ lẽ rằng nếu biết được điều vô hình, thì chúng đâu có phải ở lại lâu trong sự trừng phạt nhục nhã đó.

لَقَدۡ كَانَ لِسَبَإٖ فِي مَسۡكَنِهِمۡ ءَايَةٞۖ جَنَّتَانِ عَن يَمِينٖ وَشِمَالٖۖ كُلُواْ مِن رِّزۡقِ رَبِّكُمۡ وَٱشۡكُرُواْ لَهُۥۚ بَلۡدَةٞ طَيِّبَةٞ وَرَبٌّ غَفُورٞ ﴿١٥﴾ فَأَعۡرَضُواْ فَأَرۡسَلۡنَا عَلَيۡهِمۡ سَيۡلَ ٱلۡعَرِمِ وَبَدَّلۡنَٰهُم بِجَنَّتَيۡهِمۡ جَنَّتَيۡنِ ذَوَاتَيۡ أُكُلٍ خَمۡطٖ وَأَثۡلٖ وَشَيۡءٖ مِّن سِدۡرٖ قَلِيلٖ ﴿١٦﴾ ذَٰلِكَ جَزَيۡنَٰهُم بِمَا كَفَرُواْۖ وَهَلۡ نُجَٰزِيٓ إِلَّا ٱلۡكَفُورَ ﴿١٧﴾ وَجَعَلۡنَا بَيۡنَهُمۡ وَبَيۡنَ ٱلۡقُرَى ٱلَّتِي بَٰرَكۡنَا فِيهَا قُرٗى ظَٰهِرَةٗ وَقَدَّرۡنَا فِيهَا ٱلسَّيۡرَۖ سِيرُواْ فِيهَا لَيَالِيَ وَأَيَّامًا ءَامِنِينَ ﴿١٨﴾ فَقَالُواْ رَبَّنَا بَٰعِدۡ بَيۡنَ أَسۡفَارِنَا وَظَلَمُوٓاْ أَنفُسَهُمۡ فَجَعَلۡنَٰهُمۡ أَحَادِيثَ وَمَزَّقۡنَٰهُمۡ كُلَّ مُمَزَّقٍۚ إِنَّ فِي ذَٰلِكَ لَأٓيَٰتٖ لِّكُلِّ صَبَّارٖ شَكُورٖ ﴿١٩﴾ وَلَقَدۡ صَدَّقَ عَلَيۡهِمۡ إِبۡلِيسُ ظَنَّهُۥ فَٱتَّبَعُوهُ إِلَّا فَرِيقٗا مِّنَ ٱلۡمُؤۡمِنِينَ ﴿٢٠﴾ وَمَا كَانَ لَهُۥ عَلَيۡهِم مِّن سُلۡطَٰنٍ إِلَّا لِنَعۡلَمَ مَن يُؤۡمِنُ بِٱلۡأٓخِرَةِ مِمَّنۡ هُوَ مِنۡهَا فِي شَكّٖۗ وَرَبُّكَ عَلَىٰ كُلِّ شَيۡءٍ حَفِيظٞ ﴿٢١﴾ قُلِ ٱدۡعُواْ ٱلَّذِينَ زَعَمۡتُم مِّن دُونِ ٱللَّهِ لَا يَمۡلِكُونَ مِثۡقَالَ ذَرَّةٖ فِي ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَلَا فِي ٱلۡأَرۡضِ وَمَا لَهُمۡ فِيهِمَا مِن شِرۡكٖ وَمَا لَهُۥ مِنۡهُم مِّن ظَهِيرٖ ﴿٢٢﴾

15.- Chắc chắn có một Dấu hiệu cho người dân *Saba'* (Sê-ba) ngay tại chỗ của họ ở: hai ngôi vườn nằm bên phải và bên trái. Hãy ăn bổng lộc của *Rabb* của các người và biết ơn Ngài; một thành phố tốt đẹp (với) một *Rabb* (Đấng Chủ Tể) Hằng Tha thứ.

16.- Nhưng họ quay lánh xa. Bởi thế, *TA* đã gởi một trận thủy tai từ đập nước đến phạt họ và biến hai ngôi vườn của họ thành hai ngôi vườn cho mọc ra loại trái đắng và loại cây tân hoa liễu và một số ít cây kè.

17.- *TA* bắt phạt họ như thế vì tội phụ ơn của họ. Và phải chăng *TA* chỉ bắt phạt những kẻ vong ân?

18.- Giữa họ (người dân của thị trấn Saba') và những thị trấn mà *TA* đã ban phúc, *TA* đã đặt những thị trấn (khác) dễ nhìn thấy từ xa và sắp đặt nơi đó những chặng đường du lịch dễ đi; do đó, hãy đi du lịch an toàn ban đêm và ban ngày (qua những địa điểm đó).

19.- Nhưng họ thưa: "Lạy *Rabb* chúng tôi! Xin Ngài làm cho những chặng đường du lịch của chúng tôi dài xa thêm." Nhưng (mong như thế), họ tự làm hại bản thân mình. Bởi thế, *TA* đã lấy họ làm thành những câu chuyện và đã phân tán họ toàn bộ, tản mác khắp nơi. Quả thật, nơi sự việc đó là những Dấu hiệu cho từng người kiên nhẫn, biết ơn.

20.- Và chắc chắn *Iblīs* (Shaytān) đã chứng minh điều mà nó phỏng đoán về họ đúng với sự thật. Bởi thế, họ nghe theo nó ngoại trừ một phần tử nhỏ trong số những người có niềm tin.

21.- Và thật ra, *Iblīs* không có một chút quyền hành nào đối với họ mà đó chỉ là để cho *TA* biết rõ ai là người tin tưởng nơi Đời sau so với ai trong họ là người hãy còn nghi ngờ về đời đó; và *Rabb* (Allah) của Ngươi là Đấng Giám sát tất cả mọi điều.

22.- Hãy bảo họ (hỡi Muhammad!): "Hãy cầu nguyện ngoài Allah những kẻ mà các người xác nhận (là thần linh của các người). Chúng chẳng kiểm soát được một vật gì trong các tầng trời và trái đất cho dù đó là sức nặng của một hạt nguyên tử (hay hạt cải) đi nữa; và chúng cũng không có một phần chia nào trong trời đất; và trong bọn chúng không có một tên nào là vị ủng hộ của Ngài cả.

الحزب ٤٤

وَلَا تَنفَعُ ٱلشَّفَٰعَةُ عِندَهُۥٓ إِلَّا لِمَنۡ أَذِنَ لَهُۥۚ حَتَّىٰٓ إِذَا فُزِّعَ عَن قُلُوبِهِمۡ قَالُواْ مَاذَا قَالَ رَبُّكُمۡۖ قَالُواْ ٱلۡحَقَّۖ وَهُوَ ٱلۡعَلِيُّ ٱلۡكَبِيرُ ﴿٢٣﴾ ۞قُلۡ مَن يَرۡزُقُكُم مِّنَ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضِۖ قُلِ ٱللَّهُۖ وَإِنَّآ أَوۡ إِيَّاكُمۡ لَعَلَىٰ هُدًى أَوۡ فِي ضَلَٰلٖ مُّبِينٖ ﴿٢٤﴾ قُل لَّا تُسۡـَٔلُونَ عَمَّآ أَجۡرَمۡنَا وَلَا نُسۡـَٔلُ عَمَّا تَعۡمَلُونَ ﴿٢٥﴾ قُلۡ يَجۡمَعُ بَيۡنَنَا رَبُّنَا ثُمَّ يَفۡتَحُ بَيۡنَنَا بِٱلۡحَقِّ وَهُوَ ٱلۡفَتَّاحُ ٱلۡعَلِيمُ ﴿٢٦﴾ قُلۡ أَرُونِيَ ٱلَّذِينَ أَلۡحَقۡتُم بِهِۦ شُرَكَآءَۖ كَلَّاۚ بَلۡ هُوَ ٱللَّهُ ٱلۡعَزِيزُ ٱلۡحَكِيمُ ﴿٢٧﴾ وَمَآ أَرۡسَلۡنَٰكَ إِلَّا كَآفَّةٗ لِّلنَّاسِ بَشِيرٗا وَنَذِيرٗا وَلَٰكِنَّ أَكۡثَرَ ٱلنَّاسِ لَا يَعۡلَمُونَ ﴿٢٨﴾ وَيَقُولُونَ مَتَىٰ هَٰذَا ٱلۡوَعۡدُ إِن كُنتُمۡ صَٰدِقِينَ ﴿٢٩﴾ قُل لَّكُم مِّيعَادُ يَوۡمٖ لَّا تَسۡتَـٔۡخِرُونَ عَنۡهُ سَاعَةٗ وَلَا تَسۡتَقۡدِمُونَ ﴿٣٠﴾ وَقَالَ ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ لَن نُّؤۡمِنَ بِهَٰذَا ٱلۡقُرۡءَانِ وَلَا بِٱلَّذِي بَيۡنَ يَدَيۡهِۗ وَلَوۡ تَرَىٰٓ إِذِ ٱلظَّٰلِمُونَ مَوۡقُوفُونَ عِندَ رَبِّهِمۡ يَرۡجِعُ بَعۡضُهُمۡ إِلَىٰ بَعۡضٍ ٱلۡقَوۡلَ يَقُولُ ٱلَّذِينَ ٱسۡتُضۡعِفُواْ لِلَّذِينَ ٱسۡتَكۡبَرُواْ لَوۡلَآ أَنتُمۡ لَكُنَّا مُؤۡمِنِينَ ﴿٣١﴾

23.- Và việc can thiệp với Ngài (Allah) chẳng có hiệu lực gì trừ phi với ai mà Ngài cho phép. Mãi đến khi lòng của họ[1] hết sợ, lúc đó họ mới lên tiếng hỏi: "*Rabb* của quí vị phán gì vậy?" Họ (các tín đồ) đáp: "Chân lý." Bởi vì Ngài là Đấng Tối Cao, Đấng Vĩ-Đại.

24.- Hãy bảo họ "Ai cung cấp bổng lộc cho các người từ các tầng trời xuống dưới đất?" Hãy bảo họ: "Allah!" (Giữa chúng ta), chúng tôi hay quí vị sẽ là người công khai đi đúng đường hay lạc đường."

25.- Hãy bảo họ: "Quí vị sẽ không bị tra hỏi về tội của chúng tôi và chúng tôi cũng sẽ không bị tra hỏi về điều quí vị đã làm."

26.- Hãy bảo tiếp: "*Rabb* của chúng ta sẽ tập trung chúng ta trở lại rồi Ngài sẽ xét xử giữa chúng ta bằng sự thật bởi vì Ngài là Đại Thẩm phán Toàn Tri."

27.- Hãy bảo họ: "Hãy chỉ cho ta đâu là những kẻ mà các người đã cho là những vị **'hợp tác'** của Ngài (Allah). Nhất định không có ai. Không, Ngài là Allah, Đấng Toàn Năng, Đấng Chí Minh.

28.- Và *TA* (Allah) chỉ cử phái Ngươi (Muhammad) làm một Người mang tin mừng và một Người cảnh cáo cho (tất cả) nhân loại nhưng đa số người không biết.

29.- Và họ bảo: "Thế chừng nào Lời hứa (về việc xét xử) này sẽ xảy ra nếu quí vị (Muslim) nói thật?"

30.- Hãy bảo họ: "Cuộc hẹn cho quí vị sẽ là ngày mà quí vị không thể dời lại cũng không thể giục đến sớm hơn một giờ khắc nào."

31.- Và những kẻ không có niềm tin bảo: "Chúng tôi sẽ không bao giờ tin nơi *Qur'ān* này và cũng không tin nơi điều (Kinh sách) nào trước nó." Giá Ngươi (Muhammad) có thể nhìn thấy được tình cảnh của những kẻ làm điều sai quấy bị bắt đứng trước mặt *Rabb* của chúng, chúng lời qua tiếng lại trách móc lẫn nhau. Những kẻ tự cho mình yếu thế sẽ bảo những tên cường bạo: "Nếu không vì nể nang quí ngài thì chúng tôi đã trở thành người tin tưởng rồi!"

[1] Thiên thần hay những vị được Allah cho phép can thiệp.

قَالَ ٱلَّذِينَ ٱسۡتَكۡبَرُواْ لِلَّذِينَ ٱسۡتُضۡعِفُوٓاْ أَنَحۡنُ صَدَدۡنَٰكُمۡ عَنِ ٱلۡهُدَىٰ بَعۡدَ إِذۡ جَآءَكُمۖ بَلۡ كُنتُم مُّجۡرِمِينَ ٣٢ وَقَالَ ٱلَّذِينَ ٱسۡتُضۡعِفُواْ لِلَّذِينَ ٱسۡتَكۡبَرُواْ بَلۡ مَكۡرُ ٱلَّيۡلِ وَٱلنَّهَارِ إِذۡ تَأۡمُرُونَنَآ أَن نَّكۡفُرَ بِٱللَّهِ وَنَجۡعَلَ لَهُۥٓ أَندَادٗاۚ وَأَسَرُّواْ ٱلنَّدَامَةَ لَمَّا رَأَوُاْ ٱلۡعَذَابَۚ وَجَعَلۡنَا ٱلۡأَغۡلَٰلَ فِيٓ أَعۡنَاقِ ٱلَّذِينَ كَفَرُواْۖ هَلۡ يُجۡزَوۡنَ إِلَّا مَا كَانُواْ يَعۡمَلُونَ ٣٣ وَمَآ أَرۡسَلۡنَا فِي قَرۡيَةٖ مِّن نَّذِيرٍ إِلَّا قَالَ مُتۡرَفُوهَآ إِنَّا بِمَآ أُرۡسِلۡتُم بِهِۦ كَٰفِرُونَ ٣٤ وَقَالُواْ نَحۡنُ أَكۡثَرُ أَمۡوَٰلٗا وَأَوۡلَٰدٗا وَمَا نَحۡنُ بِمُعَذَّبِينَ ٣٥ قُلۡ إِنَّ رَبِّي يَبۡسُطُ ٱلرِّزۡقَ لِمَن يَشَآءُ وَيَقۡدِرُ وَلَٰكِنَّ أَكۡثَرَ ٱلنَّاسِ لَا يَعۡلَمُونَ ٣٦ وَمَآ أَمۡوَٰلُكُمۡ وَلَآ أَوۡلَٰدُكُم بِٱلَّتِي تُقَرِّبُكُمۡ عِندَنَا زُلۡفَىٰٓ إِلَّا مَنۡ ءَامَنَ وَعَمِلَ صَٰلِحٗا فَأُوْلَٰٓئِكَ لَهُمۡ جَزَآءُ ٱلضِّعۡفِ بِمَا عَمِلُواْ وَهُمۡ فِي ٱلۡغُرُفَٰتِ ءَامِنُونَ ٣٧ وَٱلَّذِينَ يَسۡعَوۡنَ فِيٓ ءَايَٰتِنَا مُعَٰجِزِينَ أُوْلَٰٓئِكَ فِي ٱلۡعَذَابِ مُحۡضَرُونَ ٣٨ قُلۡ إِنَّ رَبِّي يَبۡسُطُ ٱلرِّزۡقَ لِمَن يَشَآءُ مِنۡ عِبَادِهِۦ وَيَقۡدِرُ لَهُۥۚ وَمَآ أَنفَقۡتُم مِّن شَيۡءٖ فَهُوَ يُخۡلِفُهُۥۖ وَهُوَ خَيۡرُ ٱلرَّٰزِقِينَ ٣٩

32.- Những tên cường bạo sẽ đáp lời những kẻ tự cho mình yếu thế, bảo: "Phải chăng bọn ta đã ngăn cản không cho các ngươi theo chỉ đạo khi nó đến với các ngươi?" Không, chính các ngươi mới là những kẻ tội lỗi.

33.- Và những kẻ tự cho mình yếu thế sẽ đáp lời những tên cường bạo: "Không, quí ngài đã cùng nhau bày mưu cả đêm lẫn ngày khi quí ngài ra lệnh cho chúng tôi bảo phải phủ nhận Allah và dựng những đối thủ ngang vai với Ngài." Chúng sẽ hối hận khi nhìn thấy hình phạt. *TA* sẽ đóng những chiếc gông vào cổ của những kẻ phủ nhận đức tin. Phải chăng chúng bị phạt chỉ vì tội mà chúng đã làm?

34.- Và không một người cảnh cáo nào được *TA* cử đến một thị trấn mà không bị những người giầu có của nó tuyên bố: "Chúng tôi không tin nơi thông điệp mà quí vị mang đến cho chúng tôi."

35.- Và họ bảo: "Chúng tôi có nhiều của cải và đông con và chúng tôi sẽ không bị trừng phạt."

36.- Hãy bảo họ: "Quả thật, *Rabb* của ta thu hẹp hay nới rộng bổng lộc của Ngài cho ai mà Ngài muốn, nhưng đa số nhân loại không biết."

37.- Và không phải của cải cũng không phải con cái của các người là những thứ sẽ đưa các người đến gần *TA* theo cấp bậc, mà ngược lại chỉ ai có đức tin và làm việc thiện, bởi vì họ là những người sẽ được tưởng thưởng gấp đôi do những điều (tốt) họ đã làm và sẽ ở trong những ngôi nhà an toàn trên cao.

38.- Còn những ai tích cực hoạt động để phá hỏng các Dấu hiệu của *TA*, thì sẽ bị đưa đến chỗ trừng phạt.

39.- Hãy bảo họ: "*Rabb* của ta nới rộng hay thu hẹp bổng lộc của Ngài cho ai mà Ngài muốn trong số bầy tôi của Ngài. Và bất cứ của cải nào mà các người chi dùng (cho Chính nghĩa của Ngài), thì sẽ được Ngài hoàn lại bởi vì Ngài là Đấng Cung dưỡng Ưu việt."

وَيَوۡمَ يَحۡشُرُهُمۡ جَمِيعٗا ثُمَّ يَقُولُ لِلۡمَلَٰٓئِكَةِ أَهَٰٓؤُلَآءِ إِيَّاكُمۡ كَانُواْ يَعۡبُدُونَ ﴿٤٠﴾ قَالُواْ سُبۡحَٰنَكَ أَنتَ وَلِيُّنَا مِن دُونِهِمۖ بَلۡ كَانُواْ يَعۡبُدُونَ ٱلۡجِنَّۖ أَكۡثَرُهُم بِهِم مُّؤۡمِنُونَ ﴿٤١﴾ فَٱلۡيَوۡمَ لَا يَمۡلِكُ بَعۡضُكُمۡ لِبَعۡضٖ نَّفۡعٗا وَلَا ضَرّٗا وَنَقُولُ لِلَّذِينَ ظَلَمُواْ ذُوقُواْ عَذَابَ ٱلنَّارِ ٱلَّتِي كُنتُم بِهَا تُكَذِّبُونَ ﴿٤٢﴾ وَإِذَا تُتۡلَىٰ عَلَيۡهِمۡ ءَايَٰتُنَا بَيِّنَٰتٖ قَالُواْ مَا هَٰذَآ إِلَّا رَجُلٞ يُرِيدُ أَن يَصُدَّكُمۡ عَمَّا كَانَ يَعۡبُدُ ءَابَآؤُكُمۡ وَقَالُواْ مَا هَٰذَآ إِلَّآ إِفۡكٞ مُّفۡتَرٗىۚ وَقَالَ ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ لِلۡحَقِّ لَمَّا جَآءَهُمۡ إِنۡ هَٰذَآ إِلَّا سِحۡرٞ مُّبِينٞ ﴿٤٣﴾ وَمَآ ءَاتَيۡنَٰهُم مِّن كُتُبٖ يَدۡرُسُونَهَاۖ وَمَآ أَرۡسَلۡنَآ إِلَيۡهِمۡ قَبۡلَكَ مِن نَّذِيرٖ ﴿٤٤﴾ وَكَذَّبَ ٱلَّذِينَ مِن قَبۡلِهِمۡ وَمَا بَلَغُواْ مِعۡشَارَ مَآ ءَاتَيۡنَٰهُمۡ فَكَذَّبُواْ رُسُلِيۖ فَكَيۡفَ كَانَ نَكِيرِ ﴿٤٥﴾ ۞ قُلۡ إِنَّمَآ أَعِظُكُم بِوَٰحِدَةٍۖ أَن تَقُومُواْ لِلَّهِ مَثۡنَىٰ وَفُرَٰدَىٰ ثُمَّ تَتَفَكَّرُواْۚ مَا بِصَاحِبِكُم مِّن جِنَّةٍۚ إِنۡ هُوَ إِلَّا نَذِيرٞ لَّكُم بَيۡنَ يَدَيۡ عَذَابٖ شَدِيدٖ ﴿٤٦﴾ قُلۡ مَا سَأَلۡتُكُم مِّنۡ أَجۡرٖ فَهُوَ لَكُمۡۖ إِنۡ أَجۡرِيَ إِلَّا عَلَى ٱللَّهِۖ وَهُوَ عَلَىٰ كُلِّ شَيۡءٖ شَهِيدٞ ﴿٤٧﴾ قُلۡ إِنَّ رَبِّي يَقۡذِفُ بِٱلۡحَقِّ عَلَّٰمُ ٱلۡغُيُوبِ ﴿٤٨﴾

ربع الحزب ٤٤

40.- Vào Ngày mà Ngài sẽ tập trung tất cả bọn chúng lại rồi phán bảo các thiên thần: "Có phải các ngươi là những kẻ mà bọn người này đã từng tôn thờ?"

41.- Các thiên thần sẽ thưa: "Quang vinh thay Ngài! Ngài là Chủ Nhân của chúng tôi chứ đâu phải chúng. Không, chúng tôn thờ *Jinn*. Đa số bọn chúng tin tưởng nơi chúng (*Jinn*)."

42.- Ngày nay (Ngày Phục sinh), không ai được quyền trục lợi và hãm hại lẫn nhau. Và *TA* sẽ bảo những ai làm điều sai quấy: "Hãy nếm hình phạt của Lửa (Hỏa ngục) mà các người đã từng cho là giả tạo."

43.- Và khi các Lời mặc khải minh bạch của *TA* được đọc ra cho chúng thì chúng bảo: "(Muhammad) này chỉ là một người phàm. Y muốn cản trở quí vị tôn thờ những vật mà cha mẹ của quí vị đã từng tôn thờ." Chúng bảo: "Đây chỉ là điều giả dối khéo bịa đặt." Và những kẻ phủ nhận đức tin nói về Chân lý khi nó đến với chúng như sau: "Đây chỉ là điều mê hoặc hiển hiện."

44.- Nhưng *TA* đã không ban cho chúng (người Quraish) các Kinh sách mà chúng có thể học hỏi; và cũng không cử trước Ngươi một người cảnh cáo nào đến với chúng.

45.- Và những kẻ trước chúng cũng đã phủ nhận (Chân lý). Những người (Quraish) này đã không nhận được một phần mười ân huệ mà *TA* đã ban cho các tiền nhân của chúng, thế mà chúng đã cho các Sứ giả của TA nói dối. Bởi thế, sự trừng phạt của TA sẽ khủng khiếp ra sao.

46.- Hãy bảo chúng (hỡi Muhammad!) "Ta chỉ khuyên các người một điều: hãy vì Allah các người đứng lên từng cặp hay từng người rồi tự suy nghĩ; (thì sẽ thấy) người bạn (Muhammad) của các người đã không bị quỷ ám (điên) mà chỉ là một người báo trước về một sự trừng phạt khủng khiếp sắp đến."

47.- Hãy bảo: "Phần thưởng mà ta có thể hỏi từ các người là của các người; còn phần thưởng của ta thì do Allah (ban cấp) bởi vì Ngài chứng giám tất cả mọi việc."

48.- Hãy bảo: "Quả thật, *Rabb* của ta quẳng ban Chân lý xuống; Ngài thấu rõ điều vô hình."

قُلْ جَآءَ ٱلْحَقُّ وَمَا يُبْدِئُ ٱلْبَٰطِلُ وَمَا يُعِيدُ ﴿٤٩﴾ قُلْ إِن ضَلَلْتُ فَإِنَّمَآ أَضِلُّ عَلَىٰ نَفْسِى ۖ وَإِنِ ٱهْتَدَيْتُ فَبِمَا يُوحِىٓ إِلَىَّ رَبِّىٓ ۚ إِنَّهُۥ سَمِيعٌ قَرِيبٌ ﴿٥٠﴾ وَلَوْ تَرَىٰٓ إِذْ فَزِعُوا۟ فَلَا فَوْتَ وَأُخِذُوا۟ مِن مَّكَانٍ قَرِيبٍ ﴿٥١﴾ وَقَالُوٓا۟ ءَامَنَّا بِهِۦ وَأَنَّىٰ لَهُمُ ٱلتَّنَاوُشُ مِن مَّكَانٍۭ بَعِيدٍ ﴿٥٢﴾ وَقَدْ كَفَرُوا۟ بِهِۦ مِن قَبْلُ ۖ وَيَقْذِفُونَ بِٱلْغَيْبِ مِن مَّكَانٍۭ بَعِيدٍ ﴿٥٣﴾ وَحِيلَ بَيْنَهُمْ وَبَيْنَ مَا يَشْتَهُونَ كَمَا فُعِلَ بِأَشْيَاعِهِم مِّن قَبْلُ ۚ إِنَّهُمْ كَانُوا۟ فِى شَكٍّ مُّرِيبٍۭ ﴿٥٤﴾

سُورَةُ فَاطِرٍ

بِسْمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحْمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

ٱلْحَمْدُ لِلَّهِ فَاطِرِ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلْأَرْضِ جَاعِلِ ٱلْمَلَٰٓئِكَةِ رُسُلًا أُو۟لِىٓ أَجْنِحَةٍ مَّثْنَىٰ وَثُلَٰثَ وَرُبَٰعَ ۚ يَزِيدُ فِى ٱلْخَلْقِ مَا يَشَآءُ ۚ إِنَّ ٱللَّهَ عَلَىٰ كُلِّ شَىْءٍ قَدِيرٌ ﴿١﴾ مَّا يَفْتَحِ ٱللَّهُ لِلنَّاسِ مِن رَّحْمَةٍ فَلَا مُمْسِكَ لَهَا ۖ وَمَا يُمْسِكْ فَلَا مُرْسِلَ لَهُۥ مِنۢ بَعْدِهِۦ ۚ وَهُوَ ٱلْعَزِيزُ ٱلْحَكِيمُ ﴿٢﴾ يَٰٓأَيُّهَا ٱلنَّاسُ ٱذْكُرُوا۟ نِعْمَتَ ٱللَّهِ عَلَيْكُمْ ۚ هَلْ مِنْ خَٰلِقٍ غَيْرُ ٱللَّهِ يَرْزُقُكُم مِّنَ ٱلسَّمَآءِ وَٱلْأَرْضِ ۚ لَآ إِلَٰهَ إِلَّا هُوَ ۖ فَأَنَّىٰ تُؤْفَكُونَ ﴿٣﴾

49.- Hãy bảo: "Chân lý (Qur'ān) đã đến thì sự Giả dối không khởi sự cũng không phục hồi được gì."

50.- Hãy bảo: "Nếu ta lầm lạc thì chỉ bản thân ta lầm lạc; và nếu ta được hướng dẫn thì là do điều mặc khải mà Allah đã ban cấp cho ta bởi vì Ngài Hằng Nghe và Rất gần kề (chúng ta).

51.- Và nếu Ngươi (Muhammad) có thể nhìn thấy được tình trạng mà chúng bị hãi hùng bởi vì chúng sẽ không trốn thoát được và sẽ bị túm bắt từ một nơi rất gần.

52.- Và chúng sẽ bảo: "(Bây giờ) chúng tôi tin nơi Nó (Qur'ān);" nhưng làm sao chúng có thể nhận được đức tin từ một nơi quá xa!

53.- Và chắc chắn, chúng đã không tin nơi Chân lý từ trước và đã từng phỏng chừng về điều vô hình từ một nơi xa.

54.- Và giữa chúng với những điều mà chúng mong ước (Chân lý) có một bức chắn ngăn cách, tương tự trường hợp đã xảy ra cho đồng bọn của chúng trong quá khứ. Quả thật, chúng là đám người ở trong tình trạng ngờ vực trầm trọng.

FĀTIR (Đấng Sáng Tạo)

Nhân danh Allah Đấng Rất mực Độ lượng,
Đấng Rất mực Khoan dung

1.- Mọi lời ca tụng đều thuộc về Allah, Đấng đã sáng tạo các tầng trời và trái đất; Ngài đã chỉ định các thiên thần làm thiên sứ có cánh: hai, hoặc ba, hoặc bốn (đôi). Ngài thêm vào sự tạo hóa bất cứ cái gì Ngài muốn bởi vì Ngài thừa khả năng làm được tất cả mọi vật (việc).

2.- Bất cứ hồng ân nào mà Allah ban cho nhân loại, không ai có quyền giữ lại và cái nào mà Ngài giữ lại thì không ai ngoài Ngài có quyền ban phát nó sau đó. Bởi vì Ngài là Đấng Toàn Năng, Đấng Chí Minh.

3.- Hỡi nhân loại! Hãy nhớ Ân huệ của Allah đã ban cho các người. Có chăng một Đấng Tạo Hóa nào khác Allah đã cung phụng cho các người từ trên trời xuống dưới đất? Không có Thượng Đế nào cả duy chỉ Ngài. Thế sao các người quay lánh xa?

وَإِن يُكَذِّبُوكَ فَقَدْ كُذِّبَتْ رُسُلٌ مِّن قَبْلِكَ ۚ وَإِلَى ٱللَّهِ تُرْجَعُ ٱلْأُمُورُ ﴿٤﴾ يَٰٓأَيُّهَا ٱلنَّاسُ إِنَّ وَعْدَ ٱللَّهِ حَقٌّ ۖ فَلَا تَغُرَّنَّكُمُ ٱلْحَيَوٰةُ ٱلدُّنْيَا وَلَا يَغُرَّنَّكُم بِٱللَّهِ ٱلْغَرُورُ ﴿٥﴾ إِنَّ ٱلشَّيْطَٰنَ لَكُمْ عَدُوٌّ فَٱتَّخِذُوهُ عَدُوًّا ۚ إِنَّمَا يَدْعُوا۟ حِزْبَهُۥ لِيَكُونُوا۟ مِنْ أَصْحَٰبِ ٱلسَّعِيرِ ﴿٦﴾ ٱلَّذِينَ كَفَرُوا۟ لَهُمْ عَذَابٌ شَدِيدٌ ۖ وَٱلَّذِينَ ءَامَنُوا۟ وَعَمِلُوا۟ ٱلصَّٰلِحَٰتِ لَهُم مَّغْفِرَةٌ وَأَجْرٌ كَبِيرٌ ﴿٧﴾ أَفَمَن زُيِّنَ لَهُۥ سُوٓءُ عَمَلِهِۦ فَرَءَاهُ حَسَنًا ۖ فَإِنَّ ٱللَّهَ يُضِلُّ مَن يَشَآءُ وَيَهْدِى مَن يَشَآءُ ۖ فَلَا تَذْهَبْ نَفْسُكَ عَلَيْهِمْ حَسَرَٰتٍ ۚ إِنَّ ٱللَّهَ عَلِيمٌۢ بِمَا يَصْنَعُونَ ﴿٨﴾ وَٱللَّهُ ٱلَّذِىٓ أَرْسَلَ ٱلرِّيَٰحَ فَتُثِيرُ سَحَابًا فَسُقْنَٰهُ إِلَىٰ بَلَدٍ مَّيِّتٍ فَأَحْيَيْنَا بِهِ ٱلْأَرْضَ بَعْدَ مَوْتِهَا ۚ كَذَٰلِكَ ٱلنُّشُورُ ﴿٩﴾ مَن كَانَ يُرِيدُ ٱلْعِزَّةَ فَلِلَّهِ ٱلْعِزَّةُ جَمِيعًا ۚ إِلَيْهِ يَصْعَدُ ٱلْكَلِمُ ٱلطَّيِّبُ وَٱلْعَمَلُ ٱلصَّٰلِحُ يَرْفَعُهُۥ ۚ وَٱلَّذِينَ يَمْكُرُونَ ٱلسَّيِّـَٔاتِ لَهُمْ عَذَابٌ شَدِيدٌ ۖ وَمَكْرُ أُو۟لَٰٓئِكَ هُوَ يَبُورُ ﴿١٠﴾ وَٱللَّهُ خَلَقَكُم مِّن تُرَابٍ ثُمَّ مِن نُّطْفَةٍ ثُمَّ جَعَلَكُمْ أَزْوَٰجًا ۚ وَمَا تَحْمِلُ مِنْ أُنثَىٰ وَلَا تَضَعُ إِلَّا بِعِلْمِهِۦ ۚ وَمَا يُعَمَّرُ مِن مُّعَمَّرٍ وَلَا يُنقَصُ مِنْ عُمُرِهِۦٓ إِلَّا فِى كِتَٰبٍ ۚ إِنَّ ذَٰلِكَ عَلَى ٱللَّهِ يَسِيرٌ ﴿١١﴾

4.- Và nếu chúng phủ nhận Ngươi (Muhammad) thì chắc chắn các Sứ giả trước Ngươi cũng đã bị chúng phủ nhận, nhưng mọi vấn đề sẽ được trình về cho Allah quyết định.

5.- Hỡi nhân loại! Chắc chắn Lời hứa của Allah sẽ đích thực. Bởi thế chớ để cho đời sống trần tục này đánh lừa các người. Và chớ để cho tên đại bịp (*Shaytān*) lừa gạt các người về Allah.

6.- Quả thật, Shaytān là kẻ thù của các người. Vậy hãy đối xử với nó như một kẻ thù. Nó chuyên dụ dỗ đồ đệ của nó để làm cho chúng trở thành những người bạn của Lửa ngọn.

7.- Những ai không có đức tin thì sẽ bị trừng phạt nghiêm khắc; ngược lại những ai có đức tin và làm việc thiện, thì sẽ được tha thứ và sẽ được ban thưởng rất lớn.

8.- Thế hẳn một người xem việc làm bất lương của y đẹp mắt rồi tự cho đó là điều tốt (có bằng với một người lương thiện hay không?) Bởi vì thật ra Allah đánh lạc hướng kẻ nào mà Ngài muốn và hướng dẫn người nào Ngài muốn; Bởi thế chớ vì thương xót giùm cho chúng mà Ngươi (Muhammad) tự làm hao mòn thân xác. Quả thật, Allah hằng biết về những điều chúng làm.

9.- Và Allah là Đấng đã gởi các luồng gió bay đi; vì thế chúng thổi đưa đám mây lên cao và *TA* đưa nó đến một vùng đất khô cằn; rồi dùng nó để làm sống lại mảnh đất đã chết khô. Và việc Phục sinh (người chết) sẽ giống như thế.

10.- Ai muốn *'izzah* (quyền hành, danh dự và vinh quang) thì mọi *'izzah* đều là của Allah cả. Mọi lời nói tốt đẹp sẽ bốc lên tận Ngài và mọi việc làm phúc thiện sẽ tâng bốc nó trong lúc những ai âm mưu điều bất lương thì sẽ bị trừng phạt nghiêm khắc. Và mưu đồ của những kẻ đó sẽ hoàn toàn bị thất bại.

11.- Và Allah đã tạo hóa các người từ đất bụi; rồi từ một giọt tinh dịch; rồi Ngài làm cho các người thành cặp (vợ chồng). Và không một phụ nữ nào mang thai hoặc hạ sanh (con) mà Ngài không biết. Và không một người nào sống thọ hay giảm thọ mà lại không được ghi sẵn trong một Quyển Sổ (Định mệnh) bởi vì quả thật, điều đó rất dễ đối với Allah.

وَمَا يَسْتَوِي ٱلْبَحْرَانِ هَٰذَا عَذْبٌ فُرَاتٌ سَآئِغٌ شَرَابُهُۥ وَهَٰذَا مِلْحٌ أُجَاجٌۖ وَمِن كُلٍّ تَأْكُلُونَ لَحْمًا طَرِيًّا وَتَسْتَخْرِجُونَ حِلْيَةً تَلْبَسُونَهَاۖ وَتَرَى ٱلْفُلْكَ فِيهِ مَوَاخِرَ لِتَبْتَغُواْ مِن فَضْلِهِۦ وَلَعَلَّكُمْ تَشْكُرُونَ ﴿١٢﴾ يُولِجُ ٱلَّيْلَ فِي ٱلنَّهَارِ وَيُولِجُ ٱلنَّهَارَ فِي ٱلَّيْلِ وَسَخَّرَ ٱلشَّمْسَ وَٱلْقَمَرَۖ كُلٌّ يَجْرِي لِأَجَلٍ مُّسَمًّىۚ ذَٰلِكُمُ ٱللَّهُ رَبُّكُمْ لَهُ ٱلْمُلْكُۚ وَٱلَّذِينَ تَدْعُونَ مِن دُونِهِۦ مَا يَمْلِكُونَ مِن قِطْمِيرٍ ﴿١٣﴾ إِن تَدْعُوهُمْ لَا يَسْمَعُواْ دُعَآءَكُمْ وَلَوْ سَمِعُواْ مَا ٱسْتَجَابُواْ لَكُمْۖ وَيَوْمَ ٱلْقِيَٰمَةِ يَكْفُرُونَ بِشِرْكِكُمْۚ وَلَا يُنَبِّئُكَ مِثْلُ خَبِيرٍ ﴿١٤﴾ ۞ يَٰٓأَيُّهَا ٱلنَّاسُ أَنتُمُ ٱلْفُقَرَآءُ إِلَى ٱللَّهِۖ وَٱللَّهُ هُوَ ٱلْغَنِيُّ ٱلْحَمِيدُ ﴿١٥﴾ إِن يَشَأْ يُذْهِبْكُمْ وَيَأْتِ بِخَلْقٍ جَدِيدٍ ﴿١٦﴾ وَمَا ذَٰلِكَ عَلَى ٱللَّهِ بِعَزِيزٍ ﴿١٧﴾ وَلَا تَزِرُ وَازِرَةٌ وِزْرَ أُخْرَىٰۚ وَإِن تَدْعُ مُثْقَلَةٌ إِلَىٰ حِمْلِهَا لَا يُحْمَلْ مِنْهُ شَيْءٌ وَلَوْ كَانَ ذَا قُرْبَىٰٓۗ إِنَّمَا تُنذِرُ ٱلَّذِينَ يَخْشَوْنَ رَبَّهُم بِٱلْغَيْبِ وَأَقَامُواْ ٱلصَّلَوٰةَۚ وَمَن تَزَكَّىٰ فَإِنَّمَا يَتَزَكَّىٰ لِنَفْسِهِۦۚ وَإِلَى ٱللَّهِ ٱلْمَصِيرُ ﴿١٨﴾

نصف الحزب ٤٤

12.- Và hai biển nước không giống nhau. Một loại thì ngọt, dễ uống và một loại thì mặn, chát. Nhưng các người được ăn thịt tươi từ mỗi loại biển cả và từ đó (mò) lấy đồ nữ trang để đeo. Và ngươi thấy những chiếc tàu (buồm) cày sóng đưa các ngươi đi tìm thiên lộc của Ngài và để cho các người tri ân Ngài.

13.- Ngài nhập ban đêm vào ban ngày và nhập ban ngày vào ban đêm; và Ngài chế ngự mặt trời và mặt trăng (theo định luật của Ngài); mỗi cái di chuyển (theo quỹ đạo của nó) đến một thời hạn ấn định. Allah, *Rabb* của các người là thế. Ngài nắm quyền thống trị (vạn vật). Ngược lại, những kẻ mà các người cầu nguyện không phải là Ngài không kiểm soát được một lớp vỏ hạt chà là.

14.- Nếu các người cầu nguyện chúng thì chúng sẽ không nghe được lời cầu của các người và nếu chúng có nghe đặng thì chúng vẫn không đáp lại lời cầu của các người; và vào Ngày Phục sinh, chúng sẽ phủ nhận việc các người 'tôn thờ' chúng. Và không ai có thể báo cho Ngươi (Muhammad!) biết (sự thật) giống như Đấng Am Tường (Allah).

15.- Hỡi nhân loại! Các người mới là những kẻ nhờ vả Allah; ngược lại, Allah Rất mực Giầu có, Rất đáng Ca tụng.

16.- Nếu muốn, Ngài sẽ xóa bỏ các người và lập nên một sự tạo hóa mới (thay thế các người).

17.- Và việc đó chẳng có gì nặng nhọc đối với Allah cả.

18.- Và không một người khuân vác nào sẽ vác giùm gánh nặng (tội lỗi) của người khác cả; và nếu một người nào đó vác quá sức của mình cầu cứu một người khác vác giùm gánh nặng của y thì không một tí gánh nặng (tội lỗi) nào của y sẽ được (người khác) vác giùm dẫu đó là bà con ruột thịt của y đi nữa. Ngươi (Muhammad) chỉ có thể cảnh cáo những ai sợ Đấng *Rabb* vô hình của họ và dâng lễ *Salāh* một cách chu đáo; và ai tự tẩy sạch (tội lỗi) thì việc tẩy sạch đó chỉ có lợi cho bản thân mình. Và cuối cùng (tất cả) đều trở về gặp Allah.

وَمَا يَسْتَوِي ٱلْأَعْمَىٰ وَٱلْبَصِيرُ ﴿١٩﴾ وَلَا ٱلظُّلُمَٰتُ وَلَا ٱلنُّورُ ﴿٢٠﴾ وَلَا ٱلظِّلُّ وَلَا ٱلْحَرُورُ ﴿٢١﴾ وَمَا يَسْتَوِي ٱلْأَحْيَآءُ وَلَا ٱلْأَمْوَٰتُۚ إِنَّ ٱللَّهَ يُسْمِعُ مَن يَشَآءُۖ وَمَآ أَنتَ بِمُسْمِعٍ مَّن فِي ٱلْقُبُورِ ﴿٢٢﴾ إِنْ أَنتَ إِلَّا نَذِيرٌ ﴿٢٣﴾ إِنَّآ أَرْسَلْنَٰكَ بِٱلْحَقِّ بَشِيرًا وَنَذِيرًاۚ وَإِن مِّنْ أُمَّةٍ إِلَّا خَلَا فِيهَا نَذِيرٌ ﴿٢٤﴾ وَإِن يُكَذِّبُوكَ فَقَدْ كَذَّبَ ٱلَّذِينَ مِن قَبْلِهِمْ جَآءَتْهُمْ رُسُلُهُم بِٱلْبَيِّنَٰتِ وَبِٱلزُّبُرِ وَبِٱلْكِتَٰبِ ٱلْمُنِيرِ ﴿٢٥﴾ ثُمَّ أَخَذْتُ ٱلَّذِينَ كَفَرُوٓاْۖ فَكَيْفَ كَانَ نَكِيرِ ﴿٢٦﴾ أَلَمْ تَرَ أَنَّ ٱللَّهَ أَنزَلَ مِنَ ٱلسَّمَآءِ مَآءً فَأَخْرَجْنَا بِهِۦ ثَمَرَٰتٍ مُّخْتَلِفًا أَلْوَٰنُهَاۚ وَمِنَ ٱلْجِبَالِ جُدَدُۢ بِيضٌ وَحُمْرٌ مُّخْتَلِفٌ أَلْوَٰنُهَا وَغَرَابِيبُ سُودٌ ﴿٢٧﴾ وَمِنَ ٱلنَّاسِ وَٱلدَّوَآبِّ وَٱلْأَنْعَٰمِ مُخْتَلِفٌ أَلْوَٰنُهُۥ كَذَٰلِكَۗ إِنَّمَا يَخْشَى ٱللَّهَ مِنْ عِبَادِهِ ٱلْعُلَمَٰٓؤُاْۗ إِنَّ ٱللَّهَ عَزِيزٌ غَفُورٌ ﴿٢٨﴾ إِنَّ ٱلَّذِينَ يَتْلُونَ كِتَٰبَ ٱللَّهِ وَأَقَامُواْ ٱلصَّلَوٰةَ وَأَنفَقُواْ مِمَّا رَزَقْنَٰهُمْ سِرًّا وَعَلَانِيَةً يَرْجُونَ تِجَٰرَةً لَّن تَبُورَ ﴿٢٩﴾ لِيُوَفِّيَهُمْ أُجُورَهُمْ وَيَزِيدَهُم مِّن فَضْلِهِۦٓۚ إِنَّهُۥ غَفُورٌ شَكُورٌ ﴿٣٠﴾

19.- Bởi vì người mù và người sáng mắt không như nhau;

20.- Bóng tối và ánh sáng cũng thế;

21.- Bóng mát và sức nóng của mặt trời cũng thế;

22.- Người sống và người chết cũng không giống nhau. Quả thật, Allah có thể làm cho người nào mà Ngài muốn nghe được; nhưng Ngươi (Muhammad) không thể làm cho người nào nằm dưới mộ nghe được.

23.- Bởi vì quả thật, Ngươi chỉ là một Người báo trước.

24.- Quả thật! *TA* (Allah) cử phái Ngươi (Muhammad) mang Chân lý đến, vừa làm một Người báo tin lành, báo tin dữ; và không một Cộng đồng nào mà không có một Người cảnh cáo đến với họ.

25.- Và nếu chúng phủ nhận Ngươi nói dối thì chắc chắn những kẻ trước chúng cũng đã phủ nhận như thế. Các Sứ giả của chúng đã đến gặp chúng với những bằng chứng rõ rệt và với những quyển Kinh (*Zubūr*) và với một Kinh Sách (*Kitāb*) soi sáng.

26.- Rồi, TA bắt phạt những kẻ phủ nhận đức tin. Bởi thế, hãy xem sự trừng phạt của TA khủng khiếp thế nào!

27.- Há Ngươi không nhận thấy việc Allah ban nước mưa từ trên trời xuống? *TA* (Allah) dùng nó để làm mọc ra hoa quả mang nhiều mầu sắc khác biệt; và trên núi có những đường rạch trắng và đỏ, và những mầu sắc khác biệt. Và (cũng có những vật) mầu đen sậm.

28.- Và loài người và dã thú và gia súc cũng mang những mầu sắc khác biệt như thế. Trong số bầy tôi của Ngài (Allah), chỉ những ai hiểu biết mới sợ Allah. Quả thật, Allah Toàn Năng, Hằng Tha thứ.

29.- Quả thật, những ai đọc Kinh sách của Allah và dâng lễ *Salāh* một cách chu đáo và chi dùng kín đáo hay công khai những vật (tài sản) mà *TA* đã cung cấp (để làm việc thiện) thì sẽ hy vọng nơi một sự đổi chác không bao giờ thất bại.

30.- Để Ngài trả lại đầy đủ công lao của họ và tưởng thưởng họ thêm với thiên lộc của Ngài bởi vì quả thật Ngài Hằng tha thứ, Hằng ghi công (cho họ).

وَٱلَّذِىٓ أَوۡحَيۡنَآ إِلَيۡكَ مِنَ ٱلۡكِتَٰبِ هُوَ ٱلۡحَقُّ مُصَدِّقٗا لِّمَا بَيۡنَ
يَدَيۡهِۗ إِنَّ ٱللَّهَ بِعِبَادِهِۦ لَخَبِيرُۢ بَصِيرٞ ﴿٣١﴾ ثُمَّ أَوۡرَثۡنَا ٱلۡكِتَٰبَ
ٱلَّذِينَ ٱصۡطَفَيۡنَا مِنۡ عِبَادِنَاۖ فَمِنۡهُمۡ ظَالِمٞ لِّنَفۡسِهِۦ وَمِنۡهُم
مُّقۡتَصِدٞ وَمِنۡهُمۡ سَابِقُۢ بِٱلۡخَيۡرَٰتِ بِإِذۡنِ ٱللَّهِۚ ذَٰلِكَ هُوَ
ٱلۡفَضۡلُ ٱلۡكَبِيرُ ﴿٣٢﴾ جَنَّٰتُ عَدۡنٖ يَدۡخُلُونَهَا يُحَلَّوۡنَ
فِيهَا مِنۡ أَسَاوِرَ مِن ذَهَبٖ وَلُؤۡلُؤٗاۖ وَلِبَاسُهُمۡ فِيهَا حَرِيرٞ ﴿٣٣﴾
وَقَالُواْ ٱلۡحَمۡدُ لِلَّهِ ٱلَّذِىٓ أَذۡهَبَ عَنَّا ٱلۡحَزَنَۖ إِنَّ رَبَّنَا لَغَفُورٞ
شَكُورٌ ﴿٣٤﴾ ٱلَّذِىٓ أَحَلَّنَا دَارَ ٱلۡمُقَامَةِ مِن فَضۡلِهِۦ لَا يَمَسُّنَا
فِيهَا نَصَبٞ وَلَا يَمَسُّنَا فِيهَا لُغُوبٞ ﴿٣٥﴾ وَٱلَّذِينَ كَفَرُواْ لَهُمۡ
نَارُ جَهَنَّمَ لَا يُقۡضَىٰ عَلَيۡهِمۡ فَيَمُوتُواْ وَلَا يُخَفَّفُ عَنۡهُم مِّنۡ
عَذَابِهَاۚ كَذَٰلِكَ نَجۡزِى كُلَّ كَفُورٖ ﴿٣٦﴾ وَهُمۡ يَصۡطَرِخُونَ
فِيهَا رَبَّنَآ أَخۡرِجۡنَا نَعۡمَلۡ صَٰلِحًا غَيۡرَ ٱلَّذِى كُنَّا نَعۡمَلُۚ
أَوَلَمۡ نُعَمِّرۡكُم مَّا يَتَذَكَّرُ فِيهِ مَن تَذَكَّرَ وَجَآءَكُمُ ٱلنَّذِيرُۖ
فَذُوقُواْ فَمَا لِلظَّٰلِمِينَ مِن نَّصِيرٍ ﴿٣٧﴾ إِنَّ ٱللَّهَ عَٰلِمُ
غَيۡبِ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضِۚ إِنَّهُۥ عَلِيمُۢ بِذَاتِ ٱلصُّدُورِ ﴿٣٨﴾

31.- Và những điều mà *TA* đã mặc khải cho Ngươi (Muhammad) trong Kinh sách (Qur'ān) là Chân lý, xác nhận lại những điều đã ban xuống trước nó. Quả thật, Allah Rất mực am tường và nhìn thấy rõ các bầy tôi của Ngài.

32.- Rồi *TA* cho những ai trong số bầy tôi của *TA* mà *TA* đã chọn lựa thừa hưởng Kinh sách (Qur'ān). Nhưng trong họ, có người tự làm hại bản thân mình, và có người thì theo con đường chính giữa và có người, với sự chấp thuận của Allah, thì tiên phong làm những việc tốt. Đó mới thật là thiên lộc lớn nhất:

33.- Những Ngôi vườn vĩnh cửu (Thiên đàng *'Adn*) mà họ sẽ đi vào; trong đó, họ sẽ đeo vòng vàng và ngọc trai và sẽ mặc áo lụa là.

34.- Và họ sẽ thưa: "Mọi lời ca tụng đều dâng lên Allah, Đấng đã làm cho chúng tôi hết ưu phiền. Quả thật, *Rabb* của chúng tôi Hằng tha thứ và Hằng ghi công (cho chúng tôi)!

35.- Đấng đã dùng thiên lộc của Ngài mà định cư chúng tôi nơi mái nhà vĩnh cửu, một nơi mà chúng tôi khỏi phải vất vả cực nhọc và lao tâm (như trước).

36.- Còn đối với những ai không có đức tin thì sẽ bị phạt bằng Lửa của Hỏa ngục. Chúng sẽ không được quyết định cho chết phứt; và cũng không được giảm nhẹ hình phạt của Lửa (Hỏa Ngục). Đấy, *TA* bắt phạt tất cả những kẻ không có đức tin như thế.

37.- Và chúng sẽ la hét trong đó, thưa : "Lạy *Rabb* chúng tôi! Xin thả chúng tôi ra. Chúng tôi hứa sẽ làm điều thiện khác với điều tội lỗi mà chúng tôi đã từng làm." (Sẽ có lời bảo chúng): "Há *TA* đã không cho các ngươi sống đủ lâu để cho ai được nhắc nhở sẽ nhận thông điệp nơi đó hay sao? Và (hơn nữa) đã có Người báo trước đến gặp các ngươi. Thôi, hãy nếm (Lửa). Bởi vì không có vị cứu tinh nào đến giúp đỡ những kẻ làm điều sai quấy cả.

38.- Quả thật, Allah là Đấng Biết rõ điều vô hình của các tầng trời và trái đất. Rõ thật Ngài biết điều (bí mật) nằm trong lòng con người.

هُوَ ٱلَّذِى جَعَلَكُمْ خَلَٰٓئِفَ فِى ٱلْأَرْضِ ۚ فَمَن كَفَرَ فَعَلَيْهِ كُفْرُهُۥ ۖ وَلَا يَزِيدُ ٱلْكَٰفِرِينَ كُفْرُهُمْ عِندَ رَبِّهِمْ إِلَّا مَقْتًا ۖ وَلَا يَزِيدُ ٱلْكَٰفِرِينَ كُفْرُهُمْ إِلَّا خَسَارًا ﴿٣٩﴾ قُلْ أَرَءَيْتُمْ شُرَكَآءَكُمُ ٱلَّذِينَ تَدْعُونَ مِن دُونِ ٱللَّهِ أَرُونِى مَاذَا خَلَقُوا۟ مِنَ ٱلْأَرْضِ أَمْ لَهُمْ شِرْكٌ فِى ٱلسَّمَٰوَٰتِ أَمْ ءَاتَيْنَٰهُمْ كِتَٰبًا فَهُمْ عَلَىٰ بَيِّنَتٍ مِّنْهُ ۚ بَلْ إِن يَعِدُ ٱلظَّٰلِمُونَ بَعْضُهُم بَعْضًا إِلَّا غُرُورًا ﴿٤٠﴾ ۞ إِنَّ ٱللَّهَ يُمْسِكُ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلْأَرْضَ أَن تَزُولَا ۚ وَلَئِن زَالَتَآ إِنْ أَمْسَكَهُمَا مِنْ أَحَدٍ مِّنۢ بَعْدِهِۦٓ ۚ إِنَّهُۥ كَانَ حَلِيمًا غَفُورًا ﴿٤١﴾ وَأَقْسَمُوا۟ بِٱللَّهِ جَهْدَ أَيْمَٰنِهِمْ لَئِن جَآءَهُمْ نَذِيرٌ لَّيَكُونُنَّ أَهْدَىٰ مِنْ إِحْدَى ٱلْأُمَمِ ۖ فَلَمَّا جَآءَهُمْ نَذِيرٌ مَّا زَادَهُمْ إِلَّا نُفُورًا ﴿٤٢﴾ ٱسْتِكْبَارًا فِى ٱلْأَرْضِ وَمَكْرَ ٱلسَّيِّئِ ۚ وَلَا يَحِيقُ ٱلْمَكْرُ ٱلسَّيِّئُ إِلَّا بِأَهْلِهِۦ ۚ فَهَلْ يَنظُرُونَ إِلَّا سُنَّتَ ٱلْأَوَّلِينَ ۚ فَلَن تَجِدَ لِسُنَّتِ ٱللَّهِ تَبْدِيلًا ۖ وَلَن تَجِدَ لِسُنَّتِ ٱللَّهِ تَحْوِيلًا ﴿٤٣﴾ أَوَلَمْ يَسِيرُوا۟ فِى ٱلْأَرْضِ فَيَنظُرُوا۟ كَيْفَ كَانَ عَٰقِبَةُ ٱلَّذِينَ مِن قَبْلِهِمْ وَكَانُوٓا۟ أَشَدَّ مِنْهُمْ قُوَّةً ۚ وَمَا كَانَ ٱللَّهُ لِيُعْجِزَهُۥ مِن شَىْءٍ فِى ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَلَا فِى ٱلْأَرْضِ ۚ إِنَّهُۥ كَانَ عَلِيمًا قَدِيرًا ﴿٤٤﴾

ثلاثة أرباع الحزب ٤٤

39.- Ngài là Đấng đã làm cho các người thành những người kế nghiệp trên trái đất. Bởi thế, ai không có đức tin thì sẽ lãnh đủ về sự không tin của mình. Và sự không tin của những kẻ vô đức tin chỉ làm cho chúng thêm đáng ghét dưới cái nhìn của *Rabb* của chúng. Và sự không tin của những kẻ không có đức tin chỉ làm cho chúng thêm mất mát.

40.- Hãy bảo chúng: "Các người có nhìn thấy những kẻ hợp tác của các người mà các người cầu nguyện ngoài Allah hay không? Hãy chỉ cho ta thấy cái (vật) mà chúng đã tạo dưới đất? Hoặc chúng có phần hùn nào trên các tầng trời hay không? Hoặc *TA* có ban cho chúng Kinh sách nhờ đó chúng có được bằng chứng rõ rệt hay không? Không. Những kẻ làm điều sai quấy chỉ hứa hão với nhau.

41.- Quả thật, Allah nắm vững các tầng trời và trái đất e rằng chúng ngưng (hoạt động). Và nếu chúng thật sự ngưng (hoạt động) thì sau Ngài chẳng có ai có đủ khả năng nắm giữ (lèo lái) chúng lại được. Quả thật, Ngài (Allah) Hằng Chịu đựng, Hằng Tha thứ.

42.- Và chúng mang Allah ra thề thốt bằng lời thề nghiêm trọng nhất (nói rằng) nếu có một người báo trước nào đến gặp chúng thì chắc chắn chúng sẽ được hướng dẫn hơn bất cứ cộng đồng nào khác. Nhưng khi một Vị báo trước (Muhammad) đến gặp chúng, thì việc đó chỉ làm cho chúng chạy xa thêm.

43.- Chúng ngạo mạn trong xứ và âm mưu làm điều tội lỗi. Nhưng mưu đồ độc ác đó không vây hãm ai khác ngoài kẻ chủ mưu. Phải chăng chúng chỉ mong đợi đường lối của các tiền nhân? Bởi thế, Ngươi sẽ không thấy có một sự thay đổi nào trong đường lối (xử lý) của Allah, và sẽ thấy không có sự chuyển hướng nào trong đường lối xử lý của Allah.

44.- Há chúng đã không đi xa trên trái đất để chứng kiến kết cuộc của những kẻ trước chúng dẫu rằng họ mạnh hơn chúng về quyền lực? Và Allah là Đấng mà không vật gì trong các tầng trời và trái đất có thể làm hỏng (kế hoạch của) Ngài đặng. Bởi vì Ngài Toàn Tri, Toàn Lực.

وَلَوْ يُؤَاخِذُ ٱللَّهُ ٱلنَّاسَ بِمَا كَسَبُواْ مَا تَرَكَ عَلَىٰ ظَهْرِهَا مِن دَآبَّةٍ وَلَٰكِن يُؤَخِّرُهُمْ إِلَىٰٓ أَجَلٍ مُّسَمًّىۖ فَإِذَا جَآءَ أَجَلُهُمْ فَإِنَّ ٱللَّهَ كَانَ بِعِبَادِهِۦ بَصِيرَۢا ﴿٤٥﴾

سُورَةُ يسٓ

بِسْمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحْمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

يسٓ ﴿١﴾ وَٱلْقُرْءَانِ ٱلْحَكِيمِ ﴿٢﴾ إِنَّكَ لَمِنَ ٱلْمُرْسَلِينَ ﴿٣﴾ عَلَىٰ صِرَٰطٍ مُّسْتَقِيمٍ ﴿٤﴾ تَنزِيلَ ٱلْعَزِيزِ ٱلرَّحِيمِ ﴿٥﴾ لِتُنذِرَ قَوْمًا مَّآ أُنذِرَ ءَابَآؤُهُمْ فَهُمْ غَٰفِلُونَ ﴿٦﴾ لَقَدْ حَقَّ ٱلْقَوْلُ عَلَىٰٓ أَكْثَرِهِمْ فَهُمْ لَا يُؤْمِنُونَ ﴿٧﴾ إِنَّا جَعَلْنَا فِىٓ أَعْنَٰقِهِمْ أَغْلَٰلًا فَهِىَ إِلَى ٱلْأَذْقَانِ فَهُم مُّقْمَحُونَ ﴿٨﴾ وَجَعَلْنَا مِنۢ بَيْنِ أَيْدِيهِمْ سَدًّا وَمِنْ خَلْفِهِمْ سَدًّا فَأَغْشَيْنَٰهُمْ فَهُمْ لَا يُبْصِرُونَ ﴿٩﴾ وَسَوَآءٌ عَلَيْهِمْ ءَأَنذَرْتَهُمْ أَمْ لَمْ تُنذِرْهُمْ لَا يُؤْمِنُونَ ﴿١٠﴾ إِنَّمَا تُنذِرُ مَنِ ٱتَّبَعَ ٱلذِّكْرَ وَخَشِىَ ٱلرَّحْمَٰنَ بِٱلْغَيْبِۖ فَبَشِّرْهُ بِمَغْفِرَةٍ وَأَجْرٍ كَرِيمٍ ﴿١١﴾ إِنَّا نَحْنُ نُحْىِ ٱلْمَوْتَىٰ وَنَكْتُبُ مَا قَدَّمُواْ وَءَاثَٰرَهُمْۚ وَكُلَّ شَىْءٍ أَحْصَيْنَٰهُ فِىٓ إِمَامٍ مُّبِينٍ ﴿١٢﴾

45.- Và nếu Allah bắt phạt loài người vì tội mà họ đã phạm thì Ngài sẽ không để trên mặt đất[1] một loại sinh vật nào, nhưng Ngài gia hạn cho họ sống đến một thời kỳ ấn định. Bởi thế, khi thời hạn của họ đã mãn thì chắc chắn Allah sẽ thấy lại tất cả bầy tôi của Ngài.

YĀ-SĪN

Nhân danh Allah, Đấng Rất mực Độ lượng,
Đấng Rất mực Khoan dung

1.- Yā-Sīn

2.- (TA thề) bởi (Kinh) Qur'ān cao minh.

3.- Chắc chắn, Ngươi (Muhammad!) là một Sứ giả (của Allah),

4.- Đang ở trên con đường ngay chính (Islām).

5.- (Qur'ān này) do Đấng Toàn Năng, Đấng Khoan Dung ban xuống,

6.- Để Ngươi dùng cảnh cáo một dân tộc[2] mà tổ tiên đã không được báo trước cho nên họ khinh suất.

7.- Chắc chắn, Lời phán xác nhận đúng đối với đa số bọn họ cho nên họ không tin tưởng.

8.- *TA* đã thật sự đóng những chiếc gông vào cổ của họ cao đến tận cằm cho nên họ ngẩng (cứng) cổ;

9.- Và *TA* đã đặt một bức chắn (vô hình) trước mặt và một bức chắn sau (lưng) họ, nên họ không nhìn thấy;

10.- Dẫu Ngươi có cảnh cáo hay không cảnh cáo họ thì điều đó bằng thừa đối với họ; (bởi vì) họ nhất định sẽ không tin tưởng.

11.- Ngươi chỉ có thể cảnh cáo người nào tuân theo Lời Nhắc nhở (Qur'ān) và sợ Đấng *ar-Rahmān*[3] Vô hình. Do đó, hãy báo tin mừng cho y về sự tha thứ và phần thưởng rộng rãi (nơi Thiên Đàng).

12.- *TA* sẽ thực sự làm cho người chết sống lại và ghi chép những điều mà họ đã gởi đi trước và những dấu chân (di tích) mà họ đã lưu lại. *TA* cho ghi tất cả mọi điều trong một quyển Sổ minh bạch.

---

[1] *'Ala zahri-ha* có nghĩa là 'trên lưng của nó' tức là trên mặt đất

[2] Dân tộc *Quraish* (Cu-rê-sờ) tại thị trấn Makkah.

[3] *Ar-Rahmān* là một danh xưng khác của Allah. Gọi Ngài 'Allah' hay ar-Rahmān.

وَٱضْرِبْ لَهُم مَّثَلًا أَصْحَٰبَ ٱلْقَرْيَةِ إِذْ جَآءَهَا ٱلْمُرْسَلُونَ ﴿١٣﴾ إِذْ أَرْسَلْنَآ إِلَيْهِمُ ٱثْنَيْنِ فَكَذَّبُوهُمَا فَعَزَّزْنَا بِثَالِثٍ فَقَالُوٓا۟ إِنَّآ إِلَيْكُم مُّرْسَلُونَ ﴿١٤﴾ قَالُوا۟ مَآ أَنتُمْ إِلَّا بَشَرٌ مِّثْلُنَا وَمَآ أَنزَلَ ٱلرَّحْمَٰنُ مِن شَىْءٍ إِنْ أَنتُمْ إِلَّا تَكْذِبُونَ ﴿١٥﴾ قَالُوا۟ رَبُّنَا يَعْلَمُ إِنَّآ إِلَيْكُمْ لَمُرْسَلُونَ ﴿١٦﴾ وَمَا عَلَيْنَآ إِلَّا ٱلْبَلَٰغُ ٱلْمُبِينُ ﴿١٧﴾ قَالُوٓا۟ إِنَّا تَطَيَّرْنَا بِكُمْ ۖ لَئِن لَّمْ تَنتَهُوا۟ لَنَرْجُمَنَّكُمْ وَلَيَمَسَّنَّكُم مِّنَّا عَذَابٌ أَلِيمٌ ﴿١٨﴾ قَالُوا۟ طَٰٓئِرُكُم مَّعَكُمْ ۚ أَئِن ذُكِّرْتُم ۚ بَلْ أَنتُمْ قَوْمٌ مُّسْرِفُونَ ﴿١٩﴾ وَجَآءَ مِنْ أَقْصَا ٱلْمَدِينَةِ رَجُلٌ يَسْعَىٰ قَالَ يَٰقَوْمِ ٱتَّبِعُوا۟ ٱلْمُرْسَلِينَ ﴿٢٠﴾ ٱتَّبِعُوا۟ مَن لَّا يَسْـَٔلُكُمْ أَجْرًا وَهُم مُّهْتَدُونَ ﴿٢١﴾ وَمَا لِىَ لَآ أَعْبُدُ ٱلَّذِى فَطَرَنِى وَإِلَيْهِ تُرْجَعُونَ ﴿٢٢﴾ ءَأَتَّخِذُ مِن دُونِهِۦٓ ءَالِهَةً إِن يُرِدْنِ ٱلرَّحْمَٰنُ بِضُرٍّ لَّا تُغْنِ عَنِّى شَفَٰعَتُهُمْ شَيْـًٔا وَلَا يُنقِذُونِ ﴿٢٣﴾ إِنِّىٓ إِذًا لَّفِى ضَلَٰلٍ مُّبِينٍ ﴿٢٤﴾ إِنِّىٓ ءَامَنتُ بِرَبِّكُمْ فَٱسْمَعُونِ ﴿٢٥﴾ قِيلَ ٱدْخُلِ ٱلْجَنَّةَ ۖ قَالَ يَٰلَيْتَ قَوْمِى يَعْلَمُونَ ﴿٢٦﴾ بِمَا غَفَرَ لِى رَبِّى وَجَعَلَنِى مِنَ ٱلْمُكْرَمِينَ ﴿٢٧﴾

13.- Ngươi hãy trình bày cho họ một ngụ ngôn: câu chuyện về dân cư của một thị trấn khi những Sứ giả đến gặp họ;

14.- Khi *TA* phái hai Sứ giả đến gặp họ, họ cho hai người nói dối. Bởi thế, *TA* tăng cường thêm vị thứ ba, thì Họ đồng thanh bảo: "Chúng tôi thực sự là những Sứ giả được cử đến với quí vị."

15.- Họ (dân cư) đáp: "Các ông chỉ là những người phàm giống chúng tôi và Đấng *ar-Rahmān* đã không ban điều (mặc khải) nào xuống cả. Rõ thật, các ông chỉ nói dối."

16.- (Các Sứ giả) đáp: "*Rabb* chúng tôi biết rõ chúng tôi là những Sứ giả được cử đến với quí vị,

17.- Và nhiệm vụ của chúng tôi chỉ là truyền đạt công khai.

18.- Họ bảo: "Chúng tôi thấy có điềm xui nơi các ông. Nếu các ông không chịu ngưng thì chắc chắn chúng tôi sẽ ném đá giết các ông và chắc chắn chúng tôi sẽ áp dụng hình phạt đau đớn đối với các ông."

19.- (Các Sứ giả) đáp: "Điềm xui của quí vị do nơi quí vị. Sao? (Quí vị cho là điều xui ư) khi được nhắc nhở. Không. Quí vị đúng là một đám người phạm mọi thứ tội.

20.- Và có một người đàn ông từ cuối phố chạy đến, bảo: "Này hỡi người dân của ta! Hãy tuân theo các vị Sứ giả.

21.- "Hãy tuân theo những người không đòi quí vị tiền công và là những người được hướng dẫn.

22.- "Và tại sao tôi không thờ phụng Đấng đã sáng tạo ra tôi và là Đấng mà quí vị sẽ được đưa trở về gặp lại.

23.- "Há tôi sẽ phải tôn thờ những thần linh khác thay vì Ngài ư? Nếu Đấng *ar-Rahmān* muốn hãm hại tôi thì chúng chẳng giúp ích gì được cho tôi, và cũng không cứu vớt được tôi;

24.- "Lúc đó, tôi sẽ lầm lạc rõ ràng.

25.- "Quả thật, bây giờ tôi tin tưởng nơi *Rabb* của (tất cả) quí vị. Bởi thế, quí vị hãy nghe lời tôi."

26.- Có Lời phán bảo: "Nhà ngươi hãy bước vào Thiên đàng." (Y) than: "Thật khổ thay! Phải chi người dân của tôi biết được,

27.- "Việc *Rabb* của tôi đã tha thứ và ban vinh dự cho tôi."

۞ وَمَآ أَنزَلْنَا عَلَىٰ قَوْمِهِۦ مِنۢ بَعْدِهِۦ مِن جُندٍ مِّنَ ٱلسَّمَآءِ وَمَا كُنَّا مُنزِلِينَ ﴿٢٨﴾ إِن كَانَتْ إِلَّا صَيْحَةً وَٰحِدَةً فَإِذَا هُمْ خَٰمِدُونَ ﴿٢٩﴾ يَٰحَسْرَةً عَلَى ٱلْعِبَادِ ۚ مَا يَأْتِيهِم مِّن رَّسُولٍ إِلَّا كَانُوا۟ بِهِۦ يَسْتَهْزِءُونَ ﴿٣٠﴾ أَلَمْ يَرَوْا۟ كَمْ أَهْلَكْنَا قَبْلَهُم مِّنَ ٱلْقُرُونِ أَنَّهُمْ إِلَيْهِمْ لَا يَرْجِعُونَ ﴿٣١﴾ وَإِن كُلٌّ لَّمَّا جَمِيعٌ لَّدَيْنَا مُحْضَرُونَ ﴿٣٢﴾ وَءَايَةٌ لَّهُمُ ٱلْأَرْضُ ٱلْمَيْتَةُ أَحْيَيْنَٰهَا وَأَخْرَجْنَا مِنْهَا حَبًّا فَمِنْهُ يَأْكُلُونَ ﴿٣٣﴾ وَجَعَلْنَا فِيهَا جَنَّٰتٍ مِّن نَّخِيلٍ وَأَعْنَٰبٍ وَفَجَّرْنَا فِيهَا مِنَ ٱلْعُيُونِ ﴿٣٤﴾ لِيَأْكُلُوا۟ مِن ثَمَرِهِۦ وَمَا عَمِلَتْهُ أَيْدِيهِمْ ۖ أَفَلَا يَشْكُرُونَ ﴿٣٥﴾ سُبْحَٰنَ ٱلَّذِى خَلَقَ ٱلْأَزْوَٰجَ كُلَّهَا مِمَّا تُنۢبِتُ ٱلْأَرْضُ وَمِنْ أَنفُسِهِمْ وَمِمَّا لَا يَعْلَمُونَ ﴿٣٦﴾ وَءَايَةٌ لَّهُمُ ٱلَّيْلُ نَسْلَخُ مِنْهُ ٱلنَّهَارَ فَإِذَا هُم مُّظْلِمُونَ ﴿٣٧﴾ وَٱلشَّمْسُ تَجْرِى لِمُسْتَقَرٍّ لَّهَا ۚ ذَٰلِكَ تَقْدِيرُ ٱلْعَزِيزِ ٱلْعَلِيمِ ﴿٣٨﴾ وَٱلْقَمَرَ قَدَّرْنَٰهُ مَنَازِلَ حَتَّىٰ عَادَ كَٱلْعُرْجُونِ ٱلْقَدِيمِ ﴿٣٩﴾ لَا ٱلشَّمْسُ يَنۢبَغِى لَهَآ أَن تُدْرِكَ ٱلْقَمَرَ وَلَا ٱلَّيْلُ سَابِقُ ٱلنَّهَارِ ۚ وَكُلٌّ فِى فَلَكٍ يَسْبَحُونَ ﴿٤٠﴾

28.- Và sau y, *TA* đã không gởi một đoàn thiên binh nào xuống trừng phạt người dân của y và cũng không cần cho xuống như thế;

29.- Mà chỉ cần một tiếng gầm duy nhất thì chúng sẽ chết im lìm.

30.- Thật xót xa cho bầy tôi (nhân loại)! Không một Sứ giả nào đã được (*TA*) cử đến với họ mà không bị họ chế giễu.

31.- Há họ không thấy việc *TA* đã tiêu diệt bao nhiêu thế hệ trước họ hay sao? Các tiền nhân đó sẽ không bao giờ trở lại gặp họ.

32.- Và thực sự, từng người trong bọn họ sẽ được đưa đến trước mặt *TA*.

33.- Và có một Dấu hiệu cho họ là mảnh đất khô cằn mà *TA* làm cho sống lại; và từ đó *TA* làm mọc ra trái hạt mà họ dùng làm thực phẩm.

34.- Và *TA* đã làm ra nơi đó những ngôi vườn chà-là và vườn nho; và đã làm những mạch nước chảy phụt ra trong đó.

35.- Để cho họ ăn trái của nó; và bàn tay của họ đã không làm được việc đó. Thế họ không tri ân (*TA*) hay sao?

36.- Quang vinh thay Ngài! Đấng đã tạo thành từng cặp (âm dương) tất cả những vật mà đất đai cho mọc ra và từ chính bản thân của họ và từ những vật khác mà họ không biết.

37.- Và có một Dấu hiệu cho họ là ban đêm; *TA* rút ban ngày ra khỏi ban đêm thì này họ ở trong bóng tối.

38.- Và mặt trời di chuyển theo quỹ đạo của nó đến một thời hạn ấn định. Đó là quyết định sắp xếp của Đấng Toàn Năng, Đấng Toàn Tri.

39.- Và mặt trăng, *TA* đã qui định cho nó những giai đoạn cho đến khi nó trở lại tình trạng cũ giống như '*Urjūn* (lưỡi liềm).

40.- Mặt trời không được phép bắt kịp mặt trăng và ban đêm không được phép qua mặt ban ngày; mỗi cái bơi đi theo quỹ đạo (của nó).

وءاية لهم أنا حملنا ذريتهم في الفلك المشحون ﴿٤١﴾ وخلقنا لهم من مثله ما يركبون ﴿٤٢﴾ وإن نشأ نغرقهم فلا صريخ لهم ولا هم ينقذون ﴿٤٣﴾ إلا رحمة منا ومتاعا إلى حين ﴿٤٤﴾ وإذا قيل لهم اتقوا ما بين أيديكم وما خلفكم لعلكم ترحمون ﴿٤٥﴾ وما تأتيهم من ءاية من ءايات ربهم إلا كانوا عنها معرضين ﴿٤٦﴾ وإذا قيل لهم أنفقوا مما رزقكم الله قال الذين كفروا للذين ءامنوا أنطعم من لو يشاء الله أطعمه إن أنتم إلا في ضلل مبين ﴿٤٧﴾ ويقولون متى هذا الوعد إن كنتم صدقين ﴿٤٨﴾ ما ينظرون إلا صيحة وحدة تأخذهم وهم يخصمون ﴿٤٩﴾ فلا يستطيعون توصية ولا إلى أهلهم يرجعون ﴿٥٠﴾ ونفخ في الصور فإذا هم من الأجداث إلى ربهم ينسلون ﴿٥١﴾ قالوا يويلنا من بعثنا من مرقدنا ۜ هذا ما وعد الرحمن وصدق المرسلون ﴿٥٢﴾ إن كانت إلا صيحة وحدة فإذا هم جميع لدينا محضرون ﴿٥٣﴾ فاليوم لا تظلم نفس شيئا ولا تجزون إلا ما كنتم تعملون ﴿٥٤﴾

سكتة لطيفة على الألف

41.- Và có một Dấu hiệu nữa cho họ là việc *TA* đã chuyên chở con cháu của họ trên một chiếc tàu chất đầy (vào thời đại của *Nūh*).

42.- Và *TA* đã tạo cho họ một chiếc tàu tương tự để chở họ đi.

43.- Và nếu muốn, *TA* sẽ nhận họ chết chìm và họ sẽ không kêu la cầu cứu với ai được và cũng sẽ không được ai cứu sống.

44.- Trừ phi được *TA* khoan dung và cho hưởng lạc trong một thời hạn ấn định.

45.- Và khi có lời bảo họ: "Hãy sợ điều trước các người (trên trần thế) và điều sau các người (ở Đời sau) để may ra các người được (Allah) khoan dung."

46.- Và không một Dấu hiệu nào trong số các Dấu hiệu của *Rabb* của họ được trưng bày cho họ mà họ không quay lưng làm ngơ.

47.- Và khi có lời bảo họ: "Hãy chi dùng của cải mà Allah đã ban cấp cho quí vị," thì những kẻ không đức tin bảo những người có đức tin: "Há chúng tôi phải nuôi ăn người (nghèo) mà nếu Allah muốn, chính Ngài phải nuôi hay sao? Rõ thật quí ông lầm lạc."

48.- Và họ bảo: "Thế chừng nào Lời hứa (về sự Trừng Phạt) sẽ xảy ra nếu quí ông (Muslim) nói thật?"

49.- Họ chỉ đợi một tiếng Gầm duy nhất. Nó sẽ bất ngờ chụp bắt họ trong lúc họ đang cãi nhau!

50.- Lúc đó, họ sẽ không kịp trối trăng và cũng sẽ không kịp trở về gặp gia đình của mình đặng.

51.- Và tiếng Còi (Phục sinh) sẽ được thổi lên thì lúc đó họ (người chết) sẽ từ dưới mộ vội vàng chạy đến trình diện *Rabb* của họ;

52.- Họ sẽ lên tiếng: "Thật khổ thân chúng tôi! Ai đã đánh thức chúng tôi dậy từ những chỗ yên nghỉ của chúng tôi?"; "Đây là điều mà Đấng *ar-Rahmān* đã hứa và các vị Sứ giả đã xác nhận."

53.- Chỉ cần một tiếng gầm duy nhất thì tất cả bọn họ sẽ được đưa đến trình diện trước mặt *TA*.

54.- Vào Ngày đó, không một người nào sẽ bị xét xử thiệt thòi một mảy may; và các người sẽ được trả lại đầy đủ về điều mà các người đã làm;

إِنَّ أَصۡحَٰبَ ٱلۡجَنَّةِ ٱلۡيَوۡمَ فِي شُغُلٖ فَٰكِهُونَ ﴿٥٥﴾ هُمۡ وَأَزۡوَٰجُهُمۡ فِي ظِلَٰلٍ عَلَى ٱلۡأَرَآئِكِ مُتَّكِـُٔونَ ﴿٥٦﴾ لَهُمۡ فِيهَا فَٰكِهَةٞ وَلَهُم مَّا يَدَّعُونَ ﴿٥٧﴾ سَلَٰمٞ قَوۡلٗا مِّن رَّبّٖ رَّحِيمٖ ﴿٥٨﴾ وَٱمۡتَٰزُواْ ٱلۡيَوۡمَ أَيُّهَا ٱلۡمُجۡرِمُونَ ﴿٥٩﴾ ۞أَلَمۡ أَعۡهَدۡ إِلَيۡكُمۡ يَٰبَنِيٓ ءَادَمَ أَن لَّا تَعۡبُدُواْ ٱلشَّيۡطَٰنَۖ إِنَّهُۥ لَكُمۡ عَدُوّٞ مُّبِينٞ ﴿٦٠﴾ وَأَنِ ٱعۡبُدُونِيۚ هَٰذَا صِرَٰطٞ مُّسۡتَقِيمٞ ﴿٦١﴾ وَلَقَدۡ أَضَلَّ مِنكُمۡ جِبِلّٗا كَثِيرًاۖ أَفَلَمۡ تَكُونُواْ تَعۡقِلُونَ ﴿٦٢﴾ هَٰذِهِۦ جَهَنَّمُ ٱلَّتِي كُنتُمۡ تُوعَدُونَ ﴿٦٣﴾ ٱصۡلَوۡهَا ٱلۡيَوۡمَ بِمَا كُنتُمۡ تَكۡفُرُونَ ﴿٦٤﴾ ٱلۡيَوۡمَ نَخۡتِمُ عَلَىٰٓ أَفۡوَٰهِهِمۡ وَتُكَلِّمُنَآ أَيۡدِيهِمۡ وَتَشۡهَدُ أَرۡجُلُهُم بِمَا كَانُواْ يَكۡسِبُونَ ﴿٦٥﴾ وَلَوۡ نَشَآءُ لَطَمَسۡنَا عَلَىٰٓ أَعۡيُنِهِمۡ فَٱسۡتَبَقُواْ ٱلصِّرَٰطَ فَأَنَّىٰ يُبۡصِرُونَ ﴿٦٦﴾ وَلَوۡ نَشَآءُ لَمَسَخۡنَٰهُمۡ عَلَىٰ مَكَانَتِهِمۡ فَمَا ٱسۡتَطَٰعُواْ مُضِيّٗا وَلَا يَرۡجِعُونَ ﴿٦٧﴾ وَمَن نُّعَمِّرۡهُ نُنَكِّسۡهُ فِي ٱلۡخَلۡقِۚ أَفَلَا يَعۡقِلُونَ ﴿٦٨﴾ وَمَا عَلَّمۡنَٰهُ ٱلشِّعۡرَ وَمَا يَنۢبَغِي لَهُۥٓۚ إِنۡ هُوَ إِلَّا ذِكۡرٞ وَقُرۡءَانٞ مُّبِينٞ ﴿٦٩﴾ لِّيُنذِرَ مَن كَانَ حَيّٗا وَيَحِقَّ ٱلۡقَوۡلُ عَلَى ٱلۡكَٰفِرِينَ ﴿٧٠﴾

55.- Những cư dân của Thiên đàng vào Ngày đó sẽ vui mừng về những điều mình đã làm.

56.- Và cùng với các bà vợ, họ sẽ nằm nghỉ trên những chiếc tràng kỷ cao, dưới bóng mát.

57.- Sẽ hưởng thụ đủ loại hoa quả và sẽ có đủ mọi thứ mà họ đòi.

58.- *Salām* sẽ là lời (chúc mừng) của *Rabb* Rất mực Khoan dung.

59.- Hỡi những kẻ tội lỗi Ngày nay, các ngươi hãy dang ra xa.

60.- Há TA đã không bảo các ngươi, hỡi con cháu của *Ādam*! Chớ tôn thờ *Shaytān* bởi vì nó là kẻ thù công khai của các ngươi hay sao?

61.- Và hãy thờ phụng TA. (Bởi vì) đây là chính đạo.

62.- Và chắc chắn nó (Shaytān) đã dắt đa số các ngươi đi lạc. Thế tại sao các ngươi không chịu hiểu?

63.- Đây là Hỏa ngục mà các người đã được hứa (trước đây).

64.- Ngày nay, hãy ôm lấy nó (Lửa) vì tội các người đã không tin.

65.- Ngày đó, *TA* sẽ khóa chặt miệng của họ, và bàn tay của họ sẽ nói chuyện với *TA* và chân của họ sẽ làm chứng về những điều mà họ đã làm.

66.- Và nếu muốn, *TA* sẽ xóa tiêu cặp mắt của họ vì thế họ phấn đấu chạy đi tìm đường, nhưng làm sao họ có thể nhìn thấy?

67.- Và nếu muốn, *TA* sẽ biến dạng họ ngay tại chỗ; do đó, họ không thể bước tới cũng không thể bước lui.

68.- Và người nào được *TA* cho sống thọ, *TA* sẽ đảo ngược y (yếu đuối) trở lại trong việc tạo hóa. Thế họ không hiểu hay sao?

69.- Và *TA* đã không dạy Người (Muhammad) thơ phú; và điều đó không thích hợp với Người. Thật ra, nó chỉ là Lời Nhắc nhở và là một *Qur'ān* minh bạch;

70.- Mục đích để Người dùng cảnh cáo những ai đang sống và để chứng minh Lời (xử phạt) đối với những kẻ không tin đúng sự thật.

أَوَلَمۡ يَرَوۡاْ أَنَّا خَلَقۡنَا لَهُم مِّمَّا عَمِلَتۡ أَيۡدِينَآ أَنۡعَٰمٗا فَهُمۡ لَهَا مَٰلِكُونَ ٧١ وَذَلَّلۡنَٰهَا لَهُمۡ فَمِنۡهَا رَكُوبُهُمۡ وَمِنۡهَا يَأۡكُلُونَ ٧٢ وَلَهُمۡ فِيهَا مَنَٰفِعُ وَمَشَارِبُۚ أَفَلَا يَشۡكُرُونَ ٧٣ وَٱتَّخَذُواْ مِن دُونِ ٱللَّهِ ءَالِهَةٗ لَّعَلَّهُمۡ يُنصَرُونَ ٧٤ لَا يَسۡتَطِيعُونَ نَصۡرَهُمۡ وَهُمۡ لَهُمۡ جُندٞ مُّحۡضَرُونَ ٧٥ فَلَا يَحۡزُنكَ قَوۡلُهُمۡۘ إِنَّا نَعۡلَمُ مَا يُسِرُّونَ وَمَا يُعۡلِنُونَ ٧٦ أَوَلَمۡ يَرَ ٱلۡإِنسَٰنُ أَنَّا خَلَقۡنَٰهُ مِن نُّطۡفَةٖ فَإِذَا هُوَ خَصِيمٞ مُّبِينٞ ٧٧ وَضَرَبَ لَنَا مَثَلٗا وَنَسِيَ خَلۡقَهُۥۖ قَالَ مَن يُحۡيِ ٱلۡعِظَٰمَ وَهِيَ رَمِيمٞ ٧٨ قُلۡ يُحۡيِيهَا ٱلَّذِيٓ أَنشَأَهَآ أَوَّلَ مَرَّةٖۖ وَهُوَ بِكُلِّ خَلۡقٍ عَلِيمٌ ٧٩ ٱلَّذِي جَعَلَ لَكُم مِّنَ ٱلشَّجَرِ ٱلۡأَخۡضَرِ نَارٗا فَإِذَآ أَنتُم مِّنۡهُ تُوقِدُونَ ٨٠ أَوَلَيۡسَ ٱلَّذِي خَلَقَ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضَ بِقَٰدِرٍ عَلَىٰٓ أَن يَخۡلُقَ مِثۡلَهُمۚ بَلَىٰ وَهُوَ ٱلۡخَلَّٰقُ ٱلۡعَلِيمُ ٨١ إِنَّمَآ أَمۡرُهُۥٓ إِذَآ أَرَادَ شَيۡـًٔا أَن يَقُولَ لَهُۥ كُن فَيَكُونُ ٨٢ فَسُبۡحَٰنَ ٱلَّذِي بِيَدِهِۦ مَلَكُوتُ كُلِّ شَيۡءٖ وَإِلَيۡهِ تُرۡجَعُونَ ٨٣

سُورَةُ الصَّافَّاتِ

71.- Há họ đã không thấy việc *TA* đã tạo hóa cho họ, trong số loài vật do bàn tay của *TA* đã làm ra, gia súc mà họ làm chủ hay sao?

72.- Và *TA* đã bắt chúng (thú vật) phục tùng họ; bởi thế, một số vật họ dùng để cưỡi và một số khác, họ ăn thịt.

73.- Và nơi chúng có nhiều mối lợi khác cho họ và có chất (sữa tươi) để uống. Thế, họ không tri ân (*TA*) hay sao?

74.- Và họ đã tôn thờ những thần linh khác thay vì Allah với hy vọng sẽ được giúp đỡ;

75.- Nhưng chúng không thể giúp đỡ họ mà chỉ là một lũ sẽ được đưa đến đối diện với họ;

76.- Bởi thế, chớ để cho lời lẽ (chế giễu) của họ làm Ngươi buồn. Quả thật, *TA* biết rõ điều họ giấu giếm và điều họ tiết lộ.

77.- Há con người không nhận thấy việc *TA* đã tạo hóa y từ một giọt tinh dịch hay sao? Nhưng này, y lại là một đối thủ công khai (của *TA*).

78.- Và y đưa ra một điều so sánh về *TA* nhưng lại quên bẵng việc tạo hóa của mình. Y bảo: "Ai có khả năng phục sinh lại được những khúc xương đã rã mục?"

79.- Hãy bảo y: (hỡi Muhammad!) "Đấng đã tạo hóa chúng lúc ban đầu sẽ phục sinh chúng lại. Bởi vì, Ngài biết tất cả việc tạo hóa;

80.- "Đấng đã làm ra lửa cho các người từ một loại cây tươi mà các người dùng để nhúm lửa."

81.- Há Đấng đã tạo hóa các tầng trời và trái đất không có khả năng tạo hóa được những cái giống như họ hay sao? Vâng, thật vậy, Ngài là Đấng Tạo hóa Toàn Tri

82.- Chỉ thị của Ngài khi Ngài muốn tạo một vật gì, chỉ gồm có Lời (phán) với nó: "Hãy Thành!" Thì nó sẽ thành.

83.- Do đó, quang vinh thay Ngài! Đấng mà quyền thống trị vạn vật nằm trong Tay Ngài và các người sẽ được đưa về gặp Ngài trở lại.

AS-SĀFFĀT
(Các Vị Đứng Sắp Hàng)

بِسْمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحْمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

وَٱلصَّٰٓفَّٰتِ صَفًّا ﴿١﴾ فَٱلزَّٰجِرَٰتِ زَجْرًا ﴿٢﴾ فَٱلتَّٰلِيَٰتِ ذِكْرًا ﴿٣﴾ إِنَّ إِلَٰهَكُمْ لَوَٰحِدٌ ﴿٤﴾ رَّبُّ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلْأَرْضِ وَمَا بَيْنَهُمَا وَرَبُّ ٱلْمَشَٰرِقِ ﴿٥﴾ إِنَّا زَيَّنَّا ٱلسَّمَآءَ ٱلدُّنْيَا بِزِينَةٍ ٱلْكَوَاكِبِ ﴿٦﴾ وَحِفْظًا مِّن كُلِّ شَيْطَٰنٍ مَّارِدٍ ﴿٧﴾ لَّا يَسَّمَّعُونَ إِلَى ٱلْمَلَإِ ٱلْأَعْلَىٰ وَيُقْذَفُونَ مِن كُلِّ جَانِبٍ ﴿٨﴾ دُحُورًا وَلَهُمْ عَذَابٌ وَاصِبٌ ﴿٩﴾ إِلَّا مَنْ خَطِفَ ٱلْخَطْفَةَ فَأَتْبَعَهُۥ شِهَابٌ ثَاقِبٌ ﴿١٠﴾ فَٱسْتَفْتِهِمْ أَهُمْ أَشَدُّ خَلْقًا أَم مَّنْ خَلَقْنَآ إِنَّا خَلَقْنَٰهُم مِّن طِينٍ لَّازِبٍ ﴿١١﴾ بَلْ عَجِبْتَ وَيَسْخَرُونَ ﴿١٢﴾ وَإِذَا ذُكِّرُوا۟ لَا يَذْكُرُونَ ﴿١٣﴾ وَإِذَا رَأَوْا۟ ءَايَةً يَسْتَسْخِرُونَ ﴿١٤﴾ وَقَالُوٓا۟ إِنْ هَٰذَآ إِلَّا سِحْرٌ مُّبِينٌ ﴿١٥﴾ أَءِذَا مِتْنَا وَكُنَّا تُرَابًا وَعِظَٰمًا أَءِنَّا لَمَبْعُوثُونَ ﴿١٦﴾ أَوَءَابَآؤُنَا ٱلْأَوَّلُونَ ﴿١٧﴾ قُلْ نَعَمْ وَأَنتُمْ دَٰخِرُونَ ﴿١٨﴾ فَإِنَّمَا هِىَ زَجْرَةٌ وَٰحِدَةٌ فَإِذَا هُمْ يَنظُرُونَ ﴿١٩﴾ وَقَالُوا۟ يَٰوَيْلَنَا هَٰذَا يَوْمُ ٱلدِّينِ ﴿٢٠﴾ هَٰذَا يَوْمُ ٱلْفَصْلِ ٱلَّذِى كُنتُم بِهِۦ تُكَذِّبُونَ ﴿٢١﴾ ۞ ٱحْشُرُوا۟ ٱلَّذِينَ ظَلَمُوا۟ وَأَزْوَٰجَهُمْ وَمَا كَانُوا۟ يَعْبُدُونَ ﴿٢٢﴾ مِن دُونِ ٱللَّهِ فَٱهْدُوهُمْ إِلَىٰ صِرَٰطِ ٱلْجَحِيمِ ﴿٢٣﴾ وَقِفُوهُمْ إِنَّهُم مَّسْـُٔولُونَ ﴿٢٤﴾

نصف الحزب ٤٥

Nhân danh Allah, Đấng Rất mực Độ lượng,
Đấng Rất mực Khoan dung

1.- (Thề) bởi những vị (Thiên thần) đứng sắp hàng chỉnh tề.

2.- Những vị kéo đưa (mây) đi (một cách khéo léo).

3.- Những vị tuyên đọc Lời Nhắc nhở (Qur'ān).

4.- Thật sự Thượng Đế của các ngươi là Một (Duy nhất).

5.- *Rabb* của các tầng trời và trái đất và của vạn vật giữa trời đất và là *Rabb* của những điểm của mặt trời mọc (ở phương Đông).

6.- Quả thật! *TA* đã trang hoàng tầng trời thấp với các vì sao;

7.- Và canh giữ nó xa khỏi từng tên Shaytān phản nghịch;

8.- Chúng không nghe trộm được hội nghị trên cao và bị đánh đuổi từ khắp nơi.

9.- Chúng bị tống đi xa. Và chúng sẽ vĩnh viễn bị trừng phạt.

10.- Ngoại trừ tên nào lén giật (tin tức) và bị đánh bằng một lửa ngọn đỏ.

11.- Hãy hỏi họ phải chăng họ khó tạo hay là ai khác mà *TA* đã tạo (khó hơn)? Quả thật, *TA* đã tạo họ từ một loại đất sét nhão, dính.

12.- Không, Ngươi ngạc nhiên về việc họ chế giễu.

13.- Và khi được nhắc nhở, họ không lưu tâm;

14.- Và khi thấy một Dấu hiệu họ mang nó ra bỡn cợt;

15.- Và bảo: "(Qur'ān) này chỉ là trò ảo thuật hiển hiện!

16.- "Khi chúng tôi chết và thành đất bụi và xương khô, chúng tôi sẽ được phục sinh trở lại hay sao?

17.- "Kể cả tổ tiên xa xưa của chúng tôi nữa ư?"

18.- Hãy bảo họ: "Vâng, đúng thế. Và các ngươi sẽ bị hạ nhục."

19.- Do đó, chỉ cần một tiếng gầm duy nhất thì lúc đó họ sẽ thấy,

20.- Và sẽ than: "Thật khổ thân chúng tôi! Đây là Ngày Xét xử!"

21.- "Đây là Ngày phân loại mà các người đã từng cho là giả tạo."

22.- (Có lệnh phán): "Hãy tập trung những ai làm điều sai quấy và bạn đồng hành của chúng và những vật mà chúng đã tôn thờ,

23.- "Không phải Allah, rồi đưa chúng đến con đường dẫn vào Hỏa ngục;

24.- "Nhưng hãy bắt chúng dừng lại! Bởi vì chúng phải bị tra hỏi.

مَا لَكُمۡ لَا تَنَاصَرُونَ ﴿٢٥﴾ بَلۡ هُمُ ٱلۡيَوۡمَ مُسۡتَسۡلِمُونَ ﴿٢٦﴾ وَأَقۡبَلَ بَعۡضُهُمۡ
عَلَىٰ بَعۡضٖ يَتَسَآءَلُونَ ﴿٢٧﴾ قَالُوٓاْ إِنَّكُمۡ كُنتُمۡ تَأۡتُونَنَا عَنِ ٱلۡيَمِينِ ﴿٢٨﴾
قَالُواْ بَل لَّمۡ تَكُونُواْ مُؤۡمِنِينَ ﴿٢٩﴾ وَمَا كَانَ لَنَا عَلَيۡكُم مِّن سُلۡطَٰنِۭۖ
بَلۡ كُنتُمۡ قَوۡمٗا طَٰغِينَ ﴿٣٠﴾ فَحَقَّ عَلَيۡنَا قَوۡلُ رَبِّنَآۖ إِنَّا لَذَآئِقُونَ ﴿٣١﴾
فَأَغۡوَيۡنَٰكُمۡ إِنَّا كُنَّا غَٰوِينَ ﴿٣٢﴾ فَإِنَّهُمۡ يَوۡمَئِذٖ فِي ٱلۡعَذَابِ مُشۡتَرِكُونَ
﴿٣٣﴾ إِنَّا كَذَٰلِكَ نَفۡعَلُ بِٱلۡمُجۡرِمِينَ ﴿٣٤﴾ إِنَّهُمۡ كَانُوٓاْ إِذَا قِيلَ لَهُمۡ
لَآ إِلَٰهَ إِلَّا ٱللَّهُ يَسۡتَكۡبِرُونَ ﴿٣٥﴾ وَيَقُولُونَ أَئِنَّا لَتَارِكُوٓاْ ءَالِهَتِنَا
لِشَاعِرٖ مَّجۡنُونِۭ ﴿٣٦﴾ بَلۡ جَآءَ بِٱلۡحَقِّ وَصَدَّقَ ٱلۡمُرۡسَلِينَ ﴿٣٧﴾ إِنَّكُمۡ
لَذَآئِقُواْ ٱلۡعَذَابِ ٱلۡأَلِيمِ ﴿٣٨﴾ وَمَا تُجۡزَوۡنَ إِلَّا مَا كُنتُمۡ تَعۡمَلُونَ
﴿٣٩﴾ إِلَّا عِبَادَ ٱللَّهِ ٱلۡمُخۡلَصِينَ ﴿٤٠﴾ أُوْلَٰٓئِكَ لَهُمۡ رِزۡقٞ مَّعۡلُومٞ ﴿٤١﴾
فَوَٰكِهُ وَهُم مُّكۡرَمُونَ ﴿٤٢﴾ فِي جَنَّٰتِ ٱلنَّعِيمِ ﴿٤٣﴾ عَلَىٰ سُرُرٖ مُّتَقَٰبِلِينَ
﴿٤٤﴾ يُطَافُ عَلَيۡهِم بِكَأۡسٖ مِّن مَّعِينِۭ ﴿٤٥﴾ بَيۡضَآءَ لَذَّةٖ لِّلشَّٰرِبِينَ
﴿٤٦﴾ لَا فِيهَا غَوۡلٞ وَلَا هُمۡ عَنۡهَا يُنزَفُونَ ﴿٤٧﴾ وَعِندَهُمۡ قَٰصِرَٰتُ
ٱلطَّرۡفِ عِينٞ ﴿٤٨﴾ كَأَنَّهُنَّ بَيۡضٞ مَّكۡنُونٞ ﴿٤٩﴾ فَأَقۡبَلَ بَعۡضُهُمۡ عَلَىٰ
بَعۡضٖ يَتَسَآءَلُونَ ﴿٥٠﴾ قَالَ قَآئِلٞ مِّنۡهُمۡ إِنِّي كَانَ لِي قَرِينٞ ﴿٥١﴾

25.- "Các ngươi có chuyện gì? Tại sao các ngươi không giúp đỡ lẫn nhau?

26.- Không, Ngày đó chúng sẽ tự nạp mình (chịu phạt).

27.- Chúng sẽ quay lại hỏi nhau.

28.- Chúng bảo: "Rõ các anh là những người đã đến gặp chúng tôi bên phải."

29.- "Không, các anh mới là những người không tin tưởng.

30.- "Chúng tôi đâu có quyền bắt các anh nghe theo. Không, các anh mới là đám người bất tuân.

31.- "Bởi thế, Lời (phán) của *Rabb* của chúng tôi xác nhận đúng đối với chúng tôi. Chúng tôi buộc phải nếm (hình phạt thôi).

32.- "Do đó, chúng tôi đã dắt các anh đi lạc; và chúng tôi cũng lầm lạc."

33.- Bởi thế, vào Ngày đó chúng sẽ cùng nhau san sẻ hình phạt.

34.- Quả thật, *TA* sẽ xử lý những kẻ tội lỗi đúng như thế.

35.- Quả thật chúng là những kẻ, khi được nhắc: 'Không có Thượng Đế nào khác duy chỉ Allah (là Thượng Đế)', đã tỏ ra ngạo mạn;

36.- Và chúng bảo: "Sao! chúng tôi phải bỏ các thần linh của chúng tôi chỉ vì một tên thi sĩ mất trí (Muhammad) hay sao?"

37.- Không! Người mang Chân Lý đến để xác nhận lại các Sứ giả.

38.- Rõ thật, các ngươi sẽ phải nếm hình phạt đau đớn;-

39.- Và sẽ bị trừng phạt chỉ bởi những điều mà các ngươi đã làm;-

40.- Ngoại trừ các bầy tôi chân thành (trong sạch) của Allah.

41.- Họ là những người sẽ hưởng bổng lộc được biết rõ:

42.- Trái cây (hoa quả); và họ sẽ được vinh dự,

43.- Trong những Ngôi vườn hạnh phúc (của Thiên Đàng),

44.- (Nằm nghỉ) đối diện trên những chiếc tràng kỷ cao,

45.- Một cốc (rượu) trong sẽ được chuyền vòng đi cho từng người;

46.- Trong vắt, ngọt lịm, làm cho người uống thích thú,

47.- Không làm cho họ nhức đầu, đau bụng... và choáng váng.

48.- Bên cạnh họ sẽ là những trinh nữ với mắt to xinh đẹp, e-lệ nhìn;

49.- (Mắt xinh) như những quả trứng non được giữ kỹ.

50.- Rồi họ quay sang hỏi nhau;

51.- Một người của họ lên tiếng bảo: "Tôi có một người bạn thân,

يَقُولُ أَءِنَّكَ لَمِنَ ٱلْمُصَدِّقِينَ ﴿٥٢﴾ أَءِذَا مِتْنَا وَكُنَّا تُرَابًا وَعِظَٰمًا أَءِنَّا لَمَدِينُونَ ﴿٥٣﴾ قَالَ هَلْ أَنتُم مُّطَّلِعُونَ ﴿٥٤﴾ فَٱطَّلَعَ فَرَءَاهُ فِى سَوَآءِ ٱلْجَحِيمِ ﴿٥٥﴾ قَالَ تَٱللَّهِ إِن كِدتَّ لَتُرْدِينِ ﴿٥٦﴾ وَلَوْلَا نِعْمَةُ رَبِّى لَكُنتُ مِنَ ٱلْمُحْضَرِينَ ﴿٥٧﴾ أَفَمَا نَحْنُ بِمَيِّتِينَ ﴿٥٨﴾ إِلَّا مَوْتَتَنَا ٱلْأُولَىٰ وَمَا نَحْنُ بِمُعَذَّبِينَ ﴿٥٩﴾ إِنَّ هَٰذَا لَهُوَ ٱلْفَوْزُ ٱلْعَظِيمُ ﴿٦٠﴾ لِمِثْلِ هَٰذَا فَلْيَعْمَلِ ٱلْعَٰمِلُونَ ﴿٦١﴾ أَذَٰلِكَ خَيْرٌ نُّزُلًا أَمْ شَجَرَةُ ٱلزَّقُّومِ ﴿٦٢﴾ إِنَّا جَعَلْنَٰهَا فِتْنَةً لِّلظَّٰلِمِينَ ﴿٦٣﴾ إِنَّهَا شَجَرَةٌ تَخْرُجُ فِىٓ أَصْلِ ٱلْجَحِيمِ ﴿٦٤﴾ طَلْعُهَا كَأَنَّهُۥ رُءُوسُ ٱلشَّيَٰطِينِ ﴿٦٥﴾ فَإِنَّهُمْ لَءَاكِلُونَ مِنْهَا فَمَالِـُٔونَ مِنْهَا ٱلْبُطُونَ ﴿٦٦﴾ ثُمَّ إِنَّ لَهُمْ عَلَيْهَا لَشَوْبًا مِّنْ حَمِيمٍ ﴿٦٧﴾ ثُمَّ إِنَّ مَرْجِعَهُمْ لَإِلَى ٱلْجَحِيمِ ﴿٦٨﴾ إِنَّهُمْ أَلْفَوْا۟ ءَابَآءَهُمْ ضَآلِّينَ ﴿٦٩﴾ فَهُمْ عَلَىٰٓ ءَاثَٰرِهِمْ يُهْرَعُونَ ﴿٧٠﴾ وَلَقَدْ ضَلَّ قَبْلَهُمْ أَكْثَرُ ٱلْأَوَّلِينَ ﴿٧١﴾ وَلَقَدْ أَرْسَلْنَا فِيهِم مُّنذِرِينَ ﴿٧٢﴾ فَٱنظُرْ كَيْفَ كَانَ عَٰقِبَةُ ٱلْمُنذَرِينَ ﴿٧٣﴾ إِلَّا عِبَادَ ٱللَّهِ ٱلْمُخْلَصِينَ ﴿٧٤﴾ وَلَقَدْ نَادَىٰنَا نُوحٌ فَلَنِعْمَ ٱلْمُجِيبُونَ ﴿٧٥﴾ وَنَجَّيْنَٰهُ وَأَهْلَهُۥ مِنَ ٱلْكَرْبِ ٱلْعَظِيمِ ﴿٧٦﴾

52.- "Anh ta thường bảo: 'Phải chăng anh là một người có đức tin;

53.- "Phải chăng sau khi chết và thành cát bụi và xương khô, chúng ta sẽ được (dựng sống lại) để chịu xét xử?"

54.- (Một người của họ) bảo: "Há các anh thử nhìn xuống?"

55.- Anh ta nhìn xuống và thấy mình đang ở trong Lửa (Hỏa Ngục).

56.- Anh ta bảo: "Thề bởi Allah! Chút xíu nữa là anh đã hại tôi!

57.- "Nếu không do Ân huệ của *Rabb* của tôi thì chắc chắn tôi đã là một trong những người bị đưa đến (Hỏa ngục)!

58.- "Phải chăng chúng ta sẽ không chết nữa?

59.- "Ngoại trừ cái chết đầu tiên của chúng ta và chúng ta sẽ không bị trừng phạt?"

60.- Chắc chắn, đó là một sự thành tựu lớn lao!

61.- Vì hình ảnh này, những người làm việc hãy cố gắng làm (tốt).

62.- Phải chăng điều (thành tựu) đó tốt hay cây *Zaqqūm* tốt hơn?

63.- Quả thật, *TA* làm ra nó để trừng phạt những tên làm điều sai quấy.

64.- Đó là một loại cây mọc từ dưới đáy của Hỏa ngục,

65.- Chồi non của nó giống như đầu của bọn *Shaytān*.

66.- Thật sự, chúng sẽ ăn nhét nó vào đầy bụng.

67.- Và sẽ được cho uống một lọai nước sôi '*hamīm*' lên trên.

68.- Rồi chúng sẽ được đưa vào Hỏa ngục trở lại.

69.- Quả thật, chúng thấy cha mẹ của chúng lầm lạc;

70.- Nhưng chúng lại ùn ùn chạy theo bước chân của họ!

71.- Và chắc chắn, đa số các người xưa trước chúng cũng đã lầm lạc;-

72.- Và chắc chắn, *TA* đã cử những người báo trước đến với họ;-

73.- Bởi thế, hãy nhìn xem kết cuộc của những kẻ đã được cảnh cáo (nhưng làm ngơ) đã xảy ra như thế nào.

74.- Ngoại trừ các bầy tôi chân thành (trong sạch) của Allah.

75.- Chắc chắn (khi xưa) *Nūh* đã cầu nguyện *TA*. Bởi thế, *TA* là Đấng Ưu việt đáp lại lời cầu xin (của Người).

76.- Và *TA* đã giải cứu Người và gia đình của Người thoát khỏi đại-họa.

وَجَعَلْنَا ذُرِّيَّتَهُۥ هُمُ ٱلْبَاقِينَ ﴿٧٧﴾ وَتَرَكْنَا عَلَيْهِ فِى ٱلْءَاخِرِينَ ﴿٧٨﴾ سَلَٰمٌ عَلَىٰ نُوحٍ فِى ٱلْعَٰلَمِينَ ﴿٧٩﴾ إِنَّا كَذَٰلِكَ نَجْزِى ٱلْمُحْسِنِينَ ﴿٨٠﴾ إِنَّهُۥ مِنْ عِبَادِنَا ٱلْمُؤْمِنِينَ ﴿٨١﴾ ثُمَّ أَغْرَقْنَا ٱلْءَاخَرِينَ ﴿٨٢﴾ ۞ وَإِنَّ مِن شِيعَتِهِۦ لَإِبْرَٰهِيمَ ﴿٨٣﴾ إِذْ جَآءَ رَبَّهُۥ بِقَلْبٍ سَلِيمٍ ﴿٨٤﴾ إِذْ قَالَ لِأَبِيهِ وَقَوْمِهِۦ مَاذَا تَعْبُدُونَ ﴿٨٥﴾ أَئِفْكًا ءَالِهَةً دُونَ ٱللَّهِ تُرِيدُونَ ﴿٨٦﴾ فَمَا ظَنُّكُم بِرَبِّ ٱلْعَٰلَمِينَ ﴿٨٧﴾ فَنَظَرَ نَظْرَةً فِى ٱلنُّجُومِ ﴿٨٨﴾ فَقَالَ إِنِّى سَقِيمٌ ﴿٨٩﴾ فَتَوَلَّوْا۟ عَنْهُ مُدْبِرِينَ ﴿٩٠﴾ فَرَاغَ إِلَىٰٓ ءَالِهَتِهِمْ فَقَالَ أَلَا تَأْكُلُونَ ﴿٩١﴾ مَا لَكُمْ لَا تَنطِقُونَ ﴿٩٢﴾ فَرَاغَ عَلَيْهِمْ ضَرْبًۢا بِٱلْيَمِينِ ﴿٩٣﴾ فَأَقْبَلُوٓا۟ إِلَيْهِ يَزِفُّونَ ﴿٩٤﴾ قَالَ أَتَعْبُدُونَ مَا تَنْحِتُونَ ﴿٩٥﴾ وَٱللَّهُ خَلَقَكُمْ وَمَا تَعْمَلُونَ ﴿٩٦﴾ قَالُوا۟ ٱبْنُوا۟ لَهُۥ بُنْيَٰنًا فَأَلْقُوهُ فِى ٱلْجَحِيمِ ﴿٩٧﴾ فَأَرَادُوا۟ بِهِۦ كَيْدًا فَجَعَلْنَٰهُمُ ٱلْأَسْفَلِينَ ﴿٩٨﴾ وَقَالَ إِنِّى ذَاهِبٌ إِلَىٰ رَبِّى سَيَهْدِينِ ﴿٩٩﴾ رَبِّ هَبْ لِى مِنَ ٱلصَّٰلِحِينَ ﴿١٠٠﴾ فَبَشَّرْنَٰهُ بِغُلَٰمٍ حَلِيمٍ ﴿١٠١﴾ فَلَمَّا بَلَغَ مَعَهُ ٱلسَّعْىَ قَالَ يَٰبُنَىَّ إِنِّىٓ أَرَىٰ فِى ٱلْمَنَامِ أَنِّىٓ أَذْبَحُكَ فَٱنظُرْ مَاذَا تَرَىٰ ۚ قَالَ يَٰٓأَبَتِ ٱفْعَلْ مَا تُؤْمَرُ ۖ سَتَجِدُنِىٓ إِن شَآءَ ٱللَّهُ مِنَ ٱلصَّٰبِرِينَ ﴿١٠٢﴾

77.- Và *TA* đã làm cho dòng dõi của Người sống sót.

78.- Và *TA* đã để lại cho Người nơi hậu thế (lời chúc phúc):

79.- *Salam* (Sự Bằng an) cho Nūh trong thế gian

80.- Quả thật, *TA* đã trọng thưởng những người làm tốt như thế.

81.- Bởi vì rõ thật, Người là một người bề tôi có đức tin của *TA*.

82.- Rồi, *TA* nhận chết chìm các tên (tội lỗi) khác.

83.- Và *Ibrāhīm* đã thực sự nhập phái (tôn giáo) của Người (Nūh).

84.- Khi Người đến với *Rabb* của Người với một tấm lòng trong sạch.

85.- Khi Người thưa với phụ thân và người dân: "Quí vị tôn thờ gì vậy?

86.- "Phải chăng là một điều giả tạo việc quí vị muốn (tôn thờ) các thần linh khác thay vì Allah?

87.- "Thế quí vị nghĩ sao về Đấng *Rabb* của vũ trụ và muôn loài?"

88.- Rồi Người (Ibrāhīm) liếc nhìn các vì sao (trên trời),

89.- Rồi bảo: "Người tôi muốn bệnh

90.- Bởi thế, họ (người dân) ra đi, bỏ Người ở lại.

91.- Rồi Người lén đi gặp các tượng thần của họ. Người hỏi chúng "Các ông không ăn (các món cúng trước mặt) hay sao?

92.- "Các ông có chuyện gì vậy? Sao các ông không chịu nói?"

93.- Rồi Người nhảy xổ đến đưa tay phải ra đập bể chúng.

94.- Sau đó, họ (người dân) vội vã chạy đến gặp Người.

95.- Người bảo họ: "Quí ông tôn thờ những bức tượng do quí ông tạc ư?

96.- "Trong lúc Allah tạo ra quí ông và những vật mà quí ông làm."

97.- Họ bảo : "Hãy xây một tòa nhà cho nó rồi bắt nó thẩy vào lửa cháy!"

98.- Họ đã bày mưu hãm hại Người, nhưng *TA* đã hạ nhục họ.

99.- Và Người bảo: "Ta sẽ đi gặp *Rabb* của ta. Ngài sẽ hướng dẫn ta."

100.- "Lạy *Rabb* của bề tôi! Xin Ngài ban cho bề tôi một đứa (con) đức hạnh."

101.- Bởi thế, TA ban cho Người tin mừng về một đứa con trai chịu đựng.

102.- Đến khi trẻ đến tuổi biết chạy cùng với Người, Người bảo đứa con: "Này con yêu dấu! Cha thấy trong mộng việc cha sẽ tế con. Thế con nghĩ sao? (Ismā'īl) đáp: "Thưa cha! Cha cứ làm theo lệnh truyền. Cha sẽ thấy, nếu Allah muốn, con sẽ là một đứa con kiên nhẫn."

فَلَمَّآ أَسۡلَمَا وَتَلَّهُۥ لِلۡجَبِينِ ١٠٣ وَنَٰدَيۡنَٰهُ أَن يَٰٓإِبۡرَٰهِيمُ ١٠٤
قَدۡ صَدَّقۡتَ ٱلرُّءۡيَآۚ إِنَّا كَذَٰلِكَ نَجۡزِي ٱلۡمُحۡسِنِينَ ١٠٥ إِنَّ
هَٰذَا لَهُوَ ٱلۡبَلَٰٓؤُاْ ٱلۡمُبِينُ ١٠٦ وَفَدَيۡنَٰهُ بِذِبۡحٍ عَظِيمٖ ١٠٧ وَتَرَكۡنَا
عَلَيۡهِ فِي ٱلۡأٓخِرِينَ ١٠٨ سَلَٰمٌ عَلَىٰٓ إِبۡرَٰهِيمَ ١٠٩ كَذَٰلِكَ نَجۡزِي
ٱلۡمُحۡسِنِينَ ١١٠ إِنَّهُۥ مِنۡ عِبَادِنَا ٱلۡمُؤۡمِنِينَ ١١١ وَبَشَّرۡنَٰهُ
بِإِسۡحَٰقَ نَبِيّٗا مِّنَ ٱلصَّٰلِحِينَ ١١٢ وَبَٰرَكۡنَا عَلَيۡهِ وَعَلَىٰٓ إِسۡحَٰقَۚ
وَمِن ذُرِّيَّتِهِمَا مُحۡسِنٞ وَظَالِمٞ لِّنَفۡسِهِۦ مُبِينٞ ١١٣ وَلَقَدۡ مَنَنَّا
عَلَىٰ مُوسَىٰ وَهَٰرُونَ ١١٤ وَنَجَّيۡنَٰهُمَا وَقَوۡمَهُمَا مِنَ ٱلۡكَرۡبِ
ٱلۡعَظِيمِ ١١٥ وَنَصَرۡنَٰهُمۡ فَكَانُواْ هُمُ ٱلۡغَٰلِبِينَ ١١٦ وَءَاتَيۡنَٰهُمَا
ٱلۡكِتَٰبَ ٱلۡمُسۡتَبِينَ ١١٧ وَهَدَيۡنَٰهُمَا ٱلصِّرَٰطَ ٱلۡمُسۡتَقِيمَ
١١٨ وَتَرَكۡنَا عَلَيۡهِمَا فِي ٱلۡأٓخِرِينَ ١١٩ سَلَٰمٌ عَلَىٰ مُوسَىٰ
وَهَٰرُونَ ١٢٠ إِنَّا كَذَٰلِكَ نَجۡزِي ٱلۡمُحۡسِنِينَ ١٢١ إِنَّهُمَا
مِنۡ عِبَادِنَا ٱلۡمُؤۡمِنِينَ ١٢٢ وَإِنَّ إِلۡيَاسَ لَمِنَ ٱلۡمُرۡسَلِينَ ١٢٣
إِذۡ قَالَ لِقَوۡمِهِۦٓ أَلَا تَتَّقُونَ ١٢٤ أَتَدۡعُونَ بَعۡلٗا وَتَذَرُونَ أَحۡسَنَ
ٱلۡخَٰلِقِينَ ١٢٥ ٱللَّهَ رَبَّكُمۡ وَرَبَّ ءَابَآئِكُمُ ٱلۡأَوَّلِينَ ١٢٦

103.- Thế nên, khi hai cha con cùng nạp mình thần phục (Allah), Người (cha) bắt đứa con quì gục đầu xuống đất, (để tế);

104.- Thì *TA* gọi Người, (phán bảo): "Này hỡi Ibrāhīm!

105.- "Nhà ngươi đã hoàn tất điều (thấy) trong mộng." Quả thật! *TA* ân thưởng những người làm tốt như thế.

106.- Quả thật, đây là một sự thử thách công khai cho Người.

107.- Và *TA* đã chuộc mạng đứa trẻ (Ismā'īl) bằng một con vật tế lớn.

108.- Và *TA* đã để lại cho Người nơi hậu thế (Lời chúc phúc):

109.- "*Salām* (Sự Bằng an) cho Ibrāhīm."

110.- *TA* ân thưởng những người làm tốt như thế.

111.- Quả thật, Người là một người bề tôi có đức tin của *TA*.

112.- Và *TA* ban cho Người tin mừng về Ishāq (sau này trở thành) một *Nabi* trong số những người đức hạnh.

113.- Và *TA* đã ban phúc cho Người và Ishāq nhưng trong con cháu của hai người (Ibrāhīm và Ishāq) có một số làm tốt và có một số đã công khai tự hại bản thân mình.

114.- Và chắc chắn *TA* đã ban ân cho *Mūsa* và *Hārūn*.

115.- Và đã giải cứu hai người và người dân của hai người thoát khỏi đại họa;

116.- Và đã trợ giúp hai người chiến thắng;

117.- Và đã ban cho hai người một Kinh sách sáng tỏ;

118.- Và đã hướng dẫn hai người theo Chính đạo;

119.- Và *TA* đã để lại cho hai người nơi hậu thế (Lời chúc phúc):

120.- '*Salām* (Bằng an) cho Mūsa và Hārūn!"

121.- Quả thật, *TA* ân thưởng những người làm tốt như thế.

122.- Quả thật, hai người là bề tôi có đức tin của *TA*.

123.- Và quả thật, *Ilyās* (Elias) là một trong các Sứ giả (của Allah).

124.- Khi Người bảo người dân của Người: "Các người không sợ Allah ư?

125.- "Phải chăng các người cầu nguyện *Ba'l* và bỏ rơi Đấng Tạo Hóa Ưu việt,

126.- "Allah, *Rabb* của các người và của tổ tiên xa xưa của các người ư?"

فَكَذَّبُوهُ فَإِنَّهُمۡ لَمُحۡضَرُونَ ١٢٧ إِلَّا عِبَادَ ٱللَّهِ ٱلۡمُخۡلَصِينَ ١٢٨
وَتَرَكۡنَا عَلَيۡهِ فِي ٱلۡأٓخِرِينَ ١٢٩ سَلَٰمٌ عَلَىٰٓ إِلۡ يَاسِينَ ١٣٠ إِنَّا
كَذَٰلِكَ نَجۡزِي ٱلۡمُحۡسِنِينَ ١٣١ إِنَّهُۥ مِنۡ عِبَادِنَا ٱلۡمُؤۡمِنِينَ
١٣٢ وَإِنَّ لُوطٗا لَّمِنَ ٱلۡمُرۡسَلِينَ ١٣٣ إِذۡ نَجَّيۡنَٰهُ وَأَهۡلَهُۥٓ أَجۡمَعِينَ
١٣٤ إِلَّا عَجُوزٗا فِي ٱلۡغَٰبِرِينَ ١٣٥ ثُمَّ دَمَّرۡنَا ٱلۡأٓخَرِينَ ١٣٦ وَإِنَّكُمۡ
لَتَمُرُّونَ عَلَيۡهِم مُّصۡبِحِينَ ١٣٧ وَبِٱلَّيۡلِۚ أَفَلَا تَعۡقِلُونَ ١٣٨ وَإِنَّ
يُونُسَ لَمِنَ ٱلۡمُرۡسَلِينَ ١٣٩ إِذۡ أَبَقَ إِلَى ٱلۡفُلۡكِ ٱلۡمَشۡحُونِ ١٤٠
فَسَاهَمَ فَكَانَ مِنَ ٱلۡمُدۡحَضِينَ ١٤١ فَٱلۡتَقَمَهُ ٱلۡحُوتُ وَهُوَ مُلِيمٞ
١٤٢ فَلَوۡلَآ أَنَّهُۥ كَانَ مِنَ ٱلۡمُسَبِّحِينَ ١٤٣ لَلَبِثَ فِي بَطۡنِهِۦٓ إِلَىٰ يَوۡمِ
يُبۡعَثُونَ ١٤٤ ۞ فَنَبَذۡنَٰهُ بِٱلۡعَرَآءِ وَهُوَ سَقِيمٞ ١٤٥ وَأَنۢبَتۡنَا
عَلَيۡهِ شَجَرَةٗ مِّن يَقۡطِينٖ ١٤٦ وَأَرۡسَلۡنَٰهُ إِلَىٰ مِاْئَةِ أَلۡفٍ أَوۡ
يَزِيدُونَ ١٤٧ فَـَٔامَنُواْ فَمَتَّعۡنَٰهُمۡ إِلَىٰ حِينٖ ١٤٨ فَٱسۡتَفۡتِهِمۡ
أَلِرَبِّكَ ٱلۡبَنَاتُ وَلَهُمُ ٱلۡبَنُونَ ١٤٩ أَمۡ خَلَقۡنَا ٱلۡمَلَٰٓئِكَةَ إِنَٰثٗا
وَهُمۡ شَٰهِدُونَ ١٥٠ أَلَآ إِنَّهُم مِّنۡ إِفۡكِهِمۡ لَيَقُولُونَ ١٥١ وَلَدَ
ٱللَّهُ وَإِنَّهُمۡ لَكَٰذِبُونَ ١٥٢ أَصۡطَفَى ٱلۡبَنَاتِ عَلَى ٱلۡبَنِينَ ١٥٣

الحِزْبُ ٤٦

127.- Nhưng họ phủ nhận Người. Bởi thế, họ sẽ bị dẫn đến (Lửa),

128.- Ngoại trừ bầy tôi trong sạch của Allah.

129.- Và *TA* đã để lại cho Người nơi hậu thế (Lời chúc phúc):

130.- '*Salām* (Sự Bằng an) cho Ilyās (Elias)!"

131.- Quả thật, *TA* ân thưởng những người làm tốt như thế.

132.- Quả thật, Người là một người bề tôi có đức tin của *TA*.

133.- Và quả thật, *Lūt* (Lốt) là một trong các Sứ giả (của Allah).

134.- Khi *TA* giải cứu Người và gia đình của Người, tất cả,

135.- Ngoại trừ một bà lão (vợ của Lūt) trong số người ở lại đằng sau.

136.- Rồi *TA* đã tiêu diệt số người còn lại.

137.- Và quả thật, các ngươi đi ngang qua (chỗ của) họ vào buổi sáng;

138.- Và ban đêm. Thế các người không hiểu hay sao?

139.- Và quả thật, *Yūnus* là một trong các Sứ giả (của Allah).

140.- Khi Người bỏ chạy đến một chiếc tàu chở đầy người.

141.- Người chịu rút thăm và Người thua cuộc.

142.- Do đó, một con cá lớn nuốt Người vào bụng bởi vì Người đã phạm một điều đáng trách.

143.- Nếu không là người (biết ăn năn sám hối và) tán dương Allah,

144.- Thì Người đã phải ở trong bụng cá cho đến Ngày Phục sinh.

145.- Nhưng *TA* đã quẳng Người lên một bờ biển trống trải trong lúc Người đang bệnh;

146.- Và *TA* đã khiến cho cây bầu mọc phủ mình Người;

147.- Và *TA* cử Người cho một trăm ngàn người dân hoặc nhiều hơn.

148.- Do đó, họ có đức tin. Và *TA* đã cho họ hưởng lạc một thời gian.

149.- Hãy hỏi họ (những người Quraish thờ đa thần): "Phải chăng con gái thuộc về *Rabb* của Ngươi, còn con trai là của họ?"

150.- "Hoặc phải chăng họ đã chứng kiến việc *TA* đã tạo hóa các Thiên thần thành nữ giới?

151.- Ô này! Rõ thật, họ đã nói dối khi họ nói:

152.- "Allah đã sanh con." Và quả thật, họ là những kẻ nói dối.

153.- Ngài (Allah) thích con gái hơn con trai ư?

مَا لَكُمْ كَيْفَ تَحْكُمُونَ ﴿١٥٤﴾ أَفَلَا تَذَكَّرُونَ ﴿١٥٥﴾ أَمْ لَكُمْ سُلْطَٰنٌ مُّبِينٌ ﴿١٥٦﴾
فَأْتُوا۟ بِكِتَٰبِكُمْ إِن كُنتُمْ صَٰدِقِينَ ﴿١٥٧﴾ وَجَعَلُوا۟ بَيْنَهُۥ وَبَيْنَ ٱلْجِنَّةِ
نَسَبًا ۚ وَلَقَدْ عَلِمَتِ ٱلْجِنَّةُ إِنَّهُمْ لَمُحْضَرُونَ ﴿١٥٨﴾ سُبْحَٰنَ ٱللَّهِ عَمَّا
يَصِفُونَ ﴿١٥٩﴾ إِلَّا عِبَادَ ٱللَّهِ ٱلْمُخْلَصِينَ ﴿١٦٠﴾ فَإِنَّكُمْ وَمَا تَعْبُدُونَ ﴿١٦١﴾
مَآ أَنتُمْ عَلَيْهِ بِفَٰتِنِينَ ﴿١٦٢﴾ إِلَّا مَنْ هُوَ صَالِ ٱلْجَحِيمِ ﴿١٦٣﴾ وَمَا مِنَّآ إِلَّا
لَهُۥ مَقَامٌ مَّعْلُومٌ ﴿١٦٤﴾ وَإِنَّا لَنَحْنُ ٱلصَّآفُّونَ ﴿١٦٥﴾ وَإِنَّا لَنَحْنُ ٱلْمُسَبِّحُونَ
﴿١٦٦﴾ وَإِن كَانُوا۟ لَيَقُولُونَ ﴿١٦٧﴾ لَوْ أَنَّ عِندَنَا ذِكْرًا مِّنَ ٱلْأَوَّلِينَ ﴿١٦٨﴾ لَكُنَّا
عِبَادَ ٱللَّهِ ٱلْمُخْلَصِينَ ﴿١٦٩﴾ فَكَفَرُوا۟ بِهِۦ ۖ فَسَوْفَ يَعْلَمُونَ ﴿١٧٠﴾ وَلَقَدْ
سَبَقَتْ كَلِمَتُنَا لِعِبَادِنَا ٱلْمُرْسَلِينَ ﴿١٧١﴾ إِنَّهُمْ لَهُمُ ٱلْمَنصُورُونَ ﴿١٧٢﴾
وَإِنَّ جُندَنَا لَهُمُ ٱلْغَٰلِبُونَ ﴿١٧٣﴾ فَتَوَلَّ عَنْهُمْ حَتَّىٰ حِينٍ ﴿١٧٤﴾ وَأَبْصِرْهُمْ
فَسَوْفَ يُبْصِرُونَ ﴿١٧٥﴾ أَفَبِعَذَابِنَا يَسْتَعْجِلُونَ ﴿١٧٦﴾ فَإِذَا نَزَلَ بِسَاحَتِهِمْ
فَسَآءَ صَبَاحُ ٱلْمُنذَرِينَ ﴿١٧٧﴾ وَتَوَلَّ عَنْهُمْ حَتَّىٰ حِينٍ ﴿١٧٨﴾ وَأَبْصِرْ
فَسَوْفَ يُبْصِرُونَ ﴿١٧٩﴾ سُبْحَٰنَ رَبِّكَ رَبِّ ٱلْعِزَّةِ عَمَّا يَصِفُونَ
﴿١٨٠﴾ وَسَلَٰمٌ عَلَى ٱلْمُرْسَلِينَ ﴿١٨١﴾ وَٱلْحَمْدُ لِلَّهِ رَبِّ ٱلْعَٰلَمِينَ ﴿١٨٢﴾

سُورَةُ صٓ

154.- Các người có chuyện gì vậy? Các người xử trí ra sao?

155.- Thế các người không nhớ hay sao?

156.- Hoặc phải chăng các người có đủ thẩm quyền rõ ràng.

157.- Thế, hãy mang kinh sách của các người đến nếu các người nói thật!

158.- Và họ bịa đặt mối quan hệ thân thuộc giữa Ngài và loài *Jinn* trong lúc loài *Jinn* biết việc chúng sẽ phải trình diện (Allah).

159.- Quang vinh và trong sạch thay Allah về những điều họ đã qui cho Ngài!

160.- Ngoại trừ các bầy tôi trong sạch của Allah.

161.- Và các người và những kẻ (thần linh) mà các người tôn thờ.

162.- Các ngươi không thể quyến dụ được ai (có đức tin) chống lại Ngài,

163.- Ngoại trừ ai muốn đi vào Lửa cháy (của Hỏa ngục).

164.- Không ai trong chúng tôi lại không có một vị trí ấn định;

165.- Quả thật, chúng tôi đứng thành hàng.

166.- Và quả thật, chúng tôi tán dương Ngài.

167.- Và họ (những người Ả-rập ngoại đạo) thường nói:

168.- "Giá có được một Lời Nhắc nhở từ tổ tiên của chúng tôi,

169.- "Thì chắc chắn chúng tôi đã trở thành các bầy tôi chân thành của Allah."

170.- (Nay đã có Qur'ān), nhưng họ phủ nhận nó; rồi họ sẽ sớm biết!

171.- Và Lời phán của *TA* đã được phán cho các bầy tôi của *TA*, các Sứ giả,

172.- Rằng chắc chắn họ sẽ được trợ giúp,

173.- Bằng đoàn thiên binh (Thiên thần) của *TA*; và sẽ chiến thắng.

174.- Bởi thế, hãy tạm lánh xa một thời gian,

175.- Và xem họ (xử sự ra sao) và họ sẽ sớm thấy (kết quả)!

176.- Thế, phải chăng họ giục việc trừng phạt của *TA* chóng đến?

177.- Nhưng khi nó (hình phạt) đáp xuống sân nhà của họ, thì buổi sáng sẽ là điều thê thảm cho những người đã được báo trước.

178.- Bởi thế, hãy lánh xa họ một thời gian ngắn,

179.- Và xem họ (xử sự ra sao); rồi họ sẽ sớm thấy (kết quả)!

180.- Quang vinh thay *Rabb* của Ngươi, *Rabb* của Danh dự và Quyền lực! Ngài vô tội về những điều mà họ đã qui cho Ngài.

181.- Và *Salām* (Sự Bằng an) cho các vị Sứ giả!

182.- Và mọi Lời ca tụng đều dâng lên Allah, *Rabb* của vũ trụ và muôn loài.

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

صٓۚ وَٱلۡقُرۡءَانِ ذِي ٱلذِّكۡرِ ١ بَلِ ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ فِي عِزَّةٖ وَشِقَاقٖ ٢
كَمۡ أَهۡلَكۡنَا مِن قَبۡلِهِم مِّن قَرۡنٖ فَنَادَواْ وَّلَاتَ حِينَ مَنَاصٖ ٣ وَعَجِبُوٓاْ
أَن جَآءَهُم مُّنذِرٞ مِّنۡهُمۡۖ وَقَالَ ٱلۡكَٰفِرُونَ هَٰذَا سَٰحِرٞ كَذَّابٌ ٤
أَجَعَلَ ٱلۡأٓلِهَةَ إِلَٰهٗا وَٰحِدًاۖ إِنَّ هَٰذَا لَشَيۡءٌ عُجَابٞ ٥ وَٱنطَلَقَ ٱلۡمَلَأُ
مِنۡهُمۡ أَنِ ٱمۡشُواْ وَٱصۡبِرُواْ عَلَىٰٓ ءَالِهَتِكُمۡۖ إِنَّ هَٰذَا لَشَيۡءٞ يُرَادُ ٦
مَا سَمِعۡنَا بِهَٰذَا فِي ٱلۡمِلَّةِ ٱلۡأٓخِرَةِ إِنۡ هَٰذَآ إِلَّا ٱخۡتِلَٰقٌ ٧ أَءُنزِلَ
عَلَيۡهِ ٱلذِّكۡرُ مِنۢ بَيۡنِنَاۚ بَلۡ هُمۡ فِي شَكّٖ مِّن ذِكۡرِيۚ بَل لَّمَّا يَذُوقُواْ عَذَابِ
٨ أَمۡ عِندَهُمۡ خَزَآئِنُ رَحۡمَةِ رَبِّكَ ٱلۡعَزِيزِ ٱلۡوَهَّابِ ٩ أَمۡ لَهُم مُّلۡكُ
ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضِ وَمَا بَيۡنَهُمَاۖ فَلۡيَرۡتَقُواْ فِي ٱلۡأَسۡبَٰبِ ١٠ جُندٞ
مَّا هُنَالِكَ مَهۡزُومٞ مِّنَ ٱلۡأَحۡزَابِ ١١ كَذَّبَتۡ قَبۡلَهُمۡ قَوۡمُ نُوحٖ
وَعَادٞ وَفِرۡعَوۡنُ ذُو ٱلۡأَوۡتَادِ ١٢ وَثَمُودُ وَقَوۡمُ لُوطٖ وَأَصۡحَٰبُ
لۡـَٔيۡكَةِۚ أُوْلَٰٓئِكَ ٱلۡأَحۡزَابُ ١٣ إِن كُلٌّ إِلَّا كَذَّبَ ٱلرُّسُلَ
فَحَقَّ عِقَابِ ١٤ وَمَا يَنظُرُ هَٰٓؤُلَآءِ إِلَّا صَيۡحَةٗ وَٰحِدَةٗ مَّا لَهَا
مِن فَوَاقٖ ١٥ وَقَالُواْ رَبَّنَا عَجِّل لَّنَا قِطَّنَا قَبۡلَ يَوۡمِ ٱلۡحِسَابِ ١٦

SĀD

Nhân danh Allah, Đấng Rất mực Độ lượng,
Đấng Rất mực Khoan dung.

1.- *Sād.* Thề bởi (Kinh) Qur'ān đầy Lời Nhắc-nhở;

2.- Không, những kẻ không tin lúc nào cũng tỏ vẻ cường bạo và chống đối;

3.- Có bao nhiêu thế hệ trước họ đã bị *TA* tiêu diệt? Nhưng cuối cùng họ khóc lóc van xin (khoan hồng) khi đã hết thời hạn cứu chữa.

4.- Và họ ngạc nhiên về việc một Người báo trước (Muhammad) xuất thân từ họ đến cảnh cáo họ. Những người không có niềm tin bảo: "Đây là một tên phù thủy, một tên nói dối."

5.- Phải chăng Y (Muhammad) nhập (tất cả) các thần linh lại thành một Thượng Đế? Đây thật là một điều hết sức quái dị!

6.- Những kẻ cầm đầu trong bọn họ đi rong: "Các anh tiếp tục nhẫn nại, bám chắc vào các thần linh của các anh, bởi vì đây là một kế hoạch.

7.- "Chúng ta chưa hề nghe đến điều này nơi tín ngưỡng sau cùng (của tổ tiên chúng ta). Thật ra, đây chỉ là một điều bịa đặt!

8.- "Trong chúng ta há Lời nhắc nhở (Qur'ān) chỉ được ban xuống riêng cho Y thôi hay sao?" Không, họ nghi ngờ về Lời nhắc-nhở (Qur'ān) của TA. Không, họ chưa nếm mùi trừng phạt của TA!

9.- Hoặc phải chăng họ giữ kho tàng Hồng ân của *Rabb* của Ngươi (Muhammad!), Đấng Toàn Năng, Đấng Ban bố?

10.- Hoặc phải chăng quyền thống trị các tầng trời và trái đất và vạn vật giữa trời đất là của họ? Nếu thế, hãy để cho họ đi lên đó!

11.- Họ là một đội quân sẽ bị đánh bại trong liên quân.

12.- Trước họ (đã có nhiều kẻ) phủ nhận (các Sứ giả của Allah) như đám dân của Nūh, 'Ād và Fir'aun, chủ nhân của các cột-trụ.

13.- Và (đám dân của) Thamūd, và người dân của Lūt và dân cư của khu rừng *Aykah.*; họ là thành phần của liên quân (người ngoại đạo).

14.- Tất cả đều phủ nhận các Sứ giả, cho nên sự trừng phạt của TA ắt xảy ra.

15.- Và những người này chỉ còn chờ một tiếng gầm duy nhất. Khi đó, chắc chắn sẽ không còn sự triển hạn nữa.

16.- Và họ thưa: "Lạy *Rabb* chúng tôi! Xin Ngài nhanh chóng cho chúng tôi thấy phần số của chúng tôi trước khi xảy ra Ngày Thanh toán."

ٱصْبِرْ عَلَىٰ مَا يَقُولُونَ وَٱذْكُرْ عَبْدَنَا دَاوُۥدَ ذَا ٱلْأَيْدِ ۖ إِنَّهُۥٓ أَوَّابٌ ﴿١٧﴾ إِنَّا
سَخَّرْنَا ٱلْجِبَالَ مَعَهُۥ يُسَبِّحْنَ بِٱلْعَشِىِّ وَٱلْإِشْرَاقِ ﴿١٨﴾ وَٱلطَّيْرَ
مَحْشُورَةً ۖ كُلٌّ لَّهُۥٓ أَوَّابٌ ﴿١٩﴾ وَشَدَدْنَا مُلْكَهُۥ وَءَاتَيْنَٰهُ ٱلْحِكْمَةَ
وَفَصْلَ ٱلْخِطَابِ ﴿٢٠﴾ ۞ وَهَلْ أَتَىٰكَ نَبَؤُا۟ ٱلْخَصْمِ إِذْ تَسَوَّرُوا۟
ٱلْمِحْرَابَ ﴿٢١﴾ إِذْ دَخَلُوا۟ عَلَىٰ دَاوُۥدَ فَفَزِعَ مِنْهُمْ ۖ قَالُوا۟ لَا تَخَفْ ۖ
خَصْمَانِ بَغَىٰ بَعْضُنَا عَلَىٰ بَعْضٍ فَٱحْكُم بَيْنَنَا بِٱلْحَقِّ وَلَا تُشْطِطْ
وَٱهْدِنَآ إِلَىٰ سَوَآءِ ٱلصِّرَٰطِ ﴿٢٢﴾ إِنَّ هَٰذَآ أَخِى لَهُۥ تِسْعٌ وَتِسْعُونَ نَعْجَةً
وَلِىَ نَعْجَةٌ وَٰحِدَةٌ فَقَالَ أَكْفِلْنِيهَا وَعَزَّنِى فِى ٱلْخِطَابِ ﴿٢٣﴾ قَالَ
لَقَدْ ظَلَمَكَ بِسُؤَالِ نَعْجَتِكَ إِلَىٰ نِعَاجِهِۦ ۖ وَإِنَّ كَثِيرًا مِّنَ ٱلْخُلَطَآءِ لَيَبْغِى
بَعْضُهُمْ عَلَىٰ بَعْضٍ إِلَّا ٱلَّذِينَ ءَامَنُوا۟ وَعَمِلُوا۟ ٱلصَّٰلِحَٰتِ وَقَلِيلٌ
مَّا هُمْ ۗ وَظَنَّ دَاوُۥدُ أَنَّمَا فَتَنَّٰهُ فَٱسْتَغْفَرَ رَبَّهُۥ وَخَرَّ رَاكِعًا وَأَنَابَ ۩
﴿٢٤﴾ فَغَفَرْنَا لَهُۥ ذَٰلِكَ ۖ وَإِنَّ لَهُۥ عِندَنَا لَزُلْفَىٰ وَحُسْنَ مَـَٔابٍ ﴿٢٥﴾
يَٰدَاوُۥدُ إِنَّا جَعَلْنَٰكَ خَلِيفَةً فِى ٱلْأَرْضِ فَٱحْكُم بَيْنَ ٱلنَّاسِ بِٱلْحَقِّ
وَلَا تَتَّبِعِ ٱلْهَوَىٰ فَيُضِلَّكَ عَن سَبِيلِ ٱللَّهِ ۚ إِنَّ ٱلَّذِينَ يَضِلُّونَ
عَن سَبِيلِ ٱللَّهِ لَهُمْ عَذَابٌ شَدِيدٌۢ بِمَا نَسُوا۟ يَوْمَ ٱلْحِسَابِ ﴿٢٦﴾

ربع الحزب ٤٦

سَجْدَة

17.- Ngươi hãy rán chịu đựng về những điều họ nói và hãy nhớ đến người bề tôi *Dāwūd* của *TA*, một con người cang cường. Quả thật, Y hằng quay về (sám hối với Allah).

18.- Chính *TA* đã chế ngự núi non, (phán bảo) hãy cùng với Y tán dương *TA* đêm và ngày.

19.- Và chim chóc tụ tập thành đàn; tất cả cùng hợp đoàn với Y quay về (tán dương Allah).

20.- Và *TA* đã củng cố quyền bính của Y và ban cho Y trí sáng suốt trong việc phán xét và ăn nói quả quyết.

21.- Ngươi (Muhammad) có biết câu chuyện về hai người kiện nhau đã trèo tường đột nhập vào phòng tu (của Dāwūd) hay chưa?

22.- Khi họ vào gặp Dāwūd, Người đâm hoảng sợ. Họ thưa: "Xin ngài chớ sợ! Chúng tôi là hai người kiện nhau, người này muốn chèn ép người kia; do đó, xin ngài phân xử giữa chúng tôi bằng sự thật và chớ bất công và hướng dẫn chúng tôi đến con đường êm xuôi.

23.- "Thực sự, đây là người anh em của tôi (trong đạo). Anh ấy có chín mươi chín con cừu cái, và tôi chỉ có một con cừu cái duy nhất. Thế mà anh ấy còn bảo tôi 'hãy giao nó cho ta.' Và anh ấy đã tranh luận thắng tôi."

24.- (Dāwūd) vội bảo (chưa kịp hỏi đối phương): "Chắc chắn, y đã bức hiếp ngươi bằng cách đòi nhập con cừu của ngươi vào bầy cừu của y. Quả thật (trong việc hùn hạp làm ăn), nhiều người 'hợp tác' hay bức hiếp lẫn nhau ngoại trừ những ai có đức tin và làm điều thiện; nhưng ít có người như thế." Và Dāwūd sực thấy có lẽ *TA* đã thử thách Y, cho nên Y đã cầu xin *Rabb* của Y tha thứ và sụp xuống cúi mình và quay về (sám hối với Allah).

25.- Do đó, *TA* đã tha thứ cho Y về điều đó; và quả thật, nơi *TA* Y có được một chỗ gần gũi và một nơi trở về tốt đẹp.

26.- Này hỡi Dāwūd! *TA* đã chỉ định Ngươi làm một Đại diện trên trái đất. Bởi thế, hãy xét xử nhân loại theo sự thật (và công bằng) và chớ làm theo ý muốn (của Ngươi), bởi vì nó sẽ đưa Ngươi lạc khỏi con đường của Allah. Quả thật, những ai lạc khỏi đạo của Allah thì sẽ bị trừng phạt khủng khiếp về tội đã quên bẵng Ngày Thanh toán.

وَمَا خَلَقْنَا ٱلسَّمَآءَ وَٱلْأَرْضَ وَمَا بَيْنَهُمَا بَٰطِلًاۚ ذَٰلِكَ ظَنُّ ٱلَّذِينَ كَفَرُواْۚ فَوَيْلٌ لِّلَّذِينَ كَفَرُواْ مِنَ ٱلنَّارِ ٢٧ أَمْ نَجْعَلُ ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ وَعَمِلُواْ ٱلصَّٰلِحَٰتِ كَٱلْمُفْسِدِينَ فِي ٱلْأَرْضِ أَمْ نَجْعَلُ ٱلْمُتَّقِينَ كَٱلْفُجَّارِ ٢٨ كِتَٰبٌ أَنزَلْنَٰهُ إِلَيْكَ مُبَٰرَكٌ لِّيَدَّبَّرُوٓاْ ءَايَٰتِهِۦ وَلِيَتَذَكَّرَ أُوْلُواْ ٱلْأَلْبَٰبِ ٢٩ وَوَهَبْنَا لِدَاوُۥدَ سُلَيْمَٰنَۚ نِعْمَ ٱلْعَبْدُۖ إِنَّهُۥٓ أَوَّابٌ ٣٠ إِذْ عُرِضَ عَلَيْهِ بِٱلْعَشِيِّ ٱلصَّٰفِنَٰتُ ٱلْجِيَادُ ٣١ فَقَالَ إِنِّيٓ أَحْبَبْتُ حُبَّ ٱلْخَيْرِ عَن ذِكْرِ رَبِّي حَتَّىٰ تَوَارَتْ بِٱلْحِجَابِ ٣٢ رُدُّوهَا عَلَيَّۖ فَطَفِقَ مَسْحًۢا بِٱلسُّوقِ وَٱلْأَعْنَاقِ ٣٣ وَلَقَدْ فَتَنَّا سُلَيْمَٰنَ وَأَلْقَيْنَا عَلَىٰ كُرْسِيِّهِۦ جَسَدًا ثُمَّ أَنَابَ ٣٤ قَالَ رَبِّ ٱغْفِرْ لِي وَهَبْ لِي مُلْكًا لَّا يَنۢبَغِي لِأَحَدٍ مِّنۢ بَعْدِيٓۖ إِنَّكَ أَنتَ ٱلْوَهَّابُ ٣٥ فَسَخَّرْنَا لَهُ ٱلرِّيحَ تَجْرِي بِأَمْرِهِۦ رُخَآءً حَيْثُ أَصَابَ ٣٦ وَٱلشَّيَٰطِينَ كُلَّ بَنَّآءٍ وَغَوَّاصٍ ٣٧ وَءَاخَرِينَ مُقَرَّنِينَ فِي ٱلْأَصْفَادِ ٣٨ هَٰذَا عَطَآؤُنَا فَٱمْنُنْ أَوْ أَمْسِكْ بِغَيْرِ حِسَابٍ ٣٩ وَإِنَّ لَهُۥ عِندَنَا لَزُلْفَىٰ وَحُسْنَ مَـَٔابٍ ٤٠ وَٱذْكُرْ عَبْدَنَآ أَيُّوبَ إِذْ نَادَىٰ رَبَّهُۥٓ أَنِّي مَسَّنِيَ ٱلشَّيْطَٰنُ بِنُصْبٍ وَعَذَابٍ ٤١ ٱرْكُضْ بِرِجْلِكَۖ هَٰذَا مُغْتَسَلٌۢ بَارِدٌ وَشَرَابٌ ٤٢

27.- Và *TA* đã không tạo ra trời và đất và muôn loài giữa trời đất vô mục đích. Đấy chỉ là lối suy nghĩ của những ai không có niềm tin ấy thôi. Và khốn khổ cho những ai không có đức tin không tránh khỏi Lửa.

28.- Há *TA* sẽ đối xử với những ai có đức tin và làm điều thiện giống như (đối) với những kẻ thối nát trên trái đất hay sao? Hoặc *TA* sẽ đối xử với người sợ Allah như đối với kẻ bất lương hay sao?

29.- Đây là một Kinh sách (Qur'ān) đầy phúc đức mà *TA* đã ban xuống cho Người để giúp họ nghiền ngẫm về những Câu của Nó và để cho những người thông hiểu ghi nhớ.

30.- Và *TA* đã ban cho Dāwūd (đứa con trai) Sulaymān, một người bề tôi ưu hạng (của *TA*) bởi vì Y hằng quay về (sám hối với *TA*).

31.- Vào một buổi xế chiều, có một số ngựa tốt, vó câu lẹ làng được mang đến trình Y (Sulaymān).

32.- Y bảo: "Ta đã thật sự yêu thích món vật tốt hơn việc tưởng nhớ *Rabb* của Ta" cho đến lúc (mặt trời) khuất bóng sau màn đêm.

33.- (Và bảo): "Hãy dắt chúng (ngựa) trở lại cho ta." Và Y lấy tay sờ (vuốt) chân và cổ của chúng.

34.- Và *TA* đã thử thách Sulaymān. *TA* đã đặt lên ngai vàng của Y một con quỷ.(Vì thế Y đã mất ngôi trong một thời gian). Rồi, Y quay về sám hối (với *TA* và được phục ngôi trở lai).

35.- (Sulaymān) thưa: "Lạy *Rabb* của bề tôi! Xin Ngài tha thứ cho bề tôi và ban cho bề tôi một quyền bính (triều đại) mà Ngài sẽ không ban cho một ai khác sau bề tôi bởi vì Ngài là Đấng Hằng Ban bố."

36.- Và *TA* đã chế ngự gió cho Y, và bắt nó bay lướt nhe đến nơi nào tùy theo lệnh của Y.

37.- Và bắt *Shaytān* phục tùng Y, tất cả (gồm) thợ xây nhà và thợ lặn.

38.- Còn những tên khác thì bị trói xích lại với nhau.

39.- (Allah phán cho Sulaymān): "Đây là quà tặng của *TA* ban cho Người. Do đó, sử dụng (tặng) hay giữ lại không cần phải tính sổ."

40.- Và thực sự, Y có nơi TA một chỗ gần gũi và một nơi trở về tốt đẹp.

41.- Và hãy nhớ đến người bề tôi *Ayyūb* của *TA* khi Y khóc than cầu cứu với *Rabb* của Y, thưa: "Quả thật, *Shaytān* đã chạm phải (thân mình của) bề tôi làm cho bề tôi khổ tâm và đau đớn (thể xác)."

42.- (Allah phán): "Hãy dùng chân của ngươi dâm lên mặt đất. Nơi đây, sẽ có nước mát (chảy ra) cho ngươi tắm rửa, và giải khát."

وَوَهَبْنَا لَهُۥٓ أَهْلَهُۥ وَمِثْلَهُم مَّعَهُمْ رَحْمَةً مِّنَّا وَذِكْرَىٰ لِأُوْلِي ٱلْأَلْبَٰبِ ﴿٤٣﴾ وَخُذْ بِيَدِكَ ضِغْثًا فَٱضْرِب بِّهِۦ وَلَا تَحْنَثْ ۗ إِنَّا وَجَدْنَٰهُ صَابِرًا ۚ نِّعْمَ ٱلْعَبْدُ ۖ إِنَّهُۥٓ أَوَّابٌ ﴿٤٤﴾ وَٱذْكُرْ عِبَٰدَنَآ إِبْرَٰهِيمَ وَإِسْحَٰقَ وَيَعْقُوبَ أُوْلِي ٱلْأَيْدِي وَٱلْأَبْصَٰرِ ﴿٤٥﴾ إِنَّآ أَخْلَصْنَٰهُم بِخَالِصَةٍ ذِكْرَى ٱلدَّارِ ﴿٤٦﴾ وَإِنَّهُمْ عِندَنَا لَمِنَ ٱلْمُصْطَفَيْنَ ٱلْأَخْيَارِ ﴿٤٧﴾ وَٱذْكُرْ إِسْمَٰعِيلَ وَٱلْيَسَعَ وَذَا ٱلْكِفْلِ ۖ وَكُلٌّ مِّنَ ٱلْأَخْيَارِ ﴿٤٨﴾ هَٰذَا ذِكْرٌ ۚ وَإِنَّ لِلْمُتَّقِينَ لَحُسْنَ مَـَٔابٍ ﴿٤٩﴾ جَنَّٰتِ عَدْنٍ مُّفَتَّحَةً لَّهُمُ ٱلْأَبْوَٰبُ ﴿٥٠﴾ مُتَّكِـِٔينَ فِيهَا يَدْعُونَ فِيهَا بِفَٰكِهَةٍ كَثِيرَةٍ وَشَرَابٍ ﴿٥١﴾ ۞ وَعِندَهُمْ قَٰصِرَٰتُ ٱلطَّرْفِ أَتْرَابٌ ﴿٥٢﴾ هَٰذَا مَا تُوعَدُونَ لِيَوْمِ ٱلْحِسَابِ ﴿٥٣﴾ إِنَّ هَٰذَا لَرِزْقُنَا مَا لَهُۥ مِن نَّفَادٍ ﴿٥٤﴾ هَٰذَا ۚ وَإِنَّ لِلطَّٰغِينَ لَشَرَّ مَـَٔابٍ ﴿٥٥﴾ جَهَنَّمَ يَصْلَوْنَهَا فَبِئْسَ ٱلْمِهَادُ ﴿٥٦﴾ هَٰذَا فَلْيَذُوقُوهُ حَمِيمٌ وَغَسَّاقٌ ﴿٥٧﴾ وَءَاخَرُ مِن شَكْلِهِۦٓ أَزْوَٰجٌ ﴿٥٨﴾ هَٰذَا فَوْجٌ مُّقْتَحِمٌ مَّعَكُمْ ۖ لَا مَرْحَبًۢا بِهِمْ ۚ إِنَّهُمْ صَالُواْ ٱلنَّارِ ﴿٥٩﴾ قَالُواْ بَلْ أَنتُمْ لَا مَرْحَبًۢا بِكُمْ ۖ أَنتُمْ قَدَّمْتُمُوهُ لَنَا ۖ فَبِئْسَ ٱلْقَرَارُ ﴿٦٠﴾ قَالُواْ رَبَّنَا مَن قَدَّمَ لَنَا هَٰذَا فَزِدْهُ عَذَابًا ضِعْفًا فِي ٱلنَّارِ ﴿٦١﴾

نصف الحزب ٤٦

43.- Và *TA* đã trả gia đình lại cho Y và ban cùng với họ hồng ân tương tự từ *TA* và là một sự Nhắc nhở cho những người thông hiểu.

44.- "Và hãy nắm trong tay một chùm cỏ, mà Ngươi dùng để đánh và chớ bỏ lời thề." Quả thật, *TA* đã thấy Y hằng chịu đựng, kiên nhẫn. Y thật là một người đầy tớ ưu hạng bởi vì Y hằng quay về (sám hối).

45.- Và hãy nhớ đến những người bề tôi *Ibrāhīm*, và *Ishāq* và *Ya'qūb* của *TA*. Họ là những người cang cường và nhìn thấu sự việc.

46.- Quả thật, *TA* đã chọn họ đặc biệt tưởng nhớ Ngôi nhà.

47.- Và quả thật, đối với *TA* chắc chắn họ là thành phần ưu tú được tuyển chọn!

48.- Và hãy nhớ đến *Ismā'īl* và *al-Yasa'a* (Elisha) và *Zul-kifl*. Và tất cả đều là thành phần ưu tú.

49.- (Qur'ān) này là Lời Nhắc nhở. Và quả thật những người ngay chính sợ Allah sẽ có một nơi trở về tốt đẹp:

50.- Những Ngôi vườn vĩnh cửu (của Thiên đàng) với những cánh cửa luôn luôn được mở rộng cho họ.

51.- Trong đó, họ sẽ tựa mình nằm nghỉ thoải mái; và sẽ gọi tùy thích đủ loại trái cây để dùng và nước giải khát để uống;

52.- Bên cạnh họ là những trinh nữ bằng lứa tuổi thẹn thùa nhìn.

53.- Đây là những món mà các người đã được hứa vào Ngày Thanh toán.

54.- Đây là bổng lộc không hề dứt cạn của *TA*.

55.- Đây (là phần của người sợ Allah). Còn đối với những kẻ thái quá thì sẽ có một nơi trở về rất xấu xa:

56.- Hỏa ngục, nơi mà chúng sẽ bị đốt (nướng); một nơi nghỉ rất xấu.

57.- Đây (là phần của kẻ thái quá). Bởi thế, hãy để cho chúng nếm nó: một loại nước cực sôi và một loại chất mủ hôi tanh.

58.- Và các hình phạt tương xứng khác.

59.- Đây là một đoàn người cắm đầu chạy chung với các người, không được ai nghinh đón cả! Chắc chắn, chúng sẽ bị nướng trong Lửa.

60.- (Đám thuộc hạ) sẽ nói (với các lãnh tụ của chúng): "Không, Quí ngài (cũng thế!) Không ai chào đón quí ngài cả. Chính quí ngài đã mang điều này đến cho chúng tôi. Bởi thế, đây là chỗ ngụ xấu xa.

61.- Và chúng thưa: "Lạy *Rabb* chúng tôi! Kẻ nào làm cho chúng tôi mang tội này thì xin phạt y gấp đôi trong Lửa (của Hỏa ngục)."

وَقَالُواْ مَا لَنَا لَا نَرَىٰ رِجَالٗا كُنَّا نَعُدُّهُم مِّنَ ٱلۡأَشۡرَارِ ٦٢ أَتَّخَذۡنَٰهُمۡ سِخۡرِيًّا أَمۡ زَاغَتۡ عَنۡهُمُ ٱلۡأَبۡصَٰرُ ٦٣ إِنَّ ذَٰلِكَ لَحَقّٞ تَخَاصُمُ أَهۡلِ ٱلنَّارِ ٦٤ قُلۡ إِنَّمَآ أَنَا۠ مُنذِرٞۖ وَمَا مِنۡ إِلَٰهٍ إِلَّا ٱللَّهُ ٱلۡوَٰحِدُ ٱلۡقَهَّارُ ٦٥ رَبُّ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضِ وَمَا بَيۡنَهُمَا ٱلۡعَزِيزُ ٱلۡغَفَّٰرُ ٦٦ قُلۡ هُوَ نَبَؤٌاْ عَظِيمٌ ٦٧ أَنتُمۡ عَنۡهُ مُعۡرِضُونَ ٦٨ مَا كَانَ لِيَ مِنۡ عِلۡمِۭ بِٱلۡمَلَإِ ٱلۡأَعۡلَىٰٓ إِذۡ يَخۡتَصِمُونَ ٦٩ إِن يُوحَىٰٓ إِلَيَّ إِلَّآ أَنَّمَآ أَنَا۠ نَذِيرٞ مُّبِينٌ ٧٠ إِذۡ قَالَ رَبُّكَ لِلۡمَلَٰٓئِكَةِ إِنِّي خَٰلِقُۢ بَشَرٗا مِّن طِينٖ ٧١ فَإِذَا سَوَّيۡتُهُۥ وَنَفَخۡتُ فِيهِ مِن رُّوحِي فَقَعُواْ لَهُۥ سَٰجِدِينَ ٧٢ فَسَجَدَ ٱلۡمَلَٰٓئِكَةُ كُلُّهُمۡ أَجۡمَعُونَ ٧٣ إِلَّآ إِبۡلِيسَ ٱسۡتَكۡبَرَ وَكَانَ مِنَ ٱلۡكَٰفِرِينَ ٧٤ قَالَ يَٰٓإِبۡلِيسُ مَا مَنَعَكَ أَن تَسۡجُدَ لِمَا خَلَقۡتُ بِيَدَيَّۖ أَسۡتَكۡبَرۡتَ أَمۡ كُنتَ مِنَ ٱلۡعَالِينَ ٧٥ قَالَ أَنَا۠ خَيۡرٞ مِّنۡهُ خَلَقۡتَنِي مِن نَّارٖ وَخَلَقۡتَهُۥ مِن طِينٖ ٧٦ قَالَ فَٱخۡرُجۡ مِنۡهَا فَإِنَّكَ رَجِيمٞ ٧٧ وَإِنَّ عَلَيۡكَ لَعۡنَتِيٓ إِلَىٰ يَوۡمِ ٱلدِّينِ ٧٨ قَالَ رَبِّ فَأَنظِرۡنِيٓ إِلَىٰ يَوۡمِ يُبۡعَثُونَ ٧٩ قَالَ فَإِنَّكَ مِنَ ٱلۡمُنظَرِينَ ٨٠ إِلَىٰ يَوۡمِ ٱلۡوَقۡتِ ٱلۡمَعۡلُومِ ٨١ قَالَ فَبِعِزَّتِكَ لَأُغۡوِيَنَّهُمۡ أَجۡمَعِينَ ٨٢ إِلَّا عِبَادَكَ مِنۡهُمُ ٱلۡمُخۡلَصِينَ ٨٣

62.- Và chúng sẽ bảo: "Chuyện gì xảy đến cho chúng tôi? Tại sao chúng tôi không thấy những người mà chúng tôi đã liệt vào đám người xấu?

63.- "Phải chăng chúng tôi đã chế giễu họ hay chúng tôi bị quáng mắt không nhìn thấy họ?"

64.- Đấy là sự Thật về việc tranh cãi của các cư dân nơi Hỏa ngục.

65.- Hãy bảo (họ): "Ta chỉ là một người báo-trước. Không có Thượng Đế nào cả duy chỉ có Allah, Đấng Duy Nhất, Đấng Tối Thượng.

66.- "*Rabb* của các tầng trời và trái đất và vạn vật giữa trời đất, Đấng Toàn Năng, Đấng Hằng Tha thứ"

67.- Hãy bảo họ: "Nó (Qur'ān) là một nguồn tin lớn.

68.- "Mà các người thường lánh xa.

69.- "Ta không biết gì về các lãnh tụ trên cao khi họ tranh luận với nhau.

70.- "Ta chỉ được mặc khải cho biết ta là một người báo-trước công khai"

71.- (Hãy nhớ lại) khi xưa *Rabb* của Người (Muhammad) đã phán bảo các Thiên thần: "TA sắp tạo một con người phàm bằng đất sét;

72.- "Bởi thế, khi TA uốn nắn Y (Ādam) thành hình thể và hà vào Y *Rūh* (linh hồn) do TA (làm), các ngươi hãy sụp xuống phủ phục Y."

73.- Do đó, tất cả Thiên thần đồng quì lạy;

74.- Ngoại trừ *Iblīs* (Shaytān). Nó tự cao và là một tên phản nghịch.

75.- Allah phán: "Này hỡi *Iblīs*! Điều gì cản nhà ngươi quì lạy một nhân vật mà TA đã tạo từ hai Bàn Tay của TA? Phải chăng nhà ngươi ngạo mạn hay trịch thượng?"

76.- (Iblīs) thưa: "Bề tôi tốt hơn y (Ādam) bởi vì Ngài tạo bề tôi bằng lửa và y bằng đất sét."

77.- (Allah) phán: "Vậy thì nhà ngươi hãy bước ra khỏi đó (Vườn trời). Nhà ngươi đáng bị tống cổ ra ngoài.

78.- "Nhà ngươi sẽ bị TA nguyền rủa cho đến Ngày Phán xử cuối cùng."

79.- (Iblīs) thưa: "Lạy *Rabb* của bề tôi! Xin gia hạn cho bề tôi đến Ngày mà (người chết) sẽ được phục sinh trở lại."

80.- (Allah) phán: "Thế thì nhà ngươi là một kẻ được gia hạn -

81.- "Cho đến Ngày của thời kỳ đã được ấn định."

82.- (Iblīs) thưa: "Do Quyền Năng của Ngài, bề tôi sẽ hướng dẫn tất cả bọn chúng lầm lạc,-

83.- "Ngoại trừ những bề tôi chân thành của Ngài trong chúng."

قَالَ فَٱلْحَقُّ وَٱلْحَقَّ أَقُولُ ﴿٨٤﴾ لَأَمْلَأَنَّ جَهَنَّمَ مِنكَ وَمِمَّن تَبِعَكَ مِنْهُمْ أَجْمَعِينَ ﴿٨٥﴾ قُلْ مَآ أَسْـَٔلُكُمْ عَلَيْهِ مِنْ أَجْرٍ وَمَآ أَنَا۠ مِنَ ٱلْمُتَكَلِّفِينَ ﴿٨٦﴾ إِنْ هُوَ إِلَّا ذِكْرٌ لِّلْعَٰلَمِينَ ﴿٨٧﴾ وَلَتَعْلَمُنَّ نَبَأَهُۥ بَعْدَ حِينٍۭ ﴿٨٨﴾

سُورَةُ الزُّمَرِ

بِسْمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحْمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

تَنزِيلُ ٱلْكِتَٰبِ مِنَ ٱللَّهِ ٱلْعَزِيزِ ٱلْحَكِيمِ ﴿١﴾ إِنَّآ أَنزَلْنَآ إِلَيْكَ ٱلْكِتَٰبَ بِٱلْحَقِّ فَٱعْبُدِ ٱللَّهَ مُخْلِصًا لَّهُ ٱلدِّينَ ﴿٢﴾ أَلَا لِلَّهِ ٱلدِّينُ ٱلْخَالِصُ ۚ وَٱلَّذِينَ ٱتَّخَذُوا۟ مِن دُونِهِۦٓ أَوْلِيَآءَ مَا نَعْبُدُهُمْ إِلَّا لِيُقَرِّبُونَآ إِلَى ٱللَّهِ زُلْفَىٰٓ إِنَّ ٱللَّهَ يَحْكُمُ بَيْنَهُمْ فِى مَا هُمْ فِيهِ يَخْتَلِفُونَ ۗ إِنَّ ٱللَّهَ لَا يَهْدِى مَنْ هُوَ كَٰذِبٌ كَفَّارٌ ﴿٣﴾ لَّوْ أَرَادَ ٱللَّهُ أَن يَتَّخِذَ وَلَدًا لَّٱصْطَفَىٰ مِمَّا يَخْلُقُ مَا يَشَآءُ ۚ سُبْحَٰنَهُۥ ۖ هُوَ ٱللَّهُ ٱلْوَٰحِدُ ٱلْقَهَّارُ ﴿٤﴾ خَلَقَ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلْأَرْضَ بِٱلْحَقِّ ۖ يُكَوِّرُ ٱلَّيْلَ عَلَى ٱلنَّهَارِ وَيُكَوِّرُ ٱلنَّهَارَ عَلَى ٱلَّيْلِ ۖ وَسَخَّرَ ٱلشَّمْسَ وَٱلْقَمَرَ ۖ كُلٌّ يَجْرِى لِأَجَلٍ مُّسَمًّى ۗ أَلَا هُوَ ٱلْعَزِيزُ ٱلْغَفَّٰرُ ﴿٥﴾

84.- (Allah) phán: "Đích thực, và TA luôn luôn nói sự Thật,

85.- "Rằng chắc chắn TA sẽ giam nhà ngươi và kẻ nào trong chúng (nhân loại) theo ngươi vào Hỏa ngục, tất cả.

86.- Hãy bảo (chúng) (Hơi Muhammad!): "Ta không đòi hỏi các người tưởng thưởng Ta về (Qur'ān) này và Ta cũng không phải là một tên giả vờ nói ra điều không có.

87.- "Nó (Qur'ān) chỉ là một sự Nhắc nhở cho muôn loài (người, *jinn* và tất cả những gì hiện có).

88.- "Và chắc chắn các người sẽ biết sự thật của Nó sau một thời gian."

AZ-ZUMAR
(Các Nhóm Người)

Nhân danh Allah, Đấng Rất mực Độ lượng,
Đấng Rất mực Khoan dung.

1.- Kinh sách (Qur'ān) do Allah, Đấng Toàn Năng, Đấng Chí Minh ban xuống.

2.- Chắc chắn *TA* ban Kinh sách xuống cho Ngươi (Muhammad) bằng sự thật. Bởi thế, hãy thờ phụng Allah, thành tâm thần phục riêng Ngài.

3.- Há việc sùng bái chân thành không phải chỉ dành riêng cho Allah ư? Thế mà những kẻ đã chấp nhận những vị bảo hộ ngoài Ngài đã nói: "Chúng tôi tôn thờ họ chỉ vì nhờ họ đưa chúng tôi đến gần Allah." Chắc chắn Allah sẽ xét xử giữa bọn chúng về điều chúng thường tranh chấp. Chắc chắn Allah không hướng dẫn ai là người nói dối và không có đức tin.

4.- Nếu Allah muốn nhận cho Mình một đứa con thì Ngài đã chọn trong số nhân vật mà Ngài đã tạo một người vừa ý Ngài. Nhưng Ngài quang vinh và trong sạch! Allah là Đấng Duy Nhất, Đấng Tối Thượng.

5.- Ngài vì Chân lý đã tạo các tầng trời và trái đất. Ngài cuốn ban đêm bao phủ ban ngày và cuốn ban ngày bao phủ ban đêm. Ngài chế ngự mặt trời và mặt trăng. Mỗi vật di chuyển đến một thời hạn ấn định. Há Ngài không là Đấng Toàn Năng, Đấng Hằng Tha Thứ hay sao?

خَلَقَكُم مِّن نَّفْسٍ وَٰحِدَةٍ ثُمَّ جَعَلَ مِنْهَا زَوْجَهَا وَأَنزَلَ لَكُم مِّنَ ٱلْأَنْعَٰمِ ثَمَٰنِيَةَ أَزْوَٰجٍ يَخْلُقُكُمْ فِى بُطُونِ أُمَّهَٰتِكُمْ خَلْقًا مِّنۢ بَعْدِ خَلْقٍ فِى ظُلُمَٰتٍ ثَلَٰثٍ ذَٰلِكُمُ ٱللَّهُ رَبُّكُمْ لَهُ ٱلْمُلْكُ لَآ إِلَٰهَ إِلَّا هُوَ فَأَنَّىٰ تُصْرَفُونَ ﴿٦﴾ إِن تَكْفُرُوا۟ فَإِنَّ ٱللَّهَ غَنِىٌّ عَنكُمْ وَلَا يَرْضَىٰ لِعِبَادِهِ ٱلْكُفْرَ وَإِن تَشْكُرُوا۟ يَرْضَهُ لَكُمْ وَلَا تَزِرُ وَازِرَةٌ وِزْرَ أُخْرَىٰ ثُمَّ إِلَىٰ رَبِّكُم مَّرْجِعُكُمْ فَيُنَبِّئُكُم بِمَا كُنتُمْ تَعْمَلُونَ إِنَّهُۥ عَلِيمٌۢ بِذَاتِ ٱلصُّدُورِ ﴿٧﴾ ۞ وَإِذَا مَسَّ ٱلْإِنسَٰنَ ضُرٌّ دَعَا رَبَّهُۥ مُنِيبًا إِلَيْهِ ثُمَّ إِذَا خَوَّلَهُۥ نِعْمَةً مِّنْهُ نَسِىَ مَا كَانَ يَدْعُوٓا۟ إِلَيْهِ مِن قَبْلُ وَجَعَلَ لِلَّهِ أَندَادًا لِّيُضِلَّ عَن سَبِيلِهِۦ قُلْ تَمَتَّعْ بِكُفْرِكَ قَلِيلًا إِنَّكَ مِنْ أَصْحَٰبِ ٱلنَّارِ ﴿٨﴾ أَمَّنْ هُوَ قَٰنِتٌ ءَانَآءَ ٱلَّيْلِ سَاجِدًا وَقَآئِمًا يَحْذَرُ ٱلْءَاخِرَةَ وَيَرْجُوا۟ رَحْمَةَ رَبِّهِۦ قُلْ هَلْ يَسْتَوِى ٱلَّذِينَ يَعْلَمُونَ وَٱلَّذِينَ لَا يَعْلَمُونَ إِنَّمَا يَتَذَكَّرُ أُو۟لُوا۟ ٱلْأَلْبَٰبِ ﴿٩﴾ قُلْ يَٰعِبَادِ ٱلَّذِينَ ءَامَنُوا۟ ٱتَّقُوا۟ رَبَّكُمْ لِلَّذِينَ أَحْسَنُوا۟ فِى هَٰذِهِ ٱلدُّنْيَا حَسَنَةٌ وَأَرْضُ ٱللَّهِ وَٰسِعَةٌ إِنَّمَا يُوَفَّى ٱلصَّٰبِرُونَ أَجْرَهُم بِغَيْرِ حِسَابٍ ﴿١٠﴾

ثلاثة أرباع الحزب ٤٦

6.- Ngài đã tạo hóa các người từ một Người duy nhất (*Ādam*). Rồi từ Người, tạo ra người vợ của Người (*Hawwā'*). Rồi Ngài ban tám con gia súc (cặp trừu, cặp dê, cặp bò, cặp lạc đà, đực và cái) xuống cho các người. Ngài tạo các người trong dạ con của các bà mẹ của các người theo từng giai đoạn, cái này sau cái kia, trong ba lớp màn tối. Allah, *Rabb* của các người là thế. Ngài nắm quyền thống trị. Không có Thượng Đế nào cả duy chỉ Ngài (là Thượng Đế). Thế tại sao các người lánh xa Ngài?

7.- Nếu các người phủ nhận (Allah), thì chắc chắn Allah không cần đến các người nhưng Ngài không hài lòng với thái độ vong ân của đám bầy tôi của Ngài. Ngược lại, nếu các người tri ân thì Ngài sẽ hài lòng với các người về việc đó. Bởi vì không một người khuân vác nào sẽ vác giùm gánh nặng (tội lỗi) của người khác. Rồi các người sẽ trở về gặp *Rabb* của các người trở lại; tiếp đó, Ngài sẽ cho các người biết về những điều mà các người đã từng làm. Chắc chắn Ngài là Đấng hằng biết những điều nằm trong lòng của mỗi người.

8.- Và khi gặp hoạn nạn, con người kêu than cầu cứu với *Rabb* của y, quay về sám hối với Ngài. Rồi khi Ngài ban cho y ân huệ từ Ngài, y quên bẵng điều mà y đã từng cầu xin Ngài trước kia và hơn nữa còn bày đặt những đối thủ ngang vai với Allah hầu mong dắt thiên hạ lạc khỏi con đường của Ngài. Hãy bảo y: "Hãy hưởng thụ sự vô tín của ngươi trong một thời gian ngắn. Chắc chắn ngươi sẽ là một người bạn của Lửa (Hỏa ngục).

9.- Phải chăng một người thức đêm dốc lòng cung kính (Allah), lúc thì phủ phục, lúc thì đứng thẳng, luôn luôn chú ý đến Đời sau và hy vọng nơi Đức Khoan dung của *Rabb* của y (giống với một kẻ không có đức tin hay sao) Hãy bảo y: "Phải chăng một người (hiểu) biết và một người thiếu hiểu biết ngang bằng nhau?" Chắc chắn, chỉ những người thông hiểu mới ghi nhớ (lời khuyến cáo).

10.- Hãy bảo (họ): "Hỡi các bầy tôi có đức tin của TA! Hãy sợ *Rabb* của các ngươi và làm tròn bổn phận đối với Ngài. Ai làm điều lành nơi trần thế thì sẽ gặp điều lành trở lại. Và đất đai của Allah rộng bao la. Chỉ những người kiên nhẫn mới hưởng trọn phần thưởng của mình, không cần phải tính sổ."

قُلْ إِنِّيٓ أُمِرْتُ أَنْ أَعْبُدَ ٱللَّهَ مُخْلِصًا لَّهُ ٱلدِّينَ ﴿١١﴾ وَأُمِرْتُ لِأَنْ أَكُونَ أَوَّلَ ٱلْمُسْلِمِينَ ﴿١٢﴾ قُلْ إِنِّيٓ أَخَافُ إِنْ عَصَيْتُ رَبِّي عَذَابَ يَوْمٍ عَظِيمٍ ﴿١٣﴾ قُلِ ٱللَّهَ أَعْبُدُ مُخْلِصًا لَّهُۥ دِينِي ﴿١٤﴾ فَٱعْبُدُوا۟ مَا شِئْتُم مِّن دُونِهِۦ ۗ قُلْ إِنَّ ٱلْخَٰسِرِينَ ٱلَّذِينَ خَسِرُوٓا۟ أَنفُسَهُمْ وَأَهْلِيهِمْ يَوْمَ ٱلْقِيَٰمَةِ ۗ أَلَا ذَٰلِكَ هُوَ ٱلْخُسْرَانُ ٱلْمُبِينُ ﴿١٥﴾ لَهُم مِّن فَوْقِهِمْ ظُلَلٌ مِّنَ ٱلنَّارِ وَمِن تَحْتِهِمْ ظُلَلٌ ۚ ذَٰلِكَ يُخَوِّفُ ٱللَّهُ بِهِۦ عِبَادَهُۥ ۚ يَٰعِبَادِ فَٱتَّقُونِ ﴿١٦﴾ وَٱلَّذِينَ ٱجْتَنَبُوا۟ ٱلطَّٰغُوتَ أَن يَعْبُدُوهَا وَأَنَابُوٓا۟ إِلَى ٱللَّهِ لَهُمُ ٱلْبُشْرَىٰ ۚ فَبَشِّرْ عِبَادِ ﴿١٧﴾ ٱلَّذِينَ يَسْتَمِعُونَ ٱلْقَوْلَ فَيَتَّبِعُونَ أَحْسَنَهُۥٓ ۚ أُو۟لَٰٓئِكَ ٱلَّذِينَ هَدَىٰهُمُ ٱللَّهُ ۖ وَأُو۟لَٰٓئِكَ هُمْ أُو۟لُوا۟ ٱلْأَلْبَٰبِ ﴿١٨﴾ أَفَمَنْ حَقَّ عَلَيْهِ كَلِمَةُ ٱلْعَذَابِ أَفَأَنتَ تُنقِذُ مَن فِي ٱلنَّارِ ﴿١٩﴾ لَٰكِنِ ٱلَّذِينَ ٱتَّقَوْا۟ رَبَّهُمْ لَهُمْ غُرَفٌ مِّن فَوْقِهَا غُرَفٌ مَّبْنِيَّةٌ تَجْرِي مِن تَحْتِهَا ٱلْأَنْهَٰرُ ۖ وَعْدَ ٱللَّهِ ۖ لَا يُخْلِفُ ٱللَّهُ ٱلْمِيعَادَ ﴿٢٠﴾ أَلَمْ تَرَ أَنَّ ٱللَّهَ أَنزَلَ مِنَ ٱلسَّمَآءِ مَآءً فَسَلَكَهُۥ يَنَٰبِيعَ فِي ٱلْأَرْضِ ثُمَّ يُخْرِجُ بِهِۦ زَرْعًا مُّخْتَلِفًا أَلْوَٰنُهُۥ ثُمَّ يَهِيجُ فَتَرَىٰهُ مُصْفَرًّا ثُمَّ يَجْعَلُهُۥ حُطَٰمًا ۚ إِنَّ فِي ذَٰلِكَ لَذِكْرَىٰ لِأُو۟لِي ٱلْأَلْبَٰبِ ﴿٢١﴾

11.- Hãy bảo họ: "Quả thật, Ta (Muhammad) nhận lệnh phải thờ phụng Allah, thành tâm thần phục riêng Ngài.

12.- "Và được lệnh phải trở thành một trong những người Muslim đầu tiên."

13.- Hãy bảo họ: "Ta sợ, nếu bất tuân *Rabb* của Ta, sẽ bị trừng phạt vào một Ngày (xét xử) vĩ đại."

14.- Hãy bảo họ: "Ta thờ phụng Allah, thành tâm thần phục riêng Ngài."

15.- Thế, hãy tôn thờ kẻ nào mà các người thích ngoài Ngài. Hãy bảo họ: "Những kẻ mất mát là những ai sẽ đánh mất bản thân (linh hồn) và gia đình vào Ngày Phục sinh. Đó thực sự là một sự mất mát rõ ràng!"

16. Chúng sẽ bị các tấm màn bằng lửa bao phủ phía trên và phía dưới. Allah dùng nó (lửa) để (cảnh cáo và) làm run sợ bầy tôi của Ngài như thế. "Hỡi bầy tôi của TA! Hãy sợ TA."

17.- Còn những ai tránh xa các tà thần, e sợ mắc phải (tội) tôn thờ chúng và quay về sám hối với Allah, thì sẽ được tin mừng. (Hỡi Muhammad!) hãy báo tin mừng đó cho bầy tôi của TA:

18.- Những ai nghe Lời phán và tuân theo điều tốt nhất của nó. Họ là những người đã được Allah hướng dẫn; và là những người thông hiểu.

19.- Thế phải chăng một người mà Lời xử phạt đã được xác nhận đúng (bằng với một người vô tội)? Thế Ngươi (Muhammad) muốn cứu vớt một người ở trong Lửa (Hỏa ngục) hay sao?

20.- Ngược lại, những ai sợ *Rabb* (Allah) của họ thì sẽ có các tầng lầu xây cất chồng lên nhau dành riêng cho họ, bên dưới có các dòng sông chảy. (Đó là) Lời hứa của Allah. Và Allah không hề thất hứa.

21.- Há Ngươi (Muhammad) không thấy việc Allah cho mưa từ trên trời xuống, rồi làm cho nó thấm xuống lòng đất chảy thành mạch nước; rồi dùng nó làm mọc ra cây trái đủ mầu; rồi sau đó, mùa màng bắt đầu tàn úa. Ngươi thấy nó héo vàng; rồi Ngài (Allah) làm cho nó khô héo vỡ vụn. Quả thật, trong đó là sự nhắc nhở cho những người thông hiểu.

أَفَمَن شَرَحَ ٱللَّهُ صَدْرَهُۥ لِلْإِسْلَٰمِ فَهُوَ عَلَىٰ نُورٍ مِّن رَّبِّهِۦۚ فَوَيْلٌ لِّلْقَٰسِيَةِ قُلُوبُهُم مِّن ذِكْرِ ٱللَّهِۚ أُو۟لَٰٓئِكَ فِى ضَلَٰلٍ مُّبِينٍ ﴿٢٢﴾ ٱللَّهُ نَزَّلَ أَحْسَنَ ٱلْحَدِيثِ كِتَٰبًا مُّتَشَٰبِهًا مَّثَانِىَ تَقْشَعِرُّ مِنْهُ جُلُودُ ٱلَّذِينَ يَخْشَوْنَ رَبَّهُمْ ثُمَّ تَلِينُ جُلُودُهُمْ وَقُلُوبُهُمْ إِلَىٰ ذِكْرِ ٱللَّهِۚ ذَٰلِكَ هُدَى ٱللَّهِ يَهْدِى بِهِۦ مَن يَشَآءُۚ وَمَن يُضْلِلِ ٱللَّهُ فَمَا لَهُۥ مِنْ هَادٍ ﴿٢٣﴾ أَفَمَن يَتَّقِى بِوَجْهِهِۦ سُوٓءَ ٱلْعَذَابِ يَوْمَ ٱلْقِيَٰمَةِۚ وَقِيلَ لِلظَّٰلِمِينَ ذُوقُوا۟ مَا كُنتُمْ تَكْسِبُونَ ﴿٢٤﴾ كَذَّبَ ٱلَّذِينَ مِن قَبْلِهِمْ فَأَتَىٰهُمُ ٱلْعَذَابُ مِنْ حَيْثُ لَا يَشْعُرُونَ ﴿٢٥﴾ فَأَذَاقَهُمُ ٱللَّهُ ٱلْخِزْىَ فِى ٱلْحَيَوٰةِ ٱلدُّنْيَاۖ وَلَعَذَابُ ٱلْءَاخِرَةِ أَكْبَرُۚ لَوْ كَانُوا۟ يَعْلَمُونَ ﴿٢٦﴾ وَلَقَدْ ضَرَبْنَا لِلنَّاسِ فِى هَٰذَا ٱلْقُرْءَانِ مِن كُلِّ مَثَلٍ لَّعَلَّهُمْ يَتَذَكَّرُونَ ﴿٢٧﴾ قُرْءَانًا عَرَبِيًّا غَيْرَ ذِى عِوَجٍ لَّعَلَّهُمْ يَتَّقُونَ ﴿٢٨﴾ ضَرَبَ ٱللَّهُ مَثَلًا رَّجُلًا فِيهِ شُرَكَآءُ مُتَشَٰكِسُونَ وَرَجُلًا سَلَمًا لِّرَجُلٍ هَلْ يَسْتَوِيَانِ مَثَلًاۚ ٱلْحَمْدُ لِلَّهِۚ بَلْ أَكْثَرُهُمْ لَا يَعْلَمُونَ ﴿٢٩﴾ إِنَّكَ مَيِّتٌ وَإِنَّهُم مَّيِّتُونَ ﴿٣٠﴾ ثُمَّ إِنَّكُمْ يَوْمَ ٱلْقِيَٰمَةِ عِندَ رَبِّكُمْ تَخْتَصِمُونَ ﴿٣١﴾

22.- Thế, phải chăng một người được Allah mở rộng tấm lòng để tiếp thu **Islām**, rồi bước theo ánh sáng của *Rabb* của y (giống với một người không có đức tin)? Bởi thế, khốn khổ cho những ai mà tấm lòng đã trở thành chai cứng trước Lời nhắc nhở của Allah! Rõ ràng, họ đang lầm lạc.

23.- Allah đã truyền xuống những Lời tuyên bố tốt đẹp nhất: một Kinh sách mang đại ý giống nhau và lập đi lập lại. Khi nghe nó, làn da của những ai sợ *Rabb* (Allah) của họ nổi lên vì run sợ. Rồi lớp da và tấm lòng của họ mềm đi khi nhớ đến Allah. Đó là Chỉ đạo của Allah. Ngài dùng Nó để hướng dẫn người nào Ngài muốn; còn ai mà Allah đánh lạc hướng thì sẽ không có người hướng đạo.

24.- Thế thì một người dùng bộ mặt của mình để che đỡ hình phạt xấu xa của Ngày Phục sinh (có bằng với người được vào Thiên đàng hay không)? Và có lời bảo những tên làm điều sai quấy: "Hãy nếm những điều mà các người đã làm ra."

25.- Những ai trước họ đã phủ nhận (các Sứ giả của Allah); cho nên sự trừng phạt đã đến với họ từ các hướng mà họ không nhận ra.

26.- Bởi thế, Allah bắt họ nếm mùi ô-nhục ở đời này nhưng sự trừng phạt dành cho họ ở Đời sau chắc chắn sẽ to lớn hơn, nếu họ biết điều đó!

27.- Chắc chắn, *TA* đã trình bày cho nhân loại trong Qur'ān này tất cả các ngụ ngôn để giúp họ ghi nhớ (Lời cảnh cáo).

28.- Một Qur'ān bằng tiếng Ả-rập, không có gì quanh co, để may ra họ sợ Allah.

29.- Allah đưa ra thí dụ so sánh về một người (nô lệ) phục vụ nhiều chủ nhân gồm những kẻ hợp tác nhưng hay tranh chấp nhau và một người phục vụ chỉ một ông chủ duy nhất, thế hai người đó, nếu mang ra so sánh, có ngang bằng nhau không? Mọi lời ca tụng đều thuộc về Allah! Không, đa số bọn họ không biết gì.

30.- Thật sự, Ngươi (Muhammad!) sẽ chết và họ (cũng) sẽ chết.

31.- Rồi vào Ngày Xét xử cuối cùng, các người sẽ đối chất với nhau trước mặt *Rabb* của các người.

۞ فَمَنْ أَظْلَمُ مِمَّن كَذَبَ عَلَى ٱللَّهِ وَكَذَّبَ بِٱلصِّدْقِ إِذْ جَآءَهُۥٓ ۚ أَلَيْسَ فِى جَهَنَّمَ مَثْوًى لِّلْكَٰفِرِينَ ﴿٣٢﴾ وَٱلَّذِى جَآءَ بِٱلصِّدْقِ وَصَدَّقَ بِهِۦٓ ۙ أُو۟لَٰٓئِكَ هُمُ ٱلْمُتَّقُونَ ﴿٣٣﴾ لَهُم مَّا يَشَآءُونَ عِندَ رَبِّهِمْ ۚ ذَٰلِكَ جَزَآءُ ٱلْمُحْسِنِينَ ﴿٣٤﴾ لِيُكَفِّرَ ٱللَّهُ عَنْهُمْ أَسْوَأَ ٱلَّذِى عَمِلُوا۟ وَيَجْزِيَهُمْ أَجْرَهُم بِأَحْسَنِ ٱلَّذِى كَانُوا۟ يَعْمَلُونَ ﴿٣٥﴾ أَلَيْسَ ٱللَّهُ بِكَافٍ عَبْدَهُۥ ۖ وَيُخَوِّفُونَكَ بِٱلَّذِينَ مِن دُونِهِۦ ۚ وَمَن يُضْلِلِ ٱللَّهُ فَمَا لَهُۥ مِنْ هَادٍ ﴿٣٦﴾ وَمَن يَهْدِ ٱللَّهُ فَمَا لَهُۥ مِن مُّضِلٍّ ۗ أَلَيْسَ ٱللَّهُ بِعَزِيزٍ ذِى ٱنتِقَامٍ ﴿٣٧﴾ وَلَئِن سَأَلْتَهُم مَّنْ خَلَقَ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلْأَرْضَ لَيَقُولُنَّ ٱللَّهُ ۚ قُلْ أَفَرَءَيْتُم مَّا تَدْعُونَ مِن دُونِ ٱللَّهِ إِنْ أَرَادَنِىَ ٱللَّهُ بِضُرٍّ هَلْ هُنَّ كَٰشِفَٰتُ ضُرِّهِۦٓ أَوْ أَرَادَنِى بِرَحْمَةٍ هَلْ هُنَّ مُمْسِكَٰتُ رَحْمَتِهِۦ ۚ قُلْ حَسْبِىَ ٱللَّهُ ۖ عَلَيْهِ يَتَوَكَّلُ ٱلْمُتَوَكِّلُونَ ﴿٣٨﴾ قُلْ يَٰقَوْمِ ٱعْمَلُوا۟ عَلَىٰ مَكَانَتِكُمْ إِنِّى عَٰمِلٌ ۖ فَسَوْفَ تَعْلَمُونَ ﴿٣٩﴾ مَن يَأْتِيهِ عَذَابٌ يُخْزِيهِ وَيَحِلُّ عَلَيْهِ عَذَابٌ مُّقِيمٌ ﴿٤٠﴾

32.- Thế còn ai sai quấy hơn kẻ đã đặt điều nói dối rồi đổ thừa cho Allah và phủ nhận Chân lý khi nó đến với y? Há trong Hỏa ngục không có một chỗ ngụ dành cho những kẻ không có đức tin hay sao?

33.- Và những ai mang Chân lý đến và tin nơi nó thì là những người ngay chính sợ Allah.

34.- Họ sẽ có được mọi điều mà họ ước muốn nơi *Rabb* của họ. Đó là phần thưởng của những người làm tốt.

35.- Mục đích để Allah xóa tội mà họ đã phạm và ân thưởng họ về những điều tốt nhất mà họ đã từng làm.

36.- Há Allah không đủ cho bầy tôi của Ngài ư? Và chúng muốn rung nhát Ngươi với những ai khác không phải là Ngài. Và ai mà Allah không hướng dẫn thì sẽ không có người hướng đạo.

37.- Và người nào mà Allah hướng dẫn thì sẽ không bị ai dắt đi lạc. Há Allah không Toàn Năng, nắm mọi việc báo đền hay sao?

38.- Và chắc chắn nếu Ngươi hỏi họ: "Ai đã tạo các tầng trời và trái đất" thì chắc chắn họ sẽ đáp 'Allah' Hãy bảo họ: "Các người hãy nghĩ xem, nếu Allah muốn hãm hại ta, thì những kẻ mà các ngươi khấn vái ngoài Allah có thể bốc đi khỏi ta niềm đau đớn ấy hay không? hoặc nếu Allah muốn khoan dung ta thì chúng có thể giữ nó lại được hay không?" Hãy bảo họ: "Allah đủ cho ta thôi." Người tin cậy (Allah) nên phó thác cho Ngài.

39.- Hãy bảo họ: "Hỡi dân ta! Các người hãy làm theo khả năng của các người, và ta theo khả năng của ta, rồi đây các người sẽ sớm biết:

40.- "Ai sẽ bị trừng phạt nhục nhã và sẽ bị phạt vĩnh viễn."

إِنَّآ أَنزَلۡنَا عَلَيۡكَ ٱلۡكِتَٰبَ لِلنَّاسِ بِٱلۡحَقِّۖ فَمَنِ ٱهۡتَدَىٰ
فَلِنَفۡسِهِۦۖ وَمَن ضَلَّ فَإِنَّمَا يَضِلُّ عَلَيۡهَاۖ وَمَآ أَنتَ عَلَيۡهِم
بِوَكِيلٍ ﴿٤١﴾ ٱللَّهُ يَتَوَفَّى ٱلۡأَنفُسَ حِينَ مَوۡتِهَا وَٱلَّتِي
لَمۡ تَمُتۡ فِي مَنَامِهَاۖ فَيُمۡسِكُ ٱلَّتِي قَضَىٰ عَلَيۡهَا ٱلۡمَوۡتَ
وَيُرۡسِلُ ٱلۡأُخۡرَىٰٓ إِلَىٰٓ أَجَلٖ مُّسَمًّىۚ إِنَّ فِي ذَٰلِكَ لَأٓيَٰتٖ لِّقَوۡمٖ
يَتَفَكَّرُونَ ﴿٤٢﴾ أَمِ ٱتَّخَذُواْ مِن دُونِ ٱللَّهِ شُفَعَآءَۚ قُلۡ
أَوَلَوۡ كَانُواْ لَا يَمۡلِكُونَ شَيۡـٔٗا وَلَا يَعۡقِلُونَ ﴿٤٣﴾ قُل
لِّلَّهِ ٱلشَّفَٰعَةُ جَمِيعٗاۖ لَّهُۥ مُلۡكُ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضِۖ ثُمَّ
إِلَيۡهِ تُرۡجَعُونَ ﴿٤٤﴾ وَإِذَا ذُكِرَ ٱللَّهُ وَحۡدَهُ ٱشۡمَأَزَّتۡ
قُلُوبُ ٱلَّذِينَ لَا يُؤۡمِنُونَ بِٱلۡأٓخِرَةِۖ وَإِذَا ذُكِرَ ٱلَّذِينَ مِن
دُونِهِۦٓ إِذَا هُمۡ يَسۡتَبۡشِرُونَ ﴿٤٥﴾ قُلِ ٱللَّهُمَّ فَاطِرَ ٱلسَّمَٰوَٰتِ
وَٱلۡأَرۡضِ عَٰلِمَ ٱلۡغَيۡبِ وَٱلشَّهَٰدَةِ أَنتَ تَحۡكُمُ بَيۡنَ عِبَادِكَ
فِي مَا كَانُواْ فِيهِ يَخۡتَلِفُونَ ﴿٤٦﴾ وَلَوۡ أَنَّ لِلَّذِينَ ظَلَمُواْ مَا فِي
ٱلۡأَرۡضِ جَمِيعٗا وَمِثۡلَهُۥ مَعَهُۥ لَٱفۡتَدَوۡاْ بِهِۦ مِن سُوٓءِ ٱلۡعَذَابِ
يَوۡمَ ٱلۡقِيَٰمَةِۚ وَبَدَا لَهُم مِّنَ ٱللَّهِ مَا لَمۡ يَكُونُواْ يَحۡتَسِبُونَ ﴿٤٧﴾

41.- Quả thật, *TA* đã ban Kinh sách (Qur'ān) xuống cho Ngươi (dùng làm Chỉ đạo) cho nhân loại bằng sự thật. Bởi thế, ai tiếp thu Chỉ đạo thì được lợi cho bản thân y; còn ai lạc hướng thì là bất lợi cho bản thân y. Và Ngươi (Muhammad!) không là người Thọ lãnh (đảm trách) giùm cho họ.

42.- Allah cho bắt hồn của người chết khi mệnh chung và bắt hồn của người chưa chết khi nằm ngủ. Hồn của người nào mà Ngài quyết định cho chết, thì sẽ bị giữ lại; và các hồn khác thì được gởi trở về (cơ thể) đến một thời kỳ ấn định. Quả thật, trong đó là các Dấu hiệu cho đám người biết ngẫm nghĩ.

43.- Há họ đã nhận những kẻ không phải là Allah làm những vị can thiệp giùm họ? Hãy bảo họ: "Dẫu cho chúng không có quyền hành gì cũng không có lý trí nữa hay sao?"

44.- Hãy bảo họ: "Mọi việc can thiệp đều thuộc về Allah cả. Ngài nắm quyền thống trị các tầng trời và trái đất. Rồi các người sẽ được đưa về gặp Ngài trở lại."

45.- Và khi nghe nhắc đến riêng Allah thôi, tấm lòng của những ai không tin tưởng nơi Đời sau tràn đầy oán ghét; và khi những kẻ không phải là Ngài (Allah) được nhắc đến, thì họ vui thích ra mặt!

46.- Hãy (cầu nguyện) thưa: "Lạy Allah, Đấng sáng tạo các tầng trời và trái đất! Đấng Biết hết mọi điều vô hình (bí mật) và điều bộc lộ công khai, xin hãy xét xử giữa bầy tôi của Ngài về những điều mà họ thường tranh chấp!"

47.- Và giá những kẻ làm điều sai quấy có được tất cả mọi vật trên trái đất và nhiều hơn thế nữa thì chắc chắn họ sẽ dùng nó để chuộc nỗi đau đớn của việc trừng phạt vào Ngày Phán xử cuối cùng (nhưng cũng vô ích thôi). Và họ sẽ đón nhận từ Allah điều (hình phạt) mà họ không ngờ đến.

وَبَدَا لَهُمْ سَيِّـَٔاتُ مَا كَسَبُواْ وَحَاقَ بِهِم مَّا كَانُواْ بِهِۦ يَسْتَهْزِءُونَ ﴿٤٨﴾ فَإِذَا مَسَّ ٱلْإِنسَٰنَ ضُرٌّ دَعَانَا ثُمَّ إِذَا خَوَّلْنَٰهُ نِعْمَةً مِّنَّا قَالَ إِنَّمَآ أُوتِيتُهُۥ عَلَىٰ عِلْمٍۭ بَلْ هِىَ فِتْنَةٌ وَلَٰكِنَّ أَكْثَرَهُمْ لَا يَعْلَمُونَ ﴿٤٩﴾ قَدْ قَالَهَا ٱلَّذِينَ مِن قَبْلِهِمْ فَمَآ أَغْنَىٰ عَنْهُم مَّا كَانُواْ يَكْسِبُونَ ﴿٥٠﴾ فَأَصَابَهُمْ سَيِّـَٔاتُ مَا كَسَبُواْ وَٱلَّذِينَ ظَلَمُواْ مِنْ هَٰٓؤُلَآءِ سَيُصِيبُهُمْ سَيِّـَٔاتُ مَا كَسَبُواْ وَمَا هُم بِمُعْجِزِينَ ﴿٥١﴾ أَوَلَمْ يَعْلَمُوٓاْ أَنَّ ٱللَّهَ يَبْسُطُ ٱلرِّزْقَ لِمَن يَشَآءُ وَيَقْدِرُ إِنَّ فِى ذَٰلِكَ لَـَٔايَٰتٍ لِّقَوْمٍ يُؤْمِنُونَ ﴿٥٢﴾ ۞ قُلْ يَٰعِبَادِىَ ٱلَّذِينَ أَسْرَفُواْ عَلَىٰٓ أَنفُسِهِمْ لَا تَقْنَطُواْ مِن رَّحْمَةِ ٱللَّهِ إِنَّ ٱللَّهَ يَغْفِرُ ٱلذُّنُوبَ جَمِيعًا إِنَّهُۥ هُوَ ٱلْغَفُورُ ٱلرَّحِيمُ ﴿٥٣﴾ وَأَنِيبُوٓاْ إِلَىٰ رَبِّكُمْ وَأَسْلِمُواْ لَهُۥ مِن قَبْلِ أَن يَأْتِيَكُمُ ٱلْعَذَابُ ثُمَّ لَا تُنصَرُونَ ﴿٥٤﴾ وَٱتَّبِعُوٓاْ أَحْسَنَ مَآ أُنزِلَ إِلَيْكُم مِّن رَّبِّكُم مِّن قَبْلِ أَن يَأْتِيَكُمُ ٱلْعَذَابُ بَغْتَةً وَأَنتُمْ لَا تَشْعُرُونَ ﴿٥٥﴾ أَن تَقُولَ نَفْسٌ يَٰحَسْرَتَىٰ عَلَىٰ مَا فَرَّطتُ فِى جَنۢبِ ٱللَّهِ وَإِن كُنتُ لَمِنَ ٱلسَّٰخِرِينَ ﴿٥٦﴾

ربع الحزب ٤٧

48.- Và những điều tội lỗi mà họ đã làm sẽ chạm trán họ và những điều mà họ thường chế giễu sẽ bao vây họ.

49.- Bởi thế, khi gặp hoạn nạn, con người cầu xin *TA* cứu nạn; rồi khi *TA* ban ân huệ từ *TA* cho y, thì y nói: "Tôi được nó (ân huệ) là do hiểu biết của tôi." Không, đấy là một sự thử thách nhưng đa số bọn họ không biết.

50.- Chắc chắn những kẻ sống trước họ cũng đã nói ra lời đó. Nhưng những thứ mà họ đã tậu được chẳng giúp ích gì được cho họ cả.

51.- Bởi thế, những điều xấu xa mà họ đã làm sẽ rơi nhằm phải họ trở lại. Và những ai làm điều sai quấy trong số những người (đang sống) này sẽ lãnh đủ về những điều tội lỗi mà họ đã gây ra. Và họ sẽ không bao giờ thoát khỏi (Allah).

52.- Há họ không biết việc Allah nới rộng hay thu hẹp bổng lộc của Ngài cho người mà Ngài muốn hay sao? Quả thật, trong đó là các Dấu hiệu cho đám người có đức tin!

53.- Hãy bảo họ: "Hỡi các bầy tôi của TA! những ai đã làm cho tâm hồn mình vương tội thì chớ nên tuyệt vọng về Đức Khoan dung của Allah. Chắc chắn Allah sẽ tha thứ mọi thứ tội. Quả thật, Ngài là Đấng Hằng Tha thứ, Đấng Rất mực Khoan dung.

54.- "Hãy quay về hối cải với *Rabb* của các người và thần phục Ngài (trong Islām) trước khi đối diện với hình phạt; rồi các người sẽ không được ai giúp đỡ nữa.

55.- "Và hãy làm theo điều tốt nhất mà *Rabb* của các người đã ban xuống cho các người (trong Qur'ān) trước khi hình phạt mà các người không nhận thấy sẽ bất ngờ xảy đến cho các người."

56.- E rằng một linh hồn sẽ than: "Ôi thật khổ thân tôi! Tôi đã lơ-là đối với Allah và là một trong những người hay nhạo báng (Thông điệp của Allah)."

أَوْ تَقُولَ لَوْ أَنَّ ٱللَّهَ هَدَىٰنِى لَكُنتُ مِنَ ٱلْمُتَّقِينَ ﴿٥٧﴾ أَوْ تَقُولَ حِينَ تَرَى ٱلْعَذَابَ لَوْ أَنَّ لِى كَرَّةً فَأَكُونَ مِنَ ٱلْمُحْسِنِينَ ﴿٥٨﴾ بَلَىٰ قَدْ جَآءَتْكَ ءَايَـٰتِى فَكَذَّبْتَ بِهَا وَٱسْتَكْبَرْتَ وَكُنتَ مِنَ ٱلْكَـٰفِرِينَ ﴿٥٩﴾ وَيَوْمَ ٱلْقِيَـٰمَةِ تَرَى ٱلَّذِينَ كَذَبُوا۟ عَلَى ٱللَّهِ وُجُوهُهُم مُّسْوَدَّةٌ ۚ أَلَيْسَ فِى جَهَنَّمَ مَثْوًى لِّلْمُتَكَبِّرِينَ ﴿٦٠﴾ وَيُنَجِّى ٱللَّهُ ٱلَّذِينَ ٱتَّقَوْا۟ بِمَفَازَتِهِمْ لَا يَمَسُّهُمُ ٱلسُّوٓءُ وَلَا هُمْ يَحْزَنُونَ ﴿٦١﴾ ٱللَّهُ خَـٰلِقُ كُلِّ شَىْءٍ ۖ وَهُوَ عَلَىٰ كُلِّ شَىْءٍ وَكِيلٌ ﴿٦٢﴾ لَّهُۥ مَقَالِيدُ ٱلسَّمَـٰوَٰتِ وَٱلْأَرْضِ ۗ وَٱلَّذِينَ كَفَرُوا۟ بِـَٔايَـٰتِ ٱللَّهِ أُو۟لَـٰٓئِكَ هُمُ ٱلْخَـٰسِرُونَ ﴿٦٣﴾ قُلْ أَفَغَيْرَ ٱللَّهِ تَأْمُرُوٓنِّىٓ أَعْبُدُ أَيُّهَا ٱلْجَـٰهِلُونَ ﴿٦٤﴾ وَلَقَدْ أُوحِىَ إِلَيْكَ وَإِلَى ٱلَّذِينَ مِن قَبْلِكَ لَئِنْ أَشْرَكْتَ لَيَحْبَطَنَّ عَمَلُكَ وَلَتَكُونَنَّ مِنَ ٱلْخَـٰسِرِينَ ﴿٦٥﴾ بَلِ ٱللَّهَ فَٱعْبُدْ وَكُن مِّنَ ٱلشَّـٰكِرِينَ ﴿٦٦﴾ وَمَا قَدَرُوا۟ ٱللَّهَ حَقَّ قَدْرِهِۦ وَٱلْأَرْضُ جَمِيعًا قَبْضَتُهُۥ يَوْمَ ٱلْقِيَـٰمَةِ وَٱلسَّمَـٰوَٰتُ مَطْوِيَّـٰتٌۢ بِيَمِينِهِۦ ۚ سُبْحَـٰنَهُۥ وَتَعَـٰلَىٰ عَمَّا يُشْرِكُونَ ﴿٦٧﴾

57.- Hoặc (y) sẽ nói: "Giá Allah hướng dẫn tôi thì chắc tôi đã trở thành một người sợ Allah rồi!"

58.- Hoặc y sẽ nói khi thấy hình phạt: "Giá được dịp trở lại (trần gian) thì tôi sẽ trở thành một trong những người làm tốt ."

59.- Vâng! Chắc chắn các Dấu hiệu của TA đã đến cho ngươi (hỡi người!) nhưng ngươi phủ nhận chúng và tỏ ra ngạo mạn và trở thành một kẻ không tin tưởng."

60.- Và vào Ngày Phục sinh, ngươi sẽ thấy gương mặt của những kẻ nói dối rồi đổ thừa cho Allah sẽ nám đen. Há trong Hỏa ngục không có một chỗ ngụ cho những kẻ ngạo mạn hay sao?

61.- Allah sẽ cứu vớt những ai ngay chính, sợ Ngài và làm tròn bổn phận đối với Ngài và đưa họ đến chỗ thành tựu (Thiên đàng) của họ. Không một điều xấu xa nào chạm đến mình họ, và họ cũng sẽ không buồn phiền.

62.- Allah là Đấng tạo hóa tất cả vạn vật và là Đấng Bảo hộ.

63.- Ngài nắm tất cả các chìa khóa của các tầng trời và trái đất; và những ai phủ nhận các Dấu hiệu của Allah là những kẻ sẽ mất mát.

64.- Hãy bảo (họ): "Phải chăng các người ra lệnh bảo Ta thờ phụng ai đó không phải là Allah hay sao, hỡi những kẻ ngu dốt?"

65.- Và chắc chắn, Ngươi (Muhammad) và những vị (Sứ giả) trước Ngươi đã được mặc khải cho biết: "Nếu Ngươi tôn thờ những kẻ hợp tác (thần linh) cùng với Allah thì việc làm của Ngươi sẽ trở thành vô nghĩa và chắc chắn Ngươi sẽ trở thành một kẻ mất mát."

66.- Không, hãy thờ phụng Allah và hãy là một người biết ơn (Ngài).

67.- Và họ đánh giá Allah không đúng với giá trị của Ngài. Vào Ngày Phục sinh toàn thể trái đất sẽ bị nắm trọn trong Tay của Ngài và tất cả các tầng trời sẽ được cuộn lại trong Tay Phải của Ngài. Thật quang vinh và trong sạch Ngài! Ngài Tối Cao, vượt hẳn điều mà họ đã qui rằng Ngài có những kẻ hợp tác.

وَنُفِخَ فِي ٱلصُّورِ فَصَعِقَ مَن فِي ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَمَن فِي ٱلْأَرْضِ إِلَّا مَن شَآءَ ٱللَّهُۖ ثُمَّ نُفِخَ فِيهِ أُخْرَىٰ فَإِذَا هُمْ قِيَامٌ يَنظُرُونَ ﴿٦٨﴾ وَأَشْرَقَتِ ٱلْأَرْضُ بِنُورِ رَبِّهَا وَوُضِعَ ٱلْكِتَٰبُ وَجِاْىٓءَ بِٱلنَّبِيِّـۧنَ وَٱلشُّهَدَآءِ وَقُضِيَ بَيْنَهُم بِٱلْحَقِّ وَهُمْ لَا يُظْلَمُونَ ﴿٦٩﴾ وَوُفِّيَتْ كُلُّ نَفْسٍ مَّا عَمِلَتْ وَهُوَ أَعْلَمُ بِمَا يَفْعَلُونَ ﴿٧٠﴾ وَسِيقَ ٱلَّذِينَ كَفَرُوٓاْ إِلَىٰ جَهَنَّمَ زُمَرًاۖ حَتَّىٰٓ إِذَا جَآءُوهَا فُتِحَتْ أَبْوَٰبُهَا وَقَالَ لَهُمْ خَزَنَتُهَآ أَلَمْ يَأْتِكُمْ رُسُلٌ مِّنكُمْ يَتْلُونَ عَلَيْكُمْ ءَايَٰتِ رَبِّكُمْ وَيُنذِرُونَكُمْ لِقَآءَ يَوْمِكُمْ هَٰذَاۚ قَالُواْ بَلَىٰ وَلَٰكِنْ حَقَّتْ كَلِمَةُ ٱلْعَذَابِ عَلَى ٱلْكَٰفِرِينَ ﴿٧١﴾ قِيلَ ٱدْخُلُوٓاْ أَبْوَٰبَ جَهَنَّمَ خَٰلِدِينَ فِيهَاۖ فَبِئْسَ مَثْوَى ٱلْمُتَكَبِّرِينَ ﴿٧٢﴾ وَسِيقَ ٱلَّذِينَ ٱتَّقَوْاْ رَبَّهُمْ إِلَى ٱلْجَنَّةِ زُمَرًاۖ حَتَّىٰٓ إِذَا جَآءُوهَا وَفُتِحَتْ أَبْوَٰبُهَا وَقَالَ لَهُمْ خَزَنَتُهَا سَلَٰمٌ عَلَيْكُمْ طِبْتُمْ فَٱدْخُلُوهَا خَٰلِدِينَ ﴿٧٣﴾ وَقَالُواْ ٱلْحَمْدُ لِلَّهِ ٱلَّذِي صَدَقَنَا وَعْدَهُۥ وَأَوْرَثَنَا ٱلْأَرْضَ نَتَبَوَّأُ مِنَ ٱلْجَنَّةِ حَيْثُ نَشَآءُۖ فَنِعْمَ أَجْرُ ٱلْعَٰمِلِينَ ﴿٧٤﴾

68.- Và khi Tiếng Còi (Tận thế) được thổi lên, ai ở trong các tầng trời và dưới đất đều phải ngất xỉu, ngoại trừ ai mà Allah muốn buông tha. Rồi Tiếng Còi thứ hai được thổi lên, thì này họ sẽ đứng thẳng và ngóng nhìn;

69.- Và trái đất sẽ chói lòa hào quang của *Rabb* của nó và quyển Sổ (hành động của mỗi người) sẽ được mang ra mở trước mặt; các vị Nabi và các người làm chứng sẽ được triệu đến trước mặt và họ sẽ được phán xử một cách công bằng và sẽ không bị đối xử thiệt thòi một tí nào.

70.- Và mỗi người (linh hồn) sẽ được thanh toán đầy đủ về việc y đã làm bởi vì Ngài (Allah) là Đấng Hằng Biết những điều họ đã làm.

71.- Và những ai không tin tưởng sẽ bị lùa đến Hỏa Ngục từng nhóm mãi cho đến khi họ đến nơi thì các cánh cửa của Hỏa ngục sẽ được mở toang và các Vị cai ngục sẽ bảo họ: "Há các vị Sứ giả xuất thân từ các người đã không đến gặp các người để đọc cho các người các, Lời mặc khải của *Rabb* của các người và cảnh cáo các người về Ngày gặp gỡ này của các người hay sao?" Họ sẽ đáp: "Vâng, có." Nhưng Lời xử phạt đã xác nhận đúng đối với những kẻ không có đức tin.

72.- Sẽ có lời bảo họ: "Hãy bước vào các cửa của Hỏa Ngục để vào ở trong đó." Bởi thế, thật xấu xa thay chỗ ngụ của những kẻ ngạo mạn!

73.- Ngược lại, những ai ngay chính sợ Allah và làm tròn bổn phận đối với Ngài sẽ được đưa đến Thiên đàng từng nhóm, mãi cho đến lúc họ đến nơi thì các cánh cửa của Thiên đàng sẽ được mở rộng cho họ và những Vị gác cửa (Thiên đàng) sẽ chào họ (nói): Bằng an cho quí vị! Quí vị đã thành tựu, hãy bước vào ở trong đó."

74.- Và họ sẽ thưa: "Mọi lời ca tụng đều dâng lên Allah, Đấng đã giữ đúng Lời hứa của Ngài với chúng tôi và cho chúng tôi thừa hưởng đất đai (này). Chúng tôi có thể ở trong Thiên đàng bất cứ nơi nào chúng tôi muốn. Bởi thế, phần thưởng ban cho những người làm việc (tốt) thật là ưu việt!"

وَتَرَى ٱلْمَلَٰٓئِكَةَ حَآفِّينَ مِنْ حَوْلِ ٱلْعَرْشِ يُسَبِّحُونَ بِحَمْدِ رَبِّهِمْۖ وَقُضِىَ بَيْنَهُم بِٱلْحَقِّ وَقِيلَ ٱلْحَمْدُ لِلَّهِ رَبِّ ٱلْعَٰلَمِينَ ﴿٧٥﴾

سُورَةُ غَافِرٍ

بِسْمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحْمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

حمٓ ﴿١﴾ تَنزِيلُ ٱلْكِتَٰبِ مِنَ ٱللَّهِ ٱلْعَزِيزِ ٱلْعَلِيمِ ﴿٢﴾ غَافِرِ ٱلذَّنۢبِ وَقَابِلِ ٱلتَّوْبِ شَدِيدِ ٱلْعِقَابِ ذِى ٱلطَّوْلِۖ لَآ إِلَٰهَ إِلَّا هُوَۖ إِلَيْهِ ٱلْمَصِيرُ ﴿٣﴾ مَا يُجَٰدِلُ فِىٓ ءَايَٰتِ ٱللَّهِ إِلَّا ٱلَّذِينَ كَفَرُوا۟ فَلَا يَغْرُرْكَ تَقَلُّبُهُمْ فِى ٱلْبِلَٰدِ ﴿٤﴾ كَذَّبَتْ قَبْلَهُمْ قَوْمُ نُوحٍ وَٱلْأَحْزَابُ مِنۢ بَعْدِهِمْۖ وَهَمَّتْ كُلُّ أُمَّةٍۭ بِرَسُولِهِمْ لِيَأْخُذُوهُۖ وَجَٰدَلُوا۟ بِٱلْبَٰطِلِ لِيُدْحِضُوا۟ بِهِ ٱلْحَقَّ فَأَخَذْتُهُمْۖ فَكَيْفَ كَانَ عِقَابِ ﴿٥﴾ وَكَذَٰلِكَ حَقَّتْ كَلِمَتُ رَبِّكَ عَلَى ٱلَّذِينَ كَفَرُوٓا۟ أَنَّهُمْ أَصْحَٰبُ ٱلنَّارِ ﴿٦﴾ ٱلَّذِينَ يَحْمِلُونَ ٱلْعَرْشَ وَمَنْ حَوْلَهُۥ يُسَبِّحُونَ بِحَمْدِ رَبِّهِمْ وَيُؤْمِنُونَ بِهِۦ وَيَسْتَغْفِرُونَ لِلَّذِينَ ءَامَنُوا۟ۖ رَبَّنَا وَسِعْتَ كُلَّ شَىْءٍ رَّحْمَةً وَعِلْمًا فَٱغْفِرْ لِلَّذِينَ تَابُوا۟ وَٱتَّبَعُوا۟ سَبِيلَكَ وَقِهِمْ عَذَابَ ٱلْجَحِيمِ ﴿٧﴾

75.- Và Ngươi sẽ thấy các Thiên thần bao quanh Ngai Vương của Allah khắp mọi phía tán dương lời ca tụng *Rabb* của họ. Và họ (tất cả tạo vật) sẽ được phân xử đúng với sự thật (và công bằng) và có lời hoan hô: "Mọi lời ca tụng đều dâng lên Allah, *Rabb* của vũ trụ và muôn loài."

GĀFIR (Đấng Tha Thứ)

Nhân danh Allah, Đấng Rất mực Độ lượng,
Đấng Rất mực Khoan dung

1.- *Hā. Mīm.*

2.- Kinh sách (Qur'ān) do Allah, Đấng Toàn Năng, Đấng Toàn Tri ban xuống,

3.- Đấng tha thứ tội lỗi, chấp nhận việc sám hối, nhưng nghiêm khắc trong việc trừng phạt, Đấng ban bố (ân huệ). Không có Thượng Đế nào cả duy chỉ Ngài (là Thượng Đế). Tất cả đều trở về gặp Ngài.

4.- Không ai tranh cãi về các Dấu hiệu của Allah ngoài những kẻ không có đức tin. Bởi thế, chớ để cho sự tung hoành của chúng trong xứ làm Ngươi (Muhammad) bị mắc lừa.

5.- Trước chúng, người dân của Nūh và sau chúng, các liên minh (tòng phạm) đã phủ nhận (các Sứ giả của họ); mỗi một cộng đồng đều âm mưu chống lại Sứ giả của họ để mong triệt hạ Người và dùng lời-lẽ ngụy biện để tranh luận hầu dập tắt Chân lý; nhưng TA đã bắt phạt họ. Bởi thế, (hãy xem) việc trừng phạt của TA khủng khiếp như thế nào.

6.- Lời (xử phạt) của *Rabb* của Ngươi (Muhammad) đối với những kẻ không có đức tin đều đúng cả. Rằng chúng sẽ là những người bạn của Lửa (Hỏa ngục).

7.- Những vị (Thiên thần) mang Ngai vương của Allah và những vị (Thiên thần) đứng hầu xung quanh nó đều tán dương Lời ca tụng Đức *Rabb* của họ và tin tưởng nơi Ngài; và cầu xin sự tha thứ cho những ai có đức tin, thưa: "Lạy *Rabb* chúng tôi! Xin Ngài lấy Đức Khoan dung và sự Hiểu biết (của Ngài) mà bao gồm tất cả mọi vật. Xin Ngài tha thứ cho những ai quay về sám hối (với Ngài) và tuân theo con đường của Ngài và cứu vớt họ khỏi hình phạt của Lửa ngọn (trong Hỏa ngục).

رَبَّنَا وَأَدْخِلْهُمْ جَنَّٰتِ عَدْنٍ ٱلَّتِى وَعَدتَّهُمْ وَمَن صَلَحَ
مِنْ ءَابَآئِهِمْ وَأَزْوَٰجِهِمْ وَذُرِّيَّٰتِهِمْ ۚ إِنَّكَ أَنتَ ٱلْعَزِيزُ
ٱلْحَكِيمُ ﴿٨﴾ وَقِهِمُ ٱلسَّيِّـَٔاتِ ۚ وَمَن تَقِ ٱلسَّيِّـَٔاتِ
يَوْمَئِذٍ فَقَدْ رَحِمْتَهُۥ ۚ وَذَٰلِكَ هُوَ ٱلْفَوْزُ ٱلْعَظِيمُ ﴿٩﴾ إِنَّ
ٱلَّذِينَ كَفَرُوا۟ يُنَادَوْنَ لَمَقْتُ ٱللَّهِ أَكْبَرُ مِن مَّقْتِكُمْ
أَنفُسَكُمْ إِذْ تُدْعَوْنَ إِلَى ٱلْإِيمَٰنِ فَتَكْفُرُونَ ﴿١٠﴾ قَالُوا۟ رَبَّنَآ
أَمَتَّنَا ٱثْنَتَيْنِ وَأَحْيَيْتَنَا ٱثْنَتَيْنِ فَٱعْتَرَفْنَا بِذُنُوبِنَا فَهَلْ
إِلَىٰ خُرُوجٍ مِّن سَبِيلٍ ﴿١١﴾ ذَٰلِكُم بِأَنَّهُۥٓ إِذَا دُعِىَ ٱللَّهُ
وَحْدَهُۥ كَفَرْتُمْ ۖ وَإِن يُشْرَكْ بِهِۦ تُؤْمِنُوا۟ ۚ فَٱلْحُكْمُ لِلَّهِ
ٱلْعَلِىِّ ٱلْكَبِيرِ ﴿١٢﴾ هُوَ ٱلَّذِى يُرِيكُمْ ءَايَٰتِهِۦ وَيُنَزِّلُ لَكُم مِّنَ
ٱلسَّمَآءِ رِزْقًا ۚ وَمَا يَتَذَكَّرُ إِلَّا مَن يُنِيبُ ﴿١٣﴾ فَٱدْعُوا۟ ٱللَّهَ
مُخْلِصِينَ لَهُ ٱلدِّينَ وَلَوْ كَرِهَ ٱلْكَٰفِرُونَ ﴿١٤﴾ رَفِيعُ
ٱلدَّرَجَٰتِ ذُو ٱلْعَرْشِ يُلْقِى ٱلرُّوحَ مِنْ أَمْرِهِۦ عَلَىٰ مَن يَشَآءُ
مِنْ عِبَادِهِۦ لِيُنذِرَ يَوْمَ ٱلتَّلَاقِ ﴿١٥﴾ يَوْمَ هُم بَٰرِزُونَ ۖ لَا يَخْفَىٰ
عَلَى ٱللَّهِ مِنْهُمْ شَىْءٌ ۚ لِّمَنِ ٱلْمُلْكُ ٱلْيَوْمَ ۖ لِلَّهِ ٱلْوَٰحِدِ ٱلْقَهَّارِ ﴿١٦﴾

8.- "Lạy *Rabb* chúng tôi! Xin Ngài cho họ được vào những ngôi Vườn vĩnh cửu (Thiên đàng *'Adn*) mà Ngài đã hứa với họ và người đạo đức trong số cha mẹ, vợ chồng và con cái của họ bởi vì Ngài là Đấng Toàn Năng, Đấng Chí Minh.

9.- "Và giữ họ khỏi điều xấu xa (tội lỗi). Và ai được Ngài cứu vớt khỏi điều xấu xa vào Ngày (Phán xử) đó thì chắc chắn sẽ được Ngài khoan dung. Và đó là một thắng lợi vẻ vang nhất."

10.- Quả thật, những ai không có đức tin sẽ bị mắng: "Chắc chắn Allah ghét bỏ các người còn hơn việc các người ruồng ghét lẫn nhau khi các người được mời chấp nhận đức tin nhưng các ngươi đã từ chối."

11.- Chúng sẽ thưa: "Lạy *Rabb* chúng tôi! Ngài đã làm cho chúng tôi chết hai lần và sống hai lần[1]. Bây giờ chúng tôi thú nhận tội của chúng tôi. Thế có lối thoát nào ra khỏi (Hỏa ngục) hay chăng?"

12.- (Sẽ có lời bảo chúng:) "Như thế là vì khi Allah, Đấng Duy Nhất được khấn vái (trong lời cầu nguyện) thì các người phủ nhận; và nếu có các thần linh nào được cầu nguyện cùng với Ngài (Allah), thì các người tin tưởng. Bởi thế, việc phán xử là của Allah, Đấng Tối Cao, Đấng Vĩ Đại."

13.- Ngài là Đấng trưng bày cho các người thấy các Dấu hiệu của Ngài và ban bổng lộc (nước mưa) từ trên trời xuống cho các người và chỉ ai biết sám hối mới ghi nhớ.

14.- Do đó, hãy thành tâm cầu nguyện Allah, triệt để thần phục chỉ riêng Ngài dẫu rằng những kẻ vô đức tin ghét điều đó.

15.- (Allah) tối cao về cấp bậc, Chủ nhân của Ngai vương. Ngài phái *Rūh* (*Jibril*, Thiên thần mang mặc khải) theo Mệnh lệnh của Ngài xuống gặp người nào mà Ngài muốn trong số bầy tôi của Ngài để (Người) cảnh cáo nhân loại về Ngày Gặp gỡ (Phục Sinh).

16.- Ngày mà tất cả sẽ phải đến trình diện. Không một điều (tội lỗi) nào của họ có thể giấu giếm khỏi Allah. Quyền hành (Phán xử) vào Ngày đó sẽ thuộc về ai? Thuộc về Allah, Đấng Duy Nhất, Đấng Tối Thượng.

---

[1] Chết hai lần: một lần trong trái cật của người cha và một lần lìa đời; sống hai lần: một lần chào đời và một lần phục sinh.

ٱلْيَوْمَ تُجْزَىٰ كُلُّ نَفْسٍۭ بِمَا كَسَبَتْ ۚ لَا ظُلْمَ ٱلْيَوْمَ ۚ إِنَّ ٱللَّهَ سَرِيعُ ٱلْحِسَابِ ﴿١٧﴾ وَأَنذِرْهُمْ يَوْمَ ٱلْءَازِفَةِ إِذِ ٱلْقُلُوبُ لَدَى ٱلْحَنَاجِرِ كَٰظِمِينَ ۚ مَا لِلظَّٰلِمِينَ مِنْ حَمِيمٍ وَلَا شَفِيعٍ يُطَاعُ ﴿١٨﴾ يَعْلَمُ خَآئِنَةَ ٱلْأَعْيُنِ وَمَا تُخْفِى ٱلصُّدُورُ ﴿١٩﴾ وَٱللَّهُ يَقْضِى بِٱلْحَقِّ ۖ وَٱلَّذِينَ يَدْعُونَ مِن دُونِهِۦ لَا يَقْضُونَ بِشَىْءٍ ۗ إِنَّ ٱللَّهَ هُوَ ٱلسَّمِيعُ ٱلْبَصِيرُ ﴿٢٠﴾ ۞ أَوَلَمْ يَسِيرُوا۟ فِى ٱلْأَرْضِ فَيَنظُرُوا۟ كَيْفَ كَانَ عَٰقِبَةُ ٱلَّذِينَ كَانُوا۟ مِن قَبْلِهِمْ ۚ كَانُوا۟ هُمْ أَشَدَّ مِنْهُمْ قُوَّةً وَءَاثَارًا فِى ٱلْأَرْضِ فَأَخَذَهُمُ ٱللَّهُ بِذُنُوبِهِمْ وَمَا كَانَ لَهُم مِّنَ ٱللَّهِ مِن وَاقٍ ﴿٢١﴾ ذَٰلِكَ بِأَنَّهُمْ كَانَت تَّأْتِيهِمْ رُسُلُهُم بِٱلْبَيِّنَٰتِ فَكَفَرُوا۟ فَأَخَذَهُمُ ٱللَّهُ ۚ إِنَّهُۥ قَوِىٌّ شَدِيدُ ٱلْعِقَابِ ﴿٢٢﴾ وَلَقَدْ أَرْسَلْنَا مُوسَىٰ بِـَٔايَٰتِنَا وَسُلْطَٰنٍ مُّبِينٍ ﴿٢٣﴾ إِلَىٰ فِرْعَوْنَ وَهَٰمَٰنَ وَقَٰرُونَ فَقَالُوا۟ سَٰحِرٌ كَذَّابٌ ﴿٢٤﴾ فَلَمَّا جَآءَهُم بِٱلْحَقِّ مِنْ عِندِنَا قَالُوا۟ ٱقْتُلُوٓا۟ أَبْنَآءَ ٱلَّذِينَ ءَامَنُوا۟ مَعَهُۥ وَٱسْتَحْيُوا۟ نِسَآءَهُمْ ۚ وَمَا كَيْدُ ٱلْكَٰفِرِينَ إِلَّا فِى ضَلَٰلٍ ﴿٢٥﴾

ثلاثة أرباع الحزب ٤٧

17.- Vào Ngày đó, mỗi người (linh hồn) sẽ được tưởng thưởng về công trình của mình. Sẽ không có việc (xét xử) bất công vào Ngày đó. Quả thật, Allah rất nhanh trong việc thanh toán (việc tưởng thưởng và trừng phạt).

18.- Và hãy cảnh cáo họ về Ngày (Phục sinh) đang tiến đến gần, Ngày mà những quả tim sẽ nhảy thót lên cổ họng, làm nghẹt thở. Những kẻ làm điều sai quấy sẽ không có bạn bè hoặc người can thiệp nào để nhờ cậy.

19.- (Allah) biết rõ điều gian xảo nơi cặp mắt của họ và điều (dối trá) giấu kín trong lòng (của họ).

20.- Và Allah sẽ phán quyết bằng sự Thật, trong lúc những kẻ mà họ khấn vái ngoài Ngài sẽ không quyết định được gì cả. Rõ thật là Allah, bởi vì Ngài là Đấng Hằng Nghe, Đấng Hằng Thấy.

21.- Và há họ không đi du lịch trên trái đất để xét xem kết cuộc của những ai đã sống trước họ ra sao? Chúng mạnh hơn họ về quyền lực và di tích mà chúng còn để lại trên trái đất. Nhưng Allah bắt phạt chúng vì tội lỗi của chúng. Và không có ai che chở chúng khỏi (sự trừng phạt của) Allah.

22.- Như thế là vì các Sứ giả của chúng đã đến gặp chúng với những bằng chứng rõ rệt, nhưng chúng không tin tưởng, cho nên Allah bắt phạt chúng. Quả thật, Ngài rất Hùng mạnh và trừng phạt rất nghiêm khắc.

23.- Và chắc chắn *TA* đã cử Mūsa mang các Phép lạ của *TA* với một thẩm quyền rõ rệt,

24.- Đến gặp Fir'aun (Phê-rô), Hāmān[1] và Qārūn nhưng chúng bảo (Mūsa) là một tên phù thủy, một tên nói dối.

25.- Và khi Người (Mūsa) mang Chân lý từ *TA* đến cho chúng, chúng bảo: "Hãy giết các đứa con trai của những ai tin tưởng theo Y (Mūsa) và tha sống phụ nữ của chúng." Và mưu đồ của những kẻ không có đức tin chỉ rơi vào lầm lạc.

[1] Hāmān là một bộ trưởng rất nịnh hót của Fir'aun (Phê-rô), quốc vương Ai-cập. Phê-rô tiêu biểu cho tính ngạo mạn, gian ác, cậy quyền; Hāmān tiêu biểu cho sự nịnh hót và Qārūn tiêu biểu cho sự giầu có và lòng ích kỷ. (Xem Q. 28:38, 76-81)

وَقَالَ فِرْعَوْنُ ذَرُونِيٓ أَقْتُلْ مُوسَىٰ وَلْيَدْعُ رَبَّهُۥٓۖ إِنِّيٓ أَخَافُ
أَن يُبَدِّلَ دِينَكُمْ أَوْ أَن يُظْهِرَ فِي ٱلْأَرْضِ ٱلْفَسَادَ ٢٦
وَقَالَ مُوسَىٰٓ إِنِّي عُذْتُ بِرَبِّي وَرَبِّكُم مِّن كُلِّ مُتَكَبِّرٍ لَّا يُؤْمِنُ
بِيَوْمِ ٱلْحِسَابِ ٢٧ وَقَالَ رَجُلٌ مُّؤْمِنٌ مِّنْ ءَالِ فِرْعَوْنَ
يَكْتُمُ إِيمَٰنَهُۥٓ أَتَقْتُلُونَ رَجُلًا أَن يَقُولَ رَبِّيَ ٱللَّهُ وَقَدْ
جَآءَكُم بِٱلْبَيِّنَٰتِ مِن رَّبِّكُمْۖ وَإِن يَكُ كَٰذِبًا فَعَلَيْهِ
كَذِبُهُۥۖ وَإِن يَكُ صَادِقًا يُصِبْكُم بَعْضُ ٱلَّذِي يَعِدُكُمْۖ
إِنَّ ٱللَّهَ لَا يَهْدِي مَنْ هُوَ مُسْرِفٌ كَذَّابٌ ٢٨ يَٰقَوْمِ لَكُمُ
ٱلْمُلْكُ ٱلْيَوْمَ ظَٰهِرِينَ فِي ٱلْأَرْضِ فَمَن يَنصُرُنَا مِنۢ بَأْسِ ٱللَّهِ
إِن جَآءَنَاۚ قَالَ فِرْعَوْنُ مَآ أُرِيكُمْ إِلَّا مَآ أَرَىٰ وَمَآ أَهْدِيكُمْ
إِلَّا سَبِيلَ ٱلرَّشَادِ ٢٩ وَقَالَ ٱلَّذِيٓ ءَامَنَ يَٰقَوْمِ إِنِّيٓ أَخَافُ
عَلَيْكُم مِّثْلَ يَوْمِ ٱلْأَحْزَابِ ٣٠ مِثْلَ دَأْبِ قَوْمِ نُوحٍ وَعَادٍ
وَثَمُودَ وَٱلَّذِينَ مِنۢ بَعْدِهِمْۚ وَمَا ٱللَّهُ يُرِيدُ ظُلْمًا لِّلْعِبَادِ ٣١
وَيَٰقَوْمِ إِنِّيٓ أَخَافُ عَلَيْكُمْ يَوْمَ ٱلتَّنَادِ ٣٢ يَوْمَ تُوَلُّونَ مُدْبِرِينَ
مَا لَكُم مِّنَ ٱللَّهِ مِنْ عَاصِمٍۗ وَمَن يُضْلِلِ ٱللَّهُ فَمَا لَهُۥ مِنْ هَادٍ ٣٣

26.- Fir'aun bảo: "Để ta giết Mūsa, và để nó gọi *Rabb* của nó (đến cứu nó). Ta sợ nó sẽ thay đổi tôn giáo của các ngươi hoặc sẽ dấy loạn trong xứ."

27.- Và Mūsa bảo: "Tôi cầu xin *Rabb* của tôi và của quí vị che chở tôi khỏi (tay của) từng tên ngạo mạn không tin tưởng nơi Ngày Thanh toán (để thưởng và phạt).

28.- Và một người đàn ông tin tưởng trong đám thuộc hạ của Fir'aun đã từng giấu kín đức tin của mình vội lên tiếng thưa: "Ngài sẽ giết một người chỉ vì lý do y nói: *'Rabb* của tôi là Allah và chắc chắn đã mang những bằng chứng rõ rệt từ *Rabb* của quí ngài đến cho quí ngài hay sao? Và nếu là một tên nói dối thì y sẽ chịu tội về lời gian dối của y. Ngược lại, nếu y là một người nói sự thật thì điều mà y hăm dọa quí ngài chắc chắn sẽ nhằm phải quí ngài. Thật sự, Allah không hướng dẫn một người phạm tội (giết người, áp bức...), một tên nói dối.

29.- Thưa quí ngài! Ngày nay quyền hành nằm trong tay của quí ngài. Quí ngài thắng thế trong xứ. Nhưng ai sẽ cứu chúng ta khỏi hình phạt của Allah nếu nó nhằm phải chúng ta?" Fir'aun đáp: "Ta chỉ trình bày cho các ngươi thấy điều mà ta thấy (đúng). Và ta chỉ hướng dẫn các ngươi theo con đường chân chính."

30.- Và người tin tưởng đó thưa: "Thưa quí ngài! Thật sự, tôi sợ giùm cho quí ngài về (đại họa) giống như (cái đã xảy ra vào) Ngày của Liên quân (tòng phạm)!

31.- "Giống như số phận của người dân của Nūh, của 'Ād và của Thamūd và của những kẻ sống sau chúng bởi vì Allah không muốn bầy tôi của Ngài chịu thiệt thòi.

32.- "Và thưa quí ngài! Tôi sợ giùm cho quí ngài về Ngày với gọi nhau (đau đớn).

33.- "Ngày mà quí ngài sẽ quay lưng tháo chạy. Quí vị sẽ không có một vị che chở nào từ Allah. Và ai mà Allah đánh lạc hướng, thì sẽ không được một người hướng đạo nào cả.

وَلَقَدْ جَآءَكُمْ يُوسُفُ مِن قَبْلُ بِٱلْبَيِّنَٰتِ فَمَا زِلْتُمْ فِى
شَكٍّ مِّمَّا جَآءَكُم بِهِۦ ۖ حَتَّىٰٓ إِذَا هَلَكَ قُلْتُمْ لَن يَبْعَثَ ٱللَّهُ
مِنۢ بَعْدِهِۦ رَسُولًا ۚ كَذَٰلِكَ يُضِلُّ ٱللَّهُ مَنْ هُوَ مُسْرِفٌ
مُّرْتَابٌ ﴿٣٤﴾ ٱلَّذِينَ يُجَٰدِلُونَ فِىٓ ءَايَٰتِ ٱللَّهِ بِغَيْرِ سُلْطَٰنٍ
أَتَىٰهُمْ ۖ كَبُرَ مَقْتًا عِندَ ٱللَّهِ وَعِندَ ٱلَّذِينَ ءَامَنُوا۟ ۚ كَذَٰلِكَ
يَطْبَعُ ٱللَّهُ عَلَىٰ كُلِّ قَلْبِ مُتَكَبِّرٍ جَبَّارٍ ﴿٣٥﴾ وَقَالَ فِرْعَوْنُ
يَٰهَٰمَٰنُ ٱبْنِ لِى صَرْحًا لَّعَلِّىٓ أَبْلُغُ ٱلْأَسْبَٰبَ ﴿٣٦﴾ أَسْبَٰبَ
ٱلسَّمَٰوَٰتِ فَأَطَّلِعَ إِلَىٰٓ إِلَٰهِ مُوسَىٰ وَإِنِّى لَأَظُنُّهُۥ كَٰذِبًا ۚ
وَكَذَٰلِكَ زُيِّنَ لِفِرْعَوْنَ سُوٓءُ عَمَلِهِۦ وَصُدَّ عَنِ ٱلسَّبِيلِ ۚ
وَمَا كَيْدُ فِرْعَوْنَ إِلَّا فِى تَبَابٍ ﴿٣٧﴾ وَقَالَ ٱلَّذِىٓ ءَامَنَ
يَٰقَوْمِ ٱتَّبِعُونِ أَهْدِكُمْ سَبِيلَ ٱلرَّشَادِ ﴿٣٨﴾ يَٰقَوْمِ
إِنَّمَا هَٰذِهِ ٱلْحَيَوٰةُ ٱلدُّنْيَا مَتَٰعٌ وَإِنَّ ٱلْءَاخِرَةَ هِىَ
دَارُ ٱلْقَرَارِ ﴿٣٩﴾ مَنْ عَمِلَ سَيِّئَةً فَلَا يُجْزَىٰٓ إِلَّا مِثْلَهَا ۖ
وَمَنْ عَمِلَ صَٰلِحًا مِّن ذَكَرٍ أَوْ أُنثَىٰ وَهُوَ مُؤْمِنٌ فَأُو۟لَٰٓئِكَ
يَدْخُلُونَ ٱلْجَنَّةَ يُرْزَقُونَ فِيهَا بِغَيْرِ حِسَابٍ ﴿٤٠﴾

34.- "Và chắc chắn khi xưa *Yūsuf* (Joseph) mang các bằng chứng rõ rệt đến gặp quí ngài nhưng quí ngài không ngừng nghi ngờ về thông điệp mà Người mang đến; mãi cho đến khi Người qua đời thì quí ngài bảo: "Allah sẽ không bao giờ dựng một sứ giả nào sau Người nữa." Allah đánh lạc hướng kẻ nào là một người áp bức, tội lỗi và hay nghi ngờ giống như thế,

35.- "Những ai hay tranh cãi về các Dấu hiệu của Allah nhưng không có một thẩm quyền (hay bằng chứng) nào thì thật đáng ghét đối với Allah và đối với những người có đức tin. Allah niêm kín tấm lòng của từng tên ngạo mạn, bạo ngược giống như thế."

36.- Và Fir'aun bảo: "Hỡi Hāmān! Hãy xây cho ta một cái tháp cao để ta có thể đến giáp những con đường;

37.- "Những con đường của các tầng trời đưa ta lên diện kiến Thượng Đế của Mūsa bởi vì ta nghĩ nó là một tên nói dối." Và đối với Fir'aun, hành động tội lỗi của y đã tỏ ra hấp dẫn đối với y giống như thế và y bị cản trở khỏi con đường (của Allah). Và mưu đồ của Fir'aun chỉ đưa đến thất bại.

38.- Người tin tưởng (đó) tiếp: "Hỡi người dân của tôi! Hãy nghe lời tôi. Tôi sẽ hướng dẫn quí vị theo con đường chân chính.

39.- "Hỡi người dân của tôi! Đời sống trần tục này chỉ là một sự hưởng thụ ngắn ngủi và chắc chắn Đời sau mới là một ngôi nhà vĩnh cửu.

40.- "Ai làm điều ác thì chỉ bị phạt ngang bằng với tội đã phạm. Ngược lại, ai làm điều thiện, bất luận nam hay nữ, và có đức tin thì sẽ vào Thiên đàng, nơi mà họ sẽ hưởng vô vàn bổng lộc.

۞ وَيَٰقَوْمِ مَا لِيٓ أَدْعُوكُمْ إِلَى ٱلنَّجَوٰةِ وَتَدْعُونَنِيٓ إِلَى ٱلنَّارِ ٤١ تَدْعُونَنِي لِأَكْفُرَ بِٱللَّهِ وَأُشْرِكَ بِهِۦ مَا لَيْسَ لِي بِهِۦ عِلْمٞ وَأَنَا۠ أَدْعُوكُمْ إِلَى ٱلْعَزِيزِ ٱلْغَفَّٰرِ ٤٢ لَا جَرَمَ أَنَّمَا تَدْعُونَنِيٓ إِلَيْهِ لَيْسَ لَهُۥ دَعْوَةٞ فِي ٱلدُّنْيَا وَلَا فِي ٱلْأٓخِرَةِ وَأَنَّ مَرَدَّنَآ إِلَى ٱللَّهِ وَأَنَّ ٱلْمُسْرِفِينَ هُمْ أَصْحَٰبُ ٱلنَّارِ ٤٣ فَسَتَذْكُرُونَ مَآ أَقُولُ لَكُمْۚ وَأُفَوِّضُ أَمْرِيٓ إِلَى ٱللَّهِۚ إِنَّ ٱللَّهَ بَصِيرُۢ بِٱلْعِبَادِ ٤٤ فَوَقَىٰهُ ٱللَّهُ سَيِّـَٔاتِ مَا مَكَرُواْۖ وَحَاقَ بِـَٔالِ فِرْعَوْنَ سُوٓءُ ٱلْعَذَابِ ٤٥ ٱلنَّارُ يُعْرَضُونَ عَلَيْهَا غُدُوّٗا وَعَشِيّٗاۚ وَيَوْمَ تَقُومُ ٱلسَّاعَةُ أَدْخِلُوٓاْ ءَالَ فِرْعَوْنَ أَشَدَّ ٱلْعَذَابِ ٤٦ وَإِذْ يَتَحَآجُّونَ فِي ٱلنَّارِ فَيَقُولُ ٱلضُّعَفَٰٓؤُاْ لِلَّذِينَ ٱسْتَكْبَرُوٓاْ إِنَّا كُنَّا لَكُمْ تَبَعٗا فَهَلْ أَنتُم مُّغْنُونَ عَنَّا نَصِيبٗا مِّنَ ٱلنَّارِ ٤٧ قَالَ ٱلَّذِينَ ٱسْتَكْبَرُوٓاْ إِنَّا كُلّٞ فِيهَآ إِنَّ ٱللَّهَ قَدْ حَكَمَ بَيْنَ ٱلْعِبَادِ ٤٨ وَقَالَ ٱلَّذِينَ فِي ٱلنَّارِ لِخَزَنَةِ جَهَنَّمَ ٱدْعُواْ رَبَّكُمْ يُخَفِّفْ عَنَّا يَوْمٗا مِّنَ ٱلْعَذَابِ ٤٩

41.- "Hỡi người dân của tôi! Tại sao lại có chuyện (ngược ngạo) như thế trong lúc tôi kêu gọi quí vị đến chỗ Cứu rỗi thì quí vị lại kêu gọi tôi đi vào Lửa (của Hỏa ngục)?

42.- "Quí vị kêu gọi tôi phủ nhận Allah và tổ hợp thần linh cùng với Ngài điều mà tôi không biết một tí gì trong lúc tôi kêu gọi quí vị đến với Đấng Toàn Năng, Đấng Hằng Tha thứ.

43.- "Không có gì phải nghi ngờ cả, quí vị kêu gọi tôi đến với một kẻ không có quyền đòi thiên hạ phải cầu nguyện mình ở đời này và ở Đời sau; và quả thật, mục tiêu trở về của tất cả chúng ta là Allah; và quả thật những kẻ tội lỗi sẽ là những người bạn của Lửa (Hỏa ngục).

44.- "Rồi sau này quí vị sẽ nhớ những điều tôi nói. Tôi giao công việc của tôi cho Allah bởi vì Allah là Đấng Hằng Thấy bầy tôi (của Ngài)."

45.- Do đó, Allah giải cứu y (người có đức tin) khỏi những điều xấu xa mà chúng âm mưu hại y; và tai họa bao vây người nhà (thuộc hạ) của Fir'aun tứ phía.

46.- Lửa (Hỏa ngục) mà chúng sẽ bị dắt ra chạm trán cả buổi sáng lẫn buổi chiều. Và vào Ngày mà Giờ (Xét xử) sẽ được thiết lập, sẽ có lời (bảo thiên thần): "Hãy đưa thuộc hạ của Fir'aun vào chỗ trừng phạt khắc nghiệt nhất."

47.- Và khi chúng sẽ cãi nhau trong Lửa; người cô thế sẽ bảo kẻ ngạo mạn như sau: "Quả thật, chúng tôi là người theo quí ngài. Có thể nào quí ngài bốc một phần Lửa đốt khỏi chúng tôi được hay không?"

48.- Những kẻ ngạo mạn sẽ đáp: "Tất cả chúng ta đều ở trong Lửa cả! Chắc chắn, Allah sẽ phân xử giữa bầy tôi của Ngài."

49.- Và những kẻ ở trong Lửa sẽ nói với những vị Cai ngục (Thiên thần): "Hãy xin *Rabb* của quí ngài giảm bớt hình phạt giùm chúng tôi một ngày được hay không?"

قَالُوٓاْ أَوَلَمۡ تَكُ تَأۡتِيكُمۡ رُسُلُكُم بِٱلۡبَيِّنَٰتِۖ قَالُواْ بَلَىٰۚ
قَالُواْ فَٱدۡعُواْۗ وَمَا دُعَٰٓؤُاْ ٱلۡكَٰفِرِينَ إِلَّا فِي ضَلَٰلٍ ٥٠
إِنَّا لَنَنصُرُ رُسُلَنَا وَٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ فِي ٱلۡحَيَوٰةِ ٱلدُّنۡيَا
وَيَوۡمَ يَقُومُ ٱلۡأَشۡهَٰدُ ٥١ يَوۡمَ لَا يَنفَعُ ٱلظَّٰلِمِينَ مَعۡذِرَتُهُمۡۖ
وَلَهُمُ ٱللَّعۡنَةُ وَلَهُمۡ سُوٓءُ ٱلدَّارِ ٥٢ وَلَقَدۡ ءَاتَيۡنَا مُوسَى
ٱلۡهُدَىٰ وَأَوۡرَثۡنَا بَنِيٓ إِسۡرَٰٓءِيلَ ٱلۡكِتَٰبَ ٥٣ هُدٗى
وَذِكۡرَىٰ لِأُوْلِي ٱلۡأَلۡبَٰبِ ٥٤ فَٱصۡبِرۡ إِنَّ وَعۡدَ ٱللَّهِ
حَقّٞ وَٱسۡتَغۡفِرۡ لِذَنۢبِكَ وَسَبِّحۡ بِحَمۡدِ رَبِّكَ بِٱلۡعَشِيِّ
وَٱلۡإِبۡكَٰرِ ٥٥ إِنَّ ٱلَّذِينَ يُجَٰدِلُونَ فِيٓ ءَايَٰتِ ٱللَّهِ
بِغَيۡرِ سُلۡطَٰنٍ أَتَىٰهُمۡ إِن فِي صُدُورِهِمۡ إِلَّا كِبۡرٞ
مَّا هُم بِبَٰلِغِيهِۚ فَٱسۡتَعِذۡ بِٱللَّهِۖ إِنَّهُۥ هُوَ ٱلسَّمِيعُ
ٱلۡبَصِيرُ ٥٦ لَخَلۡقُ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضِ أَكۡبَرُ مِنۡ
خَلۡقِ ٱلنَّاسِ وَلَٰكِنَّ أَكۡثَرَ ٱلنَّاسِ لَا يَعۡلَمُونَ ٥٧
وَمَا يَسۡتَوِي ٱلۡأَعۡمَىٰ وَٱلۡبَصِيرُ وَٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ وَعَمِلُواْ
ٱلصَّٰلِحَٰتِ وَلَا ٱلۡمُسِيٓءُۚ قَلِيلٗا مَّا تَتَذَكَّرُونَ ٥٨

50.- Họ sẽ đáp: "Há các Sứ giả của các người đã không đến gặp các người với những bằng chứng rõ rệt ư?" Chúng sẽ thưa: "Dạ, có!" Họ bảo chúng: "Thế hãy cầu nguyện (theo ý muốn của các người)." Nhưng lời cầu nguyện của những kẻ không có đức tin chỉ quanh quẩn trong lầm lạc.

51.- Chắc chắn, *TA* sẽ giúp các Sứ giả của *TA* và những ai có đức tin ở đời này chiến thắng; và vào Ngày mà các nhân chứng sẽ đứng ra (làm chứng);

52.- Ngày mà lời lẽ phân trần của những kẻ làm điều sai quấy sẽ không giúp ích gì được cho chúng. Ngược lại, chúng sẽ nhận lời nguyền rủa và một chỗ ngụ xấu xa.

53.- Và chắc chắn *TA* đã ban Chỉ đạo cho Mūsa và làm cho con cháu của Israel thừa hưởng Kinh sách (Taurāh).

54.- Một Chỉ đạo và một sự Nhắc nhở cho những người thông hiểu.

55.- Bởi thế, hãy kiên nhẫn (hỡi Muhammad!) bởi vì Lời hứa của Allah sẽ đích thực. Và hãy xin *Rabb* của Ngươi tha thứ lỗi lầm của Ngươi và hãy tán dương ca tụng *Rabb* của Ngươi đêm và ngày.

56.- Quả thật, những ai tranh cãi về các Dấu hiệu của Allah nhưng không có một chút thẩm quyền nào được ban cho thì chỉ muốn sự vĩ đại trong lòng mình, nhưng chúng sẽ không bao giờ đạt nó được. Bởi thế, hãy xin Allah che chở bởi vì Ngài là Đấng Hằng Nghe và Hằng Thấy (mọi việc).

57.- Chắc chắn việc tạo hóa các tầng trời và trái đất lớn hơn việc tạo hóa loài người, nhưng đa số nhân loại không biết.

58.- Người mù mắt và người sáng mắt không ngang bằng nhau; và những ai có đức tin và làm việc thiện không ngang bằng với người làm ác. Các người ít nhớ thay!

إِنَّ ٱلسَّاعَةَ لَأٓتِيَةٞ لَّا رَيۡبَ فِيهَا وَلَٰكِنَّ أَكۡثَرَ ٱلنَّاسِ
لَا يُؤۡمِنُونَ ٥٩ وَقَالَ رَبُّكُمُ ٱدۡعُونِيٓ أَسۡتَجِبۡ لَكُمۡۚ
إِنَّ ٱلَّذِينَ يَسۡتَكۡبِرُونَ عَنۡ عِبَادَتِي سَيَدۡخُلُونَ جَهَنَّمَ
دَاخِرِينَ ٦٠ ٱللَّهُ ٱلَّذِي جَعَلَ لَكُمُ ٱلَّيۡلَ لِتَسۡكُنُواْ
فِيهِ وَٱلنَّهَارَ مُبۡصِرًاۚ إِنَّ ٱللَّهَ لَذُو فَضۡلٍ عَلَى ٱلنَّاسِ وَلَٰكِنَّ
أَكۡثَرَ ٱلنَّاسِ لَا يَشۡكُرُونَ ٦١ ذَٰلِكُمُ ٱللَّهُ رَبُّكُمۡ
خَٰلِقُ كُلِّ شَيۡءٖ لَّآ إِلَٰهَ إِلَّا هُوَۖ فَأَنَّىٰ تُؤۡفَكُونَ ٦٢
كَذَٰلِكَ يُؤۡفَكُ ٱلَّذِينَ كَانُواْ بِـَٔايَٰتِ ٱللَّهِ يَجۡحَدُونَ ٦٣
ٱللَّهُ ٱلَّذِي جَعَلَ لَكُمُ ٱلۡأَرۡضَ قَرَارٗا وَٱلسَّمَآءَ بِنَآءٗ
وَصَوَّرَكُمۡ فَأَحۡسَنَ صُوَرَكُمۡ وَرَزَقَكُم مِّنَ
ٱلطَّيِّبَٰتِۚ ذَٰلِكُمُ ٱللَّهُ رَبُّكُمۡۖ فَتَبَارَكَ ٱللَّهُ رَبُّ
ٱلۡعَٰلَمِينَ ٦٤ هُوَ ٱلۡحَيُّ لَآ إِلَٰهَ إِلَّا هُوَ فَٱدۡعُوهُ مُخۡلِصِينَ
لَهُ ٱلدِّينَۗ ٱلۡحَمۡدُ لِلَّهِ رَبِّ ٱلۡعَٰلَمِينَ ٦٥ ۞ قُلۡ إِنِّي
نُهِيتُ أَنۡ أَعۡبُدَ ٱلَّذِينَ تَدۡعُونَ مِن دُونِ ٱللَّهِ لَمَّا جَآءَنِيَ
ٱلۡبَيِّنَٰتُ مِن رَّبِّي وَأُمِرۡتُ أَنۡ أُسۡلِمَ لِرَبِّ ٱلۡعَٰلَمِينَ ٦٦

ربع الحزب ٤٨

59.- Quả thật, Giờ (Xét xử) chắc chắn sẽ đến, không có chi phải nghi ngờ cả; nhưng đa số thiên hạ không tin tưởng.

60.- Và *Rabb* của các người phán: "Hãy cầu nguyện TA, TA sẽ đáp lại các ngươi. Thật sự, những ai kiêu ngạo xem thường việc thờ phụng TA thì sẽ đi vào Hỏa ngục một cách nhục nhã."

61.- Allah là Đấng đã làm ra ban đêm cho các người để các người có thể nghỉ ngơi và ban ngày để nhìn thấy. Và quả thật, Allah có đầy đủ thiên lộc cho loài người nhưng đa số thiên hạ không biết ơn.

62.- Allah, *Rabb* của các người là thế; Đấng Tạo hóa vạn vật. Không có Thượng Đế nào cả, duy chỉ Ngài (là Thượng Đế). Thế tại sao các người lánh xa (Ngài)?

63.- Những ai phủ nhận các Dấu hiệu của Allah thường tránh né như thế.

64.- Allah là Đấng làm trái đất thành một nơi cư ngụ cho các người và bầu trời thành cái lọng (mái) che và ban cho các người hình thể và tô điểm hình thể của các người thành xinh đẹp và cung dưỡng các người với thực phẩm tốt và sạch. Allah, *Rabb* của các người là thế. Bởi thế, Phúc đức thay Allah! *Rabb* của vũ trụ và muôn loài.

65.- Ngài là Đấng Hằng Sống. Không có Thượng Đế nào khác cả, duy chỉ Ngài (là Thượng Đế). Do đó, hãy cầu nguyện Ngài, chân thành tôn thờ chỉ riêng Ngài. Mọi lời ca tụng đều thuộc về Allah, *Rabb* (Đấng Chủ Tể) của vũ trụ và muôn loài.

66.- Hãy bảo (chúng): "(Allah) cấm Ta không được tôn thờ những ai mà các người cầu nguyện ngoài Ngài khi Ta đã nhận được những bằng chứng rõ rệt từ *Rabb* của Ta. Và Ta được lệnh phải thần phục *Rabb* (Đấng Chủ Tể) của vũ trụ và muôn loài.

هُوَ ٱلَّذِى خَلَقَكُم مِّن تُرَابٍ ثُمَّ مِن نُّطْفَةٍ ثُمَّ مِنْ عَلَقَةٍ ثُمَّ يُخْرِجُكُمْ طِفْلًا ثُمَّ لِتَبْلُغُوٓا۟ أَشُدَّكُمْ ثُمَّ لِتَكُونُوا۟ شُيُوخًا ۚ وَمِنكُم مَّن يُتَوَفَّىٰ مِن قَبْلُ ۖ وَلِتَبْلُغُوٓا۟ أَجَلًا مُّسَمًّى وَلَعَلَّكُمْ تَعْقِلُونَ ﴿٦٧﴾ هُوَ ٱلَّذِى يُحْىِۦ وَيُمِيتُ ۖ فَإِذَا قَضَىٰٓ أَمْرًا فَإِنَّمَا يَقُولُ لَهُۥ كُن فَيَكُونُ ﴿٦٨﴾ أَلَمْ تَرَ إِلَى ٱلَّذِينَ يُجَـٰدِلُونَ فِىٓ ءَايَـٰتِ ٱللَّهِ أَنَّىٰ يُصْرَفُونَ ﴿٦٩﴾ ٱلَّذِينَ كَذَّبُوا۟ بِٱلْكِتَـٰبِ وَبِمَآ أَرْسَلْنَا بِهِۦ رُسُلَنَا ۖ فَسَوْفَ يَعْلَمُونَ ﴿٧٠﴾ إِذِ ٱلْأَغْلَـٰلُ فِىٓ أَعْنَـٰقِهِمْ وَٱلسَّلَـٰسِلُ يُسْحَبُونَ ﴿٧١﴾ فِى ٱلْحَمِيمِ ثُمَّ فِى ٱلنَّارِ يُسْجَرُونَ ﴿٧٢﴾ ثُمَّ قِيلَ لَهُمْ أَيْنَ مَا كُنتُمْ تُشْرِكُونَ ﴿٧٣﴾ مِن دُونِ ٱللَّهِ ۖ قَالُوا۟ ضَلُّوا۟ عَنَّا بَل لَّمْ نَكُن نَّدْعُوا۟ مِن قَبْلُ شَيْـًٔا ۚ كَذَٰلِكَ يُضِلُّ ٱللَّهُ ٱلْكَـٰفِرِينَ ﴿٧٤﴾ ذَٰلِكُم بِمَا كُنتُمْ تَفْرَحُونَ فِى ٱلْأَرْضِ بِغَيْرِ ٱلْحَقِّ وَبِمَا كُنتُمْ تَمْرَحُونَ ﴿٧٥﴾ ٱدْخُلُوٓا۟ أَبْوَٰبَ جَهَنَّمَ خَـٰلِدِينَ فِيهَا ۖ فَبِئْسَ مَثْوَى ٱلْمُتَكَبِّرِينَ ﴿٧٦﴾ فَٱصْبِرْ إِنَّ وَعْدَ ٱللَّهِ حَقٌّ ۚ فَإِمَّا نُرِيَنَّكَ بَعْضَ ٱلَّذِى نَعِدُهُمْ أَوْ نَتَوَفَّيَنَّكَ فَإِلَيْنَا يُرْجَعُونَ ﴿٧٧﴾

67.- Ngài là Đấng đã tạo hóa các người từ đất bụi, rồi từ giọt tinh dịch, rồi từ một hòn máu đặc, rồi mang các người ra đời thành các đứa bé, rồi làm cho các người lớn mạnh đầy đủ sức lực, rồi làm cho các người trở thành già yếu. Và trong các người, có người chết trước (chết non); và (có người) được để cho sống đến thời hạn qui định và để cho các người thông hiểu.

68.- Ngài (Allah) là Đấng làm cho sống và làm cho chết. Bởi thế, khi Ngài quyết định một vật (việc), Ngài chỉ phán với nó "Hãy Thành!" thì nó sẽ thành (như Ý Ngài muốn).

69.- Há Ngươi (Muhammad) không nhận thấy những kẻ đã tranh cãi về các Dấu hiệu của Allah rằng chúng xa lánh (Chân lý) như thế nào ư?

70.- Những ai đã phủ nhận Kinh sách (Qur'ān) và những điều (mặc khải) mà *TA* đã ban xuống cùng với các Sứ giả của *TA*. Rồi đây, chúng sẽ sớm biết (hậu quả của việc làm của chúng).

71.- Khi những chiếc gông sẽ được đóng vào cổ của chúng và những sợi lòi tói mà chúng sẽ bị kéo lôi đi

72.- Vào trong loại nước sôi hôi thúi; rồi vào trong Lửa, nơi mà chúng sẽ bị đốt.

73.- Rồi sẽ có lời bảo chúng: "Đâu là những thần linh mà các ngươi tôn thờ

74.- Ngoài Allah?" Chúng sẽ thưa: "Họ đã bỏ chúng tôi đi mất biệt. Trước đây chúng tôi đã không cầu nguyện và tôn thờ ai (vật gì)." Allah đã đánh lạc hướng những kẻ không có đức tin như thế.

75.- Như thế là vì các ngươi đã thỏa thích với những điều không đúng với sự Thật và các ngươi thường hí hửng trên trái đất.

76.- Hãy bước vào các cánh cửa Hỏa ngục để vào ở trong đó. Thật xấu xa thay chỗ ngụ của những kẻ ngạo mạn!

77.- Bởi thế hãy kiên nhẫn (hỡi Muhammad!). Quả thật, Lời hứa của Allah sẽ đích thực. Bởi thế, dẫu *TA* có cho Ngươi thấy một phần của những điều mà *TA* đã hứa với chúng hoặc *TA* có bắt hồn của Ngươi (về cõi Ân phúc) trước, thì bề nào chúng vẫn phải trở về gặp *TA* (để chịu xét xử).

وَلَقَدْ أَرْسَلْنَا رُسُلًا مِّن قَبْلِكَ مِنْهُم مَّن قَصَصْنَا عَلَيْكَ
وَمِنْهُم مَّن لَّمْ نَقْصُصْ عَلَيْكَ ۗ وَمَا كَانَ لِرَسُولٍ أَن يَأْتِيَ
بِـَٔايَةٍ إِلَّا بِإِذْنِ ٱللَّهِ ۚ فَإِذَا جَآءَ أَمْرُ ٱللَّهِ قُضِيَ بِٱلْحَقِّ وَخَسِرَ
هُنَالِكَ ٱلْمُبْطِلُونَ ﴿٧٨﴾ ٱللَّهُ ٱلَّذِى جَعَلَ لَكُمُ ٱلْأَنْعَٰمَ
لِتَرْكَبُوا۟ مِنْهَا وَمِنْهَا تَأْكُلُونَ ﴿٧٩﴾ وَلَكُمْ فِيهَا مَنَٰفِعُ
وَلِتَبْلُغُوا۟ عَلَيْهَا حَاجَةً فِى صُدُورِكُمْ وَعَلَيْهَا وَعَلَى
ٱلْفُلْكِ تُحْمَلُونَ ﴿٨٠﴾ وَيُرِيكُمْ ءَايَٰتِهِۦ فَأَىَّ ءَايَٰتِ ٱللَّهِ
تُنكِرُونَ ﴿٨١﴾ أَفَلَمْ يَسِيرُوا۟ فِى ٱلْأَرْضِ فَيَنظُرُوا۟ كَيْفَ
كَانَ عَٰقِبَةُ ٱلَّذِينَ مِن قَبْلِهِمْ ۚ كَانُوٓا۟ أَكْثَرَ مِنْهُمْ وَأَشَدَّ
قُوَّةً وَءَاثَارًا فِى ٱلْأَرْضِ فَمَآ أَغْنَىٰ عَنْهُم مَّا كَانُوا۟ يَكْسِبُونَ
﴿٨٢﴾ فَلَمَّا جَآءَتْهُمْ رُسُلُهُم بِٱلْبَيِّنَٰتِ فَرِحُوا۟ بِمَا عِندَهُم مِّنَ
ٱلْعِلْمِ وَحَاقَ بِهِم مَّا كَانُوا۟ بِهِۦ يَسْتَهْزِءُونَ ﴿٨٣﴾ فَلَمَّا رَأَوْا۟
بَأْسَنَا قَالُوٓا۟ ءَامَنَّا بِٱللَّهِ وَحْدَهُۥ وَكَفَرْنَا بِمَا كُنَّا بِهِۦ
مُشْرِكِينَ ﴿٨٤﴾ فَلَمْ يَكُ يَنفَعُهُمْ إِيمَٰنُهُمْ لَمَّا رَأَوْا۟ بَأْسَنَا ۖ سُنَّتَ
ٱللَّهِ ٱلَّتِى قَدْ خَلَتْ فِى عِبَادِهِۦ ۖ وَخَسِرَ هُنَالِكَ ٱلْكَٰفِرُونَ ﴿٨٥﴾

78.- Và chắc chắn *TA* đã cử các Sứ giả đến (với nhân loại) trước Ngươi. Trong số đó có người *TA* đã kể cho Ngươi câu chuyện của họ và có người *TA* không kể câu chuyện của họ cho Ngươi. Và không một Sứ Giả nào được quyền mang một Dấu hiệu đến nếu không có Phép của Allah. Và khi Mệnh lệnh của Allah đã được ban hành, vấn đề sẽ được quyết định đúng với sự thật. Và những kẻ tuân theo điều giả dối lúc đó sẽ hoàn toàn bị thất bại.

79.- Allah là Đấng làm ra gia súc cho các người. Một số các người dùng để cưỡi và một số các người dùng để ăn thịt.

80.- Và nơi chúng các người còn được một số lợi ích khác. Và nhờ chúng các người có thể đạt được một ước vọng trong lòng. Và các người được chuyên chở trên (lưng) của chúng và trên (boong) tàu.

81.- Và Ngài trưng cho các người thấy các Dấu hiệu của Ngài. Thế đâu là các Dấu hiệu của Allah mà các người phủ nhận?

82.- Há họ không đi du lịch trên trái đất để nhận xét kết cuộc của những ai đã sống trước họ ra sao ư? Chúng đông người và mạnh hơn họ và những di tích (lịch sử) mà chúng đã để lại trên trái đất. Tuy nhiên, những công trình mà họ đã làm ra chẳng giúp ích gì được cho họ cả.

83.- Bởi vì khi những Sứ giả của họ đến gặp họ với những bằng chứng rõ rệt (để răn họ), thì họ ỷ lại và tự hào về kiến thức (và tài năng) họ đang có, và những điều mà họ thường chế giễu sẽ bao vây họ trong đó.

84.- Bởi thế, khi thấy sự trừng phạt của *TA*, họ thưa: "Chúng tôi tin tưởng nơi Đấng Allah Duy Nhất; và phủ nhận những kẻ hợp tác mà chúng tôi đã tổ hợp với Ngài."

85.- Nhưng đức tin của họ vào lúc thấy hình phạt của *TA* chẳng giúp ích gì được cho họ cả. Đó là *Sunnah* (Đường lối) của Allah mà Ngài dùng để đối xử với bầy tôi của Ngài (từ thuở nào). Và những kẻ không có đức tin cuối cùng nhất định sẽ mất mát.

سُورَةُ فُصِّلَتْ

بِسْمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحْمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

حمٓ ﴿١﴾ تَنزِيلٌ مِّنَ ٱلرَّحْمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ ﴿٢﴾ كِتَٰبٌ فُصِّلَتْ ءَايَٰتُهُۥ قُرْءَانًا عَرَبِيًّا لِّقَوْمٍ يَعْلَمُونَ ﴿٣﴾ بَشِيرًا وَنَذِيرًا فَأَعْرَضَ أَكْثَرُهُمْ فَهُمْ لَا يَسْمَعُونَ ﴿٤﴾ وَقَالُوا۟ قُلُوبُنَا فِىٓ أَكِنَّةٍ مِّمَّا تَدْعُونَآ إِلَيْهِ وَفِىٓ ءَاذَانِنَا وَقْرٌ وَمِنۢ بَيْنِنَا وَبَيْنِكَ حِجَابٌ فَٱعْمَلْ إِنَّنَا عَٰمِلُونَ ﴿٥﴾ قُلْ إِنَّمَآ أَنَا۠ بَشَرٌ مِّثْلُكُمْ يُوحَىٰٓ إِلَىَّ أَنَّمَآ إِلَٰهُكُمْ إِلَٰهٌ وَٰحِدٌ فَٱسْتَقِيمُوٓا۟ إِلَيْهِ وَٱسْتَغْفِرُوهُ ۗ وَوَيْلٌ لِّلْمُشْرِكِينَ ﴿٦﴾ ٱلَّذِينَ لَا يُؤْتُونَ ٱلزَّكَوٰةَ وَهُم بِٱلْءَاخِرَةِ هُمْ كَٰفِرُونَ ﴿٧﴾ إِنَّ ٱلَّذِينَ ءَامَنُوا۟ وَعَمِلُوا۟ ٱلصَّٰلِحَٰتِ لَهُمْ أَجْرٌ غَيْرُ مَمْنُونٍ ﴿٨﴾ ۞ قُلْ أَئِنَّكُمْ لَتَكْفُرُونَ بِٱلَّذِى خَلَقَ ٱلْأَرْضَ فِى يَوْمَيْنِ وَتَجْعَلُونَ لَهُۥٓ أَندَادًا ۚ ذَٰلِكَ رَبُّ ٱلْعَٰلَمِينَ ﴿٩﴾ وَجَعَلَ فِيهَا رَوَٰسِىَ مِن فَوْقِهَا وَبَٰرَكَ فِيهَا وَقَدَّرَ فِيهَآ أَقْوَٰتَهَا فِىٓ أَرْبَعَةِ أَيَّامٍ سَوَآءً لِّلسَّآئِلِينَ ﴿١٠﴾ ثُمَّ ٱسْتَوَىٰٓ إِلَى ٱلسَّمَآءِ وَهِىَ دُخَانٌ فَقَالَ لَهَا وَلِلْأَرْضِ ٱئْتِيَا طَوْعًا أَوْ كَرْهًا قَالَتَآ أَتَيْنَا طَآئِعِينَ ﴿١١﴾

نصف الحزب ٤٨

FUSSILAT

Nhân danh Allah, Đấng Rất mực Độ lượng,
Đấng Rất mực Khoan dung

1.- *Hā. Mīm.*

2.- Việc ban (Qur'ān) xuống là do Đấng Rất mực Độ lượng, Đấng Rất mực Khoan dung.

3.- Một Kinh sách với các câu được giả thích chi tiết; một Qur'ān bằng tiếng Ả-rập ban cho những người hiểu biết;

4.- (Mang) Tin mừng và Lời Cảnh cáo; nhưng đa số bọn họ quay bỏ đi, cho nên họ không nghe được (điều lành và điều dữ).

5.- Họ bảo: "Quả tim của bọn ta được bọc kín tránh khỏi những điều mà Ngươi mời bọn ta chấp nhận, tai của bọn ta điếc và giữa bọn ta và Ngươi có một bức màn ngăn cách. Bởi thế, hãy làm (theo đường lối của Ngươi); quả thật, bọn ta làm (theo đường lối của bọn ta).

6.- Hãy bảo họ: "Ta (Muhammad) là một người phàm như các người, nhưng ta được mặc khải cho biết Thượng Đế của các người chỉ là một Thượng Đế. Do đó, hãy theo Con-đường ngay-chính dẫn đến Ngài và xin Ngài tha-thứ; và khốn khổ cho những người thờ đa-thần.

7.- Những ai không đóng *Zakāh* và không tin có Đời sau.

8.- Quả thật, những ai có đức tin và làm việc thiện, thì sẽ được ban thưởng không dứt.

9.- Hãy bảo họ (hỡi Muhammad): "Phải chăng các người phủ nhận Đấng đã tạo hóa trái đất trong hai Ngày và các người dựng những đối thủ ngang vai với Ngài? Đấy là *Rabb* của vũ trụ và muôn loài.

10.- Và Ngài (Allah) đã đặt nơi đó những quả núi vững chắc cao hơn mặt đất và ban phúc nơi đó và tính toán lương thực (cho dân cư) của nó nơi đó trong bốn Ngày, đồng đều cho những người đòi hỏi.

11.- Rồi Ngài hướng về bầu trời lúc đó là một lớp khói mờ. Tiếp đó, Ngài phán cho nó và cho trái đất: "Hai ngươi hãy đến cùng nhau, thuận hay không thuận?" Cả hai cùng thưa: "Chúng tôi thuận đến với nhau."

فَقَضَىٰهُنَّ سَبۡعَ سَمَٰوَاتٖ فِي يَوۡمَيۡنِ وَأَوۡحَىٰ فِي كُلِّ سَمَآءٍ أَمۡرَهَاۚ وَزَيَّنَّا ٱلسَّمَآءَ ٱلدُّنۡيَا بِمَصَٰبِيحَ وَحِفۡظٗاۚ ذَٰلِكَ تَقۡدِيرُ ٱلۡعَزِيزِ ٱلۡعَلِيمِ ﴿١٢﴾ فَإِنۡ أَعۡرَضُواْ فَقُلۡ أَنذَرۡتُكُمۡ صَٰعِقَةٗ مِّثۡلَ صَٰعِقَةِ عَادٖ وَثَمُودَ ﴿١٣﴾ إِذۡ جَآءَتۡهُمُ ٱلرُّسُلُ مِنۢ بَيۡنِ أَيۡدِيهِمۡ وَمِنۡ خَلۡفِهِمۡ أَلَّا تَعۡبُدُوٓاْ إِلَّا ٱللَّهَۖ قَالُواْ لَوۡ شَآءَ رَبُّنَا لَأَنزَلَ مَلَٰٓئِكَةٗ فَإِنَّا بِمَآ أُرۡسِلۡتُم بِهِۦ كَٰفِرُونَ ﴿١٤﴾ فَأَمَّا عَادٞ فَٱسۡتَكۡبَرُواْ فِي ٱلۡأَرۡضِ بِغَيۡرِ ٱلۡحَقِّ وَقَالُواْ مَنۡ أَشَدُّ مِنَّا قُوَّةًۖ أَوَلَمۡ يَرَوۡاْ أَنَّ ٱللَّهَ ٱلَّذِي خَلَقَهُمۡ هُوَ أَشَدُّ مِنۡهُمۡ قُوَّةٗۖ وَكَانُواْ بِـَٔايَٰتِنَا يَجۡحَدُونَ ﴿١٥﴾ فَأَرۡسَلۡنَا عَلَيۡهِمۡ رِيحٗا صَرۡصَرٗا فِيٓ أَيَّامٖ نَّحِسَاتٖ لِّنُذِيقَهُمۡ عَذَابَ ٱلۡخِزۡيِ فِي ٱلۡحَيَوٰةِ ٱلدُّنۡيَاۖ وَلَعَذَابُ ٱلۡأٓخِرَةِ أَخۡزَىٰۖ وَهُمۡ لَا يُنصَرُونَ ﴿١٦﴾ وَأَمَّا ثَمُودُ فَهَدَيۡنَٰهُمۡ فَٱسۡتَحَبُّواْ ٱلۡعَمَىٰ عَلَى ٱلۡهُدَىٰ فَأَخَذَتۡهُمۡ صَٰعِقَةُ ٱلۡعَذَابِ ٱلۡهُونِ بِمَا كَانُواْ يَكۡسِبُونَ ﴿١٧﴾ وَنَجَّيۡنَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ وَكَانُواْ يَتَّقُونَ ﴿١٨﴾ وَيَوۡمَ يُحۡشَرُ أَعۡدَآءُ ٱللَّهِ إِلَى ٱلنَّارِ فَهُمۡ يُوزَعُونَ ﴿١٩﴾ حَتَّىٰٓ إِذَا مَا جَآءُوهَا شَهِدَ عَلَيۡهِمۡ سَمۡعُهُمۡ وَأَبۡصَٰرُهُمۡ وَجُلُودُهُم بِمَا كَانُواْ يَعۡمَلُونَ ﴿٢٠﴾

12.- Rồi Ngài hoàn tất chúng thành bẩy tầng trời trong hai Ngày và Ngài mặc khải cho mỗi tầng trời công việc của nó. Và *TA* đã trang hoàng tầng trời thấp nhất với những ngọn đèn (tinh tú) và (cử thiên thần) canh giữ nó. Đó là Quyết định của Đấng Toàn Năng, Đấng Toàn Tri.

13.- Nhưng nếu họ quay bỏ đi thì hãy bảo (họ): "Ta cảnh cáo các người về lưỡi tầm sét giống như lưỡi tầm sét đã đánh người dân *'Ād* và *Thamūd*.

14.- Khi các Sứ giả (của Allah) đã đến gặp chúng từ phía trước lẫn phía sau, (bảo:) "Hãy thờ phụng chỉ riêng Allah thôi." Chúng đáp: "Nếu muốn, *Rabb* chúng tôi sẽ cử thiên thần xuống (làm sứ giả). Bởi thế, chúng tôi không tin nơi điều mà quí vị mang đến ."

15.- Về (người dân) *'Ād*, chúng đã cư xử ngạo mạn trên trái đất không lý do chính đáng. Chúng bảo: "Ai mạnh hơn bọn ta về sức mạnh?" Há chúng không nhận thấy rằng Allah, Đấng đã tạo hóa chúng, đã mạnh hơn chúng về sức mạnh hay sao? Và chúng thường phủ nhận các Dấu hiệu của *TA*.

16.- Bởi thế, *TA* đã gởi một trận cuồng-phong đến phạt chúng suốt những Ngày bất-hạnh để *TA* cho chúng nếm sự trừng phạt nhục nhã ở đời này; nhưng sự trừng phạt ở Đời Sau còn nhục nhã hơn; và chúng sẽ không được ai cứu giúp.

17.- Còn về (người dân) *Thamūd*, *TA* đã hướng dẫn chúng nhưng chúng thích sự mù quáng (của con tim) hơn là Chỉ đạo sáng sủa. Bởi thế, lưỡi tầm sét của sự trừng phạt nhục nhã đã đánh chúng vì những điều (tội lỗi) mà chúng đã làm ra.

18.- Và *TA* đã cứu sống những ai có đức tin và sợ Allah.

19.- Và vào Ngày mà những kẻ thù của Allah sẽ được tập trung lùa vào Lửa (của Hỏa ngục); bởi thế, chúng sẽ được tập họp theo từng nhóm;

20.- Mãi cho đến khi chúng đến đó (Lửa), đôi tai, cặp mắt và các làn da của chúng sẽ làm chứng chống lại chúng về những điều (tội lỗi) mà chúng đã từng làm.

وَقَالُوا۟ لِجُلُودِهِمْ لِمَ شَهِدتُّمْ عَلَيْنَا ۖ قَالُوٓا۟ أَنطَقَنَا ٱللَّهُ ٱلَّذِىٓ أَنطَقَ كُلَّ شَىْءٍ ۚ وَهُوَ خَلَقَكُمْ أَوَّلَ مَرَّةٍ وَإِلَيْهِ تُرْجَعُونَ ﴿٢١﴾ وَمَا كُنتُمْ تَسْتَتِرُونَ أَن يَشْهَدَ عَلَيْكُمْ سَمْعُكُمْ وَلَآ أَبْصَٰرُكُمْ وَلَا جُلُودُكُمْ وَلَٰكِن ظَنَنتُمْ أَنَّ ٱللَّهَ لَا يَعْلَمُ كَثِيرًا مِّمَّا تَعْمَلُونَ ﴿٢٢﴾ وَذَٰلِكُمْ ظَنُّكُمُ ٱلَّذِى ظَنَنتُم بِرَبِّكُمْ أَرْدَىٰكُمْ فَأَصْبَحْتُم مِّنَ ٱلْخَٰسِرِينَ ﴿٢٣﴾ فَإِن يَصْبِرُوا۟ فَٱلنَّارُ مَثْوًى لَّهُمْ ۖ وَإِن يَسْتَعْتِبُوا۟ فَمَا هُم مِّنَ ٱلْمُعْتَبِينَ ﴿٢٤﴾ ۞ وَقَيَّضْنَا لَهُمْ قُرَنَآءَ فَزَيَّنُوا۟ لَهُم مَّا بَيْنَ أَيْدِيهِمْ وَمَا خَلْفَهُمْ وَحَقَّ عَلَيْهِمُ ٱلْقَوْلُ فِىٓ أُمَمٍ قَدْ خَلَتْ مِن قَبْلِهِم مِّنَ ٱلْجِنِّ وَٱلْإِنسِ ۖ إِنَّهُمْ كَانُوا۟ خَٰسِرِينَ ﴿٢٥﴾ وَقَالَ ٱلَّذِينَ كَفَرُوا۟ لَا تَسْمَعُوا۟ لِهَٰذَا ٱلْقُرْءَانِ وَٱلْغَوْا۟ فِيهِ لَعَلَّكُمْ تَغْلِبُونَ ﴿٢٦﴾ فَلَنُذِيقَنَّ ٱلَّذِينَ كَفَرُوا۟ عَذَابًا شَدِيدًا وَلَنَجْزِيَنَّهُمْ أَسْوَأَ ٱلَّذِى كَانُوا۟ يَعْمَلُونَ ﴿٢٧﴾ ذَٰلِكَ جَزَآءُ أَعْدَآءِ ٱللَّهِ ٱلنَّارُ ۖ لَهُمْ فِيهَا دَارُ ٱلْخُلْدِ ۖ جَزَآءًۢ بِمَا كَانُوا۟ بِـَٔايَٰتِنَا يَجْحَدُونَ ﴿٢٨﴾ وَقَالَ ٱلَّذِينَ كَفَرُوا۟ رَبَّنَآ أَرِنَا ٱلَّذَيْنِ أَضَلَّانَا مِنَ ٱلْجِنِّ وَٱلْإِنسِ نَجْعَلْهُمَا تَحْتَ أَقْدَامِنَا لِيَكُونَا مِنَ ٱلْأَسْفَلِينَ ﴿٢٩﴾

ثلاثة أرباع الحزب ٤٨

21.- Và chúng sẽ bảo các lớp da của chúng: "Tại sao tụi bây làm chứng chống lại bọn ta?" (Các lớp da sẽ) đáp: "Allah khiến chúng tôi nói giống như Ngài khiến cho mọi vật đều nói và Ngài đã tạo ra quí vị lần đầu và quí vị sẽ được đưa về gặp Ngài trở lại.

22.- "Quí vị không chịu tìm cách che giấu mình của quí vị bởi vì đôi tai, cặp mắt và các làn da của quí vị có thể làm chứng chống lại quí vị; nhưng quí vị nghĩ rằng Allah không mấy biết về những điều mà quí vị đã từng làm.

23.- "Và ý nghĩ đó của quí vị mà quí vị đã nghĩ về *Rabb* của quí vị đã tiêu diệt quí vị; bởi thế, ngày đó, quí vị sẽ trở thành những kẻ hoàn toàn mất mát."

24.- Nhưng nếu chúng có kiên nhẫn chịu đựng thì Lửa (của Hỏa ngục) vẫn là chỗ ngụ của chúng. Và nếu có xin được tha thứ, thì lời cầu xin của chúng sẽ không được chấp thuận.

25.- Và *TA* đã chỉ định cho chúng những người bạn đường (tương đắc) có nhiệm vụ làm cho chúng say đắm với những điều (tội lỗi) đằng trước chúng và những điều (sai trái) đằng sau chúng. Và Lời (xử) phạt bọn chúng đều xác minh đúng nơi các cộng đồng của loài *Jinn* và loài người đã qua đời trước bọn chúng. Quả thật, chúng là những kẻ mất mát.

26.- Và những kẻ không tin tưởng bảo: "Chớ nghe Qur'ān này và gây náo động ồn ào (khi nó được xướng lên) để may ra các người nắm ưu thế."

27.- Nhưng chắc chắn *TA* sẽ cho những kẻ không có đức tin nếm sự trừng phạt khắc nghiệt và sẽ trừng phạt chúng vô cùng tàn tệ về những điều (tội lỗi) chúng đã từng làm.

28.- Đấy là quả báo dành cho những kẻ thù của Allah: Lửa (của Hỏa ngục), trong đó chúng sẽ có một mái nhà vĩnh viễn: một quả báo về tội chúng đã từng phủ nhận các Dấu hiệu của *TA*.

29.- Và những kẻ không có đức tin sẽ thưa: "Lạy *Rabb* chúng tôi! Xin Ngài vạch mặt những tên *Jinn* và lũ người đã dắt chúng tôi đi lạc để chúng tôi chà đạp hai chúng nó dưới bàn chân của chúng tôi khiến cho chúng thành những tên ti tiện nhất."

إِنَّ ٱلَّذِينَ قَالُواْ رَبُّنَا ٱللَّهُ ثُمَّ ٱسْتَقَٰمُواْ تَتَنَزَّلُ عَلَيْهِمُ
ٱلْمَلَٰٓئِكَةُ أَلَّا تَخَافُواْ وَلَا تَحْزَنُواْ وَأَبْشِرُواْ بِٱلْجَنَّةِ
ٱلَّتِى كُنتُمْ تُوعَدُونَ ﴿٣٠﴾ نَحْنُ أَوْلِيَآؤُكُمْ فِى ٱلْحَيَوٰةِ ٱلدُّنْيَا
وَفِى ٱلْءَاخِرَةِ ۖ وَلَكُمْ فِيهَا مَا تَشْتَهِىٓ أَنفُسُكُمْ وَلَكُمْ
فِيهَا مَا تَدَّعُونَ ﴿٣١﴾ نُزُلًا مِّنْ غَفُورٍ رَّحِيمٍ ﴿٣٢﴾ وَمَنْ أَحْسَنُ
قَوْلًا مِّمَّن دَعَآ إِلَى ٱللَّهِ وَعَمِلَ صَٰلِحًا وَقَالَ إِنَّنِى مِنَ
ٱلْمُسْلِمِينَ ﴿٣٣﴾ وَلَا تَسْتَوِى ٱلْحَسَنَةُ وَلَا ٱلسَّيِّئَةُ ۚ ٱدْفَعْ
بِٱلَّتِى هِىَ أَحْسَنُ فَإِذَا ٱلَّذِى بَيْنَكَ وَبَيْنَهُۥ عَدَٰوَةٌ كَأَنَّهُۥ
وَلِىٌّ حَمِيمٌ ﴿٣٤﴾ وَمَا يُلَقَّىٰهَآ إِلَّا ٱلَّذِينَ صَبَرُواْ وَمَا يُلَقَّىٰهَآ
إِلَّا ذُو حَظٍّ عَظِيمٍ ﴿٣٥﴾ وَإِمَّا يَنزَغَنَّكَ مِنَ ٱلشَّيْطَٰنِ نَزْغٌ
فَٱسْتَعِذْ بِٱللَّهِ ۖ إِنَّهُۥ هُوَ ٱلسَّمِيعُ ٱلْعَلِيمُ ﴿٣٦﴾ وَمِنْ ءَايَٰتِهِ
ٱلَّيْلُ وَٱلنَّهَارُ وَٱلشَّمْسُ وَٱلْقَمَرُ ۚ لَا تَسْجُدُواْ لِلشَّمْسِ
وَلَا لِلْقَمَرِ وَٱسْجُدُواْ لِلَّهِ ٱلَّذِى خَلَقَهُنَّ إِن كُنتُمْ
إِيَّاهُ تَعْبُدُونَ ﴿٣٧﴾ فَإِنِ ٱسْتَكْبَرُواْ فَٱلَّذِينَ عِندَ
رَبِّكَ يُسَبِّحُونَ لَهُۥ بِٱلَّيْلِ وَٱلنَّهَارِ وَهُمْ لَا يَسْـَٔمُونَ ۩ ﴿٣٨﴾

سَجْدَة

30.- Quả thật, những ai nói: "*Rabb* chúng tôi là Allah." rồi đứng vững như bàn thạch, các Thiên thần sẽ xuống động viên họ, bảo: "Chớ lo sợ cũng chớ buồn phiền mà hãy vui lên với tin mừng về Thiên đàng (hạnh phúc) mà quí vị đã được hứa!

31.- "Chúng tôi là bạn của quí vị ở đời này và ở Đời sau. Và nơi đó, quí vị sẽ được bất cứ món gì mà bản thân của quí vị ước muốn và nơi đó quí vị sẽ được ban cấp bất cứ món gì mà quí vị yêu cầu.

32.- "Một sự khoan đãi của Đấng Hằng Tha Thứ, Đấng Rất mực Khoan dung."

33.- Và còn ai lịch sự về lời nói hơn người mời gọi (nhân loại) đến với Allah và làm việc thiện và bảo: "Tôi đây là một người Muslim."

34.- Và điều thiện và điều ác không thể ngang bằng nhau. Hãy dùng điều thiện mà đẩy lùi điều ác. Rồi (Ngươi sẽ thấy) kẻ ôm lòng hận thù Ngươi sẽ trở thành người bạn thân tình của Ngươi.

35.- Và không ai được phú cho cái đó (lòng tốt) ngoại trừ những người thật sự kiên nhẫn và không ai được phú cho cái đó, ngoại trừ người có phần số lớn (được vào Thiên Đàng).

36.- Và nếu có một lời xúi giục từ *Shaytān* xúi giục Ngươi (làm điều sai trái) thì hãy xin Allah che chở bởi vì quả thật Ngài Hằng Nghe và Hằng Biết mọi việc.

37.- Và ban đêm và ban ngày, và mặt trời và mặt trăng là những Dấu hiệu chỉ dẫn của Ngài (Allah). Chớ lạy mặt trời và mặt trăng mà hãy quì lạy Allah, Đấng đã tạo ra chúng nếu các người tôn thờ chỉ riêng Ngài thôi.

38.- Nhưng nếu chúng ngạo mạn thì những ai (thiên thần) ở cùng với *Rabb* của Ngươi hằng tán dương Ngài cả đêm lẫn ngày và không bao giờ mỏi mệt.

وَمِنْ ءَايَٰتِهِۦٓ أَنَّكَ تَرَى ٱلْأَرْضَ خَٰشِعَةً فَإِذَآ أَنزَلْنَا عَلَيْهَا ٱلْمَآءَ ٱهْتَزَّتْ وَرَبَتْ ۚ إِنَّ ٱلَّذِىٓ أَحْيَاهَا لَمُحْىِ ٱلْمَوْتَىٰٓ ۚ إِنَّهُۥ عَلَىٰ كُلِّ شَىْءٍ قَدِيرٌ ﴿٣٩﴾ إِنَّ ٱلَّذِينَ يُلْحِدُونَ فِىٓ ءَايَٰتِنَا لَا يَخْفَوْنَ عَلَيْنَآ ۗ أَفَمَن يُلْقَىٰ فِى ٱلنَّارِ خَيْرٌ أَم مَّن يَأْتِىٓ ءَامِنًا يَوْمَ ٱلْقِيَٰمَةِ ۚ ٱعْمَلُوا۟ مَا شِئْتُمْ ۖ إِنَّهُۥ بِمَا تَعْمَلُونَ بَصِيرٌ ﴿٤٠﴾ إِنَّ ٱلَّذِينَ كَفَرُوا۟ بِٱلذِّكْرِ لَمَّا جَآءَهُمْ ۖ وَإِنَّهُۥ لَكِتَٰبٌ عَزِيزٌ ﴿٤١﴾ لَّا يَأْتِيهِ ٱلْبَٰطِلُ مِنۢ بَيْنِ يَدَيْهِ وَلَا مِنْ خَلْفِهِۦ ۖ تَنزِيلٌ مِّنْ حَكِيمٍ حَمِيدٍ ﴿٤٢﴾ مَّا يُقَالُ لَكَ إِلَّا مَا قَدْ قِيلَ لِلرُّسُلِ مِن قَبْلِكَ ۚ إِنَّ رَبَّكَ لَذُو مَغْفِرَةٍ وَذُو عِقَابٍ أَلِيمٍ ﴿٤٣﴾ وَلَوْ جَعَلْنَٰهُ قُرْءَانًا أَعْجَمِيًّا لَّقَالُوا۟ لَوْلَا فُصِّلَتْ ءَايَٰتُهُۥٓ ۖ ءَا۬عْجَمِىٌّ وَعَرَبِىٌّ ۗ قُلْ هُوَ لِلَّذِينَ ءَامَنُوا۟ هُدًى وَشِفَآءٌ ۖ وَٱلَّذِينَ لَا يُؤْمِنُونَ فِىٓ ءَاذَانِهِمْ وَقْرٌ وَهُوَ عَلَيْهِمْ عَمًى ۚ أُو۟لَٰٓئِكَ يُنَادَوْنَ مِن مَّكَانٍۭ بَعِيدٍ ﴿٤٤﴾ وَلَقَدْ ءَاتَيْنَا مُوسَى ٱلْكِتَٰبَ فَٱخْتُلِفَ فِيهِ ۗ وَلَوْلَا كَلِمَةٌ سَبَقَتْ مِن رَّبِّكَ لَقُضِىَ بَيْنَهُمْ ۚ وَإِنَّهُمْ لَفِى شَكٍّ مِّنْهُ مُرِيبٍ ﴿٤٥﴾ مَّنْ عَمِلَ صَٰلِحًا فَلِنَفْسِهِۦ ۖ وَمَنْ أَسَآءَ فَعَلَيْهَا ۗ وَمَا رَبُّكَ بِظَلَّٰمٍ لِّلْعَبِيدِ ﴿٤٦﴾

39.- Và trong các Dấu hiệu của Ngài (có cái này): rằng đất đai hạ mình khiêm tốn (khô nứt). Nhưng khi *TA* tưới nước mưa lên nó, nó cựa mình (sống lại) và cho mọc ra (hoa mầu). Quả thật, Đấng làm cho nó sống lại chắc chắn sẽ làm cho người chết sống lại (vào Ngày Phục sinh). Quả thật, Ngài thừa khả năng làm được tất cả mọi vật.

40.- Quả thật, những ai báng bổ các Dấu hiệu của *TA* thì sẽ không trốn khỏi *TA* đặng. Thế ai tốt hơn? Kẻ bị ném vào Lửa hay là người bước ra an-toàn vào Ngày Phục sinh? (Hỡi những kẻ không có đức tin!) hãy làm những điều mà các người muốn bởi vì chắc chắn Ngài (Allah) Hằng thấy những điều các người làm.

41.- Quả thật, những ai phủ nhận Lời Nhắc nhở (Qur'ān) khi Nó đến với họ (thì sẽ bị trừng phạt). Và quả thật, Nó là một Kinh sách rất đỗi quyền năng.

42.- Không một điều giả dối nào có thể xâm nhập Nó (Qur'ān) từ đằng trước hay đằng sau. Bởi vì Nó do Đấng (Allah) Rất mực Sáng suốt, Rất Đáng Ca tụng ban xuống.

43.- Những điều mà chúng nói cho Ngươi chẳng khác với điều đã được nói cho các Sứ Giả trước Ngươi. Quả thật, *Rabb* của Ngươi nắm trọn sự tha-thứ và sự trừng-phạt đau đớn.

44.- Nếu *TA* làm Qur'ān bằng một thứ tiếng không phải ngôn ngữ Ả-rập thì (những người Ả-rập ngoại đạo) sẽ bảo: "Tại sao các câu kinh của nó không được giải thích chi tiết (theo ngôn ngữ của chúng tôi?)" Sao! một (Kinh sách bằng) ngôn ngữ khác (tiếng Ả-rập) và một (Sứ giả) người Ả-rập ư? Hãy bảo chúng: "Nó là một Chỉ đạo và là một phương thuốc chữa lành bệnh cho những ai có đức tin. Ngược lại, những ai không có đức tin, thì tai của chúng điếc và Nó (Qur'ān) là một sự mù lòa đối với chúng. Chúng là những người được gọi từ một chỗ rất xa.

45.- Và chắc chắn *TA* đã ban cho Mūsa Kinh sách nhưng lại có sự tranh cãi trong đó. Nếu không vì một Lời phán từ *Rabb* của Ngươi đã được phán ra trước đây thì việc tranh cãi giữa bọn chúng đã được giải quyết xong. Nhưng chúng lại rất đỗi nghi ngờ về Nó.

46.- Ai làm điều thiện thì được lợi cho bản thân mình. Còn ai làm điều ác thì bất lợi cho bản thân y. Bởi vì quả thật *Rabb* của Ngươi không bao giờ bất công với bầy tôi (của Ngài).

۞ إِلَيْهِ يُرَدُّ عِلْمُ ٱلسَّاعَةِ ۚ وَمَا تَخْرُجُ مِن ثَمَرَٰتٍ مِّنْ أَكْمَامِهَا وَمَا تَحْمِلُ مِنْ أُنثَىٰ وَلَا تَضَعُ إِلَّا بِعِلْمِهِۦ ۚ وَيَوْمَ يُنَادِيهِمْ أَيْنَ شُرَكَآءِى قَالُوٓا۟ ءَاذَنَّٰكَ مَا مِنَّا مِن شَهِيدٍ ﴿٤٧﴾ وَضَلَّ عَنْهُم مَّا كَانُوا۟ يَدْعُونَ مِن قَبْلُ ۖ وَظَنُّوا۟ مَا لَهُم مِّن مَّحِيصٍ ﴿٤٨﴾ لَّا يَسْـَٔمُ ٱلْإِنسَٰنُ مِن دُعَآءِ ٱلْخَيْرِ وَإِن مَّسَّهُ ٱلشَّرُّ فَيَـُٔوسٌ قَنُوطٌ ﴿٤٩﴾ وَلَئِنْ أَذَقْنَٰهُ رَحْمَةً مِّنَّا مِنۢ بَعْدِ ضَرَّآءَ مَسَّتْهُ لَيَقُولَنَّ هَٰذَا لِى وَمَآ أَظُنُّ ٱلسَّاعَةَ قَآئِمَةً وَلَئِن رُّجِعْتُ إِلَىٰ رَبِّىٓ إِنَّ لِى عِندَهُۥ لَلْحُسْنَىٰ ۚ فَلَنُنَبِّئَنَّ ٱلَّذِينَ كَفَرُوا۟ بِمَا عَمِلُوا۟ وَلَنُذِيقَنَّهُم مِّنْ عَذَابٍ غَلِيظٍ ﴿٥٠﴾ وَإِذَآ أَنْعَمْنَا عَلَى ٱلْإِنسَٰنِ أَعْرَضَ وَنَـَٔا بِجَانِبِهِۦ وَإِذَا مَسَّهُ ٱلشَّرُّ فَذُو دُعَآءٍ عَرِيضٍ ﴿٥١﴾ قُلْ أَرَءَيْتُمْ إِن كَانَ مِنْ عِندِ ٱللَّهِ ثُمَّ كَفَرْتُم بِهِۦ مَنْ أَضَلُّ مِمَّنْ هُوَ فِى شِقَاقٍۭ بَعِيدٍ ﴿٥٢﴾ سَنُرِيهِمْ ءَايَٰتِنَا فِى ٱلْـَٔافَاقِ وَفِىٓ أَنفُسِهِمْ حَتَّىٰ يَتَبَيَّنَ لَهُمْ أَنَّهُ ٱلْحَقُّ ۗ أَوَلَمْ يَكْفِ بِرَبِّكَ أَنَّهُۥ عَلَىٰ كُلِّ شَىْءٍ شَهِيدٌ ﴿٥٣﴾ أَلَآ إِنَّهُمْ فِى مِرْيَةٍ مِّن لِّقَآءِ رَبِّهِمْ ۗ أَلَآ إِنَّهُۥ بِكُلِّ شَىْءٍ مُّحِيطٌۢ ﴿٥٤﴾

47.- Sự hiểu biết về Giờ (Phán Xử) chỉ được qui riêng cho Ngài (Allah) thôi. Và không một trái cây nào lú ra khỏi vỏ của nó, cũng không một người phụ nữ mang thai và hạ sanh (đứa con) nào mà Ngài không biết. Và vào Ngày mà Ngài (Allah) sẽ gọi chúng đến hỏi: "Những kẻ hợp tác (mà các ngươi cho là) của TA hiện ở đâu?" Chúng sẽ thưa: "Chúng tôi xin bảo đảm với Ngài không một ai trong chúng tôi làm chứng (cho việc Ngài có những kẻ hợp tác cả)."

48.- Và những kẻ (thần linh) mà chúng đã từng khấn vái trước kia sẽ bỏ chúng đi biệt dạng và chúng sẽ thấy mình không thể trốn thoát khỏi (sự trừng phạt của Allah).

49.- Con người (vô đức tin) không cảm thấy mỏi mệt trong việc cầu nguyện điều tốt lành (cho bản thân mình). Nhưng nếu gặp phải điều xấu xa (hoạn nạn) thì y đâm buông xuôi, tuyệt vọng.

50.- Và chắc chắn nếu *TA* cho y nếm mùi Khoan dung từ *TA* sau khi y gặp hoạn nạn thì chắc chắn y sẽ nói: "Điều này do bởi tôi (làm ra). Và tôi nghĩ sẽ không có Giờ (Phán xử); và nếu tôi có được đưa trở về gặp *Rabb* của tôi lại thì chắc chắn tôi sẽ có được vô vàn cái tốt (phú quí giầu sang) nơi Ngài." Nhưng chắc chắn *TA* sẽ cho những kẻ không có đức tin biết về những điều (tội lỗi) mà chúng đã làm và sẽ cho chúng nếm sự Trừng phat to lớn.

51.- Và khi *TA* ban ân huệ cho con người, y trở mặt và dang ra xa (thay vì đến gần *TA*) nhưng khi gặp hoạn nạn, thì y sẽ cầu nguyện (*TA*) rất lâu.

52.- Hãy bảo chúng: "Các người có suy xét chăng nếu Nó (Qur'ān) thật sự do Allah ban xuống, rồi các người phủ nhận Nó thì ai là người lầm lạc hơn kẻ chống đối Nó từ xa?"

53.- *TA* sẽ sớm cho chúng thấy các Dấu hiệu của *TA* trong vũ trụ và nơi bản thân của chúng; cho đến khi tỏ rõ cho chúng thấy Nó (Qur'ān) là Chân lý. Há không đủ cho *Rabb* của Ngươi hay sao việc Ngài là Nhân Chứng cho tất cả mọi việc?

54.- Ô này! Quả thật chúng còn nghi ngờ về việc gặp gỡ *Rabb* của chúng! Ô này! Quả thật Ngài (Allah) bao quát hết tất cả moi vât.

سُورَةُ الشُّورَىٰ

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

حمٓ ﴿١﴾ عٓسٓقٓ ﴿٢﴾ كَذَٰلِكَ يُوحِيٓ إِلَيۡكَ وَإِلَى ٱلَّذِينَ مِن قَبۡلِكَ ٱللَّهُ ٱلۡعَزِيزُ ٱلۡحَكِيمُ ﴿٣﴾ لَهُۥ مَا فِي ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَمَا فِي ٱلۡأَرۡضِۖ وَهُوَ ٱلۡعَلِيُّ ٱلۡعَظِيمُ ﴿٤﴾ تَكَادُ ٱلسَّمَٰوَٰتُ يَتَفَطَّرۡنَ مِن فَوۡقِهِنَّۚ وَٱلۡمَلَٰٓئِكَةُ يُسَبِّحُونَ بِحَمۡدِ رَبِّهِمۡ وَيَسۡتَغۡفِرُونَ لِمَن فِي ٱلۡأَرۡضِۗ أَلَآ إِنَّ ٱللَّهَ هُوَ ٱلۡغَفُورُ ٱلرَّحِيمُ ﴿٥﴾ وَٱلَّذِينَ ٱتَّخَذُواْ مِن دُونِهِۦٓ أَوۡلِيَآءَ ٱللَّهُ حَفِيظٌ عَلَيۡهِمۡ وَمَآ أَنتَ عَلَيۡهِم بِوَكِيلٖ ﴿٦﴾ وَكَذَٰلِكَ أَوۡحَيۡنَآ إِلَيۡكَ قُرۡءَانًا عَرَبِيّٗا لِّتُنذِرَ أُمَّ ٱلۡقُرَىٰ وَمَنۡ حَوۡلَهَا وَتُنذِرَ يَوۡمَ ٱلۡجَمۡعِ لَا رَيۡبَ فِيهِۚ فَرِيقٞ فِي ٱلۡجَنَّةِ وَفَرِيقٞ فِي ٱلسَّعِيرِ ﴿٧﴾ وَلَوۡ شَآءَ ٱللَّهُ لَجَعَلَهُمۡ أُمَّةٗ وَٰحِدَةٗ وَلَٰكِن يُدۡخِلُ مَن يَشَآءُ فِي رَحۡمَتِهِۦۚ وَٱلظَّٰلِمُونَ مَا لَهُم مِّن وَلِيّٖ وَلَا نَصِيرٍ ﴿٨﴾ أَمِ ٱتَّخَذُواْ مِن دُونِهِۦٓ أَوۡلِيَآءَۖ فَٱللَّهُ هُوَ ٱلۡوَلِيُّ وَهُوَ يُحۡيِ ٱلۡمَوۡتَىٰ وَهُوَ عَلَىٰ كُلِّ شَيۡءٖ قَدِيرٞ ﴿٩﴾ وَمَا ٱخۡتَلَفۡتُمۡ فِيهِ مِن شَيۡءٖ فَحُكۡمُهُۥٓ إِلَى ٱللَّهِۚ ذَٰلِكُمُ ٱللَّهُ رَبِّي عَلَيۡهِ تَوَكَّلۡتُ وَإِلَيۡهِ أُنِيبُ ﴿١٠﴾

ASH-SHŪRA
(Sự Tham Khảo)

Nhân danh Allah, Đấng Rất mực Độ lượng,
Đấng Rất mực Khoan dung

1.- *Hā. Mīm.*

2.- *'Ayn. Sīn. Qāf.*

3.- Allah, Đấng Toàn Năng, Đấng Chí Minh, mặc khải (Kinh sách) cho Ngươi và cho các vị (Sứ giả) trước Ngươi đúng như thế.

4.- Mọi vật trong các tầng trời và mọi vật dưới đất đều là của Ngài. Và Ngài là Đấng Tối Cao, Đấng Vĩ Đại.

5.- (Do Quyền Uy của Ngài) các tầng trời gần chẻ ra làm hai phía bên trên họ và các thiên thần tán dương lời ca tụng *Rabb* của họ và cầu xin tha thứ cho mọi người trên trái đất. Ô này! Quả thật Allah là Đấng Hằng Tha thứ, Đấng Rất mực Khoan dung.

6.- Và những ai nhận kẻ khác ngoài Ngài làm người bảo hộ, thì (nên biết) Allah là Đấng Trông chừng họ và Ngươi không là một người Thọ lãnh giùm cho họ.

7.- Và *TA* đã mặc khải cho Ngươi (Muhammad) *Qur'ān* bằng tiếng Ả-rập đúng như thế để Ngươi dùng cảnh cáo thị trấn mẹ (Makkah) và tất cả ai ở xung quanh nó và báo trước về Ngày Đại-hội mà không có chi phải nghi ngờ. (Sau cuộc Phán Xử), một số sẽ đi vào Vườn-trời (Thiên Đàng) và một số sẽ đi vào Lửa ngọn (Hỏa Ngục).

8.- Và nếu muốn, Allah thừa sức làm cho họ trở thành một Cộng đồng duy nhất, nhưng Ngài thu nhận người nào Ngài muốn vào vòng Khoan-dung của Ngài. Và những kẻ làm điều sai quấy sẽ không có được một Vị che chở lẫn một cứu nhân nào cả.

9.- Hoặc phải chăng họ đã nhận những kẻ khác ngoài Ngài (Allah) làm người bảo vệ ư? Nhưng Allah mới thực sự là Đấng Bảo vệ và Ngài làm cho người chết sống lại và Ngài thừa khả năng làm được tất cả mọi vật (việc).

10.- Và bất cứ điều gì mà các người tranh chấp đều được trình lên cho Allah quyết định. Đó là Allah, *Rabb* của Ta (Muhammad), Đấng mà Ta phó thác công việc và quay về sám hối;

فَاطِرُ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضِۚ جَعَلَ لَكُم مِّنۡ أَنفُسِكُمۡ أَزۡوَٰجٗا وَمِنَ ٱلۡأَنۡعَٰمِ أَزۡوَٰجٗا يَذۡرَؤُكُمۡ فِيهِۚ لَيۡسَ كَمِثۡلِهِۦ شَيۡءٞۖ وَهُوَ ٱلسَّمِيعُ ٱلۡبَصِيرُ ﴿١١﴾ لَهُۥ مَقَالِيدُ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضِۖ يَبۡسُطُ ٱلرِّزۡقَ لِمَن يَشَآءُ وَيَقۡدِرُۚ إِنَّهُۥ بِكُلِّ شَيۡءٍ عَلِيمٞ ﴿١٢﴾ ۞شَرَعَ لَكُم مِّنَ ٱلدِّينِ مَا وَصَّىٰ بِهِۦ نُوحٗا وَٱلَّذِيٓ أَوۡحَيۡنَآ إِلَيۡكَ وَمَا وَصَّيۡنَا بِهِۦٓ إِبۡرَٰهِيمَ وَمُوسَىٰ وَعِيسَىٰٓۖ أَنۡ أَقِيمُواْ ٱلدِّينَ وَلَا تَتَفَرَّقُواْ فِيهِۚ كَبُرَ عَلَى ٱلۡمُشۡرِكِينَ مَا تَدۡعُوهُمۡ إِلَيۡهِۚ ٱللَّهُ يَجۡتَبِيٓ إِلَيۡهِ مَن يَشَآءُ وَيَهۡدِيٓ إِلَيۡهِ مَن يُنِيبُ ﴿١٣﴾ وَمَا تَفَرَّقُوٓاْ إِلَّا مِنۢ بَعۡدِ مَا جَآءَهُمُ ٱلۡعِلۡمُ بَغۡيَۢا بَيۡنَهُمۡۚ وَلَوۡلَا كَلِمَةٞ سَبَقَتۡ مِن رَّبِّكَ إِلَىٰٓ أَجَلٖ مُّسَمّٗى لَّقُضِيَ بَيۡنَهُمۡۚ وَإِنَّ ٱلَّذِينَ أُورِثُواْ ٱلۡكِتَٰبَ مِنۢ بَعۡدِهِمۡ لَفِي شَكّٖ مِّنۡهُ مُرِيبٖ ﴿١٤﴾ فَلِذَٰلِكَ فَٱدۡعُۖ وَٱسۡتَقِمۡ كَمَآ أُمِرۡتَۖ وَلَا تَتَّبِعۡ أَهۡوَآءَهُمۡۖ وَقُلۡ ءَامَنتُ بِمَآ أَنزَلَ ٱللَّهُ مِن كِتَٰبٖۖ وَأُمِرۡتُ لِأَعۡدِلَ بَيۡنَكُمُۖ ٱللَّهُ رَبُّنَا وَرَبُّكُمۡۖ لَنَآ أَعۡمَٰلُنَا وَلَكُمۡ أَعۡمَٰلُكُمۡۖ لَا حُجَّةَ بَيۡنَنَا وَبَيۡنَكُمُۖ ٱللَّهُ يَجۡمَعُ بَيۡنَنَاۖ وَإِلَيۡهِ ٱلۡمَصِيرُ ﴿١٥﴾

ربع الحزب ٤٩

11.- Đấng sáng tạo các tầng trời và trái đất. Ngài tạo từ bản thân của các người các người vợ cho các người và (tạo) từ các loại gia súc các con mái của chúng. Bằng cách đó, Ngài gia tăng các người thêm đông đảo. Không có cái gì giống Ngài cả. Và Ngài là Đấng Hằng Nghe, Đấng Hằng Thấy.

12.- Ngài nắm các chìa khóa (kho tài nguyên) của các tầng trời và trái đất. Ngài nới rộng hoặc thu hẹp bổng lộc (của Ngài) cho người nào Ngài muốn. Quả thật, Ngài là Đấng Hằng Biết tất cả mọi việc.

13.- Ngài đã qui định cho các người tôn giáo (Islām) mà Ngài đã truyền xuống cho *Nūh* và là cái (tôn giáo) mà *TA* đã mặc khải cho Ngươi và cũng là cái mà *TA* đã truyền cho *Ibrāhīm* và cho *Mūsa* và cho *'Īsa*, phán bảo: 'Hãy thành lập tôn giáo và chớ phân chia (thành giáo phái) trong đó'. Đối với những người thờ đa thần, điều mà Ngươi mời họ chấp nhận thật là khó khăn. Allah chọn cho Ngài người nào Ngài muốn và hướng dẫn về với Ngài người nào hằng quay về sám hối.

14.- Và từ sau lúc tiếp thu được sự hiểu biết (về tôn giáo), do bởi muốn lấn át nhau nên họ đã chia rẽ nhau. Nếu không vì một Lời phán từ *Rabb* của Ngươi tuyên bố (dời Ngày Phán xử) đến một thời hạn ấn định thì vấn đề tranh chấp giữa họ đã được giải quyết xong. Và quả thật, những ai thừa hưởng Kinh sách (Taurāh và Injīl) sau họ còn rất đỗi nghi ngờ về nó (Islām).

15.- Vì lý do đó, hãy mời gọi (nhân loại theo Islām); và hãy đứng vững như Ngươi đã được truyền và chớ nghe theo điều ham muốn của họ và bảo (họ): "Ta tin nơi điều (mặc khải) của Kinh sách mà Allah đã ban xuống và được lệnh thi hành nền công lý giữa các người. Allah là *Rabb* của bọn ta và là *Rabb* của các người. Việc làm của bọn ta là của bọn ta và việc làm của các người là của các người. Không có việc tranh cãi giữa bọn ta và các người. Allah sẽ tập trung (tất cả) chúng ta trở lại và đưa về gặp Ngài (để chịu xét xử)."

وَٱلَّذِينَ يُحَآجُّونَ فِي ٱللَّهِ مِنۢ بَعۡدِ مَا ٱسۡتُجِيبَ لَهُۥ حُجَّتُهُمۡ دَاحِضَةٌ عِندَ رَبِّهِمۡ وَعَلَيۡهِمۡ غَضَبٞ وَلَهُمۡ عَذَابٞ شَدِيدٌ ﴿١٦﴾ ٱللَّهُ ٱلَّذِيٓ أَنزَلَ ٱلۡكِتَٰبَ بِٱلۡحَقِّ وَٱلۡمِيزَانَۗ وَمَا يُدۡرِيكَ لَعَلَّ ٱلسَّاعَةَ قَرِيبٞ ﴿١٧﴾ يَسۡتَعۡجِلُ بِهَا ٱلَّذِينَ لَا يُؤۡمِنُونَ بِهَاۖ وَٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ مُشۡفِقُونَ مِنۡهَا وَيَعۡلَمُونَ أَنَّهَا ٱلۡحَقُّۗ أَلَآ إِنَّ ٱلَّذِينَ يُمَارُونَ فِي ٱلسَّاعَةِ لَفِي ضَلَٰلِۭ بَعِيدٍ ﴿١٨﴾ ٱللَّهُ لَطِيفُۢ بِعِبَادِهِۦ يَرۡزُقُ مَن يَشَآءُۖ وَهُوَ ٱلۡقَوِيُّ ٱلۡعَزِيزُ ﴿١٩﴾ مَن كَانَ يُرِيدُ حَرۡثَ ٱلۡأٓخِرَةِ نَزِدۡ لَهُۥ فِي حَرۡثِهِۦۖ وَمَن كَانَ يُرِيدُ حَرۡثَ ٱلدُّنۡيَا نُؤۡتِهِۦ مِنۡهَا وَمَا لَهُۥ فِي ٱلۡأٓخِرَةِ مِن نَّصِيبٍ ﴿٢٠﴾ أَمۡ لَهُمۡ شُرَكَٰٓؤُاْ شَرَعُواْ لَهُم مِّنَ ٱلدِّينِ مَا لَمۡ يَأۡذَنۢ بِهِ ٱللَّهُۚ وَلَوۡلَا كَلِمَةُ ٱلۡفَصۡلِ لَقُضِيَ بَيۡنَهُمۡۗ وَإِنَّ ٱلظَّٰلِمِينَ لَهُمۡ عَذَابٌ أَلِيمٞ ﴿٢١﴾ تَرَى ٱلظَّٰلِمِينَ مُشۡفِقِينَ مِمَّا كَسَبُواْ وَهُوَ وَاقِعُۢ بِهِمۡۗ وَٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ وَعَمِلُواْ ٱلصَّٰلِحَٰتِ فِي رَوۡضَاتِ ٱلۡجَنَّاتِۖ لَهُم مَّا يَشَآءُونَ عِندَ رَبِّهِمۡۚ ذَٰلِكَ هُوَ ٱلۡفَضۡلُ ٱلۡكَبِيرُ ﴿٢٢﴾

16.- Và những ai tranh cãi về (tôn giáo của) Allah sau khi nó đã được công nhận, thì việc tranh cãi của họ thật là vô-ích dưới cái nhìn của *Rabb* của họ; và họ sẽ đón nhận sự Giận dữ (của Allah) và sẽ hứng chịu một sự trừng phạt khủng khiếp.

17.- Allah là Đấng đã ban Kinh sách (Qur'ān) xuống bằng sự thật và chiếc Cân (Công lý). Và điều gì sẽ làm cho Ngươi (Muhammad) biết có lẽ Giờ (Xét Xử) sắp gần kề?

18.- Những ai không tin nơi nó (Giờ Phán xử) giục nó cho mau đến. Còn những ai có đức tin thì sợ nó bởi vì họ biết đó là sự Thật. Ô này! Quả thật, những ai tranh cãi về Giờ (Phán xử) chắc chắn đi lạc rất xa.

19.- Allah Rất mực Nhân từ với bầy tôi của Ngài. Ngài cung dưỡng bổng lộc cho người nào Ngài muốn. Và Ngài là Đấng Toàn Lực, Đấng Toàn Năng.

20.- Ai mong muốn mảnh đất trồng ở Đời sau, *TA* sẽ gia tăng cho y nơi mảnh đất của y; và ai mong muốn mảnh đất trồng ở đời này, *TA* sẽ ban nó cho y nhưng y sẽ không có một phần nào cả ở Đời sau.

21.- Hoặc phải chăng họ có những kẻ hợp tác (thần linh) đã thiết lập cho họ một tôn giáo mà Allah không chấp thuận? Nếu không vì một Lời phán đã được công bố, thì vấn đề (tranh chấp) giữa họ đã được giải quyết xong. Và quả thật, những kẻ làm điều sai quấy sẽ chịu một sự trừng-phạt đau đớn.

22.- Ngươi (Muhammad) sẽ thấy những kẻ làm điều sai quấy lo sợ về những điều mà chúng đã phạm và chắc chắn nó (sự trừng phạt) sẽ rơi nhằm phải họ trong lúc những ai có đức tin và làm việc thiện sẽ ở giữa những cánh đồng xanh tươi của Vườn trời (Thiên đàng). Họ sẽ được những thứ mà họ mong ước từ *Rabb* của họ. Đó là một thiên lộc rất lớn.

ذَٰلِكَ ٱلَّذِي يُبَشِّرُ ٱللَّهُ عِبَادَهُ ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ وَعَمِلُواْ ٱلصَّٰلِحَٰتِۗ
قُل لَّآ أَسۡـَٔلُكُمۡ عَلَيۡهِ أَجۡرًا إِلَّا ٱلۡمَوَدَّةَ فِي ٱلۡقُرۡبَىٰۗ وَمَن يَقۡتَرِفۡ
حَسَنَةٗ نَّزِدۡ لَهُۥ فِيهَا حُسۡنًاۚ إِنَّ ٱللَّهَ غَفُورٞ شَكُورٌ ﴿٢٣﴾ أَمۡ يَقُولُونَ
ٱفۡتَرَىٰ عَلَى ٱللَّهِ كَذِبٗاۖ فَإِن يَشَإِ ٱللَّهُ يَخۡتِمۡ عَلَىٰ قَلۡبِكَۗ وَيَمۡحُ ٱللَّهُ
ٱلۡبَٰطِلَ وَيُحِقُّ ٱلۡحَقَّ بِكَلِمَٰتِهِۦٓۚ إِنَّهُۥ عَلِيمُۢ بِذَاتِ ٱلصُّدُورِ ﴿٢٤﴾
وَهُوَ ٱلَّذِي يَقۡبَلُ ٱلتَّوۡبَةَ عَنۡ عِبَادِهِۦ وَيَعۡفُواْ عَنِ ٱلسَّيِّـَٔاتِ
وَيَعۡلَمُ مَا تَفۡعَلُونَ ﴿٢٥﴾ وَيَسۡتَجِيبُ ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ وَعَمِلُواْ
ٱلصَّٰلِحَٰتِ وَيَزِيدُهُم مِّن فَضۡلِهِۦۚ وَٱلۡكَٰفِرُونَ لَهُمۡ عَذَابٞ
شَدِيدٞ ﴿٢٦﴾ ۞ وَلَوۡ بَسَطَ ٱللَّهُ ٱلرِّزۡقَ لِعِبَادِهِۦ لَبَغَوۡاْ فِي ٱلۡأَرۡضِ
وَلَٰكِن يُنَزِّلُ بِقَدَرٖ مَّا يَشَآءُۚ إِنَّهُۥ بِعِبَادِهِۦ خَبِيرُۢ بَصِيرٞ ﴿٢٧﴾ وَهُوَ
ٱلَّذِي يُنَزِّلُ ٱلۡغَيۡثَ مِنۢ بَعۡدِ مَا قَنَطُواْ وَيَنشُرُ رَحۡمَتَهُۥۚ وَهُوَ ٱلۡوَلِيُّ ٱلۡحَمِيدُ
﴿٢٨﴾ وَمِنۡ ءَايَٰتِهِۦ خَلۡقُ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضِ وَمَا بَثَّ فِيهِمَا مِن دَآبَّةٖۚ
وَهُوَ عَلَىٰ جَمۡعِهِمۡ إِذَا يَشَآءُ قَدِيرٞ ﴿٢٩﴾ وَمَآ أَصَٰبَكُم مِّن مُّصِيبَةٖ فَبِمَا
كَسَبَتۡ أَيۡدِيكُمۡ وَيَعۡفُواْ عَن كَثِيرٖ ﴿٣٠﴾ وَمَآ أَنتُم بِمُعۡجِزِينَ
فِي ٱلۡأَرۡضِۖ وَمَا لَكُم مِّن دُونِ ٱللَّهِ مِن وَلِيّٖ وَلَا نَصِيرٖ ﴿٣١﴾

نصف الحزب ٤٩

23.- Đó là cái (Thiên đàng) mà Allah đã báo tin vui cho bầy tôi của Ngài, những ai có đức tin và làm việc thiện. Hãy bảo họ: "Ta không đòi hỏi các người phần thưởng về nó (việc truyền giáo) mà chỉ muốn tình thương dành cho một người ruột thịt (như ta-Muhammad)." Và ai làm được một điều tốt, thì *TA* sẽ tăng thêm cái tốt cho y trong đó. Quả thật, Allah Hằng Tha Thứ, Hằng Ghi Công.

24.- Nhưng họ bảo: "Y (Muhammad) đã bày đặt nói dối rồi đổ cho Allah." Nhưng nếu Allah muốn, thì Ngài sẽ niêm kín quả tim (tấm lòng) của Ngươi lại. Và Allah xóa bỏ điều giả dối và thiết lập sự Thật (Islām) bằng Lời Phán của Ngài (Qur'ān). Quả thật, Ngài biết rõ điều (thầm kín) trong lòng (của mỗi người).

25.- Và Ngài là Đấng chấp nhận sự hối cải của bầy tôi của Ngài và lượng thứ điều xấu xa (tội lỗi) bởi vì Ngài biết rõ điều các người làm.

26.- Và Ngài đáp lại (lời cầu xin của) những ai có đức tin và làm việc thiện và tăng thêm Thiên lộc cho họ. Ngược lại, những ai không có đức tin thì sẽ bị trừng phạt nghiêm khắc.

27.- Và nếu Allah nới rộng bổng lộc cho các bầy tôi của Ngài thì chắc chắn họ sẽ làm điều bất công trên trái đất nhưng Ngài ban (nó) xuống theo định lượng mà Ngài muốn. Quả thật, Ngài Hằng Quen thuộc, Hằng Thấy các bầy tôi của Ngài.

28.- Và Ngài là Đấng ban (nước) mưa xuống sau khi (nhân gian) tuyệt vọng và Ngài rải tung Hồng ân của Ngài. Và Ngài là Đấng Bảo hộ Rất đáng Ca tụng.

29.- Và trong các Dấu hiệu của Ngài là việc tạo hóa các tầng trời và trái đất và tất cả các sinh vật mà Ngài rải tung giữa trời và đất; và Ngài có toàn quyền tập trung chúng lại khi Ngài muốn.

30.- Và bất cứ điều bất hạnh nào rơi nhằm phải các người, đó là do bàn tay của các người đã làm ra và Ngài đã lượng thứ cho rất nhiều.

31.- Và các người không thể trốn thoát khỏi (Allah) trên trái đất và ngoài Allah, các người không có được một Đấng Bảo lẫn một Cứu nhân nào cả.

وَمِنْ ءَايَٰتِهِ ٱلْجَوَارِ فِى ٱلْبَحْرِ كَٱلْأَعْلَٰمِ ﴿٣٢﴾ إِن يَشَأْ يُسْكِنِ ٱلرِّيحَ
فَيَظْلَلْنَ رَوَاكِدَ عَلَىٰ ظَهْرِهِۦٓ ۚ إِنَّ فِى ذَٰلِكَ لَءَايَٰتٍ لِّكُلِّ صَبَّارٍ شَكُورٍ
﴿٣٣﴾ أَوْ يُوبِقْهُنَّ بِمَا كَسَبُوا۟ وَيَعْفُ عَن كَثِيرٍ ﴿٣٤﴾ وَيَعْلَمَ ٱلَّذِينَ
يُجَٰدِلُونَ فِىٓ ءَايَٰتِنَا مَا لَهُم مِّن مَّحِيصٍ ﴿٣٥﴾ فَمَآ أُوتِيتُم مِّن شَىْءٍ فَمَتَٰعُ
ٱلْحَيَوٰةِ ٱلدُّنْيَا ۖ وَمَا عِندَ ٱللَّهِ خَيْرٌ وَأَبْقَىٰ لِلَّذِينَ ءَامَنُوا۟ وَعَلَىٰ رَبِّهِمْ
يَتَوَكَّلُونَ ﴿٣٦﴾ وَٱلَّذِينَ يَجْتَنِبُونَ كَبَٰٓئِرَ ٱلْإِثْمِ وَٱلْفَوَٰحِشَ وَإِذَا مَا
غَضِبُوا۟ هُمْ يَغْفِرُونَ ﴿٣٧﴾ وَٱلَّذِينَ ٱسْتَجَابُوا۟ لِرَبِّهِمْ وَأَقَامُوا۟ ٱلصَّلَوٰةَ
وَأَمْرُهُمْ شُورَىٰ بَيْنَهُمْ وَمِمَّا رَزَقْنَٰهُمْ يُنفِقُونَ ﴿٣٨﴾ وَٱلَّذِينَ إِذَآ أَصَابَهُمُ
ٱلْبَغْىُ هُمْ يَنتَصِرُونَ ﴿٣٩﴾ وَجَزَٰٓؤُا۟ سَيِّئَةٍ سَيِّئَةٌ مِّثْلُهَا ۖ فَمَنْ عَفَا
وَأَصْلَحَ فَأَجْرُهُۥ عَلَى ٱللَّهِ ۚ إِنَّهُۥ لَا يُحِبُّ ٱلظَّٰلِمِينَ ﴿٤٠﴾ وَلَمَنِ ٱنتَصَرَ
بَعْدَ ظُلْمِهِۦ فَأُو۟لَٰٓئِكَ مَا عَلَيْهِم مِّن سَبِيلٍ ﴿٤١﴾ إِنَّمَا ٱلسَّبِيلُ عَلَى
ٱلَّذِينَ يَظْلِمُونَ ٱلنَّاسَ وَيَبْغُونَ فِى ٱلْأَرْضِ بِغَيْرِ ٱلْحَقِّ ۚ أُو۟لَٰٓئِكَ
لَهُمْ عَذَابٌ أَلِيمٌ ﴿٤٢﴾ وَلَمَن صَبَرَ وَغَفَرَ إِنَّ ذَٰلِكَ لَمِنْ عَزْمِ
ٱلْأُمُورِ ﴿٤٣﴾ وَمَن يُضْلِلِ ٱللَّهُ فَمَا لَهُۥ مِن وَلِىٍّ مِّنۢ بَعْدِهِۦ ۗ وَتَرَى
ٱلظَّٰلِمِينَ لَمَّا رَأَوُا۟ ٱلْعَذَابَ يَقُولُونَ هَلْ إِلَىٰ مَرَدٍّ مِّن سَبِيلٍ ﴿٤٤﴾

32.- Và trong các Dấu hiệu của Ngài là các chiếc tàu (buồm) giữa biển khơi, giống như những quả núi.

33.- Nếu muốn, Ngài sẽ cho ngưng gió lại thì chúng sẽ bất động trên lưng (của biển cả). Quả thật, trong đó là các Dấu hiệu (bài học) cho từng người kiên nhẫn và biết ơn.

34.- Hoặc Ngài có thể tiêu diệt chúng (các con tàu) vì điều mà họ (những người trên tàu) đã làm ra, nhưng Ngài đã lượng thứ cho rất nhiều.

35.- Và những ai thường tranh cãi về các Dấu hiệu của *TA* thì nên biết họ sẽ không có một chỗ tị nạn.

36.- Bởi thế, bất cứ cái gì mà các người được ban cấp thì đó là một sự hưởng thụ của đời sống trần tục này; và cái gì với Allah sẽ tốt và vĩnh viễn hơn cho những ai có đức tin và phó thác cho Đức *Rabb* của họ.

37.- Và những ai tránh xa các tội lớn (bất hiếu với cha mẹ, và dâm loạn, ngoại tình) và khi nổi giận, họ (đè nén cơn giận và) tha thứ.

38.- Và những ai đáp lại (Lời gọi của) Đức *Rabb* của họ và dâng lễ *Salāh* một cách chu đáo và làm công việc của họ theo lối tham khảo ý kiến và chi dùng những vật mà *TA* đã ban cấp cho họ;

39.- Và những ai khi bị áp bức một cách bất công sẽ giúp đỡ nhau tự vệ.

40.- Trả oán bằng cái oán tương tự. Nhưng ai lượng thứ và giải hòa thì phần thưởng của y nằm với Allah bởi vì quả thật, Ngài không yêu thương những kẻ làm điều bất công, sai trái.

41.- Và chắc chắn, ai tự vệ sau khi bị áp bức thì sẽ không có lý do nào để khiển trách họ.

42.- Lý do khiển trách chỉ áp dụng với những ai áp bức con người một cách sai quấy và dấy loạn trên trái đất không lý do chính đáng. Họ là những người sẽ chịu một sự trừng phạt đau đớn.

43.- Và chắc chắn, ai kiên nhẫn chịu đựng và tha thứ thì đó là một sự đòi hỏi quyết tâm cao.

44.- Và ai mà Allah đánh lạc hướng thì sẽ không có một Đấng Che chở thay thế Ngài. Và Ngươi (Muhammad) sẽ thấy những kẻ làm điều sai quấy khi chạm trán với hình phạt sẽ nói: “Còn có con đường nào để trở về chăng?”

وَتَرَىٰهُمۡ يُعۡرَضُونَ عَلَيۡهَا خَٰشِعِينَ مِنَ ٱلذُّلِّ يَنظُرُونَ مِن طَرۡفٍ خَفِيّٖۗ وَقَالَ ٱلَّذِينَ ءَامَنُوٓاْ إِنَّ ٱلۡخَٰسِرِينَ ٱلَّذِينَ خَسِرُوٓاْ أَنفُسَهُمۡ وَأَهۡلِيهِمۡ يَوۡمَ ٱلۡقِيَٰمَةِۗ أَلَآ إِنَّ ٱلظَّٰلِمِينَ فِي عَذَابٖ مُّقِيمٖ ﴿٤٥﴾ وَمَا كَانَ لَهُم مِّنۡ أَوۡلِيَآءَ يَنصُرُونَهُم مِّن دُونِ ٱللَّهِۗ وَمَن يُضۡلِلِ ٱللَّهُ فَمَا لَهُۥ مِن سَبِيلٍ ﴿٤٦﴾ ٱسۡتَجِيبُواْ لِرَبِّكُم مِّن قَبۡلِ أَن يَأۡتِيَ يَوۡمٞ لَّا مَرَدَّ لَهُۥ مِنَ ٱللَّهِۚ مَا لَكُم مِّن مَّلۡجَإٖ يَوۡمَئِذٖ وَمَا لَكُم مِّن نَّكِيرٖ ﴿٤٧﴾ فَإِنۡ أَعۡرَضُواْ فَمَآ أَرۡسَلۡنَٰكَ عَلَيۡهِمۡ حَفِيظًاۖ إِنۡ عَلَيۡكَ إِلَّا ٱلۡبَلَٰغُۗ وَإِنَّآ إِذَآ أَذَقۡنَا ٱلۡإِنسَٰنَ مِنَّا رَحۡمَةٗ فَرِحَ بِهَاۖ وَإِن تُصِبۡهُمۡ سَيِّئَةُۢ بِمَا قَدَّمَتۡ أَيۡدِيهِمۡ فَإِنَّ ٱلۡإِنسَٰنَ كَفُورٞ ﴿٤٨﴾ لِّلَّهِ مُلۡكُ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضِۚ يَخۡلُقُ مَا يَشَآءُۚ يَهَبُ لِمَن يَشَآءُ إِنَٰثٗا وَيَهَبُ لِمَن يَشَآءُ ٱلذُّكُورَ ﴿٤٩﴾ أَوۡ يُزَوِّجُهُمۡ ذُكۡرَانٗا وَإِنَٰثٗاۖ وَيَجۡعَلُ مَن يَشَآءُ عَقِيمًاۚ إِنَّهُۥ عَلِيمٞ قَدِيرٞ ﴿٥٠﴾ ۞وَمَا كَانَ لِبَشَرٍ أَن يُكَلِّمَهُ ٱللَّهُ إِلَّا وَحۡيًا أَوۡ مِن وَرَآيِٕ حِجَابٍ أَوۡ يُرۡسِلَ رَسُولٗا فَيُوحِيَ بِإِذۡنِهِۦ مَا يَشَآءُۚ إِنَّهُۥ عَلِيٌّ حَكِيمٞ ﴿٥١﴾

ثلاثة أرباع الحزب ٤٩

45.- Và Ngươi sẽ thấy chúng bị dắt đưa đến đó (Hỏa ngục) hạ mình khiêm tốn vì nhục nhã và lấm lét nhìn trộm. Và những ai có đức tin sẽ bảo: "Những người mất mát thực sự là những ai đã đánh mất bản thân (linh hồn) và gia đình mình vào Ngày Phục sinh. Ô này! Những kẻ làm điều sai quấy sẽ bị trừng phạt vĩnh viễn."

46.- Và ngoài Allah, chúng sẽ không có các Vị Che chở nào để giúp đỡ chúng. Và ai mà Allah đánh lạc hướng thì sẽ không có con đường nào cả.

47.- Hãy đáp lại (Lời gọi của) *Rabb* của các người (bằng cách theo Islām) trước khi xảy ra Ngày mà theo Lệnh của Allah sẽ không thu hồi lại kịp . Vào Ngày đó, các người sẽ không có một nơi lánh nạn cũng không có một lý do để chạy tội.

48.- Nhưng nếu họ quay bỏ đi thì *TA* đã không cử Ngươi đến làm một người trông nom họ. Bổn phận của Ngươi chỉ là truyền đạt (Thông điệp). Quả thật, khi *TA* cho con người nếm mùi Khoan dung từ *TA* thì y vui mừng; ngược lại, nếu gặp tai họa do bàn tay của y đã làm ra trước đó thì quả thật, lúc đó con người sẽ phụ ơn.

49.- Allah nắm quyền thống trị các tầng trời và trái đất. Ngài tạo hóa vật gì Ngài muốn. Ngài ban con gái cho người nào Ngài muốn và con trai cho người nào Ngài muốn.

50.- Hoặc Ngài ban cả hai, nam và nữ, và làm cho hiếm hoi người nào Ngài muốn. Quả thật, Ngài Toàn Tri và Toàn Lực.

51.- Phương cách thích hợp đối với một người phàm khi Allah muốn phán bảo với y chỉ là Thiên khải (Mặc khải) hoặc từ sau một bức màn (vô hình) hoặc cử phái một Thiên thần (Thiên Sứ) đến mặc khải điều mà Ngài muốn, theo Phép của Ngài. Quả thật, Ngài Tối Cao và Chí Minh.

وَكَذَٰلِكَ أَوْحَيْنَآ إِلَيْكَ رُوحًا مِّنْ أَمْرِنَاۚ مَا كُنتَ تَدْرِى مَا ٱلْكِتَٰبُ
وَلَا ٱلْإِيمَٰنُ وَلَٰكِن جَعَلْنَٰهُ نُورًا نَّهْدِى بِهِۦ مَن نَّشَآءُ مِنْ عِبَادِنَاۚ
وَإِنَّكَ لَتَهْدِىٓ إِلَىٰ صِرَٰطٍ مُّسْتَقِيمٍ ﴿٥٢﴾ صِرَٰطِ ٱللَّهِ ٱلَّذِى لَهُۥ
مَا فِى ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَمَا فِى ٱلْأَرْضِۗ أَلَآ إِلَى ٱللَّهِ تَصِيرُ ٱلْأُمُورُ ﴿٥٣﴾

سُورَةُ الزُّخْرُفِ

بِسْمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحْمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

حمٓ ﴿١﴾ وَٱلْكِتَٰبِ ٱلْمُبِينِ ﴿٢﴾ إِنَّا جَعَلْنَٰهُ قُرْءَٰنًا عَرَبِيًّا
لَّعَلَّكُمْ تَعْقِلُونَ ﴿٣﴾ وَإِنَّهُۥ فِىٓ أُمِّ ٱلْكِتَٰبِ لَدَيْنَا
لَعَلِىٌّ حَكِيمٌ ﴿٤﴾ أَفَنَضْرِبُ عَنكُمُ ٱلذِّكْرَ صَفْحًا
أَن كُنتُمْ قَوْمًا مُّسْرِفِينَ ﴿٥﴾ وَكَمْ أَرْسَلْنَا مِن نَّبِىٍّ فِى
ٱلْأَوَّلِينَ ﴿٦﴾ وَمَا يَأْتِيهِم مِّن نَّبِىٍّ إِلَّا كَانُوا۟ بِهِۦ يَسْتَهْزِءُونَ
﴿٧﴾ فَأَهْلَكْنَآ أَشَدَّ مِنْهُم بَطْشًا وَمَضَىٰ مَثَلُ ٱلْأَوَّلِينَ
﴿٨﴾ وَلَئِن سَأَلْتَهُم مَّنْ خَلَقَ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلْأَرْضَ لَيَقُولُنَّ
خَلَقَهُنَّ ٱلْعَزِيزُ ٱلْعَلِيمُ ﴿٩﴾ ٱلَّذِى جَعَلَ لَكُمُ ٱلْأَرْضَ
مَهْدًا وَجَعَلَ لَكُمْ فِيهَا سُبُلًا لَّعَلَّكُمْ تَهْتَدُونَ ﴿١٠﴾

52.- Và đúng như thế, *TA* đã mặc khải cho Ngươi Tinh thần theo Mệnh Lệnh của *TA*. (Trước đó), Ngươi không hề biết kinh sách và đức tin là gì. Nhưng *TA* đã làm cho Nó (Qur'ān) thành một nguồn sáng mà *TA* dùng để hướng dẫn người nào *TA* muốn trong số bầy tôi của *TA*. Và quả thật, Ngươi hướng dẫn (nhân loại) đến con đường ngay chính:

53.- Con đường của Allah, Đấng mà tất cả những gì trong các tầng trời và tất cả những gì dưới đất đều thuộc về Ngài. Xem này! Tất cả mọi việc đều được trình lên cho Allah (quyết định) cả.

AZ-ZUKHRUF
(Các Món Trang Sức Bằng Vàng)

Nhân danh Allah, Đấng Rất mực Độ lượng,
Đấng Rất mực Khoan dung

1.- *Hā. Mīm.*

2. Thề bởi Kinh sách quang minh (này);

3.- Quả thật, *TA* đã làm Nó thành một Qur'ān bằng tiếng Ả-rập để cho các người đọc hiểu.

4.- Quả thật, Nó (Qur'ān) nằm trong Tập Kinh Mẹ được cất giữ nơi *TA*, rất cao cả và quán thông.

5.- Há *TA* sẽ lấy lại Lời Nhắc nhở (Qur'ān) khỏi các người bởi vì các người là một đám người phạm tội quá đáng?

6.- Và có bao nhiêu *Nabi* đã được *TA* phái đi cho các dân tộc xa xưa?

7.- Và không một *Nabi* nào đến gặp họ mà không bị chế giễu.

8.- Bởi thế, *TA* đã tiêu diệt những người mạnh hơn họ (người Ả-rập *Quraysh*) về quyền lực. Và tấm gương của người xưa đã lui vào dĩ vãng.

9.- Và chắc chắn nếu Ngươi (Muhammad) hỏi họ: "Ai đã tạo các tầng trời và trái đất?" thì chắc chắn họ sẽ đáp: "Đấng Toàn Năng, Đấng Toàn Tri đã tạo hóa chúng."

10.- Đấng đã làm trái đất như một chiếc giường ngủ cho các người và đã làm nơi đó những con đường cho các người để các người tìm đường đi (đến mục tiêu).

وَٱلَّذِى نَزَّلَ مِنَ ٱلسَّمَآءِ مَآءًۢ بِقَدَرٍ فَأَنشَرْنَا بِهِۦ بَلْدَةً مَّيْتًا ۚ كَذَٰلِكَ تُخْرَجُونَ ﴿١١﴾ وَٱلَّذِى خَلَقَ ٱلْأَزْوَٰجَ كُلَّهَا وَجَعَلَ لَكُم مِّنَ ٱلْفُلْكِ وَٱلْأَنْعَٰمِ مَا تَرْكَبُونَ ﴿١٢﴾ لِتَسْتَوُۥا۟ عَلَىٰ ظُهُورِهِۦ ثُمَّ تَذْكُرُوا۟ نِعْمَةَ رَبِّكُمْ إِذَا ٱسْتَوَيْتُمْ عَلَيْهِ وَتَقُولُوا۟ سُبْحَٰنَ ٱلَّذِى سَخَّرَ لَنَا هَٰذَا وَمَا كُنَّا لَهُۥ مُقْرِنِينَ ﴿١٣﴾ وَإِنَّآ إِلَىٰ رَبِّنَا لَمُنقَلِبُونَ ﴿١٤﴾ وَجَعَلُوا۟ لَهُۥ مِنْ عِبَادِهِۦ جُزْءًا ۚ إِنَّ ٱلْإِنسَٰنَ لَكَفُورٌ مُّبِينٌ ﴿١٥﴾ أَمِ ٱتَّخَذَ مِمَّا يَخْلُقُ بَنَاتٍ وَأَصْفَىٰكُم بِٱلْبَنِينَ ﴿١٦﴾ وَإِذَا بُشِّرَ أَحَدُهُم بِمَا ضَرَبَ لِلرَّحْمَٰنِ مَثَلًا ظَلَّ وَجْهُهُۥ مُسْوَدًّا وَهُوَ كَظِيمٌ ﴿١٧﴾ أَوَمَن يُنَشَّؤُا۟ فِى ٱلْحِلْيَةِ وَهُوَ فِى ٱلْخِصَامِ غَيْرُ مُبِينٍ ﴿١٨﴾ وَجَعَلُوا۟ ٱلْمَلَٰٓئِكَةَ ٱلَّذِينَ هُمْ عِبَٰدُ ٱلرَّحْمَٰنِ إِنَٰثًا ۚ أَشَهِدُوا۟ خَلْقَهُمْ ۚ سَتُكْتَبُ شَهَٰدَتُهُمْ وَيُسْـَٔلُونَ ﴿١٩﴾ وَقَالُوا۟ لَوْ شَآءَ ٱلرَّحْمَٰنُ مَا عَبَدْنَٰهُم ۗ مَّا لَهُم بِذَٰلِكَ مِنْ عِلْمٍ ۖ إِنْ هُمْ إِلَّا يَخْرُصُونَ ﴿٢٠﴾ أَمْ ءَاتَيْنَٰهُمْ كِتَٰبًا مِّن قَبْلِهِۦ فَهُم بِهِۦ مُسْتَمْسِكُونَ ﴿٢١﴾ بَلْ قَالُوٓا۟ إِنَّا وَجَدْنَآ ءَابَآءَنَا عَلَىٰٓ أُمَّةٍ وَإِنَّا عَلَىٰٓ ءَاثَٰرِهِم مُّهْتَدُونَ ﴿٢٢﴾

11.- Và là Đấng ban nước mưa từ trên trời xuống theo định lượng mà *TA* dùng để làm sống lại mảnh đất đã chết cứng. Các người sẽ được dựng sống lại giống như thế.

12.- Và là Đấng đã tạo tất cả mọi vật theo cặp (nam nữ, trống mái, âm dương) và đã tạo cho các người các con tàu và gia súc để các người dùng cưỡi;

13.- Để cho các người ngồi vững trên lưng của chúng và khi ngồi yên trên đó các người nhớ ơn của *Rabb* của các người và thưa: "Quang vinh thay Đấng đã chế ngự con (vật) này cho chúng tôi sử dụng bởi vì chúng tôi không đủ khả năng (chế ngự) nó.

14.- "Và chắc chắn chúng tôi sẽ trở về gặp *Rabb* của chúng tôi!"

15.- Và họ (người Ả-rập *Quraysh*) đã làm cho một số bầy tôi của Ngài có một phần chia với Ngài. Rõ ràng con người quả thật vong ân.

16.- Sao! Há Ngài (Allah) đã nhận những vật mà Ngài đã tạo làm con gái và chọn cho các người con trai ư?

17.- Và khi một người trong bọn họ nhận được tin tức về thí dụ (nói về con gái) mà họ đã bịa đặt cho Đấng *Ar-Rahmān*, gương mặt của y sa sầm, ngập tràn đau thương.

18.- Và há một người (phụ nữ)[1] được nuôi nấng bằng vòng vàng và không ăn nói rành rõi khi tranh luận (lại là kẻ phụ tá của Allah) hay sao?

19.- Và họ đã qui cho các thiên thần vốn là bầy tôi của Đấng *Ar-Rahmān* là nữ giới. Phải chăng họ đã chứng kiến việc tạo hóa các thiên thần? Lời xác nhận của họ sẽ được ghi chép và họ sẽ bị gặn hỏi (về việc đó).

20.- Và họ nói: "Nếu Đấng *Ar-Rahmān* muốn thì chúng tôi đâu có tôn thờ các (nữ thần) làm gì? Họ không có một chút hiểu biết nào về điều đó. Họ chỉ phỏng đoán mà thôi.

21.- Hoặc há *TA* (Allah) đã ban cho họ một kinh sách trước (quyển Qur'ān) này cho nên họ bám chắc theo đó?

22.- Không! Họ nói: "Chúng tôi thấy cha mẹ của chúng tôi theo một tôn giáo nào đó nên chúng tôi theo dấu chân của họ."

[1] Các lời này ám chỉ các nữ thần mà người Ả-rập vào thời kỳ trước Islam đã tôn thờ. Họ đã tôn thờ các nữ thần al-Lat, al-'Uzza và al Manat. (Q. 53: 19-23) và đã bịa đặt ra lý thuyết cho rằng Allah nhận các thiên thần làm con gái của Ngài.

وَكَذَٰلِكَ مَآ أَرۡسَلۡنَا مِن قَبۡلِكَ فِي قَرۡيَةٖ مِّن نَّذِيرٍ إِلَّا قَالَ مُتۡرَفُوهَآ إِنَّا وَجَدۡنَآ ءَابَآءَنَا عَلَىٰٓ أُمَّةٖ وَإِنَّا عَلَىٰٓ ءَاثَٰرِهِم مُّقۡتَدُونَ ﴿٢٣﴾ ۞ قَٰلَ أَوَلَوۡ جِئۡتُكُم بِأَهۡدَىٰ مِمَّا وَجَدتُّمۡ عَلَيۡهِ ءَابَآءَكُمۡۖ قَالُوٓاْ إِنَّا بِمَآ أُرۡسِلۡتُم بِهِۦ كَٰفِرُونَ ﴿٢٤﴾ فَٱنتَقَمۡنَا مِنۡهُمۡۖ فَٱنظُرۡ كَيۡفَ كَانَ عَٰقِبَةُ ٱلۡمُكَذِّبِينَ ﴿٢٥﴾ وَإِذۡ قَالَ إِبۡرَٰهِيمُ لِأَبِيهِ وَقَوۡمِهِۦٓ إِنَّنِي بَرَآءٞ مِّمَّا تَعۡبُدُونَ ﴿٢٦﴾ إِلَّا ٱلَّذِي فَطَرَنِي فَإِنَّهُۥ سَيَهۡدِينِ ﴿٢٧﴾ وَجَعَلَهَا كَلِمَةَۢ بَاقِيَةٗ فِي عَقِبِهِۦ لَعَلَّهُمۡ يَرۡجِعُونَ ﴿٢٨﴾ بَلۡ مَتَّعۡتُ هَٰٓؤُلَآءِ وَءَابَآءَهُمۡ حَتَّىٰ جَآءَهُمُ ٱلۡحَقُّ وَرَسُولٞ مُّبِينٞ ﴿٢٩﴾ وَلَمَّا جَآءَهُمُ ٱلۡحَقُّ قَالُواْ هَٰذَا سِحۡرٞ وَإِنَّا بِهِۦ كَٰفِرُونَ ﴿٣٠﴾ وَقَالُواْ لَوۡلَا نُزِّلَ هَٰذَا ٱلۡقُرۡءَانُ عَلَىٰ رَجُلٖ مِّنَ ٱلۡقَرۡيَتَيۡنِ عَظِيمٍ ﴿٣١﴾ أَهُمۡ يَقۡسِمُونَ رَحۡمَتَ رَبِّكَۚ نَحۡنُ قَسَمۡنَا بَيۡنَهُم مَّعِيشَتَهُمۡ فِي ٱلۡحَيَوٰةِ ٱلدُّنۡيَاۚ وَرَفَعۡنَا بَعۡضَهُمۡ فَوۡقَ بَعۡضٖ دَرَجَٰتٖ لِّيَتَّخِذَ بَعۡضُهُم بَعۡضٗا سُخۡرِيّٗاۗ وَرَحۡمَتُ رَبِّكَ خَيۡرٞ مِّمَّا يَجۡمَعُونَ ﴿٣٢﴾ وَلَوۡلَآ أَن يَكُونَ ٱلنَّاسُ أُمَّةٗ وَٰحِدَةٗ لَّجَعَلۡنَا لِمَن يَكۡفُرُ بِٱلرَّحۡمَٰنِ لِبُيُوتِهِمۡ سُقُفٗا مِّن فِضَّةٖ وَمَعَارِجَ عَلَيۡهَا يَظۡهَرُونَ ﴿٣٣﴾

23.- Và giống như thế, không một người báo-trước nào trước Người đã được *TA* cử phái đến cho một thị trấn mà những người giầu có nơi đó lại không nói: "Chúng tôi thấy cha mẹ của chúng tôi theo một tôn giáo nào đó và chắc chắn chúng tôi theo dấu chân của họ."

24.- (Người Báo-trước bảo họ): "Sao? Dẫu ta mang đến cho các người một Chỉ đạo tốt hơn cái mà các người thấy cha mẹ của các người đang theo ư?" Họ đáp: "Chúng tôi không tin nơi điều mà quí vị mang đến."

25.- Bởi thế, *TA* đã trừng phạt họ. Hãy xem kết cuộc của những kẻ đã phủ nhận (Thông điệp của Allah) xảy ra như thế nào?

26.- Và khi *Ibrāhīm* thưa với phụ thân và người dân của Người: "Tôi vô can về những kẻ (thần linh) mà quí vị tôn thờ.

27.- "Ngoại trừ Đấng đã sáng tạo ra tôi; và quả thật, Ngài sẽ hướng dẫn tôi."

28.- Và Người đã làm cho nó[1] thành một lời trường cửu cho hậu thế, nhờ đó, may ra họ có thể quay trở lại (với Allah).

29.- Không! TA đã để cho những người (*Quraysh*) này và cha mẹ của họ hưởng thụ (cuộc đời) cho đến khi Chân lý (Qur'ān) và một Sứ giả (Muhammad) minh bạch đến với họ.

30.- Nhưng khi Chân lý đến với họ, họ bảo: "Đây là trò ảo thuật, và chúng tôi không tin nơi Nó (Qur'ān).

31.- Và họ bảo: "Tại sao Qur'ān này không được ban xuống cho những người (lãnh đạo) của hai thị trấn lớn (Makkah và Ṯā-if?)"

32.- Phải chăng họ muốn phân chia Hồng ân của *Rabb* của Người hay sao? Chính *TA* phân chia sinh kế của họ giữa họ với nhau trong cuộc sống trần tục này và *TA* nâng một số người này trội hơn một số người khác về cấp bậc để cho người này bắt người kia phục dịch. Nhưng Hồng ân (Thiên đàng) của *Rabb* của Người tốt hơn của cải mà họ tích lũy.

33.- Và nếu không vì lý do muốn cho nhân loại trở thành một cộng đồng duy nhất thì *TA* đã làm cho ai phủ nhận Đấng *Ar-Rahmān* có được những mái nhà bằng bạc và cầu thang (bằng bạc) để đi lên;

---

[1] *La ilāha ill Allah* (Chỉ Allah là Thượng Đế).

وَلِبُيُوتِهِمْ أَبْوَٰبًا وَسُرُرًا عَلَيْهَا يَتَّكِـُٔونَ ﴿٣٤﴾ وَزُخْرُفًا ۚ وَإِن
كُلُّ ذَٰلِكَ لَمَّا مَتَٰعُ ٱلْحَيَوٰةِ ٱلدُّنْيَا ۚ وَٱلْـَٔاخِرَةُ عِندَ رَبِّكَ
لِلْمُتَّقِينَ ﴿٣٥﴾ وَمَن يَعْشُ عَن ذِكْرِ ٱلرَّحْمَٰنِ نُقَيِّضْ لَهُۥ شَيْطَٰنًا
فَهُوَ لَهُۥ قَرِينٌ ﴿٣٦﴾ وَإِنَّهُمْ لَيَصُدُّونَهُمْ عَنِ ٱلسَّبِيلِ وَيَحْسَبُونَ
أَنَّهُم مُّهْتَدُونَ ﴿٣٧﴾ حَتَّىٰٓ إِذَا جَآءَنَا قَالَ يَٰلَيْتَ بَيْنِى وَبَيْنَكَ
بُعْدَ ٱلْمَشْرِقَيْنِ فَبِئْسَ ٱلْقَرِينُ ﴿٣٨﴾ وَلَن يَنفَعَكُمُ ٱلْيَوْمَ
إِذ ظَّلَمْتُمْ أَنَّكُمْ فِى ٱلْعَذَابِ مُشْتَرِكُونَ ﴿٣٩﴾ أَفَأَنتَ تُسْمِعُ
ٱلصُّمَّ أَوْ تَهْدِى ٱلْعُمْىَ وَمَن كَانَ فِى ضَلَٰلٍ مُّبِينٍ ﴿٤٠﴾ فَإِمَّا
نَذْهَبَنَّ بِكَ فَإِنَّا مِنْهُم مُّنتَقِمُونَ ﴿٤١﴾ أَوْ نُرِيَنَّكَ ٱلَّذِى
وَعَدْنَٰهُمْ فَإِنَّا عَلَيْهِم مُّقْتَدِرُونَ ﴿٤٢﴾ فَٱسْتَمْسِكْ بِٱلَّذِىٓ أُوحِىَ
إِلَيْكَ ۖ إِنَّكَ عَلَىٰ صِرَٰطٍ مُّسْتَقِيمٍ ﴿٤٣﴾ وَإِنَّهُۥ لَذِكْرٌ لَّكَ وَلِقَوْمِكَ ۖ
وَسَوْفَ تُسْـَٔلُونَ ﴿٤٤﴾ وَسْـَٔلْ مَنْ أَرْسَلْنَا مِن قَبْلِكَ مِن رُّسُلِنَآ
أَجَعَلْنَا مِن دُونِ ٱلرَّحْمَٰنِ ءَالِهَةً يُعْبَدُونَ ﴿٤٥﴾ وَلَقَدْ أَرْسَلْنَا
مُوسَىٰ بِـَٔايَٰتِنَآ إِلَىٰ فِرْعَوْنَ وَمَلَإِي۟هِۦ فَقَالَ إِنِّى رَسُولُ رَبِّ
ٱلْعَٰلَمِينَ ﴿٤٦﴾ فَلَمَّا جَآءَهُم بِـَٔايَٰتِنَآ إِذَا هُم مِّنْهَا يَضْحَكُونَ ﴿٤٧﴾

34.- Và những cửa nhà (bằng bạc) và những chiếc tràng kỷ (bằng bạc) để nằm nghỉ;

35.- Và những món trang sức bằng vàng. Nhưng tất cả những thứ đó chỉ là sự hưởng thụ (ngắn ngủi) của đời sống trần tục này. Và Đời sau đối với *Rabb* của Ngươi mới là (sự hưởng thụ) dành cho những người ngay chính sợ Allah.

36.- Ai nhắm mắt (làm ngơ) trước Lời Nhắc-nhở của Đấng *Ar-Rahmān*, *TA* sẽ chỉ định một tên Shaytān làm một bạn đường với y.

37.- Và quả thật, chúng (những tên Shaytān/Qarīn) tìm cách cản trở họ rời xa con đường (của Allah) trong lúc họ nghĩ họ được hướng dẫn.

38.- Mãi cho đến khi đến trình diện *TA*, y bảo (người bạn Shaytān/Qarīn): "Phải chi tôi với bạn cách xa nhau bằng khoảng cách của hai phương đông (thì tốt biết mấy). Thật tồi tệ thay một người bạn đường như thế!

39.- Vào Ngày đó, nó (lời trách móc) chẳng giúp ích gì được cho các người khi các người đã làm điều sai quấy; quả thật các người cùng san sẻ sự trừng phạt.

40.- Có thể nào Ngươi (Muhammad) làm cho người điếc nghe được hoặc hướng dẫn một người mù hoặc ai đó đang công khai lầm lạc?

41.- Bởi thế, nếu *TA* có đưa Ngươi đi khỏi (Makkah) thì chắc chắn *TA* sẽ trừng phạt họ.

42.- Hoặc *TA* cho Ngươi thấy điều (trừng phạt) mà *TA* đã hứa với họ; quả thật, *TA* có quyền đối với họ.

43.- Bởi thế, hãy bám chắc vào điều đã được mặc khải cho Ngươi. Quả thật, Ngươi đang theo đúng Chính đạo.

44.- Và Nó (Qur'ān) là Lời Nhắc-nhở được ban cho Ngươi, và người dân của Ngươi, và các người sẽ bị chất vấn (về nó).

45.- Và hãy hỏi những Sứ giả của *TA* mà *TA* đã cử đến trước Ngươi xem *TA* có chỉ định những thần linh nào khác ngoài Đấng *Ar-Rahmān* để cho chúng tôn thờ hay không?

46.- Và chắc chắn *TA* đã cử Mūsa mang những Phép lạ của *TA* đến gặp Fir'aun và các tên đầu lĩnh của y; do đó, Người bảo (chúng): "Ta là Sứ giả của Đức *Rabb* của vũ trụ và muôn loài."

47.- Nhưng khi Người đến gặp chúng với những phép lạ của *TA* thì chúng cười nhạo những phép lạ đó.

وَمَا نُرِيهِم مِّنْ ءَايَةٍ إِلَّا هِيَ أَكْبَرُ مِنْ أُخْتِهَا ۖ وَأَخَذْنَٰهُم بِٱلْعَذَابِ لَعَلَّهُمْ يَرْجِعُونَ ﴿٤٨﴾ وَقَالُوا۟ يَٰٓأَيُّهَ ٱلسَّاحِرُ ٱدْعُ لَنَا رَبَّكَ بِمَا عَهِدَ عِندَكَ إِنَّنَا لَمُهْتَدُونَ ﴿٤٩﴾ فَلَمَّا كَشَفْنَا عَنْهُمُ ٱلْعَذَابَ إِذَا هُمْ يَنكُثُونَ ﴿٥٠﴾ وَنَادَىٰ فِرْعَوْنُ فِي قَوْمِهِۦ قَالَ يَٰقَوْمِ أَلَيْسَ لِي مُلْكُ مِصْرَ وَهَٰذِهِ ٱلْأَنْهَٰرُ تَجْرِي مِن تَحْتِيٓ ۖ أَفَلَا تُبْصِرُونَ ﴿٥١﴾ أَمْ أَنَا۠ خَيْرٌ مِّنْ هَٰذَا ٱلَّذِي هُوَ مَهِينٌ وَلَا يَكَادُ يُبِينُ ﴿٥٢﴾ فَلَوْلَآ أُلْقِيَ عَلَيْهِ أَسْوِرَةٌ مِّن ذَهَبٍ أَوْ جَآءَ مَعَهُ ٱلْمَلَٰٓئِكَةُ مُقْتَرِنِينَ ﴿٥٣﴾ فَٱسْتَخَفَّ قَوْمَهُۥ فَأَطَاعُوهُ ۚ إِنَّهُمْ كَانُوا۟ قَوْمًا فَٰسِقِينَ ﴿٥٤﴾ فَلَمَّآ ءَاسَفُونَا ٱنتَقَمْنَا مِنْهُمْ فَأَغْرَقْنَٰهُمْ أَجْمَعِينَ ﴿٥٥﴾ فَجَعَلْنَٰهُمْ سَلَفًا وَمَثَلًا لِّلْءَاخِرِينَ ﴿٥٦﴾ ۞ وَلَمَّا ضُرِبَ ٱبْنُ مَرْيَمَ مَثَلًا إِذَا قَوْمُكَ مِنْهُ يَصِدُّونَ ﴿٥٧﴾ وَقَالُوٓا۟ ءَأَٰلِهَتُنَا خَيْرٌ أَمْ هُوَ ۚ مَا ضَرَبُوهُ لَكَ إِلَّا جَدَلًۢا ۚ بَلْ هُمْ قَوْمٌ خَصِمُونَ ﴿٥٨﴾ إِنْ هُوَ إِلَّا عَبْدٌ أَنْعَمْنَا عَلَيْهِ وَجَعَلْنَٰهُ مَثَلًا لِّبَنِيٓ إِسْرَٰٓءِيلَ ﴿٥٩﴾ وَلَوْ نَشَآءُ لَجَعَلْنَا مِنكُم مَّلَٰٓئِكَةً فِي ٱلْأَرْضِ يَخْلُفُونَ ﴿٦٠﴾

ربع الحزب ٥٠

48.- Và TA cho chúng thấy từ phép lạ này đến phép lạ kia, cái sau lớn hơn cái trước và *TA* đã bắt phạt chúng để may ra chúng thức tỉnh mà quay về (với Chính-đạo).

49.- Và chúng bảo (Mūsa): "Hỡi tên phù thủy kia! Hãy cầu xin *Rabb* của Người hộ bọn ta theo điều mà Ngài đã giao ước với Người bởi vì bọn ta muốn được hướng dẫn.

50.- Nhưng khi *TA* bốc hình phạt đi khỏi chúng thì này! chúng nuốt lời hứa.

51.- Và Fir'aun đã tuyên bố với người dân của y, bảo: "Hỡi dân ta! Há ta không làm bá chủ xứ Ai-cập và những dòng sông này đang chảy bên dưới ta hay sao? Thế các người không nhìn thấy hay sao?

52.- "Há ta không trội hơn tên (Mūsa) này hay sao, nó đáng khinh và ăn nói không được lưu loát?

53.- "Thế tại sao nó không được ban cho vòng vàng hoặc không được thiên thần tháp tùng?"

54.- Bởi thế, y đã xúi giục người dân của y khiến họ theo y. Quả thật, chúng là một đám người bất tuân và nổi loạn

55.- Bởi thế, khi chúng khiêu khích *TA*, *TA* bắt phạt và nhận tất cả bọn chúng chết chìm (dưới biển sâu).

56.- Và *TA* đã lấy chúng làm một tiền sự và một thí dụ (bài học) cho hậu thế.

57.- Và khi đứa con trai của *Maryam*[1] được đưa ra làm một thí dụ (trong Qur'ān) thì người dân của Người la lối về điều đó.

58.- Và chúng bảo: "Há những thần linh của bọn ta tốt hay Y ('Īsa) (tốt hơn?) Chúng đưa vấn đề đó ra cho Người chỉ vì muốn tranh cãi. Không! Chúng là một đám người thích cãi vã.

59.- Người ('Īsa) chỉ là một người bề tôi (của *TA*-Allah). *TA* ban ân cho Người và lấy Người làm một cái gương cho con cháu của Israel.

60.- Và nếu muốn, *TA* đã làm ra thiên thần từ các người để kế tục nhau trên trái đất.

---

[1] 'Isa (Jesus, Giê-su). Người Ả-rập Quraysh tại Makkah la lối phản đối việc cho Nabi 'Isa ngang bằng với các thần thánh của họ.

وَإِنَّهُۥ لَعِلْمٌ لِّلسَّاعَةِ فَلَا تَمْتَرُنَّ بِهَا وَٱتَّبِعُونِۚ هَٰذَا صِرَٰطٌ مُّسْتَقِيمٌ ﴿٦١﴾ وَلَا يَصُدَّنَّكُمُ ٱلشَّيْطَٰنُۖ إِنَّهُۥ لَكُمْ عَدُوٌّ مُّبِينٌ ﴿٦٢﴾ وَلَمَّا جَآءَ عِيسَىٰ بِٱلْبَيِّنَٰتِ قَالَ قَدْ جِئْتُكُم بِٱلْحِكْمَةِ وَلِأُبَيِّنَ لَكُم بَعْضَ ٱلَّذِى تَخْتَلِفُونَ فِيهِۖ فَٱتَّقُوا۟ ٱللَّهَ وَأَطِيعُونِ ﴿٦٣﴾ إِنَّ ٱللَّهَ هُوَ رَبِّى وَرَبُّكُمْ فَٱعْبُدُوهُۚ هَٰذَا صِرَٰطٌ مُّسْتَقِيمٌ ﴿٦٤﴾ فَٱخْتَلَفَ ٱلْأَحْزَابُ مِنۢ بَيْنِهِمْۖ فَوَيْلٌ لِّلَّذِينَ ظَلَمُوا۟ مِنْ عَذَابِ يَوْمٍ أَلِيمٍ ﴿٦٥﴾ هَلْ يَنظُرُونَ إِلَّا ٱلسَّاعَةَ أَن تَأْتِيَهُم بَغْتَةً وَهُمْ لَا يَشْعُرُونَ ﴿٦٦﴾ ٱلْأَخِلَّآءُ يَوْمَئِذٍۭ بَعْضُهُمْ لِبَعْضٍ عَدُوٌّ إِلَّا ٱلْمُتَّقِينَ ﴿٦٧﴾ يَٰعِبَادِ لَا خَوْفٌ عَلَيْكُمُ ٱلْيَوْمَ وَلَآ أَنتُمْ تَحْزَنُونَ ﴿٦٨﴾ ٱلَّذِينَ ءَامَنُوا۟ بِـَٔايَٰتِنَا وَكَانُوا۟ مُسْلِمِينَ ﴿٦٩﴾ ٱدْخُلُوا۟ ٱلْجَنَّةَ أَنتُمْ وَأَزْوَٰجُكُمْ تُحْبَرُونَ ﴿٧٠﴾ يُطَافُ عَلَيْهِم بِصِحَافٍ مِّن ذَهَبٍ وَأَكْوَابٍۖ وَفِيهَا مَا تَشْتَهِيهِ ٱلْأَنفُسُ وَتَلَذُّ ٱلْأَعْيُنُۖ وَأَنتُمْ فِيهَا خَٰلِدُونَ ﴿٧١﴾ وَتِلْكَ ٱلْجَنَّةُ ٱلَّتِىٓ أُورِثْتُمُوهَا بِمَا كُنتُمْ تَعْمَلُونَ ﴿٧٢﴾ لَكُمْ فِيهَا فَٰكِهَةٌ كَثِيرَةٌ مِّنْهَا تَأْكُلُونَ ﴿٧٣﴾

61.- Và quả thật Người (*'Īsa*) là một Dấu hiệu cho biết Giờ (Phán xử) sắp xảy ra, bởi thế chớ nghi ngờ về điều đó, nhưng hãy theo TA (Allah); Đây là Chính-đạo.

62.- Và chớ để Shaytān cản trở các người (theo Chính-đạo). Quả thật, nó là kẻ thù công khai của các người.

63.- Và khi *'Īsa* đến với những bằng chứng rõ rệt, Người bảo: "Chắc chắn Ta đến gặp các người với điều sáng suốt cao minh và để làm sáng tỏ một vài điểm mà các người bất đồng ý kiến trong đó. Bởi thế, hãy sợ Allah và nghe theo Ta.

64.- Quả thật Allah, Ngài là *Rabb* của Ta và là *Rabb* của các người. Bởi thế, hãy thờ phụng Ngài. Đây là Chính-đạo.

65.- Nhưng các nhóm (giáo phái) giữa bọn chúng bất đồng ý kiến với nhau. Bởi thế, khốn khổ cho những ai làm điều sai quấy (đặt điều nói quấy cho 'Īsa) về sự trừng phạt của Ngày Đau khổ (của việc Phán xử).

66. - Phải chăng chúng chỉ chờ đợi Giờ (Phân xử), e rằng nó sẽ bất ngờ xảy đến cho chúng trong lúc chúng không nhận thấy?

67.- Vào Ngày đó những người bạn thân tình sẽ trở thành kẻ thù của nhau ngoại trừ những người ngay chính sợ Allah.

68.- "Hỡi bầy tôi của TA! Ngày nay, các ngươi sẽ không lo sợ cũng sẽ không buồn phiền:

69.- Những ai tin tưởng nơi các Dấu hiệu của *TA* và là người Muslim (thần phục Allah).

70.- Hãy vui vầy bước vào Thiên đàng, các ngươi cùng với vợ của các ngươi.

71.- Đĩa ăn và tách uống bằng vàng sẽ được chuyền đi vòng đến họ. Trong đó có tất cả những món vật mà bản thân (linh hồn) mong ước và tất cả những món vật làm đẹp mắt. Và các ngươi sẽ ở trong đó đời đời.

72.- Đấy là Thiên đàng mà các ngươi sẽ thừa hưởng vì những điều tốt mà các ngươi đã từng làm (trên thế gian).

73.- Trong đó sẽ có rất nhiều hoa quả để cho các ngươi dùng.

إِنَّ ٱلْمُجْرِمِينَ فِى عَذَابِ جَهَنَّمَ خَٰلِدُونَ ﴿٧٤﴾ لَا يُفَتَّرُ عَنْهُمْ وَهُمْ فِيهِ مُبْلِسُونَ ﴿٧٥﴾ وَمَا ظَلَمْنَٰهُمْ وَلَٰكِن كَانُوا۟ هُمُ ٱلظَّٰلِمِينَ ﴿٧٦﴾ وَنَادَوْا۟ يَٰمَٰلِكُ لِيَقْضِ عَلَيْنَا رَبُّكَ ۖ قَالَ إِنَّكُم مَّٰكِثُونَ ﴿٧٧﴾ لَقَدْ جِئْنَٰكُم بِٱلْحَقِّ وَلَٰكِنَّ أَكْثَرَكُمْ لِلْحَقِّ كَٰرِهُونَ ﴿٧٨﴾ أَمْ أَبْرَمُوٓا۟ أَمْرًا فَإِنَّا مُبْرِمُونَ ﴿٧٩﴾ أَمْ يَحْسَبُونَ أَنَّا لَا نَسْمَعُ سِرَّهُمْ وَنَجْوَىٰهُم ۚ بَلَىٰ وَرُسُلُنَا لَدَيْهِمْ يَكْتُبُونَ ﴿٨٠﴾ قُلْ إِن كَانَ لِلرَّحْمَٰنِ وَلَدٌ فَأَنَا۠ أَوَّلُ ٱلْعَٰبِدِينَ ﴿٨١﴾ سُبْحَٰنَ رَبِّ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلْأَرْضِ رَبِّ ٱلْعَرْشِ عَمَّا يَصِفُونَ ﴿٨٢﴾ فَذَرْهُمْ يَخُوضُوا۟ وَيَلْعَبُوا۟ حَتَّىٰ يُلَٰقُوا۟ يَوْمَهُمُ ٱلَّذِى يُوعَدُونَ ﴿٨٣﴾ وَهُوَ ٱلَّذِى فِى ٱلسَّمَآءِ إِلَٰهٌ وَفِى ٱلْأَرْضِ إِلَٰهٌ ۚ وَهُوَ ٱلْحَكِيمُ ٱلْعَلِيمُ ﴿٨٤﴾ وَتَبَارَكَ ٱلَّذِى لَهُۥ مُلْكُ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلْأَرْضِ وَمَا بَيْنَهُمَا وَعِندَهُۥ عِلْمُ ٱلسَّاعَةِ وَإِلَيْهِ تُرْجَعُونَ ﴿٨٥﴾ وَلَا يَمْلِكُ ٱلَّذِينَ يَدْعُونَ مِن دُونِهِ ٱلشَّفَٰعَةَ إِلَّا مَن شَهِدَ بِٱلْحَقِّ وَهُمْ يَعْلَمُونَ ﴿٨٦﴾ وَلَئِن سَأَلْتَهُم مَّنْ خَلَقَهُمْ لَيَقُولُنَّ ٱللَّهُ ۖ فَأَنَّىٰ يُؤْفَكُونَ ﴿٨٧﴾ وَقِيلِهِۦ يَٰرَبِّ إِنَّ هَٰٓؤُلَآءِ قَوْمٌ لَّا يُؤْمِنُونَ ﴿٨٨﴾ فَٱصْفَحْ عَنْهُمْ وَقُلْ سَلَٰمٌ ۚ فَسَوْفَ يَعْلَمُونَ ﴿٨٩﴾

74.- Quả thật, những kẻ tội lỗi sẽ bị phạt Hỏa ngục mà chúng sẽ vào ở đời đời.

75.- Trong đó, chúng sẽ không được giảm nhẹ hình phạt và sẽ vô cùng tuyệt vọng.

76.- Và *TA* (Allah) đã không hãm hại chúng nhưng chúng là những kẻ làm điều sai quấy.

77.- Và chúng sẽ kêu la: "Hỡi *Mālik*!. Hãy xin *Rabb* của ngài giết phứt chúng tôi đi! (*Mālik*) sẽ đáp: "Chắc các ngươi sẽ phải ở đó đời đời."

78.- Chắc chắn, *TA* đã mang Chân lý đến cho các người nhưng đa số các người ghét Chân lý.

79.- Phải chăng chúng sắp đặt công việc Nhưng chính *TA* mới sắp đặt.

80.- Phải chăng chúng nghĩ rằng *TA* không nghe đặng những điều bí mật và lời mật nghị của chúng? Vâng, các thiên sứ (thiên thần) của *TA* ở cạnh chúng ghi chép lại (điều chúng âm mưu).

81.- Hãy bảo chúng: "Nếu quả thật Đấng *Ar-Rahmān* có một đứa con trai thì Ta sẽ là một người thờ phụng đầu tiên."

82.- Quang vinh và trong sạch thay *Rabb* của các tầng trời và trái đất, *Rabb* của Ngai Vương, Ngài vượt hẳn những điều chúng đã qui cho Ngài.

83.- Bởi thế, hãy để mặc chúng lảm nhảm và vui đùa cho đến khi chúng đối diện với Ngày (tàn) của chúng mà chúng đã được hứa.

84.- Và Ngài là Thượng Đế trên trời và là Thượng Đế dưới đất; và Ngài là Đấng Chí Minh, Đấng Toàn Tri.

85.- Và phúc thay Đấng nắm quyền thống trị các tầng trời và trái đất và vạn vật giữa trời đất; và Ngài biết rõ Giờ (Phán xử) và (tất cả) các người sẽ được đưa về gặp Ngài.

86.- Và những kẻ mà chúng khấn vái ngoài Ngài (Allah) không có quyền can thiệp ngoại trừ những ai làm chứng cho sự Thật (xác nhận Chân lý) trong lúc họ biết;

87.- Và nếu Ngươi có hỏi chúng: "Ai đã tạo hóa các người?" thì chắc chắn chúng sẽ đáp: 'Allah!' thế sao chúng lại lánh xa (Allah)!

88.- Và (Allah biết rõ) lời (than của Muhammad) nói: "Thưa *Rabb* của bề tôi! Những người (*Quraysh*) này là một đám người không tin tưởng."

89.- Bởi thế, hãy lánh xa chúng và nói: *Salām* (Bằng an)! Rồi đây chúng sẽ sớm biết (sự thật).

سُورَةُ الدُّخَانِ

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

حمٓ ١ وَٱلۡكِتَٰبِ ٱلۡمُبِينِ ٢ إِنَّآ أَنزَلۡنَٰهُ فِي لَيۡلَةٖ مُّبَٰرَكَةٍۚ
إِنَّا كُنَّا مُنذِرِينَ ٣ فِيهَا يُفۡرَقُ كُلُّ أَمۡرٍ حَكِيمٍ ٤ أَمۡرٗا
مِّنۡ عِندِنَآۚ إِنَّا كُنَّا مُرۡسِلِينَ ٥ رَحۡمَةٗ مِّن رَّبِّكَۚ إِنَّهُۥ هُوَ
ٱلسَّمِيعُ ٱلۡعَلِيمُ ٦ رَبِّ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضِ وَمَا بَيۡنَهُمَآۖ
إِن كُنتُم مُّوقِنِينَ ٧ لَآ إِلَٰهَ إِلَّا هُوَ يُحۡيِۦ وَيُمِيتُۖ رَبُّكُمۡ
وَرَبُّ ءَابَآئِكُمُ ٱلۡأَوَّلِينَ ٨ بَلۡ هُمۡ فِي شَكّٖ يَلۡعَبُونَ ٩
فَٱرۡتَقِبۡ يَوۡمَ تَأۡتِي ٱلسَّمَآءُ بِدُخَانٖ مُّبِينٖ ١٠ يَغۡشَى ٱلنَّاسَۖ
هَٰذَا عَذَابٌ أَلِيمٞ ١١ رَّبَّنَا ٱكۡشِفۡ عَنَّا ٱلۡعَذَابَ إِنَّا مُؤۡمِنُونَ
١٢ أَنَّىٰ لَهُمُ ٱلذِّكۡرَىٰ وَقَدۡ جَآءَهُمۡ رَسُولٞ مُّبِينٞ ١٣ ثُمَّ
تَوَلَّوۡاْ عَنۡهُ وَقَالُواْ مُعَلَّمٞ مَّجۡنُونٌ ١٤ إِنَّا كَاشِفُواْ ٱلۡعَذَابِ قَلِيلًاۚ
إِنَّكُمۡ عَآئِدُونَ ١٥ يَوۡمَ نَبۡطِشُ ٱلۡبَطۡشَةَ ٱلۡكُبۡرَىٰٓ إِنَّا مُنتَقِمُونَ
١٦ ۞ وَلَقَدۡ فَتَنَّا قَبۡلَهُمۡ قَوۡمَ فِرۡعَوۡنَ وَجَآءَهُمۡ رَسُولٞ كَرِيمٌ
أَنۡ أَدُّوٓاْ إِلَيَّ عِبَادَ ٱللَّهِۖ إِنِّي لَكُمۡ رَسُولٌ أَمِينٞ ١٧ ١٨

نصف الحزب ٥٠

AD-DUKHĀN
(Khói Mờ)

Nhân danh Allah, Đấng Rất mực Độ lượng,
Đấng Rất mực Khoan dung

1.- *Hā. Mīm.*

2.- Thề bởi Kinh sách (Qur'ān) rạng ngời;

3.- Quả thật *TA* ban Nó (Qur'ān) xuống vào một đêm đầy ân phúc (của tháng Ramadān). Quả thật, *TA* là Đấng hằng cảnh cáo;

4.- Trong đêm đó, mọi công việc công minh đều được quyết định

5.- Theo Chỉ thị của *TA*. Quả thật, *TA* là Đấng hằng cử (các Sứ giả),

6.- Như một Hồng ân từ *Rabb* của Ngươi (Muhammad). Quả thật, Ngài là Đấng Hằng Nghe, Đấng Hằng Biết (mọi việc),

7.- *Rabb* (Đấng Chủ Tể) của các tầng trời và trái đất và vạn vật giữa trời đất nếu các người khẳng định đức tin một cách vững chắc.

8.- Không có Thượng Đế nào cả duy chỉ Ngài (là Thượng Đế), Đấng làm cho sống và gây cho chết. *Rabb* của các người và là *Rabb* của ông bà tổ tiên.

9.- Không, họ đùa cợt trong hoài nghi.

10.- Bởi thế, Ngươi (Muhammad) hãy đợi xem Ngày mà bầu trời sẽ tỏa ra một loại khói mờ rõ rệt.

11.- Phủ mờ cả nhân loại. Đây là một sự trừng-phạt đau đớn.

12.- (Họ sẽ thưa:) "Lạy *Rabb* chúng tôi! Xin Ngài giải tỏa sự trừng phạt này đi khỏi chúng tôi, thật sự chúng tôi sẽ là người tin tưởng."

13.- Làm sao họ có thể tiếp thu được Lời Nhắc nhở trong lúc một Sứ giả minh giải đã đến gặp họ,

14.- Rồi họ quay lánh xa Người và nói: "Đồ thứ học mót, đồ thằng điên."

15.- Và chắc chắn, *TA* sẽ giải tỏa sự trừng phạt đi (khỏi các người) trong một thời gian ngắn; nhưng chắc chắn các người sẽ trở lại (tật cũ).

16.- Vào Ngày mà *TA* sẽ túm bắt họ dữ dằn. Quả thật, *TA* sẽ trừng phạt họ.

17.- Và trước họ, chắc chắn *TA* đã xử lý đám người của Fir'aun và đã phái một Sứ giả thật vinh dự (Mūsa) đến gặp chúng.

18.- (Y bảo:) "Hãy giao hoàn cho tôi bầy tôi của Allah (con cháu của Israel). Tôi là một Sứ giả tín nhiệm (được cử đến) với quí vị.

وَأَن لَّا تَعْلُوا۟ عَلَى ٱللَّهِ ۖ إِنِّىٓ ءَاتِيكُم بِسُلْطَٰنٍ مُّبِينٍ ﴿١٩﴾ وَإِنِّى عُذْتُ بِرَبِّى وَرَبِّكُمْ أَن تَرْجُمُونِ ﴿٢٠﴾ وَإِن لَّمْ تُؤْمِنُوا۟ لِى فَٱعْتَزِلُونِ ﴿٢١﴾ فَدَعَا رَبَّهُۥٓ أَنَّ هَٰٓؤُلَآءِ قَوْمٌ مُّجْرِمُونَ ﴿٢٢﴾ فَأَسْرِ بِعِبَادِى لَيْلًا إِنَّكُم مُّتَّبَعُونَ ﴿٢٣﴾ وَٱتْرُكِ ٱلْبَحْرَ رَهْوًا ۖ إِنَّهُمْ جُندٌ مُّغْرَقُونَ ﴿٢٤﴾ كَمْ تَرَكُوا۟ مِن جَنَّٰتٍ وَعُيُونٍ ﴿٢٥﴾ وَزُرُوعٍ وَمَقَامٍ كَرِيمٍ ﴿٢٦﴾ وَنَعْمَةٍ كَانُوا۟ فِيهَا فَٰكِهِينَ ﴿٢٧﴾ كَذَٰلِكَ ۖ وَأَوْرَثْنَٰهَا قَوْمًا ءَاخَرِينَ ﴿٢٨﴾ فَمَا بَكَتْ عَلَيْهِمُ ٱلسَّمَآءُ وَٱلْأَرْضُ وَمَا كَانُوا۟ مُنظَرِينَ ﴿٢٩﴾ وَلَقَدْ نَجَّيْنَا بَنِىٓ إِسْرَٰٓءِيلَ مِنَ ٱلْعَذَابِ ٱلْمُهِينِ ﴿٣٠﴾ مِن فِرْعَوْنَ ۚ إِنَّهُۥ كَانَ عَالِيًا مِّنَ ٱلْمُسْرِفِينَ ﴿٣١﴾ وَلَقَدِ ٱخْتَرْنَٰهُمْ عَلَىٰ عِلْمٍ عَلَى ٱلْعَٰلَمِينَ ﴿٣٢﴾ وَءَاتَيْنَٰهُم مِّنَ ٱلْءَايَٰتِ مَا فِيهِ بَلَٰٓؤٌا۟ مُّبِينٌ ﴿٣٣﴾ إِنَّ هَٰٓؤُلَآءِ لَيَقُولُونَ ﴿٣٤﴾ إِنْ هِىَ إِلَّا مَوْتَتُنَا ٱلْأُولَىٰ وَمَا نَحْنُ بِمُنشَرِينَ ﴿٣٥﴾ فَأْتُوا۟ بِـَٔابَآئِنَآ إِن كُنتُمْ صَٰدِقِينَ ﴿٣٦﴾ أَهُمْ خَيْرٌ أَمْ قَوْمُ تُبَّعٍ وَٱلَّذِينَ مِن قَبْلِهِمْ ۚ أَهْلَكْنَٰهُمْ ۖ إِنَّهُمْ كَانُوا۟ مُجْرِمِينَ ﴿٣٧﴾ وَمَا خَلَقْنَا ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلْأَرْضَ وَمَا بَيْنَهُمَا لَٰعِبِينَ ﴿٣٨﴾ مَا خَلَقْنَٰهُمَآ إِلَّا بِٱلْحَقِّ وَلَٰكِنَّ أَكْثَرَهُمْ لَا يَعْلَمُونَ ﴿٣٩﴾

19.- "Và chớ tự đề cao mình hơn Allah. Tôi đến gặp quí vị với một thẩm quyền rõ rệt.

20.- "Và tôi cầu xin *Rabb* của tôi và cũng là *Rabb* của quí vị che chở để khỏi bị quí vị ném đá (giết chết).

21.- "Và nếu không tin tưởng nơi tôi thì quí vị hãy để cho tôi yên."

22.- Bởi thế, Người (Mūsa) cầu nguyện *Rabb* của Người, thưa: "Những người này là một đám người tội lỗi."

23.- "Hãy cùng với bầy tôi của TA ra đi ban đêm. Các ngươi sẽ bị truy nã.

24.- "Và hãy rời biển (Hồng hải) rẽ đôi (để cho chúng băng qua). Quả thật, chúng là một đoàn quân sẽ bị nhận chìm dưới nước."

25.- Có bao nhiêu vườn tược và dòng suối chúng đã bỏ lại?

26.- Và ruộng đồng và biệt thự cao sang?

27.- Và lạc thú (trần gian) mà chúng đã từng hưởng thụ?

28.- Đúng như thế. Và *TA* đã làm cho đám người khác thừa hưởng chúng.

29.- Bởi thế, trời và đất chẳng ai nhỏ lệ (khóc thương) giùm chúng. Chúng cũng không được tạm tha.

30.- Và chắc chắn *TA* đã giải cứu con cháu của Israel thoát khỏi một sự trừng phạt nhục nhã,

31.- Khỏi Fir'aun, bởi vì quả thật nó ngạo mạn trong số những kẻ bạo ngược, tàn ác quá mức.

32.- Và chắc chắn *TA* đã chọn họ trội hơn thiên hạ về kiến thức.

33.- Và đã ban cho họ những đặc ân mà trong đó là một sự thử thách rõ rệt.

34.- Rõ thật những người (Quraysh) này tuyên bố:

35.- "Quả thật, nó (cái chết) chỉ là cái chết đầu tiên của chúng tôi và chúng tôi sẽ không được dựng sống lại."

36.- Thế hãy đưa tổ tiên của chúng tôi trở lại xem nếu quí vị nói sự thật"

37.- Phải chăng họ tài ba hơn đám dân của *Tubba*'[1] và những ai sống trước họ hay sao? *TA* đã tiêu diệt chúng bởi vì chúng là những kẻ tội lỗi.

38.- Và *TA* đã không tạo các tầng trời và trái đất và vạn vật giữa trời đất để vui chơi,

39.- Chỉ vì chân lý *TA* đã tạo hai cái đó. Nhưng đa số bọn chúng không biết.

---

[1] Tubba' có lẽ là danh xưng của các vua Himyuar ở Yeman của bộ lạc Hamdān.

إِنَّ يَوۡمَ ٱلۡفَصۡلِ مِيقَٰتُهُمۡ أَجۡمَعِينَ ﴿٤٠﴾ يَوۡمَ لَا يُغۡنِي مَوۡلًى
عَن مَّوۡلٗى شَيۡـٔٗا وَلَا هُمۡ يُنصَرُونَ ﴿٤١﴾ إِلَّا مَن رَّحِمَ ٱللَّهُۚ
إِنَّهُۥ هُوَ ٱلۡعَزِيزُ ٱلرَّحِيمُ ﴿٤٢﴾ إِنَّ شَجَرَتَ ٱلزَّقُّومِ ﴿٤٣﴾ طَعَامُ
ٱلۡأَثِيمِ ﴿٤٤﴾ كَٱلۡمُهۡلِ يَغۡلِي فِي ٱلۡبُطُونِ ﴿٤٥﴾ كَغَلۡيِ
ٱلۡحَمِيمِ ﴿٤٦﴾ خُذُوهُ فَٱعۡتِلُوهُ إِلَىٰ سَوَآءِ ٱلۡجَحِيمِ ﴿٤٧﴾ ثُمَّ
صُبُّواْ فَوۡقَ رَأۡسِهِۦ مِنۡ عَذَابِ ٱلۡحَمِيمِ ﴿٤٨﴾ ذُقۡ إِنَّكَ
أَنتَ ٱلۡعَزِيزُ ٱلۡكَرِيمُ ﴿٤٩﴾ إِنَّ هَٰذَا مَا كُنتُم بِهِۦ تَمۡتَرُونَ
﴿٥٠﴾ إِنَّ ٱلۡمُتَّقِينَ فِي مَقَامٍ أَمِينٖ ﴿٥١﴾ فِي جَنَّٰتٖ وَعُيُونٖ
﴿٥٢﴾ يَلۡبَسُونَ مِن سُندُسٖ وَإِسۡتَبۡرَقٖ مُّتَقَٰبِلِينَ ﴿٥٣﴾
كَذَٰلِكَ وَزَوَّجۡنَٰهُم بِحُورٍ عِينٖ ﴿٥٤﴾ يَدۡعُونَ فِيهَا بِكُلِّ
فَٰكِهَةٍ ءَامِنِينَ ﴿٥٥﴾ لَا يَذُوقُونَ فِيهَا ٱلۡمَوۡتَ إِلَّا
ٱلۡمَوۡتَةَ ٱلۡأُولَىٰۖ وَوَقَىٰهُمۡ عَذَابَ ٱلۡجَحِيمِ ﴿٥٦﴾ فَضۡلٗا مِّن
رَّبِّكَۚ ذَٰلِكَ هُوَ ٱلۡفَوۡزُ ٱلۡعَظِيمُ ﴿٥٧﴾ فَإِنَّمَا يَسَّرۡنَٰهُ بِلِسَانِكَ
لَعَلَّهُمۡ يَتَذَكَّرُونَ ﴿٥٨﴾ فَٱرۡتَقِبۡ إِنَّهُم مُّرۡتَقِبُونَ ﴿٥٩﴾

سُورَةُ الجَاثِيَةِ

40.- Quả thật, Ngày Phân-loại (giữa người có đức tin và kẽ vô đức tin) là thời điểm đã được ấn định cho tất cả bọn chúng,

41.- Ngày mà không một thân nhân gần nào có thể giúp đỡ một thân nhân gần khác về bất cứ điều gì và họ sẽ không được ai giúp đỡ.

42.- Ngoại trừ người nào được Allah khoan dung bởi vì Ngài là Đấng Toàn Năng, Đấng Hằng Khoan dung.

43.- Quả thật, cây *Zaqqūm*,

44.- Sẽ là thực phẩm của những kẻ tội lỗi,

45.- Giống như loại dầu nấu sôi, sôi sùng sục trong bụng của chúng,

46.- Như loại nước sôi hừng hực.

47.- (Sẽ có tiếng vọng lớn:) "Hãy túm bắt nó lôi vào giữa đám lửa cháy bùng,

48.- "Rồi đổ lên đầu nó hình phạt của nước sôi.

49.- "(Và mắng): 'Hãy nếm đi! (Khi xưa) mày quyền thế và vinh dự!

50.- "Đây thật sự là điều mà các ngươi đã hoài nghi."

51.- Quả thật! Những người ngay chính sợ Allah sẽ được ở một nơi an toàn (Thiên đàng).

52.- Giữa các hoa viên và suối nước;

53.- Phục sức bằng áo lụa mịn và gấm thêu, (nằm tựa mình) đối diện nhau,

54.- Đúng như thế; và *TA* sẽ kết hôn họ với các tiên nữ có đôi mắt to trữ tình.

55.- Trong đó (Thiên đàng), họ sẽ gọi đủ loại hoa quả an toàn để dùng;

56.- Trong đó, họ sẽ không nếm qua cái chết nào khác ngoài cái chết lần đầu (ở trần gian); và Ngài (Allah) sẽ bảo vệ họ khỏi sự trừng phạt của Lửa cháy bùng,

57.- Như một Thiên ân từ *Rabb* của Ngươi (Muhammad)! Đấy mới là một sự thành tựu vĩ đại.

58.- Chắc chắn, *TA* đã làm cho Nó (Qur'ān) dễ (hiểu) bằng chiếc lưỡi (lời nói) của Ngươi để may ra họ ghi nhớ.

59.- Thôi hãy chờ đợi và họ cũng chờ đợi (như Ngươi).

بِسْمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحْمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

حمٓ ١ تَنزِيلُ ٱلْكِتَٰبِ مِنَ ٱللَّهِ ٱلْعَزِيزِ ٱلْحَكِيمِ ٢ إِنَّ فِى ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلْأَرْضِ لَءَايَٰتٍ لِّلْمُؤْمِنِينَ ٣ وَفِى خَلْقِكُمْ وَمَا يَبُثُّ مِن دَآبَّةٍ ءَايَٰتٌ لِّقَوْمٍ يُوقِنُونَ ٤ وَٱخْتِلَٰفِ ٱلَّيْلِ وَٱلنَّهَارِ وَمَآ أَنزَلَ ٱللَّهُ مِنَ ٱلسَّمَآءِ مِن رِّزْقٍ فَأَحْيَا بِهِ ٱلْأَرْضَ بَعْدَ مَوْتِهَا وَتَصْرِيفِ ٱلرِّيَٰحِ ءَايَٰتٌ لِّقَوْمٍ يَعْقِلُونَ ٥ تِلْكَ ءَايَٰتُ ٱللَّهِ نَتْلُوهَا عَلَيْكَ بِٱلْحَقِّ فَبِأَىِّ حَدِيثٍۭ بَعْدَ ٱللَّهِ وَءَايَٰتِهِۦ يُؤْمِنُونَ ٦ وَيْلٌ لِّكُلِّ أَفَّاكٍ أَثِيمٍ ٧ يَسْمَعُ ءَايَٰتِ ٱللَّهِ تُتْلَىٰ عَلَيْهِ ثُمَّ يُصِرُّ مُسْتَكْبِرًا كَأَن لَّمْ يَسْمَعْهَا فَبَشِّرْهُ بِعَذَابٍ أَلِيمٍ ٨ وَإِذَا عَلِمَ مِنْ ءَايَٰتِنَا شَيْـًٔا ٱتَّخَذَهَا هُزُوًا أُو۟لَٰٓئِكَ لَهُمْ عَذَابٌ مُّهِينٌ ٩ مِّن وَرَآئِهِمْ جَهَنَّمُ وَلَا يُغْنِى عَنْهُم مَّا كَسَبُوا۟ شَيْـًٔا وَلَا مَا ٱتَّخَذُوا۟ مِن دُونِ ٱللَّهِ أَوْلِيَآءَ وَلَهُمْ عَذَابٌ عَظِيمٌ ١٠ هَٰذَا هُدًى وَٱلَّذِينَ كَفَرُوا۟ بِـَٔايَٰتِ رَبِّهِمْ لَهُمْ عَذَابٌ مِّن رِّجْزٍ أَلِيمٌ ١١ ۞ ٱللَّهُ ٱلَّذِى سَخَّرَ لَكُمُ ٱلْبَحْرَ لِتَجْرِىَ ٱلْفُلْكُ فِيهِ بِأَمْرِهِۦ وَلِتَبْتَغُوا۟ مِن فَضْلِهِۦ وَلَعَلَّكُمْ تَشْكُرُونَ ١٢ وَسَخَّرَ لَكُم مَّا فِى ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَمَا فِى ٱلْأَرْضِ جَمِيعًا مِّنْهُ إِنَّ فِى ذَٰلِكَ لَءَايَٰتٍ لِّقَوْمٍ يَتَفَكَّرُونَ ١٣

ثلاثة أرباع الحزب ٥٠

AL-JĀTHIYAH
(Việc Quì Gối)

Nhân danh Allah, Đấng Rất mực Độ lượng,
Đấng Rất mực Khoan dung

1.- *Hā. Mīm.*

2.- Kinh sách do Allah, Đấng Toàn Năng, Đấng Toàn Tri ban xuống.

3.- Quả thật, trong các tầng trời và trái đất là các Dấu hiệu cho những người có đức tin.

4.- Và trong việc tạo hóa các người cũng như việc Ngài rải các thú vật sống khắp nơi là các dấu hiệu cho những người có một đức tin vững chắc.

5.- Và trong việc ban đêm và ban ngày chạy nối đuôi nhau, và trong việc Allah gởi bổng lộc (mưa) từ trên trời xuống mà Ngài dùng để làm sống lại lớp đất đã chết khô và trong việc quay chiều gió, là các Dấu hiệu cho những người thông hiểu.

6.- Đó là các câu kinh của Allah mà *TA* đã đọc cho Người bằng sự thật. Thế, chúng sẽ tin nơi lời tường trình nào sau Allah và các Câu kinh của Ngài?

7.- Khốn khổ cho từng tên láo khoét tội lỗi,-

8.- Nghe rõ các Lời mặc khải của Allah đã được đọc cho y rồi cứ tiếp tục tỏ thái độ ngạo mạn làm như y chẳng hề nghe qua nó bao giờ. Thế, hãy báo cho y biết về một sự trừng-phạt đau đớn (về sau).

9.- Và khi học được điều gì từ các Lời mặc khải của *TA*, y mang chúng ra làm trò cười. Họ là những người sẽ nhận một sự trừng phạt nhục nhã.

10.- Trước mặt chúng là Hỏa Ngục; và bất cứ điều gì mà chúng đã kiếm được sẽ không giúp ích gì được cho chúng và những kẻ mà chúng nhận làm vị bảo hộ ngoài Allah cũng sẽ không giúp ích gì được cho chúng. Và chúng sẽ chịu một sự trừng-phạt vô cùng khủng khiếp.

11.- (Kinh Qur'ān) này là một Chỉ đạo. Và những ai không tin tưởng nơi các Lời mặc khải của *Rabb* của họ thì sẽ nhận một sự trừng phạt đau đớn của một hình phạt vô cùng ghê rợn.

12.- Allah là Đấng đã chế ngự biển cả cho các người để cho tàu bè lướt sóng chạy trên đó theo sự Chỉ-huy của Ngài và để giúp các người tìm kiếm thiên lộc của Ngài và để cho các người có dịp tạ ơn.

13.- Và Ngài đã chế ngự cho các người (sử dụng) bất cứ vật gì trong các tầng trời và bất cứ vật gì dưới đất, toàn bộ đều từ Ngài cả. Quả thật, trong đó là các Dấu-hiệu cho những người biết ngẫm nghĩ.

قُل لِّلَّذِينَ ءَامَنُوا۟ يَغْفِرُوا۟ لِلَّذِينَ لَا يَرْجُونَ أَيَّامَ ٱللَّهِ لِيَجْزِىَ قَوْمًۢا بِمَا كَانُوا۟ يَكْسِبُونَ ﴿١٤﴾ مَنْ عَمِلَ صَٰلِحًا فَلِنَفْسِهِۦ ۖ وَمَنْ أَسَآءَ فَعَلَيْهَا ۖ ثُمَّ إِلَىٰ رَبِّكُمْ تُرْجَعُونَ ﴿١٥﴾ وَلَقَدْ ءَاتَيْنَا بَنِىٓ إِسْرَٰٓءِيلَ ٱلْكِتَٰبَ وَٱلْحُكْمَ وَٱلنُّبُوَّةَ وَرَزَقْنَٰهُم مِّنَ ٱلطَّيِّبَٰتِ وَفَضَّلْنَٰهُمْ عَلَى ٱلْعَٰلَمِينَ ﴿١٦﴾ وَءَاتَيْنَٰهُم بَيِّنَٰتٍ مِّنَ ٱلْأَمْرِ ۖ فَمَا ٱخْتَلَفُوٓا۟ إِلَّا مِنۢ بَعْدِ مَا جَآءَهُمُ ٱلْعِلْمُ بَغْيًۢا بَيْنَهُمْ ۚ إِنَّ رَبَّكَ يَقْضِى بَيْنَهُمْ يَوْمَ ٱلْقِيَٰمَةِ فِيمَا كَانُوا۟ فِيهِ يَخْتَلِفُونَ ﴿١٧﴾ ثُمَّ جَعَلْنَٰكَ عَلَىٰ شَرِيعَةٍ مِّنَ ٱلْأَمْرِ فَٱتَّبِعْهَا وَلَا تَتَّبِعْ أَهْوَآءَ ٱلَّذِينَ لَا يَعْلَمُونَ ﴿١٨﴾ إِنَّهُمْ لَن يُغْنُوا۟ عَنكَ مِنَ ٱللَّهِ شَيْـًٔا ۚ وَإِنَّ ٱلظَّٰلِمِينَ بَعْضُهُمْ أَوْلِيَآءُ بَعْضٍ ۖ وَٱللَّهُ وَلِىُّ ٱلْمُتَّقِينَ ﴿١٩﴾ هَٰذَا بَصَٰٓئِرُ لِلنَّاسِ وَهُدًى وَرَحْمَةٌ لِّقَوْمٍ يُوقِنُونَ ﴿٢٠﴾ أَمْ حَسِبَ ٱلَّذِينَ ٱجْتَرَحُوا۟ ٱلسَّيِّـَٔاتِ أَن نَّجْعَلَهُمْ كَٱلَّذِينَ ءَامَنُوا۟ وَعَمِلُوا۟ ٱلصَّٰلِحَٰتِ سَوَآءً مَّحْيَاهُمْ وَمَمَاتُهُمْ ۚ سَآءَ مَا يَحْكُمُونَ ﴿٢١﴾ وَخَلَقَ ٱللَّهُ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلْأَرْضَ بِٱلْحَقِّ وَلِتُجْزَىٰ كُلُّ نَفْسٍۭ بِمَا كَسَبَتْ وَهُمْ لَا يُظْلَمُونَ ﴿٢٢﴾

14.- Hãy bảo những ai có đức tin nên tha thứ cho những người tuyệt vọng về những Ngày (Phân xử) của Allah, rằng Ngài sẽ đáp đền (ân oán) cho từng nhóm người chiếu theo điều mà họ đã từng làm ra.

15.- Ai làm điều thiện thì bản thân y sẽ được phúc; và ai làm điều ác thì bản thân y sẽ chịu họa. Rồi các người sẽ được đưa trở về gặp Ngài (để chịu sự Phán xử).

16.- Và chắc chắn *TA* đã ban cho con cháu của Israel Kinh sách, và luật lệ và việc tiếp thu thiên khải và cung dưỡng họ với lương thực tốt và sạch và đã ưu đãi họ hơn thiên hạ.

17.- Và *TA* đã ban cho họ những bằng-chứng rõ rệt về mọi công việc (của tôn giáo). Nhưng chỉ từ sau lúc tiếp thu được sự hiểu biết, họ mới đâm ra ganh tị và chia rẽ nhau (thành giáo phái). Quả thật, Allah sẽ giải quyết trường hợp của họ vào Ngày Phục sinh về những điều mà họ đã từng tranh chấp.

18.- Rồi *TA* đặt Ngươi (Muhammad) trên con đường (luật pháp) của công việc (tôn giáo). Bởi thế, hãy tuân theo nó và chớ tuân theo những điều ước muốn của những kẻ không biết gì.

19.- Quả thật, chúng chẳng giúp đỡ được Ngươi thoát khỏi (sự trừng phạt của) Allah. Và những kẻ làm điều sai quấy là bạn bè tán trợ lẫn nhau. Ngược lại, Allah là Đấng Bảo Vệ của những người ngay chính sợ Allah.

20.- (Qur'ān) này là một Soi rọi cho nhân loại và một Chỉ đạo (hướng dẫn) và một Hồng ân cho những người có đức tin vững chãi.

21.- Hoặc phải chăng những kẻ làm điều tội lỗi nghĩ rằng *TA* sẽ làm cho họ ngang bằng với những người có đức tin và làm việc thiện về việc sống và chết của họ hay sao? Thật tệ thay điều chúng xét đoán!

22.- Và vì Chân lý Allah đã tạo hóa các tầng trời và trái đất, (mục đích) để cho mỗi linh hồn sẽ được đền trả (xứng đáng) về những điều (tốt và xấu) mà họ đã làm ra và sẽ không bị đối xử bất công.

أَفَرَءَيۡتَ مَنِ ٱتَّخَذَ إِلَٰهَهُۥ هَوَىٰهُ وَأَضَلَّهُ ٱللَّهُ عَلَىٰ عِلۡمٖ وَخَتَمَ عَلَىٰ سَمۡعِهِۦ
وَقَلۡبِهِۦ وَجَعَلَ عَلَىٰ بَصَرِهِۦ غِشَٰوَةٗ فَمَن يَهۡدِيهِ مِنۢ بَعۡدِ ٱللَّهِۚ أَفَلَا
تَذَكَّرُونَ ﴿٢٣﴾ وَقَالُواْ مَا هِيَ إِلَّا حَيَاتُنَا ٱلدُّنۡيَا نَمُوتُ وَنَحۡيَا وَمَا يُهۡلِكُنَآ
إِلَّا ٱلدَّهۡرُۚ وَمَا لَهُم بِذَٰلِكَ مِنۡ عِلۡمٍۖ إِنۡ هُمۡ إِلَّا يَظُنُّونَ ﴿٢٤﴾ وَإِذَا تُتۡلَىٰ
عَلَيۡهِمۡ ءَايَٰتُنَا بَيِّنَٰتٖ مَّا كَانَ حُجَّتَهُمۡ إِلَّآ أَن قَالُواْ ٱئۡتُواْ بِـَٔابَآئِنَآ إِن
كُنتُمۡ صَٰدِقِينَ ﴿٢٥﴾ قُلِ ٱللَّهُ يُحۡيِيكُمۡ ثُمَّ يُمِيتُكُمۡ ثُمَّ يَجۡمَعُكُمۡ إِلَىٰ
يَوۡمِ ٱلۡقِيَٰمَةِ لَا رَيۡبَ فِيهِ وَلَٰكِنَّ أَكۡثَرَ ٱلنَّاسِ لَا يَعۡلَمُونَ ﴿٢٦﴾ وَلِلَّهِ مُلۡكُ
ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضِۚ وَيَوۡمَ تَقُومُ ٱلسَّاعَةُ يَوۡمَئِذٖ يَخۡسَرُ ٱلۡمُبۡطِلُونَ ﴿٢٧﴾
وَتَرَىٰ كُلَّ أُمَّةٖ جَاثِيَةٗۚ كُلُّ أُمَّةٖ تُدۡعَىٰٓ إِلَىٰ كِتَٰبِهَا ٱلۡيَوۡمَ تُجۡزَوۡنَ مَا كُنتُمۡ
تَعۡمَلُونَ ﴿٢٨﴾ هَٰذَا كِتَٰبُنَا يَنطِقُ عَلَيۡكُم بِٱلۡحَقِّۚ إِنَّا كُنَّا نَسۡتَنسِخُ
مَا كُنتُمۡ تَعۡمَلُونَ ﴿٢٩﴾ فَأَمَّا ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ وَعَمِلُواْ ٱلصَّٰلِحَٰتِ
فَيُدۡخِلُهُمۡ رَبُّهُمۡ فِي رَحۡمَتِهِۦۚ ذَٰلِكَ هُوَ ٱلۡفَوۡزُ ٱلۡمُبِينُ ﴿٣٠﴾ وَأَمَّا
ٱلَّذِينَ كَفَرُوٓاْ أَفَلَمۡ تَكُنۡ ءَايَٰتِي تُتۡلَىٰ عَلَيۡكُمۡ فَٱسۡتَكۡبَرۡتُمۡ وَكُنتُمۡ قَوۡمٗا
مُّجۡرِمِينَ ﴿٣١﴾ وَإِذَا قِيلَ إِنَّ وَعۡدَ ٱللَّهِ حَقّٞ وَٱلسَّاعَةُ لَا رَيۡبَ فِيهَا
قُلۡتُم مَّا نَدۡرِي مَا ٱلسَّاعَةُ إِن نَّظُنُّ إِلَّا ظَنّٗا وَمَا نَحۡنُ بِمُسۡتَيۡقِنِينَ ﴿٣٢﴾

23.- Thế Ngươi có thấy kẻ đã lấy lòng ham muốn của y làm thần linh của y hay không? Biết thế, nên Allah để mặc cho y lạc hướng và Ngài niêm kín cái nghe (thính giác) và quả tim (tấm lòng) của y và lấy tấm màn che mắt (thị giác) của y lại. Thế ai sẽ hướng dẫn y sau (khi) Allah (từ chối y?) Thế, các người không ghi nhớ hay sao?

24.- Và chúng bảo: "Chẳng có đời sống nào khác hơn đời sống trần tục này. Chúng tôi chết và chúng tôi sống. Chỉ có thời gian giết chết chúng tôi thôi." Chúng không có một chút hiểu biết nào về điều đó. Chúng chỉ phỏng đoán.

25.- Và khi các Lời mặc khải rõ rệt của *TA* được đọc ra cho chúng (về sự Phục sinh), luận điệu chống chế của chúng chỉ gồm có lời này: "Nếu quí vị (Sứ giả) nói sự thật thì hãy đưa ông bà tổ tiên chúng tôi trở lại (trần gian) xem!"

26.- Hãy bảo chúng: "Allah làm cho các người sống, rồi làm cho các người chết, rồi sẽ tập trung các người vào Ngày Phục sinh điều mà không có chi phải nghi ngờ cả." Nhưng đa số nhân loại không biết.

27.- Allah nắm quyền thống trị các tầng trời và trái đất, và vào Ngày mà Giờ (Phán xử) sẽ được thiết lập, Ngày đó những kẻ làm điều gian dối sẽ mất mát.

28.- Và Ngươi sẽ thấy mỗi cộng đồng sẽ quì gối xuống; mỗi cộng-đồng sẽ được gọi đến xem quyển sổ (hành-động) của mình: "Ngày này các người sẽ được đền trả xứng đáng về những điều mà các người đã từng làm.

29.- "Quyển Sổ này của *TA* sẽ nói sự thật về các người. Quả thật, *TA* đã cho ghi chép lại những điều các người đã từng làm."

30.- Bởi thế, đối với những ai có đức tin và làm việc thiện, *Rabb* của họ sẽ khoan dung họ. Đó là một thắng lợi rạng rỡ.

31.- Ngược lại, đối với những ai phủ nhận đức tin, (thì sẽ có lời bảo chúng): "Há các Lời mặc khải của *TA* đã không được đọc nhắc các người hay sao? nhưng các người đã tỏ ra ngạo mạn và các người là một đám người tội lỗi.

32.- Và khi có lời bảo (chúng): "Quả thật Lời-hứa của Allah là sự Thật và Giờ xét xử (cũng thật), không có chi phải nghi ngờ cả thì các người thường bảo: 'Chúng tôi không biết Giờ (xét xử) là gì. Chúng tôi nghĩ đó chỉ là điều tưởng tượng. Vì thế, chúng tôi không có một đức tin vững chắc về nó.'"

وَبَدَا لَهُمْ سَيِّئَاتُ مَا عَمِلُوا وَحَاقَ بِهِم مَّا كَانُوا بِهِۦ يَسْتَهْزِءُونَ ﴿٣٣﴾ وَقِيلَ ٱلْيَوْمَ نَنسَىٰكُمْ كَمَا نَسِيتُمْ لِقَآءَ يَوْمِكُمْ هَٰذَا وَمَأْوَىٰكُمُ ٱلنَّارُ وَمَا لَكُم مِّن نَّٰصِرِينَ ﴿٣٤﴾ ذَٰلِكُم بِأَنَّكُمُ ٱتَّخَذْتُمْ ءَايَٰتِ ٱللَّهِ هُزُوًا وَغَرَّتْكُمُ ٱلْحَيَوٰةُ ٱلدُّنْيَا ۚ فَٱلْيَوْمَ لَا يُخْرَجُونَ مِنْهَا وَلَا هُمْ يُسْتَعْتَبُونَ ﴿٣٥﴾ فَلِلَّهِ ٱلْحَمْدُ رَبِّ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَرَبِّ ٱلْأَرْضِ رَبِّ ٱلْعَٰلَمِينَ ﴿٣٦﴾ وَلَهُ ٱلْكِبْرِيَآءُ فِى ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلْأَرْضِ ۖ وَهُوَ ٱلْعَزِيزُ ٱلْحَكِيمُ ﴿٣٧﴾

سُورَةُ الأَحْقَافِ

بِسْمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحْمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

حمٓ ﴿١﴾ تَنزِيلُ ٱلْكِتَٰبِ مِنَ ٱللَّهِ ٱلْعَزِيزِ ٱلْحَكِيمِ ﴿٢﴾ مَا خَلَقْنَا ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلْأَرْضَ وَمَا بَيْنَهُمَآ إِلَّا بِٱلْحَقِّ وَأَجَلٍ مُّسَمًّى ۚ وَٱلَّذِينَ كَفَرُوا عَمَّآ أُنذِرُوا مُعْرِضُونَ ﴿٣﴾ قُلْ أَرَءَيْتُم مَّا تَدْعُونَ مِن دُونِ ٱللَّهِ أَرُونِى مَاذَا خَلَقُوا مِنَ ٱلْأَرْضِ أَمْ لَهُمْ شِرْكٌ فِى ٱلسَّمَٰوَٰتِ ۖ ٱئْتُونِى بِكِتَٰبٍ مِّن قَبْلِ هَٰذَآ أَوْ أَثَٰرَةٍ مِّنْ عِلْمٍ إِن كُنتُمْ صَٰدِقِينَ ﴿٤﴾ وَمَنْ أَضَلُّ مِمَّن يَدْعُوا مِن دُونِ ٱللَّهِ مَن لَّا يَسْتَجِيبُ لَهُۥٓ إِلَىٰ يَوْمِ ٱلْقِيَٰمَةِ وَهُمْ عَن دُعَآئِهِمْ غَٰفِلُونَ ﴿٥﴾

الجزء ٢٦
الحزب ٥١

33.- Và tội lỗi của những điều mà chúng đã từng làm sẽ lộ ra cho chúng thấy và những điều mà chúng đã từng chế giễu sẽ vây hãm chúng lại.

34.- Và sẽ có lời bảo (chúng): "Ngày nay, *TA* sẽ bỏ quên các người giống như việc các người đã từng lãng quên việc gặp gỡ Ngày này của các người. Và chỗ ở của các người sẽ là Lửa (của Hỏa ngục) và các người sẽ không có ai giúp đỡ."

35.- Sở dĩ như thế là vì các người thường chế giễu các Lời mặc khải của Allah và đời sống trần tục này đã đánh lừa các người." Bởi thế, vào Ngày đó chúng sẽ không được đưa ra khỏi nơi đó (Hỏa ngục) và chúng sẽ không còn có dịp trở lại trần gian để sám hối và sửa mình.

36.- Do đó, mọi lời ca tụng đều dâng lên Allah, *Rabb* (Đấng Chủ Tể) của các tầng trời và *Rabb* của trái đất, *Rabb* của vũ trụ và muôn loài.

37.- Và Ngài nắm Uy quyền trong các tầng trời và trái đất; và Ngài là Đấng Toàn Năng, Đấng Chí Minh.

AL-AHQĀF
(Vùng Cồn Cát)

Nhân danh Allah, Đấng Rất mực Độ lượng,
Đấng Rất mực Khoan dung

1.- *Hā. Mīm.*

2.- Kinh sách (Qur'ān) do Allah, Đấng Toàn Năng, Đấng Chí Minh ban xuống.

3.- Và *TA* đã tạo các tầng trời và trái đất và vạn vật giữa trời đất chỉ vì Chân lý và trong một thời gian nhất định. Và những kẻ không có đức tin đã lánh xa điều mà họ đã được cảnh cáo.

4.- Hãy bảo chúng: "Các người có thấy những kẻ mà các người khấn vái ngoài Allah chăng? Hãy chỉ cho ta vật gì của trái đất mà chúng đã tạo? hoặc chúng có một phần chia nào trong các tầng trời hay không? hãy mang đến cho ta một kinh sách trước quyển này; hoặc một vài di tích hiểu biết mà các người đã thừa hưởng nếu các người nói thật?

5.- Và còn ai lầm lạc hơn người khấn vái ngoài Allah những kẻ (thần linh) sẽ không trả lời y được cho đến Ngày Phục sinh và chính chúng cũng không biết việc người ta đang khấn vái chúng?

وَإِذَا حُشِرَ ٱلنَّاسُ كَانُوا۟ لَهُمْ أَعْدَآءً وَكَانُوا۟ بِعِبَادَتِهِمْ كَٰفِرِينَ ﴿٦﴾ وَإِذَا تُتْلَىٰ عَلَيْهِمْ ءَايَٰتُنَا بَيِّنَٰتٍ قَالَ ٱلَّذِينَ كَفَرُوا۟ لِلْحَقِّ لَمَّا جَآءَهُمْ هَٰذَا سِحْرٌ مُّبِينٌ ﴿٧﴾ أَمْ يَقُولُونَ ٱفْتَرَىٰهُ ۖ قُلْ إِنِ ٱفْتَرَيْتُهُۥ فَلَا تَمْلِكُونَ لِى مِنَ ٱللَّهِ شَيْـًٔا ۖ هُوَ أَعْلَمُ بِمَا تُفِيضُونَ فِيهِ ۖ كَفَىٰ بِهِۦ شَهِيدًۢا بَيْنِى وَبَيْنَكُمْ ۖ وَهُوَ ٱلْغَفُورُ ٱلرَّحِيمُ ﴿٨﴾ قُلْ مَا كُنتُ بِدْعًا مِّنَ ٱلرُّسُلِ وَمَآ أَدْرِى مَا يُفْعَلُ بِى وَلَا بِكُمْ ۖ إِنْ أَتَّبِعُ إِلَّا مَا يُوحَىٰٓ إِلَىَّ وَمَآ أَنَا۠ إِلَّا نَذِيرٌ مُّبِينٌ ﴿٩﴾ قُلْ أَرَءَيْتُمْ إِن كَانَ مِنْ عِندِ ٱللَّهِ وَكَفَرْتُم بِهِۦ وَشَهِدَ شَاهِدٌ مِّنۢ بَنِىٓ إِسْرَٰٓءِيلَ عَلَىٰ مِثْلِهِۦ فَـَٔامَنَ وَٱسْتَكْبَرْتُمْ ۖ إِنَّ ٱللَّهَ لَا يَهْدِى ٱلْقَوْمَ ٱلظَّٰلِمِينَ ﴿١٠﴾ وَقَالَ ٱلَّذِينَ كَفَرُوا۟ لِلَّذِينَ ءَامَنُوا۟ لَوْ كَانَ خَيْرًا مَّا سَبَقُونَآ إِلَيْهِ ۚ وَإِذْ لَمْ يَهْتَدُوا۟ بِهِۦ فَسَيَقُولُونَ هَٰذَآ إِفْكٌ قَدِيمٌ ﴿١١﴾ وَمِن قَبْلِهِۦ كِتَٰبُ مُوسَىٰٓ إِمَامًا وَرَحْمَةً ۚ وَهَٰذَا كِتَٰبٌ مُّصَدِّقٌ لِّسَانًا عَرَبِيًّا لِّيُنذِرَ ٱلَّذِينَ ظَلَمُوا۟ وَبُشْرَىٰ لِلْمُحْسِنِينَ ﴿١٢﴾ إِنَّ ٱلَّذِينَ قَالُوا۟ رَبُّنَا ٱللَّهُ ثُمَّ ٱسْتَقَٰمُوا۟ فَلَا خَوْفٌ عَلَيْهِمْ وَلَا هُمْ يَحْزَنُونَ ﴿١٣﴾ أُو۟لَٰٓئِكَ أَصْحَٰبُ ٱلْجَنَّةِ خَٰلِدِينَ فِيهَا جَزَآءًۢ بِمَا كَانُوا۟ يَعْمَلُونَ ﴿١٤﴾

6.- Và khi nhân loại sẽ được tập trung lại (vào Ngày Phục sinh), chúng (các thần linh) sẽ trở thành kẻ thù của họ và sẽ phủ nhận việc họ tôn thờ chúng.

7.- Và khi các Lời mặc khải rõ rệt của *TA* đã được đọc ra cho chúng, những kẻ vô đức tin nói về sự Thật (Qur'ān) sau khi nó đến tai chúng như sau: "Đây là trò phù thủy rõ rệt!"

8.- Hoặc chúng nói: "Y (Muhammad) đã bịa đặt Nó (Qur'ān)"? Hãy bảo chúng: "Nếu ta đã bịa đặt Nó thì các người sẽ không tài nào giúp ta thoát khỏi (hình phạt của) Allah. Ngài biết rõ điều mà các người nói về Nó. Riêng Ngài thôi đủ làm một nhân chứng giữa ta và các người. Và Ngài là Đấng Hằng Tha thứ, Rất mực Khoan dung."

9.- Hãy bảo chúng: "Ta không phải là một người bịa đặt điều mới trong số các Sứ giả (của Allah), ta cũng không biết điều gì sẽ xảy đến cho ta và cho các người. Thật sự, ta chỉ tuân theo điều đã được mặc khải cho ta và ta chỉ là một Người báo-trước công khai."

10.- Hãy bảo chúng: "Các người có nhận thấy chăng, nếu (Qur'ān này) do Allah ban xuống và các người phủ nhận Nó, trong lúc một nhân chứng trong con cháu của Israel (như Abdullah bin Salām) xác nhận điều tương tự (ghi trong Kinh sách của họ – Kinh Taurāh) cho nên y tin tưởng (và theo Islām), trong lúc các người lại ngạo mạn. Chắc chắn, Allah không hướng dẫn đám người làm điều sai quấy."

11.- Và những kẻ vô đức tin nói về những người có đức tin như sau: "Nếu nó (Islām) là một điều tốt thì những người (Muslim nghèo khó) này đã không gia nhập nó trước bọn ta." và khi chúng không muốn để cho Nó (Qur'ān) hướng dẫn chúng, chúng bảo: "Đây là một điều láo khoét từ xa xưa."

12.- Và trước Nó (Qur'ān) là Kinh sách của Mūsa (Kinh Taurāh) được xem như một Hướng đạo và một Hồng ân. Và (Qur'ān) này là một Kinh sách bằng tiếng Ả-rập xác nhận lại (sự Thật nơi Kinh Taurāh của Mūsa) dùng để cảnh cáo những ai làm điều sai quấy, và báo tin mừng cho những người làm tốt.

13.- Quả thật, những ai nói: "*Rabb* chúng tôi là Allah," rồi kiên quyết đứng vững thì sẽ không lo sợ cũng sẽ không buồn phiền.

14.- Họ sẽ là những người Bạn của Thiên đàng, nơi mà họ sẽ vào ở trong đó (đời đời), một phần thưởng về những điều (thiện) mà họ đã từng làm (trên thế gian).

وَوَصَّيۡنَا ٱلۡإِنسَٰنَ بِوَٰلِدَيۡهِ إِحۡسَٰنًاۖ حَمَلَتۡهُ أُمُّهُۥ كُرۡهٗا وَوَضَعَتۡهُ
كُرۡهٗاۖ وَحَمۡلُهُۥ وَفِصَٰلُهُۥ ثَلَٰثُونَ شَهۡرًاۚ حَتَّىٰٓ إِذَا بَلَغَ أَشُدَّهُۥ وَبَلَغَ
أَرۡبَعِينَ سَنَةٗ قَالَ رَبِّ أَوۡزِعۡنِيٓ أَنۡ أَشۡكُرَ نِعۡمَتَكَ ٱلَّتِيٓ أَنۡعَمۡتَ
عَلَيَّ وَعَلَىٰ وَٰلِدَيَّ وَأَنۡ أَعۡمَلَ صَٰلِحٗا تَرۡضَىٰهُ وَأَصۡلِحۡ لِي فِي ذُرِّيَّتِيٓۖ
إِنِّي تُبۡتُ إِلَيۡكَ وَإِنِّي مِنَ ٱلۡمُسۡلِمِينَ ١٥ أُوْلَٰٓئِكَ ٱلَّذِينَ نَتَقَبَّلُ
عَنۡهُمۡ أَحۡسَنَ مَا عَمِلُواْ وَنَتَجَاوَزُ عَن سَيِّـَٔاتِهِمۡ فِيٓ أَصۡحَٰبِ
ٱلۡجَنَّةِۖ وَعۡدَ ٱلصِّدۡقِ ٱلَّذِي كَانُواْ يُوعَدُونَ ١٦ وَٱلَّذِي قَالَ
لِوَٰلِدَيۡهِ أُفّٖ لَّكُمَآ أَتَعِدَانِنِيٓ أَنۡ أُخۡرَجَ وَقَدۡ خَلَتِ ٱلۡقُرُونُ مِن
قَبۡلِي وَهُمَا يَسۡتَغِيثَانِ ٱللَّهَ وَيۡلَكَ ءَامِنۡ إِنَّ وَعۡدَ ٱللَّهِ حَقّٞ فَيَقُولُ
مَا هَٰذَآ إِلَّآ أَسَٰطِيرُ ٱلۡأَوَّلِينَ ١٧ أُوْلَٰٓئِكَ ٱلَّذِينَ حَقَّ عَلَيۡهِمُ ٱلۡقَوۡلُ
فِيٓ أُمَمٖ قَدۡ خَلَتۡ مِن قَبۡلِهِم مِّنَ ٱلۡجِنِّ وَٱلۡإِنسِۖ إِنَّهُمۡ كَانُواْ خَٰسِرِينَ
١٨ وَلِكُلّٖ دَرَجَٰتٞ مِّمَّا عَمِلُواْۖ وَلِيُوَفِّيَهُمۡ أَعۡمَٰلَهُمۡ وَهُمۡ لَا يُظۡلَمُونَ
١٩ وَيَوۡمَ يُعۡرَضُ ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ عَلَى ٱلنَّارِ أَذۡهَبۡتُمۡ طَيِّبَٰتِكُمۡ فِي حَيَاتِكُمُ
ٱلدُّنۡيَا وَٱسۡتَمۡتَعۡتُم بِهَا فَٱلۡيَوۡمَ تُجۡزَوۡنَ عَذَابَ ٱلۡهُونِ بِمَا كُنتُمۡ
تَسۡتَكۡبِرُونَ فِي ٱلۡأَرۡضِ بِغَيۡرِ ٱلۡحَقِّ وَبِمَا كُنتُمۡ تَفۡسُقُونَ ٢٠

15.- Và *TA* đã truyền cho con người nên hiếu thảo và ân cần với cha mẹ của mình. Mẹ của y đã cưu mang y nặng nhọc và hạ sanh y trong đau đớn; thời gian cưu mang và dứt sữa y là ba mươi tháng. Mãi cho đến khi y trưởng thành và được bốn mươi tuổi, y cầu nguyện, thưa: "Lạy *Rabb* của bề tôi! Xin Ngài ban cho bề tôi khả năng và sức mạnh để bề tôi có thể đền đáp về các Ân huệ mà Ngài đã ban cho bề tôi và cho cha mẹ của bề tôi và để cho bề tôi có thể làm điều thiện được Ngài chấp nhận. Và xin Ngài nhân từ với bề tôi về con cháu của bề tôi. Quả thật, bề tôi quay về sám hối với Ngài và là một người Muslim (thần phục Ngài).

16.- Họ sẽ là những người nằm trong cư dân của Thiên đàng mà *TA* sẽ thu nhận về công đức tốt nhất mà họ đã làm và bỏ qua những việc làm xấu xa của họ,. Đây là Lời hứa chân thật đã được hứa với họ (trên thế gian).

17.- Và có kẻ nói tiếng 'Hứ' với cha mẹ của mình, bảo: "Có phải hai ông bà đã (dọa) tôi hứa rằng tôi sẽ được đưa ra (khỏi mộ) trở lại trong lúc những thế hệ đã qua đời trước tôi (đâu có ai sống lại)?" Và hai ông bà cầu xin Allah giúp đỡ (và rầy con:) "Khổ thân con đấy! Con phải tin tưởng! Quả thật, Lời hứa của Allah là sự Thật." Nhưng y nói: "Điều này chẳng qua chỉ là chuyện cổ tích mà thôi."

18.- Đó là những kẻ mà lời (trừng phạt) đối với chúng đã được xác minh đúng sự thật nơi những cộng đồng của loài *Jinn* và loài người đã qua đời trước chúng. Chúng quả thật là những kẻ sẽ mất mát nhất (ở Đời sau).

19.- Và tất cả sẽ được ban cho cấp bậc tùy theo công việc mà họ đã làm và để Ngài (Allah) đền trả lại họ đầy đủ về việc làm của họ; và họ sẽ không bị đối xử bất công.

20.- Và vào Ngày mà những kẻ vô đức tin sẽ được đưa đến trước Lửa (của Hỏa ngục) và (có lời bảo chúng): "Các ngươi đã tiêu phí các món vật tốt trong đời của các ngươi nơi thế gian và các ngươi đã vui hưởng chúng. Bởi thế, Ngày nay các ngươi sẽ được đền bù lại bằng hình phạt nhục nhã vì lý do các ngươi đã tỏ ra ngạo mạn trên mặt đất, bất chấp lẽ phải và sự thật và bởi vì các ngươi đã bất tuân và dấy loạn."

۞ وَٱذۡكُرۡ أَخَا عَادٍ إِذۡ أَنذَرَ قَوۡمَهُۥ بِٱلۡأَحۡقَافِ وَقَدۡ خَلَتِ ٱلنُّذُرُ مِنۢ بَيۡنِ يَدَيۡهِ وَمِنۡ خَلۡفِهِۦٓ أَلَّا تَعۡبُدُوٓاْ إِلَّا ٱللَّهَ إِنِّيٓ أَخَافُ عَلَيۡكُمۡ عَذَابَ يَوۡمٍ عَظِيمٖ ﴿٢١﴾ قَالُوٓاْ أَجِئۡتَنَا لِتَأۡفِكَنَا عَنۡ ءَالِهَتِنَا فَأۡتِنَا بِمَا تَعِدُنَآ إِن كُنتَ مِنَ ٱلصَّٰدِقِينَ ﴿٢٢﴾ قَالَ إِنَّمَا ٱلۡعِلۡمُ عِندَ ٱللَّهِ وَأُبَلِّغُكُم مَّآ أُرۡسِلۡتُ بِهِۦ وَلَٰكِنِّيٓ أَرَىٰكُمۡ قَوۡمٗا تَجۡهَلُونَ ﴿٢٣﴾ فَلَمَّا رَأَوۡهُ عَارِضٗا مُّسۡتَقۡبِلَ أَوۡدِيَتِهِمۡ قَالُواْ هَٰذَا عَارِضٞ مُّمۡطِرُنَاۚ بَلۡ هُوَ مَا ٱسۡتَعۡجَلۡتُم بِهِۦۖ رِيحٞ فِيهَا عَذَابٌ أَلِيمٞ ﴿٢٤﴾ تُدَمِّرُ كُلَّ شَيۡءِۭ بِأَمۡرِ رَبِّهَا فَأَصۡبَحُواْ لَا يُرَىٰٓ إِلَّا مَسَٰكِنُهُمۡۚ كَذَٰلِكَ نَجۡزِي ٱلۡقَوۡمَ ٱلۡمُجۡرِمِينَ ﴿٢٥﴾ وَلَقَدۡ مَكَّنَّٰهُمۡ فِيمَآ إِن مَّكَّنَّٰكُمۡ فِيهِ وَجَعَلۡنَا لَهُمۡ سَمۡعٗا وَأَبۡصَٰرٗا وَأَفۡـِٔدَةٗ فَمَآ أَغۡنَىٰ عَنۡهُمۡ سَمۡعُهُمۡ وَلَآ أَبۡصَٰرُهُمۡ وَلَآ أَفۡـِٔدَتُهُم مِّن شَيۡءٍ إِذۡ كَانُواْ يَجۡحَدُونَ بِـَٔايَٰتِ ٱللَّهِ وَحَاقَ بِهِم مَّا كَانُواْ بِهِۦ يَسۡتَهۡزِءُونَ ﴿٢٦﴾ وَلَقَدۡ أَهۡلَكۡنَا مَا حَوۡلَكُم مِّنَ ٱلۡقُرَىٰ وَصَرَّفۡنَا ٱلۡأٓيَٰتِ لَعَلَّهُمۡ يَرۡجِعُونَ ﴿٢٧﴾ فَلَوۡلَا نَصَرَهُمُ ٱلَّذِينَ ٱتَّخَذُواْ مِن دُونِ ٱللَّهِ قُرۡبَانًا ءَالِهَةَۢۖ بَلۡ ضَلُّواْ عَنۡهُمۡۚ وَذَٰلِكَ إِفۡكُهُمۡ وَمَا كَانُواْ يَفۡتَرُونَ ﴿٢٨﴾

21.- Và hãy nhớ (*Hūd*), người anh em của bộ lạc 'Ād khi Người cảnh cáo người dân của Người sống nơi vùng cồn cát (ở phía Nam của bán đảo Ả-rập); và trước và sau (thời kỳ của) Người đã có những Người báo-trước đến bảo họ: "Hãy thờ phụng riêng Allah thôi. Thật sự, ta sợ giùm cho các người về sự trừng phạt của một Ngày to tát."

22.- Họ đáp: "Có phải ông đến gặp chúng tôi để bắt chúng tôi bỏ các thần linh của chúng tôi? Thế hãy mang điều (hình phạt) mà ông đã hăm dọa chúng tôi đến cho chúng tôi thấy đi nếu ông nói thật?"

23.- (Hūd) bảo: "Chỉ riêng Allah biết rõ (Giờ khắc mà) tai họa (sẽ xảy đến cho các người). Và ta chỉ truyền đạt cho các người điều (trừng phạt) mà ta được cử mang đến. Nhưng ta thấy các người là một đám người thật ngu xuẩn."

24.- Nhưng khi thấy nó (hình phạt) đang tiến đến thung lũng của họ như một đám mây dày đặc, họ bảo: "Đám mây này sẽ ban cho chúng ta nước mưa." (Hūd bảo:) "Không, đó là (hình phạt) mà các người thúc giục cho mau đến! - một trận gió mang một sự trừng phạt đau đớn bay đến

25.- Tàn phá mọi vật theo Mệnh Lệnh của *Rabb* của nó. Bởi thế, sáng hôm sau chẳng còn thấy gì ngoài những căn nhà (đổ nát) của họ. *TA* báo oán đám người tội lỗi đúng như thế.

26.- Và chắc chắn *TA* đã định cư họ trong sự (phồn thịnh) mà *TA* đã không dùng để định cư các người (hỡi đám người Quraysh!) và *TA* đã ban cho họ thính giác, thị giác và tấm lòng (cùng trí tuệ), nhưng thính giác, thị giác và tấm lòng của họ chẳng giúp ích gì được cho họ khi họ tiếp tục bài bác các Lời mặc khải của Allah và họ sẽ bị vây hãm kín mít bởi các điều mà họ đã từng chế giễu.

27.- Và chắc chắn *TA* đã tàn phá những thị trấn xung quanh các người và đã trình bày các Dấu hiệu bằng nhiều cách để các người có dịp trở lại (nẻo chánh).

28.- Thế tại sao những kẻ mà chúng nhận làm những thần linh ngoài Allah, một hình thức đưa họ đến gần Ngài- không đến giúp họ đi? Không, chúng đã bỏ họ đi mất dạng. Và đó chỉ là lời nói dối của họ và là một điều mà họ đã bịa đặt.

وَإِذۡ صَرَفۡنَآ إِلَيۡكَ نَفَرٗا مِّنَ ٱلۡجِنِّ يَسۡتَمِعُونَ ٱلۡقُرۡءَانَ فَلَمَّا
حَضَرُوهُ قَالُوٓاْ أَنصِتُواْۖ فَلَمَّا قُضِيَ وَلَّوۡاْ إِلَىٰ قَوۡمِهِم مُّنذِرِينَ
٢٩ قَالُواْ يَٰقَوۡمَنَآ إِنَّا سَمِعۡنَا كِتَٰبًا أُنزِلَ مِنۢ بَعۡدِ مُوسَىٰ
مُصَدِّقٗا لِّمَا بَيۡنَ يَدَيۡهِ يَهۡدِيٓ إِلَى ٱلۡحَقِّ وَإِلَىٰ طَرِيقٖ مُّسۡتَقِيمٖ
٣٠ يَٰقَوۡمَنَآ أَجِيبُواْ دَاعِيَ ٱللَّهِ وَءَامِنُواْ بِهِۦ يَغۡفِرۡ لَكُم مِّن
ذُنُوبِكُمۡ وَيُجِرۡكُم مِّنۡ عَذَابٍ أَلِيمٖ ٣١ وَمَن لَّا يُجِبۡ دَاعِيَ ٱللَّهِ
فَلَيۡسَ بِمُعۡجِزٖ فِي ٱلۡأَرۡضِ وَلَيۡسَ لَهُۥ مِن دُونِهِۦٓ أَوۡلِيَآءُۚ أُوْلَٰٓئِكَ
فِي ضَلَٰلٖ مُّبِينٍ ٣٢ أَوَلَمۡ يَرَوۡاْ أَنَّ ٱللَّهَ ٱلَّذِي خَلَقَ ٱلسَّمَٰوَٰتِ
وَٱلۡأَرۡضَ وَلَمۡ يَعۡيَ بِخَلۡقِهِنَّ بِقَٰدِرٍ عَلَىٰٓ أَن يُحۡـِۧيَ ٱلۡمَوۡتَىٰۚ بَلَىٰٓۚ
إِنَّهُۥ عَلَىٰ كُلِّ شَيۡءٖ قَدِيرٞ ٣٣ وَيَوۡمَ يُعۡرَضُ ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ عَلَى ٱلنَّارِ
أَلَيۡسَ هَٰذَا بِٱلۡحَقِّۖ قَالُواْ بَلَىٰ وَرَبِّنَاۚ قَالَ فَذُوقُواْ ٱلۡعَذَابَ بِمَا
كُنتُمۡ تَكۡفُرُونَ ٣٤ فَٱصۡبِرۡ كَمَا صَبَرَ أُوْلُواْ ٱلۡعَزۡمِ مِنَ ٱلرُّسُلِ
وَلَا تَسۡتَعۡجِل لَّهُمۡۚ كَأَنَّهُمۡ يَوۡمَ يَرَوۡنَ مَا يُوعَدُونَ لَمۡ يَلۡبَثُوٓاْ إِلَّا
سَاعَةٗ مِّن نَّهَارِۭۚ بَلَٰغٞۚ فَهَلۡ يُهۡلَكُ إِلَّا ٱلۡقَوۡمُ ٱلۡفَٰسِقُونَ ٣٥

سُورَةُ مُحَمَّدٍ

29.- Và khi *TA* (Allah) quay một nhóm (ba đến mười con) *Jinn* hướng về phía Ngươi (Muhammad) và lắng nghe (Ngươi) đọc Qur'ān. Và khi chúng hiện diện nơi đó, chúng bảo nhau: "Hãy im lặng nghe (Qur'ān)!" Bởi thế, khi cuộc xướng đọc chấm dứt, chúng trở về cảnh cáo người dân của chúng.

30.- Chúng bảo: "Hỡi người dân chúng tôi! Chúng tôi đã nghe đọc một Kinh sách đã được ban xuống sau Mūsa, xác nhận lại điều đã có trước Nó, hướng dẫn đến Chân lý và Chính đạo (Islām).

31.- Hỡi người dân chúng tôi! Hãy đáp lại Người mời-gọi của Allah (Nabi Muhammad) và tin tưởng nơi Người; Ngài (Allah) sẽ tha thứ tội lỗi của quí vị cho quí vị và giải cứu quí vị khỏi sự trừng phạt đau đớn.

32.- Và ai không đáp lại Người mời-gọi của Allah, thì sẽ không trốn thoát khỏi (Allah) được trên trái đất cũng sẽ không có các vị bảo hộ nào ngoài Allah cả. Họ đang lầm lạc rõ rệt."

33.- Há họ không nhận thấy rằng Allah, Đấng đã tạo hóa các tầng trời và trái đất và không bao giờ mỏi mệt bởi việc tạo hóa chúng, sẽ thừa khả năng làm cho người chết sống lại hay sao? Vâng, quả thật, Ngài thừa quyền năng làm được tất cả mọi vật.

34.- Và vào Ngày mà những kẻ vô đức tin sẽ được dẫn đến trước Lửa (của Hỏa ngục với câu hỏi:) "Há Lửa này không thật hay sao?" Chúng sẽ thưa: "Lạy *Rabb* chúng tôi, Vâng ạ!" (Allah) phán: "Thế hãy nếm sự trừng phạt vì tội các ngươi đã từng phủ nhận đức tin."

35.- Do đó, hãy kiên nhẫn như các Sứ giả đầy cương nghị (trước Ngươi) đã từng chịu đựng và chớ nóng lòng về chúng (những kẻ vô đức tin). Bởi vì vào Ngày mà chúng nhìn thấy điều (trừng phạt) đã được hứa với chúng, chúng sẽ có cảm tưởng như đã ở lại trên trái đất chỉ một giờ trong một ngày. (Qur'ān là) một Thông điệp. Thế phải chăng chỉ đám người bất tuân mới bị tiêu diệt hay sao?

MUHAMMAD
(Nabi Muhammad)

بِسْمِ اللَّهِ الرَّحْمَٰنِ الرَّحِيمِ

الَّذِينَ كَفَرُوا وَصَدُّوا عَن سَبِيلِ اللَّهِ أَضَلَّ أَعْمَالَهُمْ ﴿١﴾ وَالَّذِينَ آمَنُوا وَعَمِلُوا الصَّالِحَاتِ وَآمَنُوا بِمَا نُزِّلَ عَلَىٰ مُحَمَّدٍ وَهُوَ الْحَقُّ مِن رَّبِّهِمْ كَفَّرَ عَنْهُمْ سَيِّئَاتِهِمْ وَأَصْلَحَ بَالَهُمْ ﴿٢﴾ ذَٰلِكَ بِأَنَّ الَّذِينَ كَفَرُوا اتَّبَعُوا الْبَاطِلَ وَأَنَّ الَّذِينَ آمَنُوا اتَّبَعُوا الْحَقَّ مِن رَّبِّهِمْ ۚ كَذَٰلِكَ يَضْرِبُ اللَّهُ لِلنَّاسِ أَمْثَالَهُمْ ﴿٣﴾ فَإِذَا لَقِيتُمُ الَّذِينَ كَفَرُوا فَضَرْبَ الرِّقَابِ حَتَّىٰ إِذَا أَثْخَنتُمُوهُمْ فَشُدُّوا الْوَثَاقَ فَإِمَّا مَنًّا بَعْدُ وَإِمَّا فِدَاءً حَتَّىٰ تَضَعَ الْحَرْبُ أَوْزَارَهَا ۚ ذَٰلِكَ وَلَوْ يَشَاءُ اللَّهُ لَانتَصَرَ مِنْهُمْ وَلَٰكِن لِّيَبْلُوَ بَعْضَكُم بِبَعْضٍ ۗ وَالَّذِينَ قُتِلُوا فِي سَبِيلِ اللَّهِ فَلَن يُضِلَّ أَعْمَالَهُمْ ﴿٤﴾ سَيَهْدِيهِمْ وَيُصْلِحُ بَالَهُمْ ﴿٥﴾ وَيُدْخِلُهُمُ الْجَنَّةَ عَرَّفَهَا لَهُمْ ﴿٦﴾ يَا أَيُّهَا الَّذِينَ آمَنُوا إِن تَنصُرُوا اللَّهَ يَنصُرْكُمْ وَيُثَبِّتْ أَقْدَامَكُمْ ﴿٧﴾ وَالَّذِينَ كَفَرُوا فَتَعْسًا لَّهُمْ وَأَضَلَّ أَعْمَالَهُمْ ﴿٨﴾ ذَٰلِكَ بِأَنَّهُمْ كَرِهُوا مَا أَنزَلَ اللَّهُ فَأَحْبَطَ أَعْمَالَهُمْ ﴿٩﴾ ۞ أَفَلَمْ يَسِيرُوا فِي الْأَرْضِ فَيَنظُرُوا كَيْفَ كَانَ عَاقِبَةُ الَّذِينَ مِن قَبْلِهِمْ ۖ دَمَّرَ اللَّهُ عَلَيْهِمْ ۖ وَلِلْكَافِرِينَ أَمْثَالُهَا ﴿١٠﴾ ذَٰلِكَ بِأَنَّ اللَّهَ مَوْلَى الَّذِينَ آمَنُوا وَأَنَّ الْكَافِرِينَ لَا مَوْلَىٰ لَهُمْ ﴿١١﴾

نصف الحزب ٥١

Nhân danh Allah, Đấng Rất mực Độ lượng,
Đấng Rất mực Khoan dung

1.- Những ai không tin tưởng và cản trở (người khác) không cho theo con đường của Allah là những kẻ mà việc làm sẽ trở thành vô nghĩa.

2.- Còn những ai có đức tin và làm việc thiện và tin tưởng nơi những điều (mặc khải) đã được ban xuống cho Muhammad bởi lẽ đó là Chân lý từ *Rabb* (Allah) của họ, thì sẽ được Ngài (Allah) xóa bỏ mọi điều xấu xa (tội lỗi) và cải thiện điều kiện của họ.

3.- Sở dĩ như thế là vì những kẻ vô đức tin tuân theo điều giả dối, và những người có đức tin tuân theo chân lý từ *Rabb* của họ. Và Allah trình bày những thí dụ (ngụ ngôn) của họ cho nhân loại đúng như thế.

4.- Do đó, khi các người giao chiến với những kẻ không tin, hãy đập vào cổ của chúng cho đến khi các người thắng được chúng, rồi trói chặt chúng lại; sau đó, hoặc trả tự do hoặc bắt chúng chuộc mạng cho đến khi chiến tranh trút bỏ gánh nặng của nó. (Allah truyền lệnh cho các người) như thế. Và nếu Allah muốn thì đích thân Ngài sẽ trừng phạt chúng. Nhưng Ngài muốn dùng người này để thử thách người kia. Và những ai bị giết vì con-đường của Allah, thì chắc chắn Ngài sẽ không bao giờ làm phí mất công lao của họ.

5.- Ngài sẽ sớm hướng dẫn và cải thiện điều kiện của họ;

6.- Và Ngài sẽ thu nhận họ vào Thiên đàng mà Ngài sẽ cho họ biết.

7.- Hỡi những ai có niềm tin! Nếu các người giúp (Chính nghĩa của) Allah thì Ngài sẽ giúp các người trở lại và làm cho bàn chân của các người đứng vững chắc.

8.- Và những kẻ không tin sẽ bị tiêu diệt và (Allah) sẽ triệt tiêu việc làm của chúng.

9.- Như thế là vì chúng ghét những điều (mặc khải) mà Allah đã ban xuống. Cho nên Ngài đã biến việc làm của chúng thành vô-nghĩa.

10.- Há chúng không đi xa trên trái đất để xét xem kết cuộc (tàn khốc) của những kẻ sống (ác đức) trước chúng như thế nào ư? Allah đã tiêu diệt chúng. Và những kẻ không có niềm tin sẽ không tránh khỏi số phận tương tự.

11.- Như thế là vì Allah là Đấng Che Chở của những người có đức tin, trong lúc những kẻ không có niềm tin không có Đấng che chở nào cả.

إِنَّ ٱللَّهَ يُدْخِلُ ٱلَّذِينَ ءَامَنُوا۟ وَعَمِلُوا۟ ٱلصَّٰلِحَٰتِ جَنَّٰتٍ تَجْرِى مِن
تَحْتِهَا ٱلْأَنْهَٰرُ ۖ وَٱلَّذِينَ كَفَرُوا۟ يَتَمَتَّعُونَ وَيَأْكُلُونَ كَمَا تَأْكُلُ ٱلْأَنْعَٰمُ
وَٱلنَّارُ مَثْوًى لَّهُمْ ﴿١٢﴾ وَكَأَيِّن مِّن قَرْيَةٍ هِىَ أَشَدُّ قُوَّةً مِّن قَرْيَتِكَ
ٱلَّتِىٓ أَخْرَجَتْكَ أَهْلَكْنَٰهُمْ فَلَا نَاصِرَ لَهُمْ ﴿١٣﴾ أَفَمَن كَانَ عَلَىٰ بَيِّنَةٍ مِّن
رَّبِّهِۦ كَمَن زُيِّنَ لَهُۥ سُوٓءُ عَمَلِهِۦ وَٱتَّبَعُوٓا۟ أَهْوَآءَهُم ﴿١٤﴾ مَّثَلُ ٱلْجَنَّةِ ٱلَّتِى
وُعِدَ ٱلْمُتَّقُونَ ۖ فِيهَآ أَنْهَٰرٌ مِّن مَّآءٍ غَيْرِ ءَاسِنٍ وَأَنْهَٰرٌ مِّن لَّبَنٍ لَّمْ يَتَغَيَّرْ
طَعْمُهُۥ وَأَنْهَٰرٌ مِّنْ خَمْرٍ لَّذَّةٍ لِّلشَّٰرِبِينَ وَأَنْهَٰرٌ مِّنْ عَسَلٍ مُّصَفًّى ۖ وَلَهُمْ
فِيهَا مِن كُلِّ ٱلثَّمَرَٰتِ وَمَغْفِرَةٌ مِّن رَّبِّهِمْ ۖ كَمَنْ هُوَ خَٰلِدٌ فِى ٱلنَّارِ وَسُقُوا۟
مَآءً حَمِيمًا فَقَطَّعَ أَمْعَآءَهُمْ ﴿١٥﴾ وَمِنْهُم مَّن يَسْتَمِعُ إِلَيْكَ حَتَّىٰٓ إِذَا
خَرَجُوا۟ مِنْ عِندِكَ قَالُوا۟ لِلَّذِينَ أُوتُوا۟ ٱلْعِلْمَ مَاذَا قَالَ ءَانِفًا ۚ أُو۟لَٰٓئِكَ
ٱلَّذِينَ طَبَعَ ٱللَّهُ عَلَىٰ قُلُوبِهِمْ وَٱتَّبَعُوٓا۟ أَهْوَآءَهُمْ ﴿١٦﴾ وَٱلَّذِينَ ٱهْتَدَوْا۟
زَادَهُمْ هُدًى وَءَاتَىٰهُمْ تَقْوَىٰهُمْ ﴿١٧﴾ فَهَلْ يَنظُرُونَ إِلَّا ٱلسَّاعَةَ
أَن تَأْتِيَهُم بَغْتَةً ۖ فَقَدْ جَآءَ أَشْرَاطُهَا ۚ فَأَنَّىٰ لَهُمْ إِذَا جَآءَتْهُمْ
ذِكْرَىٰهُمْ ﴿١٨﴾ فَٱعْلَمْ أَنَّهُۥ لَآ إِلَٰهَ إِلَّا ٱللَّهُ وَٱسْتَغْفِرْ لِذَنۢبِكَ
وَلِلْمُؤْمِنِينَ وَٱلْمُؤْمِنَٰتِ ۗ وَٱللَّهُ يَعْلَمُ مُتَقَلَّبَكُمْ وَمَثْوَىٰكُمْ ﴿١٩﴾

12.- Quả thật, Allah sẽ thu nhận những người có đức tin và làm việc thiện vào những Thiên đàng phía dưới có các dòng sông chảy; còn những kẻ không có niềm tin thì hưởng lạc (ở đời này); và chúng ăn uống như thú vật; và chỗ ở của chúng sẽ là Lửa (của Hỏa ngục).

13.- Có bao nhiêu thị trấn phú cường hơn thị trấn (Makkah) của Ngươi (Muhammad), quê hương đã trục xuất Ngươi đi nơi khác, đã bị *TA* tiêu diệt? Bởi thế, không có ai cứu chúng cả.

14.- Thế một người có được một bằng chứng rõ rệt từ *Rabb* của y có giống với một kẻ mà việc làm tội lỗi của nó tỏ ra hấp dẫn đối với nó và tuân theo dục vọng của nó hay không?

15.- Hình ảnh của Thiên đàng đã được hứa với những người ngay chính sợ Allah sẽ là nơi có những dòng sông nước trong vắt không hôi tanh, có những dòng sông sữa tươi mà mùi vị không thay đổi, có những dòng sông rượu mà người uống cảm thấy sảng khoái, có những dòng sông mật ong tinh khiết; có đủ loại trái cây ngon ngọt và sự Tha-thứ từ *Rabb* của họ. (Người ở trong Thiên đàng) có giống với một kẻ đời đời ở trong Lửa (của Hỏa ngục) và uống một loại nước cực sôi cắt đứt ruột của y thành từng đoạn hay không?

16.- Trong bọn chúng có người đến nghe Ngươi (Muhammad) (truyền giảng); cuối cùng khi chúng rời khỏi Ngươi, chúng nói với những ai đã được ban cho sự hiểu biết (như sau:) "Điều mà Y vừa nói là gì vậy?" Chúng là những kẻ mà Allah đã niêm phong quả tim (tấm lòng) và chỉ biết theo dục vọng của mình.

17.- Ngược lại, những ai được hướng dẫn thì sẽ được Allah gia tăng thêm Chỉ đạo và được ban cho lòng sùng kính và sợ Allah.

18.- Thế phải chăng chúng chỉ chờ đợi Giờ (Phân xử)? E rằng nó sẽ xảy đến cho chúng bất ngờ. Nhưng chắc chắn đã xảy ra những điềm báo trước của nó. Và khi nó thực sự xảy ra thì sự tưởng nhớ của chúng có mang (lợi) gì đến cho chúng?

19.- Bởi thế, nên biết rằng quả thật, không có Thượng Đế nào khác duy chỉ Allah thôi. Và hãy xin (Ngài) tha thứ tội của Ngươi (Muhammad) và tha thứ cho các tín đồ nam và nữ. Và Allah biết rõ việc các người di chuyển và nơi chốn nghỉ ngơi của các người.

وَيَقُولُ ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ لَوۡلَا نُزِّلَتۡ سُورَةٞۖ فَإِذَآ أُنزِلَتۡ سُورَةٞ مُّحۡكَمَةٞ وَذُكِرَ فِيهَا ٱلۡقِتَالُ رَأَيۡتَ ٱلَّذِينَ فِي قُلُوبِهِم مَّرَضٞ يَنظُرُونَ إِلَيۡكَ نَظَرَ ٱلۡمَغۡشِيِّ عَلَيۡهِ مِنَ ٱلۡمَوۡتِۖ فَأَوۡلَىٰ لَهُمۡ ٢٠ طَاعَةٞ وَقَوۡلٞ مَّعۡرُوفٞۚ فَإِذَا عَزَمَ ٱلۡأَمۡرُ فَلَوۡ صَدَقُواْ ٱللَّهَ لَكَانَ خَيۡرٗا لَّهُمۡ ٢١ فَهَلۡ عَسَيۡتُمۡ إِن تَوَلَّيۡتُمۡ أَن تُفۡسِدُواْ فِي ٱلۡأَرۡضِ وَتُقَطِّعُوٓاْ أَرۡحَامَكُمۡ ٢٢ أُوْلَٰٓئِكَ ٱلَّذِينَ لَعَنَهُمُ ٱللَّهُ فَأَصَمَّهُمۡ وَأَعۡمَىٰٓ أَبۡصَٰرَهُمۡ ٢٣ أَفَلَا يَتَدَبَّرُونَ ٱلۡقُرۡءَانَ أَمۡ عَلَىٰ قُلُوبٍ أَقۡفَالُهَآ ٢٤ إِنَّ ٱلَّذِينَ ٱرۡتَدُّواْ عَلَىٰٓ أَدۡبَٰرِهِم مِّنۢ بَعۡدِ مَا تَبَيَّنَ لَهُمُ ٱلۡهُدَى ٱلشَّيۡطَٰنُ سَوَّلَ لَهُمۡ وَأَمۡلَىٰ لَهُمۡ ٢٥ ذَٰلِكَ بِأَنَّهُمۡ قَالُواْ لِلَّذِينَ كَرِهُواْ مَا نَزَّلَ ٱللَّهُ سَنُطِيعُكُمۡ فِي بَعۡضِ ٱلۡأَمۡرِۖ وَٱللَّهُ يَعۡلَمُ إِسۡرَارَهُمۡ ٢٦ فَكَيۡفَ إِذَا تَوَفَّتۡهُمُ ٱلۡمَلَٰٓئِكَةُ يَضۡرِبُونَ وُجُوهَهُمۡ وَأَدۡبَٰرَهُمۡ ٢٧ ذَٰلِكَ بِأَنَّهُمُ ٱتَّبَعُواْ مَآ أَسۡخَطَ ٱللَّهَ وَكَرِهُواْ رِضۡوَٰنَهُۥ فَأَحۡبَطَ أَعۡمَٰلَهُمۡ ٢٨ أَمۡ حَسِبَ ٱلَّذِينَ فِي قُلُوبِهِم مَّرَضٌ أَن لَّن يُخۡرِجَ ٱللَّهُ أَضۡغَٰنَهُمۡ ٢٩

20.- Và những ai có niềm tin bảo: "Tại sao không có một chương kinh nào được ban xuống cho chúng tôi?" Nhưng khi có một chương đề cập cụ thể vấn đề được ban xuống trong đó có nói đến việc chiến đấu thì Người sẽ thấy những kẻ mang sẵn trong lòng một chứng bệnh (đạo đức giả) sẽ đảo mắt nhìn Người giống như cái nhìn của một người thất thần sắp chết; nhưng đáng đời cho chúng.

21.- Vâng lệnh (Allah) và lời nói lịch sự (sẽ tốt cho chúng hơn!) Bởi thế, khi vấn đề (chuẩn bị chinh chiến) đã được giải quyết, sau đó nếu chúng chân thật với Allah thì điều đó tốt cho chúng.

22.- Thế phải chăng, nếu các người quay lưng (phản đạo) thì có lẽ các người sẽ làm điều thối nát trên trái đất và cắt đứt tình máu mủ ruột thịt?

23.- Chúng là những kẻ mà Allah đã nguyền rủa; cho nên Ngài đã làm cho chúng điếc và mù.

24.- Há chúng không chịu nghiền ngẫm Qur'ān hay là quả tim (tấm lòng) của chúng đã bị khóa chặt (niêm kín)?

25.- Quả thật, những ai quay lưng phản đạo sau khi đã nhận chân Chỉ đạo (của Allah) thì là những kẻ đã bị *Shaytān* xúi giục và bị nó hứa hão.

26.- Như thế là vì chúng nói với những kẻ ghét điều (mặc khải) do Allah đã ban xuống (như sau): "Chúng tôi sẽ tuân theo quí vị về một phần công việc." Nhưng Allah biết điều bí mật của chúng.

27.- Thế (tình trạng) sẽ ra sao khi các Thiên thần đến bắt hồn của chúng lúc chết bằng cách đập vào mặt và lưng của chúng?

28.- Như thế là vì chúng tuân theo điều làm phật lòng Allah và ghét điều làm hài lòng Ngài. Bởi thế, Ngài triệt tiêu việc làm của chúng.

29.- Phải chăng những ai mang trong lòng một chứng bệnh (đạo đức giả) nghĩ rằng Allah sẽ không đưa ra ánh sáng nỗi oán ghét của chúng hay sao?

وَلَوْ نَشَآءُ لَأَرَيْنَٰكَهُمْ فَلَعَرَفْتَهُم بِسِيمَٰهُمْۚ وَلَتَعْرِفَنَّهُمْ فِي لَحْنِ ٱلْقَوْلِۚ وَٱللَّهُ يَعْلَمُ أَعْمَٰلَكُمْ ﴿٣٠﴾ وَلَنَبْلُوَنَّكُمْ حَتَّىٰ نَعْلَمَ ٱلْمُجَٰهِدِينَ مِنكُمْ وَٱلصَّٰبِرِينَ وَنَبْلُوَاْ أَخْبَارَكُمْ ﴿٣١﴾ إِنَّ ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ وَصَدُّواْ عَن سَبِيلِ ٱللَّهِ وَشَآقُّواْ ٱلرَّسُولَ مِنۢ بَعْدِ مَا تَبَيَّنَ لَهُمُ ٱلْهُدَىٰ لَن يَضُرُّواْ ٱللَّهَ شَيْـًٔا وَسَيُحْبِطُ أَعْمَٰلَهُمْ ﴿٣٢﴾ ۞ يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُوٓاْ أَطِيعُواْ ٱللَّهَ وَأَطِيعُواْ ٱلرَّسُولَ وَلَا تُبْطِلُوٓاْ أَعْمَٰلَكُمْ ﴿٣٣﴾ إِنَّ ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ وَصَدُّواْ عَن سَبِيلِ ٱللَّهِ ثُمَّ مَاتُواْ وَهُمْ كُفَّارٌ فَلَن يَغْفِرَ ٱللَّهُ لَهُمْ ﴿٣٤﴾ فَلَا تَهِنُواْ وَتَدْعُوٓاْ إِلَى ٱلسَّلْمِ وَأَنتُمُ ٱلْأَعْلَوْنَ وَٱللَّهُ مَعَكُمْ وَلَن يَتِرَكُمْ أَعْمَٰلَكُمْ ﴿٣٥﴾ إِنَّمَا ٱلْحَيَوٰةُ ٱلدُّنْيَا لَعِبٌ وَلَهْوٌۚ وَإِن تُؤْمِنُواْ وَتَتَّقُواْ يُؤْتِكُمْ أُجُورَكُمْ وَلَا يَسْـَٔلْكُمْ أَمْوَٰلَكُمْ ﴿٣٦﴾ إِن يَسْـَٔلْكُمُوهَا فَيُحْفِكُمْ تَبْخَلُواْ وَيُخْرِجْ أَضْغَٰنَكُمْ ﴿٣٧﴾ هَٰٓأَنتُمْ هَٰٓؤُلَآءِ تُدْعَوْنَ لِتُنفِقُواْ فِي سَبِيلِ ٱللَّهِ فَمِنكُم مَّن يَبْخَلُۖ وَمَن يَبْخَلْ فَإِنَّمَا يَبْخَلُ عَن نَّفْسِهِۦۚ وَٱللَّهُ ٱلْغَنِيُّ وَأَنتُمُ ٱلْفُقَرَآءُۚ وَإِن تَتَوَلَّوْاْ يَسْتَبْدِلْ قَوْمًا غَيْرَكُمْ ثُمَّ لَا يَكُونُوٓاْ أَمْثَٰلَكُم ﴿٣٨﴾

ثلاثة أرباع الحزب ٥١

30.- Và nếu muốn, *TA* (Allah) có thể vạch mặt chúng cho Ngươi (Muhammad) thấy; nhưng Ngươi có thể nhận ra chúng qua những nét đặc trưng của chúng. Và chắc chắn, Ngươi nhận ra chúng qua giọng nói của chúng; và Allah biết rõ những điều các ngươi làm.

31.- Và chắc chắn *TA* (Allah) sẽ thử thách các ngươi cho đến khi *TA* biết rõ ai là người trong các ngươi đã chiến đấu anh dũng và kiên trì, và *TA* sẽ thử thách tình trạng của các ngươi.

32.- Quả thật, những ai không có đức tin và cản trở (người khác) theo con đường của Allah và chống đối Sứ giả (của Allah) sau khi đã được hướng dẫn thì sẽ không làm tổn thương Allah một mảy may; ngược lại, Ngài sẽ biến việc làm của chúng thành vô nghĩa.

33.- Hỡi những ai có niềm tin! Hãy tuân lệnh Allah và tuân lệnh Sứ giả (của Allah) và chớ làm phí mất công lao của các ngươi.

34.- Quả thật, những ai không có niềm tin và cản trở (thiên hạ) xa khỏi con đường của Allah rồi chết như những kẻ vô đức tin thì chắc chắn Allah sẽ không bao giờ tha thứ cho họ.

35.- Bởi thế, chớ nản lòng và chớ nhút nhát kêu gào hòa bình trong lúc các ngươi đang nắm ưu thế; và Allah đang ở cùng với các ngươi. Và không bao giờ Allah sẽ làm phí mất công sức của các ngươi.

36.- Cuộc sống trần tục này chỉ là một cuộc vui chơi và tiêu khiển. Và nếu các ngươi có đức tin và sợ Allah, thì Ngài sẽ đãi ngộ các ngươi xứng đáng và không đòi hỏi gì từ tài sản của các ngươi.

37.- Nếu Ngài hỏi nó (tài sản) từ các ngươi và làm áp lực đối với các ngươi thì các ngươi sẽ keo kiệt ôm giữ nó và Ngài sẽ đưa ra ánh sáng nỗi oán ghét (được giấu kín trong lòng của các ngươi).

38.- Này các ngươi! Các ngươi là những người được kêu gọi chi dùng (tài sản) cho Chính nghĩa của Allah nhưng trong các ngươi có một số keo kiệt (ôm giữ của). Và ai keo kiệt thì chỉ keo kiệt bất lợi cho bản thân mình thôi bởi vì Allah Giàu có và Đầy đủ trong lúc các ngươi là những kẻ nghèo khó. Và nếu các ngươi quay lưng (bỏ Islām và không tuân lệnh của Allah) thì Ngài sẽ đưa một đám người khác đến thay thế các ngươi rồi họ sẽ không giống như các ngươi.

سُورَةُ الفَتحِ

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

إِنَّا فَتَحۡنَا لَكَ فَتۡحٗا مُّبِينٗا ١ لِّيَغۡفِرَ لَكَ ٱللَّهُ مَا تَقَدَّمَ مِن ذَنۢبِكَ وَمَا تَأَخَّرَ وَيُتِمَّ نِعۡمَتَهُۥ عَلَيۡكَ وَيَهۡدِيَكَ صِرَٰطٗا مُّسۡتَقِيمٗا ٢ وَيَنصُرَكَ ٱللَّهُ نَصۡرًا عَزِيزًا ٣ هُوَ ٱلَّذِيٓ أَنزَلَ ٱلسَّكِينَةَ فِي قُلُوبِ ٱلۡمُؤۡمِنِينَ لِيَزۡدَادُوٓاْ إِيمَٰنٗا مَّعَ إِيمَٰنِهِمۡۗ وَلِلَّهِ جُنُودُ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضِۚ وَكَانَ ٱللَّهُ عَلِيمًا حَكِيمٗا ٤ لِّيُدۡخِلَ ٱلۡمُؤۡمِنِينَ وَٱلۡمُؤۡمِنَٰتِ جَنَّٰتٖ تَجۡرِي مِن تَحۡتِهَا ٱلۡأَنۡهَٰرُ خَٰلِدِينَ فِيهَا وَيُكَفِّرَ عَنۡهُمۡ سَيِّـَٔاتِهِمۡۚ وَكَانَ ذَٰلِكَ عِندَ ٱللَّهِ فَوۡزًا عَظِيمٗا ٥ وَيُعَذِّبَ ٱلۡمُنَٰفِقِينَ وَٱلۡمُنَٰفِقَٰتِ وَٱلۡمُشۡرِكِينَ وَٱلۡمُشۡرِكَٰتِ ٱلظَّآنِّينَ بِٱللَّهِ ظَنَّ ٱلسَّوۡءِۚ عَلَيۡهِمۡ دَآئِرَةُ ٱلسَّوۡءِۖ وَغَضِبَ ٱللَّهُ عَلَيۡهِمۡ وَلَعَنَهُمۡ وَأَعَدَّ لَهُمۡ جَهَنَّمَۖ وَسَآءَتۡ مَصِيرٗا ٦ وَلِلَّهِ جُنُودُ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضِۚ وَكَانَ ٱللَّهُ عَزِيزًا حَكِيمًا ٧ إِنَّآ أَرۡسَلۡنَٰكَ شَٰهِدٗا وَمُبَشِّرٗا وَنَذِيرٗا ٨ لِّتُؤۡمِنُواْ بِٱللَّهِ وَرَسُولِهِۦ وَتُعَزِّرُوهُ وَتُوَقِّرُوهُۚ وَتُسَبِّحُوهُ بُكۡرَةٗ وَأَصِيلًا ٩

AL-FATH
(Thắng Lợi)

Nhân danh Allah, Đấng Rất mực Độ lượng,
Đấng Rất mực Khoan dung

1.- Quả thật, *TA* (Allah) đã ban cho Ngươi (Muhammad) một thắng lợi rõ rệt.

2.- Để Allah tha thứ cho Ngươi tội lỗi của Ngươi trong quá khứ và trong tương lai; và hoàn tất Ân huệ của Ngài cho Ngươi và hướng dẫn Ngươi theo Chính đạo;

3.- Và Allah đã tận tình giúp đỡ Ngươi bằng một sự giúp đỡ mãnh liệt.

4.- Ngài là Đấng ban sự bình lặng xuống tấm lòng của những người có đức tin để cho đức tin của họ ngày càng gia tăng; và các lực lượng (Thiên thần) trên trời và (lực lượng của tín đồ) dưới đất đều là của Allah cả. Và Allah là Đấng Hằng Biết hết, Rất mực Sáng suốt.

5.- Để Ngài có thể thu nhận các nam và nữ tín đồ vào những Thiên đàng bên dưới có các dòng sông chảy để vào ở trong đó đời đời; và Ngài sẽ xóa bỏ những điều xấu xa của họ; và điều đó dưới nhãn quan của Allah là một thắng lợi vẻ vang nhất.

6.- Và để Ngài có thể trừng phạt những tên đạo đức giả, nam và nữ, và những người thờ thần tượng, nam và nữ, đã nghĩ xấu về Allah, đến lượt chúng sẽ đền tội; và chúng đón nhận cơn thịnh nộ của Allah, và Ngài sẽ nguyền rủa chúng và chuẩn bị sẵn cho chúng Hỏa ngục, một mức đến cuối cùng rất xấu.

7.- Và các lực lượng trên trời và dưới đất đều là của Allah cả. Và Allah là Đấng Hằng Biết hết tất cả, Rất mực Cao Minh.

8.- Chắc chắn *TA* (Allah) đã phái Ngươi (Muhammad) đến làm một Nhân chứng, vừa báo tin mừng vừa cảnh cáo.

9.- Để các người (hỡi các tín đồ!) có thể tin tưởng nơi Allah và Sứ giả của Ngài và ủng hộ và tôn vinh Người, và tán dương Ngài (Allah) sáng và chiều.

إِنَّ ٱلَّذِينَ يُبَايِعُونَكَ إِنَّمَا يُبَايِعُونَ ٱللَّهَ يَدُ ٱللَّهِ فَوۡقَ
أَيۡدِيهِمۡۚ فَمَن نَّكَثَ فَإِنَّمَا يَنكُثُ عَلَىٰ نَفۡسِهِۦۖ وَمَنۡ أَوۡفَىٰ
بِمَا عَٰهَدَ عَلَيۡهُ ٱللَّهَ فَسَيُؤۡتِيهِ أَجۡرًا عَظِيمٗا ﴿١٠﴾ سَيَقُولُ
لَكَ ٱلۡمُخَلَّفُونَ مِنَ ٱلۡأَعۡرَابِ شَغَلَتۡنَآ أَمۡوَٰلُنَا وَأَهۡلُونَا
فَٱسۡتَغۡفِرۡ لَنَاۚ يَقُولُونَ بِأَلۡسِنَتِهِم مَّا لَيۡسَ فِي قُلُوبِهِمۡۚ قُلۡ
فَمَن يَمۡلِكُ لَكُم مِّنَ ٱللَّهِ شَيۡـًٔا إِنۡ أَرَادَ بِكُمۡ ضَرًّا أَوۡ أَرَادَ بِكُمۡ
نَفۡعَۢاۚ بَلۡ كَانَ ٱللَّهُ بِمَا تَعۡمَلُونَ خَبِيرَۢا ﴿١١﴾ بَلۡ ظَنَنتُمۡ أَن لَّن
يَنقَلِبَ ٱلرَّسُولُ وَٱلۡمُؤۡمِنُونَ إِلَىٰٓ أَهۡلِيهِمۡ أَبَدٗا وَزُيِّنَ ذَٰلِكَ فِي
قُلُوبِكُمۡ وَظَنَنتُمۡ ظَنَّ ٱلسَّوۡءِ وَكُنتُمۡ قَوۡمَۢا بُورٗا ﴿١٢﴾ وَمَن لَّمۡ يُؤۡمِنۢ
بِٱللَّهِ وَرَسُولِهِۦ فَإِنَّآ أَعۡتَدۡنَا لِلۡكَٰفِرِينَ سَعِيرٗا ﴿١٣﴾ وَلِلَّهِ مُلۡكُ
ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضِۚ يَغۡفِرُ لِمَن يَشَآءُ وَيُعَذِّبُ مَن يَشَآءُۚ
وَكَانَ ٱللَّهُ غَفُورٗا رَّحِيمٗا ﴿١٤﴾ سَيَقُولُ ٱلۡمُخَلَّفُونَ إِذَا
ٱنطَلَقۡتُمۡ إِلَىٰ مَغَانِمَ لِتَأۡخُذُوهَا ذَرُونَا نَتَّبِعۡكُمۡۖ يُرِيدُونَ
أَن يُبَدِّلُواْ كَلَٰمَ ٱللَّهِۚ قُل لَّن تَتَّبِعُونَا كَذَٰلِكُمۡ قَالَ ٱللَّهُ مِن قَبۡلُۖ
فَسَيَقُولُونَ بَلۡ تَحۡسُدُونَنَاۚ بَلۡ كَانُواْ لَا يَفۡقَهُونَ إِلَّا قَلِيلٗا ﴿١٥﴾

10.- Thật sự, những ai tuyên thệ trung thành với Ngươi (tại *Hudaybiyah*) thì chỉ là tuyên thệ trung thành với Allah ấy thôi. Tay của Allah đặt lên trên tay của họ; bởi thế, ai nuốt lời thề, thì là bội ước với chính mình. Ngược lại, ai giữ đúng lời-thề với Allah, thì sẽ sớm được Ngài ban cho một phần thưởng rất lớn.

11.- Những người Ả-rập vùng sa mạc trì trệ (trong việc tham chiến) sẽ nói với Ngươi: "Chúng tôi bận lo cho tài sản và gia đình của chúng tôi; hãy cầu xin (Allah) tha thứ cho chúng tôi." Miệng của chúng nói ra điều chẳng có trong lòng. Hãy bảo chúng: "Thế ai có khả năng can thiệp giúp các người với Allah về bất cứ điều gì nếu Ngài muốn trừng phạt hay tưởng thưởng các người? Không, Allah rất đỗi am tường những điều các người làm.

12.- "Không, các người nghĩ rằng Sứ giả (của Allah) và những người có đức tin sẽ không bao giờ trở về gặp gia đình, và điều đó làm cho các người cảm thấy khoan khoái trong lòng và các người đã có tư tưởng xấu; và các người là một đám người sắp bị suy vong."

13.- Và ai không tin tưởng nơi Allah và Sứ giả của Ngài, thì quả thật *TA* đã chuẩn bị cho những kẻ không có đức tin một ngọn Lửa cháy bùng.

14.- Và Allah nắm quyền thống trị các tầng trời và trái đất. Ngài tha thứ cho người nào Ngài muốn và trừng phạt kẻ nào Ngài muốn. Và Allah Hằng Tha thứ, Rất mực Khoan dung.

15.- Những người trì trệ (trong việc tham chiến) sẽ nói (với các người) khi thấy các người ra đi thu nhặt chiến lợi phẩm: "Hãy cho chúng tôi theo quí vị." Chúng muốn thay đổi Lời-phán của Allah. Hãy bảo chúng: "Chớ bao giờ theo chúng tôi! Allah đã phán như thế cho các người từ trước." Nhưng chúng lại bảo: "Không, quí vị ganh tị với chúng tôi." Không, chúng chỉ hiểu được chút ít.

قُل لِّلْمُخَلَّفِينَ مِنَ ٱلْأَعْرَابِ سَتُدْعَوْنَ إِلَىٰ قَوْمٍ أُو۟لِى بَأْسٍ شَدِيدٍ تُقَٰتِلُونَهُمْ أَوْ يُسْلِمُونَ ۖ فَإِن تُطِيعُوا۟ يُؤْتِكُمُ ٱللَّهُ أَجْرًا حَسَنًا ۖ وَإِن تَتَوَلَّوْا۟ كَمَا تَوَلَّيْتُم مِّن قَبْلُ يُعَذِّبْكُمْ عَذَابًا أَلِيمًا ﴿١٦﴾ لَّيْسَ عَلَى ٱلْأَعْمَىٰ حَرَجٌ وَلَا عَلَى ٱلْأَعْرَجِ حَرَجٌ وَلَا عَلَى ٱلْمَرِيضِ حَرَجٌ ۗ وَمَن يُطِعِ ٱللَّهَ وَرَسُولَهُۥ يُدْخِلْهُ جَنَّٰتٍ تَجْرِى مِن تَحْتِهَا ٱلْأَنْهَٰرُ ۖ وَمَن يَتَوَلَّ يُعَذِّبْهُ عَذَابًا أَلِيمًا ﴿١٧﴾ ۞ لَّقَدْ رَضِىَ ٱللَّهُ عَنِ ٱلْمُؤْمِنِينَ إِذْ يُبَايِعُونَكَ تَحْتَ ٱلشَّجَرَةِ فَعَلِمَ مَا فِى قُلُوبِهِمْ فَأَنزَلَ ٱلسَّكِينَةَ عَلَيْهِمْ وَأَثَٰبَهُمْ فَتْحًا قَرِيبًا ﴿١٨﴾ وَمَغَانِمَ كَثِيرَةً يَأْخُذُونَهَا ۗ وَكَانَ ٱللَّهُ عَزِيزًا حَكِيمًا ﴿١٩﴾ وَعَدَكُمُ ٱللَّهُ مَغَانِمَ كَثِيرَةً تَأْخُذُونَهَا فَعَجَّلَ لَكُمْ هَٰذِهِۦ وَكَفَّ أَيْدِىَ ٱلنَّاسِ عَنكُمْ وَلِتَكُونَ ءَايَةً لِّلْمُؤْمِنِينَ وَيَهْدِيَكُمْ صِرَٰطًا مُّسْتَقِيمًا ﴿٢٠﴾ وَأُخْرَىٰ لَمْ تَقْدِرُوا۟ عَلَيْهَا قَدْ أَحَاطَ ٱللَّهُ بِهَا ۚ وَكَانَ ٱللَّهُ عَلَىٰ كُلِّ شَىْءٍ قَدِيرًا ﴿٢١﴾ وَلَوْ قَٰتَلَكُمُ ٱلَّذِينَ كَفَرُوا۟ لَوَلَّوُا۟ ٱلْأَدْبَٰرَ ثُمَّ لَا يَجِدُونَ وَلِيًّا وَلَا نَصِيرًا ﴿٢٢﴾ سُنَّةَ ٱللَّهِ ٱلَّتِى قَدْ خَلَتْ مِن قَبْلُ ۖ وَلَن تَجِدَ لِسُنَّةِ ٱللَّهِ تَبْدِيلًا ﴿٢٣﴾

الحِزْبُ ٥٢

16.- Hãy bảo những người Ả-rập vùng sa-mạc trì trệ (trong việc tham chiến): "Các người được kêu gọi đi tham chiến chống một đám người đã từng quen thuộc với chiến tranh dữ dội, hoặc các người chiến thắng chúng hoặc các người đầu hàng. Bởi thế, nếu các người tuân lệnh thì Allah sẽ trọng thưởng các người; và nếu các người quay bỏ đi (đào ngũ) như trường hợp các người đã từng làm trước đây, thì Ngài sẽ trừng phạt các người bằng một sự trừng phạt đau đớn."

17.- Người mù, người què, và người bệnh không bị khiển trách (nếu không tham chiến). Và ai tuân lệnh Allah và Sứ giả của Ngài thì sẽ được thu nhận vào Thiên đàng bên dưới có các dòng sông chảy; ngược lại, ai quay lưng bỏ đi (đào ngũ) thì sẽ bị phạt bằng một sự trừng phạt đau đớn.

18.- Chắc chắn Allah hài lòng với những người có đức tin khi họ tuyên thệ trung thành với Người dưới tàn cây (tại *Hudaybiyah*) bởi vì Ngài biết điều nằm trong lòng của họ; bởi thế, Ngài đã ban sự bình lặng xuống cho họ; và Ngài ân thưởng họ bằng một cuộc thắng lợi gần kề,

19.- Và họ sẽ thu nhặt rất nhiều chiến lợi phẩm. Và Allah Toàn Năng, Rất mực Sáng suốt.

20.- Và Allah đã hứa với các người việc các người sẽ tiếp thu rất nhiều chiến lợi phẩm và Ngài đã giục điều này mau đến cho các người, và đã giữ tay của người (địch) xa các người, và để cho nó trở thành một Dấu hiệu cho những người có đức tin, và để Ngài hướng dẫn các người theo Chính đạo.

21.- Và kể cả những (thắng lợi và chiến lợi phẩm) khác (mà Allah đã hứa nhưng) chưa thuộc quyền của các người nhưng Allah đã tóm thâu chúng bởi vì Allah có toàn quyền trên tất cả mọi vật.

22.- Và nếu những kẻ không có đức tin đến tấn công các người thì chắc chắn chúng sẽ quay tháo lui rồi chúng sẽ không tìm được một Đấng Che chở và một Cứu nhân nào để giúp đỡ.

23.- Đường lối xử lý của Allah đã xảy ra từ trước. Và Người sẽ không bao giờ thấy có một sự thay đổi trong Đường lối của Allah.

وَهُوَ ٱلَّذِى كَفَّ أَيۡدِيَهُمۡ عَنكُمۡ وَأَيۡدِيَكُمۡ عَنۡهُم بِبَطۡنِ مَكَّةَ مِنۢ
بَعۡدِ أَنۡ أَظۡفَرَكُمۡ عَلَيۡهِمۡۚ وَكَانَ ٱللَّهُ بِمَا تَعۡمَلُونَ بَصِيرًا ﴿٢٤﴾
هُمُ ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ وَصَدُّوكُمۡ عَنِ ٱلۡمَسۡجِدِ ٱلۡحَرَامِ
وَٱلۡهَدۡىَ مَعۡكُوفًا أَن يَبۡلُغَ مَحِلَّهُۥۚ وَلَوۡلَا رِجَالٞ مُّؤۡمِنُونَ وَنِسَآءٞ
مُّؤۡمِنَٰتٞ لَّمۡ تَعۡلَمُوهُمۡ أَن تَطَـُٔوهُمۡ فَتُصِيبَكُم مِّنۡهُم مَّعَرَّةُۢ
بِغَيۡرِ عِلۡمٖۖ لِّيُدۡخِلَ ٱللَّهُ فِى رَحۡمَتِهِۦ مَن يَشَآءُۚ لَوۡ تَزَيَّلُواْ لَعَذَّبۡنَا
ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ مِنۡهُمۡ عَذَابًا أَلِيمًا ﴿٢٥﴾ إِذۡ جَعَلَ ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ
فِى قُلُوبِهِمُ ٱلۡحَمِيَّةَ حَمِيَّةَ ٱلۡجَٰهِلِيَّةِ فَأَنزَلَ ٱللَّهُ سَكِينَتَهُۥ
عَلَىٰ رَسُولِهِۦ وَعَلَى ٱلۡمُؤۡمِنِينَ وَأَلۡزَمَهُمۡ كَلِمَةَ ٱلتَّقۡوَىٰ
وَكَانُوٓاْ أَحَقَّ بِهَا وَأَهۡلَهَاۚ وَكَانَ ٱللَّهُ بِكُلِّ شَىۡءٍ عَلِيمٗا ﴿٢٦﴾
لَّقَدۡ صَدَقَ ٱللَّهُ رَسُولَهُ ٱلرُّءۡيَا بِٱلۡحَقِّۖ لَتَدۡخُلُنَّ ٱلۡمَسۡجِدَ
ٱلۡحَرَامَ إِن شَآءَ ٱللَّهُ ءَامِنِينَ مُحَلِّقِينَ رُءُوسَكُمۡ وَمُقَصِّرِينَ
لَا تَخَافُونَۖ فَعَلِمَ مَا لَمۡ تَعۡلَمُواْ فَجَعَلَ مِن دُونِ ذَٰلِكَ
فَتۡحٗا قَرِيبًا ﴿٢٧﴾ هُوَ ٱلَّذِىٓ أَرۡسَلَ رَسُولَهُۥ بِٱلۡهُدَىٰ وَدِينِ
ٱلۡحَقِّ لِيُظۡهِرَهُۥ عَلَى ٱلدِّينِ كُلِّهِۦۚ وَكَفَىٰ بِٱللَّهِ شَهِيدٗا ﴿٢٨﴾

24.- Và Ngài (Allah) là Đấng đã giữ tay của chúng lại không cho tấn công các người và giữ tay của các người không cho tấn công chúng tại thung lũng Makkah sau khi Ngài đã làm cho các người thắng chúng. Và Allah Hằng Thấy những điều các người làm.

25.- Chúng là những kẻ không có đức tin và cản trở các người không cho vào *Al-Masjid al-Harām* (tại Makkah) và giữ những con vật tế lại không cho dắt đến chỗ tế. Và nếu không vì những người có đức tin, nam và nữ, mà các người không nhận ra (sống trà trộn với chúng nơi đó), và rằng các người có thể giết lầm họ và vì thế vô tình các người có thể phạm tội (sát nhân) đối với họ (thì Allah đã cho phép các người tấn công vào Makkah rồi; nhưng Ngài đã giữ tay của các người lại) để Allah có thể khoan dung người nào Ngài muốn. Nếu họ sống tách biệt thì chắc chắn *TA* sẽ trừng phạt những kẻ không có đức tin trong họ bằng một sự trừng phạt đau đớn.

26.- Khi những kẻ không có đức tin bộc lộ trong lòng niềm tự hào và tự cao của Thời kỳ Ngu muội (tại *Hudaybiyah*) thì ngược lại Allah ban sự trầm tĩnh của Ngài xuống cho Sứ giả của Ngài và cho những người có đức tin và bắt họ tôn trọng Lời phán về việc sùng kính và sợ Allah và họ xứng danh và xứng đáng với nó. Và Allah Biết hết tất cả mọi việc.

27.- Chắc chắn Allah sẽ xác nhận sự thật về sự mục kích[1] của Sứ giả của Ngài: chắc chắn các người sẽ vào *Al-Masjid al-Harām* (tại Makkah) an toàn, đầu cạo trọc và tóc cắt ngắn (theo nghi thức làm *Hajj* hay *'Umrah*), không sợ hãi, nếu Allah muốn. Bởi vì Ngài biết điều mà các người không biết. Và ngoài cái đó, Ngài sẽ ban cho một thắng lợi gần kề.

28.- Ngài là Đấng đã cử Sứ giả (Muhammad) của Ngài, mang Chỉ đạo và Tôn giáo của Chân lý (**Islām**) đến để thắng tất cả mọi tôn giáo. Và Allah đủ làm một Nhân chứng (cho sự thật này).

[1] Theo Thỏa hiệp Hudaybiyyah, người Muslim sẽ được phép viếng thăm Ngôi đền Ka'bah vào năm sau, đầu cạo trọc hoặc tóc cắt ngắn đúng với hình ảnh mà Nabi đã thấy trong giấc mộng của Người trước đó.

مُّحَمَّدٌ رَّسُولُ ٱللَّهِۚ وَٱلَّذِينَ مَعَهُۥٓ أَشِدَّآءُ عَلَى ٱلْكُفَّارِ رُحَمَآءُ بَيْنَهُمْۖ تَرَىٰهُمْ رُكَّعًا سُجَّدًا يَبْتَغُونَ فَضْلًا مِّنَ ٱللَّهِ وَرِضْوَٰنًاۖ سِيمَاهُمْ فِى وُجُوهِهِم مِّنْ أَثَرِ ٱلسُّجُودِۚ ذَٰلِكَ مَثَلُهُمْ فِى ٱلتَّوْرَىٰةِۚ وَمَثَلُهُمْ فِى ٱلْإِنجِيلِ كَزَرْعٍ أَخْرَجَ شَطْـَٔهُۥ فَـَٔازَرَهُۥ فَٱسْتَغْلَظَ فَٱسْتَوَىٰ عَلَىٰ سُوقِهِۦ يُعْجِبُ ٱلزُّرَّاعَ لِيَغِيظَ بِهِمُ ٱلْكُفَّارَۗ وَعَدَ ٱللَّهُ ٱلَّذِينَ ءَامَنُوا۟ وَعَمِلُوا۟ ٱلصَّٰلِحَٰتِ مِنْهُم مَّغْفِرَةً وَأَجْرًا عَظِيمًۢا ﴿٢٩﴾

سُورَةُ الحُجُرَاتِ

بِسْمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحْمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُوا۟ لَا تُقَدِّمُوا۟ بَيْنَ يَدَىِ ٱللَّهِ وَرَسُولِهِۦۖ وَٱتَّقُوا۟ ٱللَّهَۚ إِنَّ ٱللَّهَ سَمِيعٌ عَلِيمٌ ﴿١﴾ يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُوا۟ لَا تَرْفَعُوٓا۟ أَصْوَٰتَكُمْ فَوْقَ صَوْتِ ٱلنَّبِىِّ وَلَا تَجْهَرُوا۟ لَهُۥ بِٱلْقَوْلِ كَجَهْرِ بَعْضِكُمْ لِبَعْضٍ أَن تَحْبَطَ أَعْمَٰلُكُمْ وَأَنتُمْ لَا تَشْعُرُونَ ﴿٢﴾ إِنَّ ٱلَّذِينَ يَغُضُّونَ أَصْوَٰتَهُمْ عِندَ رَسُولِ ٱللَّهِ أُو۟لَٰٓئِكَ ٱلَّذِينَ ٱمْتَحَنَ ٱللَّهُ قُلُوبَهُمْ لِلتَّقْوَىٰۚ لَهُم مَّغْفِرَةٌ وَأَجْرٌ عَظِيمٌ ﴿٣﴾ إِنَّ ٱلَّذِينَ يُنَادُونَكَ مِن وَرَآءِ ٱلْحُجُرَٰتِ أَكْثَرُهُمْ لَا يَعْقِلُونَ ﴿٤﴾

ربع الحزب ٥٢

29.- Muhammad là Sứ giả của Allah. Và những ai theo Người thì nghiêm khắc với những kẻ không có đức tin nhưng rất thương xót lẫn nhau. Ngươi sẽ thấy họ cúi mình, quì mọp (bái phục), tìm kiếm thiên ân từ Allah và sự hài lòng của Ngài. Dấu vết của họ nổi trên gương mặt của họ qua tì vết của việc phủ phục. Đó là hình ảnh của họ (được mô tả) trong (Kinh) *Taurāh*; và hình ảnh của họ trong (Kinh) thì như là một hạt giống đâm ra chồi và trở thành cứng, và dày đặc và đứng thẳng trên thân cây của nó, làm đẹp mắt và mát lòng người gieo. Kết quả là nó làm cho những kẻ không có đức tin đâm thù hận họ. Và Allah hứa tha thứ và ban phần thưởng vĩ đại cho những ai trong họ có đức tin và làm việc thiện.

AL-HUJURĀT
(Nội Phòng)

Nhân danh Allah, Đấng Rất mực Độ lượng,
Đấng Rất mực Khoan dung

1.- Hỡi những ai có niềm tin! Chớ tiền khởi sự trước mặt Allah và Sứ giả của Ngài. Và hãy sợ Allah. Quả thật, Allah Hằng Nghe và Hằng Biết (mọi việc).

2.- Hỡi những ai có niềm tin! Chớ cất giọng của các người cao hơn giọng nói của Nabi (Muhammad) và chớ nói lớn tiếng với Người khi nói chuyện, giống như việc các người thường ăn nói lớn tiếng với nhau, e rằng việc làm của các người sẽ trở thành vô nghĩa trong lúc các người không nhận thấy điều đó.

3.- Quả thật, những ai hạ giọng của mình trước mặt Sứ giả của Allah thì là những người mà tấm lòng đã được Allah rèn luyện cho ngay chính. Họ sẽ được tha thứ và được một phần thưởng rất lớn.

4.- Quả thật, những ai lớn tiếng gọi Ngươi (Muhammad) từ bên ngoài nội phòng, thì đa số đều là những người thiếu suy nghĩ.

وَلَوْ أَنَّهُمْ صَبَرُوا۟ حَتَّىٰ تَخْرُجَ إِلَيْهِمْ لَكَانَ خَيْرًا لَّهُمْ ۚ وَٱللَّهُ غَفُورٌ رَّحِيمٌ ۝٥ يَـٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُوٓا۟ إِن جَآءَكُمْ فَاسِقٌۢ بِنَبَإٍ فَتَبَيَّنُوٓا۟ أَن تُصِيبُوا۟ قَوْمًۢا بِجَهَـٰلَةٍ فَتُصْبِحُوا۟ عَلَىٰ مَا فَعَلْتُمْ نَـٰدِمِينَ ۝٦ وَٱعْلَمُوٓا۟ أَنَّ فِيكُمْ رَسُولَ ٱللَّهِ ۚ لَوْ يُطِيعُكُمْ فِى كَثِيرٍ مِّنَ ٱلْأَمْرِ لَعَنِتُّمْ وَلَـٰكِنَّ ٱللَّهَ حَبَّبَ إِلَيْكُمُ ٱلْإِيمَـٰنَ وَزَيَّنَهُۥ فِى قُلُوبِكُمْ وَكَرَّهَ إِلَيْكُمُ ٱلْكُفْرَ وَٱلْفُسُوقَ وَٱلْعِصْيَانَ ۚ أُو۟لَـٰٓئِكَ هُمُ ٱلرَّٰشِدُونَ ۝٧ فَضْلًا مِّنَ ٱللَّهِ وَنِعْمَةً ۚ وَٱللَّهُ عَلِيمٌ حَكِيمٌ ۝٨ وَإِن طَآئِفَتَانِ مِنَ ٱلْمُؤْمِنِينَ ٱقْتَتَلُوا۟ فَأَصْلِحُوا۟ بَيْنَهُمَا ۖ فَإِنۢ بَغَتْ إِحْدَىٰهُمَا عَلَى ٱلْأُخْرَىٰ فَقَـٰتِلُوا۟ ٱلَّتِى تَبْغِى حَتَّىٰ تَفِىٓءَ إِلَىٰٓ أَمْرِ ٱللَّهِ ۚ فَإِن فَآءَتْ فَأَصْلِحُوا۟ بَيْنَهُمَا بِٱلْعَدْلِ وَأَقْسِطُوٓا۟ ۖ إِنَّ ٱللَّهَ يُحِبُّ ٱلْمُقْسِطِينَ ۝٩ إِنَّمَا ٱلْمُؤْمِنُونَ إِخْوَةٌ فَأَصْلِحُوا۟ بَيْنَ أَخَوَيْكُمْ ۚ وَٱتَّقُوا۟ ٱللَّهَ لَعَلَّكُمْ تُرْحَمُونَ ۝١٠ يَـٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُوا۟ لَا يَسْخَرْ قَوْمٌ مِّن قَوْمٍ عَسَىٰٓ أَن يَكُونُوا۟ خَيْرًا مِّنْهُمْ وَلَا نِسَآءٌ مِّن نِّسَآءٍ عَسَىٰٓ أَن يَكُنَّ خَيْرًا مِّنْهُنَّ ۖ وَلَا تَلْمِزُوٓا۟ أَنفُسَكُمْ وَلَا تَنَابَزُوا۟ بِٱلْأَلْقَـٰبِ ۖ بِئْسَ ٱلِٱسْمُ ٱلْفُسُوقُ بَعْدَ ٱلْإِيمَـٰنِ ۚ وَمَن لَّمْ يَتُبْ فَأُو۟لَـٰٓئِكَ هُمُ ٱلظَّـٰلِمُونَ ۝١١

5.- Phải chi họ chịu khó chờ chốc lát cho đến khi Người bước ra ngoài phòng để tiếp họ thì tốt cho họ hơn. Và Allah Hằng Tha Thứ, Rất mực Khoan dung.

6.- Hỡi những ai có niềm tin! Nếu có một kẻ gây rối mang tin tức đến báo cáo với các người, hãy kiểm tra nó cho thật kỹ e rằng vì ngu xuẩn, các người có thể làm hại đến người (khác) rồi sau đó đâm ra hối hận về điều các người đã làm.

7.- Và nên biết rằng Sứ giả của Allah đang sống với các người. Nếu Người làm theo sở thích của các người về nhiều vấn đề, thì chắc chắn các người sẽ gặp nhiều điều phiền phức. Nhưng Allah làm cho đức tin thấm thiết vào tấm lòng của các người và tô điểm nó xinh đẹp trong lòng của các người và làm cho việc vô đức tin, gây rối và bất tuân đáng ghét đối với các người. Đó là những người được hướng dẫn.

8.- (Đó là) một thiên sủng và một thiên ân từ Allah. Quả thật, Allah Biết Hết, Rất Cao Minh.

9.- Và nếu có hai nhóm tín đồ giao chiến, hãy giải hòa giữa đôi bên. Nhưng nếu nhóm này áp bức và lấn át nhóm kia thì hãy đánh nhóm áp bức cho đến khi họ trở về phục tùng Mệnh Lệnh của Allah. Bởi thế, nếu họ chiêu hồi thì hãy giải hòa giữa hai nhóm một cách công bằng và vô tư. Quả thật, Allah yêu thương những người công bằng, vô tư.

10.- Chỉ những người có đức tin mới là anh em với nhau (trong đạo). Do đó, hãy giải hòa giữa hai anh em của các người. Hãy sợ Allah để may ra các người được khoan dung.

11.- Hỡi những ai có niềm tin! Một đám người này chớ nên cười chê một đám người nọ. Biết đâu đám người này tốt hơn đám người nọ (và ngược lại). Và một số phụ nữ này không nên cười chê một số phụ nữ nọ. Biết đâu nhóm phụ nữ này tốt hơn nhóm phụ nữ nọ (và ngược lại). Chớ nói xấu lẫn nhau và chớ mắng nhiếc nhau bằng cách bêu tên tục (của nhau ra trước công chúng). Bêu tên xấu của một người sau khi y đã tin tưởng là một việc xấu xa. Và ai không chừa bỏ (thói xấu đó) thì là những người làm điều sai quấy.

يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ ٱجۡتَنِبُواْ كَثِيرٗا مِّنَ ٱلظَّنِّ إِنَّ بَعۡضَ ٱلظَّنِّ إِثۡمٞۖ وَلَا تَجَسَّسُواْ وَلَا يَغۡتَب بَّعۡضُكُم بَعۡضًاۚ أَيُحِبُّ أَحَدُكُمۡ أَن يَأۡكُلَ لَحۡمَ أَخِيهِ مَيۡتٗا فَكَرِهۡتُمُوهُۚ وَٱتَّقُواْ ٱللَّهَۚ إِنَّ ٱللَّهَ تَوَّابٞ رَّحِيمٞ ١٢ يَٰٓأَيُّهَا ٱلنَّاسُ إِنَّا خَلَقۡنَٰكُم مِّن ذَكَرٖ وَأُنثَىٰ وَجَعَلۡنَٰكُمۡ شُعُوبٗا وَقَبَآئِلَ لِتَعَارَفُوٓاْۚ إِنَّ أَكۡرَمَكُمۡ عِندَ ٱللَّهِ أَتۡقَىٰكُمۡۚ إِنَّ ٱللَّهَ عَلِيمٌ خَبِيرٞ ١٣ ۞ قَالَتِ ٱلۡأَعۡرَابُ ءَامَنَّاۖ قُل لَّمۡ تُؤۡمِنُواْ وَلَٰكِن قُولُوٓاْ أَسۡلَمۡنَا وَلَمَّا يَدۡخُلِ ٱلۡإِيمَٰنُ فِي قُلُوبِكُمۡۖ وَإِن تُطِيعُواْ ٱللَّهَ وَرَسُولَهُۥ لَا يَلِتۡكُم مِّنۡ أَعۡمَٰلِكُمۡ شَيۡـًٔاۚ إِنَّ ٱللَّهَ غَفُورٞ رَّحِيمٌ ١٤ إِنَّمَا ٱلۡمُؤۡمِنُونَ ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ بِٱللَّهِ وَرَسُولِهِۦ ثُمَّ لَمۡ يَرۡتَابُواْ وَجَٰهَدُواْ بِأَمۡوَٰلِهِمۡ وَأَنفُسِهِمۡ فِي سَبِيلِ ٱللَّهِۚ أُوْلَٰٓئِكَ هُمُ ٱلصَّٰدِقُونَ ١٥ قُلۡ أَتُعَلِّمُونَ ٱللَّهَ بِدِينِكُمۡ وَٱللَّهُ يَعۡلَمُ مَا فِي ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَمَا فِي ٱلۡأَرۡضِۚ وَٱللَّهُ بِكُلِّ شَيۡءٍ عَلِيمٞ ١٦ يَمُنُّونَ عَلَيۡكَ أَنۡ أَسۡلَمُواْۖ قُل لَّا تَمُنُّواْ عَلَيَّ إِسۡلَٰمَكُمۖ بَلِ ٱللَّهُ يَمُنُّ عَلَيۡكُمۡ أَنۡ هَدَىٰكُمۡ لِلۡإِيمَٰنِ إِن كُنتُمۡ صَٰدِقِينَ ١٧ إِنَّ ٱللَّهَ يَعۡلَمُ غَيۡبَ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضِۚ وَٱللَّهُ بَصِيرُۢ بِمَا تَعۡمَلُونَ ١٨

نصف الحزب ٥٢

12.- Hỡi những ai có niềm tin! Hãy tránh nghi kỵ càng nhiều càng tốt. Quả thật, nghi kỵ trong một vài trường hợp là một tội. Chớ dọ thám cũng chớ nói xấu lẫn nhau. Phải chăng một trong các người thích ăn thịt của người anh em của mình đã chết hay sao? Bởi thế, nên gớm ghiếc việc đó. Và hãy sợ Allah. Quả thật, Allah Hằng quay lại (Tha thứ), Rất mực Khoan dung.

13.- Hỡi nhân loại! *TA* đã tạo hóa các người từ một người nam và một người nữ và làm cho các người thành quốc gia và bộ lạc để các người nhận biết lẫn nhau (như anh em). Quả thật, dưới cái Nhìn của Allah, người vinh dự nhất là người ngay chính và sợ Allah nhất trong các người. Quả thật, Allah Biết hết, Rất Am tường (mọi việc).

14.- Những người Ả-rập (của vùng sa mạc) nói: "Chúng tôi tin tưởng." Hãy bảo chúng: "Các người chưa có đức tin. Ngược lại hãy nói: 'Chúng tôi thần phục (trong Islām).' Bởi vì đức tin chưa thấm sâu vào tấm lòng của các người. Và nếu các người vâng lệnh Allah và Sứ giả của Ngài, thì Ngài sẽ không giảm bớt điều gì trong việc làm của các người. Quả thật, Allah Hằng Tha thứ, Rất mực Khoan dung.

15.- Chỉ những ai tin tưởng nơi Allah và Sứ giả của Ngài rồi không nghi ngờ điều gì và chiến đấu bằng cả tài sản lẫn sinh mạng của họ cho Chính đạo của Allah mới là những người có đức tin. Họ là những người chân thật.

16.- Hãy bảo chúng (những kẻ không có đức tin): "Phải chăng các người muốn dạy Allah về tôn giáo của các người trong lúc Allah biết hết mọi vật trong các tầng trời và mọi vật dưới đất hay sao? Và Allah biết hết mọi việc."

17.- Chúng xem việc theo Islām của chúng như một ân huệ ban cho Người. Hãy bảo chúng: "Các người chớ xem (việc theo) Islām của các người là một ân huệ dành cho Ta (Muhammad). Không, Allah đã ban ân cho các người trong việc Ngài đã hướng dẫn các người đến với đức tin, nếu các người chân thật.

18.- "Quả thật, Allah biết điều vô hình của các tầng trời và trái đất. Và Allah thấy hết tất cả những điều các người làm."

سُورَةُ قٓ

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

قٓۚ وَٱلۡقُرۡءَانِ ٱلۡمَجِيدِ ١ بَلۡ عَجِبُوٓاْ أَن جَآءَهُم مُّنذِرٞ مِّنۡهُمۡ فَقَالَ ٱلۡكَٰفِرُونَ هَٰذَا شَيۡءٌ عَجِيبٌ ٢ أَءِذَا مِتۡنَا وَكُنَّا تُرَابٗاۖ ذَٰلِكَ رَجۡعُۢ بَعِيدٞ ٣ قَدۡ عَلِمۡنَا مَا تَنقُصُ ٱلۡأَرۡضُ مِنۡهُمۡۖ وَعِندَنَا كِتَٰبٌ حَفِيظُۢ ٤ بَلۡ كَذَّبُواْ بِٱلۡحَقِّ لَمَّا جَآءَهُمۡ فَهُمۡ فِيٓ أَمۡرٖ مَّرِيجٍ ٥ أَفَلَمۡ يَنظُرُوٓاْ إِلَى ٱلسَّمَآءِ فَوۡقَهُمۡ كَيۡفَ بَنَيۡنَٰهَا وَزَيَّنَّٰهَا وَمَا لَهَا مِن فُرُوجٖ ٦ وَٱلۡأَرۡضَ مَدَدۡنَٰهَا وَأَلۡقَيۡنَا فِيهَا رَوَٰسِيَ وَأَنۢبَتۡنَا فِيهَا مِن كُلِّ زَوۡجِۭ بَهِيجٖ ٧ تَبۡصِرَةٗ وَذِكۡرَىٰ لِكُلِّ عَبۡدٖ مُّنِيبٖ ٨ وَنَزَّلۡنَا مِنَ ٱلسَّمَآءِ مَآءٗ مُّبَٰرَكٗا فَأَنۢبَتۡنَا بِهِۦ جَنَّٰتٖ وَحَبَّ ٱلۡحَصِيدِ ٩ وَٱلنَّخۡلَ بَاسِقَٰتٖ لَّهَا طَلۡعٞ نَّضِيدٞ ١٠ رِّزۡقٗا لِّلۡعِبَادِۖ وَأَحۡيَيۡنَا بِهِۦ بَلۡدَةٗ مَّيۡتٗاۚ كَذَٰلِكَ ٱلۡخُرُوجُ ١١ كَذَّبَتۡ قَبۡلَهُمۡ قَوۡمُ نُوحٖ وَأَصۡحَٰبُ ٱلرَّسِّ وَثَمُودُ ١٢ وَعَادٞ وَفِرۡعَوۡنُ وَإِخۡوَٰنُ لُوطٖ ١٣ وَأَصۡحَٰبُ ٱلۡأَيۡكَةِ وَقَوۡمُ تُبَّعٖۚ كُلّٞ كَذَّبَ ٱلرُّسُلَ فَحَقَّ وَعِيدِ ١٤ أَفَعَيِينَا بِٱلۡخَلۡقِ ٱلۡأَوَّلِۚ بَلۡ هُمۡ فِي لَبۡسٖ مِّنۡ خَلۡقٖ جَدِيدٖ ١٥

QĀF
(Của mẫu tự Ả-rập)

Nhân danh Allah, Đấng Rất mực Độ lượng,
Đấng Rất mực Khoan dung

1.- *Qāf*. Thề bởi (Kinh) Qur'ān quang vinh.

2.- Không, chúng ngạc nhiên về việc có một Người báo-trước xuất thân từ chúng đến gặp chúng. Bởi thế, những kẻ không có đức tin lên tiếng: "Đây là một điều lạ lùng!

3.- "Có thật chăng, khi chúng tôi chết và thành cát bụi (chúng tôi sẽ sống trở lại?) (Nếu thật như thế, thì) đó là một sự trở về xa xôi."

4.- Chắc chắn *TA* (Allah) thừa biết việc đất đai ăn tiêu (thân xác của) chúng; nhưng có một quyển sổ bộ đời còn lưu trữ nơi *TA*.

5.- Không, chúng phủ nhận Chân lý (Qur'ān) khi Nó đến với chúng cho nên chúng đâm ra lúng túng (không biết thật hay giả).

6.- Há chúng không nhìn lên bầu trời bên trên chúng xem *TA* đã dựng và trang hoàng nó như thế nào và không có một kẽ hở nào trong đó ư?

7.- Và trái đất mà *TA* đã trải rộng và dựng trên đó những quả núi vững chắc và làm mọc ra đủ cặp thảo mộc xinh đẹp.

8.- Một sự quan sát và một sự nhắc nhở cho từng người tôi quay về.

9.- Và *TA* ban nước mưa đầy ân phúc từ trên trời xuống mà *TA* dùng làm mọc ra vườn tược và trái hạt vào mùa gặt.

10.- Và cây chà-là cao lớn đâm ra trái từng chùm lủng lẳng, chồng lên nhau;

11.- Làm lương thực cho bầy tôi (của Allah). Và *TA* dùng nó để làm sống lại một mảnh đất đã chết khô cằn. Và việc Phục sinh sẽ giống như thế.

12.- Trước chúng, người dân của *Nūh*, và Dân cư của *Rass*, người dân *Thamūd*, đã phủ nhận (Chân lý).

13.- Và *'Ād*, *Fir'aun*, và anh em của *Lūt*,

14.- Dân cư của khu rừng (*Aykah*) và người dân của *Tubba'*; mỗi dân tộc đều cho các Sứ giả nói dối cho nên lời đe dọa của *TA* thể hiện.

15.- Phải chăng *TA* đã mỏi mệt với việc tạo hóa đầu tiên? Không, chúng nghi ngờ về sự tạo hóa mới (việc Phục sinh).

وَلَقَدۡ خَلَقۡنَا ٱلۡإِنسَٰنَ وَنَعۡلَمُ مَا تُوَسۡوِسُ بِهِۦ نَفۡسُهُۥۖ وَنَحۡنُ أَقۡرَبُ إِلَيۡهِ
مِنۡ حَبۡلِ ٱلۡوَرِيدِ ﴿١٦﴾ إِذۡ يَتَلَقَّى ٱلۡمُتَلَقِّيَانِ عَنِ ٱلۡيَمِينِ وَعَنِ ٱلشِّمَالِ
قَعِيدٞ ﴿١٧﴾ مَّا يَلۡفِظُ مِن قَوۡلٍ إِلَّا لَدَيۡهِ رَقِيبٌ عَتِيدٞ ﴿١٨﴾ وَجَآءَتۡ سَكۡرَةُ
ٱلۡمَوۡتِ بِٱلۡحَقِّۖ ذَٰلِكَ مَا كُنتَ مِنۡهُ تَحِيدُ ﴿١٩﴾ وَنُفِخَ فِي ٱلصُّورِۚ ذَٰلِكَ
يَوۡمُ ٱلۡوَعِيدِ ﴿٢٠﴾ وَجَآءَتۡ كُلُّ نَفۡسٖ مَّعَهَا سَآئِقٞ وَشَهِيدٞ ﴿٢١﴾ لَّقَدۡ
كُنتَ فِي غَفۡلَةٖ مِّنۡ هَٰذَا فَكَشَفۡنَا عَنكَ غِطَآءَكَ فَبَصَرُكَ ٱلۡيَوۡمَ حَدِيدٞ
﴿٢٢﴾ وَقَالَ قَرِينُهُۥ هَٰذَا مَا لَدَيَّ عَتِيدٌ ﴿٢٣﴾ أَلۡقِيَا فِي جَهَنَّمَ كُلَّ كَفَّارٍ
عَنِيدٖ ﴿٢٤﴾ مَّنَّاعٖ لِّلۡخَيۡرِ مُعۡتَدٖ مُّرِيبٍ ﴿٢٥﴾ ٱلَّذِي جَعَلَ مَعَ ٱللَّهِ إِلَٰهًا
ءَاخَرَ فَأَلۡقِيَاهُ فِي ٱلۡعَذَابِ ٱلشَّدِيدِ ﴿٢٦﴾ ۞ قَالَ قَرِينُهُۥ رَبَّنَا مَآ أَطۡغَيۡتُهُۥ
وَلَٰكِن كَانَ فِي ضَلَٰلِۭ بَعِيدٖ ﴿٢٧﴾ قَالَ لَا تَخۡتَصِمُواْ لَدَيَّ وَقَدۡ قَدَّمۡتُ
إِلَيۡكُم بِٱلۡوَعِيدِ ﴿٢٨﴾ مَا يُبَدَّلُ ٱلۡقَوۡلُ لَدَيَّ وَمَآ أَنَا۠ بِظَلَّٰمٖ لِّلۡعَبِيدِ ﴿٢٩﴾
يَوۡمَ نَقُولُ لِجَهَنَّمَ هَلِ ٱمۡتَلَأۡتِ وَتَقُولُ هَلۡ مِن مَّزِيدٖ ﴿٣٠﴾ وَأُزۡلِفَتِ
ٱلۡجَنَّةُ لِلۡمُتَّقِينَ غَيۡرَ بَعِيدٍ ﴿٣١﴾ هَٰذَا مَا تُوعَدُونَ لِكُلِّ أَوَّابٍ حَفِيظٖ
﴿٣٢﴾ مَّنۡ خَشِيَ ٱلرَّحۡمَٰنَ بِٱلۡغَيۡبِ وَجَآءَ بِقَلۡبٖ مُّنِيبٍ ﴿٣٣﴾ ٱدۡخُلُوهَا
بِسَلَٰمٖۖ ذَٰلِكَ يَوۡمُ ٱلۡخُلُودِ ﴿٣٤﴾ لَهُم مَّا يَشَآءُونَ فِيهَا وَلَدَيۡنَا مَزِيدٞ ﴿٣٥﴾

ثلاثة أرباع الحزب ٥٢

16.- Và chắc chắn *TA* đã tạo hóa con người và biết điều mà bản thân y thì thào (xúi giục) y bởi vì *TA* gần kề y hơn tĩnh mạch nơi cổ của y.

17.- Khi hai vị Thu-nhận (Thiên thần) thu nhận (ghi hành động), một vị ngồi bên phải và một vị ngồi bên trái.

18.- Không một lời nào y thốt ra mà vị Canh gác (thiên thần) bên cạnh lại không sẵn sàng (ghi xuống);

19.- Và khi tình trạng đau đớn của cái chết thực sự xảy ra, (sẽ có lời bảo y): "Đấy là cái mà nhà ngươi cố tránh!"

20.- Và tiếng Còi sẽ được hụ lên: Đấy là Ngày của Lời đe dọa.

21.- Và mỗi người (linh hồn) sẽ bước đến (trình diện). Đi theo y là một (vị Thiên thần) dẫn đường và một vị (Thiên thần) làm chứng.

22.- (Sẽ có lời bảo y): "Nhà ngươi đã lơ-là về việc này. Bây giờ *TA* tháo bỏ tấm màn của ngươi và cặp mắt của ngươi ngày nay sáng tỏ."

23.- Và người bạn đồng hành của y thưa: "Đây (hồ sơ) của y có sẵn nơi tôi!"

24.- "Hai ngươi hãy ném từng tên vô đức tin ương ngạnh vào Hỏa ngục.

25.- "Kẻ ngăn cản điều tốt, phạm pháp và nghi ngờ,

26.- "Kẻ đã dựng một thần linh cùng với Allah. Hãy ném nó vào chỗ trừng phạt khắc nghiệt nhất."

27.- Người bạn (Shaytān) của y sẽ thưa: "Lạy *Rabb* chúng tôi! (Bề) tôi đã không làm cho y phạm giới. Nhưng tự y lạc hướng xa ấy thôi."

28.- (Allah sẽ) phán: "Các ngươi không được cãi vã trước mặt TA. TA đã gởi cho các ngươi Lời đe dọa (Cảnh cáo);

29.- "Lời tuyên án nơi TA không thay đổi; và TA không đối xử bất công với các bầy tôi của TA."

30.- Vào Ngày mà *TA* sẽ phán cho Hỏa ngục: "Nhà ngươi đầy hết chỗ hay chưa?" Nó sẽ thưa: "(Bẩm Allah!) Còn ai (đến) nữa hay không?"

31.- Và Thiên đàng sẽ được mang đến trước mặt những người ngay chính và sợ Allah, không xa.

32.- "Đây là món đã được hứa với mỗi người biết hối cải và chăm chú,

33.- "Người sợ Đấng *ar-Rahmān* vô hình và đến với một tấm lòng phục thiện.

34.- "Các ngươi hãy bước vào đó (Thiên đàng) với sự Bằng an; đó là Ngày của một đời sống vĩnh cửu."

35.- Trong đó, họ sẽ có vô vàn món vật mà họ ao ước và còn nhiều món khác nữa nơi *TA*.

وَكَمۡ أَهۡلَكۡنَا قَبۡلَهُم مِّن قَرۡنٍ هُمۡ أَشَدُّ مِنۡهُم بَطۡشٗا فَنَقَّبُواْ
فِي ٱلۡبِلَٰدِ هَلۡ مِن مَّحِيصٍ ﴿٣٦﴾ إِنَّ فِي ذَٰلِكَ لَذِكۡرَىٰ لِمَن
كَانَ لَهُۥ قَلۡبٌ أَوۡ أَلۡقَى ٱلسَّمۡعَ وَهُوَ شَهِيدٞ ﴿٣٧﴾ وَلَقَدۡ خَلَقۡنَا
ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضَ وَمَا بَيۡنَهُمَا فِي سِتَّةِ أَيَّامٖ وَمَا مَسَّنَا
مِن لُّغُوبٖ ﴿٣٨﴾ فَٱصۡبِرۡ عَلَىٰ مَا يَقُولُونَ وَسَبِّحۡ بِحَمۡدِ رَبِّكَ
قَبۡلَ طُلُوعِ ٱلشَّمۡسِ وَقَبۡلَ ٱلۡغُرُوبِ ﴿٣٩﴾ وَمِنَ ٱلَّيۡلِ فَسَبِّحۡهُ
وَأَدۡبَٰرَ ٱلسُّجُودِ ﴿٤٠﴾ وَٱسۡتَمِعۡ يَوۡمَ يُنَادِ ٱلۡمُنَادِ مِن مَّكَانٖ قَرِيبٖ
﴿٤١﴾ يَوۡمَ يَسۡمَعُونَ ٱلصَّيۡحَةَ بِٱلۡحَقِّۚ ذَٰلِكَ يَوۡمُ ٱلۡخُرُوجِ ﴿٤٢﴾ إِنَّا
نَحۡنُ نُحۡيِۦ وَنُمِيتُ وَإِلَيۡنَا ٱلۡمَصِيرُ ﴿٤٣﴾ يَوۡمَ تَشَقَّقُ ٱلۡأَرۡضُ
عَنۡهُمۡ سِرَاعٗاۚ ذَٰلِكَ حَشۡرٌ عَلَيۡنَا يَسِيرٞ ﴿٤٤﴾ نَّحۡنُ أَعۡلَمُ بِمَا يَقُولُونَۖ
وَمَآ أَنتَ عَلَيۡهِم بِجَبَّارٖۖ فَذَكِّرۡ بِٱلۡقُرۡءَانِ مَن يَخَافُ وَعِيدِ ﴿٤٥﴾

سُورَةُ الذَّارِيَاتِ

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

وَٱلذَّٰرِيَٰتِ ذَرۡوٗا ﴿١﴾ فَٱلۡحَٰمِلَٰتِ وِقۡرٗا ﴿٢﴾ فَٱلۡجَٰرِيَٰتِ يُسۡرٗا ﴿٣﴾
فَٱلۡمُقَسِّمَٰتِ أَمۡرًا ﴿٤﴾ إِنَّمَا تُوعَدُونَ لَصَادِقٞ ﴿٥﴾ وَإِنَّ ٱلدِّينَ لَوَٰقِعٞ ﴿٦﴾

36.- Và có bao nhiêu thế hệ hùng cường hơn chúng về quyền lực đã bị *TA* tiêu diệt trước chúng và đã trôi giạt đi khắp nơi trên mặt đất? Có còn chăng một chỗ lánh nạn cho chúng?

37.- Chắc chắn, trong đó (Qur'ān) có một sự nhắc-nhở cho ai có một quả tim (lương tri), hoặc lắng tai nghe và là một nhân chứng.

38.- Và chắc chắn *TA* đã tạo hóa các tầng trời và trái đất và vạn vật giữa hai chúng trong sáu Ngày và *TA* không hề mỏi mệt.

39.- Bởi thế, hãy cố gắng chịu đựng với những điều chúng nói và tán dương Lời ca tụng *Rabb* của Ngươi trước khi mặt trời mọc và trước khi nó lặn.

40.- Và hãy tán dương Ngài suốt một phần của ban đêm (trong các cuộc lễ *Magrib* và *'Ishā*) và sau những lần phủ phục.

41.- Và hãy chú ý nghe vào Ngày mà Người Gọi sẽ lớn tiếng gọi từ một chỗ rất gần,

42.- Ngày mà chúng sẽ thực sự nghe một Tiếng Gầm (dữ dội). Đó sẽ là Ngày (mà mọi người) sẽ bước ra (khỏi mộ).

43.- Quả thật, *TA* là Đấng làm cho sống và gây chết. Và tất cả sẽ trở về gặp *TA*,

44.- Ngày mà trái đất sẽ chẻ làm hai, nhả chúng ra để chúng vội chạy đến (tập họp). Đó là một cuộc tập họp sẽ thật sự (xảy ra) dễ dàng đối với *TA*.

45.- *TA* biết rõ điều chúng nói; và Ngươi (Muhammad) không là một người cưỡng bách chúng (theo đạo). Bởi thế, hãy dùng Kinh Qur'ān mà cảnh cáo ai là người sợ Lời Đe dọa của TA.

ADH-DHĀRIYĀT

Nhân danh Allah, Đấng Rất mực Độ lượng,
Đấng Rất mực Khoan dung

1.- Thề bởi những (trận gió) phân tán;

2.- Và những (đám mây) mang nặng (hạt mưa);

3.- Và những (chiếc tàu) lướt đi nhẹ nhàng êm ái;

4.- Và những vị phân phối (thiên lộc và thiên ân) theo Mệnh Lệnh;-

5.- Điều mà các người đã được hứa chắc chắn sẽ (đến) thật.

6.- Việc Phán xử chắc chắn sẽ xảy ra.

وَٱلسَّمَآءِ ذَاتِ ٱلْحُبُكِ ﴿٧﴾ إِنَّكُمْ لَفِى قَوْلٍ مُّخْتَلِفٍ ﴿٨﴾ يُؤْفَكُ عَنْهُ مَنْ أُفِكَ ﴿٩﴾ قُتِلَ ٱلْخَرَّٰصُونَ ﴿١٠﴾ ٱلَّذِينَ هُمْ فِى غَمْرَةٍ سَاهُونَ ﴿١١﴾ يَسْـَٔلُونَ أَيَّانَ يَوْمُ ٱلدِّينِ ﴿١٢﴾ يَوْمَ هُمْ عَلَى ٱلنَّارِ يُفْتَنُونَ ﴿١٣﴾ ذُوقُوا۟ فِتْنَتَكُمْ هَٰذَا ٱلَّذِى كُنتُم بِهِۦ تَسْتَعْجِلُونَ ﴿١٤﴾ إِنَّ ٱلْمُتَّقِينَ فِى جَنَّٰتٍ وَعُيُونٍ ﴿١٥﴾ ءَاخِذِينَ مَآ ءَاتَىٰهُمْ رَبُّهُمْ ۚ إِنَّهُمْ كَانُوا۟ قَبْلَ ذَٰلِكَ مُحْسِنِينَ ﴿١٦﴾ كَانُوا۟ قَلِيلًا مِّنَ ٱلَّيْلِ مَا يَهْجَعُونَ ﴿١٧﴾ وَبِٱلْأَسْحَارِ هُمْ يَسْتَغْفِرُونَ ﴿١٨﴾ وَفِىٓ أَمْوَٰلِهِمْ حَقٌّ لِّلسَّآئِلِ وَٱلْمَحْرُومِ ﴿١٩﴾ وَفِى ٱلْأَرْضِ ءَايَٰتٌ لِّلْمُوقِنِينَ ﴿٢٠﴾ وَفِىٓ أَنفُسِكُمْ ۚ أَفَلَا تُبْصِرُونَ ﴿٢١﴾ وَفِى ٱلسَّمَآءِ رِزْقُكُمْ وَمَا تُوعَدُونَ ﴿٢٢﴾ فَوَرَبِّ ٱلسَّمَآءِ وَٱلْأَرْضِ إِنَّهُۥ لَحَقٌّ مِّثْلَ مَآ أَنَّكُمْ تَنطِقُونَ ﴿٢٣﴾ هَلْ أَتَىٰكَ حَدِيثُ ضَيْفِ إِبْرَٰهِيمَ ٱلْمُكْرَمِينَ ﴿٢٤﴾ إِذْ دَخَلُوا۟ عَلَيْهِ فَقَالُوا۟ سَلَٰمًا ۖ قَالَ سَلَٰمٌ قَوْمٌ مُّنكَرُونَ ﴿٢٥﴾ فَرَاغَ إِلَىٰٓ أَهْلِهِۦ فَجَآءَ بِعِجْلٍ سَمِينٍ ﴿٢٦﴾ فَقَرَّبَهُۥٓ إِلَيْهِمْ قَالَ أَلَا تَأْكُلُونَ ﴿٢٧﴾ فَأَوْجَسَ مِنْهُمْ خِيفَةً ۖ قَالُوا۟ لَا تَخَفْ ۖ وَبَشَّرُوهُ بِغُلَٰمٍ عَلِيمٍ ﴿٢٨﴾ فَأَقْبَلَتِ ٱمْرَأَتُهُۥ فِى صَرَّةٍ فَصَكَّتْ وَجْهَهَا وَقَالَتْ عَجُوزٌ عَقِيمٌ ﴿٢٩﴾ قَالُوا۟ كَذَٰلِكِ قَالَ رَبُّكِ ۖ إِنَّهُۥ هُوَ ٱلْحَكِيمُ ٱلْعَلِيمُ ﴿٣٠﴾

7.- Thề bởi bầu trời đầy các con đường (quỹ đạo),

8.- Quả thật, các ngươi có nhiều ý kiến dị biệt.

9.- Lánh xa Nó (Qur'ān) là người lánh xa.

10.- Những kẻ phỏng đoán (và nói dối) bị nguyền rủa:

11.- Những ai vô tâm, lơ là,

12.- Chúng hỏi: "Ngày Phán xử khi nào xảy ra?"

13.- (Đó là) Ngày mà chúng sẽ bị xử (đốt) trên Lửa.

14.- Hãy nếm sự trừng phạt này của các ngươi. Đây là cái (hình phạt) mà các ngươi thường hối thúc cho mau đến.

15.- Quả thật, những người sợ Allah sẽ ở trong các hoa viên và suối nước,

16.- Hưởng mọi thứ mà *Rabb* (Allah) của họ ban cho. Quả thật, trước đó họ là những người làm việc nghĩa.

17.- Ban đêm họ thường ít ngủ.

18.- Và thường cầu xin (Allah) tha thứ trước hừng đông.

19.- Và trong tài sản của họ, có phần qui định dành cho người ăn xin và người túng thiếu nhưng không xin xỏ.

20.- Và trên trái đất có những dấu hiệu cho những người có đức tin vững chãi,

21.- Và nơi bản thân của các ngươi. Thế các ngươi chưa nhìn thấy ư?

22.- Và trên trời có bổng lộc và những thứ mà các ngươi đã được hứa.

23.- Bởi thế, thề bởi *Rabb* (Đấng Chủ Tể) của các tầng trời và trái đất, đó là sự Thật giống như cái (Thực tại) mà các ngươi đang nói.

24.- Há Ngươi (Muhammad) đã biết câu chuyện về các vị khách vinh dự của Ibrāhīm hay chưa?

25.- Khi đến gặp Người, họ chào: "Bằng an" (Ibrāhīm) đáp: "Bằng an". Họ là những người lạ mặt.

26.- Rồi Người quay vào gặp người nhà; sau đó, mang thịt bò con béo ra.

27.- Người đặt nó trước mặt khách và thưa: "Quí vị không dùng hay sao?"

28.- (Khi thấy họ không ăn), (Ibrāhīm) đâm sợ họ. Họ bảo: "Chớ sợ!" và báo cho Người tin mừng về một đứa con trai hiểu biết.

29.- Nhưng bà vợ của Người bước đến trước, lớn tiếng than. Bà vừa lấy tay đập vào trán của mình vừa nói: "Một bà lão hiếm hoi"

30.- Họ đáp: "*Rabb* (Đấng Chủ Tể) của bà đã truyền đúng như thế. Bởi vì Ngài là Đấng Rất Cao Minh, Toàn Tri, Biết (hết tất cả).

۞ قَالَ فَمَا خَطۡبُكُمۡ أَيُّهَا ٱلۡمُرۡسَلُونَ ﴿٣١﴾ قَالُوٓاْ إِنَّآ أُرۡسِلۡنَآ إِلَىٰ قَوۡمٖ مُّجۡرِمِينَ ﴿٣٢﴾ لِنُرۡسِلَ عَلَيۡهِمۡ حِجَارَةٗ مِّن طِينٖ ﴿٣٣﴾ مُّسَوَّمَةً عِندَ رَبِّكَ لِلۡمُسۡرِفِينَ ﴿٣٤﴾ فَأَخۡرَجۡنَا مَن كَانَ فِيهَا مِنَ ٱلۡمُؤۡمِنِينَ ﴿٣٥﴾ فَمَا وَجَدۡنَا فِيهَا غَيۡرَ بَيۡتٖ مِّنَ ٱلۡمُسۡلِمِينَ ﴿٣٦﴾ وَتَرَكۡنَا فِيهَآ ءَايَةٗ لِّلَّذِينَ يَخَافُونَ ٱلۡعَذَابَ ٱلۡأَلِيمَ ﴿٣٧﴾ وَفِي مُوسَىٰٓ إِذۡ أَرۡسَلۡنَٰهُ إِلَىٰ فِرۡعَوۡنَ بِسُلۡطَٰنٖ مُّبِينٖ ﴿٣٨﴾ فَتَوَلَّىٰ بِرُكۡنِهِۦ وَقَالَ سَٰحِرٌ أَوۡ مَجۡنُونٞ ﴿٣٩﴾ فَأَخَذۡنَٰهُ وَجُنُودَهُۥ فَنَبَذۡنَٰهُمۡ فِي ٱلۡيَمِّ وَهُوَ مُلِيمٞ ﴿٤٠﴾ وَفِي عَادٍ إِذۡ أَرۡسَلۡنَا عَلَيۡهِمُ ٱلرِّيحَ ٱلۡعَقِيمَ ﴿٤١﴾ مَا تَذَرُ مِن شَيۡءٍ أَتَتۡ عَلَيۡهِ إِلَّا جَعَلَتۡهُ كَٱلرَّمِيمِ ﴿٤٢﴾ وَفِي ثَمُودَ إِذۡ قِيلَ لَهُمۡ تَمَتَّعُواْ حَتَّىٰ حِينٖ ﴿٤٣﴾ فَعَتَوۡاْ عَنۡ أَمۡرِ رَبِّهِمۡ فَأَخَذَتۡهُمُ ٱلصَّٰعِقَةُ وَهُمۡ يَنظُرُونَ ﴿٤٤﴾ فَمَا ٱسۡتَطَٰعُواْ مِن قِيَامٖ وَمَا كَانُواْ مُنتَصِرِينَ ﴿٤٥﴾ وَقَوۡمَ نُوحٖ مِّن قَبۡلُۖ إِنَّهُمۡ كَانُواْ قَوۡمٗا فَٰسِقِينَ ﴿٤٦﴾ وَٱلسَّمَآءَ بَنَيۡنَٰهَا بِأَيۡيْدٖ وَإِنَّا لَمُوسِعُونَ ﴿٤٧﴾ وَٱلۡأَرۡضَ فَرَشۡنَٰهَا فَنِعۡمَ ٱلۡمَٰهِدُونَ ﴿٤٨﴾ وَمِن كُلِّ شَيۡءٍ خَلَقۡنَا زَوۡجَيۡنِ لَعَلَّكُمۡ تَذَكَّرُونَ ﴿٤٩﴾ فَفِرُّوٓاْ إِلَى ٱللَّهِۖ إِنِّي لَكُم مِّنۡهُ نَذِيرٞ مُّبِينٞ ﴿٥٠﴾ وَلَا تَجۡعَلُواْ مَعَ ٱللَّهِ إِلَٰهًا ءَاخَرَۖ إِنِّي لَكُم مِّنۡهُ نَذِيرٞ مُّبِينٞ ﴿٥١﴾

31.- (Ibrāhīm) bảo: "Thế công tác của quí vị là gì, thưa các vị sứ?"

32.- Họ đáp: "Chúng tôi được phái đến gặp một đám người tội lỗi,

33.- "Để trút lên chúng (mưa) đá (làm bằng) gạch nung,

34.- "Đã được *Rabb* của Ngươi (Ibrāhīm) đánh dấu để trừng phạt những kẻ tội lỗi thái quá."

35.- Bởi thế, chúng tôi đưa ai là người có đức tin ra khỏi nơi đó;

36.- Nhưng chúng tôi không thấy ai ngoài một gia đình Muslim.

37.- Và chúng tôi đã để lại nơi đó một dấu hiệu (làm bài học) cho những ai sợ sự trừng phạt đau đớn.

38.- Và về Mūsa khi *TA* phái Người đến gặp Fir'aun với một thẩm quyền rõ rệt.

39.- Nhưng ỷ vào quyền hành, hắn (Fir'aun) quay lưng làm ngơ và bảo: "(Đây là) một tên phù thủy hay một thằng điên."

40.- Bởi thế, *TA* đã bắt phạt hắn và lực lượng của hắn. Và *TA* đã quẳng chúng xuống biển; và hắn (Fir'aun) là một tên đáng trách.

41.- Và về bộ tộc 'Ād (là một dấu hiệu) khi *TA* gởi một trận cuồng phong tàn phá đến trừng phạt chúng;

42.- Nó không bỏ sót một vật gì khi ùa đến, ngoại trừ việc để lại những đống vụn rã rời.

43.- Và về bộ tộc Thamūd (là một Dấu hiệu) khi có lời bảo chúng: "Các người hãy tạm hưởng lạc trong một thời gian ngắn."

44.- Nhưng chúng xấc xược thách thức Mệnh Lệnh của *Rabb* của chúng. Do đó, lưỡi tầm sét đã đánh chúng trong lúc chúng đang ngóng nhìn.

45.- Bởi thế, chúng không đứng dậy cũng không tự cứu mình được.

46.- Trước đây, người dân của *Nūh* cũng đã bị tiêu diệt như thế. Quả thật, chúng là một đám người bất tuân, nổi loạn.

47.- Và bầu trời, *TA* đã dựng nó bằng sức mạnh và *TA* làm cho nó bao la.

48.- Và trái đất, *TA* đã trải nó ra rộng; và Đấng trải ấy thật là Ưu việt.

49.- Và *TA* đã tạo hóa mọi vật theo cặp để cho các người ghi nhớ.

50.- Bởi thế, hãy chạy đến với Allah, quả thật, Ta (Muhammad) là một Người báo-trước rõ rệt do Ngài cử đến với các người.

51.- Và chớ tôn thờ một thần linh nào cùng với Allah. Quả thật, Ta là một Người báo-trước công khai do Ngài cử đến với các người.

كَذَٰلِكَ مَآ أَتَى ٱلَّذِينَ مِن قَبۡلِهِم مِّن رَّسُولٍ إِلَّا قَالُواْ سَاحِرٌ أَوۡ مَجۡنُونٌ ﴿٥٢﴾ أَتَوَاصَوۡاْ بِهِۦۚ بَلۡ هُمۡ قَوۡمٞ طَاغُونَ ﴿٥٣﴾ فَتَوَلَّ عَنۡهُمۡ فَمَآ أَنتَ بِمَلُومٖ ﴿٥٤﴾ وَذَكِّرۡ فَإِنَّ ٱلذِّكۡرَىٰ تَنفَعُ ٱلۡمُؤۡمِنِينَ ﴿٥٥﴾ وَمَا خَلَقۡتُ ٱلۡجِنَّ وَٱلۡإِنسَ إِلَّا لِيَعۡبُدُونِ ﴿٥٦﴾ مَآ أُرِيدُ مِنۡهُم مِّن رِّزۡقٖ وَمَآ أُرِيدُ أَن يُطۡعِمُونِ ﴿٥٧﴾ إِنَّ ٱللَّهَ هُوَ ٱلرَّزَّاقُ ذُو ٱلۡقُوَّةِ ٱلۡمَتِينُ ﴿٥٨﴾ فَإِنَّ لِلَّذِينَ ظَلَمُواْ ذَنُوبٗا مِّثۡلَ ذَنُوبِ أَصۡحَٰبِهِمۡ فَلَا يَسۡتَعۡجِلُونِ ﴿٥٩﴾ فَوَيۡلٞ لِّلَّذِينَ كَفَرُواْ مِن يَوۡمِهِمُ ٱلَّذِي يُوعَدُونَ ﴿٦٠﴾

سُورَةُ الطُّورِ

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

وَٱلطُّورِ ﴿١﴾ وَكِتَٰبٖ مَّسۡطُورٖ ﴿٢﴾ فِي رَقّٖ مَّنشُورٖ ﴿٣﴾ وَٱلۡبَيۡتِ ٱلۡمَعۡمُورِ ﴿٤﴾ وَٱلسَّقۡفِ ٱلۡمَرۡفُوعِ ﴿٥﴾ وَٱلۡبَحۡرِ ٱلۡمَسۡجُورِ ﴿٦﴾ إِنَّ عَذَابَ رَبِّكَ لَوَٰقِعٞ ﴿٧﴾ مَّا لَهُۥ مِن دَافِعٖ ﴿٨﴾ يَوۡمَ تَمُورُ ٱلسَّمَآءُ مَوۡرٗا ﴿٩﴾ وَتَسِيرُ ٱلۡجِبَالُ سَيۡرٗا ﴿١٠﴾ فَوَيۡلٞ يَوۡمَئِذٖ لِّلۡمُكَذِّبِينَ ﴿١١﴾ ٱلَّذِينَ هُمۡ فِي خَوۡضٖ يَلۡعَبُونَ ﴿١٢﴾ يَوۡمَ يُدَعُّونَ إِلَىٰ نَارِ جَهَنَّمَ دَعًّا ﴿١٣﴾ هَٰذِهِ ٱلنَّارُ ٱلَّتِي كُنتُم بِهَا تُكَذِّبُونَ ﴿١٤﴾

52.- Đúng như thế; không một Sứ giả nào đến gặp những ai sống trước chúng mà không bị xuyên tạc là 'một tên phù thủy hay một thằng điên'.

53.- Phải chăng đây là lời di chúc mà chúng truyền cho nhau? Không, chúng là một dân tộc thái quá.

54.- Bởi thế, hãy quay lánh xa chúng. Ngươi không bị khiển trách.

55.- Và hãy nhắc nhở. Và sự nhắc nhở có lợi cho những người có đức tin.

56.- Và TA đã tạo ra loài *Jinn* và loài người chỉ để thờ phụng TA.

57.- TA không đòi hỏi bổng lộc từ chúng và cũng không đòi chúng nuôi TA.

58.- Chính Allah là Đấng Cung cấp bổng lộc (cho tất cả), Chủ Nhân của Quyền-lực, Rất hùng mạnh.

59.- Bởi thế, phần của những kẻ làm điều sai quấy giống với phần của những người bạn của chúng. Bởi thế, chớ để chúng thúc giục TA.

60.- Khốn khổ cho những kẻ vô đức tin về Ngày mà chúng đã được hứa.

AṬ-ṬŪR

Nhân danh Allah, Đấng Rất mực Độ lượng,
Đấng Rất mực Khoan dung

1.- Thề bởi ngọn Núi (nơi đã xảy ra việc mặc khải);

2.- Và bởi Kinh sách đã được ghi khắc;

3.- Nơi miếng da thuộc được mở ra;

4.- Và bởi Ngôi Đền ở bên trên bẩy tầng trời;

5.- Và bởi mái vòm (bầu trời) được dựng cao;

6.- Và bởi đại dương (nổi sóng) dâng trào;

7.- Quả thật, sự trừng-phạt của *Rabb* của Ngươi chắc chắn sẽ xảy ra,

8.- Không ai có thể tránh khỏi đặng; -

9.- Ngày mà bầu trời sẽ rung chuyển dữ dội;

10.- Và những ngọn núi sẽ dời đi một cách khủng khiếp.

11.- Bởi thế, vào Ngày đó những kẻ phủ nhận sự thật sẽ rất thống khổ;

12.- Những ai bông đùa nói chuyện vô bổ.

13.- Vào Ngày mà chúng sẽ bị xô xuống Lửa của Hỏa ngục bằng một cuộc xô mạnh bạo.

14.- "Đây là Lửa mà các người thường phủ nhận."

أَفَسِحۡرٌ هَٰذَآ أَمۡ أَنتُمۡ لَا تُبۡصِرُونَ ١٥ ٱصۡلَوۡهَا فَٱصۡبِرُوٓاْ
أَوۡ لَا تَصۡبِرُواْ سَوَآءٌ عَلَيۡكُمۡۖ إِنَّمَا تُجۡزَوۡنَ مَا كُنتُمۡ تَعۡمَلُونَ ١٦
إِنَّ ٱلۡمُتَّقِينَ فِي جَنَّٰتٖ وَنَعِيمٖ ١٧ فَٰكِهِينَ بِمَآ ءَاتَىٰهُمۡ رَبُّهُمۡ
وَوَقَىٰهُمۡ رَبُّهُمۡ عَذَابَ ٱلۡجَحِيمِ ١٨ كُلُواْ وَٱشۡرَبُواْ هَنِيٓـَٔۢا بِمَا
كُنتُمۡ تَعۡمَلُونَ ١٩ مُتَّكِـِٔينَ عَلَىٰ سُرُرٖ مَّصۡفُوفَةٖۖ وَزَوَّجۡنَٰهُم
بِحُورٍ عِينٖ ٢٠ وَٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ وَٱتَّبَعَتۡهُمۡ ذُرِّيَّتُهُم بِإِيمَٰنٍ أَلۡحَقۡنَا
بِهِمۡ ذُرِّيَّتَهُمۡ وَمَآ أَلَتۡنَٰهُم مِّنۡ عَمَلِهِم مِّن شَيۡءٖۚ كُلُّ ٱمۡرِيِٕۭ بِمَا
كَسَبَ رَهِينٞ ٢١ وَأَمۡدَدۡنَٰهُم بِفَٰكِهَةٖ وَلَحۡمٖ مِّمَّا يَشۡتَهُونَ ٢٢
يَتَنَٰزَعُونَ فِيهَا كَأۡسٗا لَّا لَغۡوٞ فِيهَا وَلَا تَأۡثِيمٞ ٢٣ ۞ وَيَطُوفُ عَلَيۡهِمۡ
غِلۡمَانٞ لَّهُمۡ كَأَنَّهُمۡ لُؤۡلُؤٞ مَّكۡنُونٞ ٢٤ وَأَقۡبَلَ بَعۡضُهُمۡ عَلَىٰ
بَعۡضٖ يَتَسَآءَلُونَ ٢٥ قَالُوٓاْ إِنَّا كُنَّا قَبۡلُ فِيٓ أَهۡلِنَا مُشۡفِقِينَ
٢٦ فَمَنَّ ٱللَّهُ عَلَيۡنَا وَوَقَىٰنَا عَذَابَ ٱلسَّمُومِ ٢٧ إِنَّا كُنَّا
مِن قَبۡلُ نَدۡعُوهُۖ إِنَّهُۥ هُوَ ٱلۡبَرُّ ٱلرَّحِيمُ ٢٨ فَذَكِّرۡ فَمَآ أَنتَ بِنِعۡمَتِ
رَبِّكَ بِكَاهِنٖ وَلَا مَجۡنُونٍ ٢٩ أَمۡ يَقُولُونَ شَاعِرٞ نَّتَرَبَّصُ بِهِۦ رَيۡبَ
ٱلۡمَنُونِ ٣٠ قُلۡ تَرَبَّصُواْ فَإِنِّي مَعَكُم مِّنَ ٱلۡمُتَرَبِّصِينَ ٣١

ربع الحزب ٥٣

15.- Thế phải chăng đây là trò ảo thuật? hay là các người không nhìn thấy?

16.- Hãy chịu đốt trong đó. Dù các người rán chịu hay không chịu nổi thì điều đó bằng thừa đối với các người. Bởi vì các người chỉ nhận lấy quả báo về những việc làm của các người mà thôi.

17.- Quả thật, những người ngay chính sợ Allah sẽ thực sự ở trong Thiên đàng và sẽ sung sướng;

18.- Hưởng hạnh phúc mà *Rabb* của họ ban cấp và *Rabb* của họ sẽ giải cứu họ khỏi sự trừng phạt của Hỏa ngục.

19.- "Hãy ăn uống thỏa thuê do công trình mà các người đã làm."

20.- Họ sẽ tựa mình nằm nghỉ trên những chiếc tràng kỹ được xếp thành hàng và *TA* sẽ kết hôn họ với những tiên nữ với đôi mắt to, đẹp và trữ tình.

21.- Và những ai có đức tin và con cái của họ cùng theo họ trong Đức tin, *TA* sẽ cho con cái của họ đoàn tụ với họ (nơi Thiên đàng). Và *TA* sẽ ân thưởng họ không thiếu một thứ gì về những việc làm (tốt) của ho. Mỗi người là một bảo chứng cho những điều mà họ đã làm ra.

22.- Và *TA* sẽ gia tăng cho họ trái cây và thịt ngon tùy món mà họ thích.

23.- Trong đó (Thiên đàng), họ sẽ trao cho nhau một cái tách không chứa lời tầm phào và không tội lỗi.

24.- Và được hầu hạ bởi những thiếu niên xinh đẹp như những viên ngọc trai được giữ kỹ.

25.- Họ sẽ bước đến gặp nhau hỏi han.

26.- Nói: "Trước đây chúng tôi và gia đình thường lo lắng;

27.- "Nhưng Allah đã ban ân cho chúng tôi và cứu chúng tôi khỏi hình phạt của Lửa đốt cháy.

28.- "Quả thật, trước đây chúng tôi đã từng cầu nguyện Ngài. Rõ thật, Ngài là Đấng Rất mực Nhân từ, Rất mực Khoan dung."

29.- Bởi thế, hãy nhắc nhở. Do Ân huệ của *Rabb* của Ngươi, Ngươi không phải là một tên thầy bói cũng không phải là một người điên.

30.- Hoặc có phải chúng nói: "(Y là) một nhà thơ. Bọn ta đợi xem, sớm muộn gì y cũng gặp tai nạn."

31.- Hãy bảo chúng: "Các người hãy đợi, Ta cùng chờ đợi với các người."

أَمْ تَأْمُرُهُمْ أَحْلَٰمُهُم بِهَٰذَآ ۚ أَمْ هُمْ قَوْمٌ طَاغُونَ ﴿٣٢﴾ أَمْ يَقُولُونَ تَقَوَّلَهُۥ ۚ
بَل لَّا يُؤْمِنُونَ ﴿٣٣﴾ فَلْيَأْتُوا۟ بِحَدِيثٍ مِّثْلِهِۦٓ إِن كَانُوا۟ صَٰدِقِينَ
﴿٣٤﴾ أَمْ خُلِقُوا۟ مِنْ غَيْرِ شَىْءٍ أَمْ هُمُ ٱلْخَٰلِقُونَ ﴿٣٥﴾ أَمْ خَلَقُوا۟
ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلْأَرْضَ ۚ بَل لَّا يُوقِنُونَ ﴿٣٦﴾ أَمْ عِندَهُمْ خَزَآئِنُ رَبِّكَ
أَمْ هُمُ ٱلْمُصَۣيْطِرُونَ ﴿٣٧﴾ أَمْ لَهُمْ سُلَّمٌ يَسْتَمِعُونَ فِيهِ ۖ فَلْيَأْتِ
مُسْتَمِعُهُم بِسُلْطَٰنٍ مُّبِينٍ ﴿٣٨﴾ أَمْ لَهُ ٱلْبَنَٰتُ وَلَكُمُ ٱلْبَنُونَ ﴿٣٩﴾
أَمْ تَسْـَٔلُهُمْ أَجْرًا فَهُم مِّن مَّغْرَمٍ مُّثْقَلُونَ ﴿٤٠﴾ أَمْ عِندَهُمُ ٱلْغَيْبُ
فَهُمْ يَكْتُبُونَ ﴿٤١﴾ أَمْ يُرِيدُونَ كَيْدًا ۖ فَٱلَّذِينَ كَفَرُوا۟ هُمُ ٱلْمَكِيدُونَ ﴿٤٢﴾
أَمْ لَهُمْ إِلَٰهٌ غَيْرُ ٱللَّهِ ۚ سُبْحَٰنَ ٱللَّهِ عَمَّا يُشْرِكُونَ ﴿٤٣﴾ وَإِن يَرَوْا۟ كِسْفًا
مِّنَ ٱلسَّمَآءِ سَاقِطًا يَقُولُوا۟ سَحَابٌ مَّرْكُومٌ ﴿٤٤﴾ فَذَرْهُمْ حَتَّىٰ يُلَٰقُوا۟
يَوْمَهُمُ ٱلَّذِى فِيهِ يُصْعَقُونَ ﴿٤٥﴾ يَوْمَ لَا يُغْنِى عَنْهُمْ كَيْدُهُمْ شَيْـًٔا
وَلَا هُمْ يُنصَرُونَ ﴿٤٦﴾ وَإِنَّ لِلَّذِينَ ظَلَمُوا۟ عَذَابًا دُونَ ذَٰلِكَ وَلَٰكِنَّ
أَكْثَرَهُمْ لَا يَعْلَمُونَ ﴿٤٧﴾ وَٱصْبِرْ لِحُكْمِ رَبِّكَ فَإِنَّكَ بِأَعْيُنِنَا ۖ وَسَبِّحْ
بِحَمْدِ رَبِّكَ حِينَ تَقُومُ ﴿٤٨﴾ وَمِنَ ٱلَّيْلِ فَسَبِّحْهُ وَإِدْبَٰرَ ٱلنُّجُومِ ﴿٤٩﴾

سُورَةُ النَّجْمِ

32.- Phải chăng đầu óc của chúng bảo nói ra điều này? Hay là chúng thái quá?

33.- Phải chăng chúng nói: "Y đã bịa đặt Nó." Không, chúng không tin tưởng.

34.- Thế hãy để chúng mang một Lời tường trình giống như Nó (Qur'ān) đến nếu chúng nói thật.

35.- Phải chăng chúng đã được tạo hóa từ cái không là gì cả? Hay chúng là những đấng tạo hóa?

36.- Phải chăng chúng đã tạo hóa các tầng trời và trái đất? Không, chúng không có một niềm tin vững chắc.

37.- Phải chăng chúng giữ các kho tàng của *Rabb* của Ngươi? hoặc chúng có toàn quyền quản lý (các kho tàng)?

38.- Hoặc phải chăng chúng có một cái thang dùng đi lên trời để nghe (những điều bí mật của Thiên thần?) Bởi thế, hãy để cho những kẻ nghe lỏm đưa ra một bằng chứng rõ rệt thử xem?

39.- Hoặc phải chăng Ngài chỉ có con gái còn con trai thì của các người?

40.- Phải chăng Ngươi đã đòi chúng tiền thù lao cho nên chúng nợ nần chồng chất?

41.- Hoặc phải chăng chúng nắm điều Vô-hình cho nên chúng viết nó xuống?

42.- Hoặc phải chăng chúng mưu đồ (hại Ngươi?) Nhưng chính những kẻ vô niềm tin lại rơi vào mưu đồ của chúng.

43.- Phải chăng chúng có một Thượng Đế khác hơn Allah? Thật quang vinh thay Allah! Ngài vượt hẳn những điều mà chúng đã qui cho Ngài.

44.- Và dẫu chúng có thấy một mảnh trời rơi xuống thì chúng vẫn nói: "Đó là những đám mây kết lại thành đóng lớn!"

45.- Bởi thế, hãy để mặc chúng cho đến lúc chúng sẽ gặp Ngày (tàn) của chúng mà chúng sẽ bất tỉnh;

46.- Ngày mà âm mưu của chúng sẽ không giúp ích gì được cho chúng và chúng sẽ không được ai cứu giúp.

47.- Và chắc chắn những kẻ làm điều sai quấy sẽ nhận một sự trừng phạt ngoài cái đó nhưng đa số bọn chúng không biết.

48.- Và hãy kiên nhẫn đợi Quyết định của *Rabb* của Ngươi bởi vì quả thật Ngươi nằm dưới Mắt của *TA* (Allah); và hãy tán dương lời ca tụng *Rabb* của Ngươi khi Ngươi thức giấc (hay đứng dâng lễ).

49.- Do đó, hãy tán dương Ngài vào ban đêm và vào lúc các vì sao lặn.

AN-NAJM

بِسْمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحْمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

وَٱلنَّجْمِ إِذَا هَوَىٰ ﴿١﴾ مَا ضَلَّ صَاحِبُكُمْ وَمَا غَوَىٰ ﴿٢﴾ وَمَا يَنطِقُ عَنِ ٱلْهَوَىٰٓ ﴿٣﴾ إِنْ هُوَ إِلَّا وَحْىٌ يُوحَىٰ ﴿٤﴾ عَلَّمَهُۥ شَدِيدُ ٱلْقُوَىٰ ﴿٥﴾ ذُو مِرَّةٍ فَٱسْتَوَىٰ ﴿٦﴾ وَهُوَ بِٱلْأُفُقِ ٱلْأَعْلَىٰ ﴿٧﴾ ثُمَّ دَنَا فَتَدَلَّىٰ ﴿٨﴾ فَكَانَ قَابَ قَوْسَيْنِ أَوْ أَدْنَىٰ ﴿٩﴾ فَأَوْحَىٰٓ إِلَىٰ عَبْدِهِۦ مَآ أَوْحَىٰ ﴿١٠﴾ مَا كَذَبَ ٱلْفُؤَادُ مَا رَأَىٰٓ ﴿١١﴾ أَفَتُمَٰرُونَهُۥ عَلَىٰ مَا يَرَىٰ ﴿١٢﴾ وَلَقَدْ رَءَاهُ نَزْلَةً أُخْرَىٰ ﴿١٣﴾ عِندَ سِدْرَةِ ٱلْمُنتَهَىٰ ﴿١٤﴾ عِندَهَا جَنَّةُ ٱلْمَأْوَىٰٓ ﴿١٥﴾ إِذْ يَغْشَى ٱلسِّدْرَةَ مَا يَغْشَىٰ ﴿١٦﴾ مَا زَاغَ ٱلْبَصَرُ وَمَا طَغَىٰ ﴿١٧﴾ لَقَدْ رَأَىٰ مِنْ ءَايَٰتِ رَبِّهِ ٱلْكُبْرَىٰٓ ﴿١٨﴾ أَفَرَءَيْتُمُ ٱللَّٰتَ وَٱلْعُزَّىٰ ﴿١٩﴾ وَمَنَوٰةَ ٱلثَّالِثَةَ ٱلْأُخْرَىٰٓ ﴿٢٠﴾ أَلَكُمُ ٱلذَّكَرُ وَلَهُ ٱلْأُنثَىٰ ﴿٢١﴾ تِلْكَ إِذًا قِسْمَةٌ ضِيزَىٰٓ ﴿٢٢﴾ إِنْ هِىَ إِلَّآ أَسْمَآءٌ سَمَّيْتُمُوهَآ أَنتُمْ وَءَابَآؤُكُم مَّآ أَنزَلَ ٱللَّهُ بِهَا مِن سُلْطَٰنٍ ۚ إِن يَتَّبِعُونَ إِلَّا ٱلظَّنَّ وَمَا تَهْوَى ٱلْأَنفُسُ ۖ وَلَقَدْ جَآءَهُم مِّن رَّبِّهِمُ ٱلْهُدَىٰٓ ﴿٢٣﴾ أَمْ لِلْإِنسَٰنِ مَا تَمَنَّىٰ ﴿٢٤﴾ فَلِلَّهِ ٱلْءَاخِرَةُ وَٱلْأُولَىٰ ﴿٢٥﴾ ۞ وَكَم مِّن مَّلَكٍ فِى ٱلسَّمَٰوَٰتِ لَا تُغْنِى شَفَٰعَتُهُمْ شَيْـًٔا إِلَّا مِنۢ بَعْدِ أَن يَأْذَنَ ٱللَّهُ لِمَن يَشَآءُ وَيَرْضَىٰٓ ﴿٢٦﴾

نصف الحزب ٥٣

Nhân danh Allah, Đấng Rất mực Độ lượng,
Đấng Rất mực Khoan dung

1.- Thề bởi ngôi Sao khi nó đi xuống (lặn);

2.- Người Bạn của các người không lạc hướng cũng không nhầm lẫn;

3.- Và Người không nói theo sở thích;

4.- Quả thật, nó (Qur'ān) chỉ là điều mặc khải đã được mặc khải;

5.- Người được một vị (Thiên Thần-Jibrīl) rất quyền lực dạy cho;

6.- (Một Vị) toàn vẹn về mọi mặt; rồi Người đi lên.

7.- Và Người (Jibrīl) xuất hiện trên phần cao nhất của chân trời;

8.- Rồi Người tiến đến gần;

9.- Xa bằng khoảng cách của hai cây cung hoặc gần hơn;

10.- Bằng cách đó, Ngài đã mặc khải cho người bề-tôi điều mà Ngài muốn.

11.- Tấm lòng (của Muhammad) không dối trá về điều mà Người đã thấy.

12.- Thế các người muốn tranh cãi với Người về điều mà Người đã thấy ư?

13.- Và chắc chắn Người đã thấy Vị (Jibrīl) vào lúc giáng trần lần thứ hai.

14.- Gần Cây Bách hương của biên giới xa thẳm;

15.- Gần nó (Cây Bách hương) là Thiên đàng Cư ngụ;

16.- Khi Cây Bách hương được bao phủ bởi cái vốn bao phủ (nó);

17.- Mắt nhìn không quay sang cũng không vượt quá tầm mức (giới hạn);

18.- Chắc chắn Người thấy những Dấu hiệu lớn nhất của *Rabb* của Người.

19.- Há các người đã thấy (thần) *Al-Lāt* và (thần) *Al-'Uzza*,

20.- Và *Manāt*, (nữ thần) thứ ba hay sao?

21.- Phải chăng nam giới thuộc về các người còn nữ giới thì thuộc về Ngài?

22.- Một sự phân chia như thế thật chẳng công bằng!

23.- Đó chẳng qua là những tên gọi mà các người và cha mẹ của các người đã qui cho chúng chứ Allah đã không ban xuống một thẩm quyền nào. Chúng chỉ tưởng tượng và theo điều mà bản thân của chúng mong muốn trong lúc một Chỉ đạo từ *Rabb* của chúng đã đến với chúng.

24.- Hoặc phải chăng con người sẽ được điều mà y mong ước?

25.- Nhưng cái sau cùng và cái trước tiên (đời này) đều là của Allah cả.

26.- Và có bao nhiêu thiên thần trong các tầng trời mà sự can thiệp chẳng có kết quả gì trừ phi Allah chấp thuận cho ai mà Ngài muốn và hài lòng?

إِنَّ ٱلَّذِينَ لَا يُؤۡمِنُونَ بِٱلۡأٓخِرَةِ لَيُسَمُّونَ ٱلۡمَلَٰٓئِكَةَ تَسۡمِيَةَ ٱلۡأُنثَىٰ ﴿٢٧﴾
وَمَا لَهُم بِهِۦ مِنۡ عِلۡمٍۖ إِن يَتَّبِعُونَ إِلَّا ٱلظَّنَّۖ وَإِنَّ ٱلظَّنَّ لَا يُغۡنِي مِنَ
ٱلۡحَقِّ شَيۡـٔٗا ﴿٢٨﴾ فَأَعۡرِضۡ عَن مَّن تَوَلَّىٰ عَن ذِكۡرِنَا وَلَمۡ يُرِدۡ إِلَّا ٱلۡحَيَوٰةَ
ٱلدُّنۡيَا ﴿٢٩﴾ ذَٰلِكَ مَبۡلَغُهُم مِّنَ ٱلۡعِلۡمِۚ إِنَّ رَبَّكَ هُوَ أَعۡلَمُ بِمَن ضَلَّ عَن
سَبِيلِهِۦ وَهُوَ أَعۡلَمُ بِمَنِ ٱهۡتَدَىٰ ﴿٣٠﴾ وَلِلَّهِ مَا فِي ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَمَا فِي
ٱلۡأَرۡضِ لِيَجۡزِيَ ٱلَّذِينَ أَسَٰٓـُٔواْ بِمَا عَمِلُواْ وَيَجۡزِيَ ٱلَّذِينَ أَحۡسَنُواْ
بِٱلۡحُسۡنَى ﴿٣١﴾ ٱلَّذِينَ يَجۡتَنِبُونَ كَبَٰٓئِرَ ٱلۡإِثۡمِ وَٱلۡفَوَٰحِشَ إِلَّا ٱللَّمَمَۚ
إِنَّ رَبَّكَ وَٰسِعُ ٱلۡمَغۡفِرَةِۚ هُوَ أَعۡلَمُ بِكُمۡ إِذۡ أَنشَأَكُم مِّنَ ٱلۡأَرۡضِ
وَإِذۡ أَنتُمۡ أَجِنَّةٞ فِي بُطُونِ أُمَّهَٰتِكُمۡۖ فَلَا تُزَكُّوٓاْ أَنفُسَكُمۡۖ هُوَ أَعۡلَمُ
بِمَنِ ٱتَّقَىٰٓ ﴿٣٢﴾ أَفَرَءَيۡتَ ٱلَّذِي تَوَلَّىٰ ﴿٣٣﴾ وَأَعۡطَىٰ قَلِيلٗا وَأَكۡدَىٰٓ
﴿٣٤﴾ أَعِندَهُۥ عِلۡمُ ٱلۡغَيۡبِ فَهُوَ يَرَىٰٓ ﴿٣٥﴾ أَمۡ لَمۡ يُنَبَّأۡ بِمَا فِي صُحُفِ
مُوسَىٰ ﴿٣٦﴾ وَإِبۡرَٰهِيمَ ٱلَّذِي وَفَّىٰٓ ﴿٣٧﴾ أَلَّا تَزِرُ وَازِرَةٞ وِزۡرَ أُخۡرَىٰ
﴿٣٨﴾ وَأَن لَّيۡسَ لِلۡإِنسَٰنِ إِلَّا مَا سَعَىٰ ﴿٣٩﴾ وَأَنَّ سَعۡيَهُۥ سَوۡفَ يُرَىٰ
﴿٤٠﴾ ثُمَّ يُجۡزَىٰهُ ٱلۡجَزَآءَ ٱلۡأَوۡفَىٰ ﴿٤١﴾ وَأَنَّ إِلَىٰ رَبِّكَ ٱلۡمُنتَهَىٰ ﴿٤٢﴾
وَأَنَّهُۥ هُوَ أَضۡحَكَ وَأَبۡكَىٰ ﴿٤٣﴾ وَأَنَّهُۥ هُوَ أَمَاتَ وَأَحۡيَا ﴿٤٤﴾

27.- Quả thật, những ai không tin tưởng nơi Đời sau đã dùng tên của phái nữ mà đặt cho thiên thần.

28.- Trong lúc chúng chẳng có một chút hiểu biết gì về việc đó. Quả thật, chúng chỉ làm theo tưởng tượng. Và điều tưởng tượng chẳng thay thế được sự Thật.

29.- Do đó, hãy lánh xa kẻ nào làm ngơ trước Lời Nhắc nhở (Qur'ān) của *TA* và chỉ ham muốn đời sống trần tục này.

30.- Đó là mức hiểu biết mà chúng đã đạt đến. Quả thật, *Rabb* (Đấng Chủ Tể) của Ngươi là Đấng biết rõ ai đi lạc khỏi Con-đường của Ngài và ai là người đã được hướng dẫn.

31.- Và mọi vật trong các tầng trời và mọi vật dưới đất đều là của Ngài cả. Mục đích để Ngài trừng phạt những ai phạm tội ác về những điều mà chúng đã làm và để tưởng thưởng những người làm tốt với cái tốt nhất (Thiên đàng),

32.- Những ai tránh được những tội lớn và các tội *al-Fawāhish* (như thông gian, ngoại tình) ngoại trừ những điều xúc phạm nhỏ nhặt. Quả thật, *Rabb* của Ngươi giầu lòng Tha thứ bao la. Ngài biết rõ các ngươi khi Ngài tạo ra các ngươi từ đất (bụi) và khi các ngươi hãy còn là thai nhi nằm trong bụng mẹ của các ngươi. Bởi thế, chớ tự cho mình trong sạch. Ngài biết rõ ai là người sợ Allah nhất.

33.- Há Ngươi (Muhammad) đã thấy một người quay lưng (bỏ đi),

34.- Hắn cho một ít rồi ngưng tay?

35.- Phải chăng hắn hiểu biết điều vô-hình cho nên hắn thấy (tương lai)?

36.- Há hắn đã không được thông báo về những điều ghi trong các tờ Kinh của Mūsa hay sao?

37.- Và (nơi các tờ Kinh của) Ibrāhīm, vốn đã hoàn tất nhiệm vụ?

38.- (Các tờ Kinh đó ghi) rằng: không một người chất đầy (tội lỗi) nào lại vác giùm gánh nặng (tội lỗi) của người khác.

39.- Và rằng: con người chỉ lãnh phần mà hắn cố gắng làm ra;

40.- Và rằng: nỗ lực của hắn sẽ sớm được thấy;

41.- Rồi hắn sẽ được tưởng thưởng bằng một phần thưởng trọn vẹn;

42.- Và cuối cùng là sự trở về gặp *Rabb* của Ngươi (Muhammad).

43.- Và chính Ngài là Đấng làm cho cười và làm cho khóc;

44.- Và chính Ngài là Đấng làm cho sống và gây cho chết.

وَأَنَّهُۥ خَلَقَ ٱلزَّوْجَيْنِ ٱلذَّكَرَ وَٱلْأُنثَىٰ ﴿٤٥﴾ مِن نُّطْفَةٍ إِذَا تُمْنَىٰ ﴿٤٦﴾ وَأَنَّ عَلَيْهِ ٱلنَّشْأَةَ ٱلْأُخْرَىٰ ﴿٤٧﴾ وَأَنَّهُۥ هُوَ أَغْنَىٰ وَأَقْنَىٰ ﴿٤٨﴾ وَأَنَّهُۥ هُوَ رَبُّ ٱلشِّعْرَىٰ ﴿٤٩﴾ وَأَنَّهُۥٓ أَهْلَكَ عَادًا ٱلْأُولَىٰ ﴿٥٠﴾ وَثَمُودَاْ فَمَآ أَبْقَىٰ ﴿٥١﴾ وَقَوْمَ نُوحٍ مِّن قَبْلُ ۖ إِنَّهُمْ كَانُواْ هُمْ أَظْلَمَ وَأَطْغَىٰ ﴿٥٢﴾ وَٱلْمُؤْتَفِكَةَ أَهْوَىٰ ﴿٥٣﴾ فَغَشَّىٰهَا مَا غَشَّىٰ ﴿٥٤﴾ فَبِأَيِّ ءَالَآءِ رَبِّكَ تَتَمَارَىٰ ﴿٥٥﴾ هَٰذَا نَذِيرٌ مِّنَ ٱلنُّذُرِ ٱلْأُولَىٰٓ ﴿٥٦﴾ أَزِفَتِ ٱلْـَٔازِفَةُ ﴿٥٧﴾ لَيْسَ لَهَا مِن دُونِ ٱللَّهِ كَاشِفَةٌ ﴿٥٨﴾ أَفَمِنْ هَٰذَا ٱلْحَدِيثِ تَعْجَبُونَ ﴿٥٩﴾ وَتَضْحَكُونَ وَلَا تَبْكُونَ ﴿٦٠﴾ وَأَنتُمْ سَٰمِدُونَ ﴿٦١﴾ فَٱسْجُدُواْ لِلَّهِ وَٱعْبُدُواْ ۩ ﴿٦٢﴾

سَجْدَة

سُورَةُ القَمَرِ

بِسْمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحْمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

ٱقْتَرَبَتِ ٱلسَّاعَةُ وَٱنشَقَّ ٱلْقَمَرُ ﴿١﴾ وَإِن يَرَوْاْ ءَايَةً يُعْرِضُواْ وَيَقُولُواْ سِحْرٌ مُّسْتَمِرٌّ ﴿٢﴾ وَكَذَّبُواْ وَٱتَّبَعُوٓاْ أَهْوَآءَهُمْ ۚ وَكُلُّ أَمْرٍ مُّسْتَقِرٌّ ﴿٣﴾ وَلَقَدْ جَآءَهُم مِّنَ ٱلْأَنۢبَآءِ مَا فِيهِ مُزْدَجَرٌ ﴿٤﴾ حِكْمَةٌۢ بَٰلِغَةٌ ۖ فَمَا تُغْنِ ٱلنُّذُرُ ﴿٥﴾ فَتَوَلَّ عَنْهُمْ ۘ يَوْمَ يَدْعُ ٱلدَّاعِ إِلَىٰ شَىْءٍ نُّكُرٍ ﴿٦﴾

45.- Và chính Ngài là Đấng tạo ra cặp (đôi), nam và nữ;

46.- Từ tinh dịch khi nó xuất ra;

47.- Và rằng Ngài có nhiệm tái tạo (phục sinh) một lần thứ hai;

48.- Và chính Ngài là Đấng ban cho sự giầu sang và làm cho mãn nguyện;

49.- Và chính Ngài là *Rabb* (Đấng Chủ Tể) của Sao Thiên Lang.

50.- Và chính Ngài là Đấng đã tiêu diệt bộ lạc *'Ād* thuở xưa;

51.- Và không bỏ sót (bộ tộc) *Thamūd*.

52.- Và cả người dân của Nūh trước đây bởi vì chúng đã từng bất công và phạm giới quá mức.

53.- Và (Ngài đã tiêu diệt) những thị trấn đổ phế.

54.- Bởi thế, cái (hình phạt) từng bao phủ đã bao phủ chúng.

55.- Thế Ân huệ nào của *Rabb* của ngươi mà ngươi hãy còn nghi ngờ?

56.- Đây là một Người báo-trước trong loạt người báo-trước đã có từ xưa.

57.- (Báo trước) việc sắp đến (Giờ Phán xử) sẽ đến;

58.- Ngoài Allah ra, không ai có thể chuyển hướng nó được;

59.- Thế các người ngạc nhiên về lời tường trình (Qur'ān) này chăng?

60.- Và nhẹ dạ cười đùa chứ không khóc lóc;

61.- Và phí mất thời gian (ham vui);

62.- Thôi hãy quì mọp xuống phủ phục Allah và thờ phụng Ngài.

AL-QAMAR

Nhân danh Allah, Đấng Rất mực Độ lượng,
Đấng Rất mực Khoan dung

1.- Giờ (Phán xử) đã gần kề và mặt Trăng chẻ làm đôi;

2.- Và nếu chúng có thấy một Phép-lạ chúng vẫn quay bỏ đi và bảo: “Đây là một trò ảo thuật liên-hồi (và dữ-dội).”

3.- Và chúng phủ nhận và làm theo sở thích; và mỗi vấn đề đều được kết thúc.

4.- Và chúng đã tiếp thu tin tức mà nội dung hăm dọa khiến chúng cả sợ;

5.- (Qur'ān chứa) điều khôn ngoan vô cùng thâm thúy; nhưng những Lời Cảnh cáo chẳng thấm tháp gì chúng cả.

6.- Bởi thế, hãy lánh xa chúng (hỡi Muhammad!) và chờ đến Ngày mà Người gọi sẽ gọi chúng đến đối diện với một điều hết sức khủng khiếp;

خُشَّعًا أَبْصَٰرُهُمْ يَخْرُجُونَ مِنَ ٱلْأَجْدَاثِ كَأَنَّهُمْ جَرَادٌ مُّنتَشِرٌ ﴿٧﴾ مُّهْطِعِينَ إِلَى ٱلدَّاعِ يَقُولُ ٱلْكَٰفِرُونَ هَٰذَا يَوْمٌ عَسِرٌ ﴿٨﴾ ۞ كَذَّبَتْ قَبْلَهُمْ قَوْمُ نُوحٍ فَكَذَّبُوا۟ عَبْدَنَا وَقَالُوا۟ مَجْنُونٌ وَٱزْدُجِرَ ﴿٩﴾ فَدَعَا رَبَّهُۥٓ أَنِّى مَغْلُوبٌ فَٱنتَصِرْ ﴿١٠﴾ فَفَتَحْنَآ أَبْوَٰبَ ٱلسَّمَآءِ بِمَآءٍ مُّنْهَمِرٍ ﴿١١﴾ وَفَجَّرْنَا ٱلْأَرْضَ عُيُونًا فَٱلْتَقَى ٱلْمَآءُ عَلَىٰٓ أَمْرٍ قَدْ قُدِرَ ﴿١٢﴾ وَحَمَلْنَٰهُ عَلَىٰ ذَاتِ أَلْوَٰحٍ وَدُسُرٍ ﴿١٣﴾ تَجْرِى بِأَعْيُنِنَا جَزَآءً لِّمَن كَانَ كُفِرَ ﴿١٤﴾ وَلَقَد تَّرَكْنَٰهَآ ءَايَةً فَهَلْ مِن مُّدَّكِرٍ ﴿١٥﴾ فَكَيْفَ كَانَ عَذَابِى وَنُذُرِ ﴿١٦﴾ وَلَقَدْ يَسَّرْنَا ٱلْقُرْءَانَ لِلذِّكْرِ فَهَلْ مِن مُّدَّكِرٍ ﴿١٧﴾ كَذَّبَتْ عَادٌ فَكَيْفَ كَانَ عَذَابِى وَنُذُرِ ﴿١٨﴾ إِنَّآ أَرْسَلْنَا عَلَيْهِمْ رِيحًا صَرْصَرًا فِى يَوْمِ نَحْسٍ مُّسْتَمِرٍّ ﴿١٩﴾ تَنزِعُ ٱلنَّاسَ كَأَنَّهُمْ أَعْجَازُ نَخْلٍ مُّنقَعِرٍ ﴿٢٠﴾ فَكَيْفَ كَانَ عَذَابِى وَنُذُرِ ﴿٢١﴾ وَلَقَدْ يَسَّرْنَا ٱلْقُرْءَانَ لِلذِّكْرِ فَهَلْ مِن مُّدَّكِرٍ ﴿٢٢﴾ كَذَّبَتْ ثَمُودُ بِٱلنُّذُرِ ﴿٢٣﴾ فَقَالُوٓا۟ أَبَشَرًا مِّنَّا وَٰحِدًا نَّتَّبِعُهُۥٓ إِنَّآ إِذًا لَّفِى ضَلَٰلٍ وَسُعُرٍ ﴿٢٤﴾ أَءُلْقِىَ ٱلذِّكْرُ عَلَيْهِ مِنۢ بَيْنِنَا بَلْ هُوَ كَذَّابٌ أَشِرٌ ﴿٢٥﴾ سَيَعْلَمُونَ غَدًا مَّنِ ٱلْكَذَّابُ ٱلْأَشِرُ ﴿٢٦﴾ إِنَّا مُرْسِلُوا۟ ٱلنَّاقَةِ فِتْنَةً لَّهُمْ فَٱرْتَقِبْهُمْ وَٱصْطَبِرْ ﴿٢٧﴾

7.- Chúng sẽ bước ra khỏi mộ, nhìn gục xuống, (hãi hùng) giống như các con châu chấu bay tán loạn;

8.- Vội vã hướng nhanh về phía người gọi. Những kẻ không có niềm tin sẽ bảo: "Đây là một Ngày khó khăn vất vả!"

9.- Người dân của Nūh trước chúng đã phủ nhận (Sứ giả của họ). Bởi thế, họ đã phủ nhận người bề tôi của *TA*. Và bảo: "Một thằng điên." Và Người bị nhiếc mắng và hăm dọa.

10.- Người cầu cứu với *Rabb* của Người, thưa: "Bề tôi đã thua cuộc, xin Ngài giúp đỡ."

11.- Bởi thế, *TA* đã mở những cánh cửa của bầu trời cho nước mưa đổ xuống;

12.- Và *TA* đã làm cho đất phun nước lên. Và hai loại nước gặp nhau cho một vấn đề đã được quyết định.

13.- Và *TA* đã chở Người (Nūh) trên một chiếc (tàu) làm bằng ván và bằng sợi dây xe kết bằng thân cây dừa nước.

14.- Chiếc tàu trôi dưới Mắt (trông chừng) của *TA*. Một phần thưởng ban cấp cho người đã từng bị phủ nhận (và khinh rẻ).

15.- Và chắc chắn *TA* đã để nó lại như một Dấu hiệu. Thế có ai nhớ chăng?

16.- Bởi thế, sự trừng-phạt và lời cảnh-cáo của TA (đáng sợ) dường nào?

17.- Và *TA* đã làm cho Qur'ān dễ hiểu và dễ nhớ. Thế có ai nhớ chăng?

18.- (Người dân) 'Ād cũng đã phủ nhận (Sứ giả Hūd của họ). Bởi thế, sự trừng-phạt và lời cảnh-cáo của TA (đáng sợ) dường nào?

19.- Quả thật, *TA* (Allah) đã gởi một trận gió gào thét dữ dội đến trừng phạt chúng vào một Ngày của đại họa liên hồi.

20.- Càn quét con người đi mất biệt giống như cây chà-là bị thổi bứng gốc.

21.- Hãy xem sự trừng-phạt và lời cảnh-cáo của TA như thế nào?

22.- Và chắc chắn *TA* đã làm Qur'ān dễ hiểu và dễ nhớ. Thế có ai nhớ chăng?

23.- (Người dân) *Thamūd* phủ nhận những lời cảnh cáo;

24.- Bởi vì chúng đã bảo: "Một người phàm đơn lẽ giữa chúng ta! Há chúng ta nghe theo y hay sao? Trong trường hợp đó, chúng ta thật sự lầm lạc và điên rồ!"

25.- "Phải chăng giữa chúng ta, Y (Nabi Sālih) là người đã nhận thông điệp Nhắc nhở? Không, Y là một tên láo toét hỗn xược!"

26.- Mai đây chúng sẽ biết ai là một tên láo khoét, một tên hỗn xược.

27.- Quả thật, *TA* đã gởi một con lạc-đà cái đến thử thách chúng. Do đó, hãy quan sát chúng (hỡi Sālih!) và kiên nhẫn.

وَنَبِّئْهُمْ أَنَّ ٱلْمَآءَ قِسْمَةٌۢ بَيْنَهُمْ ۖ كُلُّ شِرْبٍ مُّحْتَضَرٌ ﴿٢٨﴾ فَنَادَوْا۟ صَاحِبَهُمْ
فَتَعَاطَىٰ فَعَقَرَ ﴿٢٩﴾ فَكَيْفَ كَانَ عَذَابِى وَنُذُرِ ﴿٣٠﴾ إِنَّآ أَرْسَلْنَا عَلَيْهِمْ
صَيْحَةً وَٰحِدَةً فَكَانُوا۟ كَهَشِيمِ ٱلْمُحْتَظِرِ ﴿٣١﴾ وَلَقَدْ يَسَّرْنَا ٱلْقُرْءَانَ
لِلذِّكْرِ فَهَلْ مِن مُّدَّكِرٍ ﴿٣٢﴾ كَذَّبَتْ قَوْمُ لُوطٍۭ بِٱلنُّذُرِ ﴿٣٣﴾ إِنَّآ أَرْسَلْنَا
عَلَيْهِمْ حَاصِبًا إِلَّآ ءَالَ لُوطٍ ۖ نَّجَّيْنَٰهُم بِسَحَرٍ ﴿٣٤﴾ نِّعْمَةً مِّنْ عِندِنَا ۚ
كَذَٰلِكَ نَجْزِى مَن شَكَرَ ﴿٣٥﴾ وَلَقَدْ أَنذَرَهُم بَطْشَتَنَا فَتَمَارَوْا۟ بِٱلنُّذُرِ
﴿٣٦﴾ وَلَقَدْ رَٰوَدُوهُ عَن ضَيْفِهِۦ فَطَمَسْنَآ أَعْيُنَهُمْ فَذُوقُوا۟ عَذَابِى
وَنُذُرِ ﴿٣٧﴾ وَلَقَدْ صَبَّحَهُم بُكْرَةً عَذَابٌ مُّسْتَقِرٌّ ﴿٣٨﴾ فَذُوقُوا۟
عَذَابِى وَنُذُرِ ﴿٣٩﴾ وَلَقَدْ يَسَّرْنَا ٱلْقُرْءَانَ لِلذِّكْرِ فَهَلْ مِن مُّدَّكِرٍ ﴿٤٠﴾
وَلَقَدْ جَآءَ ءَالَ فِرْعَوْنَ ٱلنُّذُرُ ﴿٤١﴾ كَذَّبُوا۟ بِـَٔايَٰتِنَا كُلِّهَا فَأَخَذْنَٰهُمْ
أَخْذَ عَزِيزٍ مُّقْتَدِرٍ ﴿٤٢﴾ أَكُفَّارُكُمْ خَيْرٌ مِّنْ أُو۟لَٰٓئِكُمْ أَمْ لَكُم بَرَآءَةٌ
فِى ٱلزُّبُرِ ﴿٤٣﴾ أَمْ يَقُولُونَ نَحْنُ جَمِيعٌ مُّنتَصِرٌ ﴿٤٤﴾ سَيُهْزَمُ ٱلْجَمْعُ
وَيُوَلُّونَ ٱلدُّبُرَ ﴿٤٥﴾ بَلِ ٱلسَّاعَةُ مَوْعِدُهُمْ وَٱلسَّاعَةُ أَدْهَىٰ وَأَمَرُّ ﴿٤٦﴾
إِنَّ ٱلْمُجْرِمِينَ فِى ضَلَٰلٍ وَسُعُرٍ ﴿٤٧﴾ يَوْمَ يُسْحَبُونَ فِى ٱلنَّارِ عَلَىٰ
وُجُوهِهِمْ ذُوقُوا۟ مَسَّ سَقَرَ ﴿٤٨﴾ إِنَّا كُلَّ شَىْءٍ خَلَقْنَٰهُ بِقَدَرٍ ﴿٤٩﴾

28.- Và hãy cho chúng biết nước (hồ) sẽ được chia sẻ giữa chúng (và con lạc-đà cái). Mỗi bên thay phiên nhau uống nước (hồ).

29.- Nhưng chúng gọi bạn bè của chúng đến, cầm dao cắt nhượng con lạc đà.

30.- Hãy xem sự trừng- phạt và lời cảnh-cáo của TA như thế nào?

31.- Và *TA* đã gởi tiếng gầm thét duy nhất đến phạt chúng và chúng chết như cây khô dùng rào chuồng thú.

32.- Và *TA* đã làm cho Qur'ān dễ hiểu và dễ nhớ. Thế có ai nhớ chăng?

33.- Người dân của *Lūt* (Lốt) phủ nhận lời cảnh-cáo;

34.- Quả thật, *TA* (Allah) đã gởi một trận bão đá đến tiêu diệt chúng, chỉ trừ gia đình của Lūt; *TA* đã giải cứu họ vào lúc sáng sớm,

35.- Như là một Ân huệ từ *TA*. *TA* đãi ngộ người biết ơn đúng như thế.

36.- Và chắc chắn *Lūt* đã cảnh cáo chúng về việc *TA* sẽ túm bắt chúng, nhưng chúng nghi ngờ lời cảnh cáo.

37.- Và chắc chắn chúng đòi Lūt trao những vị khách lạ cho chúng. Nhưng *TA* làm cho mắt của chúng thành mù. (Và phán): "Thôi hãy nếm mùi trừng phạt và lời cảnh cáo của TA."

38.- Và một sự trừng-phạt dữ dội đã chụp bắt chúng vào buổi sáng.

39.- Bởi thế, hãy nếm mùi trừng- phạt và lời cảnh-cáo của TA.

40.- Và *TA* đã làm cho Qur'ān dễ hiểu và dễ nhớ. Thế có ai nhớ chăng?

41.- Và chắc chắn những lời cảnh cáo đã đến cho người dân của Fir'aun.

42.- Nhưng chúng phủ nhận tất cả các Phép lạ của *TA*. Bởi thế, *TA* đã túm bắt chúng bằng một cuộc túm bắt của Đấng Toàn Năng, Đấng Quyền Lực Vô Song.

43.- Phải chăng những kẻ không tin của các người (hỡi đám Quraysh!) giỏi hơn những người dân đó hay sao? Hoặc phải chăng trong Kinh sách có ghi điều cho các người được miễn phạt?

44.- Hoặc phải chăng chúng bảo: "Chúng tôi liên minh giúp đỡ lẫn nhau."

45.- Nhưng liên quân của chúng sẽ bị đánh bại và quay lưng tháo chạy.

46.- Không, Giờ (Phán xử) là thời điểm ấn định của chúng và Giờ (Phán xử) sẽ đau đớn và cay đắng hơn.

47.- Quả thật, những kẻ tội lỗi đi lạc hướng và điên rồ.

48.- Vào Ngày mà chúng sẽ bị lôi úp mặt trong Lửa: "Hãy nếm Lửa chạm!"

49.- Quả thật, *TA* (Allah) tạo hóa tất cả mọi vật theo Tiền định.

وَمَآ أَمۡرُنَآ إِلَّا وَٰحِدَةٞ كَلَمۡحِۭ بِٱلۡبَصَرِ ٥٠ وَلَقَدۡ أَهۡلَكۡنَآ أَشۡيَاعَكُمۡ فَهَلۡ مِن مُّدَّكِرٖ ٥١ وَكُلُّ شَيۡءٖ فَعَلُوهُ فِي ٱلزُّبُرِ ٥٢ وَكُلُّ صَغِيرٖ وَكَبِيرٖ مُّسۡتَطَرٌ ٥٣ إِنَّ ٱلۡمُتَّقِينَ فِي جَنَّٰتٖ وَنَهَرٖ ٥٤ فِي مَقۡعَدِ صِدۡقٍ عِندَ مَلِيكٖ مُّقۡتَدِرِۭ ٥٥

سُورَةُ الرَّحْمَٰن

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

ٱلرَّحۡمَٰنُ ١ عَلَّمَ ٱلۡقُرۡءَانَ ٢ خَلَقَ ٱلۡإِنسَٰنَ ٣ عَلَّمَهُ ٱلۡبَيَانَ ٤ ٱلشَّمۡسُ وَٱلۡقَمَرُ بِحُسۡبَانٖ ٥ وَٱلنَّجۡمُ وَٱلشَّجَرُ يَسۡجُدَانِ ٦ وَٱلسَّمَآءَ رَفَعَهَا وَوَضَعَ ٱلۡمِيزَانَ ٧ أَلَّا تَطۡغَوۡاْ فِي ٱلۡمِيزَانِ ٨ وَأَقِيمُواْ ٱلۡوَزۡنَ بِٱلۡقِسۡطِ وَلَا تُخۡسِرُواْ ٱلۡمِيزَانَ ٩ وَٱلۡأَرۡضَ وَضَعَهَا لِلۡأَنَامِ ١٠ فِيهَا فَٰكِهَةٞ وَٱلنَّخۡلُ ذَاتُ ٱلۡأَكۡمَامِ ١١ وَٱلۡحَبُّ ذُو ٱلۡعَصۡفِ وَٱلرَّيۡحَانُ ١٢ فَبِأَيِّ ءَالَآءِ رَبِّكُمَا تُكَذِّبَانِ ١٣ خَلَقَ ٱلۡإِنسَٰنَ مِن صَلۡصَٰلٖ كَٱلۡفَخَّارِ ١٤ وَخَلَقَ ٱلۡجَآنَّ مِن مَّارِجٖ مِّن نَّارٖ ١٥ فَبِأَيِّ ءَالَآءِ رَبِّكُمَا تُكَذِّبَانِ ١٦ رَبُّ ٱلۡمَشۡرِقَيۡنِ وَرَبُّ ٱلۡمَغۡرِبَيۡنِ ١٧ فَبِأَيِّ ءَالَآءِ رَبِّكُمَا تُكَذِّبَانِ ١٨

الحِزْبُ ٥٤

50.- Và Mệnh Lệnh của *TA* duy nhất, như một cái náy mắt.

51.- Và chắc chắn (khi xưa), *TA* đã tiêu diệt những bè phái của các người; thế có ai nhớ (điều răn) chăng?

52.- Và mỗi một điều mà chúng đã làm đều được ghi vào quyển Sổ.

53.- Và bất cứ điều gì nhỏ hay lớn đều được ghi chép.

54.- Quả thật, những người ngay chính sợ Allah sẽ ở trong những Vườn-trời và dòng sông (của Thiên đàng),

55.- Tại một chỗ ngồi của sự Thật kế cận Đức Vua Quyền Năng.

AR-RAHMĀN

Nhân danh Allah, Đấng Rất mực Độ lượng,
Đấng Rất mực Khoan dung

1.- Đấng Rất mực Độ lượng (Allah)!

2.- Đã dạy (Kinh) Qur'ān.

3.- Đã tạo hóa con người.

4.- Đã dạy y (con người) ăn nói rành rõi, thông suốt.

5.- Mặt trời và mặt trăng (đã được) tính toán (sắp xếp);

6.- Thảo mộc (hay tinh tú) và cây cối (cả hai) đều quì lạy Ngài.

7.- Và bầu trời mà Ngài đã dựng cao và Ngài đã thiết lập chiếc Cân.

8.- Để các người không được vượt quá mức cân bằng.

9.- Và hãy cân đúng (thăng bằng) và chớ cân thiếu;

10.- Và trái đất mà Ngài đã trải rộng cho gia súc.

11.- Nơi đó mọc ra hoa quả và cây chà-là nặng trĩu hạt.

12.- Và lúa thóc với cộng rạ và hương thơm (của cây cỏ).

13.- Thế Ân huệ nào của *Rabb* của hai ngươi (*Jinn* và con người) mà hai ngươi phủ nhận?

14.- Ngài đã tạo con người bằng đất sét kêu như loại làm đồ gốm.

15.- Và Ngài đã tạo loài *Jinn* bằng lửa ngọn không có khói.

16.- Thế Ân huệ nào của *Rabb* của hai ngươi mà hai ngươi phủ nhận?

17.- Ngài là *Rabb* của hai phương Đông và hai phương Tây.

18.- Thế Ân huệ nào của *Rabb* của hai ngươi mà hai ngươi phủ nhận?

مَرَجَ ٱلۡبَحۡرَيۡنِ يَلۡتَقِيَانِ ١٩ بَيۡنَهُمَا بَرۡزَخٞ لَّا يَبۡغِيَانِ ٢٠ فَبِأَيِّ ءَالَآءِ
رَبِّكُمَا تُكَذِّبَانِ ٢١ يَخۡرُجُ مِنۡهُمَا ٱللُّؤۡلُؤُ وَٱلۡمَرۡجَانُ ٢٢ فَبِأَيِّ ءَالَآءِ
رَبِّكُمَا تُكَذِّبَانِ ٢٣ وَلَهُ ٱلۡجَوَارِ ٱلۡمُنشَـَٔاتُ فِي ٱلۡبَحۡرِ كَٱلۡأَعۡلَٰمِ ٢٤
فَبِأَيِّ ءَالَآءِ رَبِّكُمَا تُكَذِّبَانِ ٢٥ كُلُّ مَنۡ عَلَيۡهَا فَانٖ ٢٦ وَيَبۡقَىٰ وَجۡهُ
رَبِّكَ ذُو ٱلۡجَلَٰلِ وَٱلۡإِكۡرَامِ ٢٧ فَبِأَيِّ ءَالَآءِ رَبِّكُمَا تُكَذِّبَانِ ٢٨
يَسۡـَٔلُهُۥ مَن فِي ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضِۚ كُلَّ يَوۡمٍ هُوَ فِي شَأۡنٖ ٢٩ فَبِأَيِّ
ءَالَآءِ رَبِّكُمَا تُكَذِّبَانِ ٣٠ سَنَفۡرُغُ لَكُمۡ أَيُّهَ ٱلثَّقَلَانِ ٣١ فَبِأَيِّ
ءَالَآءِ رَبِّكُمَا تُكَذِّبَانِ ٣٢ يَٰمَعۡشَرَ ٱلۡجِنِّ وَٱلۡإِنسِ إِنِ ٱسۡتَطَعۡتُمۡ
أَن تَنفُذُواْ مِنۡ أَقۡطَارِ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضِ فَٱنفُذُواْۚ لَا تَنفُذُونَ
إِلَّا بِسُلۡطَٰنٖ ٣٣ فَبِأَيِّ ءَالَآءِ رَبِّكُمَا تُكَذِّبَانِ ٣٤ يُرۡسَلُ عَلَيۡكُمَا
شُوَاظٞ مِّن نَّارٖ وَنُحَاسٞ فَلَا تَنتَصِرَانِ ٣٥ فَبِأَيِّ ءَالَآءِ رَبِّكُمَا
تُكَذِّبَانِ ٣٦ فَإِذَا ٱنشَقَّتِ ٱلسَّمَآءُ فَكَانَتۡ وَرۡدَةٗ كَٱلدِّهَانِ
٣٧ فَبِأَيِّ ءَالَآءِ رَبِّكُمَا تُكَذِّبَانِ ٣٨ فَيَوۡمَئِذٖ لَّا يُسۡـَٔلُ عَن
ذَنۢبِهِۦٓ إِنسٞ وَلَا جَآنّٞ ٣٩ فَبِأَيِّ ءَالَآءِ رَبِّكُمَا تُكَذِّبَانِ ٤٠
يُعۡرَفُ ٱلۡمُجۡرِمُونَ بِسِيمَٰهُمۡ فَيُؤۡخَذُ بِٱلنَّوَٰصِي وَٱلۡأَقۡدَامِ ٤١

19.- Và Ngài để cho hai biển nước (mặn và ngọt) tự do giao lưu.

20.- Giữa hai chúng có một tấm chắn mà chúng không thể vượt qua được.

21.- Thế Ân huệ nào của *Rabb* của hai ngươi mà hai ngươi phủ nhận?

22.- Ngọc trai và san hô được mò lấy từ hai chúng (để làm vật trang sức).

23.- Thế Ân huệ nào của *Rabb* của hai ngươi mà hai ngươi phủ nhận?

24.- Và tàu bè to như những quả núi lướt sóng trên biển là vật của Ngài.

25.- Thế Ân huệ nào của *Rabb* của hai ngươi mà hai ngươi phủ nhận?

26.- Bất cứ ai (sống) trên trái đất đều phải chết mất (tiêu hủy).

27.- Nhưng Sắc Diện của *Rabb* của Ngươi (Muhammad), Đấng đầy Quyền uy tối thượng và quang vinh (sẽ bất diệt).

28.- Thế Ân huệ nào của *Rabb* của hai ngươi mà hai ngươi phủ nhận?

29.- Bất cứ ai trong các tầng trời và trái đất đều cầu xin Ngài. Ngài biểu thị công việc hằng ngày.

30.- Thế Ân huệ nào của *Rabb* của hai ngươi mà hai ngươi phủ nhận?

31.- *TA* (Allah) sẽ lo (giải quyết) cho các ngươi, hỡi hai loại tạo vật!

32.- Thế Ân huệ nào của *Rabb* của hai ngươi mà hai ngươi phủ nhận?

33.- Này hỡi tập đoàn *Jinn* và loài người! Nếu các ngươi có khả năng vượt qua được phạm vi của các tầng trời và trái đất thì hãy vượt đi! Nhưng các ngươi chỉ có thể vượt qua được với quyền hạn được ban cấp.

34.- Thế Ân huệ nào của *Rabb* của hai ngươi mà hai ngươi phủ nhận?

35.- Lửa ngọn và đồng thau (nấu chảy) sẽ được gởi đến trừng phạt hai ngươi và hai ngươi sẽ không được ai giúp đỡ.

36.- Thế Ân huệ nào của Rabb của hai ngươi mà hai ngươi phủ nhận?

37.- Và khi bầu trời bị chẻ làm hai và sẽ đỏ rực như da thú.

38.- Thế Ân huệ nào của *Rabb* của hai ngươi mà hai ngươi phủ nhận?

39.- Vào Ngày đó, không một người nào hoặc tên *Jinn* nào sẽ bị hỏi tội của nó.

40.- Thế Ân huệ nào của *Rabb* của hai ngươi mà hai ngươi phủ nhận?

41.- Những kẻ tội lỗi sẽ được nhận diện qua những dấu vết (nám đen) của chúng và sẽ bị túm đầu và túm bàn chân.

فَبِأَيِّ ءَالَآءِ رَبِّكُمَا تُكَذِّبَانِ ﴿٤٢﴾ هَٰذِهِۦ جَهَنَّمُ ٱلَّتِي يُكَذِّبُ بِهَا ٱلْمُجْرِمُونَ ﴿٤٣﴾ يَطُوفُونَ بَيْنَهَا وَبَيْنَ حَمِيمٍ ءَانٍ ﴿٤٤﴾ فَبِأَيِّ ءَالَآءِ رَبِّكُمَا تُكَذِّبَانِ ﴿٤٥﴾ وَلِمَنْ خَافَ مَقَامَ رَبِّهِۦ جَنَّتَانِ ﴿٤٦﴾ فَبِأَيِّ ءَالَآءِ رَبِّكُمَا تُكَذِّبَانِ ﴿٤٧﴾ ذَوَاتَآ أَفْنَانٍ ﴿٤٨﴾ فَبِأَيِّ ءَالَآءِ رَبِّكُمَا تُكَذِّبَانِ ﴿٤٩﴾ فِيهِمَا عَيْنَانِ تَجْرِيَانِ ﴿٥٠﴾ فَبِأَيِّ ءَالَآءِ رَبِّكُمَا تُكَذِّبَانِ ﴿٥١﴾ فِيهِمَا مِن كُلِّ فَٰكِهَةٍ زَوْجَانِ ﴿٥٢﴾ فَبِأَيِّ ءَالَآءِ رَبِّكُمَا تُكَذِّبَانِ ﴿٥٣﴾ مُتَّكِـِٔينَ عَلَىٰ فُرُشٍۭ بَطَآئِنُهَا مِنْ إِسْتَبْرَقٍ ۚ وَجَنَى ٱلْجَنَّتَيْنِ دَانٍ ﴿٥٤﴾ فَبِأَيِّ ءَالَآءِ رَبِّكُمَا تُكَذِّبَانِ ﴿٥٥﴾ فِيهِنَّ قَٰصِرَٰتُ ٱلطَّرْفِ لَمْ يَطْمِثْهُنَّ إِنسٌ قَبْلَهُمْ وَلَا جَآنٌّ ﴿٥٦﴾ فَبِأَيِّ ءَالَآءِ رَبِّكُمَا تُكَذِّبَانِ ﴿٥٧﴾ كَأَنَّهُنَّ ٱلْيَاقُوتُ وَٱلْمَرْجَانُ ﴿٥٨﴾ فَبِأَيِّ ءَالَآءِ رَبِّكُمَا تُكَذِّبَانِ ﴿٥٩﴾ هَلْ جَزَآءُ ٱلْإِحْسَٰنِ إِلَّا ٱلْإِحْسَٰنُ ﴿٦٠﴾ فَبِأَيِّ ءَالَآءِ رَبِّكُمَا تُكَذِّبَانِ ﴿٦١﴾ وَمِن دُونِهِمَا جَنَّتَانِ ﴿٦٢﴾ فَبِأَيِّ ءَالَآءِ رَبِّكُمَا تُكَذِّبَانِ ﴿٦٣﴾ مُدْهَآمَّتَانِ ﴿٦٤﴾ فَبِأَيِّ ءَالَآءِ رَبِّكُمَا تُكَذِّبَانِ ﴿٦٥﴾ فِيهِمَا عَيْنَانِ نَضَّاخَتَانِ ﴿٦٦﴾ فَبِأَيِّ ءَالَآءِ رَبِّكُمَا تُكَذِّبَانِ ﴿٦٧﴾ فِيهِمَا فَٰكِهَةٌ وَنَخْلٌ وَرُمَّانٌ ﴿٦٨﴾ فَبِأَيِّ ءَالَآءِ رَبِّكُمَا تُكَذِّبَانِ ﴿٦٩﴾

42.- Thế Ân huệ nào của *Rabb* của hai ngươi mà hai ngươi phủ nhận?

43.- Đây là Hỏa ngục mà những kẻ tội lỗi đã từng phủ nhận;

44.- Chúng sẽ bước đi giữa nó (Lửa) và giữa nước sôi.

45.- Thế Ân huệ nào của *Rabb* của hai ngươi mà hai ngươi phủ nhận?

46.- Và cho ai sợ đứng trước mặt *Rabb* của y thì sẽ có hai Ngôi vườn.

47.- Thế Ân huệ nào của *Rabb* của hai ngươi mà hai ngươi phủ nhận?

48.- (Ngôi vườn) có những tàn cây tỏa rộng.

49.- Thế Ân huệ nào của *Rabb* của hai ngươi mà hai ngươi phủ nhận?

50.- Trong hai cái (ngôi vườn) có hai dòng nước suối chảy.

51.- Thế Ân huệ nào của *Rabb* của hai ngươi mà hai ngươi phủ nhận?

52.- Trong hai cái (ngôi vườn) có từng cặp trái cây, đủ loại.

53.- Thế Ân huệ nào của *Rabb* của hai ngươi mà hai ngươi phủ nhận?

54.- (Họ) tựa mình nằm nghỉ trên những tấm thảm được thêu trổ xinh đẹp. Và trái cây trong hai ngôi vườn gần tầm tay hái.

55.- Thế Ân huệ nào của *Rabb* của hai ngươi mà hai ngươi phủ nhận?

56.- Trong chúng sẽ có các tiên nữ trinh trắng, với cái nhìn thẹn thùa mà chưa một người hay tên *Jinn* nào trước họ đã chạm đến thân mình.

57.- Thế Ân huệ nào của *Rabb* của hai ngươi mà hai ngươi phủ nhận?

58.- Họ (đẹp) như hồng ngọc và ngọc trai.

59.- Thế Ân huệ nào của *Rabb* của hai ngươi mà hai ngươi phủ nhận?

60.- Há phần thưởng dành cho cái tốt không phải là cái tốt ư?

61.- Thế Ân huệ nào của *Rabb* của hai ngươi mà hai ngươi phủ nhận?

62.- Và ngoài hai cái (ngôi vườn) đó, có hai ngôi Vườn khác.

63.- Thế Ân huệ nào của *Rabb* của hai ngươi mà hai ngươi phủ nhận?

64.- (Ngôi vườn) mầu xanh đậm.

65.- Thế Ân huệ nào của Rabb của hai ngươi mà hai ngươi phủ nhận?

66.- Trong hai cái (ngôi vườn) có hai dòng nước mạch phụt lên dồi dào.

67.- Thế Ân huệ nào của *Rabb* của hai ngươi mà hai ngươi phủ nhận?

68.- Trong hai cái (ngôi vườn) có trái cây, trái chà là và trái lựu.

69.- Thế Ân huệ nào của *Rabb* của hai ngươi mà hai ngươi phủ nhận?

فِيهِنَّ خَيۡرَٰتٌ حِسَانٞ ٧٠ فَبِأَيِّ ءَالَآءِ رَبِّكُمَا تُكَذِّبَانِ ٧١ حُورٞ مَّقۡصُورَٰتٞ فِي ٱلۡخِيَامِ ٧٢ فَبِأَيِّ ءَالَآءِ رَبِّكُمَا تُكَذِّبَانِ ٧٣ لَمۡ يَطۡمِثۡهُنَّ إِنسٞ قَبۡلَهُمۡ وَلَا جَآنّٞ ٧٤ فَبِأَيِّ ءَالَآءِ رَبِّكُمَا تُكَذِّبَانِ ٧٥ مُتَّكِـِٔينَ عَلَىٰ رَفۡرَفٍ خُضۡرٖ وَعَبۡقَرِيٍّ حِسَانٖ ٧٦ فَبِأَيِّ ءَالَآءِ رَبِّكُمَا تُكَذِّبَانِ ٧٧ تَبَٰرَكَ ٱسۡمُ رَبِّكَ ذِي ٱلۡجَلَٰلِ وَٱلۡإِكۡرَامِ ٧٨

سُورَةُ الوَاقِعَةِ

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

إِذَا وَقَعَتِ ٱلۡوَاقِعَةُ ١ لَيۡسَ لِوَقۡعَتِهَا كَاذِبَةٌ ٢ خَافِضَةٞ رَّافِعَةٌ ٣ إِذَا رُجَّتِ ٱلۡأَرۡضُ رَجّٗا ٤ وَبُسَّتِ ٱلۡجِبَالُ بَسّٗا ٥ فَكَانَتۡ هَبَآءٗ مُّنۢبَثّٗا ٦ وَكُنتُمۡ أَزۡوَٰجٗا ثَلَٰثَةٗ ٧ فَأَصۡحَٰبُ ٱلۡمَيۡمَنَةِ مَآ أَصۡحَٰبُ ٱلۡمَيۡمَنَةِ ٨ وَأَصۡحَٰبُ ٱلۡمَشۡـَٔمَةِ مَآ أَصۡحَٰبُ ٱلۡمَشۡـَٔمَةِ ٩ وَٱلسَّٰبِقُونَ ٱلسَّٰبِقُونَ ١٠ أُوْلَٰٓئِكَ ٱلۡمُقَرَّبُونَ ١١ فِي جَنَّٰتِ ٱلنَّعِيمِ ١٢ ثُلَّةٞ مِّنَ ٱلۡأَوَّلِينَ ١٣ وَقَلِيلٞ مِّنَ ٱلۡأٓخِرِينَ ١٤ عَلَىٰ سُرُرٖ مَّوۡضُونَةٖ ١٥ مُّتَّكِـِٔينَ عَلَيۡهَا مُتَقَٰبِلِينَ ١٦

ربع الحزب ٥٤

70.- Trong chúng (Thiên đàng) có các (tiên nữ) tươi tốt và xinh đẹp.

71.- Thế Ân huệ nào của *Rabb* của hai ngươi mà hai ngươi phủ nhận?

72.- Các tiên nữ ở trong đài các;

73.- Thế Ân huệ nào của *Rabb* của hai ngươi mà hai ngươi phủ nhận?

74.- Trước họ chưa có một người hay tên *Jinn* nào chạm đến thân mình.

75.- Thế Ân huệ nào của *Rabb* của hai ngươi mà hai ngươi phủ nhận?

76.- (Họ) tựa mình nằm nghỉ trên những chiếc gối mầu xanh và trên những tấm thảm đẹp đẽ.

77.- Thế Ân huệ nào của *Rabb* của hai ngươi mà hai ngươi phủ nhận?

78.- Phúc thay Đại Danh của *Rabb* của Ngươi (Muhammad!), Đấng đầy Quyền uy Tối Thượng và Quang Vinh.

AL-WĀQI'A

Nhân danh Allah, Đấng Rất mực Độ lượng,
Đấng Rất mực Khoan dung

1.- Khi biến cố ắt xảy ra (việc Phục sinh) thể hiện,

2.- Không thể phủ nhận biến cố ắt xảy ra đó.

3.- Nó sẽ hạ thấp (người này) và sẽ nâng cao (người khác);

4.- Khi trái đất bị rung chuyển bằng một sự rung chuyển dữ dội.

5.- Và khi những quả núi bị vỡ nát tan tành,

6.- Thành bụi bặm rải rác khắp nơi.

7.- Và các người sẽ được phân thành ba loại:

8.- Những người Bạn bên Tay Phải; ai là những người Bạn bên Tay Phải?

9.- Những người Bạn bên Tay Trái; ai là những người Bạn bên Tay Trái?

10.- Những Người tiên phong sẽ (vào Thiên đàng) trước tiên.

11.- Họ là những người sẽ gần Allah nhất.

12.- Trong những ngôi Vườn Hạnh phúc (Thiên đàng).

13.- Đa số thuộc các thế hệ trước,

14.- Thiểu số thuộc các thế hệ sau.

15.- (Họ sẽ nằm nghỉ) trên những tràng kỷ lót (vàng và cẩm thạch),

16.- Tựa mình trên đó, mặt đối mặt.

يَطُوفُ عَلَيۡهِمۡ وِلۡدَٰنٞ مُّخَلَّدُونَ ١٧ بِأَكۡوَابٖ وَأَبَارِيقَ وَكَأۡسٖ مِّن مَّعِينٖ
١٨ لَّا يُصَدَّعُونَ عَنۡهَا وَلَا يُنزِفُونَ ١٩ وَفَٰكِهَةٖ مِّمَّا يَتَخَيَّرُونَ
٢٠ وَلَحۡمِ طَيۡرٖ مِّمَّا يَشۡتَهُونَ ٢١ وَحُورٌ عِينٞ ٢٢ كَأَمۡثَٰلِ ٱللُّؤۡلُوِ
ٱلۡمَكۡنُونِ ٢٣ جَزَآءَۢ بِمَا كَانُواْ يَعۡمَلُونَ ٢٤ لَا يَسۡمَعُونَ فِيهَا لَغۡوٗا
وَلَا تَأۡثِيمًا ٢٥ إِلَّا قِيلٗا سَلَٰمٗا سَلَٰمٗا ٢٦ وَأَصۡحَٰبُ ٱلۡيَمِينِ مَآ أَصۡحَٰبُ
ٱلۡيَمِينِ ٢٧ فِي سِدۡرٖ مَّخۡضُودٖ ٢٨ وَطَلۡحٖ مَّنضُودٖ ٢٩ وَظِلّٖ مَّمۡدُودٖ
٣٠ وَمَآءٖ مَّسۡكُوبٖ ٣١ وَفَٰكِهَةٖ كَثِيرَةٖ ٣٢ لَّا مَقۡطُوعَةٖ وَلَا مَمۡنُوعَةٖ
٣٣ وَفُرُشٖ مَّرۡفُوعَةٍ ٣٤ إِنَّآ أَنشَأۡنَٰهُنَّ إِنشَآءٗ ٣٥ فَجَعَلۡنَٰهُنَّ أَبۡكَارًا
٣٦ عُرُبًا أَتۡرَابٗا ٣٧ لِّأَصۡحَٰبِ ٱلۡيَمِينِ ٣٨ ثُلَّةٞ مِّنَ ٱلۡأَوَّلِينَ ٣٩
وَثُلَّةٞ مِّنَ ٱلۡأٓخِرِينَ ٤٠ وَأَصۡحَٰبُ ٱلشِّمَالِ مَآ أَصۡحَٰبُ ٱلشِّمَالِ
٤١ فِي سَمُومٖ وَحَمِيمٖ ٤٢ وَظِلّٖ مِّن يَحۡمُومٖ ٤٣ لَّا بَارِدٖ
وَلَا كَرِيمٍ ٤٤ إِنَّهُمۡ كَانُواْ قَبۡلَ ذَٰلِكَ مُتۡرَفِينَ ٤٥ وَكَانُواْ
يُصِرُّونَ عَلَى ٱلۡحِنثِ ٱلۡعَظِيمِ ٤٦ وَكَانُواْ يَقُولُونَ أَئِذَا مِتۡنَا وَكُنَّا
تُرَابٗا وَعِظَٰمًا أَءِنَّا لَمَبۡعُوثُونَ ٤٧ أَوَ ءَابَآؤُنَا ٱلۡأَوَّلُونَ ٤٨ قُلۡ إِنَّ
ٱلۡأَوَّلِينَ وَٱلۡأٓخِرِينَ ٤٩ لَمَجۡمُوعُونَ إِلَىٰ مِيقَٰتِ يَوۡمٖ مَّعۡلُومٖ ٥٠

17.- Được phục dịch bởi các thiếu niên trẻ trung đi vòng quanh.
18.- Mang những cốc uống, bình chứa và tách uống từ những suối nước trong.
19.- Họ sẽ không bị nhức đầu do (uống) nó và sẽ không choáng váng.
20.- Và có đủ loại trái cây mà họ sẽ tự do lựa chọn.
21.- Và đủ loại thịt chim mà họ ưa thích.
22.- Và có những tiên nữ với đôi mắt to (trữ tình),
23.- Giống như những viên ngọc trai được giữ kỹ;
24.- Một phần thưởng về những việc (thiện) mà họ đã từng làm.
25.- Họ sẽ không nghe thấy trong đó những câu chuyện tầm phào và tội lỗi.
26.- Mà chỉ nghe lời chào "*Salām, Salām* (Bằng an, Bằng an!")
27.- Những người Bạn bên tay phải. Ai là những người Bạn bên tay phải?
28.- (Họ sẽ ở) giữa những cây Bách Hương không gai góc,
29.- Giữa những cây chuối ra trái chồng lên nhau,
30.- Và bóng mát tỏa rộng
31.- Và nước chảy tràn trề,
32.- Và trái cây dồi dào
33.- Không dứt mùa cũng không thiếu hụt,
34.- Và những tràng kỷ cao.
35.- Quả thật, TA đã tạo sinh họ bằng một sự tạo sinh đặc biệt.
36.- *TA* (Allah) đã tạo họ (tiên nữ) hoàn toàn trinh tiết;
37.- Chỉ biết yêu thương (chồng) cùng lứa tuổi;
38.- Dành cho những người Bạn của bên Tay Phải.
39.- Một số (người Bạn bên tay phải) thuộc thế hệ trước;
40.- Và một số thuộc thế hệ sau.
41.- Và những người Bạn bên tay trái-Ai là những người Bạn bên tay trái?
42.- (Chúng sẽ ở) giữa ngọn gió nóng cháy và nước sôi,
43.- Giữa đám khói mù nghi ngút;
44.- Không mát cũng không dịu,
45.- Quả thật, trước đó chúng là những kẻ sống xa hoa lộng lẫy.
46.- Và ngoan cố phạm những tội lớn.
47.- Và chúng thường nói: "Phải chăng khi chúng tôi chết và trở thành đất bụi và xương khô, chúng tôi sẽ được phục sinh trở lại?
48.- "Kể cả tổ tiên xa xưa của chúng tôi nữa ư?"
49.- Hãy bảo chúng: "Vâng, thật vậy, cả người đời trước lẫn người đời sau.
50.- "Tất cả sẽ được tập trung đi dự đại hội vào một ngày được qui định.

ثُمَّ إِنَّكُمۡ أَيُّهَا ٱلضَّآلُّونَ ٱلۡمُكَذِّبُونَ ﴿٥١﴾ لَأٓكِلُونَ مِن شَجَرٖ مِّن زَقُّومٖ ﴿٥٢﴾
فَمَالِـُٔونَ مِنۡهَا ٱلۡبُطُونَ ﴿٥٣﴾ فَشَٰرِبُونَ عَلَيۡهِ مِنَ ٱلۡحَمِيمِ ﴿٥٤﴾ فَشَٰرِبُونَ
شُرۡبَ ٱلۡهِيمِ ﴿٥٥﴾ هَٰذَا نُزُلُهُمۡ يَوۡمَ ٱلدِّينِ ﴿٥٦﴾ نَحۡنُ خَلَقۡنَٰكُمۡ فَلَوۡلَا
تُصَدِّقُونَ ﴿٥٧﴾ أَفَرَءَيۡتُم مَّا تُمۡنُونَ ﴿٥٨﴾ ءَأَنتُمۡ تَخۡلُقُونَهُۥٓ أَمۡ نَحۡنُ
ٱلۡخَٰلِقُونَ ﴿٥٩﴾ نَحۡنُ قَدَّرۡنَا بَيۡنَكُمُ ٱلۡمَوۡتَ وَمَا نَحۡنُ بِمَسۡبُوقِينَ ﴿٦٠﴾
عَلَىٰٓ أَن نُّبَدِّلَ أَمۡثَٰلَكُمۡ وَنُنشِئَكُمۡ فِي مَا لَا تَعۡلَمُونَ ﴿٦١﴾ وَلَقَدۡ
عَلِمۡتُمُ ٱلنَّشۡأَةَ ٱلۡأُولَىٰ فَلَوۡلَا تَذَكَّرُونَ ﴿٦٢﴾ أَفَرَءَيۡتُم مَّا تَحۡرُثُونَ
﴿٦٣﴾ ءَأَنتُمۡ تَزۡرَعُونَهُۥٓ أَمۡ نَحۡنُ ٱلزَّٰرِعُونَ ﴿٦٤﴾ لَوۡ نَشَآءُ لَجَعَلۡنَٰهُ
حُطَٰمٗا فَظَلۡتُمۡ تَفَكَّهُونَ ﴿٦٥﴾ إِنَّا لَمُغۡرَمُونَ ﴿٦٦﴾ بَلۡ نَحۡنُ
مَحۡرُومُونَ ﴿٦٧﴾ أَفَرَءَيۡتُمُ ٱلۡمَآءَ ٱلَّذِي تَشۡرَبُونَ ﴿٦٨﴾ ءَأَنتُمۡ أَنزَلۡتُمُوهُ
مِنَ ٱلۡمُزۡنِ أَمۡ نَحۡنُ ٱلۡمُنزِلُونَ ﴿٦٩﴾ لَوۡ نَشَآءُ جَعَلۡنَٰهُ أُجَاجٗا فَلَوۡلَا
تَشۡكُرُونَ ﴿٧٠﴾ أَفَرَءَيۡتُمُ ٱلنَّارَ ٱلَّتِي تُورُونَ ﴿٧١﴾ ءَأَنتُمۡ أَنشَأۡتُمۡ
شَجَرَتَهَآ أَمۡ نَحۡنُ ٱلۡمُنشِـُٔونَ ﴿٧٢﴾ نَحۡنُ جَعَلۡنَٰهَا تَذۡكِرَةٗ وَمَتَٰعٗا
لِّلۡمُقۡوِينَ ﴿٧٣﴾ فَسَبِّحۡ بِٱسۡمِ رَبِّكَ ٱلۡعَظِيمِ ﴿٧٤﴾ ۞ فَلَآ أُقۡسِمُ
بِمَوَٰقِعِ ٱلنُّجُومِ ﴿٧٥﴾ وَإِنَّهُۥ لَقَسَمٞ لَّوۡ تَعۡلَمُونَ عَظِيمٌ ﴿٧٦﴾

نصف الحزب ٥٤

51.- "Rồi cả các người nữa, hỡi những kẻ lạc lối, những kẻ phủ nhận.

52.- "Các người sẽ ăn trái cây *Zaqqūm*.

53.- "Mà các người sẽ nhét vào đầy bụng,

54.- "Sau đó các người sẽ uống nước sôi, chồng lên thêm.

55.- "Uống nó như những con lạc đà chết khát uống nước vậy."

56.- Đây là sự chiêu đãi của chúng vào Ngày Phán xử.

57.- *TA* (Allah) đã tạo hóa các người, nhưng tại sao các người không chấp nhận sự Thật?

58.- Thế, há các người có thấy cái mà các người đã cho xuất ra chăng?

59.- Phải chăng các người là vị đã tạo ra nó hay *TA* là Đấng tạo hóa?

60.- *TA* là Đấng đã định cái chết giữa các người, và *TA* sẽ không bất lực,

61.- Trong việc thay hình đổi dạng của các người và tạo các người (trở lại) theo cái (hình dạng) mà các người không thể biết được.

62.- Và chắc chắn các người đã thừa biết việc tạo sinh lần đầu (Ādam), thế tại sao các người không chịu nhớ (lưu ý)?

63.- Thế, há các người có thấy cái mà các người gieo xuống đất chăng?

64.- Phải chăng các người đã làm mọc nó hay *TA* là Đấng làm mọc ra?

65.- Nếu muốn, *TA* sẽ làm cho nó nát bấy và các người sẽ đâm ra ngạc nhiên.

66.- "Quả thật, chúng tôi (là những kẻ) bị thất mùa.

67.- "Không, chúng tôi bị tước mất hết."

68.- Há các người có thấy nước mà các người uống chăng?

69.- Phải chăng các người làm cho nó xuống từ những đám mây hay *TA* là Đấng ban nó xuống?

70.- Nếu muốn, *TA* sẽ làm cho nó hóa mặn, tại sao các người không tri ân?

71.- Há các người có thấy lửa mà các người nhúm chăng?

72.- Phải chăng các người đã tạo loại cây cho ra lửa hay *TA* là Đấng đã tạo?

73.- *TA* dùng nó (lửa) làm một vật nhắc nhở (về Hỏa ngục) và làm một vật dụng cho những người sống tại những vùng sa mạc.

74.- Do đó, hãy tán dương Đại Danh của *Rabb* của Ngươi, Đấng Chí Đại.

75.- Bởi thế, TA (Allah) thề bởi hiện tượng lặn khuất của các vì sao;

76.- Và đó là một lời thề trọng đại, nếu các người biết.

إِنَّهُۥ لَقُرۡءَانٞ كَرِيمٞ ﴿٧٧﴾ فِي كِتَٰبٖ مَّكۡنُونٖ ﴿٧٨﴾ لَّا يَمَسُّهُۥٓ إِلَّا ٱلۡمُطَهَّرُونَ ﴿٧٩﴾ تَنزِيلٞ مِّن رَّبِّ ٱلۡعَٰلَمِينَ ﴿٨٠﴾ أَفَبِهَٰذَا ٱلۡحَدِيثِ أَنتُم مُّدۡهِنُونَ ﴿٨١﴾ وَتَجۡعَلُونَ رِزۡقَكُمۡ أَنَّكُمۡ تُكَذِّبُونَ ﴿٨٢﴾ فَلَوۡلَآ إِذَا بَلَغَتِ ٱلۡحُلۡقُومَ ﴿٨٣﴾ وَأَنتُمۡ حِينَئِذٖ تَنظُرُونَ ﴿٨٤﴾ وَنَحۡنُ أَقۡرَبُ إِلَيۡهِ مِنكُمۡ وَلَٰكِن لَّا تُبۡصِرُونَ ﴿٨٥﴾ فَلَوۡلَآ إِن كُنتُمۡ غَيۡرَ مَدِينِينَ ﴿٨٦﴾ تَرۡجِعُونَهَآ إِن كُنتُمۡ صَٰدِقِينَ ﴿٨٧﴾ فَأَمَّآ إِن كَانَ مِنَ ٱلۡمُقَرَّبِينَ ﴿٨٨﴾ فَرَوۡحٞ وَرَيۡحَانٞ وَجَنَّتُ نَعِيمٖ ﴿٨٩﴾ وَأَمَّآ إِن كَانَ مِنۡ أَصۡحَٰبِ ٱلۡيَمِينِ ﴿٩٠﴾ فَسَلَٰمٞ لَّكَ مِنۡ أَصۡحَٰبِ ٱلۡيَمِينِ ﴿٩١﴾ وَأَمَّآ إِن كَانَ مِنَ ٱلۡمُكَذِّبِينَ ٱلضَّآلِّينَ ﴿٩٢﴾ فَنُزُلٞ مِّنۡ حَمِيمٖ ﴿٩٣﴾ وَتَصۡلِيَةُ جَحِيمٍ ﴿٩٤﴾ إِنَّ هَٰذَا لَهُوَ حَقُّ ٱلۡيَقِينِ ﴿٩٥﴾ فَسَبِّحۡ بِٱسۡمِ رَبِّكَ ٱلۡعَظِيمِ ﴿٩٦﴾

سُورَةُ الحَدِيدِ

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

سَبَّحَ لِلَّهِ مَا فِي ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضِۖ وَهُوَ ٱلۡعَزِيزُ ٱلۡحَكِيمُ ﴿١﴾ لَهُۥ مُلۡكُ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضِۖ يُحۡيِۦ وَيُمِيتُۖ وَهُوَ عَلَىٰ كُلِّ شَيۡءٖ قَدِيرٌ ﴿٢﴾ هُوَ ٱلۡأَوَّلُ وَٱلۡأٓخِرُ وَٱلظَّٰهِرُ وَٱلۡبَاطِنُۖ وَهُوَ بِكُلِّ شَيۡءٍ عَلِيمٌ ﴿٣﴾

77.- Và đó là một sự xướng đọc (Qur'ān) rất vinh dự;

78.- Trong một Kinh Sách được giữ kỹ (trên cao)

79.- Mà không ai được phép sờ đến ngoại trừ những người trong sạch.

80.- Một sự Mặc khải do Đấng *Rabb* của vũ trụ ban xuống.

81.- Thế, phải chăng đây là lời tường trình mà các người xem nhẹ?

82.- Và các người đã dùng (Qur'ān) trong việc tìm kiếm bổng lộc; (thay vì tri ân Allah) các người đã phủ nhận (nó)?

83.- Thế tại sao các người không (can thiệp) khi nó lên tận cổ (của y)?

84.- Và lúc đó các người chỉ lấy mắt nhìn.

85.- Và *TA* ở gần y hơn các người nhưng các người không thấy.

86.- Nếu tự cho mình không bị phán xử thì tại sao các người không

87.- Đưa nó (hồn) trở lại (cho thân xác), nếu các người nói thật?

88.- Bởi thế, nếu y là một trong những người gần Allah nhất,

89.- Thì sẽ được an nghỉ với hương thơm và Thiên đàng Hạnh phúc.

90.- Và nếu y là một trong những người Bạn của Tay Phải,

91.- Thì (sẽ được chào): "*Salām*!" từ những người Bạn bên Tay Phải.

92.- Và nếu y là một trong những kẻ phủ nhận (Chân lý) và lạc lối,

93.- Thì sẽ được chiêu đãi bằng nước sôi,

94.- Và chịu đốt (nướng) trong Lửa ngọn của Hỏa ngục.

95.- Quả thật, đây là sự Thật rất chắc chắn;

96.- Bởi thế, hãy tán dương đại danh của *Rabb* của Ngươi, Đấng Chí Đại.

AL-HADĪD

Nhân danh Allah, Đấng Rất mực Độ lượng,
Đấng Rất mực Khoan dung

1.- Mọi vật trong các tầng trời và trái đất dâng lời tán dương lên Allah bởi vì Ngài là Đấng Toàn Năng, Đấng Chí Minh.

2.- Ngài nắm quyền thống trị các tầng trời và trái đất. Ngài làm cho sống và gây cho chết. Và Ngài có toàn quyền định đoạt trên tất cả mọi vật.

3.- Ngài là Đấng Đầu Tiên và là Đấng Cuối Cùng; và là Đấng Biểu Hiện và là Đấng Ẩn Tàng[1]; và Ngài là Đấng Toàn Tri, Biết hết mọi vật.

[1] Xem (Hadith Muslim, 48:13)

هُوَ ٱلَّذِي خَلَقَ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضَ فِي سِتَّةِ أَيَّامٖ ثُمَّ ٱسۡتَوَىٰ
عَلَى ٱلۡعَرۡشِۖ يَعۡلَمُ مَا يَلِجُ فِي ٱلۡأَرۡضِ وَمَا يَخۡرُجُ مِنۡهَا وَمَا يَنزِلُ مِنَ
ٱلسَّمَآءِ وَمَا يَعۡرُجُ فِيهَاۖ وَهُوَ مَعَكُمۡ أَيۡنَ مَا كُنتُمۡۚ وَٱللَّهُ بِمَا تَعۡمَلُونَ
بَصِيرٞ ﴿٤﴾ لَّهُۥ مُلۡكُ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضِۚ وَإِلَى ٱللَّهِ تُرۡجَعُ ٱلۡأُمُورُ
﴿٥﴾ يُولِجُ ٱلَّيۡلَ فِي ٱلنَّهَارِ وَيُولِجُ ٱلنَّهَارَ فِي ٱلَّيۡلِۚ وَهُوَ عَلِيمُۢ بِذَاتِ
ٱلصُّدُورِ ﴿٦﴾ ءَامِنُواْ بِٱللَّهِ وَرَسُولِهِۦ وَأَنفِقُواْ مِمَّا جَعَلَكُم
مُّسۡتَخۡلَفِينَ فِيهِۖ فَٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ مِنكُمۡ وَأَنفَقُواْ لَهُمۡ أَجۡرٞ كَبِيرٞ ﴿٧﴾
وَمَا لَكُمۡ لَا تُؤۡمِنُونَ بِٱللَّهِ وَٱلرَّسُولُ يَدۡعُوكُمۡ لِتُؤۡمِنُواْ بِرَبِّكُمۡ وَقَدۡ
أَخَذَ مِيثَٰقَكُمۡ إِن كُنتُم مُّؤۡمِنِينَ ﴿٨﴾ هُوَ ٱلَّذِي يُنَزِّلُ عَلَىٰ عَبۡدِهِۦٓ
ءَايَٰتِۭ بَيِّنَٰتٖ لِّيُخۡرِجَكُم مِّنَ ٱلظُّلُمَٰتِ إِلَى ٱلنُّورِۚ وَإِنَّ ٱللَّهَ بِكُمۡ
لَرَءُوفٞ رَّحِيمٞ ﴿٩﴾ وَمَا لَكُمۡ أَلَّا تُنفِقُواْ فِي سَبِيلِ ٱللَّهِ وَلِلَّهِ مِيرَٰثُ
ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضِۚ لَا يَسۡتَوِي مِنكُم مَّنۡ أَنفَقَ مِن قَبۡلِ ٱلۡفَتۡحِ
وَقَٰتَلَۚ أُوْلَٰٓئِكَ أَعۡظَمُ دَرَجَةٗ مِّنَ ٱلَّذِينَ أَنفَقُواْ مِنۢ بَعۡدُ وَقَٰتَلُواْۚ
وَكُلّٗا وَعَدَ ٱللَّهُ ٱلۡحُسۡنَىٰۚ وَٱللَّهُ بِمَا تَعۡمَلُونَ خَبِيرٞ ﴿١٠﴾ مَّن ذَا
ٱلَّذِي يُقۡرِضُ ٱللَّهَ قَرۡضًا حَسَنٗا فَيُضَٰعِفَهُۥ لَهُۥ وَلَهُۥٓ أَجۡرٞ كَرِيمٞ ﴿١١﴾

4.- Ngài là Đấng đã tạo hóa các tầng trời và trái đất trong sáu Ngày rồi ngự lên Ngai Vương. Ngài Biết rõ vật gì chui xuống dưới đất và vật gì từ dưới đất ngoi lên và vật gì từ trên trời rơi xuống và vật gì thăng lên trời. Và Ngài ở cùng với các người bất cứ nơi nào các người có mặt[1]. Và Allah thấy rõ điều các người làm.

5.- Ngài nắm quyền thống trị các tầng trời và trái đất. Và mọi việc đều được trình về cho Ngài (quyết định).

6.- Ngài nhập ban đêm vào ban ngày và nhập ban ngày vào ban đêm[2]. Và Ngài biết điều nằm trong lòng (của mọi người).

7.- Hãy tin tưởng nơi Allah và Sứ giả của Ngài. Và hãy chi dùng (cho Chính nghĩa của Allah) tài sản mà Ngài đã ban cho các người thừa hưởng. Bởi thế, những ai trong các người tin tưởng và chi dùng (theo con đường của Allah) thì sẽ nhận một phần thưởng rất lớn.

8.- Và tại sao các người không tin tưởng nơi Allah trong lúc Sứ giả (Muhammad) đã kêu gọi các người hãy tin tưởng nơi *Rabb* của các người và chắc chắn Ngài (Allah) đã nhận lời giao ước của các người, nếu các người là những người thực sự có đức tin.

9.- Ngài là Đấng đã ban cho Người bề-tôi (Muhammad) của Ngài các Lời mặc khải rõ rệt để Ngài có thể đưa các người từ tăm tối ra ánh sáng. Quả thật, Allah Đại lượng và Khoan dung các người.

10.- Và tại sao các người không chi dùng cho Chính đạo của Allah trong lúc quyền thừa kế các tầng trời và trái đất thuộc về Allah? Không ngang bằng nhau giữa các người, ai là người đã chi dùng (tài sản của mình) và chiến đấu (cho Chính đạo của Allah) trước khi xảy ra cuộc đại thắng (vào Makkah, với người chi dùng và chiến đấu về sau). Những người này trội hơn những người chi dùng và chiến đấu về sau về cấp bậc. Tuy nhiên, Allah hứa ban phần thưởng tốt cho tất cả. Và Ngài Hằng am tường những điều các người làm.

11.- Ai là người sẽ cho Allah mượn một phần mượn tốt? Bởi vì Ngài sẽ gia tăng nó lên nhiều cho y. Và y sẽ được trọng thưởng dồi-dào.

---

[1] Allah hiện diện với con người qua sự Hiểu biết của Ngài chứ không phải bằng Hình thể của Ngài. Allah trông chừng và quan sát hành động của con người ở bất cứ nơi nào họ có mặt vào ban ngày hay ban đêm. (Q. 6:59)

[2] Allah giảm giờ giấc của ban đêm dùng để nhập vào ban ngày và ngược lại, giảm giờ giấc của ban ngày để nhập vào ban đêm.

يَوۡمَ تَرَى ٱلۡمُؤۡمِنِينَ وَٱلۡمُؤۡمِنَٰتِ يَسۡعَىٰ نُورُهُم بَيۡنَ أَيۡدِيهِمۡ
وَبِأَيۡمَٰنِهِمۖ بُشۡرَىٰكُمُ ٱلۡيَوۡمَ جَنَّٰتٞ تَجۡرِي مِن تَحۡتِهَا ٱلۡأَنۡهَٰرُ خَٰلِدِينَ
فِيهَاۚ ذَٰلِكَ هُوَ ٱلۡفَوۡزُ ٱلۡعَظِيمُ ١٢ يَوۡمَ يَقُولُ ٱلۡمُنَٰفِقُونَ وَٱلۡمُنَٰفِقَٰتُ
لِلَّذِينَ ءَامَنُواْ ٱنظُرُونَا نَقۡتَبِسۡ مِن نُّورِكُمۡ قِيلَ ٱرۡجِعُواْ وَرَآءَكُمۡ
فَٱلۡتَمِسُواْ نُورٗاۖ فَضُرِبَ بَيۡنَهُم بِسُورٖ لَّهُۥ بَابُۢ بَاطِنُهُۥ فِيهِ ٱلرَّحۡمَةُ
وَظَٰهِرُهُۥ مِن قِبَلِهِ ٱلۡعَذَابُ ١٣ يُنَادُونَهُمۡ أَلَمۡ نَكُن مَّعَكُمۡۖ قَالُواْ بَلَىٰ
وَلَٰكِنَّكُمۡ فَتَنتُمۡ أَنفُسَكُمۡ وَتَرَبَّصۡتُمۡ وَٱرۡتَبۡتُمۡ وَغَرَّتۡكُمُ ٱلۡأَمَانِيُّ
حَتَّىٰ جَآءَ أَمۡرُ ٱللَّهِ وَغَرَّكُم بِٱللَّهِ ٱلۡغَرُورُ ١٤ فَٱلۡيَوۡمَ لَا يُؤۡخَذُ مِنكُمۡ
فِدۡيَةٞ وَلَا مِنَ ٱلَّذِينَ كَفَرُواْۚ مَأۡوَىٰكُمُ ٱلنَّارُۖ هِيَ مَوۡلَىٰكُمۡۖ
وَبِئۡسَ ٱلۡمَصِيرُ ١٥ ۞ أَلَمۡ يَأۡنِ لِلَّذِينَ ءَامَنُوٓاْ أَن تَخۡشَعَ
قُلُوبُهُمۡ لِذِكۡرِ ٱللَّهِ وَمَا نَزَلَ مِنَ ٱلۡحَقِّ وَلَا يَكُونُواْ كَٱلَّذِينَ
أُوتُواْ ٱلۡكِتَٰبَ مِن قَبۡلُ فَطَالَ عَلَيۡهِمُ ٱلۡأَمَدُ فَقَسَتۡ قُلُوبُهُمۡۖ وَكَثِيرٞ
مِّنۡهُمۡ فَٰسِقُونَ ١٦ ٱعۡلَمُوٓاْ أَنَّ ٱللَّهَ يُحۡيِ ٱلۡأَرۡضَ بَعۡدَ مَوۡتِهَاۚ قَدۡ بَيَّنَّا
لَكُمُ ٱلۡأٓيَٰتِ لَعَلَّكُمۡ تَعۡقِلُونَ ١٧ إِنَّ ٱلۡمُصَّدِّقِينَ وَٱلۡمُصَّدِّقَٰتِ
وَأَقۡرَضُواْ ٱللَّهَ قَرۡضًا حَسَنٗا يُضَٰعَفُ لَهُمۡ وَلَهُمۡ أَجۡرٞ كَرِيمٞ ١٨

12.- Vào Ngày mà Ngươi sẽ thấy những người có đức tin, nam và nữ: Ánh sáng của họ sẽ chạy trước mặt họ và bên phải của họ. "Ngày nay quí vị được tin vui: Những Ngôi vườn bên dưới có các dòng sông chảy (Thiên đàng) để vào ở trong đó đời đời. Đó là một thắng lợi vĩ đại."

13.- (Cũng là) ngày mà những kẻ đạo đức giả, nam và nữ, sẽ nói với những người có đức tin như sau: "Hãy đợi chúng tôi với! Hãy cho chúng tôi mượn một chút ánh sáng của quí vị." Sẽ có lời đáp lại: "Hãy trở lui về phía sau các anh và tìm ánh sáng đâu đó!" Thế rồi một bức tường cao có cửa sẽ được dựng lên để phân cách đôi bên; phía bên trong nó (cửa) sẽ là sự Khoan dung (của Allah) và phía bên ngoài của nó sẽ là mục tiêu của sự trừng phạt (Hỏa ngục)."

14.- (Những kẻ đạo đức giả) sẽ gọi họ (những người có đức tin), bảo: "Há chúng tôi không được ở cùng với quí vị hay sao?" Họ đáp: "Vâng, nhưng các anh đã tự để cho mình bị cám dỗ, các anh chờ đợi (sự thất bại của chúng tôi); các anh nghi ngờ (Lời hứa của Allah); và những ước muốn (hão huyền) của các anh đã lừa dối các anh cho đến khi Mệnh Lệnh của Allah thể hiện. Và tên đại bịp (*Shaytān*) đã lừa gạt các anh về Allah."

15.- "Cho nên ngày nay, việc xin chuộc mạng từ các anh và từ những kẻ không có niềm tin sẽ không được (Allah) chấp nhận. Chỗ ở của các anh sẽ là Lửa (của Hỏa ngục), nó xứng đáng với các anh và là một nơi đến cuối cùng rất tồi tệ."

16.- Há chưa phải là lúc để cho những ai có niềm tin (ý thức) rằng tấm lòng của họ nên khiêm tốn trước Lời Nhắc nhở của Allah và trước Chân Lý đã được ban xuống hay sao và không nên như là những kẻ đã được ban cho Kinh sách trước đây, do bởi thời hạn đã kéo dài cho nên tấm lòng của họ chai cứng lại (và không tin tưởng)? Và đa số bọn họ là những kẻ bất tuân, dấy loạn.

17.- Nên biết rằng Allah làm cho đất sống lại sau khi nó đã chết (khô). Chắc chắn Ngài trình bày rõ các Lời mặc khải, cho các người để may ra các người hiểu được.

18.- Quả thật, những người bố thí (*Sadaqāt*), nam và nữ, và cho Allah mượn một phần mượn tốt thì (Allah) sẽ tăng nó lên nhiều cho họ, và sẽ ban cho một phần thưởng rộng rãi.

وَٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ بِٱللَّهِ وَرُسُلِهِۦٓ أُوْلَٰٓئِكَ هُمُ ٱلصِّدِّيقُونَۖ وَٱلشُّهَدَآءُ عِندَ رَبِّهِمۡ لَهُمۡ أَجۡرُهُمۡ وَنُورُهُمۡۖ وَٱلَّذِينَ كَفَرُواْ وَكَذَّبُواْ بِـَٔايَٰتِنَآ أُوْلَٰٓئِكَ أَصۡحَٰبُ ٱلۡجَحِيمِ ﴿١٩﴾ ٱعۡلَمُوٓاْ أَنَّمَا ٱلۡحَيَوٰةُ ٱلدُّنۡيَا لَعِبٞ وَلَهۡوٞ وَزِينَةٞ وَتَفَاخُرُۢ بَيۡنَكُمۡ وَتَكَاثُرٞ فِي ٱلۡأَمۡوَٰلِ وَٱلۡأَوۡلَٰدِۖ كَمَثَلِ غَيۡثٍ أَعۡجَبَ ٱلۡكُفَّارَ نَبَاتُهُۥ ثُمَّ يَهِيجُ فَتَرَىٰهُ مُصۡفَرّٗا ثُمَّ يَكُونُ حُطَٰمٗاۖ وَفِي ٱلۡأٓخِرَةِ عَذَابٞ شَدِيدٞ وَمَغۡفِرَةٞ مِّنَ ٱللَّهِ وَرِضۡوَٰنٞۚ وَمَا ٱلۡحَيَوٰةُ ٱلدُّنۡيَآ إِلَّا مَتَٰعُ ٱلۡغُرُورِ ﴿٢٠﴾ سَابِقُوٓاْ إِلَىٰ مَغۡفِرَةٖ مِّن رَّبِّكُمۡ وَجَنَّةٍ عَرۡضُهَا كَعَرۡضِ ٱلسَّمَآءِ وَٱلۡأَرۡضِ أُعِدَّتۡ لِلَّذِينَ ءَامَنُواْ بِٱللَّهِ وَرُسُلِهِۦۚ ذَٰلِكَ فَضۡلُ ٱللَّهِ يُؤۡتِيهِ مَن يَشَآءُۚ وَٱللَّهُ ذُو ٱلۡفَضۡلِ ٱلۡعَظِيمِ ﴿٢١﴾ مَآ أَصَابَ مِن مُّصِيبَةٖ فِي ٱلۡأَرۡضِ وَلَا فِيٓ أَنفُسِكُمۡ إِلَّا فِي كِتَٰبٖ مِّن قَبۡلِ أَن نَّبۡرَأَهَآۚ إِنَّ ذَٰلِكَ عَلَى ٱللَّهِ يَسِيرٞ ﴿٢٢﴾ لِّكَيۡلَا تَأۡسَوۡاْ عَلَىٰ مَا فَاتَكُمۡ وَلَا تَفۡرَحُواْ بِمَآ ءَاتَىٰكُمۡۗ وَٱللَّهُ لَا يُحِبُّ كُلَّ مُخۡتَالٖ فَخُورٍ ﴿٢٣﴾ ٱلَّذِينَ يَبۡخَلُونَ وَيَأۡمُرُونَ ٱلنَّاسَ بِٱلۡبُخۡلِۗ وَمَن يَتَوَلَّ فَإِنَّ ٱللَّهَ هُوَ ٱلۡغَنِيُّ ٱلۡحَمِيدُ ﴿٢٤﴾

19.- Và những ai tin tưởng nơi Allah và các Sứ giả của Ngài thì đều là những người chân thật và là những chứng nhân của sự Thật (người tử đạo) dưới cái nhìn của *Rabb* của họ. Họ sẽ được phần thưởng và ánh sáng của họ. Ngược lại, những ai không có niềm tin và phủ nhận các Lời mặc khải của *TA* (Allah) thì sẽ là cư dân của Hỏa ngục.

20.- Nên biết rằng cuộc sống trần tục này chỉ là trò vui chơi, thú tiêu khiển, một sự tô điểm và khoe khoang tâng bốc lẫn nhau và tranh đua làm giầu và sinh con đẻ cái. Hình ảnh của nó giống như hoa mầu (đâm trổ xanh tươi) sau cơn mưa, làm mát dạ người trồng; rồi nó bắt đầu héo hon, ngươi (hỡi người!) thấy nó vàng úa; rồi khô khan và vỡ vụn. Nhưng ở Đời Sau, sẽ có một sự trừng phạt khủng khiếp (đối với những kẻ tội lỗi) và sự Tha thứ và Hài lòng của Allah (dành cho những người có đức tin và làm việc thiện). Và đời sống trần tục này chỉ là một sự hưởng thụ tạm bợ lừa dối (con người).

21.- Hãy thi đua nhau chạy đến xin *Rabb* (Đấng Chủ Tể) của các người tha thứ và (ban cho) Thiên đàng mà khoảng rộng bằng khoảng rộng của trời và đất, được chuẩn bị sẵn cho những ai tin tưởng nơi Allah và các Sứ giả của Ngài. Đó là Thiên lộc mà Allah sẽ ban cho người nào Ngài muốn bởi vì Allah là Chủ Nhân của Thiên lộc vĩ đại.

22.- Không một tai họa nào rơi xuống trái đất hoặc nhằm vào bản thân của các người mà lại không được ghi chép trong Quyển Sổ Định Mệnh trước khi *TA* (Allah) thể hiện nó. Quả thật, việc đó rất dễ đối với Allah.

23.- Để cho các người chớ buồn về vật gì đã mất và chớ mừng cuống quýt về vật gì đã được ban cho các người. Và Allah không yêu thương bất cứ người khoác lác khoe khoang nào:

24.- Những ai keo kiệt và xúi giục người khác keo kiệt. Và kẻ nào quay lưng (không chi dùng cho Chính nghĩa của Allah) thì quả thật Allah Rất mực Giầu có và Rất đáng Ca tụng (chẳng cần đến của bố thí của các người).

لَقَدْ أَرْسَلْنَا رُسُلَنَا بِٱلْبَيِّنَٰتِ وَأَنزَلْنَا مَعَهُمُ ٱلْكِتَٰبَ وَٱلْمِيزَانَ لِيَقُومَ ٱلنَّاسُ بِٱلْقِسْطِ ۖ وَأَنزَلْنَا ٱلْحَدِيدَ فِيهِ بَأْسٌ شَدِيدٌ وَمَنَٰفِعُ لِلنَّاسِ وَلِيَعْلَمَ ٱللَّهُ مَن يَنصُرُهُۥ وَرُسُلَهُۥ بِٱلْغَيْبِ ۚ إِنَّ ٱللَّهَ قَوِىٌّ عَزِيزٌ ﴿٢٥﴾ وَلَقَدْ أَرْسَلْنَا نُوحًا وَإِبْرَٰهِيمَ وَجَعَلْنَا فِى ذُرِّيَّتِهِمَا ٱلنُّبُوَّةَ وَٱلْكِتَٰبَ ۖ فَمِنْهُم مُّهْتَدٍ ۖ وَكَثِيرٌ مِّنْهُمْ فَٰسِقُونَ ﴿٢٦﴾ ثُمَّ قَفَّيْنَا عَلَىٰٓ ءَاثَٰرِهِم بِرُسُلِنَا وَقَفَّيْنَا بِعِيسَى ٱبْنِ مَرْيَمَ وَءَاتَيْنَٰهُ ٱلْإِنجِيلَ ۖ وَجَعَلْنَا فِى قُلُوبِ ٱلَّذِينَ ٱتَّبَعُوهُ رَأْفَةً وَرَحْمَةً وَرَهْبَانِيَّةً ٱبْتَدَعُوهَا مَا كَتَبْنَٰهَا عَلَيْهِمْ إِلَّا ٱبْتِغَآءَ رِضْوَٰنِ ٱللَّهِ فَمَا رَعَوْهَا حَقَّ رِعَايَتِهَا ۖ فَـَٔاتَيْنَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُوا۟ مِنْهُمْ أَجْرَهُمْ ۖ وَكَثِيرٌ مِّنْهُمْ فَٰسِقُونَ ﴿٢٧﴾ يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُوا۟ ٱتَّقُوا۟ ٱللَّهَ وَءَامِنُوا۟ بِرَسُولِهِۦ يُؤْتِكُمْ كِفْلَيْنِ مِن رَّحْمَتِهِۦ وَيَجْعَل لَّكُمْ نُورًا تَمْشُونَ بِهِۦ وَيَغْفِرْ لَكُمْ ۚ وَٱللَّهُ غَفُورٌ رَّحِيمٌ ﴿٢٨﴾ لِّئَلَّا يَعْلَمَ أَهْلُ ٱلْكِتَٰبِ أَلَّا يَقْدِرُونَ عَلَىٰ شَىْءٍ مِّن فَضْلِ ٱللَّهِ ۙ وَأَنَّ ٱلْفَضْلَ بِيَدِ ٱللَّهِ يُؤْتِيهِ مَن يَشَآءُ ۚ وَٱللَّهُ ذُو ٱلْفَضْلِ ٱلْعَظِيمِ ﴿٢٩﴾

25.- Chắc chắn *TA* (Allah) đã cử các Sứ giả của *TA* đến với những Bằng chứng rõ rệt và đã ban xuống cùng với Họ Kinh sách và chiếc Cân (Công lý) để cho nhân loại dựa theo đó mà duy trì nền công lý; và *TA* đã ban **Sắt** xuống trong đó là một sức tấn công mãnh liệt (chiến tranh) và nhiều nguồn lợi khác cho nhân loại, mục đích để Allah biết ai là người sẽ ủng hộ (Chính nghĩa của) Ngài và Sứ giả của Ngài. Quả thật, Allah Rất Quyền Lực, Rất Quyền Năng.

26.- Và chắc chắn *TA* (Allah) đã phái *Nūh* và *Ibrāhīm* đến (làm Sứ giả) và đã chỉ định hậu duệ của hai người lãnh Sứ-mạng tiếp thu mặc khải và tiếp nhận Kinh sách. Bởi thế, trong họ, có người đi đúng đường, nhưng đa số là những kẻ dấy loạn, bất tuân.

27.- Rồi *TA* phái các Sứ giả (khác) của *TA* (Allah) nối gót chân Họ. Và *TA* đã phái *'Īsa*, con trai của *Maryam* tiếp theo và ban cho Người (Kinh) *Injīl* và *TA* đã đặt trong lòng của những ai tuân theo Người ('Īsa) lòng xót-thương và sự khoan-dung nhưng chế độ **'Tu viện'** (không lập gia đình) là tự họ bày ra chứ *TA* đã không qui định cho họ bao giờ, ngoại trừ việc tìm cách làm hài lòng Allah; nhưng họ không chăm lo điều mà lẽ ra họ phải chăm lo. Tuy nhiên, *TA* vẫn ban cho những ai trong họ có đức tin phần thưởng của họ. Nhưng đa số bọn họ là những người dấy loạn, bất tuân.

28.- Hỡi những ai có niềm tin! Hãy sợ Allah và tin tưởng nơi Sứ giả (Muhammad) của Ngài. Ngài (Allah) sẽ lấy lòng Khoan dung của Ngài mà ban cho các người gấp đôi (phần thưởng). Ngài sẽ ban cho các người ánh sáng nhờ đó các người sẽ bước đi (đúng theo Chính đạo) và sẽ tha thứ cho các người bởi vì Allah Hằng Tha thứ, Rất mực Khoan dung.

29.- Để cho những Người dân Kinh sách biết rằng họ không quyết định được điều gì về thiên ân của Allah. Và rằng Thiên ân hoàn toàn nằm trong Tay của Allah. Ngài ban nó cho người nào mà Ngài muốn bởi vì Allah là Chủ Nhân của Thiên ân vĩ đại.

سُورَةُ المُجَادلَةِ

بِسْمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحْمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

قَدْ سَمِعَ ٱللَّهُ قَوْلَ ٱلَّتِي تُجَٰدِلُكَ فِي زَوْجِهَا وَتَشْتَكِيٓ إِلَى ٱللَّهِ
وَٱللَّهُ يَسْمَعُ تَحَاوُرَكُمَآۚ إِنَّ ٱللَّهَ سَمِيعُۢ بَصِيرٌ ﴿١﴾ ٱلَّذِينَ يُظَٰهِرُونَ
مِنكُم مِّن نِّسَآئِهِم مَّا هُنَّ أُمَّهَٰتِهِمْۖ إِنْ أُمَّهَٰتُهُمْ إِلَّا ٱلَّٰٓـِٔي
وَلَدْنَهُمْۚ وَإِنَّهُمْ لَيَقُولُونَ مُنكَرًا مِّنَ ٱلْقَوْلِ وَزُورًاۚ وَإِنَّ
ٱللَّهَ لَعَفُوٌّ غَفُورٌ ﴿٢﴾ وَٱلَّذِينَ يُظَٰهِرُونَ مِن نِّسَآئِهِمْ ثُمَّ يَعُودُونَ
لِمَا قَالُواْ فَتَحْرِيرُ رَقَبَةٍ مِّن قَبْلِ أَن يَتَمَآسَّاۚ ذَٰلِكُمْ تُوعَظُونَ
بِهِۦۚ وَٱللَّهُ بِمَا تَعْمَلُونَ خَبِيرٌ ﴿٣﴾ فَمَن لَّمْ يَجِدْ فَصِيَامُ شَهْرَيْنِ
مُتَتَابِعَيْنِ مِن قَبْلِ أَن يَتَمَآسَّاۖ فَمَن لَّمْ يَسْتَطِعْ فَإِطْعَامُ سِتِّينَ
مِسْكِينًاۚ ذَٰلِكَ لِتُؤْمِنُواْ بِٱللَّهِ وَرَسُولِهِۦۚ وَتِلْكَ حُدُودُ ٱللَّهِۗ
وَلِلْكَٰفِرِينَ عَذَابٌ أَلِيمٌ ﴿٤﴾ إِنَّ ٱلَّذِينَ يُحَآدُّونَ ٱللَّهَ وَرَسُولَهُۥ
كُبِتُواْ كَمَا كُبِتَ ٱلَّذِينَ مِن قَبْلِهِمْۚ وَقَدْ أَنزَلْنَآ ءَايَٰتِۭ بَيِّنَٰتٍۚ
وَلِلْكَٰفِرِينَ عَذَابٌ مُّهِينٌ ﴿٥﴾ يَوْمَ يَبْعَثُهُمُ ٱللَّهُ جَمِيعًا فَيُنَبِّئُهُم
بِمَا عَمِلُوٓاْۚ أَحْصَىٰهُ ٱللَّهُ وَنَسُوهُۚ وَٱللَّهُ عَلَىٰ كُلِّ شَيْءٍ شَهِيدٌ ﴿٦﴾

AL-MUJĀDILAH
(Người Phụ Nữ Khiếu-nại)

Nhân danh Allah, Đấng Rất mực Độ lượng,
Đấng Rất mực Khoan dung

1.- Chắc chắn Allah đã nghe lời nói của người phụ nữ (tên *Khaulah bint Tha'laba*) đã khiếu nại với Ngươi (Muhammad) về việc người chồng của bà (tên *Aus bin As-Sāmit*) và than thở với Allah; và Allah nghe lời đối thoại giữa hai ngươi (Muhammad và bà). Quả thật, Allah Hằng Nghe và Hằng Thấy (mọi việc).

2.- Ai trong các ngươi (mắng vợ): "Mày đối với tao như cái lưng của mẹ tao" để thôi vợ bằng lối *Az-Zihār*[1] (thì nên biết) họ (các bà vợ) không thể là người mẹ của họ được; bởi vì mẹ của họ chỉ là những ai đã hạ sanh họ. Và chắc chắn họ đã thốt ra lời lẽ ác đức và sai ngoa (để đạt cho được mục đích của họ). Và quả thật, Allah Hằng Độ lượng và Hằng Tha thứ.

3.- Và những ai thôi vợ theo lối *Az-Zihār* rồi muốn rút lại lời mình tuyên bố thì phải (chịu phạt bằng cách) giải phóng một người nô-lệ trước khi hai người trở lại ăn nằm với nhau. Đó là lời cảnh cáo về việc đó. Và Allah rất mực am tường về những điều các người làm.

4.- Nhưng ai không tìm ra (phương tiện để làm việc đó) thì phải nhịn chay theo chế độ *Siyām* suốt hai tháng liên tục trước khi hai người trở lại ăn nằm với nhau; nhưng nếu ai không có khả năng (nhịn chay) thì phải nuôi ăn sáu mươi người nghèo. Như thế là để chứng tỏ các người tin tưởng nơi Allah và Sứ giả của Ngài. Và đó là những giới hạn qui định bởi Allah. Và những người cãi lệnh sẽ bị trừng phạt đau đớn.

5.- Quả thật, những ai chống đối (Mệnh Lệnh của) Allah và Sứ giả của Ngài, thì sẽ bị hạ nhục giống như những ai trước họ đã bị hạ nhục; và chắc chắn *TA* (Allah) đã ban các Lời Mặc khải xuống rõ ràng. Và những người cãi lệnh sẽ bị trừng phạt nhục nhã.

6.- Vào Ngày mà Allah sẽ phục sinh tất cả bọn chúng, lúc đó Ngài sẽ báo cho chúng biết về những điều (tội lỗi) mà chúng đã làm. Allah đã cho ghi chép nó (vào sổ) nhưng chúng lại quên mất nó. Và Allah là Nhân Chứng cho tất cả mọi việc.

---

[1] Thành ngữ mà người Ả-rập trước thời Islam thường dùng để thôi vợ: "Mày đối với tao như cái lưng của mẹ tao." Ám chỉ việc không được phép chăn gối với vợ.

أَلَمْ تَرَ أَنَّ ٱللَّهَ يَعْلَمُ مَا فِى ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَمَا فِى ٱلْأَرْضِ ۖ مَا يَكُونُ مِن
نَّجْوَىٰ ثَلَٰثَةٍ إِلَّا هُوَ رَابِعُهُمْ وَلَا خَمْسَةٍ إِلَّا هُوَ سَادِسُهُمْ وَلَآ أَدْنَىٰ
مِن ذَٰلِكَ وَلَآ أَكْثَرَ إِلَّا هُوَ مَعَهُمْ أَيْنَ مَا كَانُوا۟ ۖ ثُمَّ يُنَبِّئُهُم بِمَا
عَمِلُوا۟ يَوْمَ ٱلْقِيَٰمَةِ ۚ إِنَّ ٱللَّهَ بِكُلِّ شَىْءٍ عَلِيمٌ ﴿٧﴾ أَلَمْ تَرَ إِلَى ٱلَّذِينَ
نُهُوا۟ عَنِ ٱلنَّجْوَىٰ ثُمَّ يَعُودُونَ لِمَا نُهُوا۟ عَنْهُ وَيَتَنَٰجَوْنَ بِٱلْإِثْمِ
وَٱلْعُدْوَٰنِ وَمَعْصِيَتِ ٱلرَّسُولِ ۖ وَإِذَا جَآءُوكَ حَيَّوْكَ بِمَا لَمْ يُحَيِّكَ
بِهِ ٱللَّهُ وَيَقُولُونَ فِىٓ أَنفُسِهِمْ لَوْلَا يُعَذِّبُنَا ٱللَّهُ بِمَا نَقُولُ ۚ حَسْبُهُمْ
جَهَنَّمُ يَصْلَوْنَهَا ۖ فَبِئْسَ ٱلْمَصِيرُ ﴿٨﴾ يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُوٓا۟ إِذَا
تَنَٰجَيْتُمْ فَلَا تَتَنَٰجَوْا۟ بِٱلْإِثْمِ وَٱلْعُدْوَٰنِ وَمَعْصِيَتِ ٱلرَّسُولِ
وَتَنَٰجَوْا۟ بِٱلْبِرِّ وَٱلتَّقْوَىٰ ۖ وَٱتَّقُوا۟ ٱللَّهَ ٱلَّذِىٓ إِلَيْهِ تُحْشَرُونَ ﴿٩﴾ إِنَّمَا
ٱلنَّجْوَىٰ مِنَ ٱلشَّيْطَٰنِ لِيَحْزُنَ ٱلَّذِينَ ءَامَنُوا۟ وَلَيْسَ بِضَآرِّهِمْ
شَيْـًٔا إِلَّا بِإِذْنِ ٱللَّهِ ۚ وَعَلَى ٱللَّهِ فَلْيَتَوَكَّلِ ٱلْمُؤْمِنُونَ ﴿١٠﴾ يَٰٓأَيُّهَا
ٱلَّذِينَ ءَامَنُوٓا۟ إِذَا قِيلَ لَكُمْ تَفَسَّحُوا۟ فِى ٱلْمَجَٰلِسِ فَٱفْسَحُوا۟ يَفْسَحِ
ٱللَّهُ لَكُمْ ۖ وَإِذَا قِيلَ ٱنشُزُوا۟ فَٱنشُزُوا۟ يَرْفَعِ ٱللَّهُ ٱلَّذِينَ ءَامَنُوا۟ مِنكُمْ
وَٱلَّذِينَ أُوتُوا۟ ٱلْعِلْمَ دَرَجَٰتٍ ۚ وَٱللَّهُ بِمَا تَعْمَلُونَ خَبِيرٌ ﴿١١﴾

7.- Há Ngươi (Muhammad!) không nhận thấy rằng Allah biết hết mọi vật trong các tầng trời và mọi vật dưới đất. Không có một cuộc mật nghị nào giữa ba người mà Ngài không là (người) thứ tư tham dự với họ; và không (một cuộc mật nghị nào) giữa năm người mà Ngài không là (người) thứ sáu tham dự với họ; hoặc ít hay đông hơn số đó mà Ngài không tham dự cùng với họ bất cứ nơi nào họ có mặt. Rồi vào Ngày Phục sinh, Ngài sẽ cho họ biết về những điều họ đã từng làm. Bởi vì, quả thật, Allah biết rõ hết mọi điều.

8.- Há Ngươi không nhận thấy những kẻ đã bị cấm không được mật nghị, rồi sau đó, tái phạm điều mà chúng đã bị cấm? và chúng mật nghị với nhau bàn tính chuyện tội lỗi, chuyện phạm giới và chuyện bất tuân Sứ giả. Và khi chúng đến gặp Ngươi, chúng không chào Ngươi bằng lời chào mà Allah đã dùng để chào Ngươi và chúng bảo nhau: “Tại sao Allah không phạt bọn ta vì điều mà bọn ta nói?” Hỏa ngục thôi cũng đủ trừng phạt chúng; chúng sẽ bị đốt trong đó, một nơi đến cuối cùng thật xấu!

9.- Hỡi những ai có niềm tin! Khi mật nghị với nhau, các người chớ nên bàn tính chuyện tội lỗi, chuyện phạm giới và chuyện bất tuân Sứ giả, mà hãy bàn chuyện đạo đức và chuyện kính sợ Allah. Và hãy sợ Allah, Đấng mà các người sẽ được đưa trở về trình diện (để chịu việc Phán xử).

10.- Chuyện mật nghị (bàn điều tội lỗi) chỉ do *Shaytān* xúi giục với mục đích gây rối cho những người có đức tin. Nhưng nó (Shaytān) chẳng hãm hại họ được tí nào trừ phi Allah cho phép. Và những người có đức tin nên tin cậy mà phó thác cho Allah.

11.- Hỡi những ai có niềm tin! Khi các người được yêu cầu nới rộng chỗ ngồi cho người khác trong cuộc họp, hãy nới ra. Allah (với lòng Khoan dung của Ngài) sẽ nới rộng chỗ ngồi cho các người. Và khi các người được yêu cầu đứng dậy, hãy đứng dậy. Allah sẽ cất nhắc những ai tin tưởng trong các người và những ai được ban sự hiểu biết lên địa vị và cấp bậc cao. Và Allah Rất mực am tường về những điều các người làm.

يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُوٓاْ إِذَا نَٰجَيْتُمُ ٱلرَّسُولَ فَقَدِّمُواْ بَيْنَ يَدَيْ نَجْوَىٰكُمْ صَدَقَةً ذَٰلِكَ خَيْرٌ لَّكُمْ وَأَطْهَرُ فَإِن لَّمْ تَجِدُواْ فَإِنَّ ٱللَّهَ غَفُورٌ رَّحِيمٌ ١٢ ءَأَشْفَقْتُمْ أَن تُقَدِّمُواْ بَيْنَ يَدَيْ نَجْوَىٰكُمْ صَدَقَٰتٍ فَإِذْ لَمْ تَفْعَلُواْ وَتَابَ ٱللَّهُ عَلَيْكُمْ فَأَقِيمُواْ ٱلصَّلَوٰةَ وَءَاتُواْ ٱلزَّكَوٰةَ وَأَطِيعُواْ ٱللَّهَ وَرَسُولَهُۥ وَٱللَّهُ خَبِيرٌۢ بِمَا تَعْمَلُونَ ١٣ ۞ أَلَمْ تَرَ إِلَى ٱلَّذِينَ تَوَلَّوْاْ قَوْمًا غَضِبَ ٱللَّهُ عَلَيْهِم مَّا هُم مِّنكُمْ وَلَا مِنْهُمْ وَيَحْلِفُونَ عَلَى ٱلْكَذِبِ وَهُمْ يَعْلَمُونَ ١٤ أَعَدَّ ٱللَّهُ لَهُمْ عَذَابًا شَدِيدًا إِنَّهُمْ سَآءَ مَا كَانُواْ يَعْمَلُونَ ١٥ ٱتَّخَذُوٓاْ أَيْمَٰنَهُمْ جُنَّةً فَصَدُّواْ عَن سَبِيلِ ٱللَّهِ فَلَهُمْ عَذَابٌ مُّهِينٌ ١٦ لَّن تُغْنِيَ عَنْهُمْ أَمْوَٰلُهُمْ وَلَآ أَوْلَٰدُهُم مِّنَ ٱللَّهِ شَيْـًٔا أُوْلَٰٓئِكَ أَصْحَٰبُ ٱلنَّارِ هُمْ فِيهَا خَٰلِدُونَ ١٧ يَوْمَ يَبْعَثُهُمُ ٱللَّهُ جَمِيعًا فَيَحْلِفُونَ لَهُۥ كَمَا يَحْلِفُونَ لَكُمْ وَيَحْسَبُونَ أَنَّهُمْ عَلَىٰ شَيْءٍ أَلَآ إِنَّهُمْ هُمُ ٱلْكَٰذِبُونَ ١٨ ٱسْتَحْوَذَ عَلَيْهِمُ ٱلشَّيْطَٰنُ فَأَنسَىٰهُمْ ذِكْرَ ٱللَّهِ أُوْلَٰٓئِكَ حِزْبُ ٱلشَّيْطَٰنِ أَلَآ إِنَّ حِزْبَ ٱلشَّيْطَٰنِ هُمُ ٱلْخَٰسِرُونَ ١٩ إِنَّ ٱلَّذِينَ يُحَآدُّونَ ٱللَّهَ وَرَسُولَهُۥٓ أُوْلَٰٓئِكَ فِي ٱلْأَذَلِّينَ ٢٠ كَتَبَ ٱللَّهُ لَأَغْلِبَنَّ أَنَا۠ وَرُسُلِيٓ إِنَّ ٱللَّهَ قَوِيٌّ عَزِيزٌ ٢١

12.- Hỡi những ai có niềm tin! Khi các người đến gặp Sứ giả (Muhammad) để tham khảo ý-kiến về chuyện riêng tư, hãy bố thí (cho người nghèo) trước khi các người tham khảo ý kiến. Điều đó tốt và trong sạch hơn cho các người. Nhưng nếu các người không tìm được phương tiện (để bố thí) thì quả thật, Allah Hằng Tha thứ và Khoan dung (các người).

13.- Phải chăng các người sợ mất tiền vào việc bố thí trước khi đến tham khảo việc riêng (với Sứ giả) hay sao? Nhưng khi các người không làm được và Allah quay lại tha thứ cho các người thì (ít ra) các người phải dâng lễ *Salāh* một cách chu đáo và đóng *Zakāh* và vâng lệnh Allah và Sứ giả của Ngài. Và Allah Rất mực am tường về những điều các người làm.

14.- Há Ngươi không thấy những kẻ (đạo đức giả) quay lại (kết bạn) với đám người (Do thái) mà Allah giận dữ ư? Họ không là thành phần của các người (Muslim) và cũng không là thành phần của chúng (người Do thái), và họ mang điều giả dối ra thề thốt trong lúc họ biết điều đó.

15.- Allah đã chuẩn bị cho họ một sự trừng phạt nghiêm khắc. Những điều mà họ đã từng làm thật là tội lỗi.

16.- Họ đã dùng lời thề để làm bình phong (che đậy việc làm tội lỗi của họ). Bởi thế, họ đã cản trở (người khác) theo Chính đạo của Allah. Vì thế, họ sẽ chịu một sự trừng phạt nhục nhã.

17.- Của cải và con cái của họ sẽ không bao giờ giúp họ thoát khỏi (sự trừng phạt của) Allah. Họ sẽ là những người bạn của Lửa (Hỏa ngục), nơi mà họ sẽ vào ở trong đó (đời đời).

18.- Vào Ngày mà Allah sẽ phục sinh tất cả bọn họ (để chịu việc Phán xử), họ sẽ thề thốt với Ngài như họ đã từng thề thốt với các ngươi (hỡi Muslim). Và họ nghĩ rằng họ sẽ ỷ vào một cái gì đó (để biện minh với Ngài). Không, thật sự, họ chỉ là những tên nói dối.

19.- *Shaytān* đã làm chủ được họ và làm cho họ quên mất việc tưởng nhớ Allah. Họ thuộc bè đảng của *Shaytān*. Này, quả thật, bè đảng của Shaytān nhất định sẽ thua.

20.- Quả thật, những ai chống đối (Mệnh Lệnh của) Allah và Sứ giả của Ngài thì sẽ là những kẻ bị hạ nhục.

21.- Allah đã ban hành chỉ-dụ: "TA và các Sứ giả của TA nhất định sẽ thắng." Bởi vì Allah Toàn Lực và Toàn Năng.

لَّا تَجِدُ قَوْمًا يُؤْمِنُونَ بِٱللَّهِ وَٱلْيَوْمِ ٱلْـَٔاخِرِ يُوَآدُّونَ مَنْ حَآدَّ ٱللَّهَ وَرَسُولَهُۥ وَلَوْ كَانُوٓا۟ ءَابَآءَهُمْ أَوْ أَبْنَآءَهُمْ أَوْ إِخْوَٰنَهُمْ أَوْ عَشِيرَتَهُمْ ۚ أُو۟لَـٰٓئِكَ كَتَبَ فِى قُلُوبِهِمُ ٱلْإِيمَـٰنَ وَأَيَّدَهُم بِرُوحٍ مِّنْهُ ۖ وَيُدْخِلُهُمْ جَنَّـٰتٍ تَجْرِى مِن تَحْتِهَا ٱلْأَنْهَـٰرُ خَـٰلِدِينَ فِيهَا ۚ رَضِىَ ٱللَّهُ عَنْهُمْ وَرَضُوا۟ عَنْهُ ۚ أُو۟لَـٰٓئِكَ حِزْبُ ٱللَّهِ ۚ أَلَآ إِنَّ حِزْبَ ٱللَّهِ هُمُ ٱلْمُفْلِحُونَ ﴿٢٢﴾

سُورَةُ الحَشْرِ

بِسْمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحْمَـٰنِ ٱلرَّحِيمِ

سَبَّحَ لِلَّهِ مَا فِى ٱلسَّمَـٰوَٰتِ وَمَا فِى ٱلْأَرْضِ ۖ وَهُوَ ٱلْعَزِيزُ ٱلْحَكِيمُ ﴿١﴾ هُوَ ٱلَّذِىٓ أَخْرَجَ ٱلَّذِينَ كَفَرُوا۟ مِنْ أَهْلِ ٱلْكِتَـٰبِ مِن دِيَـٰرِهِمْ لِأَوَّلِ ٱلْحَشْرِ ۚ مَا ظَنَنتُمْ أَن يَخْرُجُوا۟ ۖ وَظَنُّوٓا۟ أَنَّهُم مَّانِعَتُهُمْ حُصُونُهُم مِّنَ ٱللَّهِ فَأَتَىٰهُمُ ٱللَّهُ مِنْ حَيْثُ لَمْ يَحْتَسِبُوا۟ ۖ وَقَذَفَ فِى قُلُوبِهِمُ ٱلرُّعْبَ ۚ يُخْرِبُونَ بُيُوتَهُم بِأَيْدِيهِمْ وَأَيْدِى ٱلْمُؤْمِنِينَ فَٱعْتَبِرُوا۟ يَـٰٓأُو۟لِى ٱلْأَبْصَـٰرِ ﴿٢﴾ وَلَوْلَآ أَن كَتَبَ ٱللَّهُ عَلَيْهِمُ ٱلْجَلَآءَ لَعَذَّبَهُمْ فِى ٱلدُّنْيَا ۖ وَلَهُمْ فِى ٱلْـَٔاخِرَةِ عَذَابُ ٱلنَّارِ ﴿٣﴾

22.- Ngươi (Nabi) sẽ không tìm thấy một đám người nào đã có đức tin nơi Allah và Ngày (Phán xử) Cuối cùng lại kết thân với ai là người chống đối Allah và Sứ giả của Ngài dẫu rằng đó là cha mẹ, con cái, anh em hay bà con ruột thịt của họ đi nữa. Bởi vì họ là những người mà Đức tin đã được khắc ghi vào trong quả tim (tâm khảm) của họ và (Allah) đã tăng cường họ với Tinh thần (*Rūh*) từ Ngài. Và Ngài sẽ thu nhận họ vào những ngôi Vườn (Thiên đàng) có các dòng sông chảy bên dưới để họ vào ở trong đó đời đời. Allah sẽ hài lòng với họ và họ sẽ hài lòng với Ngài. Họ nhập đảng của Allah. Thật sự chỉ có đảng của Allah mới thắng lợi vẻ vang thôi.

AL-HASHR
(Cuộc Tập Họp Lực Lượng)

Nhân danh Allah, Đấng Rất mực Độ lượng,
Đấng Rất mực Khoan dung

1.- Mọi vật trong các tầng trời và mọi vật dưới đất đều tán dương Allah bởi vì Ngài là Đấng Toàn Năng, Đấng Chí Minh.

2.- Ngài là Đấng đã trục xuất những kẻ phản nghịch (*kafarū*) trong nhóm Người dân Kinh sách (nhóm Do thái *Banū An-Nadhīr*) ra khỏi nhà cửa của chúng nhân cuộc tập họp (lực lượng để trừng phạt chúng) lần đầu. Các người không nghĩ rằng chúng sẽ bỏ đi và chính chúng cũng nghĩ thành lũy kiên cố của chúng có thể bảo vệ chúng tránh khỏi (sự trừng phạt của) Allah. Nhưng (lực lượng của) Allah đến tấn công chúng từ một nơi mà chúng không ngờ tới. Và Ngài ném sự kinh hãi vào lòng của chúng khiến chúng tự đập phá nhà cửa với bàn tay của chúng và với bàn tay của những người tin tưởng. Bởi thế, hãy tiếp thu (bài học) cảnh cáo, hỡi những kẻ có đôi mắt biết nhìn!

3.- Và nếu Allah không quyết định trục xuất chúng (ra khỏi thành phố Madīnah) thì chắc chắn Ngài sẽ trừng phạt chúng ở trần gian này. Nhưng chắc chắn chúng sẽ chịu sự trừng phạt của Lửa (Hỏa ngục) ở Đời sau.

ذَٰلِكَ بِأَنَّهُمْ شَآقُّوا۟ ٱللَّهَ وَرَسُولَهُۥ ۖ وَمَن يُشَآقِّ ٱللَّهَ فَإِنَّ ٱللَّهَ شَدِيدُ
ٱلْعِقَابِ ﴿٤﴾ مَا قَطَعْتُم مِّن لِّينَةٍ أَوْ تَرَكْتُمُوهَا قَآئِمَةً عَلَىٰٓ
أُصُولِهَا فَبِإِذْنِ ٱللَّهِ وَلِيُخْزِىَ ٱلْفَٰسِقِينَ ﴿٥﴾ وَمَآ أَفَآءَ ٱللَّهُ
عَلَىٰ رَسُولِهِۦ مِنْهُمْ فَمَآ أَوْجَفْتُمْ عَلَيْهِ مِنْ خَيْلٍ وَلَا رِكَابٍ
وَلَٰكِنَّ ٱللَّهَ يُسَلِّطُ رُسُلَهُۥ عَلَىٰ مَن يَشَآءُ ۚ وَٱللَّهُ عَلَىٰ كُلِّ شَىْءٍ
قَدِيرٌ ﴿٦﴾ مَّآ أَفَآءَ ٱللَّهُ عَلَىٰ رَسُولِهِۦ مِنْ أَهْلِ ٱلْقُرَىٰ فَلِلَّهِ وَلِلرَّسُولِ
وَلِذِى ٱلْقُرْبَىٰ وَٱلْيَتَٰمَىٰ وَٱلْمَسَٰكِينِ وَٱبْنِ ٱلسَّبِيلِ كَىْ لَا يَكُونَ
دُولَةًۢ بَيْنَ ٱلْأَغْنِيَآءِ مِنكُمْ ۚ وَمَآ ءَاتَىٰكُمُ ٱلرَّسُولُ فَخُذُوهُ
وَمَا نَهَىٰكُمْ عَنْهُ فَٱنتَهُوا۟ ۚ وَٱتَّقُوا۟ ٱللَّهَ ۖ إِنَّ ٱللَّهَ شَدِيدُ ٱلْعِقَابِ
﴿٧﴾ لِلْفُقَرَآءِ ٱلْمُهَٰجِرِينَ ٱلَّذِينَ أُخْرِجُوا۟ مِن دِيَٰرِهِمْ وَأَمْوَٰلِهِمْ
يَبْتَغُونَ فَضْلًا مِّنَ ٱللَّهِ وَرِضْوَٰنًا وَيَنصُرُونَ ٱللَّهَ وَرَسُولَهُۥٓ ۚ
أُو۟لَٰٓئِكَ هُمُ ٱلصَّٰدِقُونَ ﴿٨﴾ وَٱلَّذِينَ تَبَوَّءُو ٱلدَّارَ وَٱلْإِيمَٰنَ مِن
قَبْلِهِمْ يُحِبُّونَ مَنْ هَاجَرَ إِلَيْهِمْ وَلَا يَجِدُونَ فِى صُدُورِهِمْ
حَاجَةً مِّمَّآ أُوتُوا۟ وَيُؤْثِرُونَ عَلَىٰٓ أَنفُسِهِمْ وَلَوْ كَانَ بِهِمْ خَصَاصَةٌ ۚ
وَمَن يُوقَ شُحَّ نَفْسِهِۦ فَأُو۟لَٰٓئِكَ هُمُ ٱلْمُفْلِحُونَ ﴿٩﴾

4.- Như thế là vì chúng đã chống đối Allah và Sứ giả của Ngài. Và ai chống đối Allah thì (nên biết) Allah rất nghiêm khắc trong việc trừng phạt.

5.- Bất cứ cây chà-là nào mà các ngươi (hỡi Muslim!) đốn ngã hoặc cây nào mà các ngươi chừa lại để cho đứng thẳng trên rễ của nó, thì (mọi việc làm đó) đều do phép của Allah cả và để cho Ngài hạ nhục những kẻ dấy loạn, bất tuân Allah.

6.- Và chiến lợi phẩm (*Fay'*) nào mà Allah tịch thu từ chúng để ban cho Sứ giả của Ngài, thì các người không cần cưỡi ngựa hay lạc đà đến chinh phục. Ngược lại, chính Allah ban thẩm quyền cho các Sứ giả của Ngài kiểm soát người nào mà Ngài muốn bởi vì Allah có toàn quyền định đoạt trên tất cả mọi việc.

7.- Chiến lợi phẩm nào mà Allah tịch thu từ dân cư của những thị trấn để ban cho Sứ giả của Ngài thì là của Allah, và của Sứ giả (Muhammad), và của bà con ruột thịt (của Muhammad), và của các trẻ mồ côi, và của người thiếu thốn, và của người lỡ đường nhằm mục đích để cho nó không nằm trong vòng (luân lưu) của người giầu có trong các người. Và vật gì mà Sứ giả ban cho các người thì hãy nhận nó và vật gì mà Sứ giả cấm thì hãy từ khước nó. Và hãy sợ Allah bởi vì, quả thật, Allah rất nghiêm khắc trong việc trừng phạt.

8.- (Trong số chiến lợi phẩm đó cũng có phần) dành cho những người *Muhājir* (di cư từ Makkah) nghèo túng vốn đã bị trục xuất khỏi nhà cửa của họ (tại Makkah) và bị tước đoạt tài sản, ra đi tìm thiên lộc và sự hài lòng của Allah và đã ủng hộ (Chính nghĩa của) Allah và Sứ giả của Ngài. Họ là những người chân thật (*Sādiqūn*).

9.- Và những ai đã có nhà cửa (tại Madīnah) và có Đức tin (tức người Ansār) trước họ (người *Muhājir*) yêu thương người (*Muhājir*) nào đã di cư (từ Makkah) đến sống với họ và trong lòng họ không có một chút thèm muốn những vật đã được ban cho (những người *Muhājir*); ngược lại, họ đã dành cho (những người *Muhājir*) quyền ưu tiên hơn mình mặc dầu họ cũng là những người thiếu thốn. Và ai giữ được lòng mình khỏi tham lam, thì là những người chắc chắn sẽ thành công.

وَٱلَّذِينَ جَآءُو مِنۢ بَعۡدِهِمۡ يَقُولُونَ رَبَّنَا ٱغۡفِرۡ لَنَا وَلِإِخۡوَٰنِنَا
ٱلَّذِينَ سَبَقُونَا بِٱلۡإِيمَٰنِ وَلَا تَجۡعَلۡ فِي قُلُوبِنَا غِلّٗا لِّلَّذِينَ
ءَامَنُواْ رَبَّنَآ إِنَّكَ رَءُوفٞ رَّحِيمٌ ﴿١٠﴾ ۞ أَلَمۡ تَرَ إِلَى ٱلَّذِينَ
نَافَقُواْ يَقُولُونَ لِإِخۡوَٰنِهِمُ ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ مِنۡ أَهۡلِ ٱلۡكِتَٰبِ
لَئِنۡ أُخۡرِجۡتُمۡ لَنَخۡرُجَنَّ مَعَكُمۡ وَلَا نُطِيعُ فِيكُمۡ أَحَدًا أَبَدٗا
وَإِن قُوتِلۡتُمۡ لَنَنصُرَنَّكُمۡ وَٱللَّهُ يَشۡهَدُ إِنَّهُمۡ لَكَٰذِبُونَ
﴿١١﴾ لَئِنۡ أُخۡرِجُواْ لَا يَخۡرُجُونَ مَعَهُمۡ وَلَئِن قُوتِلُواْ لَا يَنصُرُونَهُمۡ
وَلَئِن نَّصَرُوهُمۡ لَيُوَلُّنَّ ٱلۡأَدۡبَٰرَ ثُمَّ لَا يُنصَرُونَ ﴿١٢﴾ لَأَنتُمۡ
أَشَدُّ رَهۡبَةٗ فِي صُدُورِهِم مِّنَ ٱللَّهِۚ ذَٰلِكَ بِأَنَّهُمۡ قَوۡمٞ
لَّا يَفۡقَهُونَ ﴿١٣﴾ لَا يُقَٰتِلُونَكُمۡ جَمِيعًا إِلَّا فِي قُرٗى مُّحَصَّنَةٍ
أَوۡ مِن وَرَآءِ جُدُرِۭۚ بَأۡسُهُم بَيۡنَهُمۡ شَدِيدٞۚ تَحۡسَبُهُمۡ جَمِيعٗا
وَقُلُوبُهُمۡ شَتَّىٰۚ ذَٰلِكَ بِأَنَّهُمۡ قَوۡمٞ لَّا يَعۡقِلُونَ ﴿١٤﴾ كَمَثَلِ
ٱلَّذِينَ مِن قَبۡلِهِمۡ قَرِيبٗاۖ ذَاقُواْ وَبَالَ أَمۡرِهِمۡ وَلَهُمۡ عَذَابٌ
أَلِيمٞ ﴿١٥﴾ كَمَثَلِ ٱلشَّيۡطَٰنِ إِذۡ قَالَ لِلۡإِنسَٰنِ ٱكۡفُرۡ فَلَمَّا
كَفَرَ قَالَ إِنِّي بَرِيٓءٞ مِّنكَ إِنِّيٓ أَخَافُ ٱللَّهَ رَبَّ ٱلۡعَٰلَمِينَ ﴿١٦﴾

10.- Và những ai đến sau họ cầu nguyện: "Lạy *Rabb* chúng tôi! Xin Ngài tha thứ cho chúng tôi và cho những người anh em đã tin tưởng trước chúng tôi và xin Ngài chớ đặt trong lòng chúng tôi nỗi oán thù đối với những người đã tin tưởng bởi vì quả thật Ngài Rất mực Nhân từ, Rất mực Khoan dung."

11.- Há Ngươi (Muhammad) đã không nhìn về những kẻ đạo đức giả? Chúng nói với những người anh em của chúng gồm những kẻ không có đức tin trong nhóm Người dân Kinh sách như sau: "Nếu các anh bị trục xuất, thì chúng tôi sẽ ra đi cùng với các anh và chúng tôi sẽ không bao giờ nghe theo một ai về vấn đề của các anh; và nếu các anh bị tấn công, thì chúng tôi sẽ trợ chiến các anh." Nhưng Allah làm chứng, chúng là những tên nói dối.

12.- Khẳng định rằng nếu họ (những người Do thái *Banū Nadhīr* tại Madīnah) bị trục xuất, thì chúng (những tên đạo đức giả) sẽ không ra đi cùng với họ; và nếu họ bị tấn công, thì chúng sẽ không trợ giúp họ; và nếu chúng có giúp họ đi nữa thì chúng cũng sẽ quay lưng (phản bội). Và họ sẽ không được ai cứu giúp.

13.- Chắc chắn trong lòng của chúng, các người đáng sợ hơn Allah. Sở dĩ như thế là vì chúng là một đám người không thông hiểu.

14.- Chúng sẽ không hợp lực đánh các người trừ phi cố thủ trong những thị xã có thành lũy kiên cố hoặc chiến đấu đằng sau những bức tường. Nỗi thù nghịch giữa bọn chúng với nhau rất kịch liệt. Ngươi nghĩ rằng chúng đoàn kết nhưng kỳ thật tấm lòng của chúng chia rẽ. Sở dĩ như thế là vì chúng là một đám người không hiểu biết.

15.- Giống trường hợp của những kẻ (Do thái Banū Qaynūqā') vừa bị trừng phạt trước chúng. Chúng đã nếm hậu quả tai hại về lề lối xử sự của chúng; và chúng sẽ chịu sự trừng phạt đau đớn (ở Đời sau).

16.- (Đồng minh của chúng đã lừa gạt chúng) giống trường hợp của *Shaytān* đã lừa gạt con người khi nó bảo y: "Anh chớ tin (Allah)!" Bởi thế, khi y (con người) hết tin (Allah), nó lại bảo: "Tôi không dính dấp gì đến anh cả. Tôi sợ Allah, *Rabb* (Đấng Chủ Tể) của vũ trụ và muôn loài."

فَكَانَ عَٰقِبَتَهُمَآ أَنَّهُمَا فِي ٱلنَّارِ خَٰلِدَيۡنِ فِيهَاۚ وَذَٰلِكَ جَزَٰٓؤُاْ ٱلظَّٰلِمِينَ ﴿١٧﴾ يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ ٱتَّقُواْ ٱللَّهَ وَلۡتَنظُرۡ نَفۡسٞ مَّا قَدَّمَتۡ لِغَدٖۖ وَٱتَّقُواْ ٱللَّهَۚ إِنَّ ٱللَّهَ خَبِيرُۢ بِمَا تَعۡمَلُونَ ﴿١٨﴾ وَلَا تَكُونُواْ كَٱلَّذِينَ نَسُواْ ٱللَّهَ فَأَنسَىٰهُمۡ أَنفُسَهُمۡۚ أُوْلَٰٓئِكَ هُمُ ٱلۡفَٰسِقُونَ ﴿١٩﴾ لَا يَسۡتَوِيٓ أَصۡحَٰبُ ٱلنَّارِ وَأَصۡحَٰبُ ٱلۡجَنَّةِۚ أَصۡحَٰبُ ٱلۡجَنَّةِ هُمُ ٱلۡفَآئِزُونَ ﴿٢٠﴾ لَوۡ أَنزَلۡنَا هَٰذَا ٱلۡقُرۡءَانَ عَلَىٰ جَبَلٖ لَّرَأَيۡتَهُۥ خَٰشِعٗا مُّتَصَدِّعٗا مِّنۡ خَشۡيَةِ ٱللَّهِۚ وَتِلۡكَ ٱلۡأَمۡثَٰلُ نَضۡرِبُهَا لِلنَّاسِ لَعَلَّهُمۡ يَتَفَكَّرُونَ ﴿٢١﴾ هُوَ ٱللَّهُ ٱلَّذِي لَآ إِلَٰهَ إِلَّا هُوَۖ عَٰلِمُ ٱلۡغَيۡبِ وَٱلشَّهَٰدَةِۖ هُوَ ٱلرَّحۡمَٰنُ ٱلرَّحِيمُ ﴿٢٢﴾ هُوَ ٱللَّهُ ٱلَّذِي لَآ إِلَٰهَ إِلَّا هُوَ ٱلۡمَلِكُ ٱلۡقُدُّوسُ ٱلسَّلَٰمُ ٱلۡمُؤۡمِنُ ٱلۡمُهَيۡمِنُ ٱلۡعَزِيزُ ٱلۡجَبَّارُ ٱلۡمُتَكَبِّرُۚ سُبۡحَٰنَ ٱللَّهِ عَمَّا يُشۡرِكُونَ ﴿٢٣﴾ هُوَ ٱللَّهُ ٱلۡخَٰلِقُ ٱلۡبَارِئُ ٱلۡمُصَوِّرُۖ لَهُ ٱلۡأَسۡمَآءُ ٱلۡحُسۡنَىٰۚ يُسَبِّحُ لَهُۥ مَا فِي ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضِۖ وَهُوَ ٱلۡعَزِيزُ ٱلۡحَكِيمُ ﴿٢٤﴾

سُورَةُ المُمتَحنَةِ

17.- Bởi thế, kết cuộc của hai đứa chúng là cả hai đều sa vào Lửa (của Hỏa ngục) và ở trong đó đời đời. Và đó là quả báo dành cho những kẻ làm điều sai quấy.

18.- Hỡi những ai có niềm tin! Hãy sợ Allah và mỗi người (linh hồn) nên xét lại những điều mà y đã gởi đi trước cho y vào ngày mai. Và hãy sợ Allah! Quả thật, Allah Rất mực am tường về những điều các ngươi làm.

19.- Và chớ đối xử như những ai đã quên lãng Allah cho nên Ngài đã làm cho chúng lãng quên bản thân của chúng trở lại. Chúng là những kẻ dấy loạn, bất tuân Allah.

20.- Những người Bạn của Hỏa ngục và những người Bạn của Thiên đàng không ngang bằng nhau. Những người Bạn của Thiên đàng mới là những người thắng lợi.

21.- Nếu *TA* (Allah) truyền giáng Qur'ān này lên một quả núi, Ngươi (Muhammad) sẽ thấy Nó khiêm tốn và chẻ làm đôi vì khiếp sợ Allah. Đó là thí dụ (hình ảnh) mà *TA* trình bày cho nhân loại để may ra họ biết ngẫm nghĩ.

22.- Ngài là Allah, Đấng mà ngoài Ngài không có một Thượng Đế nào khác (đáng được tôn thờ); Đấng biết hết điều vô hình và điều hữu hình. Ngài là Đấng Rất mực Độ lượng, Đấng Rất mực Khoan dung.

23.- Ngài là Allah, Đấng mà ngoài Ngài không có một Đấng Thượng Đế nào khác (xứng đáng được tôn thờ), Đức Vua, Đấng Linh Thiêng, Đấng Ban sự Bằng An, Đấng Ban Đức Tin, Đấng Bảo Vệ An Ninh, Đấng Toàn Năng, Đấng Không Cưỡng Lại được, Đấng Tự Hào. Quang vinh và trong sạch thay Allah! Ngài vượt hẳn những điều hay kẻ 'hợp tác' mà chúng (những kẻ thờ đa thần) đã qui cho Ngài.

24.- Ngài là Allah, Đấng Tạo Hóa, Đấng Khởi Sự, Đấng Ban hình thể. Ngài mang những Tên gọi tốt đẹp nhất. Mọi vật trong các tầng trời và trái đất đều tán dương Ngài bởi vì Ngài là Đấng Toàn Năng, Đấng Chí Minh.

AL-MUMTAHINAH
(Phụ Nữ Cần Được Kiểm Tra)

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ لَا تَتَّخِذُواْ عَدُوِّي وَعَدُوَّكُمۡ أَوۡلِيَآءَ تُلۡقُونَ
إِلَيۡهِم بِٱلۡمَوَدَّةِ وَقَدۡ كَفَرُواْ بِمَا جَآءَكُم مِّنَ ٱلۡحَقِّ يُخۡرِجُونَ ٱلرَّسُولَ
وَإِيَّاكُمۡ أَن تُؤۡمِنُواْ بِٱللَّهِ رَبِّكُمۡ إِن كُنتُمۡ خَرَجۡتُمۡ جِهَٰدٗا فِي سَبِيلِي
وَٱبۡتِغَآءَ مَرۡضَاتِيۚ تُسِرُّونَ إِلَيۡهِم بِٱلۡمَوَدَّةِ وَأَنَا۠ أَعۡلَمُ بِمَآ أَخۡفَيۡتُمۡ
وَمَآ أَعۡلَنتُمۡۚ وَمَن يَفۡعَلۡهُ مِنكُمۡ فَقَدۡ ضَلَّ سَوَآءَ ٱلسَّبِيلِ ١ إِن
يَثۡقَفُوكُمۡ يَكُونُواْ لَكُمۡ أَعۡدَآءٗ وَيَبۡسُطُوٓاْ إِلَيۡكُمۡ أَيۡدِيَهُمۡ وَأَلۡسِنَتَهُم
بِٱلسُّوٓءِ وَوَدُّواْ لَوۡ تَكۡفُرُونَ ٢ لَن تَنفَعَكُمۡ أَرۡحَامُكُمۡ وَلَآ أَوۡلَٰدُكُمۡۚ
يَوۡمَ ٱلۡقِيَٰمَةِ يَفۡصِلُ بَيۡنَكُمۡۚ وَٱللَّهُ بِمَا تَعۡمَلُونَ بَصِيرٞ ٣ قَدۡ كَانَتۡ
لَكُمۡ أُسۡوَةٌ حَسَنَةٞ فِيٓ إِبۡرَٰهِيمَ وَٱلَّذِينَ مَعَهُۥٓ إِذۡ قَالُواْ لِقَوۡمِهِمۡ إِنَّا
بُرَءَٰٓؤُاْ مِنكُمۡ وَمِمَّا تَعۡبُدُونَ مِن دُونِ ٱللَّهِ كَفَرۡنَا بِكُمۡ وَبَدَا بَيۡنَنَا
وَبَيۡنَكُمُ ٱلۡعَدَٰوَةُ وَٱلۡبَغۡضَآءُ أَبَدًا حَتَّىٰ تُؤۡمِنُواْ بِٱللَّهِ وَحۡدَهُۥٓ إِلَّا قَوۡلَ
إِبۡرَٰهِيمَ لِأَبِيهِ لَأَسۡتَغۡفِرَنَّ لَكَ وَمَآ أَمۡلِكُ لَكَ مِنَ ٱللَّهِ مِن شَيۡءٖۖ
رَّبَّنَا عَلَيۡكَ تَوَكَّلۡنَا وَإِلَيۡكَ أَنَبۡنَا وَإِلَيۡكَ ٱلۡمَصِيرُ ٤ رَبَّنَا لَا تَجۡعَلۡنَا
فِتۡنَةٗ لِّلَّذِينَ كَفَرُواْ وَٱغۡفِرۡ لَنَا رَبَّنَآۖ إِنَّكَ أَنتَ ٱلۡعَزِيزُ ٱلۡحَكِيمُ ٥

Nhân danh Allah, Đấng Rất mực Độ lượng,
Đấng Rất mực Khoan dung

1.- Hỡi những ai có niềm tin! Chớ kết bạn với kẻ thù của TA và kẻ thù của các người bằng cách bày tỏ thiện cảm của các người với chúng trong lúc (các người biết chắc) chúng phủ nhận sự Thât đã đến với các người: chúng đã trục xuất Sứ giả (Muhammad) và kể cả các người (đi chỗ khác) bởi vì các người tin tưởng nơi Allah, *Rabb* (Đấng Chủ Tể) của các người; nếu các người ra đi chiến đấu (*Jihād*) cho Chính đạo của TA và tìm sự Hài lòng của TA (thì chớ kết bạn với chúng). Các người đã kín đáo bày tỏ thiện cảm đối với chúng và TA biết rõ điều các người giấu giếm và điều các người bộc lộ. Và ai trong các người làm điều đó thì chắc chắn đã đi lạc rất xa khỏi Chính-đạo.

2.- Nếu thắng được các người, thì chúng sẽ là kẻ thù của các người và sẽ giăng cả bàn tay lẫn chiếc lưỡi của chúng ra hãm hại các người và muốn cho các người phủ nhận (sự Thật như chúng).

3.- Anh em ruột thịt cũng như con cái của các người chẳng giúp ích gì được cho các người vào Ngày Phục sinh. Ngài (Allah) sẽ quyết định giữa các người bởi vì Allah thấy rõ những điều các người làm.

4.- Chắc chắn có một gương tốt nơi Ibrāhīm và những ai theo Người để cho các người (bắt chước) khi họ bảo người dân của họ: "Chúng tôi vô can đối với quí vị và những tượng vật mà quí vị tôn thờ ngoài Allah và chúng tôi phủ nhận quí vị; giữa chúng tôi và quí vị có một mối hiềm thù kéo dài cho đến lúc quí vị tin tưởng nơi Đấng Allah Duy Nhất," ngoại trừ lời nói mà Ibrāhīm đã thưa với phụ thân của Người: "Chắc chắn con sẽ xin (Allah) tha thứ cho cha nhưng con không có quyền đòi Allah ban cho cha bất cứ điều gì (cha muốn). (Rồi họ cầu nguyện, thưa:) "Lạy *Rabb* chúng tôi! Chúng tôi phó thác cho Ngài và quay về sám hối với Ngài và sẽ trở về gặp Ngài."

5.- "Lạy *Rabb* chúng tôi! Xin Ngài đừng dùng chúng tôi làm một mục tiêu thử thách cho những kẻ không có đức tin, lạy *Rabb* chúng tôi, xin Ngài tha thứ cho chúng tôi. Quả thật, Ngài là Đấng Toàn Năng, Đấng Rất mực Cao Minh.

لَقَدْ كَانَ لَكُمْ فِيهِمْ أُسْوَةٌ حَسَنَةٌ لِّمَن كَانَ يَرْجُوا۟ ٱللَّهَ وَٱلْيَوْمَ ٱلْـَٔاخِرَ ۚ وَمَن يَتَوَلَّ فَإِنَّ ٱللَّهَ هُوَ ٱلْغَنِىُّ ٱلْحَمِيدُ ﴿٦﴾ ۞ عَسَى ٱللَّهُ أَن يَجْعَلَ بَيْنَكُمْ وَبَيْنَ ٱلَّذِينَ عَادَيْتُم مِّنْهُم مَّوَدَّةً ۚ وَٱللَّهُ قَدِيرٌ ۚ وَٱللَّهُ غَفُورٌ رَّحِيمٌ ﴿٧﴾ لَّا يَنْهَىٰكُمُ ٱللَّهُ عَنِ ٱلَّذِينَ لَمْ يُقَـٰتِلُوكُمْ فِى ٱلدِّينِ وَلَمْ يُخْرِجُوكُم مِّن دِيَـٰرِكُمْ أَن تَبَرُّوهُمْ وَتُقْسِطُوٓا۟ إِلَيْهِمْ ۚ إِنَّ ٱللَّهَ يُحِبُّ ٱلْمُقْسِطِينَ ﴿٨﴾ إِنَّمَا يَنْهَىٰكُمُ ٱللَّهُ عَنِ ٱلَّذِينَ قَـٰتَلُوكُمْ فِى ٱلدِّينِ وَأَخْرَجُوكُم مِّن دِيَـٰرِكُمْ وَظَـٰهَرُوا۟ عَلَىٰٓ إِخْرَاجِكُمْ أَن تَوَلَّوْهُمْ ۚ وَمَن يَتَوَلَّهُمْ فَأُو۟لَـٰٓئِكَ هُمُ ٱلظَّـٰلِمُونَ ﴿٩﴾ يَـٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُوٓا۟ إِذَا جَآءَكُمُ ٱلْمُؤْمِنَـٰتُ مُهَـٰجِرَٰتٍ فَٱمْتَحِنُوهُنَّ ۖ ٱللَّهُ أَعْلَمُ بِإِيمَـٰنِهِنَّ ۖ فَإِنْ عَلِمْتُمُوهُنَّ مُؤْمِنَـٰتٍ فَلَا تَرْجِعُوهُنَّ إِلَى ٱلْكُفَّارِ ۖ لَا هُنَّ حِلٌّ لَّهُمْ وَلَا هُمْ يَحِلُّونَ لَهُنَّ ۖ وَءَاتُوهُم مَّآ أَنفَقُوا۟ ۚ وَلَا جُنَاحَ عَلَيْكُمْ أَن تَنكِحُوهُنَّ إِذَآ ءَاتَيْتُمُوهُنَّ أُجُورَهُنَّ ۚ وَلَا تُمْسِكُوا۟ بِعِصَمِ ٱلْكَوَافِرِ وَسْـَٔلُوا۟ مَآ أَنفَقْتُمْ وَلْيَسْـَٔلُوا۟ مَآ أَنفَقُوا۟ ۚ ذَٰلِكُمْ حُكْمُ ٱللَّهِ ۖ يَحْكُمُ بَيْنَكُمْ ۚ وَٱللَّهُ عَلِيمٌ حَكِيمٌ ﴿١٠﴾ وَإِن فَاتَكُمْ شَىْءٌ مِّنْ أَزْوَٰجِكُمْ إِلَى ٱلْكُفَّارِ فَعَاقَبْتُمْ فَـَٔاتُوا۟ ٱلَّذِينَ ذَهَبَتْ أَزْوَٰجُهُم مِّثْلَ مَآ أَنفَقُوا۟ ۚ وَٱتَّقُوا۟ ٱللَّهَ ٱلَّذِىٓ أَنتُم بِهِۦ مُؤْمِنُونَ ﴿١١﴾

6.- Chắc chắn họ là một gương tốt cho các người noi theo, - cho ai là người đặt hy vọng nơi Allah và Ngày (Phán xử) Cuối cùng. Và ai quay làm ngơ thì quả thật, Allah Rất mực Giầu Có (không thiếu thốn chi) và Rất đáng Ca tụng.

7.- Biết đâu (trong tương lai) Allah sẽ đặt tình thương giữa các người với những kẻ mà các người hiện đang xem như kẻ thù bởi vì Allah có quyền (trên tất cả). Và Allah Hằng Tha Thứ, Rất mực Khoan dung.

8.- Allah không cấm các người đối xử tử tế và công bằng với những ai không giao chiến với các người và trục xuất các người ra khỏi nhà cửa của các người vì vấn đề tôn giáo bởi vì quả thật Allah yêu thương những người công bằng.

9.- Allah chỉ cấm các người kết bạn và giao hảo với những ai đã chiến đấu chống các người vì vấn đề tôn giáo và trục xuất các người ra khỏi nhà cửa của các người và tiếp tay trong việc trục xuất các người, sợ rằng các người có thể quay lại (kết thân) với chúng. Và ai quay về kết bạn với chúng thì đó là những người làm điều sai quấy.

10.- Hỡi những ai có niềm tin! Khi những người phụ nữ tin tưởng chạy đến tị nạn với các người (tại Madīnah) hãy kiểm tra (sát hạch) họ; Allah biết đức tin của họ. Và khi các người biết chắc họ là những người (nữ) tin tưởng thật sự, chớ giao trả họ về với những kẻ không tin (tại Makkah). Họ không là những (người vợ) hợp pháp cho chúng và chúng cũng không là những (người chồng) hợp pháp cho họ. Nhưng hãy trả lại cho những người chồng ngoại đạo (tiền cưới-*Mahr*) mà chúng đã chi ra (cho người vợ của chúng). Các người không có tội nếu cưới họ làm vợ với điều kiện các người chi cho họ tiền cưới bắt buộc (*Mahr*) của họ. Và chớ ràng buộc những người (vợ) không có đức tin (tại Makkah) thủ tiết với các người: và đòi họ (vợ ngoại đạo) trả tiền cưới mà các người đã chi ra cho họ và hãy để cho chúng (những người chồng ngoại đạo) đòi lại tiền cưới mà chúng đã chi ra (cho những người vợ Muslim đã chạy đến tị nạn với các người). Đó là Chỉ Dụ của Allah. Ngài xét xử (công bằng) giữa các người bởi vì Allah Toàn Tri, Rất Mực Cao Minh.

11.- Nếu người vợ nào của các người bỏ các người để đến với những kẻ không tin và các người có được một cơ hội tương xứng (qua việc những người đàn bà tin tưởng bỏ chúng chạy về phía của các người), thì hãy trả lại cho những kẻ (không tin) mà vợ đã bỏ đi một số tiền tương đương với tiền cưới mà chúng đã chi ra (cho vợ). Và hãy sợ Allah, Đấng mà các người tin tưởng.

يَٰٓأَيُّهَا ٱلنَّبِيُّ إِذَا جَآءَكَ ٱلۡمُؤۡمِنَٰتُ يُبَايِعۡنَكَ عَلَىٰٓ أَن لَّا يُشۡرِكۡنَ بِٱللَّهِ
شَيۡـٔٗا وَلَا يَسۡرِقۡنَ وَلَا يَزۡنِينَ وَلَا يَقۡتُلۡنَ أَوۡلَٰدَهُنَّ وَلَا يَأۡتِينَ
بِبُهۡتَٰنٖ يَفۡتَرِينَهُۥ بَيۡنَ أَيۡدِيهِنَّ وَأَرۡجُلِهِنَّ وَلَا يَعۡصِينَكَ فِي
مَعۡرُوفٖ فَبَايِعۡهُنَّ وَٱسۡتَغۡفِرۡ لَهُنَّ ٱللَّهَۚ إِنَّ ٱللَّهَ غَفُورٞ رَّحِيمٞ ١٢
يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ لَا تَتَوَلَّوۡاْ قَوۡمًا غَضِبَ ٱللَّهُ عَلَيۡهِمۡ قَدۡ
يَئِسُواْ مِنَ ٱلۡأٓخِرَةِ كَمَا يَئِسَ ٱلۡكُفَّارُ مِنۡ أَصۡحَٰبِ ٱلۡقُبُورِ ١٣

سُورَةُ الصَّفِّ

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

سَبَّحَ لِلَّهِ مَا فِي ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَمَا فِي ٱلۡأَرۡضِۖ وَهُوَ ٱلۡعَزِيزُ ٱلۡحَكِيمُ
١ يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ لِمَ تَقُولُونَ مَا لَا تَفۡعَلُونَ ٢
كَبُرَ مَقۡتًا عِندَ ٱللَّهِ أَن تَقُولُواْ مَا لَا تَفۡعَلُونَ ٣ إِنَّ
ٱللَّهَ يُحِبُّ ٱلَّذِينَ يُقَٰتِلُونَ فِي سَبِيلِهِۦ صَفّٗا كَأَنَّهُم
بُنۡيَٰنٞ مَّرۡصُوصٞ ٤ وَإِذۡ قَالَ مُوسَىٰ لِقَوۡمِهِۦ يَٰقَوۡمِ لِمَ
تُؤۡذُونَنِي وَقَد تَّعۡلَمُونَ أَنِّي رَسُولُ ٱللَّهِ إِلَيۡكُمۡۖ فَلَمَّا زَاغُوٓاْ
أَزَاغَ ٱللَّهُ قُلُوبَهُمۡۚ وَٱللَّهُ لَا يَهۡدِي ٱلۡقَوۡمَ ٱلۡفَٰسِقِينَ ٥

12.- Hỡi *Nabi* (Muhammad!) Khi những người phụ nữ tin tưởng đến gặp Ngươi để xin tuyên thệ với Ngươi, gồm việc họ sẽ không tổ hợp với Allah bất cứ cái gì (trong việc thờ phụng Ngài), và sẽ không ăn cắp, sẽ không ngoại tình (hay thông gian), sẽ không giết con cái của họ, sẽ không nói xấu kẻ khác, không cố tình bịa đặt điều gian dối giữa tay và chân của họ (cho rằng con ngoại tình là đứa con của chồng), và sẽ không bất tuân Ngươi (Muhammad) về bất cứ điều tốt nào thì hãy chấp nhận lời tuyên thệ của họ và hãy xin Allah tha thứ cho họ. Quả thật, Allah Hằng Tha Thứ, Rất mực Khoan dung.

13.- Hỡi những ai có niềm tin! Chớ quay lại kết bạn với những kẻ tự chuốc lấy sự giận dữ của Allah (người Do thái). Chắc chắn chúng đã tuyệt vọng về Đời sau giống như những kẻ không có đức tin đang tuyệt vọng về những bầu bạn (của chúng) đang nằm dưới mộ.

AS-SAFF
(Đội Ngũ Chiến Đấu)

Nhân danh Allah, Đấng Rất mực Độ lượng,
Đấng Rất mực Khoan dung

1.- Mọi vật trong các tầng trời và mọi vật dưới đất đều tán dương Allah bởi vì Ngài là Đấng Toàn Năng, Đấng Chí Minh.

2.- Hỡi những ai có niềm tin! Tại sao các người nói ra những điều mà các người không làm?

3.- Điều đáng ghét nhất đối với Allah là các người nói ra những điều mà các người không làm.

4.- Quả thật, Allah yêu thương những ai chiến đấu cho con đường (Chính Nghĩa) của Ngài theo đội ngũ, làm như họ là (bộ phận) của một kiến trúc rắn chắc.

5.- Và (hãy nhớ) khi Mūsa bảo người dân của Người: "Này hỡi dân ta! Tại sao các người làm tổn thương Ta trong lúc các người biết chắc Ta là Sứ giả của Allah được phái đến với các người? Bởi thế, khi chúng rẽ lối, Allah làm cho tấm lòng của chúng lệch lạc; và Allah không hướng dẫn đám người dấy loạn, bất tuân.

وَإِذۡ قَالَ عِيسَى ٱبۡنُ مَرۡيَمَ يَٰبَنِيٓ إِسۡرَٰٓءِيلَ إِنِّي رَسُولُ ٱللَّهِ إِلَيۡكُم مُّصَدِّقٗا لِّمَا
بَيۡنَ يَدَيَّ مِنَ ٱلتَّوۡرَىٰةِ وَمُبَشِّرَۢا بِرَسُولٖ يَأۡتِي مِنۢ بَعۡدِي ٱسۡمُهُۥٓ أَحۡمَدُۖ فَلَمَّا
جَآءَهُم بِٱلۡبَيِّنَٰتِ قَالُواْ هَٰذَا سِحۡرٞ مُّبِينٞ ٦ وَمَنۡ أَظۡلَمُ مِمَّنِ ٱفۡتَرَىٰ عَلَى
ٱللَّهِ ٱلۡكَذِبَ وَهُوَ يُدۡعَىٰٓ إِلَى ٱلۡإِسۡلَٰمِۚ وَٱللَّهُ لَا يَهۡدِي ٱلۡقَوۡمَ ٱلظَّٰلِمِينَ
٧ يُرِيدُونَ لِيُطۡفِـُٔواْ نُورَ ٱللَّهِ بِأَفۡوَٰهِهِمۡ وَٱللَّهُ مُتِمُّ نُورِهِۦ وَلَوۡ كَرِهَ
ٱلۡكَٰفِرُونَ ٨ هُوَ ٱلَّذِيٓ أَرۡسَلَ رَسُولَهُۥ بِٱلۡهُدَىٰ وَدِينِ ٱلۡحَقِّ لِيُظۡهِرَهُۥ
عَلَى ٱلدِّينِ كُلِّهِۦ وَلَوۡ كَرِهَ ٱلۡمُشۡرِكُونَ ٩ يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ هَلۡ أَدُلُّكُمۡ عَلَىٰ
تِجَٰرَةٖ تُنجِيكُم مِّنۡ عَذَابٍ أَلِيمٖ ١٠ تُؤۡمِنُونَ بِٱللَّهِ وَرَسُولِهِۦ وَتُجَٰهِدُونَ
فِي سَبِيلِ ٱللَّهِ بِأَمۡوَٰلِكُمۡ وَأَنفُسِكُمۡۚ ذَٰلِكُمۡ خَيۡرٞ لَّكُمۡ إِن كُنتُمۡ تَعۡلَمُونَ ١١
يَغۡفِرۡ لَكُمۡ ذُنُوبَكُمۡ وَيُدۡخِلۡكُمۡ جَنَّٰتٖ تَجۡرِي مِن تَحۡتِهَا ٱلۡأَنۡهَٰرُ وَمَسَٰكِنَ
طَيِّبَةٗ فِي جَنَّٰتِ عَدۡنٖۚ ذَٰلِكَ ٱلۡفَوۡزُ ٱلۡعَظِيمُ ١٢ وَأُخۡرَىٰ تُحِبُّونَهَاۖ نَصۡرٞ
مِّنَ ٱللَّهِ وَفَتۡحٞ قَرِيبٞۗ وَبَشِّرِ ٱلۡمُؤۡمِنِينَ ١٣ يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ كُونُوٓاْ
أَنصَارَ ٱللَّهِ كَمَا قَالَ عِيسَى ٱبۡنُ مَرۡيَمَ لِلۡحَوَارِيِّـۧنَ مَنۡ أَنصَارِيٓ إِلَى ٱللَّهِۖ
قَالَ ٱلۡحَوَارِيُّونَ نَحۡنُ أَنصَارُ ٱللَّهِۖ فَـَٔامَنَت طَّآئِفَةٞ مِّنۢ بَنِيٓ إِسۡرَٰٓءِيلَ
وَكَفَرَت طَّآئِفَةٞۖ فَأَيَّدۡنَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ عَلَىٰ عَدُوِّهِمۡ فَأَصۡبَحُواْ ظَٰهِرِينَ ١٤

6.- Và (hãy nhớ) khi *'Īsa*, con trai của Maryam, bảo: "Hỡi con cháu của Israel! Ta là Sứ giả của Allah được phái đến với các người, xác nhận lại những điều trong Kinh *Taurāh* (đã được mặc khải) trước Ta và báo tin mừng về một Sứ giả (của Allah), tên *Ahmad* (tức Muhammad) sẽ đến sau Ta." Nhưng khi Người đến gặp chúng với những Bằng chứng rõ rệt thì chúng bảo: "Đây là một trò phù thủy hiển hiện."

7.- Và còn ai gian ác hơn kẻ đặt điều nói dối rồi đổ thừa cho Allah trong lúc y được mời gia nhập *Islām*? Và Allah không hướng dẫn đám người làm điều sai quấy.

8.- Chúng muốn dập tắt Ánh sáng của Allah bằng miệng lưỡi của chúng, nhưng Allah sẽ hoàn thiện Ánh sáng của Ngài dẫu rằng những kẻ không tin ghét điều đó.

9.- Và Ngài là Đấng đã phái Sứ giả của Ngài mang Chỉ đạo và tôn giáo của sự Thật đến để làm cho Nó (Islām) thắng tất cả mọi tôn giáo mặc dầu những người tôn thờ đa-thần ghét điều đó.

10.- Hỡi những ai có niềm tin! Há TA hướng dẫn các người đến với một cuộc đổi chác sẽ giải cứu các người khỏi sự trừng phạt đau đớn?

11.- (Đó là việc) các người tin tưởng nơi Allah và Sứ giả của Ngài; và chiến đấu cho Chính nghĩa của Allah bằng cả tài sản lẫn sinh mạng của các người. Điều đó tốt nhất cho các người nếu các người biết.

12.- Ngài sẽ tha thứ tội lỗi của các người cho các người và thu nhận các người vào những ngôi Vườn có các dòng sông chảy bên dưới, và những chỗ ở tốt đẹp nơi những ngôi Vườn vĩnh cửu (Thiên đàng *'Adn*). Đó là một cuộc thành tựu vĩ đại.

13.- Và (ban cấp) một (ân sủng) khác mà các người yêu thích: Sự giúp đỡ của Allah và một cuộc thắng lợi gần kề. Và hãy báo tin mừng này cho những người tin tưởng.

14.- Hỡi những ai có niềm tin! Hãy là những người giúp đỡ (Chính nghĩa) của Allah, giống như điều mà *'Īsa*, con trai của *Maryam* đã bảo các Tông đồ (của Người): "Ai là người ủng hộ Ta về (Chính nghĩa của) Allah?" Các Tông đồ thưa: "Chúng tôi là những người trợ giúp (Chính nghĩa) của Allah." Nhưng một thành phần của con cháu của *Israel* đã tin tưởng và một thành phần (khác) không có niềm tin. Nhưng *TA* đã tăng cường sức mạnh cho những ai có đức tin chống lại kẻ thù của họ cho nên họ đã chiến thắng.

سُورَةُ الجُمُعَةِ

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

يُسَبِّحُ لِلَّهِ مَا فِي ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَمَا فِي ٱلۡأَرۡضِ ٱلۡمَلِكِ ٱلۡقُدُّوسِ ٱلۡعَزِيزِ ٱلۡحَكِيمِ ١ هُوَ ٱلَّذِي بَعَثَ فِي ٱلۡأُمِّيِّـۧنَ رَسُولٗا مِّنۡهُمۡ يَتۡلُواْ عَلَيۡهِمۡ ءَايَٰتِهِۦ وَيُزَكِّيهِمۡ وَيُعَلِّمُهُمُ ٱلۡكِتَٰبَ وَٱلۡحِكۡمَةَ وَإِن كَانُواْ مِن قَبۡلُ لَفِي ضَلَٰلٖ مُّبِينٖ ٢ وَءَاخَرِينَ مِنۡهُمۡ لَمَّا يَلۡحَقُواْ بِهِمۡۚ وَهُوَ ٱلۡعَزِيزُ ٱلۡحَكِيمُ ٣ ذَٰلِكَ فَضۡلُ ٱللَّهِ يُؤۡتِيهِ مَن يَشَآءُۚ وَٱللَّهُ ذُو ٱلۡفَضۡلِ ٱلۡعَظِيمِ ٤ مَثَلُ ٱلَّذِينَ حُمِّلُواْ ٱلتَّوۡرَىٰةَ ثُمَّ لَمۡ يَحۡمِلُوهَا كَمَثَلِ ٱلۡحِمَارِ يَحۡمِلُ أَسۡفَارَۢاۚ بِئۡسَ مَثَلُ ٱلۡقَوۡمِ ٱلَّذِينَ كَذَّبُواْ بِـَٔايَٰتِ ٱللَّهِۚ وَٱللَّهُ لَا يَهۡدِي ٱلۡقَوۡمَ ٱلظَّٰلِمِينَ ٥ قُلۡ يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ هَادُوٓاْ إِن زَعَمۡتُمۡ أَنَّكُمۡ أَوۡلِيَآءُ لِلَّهِ مِن دُونِ ٱلنَّاسِ فَتَمَنَّوُاْ ٱلۡمَوۡتَ إِن كُنتُمۡ صَٰدِقِينَ ٦ وَلَا يَتَمَنَّوۡنَهُۥٓ أَبَدَۢا بِمَا قَدَّمَتۡ أَيۡدِيهِمۡۚ وَٱللَّهُ عَلِيمُۢ بِٱلظَّٰلِمِينَ ٧ قُلۡ إِنَّ ٱلۡمَوۡتَ ٱلَّذِي تَفِرُّونَ مِنۡهُ فَإِنَّهُۥ مُلَٰقِيكُمۡۖ ثُمَّ تُرَدُّونَ إِلَىٰ عَٰلِمِ ٱلۡغَيۡبِ وَٱلشَّهَٰدَةِ فَيُنَبِّئُكُم بِمَا كُنتُمۡ تَعۡمَلُونَ ٨

AL-JUMU'AH
(Ngày Thứ Sáu)

Nhân danh Allah, Đấng Rất mực Độ lượng,
Đấng Rất mực Khoan dung

1.- Mọi vật trong các tầng trời và mọi vật dưới đất đều tán dương Allah, Đấng Hoàng Đế, Đấng Hiển Linh, Đấng Toàn Năng, Đấng Chí Minh.

2.- Ngài là Đấng đã dựng trong đám người dân (Ả-rập) thất học (tại Makkah) một Sứ giả xuất thân từ họ để đọc các Lời Mặc khải của Ngài cho họ và tẩy sạch họ (khỏi sự ô-uế của việc tôn thờ đa-thần) và dạy họ Kinh sách và đường lối đúng đắn khôn ngoan. Và quả thật, trước đó họ đã lầm lạc rõ rệt.

3.- Và (phái Người đến) với những người khác thuộc thành phần của họ nhưng chưa nhập (đạo) với họ. Và Ngài là Đấng Toàn Năng, Đấng Rất mực Sáng suốt.

4.- Đó là Thiên ân mà Allah ban cho người nào Ngài muốn. Và Allah là Chủ Nhân của Thiên ân lớn lao.

5.- Hình ảnh của những ai gánh (trách nhiệm thi hành) Kinh *Taurāh* rồi không gánh nó (trọn nhiệm vụ) sẽ giống như hình ảnh của một con lừa chở trên lưng hằng đống sách (nhưng không hiểu sách đó nói gì). Thật xấu xa thay hình ảnh của những ai phủ nhận các Lời Mặc khải) của Allah (giống như hình ảnh của con lừa chở sách). Và Allah không hướng dẫn đám người làm điều sai quấy.

6.- Hãy bảo (chúng): "Hỡi những ai là người Do thái! Nếu các người tự cho mình là những người bạn của Allah, khác với người ta thì hãy cầu mong cho được chết đi nếu các người nói thật."

7.- Nhưng chúng sẽ không bao giờ muốn nó (cái chết) bởi vì (chúng sợ hậu quả của) những điều (tội lỗi) mà bàn tay của chúng đã gởi đi trước. Và Allah biết rõ những kẻ làm điều sai quấy.

8.- Hãy bảo (chúng): "Quả thật cái chết mà các người muốn chạy trốn sẽ giáp mặt các người. Rồi các người sẽ được đưa trở về (trình diện) Đấng biết điều không thấy và điều thấy rõ. Rồi Ngài sẽ cho các người biết những điều các người đã làm."

يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُوٓاْ إِذَا نُودِيَ لِلصَّلَوٰةِ مِن يَوۡمِ ٱلۡجُمُعَةِ فَٱسۡعَوۡاْ إِلَىٰ ذِكۡرِ ٱللَّهِ وَذَرُواْ ٱلۡبَيۡعَۚ ذَٰلِكُمۡ خَيۡرٞ لَّكُمۡ إِن كُنتُمۡ تَعۡلَمُونَ ٩ فَإِذَا قُضِيَتِ ٱلصَّلَوٰةُ فَٱنتَشِرُواْ فِي ٱلۡأَرۡضِ وَٱبۡتَغُواْ مِن فَضۡلِ ٱللَّهِ وَٱذۡكُرُواْ ٱللَّهَ كَثِيرٗا لَّعَلَّكُمۡ تُفۡلِحُونَ ١٠ وَإِذَا رَأَوۡاْ تِجَٰرَةً أَوۡ لَهۡوًا ٱنفَضُّوٓاْ إِلَيۡهَا وَتَرَكُوكَ قَآئِمٗاۚ قُلۡ مَا عِندَ ٱللَّهِ خَيۡرٞ مِّنَ ٱللَّهۡوِ وَمِنَ ٱلتِّجَٰرَةِۚ وَٱللَّهُ خَيۡرُ ٱلرَّٰزِقِينَ ١١

سُورَةُ المُنَافِقُونَ

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

إِذَا جَآءَكَ ٱلۡمُنَٰفِقُونَ قَالُواْ نَشۡهَدُ إِنَّكَ لَرَسُولُ ٱللَّهِۗ وَٱللَّهُ يَعۡلَمُ إِنَّكَ لَرَسُولُهُۥ وَٱللَّهُ يَشۡهَدُ إِنَّ ٱلۡمُنَٰفِقِينَ لَكَٰذِبُونَ ١ ٱتَّخَذُوٓاْ أَيۡمَٰنَهُمۡ جُنَّةٗ فَصَدُّواْ عَن سَبِيلِ ٱللَّهِۚ إِنَّهُمۡ سَآءَ مَا كَانُواْ يَعۡمَلُونَ ٢ ذَٰلِكَ بِأَنَّهُمۡ ءَامَنُواْ ثُمَّ كَفَرُواْ فَطُبِعَ عَلَىٰ قُلُوبِهِمۡ فَهُمۡ لَا يَفۡقَهُونَ ٣ ۞وَإِذَا رَأَيۡتَهُمۡ تُعۡجِبُكَ أَجۡسَامُهُمۡۖ وَإِن يَقُولُواْ تَسۡمَعۡ لِقَوۡلِهِمۡۖ كَأَنَّهُمۡ خُشُبٞ مُّسَنَّدَةٞۖ يَحۡسَبُونَ كُلَّ صَيۡحَةٍ عَلَيۡهِمۡۚ هُمُ ٱلۡعَدُوُّ فَٱحۡذَرۡهُمۡۚ قَٰتَلَهُمُ ٱللَّهُۖ أَنَّىٰ يُؤۡفَكُونَ ٤

9.- Hỡi những ai có niềm tin! Khi tiếng '*Āzān*' dõng dạc gọi các người đến dâng lễ '*Salāh*' vào Ngày Thứ Sáu[1] (*Jumu'ah*), hãy vội vã đến (Thánh đường) để tưởng nhớ Allah và tạm gác việc mua bán sang một bên. Điều đó tốt cho các người nhất nếu các người biết.

10.- Rồi khi cuộc lễ chấm dứt, hãy tản mác (khắp nơi) trên mặt đất đi tìm thiên lộc của Allah và hãy nhớ Allah cho thật nhiều để may ra các người được thành công.

11.- Và khi thấy việc mua bán đổi chác hoặc trò chơi giải trí (như đánh trống, hát hò...), họ tản mác đi về phía đó bỏ Ngươi (Muhammad) đứng (giảng kinh-*Khutbah*). Hãy bảo họ: "Điều gì liên hệ đến Allah tốt hơn trò giải trí và việc mua bán". Và Allah là Đấng Cung dưỡng Ưu việt.

AL-MUNĀFIQŪN
(Những Người Đạo Đức Giả)

Nhân danh Allah, Đấng Rất mực Độ lượng,
Đấng Rất mực Khoan dung

1.- Khi đến gặp Ngươi (Muhammad) những người đạo-đức-giả bảo: "Chúng tôi xác nhận ngài là Sứ giả của Allah" trong lúc Allah đã biết Ngươi thực sự là Sứ giả của Ngài. Và Allah cũng xác nhận những người đạo đức giả chắc chắn là những tên nói dối.

2.- Chúng dùng lời thề của chúng làm bình phong (che đậy việc làm tội lỗi của chúng). Bởi thế, chúng cản trở thiên hạ theo con đường của Allah. Những điều chúng từng làm quả thật là xấu xa, tội lỗi.

3.- Sở dĩ như thế là vì chúng có niềm tin rồi chúng lại phủ nhận đức tin; bởi thế, quả tim của chúng bị niêm kín lại cho nên chúng không hiểu gì.

4.- Và khi nhìn chúng, Ngươi (Muhammad) trầm trồ dáng dấp bề ngoài của chúng; và khi chúng nói, Ngươi lắng nghe lời lẽ của chúng. Chúng giống như những khúc gỗ (bọng) dùng để chống đỡ. Chúng nghĩ rằng mỗi tiếng thét đều nhằm chỉ trích chúng. Chúng là kẻ thù. Bởi thế, hãy cảnh giác chúng. Allah nguyền rủa chúng. Chúng quay hướng về đâu?

[1] Cuộc lễ *Salāh* ngày thứ Sáu gồm bài thuyết giảng (*Khutbah*) được chia thành hai phần và hai đơn vị (*rak'a*) dâng lễ.

وَإِذَا قِيلَ لَهُمْ تَعَالَوْاْ يَسْتَغْفِرْ لَكُمْ رَسُولُ ٱللَّهِ لَوَّوْاْ رُءُوسَهُمْ
وَرَأَيْتَهُمْ يَصُدُّونَ وَهُم مُّسْتَكْبِرُونَ ٥ سَوَآءٌ عَلَيْهِمْ
أَسْتَغْفَرْتَ لَهُمْ أَمْ لَمْ تَسْتَغْفِرْ لَهُمْ لَن يَغْفِرَ ٱللَّهُ لَهُمْۚ
إِنَّ ٱللَّهَ لَا يَهْدِى ٱلْقَوْمَ ٱلْفَٰسِقِينَ ٦ هُمُ ٱلَّذِينَ يَقُولُونَ
لَا تُنفِقُواْ عَلَىٰ مَنْ عِندَ رَسُولِ ٱللَّهِ حَتَّىٰ يَنفَضُّواْۗ وَلِلَّهِ
خَزَآئِنُ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلْأَرْضِ وَلَٰكِنَّ ٱلْمُنَٰفِقِينَ لَا يَفْقَهُونَ
٧ يَقُولُونَ لَئِن رَّجَعْنَآ إِلَى ٱلْمَدِينَةِ لَيُخْرِجَنَّ ٱلْأَعَزُّ
مِنْهَا ٱلْأَذَلَّۚ وَلِلَّهِ ٱلْعِزَّةُ وَلِرَسُولِهِۦ وَلِلْمُؤْمِنِينَ وَلَٰكِنَّ
ٱلْمُنَٰفِقِينَ لَا يَعْلَمُونَ ٨ يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ لَا تُلْهِكُمْ
أَمْوَٰلُكُمْ وَلَآ أَوْلَٰدُكُمْ عَن ذِكْرِ ٱللَّهِۚ وَمَن يَفْعَلْ
ذَٰلِكَ فَأُوْلَٰٓئِكَ هُمُ ٱلْخَٰسِرُونَ ٩ وَأَنفِقُواْ مِن مَّا رَزَقْنَٰكُم
مِّن قَبْلِ أَن يَأْتِىَ أَحَدَكُمُ ٱلْمَوْتُ فَيَقُولَ رَبِّ لَوْلَآ أَخَّرْتَنِىٓ
إِلَىٰٓ أَجَلٍ قَرِيبٍ فَأَصَّدَّقَ وَأَكُن مِّنَ ٱلصَّٰلِحِينَ ١٠ وَلَن
يُؤَخِّرَ ٱللَّهُ نَفْسًا إِذَا جَآءَ أَجَلُهَاۚ وَٱللَّهُ خَبِيرٌۢ بِمَا تَعْمَلُونَ ١١

سُورَةُ التَّغَابُنِ

5.- Khi có lời bảo chúng: "Hãy đến đây. Sứ giả của Allah sẽ xin (Allah) tha thứ cho các anh." Nhưng chúng quay đầu sang phía khác; và Ngươi thấy chúng bỏ đi dáng điệu ngạo mạn.

6.- Dẫu Ngươi có cầu xin (Allah) tha thứ hay không cầu xin sự tha thứ cho chúng, điều đó bằng thừa đối với chúng. Allah sẽ không bao giờ tha thứ cho chúng. Quả thật, Allah không hướng dẫn đám người dấy loạn, bất tuân.

7.- Chúng là những kẻ nói: "Chớ chi tiêu (bố thí) cho những người theo Sứ giả của Allah cho đến lúc họ bỏ đi (khỏi Madīnah)." Nhưng những người đạo đức giả không hiểu thấu được kho (lương thực) của các tầng trời và trái đất đều là của Allah cả.

8.- Và chúng tuyên bố: "Nếu chúng tôi trở về *Madīnah*, người quyền thế nhất (ám chỉ *Abdullah bin Ubay bin Salul*) sẽ đuổi thằng tồi nhất (ám chỉ Sứ giả của Allah) ra khỏi đó." Nhưng những người đạo đức giả không biết rằng danh dự và quyền thế đều thuộc về Allah và Sứ giả của Ngài và những người tin tưởng.

9.- Hỡi những ai có niềm tin! Chớ để cho tài sản và con cái của các người làm cho các người xao lãng việc tưởng nhớ Allah. Và ai làm thế thì sẽ là những người thua thiệt.

10.- Và hãy chi dùng (vào việc thiện) phần tài sản mà *TA* đã cung cấp cho các người trước khi (cái) chết đến cho mỗi một người trong các người. Bởi vì lúc đó y sẽ (hối tiếc) thưa: "Lạy *Rabb* của bề tôi! Nếu Ngài gia hạn cho bề tôi sống thêm một thời gian ngắn nữa thì bề tôi sẽ bố thí (rộng rãi) và trở thành một người đức hạnh."

11.- Và Allah sẽ không bao giờ gia hạn cho một người (linh hồn) nào cả khi đã mãn hạn. Và Allah rất am tường về những điều các người làm.

AT-TAGĀBUN
(Người Thắng Kẻ Bại)

بِسْمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحْمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

يُسَبِّحُ لِلَّهِ مَا فِي ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَمَا فِي ٱلْأَرْضِۖ لَهُ ٱلْمُلْكُ وَلَهُ ٱلْحَمْدُۖ
وَهُوَ عَلَىٰ كُلِّ شَيْءٖ قَدِيرٌ ﴿١﴾ هُوَ ٱلَّذِي خَلَقَكُمْ فَمِنكُمْ كَافِرٞ وَمِنكُم
مُّؤْمِنٞۚ وَٱللَّهُ بِمَا تَعْمَلُونَ بَصِيرٌ ﴿٢﴾ خَلَقَ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلْأَرْضَ
بِٱلْحَقِّ وَصَوَّرَكُمْ فَأَحْسَنَ صُوَرَكُمْۖ وَإِلَيْهِ ٱلْمَصِيرُ ﴿٣﴾ يَعْلَمُ
مَا فِي ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلْأَرْضِ وَيَعْلَمُ مَا تُسِرُّونَ وَمَا تُعْلِنُونَۚ وَٱللَّهُ
عَلِيمُۢ بِذَاتِ ٱلصُّدُورِ ﴿٤﴾ أَلَمْ يَأْتِكُمْ نَبَؤُاْ ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ مِن قَبْلُ
فَذَاقُواْ وَبَالَ أَمْرِهِمْ وَلَهُمْ عَذَابٌ أَلِيمٞ ﴿٥﴾ ذَٰلِكَ بِأَنَّهُۥ كَانَت تَّأْتِيهِمْ
رُسُلُهُم بِٱلْبَيِّنَٰتِ فَقَالُوٓاْ أَبَشَرٞ يَهْدُونَنَا فَكَفَرُواْ وَتَوَلَّواْۖ وَّٱسْتَغْنَى
ٱللَّهُۚ وَٱللَّهُ غَنِيٌّ حَمِيدٞ ﴿٦﴾ زَعَمَ ٱلَّذِينَ كَفَرُوٓاْ أَن لَّن يُبْعَثُواْۚ قُلْ بَلَىٰ
وَرَبِّي لَتُبْعَثُنَّ ثُمَّ لَتُنَبَّؤُنَّ بِمَا عَمِلْتُمْۚ وَذَٰلِكَ عَلَى ٱللَّهِ يَسِيرٞ ﴿٧﴾
فَـَٔامِنُواْ بِٱللَّهِ وَرَسُولِهِۦ وَٱلنُّورِ ٱلَّذِيٓ أَنزَلْنَاۚ وَٱللَّهُ بِمَا تَعْمَلُونَ خَبِيرٞ
﴿٨﴾ يَوْمَ يَجْمَعُكُمْ لِيَوْمِ ٱلْجَمْعِۖ ذَٰلِكَ يَوْمُ ٱلتَّغَابُنِۗ وَمَن يُؤْمِنۢ بِٱللَّهِ
وَيَعْمَلْ صَٰلِحٗا يُكَفِّرْ عَنْهُ سَيِّـَٔاتِهِۦ وَيُدْخِلْهُ جَنَّٰتٖ تَجْرِي مِن
تَحْتِهَا ٱلْأَنْهَٰرُ خَٰلِدِينَ فِيهَآ أَبَدٗاۚ ذَٰلِكَ ٱلْفَوْزُ ٱلْعَظِيمُ ﴿٩﴾

Nhân danh Allah, Đấng Rất mực Độ lượng,
Đấng Rất mực Khoan dung

1.- Mọi vật trong các tầng trời và mọi vật dưới đất đều tán dương Allah. Quyền hành thống trị là của Ngài; và Lời ca tụng cũng thuộc về Ngài. Và Ngài định đoạt tất cả mọi viêc.

2.- Ngài là Đấng đã tạo hóa các người, nhưng trong các người có kẻ không tin tưởng và trong các người có người tin tưởng. Và Allah Hằng Thấy điều các người làm.

3.- Ngài vì Chân lý đã tạo hóa các tầng trời và trái đất; và Ngài đã tạo hình thể các người và đã hoàn thiện hình thể của các người. Và các người sẽ trở về gặp Ngài.

4.- Ngài biết mọi vật trong các tầng trời và dưới đất; và biết điều các người giấu giếm và điều các người bộc lộ, bởi vì Allah biết rõ điều nằm trong lòng (của mọi người).

5.- Há các người chưa biết tin tức về những kẻ đã không có niềm tin trước đây ư? Bởi thế, chúng đã nếm hậu quả tai hại của những công việc của chúng; và chúng đã chịu một sự trừng phạt đau đớn.

6.- Sở dĩ như thế là vì những Sứ giả của chúng đã đến gặp chúng với những bằng chứng rõ rệt nhưng chúng bảo: "Há người phàm lại hướng dẫn chúng tôi ư?" Bởi thế, chúng không tin tưởng và quay bỏ đi. Và Allah không cần đến chúng bởi vì Allah Rất mực Giầu có, Rất đáng Ca tụng.

7.- Những kẻ không có niềm tin nghĩ rằng chúng sẽ không được phục sinh trở lại (để chịu sự Phán xử). Hãy bảo chúng (hỡi Muhammad!): "Vâng, thề bởi *Rabb* của ta, chắc chắn các người sẽ được dựng sống lại rồi sẽ được báo cho biết về những điều mà các người đã làm. Và điều đó rất dễ đối với Allah.

8.- Bởi thế, hãy tin tưởng Allah và Sứ giả của Ngài và Ánh-sáng (Qur'ān) mà *TA* (Allah) đã ban xuống. Và Allah Rất am tường về những điều các người làm.

9.- (Hãy nhớ) Ngày mà Ngài (Allah) sẽ tập trung tất cả các người vào Ngày Đại hội (Phán xử). Đó là Ngày của (người) thắng và (kẻ) bại. Và ai tin tưởng nơi Allah và làm việc thiện thì Ngài (Allah) sẽ xóa bỏ mọi điều xấu xa (tội lỗi) khỏi y và sẽ thu nhận y vào những ngôi Vườn bên dưới có các dòng sông chảy (Thiên đàng) để vào ở trong đó đời đời. Đó là một thắng lợi vĩ đại.

وَٱلَّذِينَ كَفَرُواْ وَكَذَّبُواْ بِـَٔايَٰتِنَآ أُوْلَٰٓئِكَ أَصۡحَٰبُ ٱلنَّارِ خَٰلِدِينَ فِيهَاۖ وَبِئۡسَ ٱلۡمَصِيرُ ﴿١٠﴾ مَآ أَصَابَ مِن مُّصِيبَةٍ إِلَّا بِإِذۡنِ ٱللَّهِۗ وَمَن يُؤۡمِنۢ بِٱللَّهِ يَهۡدِ قَلۡبَهُۥۚ وَٱللَّهُ بِكُلِّ شَيۡءٍ عَلِيمٞ ﴿١١﴾ وَأَطِيعُواْ ٱللَّهَ وَأَطِيعُواْ ٱلرَّسُولَۚ فَإِن تَوَلَّيۡتُمۡ فَإِنَّمَا عَلَىٰ رَسُولِنَا ٱلۡبَلَٰغُ ٱلۡمُبِينُ ﴿١٢﴾ ٱللَّهُ لَآ إِلَٰهَ إِلَّا هُوَۚ وَعَلَى ٱللَّهِ فَلۡيَتَوَكَّلِ ٱلۡمُؤۡمِنُونَ ﴿١٣﴾ يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُوٓاْ إِنَّ مِنۡ أَزۡوَٰجِكُمۡ وَأَوۡلَٰدِكُمۡ عَدُوّٗا لَّكُمۡ فَٱحۡذَرُوهُمۡۚ وَإِن تَعۡفُواْ وَتَصۡفَحُواْ وَتَغۡفِرُواْ فَإِنَّ ٱللَّهَ غَفُورٞ رَّحِيمٌ ﴿١٤﴾ إِنَّمَآ أَمۡوَٰلُكُمۡ وَأَوۡلَٰدُكُمۡ فِتۡنَةٞۚ وَٱللَّهُ عِندَهُۥٓ أَجۡرٌ عَظِيمٞ ﴿١٥﴾ فَٱتَّقُواْ ٱللَّهَ مَا ٱسۡتَطَعۡتُمۡ وَٱسۡمَعُواْ وَأَطِيعُواْ وَأَنفِقُواْ خَيۡرٗا لِّأَنفُسِكُمۡۗ وَمَن يُوقَ شُحَّ نَفۡسِهِۦ فَأُوْلَٰٓئِكَ هُمُ ٱلۡمُفۡلِحُونَ ﴿١٦﴾ إِن تُقۡرِضُواْ ٱللَّهَ قَرۡضًا حَسَنٗا يُضَٰعِفۡهُ لَكُمۡ وَيَغۡفِرۡ لَكُمۡۚ وَٱللَّهُ شَكُورٌ حَلِيمٌ ﴿١٧﴾ عَٰلِمُ ٱلۡغَيۡبِ وَٱلشَّهَٰدَةِ ٱلۡعَزِيزُ ٱلۡحَكِيمُ ﴿١٨﴾

سُورَةُ الطَّلَاقِ

10.- Ngược lại, những ai không có đức tin và phủ nhận các Lời mặc khải của *TA* thì sẽ là những người bạn của Lửa (Hỏa ngục), nơi mà chúng sẽ vào ở trong đó đời đời. Và (là) một trạm đến cuối cùng rất xấu.

11.- Không một tai họa nào xảy ra mà không do phép của Allah cả. Và ai tin tưởng nơi Allah thì Ngài sẽ hướng dẫn tấm lòng của y (theo Chính đạo) bởi vì Allah biết rõ hết mọi việc.

12.- Và hãy tuân lệnh Allah và tuân lệnh Sứ giả (Muhammad). Nhưng nếu các người quay bỏ đi thì nhiệm vụ của Sứ giả của *TA* chỉ là truyền đạt (Thông điệp) một cách công khai.

13.- Allah (Duy Nhất)! Không có Thượng Đế nào khác duy chỉ Ngài (là Thượng Đế). Bởi thế, những người có đức tin nên tin cậy mà phó thác cho Allah.

14.- Hỡi những ai có niềm tin! Quả thật, trong số người vợ và con cái của các người, có người thù nghịch (cản trở) các người (tuân lệnh Allah và Sứ Giả của Ngài). Bởi thế, hãy cảnh giác họ. Nhưng nếu các người lượng thứ bỏ qua và tha thứ cho họ thì quả thật Allah Hằng Tha thứ, Rất mực Khoan dung.

15.- Tài sản và con cái của các người chỉ là một sự thử thách (đối với các người). Ngược lại, Allah có nơi Ngài một phần thưởng rất lớn (Thiên đàng để dành cho các người).

16.- Do đó, hãy sợ Allah (và làm tròn bổn phận đối với Ngài) theo khả năng của các người. Và hãy nghe và vâng lệnh. Và chi tiêu (bố thí) có lợi cho bản thân (linh hồn) của các người. Và ai giữ bản thân của mình khỏi tham lam (ích kỷ) thì là những người sẽ thành đạt.

17.- Nếu các người cho Allah mượn một phần mượn tốt (để đóng góp vào cuộc Thánh chiến) thì Ngài sẽ gia tăng nó gấp đôi (vào trương mục tín dụng) cho các người; và sẽ tha thứ (tội lỗi) cho các người bởi vì Allah Hằng Ghi công và Hằng Chịu đựng;

18.- Đấng Biết hết điều ẩn tàng không thấy và điều hiển hiện, Đấng Toàn Năng, Đấng Chí Minh.

AṬ-ṬALĀQ
(Sự Ly Dị)

بِسْمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحْمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

يَٰٓأَيُّهَا ٱلنَّبِيُّ إِذَا طَلَّقْتُمُ ٱلنِّسَآءَ فَطَلِّقُوهُنَّ لِعِدَّتِهِنَّ وَأَحْصُوا۟ ٱلْعِدَّةَ ۖ وَٱتَّقُوا۟ ٱللَّهَ رَبَّكُمْ ۖ لَا تُخْرِجُوهُنَّ مِنۢ بُيُوتِهِنَّ وَلَا يَخْرُجْنَ إِلَّآ أَن يَأْتِينَ بِفَٰحِشَةٍ مُّبَيِّنَةٍ ۚ وَتِلْكَ حُدُودُ ٱللَّهِ ۚ وَمَن يَتَعَدَّ حُدُودَ ٱللَّهِ فَقَدْ ظَلَمَ نَفْسَهُۥ ۚ لَا تَدْرِى لَعَلَّ ٱللَّهَ يُحْدِثُ بَعْدَ ذَٰلِكَ أَمْرًا ﴿١﴾ فَإِذَا بَلَغْنَ أَجَلَهُنَّ فَأَمْسِكُوهُنَّ بِمَعْرُوفٍ أَوْ فَارِقُوهُنَّ بِمَعْرُوفٍ وَأَشْهِدُوا۟ ذَوَىْ عَدْلٍ مِّنكُمْ وَأَقِيمُوا۟ ٱلشَّهَٰدَةَ لِلَّهِ ۚ ذَٰلِكُمْ يُوعَظُ بِهِۦ مَن كَانَ يُؤْمِنُ بِٱللَّهِ وَٱلْيَوْمِ ٱلْءَاخِرِ ۚ وَمَن يَتَّقِ ٱللَّهَ يَجْعَل لَّهُۥ مَخْرَجًا ﴿٢﴾ وَيَرْزُقْهُ مِنْ حَيْثُ لَا يَحْتَسِبُ ۚ وَمَن يَتَوَكَّلْ عَلَى ٱللَّهِ فَهُوَ حَسْبُهُۥٓ ۚ إِنَّ ٱللَّهَ بَٰلِغُ أَمْرِهِۦ ۚ قَدْ جَعَلَ ٱللَّهُ لِكُلِّ شَىْءٍ قَدْرًا ﴿٣﴾ وَٱلَّٰٓـِٔى يَئِسْنَ مِنَ ٱلْمَحِيضِ مِن نِّسَآئِكُمْ إِنِ ٱرْتَبْتُمْ فَعِدَّتُهُنَّ ثَلَٰثَةُ أَشْهُرٍ وَٱلَّٰٓـِٔى لَمْ يَحِضْنَ ۚ وَأُو۟لَٰتُ ٱلْأَحْمَالِ أَجَلُهُنَّ أَن يَضَعْنَ حَمْلَهُنَّ ۚ وَمَن يَتَّقِ ٱللَّهَ يَجْعَل لَّهُۥ مِنْ أَمْرِهِۦ يُسْرًا ﴿٤﴾ ذَٰلِكَ أَمْرُ ٱللَّهِ أَنزَلَهُۥٓ إِلَيْكُمْ ۚ وَمَن يَتَّقِ ٱللَّهَ يُكَفِّرْ عَنْهُ سَيِّـَٔاتِهِۦ وَيُعْظِمْ لَهُۥٓ أَجْرًا ﴿٥﴾

Nhân danh Allah, Đấng Rất mực Độ lượng,
Đấng Rất mực Khoan dung

1.- Hỡi Nabi (Muhammad!) Khi các người ly-dị các bà (vợ), hãy ly-dị họ vào *'Iddah*[1] (thời hạn ấn định) của họ và hãy đếm cho đúng *'Iddah*. Và hãy sợ Allah, *Rabb* (Đấng Chủ Tể) của các người. Chớ đuổi họ ra khỏi nhà cũng chớ để cho họ bỏ đi, ngoại trừ trường hợp họ công khai phạm điều (gian dâm) thô bỉ. Và đó là những giới hạn (qui định) bởi Allah. Và ai vi phạm giới hạn của Allah thì chắc chắn tự làm hại bản thân mình. Ngươi đâu biết sau này Allah có thể tạo một điều kiện mới nào đó (để hòa giải đôi bên).

2.- Bởi thế, khi chấm dứt thời hạn ấn định (*'Iddah*) của họ, hoặc giữ các bà (vợ) lại một cách tử tế hoặc ly hôn các bà một cách tử tế; và hãy mời hai người công bằng trong các người đến làm chứng và hãy vì Allah mà thiết lập chứng cớ rõ ràng. Đó là điều khuyến cáo cho người nào tin nơi Allah và Ngày (Phán xử) Cuối cùng. Và ai sợ Allah thì sẽ được Ngài mở cho một lối thoát.

3.- Và Ngài sẽ cung dưỡng y từ nơi mà y không thể ngờ tới. Và ai phó thác cho Allah, thì Ngài sẽ làm cho y đầy đủ. Bởi vì, chắc chắn Allah sẽ thực hiện mục đích của Ngài. Chắc chắn, Allah qui định mức lượng cho tất cả mọi vật.

4.- Và bà nào trong số các bà (vợ) của các người đã quá tuổi có kinh, nếu các người còn nghi ngờ (kinh kỳ của họ), thì thời hạn ấn định *'Iddah* (chờ ly-hôn) là ba tháng và bà nào không có kinh (thì thời hạn cũng thế). Và bà (vợ) nào mang thai thì thời hạn ấn định (chờ ly hôn) của họ kéo dài cho đến khi hạ sanh. Và ai sợ Allah, thì Ngài sẽ làm mọi việc được dễ dàng cho y.

5.- Đó là Mệnh Lệnh của Allah mà Ngài đã ban xuống cho các người. Và ai sợ Allah thì Ngài sẽ xóa bỏ mọi điều xấu xa (tội lỗi) cho y và sẽ nới rộng phần thưởng cho y.

---

[1] Abdullah ibn 'Umar đã kể lại việc ông đã ly dị vợ trong thời gian bà vợ đang có kinh nguyệt. 'Umar ibn Khattab hỏi Nabi về việc đó. Nabi đáp: "Hãy bảo y (Abdullah) giữ vợ của y lại cho đến khi bà ấy dứt kinh và chờ cho đến lúc người vợ có kinh trở lại và dứt kinh thì lúc đó nếu muốn ở lại với vợ thì y ở, còn không thì ly dị vợ trước khi ăn nằm với vợ. Đó là '*Iddah* do Allah qui định cho các phụ nữ ly dị. (Sahih Bukhari, tập 7 hadith số 178)

أَسْكِنُوهُنَّ مِنْ حَيْثُ سَكَنتُم مِّن وُجْدِكُمْ وَلَا تُضَآرُّوهُنَّ لِتُضَيِّقُوا۟ عَلَيْهِنَّ ۚ وَإِن كُنَّ أُو۟لَٰتِ حَمْلٍ فَأَنفِقُوا۟ عَلَيْهِنَّ حَتَّىٰ يَضَعْنَ حَمْلَهُنَّ ۚ فَإِنْ أَرْضَعْنَ لَكُمْ فَـَٔاتُوهُنَّ أُجُورَهُنَّ ۖ وَأْتَمِرُوا۟ بَيْنَكُم بِمَعْرُوفٍ ۖ وَإِن تَعَاسَرْتُمْ فَسَتُرْضِعُ لَهُۥٓ أُخْرَىٰ ﴿٦﴾ لِيُنفِقْ ذُو سَعَةٍ مِّن سَعَتِهِۦ ۖ وَمَن قُدِرَ عَلَيْهِ رِزْقُهُۥ فَلْيُنفِقْ مِمَّآ ءَاتَىٰهُ ٱللَّهُ ۚ لَا يُكَلِّفُ ٱللَّهُ نَفْسًا إِلَّا مَآ ءَاتَىٰهَا ۚ سَيَجْعَلُ ٱللَّهُ بَعْدَ عُسْرٍ يُسْرًا ﴿٧﴾ وَكَأَيِّن مِّن قَرْيَةٍ عَتَتْ عَنْ أَمْرِ رَبِّهَا وَرُسُلِهِۦ فَحَاسَبْنَٰهَا حِسَابًا شَدِيدًا وَعَذَّبْنَٰهَا عَذَابًا نُّكْرًا ﴿٨﴾ فَذَاقَتْ وَبَالَ أَمْرِهَا وَكَانَ عَٰقِبَةُ أَمْرِهَا خُسْرًا ﴿٩﴾ أَعَدَّ ٱللَّهُ لَهُمْ عَذَابًا شَدِيدًا ۖ فَٱتَّقُوا۟ ٱللَّهَ يَٰٓأُو۟لِى ٱلْأَلْبَٰبِ ٱلَّذِينَ ءَامَنُوا۟ ۚ قَدْ أَنزَلَ ٱللَّهُ إِلَيْكُمْ ذِكْرًا ﴿١٠﴾ رَّسُولًا يَتْلُوا۟ عَلَيْكُمْ ءَايَٰتِ ٱللَّهِ مُبَيِّنَٰتٍ لِّيُخْرِجَ ٱلَّذِينَ ءَامَنُوا۟ وَعَمِلُوا۟ ٱلصَّٰلِحَٰتِ مِنَ ٱلظُّلُمَٰتِ إِلَى ٱلنُّورِ ۚ وَمَن يُؤْمِنۢ بِٱللَّهِ وَيَعْمَلْ صَٰلِحًا يُدْخِلْهُ جَنَّٰتٍ تَجْرِى مِن تَحْتِهَا ٱلْأَنْهَٰرُ خَٰلِدِينَ فِيهَآ أَبَدًا ۖ قَدْ أَحْسَنَ ٱللَّهُ لَهُۥ رِزْقًا ﴿١١﴾ ٱللَّهُ ٱلَّذِى خَلَقَ سَبْعَ سَمَٰوَٰتٍ وَمِنَ ٱلْأَرْضِ مِثْلَهُنَّ يَتَنَزَّلُ ٱلْأَمْرُ بَيْنَهُنَّ لِتَعْلَمُوٓا۟ أَنَّ ٱللَّهَ عَلَىٰ كُلِّ شَىْءٍ قَدِيرٌ وَأَنَّ ٱللَّهَ قَدْ أَحَاطَ بِكُلِّ شَىْءٍ عِلْمًۢا ﴿١٢﴾

6.- Hãy để cho các bà (vợ ly dị) trú ngụ nơi nào mà các người đang ở tùy theo phương tiện của các người nhưng chớ đày đọa họ để áp bức họ bỏ đi. Và nếu họ mang thai thì hãy chi dùng cho họ cho đến khi hạ sanh. Và nếu họ cho con bú thì hãy trang trải cho họ; và hãy tham khảo ý-kiến lẫn nhau một cách biết điều. Nếu các người gặp khó khăn (trong việc cho con bú) thì người đàn bà khác sẽ cho đứa con bú giùm cho y (với sở phí của y).

7.- Người giầu phương tiện sẽ chi tiêu theo phương tiện của mình. Và người eo hẹp phương tiện sẽ chi tiêu theo phương tiện mà Allah đã ban cấp. Allah chỉ bắt mỗi người chịu gánh nặng (phí tổn) tùy theo phương tiện mà Ngài đã ban cho. Allah sẽ làm nhẹ gánh lo sau nỗi khó khăn (túng quẫn).

8.- Và có bao nhiêu thị trấn đã chống đối Mệnh Lệnh của *Rabb* của chúng và (chống đối) các Sứ giả của Ngài? Bởi thế, *TA* đã thanh toán chúng bằng một cuộc thanh toán dữ dội. Và *TA* đã trừng phạt chúng bằng một cuộc trừng phạt ghê rợn.

9.- Bởi thế, chúng đã nếm hậu quả tai hại về công việc của chúng và kết cuộc của công việc của chúng là mất mát thua thiệt.

10.- Allah đã chuẩn bị cho chúng một sự trừng phạt nghiêm khắc (ở Đời sau). Bởi thế, hãy sợ Allah hỡi những người hiểu biết, những ai có đức tin. Chắc chắn, Allah đã ban xuống cho các người Lời Nhắc nhở (Qur'ān).

11.- Một Sứ giả (của Allah) đọc cho các người các Lời mặc khải của Allah, giải thích rõ sự việc, để Ngài có thể đưa những ai có đức tin và làm việc thiện bước từ tăm tối ra ánh sáng; và ai tin tưởng nơi Allah và làm việc thiện, thì sẽ được Ngài đưa vào những ngôi Vườn bên dưới có các dòng sông chảy để ở trong đó đời đời. Chắc chắn, Allah sẽ cung cấp cho y lương thực tốt nhất.

12.- Allah là Đấng đã tạo hóa bẩy tầng trời và cái giống như chúng của trái đất. Mệnh Lệnh (của Allah) đi xuống giữa chúng (các tầng trời và tầng đất) để cho các người biết Allah có quyền (định đoạt) trên tất cả mọi vật và rằng Allah bao trùm (quán xuyến) hết tất cả mọi vât (việc) với sự Hiểu Biết của Ngài.

سُورَةُ التَّحْرِيمِ

بِسْمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحْمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

يَٰٓأَيُّهَا ٱلنَّبِيُّ لِمَ تُحَرِّمُ مَآ أَحَلَّ ٱللَّهُ لَكَۖ تَبْتَغِي مَرْضَاتَ أَزْوَٰجِكَۚ وَٱللَّهُ غَفُورٌ رَّحِيمٌ ١ قَدْ فَرَضَ ٱللَّهُ لَكُمْ تَحِلَّةَ أَيْمَٰنِكُمْۚ وَٱللَّهُ مَوْلَىٰكُمْۖ وَهُوَ ٱلْعَلِيمُ ٱلْحَكِيمُ ٢ وَإِذْ أَسَرَّ ٱلنَّبِيُّ إِلَىٰ بَعْضِ أَزْوَٰجِهِۦ حَدِيثًا فَلَمَّا نَبَّأَتْ بِهِۦ وَأَظْهَرَهُ ٱللَّهُ عَلَيْهِ عَرَّفَ بَعْضَهُۥ وَأَعْرَضَ عَنۢ بَعْضٍۖ فَلَمَّا نَبَّأَهَا بِهِۦ قَالَتْ مَنْ أَنۢبَأَكَ هَٰذَاۖ قَالَ نَبَّأَنِيَ ٱلْعَلِيمُ ٱلْخَبِيرُ ٣ إِن تَتُوبَآ إِلَى ٱللَّهِ فَقَدْ صَغَتْ قُلُوبُكُمَاۖ وَإِن تَظَٰهَرَا عَلَيْهِ فَإِنَّ ٱللَّهَ هُوَ مَوْلَىٰهُ وَجِبْرِيلُ وَصَٰلِحُ ٱلْمُؤْمِنِينَۖ وَٱلْمَلَٰٓئِكَةُ بَعْدَ ذَٰلِكَ ظَهِيرٌ ٤ عَسَىٰ رَبُّهُۥٓ إِن طَلَّقَكُنَّ أَن يُبْدِلَهُۥٓ أَزْوَٰجًا خَيْرًا مِّنكُنَّ مُسْلِمَٰتٍ مُّؤْمِنَٰتٍ قَٰنِتَٰتٍ تَٰٓئِبَٰتٍ عَٰبِدَٰتٍ سَٰٓئِحَٰتٍ ثَيِّبَٰتٍ وَأَبْكَارًا ٥ يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُوا۟ قُوٓا۟ أَنفُسَكُمْ وَأَهْلِيكُمْ نَارًا وَقُودُهَا ٱلنَّاسُ وَٱلْحِجَارَةُ عَلَيْهَا مَلَٰٓئِكَةٌ غِلَاظٌ شِدَادٌ لَّا يَعْصُونَ ٱللَّهَ مَآ أَمَرَهُمْ وَيَفْعَلُونَ مَا يُؤْمَرُونَ ٦ يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ كَفَرُوا۟ لَا تَعْتَذِرُوا۟ ٱلْيَوْمَۖ إِنَّمَا تُجْزَوْنَ مَا كُنتُمْ تَعْمَلُونَ ٧

AT-TAHRĪM
(Tự Cấm)

Nhân danh Allah, Đấng Rất mực Độ lượng,
Đấng Rất mực Khoan dung

1.- Hỡi Nabi (Muhammad!) Tại sao Ngươi tự cấm (dùng) món (thực phẩm) mà Allah cho phép Ngươi (dùng) chỉ vì muốn làm vừa lòng các bà vợ của Ngươi? Và Allah Hằng Tha thứ, Rất mực Khoan dung.

2.- Chắc chắn, trước đây, Allah đã qui định cho các người (Muslim) phương cách xóa bỏ lời thề (trong một số trường hợp). Và Allah là Chủ Nhân của các người; và Ngài là Đấng Toàn Tri, Đấng Rất mực Sáng suốt.

3.- Và khi Nabi thổ lộ chuyện tâm tình cho một bà vợ của Người (bà *Hafsah*) sau đó bà tiết lộ nó (cho một người (vợ) khác, bà *'Ā-ishah*). Và Allah cho Người biết việc đó. Người đã xác nhận một phần (câu chuyện) và bỏ qua một phần (khác). Bởi thế, khi Người cho bà (*Hafsah*) biết sự việc, thì bà bảo: "Ai đã cho mình biết điều này? (Nabi) đáp: "(Allah), Đấng Toàn Tri, Đấng Am Tường (mọi việc), đã cho tôi biết (sự Thật)."

4.- Nếu hai ngươi (hỡi 'Ā-ishah và Hafsah) quay về sám hối với Allah, thì tấm lòng của hai ngươi chịu thuận. Ngược lại, nếu hai ngươi tiếp tay nhau chống lại Người thì Allah, Đấng Bảo Hộ của Người, và (Thiên thần) *Jibrīl* và những tín đồ đức hạnh và các thiên thần sẽ ủng hộ Người sau đó.

5.- Nếu Người (Muhammad) ly-dị (tất cả) các ngươi, có lẽ *Rabb* (Allah) của Người sẽ đổi lại cho Người các bà vợ tốt hơn các ngươi: các nữ Muslim có đức tin, sùng kính, năng sám hối (với Allah), thờ phụng (Allah), nhịn chay (*Siyām*), đã có một đời chồng hay còn trinh.

6.- Hỡi những ai có niềm tin! Hãy giữ gìn bản thân và gia đình của các người tránh khỏi Lửa (của Hỏa ngục) mà chất đốt là con người (không có đức tin) và đá (bụt tượng), do những Thiên thần lạnh lùng và nghiêm nghị quản lý, không bất tuân Allah về điều gì mà Ngài ra lệnh cho họ (Thiên thần) và thi hành đúng những điều họ được truyền.

7.- Hỡi những kẻ không có đức tin! Ngày nay các người chớ tìm cách chạy tội. Các người chỉ được quả báo về những điều mà các người đã từng làm.

يَٰٓأَيُّهَا ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ تُوبُوٓاْ إِلَى ٱللَّهِ تَوۡبَةٗ نَّصُوحًا عَسَىٰ رَبُّكُمۡ
أَن يُكَفِّرَ عَنكُمۡ سَيِّـَٔاتِكُمۡ وَيُدۡخِلَكُمۡ جَنَّٰتٖ تَجۡرِي
مِن تَحۡتِهَا ٱلۡأَنۡهَٰرُ يَوۡمَ لَا يُخۡزِي ٱللَّهُ ٱلنَّبِيَّ وَٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ
مَعَهُۥۖ نُورُهُمۡ يَسۡعَىٰ بَيۡنَ أَيۡدِيهِمۡ وَبِأَيۡمَٰنِهِمۡ يَقُولُونَ رَبَّنَآ
أَتۡمِمۡ لَنَا نُورَنَا وَٱغۡفِرۡ لَنَآۖ إِنَّكَ عَلَىٰ كُلِّ شَيۡءٖ قَدِيرٞ ٨
يَٰٓأَيُّهَا ٱلنَّبِيُّ جَٰهِدِ ٱلۡكُفَّارَ وَٱلۡمُنَٰفِقِينَ وَٱغۡلُظۡ عَلَيۡهِمۡۚ
وَمَأۡوَىٰهُمۡ جَهَنَّمُۖ وَبِئۡسَ ٱلۡمَصِيرُ ٩ ضَرَبَ ٱللَّهُ مَثَلٗا
لِّلَّذِينَ كَفَرُواْ ٱمۡرَأَتَ نُوحٖ وَٱمۡرَأَتَ لُوطٖۖ كَانَتَا تَحۡتَ
عَبۡدَيۡنِ مِنۡ عِبَادِنَا صَٰلِحَيۡنِ فَخَانَتَاهُمَا فَلَمۡ يُغۡنِيَا عَنۡهُمَا
مِنَ ٱللَّهِ شَيۡـٔٗا وَقِيلَ ٱدۡخُلَا ٱلنَّارَ مَعَ ٱلدَّٰخِلِينَ ١٠
وَضَرَبَ ٱللَّهُ مَثَلٗا لِّلَّذِينَ ءَامَنُواْ ٱمۡرَأَتَ فِرۡعَوۡنَ إِذۡ
قَالَتۡ رَبِّ ٱبۡنِ لِي عِندَكَ بَيۡتٗا فِي ٱلۡجَنَّةِ وَنَجِّنِي مِن فِرۡعَوۡنَ
وَعَمَلِهِۦ وَنَجِّنِي مِنَ ٱلۡقَوۡمِ ٱلظَّٰلِمِينَ ١١ وَمَرۡيَمَ ٱبۡنَتَ
عِمۡرَٰنَ ٱلَّتِيٓ أَحۡصَنَتۡ فَرۡجَهَا فَنَفَخۡنَا فِيهِ مِن رُّوحِنَا
وَصَدَّقَتۡ بِكَلِمَٰتِ رَبِّهَا وَكُتُبِهِۦ وَكَانَتۡ مِنَ ٱلۡقَٰنِتِينَ ١٢

8.- Hỡi những ai có niềm tin! Hãy chân thành quay về sám hối với Allah, may ra *Rabb* của các người sẽ xóa bỏ tội lỗi cho các người và thu nhận các người vào những ngôi Vườn bên dưới có các dòng sông chảy (Thiên đàng) vào Ngày mà Allah sẽ không hạ nhục Nabi (Muhammad) và những ai có đức tin cùng theo Người. Ánh sáng của họ sẽ chạy đằng trước và phía bên tay phải của họ; họ (cầu nguyện) thưa: "Lạy *Rabb* chúng tôi! Xin Ngài hoàn thiện ánh sáng của chúng tôi cho chúng tôi và tha thứ cho chúng tôi bởi vì quả thât, Ngài có quyền định đoạt trên tất cả mọi viêc."

9.- Hỡi Nabi (Muhammad!) Hãy chiến đấu chống những kẻ không có đức tin và những kẻ đạo-đức giả và hãy nghiêm khắc với chúng; bởi vì nhà ở của chúng là Hỏa ngục và là một trạm đến cuối cùng tồi tệ nhất.

10.- Allah trình bày cho những kẻ không có đức tin thí dụ điển hình về bà vợ của *Nūh* và bà vợ của *Lūt*: Hai bà ở dưới (quyền của) hai người bề tôi đức hạnh của *TA* (Allah) nhưng hai bà đã phản bội chồng. Nhưng họ (các ông chồng đức hạnh) chẳng giúp gì được cho hai bà tránh khỏi (Hình phạt của) Allah; và có lời phán bảo: "Hai bà hãy bước vào Lửa (Hỏa ngục) cùng với những kẻ đi vào."

11.- Và Allah trình bày cho những người có đức tin một thí dụ điển hình về bà (*Āsiyah*) vợ của *Fir'aun* khi bà cầu nguyện thưa: "Lạy *Rabb* của bề tôi! Xin Ngài xây cho bề tôi một mái nhà gần Ngài nơi Thiên đàng và cứu bề tôi thoát khỏi (tay của) *Fir'aun* cùng việc làm (tội lỗi) của y và cứu bề tôi thoát khỏi đám người làm điều sai quấy."

12.- Và (thí dụ về) *Maryam*, đứa con gái của *'Imrān*: Nàng đã giữ mình trinh tiết. Bởi thế, TA (Allah) đã cho *Rūh* (Thiên thần Jibrīl) của *TA* hà vào (cơ thể của) Nàng; và Nàng xác nhận sự Thật về Lời phán (*Kun fayakūn* 'Hãy Thành') của *Rabb* (Allah) của Nàng và (xác nhận sự thật về) Kinh sách của Ngài (Allah) và Nàng là một nữ tín đồ sùng tín.

سُورَةُ المُلْكِ

بِسْمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحْمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

تَبَٰرَكَ ٱلَّذِى بِيَدِهِ ٱلْمُلْكُ وَهُوَ عَلَىٰ كُلِّ شَىْءٍ قَدِيرٌ ﴿١﴾ ٱلَّذِى خَلَقَ ٱلْمَوْتَ وَٱلْحَيَوٰةَ لِيَبْلُوَكُمْ أَيُّكُمْ أَحْسَنُ عَمَلًا ۚ وَهُوَ ٱلْعَزِيزُ ٱلْغَفُورُ ﴿٢﴾ ٱلَّذِى خَلَقَ سَبْعَ سَمَٰوَٰتٍ طِبَاقًا ۖ مَّا تَرَىٰ فِى خَلْقِ ٱلرَّحْمَٰنِ مِن تَفَٰوُتٍ ۖ فَٱرْجِعِ ٱلْبَصَرَ هَلْ تَرَىٰ مِن فُطُورٍ ﴿٣﴾ ثُمَّ ٱرْجِعِ ٱلْبَصَرَ كَرَّتَيْنِ يَنقَلِبْ إِلَيْكَ ٱلْبَصَرُ خَاسِئًا وَهُوَ حَسِيرٌ ﴿٤﴾ وَلَقَدْ زَيَّنَّا ٱلسَّمَآءَ ٱلدُّنْيَا بِمَصَٰبِيحَ وَجَعَلْنَٰهَا رُجُومًا لِّلشَّيَٰطِينِ ۖ وَأَعْتَدْنَا لَهُمْ عَذَابَ ٱلسَّعِيرِ ﴿٥﴾ وَلِلَّذِينَ كَفَرُوا۟ بِرَبِّهِمْ عَذَابُ جَهَنَّمَ ۖ وَبِئْسَ ٱلْمَصِيرُ ﴿٦﴾ إِذَآ أُلْقُوا۟ فِيهَا سَمِعُوا۟ لَهَا شَهِيقًا وَهِىَ تَفُورُ ﴿٧﴾ تَكَادُ تَمَيَّزُ مِنَ ٱلْغَيْظِ ۖ كُلَّمَآ أُلْقِىَ فِيهَا فَوْجٌ سَأَلَهُمْ خَزَنَتُهَآ أَلَمْ يَأْتِكُمْ نَذِيرٌ ﴿٨﴾ قَالُوا۟ بَلَىٰ قَدْ جَآءَنَا نَذِيرٌ فَكَذَّبْنَا وَقُلْنَا مَا نَزَّلَ ٱللَّهُ مِن شَىْءٍ إِنْ أَنتُمْ إِلَّا فِى ضَلَٰلٍ كَبِيرٍ ﴿٩﴾ وَقَالُوا۟ لَوْ كُنَّا نَسْمَعُ أَوْ نَعْقِلُ مَا كُنَّا فِىٓ أَصْحَٰبِ ٱلسَّعِيرِ ﴿١٠﴾ فَٱعْتَرَفُوا۟ بِذَنۢبِهِمْ فَسُحْقًا لِّأَصْحَٰبِ ٱلسَّعِيرِ ﴿١١﴾ إِنَّ ٱلَّذِينَ يَخْشَوْنَ رَبَّهُم بِٱلْغَيْبِ لَهُم مَّغْفِرَةٌ وَأَجْرٌ كَبِيرٌ ﴿١٢﴾

AL-MULK
(Vương Quyền)

Nhân danh Allah, Đấng Rất mực Độ lượng,
Đấng Rất mực Khoan dung

1.- Phúc thay Đấng đang nắm quyền thống trị trong Tay Ngài và toàn quyền định đoạt trên tất cả mọi việc.

2.- Đấng đã tạo sự chết và sự sống để thử thách ai trong các người là người tốt nhất trong việc làm của mình; và Ngài là Đấng Toàn Năng, Đấng Hằng Tha thứ.

3.- Đấng đã tạo hóa bẩy tầng trời, tầng này chồng lên tầng kia; ngươi không thấy có một khuyết điểm nào trong việc tạo hóa của Đấng *ar-Rahmān*. Bởi thế, hãy quay lại nhìn nữa xem, ngươi có thấy một kẽ hở nào không?

4.- Rồi quay nhìn hai lần nữa xem, cái nhìn của ngươi sẽ trở lại với ngươi mờ nhạt và rũ rượi.

5.- Và chắc chắn *TA* đã trang hoàng tầng trời hạ giới với những chiếc đèn và làm cho chúng thành những chiếc hỏa tiễn dùng đánh đuổi những *Shaytān* và *TA* đã chuẩn bị cho chúng một sự trừng phạt của Lửa ngọn;

6.- Và (chuẩn bị) cho những ai phủ nhận Đấng *Rabb* của họ, một sự trừng phạt của Hỏa ngục; và đó là một nơi đến cuối cùng tồi tệ nhất.

7.- Khi bị quẳng vào đó, chúng sẽ nghe tiếng nó rít (lửa) vào giống như nó hà (lửa) ra.

8.- Nó gần như muốn phát nổ vì giận dữ: Mỗi lần một nhóm người bị quẳng vào đó, những vị cai ngục lên tiếng hỏi: “Há không có một người báo-trước nào đến gặp các người hay sao?”

9.- Chúng sẽ đáp: “Vâng, có. Chắc chắn đã có một người báo trước đến gặp chúng tôi, nhưng chúng tôi đã phủ nhận và nói: 'Allah đã không ban một điều (mặc khải) nào xuống cả. Quí vị đã lầm lạc quá to'.”

10.- Và chúng sẽ nói: “Giá chúng tôi biết nghe hoặc chịu suy nghĩ thì đâu đến nỗi trở thành những người bạn của Lửa ngọn.”

11.- Bởi thế, chúng sẽ thú tội của mình. Nhưng những người bạn của Lửa ngọn ở quá xa!

12.- Quả thật, những ai sợ Đấng *Rabb* (Allah) Vô hình của họ thì sẽ được tha thứ và được một phần thưởng rất lớn.

وَأَسِرُّواْ قَوْلَكُمْ أَوِ ٱجْهَرُواْ بِهِۦٓۖ إِنَّهُۥ عَلِيمُۢ بِذَاتِ ٱلصُّدُورِ ﴿١٣﴾ أَلَا يَعْلَمُ مَنْ خَلَقَ وَهُوَ ٱللَّطِيفُ ٱلْخَبِيرُ ﴿١٤﴾ هُوَ ٱلَّذِى جَعَلَ لَكُمُ ٱلْأَرْضَ ذَلُولًا فَٱمْشُواْ فِى مَنَاكِبِهَا وَكُلُواْ مِن رِّزْقِهِۦۖ وَإِلَيْهِ ٱلنُّشُورُ ﴿١٥﴾ ءَأَمِنتُم مَّن فِى ٱلسَّمَآءِ أَن يَخْسِفَ بِكُمُ ٱلْأَرْضَ فَإِذَا هِىَ تَمُورُ ﴿١٦﴾ أَمْ أَمِنتُم مَّن فِى ٱلسَّمَآءِ أَن يُرْسِلَ عَلَيْكُمْ حَاصِبًاۖ فَسَتَعْلَمُونَ كَيْفَ نَذِيرِ ﴿١٧﴾ وَلَقَدْ كَذَّبَ ٱلَّذِينَ مِن قَبْلِهِمْ فَكَيْفَ كَانَ نَكِيرِ ﴿١٨﴾ أَوَلَمْ يَرَوْاْ إِلَى ٱلطَّيْرِ فَوْقَهُمْ صَٰٓفَّٰتٍ وَيَقْبِضْنَۚ مَا يُمْسِكُهُنَّ إِلَّا ٱلرَّحْمَٰنُۚ إِنَّهُۥ بِكُلِّ شَىْءٍۭ بَصِيرٌ ﴿١٩﴾ أَمَّنْ هَٰذَا ٱلَّذِى هُوَ جُندٌ لَّكُمْ يَنصُرُكُم مِّن دُونِ ٱلرَّحْمَٰنِۚ إِنِ ٱلْكَٰفِرُونَ إِلَّا فِى غُرُورٍ ﴿٢٠﴾ أَمَّنْ هَٰذَا ٱلَّذِى يَرْزُقُكُمْ إِنْ أَمْسَكَ رِزْقَهُۥۚ بَل لَّجُّواْ فِى عُتُوٍّ وَنُفُورٍ ﴿٢١﴾ أَفَمَن يَمْشِى مُكِبًّا عَلَىٰ وَجْهِهِۦٓ أَهْدَىٰٓ أَمَّن يَمْشِى سَوِيًّا عَلَىٰ صِرَٰطٍ مُّسْتَقِيمٍ ﴿٢٢﴾ قُلْ هُوَ ٱلَّذِىٓ أَنشَأَكُمْ وَجَعَلَ لَكُمُ ٱلسَّمْعَ وَٱلْأَبْصَٰرَ وَٱلْأَفْـِٔدَةَۖ قَلِيلًا مَّا تَشْكُرُونَ ﴿٢٣﴾ قُلْ هُوَ ٱلَّذِى ذَرَأَكُمْ فِى ٱلْأَرْضِ وَإِلَيْهِ تُحْشَرُونَ ﴿٢٤﴾ وَيَقُولُونَ مَتَىٰ هَٰذَا ٱلْوَعْدُ إِن كُنتُمْ صَٰدِقِينَ ﴿٢٥﴾ قُلْ إِنَّمَا ٱلْعِلْمُ عِندَ ٱللَّهِ وَإِنَّمَآ أَنَا۠ نَذِيرٌ مُّبِينٌ ﴿٢٦﴾

13.- Và dẫu các người có giấu giếm hoặc công bố lời nói của các người (cũng không sao) bởi vì quả thật, Ngài biết rõ những điều nằm trong lòng (của các người).

14.- Há Đấng Tạo Hóa không biết ư? Và Ngài là Đấng Rất mực Tinh tế, Đấng Rất mực Am tường.

15.- Ngài là Đấng đã làm ra trái đất cho các người sử dụng. Do đó, hãy băng qua các nẻo đường của nó và dùng thực phẩm của Ngài (Allah). Và sự phục sinh sẽ trở về với Ngài.

16.- Phải chăng các người cảm thấy an-toàn thoát khỏi Đấng ở trên trời (nghĩ) rằng Ngài sẽ không làm cho đất sụp xuống nuốt mất các người khi nó rung động dữ dội hay sao?

17.- Hoặc phải chăng các người cảm thấy an toàn thoát khỏi Đấng ở trên trời, (nghĩ) rằng Ngài sẽ không gởi một cơn trốt dữ dội nào đến phạt các người hay sao? Rồi các người sẽ biết Lời Cảnh cáo của TA (khủng khiếp) thế nào?

18.- Và chắc chắn những kẻ trước chúng đã phủ nhận (Lời Cảnh cáo của TA). Rồi hãy xem sự trừng phạt của TA khủng khiếp thế nào?

19.- Há chúng không quan sát những con chim xòe cánh và xếp cánh bên trên chúng hay sao? Ngoài Đấng *Ar-Rahmān* (Allah), không ai có thể giữ chúng lơ lững trên không trung được. Quả thật, Ngài nhìn thấy hết mọi vật.

20.- Đấng nào, ngoài Đấng *Ar-Rahmān* (Allah), dù đó là một đạo quân (được phái đến) cho các người, có thể giúp các người? Chắc chắn, những kẻ không có đức tin chỉ sống trong ảo vọng.

21.- Hoặc Đấng nào là Đấng có thể cung dưỡng cho các người nếu Ngài (Allah) muốn giữ nguồn lương thực của Ngài lại? Không, chúng tiếp tục ương ngạnh và chạy trốn (sự thật).

22.- Thế, một người gục mặt bước đi với dáng điệu đáng khinh được hướng dẫn đúng đường hay một người bước đi bình thản trên chính đạo?

23.- Hãy bảo chúng: "Ngài là Đấng đã sản sinh các người và phú cho các người cái tai và con mắt và trái tim. Các người tạ ơn Ngài ít thay!

24.- Hãy bảo chúng: "Ngài là Đấng đã rải rắc các người khắp nơi trên mặt đất và các người sẽ được tập trung đưa về trình diện Ngài trở lại.

25.- Chúng nói: "Chừng nào lời hứa này sẽ xảy ra nếu quí vị nói thật?"

26.- Hãy bảo chúng: "Chỉ riêng Allah có đủ hiểu biết (về giờ giấc đó). Ta-Muhammad- chỉ là một người báo-trước công khai."

فَلَمَّا رَأَوْهُ زُلْفَةً سِيٓـَٔتْ وُجُوهُ ٱلَّذِينَ كَفَرُوا۟ وَقِيلَ هَٰذَا ٱلَّذِى كُنتُم بِهِۦ تَدَّعُونَ ﴿٢٧﴾ قُلْ أَرَءَيْتُمْ إِنْ أَهْلَكَنِىَ ٱللَّهُ وَمَن مَّعِىَ أَوْ رَحِمَنَا فَمَن يُجِيرُ ٱلْكَٰفِرِينَ مِنْ عَذَابٍ أَلِيمٍ ﴿٢٨﴾ قُلْ هُوَ ٱلرَّحْمَٰنُ ءَامَنَّا بِهِۦ وَعَلَيْهِ تَوَكَّلْنَا ۖ فَسَتَعْلَمُونَ مَنْ هُوَ فِى ضَلَٰلٍ مُّبِينٍ ﴿٢٩﴾ قُلْ أَرَءَيْتُمْ إِنْ أَصْبَحَ مَآؤُكُمْ غَوْرًا فَمَن يَأْتِيكُم بِمَآءٍ مَّعِينٍۭ ﴿٣٠﴾

سُورَةُ القَلَمِ

بِسْمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحْمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

نٓ ۚ وَٱلْقَلَمِ وَمَا يَسْطُرُونَ ﴿١﴾ مَآ أَنتَ بِنِعْمَةِ رَبِّكَ بِمَجْنُونٍ ﴿٢﴾ وَإِنَّ لَكَ لَأَجْرًا غَيْرَ مَمْنُونٍ ﴿٣﴾ وَإِنَّكَ لَعَلَىٰ خُلُقٍ عَظِيمٍ ﴿٤﴾ فَسَتُبْصِرُ وَيُبْصِرُونَ ﴿٥﴾ بِأَييِّكُمُ ٱلْمَفْتُونُ ﴿٦﴾ إِنَّ رَبَّكَ هُوَ أَعْلَمُ بِمَن ضَلَّ عَن سَبِيلِهِۦ وَهُوَ أَعْلَمُ بِٱلْمُهْتَدِينَ ﴿٧﴾ فَلَا تُطِعِ ٱلْمُكَذِّبِينَ ﴿٨﴾ وَدُّوا۟ لَوْ تُدْهِنُ فَيُدْهِنُونَ ﴿٩﴾ وَلَا تُطِعْ كُلَّ حَلَّافٍ مَّهِينٍ ﴿١٠﴾ هَمَّازٍ مَّشَّآءٍۭ بِنَمِيمٍ ﴿١١﴾ مَّنَّاعٍ لِّلْخَيْرِ مُعْتَدٍ أَثِيمٍ ﴿١٢﴾ عُتُلٍّۭ بَعْدَ ذَٰلِكَ زَنِيمٍ ﴿١٣﴾ أَن كَانَ ذَا مَالٍ وَبَنِينَ ﴿١٤﴾ إِذَا تُتْلَىٰ عَلَيْهِ ءَايَٰتُنَا قَالَ أَسَٰطِيرُ ٱلْأَوَّلِينَ ﴿١٥﴾ سَنَسِمُهُۥ عَلَى ٱلْخُرْطُومِ ﴿١٦﴾

ربع الحزب ٥٧

27.- Bởi thế, khi thấy nó đến gần, gương mặt của những kẻ không có đức tin tỏ vẻ buồn rầu và có lời bảo: "Đây là cái mà các người thường cầu nguyện".

28.- Hãy bảo chúng: "Các người có xét thấy chăng, nếu Allah muốn tiêu diệt ta và người nào theo ta hoặc muốn khoan dung bọn ta thì ai có thể cứu những kẻ không có đức tin thoát khỏi sự trừng phạt đau đớn?"

29.- Hãy bảo chúng: "Ngài là *ar-Rahmān*, bọn ta tin tưởng Ngài và phó thác cho Ngài. Rồi đây các người sẽ sớm biết ai là kẻ lạc hướng rõ rệt."

30.- Hãy bảo chúng: "Các người có xét thấy chăng? Nếu vào một buổi sáng nào đó mạch nước của các người rút mất tiêu (xuống lòng đất) thì ai sẽ mang nước mạch trong vắt đến tiếp liệu cho các người?"

AL-QALAM

Nhân danh Allah, Đấng Rất mực Độ lượng,
Đấng Rất mực Khoan dung

1.- *Nūn*. Thề bởi bút viết và điều mà họ (thiên thần) ghi chép.

2.- Do Ân huệ của *Rabb* (Allah) của Ngươi (Muhammad!), Ngươi không phải là một người mất trí.

3.- Và quả thật, Ngươi sẽ được một phần thưởng không hề dứt.

4.- Và quả thật, Ngươi được phú cho những đức tính cao nhã.

5.- Bởi thế, Ngươi sẽ sớm thấy và chúng cũng sẽ sớm thấy,

6.- Ai trong các người là kẻ mắc bệnh điên.

7.- Quả thật, *Rabb* của Ngươi biết rõ ai lạc khỏi con đường của Ngài và biết ai đi đúng đường.

8.- Bởi thế, chớ nghe theo những kẻ phủ nhận (Thông điệp của Allah).

9.- Chúng mong rằng nếu Ngươi nhượng bộ thì chúng cũng sẽ nhượng bộ.

10.- Và chớ nghe theo từng tên thề thốt đê tiện,

11.- Một kẻ vu khống chuyên tới lui nói xấu người khác,

12.- Ngăn cản điều thiện, thái quá và tội lỗi,

13.- Hung bạo, và ngoài ra, hạ cấp,

14.- Như thế là vì y giầu có và đông con.

15.- Khi các Câu kinh của *TA* (Allah) được đọc nhắc y, y bảo: "Chuyện của cổ nhân."

16.- *TA* (Allah) sẽ đóng dấu (sỉ nhục) trên mõm (miệng) của y!

إِنَّا بَلَوْنَٰهُمْ كَمَا بَلَوْنَآ أَصْحَٰبَ ٱلْجَنَّةِ إِذْ أَقْسَمُوا۟ لَيَصْرِمُنَّهَا مُصْبِحِينَ ﴿١٧﴾ وَلَا يَسْتَثْنُونَ ﴿١٨﴾ فَطَافَ عَلَيْهَا طَآئِفٌ مِّن رَّبِّكَ وَهُمْ نَآئِمُونَ ﴿١٩﴾ فَأَصْبَحَتْ كَٱلصَّرِيمِ ﴿٢٠﴾ فَتَنَادَوْا۟ مُصْبِحِينَ ﴿٢١﴾ أَنِ ٱغْدُوا۟ عَلَىٰ حَرْثِكُمْ إِن كُنتُمْ صَٰرِمِينَ ﴿٢٢﴾ فَٱنطَلَقُوا۟ وَهُمْ يَتَخَٰفَتُونَ ﴿٢٣﴾ أَن لَّا يَدْخُلَنَّهَا ٱلْيَوْمَ عَلَيْكُم مِّسْكِينٌ ﴿٢٤﴾ وَغَدَوْا۟ عَلَىٰ حَرْدٍ قَٰدِرِينَ ﴿٢٥﴾ فَلَمَّا رَأَوْهَا قَالُوٓا۟ إِنَّا لَضَآلُّونَ ﴿٢٦﴾ بَلْ نَحْنُ مَحْرُومُونَ ﴿٢٧﴾ قَالَ أَوْسَطُهُمْ أَلَمْ أَقُل لَّكُمْ لَوْلَا تُسَبِّحُونَ ﴿٢٨﴾ قَالُوا۟ سُبْحَٰنَ رَبِّنَآ إِنَّا كُنَّا ظَٰلِمِينَ ﴿٢٩﴾ فَأَقْبَلَ بَعْضُهُمْ عَلَىٰ بَعْضٍ يَتَلَٰوَمُونَ ﴿٣٠﴾ قَالُوا۟ يَٰوَيْلَنَآ إِنَّا كُنَّا طَٰغِينَ ﴿٣١﴾ عَسَىٰ رَبُّنَآ أَن يُبْدِلَنَا خَيْرًا مِّنْهَآ إِنَّآ إِلَىٰ رَبِّنَا رَٰغِبُونَ ﴿٣٢﴾ كَذَٰلِكَ ٱلْعَذَابُ ۖ وَلَعَذَابُ ٱلْءَاخِرَةِ أَكْبَرُ ۚ لَوْ كَانُوا۟ يَعْلَمُونَ ﴿٣٣﴾ إِنَّ لِلْمُتَّقِينَ عِندَ رَبِّهِمْ جَنَّٰتِ ٱلنَّعِيمِ ﴿٣٤﴾ أَفَنَجْعَلُ ٱلْمُسْلِمِينَ كَٱلْمُجْرِمِينَ ﴿٣٥﴾ مَا لَكُمْ كَيْفَ تَحْكُمُونَ ﴿٣٦﴾ أَمْ لَكُمْ كِتَٰبٌ فِيهِ تَدْرُسُونَ ﴿٣٧﴾ إِنَّ لَكُمْ فِيهِ لَمَا تَخَيَّرُونَ ﴿٣٨﴾ أَمْ لَكُمْ أَيْمَٰنٌ عَلَيْنَا بَٰلِغَةٌ إِلَىٰ يَوْمِ ٱلْقِيَٰمَةِ ۙ إِنَّ لَكُمْ لَمَا تَحْكُمُونَ ﴿٣٩﴾ سَلْهُمْ أَيُّهُم بِذَٰلِكَ زَعِيمٌ ﴿٤٠﴾ أَمْ لَهُمْ شُرَكَآءُ فَلْيَأْتُوا۟ بِشُرَكَآئِهِمْ إِن كَانُوا۟ صَٰدِقِينَ ﴿٤١﴾ يَوْمَ يُكْشَفُ عَن سَاقٍ وَيُدْعَوْنَ إِلَى ٱلسُّجُودِ فَلَا يَسْتَطِيعُونَ ﴿٤٢﴾

17.- Quả thật, *TA* thử thách chúng như việc *TA* đã thử thách những người ban của một ngôi vườn khi chúng thề sẽ hái hết trái cây vào một buổi sáng.

18.- Nhưng không (dè dặt) nói *'Inshā Allah'* (nếu Allah muốn).

19.- Do đó, một tai ương từ *Rabb* của Ngươi đã đến tàn phá nó trong lúc chúng ngủ;

20.- Cho nên, sáng hôm sau nó (vườn trái cây) đen thui như bị cháy thui.

21.- Và khi trời hừng sáng, chúng gọi nhau (bảo);

22.- "Nếu các anh muốn hái trái thì hãy ra vườn sớm!"

23.- Rồi chúng vừa đi vừa hạ thấp giong, thì thào với nhau:"

24.- "Chớ để cho một người nghèo nào vào vườn hái trái cây trước các anh."

25.- Và chúng ra đi thật sớm, nhất quyết trong ý đồ ngăn chận đó.

26.- Nhưng khi thấy nó, chúng bảo nhau: "Quả thật, chúng ta đi lac."

27.- "Không, chúng ta bị tước mất hoa mầu."

28.- Một người ôn hòa nhất trong bọn lên tiếng: "Há tôi đã không nói với các anh tại sao các anh không tán dương (Allah)?"

29.- Chúng liền thốt: "Quang vinh thay *Rabb* chúng tôi! Chúng tôi đã sai quấy."

30.- Rồi chúng quay lại trách móc nhau.

31.- Chúng than: "Thật khổ thân chúng ta! Chúng ta là những kẻ pham tội."

32.- Có lẽ *Rabb* chúng ta sẽ đổi lai cho chúng ta một ngôi vườn khác tốt hơn nó. Chúng ta là những người cầu khẩn *Rabb* chúng ta.

33.- Sự trừng phạt (ở đời này) đúng như thế. Nhưng sự trừng phạt ở Đời sau chắc chắn sẽ to lớn hơn nếu họ biết.

34.- Những người sợ Allah sẽ hưởng Thiên đàng Hạnh phúc với *Rabb* của ho.

35.- Há *TA* sẽ đối xử với những người Muslim như những kẻ tội lỗi hay sao?

36.- Các ngươi gặp chuyện gì vậy? Các ngươi xử lý ra sao?

37.- Hoặc phải chăng các ngươi có Kinh sách mà các ngươi học hỏi.

38.- Rằng các ngươi có được trong đó moi điều mà các ngươi chọn?

39.- Há các ngươi đã nhận từ *TA* một lời thề có hiệu lực cho đến Ngày Phục sinh (rằng) các ngươi sẽ có được bất cứ điều gì mà các ngươi muốn?

40.- Hãy hỏi chúng, ai là người của chúng sẽ đứng ra bảo đảm điều đó!

41.- Hoặc phải chăng chúng có những kẻ hợp tác (đứng ra bảo đảm)? Hãy đưa những 'kẻ hợp tác' của chúng đến nếu chúng nói thật.

42.- Vào Ngày mà ống Chân[1] sẽ được để lộ ra và chúng sẽ được gọi đến để phủ phục trước (Allah) nhưng chúng sẽ không thể quì được-

[1] (Xem Hadith Bukhari, tâp 6, hadith số 441)

خَٰشِعَةً أَبۡصَٰرُهُمۡ تَرۡهَقُهُمۡ ذِلَّةٞۖ وَقَدۡ كَانُواْ يُدۡعَوۡنَ إِلَى ٱلسُّجُودِ وَهُمۡ سَٰلِمُونَ ﴿٤٣﴾ فَذَرۡنِي وَمَن يُكَذِّبُ بِهَٰذَا ٱلۡحَدِيثِۖ سَنَسۡتَدۡرِجُهُم مِّنۡ حَيۡثُ لَا يَعۡلَمُونَ ﴿٤٤﴾ وَأُمۡلِي لَهُمۡۚ إِنَّ كَيۡدِي مَتِينٌ ﴿٤٥﴾ أَمۡ تَسۡـَٔلُهُمۡ أَجۡرٗا فَهُم مِّن مَّغۡرَمٖ مُّثۡقَلُونَ ﴿٤٦﴾ أَمۡ عِندَهُمُ ٱلۡغَيۡبُ فَهُمۡ يَكۡتُبُونَ ﴿٤٧﴾ فَٱصۡبِرۡ لِحُكۡمِ رَبِّكَ وَلَا تَكُن كَصَاحِبِ ٱلۡحُوتِ إِذۡ نَادَىٰ وَهُوَ مَكۡظُومٞ ﴿٤٨﴾ لَّوۡلَآ أَن تَدَٰرَكَهُۥ نِعۡمَةٞ مِّن رَّبِّهِۦ لَنُبِذَ بِٱلۡعَرَآءِ وَهُوَ مَذۡمُومٞ ﴿٤٩﴾ فَٱجۡتَبَٰهُ رَبُّهُۥ فَجَعَلَهُۥ مِنَ ٱلصَّٰلِحِينَ ﴿٥٠﴾ وَإِن يَكَادُ ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ لَيُزۡلِقُونَكَ بِأَبۡصَٰرِهِمۡ لَمَّا سَمِعُواْ ٱلذِّكۡرَ وَيَقُولُونَ إِنَّهُۥ لَمَجۡنُونٞ ﴿٥١﴾ وَمَا هُوَ إِلَّا ذِكۡرٞ لِّلۡعَٰلَمِينَ ﴿٥٢﴾

سُورَةُ الحَاقَّةِ

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

ٱلۡحَآقَّةُ ﴿١﴾ مَا ٱلۡحَآقَّةُ ﴿٢﴾ وَمَآ أَدۡرَىٰكَ مَا ٱلۡحَآقَّةُ ﴿٣﴾ كَذَّبَتۡ ثَمُودُ وَعَادُۢ بِٱلۡقَارِعَةِ ﴿٤﴾ فَأَمَّا ثَمُودُ فَأُهۡلِكُواْ بِٱلطَّاغِيَةِ ﴿٥﴾ وَأَمَّا عَادٞ فَأُهۡلِكُواْ بِرِيحٖ صَرۡصَرٍ عَاتِيَةٖ ﴿٦﴾ سَخَّرَهَا عَلَيۡهِمۡ سَبۡعَ لَيَالٖ وَثَمَٰنِيَةَ أَيَّامٍ حُسُومٗاۖ فَتَرَى ٱلۡقَوۡمَ فِيهَا صَرۡعَىٰ كَأَنَّهُمۡ أَعۡجَازُ نَخۡلٍ خَاوِيَةٖ ﴿٧﴾ فَهَلۡ تَرَىٰ لَهُم مِّنۢ بَاقِيَةٖ ﴿٨﴾

نصف الحزب ٥٧

43.- Cặp mắt của chúng nhìn gục xuống, đầy xấu hổ. Và chắc chắn trước kia chúng đã được mời đến để phủ phục trong lúc hãy còn khỏe mạnh.

44.- Thôi, hãy để mặc TA với kẻ phủ nhận lời tường trình này (*Qur'ān*). *TA* sẽ lôi chúng dần dần từ nơi mà chúng không nhận thấy.

45.- Và TA tạm tha cho chúng. Chắc chắn, kế hoạch của TA rất mãnh liệt.

46.- Hoặc phải chăng Ngươi đã đòi chúng tiền thù lao cho nên chúng nợ nần chồng chất?

47.- Hoặc phải chăng chúng nắm điều vô hình nên chúng viết nó xuống?

48.- Bởi thế, hãy kiên nhẫn chờ đợi Lệnh phán của *Rabb* của Ngươi và chớ như Người Bạn của con Cá[1] khi Người cầu cứu trong lúc đau khổ tuyệt vọng.

49.- Nếu không do một Ân-huệ từ *Rabb* của Người ban cho; và Người đã được quẳng lên bãi biển hoang vu, và đáng bị khiển trách.

50.- Rồi *Rabb* của Người đã chọn Người và làm cho Người trở thành một người đức hạnh.

51.- Và những kẻ không có đức tin muốn làm cho Ngươi sa chân với cái nhìn của chúng khi chúng nghe Lời Nhắc nhở (của Qur'ān); và chúng lên tiếng bảo: "Rõ thật, Y (Muhammad) là một thằng điên."

52.- Và Nó (Qur'ān) chỉ là Lời Nhắc nhở (của Allah) ban cho muôn loài.

AL-HĀQQAH

Nhân danh Allah, Đấng Rất mực Độ lượng,
Đấng Rất mực Khoan dung

1.- Thực-tại! ; 2.- Thực-tại là gì?

3.- Và điều gì cho Ngươi (Muhammad) biết Thực-tại là gì?

4.- (Bộ tộc) Thamūd và dân tộc 'Ād phủ nhận *Qāri'ah* (Tận thế)!

5.- Bởi thế, đối với bộ tộc Thamūd, chúng đã bị tiêu diệt bởi một trận bùng nổ dữ dội.

6.- Và đối với dân tộc 'Ād, chúng đã bị tiêu diệt bởi một trận cuồng phong hết sức khủng khiếp;

7.- Mà Ngài (Allah) đã cho thổi dữ dội liên tiếp bẩy đêm và tám ngày đến nỗi Ngươi có thể thấy người dân nơi đó (chết) nằm la liệt như cây chà-là bị bứng gốc và ngã rạp xuống đất.

8.- Bởi thế, Ngươi có thấy một đứa nào của bọn chúng sống sót hay chăng?

[1] Xem Qur'ān, 21:87.

وَجَآءَ فِرۡعَوۡنُ وَمَن قَبۡلَهُۥ وَٱلۡمُؤۡتَفِكَٰتُ بِٱلۡخَاطِئَةِ ﴿٩﴾ فَعَصَوۡاْ رَسُولَ رَبِّهِمۡ فَأَخَذَهُمۡ أَخۡذَةٗ رَّابِيَةً ﴿١٠﴾ إِنَّا لَمَّا طَغَا ٱلۡمَآءُ حَمَلۡنَٰكُمۡ فِي ٱلۡجَارِيَةِ ﴿١١﴾ لِنَجۡعَلَهَا لَكُمۡ تَذۡكِرَةٗ وَتَعِيَهَآ أُذُنٞ وَٰعِيَةٞ ﴿١٢﴾ فَإِذَا نُفِخَ فِي ٱلصُّورِ نَفۡخَةٞ وَٰحِدَةٞ ﴿١٣﴾ وَحُمِلَتِ ٱلۡأَرۡضُ وَٱلۡجِبَالُ فَدُكَّتَا دَكَّةٗ وَٰحِدَةٗ ﴿١٤﴾ فَيَوۡمَئِذٖ وَقَعَتِ ٱلۡوَاقِعَةُ ﴿١٥﴾ وَٱنشَقَّتِ ٱلسَّمَآءُ فَهِيَ يَوۡمَئِذٖ وَاهِيَةٞ ﴿١٦﴾ وَٱلۡمَلَكُ عَلَىٰٓ أَرۡجَآئِهَاۚ وَيَحۡمِلُ عَرۡشَ رَبِّكَ فَوۡقَهُمۡ يَوۡمَئِذٖ ثَمَٰنِيَةٞ ﴿١٧﴾ يَوۡمَئِذٖ تُعۡرَضُونَ لَا تَخۡفَىٰ مِنكُمۡ خَافِيَةٞ ﴿١٨﴾ فَأَمَّا مَنۡ أُوتِيَ كِتَٰبَهُۥ بِيَمِينِهِۦ فَيَقُولُ هَآؤُمُ ٱقۡرَءُواْ كِتَٰبِيَهۡ ﴿١٩﴾ إِنِّي ظَنَنتُ أَنِّي مُلَٰقٍ حِسَابِيَهۡ ﴿٢٠﴾ فَهُوَ فِي عِيشَةٖ رَّاضِيَةٖ ﴿٢١﴾ فِي جَنَّةٍ عَالِيَةٖ ﴿٢٢﴾ قُطُوفُهَا دَانِيَةٞ ﴿٢٣﴾ كُلُواْ وَٱشۡرَبُواْ هَنِيٓـَٔۢا بِمَآ أَسۡلَفۡتُمۡ فِي ٱلۡأَيَّامِ ٱلۡخَالِيَةِ ﴿٢٤﴾ وَأَمَّا مَنۡ أُوتِيَ كِتَٰبَهُۥ بِشِمَالِهِۦ فَيَقُولُ يَٰلَيۡتَنِي لَمۡ أُوتَ كِتَٰبِيَهۡ ﴿٢٥﴾ وَلَمۡ أَدۡرِ مَا حِسَابِيَهۡ ﴿٢٦﴾ يَٰلَيۡتَهَا كَانَتِ ٱلۡقَاضِيَةَ ﴿٢٧﴾ مَآ أَغۡنَىٰ عَنِّي مَالِيَهۡۜ ﴿٢٨﴾ هَلَكَ عَنِّي سُلۡطَٰنِيَهۡ ﴿٢٩﴾ خُذُوهُ فَغُلُّوهُ ﴿٣٠﴾ ثُمَّ ٱلۡجَحِيمَ صَلُّوهُ ﴿٣١﴾ ثُمَّ فِي سِلۡسِلَةٖ ذَرۡعُهَا سَبۡعُونَ ذِرَاعٗا فَٱسۡلُكُوهُ ﴿٣٢﴾ إِنَّهُۥ كَانَ لَا يُؤۡمِنُ بِٱللَّهِ ٱلۡعَظِيمِ ﴿٣٣﴾ وَلَا يَحُضُّ عَلَىٰ طَعَامِ ٱلۡمِسۡكِينِ ﴿٣٤﴾ فَلَيۡسَ لَهُ ٱلۡيَوۡمَ هَٰهُنَا حَمِيمٞ ﴿٣٥﴾

سكتة لطيفة على هاء ماليه

9.- Và đến lượt Fir'aun, và những kẻ trước y và những thị trấn (Sodom và Gomorrah) đã bị lật ngược vì quá tội lỗi,

10.- Bởi vì chúng bất tuân (mỗi) vị Sứ giả của *Rabb* (Allah) của chúng cho nên Ngài bắt phạt chúng bằng một sự túm bắt cường bạo.

11.- Chính *TA* đã chuyên chở các ngươi trôi nổi khi nước dâng quá mức.

12.- Mà *TA* đã làm để nhắc nhở các người và những ai (có) tai, ghi nhớ nó.

13.- Bởi thế, khi Còi Hụ hụ lên tiếng đầu tiên;

14.- Và khi đất đai với núi non bị dời đi và bị đập nát;

15.- Vào Ngày đó, Biến cố trọng đại sẽ xảy ra.

16.- Và bầu trời sẽ chẻ ra làm đôi bởi vì vào Ngày đó nó sẽ mỏng mảnh,

17.- Và các Thiên thần sẽ ở trên ranh giới của nó; và vào Ngày đó tám Thiên thần sẽ khiêng Ngai Vương của *Rabb* của Ngươi bên trên chúng.

18.- Vào Ngày đó, các người sẽ được triệu tập để xét xử, không một điều bí mật nào của các người sẽ được giấu nhẹm nữa,

19.- Bởi thế, đối với ai được trao cho Sổ bộ của mình nơi tay phải thì sẽ nói: "Đây, hãy đọc Sổ bộ của tôi."

20.- "Tôi nghĩ tôi sẽ hội đủ (điều kiện về) việc thanh toán của tôi."

21.- Bởi thế, y sẽ sống một đời sống hạnh phúc,

22.- Nơi một ngôi Vườn (Thiên đàng) trên cao,

23.- Cho ra trái từng chùm (thấp và gần) vừa tầm tay hái.

24.- Hãy ăn và uống thoải mái vì điều (thiện) mà quí vị đã gởi đi trước cho mình vào những ngày đã qua."

25.- Ngược lại, đối với ai được trao cho Sổ bộ của mình nơi tay trái thì sẽ than: "Thật khổ thân tôi! Thà đừng giao cho tôi sổ bộ này của tôi!

26.- "Và thà đừng hay biết gì về việc thanh toán (này) của tôi!

27.- "Ôi, thà chết phứt đi cho rồi!

28.- "Của cải của tôi chẳng giúp gì được cho tôi,

29.- "Quyền hành của tôi đã rời bỏ tôi!"

30.- (Có lệnh phán:) "Hãy túm bắt và trói hắn lại,

31.- "Hãy nướng hắn trong Lửa ngọn (của Hỏa ngục).

32.- "Rồi xiềng hắn bằng sợi dây xích dài bằng bẩy mươi tấc.

33.- "Rõ thật, hắn thường không tin tưởng nơi Đấng 'Allah' Chí Đại,

34.- "Và không khuyến khích (người khác) nuôi ăn người túng thiếu;

35.- "Bởi thế, ngày nay hắn không có bạn tại đây.

وَلَا طَعَامٌ إِلَّا مِنْ غِسْلِينٍ ﴿٣٦﴾ لَّا يَأْكُلُهُۥٓ إِلَّا ٱلْخَٰطِـُٔونَ ﴿٣٧﴾ فَلَآ أُقْسِمُ بِمَا تُبْصِرُونَ ﴿٣٨﴾ وَمَا لَا تُبْصِرُونَ ﴿٣٩﴾ إِنَّهُۥ لَقَوْلُ رَسُولٍ كَرِيمٍ ﴿٤٠﴾ وَمَا هُوَ بِقَوْلِ شَاعِرٍ ۚ قَلِيلًا مَّا تُؤْمِنُونَ ﴿٤١﴾ وَلَا بِقَوْلِ كَاهِنٍ ۚ قَلِيلًا مَّا تَذَكَّرُونَ ﴿٤٢﴾ تَنزِيلٌ مِّن رَّبِّ ٱلْعَٰلَمِينَ ﴿٤٣﴾ وَلَوْ تَقَوَّلَ عَلَيْنَا بَعْضَ ٱلْأَقَاوِيلِ ﴿٤٤﴾ لَأَخَذْنَا مِنْهُ بِٱلْيَمِينِ ﴿٤٥﴾ ثُمَّ لَقَطَعْنَا مِنْهُ ٱلْوَتِينَ ﴿٤٦﴾ فَمَا مِنكُم مِّنْ أَحَدٍ عَنْهُ حَٰجِزِينَ ﴿٤٧﴾ وَإِنَّهُۥ لَتَذْكِرَةٌ لِّلْمُتَّقِينَ ﴿٤٨﴾ وَإِنَّا لَنَعْلَمُ أَنَّ مِنكُم مُّكَذِّبِينَ ﴿٤٩﴾ وَإِنَّهُۥ لَحَسْرَةٌ عَلَى ٱلْكَٰفِرِينَ ﴿٥٠﴾ وَإِنَّهُۥ لَحَقُّ ٱلْيَقِينِ ﴿٥١﴾ فَسَبِّحْ بِٱسْمِ رَبِّكَ ٱلْعَظِيمِ ﴿٥٢﴾

سُورَةُ المَعَارِجِ

بِسْمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحْمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

سَأَلَ سَآئِلٌۢ بِعَذَابٍ وَاقِعٍ ﴿١﴾ لِّلْكَٰفِرِينَ لَيْسَ لَهُۥ دَافِعٌ ﴿٢﴾ مِّنَ ٱللَّهِ ذِى ٱلْمَعَارِجِ ﴿٣﴾ تَعْرُجُ ٱلْمَلَٰٓئِكَةُ وَٱلرُّوحُ إِلَيْهِ فِى يَوْمٍ كَانَ مِقْدَارُهُۥ خَمْسِينَ أَلْفَ سَنَةٍ ﴿٤﴾ فَٱصْبِرْ صَبْرًا جَمِيلًا ﴿٥﴾ إِنَّهُمْ يَرَوْنَهُۥ بَعِيدًا ﴿٦﴾ وَنَرَىٰهُ قَرِيبًا ﴿٧﴾ يَوْمَ تَكُونُ ٱلسَّمَآءُ كَٱلْمُهْلِ ﴿٨﴾ وَتَكُونُ ٱلْجِبَالُ كَٱلْعِهْنِ ﴿٩﴾ وَلَا يَسْـَٔلُ حَمِيمٌ حَمِيمًا ﴿١٠﴾

36.- "Và không có thức ăn nào khác ngoài chất mủ hôi tanh từ vết thương,

37.- " Chỉ để dành cho những kẻ phạm nhân ăn mà thôi."

38.- Bởi thế, TA (Allah) thề bằng điều mà các người nhìn thấy,

39.- Và bằng điều mà các người không thấy,

40.- Rằng Nó (Qur'ãn) là lời đọc của một vị Sứ giả rất vinh dự.

41.- Và Nó không phải là lời của một thi sĩ. Nhưng các người chẳng mấy tin.

42.- Và Nó cũng không phải là lời của một thầy bói. Các người không lưu ý.

43.- (Nó là) Lời mặc khải do *Rabb* của vũ trụ và muôn loài ban xuống.

44.- Và nếu Y (Muhammad) bịa đặt những lời lẽ về *TA* (Allah),

45.- Thì chắc chắn *TA* sẽ túm bắt Y bằng tay phải,

46.- Rồi *TA* sẽ cắt đứt động mạch (nơi quả tim) của Y,

47.- Bởi thế, không một ai trong các người có thể bảo vệ Y (khỏi *TA*).

48.- Và quả thật, Nó là Lời Nhắc nhở ban cho những người sợ Allah.

49.- Và *TA* biết chắc trong các người có người phủ nhận (Nó).

50.- Và quả thật, Nó là nguồn lo-âu cho những kẻ không có niềm tin.

51.- Nhưng Nó là Chân-lý tuyệt đối được khẳng định chắc chắn.

52.- Bởi thế, hãy tán dương Đại Danh của *Rabb* Chí Đại của Ngươi.

AL-MA'ĀRIJ

Nhân danh Allah, Đấng Rất mực Độ lượng,
Đấng Rất mực Khoan dung

1.- Có người hỏi về sự Trừng phạt sắp xảy ra

2.- Cho những kẻ không có đức tin mà không ai có thể tránh được,

3.- Từ Allah, Chủ Nhân của những con đường thăng lên trời,

4.- Các Thiên thần và *Rũh* (Jibrīl) đi lên chầu Ngài trong một Ngày tương đương với năm mươi ngàn năm (theo niên kỷ của con người).

5.- Bởi thế, hãy kiên nhẫn chịu đựng một cách vui tươi,

6.- Quả thật, chúng (những kẻ không có đức tin) thấy nó xa vời,

7.- Nhưng *TA* (Allah) thấy nó gần kề;

8.- Ngày mà bầu trời sẽ (tan rã) như đồng thau được nấu chảy;

9.- Và-những quả núi sẽ (nhẹ) như lông trừu;

10.- Không một người bạn nào sẽ hỏi thăm người bạn mình;

يُبَصَّرُونَهُمْۚ يَوَدُّ ٱلْمُجْرِمُ لَوْ يَفْتَدِى مِنْ عَذَابِ يَوْمِئِذٍۭ بِبَنِيهِ ﴿١١﴾ وَصَٰحِبَتِهِۦ وَأَخِيهِ ﴿١٢﴾ وَفَصِيلَتِهِ ٱلَّتِى تُـْٔوِيهِ ﴿١٣﴾ وَمَن فِى ٱلْأَرْضِ جَمِيعًا ثُمَّ يُنجِيهِ ﴿١٤﴾ كَلَّآۖ إِنَّهَا لَظَىٰ ﴿١٥﴾ نَزَّاعَةً لِّلشَّوَىٰ ﴿١٦﴾ تَدْعُوا۟ مَنْ أَدْبَرَ وَتَوَلَّىٰ ﴿١٧﴾ وَجَمَعَ فَأَوْعَىٰٓ ﴿١٨﴾ ۞ إِنَّ ٱلْإِنسَٰنَ خُلِقَ هَلُوعًا ﴿١٩﴾ إِذَا مَسَّهُ ٱلشَّرُّ جَزُوعًا ﴿٢٠﴾ وَإِذَا مَسَّهُ ٱلْخَيْرُ مَنُوعًا ﴿٢١﴾ إِلَّا ٱلْمُصَلِّينَ ﴿٢٢﴾ ٱلَّذِينَ هُمْ عَلَىٰ صَلَاتِهِمْ دَآئِمُونَ ﴿٢٣﴾ وَٱلَّذِينَ فِىٓ أَمْوَٰلِهِمْ حَقٌّ مَّعْلُومٌ ﴿٢٤﴾ لِّلسَّآئِلِ وَٱلْمَحْرُومِ ﴿٢٥﴾ وَٱلَّذِينَ يُصَدِّقُونَ بِيَوْمِ ٱلدِّينِ ﴿٢٦﴾ وَٱلَّذِينَ هُم مِّنْ عَذَابِ رَبِّهِم مُّشْفِقُونَ ﴿٢٧﴾ إِنَّ عَذَابَ رَبِّهِمْ غَيْرُ مَأْمُونٍ ﴿٢٨﴾ وَٱلَّذِينَ هُمْ لِفُرُوجِهِمْ حَٰفِظُونَ ﴿٢٩﴾ إِلَّا عَلَىٰٓ أَزْوَٰجِهِمْ أَوْ مَا مَلَكَتْ أَيْمَٰنُهُمْ فَإِنَّهُمْ غَيْرُ مَلُومِينَ ﴿٣٠﴾ فَمَنِ ٱبْتَغَىٰ وَرَآءَ ذَٰلِكَ فَأُو۟لَٰٓئِكَ هُمُ ٱلْعَادُونَ ﴿٣١﴾ وَٱلَّذِينَ هُمْ لِأَمَٰنَٰتِهِمْ وَعَهْدِهِمْ رَٰعُونَ ﴿٣٢﴾ وَٱلَّذِينَ هُم بِشَهَٰدَٰتِهِمْ قَآئِمُونَ ﴿٣٣﴾ وَٱلَّذِينَ هُمْ عَلَىٰ صَلَاتِهِمْ يُحَافِظُونَ ﴿٣٤﴾ أُو۟لَٰٓئِكَ فِى جَنَّٰتٍ مُّكْرَمُونَ ﴿٣٥﴾ فَمَالِ ٱلَّذِينَ كَفَرُوا۟ قِبَلَكَ مُهْطِعِينَ ﴿٣٦﴾ عَنِ ٱلْيَمِينِ وَعَنِ ٱلشِّمَالِ عِزِينَ ﴿٣٧﴾ أَيَطْمَعُ كُلُّ ٱمْرِئٍ مِّنْهُمْ أَن يُدْخَلَ جَنَّةَ نَعِيمٍ ﴿٣٨﴾ كَلَّآۖ إِنَّا خَلَقْنَٰهُم مِّمَّا يَعْلَمُونَ ﴿٣٩﴾ فَلَآ أُقْسِمُ بِرَبِّ ٱلْمَشَٰرِقِ وَٱلْمَغَٰرِبِ إِنَّا لَقَٰدِرُونَ ﴿٤٠﴾

ثلاثة أرباع الحزب ٥٧

11.- Mặc dầu họ nhìn thấy nhau. Kẻ tội lỗi mong muốn nếu y có thể dâng các đứa con để thế mạng hầu khỏi bị trừng phạt vào ngày đó;

12.- (Dâng) cả vợ và anh em của y,

13.- (Dâng) bà con ruột thịt đã chứa chấp y,

14.- Và tất cả những gì trên quả đất; rồi để nó (sự dâng cúng) sẽ giải cứu y.

15.- Nhưng vô phương. Bởi vì chỉ có Lửa ngọn

16.- Đốt tróc da đầu.

17.- Nó (Lửa) sẽ gọi ai quay lưng và quay mặt bỏ đi,

18.- Và tom góp của cải và giấu kỹ.

19.- Quả thật, con người được tạo ra vốn nôn nóng,

20.- Hay than van khi gặp điều dữ;

21.- Và keo kiệt khi gặp điều lành (may mắn, giầu có).

22.- Ngoại trừ những người dâng lễ '*Salāh*',

23.- Những ai kiên trì trong việc dâng lễ '*Salāh*' của họ;

24.- Và những ai trích xuất từ tài sản của họ một phần qui định bắt buộc,

25.- (Để bố thí) cho người ăn xin và người thiếu hụt;

26.- Và những ai xác nhận có Ngày Phán xử (Cuối cùng),

27.- Và những ai sợ sự trừng phạt của *Rabb* (Allah) của họ;

28.- Sự trừng phạt của *Rabb* của họ là điều mà không ai cảm thấy an toàn.

29.- Và những ai giữ gìn phần kín đáo của cơ thể (tiết chế tình dục),

30.- Ngoại trừ với vợ của mình và với ai nằm trong tay phải của mình (các nữ tù binh); bởi vì họ không bị khiển trách (đối với họ).

31.- Nhưng ai tìm cách vượt quá (giới hạn) đó thì sẽ là những kẻ phạm tội.

32.- Và những ai tôn trọng sự ký thác và lời giao-ước;

33.- Và những ai đứng vững trong việc làm chứng của họ;

34.- Và những ai chăm nom việc dâng lễ '*Salāh*' của họ,

35.- Những người đó sẽ vinh dự sống trong những Ngôi Vườn (Thiên đàng).

36.- Chuyện gì xảy ra cho những kẻ không tin đổ xô chạy đến trước mặt Ngươi.

37.- Từng nhóm một, từ phía bên phải và bên trái?

38.- Há từng tên của bọn chúng muốn được vào Thiên đàng Hạnh phúc?

39.- Vô phương! Quả thật, *TA* đã tạo chúng từ chất mà chúng biết.

40.- Bởi thế, TA thề nhân danh *Rabb* của các điểm của hướng Đông và của hướng Tây rằng *TA* có quyền định đoạt

عَلَىٰٓ أَن نُّبَدِّلَ خَيْرًا مِّنْهُمْ وَمَا نَحْنُ بِمَسْبُوقِينَ ﴿٤١﴾ فَذَرْهُمْ يَخُوضُوا۟ وَيَلْعَبُوا۟ حَتَّىٰ يُلَـٰقُوا۟ يَوْمَهُمُ ٱلَّذِى يُوعَدُونَ ﴿٤٢﴾ يَوْمَ يَخْرُجُونَ مِنَ ٱلْأَجْدَاثِ سِرَاعًا كَأَنَّهُمْ إِلَىٰ نُصُبٍ يُوفِضُونَ ﴿٤٣﴾ خَـٰشِعَةً أَبْصَـٰرُهُمْ تَرْهَقُهُمْ ذِلَّةٌ ۚ ذَٰلِكَ ٱلْيَوْمُ ٱلَّذِى كَانُوا۟ يُوعَدُونَ ﴿٤٤﴾

سُورَةُ نُوحٍ

بِسْمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحْمَـٰنِ ٱلرَّحِيمِ

إِنَّآ أَرْسَلْنَا نُوحًا إِلَىٰ قَوْمِهِۦٓ أَنْ أَنذِرْ قَوْمَكَ مِن قَبْلِ أَن يَأْتِيَهُمْ عَذَابٌ أَلِيمٌ ﴿١﴾ قَالَ يَـٰقَوْمِ إِنِّى لَكُمْ نَذِيرٌ مُّبِينٌ ﴿٢﴾ أَنِ ٱعْبُدُوا۟ ٱللَّهَ وَٱتَّقُوهُ وَأَطِيعُونِ ﴿٣﴾ يَغْفِرْ لَكُم مِّن ذُنُوبِكُمْ وَيُؤَخِّرْكُمْ إِلَىٰٓ أَجَلٍ مُّسَمًّى ۚ إِنَّ أَجَلَ ٱللَّهِ إِذَا جَآءَ لَا يُؤَخَّرُ ۖ لَوْ كُنتُمْ تَعْلَمُونَ ﴿٤﴾ قَالَ رَبِّ إِنِّى دَعَوْتُ قَوْمِى لَيْلًا وَنَهَارًا ﴿٥﴾ فَلَمْ يَزِدْهُمْ دُعَآءِىٓ إِلَّا فِرَارًا ﴿٦﴾ وَإِنِّى كُلَّمَا دَعَوْتُهُمْ لِتَغْفِرَ لَهُمْ جَعَلُوٓا۟ أَصَـٰبِعَهُمْ فِىٓ ءَاذَانِهِمْ وَٱسْتَغْشَوْا۟ ثِيَابَهُمْ وَأَصَرُّوا۟ وَٱسْتَكْبَرُوا۟ ٱسْتِكْبَارًا ﴿٧﴾ ثُمَّ إِنِّى دَعَوْتُهُمْ جِهَارًا ﴿٨﴾ ثُمَّ إِنِّىٓ أَعْلَنتُ لَهُمْ وَأَسْرَرْتُ لَهُمْ إِسْرَارًا ﴿٩﴾ فَقُلْتُ ٱسْتَغْفِرُوا۟ رَبَّكُمْ إِنَّهُۥ كَانَ غَفَّارًا ﴿١٠﴾

41.- Việc thay thế chúng bằng những người khác tốt hơn chúng. Và *TA* sẽ không thất bại (trong Kế hoạch của *TA*).

42.- Bởi thế, hãy để mặc chúng vùi đầu tán gẫu và vui đùa cho đến khi giáp Ngày (Phán xử) mà chúng đã được hứa;

43.- Ngày mà chúng sẽ vội vã đi ra khỏi mộ giống như cảnh chúng đâm đầu chạy đến mục tiêu (đã định sẵn cho chúng),-

44.- Cặp mắt nhìn xuống, tràn đầy nhục nhã. Đó là Ngày mà chúng đã được hứa!

NŪH
(Nabi Nūh)

Nhân danh Allah, Đấng Rất mực Độ lượng,
Đấng Rất mực Khoan dung

1.- Quả thật, *TA* (Allah) đã cử *Nūh* (Nô-ê) đến cho người dân của Người (với Mệnh Lệnh): "Hãy cảnh cáo người dân của Ngươi trước khi một sự trừng phạt đau đớn sẽ xảy đến cho họ."

2.- Người bảo: "Này hỡi dân ta! Ta là một Người báo-trước được công khai cử đến với các người,

3.- Rằng "Hãy thờ phụng Allah và sợ Ngài và vâng lời ta,

4.- "Ngài sẽ tha thứ tội lỗi cho các người và gia hạn cho các người (sống) đến một thời hạn ấn định. Quả thật, khi thời hạn do Allah ấn định đã mãn thì sẽ không còn việc gia hạn nữa, nếu các người biết."

5.- (Nūh) thưa: "Lạy *Rabb* của bề tôi! Bề tôi đã gọi mời người dân của bề tôi ban đêm lẫn ban ngày,

6.- "Nhưng lời gọi mời của bề tôi chẳng thêm thất được gì ngược lại chỉ làm cho họ chạy xa hơn;

7.- "Và mỗi lần bề tôi gọi mời họ (theo Islām) để Ngài tha thứ cho họ thì họ lấy ngón tay bịt tai lại và lấy áo choàng phủ lên mình và tiếp tục ngoan cố và vô cùng ngạo mạn.

8.- "Rồi, bề tôi gọi mời họ lớn tiếng;

9.- "Rồi, bề tôi nói với họ có lúc công khai có lúc kín đáo;

10.- "Bề tôi bảo họ: 'Hãy cầu xin *Rabb* của các người tha thứ. Quả thật, Ngài Hằng Tha thứ;

يُرْسِلِ ٱلسَّمَآءَ عَلَيْكُم مِّدْرَارًا ﴿١١﴾ وَيُمْدِدْكُم بِأَمْوَٰلٍ وَبَنِينَ وَيَجْعَل لَّكُمْ جَنَّٰتٍ وَيَجْعَل لَّكُمْ أَنْهَٰرًا ﴿١٢﴾ مَّا لَكُمْ لَا تَرْجُونَ لِلَّهِ وَقَارًا ﴿١٣﴾ وَقَدْ خَلَقَكُمْ أَطْوَارًا ﴿١٤﴾ أَلَمْ تَرَوْا۟ كَيْفَ خَلَقَ ٱللَّهُ سَبْعَ سَمَٰوَٰتٍ طِبَاقًا ﴿١٥﴾ وَجَعَلَ ٱلْقَمَرَ فِيهِنَّ نُورًا وَجَعَلَ ٱلشَّمْسَ سِرَاجًا ﴿١٦﴾ وَٱللَّهُ أَنۢبَتَكُم مِّنَ ٱلْأَرْضِ نَبَاتًا ﴿١٧﴾ ثُمَّ يُعِيدُكُمْ فِيهَا وَيُخْرِجُكُمْ إِخْرَاجًا ﴿١٨﴾ وَٱللَّهُ جَعَلَ لَكُمُ ٱلْأَرْضَ بِسَاطًا ﴿١٩﴾ لِّتَسْلُكُوا۟ مِنْهَا سُبُلًا فِجَاجًا ﴿٢٠﴾ قَالَ نُوحٌ رَّبِّ إِنَّهُمْ عَصَوْنِى وَٱتَّبَعُوا۟ مَن لَّمْ يَزِدْهُ مَالُهُۥ وَوَلَدُهُۥٓ إِلَّا خَسَارًا ﴿٢١﴾ وَمَكَرُوا۟ مَكْرًا كُبَّارًا ﴿٢٢﴾ وَقَالُوا۟ لَا تَذَرُنَّ ءَالِهَتَكُمْ وَلَا تَذَرُنَّ وَدًّا وَلَا سُوَاعًا وَلَا يَغُوثَ وَيَعُوقَ وَنَسْرًا ﴿٢٣﴾ وَقَدْ أَضَلُّوا۟ كَثِيرًا ۖ وَلَا تَزِدِ ٱلظَّٰلِمِينَ إِلَّا ضَلَٰلًا ﴿٢٤﴾ مِّمَّا خَطِيٓـَٰٔتِهِمْ أُغْرِقُوا۟ فَأُدْخِلُوا۟ نَارًا فَلَمْ يَجِدُوا۟ لَهُم مِّن دُونِ ٱللَّهِ أَنصَارًا ﴿٢٥﴾ وَقَالَ نُوحٌ رَّبِّ لَا تَذَرْ عَلَى ٱلْأَرْضِ مِنَ ٱلْكَٰفِرِينَ دَيَّارًا ﴿٢٦﴾ إِنَّكَ إِن تَذَرْهُمْ يُضِلُّوا۟ عِبَادَكَ وَلَا يَلِدُوٓا۟ إِلَّا فَاجِرًا كَفَّارًا ﴿٢٧﴾ رَّبِّ ٱغْفِرْ لِى وَلِوَٰلِدَىَّ وَلِمَن دَخَلَ بَيْتِىَ مُؤْمِنًا وَلِلْمُؤْمِنِينَ وَٱلْمُؤْمِنَٰتِ ۖ وَلَا تَزِدِ ٱلظَّٰلِمِينَ إِلَّا تَبَارًۢا ﴿٢٨﴾

11.- 'Ngài sẽ cho mưa xuống dồi dào cho các người;

12.- 'Và gia tăng của cải và con cái cho các người và tạo vườn tược và sông ngòi cho các người.'"

13.- Các người có chuyện gì vậy? Tại sao các người không hy vọng nơi Quyền Uy (ban cấp) của Allah?

14.- Và chắc chắn Ngài đã tạo các người theo từng giai đoạn.

15.- Há các người không thấy việc Allah đã tạo bẩy tầng trời chồng lên nhau như thế nào ư?

16.- Và đã làm ra trong chúng mặt trăng như một ánh sáng và mặt trời như một chiếc đèn.

17.- Và Allah đã tạo sinh và tăng trưởng các người từ đất đai,

18.- Rồi, Ngài sẽ hoàn các người vào trong đó lại và đưa các người đi ra bằng một cuộc đi ra toàn bộ.

19.- Và Allah làm ra trái đất cho các người như một tấm thảm được trải rộng.

20.- Để cho các người đi lai trên những con đường thênh thang của nó.

21.- *Nūh* thưa: "Lạy *Rabb* của bề tôi! Họ bất tuân bề tôi và nghe theo người mà của cải và con cái chẳng thêm được gì cho y ngoại trừ sự mất mát."

22.- Và họ mưu định một kế hoạch to lớn.

23.- Và họ bảo: "Chớ từ bỏ các thần linh của các người và chớ bỏ (các thần): *Wadd, Suwā', Yagūth, Ya'ūq* và *Nasr'*.

24.- "Và chắc chắn, họ đã dắt nhiều người đi lạc; và xin Ngài đừng gia tăng gì cho những kẻ làm điều sai quấy ngoại trừ sự lầm lạc."

25.- Do những hành vi tội lỗi của họ mà họ bị nhận chết chìm sau đó bị đưa vào Lửa. Bởi thế, ngoài Allah, họ đã không tìm được một ai để giúp đỡ.

26.- Và *Nūh* thưa: "Lạy *Rabb* của bề tôi! Xin Ngài đừng để cho một tên phản nghịch nào sống sót trên trái đất.

27.- "Bởi vì nếu Ngài để chừa chúng lại thì chúng sẽ dắt các bầy tôi của Ngài đi lạc và sẽ sanh con đẻ cháu gồm toàn là những tên phản nghịch, vong ơn.

28.- "Lạy *Rabb* của bề tôi! Xin Ngài tha thứ cho bề tôi và cho cha mẹ của bề tôi và cho ai vào nhà của bề tôi như một người có đức tin và cho những người nam và nữ tín đồ và chớ gia tăng gì thêm cho những kẻ làm điều sai quấy ngoại trừ sự diệt vong!"

سُورَةُ الجِنِّ

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

قُلۡ أُوحِيَ إِلَيَّ أَنَّهُ ٱسۡتَمَعَ نَفَرٞ مِّنَ ٱلۡجِنِّ فَقَالُوٓاْ إِنَّا سَمِعۡنَا قُرۡءَانًا عَجَبٗا ١ يَهۡدِيٓ إِلَى ٱلرُّشۡدِ فَـَٔامَنَّا بِهِۦۖ وَلَن نُّشۡرِكَ بِرَبِّنَآ أَحَدٗا ٢ وَأَنَّهُۥ تَعَٰلَىٰ جَدُّ رَبِّنَا مَا ٱتَّخَذَ صَٰحِبَةٗ وَلَا وَلَدٗا ٣ وَأَنَّهُۥ كَانَ يَقُولُ سَفِيهُنَا عَلَى ٱللَّهِ شَطَطٗا ٤ وَأَنَّا ظَنَنَّآ أَن لَّن تَقُولَ ٱلۡإِنسُ وَٱلۡجِنُّ عَلَى ٱللَّهِ كَذِبٗا ٥ وَأَنَّهُۥ كَانَ رِجَالٞ مِّنَ ٱلۡإِنسِ يَعُوذُونَ بِرِجَالٖ مِّنَ ٱلۡجِنِّ فَزَادُوهُمۡ رَهَقٗا ٦ وَأَنَّهُمۡ ظَنُّواْ كَمَا ظَنَنتُمۡ أَن لَّن يَبۡعَثَ ٱللَّهُ أَحَدٗا ٧ وَأَنَّا لَمَسۡنَا ٱلسَّمَآءَ فَوَجَدۡنَٰهَا مُلِئَتۡ حَرَسٗا شَدِيدٗا وَشُهُبٗا ٨ وَأَنَّا كُنَّا نَقۡعُدُ مِنۡهَا مَقَٰعِدَ لِلسَّمۡعِۖ فَمَن يَسۡتَمِعِ ٱلۡأٓنَ يَجِدۡ لَهُۥ شِهَابٗا رَّصَدٗا ٩ وَأَنَّا لَا نَدۡرِيٓ أَشَرٌّ أُرِيدَ بِمَن فِي ٱلۡأَرۡضِ أَمۡ أَرَادَ بِهِمۡ رَبُّهُمۡ رَشَدٗا ١٠ وَأَنَّا مِنَّا ٱلصَّٰلِحُونَ وَمِنَّا دُونَ ذَٰلِكَۖ كُنَّا طَرَآئِقَ قِدَدٗا ١١ وَأَنَّا ظَنَنَّآ أَن لَّن نُّعۡجِزَ ٱللَّهَ فِي ٱلۡأَرۡضِ وَلَن نُّعۡجِزَهُۥ هَرَبٗا ١٢ وَأَنَّا لَمَّا سَمِعۡنَا ٱلۡهُدَىٰٓ ءَامَنَّا بِهِۦۖ فَمَن يُؤۡمِنۢ بِرَبِّهِۦ فَلَا يَخَافُ بَخۡسٗا وَلَا رَهَقٗا ١٣

AL-JINN

Nhân danh Allah, Đấng Rất mực Độ lượng,
Đấng Rất mực Khoan dung

1.- Hãy bảo: "Ta (Muhammad) đã được mặc khải cho biết có một đám *Jinn* đã nghe (đọc Qur'ān). Chúng bảo: "Chúng tôi đã nghe một cuộc xướng đọc (Qur'ān) hết sức tuyệt diệu!

2.- "Nó hướng dẫn đến Chân-lý. Bởi thế, chúng tôi tin nơi Nó. Và chúng tôi không hội nhập một kẻ nào cùng với *Rabb* của chúng tôi.

3.- 'Quả thật, Quyền Uy của *Rabb* của chúng tôi hết sức tối cao, Ngài không có vợ và không có con.

4.- 'Và quả thật, trong chúng tôi có kẻ điên rồ thường nói những điều quá đáng cho Allah.

5.- 'Và chúng tôi nghĩ loài người và *Jinn* chớ nên nói những điều gian dối cho Allah.

6.- 'Và quả thật, có những đàn ông trong loài người đã nhờ những đàn ông trong loài *Jinn* che chở nhưng chúng chỉ làm cho họ mắc thêm tội.

7.- 'Và quả thật họ (những kẻ không có đức tin) đã nghĩ như các người đang nghĩ rằng Allah sẽ không bao giờ phục sinh một ai cả.

8.- 'Và chúng tôi đã đi lên đụng trời nhưng thấy đầy những cảnh vệ binh hung tợn và lửa ngọn sáng rực trong đó.

9.- 'Và quả thật, chúng tôi thường ngồi tại những chỗ ngồi của nó (trên trời) để nghe lén tin tức nhưng bây giờ ai nghe trộm thì sẽ thấy một ngọn lửa đang mai phục ngó y.

10.- 'Và chúng tôi không biết có phải *Rabb* của họ muốn giáng tai họa xuống cho những ai sống trên trái đất hay là muốn hướng dẫn họ đến Chân lý.

11.- 'Và quả thật, trong chúng tôi có người đức hạnh và trong chúng tôi cũng có kẻ khác đi. Chúng tôi theo những con đường khác biệt.

12.- 'Và quả thật, chúng tôi nghĩ chúng tôi không có cách chi làm cho Allah thất bại trên trái đất và chúng tôi vô phương bay trốn khỏi Ngài.

13.- 'Và quả thật khi chúng tôi nghe Chỉ đạo (Qur'ān) chúng tôi tin nơi Nó. Và ai tin tưởng nơi *Rabb* của y thì sẽ không sợ bị giảm (phần thưởng) cũng không sợ bị nặng (hình phạt).

وَأَنَّا مِنَّا ٱلْمُسْلِمُونَ وَمِنَّا ٱلْقَٰسِطُونَ ۖ فَمَنْ أَسْلَمَ فَأُو۟لَٰٓئِكَ تَحَرَّوْا۟ رَشَدًا ﴿١٤﴾ وَأَمَّا ٱلْقَٰسِطُونَ فَكَانُوا۟ لِجَهَنَّمَ حَطَبًا ﴿١٥﴾ وَأَلَّوِ ٱسْتَقَٰمُوا۟ عَلَى ٱلطَّرِيقَةِ لَأَسْقَيْنَٰهُم مَّآءً غَدَقًا ﴿١٦﴾ لِّنَفْتِنَهُمْ فِيهِ ۚ وَمَن يُعْرِضْ عَن ذِكْرِ رَبِّهِۦ يَسْلُكْهُ عَذَابًا صَعَدًا ﴿١٧﴾ وَأَنَّ ٱلْمَسَٰجِدَ لِلَّهِ فَلَا تَدْعُوا۟ مَعَ ٱللَّهِ أَحَدًا ﴿١٨﴾ وَأَنَّهُۥ لَمَّا قَامَ عَبْدُ ٱللَّهِ يَدْعُوهُ كَادُوا۟ يَكُونُونَ عَلَيْهِ لِبَدًا ﴿١٩﴾ قُلْ إِنَّمَآ أَدْعُوا۟ رَبِّى وَلَآ أُشْرِكُ بِهِۦٓ أَحَدًا ﴿٢٠﴾ قُلْ إِنِّى لَآ أَمْلِكُ لَكُمْ ضَرًّا وَلَا رَشَدًا ﴿٢١﴾ قُلْ إِنِّى لَن يُجِيرَنِى مِنَ ٱللَّهِ أَحَدٌ وَلَنْ أَجِدَ مِن دُونِهِۦ مُلْتَحَدًا ﴿٢٢﴾ إِلَّا بَلَٰغًا مِّنَ ٱللَّهِ وَرِسَٰلَٰتِهِۦ ۚ وَمَن يَعْصِ ٱللَّهَ وَرَسُولَهُۥ فَإِنَّ لَهُۥ نَارَ جَهَنَّمَ خَٰلِدِينَ فِيهَآ أَبَدًا ﴿٢٣﴾ حَتَّىٰٓ إِذَا رَأَوْا۟ مَا يُوعَدُونَ فَسَيَعْلَمُونَ مَنْ أَضْعَفُ نَاصِرًا وَأَقَلُّ عَدَدًا ﴿٢٤﴾ قُلْ إِنْ أَدْرِىٓ أَقَرِيبٌ مَّا تُوعَدُونَ أَمْ يَجْعَلُ لَهُۥ رَبِّىٓ أَمَدًا ﴿٢٥﴾ عَٰلِمُ ٱلْغَيْبِ فَلَا يُظْهِرُ عَلَىٰ غَيْبِهِۦٓ أَحَدًا ﴿٢٦﴾ إِلَّا مَنِ ٱرْتَضَىٰ مِن رَّسُولٍ فَإِنَّهُۥ يَسْلُكُ مِنۢ بَيْنِ يَدَيْهِ وَمِنْ خَلْفِهِۦ رَصَدًا ﴿٢٧﴾ لِّيَعْلَمَ أَن قَدْ أَبْلَغُوا۟ رِسَٰلَٰتِ رَبِّهِمْ وَأَحَاطَ بِمَا لَدَيْهِمْ وَأَحْصَىٰ كُلَّ شَىْءٍ عَدَدًۢا ﴿٢٨﴾

14.- 'Và quả thật, trong chúng tôi có một số chịu thần phục Allah (thành Muslim) nhưng trong chúng tôi cũng có một số lệch lạc.' Bởi thế, ai theo Islām (thần phục Allah) thì là tìm được Chân lý.

15.- Ngược lại, đối với những kẻ đi sái đường, chúng sẽ thành chất đốt của Hỏa ngục.

16.- Và nếu họ (người Quraish) tin tưởng nơi Allah và giữ đúng đạo, thì chắc chắn *TA* (Allah) sẽ ban cho họ nước mưa dồi dào;

17.- Để *TA* có thể thử thách họ trong đó. Và ai quay bỏ việc tưởng nhớ *Rabb* của y thì Ngài sẽ đưa đẩy y vào sự trừng phạt gia tăng mãi.

18.- Và những Thánh đường là của Allah. Bởi vậy, chớ cầu nguyện một ai cùng với Allah (trong đó).

19.- Và quả thật, khi người bề tôi của Allah đứng cầu nguyện Ngài, chúng (những kẻ không tin) xúm nhau đến bao quanh Người đông đảo.

20.- Hãy bảo chúng: "Ta chỉ cầu nguyện *Rabb* của ta và không tổ hợp một ai cùng với Ngài (trong việc thờ phụng)."

21.- Hãy bảo chúng: "Ta không có quyền hãm hại các người cũng không buộc các người theo Chân lý."

22.- Hãy bảo chúng: "Nhất định không một ai có thể cứu ta khỏi (sự Trừng phạt của) Allah (nếu ta bất tuân Ngài) và ngoài Ngài, ta không bao giờ tìm được một chỗ nương thân nào khác.

23.- Trừ phi ta truyền đạt (Chân lý nhận) từ Ngài và Thông điệp của Ngài. Và ai bất tuân Allah và Sứ giả của Ngài thì chắc chắn sẽ tiếp nhận Lửa của Hỏa ngục mà y sẽ vào ở trong đó đời đời.

24.- Mãi cho đến khi chúng chứng kiến điều (trừng phạt) mà chúng đã được hứa thì chúng sẽ biết ai là kẻ yếu thế về phương diện người giúp đỡ và thiểu số hơn.

25.- Hãy bảo chúng: "Ta không biết điều (trừng phạt) mà các người đã được hứa đã gần kề hay *Rabb* của ta định nó vào một thời gian xa hơn."

26.- (Chỉ riêng) Ngài biết điều vô hình. Bởi thế, Ngài không tiết lộ điều bí mật của Ngài cho một ai

27.- Ngoại trừ một Sứ giả mà Ngài đã chọn. Bởi thế, quả thật, Ngài phái cảnh vệ binh (thiên thần) tháp tùng Người đằng trước và đằng sau

28.- Để Ngài có thể biết họ (các Sứ giả) đã truyền đạt Thông điệp của *Rabb* của họ hay chưa và Ngài bao quát (và kiểm soát) mọi điều nơi họ và đếm từng điều (mặc khải) đã được đánh số.

سُورَةُ المُزَّمِّلِ

بِسْمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحْمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

يَٰٓأَيُّهَا ٱلْمُزَّمِّلُ ﴿١﴾ قُمِ ٱلَّيْلَ إِلَّا قَلِيلًا ﴿٢﴾ نِّصْفَهُۥٓ أَوِ ٱنقُصْ مِنْهُ قَلِيلًا
﴿٣﴾ أَوْ زِدْ عَلَيْهِ وَرَتِّلِ ٱلْقُرْءَانَ تَرْتِيلًا ﴿٤﴾ إِنَّا سَنُلْقِى عَلَيْكَ قَوْلًا
ثَقِيلًا ﴿٥﴾ إِنَّ نَاشِئَةَ ٱلَّيْلِ هِىَ أَشَدُّ وَطْـًٔا وَأَقْوَمُ قِيلًا ﴿٦﴾ إِنَّ لَكَ فِى
ٱلنَّهَارِ سَبْحًا طَوِيلًا ﴿٧﴾ وَٱذْكُرِ ٱسْمَ رَبِّكَ وَتَبَتَّلْ إِلَيْهِ تَبْتِيلًا ﴿٨﴾
رَّبُّ ٱلْمَشْرِقِ وَٱلْمَغْرِبِ لَآ إِلَٰهَ إِلَّا هُوَ فَٱتَّخِذْهُ وَكِيلًا ﴿٩﴾ وَٱصْبِرْ
عَلَىٰ مَا يَقُولُونَ وَٱهْجُرْهُمْ هَجْرًا جَمِيلًا ﴿١٠﴾ وَذَرْنِى وَٱلْمُكَذِّبِينَ
أُو۟لِى ٱلنَّعْمَةِ وَمَهِّلْهُمْ قَلِيلًا ﴿١١﴾ إِنَّ لَدَيْنَآ أَنكَالًا وَجَحِيمًا ﴿١٢﴾
وَطَعَامًا ذَا غُصَّةٍ وَعَذَابًا أَلِيمًا ﴿١٣﴾ يَوْمَ تَرْجُفُ ٱلْأَرْضُ وَٱلْجِبَالُ
وَكَانَتِ ٱلْجِبَالُ كَثِيبًا مَّهِيلًا ﴿١٤﴾ إِنَّآ أَرْسَلْنَآ إِلَيْكُمْ رَسُولًا شَٰهِدًا
عَلَيْكُمْ كَمَآ أَرْسَلْنَآ إِلَىٰ فِرْعَوْنَ رَسُولًا ﴿١٥﴾ فَعَصَىٰ فِرْعَوْنُ ٱلرَّسُولَ
فَأَخَذْنَٰهُ أَخْذًا وَبِيلًا ﴿١٦﴾ فَكَيْفَ تَتَّقُونَ إِن كَفَرْتُمْ يَوْمًا
يَجْعَلُ ٱلْوِلْدَٰنَ شِيبًا ﴿١٧﴾ ٱلسَّمَآءُ مُنفَطِرٌۢ بِهِۦ ۚ كَانَ وَعْدُهُۥ مَفْعُولًا
﴿١٨﴾ إِنَّ هَٰذِهِۦ تَذْكِرَةٌ ۖ فَمَن شَآءَ ٱتَّخَذَ إِلَىٰ رَبِّهِۦ سَبِيلًا ﴿١٩﴾

AL-MUZZAMMIL
(Người Cuốn Mình Trong Áo)

Nhân danh Allah, Đấng Rất mực Độ lượng,
Đấng Rất mực Khoan dung

1.- Hỡi người cuốn mình trong áo! (Nabi Muhammad)

2.- Hãy đứng (dâng lễ) ban đêm nhưng không trọn đêm;

3.- Phân nửa đêm hay ngắn hơn một chút,

4.- Hoặc lâu hơn. Và hãy thư thả đọc Qur'ān với âm điệu nhịp nhàng.

5.- Quả thật, *TA* sẽ sớm truyền xuống cho Ngươi Lời phán nghiêm trọng.

6.- Thật vậy, thức dậy ban đêm (để dâng lễ *Tahajjud*) là một điều nặng nhọc nhưng tư tưởng sáng suốt và lời nói nghiêm túc;

7.- Quả thật, ban ngày Ngươi bận bịu với công việc lê thê hằng ngày;

8.- Nhưng hãy nhắc Đại Danh của *Rabb* của Ngươi và dốc lòng phụng sự Ngài.

9.- *Rabb* của phương Đông và phương Tây, không có Thượng Đế nào khác cả duy chỉ Ngài. Do đó, hãy tôn Ngài làm Đấng Bảo hộ của Ngươi.

10.- Và hãy chịu đựng với những điều chúng nói và lánh xa chúng một cách đẹp đẽ.

11.- Và để mặc TA đối phó với những tên phủ nhận sự thật nhưng giầu tiện nghi (lạc thú); và tạm tha chúng một thời gian ngắn.

12.- Quả thật, *TA* có sẵn những sợi dây xích và Lửa ngọn;

13.- Và loại thức ăn làm nghẹn họng và một sự Trừng phạt đau đớn.

14.- Vào Ngày mà trái đất và những quả núi bị chấn động dữ dội và những quả núi sẽ giống những đồi cát đổ tuôn xuống.

15.- Quả thật, *TA* đã phái một Sứ giả đến với các người làm một nhân chứng đối với các người giống như *TA* đã cử một Sứ giả đến với Fir'aun.

16.- Nhưng Fir'aun đã bất tuân Sứ giả nên *TA* đã bắt phạt y hết sức gắt gao.

17.- Thế các người sẽ giữ mình ra sao để khỏi bị họa vào một Ngày mà các đứa trẻ sẽ bạc đầu nếu các người không có đức tin.

18.- (Ngày) bầu trời sẽ chẻ đôi. Lời hứa của Ngài chắc chắn sẽ thể hiện.

19.- Chắc chắn đây là một Lời cảnh cáo. Bởi thế, ai thích thì hãy tự chọn lấy con đường đi đến với *Rabb* của y.

۞ إِنَّ رَبَّكَ يَعْلَمُ أَنَّكَ تَقُومُ أَدْنَىٰ مِن ثُلُثَيِ ٱلَّيْلِ وَنِصْفَهُۥ وَثُلُثَهُۥ وَطَآئِفَةٌ مِّنَ ٱلَّذِينَ مَعَكَ ۚ وَٱللَّهُ يُقَدِّرُ ٱلَّيْلَ وَٱلنَّهَارَ ۚ عَلِمَ أَن لَّن تُحْصُوهُ فَتَابَ عَلَيْكُمْ ۖ فَٱقْرَءُوا۟ مَا تَيَسَّرَ مِنَ ٱلْقُرْءَانِ ۚ عَلِمَ أَن سَيَكُونُ مِنكُم مَّرْضَىٰ ۙ وَءَاخَرُونَ يَضْرِبُونَ فِى ٱلْأَرْضِ يَبْتَغُونَ مِن فَضْلِ ٱللَّهِ ۙ وَءَاخَرُونَ يُقَٰتِلُونَ فِى سَبِيلِ ٱللَّهِ ۖ فَٱقْرَءُوا۟ مَا تَيَسَّرَ مِنْهُ ۚ وَأَقِيمُوا۟ ٱلصَّلَوٰةَ وَءَاتُوا۟ ٱلزَّكَوٰةَ وَأَقْرِضُوا۟ ٱللَّهَ قَرْضًا حَسَنًا ۚ وَمَا تُقَدِّمُوا۟ لِأَنفُسِكُم مِّنْ خَيْرٍ تَجِدُوهُ عِندَ ٱللَّهِ هُوَ خَيْرًا وَأَعْظَمَ أَجْرًا ۚ وَٱسْتَغْفِرُوا۟ ٱللَّهَ ۖ إِنَّ ٱللَّهَ غَفُورٌ رَّحِيمٌۢ ﴿٢٠﴾

سُورَةُ المُدَّثِّرِ

بِسْمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحْمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

يَٰٓأَيُّهَا ٱلْمُدَّثِّرُ ﴿١﴾ قُمْ فَأَنذِرْ ﴿٢﴾ وَرَبَّكَ فَكَبِّرْ ﴿٣﴾ وَثِيَابَكَ فَطَهِّرْ ﴿٤﴾ وَٱلرُّجْزَ فَٱهْجُرْ ﴿٥﴾ وَلَا تَمْنُن تَسْتَكْثِرُ ﴿٦﴾ وَلِرَبِّكَ فَٱصْبِرْ ﴿٧﴾ فَإِذَا نُقِرَ فِى ٱلنَّاقُورِ ﴿٨﴾ فَذَٰلِكَ يَوْمَئِذٍ يَوْمٌ عَسِيرٌ ﴿٩﴾ عَلَى ٱلْكَٰفِرِينَ غَيْرُ يَسِيرٍ ﴿١٠﴾ ذَرْنِى وَمَنْ خَلَقْتُ وَحِيدًا ﴿١١﴾ وَجَعَلْتُ لَهُۥ مَالًا مَّمْدُودًا ﴿١٢﴾ وَبَنِينَ شُهُودًا ﴿١٣﴾ وَمَهَّدتُّ لَهُۥ تَمْهِيدًا ﴿١٤﴾ ثُمَّ يَطْمَعُ أَنْ أَزِيدَ ﴿١٥﴾ كَلَّآ ۖ إِنَّهُۥ كَانَ لِءَايَٰتِنَا عَنِيدًا ﴿١٦﴾ سَأُرْهِقُهُۥ صَعُودًا ﴿١٧﴾ إِنَّهُۥ فَكَّرَ وَقَدَّرَ ﴿١٨﴾

20.- Quả thật *Rabb* của Ngươi biết việc Ngươi đứng dâng lễ gần hai phần ba đêm, hoặc phân nửa đêm, hoặc một phần ba đêm với một thành phần của những ai theo Ngươi. Nhưng Ngài đã ấn định (thời gian của) ban đêm và ban ngày. Ngài biết các người không thể nhớ đúng (thời gian) nên Ngài đoái thương mà quay lại tha thứ cho các người. Do đó, hãy đọc *Qur'ān* càng nhiều càng tốt, phần nào mà các người nhận thấy dễ cho các người. Ngài biết trong các người có một số đau yếu, một số khác đi tìm kiếm thiên lộc của Allah xa trên trái đất; và có một số khác đi chiến đấu cho Chính nghĩa của Allah. Do đó, hãy đọc *Qur'ān* phần nào mà các người thấy dễ cho các người. Và hãy chu đáo dâng lễ *Salāh* và đóng *Zakāh* và cho Allah mượn một món mượn tốt. Và điều thiện nào mà các người gởi đi trước cho bản thân của các người thì sẽ tìm thấy lại nơi Allah. Vâng, nó sẽ trở thành một phần thưởng tốt và lớn hơn. Và hãy cầu xin Allah tha thứ. Và quả thật, Allah Hằng Tha thứ, Rất mực Khoan dung.

AL-MUDDATHTHIR

Nhân danh Allah, Đấng Rất mực Độ lượng,
Đấng Rất mực Khoan dung

1.- Hỡi người đắp chăn! (Nabi Muhammad)

2.- Hãy đứng lên và cảnh cáo (dân chúng)!

3.- Và hãy vĩ đại hóa *Rabb* (Allah) của Ngươi.

4.- Và hãy giữ y-phục của Ngươi sạch sẽ!

5.- Hãy tránh xa tượng thần;

6.- Và khi làm ơn (cho người) chớ mong (người) trả ơn;

7.- Và vì *Rabb* của Ngươi hãy kiên nhẫn;

8.- Bởi thế, khi Còi Hụ hụ lên (lần thứ hai);

9.- Thì Ngày đó sẽ là Ngày vất vả (cực nhọc).

10.- Không mấy thoải mái cho những kẻ không có đức tin;

11.- Hãy để mặc TA với kẻ mà TA đã tạo ra cô đơn;

12.- Và TA đã làm cho y có được của cải dồi dào (giầu có).

13.- Và con cái đầy đàn bên cạnh.

14.- Và suôn sẻ mọi điều;

15.- Rồi y còn tham lam muốn TA ban thêm;

16.- Nhất định không! Quả thật, y là kẻ chống đối các Dấu hiệu của *TA*.

17.- TA sẽ làm cho y khốn đốn như trèo núi dốc đứng.

18.- Quả thật, y suy ngẫm và mưu đồ,

فَقُتِلَ كَيْفَ قَدَّرَ ﴿١٩﴾ ثُمَّ قُتِلَ كَيْفَ قَدَّرَ ﴿٢٠﴾ ثُمَّ نَظَرَ ﴿٢١﴾ ثُمَّ عَبَسَ وَبَسَرَ
﴿٢٢﴾ ثُمَّ أَدْبَرَ وَاسْتَكْبَرَ ﴿٢٣﴾ فَقَالَ إِنْ هَٰذَا إِلَّا سِحْرٌ يُؤْثَرُ ﴿٢٤﴾ إِنْ هَٰذَا
إِلَّا قَوْلُ الْبَشَرِ ﴿٢٥﴾ سَأُصْلِيهِ سَقَرَ ﴿٢٦﴾ وَمَا أَدْرَاكَ مَا سَقَرُ ﴿٢٧﴾
لَا تُبْقِي وَلَا تَذَرُ ﴿٢٨﴾ لَوَّاحَةٌ لِّلْبَشَرِ ﴿٢٩﴾ عَلَيْهَا تِسْعَةَ عَشَرَ ﴿٣٠﴾ وَمَا جَعَلْنَا
أَصْحَابَ النَّارِ إِلَّا مَلَائِكَةً ۙ وَمَا جَعَلْنَا عِدَّتَهُمْ إِلَّا فِتْنَةً لِّلَّذِينَ كَفَرُوا
لِيَسْتَيْقِنَ الَّذِينَ أُوتُوا الْكِتَابَ وَيَزْدَادَ الَّذِينَ آمَنُوا إِيمَانًا ۙ وَلَا يَرْتَابَ
الَّذِينَ أُوتُوا الْكِتَابَ وَالْمُؤْمِنُونَ ۙ وَلِيَقُولَ الَّذِينَ فِي قُلُوبِهِم مَّرَضٌ
وَالْكَافِرُونَ مَاذَا أَرَادَ اللَّهُ بِهَٰذَا مَثَلًا ۚ كَذَٰلِكَ يُضِلُّ اللَّهُ مَن يَشَاءُ
وَيَهْدِي مَن يَشَاءُ ۚ وَمَا يَعْلَمُ جُنُودَ رَبِّكَ إِلَّا هُوَ ۚ وَمَا هِيَ إِلَّا ذِكْرَىٰ
لِلْبَشَرِ ﴿٣١﴾ كَلَّا وَالْقَمَرِ ﴿٣٢﴾ وَاللَّيْلِ إِذْ أَدْبَرَ ﴿٣٣﴾ وَالصُّبْحِ إِذَا أَسْفَرَ ﴿٣٤﴾ إِنَّهَا
لَإِحْدَى الْكُبَرِ ﴿٣٥﴾ نَذِيرًا لِّلْبَشَرِ ﴿٣٦﴾ لِمَن شَاءَ مِنكُمْ أَن يَتَقَدَّمَ أَوْ يَتَأَخَّرَ
﴿٣٧﴾ كُلُّ نَفْسٍ بِمَا كَسَبَتْ رَهِينَةٌ ﴿٣٨﴾ إِلَّا أَصْحَابَ الْيَمِينِ ﴿٣٩﴾ فِي جَنَّاتٍ
يَتَسَاءَلُونَ ﴿٤٠﴾ عَنِ الْمُجْرِمِينَ ﴿٤١﴾ مَا سَلَكَكُمْ فِي سَقَرَ ﴿٤٢﴾ قَالُوا لَمْ نَكُ
مِنَ الْمُصَلِّينَ ﴿٤٣﴾ وَلَمْ نَكُ نُطْعِمُ الْمِسْكِينَ ﴿٤٤﴾ وَكُنَّا نَخُوضُ مَعَ
الْخَائِضِينَ ﴿٤٥﴾ وَكُنَّا نُكَذِّبُ بِيَوْمِ الدِّينِ ﴿٤٦﴾ حَتَّىٰ أَتَانَا الْيَقِينُ ﴿٤٧﴾

19.- Bởi thế, y chỉ thiệt thân! Y mưu đồ (gian ác) làm sao!

20.- Rồi y chỉ thiệt thân! Y mưu đồ (gian ác) làm sao!

21.- Rồi y nhìn (ngẫm nghĩ); 22.- Rồi cau mày và nhăn nhó;

23.- Rồi quay lưng và tỏ vẻ ngạo mạn;

24.- Thế rồi y bảo: "Điều này chẳng qua là trò ảo thuật có từ xưa."

25.- "Rõ thật (*Qur'ān*) này chỉ là Lời-nói của một người phàm."

26.- TA sẽ sớm quẳng y vào Lửa của Hỏa ngục.

27.- Và điều gì sẽ cho Ngươi biết Lửa của Hỏa ngục là gì?

28.- Nó không dung tha cũng không bỏ sót (một tên ác nhân nào).

29.- Nó đốt cháy và lột hết các lớp da.

30.- Trên nó có mười chín (vị Thiên thần giữ ngục).

31.- Và *TA* đã không chỉ định ai ngoài thiên thần làm những người canh gác Lửa của Hỏa ngục. Và *TA* ấn định con số (19) của chúng như một sự thử thách cho những ai không có đức tin và để thuyết phục những ai đã được ban cấp Kinh sách và cũng để tăng cường đức tin cho những người tin tưởng; và để cho những người được ban cho Kinh sách cũng như những người tin tưởng không còn có gì để ngờ vực cả; và để cho những kẻ mang trong lòng một chứng bệnh và những kẻ không có đức tin có dịp nói: "Allah định nói gì qua thí dụ so sánh này." Allah đánh lạc hướng kẻ nào Ngài muốn và hướng dẫn người nào Ngài muốn như thế; và không ai biết rõ lực lượng của *Rabb* của Ngươi ngoại trừ Ngài. Và Nó là Lời Nhắc nhở cho người phàm.

32.- Không, thề bởi mặt trăng; 33.- Và bởi đêm tối khi nó rút đi,

34.- Và bởi hừng đông khi nó chói rạng; 35.- Quả thật, Nó là một đại họa;

36.- Một sự cảnh cáo cho người phàm;

37.- Cho ai trong các người muốn tiên phong đi trước hoặc muốn ở lại sau.

38.- Mỗi người (linh hồn) sẽ là một cam kết cho những điều mà nó đã làm.

39.- Ngoại trừ những người Bạn của phía Tay Phải

40.- Trong Thiên đàng. Họ sẽ hỏi nhau; 41.- Về những kẻ tội lỗi.

42.- "Điều gì đã đưa các anh vào Lửa của Hỏa ngục vậy?"

43.- Chúng sẽ đáp: "Chúng tôi là những người không năng dâng lễ '*Salāh*',

44.- Và chúng tôi là những người thường không nuôi ăn người nghèo.

45.- Và chúng tôi thường nói chuyện vô bổ với những người hay chuyện vãn tầm phào;

46.- Và chúng tôi thường phủ nhận Ngày Phán xử

47.- Cuối cùng chúng tôi gặp điều chắc chắn (cái chết)".

فَمَا تَنفَعُهُمۡ شَفَٰعَةُ ٱلشَّٰفِعِينَ ﴿٤٨﴾ فَمَا لَهُمۡ عَنِ ٱلتَّذۡكِرَةِ مُعۡرِضِينَ
﴿٤٩﴾ كَأَنَّهُمۡ حُمُرٞ مُّسۡتَنفِرَةٞ ﴿٥٠﴾ فَرَّتۡ مِن قَسۡوَرَةِۭ ﴿٥١﴾ بَلۡ يُرِيدُ
كُلُّ ٱمۡرِيٕٖ مِّنۡهُمۡ أَن يُؤۡتَىٰ صُحُفٗا مُّنَشَّرَةٗ ﴿٥٢﴾ كَلَّاۖ بَل لَّا يَخَافُونَ
ٱلۡأٓخِرَةَ ﴿٥٣﴾ كَلَّآ إِنَّهُۥ تَذۡكِرَةٞ ﴿٥٤﴾ فَمَن شَآءَ ذَكَرَهُۥ ﴿٥٥﴾ وَمَا يَذۡكُرُونَ
إِلَّآ أَن يَشَآءَ ٱللَّهُۚ هُوَ أَهۡلُ ٱلتَّقۡوَىٰ وَأَهۡلُ ٱلۡمَغۡفِرَةِ ﴿٥٦﴾

سُورَةُ القِيَامَةِ

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

لَآ أُقۡسِمُ بِيَوۡمِ ٱلۡقِيَٰمَةِ ﴿١﴾ وَلَآ أُقۡسِمُ بِٱلنَّفۡسِ ٱللَّوَّامَةِ ﴿٢﴾ أَيَحۡسَبُ
ٱلۡإِنسَٰنُ أَلَّن نَّجۡمَعَ عِظَامَهُۥ ﴿٣﴾ بَلَىٰ قَٰدِرِينَ عَلَىٰٓ أَن نُّسَوِّيَ بَنَانَهُۥ ﴿٤﴾ بَلۡ
يُرِيدُ ٱلۡإِنسَٰنُ لِيَفۡجُرَ أَمَامَهُۥ ﴿٥﴾ يَسۡـَٔلُ أَيَّانَ يَوۡمُ ٱلۡقِيَٰمَةِ ﴿٦﴾ فَإِذَا بَرِقَ
ٱلۡبَصَرُ ﴿٧﴾ وَخَسَفَ ٱلۡقَمَرُ ﴿٨﴾ وَجُمِعَ ٱلشَّمۡسُ وَٱلۡقَمَرُ ﴿٩﴾ يَقُولُ ٱلۡإِنسَٰنُ
يَوۡمَئِذٍ أَيۡنَ ٱلۡمَفَرُّ ﴿١٠﴾ كَلَّا لَا وَزَرَ ﴿١١﴾ إِلَىٰ رَبِّكَ يَوۡمَئِذٍ ٱلۡمُسۡتَقَرُّ ﴿١٢﴾ يُنَبَّؤُاْ
ٱلۡإِنسَٰنُ يَوۡمَئِذِۭ بِمَا قَدَّمَ وَأَخَّرَ ﴿١٣﴾ بَلِ ٱلۡإِنسَٰنُ عَلَىٰ نَفۡسِهِۦ بَصِيرَةٞ ﴿١٤﴾
وَلَوۡ أَلۡقَىٰ مَعَاذِيرَهُۥ ﴿١٥﴾ لَا تُحَرِّكۡ بِهِۦ لِسَانَكَ لِتَعۡجَلَ بِهِۦٓ ﴿١٦﴾ إِنَّ عَلَيۡنَا
جَمۡعَهُۥ وَقُرۡءَانَهُۥ ﴿١٧﴾ فَإِذَا قَرَأۡنَٰهُ فَٱتَّبِعۡ قُرۡءَانَهُۥ ﴿١٨﴾ ثُمَّ إِنَّ عَلَيۡنَا بَيَانَهُۥ ﴿١٩﴾

نصف الحزب ٥٨

48.- Bởi thế, không một sự can thiệp nào của những người can thiệp có thể giúp ích chúng được.

49.- Bởi thế, lý do gì đã khiến chúng quay lánh xa Lời Cảnh cáo?

50.- Chúng giống như con lừa khiếp đảm; 51.- Tháo chạy trước con sư tử.

52.- Không, mỗi người trong bọn chúng muốn được trao cho những tờ kinh được trải ra.

53.- Vô phương! Không, chúng không sợ Đời sau.

54.- Vô phương! Quả thật Nó (Qur'ān) là Lời Cảnh cáo;

55.- Bởi thế, người nào muốn, thì hãy (đọc và) cảnh giác;

56.- Nhưng không ai cảnh giác đặng trừ phi Allah muốn bởi vì Ngài là Chủ Nhân đáng phải sợ và là Chủ Nhân ban sự tha thứ.

AL-QIYĀMAH

Nhân danh Allah, Đấng Rất mực Độ lượng,
Đấng Rất mực Khoan dung

1.- TA thề bởi Ngày Phục sinh; 2.- Và TA thề bởi linh hồn tự trách.

3.- Há con người nghĩ rằng *TA* sẽ không tập hợp xương cốt của y hay sao?

4.- Vâng, *TA* thừa sức ráp lại toàn hảo từng đầu ngón tay của y.

5.- Không! Con người muốn tiếp tục phạm tội;

6.- Y hỏi: "Lúc nào sẽ xảy ra Ngày Phục sinh?"

7.- Bởi thế, khi cặp mắt bị chói lòa; 8.- Và mặt trăng bị che khuất,

9.- Và mặt trời và mặt trăng giao nhau.

10.- Vào Ngày đó con người sẽ bảo: "Đâu là chỗ để thoát thân?"

11.- Vô phương! Không có chỗ để nương thân.

12.- Ngày đó, chỗ nương thân duy nhất là (chạy) về với *Rabb* của Ngươi.

13.- Vào Ngày đó, con người sẽ được báo cho biết điều mà y đã gởi đi trước và điều mà y còn để lại sau.

14.- Không! Con người nhìn thấy rõ bản thân của mình nhất;

15.- Mặc dầu y viện đủ lý do để chạy tội.

16.- Chớ uốn lưỡi của Ngươi về Nó (Qur'ān) hầu giục Nó đến nhanh;

17.- Quả thật, *TA* có nhiệm vụ thu nhặt và đọc Nó (cho Ngươi);

18.- Bởi thế, khi *TA* đọc Nó (Qur'ān), hãy đọc theo Nó.

19.- Rồi chính TA có nhiệm vụ giải thích Nó minh bạch.

كَلَّا بَلْ تُحِبُّونَ ٱلْعَاجِلَةَ ﴿٢٠﴾ وَتَذَرُونَ ٱلْـَٔاخِرَةَ ﴿٢١﴾ وُجُوهٌ يَوْمَئِذٍ نَّاضِرَةٌ ﴿٢٢﴾ إِلَىٰ رَبِّهَا نَاظِرَةٌ ﴿٢٣﴾ وَوُجُوهٌ يَوْمَئِذٍۭ بَاسِرَةٌ ﴿٢٤﴾ تَظُنُّ أَن يُفْعَلَ بِهَا فَاقِرَةٌ ﴿٢٥﴾ كَلَّآ إِذَا بَلَغَتِ ٱلتَّرَاقِىَ ﴿٢٦﴾ وَقِيلَ مَنْ ۜ رَاقٍ ﴿٢٧﴾ وَظَنَّ أَنَّهُ ٱلْفِرَاقُ ﴿٢٨﴾ وَٱلْتَفَّتِ ٱلسَّاقُ بِٱلسَّاقِ ﴿٢٩﴾ إِلَىٰ رَبِّكَ يَوْمَئِذٍ ٱلْمَسَاقُ ﴿٣٠﴾ فَلَا صَدَّقَ وَلَا صَلَّىٰ ﴿٣١﴾ وَلَٰكِن كَذَّبَ وَتَوَلَّىٰ ﴿٣٢﴾ ثُمَّ ذَهَبَ إِلَىٰٓ أَهْلِهِۦ يَتَمَطَّىٰٓ ﴿٣٣﴾ أَوْلَىٰ لَكَ فَأَوْلَىٰ ﴿٣٤﴾ ثُمَّ أَوْلَىٰ لَكَ فَأَوْلَىٰٓ ﴿٣٥﴾ أَيَحْسَبُ ٱلْإِنسَٰنُ أَن يُتْرَكَ سُدًى ﴿٣٦﴾ أَلَمْ يَكُ نُطْفَةً مِّن مَّنِىٍّ يُمْنَىٰ ﴿٣٧﴾ ثُمَّ كَانَ عَلَقَةً فَخَلَقَ فَسَوَّىٰ ﴿٣٨﴾ فَجَعَلَ مِنْهُ ٱلزَّوْجَيْنِ ٱلذَّكَرَ وَٱلْأُنثَىٰٓ ﴿٣٩﴾ أَلَيْسَ ذَٰلِكَ بِقَٰدِرٍ عَلَىٰٓ أَن يُحْـِۧىَ ٱلْمَوْتَىٰ ﴿٤٠﴾

سُورَةُ الإِنسَانِ

بِسْمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحْمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

هَلْ أَتَىٰ عَلَى ٱلْإِنسَٰنِ حِينٌ مِّنَ ٱلدَّهْرِ لَمْ يَكُن شَيْـًٔا مَّذْكُورًا ﴿١﴾ إِنَّا خَلَقْنَا ٱلْإِنسَٰنَ مِن نُّطْفَةٍ أَمْشَاجٍ نَّبْتَلِيهِ فَجَعَلْنَٰهُ سَمِيعًۢا بَصِيرًا ﴿٢﴾ إِنَّا هَدَيْنَٰهُ ٱلسَّبِيلَ إِمَّا شَاكِرًا وَإِمَّا كَفُورًا ﴿٣﴾ إِنَّآ أَعْتَدْنَا لِلْكَٰفِرِينَ سَلَٰسِلَا۟ وَأَغْلَٰلًا وَسَعِيرًا ﴿٤﴾ إِنَّ ٱلْأَبْرَارَ يَشْرَبُونَ مِن كَأْسٍ كَانَ مِزَاجُهَا كَافُورًا ﴿٥﴾

سكتة لطيفة على النون

20.- Không! Không, các người yêu đời sống hiện tại;

21.- Và quên lãng Đời sau.

22.- Vào Ngày đó, gương mặt của một số người sáng rỡ.

23.- Ngắm nhìn *Rabb* của họ;

24.- Và vào Ngày đó, gương mặt của một số người buồn hiu, nhăn nhó.

25.- Lo nghĩ về một tai họa đập nát lưng sẽ giáng lên họ;

26.- Không! Khi (hồn của người chết) lên đến xương quai xanh;

27.- Và có tiếng hỏi: "Ai là thầy bùa (có thể cứu y sống)?"

28.- Và y nghĩ (đã đến lúc) phải biệt ly;

29.- Và ống chân này nhập vào ống chân nọ;

30.- Đưa (y) về với *Rabb* của Ngươi vào Ngày đó.

31.- Bởi thế, y không tin cũng không dâng lễ *'Salāh'*;

32.- Ngược lại, phủ nhận sự thật và quay bỏ đi;

33.- Rồi y về nhà với dáng điệu ngạo mạn;

34.- Chỉ thiệt thân ngươi thôi (hỡi người!), chỉ thiệt thân!

35.- Rồi, chỉ thiệt thân ngươi thôi (hỡi người!), chỉ thiệt thân.

36.- Há con người nghĩ rằng y được tự do tác oai tác quái?

37.- Há y không là một giọt tinh dịch được xuất ra hay sao?

38.- Rồi trở thành một hòn máu đặc tiếp đó, thành hình thể;

39.- Rồi từ y, (Allah) làm ra hai giới (tính), nam và nữ.

40.- Há Đấng đó không đủ Quyền Năng phục sinh được người chết hay sao?

AL-INSĀN

Nhân danh Allah, Đấng Rất mực Độ lượng,
Đấng Rất mực Khoan dung

1.- Phải chăng con người đã trải qua một thời kỳ mà y không là một cái gì đáng nói đến hay sao?

2.- *TA* đã tạo hóa con người từ một dung dịch để *TA* có thể thử thách y. Bởi thế, *TA* đã làm cho y nghe được và thấy được

3.- *TA* đã chỉ dẫn cho y con đường xem y biết ơn hay bội ơn.

4.- *TA* đã chuẩn bị cho những kẻ bội ơn sợi dây xích, gông cùm và lửa ngọn.

5.- Người đức hạnh sẽ uống từ một tách nước chứa dung hợp thơm tho.

عَيْنًا يَشْرَبُ بِهَا عِبَادُ ٱللَّهِ يُفَجِّرُونَهَا تَفْجِيرًا ﴿٦﴾ يُوفُونَ بِٱلنَّذْرِ وَيَخَافُونَ
يَوْمًا كَانَ شَرُّهُۥ مُسْتَطِيرًا ﴿٧﴾ وَيُطْعِمُونَ ٱلطَّعَامَ عَلَىٰ حُبِّهِۦ مِسْكِينًا
وَيَتِيمًا وَأَسِيرًا ﴿٨﴾ إِنَّمَا نُطْعِمُكُمْ لِوَجْهِ ٱللَّهِ لَا نُرِيدُ مِنكُمْ جَزَآءً وَلَا شُكُورًا
﴿٩﴾ إِنَّا نَخَافُ مِن رَّبِّنَا يَوْمًا عَبُوسًا قَمْطَرِيرًا ﴿١٠﴾ فَوَقَىٰهُمُ ٱللَّهُ شَرَّ ذَٰلِكَ
ٱلْيَوْمِ وَلَقَّىٰهُمْ نَضْرَةً وَسُرُورًا ﴿١١﴾ وَجَزَىٰهُم بِمَا صَبَرُوا۟ جَنَّةً وَحَرِيرًا ﴿١٢﴾
مُّتَّكِـِٔينَ فِيهَا عَلَى ٱلْأَرَآئِكِ ۖ لَا يَرَوْنَ فِيهَا شَمْسًا وَلَا زَمْهَرِيرًا ﴿١٣﴾
وَدَانِيَةً عَلَيْهِمْ ظِلَٰلُهَا وَذُلِّلَتْ قُطُوفُهَا تَذْلِيلًا ﴿١٤﴾ وَيُطَافُ عَلَيْهِم بِـَٔانِيَةٍ
مِّن فِضَّةٍ وَأَكْوَابٍ كَانَتْ قَوَارِيرَا۠ ﴿١٥﴾ قَوَارِيرَا۟ مِن فِضَّةٍ قَدَّرُوهَا تَقْدِيرًا ﴿١٦﴾
وَيُسْقَوْنَ فِيهَا كَأْسًا كَانَ مِزَاجُهَا زَنجَبِيلًا ﴿١٧﴾ عَيْنًا فِيهَا تُسَمَّىٰ سَلْسَبِيلًا
﴿١٨﴾ ۞ وَيَطُوفُ عَلَيْهِمْ وِلْدَٰنٌ مُّخَلَّدُونَ إِذَا رَأَيْتَهُمْ حَسِبْتَهُمْ لُؤْلُؤًا مَّنثُورًا
﴿١٩﴾ وَإِذَا رَأَيْتَ ثَمَّ رَأَيْتَ نَعِيمًا وَمُلْكًا كَبِيرًا ﴿٢٠﴾ عَٰلِيَهُمْ ثِيَابُ سُندُسٍ
خُضْرٌ وَإِسْتَبْرَقٌ ۖ وَحُلُّوٓا۟ أَسَاوِرَ مِن فِضَّةٍ وَسَقَىٰهُمْ رَبُّهُمْ شَرَابًا
طَهُورًا ﴿٢١﴾ إِنَّ هَٰذَا كَانَ لَكُمْ جَزَآءً وَكَانَ سَعْيُكُم مَّشْكُورًا ﴿٢٢﴾ إِنَّا
نَحْنُ نَزَّلْنَا عَلَيْكَ ٱلْقُرْءَانَ تَنزِيلًا ﴿٢٣﴾ فَٱصْبِرْ لِحُكْمِ رَبِّكَ وَلَا تُطِعْ
مِنْهُمْ ءَاثِمًا أَوْ كَفُورًا ﴿٢٤﴾ وَٱذْكُرِ ٱسْمَ رَبِّكَ بُكْرَةً وَأَصِيلًا ﴿٢٥﴾

ثلاثة أرباع الحزب ٥٨

6.- (Múc từ) một ngọn suối mà những người bề tôi của Allah sẽ uống, vì thế nó sẽ phun ra dồi dào.

7.- Họ đã hoàn tất lời thề và lo sợ Ngày mà sự xấu xa sẽ lan tràn khắp nơi.

8.- Và vì thương yêu Ngài (Allah), họ đã chu cấp thực phẩm cho người nghèo, trẻ mồ côi, và người bị bắt.

9.- (Và bảo:) "Chúng tôi chu cấp quí vị là vì Sắc Diện (Hài Lòng) của Allah thôi. Chúng tôi không mong quí vị tưởng thưởng hoặc đền ơn.

10.- "Chúng tôi sợ một Ngày cau mặt nhăn nhó và buồn thảm từ *Rabb* của chúng tôi ."

11.- Bởi thế, Allah sẽ giải cứu họ khỏi sự xấu xa của Ngày đó và làm cho họ sáng rỡ và vui sướng.

12.- Và vì đã kiên nhẫn chịu đựng nên Ngài sẽ ban thưởng họ Thiên đàng và lụa là,

13.- Nằm nghỉ trên những chiếc tràng kỷ trong đó (Thiên đàng), không cảm thấy (sức nóng bức của) mặt trời và cảnh giá lạnh.

14.- Và bóng mát của nó (Thiên đàng) che họ sát bên trên và trái cây từng chùm của nó lủng lẳng sa xuống gần tầm tay hái;

15.- Và những bình chứa bằng bạc và những chiếc ly cao chân bằng thủy tinh sẽ được chuyền đi quanh giữa họ.

16.- (Bình chứa) bằng bạc trong như pha lê; họ sẽ định mức lượng của chúng.

17.- Và trong đó, họ sẽ được cho uống từ một cái cốc chứa dung hợp gừng,

18.- Một ngọn suối trong đó được gọi là *Salsabīl.*

19.- Và có những thiếu niên vĩnh viễn tươi trẻ đi vòng quanh họ (để hầu hạ). Khi thấy chúng, Ngươi ngỡ đó là những hạt trân châu rải rác.

20.- Và khi nhìn, Ngươi sẽ thấy nơi đó niềm hạnh phúc và một vương quốc vĩ đại.

21.- Họ sẽ mặc áo lụa mịn mầu xanh có thêu trổ xinh đẹp. Họ sẽ đeo vòng tay bằng bạc. Và *Rabb* của họ sẽ cho họ uống một loại nước tinh khiết.

22.- Quả thật, đây là quà tặng ban cho các ngươi như một phần thưởng; và sự cố gắng của các ngươi đã được chấp nhận.

23.- *TA* là Đấng đã ban Qur'ān xuống cho Ngươi theo từng giai đoạn.

24.- Do đó, hãy kiên nhẫn chịu đựng với Mệnh Lệnh của *Rabb* của Ngươi và chớ nghe theo tên tội lỗi hay kẻ không tin nào của bọn chúng.

25.- Và hãy tụng niệm Tên của *Rabb* của Ngươi vào buổi sáng và buổi tối.

وَمِنَ ٱلَّيۡلِ فَٱسۡجُدۡ لَهُۥ وَسَبِّحۡهُ لَيۡلٗا طَوِيلًا ﴿٢٦﴾ إِنَّ هَٰٓؤُلَآءِ يُحِبُّونَ ٱلۡعَاجِلَةَ وَيَذَرُونَ وَرَآءَهُمۡ يَوۡمٗا ثَقِيلٗا ﴿٢٧﴾ نَّحۡنُ خَلَقۡنَٰهُمۡ وَشَدَدۡنَآ أَسۡرَهُمۡۖ وَإِذَا شِئۡنَا بَدَّلۡنَآ أَمۡثَٰلَهُمۡ تَبۡدِيلًا ﴿٢٨﴾ إِنَّ هَٰذِهِۦ تَذۡكِرَةٞۖ فَمَن شَآءَ ٱتَّخَذَ إِلَىٰ رَبِّهِۦ سَبِيلٗا ﴿٢٩﴾ وَمَا تَشَآءُونَ إِلَّآ أَن يَشَآءَ ٱللَّهُۚ إِنَّ ٱللَّهَ كَانَ عَلِيمًا حَكِيمٗا ﴿٣٠﴾ يُدۡخِلُ مَن يَشَآءُ فِي رَحۡمَتِهِۦۚ وَٱلظَّٰلِمِينَ أَعَدَّ لَهُمۡ عَذَابًا أَلِيمَۢا ﴿٣١﴾

سُورَةُ المُرۡسَلَاتِ

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

وَٱلۡمُرۡسَلَٰتِ عُرۡفٗا ﴿١﴾ فَٱلۡعَٰصِفَٰتِ عَصۡفٗا ﴿٢﴾ وَٱلنَّٰشِرَٰتِ نَشۡرٗا ﴿٣﴾ فَٱلۡفَٰرِقَٰتِ فَرۡقٗا ﴿٤﴾ فَٱلۡمُلۡقِيَٰتِ ذِكۡرًا ﴿٥﴾ عُذۡرًا أَوۡ نُذۡرًا ﴿٦﴾ إِنَّمَا تُوعَدُونَ لَوَٰقِعٞ ﴿٧﴾ فَإِذَا ٱلنُّجُومُ طُمِسَتۡ ﴿٨﴾ وَإِذَا ٱلسَّمَآءُ فُرِجَتۡ ﴿٩﴾ وَإِذَا ٱلۡجِبَالُ نُسِفَتۡ ﴿١٠﴾ وَإِذَا ٱلرُّسُلُ أُقِّتَتۡ ﴿١١﴾ لِأَيِّ يَوۡمٍ أُجِّلَتۡ ﴿١٢﴾ لِيَوۡمِ ٱلۡفَصۡلِ ﴿١٣﴾ وَمَآ أَدۡرَىٰكَ مَا يَوۡمُ ٱلۡفَصۡلِ ﴿١٤﴾ وَيۡلٞ يَوۡمَئِذٖ لِّلۡمُكَذِّبِينَ ﴿١٥﴾ أَلَمۡ نُهۡلِكِ ٱلۡأَوَّلِينَ ﴿١٦﴾ ثُمَّ نُتۡبِعُهُمُ ٱلۡأٓخِرِينَ ﴿١٧﴾ كَذَٰلِكَ نَفۡعَلُ بِٱلۡمُجۡرِمِينَ ﴿١٨﴾ وَيۡلٞ يَوۡمَئِذٖ لِّلۡمُكَذِّبِينَ ﴿١٩﴾

26.- Và hãy phủ phục trước Ngài ban đêm và tán dương Ngài thâu đêm.

27.- Quả thật, những người (Quraish) này yêu đời sống hiện tại và bỏ quên sau lưng chúng một Ngày sẽ rất cực nhọc.

28.- *TA* đã tạo hóa chúng và làm cho cơ thể của chúng cường tráng nhưng khi muốn, *TA* có thể đưa những người tương tự đến thay thế chúng toàn bộ.

29.- Quả thật, cái (Qur'ān) này là một Lời Nhắc nhở. Bởi thế, để cho người nào muốn, tự chọn lấy con đường đi đến với *Rabb* của y.

30.- Nhưng các ngươi không muốn đặng trừ phi Allah muốn (hướng dẫn). Quả thật, Allah Toàn Tri và Rất mực Cao Minh.

31.- Ngài (Allah) sẽ khoan dung người nào Ngài muốn. Và Ngài đã chuẩn bị cho những kẻ làm điều sai quấy một sự trừng phạt đau đớn.

AL-MURSALĀT

Nhân danh Allah, Đấng Rất mực Độ lượng,
Đấng Rất mực Khoan dung

1.- Thề bởi (các luồng gió) được phái đi, luồng này tiếp theo luồng kia;

2.- Bởi thế, chúng thổi mạnh theo luồng,

3.- Và chúng rải tung (mọi vật) đi khắp nơi;

4.- Và tách biệt (cái tốt) khỏi (cái xấu);

5.- Thề bởi (các vị Sứ) phổ biến Lời Nhắc nhở đi rộng khắp.

6.- Hoặc để chứng minh hoặc để cảnh cáo;

7.- Quả thật, điều mà các người đã được hứa chắc chắn sẽ xảy ra.

8.- Bởi thế, khi những vì sao lu mờ dần;

9.- Và khi bầu trời bị chẻ làm hai;

10.- Và khi những quả núi bị thổi rắc đi như bụi;

11.- Và khi các Sứ giả được gọi tập họp vào một thời điểm;

12.- Vào Ngày nào (những dấu hiệu đó) được dời lại?

13.- Vào Ngày Phân loại (giữa kẻ ác và người thiện).

14.- Và điều gì giải thích cho Ngươi biết Ngày Phân loại là gì?

15.- Thống khổ thay Ngày đó cho những kẻ phủ nhận sự thật!

16.- Há *TA* đã không tiêu diệt những người xưa (làm ác) hay sao?

17.- Rồi, *TA* làm cho những thế hệ sau này theo chúng.

18.- *TA* đối xử với những kẻ tội lỗi đúng như thế.

19.- Thống khổ thay Ngày đó cho những kẻ phủ nhận sự thật!

أَلَمۡ نَخۡلُقكُّم مِّن مَّآءٖ مَّهِينٖ ﴿٢٠﴾ فَجَعَلۡنَٰهُ فِي قَرَارٖ مَّكِينٍ ﴿٢١﴾ إِلَىٰ قَدَرٖ
مَّعۡلُومٖ ﴿٢٢﴾ فَقَدَرۡنَا فَنِعۡمَ ٱلۡقَٰدِرُونَ ﴿٢٣﴾ وَيۡلٞ يَوۡمَئِذٖ لِّلۡمُكَذِّبِينَ ﴿٢٤﴾
أَلَمۡ نَجۡعَلِ ٱلۡأَرۡضَ كِفَاتًا ﴿٢٥﴾ أَحۡيَآءٗ وَأَمۡوَٰتٗا ﴿٢٦﴾ وَجَعَلۡنَا فِيهَا رَوَٰسِيَ
شَٰمِخَٰتٖ وَأَسۡقَيۡنَٰكُم مَّآءٗ فُرَاتٗا ﴿٢٧﴾ وَيۡلٞ يَوۡمَئِذٖ لِّلۡمُكَذِّبِينَ ﴿٢٨﴾
ٱنطَلِقُوٓاْ إِلَىٰ مَا كُنتُم بِهِۦ تُكَذِّبُونَ ﴿٢٩﴾ ٱنطَلِقُوٓاْ إِلَىٰ ظِلّٖ ذِي ثَلَٰثِ
شُعَبٖ ﴿٣٠﴾ لَّا ظَلِيلٖ وَلَا يُغۡنِي مِنَ ٱللَّهَبِ ﴿٣١﴾ إِنَّهَا تَرۡمِي بِشَرَرٖ
كَٱلۡقَصۡرِ ﴿٣٢﴾ كَأَنَّهُۥ جِمَٰلَتٞ صُفۡرٞ ﴿٣٣﴾ وَيۡلٞ يَوۡمَئِذٖ لِّلۡمُكَذِّبِينَ ﴿٣٤﴾
هَٰذَا يَوۡمُ لَا يَنطِقُونَ ﴿٣٥﴾ وَلَا يُؤۡذَنُ لَهُمۡ فَيَعۡتَذِرُونَ ﴿٣٦﴾ وَيۡلٞ يَوۡمَئِذٖ
لِّلۡمُكَذِّبِينَ ﴿٣٧﴾ هَٰذَا يَوۡمُ ٱلۡفَصۡلِۖ جَمَعۡنَٰكُمۡ وَٱلۡأَوَّلِينَ ﴿٣٨﴾ فَإِن كَانَ
لَكُمۡ كَيۡدٞ فَكِيدُونِ ﴿٣٩﴾ وَيۡلٞ يَوۡمَئِذٖ لِّلۡمُكَذِّبِينَ ﴿٤٠﴾ إِنَّ ٱلۡمُتَّقِينَ
فِي ظِلَٰلٖ وَعُيُونٖ ﴿٤١﴾ وَفَوَٰكِهَ مِمَّا يَشۡتَهُونَ ﴿٤٢﴾ كُلُواْ وَٱشۡرَبُواْ هَنِيٓـَٔۢا
بِمَا كُنتُمۡ تَعۡمَلُونَ ﴿٤٣﴾ إِنَّا كَذَٰلِكَ نَجۡزِي ٱلۡمُحۡسِنِينَ ﴿٤٤﴾ وَيۡلٞ
يَوۡمَئِذٖ لِّلۡمُكَذِّبِينَ ﴿٤٥﴾ كُلُواْ وَتَمَتَّعُواْ قَلِيلًا إِنَّكُم مُّجۡرِمُونَ ﴿٤٦﴾ وَيۡلٞ
يَوۡمَئِذٖ لِّلۡمُكَذِّبِينَ ﴿٤٧﴾ وَإِذَا قِيلَ لَهُمُ ٱرۡكَعُواْ لَا يَرۡكَعُونَ ﴿٤٨﴾
وَيۡلٞ يَوۡمَئِذٖ لِّلۡمُكَذِّبِينَ ﴿٤٩﴾ فَبِأَيِّ حَدِيثِۭ بَعۡدَهُۥ يُؤۡمِنُونَ ﴿٥٠﴾

20.- Há *TA* đã không tạo các người từ một chất lỏng đáng khinh ư?

21.- Mà *TA* đã đặt an toàn tại một nơi chứa cố định.

22.- Đến một thời kỳ ấn định.

23.- Do đó, *TA* quyết định bởi vì *TA* là Đấng Quyết Định siêu việt.

24.- Thống khổ thay Ngày đó cho những kẻ phủ nhận sự thật!

25.- Há *TA* đã không làm trái đất thành một nơi đón nhận

26.- Người sống và kẻ chết?

27.- Và đã đặt nơi đó những quả núi cao sừng sững vững chắc và cung cấp cho các người nước uống mát rượi hay sao?

28.- Thống khổ thay Ngày đó cho những kẻ phủ nhận sự thật!

29.- "Hãy đi đến cái (Hỏa ngục) mà các người đã từng phủ nhận."

30.- "Hãy đi đến chỗ bóng tối của ba cột trụ (khói đen bay lên),

31.- "Không che mát cũng không che chở các người khỏi Lửa ngọn."

32.- Quả thật, Nó hà ra những ngọn lửa to như những pháo đài.

33.- Giống những con lạc-đà màu vàng.

34.- Thống khổ thay Ngày đó cho những kẻ phủ nhận sự thật!

35.- Đây là Ngày mà chúng sẽ không nói được,

36.- Cũng sẽ không được khiếu nại điều gì.

37.- Thống khổ thay Ngày đó cho những kẻ phủ nhận sự thật!

38.- Đây là Ngày Phân loại. *TA* sẽ tập trung các người và những người xưa.

39.- Nếu các người có mưu định gì, thì hãy dùng nó mà phá hỏng TA thử xem!

40.- Thống khổ thay Ngày đó cho những kẻ phủ nhận sự thật!

41.- Quả thật, những người sợ Allah sẽ ở dưới bóng mát và gần suối nước trong;

42.- (Hưởng) loại trái cây nào mà họ thích.

43.- "Hãy ăn và uống cho mãn nguyện tấm lòng do những việc (thiện) mà quí vị đã từng làm."

44.- Chắc chắn, *TA* sẽ trọng thưởng những người làm tốt đúng như thế.

45.- Thống khổ thay Ngày đó cho những kẻ phủ nhận sự thật!

46.- (Hỡi những kẻ không tin!) Cứ ăn uống và hưởng thụ cuộc đời ngắn ngủi này. Chắc chắn, các người là những kẻ tội lỗi.

47.- Thống khổ thay Ngày đó cho những kẻ phủ nhận sự thật!

48.- Và khi có lời bảo chúng: "Hãy cúi đầu, chúng không cúi đầu."

49.- Thống khổ thay Ngày đó cho những kẻ phủ nhận sự thật!

50.- Thế, chúng sẽ tin tưởng vào Lời tường trình nào sau Nó (Qur'ān)?

الجزء ٣٠
الحزب ٥٩

سُورَةُ النَّبَإِ

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

عَمَّ يَتَسَآءَلُونَ ١ عَنِ ٱلنَّبَإِ ٱلۡعَظِيمِ ٢ ٱلَّذِي هُمۡ فِيهِ مُخۡتَلِفُونَ ٣
كَلَّا سَيَعۡلَمُونَ ٤ ثُمَّ كَلَّا سَيَعۡلَمُونَ ٥ أَلَمۡ نَجۡعَلِ ٱلۡأَرۡضَ مِهَٰدٗا ٦
وَٱلۡجِبَالَ أَوۡتَادٗا ٧ وَخَلَقۡنَٰكُمۡ أَزۡوَٰجٗا ٨ وَجَعَلۡنَا نَوۡمَكُمۡ سُبَاتٗا
٩ وَجَعَلۡنَا ٱلَّيۡلَ لِبَاسٗا ١٠ وَجَعَلۡنَا ٱلنَّهَارَ مَعَاشٗا ١١ وَبَنَيۡنَا
فَوۡقَكُمۡ سَبۡعٗا شِدَادٗا ١٢ وَجَعَلۡنَا سِرَاجٗا وَهَّاجٗا ١٣ وَأَنزَلۡنَا مِنَ
ٱلۡمُعۡصِرَٰتِ مَآءٗ ثَجَّاجٗا ١٤ لِّنُخۡرِجَ بِهِۦ حَبّٗا وَنَبَاتٗا ١٥ وَجَنَّٰتٍ
أَلۡفَافًا ١٦ إِنَّ يَوۡمَ ٱلۡفَصۡلِ كَانَ مِيقَٰتٗا ١٧ يَوۡمَ يُنفَخُ فِي ٱلصُّورِ
فَتَأۡتُونَ أَفۡوَاجٗا ١٨ وَفُتِحَتِ ٱلسَّمَآءُ فَكَانَتۡ أَبۡوَٰبٗا ١٩ وَسُيِّرَتِ
ٱلۡجِبَالُ فَكَانَتۡ سَرَابًا ٢٠ إِنَّ جَهَنَّمَ كَانَتۡ مِرۡصَادٗا ٢١ لِّلطَّٰغِينَ
مَـَٔابٗا ٢٢ لَّٰبِثِينَ فِيهَآ أَحۡقَابٗا ٢٣ لَّا يَذُوقُونَ فِيهَا بَرۡدٗا وَلَا شَرَابًا
٢٤ إِلَّا حَمِيمٗا وَغَسَّاقٗا ٢٥ جَزَآءٗ وِفَاقًا ٢٦ إِنَّهُمۡ كَانُواْ
لَا يَرۡجُونَ حِسَابٗا ٢٧ وَكَذَّبُواْ بِـَٔايَٰتِنَا كِذَّابٗا ٢٨ وَكُلَّ شَيۡءٍ
أَحۡصَيۡنَٰهُ كِتَٰبٗا ٢٩ فَذُوقُواْ فَلَن نَّزِيدَكُمۡ إِلَّا عَذَابًا ٣٠

AN-NABA'

Nhân danh Allah, Đấng Rất mực Độ lượng,
Đấng Rất mực Khoan dung

1.- Chúng đang hỏi nhau điều gì vậy? 2.- Về các nguồn tin vĩ đại,

3.- Điều mà chúng không đồng ý với nhau; 4.- Không, chúng sẽ sớm biết!

5.- Rồi, nhất định không! Chúng sẽ sớm biết!

6.- Há *TA* đã không làm trái đất như một chiếc giường,

7.- Và những quả núi như những cột trụ?

8.- Và *TA* đã tạo các ngươi thành cặp đôi.

9.- Và làm giấc ngủ của các ngươi thành một sự nghỉ ngơi.

10.- Và làm màn đêm thành một tấm phủ,

11.- Và làm ban ngày để tìm kế sinh nhai.

12.- Và *TA* đã dựng bên trên các ngươi bảy cái (tầng trời) vững chắc,

13.- Và làm một chiếc đèn (mặt trời) chói sáng.

14.- Và ban nước xuống dồi dào từ các đám mây chứa nước mưa.

15.- Mà *TA* dùng để làm mọc ra trái hạt và cây cối.

16.- Và vườn tược cây lá xum xuê.

17.- Quả thật, Ngày Quyết định là một cuộc hẹn ấn định,

18.- Ngày mà Còi hụ sẽ hụ vang rền và các ngươi sẽ đến từng đoàn;

19.- Và bầu trời sẽ được mở toang như cửa mở,

20.- Và những quả núi sẽ bị dời đi như ảo ảnh.

21.- Quả thật, Hỏa ngục là một chỗ mai phục,

22.- Một chỗ ngụ cho những kẻ vượt quá mức tội lỗi,

23.- Chúng sẽ ở trong đó đời đời,

24.- Trong đó, không có gì mát để nếm cũng chẳng có gì để uống.

25.- Ngoại trừ một loại nước cực sôi và chất mủ hôi tanh.

26.- Một phần đền xứng đáng.

27.- Quả thật, chúng không màng đến việc phán xử.

28.- Và chúng triệt để phủ nhận các Lời mặc khải của *TA*.

29.- Và *TA* đã cho ghi mọi điều vào một quyển Sổ.

30.- Bởi thế, hãy nếm (Lửa); do đó, *TA* sẽ không thêm gì cả cho các ngươi ngoài hình phạt.

إِنَّ لِلْمُتَّقِينَ مَفَازًا ﴿٣١﴾ حَدَائِقَ وَأَعْنَابًا ﴿٣٢﴾ وَكَوَاعِبَ أَتْرَابًا ﴿٣٣﴾ وَكَأْسًا دِهَاقًا ﴿٣٤﴾ لَّا يَسْمَعُونَ فِيهَا لَغْوًا وَلَا كِذَّابًا ﴿٣٥﴾ جَزَاءً مِّن رَّبِّكَ عَطَاءً حِسَابًا ﴿٣٦﴾ رَّبِّ السَّمَاوَاتِ وَالْأَرْضِ وَمَا بَيْنَهُمَا الرَّحْمَٰنِ ۖ لَا يَمْلِكُونَ مِنْهُ خِطَابًا ﴿٣٧﴾ يَوْمَ يَقُومُ الرُّوحُ وَالْمَلَائِكَةُ صَفًّا ۖ لَّا يَتَكَلَّمُونَ إِلَّا مَنْ أَذِنَ لَهُ الرَّحْمَٰنُ وَقَالَ صَوَابًا ﴿٣٨﴾ ذَٰلِكَ الْيَوْمُ الْحَقُّ ۖ فَمَن شَاءَ اتَّخَذَ إِلَىٰ رَبِّهِ مَآبًا ﴿٣٩﴾ إِنَّا أَنذَرْنَاكُمْ عَذَابًا قَرِيبًا يَوْمَ يَنظُرُ الْمَرْءُ مَا قَدَّمَتْ يَدَاهُ وَيَقُولُ الْكَافِرُ يَا لَيْتَنِي كُنتُ تُرَابًا ﴿٤٠﴾

سُورَةُ النَّازِعَاتِ

بِسْمِ اللَّهِ الرَّحْمَٰنِ الرَّحِيمِ

وَالنَّازِعَاتِ غَرْقًا ﴿١﴾ وَالنَّاشِطَاتِ نَشْطًا ﴿٢﴾ وَالسَّابِحَاتِ سَبْحًا ﴿٣﴾ فَالسَّابِقَاتِ سَبْقًا ﴿٤﴾ فَالْمُدَبِّرَاتِ أَمْرًا ﴿٥﴾ يَوْمَ تَرْجُفُ الرَّاجِفَةُ ﴿٦﴾ تَتْبَعُهَا الرَّادِفَةُ ﴿٧﴾ قُلُوبٌ يَوْمَئِذٍ وَاجِفَةٌ ﴿٨﴾ أَبْصَارُهَا خَاشِعَةٌ ﴿٩﴾ يَقُولُونَ أَإِنَّا لَمَرْدُودُونَ فِي الْحَافِرَةِ ﴿١٠﴾ أَإِذَا كُنَّا عِظَامًا نَّخِرَةً ﴿١١﴾ قَالُوا تِلْكَ إِذًا كَرَّةٌ خَاسِرَةٌ ﴿١٢﴾ فَإِنَّمَا هِيَ زَجْرَةٌ وَاحِدَةٌ ﴿١٣﴾ فَإِذَا هُم بِالسَّاهِرَةِ ﴿١٤﴾ هَلْ أَتَاكَ حَدِيثُ مُوسَىٰ ﴿١٥﴾ إِذْ نَادَاهُ رَبُّهُ بِالْوَادِ الْمُقَدَّسِ طُوًى ﴿١٦﴾

31.- Quả thật những người ngay chính sợ Allah sẽ thành đạt;

32.- Những ngôi vườn tươi tốt và những vườn nho;

33.- Những trinh nữ với bộ ngực căng tròn cùng lứa tuổi;

34.- Và một cốc đầy (rượu).

35.- Không nghe một lời sàm sỡ và gian dối nào trong đó;

36.- Một phần thưởng từ *Rabb* của Ngươi, một món quà đã được tính toán

37.- (Bởi) *Rabb* của các tầng trời và trái đất và của mọi vật giữa hai (trời đất), Đấng Rất Mực Độ Lượng mà không ai được quyền đôi co.

38.- Ngày mà Thiên thần *Jibrīl* và các thiên thần đứng thành hàng. Không ai được nói ngoại trừ người nào mà Đấng Rất Mực Độ Lượng cho phép; và y sẽ nói điều nào đúng đắn.

39.- Đó là Ngày của sự Thật. Bởi thế, người nào muốn, hãy chọn lấy một chỗ ngụ với *Rabb* của y.

40.- Quả thật, *TA* đã cảnh cáo các ngươi về một sự trừng-phạt gần kề, Ngày mà con người sẽ thấy cái mà bàn tay của y đã gởi đi trước và người vô niềm tin sẽ than: "Thiệt thân tôi mất! Phải chi tôi là cát bụi!"

AN-NĀZI'ĀT

Nhân danh Allah, Đấng Rất mực Độ lượng,
Đấng Rất mực Khoan dung

1.- Thề bởi các vị (Thiên thần) giật mạnh (hồn của kẻ gian ác);

2.- Thề bởi các vị rút nhẹ (linh hồn của người lương thiện);

3.- Thề bởi các vị lướt đi như bơi. 4.- Rồi vội vã tiến nhanh đến trước.

5.- Để thi hành công việc (đã được truyền).

6.- Vào Ngày mà trận động đất làm chấn động dữ dội.

7.- Tiếp theo là trận (động đất) liên hồi.

8.- Ngày đó, quả tim sẽ đập mạnh; 9.- Cặp mắt của chúng gục xuống.

10.- Chúng bảo: "Há chúng ta sẽ trở lại tình trạng của thuở sinh tiền?

11.- Ngay sau khi chúng ta đã trở thành xương khô rả mục rồi ư?"

12.- Chúng bảo: "Lúc đó sẽ là một sự trở lại thua thiệt!"

13.- Quả thật, nó (Lệnh tập trung) chỉ gồm một tiếng Thét kinh sợ,

14.- Thì lúc đó chúng sẽ nổi lên trên mặt (đất).

15.- Há Ngươi đã nghe câu chuyện của Mūsa hay chưa?

16.- Khi *Rabb* của Người gọi Người nơi thung lũng 'Tuwa' linh thiêng:

ٱذْهَبْ إِلَىٰ فِرْعَوْنَ إِنَّهُۥ طَغَىٰ ﴿١٧﴾ فَقُلْ هَل لَّكَ إِلَىٰٓ أَن تَزَكَّىٰ ﴿١٨﴾ وَأَهْدِيَكَ
إِلَىٰ رَبِّكَ فَتَخْشَىٰ ﴿١٩﴾ فَأَرَىٰهُ ٱلْـَٔايَةَ ٱلْكُبْرَىٰ ﴿٢٠﴾ فَكَذَّبَ وَعَصَىٰ ﴿٢١﴾ ثُمَّ
أَدْبَرَ يَسْعَىٰ ﴿٢٢﴾ فَحَشَرَ فَنَادَىٰ ﴿٢٣﴾ فَقَالَ أَنَا۠ رَبُّكُمُ ٱلْأَعْلَىٰ ﴿٢٤﴾ فَأَخَذَهُ
ٱللَّهُ نَكَالَ ٱلْـَٔاخِرَةِ وَٱلْأُولَىٰٓ ﴿٢٥﴾ إِنَّ فِى ذَٰلِكَ لَعِبْرَةً لِّمَن يَخْشَىٰٓ ﴿٢٦﴾
ءَأَنتُمْ أَشَدُّ خَلْقًا أَمِ ٱلسَّمَآءُ ۚ بَنَىٰهَا ﴿٢٧﴾ رَفَعَ سَمْكَهَا فَسَوَّىٰهَا ﴿٢٨﴾
وَأَغْطَشَ لَيْلَهَا وَأَخْرَجَ ضُحَىٰهَا ﴿٢٩﴾ وَٱلْأَرْضَ بَعْدَ ذَٰلِكَ دَحَىٰهَآ ﴿٣٠﴾
أَخْرَجَ مِنْهَا مَآءَهَا وَمَرْعَىٰهَا ﴿٣١﴾ وَٱلْجِبَالَ أَرْسَىٰهَا ﴿٣٢﴾ مَتَٰعًا لَّكُمْ
وَلِأَنْعَٰمِكُمْ ﴿٣٣﴾ فَإِذَا جَآءَتِ ٱلطَّآمَّةُ ٱلْكُبْرَىٰ ﴿٣٤﴾ يَوْمَ يَتَذَكَّرُ ٱلْإِنسَٰنُ
مَا سَعَىٰ ﴿٣٥﴾ وَبُرِّزَتِ ٱلْجَحِيمُ لِمَن يَرَىٰ ﴿٣٦﴾ فَأَمَّا مَن طَغَىٰ ﴿٣٧﴾ وَءَاثَرَ
ٱلْحَيَوٰةَ ٱلدُّنْيَا ﴿٣٨﴾ فَإِنَّ ٱلْجَحِيمَ هِىَ ٱلْمَأْوَىٰ ﴿٣٩﴾ وَأَمَّا مَنْ خَافَ
مَقَامَ رَبِّهِۦ وَنَهَى ٱلنَّفْسَ عَنِ ٱلْهَوَىٰ ﴿٤٠﴾ فَإِنَّ ٱلْجَنَّةَ هِىَ ٱلْمَأْوَىٰ
﴿٤١﴾ يَسْـَٔلُونَكَ عَنِ ٱلسَّاعَةِ أَيَّانَ مُرْسَىٰهَا ﴿٤٢﴾ فِيمَ أَنتَ مِن
ذِكْرَىٰهَآ ﴿٤٣﴾ إِلَىٰ رَبِّكَ مُنتَهَىٰهَآ ﴿٤٤﴾ إِنَّمَآ أَنتَ مُنذِرُ مَن يَخْشَىٰهَا
﴿٤٥﴾ كَأَنَّهُمْ يَوْمَ يَرَوْنَهَا لَمْ يَلْبَثُوٓا۟ إِلَّا عَشِيَّةً أَوْ ضُحَىٰهَا ﴿٤٦﴾

سُورَةُ عَبَسَ

17.- "Hãy đi gặp Fir'aun; nó đã thực sự vượt quá mức tội ác.
18.- Hãy bảo y: "Há ngài muốn được tẩy sạch (tội lỗi) chăng?-
19.- "Và tôi sẽ hướng dẫn ngài đến với *Rabb* của ngài hầu có lòng sợ (Allah?)"
20.- Bởi thế, (Mūsa) trưng cho y (Fir'aun) thấy Phép lạ lớn.
21.- Nhưng y phủ nhận và bất tuân;
22.- Rồi quay lưng bỏ đi, cố gắng tìm cách chống lại (Allah).
23.- Bởi thế, y tập trung dân chúng và tuyên bố,
24.- Rồi bảo: "Ta là đấng tối cao của các ngươi."
25.- Thế là Allah bắt phạt y, bằng hình phạt của Đời sau và đời này.
26.- Quả thật, trong đó là một bài học (cảnh cáo) cho ai sợ (Allah).
27.- Há các ngươi khó tạo hay bầu trời mà Ngài đã dựng lên khó hơn?
28.- Ngài đã nhấc chiều cao của nó lên cao và sắp xếp nó đều đặn theo thứ tự.
29.- Và làm ban đêm của nó tối mịt và đưa ban mai của nó ra sáng tỏ.
30.- Và sau đó, Ngài trải rộng mặt đất;
31.- Từ đó, Ngài làm cho nước của nó phun ra và (làm ra) đồng cỏ,
32.- Và những quả núi mà Ngài dựng đứng vững chắc;
33.- (Thành) một nguồn lương thực cho các người và gia súc của các người.
34.- Bởi thế khi đại họa (của Ngày Phục Sinh) xảy đến,
35.- Ngày mà con người hồi tưởng lại những điều y đã cố gắng;
36.- Hỏa Ngục sẽ được phô bày cho người nào nhìn thấy,
37.- Nhưng đối với ai vượt quá mức giới hạn và bất tuân (Allah),
38.- Và thích đời sống trần tục này (hơn Đời sau),
39.- Thì quả thật, nhà ở của y sẽ là Hỏa ngục;
40.- Còn đối với ai sợ việc đứng trước mặt *Rabb* của y và kiềm hãm mình tránh những dục vọng thấp hèn,
41.- Thì quả thật, nhà ở của y sẽ là Thiên đàng.
42.- Chúng hỏi Ngươi về Giờ (Phục Sinh) chừng nào sẽ xảy ra?
43.- Hẳn điều hiểu biết nào Ngươi có thể công bố cho biết?
44.- Chỉ *Rabb* của Ngươi biết thời hạn của nó.
45.- Ngươi chỉ là một Người báo-trước cho ai sợ nó.
46.- Vào Ngày mà chúng thấy nó, chúng sẽ có cảm tưởng như đã ở lại trần gian chỉ một buổi chiều hay một buổi sáng gì đó!

'ABASA

ربع الحزب ٥٩

بِسْمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحْمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

عَبَسَ وَتَوَلَّىٰٓ ﴿١﴾ أَن جَآءَهُ ٱلْأَعْمَىٰ ﴿٢﴾ وَمَا يُدْرِيكَ لَعَلَّهُۥ يَزَّكَّىٰٓ ﴿٣﴾
أَوْ يَذَّكَّرُ فَتَنفَعَهُ ٱلذِّكْرَىٰٓ ﴿٤﴾ أَمَّا مَنِ ٱسْتَغْنَىٰ ﴿٥﴾ فَأَنتَ لَهُۥ تَصَدَّىٰ
﴿٦﴾ وَمَا عَلَيْكَ أَلَّا يَزَّكَّىٰ ﴿٧﴾ وَأَمَّا مَن جَآءَكَ يَسْعَىٰ ﴿٨﴾ وَهُوَ يَخْشَىٰ ﴿٩﴾
فَأَنتَ عَنْهُ تَلَهَّىٰ ﴿١٠﴾ كَلَّآ إِنَّهَا تَذْكِرَةٌ ﴿١١﴾ فَمَن شَآءَ ذَكَرَهُۥ ﴿١٢﴾ فِى صُحُفٍ
مُّكَرَّمَةٍ ﴿١٣﴾ مَّرْفُوعَةٍ مُّطَهَّرَةٍۭ ﴿١٤﴾ بِأَيْدِى سَفَرَةٍ ﴿١٥﴾ كِرَامٍۭ بَرَرَةٍ ﴿١٦﴾
قُتِلَ ٱلْإِنسَٰنُ مَآ أَكْفَرَهُۥ ﴿١٧﴾ مِنْ أَىِّ شَىْءٍ خَلَقَهُۥ ﴿١٨﴾ مِن نُّطْفَةٍ
خَلَقَهُۥ فَقَدَّرَهُۥ ﴿١٩﴾ ثُمَّ ٱلسَّبِيلَ يَسَّرَهُۥ ﴿٢٠﴾ ثُمَّ أَمَاتَهُۥ فَأَقْبَرَهُۥ ﴿٢١﴾ ثُمَّ إِذَا
شَآءَ أَنشَرَهُۥ ﴿٢٢﴾ كَلَّا لَمَّا يَقْضِ مَآ أَمَرَهُۥ ﴿٢٣﴾ فَلْيَنظُرِ ٱلْإِنسَٰنُ إِلَىٰ طَعَامِهِۦٓ
﴿٢٤﴾ أَنَّا صَبَبْنَا ٱلْمَآءَ صَبًّا ﴿٢٥﴾ ثُمَّ شَقَقْنَا ٱلْأَرْضَ شَقًّا ﴿٢٦﴾ فَأَنۢبَتْنَا فِيهَا
حَبًّا ﴿٢٧﴾ وَعِنَبًا وَقَضْبًا ﴿٢٨﴾ وَزَيْتُونًا وَنَخْلًا ﴿٢٩﴾ وَحَدَآئِقَ غُلْبًا ﴿٣٠﴾ وَفَٰكِهَةً
وَأَبًّا ﴿٣١﴾ مَّتَٰعًا لَّكُمْ وَلِأَنْعَٰمِكُمْ ﴿٣٢﴾ فَإِذَا جَآءَتِ ٱلصَّآخَّةُ ﴿٣٣﴾ يَوْمَ يَفِرُّ
ٱلْمَرْءُ مِنْ أَخِيهِ ﴿٣٤﴾ وَأُمِّهِۦ وَأَبِيهِ ﴿٣٥﴾ وَصَٰحِبَتِهِۦ وَبَنِيهِ ﴿٣٦﴾ لِكُلِّ
ٱمْرِئٍ مِّنْهُمْ يَوْمَئِذٍ شَأْنٌ يُغْنِيهِ ﴿٣٧﴾ وُجُوهٌ يَوْمَئِذٍ مُّسْفِرَةٌ
﴿٣٨﴾ ضَاحِكَةٌ مُّسْتَبْشِرَةٌ ﴿٣٩﴾ وَوُجُوهٌ يَوْمَئِذٍ عَلَيْهَا غَبَرَةٌ ﴿٤٠﴾

Nhân danh Allah, Đấng Rất mực Độ lượng,
Đấng Rất mực Khoan dung

1.- Nabi cau mày và quay sang phía khác, 2.- Vì một người mù đến gặp Người.

3.- Và điều gì cho Ngươi biết, may ra y được rửa sạch tội?

4.- Hoặc được nhắc nhở bởi vì sự nhắc nhở có lợi cho y?

5.- Còn đối với kẻ tự cho mình đầy đủ giầu có, 6.- Thì Ngươi lại ân cần với hắn;

7.- Chuyện gì xẩy đến cho Ngươi nếu hắn không được tẩy sạch?

8.- Còn ai chạy đến với Ngươi, 9.- Vì cả sợ (Allah),

10.- Thì Ngươi lại lơ là với y. 11.- Không, quả thật Nó là Lời Cảnh tỉnh.

12.- Bởi thế, người nào muốn thì hãy lưu ý

13.- (Các điều) trong các tờ Kinh rất cao-quí,

14.- Cao-thâm, trong-sạch, 15.- Do bàn tay của những người biên chép

16.- Vinh dự và đạo đức (ghi lại).

17.- Con người thật đáng chết! Cái gì làm cho y phủ nhận Ngài (Allah)?

18.- Ngài đã tạo hóa y từ cái gì?

19.- Ngài tạo hóa y từ tinh dịch và định mạng (cho y);

20.- Rồi làm con-đường cho y được dễ dàng;

21.- Rồi làm cho y chết; rồi chôn y xuống mộ;

22.- Rồi khi muốn, Ngài sẽ dựng y sống lại.

23.- Không, khi Ngài truyền lệnh, y không tuân hành.

24.- Thế con người hãy quan sát thực phẩm của y:

25.- Rằng *TA* xối nước (mưa) xuống dồi dào,

26.- Rồi, *TA* chẻ đất nứt ra thành mảnh,

27.- Bởi thế, *TA* làm ra trái giống mọc ra trong đó,

28.- Và trái nho và rau cải xanh tươi, 29.- Và trái ô-liu và trái chà là,

30.- Và vườn trái cây rậm rạp, 31.- Và trái cây và cây cỏ,

32.- Làm lương thực cho các người và cho gia súc.

33.- Nhưng khi tiếng Thét chát chúa xảy ra,

34.- Ngày mà mỗi người sẽ chạy bỏ anh em của mình,

35.- Và bỏ cha mẹ, 36.- Và bỏ vợ, và con cái.

37.- Ngày đó, mỗi người lo âu cho bản thân đủ làm y quên bẵng người khác.

38.- Ngày đó, gương mặt (người tốt) sẽ sáng rỡ

39.- Cười nói, thỏa thích với tin vui. 40.- Ngày đó gương mặt sầm tối;

تَرْهَقُهَا قَتَرَةٌ ﴿٤١﴾ أُوْلَٰٓئِكَ هُمُ ٱلْكَفَرَةُ ٱلْفَجَرَةُ ﴿٤٢﴾

سُورَةُ التَّكْوِيرِ

بِسْمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحْمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

إِذَا ٱلشَّمْسُ كُوِّرَتْ ﴿١﴾ وَإِذَا ٱلنُّجُومُ ٱنكَدَرَتْ ﴿٢﴾ وَإِذَا ٱلْجِبَالُ سُيِّرَتْ ﴿٣﴾ وَإِذَا ٱلْعِشَارُ عُطِّلَتْ ﴿٤﴾ وَإِذَا ٱلْوُحُوشُ حُشِرَتْ ﴿٥﴾ وَإِذَا ٱلْبِحَارُ سُجِّرَتْ ﴿٦﴾ وَإِذَا ٱلنُّفُوسُ زُوِّجَتْ ﴿٧﴾ وَإِذَا ٱلْمَوْءُۥدَةُ سُئِلَتْ ﴿٨﴾ بِأَيِّ ذَنۢبٍ قُتِلَتْ ﴿٩﴾ وَإِذَا ٱلصُّحُفُ نُشِرَتْ ﴿١٠﴾ وَإِذَا ٱلسَّمَآءُ كُشِطَتْ ﴿١١﴾ وَإِذَا ٱلْجَحِيمُ سُعِّرَتْ ﴿١٢﴾ وَإِذَا ٱلْجَنَّةُ أُزْلِفَتْ ﴿١٣﴾ عَلِمَتْ نَفْسٌ مَّآ أَحْضَرَتْ ﴿١٤﴾ فَلَآ أُقْسِمُ بِٱلْخُنَّسِ ﴿١٥﴾ ٱلْجَوَارِ ٱلْكُنَّسِ ﴿١٦﴾ وَٱلَّيْلِ إِذَا عَسْعَسَ ﴿١٧﴾ وَٱلصُّبْحِ إِذَا تَنَفَّسَ ﴿١٨﴾ إِنَّهُۥ لَقَوْلُ رَسُولٍ كَرِيمٍ ﴿١٩﴾ ذِي قُوَّةٍ عِندَ ذِي ٱلْعَرْشِ مَكِينٍ ﴿٢٠﴾ مُّطَاعٍ ثَمَّ أَمِينٍ ﴿٢١﴾ وَمَا صَاحِبُكُم بِمَجْنُونٍ ﴿٢٢﴾ وَلَقَدْ رَءَاهُ بِٱلْأُفُقِ ٱلْمُبِينِ ﴿٢٣﴾ وَمَا هُوَ عَلَى ٱلْغَيْبِ بِضَنِينٍ ﴿٢٤﴾ وَمَا هُوَ بِقَوْلِ شَيْطَٰنٍ رَّجِيمٍ ﴿٢٥﴾ فَأَيْنَ تَذْهَبُونَ ﴿٢٦﴾ إِنْ هُوَ إِلَّا ذِكْرٌ لِّلْعَٰلَمِينَ ﴿٢٧﴾ لِمَن شَآءَ مِنكُمْ أَن يَسْتَقِيمَ ﴿٢٨﴾ وَمَا تَشَآءُونَ إِلَّآ أَن يَشَآءَ ٱللَّهُ رَبُّ ٱلْعَٰلَمِينَ ﴿٢٩﴾

41.- Dính toàn bụi bặm: 42.- Đó là những kẻ phủ nhận và ác ôn.

AT-TAKWĪR

Nhân danh Allah, Đấng Rất mực Độ lượng,
Đấng Rất mực Khoan dung

1.- Khi mặt trời cuốn xếp lại và biến mất; 2.- Và khi các vì sao rụng;

3.- Và khi các quả núi bị di chuyển mất biệt;

4.- Và khi các con lạc đà cái mang thai bị bỏ bê;

5.- Và khi các con dã thú sẽ được lùa tập trung lại;

6.- Và khi các đại dương dâng trào;

7.- Và khi các linh hồn sẽ được kết đôi với thân xác;

8.- Và khi các đứa bé gái bị chôn sống sẽ được tra hỏi-

9.- Vì tội gì mà bé đã bị giết?

10.- Và khi các tờ giấy (ghi hành động) sẽ được mở ra;

11.- Và khi bầu trời sẽ bị lột trần;

12.- Và khi Hỏa ngục sẽ được nhúm thành lửa ngọn;

13.- Và khi Thiên đàng sẽ được mang đến gần,

14.- Mỗi người sẽ biết điều mà y trình bày.

15.- Bởi thế, TA thề bởi các hành tinh lặn khuất,

16.- Di chuyển nhanh biến mất, 17.- Và bởi ban đêm khi nó ra đi;

18.- Và bởi ban mai khi nó thổi (màn đêm đi mất) và sáng tỏ;

19.- Quả thật, Nó (Qur'ān) là Lời phán của (Allah do) một Vị Thiên sứ (Jibrīl) rất vinh dự (đã mang đến),

20.- Được Chủ Nhân của Ngai Vương ban cho quyền lực và danh dự,

21.- Được (các thiên thần) tuân theo nơi đó và rất đáng tin cậy.

22.- Và người Bạn (Muhammad) của các ngươi không bị mất trí.

23.- Và chắc chắn Người thấy vị (Jibrīl) tại chân trời sáng tỏ.

24.- Và Người không giữ cho riêng mình điều huyền bí (vô hình).

25.- Và Nó (Qur'ān) không là lời nói của Shaytān đáng tống xuất.

26.- Thế các ngươi đi đâu?

27.- Quả thật, Nó (Qur'ān) chỉ là Lời Cảnh Tỉnh nhắc nhở muôn loài.

28.- Nhắc nhở ai trong các ngươi muốn đi đúng đường,

29.- Nhưng điều mà các ngươi muốn sẽ không thành tựu trừ phi Allah, *Rabb* của vũ trụ và muôn loài muốn (hay chấp thuận).

نصف الحزب ٥٩

سُورَةُ الانفِطَارِ

بِسْمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحْمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

إِذَا ٱلسَّمَآءُ ٱنفَطَرَتْ ١ وَإِذَا ٱلْكَوَاكِبُ ٱنتَثَرَتْ ٢ وَإِذَا ٱلْبِحَارُ فُجِّرَتْ ٣ وَإِذَا ٱلْقُبُورُ بُعْثِرَتْ ٤ عَلِمَتْ نَفْسٌ مَّا قَدَّمَتْ وَأَخَّرَتْ ٥ يَٰٓأَيُّهَا ٱلْإِنسَٰنُ مَا غَرَّكَ بِرَبِّكَ ٱلْكَرِيمِ ٦ ٱلَّذِى خَلَقَكَ فَسَوَّىٰكَ فَعَدَلَكَ ٧ فِىٓ أَىِّ صُورَةٍ مَّا شَآءَ رَكَّبَكَ ٨ كَلَّا بَلْ تُكَذِّبُونَ بِٱلدِّينِ ٩ وَإِنَّ عَلَيْكُمْ لَحَٰفِظِينَ ١٠ كِرَامًا كَٰتِبِينَ ١١ يَعْلَمُونَ مَا تَفْعَلُونَ ١٢ إِنَّ ٱلْأَبْرَارَ لَفِى نَعِيمٍ ١٣ وَإِنَّ ٱلْفُجَّارَ لَفِى جَحِيمٍ ١٤ يَصْلَوْنَهَا يَوْمَ ٱلدِّينِ ١٥ وَمَا هُمْ عَنْهَا بِغَآئِبِينَ ١٦ وَمَآ أَدْرَىٰكَ مَا يَوْمُ ٱلدِّينِ ١٧ ثُمَّ مَآ أَدْرَىٰكَ مَا يَوْمُ ٱلدِّينِ ١٨ يَوْمَ لَا تَمْلِكُ نَفْسٌ لِّنَفْسٍ شَيْـًٔا ۖ وَٱلْأَمْرُ يَوْمَئِذٍ لِّلَّهِ ١٩

سُورَةُ المُطَفِّفِينَ

بِسْمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحْمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

وَيْلٌ لِّلْمُطَفِّفِينَ ١ ٱلَّذِينَ إِذَا ٱكْتَالُوا۟ عَلَى ٱلنَّاسِ يَسْتَوْفُونَ ٢ وَإِذَا كَالُوهُمْ أَو وَّزَنُوهُمْ يُخْسِرُونَ ٣ أَلَا يَظُنُّ أُو۟لَٰٓئِكَ أَنَّهُم مَّبْعُوثُونَ ٤

AL-INFIṬĀR

Nhân danh Allah, Đấng Rất mực Độ lượng,
Đấng Rất mực Khoan dung

1.- Khi bầu trời bị chẻ đôi. 2.- Và khi các vì sao rơi rụng tản mác;

3.- Và khi các đại dương dâng trào; 4.- Và khi các ngôi mộ bị quật ngược;

5.- Con người sẽ biết điều mà y đã gởi đi trước và để lại sau;

6.- Này hỡi người! Điều gì đã đánh lừa ngươi về *Rabb* rất mực Quảng đại của ngươi?

7.- Đấng đã tạo hóa ngươi, ban hình thể, rồi làm cho ngươi quân bình;

8.- Ngài sẽ cấu tạo ngươi theo hình thể nào mà Ngài muốn;

9.- Nhưng không! Các ngươi phủ nhận việc Phán xử.

10.- Và quả thật, có các vị (thiên thần) theo trông chừng các ngươi,

11.- Các vị biên chép đáng tôn kính, 12.- Họ biết rõ mọi điều các ngươi làm.

13.- Quả thật, người đức hạnh chắc chắn sẽ ở trong Thiên đàng Hạnh phúc;

14.- Và quả thật, kẻ ác đức chắc chắn sẽ ở trong Hỏa ngục,

15.- Nơi mà chúng sẽ sa xuống vào Ngày Phán xử,

16.- Và là nơi mà chúng sẽ không được vắng mặt.

17.- Và điều gì cho ngươi biết Ngày Phán Xử là gì?

18.- Rồi điều gì cho ngươi biết Ngày Phán Xử là gì?

19.- Ngày mà không một người nào có thể làm được một điều gì để giúp người khác bởi vì mọi Mệnh lệnh vào Ngày đó sẽ hoàn toàn thuộc về Allah.

AL-MUTAFFIFĪN

Nhân danh Allah, Đấng Rất mực Độ lượng,
Đấng Rất mực Khoan dung

1.- Khốn khổ cho những kẻ tham lam bòn rút:

2.- Những ai khi nhận của người thì đòi cho đủ,

3.- Nhưng khi đo (cân) ra cho người thì đưa thiếu;

4.- Há những người này không nghĩ rằng họ sẽ được phục sinh,

لِيَوۡمٍ عَظِيمٖ ٥ يَوۡمَ يَقُومُ ٱلنَّاسُ لِرَبِّ ٱلۡعَٰلَمِينَ ٦ كَلَّآ إِنَّ كِتَٰبَ
ٱلۡفُجَّارِ لَفِي سِجِّينٖ ٧ وَمَآ أَدۡرَىٰكَ مَا سِجِّينٞ ٨ كِتَٰبٞ مَّرۡقُومٞ ٩
وَيۡلٞ يَوۡمَئِذٖ لِّلۡمُكَذِّبِينَ ١٠ ٱلَّذِينَ يُكَذِّبُونَ بِيَوۡمِ ٱلدِّينِ ١١ وَمَا يُكَذِّبُ
بِهِۦٓ إِلَّا كُلُّ مُعۡتَدٍ أَثِيمٍ ١٢ إِذَا تُتۡلَىٰ عَلَيۡهِ ءَايَٰتُنَا قَالَ أَسَٰطِيرُ ٱلۡأَوَّلِينَ
١٣ كَلَّاۖ بَلۡۜ رَانَ عَلَىٰ قُلُوبِهِم مَّا كَانُواْ يَكۡسِبُونَ ١٤ كَلَّآ إِنَّهُمۡ عَن رَّبِّهِمۡ
يَوۡمَئِذٖ لَّمَحۡجُوبُونَ ١٥ ثُمَّ إِنَّهُمۡ لَصَالُواْ ٱلۡجَحِيمِ ١٦ ثُمَّ يُقَالُ هَٰذَا
ٱلَّذِي كُنتُم بِهِۦ تُكَذِّبُونَ ١٧ كَلَّآ إِنَّ كِتَٰبَ ٱلۡأَبۡرَارِ لَفِي عِلِّيِّينَ ١٨
وَمَآ أَدۡرَىٰكَ مَا عِلِّيُّونَ ١٩ كِتَٰبٞ مَّرۡقُومٞ ٢٠ يَشۡهَدُهُ ٱلۡمُقَرَّبُونَ ٢١
إِنَّ ٱلۡأَبۡرَارَ لَفِي نَعِيمٍ ٢٢ عَلَى ٱلۡأَرَآئِكِ يَنظُرُونَ ٢٣ تَعۡرِفُ فِي
وُجُوهِهِمۡ نَضۡرَةَ ٱلنَّعِيمِ ٢٤ يُسۡقَوۡنَ مِن رَّحِيقٖ مَّخۡتُومٍ ٢٥ خِتَٰمُهُۥ
مِسۡكٞۚ وَفِي ذَٰلِكَ فَلۡيَتَنَافَسِ ٱلۡمُتَنَٰفِسُونَ ٢٦ وَمِزَاجُهُۥ مِن
تَسۡنِيمٍ ٢٧ عَيۡنٗا يَشۡرَبُ بِهَا ٱلۡمُقَرَّبُونَ ٢٨ إِنَّ ٱلَّذِينَ أَجۡرَمُواْ كَانُواْ
مِنَ ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ يَضۡحَكُونَ ٢٩ وَإِذَا مَرُّواْ بِهِمۡ يَتَغَامَزُونَ ٣٠
وَإِذَا ٱنقَلَبُوٓاْ إِلَىٰٓ أَهۡلِهِمُ ٱنقَلَبُواْ فَكِهِينَ ٣١ وَإِذَا رَأَوۡهُمۡ قَالُوٓاْ
إِنَّ هَٰٓؤُلَآءِ لَضَآلُّونَ ٣٢ وَمَآ أُرۡسِلُواْ عَلَيۡهِمۡ حَٰفِظِينَ ٣٣

سكتة لطيفة على اللام

5.- Vào một Ngày Vĩ đại?

6.- Ngày mà nhân loại sẽ đứng trước mặt Đức *Rabb* của vũ trụ và muôn loài.

7.- Không! Quả thật, hồ sơ của kẻ ác nhân được cất giữ trong *Sijjīn*.

8.- Và điều gì cho Ngươi (Nabi) biết *Sijjīn* là gì?

9.- Một quyển sổ được ghi khắc.

10.- Và Ngày đó khốn khổ cho những kẻ phủ nhận sự thật;

11.- Những ai phủ nhận Ngày Phán xử.

12.- Và không ai phủ nhận nó ngoại trừ từng kẻ tội lỗi vượt quá mức giới hạn.

13.- Và khi các Lời mặc khải của *TA* được đọc nhắc y thì y bảo: "Chuyện của cổ nhân."

14.- Nhưng không, vết nhơ dính vào quả tim của chúng do những điều (tội lỗi) mà chúng đã phạm.

15.- Nhất định không! Ngày đó, chúng sẽ bị che khuất khỏi *Rabb* của chúng.

16.- Và quả thật, chúng sẽ sa Hỏa ngục;

17.- Có lời bảo chúng: "Đây là cái mà các ngươi thường phủ nhận!"

18.- Không! quả thật, hồ sơ của người đức hạnh sẽ được giữ trong *Illiyyūn*.

19.- Và điều gì cho Ngươi biết *Illiyyūn* là gì?

20.- Một quyển sổ được khắc ghi

21.- Mà những vị (Thiên thần) tiếp cận (Allah) sẽ xác nhận.

22.- Quả thật, người đức hạnh sẽ ở trong (Thiên đàng) Hạnh phúc.

23.- Thưởng ngoạn trên các tràng kỷ.

24.- Ngươi sẽ thấy ánh hạnh phúc phản chiếu trên gương mặt của họ.

25.- Họ sẽ được cho uống một loại rượu tinh khiết được khằn kín.

26.- Khằn của nó bằng xạ hương. Và về việc (ân thưởng) đó, hãy để cho những người nỗ lực nên cố gắng (thi đua).

27.- Và chất hòa với nó (rượu) sẽ là (chất) *Tasnīm*.

28.- Múc từ một ngọn suối mà những người gần (Allah) nhất sẽ uống.

29.- Quả thật, những ai phạm tội thường chê cười những ai có đức tin.

30.- Và mỗi khi chúng đi ngang qua chỗ của họ, chúng nháy mắt với nhau;

31.- Và khi trở về gặp gia đình, chúng mang điều giễu cợt trở về;

32.- Và khi thấy họ, chúng bảo nhau: "Quả thật đây là những kẻ lầm lạc!"

33.- Nhưng chúng không được cử phái đi trông chừng họ.

فَٱلۡيَوۡمَ ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ مِنَ ٱلۡكُفَّارِ يَضۡحَكُونَ ﴿٣٤﴾ عَلَى ٱلۡأَرَآئِكِ يَنظُرُونَ ﴿٣٥﴾ هَلۡ ثُوِّبَ ٱلۡكُفَّارُ مَا كَانُواْ يَفۡعَلُونَ ﴿٣٦﴾

سُورَةُ الانشِقَاقِ

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

إِذَا ٱلسَّمَآءُ ٱنشَقَّتۡ ﴿١﴾ وَأَذِنَتۡ لِرَبِّهَا وَحُقَّتۡ ﴿٢﴾ وَإِذَا ٱلۡأَرۡضُ مُدَّتۡ ﴿٣﴾ وَأَلۡقَتۡ مَا فِيهَا وَتَخَلَّتۡ ﴿٤﴾ وَأَذِنَتۡ لِرَبِّهَا وَحُقَّتۡ ﴿٥﴾ يَٰٓأَيُّهَا ٱلۡإِنسَٰنُ إِنَّكَ كَادِحٌ إِلَىٰ رَبِّكَ كَدۡحٗا فَمُلَٰقِيهِ ﴿٦﴾ فَأَمَّا مَنۡ أُوتِيَ كِتَٰبَهُۥ بِيَمِينِهِۦ ﴿٧﴾ فَسَوۡفَ يُحَاسَبُ حِسَابٗا يَسِيرٗا ﴿٨﴾ وَيَنقَلِبُ إِلَىٰٓ أَهۡلِهِۦ مَسۡرُورٗا ﴿٩﴾ وَأَمَّا مَنۡ أُوتِيَ كِتَٰبَهُۥ وَرَآءَ ظَهۡرِهِۦ ﴿١٠﴾ فَسَوۡفَ يَدۡعُواْ ثُبُورٗا ﴿١١﴾ وَيَصۡلَىٰ سَعِيرًا ﴿١٢﴾ إِنَّهُۥ كَانَ فِيٓ أَهۡلِهِۦ مَسۡرُورًا ﴿١٣﴾ إِنَّهُۥ ظَنَّ أَن لَّن يَحُورَ ﴿١٤﴾ بَلَىٰٓۚ إِنَّ رَبَّهُۥ كَانَ بِهِۦ بَصِيرٗا ﴿١٥﴾ فَلَآ أُقۡسِمُ بِٱلشَّفَقِ ﴿١٦﴾ وَٱلَّيۡلِ وَمَا وَسَقَ ﴿١٧﴾ وَٱلۡقَمَرِ إِذَا ٱتَّسَقَ ﴿١٨﴾ لَتَرۡكَبُنَّ طَبَقًا عَن طَبَقٖ ﴿١٩﴾ فَمَا لَهُمۡ لَا يُؤۡمِنُونَ ﴿٢٠﴾ وَإِذَا قُرِئَ عَلَيۡهِمُ ٱلۡقُرۡءَانُ لَا يَسۡجُدُونَ۩ ﴿٢١﴾ بَلِ ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ يُكَذِّبُونَ ﴿٢٢﴾ وَٱللَّهُ أَعۡلَمُ بِمَا يُوعُونَ ﴿٢٣﴾ فَبَشِّرۡهُم بِعَذَابٍ أَلِيمٍ ﴿٢٤﴾

ثلاثة أرباع الحزب ٥٩

سَجۡدَة

34.- Bởi thế, Ngày đó những ai có đức tin sẽ cười trả những kẻ vô đức tin;

35.- Thưởng ngoạn trên các tràng kỷ.

36.- Phải chăng những kẻ vô đức tin sẽ được đền trả đầy đủ về những điều (tội lỗi) mà chúng đã từng làm?

AL-INSHIQĀQ

Nhân danh Allah, Đấng Rất mực Độ lượng,
Đấng Rất mực Khoan dung

1.- Khi bầu trời nứt ra,

2.- Và tuân (lệnh) của *Rabb* của nó và thi hành nhiệm vụ;

3.- Và khi trái đất được trải bằng,

4.- Và quẳng mọi vật nằm trong nó ra ngoài và trở thành trống rỗng,

5.- Và tuân (lệnh) của *Rabb* của nó và thi hành nhiệm vụ;

6.- Này hỡi con người! Quả thật, ngươi làm lụng hết sức vất vả để trở về (gặp) *Rabb* của ngươi, bởi thế ngươi sẽ gặp Ngài (Allah).

7.- Do đó, đối với ai được trao hồ sơ của mình nơi tay phải,

8.- Thì sẽ được thanh toán bằng một cuộc thanh toán dễ dàng,

9.- Và được trở về với gia đình vui vẻ.

10.- Ngược lại, đối với ai được trao hồ sơ của mình từ sau lưng,

11.- Thì sẽ kêu gào cho được chết phứt;

12.- Và bước vào Lửa ngọn cháy bùng

13.- Quả thật (trên trần thế), y đã sống thích thú với gia đình!

14.- Quả thật, y đã nghĩ sẽ không bao giờ trở lại (gặp *TA*)!

15.- Vâng! Quả thật, *Rabb* của y hằng thấy y;

16.- Bởi thế, TA thề bởi ánh hoàng hôn đỏ rực;

17.- Và bởi ban đêm và mọi vật mà nó tập trung;

18.- Và bởi mặt trăng tròn;

19- Chắc chắn, các ngươi sẽ bước từ chặng này đến chặng khác.

20.- Nhưng trắc trở chuyện gì mà họ không chịu tin?

21.- Bởi vì khi nghe đọc Qur'ān, họ không chịu phủ phục;

22.- Không, những kẻ không có niềm tin phủ nhận sự thật;

23.- Và Allah biết rõ những điều mà họ giấu giếm.

24.- Bởi thế, hãy báo cho họ về một sự trừng phạt đau đớn;

إِلَّا ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ وَعَمِلُواْ ٱلصَّٰلِحَٰتِ لَهُمۡ أَجۡرٌ غَيۡرُ مَمۡنُونِۭ ﴿٢٥﴾

سُورَةُ البُرُوجِ

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

وَٱلسَّمَآءِ ذَاتِ ٱلۡبُرُوجِ ﴿١﴾ وَٱلۡيَوۡمِ ٱلۡمَوۡعُودِ ﴿٢﴾ وَشَاهِدٖ وَمَشۡهُودٖ ﴿٣﴾ قُتِلَ أَصۡحَٰبُ ٱلۡأُخۡدُودِ ﴿٤﴾ ٱلنَّارِ ذَاتِ ٱلۡوَقُودِ ﴿٥﴾ إِذۡ هُمۡ عَلَيۡهَا قُعُودٞ ﴿٦﴾ وَهُمۡ عَلَىٰ مَا يَفۡعَلُونَ بِٱلۡمُؤۡمِنِينَ شُهُودٞ ﴿٧﴾ وَمَا نَقَمُواْ مِنۡهُمۡ إِلَّآ أَن يُؤۡمِنُواْ بِٱللَّهِ ٱلۡعَزِيزِ ٱلۡحَمِيدِ ﴿٨﴾ ٱلَّذِي لَهُۥ مُلۡكُ ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلۡأَرۡضِۚ وَٱللَّهُ عَلَىٰ كُلِّ شَيۡءٖ شَهِيدٌ ﴿٩﴾ إِنَّ ٱلَّذِينَ فَتَنُواْ ٱلۡمُؤۡمِنِينَ وَٱلۡمُؤۡمِنَٰتِ ثُمَّ لَمۡ يَتُوبُواْ فَلَهُمۡ عَذَابُ جَهَنَّمَ وَلَهُمۡ عَذَابُ ٱلۡحَرِيقِ ﴿١٠﴾ إِنَّ ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ وَعَمِلُواْ ٱلصَّٰلِحَٰتِ لَهُمۡ جَنَّٰتٞ تَجۡرِي مِن تَحۡتِهَا ٱلۡأَنۡهَٰرُۚ ذَٰلِكَ ٱلۡفَوۡزُ ٱلۡكَبِيرُ ﴿١١﴾ إِنَّ بَطۡشَ رَبِّكَ لَشَدِيدٌ ﴿١٢﴾ إِنَّهُۥ هُوَ يُبۡدِئُ وَيُعِيدُ ﴿١٣﴾ وَهُوَ ٱلۡغَفُورُ ٱلۡوَدُودُ ﴿١٤﴾ ذُو ٱلۡعَرۡشِ ٱلۡمَجِيدُ ﴿١٥﴾ فَعَّالٞ لِّمَا يُرِيدُ ﴿١٦﴾ هَلۡ أَتَىٰكَ حَدِيثُ ٱلۡجُنُودِ ﴿١٧﴾ فِرۡعَوۡنَ وَثَمُودَ ﴿١٨﴾ بَلِ ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ فِي تَكۡذِيبٖ ﴿١٩﴾ وَٱللَّهُ مِن وَرَآئِهِم مُّحِيطُۢ ﴿٢٠﴾ بَلۡ هُوَ قُرۡءَانٞ مَّجِيدٞ ﴿٢١﴾ فِي لَوۡحٖ مَّحۡفُوظِۭ ﴿٢٢﴾

25.- Ngoại trừ những ai có đức tin và làm việc thiện thì sẽ nhận một phần thưởng không hề dứt.

Al-BURŪJ

Nhân danh Allah, Đấng Rất mực Độ lượng,
Đấng Rất mực Khoan dung

1.- Thề bởi bầu trời, chứa đựng các chòm sao.

2.- Thề bởi Ngày (Phán xử) đã được hứa;

3.- Thề bởi Ngày chứng giám (thứ Sáu), và ngày (tập trung tại thung lũng 'Arafāt làm Hajj) được nhìn nhận;

4.- Đám người *Ukhdūd*[1] đáng bị nguyền rủa;

5.- Lửa (nung trong hào) bằng củi đốt, 6.- Khi chúng ngồi bên cạnh nó;

7.- Và chứng kiến cảnh mà chúng đang làm đối với những người có đức tin.

8.- Và chúng hành xác họ (các tín đồ) chỉ vì lý do họ đặt niềm tin nơi Allah, Đấng Toàn Năng, Đấng Rất Đáng Ca tụng!

9.- Đấng nắm quyền thống trị các tầng trời và trái đất! Và Allah là Nhân Chứng cho mọi việc.

10.- Quả thật, những ai hành xác những nam và nữ tín đồ rồi không hối cải thì sẽ chịu sự trừng phạt của Hỏa ngục và hình phạt của Lửa đốt.

11.- Quả thật, những ai có đức tin và làm việc thiện thì sẽ được hưởng những ngôi vườn bên dưới có các dòng sông chảy (Thiên đàng). Đó là một sự thành tựu vĩ đại.

12.- Quả thật, sự túm bắt của *Rabb* của Ngươi rất mãnh liệt.

13.- Quả thật, Ngài (Allah) khởi tạo và tái tạo (phục sinh).

14.- Và Ngài là Đấng Hằng Tha Thứ, Đấng Hằng Yêu Thương.

15.- Chủ nhân của Ngai Vương, Đấng Quang Vinh

16.- Đấng làm (tạo) bất cứ điều (vật) gì mà Ngài muốn.

17.- Ngươi có nghe câu chuyện về các lực lượng

18.- Của *Fir'aun* và *Thamūd* chưa?

19.- Không! Những ai không có đức tin thì tiếp tục phủ nhận sự thật.

20.- Nhưng Allah vây bắt chúng từ đằng sau.

21.- Không! Nó là Qur'ān quang vinh.

22.- (Ghi khắc) trong Bản văn lưu trử trên cao.

---

[1] Ukhdūd là cái hào do một ông vua vô đức tin dùng để hoả thiêu những ai tin tưởng nơi Allah.

سُورَةُ الطَّارِقِ

بِسْمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحْمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

وَٱلسَّمَآءِ وَٱلطَّارِقِ ﴿١﴾ وَمَآ أَدْرَىٰكَ مَا ٱلطَّارِقُ ﴿٢﴾ ٱلنَّجْمُ ٱلثَّاقِبُ ﴿٣﴾ إِن كُلُّ نَفْسٍ لَّمَّا عَلَيْهَا حَافِظٌ ﴿٤﴾ فَلْيَنظُرِ ٱلْإِنسَٰنُ مِمَّ خُلِقَ ﴿٥﴾ خُلِقَ مِن مَّآءٍ دَافِقٍ ﴿٦﴾ يَخْرُجُ مِنۢ بَيْنِ ٱلصُّلْبِ وَٱلتَّرَآئِبِ ﴿٧﴾ إِنَّهُۥ عَلَىٰ رَجْعِهِۦ لَقَادِرٌ ﴿٨﴾ يَوْمَ تُبْلَى ٱلسَّرَآئِرُ ﴿٩﴾ فَمَا لَهُۥ مِن قُوَّةٍ وَلَا نَاصِرٍ ﴿١٠﴾ وَٱلسَّمَآءِ ذَاتِ ٱلرَّجْعِ ﴿١١﴾ وَٱلْأَرْضِ ذَاتِ ٱلصَّدْعِ ﴿١٢﴾ إِنَّهُۥ لَقَوْلٌ فَصْلٌ ﴿١٣﴾ وَمَا هُوَ بِٱلْهَزْلِ ﴿١٤﴾ إِنَّهُمْ يَكِيدُونَ كَيْدًا ﴿١٥﴾ وَأَكِيدُ كَيْدًا ﴿١٦﴾ فَمَهِّلِ ٱلْكَٰفِرِينَ أَمْهِلْهُمْ رُوَيْدًۢا ﴿١٧﴾

سُورَةُ الأَعْلَى

بِسْمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحْمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

سَبِّحِ ٱسْمَ رَبِّكَ ٱلْأَعْلَى ﴿١﴾ ٱلَّذِى خَلَقَ فَسَوَّىٰ ﴿٢﴾ وَٱلَّذِى قَدَّرَ فَهَدَىٰ ﴿٣﴾ وَٱلَّذِىٓ أَخْرَجَ ٱلْمَرْعَىٰ ﴿٤﴾ فَجَعَلَهُۥ غُثَآءً أَحْوَىٰ ﴿٥﴾ سَنُقْرِئُكَ فَلَا تَنسَىٰٓ ﴿٦﴾ إِلَّا مَا شَآءَ ٱللَّهُ ۚ إِنَّهُۥ يَعْلَمُ ٱلْجَهْرَ وَمَا يَخْفَىٰ ﴿٧﴾ وَنُيَسِّرُكَ لِلْيُسْرَىٰ ﴿٨﴾ فَذَكِّرْ إِن نَّفَعَتِ ٱلذِّكْرَىٰ ﴿٩﴾ سَيَذَّكَّرُ مَن يَخْشَىٰ ﴿١٠﴾

الحِزْبُ ٦٠

AṬ-ṬĀRIQ

Nhân danh Allah, Đấng Rất mực Độ lượng,
Đấng Rất mực Khoan dung

1.- Thề bởi bầu trời và khách viếng đêm (Sao mai);

2.- Và điều gì cho Ngươi biết khách viếng đêm là gì?

3.- (Đó là) một vì sao chiếu sáng;

4.- Quả thật, mỗi một người đều có một vị (thiên thần) theo trông coi.

5.- Con người hãy xét xem y được tạo hóa từ cái gì?

6.- Y được tạo từ một giọt nước xuất ra, 7.- Từ xương lưng và xương sườn;

8.- Quả thật, Ngài (Allah) thừa khả năng làm y (sống) trở lại!

9.- Vào một Ngày mà mọi bí mật đều được kiểm tra,

10.- Thì y sẽ bất lực và không được ai giúp đỡ.

11.- Thề bởi bầu trời (cho mưa) trở lại. 12.- Và bởi đất đai nứt ra.

13.- Quả thật! Nó (Qur'ān) là một Lời phân biệt (phúc và tội).

14.- Và nó không phải là lời dùng để bỡn cợt.

15.- Quả thật, chúng đang mưu định một kế hoạch (chống đối)

16.- Và TA (Allah) cũng đang hoạch định một kế hoạch.

17.- Thôi, hãy tạm tha (hỡi Muhammad!) cho những kẻ vô đức tin. Hãy nhã nhặn tạm tha cho chúng.

AL-A'LĀ

Nhân danh Allah, Đấng Rất mực Độ lượng,
Đấng Rất mực Khoan dung

1.- Hãy tán dương đại danh của *Rabb* của Ngươi, Đấng Tối Cao,

2.- Đấng đã tạo hóa (tất cả) và ban hình thể;

3.- Và đã đo lường và hướng dẫn; 4.- Và đã làm mọc ra đồng cỏ,

5.- Sau đó, làm cho nó thành cọng rạ khô.

6.- *TA* sẽ bắt Ngươi đọc thuộc (Qur'ān), vì thế Ngươi sẽ không quên,

7.- Ngoại trừ điều nào mà Allah muốn. Quả thật, Ngài biết rõ điều bộc lộ và điều giấu giếm.

8.- Và *TA* sẽ làm dễ dàng điều dễ dàng cho Ngươi (theo).

9.- Bởi thế, hãy nhắc nhở (nhân loại) nếu lời nhắc nhở có lợi.

10.- Ai sợ (Allah) thì sẽ tỉnh ngộ,

وَيَتَجَنَّبُهَا ٱلۡأَشۡقَى ١١ ٱلَّذِي يَصۡلَى ٱلنَّارَ ٱلۡكُبۡرَىٰ ١٢ ثُمَّ لَا يَمُوتُ فِيهَا وَلَا يَحۡيَىٰ ١٣ قَدۡ أَفۡلَحَ مَن تَزَكَّىٰ ١٤ وَذَكَرَ ٱسۡمَ رَبِّهِۦ فَصَلَّىٰ ١٥ بَلۡ تُؤۡثِرُونَ ٱلۡحَيَوٰةَ ٱلدُّنۡيَا ١٦ وَٱلۡأٓخِرَةُ خَيۡرٞ وَأَبۡقَىٰٓ ١٧ إِنَّ هَٰذَا لَفِي ٱلصُّحُفِ ٱلۡأُولَىٰ ١٨ صُحُفِ إِبۡرَٰهِيمَ وَمُوسَىٰ ١٩

سُورَةُ الغَاشِيَةِ

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

هَلۡ أَتَىٰكَ حَدِيثُ ٱلۡغَٰشِيَةِ ١ وُجُوهٞ يَوۡمَئِذٍ خَٰشِعَةٌ ٢ عَامِلَةٞ نَّاصِبَةٞ ٣ تَصۡلَىٰ نَارًا حَامِيَةٗ ٤ تُسۡقَىٰ مِنۡ عَيۡنٍ ءَانِيَةٖ ٥ لَّيۡسَ لَهُمۡ طَعَامٌ إِلَّا مِن ضَرِيعٖ ٦ لَّا يُسۡمِنُ وَلَا يُغۡنِي مِن جُوعٖ ٧ وُجُوهٞ يَوۡمَئِذٖ نَّاعِمَةٞ ٨ لِّسَعۡيِهَا رَاضِيَةٞ ٩ فِي جَنَّةٍ عَالِيَةٖ ١٠ لَّا تَسۡمَعُ فِيهَا لَٰغِيَةٗ ١١ فِيهَا عَيۡنٞ جَارِيَةٞ ١٢ فِيهَا سُرُرٞ مَّرۡفُوعَةٞ ١٣ وَأَكۡوَابٞ مَّوۡضُوعَةٞ ١٤ وَنَمَارِقُ مَصۡفُوفَةٞ ١٥ وَزَرَابِيُّ مَبۡثُوثَةٌ ١٦ أَفَلَا يَنظُرُونَ إِلَى ٱلۡإِبِلِ كَيۡفَ خُلِقَتۡ ١٧ وَإِلَى ٱلسَّمَآءِ كَيۡفَ رُفِعَتۡ ١٨ وَإِلَى ٱلۡجِبَالِ كَيۡفَ نُصِبَتۡ ١٩ وَإِلَى ٱلۡأَرۡضِ كَيۡفَ سُطِحَتۡ ٢٠ فَذَكِّرۡ إِنَّمَآ أَنتَ مُذَكِّرٞ ٢١ لَّسۡتَ عَلَيۡهِم بِمُصَيۡطِرٍ ٢٢

11.- Nhưng quân khốn nạn thì tránh xa nó (Qur'ān),

12.- Kẻ đi vào Lửa lớn (của Hỏa ngục),

13.- Rồi trong đó, y sẽ không chết cũng không sống.

14.- Chắc chắn sẽ thành đạt ai là người rửa sạch (tội),

15.- Và tưởng nhớ đại danh của *Rabb* của y, và dâng lễ *'Salāh'*.

16.- Không, các người thích đời sống trần tục này;

17.- Trong lúc Đời sau tốt và vĩnh viễn hơn.

18.- Quả thật, điều này có (ghi) trong các Tờ Kinh cũ,

19.- Các Tờ Kinh của Ibrāhīm và Mūsa.

AL-GĀSHIYAH

Nhân danh Allah, Đấng Rất mực Độ lượng,
Đấng Rất mực Khoan dung

1.- Ngươi có (nghe) câu chuyện về hiện tượng bao trùm hay chưa?

2.- Vào Ngày đó, gương mặt (của một số người) sẽ sa sầm.

3.- Cực nhọc, rũ rượi. 4.- Sẽ đi vào trong Lửa cháy bùng,

5.- Sẽ được cho uống nước (sôi) múc từ một ngọn suối nóng bỏng,

6.- Không có thức ăn nào cho họ dùng ngoài loại cây đắng gai góc

7.- Không dinh dưỡng cũng không làm cho hết đói.

8.- Vào Ngày đó, gương mặt (của một số người) sẽ hân hoan,

9.- Mãn nguyện với nỗ lực của mình. 10.- Trong một ngôi Vườn cao đẹp.

11.- Mà họ sẽ không nghe một lời nhảm nhí nào,

12.- Bên trong có suối nước chảy, 13.- Có bệ ngồi cao,

14.- Có cốc nước giải khát dọn sẵn. 15.- Có gối tựa sắp thành hàng,

16.- Có thảm trải xinh đẹp.

17.- Thế họ không quan sát các con lạc đà, xem chúng đã được tạo hóa như thế nào ư?

18.- Và bầu trời đã được nhấc cao như thế nào ư?

19.- Và các quả núi đã được dựng đứng như thế nào ư?

20.- Và trái đất đã được trải rộng như thế nào ư?

21.- Hãy nhắc nhở (họ); Ngươi chỉ là một Người Nhắc nhở;

22.- Chứ không phải là một vị giám-đốc (độc tài) đối với họ.

إِلَّا مَن تَوَلَّىٰ وَكَفَرَ ﴿٢٣﴾ فَيُعَذِّبُهُ ٱللَّهُ ٱلْعَذَابَ ٱلْأَكْبَرَ ﴿٢٤﴾
إِنَّ إِلَيْنَآ إِيَابَهُمْ ﴿٢٥﴾ ثُمَّ إِنَّ عَلَيْنَا حِسَابَهُم ﴿٢٦﴾

سُورَةُ الفَجْرِ

بِسْمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحْمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

وَٱلْفَجْرِ ﴿١﴾ وَلَيَالٍ عَشْرٍ ﴿٢﴾ وَٱلشَّفْعِ وَٱلْوَتْرِ ﴿٣﴾ وَٱلَّيْلِ إِذَا يَسْرِ ﴿٤﴾
هَلْ فِى ذَٰلِكَ قَسَمٌ لِّذِى حِجْرٍ ﴿٥﴾ أَلَمْ تَرَ كَيْفَ فَعَلَ رَبُّكَ بِعَادٍ ﴿٦﴾
إِرَمَ ذَاتِ ٱلْعِمَادِ ﴿٧﴾ ٱلَّتِى لَمْ يُخْلَقْ مِثْلُهَا فِى ٱلْبِلَٰدِ ﴿٨﴾ وَثَمُودَ ٱلَّذِينَ
جَابُوا۟ ٱلصَّخْرَ بِٱلْوَادِ ﴿٩﴾ وَفِرْعَوْنَ ذِى ٱلْأَوْتَادِ ﴿١٠﴾ ٱلَّذِينَ طَغَوْا۟ فِى
ٱلْبِلَٰدِ ﴿١١﴾ فَأَكْثَرُوا۟ فِيهَا ٱلْفَسَادَ ﴿١٢﴾ فَصَبَّ عَلَيْهِمْ رَبُّكَ سَوْطَ
عَذَابٍ ﴿١٣﴾ إِنَّ رَبَّكَ لَبِٱلْمِرْصَادِ ﴿١٤﴾ فَأَمَّا ٱلْإِنسَٰنُ إِذَا مَا ٱبْتَلَىٰهُ
رَبُّهُۥ فَأَكْرَمَهُۥ وَنَعَّمَهُۥ فَيَقُولُ رَبِّىٓ أَكْرَمَنِ ﴿١٥﴾ وَأَمَّآ إِذَا مَا ٱبْتَلَىٰهُ
فَقَدَرَ عَلَيْهِ رِزْقَهُۥ فَيَقُولُ رَبِّىٓ أَهَٰنَنِ ﴿١٦﴾ كَلَّا ۖ بَل لَّا تُكْرِمُونَ
ٱلْيَتِيمَ ﴿١٧﴾ وَلَا تَحَٰٓضُّونَ عَلَىٰ طَعَامِ ٱلْمِسْكِينِ ﴿١٨﴾ وَتَأْكُلُونَ
ٱلتُّرَاثَ أَكْلًا لَّمًّا ﴿١٩﴾ وَتُحِبُّونَ ٱلْمَالَ حُبًّا جَمًّا ﴿٢٠﴾ كَلَّآ إِذَا
دُكَّتِ ٱلْأَرْضُ دَكًّا دَكًّا ﴿٢١﴾ وَجَآءَ رَبُّكَ وَٱلْمَلَكُ صَفًّا صَفًّا ﴿٢٢﴾

23.- Trừ phi ai quay bỏ đi và không tin tưởng

24.- Thì Allah sẽ trừng phạt y bằng một hình phạt to lớn.

25.- Quả thật, họ sẽ trở về gặp *TA*; 26.- Rồi, *TA* có nhiệm vụ thanh toán họ.

AL-FAJR

Nhân danh Allah, Đấng Rất mực Độ lượng,
Đấng Rất mực Khoan dung

1.- Thề bởi hừng đông;

2.- Thề bởi mười đêm (đầu tiên của tháng *Dhul-Hijjah*)

3.- Thề bởi (đêm) chẵn[1] và lẽ (của mười đêm đó).

4.- Thề bởi ban đêm khi nó ra đi.

5.- Há chẳng là một bằng chứng cho những người hiểu biết trong sự việc đó ư?

6.- Há Ngươi không thấy *Rabb* của Ngươi đã đối xử với *'Ād* như thế nào ư?

7.- (Người dân) của (thị trấn) *Iram* có nhiều cột trụ cao

8.- Mà không cái nào trong xứ được tạo giống như chúng cả.

9.- Và (người dân) *Thamud* đã đục đá (làm nhà) trong thung lũng như thế nào ư?

10.- Và (với) Fir'aun, chủ nhân của các cột trụ;

11.- Đã hành động thái quá trong xứ; 12.- Chồng chất tội ác.

13.- Bởi thế, *Rabb* của Ngươi đã giáng những đòn trừng phạt chúng;

14.- Quả thật, *Rabb* của Ngươi hằng theo dõi (chúng);

15.- Bởi thế, về vấn đề của con người, khi *Rabb* của y thử thách y với danh dự và ân huệ thì y bảo: *'Rabb* của tôi đã ban cho tôi niềm vinh dự.'

16.- Nhưng khi Rabb của y thử thách y với việc thu hẹp bổng lộc thì y bảo: '*Rabb* của tôi đã hạ nhục tôi!'

17.- Nhưng không! Các người không quí trọng các đứa trẻ mồ côi!

18.- Và cũng không khuyến khích nhau nuôi ăn người thiếu thốn!

19.- Và tham lam ăn nuốt vô độ di sản (của kẻ khác),

20.- Và mê muội yêu của cải giầu sang quá đáng!

21.- Nhất định không! Khi trái đất bị nghiền nát thành bụi,

22.- Và khi *Rabb* của Ngươi ngự ra với Thiên thần hàng hàng lớp lớp,

---

[1] Đêm chẵn là đêm thứ mười của tháng Dhull Hijjah.

وَجِاْيٓءَ يَوْمَئِذِۭ بِجَهَنَّمَۚ يَوْمَئِذٖ يَتَذَكَّرُ ٱلۡإِنسَٰنُ وَأَنَّىٰ لَهُ ٱلذِّكۡرَىٰ ﴿٢٣﴾ يَقُولُ يَٰلَيۡتَنِي قَدَّمۡتُ لِحَيَاتِي ﴿٢٤﴾ فَيَوۡمَئِذٖ لَّا يُعَذِّبُ عَذَابَهُۥٓ أَحَدٞ ﴿٢٥﴾ وَلَا يُوثِقُ وَثَاقَهُۥٓ أَحَدٞ ﴿٢٦﴾ يَٰٓأَيَّتُهَا ٱلنَّفۡسُ ٱلۡمُطۡمَئِنَّةُ ﴿٢٧﴾ ٱرۡجِعِيٓ إِلَىٰ رَبِّكِ رَاضِيَةٗ مَّرۡضِيَّةٗ ﴿٢٨﴾ فَٱدۡخُلِي فِي عِبَٰدِي ﴿٢٩﴾ وَٱدۡخُلِي جَنَّتِي ﴿٣٠﴾

سُورَةُ البَلَدِ

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

لَآ أُقۡسِمُ بِهَٰذَا ٱلۡبَلَدِ ﴿١﴾ وَأَنتَ حِلُّۢ بِهَٰذَا ٱلۡبَلَدِ ﴿٢﴾ وَوَالِدٖ وَمَا وَلَدَ ﴿٣﴾ لَقَدۡ خَلَقۡنَا ٱلۡإِنسَٰنَ فِي كَبَدٍ ﴿٤﴾ أَيَحۡسَبُ أَن لَّن يَقۡدِرَ عَلَيۡهِ أَحَدٞ ﴿٥﴾ يَقُولُ أَهۡلَكۡتُ مَالٗا لُّبَدًا ﴿٦﴾ أَيَحۡسَبُ أَن لَّمۡ يَرَهُۥٓ أَحَدٌ ﴿٧﴾ أَلَمۡ نَجۡعَل لَّهُۥ عَيۡنَيۡنِ ﴿٨﴾ وَلِسَانٗا وَشَفَتَيۡنِ ﴿٩﴾ وَهَدَيۡنَٰهُ ٱلنَّجۡدَيۡنِ ﴿١٠﴾ فَلَا ٱقۡتَحَمَ ٱلۡعَقَبَةَ ﴿١١﴾ وَمَآ أَدۡرَىٰكَ مَا ٱلۡعَقَبَةُ ﴿١٢﴾ فَكُّ رَقَبَةٍ ﴿١٣﴾ أَوۡ إِطۡعَٰمٞ فِي يَوۡمٖ ذِي مَسۡغَبَةٖ ﴿١٤﴾ يَتِيمٗا ذَا مَقۡرَبَةٍ ﴿١٥﴾ أَوۡ مِسۡكِينٗا ذَا مَتۡرَبَةٖ ﴿١٦﴾ ثُمَّ كَانَ مِنَ ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ وَتَوَاصَوۡاْ بِٱلصَّبۡرِ وَتَوَاصَوۡاْ بِٱلۡمَرۡحَمَةِ ﴿١٧﴾ أُوْلَٰٓئِكَ أَصۡحَٰبُ ٱلۡمَيۡمَنَةِ ﴿١٨﴾

ربع الحزب ٦٠

23.- Và vào Ngày đó, Hỏa ngục sẽ được đưa đến gần. Vào Ngày đó, con người sẽ sực nhớ, nhưng sự tưởng nhớ có ích lợi gì cho y?

24.- Y sẽ than: 'Thiệt thân tôi mất! Phải chi tôi đã gởi đi trước (các việc thiện) cho đời sống này của tôi!'

25.- Bởi thế, vào Ngày đó, sẽ không một ai trừng phạt giống như Ngài trừng phạt cả.

26.- Và không một ai sẽ trói gô giống như Ngài trói cả.

27.- (Và có lời bảo người đức hạnh:) "Hỡi người an nghỉ và toại nguyện kia!

28.- "Hãy trở về với *Rabb* của ngươi, hài lòng với mình và làm hài lòng (Ngài)!

29.- "Hãy nhập vào bầy tôi (đức hạnh) của TA (Allah),

30.- "Và bước vào Ngôi Vườn của TA (Allah!)"

AL-BALAD

Nhân danh Allah, Đấng Rất mực Độ lượng,
Đấng Rất mực Khoan dung

1.- TA (Allah) thề bởi thị trấn (Makkah) này;

2.- Và Ngươi là một cư dân (tự do) của thị trấn này;

3.- Và thề bởi đấng sinh thành (Ādam) và con cháu mà Người đã sinh ra;

4.- Chắc chắn, *TA* đã tạo hóa con người để làm lụng cực nhọc.

5.- Phải chăng y nghĩ không có ai thắng được y hay sao?

6.- Y bảo: "Tôi đã tiêu phí vô số tài sản."

7.- Phải chăng y nghĩ không có ai thấy được y?

8.- Há *TA* đã không làm cho y có cặp mắt? 9.- Và chiếc lưỡi và đôi môi?

10.- Và chỉ cho y hai con đường (chính và tà)?

11.- Nhưng y không mạo hiểm trên con đường dốc đứng.

12.- Và Ngươi có biết con đường dốc đứng là gì chăng?

13.- (Đó là) việc giải phóng một vòng cổ (nô lệ);

14.- Và nuôi ăn vào một ngày đói lã 15.- Một đứa trẻ mồ côi thân thuộc;

16.- Hoặc một người túng thiếu dính bụi đường.

17.- Rồi trở thành một người có đức tin và khuyến khích nhau kiên nhẫn và khuyến khích nhau độ lượng.

18.- Họ là những người bạn phía tay phải (sẽ vào Thiên đàng).

وَٱلَّذِينَ كَفَرُواْ بِـَٔايَٰتِنَا هُمۡ أَصۡحَٰبُ ٱلۡمَشۡـَٔمَةِ ١٩ عَلَيۡهِمۡ نَارٞ مُّؤۡصَدَةُۢ ٢٠

سُورَةُ الشَّمْسِ

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

وَٱلشَّمۡسِ وَضُحَىٰهَا ١ وَٱلۡقَمَرِ إِذَا تَلَىٰهَا ٢ وَٱلنَّهَارِ إِذَا جَلَّىٰهَا ٣ وَٱلَّيۡلِ إِذَا يَغۡشَىٰهَا ٤ وَٱلسَّمَآءِ وَمَا بَنَىٰهَا ٥ وَٱلۡأَرۡضِ وَمَا طَحَىٰهَا ٦ وَنَفۡسٖ وَمَا سَوَّىٰهَا ٧ فَأَلۡهَمَهَا فُجُورَهَا وَتَقۡوَىٰهَا ٨ قَدۡ أَفۡلَحَ مَن زَكَّىٰهَا ٩ وَقَدۡ خَابَ مَن دَسَّىٰهَا ١٠ كَذَّبَتۡ ثَمُودُ بِطَغۡوَىٰهَآ ١١ إِذِ ٱنۢبَعَثَ أَشۡقَىٰهَا ١٢ فَقَالَ لَهُمۡ رَسُولُ ٱللَّهِ نَاقَةَ ٱللَّهِ وَسُقۡيَٰهَا ١٣ فَكَذَّبُوهُ فَعَقَرُوهَا فَدَمۡدَمَ عَلَيۡهِمۡ رَبُّهُم بِذَنۢبِهِمۡ فَسَوَّىٰهَا ١٤ وَلَا يَخَافُ عُقۡبَٰهَا ١٥

سُورَةُ اللَّيْلِ

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

وَٱلَّيۡلِ إِذَا يَغۡشَىٰ ١ وَٱلنَّهَارِ إِذَا تَجَلَّىٰ ٢ وَمَا خَلَقَ ٱلذَّكَرَ وَٱلۡأُنثَىٰٓ ٣ إِنَّ سَعۡيَكُمۡ لَشَتَّىٰ ٤ فَأَمَّا مَنۡ أَعۡطَىٰ وَٱتَّقَىٰ ٥ وَصَدَّقَ بِٱلۡحُسۡنَىٰ ٦ فَسَنُيَسِّرُهُۥ لِلۡيُسۡرَىٰ ٧ وَأَمَّا مَنۢ بَخِلَ وَٱسۡتَغۡنَىٰ ٨ وَكَذَّبَ بِٱلۡحُسۡنَىٰ ٩

19.- Còn những ai phủ nhận các Dấu hiệu của *TA* thì sẽ là những người bạn phía tay trái; 20.- Lửa sẽ bao phủ lấy chúng.

ASH-SHAMS

Nhân danh Allah, Đấng Rất mực Độ lượng,
Đấng Rất mực Khoan dung

1.- Thề bởi mặt Trời và sức chói sáng của nó;

2.- Thề bởi mặt Trăng khi đi theo nó;

3.- Thề bởi ban Ngày khi nó phô bày sự rạng rỡ;

4.- Thề bởi ban Đêm khi che lấp nó; 5.- Thề bởi bầu trời và Đấng đã dựng nó;

6.- Thề bởi trái đất và Đấng đã trải rộng nó;

7.- Thề bởi linh hồn và Đấng đã hoàn chỉnh nó;

8.- Rồi Ngài làm cho nó linh cảm, bởi thế, nó ý thức được điều ác và thiện;

9.- Người nào tẩy sạch nó thì chắc chắn sẽ thành đạt.

10.- Người nào làm nó thối nát thì chắc chắn sẽ thất bại.

11.- (Bộ tộc) *Thamūd*, do lòng kiêu căng tự phụ đã phủ nhận sự thật.

12.- Khi quân khốn nạn nhất trong bọn chúng đứng dậy.

13.- Thấy thế, Sứ giả của Allah bảo chúng: "Đây là con lạc đà cái của Allah, hãy để cho nó uống nước."

14.- Nhưng chúng cho Người nói dối và cắt nhượng nó. Bởi thế *Rabb* của chúng đã giận dữ, trừng phạt và san bằng chúng vì tội ác của chúng.

15.- Và Ngài (Allah) không sợ hậu quả (của việc trừng phạt) đó.

AL-LAYL

Nhân danh Allah, Đấng Rất mực Độ lượng,
Đấng Rất mực Khoan dung

1.- Thề bởi ban đêm khi nó bao phủ; 2.- Thề bởi ban ngày khi nó sáng tỏ;

3.- Thề bởi Đấng đã tạo hóa nam và nữ giới;

4.- Quả thật, nỗ lực của các ngươi rõ khác biệt;

5.- Bởi thế, đối với ai bố thí và sợ Allah; 6.- Và tin nơi cái Tốt;

7.- Thì *TA* sẽ làm con đường đi đến thoải mái được dễ dàng cho y;

8.- Ngược lại, đối với ai keo kiệt và tự cho mình giầu có đầy đủ.

9.- Và phủ nhận cái Tốt

فَسَنُيَسِّرُهُۥ لِلْعُسْرَىٰ ﴿١٠﴾ وَمَا يُغْنِي عَنْهُ مَالُهُۥٓ إِذَا تَرَدَّىٰٓ ﴿١١﴾ إِنَّ عَلَيْنَا لَلْهُدَىٰ ﴿١٢﴾ وَإِنَّ لَنَا لَلْـَٔاخِرَةَ وَٱلْأُولَىٰ ﴿١٣﴾ فَأَنذَرْتُكُمْ نَارًا تَلَظَّىٰ ﴿١٤﴾ لَا يَصْلَىٰهَآ إِلَّا ٱلْأَشْقَى ﴿١٥﴾ ٱلَّذِي كَذَّبَ وَتَوَلَّىٰ ﴿١٦﴾ وَسَيُجَنَّبُهَا ٱلْأَتْقَى ﴿١٧﴾ ٱلَّذِي يُؤْتِي مَالَهُۥ يَتَزَكَّىٰ ﴿١٨﴾ وَمَا لِأَحَدٍ عِندَهُۥ مِن نِّعْمَةٍ تُجْزَىٰٓ ﴿١٩﴾ إِلَّا ٱبْتِغَآءَ وَجْهِ رَبِّهِ ٱلْأَعْلَىٰ ﴿٢٠﴾ وَلَسَوْفَ يَرْضَىٰ ﴿٢١﴾

سُورَةُ الضُّحَىٰ

بِسْمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحْمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

وَٱلضُّحَىٰ ﴿١﴾ وَٱلَّيْلِ إِذَا سَجَىٰ ﴿٢﴾ مَا وَدَّعَكَ رَبُّكَ وَمَا قَلَىٰ ﴿٣﴾ وَلَلْـَٔاخِرَةُ خَيْرٌ لَّكَ مِنَ ٱلْأُولَىٰ ﴿٤﴾ وَلَسَوْفَ يُعْطِيكَ رَبُّكَ فَتَرْضَىٰٓ ﴿٥﴾ أَلَمْ يَجِدْكَ يَتِيمًا فَـَٔاوَىٰ ﴿٦﴾ وَوَجَدَكَ ضَآلًّا فَهَدَىٰ ﴿٧﴾ وَوَجَدَكَ عَآئِلًا فَأَغْنَىٰ ﴿٨﴾ فَأَمَّا ٱلْيَتِيمَ فَلَا تَقْهَرْ ﴿٩﴾ وَأَمَّا ٱلسَّآئِلَ فَلَا تَنْهَرْ ﴿١٠﴾ وَأَمَّا بِنِعْمَةِ رَبِّكَ فَحَدِّثْ ﴿١١﴾

سُورَةُ الشَّرْحِ

بِسْمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحْمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

أَلَمْ نَشْرَحْ لَكَ صَدْرَكَ ﴿١﴾ وَوَضَعْنَا عَنكَ وِزْرَكَ ﴿٢﴾

نصف الحزب ٦٠

10.- Thì *TA* sẽ làm con đường đưa đến cực nhọc được dễ dàng cho y;

11.- Và của cải chẳng giúp ích gì được y khi y bị tiêu hủy;

12.- Quả thật, *TA* (Allah) có nhiệm vụ ban Chỉ đạo hướng dẫn.

13.- Và quả thật, Đời sau và đời này là của TA.

14.- Bởi thế, TA cảnh cáo các ngươi về ngọn Lửa cháy dữ dội.

15.- Không ai bị nướng (đốt) trong đó ngoài quân khốn nạn nhất,

16.- Tên phủ nhận sự thật và quay bỏ đi.

17.- Và người ngay chính sợ Allah sẽ được giữ xa khỏi nó.

18.- Người cho (bố thí) của cải của mình nhằm tẩy sạch (bản thân),

19.- Và không đòi hỏi một ai trả ơn mình về ân huệ đã ban cho người,

20.- Mà chỉ mong tìm Sắc diện của *Rabb* của mình, Đấng Tối Cao;

21.- Và chắc chắn y sẽ sớm được hài lòng (vào Thiên đàng).

AD-DUHĀ

Nhân danh Allah, Đấng Rất mực Độ lượng,
Đấng Rất mực Khoan dung

1.- Thề bởi ban mai; 2.- Và bởi ban đêm khi nó tĩnh mịch;

3.- *Rabb* của Ngươi không bỏ rơi cũng không ghét Ngươi.

4.- Và chắc chắn, Đời sau tốt cho Ngươi hơn đời-sống (hiện tại).

5.- Và chắc chắn, *Rabb* của Ngươi sẽ ban cho Ngươi điều làm Ngươi hài lòng;

6.- Há Ngài đã không thấy Ngươi mồ côi nên đã ban cho một chỗ nương tựa?

7.- Và thấy Ngươi lang thang (tìm Chân-lý) nên đã ban cho Chỉ đạo?

8.- Và thấy Ngươi nghèo khó nên đã ban cho sự giầu có?

9.- Bởi thế, đối với trẻ mồ côi chớ nên bạc đãi (chúng);

10.- Và đối với người ăn xin chớ nên xua đuổi (họ);

11.- Và hãy tuyên bố về Ân huệ của *Rabb* của Ngươi.

ASH-SHARH

Nhân danh Allah, Đấng Rất mực Độ lượng,
Đấng Rất mực Khoan dung

1.- Há *TA* đã không mở rộng lồng ngực cho Ngươi?

2.- Và trút bỏ khỏi Ngươi gánh nặng

ٱلَّذِيٓ أَنقَضَ ظَهۡرَكَ ۝٣ وَرَفَعۡنَا لَكَ ذِكۡرَكَ ۝٤ فَإِنَّ مَعَ ٱلۡعُسۡرِ يُسۡرًا ۝٥
إِنَّ مَعَ ٱلۡعُسۡرِ يُسۡرٗا ۝٦ فَإِذَا فَرَغۡتَ فَٱنصَبۡ ۝٧ وَإِلَىٰ رَبِّكَ فَٱرۡغَب ۝٨

سُورَةُ التِّينِ

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

وَٱلتِّينِ وَٱلزَّيۡتُونِ ۝١ وَطُورِ سِينِينَ ۝٢ وَهَٰذَا ٱلۡبَلَدِ ٱلۡأَمِينِ ۝٣
لَقَدۡ خَلَقۡنَا ٱلۡإِنسَٰنَ فِيٓ أَحۡسَنِ تَقۡوِيمٖ ۝٤ ثُمَّ رَدَدۡنَٰهُ أَسۡفَلَ سَٰفِلِينَ
۝٥ إِلَّا ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ وَعَمِلُواْ ٱلصَّٰلِحَٰتِ فَلَهُمۡ أَجۡرٌ غَيۡرُ مَمۡنُونٖ ۝٦
فَمَا يُكَذِّبُكَ بَعۡدُ بِٱلدِّينِ ۝٧ أَلَيۡسَ ٱللَّهُ بِأَحۡكَمِ ٱلۡحَٰكِمِينَ ۝٨

سُورَةُ العَلَقِ

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

ٱقۡرَأۡ بِٱسۡمِ رَبِّكَ ٱلَّذِي خَلَقَ ۝١ خَلَقَ ٱلۡإِنسَٰنَ مِنۡ عَلَقٍ ۝٢ ٱقۡرَأۡ
وَرَبُّكَ ٱلۡأَكۡرَمُ ۝٣ ٱلَّذِي عَلَّمَ بِٱلۡقَلَمِ ۝٤ عَلَّمَ ٱلۡإِنسَٰنَ
مَا لَمۡ يَعۡلَمۡ ۝٥ كَلَّآ إِنَّ ٱلۡإِنسَٰنَ لَيَطۡغَىٰٓ ۝٦ أَن رَّءَاهُ ٱسۡتَغۡنَىٰٓ
۝٧ إِنَّ إِلَىٰ رَبِّكَ ٱلرُّجۡعَىٰٓ ۝٨ أَرَءَيۡتَ ٱلَّذِي يَنۡهَىٰ ۝٩ عَبۡدًا
إِذَا صَلَّىٰٓ ۝١٠ أَرَءَيۡتَ إِن كَانَ عَلَى ٱلۡهُدَىٰٓ ۝١١ أَوۡ أَمَرَ بِٱلتَّقۡوَىٰٓ ۝١٢

3.- Đã đè nặng lên lưng của Ngươi?

4.- Và *TA* đã nâng cao danh tiếng của Ngươi?

5.- Quả thật, sự thư thả đi đôi với sự cực nhọc;

6.- Quả thật, sự thư thả đi đôi với sự cực nhọc.

7.- Bởi thế, khi thư thả, hãy đứng dậy (dâng lễ '*Salāh*').

8.- Và hãy chăm chú vào *Rabb* của Ngươi (mà cầu nguyện và hy vọng).

AT-TĪN

Nhân danh Allah, Đấng Rất mực Độ lượng,
Đấng Rất mực Khoan dung

1.- Thề bởi cây Sung, và cây Ô-liu, 2.- Thề bởi ngọn Núi *Sinai*,

3.- Thề bởi thành phố (Makkah) an ninh này,

4.- Chắc chắn, *TA* đã tạo hóa con người theo một hình thể tốt đẹp nhất,

5.- Rồi *TA* lật y xuống thấp nhất trong cái thấp (vì phạm tội),

6.- Ngoại trừ những ai có đức tin và làm việc thiện thì sẽ được phần thưởng vô tận.

7.- Nhưng cái gì làm cho ngươi phủ nhận việc Phán xử?

8.- Há Allah không là Đấng Thẩm Phán vô cùng Cao minh ư?

AL-'ALAQ

Nhân danh Allah, Đấng Rất mực Độ lượng,
Đấng Rất mực Khoan dung

1.- Hãy đọc! Nhân danh *Rabb* của Ngươi, Đấng đã tạo,

2.- Đã tạo con người từ một hòn máu đặc.

3.- Hãy đọc! Và *Rabb* của Ngươi Rất mực Quảng đại,

4.- Đấng đã dạy (kiến thức) bằng cây viết;

5.- Đã dạy con người điều mà y không biết;

6.- Nhưng không! Quả thật, con người thái quá,

7.- Bởi vì y tự thấy mình đầy đủ.

8.- Quả thật, y sẽ trở lại gặp *Rabb* của Ngươi (ở Đời sau).

9.- Há Ngươi có thấy một kẻ (*Abū Jahl*) đã ngăn cản

10.- Một người bề tôi (Muhammad) khi Người dâng lễ *Salāh*?

11.- Há Ngươi xét thấy y được hướng dẫn hay chăng?

12.- Hoặc truyền bảo (người khác) nên sợ Allah hay chăng?

أَرَءَيْتَ إِن كَذَّبَ وَتَوَلَّىٰٓ ﴿١٣﴾ أَلَمْ يَعْلَم بِأَنَّ ٱللَّهَ يَرَىٰ ﴿١٤﴾ كَلَّا لَئِن لَّمْ يَنتَهِ لَنَسْفَعًۢا بِٱلنَّاصِيَةِ ﴿١٥﴾ نَاصِيَةٍ كَٰذِبَةٍ خَاطِئَةٍ ﴿١٦﴾ فَلْيَدْعُ نَادِيَهُۥ ﴿١٧﴾ سَنَدْعُ ٱلزَّبَانِيَةَ ﴿١٨﴾ كَلَّا لَا تُطِعْهُ وَٱسْجُدْ وَٱقْتَرِب ۩ ﴿١٩﴾

سجدة

سُورَةُ القَدرِ

بِسْمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحْمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

إِنَّآ أَنزَلْنَٰهُ فِى لَيْلَةِ ٱلْقَدْرِ ﴿١﴾ وَمَآ أَدْرَىٰكَ مَا لَيْلَةُ ٱلْقَدْرِ ﴿٢﴾ لَيْلَةُ ٱلْقَدْرِ خَيْرٌ مِّنْ أَلْفِ شَهْرٍ ﴿٣﴾ تَنَزَّلُ ٱلْمَلَٰٓئِكَةُ وَٱلرُّوحُ فِيهَا بِإِذْنِ رَبِّهِم مِّن كُلِّ أَمْرٍ ﴿٤﴾ سَلَٰمٌ هِىَ حَتَّىٰ مَطْلَعِ ٱلْفَجْرِ ﴿٥﴾

سُورَةُ البَيِّنَةِ

بِسْمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحْمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

لَمْ يَكُنِ ٱلَّذِينَ كَفَرُوا۟ مِنْ أَهْلِ ٱلْكِتَٰبِ وَٱلْمُشْرِكِينَ مُنفَكِّينَ حَتَّىٰ تَأْتِيَهُمُ ٱلْبَيِّنَةُ ﴿١﴾ رَسُولٌ مِّنَ ٱللَّهِ يَتْلُوا۟ صُحُفًا مُّطَهَّرَةً ﴿٢﴾ فِيهَا كُتُبٌ قَيِّمَةٌ ﴿٣﴾ وَمَا تَفَرَّقَ ٱلَّذِينَ أُوتُوا۟ ٱلْكِتَٰبَ إِلَّا مِنۢ بَعْدِ مَا جَآءَتْهُمُ ٱلْبَيِّنَةُ ﴿٤﴾ وَمَآ أُمِرُوٓا۟ إِلَّا لِيَعْبُدُوا۟ ٱللَّهَ مُخْلِصِينَ لَهُ ٱلدِّينَ حُنَفَآءَ وَيُقِيمُوا۟ ٱلصَّلَوٰةَ وَيُؤْتُوا۟ ٱلزَّكَوٰةَ ۚ وَذَٰلِكَ دِينُ ٱلْقَيِّمَةِ ﴿٥﴾

13.- Há Ngươi xét thấy y phủ nhận sự thật và quay bỏ đi?

14.- Há y không biết rằng Allah Hằng thấy (tất cả).

15.- Nhưng không! Nếu y không chịu ngưng (phá rối) thì chắc chắn *TA* sẽ nắm chùm tóc trán (của y),

16.- Một chùm tóc láo khoét, tội lỗi.

17.- Hãy để y gọi bè nhóm của y (đến giúp);

18.- *TA* sẽ gọi các cảnh vệ của Hỏa ngục (đến trừng trị)!

19.- Nhưng không! Chớ nghe theo y. Và hãy phủ phục và đến gần (Ngài).

AL-QADR

Nhân danh Allah, Đấng Rất mực Độ lượng,
Đấng Rất mực Khoan dung

1.- Quả thật, *TA* đã ban Nó (Qur'ān) xuống vào một Đêm Định mệnh.

2.- Và điều gì cho Ngươi biết Đêm Định mệnh là gì?

3.- Đêm Định mệnh tốt hơn một ngàn tháng bình thường;

4.- Trong đêm đó các Thiên thần và *Rūh* (Jibrīl) mang Quyết Định của Allah (về tất cả mọi vấn đề) xuống trần theo Phép của *Rabb* của họ;

5.- Sự Bằng an. Nó kéo dài cho đến hừng đông.

AL-BAYYINAH

Nhân danh Allah, Đấng Rất mực Độ lượng,
Đấng Rất mực Khoan dung

1.- Những ai không có đức tin trong số Người dân Kinh sách và những người thờ đa-thần không chịu từ bỏ (tín ngưỡng của họ) cho đến khi họ gặp minh chứng (Nabi Muhammad):

2.- Một Sứ giả do Allah phái đến đọc các Tờ Kinh trong sạch (Qur'ān);

3.- Trong đó gồm các Sắc-chỉ chính trực.

4.- Và những ai đã được ban Kinh sách chỉ chia rẽ nhau sau khi họ đã gặp minh chứng (Nabi Muhammad)

5.- Và họ được lệnh chỉ phải thờ phụng riêng Allah, triệt-để thần phục Ngài một cách chính trực và dâng lễ '*Salāh*' một cách chu đáo và đóng *Zakāh* và đó là **Dīn** (đường lối sống, tôn giáo) đúng đắn.

إِنَّ ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ مِنْ أَهْلِ ٱلْكِتَٰبِ وَٱلْمُشْرِكِينَ فِي نَارِ جَهَنَّمَ خَٰلِدِينَ فِيهَآۚ أُوْلَٰٓئِكَ هُمْ شَرُّ ٱلْبَرِيَّةِ ﴿٦﴾ إِنَّ ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ وَعَمِلُواْ ٱلصَّٰلِحَٰتِ أُوْلَٰٓئِكَ هُمْ خَيْرُ ٱلْبَرِيَّةِ ﴿٧﴾ جَزَآؤُهُمْ عِندَ رَبِّهِمْ جَنَّٰتُ عَدْنٍ تَجْرِي مِن تَحْتِهَا ٱلْأَنْهَٰرُ خَٰلِدِينَ فِيهَآ أَبَدًاۖ رَّضِيَ ٱللَّهُ عَنْهُمْ وَرَضُواْ عَنْهُۚ ذَٰلِكَ لِمَنْ خَشِيَ رَبَّهُۥ ﴿٨﴾

سُورَةُ الزَّلْزَلَةِ

بِسْمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحْمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

إِذَا زُلْزِلَتِ ٱلْأَرْضُ زِلْزَالَهَا ﴿١﴾ وَأَخْرَجَتِ ٱلْأَرْضُ أَثْقَالَهَا ﴿٢﴾ وَقَالَ ٱلْإِنسَٰنُ مَا لَهَا ﴿٣﴾ يَوْمَئِذٍ تُحَدِّثُ أَخْبَارَهَا ﴿٤﴾ بِأَنَّ رَبَّكَ أَوْحَىٰ لَهَا ﴿٥﴾ يَوْمَئِذٍ يَصْدُرُ ٱلنَّاسُ أَشْتَاتًا لِّيُرَوْاْ أَعْمَٰلَهُمْ ﴿٦﴾ فَمَن يَعْمَلْ مِثْقَالَ ذَرَّةٍ خَيْرًا يَرَهُۥ ﴿٧﴾ وَمَن يَعْمَلْ مِثْقَالَ ذَرَّةٍ شَرًّا يَرَهُۥ ﴿٨﴾

سُورَةُ العَادِيَاتِ

بِسْمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحْمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

وَٱلْعَٰدِيَٰتِ ضَبْحًا ﴿١﴾ فَٱلْمُورِيَٰتِ قَدْحًا ﴿٢﴾ فَٱلْمُغِيرَٰتِ صُبْحًا ﴿٣﴾ فَأَثَرْنَ بِهِۦ نَقْعًا ﴿٤﴾ فَوَسَطْنَ بِهِۦ جَمْعًا ﴿٥﴾

6.- Quả thật, những ai không tin tưởng trong số Người dân Kinh sách và những người thờ đa-thần sẽ vào ở trong Hỏa ngục đời đời. Họ là những sinh vật xấu xa nhất.

7.- Quả thật, những ai có đức tin (nơi Allah và Sứ giả Muhammad) và làm việc thiện thì sẽ là những sinh vật tốt đẹp nhất.

8.- Phần thưởng của họ nơi *Rabb* của họ sẽ gồm các Ngôi vườn vĩnh cửu (Thiên đàng *'Adn*) bên dưới có các dòng sông chảy mà họ sẽ vào ở trong đó đời đời; Allah sẽ hài lòng với họ và họ sẽ toại nguyện với Ngài. Cái đó dành cho ai là người sợ *Rabb* của mình.

AZ-ZALZALAH

Nhân danh Allah, Đấng Rất mực Độ lượng,
Đấng Rất mực Khoan dung

1.- Khi trái đất chấn động qua một cuộc động đất (cuối cùng);

2.- Và trút gánh nặng của nó ra ngoài,

3.- Và con người sẽ bảo: "Chuyện gì xảy đến cho nó vậy?"

4.- Vào Ngày đó, nó sẽ kể câu chuyện của nó.

5.- Bởi vì *Rabb* (Allah) của Ngươi mặc khải cho nó.

6.- Vào Ngày đó, nhân loại sẽ đi rời rạc từng đoàn đến chứng kiến việc làm của họ.

7.- Bởi thế, ai làm việc thiện dù nhẹ bằng hạt cải cũng sẽ thấy nó;

8.- Và ai làm việc ác dù nhẹ bằng hạt cải cũng sẽ thấy nó.

AL-'ĀDIYĀT

Nhân danh Allah, Đấng Rất mực Độ lượng,
Đấng Rất mực Khoan dung

1.- Thề bởi các con chiến mã chạy hào hễn (đi tấn công địch);

2.- Bởi thế (móng chân của chúng) làm bắn ra tia lửa;

3.- Rồi tấn công vào buổi hừng sáng;

4.- Rồi làm tung bụi mịt mù;

5.- Và chúng xông thẳng vào lòng (quân địch);

إِنَّ ٱلْإِنسَٰنَ لِرَبِّهِۦ لَكَنُودٌ ۝٦ وَإِنَّهُۥ عَلَىٰ ذَٰلِكَ لَشَهِيدٌ ۝٧ وَإِنَّهُۥ لِحُبِّ ٱلْخَيْرِ لَشَدِيدٌ ۝٨ ۞ أَفَلَا يَعْلَمُ إِذَا بُعْثِرَ مَا فِى ٱلْقُبُورِ ۝٩ وَحُصِّلَ مَا فِى ٱلصُّدُورِ ۝١٠ إِنَّ رَبَّهُم بِهِمْ يَوْمَئِذٍ لَّخَبِيرٌۢ ۝١١

سُورَةُ القَارِعَةِ

بِسْمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحْمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

ٱلْقَارِعَةُ ۝١ مَا ٱلْقَارِعَةُ ۝٢ وَمَآ أَدْرَىٰكَ مَا ٱلْقَارِعَةُ ۝٣ يَوْمَ يَكُونُ ٱلنَّاسُ كَٱلْفَرَاشِ ٱلْمَبْثُوثِ ۝٤ وَتَكُونُ ٱلْجِبَالُ كَٱلْعِهْنِ ٱلْمَنفُوشِ ۝٥ فَأَمَّا مَن ثَقُلَتْ مَوَٰزِينُهُۥ ۝٦ فَهُوَ فِى عِيشَةٍ رَّاضِيَةٍ ۝٧ وَأَمَّا مَنْ خَفَّتْ مَوَٰزِينُهُۥ ۝٨ فَأُمُّهُۥ هَاوِيَةٌ ۝٩ وَمَآ أَدْرَىٰكَ مَا هِيَهْ ۝١٠ نَارٌ حَامِيَةٌۢ ۝١١

سُورَةُ التَّكَاثُرِ

بِسْمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحْمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

أَلْهَىٰكُمُ ٱلتَّكَاثُرُ ۝١ حَتَّىٰ زُرْتُمُ ٱلْمَقَابِرَ ۝٢ كَلَّا سَوْفَ تَعْلَمُونَ ۝٣ ثُمَّ كَلَّا سَوْفَ تَعْلَمُونَ ۝٤ كَلَّا لَوْ تَعْلَمُونَ عِلْمَ ٱلْيَقِينِ ۝٥ لَتَرَوُنَّ ٱلْجَحِيمَ ۝٦ ثُمَّ لَتَرَوُنَّهَا عَيْنَ ٱلْيَقِينِ ۝٧ ثُمَّ لَتُسْـَٔلُنَّ يَوْمَئِذٍ عَنِ ٱلنَّعِيمِ ۝٨

6.- Quả thật! Con người vong ân đối với *Rabb* (Allah) của y;

7.- Và chính y là nhân chứng cho việc đó;

8.- Và quả thật, y yêu dữ dằn sự giầu có.

9.- Há y không biết, khi mọi vật nằm dưới mộ đều bị quật lên?

10.- Và mọi điều (bí mật) trong lòng sẽ được phơi bày.

11.- Quả thật, vào Ngày đó, *Rabb* của họ sẽ rất mực Am tường.

AL-QĀRI'AH

Nhân danh Allah, Đấng Rất mực Độ lượng,
Đấng Rất mực Khoan dung

1.- *Al-Qāri'ah;* 2.- *Al-Qāri'ah* là gì?

3.- Và điều gì cho Ngươi (Muhammad) biết *Al-Qāri'ah* là gì?

4.- Đó là Ngày mà nhân loại sẽ như bươm bướm bay tán loạn;

5.- Và những quả núi sẽ (bắn tung) như cụm lông cừu được chải ra;

6.- Bởi thế, đối với ai mà bàn cân (chứa việc thiện) nặng,

7.- Thì sẽ hưởng một đời sống vui thích.

8.- Và đối với ai mà bàn cân (chứa việc thiện) nhẹ,

9.- Thì nhà ở của y sẽ là *Hāwiyah.*

10.- Và điều gì cho Ngươi biết *Hāwiyah* là gì?

11.- (Đó là) Lửa ngọn cháy dữ dội!

AT-TAKĀTHUR

Nhân danh Allah, Đấng Rất mực Độ lượng,
Đấng Rất mực Khoan dung

1.- Việc tom góp của cải (làm giầu) làm cho các ngươi bận tâm,

2.- Cho đến khi các ngươi đi thăm mộ.

3.- Nhất định không! Các ngươi sẽ sớm biết!

4.- Rồi nhất định không! Các ngươi sẽ sớm biết!

5.- Nhất định không! Nếu các ngươi biết với một sự hiểu biết chắc chắn

6.- Thì chắc chắn sẽ thấy Lửa (của Hỏa ngục)!

7.- Rồi chắc chắn các ngươi sẽ thấy nó với cặp mắt khẳng định!

8.- Rồi chắc chắn vào Ngày đó các ngươi sẽ bị tra hỏi về lạc thú.

سُورَةُ العَصۡرِ

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

وَٱلۡعَصۡرِ ١ إِنَّ ٱلۡإِنسَٰنَ لَفِي خُسۡرٍ ٢ إِلَّا ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ
وَعَمِلُواْ ٱلصَّٰلِحَٰتِ وَتَوَاصَوۡاْ بِٱلۡحَقِّ وَتَوَاصَوۡاْ بِٱلصَّبۡرِ ٣

سُورَةُ الهُمَزَةِ

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

وَيۡلٞ لِّكُلِّ هُمَزَةٖ لُّمَزَةٍ ١ ٱلَّذِي جَمَعَ مَالٗا وَعَدَّدَهُۥ ٢
يَحۡسَبُ أَنَّ مَالَهُۥٓ أَخۡلَدَهُۥ ٣ كَلَّاۖ لَيُنۢبَذَنَّ فِي ٱلۡحُطَمَةِ ٤
وَمَآ أَدۡرَىٰكَ مَا ٱلۡحُطَمَةُ ٥ نَارُ ٱللَّهِ ٱلۡمُوقَدَةُ ٦ ٱلَّتِي تَطَّلِعُ
عَلَى ٱلۡأَفۡـِٔدَةِ ٧ إِنَّهَا عَلَيۡهِم مُّؤۡصَدَةٞ ٨ فِي عَمَدٖ مُّمَدَّدَةِۭ ٩

سُورَةُ الفِيلِ

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

أَلَمۡ تَرَ كَيۡفَ فَعَلَ رَبُّكَ بِأَصۡحَٰبِ ٱلۡفِيلِ ١ أَلَمۡ يَجۡعَلۡ
كَيۡدَهُمۡ فِي تَضۡلِيلٖ ٢ وَأَرۡسَلَ عَلَيۡهِمۡ طَيۡرًا أَبَابِيلَ ٣
تَرۡمِيهِم بِحِجَارَةٖ مِّن سِجِّيلٖ ٤ فَجَعَلَهُمۡ كَعَصۡفٖ مَّأۡكُولِۭ ٥

AL-'ASR

Nhân danh Allah, Đấng Rất mực Độ lượng,
Đấng Rất mực Khoan dung

1.- Thề bởi thời gian.

2.- Quả thật, con người sẽ đi vào thua thiệt,

3.- Ngoại trừ những ai có đức tin và làm việc thiện và khuyên bảo nhau tôn trọng sự thật và khuyên bảo nhau kiên nhẫn.

AL-HUMAZAH

Nhân danh Allah, Đấng Rất mực Độ lượng,
Đấng Rất mực Khoan dung

1.- Thiệt thân cho từng kẻ vu cáo và nói xấu người khác.

2.- Những ai vơ vét tiền bạc và luôn tay đếm nó,

3.- Nghĩ rằng của cải sẽ làm cho y sống đời đời!

4.- Nhất định không! Chắc chắn, y sẽ bị quẳng vào *Huṭamah*;

5.- Và điều gì cho Ngươi (Nabi) biết *Huṭamah* là gì?

6.- Đó là Lửa của Allah, được nhúm lên (thành ngọn),

7.- Sẽ bốc cao lên tận quả tim;

8.- Quả thật, nó (Lửa) sẽ vây kín chúng lại;

9.- Bên trong các cột lửa cháy tỏa rộng.

AL-FĪL

Nhân danh Allah, Đấng Rất mực Độ lượng,
Đấng Rất mực Khoan dung

1.- Há Ngươi không thấy *Rabb* của Ngươi đã đối phó với đoàn quân cưỡi voi (của *Abrahah Al-Ashram* định tiêu diệt Ka'bah) như thế nào ư?

2.- Há Ngài đã không phá hỏng kế hoạch của bọn chúng hay sao?

3.- Và phái chim bay từng đàn đến tiêu diệt chúng?

4.- Đánh chúng bằng đá *Sijjīl* (đất sét nung).

5.- Bởi thế, làm cho chúng (chết) như cọng rạ khô (sau mùa gặt).

سُورَةُ قُرَيْشٍ

بِسْمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحْمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

لِإِيلَٰفِ قُرَيْشٍ ﴿١﴾ إِۦلَٰفِهِمْ رِحْلَةَ ٱلشِّتَآءِ وَٱلصَّيْفِ ﴿٢﴾ فَلْيَعْبُدُوا۟ رَبَّ هَٰذَا ٱلْبَيْتِ ﴿٣﴾ ٱلَّذِىٓ أَطْعَمَهُم مِّن جُوعٍ وَءَامَنَهُم مِّنْ خَوْفٍۭ ﴿٤﴾

سُورَةُ المَاعُونِ

بِسْمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحْمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

أَرَءَيْتَ ٱلَّذِى يُكَذِّبُ بِٱلدِّينِ ﴿١﴾ فَذَٰلِكَ ٱلَّذِى يَدُعُّ ٱلْيَتِيمَ ﴿٢﴾ وَلَا يَحُضُّ عَلَىٰ طَعَامِ ٱلْمِسْكِينِ ﴿٣﴾ فَوَيْلٌ لِّلْمُصَلِّينَ ﴿٤﴾ ٱلَّذِينَ هُمْ عَن صَلَاتِهِمْ سَاهُونَ ﴿٥﴾ ٱلَّذِينَ هُمْ يُرَآءُونَ ﴿٦﴾ وَيَمْنَعُونَ ٱلْمَاعُونَ ﴿٧﴾

سُورَةُ الكَوْثَرِ

بِسْمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحْمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

إِنَّآ أَعْطَيْنَٰكَ ٱلْكَوْثَرَ ﴿١﴾ فَصَلِّ لِرَبِّكَ وَٱنْحَرْ ﴿٢﴾ إِنَّ شَانِئَكَ هُوَ ٱلْأَبْتَرُ ﴿٣﴾

QURAYSH

Nhân danh Allah, Đấng Rất mực Độ lượng,
Đấng Rất mực Khoan dung

1.- Nhằm bảo vệ bộ tộc *Quraysh*,

2.- Bảo vệ họ đi buôn xa (về phía Nam) vào mùa đông và (về phía Bắc) vào mùa hạ,-

3.- Bởi vậy, họ phải thờ phụng *Rabb* (Đấng Chủ Nhân) của Ngôi Đền (Ka'bah) này (tại Makkah).

4.- Đấng đã nuôi họ khỏi đói và cho họ được an toàn khỏi sợ.

AL-MĀ'ŪN

Nhân danh Allah, Đấng Rất mực Độ lượng,
Đấng Rất mực Khoan dung

1.- Há Ngươi có thấy kẻ phủ nhận việc Phán xử (để thưởng và phạt)?

2.- Bởi lẽ kẻ ấy đã xua đuổi trẻ mồ côi;

3.- Và không khuyến khích việc nuôi ăn những người thiếu thốn;

4.- Bởi thế, thiệt thân cho những người dâng lễ '*Salāh*' -

5.- Những ai lơ là trong việc dâng lễ '*Salāh*' của họ,

6.- Những ai chỉ muốn phô trương cho (người khác) thấy,

7.- Và từ chối giúp đỡ (láng giềng) về những vật dụng cần thiết.

AL-KAUTHAR

Nhân danh Allah, Đấng Rất mực Độ lượng,
Đấng Rất mực Khoan dung

1.- Quả thật, *TA* đã ban cho Ngươi (Muhammad) *Al-Kauthar* (một con sông nơi Thiên Đàng).

2.- Bởi thế, hãy dâng lễ '*Salāh*' và tế-lễ (dâng lên Allah thôi).

3.- Quả thật, kẻ xúc phạm Ngươi mới thực sự bị cắt đứt (mọi hy vọng).

سُورَةُ الكَافِرُونَ

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

قُلۡ يَٰٓأَيُّهَا ٱلۡكَٰفِرُونَ ١ لَآ أَعۡبُدُ مَا تَعۡبُدُونَ ٢
وَلَآ أَنتُمۡ عَٰبِدُونَ مَآ أَعۡبُدُ ٣ وَلَآ أَنَا۠ عَابِدٞ مَّا عَبَدتُّمۡ ٤
وَلَآ أَنتُمۡ عَٰبِدُونَ مَآ أَعۡبُدُ ٥ لَكُمۡ دِينُكُمۡ وَلِيَ دِينِ ٦

سُورَةُ النَّصرِ

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

إِذَا جَآءَ نَصۡرُ ٱللَّهِ وَٱلۡفَتۡحُ ١ وَرَأَيۡتَ ٱلنَّاسَ
يَدۡخُلُونَ فِي دِينِ ٱللَّهِ أَفۡوَاجٗا ٢ فَسَبِّحۡ بِحَمۡدِ رَبِّكَ
وَٱسۡتَغۡفِرۡهُۚ إِنَّهُۥ كَانَ تَوَّابَۢا ٣

سُورَةُ المَسَدِ

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

تَبَّتۡ يَدَآ أَبِي لَهَبٖ وَتَبَّ ١ مَآ أَغۡنَىٰ عَنۡهُ مَالُهُۥ وَمَا كَسَبَ ٢
سَيَصۡلَىٰ نَارٗا ذَاتَ لَهَبٖ ٣ وَٱمۡرَأَتُهُۥ حَمَّالَةَ ٱلۡحَطَبِ ٤
فِي جِيدِهَا حَبۡلٞ مِّن مَّسَدِۭ ٥

AL-KĀFIRŪN

Nhân danh Allah, Đấng Rất mực Độ lượng,
Đấng Rất mực Khoan dung

1.- Hãy bảo (chúng): "Này hỡi những kẻ phủ nhận Allah!

2.- "Ta không tôn thờ những kẻ (thần linh) mà các ngươi tôn thờ,

3.- "Các ngươi cũng sẽ không tôn thờ Đấng (Allah) mà Ta thờ phụng.

4.- "Và Ta sẽ không là một tín đồ của kẻ mà các ngươi đang tôn thờ;

5.- "Và các ngươi cũng sẽ không tôn thờ Đấng mà Ta đang thờ phụng;

6.- "**Dīn** (tôn giáo, con đường sống) của các ngươi thuộc về các ngươi, **Dīn** của Ta thuộc về Ta."

AN-NASR

Nhân danh Allah, Đấng Rất mực Độ lượng,
Đấng Rất mực Khoan dung

1.- Khi sự giúp đỡ của Allah đến (với Ngươi-Muhammad) và sự thắng lợi (khi chinh phục Makkah),

2.- Và Ngươi thấy nhân loại gia nhập **Dīn** của Allah (Islām) từng đoàn;

3.- Bởi thế, hãy tán dương lời ca tụng *Rabb* (Allah) của Ngươi và cầu xin Ngài tha thứ. Quả thật, Ngài Hằng quay lại tha thứ.

AL-MASAD

Nhân danh Allah, Đấng Rất mực Độ lượng,
Đấng Rất mực Khoan dung

1.- Hai tay của *Abū Lahab* bị hủy diệt và y bị hủy diệt!

2.- Của cải và tất cả những gì mà y tậu tác sẽ chẳng giúp y được gì.

3.- Y sẽ bị đốt trong Lửa ngùn ngụt cháy!

4.- Và vợ của y, người đã từng vác củi khô (cũng sẽ bị như thế).

5.- Cổ của bà ta sẽ bị thắt bởi một sợi dây thốt nốt.

سُورَةُ الإِخْلَاصِ

بِسْمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحْمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

قُلْ هُوَ ٱللَّهُ أَحَدٌ ﴿١﴾ ٱللَّهُ ٱلصَّمَدُ ﴿٢﴾ لَمْ يَلِدْ وَلَمْ يُولَدْ ﴿٣﴾
وَلَمْ يَكُن لَّهُۥ كُفُوًا أَحَدٌۢ ﴿٤﴾

سُورَةُ الفَلَقِ

بِسْمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحْمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

قُلْ أَعُوذُ بِرَبِّ ٱلْفَلَقِ ﴿١﴾ مِن شَرِّ مَا خَلَقَ ﴿٢﴾ وَمِن شَرِّ
غَاسِقٍ إِذَا وَقَبَ ﴿٣﴾ وَمِن شَرِّ ٱلنَّفَّٰثَٰتِ فِى ٱلْعُقَدِ ﴿٤﴾
وَمِن شَرِّ حَاسِدٍ إِذَا حَسَدَ ﴿٥﴾

سُورَةُ النَّاسِ

بِسْمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحْمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

قُلْ أَعُوذُ بِرَبِّ ٱلنَّاسِ ﴿١﴾ مَلِكِ ٱلنَّاسِ ﴿٢﴾ إِلَٰهِ
ٱلنَّاسِ ﴿٣﴾ مِن شَرِّ ٱلْوَسْوَاسِ ٱلْخَنَّاسِ ﴿٤﴾ ٱلَّذِى
يُوَسْوِسُ فِى صُدُورِ ٱلنَّاسِ ﴿٥﴾
مِنَ ٱلْجِنَّةِ وَٱلنَّاسِ ﴿٦﴾

AL-IKHLĀS

Nhân danh Allah, Đấng Rất mực Độ lượng,
Đấng Rất mực Khoan dung

1.- Hãy bảo (họ): "Ngài, Allah, là Một (Duy nhất).

2.- "Allah là Đấng Tự Hữu, Độc Lập mà tất cả phải nhờ vả.

3.- "Ngài không sinh (đẻ) ai, cũng không do ai sinh ra.

4.- "Và không một ai (cái gì) có thể so sánh với Ngài đặng."

AL-FALAQ

Nhân danh Allah, Đấng Rất mực Độ lượng,
Đấng Rất mực Khoan dung

1.- Hãy bảo: "Tôi cầu xin *Rabb* của buổi rạng đông che chở,

2.- "Tránh khỏi sự tác hại của những vật mà Ngài đã tạo;

3.- "Và khỏi sự tác hại của màn đêm khi nó bao phủ;

4.- "Và khỏi sự tác hại của những kẻ thổi (phù phép) vào những chiếc gút thắt;

5.- "Và khỏi sự hãm hại của những kẻ đố kỵ khi họ ganh tị."

AN-NĀS

Nhân danh Allah, Đấng Rất mực Độ lượng,
Đấng Rất mực Khoan dung

1.- Hãy bảo (họ): "Tôi cầu xin *Rabb* (Đấng Chủ Tể) của nhân loại,

2.- "Đức Vua của nhân loại,

3.- "Đấng Thượng Đế của nhân loại,

4.- "(Che chở) tránh khỏi sự hãm hại của kẻ thì thào (lời xúi giục, bùa phép) rồi lẫn mất,

5.- "Kẻ đã thì thào (những điều tác hại) vào lòng người,

6.- "Thuộc loài *Jinn* và loài người."

BẢNG KÊ TÊN CÁC NHÂN VẬT TRONG QUR'AN VÀ KINH THÁNH

Tiếng Ả-rập	Tiếng Anh	Tiếng Việt
Allah	God	Đức Chúa Trời
Adam	Adam	A-đam
Al-Yasa'a	Elisha	E-li-sa
Ayyub	Job	Gióp
Dawud	David	Đa-vít
Dhul-Kifl	Zulkifl	Giun-kíp-phơn
Fir'aun	Pharaoh	Phê-rô
Habil	Abel	A-bên
Harun	Aaron	A-rôn
Ibrahim	Abraham	Áp-ra-ham
Idris	Enoch	Ê-nốc
Ilyas	Elias	Ê-li-át
'Imran	Amran	Am-ran
Ishaq	Isaac	Y-sắc
Isma-il	Ishmael	Y-sờ-ma-ên
Isra-il	Israel	Y-sờ-ra-ên
'Isa	Jesus	Giê-su
Jalut	Goliath	Gô-li-át
Jibril	Gabriel	Ga-bờ-ri-ên
Lut	Lot	Lốt
Ma'juj	Magog	Ma-gốc
Mika-il	Michael	Mi-ka-ên
Muhammad	Ahmed	Mu-hăm-mát
Musa	Moses	Môi-se
Nuh	Noah	Nô-ê
Qabil	Cain	Ca-in
Qarun	Korah	Cô-ra
Saba	Sheba	Sê-ba
Salih	Saleh	Sa-lê
Sam'un	Samson	Săm-sôn
Shu'ayb	Shuaib	Su-ép
Sulayman	Solomon	Sô-lô-môn
Talut	Saul	Sa-un
'Uzayr	Ezra	Ê-sờ-ra
Yahya	John the Baptist	Giăng Báp-tít
Ya'juj	Gog	Gốc
Ya'qub	Jacob	Gia-cốp
Yunus	Jonah	Giô-na
Yusuf	Joseph	Giô-sép
Zakariya	Zacharias	Gia-ca-ri-a

PHIÊN NGỮ MẪU TỰ Ả-RẬP SANG MẪU TỰ LATINH

	Mẫu-tự Ảrập	Mẫu-tự Latinh	Cách phát âm
أ	(Alıf)	a	Như 'a' của tiếng Việt.
ب	(Ba)	b	Như 'book' của tiếng Anh.
ت	(Ta)	t	Như 'ta' của tiếng Việt.
ث	(Tha)	th	Như 'thing' của tiếng Anh.
ج	(Jim)	j	Như 'jet' của tiếng Anh.
ح	(Ha)	ḥ	Như 'ha' của tiếng Việt.
خ	(Kha)	kh	Như 'khá' của tiếng Việt.
د	(Dal)	d	Tựa như 'dan' của tiếng Mã.
ذ	(Dhal)	dh	Như 'that' của tiếng Anh.
ر	(Ro)	r	Như 'ro' của tiếng Việt.
ز	(Zay)	z	Như 'zoo' của tiếng Anh.
س	(Sin)	s	Như 'xin' của tiếng Việt.
ش	(Shin)	sh	Như 'she' của tiếng Anh.
ص	(Sgot)	ṣ	Ghép âm 'so' và âm 'go.'
ض	(Dot)	ḍ	'Tọt' đọc nặng, đánh lưỡi vào má.
ط	(Tgo)	ṭ	Ghép âm 'to' và âm 'go'.
ظ	(Zho)	ẓ	Ghép âm 'zò' và 'hò'.
ع	('Ayn)	'a	Như 'a' nằm trong cổ họng.
غ	(Ghayn)	gh/g	Như 'ghi' của tiếng Việt.
ف	(Fa)	f	Như 'phái' của tiếng Việt.
ق	(Qo)	q	Như 'co' của tiếng Việt.
ك	(Kaf)	k	Như 'kiếm' của tiếng Việt.
ل	(Lam)	l	Như 'lấm' của tiếng Việt.
م	(Mim)	m	Như 'mang' của tiếng Việt.
ن	(Nun)	n	Như 'nay' của tiếng Việt.
هـ	(Ha)	h	Như 'hò' của tiếng Việt.
و	(Waw)	w	Như (when) của tiếng Anh.
ي	(Ya)	y	Như 'gì' của tiếng Việt.
ـة	Ta Marbūtah	t/h	Nằm ở cuối chữ.

Tiếng Ả-rập chỉ có ba âm chính 'a', 'i', và 'u'. Tất cả các nguyên âm đều được cấu tạo bằng các ký hiệu nằm phía trên và phía dưới các phụ âm. Chúng tôi dùng dấu ngang bên trên các nguyên âm để diễn tả âm dài của chúng, như ā, ī và ū.

فهرس بأسماء السور وبيان المكي والمدني منها

Bảng kê thứ tự các Surah (Chương)

Thứ tự	Sūrah	Trg	Mk/Md
1	Al-Fātihah	1	Mk
2	Al-Baqarah	2	Md
3	Āl-'Imrān	50	Md
4	An-Nisā'	77	Md
5	Al-Mā'idah	106	Md
6	Al-An'ām	128	Mk
7	Al-A'rāf	151	Mk
8	Al-Anfāl	177	Md
9	At-Taubah	187	Md
10	Yūnus	208	Mk
11	Hūd	221	Mk
12	Yūsuf	235	Mk
13	Ar-Ra'd	249	Md
14	Ibrāhīm	255	Mk
15	Al-Hijr	262	Mk
16	An-Nahl	267	Mk
17	Al-Isrā'	282	Mk
18	Al-Kahf	293	Mk
19	Maryam	305	Mk
20	Tā-Hā	312	Mk
21	Al-Anbiyā'	322	Mk
22	Al-Hajj	332	Md
23	Al-Mu'minūn	342	Mk
24	An-Nūr	350	Md
25	Al-Furqān	359	Mk
26	Ash-Shu'arā'	367	Mk
27	An-Naml	377	Mk
28	Al-Qasas	385	Mk
29	Al-'Ankabūt	396	Mk
30	Ar-Rūm	404	Mk
31	Luqmān	411	Mk
32	As-Sajdah	415	Mk
33	Al-Ahzāb	418	Md
34	Saba'	428	Mk
35	Fātir	434	Mk
36	Yā-Sīn	440	Mk
37	As-Sāffāt	446	Mk
38	Sād	453	Mk
39	Az-Zumar	458	Mk
40	Ghāfir	467	Mk
41	Fussilat	477	Mk
42	Ash-Shūra	483	Mk
43	Az-Zukhruf	489	Mk
44	Ad-Dukhān	496	Mk
45	Al-Jāthiyah	499	Mk
46	Al-Ahqāf	502	Mk
47	Muhammad	507	Md
48	Al-Fath	511	Md
49	Al-Hujurāt	515	Md
50	Qāf	518	Mk
51	Adh-Dhāriyāt	520	Mk
52	At-Tūr	523	Mk
53	An-Najm	526	Mk
54	Al-Qamar	528	Mk
55	Ar-Rahmān	531	Md
56	Al-Wāqi'ah	534	Mk

Thứ tự	Sūrah	Trg	Mk/Md
57	Al-Hadīd	537	Md
58	Al-Mujadalah	542	Md
59	Al-Hashr	545	Md
60	Al-Mumtahanah	549	Md
61	As-Saff	551	Md
62	Al-Jumu'ah	553	Md
63	Al-Munāfiqūn	554	Md
64	At-Taghābun	556	Md
65	At-Talāq	558	Md
66	At-Tahrīm	560	Md
67	Al-Mulk	562	Mk
68	Al-Qalam	564	Mk
69	Al-Hāqqah	566	Mk
70	Al-Ma'ārij	568	Mk
71	Nūh	570	Mk
72	Al-Jinn	572	Mk
73	Al-Muzzammil	574	Mk
74	Al-Muddaththir	575	Mk
75	Al-Qiyāmah	577	Mk
76	Al-Insān	578	Mk
77	Al-Mursalāt	580	Mk
78	An-Naba'	582	Mk
79	An-Nāzi'āt	583	Mk
80	'Abasa	585	Mk
81	At-Takwīr	586	Mk
82	Al-Infitār	587	Mk
83	Al-Mutaffifīn	587	Mk
84	Al-Inshiqāq	589	Mk
85	Al-Burūj	590	Mk
86	At-Tāriq	591	Mk
87	Al-A'lā	591	Mk
88	Al-Ghāshiyah	592	Mk
89	Al-Fajr	593	Mk
90	Al-Balad	594	Mk
91	Ash-Shams	595	Mk
92	Al-Lail	595	Mk
93	Ad-Duhā	596	Mk
94	Ash-Sharh	596	Mk
95	At-Tīn	597	Mk
96	Al-'Alaq	597	Mk
97	Al-Qadr	598	Mk
98	Al-Baiyinah	598	Md
99	Az-Zalzalah	599	Md
100	Al-'Ādiyāt	599	Mk
101	Al-Qāri'ah	600	Mk
102	At-Takāthur	600	Mk
103	Al-'Asr	601	Mk
104	Al-Humazah	601	Mk
105	Al-Fīl	601	Mk
106	Quraish	602	Mk
107	Al-Mā'ūn	602	Mk
108	Al-Kauthar	602	Mk
109	Al-Kāfirūn	603	Mk
110	An-Nasr	603	Md
111	Al-Masad	603	Mk
112	Al-Ikhlās	604	Mk
113	Al-Falaq	604	Mk
114	An-Nās	604	Mk

Mk=Mặc khải tại Makkah
Md=Mặc khải tại Madinah

Mục lục

إن وزارة الشؤون الإسلامية والأوقاف والدعوة والإرشاد

في المملكة العربية السعودية

المشرفة على مجمع الملك فهد

لطباعة المصحف الشريف في المدينة المنورة

إذ يسرها أن يصدر المجمع هذه الطبعة من القرآن الكريم

وترجمة معانيه إلى اللغة الفيتنامية

تسأل الله تعالى أن ينفع به الناس

وأن يجزي

خادم الحرمين الشريفين الملك عبدالله بن عبدالعزيز آل سعود

أحسن الجزاء على جهوده العظيمة في نشر كتاب الله الكريم

والله ولي التوفيق

Bộ Islam Vụ, Auqaf, Da'wah và Irshad
của Vương quốc Ả-rập Saudi
giám sát Trung tâm Ấn loát Kinh Qur'an thuộc
Quốc vương Fahad tại Madinah Munauwarah
rất hài lòng về việc Trung tâm Ấn loát phát hành
Thiên kinh Qur'an
với bản dịch ý nghĩa nội dung bằng Việt ngữ.
Cầu xin Allah làm cho Nó hữu ích cho nhân loại
và xin Allah ban phần thưởng ưu hạng cho Vị Bảo quản
hai ngôi Thánh-đường, Quốc vương
Abdullah bin Abdul Aziz al-Saud về nỗ lực không ngừng
của Ngài trong việc truyền bá Kinh sách của Allah.
Và Allah là Đấng ban bố sự thành công.

بعون الله وتوفيقه
تم طبع هذا المصحف الشريف
وترجمة معانيه في مجمع الملك فهد
لطباعة المصحف الشريف بالمدينة المنورة
بإشراف وزارة الشؤون الإسلامية
والأوقاف والدعوة والإرشاد في
المملكة العربية السعودية
عام ١٤٣١هـ

حقوق الطبع محفوظة
لمجمع الملك فهد لطباعة المصحف الشريف

ص.ب ٦٢٦٢ – المدينة المنورة
www.qurancomplex.org
kfcphq@qurancomplex.org

Với sự giúp
đỡ và hướng dẫn của
Allah, việc xuất bản Kinh
Qur'an với bản dịch ý nghĩa nội
dung đã được hoàn tất tại Trung
tâm Ấn loát Quốc vương Fahad
chuyên phát hành Kinh Qur'an
tại Madinah Munauwarah dưới
sự giám sát của Bộ IslamVụ, Auqaf,
Da'wah và Irshad thuộc Vương
quốc Ả-rập Saudi năm
1431 A.H. 2010
dương lịch

Bản quyền của Trung tâm Ấn loát Kinh
Qur'an Quốc vương Fahad
P.O.Box No. 6262, Madinah
Saudi-Arabia

www.qurancomplex.org
kfcphq@qurancomplex.org

ⓗ مجمع الملك فهد لطباعة المصحف الشريف ، ١٤٢٣هـ
فهرسة مكتبة الملك فهد الوطنية أثناء النشر
مجمع الملك فهد لطباعة المصحف الشريف
القرآن الكريم وترجمة معانيه إلى اللغة الفيتنامية
- المدينة المنورة ، ١٤٢٣هـ .

١٢٣٢ ص ، ١٤ × ٢١ سم
ردمك : ٢ - ٤٦ - ٨٤٧ - ٩٩٦٠

١- القرآن - ترجمة - اللغة الفيتنامية أ- العنوان
ديوي ٢٢١,٥٩٧ ١٤٢٣/٥٦٧١

رقم الإيداع : ١٤٢٣/٥٦٧١
ردمـك : ٢ - ٤٦ - ٨٤٧ - ٩٩٦٠

(٤٠٠٠/د٤٣) (٨) (١)

ردمك : ٢-٤٦-٨٤٧-٩٩٦٠